

**Đại Thừa Đại Tập
Địa Tạng Thập Luân
Kinh Giảng Ký
Quyển 1
大乘大集地藏十輪
經講記**

**Mộng Tham lão hòa thượng chủ giảng
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký

大乘大集地藏十輪經講記

Mộng Tham lão hòa thượng chủ giảng

梦参老和尚主講

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Đôi nét về lão hòa thượng Mộng Tham

Lão pháp sư Mộng Tham (1915-2017), tục danh là Lưu Thụy Đình, pháp danh Giác Tĩnh, tự hiệu là Mộng Tham, hàm ý “*chẳng giác mà cũng chẳng tỉnh*”. Lại do một giấc mộng mà xuất gia, nên Sư tự xưng như thế. Sư sanh năm 1915 tại huyện Khai Thông, tỉnh Hắc Long Giang, là con cả trong gia đình. Năm 1928, Sư xin vào làm cảnh sát đường sắt tại cục đường sắt Trường Xuân. Năm 1930, Sư vào học trường quân sự Phụng Thiên, trở thành sĩ quan trong lữ đoàn Phụng Thiên. Khi thủ lĩnh quân phiệt Phụng Thiên là Trương Tác Lâm thua trận, phải rút quân về Bắc Kinh, Sư theo quân đoàn về Bắc Kinh. Khi được giao nhiệm vụ tuần phòng tại Thạch Gia Trang vào cuối năm ấy, trong khi nghỉ đêm tại một cơ xưởng bỏ hoang, Sư mộng thấy chính mình xuất gia. Tỉnh giấc, Sư bèn tìm đến xin xuất gia với lão hòa thượng Tu Lâm ở chùa Đâu Suất núi Thượng Phương thuộc huyện Phòng Sơn, thành phố Bắc Kinh. Sư xuống tóc tại miếu Dược Vương thuộc hậu sơn Di Hòa Viên, được đặt pháp danh là Giác Tĩnh. Do tự khiêm “*chẳng giác, chẳng tỉnh*”, lại do mộng mà xuất gia, nên Sư lấy hiệu là Mộng Tham.

Sau khi xuất gia, Sư lại mộng thấy một vị Tăng bảo hỷ sang núi Cửu Hoa. Tỉnh giấc, Sư bỗng phát hiện vị Tăng trong mộng giống hệt chân dung của hòa thượng Biện Dung (tổ Liên Trì cũng do vị này mà đắc ngộ), Phật giáo Trung Hoa thường coi ngài Biện Dung là một hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài đến Cửu Hoa Sơn, đứng dịp mở tháp thờ nhục thân Kim Địa Tạng (ngài Kim Kiều Giác), cho nên càng đặc biệt tín ngưỡng, tôn phụng Địa Tạng Bồ Tát. Khi ở tại Cửu Hoa, Sư lại mộng thấy có người bảo hỷ sang chùa Dũng Tuyền tại Cổ Sơn. Do vậy, Sư xin vào Cổ Sơn Phật Học Viện để học kinh Hoa Nghiêm với lão pháp sư Từ Châu. Do trình độ văn hóa quá thấp, Sư nghe giảng chẳng hiểu gì, tính rời Cổ Sơn, thì trong mộng lại thấy có một vị Tăng dạy hỷ học tập

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trước đề khai trí huệ. Sư vâng theo, quả nhiên, trí huệ tăng tấn. Sư lại tìm đến chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo để học Thiên Thai Tứ Giáo và thư pháp với pháp sư Đàm Hư.

Năm 1937, Sư vâng lệnh thầy, sang Hạ Môn, cung thỉnh pháp sư Hoàng Nhất đến chùa Trạm Sơn. Sư làm thị giả cho ngài Hoàng Nhất suốt nửa năm, bèn cầu thỉnh pháp sư Hoàng Nhất chế tác một bộ Luân Tướng theo đúng cách thức như kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã dạy. Pháp sư Hoàng Nhất không chỉ tạo Luân Tướng, còn dạy rất nhiều yếu nghĩa của kinh ấy, lại còn đích thân chép phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm trao tặng. Bản thư pháp trân quý này được trân trọng cất giữ tại chùa Pháp Nguyên ở Bắc Kinh, nhưng đã bị Hồng Vệ Binh phá hủy tan nát trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa.

Năm 1940, do ủng hộ quân Kháng Nhật, Sư bị truy bắt, phải ẩn náu, đổi trang phục thành thị giả của một vị Lạt-ma tại Ung Hòa Cung. Muốn hiểu thêm về Mật Tông, Sư bèn từ Bắc Kinh xuống Thượng Hải, sang Hương Cảng, rồi đáp thuyền sang Ấn Độ qua Tây Tạng cầu pháp. Tại Tây Tạng, Sư y chỉ Rinpoche Hạ Ba của phái Cách Lỗ (Gelugpa) chùa Sắc Lạp (Sera), học Bồ Tát Đạo Tu Pháp Thứ Đệ với pháp danh là Cổn Khước Đồ Đăng.

Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, chánh quyền Mao Trạch Đông tìm mọi cách hủy diệt Phật giáo Tây Tạng nói riêng, và Phật giáo Trung Hoa nói chung. Đa số các tăng lữ đều lâm vào cảnh tù đày, hay bị hạn chế mọi tự do hoạt động, rất nhiều chùa chiền bị sung công, biến thành hợp tác xã hay kho chứa lương thực, tăng sĩ bị đưa về nông thôn “đi sâu sát với quần chúng”, thực chất đi lao động cưỡng bức. Năm 1950, Sư đang ở huyện Cam Đôn tỉnh Tứ Xuyên, do kiên quyết từ chối hoàn tục, chẳng muốn theo các cán bộ nhà nước vào Tây Tạng để thực hiện công tác đồng hóa dân bản xứ nhằm xóa bỏ nền văn hóa Tây Tạng, Sư bị tống vào trại “học tập cải tạo”. Trong trại, do Sư vẫn khẳng khái không chịu hoàn tục, không chịu chối bỏ Phật giáo, nên đã bị giam vào trại tù hình sự. Trong tù, Sư vẫn tuyên truyền Phật giáo, giúp nhiều người hướng về Phật pháp, nên bị chánh quyền Trung Cộng gán cho tội danh phản cách mạng và bị giam cầm suốt mười lăm năm. Sau đó, chánh quyền Trung Cộng kết thêm án lao động khổ sai mười tám năm, tức là Sư bị tù suốt ba mươi ba năm. Nhiều lúc hoàn cảnh cơ cực, chèn ép, bẽ tắc khiến Sư phẫn chí, toan tự tử, luôn mộng thấy có người đẩy lên đài giảng, cung thỉnh giảng kinh. Sư tự biết mình còn có trọng trách hoàng dương Phật pháp nên ráng ăn nhấm. Sư thường niệm bài kệ “*giả sử nhiệt*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thiết luân, tại nhữ đảnh thượng toàn, chung bắt dĩ thử khổ, thoái thất Bồ Đề tâm” (giả sử vòng sắt nóng, xoay trên đỉnh đầu người, trọn chẳng vì khổ ấy, lui sụt tâm Bồ Đề) để tự khích lệ, nhẫn nại trong hoàn cảnh ngặt nghèo.

Mãi cho tới năm 1982, khi Trung Ương Đảng Trung Cộng và Quốc Vụ Viện (phủ thủ tướng) Hoa Lục quyết định nới lỏng chánh sách tôn giáo, ngài Mộng Tham mới được trả tự do. Từ Tứ Xuyên trở về Bắc Kinh, Sư được mời dạy học tại Trung Quốc Phật Học Viện, chuyên giảng dạy Tứ Phần Luật. Năm 1984, Sư được các vị pháp sư Diêu Trạm và Viên Chuyết thỉnh sang chùa Nam Phổ Đà tại Hạ Môn để giúp khôi phục Môn Nam Phật Học Viện, giữ chức Giáo Vụ Trưởng. Năm 1987, Sư được hòa thượng Tuyên Hóa mời sang Vạn Phật Thánh Thành chủ trì pháp hội Thủy Lục, tạo thành nhân duyên hồng pháp tại hải ngoại sau này. Năm 1988, nhận lời thỉnh của Mỹ Quốc Bồ Đề Tâm Cơ Kim Hội, Sư cùng thị giả là pháp sư Hoàng Giác định cư tại Nữ Ước, bắt đầu giảng kinh Chiêm Sát và pháp môn Địa Tạng suốt năm năm tại Mỹ.

Từ đó, Sư lần lượt chống tích trụ sang Gia Nã Đại, Tân Tây Lan, Tân Gia Ba, Hương Cảng, và Đài Loan hồng pháp. Năm 1995, trong khi trụ tích tại chùa Hồng Pháp ở Vancouver, sau khi phát hiện bị ung thư trực tràng, Sư tính bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật vãng sanh. Chấp thuận lời tha thiết cầu thỉnh trụ thế của các đệ tử, Sư chấp thuận phẫu thuật vào năm 1996 tại bệnh viện Chương Hóa, Đài Bắc. Năm 2004, chấp thuận lời thỉnh của tứ chúng chùa Phổ Thọ, Sư bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm từ ngày mùng Hai tháng Hai và các kinh luận Đại Thừa. Năm 2006, nhận lời thỉnh của tổ chức Phương Quảng Văn Hóa, giảng kinh Thập Luân tại chùa Phổ Thọ. Năm 2007, Sư đến các chùa Thông Giáo Tự và Cư Sĩ Lâm tại Bắc Kinh hồng pháp. Năm 2009, Sư tham dự hoạt động hồng pháp do Đài Bắc Quốc Tế Hội Nghị tổ chức, mỗi buổi giảng có mấy ngàn người nghe. Cuối năm đó, Sư trở về Ngũ Đài Sơn, giảng kinh Lăng Nghiêm. Năm 2014, do lời thỉnh cầu của các đệ tử xuất gia, Sư từ Mộng Tham Tinh xá ở Thâm Quyển (Quảng Đông) về an dưỡng tại chùa Chân Dung núi Ngũ Đài. Ngày 27 tháng Mười Một, Sư thị hiện viên tịch tại chùa Chân Dung, thọ 103 tuổi.

Suốt đời, Sư luôn tự coi mình chưa xứng là một vị tỷ-kheo, chỉ là người xuất gia vân du, không truyền pháp (chẳng lập môn hộ), mà cũng chẳng kiến lập đạo tràng nào (ngay cả Mộng Tham Tinh xá tại Thâm Quyển chỉ là do các đệ tử kiến lập rồi nhiều lượt tha thiết thỉnh cầu, Sư mới chấp thuận cho đặt tên như thế). Sư suốt đời chỉ mang ý niệm hồng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

pháp, cốt sao giảng giải những ý nghĩa thâm viển trong kinh cho mọi người đều hiểu. Những lời giảng của Sư chất phác, bình dị. Những người hâm mộ Sư, phát tâm tu học, hoặc xuất gia rất đông. Chính nhờ ảnh hưởng của Sư mà các chùa Phổ Thọ tại Ngũ Đài, Năng Nhân tại núi Nhạn Đãng, và Chân Dung tại Ngũ Đài đều được khôi phục, đình thịnh. Tuy giảng nhiều pháp khác nhau, nhưng pháp môn được Sư đặc biệt chú trọng là pháp môn Địa Tạng, nhất là kinh Chiêm Sát.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký

**** Mạn đàm phẩm Tự của kinh Thập Luân***

Trước khi bắt đầu giảng kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, tôi cùng mọi người mạn đàm đôi chút. Chúng ta học một bộ kinh, phải học thấu đáo, học hiểu như thế nào? Học kinh xong thì phải hành, phải kết hợp với thân tâm của chính mình, cũng phải hiểu pháp nhân duyên. Nhân duyên đã trọn đủ, hết thấy sự vật sẽ thành. Nhân duyên chẳng trọn đủ, chuyện ấy sẽ chẳng thể thành tựu được! Tôi cùng chư vị đạo hữu chia tay nửa năm, trong nửa năm ấy, tôi đã đến rất nhiều nơi, chẳng hạn như Đài Bắc, Đại Lục, Hoa Kỳ; đây là nhân duyên. Hàm nghĩa của nhân duyên chính là chúng ta làm bất cứ chuyện gì, nhất định là có “*tiền nhân*” (前因, cái nhân từ trước), tùy thuộc cái duyên có trọn đủ hay không? Duyên chẳng trọn đủ, sẽ chẳng thể thành tựu được! Bất luận sự vật nào cũng đều chẳng thể thành tựu. Nhưng tất cả hết thấy nhân duyên lại đều là giả, cho nên nói “*pháp nhân duyên chẳng có thật thể*”. Chúng ta cũng sẽ nói tới “*duyên khởi tánh không*”, đối với vấn đề này, bộ kinh này giảng rất nhiều.

Trước khi chúng ta học tập kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, mọi người cần phải phát tâm, phát tâm gì vậy? Phát tâm sám hối! Tôi nghe rất nhiều người nói: “Tuy tôi chẳng liễu giải chuyện chi khác, chứ đối với chính mình, tôi còn chẳng liễu giải hay sao?” Tôi nói: “Tuy tôi xuất gia đã hơn sáu mươi năm, vẫn chẳng liễu giải chính mình!” Chắc mọi người nghe nói, sẽ cảm thấy rất lạ lùng! Không chỉ một mình tôi chẳng liễu giải chính mình, chỉ sợ quý vị, trừ bậc thánh nhân và Bồ Tát ra, kẻ chẳng liễu giải chính mình rất nhiều! Phần lớn mọi người đều chẳng liễu giải chính mình! Quý vị có biết trong quá khứ, chính mình đã làm những gì hay không? Kẻ chẳng liễu giải cái nhân trong quá khứ, nay

phải hứng chịu cái quả mà cũng chẳng nhận biết. Vì sao tôi phải chịu đau khổ như thế này? Vì sao tai nạn này giáng xuống thân tôi? Chắc mỗi vị đạo hữu đều có kinh nghiệm như thế này: Lọt vào tình cảnh oan uổng, bị ủy khuất. Chuyện ấy về căn bản chẳng liên quan gì đến ta, cuối cùng đổ xuống đầu ta! Quý vị nghĩ “oan uổng quá”, đó là vì quý vị chẳng biết cái nhân trong quá khứ, chẳng liễu giải chính mình!

Cũng có người mạn đàm cùng tôi, nói: “Trên thế giới này, chuyện bất công quá nhiều!” Tôi nói: “Đó là cái nhìn của quý vị”. Họ nói: “Su phụ! Thầy thấy như thế nào?” Tôi đáp: “Chẳng có nửa điểm không công bằng! Hết sức công bằng, đặc biệt công bằng”. Tôi nói những lời này, chắc là trong lòng mọi người chẳng thể chấp nhận cho lắm! Hết thấy những gì quý vị phải hứng chịu, đều do chính mình đã làm. Chính quý vị làm, chính mình hứng chịu; sao không công bằng cho được? Vì chúng ta không có trí huệ, chẳng thấy rõ rất nhiều chuyện, mới cho rằng chuyện ấy quá thiếu công bằng. Trong quá khứ, lúc quý vị oan uổng người khác, chính mình có hiểu hay không? Tôi nói: “Nay quý vị bị kẻ khác hại, có biết là trong quá khứ, quý vị cũng từng hại người hay không?”

Chúng ta nói đến một vấn đề lớn hơn đôi chút. Người Nhật xâm lược Trung Hoa, giết rất nhiều người Hoa. Hiện thời, người Nhật vẫn sống rất tốt, kinh tế rất phát triển, còn người Hoa lại chịu nhiều đau khổ dường ấy. Họ hỏi tôi thấy thế nào? Tôi đáp: “Chuyện này rất công bằng!” Họ hỏi: “Chuyện này làm sao công bằng cho được?” Tôi đáp: “Những người bị giết chết thuở đó, đều đã bốn mươi, năm mươi năm rồi. Hiện thời, những người ấy đều tái sinh tại Nhật Bản, đến nơi đó hưởng phước, còn những tên sát nhân người Nhật lại sanh vào Trung Hoa. Mọi người đổi vị trí để nhìn, sẽ chấp nhận ngay!” Nếu nhìn theo quan điểm nhân quả vô lượng kiếp, sẽ thấy hết sức công bằng. Tôi nói những lời này, hy vọng các vị đạo hữu lúc học kinh Thập Luân sẽ dùng cái tâm sám hối như vậy để học. Bộ kinh này có một phẩm là phẩm Sám Hối nhằm mong chúng ta hãy sám hối tội nghiệp trong quá khứ, sám hối cho tội nghiệp thanh tịnh. Hễ có trí huệ, quý vị sẽ biết. Mọi người phải chuẩn bị trước tư tưởng. Quý vị chẳng biết [chính mình] trong quá khứ đã từng làm chuyện gì! Kinh Thập Luân dạy cho quý vị biết: Trong quá khứ, quý vị đã làm những chuyện gì, hiện tại phải hứng chịu những khổ nạn gì. Vì sao quý vị sanh vào thời điểm này? Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị chẳng sanh, chẳng sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng sanh về Đâu Suất Thiên, cũng chẳng sanh về thế giới của Đông Phương Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mà sanh trong thế giới Sa Bà vào thời điểm này. Vì

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

sao vậy? Vì quý vị đã tạo nghiệp ấy. Đã có cái nghiệp ấy, chính mình phải hứng chịu. Đây là rất công bằng, chẳng có gì không công bằng! Do vậy, kinh Thập Luân giống như một cái màn hình cho chúng ta biết những tội ác, những sai lầm của chính mình, trong tâm sẽ chẳng bất bình nữa!

Lần này, vào lúc chúng ta học tập kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, bản thân tôi chẳng có tí tâm [đối với chính mình], vì chẳng tìm thấy những bản giảng thuật của cổ nhân, chẳng tìm thấy tài liệu tham khảo, vậy là rất có thể sẽ nói sai nhiều chỗ! Những kinh chúng tôi đã giảng trước kia đều đã được cổ nhân giảng rất nhiều lượt, có tài liệu tham khảo để tra cứu. Nói sai thì còn có thể đùn đẩy đôi chút: “Các vị đại đức đều nói như vậy, chẳng liên quan đến tôi cho lắm!” Nhưng bộ kinh này người khác chưa từng nói qua, chẳng thể nào đùn đẩy được!

Trước tiên, tôi bắt đầu nói về một ngàn vị Phật, khiến cho mọi người nhận thức nay chúng ta đang thuộc thời đại nào. Trong một ngàn vị Phật ấy, hiện thời là thời đại Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ở trong thời đại này, chúng ta rất khổ. Cái nhân khiến chúng ta chịu khổ là do cái nghiệp trong quá khứ rất nặng. Thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật, thọ mạng của nhân loại đặc biệt ngắn ngủi, chỉ có một trăm năm. So trong thời đại của Thất Phật, [sẽ thấy] thời đại của chúng ta tốt nhất, vì chỉ có Thích Ca Mâu Ni Phật mới có nguyện lực lớn dường ấy, Ngài đến giáng sanh nơi đây. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng xuất hiện trong thời đại này, thì ngay cả đạo lý này chúng ta cũng chẳng biết. Vì thế, một khi chúng ta đã nhận thức rõ ràng những sự đau khổ đang phải hứng chịu trong thời đại này, cái tâm sẽ bình tĩnh. Cho đến khi quý vị học, cũng sẽ biết học như thế nào!

Ngoài ra, bộ kinh này có phân lượng khá dài, thời gian chúng ta học tập sẽ dài hơn đôi chút. Chẳng giống như kinh Kim Cang, kinh Di Đà, hay Tâm Kinh có thể học xong rất nhanh chóng, bộ kinh này thì không thể vậy! Bất quá, số phẩm cũng không nhiều, tất cả chỉ có tám phẩm, gồm mười quyển. Mọi người có thể mở quyển thứ nhất ra xem: Phẩm Vô Y Hạnh và phẩm Hữu Y Hạnh chiếm năm quyển. Lại thêm phẩm Tự trước đó và phẩm Hoạch Ích Chúc Lụy, ngoại trừ phẩm Thập Luân, số quyển của các phẩm trung gian cũng chẳng nhiều. Phẩm Thập Luân dạy: Dùng Thập Luân của đức Phật để đối trị thập luân nghiệp chướng của phàm phu. Kế đó là phẩm Sám Hối, phẩm Thiện Ác Nghiệp Đạo, và phẩm Phước Điền Tướng, tuy số quyển và số phẩm chẳng nhiều, các đạo lý trong ấy vẫn rất phức tạp.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Trong phẩm Tự, đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát lễ Phật và tán thán công đức của Phật. Do vậy, trong phẩm Tự, chẳng có đạo lý to lớn gì để có thể nói [cạn kẽ], nhưng đại ý của phẩm Thập Luân thì khác hẳn! Dùng Thập Luân của Phật để đối trị thập luân trong hiện tại của chúng ta đấy nhé!

Chúng ta học tập bộ kinh này, phải có phương pháp; nhất định phải kết hợp làm một với cuộc sống hằng ngày của quý vị. Bộ kinh này dạy chúng ta phải sống như thế nào. Trong cuộc sống thường ngày, đừng tạo nghiệp nữa, đừng làm chuyện sai trái nữa. Vì sau khi đã tạo, đợi đến lúc phải hứng chịu, quý vị sẽ chịu không nổi, sẽ rất đau khổ. Nếu có thể kết hợp với cuộc sống hằng ngày để học tập, kinh thường nói Thập Trí hoặc Thập Lực của Phật, quý vị phải đối chiếu, học tập Phật nghiệp, dùng nghiệp của Phật để chuyển hóa nghiệp của chúng ta thành Phật nghiệp. Điều này có nghĩa là mỗi câu nói, mỗi hành động, khi thốt lời, khi thân thể hành động, khi tâm suy tưởng, bèn dùng [Phật nghiệp] để đối chiếu. Quý vị phải học tập từ mọi sự ngay trong cuộc sống thường ngày. Sau khi đã học xong, sẽ đối chiếu với chính mình để dần dần sửa đổi, càng học càng thâm nhập, sẽ chẳng sanh phiền chán, sẽ có thể tiến nhập rất nhanh chóng!

Nếu chẳng học như vậy, quý vị sẽ chẳng thể tiến nhập được. Nói theo ngôn ngữ thường ngày của chúng ta, bộ kinh này do Huyền Trang đại sư phiên dịch, so với kinh Địa Tạng, hoặc kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, văn tự phiên dịch có khác nhau. Vì có những vị đại đức sử dụng cách “*dịch ý*”, tức là căn cứ trên nếp sống, tình cảm, ngôn ngữ, và hết thảy tập quán của chúng ta để biểu đạt [ý kinh]. Huyền Trang đại sư cho rằng cách biểu đạt ấy có thể đánh mất tánh chất chân thật của [bản kinh gốc], chỉ sợ sẽ chênh lệch với nguyên nghĩa do đức Phật đã nói tại Ấn Độ. Do vậy, Ngài dịch theo sát văn tự, và cũng dựa theo ý nghĩa để dịch. Phần lớn văn tự [trong kinh này] vốn là văn tự xuất phát từ Ấn Độ, thoạt nhìn hơi xa lạ. Những danh tướng thường thấy trong kinh văn, chẳng hạn như Phật, Thế Tôn, trong bộ kinh này sẽ được gọi là Bạc Già Phạm (Bhagavat).

Giống như lúc thuở đầu, tôi qua Tây Tạng học pháp, không chỉ là [cảm thấy] những câu văn trong kinh điển rất khó học tập, mà ngay lời nói cũng rất kỳ quặc, tốn một thời gian rất dài mà cũng chẳng sửa được. Chẳng hạn như chúng tôi muốn mời quý vị dùng cơm hay uống trà, sẽ không nói “mời dùng cơm” hay “mời uống trà”, mà nói là “trà uống mời” hay “cơm dùng mời”. Quý vị nghe xong thấy rất kỳ quái, nói ra

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

cũng rất trắc trở. Văn từ trong bộ kinh này, có rất nhiều chỗ giống như thế đó. Hiểu cách dùng từ, khi chúng ta nói, sẽ đảo lại, hoán chuyển ý nghĩa bao hàm trong ấy. Khi xem bộ kinh này, cũng phải nên xem như vậy.

Trong kinh văn có những chỗ “*tỷ phương*” (比方, so sánh, tỷ dụ). Nói “*tỷ phương*” tức là xét theo ý nghĩa trong Phật pháp, sợ quý vị không hiểu, cho nên dùng ý nghĩa khác để tỷ dụ, như vậy thì chúng ta sẽ hiểu. Nhưng một khi đã thông qua cách “*tỷ phương*” thì nghĩa lý đã cách xa tám vạn bốn ngàn dặm! Chẳng hạn như nói đến Không, Phật giáo thường hay dùng Không để tỷ dụ Pháp Tánh, tỷ dụ Tự Thể, tỷ dụ Thật Tướng. Chúng ta hoàn toàn hiểu sai nó, bèn nói “đã là Không thì cái gì cũng chẳng có”; do vậy, rơi vào Đoạn Kiến. “*Không*” trong Phật giáo chẳng phải là rỗng không như thế! Nó chẳng tách rời vật chất, do hiển thị vật chất, nên mới nói là Không! Cái Không ấy do từ trên vật chất cụ thể mà thấu đạt Không. Giống như quý vị nói “*người*” là cụ thể, vẫn tồn tại, [nhưng xét theo bản chất, theo nhân duyên hòa hợp thì người] “*là Không*”. Hàm nghĩa trong Phật pháp là như vậy đó. Chẳng phải nói “*Không*” thì sẽ chẳng có gì cả! Ở đây, chỉ nêu thí dụ mà thôi, có rất nhiều trường hợp giống như vậy.

Lại ví như nói phẩm Tự của kinh Thập Luân nói tới Địa Tạng Bồ Tát, vì bộ kinh này chủ yếu lấy Địa Tạng Bồ Tát làm vị thuyết pháp chủ. Nhưng trong kinh, ngài Địa Tạng là tùy hỷ mà đến, [lúc Ngài chưa đến đã] có Bồ Tát Tăng, La Hán Tăng, và phàm phu Tăng. Mọi người tụ họp nói kinh Nguyệt Tạng. Khi bộ kinh ấy đã nói xong, Địa Tạng Bồ Tát mới tùy hỷ mà đến, hoàn toàn chẳng phải vì thỉnh kinh (thưa hỏi đức Phật dạy một kinh nào đó), hay thuyết pháp mà đến. Đức Phật liền do nhân duyên ấy mà nói công đức của Địa Tạng Bồ Tát, mà Địa Tạng cũng tán thán công đức của Phật. Nhân duyên của bộ kinh này do như vậy mà dẫn khởi. Trước khi giảng kinh này, đức Phật đang giảng kinh Đại Thừa Đại Tập Nguyệt Tạng. Kinh Nguyệt Tạng vừa mới viên mãn, Địa Tạng Bồ Tát đến nơi. Tướng cảnh giới khi Bồ Tát đến, mọi người xem kinh văn liền biết ngay.

Trong khi thâu thập các tài liệu, Hồng cư sĩ đã thâu thập các kinh điển có liên quan đến Địa Tạng Bồ Tát như kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, kinh Địa Tạng Thập Vương, kinh Địa Tạng Bồ Tát Đà La Ni, Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ, Địa Tạng Bồ Tát Tam Quốc

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Linh Dị Ký, Địa Tạng Bồ Tát Sám Bản, và Chiêm Sát Sám Pháp. Những bộ ấy đều thuộc về pháp môn Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị chỉ cần thông đạt một bộ, những bộ khác đều có liên quan.

Kinh Địa Tạng và kinh Thập Luân tương thông, nhưng chỗ bất đồng là phương pháp chuyên nghiệp cho chúng sanh có đôi chút khác biệt. Kinh Thập Luân tu Chỉ Quán, kinh Địa Tạng thì chỉ cần tạo tượng, bái sám, có thể niệm thánh hiệu Địa Tạng thì coi như đã tu hành. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thì phần liên quan đến sự tu hành của chúng ta, tôi vẫn chưa giảng, tức là nửa bộ sau của kinh Chiêm Sát. Kinh Thập Luân thoát đầu dạy quý vị tu hành như thế nào để chứng nhập Thiên Định. Chẳng nhập Thiên Định, sẽ chẳng thành đạo. Vừa khởi đầu, kinh dạy quý vị một phương pháp từ cạn nhập sâu. Chúng ta nghe xong, cảm thấy dường như rất đơn giản, nhưng sử dụng sẽ chẳng dễ dàng cho lắm! Vẫn là sáu chữ Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tịnh, nếu quý vị khởi tu, sẽ chẳng dễ dàng cho lắm. Đại khái, chúng ta biết những phương pháp do Địa Tạng Bồ Tát truyền dạy đều có các phương pháp ấy, đều bao gồm trong những tài liệu ấy.

Tuy vậy, trong ấy có một điều: “*Khur La sơn là Tịnh Độ của Địa Tạng Bồ Tát*”; Đối với cách nói ấy, chúng tôi không hoàn toàn nghĩ như thế. Vì lúc đó, đức Phật đang thuyết pháp tại núi Khur La; khi Ngài sắp nói xong, Địa Tạng Bồ Tát từ phương Nam đến đó. Điều ấy cho thấy núi Khur La không phải là Tịnh Độ của Ngài. Nếu là Tịnh Độ của Ngài, Ngài lại cần gì phải từ phương Nam đến đó? Hơn nữa, kinh Chiêm Sát và kinh Địa Tạng đều chỉ ra Địa Tạng Bồ Tát từ phương Nam đến, từ phương Nam nào vậy? Trong thời điểm ấy, chính là phương Nam của trời Đao Lợi! “*Phương vô định phương*” (Không có phương vị nhất định).

Tôi nghĩ: Chỗ nào có địa ngục, chỗ nào nhằm thời đại không có Phật, người nơi nào khổ sở nhất, nơi ấy nhất định có Địa Tạng Bồ Tát độ chúng sanh. Đây là nguyện của Ngài. Bất luận Ngài đến chỗ nào, chỗ ấy sẽ là Tịnh Độ của Ngài. Chúng ta thấy chữ Tịnh Độ, bèn nghĩ nơi đó phải giống như thế giới Cực Lạc, thế giới Bất Động, thế giới Lưu Ly, thế giới Hương Tích thì mới là Tịnh Độ, nhưng Tịnh Độ của Địa Tạng Bồ Tát thì “*chỗ nào có địa ngục, chỗ đó là Tịnh Độ, chỗ ấy là Tịnh Độ để Ngài hóa độ chúng sanh*”. Có phải là chúng ta bắt buộc phải lý giải như vậy hay không? Ở đây là mạn đàm, mỗi người có phương pháp tu hành riêng. Có khi cách tu hành là dựa theo Chiêm Sát Sám Pháp để lạy Chiêm Sát Sám.

Đây chỉ là bước đầu trong tu hành, trọn chẳng phải là chúng ta bái sám thì là tu hành! Đương nhiên cũng coi như là tu hành, vì trước hết quý vị phải tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng đã tiêu thì mới có trí huệ; có trí huệ thì mới có thể tu hành.

Hiện thời, chúng ta vẫn chưa thể tu hành, hãy quan sát hơi thở ra vào, vừa quán bèn tán loạn, làm sao có thể nhập Định cho nổi? Nhưng qua việc bái sám, nghiệp chướng tiêu mất. Hễ nghiệp chướng tiêu, trí huệ sẽ sanh khởi, dễ dàng tiến nhập tu hành. Do vậy, bất cứ pháp môn tu hành tối sơ nào, đều coi sám hối là bậc nhất, phải tiêu trừ nghiệp chướng trước hết. Học Mật Tông cũng giống như thế! Trước hết, quý vị phải lạy mười vạn đại lễ¹. Cách lễ ấy chẳng giống như chúng ta đánh lễ, mà là đại lễ bái! Trước hết, quý vị phải tiêu nghiệp chướng, những điều ấy đều là tiền phương tiện (phương tiện chuẩn bị). Nếu suốt đời cứ lạy như vậy, có thể thành tựu hay không? Nhất định là có thể thành tựu, vì trí huệ của quý vị tăng trưởng! Khi lạy, quý vị khởi lên quán tưởng: “*Năng lễ, sở lễ tánh không tịch*” (Người lễ, đáng được lễ, tánh đều không tịch). Thường xuyên quán tưởng như vậy, lâu ngày sẽ có thể chứng nhập. Khi đó, tu Định sẽ tiến nhập rất nhanh chóng!

Nhưng phương thức tu hành trong mỗi bộ kinh, mỗi bộ luận, mỗi vị Bồ Tát cũng đều bất đồng. Cũng có đạo hữu hỏi tôi như thế này: “Địa Tạng Bồ Tát đến hội này, vì sao có rất nhiều người chẳng nhận biết Ngài, còn cần phải tìm người giới thiệu?” Tôi nói: “Không chỉ Địa Tạng Bồ Tát là như thế, ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật mà còn có rất nhiều kẻ trong cõi Phật của Ngài mà chẳng biết Ngài!” Pháp sư Hoàng Giác từng nói đùa: “Chẳng cần nói quốc độ Phật giáo nào khác, ngay cả quốc độ này, là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ chỉ biết niệm A Di Đà Phật, chẳng biết thầy họ là Thích Ca Mâu Ni Phật”. Chẳng có gì khác, chỉ có thể nói là “không có duyên”. Cũng có các pháp sư chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát. Tôi cũng đã nghe có người nói: “Tôi chưa từng nghe về Địa Tạng Bồ Tát, chẳng học pháp môn của Địa Tạng Bồ Tát, cũng chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát luôn!” Cũng giống như vậy, hiện thời, cũng có rất nhiều người chẳng biết Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Vì sao vậy? Là do Duyên như tôi vừa thưa cùng mọi người. Nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ chưa từng kết duyên với Bồ Tát, tự nhiên sẽ chẳng liễu giải phương pháp của Ngài.

¹ Đây là cách lễ theo truyền thống của Tây Tạng, toàn bộ thân hình đồ rạp xuống đất, hai tay duỗi thẳng về trước.

Rất nhiều người có thói quen phán giáo, phạm là kinh nói về Địa Tạng Bồ Tát, bất luận là kinh Địa Tạng cũng thế, mà kinh Thập Luân cũng thế, hễ nói về chuyện địa ngục và nhân gian thì dường như chẳng phải là Đại Thừa! Hễ nói đến Đại Thừa thì phải biết rất u là lớn. Họ cho rằng phải như pháp môn Duy Tâm thì mới là Đại Thừa, hoặc như Đại Thủ Ấn (Mahāmudrā) của Mật Tông “*lập tức thành Phật*”, cho rằng đây mới là Đại Thừa. Bọn họ nghĩ kinh Địa Tạng, kinh Thập Luân, thậm chí kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là Tiểu Thừa. Còn như [tựa đề là] Đại Thừa Đại Tập Thập Luân Kinh đặc biệt chỉ ra đây là Đại Thừa, có những kẻ chỉ viết là Đại Tập Thập Luân Kinh, chẳng có chữ Đại Thừa, dấu bản dịch của pháp sư Huyền Trang ghi rõ là Đại Thừa!

Bộ kinh này được dịch hai lần, một lần vào đời Tùy, ai phiên dịch cũng chẳng biết, vì bản dịch ấy bị thiếu tên [người dịch]. Lần phiên dịch thứ hai do Huyền Trang đại sư phiên dịch. Mọi người thấy Ngài chú thích thời gian, địa điểm, và điều kiện đều có. Pháp sư Huyền Trang dịch bộ kinh này trong niên hiệu Vĩnh Huy² đời Đường, tức là mười sáu năm sau khi Ngài từ Ấn Độ trở về Trung Hoa mới phiên dịch bộ kinh này.

Trong kinh, trừ tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát ra, Địa Tạng Bồ Tát cũng hướng về đức Phật tán thán một lượt. Mục đích đức Phật và Địa Tạng Bồ Tát thù tạc xướng họa với nhau, chủ yếu là để phá trừ Thập Ác của chúng ta. Phần Chiêm Sát Luân trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo cũng chú trọng Thập Ác. Kinh Địa Tạng dạy: Sở dĩ quý vị phải đọa địa ngục cũng là vì Thập Ác. Thập Ác là gì? Là “giết, trộm, dâm” phát sanh nơi thân, “nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, ác khẩu” nơi miệng, và “tham, sân, si” nơi tâm của chúng ta. Đó là mười nghiệp. Những nghiệp tạo tác nơi thân, nghiệp phát xuất từ miệng, nghiệp dấy khởi từ tâm, đây là mười nghiệp. Chẳng tạo mười ác nghiệp ấy, làm toàn chuyện tốt, đó là Thập Thiện. Nói lời hay đẹp, chẳng ác khẩu, tận lực xúc tiến khiến cho mọi người hòa hảo, chẳng phá hoại người khác, tức là chẳng phạm Lưỡng Thiệt. Nói năng chưa hề thốt lời ô uế, đó gọi là “chẳng ác khẩu”. Luôn tán thán; ngoài tán thán công đức của người khác ra, tận lực nói những lời êm tai, thốt lên những lời lẽ khiến cho người khác hoan hỷ, đây là đối trị Ác Khẩu. Lời lẽ nào chẳng có đạo lý sẽ không nói, suốt ngày từ sáng đến tối đừng nói chuyện phiếm; chẳng còn nói những chuyện “ta đúng, người sai” nữa. Chẳng nói những lời lẽ kiêu đó, tức là “chẳng nói lời thêu dệt”. Chẳng nói những

² Vĩnh Huy là niên hiệu của Đường Cao Tông (Lý Trị) từ năm 650 đến năm 655.

lời lẽ vô nghĩa, gạt người, lừa dối, những lời lẽ dối trá lại càng chẳng nói, như thế thì khẩu nghiệp thanh tịnh. Hễ thêm chữ Chẳng vào trước [Thập Ác], liền thành thiện nghiệp. Không có chữ Chẳng thì là ác nghiệp, còn gọi là Ác Luân. Trong tâm khởi tham niệm, khởi sân niệm, dấy lên tà kiến. Ngu si là tà kiến. Tà kiến là không hiểu rõ, hồ đồ, nghiệp nhân của vô minh do “tham, sân, si” dẫn khởi. Nếu trong tâm chúng ta chẳng có tham, sân, si, thì là thiện nghiệp. Thân chẳng giết, trộm, dâm là thiện nghiệp. “*Không dâm*” tức là ngoài quan hệ vợ chồng ra, nhưng nói rõ ráo thì là hết thầy không dâm, đây là thiện nghiệp.

Hình dung mười thiện nghiệp ấy thì là Thiện Luân. Nếu tạo tội, sẽ trở thành Ác Luân. Luân có tác dụng gì? Mọi người đều biết: Luân là “*phát động, vận chuyển chẳng ngừng*”. Luân mang ý nghĩa “*chuyển biến*”, luân chuyển không ngừng. Vì sao chúng ta luân hồi trong lục đạo vĩnh viễn chẳng ngưng dứt, vĩnh viễn lưu chuyển? Chính vì nghiệp. Nghiệp khiến cho quý vị chẳng thể ngưng dứt. Nếu quý vị tạo thiện nghiệp, thiện cũng khiến cho quý vị chẳng thể ngưng nghỉ. Nhưng Thập Luân cũng có rõ ráo và sơ bộ:

- Khiến cho thiện nghiệp đạt tới Thập Luân của Phật thì là Thập Trí.

- Chuyển các điều ác của chúng sanh thành Ngũ Nghịch, Thập Ác chính là Thập Ác Luân ác nhất. Phẩm Vô Y Hạnh và Hữu Y Hạnh cũng giảng về Thập Ác Luân.

Trước hết là nói dùng Thập Luân của Phật để đối trị Thập Ác Luân của chúng sanh. Do vậy, tên gọi của bộ kinh này là Thập Luân. Vì sao lại phải thêm Địa Tạng Thập Luân? Cuối bộ kinh này, vị được dặn dò lưu truyền và hộ trì kinh này chính là Hư Không Tạng Bồ Tát. Trong phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên của kinh Địa Tạng cũng là Hư Không Tạng Bồ Tát. Mọi người biết Hư Không Tạng Bồ Tát có hàm nghĩa gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị “*dung nạp hết thầy, hàm nhiếp hết thầy*”. Chữ Tạng (藏) trong Hư Không Tạng có nghĩa là “*kho báu*”. Hư Không chẳng phải là rỗng tuếch, mà là hình dung Ngài đã chứng đắc tánh Không, chứng đắc chân tâm, chứng đắc mười tướng của kinh Chiêm Sát. “*Không*” chẳng phải là “*không có gì*”. Hư Không bao hàm hết thầy các pháp, chẳng rỗng không. Căn dặn Ngài hãy tuyên truyền kinh này, dặn Ngài hãy hoằng dương.

Mười cái luân ấy chẳng có lúc nào ngưng nghỉ, bất luận là thiện luân hay ác luân, khi nào thì mới có thể ngưng nghỉ? Chờ đến khi cái

tâm của chính mình lắng xuống. Vị Phật nào cũng đều chứng cảnh giới Thập Luân ngưng dứt, chứng đắc tánh thể ấy. Nhằm khiến cho chúng ta đạt được mục đích ấy, cho nên gọi là Đại Thừa.

“*Đại*” là nói cái tâm của chúng ta. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng là chữ Đại ấy. Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh cũng là chữ Đại ấy. Chữ Đại nêu rõ tâm thể, hoặc tổng thể của chúng ta. Cái Thể của hết thảy các pháp môn, đại tổng tướng của pháp môn là Đại. “*Thừa*” là chuyên chở. Nếu nương vào mười thiện nghiệp ấy, chúng nó sẽ có thể chuyên chở quý vị đạt đến Tịch Diệt rốt ráo. “*Có thể tịch diệt*” chính là Phật quả. Hàm nghĩa của Không trong tiếng Phạn là Tịch Diệt, hoặc Tịch Tĩnh, đều nhằm hình dung Không; thế nhưng chẳng nói là Không! Do tiếng Hán không có chữ ấy, chúng ta chẳng thể dịch được, bèn dùng chữ Không để thay thế. Nhưng sử dụng chữ Không, chúng ta lại hiểu lầm là “chẳng có gì”. Vừa nói Không, có rất nhiều người liền rơi vào Đoạn Diệt Kiến, bởi nghĩ Không là “*chẳng có gì cả*”! “*Không*” chẳng phải là “*không có*”. Chữ Không ấy bao gồm hết thảy các pháp Duyên Khởi, bản thể của chúng là Tánh Không. Cái Không ấy bao gồm hết thảy các pháp Duyên Khởi, làm thế nào để hiển thị Tánh Không ấy? Dùng duyên khởi để hiển thị cái Không ấy. Làm thế nào để chứng đắc cái Không ấy? “*Duyên khởi hoàn diệt*” chính là chứng đắc cái Không ấy.

Có hai cách giải thích chữ “*Đại Tập*”:

1) Một là trong pháp hội ấy, đã tập hợp rất nhiều chúng sanh. Nhiều tới mức độ nào? Vô số! Quý vị xem kinh văn sẽ biết: Có bao nhiêu Thanh Văn Tăng? Vượt quá số lượng! Tức là dùng số lượng để tính toán, sẽ chẳng thể tính toán được! Đó gọi là “*vượt quá số lượng*”. Có bao nhiêu vị Bồ Tát Tăng? Vượt quá số lượng! Hễ nói đến pháp môn Địa Tạng, trừ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo ra, xứ sở có hai chỗ: Một là ở Đạo Lợi Thiên, hai là giữa bảy rặng núi Kim Sơn, tức là núi Khư La, ở giữa Dục Giới và Sắc Giới, kẻ bình phàm chẳng thể tới được. Đây là xứ sở thù thắng. Tụ họp ở nơi đây thì mới có thể dung nạp nổi!

Trong kinh Phật, hễ nói đến con số thì chẳng dùng những con số trong nhân gian để tính toán, [tức là chẳng] dùng một, hai, ba, bốn, năm, sáu để tính toán. Bao nhiêu ức? Bao nhiêu vạn? Bao nhiêu triệu? Chúng ta chẳng thể tính toán; do vậy, đức Phật dùng một tỷ dụ, tức là dùng cát sông Hằng để tỷ dụ. “*Hằng hà sa*” (cát sông Hằng): Sông Hằng dài bảy, tám ngàn dặm, số lượng cát trong ấy là bao nhiêu? Trí lực con người

chẳng thể tính đếm được. Như vậy, đối với những con số ở đây, quý vị phải nên lý giải như thế!

2) Một cách giải thích khác: Quý vị có thể nghe nói Thập Nghiệp tức là có thể vận chuyển quý vị, nêu tỏ tâm địa, thành tựu Thể Tánh của chính mình, thành tựu Tỳ Lô Giá Na của chính mình, tức là có thể đạt đến Đại. Do vậy, các đại chúng nhóm họp trong pháp hội lần này, đều là những người hữu duyên. Nay chúng ta có thể cùng nhau học tập bộ kinh này, luân chuyển mãi cho tới nay, chúng ta mới có duyên. Chẳng có cái duyên ấy, sẽ chẳng thể gặp được!

Đối với vấn đề này, tôi cũng suy nghĩ rất nhiều lần. Bất cứ lúc nào, cũng đều suy tưởng: “*Nói là vô duyên thì dường như lại là hữu duyên. Nói là hữu duyên thì dường như đã nhiều năm qua, trước nay chưa có ai phát tâm muốn giảng kinh Thập Luân*”. Khi tôi chưa phát cái tâm ấy, cứ thật thà nói: “Bộ kinh này, trừ khi có dịp phải cùng học tập với mọi người thì tôi mới xem”. Trước kia, tôi chưa hề đọc qua. Tuy chúng tôi có nhắc tới Địa Tạng Tam Kinh, nhưng tôi chưa hề xem từ đầu đến đuôi kinh Thập Luân. Ngược lại, pháp sư Hoàng Giác đã đọc, đã nghiên cứu trước tôi. Sư đã xem một lượt, Sư cảm quyển kinh được bọc bì màu đỏ, tức là không chỉ xem một lượt, mà còn phê chú.

Trước kia, tôi không có tâm nguyện muốn giảng bộ kinh này. Nay vì một vài vị đạo hữu đề nghị: “Mọi người cùng nhau học tập bộ kinh này”. Tôi một chút tin tâm cũng không có; nếu học tập kinh này, có ai nghe hay không? Bọn họ đáp: “Lẽ nào lại không có ai nghe? Vì rất ít người biết có bộ kinh này!” Cũng có lẽ là nhân duyên chín muồi. Hiện thời, người đến nghe cũng chẳng ít, vẫn là có người nghe, chẳng phải là không ai nghe! Như vậy, khi chúng ta học, mọi người có thắc mắc gì hãy nêu ra. Chúng ta phải dùng một thời gian dài để học. Nếu đã phát tâm học, phải học kỹ lưỡng. Như thế nào mới là học kỹ lưỡng? Chúng ta phải sử dụng! Bất luận học vấn gì, đều phải vận dụng. Học viết chữ là vì quý vị phải dùng. Học tiếng Anh thì quý vị cũng phải dùng, dùng tiếng Anh để nói năng, tức là chúng ta phải dùng. Vậy thì học phương pháp do Địa Tạng Bồ Tát dạy để làm gì? Thành Phật!

Nếu phát tâm lớn hơn một chút, đương nhiên là sẽ chẳng đọa địa ngục! Hễ học kinh Thập Luân, sẽ chẳng đọa tam đồ nữa, chẳng đọa địa ngục nữa, chẳng đọa làm ác quỷ, chẳng đọa làm súc sanh! Chúng ta xem đó có phải là đã thành tựu rồi hay chưa? Chưa phải! Nhất định phải thành Phật. Có thể sanh lên trời cũng thế, hưởng thọ hạnh phúc cũng thế, chỉ là tới một lúc nào đó, chúng ta sẽ chẳng thể thỏa mãn được. Cũng

như trước kia, cuộc sống và tập quán tại Trung Hoa Đại Lục chẳng có cách nào so sánh với nước Mỹ, mà cũng chẳng có cách nào so sánh với Ôn Ca Hoa (Vancouver) của Gia Nã Đại, chúng ta thường nói cuộc sống ở những nơi đó là thiên đường. Nhưng đã đến đây, đã tới thiên đường rồi đó, có cảm thấy hạnh phúc hay không? Chẳng thể! Vì yêu cầu lại nâng cao hơn! Kết quả là chỗ này chẳng phải, chỗ kia cũng không phải, như thế nào cũng chẳng vừa ý. Chúng ta sanh lên trời rồi, có mãn ý hay không? Dầu sanh lên trời, quý vị cũng chẳng mãn ý, tuy toàn là cảnh giới vui sướng. Khi đã có cảnh giới vui sướng, quý vị lại có yêu cầu khác, mong cầu bất tử! Làm thế nào để đạt được? Nếu nói đến sung sướng thì đầu óc cũng phình to. Chịu khổ thì đầu óc cũng phình to. Ở trên trời hưởng phước, hưởng sự vui sướng, đầu óc cũng sẽ phình to! Chuyện gì cũng chẳng làm, hưởng hết sạch phước, lại phải nên làm như thế nào? Do vậy, chúng ta nhất định phải chiếu theo kinh Thập Luân để học tập.

Chúng ta phát nguyện thành Phật. Pháp môn này dạy chúng ta từng bước thành Phật như thế nào. Chúng ta vận dụng phương pháp này sẽ thành tựu. Lúc mới học kinh Thập Luân, quý vị cảm thấy có những vấn đề gì hay không? Hãy nêu ra để thảo luận. Chúng ta tuân theo tánh chất nửa nghiên cứu, nửa học tập, chớ nên nghe suông, chỉ dùng tai để nghe sẽ chẳng đủ! Quý vị cần phải dùng ý căn, phải dùng trí huệ, lục căn dùng lẫn cho nhau thì mới học được!

Khi học tập, sẽ có những chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Gia đình của quý vị có chuyện, hoặc là có nhân duyên này, nhân duyên nọ, rất khó nói! Trước hết, quý vị phát nguyện, mong mọi “Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho con học hoàn mãn, có thể học từ đầu đến cuối chẳng thiếu một buổi nào”. Thiện căn như vậy cũng rất khó có. Do vậy, quý vị nhất định phải phát cái nguyện đầu tiên ấy. Kế đó, phát nguyện thứ hai: “*Nguyện cho con chấm dứt nỗi đau khổ trong hiện tiền*”. Muốn giảm thiểu chướng ngại đâu phải dễ dàng như thế! Ngã bệnh sẽ không đến được, hoặc là đúng ngay lúc quý vị chuẩn bị đi nghe giảng, vừa mới ra khỏi cửa, có khách tới chơi. Quý vị cự tuyệt kẻ đó, nói phải đi nghe giảng, sẽ là chẳng biết cách đối xử. Nếu tiếp đãi kẻ đó thì tối nay sẽ mất một buổi học.

Quý vị thấy vấn đề ấy thoát nhìn là chuyện nhỏ, nhưng nói tổng quát, sẽ thấy chẳng nhỏ! Nếu chướng ngại phát sanh nơi thân tôi, tôi cũng chẳng giảng được, cũng phải gián đoạn. Do vậy, hiện thời, hễ gặp dịp giảng kinh, cùng mọi người học một bộ kinh nào, chính tôi sẽ phát

nguyện tụng những bộ kinh ấy, lại còn niệm thánh hiệu Địa Tạng để cầu gia trì. Chẳng cầu gia trì, sẽ bị gián đoạn giữa chừng. Một thứ bị gián đoạn, hết thầy đều gián đoạn. Từ lúc giảng kinh tới nay, cho đến bây giờ, điều tôi tiếc nuối nhất là lần giảng kinh Hoa Nghiêm ở chùa Nam Phổ Đà chẳng được viên mãn! Tôi giảng đến phẩm Ly Thế Gian bèn rời khỏi đó. Vẫn mong trở về giảng viên mãn bộ kinh ấy, thế mà vĩnh viễn chẳng viên mãn được! Quý vị quay lại giảng, người nghe kinh thuở đó và người nghe kinh hiện thời không giống nhau. Họ đã sớm đi hết rồi, tôi quay lại giảng cách nào cũng chẳng thể bổ sung khóa giảng ấy được! Làm thế nào đây? Cũng chỉ đành sám hối, những kinh khác đều giảng xong từ đầu đến đuôi. Tôi hy vọng sẽ giảng viên mãn kinh Thập Luân. Nếu không, trong tương lai, đến khi lâm chung, sẽ bị vướng mắc, sẽ rất khổ não! Vì thế nói: Mọi người chúng ta hãy cùng nhau phát nguyện mong học tập rất tốt đẹp.

Mọi người nhất định phải học hiểu trình tự, đừng học nửa vời. Như thế nào là hiểu? Có thể sử dụng! Khi sử dụng, chẳng bị chướng ngại. Lúc quý vị tu quán tưởng, chẳng có gì gây chướng ngại. Bộ kinh này không giống như kinh Địa Tạng dùng để đọc tụng. Kinh Địa Tạng tán thành quý vị đọc tụng, giống như chúng ta đọc Tâm Kinh hoặc kinh Kim Cang, các kinh ấy dạy chúng ta đọc tụng. Kinh Thập Luân bảo quý vị hãy hành! Quý vị có thể làm được bao nhiêu, không nhất định! Nay chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn.

I. Tự - Phẩm Đệ Nhất

序品第一

(Phẩm thứ nhất: Tự)

(Kinh) Như thị ngã văn: Nhất thời, Bạc Già Phạm tại Khu La Đế Da sơn, chư Mâu-ni tiên sở y trụ xứ, dĩ đại bát-sô chúng câu, vị quá số lượng đại Thanh Văn Tăng. Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị quá số lượng đại Bồ Tát Tăng, thuyết Nguyệt Tạng dĩ.

(經) 如是我聞：一時，薄伽梵在佉羅帝耶山，諸牟尼仙所依住處，與大苾芻眾俱，謂過數量大聲聞僧。復有菩薩摩訶薩眾，謂過數量大菩薩僧，說《月藏》已。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Bạc Già Phạm ở tại núi Khur La Đé Da, là nơi y trụ của các vị Mâu-ni tiên, cùng các vị đại bát-sô nhóm họp, tức là hàng đại Thanh Văn Tăng chẳng thể tính đếm. Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, tức là chẳng thể tính đếm các vị đại Bồ Tát Tăng, nói kinh Nguyệt Tạng xong).

Đây là một đoạn kinh văn. Nhân duyên hòa hợp, nhằm lúc khế lý, khế cơ, đức Phật thuyết pháp, thuyết pháp gì vậy? Kinh Nguyệt Tạng. Chúng ta không học kinh Nguyệt Tạng trong Đại Tạng Kinh, cho nên chúng tôi không nhắc tới. Vào lúc khế cơ, khế lý ấy, đức Thế Tôn ngự tại núi Khur La Đé Da (Kharādīya). Nơi ấy là chỗ của những người tu hạnh Tịch Tĩnh. Mâu Ni (Muni) dịch [sang tiếng Hán] là Tịch Tĩnh (寂淨). Các vị tiên nhân tu Tịch Tĩnh ở nơi ấy, đó là chỗ họ nương nấu để tu hành. Khi đó, có rất nhiều vị tỳ-kheo Tăng thọ giới tỳ-kheo, có bao nhiêu? “*Quá số lượng*” tức là chẳng thể dùng số lượng để tính toán. Chẳng phải là ngàn, vạn, ức, triệu! Còn nhiều hơn những con số ấy, chẳng thể biết nổi số lượng! Còn có những vị Bồ Tát Ma Ha Tát, Bồ Tát là giác hữu tình. Đó là những chúng sanh phát đại tâm, đều là bậc đại Bồ Tát, đạt được thành tựu, cũng là chẳng thể tính đếm số lượng.

Vị đương cơ trong bộ kinh ấy là Nguyệt Tạng Bồ Tát. Khi [đức Phật] giảng bộ kinh ấy, chính tôi (ngài A Nan) được nghe. “*Như thị*” là nói đến pháp môn này. Đức Phật nói các pháp như thế, tôi đích thân được nghe. Điều này được gọi là “*lục thành chứng tín tự*” (phần tựa đề chứng tín gồm sáu thứ thành tựu), tức là có sáu thứ chứng minh hồng thành tựu pháp môn này, hoàn toàn chẳng phải là hư giả. “*Như thị*” là nói đến pháp này, “*ngã*” là ngài A Nan tự nói về mình. Nói theo pháp Đại Thừa thì kinh điển do ngài A Nan kết tập, Ngài nói: “Tôi đích thân tự nghe, chẳng phải là giả”. Nghe khi nào?

“*Nhất thời*”: Phạm thời gian đức Phật thuyết pháp đều là lúc khế lý, khế cơ. Vì đức Phật có khi nói trên trời, có lúc nói trong nhân gian, có khi ở địa điểm này, có lúc ở địa điểm khác. Điều kiện địa điểm và thời gian đều khác biệt. Chúng tôi có thể nêu thí dụ để thuyết minh. Hiện thời, ở nơi đây là tám giờ rưỡi, thời gian tại Đài Loan sẽ khác, Đại Lục cũng khác. Nữ Ước thì sớm hơn ba tiếng đồng hồ, cũng đều là thời gian bất đồng. “*Thời vô định thể*” (Thời gian không có bản thể nhất định): Nó là pháp vô định, hướng hồ đức Phật thuyết pháp trọn khắp các thế giới, nhân gian lẫn cõi trời, khắp nơi đều có, lấy thời gian ở chỗ nào làm

chuân? Do vậy bèn ước định là “nhất thời”, tức là lúc nhân duyên hòa hợp, khế lý, khế cơ. Đây là Thời Thành Tựu.

“*Văn Thành Tựu*”: Ai nói? Đức Bạc Già Phạm, tức là Thế Tôn, cũng là do đức Phật nói. Đây gọi là Chủ Thành Tựu. Nói ở chỗ nào? Núi Khur La Đê Da (Kharādīya). Địa điểm núi Khur La Đê Da chính là một quả núi trong bảy Kim Sơn, rất gần núi Tu Di. Vây quanh núi Tu Di là một lớp Kim Sơn, một tầng biển nước thơm, [có lần lượt bảy tầng như thế]. “*Kim Sơn*” được nói trong kinh Phật bằng sắt, vì sắt là một thứ kim loại, không nhất định là hoàng kim, cho nên nói là Kim Sơn. “*Hải*” là biển nước thơm vây quanh núi Tu Di. Nếu nói theo cách phiên âm tiếng Hán thì gọi là La Lâm Sơn. Vì nơi ấy chẳng có khói lửa của con người, những vị tiên nhân có thần thông, tu tịnh hạnh mới có thể đến đó tu hành. Đây chính là trụ xứ để các vị Mâu-ni tiên nhân nương ở.

Đức Phật giảng kinh Nguyệt Tạng ở nơi đó. Có những đại chúng nào tham dự pháp hội? Chính là các vị Thanh Văn và Bồ Tát. Nơi ấy cũng chẳng có phàm phu Tăng, vì phàm phu Tăng chẳng thể đến được. Không có thần thông, sẽ chẳng thể đến nơi ấy được. Do vậy, chỉ nêu lên hai chúng Thanh Văn và Bồ Tát nghe pháp. Chúng ta có thể dựa trên hai chữ Đại Tập để lý giải. Nếu đã là Đại Tập, chúng Thanh Văn và Bồ Tát tới tham dự sẽ hết sức đông đảo. Thanh Văn học tập Bồ Tát, đây là cách nhìn và suy nghĩ của chúng tôi, cũng có nghĩa là khiến cho hàng Thanh Văn nghe pháp sẽ tiến nhập Đại Thừa, đều trở thành đại Bồ Tát. Do vậy, kinh có tên là Đại Thừa Đại Tập.

Khi bộ kinh ấy viên mãn, pháp hội còn chưa giải tán, Địa Tạng Bồ Tát đến tùy hỷ. Ngài biết nhân duyên hồng dương pháp môn trong kinh Thập Luân của Thích Ca Mâu Ni Phật đã chín muồi, cho nên Ngài đến đây vào lúc đó. Đoạn kinh văn trên đây trần thuật tình huống trước khi Địa Tạng Bồ Tát đến tụ hội với đức Phật.

(Kinh) Nhĩ thời, Nam phương đại hương vân lai, vũ đại hương vũ; đại hoa vân lai, vũ đại hoa vũ; đại diệu thù lệ bảo sức vân lai, vũ đại thù lệ diệu bảo sức vũ; đại diệu tiền khiết y phục vân lai, vũ đại tiền khiết diệu y phục vũ. Thị chư vân vũ sung biến kỳ sơn, chư Mâu-ni tiên sở y trụ xứ. Tùng chư hương, hoa, bảo sức, y phục, diễn xuất chủng chủng bách thiên vi diệu đại pháp âm thanh, vị quy kính Tam Bảo thanh, thọ trì học xứ thanh, nhĩn nhục nhu hòa thanh.

(經)爾時，南方大香雲來，雨大香雨；大華雲來，雨大華雨；大妙殊麗寶飾雲來，雨大殊麗妙寶飾雨；大妙鮮潔衣服雲來，雨大鮮潔妙衣服雨。是諸雲雨充遍其山，諸牟尼仙所依住處。從諸香、華、寶飾、衣服，演出種種百千微妙大法音聲，謂歸敬三寶聲、受持學處聲、忍辱柔和聲。

(Kinh: Lúc bảy giờ, phương Nam có mây hương lớn bay đến, tuôn mưa hương to; mây hoa lớn bay đến, tuôn mưa hoa lớn; mây đồ trang hoàng quý báu, đặc biệt lộng lẫy, màu nhiệm to lớn bay đến, mưa các thứ trang hoàng quý báu to lớn, đặc biệt lộng lẫy, màu nhiệm; mây y phục mới, sạch, đẹp đẽ to lớn bay đến, tuôn xuống các thứ y phục mới, sạch, đẹp đẽ to lớn. Các thứ mây ấy mưa trồn khắp núi ấy, tức là chỗ nương trụ của các vị Mâu-ni tiên. Từ trong các thứ hương, hoa, vật trang sức báu, y phục, diễn xuất đủ loại trăm ngàn âm thanh đại pháp vi diệu, như tiếng quy kính Tam Bảo, tiếng thọ trì học xứ, tiếng nhẫn nhục, nhu hòa).

Kê đó là Địa Tạng Bồ Tát đến dự. Địa Tạng Bồ Tát đến đó, trước hết, có một thứ khí thể mà mỗi khi chúng ta xem kinh Địa tạng và kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đều [mô tả] như thế. Ngay trong lúc ấy, từ phương Nam dấy lên mây hương, tức là vàng mây. Trong hư không có vàng mây chứa đựng hương thơm. Khi ngòi máy bay, tôi từng dấy lên ảo tưởng, bay lên tận chỗ cao tới hai vạn mét trên không trung, bay qua những đám mây bông bành phía dưới. Đã lên đến các tầng mây, tôi nghĩ không có cách nào mở cửa sổ. Nếu có thể mở cửa sổ, chắc chắn sẽ có cảm nhận bất đồng về không khí hoặc các đám mây. Lúc đó (lúc đức Phật vừa thuyết giảng kinh Nguyệt Tạng xong), mây hương trôi tới, lại còn có mưa. Mọi người đừng hiểu Vũ ở đây là trời mưa, vì nhắc tới “vũ”, chắc chắn ngỡ là trời mưa. Ở đây, quý vị thấy nhé, ngay lập tức tuôn xuống châu báu. Tuôn xuống nhiều như mưa sa vậy. Ngay lập tức lại tuôn xuống y phục, đây chẳng phải là mưa. Quý vị hỏi tôi: “Chuyện này có thật hay không?” Tôi thưa với quý vị: “Đấy là ý cảnh”. Đã thế, đến cuối cùng, trên hai tay của mỗi người đều xuất hiện Như Ý Bảo

Châu. Như Ý Bảo Châu tuôn ra vô lượng bảy báu. Nay Địa Tạng Bồ Tát gia trì chúng ta, cũng sẽ khiến cho hai tay chúng ta đều hiện ra bảy báu. Như thế thì mọi người đều hoan hỷ, thế giới này sẽ chẳng có chiến tranh. Chiến tranh chẳng qua là vì tiền hay sao? Đã có rồi, tức là có châu báu rồi.

Mây bay tới là mây hương, tuôn ra mưa hương. Có thể hiểu Vũ là tuôn xuống, tuôn xuống các thứ hương. Mây đại hoa bay tới, mây hoa sẽ trút hoa xuống, đều chẳng phải là nước. Nếu là tuôn nước, khắp trời toàn là nước, sẽ thành thủy tai! “Mưa” ở đây phải hiểu theo ý nghĩa này. Còn có một loại mây gồm các thứ trang hoàng báu màu nhiệm đặc biệt lộng lẫy. Chắc mọi người đã từng đến các chùa miếu rất trang nghiêm, tràng và bảo cái (lọng báu) rất đầy đủ. Ở Đài Loan cũng có. Kế đó là những vật trang hoàng như bảo tràng. Những vật trang hoàng như bảo tràng cũng từ trên hư không giáng xuống. Y phục màu nhiệm mới sạch từ trên cao rơi xuống. Những thứ hương, vật trang sức đẹp đẽ, hương, hoa tịnh khiết, y phục đẹp đẽ mới mẻ, sạch sẽ đầy khắp La Lô Sơn. Khắp đất đều là hương, hoa, y báu, hoa đẹp. Điều kỳ lạ nhất là lại còn có các âm thanh. Áo thơm bèn có âm thanh của áo thơm, hương có âm thanh của hương, vật trang hoàng có những âm thanh của vật trang hoàng, các loại hoa có âm thanh của hoa, giống như kinh Di Đà đã nói: Hết thấy âm thanh đều là pháp âm. Vì thế, cuối cùng tổng kết bằng một câu: Từ những thứ hương, hoa, vật trang sức báu, y phục, diễn nói trăm ngàn pháp âm vi diệu để thuyết pháp. Chúng ta có thể tưởng tượng, đây là mong quý vị bố thí, mong quý vị nhẫn nhục, mong quý vị hành thiện nghiệp, chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Pháp âm nói các pháp ấy.

Lại còn [có âm thanh] khuyên quý vị quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, còn có âm thanh quy y Tam Bảo, còn có âm thanh thọ trì giới luật học xứ. Điều phải học ở đây là chuyên nói về giới luật. Chúng ta phải nên học giới. Phạm là đệ tử Phật, vừa khởi đầu, nhất định phải học giới. “*Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*” cũng là giới. Trước hết, quý vị học quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Khi những thứ y phục, bảo vật, cho đến những vật trang hoàng báu rơi xuống, trong đó có âm thanh. Âm thanh dạy quy y Tam Bảo, quy y Phật, Pháp, Tăng, cho đến Lục Độ vạn hạnh, đoạn ác, làm lành. Tất cả những âm thanh đều là âm thanh như vậy! Dưới đây liệt kê những âm thanh của các thứ từ trên cao rơi xuống, tức là từ trong các vật rơi xuống, trong y phục có âm thanh, trong hoa có âm thanh, trong mây hương tuôn ra các mùi hương có âm thanh.

(Kinh) Tinh tấn dũng mãnh thanh, hàng phục tứ ma thanh, thú nhập trí huệ thanh, quảng đại danh xưng biến mãn tam giới thanh, khuyến tu thù thắng niệm định tổng trì thanh, Không, Vô Tướng, Vô Nguyên thanh.

(經)精進勇猛聲、降伏四魔聲、趣入智慧聲、廣大名稱徧滿三界聲、勸修殊勝念定總持聲、空無相無願聲。

(Kinh: Tiếng tinh tấn dũng mãnh, tiếng hàng phục tứ ma, tiếng tiến nhập trí huệ, tiếng danh xưng rộng lớn trọn khắp ba cõi, tiếng khuyến tu niệm định tổng trì thù thắng, tiếng Không, Vô Tướng, Vô Nguyên).

Đây là ba môn giải thoát Không, Vô Tướng, Vô Nguyên.

(Kinh) Yếm ly tham dục thanh, Sắc như tụ mật thanh, Thọ như phù bào thanh, Tưởng như dương điểm thanh, Hành như ba tiêu thanh, Thức như huyền sự thanh, vô thường thanh, khổ thanh, vô ngã thanh, không thanh, tầm quý thanh, viễn ly thanh, hộ niệm thanh, từ bi hỷ xả thanh, chứng đắc chư pháp thanh, sanh thiên Niết Bàn thanh, thú hướng tam thừa thanh, chuyển đại pháp luân thanh, vũ đại pháp vũ thanh, thành thực hữu tình thanh, độ tam ác thú thanh, tu trị viên mãn lục đạo bỉ ngạn thanh, thiện xảo phương tiện thanh, thú nhập Thập Địa thanh, du hý thần thông thanh, du hý thanh tịnh vô thượng Đại Thừa thanh, bất thoái chuyển địa thanh, Vô Sanh Pháp Nhân thanh, quán đánh thọ vị thanh, thú nhập nhất thiết chư Phật đại hải thanh.

(經)厭離貪慾聲、色如聚沫聲、受如浮泡聲、想如陽焰聲、行如芭蕉聲、識如幻事聲、無常聲、苦聲、無我聲、空聲、慚愧聲、遠離聲、護念聲、慈悲喜舍聲、證得諸法聲、生天涅槃聲、趣向三乘聲、轉大法輪聲、雨大法雨聲、成熟有情聲、度三惡趣聲、修治圓滿六到彼岸聲、善

巧方便聲、趣入十地聲、遊戲神通聲、遊戲清淨無上大乘聲、不退轉地聲、無生法忍聲、灌頂受位聲、趣入一切諸佛大海聲。

(Kinh: Tiếng chán ghét, xa lìa tham dục, tiếng Sắc như bọt nước tu lại, tiếng Thọ như bọt nổi, tiếng Tướng như dọn nắng³, tiếng Hành như cây chuối⁴, tiếng Thức như huyền sự, tiếng vô thường, tiếng khổ, tiếng vô ngã, tiếng Không, tiếng hổ thẹn, tiếng xa lìa, tiếng hộ niệm, tiếng từ bi hỷ xả, tiếng chứng đắc các pháp, tiếng sanh lên trời, chứng Niết Bàn, tiếng tiến hưởng tam thừa, tiếng chuyển đại pháp luân, tiếng tuôn mưa đại pháp, tiếng thành thực hữu tình, tiếng độ ba nẻo ác, tiếng tu tập đối trị viên mãn Lục Ba La Mật, tiếng phương tiện thiện xảo, tiếng tiến nhập Thập Địa, tiếng du hí thần thông, tiếng du hí Đại Thừa vô thượng thanh tịnh, tiếng địa vị chẳng thoái chuyển, tiếng Vô Sanh Pháp Nhãn, tiếng quán đánh tiếp nhận địa vị, tiếng tiến nhập biển cả của hết thảy chư Phật).

Ý nghĩa được bao hàm trong bộ kinh này là các âm thanh thuyết pháp. Nếu là bậc đại trí huệ, như hàng Bồ Tát Ma Ha Tát vừa nghe các âm thanh ấy, sẽ thành đạo. Đối với những điều sau đó, sẽ là chưa nói mà đều có thể hiểu rõ, giống như một câu nói của thiền sư Trung Hoa (“thoại đầu” hoặc “chuyển ngữ”), vừa chỉ điểm bèn thông suốt, chuyện gì cũng chẳng cần phải rườm rà nữa! Nhưng các âm thanh ấy, tức những tiếng thuyết pháp ấy, nếu quý vị bảo là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói thì cũng được, nhờ vào sức oai thần của Phật. Nếu nói là Địa Tạng Bồ Tát chưa tới mà đã thuyết pháp trước, cũng được luôn! Nếu nói theo cách thứ nhất thì đó là pháp do đức Phật nói, và là pháp do chẳng thể tính đếm số lượng Thanh Văn Tăng và chẳng thể tính đếm số lượng Bồ Tát Tăng đã nghe trong pháp hội [giảng giải về] Nguyệt Tạng Bồ Tát. Nay chúng ta nghe những gì? Chính là các âm thanh ấy, chúng ta có nghe biết hay không? Nếu phải giải thích từng điều một, giải thích bộ kinh này rất dài. Phạm Tụ thuộc Tụ Phần, trọn chẳng phải là chánh văn.

³ Dọn nắng (dương diệm, 陽焰) là một hiện tượng quang học. Khi trời nắng gắt, sẽ thấy xa xa có những vệt nước đọng.

⁴ Thân cây chuối gồm nhiều lớp bẹ hợp thành, cứ bóc ra, bóc mãi, cuối cùng chẳng có gì.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Từ quyển thứ nhất là phẩm Tự cho đến phẩm cuối cùng là phẩm Hoạch Ích Chúc Lụy [thuộc phần Lưu Thông], các phẩm ở giữa là phần Chánh Tông.

Phần Chánh Tông giảng rõ mục đích của kinh này. Quý vị mong đạt được điều gì, sẽ tu hành ở chỗ nào? Nếu vừa bắt đầu biểu diễn như thế, quý vị liền khai ngộ thì có thể rời đi rồi, chẳng cần phải nghe những điều sẽ nói kế tiếp nữa! Vì chính mình đã biết bộ kinh này muốn nói điều gì, những điều sẽ nói sau đó đã được vạch ra trong đại ý của phần trước.

Vì sao? Các vị đại đức xưa kia vừa nghe liền hiểu rõ phần Huyền Nghĩa của quý vị, cho nên chẳng nghe nữa! Pháp quý vị toan nói, họ đã hiểu rõ, đã chứng nhập. Do đó, họ mới có thể rời khỏi pháp hội, chỉ cần nghe phần Huyền Nghĩa của quý vị. Nay chúng ta không có loại trí huệ ấy, chẳng có sức mạnh ấy để có thể vận dụng Huyền Nghĩa khiến cho người khác khai ngộ, thành đạo. Thuở đức Phật tại thế, Ngài cũng đối trước ba căn thuyết pháp. Bậc thượng thượng căn [vừa nghe nói] đã đạt được, đã lãnh ngộ, người ta bèn rời đi để tu đạo hồng thành tựu. Người thuộc căn cơ trung hạ vẫn phải chờ ở đây. Đức Phật lại phải nói tiếp, nói đến cuối cùng mới lục tục kéo đi. Cuối cùng, đức Phật vẫn chẳng có cách nào độ trọn hết chúng sanh, phải đợi Di Lạc Bồ Tát giáng thế, Ngài sẽ thay Phật độ họ. Hoặc là rốt cuộc đức Phật bèn phó chúc Hư Không Tạng Bồ Tát: “Ông lưu truyền bộ kinh này để độ chúng sanh”. Hàm nghĩa như vậy đây!

Từ phẩm Tự, chúng ta có thể cảm nhận oai lực của Địa Tạng Bồ Tát; từ chỗ này, sẽ có thể thấy chỗ tiến nhập. Chúng ta sẽ sanh khởi tín tâm cực đại thù thắng, tín ngưỡng cực đại đối với Địa Tạng Bồ Tát; đồng thời sẽ phát nguyện: Nguyện có thần thông giống như Địa Tạng Bồ Tát. Bất luận đến nơi đâu, thanh thế đều hơn người! Cửa cải, xe cộ, người hầu đã sớm đến đó trước, đã an bài sẵn. Vừa nhìn vào, đã tạo thành thanh thế. Bồ Tát cũng giống như vậy. Bất quá, thanh thế của Ngài khác hẳn thanh thế của chúng ta. [Ngài làm như vậy] có thể khiến cho rất nhiều người được lợi ích.

(Kinh) Nhĩ thời, nhất thiết chư lai đại chúng, hàm kiến như thị chủng chủng vân vũ, diệc văn như thị chư pháp âm thanh. Tùy ý sở nhạo, các kiến kỳ thân, chủng chủng hương, hoa, bảo sức, y phục chi sở trang nghiêm. Hựu các tự kiến lưỡng thủ chương trung trì Như Ý Châu, tùng thị nhất nhất Như Ý Châu trung, vũ chủng chủng bảo.

Phục tùng nhất nhất Như Ý trung, phóng chư quang minh. Nhân quang minh cố, nhất nhất hữu tình giai kiến thập phương Cãng-già sa đấng chư Phật thế giới. Hựu nhân quang minh, kiến chư Phật độ, nhất nhất Thế Tôn, vô lượng chúng hội cung kính vi nhiễu. Phục nhân quang minh, kiến chư Phật độ nhất thiết hữu tình, nhược hữu bệnh giả, nhân thử quang minh chi sở chiếu xúc, chúng bệnh trừ dứt. Chư ưng bị sát cập tù hệ giả, quang minh chiếu cố, giai đắc giải thoát. Chư thân, ngữ, ý thô trọng uế trước, nhân quang giai đắc khinh nhuyển thanh tịnh. Chư cơ khát giả diệt giai bảo mãn. Chư bị chủng chủng hình phạt bức thiết, quang minh chiếu cố, giai ly ưu khổ. Chư thiếu y phục, bảo sức, trân tài, quang minh chiếu cố, tùy niệm giai túc. Nhược chư hữu tình nhạo dục sát sanh, nãi chí hoặc hữu nhạo dục tà kiến, do thử quang minh chi sở chiếu xúc, giai tất nhạo dục viễn ly sát sanh, nãi chí nhạo dục viễn ly tà kiến. Nhược chư hữu tình, vị u chủng chủng cầu bất đắc khổ chi sở bức thiết, quang minh chiếu cố, tùy nguyện giai đắc. Hựu nhân quang minh, kiến chư Phật độ nhất thiết hữu tình sở thọ chúng khổ, vô bất hưu tức, giai tất hoan ngu, thọ chư diệu lạc. Hựu kiến như thị chư Phật độ trung, do thử quang minh chi sở chiếu xúc, viễn ly nhất thiết hôn vân, trần vụ, liệt phong, bạo vũ, bất thiện âm thanh, cập chư xú uế, khổ tâm ác vị, ác xúc khủng bố, viễn ly nhất thiết tà nghiệp, tà ngữ, tà ý, tà quy, bất hàn, bất nhiệt, an tĩnh thân nhiên, địa bình như chưởng, chư diệu lạc cụ sung mãn kỳ trung.

(經)爾時，一切諸來大眾，咸見如是種種雲雨，亦聞如是諸法音聲。隨意所樂，各見其身，種種香花寶飾，衣服之所莊嚴。又各自見兩手掌中持如意珠，從是一一如意珠中，雨種種寶。復從一一如意中，放諸光明。因光明故，一一有情皆見十方殑伽沙等諸佛世界。又因光明，見諸佛土，一一世尊，無量衆會恭敬圍繞。復因光明，見諸佛土一切有情，若有病者，因此光明之所照觸，衆病除愈。諸應被殺及囚繫者，光明照故，皆得解脫。諸身語意粗重

穢濁，因光皆得輕軟清淨。諸飢渴者亦皆飽滿。諸被種種刑罰逼切，光明照故，皆離憂苦。諸少衣服寶飾珍財，光明照故，隨念皆足。若諸有情樂欲殺生，乃至或有樂欲邪見，由此光明之所照觸，皆悉樂欲遠離殺生，乃至樂欲遠離邪見。若諸有情，為於種種求不得苦之所逼切，光明照故，隨願皆得。又因光明，見諸佛土一切有情所受衆苦，無不休息，皆悉歡娛，受諸妙樂。又見如是諸佛土中，由此光明之所照觸，遠離一切昏雲塵霧、烈風、暴雨、不善音聲，及諸臭穢，苦辛惡味，惡觸恐怖，遠離一切邪業、邪語、邪意、邪歸，不寒、不熱，安靜坦然，地平如掌，諸妙樂具充滿其中。

(Kinh: Lúc bảy giờ, hết thấy các đại chúng đến dự pháp hội đều thấy các thứ mây tuôn mưa như thế, cũng nghe các âm thanh thuyết pháp như thế. Tùy theo lòng ưa thích, ai nấy đều thấy các thứ hương, hoa, vật trang hoàng báu, y phục trang nghiêm thân mình. Mỗi người lại thấy hai tay cầm Như Ý Châu. Từ trong mỗi Như Ý Châu ấy, tuôn ra các thứ báu. Lại từ mỗi viên Như Ý Châu, tỏa ra các quang minh. Do quang minh, mỗi hữu tình đều thấy mười phương các thế giới nhiều như cát sông Hằng. Lại do quang minh, thấy các cõi Phật, mỗi vị Thế Tôn có vô lượng chúng hội cung kính vây quanh. Lại do quang minh, thấy trong các cõi Phật, hết thấy hữu tình nếu là kẻ bị bệnh, do quang minh ấy chiếu chạm, các bệnh trừ sạch. Những kẻ đáng bị giết và tù tội, trói buộc, do quang minh chiếu tới, đều được giải thoát. Những kẻ thân, ngữ, ý thô tháo, nặng nề, như ứ, do quang minh mà đều được nhẹ nhàng, mềm dịu, thanh tịnh. Những kẻ đói khát cũng đều được no đủ. Những kẻ bị đủ mọi hình phạt bức bách, do quang minh chiếu đến, đều là ưu khổ. Những kẻ thiếu thốn y phục, vật trang hoàng báu, của cải quý báu, do quang minh chiếu tới, thuận theo ý niệm mà trọn đủ. Nếu các hữu tình ưa thích sát sanh, cho đến có kẻ ưa thích tà kiến, do quang minh ấy chiếu chạm, thấy đều ưa thích xa lìa sát sanh, cho đến ưa thích xa lìa tà

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

kiến. Nếu các hữu tình, bị đủ mọi nỗi khổ vì cầu chẳng được bức bách, do quang minh chiếu tới, sẽ tùy theo ước nguyện mà đều đạt được. Lại do quang minh mà thấy hết thấy hữu tình trong các cõi Phật đang chịu các thứ khổ, không ai chẳng được ngơi nghỉ, ngưng dứt, thấy đều vui sướng, hưởng sự vui màu nhiệm.

Lại thấy trong các cõi Phật như thế, do quang minh này chiếu chạm, xa lìa hết thấy mây đen, sương bụi, gió dữ, mưa cuồng, các âm thanh bất thiện, và các thứ thối tha, bản thú, các vị ác đấng cay, các sự đùng chạm xấu ác, kinh sợ, xa lìa hết thấy tà nghiệp, tà ngữ, tà ý, quy hướng tà vạy, chẳng lạnh, chẳng nóng, an tĩnh, thản nhiên, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, các thứ vật tạo nên sự vui sướng màu nhiệm đều đầy ắp trong đó).

“*Chư lai đại chúng*” là các vị Thanh Văn Tăng, Bồ Tát Tăng, và còn có các vị đại chúng mới đến. Khi Địa Tạng Bồ Tát tới, còn có những người theo Địa Tạng Bồ Tát từ thế giới phương khác mới tới. Đại chúng còn chưa giải tán trong pháp hội ấy, đều thấy các vàng mây ấy tuôn xuống những vật báu. Đồng thời cũng thấy, nghe từ trong các thứ y phục, vật trang hoàng báu ấy tuyên dương pháp âm. Bất luận quý vị ưa thích màu sắc hoặc vật báu nào, quý vị sẽ thấy từ trên hư không rơi xuống các vật trang sức báu tự động khoác lên thân mình. Vì thế, kinh nói:

“*Diệc văn như thị chư pháp âm thanh, tùy ý sở nhạo*” (Cũng nghe các âm thanh như thế, tùy theo lòng yêu thích): Tùy ý mình thích thứ gì, sẽ thấy thân mình được trang nghiêm bởi tất cả các thứ hương, hoa, vật trang sức báu, y phục. Các thứ y phục dâng lên quý vị đều là kích thước lớn, nhỏ, dài, ngắn rất phù hợp, may cắt còn chuẩn xác hơn thợ may! Tùy ý thì một là do nguyện lực của Bồ Tát, đằng khác là do tâm lực của quý vị.

Không chỉ như thế, đồng thời ai nấy đều thấy trên hai tay cầm Như Ý Bảo Châu, vì Địa Tạng Bồ Tát tay cầm Như Ý Bảo Châu. Tác dụng của Như Ý Bảo Châu là trong tâm quý vị nghĩ tới điều gì, bảo châu liền xuất hiện thứ đó, thỏa mãn hết thấy nhu cầu của quý vị. Đây là đối với mỗi người tham dự pháp hội, không chỉ thỏa mãn nhu cầu nơi thân, mà hết thấy những điều mong muốn trong tâm đều được thỏa mãn. Đối với y phục, trâm hoa, vật trang sức, có kẻ thích màu đỏ, có kẻ chuộng màu xanh, chẳng thấy giống hệt như nhau, tự nhiên khoác trên thân quý vị, trang nghiêm viên mãn.

Nhưng có một điều bình đẳng như nhau, tức là tay ai nấy đều cầm Như Ý Bảo Châu. Chúng ta thấy tượng ngài Địa Tạng, một tay cầm tích trượng, tay kia cầm Như Ý Châu; Ngài bố thí Như Ý Bảo Châu. Trong tay mỗi đại chúng dự hội đều có Như Ý Châu. Không chỉ là có, mà còn từ Như Ý Châu sanh ra vô lượng vật báu. Viên châu ấy phóng quang minh. Không chỉ là có thể tuôn ra châu báu, mà còn có thể tỏa sáng. Quang minh tỏa ra từ những viên châu ấy to cỡ nào? Còn to hơn ánh sáng đèn, còn to hơn ánh sáng mặt trời, vì ánh sáng của đèn đuốc hoặc mặt trời chẳng thể chiếu tới các cõi Phật khác. Quang minh của chúng khác hẳn.

“*Nhất nhất hữu tình*” (Mỗi một hữu tình) tức là đại chúng tham dự pháp hội, họ có thể thấy mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới.

“*Cãng-già sa*” tức là cát sông Hằng. Có Hằng hà sa thế giới Phật nhiều dường ấy, mỗi hạt cát là một thế giới Phật. Tức là quang minh từ Như Ý Châu tỏa ra chiếu sáng các thế giới nhiều ngàn ấy. Mỗi thế giới đều có Phật đang thuyết pháp. Vậy thì mỗi quang minh chiếu thấu hết thấy các cõi Phật nhiều như cát sông Hằng. Mỗi hạt cát là một thế giới Phật. Mỗi thế giới có một vị Phật, đều hiển hiện trong quang minh. Đồng thời, trong hội ấy chẳng có tâm phân biệt, cũng chẳng phân biệt đây là vị Phật gì, vị Phật kia có danh hiệu là gì? Khi đó, họ chẳng có tâm phân biệt.

“*Nhân quang minh cố*” (Do vì quang minh), cho nên chiếu soi, hiện ra hết thấy các cõi Phật, cũng thấy mỗi vị Phật đều có vô lượng Bồ Tát, vô lượng đại chúng vây quanh nơi đó. Vô lượng chư Phật đang thuyết pháp trong đó. Vừa trông thấy như thế, nghiệp chướng gì cũng đều tiêu trừ. Nếu nghiệp chẳng tiêu, sẽ chẳng trông thấy! Lại do quang minh ấy mà trông thấy hết thấy hữu tình trong các cõi Phật. Không chỉ thấy chư Phật thuyết pháp, mà còn có thể thấy hết thấy chúng sanh trong quốc độ của các Ngài. Vì quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu đến nơi nào, kẻ có bệnh liền khỏi bệnh, các bệnh trừ sạch. Hoặc là kẻ sắp bị giết hại, đúng lúc sắp ra pháp trường, cũng được giải thoát, chẳng bị giết hại. Hoặc đang bị giam cầm trong ngục, sẽ được thả ra. Vì sao?

“*Quang minh chiếu cố*” (Do quang minh chiếu), tức là do Như Ý Châu của Địa Tạng Vương Bồ Tát ở trong tay các hữu tình tỏa ra quang minh chiếu rọi. Quang minh từ [những viên châu trong tay] tất cả đại chúng đều cùng chiếu rọi, cho nên đều được giải thoát. Bất quá, chúng ta chỉ có thể thấy cái Thể của cảnh giới quang minh.

Nói đến quang minh nơi tánh thể, do nghiệp của mỗi người chúng ta, dầu vẫn chưa thanh tịnh, nhưng cậy vào sức gia trì của Địa Tạng Bồ Tát, cùng với sức gia trì của đức Phật trong pháp hội, sẽ ngay lập tức có tướng cảnh giới ấy. Có tự do hay không? Có chứ! Địa Tạng Bồ Tát đến đây, chiếu trọn khắp đại địa. [Trong đoạn kinh văn kế tiếp, sẽ nói Địa Đại nơi thân của đại chúng nặng hơn, kiên cố hơn], muốn nâng cánh tay ư? Chẳng nâng được, vì [quang minh đã] chiếu trọn khắp các Địa Đại. Đó chỉ là hiện tượng trong một sát-na, đây là oai lực của Địa Tạng Bồ Tát.

Gọi là Tự Phẩm tức là Tự Thuyết (diễn giải để dẫn nhập). Tự Thuyết sẽ chẳng thể giảng giải thâm nhập được. Nếu đã giảng hết trong phẩm Tự, những kinh văn phía sau chẳng cần phải nói nữa. Nếu giảng phẩm Tự hết sức dài, cũng là đem những kinh văn trong phần sau giảng ghép vào phẩm Tự để giảng. Vì mọi người cùng nhau học tập, rất khó giảng theo thứ tự. Nhưng chúng tôi có mấy điều phạm sai lầm, là vì cố ý vi phạm!

[Vì sao nói như vậy?] Bản thân tôi học [Thiên Thai] Tứ Giáo, tức là dùng Tứ Giáo để phân khoa, phán giáo. Tức là đối với Tạng, Thông, Biệt, Viên, nhận định bộ kinh này nên thuộc về giáo nào. Trước hết, phải thích danh (giải thích tên kinh). Giải thích tên kinh xong, còn phải giảng giải ý nghĩa (tức là nói đến Thể Tướng). Giảng giải ý nghĩa xong, giảng về Tông Thú. Giảng Tông Thú xong, lại còn phải nêu rõ mục đích (tức phần Lực Dụng). Ất cần phải tuân theo quy luật ấy. Đó là quy luật do các vị đại đức trong Phật giáo Trung Hoa đã ấn định, gọi là Ngũ Trùng Huyền Nghĩa (năm tầng ý nghĩa u huyền). Năm tầng ấy, nếu phải giảng từng tầng một, cũng phải tốn thời gian mười hôm thì mới giảng trọn hết năm tầng huyền nghĩa được.

Nhưng tôi thườ đầu học Ngũ Giáo; nếu giảng theo Ngũ Giáo, ngoại trừ Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên ra, còn phải giảng Thập Huyền Môn. Trước khi chưa giảng vào kinh văn, nhất định phải giảng Thập Huyền Môn. Giảng Thập Huyền Môn, chỉ sợ giảng phần huyền đàm mất nửa tháng hoặc một tháng. Hiện thời, mỗi bữa chúng tôi chỉ giảng một tiếng rưỡi, vì sao phải làm như vậy? Vì khi các vị đại đức thời cổ giảng kinh, chẳng hạn như tôi muốn giảng kinh Pháp Hoa, những người đến dự toàn là học kinh Pháp Hoa, nghiên cứu kinh Pháp Hoa, người đến nghe cũng là vì nghe Huyền Nghĩa mà đến, do nghe phán giáo mà đến. Học xong những điều ấy rồi, họ sẽ rời đi, không nghe phần giảng về kinh văn. Ở đây, mọi người đều là sơ học, nếu tôi bắt đầu bằng Huyền Đàm,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

sợ mọi người sẽ lơ lửng hết, giống như xe bay lên trời thẳm vậy, sẽ khiến cho mọi người nghe không hiểu, chẳng biết bay đến chỗ nào nữa!

Nay chúng tôi dựa theo kinh văn để giảng rõ ý nghĩa, nhưng đây là cách thức sai lầm! Nếu giảng kinh, “*y văn hiển nghĩa*” tức là dựa theo văn tự để giải thích ý nghĩa. Nếu chẳng chiếu theo văn tự để nói, lại nói những nghĩa lý khác, “*tam thế Phật oan!*” Đó là oan gia đối đầu của tam thế Phật, chẳng thể được! “*Ly kinh nhất tự*” (Rời kinh một chữ), nếu pháp sư rời lìa kinh, tự mình mù quáng nói bừa, không thể nào chẳng đọa địa ngục, “*tức đồng ma thuyết*” (liền giống như ma nói). Đây chẳng phải là Phật nói, mà là ma nói. Mọi người hãy nghĩ xem, như vậy thì pháp sư phải nên làm như thế nào? Lìa khỏi kinh, lìa khỏi một chữ, là phạm sai lầm. Chẳng lìa văn tự, cứ dựa theo văn tự để nói, sẽ là oan gia đối đầu của Phật. Đây là một lẽ!

Đối ứng căn cơ để thuyết pháp, do [căn tánh của] người nghe mà thí giáo. Hôm nay cùng mọi người hữu duyên, mà trí huệ của tôi chỉ được như thế, cố gắng hiến cho mọi người đôi chút hiểu biết như thế. Nhiều hơn nữa, tôi cũng chẳng có trí lực. Nói sai, chỉ có đọa địa ngục. Đọa địa ngục thì cũng đành chịu, chẳng có cách nào! Đã từ lâu rồi, bất luận giảng kinh, xử sự, tôi luôn nghĩ như thế này: “Chuẩn bị xuống địa ngục bất cứ lúc nào”. Có thể trốn thoát hay không? Phải xem Địa Tạng Bồ Tát có giá trị hay không? Nếu Địa Tạng Bồ Tát giá trị, chắc là tôi sẽ tạm thời chẳng đọa địa ngục; hoặc là đọa địa ngục, tôi sẽ sám hối trước rồi mới làm. Đợi đến khi làm xong, tôi lại sám hối. Chỉ có cách như thế! Nếu không, kinh sẽ bị đoạn tuyệt. Nếu không có ai giảng, kinh Thập Luân sẽ tuyệt chủng. Thật sự đã gần như sắp tuyệt chủng rồi! Trong Đại Tạng Kinh có rất nhiều kinh hết sức vi diệu, hết sức hay đối với chúng ta, chẳng có ai nói! Chẳng có ai nói thì cũng như đoạn tuyệt rồi! Chỉ có trong Đại Tạng Kinh thì cũng như bị bỏ xó trong ấy! Còn có rất nhiều chùa miếu, chẳng cho xem, mà cũng chẳng cho phép động tới Đại Tạng Kinh, bảo động tới là phạm tội, cho rằng Đại Tạng Kinh đáng nên để thờ! Mỗi đảng đều có lý lẽ riêng. Đối với tôi, kinh do đức Phật nói nhằm dạy chúng ta học. Chẳng cho phép xem, chất đóng tại đó để làm gì? Chất lâu ngày, hư nát hết. Hư nát hết mà mọi người cũng chẳng biết!

Khi chúng ta học, phải xác thực học. Khi học vào phần chánh văn, phải thật sự nhập lý, chẳng trái nghịch lý. Ngoài ra, còn phải nhập thế, tức là nhất định phải kết hợp với cuộc sống hằng ngày, tức là phải có thể sử dụng những gì chúng ta đã học, học xong dùng được liền! Hiện thời có phiền não, học xong kinh Thập Luân, phiền não tiêu mất, tức là dùng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

được! Rất khô, trong tâm nghĩ chẳng thông, lấy kinh Thập Luân xem, nghe, học, cũng sẽ thông suốt. Có thể vận dụng như vậy thì rất tốt!

Trong phần trước, tôi đã mạn đàm cùng quý vị, nay chúng tôi chánh thức giảng kinh, không phải là nhắc lại, mà là nói lại từ đầu. Bộ kinh này có danh xưng là Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh.

“*Đại Thừa*”: Phật giáo chia là ba thừa, tức đại, trung, tiểu, vì đức Phật thuyết pháp “*đối cơ*”, tức là phù hợp căn cơ của người nghe. Đối với Đại Thừa Bồ Tát, hoặc là đối trước những người phát đại tâm, bèn nói pháp liễu nghĩa rất sâu. Đối với căn cơ trung hạ, tùy thuộc sự ưa thích hay cần thiết của họ mà nói [các pháp thích ứng], để có thể dần dần dẫn họ nhập môn các pháp thuộc Trung, Tiểu Thừa. Hàm nghĩa của pháp đại và tiểu, trong phần trước tôi đã giải thích. Chữ Đại giải thích rất đơn giản, chính là một niệm tâm bình thường trong hiện tiền của chúng ta. Hễ nói đến Đại, đến tốt cùng là muốn chỉ rõ cái tâm của quý vị, hiểu rõ cái tâm của quý vị trọn đủ hết thảy.

Pháp không có đại, mà cũng chẳng có tiểu. Có người vì chịu khổ, biết khổ, họ sẽ hy vọng hết thảy chúng sanh đều có thể lìa khổ. Đó là Đại. Dẫu đức Phật nói pháp tánh, lý thể, đối với kẻ chỉ nghĩ đến chính mình, chẳng nghĩ đến người khác, đại pháp cũng biến thành tiểu pháp! Pháp chẳng có đại mà cũng chẳng có tiểu, chỉ thuận theo cái tâm của quý vị mà lập! Bản thân Pháp là nói đến Tánh Thể. Vì chúng sanh có đủ mọi tánh, cho nên Phật [thuyết pháp] cũng có đủ loại tánh. Pháp là phương pháp, là đường lối, pháp tắc, tùy thuộc quý vị lý giải như thế nào. Vì thế, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Tông, Mật Tông, Tứ Giáo, Ngũ Giáo, chẳng cần phải dấy lên tranh chấp. Hễ tranh chấp, sẽ thành hý luận. Do vậy, trước hết chúng ta phải hiểu rõ hai chữ Đại Thừa.

“*Đại Tập*”: Đại chúng đến tham dự pháp hội lần này rất đông. “*Tập*” (集) có nghĩa là nhiều. Tập hợp một chỗ để làm gì? Để diễn giải tuyên lưu Đại Thừa.

“*Địa Tạng*”: Địa là cái tâm của mỗi người, tức tâm địa, và sử dụng cái tâm địa ấy như thế nào? “*Địa*” là hình dung cái tâm của chúng ta, vì đại địa chứa đựng hết thảy. Hết thảy những thứ chúng ta cần đều đến từ đất. Bất luận xăng, than đá, nhiệt năng, toàn thể đều từ đất mà ra. Địa có nghĩa “*hàm tàng*” (chứa đựng), còn có ý nghĩa “*sanh trưởng*”. Những thứ chúng ta ăn hoặc dùng đều sanh từ đất. “*Tạng*” là giấu kín, cũng là “chứa đựng rất nhiều nghĩa lý”, nhưng chúng ta không biết. Vì sao không biết? Vì chúng ta đã mê, cũng có nghĩa là cái tâm chúng ta đã

mê. Hai chữ này đều có thể giải thích là cái tâm của chúng ta. Do cái tâm của chúng ta sanh ra thân, ngữ, ý nghiệp; từ thân, ngữ, ý nghiệp, lần lượt sanh ra ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, và ba điều nơi ý, hợp thành mười nghiệp. Mười nghiệp ấy vĩnh viễn không ngừng, giống như bánh xe xoay tròn, chẳng ngưng nghỉ, vĩnh viễn xoay chuyển. Đồng thời, bánh xe có một công năng là nghiền nát, có thể giúp chúng ta nghiền nát Hoặc, Nghiệp, Khổ, sanh ra Giới, Định, Huệ thanh tịnh.

Nói theo hàng đệ tử Phật chúng ta, nếu quy y Tam Bảo, học Phật pháp, sẽ xoay ngược bánh xe. [Hiện thời], không chỉ chẳng thể chuyển hướng chánh đáng để trừ khử ba nghiệp, mà ngược lại còn tăng thêm ba nghiệp rất nhiều là vì lẽ nào? Vì vốn đã sẵn có rất nhiều khổ não, đáng lẽ vốn phải tin Phật, tin Pháp, tin Tăng để diệt trừ khổ não, nhưng họ chẳng phải là như thế. Trong Phật pháp, họ dấy lên phân biệt, phá hòa hợp Tăng, thậm chí tạo nghiệp, báng pháp, phá hoại Phật. Họ tưởng họ đang tán thán Phật, thật ra là phá hoại Phật. Bộ kinh này chuyên nói về hiện tượng ấy.

Do vậy, trong bộ kinh này, đối với hạng tỳ-kheo phá giới, chỉ cần họ vẫn còn khoác ca-sa, họ tạo nghiệp của họ, quý vị chẳng cần quan tâm đến họ. Chỉ cần họ hiện tướng Tam Bảo, vẫn phải cung kính họ. Cung kính họ, sẽ là phước đức của quý vị. Nếu quý vị phá hoại, tức là sanh ra tội ác. Bất luận họ bại hoại cỡ nào, chẳng do quý vị quản. Do vậy, đức Phật chẳng chấp thuận quốc vương, đại thần dùng pháp luật để xử phạt tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni. Tôi nêu lên thí dụ này nhằm nói rõ: Thập Luân là dùng Thập Luân của Phật để đối trị Thập Luân của chúng ta.

“*Kinh*” có nghĩa là “*xuyên suốt*”, giống như chúng ta xâu hoa lại với nhau. Tại Ấn Độ, họ dùng chỉ để xâu hoa [thành tràng hoa]. Vì những nghĩa lý được giảng trong kinh nhằm nói đối ứng với chúng sanh này, hoặc đối ứng chúng sanh khác, nói trước, nói sau, hiển thuyết, mật thuyết, đều được gom lại một chỗ, khiến cho nghĩa lý trong kinh được gom tụ lại. Đây là tựa đề kinh.

Phẩm Tự tức là phần giới thiệu dẫn nhập nhằm phát khởi bộ kinh này. Trong phẩm Tự, một là tán thán công đức của Phật, hai là đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Vì sao đức Phật tán thán công đức của ngài Địa Tạng? Trong [khi giảng] kinh Địa Tạng, chúng tôi cũng đã từng nói. Trong [khi giảng] kinh Chiêm Sát, cũng đã từng nói: Chính là khiến cho những kẻ chẳng liễu giải sự tu hành nơi nhân địa của Địa Tạng Bồ Tát và những kẻ tín tâm lần cung kính tâm chưa trọn đủ, nhờ đức Phật tán thán, sẽ sanh khởi lòng ưa thích: “Vị đại Bồ Tát này

tuyệt diệu quá, ta phải thân cận Ngài, cho đến nghe danh hiệu Ngài, lễ bái tượng Ngài, ta sẽ đạt được nhiều điều tốt đẹp”. Vậy thì quý vị đến học, sẽ có thể tiến nhập rất nhanh chóng. Tâm chúng sanh là như vậy. Nếu nghe người khác nói người ấy tốt lắm, quý vị còn chưa gặp người ấy, quý vị đã hết sức tin tưởng người ấy. Giả sử gặp gỡ, càng cảm thấy tốt đẹp hơn. Nhưng có những kẻ giả dối, danh chẳng xứng với thật, nghe tiếng chẳng bằng gặp mặt. Gặp mặt dường như hơn hẳn nghe tiếng. Có kẻ ta gặp gỡ, [nhận thấy kẻ ấy] chẳng được như danh tiếng. Gặp kẻ đó, quả thật sẽ khinh thường, sẽ càng liễu giải hơn, biết kẻ đó tòi tệ, là phường giả danh. Bồ Tát khác hẳn! Phàm là đối với các vị Phật, Bồ Tát được nói trong kinh, quý vị nghiên cứu, được gặp gỡ, sẽ sanh khởi vô lượng tâm cung kính.

Có đạo hữu hỏi tôi: “Những vị như Địa Tạng Bồ Tát hay Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng phải là ai nghe nói cũng đều sanh khởi tâm cung kính ư? Vì sao còn phải giới thiệu?” Đức Phật hướng đến đại chúng, hướng về pháp hội này giới thiệu, chúng ta hãy xem xét vấn đề này từ cảnh giới tư tưởng. Trên thế giới này, trong năm sáu chục ức người, kẻ chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát quá nhiều, vì chẳng thân cận Tam Bảo, cho nên họ chẳng biết. Có kẻ đã thân cận Tam Bảo, thậm chí có người xuất gia rất nhiều năm, vẫn có kẻ chẳng biết đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, lại càng chẳng cần phải nói tới các kinh Địa Tạng, kinh Thập Luân, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Chính tôi biết chuyện này, chẳng phải là nói xằng. Có kẻ giảng kinh rất nhiều năm, vẫn chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát, chưa hề học đến, mà cũng chẳng hề thân cận, cũng chẳng xem tới. Do vậy, ắt cần phải giới thiệu một phen!

Ngay trong pháp hội ấy, có rất nhiều người chẳng thấy, chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát. Do vậy, quý vị thấy trong kinh Địa Tạng, ngay cả Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Phổ Quang Bồ Tát, đều hướng về đức Phật thưa hỏi để đức Phật dạy về công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị nghĩ xem: Quán Thế Âm Bồ Tát thần lực lớn dường ấy, thần thông to dường ấy, Ngài còn chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát ư? Mỗi vị giáo hóa một phương, duyên của mỗi vị Phật bất đồng. Tuy nói “*Phật Phật đạo đồng*”, bất quá mỗi vị Phật thuyết pháp bất đồng, mỗi thế giới Phật bất đồng. Do vậy, ắt phải giới thiệu đôi chút, ý nghĩa của phẩm Tự là như vậy đây.

Trong hội này, Địa Tạng Bồ Tát dùng sức thần thông và nguyện lực của Ngài đến tùy hỷ. Ngài biết Ngài có nhân duyên với pháp hội này, bèn đến tùy hỷ, tán thán. Trong kinh Địa Tạng, đức Phật phóng quang

triệu vời. Quang tượng trưng cho âm thanh, quang minh và âm thanh tương đồng. Trong phần trước, chúng tôi đã giảng đại khái ba mươi chín loại âm thanh. Mỗi loại vật dụng được tuôn xuống, như y phục rơi xuống, vật trang sức báu đặc biệt lộng lẫy rơi xuống, đều đang thuyết pháp. Trong ấy chứa đựng âm thanh, hết thấy động tác đều có âm thanh, nhưng chúng ta chẳng nghe được.

Vì sao? Vì chúng ta chưa chứng đắc Nhĩ Căn viên thông. Do vậy, Ngài cần phải dùng phương thức này để biểu đạt. Âm thanh thuyết pháp [đã xuất hiện] tuy người còn chưa tới, tức là Địa Tạng Bồ Tát còn chưa hiện thân, âm thanh đã đến trước. Đã thế, những thứ rơi xuống do Ngài chiêu cảm như vật báu, y phục, đều là những vật dụng trong đời sống, là những thứ ai nấy đều cần dùng, ai nấy đều cảm thấy chúng tự động khoác lên người.

Vì sao có cảnh tượng ấy? Đây là do nguyên lực của Địa Tạng Bồ Tát, là cái nhân tu hành trong vô lượng kiếp chiêu cảm cái quả. Ngài vừa mới động thân, còn chưa đến nơi ấy. Chỉ cần chúng sanh nơi nào có duyên với Ngài, Ngài sẽ đều đến đó. Đây là tán thán công đức của Địa Tạng Vương Bồ Tát [dựa trên] những điều hy vọng, ưa thích liên quan đến đại chúng. Những điều được nói trong bộ kinh này đều liên quan đến cuộc sống thường nhật, như trong phần trên đã nói: Chúng ta luôn có các nhu cầu. Có cần của cải hay không? Dấu hiện thời không có nhu cầu ấy, nhưng chúng ta vẫn đang ở trong hắc ám, vô tri, vô minh. Vô minh là vô tri.

Chúng ta có rất nhiều tà kiến, tức là tri kiến chẳng chánh xác, nhìn vấn đề nào cũng đều chẳng đúng. Do chẳng nhìn đúng vấn đề, xử sự dễ phạm sai lầm. Vốn kinh doanh để mong phát tài, nhưng do chẳng nhìn nhận đúng, đầu tư bèn cạn vốn. Vốn mong đi giải trí, đến đó bèn ngã bệnh, vì quý vị chẳng thích hợp khí hậu. Muốn đi du lịch, máy bay xuất hiện trục trặc, cho đến đủ mọi thứ bức hại. Đây là vì hôn ám, vô trí. Chuyện chẳng nên làm, quý vị cứ làm, sẽ gặp nguy hiểm. Nếu có trí huệ, sẽ chẳng đi. Nếu quý vị được quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu tới, sẽ có trí huệ. Đã có trí huệ, sẽ hiểu rõ: Điều gì chẳng nên làm, quý vị sẽ chẳng làm; chỗ nào chẳng nên tới, quý vị sẽ chẳng tới; điều gì chẳng nên nói, quý vị sẽ không nói, liên quan đến những điều bản thân chúng ta sẽ làm như thế đó!

Nhưng đối với các thứ công đức, cho đến các thứ âm thanh thuyết pháp ở đây, có đạo hữu hỏi: “Vì sao một thứ tôi cũng chẳng gặp được?” Vì không có cái duyên ấy! Nay chúng tôi giảng bộ kinh này, giảng công

đức của Địa Tạng Bồ Tát, tức là quý vị hữu duyên gặp gỡ. Mai sau, quý vị niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hoặc cầu Địa Tạng Bồ Tát, lễ tượng Địa Tạng, hoặc học kinh Địa Tạng Thập Luân, kể cả kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, hoặc kinh Địa Tạng [Bốn Nguyên Công Đức], đều là có mối liên quan với Địa Tạng Bồ Tát. Sau khi đã duyên niệm nhiều lần, quý vị sẽ dần dần có thể đạt được. Đương thời, trong pháp hội ấy của đức Phật, những người trong pháp hội ấy đều đạt được. Nay chúng ta cũng sẽ đạt được; trong tương lai, khi chúng ta gặp nhân duyên này, cũng sẽ được gia trì.

Ở đây, có hai loại [gia trì]: Một là chúng ta thấy rõ ràng, hoặc trong tâm cảm nhận. Loại kia là quý vị chẳng thấy được, chẳng cảm nhận được. Có những hiện tượng do Địa Tạng Bồ Tát gia trì, hoặc là do niệm kinh Địa Tạng, sẽ cảm thấy chuyện của chính mình tốt hơn trước kia đôi chút. Đó gọi là “*minh gia*” (gia trì ngầm ngầm). “*Minh gia*” tức là chẳng hiển hiện, nhưng cũng có khi thật sự mộng thấy, cũng có người mộng thấy Địa Tạng Bồ Tát đến quán đánh. Uống nước quán đánh xong, vốn là kẻ rất ngu si, sẽ biến thành trí nhớ rất mạnh, khôi phục trí nhớ. Có đứa bé vốn bị ngu độn, hoặc sanh ra chẳng nghe được hay nhìn được, tâm trí hôn ám. Vì nó niệm Địa Tạng Bồ Tát, [hay do] cha mẹ cầu thay cho nó bèn niệm Địa Tạng Bồ Tát, nó đã bình phục. Xác thực là có những chuyện ấy, tôi biết rất nhiều trường hợp. Đây là Địa Tạng Bồ Tát gia trì, nhưng đây đều là những cái nhân nhỏ nhoi. Hy vọng lớn nhất của chúng ta là thành Phật. Có những người do vậy bèn có thể minh tâm kiến tánh. Họ vừa trông thấy liền tâm khai ý giải, toàn thể nghiệp chướng đều tiêu mất. Điều này là do căn tánh mỗi người mỗi khác.

Khi nghe pháp, đại chúng cùng ở trong pháp hội khi đó, có người chứng quả Thanh Văn, có người phát Bồ Đề tâm, nhưng cũng có người chưa đạt được lợi ích, cũng có người tạo thành chủng tử cho mai sau. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp tại Ấn Độ, biết đâu chúng ta cũng hiện diện tại đó! Tuy nghe, nhưng chẳng đạt được lợi ích, vẫn bị lưu chuyển, đó gọi là “*viễn chủng tử*”. Nếu đức Phật thuyết pháp mà độ được hết thì đức Phật cũng chẳng cần cần dặn Di Lặc Bồ Tát hóa độ chúng sanh! Quý vị thấy đó: Nói xong mỗi bộ kinh, đức Phật đều phải phó thác một vị Bồ Tát: “Ông phải khéo hoằng dương bộ kinh này, khiến cho chúng sanh chưa đắc độ sẽ được độ, người đã độ sẽ được tăng trưởng, đều khiến cho họ thành Phật”. Mỗi bộ kinh đều như thế. Chúng ta cần phải nghĩ như thế này: Chỉ cần ta nghe thấy, chỉ cần được nghe là

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đã được gieo chủng tử, vĩnh viễn chẳng hư hoại. Đức Phật sẽ tùy thời gia trì chúng ta, khiến cho chúng ta sẽ đạt được lợi ích.

Trong phẩm Tự, đức Phật giảng về công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Mỗi sự nghiệp, mỗi công đức do Ngài đã làm, đều do Ngài tu thành. Giống như hiện thời mọi người phát tâm tu tập, tu các phương thức hoặc phương pháp, chiếu theo cách nào đó để tu, hình thức bất đồng, hiệu quả cũng khác biệt. Dụng tâm rất chân thật, thiết tha, dụng tâm rất chí thành, sẽ đạt được hiệu quả vừa mau chóng, vừa to lớn. Nếu cái tâm của quý vị chỉ là tùy tiện nghe, giống như đi học, quý vị sẽ chỉ đạt được viễn nhân, trong tương lai sẽ chẳng giống người khác, sẽ dần dần đến đời nào đó mới chín muồi, mới có thể lại gặp gỡ, lại tăng trưởng. Lại phải sau nhiều đời nhiều kiếp mới chín muồi, mới tăng trưởng. Thậm chí trong một đời của mỗi cá nhân, sau khi quý vị nghe pháp, sẽ dần dần tăng trưởng biến hóa. Tuy vậy, quý vị đừng nầy sanh tà kiến. Nếu sanh khởi tà kiến, các công đức trước đó sẽ giống như quý vị ấn nút Cancel của computer vậy, ngay lập tức trừ sạch, chẳng còn! Nầy sanh tà kiến, sẽ chẳng thành tựu. Điều đáng chú ý nhất ở đây là tà kiến. Nhất định phải rời xa hết thấy tà nghiệp, tà ngữ.

Tôi đặc biệt giải thích cùng mọi người đôi chút về tà nghiệp, đặc biệt là nghiệp sát sanh. Đương nhiên, hàng đệ tử Phật chúng ta chẳng mở kỹ viện, nhưng mở Karaoke sợ là vẫn có, chỉ tùy thuộc quý vị làm như thế nào! Quý vị làm nghề đồ tể, chuyên môn sát hại chúng sanh, đó gọi là tà nghiệp. Tà ngữ còn quá hơn nữa, nói những lời không chánh xác, nói những lời trái nghịch lương tâm của chính mình. Vì sao? Vì một chút lợi nhỏ nhoi trước mắt, chính mình cũng biết là không đúng, cũng biết là chẳng thể nói như vậy, nhưng để bảo vệ lợi ích của chính mình mà phải cố động, ắt phải làm như thế. Chuyện như vậy rất nhiều, chỉ sợ ai nầy đều đã từng nói những lời lẽ như vậy!

Tà ý càng khôn khổ hơn nữa! Tà ý nằm ngay trong tâm chúng ta. Đối với ý niệm chẳng chánh đáng sanh khởi, quý vị phải luôn quán chiếu, đừng để mất chánh niệm. Cuối cùng, phải xa lìa hết thấy tà nghiệp, tà ngữ, tà kiến. Vì quý vị có thể lựa chọn nghề nghiệp, nói năng thì quý vị có thể làm chủ, có thể uốn nắn tư tưởng được. Bản thân quý vị thực hiện tốt đẹp, quy y Tam Bảo, sẽ chẳng cần phải Đông tìm phương tiện, Tây kiếm phương tiện chi nữa! Có người sở dĩ học Khí Công là để giữ cho thân thể khỏe mạnh. Thế nhưng, bất luận gìn giữ như thế nào, cũng chẳng thể gìn giữ được, vì đây chẳng phải là chánh nghiệp. Tôi thấy những người bị xe đụng chết, hoặc do máy bay xảy ra tai nạn,

chẳng thấy thân thể họ [trước khi tai nạn xảy ra] không tốt đẹp. Quý vị chẳng thể làm chủ chuyện này được. Quý vị phải chánh tín Tam Bảo. Nếu muốn vận động thì lạy nhiều hơn cũng được. Lạy theo kiểu bình thường không được, thì lạy rạp cả người xuống đất. Lạy chưa tới hai ba chục lễ, cả người đầm mồ hôi. Đây cũng là vận động, đây cũng là chánh nghiệp.

Tuy vậy, tôi thấy rất nhiều người nghe xong, chẳng cảm thấy thoải mái cho lắm. Họ nghĩ chuyện bảo dưỡng thân thể không phải là chuyện xấu. [Hãy tự vấn] vì sao phải bảo dưỡng thân thể? Thân thể tồn tại là vì ý nghĩa nào? Họ chẳng nghiên cứu, lại ngược ngạo theo đuổi ngũ dục. Suốt ngày từ sáng đến tối vào quán rượu, uống say bết nhè. Mong thân xác bảo dưỡng tốt đẹp, rồi cuộc lại chơi ma túy. Mong thân thể bảo dưỡng tốt đẹp, lại quan hệ nam nữ bừa bãi. Chúng ta bảo dưỡng thân thể này như thế nào, để làm gì? Bảo dưỡng nó để tạo nghiệp! Đó gọi là tà nghiệp.

Tà ngữ là do tư tưởng chẳng chánh xác chủ đạo. Mỗi quan hệ lớn nhất của tà kiến là nó chỉ đạo cái thân và lời ăn tiếng nói của quý vị. Sau khi ăn nói bừa bãi, thường là chuốc họa rất lớn. Chúng tôi thường nói: Trong mỗi niệm, đều duyên niệm Tam Bảo. Tam Bảo là nơi quy y của quý vị. Nếu lìa chỗ quy y ấy, mong quy y nơi khác, sẽ là tà quy. Quy y Tam Bảo, vĩnh viễn đạt được thanh tịnh mãi cho đến khi thành Phật. Quý vị thọ Tam Quy Y mà có thể giữ vững, sẽ chẳng đọa tam đồ, vĩnh viễn thuộc vào nhân đạo. Dầu quý vị tu một đời chẳng thành, cứ từ từ tu, cũng có thể thành đạo. Nếu quý vị vốn tin tưởng đích xác là chánh giáo, cũng đã quy y [Tam Bảo] rồi, nhưng cảm thấy kiểu này chậm quá, nghe kẻ khác nói có một phương pháp ngay lập tức có thần thông, liền bỏ rơi Tam Bảo, trái lìa Tam Bảo. Tình hình này tôi nghe nói rất nhiều, đây cũng là nghiệp của mỗi người!

Tôi vừa mới đến Nữ Ước, có những vị cư sĩ đến quy y với tôi. Sau đó, họ lại quy y Thanh Hải. Sau đấy, lại cảm thấy Thanh Hải cũng chẳng đủ mau, muốn tìm một phương pháp khác nhanh hơn. Cuối cùng, dẫn phát ma chứng. Ma chứng ấy đã hiện ra, chẳng có cách nào cứu chữa! Nếu quý vị muốn cứu vãn, cũng chẳng thể cứu vãn được. Đã phá rồi, rất khó cứu. Đã phá giới, còn có thể sám hối. Nếu là phá kiến, sẽ chẳng phải là một hai đời, mà là vô lượng kiếp. Hễ một ngày nào đó đọa vào tà trí, tà kiến, rất khó vãn hồi được! Giả như người ấy có đại thiện căn, gặp Địa Tạng Bồ Tát. Ngài phóng quang minh chiếu kẻ đó, kẻ đó sẽ buông xả tà kiến, buông xả tà nghiệp, nhưng nhân duyên kiểu ấy có

nhiều hay chẳng? Rất ư là ít! Nay mọi người có vị nào được quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu soi hay chưa? Tôi cho rằng chưa có. Tôi nghĩ mọi người chắc là sẽ đạt được lợi ích, nhưng chuyện này tùy thuộc nhân duyên của mỗi người!

(Kinh) Nhĩ thời, chúng hội kỳ thân huật nhiên, địa giới tăng cường, kiên trọng nan cử. Ký đồ tư thuy, hàm tất kinh nghi: “Hà nhân, hà duyên, nhi hiện thứ tướng?” Ứ chúng hội trung, hữu thiên Đế Thích, danh Vô Cấu Sanh, khứ Bạc Già Phạm bất viễn nhi tọa, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Thế Tôn, hiệp chưởng hướng Phật, dĩ tụng văn viết:

(經)爾時，眾會其身欬然，地界增強，堅重難舉。既睹斯瑞，咸悉驚疑：「何因何緣，而現此相？」於眾會中，有天帝釋，名無垢生，去薄伽梵不遠而坐，即從座起，頂禮世尊，合掌向佛，以頌問曰：

(Kinh: Lúc bấy giờ, đại chúng trong hội bỗng thấy địa đại trong thân họ tăng mạnh, cứng chắc, nặng nề khó cử động. Đã thấy điềm ấy, thấy đều kinh nghi: “Nhân gì, duyên gì mà hiện tướng này?” Trong chúng hội có trời Đế Thích, tên là Vô Cấu Sanh, ngồi cách đức Bạc Già Phạm chẳng xa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, và chắp tay hướng về đức Phật, dùng kệ hỏi rằng:)

Mọi người đều hoài nghi, chẳng biết xảy ra chuyện gì. Trong hội trường Đại Tập, đức Phật đang thuyết pháp, bỗng có những hiện tượng ấy. Đây chẳng phải là hiện tượng bình thường. Trước đó, đã xuất hiện đủ loại thuy tướng. Người tham dự đại hội bỗng cảm thấy nơi thân thể họ, tay chẳng thể động, chẳng nâng tay lên được. “Địa giới tăng cường” tức là nơi thân thể họ, Địa Đại mất đi tác dụng. Bất quá, họ biết đây là tạm thời, chẳng gây trở ngại. Vì sao có hiện tượng ấy xảy ra? Hoài nghi, kinh sợ, chẳng biết nhân duyên gì mà nầy sanh hiện tượng ấy? Mọi người đều nghĩ như thế. Trong số đó, có hàng đại Bồ Tát thưa hỏi đức Phật. Trong đại chúng ở đây, có một vị trời là Đế Thích.

Chúng ta có thể nói Thiên Đế Thích là Ngọc Hoàng Đại Đế, tức chúa trời Đạo Lợi, có tên là Vô Cấu Sanh. Đây là bậc đại Bồ Tát thị hiện. Phàm là Đế Thích Thiên cũng vậy, mà Phạm Thiên cũng thế, ở

trong pháp hội ấy, hướng về đức Phật thưa hỏi đạo lý hết sức sâu xa, đều là bậc Bồ Tát hóa hiện. Bồ Tát hóa hiện thì mới có trí huệ ấy. Cũng vì ông ta ngồi cách đức Thế Tôn chẳng xa, khi đứng lên hỏi, sẽ rất thuận tiện. Ông ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng về đức Phật đánh lễ. Để thỉnh pháp, trước hết, phải tuân theo nghi thức. Chúng ta đều là phàm phu, mọi người thỉnh pháp, hoặc hỏi vấn đề gì, trọn chẳng theo quy củ ấy. Mọi người cất tiếng hỏi là được rồi, thầy yêu cầu như thế, đạo hữu cũng làm như thế. Thuở đức Phật tại thế, trong một đại pháp hội, chẳng phải là tùy tiện hỏi như vậy. Quý vị muốn thỉnh pháp; trước hết, ắt cần phải rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ đức Phật trước đã. Đánh lễ Thế Tôn xong, trong kinh thường nói là “*hồ quỳ, hiệp chưởng*”, tức là quỳ một chân xuống. Nay chúng ta quỳ cả hai chân. Hồ quỳ, chấp tay, hướng về đức Phật, trước khi thưa hỏi, phải tán thán đức Phật. Kế đó, ông ta dùng kệ tán thán đức Phật.

(Kinh) “Cụ để ngữ, để kiến, để thiện trụ Mâu Ni, phổ vị chúng hoằng tuyên, để cứu cánh kiên pháp, linh chư hữu tình loại, diệt khổ cập khổ nhân. Hà duyên ư thử trung, hiện chư vân vũ đẳng. Linh cử chúng hoan duyệt, hàm sanh tịnh tín tâm, giai phát thú Đại Thừa, độ nghi, sanh thật kiến? Thiên nhân đại chúng thân, địa giới tăng kiên trọng, bất năng tự thắng cử, thử tướng hữu hà duyên? Lưỡng thủ giai châu hiện, vũ chúng bảo, phóng quang, chiếu thập phương trừ tội, tức khổ, hoạch an lạc. Đạo sư! Phục hà nhân, linh cử chúng giai kiến, chủng chủng hương man đẳng, các các tự nghiêm thân? Thiên nhân phổ do dự, bất trắc hà nhân duyên, hữu thù tương dục lai, hiện thử thần thông lực? Vị thị Phật, Bồ Tát? Vị Phạm, ma, Thích, thiên? Duy nguyện đại đạo sư, tốc vị chúng tuyên thuyết”.

(經) 「具諦語諦見，諦善住牟尼，普為眾弘宣，諦究竟堅法，令諸有情類，滅苦及苦因。何緣於此中，現諸雲雨等。令舉眾歡悅，咸生淨信心，皆發趣大乘，度疑生實見？天人大眾身，地界增堅重，不能自勝舉，此相有何緣？兩手皆珠現，雨眾寶放光，照十方除罪，息苦獲安樂。導師！復何因，令舉眾皆見，種種香鬘等，各各自嚴身？

天人普猶豫，不測何因緣，有誰將欲來，現此神通力？為是佛菩薩？為梵魔釋天？唯願大導師，速為眾宣說」。

(Kinh: “Đáng lời thật, thấy thật. Đáng Mâu Ni khéo trụ, khắp vì chúng hoằng tuyên, pháp rốt ráo chắc thật, khiến các loài hữu tình, diệt khổ và nhân khổ. Duyên gì ở nơi đây, hiện các thứ mây, mưa, khiến đại chúng vui sướng, đều sanh tâm tịnh tín, đều tiến hướng Đại Thừa, thoát nghi, sanh chân kiến? Thân đại chúng trời, người, địa đại thêm cứng, nặng, chẳng thể tự cử động. Tướng ấy do duyên gì? Hai tay đều hiện châu, tuôn các báu, phóng quang, chiếu mười phương trừ tội, dứt khổ, được an lạc. Đạo sư! Do nhân gì, khiến mọi người đều thấy, các thứ như tràng hương, tự trang nghiêm thân mình? Trời, người đều do dự, chẳng lường nhân duyên gì, là ai sẽ sắp đến, hiện sức thần thông này? Đó là Phật, Bồ Tát? Hay Phạm, ma, Thích, thiên? Kính mong đại sư, mau vì đại chúng nói”).

Lời đức Phật nói, những vấn đề đức Phật thấy đều là chân thật. “Đế” (諦) có nghĩa là chân thật. “Đế” là lời nói đúng thật. Khi đức Phật thuyết pháp, thường bảo: “Đế thính! Đế thính!” (Hãy lắng nghe chắc thật), tức là “hãy nghe đúng như thật”, cũng có nghĩa là “*hãy quán chiếu cái tâm của quý vị*”, hãy dùng cái tâm của quý vị để nghe, đừng dùng tai để nghe. Khi nói năng, phải nói tương xứng với cái tâm, phải nói lời chân thật; đây là Thật Tướng. Đức Phật toàn nói tương chân thật. Đức Phật thuyết pháp, cũng sanh hoạt, cũng ôm bát khát thực, nhưng Ngài chẳng rời Định. Như Lai thường ở trong Định, hết thấy động tác đều chẳng rời Định. Địa Tạng Bồ Tát cũng giống như thế, hết thấy mọi lúc đều chẳng rời Định, đều là hoạt động trong Định. Định có thể sanh ra huệ. Phương tiện ở trong huệ, hết thấy những gì đã làm đều là phương tiện thiện xảo.

Thật ra, cơ sở thực tại của phương tiện thiện xảo được sanh từ trí huệ căn bản, mà trí huệ căn bản sanh từ Thật Tướng Lý Thể. Ngày nào đó, quý vị chứng đắc trọn vẹn, thấy Thật Tướng, những lời quý vị nói ra sẽ đều là những lời lẽ thực tại, tri kiến cũng đều là tri kiến chân chánh, chẳng hư dối. Quý vị trụ trong cảnh giới tương xứng với lẽ Chân, thường ở trong Định.

“Mâu Ni” (Muni) còn dịch là Tịch Mặc. Chữ Mâu Ni trong Thích Ca Mâu Ni Phật được dịch thành Tịch Mặc (寂默), Tịch Mặc chính là

Tĩnh. Cũng có thể nói Tịch Tĩnh là Niết Bàn, hoặc cũng có thể nói là Niết Bàn Tịch Tĩnh, chính là một loại trong ba loại pháp ấn. Khéo trụ trong Tịch Tĩnh, trụ ở nơi đâu? Trong Thật Tế lý địa, trụ trong Thật Tướng Lý Thể, trụ trong nghĩa Trung Đạo, trụ trong Đệ Nhất Nghĩa. Tịch Tĩnh có ý nghĩa như thế đó.

Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích tán thán đức Phật: “Bạch Phật! Ngài trọn đủ hết thảy lời lẽ chân thật. Ngài là đáng tri kiến chân thật, thường ở trong Định”. *“Phổ vị chúng hoằng tuyên”* (Vì khắp đại chúng mà tuyên dương rộng lớn): Mong Ngài sẽ dùng phương tiện thiện xảo, tức là phương tiện huệ sanh khởi từ trí huệ căn bản để thị hiện thiện xảo giáo hóa chúng con là những kẻ vô tri. Thỉnh pháp cũng chẳng phải dễ! Phàm là thỉnh pháp, ngoài tán thán ra, còn là mong cầu những nghĩa lý được hiển lộ. Khi thỉnh vấn những nghĩa lý ấy, người hỏi cũng phải dùng đủ mọi phương tiện thiện xảo để nêu ra câu hỏi. Nêu ra câu hỏi chẳng dễ dàng đâu nhé! Phải xin khai thị, và cũng phải học tập. Như trong hiện tại, giữa các đạo hữu tán gẫu chuyện đời thường với nhau, [phải hỏi thăm] con cái như thế nào, thân thể như thế nào, hiện tượng xã hội như thế nào. Trong pháp hội thuở ấy, rất ít hỏi những vấn đề ấy, nhưng cũng chẳng ngoài những vấn đề ấy; bất quá, ngôn ngữ thiện xảo bất đồng. Đức Phật dạy chúng ta những pháp thiện xảo rất ráo, kiên cố bất hoại, kim cang tánh. Đức Phật là bậc *“cụ đế ngữ, đế kiến, đế thiện trụ Mâu Ni, phổ vị chúng hoằng tuyên, đế cứu cánh kiên pháp”* (là bậc nói chân thật, thấy chân thật, là bậc khéo trụ trong Tịch Tĩnh, vì khắp các chúng sanh tuyên thuyết rộng rãi các pháp rất ráo kiên cố chân thật), chuyên vì chúng sanh nói pháp kim cang, nói pháp bất động, khiến cho chúng sanh được nhập chân thật. Đây là sự thỉnh cầu.

Do vậy, con mong cầu Phật *“linh chư hữu tình loại, diệt khổ cập khổ nhân, hà duyên u thử trung, hiện chư vân vũ đẳng”* (khiến cho các loài hữu tình diệt khổ quả và khổ nhân. Vì sao trong hội này, hiện ra các thứ mây tuôn mưa). Trong pháp hội hiện thời, xuất hiện những hiện tượng lạ lùng, đặc biệt nhất, hiện ra những đám mây tuôn mưa như vậy, tuôn xuống những thứ báu nhiệm màu, trên tay mỗi người đều có một viên Như Ý Bảo Châu, khiến cho hết thảy chúng sanh không chỉ là diệt quả khổ, mà ngay cả khổ nhân cũng đều chẳng có. Có nhân thì mới có quả. Chỉ diệt khổ quả, chẳng diệt khổ nhân, hoặc chúng ta tu đạo chỉ cầu chuyển biến khổ quả, chẳng cầu chuyển biến khổ nhân. Nay chúng ta chẳng thoải mái, bệnh đã lành rồi, phải suy xét bệnh đã lành vẫn có thể bị lại. Do vậy, phải trừ bỏ cái nhân [gây bệnh] ấy. Vì sao quý vị mắc

bệnh? Đó là khổ nhân. Vì sao chúng ta bị khổ? Vì sao người khác chẳng bị khổ? Ta chịu khổ, [cảm thấy] thế giới này rất bất bình đẳng! Kẻ khác có tiền, ta chẳng có tiền. Vì sao? Kẻ nào chẳng tìm nhân, chỉ cầu bình đẳng nơi quả, sẽ chẳng thể bình đẳng được! Chẳng có cách nào bình đẳng! Bình đẳng thì phải bình đẳng nơi cái nhân, phải hiểu đạo lý này!

Câu hỏi ở đây là do nhân duyên gì mà trong pháp hội này, hiện ra nhiều tướng đặc biệt, lạ lùng như vậy? Sau khi thị hiện những đám mây ấy, lại thị hiện tuôn ra những vật trang hoàng quý báu, màu nhiệm, tuôn xuống những vật dụng cần thiết cho cuộc sống, cho đến hiện ra Như Ý Bảo Châu. Vì sao? Vì những cảnh giới ấy khiến cho đại chúng hết sức hoan hỷ, sung sướng, mọi người đều hoan hỷ, hoan hỷ khôn ngần, sanh khởi tín tâm thanh tịnh. Nói đến chữ Tịnh, đó là nói tới tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ, Tà Kiến, [cũng như Thập Ác], tức tham, sân, si, vọng ngữ, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, giết, trộm, dâm đều chẳng có, mà là sanh khởi tâm thanh tịnh. Do tín tâm mà sanh khởi niềm tin thanh tịnh, cảm nhận rất thù thắng.

Mọi người đều biết Đại Thừa; nói đến Đại Thừa thì nói thông tục hơn sẽ là “*thành Phật*”. Một khi đã phát tâm hướng tới thành Phật; đây là Đại Thừa. Biết cảnh giới ấy là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là bình phàm. Chướng ngại lớn nhất của chúng ta là không có tín tâm. Vì sao chẳng có tín tâm? Do nghi hoặc quá nặng: “*Thật vậy ư? Có thể thành Phật ư?*” Quá nhiều dấu hỏi, chẳng biết đã đánh bao nhiêu dấu hỏi? Toàn là nghi! Kẻ nghi chẳng phải là hoàn toàn không tin, mà là nửa tin nửa ngờ. Hoàn toàn không tin thì ngay cả nghi cũng chẳng có; căn bản là họ không tin! Nghi là có chứa đựng một chút tin tưởng, có nghi là tốt rồi! Ý nghĩa bao hàm trong nghi là như thế đó. Cái tâm hoài nghi ấy vẫn là cái tâm chẳng liễu giải, chưa thể thành tựu, chưa có kiến giải thật sự. Khiến cho những người như thế sanh khởi thật kiến (kiến giải chân thật), [đó là ý nghĩa của câu] “*độ nghi, sanh thật kiến*”. “*Thật kiến*” tức là kiến địa chân thật. Người minh tâm kiến tánh như vậy sẽ sanh khởi kiến giải đều là thật kiến, những kiến giải khởi lên từ tâm người ấy đều là thật kiến.

Còn có một loại tình huống: Đột nhiên trong lúc ấy, bất luận là trời hay người, tất cả đại chúng tham dự pháp hội, vì sao “*địa giới tăng kiên trọng*” (địa giới tăng thêm cứng cõi, nặng nề)? “*Địa giới*” chính là thân thể, Địa Đại cứng, nặng. “*Bất năng tự thắng cử*” nghĩa là chính mình muốn giơ tay lên, muốn động đậy, đều chẳng thể động được. Tôi nhớ hồi trước xem tiểu thuyết, có nói một thứ là “*định thân pháp*”. Đã bị định thân thì một ngón tay cũng chẳng thể cử động được. Ở đây là nói

do sức oai đức của Địa Tạng Bồ Tát, thân thể [của đại chúng trong pháp hội] sẽ cảm thấy chẳng thể cử động được. Đây là do duyên gì? Vì sao có hiện tượng ấy?

Còn có một hiện tượng đặc biệt lạ lùng, “*lưỡng thủ giai châu hiện*” (hai tay đều có bảo châu hiện ra). Bài kệ này nhằm trùng tụng những điều đã nói trước đó, Thiên Đế muốn nhắc lại lần nữa. Những điều trước đó chưa nói cặn kẽ, sẽ được nhắc lại trong bài kệ tụng này. “*Lưỡng thủ giai châu hiện*”: Quý vị thấy tay Địa Tạng Bồ Tát cầm Như Ý Bảo Châu. Như Ý Bảo Châu là “cầu gì hiện đó”. Quán Thế Âm cầm bình tịnh thủy, cái bình ấy không chỉ là chứa nước, mà là thứ gì cũng đều có. Chỉ cần quý vị cầu gì, bèn hiện ra thứ ấy. Không chỉ là hiện châu, mà châu ấy còn tuôn ra chất báu, tuôn đủ loại báu. Lại còn từ các thứ báu đã xuất hiện ấy, mỗi thứ báu đều phóng quang, chiếu thấu các cõi Phật trong mười phương. Bất quá, hoàn toàn chẳng phải là toàn bộ đều chiếu. Tức là trên tay có châu, châu hiện ra các thứ báu, có thể tuôn ra các thứ báu.

Sau đó, lại hiện ra các thứ quang minh. Các thứ quang minh ấy chiếu đến chỗ nào, chỗ ấy đều được cát tường, vui sướng. Trong phần trước, [kinh văn đã nói] các loại bệnh tật hẳn được quang minh chiếu tới, đều khỏi hẳn. Vậy thì, nếu là người tu đạo, gặp được quang minh ấy, cũng sẽ thành đạo, hết thảy khổ luân cũng đều “*tức diệt*” (ngưng dứt, diệt trừ), “*tức*” (息) là ngưng nghỉ. Hết thảy các khổ đều ngưng dứt, đều được an lạc.

“*Thế Tôn*”: Đức đạo sư được gọi là Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Đây là do nguyên nhân nào? Vì sao có thể khiến cho đại chúng đều trông thấy, [đó là ý nghĩa của câu] “*linh cử chúng giai kiến*”. Chúng con đều thấy, mỗi người đều tận mắt trông thấy. Vì sao quang minh vừa diệt dứt thì [khổ đau] gì cũng chẳng trông thấy? Vì sao có quang minh ấy, đây là vì nguyên nhân nào? Điều gì đã khiến cho đại chúng có thể trông thấy, do cái nhân nào vậy? Cho đến hiện ra các thứ hương, hoa, các vật trang hoàng, tràng hoa, khiến cho thân thể mỗi người đều trở thành rất trang nghiêm, rất đầy đủ, trong quá khứ chẳng hề có chuyện này! Đối với các thứ hiện tượng ấy, mọi người đều rất hoài nghi, “*thiên nhân phổ do dự*” (trời người đều do dự). “*Do dự*” là hoài nghi, chẳng biết là chuyện gì? Do chẳng thể suy lường nhân duyên vì sao có những hiện tượng như thế, chẳng lẽ là do có vị Phật hay Bồ Tát nào đến? Là do các vị ấy hiện sức thần thông ư? Hoặc là do Phạm Thiên, hoặc là ma vương, hoặc là Đế

Thích Thiên [có thể lực] đặc biệt to lớn. Chuyện ấy vẫn là một dấu hỏi! Ai có phước đức lớn dường ấy để có thể hiện các sức thần thông khiến cho đại chúng có các cảm nhận như vậy?

“*Duy nguyện đại đạo sư, tốc vị chúng tuyên thuyết*” (Kính mong đại đạo sư, mau vì chúng tuyên nói): Đức Phật là vị đại đạo sư tiếp dẫn chúng con, hãy mau nói cho đại chúng biết. Trong tâm đại chúng chẳng buông nghi vấn xuống được, còn có điều do dự, hoài nghi. Vì thế, thưa hỏi. Để Thích vừa hỏi, đức Phật liền trả lời.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Vô Cầu Sanh Thiên Đế Thích viết: “Nhữ đẳng đương tri, hữu Bồ Tát Ma Ha Tát, danh viết Địa Tạng, dĩ vô lượng vô số đại kiếp, ngũ trược ác thời, vô Phật thế giới thành thực hữu tình, kim dữ bát thập bách thiên na-dữu-đa tần-bạt-la Bồ Tát câu, vị dục lai thủ, lễ kính, thân cận, cúng dường ngã cố, quán Đại Tập hội sanh tùy hỷ cố, tịnh chư quyền thuộc, tác Thanh Văn tượng, tương lai chí thủ, dĩ thần thông lực hiện thị biến hóa”.

(經)爾時，世尊告無垢生天帝釋曰：「汝等當知，有菩薩摩訶薩，名曰地藏，已於無量無數大劫，五濁惡時，無佛世界成熟有情，今與八十百千那庾多頻跋羅菩薩俱，為欲來此，禮敬親近，供養我故，觀大集會生隨喜故，並諸眷屬，作聲聞像，將來至此，以神通力現是變化」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Vô Cầu Sanh Thiên Đế Thích rằng: “Các ông nên biết, có Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Địa Tạng, đã trong vô lượng vô số đại kiếp, nhằm thời ác ngũ trược, ở trong thế giới không có Phật để thành thực hữu tình, cùng với tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tần-bạt-la Bồ Tát câu hội, vì muốn đến đây để lễ kính, thân cận, cúng dường ta, do thấy hội Đại Tập sanh tùy hỷ, bèn cùng các quyền thuộc, dùng hình tượng Thanh Văn sẽ đến nơi đây, dùng sức thần thông hiện ra các sự biến hóa ấy”).

Vì Vô Cầu Sanh Thiên Đế Thích thưa hỏi như vậy, đức Phật liền giải thích cho ông ta. Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí, hết thấy các sự vật

không có gì Ngài chẳng hiểu. Đức Phật biết Địa Tạng Bồ Tát sắp tới, bèn bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích: “*Ông hãy nên biết, hiện thời có một vị đại Bồ Tát tên là Địa Tạng*”. “*U vô lượng vô số đại kiếp*” (Trong vô lượng vô số đại kiếp) là nói đến quá trình tu hành của Ngài, hóa độ, hướng dẫn chúng sanh trải qua một thời gian rất dài. Do vậy, dùng “*vô lượng vô số*” để hình dung. “*Kiếp*” là tiếng Ấn Độ, [nói đầy đủ là] Kiếp Bá (Kalpa), dịch là Thời Phần. [Kiếp là] Thời Phần dài nhất. Hễ nói tới Kiếp bèn hình dung một thời gian rất dài, nói thời gian ngắn thì gọi là “*sát-na*”. Sát-na (kṣaṇa) trong tiếng Ấn Độ là thời gian ngắn nhất, Kiếp là thời gian dài nhất, nhưng ở đây là “*đại kiếp*”. Kiếp có đại, trung, tiểu kiếp. Vị đại Bồ Tát này nguyện lực hết sức to lớn. Ngài chuyên ở trong đời ác Ngũ Trược hóa độ chúng sanh.

Ngũ Trược (Pañca-kasāyāh) là thời đại này. Chúng ta thường nói tới thời Mạt Pháp, tức là trong thời đại này rất tệ, đục ngầu, dơ bẩn, chẳng trong trẻo. Trong thời đại đục ngầu, dơ bẩn, chẳng trong trẻo, muốn bảo vệ môi trường, sẽ chẳng thể được. Chúng ta thật sự chẳng thể bảo vệ. Sanh mạng của chúng ta có thể chấm dứt bất cứ lúc nào, chẳng như Bắc La Châu (Bắc Cầu Lô Châu), [thọ mạng ở nơi đó là] tám vạn bốn ngàn tuổi, chẳng đục ngầu, như bẩn, rất rõ ràng. Vì chúng ta người già cũng chết, mà kẻ trẻ tuổi cũng chết, chỉ là chẳng biết lúc nào thôi! Sanh tử chẳng nhất định, như đục, chẳng trong lành. Mỗi người có quan điểm đối với các vấn đề khác nhau. Con người có quá nhiều cách nhìn, ngay cả đối với chính mình cũng có quá nhiều tri kiến. Đó là Kiến Trược (Drsti-kasāya). Do nhìn nhận vấn đề chẳng nhất trí, cho nên có Phiền Não Trược (Kleśa-kasāya). Đối với Phiền Não Trược, tôi nghĩ mỗi người đều có thể tự biết phiền não của chính mình, chẳng cần phải nói nữa! Thế giới này có năm, sáu mươi ức người, phiền não và tri kiến của mỗi người đều rất vẩn đục, đó là Chúng Sanh Trược (Sattva-kasāya). Nói chung, thời đại này chẳng tốt đẹp.

Trong thời đại này, đối với “*vô Phật thế giới*” (thế giới không có Phật), nguyện của Địa Tạng Bồ Tát là ở trong đời ác Ngũ Trược độ chúng sanh. Nơi nào chẳng có Phật, nơi nào tam đồ khổ nạn đặc biệt nặng nề, Ngài sẽ đến đó để độ các chúng sanh ấy. “*Thành thực hữu tình*” chính là nguyện của Ngài. “*Na-dữu-đa-tần-bạt-la*” (Nayuta Vimvara) là những con số lớn, là mười triệu; có bao nhiêu mười triệu? Tám mươi trăm ngàn lần mười triệu. Đó là nói tới các quyến thuộc theo Địa Tạng Bồ Tát cùng đến. Đối với số lượng nhiều đến tám mươi trăm ngàn tần-bạt-la, thế giới này của chúng ta cũng chẳng thể chứa nổi nhiều

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

người ngàn ấy. Đó là ý cảnh, chớ nên tìm cầu nơi con số. Chúng ta chỉ hiểu ý [là được rồi].

Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích: Địa Tạng Bồ Tát muốn đến nơi đây để thân cận, cúng dường ta. Đồng thời, Bồ Tát thấy hội Đại Tập này của ta, rất vui thích, Ngài sẽ đến tùy hỷ, tán thán, tham dự pháp hội này. Nhưng Ngài hiện hình tướng Thanh Văn. Hình tướng Thanh Văn là cạo tóc, đắp y nhiệm sắc. Phạm là Địa Tạng Bồ Tát thì đều là cạo tóc, hiện hình tướng Thanh Văn, nhưng có lúc chúng ta thấy tượng Ngài ngồi đội mao Ngũ Phật, tức là [trên mao có hình] Ngũ Phương Phật⁵. Đó là [hình tướng] dùng trong [trai đàn] Diệm Khẩu. Trừ pháp hội Diệm Khẩu ra, nếu làm pháp sự, khi cầu đảo cho chúng sanh, phải đội mao Ngũ Phật. Bất quá, những lúc như vậy rất ít, thường là Ngài để đầu trần, chúng ta thờ tượng Địa Tạng Bồ Tát đều là hình tượng Thanh Văn. Ngài muốn đến pháp hội này, bèn hiện ra sự biến hóa ấy.

⁵ Ngũ Phương Phật còn gọi là Ngũ Phương Như Lai, hoặc Ngũ Trí Như Lai, hoặc Ngũ Thiên Na Phật, chính là năm vị Phật ở bốn phương và trung ương. Đây là cụ thể hóa Chân Trí lưu xuất các trí riêng biệt, hoặc từ tám thức đã chuyển biến thành năm trí:

1. Trung ương là Tỳ Lô Giá Na Phật (một hóa thân của Ngài là Quảng Bác Thân Như Lai), là cụ thể hóa của Pháp Giới Thể Tánh Trí, màu trắng, pháp bảo là bánh xe, kết ấn Chuyển Pháp Luân, đối trị vô minh, chủng tự (seed syllable) là Vam, lưu xuất Phật Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Phổ Hiền Bồ Tát, lưu xuất Bất Động Minh Vương.
2. Đông phương A Súc Phật (hóa thân là Diệu Sắc Thân Như Lai), cụ thể hóa của Đại Viên Kính Trí, màu xanh dương thẫm, pháp bảo là chày kim cang đơn, kết Xúc Địa ấn, đối trị đồ kỹ, chủng tự là Hum, lưu xuất Kim Cang Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Kim Cang Thủ Bồ Tát, lưu xuất Hàng Tam Thế Minh Vương.
3. Tây phương A Di Đà Phật (hóa thân là Cam Lộ Vương Như Lai), cụ thể hóa của Diệu Quán Sát Trí, màu đỏ, pháp bảo là hoa sen, kết Thiên Định ấn, đối trị ích kỹ, chủng tự là Hrih, lưu xuất Liên Hoa Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Quán Thế Âm Bồ Tát, lưu xuất Quân Trà Lợi Minh Vương.
4. Nam phương Bảo Sanh Phật (hóa thân là Bảo Thắng Như Lai), cụ thể hóa của Bình Đẳng Tánh Trí, màu vàng, pháp bảo là Như Ý Bảo Châu, kết Thí Xả ấn, đối trị kiêu ngạo, chủng tự là Tram, lưu xuất Bảo Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Bảo Thủ Bồ Tát (tức Địa Tạng Bồ Tát), lưu xuất Diễm Man Đắc Ca (Yamantaka) Minh Vương.
5. Bắc phương Bất Không Thành Tựu Phật (hóa thân là Ly Bồ Úy Như Lai), cụ thể hóa của Thành Sở Tác Trí, màu xanh, pháp bảo là chày kim cang kép, kết Thí Vô Úy Ấn, đối trị sân hận, chủng tự là Ah, lưu xuất Yết Ma Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Vĩsvapāni Bồ Tát (Phổ Thủ Bồ Tát), lưu xuất Kim Cang Dược Xoa Minh Vương.

(Kinh) Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hữu vô lượng vô số bất khả tư nghị thù thắng công đức chi sở trang nghiêm, nhất thiết thế gian Thanh Văn, Độc Giác sở bất năng trắc. Thử đại Bồ Tát thị chư vi diệu công đức phục tạng, thị chư giải thoát trân bảo xuất xứ, thị chư Bồ Tát minh tịnh nhân mục.

(經)是地藏菩薩摩訶薩，有無量無數不可思議殊勝功德之所莊嚴，一切世間聲聞、獨覺所不能測。此大菩薩是諸微妙功德伏藏，是諸解脫珍寶出處，是諸菩薩明淨眼目

(Kinh: Vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát này có vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn công đức thù thắng để trang nghiêm, hết thảy thế gian, Thanh Văn, Độc Giác chẳng thể lường được. Vị đại Bồ Tát này là kho tàng của các công đức vi diệu, là chỗ sanh ra các thứ trân quý giải thoát, là mắt sáng sạch của các vị Bồ Tát).

Nhưng vị Địa Tạng Bồ Tát Đại Bồ Tát này có vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Tuy Ngài thị hiện hình tướng Thanh Văn, nhưng Ngài thù thắng trang nghiêm vượt xa hết thảy các vị đại Bồ Tát, hơn hẳn các vị Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm. Trong phẩm thứ mười một của kinh Địa Tạng, Kiên Lao địa thần đã khen ngợi Địa Tạng Bồ Tát như sau: “Con ở trong thế giới này, gặp rất nhiều vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc, công đức và nguyện lực của những vị ấy đã là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng Địa Tạng Bồ Tát vượt xa các vị ấy”. So sánh các vị Bồ Tát với nhau, cũng như giữa các vị Phật với nhau, vốn chỉ nhằm hiển thị công đức của Địa Tạng Bồ Tát, cho nên đến phần sau kinh Thập Luân cũng nêu rõ, kinh Địa Tạng cũng nêu rõ. Như Ngài phát nguyện chuyên cứu độ chúng sanh trong đời ác ngũ trược, độ chúng sanh nơi địa ngục trong thế gian không có Phật, chẳng dễ hóa độ! Vì vậy, hết thảy chư Phật đều tán thán.

Có một câu chuyện: Tôn giả Ca Diếp muốn nghe thử rốt cuộc âm thanh của đức Phật lan xa tới cỡ nào, bèn dùng sức thần thông của Ngài [để đi thật xa]. Kết quả là Ngài chẳng biết đã đến nơi đâu, thế mà âm thanh của đức Phật vẫn ở bên tai. Ngài tới quốc độ nào vậy? Ngài tới pháp hội của người ta, đúng vào lúc đang thọ trai. Ngài ở trên miệng bát của một vị Tăng, đi trên một cái bát dùng để ăn cơm. Vị Tăng đang dùng

com ấy tưởng Ngài chỉ là một con trùng nhỏ. Đức Phật [nơi ấy] bảo vị Tăng ấy: “Ông đừng có động! Đây là đại đệ tử của một vị Phật ở phương Đông”. Nói xong, vị tăng nhận ấy cũng chẳng dám cử động. Đức Phật ấy liền hướng về tôn giả Ca Diếp bảo: “Ông có thể niệm Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Hễ niệm Bản Sư, vóc dáng của ông sẽ bằng vị đệ tử này”. Vừa niệm Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, thân lượng của Ngài bèn là vô lượng vô biên.

Tôi nêu ra câu chuyện này là vì muốn chứng minh điều gì? Phật Phật đạo đồng. Vì độ một loại chúng sanh ấy, Ngài chỉ có thể thị hiện tương tự như họ. Do vậy, đến địa ngục, Địa Tạng Bồ Tát liền hiện thành một vị xuất gia, tức là một vị hòa thượng rất khổ não. Đôi khi quý vị thấy tượng Địa Tạng, bất luận là trong mộng cũng thế, hay là cảnh giới được thấy cũng thế, Ngài giống như một vị hòa thượng bình phàm. Nếu thấy rất nhiều quang minh thù thắng, tức là nghiệp lực của quý vị đã biến hóa, sẽ trông thấy Địa Tạng Bồ Tát cũng biến hóa. Chư Phật, Bồ Tát tùy tâm của quý vị mà biến hiện.

Chẳng hạn như quý vị đến triều bái Ngũ Đài Sơn, mỗi người thấy Văn Thù Bồ Tát khác nhau, tức là tùy theo cái tâm của quý vị mà hiện. Hết thấy các vị đại Bồ Tát đều là như thế. Do kinh Địa Tạng hay kinh Thập Luân đều nhằm hiển thị công đức của Địa Tạng Bồ Tát, công đức của Địa Tạng Bồ Tát sẽ được nói đặc biệt thù thắng. Nếu là một bộ kinh khác, chẳng hạn như kinh nói về Văn Thù Bồ Tát thì sẽ lại khác hẳn: Văn Thù Bồ Tát đặc biệt thù thắng. Văn Thù Bồ Tát đã sớm thành Phật, là thầy của bảy vị Phật, là mẹ của chư Phật, tức Bát Nhã là mẹ của chư Phật. Đây là hiển thị cho chúng sanh thấy. Còn có những bộ kinh, trong ấy đức Phật tán thán vị Bồ Tát này; qua kinh khác, đức Phật đột nhiên hiển thị vị Bồ Tát khác, tán thán công đức của vị ấy. Phải hiểu đạo lý này, đừng sanh khởi cái tâm phân biệt! Nếu nói “*công đức của Địa Tạng Bồ Tát to lớn, công đức của Quán Âm Bồ Tát nhỏ bé*”, đã phạm sai lầm mất rồi! Nhưng trong kinh, sở dĩ đức Phật nói như vậy nhằm khiến cho đại chúng nhận biết, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, trong tâm sanh khởi cảm giác thù thắng. Hàm nghĩa là như thế đó!

Đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát có vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn để trang nghiêm. Hết thấy thế gian, Thanh Văn, Độc Giác đều chẳng thể lường được. Nếu muốn suy lường công đức của Ngài, chẳng thể suy lường nổi! Mọi người có còn nhớ trong phẩm thứ nhất của kinh Địa Tạng: Đối trước chư Phật, Bồ Tát cho đến trời, người tới tham dự pháp hội, đức Phật hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

rằng: “Ông có tính được số lượng người tham dự pháp hội là bao nhiêu hay không?” Văn Thù Bồ Tát thưa cùng đức Phật: “Dùng sức trí huệ của con để suy lường trong một ngàn kiếp, vẫn chẳng thể biết trọn hết con số ấy”.

Đức Phật bảo: “*Ta dùng Phật nhãn để xem trong một ngàn kiếp mà vẫn chưa trọn hết số ấy*”. Dùng Phật nhãn để xem mà vẫn chưa thể trọn hết số lượng. Phật nhãn chiếu hết thấy mà vẫn còn chưa thể cùng tận con số đó. Đây là đề cao công đức của Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho chúng sanh sanh khởi cái tâm thù thắng. Học pháp, học Phật, quý vị cũng phải vận dụng trí huệ của chính mình. Nếu hiểu được nghĩa lý của Phật thì sẽ thành tựu.

Trong kinh này cũng vậy. Đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát nói: Hết thấy Thanh Văn và Duyên Giác chẳng thể suy lường, chẳng thể suy tính ngần mé công đức của Bồ Tát. Vị đại Bồ Tát này là kho tàng của hết thấy công đức vi diệu, chứa đựng vô lượng công đức. Lại là chỗ sanh ra hết thấy của báu giải thoát. Vì thế, từ Như Ý Bảo Châu trong tay mỗi người, đều có thể tuôn ra vô lượng trân bảo. Vì Địa Tạng Bồ Tát hàm tàng hết thấy trân bảo, Ngài có thể khiến cho mọi người đều đạt được chánh pháp nhãn tàng. Vì thế nói “*thị chư Bồ Tát minh tịnh nhãn mục*” (là mắt sáng trong sạch của các Bồ Tát). Mong đạt được như thế thì quý vị phải tu trong vô lượng kiếp, chỉ sợ tu chẳng thành. Những lời tán thán ấy biểu thị ý nghĩa rất tôn quý, rất thù thắng.

(Kinh) Thị thú Niết Bàn thương nhân đạo thủ. Như Như Ý Châu vũ chúng tài bảo, tùy sở hy cầu, giai linh mãn túc. Thị chư thương nhân sở thái bảo chủ, thị năng sanh trưởng thiện căn lương điền, thị năng thịnh trừ giải thoát lạc khí, thị xuất diệu bảo công đức hiền bình. Chiếu hành thiện giả do như lăng nhật. Chiếu thất đạo giả, do như minh cự. Trừ phiền não nhiệt như nguyệt thanh lương. Như vô túc giả sở đắc xa thặng. Như viễn thiệp giả sở bị tư lương. Như mê phương giả sở phùng thị đạo. Như cuồng loạn giả sở phục diệu được. Như tật bệnh giả sở ngộ lương y. Như luy lão giả sở bằng kỹ trượng. Như bì quyện giả sở chỉ sàng tòa.

(經)是趣涅槃商人導首。如如意珠雨眾財寶，隨所希求，皆令滿足。譬諸商人所採寶渚，是能生長善根良田，是能盛貯解脫樂器，是出妙寶功德賢瓶。照行善者猶如朗

日。照失道者，猶如明炬。除煩惱熱如月清涼。如無足者所得車乘。如遠涉者所備資糧。如迷方者所逢示導。如狂亂者所服妙藥。如疾病者所遇良醫。如羸老者所憑几杖。如疲倦者所止床座。

(Kinh: Là người hướng dẫn cầm đầu các thương nhân đạt đến Niết Bàn. Như châu Như Ý tuôn ra các thứ của báu, tùy lòng mong cầu đều khiến cho trọn đủ. Ví như bến báu cho các thương nhân thu thập [của báu]. Là ruộng tốt có thể sanh trưởng căn lành. Là dụng cụ chứa đựng niềm vui giải thoát. Là hiền bình có thể tuôn ra các thứ báu công đức màu nhiệm. Chiếu người làm lành ví như mặt trời rạng rỡ. Soi kẻ lạc đường ví như đuốc sáng. Trừ nóng phiền não như mặt trăng trong mát. Như kẻ không chân có được xe cộ. Như người đi xa có đủ lương thực, chi dụng. Như người mê mất phương hướng gặp người chỉ dẫn. Như kẻ cuồng loạn được uống thuốc hay. Như người bệnh tật gặp được lương y. Như ghé, gậy cho kẻ già cả lụm cùm nương cậy. Như giường, tòa cho người mệt mỏi nghỉ ngơi).

“Thị thú Niết Bàn thương nhân đạo thủ” (Là người hướng dẫn cho các thương nhân tiến nhập Niết Bàn): Nếu muốn thành Phật, sẽ giống như thương nhân vào biển thu nhặt của báu, quý vị phải mời một người hướng dẫn vào biển đi thu thập của báu. Nếu muốn tiến hướng Niết Bàn, quý vị cũng phải có người hướng dẫn. Ai là người hướng dẫn? Địa Tạng Bồ Tát là người hướng dẫn, dẫn dắt quý vị hướng đến Niết Bàn. Giống như Như Ý Bảo Châu tuôn ra các thứ báu, tùy lòng mong cầu đều được thỏa mãn, Ngài sẽ chẳng phiền chán. Có những đạo hữu lay Địa Tạng Bồ Tát xong, hoặc là niệm kinh xong, trước hết, cầu cho người nhà của chính mình bình an, hoặc cầu thân tâm khỏe mạnh; xong rồi lại cầu phát tài. Còn cầu rất nhiều! Có kẻ hỏi tôi: “ Sư phụ ơi! Con cầu nhiều quá, Địa Tạng Bồ Tát có bực bội hay không?” Tôi đáp: “ Quý vị cầu nhiều cỡ nào? Quý vị cầu một ức, mười ức, trăm ức, ngàn ức, vạn vạn ức, Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng phiền. Quý vị cầu càng nhiều, cho thấy công phu tu hành của quý vị càng tốt, cho nên mới có thể cầu nhiều ngàn ấy. Nếu không, sẽ cầu chẳng được!”

Mọi người niệm kinh Địa Tạng xong rồi phát nguyện, tôi nghĩ quý vị chẳng cầu quá nhiều, vì tâm lượng của quý vị chẳng lớn ngàn ấy, cầu

chẳng được, mà nghĩ cũng chẳng tới. Quý vị có cầu cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật hay chẳng? Cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật, mong vĩnh viễn ở trong pháp giới, có cầu như vậy hay chẳng? Chưa hề cầu! Tâm lượng của quý vị chẳng thể coi là lớn, chỉ nghĩ đến chính mình. Ất cần phải nghĩ đến những người mình gặp gỡ, nghĩ đến đồng bào. Tiến hơn bước nữa là nghĩ tới hơn sáu mươi ức người trên địa cầu. Có nghĩ tới những tinh cầu khác hay chẳng? Có nghĩ đến pháp giới hay chẳng? Có nghĩ mong cho chúng sanh trong Liên Trì Hải Hội đều thành A Di Đà Phật hay chẳng? Mọi người đều rất ít ai phát các nguyện ấy! [Chỉ nghĩ] “tôi vãng sanh là được rồi, có thể đến gia nhập Liên Trì Hải Hội, trở thành một thành viên là khá lắm rồi!” Quý vị có mong đại chúng trong Liên Trì Hải Hội đều biến thành A Di Đà Phật hay chẳng? Nếu chưa từng mong, từ nay trở đi, quý vị phải mong, phải phát nguyện. Không chỉ là chính mình có thể đến Liên Trì Hải Hội, mà Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ cần sanh vào Liên Trì Hải Hội, ai nấy đều là A Di Đà Phật. Thậm chí mong cho thế giới Sa Bà, bất luận kẻ nào chịu khổ nạn lớn đến mấy đi nữa, người trên thế giới này nay đang chung sống với ta, nhất định đều có thể thành Phật, cùng với ta thành Phật.

Phát nguyện lớn hơn một chút thì “sau khi họ đều thành Phật, tôi mới thành Phật”. Trăm ngàn vạn ức sự đều có thể hướng về Địa Tạng Vương Bồ Tát để nói. Quỳ trước Ngài, niệm thánh hiệu Địa Tạng mười câu, niệm xong bèn phát nguyện, đặc biệt vì những nguyện ấy. Đó là tu đạo. Quý vị có nguyện lớn cỡ nào, bèn có sức thần thông to chừng ấy. Do nhờ mượn nguyện lực của chư Phật và Bồ Tát, thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật đều trở thành cái nguyện của quý vị. Nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là “*tận hư không khắp pháp giới, khiến cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật*”, đó chính là đại nguyện Phổ Hiền. Nhất định phải hiểu đạo lý này; Bồ Tát sẽ chẳng phiền chán. Phiền là do chính quý vị tự suy nghĩ lung tung, dấy lên vọng tưởng. Toàn là nghĩ tưởng cảnh giới ngũ dục, vậy là không được rồi! Nếu nghĩ tới thánh cảnh, hoặc tướng cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, sẽ là ruộng tốt có thể sanh trưởng thiện căn. Vì thế nói “*cuộc đất ấy sanh trưởng hết thảy thiện căn*”.

“*Thị năng thịnh trữ giải thoát lạc khí*” (Là dụng cụ chứa đựng niềm vui giải thoát): “*Giải thoát lạc khí*” là gì? Chính là giải thoát. Đừng hiểu chữ “*lạc khí*” (樂器) là “*nhạc khí*” để tấu âm nhạc. Địa Tạng Bồ Tát là cuộc đất chứa đựng hết thảy chúng tử giải thoát, hết thảy đều

có thể giải thoát, là hiền bình⁶ có thể hiện ra hết thảy công đức quý báu, màu nhiệm. Giống như tôi vừa mới nhắc tới chiếc bảo bình của Quán Thế Âm Bồ Tát, xuất hiện hết thảy các món báu màu nhiệm, tiêu tai, miễn nạn. Cần thứ gì, trong bảo bình sẽ xuất hiện thứ ấy. Quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu đến những người làm lành, chỉ chiếu người làm lành, chứ kẻ làm ác chẳng thành tựu. Kẻ làm ác phải sửa đổi thành làm lành. Đó là “*lãng nhật*”. “*Lãng nhật*” (朗日) tức là vàng mặt trời sáng ngời.

Kẻ lạc lối chẳng tìm thấy đường, phía trước bèn có đèn sáng, hay có đuốc sáng, có đuốc lớn chỉ lối. Khi nhiệt nã, vàng trắng trong mắt nhất, [cho nên nói là] “*như nguyệt thanh lương*” (như trăng trong mát). Nếu là kẻ chẳng có chân, sẽ có xe lăn cho quý vị ngồi, ví như chiếc xe, [nên nói là] giống như “*sở đắc xa thặng*” (có được xe cộ). Ví như quý vị đi đường xa, vừa khát, vừa đói, chẳng có nước, chẳng có thức ăn, vậy thì sẽ cấp lương thực cho quý vị. Như kẻ mê mất phương hướng, sẽ chỉ bảo quý vị. “*Như vô túc giả, sở đắc xa thặng, như viễn thiệp giả sở đắc tu lương, như mê phương giả sở phùng thị đạo, như cuồng loạn giả, sở phục diệu dược*” (Như người không chân có được xe cộ, như người đi xa có được lương thực, chỉ dụng. Như người lạc lối gặp người chỉ đường. Như kẻ cuồng loạn được uống thuốc hay).

Kẻ đó đã bị điên cuồng, có cách nào chữa trị hay không? Vậy thì phải gặp được thuốc hay, gặp bác sĩ giỏi. Nếu gặp được thần dược, có thể lập tức ngừng điên cuồng. Chúng ta cứ nghĩ kẻ bị bệnh mới điên cuồng; thật ra, chúng ta đều đang điên cuồng! Vì sao chẳng tu Bồ Đề đạo? Có đạo hữu tự cho rằng chính mình tu hành rất nhiều; tôi tính thử nhé! Tôi nói: Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị tu được bao nhiêu? Quý vị còn tu chẳng nhiều bằng tôi, sao còn nói quý vị tu nhiều lắm! Chính quý vị hãy tự tính toán, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, mỗi tiếng là sáu mươi phút, có mấy phút niệm Phật, niệm Pháp, niệm

⁶ Hiền bình (Pūrṇa-ghata): Hiền có nghĩa là Thiện, hàm ý “*có thể sanh ra phước lành, thỏa nguyện như ý*”. Bình này còn gọi là thiện bình, đức bình, mẫn bình, hiền đức bình, công đức bình, như ý bình, cát tường bình. Đây là chiếc bình thường sử dụng trong đàn tràng Mật giáo, chứa đựng các thứ chất báu, hương, thuốc báu v.v... Trong Tạng Truyền Phật giáo, hiền bình thường được gọi là Terbum, thường được dịch là Treasure Vase, Wealth Vase, hay Treasure Urn, thường có hình tròn, cổ thắt, miệng loe, có nắp đậy, phía ngoài có hình Phật, Bồ Tát và các hình cát tường, hay hình Hoàng Tài Thần (Dzambala, hóa thân của Tỳ Sa Môn Thiên Vương), và các chú ngữ, đôi khi buộc giải vải ngũ sắc quanh cổ bình.

Tăng? Có mấy phút niệm tham, sân, si, niệm giết, trộm, dâm, niệm nói dối, nói thêu dệt, nói thô ác? Quý vị có tính hay chưa? Quý vị tu hành quá ít! Mọi người phải tu hành nhiều hơn! Tu hành thì đừng vì chính mình tu hành, quá ít còn tự cho là lỗi lạc lắm. Cách biệt quá xa, làm sao có thể minh tâm, làm sao có thể tiêu tai, miễn nạn cho được? Hãy khéo suy nghĩ đôi chút, làm thế nào để tiêu tai, miễn nạn?

“Thí chư thương nhân sở thái bảo chủ, thị năng sanh trưởng thiện căn lương điền, thị năng thịnh trử giải thoát lạc khí” (Ví như bãi báu cho các thương nhân thu nhặt, là ruộng tốt có thể sanh trưởng căn lành, là dụng cụ chứa đựng niềm vui giải thoát): *“Khí”* (器) là một thứ đồ đựng, đồ đựng ấy chứa gì vậy? Chứa đựng điều vui sướng nhất. Điều gì vui sướng nhất? Giải thoát! Giải thoát thì sẽ chẳng có phiền não, chẳng có dục vọng; đó gọi là *“giải thoát lạc khí”*. Đây hoàn toàn chẳng phải là những thứ nhạc khí như đàn tỳ bà hoặc cổ cầm, *“lạc”* ở đây có nghĩa là *“vui sướng”*. *“Hiện bình có thể xuất sanh công đức quý báu nhiệm mầu”*: Cái bình ấy có thể sanh ra hết thảy công đức; trong phần trước, tôi đã nói cái bình ấy giống như bảo bình của Quán Âm Bồ Tát. Đây là hình dung công đức của Địa Tạng Bồ Tát.

Ai có thể làm chuyện tốt, làm việc lành, quang minh của Địa Tạng Bồ Tát sẽ như ánh sáng mặt trời rạng rỡ chiếu đến thân quý vị. Đối với người lạc đường, *“thất đạo”* (失道) là lạc đường, đang đi đường thì bị lạc lối, Địa Tạng Bồ Tát giống như lửa đuốc sáng ngời chiếu rọi quý vị. Nếu là chúng sanh có phiền não, quang minh của Địa Tạng Bồ Tát liền diệt trừ sự nhiệt não ấy, giống như vàng trắng trong mát, khiến cho quý vị chẳng có nhiệt não.

“Nhu vô túc giả, sở đắc xa thặng” (Như người không chân có được xe cộ): Khi quý vị đi đường rất mệt nhọc mà có xe cộ, sẽ có thể giảm thiểu nỗi khốn khổ ấy. *“Nhu viễn thiệp giả, sở bị tư lương”* (Như người đi xa có được lương thực và chi dụng): Đi đường xa mà chẳng có lương thực và tiền chi dụng, sẽ không đến được. *“Nhu mê phương giả, sở phùng thị đạo”*, ý nói: Đã mê mất phương hướng, có người chỉ dẫn phương hướng cho quý vị, giống như khi chúng ta đi đường bèn hỏi đường. Một hàm nghĩa khác là trong đời sống, chúng ta tìm ra một pháp môn phương tiện thiện xảo để xuất ly sanh tử, chính là niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát.

Theo những điều đã nói trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Bồ Tát có thể ban gì cho chúng ta? Chính là *“phương tiện thiện xảo”*. Khi

một người tu đạo, do liên quan đến nguyên lực, người cầu Ngài sẽ có thể đạt được những thứ tốt lành, nhưng đó là đối với người hữu duyên, chứ kẻ vô duyên thì vẫn chẳng thể đạt được. “*Như cuồng loạn giả, sở phục diệu dược*” (Như kẻ cuồng loạn được uống thuốc tốt lành): Chúng tôi đã khuyên rất nhiều đạo hữu cúng nước lên đức Địa Tạng. Khi cúng, trong tâm quý vị phải rất chân thành. Đến lúc uống, phải chiếu theo phương thức do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy Quán Thế Âm Bồ Tát trong kinh Địa Tạng để làm thì mới có thể đạt được lợi lạc. Đạt những lợi lạc gì vậy? Hễ có bệnh khổ, sẽ giảm bớt bệnh khổ. Chẳng có trí huệ, chẳng có trí nhớ, thì sẽ có trí nhớ. Kẻ cuồng loạn là người mất trí, hoặc là vì tư tưởng có vấn đề, hoặc vì kinh sợ, biến thành rối loạn thần kinh. Nếu trì thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ giống như thuốc hay. Hoặc là kẻ có bệnh tật mà gặp được lương y. Đây là đức Phật bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích rằng: “*Cho đến tất cả những đại chúng tham dự pháp hội*”, tức là nói với tất cả chúng Bồ Tát, Thanh Văn trong hội Đại Tập này. Đức Phật hướng về đại chúng, bảo: Địa Tạng có nhiều công đức dường ấy, khiến cho người lụm cụm già cả dường như có gậy chống để nương tựa, như kẻ mệt mỏi có được giường, tòa để nghỉ ngơi.

(Kinh) Độ tứ lưu giả, vị tác kiều lương. Thụ bỉ ngạn giả, vị tác thuyền phiệt, thị tam thiện căn thù thắng quả báo, thị tam thiện bản sở dẫn đẳng lưu. Thường hành huệ thí, như luân hằng chuyển. Trì giới kiên cố, như Diệu Cao sơn. Tinh tấn nan hoại, như Kim Cang bảo. An nhẫn bất động, do như đại địa.

(經)度四流者，為作橋樑。趣彼岸者，為作船筏，是三善根殊勝果報，是三善本所引等流，常行惠施，如輪恆轉。持戒堅固，如妙高山。精進難壞，如金剛寶。安忍不動，猶如大地。

(Kinh: Làm cầu bến cho kẻ vượt bốn dòng. Làm thuyền bè cho kẻ hướng đến bờ kia. Là quả báo thù thắng của ba thiện căn, là đẳng lưu quả do ba gốc lành dẫn khởi. Thường hành bố thí rộng rãi như bánh xe luôn xoay. Giữ giới kiên cố như núi Diệu Cao. Tinh tấn khó hoại như báu Kim Cang. An nhẫn bất động dường như đại địa).

“*Độ tứ lưu giả vị tác kiều lương*” (Làm cầu bến cho kẻ vượt bốn dòng): “*Kiều lương*” (橋樑, cầu bến) là tử dụ. “*Tứ lưu*” (Bốn dòng) là nói bốn dòng thác sanh, lão, bệnh, tử. Ngài làm cầu bến cho quý vị, nghĩa là giúp cho quý vị đắc độ. Ngay trong lúc quý vị từ bờ này [sanh tử] muốn tới bờ kia [giải thoát], Ngài có thể làm thuyền bè cho quý vị. Là quả báo thù thắng của ba thiện căn. Ba thiện căn là không tham, không sân, không si, vì “không tham, không sân, không si” sẽ có thể sanh ra hết thảy các thiện pháp. “*Như quả đặng lưu do ba gốc lành dẫn khởi*”: “*Ba gốc lành*” chính là bố thí, từ bi, và trí huệ. Bố thí và từ bi có thể khiến cho quý vị vượt qua hết thảy ách nạn, mà cũng có thể khiến cho phiền não tham, sân, si lưu nhập bố thí, từ bi. Vì vậy, thường hành huệ thí (惠施, bố thí rộng rãi). “*Như luân hằng chuyển*” (Như bánh xe thường xoay) có nghĩa là không ngưng nghỉ. Vì trì tụng Địa Tạng Bồ Tát, cung kính Địa Tạng Bồ Tát, vị Bồ Tát ấy sẽ có thể giúp quý vị trì giới kiên cố, giống như núi Diệu Cao (Tu Di) vậy.

“*Tinh tấn nan hoại, như kim cương bảo. An nhẫn bất động, do như đại địa*” (Tinh tấn khó hoại như báu kim cương. An nhẫn bất động ví như đại địa): Nói đến tinh tấn bất hoại, sẽ là chuyện rất khó khăn. Nếu chúng ta tu một pháp, chẳng hạn như niệm kinh Địa Tạng, hoặc là quán tưởng thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát, ngay trong lúc quý vị đang tu tập, sẽ có rất nhiều chướng ngại. “*Chướng ngại*” có nghĩa là khiến cho quý vị không thể thành tựu. Mỗi ngày quý vị [tự ấn định] tụng một bộ kinh Địa Tạng, thế nhưng luôn có những việc khiến cho quý vị gián đoạn, chẳng thể tụng kinh. Nếu kiên trì niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát không gián đoạn, bất cứ chuyện phá hoại nào cũng đều chẳng thể phá hoại sự tinh tấn của quý vị được. Vì sao chẳng thể phá hoại? Do quý vị có tâm lực kiên cố. Thường là có các chướng ngại chúng ta không thể khắc phục được, chẳng làm được. Khi ấy, hai đấng tinh tấn và giải đãi có mối quan hệ rất lớn, đặc biệt là đối với người học Phật, người tin Phật. Không đạt được lợi ích thật sự là vì chúng ta chẳng đủ tinh tấn, chẳng thể kiên trì!

Nếu chúng ta nguyện mỗi ngày tụng một bộ kinh Địa Tạng, trong bất cứ thời điểm khó khăn nào, vẫn đều chẳng gián đoạn, vậy thì tinh tấn sẽ có sức mạnh. Vì sao phải tinh tấn? Cũng là vì đối với chuyện chẳng gián đoạn giữa chừng, rất nhiều người chẳng làm được! Dầu đối với những chuyện thoát nhìn rất nhỏ, chẳng hạn như mỗi ngày ta phải niệm thánh hiệu Địa Tạng một trăm câu, ta nghĩ chuyện này quá dễ dàng, chẳng thể nào gián đoạn được. Thế nhưng chính mình sẽ quên mất, hoặc

vì có chuyện khác xen vào, nay chẳng làm nữa! Tôi nghĩ mỗi vị đạo hữu đều thấu hiểu chuyện này.

Thoạt đầu, sau khi quý vị phát nguyện tin tưởng Tam Bảo, tôi đã nói với rất nhiều đạo hữu: “Đã thọ Tam Quy Y, từ hôm nay trở đi, buổi tối sắp ngủ bèn niệm mười lần ‘*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*’. Niệm xong mới ngủ. Sáng dậy, vừa mở mắt ra, ở ngay trên giường, trước hết bèn niệm mười lần *quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Tột bậc đơn giản như thế đó! Ai nấy đều cho rằng chính mình sẽ tuyệt đối làm được. Tôi hỏi rất nhiều đạo hữu, thoạt đầu, khi họ thọ Tam Quy, họ cam đoan làm được. Một năm sau, lại hỏi họ: “Quý vị có làm được hay không? Có làm mỗi ngày hay không?” “Ồi trời! Quên mất tiêu rồi!” Do nguyên nhân nào? Đương nhiên là do chúng ta thường lười khân, nghiệp chướng giải đãi, chẳng coi trọng chuyện này!

Công đức của Địa Tạng Bồ Tát nhiều như đã nói trên đây, do đức Phật dạy Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích. Chúng ta nghe xong, có tin tưởng hay không? Đây là một vấn đề to lớn! Chúng ta thường nghe pháp rất nhiều, học pháp cũng chẳng ít. Rất nhiều đạo hữu thường xuyên nói: “Tôi biết Phật pháp quá ít, cho nên chẳng thể nhập môn”. Tôi thấy chẳng phải là như vậy! Tôi nói: “Quý vị biết rất nhiều”. Tôi thiếu, quý vị biết Phật, Pháp, Tăng là gì? Chẳng biết dụng công ư? Niệm Địa Tạng Bồ Tát đã gồm trọn cả rồi! Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát đã gồm thâu hết rồi! Quý vị có niệm hay không? Mỗi ngày quý vị niệm bao nhiêu câu? Mỗi ngày hai mươi [bốn] tiếng đồng hồ, trừ thời gian ngủ nghỉ và làm việc ra, thời gian còn lại trong tâm quý vị duyên niệm Tam Bảo lại là bao nhiêu?

Hôm nay, có rất nhiều đạo hữu cùng dùng cơm, tôi nghĩ: Trong lúc ấy, [đại đa số] nói Đông, nói Tây, chẳng hề nói đến Phật, chẳng nói đến Pháp, chẳng nói đến Tăng. Nếu quý vị tùy thời nhắc nhở mọi người như vậy, họ sẽ nghĩ quý vị rất đáng ghét, quá lải nhải. Có cảm giác ấy hay không? Quý vị không nói, họ quên bẵng rồi! Khi quý vị mỗi ngày suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều duyên niệm Tam Bảo, tới tối lúc đi ngủ, suy nghĩ: “Hôm nay mình có bao nhiêu thời gian niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng?” Quý vị nói câu cảm ứng, cầu gia trì, cảm ứng hay gia trì đều do chính quý vị. Tôi nhớ pháp sư Tinh Vân có nói “*kẻ địch lớn nhất trong đời người chính là bản thân*”. Câu nói ấy rất hữu lý! Nếu chúng ta có thể quán tưởng như vậy, quán tưởng trong một thời gian dài, đừng nói là hai mươi bốn giờ, mà là một phần ba, tức tám giờ, cho đến một ngày có thể duyên niệm Tam Bảo bốn tiếng đồng hồ, tinh tấn chẳng

lười nhác, tuyệt đối sẽ chẳng đọa tam đồ. Quý vị lại tăng thành tám tiếng nữa, rồi tăng thành mười hai tiếng, nhất định là có thể thành tựu đạo nghiệp!

Vì sao chúng ta chẳng hiểu rõ? Vì sao chẳng thông suốt? Vì sao không biết? Vì sao chẳng có trí huệ? Vì sao chẳng thể nhập Định? Vì cái tâm của quý vị cách biệt Tam Bảo rất xa! Tôi nói những lời này, chắc mọi người chẳng nghe lọt tai. Vì [quý vị tự nhủ]: Tôi tin Phật rất nhiều năm. Hiện thời, hằng ngày niệm Phật, tôi đã “chuyên nghiệp” rồi. Có lúc trong khi mọi người đang tụ hội, đột nhiên tôi suy nghĩ: Nay mọi người đang làm gì? Có đang nói đến Phật hay không? Có nói tới Phật pháp hay không? Có đang tu hành hay không? Có đang buông lung, biếng nhác hay không? Nghĩ tới an nhản, bất động như kim cang, giống hệt như đại địa, chúng ta vẫn phải dụng công nhiều hơn!

(Kinh) Tĩnh Lự thâm mật, do như bí tạng. Đẳng chí nghiêm lệ, như diêu hoa man. Trí huệ thâm quảng, do như đại hải. Vô sở nhiễm trước, thí thái hư không. Diêu quả cận nhân, như chúng hoa diệp. Phục chư ngoại đạo, như sư tử vương. Hàng chư thiên ma, như đại long tượng. Trảm phiền não tặc, do như thần kiếm. Yếm chư huyên tạp, như Độc Giác thừa. Tẩy phiền não cấu, như thanh tịnh thủy. Năng trừ xú uế, như tạt phong phiêu. Đoạn chúng kết phược, như lợi đao kiếm.

(經) 靜慮深密，猶如秘藏。等至嚴麗，如妙華鬘。智慧深廣，猶如大海。無所染著，譬太虛空。妙果近因，如眾華葉。伏諸外道，如師子王。降諸天魔，如大龍象。斬煩惱賊，猶如神劍。厭諸諠雜，如獨覺乘。洗煩惱垢，如清淨水。能除臭穢，如疾飄風。斷眾結縛，如利刀劍。

(Kinh: Tĩnh Lự sâu kín ví như kho tàng bí mật. Bình đẳng đạt tới trang nghiêm đẹp đẽ như tràng hoa đẹp. Trí huệ sâu rộng ví như biển cả. Chẳng bị đắm nhiễm dơ bẩn như thái hư không. Diêu quả gần nhân như các hoa lá. Hàng phục các ngoại đạo như sư tử chúa. Hàng phục các thiên ma như long tượng lớn. Chém giặc phiền não giống như gươm thần. Chán các ồn náo như Độc Giác thừa. Gột rửa chất nhơ phiền não

nước thanh tịnh. Có thể trừ ô uế như gió thổi mạnh. Đoạn các kết phược như đao, gươm sắc).

“*Tĩnh Lự thâm mật do như bí tạng*” (Tĩnh Lự sâu kín ví như kho tàng bí mật): Tĩnh Lự (静慮) là tư lự, cũng tức là khi chính mình lắng lòng suy nghĩ. Đây là cảnh giới rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng hạn như chúng ta tùy tiện trì một bài chú nào đó, chú dài là Đà La Ni, chú ngắn thì ba chữ, bốn chữ, chân ngôn chỉ có một chữ, chẳng hạn như chữ Án. Rất nhiều chữ đều là chữ chung tử, tùy thuộc do vị Bồ Tát nào truyền dạy. Địa Tạng Bồ Tát có công đức dường ấy, có những công lực ấy, có thể khiến cho chúng ta “*đăng chí nghiêm lệ, như diêu hoa man. Trí huệ thâm quảng, do như đại hải*” (bình đẳng đạt tới sự trang nghiêm đẹp đẽ như tràng hoa màu nhiệm. Trí huệ rộng sâu ví như biển cả). Đây là những lời đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát.

“*Vô sở nhiễm trước, thí thái hư không*” (Chẳng bị đấm nhiễm dường như thái hư không): Thái hư không chẳng bị nhiễm đấm. Hư không chẳng bị nhiễm đấm. Diệu quả trong quá khứ là do người ấy tu nhân. Tu cái nhân trong hiện tại, sẽ thành diệu quả trong vị lai.

“*Diệu quả cận nhân, như chúng hoa diệp*” (Diệu quả gần nhân như các hoa lá): Giống như lúc đơm hoa, kết trái, vì còn phải dùng cành lá để nâng đỡ. Hoa đẹp còn phải có lá xanh nâng đỡ. Quý vị gieo chủng tử xuống thì trước hết nảy lá, sau đấy mới đơm hoa. Lá cây sẽ hấp thụ chất dinh dưỡng. Đó là mối quan hệ. Hàng phục những kẻ ngoại đạo, như sư tử chúa hàng phục hết thầy thiên ma, như đại long tượng. “*Trảm phiền não tặc, do như thần kiếm*” (Chém giặc phiền não như gươm thần): Gươm thần chính là gươm trí huệ.

“*Yếm chư huyền tạp, như Độc Giác thừa*” (Chán các ồn náo như Độc Giác thừa): Độc Giác thì sao? Ngài thích tìm chỗ núi sâu tĩnh lặng để tu hành, chán lìa ồn ào.

“*Tẩy phiền não cấu, như thanh tịnh thủy*” (Gột rửa chất nhơ phiền não như nước thanh tịnh): Hai câu này, câu trên đối ứng câu dưới. Nếu chúng ta mong gột sạch phiền não, Địa Tạng Bồ Tát sẽ biến thành nước thanh tịnh, gột sạch phiền não cho chúng ta. Nếu muốn trừ khử hôi thối, ô uế, sẽ như gió mạnh thổi bạt đi. “*Đoạn chúng kết phược, như lợi đao kiếm*” (Cắt các trói buộc, như đao, gươm sắc): “*Kết phược*” (結縛) là các Hoặc nghiệp, tức là Hoặc nghiệp từ vô lượng kiếp đến nay, trói chặt

chúng ta, giống như rất nhiều gông xiềng cùm chặt chúng ta, chẳng thể tháo gỡ được!

(Kinh) Hộ chư bố úy, như thân, như hữu. Phòng chư oán địch, như tiệp, như thành. Cứu chư nguy nan, do như phụ mẫu. Tàng chư khiếp liệt, do nhược tùng lâm. Như hạ viễn hành, sở đầu đại thụ. Dĩ nhiệt khát giả, tác thanh lãn thủy. Dĩ cơ phạp giả, tác chư cam quả. Vị lộ hình giả, tác chư y phục. Vị nhiệt phạp giả, tác đại mật vân. Vị bản quỹ giả, tác như ý bảo. Vị khủng cụ giả, tác sở quy y. Vị chư giá sắc, tác cam trạch vũ. Vị chư trước thủy, tác Nguyệt Ái châu.

(經)護諸怖畏，如親如友。防諸怨敵，如塹如城。救諸危難，猶如父母。藏諸怯劣，猶若叢林。如夏遠行，所投大樹。與熱渴者，作清冷水。與飢乏者，作諸甘果。為露形者，作諸衣服。為熱乏者，作大密雲。為貧匱者，作如意寶。為恐懼者，作所歸依。為諸稼穡，作甘澤雨。為諸濁水，作月愛珠。

(Kinh: Che chở khỏi các sợ hãi như người thân, như bè bạn. Ngừa các oán địch, như hào, như thành. Cứu các nguy nan, giống như cha mẹ. Che giấu các kẻ khiếp nhược, yếu đuối, giống như rừng rậm. Như mùa Hè đi xa, nương dưới cây to. Làm nước trong mát cho người khát vì nóng bức. Làm quả ngọt cho người đói thiếu. Làm y phục cho kẻ lỏa lồ. Làm mây dày lớn cho người khốn khổ vì nóng bức. Làm báu như ý cho người nghèo túng. Làm chỗ nương về cho người sợ hãi. Làm mưa ngọt lành cho người trồng cấy. Làm Nguyệt Ái châu cho các nước đục).

“*Hộ chư bố úy, như thân, như hữu*” (Che chở khỏi các sợ hãi, như người thân, như bè bạn): Sanh khỏi sợ hãi, thân nhân và bè bạn của chúng ta sẽ giúp chúng ta giải trừ khó khăn. Phòng ngừa oán tặc, sợ oán tặc tấn công chúng ta, bèn tu bổ thành trì. Ngoài thành, đào hào bảo vệ thành. “*Hào*” là sông đào nhằm bảo vệ thành. Những điều này đều mang ý nghĩa tỷ dụ. “*Cứu chư nguy nan, do như phụ mẫu*” (Cứu các nguy nan, giống như cha mẹ): Bất luận là ai, khi gặp lúc khó khăn đều nghĩ đến mẹ, đều gọi mẹ. Người đang lúc lâm vào cửa tử, hoặc lúc nguy nan

nhất, hoặc khi trẻ nhỏ đau khô, đại đa số đều kêu mẹ. Chỉ có cha mẹ chúng ta mới quan tâm chúng ta. Địa Tạng Bồ Tát giống như cha mẹ bảo vệ, che chở chúng ta.

“*Tàng chư khiếp liệt, do nhược tùng lâm*” (Che giấu các kẻ khiếp nhược, yếu đuối giống như rừng rậm): Kẻ gặp cảnh sợ hãi, để tránh nạn bèn trốn trong khu rừng rậm. “*Như Hạ viễn hành, sở đầu đại thụ*”, ý nói: Giống như lúc đi xa, bị mặt trời hun bức, rất thống khổ, đến chỗ cây to hóng mát. Địa Tạng Bồ Tát giống như cội cây to để chúng ta hóng mát. Nếu đã khổ vì nóng bức, lại rất khát, Địa Tạng Bồ Tát giống như nước mát lạnh. Còn những kẻ đói, khát, bần cùng, Ngài làm các thứ quả ngọt, [hàm nghĩa] những thức ăn rất ngon lành. Kẻ chẳng có quần áo mặc, tức “*lộ hình giả*” (kẻ lỏa lồ), Địa Tạng Bồ Tát liền bố thí quần áo cho chúng ta. “*Vị nhiệt phạp giả, tác đại mật vân*” [nghĩa là] khi rất nóng bức, Ngài giống như đám mây dày, ngăn che ánh mặt trời, chúng ta liền cảm thấy mát mẻ.

“*Vị bần quĩ giả, tác như ý bảo*” (Vì kẻ nghèo thiếu, làm báu như ý): “*Như Ý Bảo*”: Như người khốn cùng có được kho báu. Giống như bảo châu do Địa Tạng Bồ Tát cầm trong tay có thể xuất hiện các thứ vật báu như ý. “*Vị khủng cụ giả, tác sở quy y*” (Làm chỗ nương về cho người sợ hãi): Sợ hãi bèn quy y Bồ Tát, tâm kẻ ấy sẽ an ổn, chẳng sợ hãi. “*Vị chư giá sắc, tác cam trạch vũ*” (Làm mưa ngọt cho người trồng cây): Tới lúc khô hạn, hoa màu chẳng tươi tốt, Địa Tạng Bồ Tát liền tuôn mưa lành, có ý nghĩa như vậy đây.

“*Vị chư trược thủy, tác Nguyệt Ái Châu*” (Làm Nguyệt Ái Châu cho các thứ nước đục): Ở nơi đây, chúng ta chẳng có loại châu này. Nguyệt Ái Châu có thể biến nước đục thành nước trong sạch. Nước dầu rất vẫn đục, thả Nguyệt Ái Châu vào, nước ngay lập tức thanh tịnh. Do vậy, đang trong lúc vẫn đục, chẳng thanh tịnh, hễ niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, tâm chúng ta liền thanh tịnh. Trong lúc phiền não, chẳng được giải thoát, có thể đến Phật đường, hoặc đối trước tượng Địa Tạng, tĩnh tọa chốc lát, niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, quý vị sẽ cảm thấy đỡ rất nhiều. Những điều này đều nhằm hình dung công đức của Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Linh chư hữu tình, thiện căn bất hoại. Hiện diệu cảnh giới, linh chúng hân duyệt. Khuyến phát hữu tình, tăng thượng tâm quý. Cầu phước huệ giả, linh cụ trang nghiêm. Năng trừ phiền não, như thổ hạ được. Năng nhiếp loạn tâm, như đặng trì cảnh. Biện tài vô

trê, như thủy kích luân. Nhiếp sự hệ tâm, như quán diệu sắc. An nhãn kiên trụ, như Diệu Cao sơn. Tổng trì thâm quảng, do như đại hải. Thần Túc vô ngại, thí nhược hư không. Diệt trừ nhất thiết Hoặc chương tập khí. Do như liệt nhật, tiêu thích khinh băng. Thường du tĩnh lự, Vô Sắc chánh đạo. Nhất Thiết Trí trí, diệu bảo châu chủ. Năng vô công dụng, chuyển đại pháp luân.

(經)令諸有情，善根不壞。現妙境界，令眾欣悅。勸發有情，增上慚愧。求福慧者，令具莊嚴。能除煩惱，如吐下藥。能攝亂心，如等持境。辯才無滯，如水激輪。攝事繫心，如觀妙色。安忍堅住，如妙高山。總持深廣，猶如大海。神足無礙，譬若虛空。滅除一切，惑障習氣。猶如烈日，銷釋輕冰。常游靜慮，無色正道。一切智智，妙寶洲渚。能無功用，轉大法輪。

(Kinh: Khiến cho các hữu tình thiện căn chẳng hư hoại. Hiện ra cảnh giới màu nhiệm khiến cho chúng sanh vui thích. Khuyên lơn, khơi gợi hữu tình tăng thêm lòng hổ thẹn. Khiến cho kẻ cầu phước huệ trọn đủ trang nghiêm. Có thể trừ phiền não như thuốc khiến cho ói ra. Có thể nhiếp loạn tâm, như cảnh Đẳng Trì. Biện tài chẳng vướng mắc, như nước đầy guồng quay. Nhiếp sự, buộc tâm, như quán diệu sắc. An nhãn, trụ vững, như núi Diệu Cao. Tổng trì sâu rộng giống như biển cả. Thần Túc vô ngại, khác nào hư không. Diệt trừ hết thảy Hoặc chương tập khí, ví như mặt trời rực rỡ tiêu ngay băng mỏng. Thường đạo trong Tĩnh Lự Vô Sắc chánh đạo, và bển bãi diệu bảo của trí Nhất Thiết Trí. Có thể vô công dụng mà chuyển đại pháp luân).

Địa Tạng Bồ Tát có thể khiến cho thiện căn của chúng ta bất hoại. Nếu hiện thời chúng ta đã gieo chủng tử, đã có thiện căn, hoặc thiện căn đời sau bất hoại, lại có thể gặp gỡ Địa Tạng Bồ Tát, niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ có thể gia trì quý vị. Trong kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát đã đối trước Thích Ca Mâu Ni Phật phát nguyện, và Thích Ca Mâu Ni Phật đã phó chúc chúng sanh đời Mạt Pháp cho Ngài. Ngài nói: “Chỉ cần có công đức chừng bằng một hạt vi trần, hay một giọt nước trong Phật pháp, con sẽ đều làm cho kẻ ấy được giải

thoát”. Ngài đã phát nguyện, sẽ thực hiện. Chỉ cần gieo thiện căn, chờ đến khi nhân duyên chín muồi, nhất định sẽ tăng trưởng, hiện ra cảnh giới màu nhiệm khiến cho chúng sanh vui thích.

Hiện thời, trong hội này, Ngài đã biểu hiện, hiện ra những cảnh giới rất thù thắng, rất chẳng thể nghĩ bàn; mọi người đều sanh tâm hoan hỷ, có thể khiến cho hết thảy hữu tình sanh lòng hổ thẹn, hiểu vì sao chính mình chẳng thể giải thoát? Vì sao không thể tích tụ thiện nghiệp? Vì sao không thể giúp đỡ người khác? Vì sao cái tâm ích kỷ của chính mình nặng nề dường ấy? Vì sao nhiều khổ nạn giáng xuống thân mình như vậy? Bèn hổ thẹn chính mình trong quá khứ đã sai trái, chẳng tích tụ phước nghiệp, cho nên đời này chuyện gì cũng thua kém kẻ khác. Vậy thì Địa Tạng Bồ Tát có thể giúp đỡ quý vị, khiến cho quý vị tăng trưởng phước huệ, khiến cho cái tâm sám hối của quý vị mạnh mẽ, khiến cho quý vị có thể trang nghiêm, khiến cho quý vị có thể diệt trừ phiền não.

Nếu bụng dạ chẳng thanh tịnh, hãy uống một chút thuốc xổ, giống như chúng ta có rất nhiều phiền não, chẳng hiểu giải thoát như thế nào, hãy niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, niệm kinh Địa Tạng, quý vị sẽ có thể giải thoát. Ý nghĩa là như thế đó. Tâm rất tán loạn, hãy niệm thánh hiệu cho nhiều. Niệm thánh hiệu là phương pháp tốt nhất. Có lúc chúng ta niệm kinh, hiệu quả cũng chẳng tốt bằng! Niệm thánh hiệu có thể khảo nghiệm cái tâm tán loạn của chính mình, mà cũng khảo nghiệm [để nhận biết] quý vị trọn đủ phiền não! Niệm một trăm câu chưa được, lại niệm một ngàn câu. Vẫn không được, bèn niệm một vạn câu. Không được, bèn niệm mười vạn câu. Vẫn không được, bèn niệm một trăm vạn câu. Hiệu quả như thế liền sanh khởi.

Tôi chẳng nói bừa đâu nhé; chính tôi đã làm như thế đó! Trước hết, tôi chuẩn bị niệm một ngàn câu. Chẳng thành tựu, bèn niệm một vạn câu. Một vạn câu chẳng thành tựu, bèn niệm mười vạn câu. Mười vạn câu chẳng thành tựu, bèn niệm một trăm vạn câu, bèn được! Nếu vẫn không được, lại tiếp tục niệm, niệm không hạn chế số lượng. Thế nhưng, đây chỉ là tính làm một chuyện chi đó. Tôi mong làm một chuyện chi đó, mong đạt được bình an, mong được như ý; trước hết chính mình hãy trải nghiệm một phen, vậy thì hãy niệm đi! Lúc mới bắt đầu niệm, tâm còn tán loạn, đến khi quý vị niệm mười vạn câu, mấy chục vạn câu trở lên, tự nhiên tán loạn ít đi. Đó gọi là công phu, ai niệm cũng đều giống nhau. Quý vị niệm như thế, cũng sẽ đạt được như thế. Ai chịu làm theo, sẽ đạt được như vậy. Nhưng quý vị phải biết buông xuống, ngày đêm đều niệm. Quý vị phải định kỳ hạn, hoặc là trong hai mươi ngày, niệm một

trăm vạn câu. Mỗi ngày, bình quân ta sẽ niệm bao nhiêu câu, nhất định phải làm. Hễ chưa làm được, quý vị không ngủ, không ăn, chờ đến khi làm xong. Cũng có thể là quý vị không cần chẳng ngủ, chẳng ăn, quý vị vẫn có thể ngủ như thường, nhưng vẫn phải niệm như vậy. Nếu quý vị học pháp môn Quán Âm, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng được. Niệm thánh hiệu của bất cứ vị Bồ Tát nào cũng đều được! Chỉ cần quý vị chịu tinh tấn, chịu dụng công, sẽ có thể đạt được.

Những điều được nói trong đoạn kinh văn trên đây đều là tỷ dụ, giảng kinh, thuyết pháp, hoặc biện luận với người khác, quý vị chẳng có biện tài, thường bị chướng ngại. Người khác hỏi, ta chẳng trả lời được. Vậy thì niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát cho nhiều, sẽ tăng trưởng trí huệ của quý vị. Hoặc là uống Địa Tạng Thủy, sẽ được Ngài gia trì. Khi ấy, đối trước cảnh, sẽ có thể nhiếp cái tâm. Nếu không, đối trước cảnh, chẳng thể nhiếp cái tâm. Cảnh là hiện tượng. Đối trước hết thấy các hiện tượng, quý vị sẽ có thể chẳng động tâm.

“Nhu quán diệu sắc, an nhĩn kiên trụ” (Nhu quán sắc màu nhiệm, an nhĩn, trụ vững): *“Diệu sắc”* là sắc gì vậy? Diệu sắc là vô sắc. Điều này sâu lắm! Như quán diệu sắc thân, diệu sắc thân là vô tướng. Tôi nêu thí dụ, khi quán thánh tượng của Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta nhìn vào sắc thân có sắc tướng ấy [để quán]. Đó là giả, vì [sắc tướng ấy] là tranh vẽ hay tượng đắp, nhưng từ cái giả ấy, có thể sanh ra cái thật. Cái thật là như thế nào? Tướng *“vô tướng”*. Diệu sắc thân nghĩa là quang minh.

Quán như thế lâu ngày, quang minh ấy và quang minh của quý vị, tự tâm của quý vị và tâm tự tánh của đức Địa Tạng, hai đấng sẽ hợp lại, an nhĩn kiên trụ bất động! Tổng trì hết thấy các pháp, trì vô lượng nghĩa ở mức độ sâu, trí huệ như biển cả. Thần Túc là thần thông, tức Thần Túc Thông. Thần Túc của Ngài (Địa Tạng Bồ Tát) vô ngại, dường như hư không. Hư không đối với hết thấy đều là vô chướng ngại. Đây là công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài tu hành, chúng nhập rất sâu, hết thấy chướng ngại và tập khí phiền não toàn bộ đều bị đoạn trừ. Tình huống đoạn trừ giống như vàng thái dương chiếu vào băng mỏng: Mặt trời vừa mọc lên, toàn thể băng mỏng đều tiêu mất.

“Thường du Tĩnh Lự vô sắc chánh đạo” (Thường dạo trong Tĩnh Lự vô sắc chánh đạo): *“Vô sắc chánh đạo”* là gì? Chính là trí huệ, là Bồ Đề đạo, là Vô Sanh Pháp Nhãn. Vô sắc là hết thấy các sắc tướng đều chẳng có. Đạo thật sự là vô đạo. Vậy thì sẽ có thể đạt được trí Nhất Thiết Trí. Nhất Thiết Trí là bình phạm. [Từ ngữ] *“trí Nhất Thiết Trí”* chuyên

dùng để diễn tả: Trong hết thảy các trí huệ do đức Phật đã nói, trí Nhất Thiết Trí là trí huệ thù thắng bậc nhất. Khi ấy, mới có thể chuyển diệu pháp luân chẳng thể nghĩ bàn thù thắng nhất. Diệu pháp luân có thể khiến cho hết thảy các sự cảm nhiễm vô minh của hết thảy chúng sanh đều tiêu trừ.

(Kinh) “Thiện nam tử! Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, cụ như thị đẳng vô lượng vô số bất khả tư nghị thù thắng công đức, dữ chư quyến thuộc, dục lai chí thử, tiên hiện như thị thần thông chi tướng”. Thế Tôn thuyết thị Địa Tạng Bồ Tát chư công đức dĩ. Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, dữ bát thập bách thiên na-dữu-đa tàn-bạt-la Bồ Tát, dĩ thần thông lực, hiện Thanh Văn tượng, tùng Nam phương lai, chí Phật tiền trụ, dữ chư quyến thuộc, cung kính đánh lễ Thế Tôn song túc, hữu nhiều tam táp, tại Như Lai tiền, hiệp chưởng nhi lập, dĩ tụng tán viết.

(經)「善男子！是地藏菩薩摩訶薩，具如是等無量、無數、不可思議殊勝功德，與諸眷屬，欲來至此，先現如是神通之相」。世尊說是地藏菩薩諸功德已。爾時，地藏菩薩摩訶薩，與八十百千那庾多頻跋羅菩薩，以神通力，現聲聞像，從南方來。至佛前住，與諸眷屬，恭敬頂禮世尊雙足，右繞三匝，在如來前，合掌而立，以頌讚曰。

(Kinh: “Này thiện nam tử! Vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ấy có vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn như thế đó, cùng với các quyến thuộc muốn đến nơi đây. Trước hết, hiện ra tướng thần thông như thế”. Đức Thế Tôn nói các công đức của Địa Tạng Bồ Tát xong. Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát và tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tàn-bạt-la Bồ Tát dùng sức thần thông, hiện hình tướng Thanh Văn, từ phương Nam đến. Đến trước đức Phật, Ngài cùng với các quyến thuộc cung kính đánh lễ dưới hai chân của đức Thế Tôn, nhiều theo chiều phải ba vòng, chấp tay, đứng trước Như Lai, dùng kệ khen ngợi rằng).

Đức Phật hướng về Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích tán thán Địa Tạng Bồ Tát trọn đủ các công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng quyền thuộc của Bồ Tát cũng là những vị đã theo Ngài hóa độ chúng sanh lâu dài, số lượng đều là chẳng thể tính đếm, tức là [nói đại lược thì có] tám mươi trăm ngàn triệu tần-bạt-la vị Bồ Tát đến độ chúng sanh nơi đây. Tuy các vị Bồ Tát chưa đến nơi, các Ngài đã hóa hiện trước tướng thần thông như thế.

“*Thế Tôn thuyết thị Địa Tạng Bồ Tát chư công đức dĩ*” (Đức Thế Tôn nói các công đức của vị Địa Tạng Bồ Tát ấy xong): Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích hỏi vì sao có các thụy tướng hiện ra? Đức Phật liền bảo: Có một vị Bồ Tát tên là Địa Tạng Bồ Tát dẫn theo tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tần-bạt-la quyền thuộc sẽ đến nơi đây để cúng dường ta, đến hội Đại Tập này để tùy hỷ công đức, cho nên có nhiều cảnh tướng thù thắng ngàn ấy. Đức Phật vừa nói xong, Địa Tạng Bồ Tát cũng đến nơi.

“*Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ bát thập bách thiên na-dữu-đa tần-bạt-la Bồ Tát, dĩ thần thông lực, hiện Thanh Văn tượng, tùng Nam phương lai*” (Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát cùng với tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tần-bạt-la Bồ Tát dùng sức thần thông, hiện hình tướng Thanh Văn, từ phương Nam đi đến): Từ phương Nam đến, đương nhiên là nói theo lúc đức Phật đang thuyết pháp, Bồ Tát từ [phía Nam của] La Lô Sơn mà đến. Bất quá, có người giải thích La Lô Sơn là Tịnh Độ của Địa Tạng Bồ Tát. Tuy vậy, nếu đó là Tịnh Độ của Địa Tạng Bồ Tát; đáng lẽ Ngài phải ở ngay La Lô Sơn, vì sao còn phải từ phương Nam đến? Rốt cuộc, Địa Tạng Bồ Tát trụ ở phương nào? Trọn khắp hết thảy mọi nơi! Nơi nào có địa ngục, nơi nào có khổ nạn, Địa Tạng Bồ Tát ở ngay nơi ấy, Ngài từ chỗ nào đến cũng đều được!

Đức Phật nói xong, Địa Tạng Bồ Tát vận sức thần thông đến pháp hội. “*Nhĩ thời*” (Lúc bấy giờ) tức là lúc Phật dạy Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích vừa xong, Địa Tạng Bồ Tát liền cùng quyền thuộc của Ngài, hiện hình tướng Thanh Văn, đã đến nơi, tới trước đức Phật. Lúc đến nơi, trước hết bèn thực hiện một nghi thức: Trước hết, cung kính đánh lễ dưới hai chân đức Thế Tôn. Đây chính là nghi thức chúng ta đều làm mỗi khi lễ bái.

Khi lễ bái, vì sao mọi người phải lật ngửa hai bàn tay? [Lật ngửa] hai bàn tay nhằm đỡ lấy hai chân đức Phật, gọi là “*đầu diện tiếp túc quy mạng lễ*” (đầu và mặt áp vào chân đức Phật để quy mạng lễ). Hai tay đừng nên đặt cách nhau quá xa, vì mặt và hai tay của quý vị đều áp vào chân đức Phật. Mặt áp vào chân Phật, tay áp vào chân Phật. Đây là “*đầu*

diện tiếp túc quy mạng lễ”. Quy mạng lễ thì phải đánh lễ dưới hai chân của đức Thế Tôn.

Thuở đức Phật tại thế thuyết pháp, [cũng như] lúc chúng ta đến chùa miếu, hoặc khi thấy tháp, nhất định phải “*thuận nhiều tam táp*”, tức là đi vòng xung quanh ba vòng [theo chiều kim đồng hồ]. Vì sao tượng Phật trên đại điện của chùa miếu phải thờ ở giữa, chẳng dựa vào vách tường? Vì cần phải nhiều Phật. Vừa bước vào, nhất định phải đi nhiều theo chiều phải, tức là nhiều theo chiều kim đồng hồ như đức Phật đã quy định. Nhiều ba vòng xong bèn đánh lễ. Hễ tiến vào, nhất định nhiều ba vòng, nhiều ba vòng xong bèn đánh lễ. Đánh lễ xong bèn ngồi trước đức Phật.

Ở đây, khi Địa Tạng Bồ Tát đến nơi, Ngài tới trước đức Phật, sau khi nhiều ba vòng bèn đứng, dùng kệ tán thán công đức của đức Phật. Đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát lại tán thán Phật. Địa Tạng Bồ Tát còn chưa đến nơi, đã hiện thân thông, đức Phật đã tán thán Bồ Tát có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Ngài đến trước mặt đức Phật, cung kính đánh lễ xong bèn nhiều theo chiều phải ba vòng, đứng trước đức Phật, chấp tay tán thán công đức của Phật.

(Kinh) Lương Túc Tôn đạo sư, từ tâm thường phổ phú, an nhẫn như đại địa, biển trừ sân phần tâm.

(經)兩足尊導師，慈心常普覆，安忍如大地，遍除瞋忿心。

(Kinh: Lương Túc Tôn đạo sư, từ tâm thường phủ khắp, an nhẫn như đại địa, trừ trọn tâm sân phần).

Đây là bài kệ tụng thứ nhất. Cứ bốn câu là một kệ, tổng cộng có ba mươi bốn bài tán, tức là dùng ba mươi bốn bài kệ tụng để tán thán đức Phật. “*Lương Túc Tôn đạo sư*” tức là bậc phước trọn, huệ trọn, làm bậc đạo sư chỉ đường, dẫn dắt hết thảy chúng sanh thoát khỏi biển khổ sanh tử. “*Từ tâm thường phổ phú*” (Tâm Từ thường che phủ khắp), nghĩa là: Tâm Phật đại từ, thường dẹp trừ đau khổ, ban vui sướng cho chúng sanh. “*Từ tâm*” nghĩa là ban cho sự vui sướng. “*Phổ*” (普) là trọn khắp, chẳng bỏ sót, bình đẳng. “*Phú*” (覆) nghĩa là che phủ. Tức là lòng Từ của đức Phật che phủ trọn khắp hết thảy chúng sanh.

“*An nhân như đại địa, biến trừ sân phần tâm*” (An nhân như đại địa, trừ trọn khắp hết thấy tâm sân hận, phần nộ). “*An nhân*” có nghĩa là chịu đựng. Đối với tất cả những phiền não và tất cả những chuyện chẳng đúng pháp của hết thấy chúng sanh, đủ mọi tai nạn trong đời ác ngũ trược, đức Phật đều dùng lòng đại từ. Không chỉ là có thể chịu đựng, mà còn có thể dẹp trừ. Bản thân đức Phật chẳng có tâm sân hận, phần nộ. Chúng sanh có sân niệm, đức Phật thay họ diệt trừ. “*Phổ phú*” có nghĩa là trọn khắp chúng sanh, cũng tức là mong trừ tâm sân hận, phần nộ cho trọn khắp chúng sanh. Hãy cẩn thận: Tâm sân nộ là thứ lợi hại nhất trong sân si.

Vì thế, một niệm sân của chúng sanh dấy lên, trăm vạn cửa chướng mở! Cái tâm sân hận của chúng sanh hễ có chút gì chẳng vừa ý bèn nổi cáu. Hễ nổi cáu, sẽ thiêu rụi rừng công đức. Đây là bài kệ tán thán công đức thứ nhất.

(Kinh) Cự thù thắng tướng hảo, trang nghiêm chư Phật quốc, năng dĩ để từ bi, sung mãn nhất thiết độ.

(經)具殊勝相好，莊嚴諸佛國，能以諦慈悲，充滿一切土。

(Kinh: Đủ tướng hảo thù thắng, trang nghiêm các cõi Phật, lòng từ bi chân thật, sung mãn hết thấy cõi).

Tướng mạo của đức Phật trọn đủ, không chỉ hạn cuộc trong vòng trời người, mà còn là trọn đủ vô lượng tướng hảo trang nghiêm. Tướng mạo ấy có hai loại: Một loại là tướng Hóa Thân, loại kia là tướng Báo Thân. Tướng Báo Thân thì như Lô Xá Na Phật (Rocana), tức là Báo Thân của Phật Thích Ca, tướng ngàn trượng viên mãn, giống như tướng Vô Lượng Quang của A Di Đà Phật. Vô Lượng Quang Thọ là tướng Báo Thân của Phật, là tướng thù thắng của chư Phật. Bất luận Báo Thân hay Hóa Thân, đều trọn đủ ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo thù thắng. Đó gọi là tướng nhân thiên. Đức Phật có vô lượng tướng hảo trang nghiêm.

“*Trang nghiêm chư Phật quốc*” (Trang nghiêm các cõi Phật): Trang nghiêm hết thấy các Phật quốc độ. Có thể nói “*chư Phật quốc độ*” là quốc độ của Thích Ca Mâu Ni Phật tức thế giới Sa Bà, mà cũng có thể nói là trọn khắp pháp giới hết thấy các Phật quốc độ. Vị Phật nào cũng

đều trang nghiêm Phật quốc độ. Lòng từ bi của Phật chẳng phải là ái kiến đại bi, mà là “*đế từ bi*”. “*Đế*” (諦) là chân lý. Nói tới “*chân lý*” thì là chân tâm, cũng chính là Thật Tướng của chúng ta. Chữ Đế bao hàm ý nghĩa ấy. “*Đế từ bi*” là lòng từ bi đúng lý, dẹp trừ hết thảy thống khổ, ban sướng vui cho hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể hiểu rõ pháp tánh của chính mình, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể trọn đủ trí huệ Bát Nhã tràn ngập hết thảy các cõi Phật. Lòng từ bi của Phật cứu độ hết thảy chúng sanh chẳng hề phân biệt. Đây là bài kệ tụng thứ hai.

(Kinh) Vĩnh tuyệt chư ái vọng, như thật thiện an trụ, xả chư thanh tịnh quốc, độ nhiễm trược chúng sanh.

(經)永絕諸愛網，如實善安住，舍諸清淨國，度染濁眾生。

(Kinh: Vĩnh viên dứt lưới ái, như thật, khéo an trụ, bỏ các cõi thanh tịnh, độ chúng sanh nhiễm trược).

Đây là tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật, đạt được thanh tịnh rốt ráo, vĩnh viên chẳng có ái dục. Chữ “*võng*” (網) là từ ngữ hình dung. Ái trong “*ái dục*” giống như lưới rập [trói chặt], mong tìm đầu mối cũng chẳng thể tìm được, hàm nghĩa [chúng sanh] bị vướng vào trong lưới, chẳng thể thoát ra. Đức Phật đã vĩnh viên đoạn tuyệt lưới ái dục. Ngài không chỉ tự mình đoạn tuyệt, mà còn muốn đoạn tuyệt lưới ái dục của hết thảy chúng sanh. Do Ngài có thể chứng đắc Thật Tế Lý Thể chân thật, cho nên khéo an trụ, thường trụ trong cảnh giới vô vi tịch tĩnh, cũng tức là Niết Bàn.

Chúng ta nói: “*Ngài an trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ!*” Nơi chốn tốt đẹp như vậy, đức Phật chẳng trụ, Ngài “*xả chư thanh tịnh quốc*” (bỏ các cõi thanh tịnh), Ngài bỏ cõi Thật Báo Trang Nghiêm và Thường Tịch Quang Tịnh Độ để vào đời ác Ngũ Trược nhằm độ chúng sanh nhiễm trược. Chúng sanh trong thế giới này cấu nhiễm rất nặng, đức Phật vì độ họ mà đến. Đây là tán thán công đức của Phật chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Bốn nguyện nhiếp uế độ, thành thực ác chúng sanh, khởi kiên cố chánh cần, cứu tu chư khổ hạnh.

(經)本願攝穢土，成熟惡眾生，起堅固正勤，久修諸苦行。

(Kinh: Bốn nguyện nhiếp cõi uế, thành thực chúng sanh ác, đầy chánh cần vững chắc, tu khổ hạnh đã lâu).

Đức Phật ở trong thế giới Sa Bà này độ chúng sanh rất khó khăn. Đây là nguyện lực sẵn có của Ngài, là nguyện lực khi Ngài vừa mới phát tâm. Ngài đã phát thệ: “Trong tương lai, khi thành Phật, sẽ độ chúng sanh khổ nhất, uế trước nhất, sẽ đến nơi đó để độ họ. Các chúng sanh ấy trọn đủ hết thấy ác kiến, ương ngạnh, khó điều phục, khó hóa độ, ta sẽ đều thành thực họ”. Điều ấy chẳng dễ thực hiện, ắt cần phải trải qua vô lượng kiếp dùng mãnh tinh tấn, siêng năng tu tập không ngừng. [Đó là “*kiên cố chánh cần*” (siêng năng tu tập chánh đáng kiên cố). “*Cửu tu chư khổ hạnh*” (Tu các khổ hạnh đã lâu): “*Tu khổ hạnh*” là có thể thị hiện tu khổ hạnh giống hệt như chúng sanh, thị hiện nêu gương, tu tập ngay trong khổ nạn thì mới có thể thành thực chúng sanh. Bài kệ kế tiếp nhằm nhắc lại.

(Kinh) Cửu tu chư khổ hạnh, văn sanh tửng cụ tâm, tu chư Thí, Giới, Nhẫn, cập Tinh Tấn, Định, Huệ.

(經)久修諸苦行，聞生悚懼心，修諸施戒忍，及精進定慧。

(Kinh: Tu khổ hạnh đã lâu, kẻ nghe, sanh hoảng sợ. Tu hạnh Thí, Giới, Nhẫn, và Tinh Tấn, Định, Huệ).

Tu Lục Độ, vạn hạnh, Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Trí Huệ, tức là Lục Ba La Mật. Thành tựu Lục Ba La Mật bằng cách nào? Tu vô lượng khổ hạnh. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói: Trong thế giới Sa Bà này, chẳng có chỗ nào nhỏ như vi trần mà chẳng phải là chỗ đức Phật xả sanh mạng. [Trong phần kinh văn giảng về] đại nguyện thứ tám trong mười đại nguyện của Phổ Hiền, [Phổ Hiền Bồ Tát đã nói] đức Phật độ chúng sanh trong thế giới này như thế nào? Khi Ngài chép kinh điển hồng tạo lợi ích cho chúng sanh, chẳng có giấy, liền lột da trên thân làm giấy, bẻ xương của chính mình để làm bút, dùng máu trên người làm mực. Ngài biên chép kinh điển như vậy đó. Khi

chúng ta học kinh, phải sanh khởi cái tâm cung kính như vậy, nghĩ đến đức Phật trong quá khứ vì độ chúng ta, đã tu các khổ hạnh ấy. Lúc chúng ta nghe nói cảnh giới như vậy, sẽ sanh khởi cái tâm sợ hãi: Ngài gieo thân nuôi cạp, cắt thịt [của chính mình] cho chim ung ăn [để cứu con bò câu bị chim ung đuổi bắt].

Những chuyện giống như vậy chúng ta đều đã nghe nói cả rồi; khi nghĩ tới, sẽ sanh tâm hoảng sợ. Đức Phật tu Bồ Thái, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Trí Huệ, đều chẳng phải là dễ dàng mà đạt được. Chẳng phải là tu một hai ngày, mà là do tu tập đã lâu, cho nên mới đạt được!

(Kinh) Tăng cúng sự vô lượng, Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, cập tế chư hữu tình, cơ khát bệnh tử giả.

(經)曾供事無量，佛菩薩聲聞，及濟諸有情，飢渴病死者。

(Kinh: Tăng phụng sự vô lượng, Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, và cứu các hữu tình, kẻ đói, khát, bệnh, chết).

Thượng cầu, hạ hóa: Hướng về hết thầy chư Phật cầu pháp, cúng dường hết thầy chư Phật, cúng dường hiền thánh tăng. Lại còn muốn độ chúng sanh. “Hạ hóa” là tế độ hết thầy hữu tình, xả mình để cứu người khác.

(Kinh) Bản vị tha hữu tình, tự xả đa thân mạng, bản vị chánh pháp cố, xả đa cốt, huyết, bì.

(經)本為他有情，自舍多身命，本為正法故，舍多骨血皮。

(Kinh: Vốn vì các hữu tình, tự xả nhiều thân mạng. Vốn chỉ vì chánh pháp, xả nhiều xương, máu, da).

Vì lợi ích chúng sanh mà tự xả thân mạng của chính mình nhằm lợi ích người khác. Chuyện này hoàn toàn tương phản với chúng ta. Chúng ta luôn vì bảo vệ tánh mạng của chính mình mà thương tổn sanh mạng của kẻ khác. Miệng xoen xoét “ta vì mọi người thế này, thế nọ”, thật ra, mọi người vì ta! Xưa nay, những tướng quân thốt ra những lời đó đều y hệt như nhau. Xưa kia đã có câu thơ: “Nhất tướng công thành, vạn

cốt khô” (Một vị tướng thành tựu công nghiệp thì muôn người phơi thây). Một vị tướng quân thành danh, quý vị biết bao nhiêu người phải chết để thành tựu cho hắn? Trên chiến trường, hy sinh rất nhiều người mới giúp cho hắn thành tựu, đây là nghiệp. Nhưng đức Phật hoàn toàn tương phản, vì hữu tình chúng sanh, nhiều đời Ngài tự xả thân mạng của chính mình, chẳng phải là trong một, hai đời. Đức Phật đã từng vì một chúng sanh mà dùng rất nhiều kiếp, xả thân mạng của chính mình để cứu kẻ ấy. Vì cầu chánh pháp, bảo tồn chánh pháp, Ngài có thể dùng da của chính mình làm giấy, dùng xương làm bút, dùng máu làm mực. Đại nguyện thứ tám của Phổ Hiền Bồ Tát đã nói như thế.

(Kinh) Khí xả tự an lạc, bi mãn chư hữu tình, chuyên vì chư hữu tình, cần tu đoạn Hoặc vông.

(經)棄舍自安樂，悲愍諸有情，專為諸有情，勤修斷惑網。

(Kinh: Bỏ an lạc tự thân, thương xót các hữu tình, chuyên vì các hữu tình, siêng tu đoạn lưới Hoặc).

Ngài chẳng vì cầu yên vui cho chính mình, mà chuyên vì chúng sanh đạt được hạnh phúc, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, mỗi vị Bồ Tát, mỗi vị Phật đều là như thế. Tuy thế giới Cực Lạc tốt đẹp, Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng trụ trong thế giới Cực Lạc, mà đến thế giới Sa Bà độ chúng sanh. Thế giới Hoa Tạng của Thích Ca Mâu Ni Phật là quốc độ thanh tịnh, Ngài tới thế giới Hoa Nghiêm thị hiện, đến thế giới Sa Bà độ chúng sanh khổ sở. Thọ mạng trong các cõi Phật khác là tám vạn bốn ngàn năm, có khi là tám vạn năm, hoặc bốn vạn năm; thọ mạng của Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ có một trăm năm!

(Kinh) Thiện hộ w lục căn, hằng viễn ly chư dục, quán hữu vi, vô thường, khổ, không, vô ngã tánh. Chư khổ nghiệp tăng trưởng, giai tham ái vi nhân, cố tiên w lục căn, vĩnh đoạn chư tham dục.

(經)善護於六根，恆遠離諸欲，觀有為無常，苦空無我性。諸苦業增長，皆貪愛為因，故先於六根，永斷諸貪慾。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Khéo gìn giữ sáu căn, luôn xa lìa các dục. Quán hữu vi, vô thường, khổ, không, vô ngã tánh. Các khổ nghiệp tăng trưởng, tham ái đều là nhân. Nên đoạn sáu căn trước, mãi dứt các tham dục).

Đức Phật thấy chúng sanh đang tăng trưởng khổ nghiệp. Vì sao tăng trưởng khổ nghiệp? Do cái nhân là tham ái. Dùng tham ái làm nhân, cho nên cảm vùi khổ quả từ khổ nghiệp. Quý vị phải nên nhận biết, khéo gìn giữ sáu căn của chính mình. Lục căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý. Hãy khéo gìn giữ, đừng nên buông lung, đừng nên tạo tội, đừng dấy lên đủ thứ tham dục. Hãy xa lìa hết thảy các dục. Quán hết thảy các pháp hữu vi: Hết thảy các pháp thế gian, hễ hữu hình, hữu tướng, thì những pháp hữu vi ấy đều là vô thường. Quán hết thảy các pháp là vô thường, quán hết thảy các pháp là Khổ, quán hết thảy các pháp là Không. Khổ nghiệp tăng trưởng, quý vị có biết cái khổ quả ấy xảy tới như thế nào hay không? Chính là do tham ái làm nhân, do tham ái mà có. Vì thế, nơi sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, nếu đoạn dứt tham dục, khổ nghiệp sẽ chẳng thể tăng trưởng. Khổ nghiệp chẳng thể tăng trưởng, quý vị sẽ chẳng phải chịu khổ. Ở đây, đức Phật thị hiện giáo dục hết thảy chúng sanh, tán thán đức Phật khi còn tu nhân đã dùng phương thức này để chỉ dạy, hóa độ chúng sanh.

(Kinh) Phổ w hữu tình giới, thường an trụ đại bi, tuy đắc thắng Bồ Đề, nhi bất xả bỏ nguyện.

(經)普於有情界，常安住大悲，雖得勝菩提，而不捨本願。

(Kinh: Trọn khắp hữu tình giới, thường an trụ đại bi, tuy chứng diệu Bồ Đề, chẳng lìa bỏ nguyện).

Đây là tán thán đức Phật ở trong cõi hữu tình, thường phát khởi tâm đại bi. Trông thấy các hữu tình chúng sanh khổ nạn, tuy đức Phật đã chứng đắc quả Bồ Đề thù thắng, nhưng bỏ nguyện của Ngài là lợi lạc chúng sanh, chẳng xả nguyện lực vốn sẵn có. Do vậy, vẫn đến cõi này để độ chúng sanh. Nếu nói theo Lý, Phật độ hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng có chúng sanh để có thể độ. Nay chúng ta trước hết nói về Sự, chẳng nói theo Lý, vì Địa Tạng Bồ Tát tán thán Phật, khởi đầu bằng những chuyện mà bọn chúng sanh chúng ta có thể lãnh hội được. Vì sao

chúng ta sanh vào cõi này? Sở dĩ chúng ta sanh vào cõi này là do Thập Luân.

Thập Luân là khổ luân. Phải đoạn khổ luân ấy, tức là tu trí luân của Phật. Dùng trí luân để đối trị khổ luân, hai đằng đối lập. Khi Địa Tạng Bồ Tát tán thán đức Phật, đã nêu ra danh từ rất giản lược mà thôi. Vì sao Ngài chẳng nói [cạn kẽ]? Ngài biết hết thấy các pháp đều là Không, đều là giả, nhưng chúng sanh chẳng biết. Đối với chúng sanh, đó là nỗi khổ thật sự.

(Kinh) Tùy kiến chư hữu tình, bức thiết tại chúng khổ, tùy khởi cần tinh tấn, dũng mãnh nhi tế bạt.

(經)隨見諸有情，逼切在眾苦，隨起勤精進，勇猛而濟拔。

(Kinh: Hễ thấy các hữu tình, bị các khổ bức bách, liền siêng năng tinh tấn, để dũng mãnh cứu giúp).

Ngài trông thấy hết thấy các hữu tình bị khổ sở bức bách, đích xác là đang ở trong các khổ. Cho nên đức Phật dũng mãnh, tinh tấn cứu vớt các chúng sanh đang chịu khổ ấy. Vì thế, Ngài liền nêu gương cho họ, hy vọng họ sẽ siêng tu bố thí, sẽ trì giới, sẽ nhẫn nhục, sẽ tinh tấn, sẽ tu Định, sẽ cầu trí huệ Bát Nhã.

(Kinh) Linh cần tu Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Định, Bát Nhã, như mẫu w nhất tử, từ tâm nhi dưỡng dục.

(經)令勤修施戒，忍進定般若，如母於一子，慈心而養育。

(Kinh: Khiến siêng tu Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Định, Bát Nhã, như mẹ chỉ một con, từ tâm mà nuôi nấng).

“*Như mẫu w nhất tử, từ tâm nhi dưỡng dục*”: Giống như mẹ chỉ sanh được một đứa con. Toàn bộ thân tâm của mẹ đều vì đứa con ấy, yêu thương, bảo vệ, nuôi nấng đứa bé ấy. Đây là tình yêu thương của mẹ. Còn như trong hiện thời có người mẹ đem cả hai đứa con đều giết chết, quăng xuống biển; đó là hiện tượng đặc thù. Trong xã hội hiện tại, nghiệp chướng quá nặng, nên mới nảy sanh hiện tượng ấy. Đó là nghiệp

chương đặc biệt nặng nề! Nói chung, lòng mẹ yêu con trăm phần trăm đều là chân thật, thiết tha. Đối với người hiện thời thì phải giảm bớt đôi chút.

Có kẻ nêu ra những trường hợp mẹ giết con cũng nhiều, mà con cái giết cha mẹ càng nhiều hơn. Điều đó cho thấy đời ác ngũ trược, nghiệp chướng đã đến lúc tội bậc sâu nặng. Do vậy, đức Phật chuyên rỗng, siêng năng, chân thật, thiết tha mong thành Phật, vì Ngài mong độ chúng sanh.

(Kinh) Bốn w hữu tình loại, thường trụ phổ từ tâm, cố tốc chúng Bồ Đề, độ thoát vô lượng chúng.

(經)本於有情類，常住普慈心，故速證菩提，度脫無量眾。

(Kinh: Vốn đối với hữu tình, thường trụ phổ từ tâm, nên mau chứng Bồ Đề, độ thoát vô lượng chúng).

Vì chúng sanh đức Phật mới tu Phật đạo, vì chúng sanh nên Ngài mới thành Phật. Thành Phật dễ dễ độ chúng sanh.

(Kinh) Bốn tu Bồ Đề hạnh, vô bất vị chúng sanh, cố kim w hữu tình, bất xả w Lục Độ. Tích thường w mật thể, cầu Vô Thượng Bồ Đề, kim hoàn mật thể trung, tốc thành Vô Thượng Giác.

(經)本修菩提行，無不為眾生，故今於有情，不舍於六度。昔常於末世，求無上菩提，今還末世中，速成無上覺。

(Kinh: Vốn tu hạnh Bồ Đề, đều luôn vì chúng sanh, nay đối với hữu tình, chẳng lìa bỏ Lục Độ. Xưa thường trong đời Mật, cầu Vô Thượng Bồ Đề. Nay vẫn trong đời Mật, chóng thành Vô Thượng Giác).

Phật vĩnh viễn chẳng ngừng độ chúng sanh, siêng năng, chuyên rỗng chẳng thôi. Do vì chúng sanh, Ngài mới tu Bồ Đề hạnh; vì chúng sanh, Ngài mới tu Phật đạo. Đã tu thành Phật đạo, Ngài vẫn mong độ chúng sanh, độ thoát vô lượng chúng sanh. Khi Địa Tạng Bồ Tát tán thán đức Phật, đức Phật hoàn toàn chẳng phải như Thích Ca Mâu Ni

Phật mà tất cả chúng ta thường thấy: Từ phát tâm, chúng Bồ Đề, cho đến độ chúng sanh, thành Phật, nhập Niết Bàn [chỉ trong một đời]. Địa Tạng Bồ Tát chẳng thấy như vậy, [mà là thấy đức Bản Sư] đã thành Phật độ chúng sanh, chúng sanh được độ lại thành Phật, thành Phật rồi lại thị hiện làm chúng sanh. Làm chúng sanh lại tu, tu rồi lại thành Phật. Đó là một vị Phật không ngừng độ chúng sanh. Mấy câu này có ý nghĩa như thế đó.

(Kinh) Điều phục chư ác kiến, thiên, long, nhân, được xoa, an trụ năng đoạn Hoặc, như kim cang thánh đạo.

(經)調伏諸惡見，天龍人藥叉，安住能斷惑，如金剛聖道。

(Kinh: Điều phục các ác kiến, trời, rồng, người, được xoa, an trụ đoạn trừ Hoặc, như kim cang thánh đạo).

Ác kiến tức là kiến giải tà ác rất khó điều phục, hiện thời chúng ta thường gặp phải. Quý vị nói những thiện đạo tốt lành với họ, họ chẳng nghe lọt tai. Ác kiến của họ chẳng thể nghĩ bàn. Ác kiến là gì? Chúng ta có thể thường xuyên nghe thấy. Chúng ta nói “giết người là không đúng”, họ vặn lại: “Vì sao giết người không đúng? Tao không giết nó, nó sẽ giết tao”. Hoặc là kẻ đó cũng chẳng giết người, hấn vì cướp tiền mà giết người. Chúng ta thấy xác chết không đầu, hoặc thi thể vô danh, chẳng biết là ai giết! Giết rồi vứt bỏ. Quý vị phải tìm ra nguyên nhân vì sao?

Tại Đài Loan, có những đứa thanh niên đua xe, cưỡi trên xe, nổ súng vào xe người khác đang lái. Trông thấy kẻ chẳng vừa mắt liền vung đao giết gọn, oán cừu gì cũng chẳng có! Đây là nghiệp gì vậy? Đây là cộng nghiệp của chúng sanh trong hiện thời cảm vờ. Thứ kiến giải ấy có phải là ác kiến hay không? Quý vị hỏi chúng nó vì sao lại dấy lên cách nhìn ấy, đối với chính mình có lợi ích chi đâu? Chúng nó cũng chẳng có mong cầu gì, chẳng phải là vì bọn chúng coi giết người là chuyện vui sướng ư? Đây gọi là ác kiến. Nếu muốn điều phục những ác kiến ấy, mọi người hãy ngẫm xem, có dễ điều phục hay không? Chúng nó có nghe khuyên bảo hay không? Rất khó! Được Xoa (Yakṣa) chính là Dạ Xoa. Chúng ta thường nói đến Được Xoa. Dạ Xoa là ma quỷ, nhưng vẫn có những quỷ tốt lành, có những loài tốt lành. Có những Dạ Xoa Đại Tướng

là hộ pháp. Người, trời, rồng cũng có kẻ ác, đều là có thiện lẫn ác. Điều phục các ác kiến, chế phục trời, rồng, người, Dược Xoa thuộc loại ác.

“*An trụ năng đoạn Hoặc*” (An trụ, có thể đoạn Hoặc): Khiến cho họ đoạn tuyệt ác kiến, an trụ trong thiện đạo, an trụ trong kim cương thánh đạo, cần sức mạnh lớn cỡ nào? Do vậy, chỉ có Phật và các vị đại Bồ Tát mới có thể điều phục. Chuyện này cũng cần phải hữu duyên, mà cũng phải có thiện căn.

Trong kinh Phật, có nhiều vị Bồ Tát như thế, có nhiều đức Phật dường ấy, [thế mà] có người ngay cả danh hiệu các vị Phật, Bồ Tát cũng chẳng nghe thấy, ngay cả nhân duyên thoảng qua tai cũng không có, làm sao có thể điều phục họ cho được? Giống như vây quanh chúng ta là lục thân quyến thuộc, mọi người đều có lòng yêu thương ta, đối với con cái của chính mình đặc biệt thương yêu, nhưng trọn chẳng phải là quý vị nói, họ sẽ nghe theo. Nếu dễ độ như vậy, hiện thời chẳng còn chúng sanh ác nữa! Tôi đến nhà tù Thổ Thành ở Đài Loan, thấy những tù nhân trọng phạm đều là bọn trẻ tuổi! Tống họ vào trong đó, quản giáo họ như vậy, họ đều chẳng nghe theo. Quý vị dùng thiện tâm khuyên họ, họ có nghe lời quý vị hay không? Mong họ nghe lời quý vị thì phải có đại oai lực, bản thân quý vị cũng phải tu đức trọn đủ. Đức chẳng đủ, sẽ chẳng được! “*Đức chẳng đủ cho kẻ khác phục, oai chẳng đủ để trị người khác*”. Họ làm sao nghe lời quý vị cho được? Do vậy, phải cậy vào chính mình tự tu. Phật tự tu trước hết. Địa Tạng Bồ Tát tán thán điều này.

(Kinh) Thọ vô lượng hữu tình, đắc thắng Bồ Đề ký, thành Ứng Cúng đạo thủ, tối thượng lương phước điền.

(經)授無量有情，得勝菩提記，成應供導首，最上良福田。

(Kinh: Thọ ký vô lượng chúng, đắc Bồ Đề thù thắng, thành Ứng Cúng đạo sư, ruộng phước tốt lành nhất).

Đây là tốt đẹp. Vô lượng hữu tình chúng sanh phát tâm hành đạo, siêng tu Lục Ba La Mật, đức Phật sẽ thọ ký họ đắc Bồ Đề thù thắng, tức là nói trong tương lai, người ấy nhất định có thể thành Phật, trong tương lai nhất định có thể thành bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, làm người hướng dẫn cho hết thảy chúng sanh, làm ruộng phước tốt lành nhất cho hết thảy chúng sanh, cũng chính là thành Phật.

(Kinh) Thế Tôn vô đẳng lữ, phổ phú chư quần sanh, vô lượng đại danh văn, sung mãn thập phương giới.

(經)世尊無等侶，普覆諸群生，無量大名聞，充滿十方界。

(Kinh: Thế Tôn không ai bằng, che chở khắp quần sanh, thanh danh rền vô lượng, tràn ngập mười phương cõi).

Hết thấy những vị ngang hàng có thể sánh bằng đức Thế Tôn thì phải là hết thấy chư Phật. Chẳng có ai hơn nổi Phật, mà cũng chẳng có ai bằng Phật! Chỉ có Phật mới có thể phổ độ hết thấy quần sanh, tức là hết thấy chúng sanh. Phật đều có thể che chở họ trọn khắp.

“*Phổ phú*” (普覆, che phủ khắp) có nghĩa là có thể vun bồi họ, khiến cho họ tăng trưởng, thành Phật, có thanh danh giống như Phật: Tiếng rền khắp mười phương, các cõi nước trong mười phương đều biết Thích Ca Mâu Ni Phật. Đây là đại thanh danh của Phật, cho đến mười hiệu của Phật, tức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... vị Phật nào cũng đều có mười hiệu ấy.

(Kinh) Thị cố, chư Bồ Tát, vị thành tựu kỳ sự, hàm cộng lai quy y, Đại Mâu Ni túc hạ.

(經)是故，諸菩薩，為成就己事，咸共來歸依，大牟尼足下。

(Kinh: Do vậy, các Bồ Tát, vì thành tựu chuyện mình, đều cùng đến quy y, dưới chân Đại Mâu Ni).

Bồ Tát là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva), tức Giác Hữu Tình, là những vị Bồ Tát phát đại tâm trong mười phương pháp giới, mong lợi ích chúng sanh, tức là những người mong làm cho hết thấy hữu tình đều giác ngộ, phát đại Bồ Tát tâm, thành tựu chính mình, thành tựu sự nghiệp của Phật, khéo độ chúng sanh, đều quy hướng Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Hàm cộng lai quy y, Đại Mâu Ni túc hạ*” nghĩa là “đều quy thuận dưới chân đức Thế Tôn, tức là Thích Ca Mâu Ni Phật”. Đại Tịch Diệt là đại Niết Bàn, Mâu Ni dịch nghĩa là Tịch Diệt.

(Kinh) Văn sở thuyết diệu pháp, giai sanh hoan hỷ tâm, khởi tăng thượng chánh cần, tu tập Bồ Đề hạnh.

(經)聞所說妙法，皆生歡喜心，起增上正勤，修習菩提行。

(Kinh: Nghe nói pháp nhiệm mầu, đều sanh lòng hoan hỷ, khởi chánh cần tăng thượng, tu tập hạnh Bồ Đề).

Đến quy y Phật để cầu thuyết diệu pháp. Diệu pháp là gì? Diệu Pháp Liên Hoa Kinh cũng là diệu pháp, kinh Kim Cang cũng là diệu pháp. “*Diệu*” (妙) là chẳng thể nghĩ bàn, rất vi diệu. Trong tâm chúng ta chẳng thể nghĩ đến, nghị luận chẳng được, thì gọi là Diệu. Quy luật, quy tắc, đó là Pháp, chính là những gì khiến cho hiểu rõ. Nói cách khác, [hiểu rõ] chính là khai ngộ. Chẳng khai ngộ, đức Phật sẽ không nói. Chúng ta chẳng hiểu rõ, đức Phật vừa nói, chúng ta liền hiểu rõ. Đó gọi là “*diệu pháp*”. Chúng ta chẳng biết khổ do đâu mà có, đức Phật liền dạy Khổ là do Tập mà có, tức chiêu cảm. Có cái nhân thì mới có khổ quả. Muốn thoát ly thì sao? Ngài dạy phải tu Đạo. Tu Đạo chứng Tịch Diệt, khổ quả liền đoạn. Đây là diệu pháp.

Nếu chẳng có trí huệ, hãy khởi lên quán chiếu, khởi lên tư duy cho nhiều. Đối với hết thấy sự vật, chẳng hiểu thì phải học: Đóa hoa này sanh ra như thế nào? Vì sao nó có màu vàng? Tùy tiện nêu ra một sự vật, [sẽ thấy] chuyện chúng ta không biết quá nhiều! Dùng trí huệ của Phật để chỉ dạy chúng ta, những điều ấy đều gọi là “*diệu pháp*”. Đây là chẳng thể nghĩ bàn! Các diệu pháp ấy chỉ là nói đến pháp tắc để thoát sanh tử, chứng Niết Bàn.

Nghe đức Phật nói loại diệu pháp ấy liền sanh tâm đại hoan hỷ. Chúng sanh đã sanh tâm hoan hỷ, sẽ chánh đáng siêng năng, hăng hái tu học, sẽ sanh khởi sự chánh cần (正勤, siêng năng chánh đáng) tăng thượng, tức là “*khởi tăng thượng chánh cần*”. Nay chúng ta tuy siêng tu chánh đáng (chánh cần), nhưng vẫn chưa đủ tăng thượng. Phải dốc sức thêm, tăng thêm cái tâm thù thắng, tăng thêm cái tâm tinh tấn. Quý vị đã có cái tâm xuất ly, lại thêm tâm tăng thượng, sẽ như thế nào? Tu tập giác ngộ, phát khởi Bồ Đề tâm. Đây cũng là tu tập tánh môn giác ngộ. Cần phải làm như thế nào?

(Kinh) Do đạo sư pháp lực, giai tốc chứng Bồ Đề, cố kim giả đạo sư, Đại Tập vị tăng hữu.

(經)由導師法力，皆速證菩提，故今者導師，大集未曾有。

(Kinh: Do pháp lực đạo sư, đều mau chứng Bồ Đề, vì thế nay đạo sư, Đại Tập chưa từng có).

Do pháp lực của bậc đạo sư, khiến cho các vị Thanh Văn Tăng, Bồ Tát Tăng ấy đều rất nhanh chóng chứng quả rốt ráo. Bồ Đề chính là quả rốt ráo. Vì thế, nay con tán thán Phật, đại pháp hội trong hiện tại đúng là chưa từng có, cho nên con đến tùy hỷ.

(Kinh) Thập tam triệu Dược Xoa, hằng đạm chư huyết nhục, giai xả chư ác nghiệp, tốc thú đại Bồ Đề.

(經)十三兆藥叉，恆啖諸血肉，皆舍諸惡業，速趣大菩提。

(Kinh: Mười ba triệu Dược Xoa, luôn ăn các máu thịt, đều bỏ các ác nghiệp, mau hướng đại Bồ Đề).

Có gì để chứng minh [những người được pháp lực của đấng đạo sư tiếp dẫn sẽ nhanh chóng chứng Bồ Đề] hay không? Ở đây, nêu lên một trường hợp: Địa Tạng Bồ Tát vừa đến, liền biết trong pháp hội này có rất nhiều người đắc độ, rất nhiều người nghe pháp khai ngộ, ở trong hội Đại Tập này, họ sẽ chứng Bồ Đề. Ngài nêu ra một con số: “Mười ba triệu Dược Xoa”. Những quỷ Dạ Xoa ấy đều là hạng ăn máu thịt, luôn ăn thịt chúng sanh. Trong hội Đại Tập này, mười ba triệu Dạ Xoa do nghe diệu pháp của đức Phật, họ chẳng tạo sát nghiệp nữa, chẳng còn nào hại chúng sanh. “Giai xả chư ác nghiệp”: Đều bỏ các ác nghiệp. “Tốc thú đại Bồ Đề” (Nhanh chóng tiến đến Bồ Đề): Đây là như chúng ta thường nói: “Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật” (Buông dao đồ tể, ngay lập tức thành Phật). Trong hội Đại Tập này, có mười ba triệu quỷ Dạ Xoa chẳng còn tạo sát nghiệp, chẳng còn lưu chuyển theo nghiệp, xả trừ nghiệp, tiến hướng Phật quả.

(Kinh) Hữu đắc thắng tổng trì, an nhẫn cập tinh lực, hữu vĩnh tận chư lậu, Ứng Cúng thể gian tôn.

(經)有得勝總持，安忍及靜慮，有永盡諸漏，應供世間尊。

(Kinh: Đắc tổng trì thù thắng, an nhẫn và tinh lực, vĩnh viễn hết các lậu, thành Ứng Cúng Thể Tôn).

Địa Tạng Bồ Tát vừa đến nơi đây, do sức trí huệ của Ngài, liễu giải trong không thể tính đếm Thanh Văn Tăng, không thể tính đếm Bồ Tát Tăng, có bao nhiêu vị chứng đắc Bồ Đề, có bao nhiêu vị phát Bồ Đề tâm, bao nhiêu vị trụ Tứ Nhiếp Pháp. Trí huệ của Địa Tạng Bồ Tát rất lớn. Ngài vừa đến nơi đây, đã biết bao nhiêu người như vậy! Chúng ta một người cũng chẳng biết, chẳng có trí huệ, cho nên vẫn là chúng sanh khổ sở. Nhìn từ sự tường thuật trong kinh văn, trong phần trước, đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát đến nơi đây, cũng tán thán công đức của Phật, cũng nói ra sự thù thắng của Phật pháp.

Đức Phật thuyết diệu pháp ở nơi đây, có mười ba triệu Dược Xoa buông xuống sát nghiệp, từ ác nhất chuyển biến thành thiện nhất. Lại còn có rất nhiều người đắc Đà La Ni (Tổng Trì), chứng đắc rất nhiều quả Đà La Ni, đắc Thiên Định rất sâu, vĩnh viễn hết sạch các lậu. Có người thành Phật.

“Ứng Cúng thể gian tôn” (Đấng Ứng Cúng được thể giới tôn trọng): Trong hội Đại Tập này, có rất nhiều người thành Phật, nhiều người buông đao đồ tể, rất nhiều người đắc Tổng Trì, rất nhiều người đắc Lục Ba La Mật. Có nhân duyên thù thắng dường ấy. Chúng ta vẫn chẳng chứng đắc, bèn tùy hỷ đôi chút, hy vọng mọi người đều đạt được Tổng Trì thù thắng.

(Kinh) Hữu tu Tứ Vô Lượng, hữu trụ Tứ Nhiếp pháp, hữu đắc Tứ Biện Tài, hữu an trụ Thuận Nhẫn, hữu đắc Kiện Hành Định, hữu đắc diệu huệ nhãn, hữu trụ Vô Sanh Nhẫn, giai do đạo sư lực.

(經)有修四無量，有住四攝法，有得四辯才，有安住順忍，有得健行定，有得妙慧眼，有住無生忍，皆由導師力。

(Kinh: Người tu Tứ Vô Lượng, kẻ trụ pháp Tứ Nhiếp, kẻ chứng bốn biện tài, kẻ an trụ Thuận Nhẫn, kẻ đắc Kiện Hành Định, kẻ đắc diệu huệ nhãn, kẻ trụ Vô Sanh Nhẫn, đều do sức Đạo Sư).

Đây là những lời lẽ đẹp đẽ để tán thán đức Phật của Địa Tạng Bồ Tát. Từ những lời ca ngợi ấy, chúng ta có thể thấy trí huệ của Bồ Tát. Thông thường, chúng ta chiếu theo kinh điển để ca ngợi Bồ Tát, ca ngợi Phật. Nếu chúng ta tự soạn lời ca ngợi, sợ rằng cũng chẳng thể tán thán nổi. Lời ca ngợi ấy bao gồm rất nhiều hàm nghĩa, có khi là [tán thán] sự tu hành của đức Phật trong lúc tu nhân, có lúc là sự biểu hiện nơi quả đức, có khi là tán nhân, có lúc là tán quả, nói ra bài Già Đà màu nhiệm này, chính là những lời lẽ tán thán chẳng thể nghĩ bàn.

“*Tứ Vô Lượng*” tức là bốn vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”. Tứ Nhiếp là trong lúc tu nhân, đức Phật đã dùng những lời lẽ tốt đẹp tốt bậc để nhiếp thọ hết thảy chúng sanh. Họ nghe những lời lẽ của Ngài, tâm sanh hoan hỷ. Sau đây, tiến nhập Phật môn. Hoặc Ngài thị hiện đồng sự với họ, hoặc thị hiện bố thí. Do vậy, trong mỗi bài kệ tán thán, đều hàm nhiếp những chuyện đức Phật đã làm trong vô lượng ức kiếp. Chúng ta nghe những danh từ ấy, cảm thấy dường như quá dễ dàng. Thế nhưng, khi chúng ta thực hiện, sẽ [nhận thấy] rất khó, vì chúng ta có tâm đố kỵ. Thấy kẻ khác làm chuyện tốt, tâm sanh ganh ghét. Không chỉ chẳng ca ngợi, mà lúc người khác khen ngợi, vẫn muốn nói chen vào những lời lẽ phá bình: “Có gì hay ho đâu? Ai làm chẳng được!” Chúng ta đọc những lời lẽ ca ngợi này, trong tâm thường nghĩ tưởng như thế, sanh khởi lòng hổ thẹn, phải học theo Phật, Bồ Tát tán thán như thế nào.

Nếu trong lúc biểu dương một đệ tử để mọi người sanh khởi cảm xúc thù thắng, học tập theo, hãy khéo dùng những lời lẽ ca ngợi, xưng tán người đệ tử ấy thích đáng. Chúng ta luôn cảm thấy khi Bồ Tát tán thán Phật, đều là tán thán chẳng trọn hết. Ngoại trừ các vị như Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc, Quán Âm, nếu các vị đại Bồ Tát ấy tán thán, sẽ có thể nêu trọn công đức của Phật. Chứ chúng ta chẳng thấu hiểu sâu xa dường ấy! Nếu muốn tán thán công đức của Phật, sẽ chẳng thể tán thán nổi, tán thán chẳng cùng tận.

Trong lời tán thán của Địa Tạng Bồ Tát, từ trước đến giờ, đều là tán thán những gì? Ngài nói: “Đức Phật thật tuyệt diệu, con thấy các vị trong hội Đại Tập này đạt được lợi ích nơi pháp”. Ngài tán thán đức Phật giáo hóa các vị ấy, hội này chẳng phải là hội Đại Tập ư? Thanh Văn Tăng và Bồ Tát Tăng đều chẳng thể tính đếm ư? Ở trong pháp hội này, có các vị do được đức Phật chỉ dạy, có những người tu Tứ Vô Lượng Tâm; có người do đức Phật dạy bèn tu Tứ Nhiếp Pháp. Có người do được đức Phật dạy bảo mà ở trong hội này tu Tứ Vô Ngại Biện.

Tứ Nhiếp là gì? Chính là Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, và Đồng Sự. Tứ Biện Tài là gì? Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, biện vô ngại. Ở đây, còn có “*Kiên Hành Định*”, Kiên Hành Định chính là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Danh từ Pháp Tướng liên quan tới mỗi bộ kinh. Mỗi bộ kinh đều có ý nghĩa như thế nào, quý vị hãy tự xem, vì các ý nghĩa ấy chẳng phải là ý nghĩa chủ yếu mà chúng tôi muốn nói. Ý nghĩa chủ yếu là gì? Chúng ta muốn tu hành theo kinh Thập Luân thì phải tu hành như thế nào? “*Tu hành*” là chúng ta phải quán tưởng như thế nào? Có thể tu Định như thế nào? Khai huệ như thế nào? Đặc biệt là tuy chỉ có sáu chữ “*sổ, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh*”, nhưng các hàm nghĩa trong ấy quá nhiều, chúng ta có thể từ nhập môn mà một mực hành cho đến khi đắc Định. “*Diệu huệ nhãn*” (Mắt trí huệ màu nhiệm) là lời ca ngợi đức Phật, ý nói: Trong hội này, có nhiều người dường ấy còn đạt được con mắt trí huệ, tức là đạt được diệu huệ nhãn nơi chánh pháp nhãn tạng. Có người đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Vô Sanh Pháp Nhãn là chúng đắc pháp tánh, chứng đắc Lý Thể, liễu giải, ngộ nhập hết thảy các pháp vô sanh. Có thể hiểu chữ Nhãn (忍) là “*tán thành*”. Có người trụ trong Vô Sanh Pháp Nhãn là do các sức mạnh nào? Vì sao các đạo hữu trong hội có sức mạnh như thế ấy? Đều là do sức của đấng Đạo Sư, tức là sức dạy bảo của đức Phật.

(Kinh) Thế Tôn đại oai đức, tôi diệt chúng ma oán, hàng phục chư ngoại đạo, cứu thập ngũ dị loại.

(經)世尊大威德，摧滅眾魔怨，降伏諸外道，九十五異類。

(Kinh: Thế Tôn oai đức lớn, dẹp tan các ma oán, hàng phục các ngoại đạo, chín mươi lăm dị loại).

Đại chúng trong pháp hội này hẳn còn có các chúng ngại, bị oán địch quấy nhiễu, do oai đức của Phật, các thứ ấy đều bị dẹp tan. “*Cửu thập ngũ dị loại*” cũng là [chín mươi lăm thứ] ngoại đạo.

(Kinh) Tận địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, phi thiên thú, cố chân thật hữu tình, hàm quy tôn túc hạ.

(經)盡地獄傍生，餓鬼非天趣，故真實有情，咸歸尊足下。

(Kinh: Trọn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, néo phi thiên, các hữu tình chân thật, đều quy ngưỡng Thế Tôn).

Còn có địa ngục, bàng sanh (súc sanh), ngạ quỷ, những loài phi thiên (chẳng phải là chư thiên), [*“phi thiên”*] tức là các hữu tình chẳng thuộc vào thiên đạo, mà cũng chẳng phải là nhân loại, ở đây là nói đến A Tu La. Tuy họ có phước giống như chư thiên, cũng thuộc vào thiên đạo, nhưng họ chẳng giống chư thiên. [Do vậy, bài kệ này] nói về lục đạo chúng sanh: Địa ngục, ác quỷ, súc sanh, trời, người, và A Tu La. Đây là gồm trọn lục đạo. Tất cả hội chúng trong hội Đại Tập đều quy y dưới chân đức Phật. “*Hàm quy tôn túc hạ*” (Đều nương về dưới chân bậc tôn kính), [*“bậc tôn kính”*] tức là đức Phật.

(Kinh) Kim giả tức đao binh, dịch bệnh, cơ cần kiếp, độ mê thất chánh đạo, manh minh chư hữu tình.

(經)今者息刀兵，疫病饑饉劫，度迷失正道，盲冥諸有情。

(Kinh: Nay dứt bật đao binh, kiếp đói kém, bệnh dịch, độ kẻ mê đường chánh, các hữu tình mù tối).

Nếu có đao binh kiếp (chiến tranh), do oai lực của Phật, đao binh kiếp chấm dứt. Nếu có bệnh khổ lan tràn, hoặc nạn đói kém, hoặc trong khi hoại kiếp, rất nhiều chúng sanh mê mất chánh đạo, đức Phật đều độ họ. “*Manh minh chư hữu tình*” (Những hữu tình mù tối) là những kẻ ở trong hắc ám. Chữ Minh (冥) vốn nói tới sự tối tăm. Những kẻ ấy do thần kinh bất bình thường, dường như vĩnh viễn ở trong tối tăm. Các hữu tình như thế ở trong cảnh tối tăm, thường nói là “có mắt mà chẳng thấy”,

vì nơi thân chẳng hề thấy có quang minh. Nói “*manh minh*” là một cách hình dung vậy.

(Kinh) Chư phiền não cuồng loạn, giai an tịch diệt đạo, cố ngã xả chư duyên, lai lễ kính tôn túc.

(經)諸煩惱狂亂，皆安寂滅道，故我舍諸緣，來禮敬尊足。

(Kinh: Kẻ phiền não cuồng loạn, đều trụ đạo tịch diệt, nên con bỏ các duyên, đến lễ kính Thế Tôn).

Còn có những kẻ phiền não, cuồng loạn. Chữ “*cuồng loạn*” bao hàm rất nhiều ý nghĩa, chẳng tin chánh đạo, chẳng có chánh tri kiến, tà kiến cũng chẳng ít. [Đức Phật] khiến cho những người ấy an trụ trong đạo tịch diệt, sức mạnh ấy rất chẳng thể nghĩ bàn. Vì con thấy trong hội Đại Tập này có nhiều công đức dường ấy, nhiều lợi ích chẳng thể nghĩ bàn dường ấy.

“*Cố ngã xả chư duyên*” (Nên con bỏ các duyên): Địa Tạng Bồ Tát nói: “*Con buông xuống hết thấy các nhân duyên, buông xuống toàn bộ các duyên khác để đến lễ Phật*”. Điều này mang ý nghĩa cầu gia trì, “*lai lễ kính tôn túc*” (đến lễ dưới chân bậc tôn kính).

(Kinh) Vô biên chư Phật độ, hiện tại chư đạo sư, hàm quảng tán Thế Tôn, văn giả giai lai thử.

(經)無邊諸佛土，現在諸導師，咸廣讚世尊，聞者皆來此。

(Kinh: Vô biên các cõi Phật, các đạo sư hiện tại, đều rộng tán Thế Tôn, người nghe đều đến đây).

Đây là Địa Tạng Bồ Tát xưng tán: Con thấy vô biên cõi Phật, có rất nhiều cõi nước giáo hóa của đức Phật, mỗi vị Phật trong các quốc độ ấy đều tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn của Thích Ca Mâu Ni Như Lai, đều đang tán thán đức Thế Tôn. Vì sao? Ngài đang ở trong chốn khổ sở nhất, nhằm thuở ác thế ngũ trược để độ chúng sanh, cho nên những ai thấy nghe, không ai chẳng sanh lòng hoan hỷ to lớn.

(Kinh) Ngã văn Biến Tri hải, chân thật đức vô biên, độ thoát chư hữu tình, tâm hoan hỷ kính lễ. Tăng tu vô lượng phước, kim đắc lễ tôn túc, nguyện vô lượng kiếp trung, thường tu đa cúng dường.

(經)我聞徧知海，真實德無邊，度脫諸有情，心歡喜敬禮。曾修無量福，今得禮尊足，願無量劫中，常修多供養。

(Kinh: Con nghe biển Biến Tri, đức chân thật vô biên, độ thoát các hữu tình, tâm hoan hỷ kính lễ. Tăng tu vô lượng phước, nay được lễ Thế Tôn, nguyện trong vô lượng kiếp, thường tu nhiều cúng dường).

Khi bái sám có mấy câu như vậy, trước kia, tôi chẳng tìm thấy xuất xứ, sau này, đọc kinh Thập Luân mới biết xuất xứ: Ngẫu Ích đại sư đã trích lục từ chỗ này, chứ trong kinh Địa Tạng chẳng có, mà kinh Chiêm Sát cũng chẳng có. “*Biến Tri hải*” (biển Chánh Biến Tri) là Phật đạo. Con liễu giải Phật, biết trí huệ của Phật, pháp âm do Ngài nói có thể giải trừ nỗi khổ cùng cực của hết thảy chúng sanh. Phật có chân thật đức, [các công đức được nói] trong phần trước là Đệ đức, tức là công đức sanh khởi xứng hợp lễ Chân, cho nên gọi là “*chân thật đức*”. Do tánh thể trọn khắp hết thảy mọi nơi, cho nên đức ấy cũng trọn khắp hết thảy mọi nơi, vô biên. Trong câu “*độ thoát chư hữu tình*”, “*độ*” là đức Phật giáo hóa, “*thoát*” là chúng sanh thoát ly khổ nạn, có thể độ thoát. Các hữu tình chúng sanh ấy đã lìa thoát khổ nạn, được hưởng vui sướng, tâm sanh khởi đại hoan hỷ, có thể lễ Phật. Chẳng dễ gì thấy Phật! Nếu chẳng tu vô lượng phước đức, có mong lễ Phật cũng chẳng được!

“*Tăng tu vô lượng phước, kim đắc lễ tôn túc*” (Tăng tu vô lượng phước, nay được lễ dưới chân bậc tôn kính): Sở dĩ chúng ta có thể bái sám, là do nhiều đời nhiều kiếp tu tập mà ra! Đừng nói là chúng ta hằng ngày bái sám, dầu chỉ đến chùa lễ một lạy, vẫn là chẳng thể nghĩ bàn rồi! Kinh Pháp Hoa dạy: “*Nhược nhân ư tháp miếu trung, đôn hiệp chưởng, tiểu đê đầu, giai dĩ thành Phật đạo*” (Nếu ai ở trong tháp, miếu, chỉ gơ một tay làm lễ, hơi cúi đầu, đều đã thành Phật đạo). Có khi nói là “*Phật đạo giai dĩ thành*” (Phật đạo đều đã thành), còn kinh Pháp Hoa thì nói “*giai dĩ thành Phật đạo*”.

Có những kẻ chỉ nói theo văn tự, [cho rằng] chỉ cần đến tháp, miếu chấp tay, cúi đầu thì đều đã thành Phật đạo. Có một giáo sư thuộc đại học Hạ Môn (Amoy) đã từng hỏi tôi về vấn đề này. Ông ta hỏi: “Tôi

lễ Phật mỗi ngày, không chỉ là giơ một tay, mà chấp cả hai tay, vẫn chẳng thành Phật! Những lời ấy có khuyết điểm”. Tôi giải thích: “Những lời ấy chẳng có khuyết điểm tí nào! Phạm là người đến tháp, miếu, có thể chỉ giơ một tay [để lễ kính], hơi cúi đầu, đã đều thành Phật. Điều ấy xác nhận: Nay ông đã đến, có thể trông thấy tượng Phật, chỉ giơ một tay lễ kính, trong tương lai, nhất định sẽ thành Phật, trọn chẳng phải là hiện tại ông đã thành Phật. Quá khứ chư Phật gieo thiện căn, trong khi tu nhân, các Ngài đã gieo như thế. Cho nên các Ngài đã thành tựu Phật đạo, chứng minh: Trong hiện tại, bất luận vị nào có thể trông thấy tượng Phật mà có thể giơ một tay lễ kính, hơi cúi đầu, trong tương lai, nhất định sẽ có thể thành Phật. Từ quá khứ mà chứng minh hiện tại”.

Do vậy, nếu quá khứ chẳng tu vô lượng phước thì nay quý vị sẽ chẳng thể lễ Phật. Câu ấy có nghĩa như vậy đó. Chúng ta không chỉ lễ Phật, lại còn bái Phật, hằng ngày bái sám, chúng tở: Trong quá khứ, chúng ta đã tu vô lượng phước. Vì thế, phải phát nguyện “*nguyện vô lượng kiếp trung, thường tu đa cúng dường*” (nguyện trong vô lượng kiếp, thường tu nhiều cúng dường) hòng có thể cúng dường đức Thế Tôn.

(Kinh) Ngã kim học Thế Tôn, phát như thị thệ nguyện, đương u thử uế độ, đắc Vô Thượng Bồ Đề.

(經)我今學世尊，發如是誓願，當於此穢土，得無上菩提。

(Kinh: Con nay học Thế Tôn, phát thệ nguyện như thế, sẽ trong cõi uế này, đắc Vô Thượng Bồ Đề).

“Ngã” (Con) là Địa Tạng Bồ Tát tự xưng. Trong thuở quá khứ, đức Thế Tôn phát nguyện như vậy. Thoạt đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật nghe danh hiệu của năm mươi ba vị Phật, Ngài lần lượt hướng về người khác truyền tụng, [những người ấy] nay chính là ba ngàn vị Phật, cũng là ba ngàn vị Phật trong Vị Lai Tinh Tú Kiếp, Hiện Tại Hiền Kiếp, và Quá Khứ Trang Nghiêm Kiếp khi chúng ta niệm kinh [Tam Thiên Phật Danh]. Ba ngàn vị Phật trong ba kiếp thoạt đầu được nghe danh hiệu của năm mươi ba vị Phật, gieo thiện căn, dần dần tu hành, đều thành Phật. Địa Tạng Bồ Tát tự khiêm, Ngài nói: “*Nay con cũng học theo Phật, cũng phát các thệ nguyện giống như hội Đại Tập của đức Phật trong*

hiện thời. Chính mình cũng tu hành trong cõi uế vào lúc đời ác Ngũ Trước này, chẳng ở trong quốc độ thanh tịnh, [chịu đựng] hết sức nhiều chướng ngại. Tu hành ở trong ấy chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Thích Ca Mâu Ni Phật phát nguyện, do nhiều đời nhiều kiếp tu nhân mà thành tựu”.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dĩ diệu già-tha lễ tán Phật dĩ.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩以妙伽他禮讚佛已。

(Kinh: Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dùng bài kệ mâu nhiệm lễ tán đức Phật rồi).

Địa Tạng Bồ Tát vừa lễ vừa tán, tức là vừa tán thán vừa đánh lễ. Giống như khi chúng ta lễ Phật, cũng là tán thán và kính lễ. Chúng ta chẳng thể soạn kệ, bèn lấy các bài kệ tán Phật của các vị Bồ Tát để niệm, như trong phần tụng tụng của phẩm Phổ Hiền, có rất nhiều bài kệ tán thán Phật, đều có thể dùng để tán thán Phật. Còn có những bài có thể dùng để niệm sám hối tội lỗi, chẳng phải là thuần túy tán thán công đức của Phật, mà còn sám hối tội của chính mình, ai nấy đều phải tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình. Trong khi chúng ta lạy Phật, vừa lạy, vừa tụng: “*Nguyện tiêu tam chướng chư phiền não, nguyện đắc trí huệ chân minh liễu, phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ, thể thể thường hành Bồ Tát đạo*” (Nguyện tiêu ba chướng, các phiền não, nguyện được chân trí hiểu thông tỏ, nguyện các tội chướng thảy tiêu trừ, đời đời thường hành Bồ Tát đạo). Vừa niệm, vừa lễ, đã tán Phật, lại sám hối tội lỗi, lại phát nguyện. Đây đều là những bài kệ do bậc đại Bồ Tát đã soạn cho chúng ta.

Chính mình cũng có thể soạn kệ tụng, viết kệ, tùy thuộc ý nguyện của chính quý vị. Quý vị học rất nhiều kinh, chính mình mong cầu chuyện gì, bèn soạn kệ để chính mình tán tụng. Chúng ta thấy bài kệ tán thán Văn Thù Bồ Tát của đại sư Tông Khách Ba (Tsongkhapa)⁷. Hiện

⁷ Tsongkhapa (có nghĩa là “người đến từ xứ Tsongkha”, 1357-1414), được coi là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, là người sáng lập tông phái Gelugpa của Phật Giáo Tây Tạng. Cha Ngài là người Mông Cổ, mẹ là người Tây Tạng. Ngài sanh ở thành phố Tsongkha thuộc vùng Amdo (nay thuộc Tây Ninh của tỉnh Thanh Hải, Trung Hoa), thọ Ngũ Giới với Karmapa đời thứ tư, với tên gọi là Kunga Nyingpo. Lên bảy tuổi, Ngài cầu thọ giới Sa Di với tu viện trưởng tu viện Hạ Quỳnh (Jakhyung), được đặt

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thời, những bài kệ mà pháp sư Hoàng Giác đọc khi giảng Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận đều do đại sư Tông Khách Ba soạn ra, nguyện hết thầy chúng sanh đều thành Phật. Tuy chỉ là bài tán tụng để niệm, nhưng thật ra là tu hành. Đây là các vị Bồ Tát tán xướng lẫn nhau. Địa Tạng Bồ Tát đến pháp hội Đại Tập này, trong khi lễ Phật, đã nói tất cả ba mươi bốn bài kệ. Ngài khởi đầu bằng tán tụng, dùng tất cả ba mươi bốn bài kệ tụng để tán thán. Sau khi tán thán, lễ bái, lại còn phụng hiến cúng dường.

(Kinh) Dĩ chư quyển thuộc, phục trì vô lượng thiên diệp hương, hoa, chủng chủng bảo sức, nhi tán Phật thượng, biến thành bảo cái, trụ hư không trung, vị thính pháp cố, tức ư Phật tiền, nghiêm nhiên nhi tọa.

pháp danh là Losang Drakpa (Thiện Huệ Xung). Ngài được truyền thụ các Mật pháp bí nhiệm về Thánh Lạc (Heruka), Hỷ Kim Cang (Hevajra) và Diễm Man Đắc Ca (Yamantaka) rất sớm. Do thông thạo kinh điển, Ngài đặc biệt hứng thú nghiên cứu Luận Tạng, mật điển Thời Luân (Kalachakra), và Đại Thủ Ấn (Mahamudra). Lúc 24 tuổi, Ngài được thọ Cụ Túc Giới theo tông phái Sakyapa. Ngài chuyên nghiên cứu các giáo điển theo truyền thừa bởi tôn giả Atisha, và theo học với nhiều vị thầy nổi tiếng của hai tông Sakyapa và Kargyupa. Không chỉ nghiên cứu thâm nhập kinh điển, Ngài còn tự bế quan hành trì, cúng dường, và sám hối. Theo ghi chép, Ngài đã tự mình đánh lễ hàng triệu lần, tác pháp cúng dường, và sám hối tam nghiệp. Nhận thấy các lama Tây Tạng lời lỏng giới luật, nhiều vị buông lung trong tửu sắc, hoặc lạm dụng các pháp song tu (thậm chí mượn tiếng song tu để hành dâm bừa bãi), cũng như không chú trọng nghiên cứu kinh điển và các bộ luận Đại Thừa. Ngài nhấn mạnh việc nghiên cứu giới luật, và kinh luận, đặc biệt là Duyên Khởi Tánh Không và Trung Quán của Duy Thức, hành trì giới luật nghiêm cẩn, cấm ngặt các đệ tử đã thọ Đại Giới không được uống rượu, không được tùy tiện cưới vợ, tuyệt đối không được thực hành pháp song tu với nữ nhân. Do vậy, trong tu viện Ganden do Ngài sáng lập vào năm 1409, các tăng sĩ được gọi là Gelugpa (những người đức hạnh). Hai đệ tử nổi tiếng của Ngài là Khedrup Geleg Pelzhang (Ban Thiên Lạt Ma đời thứ nhất) và Gedun Drupa (Đại Lai Lạt Ma đời thứ nhất) là những người góp phần tích cực trong việc hình thành tông phái Gelugpa. Để phân biệt với các tông phái cũ, họ đội mũ màu vàng, nên người Hoa thường gọi họ là Hoàng Mạo Phái. Trong khi các tông phái cũ được gọi là Hồng Mạo Phái (Nyingmpa, Sakyapa và Kargyupa). Ngài để lại rất nhiều trước tác, trọng yếu nhất là các bộ Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận Quảng Luận (Lamrim Chenmo), Mật Tông Đạo Thứ Đệ Quảng Luận, Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Lược Luận, Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Tâm Luận, Đại Thừa Tu Tâm Thất Nghĩa Luận Quán Chú, Duyên Khởi Tán Ngũ Thập Bát Tụng...

(經)與諸眷屬，復持無量天妙香華，種種寶飾，而散佛上，變成寶蓋，住虛空中，為聽法故，即於佛前，儼然而坐。

(Kinh: Cùng các quyến thuộc lại cầm vô lượng hương, hoa màu nhiệm cõi trời và các thứ trang hoàng quý báu rải trên đức Phật, biến thành lọng báu, trụ trên hư không, vì nghe pháp bèn ngồi đốn nghiêm trước đức Phật).

Quyến thuộc đông đảo như vậy đều dùng hương, hoa màu nhiệm, và các thứ trang hoàng báu để cúng Phật. Những vật ấy, những thứ hoa báu khi rải lên hư không, đều biến thành lọng báu. Lọng báu giống như dù che, biến thành lọng báu che trên đức Phật. Sau khi tán thán, lễ bái, bèn “*Phật tiền nghiêm nhiên nhi tọa*” (ngồi đốn nghiêm trước đức Phật), cũng tức là rất thận trọng, trang nghiêm đến ngồi trong hội.

(Kinh) Nhĩ thời, nhất thiết chư lai đại chúng, ký kiến Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dĩ, giai hoạch hy kỳ, đắc vị tăng hữu, các trì chủng chủng thượng diệu hương, hoa, bảo sức, y phục, tràng, phan, cái đảnh, phụng tán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nhi vi cúng dường, giai tác thị ngôn.

(經)爾時，一切諸來大眾，既見地藏菩薩摩訶薩已，皆獲希奇，得未曾有，各持種種上妙香華、寶飾、衣服、幢幡、蓋等，奉散地藏菩薩摩訶薩而為供養，皆作是言。

(Kinh: Lúc bấy giờ, hết thấy đại chúng đến dự hội đã thấy Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát xong, đều cảm thấy hiếm lạ, đạt được chưa từng có, ai nấy đều cầm các thứ hương, hoa, vật trang hoàng báu, y phục, tràng, phan, lọng v.v... thượng diệu dâng rải lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát để cúng dường, đều nói như thế này).

Các đại chúng vốn đến dự hội Đại Tập, trông thấy Địa Tạng Bồ Tát đi đến, “*giai hoạch hy kỳ*”, tức là cảm thấy đặc biệt hiếm lạ, do vị Bồ Tát ấy dùng lời lẽ mỹ diệu để tán thán đức Phật, họ cảm thấy rất thù thắng, mà cũng rất cảm động, cho nên đều muốn cúng dường Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Ngã đẳng kim giả khoái đắc thiện lợi, nhân Phật thần lực, thân đắc chiêm ngưỡng, lễ kính, cúng dường như thị Đại Sĩ.

(經)我等今者快得善利，因佛神力，親得瞻仰，禮敬，供養如是大士。

(Kinh: Chúng tôi nay mau chóng đạt được lợi ích tốt lành, do thần lực của đức Phật mà đích thân được chiêm ngưỡng, lễ kính, cúng dường bậc Đại Sĩ như thế).

Sở dĩ chúng tôi đạt được lợi ích rất to lớn, rất tốt đẹp, đều là do thần lực của đức Phật, cho nên mới có thể chiêm ngưỡng, kính lễ, cúng dường vị Đại Sĩ này, tức là Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Nhĩ thời, chúng trung hữu Bồ Tát Ma Ha Tát, danh Hảo Nghi Vấn.

(經)爾時，眾中有菩薩摩訶薩，名好疑問。

(Kinh: Khi ấy, trong đại chúng có vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Hảo Nghi Vấn).

Ngay lúc ấy, trong hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Hảo Nghi Vấn, có nghi bèn thưa hỏi. Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, vị phát khởi bộ kinh ấy là Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, tức vị Bồ Tát nêu câu hỏi trước tiên có tên là Kiên Tịnh Tín, biểu thị chúng ta đều chẳng có tín tâm, nhưng Ngài thì tín tâm hết sức kiên định, hy vọng sẽ khiến cho mọi người cũng [có tín tâm] kiên định giống như Ngài. Nay vị đại Bồ Tát phát khởi ở đây là Hảo Nghi Vấn. Bản thân Hảo Nghi Vấn Đại Bồ Tát đã hết sức liễu giải Địa Tạng Bồ Tát, cho nên Ngài đại diện đại chúng trong đại hội, vì người khác chẳng có trí huệ để thưa hỏi. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát cũng vì như thế mà hỏi. Có lúc, chẳng có ai thưa hỏi, Văn Thù Bồ Tát bèn thưa hỏi, như trong các kinh luận, đều do Văn Thù Bồ Tát thưa hỏi. Trong lúc thưa hỏi lẫn nhau, sẽ sanh ra các nghĩa lý, khiến cho đại chúng trong pháp hội đạt được rất nhiều lợi ích. Vị Hảo Nghi Vấn Bồ Tát này hẳn có nghi liền hỏi.

Tôi nhớ Vĩnh Gia đại sư có mấy câu như thế này: “Viên Đốn giáo vô nhân tình” (Viên Đốn Giáo không có chuyện nói theo tình cảm bình phàm), [ý nói]: Giáo lý viên mãn chẳng thể nghĩ bàn, kẻ bình phàm sẽ

chẳng thể liễu giải được! Chẳng thể nói theo tình cảm bình phàm, chẳng có tình cảm bình phàm nào để nói được (tức là chẳng vì nghi vấn mà e ngại người khác mịch lòng, hay sợ bị chê là ngu dốt, độn căn mà cứ ôm mãi nỗi nghi). “*Hữu nghi bất quyết trực tu tranh*” (Có nghi vấn chẳng quyết đoán được thì cứ thẳng thừng tranh biện): Ta có chuyện hoài nghi chẳng thể quyết đoán được, “*trực tu tranh*” nghĩa là cứ tranh luận như vậy chẳng sao cả! Đừng nên nghe người khác bảo thế nào, ta bèn nói rập khuôn thế đó, người khác bảo sao, ta nghe vậy! Đây là chẳng đúng, quý vị cần phải hỏi. “*Hữu nghi bất quyết trực tu tranh, thị phi sơn tãng tranh nhân ngã*” (Hễ có nghi vấn mà chẳng thể quyết đoán được, cứ thẳng thừng tranh biện để giải quyết mối nghi, chẳng phải là chuyện tranh chấp giữa ta với người của các vị tãng): Chẳng phải là ta tranh luận đúng, sai. “*Tu hành khủng lạc đoạn thường khanh*” ([Nếu không giải quyết nghi hoặc], sợ rằng tu hành sẽ rơi vào hầm bẫy Đoạn Kiến và Thường Kiến): Người tu hành chẳng hiểu đạo lý ấy, nếu chẳng đọa vào Đoạn Kiến, thì cũng rơi vào Thường Kiến. Hảo Nghi Vấn Bồ Tát thấy cảnh tượng và sự biến hóa ấy, cho nên bèn đứng dậy, hướng về đức Phật thưa hỏi.

(Kinh) Tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, thiên dẫn nhất kiên, lễ Phật song túc, hữu tất trước địa, hiệp chưởng hướng Phật, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thử thiện nam tử tùng hà nhi lai? Sở cư Phật quốc, khứ thử viễn cận? Thành tựu hà đẳng công đức thiện căn, nhi mônng Thế Tôn chủng chủng xưng tán? Phục năng tán Phật bất khả tư nghị công đức pháp hải? Ngã đẳng tích lai, vị tãng văn kiến, duy nguyện vị thuyết”.

(經)從座而起，整理衣服，偏袒一肩，禮佛雙足，右膝著地，合掌向佛，而白佛言：「世尊！此善男子從何而來？所居佛國，去此遠近？成就何等功德善根，而蒙世尊種種稱嘆？復能讚佛不可思議功德法海？我等昔來，未曾聞見，唯願為說」。

(Kinh: Từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật y một bên vai, lễ dưới hai chân đức Phật, gối phải đặt sát đất, chắp tay hướng về đức Phật, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị thiện nam tử này từ đâu đến? Cõi Phật mà vị ấy ở cách đây xa hay gần? Thành tựu

công đức, thiện căn như thế nào mà được đức Thế Tôn xưng tán đủ mọi lẽ? [Vì sao] vị ấy lại có thể tán thán biến pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật? Chúng con trước nay chưa từng thấy, nghe, kính mong hãy nói cho”).

Trước hết, đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, “*mông Thế Tôn chúng chúng xưng thán, phục năng tán Phật bất khả tư nghị công đức pháp hải*” (được đức Thế Tôn xưng tán đủ mọi lẽ, [vị ấy] lại có thể tán thán biến pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật). Tán thán kiểu ấy, tán thán chẳng thể nghĩ bàn, những kẻ bình phàm sẽ chẳng thể tán thán được. Có sao trước nay [chúng con] chưa hề nghe thấy? Chúng con chưa từng nghe thấy vị đại Bồ Tát như thế, từ trước đến nay chưa hề nghe thấy. “*Duy nguyện vị thuyết*” [nghĩa là] xin đức Thế Tôn hãy giải thích, khai thị cho chúng con. Có lúc khi chúng ta lễ sám xong, có đạo hữu nói: “*Sư phụ! Xin hãy khai thị*”. Khai thị điều gì? Quý vị có thắc mắc gì? Hãy nêu ra câu hỏi. Hễ quý vị đối trước Phật cầu chỉ dạy, đối trước tượng Phật cầu thỉnh, ắt cần phải có nguyện lực, có mục đích gì. Trước hết, quý vị phải có thắc mắc, chẳng thể hồ đồ dập đầu nói “*đức Phật gia trì con*” được! Giống như quý vị mắc bệnh gì, cần phải hỏi bác sĩ, thì phải nói rõ căn bệnh. Phải có thắc mắc rồi mới nêu ra câu hỏi.

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Chỉ! Thiện nam tử! Như thị Đại Sĩ công đức, thiện căn, nhất thiết thế gian thiên nhân đại chúng, giai bất năng trắc kỳ lượng thiểu thâm. Nhược văn Như Lai vị nữ quảng thuyết như thị Đại Sĩ công đức, thiện căn, nhất thiết thế gian thiên nhân đại chúng, giai sanh mê muội, hoặc bất tín thọ”.

(經)世尊告曰：「止！善男子！如是大士功德善根，一切世間天人大眾，皆不能測其量淺深。若聞如來為汝廣說如是大士功德善根，一切世間天人大眾，皆生迷悶，或不信受」。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Thôi đi! Thiện nam tử! Công đức và thiện căn của vị Đại Sĩ như thế, hết thấy đại chúng trời người trong thế gian đều chẳng thể suy lường cạn hay sâu. Nếu nghe Như Lai vì ông rộng nói công đức và thiện căn của vị Đại Sĩ như thế, hết thấy đại chúng

trời người trong thế gian sẽ đều mê muội, mờ mịt, hoặc chẳng tin nhận”).

Đức Phật trả lời Hảo Nghi Vấn Bồ Tát: “*Chi*” (Thôi đi), tức là ta không trả lời ông, chẳng cần phải hỏi nữa! Vì sao ta không nói cho ông? “*Như thị Đại Sĩ*”, công đức của vị đại Bồ Tát này, thiện căn do Ngài đã tu, hết thảy đại chúng trời người trong thế gian chẳng thể tin nhận, suy lường mức độ cạn hay sâu của Ngài, sẽ chẳng thể suy lường được! Giả sử ta đem công đức của vị ấy nói cạn kẽ ròi, sẽ có những kẻ sanh lòng nghi báng, hoặc đâm ra mê muội, mờ mịt. “*Mê muội*” (迷悶) là chẳng thể lý giải!

(Kinh) Thời, Hảo Nghi Vấn phục trùng thỉnh ngôn.

(經)時，好疑問復重請言。

(Kinh: Khi ấy, Hảo Nghi Vấn lại thỉnh lần nữa như sau).

Hảo Nghi Vấn Bồ Tát đã hỏi, đức Phật chẳng đáp. Ngài vẫn muốn thỉnh, thỉnh lần nữa.

(Kinh) “Duy nguyện Như Lai ai mãn vị thuyết”.

(經)「唯願如來，哀愍為說」。

(Kinh: “Kính mong đức Như Lai xót thương nói cho”).

Đã là như thế, [con vẫn] câu mong [Như Lai] thương xót hết thảy chúng sanh, nói cho hết thảy chúng sanh. Hễ nói ra, chúng sanh sẽ được phước, “*được phước*” tức là lìa khô, được vui. Ngài thỉnh lần nữa. Phàm là thỉnh một lần chẳng nói, chúng ta sẽ thỉnh nữa. Có lúc, đức Phật dù được thỉnh lần nữa, vẫn chẳng nói. Thỉnh lần thứ ba, nhất định là đức Phật sẽ nói. Một rồi hai, hai rồi ba lượt thỉnh, trong rất nhiều bộ kinh, đều là thỉnh từ một đến ba lượt. Kinh Pháp Hoa cũng vậy; trước hết, đức Phật đáp ứng. Ngài vừa mới đáp ứng sẽ nói, năm ngàn người đang hiện diện đều lui ra, họ chẳng nghe! Chưa đợi đến lúc đức Phật thuyết pháp, họ đã lui về. Các đạo hữu nào đã đọc kinh Pháp Hoa ắt biết chuyện này.

(Kinh) Phật ngôn: “Đế thỉnh! Thiện tư niệm chi.

(經)佛言：「諦聽！善思念之。」

(Kinh: Đức Phật dạy: “Lắng nghe! Hãy khéo suy niệm”).

Đã khái thỉnh lần nữa, quý vị hãy “*đế thính*” (lắng nghe). Trong phần trước là “*đế ngữ, đế kiến*” (nói chắc thật, thấy chắc thật), ở đây là “*đế thính*”. Mỗi lần đức Phật trả lời đều dạy “*đế thính*”. “*Đế thính*” là đúng như thật, [hàm ý] hãy lắng nghe để lý đúng như thật, hãy dụng tâm mà nghe. Đừng dùng tai để nghe! Dùng tai để nghe, sẽ từ tai này lọt sang tai kia, chớ nên! “*Đế thính*” là mong quý vị hãy tư duy. Chỉ nghe suông là không được, vẫn phải khéo suy niệm, phải khéo quan sát.

(Kinh) Ngô đương vị nhữ lược thuyết thiểu phần.

(經)吾當為汝略說少分。

(Kinh: Ta sẽ vì ông nói đại lược ít phần).

Nếu muốn nói viên mãn công đức của vị Đại Sĩ này, chỉ sợ chẳng thể. Nay chỉ nói đại lược đôi chút. “*Thiểu phần*” là rất ít.

(Kinh) Như thị Đại Sĩ, thành tựu vô lượng bất khả tư nghị thù thắng công đức.

(經)如是大士，成就無量不可思議殊勝功德。

(Kinh: Bậc Đại Sĩ như thế thành tựu vô lượng công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn).

Vị Địa Tạng Bồ Tát Đại Sĩ này đã thành tựu công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Tiếp đó, [đức Phật] nêu ra công đức của Đại Sĩ.

(Kinh) Dĩ năng an trụ Thủ Lăng Già Ma thắng tam-ma-địa, thiện năng ngộ nhập Như Lai cảnh giới, dĩ đắc tối thắng Vô Sanh Pháp Nhân, u chư Phật pháp, dĩ đắc tự tại, dĩ năng kham nhẫn Nhất Thiết Trí vị, dĩ năng siêu độ Nhất Thiết Trí hải, dĩ năng an trụ Sư Tử Phần Tán Tràng tam-ma-địa, thiện năng đặng thượng Nhất Thiết Trí sơn, dĩ năng tồ phục ngoại đạo tà luận, vị dục thành thực nhất thiết hữu tình, sở tại Phật quốc tất giai chỉ trụ. Như thị Đại Sĩ, tùy sở chỉ trụ chư Phật quốc độ, tùy sở an trụ chư tam-ma-địa, phát khởi vô lượng thù thắng công đức, thành thực vô lượng sở hóa hữu tình.

(經)已能安住首楞伽摩勝三摩地，善能悟入如來境界，已得最勝無生法忍，於諸佛法，已得自在，已能堪忍一切智位，已能超度一切智海，已能安住師子奮迅幢三摩地，善能登上一切智山，已能摧伏外道邪論，為欲成熟一切有情，所在佛國悉皆止住。如是大士，隨所止住諸佛國土，隨所安住諸三摩地，發起無量殊勝功德，成熟無量所化有情。

(Kinh: Đã có thể an trụ chánh định Thủ Lăng Già Ma thù thắng, khéo có thể ngộ nhập cảnh giới Như Lai, đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn tối thắng, đã được tự tại trong các Phật pháp, đã có thể kham nhẫn địa vị Nhất Thiết Trí, đã có thể vượt qua biển Nhất Thiết Trí, đã có thể an trụ trong chánh định Sư Tử Phấn Tấn Tràng, khéo có thể lên núi Nhất Thiết Trí, đã có thể dẹp tan, hàng phục tà luận của ngoại đạo, vì muốn thành thực hết thấy hữu tình, ở trong các cõi Phật đều có thể an trụ. Vị Đại Sĩ như thế hãy an trụ trong các cõi Phật, an trụ trong các môn chánh định, sẽ đều phát khởi vô lượng công đức thù thắng, thành thực vô lượng hữu tình do Ngài giáo hóa).

Trong phần trước, [Hảo Nghi Vân Bồ Tát] đã thắc mắc: Vị thiện nam tử này từ đâu tới? Ngài là người thuộc cõi Phật nào? Cách thế giới Sa Bà tức là quốc độ giáo hóa của đức Phật [Thích Ca Mâu Ni] bao xa? Ngài thỉnh vấn như thế, đức Phật bèn giải đáp: “Vị Đại Sĩ này trụ trong quốc độ nào thì quốc độ ấy là nơi Ngài an trụ”. Do vậy, Ngài không nhất định đến từ phương Nam. Kinh Địa Tạng nói là từ phương Nam đến, nhưng theo kinh này nói, chỉ cần cõi Phật nào có địa ngục, chỉ cần có tam đồ, Ngài sẽ đều ở đó. Ngài an trụ ở bất cứ nơi đâu, đều trụ trong tam-ma-địa. Tam-ma-địa (Samādhi) là Định, là diệu định. Chúng ta nói tiếp về công đức thù thắng của Ngài.

“Thủ Lăng Già Ma (Sūraṅgama) thắng tam-ma-địa” tức là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Trong quá khứ, cách dịch theo lối cũ là Thủ Lăng Nghiêm. Pháp sư Huyền Trang chiếu theo nguyên ý để phiên dịch, nên dịch thành Thủ Lăng Già Ma thắng tam-ma-địa. Kiện Hành Định trong phần trước cũng có thể dịch là Kiện Tướng Định, [hàm ý] đã thực

hiện xong những chuyện ấy. “*Cứu cánh Định*” là rất ráo nhất. Đối với các tam-muội do đức Phật đã chứng đắc, theo kinh Niết Bàn, quyển thứ hai mươi bảy, Thủ Lăng Nghiêm tam-muội có năm tên. Tên gọi thứ nhất là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Tên gọi thứ hai là Bát Nhã Ba La Mật. Bát Nhã Ba La Mật chính là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, cũng tức là Thủ Lăng Già Ma thắng tam-ma-địa như chúng ta vừa đọc trong kinh này. Tên gọi thứ ba là Kim Cang tam-muội, đây là danh từ được dùng trong Mật Tông. Tên gọi thứ tư là Sư Tử Hống tam-muội. Tên gọi thứ năm là Phật Tánh tam-muội.

Bất cứ nghiệp nào đã làm, tức là bất cứ mỗi sự nghiệp do đức Phật đã thực hiện, đều được gọi là tam-muội, hành động nào cũng đều gọi như vậy. Nhưng trong một trăm lẻ tám tam-muội, có một môn tổng tam-muội. Bồ Tát trụ trong tam-muội ấy, cũng tức là trụ trong môn Định này. Ngài từ sáng sớm luôn trụ trong Định, dùng vô lượng định để độ vô lượng chúng sanh. Dùng môn Định ấy để đến cõi Phật nào hòng độ loại chúng sanh nào, đều chẳng nhất định. Địa Tạng Bồ Tát là như thế đó, mỗi buổi sáng sớm đều nhập vô lượng tam-muội để độ vô lượng chúng sanh. Đức Phật nói chút phần như thế đó, thành tựu chúng sanh, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao Địa Tạng Bồ Tát có nhiều công đức dường ấy? Vì Ngài đắc tam-muội nhiều ngàn ấy. [Trong kinh Thập Luân này, chỉ nêu đại lược] Ngài có hai mươi ba loại Định. Kế đó là những môn Định mà Địa Tạng Bồ Tát đã đắc, còn môn Định này là nói tổng quát.

Vị Đại Sĩ này có thể ngộ nhập cảnh giới của Như Lai, Ngài giống hết Như Lai, đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn tối thắng. Vô Sanh Pháp Nhẫn là đã thấy Pháp Tánh, tức bậc Đẳng Địa Bồ Tát. Bồ Tát dự vào địa vị Sơ Địa, sẽ chứng đắc từng phần, mãi cho đến khi chứng rốt ráo, tức là Vô Sanh Pháp Nhẫn rốt ráo nhất, tối thắng nhất, thừa nhận các pháp đều vô sanh. Trong phần trước, chúng tôi đã từng nói: Chuyện này rất khó khăn. Chúng ta cho rằng hết thấy các pháp đều có sanh, cũng coi hết thấy các pháp duyên khởi là chân thật. Do vậy, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thấy thứ gì cũng đều là chân thật. Cái đồng hồ có quả lắc này là chân thật, đóa hoa này cũng là chân thật, chẳng thể biết chúng là vô thường, chẳng thể biết các pháp là vô sanh, là nhân duyên. Pháp sanh bởi nhân duyên thì chẳng có tự tánh, nhưng chuyện này chẳng giống như hư không. Vô sanh là “*vô sanh, nhưng không gì chẳng sanh*”, trong các pháp, sẽ có bản thể của pháp tánh sanh. Tùy tiện lấy bất cứ một pháp nào, không gì chẳng phải là pháp giới.

Đối với vấn đề này, tôi gần như hơn hai mươi mấy năm dài chẳng thể lý giải. Kinh Hoa Nghiêm luôn nói Có; trước nay, kinh Hoa Nghiêm chưa hề nói Không. Hoa Nghiêm là Có, như vô biên thế giới, thứ gì cũng đều là vô biên, thứ gì cũng đều có! Sau hai mươi năm, tôi mới dần dần hiểu đôi chút! Tôi nêu ra một thí dụ, “*chuyển đại pháp luân trong một vi trần*”, tức là đức Phật ở trong một hạt vi trần mà nói đại pháp luân. Như vậy là trong hai vi trần có hai vi trần số cõi nước, hai [vi trần số] cõi sẽ có chẳng thể nghĩ tưởng chư Phật. Trong mỗi vi trần, có vô cùng vô tận cõi Phật. Mỗi cõi Phật lại có Phật thành đạo trong ấy, được hải hội vây quanh, có các đại Bồ Tát. Sao vi trần lại có sức mạnh to ngàn ấy? Bản thân nó là Không, cho nên trong một hạt vi trần chẳng phải là Hữu, tức là quang minh trí huệ Bát Nhã. Hôm qua, pháp sư Hoằng Giác có nói về Chiếu. Hạt vi trần chính là Chiếu, tức là trí huệ có thể chiếu soi. Hễ chiếu thì thứ gì cũng đều được gộp vào trong ấy. Chẳng có suy tưởng, nghĩ nhớ, chẳng có phân biệt, chẳng nhờ vào phân biệt, chẳng nhờ vào hành động. Kinh Hoa Nghiêm toàn là nghĩa lý như thế đó. Có kẻ bảo kinh Kim Cang là Không, kinh Hoa Nghiêm là Hữu, sai lầm mất rồi! Kinh Kim Cang chẳng Không, mà kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng Có! Kinh Hoa Nghiêm dạy “*Bát Nhã Không cũng là bất không*”. Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy, chứa đựng nghĩa lý như thế, hòng làm cho quý vị ngộ hết thấy các pháp.

Tâm Kinh dạy “*bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh*” cũng có ý nghĩa tương tự. Hiện thời, có một loại nam kỹ (male prostitute). Trong quá khứ cũng có nam kỹ viện, họ được gọi là “*tướng công*”. Tại Bắc Kinh, quý vị chẳng thể gọi người khác là “*tướng công*”, gọi như thế là chửi mắng người ta. Tại Bắc Kinh thuở đó, nếu quý vị đi giày có rỗng xanh vờn quanh, láng mượt, da dẻ tươi nhuận, người khác vừa nhìn liền biết gã trai trẻ ấy là “*tướng công*”, cũng là nam kỹ. Nếu là nữ thì là kỹ nữ. Kinh Hoa Nghiêm nói Thiện Tài đồng tử đến tham yết cô Bà Tu Mật Đa (Vasumitra), cô ta là kỹ nữ. Mọi người đều bảo: “Đồng tử này có đạo đức đầy đủ dường ấy, cơ sao tìm kỹ nữ?” Kinh Hoa Nghiêm là “*niêm tịnh như nhau*”. Quý vị vừa tiếp xúc cô Bà Tu Mật Đa, sẽ khai ngộ. Ai tiếp xúc cô ta, nắm tay cô ta, hôn cô ta, ôm ấp cô ta, liền thành đạo. Tiếc là chúng ta chẳng có phước báo ấy. Chúng ta trông thấy cô ta bèn chạy tuốt! Do chạy tuốt nên chẳng đạt được phước báo ấy, vì chúng ta dùng cái tâm phân biệt để nhìn!

Cảnh giới của kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới như thế đó, toàn thể là trí huệ Bát Nhã. Như vua Vô Yếm Túc giết người chẳng chán. Quý vị

thấy đó, Thiện Tài đồng tử đến tham yết nhà vua, trong tâm đầy nghi hoặc, đó là thiện tri thức ư? Treo lủng lẳng đui người, nảo người, quả thật là cả đồng chi thể bị chia cắt, giống như tới phòng giải phẫu trong bệnh viện. Vua Vô Yêm Túc đang độ chúng sanh, Ngài khiến cho quý vị chẳng đầy lên tâm phân biệt, phải sanh khởi trí vô phân biệt. Đây mới là cảnh giới Hoa Nghiêm. Quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm thì phải đọc như vậy.

Kinh Hoa Nghiêm là gì? Hoàn toàn là trí Bát Nhã, Không và Hữu bất nhị. Quý vị phải lý giải “*Không và Hữu bất nhị*” thì mới có thể tiến nhập. Do vậy, Vô Sanh Pháp Nhân là biết các pháp vô sanh, vô sanh cũng vô diệt. Vô sanh, vô diệt, vô hình, vô tướng. Phàm hết thấy hình tướng, bản thể của chúng vốn là Không, chúng ta nói đại lược là Vô Sanh Pháp Nhân. Ngài (Địa Tạng Bồ Tát) có thể tự tại giống như chư Phật, thật sự đạt được tự tại, đã có thể kham nhẫn địa vị Nhất Thiết Trí. Câu nào trong đoạn kinh văn này cũng đều nhằm nói Địa Tạng Bồ Tát đã bình đẳng với chư Phật, đã thành Phật. Ngài có thể vượt qua biển Nhất Thiết Trí, đã có thể an trụ trong Sư Tử Phấn Tấn Tràng tam-muội, đó cũng là pháp môn Đại Bi. Pháp môn Như Huyền Đại Bi được gọi là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội.

“*Thiện năng đấng thượng Nhất Thiết Trí sơn*” (Khéo có thể lên núi Nhất Thiết Trí): Đây là cách nói hình dung, ví như đã có thể dẹp tan, hàng phục tà luận của ngoại đạo. Nhìn từ phương diện cứu cánh liễu nghĩa, hễ cái tâm vượt ra ngoài đạo, chấp lấy pháp ngoài tâm thì là tà luận. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài hết thấy các pháp cũng chẳng có tâm!

“*Vị dục thành thực nhất thiết hữu tình cố*” (Vì muốn thành thực hết thấy hữu tình): Do muốn thành thực hết thấy hữu tình, cho nên tùy thuận thị hiện thiện xảo. Bất cứ quốc độ nào Ngài an trụ thì nơi đó là Phật quốc độ của Ngài. Do vậy, trong phần trước, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát hỏi Ngài cư trụ trong cõi Phật nào, [câu trả lời sẽ là] chẳng có! Địa Tạng Bồ Tát là ai? Cõi Phật của Ngài là như thế nào? Kinh Địa Tạng chẳng nói, kinh Thập Luân nói tường tận như thế này: Phàm tất cả các cõi Phật, Ngài đều trụ trong ấy. Bạc Đại Sĩ như thế, ở bất cứ cõi Phật nào, cũng đều an trụ trong các tam-ma-địa, phát khởi vô lượng công đức thù thắng, thành thực vô lượng hữu tình do Ngài hóa độ.

(Kinh) Như thị Đại Sĩ, tùy trụ như thị chư Phật quốc độ. Nhược nhập Năng Phát Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai tất đồng kiến chư tam-ma-địa sở hành cảnh giới.

(經) 如是大士，隨住如是諸佛國土。若入能發智定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆悉同見諸三摩地所行境界。

(Kinh: Vị Đại Sĩ như thế, hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu có thể nhập Năng Phát Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật đó đều thấy cảnh giới sở hành của các tam-ma-địa).

Bất luận trụ trong cõi Phật nào, “tùy trụ như thị chư Phật quốc độ” (hễ trụ trong các cõi Phật như thế), Ngài sẽ nhập môn Định nào để hóa độ hết thấy chúng sanh? Tiếp theo đây, [đức Phật] sẽ liệt kê tất cả hai mươi ba môn Định. Nếu Địa Tạng Bồ Tát trụ trong quốc độ này, Ngài sẽ nhập Năng Phát Trí Định trong quốc độ ấy. Do trụ trong định lực đó, Ngài sẽ khiến cho tất cả hữu tình trong quốc độ ấy cùng nhập môn Phát Trí tam-ma-địa. Tiếp theo đây là một môn định khác trong một cõi Phật khác.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Vô Biên Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, tùy kỳ sở ưng, năng dĩ vô lượng thượng diệu cúng cụ, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn. Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thanh Tịnh Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai tất đồng kiến chư dục cảnh giới vô lượng quá hoạn, tâm đắc thanh tịnh.

(經) 隨住如是諸佛國土，若入具足無邊智定，由此定力，令彼佛土一切有情，隨其所應，能以無量上妙供具，恭敬供養諸佛世尊。隨住如是諸佛國土，若入具足清淨智定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆悉同見諸欲境界無量過患，心得清淨。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Vô Biên Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy, tùy theo lẽ đáng nên, có thể dùng vô lượng vật cúng thượng diệu cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn. Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thanh Tịnh Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy thấy đều cùng thấy vô lượng lỗi lầm, tai họa của các dục cảnh giới, tâm được thanh tịnh).

Ngài đã nhập Cụ Túc Thanh Tịnh Trí Định, sẽ hiển hiện lỗi lầm, tai hại của dục. Dục bao gồm rất nhiều thứ, chẳng hạn như tham dục. Nhưng đây là Thanh Tịnh Trí Định, do sức của Thanh Tịnh Trí Định, có thể khiến cho hữu tình chúng sanh nhận biết các lỗi lầm, họa hại trong cảnh dục, họ sẽ chẳng tham đắm hết thấy các dục, chẳng dấy lên dục niệm, tâm được thanh tịnh, có thể khiến cho hết thấy hữu tình đạt được thanh tịnh. Đó là một loại.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Tàm Quý Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai đắc cụ túc tăng thượng tàm quý, ly chư ác pháp, tâm vô vong thất.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足慚愧智定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆得具足增上慚愧，離諸惡法，心無忘失。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Tàm Quý Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật đều được trọn đủ hổ thẹn tăng thượng, lìa các pháp ác, tâm chẳng quên mất).

Phải sanh khởi lòng hổ thẹn, phải có trí huệ. Chúng ta bái sám, hằng ngày nói “không hổ, không thẹn”, lại làm rất nhiều chuyện sai trái, chẳng có một tí hổ thẹn nào, còn cho đó là chánh xác. Đây là lừa dối rất rõ rệt! Có kẻ nào chấp trước dục cảnh, do sức của môn Định do Bồ Tát đã nhập, dục vọng sẽ nhẹ bớt, thậm chí đoạn dứt. Vì thế, Bồ Tát nhập môn Định này khiến cho chúng sanh hữu duyên với Ngài trong cõi Phật ấy có thể trọn đủ cái tâm thanh tịnh. Khi ngài nhập Cụ Túc Tàm Quý Trí

Định, chúng sanh trong cõi Phật ấy đều sanh khởi cái tâm tầm quý (hỗ thẹn). “Tầm” (慚) là sám hối quá khứ, “quý” (愧) là thẹn với tương lai, trong tương lai trọn chẳng làm nữa. Hỗ thẹn bao gồm hai loại ý nghĩa, phải sanh khởi cái tâm hổ thẹn. Sám hối vì quý vị vừa mới làm chuyện rất sai trái, hổ thẹn sau này ta trọn chẳng thể làm nữa. Địa Tạng Bồ Tát ở trong cõi Phật ấy, dùng Tầm Quý Trí Định, do sức của môn Định ấy, có thể khiến cho hữu tình trong cõi Phật ấy đều trọn đủ lòng hổ thẹn vô thượng, hổ thẹn tăng trưởng. Đối với chư Phật và Bồ Tát, bản thân các vị đại Bồ Tát cũng thường hổ thẹn, thường cảm thấy chính mình vẫn chẳng thể giống như Phật, vẫn chưa thể lập tức thành Phật. Các Ngài cũng có tâm hổ thẹn. Hỗ thẹn có sâu và cạn. Chẳng phải là các vị ấy đã thối mất Địa Tạng Bồ Tát có trí lực gì ư? Vì sao trong quá khứ chúng con chẳng nghe thấy? Đức Phật bảo các Ngài: “Do các ông vô duyên với Ngài”. Địa Tạng Bồ Tát ở bất cứ quốc độ nào, nhập bất cứ môn Định nào, độ bất cứ chúng sanh nào.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Chư Thừa Minh Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai đắc thiện xảo Thiên Nhân Trí Thông, Túc Trụ Trí Thông, Tử Sanh Trí Thông, liễu đạt thử thế, tha thế nhân quả.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足諸乘明定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆得善巧天眼智通，宿住智通，死生智通，了達此世，他世因果。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Chư Thừa Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều đắc thiện xảo Thiên Nhân Trí Thông, Túc Trụ Trí Thông, Tử Sanh Trí Thông, thông đạt nhân quả trong đời này và đời khác).

“Chư Thừa Minh Định”: Hoặc là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, hoặc Bồ Tát Thừa, Địa Tạng Bồ Tát nương vào môn Chư Thừa Minh Định này, khiến cho hết thảy hữu tình có thể thiện xảo đạt được Thiên Nhân Thông, Tha Tâm Thông, liễu sanh tử, trí thông đạt sanh tử. “Sanh diệt” nghĩa là vô thường, vốn chẳng có. Dựa vào định lực để

quán vô thường, sẽ đều chứng đắc Bát Nhã Không. Nói chung, họ có thể biết nhân quả thế gian và xuất thế gian.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Vô Ưu Thần Thông Minh Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai ly nhất thiết sầu ưu, hôn muội.

(經)隨住如是諸佛國土，若入無憂神通明定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆離一切愁憂，昏昧。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Vô Ưu Thần Thông Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật đó đều lìa hết thảy sầu ưu, tối tăm).

Trong quốc độ Địa Tạng Bồ Tát đã trụ, Ngài nhập Vô Ưu Thần Thông Minh Định. Do sức của môn Định ấy, có thể khiến cho hữu tình trong cõi Phật đó chẳng ưu sầu, không buồn rầu, không lo lắng, sáng suốt, tĩnh lặng, chẳng tối tăm, mờ mịt. “Hôn muội” (昏昧) là tối tăm. Ở trong tối tăm thì còn thông suốt điều gì được nữa? Vì không hôn ám, cho nên họ có thể lìa hết thảy ưu sầu, biết ưu sầu khổ não là giả, chỉ là vọng niệm toi bời!

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thắng Thông Minh Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai đắc cụ túc thần thông thiện xảo.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足勝通明定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆得具足神通善巧。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thắng Thông Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều được trọn đủ thần thông hay khéo).

Thần thông là tâm. “Thần” (神) là thiên tâm, cũng chính là cái tâm tự nhiên của chúng ta. “Thông” (通) là tất cả trí huệ của chúng ta. “Huệ” (慧): Thông minh huệ tánh. Quý vị do cái tâm minh tịnh (sáng suốt, thanh tịnh) chẳng thể nghĩ bàn, sanh ra một thứ trí huệ phương tiện thiện xảo, đó gọi là “thần thông”. Thần thông là phương tiện thiện xảo.

Bồ Tát nhập môn Định này, chúng sanh trong quốc độ ấy đều trọn đủ thần thông thiện xảo.

Nay Địa Tạng Bồ Tát đang ở trong thế giới này của chúng ta, sáng sớm mỗi ngày nhập Cụ Túc Thắng Thông Minh Định, chúng ta có đạt được thần thông thiện xảo hay chẳng? Nếu Bồ Tát ở trong một quốc độ nào, vừa nhập môn Định nào, chúng sanh trong quốc độ ấy đều có thể đạt được điều ấy. [Vậy mà] Địa Tạng Bồ Tát ở trong quốc độ này, vì sao chúng ta vẫn chẳng thể đạt được? Hãy tham cứu đi! Chúng ta có duyên với Địa Tạng Bồ Tát hay không? Chẳng có duyên! Nay chúng ta niệm kinh Địa Tạng, hằng ngày niệm thánh hiệu Địa Tạng, rất hữu duyên, Địa Tạng Bồ Tát nhập nhiều môn Định như vậy, vì sao ta một môn cũng chẳng đạt được? Hãy tham cứu đi! Chính mình hãy tư duy, quán tưởng một phen, vì sao vậy?

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Phổ Chiếu Chư Thế Gian Định, do thứ Định lực, linh thập phương giới, ly chư hôn ám, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, phổ kiến thập phương chư Phật quốc độ. Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Chư Phật Đẳng Cụ Minh Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, xả tà quy y, quy chánh Tam Bảo.

(經)隨住如是諸佛國土，若入普照諸世間定，由此定力，令十方界，離諸昏暗，令彼佛土一切有情，普見十方諸佛國土。隨住如是諸佛國土，若入諸佛燈炬明定，由此定力，令彼佛土一切有情，舍邪歸依，歸正三寶。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Phổ Chiếu Chư Thế Gian Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho mười phương cõi lìa các tối tăm, khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy thấy trọn khắp các cõi Phật trong mười phương. Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Chư Phật Đẳng Cụ Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy bỏ tà quy y, nương về Tam Bảo chân chánh).

Phổ Chiếu Chư Thế Gian Định (môn Định chiếu khắp các thế gian) và Chư Phật Đẳng Cụ Minh Định (môn Định đèn đuốc sáng của

chư Phật), hai thứ Định mọi người đều hiểu rõ, nên tôi không thuyết minh thêm nữa.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Kim Cang Quang Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ, sở hữu nhất thiết Tiểu Luân Vi Sơn, Đại Luân Vi Sơn, Tô Mê Lô Sơn, cập chư dư sơn, khe, giã, câu, hác, ngõa, lịch, độc thích, chư uế thảo mộc, giai tất bất hiện, linh bỉ Phật độ, sở hữu nhất thiết chúng tà cổ độc, chư ác trùng thú, tai hoạnh, dịch lệ, hôn ám trần cấu, bất tịnh xú uế, tất giai tiêu diệt, linh bỉ Phật độ, địa bình như chưởng, chủng chủng gia tường tự nhiên dũng hiện, thanh tịnh thù thắng, chúng tướng trang nghiêm.

(經)隨住如是諸佛國土，若入金剛光定，由此定力，令彼佛土，所有一切小輪圍山，大輪圍山，蘇迷盧山，及諸餘山，溪澗溝壑，瓦礫毒刺，諸穢草木，皆悉不現，令彼佛土，所有一切眾邪靈毒，諸惡蟲獸，災橫疫癘，昏暗塵垢，不淨臭穢，悉皆銷滅，令彼佛土，地平如掌，種種嘉祥自然踴現，清淨殊勝，眾相莊嚴。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Kim Cang Quang Định, do sức của môn Định ấy, khiến cho tất cả hết thảy núi Tiểu Luân Vi, núi Đại Luân Vi, núi Tô Mê Lô (núi Tu Di), và các núi khác, khe, ngòi, rãnh, kềm núi⁸, ngói, sỏi, gai độc, các thảo mộc như uế trong cõi Phật ấy, thảy đều chẳng hiện, khiến cho hết thảy các cổ độc⁹ tà vạy,

⁸ “Kềm núi” là khe núi nhỏ hẹp, hai bên là vách núi dựng đứng, chính giữa là một dòng sông nhỏ quanh co. Những kềm núi đẹp nổi tiếng như kềm Trống trên sông Đáy thuộc tỉnh Hà Nam, hoặc Hòn Kềm ở Quảng Nam.

⁹ Cổ (蠱) là các loại trùng độc (côn trùng, rắn độc, nhện, rết, bò cạp v.v...), hoặc các loại thực vật có chất độc, được chế thành bột để hạ độc hoặc khống chế người nào đó. Người luyện thuật này gọi là Vu Sư hay Cổ Sư, thuật này được gọi là Vu Cổ hay Cổ Thuật. Cách này thường sử dụng trong các bộ tộc thiểu số, nhất là người Miêu, đặc biệt là tại vùng Tương Tây (Hồ Nam) của Trung Hoa. Tại Trung Hoa, thường có truyền thuyết cổ trùng có thể sống ký sinh trong thân thể người bị hại, khiến cho người bị hại hoàn toàn nghe theo lời sai khiến của Vu Sư. Thậm chí còn có truyền thuyết nói Cổ Sư có thể dùng Cổ để điều khiển xác chết đi hại người. Truyền thuyết phổ biến nhất là để luyện Cổ, họ bỏ các loại trùng độc vào trong một đồ chứa lớn,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

các trùng thú ác, tai ương ngang trái, bệnh dịch, bụi nhơ tẩm tối, hôi nhơ chẳng sạch trong cõi Phật ấy, thấy đều tiêu diệt, khiến cho cõi Phật ấy đất phẳng như lòng bàn tay, các thứ tốt lành tự nhiên ồ ạt hiện ra, thanh tịnh thù thắng, các tướng trang nghiêm).

Môn Định này có tên là Kim Cang Quang Định. Khi nhập môn Định này, trong quốc độ ấy có Đại Luân Vi Sơn, Tiểu Luân Vi Sơn, Tô Mê Lô Sơn (cũng là núi Diệu Cao), trong những núi ấy có khe nước, có ngòi rãnh, có cao thấp, lại còn có gạch, sỏi, gai độc, cỏ cây dơ bẩn, có hoa cỏ, cây cối độc địa, những thứ ấy đều chẳng xuất hiện nữa. Các chúng sanh trong thế giới ấy sẽ chẳng bị trúng phải các thứ tà độc, trùng độc, cho đến chẳng bị ác trùng, ác thú xâm hại, thậm chí những thứ bụi bặm tối tăm, những thứ hôi nhơ bất tịnh đều tiêu mất. Do sức của môn Kim Cang Quang Định, khiến cho đất trong quốc độ ấy bằng phẳng như lòng bàn tay, đủ loại hiện tượng tốt lành tự nhiên ồ ạt xuất hiện, thanh tịnh thù thắng, các tướng trang nghiêm. Khi Địa Tạng Bồ Tát nhập Kim Cang Quang Định trong quốc độ ấy, khiến cho quốc độ ấy sanh ra các thứ biến hóa đó.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Trí Lực Nan Tồi Phục Định, do sức Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết ma vương, cập chư quyến thuộc, giai tất kinh bố, quy y Tam Bảo.

(經)隨住如是諸佛國土，若入智力難摧伏定，由此定力，令彼佛土一切魔王及諸眷屬，皆悉驚怖，歸依三寶。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Trí Lực Nan Tồi Phục Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy ma vương và các quyến thuộc trong cõi Phật ấy thấy đều kinh sợ, quy y Tam Bảo).

Nếu Địa Tạng Bồ Tát dùng môn Trí Lực Nan Tồi Phục Định (trí lực khó thể dẹp tan) này, hễ vừa nhập thì do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho ma vương và quyến thuộc của hắn trong cõi nước ấy sanh lòng hoảng sợ, đều quy y Tam Bảo. Ma vương sanh lòng hoảng sợ sẽ chẳng não hại người khác.

cho chúng tàn sát lẫn nhau. Con nào sống sót cuối cùng sẽ là con độc địa nhất, đem con đó luyện Cổ.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Điện Quang Minh Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai tất viên ly hậu thế khủng bố, đắc pháp an ủi.

(經)隨住如是諸佛國土，若入電光明定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆悉遠離後世恐怖，得法安慰。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Điện Quang Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy thảy đều xa lìa sự sợ hãi trong đời sau, được sự an ủi nơi pháp).

Vì được Điện Quang Minh Định an ủi, thoát ly tam đồ, vĩnh viễn chẳng bị sợ hãi. Điện Quang Minh Định là pháp chẳng thể nghĩ bàn, có thể đạt được sự an ủi bởi pháp trí.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thượng Diệu Vị Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, tùy niệm giai đắc ẩm thực sung túc.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足上妙味定，由此定力，令彼佛土一切有情，隨念皆得飲食充足。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thượng Diệu Vị Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật đó, thuận theo ý niệm đều được thức ăn sung túc).

Thượng Diệu Vị Định cũng là ăn uống ngon lành. [Môn Định này] khiến cho chúng sanh trong quốc độ ấy có thể đạt được diệu vị thù thắng, tất cả các thức ăn đều sung túc, đều ngon lành. Sanh vào Lục Dục Thiên, thức ăn của quý vị chẳng cần đầu bếp, nghĩ gì bèn có nấy. Chỉ cần tưởng món gì, món ấy bèn hiện hữu. Sanh lên trời sẽ có năng lực ấy, hưởng hô lại được Bồ Tát nhập Định gia trì.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thắng Tinh Khí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ, nhất thiết hữu tình, vô bất giai đắc tăng thượng lực thế, ly chư bệnh khổ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足勝精氣定，由此定力，令彼佛土，一切有情，無不皆得增上力勢，離諸病苦。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thắng Tinh Khí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy, không ai chẳng đều tăng thượng thế lực, là các bệnh khổ).

Bệnh khổ gì cũng đều chẳng có, đây là do sức Thắng Tinh Khí Định của Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Thượng Diệu Chư Tư Cụ Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, tùy nhạo giai đắc sàng, tòa, phu cụ, y phục, bảo sức, chư tư thân cụ, vô sở phạp thiếu, thù diệu đoan nghiêm, thậm khả ái nhạo.

(經)隨住如是諸佛國土，若入上妙諸資具定，由此定力，令彼佛土一切有情，隨樂皆得床座敷具，衣服寶飾，諸資身具，無所乏少，殊妙端嚴，甚可愛樂。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Thượng Diệu Chư Tư Cụ Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy, tùy theo lòng yêu thích, đều được giường, tòa, đồ trải, y phục, vật trang hoàng báu, các vật cần dùng cho cuộc sống không bị thiếu khuyết, đoan nghiêm, đẹp dễ lạ lùng, hết sức đáng yêu mến).

Thượng Diệu Chư Tư Cụ Định: Do sức của môn Định này, khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy, tất cả các thứ giường, tòa, đồ dùng, cơm áo, bàn, ghế, ghế dài, đều là thượng diệu chẳng thể nghĩ bàn. Cho đến quần áo, vật trang hoàng báu, tất cả các vật dụng cần dùng trong cuộc sống đều chẳng hề thiếu thốn, lại còn toàn là những thứ thượng diệu.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Vô Tránh Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình,

thân tâm dũng kiện, viễn ly nhất thiết oán tăng hệ phược, hòa thuận, hoan ngu, ái nhạo cụ túc, Thí, Giới, an nhẫn, dũng mãnh, tinh tấn, tâm vô tán loạn, thành tựu trí huệ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入無諍智定，由此定力，令彼佛土一切有情，身心勇健，遠離一切怨憎繫縛，和順歡娛，愛樂具足，施、戒、安忍、勇猛精進，心無散亂，成就智慧。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Vô Tránh Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy, thân tâm mạnh mẽ, xa lìa hết thảy oán ghét trói buộc, hòa thuận, vui sướng, yêu mến trọn đủ, Thí, Giới, an nhẫn, dũng mãnh tinh tấn, tâm chẳng tán loạn, thành tựu trí huệ).

Nhập Vô Tránh Trí Định, “*Tránh*” (諍) là đấu tranh. Do có trí huệ, nên khi nhập môn Định này, sẽ do sức của môn Định này mà chúng sanh trong cõi ấy, thân tâm mạnh mẽ, xa lìa hết thảy oán ghét trói buộc, hòa thuận, hoan hỷ, trọn đủ những điều yêu thích. Do vậy bèn đầy đủ các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, Bát Nhã, sáu môn Ba La Mật đều trọn đủ. Do tâm chẳng tán loạn, nên trọn đủ trí huệ Bát Nhã, thành tựu trí huệ.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Năng Dẫn Thắng Dũng Dược Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai thọ vô lượng thắng diệu hoan hỷ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入能引勝踴躍定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆受無量勝妙歡喜。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Năng Dẫn Thắng Dũng Dược Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều hưởng vô lượng hoan hỷ thù thắng nhiệm mầu).

Khiến cho các hữu tình đều có thể hưởng thụ vô lượng niềm hoan hỷ thù thắng nhiệm mầu. Đây là Thắng Dũng Dược Định.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thế Lộ Quang Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, đắc Vô Ngại Trí, năng tu chủng chủng thanh tịnh sự nghiệp. Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Thiện Trụ Thắng Kim Cang Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai đắc chư căn cụ túc vô khuyết, thường nhạo viễn ly, kỳ tâm tịch tĩnh. Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Tăng Thượng Quán Thắng Tràng Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai thâm ha yếm tự ác nghiệp quá, hàm thiện hộ trì thập thiện nghiệp đạo, sanh thiên yếu lộ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足世路光定，由此定力，令彼佛土一切有情，得無礙智，能修種種清淨事業。隨住如是諸佛國土，若入善住勝金剛定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆得諸根具足無缺，常樂遠離，其心寂靜。隨住如是諸佛國土，若入增上觀勝幢定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆深呵厭自惡業過，咸善護持十善業道，生天要路。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thế Lộ Quang Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đắc Vô Ngại Trí, có thể tu các thứ sự nghiệp thanh tịnh. Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Thiện Trụ Thắng Kim Cang Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều được các căn đầy đủ, chẳng thiếu khuyết, thường thích xa lìa, tâm họ tịch tĩnh. Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Tăng Thượng Quán Thắng Tràng Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều chê trách, chán nhàm sâu xa lỗi lầm ác nghiệp của chính mình, đều khéo hộ trì thập thiện nghiệp đạo là con đường trọng yếu để sanh lên cõi trời).

Khi Địa Tạng Bồ Tát nhập các môn Định này, chúng sanh trong các quốc độ được Ngài giáo hóa sẽ có thể chẳng tạo ác nghiệp, tăng

trưởng thiện nghiệp, hành theo thiện đạo là đường lối để sanh lên cõi trời.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Từ Bi Thanh Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai tất phát khởi từ tâm, bi tâm, vô oán hại tâm, phổ bình đẳng tâm, cánh tương lợi ích an lạc chi tâm.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足慈悲聲定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆悉發起慈心悲心，無怨害心，普平等心，更相利益安樂之心。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Từ Bi Thanh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy thấy đều phát khởi từ tâm, bi tâm, tâm chẳng oán hại, tâm bình đẳng trọn khắp, và tâm tạo lợi ích an lạc lẫn nhau).

Địa Tạng Bồ Tát nhập môn Từ Bi Thanh Định này, khiến cho hết thấy hữu tình trong quốc độ ấy đều phát khởi từ tâm và bi tâm, chưa hề có lòng oán hại, chẳng có tâm tổn hại kẻ khác, tâm bình đẳng trọn khắp.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Dẫn Tập Chư Phước Đức Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, ly chư đầu tránh, tật dịch, cơ cần, phi thời phong vũ, khổ, sấp, tân, toan, chư ác sắc xúc, tất giai tiêu diệt. Như thị Đại Sĩ, tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Hải Điện Quang Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết đại địa chúng bảo hợp thành, nhất thiết quá hoạn giai tất viễn ly, chủng chủng bảo thụ, y thụ, khí thụ, chư anh lạc thụ, hoa thụ, quả thụ, chư âm nhạc thụ, vô lượng nhạc cụ, châu biến trang nghiêm. Dĩ yếu ngôn chi, thứ thiện nam tử ư nhất nhất nhật, mỗi thân triệu thời, vị dục thành thực chư hữu tình cố, nhập Căng Già hà sa đẳng chư Định.

(經)隨住如是諸佛國土，若入引集諸福德定，由此定力，令彼佛土一切有情，離諸斗爭，疾疫，饑饉，非時風雨，苦澀辛酸，諸惡色觸，悉皆銷滅。如是大士，隨住如

是諸佛國土，若入海電光定，由此定力，令彼佛土一切大地眾寶合成，一切過患皆悉遠離，種種寶樹，衣樹，器樹，諸瓔珞樹，華樹，果樹，諸音樂樹，無量樂具，週徧莊嚴。以要言之，此善男子於一一日，每晨朝時，為欲成熟諸有情故，入殑伽河沙等諸定。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Dẫn Tập Chư Phước Đức Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong các cõi Phật ấy là các tranh chấp, tật dịch, đói kém, mưa gió trái thời, đặng, chát, cay, chua, các sắc và sự xúc chạm xấu ác, thấy đều tiêu diệt. Bậc Đại Sĩ như thế hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Hải Điện Quang Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy đại địa trong cõi Phật ấy đều do các thứ báu hợp thành, hết thấy làm lỗi, họa hoạn thấy đều xa lìa, các thứ cây báu, cây y phục, cây vật dụng, cây các chuỗi anh lạc, cây hoa, cây quả, cây các thứ âm nhạc, vô lượng nhạc cụ đều trang nghiêm trọn khắp. Nói tổng quát, vị thiện nam tử này hằng ngày vào lúc sáng sớm, vì muốn thành thực các hữu tình mà nhập các môn Định nhiều như cát sông Hằng).

Ở đây nêu ra hai mươi ba loại Định, vào lúc sáng sớm, Địa Tạng Bồ Tát sẽ nhập Định nhiều như số cát trong sông Hằng như vậy, chẳng phải chỉ là hai mươi ba loại định, mà là các môn Định nhiều như cát sông Hằng, vô lượng môn Định.

(Kinh) Tùng Định khởi dĩ, biến w thập phương chư Phật quốc độ, thành thực nhất thiết sở hóa hữu tình, tùy kỳ sở ưng, lợi ích an lạc. Thử thiện nam tử, dĩ w vô lượng vô số đại kiếp, Ngũ Trược ác thời, vô Phật thế giới, thành thực hữu tình.

(經)從定起已，遍於十方諸佛國土，成熟一切所化有情，隨其所應，利益安樂。此善男子，已於無量無數大劫，五濁惡時，無佛世界，成熟有情。

(Kinh: Từ Định xuất, trọn khắp các cõi Phật trong mười phương, thành thực hết thấy hữu tình được hóa độ, tùy theo căn cơ thích hợp mà

tao lợi ích an lạc. Vị thiện nam tử ấy đã trong vô lượng vô số đại kiếp, nhằm thời ác Ngũ Trược, ở trong thế giới không có Phật để thành thực hữu tình).

Vị Đại Sĩ này, tức vị thiện nam tử này, đã trong vô lượng kiếp, nhằm thuở Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Nảo Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược mà lợi ích chúng sanh. Nhằm lúc chẳng có Phật xuất thế, Ngài cũng lợi ích chúng sanh. Quá khứ là như vậy, mà hiện tại cũng là như vậy.

(Kinh) Phục u đương lai quá u thị số. Hoặc hữu thế giới, đao binh kiếp khởi, hại chư hữu tình, thử thiện nam tử kiến thị sự dĩ, u thần triêu thời, dĩ chư Định lực, trừ đao binh kiếp, linh chư hữu tình hỗ tương từ mãn. Hoặc hữu thế giới dịch bệnh kiếp khởi, hại chư hữu tình, thử thiện nam tử kiến thị sự dĩ, u thần triêu thời, dĩ chư Định lực, trừ dịch bệnh kiếp, linh chư hữu tình giai đắc an lạc. Hoặc hữu thế giới cơ căn kiếp khởi, hại chư hữu tình, thử thiện nam tử kiến thị sự dĩ, u thần triêu thời, dĩ chư Định lực, trừ cơ căn kiếp, linh chư hữu tình giai đắc bảo mãn.

(經)復於當來過於是數。或有世界，刀兵劫起，害諸有情，此善男子見是事已，於晨朝時，以諸定力，除刀兵劫，令諸有情互相慈愍。或有世界疫病劫起，害諸有情，此善男子見是事已，於晨朝時，以諸定力，除疫病劫，令諸有情皆得安樂。或有世界饑饉劫起，害諸有情，此善男子見是事已，於晨朝時，以諸定力，除饑饉劫，令諸有情皆得飽滿。

(Kinh: Lại trong tương lai vượt quá số ấy. Nếu có thế giới chiến tranh dấy lên, hại các hữu tình, vị thiện nam tử này thấy chuyện ấy rồi, vào lúc sáng sớm, dùng các Định lực trừ kiếp đao binh, khiến cho các hữu tình từ ái, thương xót lẫn nhau.

Hoặc có thế giới khi kiếp dịch bệnh nổi lên, hại các hữu tình, vị thiện nam tử này thấy chuyện ấy rồi, vào lúc sáng sớm, dùng các Định lực, trừ kiếp dịch bệnh, khiến cho các hữu tình đều được yên vui. Hoặc

có thể giới lúc kiếp đói kém nổi lên, hại các hữu tình, vị thiện nam tử này thấy chuyện ấy rồi, vào lúc sáng sớm, dùng các Định lực trừ kiếp đói kém, khiến cho các hữu tình đều được no đủ).

“*Phục u đương lai*” chính là tương lai. “*Quá u thị số*” nghĩa là còn nhiều hơn con số trước kia. Hoặc là có thể giới, “*đao binh kiếp khởi, hại chư hữu tình*” (kiếp đao binh dấy lên, hại các hữu tình), thế giới này chưa hề có một ngày nào không có chiến tranh, chẳng hề không nghe đến lửa đạn. Hiện thời chính là lúc kiếp đao binh nổi lên, tổn hại hữu tình. Địa Tạng Bồ Tát thấy chuyện này, vào lúc sáng sớm, dùng Định lực của Ngài để trừ khử kiếp đao binh.

“*Linh chư hữu tình, hỷ tương từ mãn*” (Khiến cho các hữu tình từ ái, thương xót lẫn nhau). Hoặc là có thể giới, khi tai kiếp tận diệt nổ ra, hại các hữu tình. “*Thử thiện nam tử kiến thị sự dĩ*” (Vị thiện nam tử này thấy chuyện ấy rồi) vào lúc sáng sớm, dùng các Định lực trừ khử kiếp tận diệt ấy, khiến cho các hữu tình đều được yên vui. Hoặc có thể giới kiếp đói kém xảy ra, chẳng có cơm ăn, mọi người đói khát, hại các hữu tình, vị thiện nam tử này tức Địa Tạng Bồ Tát, thấy chuyện ấy, cũng vào lúc sáng sớm, dùng Định lực của Ngài trừ kiếp đói kém, khiến cho hết thảy các hữu tình đều được no đủ.

(Kinh) Thử thiện nam tử, dĩ chư Định lực, tác như thị đẳng vô lượng vô biên bất khả tư nghị, lợi ích an lạc chư hữu tình sự.

(經)此善男子，以諸定力，作如是等無量無邊不可思議，利益安樂諸有情事。

(Kinh: Vị thiện nam tử này dùng các Định lực để làm vô lượng vô biên chuyện lợi ích an lạc các hữu tình như thế đó).

Địa Tạng Bồ Tát dùng Định lực của Ngài để làm những chuyện lợi ích chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn nhiều ngàn ấy.

(Kinh) Thử thiện nam tử cụ túc thành tựu vô lượng vô số bất khả tư nghị, thù thắng công đức, thường cần tinh tấn, lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình. Tăng u quá khứ vô lượng vô số Cãng Già sa đảnh Phật Thế Tôn sở, vị dục thành thực, lợi ích an lạc chư hữu tình cố, phát khởi đại bi, kiên cố nan hoại.

(經)此善男子，具足成就無量無數不可思議，殊勝功德，常勤精進，利益安樂一切有情。曾於過去無量無數殑伽沙等佛世尊所，為欲成熟，利益安樂諸有情故，發起大悲，堅固難壞。

(Kinh: Vị thiện nam tử ấy thành tựu đầy đủ vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, thường siêng năng tinh tấn, lợi ích an lạc hết thấy hữu tình, từng ở nơi quá khứ vô lượng vô số Hằng hà sa Phật Thế Tôn, vì muốn thành thực lợi ích an lạc các hữu tình mà phát khởi đại bi kiên cố, khó phá hoại).

Tâm đại bi của Ngài hết sức kiên cố, chẳng ai có thể phá hoại được!

(Kinh) Dũng mãnh tinh tấn, vô tận thệ nguyện, do thử đại bi kiên cố nan hoại. Dũng mãnh tinh tấn, vô tận thệ nguyện, tăng thượng thế lực. Ư nhất nhật dạ, hoặc nhất thực khoảnh, năng độ vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa số chư hữu tình loại, giai linh giải thoát chủng chủng ưu khổ, cập linh nhất thiết như pháp sở cầu, ý nguyện mãn túc. Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, chủng chủng hy cầu, ưu khổ bức thiết, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc như pháp sở cầu, ly chư ưu khổ, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)勇猛精進，無盡誓願，由此大悲堅固難壞。勇猛精進，無盡誓願，增上勢力。於一日夜，或一食頃，能度無量百千俱胝那庾多數諸有情類，皆令解脫種種憂苦，及令一切如法所求，意願滿足。隨所在處，若諸有情，種種希求，憂苦逼切，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得如法所求，離諸憂苦，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Dũng mãnh, tinh tấn, thệ nguyện vô tận. Do lòng đại bi kiên cố khó hoại ấy, dũng mãnh, tinh tấn, thệ nguyện vô tận, mà tăng thượng thế lực. Trong một ngày đêm, hoặc trong khoảng một bữa ăn, có thể độ vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa số các loài hữu tình, khiến cho họ đều được giải thoát các thứ ưu khổ, và khiến cho hết thảy các điều mong cầu đúng pháp đều được thỏa mãn theo ý nguyện. Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình do các thứ mong cầu mà bị sầu khổ bức bách, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thảy các điều mong cầu đúng pháp sẽ đều đạt được, lìa các nỗi ưu khổ, tùy theo căn tánh thích đáng mà đặt yên họ nơi đạo sanh lên trời hoặc Niết Bàn).

Tối thiểu là quý vị có thể sanh lên trời, chẳng đọa vào tam đồ, thậm chí đạt được bất sanh, bất diệt, rốt ráo thành Phật.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, cơ khát sở bức, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc như pháp sở cầu, ẩm thực sung túc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，飢渴所逼，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得如法所求，飲食充足，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình bị đói khát bức bách, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thảy những điều cầu mong sẽ đều đạt được đúng như pháp, thức ăn sung túc, xứng theo căn tánh của họ mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Những lời lẽ này đều có cùng một ý nghĩa [với đoạn kinh văn trước đó].

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, pháp thiếu chủng chủng y phục, bảo sức, y dược, sàng phu, cập chư tư cụ, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc như pháp sở cầu, y phục, bảo sức, y dược, sàng phu, cập chư tư cụ, vô bất bị túc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh

thiên, Niết Bàn chi đạo. Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, ái nhạo biệt ly, oán tắng hợp hội, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ái nhạo hợp hội, oán tắng biệt ly, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，乏少種種衣服，寶飾醫藥，床敷及諸資具，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得如法所求，衣服寶飾，醫藥床敷及諸資具，無不備足，隨其所應，安置生天，涅槃之道。隨所在處，若諸有情，愛樂別離，怨憎合會，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得愛樂合會，怨憎別離，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình thiếu thốn các thứ y phục, vật trang hoàng báu, thuốc men, giường, đồ trái, và các thứ vật dụng cần thiết, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy các điều mong cầu đúng pháp sẽ đều đạt được. Y phục, vật trang hoàng báu, thuốc men, giường, đồ trái, và các thứ vật dụng cần thiết, không gì chẳng trọn đủ, xứng theo căn tánh mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn. Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, kẻ yêu chuộng phải chia lìa, kẻ oán ghét cứ phải tụ họp, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, thì hết thấy sẽ đều được kẻ yêu chuộng tụ họp, xa lìa kẻ oán ghét, tùy theo căn tánh mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đây là khổ nạn. Yêu thương mà chẳng thể tụ họp, kẻ oán chẳng mong gặp gỡ mà chẳng thể được. Đó gọi là “oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ”. Nếu chí tâm xưng niệm, niệm tụng Địa Tạng Bồ Tát, những nỗi khổ ái biệt ly và oán tắng hội sẽ theo đúng lẽ mà tiêu mất, được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, thân tâm ưu khổ, chúng bệnh sở nã, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy

kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc thân tâm an lạc, chúng bệnh trừ dữ, tùy kỳ sở uông, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，身心憂苦，眾病所惱，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得身心安樂，眾病除愈，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, thân tâm ưu khổ, bị các thứ bệnh gây phiền não, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thảy đều được thân tâm yên vui, các bệnh trừ sạch, xứng theo căn tánh, đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Những đoạn kinh văn trên đây tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Chắc mọi người sẽ hoài nghi: Theo các đoạn kinh văn ấy, chỉ cần xưng niệm danh hiệu thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, những gì chúng ta thiếu thốn sẽ đều có thể đạt được, cầu gì được nấy, thậm chí thành Phật. [Cần phải nhớ]: Theo những gì kinh văn đã dạy, chỉ cần chí tâm niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, khi Địa Tạng Bồ Tát nhập định, Ngài sẽ gia trì quý vị. Trong mỗi câu kinh đều có “chí tâm”, đừng vứt mất hai chữ “chí tâm” ấy. Nếu đánh mất “chí tâm”, đoạn kinh văn này sẽ có vấn đề. Ngài dạy: Ất cần phải “*hữu năng chí tâm xưng danh giả*” (có thể chí tâm xưng danh). Mọi người bái sám, trước mỗi câu cũng đều có “*chí tâm xưng danh giả*”. Mọi người bái sám, trước mỗi câu cũng đều có hai chữ “*nhất tâm*”. Do vậy, chúng ta đừng nên nảy sanh vấn đề đối với tín tâm.

Vấn đề nơi tín tâm là gì vậy? [Nếu quý vị thắc mắc]: “Đức Phật bảo Hảo Nghi Vấn Bồ Tát rằng Địa Tạng Bồ Tát có sức công đức nhiều ngàn ấy, có sao tôi làm theo mà hiệu quả khác hẳn? Có phải là đức Phật nói dối hay không?” Như trong phần trên, Ngài đã dạy [chí tâm], nhưng vì quý vị chẳng làm như thế, sẽ chẳng đạt được hiệu quả! Trong một vạn câu niệm của quý vị, có một câu nào chí tâm hay không? Hễ có một câu là được rồi. Vì thế, có lúc rất tương ứng, cũng có nghĩa là trong lúc đó, tâm quý vị rất thanh tịnh. Có cách nào để có thể đạt được hay không? Mọi người nhất định phải tu quán tưởng, quán tưởng Địa Tạng Bồ Tát, còn phương pháp quán tưởng thì trong phần sau, chúng tôi sẽ nói.

Khi nói đến tu Định, tu tĩnh, khi quý vị muốn quán tưởng, phải vận dụng như thế nào? Quý vị sẽ dần dần có thể tương ứng, xác thực tương ứng. Đức Phật chẳng nói một câu nào giả dối, mà cũng chẳng có câu nào gạt gẫm chúng ta. Nếu chẳng có tác dụng, Ngài lừa gạt chúng ta để làm gì? Phật, Bồ Tát chẳng như vậy. Nhưng chúng ta đã làm theo phương pháp trong kinh Phật đã dạy, có sao chẳng đạt được hiệu quả? Vì căn bản là quý vị chẳng học đàng hoàng. Quý vị tự nhận mình là đệ tử Phật, và cũng đang tu tập; nhưng căn bản là quý vị chẳng học, quý vị chẳng làm ứng hợp với những điều đã chỉ dạy!

Chẳng hạn như trong phẩm thứ mười hai của kinh Địa Tạng, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: Nếu trí nhớ kém cỏi, chẳng thể đọc tụng kinh Phật, đây là do túc chướng chưa tiêu mất, hãy cúng dường một chén nước trước tượng Địa Tạng Bồ Tát. Sáng sớm hôm nay đã cúng, sáng sớm hôm sau đổ chén nước ấy ra uống. Uống xong, rửa sạch cái chén ấy rồi lại cúng, uống nước đã cúng ấy. Sau đó, phải thận trọng chí tâm. Vì thế, Phật dạy trong vòng hai mươi một ngày, đừng sát hại, kiêng rượu, thịt, tà dâm, vọng ngữ. Những điều này kẻ bình phàm đều có thể làm được, đệ tử Tam Bảo đều làm được, nhưng chí tâm nghĩ nhớ danh hiệu Đại Sĩ thì chẳng làm được! Do vậy, chẳng được tương ứng!

Chúng tôi vừa giải thích sâu hơn cái gọi là “*chí tâm tư niệm Đại Sĩ danh*”, điều này liên quan đến những điều chúng ta vừa đọc trong bộ kinh [Thập Luân này]. Như thế nào thì quý vị mới đạt đến “*chí tâm tư niệm Đại Sĩ danh*”? Trong ấy có công phu, mà cũng có đôi chút bí mật. Nói rõ ràng thì [thật ra] chẳng có gì là bí mật, nhưng khi quý vị chẳng làm được thì vẫn là bí mật! Chuyện này phải cậy vào sức quán tưởng. “*Chí tâm*” chẳng phải là miệng niệm, cũng chẳng phải là dùng mắt nhìn, mà là trong tâm quán tưởng. Trung Hoa có một câu nói cũ xì: “*Tâm thành tắc linh*” (Tâm chí thành sẽ linh). Tâm quý vị đã chí thành, đá vàng cũng phải nứt, người học Phật cái tâm vốn ít xáo động hơn người khác, sẽ dễ thanh tịnh.

Chúng ta tựa theo lời dạy trong kinh Phật để thực hiện, hoặc là chưa đạt đến mục đích, còn chưa đạt được tương ứng, nhất định phải tìm ra nguyên nhân vì sao? Phải kiểm tra tư tưởng của chính mình, tự mình uốn nắn cho đúng. Sửa đổi một lần chưa thành công, hai lần chưa thành công, thì mười lần! Vì sao tu hành cần phải dụng công mấy chục năm? Hễ làm đúng, sẽ lập tức khai ngộ. Hễ khai ngộ thì mới biết nguyên lai là chuyện như thế đó. Cho đến khi quý vị đã biết chuyện nguyên lai là như

thế đó, chuyện ấy cũng chẳng có. Đạo lý này thoát nhìn rất đơn giản, làm được rất khó! Nói rất dễ dàng, chỉ cần dùng cái tâm bình thường để đối đãi là được rồi, nhưng quý vị chẳng nắm chắc cái tâm bình thường ấy!

Có rất nhiều người hỏi tôi: Họ đã uống Địa Tạng thủy, nhưng chẳng có hiệu quả tốt đẹp nào! Tôi nói: “Có người đạt hiệu quả tốt, quý vị hãy hỏi người ấy làm như thế nào?” Nhưng đã có hiệu quả tốt, chớ nên tái phạm. Nếu quý vị tái phạm, sẽ lại chẳng còn [hiệu quả tốt đẹp ấy], sẽ có lúc sáng suốt, có khi tối tăm. Cái tâm của chúng sanh có lúc sáng suốt, có khi tối tăm, chúng ta chẳng quyết định được. Cho nên trí huệ sáng suốt và tối tăm, hai đằng cứ một mực chông chênh: Có lúc sáng suốt, có lúc lại tối tăm; đã tối tăm rồi lại khôi phục nguyên trạng sáng suốt. Nói là “*nghiệp chướng phát hiện*”, có lúc người ấy lại sáng suốt, nghiệp chướng lại tiêu mất. Thế nhưng, chẳng cần biết là như thế nào, hề niệm tụng Địa Tạng Bồ Tát, tuyệt đối chẳng đọa vào tam đồ. Bất quá, phải trải qua đôi chút luân chuyển.

Bất luận kinh Địa Tạng, kinh Chiêm Sát, hay kinh Thập Luân cũng thế, chỉ cần xưng tụng danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hiện tại đã kết duyên, sẽ đều có thể đạt được công đức ấy. Vì trong kinh Địa Tạng, chính Địa Tạng Bồ Tát đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật cam đoan điều ấy. Ngài nói: “*Phàm là [chúng sanh] trong đời Mạt, chỉ cần có đôi chút thiện căn trong Phật pháp, dầu bằng máy tơ, sợi tóc, con cũng sẽ nhất định độ thoát kẻ đó*”. Như vậy thì cậy vào thần lực của Địa Tạng Bồ Tát sẽ chẳng có vấn đề gì. Tuy vậy, quý vị chớ nên vì câu ấy mà đợi Địa Tạng Bồ Tát đến độ! Chính mình vẫn phải nỗ lực! Nếu không, thời gian sẽ rất dài.

Nay chúng ta chỉ niệm kinh văn một lượt, những đạo lý được nói trong những phần kinh văn trên đây rất sâu, quý vị đọc trước là được rồi. Thật sự muốn học tập kinh Thập Luân là trong phần sau, chờ đến khi nói tới quyển thứ hai, dùng Thập Luân của Phật để đối trị Thập Luân của chúng ta. Đối với kinh văn trong hai quyển sau, hãy khéo dụng công đôi chút, đây là chỗ chúng ta tu hành. Trên đây là Tự Phần, trước hết, tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát để tâm quý vị quy hướng: “*Địa Tạng Bồ Tát đúng là chẳng thể nghĩ bàn!*” Trong tâm quý vị sẽ nảy sanh cảm xúc rất chí thành, học tập theo, sẽ dễ tiến nhập.

Đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát lần nữa, nhưng trong rất nhiều đại pháp hội, rất ít khi Địa Tạng Bồ Tát đến dự. Văn Thủ Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát thường ở hai bên đức Phật, Địa Tạng Bồ Tát rất ít đến! Trừ phi do liên quan đến Ngài mà cần phải phát khởi

pháp hội chi đó, Ngài mới đến dự. Rất nhiều pháp hội chẳng có Địa Tạng Bồ Tát. Vì sao? Ngài phải hiện thân trọn khắp trong rất nhiều cõi Phật, Ngài có danh xưng là gì? Không nhất định gọi là Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát có vô lượng ức danh hiệu, Định của Ngài cũng là vô lượng ức định, [ngay cả] danh tự của Ngài cũng là vô lượng ức định. Ngoài ra, vị Bồ Tát nào sẽ là Địa Tạng Bồ Tát? Chúng ta đến Ngũ Đài Sơn, triều bái Văn Thù Bồ Tát, vị nào là Văn Thù Bồ Tát? Quý vị gặp quá nhiều người! Thật ra, hằng ngày chúng ta gặp gỡ Địa Tạng Bồ Tát, hoặc Địa Tạng ở cạnh chúng ta mỗi ngày, chỉ là chính mình chẳng biết đây thôi! Do vậy, quý vị cứ niệm là được rồi. Khi quý vị niệm kinh Địa Tạng, khi quý vị nghĩ nhớ Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát đã ở trong tâm quý vị.

Đoạn kinh văn này nhắc tới Hảo Nghi Vấn Bồ Tát vì Ngài chẳng lý giải, mà cũng chưa từng nghe nói qua, nhưng trong pháp hội này, Ngài được gặp gỡ, mà cũng được nghe nói [Địa Tạng Bồ Tát]. Trước hết, đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát; sau đấy, Địa Tạng Bồ Tát lại dùng bài kệ mâu nhiệm để tán thán công đức của đức Phật. Hảo Nghi Vấn Bồ Tát cảm thấy Địa Tạng Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, liền hỏi: “Địa Tạng Bồ Tát đã gieo thiện căn vào lúc nào? Nay Bồ Tát đang ở trong cõi Phật nào? Cõi Phật ấy cách thế giới Sa Bà của chúng ta xa hay gần? Trong đời quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát đã gieo thiện căn nào, cũng như đã tu tập những công đức gì?” Hảo Nghi Vấn Bồ Tát thỉnh vấn đức Phật [những thắc mắc ấy]. Thoạt đầu, đức Phật chẳng đáp ứng, vì nói ra chỉ sợ chúng sanh hoài nghi chẳng tin, đức Phật liền bảo “thôi”. Do Hảo Nghi Vấn Bồ Tát xin chỉ dạy lần nữa, đức Phật bèn dạy cho. Đây là trong kinh Thập Luân, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát.

Ngoài ra, chúng ta thấy trong kinh Địa Tạng, hoặc xem kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, [sẽ biết] thời gian Địa Tạng Bồ Tát tu hành rất lâu xa. Đồng thời, đức Phật chẳng nói cặn kẽ, Ngài giới thiệu cho Hảo Nghi Vấn Bồ Tát chỉ là nói đại lược chút phần! Trong chút phần ấy, trước hết, nói một phần về các môn Định do Địa Tạng Bồ Tát đã nhập. “*Định*” có nghĩa là quan sát. Do Định thì mới có thể sanh ra Huệ. Khi chúng ta có chuyện gì, sẽ nói “đợi tôi lắng lòng suy nghĩ”, có ý nghĩa ấy. Vì Địa Tạng Bồ Tát trọn khắp mọi nơi, hết thấy mọi nơi đều là chỗ Ngài trụ. Ngài tùy ý an trụ trong các cõi Phật. Chẳng phải là Hảo Nghi Vấn Bồ Tát đã hỏi [Địa Tạng Bồ Tát] “trụ trong cõi Phật nào, cách nơi này bao xa đấy ư?” Đức Phật trả lời: “*Ngài an trụ ở bất cứ cõi Phật*

nào, nơi đó đều là xứ sở để Địa Tạng Bồ Tát hành Bồ Tát đạo”. Trọn chẳng phải chỉ là thế giới Sa Bà, mà cũng chẳng phải chỉ là thế giới Cực Lạc, chẳng phải chỉ là thế giới của Đông phương Lưu Ly Quang Như Lai! Chỉ cần chỗ nào có tam đồ, thì sẽ có Ngài.

Do vậy, trong rất nhiều kinh giáo Đại Thừa, Địa Tạng Bồ Tát rất ít khi hiện diện. Đây là một vấn đề: Có phải là Ngài thật sự chẳng ở nơi đây? Chẳng phải! Chỉ là vì danh xưng của Ngài không phải là Địa Tạng Bồ Tát. Tùy theo quốc độ đã hiện, tùy thuộc thân đã hiện, Ngài lại có danh hiệu khác!

Đoạn kinh văn này nói Ngài đã nhập tổng cộng hai mươi ba loại Định; thật ra, chỉ là nêu đại lược ít phần. Trong kinh Địa Tạng, hoặc kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Ngài nhập Định nhiều hơn nữa. Mỗi sáng sớm bèn nhập trăm ngàn vạn ức môn Định. Trước là dùng Định để động, sau là dùng trí để cứu bạt, tức là trước hết dùng Định để quan sát một phen, sau đấy, dùng trí huệ để cứu độ chúng sanh.

Trong thế giới này, Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt hữu duyên với thế giới Sa Bà. Xét theo ý nghĩa của kinh văn, chúng ta ở trong thế giới này lẽ ra phải đắc độ, có sao đến giờ vẫn còn khổ sở như vậy? Vẫn phải là do hữu duyên. Chúng ta niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hằng ngày! Tôi dẫn hai câu trong kinh do chính Địa Tạng Bồ Tát tự nói: Có rất nhiều chúng sanh còn chưa được thấy nghe danh tự của ta, “*bất vị văn danh, vân hà huyền niệm?*” [ý nói]: Ngay cả danh tự của ta còn chưa nghe thấy, làm sao niệm tên ta cho được? Đối với điểm này, [chắc là] chúng ta sẽ hoài nghi: “Hằng ngày chúng tôi đều niệm, sao lại nói vẫn chẳng thấy nghe thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát?”

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói như thế này: “*Phải chí tâm*”. Khi sử dụng Chiêm Sát Luân [để xem xét nghiệp chướng của chính mình sâu cạn như thế nào], nhất định phải chí tâm. Chẳng chí tâm, sẽ chẳng nghe danh tự Địa Tạng Bồ Tát, mà cũng chẳng tương ứng với Địa Tạng Bồ Tát. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát, Ngài nói: “*Hết thấy chúng sanh muốn học tập pháp sám hối, nếu muốn bái Địa Tạng Sám thì phải chí tâm. Nếu chẳng thể chí tâm, bất cứ hiện tượng nào cũng đều chẳng đạt được, thậm chí ‘chẳng được nghe tên, làm sao suy niệm?’ Căn bản là chẳng thấy nghe danh tự của tôi, niệm như thế nào đây?*” cũng tức là “chẳng niệm”. Rành rành là đang niệm, rành rành là tôi đã thấy nghe, vì sao [lại bảo là] “chẳng niệm”? Vì quý vị chẳng chí tâm!

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói: “*Nhược bỉ chúng sanh tuy học sám hối, bất năng chí tâm, bất hoạch thiện tướng giả, thiết tác thọ tướng, bất vi đắc giới*” (Nếu các chúng sanh đó tuy học sám hối, nhưng chẳng thể chí tâm, chẳng đạt được tướng lành, dẫu coi là [chính mình] đã thọ giới, vẫn chẳng đắc giới). Điều gì cũng chẳng đạt được! Khi chúng ta học pháp, thường là chẳng vâng theo pháp để làm! Đã thọ Tam Quy Y, nhưng quý vị chẳng hành theo Tam Quy Y, còn coi là đệ tử Phật được chăng? Thọ Ngũ Giới, chẳng trì Ngũ Giới, có được coi là đắc giới hay không? Hàm nghĩa là như thế đấy!

Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát nói: “Ngài nói chí tâm, như thế nào mới được coi là chí tâm? Chí tâm là như thế nào?” Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi như thế, Địa Tạng Bồ Tát đáp: “*Thiện nam tử! Tôi nói chí tâm thì đại lược có hai loại. Những gì là hai? Một là lúc mới học tập bèn cầu nguyện chí tâm, hai là nhiếp ý chuyên ròng, thành tựu tương ứng dũng mãnh chí tâm. Có được hai loại chí tâm ấy, sẽ có thể đạt được thiện tướng. Loại chí tâm thứ hai lại có hạ, trung, thượng, ba thứ khác biệt*”. Do đoạn kinh văn tôi vừa đọc, mọi người sẽ đều có thể biết sự trọng yếu của chí tâm. Trong phần sau kinh Thập Luân, cũng sẽ giảng giải. Phần trước chỉ nói tổng quát về công đức của Bồ Tát mà thôi, trọn chẳng nói về những sự thật mà Ngài đã thực hiện. Nhưng khi học kinh, trước hết phải tìm ra hàm nghĩa trong bộ kinh ấy, tìm tòi những chỗ mâu thuẫn giữa các kinh, giải quyết những chỗ quý vị cho là mâu thuẫn, phải giải quyết những điều hoài nghi trước đã, sau đấy mới có thể chí tâm, thâm nhập, mới có thể được cứu, mới tương ứng với nguyện lực của Bồ Tát, tương ứng với những điều quý vị mong cầu.

Nếu chẳng y pháp, chẳng y pháp thì là học pháp mà chẳng y pháp. Đó là căn bệnh chung của chúng ta. Học kinh mà chẳng chiếu theo kinh, điều này lại giải thích như thế nào đây? Người học Phật rất đông, đức Phật dạy họ làm như thế nào, họ chẳng làm như thế đó. Sau đấy, lại còn ôm lòng oán hận, chê bai Phật pháp chẳng linh. Chẳng phải là không linh, mà là do quý vị chẳng làm theo, hoặc chẳng làm đúng pháp, nhất định phải y pháp. Có những chuyện xét theo lý thì có thể thông, nhưng nơi Sự thì tuyệt đối chẳng được! Do vậy, sau khi đã hiểu đạo lý này, mới biết rõ vì sao suốt ngày bái sám, niệm Địa Tạng Bồ Tát, mà dường như những mong cầu của chúng ta vẫn chẳng được thỏa mãn.

Trong sự gia trì của Bồ Tát, còn có những hiện tượng rất rõ rệt, hoặc là trong mộng, hoặc là thấy Địa Tạng Bồ Tát gia trì, tai nạn của quý vị lập tức tiêu mất, lập tức có thể hiểu rõ, tâm khai ý giải, hoặc nghiệp

tiêu mất. Đó gọi là “*minh gia*” (明加, gia trì rõ ràng), rất rõ rệt! Lại còn có loại “*minh gia*” (冥加), tức là âm thâm gia trì, từng bước dần dần quý vị. Nếu là gia trì rõ rệt, Bồ Tát có trí huệ, chúng ta chẳng có trí huệ, sẽ dễ dàng kiêu ngạo, hoặc là do mộng thấy tướng hảo, quang minh, quý vị sẽ rêu rao chính mình được gia trì khắp nơi hồng phúc danh, phúc lợi: “Đêm hôm qua, Địa Tạng Bồ Tát đối trước tôi phóng quang, tôi rất sung sướng”. Người khác vừa nghe, [tám tắc]: “Ông đã có thành tựu”, vội vàng móc hồng bao ra, cúng dường quý vị, hồng bát! Quý vị đã bị đọa lạc! Do đó, khi cầu thì nhất định phải hiểu loại kiến giải thù thắng này! Bất luận học bộ kinh nào, cũng đều nhất định phải học theo pháp, chớ nên lướt qua.

[Chắc là sẽ có kẻ thắc mắc]: Chẳng phải là [chư tổ thường] nói “*đốn ngộ*” đó sao? Đốn ngộ chẳng lia khỏi Sự tu (tu hành nơi Sự). Quý vị đừng thấy người ta khai ngộ, vừa mới nghe đã lý giải [mà tướng là dễ]; sau đó, họ đạt được lý giải thù thắng, được thanh tịnh luân tướng, chẳng phải là do [chỉ tu tập] trong đời này, mà là do đã nhiều kiếp tu tập! Chúng ta thấy công nhân sử dụng các công cụ hết sức thuần thực, nhaoáy một cái đã làm xong. Quý vị làm thì mồ hôi mướt đầu, vẫn mò mẫm, chẳng hiểu rõ cách làm như thế nào! Lại còn làm ra những thứ chưa xứng gọi là thứ phẩm. Đạo lý y hệt như nhau! Trước hết, phải hiểu đạo lý này rồi quý vị nghe những câu trong bộ kinh này, được định lực của Bồ Tát gia trì, cho đến Bồ Tát trụ trong bất cứ quốc độ nào, ở bất cứ nơi đâu, cũng đều có rất nhiều chúng sanh có thể đạt được lợi ích. Chính quý vị sẽ có thể cảm nhận được!

[Nếu nói] “tôi chẳng trông thấy”, vì sao tôi cảm nhận như vậy? Vì sao kinh nói như thế? Hai đằng dường như chẳng tương ứng. Hãy nên hiểu đạo lý này: Quý vị ngay cả điều tối thiểu là chí tâm phát nguyện cũng chẳng có! Chỉ có chí tâm ưa thích, nghe nói [những công hạnh của] Địa Tạng Bồ Tát bèn rất cảm động; đấy chỉ là cái tâm mong cầu, vẫn chưa đạt đến mức chí tâm! Chí tâm có mức độ nhất định. Đã phát khởi chí tâm, giống như cái tâm dưng mãnh, tinh tấn, đấy vẫn là còn chia thành ba tâm. Đạt đến thâm tâm: “*Địa Tạng Bồ Tát là chính ta, ta là Địa Tạng Bồ Tát*”. Quán tưởng như thế thì sẽ tương ứng. Tự nhiên quý vị sẽ chứng đắc cảnh giới khác hẳn. Như nghe nói về Địa Tạng Bồ Tát, liền có thể đạt đến mức “*xả hết thấy, chuyện gì cũng giao cho Địa Tạng Bồ Tát*”, chúng ta vẫn chưa làm được!

Còn như dựa theo những yêu cầu trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, khi sử dụng luân tướng, phải nên lễ bái như thế nào, y pháp như thế nào, câu gì được nấy, thì cần phải có công lực, tức là dũng mãnh chí tâm, phải trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chẳng phân biệt ngày đêm mà bái sám, xưng tụng danh hiệu, tụng kinh Địa Tạng, đập đầu lễ bái. Trọn chẳng phải là cứ chiếu theo bản văn sám pháp lạy một lượt là xong! Phải thực hiện liên tục, có yêu cầu nhất định! Nhưng đối với bọn phàm phu chúng ta, đối với thể lực và thân tâm của chúng ta trong hiện thời, nếu chiếu theo quy định của Bồ Tát thì chúng ta chẳng thể nào làm nổi. Vậy thì sẽ có gia trì. Quý vị chỉ cần thật sự thực hiện thì sẽ được gia trì.

Trước kia, có một vị tổ sư. Ngài dùng sanh mạng của chính mình để tu trì. Vì Ngài ưa ngủ gật, hôn trầm đặc biệt nặng nề, bèn tự đặt mình vào chỗ ắt phải chết. Ai nấy đều sợ chết, Ngài đến tĩnh tọa nơi vách đá cheo leo để coi chính mình có còn ngủ gục hay không? Hễ ngủ gục, sẽ rơi phịch xuống, rơi xuống sẽ chết chắc! Làm như vậy có thể chế ngự phiền não hay không? Chẳng thành công! Ngài tĩnh tọa, duy trì chẳng nổi, bèn ngã nhào. Vì Đà Bồ Tát liền kéo Ngài lên, Ngài hỏi: “Vị nào hộ pháp? Ai đã cứu tôi lên?” Vì Đà hộ pháp bảo Ngài: “Ta là Vi Đà Bồ Tát đến hộ trì ông”. Ngài vừa nghe như vậy, bèn sanh tâm kiêu mạn, nói: “Trong Nam Thiệm Bộ Châu, người tu giống như ta chỉ sợ chẳng được mấy ai!” Vì Đà Bồ Tát nói: “Người giống như ông, ta đã gặp quá nhiều, nhiều như lông bò vậy. Kẻ có tâm kiêu ngạo như ông thì mười kiếp sau ta mới hộ trì pháp cho ông. Suốt mười kiếp ta chẳng hộ trì ông”. Vì Đà Bồ Tát liền ẩn mất.

Ngài suy tưởng: “Thoạt đầu, tôi cũng chẳng cầu ông hộ pháp. Ông hộ pháp thì cũng tốt, không hộ pháp cũng chẳng sao. Tôi vẫn cứ tu như vậy”. Ngài lại ngồi. Ngồi lâu chẳng thể duy trì nổi, thân thể hữu hạn, lại rơi vèo xuống, Vi Đà Bồ Tát lại cứu Ngài lên. [Tổ sư thối mắc]: “Chẳng phải là ông không hộ pháp cho tôi ư? Vì sao lại hộ trì?” Vì Đà Bồ Tát nói: “Một niệm của ông vượt khỏi mười kiếp. Ta nói mười kiếp không hộ pháp cho ông, nhưng một niệm tâm tinh tấn ấy đã vượt khỏi mười kiếp”. Khi chúng ta gặp nguy nan hay trong hoàn cảnh khó khăn, có sanh khởi tâm niệm vượt qua mười kiếp hay không? Thường nói là “*buông xuống thân tâm*”, chúng ta có buông xuống hay không? Chính mình hiểu rất rõ!

Dựa trên đoạn kinh văn đức Phật trả lời Hảo Nghi Vấn Bồ Tát trong kinh Thập Luân, [sẽ thấy] đây chẳng phải là Địa Tạng Bồ Tát tự

tán dương công đức của chính mình, mà là do đức Phật nói. Đức Phật nói: Vị thiện nam tử ấy, ở ngay trong quốc độ mà Ngài trụ, do định lực, nguyện lực, tâm từ bi, đạo lực, chỉ cần Ngài ở nơi đâu, nơi ấy liền cát tường. Thế nhưng chúng sanh ở nơi ấy cũng phải chí tâm tương ứng với Ngài. Không tương ứng thì vẫn chẳng đạt được! Nhưng có chỗ lại nói, như trong phẩm thứ mười hai của kinh Địa Tạng, đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: “*Vị Địa Tạng này đặc biệt hữu duyên với chúng sanh trong cõi này. Chỉ cần chúng sanh có cầu, chúng sanh có niệm, sẽ đều được gia trì*”, chẳng đòi hỏi nghiêm ngặt như thế. Hơn nữa, trong phẩm thứ mười ba của kinh Địa Tạng, cuối cùng đức Phật đã phó thác: “*Đối với chúng sanh đời Mạt Pháp, ông nhất định phải dùng thần lực và nguyện lực cứu giúp, che chở họ*”.

Địa Tạng Bồ Tát liền nguyện rằng: “*Trong thời Mạt Pháp, những ai chỉ cần có chút thiện căn trong Phật pháp, dầu bằng một vi trần, hay một giọt nước, con nhất định cứu độ kẻ ấy, khiến cho kẻ ấy được giải thoát*”. So với chí tâm tương ứng vừa được nói trên đây, kết hợp cả hai đằng để xem, [sẽ hiểu] học pháp thì chẳng thể chấp trước nơi văn tự, ngôn ngữ. Nếu không, sẽ ngã lòng và chẳng thể sanh tâm chí thành được.

Địa Tạng Bồ Tát nói: “*Có đôi chút công đức bằng một vi trần, hoặc một giọt nước trong Phật pháp, ta sẽ đều cứu độ*”, [thế mà] nay ta có rất nhiều công đức nơi Phật pháp, không chỉ bằng một giọt nước, có sao Địa Tạng Bồ Tát chẳng cứu độ ta? Quý vị sanh tưởng ý niệm oán thán như thế! Đối với Phật pháp, phải nhìn theo mọi khía cạnh, luôn luôn tu tập, phải nhìn như thế đó.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, hỗ tương quai vi, hưng chư đấu tránh, hữu năng chí tâm xưng danh niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc xả độc hại tâm, cộng tương hòa mục, hoan hỷ nhân thọ, triển chuyển hồi quý, từ tâm tương hướng, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，互相乖違，興諸斗爭，有能至心稱名念誦，歸敬供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得舍毒害心，共相和穆，歡喜忍受，展轉悔愧，慈心相向，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình chống trái lẫn nhau, dấy lên các sự đấu đá, tranh chấp, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy sẽ đều bỏ tâm độc hại, hòa thuận với nhau, hoan hỷ chịu đựng, lần lượt hối hận, thẹn thùng, đối đãi với nhau bằng lòng Từ, tùy theo căn tánh đáng độ mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đoạn kinh văn này có ý nghĩa rất dễ hiểu, chẳng cần phải giải thích như thế nào. Mọi người biết rất rõ: Trong hiện thời, chúng ta luôn có đủ các hiện tượng này, làm thế nào để vượt thoát, hồng Địa Tạng Bồ Tát sẽ đặt yên chúng ta nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn? Phải chí tâm! Tôi mới vừa đọc [một đoạn] kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, chẳng biết mọi người có quên hay chẳng? Phải học tập, tức là học tập phát nguyện chí tâm. Chẳng học tập, sẽ chẳng đạt được chí tâm. Phần lớn chúng ta là tán loạn tâm, hôn trầm tâm, điều này có mối liên quan rất lớn với tín tâm. Chúng ta phải vun bồi tín tâm. Tin tưởng pháp sâu đậm, chẳng đòi dòi, rất khó! Chẳng cần biết nói như thế nào, chỉ sợ các đạo hữu vẫn là “thật vậy sao?” Cứ phết dấu hỏi: “Sao tôi chẳng đạt được?” Rất nhiều người đều có cái dấu hỏi này, chẳng thêm tự vấn chí tâm của chính mình đã đạt tới mức độ nào? Vì chẳng có chí tâm, chẳng tương ứng với Địa Tạng Bồ Tát, sẽ chẳng đạt được tình huống ấy. Đây là nói về đạo sanh thiên, Niết Bàn, chứ còn tiêu tai miễn nạn thì ít nhiều gì vẫn có!

Dựa theo kinh nghiệm của cá nhân tôi, từ sau khi tới Mỹ, tôi và pháp sư Hoàng Giác hai người đều thấu hiểu: Hễ ai đến Phật đường tùy hỷ lễ bái, sẽ đều đạt được lợi ích nhất định; bất quá chẳng phải là lợi ích triệt để rốt ráo! Vì tâm người ấy chẳng triệt để, cho nên cũng chẳng thể đạt được lợi ích triệt để. Có khi người ấy cầu chuyện chi đó, hoặc là cầu cho con cái của mình tiêu trừ tai nạn, một khi tai nạn của con mình trừ sạch rồi, người đó chẳng tin nữa, chẳng làm nữa. Như vậy thì đạo sanh thiên, Niết Bàn sẽ chẳng thể đạt được! Hơn nữa, so sánh giữa hai đảng, tình kiến thế gian đặc biệt nặng nề, còn cái tâm xuất ly đặc biệt nhẹ tênh; cái nặng nề thì ngày càng nặng nề hơn, cái nhẹ tênh thì ngày càng nhẹ bẫng!

Tôi thấy rất nhiều đạo hữu như vậy. Trong một năm, mỗi người đều biến hóa rất lớn. Điều chúng ta có thể làm là khuyên nhủ, khơi gợi họ. Khi chúng ta cùng nhau bái sám, hễ đạt được mục đích, họ sẽ chẳng bái sám nữa, chúng ta cũng tách lìa nhau: “A! Tôi sẽ lạy ở nhà nghe!”

Tôi nói: “Quý vị đừng gạt tôi! Quý vị ở nhà lạy ai vậy?” “Đâu có! Tôi vẫn niệm mà!” Niệm cái gì cũng chẳng biết! Chúng ta đừng nên dối gạt chính mình! Quý vị mong lừa gạt quý thần, sẽ chẳng gạt được đâu! Quý vị có lừa Bồ Tát nổi không? Bồ Tát vốn ở ngay trong tâm quý vị. Nếu tâm của quý vị linh, sự nghiệp đều linh. Đó là cái tâm của chính quý vị. Tới phần sau, chúng tôi sẽ giảng Địa Tạng Bồ Tát chính là cái tâm của chính mình.

Trong phần trước, tôi có nói: “*Địa*” là tâm địa của chúng ta. “*Tạng*” là “*mật tạng*” (密藏, ẩn giấu). Tâm địa của chúng ta bao gồm những chuyện ấy. Dấu sao, hai phương diện ấy đều là Không; nhưng Không chẳng phải là rỗng không, mà nó có thể biến thành công đức vô lậu tánh, cũng có thể biến thành hết thảy ưu bi phiền não, tùy thuộc quý vị lý giải như thế nào!

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, bế tại lao ngục, nữ, giới, già, tảo, kiểm hệ kỳ thân, cụ thọ chúng khổ, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc giải thoát lao ngục, nữ, giới, già, tảo, tự tại hoan lạc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，閉在牢獄，杻械枷鎖，檢系其身，具受眾苦，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得解脫牢獄，杻械枷鎖，自在歡樂，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, bị giam kín trong tù ngục, gông, cùm, xiềng xích trói chặt thân hình, chịu đủ mọi nỗi khổ, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thảy lao ngục, gông, cùm, xiềng xích đều được giải thoát, tự tại vui sướng, tùy theo căn tánh đáng độ mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Giải thoát tai ương lao ngục, thoát khỏi nỗi khổ bị gông xiềng; hề giải thoát bèn tự tại, vui sướng. Nhưng ở đây cũng có một vấn đề, có vấn đề gì vậy? Quan niệm thời gian của chúng ta khác với quan niệm thời gian của Phật. Chư Phật thấy là một sát-na, khảo nghiệm quý vị, nhưng quý vị cảm thấy đã trải qua mấy chục năm. Cá nhân tôi thấu hiểu chuyện

này sâu xa, có thể là mọi người chẳng thấu hiểu điều này. Vì quý vị chưa từng bị tù, cũng chẳng ở tù trong một thời gian lâu như thế, nhưng ưu bi khổ não thì ai mà chẳng có? Tôi thấy người nào cũng đều có. Dầu quý vị lắm tiền nhiều của, dầu là đế vương, tể tướng, hễ chẳng đạt được mục đích, thì vẫn khổ não. Đã đạt được quyền lực, sợ bị mất đi. Đã có của cải, sợ bị mất mát. Ưu sầu như thế đó, nghĩ đủ trọn mọi biện pháp để gìn giữ.

Quý vị có của cải rất lớn, niệm Địa Tạng Bồ Tát, cầu cho của cải đừng bị mất đi, như thế thì có giữ nổi hay chẳng? Sự an bài của Địa Tạng Bồ Tát sẽ chẳng giống như sự an bài quý vị nghĩ tưởng, cũng không chừng là của cải tán thất nhanh hơn một chút! Vì sao vậy? Địa Tạng Bồ Tát mong vun bồi phước cho quý vị, chẳng để cho quý vị giữ khư khư những thứ ấy, những thứ ấy chính là rắn độc! Quý vị cho rằng Địa Tạng Bồ Tát chẳng linh; thật ra, Địa Tạng Bồ Tát rất linh. Ngài tán tài để quý vị miễn trừ tai nạn. Ngay trong khi quý vị oán thán, thường là lúc chúng ta đạt được lợi ích! “*Tự tại hoan lạc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo*” (Tự tại vui sướng, tùy theo căn tánh đáng nên độ, mà đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn): Thế nhưng, lúc Địa Tạng Bồ Tát cứu độ chúng sanh, mục đích tối hậu của Ngài là khiến cho quý vị đạt được đạo Niết Bàn bất sanh, bất diệt. Sanh lên trời cũng là quá trình, chẳng phải là sự vui sướng mà quý vị mong đạt được hay sao? Sanh lên trời, vui sướng hơn sự vui sướng trong nhân gian rất nhiều. Đó là vô ưu, vô sầu, vĩnh viễn chẳng còn ưu sầu nữa. Nếu quý vị lại tu hành thành Phật, sẽ càng tốt đẹp hơn!

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, ưng bị tù chấp, tiên thát khảo sở, lâm đương bị hại, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc miễn ly tù chấp, tiên thát, gia hại, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo. Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, thân tâm bì quyện, khí lực luy chuyết, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc thân tâm sướng thích, khí lực cường thịnh, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，應被囚執，鞭撻拷楚，臨當被害，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩

者，一切皆得免離囚執，鞭撻，加害，隨其所應，安置生天，涅槃之道。隨所在處，若諸有情，身心疲倦，氣力羸憊，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得身心暢適，氣力強盛，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, đáng bị tù ngục, đánh đập, tra khảo, sắp sửa bị hại, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được thoát khỏi, xa lìa tù rạc, đánh đập, làm hại, tùy theo căn cơ đáng nên độ, mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn. Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, thân tâm mệt mỏi, khí lực hao mòn, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được thân tâm thoải mái, thư thái, khí lực cường thịnh, tùy theo căn cơ đáng nên độ, mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đức Phật bảo Hảo Nghi Vấn Bồ Tát: “Ông hỏi ta về công đức của Địa Tạng Bồ Tát ư? Ta nói với ông từng điều như thế đó”. Đây vẫn là chút phần, vì khổ não của chúng sanh quá ư là nhiều. Nơi thân của mỗi cá nhân đều khác nhau, phiền não cũng quá nhiều. Do vậy, tuy nói mấy điều như thế, vẫn chỉ là nêu đại lược.

“*Tùy sở tại xứ*” (Ở bất cứ nơi đâu): Hễ nói “*tùy sở tại xứ*” thì là nói về Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát ở chỗ nào, hữu tình ở chỗ đó đều có thể tránh khỏi khổ nạn. Thân tâm mệt mỏi là nội tâm mệt mỏi, thân thể mệt mỏi, quá sức mệt nhọc! Người ta phải làm mấy jobs, lại còn phải đi học. Tôi ở Mỹ, đã từng thấy có người làm hai jobs, lại còn phải đi học. Buổi tối đi học, buổi sáng đi làm. Có những người rất hạnh phúc, cuộc sống gia đình sung túc, có thể nuôi người ấy đi học. Có những người rất khổ sở, tự đến nước Mỹ thì tiền chi tiêu cũng phải tự mình kiếm, làm lụng để tự nuôi thân. Thậm chí mấy người sống chen chúc trong một phòng. Tôi ở Nữ Ước, nghe nói có mấy người thuê chung một chỗ để đặt giường, ba người, anh dùng tám tiếng, tôi dùng tám tiếng, người kia dùng tám tiếng. Trong tám tiếng này, tôi đi làm thì anh ngủ; tám giờ sau, đến phiên người khác đi làm. Ba người dùng chung một cái

giường như vậy. Đây là sự thật, chẳng phải là nói giỡn! Có người nhà ở rất lớn, rất thoáng đãng. Vì sao? Đó là do phước báo của người này, do nghiệp chướng của người kia. Nếu nói rất bất bình đẳng, thì thật ra, hết sức bình đẳng. Chúng tôi nghe chuyện ấy, cảm thấy rất bình đẳng. Nghiệp đầy nhé! Chính mình tạo nghiệp, tự mình hứng chịu, có thoát cũng chẳng thoát được! Nếu người ấy chí thành khẩn thiết niệm Địa Tạng Bồ Tát, cũng có lẽ sẽ thay đổi.

Người đang trong lúc khổ nạn, sẽ dễ sanh khởi chí tâm. Một khi đạt được, chí tâm mất tiêu, lại biến đổi! Cầu cho thân thể khỏe khoắn đôi chút, hể thân thể thật sự khỏe hơn đôi chút, quên khuấy Bồ Tát liền, lại buông lung. Chuyện này bản thân ai cũng đều có, tôi cũng có luôn! Khi tôi ở trong tù, tưởng Phật, tưởng Tam Bảo. Vừa ra khỏi tù, chẳng phải là chuyện như vậy nữa, hoàn toàn chẳng phải là niệm nào cũng đều nghĩ [đến Tam Bảo]. Trong tù khổ sở, rất bức bách, cũng chẳng có chuyện chi khác, đầu óc tập trung suy tưởng như thế. Vừa thoát ra, quá nhiều chuyện, chuyện vui sướng rất nhiều, quên bẵng Phật sự, chẳng thể chí tâm niệm như vậy được nữa. Đó là lẽ tất nhiên. Trừ phi tu Định thành công, đạt được địa vị Bất Thoái Chuyển! Nếu không, hết thầy chúng sanh đều giống nhau!

Hoặc là chẳng có khí lực, cầu Bồ Tát tặng thêm một chút khí lực. Tôi rất cảm kích Bồ Tát, từ lúc ở tù cho đến nay, suốt đời chẳng bị bệnh gì. Năm nay đã tám mươi một tuổi, sắp tám mươi hai tuổi rồi, cảm thấy vẫn rất có khí lực. Quý vị nghe tôi nói chuyện, hãy còn có khí lực. Bồ Tát sẽ gia trì quý vị như thế nào? Không bị bệnh là đủ rồi! Do vậy, vì sao mỗi vị đạo hữu hãy đều nên báo ân Phật, báo ân Bồ Tát? Vì các Ngài đã gia trì rất nhiều, chính mình đang hưởng phước mà chẳng biết! Hôm nay, tôi xem TV, thấy nói bão lốc (Tornado) đánh xuống bốn tiểu bang của Mỹ, tổng cộng tổn thất hai mươi tám ức Mỹ Kim. Hai mươi tám ức Mỹ Kim là một con số chẳng nhỏ. Bão lốc tràn qua như vậy, sẽ chẳng có chỗ để ở. Ngày hôm qua còn rất hạnh phúc, bão cuốn qua, hôm nay chẳng hạnh phúc nữa, mong chờ cứu tế, phải chờ đợi! Quý vị hứng chịu khổ nạn, chờ đợi cứu tế, rất khôn khó! Các hiện tượng như vậy trên thế giới, tuy quý vị đều trông thấy, nhưng đều có một thứ tâm lý cầu may: “Vẫn chưa đến phiên ta”. Ai nấy đều có ý tưởng này: “Chưa đến lượt ta, có thể sẽ không bị”. Đệ tử Tam Bảo phải luôn quy hết thầy công đức về Tam Bảo, Tam Bảo sẽ gia trì ta, khiến cho ta còn có khí lực. Nếu chí tâm xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, thân tâm thoải mái, thư thái, khí lực sẽ cường thịnh.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, chư căn bất cụ, tùy hữu tổn hoại, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc chư căn cụ túc, vô hữu tổn hoại, tùy kỳ sở ung, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，諸根不具，隨有損壞，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得諸根具足，無有損壞，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, các căn chẳng đủ, có chỗ bị hư tổn, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được các căn đầy đủ, chẳng bị tổn hoại, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đối với những câu này, tôi có cách nghĩ như sau: Có phải là những người sáu căn tàn khuyết, chẳng trọn vẹn, sẽ ngay lập tức mọc ra hay không, hoặc là chân bị cụt sẽ mọc ra chân khác hay không? Chẳng phải là ý nghĩa ấy! Địa Tạng Bồ Tát gia trì quý vị, dùng một phương thức khác để gia trì, khiến cho quý vị sau khi chết đi, sẽ lại đầu thai [với thân thể toàn vẹn]. Còn có một loại khác: Người ấy thật sự là kẻ sáu căn chẳng hoàn bị, kẻ mù bỗng nhiên thấy đường, kẻ điếc tai đột nhiên nghe tiếng. Chuyện này đã có các trường hợp chứng minh cụ thể. Khi chúng tôi đến đây vào mấy năm trước, có một cô bé tai đeo máy trợ thính (hearing aids), nói chuyện cứ ú ớ không thốt nên lời. Cách nay chưa đầy một năm, cô ta đã có thể nói chuyện, lại còn học rất khá. Cô ta mới niệm Địa Tạng Bồ Tát đôi chút, nhưng niệm lực rất thành khẩn, trong tâm thuần tịnh, chẳng tạp. Đó là một đứa bé mười mấy tuổi, người Cao Hùng, ở đây có người có thể chứng minh. Đây là sự thật. Đó là Địa Tạng Bồ Tát tiêu trừ “sáu căn không toàn vẹn” cho cô ta, sẽ đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn, vẫn phải tiếp tục tu hành. Do vậy, kẻ các căn chẳng đủ thì phải cầu khẩn như thế.

Nhưng cuối mỗi đoạn [thuyết minh sự cứu giúp] khổ nạn [của Địa Tạng Bồ Tát], đều có một điều kiện: Phải chí tâm xưng danh, niệm tụng,

quy ngưỡng, tôn kính, lại còn phải cúng dường. Mọi người vừa nghe nói cúng dường, bèn cho là phải bỏ tiền, không nhất định đâu nhé! Sự cúng dường tốt nhất là pháp cúng dường, tức là dùng niệm thánh hiệu để cúng dường. Quý vị cúng dường Địa Tạng Bồ Tát thì hoặc là niệm kinh Chiêm Sát, hay niệm kinh Địa Tạng, dùng pháp để cúng dường cũng được. Còn có cách dùng ý để cúng dường. Nếu quý vị chẳng có rất nhiều tiền, hoặc giả như quý vị có tiền, nhưng chẳng có cách nào ra phố, vậy thì cứ nghĩ mình đến tiệm hoa, hay tới tiệm trái cây dọn hết về là được rồi. Có người hỏi tôi: “Sự phụ! Làm như vậy chẳng phạm tội trộm cắp ư?” Tôi nói: “Quý vị chẳng lấy của người ta cái chi hết, phạm giới trộm cắp nổi gì?” Giới trộm cắp là quý vị ở chỗ người ta lấy cái gì khỏi chỗ của nó [mà không xin phép] thì mới phạm giới trộm cắp. Còn đây là trong tâm quý vị biến hóa, phạm giới trộm cắp nổi gì? Quý vị tưởng những thứ trái cây, so với trái cây của họ còn tốt đẹp hơn, chúng được sanh từ ý niệm. Sanh từ ý niệm thì là pháp cúng dường, tức là một cách cúng dường bằng ý niệm. Đây chính là pháp cúng dường trong “*quảng tu cúng dường*” của Phổ Hiền thập đại nguyện vương.

Vì thế, cúng dường thì có thể dùng pháp cúng dường, nhưng tôi phải cảnh tỉnh mọi người: Tâm tham chớ nên quá nặng, thứ gì cũng chẳng xả được, cứ suy tính “ta niệm một ít kinh, pháp cúng dường đã thành rồi”, một đồng cũng chẳng bỏ ra, một chút sức cũng chẳng xuất ra, sai mất rồi! Vì pháp cần phải kết hợp với Sự, trong tình huống bất đắc dĩ, chẳng có cách nào, quý vị mới dùng pháp cúng dường. Nhưng quý vị có sức làm được, thì phải nhờ vào Sự để biểu thị pháp thì Lý và Sự mới có thể vô ngại. Nếu tôi không nói như vậy, chắc có người sẽ chửi tôi vì đã kêu gọi mọi người chẳng cần bỏ tiền cúng dường Tam Bảo, chỉ dùng ý niệm để cúng dường, hòa thượng trong chùa lấy gì mà ăn? Do vậy, phải kết hợp hai đàng, chớ nên lệch lạc bỏ phé! Nghe pháp thì ngàn vạn lần đừng nảy sanh Pháp Chấp. Nếu nói như thế này, quý vị sẽ chấp trước như thế này; nói như thế kia, quý vị lại chấp trước như thế kia, sẽ phiền phức lắm. Quý vị chẳng học được, mà có cố học cũng chẳng nổi! Nhất định phải hiểu đạo lý này!

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, điên cuồng, tâm loạn, quỷ mị sở trước, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc tâm vô công loạn, ly chư nhiễm nã, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，顛狂心亂，鬼魅所著，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得心無狂亂，離諸擾惱，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, điên cuồng, loạn tâm, bị quỷ mị dựa, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thảy sẽ đều được tâm chẳng cuồng loạn, lìa các quấy nhiễu, não hại, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đây là kẻ cuồng loạn, mắc bệnh tâm thần, loại bệnh này chẳng dễ trị. Kẻ nổi điên rất khó trị. Còn có những kẻ bị quỷ mị dựa, thật sự có chuyện này! Đích xác là có quỷ trạch (鬼宅, nhà có quỷ quấy nhiễu), chúng ta gặp phải bèn niệm kinh. Niệm kinh gia trì. Có đạo hữu nói chính mình vừa mở kinh Địa Tạng ra, bà nội hiện đến, bà ngoại cũng đến, lục thân quyến dọa người ấy kinh hồn. Người ấy cũng chẳng biết là chuyện như thế nào! Đó là họ tìm người ấy [cầu mong] siêu độ. Họ tìm kiếm đã rất lâu, tìm chẳng được người nào có duyên giúp họ siêu độ. Do đó, vừa niệm kinh Địa Tạng, họ bèn tìm đến, quý vị đừng sợ. Có người là thấy trong mộng, có kẻ thấy ngay lúc tỉnh táo.

Ở Nữ Ước, tôi có một người đệ tử phát sanh hiện tượng này; sau đó, chẳng niệm kinh Địa Tạng nữa! Trước đó, người ấy niệm kinh Địa Tạng, ban ngày lái xe từ nhà đến công ty, trông thấy một cái đầu lâu ở bốn phương, lại có người vừa cao vừa lớn hướng về xe của ông ta chạy đến. Ông ta bị dọa choáng váng; từ đấy, chẳng niệm kinh Địa Tạng nữa. Sau đó, ở nhà cũng thường xuyên gặp chuyện như thế ấy, trông thấy quỷ mị. Gặp phải chuyện như vậy, nhất định phải kiên định. Ông ta chẳng tin lời tôi. Tôi nói: “Ông phải kiên định, tiếp tục đối xử tốt với họ”. Ông ta nói: “Không niệm nữa! Không niệm thì sẽ không có nữa”. Thế nhưng, có rất nhiều đạo hữu của chúng ta đều niệm kinh Địa Tạng, mà cũng chẳng có ai không niệm nữa. Người mỗi ngày niệm một bộ vẫn rất nhiều!

Giả sử có hiện tượng ấy phát sanh, hãy chí tâm niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, tâm quý vị sẽ khôi phục, chẳng bị cuồng loạn nữa! Các quỷ mị nhiễu hại, não loạn

quý vị cũng sẽ theo đó mà tiêu mất! Không chỉ là như thế, Địa Tạng Bồ Tát còn chỉ dạy quý vị phải học tập như thế nào, sử dụng pháp môn nào! Tụng kinh cũng được, mà tu theo kinh Chiêm Sát cũng được, tu kinh Thập Luân cũng được, hoặc là tu quán tưởng cũng được. Sau đây, sẽ đặt yên quý vị nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, tham dục, sân khuê, ngu si, phần hận, xan tật, kiêu mạn, ác kiến, thù miên, phóng dật, nghi đãng, giai tất xí thịnh, não loạn thân tâm, thường bất an lạc, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ly tham dục đãng, thân tâm an lạc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，貪慾、瞋恚、愚癡、忿恨、慳嫉、憍慢、惡見、睡眠、放逸、疑等，皆悉熾盛，惱亂身心，常不安樂，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得離貪慾等，身心安樂，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, tham dục, nóng giận, ngu si, phần hận, keo kiệt, ganh ghét, kiêu căng, ngạo mạn, ác kiến, mê ngủ, buông lung, ngờ vực v.v... thấy đều lòng lầy, não loạn thân tâm, thường chẳng an lạc, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều là tham dục v.v... thân tâm yên vui, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Buông lung (phóng dật, 放逸) và nghi là hai chuyện khác nhau. “Nghi” là hoài nghi, “buông lung” nghĩa là tán loạn, rất thiếu tinh tấn. Tinh tấn tương phản với buông lung, có ý nghĩa bao hàm như thế đó. Nếu các hữu tình tâm tham dục rất nặng nề, rất nóng tánh, cái tâm sân khuê rất nặng, còn có kẻ ngu si, tà kiến, nhìn nhận sự vật, nhìn nhận vấn đề luôn bất đồng người khác. Đối với Phần, có người còn cho nó là tốt, hễ bất bình bèn la lên. Trông thấy kẻ này lấn hiếp kẻ khác, sẽ sanh khởi cái tâm phần hận, chẳng thể nhịn tức nổi! Mọi người cho rằng kẻ đó có tác phong hiệp nghĩa, có tinh thần chánh nghĩa rất nặng. Phật giáo chẳng

nói như thế, vì quý vị chẳng hiểu rõ sự lý, chẳng hiểu nhân quả, chẳng biết là chuyện như thế nào. Đời trước là chuyện như thế nào, tương lai và quá khứ là chuyện như thế nào. Vì sao có chuyện ấy phát sanh? Quý vị đâm ra kêu ca vì chuyện bất bình! Tôi cho rằng đây là Phần (忿), Phần chính là bất bình. Hoặc là vì người khác đối xử [không đẹp] với quý vị mà quý vị sanh ra bất bình, hoặc là thấy chuyện của người khác mà quý vị nảy sanh phần hận. Chuyện này cho thấy quý vị chẳng có cách nào, chỉ có thể hận kẻ đó mà thôi. Quý vị muốn trả thù, nhưng chẳng đánh lại người ta, bèn ghim hận trong tâm. Nay chẳng có cách nào, chờ có dịp “*tao sẽ đối phó mày*”; điều này thuộc về Hận.

Xan (慳) là keo kiệt, tham lam. Chính mình tuy có, nhưng chẳng chịu xả. Tật đố (嫉妒) là ganh ghét người khác. Thấy người khác xả, chính mình lại chẳng xả được, [bèn ganh ghét]. Hoặc là thấy kẻ khác làm chuyện tốt, tự mình chẳng làm được, nhưng ganh tỵ người ta, ganh công sức của người khác, ghét kẻ hiền tài. Kiêu (嬌) là cảm thấy mình ngon lành hơn kẻ khác. Kiêu ngạo, nếu thêm chữ Nữ bên cạnh thì sẽ là Kiêu (嬌, yêu kiêu, tha thướt). Kiêu và Mạn thường có mối liên quan. Mạn có rất nhiều loại. Có một loại là chính mình chẳng bằng người ta, lại cảm thấy mình hơn hẳn, loại này gọi là Quá Mạn (過慢). Có những kẻ thấy người khác tốt đẹp, bèn nói “có gì hay ho đâu! Tao cũng có thể làm được mà!” Đây cũng là một loại Mạn. Thật ra, kẻ đó chẳng làm được, căn bản là chẳng có bản lĩnh ấy, vẫn cảm thấy mình hơn hẳn người ta. Điều này có tánh chất kiêu mạn!

Ác kiến thuộc loại ngu si. Họ có cách nhìn vấn đề khác hẳn người khác, [cho rằng] “cứ ăn mặn, chẳng cần phải bận tâm!” Giết cá, giết tôm, giết gì gì đi nữa, đều cho rằng những thứ đây phải nên bị ăn; đó là ác kiến. Tôn hại người khác, vẫn cho rằng đó là chuyện đáng nên làm. Tôi nghe một bà cụ nói: “Lợn, dê để cho người ta ăn. Lợn, dê là thức ăn mà”. [Nói như vậy], người dành để cho cạp ăn. Nếu măng xà, rắn độc, mãnh thú ăn thịt quý vị, quý vị có chịu để cho chúng nó ăn hay không? Mỗi người có hoàn cảnh riêng. Bất quá, sức chúng nó không thể chống lại quý vị nổi, bị quý vị giết. Quý vị chẳng nuôi dê, nó ở trong núi sống theo cách của nó. Nó ăn cỏ, đâu quý vị chẳng cho nó ăn, nó vẫn sống theo kiểu của nó được! Quý vị bắt nó về giết. Nuôi trong nhà [đem giết] thì còn tạm chấp nhận, chứ dê sống trong núi, trở ngại quý vị nổi gì? Quý vị cho là chuyện đáng nên làm; đây đều là ác kiến.

Còn có một loại ác kiến là luôn muốn hại người khác. Khi tôi ở trong tù, có các phạm nhân đã vào tù, vẫn mong mỗi ngày hại kẻ khác. Có các phạm nhân chuyên báo cáo cho những kẻ ác hơn họ, họ ba ngày không hại người khác, sẽ ừ rử! Các thí dụ về ác kiến đặc biệt nhiều, ai nấy đều có. Đừng cho rằng chính mình rất thanh tịnh! Dùng cách kiến giải này để nhìn nhận vấn đề, sẽ thấy chúng ta đều có. Bất quá, sau khi học Phật, đều cố gắng sửa đổi.

Ngủ nghề thì bất cứ ai cũng đều chẳng tránh được. Có người ắt phải ngủ mười mấy tiếng đồng hồ, có người ngủ mấy giờ là đủ rồi. Đức Phật dạy chúng ta giảm bớt ngủ nghề, ngủ càng nhiều, sẽ càng hôn trầm. Còn có tình hình, nói đùa thôi, họ chẳng xem kinh, sẽ không bị ngủ gục. Vừa mở kinh bỗng ra, ngủ gục liền. Còn có những kẻ chẳng tỉnh tọa thì không ngủ, vừa tỉnh tọa là đầu gật gù ngay. Vì sao? Chúng ta thường nói là nghiệp chướng, đây là chướng! Ngủ nghề là Cái (蓋) vì nó che lấp trí năng của quý vị, được gọi là Thùy Miên Cái (睡眠蓋).

Còn có khi tâm trí hôn trầm, bất luận ai cũng có, tôi cũng có. Mấy hôm trước, khi tôi niệm Phật, bái sám xong, khi tỉnh tọa, vừa niệm xong thánh hiệu, tôi có chút lơ mơ. Pháp sư Hoàng Giác nhắc nhở tôi: “Lão pháp sư! Ngài ngủ gục”. Tôi liền chú ý, không được rồi! Hễ chú ý, xúc dậy tinh thần cảnh tỉnh thì đỡ hơn. Món Cái này chẳng phải là chuyện tốt. Có người khuyên quý vị nghỉ ngơi một chút, ngủ một lát sẽ đỡ ngay. Ngủ thì làm sao mà đỡ hơn được? Ngủ hò đồ luôn. Quý vị tỉnh tọa một chốc, quán tâm, trong khi buồn ngủ, quý vị bèn tu Quán. Nếu quý vị thật sự tu quán Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ tiến nhập thân tâm quý vị. Quang minh của Địa Tạng Bồ Tát sẽ xua tan cơn mê ngủ. Ngủ mê quá nhiều là lỗi lầm của chúng ta. Cứ tính xem, suốt đời, ngủ nghề đã chiếm bao nhiêu thời gian?

Phóng dật là khi cao hứng, vọng tâm sẽ toi bời. Chơi banh hào hứng, năm sáu tiếng đồng hồ không sao cả. Bảo kẻ đó tỉnh tọa tu hành hay niệm kinh ở đây, ngồi chỉ một tiếng đồng hồ, chịu không nổi! Ngồi nửa tiếng đồng hồ đã nóng ruột, nháp nhòm, muốn đứng dậy. Nếu chơi banh, chơi rất hăng, bắt kẻ đó chơi dăm ba tiếng đồng hồ, không sao hết! Còn có kẻ đánh mặt chược; chơi hết bốn ván, lại chơi thêm bốn ván nữa, càng đánh càng hăng. Vì sao? Phóng dật (buông lung). Đây là cái nghiệp của chúng sanh.

Nghi là chướng ngại lớn nhất trong tu đạo, đối với chuyện gì cũng đều phết dấu hỏi. Có rất nhiều người từ thuở bé do bị cha mẹ lừa gạt đã

quen, đến khi trưởng thành, bất luận ai nói gì, kẻ đó cũng đều phết dấu hỏi. Cho nên các đạo hữu có con cái, ngàn vạn lần đừng gạt con cái. Đầu óc con cái hết sức ngây thơ, quý vị nói với nó điều gì, nó sẽ tin ngay. Về sau, nó thấy chuyện chẳng phải như vậy, từ đó, đối với chuyện gì cũng đều hoài nghi. Đặc biệt là người học Phật, quý vị kể với họ các thánh cảnh và các công đức của Địa Tạng Bồ Tát, [họ sẽ ngờ vực]: “Sao tôi chẳng đạt được? Vị lão hòa thượng này nói nhảm rồi!” Họ sanh lòng hoài nghi. Nghi là chướng ngại lớn nhất trong tu đạo. Vì sao hoài nghi? Tương phản của Nghi là Tín. Tín chẳng trọn đủ thì sẽ hoài nghi. Chuyện gì cũng đều ngờ vực, nghi là nhân duyên chướng đạo. Tình hình ấy hết sức mạnh mẽ.

“*Giai tất xí thịnh*” (Thầy đều lòng lẫy): Toàn thể rất hùng hực, não loạn thân tâm của quý vị, khiến cho thân tâm của quý vị chẳng thể tu đạo, chẳng thể an lạc. Những đạo hữu vướng phải những căn bệnh ấy, khi tham dục, sân khuê, ngu si, phần hận, keo kiệt, đố kỵ, kiêu căng, ngạo mạn, ác kiến, ham ngủ, buông lung, nghi ngờ lòng lẫy, quý vị phải buông xuống, an tâm, chí tâm xưng niệm, quy ngưỡng, cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Những điều đó chúng tôi đã đều từng thí nghiệm. Sở dĩ quý vị có phiền não là do có mấy thứ ấy. Bất luận thứ gì, hoặc do hoàn cảnh bên ngoài đưa tới, hoặc là vì nhận diện thoái của đệ tử, hoặc là vì họ xảy ra chuyện chi đó, chúng tôi động tâm, cũng sẽ phiền não như họ.

Có một khoảng thời gian, chúng tôi ở thành phố Tam Phan (San Francisco) của Mỹ, nhằm lúc Trung Quốc Đại Lục đang tiến hành thử bắn hỏa tiễn định vị sang Đài Loan, chúng tôi đều đi mua báo, mỗi tối đều xem đài truyền hình Đài Loan. Vì sao? Pháp sư Hoàng Giác nói: “Con thấy gần đây thầy rất quan tâm”, tôi nói: “Đúng rồi! Rất quan tâm”. Vì Đài Loan có nhiều đệ tử quy y ngàn ấy, gia đình của họ sẽ ra sao? Ất cần phải quan tâm! Hễ quan tâm bèn loạn. Trên Đại Lục có nhiều lục thân quyến thuộc như thế, Đài Loan cũng có nhiều đạo hữu Phật giáo dường ấy. Do vậy, hễ gặp phải chuyện quý vị quan tâm, chính mình chẳng thể làm chủ nổi, tự nhiên sẽ bị rối loạn theo nó. Hãy niệm Địa Tạng Bồ Tát đi nhé! Niệm thì niệm đấy, cầu thì cũng cầu đấy, cảm thấy chẳng linh, vì bên này quý vị tận sức niệm, tận sức cầu, bên kia họ vẫn tận lực đánh! Sự thật trước mặt thường sẽ khiến cho đạo lực của quý vị lui sụt. Chuyện này thường gọi là “*đạo lực thoái thất*”.

Bình thường, chúng ta nói Không, nói Giả, quý vị phải tự thấu hiểu: Quý vị nói Không, nói Giả thì được, chứ đối với chúng sanh mà

nói Không, nói Giả, họ có tin quý vị hay không? Bên đó họ đang khô, quý vị ở đây nói là Không. Giống như cá thuộc loại súc sanh, chúng ta chẳng hiểu ngôn ngữ của nó. Nếu quý vị hiểu ngôn ngữ của nó, sẽ biết nỗi thống khổ của nó! [Sẽ nghe chúng nó than thở]: “Chúng mày ngồi vui sướng trên bàn, dùng dầu chiên tao, dùng dao xắt tao, còn bảo: ‘Ngon quá xá, ngon thiệt!’ Lại còn chú trọng hương vị!” “*Dục tri thể thượng đao binh kiếp, thả thính đồ môn bán dạ thanh*” (Muốn biết đao binh trên cõi thế, lò mổ xin nghe tiếng nửa đêm). Hiện thời ăn uống đủ mọi vẻ mọi trò. Bày vẽ cho lắm thì hỏa tiễn định vị, phi cơ chi đó cũng đều bay tới! Quý vị ăn cầu kỳ cho cố vào thì sẽ bị trả thù cũng đủ trò lắm vẻ! Vì thế, chúng ta hiểu đạo lý này, phải nên chí thành xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát. Như thế thì Địa Tạng Bồ Tát có thể cứu chúng ta lìa khỏi khổ nạn, đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

Phát nguyện chí tâm. Phát nguyện có thể tăng thêm sự chí tâm của chúng ta, nói “tôi mong độ hết thảy chúng sanh, tôi nghĩ tới nỗi khổ của hết thảy chúng sanh”. Như tôi vừa mới nói, có thể nói theo hai phương diện. Nói theo phương diện tốt lành, “*dục tiêu thể thượng đao binh kiếp*” (muốn tiêu trừ kiếp đao binh trên cõi đời), hằng ngày ta niệm cầu các tai nạn trên thế giới này tiêu mất, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Đó là tốt, đây là đại bi tâm. Suy nghĩ theo phương diện khác, [tức là hãy quan tâm tới những điều trước kia chúng ta] chẳng quan tâm. Vì sao quý vị chẳng nghĩ tới Trung Đông, hoặc những quốc gia bị bão tố, chúng ta có cái tâm vui sướng khi người khác mắc họa hay chẳng? Phía địch nhân của chúng ta bị bão tố, [bèn hả hê]: “Thấy chưa! Ông trời đối nghịch với tụi bay kìa!” Quý vị có vui sướng khi kẻ khác mắc tai gặp họa hay chẳng? Nếu có, phạm tội mất rồi, phải đối đãi bình đẳng. Vì sao có lắm thiên tai ngàn ấy? Nhân gian chẳng có cách nào trừng trị quý vị, nhân gian chẳng trả thù quý vị nổi, quý vị nói “chẳng công bằng” ư? “*Thiên*” có nghĩa là tự nhiên. Sức mạnh tự nhiên sẽ xảy tới!

Quý vị muốn tìm nguyên nhân, hãy tìm đi! Trong quá khứ, từ thuở bé đến nay, chưa hề nghe nói “*bảo vệ môi trường, bảo vệ sanh thái*”, dường như cũng chẳng có lắm tai nạn như hiện thời. Hiện thời, đặc biệt nhiều! Vì sao khí hậu khác thường? Nhân loại nghiên cứu các thiên thể, chẳng nghiên cứu nhân quả. Chúng ta ai nấy đều hiểu: Địa cầu còn tồn tại lâu dài hay không? Chẳng thể lâu dài được! Hằng ngày khai thác, mỗi ngày đều muốn khai thác bao nhiêu thứ từ địa cầu. Khai thác xong, sẽ đưa các thứ đó đến đâu? Chúng ta khai thác nền lục địa để lấy dầu mỏ, để làm gì? Đốt cháy hoặc chế biến, chế biến rồi thì chúng sẽ đi đâu?

Chẳng mất đi chút nào! Nó ở trên không trung. Không trung cũng là vật thể, nó lại dần dần ngưng tụ. Ngưng tụ rồi sẽ lại rơi xuống thế giới này, hư hoại, sau đó, tích tụ tăng trưởng, tăng trưởng rồi sẽ lại chìm xuống. Xoay vòng luân chuyển như thế đó. Đó gọi là Chúng Sanh Nghiệp, gọi là Nghiệp Luân.

Chúng ta giảng kinh Thập Luân là nói tới Luân. Luân là “vĩnh viễn chẳng ngừng nghỉ”. Phật giáo nói về chuyện này. Các khoa học gia hiện thời cũng chứng thực vấn đề này, chứng thực vấn đề: “*Chính con người tạo nghiệp, chính mình tạo tác*”. Hằng ngày kêu ca không khí ô nhiễm, nhưng hằng ngày tăng thêm ô nhiễm. Làm như thế nào đây? Do vậy, khi chúng ta niệm Địa Tạng Bồ Tát, phải hồi hướng, bản thân chúng sanh tạo nghiệp thì phải tự mình hứng chịu. Vì sao họ làm như vậy? Vì tâm họ đã cuồng loạn. Muốn tìm một kẻ không cuồng loạn, sẽ rất ít, nhưng chúng ta là đệ tử Phật giáo, phải ngưng dứt cuồng loạn, chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát có sức lớn như vậy, nhập Định nhiều như vậy, có thể ban cho chúng ta an vui nhiều như vậy, có thể đặt yên chúng ta nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn. Địa Tạng Bồ Tát có sức mạnh ấy, chúng ta có sức để cầu hay không? Có chứ! Chính là chí tâm. Sức mạnh của chí tâm và sức mạnh gia trì của Địa Tạng Bồ Tát, hai đấng kết hợp lại, vấn đề này liền được giải quyết.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, vi hỏa sở phần, vi thủy sở nịch, vi phong sở phiêu, hoặc w sơn nham, nhai ngạn, thụ xá, điền trụ, đọa lạc, kỳ tâm chương hoàng, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ly chư nguy nan, an ổn, vô tổn, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，為火所焚，為水所溺，為風所飄，或於山岩，崖岸樹舍顛墜墮落，其心悵惶，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得離諸危難，安隱無損，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, bị lửa thiêu đốt, bị nước nhấn chìm, bị gió thổi bay, hoặc nơi vách núi, bờ đá chênh vênh, cây cối, hay nhà cửa mà té nhào, rớt ngã, trong tâm kinh hoàng, mà có

thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được lìa các nguy nan, an ổn, chẳng bị tổn hoại, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Bất luận quý vị ở nơi đâu, chỉ cần xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ đến nơi đó. Địa Tạng Bồ Tát trọn khắp hết thấy mọi nơi.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, vi chư độc xà, độc trùng sở thích, hoặc bị chủng chủng độc dược sở trúng, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ly chư não hại, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，為諸毒蛇，毒蟲所螫，或被種種毒藥所中，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得離諸惱害，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, bị các rắn độc, trùng độc cắn, hoặc trúng phải các thứ thuốc độc, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được lìa các não hại, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đây là những chuyện chúng ta thường trông thấy. Trong phần kinh văn phía sau, khi giảng về Thập Luân, sẽ nói rõ những tai nạn ấy do đâu mà có, tôi tính lược đi không nói. Trong phần Tự Phẩm, đọc một lượt, thuận theo kinh văn mà nói là được rồi. Pháp sư Hoàng Giác đề nghị: “Kẻ bình phàm chẳng lý giải cho mấy. Nói đôi chút sẽ tốt hơn”. Hôm nay, tôi sẽ đông dài đôi chút, tiến độ giảng kinh sẽ rất chậm. Mỗi bộ kinh có ý nghĩa chủ yếu, ý nghĩa trung tâm là gì? Chúng ta học một bài văn, hoặc làm chuyện gì, nói chung là có một mục đích trung tâm. Chúng ta phải đặt trọng điểm nơi mục đích trung tâm, nhưng nói về những hiện tượng này sẽ có lợi. Mọi người có biết những hiện tượng ấy

do đâu mà có hay không? Ngay trong lúc tâm quý vị động niệm, bèn dấy lên gió. Tâm vừa động niệm, nghiệp liền sanh ra.

Nói về bản thân tôi, tôi là như thế này: Tôi muốn quý vị làm lành, người khác cho đó là quạt gió, nổi lửa. Nếu ở trong ngục mà nói “quý vị hãy gắng niệm Phật, làm nhiều chuyện tốt hơn”, người khác bảo quý vị đang quạt gió, nổi lửa, tuyên truyền Phật giáo. Bởi vậy, tâm quý vị vừa động niệm, người khác ngược ngạo cho đó là quạt gió; kết quả là càng quạt gió, lửa càng lớn. Lửa càng lớn, càng đốt nhanh. Lửa càng đốt nhanh thì tai nạn trên thế giới càng nhiều. Hiện thời, mọi người đều đang quạt gió, đều đang châm lửa, lửa càng dữ dội hơn! Mọi người hãy ngẫm xem, nước thuộc về tình thức. Nước lẫn tình thức đều đi xuống; tình cảm càng nặng, thủy tai càng lớn. Tâm sân hận càng nặng, hỏa tai càng lớn. Ai nấy đều chẳng nén giận, tai nạn bão lốc càng lớn. Hằng ngày quý vị moi rỗng địa cầu, địa cầu sẽ trả thù. Do vậy, năm 1976, Đường Sơn (thuộc tỉnh Hà Bắc) bị động đất lớn, toàn thể dưới đáy thành phố Đường Sơn trống rỗng, moi khoét cả mấy trăm năm. Một khi bị khoét rỗng, nó có thể chẳng sụp xuống ư? Dưới nền đất trống rỗng. Hiện thời, có rất nhiều chỗ địa tầng (地層, các lớp đất) còn bị chìm xuống. Vì sao chìm xuống? Rút hết nước ngầm, ai sẽ duy trì nó?

Trung Hoa có câu nói cũ xì: “*Thiên tác nghiệt do khả vi, tự tác nghiệt bất khả hoạt*” (Trời gieo oan nghiệt thì còn có thể chống lại, tự mình tạo oan nghiệt chẳng thể sống). Tự mình tạo nghiệp, tự mình chôn vùi chính mình. Nếu chẳng phải như vậy, có sao địa cầu bị hư hoại? Họ làm như thế nào đi nữa, vẫn tự coi là đúng, đợi cho đến khi hư hoại hết cả, đã không phải là chuyện của thế hệ chúng ta, đó là chuyện của không biết bao nhiêu vạn vạn năm sau. Địa cầu vẫn là rất lớn, cứ đào khoét đi! Dẫu sao trong một thời gian cũng chưa thấy gì mà! Tuy chưa thấy gì, [những hậu quả đã nảy sanh] trong tâm của chúng ta.

Tịnh tâm, ít ham muốn bằng cách nào? Niệm thánh hiệu cho nhiều. Chẳng phải là tôi vừa nhắc tới chí tâm ư? Quý vị chẳng niệm, đạt tới chí tâm bằng cách nào đây? Chúng ta từ chẳng chí tâm đạt đến chí tâm, nhất định phải đạt được chí tâm, đừng nên gấp gáp. “Tôi vừa niệm, tâm liền tán loạn, tụng làm sao được?” Khi quý vị niệm lâu ngày, tâm tán loạn chẳng còn nữa! Quý vị hoàn toàn chẳng niệm, mới thật sự là tán tâm.

Có những người đã từng hỏi tôi như thế này. Người ấy nói: “Khi con chẳng niệm Phật, chẳng tụng kinh, chẳng niệm kinh, dường như tâm

chẳng có nhiều tán loạn như vậy, chẳng có phiền não nhiều như vậy. Hễ con niệm kinh liền cảm thấy chính mình tận lực đầy vọng tưởng”. Mọi người lý giải như thế nào? Không niệm kinh, dường như chẳng có phiền não. Vừa niệm kinh, dường như có quá nhiều phiền não, có phải là như vậy hay không? Chẳng niệm kinh, quý vị đang ở trong phiền não. Quý vị niệm kinh bèn tách khỏi phiền não, quay đầu nhìn lại phiền não, tình huống là như thế đó. Quý vị chẳng niệm kinh, [chính là] luôn ở trong tán loạn, làm sao nhận biết tán loạn cho được? Quý vị lắng lòng niệm kinh, tức là lại có những tư tưởng khác; do vậy, cảm thấy cái tâm tán loạn rất nhiều. Nếu chẳng niệm kinh, quý vị luôn ở trong tán loạn, làm sao biết tán loạn cho được? Niệm lâu ngày, quý vị sẽ đạt tới chí tâm. Bái sám một chập chẳng chí tâm, bèn bái sám hai chập! Bái sám lâu ngày, tự nhiên sẽ sanh ra sức mạnh.

Hiện thời, chúng ta có rất nhiều đạo hữu bái sám đã rất lâu. Trong khi họ bái sám, trong tâm rất thanh tịnh. Quý vị vĩnh viễn chẳng tiếp cận, sẽ vĩnh viễn chẳng lý giải! Quý vị tiếp cận, sẽ dần dần lý giải, dần dần tiến nhập, hết thấy mọi chuyện đều là như thế. Chớ nên vì hiện thời ta còn chưa đạt được chí tâm, bèn cảm thấy rất uể oải. Không sao hết! Chí tâm là do học tập mà ra! Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta học tập phát nguyện chí tâm, phát nguyện nhiều lượt, học tập cho nhiều, sẽ thành tựu chí tâm. Hễ chí tâm đã thành, đạo lực cũng sẽ thành, khổ nạn liền dần dần giải trừ. Quý vị phát nguyện thân tâm khỏe mạnh, chẳng bị bệnh khổ, nguyện gia trạch bình an, lục thân quyến thuộc bình an, những người đang ở Đài Loan bình an.

Ngoài ra, nhìn trước mắt, quả địa cầu này vẫn còn tồn tại. Nếu mọi người đều chẳng bình an, Đài Loan cũng chẳng bình an. Ất cần phải là toàn thể địa cầu đều bình an, quý vị mới có thể đạt được bình an. Nếu gia tộc chẳng bình an, quý vị mong một mình an tĩnh sẽ chẳng được, sẽ có rất nhiều người đến quấy nhiễu, chẳng phải là như vậy hay sao? Nếu con cái, chồng, vợ chẳng bình an, một mình quý vị muốn được bình an trong nhà, tôi thấy là chuyện khó khăn rất lớn. Mọi người đều bình an cả rồi, quý vị mới được bình an. Nhân loại đều bình an thì thế giới mới bình an được. Hết thấy chúng sanh đều bình an thì nhân loại mới có thể bình an.

Tôi chẳng nói ăn mặn, giết cá, mổ vịt là không đúng. Quý vị muốn ăn là chuyện của quý vị, quý vị muốn giết là chuyện của quý vị, nhưng trong khi quý vị giết và ăn, phải sanh khởi một niệm tâm từ bi. Quý vị nói: “Tôi cũng chẳng ăn suông quý vị, tôi luôn đền bồi cho quý vị. Tôi

niệm Phật cho quý vị để quý vị đừng đọa làm súc sanh nữa”. Chỉ cần quý vị có một niệm tâm như vậy đã là rất khó có rồi! Khi tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, tôi chuyên giảng “*chí tâm*”. Chí tâm là chí thành khẩn thiết, nhiếp niệm chuyên ròng, dũng mãnh, tinh tấn. Quý vị niệm như vậy, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát thì mới có hiệu quả. Nếu niệm hời hợt, hiệu quả sẽ chẳng lớn. Kinh văn ở đây chẳng nói [rõ ràng] như vậy, vì đây là Tự Phần, chỉ là đức Phật đang tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Khi thật sự vận dụng, quý vị nhất định đạt được chí tâm. Vì thế, mỗi câu kinh văn đều có từ ngữ “*hữu năng chí tâm*” (có thể chí tâm), mỗi câu đều có “*chí tâm xưng danh*”, đừng nên quên “*chí tâm*”. Nếu chẳng có “*chí tâm*”, một tí hiệu quả cũng chẳng có! Nhưng để chí tâm thì phải tu hành. Tu đạt được “*chí tâm*” rất khó, trước hết phải tu “*tín tâm*”. Trước hết, quý vị ắt cần phải tin tưởng cùng cực. Nếu quý vị hàm hồ, một mai sanh bệnh, sẽ cho rằng tìm bác sĩ là chuyện khẩn yếu, niệm Địa Tạng Bồ Tát có tác dụng gì đâu? Như thế thì sẽ chẳng có hiệu quả chi hết!

Có đạo hữu cũng biết căn bệnh chẳng có cách nào chữa khỏi, bèn niệm Địa Tạng Bồ Tát, chí tâm niệm, hiệu quả bèn sanh ra. Nhưng có người bị sâu cắn, rắn cắn, thậm chí trúng phải thuốc độc, có thể thật sự chí tâm niệm, hoặc là trong mộng liền ới ra, hoặc lúc đang tỉnh bèn ới ra, người ấy sẽ có phản ứng. Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng hiện thân, cũng chẳng cảm ứng chi hết, người ấy tự nôn mửa hoặc bài tiết ra. Ngay từ đầu, trong mỗi đoạn kinh văn đều là “*chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường*”. Mấy câu này đều liên quan với nhau. Thứ nhất là nhất định phải chí tâm, sẽ có thể lìa khỏi, trừ diệt khổ não. Không chỉ là lìa khỏi, trừ diệt khổ não trong hiện tại, mà trong tương lai, sau khi chết, chẳng đọa vào tam đồ, chẳng đọa làm ngựa quỳ, súc sanh, có thể trực tiếp sanh lên trời. Sau khi đã sanh lên trời, lại tiếp tục nghe pháp, tiếp tục tu đạo, chứng đắc Niết Bàn.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, ác quỷ sở trì, thành chư ngược bệnh, hoặc nhật nhật phát, hoặc cách nhật phát, hoặc tam tứ nhật nhi nhất phát giả, hoặc linh cuồng loạn, thân tâm chiến điệu, mê muội thất niệm, vô sở liễu tri, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc giải thoát vô úy, thân tâm an thích, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，惡鬼所持，成諸瘧病，或日日發，或隔日發，或三四日而一發者，或令狂亂，身心戰掉，迷悶失念，無所了知，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得解脫無畏，身心安適，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình bị ác quỷ bám, thành các thứ bệnh sốt rét, hoặc phát bệnh mỗi ngày, hoặc phát bệnh cách ngày, hoặc cách ba bốn ngày phát bệnh một lần, hoặc khiến cho cuồng loạn, thân tâm run rẩy, mê man, ngây ngốc, chẳng hay biết gì, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được giải thoát, không sợ hãi, thân tâm an ổn, thoải mái, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Mỗi câu “*tùy sở tại xứ*” đều là nói Địa Tạng Bồ Tát ở chỗ nào, ở xứ sở nào, xứ sở ấy sẽ được lợi ích. Hữu tình chúng sanh ở nơi ấy bị ác quỷ nắm giữ, có khi là hồ tiên (cáo), hoàng tiên (chồn), bị chúng nó mê hoặc. Tuy nói là mê hoặc, nhưng cũng ắt phải là hữu duyên! Ác quỷ ấy có duyên với quý vị, nhưng không phải là ai cũng đều gặp. Đệ tử Phật đều tin tưởng quý thần, vì trong lục đạo chúng sanh, quý là một đường. Nếu là những kẻ không tin Phật, họ sẽ nói “chẳng thấy quý thần sẽ chẳng tin”, cho rằng không có quý. Có những người trông thấy quý, lại ngược ngạo nói là quý vị bị hoa mắt, cũng chẳng tin tưởng cho lắm. Vì trong lục đạo, người và súc sanh là những loài chúng ta tiếp xúc, còn chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, A Tu La, chư thiên, kẻ bình phàm chẳng hề tiếp xúc, liền cho rằng những chúng sanh ấy chẳng tồn tại.

“*Ác quỷ sở trì*” (Bị ác quỷ nắm giữ): Ác quỷ không chỉ bám vào thân quý vị, khiến cho quý vị không thoải mái, mà còn có khi dựa vào thân người khác, khiến cho người đó điên cuồng, mê loạn, cầm dao, vung súng giết quý vị mà bản thân người đó vẫn chẳng hay biết. Giống như tôi thấy những kẻ cầu cơ, đối với chuyện này, tôi cũng chẳng hoài nghi chút nào. Đứa bé mười mấy tuổi làm sao có thể biết gì? Nhưng “*thần*” vừa giáng xuống thân, kẻ phò cơ liền nắm lấy bút viết nhoay nhoáy, viết ra rất nhiều bài thơ, kẻ đó có biết hay không? Quý vị nói là

có hay không? Xác thực là có¹⁰. Tất cả ngôn từ của Phật, chẳng có một câu nào, chẳng có một chữ nào là giả. Chúng ta thường nói “*bị ác quỷ dựa*”, có những kẻ chẳng tin tưởng. Có kẻ bị quỷ làm cho mê muội, tình huống nghiêm trọng nhất là khiến cho người ấy điên rồ, cuồng loạn, chuyện này rất nhiều. Có kẻ chẳng tin, cho nên vừa rồi tôi nói phải chí tâm. Trước hết, ắt cần phải kiến lập tín tâm. Có tín tâm rồi thì sau đây mới có thể chí tâm. Xác thực là có những người bị quỷ kèm kẹp, có người bèn phát bệnh sốt rét, mỗi ngày phát một lần, hoặc là cách một ngày, hoặc cách ba bốn ngày, cứ đúng giờ bèn phát tác, đó chính là bị quỷ thân kèm kẹp. Hễ bệnh phát tác, khi lạnh thì lạnh gần chết, khi nóng thì phát sốt không thể chịu nổi!

Bệnh sốt rét nếu là vì quỷ dựa, khiến cho quý vị cuồng loạn, phát rồ. Chúng ta thấy người ấy điên điên khùng khùng suốt ngày chạy khắp nơi, đã cuồng loạn rồi. Cuộc sống bình thường, hành động chánh đáng đều bị mê mất. Khi đó, nếu thân hữu của người ấy có thể niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát giúp cho người ấy khôi phục đôi chút tri giác; sau đó, dạy người ấy tự niệm. Nếu người ấy có thể tự niệm, sẽ có hiệu quả. Những trường hợp như vậy rất nhiều, mọi người nhất định phải tin tưởng. Quỷ đạo là một đường [trong lục đạo]. Quỷ nhiều hơn người. Người chết đi biến thành quỷ, súc sanh chết đi cũng biến thành quỷ. Lục đạo chúng sanh đều là biến hóa lẫn nhau. Nếu có thể chí tâm niệm tụng thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, sẽ có thể khiến cho căn bệnh này chuyển biến tốt đẹp, có thể xua đuổi ác quỷ.

Trước kia, khi tôi ở Vạn Phật Thánh Thành, có một vị lão cư sĩ tin Phật đã rất nhiều năm. Ông ta bị một con hồ ly từ đời Hán mê hoặc. Ông ta đặc biệt từ Nữ Ước tìm đến Vạn Phật Thánh Thành, thỉnh Tuyên Hóa thượng nhân trị liệu. Tuyên Hóa thượng nhân khi đó có một vị đệ tử, đã nói con hồ ly ấy không phải là hồ ly bình thường, mà là thay cha báo cừ, được gọi là “*bạch hồ vương tử*” (vương tử cáo trắng). Vì sao tôi biết rõ như vậy? Có một hôm, vị pháp sư ấy lái xe chở vị lão cư sĩ ấy

¹⁰ Xin chú ý, ở đây, hòa thượng nói quỷ mị giáng cơ là có, chẳng phải do những đồng tử hầu cơ bịa đặt, chứ không hề nói những kẻ giáng cơ tự xưng là “thần này, thánh nọ” chính là thần tiên, Bồ Tát, thật sự giáng cơ. Ngài cũng không hề nói những lời cơ bút là chân thật, đáng tin cậy, vì như tổ Ấn Quang đã khẳng định: Trong các đàn cầu cơ, thường là các tiểu quỷ dối gạt tự xưng là thiên tiên, thần, Phật để mê hoặc tín đồ thờ phụng họ. Những lời họ tiên đoán đa số đều vụn vặt, có thể đúng trong tương lai rất gần, chứ những điều trọng đại đều tiên đoán sai be bét. Hoặc họ tự xưng là Phật này, Bồ Tát nọ, nhưng không giảng được một bài kinh pháp nào ra hồn!

đến chỗ tôi để cho tôi thuyết pháp cho con hồ ly ấy. Do vậy, tôi mới biết rất tường tận. [Con hồ ly] từ đời Hán cho đến hiện thời, quả thật là có, ông ta thấy nó, chúng tôi không thấy. Ông ta muốn tôi giảng pháp cho nó. Tôi nói với nó, oan gia nên cởi gỡ, đừng nên thắt buộc, giảng về Khổ, Không, Vô Thường. Bản thân ông ta khóc, mà con hồ ly cũng khóc. Sau đó, vị pháp sư ấy kết nhân duyên với con hồ ly ấy. Không chỉ chẳng muốn rời bỏ nó. Thầy ấy giảng kinh Pháp Hoa tại Nữ Ước, niệm chú Đại Bi, con hồ ly ấy cũng niệm chú Đại Bi theo. Hồ ly cùng ông ta hai người hợp tác, khi pháp sư giảng kinh Pháp Hoa, con hồ ly gia trì cho người ta, nhưng do chẳng có sức mạnh của Địa Tạng Bồ Tát, vậy là có chuyện chẳng chánh đáng.

Kẻ bình phàm sau khi bị quỷ thần mê hoặc, sẽ thường có hiện tượng ấy. Đó là sự thật, nhưng vẫn là phải có nhân duyên với họ. Chẳng có nhân duyên, sẽ chẳng thể phát sanh. Đặc biệt là đệ tử Tam Bảo, vì sao gặp phải loại nhân duyên tức thế này? Chúng ta niệm kinh Địa Tạng, niệm xong sẽ thấy, đặc biệt là niệm vào ban đêm sẽ rất sợ hãi, vừa niệm bèn sanh cảm giác sợ hãi. Có khi quý vị niệm bèn phát sốt, hoặc cảm thấy thân lạnh ngắt. Đây là hiện tượng bình thường, đừng phát sanh cảm giác hoảng sợ. Trong khi quý vị niệm kinh Địa Tạng, những người tìm tới đều là quyến thuộc của quý vị. Nếu không, họ sẽ chẳng thể đến trước quý vị được. Họ rất mong được độ, nghe kinh Địa Tạng. Nếu quý vị niệm hai ngày, hoặc là niệm mấy lượt, hiện tượng ấy sẽ chẳng có nữa, sẽ mất đi. Đó là lẽ tất nhiên.

Đường quỷ thần từ xưa đến nay đều có. Bất cứ quốc gia nào, bất cứ khu vực nào cũng đều có, có chuyện nhà cửa chẳng yên ổn, đặc biệt quái dị. Hôm nay, tôi thấy [kinh văn nói] những loài quỷ này, nhớ tới lúc ở Nữ Ước, có một vị đạo hữu, còn chưa thọ Tam Quy Y. Chồng bà ta là người Nhật, làm việc cho một công ty Nhật. Bà ta có một gian nhà hồi thối khôn cùng; đó là vì ác quỷ được nói trên đây. Thân thể ác quỷ đặc biệt hôi thối. Sau đó, bà ta niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, cũng niệm kinh Địa Tạng, mời chúng tôi đến sám tịnh. Sau đó, ác quỷ cũng tiêu mất. Trước đó, bà ta xịt loại nước hoa nào cũng đều vô hiệu, đều không [khử mùi hôi thối] được. Chuyện này xác thực là có, mọi người phải chí tâm. Chúng ta là đệ tử Phật, nhất định phải tin tưởng lời đức Phật dạy: Quỷ đạo là một đường trong lục đạo. Người đã chết biến thành quỷ, vẫn chẳng phải dễ! Còn phải đầu thai vào quỷ đạo. Đầu thai vào đường nào, giống như đầu thai làm nhân loại, đầu thai vào súc sanh đạo, [đều phải

có cái nhân trong đường ấy], phải đầu thai vào quỷ đạo thì mới có thể biến thành quỷ.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, vị chư Dược Xoa, La Sát, ngạ quỷ, Tát Xá Giá quỷ, Bồ Đát Na quỷ, Cưu Bàn Đồ quỷ, Yết Trá Bồ Đát Na quỷ, hấp tinh khí quỷ.

(經)隨所在處，若諸有情，為諸藥叉、羅刹、餓鬼、畢舍遮鬼、布怛那鬼、鳩畔荼鬼、羯吒布怛那鬼、吸精氣鬼。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, bị các Dược Xoa, La Sát, ngạ quỷ, quỷ Tát Xá Giá, quỷ Bồ Đát Na, quỷ Cưu Bàn Đồ, quỷ Yết Trá Bồ Đát Na, quỷ hút tinh khí).

Có một quyển Phiên Dịch Danh Tướng Ký (翻譯名相記) giải thích những tên gọi của quỷ, tôi đại khái dựa theo thứ tự đọc mấy đoạn là được rồi. Quỷ Tát Xá Giá (Pisāca) chính là hấp huyết quỷ (quỷ hút máu). Loại quỷ này ăn tinh khí của con người, nhưng chúng không hiện hình. Quý vị chẳng thấy nó, mà nó cũng chẳng hiện ra dọa dẫm quý vị. Nó hút máu, hấp thụ tinh khí của quý vị, chẳng phải là theo bên thân quý vị để hấp thụ. Nếu vật bài tiết của quý vị có máu, chẳng hạn như trong bệnh viện, đặc biệt là khi mẹ sanh con, những con quỷ ấy ăn mùi vị đó. Chẳng phải là thật sự ăn, chỉ là ngửi mùi thì là đã ăn.

Kế đó là quỷ Bồ Đát Na (Pūtana). Bồ Đát Na là “hôi thối”. Thân thể nó hôi thối lạ lùng, nhưng không ăn đồ vật này nọ. Ở đâu có mùi hôi thối, nó liền chạy đến ăn mùi hôi thối đó. Hiện thời, sợ rằng nhà vệ sinh ở Mỹ và Gia Nã Đại không có quỷ này vì không hôi thối. Nó hương xuống phía dưới đất, chuyên tìm những chỗ hôi thối, để hút mùi thối. Nhưng trong các loài quỷ, trong số các ngạ quỷ, chúng có phước báo lớn nhất. Đã là quỷ chuyên môn hút mùi thối, có sao có phước báo lớn nhất? Nó chuyên môn chòng ghẹo người hoặc súc vật, khiến cho họ bình ra, chuyên môn ăn mùi thối của quý vị. Nó được ăn trong khi các ngạ quỷ khác không được ăn. Do vậy nói nó có phước báo to lớn.

Dược Xoa, La Sát: Dược Xoa (Yakṣa) là Dạ Xoa, chuyên uống máu người, chuyên ăn tinh khí của con người. Chúng ta thường nhắc tới Dược Xoa và La Sát (Rākṣas)¹¹ cùng lúc, loại quỷ này cực ác.

Quý Cru Bàn Đờ (Kumbhāṇḍa) tức là Ung Hình Quỷ (甕形鬼) vì nó [có hình dáng] giống như một cái vò. Trong quá khứ, có một người công danh rất lớn, làm người rất chánh trực. Khi ông ta vào nhà vệ sinh, gặp phải Ung Hình Quỷ. Ông ta là người có công danh, trên thân có quang minh. Ung Hình Quỷ muốn tránh né, nhưng chạy không được, bị ông ta chặn lại. Ông ta từ ngoài cửa tiến vào, bảo Ung Hình Quỷ: “Người đừng có chạy!” Con quỷ ấy chẳng dám chạy. Vì khi đó, đi vệ sinh đâu có đèn điện, phải cầm theo đèn dầu. Ông ta bảo: “Người đợi ở đây!” Ông ta liền đặt thếp đèn lên đầu Ung Hình Quỷ. Chẳng sợ hãi mà cũng chẳng kinh hoảng vì con Ung Hình Quỷ ấy. Chờ lúc xong xuôi, ông ta cầm lấy đèn, bảo: “Người đi đi”. Trong lịch sử có ghi chép về loại quỷ này. Nếu muốn xem những câu chuyện về quỷ, có một quyển sách là Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký (閱微草堂筆記) do Kỷ Hiểu Lam soạn. Sách ấy toàn viết về quỷ, chép những chuyện ông ta được nghe kể lại, khác hẳn Liêu Trai Chí Dị. Liêu Trai Chí Dị là chuyện soạn ra, còn Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký đại đa số được viết khi Kỷ Hiểu Lam bị đày đi Tân Cương. Vùng biên cương, những chuyện ấy đặc biệt nhiều. Ông ta nghe kể những câu chuyện cũ bèn ghi chép lại. Duyệt Vi (閱微) có nghĩa là ẩn kín. Tôi nêu ra mấy chuyện để chứng minh quỷ thật sự tồn tại.

Quý Yết Trá Bồ Đát Na (Kaṭapūtana): Loại quỷ này có hình dáng cực xấu, thường ra vào chốn mồ mả. Chúng không đến chỗ bình thường vì chuyên ăn xác chết, [đúng ra là] ngửi xác chết. Khi xác chết rửa nát, quỷ sẽ hút lấy mùi xác chết. Vì sao khi tỳ-kheo ăn cơm, nhất định phải thí thực cho những loài quỷ ấy? Khi cúng Ngọ, cúng dường hết thầy chúng sanh, cũng bao gồm các loài quỷ ấy trong đó. Hễ như vậy, chúng nó có thể ngửi thấy mùi, ngửi được hương vị của thức ăn.

¹¹ La Sát (Rākṣas) còn phiên âm là La Sát Tư, La Xoa Sa, La Khất Sát Sa, dịch nghĩa là Khả Úy (đáng sợ) hay Tốc Tật (nhánh chóng), là một loại quỷ thần. Mật giáo gọi họ là La Sát Thiên, có tên riêng là Niết Rị Đê (Nairṛtī). Quỷ La Sát thường được mô tả là loài quỷ hung tợn, thích ăn thịt người, thích uống máu, bay lượn rất nhanh, có khả năng biến hình đủ loại để trà trộn ăn thịt nạn nhân. La Sát nam tóc đỏ, mắt xanh, nanh chĩa rất hung tợn, La Sát Nữ đẹp đẽ tuyệt diệu, thường dụ dỗ nhân loại lấy họ làm vợ rồi ăn thịt chồng.

(Kinh) Cập chư hổ, lang, sư tử, ác thú, cổ độc, yếm đảo, chư ác chú thuật, oán tặc, quân trận, cập dư chủng chủng chư bố úy sự chi sở triền nhiễu, thân tâm chương hoàng, cụ thất thân mạng, ố tử tham sanh, yếm khổ cầu lạc, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ly chư bố úy, bảo toàn thân mạng, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)及諸虎狼，師子惡獸，蠱毒厭禱，諸惡咒術，怨賊軍陣，及餘種種諸怖畏事之所纏繞，身心悵惶，懼失身命，惡死貪生，厭苦求樂，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得離諸怖畏，保全身命，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Và các loài cọp, sói, sư tử, ác thú, cổ độc, ếm đảo, các chú thuật ác, oán tặc, quân trận, và các chuyện sợ hãi khác quần trói, thân tâm hoảng hốt, sợ mất thân mạng, ghét chết, tham sống, ghét khổ, cầu vui, nếu có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được lìa khỏi các sợ hãi, bảo toàn thân mạng, tùy theo căn cơ đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

“*Yếm đảo chư ác chú thuật*”: (Các thuật ếm đảo, chú thuật ác): Đây là những chú thuật xấu ác để trừ ếm người họ rất chán ghét. Còn có quân đội hai bên giao chiến, trong chiến trận đối địch giữa hai bên, sanh khởi đủ loại chuyện đáng sợ hãi. Các thú quần trói, vắn vít, khiến cho thân tâm của quý vị không biết đâu mà lờng, kinh hoàng, thất thố, sợ mất thân mạng. Ai nấy đều ham sống, chẳng muốn chết. Đó là lẽ thường tình của con người. Ai cũng chẳng muốn chịu khổ, đều mong cầu vui sướng, đó là “*yếm khổ, cầu lạc*”. Nếu đối trước lúc nguy nan ấy, quý vị có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, sẽ có thể lìa bỏ hết thấy sợ hãi, mà cũng có thể giữ vẹn thân mạng của chính mình, dần dần nhập đạo, tùy theo căn tánh của quý vị mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn. Điều này biểu thị đại từ, đại bi, đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài chẳng ngại nhiều chuyện, chuyên quán mọi chuyện vật vãnh của hết thấy chúng sanh, vì Ngài đã phát cái nguyện ấy. Có những người rất sợ lo chuyện

bao đồng, đặc biệt là bọn lão hòa thượng như chúng tôi, trong tâm luôn nghĩ “*nhieu thêm một chuyện, chẳng bằng ít đi một chuyện*”, chính mình tu hành là được rồi!

Trong thế giới Sa Bà này, từ bi nhất là Địa Tạng Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát, các Ngài chuyên lo chuyện bao đồng! Tuy nói theo phía các Ngài là chuyện bao đồng, nhưng vẫn là quý vị hữu duyên với các Ngài. Như thế nào thì được coi là hữu duyên? Quý vị có thể niệm danh hiệu của các Ngài, có thể niệm thánh hiệu là hữu duyên. Chẳng dễ gì được nghe danh hiệu của các Ngài, lại còn có thể trì niệm. Khi gặp lúc đau khô bức bách, bèn nghĩ tới các Ngài. Quý vị chớ nên gọi mẹ, gọi mẹ chẳng có tác dụng chi hết! Chúng ta thường là hễ đau khô bèn gọi mẹ. Người Tây Tạng gọi mẹ là Á Ma. Tôi đã nghe rất nhiều ngôn ngữ, chữ Mẹ vẫn chẳng biến đổi, Chữ Mẹ từ lúc sanh ra bèn hiểu, dường như đều giống nhau. Hễ gặp khó khăn, lúc bị đau khô, luôn gọi mẹ. Tuy vậy, quý vị phải đổi thành gọi Địa Tạng Bồ Tát, hoặc gọi Quán Thế Âm Bồ Tát, chứ gọi mẹ chẳng thể giải quyết vấn đề. Nếu quý vị gọi Địa Tạng Bồ Tát, Ngài trở thành mẹ của quý vị, vấn đề sẽ được giải quyết, Ngài thật sự có thể cứu quý vị.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, hoặc vị đa văn, hoặc vị tịnh tín, hoặc vị tịnh giới, hoặc vị Tĩnh Lự, hoặc vị thần thông, hoặc vị Bát Nhã, hoặc vị giải thoát, hoặc vị diệu sắc, hoặc vị diệu thanh, hoặc vị diệu hương, hoặc vị diệu vị, hoặc vị diệu xúc, hoặc vị lợi dưỡng, hoặc vị danh văn, hoặc vị công đức, hoặc vị công xảo, hoặc vị hoa quả, hoặc vị thụ lâm, hoặc vị sàng tòa, hoặc vị phu cụ, hoặc vị đạo lộ, hoặc vị tài cốc, hoặc vị y dược, hoặc vị xá trạch, hoặc vị bộc sử, hoặc vị thái sắc, hoặc vị cam vũ, hoặc vị cầu thủy, hoặc vị giá sắc, hoặc vị phiền phát, hoặc vị lương phong, hoặc vị cầu hỏa, hoặc vị xa thặng, hoặc vị nam nữ, hoặc vị phương tiện, hoặc vị tu phước, hoặc vị ôn noãn, hoặc vị thanh lương, hoặc vị ức niệm, hoặc vị chủng chủng thể xuất thế gian chư lợi lạc sự, ư truy cầu thời, vị chư ưu khổ chi sở bức thiết, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, thử thiện nam tử công đức diệu định oai thần lực cố, linh bỉ nhất thiết giai ly ưu khổ, ý nguyện mãn túc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，或為多聞，或為淨信，或為淨戒，或為靜慮，或為神通，或為般若，或為解脫，或為妙色，或為妙聲，或為妙香，或為妙味，或為妙觸，或為利養，或為名聞，或為功德，或為工巧，或為華果，或為樹林，或為床座，或為敷具，或為道路，或為財谷，或為醫藥，或為舍宅，或為僕使，或為彩色，或為甘雨，或為求水，或為稼穡，或為扇拂，或為涼風，或為求火，或為車乘，或為男女，或為方便，或為修福，或為溫暖，或為清涼，或為憶念，或為種種世出世間諸利樂事，於追求時，為諸憂苦之所逼切，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，此善男子功德妙定威神力故，令彼一切皆離憂苦，意願滿足，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, hoặc vì đa văn, hoặc vì tịnh tín, hoặc vì tịnh giới, hoặc vì Tĩnh Lực, hoặc vì thân thông, hoặc vì Bát Nhã, hoặc vì giải thoát, hoặc vì diệu sắc, hoặc vì diệu thanh, hoặc vì diệu hương, hoặc vì diệu vị, hoặc vì diệu xúc, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì tiếng tăm, hoặc vì công đức, hoặc vì hay khéo, hoặc vì hoa quả, hoặc vì rừng cây, hoặc vì giường, tòa, hoặc vì đồ trải, hoặc vì đường sá, hoặc vì cửa cái, ngũ cốc, hoặc vì thuốc thang, hoặc vì nhà cửa, hoặc vì tôi tớ, hoặc vì màu sắc, hoặc vì mưa ngọt, hoặc vì cầu nước, hoặc vì mùa màng, hoặc vì gió thoảng, hoặc vì gió mát, hoặc vì cầu lửa, hoặc vì xe cộ, hoặc vì con cái, hoặc vì phương tiện, hoặc vì tu phước, hoặc vì âm áp, hoặc vì mát mẻ, hoặc vì ức niệm, hoặc vì các thứ chuyện lợi lạc thế gian và xuất thế gian, trong lúc theo đuổi, bị các thứ ưu khổ bức bách, nếu có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, do công đức, diệu định và sức oai thần của vị thiện nam tử ấy, khiến cho hết thảy đều là ưu khổ, ý nguyện

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

được thỏa mãn, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Những điều đó đều có thể mãn nguyện. Những điều được nói trong phần sau là pháp thế gian, còn trong phần trước là pháp xuất thế gian. Mong nghe nhiều kinh, nghe pháp thấu hiểu. Do đa văn, ắt sẽ đắc Văn Huệ. Như chúng ta nghe kinh, nghe pháp ở nơi đây, tự hồ có chỗ nào đó giảng kinh, chúng ta đến nghe rất dễ dàng, chẳng khó khăn cho lắm. Nhưng đối với tôi mà nói, tôi cảm thấy hết sức khó khăn, rất khó khăn! Hiện thời, tại Đại Lục (Hoa Lục), có rất nhiều người tin Phật, mong được nghe truyền Tam Quy Y mà chẳng được nghe. “Chẳng phải là có Phật Học Viện ư?” Phật Học Viện tại Đại Lục chẳng cho phép dự thính. Giảng kinh, giảng pháp chỉ có thể làm trong chùa miếu, chẳng thể tụ họp giảng kinh. Pháp luật tại Hoa Lục không cho phép chuyện này.

Có lẽ chúng ta cảm thấy đa văn là chuyện dường như rất dễ dàng. Thật ra, rất khó! Muốn nghe một bộ kinh, chẳng dễ dàng như thế đâu nhé, ắt cần phải có nhân duyên. Người nói, kẻ nghe, đều phải có nhân duyên. Muốn thuyết pháp, còn phải có nơi chốn. Nơi chốn rất khó khăn. Nếu nghe pháp mà có thể sanh khởi tín tâm thanh tịnh, càng khó hơn nữa! Tôi nói như vậy, mọi người đừng phiền não, tịnh tín rất khó. [Khó phát khởi] tịnh tín cũng bao gồm những vị sư phụ xuất gia như chúng tôi! Nghe pháp, sanh khởi tín tâm thanh tịnh [chẳng phải là chuyện dễ]. Nếu nói theo cách phân chia phẩm vị, phải đạt tới địa vị Ngũ Phẩm thì nghe pháp mới có thể thanh tịnh, trong tâm có thể thanh tịnh thì mới có thể nghe pháp!

Sanh khởi tịnh tín rất khó, phải là trong tư tưởng của chúng ta, tí xíu tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, ái, hết thảy đồ kỳ, chướng ngại đều chẳng có. Chẳng đạt được tín tâm thanh tịnh, hãy niệm Địa Tạng Bồ Tát, cầu đắc tín tâm thanh tịnh. Nay chúng ta tin Phật, nhưng xen tạp rất nhiều động cơ (motivation), cho nên hiệu quả chẳng tốt đẹp cho mấy, chẳng thể khai ngộ. Tận lực nghe rất nhiều bộ kinh, quý vị vẫn hiểu rất ít. Pháp được nghe chẳng khế hợp cái tâm của chính mình, quý vị sẽ chẳng thể sanh khởi lòng tin thanh tịnh thật sự. Lòng tin thanh tịnh chẳng phải là chúng ta tùy tiện nói một câu sẽ là lòng tin thanh tịnh. Nếu quý vị có thể giác ngộ ý niệm chẳng đúng, ngay lập tức chấm dứt thì mới được. Nhận biết “niệm trước khởi ác” bèn có thể ngăn chặn, không cho “niệm sau khởi lên”, sẽ là có tín tâm. Các vị đạo hữu có tín tâm vì hộ trì Tam Bảo, thà xả thân mạng, trọn chẳng suy tính cho thân mạng của

chính mình, họ lo toan cho Phật, Pháp, Tăng. Chúng ta có lòng tin thanh tịnh như thế hay chẳng? Đã thế, họ vừa nghe pháp bèn có thể nhập. Có thể nhập, bèn có thể đắc Định. Có thể Định thì sẽ có thể sanh Huệ. Họ nhất định phát nguyện, phát nguyện rồi ắt cần phải thực hiện theo đúng điều đã nguyện. Đó mới là biểu hiện của tịnh tín.

Lại nói sâu hơn một chút, tin tưởng chính mình là Phật! Đây mới là tịnh tín. Quý vị niệm Địa Tạng Bồ Tát, phải tin tưởng chính mình là Địa Tạng Bồ Tát. Hoặc là xoay trở lại cái Nghe, quán ngược lại, quán cái tâm của chính mình và tâm Địa Tạng Bồ Tát hợp nhất: Tâm ta chính là Phật tâm, mà cũng là chúng sanh tâm. Không chỉ chính mình tịnh tín như thế, mà còn khiến cho hết thảy chúng sanh đều trở thành tín tâm thanh tịnh. Đó là cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Khi chúng ta chí tâm niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, quý vị chính là Địa Tạng Bồ Tát, đó gọi là “*tịnh tín*”. Lúc quý vị chí tâm niệm A Di Đà Phật, bản thân quý vị phải biết chính mình đã trở thành A Di Đà Phật. Phải kiến lập tín tâm như thế! Nếu tìm cầu sự gia trì của Địa Tạng Bồ Tát thì Địa Tạng Bồ Tát gia trì chính là tự tâm của quý vị gia trì tự tâm! Còn có “*tịnh giới*”. Bất luận quý vị thọ Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, cho đến hai trăm năm mươi giới tỳ-kheo, ba trăm bốn mươi tám giới của tỳ-kheo-ni, cho đến Bồ Tát trọng giới. Nói chung, Tam Tụ Tịnh Giới, tức Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, và Nhiều Ích Hữu Tình Giới, vì trì giới thanh tịnh, chính mình sẽ được thanh tịnh.

“*Hoặc vì Tĩnh Lự*”: Tĩnh Lự là Định, là tên gọi khác của Định, cũng là tam-muội. Tĩnh tọa tư duy là tu tư duy.

“*Hoặc vì thần thông*”: Mọi người đều biết thần thông: Người khác chẳng thể, mà quý vị có thể. Ở nơi đây, quý vị tác ý liền tới Bắc Kinh, vừa tác ý liền đến Đài Bắc. Chỗ nào có đao binh kiếp, quý vị ở nơi đây giơ tay, kiếp đao binh tiêu mất, đánh nhau chẳng thành công! Giống như có vị đại hòa thượng trông thấy lửa lớn đã bốc cháy, bèn mượn rượu của người khác uống vào, phun rượu lên không trung, dập tắt trận lửa ấy. Lửa bị dập tắt, nhưng người thấy có mùi rượu. Khi đó, vị ấy ở Tây An, dập tắt lửa ở Bắc Bình Phủ. Đó gọi là thần thông. Bất quá, thần thông kiêu đó vẫn là tiểu thần thông. Đại thần thông là có trí huệ, huệ tánh có thể thông đạt hết thảy. Đối với cái tâm tự nhiên, bèn khôi phục cái tâm tự nhiên quý vị vốn sẵn có. Đây gọi là Thần. Thần minh thiên tâm, thiên tâm là tự tánh. Tâm rất tự nhiên, thông minh huệ tánh, diệu dụng vô biên, đó gọi là “*thần thông*”. Nhưng thông thường là hiện ra các tiêu cảnh giới, đây chẳng phải thần thông to lớn gì! Khi Bồ Tát vận dụng

thần thông, nhất định sẽ chuyên biến Hoặc nghiệp của chúng sanh, tiêu trừ nghiệp chướng của chúng sanh, làm tăng thêm tín tâm thanh tịnh cho họ.

“*Hoặc vì Bát Nhã*”: Bát Nhã là diệu huệ. Chúng ta đọc kinh Bát Nhã, kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, cho đến đọc Tâm Kinh, thành tựu trí huệ. Trí huệ ấy chẳng phải là trí huệ bình phàm, mà là trí Bát Nhã Lục Độ vạn hạnh, hoặc là giải thoát đạo.

Có hai cách giải thích chữ “*diệu sắc*”:

- Tướng mạo rất trang nghiêm, vượt xa kẻ bình phàm. Ba mươi hai tướng, tám mươi loại hảo, đều là diệu sắc.

- Còn có vô sắc diệu sắc, vô hình, vô tướng.

Diệu sắc, diệu thanh, diệu hương, diệu vị, diệu xúc, tức là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, lại kèm thêm chữ Diệu, sẽ là chẳng thể nghĩ bàn. Gọi là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, tức chẳng phải là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, mà gọi là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, đấy mới là Diệu. Chẳng đạt đến mức độ ấy, chẳng gọi là Diệu. Diệu là chẳng thể nghĩ bàn. Rõ ràng là xanh, hồng, đỏ, vàng, nhưng hết thấy sắc tướng chẳng phải là sắc tướng, vì xét theo tánh, sẽ biết chúng là duyên khởi, chẳng chân thật. Từ nơi tướng mà hiện ra tánh của chúng, đó là Diệu. Sắc, phi sắc tướng, hoa, phi hoa, hoa chẳng phải là hoa!

Tôi nhớ đã từng đọc một câu đối: “*Sơn sắc, thủy sắc, yên hà sắc, sắc sắc giai Không*” (Sắc núi, sắc nước, sắc khói ráng chiều, sắc nào cũng đều là Không), ý nói: Chẳng có Sắc, nó do cái tâm của quý vị biến hiện. “*Phong thanh, vũ thanh, chung khánh thanh, thanh thanh tự tại*” (Tiếng gió, tiếng mưa, tiếng chuông khánh, tiếng nào cũng tự tại). Tiếng cũng chẳng có.

Vì thế, diệu sắc, diệu thanh, cho đến diệu hương đều là như thế mà thôi. Đấy chẳng phải là cảnh giới bình thường. Nếu muốn đạt đến cảnh giới này, quý vị phải chí tâm niệm Địa Tạng Bồ Tát, chuyển cái tâm của chính mình thành nhất trí với cái tâm của Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị là Địa Tạng Bồ Tát thì mới có thể đạt tới cảnh giới thù diệu này. Vì tiếng tăm, vì lợi dưỡng, vì muốn làm công đức, quý vị cũng có thể [xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát].

“*Hoặc vì tôi tớ*”, nói đại lược một phen. Trong nhà muốn mướn mấy người hầu, hoặc là quý vị muốn mở công ty, muốn thuê mấy nhân viên, đều coi là “tôi tớ”. Hoặc trong nhà phải thuê vú em, cũng coi như là tôi tớ. Trong các tình hình như thế, cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì một

phen, dường như chuyện gì Địa Tạng Bồ Tát cũng quản. Mục đích là quý vị phải chí tâm niệm danh hiệu của Ngài, chờ cho đến khi quý vị niệm linh ứng, tâm tư của quý vị nầy sanh biến hóa. Kinh Thập Luân nhằm chuyển biến phiền não của quý vị. Đầu tiên là Tự Phần nhằm nói công đức thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát, hòng quý vị sanh khởi tín tâm, ngõ hầu chúng ta tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát. Nếu tâm quý vị có thể tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát, tâm quý vị sẽ ứng hợp tâm Địa Tạng Bồ Tát; sau đây, cái tâm của quý vị chuyển thành tâm Địa Tạng Bồ Tát. Tâm của Địa Tạng Bồ Tát là đại nguyện, quý vị cũng sẽ luôn thuận theo mà phát khởi đại nguyện. Địa Tạng Bồ Tát thuận theo chư Phật, Bồ Tát mà phát đại nguyện.

Chúng ta học theo Ngài, cũng phát đại nguyện. Ngài vì thành tựu chúng ta, khiến cho nguyện và tâm của chúng ta nhất trí với nguyện và tâm của Ngài, Phật Phật đạo đồng. Nếu quý vị có thể chí tâm, thành tín niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính Địa Tạng Bồ Tát thì những điều mong cầu trên đây đều có thể đạt được. Vì sao? Trong phần trên, tôi đã nói, Địa Tạng Bồ Tát nhập diệu định nhiều ngàn ấy. Từ trong các Định ấy, sanh ra trí năng nhiều dường ấy, Ngài có thể chuyển hóa cái tâm của chúng ta. Khi Ngài gia trì quý vị, chẳng phải là Ngài ban cho quý vị, mà là tự tâm của quý vị sanh khởi diệu dụng, tự nhiên trọn đủ. Đừng nên nghĩ Địa Tạng Bồ Tát sẽ ban cho chúng ta điều gì, mà là tự tâm của quý vị sanh khởi công đức, sanh khởi thù thắng, là sức mạnh từ chính cái tâm của quý vị, kết hợp với diệu định và sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, cho nên mới có thể lìa khổ, lìa khỏi hết thầy ưu, bi, khổ não; do vậy, những nguyện vọng mong cầu của quý vị đều được thỏa mãn. Không chỉ là như thế, mà còn có thể đặt yên quý vị nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, dĩ chư chủng tử, thực u hoang điền, hoặc thực điền trung, nhược cần doanh vụ, hoặc bất doanh vụ, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, thử thiện nam tử, công đức diệu định, oai thần lực cố, linh bỉ nhất thiết quả thật phong nẫm. Sở dĩ giả hà? Thử thiện nam tử tăng quá vô lượng vô số đại kiếp, u quá số lượng Phật Thế Tôn sở, phát đại tinh tấn, kiên cố thế nguyện. Do thử nguyện lực, vị dục thành thực chư hữu tình cố, thường phổ nhậm trì nhất thiết đại địa, thường phổ nhậm trì nhất thiết chủng tử, thường phổ linh bỉ nhất thiết hữu tình tùy ý thọ dụng. Thử thiện nam

tử oai thần lực cố, năng linh đại địa nhất thiết thảo mộc, căn, tu, nha, hành, chi, diệp, hoa, quả, giai tất sanh trưởng, được cốc, miêu giá, hoa quả mậu thật, thành thực nhuận trạch, hương khiết nhuyễn mỹ.

(經)隨所在處，若諸有情，以諸種子，植於荒田，或熟田中，若勤營務，或不營務，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，此善男子，功德妙定，威神力故，令彼一切果實豐稔。所以者何？此善男子曾過無量無數大劫，於過數量佛世尊所，發大精進，堅固誓願。由此願力，為欲成熟諸有情故，常普任持一切大地，常普任持一切種子，常普令彼一切有情隨意受用。此善男子威神力故，能令大地一切草木、根、鬚、芽、莖、枝、葉、華、果，皆悉生長，藥谷、苗稼、華果茂實，成熟潤澤，香潔軟美。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, lấy các hạt giống gieo xuống ruộng hoang, hoặc nơi ruộng thực, hoặc là siêng chăm bón, hoặc chẳng chăm bón, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, do công đức, diệu định, và sức oai thần của vị thiện nam tử này, khiến cho hết thấy quả hạt sanh trưởng dồi dào. Vì có sao vậy? Vị thiện nam tử này đã từng trải qua vô lượng vô số đại kiếp, ở nơi chẳng thể tính đếm chư Phật Thế Tôn, phát ra thệ nguyện kiên cố đại tinh tấn.

Do nguyện lực ấy, vì muốn thành thực các hữu tình, thường duy trì trọn khắp hết thấy các đại địa, thường duy trì trọn khắp hết thấy hạt giống, thường khiến cho trọn khắp hết thấy hữu tình tùy ý thọ dụng. Do sức oai thần của vị thiện nam tử này, có thể khiến cho hết thấy cỏ cây trong đại địa, rễ, tua, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, thấy đều sanh trưởng, được thảo, ngũ cốc, thóc lúa, hoa quả sum suê, chi chút, chín rộ tươi nhuận, tinh sạch, mềm mại, ngon đẹp).

Đoạn này nói về người trồng trọt hoa màu, hy vọng những hoa màu đã gieo trồng đều tăng trưởng rất tốt đẹp. Hoặc là quý vị mong

trồng hoa, mong cho những chậu cây cảnh trong nhà mọc tươi tốt hơn đôi chút, hãy đối trước những bồn hoa ấy niệm Địa Tạng Bồ Tát, đi nhiều quanh nó (đừng cười, [làm như vậy] thật sự rất tốt). Chậu cây cảnh sắp chết, đặc biệt là chúng tôi thích quân tử lan và lan thảo, chúng sắp chết rụi hết. Trở về, bái sám, cầu nguyện, nó lại mọc tươi tốt. Nhưng nếu coi hiệu quả của những chuyện nhỏ nhặt ấy là thánh nghiệm, thánh quả, sẽ hỏng bét. Chúng ta học Phật, cầu Địa Tạng Bồ Tát, phải đúng lẽ tự nhiên là tu hành, bái sám. Quý vị chẳng nghĩ đến những chuyện ấy, nhưng đã tác ý thì hoa cỏ cũng rất tươi tốt, chẳng thể nghĩ bàn.

Ở quê tôi, có một chuyện như thế này: Có một phụ nữ chỉ có một đứa con duy nhất. Bà ta nghĩ nhớ đứa con, có người dạy bà một phương pháp: “Bà đứng ở bậc cửa, một tay nắm then cài, một tay cầm giỏ cơm. Ăn cơm trong cái giỏ, tận lực gõ cái then ngang ấy. Chẳng đầy mấy hôm, con bà sẽ quay về”. Bà cụ ấy liền ngày ngày gõ, chưa được mười mấy hôm, con bà thật sự trở về. Do nguyên nhân nào? Con bà trong lòng chẳng yên, cho là trong nhà đã xảy ra tai họa to lớn chi đó, vội trở về thì chẳng có chuyện chi hết, chỉ là mẹ nhớ mong. Đây là một thí dụ cho thấy [tác dụng] của chí tâm.

Một thí dụ khác về chí tâm: Có một bà mẹ tưởng nhớ con, tưởng nhớ khôn cùng, nhưng đứa con ấy hết sức bất hiếu với mẹ. Tuy vậy, mẹ rất thương yêu nó, rất chí tâm. Có một lần, con bà ta gặp một nhóm người muốn triều bái Phổ Đà Sơn, nó cũng muốn theo họ đi triều bái. Có người nói: “Mày bất hiếu như thế, lên núi lễ Phật sẽ ảnh hưởng bọn tao”. Nó nói: “Không đâu, tôi đã thay đổi”. Nó liền đi theo mọi người đi lên núi lễ Phật. Khi đã tới Phổ Đà Sơn, trên mặt biển xuất hiện hoa sen sắt. Trên mặt biển toàn là hoa sen sắt, thuyền không tiến lên được. Mọi người liền chí thành niệm hoa sen sắt, nó cũng niệm theo mọi người. Nó thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bảo: “Người chẳng cần triều bái ta, hãy quay về nhà. Người quay về thì sẽ chẳng có hoa sen sắt nữa, quay về đi!” Nó thưa: “Con tới triều bái Bồ Tát”. Quán Thế Âm Bồ Tát nói: “Khi người trở về, sẽ thấy người mở cửa cho người chính là ta”. Vì thế, nó quay về, hoa sen sắt cũng biến mất, mọi người tiếp tục dong thuyền đến Phổ Đà Sơn. Nó chẳng thành công triều bái, bèn trở về nhà. Khi về đến nhà, đã là mười hai giờ đêm, mẹ già đã ngủ rồi, nó liền gõ cửa. Mẹ nghe tiếng con, liền khoác áo bông ra mở cửa cho nó. Đây chính là Quán Âm Bồ Tát độ cho hai mẹ con họ. Nó trở về sám hối với mẹ, thật sự sám hối. Vì nó triều bái Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát cảm động trước

một niệm chí thành của nó, bèn chuyển biến [tâm nó] thành hiệu tâm. Chí tâm có mối quan hệ rất lớn!

Những kiểu chí tâm trên đây là chí tâm nhỏ nhoi, chẳng phải là loại chí tâm chúng ta cần phát. Chúng ta phải phát nguyện “*thành Phật độ chúng sanh*”. Mọi người phải ghi nhớ: Phàm là mỗi vị đạo hữu chúng ta, đều phải nên phát nguyện “*thành Phật độ chúng sanh*”. Đây là nguyện rất ráo của chúng ta. Bất luận phẩm Tịnh Hạnh hay phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nguyện đã phát ra, nguyện nào cũng đều là độ chúng sanh, nguyện nào cũng là nguyện thành Phật, làm cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật. Đọc các bộ kinh điển Bát Nhã, những bộ kinh ấy có liên quan đến chúng ta vì cầu trí huệ Bát Nhã. Ngoài những điều ấy ra, cho đến tịnh tín, tịnh giới đều cần thiết. Còn những thứ vật dụng trong cuộc sống thì không cần nhất thiết phải cầu! Chúng càng nhiều thì càng lắm phiền não, càng ít càng thanh tịnh. Vì thế, nói đến “*chủng tử*” và “*hoang điền*” (ruộng hoang) trong đoạn kinh văn này chính là nói về Bát Nhã, có thể giải thích như vậy!

“*Sở dĩ giả hà*” (Vì có sao vậy): Vì sao Địa Tạng Bồ Tát có sức công đức nhiều dường ấy? Đức Phật lại tán thán Địa Tạng Vương Bồ Tát. “*Thử thiện nam tử*” (Vị thiện nam tử này) tức là nói Địa Tạng Vương Bồ Tát. “*Tằng quá vô lượng vô số đại kiếp*” (Đã từng trải qua vô lượng vô số đại kiếp): Đã trải qua một thời gian rất dài, thời gian không thể tính đếm được.

“*U quá số lượng Phật Thế Tôn sở*” (Ở chỗ chẳng thể tính đếm chư Phật Thế Tôn): Dùng số lượng để tính toán, cũng chẳng có cách nào tính toán nơi chốn của chư Phật Thế Tôn. “*Phật Thế Tôn*” là chư Phật. Bồ Tát đã phát thệ nguyện đại tinh tấn kiên cố. Không chỉ là tinh tấn, mà còn kiên cố, tuyệt đối chẳng lay động. Nguyện trọn chẳng lay động, nhất định phải đạt tới mục đích. Mọi người hãy tự kiểm xem cái nguyện của chính mình có lay động hay chẳng? Trong khi quý vị hứng chịu khổ nạn, hoặc lúc gặp cảnh giới chẳng vừa ý, hoặc trong lúc quý vị bái sám nầy sanh chướng ngại, niệm kinh nầy sanh chướng ngại, quý vị có còn niệm hay không? Quý vị bái sám mà chẳng thành tựu, có còn bái sám nữa hay không? Những chuyện nhỏ nhặt đó mà chẳng thể khắc phục nổi, còn mong chi thành Phật? Do vậy, thệ nguyện ắt cần phải kiên cố. Gặp phải bất cứ vui dấp hay khó khăn gì, một khi quý vị đã phát nguyện, đừng để các cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, phải kiên trì, đừng gián đoạn giữa chừng.

Quý vị phát ra cái nguyện nhỏ nhất là thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Thọ quy y thì vị sư phụ truyền trao sẽ bảo quý vị, dạy quý vị phải “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, mỗi ngày có thể niệm nhiều lượt sẽ càng tốt hơn. Nếu thật sự chẳng có thời gian niệm, sáng tối hãy liên tục niệm, tối thiểu là mười lượt, quý vị có làm được hay không? Ngay cả thế nguyện như vậy mà làm chẳng được, làm sao có thể tiêu tai miễn nạn cơ chứ? Đã chẳng thể tránh khỏi tai nạn trước mắt, càng chẳng cần phải nói đến chuyện miễn trừ tai nạn từ vô lượng kiếp đến nay, [cũng như chẳng cần phải nói tới chuyện] tiêu trừ họa nghiệp, chúng đấng trí Bát Nhã, cho đến thành Phật chi nữa!

Giả sử nói tướng cảnh giới hiện tiền đem lại tổn thất cho chúng ta, nhưng rất hữu ích cho người khác, chúng ta có chịu bị hao tổn để giúp đỡ người khác hay không? Mỗi người hãy tự vấn cái tâm của chính mình, sẽ tự biết ngay, đều hiểu rõ ràng. Do Địa Tạng Bồ Tát thế nguyện, phát tâm thế nguyện thành thực chúng sanh, Ngài thường duy trì trọn khắp đại địa, không chỉ riêng thế giới Sa Bà. Trong phần trên còn nói, “*tùy sở tại xứ, tùy kỳ sở ứng*” (ở bất cứ nơi đâu, thuận theo căn tánh), Ngài ở nơi nào, nơi đó được lợi ích, khiến cho hết thảy đại địa nhuần trạch trọn khắp chúng sanh. Đây là công năng chuyên chở của đại địa. Nếu chẳng có đại địa gánh vác chúng ta, chúng ta đều chẳng thể sống sót được! Nếu chẳng có đại địa sanh trưởng vạn vật, chúng ta đều chẳng thể sống sót được! Nếu hiện thời dầu mỏ phía dưới đại địa đều cạn sạch, nếu chẳng sanh ra điện lực, chúng ta sẽ sống như thế nào? Đặc biệt là trong những quốc gia phát triển, nếu chẳng có điện, ngay cả cơm cũng chẳng có mà ăn. Hiện thời, mùa Đông đang đến, thời tiết rất lạnh, nếu chẳng có điện, hệ thống sưởi ấm hoạt động bằng cách nào? Sẽ khiến cho quý vị đông cứng hết!

“*Thường phổ nhậm trì nhất thiết đại địa*” (Thường duy trì trọn khắp hết thảy đại địa): “*Đại địa*” là nói tới tâm địa của hết thảy chúng sanh, tạo chủng tử thành Phật cho hết thảy chúng sanh. “*Thường phổ trụ trì nhất thiết chủng tử*” (Thường duy trì trọn khắp hết thảy các hạt giống). Nói theo tướng thế gian, sẽ là đại địa chứa đựng tất cả các hạt giống. Hết thảy lương thực là thứ cần thiết cho cuộc sống, giúp chúng ta duy trì sanh mạng, đều sanh từ đất. Nay chúng ta hãy nhượng mắt mà xem, mắt chúng ta đeo kiếng, y phục khoác trên thân, cho đến bàn, ghế, băng ghế, quý vị nói xem: Có thứ nào chẳng phải từ đất mà ra? Có thứ nào chẳng sanh trưởng từ đất? Do vậy nói Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện, Ngài duy trì trọn khắp hết thảy đại địa, duy trì hết thảy các hạt giống,

khiến cho hết thảy chúng sanh đều tùy ý thọ dụng, thỏa mãn cái nguyện của chúng sanh.

Do sức oai thần của vị thiện nam tử ấy, có thể khiến cho đại địa, cỏ cây, rễ, tua, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, đều có thể sanh trưởng, thậm chí được thảo, ngũ cốc, thóc lúa, hoa quả sum suê, chi chít, tăng trưởng tươi nhuận, thơm tho, tinh sạch, mềm mại, ngon lành, ở nơi đâu, Ngài cũng đều thành thực chúng sanh. Đây là những thứ giúp cho cuộc sống. Lại nói bản thân chúng sanh trọn đủ hết thảy mọi thứ, thứ gì cũng đều có thể ăn được!

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, tham, sân, si đẵng, giai mãnh lợi cố, tạo tác sát sanh, hoặc bắt dữ thú, hoặc dục tà hạnh, hoặc hư cuống ngữ, hoặc thô ác ngữ, hoặc ly gián ngữ, hoặc tạp uế ngữ, hoặc tham, hoặc sân, hoặc phục tà kiến, Thập Ác nghiệp đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，貪，瞋，癡等，皆猛利故，造作殺生，或不與取，或欲邪行，或虛誑語，或粗惡語，或離間語，或雜穢語，或貪，或瞋，或復邪見，十惡業道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, tham, sân, si v.v... đều mạnh mẽ, tạo tác sát sanh, hoặc chẳng cho mà lấy, hoặc muốn làm tà hạnh, hoặc nói lời hư dối, hoặc lời thô ác, hoặc lời ly gián, hoặc lời tạp uế, hoặc tham, hoặc sân, hoặc lại tà kiến, mười ác nghiệp đạo).

Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đây là ba nghiệp nơi thân. Giết, trộm, dâm là ba nghiệp nơi thân, lại còn thêm nói dối, nói lời thô ác, nói thêu dệt, nói đôi chiều là bốn nghiệp nơi miệng, lại còn thêm tham, sân, si là ý nghiệp, hợp thành Thập Ác Nghiệp Đạo. Thập Ác Nghiệp Đạo, tham dục, sân hận, tà kiến hết sức mãnh liệt. Tà kiến có khi là vô minh, hết sức mãnh liệt. Vì mãnh liệt, tâm sân hận nặng nề. Do vậy, sát sanh, trộm cắp, không cho mà lấy, người ta không cho, quý vị cứ lấy, hoặc là cưỡng đoạt, hoặc là lấy trộm, đều thuộc loại trộm cắp. “Đạo” (盜) là dùng sức mạnh đoạt lấy, “thâu” (偷) là trộm lấy. Kẻ chẳng tin Tam Bảo, chẳng có duyên này, ác nghiệp rất nặng. Càng là hạng người như vậy, càng khó thấy, nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết phiền não tất giai tiêu diệt, viễn ly Thập Ác, thành tựu Thập Thiện, u chư chúng sanh, khởi từ bi tâm, cập lợi ích tâm. Thử thiện nam tử thành tựu như thị công đức, diệu định, oai thần chi lực, dũng mãnh tinh tấn, u nhất thực khoảnh, năng u vô lượng vô số Phật độ, nhất nhất độ trung, dĩ nhất thực khoảnh, giai năng độ thoát vô lượng vô số Căng Già sa đẳng sở hóa hữu tình, linh ly chúng khổ, giai đắc an lạc, tùy kỳ sở uing, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切煩惱悉皆銷滅，遠離十惡，成就十善，於諸眾生，起慈悲心，及利益心。此善男子成就如是功德，妙定，威神之力，勇猛精進，於一食頃，能於無量無數佛土，一一土中，以一食頃，皆能度脫無量無數殃伽沙等所化有情，令離眾苦，皆得安樂，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thảy phiền não thảy đều tiêu diệt, xa lìa Thập Ác, thành tựu Thập Thiện, đối với các chúng sanh khởi tâm từ bi và tâm lợi ích. Vị thiện nam tử ấy thành tựu công đức, diệu định, và sức oai thần như thế, dũng mãnh tinh tấn, trong khoảng một bữa ăn, có thể trong vô lượng vô số Phật độ, trong mỗi một cõi, trong khoảng một bữa ăn, đều có thể độ thoát vô lượng vô số các hữu tình được hóa độ nhiều như cát sông Hằng, khiến cho họ lìa các khổ, đều được yên vui, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Có thể nghe biết Địa Tạng Bồ Tát, lại có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, hết thảy phiền não đều được tiêu diệt. Vì sao? Vì chí tâm xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Tướng cảnh giới ấy và cái tâm của quý vị có thể phù hợp, tâm và cảnh như một, đương nhiên là có thể tiêu trừ nghiệp

Thập Ác. Thập Ác chuyên thành Thập Thiện, có thể biến thành nghiệp Thập Thiện. Thập Thiện là cội gốc để sanh thiên, là đạo lương (道糧, tu lương nơi đạo nghiệp) để sanh thiên. Nếu chẳng có nghiệp Thập Thiện, sẽ chẳng thể sanh thiên được, chẳng có phước phận ấy! Trên cơ sở này, lại có thể đối với hết thảy chúng sanh, sanh khởi tâm từ bi, dẹp trừ hết thảy thống khổ của chúng sanh, ban vui sướng cho hết thảy chúng sanh, lợi ích hết thảy chúng sanh, chẳng so đo cho chính mình. Nếu quý vị phát nguyện giống như Địa Tạng, hành theo Địa Tạng Bồ Tát, quý vị chính là Địa Tạng Bồ Tát, có thể thành tựu công đức, diệu định, và sức oai thần như vậy, giống hệt như Địa Tạng Bồ Tát.

Hễ bàn đến dững mãnh, tinh tấn, khó lắm đấy! Nếu mỗi ngày chúng ta có thể thực hiện (dững mãnh, tinh tấn) năm, sáu tiếng đồng hồ, sẽ cảm thấy là tu hành rất tuyệt vời. Năm thời gian bên Đông, sáu thời gian bên Tây, chỉ sợ cũng chẳng đạt được tám tiếng đồng hồ, vẫn chưa nói là dững mãnh được! Dững mãnh là suốt ngày đêm sáu thời, suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều chí tâm dững mãnh, chẳng đoái hoài thân mạng, thật sự dững mãnh chí tâm, chí tâm khẩn thiết niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, tưởng Địa Tạng Bồ Tát. Do diệu định và oai thần dững mãnh, tinh tấn mà Ngài có thể trong khoảng một bữa ăn, tức “*nhất thực khoảnh*”, có thể nhập vô cùng vô tận diệu định. Trong phần trước, chúng tôi đã có nói “*vô cùng vô tận quốc độ*”. Ngài có thể trụ trong vô lượng vô số Phật độ. Phạm là ở bất cứ nơi đâu, trong vô lượng vô số cõi Phật, trong ức vạn cõi Phật, Ngài có thể độ thoát vô lượng vô số, Hằng hà sa số chúng sanh nhiều ngàn ấy, hóa độ hữu tình nhiều ngàn ấy, khiến cho hữu tình nhiều ngàn ấy đều có thể xa lìa đau khổ, chẳng còn hứng chịu đau khổ nữa, khiến cho những chúng sanh ấy đều được yên vui. “*Tùy kỳ sở ưng*”, tức là thuận theo căn cơ mà thuyết pháp, tùy theo căn cơ mà thí pháp hóa độ, tức là thuận theo căn cơ người ấy đáng nên hóa độ như thế nào mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

(Kinh) Thử thiện nam tử, thành tựu như thị như ngã sở thuyết bất khả tư nghị chư công đức pháp, kiên cố thế nguyện, dững mãnh tinh tấn, vị dục thành thực chư hữu tình cố, u thập phương giới.

(經)此善男子，成就如是如我所說不可思議諸功德法，堅固誓願，勇猛精進，為欲成熟諸有情故，於十方界。

(Kinh: Vị thiên nam tử này thành tựu các pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn như ta đã nói như thế, thế nguyện kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn, vì muốn thành thực các hữu tình nên trong mười phương cõi).

Vì làm cho Hằng hà sa số hữu tình chúng sanh lìa khổ, được vui, khiến cho bọn họ chúng đắc Niết Bàn, Địa Tạng Bồ Tát có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn như thế nào? Có các pháp cứu độ như thế nào? Kề đó, nói rõ pháp cứu độ của Ngài. “*Như ngã sở thuyết bất khả tư nghị chư công đức pháp*” (Các pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn như ta đã nói): Thế nguyện kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn, mong thành thực hết thảy chúng sanh. Ngài làm như thế nào? Đức Phật nói Ngài ở trong mười phương thế giới, vì lợi ích chúng sanh mà thị hiện Đồng Sự. [Tức là] quý vị thuộc loài chúng sanh nào, Ngài bèn hiện thân thuộc loài ấy để độ quý vị, tổng cộng có bốn mươi hai loại.

(Kinh) Hoặc thời hiện tác Đại Phạm Vương thân, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp, hoặc phục hiện tác Đại Tự Tại Thiên thân, hoặc tác Dục Giới Tha Hóa Tự Tại Thiên thân, hoặc tác Lạc Biến Hóa Thiên thân, hoặc tác Đổ Sủ Đa Thiên thân, hoặc tác Dạ Ma Thiên thân, hoặc tác Đế Thích Thiên thân, hoặc tác Tứ Đại Vương Thiên thân, hoặc tác Phật thân, hoặc tác Bồ Tát thân, hoặc tác Độc Giác thân, hoặc tác Thanh Văn thân.

(經)或時現作大梵王身，為諸有情如應說法，或復現作大自在天身，或作欲界他化自在天身，或作樂變化天身，或作睹史多天身，或作夜摩天身，或作帝釋天身，或作四大王天身，或作佛身，或作菩薩身，或作獨覺身，或作聲聞身。

(Kinh: Hoặc có lúc hiện làm thân Đại Phạm Vương, vì các hữu tình thuyết pháp đúng theo căn cơ, hoặc lại hiện làm thân Đại Tự Tại Thiên, hoặc làm thân Tha Hóa Tự Tại Thiên trong Dục Giới, hoặc làm thân Lạc Biến Hóa Thiên, hoặc làm thân Đổ Sủ Đa Thiên, hoặc làm thân Dạ Ma Thiên, hoặc làm thân Đế Thích Thiên, hoặc làm thân Tứ Đại Vương Thiên, hoặc làm thân Phật, hoặc làm thân Bồ Tát, hoặc làm thân Độc Giác, hoặc làm thân Thanh Văn).

“*Hoặc thời hiện tác Đại Phạm Vương thân*” (Hoặc là có lúc hiện làm thân Đại Phạm Vương): Thân Đại Phạm Vương là thân Đế Thích Thiên¹², vì các hữu tình thuyết pháp. Hoặc là hiện thân Đại Tự Tại Thiên, tức là Ma Hê Thủ La Thiên. Thị hiện thân Đại Tự Tại Thiên Vương để thuyết pháp cho loài chúng sanh ấy. Hoặc là hiện thân Tha Hóa Tự Tại Thiên trong Dục Giới, hoặc là Lạc Biến Hóa Thiên, tức là Hóa Lạc Thiên. Hoặc là hiện thân Đổ Sứ Đa Thiên, tức là Đâu Suất Thiên, chính là Lục Dục Thiên. Hoặc là hiện Dạ Ma Thiên, tức tầng trời thứ ba. Hoặc hiện Đế Thích Thiên, hoặc là thân Tứ Đại Vương Thiên (cũng tức là thân Tứ Thiên Vương), hoặc hiện thân chư thiên cho đến Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên, Lục Dục Thiên, thị hiện thân trời để làm đồng loại của họ, hoặc thị hiện thân Phật. Bồ Tát chỉ cần sau khi đã đăng địa (chứng Sơ Địa), đã có thể thị hiện thân Phật. Cho đến trong cảnh giới Hoa Nghiêm, hễ phát Bồ Đề tâm, hễ trụ trong Vị Bất Thoái, là đã có thể thị hiện. Thất Trụ Bồ Tát có thể thị hiện thân Phật.

“*Hoặc tác Bồ Tát thân*” (Hoặc làm thân Bồ Tát): Có bao nhiêu địa vị Bồ Tát? Có khi thị hiện làm đại Bồ Tát, có lúc thị hiện làm tiểu Bồ Tát. Nói “*tiểu Bồ Tát*”, tức là những vị Bồ Tát bình phàm, như các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền. Hoặc thị hiện thân Nhị Thừa, tức là Độc Giác và Thanh Văn. Độc Giác và Duyên Giác thuộc cùng một địa vị. Sanh nhằm lúc có Phật, nương theo pháp thập nhị nhân duyên để chứng đắc thông suốt thì là Duyên Giác. Sanh nhằm lúc không có Phật, tự mình quán thấy vật chất biến hóa: Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu hoạch, Đông tàng trữ, trông thấy hết thấy sự vật biến hóa, chứng đắc ngộ đạo, thì gọi là Độc Giác. Thanh Văn là nghe âm thanh thuyết pháp của đức Phật mà ngộ đạo. Tứ thánh pháp giới là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, và Duyên Giác. Trên đây là thị hiện tứ thánh pháp giới.

(Kinh) Hoặc tác Chuyển Luân Vương thân, hoặc tác Sát-đế-lợi thân, hoặc tác Bà-la-môn thân, hoặc tác Phiệt-xá thân, hoặc tác Thú-đạt-la thân, hoặc tác trượng phu thân, hoặc tác phụ nữ thân, hoặc tác đồng nam thân, hoặc tác đồng nữ thân, hoặc tác Kiện Đạt Phước

¹² Ở đây, lão pháp sư Mộng Tham nói nhầm. Đại Phạm Vương là vua cõi trời Sơ Thiên, là chúa tể của mười tám cõi trời thuộc Sắc Giới, trong khi Đế Thích Thiên chỉ là chúa cõi trời Đạo Lợi, tức tầng trời thứ hai trong Dục Giới, thua kém Đại Phạm Vương rất xa.

thân, hoặc tác A Tổ Lạc thân, hoặc tác Khẩn Nại Lạc thân, hoặc tác Mạc Hô Lạc Già thân, hoặc tác long thân, hoặc tác Dược Xoa thân, hoặc tác La Sát thân, hoặc tác Cưu Bàn Đồ thân, hoặc tác Tất Xá Giá thân, hoặc tác ngạ quỷ thân, hoặc tác Bồ Đát Na thân, hoặc tác Yết Trá Bồ Đát Na thân, hoặc tác Việt Đồ Ha Lạc quỷ thân, hoặc tác sư tử thân, hoặc tác hương tượng thân, hoặc tác mã thân, hoặc tác ngư thân, hoặc tác chủng chủng cầm thú chi thân, hoặc tác Diêm Ma Vương thân, hoặc tác địa ngục tốt thân, hoặc tác địa ngục chư hữu tình thân. Hiện tác như thị đẳng vô lượng vô số dị loại chi thân, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp, tùy kỳ sở ưng, an trí tam thừa bất thoái chuyển vị.

(經)或作轉輪王身，或作刹帝利身，或作婆羅門身，或作筏舍身，或作戍達羅身，或作丈夫身，或作婦女身，或作童男身，或作童女身，或作健達縛身，或作阿素洛身，或作緊捺洛身，或作莫呼洛伽身，或作龍身，或作藥叉身，或作羅刹身，或作鳩畔荼身，或作畢舍遮身，或作餓鬼身，或作布怛那身，或作羯吒布怛那身，或作粵闍訶洛鬼身，或作師子身，或作香象身，或作馬身，或作牛身，或作種種禽獸之身，或作剌魔王身，或作地獄卒身，或作地獄諸有情身。現作如是等無量無數異類之身，為諸有情如應說法，隨其所應，安置三乘不退轉位。

(Kinh: Hoặc làm thân Chuyển Luân Vương, hoặc làm thân Sát-đế-lợi, hoặc làm thân Bà-la-môn, hoặc làm thân Phiệt-xá, hoặc làm thân Thú-đạt-la, hoặc làm thân trượng phu, hoặc làm thân phụ nữ, hoặc làm thân bé trai, hoặc làm thân bé gái, hoặc làm thân Kiện Đạt Phước, hoặc làm thân A Tổ Lạc, hoặc làm thân Khẩn Nại Lạc, hoặc làm thân Mạc Hô Lạc Già, hoặc làm thân rồng, hoặc làm thân Dược Xoa, hoặc làm thân La Sát, hoặc làm thân Cưu Bàn Đồ, hoặc làm thân Tất Xá Giá, hoặc làm thân ngạ quỷ, hoặc làm thân Bồ Đát Na, hoặc làm thân Yết Trá Bồ Đát Na.

Hoặc làm thân quỷ Việt Đồ Ha Lạc, hoặc làm thân sư tử, hoặc làm thân hương tượng, hoặc làm thân ngựa, hoặc làm thân trâu, hoặc làm thân các loại cầm thú, hoặc làm thân vua Diêm Ma, hoặc làm thân quỷ tốt trong địa ngục, hoặc làm thân các hữu tình trong địa ngục. Hiện ra vô lượng vô số thân dị loại như thế, vì các hữu tình thuyết pháp thích hợp, tùy theo căn tánh mà đặt yên họ nơi đạo địa vị bất thoái chuyển trong tam thừa).

Tiếp đó, thị hiện tướng nhân gian. Hoặc làm thân Chuyển Luân Vương (Cakravartin-rajā), hoặc làm thân Sát-đế-lợi, làm thân tiểu quốc vương. Sát-đế-lợi (Kṣatriya) là chủng tánh (varṇa). Hoặc là chủng tánh Bà-la-môn (Brāhmaṇa), hoặc là Phiệt-xá. Phiệt-xá (Vaiśya) còn gọi là Phệ Xá, tức là công, nông, thương, cũng là chủng tánh thứ ba trong bốn loại chủng tánh (varṇa) của Ấn Độ. Bà-la-môn tôn quý nhất, Sát-đế-lợi là loại thứ hai, thuộc dòng vua chúa. Công, nông, thương là Phiệt-xá. Thú-đạt-la (Śūdra) là nô lệ, nô lệ là dân thấp kém nhất.

Hoặc là hiện thân nam tử, tức thân trượng phu. Hoặc là hiện thân nữ nhân, hoặc thị hiện thân bé trai, bé gái. Hoặc là Kiện Đạt Phục (Gandharvas, Càn Thát Bà, ca thần), tức là thân thuộc tám bộ quỷ (Aṣṭasenā, thiên long bát bộ). Hoặc là A Tô Lạc (Asura, A Tu La), hoặc là Khẩn Nại Lạc (Kinnara, Khẩn Na La, nhạc thần), hoặc làm Mạc Hồ Lạc Già (Mahoraga, Ma Hầu La Già). Hoặc làm thân rồng, hoặc làm thân Dược Xoa, hoặc làm thân La Sát, hoặc làm thân Cưu Bàn Đồ (Kumbhāṇḍa, Cưu Bàn Trà), hoặc làm thân Tất Xá Giá (Pisāca), hoặc làm thân ngựa quỷ, hoặc làm thân Bó Đát Na (Pūtana), hoặc làm thân Yết Trá Bó Đát Na (Kaṭa-pūtana), hoặc làm thân quỷ Việt Đồ Ha Lạc, hoặc làm thân sư tử. Kế đó là các thân súc sanh, địa ngục v.v... Hoặc làm thân hương tượng¹³, hoặc làm thân ngựa, hoặc làm thân trâu, hoặc làm thân các loại cầm thú, hoặc làm thân Diêm Ma Vương, hoặc làm thân ngục tốt trong địa ngục, hiện làm vô lượng vô số thân dị loại như thế.

Địa Tạng Bồ Tát hiện rất nhiều thân trong địa ngục, ngay cả những thân hữu tình thọ tội, Ngài cũng thị hiện. Khi ấy, Ngài thị hiện thuyết pháp cho những người thọ khổ nạn ấy, họ sẽ nghe nhận. Ở trong nhà tù, vẫn là có chuyện hiển linh thuyết pháp. Ở đây, chúng tôi giảng về

¹³ Hương tượng (Gandha-hastin): Loài voi lớn vào mùa giao phối, thân thể tiết ra mùi thơm, có sức rất mạnh, tánh tình rất hung bạo, rất khó chế phục. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, một con hương tượng sức mạnh bằng mười con voi thường.

Địa Tạng Bồ Tát, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng sao, điều quan trọng nhất là quý vị chí tâm. Niệm Quán Âm Bồ Tát cũng được, mà niệm Địa Tạng cũng như thế. Quán Thế Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát, tùy tiện niệm bất cứ vị Bồ Tát nào, chỉ cần trong khi đó có thể niệm là được rồi. Rất nhiều người vào lúc ấy đều chẳng thể niệm. Đặc biệt là vào lúc lâm chung mà có thể niệm, bất luận quý vị niệm danh hiệu của một vị Bồ Tát hay một vị Phật nào, thậm chí niệm một câu kệ tụng trong kinh điển Đại Thừa.

Trong Cấm Ứng Lục, có một đoạn ghi như thế này: Có một người đến cửa địa ngục, ông ta chỉ niệm nửa câu “*nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật*” (nếu ai muốn biết rõ, ba đời hết thấy Phật), địa ngục chẳng còn nữa, ông ta cũng được cứu. Rất nhiều người khi sắp mạng chung, sau khi đọa địa ngục, hoặc là đọa làm ngựa quỳ, đọa vào súc sanh đạo, rất đáng tiếc là hoàn toàn quên bẵng Phật pháp. Quý vị có thể dùng giác mộng để thể nghiệm, hãy xem là trong ấy quý vị còn có Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo hay không? Chỉ cần quý vị có một niệm, niệm ra được, ngay lập tức tỉnh mộng. Mọi người có làm thử hay không? Hoặc là niệm chú Đại Bi, bất luận quý vị niệm gì đi nữa, bèn tỉnh thức. Điều đáng tiếc là trong khi gấp rút, quý vị quên bẵng toàn bộ Phật pháp. Ngay lúc đó, hãy nên niệm Địa Tạng Bồ Tát, thế nhưng niệm chẳng thành! Khi ấy chẳng có niệm, lúc tỉnh mới nghĩ tới. Thường ngày quý vị chẳng dụng công, đến khi đó thì làm sao được?

Do vậy nói khi Địa Tạng Bồ Tát muốn độ chúng sanh, tùy thuộc người ấy đáng nên nghe pháp nào, đáng nên dùng thân nào để hóa độ, Ngài bèn hiện thân đó, cũng hiện thân ngục tốt trong địa ngục, cũng hiện thân Diệm vương gia, thậm chí còn hiện thân các chúng sanh chịu tội, vào chảo dầu, lên núi đao. Hoặc là khi thị hiện, Ngài sẽ niệm Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát cũng sẽ niệm Địa Tạng Bồ Tát, hoặc là Địa Tạng Bồ Tát sẽ lạy Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát còn phải lạy Địa Tạng Bồ Tát ư? Tôi kể một câu chuyện nhé.

Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn, hai người đến một ngôi chùa to. Tô Đông Pha thấy tượng Quán Thế Âm tay cầm một râu chuối, liền hỏi thiền sư Phật Ấn: “Bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát này cầm râu chuối để làm gì nhỉ? Ngài còn phải niệm chi nữa!” Thiền sư Phật Ấn nói: “Vì sao Ngài chẳng cần phải niệm?” Tô Đông Pha hỏi: “Ngài niệm ai?” “Ngài niệm Quán Thế Âm Bồ Tát”. Nghe vậy, [Tô Đông Pha ngạc nhiên]: “Quán Thế Âm Bồ Tát còn phải niệm Quán Thế Âm Bồ Tát à?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Đúng thế! Quán Thế Âm niệm Quán Thế Âm Bồ

Tát”. Tô Đông Pha lại hỏi: “Ngài có lạy Phật hay không?” Thiên sư đáp: “Lạy chú!” “Lạy ai?” Thiên sư Phật Ân nói: “Lạy Quán Thế Âm Bồ Tát”. Mọi người hãy suy nghĩ ý nghĩa là như thế nào vậy? Ngay lúc đó, Tô Đông Pha khai ngộ, có phải là đại khai ngộ hay không? Ngộ đôi chút, cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình!

Do vậy, tôi nói với quý vị một lần nữa: Quý vị niệm Địa Tạng Bồ Tát là niệm chính mình. Tâm quý vị là tâm Địa Tạng, tâm Địa Tạng là tâm của quý vị. Quý vị đã quên khuấy chính mình, chẳng đặt chính mình vào đó. Chỉ niệm suông Địa Tạng Bồ Tát, sức gia trì sẽ khá nhỏ. Trí huệ Bát Nhã của Địa Tạng Bồ Tát chiếu quý vị, trí huệ Bát Nhã của quý vị và trí huệ Bát Nhã của Địa Tạng Bồ Tát cùng kết hợp lại, tự tánh của quý vị sẽ được gọi là tự tánh Địa Tạng. Niệm nào cũng từ tâm khởi, niệm nào cũng trở về cái tâm. Vì thế, cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình.

Tuy vậy, khi chính quý vị chưa linh, vẫn phải cầu người khác. Khi cầu người khác, hãy nghĩ đến chính mình. Khi cầu chính mình, tức là cầu người khác. Phải tưởng nhiều, quán nhiều, phải có công lực kha khá thì mới có thể sanh ra tác dụng tương đương. Quý vị thường xuyên nghĩ như vậy, niệm Địa Tạng Bồ Tát là niệm chính mình, niệm chính mình cũng là niệm Địa Tạng Bồ Tát. Như vậy thì quý vị sẽ mộng càng tốt đẹp hơn, sẽ mộng hết sức thù thắng. Mộng gì vậy? Đã tỉnh mộng, tất cả giấc mộng đều tỉnh. Nay chúng ta đang ở trong mộng, tôi ở nơi đây nói mở, quý vị ở nơi đây nghe trong mộng. Đợi đến khi tôi cũng chẳng nói mở, quý vị cũng không nghe trong mộng, mọi người đều thành tựu cả rồi. Chúc mọi người cát tường, sớm có ngày thành tựu.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Đại Sĩ thành tựu như thị bất khả tư nghị chư công đức pháp, thị chư thù thắng công đức phục tạng, thị chư giải thoát trần bảo xuất xứ, thị chư Bồ Tát minh tịnh nhân mục, thị thú Niết Bàn thương nhân đạo thủ, như thị nãi chí năng vô công dụng chuyển đại pháp luân, như tiền quảng thuyết.

(經)善男子! 如是大士成就如是不可思議諸功德法, 是諸殊勝功德伏藏, 是諸解脫珍寶出處, 是諸菩薩明淨眼目, 是趣涅槃商人導首, 如是乃至能無功用轉大法輪, 如前廣說。

(**Kinh:** *Này thiện nam tử! Vị Đại Sĩ như thế thành tựu các pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn như thế, là kho tàng các công đức thù thắng, là chỗ sanh ra các của báu giải thoát, là mắt sáng sạch của các Bồ Tát, là người hướng dẫn cho các thương nhân đạt đến Niết Bàn, cho đến có thể vô công dụng chuyển đại pháp luân như thế, như đã nói rộng trên đây).*

Đây là bốn mươi hai loại thân của Địa Tạng Bồ Tát như đã nói trên đây, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn thị hiện thân ấy để thuyết pháp. Ở đây, chỉ nêu ra những loại lớn, trong mỗi loại còn có vô lượng thân. Như là thị hiện làm các hữu tình trong địa ngục, địa ngục quá nhiều. Chúng ta niệm kinh Địa Tạng, [sẽ thấy] địa ngục nhiều dường ấy, Ngài có thể thị hiện các loại thân hình. Chỉ đành nói công đức của Địa Tạng Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn. Tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát để khiến cho tâm mọi người chúng ta hướng về, mong cầu Bồ Tát gia trì. Trong phần trước, tôi đã nói: Đây cũng là cầu tâm lực của chính quý vị gia trì. Nhưng ắt cần phải đối cảnh, tâm đối cảnh mới sanh. Đối với cảnh, tức Địa Tạng Bồ Tát, bèn duyên niệm Địa Tạng Bồ Tát, tâm quý vị bèn chuyển biến thành Địa Tạng Bồ Tát, hiệu quả sẽ như thế nào? Theo như tôi liễu giải, tâm thành bèn linh.

Mấy hôm nay, các đạo hữu ở Đài Loan gọi điện thoại cho tôi hai lượt, nói có hai người bệnh hết sức nguy ngập, bác sĩ cho là chẳng còn có may cách nào chữa trị được nữa. Cha của một vị cư sĩ đã vào bệnh viện, cần phải giải phẫu, nhưng bác sĩ chẳng dám mổ, nói là rất nguy hiểm. Vị cư sĩ ấy gọi điện thoại cho tôi, tôi bảo: “Chính ông hãy chí thành niệm, niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát là được rồi”. Khi ấy, chỉ có niệm thánh hiệu. Vì như trong kinh văn phần trước đã nói, chỉ cần xưng thánh hiệu, nhất tâm nhất ý, chí tâm xưng niệm thánh niệm, hiệu quả sẽ tốt đẹp. Còn có một vị cư sĩ khác có chị phải đưa vào bệnh viện Trường Canh ở Lâm Khẩu, bệnh tình cũng rất nguy ngập, bác sĩ chẳng dám giải phẫu, nhưng lại cần phải mổ. Cô ta ở Đài Bắc, vốn đã theo tôi bái sám rất nhiều lần, nhưng trong tình huống này, tôi yêu cầu cô ta ngưng lại, hồi hướng cho chị. Hai ngày gần đây, họ đều gọi điện thoại báo tin: “Hiệu quả rất tốt, sau khi mổ rất bình an”. Quý vị nói xem: Có hiệu nghiệm hay là không? Địa Tạng Bồ Tát có thật sự hiện thân hay không? Chẳng hiện! Rốt cuộc, họ phẫu thuật xong, bình an vô sự, bệnh được lành. Đây là sự thật. Trước kia, chúng tôi nói quá nhiều chủng loại, thậm chí ngũ cốc, hoa cỏ, cây cối. Đây trọn chẳng phải là Bồ Tát quán

quá nhiều chuyện, mà đều là do cái tâm của chúng ta khởi lên biến hóa. Trong khi thân nhân của chính quý vị phát sanh nguy nan, nếu người ấy là đệ tử tin Phật, hiệu quả sẽ càng tốt đẹp hơn. Nếu họ chẳng tin Phật, phải dựa vào sức gia trì khác, hiệu quả chẳng nhất định sẽ xác thực, chắc chắn. Nhưng nếu có cái tâm khẩn thiết, vẫn có thể thấu được hiệu quả. Vì thế, nói “*cầu sư phụ gia trì*”, vị sư phụ nào gia trì được?

Trong phần trên, chúng tôi đã nói: “*Cầu người chẳng bằng cầu mình*”. Quán Thế Âm Bồ Tát còn lạ Quán Thế Âm Bồ Tát, tức là ý nghĩa này. Có gia trì hay không? Đương nhiên là có. Khi quý vị thỉnh mấy vị sư phụ niệm kinh, hoặc là mời vị sư phụ quy y của chính quý vị trong khi bái sám hãy hồi hướng thì cũng được. Nhưng công đức ấy không nhất định là của sư phụ, mà đa số là từ thân nhân của chính mình, cũng như do sự quan tâm của chính mình. Nếu lòng đại bi của vị sư phụ ấy không trọn đủ, như tôi chẳng hạn, tôi không nhất định rất quan tâm người ấy, lại còn do người khác gọi điện thoại giới thiệu, trước nay tôi chưa từng gặp gỡ, tôi có quan tâm cũng chỉ có thể nghĩ tưởng tên họ của người ấy, duyên niệm Địa Tạng Bồ Tát từ bi, cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì, quán tưởng [như vậy], hoàn toàn chẳng bằng bản thân người ấy cầu. Nếu có thể chí tâm xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát, quy kính, cúng dường danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hết thấy phiền não, hết thấy bệnh khổ, tai nạn đều tiêu diệt. Nêu ra những điều này chỉ nhằm tăng thêm tín tâm cho mọi người mà thôi!

Công đức ấy do tu vô lượng kiếp mà có, đây là Địa Tạng Bồ Tát. “*Như thị Đại Sĩ*” (Vị Đại Sĩ như thế) là nói đức Địa Tạng Bồ Tát. Ngài thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn như thế, lợi ích hết thấy chúng sanh, phương tiện thiện xảo. Tất cả chúng ta đều được lợi ích là do công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài có công đức chẳng thể nghĩ bàn đến mức độ nào? Giống như kho báu, như kho tàng ẩn kín, chỉ cần quý vị khai quật là có. Dùng cách nào để khai quật? Khi xưng danh hiệu tức là khai quật. Chỉ cần quý vị chí thành khẩn thiết niệm “*Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát*”, cho đến dùng lòng chí tâm niệm đều được.

Nói “*dùng lòng chí tâm*” tức là khi niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, bèn niệm đến mức phân minh, rành rẽ, chẳng hôn trầm, chẳng tán loạn, tâm chính mình rõ ràng, sáng suốt, niệm từng chữ như thế. Trong khi quý vị niệm, sẽ tương thông Địa Tạng Bồ Tát, chuyện mong cầu sẽ nảy sanh hiệu quả. Quý vị phải cảm tạ ai? Phải cảm tạ Địa Tạng Bồ Tát. “*Thị chư thù thắng công đức phục tạng*” (Là kho tàng của các công đức thù thắng): Đây là nói hình dung, hình dung công đức thù thắng của

Ngài giống như kho báu. Kho báu ấy chứa đựng công đức lợi ích chúng sanh.

“*Thị chư giải thoát trần bảo xuất xứ*” (Là nơi sanh ra các cửa báu giải thoát): Bản thân của giải thoát chính là trần bảo. Điều này vô hình, vô tướng, phải như thế nào thì mới có thể giải thoát? Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, rốt ráo giải thoát. Trong khi chúng ta cầu, chẳng có năng cầu (chủ thể cầu nguyện) và sở cầu (điều mong cầu), đến lúc ấy sẽ giải thoát, giống như trần bảo vậy. “*Trần bảo*” là cách nói hình dung để hình dung sự giải thoát. Địa Tạng Bồ Tát là chỗ sanh ra của báu giải thoát. Nếu chúng ta mong cầu trần bảo, cầu Địa Tạng Bồ Tát, sẽ giống như lúc Địa Tạng Bồ Tát vừa mới đến hội này, tất cả hết thấy chúng sanh trong hội Đại Tập đều thấy trên hai tay hiện ra Ma Ni bảo châu. Ma Ni bảo châu xuất hiện vô lượng trần bảo. Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát là hết thấy các món trần bảo giải thoát.

“*Thị chư Bồ Tát thanh tịnh nhĩ mục*” (Là mắt thanh tịnh của các Bồ Tát) tức là pháp nhãn thanh tịnh. Chúng ta hãy xem xét vấn đề này: Mắt là thứ vẫn đục, chẳng phân biệt rõ ràng đúng, sai. Nếu nhận được bưu kiện gói tói, biết bưu kiện ấy là bom, quý vị sẽ tuyệt đối chẳng mở ra. Vì chẳng biết đấy là họa hay phước, [nên mới mở ra]. Khi chúng ta thấy hảo sự, trong tâm vui sướng khôn cùng. Thật ra, đấy là họa căn. Như ở Đài Loan rất chú trọng sanh con, nghĩ đó là hạnh phúc. Nó trưởng thành, làm cho quý vị mắc họa, khuynh gia bại sản, đó là họa căn! Quý vị làm sao biết nổi? Căn bản là chẳng biết! Vì chẳng có con mắt thanh tịnh, đó là nói theo phương diện thế gian.

Nói theo Phật pháp, pháp nào khiến cho quý vị có thể khai ngộ, có thể giải thoát, có thể thành tựu? Ta chẳng có loại pháp nhãn ấy, chẳng biết đời trước chúng ta tu gì. Do vậy, bèn mò mẫm. Vị sư phụ này giảng kinh, quý vị cũng nghe. Vị sư phụ kia bảo quý vị niệm Phật, quý vị cũng niệm. Vị sư phụ khác bảo niệm Địa Tạng Bồ Tát, quý vị cũng hành trì. Bảo niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, quý vị cũng niệm theo. Vị Bồ Tát nào mới thích ứng căn cơ của quý vị? Cứ phải thử, vì quý vị chẳng có sự sáng suốt ấy.

“*Minh*” là có trí huệ, “*tịnh*” có nghĩa thanh tịnh. Đây là pháp nhãn, mà cũng là pháp nhãn thanh tịnh. Pháp nhãn thanh tịnh thì đối với hết thấy các pháp, quý vị có thể thấy bản thể của các pháp. Điều này cũng rất sâu, hết thấy các pháp vốn bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh. Phải đạt tới loại cảnh giới này thì mới là rốt ráo; đây là thanh tịnh nhĩ mục. Vậy thì Địa Tạng Bồ Tát chính là hết thấy các vị Bồ Tát. Quý vị

muốn liễu sanh tử, muốn cầu Phật pháp, muốn cầu khai ngộ, muốn chứng đắc giải thoát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ giúp đỡ, gia trì quý vị, khiến cho quý vị sáng mắt, sáng lòng.

“*Thị thú Niết Bàn thương nhân đạo thủ*” (Là người hướng dẫn thương nhân đến Niết Bàn): Niết Bàn có nghĩa là “*bất sanh, bất diệt*”. Nay mọi người đều mong hướng đến Niết Bàn. Hướng đến Niết Bàn là liễu sanh tử. Liễu sanh tử, sẽ chứng đắc rốt ráo giải thoát, giống như thương nhân muốn vào biển sâu nhất của báu, phải có người chỉ dẫn, giúp đỡ. Muốn tiến hướng Niết Bàn, cũng ắt phải có đạo sư (導師, người dẫn đường, người hướng đạo). Tìm ai đây? Tìm Địa Tạng Bồ Tát! Địa Tạng Bồ Tát là người hướng dẫn quý vị tiến đến Niết Bàn, giống như thương nhân vào biển sâu thập của báu [có người kinh nghiệm hướng dẫn].

“*Như thị nãi chí năng vô công dụng chuyển đại pháp luân, như tiền quảng thuyết*” (Như thế cho đến có thể vô công dụng mà chuyển đại pháp luân, như trong phần trước đã nói cặn kẽ): Vì sao ta ở nơi giải thoát trần bảo này, mong đạt được Không, Vô Tướng, Vô Nguyện? Vì khi Địa Tạng Bồ Tát làm những chuyện ấy, Ngài chẳng nhờ vào công dụng, chẳng cậy vào tu vi¹⁴, mà có thể khiến cho những điều chúng ta mong cầu đều đạt được. Chúng ta cầu Địa Tạng Bồ Tát, niệm kinh Địa Tạng, cho đến xưng thánh hiệu, đạt được những điều chúng ta mong cầu, chuyển hóa hoàn cảnh. Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng phóng quang, mà cũng chẳng hiện thân. Có người nói sẽ phóng quang, sẽ hiện thân, sẽ thấy thụy tướng, nhưng đều chẳng có, chỉ cần đạt được mục đích mong cầu là được rồi. Đó gọi là “*vô công dụng*”. Khi chúng ta tu hành, có thể chẳng cậy vào công dụng mà tự nhiên thành tựu, chuyện ấy rất khó! Địa Tạng Bồ Tát chuyên đại pháp luân, chẳng cần phải tác ý. Trong một niệm, nơi vô lượng thế giới, Ngài thị hiện vô lượng thân hình, độ vô lượng chúng sanh, trong cùng một thời gian mà nhanh chóng hiện ra. Đây là “*vô công dụng*”. Do trong phần trước đã nói rất nhiều, nên bảo là “*như tiền quảng thuyết*”.

¹⁴ Hiểu theo thuật ngữ thông thường, nhất là trong võ thuật, “tu vi” (修爲) là quá trình tu luyện đạt được những thành tựu nhất định, có bản lãnh nhất định. Hoặc có thể hiểu đơn giản là thực lực của một người trải qua quá trình luyện tập, bồi dưỡng. Còn trong Phật giáo, tu vi chính là những cảnh giới chứng đắc do tu tập.

(Kinh) Thiện nam tử! Giả sử hữu nhân u kỳ Di Lạc, cập Diêu Cát Tường, tịnh Quán Tự Tại, Phổ Hiền chi loại, nhi vi thượng thủ, Căng Già sa đảnh chư đại Bồ Tát Ma Ha Tát sở, u bách kiếp trung, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường, cầu chư sở nguyện, bất như hữu nhân u nhất thực khoảnh, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, cầu chư sở nguyện, tốc đắc mãn túc.

(經)善男子！假使有人於其彌勒，及妙吉祥，並觀自在，普賢之類，而為上首，殞伽沙等諸大菩薩摩訶薩所，於百劫中，至心歸依，稱名、念誦、禮拜、供養，求諸所願，不如有人於一食頃，至心歸依，稱名、念誦、禮拜、供養地藏菩薩，求諸所願，速得滿足。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Giả sử có người ở chỗ các vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát như Di Lạc, và Diêu Cát Tường, cùng với Quán Tự Tại, Phổ Hiền là các bậc thượng thủ, nhiều như cát sông Hằng, trong một trăm kiếp, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường, mong cầu các nguyện, thì chẳng bằng có kẻ trong khoảng một bữa ăn, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, các điều nguyện cầu sẽ được nhanh chóng thỏa nguyện).

“Thiện nam tử” là danh xưng đức Phật dùng để gọi Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích. Đức Phật bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích: Giả sử có một nam tử phát khởi thiện tâm, khi mong cầu giải thoát, đã cầu Di Lạc Bồ Tát, hoặc Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Diêu Cát Tường là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát), hoặc là cầu Quán Tự Tại Bồ Tát, hoặc cầu Phổ Hiền Bồ Tát. Không chỉ là cầu một, hai vị, mà là cầu các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều như cát sông Hằng, cầu các vị Bồ Tát nhiều ngàn ấy trong thời gian bao lâu? Cầu suốt một trăm kiếp.

Nếu quý vị chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, cúng dường các vị Bồ Tát ấy như thế, chẳng bằng “u nhất thực khoảnh”, “nhất thực khoảnh” là thời gian ăn một bữa cơm, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Những điều người ấy cầu nguyện sẽ có thể nhanh chóng được thỏa nguyện, chẳng cần thời gian dài cả trăm kiếp như thế! Đức Phật vẫn sợ Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích

hoài nghi, bèn giải thích thêm lần nữa. Vì sao ta nói như vậy? Đây là so lường công đức, tức là so sánh giữa Địa Tạng Bồ Tát với Di Lạc Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, hoặc là Phổ Hiền Bồ Tát. Nếu nói so sánh, thì cầu Địa Tạng Bồ Tát sẽ được mãn nguyện nhanh hơn, do nguyện nhân nào?

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Địa Tạng Bồ Tát lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình, linh chú hữu tình sở nguyện mãn túc, như Như Ý bảo, diệt như phục tạng. Như thị Đại Sĩ, vị dục thành thực chú hữu tình cố, cứu tu kiên cố đại nguyện, đại bi, dũng mãnh, tinh tấn quá chư Bồ Tát. Thị cố, nhữ đẳng ưng đương cúng dường.

(經)所以者何? 地藏菩薩利益安樂一切有情, 令諸有情所願滿足, 如如意寶, 亦如伏藏。如是大士, 為欲成熟諸有情故, 久修堅固大願大悲, 勇猛精進過諸菩薩, 是故, 汝等應當供養」。

(Kinh: Vì có sao vậy? Địa Tạng Bồ Tát lợi ích an lạc hết thảy hữu tình, khiến cho các nguyện cầu của hữu tình được thỏa mãn, như báu Như Ý, cũng như kho tàng. Vị Đại Sĩ như thế vì muốn thành thực các hữu tình, cho nên tu đại nguyện, đại bi kiên cố đã lâu, dũng mãnh, tinh tấn vượt hẳn các vị Bồ Tát khác. Do vậy, các ông hãy nên cúng dường).

“Sở dĩ giả hà?” (Vì có sao vậy) mang ý nghĩa gạn hỏi: Vì Địa Tạng Bồ Tát lợi ích yên vui hết thảy hữu tình, khiến cho các điều mong cầu của hữu tình được thỏa mãn giống như Như Ý Bảo Châu, như “*phục tạng*” (伏藏, kho tàng) đã nói trong phần trước? Ngài tàng trữ vô lượng tâm nguyện. Vị Đại Sĩ Địa Tạng Bồ Tát này “*vị dục thành thực nhất thiết hữu tình, cứu tu kiên cố đại nguyện đại bi, dũng mãnh, tinh tấn*” (vì muốn thành thực hết thảy hữu tình, tu đại nguyện, đại bi kiên cố đã lâu, dũng mãnh, tinh tấn), Ngài tu đại bi, dũng mãnh tinh tấn. “*Quá chư Bồ Tát*” nghĩa là vượt xa các vị Bồ Tát đã nói trong phần trước như Di Lạc, Diệu Cát Tường, Phổ Hiền.

“*Thị cố, nhữ đẳng ưng đương cúng dường*” (Do vậy, các ông hãy nên cúng dường), chúng tôi giải thích câu này nhiều hơn. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, cho đến Quán Thế Âm Bồ Tát, đây là bốn vị đại Bồ Tát chúng ta quen thuộc nhất. Pháp chúng ta học, nói theo cõi này, tức là thế giới Sa Bà, chẳng phải là của Di Lạc Bồ

Tát, thì cũng là của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, hay Phổ Hiền Bồ Tát. Vì sao đức Phật dùng bốn vị đại Bồ Tát này để so sánh? Vì nay đang nói kinh Thập Luân, chẳng phải là nói kinh Đại Bát Nhã. Nếu giảng kinh Đại Bát Nhã, chỉ có Diệu Cát Tường Bồ Tát, tức là chỉ hiển thị Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Nếu giảng kinh Di Lặc Thượng Sanh, sẽ chỉ có Di Lặc Bồ Tát. Nay chúng ta đang nói kinh Thập Luân, cho nên khi giảng một bộ kinh nào, muốn đề cao một vị Bồ Tát nào, đức Phật sẽ dùng các vị Bồ Tát khác để so sánh, đó là Hiền, hồng làm cho quý vị sanh khởi tâm thù thắng, vì tâm chúng sanh phân biệt đặc biệt nặng nề. Vị nào công đức to lớn, người ta sẽ tìm vị đó, họ nghĩ như thế đó.

Thật ra, cầu người chẳng bằng cầu mình, quý vị phải nên hiểu đạo lý này. Địa Tạng Bồ Tát so với Quán Thế Âm Bồ Tát và Văn Thù Bồ Tát, vị nào công đức to hơn? Văn Thù Bồ Tát đã thành Phật trong quá khứ, nay [thị hiện] vẫn chưa thành Phật, thị hiện làm thân Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát trong quá khứ cũng đã thành Phật, các Ngài đều là Cổ Phật. Nhưng trong tâm phàm phu, chúng ta sẽ đẩy lên cái tâm phân biệt.

Khi giảng bộ kinh này, đức Phật đặc biệt đề cao Địa Tạng Bồ Tát, nói Ngài nguyện lực kiên cố, tâm đại bi mạnh mẽ. Quán Thế Âm Bồ Tát là Đại Bi Quán Thế Âm, tâm đại bi y hệt. Do chúng ta hiện thời đang học kinh Thập Luân, cho nên đức Phật đặc biệt đề cao công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Chúng sanh được Địa Tạng Bồ Tát hóa độ, chón Ngài đến, nơi chúng sanh được độ là trong tam ác đạo, điều này rất thù thắng, chẳng lẽ Quán Thế Âm Bồ Tát không phải là như vậy hay sao? Ngạ quỷ Diệm Nhiên Đại Sĩ trong lễ cúng Diệm Khẩu chẳng phải do Quán Thế Âm Bồ Tát hóa hiện đó sao? Phật Phật đạo đồng, trọn chẳng phải là A Di Đà Phật cao hơn Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng chẳng phải là Phật Dược Sư cao hơn Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu chẳng có Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta cũng chẳng biết Phật Dược Sư là gì, A Di Đà Phật là gì? Có người niệm A Di Đà Phật, quên tuốt Thích Ca Mâu Ni Phật. Có người chỉ biết A Di Đà Phật, ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng hiểu rành cho mấy! Phật chẳng có chướng ngại đó ky, chẳng giống như phàm phu. Chúng ta sẽ nói: “Tôi giới thiệu cho quý vị, vậy mà quý vị quên tuốt tôi. Quý vị chỉ niệm vị ấy, chẳng thêm niệm tôi!” Đó chẳng gọi là Phật!

Ý của tôi là trong khi đọc tụng bộ kinh này, hãy chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát

thệ nguyện kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn, vượt xa Di Lặc, Diệu Cát Tường, Quán Tự Tại, Phổ Hiền. Đức Phật cũng nói lời thành thật, trọn chẳng nói dối, nhưng trong bộ kinh này, Ngài đặc biệt nêu bày Địa Tạng Bồ Tát. Nếu nói theo kinh Địa Tạng, ngay cả Văn Thù Bồ Tát, Hu Không Tạng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng đều tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Nếu niệm phẩm Phổ Môn, [quý vị sẽ thấy kinh văn dạy] cúng dường sáu mươi hai ức Hằng Hà sa Bồ Tát nhiều ngàn ấy, chẳng bằng cúng dường Quán Thế Âm trong khoảng một bữa ăn, ý nghĩa như nhau!

Sở dĩ tôi nói như vậy vì có đạo hữu đang hiện diện ở đây tụng phẩm Phổ Môn, cũng có vị niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Nếu như nói: “Chỉ cần niệm kinh Thập Luân là được rồi, vì công đức của Địa Tạng Bồ Tát to tát dường ấy, đều vượt hơn các vị kia”. Sai lầm mất rồi! Bồ Tát đều như nhau, công đức đều như nhau. Đối với vị Bồ Tát này, chúng ta học theo đôi chút, sẽ có thể thọ dụng thành tựu.

(Kinh) Nhĩ thời, thập phương chư lai đại chúng, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư Thanh Văn, thiên, nhân, Dược Xoa, Kiện Đạt Phược đẳng, giai từng tòa khởi, tùy lực sở tác, các trì chủng chủng kim, ngân đẳng tiết, chúng bảo hoa, hương, phụng tán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Phục trì chủng chủng thượng diệu y phục, mạt-ni bảo châu, chân châu hoa man, chân châu anh lạc, kim ngân bảo lũ, tràng, phan, cái đẳng, phụng thượng Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Phục dĩ vô lượng thượng diệu âm nhạc, chủng chủng tán tụng, cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát.

(經)爾時，十方諸來大眾，一切菩薩摩訶薩，及諸聲聞、天人、藥叉、健達縛等，皆從座起，隨力所作，各持種種金銀等屑，眾寶華香，奉散地藏菩薩摩訶薩。復持種種上妙衣服、末尼寶珠、真珠華鬘、真珠瓔珞、金銀寶縷、幢幡蓋等，奉上地藏菩薩摩訶薩。復以無量上妙音樂，種種讚頌，恭敬供養地藏菩薩。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đại chúng từ mười phương đến, hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát và các vị Thanh Văn, trời, người, Dược Xoa, Kiện Đạt

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Phước v.v... đều từ chỗ ngồi đứng dậy, tùy theo sức mình, ai nấy cầm các loại mảnh vàng, bạc v.v... các hoa, hương báu, dâng rải lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Lại cầm các thứ y phục tốt đẹp nhất, bảo châu Mạt-ni, tràng hoa chân châu, chuỗi anh lạc chân châu, các sợi dây báu bằng vàng, bạc, tràng, phan, lọng v.v... dâng lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Lại dùng vô lượng âm nhạc thượng diệu, các thứ tán tụng để cúng kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát).

“*Nhĩ thời thập phương chư lai đại chúng*” (Lúc bấy giờ, các đại chúng từ mười phương đến): Hội Đại Tập này chẳng thể tính đếm số lượng, các vị Bồ Tát cũng là chẳng thể tính số lượng, chẳng thể dùng con số để biết trong ấy có bao nhiêu vị Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Hội thuyết pháp của đức Phật đều là như thế. Các đại chúng từ mười phương đến dự hội, tức là hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng như Thanh Văn, chư thiên, Dược Xoa, tám bộ quỷ thần, nghe đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy. “*Tùy lực sở tác*” là trọn hết sức mình, sức có bao nhiêu, bèn cúng dường bấy nhiêu. Cúng dường những gì? Chính là “*kim, ngân đẳng tiết, chúng bảo hoa, hương, phụng tán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát*” (các mảnh vàng, bạc v.v... các hương, hoa báu, dâng rải lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát), tận hết sức mình cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Trong mỗi pháp hội, Bồ Tát cho đến chư Phật sẽ đều cúng dường. Ở trong hội, vào lúc ấy, chư Phật đến từ phương khác đều cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, và cũng cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, từ chỗ ngồi đứng lên, nghe đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, liền tùy theo sức kham nổi, chẳng quay về [cõi mình] để sửa chữa, mà cũng là trên mình có đem theo gì [bèn dâng ra]. “*Tùy lực sở tác*” cúng dường là như thế đó, mọi người đều dùng những thứ như vàng, bạc, châu báu chẳng hạn để dâng hiến Địa Tạng Bồ Tát.

Còn có người “*trì chủng chủng thượng diệu y phục*” (cầm các thứ y phục tốt đẹp). Thượng diệu y phục thì như trong kinh Địa Tạng và trong hết thấy các kinh luận đều nói như vậy. Khi sắp mặc quần áo mới, hãy cúng dường Địa Tạng Bồ Tát trước. Khi sắp ăn món ngon, đều nên cúng dường Địa Tạng Bồ Tát trước. Cho đến cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, đều là như thế. Ngay cả món đồ chơi mới mua về, cũng cúng dường Bồ Tát trước. Phàm những thứ quý vị cho là đồ tốt, muốn sử dụng, đều cúng dường Bồ Tát trước đã. Nếu dưỡng thành thói quen ấy, công đức của quý vị sẽ là chẳng thể nghĩ bàn.

Tiếp đó, còn có mặt-ni (ma-ni) bảo châu, tràng hoa chân châu, chuỗi anh lạc bằng chân châu, dây báu vàng, bạc, tràng, phan, lọng báu, dâng lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Còn có vô lượng âm nhạc và nhạc cụ thượng diệu, hoặc xướng những bài ca, hoặc xướng những bài tán tụng, cho đến các thứ tán tụng để cúng kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Nhưng sau khi Địa Tạng Bồ Tát tiếp nhận những thứ cúng dường ấy, Ngài sẽ làm như thế nào? Trong phẩm Phổ Môn, Vô Tận Ý Bồ Tát cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng nhận.

Vô Tận Ý Bồ Tát lại thỉnh, sau đây, còn phải nhờ đức Phật nhắc nhở Quán Thế Âm Bồ Tát thương xót Vô Tận Ý Bồ Tát và đại chúng tham dự pháp hội, Quán Thế Âm Bồ Tát mới tiếp nhận. Nhận xong, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đem vật được cúng dường chia thành hai phần, một phần dâng lên tháp Đa Bảo, một phần cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong hội này, chỉ có đức Phật hiện diện, cho nên Địa Tạng Bồ Tát đem tất cả những vật cúng, tức là tất cả các vật dụng của mọi người, đều dâng lên đức Thế Tôn. Không chỉ là cúng dường, mà còn nói kệ tán tụng.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, trì thủ chủng chủng thượng diệu cúng cụ, hồi phụng Thế Tôn, nhi thuyết tụng viết: “Thiên, nhân, long, thần sở cúng dường, thập phương Bồ Tát giai lai phụng. Văn Cứu Thế hữu đại công đức, duy nguyện thọ ngã tối thắng cúng”.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩，持此種種上妙供具，回奉世尊，而說頌曰：「天人龍神所供養，十方菩薩皆來奉。聞救世有大功德，唯願受我最勝供」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lại cầm thứ cúng dường thượng diệu dâng lên đức Thế Tôn, bèn nói kệ tụng rằng: “Trời, người, rồng, thần đã cúng dường, mười phương Bồ Tát đến dâng hiến, nghe đấng Cứu Thế công đức lớn, kính xin nhận đồ cúng tối thắng”).

Những vật cúng con cầm trên tay là do trời, người, rồng, thần, mười phương Bồ Tát dâng hiến cho con, con lại kính dâng lên đức Thế Tôn. Ai nấy đều biết đức Thế Tôn là đấng cứu thế công đức to lớn, kính mong tiếp nhận vật cúng tối thắng của con. Họ cúng dường con, cho nên con lại đem cúng dường đức Thế Tôn.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thuyết thị tụng dĩ, đánh lễ Phật túc. Ư thị, Thế Tôn phục thuyết tụng viết:

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩說是頌已，頂禮佛足。於是世尊復說頌曰。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói bài tụng ấy xong, đánh lễ dưới chân đức Phật. Ngay khi đó, đức Thế Tôn lại nói kệ tụng rằng).

Sau khi Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói bài kệ tụng ấy rồi, đánh lễ dưới chân đức Phật, trở về chỗ ngồi. Khi đó, đức Phật lại nói kệ tụng để xưng dương Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) “Khởi kiên cố huệ thanh tịnh tâm, diệt chư hữu tình vô lượng khổ. Thí chúng diệu lạc như bảo thủ, năng đoạn Hoặc vông như kim cang, khởi đại bi huệ cụ tinh tấn, thiện trì diệu cúng phụng Thế Tôn. Dĩ hải trí cứu khổ chúng sanh, đăng chư thú hữu vô úy nạn”.

(經)「起堅固慧清淨心，滅諸有情無量苦。施眾妙樂如寶手，能斷惑網如金剛，起大悲慧具精進，善持妙供奉世尊。以海智救苦眾生，登諸趣有無畏岸」。

(Kinh: “Dấy tâm thanh tịnh, huệ kiên cố, diệt vô lượng khổ cho hữu tình. Như tay báu thí các diệu lạc, như kim cang cắt đứt lưới Hoặc, dấy đại bi huệ, trọn tinh tấn, khéo dùng diệu cúng hiến Thế Tôn, dùng biển trí cứu chúng sanh khổ, độ các đường lên bờ vô úy”).

Đức Phật nói: “Cúng dường rất khéo. Ông có trí huệ kiên định chẳng đổi dời, chúng đắc các pháp tánh”. Chẳng phải là chúng ta nói đến cảnh giới Nhất Thật ư? Cái tâm trong cảnh giới Nhất Thật chính là chân tâm, mà cũng là diệu minh chân tâm. Đồng thời, ông có thể diệt vô lượng khổ nạn của hết thấy hữu tình, bỏ thí những thứ âm nhạc tội bậc vi diệu. “Bảo thủ” (Tay báu) là tay màu nhiệm khải các âm nhạc, mà cũng có thể đoạn trừ hết thấy nghi hoặc của chúng sanh giống như kim cang. Kim cang trí có thể đoạn hết thấy lưới phiền não. “Khởi đại bi huệ cụ

ting tán” (Dấy trí huệ đại bi có tinh tấn), [ý nói] có tâm đại bi trí huệ độ chúng sanh. Lại còn độ suốt một thời gian dài đường ấy, tinh tấn chẳng lười nhác.

“*Thiện trì diệu cúng phụng Thế Tôn*” (Khéo cầm đồ cúng màu nhiệm dâng lên đức Thế Tôn): Những thứ cúng dường của ông rất vi diệu. Khi vị đại Bồ Tát này chuyển dâng cúng dường đức Phật, tất cả những phẩm vật cúng dường trải qua sự biến hóa, hợp tất cả bảo vật thành một lọng báu, hoặc một tràng phan, chẳng phải là vật chất ban đầu. Như mọi người cúng dường Phật, chúng ta chỉ thấy là táo, trái cây, hoặc là lê, hoặc là hương, hoa, nhưng qua sự chuyển hóa cúng dường, những thứ hoa, hương bèn trọn khắp mười phương thế giới. Nếu quý vị cúng dường, đã đọc lời đại nguyện thứ ba trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, tức “*quảng tu cúng dường*” thì khi quý vị đặt tràng hoa trong giỏ hoa để cúng dường đức Phật, nếu quý vị biết cúng dường như thế nào, nhất định sẽ tu quán tưởng. Các vị đạo hữu hãy nên tu như thế. Nếu chưa hề tu, tôi sẽ nhắc lại đôi chút.

Quý vị phải quán tưởng tràng hoa ấy, đừng nghĩ nó chỉ lớn chừng đó. Hãy dùng tâm lực của quý vị, khiến cho trọn hư không, khắp pháp giới đều biến thành tràng hoa ấy. Tràng hoa ấy thoát nhìn dường như chỉ cúng dường trong thế giới Sa Bà này, hoặc cúng tại Ôn Ca Hoa (Vancouver), nhưng nó đã trọn khắp thế giới Sa Bà, sẽ đến tận thế giới Cực Lạc cúng dường Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, cũng đến thế giới của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ở phương Đông. Nếu chúng ta chẳng biết nhiều lắm, chỉ biết Tây Phương A Di Đà Phật, mọi người rất quen thuộc nơi ấy, hoặc là Đông Phương Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, vì chúng ta thường niệm kinh Dược Sư, hoặc là chư Phật trong thượng phương hay thập phương, thậm chí lay Chiêm Sát Sám, trong ấy có danh hiệu của năm mươi ba vị Phật rất thân thuộc! Hãy tưởng tượng tràng hoa trọn khắp từng cõi Phật, từng vị Phật, Bồ Tát đều có. Đây là “*ý cúng*”. Như thế thì tràng hoa không chỉ là trạng thái như trước mắt, mà hết thảy sẽ đều sanh khởi biến hóa. Ai khởi lên biến hóa? Do sức gia trì của hành giả, tức người tu hành. Cũng là do tứ chúng đệ tử, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di khi cúng dường, nhờ vào tâm lực của họ để cúng dường. Đó gọi là “*diệu cúng*”. Cách cúng dường ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Đồng thời, trí huệ của quý vị sâu như biển, to như biển, vĩnh viễn cứu độ chúng sanh đang chịu khổ, vô cùng, vô tận. Nước biển vĩnh viễn chẳng khô cạn, ngàn vạn sông rạch đổ vào biển, nước biển cũng chẳng

tăng thêm. Trí huệ của chư Phật, Bồ Tát sâu như biển, rộng như biển, có thể dung nạp hết thảy, khiến cho hết thảy chúng sanh, tức là chúng sanh trong hết thảy các đường, đều có thể đạt tới bờ kia, đều có thể thành Phật. Chúng ta thì ngay cả nói kệ tán thán cũng chẳng nổi. Khi chư Phật, Bồ Tát tán thán, các Ngài sử dụng ngôn ngữ và văn tự rất vi diệu, biến hóa hết sức to lớn. Chúng ta biết: “Đạt đến bờ kia” chính là thành Phật, nhưng Ngài không nói là “bờ kia”, mà nói là “bờ vô úy”, hoặc là “bờ trí huệ, bờ Bát Nhã”. Đây là sự hay khéo trong văn tự.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, tức tùng tòa khởi, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đương tế độ thử tứ châu chử, Thế Tôn đệ tử nhất thiết bát-sô, bát-sô-ni, ồ-ba-sách-ca, ồ-ba-tur-ca, linh kỳ giai đắc tăng trưởng ức niệm, tăng trưởng thủ hộ ức niệm, tăng trưởng thọ mạng, tăng trưởng thân thể, tăng trưởng vô bệnh, tăng trưởng sắc lực, tăng trưởng danh văn, tăng trưởng tư cụ, tăng trưởng thân hữu, tăng trưởng đệ tử, tăng trưởng tịnh giới, tăng trưởng đa văn, tăng trưởng huệ xả, tăng trưởng diệu định, tăng trưởng an nhẫn, tăng trưởng phương tiện, tăng trưởng giác phân thánh để quang minh, tăng trưởng thú nhập Đại Thừa chánh đạo, tăng trưởng pháp minh, tăng trưởng thành thực hữu tình, tăng trưởng đại từ đại bi, tăng trưởng nhất thiết bạch pháp, tăng trưởng diệu xưng biến mãn tam giới, tăng trưởng pháp vũ phổ nhuận tam giới, tăng trưởng nhất thiết đại địa tinh khí tư vị, tăng trưởng nhất thiết chúng sanh tinh khí thiện tác sự nghiệp, tăng trưởng chánh pháp tinh khí thiện hạnh, tăng trưởng trí huệ quang minh, tăng trưởng lục đáo bỉ ngạn diệu hạnh, tăng trưởng ngũ nhân, tăng trưởng quán đánh, tăng trưởng sanh thiên, Niết Bàn.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩即從座起，而白佛言：

「大德世尊！我當濟度此四洲渚，世尊弟子一切苾芻、苾芻尼、鄔波索迦、鄔波斯迦，令其皆得增長憶念，增長守護憶念，增長壽命，增長身體，增長無病，增長色力，增長名聞，增長資具，增長親友，增長弟子，增長淨戒，增長多聞，增長慧舍，增長妙定，增長安忍，增長方便，增

長覺分聖諦光明，增長趣入大乘正道，增長法明，增長成熟有情，增長大慈大悲，增長一切白法，增長妙稱徧滿三界，增長法雨普潤三界，增長一切大地精氣滋味，增長一切眾生精氣善作事業，增長正法精氣善行，增長智慧光明，增長六到彼岸妙行，增長五眼，增長灌頂，增長生天，涅槃。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Con sẽ độ các đệ tử của đức Thế Tôn trong bốn đại châu này, hết thầy tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, khiến cho họ đều được tăng trưởng nghĩ nhớ, tăng trưởng gìn giữ nghĩ nhớ, tăng trưởng thọ mạng, tăng trưởng thân thể, tăng trưởng không bệnh tật, tăng trưởng sức lực, tăng trưởng tiếng tăm, tăng trưởng những vật cần dùng, tăng trưởng thân hữu, tăng trưởng đệ tử, tăng trưởng tịnh giới, tăng trưởng đa văn, tăng trưởng huê xả, tăng trưởng điều định, tăng trưởng an nhẫn, tăng trưởng phương tiện, tăng trưởng giác phần thánh để quang minh, tăng trưởng tiến nhập thánh đạo Đại Thừa, tăng trưởng pháp minh, tăng trưởng thành thực hữu tình, tăng trưởng đại từ đại bi, tăng trưởng hết thầy bạch pháp, tăng trưởng sự xưng tán màu nhiệm trọn khắp ba cõi, tăng trưởng mưa pháp nhuần thấm trọn khắp ba cõi, tăng trưởng tinh khí mùi vị của hết thầy đại địa, tăng trưởng tinh khí sự nghiệp khéo làm của hết thầy chúng sanh, tăng trưởng tinh khí thiện hạnh của chánh pháp, tăng trưởng quang minh trí huệ, tăng trưởng điều hạnh Lục Ba La Mật, tăng trưởng ngũ nhãn, tăng trưởng quán đánh, tăng trưởng sanh thiên Niết Bàn”).

“Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, tức tùng tòa khởi nhi bạch Phật ngôn” (Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch cùng đức Phật rằng): Sau khi cúng dường đức Phật, Địa Tạng Bồ Tát trở về chỗ ngồi, đức Phật lại khen ngợi: “Ông cúng dường rất hay!” Lại nói kệ tụng, Địa Tạng Bồ Tát lại từ chỗ ngồi đứng lên, đánh lễ đức Phật, hướng về đức Phật, thưa: “Đại đức Thế Tôn”. Gọi đức Phật là “đại đức”. “Đại” có nghĩa là vô lượng. Phàm trong hết thầy các kinh luận, hễ đức Phật nói đến Đại, tức là nói tới cái Thế của chúng

ta, là cảnh giới Nhất Thật, hoặc nói “*diệu minh chân tâm*”, hoặc nói “*Như Lai tạng tánh*” đều được. Tuy danh xưng khác nhau, đều là giả danh. Nhưng trên thực tế, chỉ là một chữ Đại. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh đều là Đại. Chữ Đại này có ý nghĩa là “*đương thể*” (bản thể của chính nó).

Xưng tán công đức của Phật là “*đại đức*” có ý nghĩa như vậy đó. Thế Tôn! Con phải nên tuân chiếu lời đức Phật chỉ dạy. Đối với thế giới này, tức là như chúng ta thường nói “*tứ đại bộ châu*”, [còn ngài Huyền Trang dịch thành] “*thứ tứ châu chử*”. “*Thế Tôn đệ tử*” (đệ tử của đức Thế Tôn) tức là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật (“*tứ chúng*” bao gồm bát-sô, bát-sô-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tư-ca, đây là hai chúng xuất gia và hai chúng tại gia. Xuất gia là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, tại gia là nam cư sĩ và nữ cư sĩ, cũng là Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ), con đều làm cho họ tăng trưởng ỨC NIỆM.

“*Tăng trưởng ỨC NIỆM*” nghĩa là tăng trưởng trí huệ. Chẳng phải là chúng ta không có trí nhớ hay sao? Trong phẩm mười hai của kinh Địa Tạng đã nói: Đọc kinh mà không có trí nhớ, đọc xong quên bẵng, dạy một lượt chẳng thể nhớ được, dạy mấy lần cũng chẳng nhớ. Đây là chẳng có trí nhớ, đã học rồi mà chẳng nhớ được. Địa Tạng Bồ Tát nói: “Con có thể giúp đỡ họ, khiến cho họ tăng trưởng ỨC NIỆM”. Tăng trưởng ỨC NIỆM ở đây đương nhiên là nói đến niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Do vậy, “họ đã có tín tâm, đã học Phật pháp, con sẽ tăng trưởng cho họ”. Đó gọi là “*tâm tăng thượng*”, ẮT CẦN PHẢI NIỆM NIỆM TĂNG TRƯỞNG, NIỆM NIỆM TĂNG THƯỢNG. Càng tăng trưởng, trí huệ càng lớn, phước đức càng nặng, có hàm nghĩa như thế đó.

“*Tăng trưởng thủ hộ ỨC NIỆM*”, phải gìn giữ sự ỨC NIỆM, vì sao? Khi ngủ ngê phải niệm “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, hoặc sáng sớm, vừa mở mắt ra, niệm “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, thủ hộ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, ngàn vạn lần đừng để mất. Đây chính là ý nghĩa “*thủ hộ*”, giống như chúng ta bảo vệ tài sản.

“*Tăng trưởng thọ mạng*”: Trước là từ cạn vào sâu. Đây là thuận theo mong muốn của chúng sanh. Chẳng có ai mong đoán mạng, trừ phi họ quá ưu sầu khổ não, chẳng muốn sống nữa. Vẫn có kẻ tự sát, vì sao? Vì rất khổ, chẳng thể cam chịu sống nổi nữa, chẳng có hứng thú để sống tiếp. Vì thế nói “*tăng trưởng thọ mạng*” là ước nguyện của mọi người. Địa Tạng Bồ Tát liền hướng về đức Phật phát nguyện, cứu giúp các đệ tử được Ngài giáo hóa trong bốn đại bộ châu, nói “*bốn châu*” là chuyên chỉ Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu La Châu (Bắc Câu Lô Châu), Đông

Thắng Thần Châu, và Tây Nguu Hạ Châu (Tây Nguu Hóa Châu), nói đến bốn đại bộ châu ấy.

“*Tăng trưởng thân thể*”: Chuyện này có một cách giải thích, hoặc là mong thân thể khỏe mạnh, hoặc thân thể vốn rất xấu xí, thô kệch, mong biến thành xinh đẹp hơn một tí, đẹp trai hơn một tí. Hoặc là quý vị cảm thấy quá bé nhỏ, mong to lớn hơn đôi chút. Do vậy, “*tăng trưởng thân thể*” có rất nhiều chủng loại, đây cũng là điều quý vị mong cầu. Quý vị vốn chẳng có bệnh, nếu tăng trưởng thân thể, sẽ vĩnh viễn chẳng bị bệnh. Đây là “*tăng trưởng vô bệnh*”. “*Tăng trưởng sắc lực*” là tăng trưởng thể lực của quý vị.

“*Tăng trưởng danh văn*” là điều chúng ta mong mỏi, ai nấy đều hy vọng sẽ có danh tiếng tốt đẹp. “*Tăng trưởng tư cụ*”: “*Tư cụ*” (資具) là những vật dụng cần thiết trong đời sống, giúp cho quý vị sống sót, bao gồm nhà ở, xe hơi, những vật dùng cần thiết v.v... đều có thể trọn đủ. “*Tăng trưởng đệ tử*”: Nói đến đức Phật hay nói đến bốn vị đại đệ tử của đức Phật. Bất luận xuất gia hay tại gia, ai nấy đều muốn đồ chúng đông đảo hơn đôi chút. Có người chẳng nhất định cầu có nhiều đồ chúng. Đồ đệ đông đảo phiền toái lắm, con cháu cũng rất phiền nhiễu; nhưng đây là nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, chẳng giống với những điều tiếp theo dưới đây.

“*Tăng trưởng tịnh giới*”: Quý vị thọ Tam Quy, Ngũ Giới, cho đến tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới. Tại gia thì có Ngũ Giới, Bát Giới, có sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh [trong giới tại gia Bồ Tát], đều có thể thanh tịnh, vĩnh viễn trì giới thanh tịnh.

“*Tăng trưởng đa văn*”: Đa văn là nghe pháp thù thắng. Tăng trưởng nghe thì là Đa Văn, đã nghe xong bèn sanh trưởng trí huệ.

“*Tăng trưởng huệ xả*”: [Huệ xả] là bố thí. Xả nói sâu hơn đôi chút, sẽ là xả trừ Ngã Chấp, đừng nên chấp cái Ta, nhưng chuyện này cần phải có trí huệ. Xả rất khó. Người có trí huệ thì hết thấy đều có thể xả, ngay cả thân mạng của chính mình vẫn có thể xả. Chuyện này cậy vào trí huệ.

“*Tăng trưởng diệu định*”: Diệu định là như thế nào? Chính là Định lực ngay trong hết thấy các hành động. Điều này chẳng thể nghĩ bàn. Hiện thời, quý vị nghe kinh nhập Định, trọn chẳng phải là ngủ gà ngủ gật, mà là thật sự nhập Định, nghe kinh ở trong Định. Do vậy, khi các vị đại Bồ Tát lợi lạc chúng sanh, đều ở trong Định. Chúng ta thấy các Ngài bay qua, bay lại, thật ra là đang nhập Định. Do vậy, khi mới

khởi đầu bộ kinh này, Địa Tạng Bồ Tát vào lúc sáng sớm, đã nhập Định nhiều ngàn ấy, hết thấy mọi lúc, hết thấy mọi nơi đều ở trong Định.

“*Tăng trưởng an nhẫn*”: An nhẫn là nhẫn nhục, nhưng vì sao Ngài không nói là “*nhẫn nhục*”, mà nói là “*an nhẫn*”? Nói theo phía chúng ta, chúng ta phần nhiều chẳng tuân thủ bốn phạm. Nhẫn có thể gìn giữ bốn phạm của quý vị. Chuyện gìn giữ bốn phạm bao gồm rất nhiều. Do có trí huệ, có diệu Định, sẽ có thể gìn giữ Định, Huệ chẳng mất, có thể điều hòa, cân nhắc, khiến cho Định và Huệ cân bằng. Đó gọi là An Nhẫn. Từ an nhẫn, có thể sanh ra các phương tiện thiện xảo, như Địa Tạng Bồ Tát đã nhập Định nhiều ngàn ấy, dùng nhiều phương tiện lợi ích chúng sanh ngàn ấy. Đó là phương tiện thiện xảo. Đã có trí huệ, cho nên sanh ra phương tiện huệ. Do đã có trí huệ, hết thấy các phương tiện đều là giải thoát. Nếu chẳng có trí huệ, phương tiện sẽ là trói buộc. Chẳng hạn như chúng ta làm chuyện gì, tứ bề đều gặp chướng ngại. Quý vị cũng phát tâm độ chúng sanh, chẳng độ được. Đã thế, còn nẩy sanh tràn lan rất nhiều thứ phiền toái, nẩy sanh rắc rối tứ phía. Đó là vì chẳng có thiện xảo huệ, cho nên xử trí chẳng thích đáng!

“*Tăng trưởng giác phần thánh đế quang minh*”: Giác phần là Bồ Đề đạo. Thất Giác Phần là nói riêng biệt. Tăng trưởng Bồ Đề tức là tăng trưởng sự giác ngộ của chính mình. Sự giác ngộ ấy có thể khiến cho thánh đế của quý vị quang minh. Thánh Đế là có thể nương vào Thật Tế Lý Thể để chứng đắc thánh vị, ngay cả thành Phật cũng có thể. Thập Địa Bồ Tát cũng đều là thánh vị, cho đến nói theo giáo nghĩa ban sơ, Tứ Quả A La Hán cũng là Thánh Đế; pháp ấy được gọi là Tứ Thánh Đế Pháp. “*Tăng trưởng thánh đế quang minh*” có nghĩa là [tăng trưởng] trí huệ; bản thân của Đế chính là quang minh.

“*Tăng trưởng thú nhập Đại Thừa chánh đạo*”: Có thể vận chuyển bốn tâm của chính mình thì chính là Đại Thừa. Chúng ta nói “hết thấy đều chẳng thể lìa khỏi tâm ta”, đó là Bồ Đề đạo thật sự. Bồ Đề đạo thật sự thì ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp lại chẳng có tâm. Hết thấy các pháp đều do tâm tánh của quý vị hiển hiện. Đây là Đại Thừa chánh đạo.

“*Tăng trưởng pháp minh*”: Liễu giải tánh thể của hết thấy các pháp, đừng khởi phân biệt nơi tướng. Liễu giải pháp tánh của hết thấy các pháp, điều này được gọi là trí huệ, được gọi là “*minh*” thật sự.

“*Tăng trưởng thành thực hữu tình*”: Nói sâu hay cạn đều được, thành thực gì vậy? Thành thực hết thấy hữu tình; tăng trưởng sự tư giáo (giáo dục tư tưởng) của quý vị. Chẳng phải là đã phát nguyện lợi ích

chúng sanh đó sao? Như vậy thì có phải là chúng sanh có thể thành thực hay sao? Có thể y giáo phụng hành hay sao? Có phải là có thể y giáo phụng hành để thành đạo hay không? Chẳng hạn như tứ chúng đệ tử chiếu theo lời dạy bảo của đức Phật để lần lượt hóa độ chúng sanh, khiến cho họ đều có thể tín nhập, đều có thể y giáo phụng hành, đều có thể tu hành, đều có thể thành thực. Hễ thành thực, sẽ có thể liễu thoát, khiến cho hữu tình đều có thể thành thực. Tăng trưởng cái tâm đại từ đại bi chính là tăng trưởng Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm bao hàm rất nhiều thứ, đại từ đại bi chính là Bồ Đề tâm.

“*Tăng trưởng nhất thiết bạch pháp*” (Tăng trưởng hết thảy bạch pháp): [Bạch pháp] tức là thanh tịnh pháp. Thanh tịnh pháp là gì? Hết thảy Giới, Định, Huệ, hết thảy các pháp do đức Phật dạy chúng ta. Bạch pháp là thanh tịnh pháp, tiêu mất hắc pháp. Hắc pháp là pháp ô nhiễm. Kinh văn của phẩm Vô Y Hạnh và Hữu Y Hạnh trong phần sau sẽ nói cặn kẽ về đạo lý hắc bạch. Hết thảy các pháp trên đây đều là tổng thuyết, trong phần sau sẽ giải thích rõ. Trong phần trước chỉ nói tổng quát đôi chút.

“*Tăng trưởng nhất thiết chúng sanh tinh khí*”: Có tinh thần, có khí lực. “*Tinh*” là thuần, “*khí*” là khí chất. Vì chúng ta là đệ tử đức Phật, khiến cho tứ chúng đệ tử đều có thể tinh thuần, ngõ hầu mọi người nhìn vào, đều thấy khí chất của hàng đệ tử Phật khác hẳn. Mọi người trông thấy biểu hiện khí chất của đệ tử Phật đều rất cung kính, đồng thời cũng “*khéo làm các sự nghiệp*”.

“*Thiện tác sự nghiệp*” (Khéo làm các sự nghiệp): Có thể tăng trưởng tinh khí thiện hạnh của chánh pháp, tăng trưởng quang minh trí huệ, ý nghĩa của chúng đều như nhau.

“*Tăng trưởng đáo bỉ ngạn diệu hạnh*” (Tăng trưởng các diệu hạnh đạt đến bờ kia): Tức là Lục Ba La Mật, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiên Định, trí huệ; đầy đủ đều là các diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, có thể đạt đến bờ kia thành Phật.

“*Tăng trưởng ngũ nhãn*”: Ngũ Nhãn là nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, và Phật nhãn. Từ địa vị phàm phu cho đến khi thành Phật, chúng ta đều là nhục nhãn. Hiện thời, mọi người đều là nhục nhãn. Nhục nhãn có chướng ngại, người khác dùng tay chặn ngang, quý vị sẽ chẳng thấy chi hết. Chẳng có quang minh, quý vị cũng chẳng trông thấy. Nhục nhãn có chướng ngại, chẳng thông đạt. Nhục nhãn có chướng ngại, chẳng thông suốt, còn thiên nhãn thông suốt, chẳng chướng ngại.

Thiên Nhân Thông là báo đắc (報得, do quả báo mà đạt được), có thể thấy hết thấy. Họ có thể thấy chúng ta, nhưng chúng ta chẳng trông thấy họ. Huệ nhãn chiếu soi hết thấy Tục Đê, Tục Đê là phương tiện huệ. Có huệ nhãn thì sẽ quán Tục. Loại mắt thứ tư là pháp nhãn. Pháp nhãn hiểu rõ Chân Không, [thấy thấu suốt] hai lý Tục Đê và Chân Đê. Phật nhãn chiếu hết thấy. Đối với ngũ nhãn, nay chúng ta dừng lại nơi giai đoạn nhục nhãn. Nhưng có một số người cá biệt, do quả báo, mới sanh ra đã có thể thấy. Đó là như hiện thời gọi là “*công năng đặc dị*”. Họ có thể thấy sự vật dưới mặt đất; đây là báo đắc. Công năng thuộc loại này súc sanh cũng có. Như có những con hồ ly, chồn, [thường nói là] “*hồ hoàng liêu đậu*”, có khi là rắn, tức là bốn loại “*tiên*” hồ, hoàng, liêu, đậu (狐黃柳豆)¹⁵, còn có quỷ như các vị đại lực quỷ thần chúng ta vừa đọc trong phần trên. Họ đều có thần thông, nhưng chẳng rớt ráo! Họ vẫn bị chướng ngại, chẳng có con mắt như chư thiên, [chỉ là] thấy thông suốt một chút. Đó gọi là “*báo đắc thông*” (thần thông do quả báo mà có). Chư thiên [có thiên nhãn] là do báo đắc. Huệ nhãn và pháp nhãn đều do tu được. Phật nhãn là thành tựu rớt ráo. Đó là Ngũ Nhãn, chúng tôi nói giản lược đôi chút như vậy.

“*Tăng trưởng quán đánh*”: Quán đánh có rất nhiều cách giải thích. Thọ quán đánh chính là nghi thức từ Ấn Độ. Xưa kia, tại Ấn Độ, [nghi thức này] nhằm cầu gia trì đưa bé vừa mới sanh ra. [Đưa bé ấy] vốn là Thái Tử của quốc vương sanh ra, [quốc vương] bèn tìm người tu đạo. Người tu đạo không nhất định là Phật, [các tu sĩ] thuộc sáu phái ngoại đạo đều được, dùng nước bốn biển rưới lên đầu Thái Tử nhằm tiêu trừ tai nạn. Như chúng ta cầu pháp, [vị thầy truyền pháp] sẽ dùng cách xối pháp thủy lên đỉnh đầu. Hiện thời, chúng ta học cách tu theo Mật Tông, Quán Đánh là thuật ngữ chuyên biệt. Vốn có rất nhiều loại Quán Đánh (Abhiṣeka); ở đây nói là “*tăng trưởng quán đánh*” là nói theo ý nghĩa gia trì. Đây là nói về pháp quán đánh.

¹⁵ Đây là tín ngưỡng dân gian của người Hoa tại Đại Lục, nhất là vùng Giang Chiết, họ thờ phụng các con vật có linh tánh, có thể tu đắc thần thông, tin rằng chúng sẽ đem lại tài vận và may mắn cho người thờ. Hồ là hồ ly (cáo), Hoàng là hoàng thử lang (chồn), Liễu là rắn, Đậu là chuột. Đứng ra, có năm loại “*tiên gia*” thường gọi là “*ngũ đại tiên gia*”, hoặc “*ngũ hiển tài thân*”, thường gọi bằng danh xưng hồ tiên (cáo), hoàng tiên (chồn), bạch tiên (nhím), liêu tiên (rắn), và hôi tiên (tiên màu xám, tức chuột).

Khi chúng ta tu Quán, cũng phải tự mình quán dành cho chính mình. Hoặc là quán Dược Sư Phật, hoặc quán A Di Đà Phật đang ngự trên đỉnh đầu quý vị, và gia trì, tăng trưởng cơ hội cho quý vị nhập Niết Bàn. Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho đệ tử Phật trong bốn đại bộ châu đều có thể từ cơ sở vốn sẵn có của chính mình mà dần dần tăng trưởng. Nếu vốn là chẳng có tí gì, làm sao có thể tăng trưởng cho được? Tăng trưởng từ trên cơ sở vốn sẵn có. Nếu đã học pháp tu đạo, sẽ tăng trưởng cơ hội chứng đắc quả vị của Như Lai, hoặc là sẽ khiến cho kẻ ấy thoát khỏi tam đồ. Sau đây, sẽ có thể sanh lên trời, hưởng thụ hạnh phúc, lại còn có thể nghe pháp.

(Kinh) Sở vị hữu danh Cự Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú. Ngã u quá khứ Cãng Già sa đảnh Phật Thế Tôn sở, thân thừa thọ trì thứ đà-la-ni, năng linh tăng trưởng nhất thiết bạch pháp, tăng trưởng nhất thiết chủng tử, căn, nha, tu, hành, chi, diệp, hoa, quả, dược cốt tinh khí, tư vị, tăng trưởng vũ trạch, tăng trưởng hữu ích địa, thủy, hỏa, phong, tăng trưởng hỷ lạc, tăng trưởng tài bảo, tăng trưởng thắng lực, tăng trưởng nhất thiết thọ dụng tư cụ. Thứ đà-la-ni năng linh nhất thiết trí huệ mãnh lợi, phá phiền não tặc”. Tức thuyết chú viết.

(經)所謂有名具足水火吉祥光明大記明咒總持章句。我於過去殞伽沙等佛世尊所，親承受持此陀羅尼，能令增長一切白法，增長一切種子、根鬚、芽莖、枝葉、華果、藥谷、精氣滋味，增長雨澤，增長有益地水火風，增長喜樂，增長財寶，增長勝力，增長一切受用資具。此陀羅尼能令一切智慧猛利，破煩惱賊」。即說咒曰。

(Kinh: Có chương cú tổng trì được gọi là Cự Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú. Trong quá khứ, con đã ở chỗ chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, đích thân nhận lãnh, thọ trì đà-la-ni này, [chú này] có thể tăng trưởng hết thảy các bạch pháp, tăng trưởng tinh khí và vị ngon của hết thảy hạt giống, rễ, mầm, tua, thân, cành, lá, hoa, quả, dược thảo, ngũ cốc, tăng trưởng mưa tưới nhuần, tăng trưởng hữu ích đất, nước, lửa, gió, tăng trưởng hỷ lạc, tăng trưởng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

của cải, tăng trưởng sức thù thắng, tăng trưởng hết thảy sự hưởng thụ vật dụng cần thiết. Đà-la-ni này có thể khiến cho hết thảy trí huệ mạnh mẽ, nhạy bén, phá giặc phiền não”. Liền nói chú rằng).

Địa Tạng Bồ Tát có bài chú, chú gì vậy? Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú. “Trì” (持) là tam-muội. Địa Tạng Bồ Tát có tam-muội như vậy, nói đơn giản là Chân Ngôn, cũng chính là chú ngữ. Chú ngữ này có tên gọi là Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú, cũng chính là Đại Minh Chú. Tâm Kinh cũng có thể gọi là Đại Minh Chú, có ý nghĩa đại quang minh, mà cũng có nghĩa là Tổng Trì. [Bồ Tát nói]: Bài chú này do trong quá khứ con đã từ chỗ chur Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một cõi Phật, ở chỗ các đức Thế Tôn ấy, con đích thân tự thọ quán đảnh, đích thân lãnh thọ đà-la-ni này, tức là bài chú này, hay tam-muội này. Nếu tụng niệm bài chú này, hết thảy thiện nghiệp đều có thể tăng trưởng, hết thảy ác nghiệp đều có thể tiêu mất. Tinh khí và vị ngon của hạt giống, cho đến rễ, tua, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, dược thảo, ngũ cốc đều tăng trưởng, tăng trưởng mưa thấm nhuần.

“*Dược cốc tinh khí*” (Tinh khí của dược thảo, ngũ cốc) có đôi chút thần bí. Chúng ta uống thuốc, chẳng hạn như nhân sâm, đông trùng hạ thảo (caterpillar fungus), bói mẫu (fritillaria cirrhosa), linh chi (gardonema), các thứ thuốc ấy cần phải sanh trưởng hoang dại thì mới có thể bồi bổ thân thể con người khỏe mạnh, sống lâu. Các loại thực vật ấy có thể tăng trưởng bằng cách nào? Ất cần phải mưa đúng chừng mực. Trời đổ mưa tưới tắm, đặc biệt là tăng trưởng sự hữu ích của đất, nước, gió, lửa. Chẳng có sức gió, lương thực sẽ không tăng trưởng. Do sức gió nhẹ thổi, các thứ lương thực sẽ tăng trưởng nhanh chóng như dùng tay kéo lên, mọi người phải biết sức gió là như thế. Hỏa (lửa) là hơi ấm. Vì sao mùa Hạ, nhằm lúc trời mưa, [thảo mộc] tăng trưởng, mà mùa Đông nhằm lúc có tuyết, nó lại chẳng tăng trưởng? Vì chẳng đủ hơi ấm, sẽ chẳng thể tăng trưởng được!

Địa Đại có tánh chất cứng chắc. Tăng trưởng tánh chất kiên cố của địa đại, khiến cho nó đừng hư vỡ, đừng nảy sanh động đất. Tứ Đại tăng trưởng chính là tăng trưởng sự mừng vui của chúng sanh, tăng trưởng của cải cho chúng sanh, tăng trưởng sức mạnh thù thắng, tăng trưởng thọ dụng hết thảy các vật cần dùng cho đời sống. Trong phần trên đã nói “*tăng trưởng tư cụ*”, ở đây nhắc lại. Ý nghĩa của việc nhắc lại chính là

do niệm bài chú này, sẽ khiến cho những thứ ấy được tăng trưởng. Bài đà-la-ni này có thể khiến cho trí huệ mạnh mẽ, nhạy bén, phá trừ kẻ giặc phiền não. Bài chú này có công đức to lớn ngàn ấy. Hồng cư sĩ sợ mọi người đọc sai bài chú này, đã chú thích âm đọc. Trong tương lai, nếu khi mọi người muốn trì tụng, sẽ lại in thêm mấy phần nữa, ai cần sẽ tặng cho người đó một bản. Tôi đọc một lượt, nếu mọi người niệm thầm theo, hoặc là tôi đọc một câu, quý vị đọc theo một câu, thì cũng coi như đã nhận lãnh rồi.

(Kinh) “Sám bồ, sám bồ, sám sám bồ, a ca xá sám bồ, phược yết lạc sám bồ, am bạt lạc sám bồ, phiệt la sám bồ, phạt chiết lạc sám bồ, a lộ ca sám bồ, đạ ma sám bồ, tát đế ma sám bồ, tát đế nật ha la sám bồ, tỳ bà lộ ca sấp bà sám bồ, ồ ba thiểm ma sám bồ, nại dã na sám bồ, bát lạt nhạ tam mâu để lạt noa sám bồ, sát noa sám bồ, tỳ thấp bà lê dạ sám bồ, xá tát đa lạp bà sám bồ, tỳ a đồ tố trá, mạc hê lệ, đạ mê, thiểm mê, chước yết lạc tế, chước yết lạc mạt hử lệ, xí lệ, tỳ lệ, yết lạt bà bạt la phạt lạt đế, hê lệ, bát lạp bệ, bát lạt giá ra phạn đất nê, hạt lạt đất nê, bá ra, giá giá giá giá, hê lệ, nhị lệ, ê yết tha, thác khế, thác củ lô, thát lệ, thát lệ, nhị lệ, ma điện, dẫn điện, củ lệ, nhị lệ, áng củ chi đa tỳ, át lệ, kỳ lệ, ba ra kỳ lệ, củ trá thiêm mạt lệ, đôn kỳ, đôn kỳ, đôn cụ lệ, hử lô, hử lô, hử lô, củ lô tốt đô nhị lệ, nhị lý đệ, di lý điện, bạng đồ đà, hát la, hê lệ, hử lô, hử lỗ lô”.

(經) 「識蒲。識蒲。識識蒲。阿迦舍識蒲。縛羯洛識蒲。菴跋洛識蒲。筏羅識蒲。伐折洛識蒲。阿路迦識蒲。菴摩識蒲。薩帝摩識蒲。薩帝呢訶羅識蒲。毗婆路迦插婆識蒲。鄔波睽摩識蒲。奈野娜識蒲。鉢刺惹三牟底刺拏識蒲。刹拏識蒲。毗濕婆梨夜識蒲。舍薩多臘婆識蒲。毗挾荼素吒。莫醯隸。菴謎。睽謎。斫羯洛細。斫羯洛沫呬隸。廁隸。諱隸。揭刺婆跋羅伐刺帝。攸隸。鉢臘薛。鉢刺遮囉飯怛泥。曷刺怛泥。播囉。遮遮遮遮。攸隸。弭隸。鬘羯他。託契。託龠盧。闍嚩。闍嚩。弭隸。磨綻。瘡綻

。矩隸。弭隸。盜矩之多毗。遏嚟。祁嚟。波囉祁嚟。矩
吒苦沫隸。敦祇。敦祇。敦具隸。澣盧。澣盧。澣盧。矩
盧率都弭隸。弭李第。彌李綻。叛荼陀。喝羅。欣梨。澣
盧。澣魯盧。

(*Kinh*: 1) Sám bồ. 2) Sám bồ. 3) Sám sám bồ. 4) A ca xá sám bồ. 5) Phước yết lạc sám bồ. 6) Am bạt lạc sám bồ. 7) Phiệt la sám bồ. 8) Phạt chiết lạc sám bồ. 9) A lộ ca sám bồ. 10) Đạm ma sám bồ. 11) Tát đế ma sám bồ. 12) Tát đế nật ha la sám bồ. 13) Tỳ bà lộ ca sáp bà sám bồ. 14) Ổ ba thiêm ma sám bồ. 15) Nại dã na sám bồ. 16) Bát lạt nhạ tam mâu để lạt noa sám bồ. 17) Sát noa sám bồ. 18) Tỳ thấp bà lê dạ sám bồ. 19) Xá tát đa lạp bà sám bồ. 20) Tỳ a đồ tổ trá. 21) Mạc hê lệ. 22) Đạm mê. 23) Thiêm mê. 24) Chước yết lạc té. 25) Chước yết lạc mặt hừ lệ. 26) Xí lệ. 27) Tỳ lệ. 28) Yết lạt bà bạt la phạt lạt đế. 29) Hê lệ. 30) Bát lạp bệ. 31) Bát lạt giá ra phạn đất nê. 32) Hạt lạt đất nê. 33) Bá ra. 34) Giá giá giá giá. 35) Hê lệ. 36) Nhị lệ. 37) Ê yết tha. 38) Thác khê. 39) Thác củ lô. 40) Thát lệ. 41) Thát lệ. 42) Nhị lệ. 43) Ma điện. 44) Đản điện. 45) Củ lệ. 46) Nhị lệ. 47) Áng củ chi đa tỳ. 48) Át lê. 49) Kỳ lê. 50) Ba ra kỳ lê. 51) Củ trá thiêm mặt lệ. 52) Đôn kỳ. 53) Đôn kỳ. 54) Đôn cụ lệ. 55) Hử lô. 56) Hử lô. 57) Hử lô. 58) Củ lô tốt đô nhị lệ. 59) Nhị lý đệ. 60) Di lý điện. 61) Bạ đồ đà. 62) Hát la. 63) Hê lê. 64) Hử lô. 65) Hử lỗ lô).

Bài Đại Minh Chú này có tất cả sáu mươi lăm câu. Niệm lần đầu đương nhiên không quen; trong tương lai, niệm nhiều lần là được. Nếu muốn trì niệm thì một ngày niệm bảy lần, cũng là đối với các điều mong cầu của Địa Tạng Bồ Tát trong phần trước, do niệm chú này, chúng ta sẽ có thể đạt được. Chú ngữ của chú này và chú Đại Bi có sức mạnh như nhau. Hàm nghĩa trong bài chú này chẳng thể giảng giải được, chúng tôi chẳng dịch được, cho nên đương nhiên cũng chẳng thể giảng!

(*Kinh*) *Thiện thuyết năng tịnh chư hữu trần, thiện thuyết năng tịnh đấu tránh kiếp, thiện thuyết năng tịnh trước ác ý, thiện thuyết năng tịnh trước đại chủng, thiện thuyết năng tịnh trước ác vị, thiện thuyết năng tịnh trước ác khí, thiện thuyết năng mãn chư hy vọng, thiện thuyết năng thành chư giá sắc, thiện thuyết năng linh nhất thiết*

Phật, Như Lai Thế Tôn sở gia hộ, thiện thuyết hựu năng linh nhất thiết, Bồ Tát gia hộ nhi tùy hỷ.

(經)善說能淨諸有塵，善說能淨斗爭劫，善說能淨濁惡意，善說能淨濁大種，善說能淨濁惡味，善說能淨濁惡氣，善說能滿諸希望，善說能成諸稼穡，善說能令一切佛，如來世尊所加護，善說又能令一切，菩薩加護而隨喜。

(Kinh: Khéo nói thanh tịnh các hữu trần, khéo nói tịnh trừ kiếp đầu tránh, khéo nói tịnh trừ ý như ác, khéo nói tịnh hóa đại chủng như, khéo nói tịnh hóa vị như ác, khéo nói tịnh hóa khí như ác, khéo nói thỏa mãn các mong mỏi, khéo nói thành thực các mùa màng, khéo nói khiến cho hết thấy Phật, Như Lai Thế Tôn đều gia hộ, khéo nói lại khiến cho hết thấy, Bồ Tát gia hộ và tùy hỷ).

“*Thiện thuyết*” tức là đức Phật nói. Bài kệ này tán thán đức Phật, hoặc có thể nói là chư Phật khéo nói chú ngữ. Chư Phật nói bài chú ngữ này có thể thanh tịnh hết thấy các trần cấu, cũng có thể thanh tịnh kiếp đầu tránh, nay chúng ta gọi là “*kiếp tranh đầu*”. Người với người tranh chấp, tập thể này đấu tranh với tập thể kia, nước này đấu đá nước kia. Hễ có đấu tranh, cho thấy thời đại này bất hảo. Niệm bài chú này có thể khiến cho chiến tranh tiêu trừ đôi chút, nhưng còn phải tùy thuộc niệm lực của chúng ta có đủ hay không. Dùng bài chú ngữ này có thể thanh tịnh ý niệm ác.

“*Thiện thuyết năng tịnh trược đại chủng*”: Hiện thời, địa, thủy, hỏa, phong vẫn đục, chẳng tuân theo quy củ, thường phát sanh thủy tai, địa đại thì có động đất, phong tai và hỏa tai đều trái thời, do bốn đại địa chủng (Tứ Đại) dậy lên đủ mọi tai ương.

“*Thiện thuyết năng tịnh trược ác vị*”: Trược ác vị tức là hoàn cảnh hiện thời rất ô nhiễm, có hương vị rất xấu. Nếu hít loại hương vị này, sẽ khiến cho thân thể chẳng khỏe mạnh, chẳng thể sống lâu được. Hai thứ khí và vị tương thông. Ngồi xe hơi rất thoải mái, lại mau chóng, nhưng mùi xăng rất khó ngửi. Đây là khí trược ác.

“*Thiện thuyết năng mãn chư hy vọng*”: Chú này có thể thỏa mãn hết thấy các mong mỏi của quý vị, hoặc là nói hết thấy chư Phật đều có thể thỏa mãn niềm hy vọng của hết thấy chúng sanh. “*Thiện thuyết*” có thể hiểu là nói rất hay. “*Thiện*” là nói rất tốt đẹp, bậc nói hay đẹp nhất vẫn là Phật. Nay Địa Tạng Bồ Tát nói chú này, chú này cũng do vô

lượng chư Phật nói. Vì thế, khi trì chú này, có thể thỏa mãn các mong mỏi. “*Thiện thuyết năng thành chư giá sắc*”: Những thứ hoa màu, ngũ cốc đều có thể được mùa, chín rộ.

“*Thiện thuyết năng linh nhất thiết Phật, Như Lai Thế Tôn sở gia hộ*”: Hai câu này phải nói gộp chung. Trì chú này có thể khiến cho hết thầy chư Phật, có thể khiến cho hết thầy các đức Thế Tôn gia hộ chúng ta, khiến cho thiện nghiệp của chúng ta sớm có ngày thành tựu, sớm thành đạo nghiệp.

“*Thiện thuyết hựu năng linh nhất thiết Bồ Tát gia hộ nhi tùy hỷ*”: Không chỉ chư Phật gia hộ quý vị. Do trì chú này, cũng có thể khiến cho hết thầy các vị Bồ Tát đều chiếu cố, gia hộ, tùy hỷ quý vị. Bài kệ tụng trên đây nhằm tán tụng bài chú này!

(Kinh) Thế Tôn! Như thị Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú. Ngã u quá khứ Cãng Già sa đẵng Phật Thế Tôn sở, thân thừa thọ trì thử đà-la-ni, năng linh tăng trưởng nhất thiết bạch pháp, quảng thuyết nãi chí tăng trưởng nhất thiết thọ dụng tư cụ.

(經)世尊！如是具足水火吉祥光明大記明咒總持章句。我於過去殞伽沙等佛世尊所，親承受持此陀羅尼，能令增長一切白法，廣說乃至增長一切受用資具。

(Kinh: Bạch đức Thế Tôn! Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú như thế. Trong quá khứ, con ở chỗ chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, đích thân nhận lãnh, thọ trì đà-la-ni này, có thể khiến cho hết thầy bạch pháp tăng trưởng, nói rộng thì cho đến tăng trưởng hưởng thụ hết thầy các vật cần dùng).

Chú này có tên là Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú. Tổng trì chương cú này là do Địa Tạng Bồ Tát đã trải qua thời gian rất dài, ở chỗ chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, đích thân đối trước Phật lãnh thọ, và cũng là do Như Lai đích thân truyền dạy. Chú đà-la-ni này có thể khiến cho hết thầy các bạch pháp tăng trưởng, cho đến có thể tăng trưởng sự thọ dụng các vật cần dùng. Ai cần thọ dụng những vật cần thiết, mong cuộc sống thoải mái hơn một chút, hãy niệm chú nhiều hơn, những vật dụng cần thiết của quý vị sẽ sung túc.

(Kinh) Đại đức Thế Tôn! Thử đà-la-ni, phổ năng tế độ thử tứ châu chữ Thế Tôn đệ tử, nhất thiết bất-sô, bất-sô-ni, ố-ba-sách-ca, ố-ta-tư-ca, linh kỳ giai đắc tăng trưởng ức niệm, quảng thuyết nãi chí tăng trưởng nhất thiết thọ dụng tư cụ. Thử đà-la-ni năng linh Thế Tôn cam lộ thánh giáo, xí nhiên cứu trụ, lợi ích an lạc tam giới chúng sanh.

(經)大德世尊！此陀羅尼，普能濟度此四洲渚世尊弟子，一切苾芻、苾芻尼、鄔波索迦、鄔波斯迦，令其皆得增長憶念，廣說乃至增長一切受用資具。此陀羅尼能令世尊甘露聖教，熾然久住，利益安樂三界眾生」。

(Kinh: Bạch Đại Đức Thế Tôn! Đà-la-ni này có thể tế độ trọn khắp các đệ tử của đức Thế Tôn trong bốn bộ châu, hết thầy tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, khiến cho họ tăng trưởng ức niệm, nói rộng là cho đến tăng trưởng sự thọ dụng hết thầy các vật cần dùng. Đà-la-ni này có thể khiến cho thánh giáo cam lộ của đức Thế Tôn tồn tại hưng thịnh lâu dài, lợi ích an lạc chúng sanh trong tam giới).

“Đại đức Thế Tôn”: Địa Tạng Bồ Tát lại tôn xưng Thích Ca Mâu Ni Phật là đại đức Thế Tôn. “Thử đà-la-ni” là nói đến chú ngữ này. “Phổ năng tế độ thử tứ châu chữ” (Có thể tế độ trọn khắp trong bốn bộ châu này), các đệ tử của đức Thế Tôn bao gồm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, “ố-ba-sách-ca, ố-ta-tư-ca” chính là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cũng tức là xuất gia nam chúng và nữ chúng, tại gia nam chúng và nữ chúng trong Phật giáo, nói gộp chung lại là bốn loại đệ tử của đức Phật. Họ đều có thể tăng trưởng ức niệm, đắc Tổng Trì. Ưc niệm chẳng quên mất, tức là trí nhớ tăng cường. Tất cả những gì đã hấp thụ, hết thầy các pháp được nghe, sẽ chẳng quên mất, nghĩ nhớ, thọ trì. Cho đến các sự vật quý vị đã trông thấy, niệm kinh, chỉ cần đọc một lượt, bèn có thể ức niệm thọ trì, vĩnh viễn chẳng quên mất. Nếu nói rộng, hết thầy thọ dụng đều có thể thỏa mãn. Vậy thì đà-la-ni chú này sẽ khiến cho thánh giáo giống như cam lộ, phổ tế quần sanh. “Xí nhiên” (熾然) là tương mạo quang minh chói rực, giống như khi lửa cháy bùng bùng, vĩnh viễn trụ thế lâu dài, chẳng bị mất đi.

“*Lợi ích an lạc tam giới chúng sanh*”: Không chỉ là nhân gian hay cõi trời, ở đây là nói Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, chúng sanh trong tam giới là nói tới bốn bộ châu. Nay chúng ta đang thuộc Nam Thiệm Bộ Châu. Nói theo phía chúng ta, nếu chúng ta trì chú này, sẽ có thể được gia trì.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, diễn thuyết như thị Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú, thời Khư La Đế Da sơn phổ giai chấn động, câu-chi thiên nhạc bất cổ tự minh, vũ vô lượng chủng thiên diệp hương, hoa, cập trần bảo đẳng. Nhất thiết chúng hội hàm tất kinh được, giai hoạch hy kỳ, đắc vị tăng hữu.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩，演說如是大記明咒總持章句，時佉羅帝耶山普皆震動，俱胝天樂不鼓自鳴，雨無量種天妙香華及珍寶等。一切眾會咸悉驚躍，皆獲希奇，得未曾有。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát diễn nói Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú như thế, khi đó, núi Khư La Đế Da thấy đều chấn động, câu-chi nhạc trời không ai tấu mà tự vang ra tiếng, tuôn vô lượng thứ hương, hoa màu nhiệm và các trần bảo cõi trời v.v... Hết thấy đại chúng trong hội thấy đều kinh ngạc, hớn hờ, đều đạt được sự hiếm lạ, đạt được điều chưa từng có).

Khi nói chú ngữ này, nẩy sanh sáu loại chấn động. Đạo tràng ấy là nơi thuyết pháp, đại địa chấn động. Còn có ức nhạc khí của chư thiên trên hư không, trống không ai gõ, chuông không ai thỉnh, tự mình vang ra tiếng. Lúc đang nói chú ngữ này, còn có vô lượng hương, hoa, và trần bảo màu nhiệm của cõi trời giống như mưa tuôn, rơi xuống núi Khư La Đế Da. Đại chúng tham dự pháp hội, kể các vị đại Bồ Tát “*hàm tất kinh được*” (thấy đều kinh ngạc, hớn hờ), “*kinh*” ở đây chẳng phải là sợ hãi, mà là vui mừng hớn hờ. “*Thán*” có nghĩa là quá hiếm lạ, quá khó có, ai nấy đều có tâm tình hiếm lạ, chẳng thể nghĩ bàn như thế. “*Đắc vị tăng hữu*”: Trước nay, chưa hề trông thấy. Ngay trong lúc đó, có một nhóm thiên nữ từ chỗ ngồi đứng dậy.

(Kinh) Thời, chúng hội trung hữu Đại Cát Tường thiên nữ, Cụ Đại Cát Tường thiên nữ, Đại Trì Diệu Âm thiên nữ, Đại Kiên Cố thiên nữ, Cụ Đại Thủy thiên nữ, Phóng Đại Quang thiên nữ nhi vi thượng thủ, tổng hữu nhất vạn bát thiên thiên nữ, tứ đại chủng, giai đắc tự tại, tùng tòa nhi khởi, khể thủ Phật túc, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Hy hữu đại đức! Thập kỳ Thế Tôn! Ngã đẳng tuy vư tứ đại chủng, đắc tự tại chuyển, nhi bất năng tri thị tứ đại chủng sơ, trung, hậu tướng, sanh diệt vi thuận. Như thị Đại Sĩ, dĩ đắc vi tế thậm thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, năng thiện liễu tri thị tứ đại chủng sơ trung hậu tướng, sanh diệt vi thuận”.

(經)時，眾會中有大吉祥天女、具大吉祥天女、大池妙音天女、大堅固天女、具大水天女、放大光天女而為上首，總有一萬八千天女，於四大種，皆得自在，從座而起，稽首佛足，合掌恭敬，而白佛言：「希有大德！甚奇世尊！我等雖於諸四大種，得自在轉，而不能知是四大種初中後相，生滅違順。如此大士，已得微細甚深般若波羅蜜多，能善了知是四大種初中後相，生滅違順」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong đại chúng dự hội có Đại Cát Tường thiên nữ, Cụ Đại Cát Tường thiên nữ, Đại Trì Diệu Âm thiên nữ, Đại Kiên Cố thiên nữ, Cụ Đại Thủy thiên nữ, Phóng Đại Quang thiên nữ làm thượng thủ, có tất cả một vạn tám ngàn thiên nữ đều được tự tại nơi bốn đại chủng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, chấp tay cung kính, bạch cùng đức Phật rằng: “Hy hữu đại đức! Thật lạ lòng đức Thế Tôn! Tuy chúng con được tự tại chuyển nơi tứ đại chủng, nhưng chẳng thể biết tướng thoát đầu, chặng giữa, cuối cùng, sanh, diệt, nghịch, thuận. Bạc Đại Sĩ như thế, đã đắc Bát Nhã Ba La Mật Đa rất sâu vi tế, có thể khéo hiểu rõ tướng ban đầu, chặng giữa, cuối cùng, sanh diệt nghịch thuận của bốn đại chủng này”).

Có tất cả một vạn tám ngàn thiên nữ, ở đây, chỉ nêu một vài vị thiên nữ đứng đầu. Các thiên nữ này đều tu các pháp thuộc về bốn đại chủng, tức địa, thủy, hỏa, phong, đã đều đắc tự tại với bốn đại chủng ấy. Trong tứ đại chủng “địa, thủy, hỏa, phong”, chỉ nêu thủy và hỏa, thật ra,

bao gồm cả địa và phong. Mấy vị thiên nữ ấy cùng tất cả một vạn tám ngàn vị [thiên nữ] đều từ chỗ ngồi đứng dậy.

“*Khê thủ*” nghĩa là đánh lễ, “*khê thủ Phật túc*” nghĩa là hướng về đức Phật đánh lễ. “*Hiệp chưởng cung kính*” (Chắp tay cung kính), họ muốn thỉnh giáo đức Phật. “*Nhi bạch Phật ngôn: Hy hữu đại đức!*” (Mà bạch với đức Phật rằng: “Hy hữu đại đức!”): Đức Thế Tôn rất hy hữu, rất kỳ đặc.

“*Thâm tai Thế Tôn! Ngã đẳng tuy u chư tứ đại chủng đắc tự tại chuyển*” (Lạ thay đức Thế Tôn! Chúng con tuy được tự tại chuyển đổi với bốn đại chủng ấy): Các cô có thể tự tại đối với địa, thủy, hỏa, phong, chẳng bị địa, thủy, hỏa, phong chuyển, lại còn có thể chuyển địa, thủy, hỏa, phong.

“*Nhi bất năng tri tứ đại chủng sơ, trung, hậu tướng*” (Nhưng chẳng thể biết tướng ban đầu, chặng giữa, và cuối cùng của bốn đại chủng): Chẳng biết tướng trạng của tứ đại chủng khi chúng mới thành hình cho đến tướng trạng khi chúng tồn tại, cho đến tướng trạng khi chúng hủy diệt, cũng tức là đối với ba tướng sơ, trung, hậu, chẳng biết “*sanh, diệt, vi, thuận*” (sinh, diệt, trái nghịch, tùy thuận) của bốn đại chủng ấy. Họ chẳng có cách nào nắm vững! Địa Tạng Bồ Tát liễu giải sâu xa bốn đại chủng như vậy, đã đạt được Bát Nhã Ba La Mật Đa rất sâu, đã đạt được trí huệ rất sâu đối với bốn đại chủng. Các thiên nữ hướng về đức Phật thỉnh vấn, đức Phật sẽ dạy cho họ.

(Kinh) Phật ngôn: - Như thị, như thị, thiên nữ! Thử thiện nam tử, dĩ đắc vi tế thâm thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, năng thiện liễu tri thị tứ đại chủng sơ, trung, hậu tướng, sanh, diệt, vi, thuận. Thiên nữ đương tri, như như ý châu, cụ túc chúng đức, năng vũ chúng chủng thượng diệu trân bảo, thí chư chúng sanh. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, năng vũ chúng chủng Giác Chi trân bảo, thí chư chúng sanh. Như bảo châu chủ, chủng chủng trân bảo sung mãn kỳ trung. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, thành tựu chúng chủng Giác Chi trân bảo.

(經)佛言：「如是，如是，天女！此善男子，已得微細甚深般若波羅蜜多，能善了知是四大種初中後相，生滅違順。天女當知，如如意珠，具足眾德，能雨種種上妙珍

寶，施諸眾生。此善男子亦復如是，能雨種種覺支珍寶，施諸眾生。如寶洲渚，種種珍寶充滿其中。此善男子亦復如是，成就種種覺支珍寶。

(Kinh: Đức Phật dạy: - Đúng thế, đúng thế, này thiên nữ! Vị thiện nam tử này đã đắc Bát Nhã Ba La Mật Đa vi tế rất sâu, có thể khéo biết rõ tướng ban đầu, chặng giữa, cuối cùng và tướng sanh, diệt, trái nghịch, thuận theo của bốn đại chủng ấy. Thiên nữ nên biết, như châu Như Ý có đủ các đức, có thể tuôn ra các thứ trân bảo thượng diệu thí cho các chúng sanh. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, có thể tuôn các thứ trân bảo Giác Chi thí cho các chúng sanh. Như bờ bãi báu, các thứ trân bảo đầy ấp trong đó. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, thành tựu các thứ trân bảo Giác Chi).

“Phật ngôn: Như thị, như thị” (Đức Phật nói: - Đúng thế! Đúng thế): Các cô nói hay lắm! “Thử thiện nam tử” là nói tới Địa Tạng Bồ Tát, vì Ngài đã đắc Bát Nhã Ba La Mật Đa vi tế rất sâu, đã đạt được Trí Huệ Ba La Mật rốt ráo, cho nên có thể liễu giải bốn đại chủng. Đối với tướng “sanh diệt vi thuận” của “tứ đại chủng sơ, trung, hậu tướng”, như thế nào được coi là thuận? Như thế nào được coi là “vi” (違, trái nghịch)? Trái nghịch tứ đại chủng, tứ đại chủng sẽ sanh khởi tác dụng tương phản. Thuận theo tứ đại chủng, tứ đại chủng sẽ khiến cho các vật dụng cần thiết trong đời sống của quý vị sung túc. Trái nghịch tứ đại chủng, không chỉ là chẳng thể tạo điều tốt lành cho quý vị, mà ngược lại còn gây nên họa hại. Chẳng hạn như tướng trạng của địa, thủy, hỏa, phong khi mới hình thành cho đến tướng trạng khi chúng tồn tại, và tướng trạng khi chúng hủy diệt, tứ đại chủng sẽ mang đến tai họa cho chúng ta, nhưng nó cũng đem lại hết thảy cát tường. Chẳng có tứ đại chủng, sẽ chẳng có cách nào sống sót, phải nắm vững cả hai phương diện trái nghịch và tùy thuận chúng.

“Thiên nữ đương tri” (Thiên nữ nên biết): Đức Phật bảo một vạn tám ngàn thiên nữ: Các vị phải biết tình huống thuận nghịch của bốn đại chủng ấy. Do Địa Tạng Bồ Tát đã nắm vững, nên giống như Như Ý Bảo Châu mà Ngài cầm trong tay. Nó có đầy đủ các đức, khiến cho bốn đại chủng tạo lợi ích cho chúng sanh, khiến cho Địa Đại sanh ra các thứ trân

bảo thượng diệu, dùng đó để bố thí chúng sanh. Vị thiện nam tử ấy cũng giống như thế, tức là Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể làm như vậy.

“*Năng vũ chúng chúng Giác Chi trần bảo, thí chư chúng sanh*” (Có thể tuôn ra các thứ trần bảo Giác Chi thí cho các chúng sanh): Ở đây là Pháp Bố Thí, chẳng phải là dùng trần bảo thế gian để hình dung Địa Tạng Bồ Tát. Ngài thị hiện đủ thứ chủng loại, tùy theo từng loại mà giáo hóa, khiến cho họ giác ngộ. Thiên nữ hướng về đức Phật thỉnh vấn, đức Phật trả lời, tán thán các thứ công đức của Địa Tạng Bồ Tát, đặc biệt là tứ đại chủng, đối với tướng ban đầu, chặng giữa, và cuối cùng của địa, thủy, hỏa, phong, hết thảy quá trình chuyển hóa, Địa Tạng Bồ Tát đều biết sâu xa đúng như thật. Đồng thời, đức Phật bảo các thiên nữ, công đức của vị thiện nam tử ấy giống như Như Ý Bảo Châu.

Như Ý Bảo Châu mang ý nghĩa tỷ dụ. Từ Như Ý Bảo Châu, có thể sanh ra các thứ châu báu thỏa mãn ước nguyện của chúng sanh. Vị thiện nam tử ấy có thể đúng như thật liễu tri hết thảy các pháp, mà cũng có thể xứng tánh liễu tri. Do vậy, Ngài có thể tuôn ra các thứ trần bảo thượng diệu.

“*Trần bảo thượng diệu*” là nói hình dung, [hàm nghĩa] có thể nói hết thảy các pháp cho hết thảy chúng sanh, khiến cho chúng sanh nghe pháp được khai ngộ, ý giải (意解, thấu hiểu ý nghĩa chân thật), miễn trừ khổ nạn.

“*Thử thiện nam tử, diệc phục như thị*” (Vị thiện nam tử này cũng giống như thế): Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể lợi ích chúng sanh giống như Như Ý Bảo Châu, tuôn ra hết thảy các thứ báu. Các thứ báu do Ngài tuôn ra chẳng phải là bảo châu trong thế gian, mà là pháp bảo khiến cho hết thảy chúng sanh có thể giác ngộ, có thể nghe pháp mà ý giải. Dùng trần bảo thí cho các chúng sanh, giống như trong bãi châu báu sanh ra các thứ châu báu. Vị thiện nam tử này chứa đựng hết thảy các pháp từ vô lượng kiếp tới nay, hết thảy châu báu do đã nghe pháp rồi tích trữ, Địa Tạng Bồ Tát có công đức nhiều dường ấy.

(Kinh) Như thiên Ba Lợi Chất Đa La thụ, chúng diệu hương, hoa chi sở nghiêm sức. Thử thiện nam tử diệc phục như thị, chúng chúng vi diệu Phật pháp trần bảo nhi tự trang nghiêm.

(經)如天波利質多羅樹，眾妙香華之所嚴飾。此善男子亦復如是，種種微妙佛法珍寶而自莊嚴。

(Kinh: Như cây Ba Lợi Chất Đa La cỗi trời được trang hoàng bằng các thứ hương, hoa màu nhiệm. Vị thiện nam tử này cũng giống như vậy, dùng đủ loại trân bảo Phật pháp vi diệu để tự trang nghiêm).

“*Như thiên Ba Lợi Chất Đa La thụ*” (Như cây Ba Lợi Chất Đa La cỗi trời): Thiên Ba Lợi Chất Đa La Thụ (Pārijātaka) là cây báu chỉ riêng trời Đê Thích mới có. Loại cây báu này không giống như [các thứ cây có] cành, lá, hoa, quả [thông thường] của chúng ta, nó do hết thảy châu báu kết hợp thành. Thiện nam tử này giống như cây Ba Lợi Chất Đa La cỗi trời, trọn đủ hết thảy trân bảo, lại còn trọn đủ hết thảy Phật Bảo, dùng hết thảy Pháp Bảo để trang hoàng. Những pháp bảo nào vậy? Chính là trân bảo Phật pháp vi diệu, lại còn trang nghiêm. Đức Phật thuyết pháp luôn luôn là vận dụng tỷ dụ trước, sau đấy mới thuyết pháp. Pháp và thí dụ hai đằng nói gộp chung. Chỉ vì sợ mọi người không hiểu rõ pháp, cho nên nói tỷ dụ trước. Những thứ châu báu và cây báu đều là tỷ dụ, hình dung Địa Tạng Bồ Tát dùng hết thảy các pháp để trang nghiêm.

(Kinh) Như sư tử vương, nhất thiết súc thú vô năng kinh phục. Thử thiện nam tử diệc phục như thị, nhất thiết chúng sanh vô năng kinh phục.

(經)如師子王，一切畜獸無能驚伏。此善男子亦復如是，一切眾生無能驚伏。

(Kinh: Như sư tử chúa, hết thảy các loài thú chẳng thể không kinh sợ, khuất phục. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, hết thảy chúng sanh chẳng thể không kinh sợ, kính phục).

“*Năng tòng phục nhất thiết*” có nghĩa là có thể hàng phục hết thảy, giống như trong các loài thú, sư tử chúa có thể dẹp tan các loài thú. Đây là dùng chuyện mọi người đều thấy, đều thừa nhận trong thế gian để hình dung Địa Tạng Bồ Tát trọn đủ các pháp công đức.

(Kinh) Thí như lăng nhật, năng diệt thế gian nhất thiết hôn ám. Thử thiện nam tử diệc phục như thị, năng diệt nhất thiết chúng sanh ác kiến, vô minh hôn ám. Thí như minh nguyệt, u dạ phần trung, năng thị nhất thiết thất đạo chúng sanh bình đẳng chánh lộ, tùy kỳ

dục vãng, giai linh đắc chí. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, vô minh dạ, năng thị nhất thiết mê tam thừa đạo, trì sinh sanh tử khoáy đã chúng sanh tam thừa chánh lộ, tùy kỳ sở ưng, phương tiện an lập, linh đắc xuất ly.

(經)譬如朗日，能滅世間一切昏暗。此善男子亦復如是，能滅一切眾生惡見、無明昏暗。譬如明月，於夜分中，能示一切失道眾生平坦正路，隨其欲往，皆令得至。此善男子亦復如是，於無明夜，能示一切迷三乘道，馳騁生死曠野眾生三乘正路，隨其所應，方便安立，令得出離。

(Kinh: Ví như mặt trời rạng ngời có thể diệt hết thảy tối tăm trong thế gian. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, có thể diệt ác kiến vô minh tối tăm của hết thảy chúng sanh. Ví như trăng sáng trong đêm tối, có thể chỉ con đường chánh đáng bằng phẳng cho hết thảy chúng sanh lạc đường, họ muốn tới đâu đều đến được. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, trong đêm tối vô minh, có thể chỉ bày đường chánh tam thừa cho hết thảy chúng sanh mê mất đạo tam thừa, chạy quàng trong đồng hoang sanh tử. Tùy theo căn tánh đáng nên độ mà dùng phương tiện an lập, khiến cho họ được thoát lìa).

“Thí như lãng nhật, năng diệt thế gian nhất thiết hôn ám” (Ví như mặt trời rạng rỡ có thể diệt hết thảy tối tăm trong thế gian): “Lãng nhật” (朗日) có nghĩa là mặt trời chẳng bị mây che phủ, là vàng thái dương rạng ngời, trừ khử hết thảy tối tăm. Nơi cõi Phật mà Địa Tạng Bồ Tát đang ngự, Ngài ở bất cứ nơi đâu, đều có thể khiến cho hết thảy chúng sanh miễn trừ đau khổ tối tăm, cũng có thể trừ diệt ác kiến, mê muội, vô minh phiền não của hết thảy chúng sanh, giống như trăng sáng trong đêm tối, có thể khiến cho người lạc đường tìm được đường lối, chúng sanh chẳng thấy lối có thể đến được nơi đường sá bằng phẳng.

“Tùy kỳ dục vãng, giai linh đắc chí” (Tùy họ muốn tới nơi đâu đều đến được): Dưới ánh trăng soi tỏ, người đó muốn đi lại, sẽ chẳng lạc vào ngõ rẽ. Vị thiện nam tử ấy là nói Địa Tạng Bồ Tát, “diệt phục như thị” (cũng giống như thế), tức là cũng giống như vàng trăng sáng chỉ bày cho chúng sanh một con đường quang minh chánh đại. “U vô minh dạ, năng thị nhất thiết mê tam thừa đạo trì sinh sanh tử khoáy đã chúng

sanh” (Trong đêm tối vô minh, có thể chỉ cho hết thảy chúng sanh mê mất đường tam thừa, chạy quàng trong đồng hoang sanh tử): Đêm tối vô minh chính là chúng ta đang lạc lối trong nẻo sanh tử. Địa Tạng Bồ Tát có thể khiến cho chúng ta thoát ra. “*Tam thừa*” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Tam thừa đạo quả tuy chưa phải là rốt ráo, nhưng quý vị có thể liễu sanh tử. Những điều này đều là tỷ dụ, sánh ví: Khi Địa Tạng Bồ Tát lợi ích chúng sanh, có thể thuận theo mong cầu của chúng sanh, dùng đủ mọi phương tiện an lập, khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích, được thoát lìa.

(Kinh) Thí như đại địa, nhất thiết chủng tử, thụ sơn, giá sắc, địa thân chúng sanh chi sở y chỉ. Thử thiện nam tử, diệc phục như thị, nhất thiết thù diệu Bồ Đề phần pháp chi sở y chỉ.

(經)譬如大地，一切種子，樹山，稼穡，地身眾生之所依止。此善男子，亦復如是，一切殊妙菩提分法之所依止。

(Kinh: Ví như đại địa là chỗ nương tựa cho hết thảy các hạt giống, cây cối, núi non, hoa màu, chúng sanh có thân thể cấu tạo từ Địa Đại. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, là chỗ y chỉ của hết thảy các pháp Bồ Đề phần thù thắng, nhiệm màu).

Ví như đại địa, hết thảy các hạt giống, cây cối, núi rừng, hoa màu, các thứ ấy đều phải nương cậy đại địa để sanh trưởng. Nếu chúng sanh muốn thoát lìa các khổ nạn, phải nương cậy Địa Tạng Bồ Tát thì mới có thể đạt được Pháp Thân. Vị thiện nam tử này cũng có công đức như thế, làm chỗ nương cậy cho hết thảy các pháp Bồ Đề Phần thù thắng, nhiệm màu. Bồ Đề Phần là đạo giác ngộ. Đạo giác ngộ rất nhiều. Pháp Tướng thường nói là ba mươi bảy đạo phẩm, mà cũng là Bát Chánh Đạo, Thất Giác Chi, Ngũ Căn, Ngũ Lực, [Tứ Niệm Xứ], Tứ Chánh Cần, và Tứ Như Ý Túc. Ở đây, nói tổng quát để hình dung các công đức của Địa Tạng Bồ Tát được đức Phật tán thán. Ngài có các công đức ấy, không chỉ là ban bẩy báu thế gian cho chúng sanh, mà còn ban bố pháp tài.

(Kinh) Thí như đại bảo Diệm Cao sơn vương, thiện trụ kiên cố, vô khuyết, vô khích. Thử thiện nam tử, diệc phục như thị, thiện trụ nhất thiết bất cộng Phật pháp, do bất khí xả chư chúng sanh cố, danh

vi vô khuyết, nhất thiết thiện căn giai thiện thí dữ chư chúng sanh cố, danh vi vô khích. Thí như hư không, nhất thiết chúng sanh giai sở thọ dụng. Thử thiện nam tử, diệc phục như thị, nhất thiết chúng sanh giai sở thọ dụng. Thử thiện nam tử, thành tựu như thị đẳng vô lượng vô biên chư công đức pháp.

(經)譬如大寶妙高山王，善住堅固，無缺無隙。此善男子，亦復如是，善住一切不共佛法。由不棄舍諸眾生故，名為無缺，一切善根皆善施與諸眾生故，名為無隙。譬如虛空，一切眾生皆所受用。此善男子，亦復如是，一切眾生皆所受用。此善男子，成就如是等無量無邊諸功德法」。

(Kinh: Ví như núi chúa đại bảo Diệu Cao, khéo trụ kiên cố, chẳng thiếu khuyết, chẳng có kẽ hở. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, khéo trụ trong hết thảy Phật pháp bất cộng. Do chẳng vứt bỏ các chúng sanh, nên gọi là “chẳng thiếu khuyết”. Hết thảy các thiện căn đều khéo thí cho các chúng sanh, nên gọi là “chẳng có kẽ hở”. Ví như hư không, hết thảy chúng sanh đều thọ dụng. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, hết thảy chúng sanh đều được thọ dụng. Vị thiện nam tử này đều thành tựu vô lượng vô biên pháp công đức như thế đó).

Đức Phật trọn đủ “*bất cộng Phật pháp*”. Tứ Vô Úy là bất cộng. Có tất cả mười tám pháp Bất Cộng. [Đức Phật] có đủ mười tám pháp Bất Cộng, [tức là các pháp] chẳng cùng chung phạm phụ, Nhị Thừa cũng chẳng có [các pháp ấy]. Thật ra, hàng đại Bồ Tát đều trọn đủ. Địa Tạng Bồ Tát chẳng vứt bỏ hết thảy chúng sanh, còn chúng ta thì không được. Ngay cả đối với con cái của chính mình, nếu chúng nó chẳng hiếu thuận, hoặc chẳng nghe lời bèn bỏ mặc. Trong vòng bạn bè, hơi có tí gì chẳng vừa ý, sẽ vứt bỏ, hoặc là đối với một loài chúng sanh ác nào đó, chúng ta sẽ cảm thấy chán ghét.

Khi ở nơi đâu, cũng phải chọn lựa chỗ tốt đẹp nhất. Điều ấy cũng mang ý nghĩa “*vứt bỏ*”. Đối với lục thân quyến thuộc, chúng ta đều muốn thân cận hơn với những kẻ được coi là tốt đẹp hơn một chút, chẳng xấu xa, chẳng quấy nhiễu. Nếu nhìn theo quan điểm của Bồ Tát,

càng là hạng chúng sanh [xấu xa như vậy], các Ngài càng [dốc lòng] hóa độ. Chúng sanh tệ hại nhất là chúng sanh trong địa ngục, Địa Tạng Bồ Tát vào địa ngục để độ các chúng sanh ấy. Vì thế, Ngài hóa độ chúng sanh chẳng có lúc nào ghét bỏ, thậm chí những chúng sanh tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, Ngài luôn nghĩ trọn hết mọi phương pháp để hóa độ, khiến cho họ có thể gieo thiện căn bậc thượng, có thể học tập Phật pháp, có thể xuất ly. Chỉ cần có chút kẽ hở nào, Ngài đều có thể thâm nhập dạy bảo, chẳng để chúng sanh bị đọa lạc. Giống như gì? Giống như hư không. Hư không bình đẳng lợi ích chúng sanh, ai cũng đều có thể qua lại, nó trọn chẳng tiếc rẻ. Chúng ta sống trong hư không. Địa Tạng Bồ Tát đối đãi hết thảy chúng sanh như hư không, thỏa mãn hết thảy mong cầu của chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều có thể thọ dụng.

Địa Tạng Bồ Tát thành tựu vô lượng vô biên pháp công đức như đức Phật đã tán thán. Vì sao đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát như vậy? Vì Ngài muốn nói Đại Tập Thập Luân của Phật. Vì tán thán Địa Tạng Bồ Tát, sẽ khiến cho cái tâm tín ngưỡng của mọi người đối với Địa Tạng Bồ Tát tăng trưởng mạnh mẽ. Chỉ cần nghe danh hiệu Địa Tạng, sẽ nảy sanh một loại cảm giác thù thắng, cảm giác thân thiết, cảm giác mong cầu, tức là mong cầu Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát có thể khiến cho ta lìa khổ, được vui. Do vậy, đối với hết thảy nguy nan, đều có thể cầu Địa Tạng Bồ Tát.

Có các đạo hữu cảm thấy chính mình nguyện nhiều quá, hoặc quá đông dài, hoặc là cầu thứ này, lại cầu thứ kia, [thắc mắc]: “Chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát có phiền chán hay không?” Có người đã hỏi tôi như vậy. Tôi đáp: “Kinh Địa Tạng đã chỉ ra, dẫu quý vị có trăm ngàn vạn ức mong cầu nhiều ngàn ấy, Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng phiền chán. Nhưng có điều, quý vị phải chí tâm. Hễ chí tâm thì sẽ có thể tương ứng. Nếu quý vị chẳng chí tâm, sẽ chẳng đạt được chi hết!” Đó gọi là “*pháp nhân duyên*”; hễ gặp nhân duyên, nó sẽ sanh khởi. Địa Tạng Bồ Tát muốn ban bố trợ duyên cho chúng sanh, thành tựu chúng ta, khiến cho chúng ta lìa khổ, được vui, nhưng chúng ta chẳng có cái nhân ấy.

Địa Tạng Bồ Tát gia trì trọn khắp, nhưng trong số hơn sáu mươi ức người trên quả địa cầu này, chỉ sợ có quá nhiều người chưa hề nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Dẫu được nghe danh hiệu, cũng chẳng sanh khởi cái tâm tin ưa, chẳng cầu Ngài, mà cũng chẳng có nguyện vọng ấy. Chẳng có nhân duyên ấy, làm sao có thể đạt được? Ngay cả danh hiệu còn chẳng được nghe mà! Do vậy, trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Địa Tạng Bồ Tát đã dạy: “*Nếu chẳng chí tâm, dẫu niệm*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đanh hiệu của ta, cũng như chẳng niệm. Dầu nghe đanh hiệu của ta, chẳng được gọi là ‘được nghe’, cũng giống như chẳng được nghe”. Hàm ý: Quý vị chẳng kiến lập nhân duyên với Địa Tạng Bồ Tát. Tuy nghe đanh hiệu Ngài, quý vị chẳng có tâm tin ưa chi hết, chẳng cảm thấy Ngài sanh ra lợi ích gì cho quý vị. Do vậy nói là “*chẳng được gọi là nghe thấy*”. Dầu được nghe mà giống như chẳng nghe! Bất luận Ngài có công đức nhiều dường ấy, lợi ích trọn khắp hết thảy, nếu như [người nghe] chẳng sanh khởi tâm tin ưa, cho đến chẳng thể chí tâm, vậy thì hoàn toàn chẳng có công đức hay sao? Chẳng phải vậy! Tuy được nghe đanh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hoặc là bái sám mà chẳng chí tâm, ngay cả chí tâm bậc hạ hạ cũng chẳng có, quý vị chỉ gieo viển nhân. Công đức đã gieo xuống, chúng tử đã gieo xuống, [mai sau] quý vị sẽ lại gặp gỡ, sẽ sanh khởi cái tâm tin ưa, lại sanh khởi tâm tinh tấn, dần dần cũng sẽ thành thực!

Như mọi người sờ dĩ có thể bái sám như vậy, đều chẳng phải là một đời, hai đời, mà là do nhân duyên đã kết trong nhiều đời. Từ nay về sau, càng có thể tăng trưởng, đời này quý vị có thể lìa khổ, được vui, chính mình đối với Phật pháp có chỗ liễu ngộ, phải thường nên chú ý vấn đề như vậy. Đã gặp nhân duyên, quý vị nhất định phải gánh vác. Bất luận khổ hay vui, nhân duyên đã chín muồi, nay quý vị tiếp nhận, phải gánh vác. Cái gì đã qua, chẳng có nhân duyên, hãy buông xuống, đó gọi là “*giải thoát*”. Khi gặp nhân duyên, hãy nên tự mình nhận lãnh quả báo. Quý vị chẳng mong nhận lãnh, có đùn đẩy cho kẻ khác cũng chẳng được, sẽ càng tăng thêm phiền não, càng tăng thêm tai nạn. Quý vị gánh vác, [quả báo] sẽ giảm thiểu. Chuyện gì đã qua đi, hãy buông xuống, đừng nên luôn lưu luyến, tưởng nhớ, cũng tức là trong lòng mỗi người, chuyện gì đã là quá khứ, hãy để nó qua đi, vẫn cứ lưu luyến thì đối với chính mình, sẽ có tai hại hết sức to lớn. Do vậy, phải biết “*các pháp sanh bởi nhân duyên*”, hết thảy đều là giả. Địa Tạng Bồ Tát đã khai thị chúng ta một phương hướng chung. Nếu có tâm tình như thế, hiểu đạo lý này để học pháp, quý vị sẽ dễ ngộ, dễ dàng tiến nhập. Nếu không, rất khó tiến nhập!

Giảng quyền hạ của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chính là giảng về ý nghĩa “*các pháp sanh bởi nhân duyên chính là Không*”, giảng về cảnh giới Nhất Thật. Ở đây, [chánh kinh] tán thán Địa Tạng Bồ Tát, tôi nói đại lược vài câu như thế, vì Địa Tạng Bồ Tát thành tựu công đức, chẳng phải là hạng Bồ Tát bình phàm mà mong thành tựu được! Đó là do nguyện lực của Ngài, lại còn do Ngài đã thực hiện cái nguyện ấy

trong thời gian chẳng thể tính đếm được. Địa Tạng Bồ Tát đã sớm thành tựu! Trong phần trước, đức Phật đã tán thán Địa Tạng Bồ Tát, nói Bồ Tát thành tựu, phát nguyện lâu xa, dùng Di Lạc, Văn Thù, Quán Âm, Phổ Hiền để so sánh. Đây là bốn vị đại Bồ Tát mọi người quen thuộc, hồng khiến cho chúng ta sanh khởi cảm giác thù thắng đối với Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Thời, chư đại chúng văn thuyết Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu vô lượng xưng tán công đức, giai hoạch hy kỳ, đắc vị tăng hữu, tôn trọng, cung kính, giai đại hoan hỷ, chí tâm để quán Địa Tạng Bồ Tát, mục bất tạm xả. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết.

(經)時，諸大眾聞說地藏菩薩摩訶薩成就無量稱讚功德，皆獲希奇，得未曾有，尊重恭敬，皆大歡喜，至心諦觀地藏菩薩，目不暫舍。爾時，世尊重顯此義，而說頌曰。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các đại chúng nghe nói Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu vô lượng công đức đáng xưng dương, tán thán, đều cảm thấy hiếm lạ, đạt được chưa từng có, tôn trọng, cung kính, đều hoan hỷ to lớn, chí tâm quán kỹ Địa Tạng Bồ Tát, mắt chẳng tạm rời. Khi ấy, để tỏ rõ nghĩa ấy lần nữa, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng).

Mọi người đều cảm thấy mong cầu thật sự, “giai hoạch hy kỳ” (đều cảm thấy hiếm lạ) tức là cảm thấy thù thắng. “Đắc vị tăng hữu” là trong quá khứ chưa từng nghe nói. Đối với Địa Tạng Bồ Tát, sanh lòng tôn trọng, cung kính, sanh khởi tâm hoan hỷ to lớn. “Chí tâm để quán Địa Tạng Bồ Tát, mục bất tạm xả” (Chí tâm quán kỹ càng Địa Tạng Bồ Tát, mắt chẳng tạm rời): Quan sát đức tướng của Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát vào trong hội ấy, mọi người bèn quan sát Ngài như thế, quan sát kỹ càng đức tướng, bất luận là người tu pháp Quán Âm, hay tu pháp Văn Thù, tu Phổ Hiền Quán Pháp. Phẩm cuối cùng của kinh Pháp Hoa chính là quán Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta tu mỗi pháp đều là như thế. Ở đây, quý vị ắt cần phải quán tướng trạng của Địa Tạng Bồ Tát. Bất luận quý vị thỉnh tượng vẽ trên giấy hay tượng sứ cũng thế, cho đến tượng đúc bằng đồng, đối với bất cứ bức tượng nào, chỉ cần cảm thấy rất

trang nghiêm, sanh khởi cảm giác thù thắng, quý vị hãy nên quán tưởng. Quán khởi đầu từ bảo tòa của Ngài, hoặc là từ tòa hoa sen, hoặc chỉ quán từ con chó mang tên Thiện Thính ở trước tòa của Cửu Hoa Sơn Địa Tạng Bồ Tát, quán khởi đầu từ thân của con chó ấy cũng được. Tốt nhất là quán từ tòa hoa sen, Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên hoa sen, quán quang minh của tòa hoa sen ấy, cho đến quang minh từ nơi Địa Tạng Bồ Tát ngồi xếp bằng. Lại quan sát quang minh tỏa ra từ thân Ngài, quan sát quang minh từ nơi đầu Ngài. Quán từ dưới lên trên, thường xuyên quán tưởng như thế, sao cho vàng quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu đến đỉnh đầu quý vị, vẻ mặt của Địa Tạng Bồ Tát nhập vào quả tim của quý vị. Nơi tim quý vị có cánh hoa sen, chính mình quán tưởng, quán tưởng cho thành thực. Trước hết là độ quý vị, sau đấy, hợp thành một với quý vị.

Quý vị quán tưởng như vậy, lại còn tụng kinh Địa Tạng, lâu ngày chày tháng, chỉ cần quý vị tác ý, Địa Tạng Bồ Tát ở ngay trong tâm quý vị, người khác trông thấy quý vị, hoặc là quý vị đang nói năng, giúp đỡ người khác, hồi hướng cho người khác, Địa Tạng Bồ Tát sẽ gia trì quý vị. Chính mình không có sức mạnh gì, nhưng do quý vị quán tưởng Địa Tạng Bồ Tát như vậy, Địa Tạng Bồ Tát sẽ vào trong thân tâm của quý vị, sức mạnh của Địa Tạng Bồ Tát sẽ hợp với quý vị làm một. Do vậy, người khác có thể đạt được lợi ích. Đại chúng tham dự pháp hội này đều là đại Bồ Tát, các Ngài thấy đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát như vậy, cảm thấy rất hiếm lạ, chưa hề nghe, cảm nhận chưa từng có. Do vậy, tôn trọng, cung kính, đều đại hoan hỷ.

Quán kỹ Địa Tạng Bồ Tát, “*mục bất tạt xả*” (mắt chẳng tạt rời), tức là mắt chẳng chớp, chuyên chú nơi một cảnh, tư tưởng đã chuyên chú. “*Mục bất tạt xả*” và “*mắt chẳng chớp*” có cùng ý nghĩa. Đức Phật sợ đại chúng dự hội chưa hoàn toàn chú ý, cho nên nhắc lại một lần nữa. Dưới đây, có tất cả hai mươi bốn bài tụng. Mỗi bài tụng là bốn câu, nhằm tán thán Địa Tạng Bồ Tát lần nữa. Nay chúng tôi đang giải thích phẩm Tự là phần phát khởi, vẫn chưa nói vào chánh văn của kinh Thập Luân. Chỉ là trước khi bắt đầu giảng bộ kinh này, Địa Tạng Bồ Tát trước hết đã tán thán công đức của đức Phật, đôi bên xướng họa, khiến cho đại chúng tham dự pháp hội sanh khởi tín tâm thanh tịnh. Đức Phật sợ đại chúng vẫn chưa nghe rõ, lại dùng thể tài Kệ Tụng để tụng tụng một lần nữa.

(Kinh) “Địa Tạng chân đại sĩ, cụ đồ đa công đức, hiện Thanh Văn sắc tướng, lai khể thủ đại sư.

(經)「地藏真大士，具杜多功德，現聲聞色相，來稽首大師。

(Kinh: “Địa Tạng chân đại sĩ, trọn công đức trừ cầu, hiện sắc tướng Thanh Văn, đến đánh lễ Đại Sư).

Đây là bài tụng thứ nhất. “*Địa Tạng chân đại sĩ*”: Bạc chân đại sĩ chẳng phải là mạo nhận, cũng chẳng phải là giả. “*Chân*” có nghĩa là Ngài đã chứng đắc cảnh giới Nhất Thật, đã chứng đắc tâm Chân Như, đã chứng đắc pháp giới tánh. Chữ Chân có nghĩa như vậy đó. “*Đại sĩ*” là tôn xưng.

“*Đồ đa*”¹⁶ có nghĩa là có thể “*trừ khử hết thầy trần cầu, có thể trừ khử hết thầy phiền não, biến hết thầy phiền não thành công đức*”. Nơi chúng ta là phiền não, nơi chư Phật, Bồ Tát là công đức. Ngài dùng điều này để độ chúng sanh. Nhưng Địa Tạng Bồ Tát thị hiện tướng Thanh Văn, vì sao Ngài thị hiện tướng Thanh Văn? Thanh Văn phải trì giới tỳ-kheo, giới tướng thanh tịnh, nhưng Ngài cũng thị hiện rất nhiều tướng, trong phần trước đã nói rất nhiều. Bất quá, trong pháp hội này, Địa Tạng Bồ Tát thị hiện tướng Thanh Văn. “*Lai khể thủ đại sư*” (Đến đánh lễ đáng đại sư), tức là hướng về đức Phật đánh lễ. Đại Sư là đức Phật tự xưng.

(Kinh) Thí chư chúng sanh lạc, cứu thoát tam hữu khổ, vũ vô lượng chủng vũ, vị cúng dường đại sư.

(經)施諸眾生樂，救脫三有苦，雨無量種雨，為供養大師。

(Kinh: Ban vui cho chúng sanh, cứu khổ khắp ba cõi, tuôn vô lượng các mưa, để cúng dường đại sư).

¹⁶ Đồ Đa (Dhuta) chính là cách phiên âm khác của chữ Đà Đà. Do hạnh Đà Đà nhằm trừ khử trần cầu phiền não, nên lão pháp sư nói Đồ Đa có nghĩa là có thể trừ khử hết thầy trần cầu, có thể trừ khử hết thầy phiền não, biến hết thầy phiền não thành công đức.

Thí hết thầy vui sướng cho chúng sanh. Điều này được gọi là “*dữ lạc*” (與樂, ban vui), tức là tâm đại từ bi. “*Từ*” có thể ban vui, thí cho chúng sanh hết thầy sự vui sướng. Chúng sanh đều đang ở trong khổ não, làm sao họ có thể vui sướng cho được? Chúng sanh tiêu mất khổ não thì sẽ vui sướng. Khi chúng ta đi đường vào ban đêm, chẳng có đèn chiếu sáng, nghe tiếng lạ, hơi lạ, vừa sợ quỷ, vừa sợ dã thú. Trong phần trước, [kinh văn] đã có nói: Địa Tạng Bồ Tát thị hiện quang minh giống như vàng trắng, [người đi đường] sẽ không sợ hãi, chẳng bước lầm vào ngõ rẽ. Đây chẳng phải là rất vui sướng hay sao? Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới là tam hữu chúng sanh, đều đang trong khổ nạn. “*Vũ vô lượng vũ*” chẳng phải là đổ mưa to, mà là tuôn xuống vô lượng châu báu, y phục nhiều như trời đổ mưa vậy. Vì sao? “*Vị cúng dường đại sư*” tức là để cúng dường đức Phật.

(Kinh) Thiên đế Vô Cấu Sanh, quán sát tứ phương dĩ, hiệp chưởng cung kính trụ, tán thỉnh u đại sư.

(經)天帝無垢生，觀察四方已，合掌恭敬住，讚請於大師。

(Kinh: Thiên đế Vô Cấu Sanh, quán sát bốn phương rồi, chấp tay, đứng cung kính, tán thán, thỉnh đại sư).

Đây là đức Phật nói trong đại hội có Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích. Ông ta thấy tất cả đại chúng từ bốn phương đến tham dự đại hội, có chút hoài nghi đối với chuyện này, mà cũng chẳng hiểu rõ ý nghĩa. Do vậy, Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích thấy mọi người trong bốn phương đều mong liễu giải, bèn chấp tay, cung kính, đứng trước đứng Phật, tán thán, xin Phật dạy cho vì sao từ trên trời tuôn xuống [các thứ cúng dường] chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Trên tay mỗi người lại có châu Như Ý. Vì sao có các tướng lạ lùng đặc biệt như vậy? Kính xin đức Phật hãy thuyết pháp.

(Kinh) Ngã kiến Thế Tôn chúng, Mạt-ni bảo quang minh, biến chiếu chư Phật quốc, vô bất giai minh liễu.

(經)我見世尊眾，末尼寶光明，徧照諸佛國，無不皆明瞭。

(Kinh: Con thấy đại chúng này, báu Mạt-ni tỏa sáng, chiếu khắp các cõi Phật, không cõi nào chẳng rõ).

Đây là lời Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích hướng về đức Phật thưa thỉnh: “Con thấy [trên tay] mỗi chúng sanh đều có Mạt-ni bảo châu (như ý bảo châu). Mạt-ni bảo châu phóng quang minh, cho đến các quang minh ấy chiếu sáng các cõi nước trong mười phương. Hết thủy quốc độ đều hiển hiện như ở ngay trước mắt”, cũng có nghĩa là quang minh ấy đã chiếu rõ tướng thể gian trong các cõi Phật ấy.

(Kinh) Lục Thông chiếu thể gian, kim đương lai chí thử, dũng mãnh danh Địa Tạng, hiện xuất gia oai nghi.

(經)六通照世間，今當來至此，勇猛名地藏，現出家威儀。

(Kinh: Lục Thông soi thể gian, nay vị sắp đến đây, dũng mãnh tên Địa Tạng, hiện oai nghi xuất gia).

Thông thường là năm món thần thông, tức Thiên Nhĩ Thông, Thiên Nhãn Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, và Như Ý Thông; tuy vậy, ở đây còn có Lưu Tận Thông, hợp thành Lục Thông. Nay Địa Tạng Bồ Tát đến đây. “*Dũng mãnh danh Địa Tạng*” (Đáng dũng mãnh tên là Địa Tạng), ý nói: Sự nghiệp tu hành lợi ích chúng sanh của Ngài hết sức dũng mãnh, tinh tấn. Nhưng Ngài chẳng hiện thân Bồ Tát, mà hiện oai nghi xuất gia. Đây là ý nghĩa “*hồi Tiểu hướng Đại*”. Vì trong hội Đại Tập này, chẳng thể tính đếm đại chúng Thanh Văn, Địa Tạng Bồ Tát hiện hình tướng Thanh Văn chủ yếu nhằm độ chúng sanh khổ não trong tam hữu, và hàng Nhị Thừa Thanh Văn còn chưa hồi Tiểu hướng Đại. Do vậy, Ngài thị hiện đồng loại với họ.

(Kinh) Thất Thánh Tài phục tạng, vô úy Phật âm thanh, chư Bồ Tát thắng tràng, chúng sanh chí đạo thủ.

(經)七聖財伏藏，無畏佛音聲，諸菩薩勝幢，眾生之導首。

(Kinh: Kho báu bảy thánh tài, tiếng Phật trọn vô úy, thắng tràng của Bồ Tát, đáng hướng dẫn chúng sanh).

Thất Thánh Tài có khi còn gọi là Thất Tài, tức là “bảy món của báu”. Có khi gọi là Thất Đức Tài, hay Thất Pháp Tài. Nói chung là bảy thứ thánh pháp. “*Thánh pháp*” là pháp thù thắng, bảy thứ nào vậy? Tức là Tín, Giới, Trì, Quý, Văn, Bồ Thí, Định Huệ. Nhiếp tâm chẳng tán loạn là Định. Nhiếp tâm chẳng tán loạn, chẳng hôn trầm, bản thân điều này là một thứ của cải chẳng thể mua được, nên gọi là Tài. Món của cải này được gọi là Pháp Tài. Nhiếp tâm chẳng tán loạn, lại còn chẳng phải là không sáng suốt, lại còn có thể chiếu hết thấy các pháp, [tức là] dùng trí Bát Nhã để chiếu hết thấy các pháp. Món tài thứ bảy là Định Huệ Tài, không chỉ là chẳng tán loạn, mà còn có thể chiếu rõ hết thấy, chiếu tỏ các pháp. Những điều này được gọi là Thất Thánh Tài. Kho tàng chứa đựng Thất Thánh Tài chôn giấu kín đáo, chôn giấu ở nơi đâu? Chôn giấu trong tâm chúng sanh. Địa Tạng Bồ Tát có thể giúp chúng ta khai quật. Hoặc có thể hiểu là Địa Tạng Bồ Tát chứa đựng bảy món Tài này. Chúng sanh chỉ cần cung kính cúng dường, chí thành, khẩn thiết lễ bái, sẽ có thể đạt được.

Món thứ nhất là Tín. “*Phật pháp chỉ có Tín là có thể nhập*”. Chẳng có Tín, sẽ không thể nhập được. Tín ắt phải hữu lực. Chẳng có sức, phước báo mà quý vị đạt được sẽ là phước báo thế gian. Nếu Tín sanh ra sức mạnh, sẽ có thể sanh khởi tác dụng. Tôi đã nói với mọi người rất nhiều lần, tối thiểu là quý vị có thể hiểu biết chính mình. Nếu sanh khởi phiền não, ngay lập tức có thể nhận biết và không chế, khiến cho phiền não ấy tiêu mất, chẳng bị phiền não xoay chuyển, tức là Tín có sức mạnh. Nhận biết ý niệm ấy không đúng, ngay lập tức liền ngưng dứt ý niệm ấy, chẳng để cho nó nối tiếp. Nhận biết tiền niệm khởi ác, bèn có thể khiến cho hậu niệm chẳng khởi lên nữa. Như thế là có sức mạnh. Bất quá, đây mới chỉ là trọn đủ tín tâm ban sơ. Nếu quý vị là người có thiện căn từ nhiều đời trong quá khứ, dẫu đời này chưa hề nghe Phật pháp, bỗng nghe người khác giảng, hoặc có ai nói với quý vị, các lỗ chân lông trên thân mở toang, cho thấy quý vị có túc thế thiện căn trong quá khứ sâu dày, vừa nghe liền có thể tiên nhập. Đó gọi là “có Tín”. Thuở đức Phật tại thế, các vị đại A La Hán nghe pháp âm của đức Phật, ngay lập tức râu tóc tự rụng, xuất gia, tâm khai, ý giải, chứng quả A La Hán, Kiến Tư phiền não thấy đều đoạn trừ. Đây mới là thật sự trọn đủ Tín lực. Nếu chẳng có tướng cảnh giới ấy, chúng ta phải tu hành.

Muốn chứng đắc tín tâm ấy, phải tu một kiếp, cần tốn thời gian một kiếp. Chẳng hạn, dùng tiểu kiếp để tính, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, cứ qua một trăm năm bèn giảm một chút, lại qua một trăm

năm kể, giảm thêm chút nữa. Giảm cho đến khi con người chỉ thọ mười năm. Lại qua khỏi một trăm năm, tuổi thọ tăng thêm một ít. Cứ mỗi một trăm năm, lại tăng thêm [từng tuổi một. Lần lượt cho đến khi thọ tám vạn bốn ngàn năm. Chu kỳ] “một tăng, một giảm” được tính là một kiếp. Nói theo tiểu kiếp, nếu muốn đạt được tín tâm, quý vị phải tu trong một thời gian dài ngàn ấy. Quý vị cũng đừng cho là quá dài! So sánh với thọ mạng của con người, một ngày trên Tứ Thiên Vương Thiên là năm mươi năm trong nhân gian. Thọ mạng của Tứ Thiên Vương là năm trăm năm. Tầng trời thứ hai là Đao Lợi Thiên. Một ngày của Đao Lợi Thiên bằng một trăm năm trong nhân gian. Thọ mạng của Đao Lợi Thiên là một ngàn năm. Tầng trời thứ ba là Dạ Ma Thiên. Một ngày đêm trên Dạ Ma Thiên bằng hai trăm năm trong nhân gian. Thọ mạng của Dạ Ma Thiên là hai ngàn năm. Tầng trời thứ tư là Đâu Suất Thiên. Bốn trăm năm trong nhân gian là một ngày đêm của họ. Thọ mạng của họ là bốn ngàn năm.

Hiện thời, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập diệt ba ngàn năm, chỉ mới được tám ngày trên Đao Lợi Thiên! Do vậy, khi Đạo Tuyên luật sư được một vị trời dâng cúng, đã hỏi: “Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập diệt, nay Ngài ở chỗ nào?” Vị trời hỏi: “Thầy nói vị Thích Ca Mâu Ni Phật nào?” Mọi người hãy nghe ra hàm nghĩa trong câu hỏi đó: Có trăm ngàn ức vị Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị đang nói đến vị Thích Ca Mâu Ni Phật nào vậy? Tổ nói: “Vị Phật trong Nam Thiệm Bộ Châu này, trong thế giới Sa Bà này”. Vị trời đáp: “Con thấy Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa nhập diệt, Ngài đang giảng kinh”.

Chư thiên thấy khác chúng ta; do vậy, chúng ta cảm thấy rất dài, giống như sống một trăm tuổi rất lâu, nhưng so với Tứ Thiên Vương thì mới hai ngày. Một trăm năm trong nhân gian chỉ được hai ngày, tức hai ngày đêm của họ. Đối với vấn đề thời gian, mọi người hãy nên nhận thức như thế. Trong khi tu hành, dầu ta tu hai mươi bốn tiếng đồng hồ, họ thấy chỉ là chốc lát, thời gian rất ngắn ngủi. Do vậy, chư thiên thấy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối luôn giải đãi, suốt cả trăm năm lêu lổng, chẳng thấy quý vị tu hành. Chư thiên chẳng tiếp xúc với quý vị, họ thấy nhân gian bản thú. Vị trời ấy xuống dâng cơm cho Đạo Tuyên luật sư, vì thấy nơi ấy là thanh tịnh. Nơi chốn người có đạo ở thì là thanh tịnh. Dùng mắt thấy rất khó, chúng ta thấy Phật đường rất thanh tịnh, rất thù thắng. Kẻ chẳng tin Phật đến nơi này, sẽ thấy rất thô lương, rất chán chường. Như các ngôi chùa lớn đều xây trong núi sâu, trọn chẳng có khói bếp của nhân gian, phải leo trèo mới lên đến nơi. Chúng ta triều bái Ngũ Đài Sơn, cảm thấy rất thù thắng. Kẻ chẳng tin, sẽ cảm thấy quá rách

nát. Chúng ta thấy thân hộ pháp đương nhiên là rất trang nghiêm. Chúng ta thấy tượng đắp, đắp tạc rất trang nghiêm, bền rất cảm động. Họ nhìn thấy, bền thốt lên: “Ồ, cái tượng này được tạc có giá trị nghệ thuật rất cao”. Họ nhìn bằng một nhãn quan khác! Hết thấy sự vật mỗi người thấy mỗi khác.

Kho tàng chứa đựng của báu Thất Thánh Tài gồm Tín Tâm, Trì Giới, cho đến Tàm Quý, Định Huệ; đầy đều là thánh tài, đáng gọi là Pháp Bảo. “*Vô úy Phật âm thanh*” (Âm thanh vô úy của Phật): Âm thanh của Phật là Tứ Vô Sở Úy, là vô lượng, là vô tận. Đây là các pháp tán thán Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát cũng trọn đủ các âm thanh của Phật. “*Chư Bồ Tát thắng tràng*” (Tràng thù thắng của các Bồ Tát): Lọng báu, tràng phan tương tự như quốc kỳ tượng trưng cho một quốc gia. Bồ Tát là pháp tràng thù thắng, Ngài kiến lập pháp tràng, là người hướng dẫn của hết thấy chúng sanh, có ý nghĩa này. “*Chúng sanh chi đạo thủ*” nghĩa là bậc được hết thấy chúng sanh tôn kính.

(Kinh) Giải thoát bảo sở y, phước hải cụ tinh tấn, bi ý nhạo thông mãn, cứu khổ chư hữu tình.

(經) 解脫寶所依，福海具精進，悲意樂聰敏，救苦諸有情。

(Kinh: Chỗ nương báu giải thoát, biển phước trọn tinh tấn, bi, ý nhạo, thông mãn, cứu khổ các hữu tình).

Hình dung giải thoát như một thứ báu. Địa Tạng Bồ Tát là chỗ nương cậy cho hết thấy các của báu giải thoát. Địa Tạng Bồ Tát là đáng chúng ta có thể nương cậy để cầu giải thoát. Chúng ta là những kẻ mong cầu của báu giải thoát, phải nương cậy Địa Tạng Bồ Tát. Sức mạnh tinh tấn, dũng mãnh tinh tấn, phước đức trí huệ đáng mong cầu của Ngài sâu rộng như biển. “*Bi ý nhạo, thông mãn*”: Bi Ý là tâm đại bi của Ngài. Bi Ý là đại thông mãn, đại trí huệ. Chúng ta luôn nghĩ Bi có thể dẹp khổ, chúng ta hy vọng Địa Tạng Bồ Tát sẽ dẹp trừ nỗi thống khổ của hữu tình, hy vọng chính mình có thể nghe pháp, có thể đắc trí huệ. “*Thông mãn*” (聰敏) có nghĩa là trí huệ, nhưng chúng ta phải kết hợp với Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát đại bi, ban trí huệ cho hết thấy chúng sanh, khiến cho hết thấy chúng sanh đều có trí huệ. Có trí huệ thì mới có

thê lia khô, được vui, Ngài mới đến cứu độ. Khi các hữu tình gặp khổ nạn, chúng sanh mới tin tưởng, ngưỡng mộ, mới có thể thọ trì.

Chúng ta tận lực học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, cũng có người học rất lâu, nhưng có thể là ngay cả Chiêm Sát Luân vẫn chẳng thể sử dụng được. Dầu có thể sử dụng, cũng chẳng thể tương ứng. Vì họ chẳng sanh khởi cái tâm chí thành. Tôi đã từng thưa với mọi người: Học nửa quyển đầu kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, phải xem kinh văn nhiều lượt, sau đấy mới gieo Chiêm Sát Luân. Chẳng xem kinh văn mà cứ gieo, sẽ giống như gieo tiền đồng, hoặc gieo quẻ Lục Hào, chẳng thể tương ứng. Phải lễ bái, phải xưng tụng danh hiệu. Nếu chẳng tương ứng, lại lễ bái. Đây là tiêu nghiệp chướng. Bất luận tương ứng hay không tương ứng, quý vị cứ lễ bái. Khi xưng tụng thánh hiệu Địa Tạng, tội nghiệp sẽ tiêu mất.

Hết thầy Phật pháp đều dạy chúng ta một phương pháp làm thê nào để lia khô, được vui. Tôi rất thiếu tiền, Địa Tạng Bồ Tát có thể thỏa mãn ước nguyện của quý vị. Đối với các thứ vật dụng cần thiết cho cuộc sống, quý vị mong có một biệt thự kiểu Tây, hãy lay Địa Tạng Bồ Tát nhiều hơn. Quý vị mong có được xe hơi Bảo Mã (BMW), hoặc xe Bôn Trì (Mercedes-Benz), chỉ cần quý vị ưa thích, hoặc mong đạt đến mục đích, hãy lễ bái, cầu Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ có thể ban cho quý vị. Ngài không nhất định thông qua một phương cách nào nhất định để ban cho quý vị. Tại Đại Lục, có rất nhiều người hy vọng sẽ có một vị thân thích bên Mỹ từ trên trời rơi xuống để cứu họ, cho họ khá nhiều tiền, lại giúp họ mở tiệm. Có chuyện này hay không? Không chỉ là có, mà còn xác thực chẳng ít. Nhưng đây chỉ là chuyện vui sướng trước mắt, hễ đã qua rồi, sẽ chẳng còn nữa.

Cầu Địa Tạng Bồ Tát ban sự vui sướng cho quý vị hoàn toàn chẳng phải là như vậy, mà là [mong cầu] liễu sanh tử, khiến cho quý vị khai ngộ. Nếu đã thông suốt, do lay Địa Tạng Bồ Tát, ở trong mộng, quý vị sẽ cảm nhận chuyện ấy trong tương lai có kết quả như thế nào, nhưng quý vị chẳng thể nói ra. Nếu nói ra, có thể sẽ bị thần hộ pháp trách phạt. Vì chẳng phải là quý vị chứng đắc, mà là do Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Do xưng thánh hiệu, bèn được gia trì. Trong tâm quý vị nảy sanh sự sáng suốt trong một niệm, chính mình lại che lấp sự sáng suốt ấy. Do vậy, hễ đạt được, thường là chẳng nói ra, như thế thì cái tâm của quý vị mới đạt được. Tiếp tục cầu, Ngài sẽ có thể cứu bạt nỗi khổ của quý vị, ban cho quý vị trí huệ, khiến cho quý vị hiểu rõ hết thầy.

(Kinh) Dữ bố giả vi thành, như minh nguyệt thị đạo, sanh thiện căn như địa, phá Hoặc như kim cang.

(經)與怖者為城，如明月示道，生善根如地，破惑如金剛。

(Kinh: Thành trì cho kẻ sợ, như trăng sáng soi đường, sanh căn lành như đất, phá Hoặc như kim cang).

“*Dữ bố giả vi thành*” (Làm thành trì cho kẻ kinh sợ): “*Khủng bố*” là từ ngữ hình dung. Hiện thời không có thành trì, thành trì đều bị hủy hoại. Chiến tranh hiện thời không có tiền phương và hậu phương khác biệt. Dẫu đắp tường thành cao đến mấy đi nữa, cũng chẳng ngăn được bom đạn từ không trung trút xuống, quý vị có biết hay không? Phi cơ từ trên trời giội bom xuống. “*Thành*” nói ở đây có ý nghĩa bất đồng. Trong tâm chúng ta có tòa thành, tâm thành có hình dáng như thế nào? Giả sử niệm thánh hiệu Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát tạo ra một tòa thành, khiến cho quý vị chẳng hoảng sợ, chẳng có cảm giác kinh hoàng, giống như được tường thành bảo vệ.

Địa Tạng Bồ Tát giống như vàng trắng sáng soi đường cho quý vị. Đây là trùng tụng phần Trường Hàng. Trong phần trước đã nói: Khiến cho quý vị sanh khởi thiện căn chẳng dao động, giống như đại địa, vì chúng ta làm thiện sự nhưng không có cội rễ. Lúc này thì làm, có thể là lúc sau chẳng làm. Có thể làm rồi sau đó lại hồi hận. Có chuyện như vậy hay không? Có chứ! Lại còn rất nhiều! Có đạo hữu phát khởi thiện tâm dũng mãnh, “*xả trách vi tự*” tức là buông xả cái nhà của mình, hoàn toàn biến thành tự viện. Về sau, ngay cả chính mình chẳng có chỗ ở, ngay cả cơm ăn cũng chẳng có, người ấy liền hồi hận, nghĩ lúc ấy nên giữ lại đôi chút. Như vậy là công lao trước đó đã mất sạch! Có công đức hay không? Có thì có, nhưng vẫn chẳng thể giải thoát được! Có hồi hận hay không? Có hồi hận. Kinh Thập Luân chuyên giảng về vấn đề này!

Nếu chúng ta bố thí cho Tam Bảo; sau đó, đích thân thấy vị hòa thượng ấy xấu xa, quý vị bèn rất áo não, nghĩ ngợi: “Sao thuở ấy lại bố thí cho một gã hòa thượng như vậy chớ?” Nghĩ như thế, công đức chẳng còn! Bất luận ông ta như thế nào, quý vị đã cúng dường Tam Bảo, ông ta đại diện cho Tam Bảo. Thích Ca Mâu Ni Phật và Địa Tạng Bồ Tát chuyên bàn về vấn đề này. Quý vị đã cúng dường, nhân duyên chín muồi, hết thấy các chuyện quý vị đã làm đều đã xong rồi, cứ để cho nó

qua đi, đừng níu kéo. Cái gì đã qua thì đã qua rồi, công đức đã thành tựu. Giống như quý vị tu hành, đạt đến bước thứ nhất, bước thứ nhất đã thành tựu, quý vị phải buông bỏ nó, ắt cần phải thực hiện bước thứ hai. Nếu quý vị cứ nắm khư khư bước thứ nhất chẳng buông xuống, sẽ chẳng thể tiến sang bước thứ hai được! Ắt cần phải buông xả thì mới có thể tiến vào bước thứ hai. Bước thứ hai đã thành tựu, cũng phải buông xả bước thứ hai, để tiến sang bước thứ ba, mãi cho đến khi rốt ráo thành tựu, hết thấy đều trọn đủ. Ngàn vạn phần đừng đã làm rồi lại hối hận.

Hễ quý vị tiến nhập thứ chi đó, đừng nên sau đó hối hận, công đức đã thành tựu. Đối phương như thế nào, chẳng ảnh hưởng gì đến quý vị. Quý vị thực hiện chuyện cúng dường Tam Bảo, cúng dường ngôi chùa ấy. Ta vừa mới cúng dường, chiến tranh bùng nổ ra, bom phá tan tành. Trong tâm quý vị áo não, nhủ thầm: “Tôi vừa mới cúng dường, sao lại bị phá hủy?” [Hãy biết] nhân duyên mới vừa cúng dường đã chín muồi, công đức đã trọn đủ. Khi quý vị cúng dường, vừa cúng dường xong là đã thành tựu, cung điện trên cõi trời dành cho quý vị cũng đã xây xong, đạn bom chẳng thể phá hủy được, chỉ là quý vị không thấy mà thôi! Do vậy, đừng nên xét lại, vì quý vị đã tiến về trước rồi, đã trọn đủ rồi!

Nếu quý vị sanh về Dạ Ma Thiên, trọn chớ nên lưu luyến Tứ Thiên Vương và Đao Lợi Thiên, vì Dạ Ma Thiên thoáng đặng hơn Tứ Thiên Vương và Đao Lợi Thiên. Công đức và trang nghiêm khác hẳn. Nếu quý vị sanh vào thế giới Cực Lạc, vẫn nghĩ tưởng thế giới Sa Bà thì lại là chuyện khác hẳn, vì quý vị mong trở về hóa độ chúng sanh. Vì trong cõi này, hãy còn rất nhiều người hữu duyên với quý vị, họ còn chưa hiểu rõ. Cho đến khi quý vị đã hiểu rõ, quay trở về, thế giới Sa Bà đã chẳng phải là thế giới Sa Bà nữa, mà giống hệt như thế giới Cực Lạc, tùy thuộc đó là cách nhìn của ai. Địa Tạng Bồ Tát thấy địa ngục có phải là cảnh tượng địa ngục hay không? Chẳng phải! Ngài độ địa ngục. Vì thế nói: “*Sanh thiện căn như đất, phá Hoặc như kim cang*”. Hết thấy mê hoặc do trí huệ kim cang mà có¹⁷; hễ phá, hễ chiếu, sẽ chẳng còn [mê hoặc] nữa, đã hóa giải. Có quang minh trí huệ vừa chiếu đến, tối tăm còn có thể tồn tại hay không? Nếu chúng ta tắt đèn điện, nhà cửa sẽ tối tăm. Bật đèn điện lên, tối tăm bị phá trừ, bao hàm ý nghĩa như thế đó.

¹⁷ Mê hoặc là do phiền não che lấp chân tánh. Mê và ngộ xét theo lý chỉ là một. Do vậy, mê hoặc có thể nói là trí huệ bị che lấp. Do bị che lấp nên trí huệ kim cang chẳng hiển lộ, biểu hiện thành mê hoặc. Do mê hay ngộ cùng một nguồn, nên nói mê hoặc sanh từ trí huệ kim cang.

(Kinh) Năng thí giải thoát bảo, như thủy phiêu chúng Hoặc, phiền não nhiệt vì cái, dữ tật như lương y.

(經)能施解脫寶，如水漂眾惑，煩惱熱為蓋，愈疾如良醫。

(Kinh: Thí của báu giải thoát, như nước trôi các Hoặc, ngăn che nóng phiền não, trị bệnh như lương y).

“Năng thí” là có thể bố thí. Người có thể bố thí hết sức giải thoát, có nghĩa là “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Giải thoát rất khó, vì tiền tài là thứ cần thiết cho cuộc sống. Người có trí thấy biết, dùng nó để lợi ích chúng sanh. Ất phải là bậc giải thoát thì mới chịu bố thí. Trong Lục Độ, vạn hạnh, bố thí đứng đầu. Bố thí là xả. Phải xả từ trong tâm, đừng nên chỉ chú trọng vật chất. Có thể bố thí thì mới có thể giải thoát. Khó xả nhất là thân thể của chính mình. Quý giá nhất cũng là thân thể của chính mình. Hiện thời, nếu có ba người hướng về ta yêu cầu bố thí, hoặc là xin mắt, hoặc là xin tim. Hiện thời, ta chẳng thể cho họ, vì chẳng trọn đủ cái tâm xả ấy, mà cũng chưa đạt tới đạo lực ấy. Cho nên chẳng giải thoát được. Nếu là đại Bồ Tát, quý vị cầu điều gì, các Ngài đều xả cho quý vị. Ngay cả thân thể của chính các Ngài cũng đều xả, hướng hồ quốc thành, vợ con? Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm đã nói: Những thứ như báu vật, các Ngài đều có thể thí xả cho hết thấy chúng sanh. Đây là giải thoát.

Hoặc nghiệp của chúng ta giống như nước cuốn trôi, đừng ngỡ nó là chân thật. Rất nhiều người chấp trước: “Nghiệp chướng của tôi nặng quá!” Thường nói ra rả như vậy thì sẽ tu chẳng thành! Hoặc là có chuyện gì chẳng đạt được, hoặc gặp phải tai nạn gì, điều đầu tiên cứ nghĩ là nghiệp chướng của chính mình rất nặng! Nghiệp chướng là Hoặc nghiệp của quý vị, khởi Hoặc, tạo nghiệp, giống như nước cuốn trôi, chẳng phải là chân thật, đừng tưởng nó là chân thật. Nếu quý vị sám hối, nghiệp chướng sẽ tiêu mất.

Đừng nghĩ nghiệp chướng của chính mình vẫn rất nặng. Nếu tận lực nghĩ Hoặc nghiệp của chính mình vẫn còn rất nặng, nếu nghĩ như vậy, nó sẽ một mực rất nặng nề, đè ép quý vị, vĩnh viễn chẳng thể giải thoát nổi! Bố thí cũng thế, trì giới cũng thế, luôn nghĩ nghiệp chướng của chính mình nặng nề: “Ôi trời ơi! Chuyện này làm sao tôi làm nổi! Nghiệp chướng của tôi rất nặng!” Một câu “*ngiệp chướng rất nặng*”

trở thành lý do để thoái thác, chớ nên! Nghiệp chướng vốn chẳng có tội rể. Hễ Hoặc nghiệp sanh khởi, quý vị phải niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Niệm đến mức chân thành. Những pháp môn khác đều chẳng tu, thì hãy lo trì danh. Quý vị cũng chẳng niệm kinh Thập Luân, cũng chẳng niệm kinh Chiêm Sát, mà niệm thánh hiệu thì vẫn được, nhưng ắt cần phải niệm đến mức chí tâm.

Phiền não là nhiệt não. Có mấy loại nhiệt não? Do phiền não sanh ra tâm oán hận, hoặc là do suy nghĩ không thông bèn ngủ chẳng được. Càng nằm, càng mất ngủ. Càng mất ngủ, càng trần trọc, trong lòng bứt rứt khôn kham, toàn là nhiệt não. Phàm là phiền não, sẽ luôn gây bức bối, giống như đắp một cái mền bông vậy. “Cái” (盖) bao gồm Ngũ Cái và Thập Triền. Có Phiền Não Cái ngăn che quý vị. Nếu là tràng phan, bảo cái (lọng báu), tức lọng báu của Phật, đây là thánh cảnh. Còn Cái ở đây chính là phiền não. Phiền não gây bứt rứt, vằng vát cả đầu óc, khiến cho quý vị thở chẳng nổi, chẳng thông qua nổi, chẳng giải thoát nổi! Địa Tạng Bồ Tát phá trừ phiền não, giống như trừ khử nhiệt não, [giống như] giờ bỏ lớp che đây. Quý vị có bệnh, Địa Tạng Bồ Tát tựa như một vị lương y rất giỏi, uống một thang thuốc vào, quý vị chẳng còn bệnh tật chi nữa!

(Kinh) Nhất nhật xưng Địa Tạng, công đức đại danh văn, thắng câu-chỉ kiếp trung, xưng dư trí giả đức. Năng giải chư chúng sanh, nhất thiết phiền não phược, chí Kiện Hành Định đẳng, chư Định chi bỉ ngạn. Thập nhị duyên thanh tịnh, chư trí như hư không, phá vô biên Phật độ, chư hữu tình ám tỵ.

(經)一日稱地藏，功德大名聞，勝俱胝劫中，稱餘智者德。能解諸眾生，一切煩惱縛，至健行定等，諸定之彼岸。十二緣清靜，諸智如虛空，破無邊佛土，諸有情暗聚。

(Kinh: Một ngày xưng Địa Tạng, công đức, danh to lớn, hơn trong câu-chỉ kiếp, xưng danh bậc trí khác. Tháo hết thảy phiền não, đang trói buộc chúng sanh. Đạt tới Kiện Hành Định, các Định nơi bờ kia. Mười hai duyên thanh tịnh, các trí như hư không, phá tới cho hữu tình, trong vô biên cõi Phật).

Quý vị một ngày xưng danh hiệu Địa Tạng bèn trọn đủ. Khi quý vị niệm một tiếng, một tiếng trọn đủ thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Niệm mười tiếng, cũng trọn đủ công đức của mười tiếng Địa Tạng Bồ Tát. Nếu thành tâm niệm như thế, chỉ niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát trong một ngày, sẽ hơn hẳn cả kiếp xưng niệm danh hiệu của các bậc có đức khác, bao gồm cả việc xưng niệm danh hiệu của các vị đại Bồ Tát khác.

“*Thập nhị duyên thanh tịnh*”: Mười hai nhân duyên thuộc vào pháp Nhân Duyên: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, Danh Sắc lại duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu... Đây là Thập Nhị Nhân Duyên, luân chuyển như thế đó. Chỉ cần niệm thánh hiệu Địa Tạng, học theo Địa Tạng Bồ Tát, mười hai nhân duyên sẽ thanh tịnh. Các nghiệp hoặc của chúng ta, do khởi Hoặc mà tạo nghiệp, nghiệp sẽ trói buộc quý vị. Hễ bị trói buộc bèn chịu khổ. Nay chẳng tạo nghiệp, chẳng khởi Hoặc, nghiệp chẳng trói buộc quý vị được, chính mình có thể làm chủ. Không chỉ tự mình giải thoát, mà còn có thể giác ngộ hết thảy chúng sanh đang bị phiền não che phủ. Tự mình nghe pháp, còn muốn nói cho người khác. Như các đạo hữu giới thiệu rất nhiều thân hữu khiến cho họ tin Phật, nghe pháp. Đây là giúp đỡ chúng sanh giải thoát.

“*Kiện Hành Định*” là tên gọi của một môn Định trong một trăm lẻ tám loại Định, có Kiện Hành Định, Kiện Đức Định... Đây đều là tên gọi của các môn Định. Hễ có một môn Định thì sẽ có thể đạt đến bờ kia, nhưng Cửu Thứ Đệ Định, Lục Dục Thiên Định thì không được. Loại Định này (Kiện Hành Định) là thánh định. Thánh Định thì như trong phần sau, chúng ta sẽ nói sáu pháp là Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tịnh; còn trong tông Thiên Thai thì là Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh, mang ý nghĩa “*hoàn nguyên phản tịnh*”. Lục Diệu Môn giảng giải ở mức độ cạn, còn kinh Thập Luân giảng ở mức độ sâu. Dù cạn hay sâu, chúng tôi cũng đều sẽ nói.

Sở dĩ bộ kinh này dài vì có rất nhiều phương pháp tu hành. Vì là phương pháp tu hành, chúng ta ắt cần phải làm đúng như thế. Học hiểu, sẽ có thể giải quyết vấn đề. Giải quyết vấn đề gì vậy? Trong cuộc sống hằng ngày, mỗi ngày chúng ta đều gặp rất nhiều vấn đề, trong tâm quán chiếu bất đồng, nhận thức và cảm quan của quý vị bất đồng. Quý vị ắt cần phải biết làm, ắt cần phải quán như vậy, giải quyết vấn đề ấy như thế nào? Giống như Địa Tạng Bồ Tát có trí huệ như thế, chúng ta vẫn chẳng đạt được.

Câu “*chư trí như hư không*” (các trí như hư không) có thể hiểu là “*hư không tức chư trí*”, mà cũng có thể nói ngược lại. Chúng ta có thể sánh ví Không với Bát Nhã. Trong kinh Phật, chỉ cần nói đến nghĩa Không, bèn dùng hư không để tỷ dụ. Thật ra, đây chẳng phải là hư không. Hư không có thể dung nạp hết thảy. Quý vị có trí huệ, đã phá trừ các Hoặc, trọn chẳng phải là tiêu diệt các Hoặc đó và vật chất. Nếu bình hoa là Không, trọn chẳng phải là đập nát nó vứt đi thì mới là Không, trọn chẳng phải là như vậy, mà là biết bản thể của nó là Không, do nhân duyên hòa hợp. Những đóa hoa [cắm trong bình đó] thoát đầu chẳng phải là sanh trưởng từ một cây hoa, mà là do người cắm hoa muốn dâng cúng hoa, bèn cắm chung một chỗ. Đối với mỗi đóa hoa, nó chứa đựng nước, có vật chất, đều là nhân duyên hòa hợp, chẳng có pháp nào là thật. Nhân duyên hòa hợp bèn sanh, nhân duyên tách rời bèn diệt. Khi duyên sanh, hãy tiếp nhận. Khi duyên diệt, hoa ấy diệt, tàn hết rồi, vậy thì hãy buông xả, chẳng còn nữa, vứt hoa đi! Đừng nên quuyến luyến, nuối tiếc nữa, như thế đó! Gia đình cũng như thế, cha mẹ, vợ con, có nhân duyên mới tụ hội cùng nhau, mọi người đều như vậy. Tôi nói thời gian dài một chút thì là một trăm năm, cho đến khi đó, cũng phải ly tán. Đã ly tán, hãy buông xuống, đừng nên khăng khăng chấp trước. Đời này chẳng buông xả được, lại chấp vào đời sau. Đời sau lại không buông xả được, cho nên chẳng thể giải thoát. Do vì lẽ này mới chẳng thể giải thoát. Chẳng biết các trí như hư không!

“*Phá vô biên Phật độ, chư hữu tình ám tụ*” (Phá trừ sự tối tăm của các hữu tình trong vô biên cõi Phật): Chủ yếu là hết thảy chúng sanh trong vô biên cõi Phật, hắc ám tụ tập cùng một nơi. “*Ám tụ*” chính là nghiệp. Nghiệp quá nhiều, phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Giới Cấm Thủ Kiến, mười kết sử ấy kết tụ lại, khiến quý vị chẳng thoát ra được! Mười kết sử ấy sanh ra khá nhiều nghiệp, vô cùng, vô tận. Tham thì tham thứ gì, cũng đều là tham. Đối với Phật pháp, nếu quý vị thật sự có thể tiến nhập, trí Bát Nhã vừa chiếu, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, hết thảy đều là Không. Phạm là có hình, có tướng, ngôn ngữ, văn tự, đều là Giả, đều là Không. Nhưng khi chúng ta chưa đạt tới mức độ ấy, vẫn cần đến ngôn ngữ. Sau khi đã hiểu rõ văn tự thì mới phá trừ được. Trong khi chúng ta còn chưa chứng đắc cảnh giới ấy, chẳng thể lìa khỏi gia đình. Nếu chẳng cần đến gia đình, mặc kệ con thơ để đi nghe kinh thì không được rồi! Quý vị đến nghe kinh kiêu đó, sẽ chẳng đạt được lợi ích. Người ở nơi

đây, tâm bản khoãn nơi khác, chẳng chú tâm được! Quý vị phải nên làm gì thì hãy nên làm điều đó.

Nhưng “*thế pháp chư pháp vị, thế gian thường tương trụ*” (các pháp vị của pháp thế gian thường trụ trong thế gian). Nhất định phải hiểu đạo lý này! Do vậy, quý vị hiểu “*các trí như hư không*” thì mới có thể phá trừ hắc ám tụ (“*tụ*” có nghĩa là tụ tập) của hữu tình trong vô biên cõi Phật, mới có thể tiêu trừ hết thảy các nghiệp sanh bởi nhân duyên. Địa Tạng Bồ Tát chẳng trụ trong một cõi Phật nào [nhất định], mà là trụ trong vô cùng vô tận [cõi Phật].

(Kinh) Tùy chư độ nhập Định, tứ Tĩnh Lự đẳng lưu, phổ linh chư hữu tình, nhập định trừ Hoặc nhiệt.

(經)隨諸土入定，四靜慮等流，普令諸有情，入定除惑熱。

(Kinh: Nhập Định trong các cõi, bốn Tĩnh Lự cùng nhập, khiến khắp các hữu tình, nhập Định, trừ nhiệt não).

“*Tùy chư độ nhập Định, tứ Tĩnh Lự đẳng lưu*” (Thuận theo các cõi mà nhập Định, bình đẳng nhập vào Tứ Tĩnh Lự): Tĩnh Lự có nghĩa là tư lự, hoặc Định. “*Đẳng lưu*” (等流) có nghĩa là “*bình đẳng đồng thời tiến nhập*”. Pháp Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, bản thân của bốn pháp ấy đều là Định. “*Đế*” là như lý. Có thể khiến cho hết thảy hữu tình nhập Định, diệt trừ Hoặc, nhiệt não, tức phiền não, không chỉ trong đời này [mà còn...]

(Kinh) Chúng sanh túc ác nghiệp, đao binh, bệnh, cơ cần, tùy sở tại não hại, giai năng linh giải thoát.

(經)眾生宿惡業，刀兵病饑饉，隨所在惱害，皆能令解脫。

(Kinh: Chúng sanh túc ác nghiệp, chiến tranh, bệnh, đói kém, hề ai bị não hại, đều khiến được giải thoát).

Do nghiệp cảm của chúng sanh mà cảm vờ bão tố, lũ lụt, hỏa tai, đó là ba đại tam tai. Hiện thời, chiến tranh, nước lửa, đói kém là tiểu tam tai. Do nghiệp cảm của chúng sanh, những thứ tai nạn ấy hiện thời đặc

biệt nhiều. Càng về sau càng nhiều hơn, đây mới chỉ là khởi đầu! Tôi sống hơn tám mươi năm, kể từ lúc hiểu chuyện, cảm thấy thế giới này chẳng có ngày nào tốt đẹp. Thuở ấy, miền Đông Bắc bọn thổ phỉ và quân phiệt đánh nhau, đánh xong thì Nam Bắc gây chiến. Sau đó, lại là người Nhật gây hấn. Mọi người hồi tưởng xem, có ngày nào an định hay không? Đây chỉ là đao binh kiếp.

Có ai không bị bệnh? Có rất nhiều bệnh chẳng trị được. Đói kém, ôn dịch, có chỗ bị hại người ta biết, có chỗ chẳng bị hại, người khác không biết. Các thứ bệnh tật, binh đao, đói kém, mỗi thứ đều bao gồm vô lượng nỗi hại. Quý vị vừa niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, vừa cầu Địa Tạng Bồ Tát, sẽ đều được giải thoát. Đây là đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát có công đức rất ráo rộng lớn. Quý vị có tai nạn gì, hãy cầu Ngài, sẽ đều tốt đẹp.

(Kinh) Chúng sanh ngũ thú thân, chư khổ sở bức thiết, quy kính Địa Tạng giả, hữu khổ tất giai trừ.

(經)眾生五趣身，諸苦所逼切，歸敬地藏者，有苦悉皆除。

(Kinh: Chúng sanh trong năm đường, bị các khổ bức bách, hãy quy kính Địa Tạng, các khổ thảy đều trừ).

“Chúng sanh ngũ thú thân, chư khổ sở bức thiết” (Chúng sanh thọ thân trong năm đường, bị các nỗi khổ bức bách): Vốn là “lục thú”, tức lục đạo, ở đây nói là “ngũ thú”, [dường như] nói thiếu một đường. Bản thân chúng ta khi sanh mạng đã tận, quý vị sẽ tiến vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, hay người. A Tu La được gộp vào trong năm đường, có nhân Tu La, có thiên Tu La, có quỷ Tu La. Lục đạo có lúc nói thành năm đường, tức là đem Tu La đạo gộp vào trong năm đường kia. Họ chẳng phải là trời, chẳng phải là người. Hễ là chúng sanh trong năm đường, sẽ đều bị khổ nạn bức bách. Nếu quy kính Địa Tạng Bồ Tát, “hữu khổ tất giai trừ” nghĩa là tất cả các khổ nạn đều bị diệt trừ.

(Kinh) Chúng sanh thừa khổ luân, triển chuyển tương vi hại, quy kính Địa Tạng giả, giai trụ nhẫn từ tâm.

(經)眾生乘苦輪，展轉相違害，歸敬地藏者，皆住忍慈心。

(Kinh: Chúng sanh nương khổ luân, lần lượt nghịch hại nhau, hễ quy kính Địa Tạng, tâm đều trụ từ nhân).

Chúng ta nương theo các luân chẳng tốt đẹp, chúng là khổ luân, lần lượt chống trái, làm hại lẫn nhau. Nếu quy y Địa Tạng Bồ Tát, sẽ chẳng thương tổn lẫn nhau. Tôi chẳng thương tổn quý vị, quý vị cũng chẳng thương tổn tôi, đều có thể khởi tâm đại từ bi, giúp đỡ lẫn nhau. Bậc hiền nhân trước kia suy nghĩ rất hay, họ nói: “*Dân có dân trị, dân hưởng*”, nhưng ai thực hiện? Như vậy thì chẳng làm hại, chẳng trái nghịch nhau hay không? Giàu nghèo đều như nhau, mọi người cùng hưởng vui sướng. Kết quả là quý vị khổ một chút, tôi sướng một chút, đa số là tình hình như thế đó! Có ai biết nghĩ đến người khác? Toàn là nghĩ cho mình, toàn là trái nghịch, tổn hại lẫn nhau! Càng ngày càng trái nghịch, tổn hại nhau, khổ càng sâu nặng hơn, vĩnh viễn chẳng chấm dứt. Sau khi đã quy kính Địa Tạng Bồ Tát, nhiệt não trong tâm họ sẽ bình ổn, sanh khởi từ tâm.

(Kinh) Thập nhị duyên sở bố, truy cầu khổ sở y, quy kính Địa Tạng giả, giai an trụ vô úy.

(經)十二緣所怖，追求苦所依，歸敬地藏者，皆安住無畏。

(Kinh: Mười hai duyên đáng sợ, truy cầu càng khổ sở, hễ quy kính Địa Tạng, đều an trụ vô úy).

Trong phần trước, chúng tôi đã nói về pháp thập nhị nhân duyên. Bất luận là đời quá khứ hay đời vị lai, nói chung, hễ tâm quý vị động niệm, khởi nghiệp; đấy gọi là Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng ấy chẳng ngưng dứt, nó sẽ chuyển biến. Sự chuyển biến ấy gọi là Chuyển Tướng. Nó là tướng cảnh giới trong tự tâm. Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, và Tướng Tướng (cảnh giới tướng) đã hoàn thành, bèn chấp thủ (chấp trước, nắm giữ) liên tục. Chấp trước danh tự rồi bèn khởi Hoặc, tạo nghiệp. Do vậy, khổ luân sẽ [tạo thành] bức hại lẫn nhau. Đây là chuyện đáng sợ hãi (bố úy). Do đó, chớ nên khởi nghiệp. Chẳng tạo nghiệp, sẽ chẳng dấy Hoặc, mà cũng chẳng có kinh sợ. Sở dĩ chúng ta tạo nghiệp là do có thân thể. Thân thể cần phải ăn, cần phải mặc, đồng thời, cũng mong cầu thoải mái. Ai nấy đều mong chính mình được thoải mái. Làm

thế nào để được thoải mái thì cứ làm như thế ấy, mặc kệ người khác có thoải mái hay không! “Mày cứ giúp tao thoải mái là được rồi!” Ai nấy đều tính toán như thế, tranh đoạt lẫn nhau. Càng truy cầu, cái khổ càng gần sát quý vị. Quý vị vốn theo đuổi sung sướng, nhưng càng truy cầu, càng khổ sở nhiều hơn. Mong lìa khổ, phải tu pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta pháp môn này, tức là niệm Địa Tạng Bồ Tát sẽ ổn thỏa, quý vị chẳng bị sợ hãi nữa!

(Kinh) Nhượng nhượng tu chư phước, chánh niệm, giới, văn huệ, quy kính Địa Tạng giả, sở cầu giai mãn túc.

(經)若樂修諸福，正念戒聞慧，歸敬地藏者，所求皆滿足。

(Kinh: Nếu thích tu các phước, chánh niệm, giới, văn huệ, hễ quy kính Địa Tạng, sở cầu đều thỏa mãn).

Quý vị cầu phước đức, cầu trí huệ, phải sanh khởi chánh niệm. Niệm gì vậy? Niệm giới, niệm pháp. Niệm pháp là nghe pháp. Nghe pháp sẽ có thể sanh trí huệ, đây cũng là niệm huệ. Hễ quy kính Địa Tạng Bồ Tát, Giới, Định, Huệ mà quý vị mong cầu sẽ đều được thỏa mãn, sẽ lìa khổ, được vui.

(Kinh) Nhạo nhất nhất công đức, công xảo, được, chủng tử, quy kính Địa Tạng giả, sở cầu giai mãn túc.

(經)樂一一功德，工巧藥種子，歸敬地藏者，所求皆滿足。

(Kinh: Ưa thích mỗi công đức, nghề khéo, thuốc, hạt giống, hễ quy kính Địa Tạng, sở cầu đều thỏa mãn).

Quý vị thích làm công đức, hoặc muốn làm thầy thuốc, làm khoa học gia, hoặc mong làm người dạy các kỹ thuật hay khéo, nhưng chẳng có trí huệ, thì sẽ chẳng làm được! Bền cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì quý vị, ban cho quý vị trí huệ để có thể phát minh, sáng tạo. Lúc Bồ Tát mong lợi ích chúng sanh, ắt cần phải thấu hiểu Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Nội Minh, Ngoại Minh, và Nhân Minh. Đó gọi là Ngũ Minh Bồ Tát. Bậc Bồ Tát tu Ngũ Minh thì nghệ thuật thế gian sẽ đều

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

hiều, lại còn dùng tâm đại từ đại bi của Phật giáo để học tập. Quy kính Địa Tạng Bồ Tát sẽ có trí huệ, vừa học liền hiểu.

(Kinh) Cầu chư cốc, dược điền, nam, nữ, y, bộc sử, quy kính Địa Tạng giả, sở cầu giai mãn túc.

(經)求諸谷藥田，男女衣僕使，歸敬地藏者，所求皆滿足。

(Kinh: Cầu thóc lúa, ruộng, thuốc, con cái, áo, tôi tớ, hễ quy kính Địa Tạng, sở cầu đều thỏa mãn).

Hết thấy đều là những điều chúng ta mong cầu trong hiện tại, chẳng hạn như làm ruộng bền mong ngũ cốc sanh trưởng tươi tốt, trồng thuốc bền mong dược thảo sanh trưởng rất tốt. Vào núi hái thuốc thì linh chi, nhân sâm, những thứ dược liệu tôn quý, hiếm có như vậy đều đạt được. Mong mỗi có người giúp đỡ quý vị, hoặc là mong cầu y phục, tìm kẻ hầu tận tụy. “Bộc sử” (僕使) là kẻ hầu. Quý vị mở một công ty, tìm mấy trợ thủ, công nhân, hay viên chức giỏi giang đều là rất khó! Công nhân, viên chức nào chẳng nghĩ trộm cắp, chẳng mong chinh quý vị, chẳng nghĩ làm hại quý vị? Chỉ cần quy kính Địa Tạng Bồ Tát, sở cầu sẽ đều có thể thỏa mãn.

(Kinh) Chúng đức cụ tương ứng, năng nhậm trì đại địa, nhân tư chư cốc dược, nhuận trạch nhi tế nhuyễn.

(經)眾德具相應，能任持大地，因茲諸谷藥，潤澤而細軟。

(Kinh: Đủ các đức tương ứng, hay duy trì đại địa, do vậy, ngũ cốc, thuốc, tươi nhuận và mềm mịn).

Vì sao? Vì Địa Tạng Bồ Tát trọn đủ hết thấy các đức, Ngài duy trì đại địa, các thứ ấy đều sanh trưởng từ đại địa. Do vậy, các thứ ngũ cốc, dược liệu đó được vun quén, sanh trưởng hết sức tươi tốt.

(Kinh) Chư phiến não sở phú, nhạo hành Thập Ác nghiệp, quy kính Địa Tạng giả, phiến não ác giai trừ.

(經) 諸煩惱所覆，樂行十惡業，歸敬地藏者，煩惱惡皆除。

(Kinh: Các phiền não che lấp, thích hành nghiệp Thập Ác, hễ quy kính Địa Tạng, phiền não ác đều trừ).

Quý vị bị những phiền não che lấp. “Phú” (覆) là che lấp, quý vị chẳng nghĩ làm chuyện tốt, trong tâm tận lực tính làm chuyện ác. Mười ác nghiệp chính là “giết, trộm, dâm” nơi thân, “nói dối, nói thêu dệt, nói lời thô ác, nói đôi chiều” nơi miệng. Không chửi người khác, sẽ không thể nói năng được! Ất cần phải chửi người khác thì kẻ đó mới nói được. Khi tôi ở Tứ Xuyên, cảm thấy họ không chửi mắng người khác sẽ không nói năng được! Trợn chẳng phải là chửi bới thật sự, trẻ con lần người già cứ mở miệng ra là “*đồ con rùa nhà người*”, đã thành câu cửa miệng của họ rồi! Tôi nghe nói rất khó chịu, họ bảo: “Đây là thói quen của bọn tôi, không có ý gì đâu!” Họ chẳng nói “*đồ con rùa nhà người*” sẽ chẳng nói được! Cứ mở miệng ra là “*đồ con rùa*”, dường như đã thành tật, nhưng chúng ta nghe rất chói tai, bất luận trai gái gì cũng đều nói như thế cả!

Còn có vùng Đông Bắc, thoát đâu, khi tôi còn bé, có một khu gọi là Lạp Cáp tộc, có thể là mọi người chưa từng nghe nói tới. Ngôn ngữ của họ đơn giản tới cực điểm, người trẻ tuổi gọi người lớn tuổi là “*lão hỏa kế*”, người lớn tuổi gọi kẻ trẻ tuổi là “*tiểu hỏa kế*”. Hai chữ “*hỏa kế*” (伙计) chẳng phải là phát âm như chữ “*hỏa kế*”¹⁸ trong tiếng Hán. Tôi hỏi ý nghĩa của hai chữ đó, họ chẳng có cách nào giải thích. Con gọi cha lẫn mẹ đều là “*lão hỏa kế*”. Cha mẹ cũng gọi con cái là “*tiểu hỏa kế*”. Ngôn ngữ nghèo nàn như thế đó, mong nói nhiều hơn mấy câu cũng chẳng được! Nếu quý vị biến thành tộc người đó, nói năng có khổ hay không? Có khác gì trâu, ngựa hay không? Do vậy, kinh nói “*chẳng khác súc sanh, chẳng khác gỗ, đá*”; kẻ chẳng hiểu Phật pháp chẳng khác gì gỗ, đá, và súc sanh, chẳng khác gì trâu, ngựa cho mấy!

(Kinh) Hiện tác chủng chủng thân, vị chúng sanh thuyết pháp, cụ túc thí công đức, bi mãn chư chúng sanh.

¹⁸ Hỏa Kế có nghĩa gốc là những người làm công trong tiệm hoặc xưởng. Đặc biệt là bồi bàn thường được gọi là “hỏa kế”, tức “phổ ky” trong tiếng Quảng Đông.

(經)現作種種身，為眾生說法，具足施功德，悲愍諸眾生。

(Kinh: Hiện làm đủ mọi thân, vì chúng sanh thuyết pháp, trọn vẹn công đức Thí, thương xót các chúng sanh).

Trong phần trước đã nói Địa Tạng Bồ Tát hiện đủ loại thân, mọi người đều đã thấy. Tổng cộng, Ngài hóa hiện bốn mươi hai loại hóa thân.

(Kinh) Giả sử bách kiếp trung, tán thuyết kỳ công đức, do thượng bất năng tận, cố giai đương cúng dường”.

(經)假使百劫中，讚說其功德，猶尚不能盡，故皆當供養」。

(Kinh: Giả sử trong trăm kiếp, tán nói công đức Ngài, vẫn chẳng thể trọn hết, hãy đều nên cúng dường”).

Cuối cùng, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo đại chúng tham dự pháp hội: Nói công đức của Địa Tạng Bồ Tát thì đâu nói cả trăm kiếp vẫn tán thán chẳng trọn. “*Do thượng bất năng tận, cố giai đương cúng dường*” [nghĩa là]: Mọi người đều nên cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, xưng tụng thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát.

Tôi nói khá nhiều buổi mới hết Tự Phần, vẫn chưa nói đến phần Chánh Tông. Ý nghĩa được bao hàm trong Tự Phần chủ yếu là khiến cho mọi người tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát có thể dẹp trừ khổ nạn, ban vui sướng cho chúng ta, khiến cho mọi người tin tưởng. Địa Tạng Bồ Tát cũng hỏi đức Phật rất nhiều vấn đề, xin đức Phật giải đáp. Lần tới, tôi sẽ nói về phẩm Thập Luân, tức là phần Chánh Tông. Kinh có tám phẩm, phẩm đầu tiên là trần thuật. Phẩm cuối cùng là phần Lưu Thông, dặn dò Hư Không Tạng Bồ Tát phải lưu thông kinh này để rất nhiều người hưởng lợi ích, khiến cho rất nhiều hữu tình chúng sanh đắc độ. Bất quá, Hư Không Tạng Bồ Tát trụ trong hư không, vẫn chưa lưu thông, nay lại gặp nhân duyên, nên mọi người có thể cùng nhau học tập. Phẩm Tự đã xong!

II. Thập Luân - Phẩm Đệ Nhị

十輪品第二

(Phẩm thứ hai: Thập Luân)

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, đánh lễ Phật túc, thiên dẫn nhất kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Ngã kim vấn Thế Tôn, vô lượng công đức hải, duy nguyện tứ khai hứa, vị giải thích trừ nghi”.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩從座而起，整理衣服，頂禮佛足，偏袒一肩，右膝著地，合掌恭敬，而白佛言：「我今問世尊，無量功德海，唯願賜開許，為解釋除疑」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, đánh lễ dưới chân Phật, trật áo một bên vai, gồi phải đặt sát đất, chắp tay, cung kính, mà bạch với đức Phật: “Con nay hỏi Thế Tôn, biển vô lượng công đức, kính mong chấp thuận cho, nhằm giải thích trừ nghi”).

Nay chúng tôi bắt đầu giảng Chánh Tông Phần của kinh Thập Luân. Trong kinh văn của phẩm này, Địa Tạng Bồ Tát muốn nói về Thập Luân. Ngài lại còn xin đức Phật chỉ dạy Thập Luân là gì? Có Thập Luân của chúng sanh và Thập Luân của Phật. Pháp do đức Phật thuyết đối ứng với các loại nghiệp do chúng sanh đã tạo. Nay chúng ta đang ở trong khổ nạn, mong cầu giải thoát. Như thế nào thì mới có thể giải thoát? Đức Phật dạy chúng ta các phương pháp, mỗi bộ kinh đều là như thế. Trước hết, Bồ Tát thỉnh cầu, đức Phật khai thị. Bồ Tát lại thỉnh vấn, đức Phật lại nói. Hễ nói đến Phật trong pháp hội, sẽ đều là Thích Ca Mâu Ni Phật.

Trong phần Tự, Địa Tạng Bồ Tát đã tán thán đức Phật, đức Phật cũng tán thán Bồ Tát. Sau đây, Địa Tạng Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy. Khi thỉnh pháp, trước đó phải có nghi thức khai thỉnh. Hiện thời, bậc thánh chẳng còn, hiền nhân đã qua, chỉ còn sót lại các phàm phu hời hợt thỉnh pháp, ngay cả ý nghĩa cũng đều chẳng biểu thị, chỉ nói: “Pháp sư à! Chuyện đó giải thích như thế nào?” Trong quá khứ, [hỏi kiểu đó] sẽ không được! Quý vị muốn thưa hỏi, từ chỗ ngồi của quý vị đứng lên, chỉnh đốn quần áo đàng hoàng, “*thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa*”

(trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất). Nay cái y của chúng ta luôn để lộ vai phải, vì sao mỗi khi đánh lễ, đều phải trật vai áo phải? Vì trước khi đánh lễ, có lúc tiết trời lạnh lẽo, đắp y che cả hai vai. Khi một người sắp xin chỉ dạy, nhất định phải lật y ra, để lộ vai phải, đó gọi là “*thiên đản hữu kiên*” (trật vai áo phải). Cách quỳ của Ấn Độ là gối phải đặt sát đất, chỉ quỳ một đùi phải xuống: Khi quỳ, một đùi áp sát đất, đùi kia dựng lên. Sau đó, hai tay chấp lại. Đây là nghi thức thỉnh pháp. Muốn thỉnh pháp, ắt phải thực hiện nghi thức này.

Nhưng khi Phật pháp truyền sang Trung Hoa, đặc biệt là sau khi Tam Vũ Diệt Phật¹⁹, Thiên Tông đã hủy bỏ toàn bộ quy củ xưa kia trong Phật pháp, hủy bỏ [những lễ tiết] đức Phật đã chỉ dạy. Tuy nói là “*hủy bỏ*”, nhưng cũng có thể nói là vì để khai ngộ kẻ đương cơ, cho nên chẳng chú trọng hình thức, vừa quát, vừa đánh, thậm chí còn chửi bới nữa! Đôn Hà²⁰ chửi tượng Phật, đốt tượng Phật. Những tình hình ấy đều chẳng thể coi là lệ thường được! Chuyện đó chẳng phù hợp với khuôn phép do đức Phật chỉ dạy. Hét to hai tiếng, hoặc bạt tai quý vị, hoặc đá quý vị một cái, hình thức nào cũng đều có, chỉ cần quý vị khai ngộ là được rồi. Mục đích của họ là như vậy đó, nhưng trong nghi tiết của Phật pháp, làm như vậy không được! Bất luận đại Bồ Tát xin đức Phật chỉ dạy, hoặc quý vị muốn thỉnh pháp, phải có nghi thức này. Tôi vừa mới nêu đại lược nghi thức thỉnh pháp ấy.

¹⁹ Tam Vũ Diệt Phật là ba lần pháp nạn của Phật pháp Trung Hoa: Triều đình cầm đoán Phật giáo, giam cầm tăng sĩ, phá hủy chùa chiền, hủy tượng Phật và kinh sách nhà Phật, đuổi tăng sĩ về đời, tịch thân tự sản. Gọi là Tam Vũ vì ba vua thực hiện chánh sách đàn áp này đều có chữ Vũ trong miếu hiệu, tức Bắc Ngụy Thái Vũ Đế, Bắc Châu Vũ Đế, và Đường Vũ Tông. Ngụy Thái Vũ Đế (Thác Bạt Đào) diệt Phật do say mê Đạo Giáo, nghe lời xúc xiểm của bọn Thôi Hạo và đạo sĩ Khấu Khiêm Chi, muốn biến Đạo Giáo thành quốc giáo độc tôn, cũng như muốn chiếm đoạt tài sản của tự viện. Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) muốn tôn sùng Nho học, lại do thấy quốc khó thâm thủng, tự viện Phật giáo có nhiều ruộng đất, tăng sĩ không phải nộp thuế, bèn nảy lòng tham. Lại do gã tăng phá giới hoàn tục trở thành đạo sĩ là Vệ Nguyên Tung xúc xiểm, Châu Vũ Đế bèn nhất quyết hủy diệt Phật giáo. Đường Vũ Tông (Lý Viêm) do muốn chiếm đoạt tài sản của tự viện, nghe theo lời sàm tấu của bè lũ đạo sĩ Triệu Quy Chân bèn hạ lệnh diệt Phật pháp.

²⁰ Đôn Hà Thiên Nhiên (739-824) là môn đệ của thiên sư Thạch Đầu Hy Thiên và Mã Tổ Đạo Nhất. Trên đường vân du, Sư đến chùa Huệ Lâm, gặp lúc trời lạnh, Sư bèn chửi tượng Phật làm củi đốt. Viện chủ trông thấy quở trách, Sư đáp: “Tôi đốt tìm xá-lợi”. Viện chủ bảo: “Phật gỗ làm gì có xá-lợi?” Sư nói: “Đã không có xá-lợi thì thỉnh thêm hai vị nữa để đốt”. Viện chủ liền khai ngộ.

Tiếp đó là thưa bày, khi thỉnh pháp còn phải tán thán. “Ngã kim vấn Thế Tôn” (Con nay hỏi đức Thế Tôn) mang ý nghĩa thỉnh vấn. “Vô lượng công đức hải” (Biển vô lượng công đức): Công đức của Phật chẳng thể hạn lượng. Vậy thì dùng điều gì để sánh ví? Giống như biển cả. Biển sâu và rộng, trí huệ của Ngài cũng sâu và rộng như biển, mà cũng chẳng có gì không biết, không gì chẳng hiểu. Do vậy, con thỉnh Phật hãy chấp thuận, kính mong ban ân, cho phép con nói, khéo giải thích nghi vấn cho chúng con. [Đó là ý nghĩa của câu] “*vị giải thích trừ nghi*”. Phương thức của chúng ta là trước hết nêu ra chuyện [thắc mắc] ấy, sau đó xin giải thích; còn phương thức tại Ấn Độ là tán thán trước, sau đấy, xin quý vị khai thị, giúp tôi giải trừ nghi vấn. Sau đó mới nói [thắc mắc] chuyện gì. Bồ Tát vừa mới xin phép, còn chưa đợi Địa Tạng Bồ Tát hỏi, đức Phật lại tán thán.

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Nhữ chân thiện sĩ, ư nhất thiết pháp, trí kiến vô ngại, vị dục nhiều ích tha hữu tình cố, thỉnh vấn Như Lai. Tùy như ý vấn, ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thích, linh như tâm hỷ”. Ư thị, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ tụng vấn viết: “Ngã tăng thập tam kiếp, dĩ cần tu khổ hạnh, vị nhất thiết hữu tình, trừ tam tai, ngũ trước, đa câu-chi Phật sở, dĩ thiết vô biên cúng, tăng kiến Đại Tập hội, thanh tín chúng hòa hợp, thông triết, cần tinh tấn, giai lai đồng hội tập, vị tăng kiến như thị, vô chư tạp uế chúng.

(經)世尊告曰：「汝真善士，於一切法，智見無礙，為欲饒益他有情故，請問如來。隨汝意問，吾當為汝分別解說，令汝心喜」。於是，地藏菩薩摩訶薩，以頌問曰：

「我曾十三劫，已勤修苦行，為一切有情，除三災五濁，多俱胝佛所，已設無邊供，曾見大集會，清信眾和合，聰哲勤精進，皆來同會集，未曾見如是，無諸雜穢眾。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Ông là bậc chân thiện sĩ, trong hết thấy các pháp trí thấy vô ngại, vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình khác mà thưa hỏi Như Lai. Ông cứ tùy ý hỏi, ta sẽ vì ông phân biệt, giải thích, khiến cho ông hoan hỷ”. Ngay khi đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dùng kệ hỏi rằng: - Con trong mười ba kiếp, đã siêng tu khổ hạnh, vì

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

hết thấy hữu tình, trừ tam tai, ngũ trước, đối trước câu-chi Phật, dâng cúng dường vô biên, từng thấy hội Đại Tập, chúng thanh tín hòa hợp, thông duệ, siêng tinh tấn, đều cùng đến nhóm họp, chưa từng thấy thế này, không có chúng tạp uế).

“*Thế Tôn cáo viết: Nhữ chân thiện sĩ*” (Đức Thế Tôn bảo: - Ông là bậc thiện sĩ thật sự), ý nói: Ông là một vị thiện nhân thật sự. “*Thiện*” ở đây không phải là thiện bình phàm, mà là chân thiện sĩ rốt ráo. Đức Phật đều gọi các đệ tử là “*thiện sĩ*”, hoặc “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, đều thêm một chữ Thiện. “*Thiện*” là ông có duyên thân cận ta, thiện duyên ấy chẳng dễ dàng. Ông là người hướng thiện, trừ khử hết thấy cấu nhiễm, rốt ráo thanh tịnh. Đây là đức Phật xưng tán, hứa khả Địa Tạng Bồ Tát, bảo: “Trí huệ của ông đối với hết thấy các pháp đã chẳng có chướng ngại, tự mình đều có thể thông đạt. Ông vốn chẳng cần phải hỏi, nhưng vì sao muốn hỏi?” “*Vị dục nhiều ích tha hữu tình cố*” (Vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình khác): Nếu chẳng có Địa Tạng Bồ Tát xin chỉ dạy, bộ kinh Đại Tập Thập Luân cũng sẽ chẳng thể nói. Đức Phật rất ít khi tự mình thuyết pháp, ắt cần phải có bậc đương cơ thỉnh vấn, đức Phật mới thuyết pháp. Không có căn cơ thích ứng, [hạng người] giống như chúng ta thì sẽ không có cách nào thừa thỉnh được. Ông muốn “*nhieu ích*”, tức là tạo lợi ích cho hết thấy các hữu tình khác, cho nên mới thưa hỏi Như Lai. Ta sẽ “*tùy ý nhữ vấn*” (cho phép ông tùy ý hỏi), ông muốn hỏi gì cứ hỏi đi, ta sẽ phân biệt, giải thích cho ông, khiến cho ông hoan hỷ. Khiến cho Địa Tạng Bồ Tát hoan hỷ chính là khiến cho hết thấy chúng sanh hoan hỷ; do vậy, Địa Tạng Bồ Tát bèn thưa hỏi.

Kế đó là những hạng mục thưa hỏi chủ yếu của Địa Tạng Bồ Tát, mà cũng là trọng điểm trong kinh này. Ngài muốn hỏi điều gì? Ngài nói Ngài đã từng tu hành mười ba kiếp, dùng thời gian mười ba kiếp để tu hành khổ hạnh. Thời gian một kiếp dài cỡ nào? Có thể chia thành bốn kiếp Thành, Trụ, Hoại, Không. Bốn trung kiếp được coi là một đại kiếp. Kiếp trong hiện thời là Trụ Kiếp. Trong Trụ Kiếp, thọ mạng của loài người từ tám vạn bốn ngàn năm, nói tròn là tám vạn tuổi, cứ qua một trăm năm giảm bớt đôi chút, giảm đến khi con người thọ mười năm. Lại từ mười tuổi, cứ qua một trăm năm tăng lên một tuổi, tăng đến tám vạn bốn ngàn năm. [Chu kỳ] một tăng một giảm như thế tính là một kiếp. Địa Tạng Bồ Tát nói: Con dùng thời gian mười ba kiếp, tức là mười ba lần chu kỳ một tăng một giảm tám vạn bốn ngàn năm ấy để làm gì? Tu

khô hạnh. Ngài tu khô hạnh chẳng phải là thứ khô hạnh cực nhọc như chúng ta.

Chúng ta biết Địa Tạng Bồ Tát luôn ở trong địa ngục, trong đời ác ngũ trược, vào lúc không có Phật pháp, lúc chúng sanh khổ nạn, Ngài đến độ chúng sanh, dùng thời gian dài như vậy, chẳng thể tính số năm, nếu tính theo số ngày, sẽ càng nhiều hơn nữa! Vì độ hết thấy chúng sanh, vì hết thấy hữu tình mà trừ tam tai, bát nạn. “*Tam tai*”: Đại tam tai là hỏa, thủy, phong, tiểu tam tai là đao binh, đói kém, ôn dịch. Hai loại tam tai này đều phải trừ bỏ vì mong chuyển biến hình thái xã hội, biến đổi sao cho tốt đẹp hơn đôi chút. Tam tai chẳng phổ biến như trong hiện thời.

Ngũ Trược (Pañca-kasāyā): Kiếp Trược (Kalpa-kasāya) là thời đại chẳng tốt đẹp. Kiến Trược (Drsti-kasāya): Chúng sanh nhìn vấn đề khác nhau, rất loạn, thường xuyên vì tri kiến bất đồng mà tranh cãi. Vì sao Kiếp Trược, Kiến Trược, hoặc Phiền Não Trược (Kleśa-kasāya) lại như thế? Nảy sanh phiền não quá nặng. Chúng sanh trong thời đại này, xét từ thọ mạng, xét theo hình thể, xét theo các thứ tướng trạng, đều là vắn đục, chẳng trong sạch, [đó là Chúng Sanh Trược (Sattva-kasāya)]. Cuối cùng là Mạng Trược (Āyu-kasāya). Đây gọi là “*ngũ trược ác thế*”.

Con đã từng tu khô hạnh, tu trong một thời gian dài như vậy, để làm cho hết thấy chúng sanh thoát khỏi nỗi thống khổ do tam tai, ngũ trược. Con đã từng ở trước nhiều câu-chi đức Phật (một câu-chi (koṭi) là một ức), tức là ở trước nhiều ức đức Phật như thế, cúng dường rất nhiều, dâng cúng vô biên. Con cũng từng thấy tất cả cuộc tụ hội rất lớn của mỗi đức Phật. Các đệ tử nghe pháp trong các cuộc tụ hội ấy, các vị đệ tử thân cận đức Phật, mọi người đều rất hòa hợp, tín tâm rất thanh tịnh, đều là những vị rất thông minh, có trí huệ. Sau khi nghe pháp, lại còn có thể tinh tấn, dũng mãnh tu hành, đều cùng nhóm đến để nghe Phật pháp. “*Vị tăng kiến như thị, vô chư tạp ược chúng*” (Chưa từng thấy pháp hội nào được như thế này, không có đại chúng tạp ược): Khi có hội Đại Tập ấy, dường như chẳng có tam tai, chẳng có ngũ trược. Chưa từng gặp [một pháp hội] như vậy, chẳng có tạp ược, chẳng có chúng sanh như vậy. Con dùng thời gian mười ba kiếp để tu hành, tham gia rất nhiều cuộc tụ hội của chư Phật. Nơi chốn nhóm họp của các đức Phật rất tốt đẹp, đại chúng đến dự đều rất thanh tịnh. Thế gian trong các xã hội ấy cũng rất tốt đẹp, chúng sanh cũng rất thanh tịnh. Nhưng nay con thấy khác hẳn, ý nghĩa chủ yếu Bồ Tát muốn hỏi ở đây là hỏi về thế giới này.

(Kinh) *Vân hà thử Phật quốc, uế ác, tổn tịnh thiện, trí giả giai viễn ly, ác hạnh giả đồng cư, đa tạo Vô Gian tội, phỉ báng u chánh pháp, hủy thánh, khởi ác kiến, vọng thuyết đoạn thường luận, cụ tạo Thập Ác nghiệp, bất úy hậu thế khổ. Đa viễn ly tam thừa, xú uế hướng ác thú. Vô minh tế kỳ mục, tham tật đa gian kiêu, vân hà chuyển Phật Luân, độ thử chúng sanh loại? Vân hà phá tương tục, như kim cang phiền não? Vân hà đắc tổng trì, quả năng như thị nhẫn? Kim ngã kiến đạo sư, Đại Tập thậm hy hữu, vị tăng kiến dư xứ, cụ như thị chúng đức, cụ đồ-đa công đức, cần tu Bồ Đề đạo. Vân hà xử ngu chúng, năng khai thị Phật Luân?”*

(經)云何此佛國，穢惡損淨善，智者皆遠離，惡行者同居，多造無間罪，誹謗於正法，毀聖起惡見，妄說斷常論，具造十惡業，不畏後世苦。多遠離三乘，臭穢向惡趣。無明蔽其目，貪嫉多奸矯，云何轉佛輪，度此眾生類？云何破相續，如金剛煩惱？云何得總持，果能如是忍？今我見導師，大集甚希有，未曾見餘處，具如是眾德，具杜多功德，勤修菩提道。云何處愚眾，能開示佛輪？」

(Kinh: *Có sao cõi Phật này, như ác, tổn tịnh thiện, người trí đều xa lìa, kẻ ác hạnh cùng ở, tạo nhiều tội Vô Gian, và phỉ báng chánh pháp, hủy thánh, dậy ác kiến, nói bừa lý đoạn, thường, tạo đủ mười ác nghiệp, chẳng sợ khổ đời sau. Hay xa lìa tam thừa, hôi bẩn, hướng đường ác. Vô minh che lấp mắt. Tham, ganh, lắm gian trá. Làm sao chuyển Phật Luân, độ loại chúng sanh này? Phiền não như kim cang, phá tương tục ra sao? Làm sao đắc Tổng Trì, đắc Pháp Nhẫn như thế? Con nay thấy đạo sư, Đại Tập rất hiếm có, chưa từng thấy nơi khác, đủ các đức Đầu Đà. Siêng tu Bồ Đề đạo, làm sao giữa kẻ ngu, hay khai thị Phật Luân?”*)

“*Vân hà thử Phật quốc, uế ác tổn tịnh thiện*” (Vì sao cõi Phật này như uế, xấu ác, tổn hại điều thiện thanh tịnh): Vì sao quốc độ này, cũng chính là thế giới Sa Bà bản thủ, rối loạn khôn sánh, toàn là chúng sanh tánh ác, chẳng có thiện tín thanh tịnh? “*Tổn tịnh thiện*”: Trong phần trước đã nói về Thanh, ở đây nói đến Tịnh. Đây là tác dụng của việc

phiên dịch văn tự. Đại chúng thanh tịnh như thế, chẳng có người nào “thông minh, sáng suốt, siêng năng, thanh tịnh, có trí huệ” mà đến thế giới này, họ đều xa lìa. Chúng sanh làm ác đều tụ tập lại, thế giới này là các điều ác đực ngẫu. “*Đa tạo Vô Gián tội*” (Tạo nhiều tội Vô Gián): Toàn là tạo nghiệp thuộc tội Vô Gián: Giết mẹ, giết cha, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Đó gọi là năm tội Vô Gián. Thậm chí “*phỉ báng u chánh pháp*” (phỉ báng chánh pháp).

“*Chánh pháp*” ở đây tức là pháp thanh tịnh do đức Phật nói. Nói theo phía chúng ta, tin tưởng chính mình là Phật thì càng thâm áo hơn. Ở đây, chánh pháp chính là hành Thập Thiện nghiệp, cũng là mười nghiệp nơi thân, miệng, ý. “Nương theo lời đức Phật chỉ dạy, chẳng làm các điều ác”, [như thế thì] đều được coi là chánh pháp. [Không chỉ hủy báng chánh pháp, mà họ] thậm chí báng hủy bậc “*thánh giả*”. “*Thánh giả*” là nói đến đức Phật hay các vị đại Bồ Tát. [Báng hủy thánh giả] là hủy báng Tam Bảo. Họ nhìn vấn đề khác chúng ta, thậm chí đốt tượng Phật, giết hòa thượng, bắt giam hòa thượng, thậm chí thiêu hủy Đại Tạng Kinh, cho đây là mê tín.

“*Hủy thánh, khởi ác kiến, vọng thuyết đoạn thường luận*” (Hủy báng bậc thánh, dấy lên ác kiến, nói xằng bậy các luận thuyết thường kiến và đoạn kiến): Họ đàm luận với nhau toàn là những lời lẽ hư vọng, chẳng phải là Đoạn thì sẽ là Thường. Nói chung là [thiên chấp] hai bên, chẳng khế hợp Trung Đạo. Hoặc là nói “đời người chết rồi là hết chuyện”, đó là Đoạn Kiến. Mong tương gìn giữ tấm thân cho mai sau, gìn giữ thân thể của chính mình, muốn sống lâu hơn, đó là Thường Kiến. Nếu đó là sự thật, trong thế gian thật sự có chuyện ấy, ai nấy đều vĩnh viễn chẳng muốn chết, chẳng thể được! Chẳng rơi vào Đoạn, bèn rơi vào Thường. Nói hư vọng, nói điên đảo, [đó là] “*vọng thuyết đoạn thường luận*”.

Những gì họ đã gây tạo đều là Thập Ác. Thân có ba điều, “giết, trộm, dâm”. Miệng có bốn điều “nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác”. Ý có ba điều, “tham, sân, si”. Mười điều ấy được gọi là Thập Ác nghiệp. Thêm vào chữ Chăng, sẽ là Thập Thiện. Chăng dấy lên tham, sân, si. Chăng dấy lên giết, trộm, dâm. Chăng tạo [nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác], giết, trộm, dâm. Khi tạo nghiệp Thập Ác, họ (chúng sanh trong thế giới Sa Bà) chưa hề sợ hãi tương lai phải hứng chịu khổ báo. Vì họ dấy lên Đoạn Kiến, [cho rằng] chẳng có đời sau. Họ chẳng sợ đời sau khổ sở chi cả, còn nói gì đến [mong cầu chứng đắc các quả vị thuộc] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát Thừa.

“*Đa viễn ly tam thừa*” (Hay xa lìa tam thừa): Càng chẳng thể thân cận thiện pháp, tu đạo chánh pháp họ còn xa lìa. Đã lìa tam thừa, sẽ hướng về chỗ nào? Đọa vào tam ác đạo. “*Xú uế hương ác thú*” (Hôi nhơ vào đường ác): Chịu khổ trong ba đường ác. Khổ nhất là địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh, còn nhân gian thì cũng chẳng thấy tốt đẹp ra sao cả! Hưởng hết phước trời, chắc chắn sẽ đọa lạc. Nói năm đường ác cũng được, mà nói sáu đường [đều ác] cũng được. Nói theo lẽ thông thường, “*xu hướng ác thú*” (tiến hướng đường ác) chính là nói về ba ác đạo.

Vì sao họ làm như vậy? Vì họ bị vô minh che lấp pháp nhãn thanh tịnh. [Đó là ý nghĩa của câu] “*vô minh tế kỳ mục*”. Họ chẳng thấy. Chẳng phải là tâm tham, thì là ghen tỵ. “*Tham, tật, đả gian kiêu*” (Tham lam, ganh ghét, nhiều gian trá): [Chẳng phải là tham lam, ghen tỵ] thì cũng là gian trá khôn cùng. Đối với chúng sanh như thế đó, xã hội như thế đó, Phật sẽ độ chúng sanh như thế nào? “*Vân hà chuyển Phật Luân*” có nghĩa là Ngài sẽ thuyết pháp như thế nào? Chuyển Phật Luân để đối trị ác luân của chúng sanh như thế nào? Đây là các ý nghĩa được bao hàm trong bộ kinh Thập Luân này.

Vì sao nói là Luân? Luân (bánh xe) có công năng nghiền nát. Như ở đây, chúng ta có động lực thúc đẩy [bánh xe] tiến lên trước, bánh xe có thể nghiền nát, Phật Luân sẽ nghiền nát, chuyển hóa ác nghiệp của chúng sanh. Đức Phật chuyển Phật Luân như thế nào để độ hạng chúng sanh ấy? “*Vân hà phá tương tục, như kim cang phiền não*” (Làm thế nào để phá phiền não cứng chắc như kim cang luôn liên tục): Phiền não của chúng sanh cứng bén, rắn chắc như kim cang, tồn tại liên tục chẳng ngừng, Ngài chuyển Phật Luân bằng cách nào để cắt đứt dòng nghiệp liên tục của chúng sanh, cũng là cắt đứt dòng phiền não, sanh khởi dòng thanh tịnh, khiến cho họ đắc giải thoát. Hoặc là dùng trí huệ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật để phá trừ phiền não, khiến cho họ chứng đắc tam-muội.

“*Vân hà đắc Tổng Trì*” (Làm thế nào để đắc Tổng Trì), tức là đạt được tam-muội, đắc đại định. [Tổng Trì] là “*tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa*” (gồm chung hết thảy các pháp, nắm giữ vô lượng nghĩa). Như thế thì có thể chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn hay không? “*Nhãn*” ở đây là Vô Sanh Pháp Nhãn. Nếu đúng là như thế, có thể đạt được như vậy hay không?

“*Kim ngã kiến đạo sư, Đại Tập thậm hy hữu, vị tăng kiến dư xú, cụ như thị chúng đức, cụ đồ-đa công đức, cần tu Bồ Đề đạo. Vân hà xử ngu chúng, năng khai thị Phật Luân*” (Con nay thấy hội Đại Tập của

đăng đạo sư rất hy hữu. Chưa từng thấy ở các nơi khác có đầy đủ các đức như thế, trọn đủ công đức Đầu Đà, siêng tu đạo Bồ Đề. Làm thế nào ở trong đại chúng ngu muội mà có thể chỉ dạy Phật Luân): Bồ Tát tán thán Phật. Con nay thấy hội Đại Tập của đăng đạo sư, dường như biến đổi, Ngài độ thoát như thế nào để chuyển biên đời ác ngũ trược thành [tốt đẹp] như thế này? Con chưa từng thấy ở các nơi khác có hội Đại Tập giống như hiện thời. “Đỗ-đa” (杜多, Dhuta) là phiền não. Đoạn trừ hết thấy phiền não, các trần cấu phiền não ấy đều bị đoạn trừ. Đoạn trừ phiền não chính là công đức. Làm thế nào để đạt được công đức như thế? Đoạn trừ các phiền não ấy bằng cách nào? Siêng tu đạo Bồ Đề thì sẽ đạt được. Thứ tự trong đạo Bồ Đề là tu từng bước một. Từ sám hối tội nghiệp, sau đây, tu Định, tu Huệ, chuyện này rất khó khăn!

“*Vân hà xử ngu chúng, năng khai thị Phật Luân*” (Làm thế nào để ở trong đại chúng ngu muội như vậy mà có thể khai thị Phật Luân): Ở giữa đại chúng ngu si như thế ấy, đức Phật có thể thanh tịnh bằng cách nào? Vẫn có thể thuyết pháp độ chúng sanh như thế nào? “*Khai thị Phật Luân*” là thuyết pháp. Từ đây trở đi, đức Phật dùng tỷ dụ để thuyết minh Thập Luân, và cũng dùng Thập Luân của Phật để chuyển hóa Thập Ác Luân của chúng sanh. Ở đây, mười ác nghiệp là Thập Luân. Chuyển động Phật Luân như thế nào? Đức Phật dùng tỷ dụ, lại còn thị hiện xoay chuyển Phật Luân. Những điều đức Phật sắp nói chính là Thập Luân [của Phật].

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: - Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ u quá khứ Cãng-già sa đẵng chư Phật thế giới, ngũ trược ác thời, dĩ tăng thỉnh vấn Cãng-già sa đẵng chư Phật Thế Tôn như thị pháp nghĩa. Nhữ u như thị sở vấn pháp nghĩa, dĩ tác cù lao, dĩ thiện thông đạt, dĩ đáo viên mãn chúng hạnh bỉ ngạn, dĩ đắc thiện xảo phương tiện diệu trí. Kim vị thành thực nhất thiết hữu tình, linh đắc lợi ích an lạc sự cố, vị linh nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, thiện xảo phương tiện thánh hạnh phục tạng Thí đẵng, lục chủng Ba La Mật Đa, thành thực nhất thiết hữu tình thắng hạnh, Nhất Thiết Trí trí công đức đại hải tốc viên mãn cố. Vị chuyển nhất thiết Sát-đế-lợi vương chư bạo ác hạnh, sử bất đọa lạc tam ác thú cố. Vị linh thử độ Tam Bảo chủng tánh oai đức xí thịnh cứu trụ thế cố. Phục vấn Như Lai như thị pháp nghĩa. Đế thính! Đế thính! Thiện tư niệm chi! Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết”. “Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn”.

(經)世尊告曰：「善哉！善哉！善男子！汝於過去殑伽沙等諸佛世界，五濁惡時，已曾請問殑伽沙等諸佛世尊如是法義。汝於如是所問法義，已作劬勞，已善通達，已到圓滿眾行彼岸，已得善巧方便妙智。今為成熟一切有情，令得利益安樂事故，為令一切菩薩摩訶薩，善巧方便聖行伏藏施等，六種波羅蜜多，成熟一切有情勝行，一切智智功德大海速圓滿故。為轉一切刹帝利王諸暴惡行，使不墮落三惡趣故。為令此土三寶種姓威德熾盛久住世故。復問如來如是法義。諦聽！諦聽！善思念之！吾當為汝分別解說」。「唯然，世尊！願樂欲聞」。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử! Trong quá khứ, vào thời ác ngũ trước, ông đã từng ở trong các thế giới của chư Phật nhiều như cát sông Hằng, thưa hỏi các đức Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng về pháp nghĩa như thế. Đối với pháp nghĩa đã hỏi như thế, ông đã từng nhọc nhằn, đã khéo thông đạt, đã viên mãn các hạnh, đạt đến bờ kia, đã đạt được diệu trí phương tiện thiện xảo. Nay vì thành thực hết thấy hữu tình, khiến cho họ đạt được các sự lợi ích an lạc, vì khiến cho hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát dùng kho tàng thánh hạnh phương tiện thiện xảo như Thí v.v... sáu Ba La Mật Đa để thành thực hạnh thù thắng cho hết thấy hữu tình, vì mau chóng viên mãn biến cả công đức của trí Nhất Thiết Trí. Vì chuyển biến các hạnh bạo ác của hết thấy vua Sát-đế-lợi, để họ chẳng đọa lạc trong ba đường ác. Vì khiến cho chủng tánh Tam Bảo trong cõi này oai đức lừng lẫy tồn tại lâu dài trong thế gian, cho nên lại hỏi Như Lai pháp nghĩa như thế. Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy niệm, ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói”. “Thưa vâng đức Thế Tôn! Con mong ưa thích nghe”).

Khi nói về Thập Luân, trước hết, [đức Phật] dùng chuyện quốc vương trong thế gian thườ đầu tiếp nhận ngôi vua cho đến quá trình làm thế nào để đạt được vương vị nhằm thuyết minh đức Phật tu thành Phật đạo như thế nào? Sau khi Bồ Tát đã xin chỉ dạy như vậy, trước khi đức

Phật thuyết pháp, bèn bảo: “Ông thừa hỏi điều này, không chỉ hướng về ta thừa hỏi, mà ông đã thừa hỏi quá nhiều lần. Không chỉ hỏi ta, mà ông còn hỏi chư Phật nhiều như cát sông Hằng”. Đức Phật bèn khen ngợi: “*Thiện tai! Thiện tai!*”, tức là tán thán lời thừa hỏi của Bồ Tát, ông hỏi hay lắm! “*Thiện nam tử*” là từ ngữ đức Phật dùng để gọi Địa Tạng Bồ Tát. “*Nhữ u quá khứ Cãng-già sa đẵng chư Phật thế giới ngũ trước ác thời*” (Trong quá khứ, vào thời ác ngũ trước, ông đã ở trong các thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng): Địa Tạng Bồ Tát luôn ra đời trong thời đại không có Phật tại thế, nhằm lúc đời ác ngũ trước để giáo hóa chúng sanh. Hiện thời cũng có thể coi như là lúc không có Phật xuất thế. Đức Phật đã nhập Niết Bàn, chỉ còn lưu lại Phật pháp, nhưng chúng ta chẳng hiểu rõ nghĩa chân thật của các pháp ấy. Đây là loại thứ nhất.

Tiếp đó, chẳng liễu giải pháp ấy là thật hay giả, là hư hay thật. Tôi thấy như thế này: Đối với các loại pháp nghĩa như Hiền giáo, Mật giáo, tứ giáo, ngũ giáo, Tịnh Độ, Hiền Thủ, chúng ta do thiếu trí huệ nên chẳng thể hiểu rõ được! Điều này cho thấy: Hiện thời, xác thực là đời ác ngũ trước. Thuở đức Phật tại thế, có rất nhiều pháp nghĩa, nếu chúng ta vừa nghe pháp liền có thể khai ngộ, liền có thể chứng Chân, có thể tiêu trừ phiền não! Còn [như trong hiện thời], chúng ta tuy nghe rất nhiều bộ kinh, học rất nhiều bộ kinh; tuy vậy, chẳng thể đoạn Hoặc, chẳng thể chứng đắc Pháp Nhãn Tịnh.

Đa số mọi người nhìn nhận vấn đề, nếu chẳng rơi vào Đoạn, thì sẽ rơi vào Thường. Cái tâm suy nghĩ, không nghĩ về Thường, sẽ nghĩ đến Đoạn, rất ít khi khế hợp nghĩa Trung Đạo. Điều này chứng tỏ thiện căn của chúng ta nông cạn, mỏng tanh. Đã học bộ kinh này xong thì phải hành. Phương pháp Phật Luân dạy chúng ta cách tu. Tu như thế nào? Phải thật sự thực hiện. Tuy vậy, hiện thời chúng ta tuy học, nhưng chẳng học được cái tâm nhẫn nại. Tôi nói điều này, mọi người đừng nổi cáu! Các đạo hữu xếp chuyện học pháp vào bậc thứ hai thì cũng rất tốt, hoặc xếp vào bậc thứ ba thì cũng khá lắm rồi. Tôi nói chuyện này bao gồm cả tỳ-kheo lẫn tỳ-kheo-ni trong ấy. Người thật sự có tâm thiết tha liễu sanh tử, biết thế giới này vô thường, nhận biết thế giới này là khổ, họ sẽ chẳng đối đãi với pháp như vậy. Nay chúng ta đối đãi với pháp như thế nào thì trong lòng mình đều tự biết. Vì sao như vậy? Đây là do túc nghiệp trong quá khứ của chúng ta, con mắt trí huệ bị vô minh che lấp. Đây là tình cảnh của chúng ta trong hiện tại. Vì sao chẳng có trí huệ như thế? Vì sao trong cuộc sống hiện thực, lại buông lung như thế? Chúng ta vẫn tham luyến; thật ra, chúng ta đều biết đức Phật đã dạy chúng ta rất nhiều

phương pháp đối trị tốt đẹp, vì sao chúng ta chẳng thực hiện? Đây là nguyên nhân khiến cho Địa Tạng Bồ Tát vất vả, mệt nhọc trong thế giới này.

Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: “Những vấn đề như ông đã hỏi, ông đã từng hỏi quá nhiều đức Phật. Ở nơi chư Phật nhiều như cát sông Hằng, ông đã đều từng hỏi các đạo lý ấy. Ông đã vì đạo lý đã hỏi ấy mà bỏ rất nhiều công sức, đã trả giá rất lớn. Nói theo phía cá nhân ông, ông đã thông đạt, các hạnh đã viên mãn, đã đạt tới bờ kia, đã đắc diệu trí phương tiện thiện xảo, có thể thị hiện cho chúng sanh đủ loại phương tiện, nghĩ ra hết thảy các pháp để dẫn dụ chúng sanh tin tưởng, dẫn dụ chúng sanh tiến nhập. Sau đây, sẽ làm cho họ thành thực, chẳng còn tạo tội nữa! Nay ông hướng về ta thưa hỏi, cũng nhằm mục đích này: Khiến cho hết thảy chúng sanh đạt được lợi ích, được an lạc, cũng như khiến cho hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ phương tiện thiện xảo để độ chúng sanh, vì chẳng phải vị Bồ Tát nào cũng đều trọn đủ phương tiện thiện xảo. Khi các vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát học pháp, đã khai ngộ, đã chứng đạo, nhưng phương pháp lợi lạc chúng sanh hoàn toàn chẳng đơn giản. Vì chúng sanh có quá nhiều chủng loại, đối với nghiệp chướng của chúng sanh, ắt cần phải vận dụng phương tiện cực thiện xảo, chiêu theo việc làm của bậc thánh. Thế nhưng, Địa Tạng Bồ Tát đã đều trọn đủ. Tất cả những gì cất giấu trong kho báu ấy, chính là Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Thiên Định, Trí Huệ, lục Ba La Mật, từ bi, hỷ, xả, tứ vô lượng tâm. Dùng các thứ ấy để thành thực hết thảy hữu tình.

“*Nhất Thiết Trí trí công đức đại hải tốc viên mãn cố*” (Vì mau chóng viên mãn biến cả công đức của trí Nhất Thiết Trí): Trí Nhất Thiết Trí là đại trí huệ trong hết thảy các thứ trí huệ, ở đây là nói về đức Phật. “*Vị chuyển nhất thiết Sát-đế-lợi vương chư bạo ác hạnh*” (Vì chuyển biến các hạnh bạo ác của hết thảy các vua Sát-đế-lợi): Hiện thời, các hạnh tàn bạo, độc ác của các vua Sát-đế-lợi trong thời Mạt Pháp đều trọn đủ. Phạm những ai làm thủ lãnh, chúng ta đều coi họ là vua Sát-đế-lợi. Các chánh sách do họ chấp hành, đại đa số là tạo nghiệp. Đối với lời hỏi của Địa Tạng Bồ Tát, đức Phật bảo: “Ông hãy nên chuyển biến ác vương ấy, đừng để cho ông ta làm điều bạo ác hồng khởi đọa lạc trong ba ác đạo”.

Đồng thời, còn vì có thể nhiếp nhập chủng tánh Tam Bảo, [khiến cho] oai đức của Phật Pháp Tăng Tam Bảo hưng thịnh lâu dài, trụ lâu dài trong thế gian. Do vậy, ông hỏi Như Lai các pháp nghĩa ấy rất hay, rất

quan trọng. Phải như thế nào thì mới có thể khiến cho chúng sanh thoát ly đau khổ, khiến cho chúng sanh trong thời đại Mạt Pháp ngũ trược ác thế chẳng đọa lạc vào tam đồ? Ông hỏi rất hay, hãy nên chăm chú lắng nghe! Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói cho ông. Ông phải như lý mà nghe, hãy nghe như thật.

Đối với mỗi vị thỉnh pháp, đức Phật đều sử dụng câu “*đế thính, đế thính*”. Chẳng lẽ Địa Tạng Bồ Tát không nghe đúng lý ư? Đức Phật dạy chúng ta phương thức: Khi nghe pháp, nhất định phải lắng nghe, nghe chăm chú. [Chúng ta] chưa thể nghe như lý, [đành phải chấp nhận yêu cầu] tối thiểu là đừng tam tâm, nhị ý. Nay đang trong lúc nghe, hãy tập trung tâm lực mà nghe thì mới có thể tiến nhập. Nếu chẳng tập trung tâm lực, quý vị sẽ chẳng thể nhập, có ý nghĩa ấy! Đây là bậc đại Bồ Tát thỉnh pháp, đức Phật thuyết pháp, đều nhằm nêu gương cho chúng ta. Nghe xong, quý vị còn phải khéo suy niệm, còn phải khéo quán tưởng. “*Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết*” [nghĩa là] nay ta sẽ phân biệt nói rõ ràng từng điều cho ông. Địa Tạng Bồ Tát ngay lập tức đáp: “*Duy nhiên Thế Tôn!*” [nghĩa là] “vâng ạ! Bạch Phật”. Con ưa thích nghe, con rất hoan hỷ nghe đức Phật thuyết pháp. Đây là nghi thức, một đấng hỏi, một đấng đáp. Tuy vậy, vẫn chưa vào phần chánh yếu. Ở đây là phương thức thỉnh pháp và phương thức hứa khả sẽ nói.

***(Kính) Nhĩ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: -
Thiện nam tử! Như Lai do bốn nguyện lực, thành tựu thập chủng Phật Luân, cư thử Phật độ, ngũ trược ác thế. Nhất thiết hữu tình, thoái một nhất thiết bạch tịnh thiện pháp, quỹ pháp sở hữu Thất Thánh Tài bảo, viễn ly nhất thiết thông mãn trí giả, đoạn thường la vãng chi sở phú tế, thường háo thừa ngự chư ác thú xa, u hậu thế khổ bất kiến bố úy, thường xử biến trọng vô minh hắc ám, cụ túc thập chủng bất thiện nghiệp đạo, tạo ngũ Vô Giá, phỉ báng chánh pháp, hủy tư hiền thánh, ly chư thiện pháp, cụ chư ác pháp. Ngã trụ như thị tạp ác độ trung, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, hàng chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, tội diệt nhất thiết chư chúng sanh loại, do như kim cang kiên cố phiền não, tùy kỳ sở nhạo, an trí nhất thiết hữu lực chúng sanh, linh trụ tam thừa Bất Thoái Chuyển vị.***

(經)爾時，佛告地藏菩薩摩訶薩言：「善男子！如來由本願力，成就十種佛輪，居此佛土，五濁惡世。一切有情，退沒一切白淨善法，匱乏所有七聖財寶，遠離一切聰敏智者，斷常羅網之所覆蔽，常好乘馭諸惡趣車，於後世苦不見怖畏，常處遍重無明黑闇，具足十種不善業道，造五無間，誹謗正法，毀訾賢聖，離諸善法，具諸惡法。我住如是雜惡土中，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，降諸天魔，外道邪論，摧滅一切諸眾生類，猶如金剛堅固煩惱，隨其所樂，安置一切有力眾生，令住三乘不退轉位。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát: - Này thiện nam tử! Như Lai do sức bốn nguyện, thành tựu mười thứ Phật Luân, ở trong cõi Phật này, nhằm đời ác ngũ trược. Hết thấy hữu tình lui sụt, đánh mất hết thấy thiện pháp trắng sạch, thiếu hụt tất cả của báu Thất Thánh Tài, xa lìa hết thấy bậc thông minh, trí huệ, bị lưới rập Đoạn Kiến và Thường Kiến che ngăn, thường chuồng ngòi xe vào đường ác, chẳng thấy sợ hãi nổi khổ trong đời sau, thường ở trong vô minh tối tăm nặng nề trọn khắp, trọn đủ mười thứ nghiệp đạo bất thiện, tạo năm tội Vô Gián, phỉ báng chánh pháp, hủy báng, chê bai hiền thánh, lìa các thiện pháp, trọn đủ các ác pháp. Ta trụ trong cõi nước tạp ác như thế, được an ổn trụ, chẳng bị kinh hoảng, được không sợ hãi, tự xưng là ta ở nơi địa vị tôn quý của bậc đại tiên, xoay chuyển Phật Luân, hàng phục tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, dẹp tan hết thấy phiền não kiên cố ví như kim cương của hết thấy các loài chúng sanh, tùy lòng họ ưa thích mà đặt yên hết thấy chúng sanh có sức nơi địa vị Bất Thoái Chuyển trong tam thừa).*

Đức Phật liên bảo Bồ Tát: Do quá khứ ta đã phát nguyện, mỗi vị Phật phát nguyện khác nhau, cho nên mỗi vị Phật thị hiện phương tiện thiện xảo, nhiếp thọ chúng sanh cũng khác nhau. A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám nguyện, muốn kiến lập thế giới Cực Lạc, dùng thế giới

Cực Lạc để nhiếp thọ chúng sanh. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai kiến lập thế giới Lưu Ly Quang để trị liệu bệnh tật của chúng sanh, nhiếp thọ chúng sanh. Trong số một ngàn vị Phật thuộc Nhân Hiền Kiếp, Thích Ca Mâu Ni Phật phát nguyện chuyên ở trong đời ác ngũ trược, lại còn vào lúc thọ mạng con người chỉ có một trăm năm. Mọi người thấy đó, thọ mạng của Thích Ca Mâu Ni Phật ngắn nhất, chỉ một trăm năm. Vị Phật trước Ngài là Ca Diếp Phật, thọ mạng là một vạn năm.

Nay chúng ta nói Thất Phật, tức là nói [ba vị Phật quá khứ trong Trang Nghiêm Kiếp và] bốn vị Phật trong Hiền Kiếp [lần lượt] có tuổi thọ là bốn vạn năm, ba vạn năm, hai vạn năm, và một vạn năm, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thọ một trăm năm. Vào lúc một ngàn vị Phật trụ thế, thọ mạng của Thích Ca Mâu Ni Phật ngắn nhất. Ngài cũng chẳng sống đến một trăm năm, tám mươi tuổi đã ra đi, duyên đã hết rồi. Đây là vì sức bốn nguyện.

Nhưng do có mười loại Phật Luân, cho nên ở trong cõi Phật này, tức là trong đời ác ngũ trược của thế giới Sa Bà, tuy ta thấy chúng sanh đã lui sụt, đánh mất hết thấy các thiện pháp trắng sạch. Đã chẳng có pháp trắng sạch, sao họ có thể trì giới và tin tưởng cho được? Chẳng tin thì làm sao có thể trì giới? Lẽ nào có định huệ cho nổi? Chẳng thể nào! Họ có thể hành bố thí hay không? Phạm là người có thể hành, sẽ là chúng sanh trọn đủ Thất Thánh Tài. Chẳng hạn như các vị đạo hữu đang hiện diện tại đây, có rất nhiều người đã thọ Tam Quy, đã thọ Ngũ Giới. Quý vị trọn đủ Giới Tài, trọn đủ quy y Tam Bảo. Rất nhiều người cúng dường, hành bố thí, quý vị đã thực hiện Tài Thí. Vậy là quý vị đã trọn đủ, vẫn được coi là người thông minh, trí huệ, có thể nghe kinh thánh pháp.

Ở đây nói đến các chúng sanh thiếu khuyết của sáu Thất Thánh Tài. Trong cùng một thời gian, rất nhiều người đều làm gì? Chúng ta có thể nghĩ ra hay không? Lục thân quyến thuộc đang làm gì? Quý vị đến đây nghe kinh, [còn họ thì đang làm gì], cứ so sánh, sẽ thấy rất rõ ràng, chẳng cần phải nói nữa. Người thông minh, có trí, thế nào là người trí? Quý vị biết chọn lựa. Người có trí huệ biết chọn lựa nên đi theo con đường nào, mỗi ngày nên làm chuyện gì. Người ấy biết chọn lựa. Kẻ chẳng có trí huệ sẽ chọn lựa khác hẳn. Kẻ ấy chọn ngồi “*ác thú xa*”, tức là tiên hướng tới nẻo ác. Chúng ta ngồi xe Nhị Thừa, tiên hướng tam thừa đạo. Hoàn toàn bất đồng! Chúng ta chẳng có nỗi khổ trong đời sau. Vì sao? Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, trì giới thanh tịnh, bố thí, nhẫn nhục. Như vậy thì sẽ giảm bớt rất nhiều họa hại.

Chúng ta sợ nổi khổ trong đời sau. Vì thế, đời này phải tu, phải nghe pháp. Chúng ta chú trọng quang minh, phải phá trừ tối tăm, đừng làm mười thứ nghiệp đạo bất thiện, hãy hành thập thiện nghiệp đạo. Chúng ta là đệ tử tin Phật, thành tựu nghiệp đạo. Tôi rất ít nghe thấy đệ tử Phật ngoác miệng chửi bới kẻ khác âm ỉ. Có người nói: “Lão hòa thượng ơi! Thầy chẳng nghe thấy đó thôi!” Tôi nghe thấy chẳng ít, đó là sự thật, bất quá [những Phật tử chửi bới người khác như thế] vẫn là thiếu số. Khi đệ tử Phật chửi người khác, họ có sự băn khoăn, trong tâm họ sẽ nghĩ chính mình đang ác khẩu. Đệ tử Phật cũng có kẻ lường gạt, họ cũng muốn sám hối một phen: “Khi ấy, tôi làm như vậy chẳng đúng”. Nếu chẳng phải là đệ tử Phật, ngay cả ý nghĩ không đúng cũng chẳng có. Khi trả thù, “tao mong cho mày chịu khổ trước đôi chút rồi mới nói”. Họ có tâm lý ấy, có tâm thái ấy. Cho nên xe chở vào đường ác trong đời sau, họ đã ngồi sẵn trên đó rồi!

Phàm là kẻ chẳng sợ nổi khổ trong đời sau, sẽ ngồi trên xe vào ác thú, đọa lạc trong đường ác. Chúng sanh sợ nổi khổ trong đời sau sẽ chẳng vậy. Tuy chúng ta cũng sống trong hắc ám, nhưng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, cho đến niệm một câu thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm một câu thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Một niệm ấy chính là quang minh. Quý vị niệm một câu, câu ấy chính là quang minh. Quý vị niệm từng câu, mỗi câu đều là quang minh. Quý vị sẽ có thể dần dần đột phá tầng tầng chướng ngại và tối tăm. Đây là người có trí huệ, có thể xa lìa thập bất thiện nghiệp đạo, sẽ hành thập thiện nghiệp đạo. Nói đến tội Ngũ Vô Giá, phỉ báng chánh pháp, hủy gièm bậc hiền thánh, mọi người phải chú ý. Là người tin Phật, quý vị chớ nên hủy báng. Nếu đối với các pháp do đức Phật đã nói, quý vị tin tưởng pháp này, hủy báng pháp kia, đó là diệt pháp. Nếu tôi giảng kinh, tụng kinh, nói niệm Phật không tốt, tức là đã báng bỏ niệm Phật, đây là báng pháp. Tôi niệm Phật bèn nói tụng kinh và giảng kinh chẳng tốt, đây cũng là báng pháp. Tôi giảng bộ kinh này, nói bộ kinh kia không đúng, đây đều là báng Pháp. Tôi chẳng có duyên với bộ kinh kia, càng phải nên cúng dường, lễ bái, mong mọi kết duyên! Hãy nên trọn đủ hết thấy các pháp nghĩa, đều phải nên hiểu, chớ nên hủy báng chánh pháp, phải đặc biệt chú ý điều này!

Hiện thời, trong các đạo hữu chúng ta, đúng là có những kẻ chẳng biết hậu quả do báng pháp, cứ nói luông tuông! Thậm chí tôi là đệ tử của chùa này, người khác là đệ tử của chùa kia, rất có thể đôi bên còn đánh nhau, xác thực là có chuyện ấy. Chùa miếu còn đánh lẫn nhau, huông hồ các đạo hữu tại gia! Nhưng quý vị phải biết: Đây chính là phỉ báng

chánh pháp. Phỉ báng chánh pháp, tội nghiệp rất to. Chọc ngoáy ly gián giữa Tăng chúng, hoặc là đối với chùa này bêu riếu chùa nọ, đối với chùa nọ kể tội chùa này, nguy hiểm lắm đấy! Đó là tội Ngũ Nghịch, Ngũ Vô Gián, phá hòa hợp Tăng chúng. Do vậy, đối với hết thảy các thánh nhân và hiền nhân, hết thảy các vị Trụ Trì, chúng ta đừng nên tùy tiện phê bình. Vì chúng ta chưa đạt tới cảnh giới ấy. Nếu chúng ta làm như vậy, sẽ là đi theo hướng ác pháp, chẳng phải là đi theo thiện pháp.

Đối trước các tội lỗi, tuy tôi đã sám hối rất nhiều năm, vẫn là sám hối chẳng sạch! Khi tuổi trẻ, tôi cũng là như vậy. Tôi học ngũ giáo, đã nói tứ giáo chẳng hay bằng ngũ giáo, điều gì tiếp xúc trước sẽ là chánh yếu. Sau đây, tôi học tứ giáo, cảm thấy tứ giáo và ngũ giáo đều chẳng sai biệt cho mấy, tôi cũng chẳng tiến nhập. Vậy là trong quá khứ đã tạo tội nghiệp rất nhiều, cá nhân tôi biết sám hối. Đó là kinh nghiệm của tôi giới thiệu cùng mọi người. Do vậy, thoát nhìn thì phỉ báng chánh pháp rất cạn, “tôi chẳng báng pháp”, thật ra, quý vị đã báng chẳng ít lần! Vị sư phụ này tốt lắm, vị sư phụ kia không tốt. Vị sư phụ nào cũng đều tốt! Chỉ cần vị ấy đáp y ca-sa, vẫn là đệ tử Phật, ta đều nên tán thán, coi vị ấy như hiền nhân, hoặc coi như thánh nhân. Còn nhân quả cá nhân của vị ấy, chính vị ấy sẽ phải gánh vác, chẳng ăn nhập gì đến ta! Ta sẽ chẳng thay vị đó trái nghịch nhân quả!

Bộ kinh Thập Luân này chuyên giảng về tình hình ấy, “*đệ tử của ta bất luận phá giới hay phạm giới đến mức độ nào, cũng chẳng chấp thuận sự chế tài của quốc vương*”, đức Phật nói như vậy. Nếu họ chế tài, vua Sát-đế-lợi ấy là ác vương, vì sẽ hủy diệt Tam Bảo. Kẻ đó dầu bại hoại, hễ còn một mảnh ca-sa, chưa phải là toàn bộ một tấm ca-sa, quý thân trông thấy cũng đạt được lợi ích. Người không tin, nhưng quý thân tin. Vì họ chịu khổ, quý thân có thân thông, cũng biết quan hệ lợi hại. Con người hồ đồ, chẳng biết quan hệ lợi hại, ăn nói luông tuông, mọi người phải đặc biệt chú ý, đặc biệt là đối với chùa miếu, Tăng chúng, đệ tử Tam Bảo. Thậm chí giữa các đạo hữu với nhau, Tăng tán thán Tăng thì Phật pháp hưng thịnh, có ý nghĩa như thế đó.

Đệ tử Phật luôn ủng hộ Thích Ca Mâu Ni Phật, duy trì hết thảy chúng sanh, khiến cho chúng sanh trong vị lai chẳng chịu đau khổ, nhất định phải làm như thế. Trong quá khứ ta chẳng biết, trót làm rất nhiều chuyện sai trái; nay đã biết, từ nay về sau chẳng làm nữa. Nhưng trước kia đã làm sai thì như thế nào? Đối trước Phật, Bồ Tát sám hối, đối trước Địa Tạng Bồ Tát sám hối là được rồi. Vì bộ kinh Thập Luân này chuyên giảng về sám hối. Hàm nghĩa của bái sám là mong gột sạch tội lỗi trong

quá khứ của chúng ta. Chúng ta mặc quần áo bẩn thì phải giặt giũ. Đã giặt rồi thì phải giữ cho sạch, sám hối có ý nghĩa như thế đó. Trong quá khứ, ta đã làm chuyện sai lầm, ta sửa đổi rồi, chẳng làm nữa. Quý vị sám hối, tội nghiệp trong quá khứ đã nhẹ bớt. Biết cách sám hối, quý vị sẽ có biện pháp. Quý vị có tâm hổ thẹn, đó chính là của cải quý báu của quý vị.

Tôi vừa mới nói đến hổ thẹn. Hổ thẹn là của báu, luôn so sánh với người khác, thấy mình chẳng bằng người ta. Người ta có công đức, ta chẳng có công đức. Người khác có của cải, ta chẳng có của cải. Vì sao người khác có của cải? Đòi trước họ đã tu phước đức, ta chẳng ganh tỵ, luôn tùy hỷ. Chỉ cần người khác có công đức, ta đều tùy hỷ, tội ác của quý vị đã sám hối xong. Hổ thẹn là gieo của báu. Sở dĩ hết thầy chư Phật có thể thành đạo, [là vì] khi các Ngài sơ phát tâm trong quá khứ, đã có tâm hổ thẹn. Thích Ca Mâu Ni Phật nói: Ta ở trong quốc độ tạp ác này, an trụ rất ổn định, chẳng sợ hãi. Ta tự cho rằng ta là Thế Tôn, ta là bậc đại tiên, vì ta đang chuyên Phật Luân. Chuyển Phật Luân nhằm đối trị ác luân, nhằm hàng phục các tà luận của thiên ma và ngoại đạo, dẹp tan phiền não của hết thầy chúng sanh. Phiền não của chúng sanh kiên cường, khó điều phục. Các phiền não ấy cứng chắc như kim cương, ta có thể đập tan. Ta cũng có thể khiến cho loại chúng sanh ấy được an lạc.

Đối với các thiện chúng sanh trong số ấy, ta làm cho họ trụ trong địa vị bất thoái chuyển nơi tam thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát Thừa. Vẫn chưa nói về Phật Luân, chỉ nói tổng quát như vậy. Ta trụ ở nơi đây, độ chúng sanh chẳng sợ hãi là do nguyện lực của chính mình trong quá khứ. Ta phát nguyện độ chúng sanh ở nơi đây, thọ mạng hết sức ngắn ngủi, nhanh chóng, thân thể hết sức thấp bé. Thời đại chẳng tốt đẹp như vậy, chúng sanh trong thời đại này đang ở trong đời ác ngũ trược. Thuở đức Phật tại thế là chánh pháp, chánh pháp cũng chẳng tốt đẹp hơn cho mấy. Vì sao? Ngài trụ trong đời ác ngũ trược! Bất quá, vẫn tốt đẹp hơn chúng ta hiện thời đôi chút. Nay chúng ta là lúc không có Phật tại thế, đương nhiên lại càng tệ hơn. Nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật sanh vào đời ác ngũ trược. Ngài trụ trong đời ác ngũ trược độ chúng sanh. Đó là Báo Thân của Thích Ca Mâu Ni Phật. Pháp Thân thanh tịnh của Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ chẳng phải là như vậy. [Thân thị hiện trong thế giới Sa Bà] là huyễn hóa, chẳng thật. Hết thầy các pháp, như mộng, huyễn, bọt, bóng, hãy nên thấy như thế. Đó gọi là chánh tri, chánh kiến. Dưới đây, đức Phật bèn nêu thí dụ để thuyết minh. Trước là nói về quốc độ, sau là nói về Phật Luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Thí như hữu quốc, thời hư quân vị, kỳ trung sở hữu nhất thiết nhân dân, tự quân, tha quân, cánh tương xâm hại, ưu sâu nhiều loạn, nhân chúng bất an, hữu vô lượng chủng đấu tụng vi tránh, hổ tương khi lãng, siểm ngôn, vọng ngữ, thô ác quai ly, vu vọng kiêu loạn, chủng chủng tật bệnh, manh ế hôn ám, hàn, nhiệt, ngược tật, ôn khí dịch lệ, điên giảo, càn khô, ẩm thực bất tiêu, kỳ tâm cuồng loạn, chư căn bất cụ, chi thể khuyết giảm, pháp thiếu chủng chủng y thực, tư cụ, nhất thiết sở hữu giai bất khả lạc. Chư hữu tình loại quy y chủng chủng ngoại đạo, tà thần, ác kiến, ác tâm, cập ác ý nhạo, giai tất xí thịnh, mê thất chánh đạo, lâm đạo ác thú.

(經)善男子！譬如有國，時虛君位，其中所有一切人民，自軍他軍更相侵害，憂愁擾亂，人眾不安，有無量種斗訟違諍，互相欺凌，諂言妄語，粗惡乖離，誣罔矯亂，種種疾病，盲翳昏闇，寒熱瘧疾，溫氣疫癘，癩癘乾枯，飲食不消，其心狂亂，諸根不具，肢體缺減，乏少種種衣食資具，一切所有皆不可樂。諸有情類，歸依種種外道邪神，惡見，噁心及惡意樂，皆悉熾盛，迷失正道，臨墮惡趣。

(Kinh: Này thiện nam tử! Ví như có quốc gia, khi ấy ngại vàng bỏ trống, tất cả hết thầy nhân dân trong nước, quân đội của chính mình và quân đội của kẻ khác xâm hại lẫn nhau, ưu sâu, nhiều loạn, dân chúng chẳng yên. Có vô lượng thứ kiện tụng, tranh chấp, trái nghịch, lừa dối, lẩn hiếp lẫn nhau, nói năng siểm nịnh, dối trá, thô ác mâu thuẫn, vu cáo, gạt gẫm, quấy rối, đủ mọi bệnh tật, mù quáng, tối tăm, bệnh hàn, bệnh nhiệt, sốt rét, ôn dịch, điên cuồng, khô héo, ăn uống chẳng tiêu, tâm tánh cuồng loạn, các căn chẳng đủ, chân tay thiếu sức, thiếu thốn các thứ cơm áo, vật dụng, hết thầy tất cả đều chẳng thể vui sướng được. Các loài hữu tình quy y đủ thứ ngoại đạo, tà thần, ác kiến, ác tâm, và ưa thích xấu ác, thầy đều lừng lẫy, mê mất chánh đạo, sẽ đạo vào đường ác).

Ở đây toàn là nói hình dung. Chúng ta đều hiểu những điều ấy, đích thân trải qua tình cảnh ấy. Hiện thời, chúng ta đang ở trong tình huống ấy. Thế giới này đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp. Nam Thiệm Bộ Châu cũng chính là ngay trên quả địa cầu này, có hơn một trăm tám mươi quốc gia, có quốc gia nào tốt đẹp hơn đôi chút? [Có tốt đẹp hơn] thì cũng là nói tương đối! “*Thời hư quân vị*” (Khi ấy, ngại vàng bỏ trống) là nói theo tập quán tại Ấn Độ. Hiện thời, đất nước ấy rất loạn, hoàng đế của quốc gia ấy không có cách nào cầm quyền, [khác nào] ngôi vua bị bỏ trống. Càng rối loạn hơn nữa là tất cả nhân dân trong quốc gia ấy tranh đoạt lẫn nhau.

“*Tự quân, tha quân*” (Quân của chính mình, quân của người khác), đức Phật vẫn nói theo biên giới [của từng quốc gia], chứ theo kinh nghiệm của tôi, chẳng phải chỉ là như thế. Tôi sanh ở vùng Đông Bắc, thuở ấy, thổ phỉ rất dữ dội. Khi tôi còn bé, tại Đông Tam Tỉnh²¹, mỗi tỉnh đều có một Đốc Quân. Thuở đó gọi là Đốc Quân, sau đây mới đổi thành Chủ Tịch tỉnh. Tỉnh này đánh tỉnh kia, tỉnh kia đánh tỉnh này. Thuở ấy, mọi người giành nhau làm Tổng Thống. Khi tôi ở Bắc Kinh, đã xuất gia, sau đây, tôi thấy một đôi câu đối, nhằm thời quân phiệt Bắc Dương. Ở Bắc Kinh thì gọi là Bắc Tổng Thống, còn tiên sinh Tôn Trung Sơn ở Nam Kinh thì gọi là Nam Tổng Thống. [Chánh quyền tại] Nam Kinh gọi là Nam Kinh Chánh Phủ, còn tại Bắc Kinh thì gọi là Bắc Kinh Chánh Phủ. Đôi câu đối ấy là: “*Nam chánh phủ, Bắc chánh phủ, chánh phủ hà phân Nam Bắc*” (Nam chánh phủ, Bắc chánh phủ, chánh phủ sao đành phân Nam Bắc). Nam hay Bắc chi nữa, nói là Tổng, hay nói là Thống, Tổng Thống chẳng phải là một món đồ. Đây là một quốc gia, chẳng phải là rất nhiều quốc gia. Về sau, tôi sang Tứ Xuyên, giúp chỉnh lý tài liệu, mới biết mức độ hỗn loạn tại Tứ Xuyên.

Nếu ai sanh vào thời đại ấy, bất luận là người thuộc quốc gia nào, chẳng ưu sầu hay sao? Quốc gia như vậy chẳng phải là nhiễu loạn ư? Mỹ Quốc rất cường đại, đúng chẳng? Mấy hôm trước, phi trường Khổng Ni Địch (Kennedy, tức phi trường JFK) bị ném bom. Khi bị ném bom, khá nhiều tòa cao ốc mạo dịch cũng bị ném bom. Còn có bão tố, lũ lụt, hỏa tai. Quý vị nói xem: Chỗ nào là cuộc đất sạch sẽ, không ưu sầu, không nhiễu loạn đây? Có một cuộc đất sạch sẽ, không biết quý vị có tìm được hay không? Chính là cái tâm của quý vị. Quý vị thanh tịnh nó, sẽ là sạch

²¹ Đông Tam Tỉnh là ba tỉnh ở miền Đông Bắc Trung Hoa gồm Liêu Ninh, Cát Lâm, và Hắc Long Giang.

sẽ nhất! Có tin được không? Hãy xét kỹ xem! Quý vị lắng lòng xem xét, hãy tĩnh tọa nửa tiếng đồng hồ. Đừng nên không tin tưởng, phải tin tưởng: Quý vị thanh tịnh được chốc lát, sẽ có thể an tịnh trong chốc lát ấy. Mọi người nói chung là chẳng an!

Hiện thời, đại khái là mỗi ngày tôi đều nhận được điện thoại từ các đạo hữu ở Đài Loan, tôi thiểu là một cú, có lúc hai cú điện thoại. Tôi chẳng nói cặn kẽ nội dung. Thông thường là bất an, ai nấy đều bất an, có chỗ nào an ổn hay không? Chẳng có! Quý vị hãy buông xuống! Hễ buông xuống, sẽ an ổn. Quý vị chẳng buông xuống, lúc nào cũng đều chẳng an. Hiện thời, chúng ta có thời gian cố định như vậy, tức là trong một tiếng rưỡi [nghe kinh], chúng ta rất an ổn. Có được một tiếng rưỡi này, chúng ta rất hạnh phúc. An định được một tiếng rưỡi thì hãy an định một tiếng rưỡi; an định được hai tiếng thì hãy an định hai tiếng. Muốn cầu an định vĩnh cửu thì quý vị ắt phải thành đạo. Nếu chẳng thành đạo, sẽ chẳng có cách nào an định!

Dầu sanh thiên, cõi trời vẫn chẳng an định. Thường là Tu La đánh nhau với trời Đao Lợi, nhân gian mới động loạn. Cõi trời loạn trước, nhân gian loạn sau. Phạm Thiên thì đỡ hơn một chút, càng lên cao, càng tốt hơn đôi chút, bất quá phước báo đã hết, vẫn phải đọa xuống, chẳng có chỗ nào tốt lành!

Chỉ cần quý vị đã an tâm, chiếu theo Thập Luân của Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật ở nơi đây hết sức an định, chúng ta hãy học theo Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật nói: Có vô lượng thứ kiện tụng, chống trái, tranh chấp, đúng là vô lượng! Pháp luật của mỗi quốc gia khác nhau. Cho tới hiện thời, công ước về hải dương đã hầu như vô tác dụng. Pháp luật của mỗi quốc gia khác nhau, trong mỗi quốc gia, hồ sơ kiện cáo nơi pháp viện (tòa án) đều hết sức nhiều. Thứ gì cũng đấu tranh, kiện cáo kiểu nào cũng có. Chuyện chống trái quá nhiều. Hằng ngày đều luôn đấu tranh! “*Hồ tương khi lưỡng*” (Lừa gạt, lấn hiếp lẫn nhau): Hiện thời, lừa gạt, lấn hiếp đến mức độ nào? Ngay cả trong gia đình của mỗi cá nhân, vợ chồng, cha con, mẹ con đều lừa gạt, lấn hiếp nhau. Tôi đã đích thân trải nghiệm, chẳng phải là nói bừa!

Trong đại cách mạng Văn Hóa tại Đại Lục, không biết đã chia cắt một căn nhà to ngàn ấy thành bao nhiêu mảnh nhỏ, mỗi người nấu một bếp riêng. Quý vị gia nhập phái này, người khác gia nhập phái kia, tình hình như thế đó. Bây giờ nghĩ lại, chỗ nào có thể thanh tịnh cho nổi? Người với người là như thế đó. Nếu quý vị có quyền, có thế, có tiền, [kẻ khác] sẽ tận lực nịnh bợ, tung hô những điều quý vị nói, nghe nghệt cả

tai luân! Có phải như thế hay chẳng? Hiện thời biến thành kẻ nào cũng chẳng dám tin tưởng, hẳn nói có thật hay không? Ai nói gì cũng phải phết một dấu hỏi! Khi con cái của quý vị nói với quý vị, quý vị nghĩ ngợi: “Chẳng biết thằng nhãi này nói thật hay giả! Chắc đùa nhỏ này lại gạt ta rồi!” Luôn phết dấu hỏi. Quý vị là ai? Đôi khi đối với chính mình, quý vị cũng phết dấu hỏi, có gì là chân thật? Hiện thời, trật tự trên toàn thế giới đều nháo nhào, chẳng có gì là trật tự. Vợ chồng, cha con, toàn thể quốc gia là như vậy đó. Nếu muốn chẳng loạn, sẽ chẳng thể nào được! Trong tình huống đó, làm thế nào để chẳng loạn? Phải nương theo lời đức Phật dạy mà thọ Tam Quy Y, nghe kinh Phật.

Ngoài chuyện đó ra, còn có bệnh tật. Hiện thời, có những căn bệnh hoàn toàn chẳng tìm thấy trong kinh Phật. Thuở đó, vẫn chưa có những căn bệnh ấy. Trong kinh Phật không có bệnh ung thư, chỉ có gầy mòn, héo hon, ăn uống chẳng tiêu hóa được, hoặc là mắt kém, tứ chi tàn khuyết, nóng sốt, sốt rét, bệnh hàn, bệnh nhiệt, ôn dịch, là các bệnh nặng nhất. Có bệnh AIDS hay không? Chẳng có. Có các loại bệnh ung thư hay không? Chẳng có! Sau này mới nghe nói tới những thứ bệnh ấy, trước kia chẳng biết. Các loại bệnh hoạn quá nhiều! Nếu bản thân chẳng trải nghiệm cảnh ấy, nghe người khác nói, tôi cũng chẳng tin cho lắm. Nhưng tôi đích thân trông thấy, chẳng thể không tin tưởng, mắt thấy sự thật mà!

Tôi đến bệnh viện Vinh Tổng²² và Trường Canh, trông thấy người sống đời thực vật, tôi mới tin tưởng. Tôi thấy còn ít, số lượng người thực vật sợ còn nhiều hơn những người tôi trông thấy. Tôi chỉ thấy hai bệnh viện như vậy. Đài Loan có, Đại Lục có hay không? Mỹ có hay không? Chỉ sợ là rất nhiều! Hạng người thực vật ấy, như kinh Địa Tạng đã nói, sống không được, mà chết cũng chẳng xong. Sự thống khổ ấy không có cách nào diễn tả được. Theo kinh Địa Tạng, người ấy đang ở trong cõi Âm, đang bị ra tòa thẩm vấn, vụ án chưa ngã ngũ, cho nên chết cũng không được, mà sống cũng chẳng xong. Nói cách khác, để cho kẻ ấy chịu tội. Sống để chịu tội! Người khác chịu tội thì cũng còn được đi; nếu người nhà của quý vị sống đời thực vật, thân nhân của chính mình còn

²² Bệnh viện này có tên gọi đầy đủ là Vinh Dân Tổng Y Viện (Veterans General Hospital). Hầu như mỗi thành phố lớn như Đài Bắc, Đài Trung, Cao Hùng... Bệnh viện Trường Canh là một hệ thống bệnh viện ở Đài Loan do Vương Vĩnh Khánh sáng lập nhằm tôn vinh thân phụ là Vương Trường Canh, có chi nhánh tại các thành phố Đài Bắc, Lâm Khâu (thuộc thành phố Đào Viên), Cao Hùng, Cơ Long, Gia Nghĩa, Vân Lâm v.v...

chưa chết, làm sao nhân tâm mặc kệ người ấy cho được? Có rất nhiều người thực vật khiến cho người nhà suy sụp theo. Vì có một người như vậy, [người nhà] sẽ phải chăm nom người ấy, chẳng thể đi làm. Nói chung là phải để lại một người chăm sóc, đấy chẳng phải là nghiệp ư?

Lại còn “*kỳ tâm cuồng loạn*” (tâm tánh cuồng loạn). Hiện thời, có nhiều người điên lảo! Nếu chẳng nghe thấy, sẽ chẳng thể liễu giải. Nhà thương điên, người điên cả đống. Em gái tôi làm bác sĩ ở bệnh viện tâm thần, nay đã về hưu. Cô ta kể kể bị điên thật đống. Trong quá khứ, chữa trị bằng phương pháp xung điện. Chữa xong, kể như người ấy đã lành bệnh, không điên nữa thì cũng biến thành kẻ ngốc. Chuyện gì cũng đều chẳng hiểu, thần kinh cũng hỏng luôn. Sau đây, mới đổi thành trị liệu bằng châm cứu. Khi nổi điên, bèn châm cứu. Châm rồi, họ dứt cơn, không điên nữa. Trong tương lai, khi bệnh điên khá hơn, còn có thể có trí nhớ, còn có thể nhận biết lục thân quyến thuộc. Nếu đã bị điên, kể như đã trị lành mà ngay cả lục thân quyến thuộc và cha mẹ của chính mình đều chẳng nhận biết, quý vị nói như vậy thì sống còn có ý nghĩa gì nữa?

Lại còn các căn chẳng đầy đủ, thiếu tay, thiếu chân. Còn nữa, thế giới hiện thời tiến bộ như vậy, vẫn còn rất nhiều nơi không có y phục để mặc, không có lương thực. Từ TV, chúng ta đều thấy, có những nơi cứ chiến tranh mãi, lương thực đều chẳng sản xuất được, lương thực rất thiếu thốn. Chúng sanh tại những nơi đó, kiến giải hết sức xấu ác, trong tâm cũng ác nghiệt. Do vậy, nếu quý vị đến huyện đó, người ở vùng núi nơi ấy trông thấy người khác, bất luận thấy như thế nào, ngay lập tức rút dao ra, chuẩn bị chiến đấu với quý vị. Nếu quý vị chẳng tổn thương họ, sẽ cho đi qua luôn. Nếu không, họ sẽ chuẩn bị đấu với quý vị. Tôi dùng chuyện này để chứng minh “*ác tâm*”. Họ cũng vui sướng, thế nhưng là “*ác ý nhạo*” (ưa thích xấu ác). Tâm họ đầy ắp sân hận, đố kỵ, chướng ngại, hoài nghi, đã sớm mê mất chánh đạo. Tà kiến, ác kiến, ác tâm hừng hực khôn cùng. Do vậy, họ mê mất chánh đạo. Như vậy thì có cách nào được nữa? Khi còn sống đã là như thế, chết đi chỉ đọa vào đường ác. Lại trôi lăn trong ba ác đạo. Đến khi thoát khỏi ba ác đạo, lại sanh vào nơi biên cương. Luân hồi kiểu ấy khi nào mới có thể chấm dứt?

Đây là những chỗ Địa Tạng Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát từ bi quan tâm nhất. Các Ngài thấy chúng sanh như thế đó. Chúng ta chẳng có trí huệ của Bồ Tát, tuy tâm chúng ta cũng từ bi, cũng thương xót, nhưng còn có tình ái, thuộc về ái kiến đại từ. Họ có đôi chút nhân duyên với ta, ta mới thực hiện (giúp đỡ, hóa độ). Như tôi đến một số nơi, tôi nói

những người ấy còn thua trâu ngựa. Trâu, ngựa quý vị có thể thuần phục được, chúng nó có chút tâm lành. Quý vị nuôi chó đàng hoàng, nó sẽ vẫy đuôi mừng, chứ những kẻ đó thì đùng hòng. Quý vị nảy sanh cảm giác chán lìa họ, chẳng thể sanh khởi tâm đại từ đại bi đến cứu độ họ. Lúc ấy, tôi cũng chẳng có [tâm từ bi mong cứu độ], chỉ có cảm giác chán lìa. Quý vị mong họ khi nào chuyển biến, thiện nghiệp phát hiện, còn có thể gặp gỡ Phật pháp, sẽ khó khăn lắm, chẳng biết phải trải qua bao nhiêu thế hệ. Đây là hiện tượng không tốt, tương phản với nó thì là hiện tượng tốt. Mỗi sự vật đều có hai mặt, đều là pháp tương đối. Đã nói điều xấu xong rồi, bèn nói điều tốt. Tốt thì mới tiếp cận Phật Luân. Phật độ chúng sanh cũng thế, vì phải kiến lập Phật Luân trên ác luân, rất khó khăn!

(Kinh) Thời, bỉ quốc trung hữu chư kỳ cựu, thông minh, đa trí, bác học, bình thứ, oai nghiêm chỉnh túc, tương dữ mưu nghị, vận chư trừ sách, tức tiện triệu tập quốc ấp nhân dân, cộng sở tiến thoái, thủ nhất vương tử. Tiên cụ đa chủng bố thí, điều phục, tịch tĩnh Thi La, tinh tấn, dũng mãnh, nan hành khổ hạnh, nhất thiết bị mãn. Cụ chư thù thắng phước đức chi tướng, chư căn viên mãn, chi thể vô khuyết, thân hình trường đại, tướng hảo đoan nghiêm, thành tựu tối thắng mỹ diệu dung sắc, thường vị nhất thiết tôn trọng, cung kính, suất độ nhân dân vô bất thân ái. Bẩm tánh thuần chất, thường hoài từ bi, bác học, đa tài, bị chư kỹ nghệ, nhu hòa, nhân nhục, trang nghiêm kỳ tâm, thị đại hậu phi sở sanh đích tử. Dĩ chư diệu hương, huân thanh tịnh thủy, điều hòa lãnh noãn, mộc dục kỳ thân, trước ư chúng chúng thượng diệu hương huân, chúng bảo trang nghiêm, tiến tịnh y phục, Mạt-ni châu bảo, trí tại kế trung. Kim bảo, hoa man, quan sức kỳ thủ, tổ luyện khinh tăng thúc ư phát tế.

(經)時，彼國中有諸耆舊，聰明多智，博學平恕，威嚴整肅，相與謀議，運諸籌策，即便召集國邑人民，共所薦推取一王子。先具多種佈施、調伏、寂靜尸羅，精進勇猛，難行苦行，一切備滿。具諸殊勝福德之相，諸根圓滿，支體無缺，身形長大，相好端嚴，成就最勝美妙容色，常為一切尊重恭敬，率土人民無不親愛。稟性淳質常懷慈

悲，博學多才備諸技藝，柔和忍辱莊嚴其心，是大后妃所生嫡子。以諸妙香，熏清淨水，調和冷暖，沐浴其身，著於種種上妙香熏，眾寶莊嚴，鮮淨衣服，末尼珠寶，置在髻中。金寶華鬘，冠飾其首，素練輕縵束於髮際。

(Kinh: Khi ấy, trong nước có những bậc kỳ cựu, thông minh, đa trí, học rộng, bình đàm, khoan dung, oai nghiêm, đáng kính, cùng nhau mưu tính, bàn bạc, tính toán các mưu kế, liền triệu tập nhân dân trong đất nước, cùng nhau đề cử một vị vương tử. Trước hết, vị ấy phải trọn đủ các loại [phẩm đức]: Bó thí, điều phục, có giới hạnh tịch tĩnh, tinh tấn, dũng mãnh, làm được các khổ hạnh khó làm, hết thấy đều trọn đủ. Có đủ các tướng phước đức thù thắng, các căn viên mãn, tứ chi và các phần nơi thân thể chẳng thiếu sót, thân hình cao lớn, tướng hảo đoan nghiêm, thành tựu dáng vẻ và diện mạo đẹp đẽ thù thắng nhất, thường được hết thấy tôn trọng, cung kính, nhân dân cả nước không ai chẳng thân cận, yêu mến. Bẩm tánh thuần hòa, chân chất, thường ôm lòng từ bi, học rộng, lắm tài, trọn đủ các nghề khéo, nhu hòa, nhẫn nhục để trang nghiêm cái tâm, là con dòng đích do hoàng hậu sanh ra. Dùng các loại hương quý để xông thơm nước thanh tịnh, điều hòa lạnh ấm thích đáng, tắm gội thân thể vị ấy, cho mặc y phục mới sạch được xông ướp bằng đủ loại hương thượng diệu và trang nghiêm bằng các thứ báu, châu báu Mạt-ni đặt nơi búi tóc. Đầu được trang hoàng bởi các thứ báu bằng vàng và tràng hoa, dùng giải lụa nhẹ trắng tinh làm dây buộc quanh mí tóc).

Nói đối ứng với phần trước. Quốc gia ấy chẳng có quốc vương, rất hỗn loạn. Kẻ có chánh kiến rất ít, tà kiến rất đông. Vào lúc ấy, trong nước đó có những bậc hiền đạt. “Kỳ” (耆) là những bậc trưởng lão trong quá khứ. Họ là những người có trí huệ, học vấn rất giỏi, rất bình hòa, đối đãi kẻ khác bằng lòng khoan dung. Trông thấy quốc gia lâm vào tình huống ấy, liền cùng nhau bàn bạc, mưu tính, nghĩ đủ mọi biện pháp. “Trù” (籌) là vạch ra kế hoạch, “sách” (策) là thúc đẩy. Hiện thời, cục diện quốc gia như thế đó, mọi người cùng nhau thương nghị, phải có biện pháp. Các vị kỳ cựu ấy cùng nhau triệu tập nhân dân cả nước, tức “quốc áp nhân dân”. Mọi người đề cử, chọn ra một vương tử trong số

các con của tiên vương, cũng là cùng nhau chọn lựa một phen. Vị vương tử ấy phải có thể điều phục chính mình, có thể bố thí, có thể trì giới, tuân thủ pháp tắc thế gian. Thi La (Śīla) là giới luật, bao gồm [các phẩm đức] “*tịch tĩnh, từ bi, ngăn ngừa, dứt ác*”. “*Tịch tĩnh Thi La*” có ý nghĩa như vậy đó.

Phải tìm được một vị vương tử như vậy, [vị ấy] lại phải có thể từ tâm bố thí, điều phục tánh tình của chính mình, có thể tuân thủ chế độ pháp luật, lại còn phải tinh tấn, dũng mãnh. Tinh tấn, dũng mãnh là nói theo thiện nghiệp, có thể thực hiện những khổ hạnh người khác chẳng làm được. Những điều ấy đều phải trọn đủ. Lại còn phải có tướng phước đức thù thắng, tướng mạo không quá xấu xí. Kẻ làm quốc vương mà quá xấu thì cũng không được. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các căn đều viên mãn. Tứ chi nơi thân thể không chỗ nào bị thiếu hụt. Thân hình chẳng thể quá thấp bé, phải cao lớn, lại còn phải trọn đủ tướng hảo đoan nghiêm. Thành tựu dung sắc đẹp đẽ màu nhiệm như thế ấy, thường được hết thảy mọi người tôn trọng, cung kính. Mọi người dân trong nước ấy đều biểu thị lòng thân ái đối với vị vương tử ấy.

“*Bẩm tánh thuần chất, thường hoà từ bi, bác học, đa tài, bị chư kỹ nghệ*” nghĩa là: Tánh tình của vương tử ấy thuần hậu, chất phác, thường ôm lòng làm lợi, giúp đỡ người khác, chẳng tổn hại, nào hại bất cứ một ai. Học vấn rất giỏi, còn có các thứ nghề khéo. “*Nhu hòa, nhẫn nhục, trang nghiêm kỳ tâm*” (Cái tâm được trang nghiêm bằng nhu hòa, nhẫn nhục): Nhu hòa có nghĩa là chẳng thô bạo. Nhẫn nhục là bị đối xử phi lý, người ấy cũng chẳng so đo với kẻ khác. “*Thị đại hậu phi sở sanh đích tử*” (Là con dòng đích do hoàng hậu sanh ra), ý nói: Nếu do phi tần sanh ra thì chẳng phải là đích tử (嫡子, con dòng đích), sẽ thua kém đôi chút. Do vậy, phải chọn Thái Tử do hoàng hậu sanh ra, cũng tức là con của vị nguyên phối phu nhân.

Có được một Thái Tử như vậy, sau khi đã tuyển chọn, bèn dùng nước được ướp hương thanh tịnh, chẳng lạnh, chẳng nóng, điều hòa ấm lạnh, tắm gội thân thể của vương tử. Y phục của anh ta mặc đều dùng hương màu nhiệm xông ướp. [Y phục] mới, sạch, trang nghiêm bằng châu báu. “*Mạt-ni châu bảo, trí tại kế trung*” (Châu báu Ma-ni cài trên búi tóc): Kiểu này tôi đã từng thấy, người Tây Tạng là như thế đó. Quan lại từ tứ phẩm trở lên không cắt tóc, trên tóc đội một cái khâm thờ Phật²³

²³ Đây là một loại hộp nhỏ bằng kim loại (thường là bằng bạc, bằng vàng, hay bằng đồng), hay bằng gỗ quý, gọi là Gau, thường được chạm trổ đẹp đẽ, có thể cắm các

bé. Bất quá, chẳng có bảo châu Mạt-ni, họ đội một tượng Phật trang hoàng trên tóc. Vị quốc vương kia cài bảo châu Mạt-ni trên búi tóc. Trong quá khứ, đều là quán tóc [thành búi], đây là cách nói hình dung. Dùng chất báu bằng vàng trang hoàng cái mào che tóc đẹp nhất. Mấy thứ ấy dùng “*tố luyện khinh tăng thức u tế phát*” (giải lụa trắng nhẹ buộc ngang mí tóc): Tóc phải cuộn lại, bó thành cái khảm thờ Phật. Tôi thấy người Tây Tạng tóc cuộn thành hai búi, giống như trẻ nhỏ của ta để tóc thành hai trái đào, chính giữa cài một cái khảm thờ Phật. Trong khảm thờ có một bức tượng Phật, cũng cần bảo thạch, tức là dùng bảo thạch khảm bên ngoài khảm thờ Phật. Thông thường, người ta đội tượng Quán Thế Âm khá nhiều.

(Kinh) Hựu dĩ chủng chủng Mạt-ni chân châu, kim, ngân đẳng bảo, cộng sở hợp thành nhĩ đàng, anh lạc, hoàn, xuyên, ấn đẳng. Chúng diệu bảo sức trang nghiêm kỳ thân, chức thành bảo lý, hạ thừa kỳ túc. Chúng bảo tán cái thượng phú kỳ danh, an trí cổ tích nhất thiết thiên tiên sở hộ trì tòa, thú nhập nhất thiết thiên đế đồng hứa cộng sở hộ trì, thiện xảo doanh cấu thù diệu đại điện, dăng tự tiên vương sở thăng tôn tòa.

(經)又以種種末尼真珠，金銀等寶，共所合成珥璫、瓔珞、環、玕、印等。眾妙寶飾莊嚴其身，織成寶履，下承其足。眾寶傘蓋上覆其頂，安置古昔一切天仙所護持座，趣入一切天帝同許共所護持，善巧營構殊妙大殿，登自先王所升尊座。

(Kinh: Lại dùng các thứ báu như Mạt-ni (Ma-ni), chân châu, vàng, bạc... cùng kết hợp thành vòng đeo tai, chuỗi anh lạc, vòng, xuyên, ấn v.v... Các thứ trang sức báu màu nhiệm trang nghiêm thân hình, kết thành dép báu đỡ dưới chân. Tàn, lọng bằng các thứ báu che đỉnh đầu, xếp đặt tòa được hết thầy thiên tiên hộ trì từ thuở xa xưa, tiến vào đại điện đẹp đẽ thù thắng, xây dựng khéo léo, được hết thầy thiên đế cùng chấp thuận hộ trì, lên tòa tôn quý của tiên vương).

loại bảo thạch. Phía trước có một ô cửa sổ nhỏ để đặt tượng Phật. Tượng Phật thường được chèn quanh bằng lụa, đôi khi có các giải giấy mỏng viết các bài thần chú bao quanh. Gau cũng có thể xỏ dây để đeo trước ngực.

Chúng ta biết nam giới Tây Tạng đều đeo bông tai, nhưng không phải là xỏ lỗ để đeo ở trái tai, mà là [buộc chỉ] đeo lên vành tai. Họ đeo vòng tai rất lớn. Người có phẩm vị, vừa nhìn đã biết họ là quan thuộc phẩm thứ mấy. Quan từ tứ phẩm trở lên mới được phép đeo, dưới tứ phẩm sẽ không được phép. Vòng tai cũng chia thành cấp bậc, dùng lục bảo thạch (turquoise), hay hồng bảo thạch (ruby). Những thứ trang trí trên đầu cũng liên quan đến cấp bậc. Ngoài ra, ngựa họ cưỡi, trên đầu ngựa có gắn chóp vàng, quý vị nhất định phải nhường đường. Đây là quan to từ tam phẩm trở lên, hoặc là Đại Hoạt Phật²⁴. Tôi dùng những thí dụ ấy để hình dung oai nghi của quốc vương thời cổ. Ngoài ra, phía dưới con ngựa, tức là phía dưới đầu ngựa, ở phần cổ, buộc tua đỏ, tức là phía trước ức con ngựa buộc tua đỏ. Buộc hai tua là quan tứ phẩm, buộc ba tua là từ tam phẩm trở lên. Ngoài ra, yên ngựa cũng chia theo đẳng cấp. Do vậy, anh lạc, vòng tai đều do châu báu xen kẽ cẩn thành. Sự trang nghiêm của quốc vương càng khác biệt. Ông ta ngồi kiêu, toàn thân là châu báu, yên ngựa đều do châu báu cẩn chạm mà hợp thành. Đây là hình dung tình hình các quốc vương thuở xưa lên ngôi hoặc tuần du. Do kinh điển đều căn cứ theo tình huống đương thời tại Ấn Độ để miêu tả, chẳng giống tình huống trong hiện tại. Hiện thời, đã chẳng còn. Nói những điều này đều là tỷ dụ khi [quốc vương] mới lên ngôi.

Khi vương tử chưa lên ngôi vua, anh ta được chọn ra, bèn được trang hoàng như vậy. Cho anh ta ngồi vào tòa báu đã được cở hiện tiên nhân trong quá khứ bảo vệ, mọi người lễ bái cung thỉnh. *“Thú nhập nhất thiết thiên đế đồng hứa cộng sở hộ trì, thiện xảo doanh cấu thù diệu đại diện”* (Tiên nhập đại diện thù thắng, nhiệm màu, kiến trúc hay khéo, được hết thầy thiên đế cùng chấp thuận duy trì): Đây là nói hình dung, nói điện đường ấy đã tu bổ rất đẹp đẽ. Quý vị đến Đài Loan cũng thế, tới Đại Lục cũng thế, ngay ở Ôn Ca Hoa (Vancouver), các điện đường cũng khá lắm. Phạm là đập tạc tượng Phật, cho đến tòa ngôi của đức Phật, đều là bảo tọa. Vị đại vương tương lai này, trước khi lên ngôi, ngồi nơi cái

²⁴ Do các đại Lạt-ma Tây Tạng thường tự xưng là Phật này, Bồ Tát nọ chuyển thế, chẳng hạn Đại Lai Lạt Ma là hóa thân của Quán Thế Âm, Ban Thiên Lạt Ma (Panchen Lama) là hóa thân của A Di Đà Phật, Karmapa là hóa thân của Quán Thế Âm, Trizin Sakyapa là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát v.v... cho nên người Hoa thường gọi các đại Lạt-ma là Hoạt Phật (Phật sống). Hầu như viện trưởng các tu viện lớn của Tây Tạng đều được coi là hóa thân (Tulku) của các vị Phật, Bồ Tát, hoặc tối thiểu các vị đại sư, các vị đại hành giả Mật Tông trong quá khứ.

tòa báu được hết thầy tiên nhân hộ trì. Những điều ấy đều là truyền thuyết.

(Kinh) Thiệu vương vị dĩ, khấu kích nhất thiết thiên đế, long đế, Dược Xoa thần đế, A Tổ Lạc đế, Cưu Bàn Đồ đế, các sở hộ trì quảng đại chung cổ. Kỳ thanh chấn hưởng, châu biến quốc giới, Sát-đế-lợi đẳng tứ đại chủng tánh, vô lượng nhân chúng, mộc dục kỳ thân, trước tịnh y phục, chấp trì chúng chúng diệu bảo tăng thái, tán, cái, tràng, phan, Mạt-ni, chân châu, kim, ngân, loa bối, bích ngọc, san hô, phệ lưu ly đẳng, sanh sắc khả nhiễm, vô lượng trân kỳ, phụng hiến tân vương, dĩ trình gia thụ. Quý tộc tịnh hạnh, bác học, đa tài chư Bà-la-môn, dĩ vô lượng chúng vi diệu tán tụng, ca vịnh đế đức, chúng chúng thiện sự chú nguyện ư vương, dĩ chư cát tường tán sái vương danh.

(經)紹王位已，扣擊一切天帝、龍帝、藥叉神帝、阿素洛帝、鳩畔荼帝，各所護持廣大鐘鼓。其聲振響，週徧國界，刹帝利等四大種姓，無量人眾，沐浴其身，著淨衣服，執持種種妙寶繒彩、傘蓋、幢幡、末尼真珠、金、銀、螺貝，璧玉、珊瑚、旆琉璃等，生色可染，無量珍奇，奉獻新王，以呈嘉瑞。貴族淨行，博學多才諸婆羅門，以無量種微妙讚頌，歌詠帝德，種種善事咒願於王，以諸吉祥散灑王頂。

(Kinh: Đã nói ngôi vua rồi, đánh gõ hết thầy các chuông trống rống lớn đã được hết thầy vua trời, vua rồng, vua thần Dược Xoa, vua A Tổ Lạc, vua Cưu Bàn Đồ bảo vệ. Tiếng ấy vang rền trọn khắp trong nước, vô lượng dân chúng thuộc bốn đại chủng tánh như Sát-đế-lợi v.v... tắm gội thân thể, mặc y phục sạch sẽ, cầm nắm dây lụa màu, lông, tràng, phan, kết bằng các thứ báu, Mạt-ni, chân châu, vàng, bạc, vỏ ốc to, bích ngọc, san hô, phệ lưu ly v.v... màu sắc đáng yêu, vô lượng quý lạ, dâng lên tân vương, để tạo điềm tốt lành. Quý tộc tịnh hạnh, các Bà-la-môn học rộng, lắm tài, dùng vô lượng thứ tán tụng vi diệu, ca tụng, ngâm vịnh đức hạnh và các thứ thiện sự của vua, chú nguyện nhà vua, dùng các thứ cát tường rải rắc lên đỉnh đầu nhà vua).

Lại còn có đại điện được xây dựng, thiết kế các thứ trang hoàng khéo đẹp như thế. [Tân vương] lên tòa tôn quý của tiên vương, kế thừa ngôi vua. Sau khi anh ta đã kế tục ngôi vua, bèn “*khẩu kích nhất thiết thiên đế, long đế, Dược Xoa thần đế, A Tổ Lạc đế, Cưu Bàn Đồ đế, các sở hộ trì quảng đại chung cổ*” (đánh gõ các chuông trống rỗng lớn được hét thảy vua trời, vua rồng, vua thần Dược Xoa, vua A Tu La, vua Cưu Bàn Đồ đều hộ trì): Đây là nói hình dung, ý nói “chuông trống được thiên long bát bộ bảo vệ”. Trong quá khứ, hoàng đế Mãn Thanh vào tảo triều mỗi ngày đều là chuông trống cùng giống. Trong chùa của hòa thượng, khóa tụng sáng tối cũng đều phải là chuông trống cùng giống. Nghênh đón một vị đại đức, đều phải giống trống, thỉnh chuông cùng lúc. Toàn thể Tăng chúng trong tự viện đều phải đáp y mặc hậu [xếp hàng] nghênh tiếp. Đây là hình dung ý nghĩa tôn quý. Thật ra, do đại chúng thuộc tám bộ quý thân như trời, rồng... hộ pháp, nên chúng ta thường hình dung hoàng đế được “*bách linh tương hộ*” (trăm loài linh thiêng gia hộ). Đó là do phước báo của ông ta cảm vời.

Đến khi ấy, chuông trống cùng giống, khiến cho cả cõi nước đều hay biết. Kế đó, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá, Thú-đà-la, là bốn đại chủng tánh từ xưa của Ấn Độ. Bốn đại chủng tánh có vô lượng người, ai nấy đều tắm rửa, thay áo, mặc quần áo sạch sẽ, cũng dùng đủ loại chất báu hợp thành tàn, lọng, tràng, phan. Những điều này đều là nói hình dung, vàng, bạc, tù và, bích ngọc, san hô, phệ-lưu-ly (Vidurya, tức lưu ly). “*Sanh sắc khả nhiễm*” là người vàng, “*sanh sắc*” là màu sắc trời sanh (màu sắc tự nhiên), màu sắc của họ tự sanh ra mà có, là vàng, hay trắng. Vô lượng các vật báu quý hiếm, đều kính dâng vị vua vừa mới lên ngôi. “*Dĩ trình gia thụ*” (Đề dâng bày điều tốt lành): Khi đó, quý tộc, Sát-đế-lợi, và Bà-la-môn học rộng, nhiều tài, dùng vô lượng các loại tán tụng vi diệu để ca vịnh đức hạnh và các thứ thiện sự của nhà vua.

“*Chú nguyện ư vương*”: Trong phần trước, chúng ta đã thấy Địa Tạng Bồ Tát tán thán công đức của Phật, đức Phật lại tán công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Đây là ý nghĩa của các thứ tán tụng. “*Dĩ chư cát tường, tán sái vương đảnh*” (Dùng các thứ cát tường rưới rải lên đỉnh đầu tân vương), [nghĩa là] dùng các thứ châu báu ấy để chú nguyện, “*chú chúc*” tức là dùng ngôn từ cát tường để chúc tụng nhà vua cát tường, hạnh phúc.

(Kinh) Tiên vương sở trọng túc vọng quý tộc, bác học, đa nghệ, tánh trực, hiền minh, tùy kỳ sở ưng, thọ dĩ chủng chủng chức vị quan liêu, lý chư vương sự. Tiên vương quốc cảnh tự quân, tha quân cảnh tương xâm hại, kim giai linh tức. Diệt linh nhất thiết oán địch, ác hữu, năng vi hại giả, giai tất diệt, tồn trừ tự quốc nhất thiết hắc phẩm, tăng ích tự quốc nhất thiết bạch phẩm. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ nhất vương luân. Do thủ luân cố, vương quốc độ, đắc an lạc trụ, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)先王所重宿望貴族，博學多藝，性直賢明，隨其所應，授以種種職位官僚，理諸王事。先於國境，自軍他軍更相侵害，今皆令息。亦令一切怨敵惡友，能為害者，皆悉殄滅，損除自國一切黑品，增益自國一切白品。善男子！刹帝利種灌頂大王，成就如是第一王輪。由此輪故，於自國土，得安樂住，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Đối với hàng quý tộc có danh vọng được tiên vương coi trọng, học rộng, nhiều tài, tánh thẳng thắn, hiền minh, sẽ tùy theo khả năng của họ mà trao cho các chức vị quan liêu để trông coi việc nước. Trước hết, trong nước thì đối với quân nước nhà và quân nước khác xâm hại lẫn nhau trước kia, nay đều dứt diệt. Cũng làm cho hết thấy oán địch, bạn ác, những kẻ làm hại, thấy đều diệt mất, tiêu trừ hết thấy các điều xấu xa trong nước mình, tăng thêm hết thấy những điều tốt đẹp trong nước nhà. Nay thiện nam tử! Vị đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ nhất như thế đó. Do bởi luân ấy, được trụ an lạc trong cõi nước của chính mình, có thể hàng phục hết thấy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ cái thân, khiến cho thọ mạng tăng thêm).

“Tiên vương sở trọng túc vọng quý tộc, bác học đa nghệ, tánh trực hiền minh, tùy kỳ sở ưng, thọ dĩ chủng chủng chức vị quan liêu” (Đối với hàng quý tộc có danh vọng được tiên vương coi trọng, học rộng, nhiều tài, tánh thẳng thắn, hiền minh, tùy theo khả năng của họ mà

trao cho các chức vị quan liêu): Tân vương lên ngôi, phải phong các chức quan. Trong quá khứ, những quý tộc, quan lại ấy là những người tài năng, học vấn xuất chúng, hoặc là xử lý công việc công chánh, hiền minh, đáng giữ các chức vụ.

“*Tùy kỳ sở ưng, thọ dĩ chủng chủng chức vị, quan liêu*” [nghĩa là] trao chức quan cho họ [tùy theo khả năng thích đáng], để họ giúp đỡ nhà vua xử lý việc nước. Tân vương đăng cơ, phải có khí tượng mới mẻ, đảo ngược tai họa của nước nhà. “*Tiên ư quốc cảnh tự quân, tha quân cánh tương xâm hại, kim giai linh tức*” (Trước hết, trong nước, quân của nước mình và quân nước khác xâm hại lẫn nhau, nay đều làm cho chấm dứt): Trong quá khứ, cục diện quốc gia hỗn loạn, đánh đấm lẫn nhau, hoặc là quân đội của nước mình, hoặc là quân đội nước khác xâm lăng gây hại, hoặc các vương hầu xung bá một phương, nay đều chấm dứt. Vì tân vương đăng cơ, có khí tượng mới.

“*Diệt linh nhất thiết oán địch, ác hữu, năng vi hại giả, giai tất diễn diệt*” (Cũng khiến cho hết thảy oán địch, bạn ác, kẻ có thể gây hại, thảy đều diệt mất): Đều bị tiêu diệt. Tiêu trừ hết thảy những điều xấu ác trong nước mình, trừ khử nghiệp bất thiện, tăng thêm hết thảy các điều tốt đẹp trong nước mình, tăng thêm thiện nghiệp. Tiêu diệt Thập Ác, rộng hành Thập Thiện.

“*Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương thành tựu như thị đệ nhất vương luân*” (Thiện nam tử! Vị đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ nhất như thế đó): Đây là vương luân thứ nhất của quốc vương. Điều này hoàn toàn là nói tỷ dụ, nhằm hiển thị điều thứ nhất trong Phật Luân. Tiếp đó, sẽ nói đến Phật Luân.

“*Do thử luân cố, ư tự quốc độ, đắc an lạc trụ*” (Do luân này, trong quốc độ ấy, được trụ trong an lạc): Nhân dân trong quốc gia ấy đều bình an, hạnh phúc, tiêu trừ oán địch, bạn ác. Nhân dân của quốc vương ấy thọ mạng cũng được tăng thêm nhiều, được quốc vương hộ trì. Đây là vương luân thứ nhất.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị tạp nhiễm ngũ trược ác thế, Sách Ha Phật độ, không vô Phật thời, kỳ trung sở hữu nhất thiết chúng sanh, vi tự tâm trung tùy miên triền cấu, tự quân, tha quân não hại, xâm bức, sầu ưu, nhiễu loạn, ngu minh, bất an, khởi vô lượng chủng chấp trước đoạn thường, đấu tụng vi tránh, hồ tương khinh miệt, khởi tham, sân, si, siểm, cuồng ngôn đả báng, cụ túc thập chủng bất thiện nghiệp đạo. Chấp trước hữu tình phân nhiễu thế giới, thành tựu

chủng chủng phiền não tật bệnh, khuyết chánh pháp nhãn, phần hận thiêu não, thường bất tư duy chân thật chánh pháp, khí chánh pháp vị, cơ hủy thiện hạnh, thiếu pháp sở thọ hỷ lạc tư vị, thường vị chủng chủng phiền não la vông chỉ sở phú tế, quy y lục chủng ngoại đạo tà sư, mê thất thánh đạo, hướng tam ác thú.

(經)善男子！如是雜染五濁惡世，索訶佛土，空無佛時，其中所有一切眾生，為自心中隨眠纏垢，自軍他軍惱害侵逼，愁憂擾亂，愚冥不安，起無量種執著斷常，斗訟違諍，互相輕蔑，起貪、瞋、癡、諂、誑言等，具足十種不善業道。執著有情紛擾世界，成就種種煩惱疾病，闕正法眼，忿恨燒惱，常不思惟真實正法，棄正法味，譏毀善行，乏少所受喜樂滋味，常為種種煩惱羅網之所覆蔽，歸依六種外道邪師，迷失聖道，向三惡趣。

(Kinh: Này thiện nam tử! Đời ác ngũ trược tạp nhiễm như thế, trong cõi Phật Sách Ha, vào lúc trống rỗng, chẳng có Phật, tất cả hết thấy chúng sanh trong ấy, do vì cấu nhiễm tùy miên trong tự tâm trời buộc, quân mình và quân người khác não hại, xâm lấn, bức bách, sâu ưu, nhiễu loạn, ngu si, tăm tối, bất an, dấy lên vô lượng thứ chấp trước đoạn kiến hay thường kiến, tranh chấp, kiện cáo, khinh miệt lẫn nhau, dấy lên tham, sân, si, nói năng siểm nịnh, lừa dối v.v... trọn đủ mười thứ nghiệp đạo bất thiện. Hữu tình chấp trước lãng xảng gây rối thế giới, thành tựu đủ thứ phiền não và bệnh tật, thiếu con mắt chánh pháp, bị phần hận thiêu đốt, não hại, thường chẳng tư duy chánh pháp chân thật, bỏ chánh pháp vị, chê gièm, hủy báng hạnh lành, thiếu khuyết thọ hưởng ý vị hỷ lạc, thường bị các thứ lưới rập phiền não che lấp, quy y thầy tà thuộc sáu loại ngoại đạo, mê mất thánh đạo, hướng vào ba đường ác).

Đây là hình dung đức Phật lợi ích chúng sanh. Do vậy, trước tiên nói về hình tướng chúng sanh. Quốc độ này có tướng trạng như thế nào? Giống như đời ác ngũ trược! Sách Ha (Sahā-loka-dhātu) chính là quốc độ Sa Bà. Quốc độ này khi chẳng có Phật [tại thế], đức Phật trước đã nhập diệt, đức Phật sau còn chưa giảng sanh. Hiện thời, Thích Ca Mâu

Ni Phật đã nhập diệt, Phật Di Lặc còn chưa hạ sanh, chính là lúc không có Phật. Thế giới Sa Bà này bao gồm rất nhiều quốc độ. “*Tỳ tâm tùy miên*”: Tùy Miên²⁵ chính là căn bản phiền não, thuận theo cái tâm của chúng sanh mà dấy lên. “*Triền cấu*” (纏垢) trói buộc, che phủ, chẳng trong sạch, “*cấu*” (垢) là bất tịnh. “*Tự quân*” (Quân của chính mình) tức là phiền não trong nội tâm, “*tha quân*” (quân của người khác) là phiền não gây nên bởi tướng cảnh giới bên ngoài. Trong ngoài cùng tấn công, não hại, xâm lấn, bức bách, chúng sanh sống trong cảnh ưu sầu phiền não. Xã hội xáo động bất an, nội tâm của chúng sanh cũng bất an theo. Lại thêm ngu si, tối tăm, ương bướng, chẳng lành lợi. Đầu óc cũng chẳng tinh táo, lại còn chẳng thể có trí năng. “*Minh*” (冥) là tối tăm, thường ở trong hắc ám thì là “*bất minh*” (不明, chẳng sáng suốt). Trong tâm bất an, chẳng thể thanh tịnh.

Đồng thời, họ sanh khởi vô lượng chấp trước về Đoạn Kiến và Thường Kiến. Đối với tri kiến Đoạn và Thường, luôn cho là chính mình hữu lý, thích dấy lên đấu tranh, thích dấy lên kiện cáo. “*Tụng*” (訟) là thưa ra tòa. Tranh đấu mà chẳng giải quyết được vấn đề, bèn đưa nhau ra tòa. Hoặc oán cừu giết hại lẫn nhau. Ai cũng chẳng thấy kẻ khác vừa mắt, tự cao, tự đại, tâm kiêu mạn đặc biệt mạnh mẽ. Chuyện này chúng ta vừa nghĩ sẽ biết ngay, chẳng cần phải nói nữa. Luôn cảm giác chính mình ghê gớm lắm, khinh miệt lẫn nhau, coi rẻ người khác. Toàn dấy lên tham, sân, si, lừa dối, gạt gẫm, nịnh hót! Những lời lẽ nói ra toàn là ngôn từ bợ đỡ, súc xiểm, kiêu mạn đối với người dưới, chẳng tìm được lời nào chân thật, chẳng hề nói thật. Nói chung, trọn đủ mười thứ nghiệp đạo bất thiện! Nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều là khẩu nghiệp, “*giết, trộm, dâm*” là thân nghiệp, “*tham, sân, si*” là ý nghiệp.

Do vậy, trong thế giới Sa Bà này, các chúng sanh chấp trước ấy ở trong thế giới này thành tựu đủ loại bệnh tật phiền não. Bệnh do tâm sanh, chúng ta bệnh khổ rất nhiều, bệnh gì vậy? Bệnh phiền não. Bệnh

²⁵ Tùy Miên (Anusaya) còn dịch là Sứ, hay Sứ Phiền Não, chính là tên gọi khác của Phiền Não, nhưng Phiền Não bao hàm ý nghĩa khá rộng, còn Tùy Miên chỉ hạn định trong hiện hành phiền não. Do nó ngấm ngấm ẩn tàng trong nội tâm (Miên, sánh ví như đang say ngủ), luôn chờ dịp để khởi tác dụng như bóng theo hình (Tùy); vì thế gọi là Tùy Miên. Nếu nói gọn thì Tùy Miên gồm tham, sân, si, nói rộng hơn thì sẽ thành mười kết sử. Hiển Dương Thánh Giáo Luận còn phân tích có hai mươi loại Tùy Miên.

thế gian thông thường thì có thể tìm thầy thuốc chữa trị, chứ bệnh phiền não thì phải do chính mình chữa. Nhìn vấn đề mà chẳng có mắt chánh pháp, sẽ chẳng thấy rõ ràng. Những gì đã làm toàn là tà, “tà” (邪) nghĩa là bất chánh. “*Phẫn hận thiêu não*” (Phẫn hận thiêu đốt, não hại) có nghĩa là nhiễu loạn bất an, chưa hề nghĩ đến chánh pháp. Thường chẳng tư duy chánh pháp chân thật. Chánh pháp là gì? Như chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, chẳng nói dối chiều, chẳng “giết, trộm, dâm” thì là chánh ngữ, chánh kiến, chánh mạng, chánh tư duy. Đây là chánh pháp.

Vì họ chẳng tư duy chánh pháp, đối với những điều hay đẹp của chánh pháp, chẳng thể sanh khởi pháp hỷ. Dùng khẩu vị để tỷ dụ thì [pháp hỷ] giống như hương vị. Do chẳng đạt được pháp vị, nên họ chẳng sanh khởi pháp hỷ. Làm thế nào để đạt được cái tượng trưng cho pháp hỷ? Nếu lúc quý vị tĩnh tọa, có thể đạt được khinh an; lúc xuất Định, sẽ cảm thấy hết thấy những thứ quấy nhiễu rộn ràng hoàn toàn chấm dứt. Những nỗi ưu sầu và tư lự trong tâm, hết thấy tạp niệm toàn bộ chẳng sanh khởi, sẽ đạt được khinh an, quý vị sẽ đạt được sự hoan hỷ ấy. Khi quý vị đọc tụng kinh điển Đại Thừa, cảm thấy trong tâm hết sức hoan hỷ, hết sức sung sướng. Đây chính là đạt được pháp hỷ.

Còn nữa, khi xem kinh, đọc đoạn kinh văn này, cảm thấy rất hữu dụng đối với chính mình, trong tâm sanh khởi pháp hỷ, cảm nhận chính mình có rất nhiều tật xấu, bèn sửa đổi. Những điều này đều coi như là “*cảm nhận ý vị của pháp hỷ*”. Nếu tương phản, chẳng phải là như vậy, chẳng tư duy chánh pháp chân thật, mà tư duy toàn là tà đạo, sao có thể gọi là “*tư duy chánh pháp*” cho được? Chúng tôi dùng tỷ dụ để nói. Như Tứ Niệm Xứ, [quán tướng] thân, thọ, tâm, pháp, bốn loại ấy thì được gọi là Tứ Niệm Xứ. Quán thân bất tịnh, chín lỗ thường tuôn ra [bất tịnh]. Quán cái thân xác thịt của chúng ta chẳng có tí gì sạch sẽ! Hai con mắt, hai lỗ mũi, hai tai, một cái miệng, đó là thất đại, cộng với đại tiện thành chín lỗ. Chín lỗ thường tuôn ra bất tịnh, chẳng sạch sẽ. Cho đến trên thân chúng ta toát mồ hôi, nếu cả ngày không tắm, người khác sẽ ngửi thấy hôi rình. Lỗ chân lông bài tiết mồ hôi, chẳng phải là thanh tịnh, chính quý vị cũng cảm thấy phiền não.

Nếu quý vị thường ngửi thấy mùi thơm lạ, sẽ cảm thấy vượt thoát khỏi phiền não. Nếu có những cảnh giới ấy, sẽ đoạn trừ các thứ phiền não. Giống như chiếc lưới đánh cá, chân tâm của quý vị bị cái lưới [phiền não] ấy bao trùm. Tin tưởng tà môn, ngoại đạo, hiện thời cũng rất

nhieu. Học thân thông, học Khí Công, bảo dưỡng thân thể là chuyện tốt, nhưng thân thể này quý vị chẳng thể bảo dưỡng được! Bất luận quý vị bảo dưỡng thể nào đi nữa, gặp phải tai nạn xe cộ, thứ gì cũng đều chẳng còn nữa! Ngồi phi cơ cũng thường có chuyện rủi ro, quý vị có bảo dưỡng được không? Thường xảy ra những chuyện ngoài dự liệu của quý vị. Đó là thứ quý vị chẳng thể bảo dưỡng được, cho nên nhất định phải sanh khởi chánh kiến.

Chánh kiến là quan sát thân thể này bất tịnh, tức “*quán thân bất tịnh*”. Quán thọ, Thọ (受) là Khổ Thọ, có nghĩa là “*lãnh nạp*”. Lạnh, ấm, xa hoa, quý vị vừa tiếp xúc, như vừa rời có nói đến nghi thức quán đảnh, phải căn cho nhiệt độ nước thích hợp. Lạnh quá chẳng được, người ấy sẽ rùng mình. Nóng thì người ấy sẽ giãy nảy. Phải là nhiệt độ lạnh nóng vừa phải, sẽ rất thích hợp. Nếu quý vị nghe pháp, pháp hỷ sung mãn, tương ứng với cái tâm của quý vị, hết sức tương ứng, quý vị sẽ sanh tâm hoan hỷ, sẽ lãnh nạp. Thọ (受, tiếp nhận): Nếu quá nóng, quý vị sẽ chẳng thoải mái. Nếu bị đánh đập, chịu hình phạt, lại càng chẳng dễ chịu. Nếu ngã bệnh, loại bệnh khổ ấy, đừng nói chi khác, đầu nhức râm ran, quý vị sẽ toát mồ hôi. Đau bụng thì đau như đòi mạng. Bất kể bác sĩ giỏi đến đâu đi nữa, có khi cũng phải bó tay. Nghiệp chướng đã phát hiện, dầu giỏi mấy cũng đành chịu. Như vậy thì đối với Thọ, bất luận là sung sướng đến mấy đi nữa, quý vị biết nó đều là khổ. Lạc Thọ là cái nhân của khổ; cuối cùng vẫn là khổ. Quán tâm vô thường, mỗi ngày đều vọng tưởng toi bời. Quán pháp vô ngã, đó gọi là chánh đạo.

Chẳng quán như thế, mê mất chánh đạo. Chúng ta mỗi ngày vì thân thể này, chẳng biết đã tốn bao nhiêu tế bào não: Phải mặc quần áo kiểu nào, phải ăn thứ gì, phải sống như thế nào cho thoải mái. Khi thân thể tiếp xúc Thọ, phải hưởng thụ như thế nào. Dốc tâm tận lực chú ý, bao lượt vọng tưởng, chẳng có lúc nào an định được, hết như con khi, mà tâm cũng như con vượn. Đó gọi là Tứ Niệm Xứ. Đây là chánh kiến căn bản của người học Phật, phải thường tư niệm như thế. Đó gọi là chánh đạo. Nếu chẳng suy nghĩ như vậy, đã mê mất chánh đạo, gọi là “*thất niệm*”. Còn có những người đã thọ Tam Quy Y, sư phụ bảo quý vị: “Phải trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”. Nếu quý vị đã thất niệm, tức là mê mất chánh đạo, đi theo tà đạo, tà đạo sẽ hướng đến nơi đâu? Ngạ quỷ, súc sanh, hướng về ba ác đạo. [Những điều vừa nói trên đây] chính là để hình dung thế giới Sa Bà này, Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong thế giới Sa Bà này. Vào thời đại không có

Phật xuất thế, sẽ là cảnh giới như thế nào? Chính là cảnh giới như thế đó! Chánh đạo, chánh niệm rất ít, tà tri, tà kiến quá nhiều. Đặc biệt là vào thời không có Phật, [các tà tri, tà kiến ấy] đặc biệt hưng thịnh. Chuyện này tôi không cần phải nói nhiều, mọi người đều có thể thấu hiểu. Hiện thời lại còn rất nhiều! Họ chẳng tin tưởng chánh đạo cho mấy, hết sức tin tưởng tà đạo, tin rất thành khẩn, vì sao? Do nghiệp quá khứ và hoàn cảnh gặp gỡ trong hiện tại, nghiệp và cảnh hai đằng kết hợp, thánh đạo và nghiệp trong quá khứ của họ chẳng tương hợp cho mấy! Vì thế, kinh Kim Cang dạy: Người có thể nghe danh tự Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật (Vajracchedikā Prajñāpāramitā), chẳng phải là đã gieo thiện căn nơi một, hai, ba, bốn, năm đức Phật, mà là đã gieo thiện căn nơi các đức Phật nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, thì mới có thể nghe Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, cho đến nghe rồi có thể tin sâu chẳng nghi. Điều này cũng đúng với kinh Thập Luân.

Pháp môn Địa Tạng, ngoại trừ kinh Địa Tạng được mọi người biết đến rất nhiều, chứ Chiêm Sát Thiệt Ác Nghiệp Báo và kinh Thập Luân thì cũng rất ít người nghe đến, ngay cả tên kinh còn chưa hề nghe qua! Vì sao? Vì họ chẳng có nhân duyên ấy với Địa Tạng Bồ Tát, ngay cả nhân duyên nghe danh tự cũng chẳng có! Huống hồ nghe toàn bộ đạo lý trong bộ kinh này. Có ý nghĩa như thế đó! “*Mê mất thánh đạo*” tức là mê mất chánh đạo, sẽ tiến hướng ba đường ác. Đây chính là hình dung cõi nước này, vào lúc chẳng có quốc vương, quốc gia sẽ có tình trạng ra sao. Sau đây, có một vị quốc vương anh minh, quốc gia ngay lập tức thay đổi. Đây là nói đến Phật Luân của Phật. Nếu nhằm lúc chẳng có Phật xuất thế, chúng sanh khổ sở, đã mê mất chánh đạo, tiến hướng tam ác đạo.

(Kinh) U thử độ trung, hữu chư Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ u quá khứ thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật, dĩ nhập chư Phật công đức đại hải, dĩ trụ chư Phật bốn sở hành đạo, giai cộng tập hội, lai chí ngã sở, đồng vị ngã ngôn: “Nhữ u quá khứ, dĩ tu vô lượng bồ thí, điều phục, tịch tĩnh Thi La, tinh tấn, dũng mãnh, nan hành khổ hạnh nhất thiết bị mãn, thị chư vi diệu phước huệ phương tiện, đại từ bi đẳng cộng sở trang nghiêm đại công đức tạng, thị nhất thiết Định tổng trì an nhĩn chư địa công đức viên mãn đại hải, vô siểm, vô cuồng, thân hình trường đại, tướng hảo viên mãn, nhĩn nhục, nhu hòa, đoan chánh thù diệu”.

(經)於此土中，有諸菩薩摩訶薩，已於過去親近，供養無量諸佛，已入諸佛功德大海，已住諸佛本所行道，皆共集會，來至我所，同謂我言：「汝於過去，已修無量佈施、調伏、寂靜尸羅，精進勇猛，難行苦行一切備滿，是諸微妙福慧方便，大慈悲等共所莊嚴大功德藏，是一切定總持安忍諸地功德圓滿大海，無諂無誑，身形長大，相好圓滿，忍辱柔和，端正殊妙」。

(*Kinh: Trong cõi này có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, trong quá khứ đã thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật, đã vào biển cả công đức của chư Phật, đã trụ trong đạo của chư Phật đã hành, đều cùng nhóm đến, cùng bảo ta rằng: “Ông trong quá khứ đã tu vô lượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh Thi La, tinh tấn, dũng mãnh, hết thấy khổ hạnh khó hành đã trọn vẹn, là kho đại công đức được trang nghiêm bởi các phương tiện phước huệ vi diệu, đại từ bi v.v... là biển cả công đức viên mãn của hết thấy Định tổng trì an nhẫn nơi các địa vị, chẳng siểm nịnh, chẳng lừa dối, thân hình cao lớn, tướng hảo viên mãn, nhẫn nhục, nhu hòa, đoan chánh mâu nhiệm thù thắng”*).

Ma Ha dịch là Đại. Có các vị đại Bồ Tát trong quá khứ đã từng thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật, đã vào biển cả công đức của chư Phật, đã trụ nơi đạo mà chư Phật vốn đã hành. Tức là nói các vị đại Bồ Tát đó giống như bậc kỳ cựu trong cõi nước, có cùng một ý nghĩa. Đức Phật dùng tỷ dụ để nói: Đức Phật sở dĩ thành đạo là do các vị đại Bồ Tát khuyến thỉnh. “*Giai cộng tập hội, lai chí ngã sở*” (Đều cùng nhóm họp, đến chỗ của ta): “*Ngã*” là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng đối với Địa Tạng Bồ Tát. Họ đều tới chỗ của ta. Đồng thời, mọi người đều bảo ta: “Trong quá khứ, ông đã tu vô lượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh Thi La, tinh tấn, dũng mãnh, Lục Độ, vạn hạnh, ông đều tu rất khá, đã thành tựu”. “*Nan hành khổ hạnh, nhất thiết bị mãn*” (Hết thấy các khổ hạnh khó hành đều trọn vẹn): Có thể hành khổ hạnh, là kho đại công đức được trang nghiêm bởi các phương tiện phước huệ vi diệu, đại từ bi v.v... đã trọn đủ phước đức, có ý nghĩa như thế đó!

“Thị nhất thiết Định tổng trì an nhẫn chư địa công đức viên mãn đại hải” (Là biên cả công đức viên mãn của hết thấy các định, tổng trì an nhẫn nơi các địa vị): “Chư địa” chính là Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác. “Tổng trì” là như Xa Ma Tha (Śamatha), diệu Lăng Già định đã nói trong phần trước. Tổng Trì còn gọi là tam-muội. Do vậy, công đức nơi các địa đều trọn đủ viên mãn, thành tựu viên mãn.

“Vô siểm, vô cuống, thân hình trường đại” (Không siểm nịnh, không dối trá, thân hình cao lớn): Ba mươi hai tướng và tám mươi loại hảo. “Tướng hảo viên mãn”, “nhẫn nhục nhu hòa, đoan chánh thù diệu” (nhẫn nhục, nhu hòa, đoan chánh thù thắng màu nhiệm).

(Kinh) Bất phục y tha tu Bồ Đề đạo, nhất thiết trí hải dĩ đắc viên mãn, thành tựu tối thắng mỹ diệu dung sắc, năng vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại đạo sư, diệt năng an ủi nhất thiết sanh tử bố úy chúng sanh, dữ tác thân hữu, đại từ bi đẳng vô lượng công đức cộng sở trang nghiêm, thị Yết Lạc Ca, Tôn Đà Yết Nặc Ca, Mâu Ni Ca Diếp Ba Như Lai đẳng phụ chi chân tử.

(經)不復依他修菩提道，一切智海已得圓滿，成就最勝美妙容色，能為一切聲聞、獨覺作大導師，亦能安慰一切生死怖畏眾生，與作親友，大慈悲等無量功德共所莊嚴，是羯洛迦、孫馱羯諾迦、牟尼迦葉波如來等父之真子。

(Kinh: Chẳng còn nương vào ai khác để tu đạo Bồ Đề, đã được viên mãn biên Nhất Thiết Trí, thành tựu dung sắc đẹp đẽ tối thắng, có thể làm bậc đại đạo sư cho hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, cũng có thể an ủi hết thấy chúng sanh đang sợ hãi sanh tử, làm bạn thân cho họ, vô lượng công đức như đại từ bi v.v... cùng trang nghiêm, là con thật sự của các vị cha như Yết Lạc Ca, Tôn Đà Yết Nặc Ca, Mâu Ni Ca Diếp Ba Như Lai v.v...)

“Bất phục y tha tu Bồ Đề đạo” (Chẳng còn nương tựa vào ai khác để tu đạo Bồ Đề): Đã thành tựu rốt ráo Bồ Đề, chúng quả Bồ Đề, chẳng còn nương vào Phật hoặc thầy để tu đạo Bồ Đề nữa. Vì sao? Vì đã viên mãn thành tựu biên Nhất Thiết Trí, thành tựu dung sắc đẹp đẽ tuyệt diệu tối thắng, cũng tức là dung sắc trang nghiêm mỹ diệu của Phật. Bất cứ kẻ ác nào, hề trông thấy đức Phật, sẽ vẫn cung kính, vẫn hành lễ. “Năng vị

nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại đạo sư” (Có thể làm bậc đại đạo sư cho hết thầy Thanh Văn và Độc Giác): Dẫn dắt hàng Nhị Thừa tiên nhập Đại Thừa, cho đến làm đạo sư cho hết thầy chúng sanh.

“Diệc năng an ủi nhất thiết sanh tử bố úy chúng sanh, dữ tác thân hữu” (Cũng có thể an ủi hết thầy chúng sanh sợ hãi sanh tử, làm bạn thân cho họ): Nghĩa là trong sanh tử có kinh hãi, có sợ sệt, quý vị có thể làm bạn thân thiết, có thể chỉ dạy cho các chúng sanh ấy. Đây là đức Phật có thể thị hiện thân của hết thầy các loài, trong Tứ Nhiếp Pháp, tức Đồng Sự, Lợi Hành, Bố Thí, [Ái Ngữ] có thể thị hiện, hành từ bi đồng loại. *“Đại từ bi đẳng vô lượng công đức cộng sở trang nghiêm”* (Cùng được trang nghiêm bởi vô lượng công đức như đại từ bi v.v...), đều có thể thành tựu.

“Thị Yết Lạc Ca, Tôn Đà Yết Nặc Ca, Mâu Ni Ca Diếp Ba Như Lai đẳng phụ chi chân tử” (Là con thật sự của các vị cha như Yết Lạc Ca, Tôn Đà Yết Nặc Ca, Mâu Ni Ca Diếp Ba Như Lai v.v...): Đây là ba vị Phật trong Nhân Hiền Kiếp, kiếp ấy có tất cả một ngàn vị Phật. Ba vị Phật đã thành tựu trong quá khứ. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư. Trong Nhân Hiền Kiếp, còn có chín trăm chín mươi sáu vị, Di Lạc Phật là vị Phật thứ năm. Nhân Hiền Kiếp là Trụ kiếp. Trong hai mươi tiểu kiếp thuộc Trụ kiếp, có một ngàn vị Phật xuất thế.

Hiện thời, Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện này. Trong kinh Địa Tạng cũng như thế, mà kinh Chiêm Sát cũng như thế, kinh Thập Luân cũng thế. Chỉ cần [quý vị] trong đời Mạt Pháp, đối với Phật pháp có công đức bằng một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước, Địa Tạng Bồ Tát đều độ quý vị. Di Lạc Bồ Tát cũng phát nguyện này. Khi Di Lạc Bồ Tát thành Phật, trong Long Hoa Tam Hội, Ngài sẽ độ thoát toàn bộ những đệ tử còn sót lại trong thời Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, khiến cho họ vượt thoát biển khổ. Nhưng chúng ta phải tự gieo cái nhân ấy sâu hơn nữa, để tới khi đức Di Lạc trụ thế, sẽ có thể đắc độ, cho đến Địa Tạng Bồ Tát cũng sẽ đưa chúng ta về hết thầy các Tịnh Độ ở mười phương. Tùy thuộc quý vị mong cầu cõi Tịnh Độ nào, cũng đều có thể [sanh về đó].

Ở đây nói tới ba vị Phật. Yết Lạc Ca (Kanakamuni) chính là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Tôn Đà Yết Nặc Ca (Krakucchanda) là Câu Lưu Tôn Phật, Mâu Ni Ca Diếp Ba (Kāśyapa) là Ca Diếp Phật, cũng thuộc vào trong năm mươi ba vị Phật mà chúng ta hay lẽ. Các Ngài cũng là ba vị Phật trong quá khứ thất Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Nhân Hiền Kiếp. Ở đây nói Thích Ca Mâu Ni Phật là con thật sự

của ba vị Như Lai, tức là giống như vương tử, cũng là đích tử, tức là đích tử của chư Phật, mà cũng là Phật tử.

(Kinh) U thử Hiền Kiếp, đương đắc tác Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát trung tối vi thượng thủ. Dĩ chư công đức chủng chủng diệu hương, huân Xa Ma Tha, Tỳ Bát Xá Na thanh tịnh chi thủy, nhi tự mộc dục, trước tầm quý y, thanh tịnh pháp giới vi kế trung châu, quan sức chư Phật sở hành cảnh giới quảng đại hoa man, thúc dĩ giải thoát thù diệu tố luyện.

(經)於此賢劫，當得作佛，一切菩薩摩訶薩中最為上首。以諸功德種種妙香，熏奢摩他、毘鉢舍那清淨之水，而自沐浴，著慚愧衣，清淨法界為髻中珠，冠飾諸佛所行境界廣大華鬘，束以解脫殊妙素練。

(Kinh: Ở trong Hiền Kiếp này, sẽ được làm Phật, là thượng thủ bậc nhất trong hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát. Dùng các thứ hương công đức màu nhiệm xông nước thanh tịnh Xa Ma Tha và Tỳ Bát Xá Na để tự tắm gội, mặc áo hổ thẹn, dùng pháp giới thanh tịnh làm viên châu trong búi tóc, dùng tràng hoa rộng lớn “cảnh giới sở hành của chư Phật” để làm mào đội, dùng lụa trắng giải thoát thù thắng nhiệm màu để buộc).

“U thử Hiền Kiếp, đương đắc tác Phật” [nghĩa là] trong kiếp Nhân Hiền, sẽ thành Phật trong lúc ấy. Ngài là vị Phật thứ tư. “*Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát trung tối vi thượng thủ*” (Là thượng thủ bậc nhất trong các vị Bồ Tát Ma Ha Tát): Thượng thủ là hòa thượng thủ tọa của chùa miếu, hòa thượng là Phật. Đây là hòa thượng trừ bị. Khi nào hòa thượng [viện chủ] chẳng có mặt, vị thủ tọa hòa thượng sẽ thay mặt hòa thượng. Nếu [hòa thượng viện chủ] có chuyện gì cần phải ra ngoài, thủ tọa hòa thượng sẽ thay mặt lo liệu công việc. Giống như Tổng Thống có Phó Tổng Thống. Nếu Tổng Thống tạm thời có việc, Phó Tổng Thống bèn thay thế xử lý. Đó gọi là Thượng Thủ, là thượng thủ bậc nhất trong các đệ tử của chư Phật. “*Dĩ chư công đức chủng chủng diệu hương, huân Xa Ma Tha, Tỳ Bát Xá Na thanh tịnh chi thủy*” (Dùng thứ hương công đức màu nhiệm để xông nước thanh tịnh Xa Ma Tha và Tỳ Bát Xá Na): Nước ấy chẳng phải là nước trong thế gian, mà là Định Huệ, cũng tức là Chỉ Quán. Xa Ma Tha (Śamatha) dịch là Chỉ, Tỳ Bát Xá Na

(Vipāśyanā) dịch là Quán. Nước Chỉ Quán chính là nước Định Huệ, dùng nước ấy để tắm gội.

“*Trước tắm quý y*” (Mặc áo hổ thẹn): Y phục hổ thẹn chính là ca-sa. Chữ Ca-sa (Kāśāya) bao hàm nhiều ý nghĩa. Ở đây nói là “*tắm quý phục*”, vì khoác tấm áo ấy, sẽ luôn hổ thẹn. Tắm (thẹn) vì trên thì so sánh với bậc hữu đức, chính mình bèn thẹn thùng vì bản thân thiếu khuyết công đức. Quý (xấu hổ) là xấu hổ với người dưới, tôi chẳng thể đại từ đại bi cứu độ họ. Thường có cái tâm ấy, coi đó là quần áo, dùng hổ thẹn làm y phục. Trong búi tóc báu của Ngài, tức là giữa mao che tóc, chính là pháp giới thanh tịnh. Pháp giới thanh tịnh là vô nhiễm, vô cấu, vô tướng, dùng những điều ấy để làm bảo châu trong búi tóc. “*Quan sát chư Phật sở hành cảnh giới quảng đại hoa man*” (Dùng tràng hoa to lớn “cảnh giới sở hành của chư Phật” để làm mao đội): Đừng coi chuyện này như hình tướng cụ thể, mà dùng nó để hình dung công đức của Phật. Đây đều là pháp vô tướng. “*Thúc dĩ giải thoát thù diệu tồ luyện*” (Buộc bằng giải lụa trắng giải thoát thù thắng nhiệm mầu): “*Giải thoát*” là chứng đắc ba môn giải thoát, Không, Vô Tướng, giải thoát rốt ráo, mười tám pháp Bất Cộng, Tứ Vô Sở Ủy. Đó đều là tướng giải thoát, giống như trâm cài đầu của quốc vương, có ý nghĩa như vậy đó.

(Kinh) Hựu dĩ chủng chủng Nhất Thiết Trí trí, Vô Sanh Nhân đẳng công đức trân bảo nhi tự trang nghiêm, từ, bi, hỷ, xả, dĩ vi bảo lý, năng phủ tam giới tam chủng diệu hạnh viên mãn thánh nhân dĩ vi tán, cái, an trí cổ tích chư Phật thiên tiên cộng sở hộ trì Kim Cang Định tòa, thú nhập nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác cung kính hộ trì tứ chủng niệm trụ, tọa tiên chư Phật sở phu chi tòa, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề Nhất Thiết Trí vị.

(經)又以種種一切智智、無生忍等功德珍寶而自莊嚴，慈悲喜舍以為寶履，能覆三界三種妙行圓滿聖因以為傘蓋，安置古昔諸佛天仙共所護持金剛定座，趣入一切聲聞、獨覺恭敬護持四種念住，坐先諸佛所敷之座，證得無上正等菩提一切智位。

(Kinh: Lại dùng các món trân bảo công đức như trí Nhất Thiết Trí, Vô Sanh Nhân v.v... để tự trang nghiêm, dùng từ, bi, hỷ, xả làm dép

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

báu, dùng ba thứ diệu hạnh viên mãn là cái nhân của bậc thánh có thể che phủ tam giới làm tàn, lọng, xếp đặt tòa Kim Cang Định được thiên tiên là chư Phật cùng hộ trì từ thuở xa xưa, tiến nhập bốn thứ niệm trụ được hết thầy Thanh Văn và Độc Giác cùng kính hộ trì, ngồi trên tòa của chư Phật đã từng trải từ trước, chứng đắc địa vị Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề Nhất Thiết Trí).

Lại dùng các thứ công đức như trí Nhất Thiết Trí, Vô Sanh Nhẫn v.v... Hết thầy Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thành tựu Nhất Thiết Trí. Đức Phật là bậc trí huệ trong hết thầy các trí, nên gọi là “*Nhất Thiết Trí trí*”. Vô Sanh Pháp Nhẫn là “*nhẫn*” hết thầy các pháp vô sanh. Đem chữ Nhẫn đặt ra trước, thì là “*chấp nhận các pháp là vô sanh*”. Vô sanh sẽ vô diệt, là tịch tĩnh Niết Bàn, bao hàm ý nghĩa này. Trong Phật giáo, hễ nói đến công đức, sẽ thường nói như thế, chúng ta phải nên thấu hiểu một phen. Công đức là gì? Chính là cái mà bản thân chúng ta vốn sẵn có, tự tin chính mình là Phật. Nói theo phía chúng ta, tự tin chính mình là Phật, công đức ấy vốn sẵn có. Nhưng một đàng phải trải qua tu tập để sửa đổi thành chánh đáng, một đàng là vốn sẵn có, bị chôn vùi trong cấu nhiễm, trong các triền phược, bị vô minh che lấp. Phật đã rất ráo chúng đắc, thấu tỏ. Nay chúng ta đối với hết thầy các pháp, chẳng có sự nhận thức ấy, cũng không cho là vô sanh. Nếu chúng ta nhận thức hết thầy các pháp là Không, chúng sẽ trọn đủ công đức vô lậu tánh. Vô lậu là tánh chất gì? Chẳng còn rò rỉ, rơi rớt vào sáu đường, chẳng còn đọa vào Thanh Văn và Duyên Giác nữa!

Trong quá trình tu hành của Phật giáo, phán định theo tông Hoa Nghiêm, sẽ là năm mươi hai địa vị. Đầu tiên là Thập Tín, [tức là nói đến chuyện vun bồi] tín tâm của chúng ta. Thập Tín đã mãn, vẫn chưa dự vào địa vị [Tam Hiền, Thập Thánh], chỉ là địa vị Thập Tín. Thập Tín vẫn chưa dự vào địa vị [hiền nhân], vì còn bị thoái chuyển. Đời này đã sanh lòng tin, đời sau lại thoái chuyển. Cứ tiến tiến lùi lùi như vậy, chẳng nhất định. Trừ phi trụ trong địa vị Thất Trụ thì mới chẳng lui sụt xuống địa vị Thanh Văn và Duyên Giác. Sơ Trụ chẳng lui sụt vào sáu đường, Sơ Trụ bằng với A La Hán. Trong Viên Giáo, địa vị này được gọi là Vị Bất Thoái. Nếu là Hạnh Bất Thoái lại càng khó, Hạnh Bất Thoái tức là đã đạt đến địa vị Thất Địa Bồ Tát. Đạt tới Bát Địa là vô công dụng hạnh, chẳng cần phải tinh tấn tu hành chi nữa, vị Bồ Tát ấy vĩnh viễn là như thế, đó gọi là Bất Thoái.

Nếu chúng ta chưa đạt đến những địa vị ấy, Tín vị còn chưa mãn, Thập Tín vị đã là rất khó. Hiện thời, chúng ta cảm thấy niêm trước chẳng đúng, vẫn cứ để cho nó tiếp tục, biết rõ là chẳng đúng mà vẫn cứ làm, vậy là ngay cả tín cũng chưa có! Địa vị Sơ Tín vừa nghe Phật pháp liền rớt da gà, liền tiến nhập, biết những thứ nào là ác, sẽ chẳng làm nữa. Biết chính mình suy nghĩ chẳng đúng, sẽ có thể ngay lập tức ngưng dứt. Nhận biết tiền niêm khởi ác, sẽ ngăn cho hậu niêm khởi lên. Đã nhập Tín vị, sẽ có tướng cảnh giới gì? Công đức của người đó chỉ có tăng trưởng cao thêm, chẳng bị thoái đọa. Tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tuyệt đối chẳng thể dao động. Thà xả thân mạng, trọn chẳng trái bỏ tín ngưỡng, đây là đã nhập Tín vị. Hiện thời, hãy dùng Tín ấy để kiểm tra cá nhân chính mình. Nay ta có sức tín ngưỡng như vậy hay không? Chỉ cần có thể chẳng xả niêm. Tín tâm thứ hai là Niêm Bất Thoái, niêm nào cũng niêm Tam Bảo, duyên niêm Tam Bảo, niêm Phật, niêm Pháp, niêm Tăng, [đó là] Niêm Bất Thoái. Nếu là Bồ Tát thuộc địa vị có tín tâm, tức Tam Tín, Tứ Tín, cho đến Đệ Thập Tín, sẽ là Nguyên Bất Thoái, chúng ta còn chưa làm được! Bất quá, những điều này nói về Phật, cho nên tôi nói kèm thêm đó thôi!

Vô Sanh Pháp Nhãn là “*nhãn*” hết thấy các pháp vô sanh. Đối với ý nghĩa Vô Sanh, tuy đã nghe nói, vẫn chẳng thấu hiểu được, giải vẫn chưa đủ! Đã giải thì vẫn chưa hành được, chẳng làm được! Nếu có thể biết hết thấy các pháp vô sanh; vô sanh bèn vô diệt, là tịch tĩnh, quý vị sẽ chẳng tạo bất cứ nghiệp nào nữa. Đạt tới địa vị Vô Sanh Pháp Nhãn, sẽ đoạn dứt vô minh. Địa vị Tam Hiền Bồ Tát vẫn chưa đủ. Phải là Đẳng Địa Bồ Tát, chứng Lý Thể pháp tánh. Chứng một phần, sẽ tiến thêm một địa. Chứng mười phần, sẽ gọi là Đẳng Giác. Chứng rốt ráo, tức Diệu Giác thì thành Phật. Do vì chúng ta đoạn hiện hành Hoặc rất dễ, nhưng đoạn tập khí sẽ hết sức khó khăn. Quý vị muốn biết đời trước là như thế nào ư? Chính quý vị có thể tự biết. Hiện thời, tập khí nào của quý vị nặng nề nhất thì chính là nó đấy. Đời trước đã làm gì, quý vị biết ngay, chính mình hiểu rất rõ ràng.

Nếu quý vị vẫn chẳng biết đời trước đã làm gì, từ đường nào mà sanh vào đời này, hãy dùng Chiêm Sát Luân như kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã dạy để chiêm sát, từ một tới mười con số đầu tiên sẽ là đời quá khứ của quý vị, từ đường nào mà nay biến thành người. Muốn biết sau khi chết sẽ đến nơi đâu, hãy dùng thời điểm hiện tại để chiêm sát, sẽ biết mình đi vào đường nào. Trong tương lai, quý vị còn có thể nghe Phật pháp hay không? Chính mình biết rất rõ. Nếu quý vị chẳng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

hiểu rõ, Địa Tạng Bồ Tát sẽ bảo cho quý vị biết. Nếu gieo Chiêm Sát Luân mà chẳng ứng nghiệm, hãy niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát cho nhiều. Mỗi ngày niệm một vạn tiếng, niệm rồi lại gieo. Gieo lần nữa, [biết kết quả rồi] hãy chuyển hóa. [Nếu do gieo Chiêm Sát Luân, biết] chính mình đáng đọa vào tam ác đạo, không được rồi! Đáng nên thăng thiên mà chẳng thăng thiên, thăng về thế giới Cực Lạc. Quý vị có thể chuyển hóa chính mình.

Quý vị ắt cần phải chứng đắc Vô Sanh. Tuy chẳng thâm nhập chứng đắc Vô Sanh, chính mình đã lý giải, đã tin tưởng. Quý vị cũng trọn đủ công đức này, dùng trần bảo Vô Sanh Pháp Nhẫn để trang nghiêm chính mình. Tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ, xả, từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng. Từ, bi, hỷ, xả là dẹp trừ đau khổ của hết thảy chúng sanh, ban vui sướng cho hết thảy chúng sanh. Nghe pháp, gặp Tam Bảo, luôn sanh tâm hoan hỷ. Pháp hỷ sung mãn, chuyện gì cũng đều có thể xả, ngay cả thân thể của chính mình đây cũng đều có thể xả, huống hồ vật ngoài thân thể của chính mình! Điều có thể xả, khiến cho thân, miệng, và ý của chính mình trở thành cái nhân thù thắng viên mãn.

Dùng những thứ ấy làm “bảo lý” (寶履, dép báu). Dùng bảo lý để mang vào chân, ở trong tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới, thân, miệng, ý của người ấy vi diệu, trọn chẳng làm ác. Làm thiện sự, viên mãn hết thảy các nhân thù thắng để làm tàn, lộng. “*An trí cổ tích chư Phật thiên tiên cộng sở hộ trì Kim Cang Định tòa*” (Xếp bày tòa Kim Cang Định được chư Phật thiên tiên cùng hộ trì từ xưa): Kim Cang Bồ Đề tòa, ngôi nơi ấy, sẽ thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật ngôi Bồ Đề tòa trong đạo tràng Già Da Bồ Đề (Bodh Gaya) tại Ấn Độ. Nay ai đến đó, đều có thể trông thấy. Từ hơn hai ngàn năm trước đã là như thế, hiện thời vẫn như thế. Một khối đất vuông vức như thế, trải qua nhiều đợt gió táp mưa sa ngàn ấy, có thể sẽ bị giảm thiểu đôi chút. Tôi thấy như vậy đó, tôi cho rằng cũng có thể chưa hề bị lay động. Đó là Kim Cang tòa.

Thích Ca Mâu Ni Phật ngôi yên nơi tòa ấy. Ngôi nơi đó, Ngài chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ Đề, chứng đắc tòa Tứ Niệm Trụ được hết thảy Thanh Văn và Độc Giác cung kính hộ trì, cho đến thành tựu ở nơi Kim Cang Bồ Đề tòa mà chư Phật đã từng ngồi. Tứ Niệm Trụ là gì? Trong phần trước đã nhắc tới rồi, [chính là] thân, thọ, tâm, pháp, tức Tứ Niệm Xứ. Đây là cái luân thứ nhất của đức Phật. Ngôi trên tòa ấy, chứng

đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, là địa vị Nhất Thiết Trí, là quả vị của trí Nhất Thiết Trí.

(Kinh) Vị linh nhất thiết Tam Bảo chủng tánh bất đoạn tuyệt cố, chuyển u pháp luân, kích pháp chung cố, diệu pháp âm thanh, biến mãn tam giới, linh chư thiên, long, Dược Xoa, La Sát, A Tó Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Cựu Bàn Đồ, Bệ Lệ Đa, Tất Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na, nhân phi nhân đẳng, u Tứ Thánh Đế giai đắc minh giải, tam chuyển thập nhị hành tướng pháp luân, nhất thiết thế gian sở hữu sa-môn, nhược Bà-la-môn, chư thiên, ma, Phạm, nhân phi nhân đẳng, sở bất năng chuyển, vị dục lợi ích an lạc thế gian vô lượng thiên nhân, linh đắc thù thắng quảng đại nghĩa lợi, tích sở vị chuyển, nhi kim chuyển chi. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ nhất Phật Luân.

(經)為令一切三寶種姓不斷絕故，轉於法輪，擊法鐘鼓，妙法音聲，徧滿三界，令諸天、龍、藥叉、羅刹、阿素洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽、鳩畔荼、薜荔多、畢舍遮、布怛那、羯吒布怛那、人非人等，於四聖諦皆得明解，三轉十二行相法輪，一切世間所有沙門、若婆羅門、諸天魔梵、人非人等所不能轉，為欲利益安樂世間無量天人，令得殊勝廣大義利，昔所未轉，而今轉之。善男子！我成如是第一佛輪。

(Kinh: Vì khiến cho hết thầy chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, bèn chuyển pháp luân, đánh chuông trống pháp. Âm thanh diệu pháp trọn khắp ba cõi, khiến cho các trời, rồng, Dược Xoa, La Sát, A Tó Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Cựu Bàn Đồ, Bệ Lệ Đa, Tỳ Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na, nhân phi nhân v.v... đều được hiểu rõ Tứ Thánh Đế, ba lượt chuyển pháp luân mười hai hành tướng mà hết thầy sa-môn, hay Bà-la-môn, chư thiên, ma, Phạm Thiên, nhân phi nhân v.v... trong thế gian đều chẳng thể chuyển được, vì muốn lợi ích, an vui vô lượng trời, người trong thế gian, khiến cho họ đạt được

nghĩa lợi thù thắng rộng lớn. Trước kia chưa chuyển, mà nay chuyển. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ nhất như thế).

Như vậy thì sẽ khiến cho Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt. Đây là thời đại chẳng có Phật, các vị Bồ Tát sẽ đến đâu để thỉnh? Khi Phật chưa đến nhân gian để thành Phật, Ngài đến nội viện của Đâu Suất Thiên trước. Hiện thời, người sẽ kế vị đức Phật là Di Lạc Bồ Tát cũng đã ở nơi đó. Các vị Bồ Tát ấy đến Đâu Suất nội viện, thỉnh Ngài hạ sanh nhân gian để thành Phật. Như vậy thì sẽ khiến cho chúng tánh Tam Bảo chẳng bị đoạn tuyệt. Chuyển đại pháp luân thì sơ chuyển pháp luân sẽ nói pháp Tứ Đế, ba lượt chuyển pháp luân trong đại thiên. Khi ấy, sẽ đánh chuông trống pháp. Chuông trống pháp do ai đánh? Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, lúc đức Phật mới thành đạo, chẳng muốn thuyết pháp, do Đại Phạm Thiên khải thỉnh, [đức Phật mới thuyết pháp]. Do vậy, chuông trống là do Đế Thích Thiên và Đại Phạm Thiên gõ.

Chuông trống ấy vang ra âm thanh diệu pháp, trọn khắp Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới, khiến cho các quỷ thần thuộc thiên long bát bộ như chư thiên, rồng, Dược Xoa (Yakṣa), La Sát (Rākṣasa), A Tó Lạc (Asura, A Tu La), Yết Lộ Đồ (Garuḍa, tức Ca Lô La), Khẩn Nại Lạc (Kinnara, Khẩn Na La), Mạc Hồ Lạc Già (Mahoraga, Ma Hầu La Già), Cưu Bàn Đồ (Kumbhāṇḍa, Cưu Bàn Trà), đây là tám bộ quỷ thần chúng. Bê Lê Đa (Preta), Tát Xá Giá (Piśāca), Bồ Đát Na (Pūtanā), Yết Trá Bồ Đát Na (Kaṭapūtanā), nhân phi nhân v.v... Từ Bê Lê Đa trở xuống là quỷ, có xú quỷ, có quỷ ăn thịt người, có ngọc quỷ. “*Quỷ*” nói ở đây hàm ý quỷ vương.

“*Nhân phi nhân đấng*”: La Sát, Dạ Xoa có khi giống người, nhưng lại chẳng phải là người, nói là trời thì họ lại chẳng phải là trời, nhưng lại có thần thông. Giống người ư? Trên đỉnh đầu lại mọc ra chân gà, cho nên lại chẳng phải là người. Giống người mà chẳng phải là người, cho nên gọi là “*nhân phi nhân*”.

Tứ Thánh Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Pháp Tứ Thánh Đế, tam chuyển pháp luân “*thập nhị hành tướng*”, hết thấy sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, ma, Phạm, nhân phi nhân v.v... trong thế gian đều chẳng thể chuyển! Trừ đức Phật ra, hết thấy các loài chúng sanh khác đều chẳng thể chuyển, chẳng thể nói. Chẳng phải là họ không thể nói, [thật ra] là vì họ chẳng biết nói như thế nào. Họ cũng chẳng niệm, mà cũng chẳng hiểu. Sau khi đức Phật thành đạo, “*vị dục lợi ích an lạc thế gian vô*

lượng thiên nhân, linh đắc thù thắng quảng đại nghĩa lợi” (vì muốn lợi ích an lạc vô lượng trời người trong thế gian, khiến cho họ đạt được nghĩa lợi rộng lớn thù thắng), trong quá khứ chẳng thuyết pháp, nay thuyết pháp.

“Nhi kim chuyển chi. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ nhất Phật Luân” (Mà nay chuyển. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ nhất như thế): Phật Luân là gì? Chính là ý nghĩa ấy. Trước hết, dùng vương luân của quốc vương để hình dung Phật Luân. Trước hết, dùng thế gian để hình dung xuất thế gian.

(Kinh) Do thử luân cố, như thật liễu tri thử thế, tha thế, thị xứ, phi xứ, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, hàng chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, chuyển đại phạm luân, thành đại phạm hạnh. Ngã ưng trụ thử tạp nhiễm thế giới, ngũ trước ác thời, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống, diệt chư hữu tình Ngũ Vô Gian nghiệp, quảng thuyết nãi chí chư bất thiện căn, tội diệt nhất thiết chư chúng sanh loại, kiên như kim cang tương tục phiền não, kiến lập nhất thiết, vĩnh tận chư lậu, giải thoát diệu quả. Tùy kỳ sở nhạo, an trí nhất thiết hữu lực chúng sanh, linh trụ tam thừa bất thoái chuyển vị.

(經)由此輪故，如實了知此世他世，是處非處，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，降諸天魔，外道邪論，轉大梵輪，成大梵行。我應住此雜染世界，五濁惡時，處大眾中，正師子吼，滅諸有情五無間業，廣說乃至諸不善根，摧滅一切諸眾生類，堅如金剛相續煩惱，建立一切，永盡諸漏，解脫妙果。隨其所樂，安置一切有力眾生，令住三乘不退轉位。

(Kinh: Do luân này, biết rõ đúng thật đời này, đời khác, chỗ đúng, chỗ sai, được trụ an ổn, chẳng bị kinh hoàng, chẳng bị sợ hãi, hàng phục tà luận của chư thiên ma và ngoại đạo, chuyển đại phạm luân, thành đại phạm hạnh. Ta trụ trong thế giới tạp nhiễm này, vào thời ác ngũ trước, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử hống, diệt nghiệp Ngũ Vô Gian của các hữu tình, nói rộng cho đến đối với các bất thiện căn, dẹp tan phiền não liên tục cứng chắc như kim cang của hết thảy các loài

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

chúng sanh, kiến lập hết thấy, vĩnh viễn hết sạch các lậu, đạt diệu quả giải thoát. Tùy theo ý họ ưa thích mà đặt yên hết thấy chúng sanh có sức, khiến cho họ trụ trong địa vị bất thoái chuyển của tam thừa).

Do vậy, đức Phật chứng đắc Thập Lực. Ở đây, chỉ nêu ra một loại là Thị Xứ Phi Xứ Lực. “*Như thật liễu tri thứ thế, tha thế*” (Biết rõ đúng thật đời này, đời khác): “*Thị xứ, phi xứ*” là gì? Nếu quý vị sanh trong thế giới nào, nơi ấy có tương ứng với nhân quả của quý vị hay không, có đầu thai lộn chỗ hay không? Cũng có trường hợp đầu thai sai, có khi là Bồ Tát thị hiện, chẳng phải là sanh không đúng chỗ! “*Như thật liễu tri*” (Biết rõ đúng như thật) là Thật Tế Lý Thể, cũng là cảnh giới Nhất Thật. Do dựa theo Nhất Thật giới, do [nuơng cậ] pháp tánh, biết tương xứng với pháp tánh, cho nên an ổn trụ trong thế giới này, chẳng kinh sợ, chẳng hoảng hốt, đắc vô sở úy. Không chỉ là chính mình chẳng sợ hãi, mà còn khiến cho hết thấy chúng sanh đều chẳng sợ hãi. “*Hàng chư thiên ma ngoại đạo tà luận*” (Hàng phục tà luận của các thiên ma và ngoại đạo): Phật giáo là chánh luận, phá trừ tà luận của ngoại đạo. Trong thời Mạt Pháp, tà có thể thắng chánh; hiện thời, tà thắng chánh. Vì sao? Do nghiệp chiêu cảm. Nghiệp của ai chiêu cảm? Do nghiệp của hết thấy chúng sanh chiêu cảm.

Những thứ chẳng phù hợp lời Phật dạy quá nhiều, tôi không nói nhiều về điểm này. Tôi nói nhiều, sẽ không hay lắm! Tự quý vị hãy phân biệt biện định gì là tà, gì là chánh? Ất cần phải có trí huệ phân biệt, biện định tà chánh. Phàm là đối với lời Phật dạy, tôi chỉ nêu ra một điều là Tứ Niệm Xứ. Phàm là quán thân bất tịnh, nếu nói thân thể này thanh tịnh, ta là Phật, thế mà chín lỗ nơi sắc thân thường tuôn ra các thứ bất tịnh, quý vị là Phật gì vậy? Chẳng có Phật như vậy! Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải là như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật hóa hiện [sắc thân] thanh tịnh. Cho đến hóa hiện sắc thân luôn là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Quý vị chẳng thể trụ trong Chánh Định, tâm của quý vị nhiều lượt sanh khởi, nhiều lượt vô thường. Chuyện gì cũng đặt chính mình vào bậc nhất, chẳng thể quán hết thấy các pháp vô ngã; ngay cả điều tối thiểu như vậy mà còn làm không nổi! Đó gọi là “*tà luân*” (邪轮), chẳng phải là thanh tịnh luân.

“*Chuyển đại phạm luân, thành đại phạm hạnh*”: Dùng “*đại phạm*” để hình dung thanh tịnh luân và phạm hạnh thanh tịnh. Do vậy, Địa Tạng Bồ Tát hỏi: “*Bạch Phật! Vì sao thế giới này tạp nhiễm, ô trược*

như vậy mà Ngài có thể trụ an ổn trong đời ác ngũ trược?” Đức Phật liền dạy: “Rất an ổn! Do vậy, ta ở trong thế giới tạp nhiễm này, nhằm đời ác ngũ trược, ta phát ra sư tử hồng, nói ra chánh pháp, tiêu diệt hết thầy nghiệp Ngũ Vô Giá của hết thầy hữu tình, tiêu diệt sạch các nghiệp giết cha, giết mẹ, giết La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Đồng thời, rộng nói các chuyện bất thiện, khiến cho họ đạt được thiện căn, dẹp tan bất thiện căn, dẹp tan hết thầy phiền não vốn có, liên tục không ngừng, kiên cố như kim cương của hết thầy chúng sanh, ta đều phá tan”.

“*Kiến lập nhất thiết, vĩnh tận chư lậu*” (Kiến lập hết thầy, vĩnh viễn chấm dứt các lậu): Khiến cho hết thầy chúng sanh đều thành Phật, đều chứng đắc giải thoát, chứng đắc quả vị rốt ráo chẳng thể nghĩ bàn; đây là Phật quả. Thuận theo sự vui thích của họ, mà an trí họ nơi đâu?

“*Linh trụ tam thừa bất thoái chuyển vị*” (Khiến cho họ trụ địa vị bất thoái chuyển của tam thừa): Trụ trong Thanh Văn, sẽ chẳng thoái chuyển vào lục đạo. Sau khi đã liễu sanh tử, đều có thể dần dần thành Phật. Hàng Nhị Thừa có thể thành Phật hay không? Đến một lúc nhất định, họ sẽ chuyển Tiểu hướng Đại. Chẳng có chúng sanh nào không thành Phật, mà cũng chẳng có người Nhị Thừa nào không thành Phật! Khi đức Phật quả trách A La Hán, quả họ chẳng phát đại tâm, chẳng phát Bồ Đề tâm; đó là vì còn chưa tới lúc. Mọi người nếu niệm kinh Địa Tạng, niệm phẩm Phổ Môn, sẽ biết ngay. Trong phẩm Phổ Môn, người phát khởi là Vô Tận Ý Bồ Tát. Trong kinh Địa Tạng, khi Địa Tạng Bồ Tát hóa thân làm cô Quang Mục, là một tín nữ tại gia, người độ cô ta chính là [một vị A La Hán, tức tiền thân của] Vô Tận Ý Bồ Tát. Vị A La Hán ấy chính là Vô Tận Ý Bồ Tát. Trong vô lượng kiếp trước, Vô Tận Ý Bồ Tát đã chứng quả A La Hán. A La Hán chẳng phát tâm là vì còn chưa tới lúc.

Nay tôi nói cùng mọi người về “*tam chuyển pháp luân u đại thiên*” (ba lượt chuyển pháp luân trong đại thiên). Mọi người thường nghe thấy danh từ này, nhưng rất ít khi được giải thích cặn kẽ. Nay có nhân duyên này, chúng tôi lợi dụng dịp này để giảng. Một ngàn vị Phật trong Trang Nghiêm Kiếp, một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật trong Tinh Tú Kiếp. Một ngàn vị Phật trong Trang Nghiêm Kiếp đã qua, từ Hoa Quang Phật đến Tỳ Xá Phù Phật. Khi chúng ta bái sám, [kinh vãn] chỉ liệt kê Tỳ Bà Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật, chúng ta nói các Ngài là ba vị Phật trong quá khứ. Bốn vị Phật Thế Tôn trong Hiền Kiếp hiện thời [cùng với ba vị Phật quá khứ], hợp thành Thất

Phật Thế Tôn. Một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp có Câu Lưu Tôn Phật mà chúng ta vừa đọc thấy [trong kinh văn], Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư, Di Lạc Phật là vị thứ năm. Vị cuối cùng chính là Vi Đà Bồ Tát [trong hiện thời]. Vị Phật thứ nhất trong một ngàn vị Phật thuộc Tinh Tú Kiếp là Nhật Quang Phật, vị Phật cuối cùng là Tu Di Tướng Phật. Cuối phẩm thứ tám của kinh Địa Tạng, quý vương Chủ Mạng thành tựu Tu Di Tướng Phật. Đây là vị Phật cuối cùng trong Tinh Tú Kiếp.

Nay dựa theo kinh văn này để nói “*tam chuyển pháp luân*”. Sơ chuyển pháp luân là giảng về Khổ Đế. Đã mê Đế này liền khổ. Nếu chẳng mê Đế này, tốt lắm. Đức Phật giảng Khổ Đế cho chúng ta. Sơ chuyển pháp luân là nói cho chúng ta biết hình tướng của khổ, Ngài nói: “*Đây là khổ, có tánh chất bức bách*”. Khổ chuyển là Thị Tướng Chuyển, nói “*đây là khổ, có tánh chất bức bách*”. Chúng sanh lợi căn vừa nghe, họ sẽ tự nhủ “*khổ có tánh bức bách*”, ta phải đoạn Khổ. Khổ do đâu mà có? Bèn tìm nguyên nhân. Nguyên nhân là do Tập mà có. Đây là Khổ, là bức bách, là Sơ Chuyển, là Thị Tướng Chuyển.

Thứ Chuyển là khuyển tu, nói “*đây là Khổ, các người nên biết*”. Các vị hãy nên biết đây là Khổ. Đề Tam Chuyển là Tác Chuyển, “*đây là Khổ, ta đã biết*”. Vừa chuyển, người lợi căn bèn khai ngộ. Có các chúng sanh căn cơ không nhạy bén như vậy, nhất định phải thêm vào “*nhữ ưng tri*” (các người hãy nên biết). Vì sao nói Khổ? Đây là Thứ Chuyển, dành cho hạng trung căn. Vậy mà quý vị còn chưa lãnh ngộ, Phật liền làm chứng (Tác Chứng), tức là Thị Chứng Chuyển, nói: “*Đây là Khổ, ta đã biết, các người phải nên tin*”. Đó là Khổ Tam Chuyển. “*Tam chuyển pháp luân ư đại thiên*”, [nghĩa là] nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đối với mỗi Đế, đều trải qua ba lượt chuyển, có ý nghĩa như thế đó.

Đây là Tập Đế, [nhằm trả lời câu hỏi] “*Khổ quả do đâu mà có?*” Nói đến cái quả thế gian, khổ quả do chính quý vị chiêu cảm, cùng lúc tụ tập. Khổ quả do khổ nhân thành tựu. Đây cũng là Sơ Chuyển, là Thị Tướng, [tức là nói]: “*Đây là Tập, có tánh chiêu cảm*”. Cái nhân của sự khổ tích tập quá nhiều, tự nhiên quý vị phải chịu khổ quả. Cái nhân ấy có thể cảm quả, mang tánh chất chiêu cảm. Người lợi căn nghe nói như vậy, họ biết ngay, hiểu ngay. Thứ Chuyển là dành cho người trung căn, tức là khuyển tu. “*Đây là Tập, các người nên đoạn*”. Quý vị chẳng muốn chịu khổ, phải đoạn cái nhân khổ ấy. Đó gọi là Thứ Chuyển. Thứ Chuyển mà vẫn chưa khai ngộ, vẫn chưa hiểu rõ thì phải Tam Chuyển. Tam Chuyển vẫn là Tác Chứng Chuyển.

Bốn Đế ấy đều là Thị Tướng, Khuyến Tu, và Tác Chứng. Một đấng là nhân quả thế gian, đấng kia là nhân quả xuất thế gian. Nói “*đây là Tập, ta đã đoạn*”, quý vị cũng phải nên đoạn, [đó là Tác Chứng Chuyên]. Giải thích như vậy, đó gọi là nhân quả thế gian. Nếu thật sự đã đoạn Tập nhân, tự nhiên là chẳng có khổ quả. Không có khổ quả, quý vị sẽ vượt thoát tam giới. Vượt thoát tam giới, đoạn Khổ, bèn chứng. Tiếp đó, muốn đoạn Khổ thì phải tu Đạo. Tu Đạo sẽ có thể chứng đắc quả. Nhân quả thế gian là Khổ Tập, Khổ là quả, tức cái quả trong thế gian. Tập là cái nhân chiêu cảm khổ quả trong thế gian.

Như thế thì phải lật ngược lại! Từ thế gian đạt đến xuất thế gian, phải tu cái nhân xuất thế gian hòng chứng cái quả xuất thế gian. Khổ và lạc tương đối. Nói theo nhân quả xuất thế gian thì lạc quả gọi là Diệt, cũng là Sơ Chuyển, Thứ Chuyển, Tam Chuyển, tức Thị Tướng, Khuyến Tu, và Tác Chứng.

“*Đây là Diệt, có tánh chất có thể chứng*”, [hàm nghĩa] “*diệt khổ, ắt quý vị có thể chứng*”. Đã chứng đắc, sẽ chẳng có Khổ. Đây là tánh chất có thể chứng. Thứ Chuyển là khuyến tu, khuyến họ hãy tu đạo. “*Đây là Diệt, các người hãy nên chứng*”. Quý vị hãy nên chứng đắc. Diệt là chứng Sanh, quý vị bất sanh sẽ bất diệt, bất diệt cũng là bất sanh. Sanh tử luân chuyển, đã diệt thì sẽ chẳng luân chuyển nữa. Nói như thế đó: Quý vị hãy nên chứng. Khuyến họ hãy tu, tức là nói với người trung căn. “*Đây là Diệt, các người hãy nên chứng*”, quý vị hãy nên chứng đắc. Tam chuyển, tức là “*đây là Diệt, ta đã chứng đắc*”, ngụ ý: “*Ta có thể chứng minh. Các người cũng có thể làm như thế, cũng có thể chứng đắc*”. Đây chính là cái quả của ngộ. Nhân của ngộ quả là Đạo Đế. Trong Khổ, Tập, Diệt, Đạo thì Đạo là nhân [của Diệt], là cái nhân của ngộ. Khổ quả là mê quả, lạc quả là ngộ quả. Khổ nhân là mê nhân, lạc nhân là ngộ nhân. Đây là tương đối.

Đạo Đế sơ chuyển là Thị Hiện Chuyển: “*Đây là Đạo, có tánh chất có thể tu*”, hãy nên tu. Người thượng căn vừa nghe bèn có thể ngộ được. Đã ngộ sẽ có thể tu, hễ tu bèn chứng đắc. Nếu là kẻ trung căn, còn phải khuyến, đức Phật liền dùng chính mình để chứng minh, để khuyến tu, dạy: “*Đây là Đạo, các người hãy nên tu*”. Quý vị hãy nên tu Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Chúng tôi nêu một thí dụ, nói đến Tứ Niệm Xứ, đây là tu Đạo. Quý vị quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã; đây là tu Đạo. “*Các người hãy nên tu*” có rất nhiều pháp, tôi chỉ nêu thí dụ này. Tam Chuyển là Tác Chứng. “*Đây là Đạo, ta đã tu*”, ta tu rồi, đã chứng đắc. Hễ tu rồi thì sẽ chứng đắc.

“*Tam chuyển Tứ Đế*” trong kinh nói theo ý nghĩa như vậy đó. Tập là nghiệp chiêu cảm tụ tập, hãy suy xét cặn kẽ chuyện này một phen. Phiền não, Hoặc, Nghiệp của chúng ta sẽ chiêu cảm, tụ tập khổ quả sanh tử trong tam giới. Tập Đế liên quan đến thế gian này. Vì sao sẽ sanh khởi khổ quả? Những gì quý vị đã làm chính là cái nhân để sanh khởi, chính là căn nguyên tích tập. Căn nguyên là chân lý. Chân lý vốn chẳng có. Do quý vị tạo tác mà sanh khởi khổ nhân. Diệt có nghĩa là “*tịch diệt*”, quý vị hãy suy xét cặn kẽ một phen: Căn bản của khổ là gì? Là dục và ái. Nếu đoạn trừ dục và ái, khổ sẽ diệt. Khổ đã diệt, sẽ chẳng còn tái sanh, quý vị sẽ nhập cảnh giới Niết Bàn. Niết Bàn là gì? Là bất sanh, bất diệt. Cái nhân là Khổ Tập đã diệt hết, tự nhiên khổ quả cũng tiêu diệt. Đây là chân lý, nhưng Đạo Đế và Diệt Đế là xuất thế gian, Diệt có nghĩa là tịch diệt. Do dục và ái làm nhân, cho nên quý vị chẳng chứng đắc Diệt quả. Quý vị đoạn dục và ái, sẽ chứng đắc Diệt quả. Đoạn bằng cách nào? Phải tu, phải quán hết thấy các pháp vô ngã. Hãy nên tu như vậy.

Ba mươi bảy đạo phẩm và Bát Chánh Đạo đều là Chân Đế để chúng ta tu hành. Do vậy, sau khi đức Phật thành Phật, Ngài đã quan sát, ứng theo căn cơ, đi tới Lộc Dã Uyển, đối trước nhóm năm vị tỳ-kheo Kiều Trần Như nói pháp Tứ Đế. Đây là pháp cơ bản nhất trong Phật giáo, là giáo nghĩa tối sơ. Ngoài việc nói về giải thoát sanh tử ra, còn phải nói sâu hơn về Tứ Đế, đó là cách giải thích trong Đại Thừa. Kinh điển Đại Thừa cũng có Khổ, Tập, Diệt, Đạo Tứ Đế, nhưng nói còn sâu hơn Tiểu Thừa, phát huy đạo lý càng sâu hơn nữa. Hiểu các đạo lý ấy, thì gọi là Tam Chuyển Tứ Đế.

Nếu đối với các danh từ giống như thế này đều giải thích [cặn kẽ] như vậy, thời gian của chúng ta chẳng cho phép. Tôi chỉ giải thích một trường hợp này. Còn như Tứ Niệm Xứ, Tứ Như Ý Túc, Tứ Chánh Cần, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Bát Chánh Đạo, Thất Giác Chi đều thuộc vào ba mươi bảy đạo phẩm.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, sở dăng vương vị, thọ đế chức dĩ, quán sát quá khứ, vị lai, hiện tại chư vương pháp đạo, u kỳ chủng chủng vương nghiệp luân trung, dĩ thiện quán sát nhân quả báo trí, tùy kỳ sở uing, kiến lập nhất thiết phụ thân, liêu tá, phổ cập quốc ấp ngu trí nhân dân tam chủng nghiệp luân. Do thử nghiệp luân, suất độ chúng sanh trường dạ thọ dụng, sở hữu chủng chủng thích ý tư cụ, hỷ lạc tăng trưởng, năng diệt nhất thiết

oán địch, ác hữu. Hà đẳng danh vi tam chủng nghiệp luân? Nhất giả, kiến lập đế vương nghiệp luân, vị thiện giáo tập quân trận đấu chiến, hàng tha binh chúng, phủ dục nhân dân. Nhị giả, kiến lập điền trạch nghiệp luân, vị thiện giáo tập tạo xá, doanh nông, linh đắc an ổn, ẩm thực sung túc. Tam giả, kiến lập tài bảo nghiệp luân, vị thiện giáo tập công thương tạp nghệ, linh đắc chủng chủng trân ngoạn, tư tài, tùy ý thọ dụng, tăng chư khoái lạc. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ nhị vương luân. Do thử luân cố, u tự quốc độ, đắc an lạc trụ, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如刹帝利灌頂大王，初登王位，受帝職已，觀察過去，未來，現在諸王法道，於其種種王業輪中，以善觀察因果報智，隨其所應，建立一切輔臣僚佐，普及國邑愚智人民三種業輪。由此業輪，率土眾生長夜受用，所有種種適意資具，喜樂增長，能滅一切怨敵惡友。何等名為三種業輪？一者，建立帝王業輪，謂善教習軍陣斗戰，降他兵眾，撫育人民。二者，建立田宅業輪，謂善教習造舍營農，令得安隱，飲食充足。三者，建立財寶業輪，謂善教習工商雜藝，令得種種珍玩資財，隨意受用，增諸快樂。善男子！刹帝利種灌頂大王，成就如是第二王輪。由此輪故，於自國土，得安樂住，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh, mới lên ngôi vua, nhận lãnh chức vị đế vương xong, quan sát đạo pháp của các vị vua trong quá khứ, vị lai, hiện tại, từ trong các thứ vương nghiệp luân, dùng trí khéo quan sát cái nhân và quả báo, tùy theo lẽ đáng nên mà kiến lập hết thảy các đại thân, quan chức phù tá, phổ cập ba thứ nghiệp luân cho nhân dân dù ngu hay trí trong nước. Do các nghiệp luân ấy, chúng sanh cả nước được thọ dụng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

trong đêm dài. Tất cả các thứ vật dụng cần dùng đẹp ý, tăng trưởng vui sướng, có thể diệt hết thảy oán địch và bạn ác. Nhưng gì là ba thứ nghiệp luân? Một là đế vương nghiệp luân, tức là khéo dạy dỗ, tập luyện quân trận chiến đấu, đánh bại các quân đội khác, võ vè, nuôi nấng nhân dân. Hai là kiến lập nghiệp luân ruộng đất, nhà cửa, tức là khéo dạy bảo, huấn luyện [dân chúng] tạo dựng nhà cửa, chăm lo nông nghiệp, khiến cho [dân chúng] được an ổn, ăn uống sung túc. Ba là kiến lập nghiệp luân của cải, tức là khéo dạy dỗ, huấn luyện công, thương, các ngành nghề, khiến cho họ đạt được đủ thứ đồ trân ngoạn, vật dụng sanh hoạt, tăng trưởng các sự vui sướng. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ hai như vậy. Do luân ấy, [nhà vua sẽ] trụ an ổn trong quốc độ của chính mình, có thể chế phục hết thảy oán địch và bạn ác, khéo giữ gìn thân thể, tăng thêm thọ mạng).

Đoạn kinh văn này nói vị vua đã được quán đánh sau khi kế thừa ngôi vua, đã quan sát pháp luật và tất cả chánh sách cai trị nhân dân do các vị vua trong quá khứ ấn định. Sau khi ông ta quan sát, [nhận thấy] trong ấy có thiện và ác, có tốt đẹp, có xấu xa. Vì sao trong quá khứ, quốc gia có lắm tai họa? Đó là vì pháp luật chẳng kiện toàn, thậm chí, chẳng tuân chiếu pháp luật để thực hiện. Dùng trí huệ quan sát các loại nhân quả, [nhận thấy] điều gì đáng nên cải cách, ông ta bèn sửa đổi. Do như vậy, đối với các quan lại, đại thần, cho đến đối với hết thảy nhân viên công tác, nhà vua kiến lập ba thứ nghiệp luân.

“Nghiệp” (業) là cái được thực hiện, “Luân” (輪) là tỷ dụ. “Luân” có thể tiêu trừ hết thảy Hoặc nghiệp của chúng sanh. Ở đây là nói theo Phật giáo. Nói theo người tại gia, sẽ là đập tan những thứ bất chánh, kiến lập những điều chánh xác. Trong mỗi quốc độ, đại đa số các vị quốc vương thuở đầu lập quốc, mới khởi sự đều tốt, dần dần hủ bại, suy vong, đọa lạc. Vương triều mới lại sanh khởi. Đã sanh khởi vương triều mới, sẽ lại kiến lập lần nữa, nhưng nghiệp luân của Phật giáo chẳng phải là như vậy. Trong quá khứ, chúng ta đã là như thế, hiện tại là như thế, tương lai sẽ là như thế, vĩnh viễn như thế.

Vị vua quán đánh ấy kiến lập ba loại nghiệp luân, tức là thực hiện các nghiệp. Các nghiệp ấy có tốt và xấu. Ông ta suất lãnh chúng sanh sống rất thoải mái, rất vừa ý, rất hưởng thụ. Kiến tạo ba loại nghiệp luân là để khiến cho nhân dân trong quốc gia của ông ta sống an định, vui

sương. Oán địch bên ngoài, hoặc bạn ác bắt thiện đều bị đập tan thì ông ta mới có thể kiến lập sự nghiệp đế vương. Điều thứ nhất là tập luyện vũ trang. Bất cứ quốc gia nào, nếu chẳng có vũ lực để bảo vệ, người khác sẽ lấn hiếp họ. Quốc gia cường đại đều có sức mạnh vũ trang. Mọi người đọc tin tức trên báo chí, [sẽ thấy] nước Pháp không dám xia bị phản đối, vẫn thử vũ khí hạch nhân sâu hơn. Vì sao? Họ muốn đích thân thăm dò để chính mình nắm chắc. Chẳng thăm dò, khi bị người khác khi dễ, họ cũng chẳng có cách nào! Nhưng thường là giữa các quốc gia, tôi đã có, vẫn chẳng chấp thuận cho anh có. Đây là nước lớn chèn ép nước nhỏ.

Hiện thời, từ một nhược quốc chuyển biến thành cường quốc, đã đổi thành một vị vua mới, điều thứ nhất là phải dạy nhân dân của ông ta luyện tập chiến đấu, an định, và giáo dục nhân dân của chính mình. Đây là loại nghiệp luân thứ nhất, nhằm bảo vệ quốc gia. Tôi nhớ khi còn bé, trong huyện thường đắp tường thành vì sợ cường đạo hay thổ phỉ tấn công. Hiện thời, chỉ sợ ngay cả tường thành cũng chẳng có tác dụng chi hết! Hiện thời, [tường thành] đều bị phá hủy, vì [bom đạn] có thể từ trên không trung giáng xuống. Càng về sau, càng phát triển, càng dữ dội hơn nữa, giống như kiếp đao binh như đức Phật đã nói: “*[Những gì] thuận tay cầm lấy đều là vũ khí. Cỏ cây đều là binh khí, đều có thể giết người*”. Hiện thời đã gần như là vậy. Vũ khí hóa học chẳng phải là như thế hay sao? Loại luân này ắt cần phải kiến lập.

Loại thứ hai là trước hết phải tạo dựng nhà ở. Có chỗ ở thì cũng là nghiệp luân về ruộng đất và nhà cửa. Có đất đai để khai phá, có đất đai để canh tác, trồng trọt, kiến tạo nhà ở. Do vậy, ông ta (vị vua quán đảnh) phải có các phương pháp, chỉ dạy họ kiến tạo nhà cửa như thế nào. Chúng tôi đã thấy [nhiều loại] nhà cửa, có rất nhiều nơi không giống nhau. Tôi ở Tứ Xuyên, thấy người Tứ Xuyên dựng nhà tranh. Tôi nói: “Nay quý vị có ngói và gạch, vì sao không xây nhà?” Họ nói: “Ở trong nhà xây bằng gạch ngói chẳng thoải mái!” Tôi hỏi: “Sao vậy?” Họ nói: “Chúng tôi dựng nhà tranh, Đông ấm, Hạ mát. Nhà xây gạch ngói thì không được. Những thứ này, đôi ba năm chúng tôi có thể dỡ bỏ, đổi mới. Nhà xây bằng gạch ngói rất khó thay mới”. Nhà tranh ở Tứ Xuyên có sườn nhà bằng trúc, khi gặt hái xong, sẽ lợp mái cỏ mới. Nhà cửa của họ xác thực là có ý vị mới mẻ. Cách mấy năm sẽ đổi một lần, đó là nhà tranh. Tây Tạng càng đơn giản hơn nữa, hết thấy [các vật liệu] đều lấy từ

thân bò²⁶. Dùng lông bò dệt thành vải bạt, ghép lại [thành lều], kê như tuyết đổ dày cách mấy, họ cũng chẳng sợ. Trong khoảng khảy ngón tay, tuyết sẽ trôi tuột đi. Khi họ chuyển nhà, tháo lều ra, chất lên lưng bò chở đi, đến chỗ nào cũng đều được. Nhà của họ tùy thời biến hóa, vì là lều bạt dệt từ lông bò. Kiến thiết chỗ ở chính là điều cần thiết nhất trong đời người. Hiện thời, chúng ta sang đất nước của người khác, điều cần phải làm đầu tiên là mua nhà để ở cho thoải mái. Chẳng có nhà, quý vị sẽ chẳng an định.

Luân thứ hai là đã xây dựng nhà cửa xong, còn phải có ruộng đất. Chẳng có ruộng đất, làm sao có thể sống còn cho được? Những thứ chúng ta ăn toàn là do đất sanh ra. Như vậy thì làm cho nhân dân trong nước được an ổn, ăn uống sung túc, có ăn, có mặc, họ mong được hưởng thụ. Do vậy, nói đến “*kiến lập tài bảo nghiệp luân*”, khéo dạy dỗ, huấn luyện công, thương, tạp nghệ (雜藝, các ngành nghề khác nhau). “*Tạp*” (雜) là bao gồm rất nhiều [loại khác nhau]. Nay chúng ta thấy các món đồ chơi, các dụng cụ, hoặc máy móc để tập thể dục, thể thao, cho đến các phương tiện giao thông, đều [được gọi chung] là “*công thương tạp nghiệp*” (工商雜業).

Trong lịch sử, phần lớn các vị hộ pháp cho Phật giáo đều là thương nhân. Hạng người này có phước báo, họ muốn gieo thiện căn. Quốc vương cũng hộ pháp, bất quá rất ít. Hộ pháp quốc vương là vua thuộc chủng tánh Sát-lợi (Sát-đế-lợi). Có các ác quốc vương, không chỉ chẳng hộ trì, mà trái lại còn tiêu diệt, tùy thuộc [họ thấy] Phật giáo có lợi cho họ hay không? Thương nhân thì gieo phước. Mọi người nhìn vào

²⁶ Bò ở đây là một loại bò đặc biệt ở Tây Tạng mà họ gọi là Yak (nếu nhìn vào văn tự Tây Tạng, phải ghi là gYag, nhưng khi phát âm, họ bỏ hẳn âm g, chỉ đọc thành Yak), có tên khoa học là Bos Grunniens), người Hoa gọi nó là “*mao ngưu*” (牦牛), thân hình to hơn bò thường, lông dài và rất rậm, chỉ sống ở cao nguyên Tây Tạng, cao nguyên quanh rặng Hy Mã Lạp Sơn, và rải rác một số ít tại Bắc Miến Điện, Tứ Xuyên, và Vân Nam. Loại bò này cao từ 1,6 mét đến 1,8 mét, sừng cong, hơi khoằm về phía trước. Lông chúng mọc rất dày ở trước ngực, phủ dài, che kín hông, ngực và nửa chân để chống lạnh. Đuôi của chúng giống như đuôi ngựa. Lông bò có thể cuộn và xe sợi để dệt vải, thắt thành các loại dây thừng, đan thảm. Da của chúng dùng để bọc khung gỗ làm thuyền, làm túi xách, giày. Chúng là phương tiện chủ yếu để chuyên chở, và cung cấp sữa và thịt cho con người. Sữa của chúng thường chế thành bơ để thắp đèn, và làm pho mát. Đối với mọi người dân, sữa bò, bơ và pho mát làm từ sữa Yak cùng với trà trộn vào lúa mạch rang, vo thành viên (gọi là Tsampa) là thức ăn chủ yếu hằng ngày. Phân bò cũng được sử dụng làm chất đốt.

lịch sử Phật giáo, sẽ thấy đại đa số thương nhân hộ pháp. Vì sao phải dạy dân chúng tập luyện công, thương, tạp nghệ? Mọi người mong hưởng thụ, mong có đủ loại của cải trần ngoạn để tùy ý thọ dụng, tăng trưởng lạc thú trong cuộc sống, tăng trưởng sự vui sướng trong đời sống. Do vậy, vị vua Sát-đế-lợi quán đánh này phải thành tựu vương luân thứ hai. Vương luân thứ hai bao gồm ba thứ nghiệp luân.

Sau khi đã kiến lập vương luân thứ hai, quốc gia của vua có thể an vui. “*Năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu*” (Có thể chế phục hết thảy oán địch, bạn ác): Khéo có thể bảo vệ gia tài của họ, bảo vệ quốc gia, bảo vệ sự an định của quốc dân, khiến cho hết thảy nhân dân tăng trưởng thọ mạng. Đó là vương luân thứ hai. Ở đây là cách nói tỷ dụ, chẳng chứa đựng ý nghĩa sâu xa nào, cho nên tôi nói đại lược. Dùng chuyện này để tỷ dụ Phật Luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai sơ thành Phật quả, đắc Vô Thượng Trí, quán sát quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật pháp nhãn, dĩ thiện quán sát chư nghiệp pháp thọ nhân quả báo trí, kiến lập nhất thiết sở hóa hữu tình tam chủng nghiệp luân. Do thứ nghiệp luân, năng linh Tam Bảo chủng tánh pháp nhãn trường dạ bất diệt, vô thượng chánh pháp xí thịnh lưu thông, linh chư hữu tình, trường thọ chủng chủng sanh thiên, Niết Bàn, an ổn khoái lạc, cập linh nhất thiết ngoại đạo tà luận bất năng hàng phục ngã chánh pháp nhãn, nhi năng như pháp tồ bỉ tà luận.

(經)善男子！如是如來初成佛果，得無上智，觀察過去，未來，現在諸佛法眼，以善觀察諸業法受因果報智，建立一切所化有情三種業輪。由此業輪，能令三寶種姓法眼長夜不滅，無上正法熾盛流通，令諸有情，長受種種生天涅槃，安隱快樂，及令一切外道邪論不能降伏我正法眼，而能如法摧彼邪論。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Lúc Như Lai mới thành Phật quả như vậy, đắc Vô Thượng Trí, quán sát pháp nhãn của quá khứ, vị lai, và hiện tại như Phật, dùng trí khéo quán sát các nghiệp pháp lãnh nhận nhân và quả báo để kiến lập ba thứ nghiệp luân cho hết thảy hữu tình

được hóa độ. Do các nghiệp luân ấy, có thể khiến cho pháp nhãn của chúng tánh Tam Bảo bất diệt trong đêm dài, chánh pháp vô thượng lưu thông hưng thịnh, khiến cho các hữu tình hưởng mãi các thứ vui sướng an ổn do sanh thiên hay chứng đắc Niết Bàn, và khiến cho tà luận của hết thảy các ngoại đạo chẳng thể hàng phục chánh pháp nhãn của ta, và có thể đúng như pháp mà đập tan các tà luận ấy).

“*Như thị Như Lai sơ thành Phật quả*” (Như Lai mới thành Phật quả như thế): Đức Phật chứng đắc Phật quả, đạt được Vô Thượng Trí, muốn thấy quá khứ chư Phật, và vị lai chư Phật. Hiện tại, tam thể chư Phật đều chứng đắc pháp nhãn thanh tịnh. Phật nhãn quán hết thảy, có thể thấy thấu suốt hết thảy, trí quan sát các nghiệp pháp, cái nhân và quả báo lãnh thọ [do đã tạo các nghiệp ấy]. Do có loại trí huệ “*nhân quả báo tri*”, bèn kiến lập ba thứ nghiệp luân cho hết thảy các hữu tình được hóa độ. [Ba thứ nghiệp luân ấy] cũng giống như ba món nghiệp luân được nói đến trong tỷ dụ [về vương luân thứ hai] trên đây.

Nếu kiến thiết ba loại luân, sẽ có thể khiến cho chúng tánh Tam Bảo luôn hiện diện, chẳng đoạn tuyệt, khiến cho pháp nhãn của hết thảy chúng sanh thanh tịnh, bất diệt trong đêm dài. “*Bất diệt*” có nghĩa là quang minh, tức quang minh của pháp nhãn. [Do quang minh], có thể biết đâu là chánh pháp, đâu là phi pháp, khiến cho chánh pháp vô thượng của Phật có thể lưu thông hưng thịnh, khiến cho các chúng sanh được giáo hóa của đức Phật trong cõi Phật đều có thể sanh lên trời, cho đến chứng đắc Niết Bàn. Sanh thiên vui sướng hơn ba ác đạo và nhân gian rất nhiều, nhưng hưởng thụ sự vui sướng [chân chánh] thì phải là chứng đắc rốt ráo sự vui sướng “*bất sanh bất diệt rốt ráo*”, [có như vậy thì mới thật sự hưởng] an ổn, sung sướng. Phàm là hết thảy các tà luận có hại của ngoại đạo, tà luận của ngoại đạo tranh chấp với chánh pháp nhãn, Phật pháp có thể hàng phục hết thảy tà luận, có thể đúng như pháp mà đập tan các tà luận.

(Kinh) Thiện nam tử! Hà đẳng danh vi tam chủng nghiệp luân? Nhất giả, kiến lập tu Định nghiệp luân. Nhị giả, kiến lập tập tụng nghiệp luân. Tam giả, kiến lập doanh phước nghiệp luân. Thiện nam tử! Vân hà Như Lai tu Định nghiệp luân? Định hữu thập chủng, hà đẳng vi thập? Vị chánh quán sát chư Hữu thức thân, lục chủng cảnh giới, ngã, ngã sở chấp dĩ vi kỳ nhân. Nghiệp vi lương điền, Vô Minh phú cái, Ái vi tư nhuận, vô hữu tự tại, y tha nhi lập, hệ thuộc chúng

duyên, vị dục đoạn diệt Nghiệp, Phiền Nã, Khổ, tam chủng lưu cố. Như thị quán sát, vân hà Nghiệp Lưu? Vị chư hữu tình sở hành chư hạnh. Nhược thử chư hạnh, sở do Vô Minh cập Ái vi nhân, năng sanh chư Hữu, danh Phiền Nã Lưu. Nhược do phiền nã, thức vi kỳ nhân, chúng duyên hòa hợp, Danh Sắc sanh khởi. Danh Sắc vi nhân, chúng duyên hòa hợp, Lục Xứ sanh khởi. Lục Xứ vi nhân, chúng duyên hòa hợp, Xúc, Thọ, Hậu Hữu, Sanh, Lão, Tử đặng, thứ đệ sanh khởi, thị danh Khổ Lưu.

(經)善男子！何等名為三種業輪？一者，建立修定業輪。二者，建立習誦業輪。三者，建立營福業輪。善男子！云何如來修定業輪？定有十種，何等為十？謂正觀察諸有識身，六種境界，我，我所執以為其因。業為良田，無明覆蓋，愛為滋潤，無有自在，依他而立，係屬眾緣，為欲斷滅業、煩惱、苦、三種流故。如是觀察，云何業流？謂諸有情所行諸行。若此諸行，所由無明及愛為因，能生諸有，名煩惱流。若由煩惱，識為其因，眾緣和合，名色生起。名色為因，眾緣和合，六處生起。六處為因，眾緣和合，觸、受、後有、生、老、死等，次第生起，是名苦流。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Những gì là ba thứ nghiệp luân? Một là kiến lập tu Định nghiệp luân, hai là kiến lập tập tụng nghiệp luân, ba là kiến lập doanh phước nghiệp luân. Đây thiện nam tử! Như Lai tu Định nghiệp luân là như thế nào? Có mười loại Định, những gì là mười? Tức là chánh quán sát sáu thứ cảnh giới của thức và thân trong các Hữu (tam giới), do Ngã, và những cái do ta chấp trước làm nhân. Nghiệp là ruộng tốt, do Vô Minh che phủ, Ái làm tưới tắm, mà chẳng được tự tại, nương vào cái khác để thành lập, phụ thuộc các duyên. Vì muốn đoạn diệt ba loại dòng là Nghiệp, Phiền Nã và Khổ, mà quan sát như thế. Nghiệp Lưu là như thế nào? Chính là các hạnh do các hữu tình đã làm. Nếu các hạnh ấy do Vô Minh và Ái làm nhân, có thể sanh ra các Hữu,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thì gọi là *Phiền Nã Lưu*. Nếu do *phiền nã* và *thức làm nhân* của nó, các *duyên hòa hợp* thì *Danh Sắc* sanh khởi. *Danh Sắc* làm nhân, các *duyên hòa hợp*, *Lục Xứ* sanh khởi. *Lục Xứ* làm nhân, *Xúc*, *Thọ*, *Hậu Hữu*, *Sanh*, *Lão*, *Tử* v.v... theo thứ tự mà sanh khởi thì gọi là *Khổ Lưu*).

Tam Lưu bao gồm Nghiệp Lưu, Phiền Nã Lưu, và Khổ Lưu. Phải quan sát chúng nó sanh trưởng như thế nào. Nghiệp Lưu là gì? Phiền Nã Lưu là gì? Khổ Lưu là gì? Mỗi danh từ bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Nếu quý vị thấu hiểu, sẽ khế nhập kinh Phật. Không chỉ một bộ kinh này, mà rất nhiều bộ kinh, quý vị đều có thể hiểu. Ở đây, nêu ra ba loại Nghiệp Lưu, Nghiệp Lưu là gì? Chính là hết thấy mọi sự đã làm trong cuộc sống hằng ngày, kể cả ngủ nghề, thậm chí kể từ lúc sanh ra mãi cho đến khi tử vong, quý vị chẳng thể trốn thoát được. Có rời lìa cũng chẳng rời lìa được, luôn thuộc vào trong ba loại nghiệp ấy. Nghiệp Lưu là các nghiệp do quý vị đã tạo. Phạm là hữu tình, bao gồm động vật, súc sanh, ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn, đều thuộc vào trong ấy, nhưng không tính thực vật. Bất quá, Nghiệp Lưu của nhân loại nặng nề nhất. Quý vị tạo tác các nghiệp, những gì quý vị đã làm, đều gọi là Nghiệp Lưu. Lưu là “*vĩnh viễn chẳng ngưng dứt*”. Lưu (流) là nghiệp luôn vận động, chuyển mãi chẳng ngưng dứt, vĩnh viễn trôi chảy như vậy.

Phiền Nã Lưu là vô minh và ái. “Ái” là dục vọng của chúng sanh. Dục vọng của chúng sanh chính là căn bản sanh tử của chúng ta, có ái nhiễm. Do vô minh và ái làm cái nhân, từ cái nhân ấy, sanh ra các hành vi. Do đã có hành vi, cho nên quý vị có các nghiệp đã tạo, là nghiệp thiện hay ác, cho nên có thăng lên hay giáng xuống. “*Thăng*” là sanh lên trời, “*giáng*” là đọa xuống địa ngục.

Khi tôi ở Bắc Kinh, có gặp một số công nhân mỏ than. Tôi hỏi họ: “Các vị làm nghề gì?” Họ nói: “Có khi tôi xuống địa ngục”. Tôi nói: “Quý vị có thể xuống địa ngục thật sao?” Họ đáp: “Tôi xuống địa ngục”. Tôi hỏi: “Xuống địa ngục cơ à? Xuống địa ngục chẳng chịu khổ hay sao?” Họ nói: “Tôi [xuống địa ngục] làm việc”. Tôi nói: “Làm việc gì vậy?” Họ nói: “Tôi cùng Diêm Vương lão tử đào than”. Tôi nói: “Công việc của các vị có phải là thợ mỏ than hay không?” Họ nói: “Đúng đây! Hằng ngày chúng tôi đều xuống địa ngục. Chúng tôi mỗi sáng sớm mở mắt ra đều phải xuống đó”. Họ làm việc tại Môn Đầu Câu²⁷ ở Bắc Kinh,

²⁷ Môn Đầu Câu (門頭溝) là một quận trực thuộc thành phố Bắc Kinh, 90% diện tích là núi non, đồi gò. Việc khai thác than đá bắt đầu từ cuối thời Minh.

làm đến tối mới ra khỏi mỏ, rất dễ gặp cảnh hầm mỏ sụt lở, bị tảng đất phía trên sụt xuống, hay sập hầm mỏ. Đây là thuật ngữ nói về hầm mỏ của họ. Mỏ Môn Đầu Cầu ở Bắc Kinh đã đào sâu gần mấy chục dặm, họ khai thác ở phía dưới Tây Sơn. “Có lúc chúng tôi cũng có dịp sanh thiên”. Tôi hỏi: “Trong đời này mà quý vị có thể sanh thiên ư?” Họ nói: “Đúng thế!” Tôi hỏi: “Quý vị sanh bằng cách nào?” Họ nói: “Đưa chúng tôi sang Trung Nam Hải²⁸ là chỗ của các quan to, tôi coi họ như Ngọc Hoàng Đại Đế, [sang đó] vá gạch, lợp ngói. Nhà họ bị đột, sai chúng tôi đến vá gạch, giậm ngói”. Tôi nói: “Bản lãnh của ông thật lớn, thăng thiên, nhập địa!”

Thật ra, cuộc sống của mỗi người đều là như vậy! Khi nào làm thiện nghiệp thì thăng lên. Có phước báo thì cuộc sống rất thoải mái, quý vị đừng quên nỗi đau khổ, [đừng quên] chúng ta cũng đã từng chịu khổ. Câu “*năng sanh chư Hữu*” (có thể sanh ra các Hữu) bao hàm rất nhiều [ý nghĩa] trong ấy. Tam Lưu là Nghiệp Lưu, Phiền Não Lưu, và Khổ Lưu. Khổ là có phiền não, Thức làm cái nhân của nó. “*Thức*” bao gồm sáu thức, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức. Mất thuộc về Căn. Khi Nhãn Căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, nó chẳng có phân biệt. Cái có thể phân biệt là Nhãn Thức, dùng Nhãn Thức để phân biệt. “*Thức*” ở đây là sáu thức; nói gộp chung, sẽ là tám thức. Có phiền não thì Thức làm nhân, lại còn có rất nhiều nhân và rất nhiều duyên thức đẩy thành tự, nó mới sanh khởi theo thứ tự như vậy.

Những gì là năm quả trong hiện tại và hai quả trong vị lai? Những thứ ấy đều gọi là Khổ Lưu. Vô Minh và Hành, Hành (行) có nghĩa là “*vận động*”. Nếu là tham, sân, si, mạn, nghi, kèm thêm Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Tà Kiến, mười loại ấy đều gọi

²⁸ Trung Nam Hải là tên gọi khu vực ở phía Tây Tử Cấm Thành Bắc Kinh, gần với ba cái hồ lớn có tên gọi là Bắc Hải, Trung Hải, và Nam Hải. Từ đời Kim, khu này cảnh sắc rất tươi đẹp, ba cái hồ ấy được gọi chung là Thái Dịch Trì, và được xếp vào một trong Yên Kinh Bát Cảnh (tám cảnh đẹp tại Bắc Kinh). Đời Minh, Thanh, khu vực này được gọi là Tây Uyển. Nơi này có nhiều cung điện cũ của các triều đại. Sau khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc thành lập, các cơ quan trọng yếu như Quốc Vụ Viện, Trung Ương Thư Ký Xứ (văn phòng tổng bí thư), và các cơ sở đầu não khác của đảng và nhà nước cũng đặt tại đây. Các viên chức cao cấp như Mao Trạch Đông, Châu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Châu Đức, Giang Thanh, Bành Đức Hoài, Dương Thượng Côn, Hồ Diệu Bang, Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào, Tập Cận Bình... đều có biệt thự ở khu vực này, xa hoa tột đỉnh.

là phiền não. Mười loại ấy còn được gọi là Kết Sử (結使), chúng thúc đẩy quý vị tạo nghiệp. Đó là Hành. Đây là những thứ trong nội tâm, thuộc về Nhân. Trong tâm tạo nghiệp, vẫn chưa sanh ra hiện thực. Sự vận động của Tướng trong tâm chính là hoạt động tâm lý vì quý vị chưa hiểu rõ. Do chẳng hiểu rõ mà cứ hoạt động, chẳng phải là hoạt động dựa theo trí huệ, mà là hoạt động ngu si, thuần túy là hoạt động tạo nghiệp, do mười món Kết Sử chỉ huy. Nghiệp thức để đầu thai, chúng ta thường nói các Kết Sử ấy chính là chủng tử của tám thức. Đó là ác phần, chẳng phải là thiện phần. Trong thức có hai phần Thiện và Ác; Sử thuộc về phần ác. Đã tạo các nghiệp ấy, do tạo cái nghiệp ấy bèn đầu thai.

Vì hai loại nhân này trong quá khứ mà tạo thành nghiệp. Thức thứ tám còn gọi là Hàm Tàng Thức (含藏識), vì chúng nó (các chủng tử, kết sử) chứa đựng trong thức ấy, tạo thành cái nghiệp ấy. Do vì nghiệp quá khứ, quý vị thọ báo. “Thọ báo” là tùy theo nghiệp đã tạo mà thọ báo. Có khi sanh thiên để hưởng thụ, đó cũng là Thức của người ấy [sanh thiên]. Như thế thì đầu thai trong sáu đường, đầu thai làm người là tốt nhất. Nếu quý vị tạo nhiều thiện nghiệp thì mới có thể sanh làm người. Thông thường, chúng sanh chẳng thể sanh vào nhân đạo được. Quý vị đọa vào ngạ quỷ, súc sanh, [địa ngục], tức ba ác đạo. Nếu đọa vào súc sanh đạo, sẽ càng khổ hơn.

Bất luận đọa vào đường nào, khi nghiệp thức sắp nhập thai, cứ bảy ngày sẽ biến đổi. Lúc sắp nhập thai, sáu căn còn chưa sanh trưởng, ngay cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý đều chẳng có, chỉ có thai hình, sáu căn chưa đủ. Sau khi lọt lòng mẹ, ái dục tiếp xúc với cảnh, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thân thể tiếp xúc, ở trong bụng mẹ rất ấm áp, nay sanh ra, không khí khiến cho từng lỗ chân lông của quý vị bị kích thích. Sự thống khổ ấy quý vị nói không được, chỉ cảm thấy đau khổ. Sự đau khổ ấy chúng ta không biết.

Trong nhà tù, khi chịu đủ loại khổ hình, miệng quý vị bị bịt kín, mắt bịt chặt, có nhìn cũng chẳng thấy, có nghe cũng chẳng nghe được, sáu căn đều bị đóng kín, chỉ biết chịu khổ, nói chẳng ra lời. Tôi nghĩ nỗi khổ lúc đầu thai tiếp xúc ban đầu chắc cũng chẳng sai khác cho mấy. Chẳng có cách nào biểu đạt! Biểu đạt bằng cách nào đây? Đây là khổ quả. Đã tiếp xúc ngoại giới, sẽ khác hẳn, sanh khởi cảm giác khổ lạc, cũng là khi trẻ nhỏ chưa nói được, nếu nó chẳng vừa ý, sẽ dùng tiếng khóc để biểu đạt hết thảy. Trẻ nhỏ khóc, người lớn chớ nên đổ dành quá đáng, nó khóc để biểu đạt. Khi nó khóc, là lúc nó lớn dần. Hết thảy vận

động của nó chỉ là khóc, khóc là sự vận động của nó. Khóc nhiều, không sao cả! Nó chỉ biểu đạt nó không thoải mái, trẻ nhỏ vẫn chưa biết nói. Quý vị đáp ứng đúng ý nó, nó sẽ cười. Quý vị chăm sóc trẻ nhỏ nhiều, sẽ cảm nhận điều ấy. Tôi hiểu biết rất ít, quý vị biết rõ hơn tôi, tôi chỉ dựa theo kinh để nói.

Khi nó sanh ra cảm thọ khổ hay lạc, nghiệp là đầu thai; đây là quả. Cho tới khi nó sanh trưởng sáu căn, đây là quả. Lọt lòng mẹ, tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài cũng là quả. Vừa tiếp xúc, sẽ nhận lãnh cảm giác khổ hay lạc. Từ đây trở đi bèn thọ nhận, suốt cả một đời đều phải thọ nhận. Thọ rồi lại đầu thai, hoặc lại chết đi, vĩnh viễn chẳng ngưng dứt. Do vậy, gọi là Lưu. Lưu (流) có nghĩa là “*chuyển động*”, lưu động chẳng ngừng. Đây là Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ. Đây là hai cái nhân trong quá khứ. Do hai cái nhân ấy, kết thành năm cái quả [trong hiện tại], tức Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, và Thọ là năm cái quả.

Do hai cái nhân trong quá khứ mà lãnh nhận năm cái quả trong hiện tại, chẳng dừng lại ở đó. Ái, Thủ, Hữu là ba cái nhân trong hiện tại. “*Đối cảnh*” tức là đối trước hết thấy các cảnh giới, bèn sanh khởi ái dục: “*Đóa hoa này đẹp quá, ta mua một đóa*”. Ta thấy trong vườn có rất nhiều hoa đẹp, không ai thấy, bèn ngắt một đóa. Đó là phạm giới trộm cắp. Thấy [vật gì đó] rất mắc tiền, [mơ tưởng] nếu mình lấy vật đó thì nhiều tiền lắm, giới trộm cắp đã thành. Tuy nói là “*tôi chẳng làm*”, chỉ cần đã sanh tâm thì đều tính cả! Do đã tạo cái nhân đó! Đã tạo nhân, đối với cảnh bèn sanh tham ái, nầy sanh dục vọng. Đã nầy sanh dục vọng, sẽ mong đạt được. Cái tốt thì mong đạt được, cái xấu thì muốn vứt đi, chẳng mong tiếp nhận. Vì truy cầu điều này, sẽ tạo nghiệp, tức là sẽ tạo tác. Hễ tạo tác, sẽ trở thành nghiệp! Do nghiệp nhân ấy, quý vị sẽ thọ báo. Nay chúng ta làm, hiện tại đang nhận lãnh hiện báo. Cái quả báo đang thọ trong hiện tại chỉ là quả báo tạm thời.

Nếu ta cướp đoạt thứ gì của người ta, đương nhiên là sẽ thọ báo, ngay lập tức bị tróc nã, giam cầm trong ngục. Đã bị nhốt rồi, sau đó sẽ bị phán quyết hình phạt. Đó là hiện báo (現報, báo trong hiện tại), nhưng vẫn chưa kết thúc, vì đây chỉ là pháp luật nhân gian. Đã chịu xong [sự trừng phạt của pháp luật nhân gian], quý vị còn phải chịu nhân quả. Quý vị cướp bóc người khác, hay giết người, giết người thì phải đền mạng. Pháp luật quốc gia đã chấp hành. Cướp bóc của người ta thì bị bắt, ta bị bắn chết, có phải là đã xong hay chưa? Chưa đủ đâu nhé! Đây là pháp

luật nhân gian, vẫn phải thọ báo. Người ấy vẫn tìm quý vị đòi nợ mạng, quý vị vẫn phải trả nợ. Nay quý vị tạo tác cái nhân, trong tương lai vẫn phải chịu khổ quả nơi Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, khổ quả. Trở lại để thọ, sanh trở lại. [Do đó], Sanh lại Lão, Lão lại Tử. Tử rồi lại tạo, tạo rồi lại sanh, sanh rồi lại tử. Cứ thay đổi qua lại liên tục như thế; đó gọi là pháp Thập Nhị Nhân Duyên.

Từ trong ấy, đức Phật lập ra cái luân thứ ba, tức là kiến lập Tu Định Luân, giải thích Định có mười loại. Quý vị phải quan sát mười loại thân, sáu loại cảnh giới. “*Ngã, ngã sở chấp, dĩ vi kỳ nhân*” (Ngã và những gì ta chấp trước sẽ là cái nhân của nó): Ta chấp nó thật sự là ta, nhưng như chúng tôi đã nói trong phần trên. Nghiệp do quý vị đã tạo là ruộng đất, là ruộng tốt, bị vô minh bao trùm, lại còn được Ái tưới tắm, cho nên chẳng thể tự tại. Bị cái nhân và nghiệp ấy trói buộc, đều nương vào duyên mà thành lập, tức là “*y tha nhi lập*” (nương nhờ cái khác mà lập). Đó gọi là “*duyên sanh*”. Các pháp đều sanh bởi duyên! Hễ sanh bởi nhân duyên, sẽ chẳng có tự thể, sanh mà diệt, diệt mà sanh, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh. Do chẳng có tự thể, là duyên khởi, cho nên có ý nghĩa “*chẳng thể tồn tại lâu dài*”, mà cũng có ý nghĩa “*luân chuyển*”. Giả sử muốn quan sát Nghiệp Lưu ấy, đã quan sát minh bạch rồi; sau đó, [sẽ thấu hiểu] đủ mọi các hạnh do hết thấy hữu tình tạo tác sẽ đều là các nghiệp. Các nghiệp đã tạo ấy lại trở thành Phiền Não Khổ, vì nghiệp đã tạo lại phụ thuộc các duyên mà thành tựu. Hễ thành tựu, quý vị sẽ chịu khổ, phải chịu phiền não khổ. Đã có phiền não, sẽ chịu khổ quả. Phải thường quan sát ba loại lưu ấy, tức Nghiệp Lưu, Phiền Não Lưu, và Khổ Lưu. Hết thấy những gì hữu tình đã làm, đều chẳng vượt ra ngoài pháp Thập Nhị Nhân Duyên được! Thuận theo sự suy tưởng và hành động của quý vị trong quá khứ mà lãnh thọ [cái quả của những thứ ấy] trong hiện tại và tương lai. Hiện tại lãnh thọ [cái quả do] cái nhân từ quá khứ. [Nói cách khác], hiện tại thọ năm cái quả, chính là thọ cái quả của cái nhân trong quá khứ. Tướng mạo của quý vị phát triển đẹp hay xấu, có trí huệ hay không, đều liên quan với Vô Minh và Hành của quý vị trong quá khứ, và cũng liên quan đến thiện nghiệp của quý vị. Vậy thì lãnh nhận bất đồng đều từ Vô Minh và Hành. Vô Minh là trước, Hành là sau. Lại còn do có thêm Ái, mới sanh trường “*chư Hữu*”.

“*Chư Hữu*” là hết thấy hữu tình, chúng ta đều có tình cảm. Súc sanh có tình cảm hay không? Bất cứ loài súc sanh nào cũng đều có tình cảm. Quý vị hãy xem chim đỗ quyên. Nếu chú tâm quan sát, nghiên cứu cẩn thận, nhìn vào hành động của chúng, quý vị sẽ thấy chúng nó cũng

có yêu, ghét, lấy, bỏ. Quý vị phải quan sát như thế mới biết. Trong nhà nuôi gà con hoặc chim đỗ quyên, quý vị sẽ thấy những con mái vây quanh con trống. Những con mái nếu không thích con trống, sẽ chẳng kết giao. Con mái thích con trống sẽ kết giao, đấy chẳng phải là Ái hay sao? Chẳng phải là có lấy hay bỏ ư? Hết thấy động vật, hết thấy mọi người đều là như thế.

Mười hai loại nhân duyên sanh khởi ý thức, hợp thành mười hai điều kiện sanh tồn của hữu tình, điều này được gọi là Thập Nhị Chi. Vì ngu si, thiếu trí huệ, chẳng thấy thấu suốt, cho nên mới có Hành. Do có Hành nên mới tạo nghiệp. Nói theo Đại Thừa Khởi Tín Luận: “*Một niệm bất giác, sanh tam hệ tướng nơi tam tế tướng, đây là căn bản phiền não*”. Nó sẽ chẳng ngưng dứt, luôn chuyển biến. Do chuyển biến, nó sẽ truy cầu cảnh giới hiện tiền. Cảnh giới ấy vẫn là tự tâm, duyên theo cái Hành ấy. Do nó vận động, sẽ tìm kiếm đối tượng, sẽ chấp lấy cảnh. Vì mong chấp giữ cảnh, sẽ sanh ra Thức, nhưng Thức có phân biệt. Thức có nghĩa là “*phân biệt*”, người ấy sẽ phân biệt. Do có Thức, duyên theo Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ lại duyên Ái. Tốt thì người ấy yêu thích. Nếu quý vị dùng roi đánh kẻ khác, đó là Xúc, họ sẽ chẳng tiếp nhận, vì quá khổ, họ có sự đau khổ. Quá nóng, sẽ đau khổ. Quá lạnh, cũng đau khổ. Sự đau khổ ấy thuộc về cảm thọ (sự cảm nhận) nơi Xúc. Duyên theo Ái như vậy, sẽ có lấy hay bỏ. Hễ có lấy hay bỏ, bèn duyên theo Hữu. Do duyên Thủ bèn có Hữu. Hữu duyên Hữu lại có Sanh. Do duyên theo Thủ là Hữu. Do duyên Hữu bèn có Sanh. Do duyên theo Sanh lại có lão, tử, ưu bi, khổ não, các điều họa hoạn to lớn tụ tập nơi thân, hết thấy khổ não đều nảy sanh.

Điều này cho thấy hết thấy các sự vật đều là duyên khởi. Nương vào các thứ khác để khởi hạnh, đều là nương vào duyên mà sanh. Mười hai nhân duyên, [xét theo] quá khứ, hiện tại, vị lai, thì Vô Minh và Hành là hai cái nhân thuộc quá khứ nối kết với hiện tại. Điều này được gọi là một tầng nhân quả. Tầng nhân quả này bao gồm hai nhân và năm quả: Do cái nhân trong quá khứ, thọ cái quả trong hiện tại. Các quả ấy bao gồm Thức, Danh Sắc, và Lục Xứ; nhưng Lục Xứ do tiếp xúc mà nhận lãnh năm cái quả trong hiện tại. Lấy hay bỏ trong ấy, [tức là] có Thủ và có Xả. Do có Ái bèn có Thủ, bèn có sanh tử (đó là Hữu). Đó là ba cái nhân. Ba cái nhân ấy (Ái, Thủ, Hữu) tạo thành khổ quả Sanh và Lão Tử trong tương lai. Đó gọi là ba nhân (Ái, Thủ, Hữu) và hai quả (Sanh và Lão Tử).

Sanh, Lão, Tử: Có Sanh thì nhất định có Lão, có Lão thì nhất định có Tử. Đôi khi còn nhảy vượt cấp, [tức là] chưa đợi Lão mà đã chết trước. Có người do nghiệp bất đồng, chỉ chịu khổ, sanh ra đã chết ngay. Thậm chí còn có trường hợp thai chết trong bụng mẹ. Nghiệp bất đồng, [tức là] cái nhân trong quá khứ bất đồng, cho nên hứng chịu cái quả cũng khác nhau. Để tu Định nghiệp luân, Định nghiệp luân gồm mười loại. Khi tu Định, phải quan sát, quan sát sáu thứ cảnh giới nơi thân của quý vị.

Chúng tôi vừa nói về Thập Nhị Nhân Duyên; ở đây, [kinh văn] chỉ nói sáu loại cảnh giới, tức là nói theo cảnh giới nội tại. Trong ấy, còn nảy sanh Ngã và Ngã Sở Chấp, nghĩa là coi chính mình là chủ tể. Chấp trước thuộc về vô minh. Mỗi cá nhân chúng ta do không hiểu rõ, chẳng có trí huệ, tự cho rằng chính mình là đúng, cho ta là bậc nhất, chấp trước kiến giải ấy. Nhìn vào vấn đề, rõ ràng là chẳng đúng, nhưng mỗi người đều có sự chấp trước riêng. Điều đó là do cái nhân riêng của mỗi người. Khi mỗi người xem xét và phân tích vấn đề đều chẳng chuẩn xác, nhưng quý vị cứ cho rằng như vậy là đúng; thật ra đã sai lầm mất rồi! Giống như chúng ta mua cổ phiếu, mua tờ cổ phiếu này cứ nghĩ nhất định sẽ phát tài, nhất định sẽ tăng giá. Kết quả là quý vị mua phải cổ phiếu cứng tiền luôn! Đã không tăng giá, cơ hội sống tốt đẹp hơn đã vượt mất rồi! Quý vị thấy người ta kiếm được rất nhiều tiền, sanh lòng hâm mộ, quý vị bèn đi mua. Đó là Ngã Chấp. Họ cho rằng nhất định có thể kiếm tiền được; trên thực tế, nhất định là mất trắng tiền! Mất đến nỗi phải nhảy lầu tự sát, có tình hình này hay không? Cũng có khi nhận biết đúng thời cơ, lúc đó, nhất định phát tài, người ấy đã đầu tư đúng chỗ.

Những điều này đều thuộc về Ngã Chấp và Ngã Kiến, nhưng nói theo đạo lý trong kinh Phật, nói theo pháp sanh diệt, đã đạt được rồi thì cũng sẽ tiêu mất. Khi chưa đạt được, phải chịu khổ. Sau khi đã đạt được rồi, sẽ lại chịu khổ. Quý vị đạt được cũng thế, mà không đạt được cũng thế, đều là hư huyễn! Quý vị đạt được điều gì, cuối cùng sẽ đều bị tiêu diệt, đều là hư huyễn chẳng thật! Nhưng họ chẳng nhận biết, cứ tưởng là có thật. Thật ra là hư vọng. Muốn họ nghĩ đến vô ngã, hết sức khó khăn! Chẳng diệt cái nhân, chẳng giữ lấy duyên, thực hiện bằng cách nào? Quý vị phải tu. Đức Phật muốn kiến lập tu Định nghiệp luân; trước hết, quý vị phải quán sát Nghiệp Lưu, Phiền Nã Lưu, và Khổ Lưu.

(Kinh) Như thị tam lưu, nghiệp vi lương điền, vô minh vi nhân, ái vi tư nhuận, nhi đắc sanh trưởng. Vị dục khô hạc, nghiệp vi lương

điền, vô minh vi nhân, ái vi tư nhuận, tam chủng lưu cố, u Ngũ Thủ Uẩn, quán vi vô thường, cập khổ, vô ngã, ngu độn, vô động, như huyễn, như diêm, như thủy trung nguyệt, như mộng sở kiến, không, vô sở hữu, vô tướng, vô nguyện, vô sở tạo tác, vô sanh, vô khởi, vô xuất, vô tượng, tịch tĩnh, viên ly, vô sở xuất sanh. U Ngũ Thủ Uẩn, như thị quán sát, năng thuận Không Nhân, thuận Vô Tướng Nhân, thuận Vô Nguyện Nhân, vị dục tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn.

(經)如是三流，業為良田，無明為因，愛為滋潤，而得生長。為欲枯涸，業為良田，無明為因，愛為滋潤，三種流故，於五取蘊，觀為無常，及苦無我，愚鈍無動，如幻如焰，如水中月，如夢所見，空無所有，無相無願，無所造作，無生無起，無出無像，寂靜遠離，無所出生。於五取蘊，如是觀察，能順空忍，順無相忍，順無願忍，為欲隨順觀五取蘊。

(Kinh: Ba loại lưu như thế, nghiệp làm ruộng tốt, vô minh làm nhân, ái làm tưới tắm, bèn được sanh trưởng. Vì muốn làm khô cạn ba thứ lưu “nghiệp làm ruộng tốt, vô minh làm nhân, ái làm tưới tắm”, cho nên đối với Ngũ Thủ Uẩn, quán chúng nó là vô thường, và khổ, vô ngã, ngu độn, bất động, như huyễn, như bóng nắng gợn, như trăng trong nước, như những gì được thấy trong mộng, rỗng không, chẳng sở hữu, vô tướng, vô nguyện, chẳng tạo tác, vô sanh, chẳng dấy lên, không thoát ra, không có hình tướng, tịch tĩnh, xa lìa, không sanh ra gì. Quán sát Ngũ Thủ Uẩn như vậy, có thể tùy thuận Không Nhân, tùy thuận Vô Tướng Nhân, tùy thuận Vô Nguyện Nhân, vì muốn tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn).

“Nghiệp vi lương điền, vô minh vi nhân, ái vi tư nhuận” (Nghiệp là ruộng tốt, vô minh làm nhân, ái làm tưới tắm): Đây lại là sanh trưởng. Quý vị mong khô cạn Nghiệp Lưu. Có lúc chữ Hạc (涸) này được đọc thành Cố (固), có lúc đọc là Hạc. “Khô” (枯) có nghĩa là “khô cạn”. Dòng nước ấy đã khô cạn; do đã khô cạn, sẽ chẳng thể tưới tắm và tăng trưởng được. Trước hết, quý vị đoạn Vô Minh, quán hết thấy sự vật đều

là vô thường, sẽ chẳng còn Ái, chẳng sanh khởi cái tâm tham ái. Do vậy, đức Phật nói “*ngiệp là ruộng tốt, vô minh làm nhân, ái làm tưới tắm*” thì [Nghiệp Lưu] mới có thể sanh trưởng, sanh trưởng gì vậy? Ngũ Thủ Uẩn, cũng tức là Thủ, còn gọi là Tham Thủ. Trong Tâm Kinh, Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, [có thể nói gộp chung thành] hai pháp, tức Sắc và Tâm. Thọ, Tưởng, Hành, Thức thuộc về Tâm Pháp, Sắc thuộc về Sắc Pháp. Đó là hai loại, hai loại ấy đều là vô thường.

Do vậy, quý vị muốn tu Định; trước hết, phải quán những thứ ấy là vô thường, là khổ, là chẳng ngọt ngào, là vô ngã, là căn cội của ngu si. Phải quán những thứ ấy là “*như huyễn, như diêm, như thủy trung nguyệt, như mộng sở kiến, không, vô sở hữu, vô tướng, vô nguyên, vô sở tạo tác, vô sanh, vô khởi*” (như huyễn, như ánh nắng gọn, như trăng trong nước, như những điều thấy trong mộng, rỗng không, chẳng sở hữu, vô tướng, vô nguyên, chẳng tạo tác, chẳng sanh, chẳng dấy lên). Muốn tu Định nghiệp này thì có sáu loại. Trước hết, phải quán sát từ Vô Thủ (không chấp giữ), tiến nhập ba môn giải thoát Không, Vô Tướng và Vô Nguyên trước; sau đấy lại tiến nhập. Sau khi chúng ta học Phật, mong tu hành, mong thật sự tiến nhập, mong giải thoát, thì đây là pháp cơ bản nhất. Hết thấy các môn Chỉ Quán ắt đều phải tu như vậy.

Vì thế, tôi giới thiệu đôi chút với mọi người. Nếu quý vị muốn nhập Định, phải quán sát mười hai loại lưu của sanh tử, phải đoạn cái nghiệp ấy, phải đoạn Nghiệp Lưu, Phiền Nã Lưu, và Khổ Lưu. Nếu quý vị muốn tu Định, cho đến “*sổ, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh*”; đấy chính là những điều được nói trong kinh này. Trí Giả đại sư soạn Thiên Thai Tông Lục Diệu Môn, đã sửa một chữ trong ấy thành “*sổ, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh*”. Bộ kinh này nói về Chuyển (轉), Chuyển và Hoàn (還) có ý nghĩa tương thông. Chuyển biến một phen, “*hoàn bản, hoàn nguyên*” (trở về nguồn cội), ý nghĩa như nhau. Nhưng [tu Chỉ Quán thì phải] có tiền phương tiện; nếu quý vị chẳng có duyên trước, mà mong tu thì sẽ chẳng nhập được. Do vậy, Trí Giả đại sư đã đề xuất: Nếu muốn tu Chỉ Quán, ắt cần phải trọn đủ nhân duyên. Nếu chẳng có điều kiện ấy, quý vị tu chẳng thành. Có trọn đủ rất nhiều nhân duyên thì quý vị phát tâm mong tu hành, mong đắc Định, mong khai trí huệ, chứng đắc Định Huệ sẽ có thể trừ khử các khổ nạn. Nếu quý vị muốn hành, phải có đủ duyên. Nếu chẳng có duyên, chẳng tu thành công được. Duyên gì vậy? Quý vị đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, phải trì giới. Tối thiểu là trì Tam Quy, Ngũ Giới thanh tịnh. Điều thứ nhất là trì giới thanh tịnh thì mới có thể ngưng

dứt phiền não. Do trì giới, sanh ra các Thiên Định, và cũng có thể diệt khổ, có thể sanh trưởng trí huệ.

Điều thứ nhất chính là trì giới duyên (trì giới làm duyên), nhưng trì giới có các tình huống bất đồng. Trí Giả đại sư nói: Người tu hành trì giới có [ba loại tình huống] trì giới bất đồng. Ba loại trì giới bất đồng nào vậy? Tôi nói đơn giản:

- Ta đã trì, đối với các giới đã thọ, căn bản là chưa hề phạm. Loại thứ nhất như vậy là tốt nhất.

- Loại thứ hai là ta phạm rất nhỏ, rất nhẹ, chẳng nặng nề, hễ sám hối liền có thể sám hối được.

- Loại thứ ba là phạm căn bản giới. Quý vị đã thọ Ngũ Giới, nhưng giết, trộm, dâm, dối đều phạm. Đã quy y Tam Bảo, sau đấy, quý vị lại quy y ngoại đạo. Đây là phá Tam Quy; đây là loại thứ ba. Nhưng quý vị có thể chí thành chiếu theo giáo nghĩa Đại Thừa thì vẫn có thể sám hối, nhưng ắt cần phải đau đớn, khóc lóc, hằng ngày bái sám suốt ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Sám hối như thế, sám hối đã thanh tịnh, đạt được thanh tịnh, đã được chứng minh rồi, [tức là] thấy tướng hảo. Đã thanh tịnh thì nhân duyên ấy vẫn có thể thành lập, tu Quán vẫn có thể nhập. Nhưng ắt cần phải là trong đời hiện tại chẳng tạo tội Ngũ Nghịch. Nếu đời hiện tại trót tạo tội Ngũ Nghịch mà mong thành tựu Chỉ Quán, sẽ rất khó!

Đã sám hối thanh tịnh rồi, đã thành tựu. Người tu Chỉ Quán thì một là từ trước đến nay chưa hề làm các điều ác, hai là đã làm chuyện ác mà có thể hối hận, vẫn có thể sám hối. Nhưng sám hối có ba phương thức:

- Thứ nhất là phải tin nhân quả.

- Thứ hai là sanh khởi lòng sợ hãi, tức là sợ đọa địa ngục, sợ thọ luân hồi.

- Thứ ba là phải sanh lòng hổ thẹn sâu xa.

Sau đó, cầu học phương pháp diệt tội, hoặc là lay theo một sám pháp nào đó như Địa Tạng Sám, Chiêm Sát Sám, Thiên Phật Sám, hay Đại Bi Sám đều có thể được, chỉ tùy thuộc phương pháp nào thích hợp với quý vị.

Cuối cùng, nếu lúc quý vị tu Quán, hãy quán “*tội tánh vốn là Không, chỉ do tâm tạo. Nếu khi tâm đã mất thì tội cũng mất*”, tức là quán Vô Sanh. Nếu người tội nghiệp nặng nề mà quán Vô Sanh, căn bản là chẳng thể quán nổi. Nếu trong đời này thật sự có thiện căn tức thể trong đời trước rất sâu dày, tu [sám hối] bảy ngày hoặc hai mươi một ngày,

hoặc một tháng. Chúng ta lạy Chiêm Sát Sám, trong kinh Chiêm Sát, Địa Tạng Bồ Tát đã nói: “*Lạy bảy ngày, mười bốn ngày, hai mươi một ngày*”. Nếu lạy suốt một tháng, hai tháng mà vẫn chẳng thành, bèn lạy suốt ba năm, chẳng phải như chúng ta mỗi ngày lạy một lượt. Nếu lại còn có thể trì thánh hiệu thì sẽ được thanh tịnh.

Chiếu theo sám pháp của Địa Tạng Bồ Tát, khi tu tập là như thế đó. Điều thứ nhất, quý vị có đầy đủ cái duyên ấy, tôi chỉ nêu ra chuyện quở trách ngũ dục. Ngũ dục là lòng tham, là dục vọng. Cuộc sống chớ nên quá thoải mái. Cuộc sống quá thoải mái, quý vị muốn tiến nhập Chỉ Quán, sẽ chẳng thể tiến nhập được! Vọng tưởng tôi bời tán loạn, vẫn dục, chẳng thanh tịnh, làm sao có thể cấm dục cho được? Quý vị muốn tọa Thiền, ắt cần phải quở trách [ngũ dục]. Ngũ dục là [sự tham ái đối với] Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Kẻ ngu si mê mờ trong Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, yêu đắm Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, sanh tham đắm, chẳng biết lỗi lầm và tai hại của chúng. Người trí huệ biết chúng nó là họa hoạn, chẳng dám thân cận năm loại ấy; đó gọi là “*quở trách ngũ dục*”. Trong ấy có rất nhiều thứ, nếu mọi người muốn học, ắt cần phải đọc nhiều!

Loại thứ hai là trừ bỏ Ngũ Cái²⁹. Trong Ngũ Cái, tham dục chính là Tham Dục Cái. Do cảnh giới ngũ trần Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc mà quý vị sanh khởi dục vọng. Đã thế, trong Ý Căn nội tại của quý vị, cũng sanh khởi dục vọng. Khi quý vị tu Thiền, tâm sanh dục ái, chẳng ngồi yên nổi. Do vậy, nó che lấp thiện tâm của quý vị. Lúc bình thường thì vẫn dường như chẳng nóng giận chi hết, phiền não đều có thể giần ép, có thể chịu đựng được. Chứ khi tọa Thiền, sẽ chẳng thể nhẫn được, các thứ bị giần ép trong quá khứ đều ngoi lên, lại còn hết sức mạnh mẽ, dữ dội. Do vậy, muốn ngăn dứt các chướng ngại sanh khởi do tu Chỉ hay tu Quán, quý vị phải tu Sở Tức Quán. Trong quá trình đếm số [theo hơi thở ra vào], có thể là chợt nghĩ tới bữa nào đó, kẻ nào đó xử tệ với ta, làm ta khổ sở, ta phải báo thù. Trong tâm càng nghĩ, càng sân hận, khiến cho quý vị quên sạch sành sanh những gì vốn đang tu tập! Thậm chí ngồi không nổi, phải đứng dậy, nghiệp chướng thôi thúc quý vị phải trả đũa.

²⁹ Ngũ Cái (Pañca-nivāraṇani) còn gọi là Ngũ Chướng bao gồm Tham Dục (Abhidhyā), Sân Khuê (Vyāpāda), Thùỵ Miên (Styāna-middha, ham ngủ, thần trí hôn ám), Điều Hối (Auddhatya-Kaukr̥tya, tâm tình phập phều bất định, đã làm thiện sự lại hối hận) và Hoài Nghi (Vicikitsā).

Muốn quả trách ngũ dục, muốn bỏ Ngũ Cái, điều kiện thứ nhất là phải có đủ ngoại duyên. Điều này bao gồm tất cả mười thứ.

Còn có loại thứ tư³⁰ là điều hòa. Đi, đứng, ngồi, nằm, đều có thể tu, nhưng ngồi thì thích hợp hơn. Khi tu Chỉ Quán, nhất định phải điều hòa sao cho thân và tâm thích ứng. Trước hết là điều thân (điều hòa cái thân) rồi điều tâm (điều hòa cái tâm). Xong xuôi, bèn điều tức (điều hòa hơi thở), [tức là theo thứ tự]: Điều thân, điều tức, điều tâm, phải điều hòa. Đây là loại thứ tư.

Mười duyên ấy tôi chỉ nêu danh từ. Nếu mọi người thật sự mong tu tập thì phải nghiên cứu. Duyên thứ năm là phải có phương tiện thiện xảo, tu hành phải có phương tiện thiện xảo. Trí Giả đại sư đã dạy các phương tiện thiện xảo.

Loại thứ sáu mới là chánh tu, tức thật sự tu Định, hoặc là khi quý vị tĩnh tọa cũng thế, hoặc ngồi xuống để tư duy quán tưởng cũng thế.

Loại thứ bảy là phát nguyện, khéo phát đại nguyện.

Loại thứ tám là chính quý vị phải nhận biết ma chướng. Khi chưa tu, ma chướng chẳng hiện. Khi tu, ma chướng sẽ xảy ra.

Loại thứ chín là đối trị Thiên bệnh. Khi quý vị tu Định, sẽ có rất nhiều bệnh, đó gọi là “*Thiên bệnh*”. Đây chẳng phải là thân thể chúng ta mắc bệnh. Quý vị phải biết căn kẽ Thiên bệnh là gì.

Loại thứ mười là có thể tiến nhập, tức chứng quả Thiên Định.

Nói chung, “*chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo*” (đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tự tịnh tâm ý, đức Phật dạy như thế): Nếu các pháp tu khác của quý vị chẳng có điều ấy, thì khi quý vị tu quán tưởng, hãy niệm bốn câu ấy: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo*”. Đây là lời dạy bảo của đức Phật, khi học Thiên Định. chính mình biết quán, biết tu, trước hết phải có đủ các duyên ấy. Các ngoại duyên đều đã thanh tịnh thì mới dễ tiến nhập ba môn giải thoát.

Ba môn giải thoát là:

1) Không Môn: Không Môn chẳng phải [là rỗng không] như chúng ta nói, bởi có khi dùng hư không làm tỷ dụ. “*Không*” chẳng phải là [rỗng tuếch] như hư không; nếu hiểu [Không] là “*hư không*” thì sai lầm mất rồi. “*Không*” bao hàm ý nghĩa “*hết thấy đều do duyên sanh, hết thấy các pháp đều chẳng có tự thể*”. Bản thể của chúng là Không, vì do rất nhiều duyên hợp thành, cũng từ nhân duyên mà sanh ra. Giả sử nhận

³⁰ Không thấy lão pháp sư nhắc đến duyên thứ ba, có lẽ Ngài bỏ sót.

biết hết thấy các pháp đều sanh từ nhân duyên, đều là vô tự tánh. Hôm nào đặc biệt nói đến “*Duyên khởi tánh Không*”, tôi sẽ giảng rất lâu. Nói “*hết thấy các pháp đều chẳng có tự tánh. Chẳng có tự tánh thì là Không*”, lại còn bảo “*bản thể của nó chính là Không*”, trọn chẳng phải là phá tan nó, [đừng hiểu là] phải phá hủy nó thì mới gọi là Không. Hoàn toàn chẳng phải là ý nghĩa đó. Nhưng nếu “*duyên tán*”, tức là duyên chẳng còn nữa, duyên chẳng trọn đủ, nó sẽ là không (chẳng còn tồn tại nữa). Nếu quý vị có thể liễu giải hàm nghĩa này, sẽ rất dễ đạt được tự tại. Quý vị đã biết thì đối với hết thấy các sự vật, sẽ chẳng dấy lên chấp trước, kể cả có thể đoạn Ngã Chấp. Nhất Thiết Trí chứng đắc bởi A La Hán là Không, [do Ngài đã] chứng đắc tầng ý nghĩa ấy, Ngài đã giải thoát. Đã nhập Không thì là giải thoát.

2) Vô Tướng còn gọi là Vô Tướng, hết thấy chẳng tướng. Quý vị đã biết hết thấy đều là Không, đối với tướng trạng nam, nữ, thật tại là chẳng thể đạt được. Nếu nhận biết “*hết thấy các pháp vô tướng*”, sẽ lìa khỏi tướng sai biệt của hết thấy các pháp, đạt được tự tại. Vì quý vị đối với hết thấy các pháp chẳng dấy lên chấp trước, biết nó chẳng có, nó là huyền tướng, là giả tướng, như bóng, như hình. Vô tướng có nghĩa là như thế đó.

3) “*Vô nguyện, vô tác*” cũng gọi là Vô Dục. Quý vị đã biết hết thấy các pháp vô tướng, cho nên ở trong tam giới, chẳng mong cầu điều gì. Đã chẳng cầu, quý vị sẽ chẳng tạo nghiệp. Nếu quý vị chẳng tạo nghiệp sanh tử, đương nhiên là sẽ chẳng thọ khổ quả là quả báo của sanh tử. Do vô tướng, quý vị đạt được tự tại, nhất tướng, dị tướng, đồng tướng, chư tướng, sai biệt tướng, chẳng mong cầu các thứ tướng, vì chúng đều là Không, đều như huyễn.

Nếu có thể tiến nhập ba môn giải thoát ấy, có trí huệ, thật sự có thể tiến nhập, thì sẽ là “*ở trong thế gian, mà lìa thế gian*”. Tuy quý vị ở trong thế gian, nhưng đã tách khỏi thế gian vì chẳng bị các pháp thế gian câu thúc.

Lại xét đến “*số, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh*” thì đối với Số (數), chúng ta thường nói là “*đếm số*”, tức là một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, đếm số như vậy. Đếm gì vậy? Đếm hơi thở ra vào. Đây là tu Định, tâm cần phải chuyên chú nơi một cảnh. Từ một tới mười, rồi lại đếm từ đầu, từ một đến mười. Hễ hơi có tạp niệm, sẽ đếm sai số. Quý vị ắt phải chuyên chú nơi một cảnh, dựa trên các con số ấy, khiến cho cái

tâm của quý vị định nơi con số, sẽ chẳng còn tìm cầu những vọng niệm khác nữa.

Loại này có rất nhiều cách tu. Có một khoảng thời gian, tôi sử dụng công phu như thế này: Tôi sử dụng thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, đếm theo từng chữ. Khi hít vào là Nam, thở ra là Mô, xong rồi lại hít vào là Địa, kế đó, lại thở ra là Tạng. Sau đó, hít vào là Bồ, thở ra là Tát. Mỗi chữ đều quán tưởng như vậy. Quý vị thở ra, hít vào như vậy, rồi lại thở ra, hít vào, đó gọi là Xuất Nhập Tức (出入息, hơi thở ra hít vào). Kinh Thập Luân nhằm dạy quý vị quán Xuất Nhập Tức, trọn chẳng nói đến con số để đếm; nhưng nói thông thường, phương pháp đếm [trong Sổ] là từ một đến mười. Lục Diệu Môn nói về chữ Sổ càng tường tận hơn. Đây là bước đầu trong cách tu Chỉ Quán.

Kinh Thập Luân dạy giản lược như vậy rồi, đối với mỗi loại, đều nói hai thứ tướng, tức là tướng có thể hít vào, thở ra, đạt được Định nơi tướng thở ra, hít vào. Vậy thì nay đang lúc thở ra, hít vào, thoát đầu hơi thở rất thô, cho đến khi quý vị quán tưởng đã lâu, hơi thở sẽ vi tế hơn. Sau khi đã vi tế, [sẽ đạt đến giai đoạn], hơi thở chẳng còn nữa. Như tôi niệm Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát, niệm miết rồi cũng chẳng thấy có niệm nữa, hơi cũng chẳng thở ra, dường như hơi thở đã an định. Từ thô đến tế, vi tế đến mức hầu như chẳng còn cảm thấy nữa, cảm giác đã ngừng thở luôn. Đây là tướng Xuất Nhập Tức.

Do quý vị đã tiến nhập công phu Xuất Nhập Tức, sẽ có thể chuyên chú, thuận theo hơi thở ra vào để ngưng dứt các “*vọng niệm, vọng tưởng, tìm cầu, dò xét*”. Nếu quý vị lia khỏi vọng tưởng, vọng tưởng sẽ ngưng dứt. Chẳng còn tìm cầu nữa, chẳng dấy lên vọng tưởng nữa, quý vị đã đạt được công phu nơi Xuất Nhập Tức. Đạt được công phu, nói thông tục hơn một chút, sẽ là từ thô tướng tiến nhập tế tướng. Giống như lúc thoát đầu chúng ta mới đếm hơi thở, tâm rất thô, rất phập phều, lao chao, rất xáo động, số đếm chạy lung tung. Càng đếm, tư tưởng lại càng rong ruổi. Khi nghiệp đã có thể trụ vững, tức là trụ nơi hơi thở ra, hít vào, các niệm khác sẽ đều chẳng có nữa! Một niệm như vậy, quán nơi chót mũi, hoặc là quán một tướng nhất định, sẽ chuyên chú một cảnh, có hàm nghĩa như thế đó. Chuyên chú nơi một cảnh, quý vị có thể ngưng dứt vọng niệm, tướng thở ra, hít vào đã trở thành rất nhẹ nhàng, vi tế. Khéo giữ lấy tướng thở ra, hít vào, tướng ấy như có, như không, thế nhưng vẫn chưa ngưng dứt, ắt cần phải đạt tới cảnh giới Chỉ.

“Tùy, số, chỉ, quán, chuyển, tịnh”, sáu điều này liên quan với nhau. Khi đó, quý vị cảm thấy hơi thở ra, hít vào đã diệt, chẳng còn hít thở nữa, mà cũng có thể trụ trong Định, hoặc như chúng ta nói là Khinh An, cũng gọi là Tam-ma-địa. Tới lúc ấy, biểu lộ tướng hít thở đã hết. Khi có thể biết đang thở ra hay hít vào đã tận, đó là Quán. Khi thở ra, hít vào đã chấm dứt thì là Chỉ. Biết hơi thở là thở ra hay hít vào, quan sát hơi thở ra, hít vào. Khi nó đã dứt thì cái tâm đã an trụ. Khi đó, quý vị phải quan sát chính mình, tâm không dấy động ý niệm nào khác, phải quan sát. Đó gọi là “do Định mà sanh ra Minh”. Minh là trí huệ. Trí huệ có nghĩa là Chiếu, đạt tới bước công phu thứ tư. Khi đó, đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức như đã nói trong phần trước, quý vị đã sớm xả Sắc pháp. Đây là chuyển tâm pháp. Quý vị có thể bỏ Ngũ Uẩn, dần dần tiến đến đắc Định. Thật sự có thể tiến nhập Định, dần dần có thể tiến nhập thánh địa (địa vị của bậc thánh), có thể thanh tịnh. Khi quý vị đã tịnh, sẽ xả Kết Sử tham, sân, si. Bỏ sạch các Kết Sử ấy, sẽ có thể sanh ra tịnh kiến (淨見, thấy biết thanh tịnh). Như vậy thì trí huệ đã khai. Nói ra dường như rất dễ dàng, nhưng thực hiện rất khó; trong ấy có các thứ tế hạnh (細行, các hạnh vi tế).

Còn nữa, trong khi quý vị tu, vị thầy hướng dẫn sẽ biết quý vị đạt tới cảnh giới nào. Nếu quý vị hỏi thầy: “Nay con đang ở cảnh giới nào?” Đặc biệt là khi ma chướng dấy lên, chính mình sẽ có thể nhận biết. Tuy đã nhận biết, nhưng chẳng thể khắc phục được! Chẳng hạn như nói: “Mỗi ngày chúng ta phải tĩnh tọa ba lần, hoặc tĩnh tọa năm lần”. Khi quý vị đã Định, hoặc là thoát đầu liền có thể khắc phục hết thấy khó khăn thì mới thanh tịnh được, chứ vừa mới nhập môn, chướng ngại sẽ xảy ra liền. Hoặc là rất nhiều chuyện ràng buộc, quấy nhiễu trong thế gian xảy đến, khiến cho cái tâm của quý vị chẳng an định, sẽ bị xáo động. Nếu lúc quý vị đang ngồi, hoặc đang đi, hoặc đang trong lúc quán tưởng, hay niệm Phật cũng thế, tuy tâm quý vị trụ tại một cảnh, nhưng tâm bị xao động, tự nhiên cảnh giới bên ngoài sẽ quấy nhiễu quý vị. Dầu không ai quấy nhiễu quý vị, chính [trong nội tâm] quý vị cũng sẽ tìm tòi. Đó là Tầm Tử. Tự quý vị tìm tòi, lại còn thoái lui. Nếu bị như vậy, muốn tu trở lại để đạt được như trước rất khó. Chúng ta do môn Số Tức này sẽ có thể tiến nhập, có thể thuận theo (Tùy), xả trừ Tầm và Tử³¹, chẳng truy cầu

³¹ Tầm (尋) và Tử (伺): Tầm là cái tâm phân biệt nơi thô tướng của sự việc phát xuất từ ý thức, còn Tử cũng là sự phân biệt nhưng chú trọng đến tế tướng. Nói chung, đây

nữa. Chẳng tìm tòi thì tư tưởng chẳng bị phan duyên, cũng có nghĩa là cái tâm vọng tưởng chẳng còn nắm níu cái cảnh nữa.

Đặc biệt là đối với người tu hành, sẽ phát sanh loại chướng ngại này: Hoặc là trong tâm sanh khởi phiền não, chẳng muốn thực hiện nữa, chẳng muốn hành trì nữa, chẳng nghĩ tu tập nữa. Đây là [chướng ngại] do từ trong nội tại của chính mình sanh khởi. Hoặc là bằng hữu, thân thuộc [gây trở ngại]. Nói chung là duyên gì cũng đều đưa đến. Khi quý vị sắp tiến nhập, chướng ngại liền xảy ra. Vì sao? Vì trong quá khứ, chúng ta chẳng có thiện căn. Do vậy, Trí Giả đại sư mới nói: Khi quý vị tu Quán, muốn tu Định và tu Huệ thì phải đạt được đầy đủ các ngoại duyên trước đã! Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta phải sám hối, vẫn chưa nói tới tu Định, vì quý vị muốn tiến nhập, muốn học tập, phải sám hối trước đã. Nếu không, ngay cả cơ hội học tập quý vị cũng chẳng có. Kể như có cơ hội học tập đi nữa, quý vị cũng hoàn toàn chẳng thể tiến nhập được, vì sẽ bị chướng ngại ngăn lấp!

Vạn nhất các vị đạo hữu muốn tu Định thành thánh, phát nguyện: “Tôi sẽ nghe trọn vẹn kinh Thập Luân”. Bộ kinh này giảng xong từ đầu đến cuối, người nghe chẳng gián đoạn sợ chẳng được mấy ai. Tôi cũng chẳng dám nói “không có”, hoặc là sẽ bỏ lỡ một hai buổi. Khi giảng kinh Chiêm Sát, tôi đã thí nghiệm, theo như tôi thấy, người học trọn vẹn từ đầu đến đuôi rất ít! Do nguyên nhân gì vậy? Nghiệp Lưu! Đặc biệt là trong thời Mạt Pháp, duyên chẳng thịnh. Đặc biệt là nội chướng của chính mình còn dữ dội hơn ngoại chướng. Đã có nghiệp, sẽ khởi Hoặc, Hoặc là bất an, bứt rứt, thậm chí dấy lên phiền não, phiền não với ai? Phiền não với chính mình. Không thể kiên nhẫn ngồi nổi. Tu đạo là như thế đó, bất luận quý vị tu môn nào! Bái sám có chướng ngại hay không? Rất khó! Chính mình phát tâm, tự mình ước định. Thoạt đầu là ấn định ba lần, rồi sẽ biến thành hai lần. Sau đó, hai lần biến thành một lần, rất khó! Luôn có những thứ quấy nhiễu, ai quấy nhiễu? Nghiệp Lưu và Phiền Não Lưu của chính mình. Khổ quả quấy nhiễu quý vị. Quý vị mong siêu thoát, khó lắm thay!

Do vậy, chúng ta mong trở thành người tu đạo, mong chẳng tạo tác nghiệp sanh tử, mong cắt đứt dòng sanh tử, mà nếu chẳng có cái tâm phát nguyện ấy, làm sao có thể thực hiện cho được? Dẫu quý vị có cái tâm ấy, muốn thực hiện, chướng ngại giữa chừng quá nhiều, quý vị phải

là tác dụng phân biệt, chấp trước chia chẻ sự vật cũng như các pháp dựa theo mức độ từ sâu đến cạn. Ở mức độ cạn thì gọi là Tâm, ở mức độ sâu hơn thì gọi là Tứ.

khắc phục bằng cách nào? Trừ sức của chính mình ra, hãy cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Do vậy, chúng ta bái sám, cầu tha lực, dùng tâm lực của chính mình kết hợp với từ bi lực của Phật, Bồ Tát, như thế thì quý vị mới có thể đoạn tam lưu. Đã đoạn tam lưu, quý vị sẽ chứng, sẽ có thể nhập thánh.

Khi chúng tôi mới bắt đầu học Hoa Nghiêm, do là căn cơ Nhị Thừa, đối với chuyện sanh về thế giới Cực Lạc, bèn suy nghĩ, cho rằng chẳng có gì là cần thiết, thậm chí cho rằng chẳng cần phải học, cứ nghĩ đó là phát đại nguyện. Hiện thời, càng học, càng kinh sợ, càng cảm thấy [chính mình] đã sai lầm. Quả A La Hán của Nhị Thừa đã đoạn sanh tử. Bậc thánh nhân chứng đắc Sơ Quả đã đoạn Kiến Hoặc, còn chúng ta thấy gì cũng sanh khởi phân biệt, thấy gì cũng đều sanh khởi tham ái, cách thánh quá xa. Nói dễ ợt, làm mới khó. [Vậy thì] “biết” có dễ hay không? Hay là “làm” dễ hơn? Nho gia nói “*tri nan hành dị*”, ý nói: Biết rất khó, làm dễ dàng hơn! Có những chuyện rất dễ biết, làm rất khó. Tôi thấy: Đối với người học Phật, biết lẫn hành đều khó, nhưng so sánh thì quý vị ắt cần phải thật sự biết trước đã, rồi mới có thể hành được! Đây là bước đầu tiên. Quý vị chẳng biết, hành bằng cách nào? Cái Biết ấy cần phải có trí huệ. Quý vị phải có khá nhiều loại nhân duyên thì mới có thể bắt đầu biết được!

Nếu quý vị gặp phải một vị sư phụ chẳng giỏi cho lắm, chẳng gặp được pháp hội giảng kinh, chúng ta thấy rất đơn giản, chứ thật ra rất khó! Theo như tôi biết, xét theo kinh nghiệm của tôi, hoàn toàn chẳng dễ dàng! Ngay cả biết mà quý vị không biết, hành bằng cách nào đây? Đúng không? Bước đầu tiên là phải biết, điều này là cơ sở. Quý vị phải tin tưởng! Nếu ngay cả tin mà quý vị cũng chẳng tin, làm sao có thể biết cho được? Vì quý vị có tiền nhập thì mới học. Ngay cả niềm tin cũng chẳng có, tu đạo bằng cách nào? Chúng ta đừng nói chi khác, hãy nhìn vào Tể Công, chúng ta đều rất hâm mộ. Ngài giải đãi đường ấy, thế mà giỏi giảng đường ấy, tùy tiện cầm lấy thứ gì cũng thành tựu. Ta thấy đối với các vị đại Bồ Tát, không gì chẳng phải là Phật pháp, nhưng muốn đạt đến cảnh giới ấy, chẳng phải là dễ đâu nhé!

Lúc bắt đầu học, đối với hết thảy các pháp đều chớ nên chấp trước. Nay tôi mới thấu hiểu, tôi chẳng có pháp, [vậy thì] chẳng cần chấp trước pháp, bảo tôi bỏ bằng cách nào? Tôi ắt phải nương theo pháp thì mới có thể trừ bỏ Ngã Chấp. Cho đến khi tôi chẳng có Ngã Chấp nữa, tôi cũng chẳng còn y theo pháp nữa. Hiện thời, cái Ngã vẫn còn đó, mỗi ngày cảnh giới ngũ dục đều có trọn đủ, mong chẳng cần đến pháp, làm

sao quý vị tiền nhập cho được? Quý vị vẫn trôi lăn trong cảnh giới ngũ dục. Có phải là như thế hay không? Do vậy, nói là khó, mà cũng [có thể] nói là “rất dễ dàng”, tức là do cái tâm tín giải chí thành [thì sẽ thực hiện được].

Sau khi đã tin, tự nhiên quý vị sẽ biết cái nào là tốt, cái nào là xấu, đương nhiên quý vị sẽ xuôi theo cái tốt, tránh né cái xấu. Rõ ràng là hổ lửa, ai sẽ nhảy vào? Đức Phật đã dạy rõ ràng “đó là hổ lửa”. Tam giới là hầm lửa, quý vị nhất định phải xuất ly. Người giải sâu, sẽ cầu [xuất ly] tha thiết. Nguyên khổ thiết thì mới hành được. Quý vị thương niệm vô thường, niệm khổ, mỗi ngày toàn gặp gỡ khổ quả, chẳng phải là chuyện này bức bách, thì sẽ là chuyện kia bức bách. Vừa mới tốt đẹp một tí, khổ đưa đến liền!

Rất nhiều đạo hữu kinh doanh, buôn bán cũng thế, mà đi làm cũng thế, nhà cửa đều chẳng có vấn đề gì, chuyện gì cũng đều ổn, [bỗng dưng] vợ thất nghiệp, chẳng có thu nhập, quý vị nói có phiền toái hay không? Vừa mới tốt đẹp một chút, trong nhà liền có người bệnh, khám bệnh phải tốn tiền, rất bức bách. Nay những điều chúng ta học, cần phải tu hành, chính là “*giữ được ý niệm đến đi*”, cũng tức là chúng ta dấy lên ý niệm, hít thở chính là cái niệm đến đi. Hễ niệm dấy lên, thường nắm chắc ý niệm ấy, cũng chẳng dễ dàng! Chúng ta học dần dần, giống như chúng tôi giảng kinh Thập Luân chỉ sợ một hai ngày cũng giảng chẳng xong được! Học kinh để làm gì? Có thể dùng được thì vẫn sử dụng ngay lập tức. Đối với lúc khởi đầu, chúng tôi nói nhiều hơn một lần. Pháp này đối với chúng ta là thuận tiện nhất, mọi người đều có thể nhập được, đều có thể biết. Hôm nay, chúng tôi nói về chuyện “*giữ được cái niệm đến đi*”, chứ “*sổ, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh*” vẫn chưa nói xong! Mọi người có thể xem sách Lục Diệu Môn, đối với mỗi điều, sách ấy đều giảng rất cặn kẽ, nhưng chỉ là chỗ khởi sự để tu hết thầy các môn Định.

Hiện thời, pháp sư Hoàng Giác đang giảng pháp Chỉ Quán trong Bồ Đề Đạo [Thứ Đệ Luận], đó là chiếu theo giáo nghĩa của Tây Tạng, cũng rất thuận tiện, rất giản dị, rõ ràng. Nếu mọi người tiền nhập, cũng rất dễ dàng. Nếu kết hợp cả hai cách này, sẽ càng hay hơn nữa!

(Kinh) Phục phương tiện tu Nhập Xuất Tức Quán, tức thị tu tập trì lai khứ niệm. Vân hà do niệm như thật quán sát nhập tức, xuất tức? Vị chánh quán sát, sổ cố, tùy cố, chỉ cố, quán cố, chuyển cố, tịnh cố. Ứng tri thử trung, Sổ năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng vi y phục chư Tâm, Tứ. Nhị, năng thủ u nhập xuất tức tướng.

Tùy năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, y xuất ly, xả chư Tâm, Tứ. Nhị, năng thiện thủ nhập xuất tức tướng. Chỉ năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng thị hiện nhập xuất tức diệt. Nhị, năng an trụ thắng tam-ma-địa. Quán năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng thị hiện nhập xuất tức tận. Nhị, năng an trụ tâm cập tâm pháp, biệt dị quán sát. Chuyển năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng phương tiện xả chư Thủ Uẩn. Nhị, năng phương tiện thủ nhập thánh địa. Tịnh năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng xả kết. Nhị, năng tịnh kiến.

(經)复方便修入出息觀，即是修習持來去念。云何由念如實觀察入息出息？謂正觀察，數故、隨故、止故、觀故、轉故、淨故。應知此中，數能造作二種事業：一、能為依伏諸尋伺。二、能取於入出息相。隨能造作二種事業：一、依出離舍諸尋伺。二、能善取入出息相。止能造作二種事業：一、能示現入出息滅。二、能安住勝三摩地。觀能造作二種事業：一、能示現入出息盡。二、能安住心及心法，別異觀察。轉能造作二種事業：一、能方便舍諸取蘊。二、能方便趣入聖地。淨能造作二種事業：一、能舍結。二、能淨見。

(Kinh: Lại có phương tiện tu Nhập Xuất Tức Quán (quán hơi thở ra vào), tức là tu tập giữ vững cái niệm đến đi. Như thế nào là do niệm như thật mà quan sát thở ra, hít vào? Tức là chánh quán sát, do các phép Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, và Tịnh. Hãy nên biết trong ấy, Sở có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể dùng nó để chế phục Tâm và Tứ. Hai là có thể nắm giữ tướng hít vào, thở ra. “Tùy” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là dựa vào xuất ly mà bỏ các Tâm và Tứ. Hai là có thể khéo giữ lấy tướng hít vào, thở ra. “Chỉ” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể thị hiện hít vào, thở ra diệt mất. Hai là có thể an trụ trong chánh định thù thắng. “Quán” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể thị hiện hít vào, thở ra đã chấm dứt. Hai là có thể an trụ tâm và tâm pháp sai khác để quán sát. “Chuyển” có thể tạo tác

hai thứ sự nghiệp: Một là có thể phương tiện xả các Thủ Uẩn. Hai là có thể phương tiện tiến nhập địa vị thánh. “Tịnh” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể xả kết. Hai là có thể tịnh hóa tri kiến).

Phương tiện tối sơ để tu Định nghiệp luân là tu Nhập Xuất Tức Quán. Muốn tu pháp môn phương tiện này thì có sáu loại, tức là “số, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh”. Pháp quán Nhập Xuất Tức này còn gọi là tu tập “trì lai khứ niệm” (nắm vững niệm đến đi). Niệm đến, niệm đi [là đối tượng để quán của] phép Sở Tức Quán. Sở (數) là đếm chữ hay đếm số; dùng phương pháp đếm số để nhiếp tâm, nhiếp vọng niệm của quý vị. Chúng ta mới nghe hoặc mới học, cảm thấy [phương pháp này] rất đơn giản. Nếu quý vị thật sự tu tập, [sẽ nhận thấy] chẳng đơn giản cho lắm. Quý vị [chỉ chú trọng] đếm số là sai mất rồi. Có hai cách đếm:

- Một loại là hít vào đếm một, thở ra đếm hai. Một mực hít vào bèn đếm một, thở ra đếm hai, lại hít vào đếm ba, thở ra đếm bốn. Đây là một cách đếm.

- Một cách đếm khác là quý vị có thể gộp chung hít vào và thở ra để đếm thành một, [kế tiếp] hít vào thở ra đếm hai. Đếm tới mười là hết (lại đếm từ một trở lại). Một là con số khởi đầu, mười là con số kết thúc. Vòng mười lượt đầu tiên đã xong, quý vị lại đếm từ một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, lại quán số như vậy.

Thoạt đầu, quý vị cảm thấy đếm số như vậy rất đơn giản, cứ lo đếm số là sai mất rồi. Nếu tâm chẳng chú ý đôi chút, một là đếm lầm số, hai là hơi thở ra vào sẽ hỗn loạn. Hít vào, thở ra bị hỗn loạn, quý vị ắt cần phải điều hòa cân bằng hơi thở. Đã nhiếp cho quý vị khỏi hôn trầm, mà cũng nhiếp quý vị chẳng tán loạn. Vì đây là tu Định, là chỗ để tiến nhập đầu tiên, quý vị ắt cần phải tĩnh tâm quán sát. Chẳng hôn trầm, chẳng tán loạn thì quý vị mới có thể đếm số đúng được!

Nếu quý vị chẳng sử dụng công phu này, thoạt đầu nghe nói liền cho là quá đơn giản! Quý vị dùng rồi mới thấy thật ra rất khó, thoáng chốc đã đếm sai mất rồi. Nếu quý vị chỉ đếm số đơn, tức là hít vào đếm một, thở ra đếm hai, lại hít vào đếm ba, thở ra đếm bốn. Mười lần như vậy, mỗi lượt tính một vòng. Nếu hít vào và thở ra tính là một, như vậy mười lượt tức là mười lần hít vào thở ra. Có người cảm thấy vừa hít vào vừa thở ra mới đếm thành một số, sợ sẽ làm loạn, liền hít vào đếm là một, thở ra đếm là hai, chỉ tùy thuộc sao cho quý vị đắc Định là tốt nhất. Quý vị có thể tự áp dụng phương tiện này. Nhưng khi quý vị đếm đến

mười, bèn đếm lại từ đầu. Thoạt đầu, khi mới sử dụng [cách Quán này], vừa ngồi xuống, hơi thở rất nặng nề, rất hào hển. Quý vị cứ hít vào, thở ra, đếm số như vậy, hơi thở sẽ từ thô tháp trở nên nhẹ dịu, tới cuối cùng, thở ra lần hít vào đều ngưng. Như thế thì sẽ dần dần nhập Định.

Tôi sẽ nói đại lược đôi chút. “Tùy” (隨) là trước hết dựa theo hơi thở ra vào, trước hết thuận theo cách đếm số. Sau là “tùy” theo Chỉ. “Tùy” có thể khởi lên hai thứ tác dụng. Tùy thuận cách đếm số hơi thở ra vào mà có thể quan sát tướng thở ra, hít vào. Trong khi đếm số, đếm tới đếm lui như vậy, điều hòa hơi thở hết sức vi tế. Dần dần, quý vị sẽ ngừng dứt các tâm mong cầu, tâm phan duyên. Tự quý vị có thể thấy được, chính mình có thể quán tướng tướng trạng hít vào, thở ra, có thể thấy tướng ra vào của nó. Điều này thuộc về Sắc pháp, thuộc về sắc tướng. Do vậy, phép Quán của quý vị là hữu tướng, có thể dùng nó để hàng phục cái tâm tán loạn. Khi quý vị đếm số, tùy thuận theo tướng hít vào, thở ra ấy, chính mình có thể quan sát. Cách tùy thuận ấy có thể khởi lên hai thứ tác dụng: Một là ngưng dứt cái tâm tìm cầu, hai là hàng phục cái tâm Tầm Tứ.

Do lúc đếm số, có thể hàng phục cái tâm tán loạn. Cho đến lúc Tùy [như vừa nói trên đây], sẽ có thể xuất ly, bỏ được cái tâm Tầm Tứ. Khi ấy, người đó có thể khéo giữ lấy tướng hít vào, thở ra, [tức là] trong khi đang tu, có thể dần dần quan sát. Đó là tác dụng của Tùy. Tác dụng của Chỉ là khi đang Tùy, đối với tướng hít vào, thở ra đã hiện hữu ấy, sẽ có thể diệt trừ tướng hít vào, thở ra. Khi ấy, quý vị đã có thể dần dần nhập Định, an trụ trong Định. Khi quý vị cảm thấy đã có thể dần dần nhập Định, đó là quán chiếu, nó có thể báo cho quý vị biết hơi hít vào, thở ra đã hết, hoàn toàn bất động, đã diệt tận, có thể an trụ cái tâm.

“Chuyển” có nghĩa là hàng phục cái tướng ấy, có thể xả Sắc Pháp và Sắc Uẩn. Tướng thở ra hít vào thuộc về Sắc Uẩn. Người ấy dần dần đoạn phiền não, có thể nhập địa vị thánh, tức là đã đoạn phiền não. Khi cảm thấy tĩnh, người ấy có thể xả các thứ Kết Sử, bỏ được tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, Tà Kiến, tức mười phiền não Kết Sử ấy. Xả hoàn toàn chẳng phải là đoạn, vẫn chưa đạt tới cảnh giới ấy. Khi có thể đoạn, sẽ có thể sanh ra chánh tri, chánh kiến. Đó gọi là “sáu loại phương tiện”. Sáu loại phương tiện ấy chính từ phép Sổ mà Sổ, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tịnh. Trí Giả đại sư viết Lục Diệu Môn, đã sửa [Chuyển] thành Hoàn, [với ý nghĩa] “hoàn nguyên” (還原, trở lại) thanh tịnh.

Mỗi loại phương tiện đều có hai thứ tượng trưng: Một là thô, hai là tế. Khi quý vị mới tu, lúc đếm số, tùy thuộc chính mình chọn lựa cách nào. Khi tôi sử dụng, tôi niệm thánh hiệu Địa Tạng: Cứ mỗi một chữ, hít vào ở chữ Nam, thở ra ở chữ Mô. Xong xuôi lại hít vào là chữ Địa, lại thở ra là chữ Tạng. Lại hít vào là chữ Bồ. Lại thở ra là chữ Tát. Tôi chia sáu chữ thành ba lượt. Hít vào, thở ra, hít vào, thở ra, hít vào, thở ra; niệm Phật mười lần thì là tôi niệm trọn sáu mươi chữ. Lúc đầu rất thô, phải tập trung tinh lực; hơi lơ lửng, lưỡi nhác sẽ bị sai lầm ngay. Khi sử dụng đã khá tinh thông, đếm tới, đếm lui, dần dần hơi thở được hàng phục, trong tâm liền tĩnh lặng. Đã chẳng thể dấy vọng tưởng, mà cũng chớ nên hôn trầm. Nếu tư tưởng chẳng chú ý đôi chút, quý vị sẽ chẳng thể quán chiếu được, sẽ bị lầm. Thoạt đầu, quý vị cảm thấy như vậy quá phức tạp, có thể rút ngắn cho giản đơn hơn. Trước hết là đếm từ lúc hít vào, hít vào đếm là một, thở ra đếm là hai, vậy thì lại hít vào là ba, lại thở ra là bốn. Do vậy, trong năm vòng hít thở, sẽ đủ mười số.

Chiếu theo kinh nghiệm của tôi, nếu quý vị có thể đếm tới lần thứ năm trăm, bất luận quý vị đi lại cũng thế, mà ngồi cũng thế, có khi ngồi ở đó đếm số, quý vị sẽ cảm thấy giống như thăng ngóc, ngồi ngơ ngẩn tại đó. Vì quý vị chuyên chú vào một cảnh, kinh dạy “*chuyên chú một cảnh, sẽ có thể nhiếp tâm*”, đã hàng phục cảm giác thô, sẽ tiến nhập [cảm giác] tế. Khi đã tế, quý vị càng phải chú ý. Tế sẽ dễ trở thành gì? Dễ bị hôn trầm! Nhất định phải quán chiếu hơi thở ra vào, nhưng ắt cần phải chú ý: Quý vị chú tâm chuyên chú một cảnh, sẽ chẳng đếm sai số. Như thế thì hết thấy tâm vọng tưởng, tâm tìm cầu quan sát sẽ ngừng lại, Khi hơi thở đã ngừng, chúng nó sẽ bị khuất phục theo. Quý vị coi cái tướng tùy thuận ấy như là tướng của hơi thở ra vào. Khi đã tùy, sẽ có thể xả, có thể lìa khỏi hết thấy tướng hơi thở ra vào ấy, “lìa khỏi” là Xả. Đó là ý nghĩa của “Tùy”. “Tùy” có nghĩa là “*khi có thể xả, sẽ là tùy thuận*”. Cũng có nghĩa là “*đã lìa bỏ tướng hít vào, thở ra*” ấy, xả lìa tướng thô của Tâm và Tứ. Nhưng trong lúc đó, chỉ còn sót lại tướng hít vào, thở ra rất vi tế. Tướng ấy ắt cần phải đạt đến Chỉ, tức là trong tình huống Tùy, ắt cần phải đạt đến Chỉ thì quý vị mới có thể nhập Định. Đã nhập Định, tướng hít vào, thở ra sẽ chẳng có. Đã chẳng có, thì là đã ở trong Định; bất quá, Định ấy vẫn chưa phải là Đại Định.

Khi quý vị Chỉ, thị hiện tướng hít vào, thở ra đã diệt. Tam-ma-địa là Định. Lúc quý vị mới đắc Định, cảm giác hết sức hoan hỷ. Chuyện này phải thực hiện theo từng bước một, chẳng thể lướt qua được, chẳng thể nhảy cóc, quý vị ắt cần phải thực hiện theo từng bước một. Chúng ta

thường nói “*Định có thể sanh ra Huệ*”, Huệ ở đây có nghĩa là Chiêu, chẳng còn phân biệt, chẳng còn tìm kiếm. Hễ tìm kiếm, sẽ lại rơi vào Tâm và Tứ trong phần trước. Chẳng phải là ý nghĩa như thế! Nó là chiếu, chiếu soi, quan sát, rồi lại quan sát. Đã chiếu soi, tướng hít vào, thở ra chẳng còn nữa. Như vậy bèn chẳng có thở ra, hít vào, mãi cho đến khi cái tướng [thở ra, hít vào] ấy cũng chẳng có. Trước tiên là chế phục Tâm và Tứ; sau đó, diệt tướng thở ra, hít vào. Cho đến khi Tùy, mãi cho đến khi tướng thở ra lần hít vào đều dần dần trở thành rất vi tế, cho tới khi chẳng còn nữa, thì là lúc đã đạt tới Chỉ, [thở ra, hít vào] hoàn toàn hết hẳn, đã lìa bỏ rồi. Đã hoàn toàn hết thì khi đó quý vị biết cái tâm đã an trụ trong Định cảnh, chuyên chú nơi một cảnh, đây là an trụ. Tâm, tâm sở, biệt ý quan sát, tâm là tâm sở pháp. Chúng ta học Bách Pháp, biết Sắc Pháp có mười một món, Tâm Pháp có tám³², Tâm Sở Pháp gồm năm mươi một món.

“*Quán sát*” không có nghĩa là phân biệt, tìm tòi. Hễ tìm tòi, sẽ rơi vào Tâm Tứ, mà [quán sát] là Chiêu, chiếu soi phiền não của quý vị để hàng phục hôn trầm và tán loạn. [Hôn trầm và tán loạn] đều thuộc về Tâm Sở Pháp. Tùy theo ý thức của quý vị khởi phân biệt mà thành Lục Nhập, tức tai nghe tiếng, mắt thấy sắc, lưỡi biết vị... Quý vị chiếu soi sáu căn, những hiện tượng trên đây sẽ chẳng còn nữa. Đây chẳng phải là ngây ngốc, mà cũng chẳng phải là ngủ mê, phải quan sát. Vì quý vị ở trong Định sanh khởi huệ tâm sở, đây là bước đầu.

(Kinh) Như thị lục chủng phương tiện, tu tập Nhập Xuất Tức Quán, tiện năng tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn. Sở dĩ giả hà? Như thị nhập tức, xuất tức tự tánh, danh Sắc Thủ Uẩn. Như thị nhập tức, xuất tức thủ tướng, danh Tướng Thủ Uẩn. Như thị nhập tức, xuất tức tạo tác, danh Hành Thủ Uẩn. Như thị nhập tức, xuất tức liễu biệt, danh Thức Thủ Uẩn. Như thị sở thuyết ngũ chủng Thủ Uẩn, các các biệt dị, hỗ bất tương tự, tân tân phi cố, vô trụ, vô tích, bất khả ngôn thuyết. Như thị quán sát ngũ chủng Thủ Uẩn, năng trừ tam hạnh. Nhược năng như thị cứu cánh, tùy quán tam chủng hạnh tận, tiện năng u thử chư

³² Sắc pháp tức là những thứ sắc chất, bị ngăn ngại gồm năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) cộng với một phần Pháp xứ. Tâm pháp gồm tám thức (nhãn thức, nhĩ thức, cho đến A Lại Da Thức). Tâm sở pháp là các tác dụng tâm lý của tám thức.

Hữu thức thân, lục chủng cảnh giới, cứu cánh tùy quán Ngã, Ngã Sở Chấp nghiệp, u vô minh, ái, nhân điền phú nhuận, nhất thiết giai tận.

(經)如是六種方便，修習入出息觀，便能隨順觀五取蘊。所以者何？如是入息，出息自性，名色取蘊。如是入息，出息領納，名受取蘊。如是入息，出息取相，名想取蘊。如是入息，出息造作，名行取蘊。如是入息，出息了別，名識取蘊。如是所說五種取蘊，各各別異，互不相似，新新非故，無住無積，不可言說。如是觀察五種取蘊，能除三行。若能如是究竟，隨觀三種行盡，便能於此諸有識身，六種境界，究竟隨觀我，我所執業，於無明，愛，因田覆潤，一切皆盡。

(Kinh: Sáu thứ phương tiện như thế, tu tập Nhập Xuất Tức Quán (quán hít vào, thở ra), sẽ có thể tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn. Vì có sao vậy? Tự tánh của hít vào, thở ra như thế được gọi là Sắc Thủ Uẩn. Sự lãnh nạp nơi hít vào, thở ra như thế, được gọi là Thọ Thủ Uẩn. Giữ lấy tướng của hít vào, thở ra như thế, thì gọi là Tưởng Thủ Uẩn. Tạo tác của hít vào, thở ra như thế thì gọi là Hành Thủ Uẩn. Liễu biết hít vào, thở ra như thế, thì gọi là Thức Thủ Uẩn. Năm loại Thủ Uẩn đã nói như thế, mỗi loại đều khác nhau, chẳng tương tự với nhau, luôn mới mẻ, chẳng cũ, chẳng trụ, chẳng tích tập, chẳng thể diễn tả bằng ngôn ngữ được. Quan sát năm loại Thủ Uẩn như thế, có thể trừ ba hạnh. Nếu có thể quan sát rốt ráo ba thứ hạnh ấy chấm dứt, sẽ có thể đối với các thức, thân thể, sáu loại cảnh giới trong các Hữu mà rốt ráo tùy quán Ngã và các thứ được Ngã chấp trước, giống như thừa ruộng do vô minh và ái làm cái nhân, che phủ, tưới tắm, hết thủy đều tận).

Sáu loại phương tiện này đều là phương tiện ban đầu để nhập Định. Đừng tưởng rằng Chỉ [trong Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tĩnh] là tam-ma-địa thù thắng, đấy chẳng phải là đại định. Bất quá chỉ là trong một trăm lẻ tám môn tam-muội, mới nhập Sơ Hỷ Tĩnh, cũng là lúc thoát

đầu mới tiến nhập tu hành. Cho đến khi Chuyển, lại khởi đầu, lại xả Uẩn. Uẩn (蘊) là chứa đựng. Đã nắm vững Uẩn, thì đã nhập thánh địa (địa vị thánh nhân). Như Sơ Quả thánh nhân đã đoạn Kiến Hoặc đại khái là như thế đó. Khi ấy, đã sâu rồi, có thể xả Kết Sử, chẳng truy cầu, nhưng chưa phải là đoạn, giống như chữ Xả trong giai đoạn Tùy ở phần trước. Người ấy đã đạt được chánh tri, chánh kiến. Thanh tịnh pháp nhãn đã tịnh, tức là sáu thứ phương tiện dùng để tu quán tình huống của hơi thở ra, hít vào. Lúc đó, có thể tùy thuận tiến tu thêm bước nữa. Vậy thì kinh văn giải thích rằng: Tiến tu thêm một bước nữa, quán cái Thở của hơi thở ra, hít vào cũng chính là tự tánh của hơi thở ra hít vào. Cái Thở ấy thuộc về Sắc Pháp, cho nên gọi là Sắc Thủ Uẩn. Vậy thì hết thảy các sắc được uẩn tàng đến đây đã ngưng dứt. Hít vào, thở ra, một vào, một ra, mang ý nghĩa lãnh nạp, điều đó được gọi là “*lãnh thọ*”, cũng gọi là Thọ Thủ Uẩn.

Thủ tướng (取相, nắm giữ tướng) hít vào, thở ra, “*thủ tướng*” chính là tướng trong tư tưởng (suy tưởng), cho nên gọi là Tướng Thủ Uẩn. Tạo tác do hít vào, thở ra như thế, có ý nghĩa “*vận chuyển*”. Do vận chuyển sự tạo tác ấy, nên gọi là Hành Thủ Uẩn. Liễu biệt (了別, thấy hiểu phân biệt rõ ràng) sự hít vào, thở ra như thế. Hít vào, thở ra, [rồi lại] hít vào, thở ra. Sự liễu biệt ấy được gọi là Thức Thủ Uẩn.

Năm thứ đó được gọi là Ngũ Thủ Uẩn (五取蘊). Ngũ Thủ Uẩn là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. “*Thủ*” (取) có nghĩa là “quý vị vốn đã trọn đủ”. Ngũ Thủ Uẩn là trọn đủ. Mỗi người chúng ta đều trọn đủ. Chỉ cần là hữu tình, đều có đủ năm Uẩn Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức ấy. Năm Uẩn ấy, mỗi món đều khác biệt. Món này chẳng tương tự món kia; khi ấy, chúng là chẳng tương tự. Tiến thêm một bước nữa, những thứ trên đây đều bỏ sạch, thì gọi là Hậu (后). Có thơ Ngũ Thủ Uẩn và té Ngũ Thủ Uẩn. Do những thứ ấy chẳng trụ, nên nói là “*tân tân phi cố*” (新新非故, luôn mới mẻ, chẳng cũ), [hàm ý]: Chẳng phải là cái đã có sẵn, mà là luôn thay thế, đổi mới lẫn nhau. Do chúng nó chẳng trụ, có phải là tích tụ một chỗ hay chẳng? Chẳng phải vậy! Mong dùng ngôn ngữ để giải thích rõ ràng Ngũ Uẩn thì chẳng thể dùng ngôn ngữ để giảng giải được. Chỉ có thể khi quán chiếu, quý vị bèn chiếu soi nó.

Quý vị có thể đạt tới tình huống như vậy, sẽ đạt được “*tam hạnh*”. “*Tam hạnh*” là gì vậy? Chính là phước, tội, và vô tác. “*Vô tác*” có nghĩa là vô động, cũng có nghĩa là chẳng khởi lên ý niệm về phước, mà cũng chẳng khởi ý niệm về tội. Đối với “*tam hạnh*”, quý vị có thể trừ khử

“*phước, tội, vô động*”, còn gọi là vô ký, [tức là] chẳng tội, chẳng phước, có tánh chất vô ký. Nếu có thể tùy thuận, quán ba hạnh ấy đều đã hết, trong hiện tại, thân tâm sẽ thanh tịnh. [Trong câu “*tiện năng u thử chư Hữu thức thân lục chủng cảnh giới*”], “*thức*” là tâm, “*thân*” là thân thể. Thân thể thuộc vào Sắc Pháp, tâm là Tâm Pháp. Đối với hai pháp Sắc và Tâm ấy, lục căn đều thanh tịnh. Khi đó, có thể tiến nhập Ngũ Cháp để dần dần thâm nhập quán Vô Ngã. Phá trừ vô ngã, sẽ có thể tiến nhập các pháp chấp trước bởi Ngã. Năng Chấp (chủ thể chấp trước) là Ngã, Ngã Sở Chấp (cái bị chấp trước bởi Ngã) chính là hết thấy các tướng cảnh giới. Chấp trước những tướng cảnh giới nào? Có vô minh và ái làm nhân, [tức là như trong chánh kinh, sánh ví vọng tâm như] “*thừa ruộng có ái và vô minh làm nhân, bị hết thấy các tội nghiệp che lấp*”. Các tội phước [do thừa ruộng ấy] sanh ra đều đã tận. Đó là bước đầu.

(Kinh) Như thị tu tập tứ chủng Niệm Trụ giai đắc viên mãn, nãi chí tu tập Bát Chi Thánh Đạo giai đắc viên mãn, như thị nãi chí tu tập thập bát bất cộng Phật pháp giai đắc viên mãn. Như thị nãi chí tu Nhất Thiết Chủng Vô Sanh Pháp Nhân, Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa đẳng giai đắc viên mãn. Như thị tu tập trì lai khứ niệm, nhập chư Tĩnh Lự, danh trụ chánh pháp thắng nghĩa hữu tình, danh vi chân thật tu tập Tĩnh Lự, danh vi chân thật cúng dường tam thế chư Phật Thế Tôn, danh nhất thiết Phật tâm trung chí tử, tụng Phật khẩu sanh, thị pháp sở thành, thị pháp sở hóa.

(經)如是修習四種念住皆得圓滿，乃至修習八支聖道皆得圓滿，如是乃至修習十八不共佛法皆得圓滿。如是乃至修一切種無生法忍，首楞伽摩三摩地等皆得圓滿。如是修習持來去念，入諸靜慮，名住正法勝義有情，名為真實修習靜慮，名為真實供養三世諸佛世尊，名一切佛心中之子，從佛口生，是法所成，是法所化。

(Kinh: Tu tập bốn loại Niệm Trụ như thế đều được viên mãn, cho đến tu tập tám chi thánh đạo đều được viên mãn, như thế cho đến tu tập mười tám Phật pháp bất cộng đều được viên mãn, như thế cho đến tu Nhất Thiết Chủng Vô Sanh Pháp Nhân (Nhất Thiết Chủng Trí), Thủ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Lăng Già Ma tam-ma-địa (Thủ Lăng Nghiêm chánh định) v.v... đều được viên mãn. Tu tập giữ vững niệm đến đi như thế, nhập các Tĩnh Lự, gọi là hữu tình trụ trong nghĩa thù thắng của chánh pháp, gọi là tu tập Tĩnh Lự chân thật, gọi là chân thật cùng dường tam thế chư Phật Thế Tôn, gọi là con trong tâm của hết thảy các đức Phật, sanh từ miệng Phật, do pháp thành tựu, được hóa độ bởi pháp).

Sau khi đã tu xong các pháp ấy, mới có thể tiến nhập tu tập bốn loại Niệm Trụ. Khởi quán bốn loại Niệm Trụ là “*quán thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã*”. Thực hiện từ công phu Sổ, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyên, Tĩnh. Sau đấy, lại khởi quán Tứ Niệm Xứ, có thể tiến nhập rất nhanh, thành công rất nhanh. “*Viên mãn*” có nghĩa là “*thành tựu*”. Thoạt đầu, đều là từ Sổ mà bắt đầu, tức là cần phải từ trong Định, quý vị tấn tu thêm bước nữa là tu Tư Duy. Sau khi bốn loại Niệm Trụ như vậy đều đã viên mãn, Bát Thánh Đạo đều viên mãn, cho đến tu Thập Bát Bất Cộng Phật pháp đều viên mãn, cho đến tu Nhất Thiết Chúng Vô Sanh Pháp Nhẫn, cũng tức là Nhất Thiết Chúng Trí. Vô Sanh Pháp Nhẫn là chấp nhận các pháp vô sanh. Pháp vô sanh chỉ có một loại trí huệ, đạt được Thủ Lăng Già tam-ma-địa (Thủ Lăng Nghiêm tam-muội). Đấy đều là nói tóm tắt. Nếu nói cặn kẽ, sẽ là mỗi món Định đều phải viên mãn. Trên đây là giải thích đại lược môn Phật Luân thứ hai như thế.

Tu “*trì lai khứ niệm*” (giữ vững mỗi niệm đến đi) chính là tu cái niệm của quý vị. Do cái niệm ấy, tu niệm nhập Tĩnh Định, “*trụ chánh pháp thắng nghĩa hữu tình*” (là hữu tình trụ trong nghĩa thù thắng của chánh pháp). “*Chánh pháp thắng nghĩa*” là gì? Chính là nói đến Đệ Nhất Nghĩa, tức là nói đến Thật Tướng, nói tới ý nghĩa chân thật bất biến. Hữu tình ấy đã thành tựu, có thể chân thật tu hành Tĩnh Lự, chân thật tu hành Định.

Bát Chi Thánh Đạo là Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định, và Chánh Kiến. Đối với Phật pháp, chẳng nầy sanh tà tri, tà kiến, giải thích rất chánh xác, rời xa các kiến giải hư vọng như duy thần, duy vật, duy ngã. Tuy chỉ là hai chữ, nhưng Chánh Kiến cũng rất khó nầy sanh. Rất nhiều người trong chúng ta hy vọng có thần thông, mong mỏi có cảm ứng, hoặc là Ngã Chấp, Ngã Kiến rất sâu. Phàm là đối với chính mình, luôn đặt Ngã Kiến (kiến giải của chính mình) vào địa vị bậc nhất. Ngã Kiến chẳng phải là chánh kiến. Trong [các loại kiến giải] duy thần,

duy ngã, và duy vật, luôn tách tâm và cảnh thành hai. Tâm và cảnh bị tách làm đôi, duy cảnh là duy vật chất (chỉ chấp nhận vật chất tồn tại), duy vật chỉ chấp nhận vật chất. Đừng nên xếp vật chất thành tánh chất bậc nhất, hoặc xếp duy tâm thành tánh chất bậc nhất, [những chấp trước ấy] đều là sai lầm. [Chẳng chấp trước như thế] thì mới là giải thích Phật pháp chánh xác. Ngoài tâm chẳng có pháp hay có cảnh. Ngoài cảnh cũng chẳng có tâm, mà ngoài pháp cũng chẳng có tâm. Cách giải thích ấy rất sâu. Chúng tôi chỉ nói [đơn giản Chánh Kiến] là nầy sanh kiến giải chân chánh, chẳng sanh ra tà tri, tà kiến là được rồi. [Hễ có chánh kiến], nhìn vào vấn đề, sẽ có thể thấy nhập lý sâu hơn một chút. Cái lý ấy nếu phải giải thích thì cũng rất nhiều. Nói đơn giản thì là chân tâm (tức là chân lý).

Tư tưởng của chúng ta hoạt động, chẳng thể lìa khỏi ba loại. Nói theo phía nhân loại thì một là vật lý, hai là tâm lý, còn một loại nữa là sanh lý. Rất nhiều người căn cứ theo sanh lý, khi hết thấy vật chất được sanh ra, họ có lập luận như thế này: Xét theo phương diện vật lý, hết thấy vật chất biến hóa, sanh, trụ, dị, diệt, họ có thể tìm ra quy luật. Đối với tâm lý, tức là đối với sự tư duy trong cái tâm của chính mình, cũng có sự biến hóa nhất định, cũng có quy luật nhất định. Nhưng nếu thống nhất sanh lý với vật lý hoặc tâm lý thì hoàn toàn chẳng dễ dàng. Giống như một quốc gia lập ra pháp luật, ắt cần phải liễu giải tình hình trong nước, tánh tình của con người, đối với quan hệ giữa con người và gia tộc của họ, quan hệ lục thân quyến thuộc, quan hệ với quốc gia, quý vị chẳng thể không suy xét [các mối quan hệ ấy]. Vì thế, khi lập pháp, nhất định phải chú ý đến tình cảm của người dân. Pháp luật lập ra chẳng hợp lòng dân, thì pháp luật ấy sẽ chẳng thể thành lập, chẳng trở thành pháp luật.

Vì thế, chúng ta thường nói tới thiên lý và lòng người, còn có quốc pháp, cũng là “*tình, lý, pháp*”. Nói đạo lý thì có thể lôi đạo lý ra nói được, nhưng phải phù hợp tình người, phù hợp đạo lý, phù hợp phép nước. Trong ba loại đó, hễ trái nghịch một loại, sẽ chẳng thể thành lập. Lập ra một pháp hoàn toàn trái nghịch tình người, nói theo đạo lý thì cũng có thể suông sẻ, nhưng xét theo tình người sẽ chẳng thông. Quý vị sẽ bị toàn dân phản đối, vậy thì cũng không được. [Nếu chỉ] phù hợp tình lý, theo tình lý thì làm như vậy được, nhưng xét theo khía cạnh pháp luật, sẽ chẳng thể chấp nhận được. Không cần biết quý vị gặp khó khăn gì đi nữa, quốc gia ắt cần phải có pháp luật thống nhất. Thiên lý, quốc

pháp, và nhân tình, quý vị phải hiểu ba điều ấy. Đã hiểu rồi, quý vị quay trở lại nghiên cứu sanh lý, vật lý, và tâm lý.

Như vừa rồi chúng tôi vừa nhắc đến Chánh Kiến, để dạy bảo chúng sanh, đức Phật luôn có phương tiện thiện xảo, mong cho quý vị đạt tới chân lý, đạt tới cảnh giới chân thật. Trước hết, Ngài chiếu theo tình huống để nói. Tánh tình mỗi người mỗi khác, vì sao phải quán cơ (觀機, xem xét căn cơ) thuyết pháp? Tiền nhân (前因, cái nhân trước đó) của họ khác nhau. Tiền nhân là Lý, tư tưởng và lý luận của họ trong hiện tại lại khác biệt. Đức Phật đều quan sát mỗi phương diện, thuyết pháp cho họ, họ có thể khai ngộ. Chúng ta nói tới Chánh Kiến, điều thứ nhất là phải vô ngã. Ngã Chấp quá nặng, chưa bàn đến Pháp Chấp. Khi chưa đoạn Ngã Chấp, có thể nào nói tới pháp được ư? Chuyện gì cũng đều đặt chính mình vào bậc nhất, đây chẳng phải là Chánh Kiến. Phạm là có Ngã Chấp, sẽ chẳng phải là Chánh Kiến. Tôi chỉ nói cặn kẽ một điều, những điều khác chẳng thể nói chi tiết.

Chánh Tư Duy: Vọng tưởng, tham dục, mong cầu đều chẳng chánh đáng. Chúng ta mong mỗi vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, chuyện này chẳng thể được! Chỉ cần quý vị có nhục thể, [nhục thể ấy] do Địa, Thủy, Hỏa, Phong hòa hợp, do các duyên hòa hợp, mà mong mỗi vô bệnh, bất luận là ai cũng đều chẳng thể được. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng mắc bệnh, [tức là] Ngài cũng thị hiện bị bệnh. Nếu quý vị có suy nghĩ vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, đó là tư duy chẳng chánh xác. Còn có tham luyến, tham dục. Đây cũng chẳng phải là Chánh Tư Duy. Hoặc là chúng ta hy vọng nghe pháp nhiều, tăng thêm huệ mạng, mở mang trí huệ hơn, lấy trí huệ làm sanh mạng của chúng ta. Đó là chánh xác, khiến cho đạo nghiệp nơi sự tu đạo của chúng ta sớm có ngày thành tựu. Tư duy như vậy là Chánh Tư Duy. Phải có Chánh Kiến thì mới có thể sanh ra Chánh Tư Duy. Kiến giải của quý vị có trí huệ hay không? Từ cách nhìn của quý vị đối với vấn đề, sẽ biểu hiện ra [quý vị có Chánh Kiến hay không].

Chánh Ngữ rất dễ hiểu: Đừng nên nói bừa bãi, đừng hủy báng người khác, đừng hý luận, đừng ác khẩu, đừng chọc ngoáy thị phi. Sai lầm này rất dễ phạm: Nói chuyện thị phi của người ta, chính quý vị đang tạo thị phi! Mọi người hãy ngẫm xem, có phải đúng là như vậy hay không? Cái này đúng, cái kia chẳng đúng. Đúng là Thị, chẳng đúng là Phi. [Bàn luận] “chuyện Trương Tam làm khi đó là không đúng, Lý Tứ khi ấy là đúng”. Quý vị chỗ mồm bàn leo mấy câu, bàn chuyện thị phi, nói đúng thành sai, bẻ cong đúng sai! Phải chiếu theo điều gì? Chiếu

theo vô ngã, chiếu theo cái thấy chánh xác. Do tư duy chánh xác, sẽ thốt ra lời lẽ chánh xác. Giống như Trung Hoa có câu: “*Phi lễ vật ngôn, phi lễ vật thị, phi lễ vật động*” (Phi lễ chớ nói, phi lễ chớ nhìn, phi lễ chớ làm). Phải hiểu Lễ như thế nào? Nói theo Phật giáo, Lễ là “hợp với pháp tắc”, xứng hợp lời Phật dạy thì sẽ là Lễ. Chánh Ngữ là phù hợp với pháp, phù hợp lời đức Phật dạy. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng nói lời ác. Đây là đại tiền đề, là bốn tiêu chuẩn; nhưng trong ấy còn có rất nhiều [tiêu chuẩn khác nữa], chính quý vị phải tự quan sát.

Chánh Nghiệp: Phàm những gì phù hợp Phật, Pháp, Tăng, phù hợp lời đức Phật dạy, thì sẽ là Chánh Nghiệp. Nhưng nghề nghiệp của quý vị đang làm trong xã hội, quý vị theo đuổi một nghề nào, một đảng là giới pháp do đức Phật giáo hóa, một đảng là pháp luật của quốc gia. Nếu hai đảng mâu thuẫn với nhau, tức là quốc pháp và giới pháp do đức Phật chỉ dạy xung đột, phải tuân theo quốc pháp. Tuy đức Phật dạy bảo như thế ấy, nhưng khi quý vị tuân theo quốc pháp, chẳng tính là phạm giới. Quý vị tuân thủ giới pháp, có thể là quốc gia chẳng chấp thuận. Trong quốc độ quý vị đang ở, chẳng thể làm như vậy, quý vị hãy nên buông xuống, phải tùy thuận quốc pháp. Đây mới là hành vi chánh đáng. Khi ấy, chỉ cần quý vị chẳng trái pháp luật, chẳng thương tổn kẻ khác, chẳng tính toán vì lợi ích của chính mình, chúng tôi cho rằng làm như vậy là cao thượng! Mỗi quốc độ, mỗi chủng tộc, tập quán sanh hoạt của mỗi dân tộc, tất cả tình cảm cao thượng đều khác nhau. Chúng tôi nêu lên mối quan hệ giữa hai tánh chất để thí dụ. Có rất nhiều quốc độ, rất nhiều dân tộc có cách nhìn khác nhau, quốc pháp cũng khác nhau.

Chiếu theo lời đức Phật chỉ dạy, hễ tà dâm, quý vị đã phạm dâm giới. Cái quý vị chẳng nên có, mà đạt được bằng cách phi pháp, thì là phạm giới, tức là phạm giới trộm cắp. Thậm chí giết người, phạm sát giới. Theo Bồ Tát giới, giết súc sanh cũng phạm giới giống như giết người. Trong giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni, hoặc là Bát Quan Trai Giới, giới của ưu-bà-tắc và ưu-bà-di, sát giới thuần là nói đến chuyện giết người, quý vị trót phạm [sát sanh, nhưng không giết người] thì cũng không mất giới. Bát Chánh Đạo được nói tùy theo nơi chốn, tùy theo từng hạng người, đó cũng là đối cơ (對機, phù hợp căn cơ). Nói theo Bồ Tát sẽ hoàn toàn bất đồng; nói theo phàm phu, sẽ lại khác hẳn. Phải hiểu đạo lý này! Đã là Bát Chánh Đạo thì quý vị ăn nói phải phù hợp Bồ Đề đạo. Chúng tôi giải thích như vậy, sâu hơn một tầng.

Chánh Mạng: Nếu phù hợp tiêu chuẩn giới luật, dũng mãnh, tinh tấn tu đạo, tu hành Giới, Định, Huệ, dùng sự tinh tấn ấy để gìn giữ tánh mạng của quý vị. Đó là Chánh Mạng. Chánh Mạng là tôn trọng chính mình. Có lúc vì tu đạo, thà xả thân mạng; đó là tà mạng hay chánh mạng? Chúng ta thấy rất nhiều đạo tràng, như Xả Thân Nhai (捨身崖, vách đá xả thân) ở núi Nga Mi, hoặc trong kinh Pháp Hoa, Pháp Hỷ (Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến) Bồ Tát đốt thân cúng Phật; đây là chánh mạng hay tà mạng? Tùy thuộc quý vị dũng mãnh tinh tấn tới mức độ nào, cũng tùy thuộc quý vị tu đạo, nhận thức đã đạt tới địa vị nào? Có những người do trì giới mà chết, chẳng vì để sống sót mà phá giới, tùy thuộc quý vị lý giải như thế nào! Chủ yếu là do cái tâm và quan niệm của quý vị ngay trong lúc ấy là như thế nào, tôi lý giải như thế đó. Nếu vì khiến cho chúng tử Tam Bảo chẳng đoạn dứt, hoặc là tạm nhân nhượng vì lợi ích toàn cục, quý vị là Bồ Tát vì muốn hộ trì Tam Bảo chẳng đoạn dứt, mà chẳng chú trọng hết thảy tế hạnh. Thế nhưng, hiện tượng trái phạm giới đơn lẻ ấy chẳng thể dùng làm khuôn phép, chẳng thể coi là pháp thường sử dụng được. Giới luật do đức Phật chế định mới là pháp thường hằng. Nói tới Chánh Mạng tức là chẳng sống bằng tà mạng. Ví dụ như nói đến chuyện xem thiên văn, xem địa lý, đoán số tử vi, y phương, nhưng Bồ Tát có học vấn Ngũ Minh, cũng phải làm các chuyện ấy, chẳng coi các chuyện ấy là không đúng. Ngài có phương tiện thiện xảo độ chúng sanh; tuy vậy, nếu quý vị là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni. lúc làm các chuyện ấy, sẽ là tà mạng! Nếu quý vị thọ Bồ Tát Giới, và cũng thọ tỳ-kheo giới, sẽ chẳng thể làm. Nói là Chánh, tức là có nhiều cách chọn lựa như thế đó!

Cuối cùng, Chánh Niệm là chúng ta phải rời xa hết thảy các vọng tưởng điên đảo. Người được gọi là “*chẳng mất chánh niệm*” là người niệm nào cũng đều chẳng quên Tam Bảo. Còn có Bồ Tát đã dự vào Tín vị (các địa vị thuộc Thập Tín), nhận biết tiền niệm dấy lên ý niệm bất hảo, sẽ chẳng để cho hậu niệm dấy lên, ngay lập tức uồn nắn. Có một loại người tuy phạm giới mà có thể sám hối, đã sám hối sẽ lại được thanh tịnh. Còn một loại khác thì là căn bản chẳng phạm giới, trì giới rất thanh tịnh. Cả hai loại người ấy đều thanh tịnh. Chữ Chánh chính là sanh khởi trí huệ chân chánh, từ Định mà khiến cho thân tâm của chính mình đạt tới nhân cách viên mãn, giống như nhân cách của đệ tử Phật, vâng theo quy định của Tam Bảo về nhân cách của hết thảy các đệ tử. Chúng ta phải giải thích như thế đó. Tôi giải thích Bát Chánh Đạo giản lược

như vậy. Có rất nhiều cách giải thích Bát Chánh Đạo, tùy thuộc quý vị đã đạt đến địa vị nào, bèn giải thích theo địa vị ấy để nói thích ứng. Nói thông thường thì giải thích như thế đó.

Nhất Thiết Chủng Trí là hết thảy các loại. Tam Trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chủng Trí, và Nhất Thiết Chủng Trí. “*Chủng tử*” (種子) có nghĩa là “*nảy sanh*”. Nhất Thiết Trí là tổng trí huệ, là hết thảy các pháp được chấp giữ trong pháp Thanh Văn và Duyên Giác. Nhất Thiết Trí là đoạn Kiến Tư Hoặc. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng Trần Sa và Vô Minh vẫn chưa đoạn. Đạo Chủng Trí là nói đến Bồ Tát. Ngài có thể biết tướng sai biệt của hết thảy các pháp. Nhất Thiết Chủng Trí là nói về Phật. Trong ba trí ấy, Nhất Thiết Chủng Trí có thể biết cái nhân của hết thảy chúng sanh. Chúng ta nêu ra mỗi một chúng sanh, Ngài đều có thể thấy từ vô lượng kiếp đến nay, kẻ ấy đã gieo thiện căn, đã tin Phật từ khi nào. Nhất Thiết Chủng Trí còn gọi là trí huệ của Phật. Chỉ có thành Phật thì mới đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Đã thành Phật, sẽ trọn đủ hết thảy các loại trí huệ, điều đó được gọi là Nhất Thiết Chủng Trí, biết hết thảy các pháp và hết thảy các phương pháp thành đạo, biết cái nhân của hết thảy chúng sanh. Lại còn biết họ đáng nên nhận pháp nào để nói cho họ pháp ấy, mà cũng biết trí sai biệt của hết thảy các chúng sanh.

“*Nhất Thiết Chủng Vô Sanh Pháp Nhân*” chính là Nhất Thiết Trí. “*Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa*” là Thủ Lăng Nghiêm tam-ma-địa, một trăm lẻ tám môn Định, đã có thể thành tựu viên mãn. Lúc thoát đầu, tu Định là tu “*trì lai khứ niệm*”. “*Nhập chư Tĩnh Lự*”: Từ khởi đầu, tu “*trì lai khứ niệm*”, nhập Định, nhập đến mức trụ trong Tĩnh Lự. Kế đó, giải thích tất cả những môn Định đã nắm vững. Đối với nghĩa thù thắng của chánh pháp, loài hữu tình này chân thật tu hành Tĩnh Lự. Chân thật tu hành Tĩnh Lự thì sẽ đạt được [các môn Định]. Từ Nhất Thiết Trí, Đạo Chủng Trí, và Nhất Thiết Chủng Trí, người đạt được các loại trí ấy thì mới thật sự cúng dường tam thế chư Phật Thế Tôn. Nói như vậy đã bao gồm cả chủng tánh Bồ Tát, tức là nói đến Đạo Chủng Tánh. Nếu tu hành như vậy, tu hành đến mức độ ấy thì mới là Phật tử có thể thành đạo của chư Phật. “*Tùng Phật khẩu sanh*” (Sanh từ miệng Phật): “*Sanh từ miệng Phật*” là pháp do đức Phật đã nói. Đối với những pháp do đức Phật đã nói, người ấy nương theo pháp mà thành đạo. Như vậy thì sanh thân của người ấy đã lấy pháp làm thân, do các pháp hóa độ.

(Kinh) Hoặc hữu Bồ Tát như thị tu tập, tiệm tiệm thoái chuyển, nãi chí Lộ Tận, thành A La Hán, cụ lực thân thông. Hoặc hữu Bồ

Tát như thị tu tập, tiệm tiệm tăng trưởng, công đức viên mãn, thành đại Bồ Tát, nãi chí Thập Bát Bất Cộng Phật pháp, Nhất Thiết Chúng Trí tu tập viên mãn. Thử nhân bất cửu, đương đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Thiện nam tử! Ngã dĩ như thị chư nghiệp pháp thọ nhân quả báo trí, quán sát tam thế chư Phật pháp nhân, an lập hữu tình, u thử thập chủng tu Định nghiệp luân, linh kỳ tu tập. Thiện nam tử! Thị danh Như Lai tu Định nghiệp luân.

(經)或有菩薩如是修習，漸漸退轉，乃至漏盡，成阿羅漢，具六神通。或有菩薩如是修習，漸漸增長，功德圓滿，成大菩薩，乃至十八不共佛法，一切種智修習圓滿。此人不久，當得無上正等菩提。善男子！我以如是諸業法受因果報智，觀察三世諸佛法眼，安立有情，於此十種修定業輪，令其修習。善男子！是名如來修定業輪。

(Kinh: Hoặc có Bồ Tát tu tập như thế, sẽ dần dần thoái chuyển, cho đến Lưu Tận, thành A La Hán, có đủ sáu món thần thông. Hoặc có Bồ Tát tu tập như thế, dần dần tăng trưởng, công đức viên mãn, thành đại Bồ Tát, cho đến tu tập viên mãn mười tám món Phật pháp bất cộng và Nhất Thiết Chúng Trí. Người ấy chẳng lâu sau sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nay thiện nam tử! Ta dùng trí [liễu giải] các nghiệp pháp, thọ nhân và quả báo như thế, dùng pháp nhân của tam thế chư Phật để quán sát, an lập hữu tình, khiến cho họ tu tập mười thứ nghiệp luân ấy. Nay thiện nam tử! Đó gọi là Như Lai tu Định nghiệp luân).

Có Bồ Tát sau khi đã chứng đắc Diệt Tận Định, đã đắc Tịch Tĩnh Định, chẳng còn tu hành tiến cao hơn nữa. Nói là “*thoái chuyển*” vì vị ấy ngừng ở nơi đây, cũng có nghĩa là coi như đã bị “*lui sụt*”. Lưu Tận (漏盡): Lưu Tận là hết sạch những gì? Hoặc nghiệp, tức Kiến Tư Hoặc Lưu của người ấy đã hết. Lưu đã tận, tức là chẳng còn [phiền não] rò rỉ nữa, chẳng còn rơi rớt, đọa xuống tam giới, đã thành tựu Vô Sanh. A La Hán còn dịch là Vô Sanh, vô sanh bèn vô diệt. A La Hán tự cho rằng sở đắc của chính mình đã là vô sanh, vô diệt, chẳng khác gì Phật, chẳng còn mong mỗi tiến cao hơn nữa. Đối với sáu loại thần thông, tức Thiên Nhĩ,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Thiên Nhân, Tha Tâm, Túc Mạng... vị ấy đã đạt được Lưu Tận Thông. Còn như báo thông (報通, thần thông đạt được do quả báo) của trời, người, hay quỷ thần thì chẳng có Lưu Tận, vì Kiến Tư Hoặc vẫn còn. Phát đại tâm, [tức là] phát Bồ Đề tâm, tu theo phương thức Chỉ Quán chính là tiến tu cao hơn, chẳng hề tới đây bèn dừng lại. Ngài khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể đạt đến mức độ ấy.

Bậc Sơ Phát Ý Bồ Tát hoàn toàn chẳng ngang hàng với A La Hán, ắt cần phải đạt đến Thập Địa Bồ Tát thì mới ngang hàng với A La Hán, nhưng do đã phát đại tâm, cho nên vượt cao hơn Tiểu Thừa. Vì tâm Bồ Đề chẳng có chỗ giới hạn, vị Bồ Tát ấy sẽ chẳng ngưng dứt, mà nhất định mong thành Phật.

Vì lẽ ấy, có Bồ Tát dần dần thoái chuyên, cảm thấy đạo Phật dài lâu, sanh khởi cái tâm thoái thất. Vậy thì vị ấy sẽ chứng đắc quả A La Hán, nhập Bát Niết Bàn. Còn bậc đại tâm Bồ Tát dần dần tăng trưởng công đức của chính mình, tăng trưởng thành Ma Ha Tát, tức là Đại Bồ Tát. Nội dung của Thập Bát Bất Cộng Pháp rất dài. Tôi vừa mới nói về Nhất Thiết Chúng Trí, tu hành viên mãn, tu tập đã thành công, sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, [hay nói thông dụng hơn là] “*thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”.

“*Thiện nam tử*”: Đây là đức Phật trả lời Địa Tạng Bồ Tát. “*Ngã dĩ như thị chư nghiệp pháp thọ nhân quả báo trí*” (Ta dùng trí liễu giải quả báo sẽ phải thọ do cái nhân từ các nghiệp pháp như thế), “*chư nghiệp*” là tất cả tạo tác. Tạo tác gì vậy? Chính là phương pháp tu Định. Cái trước là nhân, cái sau là quả. Cho đến hết thảy Đạo Chúng Trí rốt ráo báo đền công đức đã đều viên mãn rốt ráo, “*quán sát tam thế chư Phật pháp nhãn, an lập hữu tình*”, tức là dùng Phật nhãn [của tam thế chư Phật] để quán sát hết thảy. Pháp nhãn của tam thế chư Phật thấy rõ hết thảy quá khứ, hiện tại, tương lai, khiến cho hết thảy hữu tình, tức hết thảy chúng sanh đang trong lúc tu Định, sẽ tu tập mười loại tu Định nghiệp luân ấy. [Đó là ý nghĩa của câu] “*linh kỳ tu tập*” (khiến cho họ tu tập). Nhưng ở đây, phải chú trọng “*trì lai khứ niệm*” (giữ vững niệm đến đi).

Đoạn kinh văn này chú trọng việc tu tập “*trì lai khứ niệm*”. “*Thị danh Như Lai tu Định nghiệp luân*” (Đó gọi là tu Định nghiệp luân của Như Lai): Tu Định nghiệp luân, nếu thâm nhập sâu hơn một chút, sẽ là thâm nhập Chỉ Quán như kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã nói. Trong phần trước, đức Phật đã nêu ra tam luân [trong Phật Luân thứ hai].

Đầu tiên là tu Định nghiệp luân, loại thứ hai [sẽ được nói tiếp sau đây] là tập tụng nghiệp luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Vân hà Như Lai tập tụng nghiệp luân? Vị chư bát-sô, hoặc bát-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, hoặc phục tịnh tín chư thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân, thiện căn vi bạc, y Thế Tục Đế, căn cơ vị thực, ngã đương an trí như thị hữu tình, linh kỳ tập tụng, sơ dạ, hậu dạ, tinh cần vô đãi. Nhược chư hữu tình cầu Vô Thượng Trí, ngã đương an trí thuần tịnh Đại Thừa, linh kỳ tự đọc, hoặc giáo tha đọc, linh kỳ tự tụng, hoặc giáo tha tụng, linh kỳ tự thuyết, hoặc giáo tha thuyết. Ư Đại Thừa trung, linh kỳ tự tập, hoặc giáo tha tập. Vị linh tự thân, cập tha thân trung đại phiền não tụ, giai trừ diệt cố, vị linh chứng đắc Vô Thượng Trí cố, vị trừ nhất thiết hữu tình khổ cố, vị linh thú nhập vô úy thành cố.

(經)善男子！云何如來習誦業輪？謂諸苾芻，或苾芻尼，鄔波索迦，鄔波斯迦，或復淨信諸善男子，或善女人，善根微薄，依世俗諦，根機未熟，我當安置如是有情，令其習誦初夜，後夜，精勤無怠。若諸有情求無上智，我當安置純淨大乘，令其自讀，或教他讀，令其自誦，或教他誦，令其自說，或教他說。於大乘中，令其自習，或教他習。為令自身，及他身中大煩惱聚，皆除滅故，為令證得無上智故，為除一切有情苦故，為令趣入無畏城故。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Như thế nào là tập tụng nghiệp luân của Như Lai? Vì các tỳ-kheo, hoặc tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc là các thiện nam tử và thiện nữ nhân có tín tâm thanh tịnh, thiện căn mỏng nhẹ, nương theo Thế Tục Đế, căn cơ chưa chín muồi, ta sẽ an bài các hữu tình như thế, khiến cho họ tập tụng. Đầu đêm, cuối đêm, siêng rông, chẳng lười nhác. Nếu các hữu tình cầu Vô Thượng Trí, ta sẽ sắp đặt Đại Thừa thuần tịnh cho họ tự đọc, hoặc dạy người khác đọc, khiến cho họ tự tụng, hoặc dạy người khác tụng, khiến cho họ tự nói, hay dạy người khác nói. Khiến cho họ tự tu tập Đại Thừa, hoặc dạy người khác tu tập. Vì muốn khiến cho khỏi phiền não to lớn nơi thân mình và thân người

khác đều trừ diệt, vì khiến cho họ chứng đắc Vô Thượng Trí, vì trừ khổ cho hết thấy hữu tình, vì khiến cho họ tiến nhập tòa thành vô úy).

Nghiệp luân thứ hai là học tập tụng, học tập đọc như thế nào, cũng có nghĩa là đọc tụng Đại Thừa. Nếu tu Định mà chẳng có thiện căn này, sẽ chẳng đắc Định, tu chẳng thành. Quý vị hãy đọc tụng kinh điển cho nhiều, hoặc là đọc tụng kinh điển Đại Thừa, hoặc đọc tụng kinh điển của Thanh Văn và Duyên Giác Thừa, kinh điển của ba thừa đều được. Nếu quý vị tiến nhập đồng thời cả ba thừa cũng được. Tôi cảm thấy đức Phật từ Đại Thừa nói đến Trung Thừa, rồi nói đến Tiểu Thừa. Nói pháp Bồ Tát xong, bèn nói đến pháp Duyên Giác. Nói xong Duyên Giác, bèn nói đến Thanh Văn. Tùy thuộc trong ba thừa ấy, quý vị thuộc loại căn cơ nào, chủ yếu là khiến cho quý vị lìa khổ, được vui, đoạn trừ phiền não. Mục đích, tức tông chỉ của Ngài là nói với tứ chúng đệ tử, tức tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ. Ô-ba-sách-ca (Upāsaka) dịch là Cận Sự Nam (近事男), Ô-ba-tur-ca (Upāsikā) dịch là Cận Sự Nữ (近事女). Đó là tứ chúng đệ tử, [bao gồm] hai chúng tại gia và hai chúng xuất gia. Còn có những người chưa quy y, chưa thọ pháp, hoặc là có những thiện nam tử và thiện nữ nhân có lòng tin thanh tịnh, do căn cơ tu Định của họ trong đời quá khứ mỏng ít, thiện căn trong quá khứ chẳng dày, sẽ chiêu theo Thế Tục Đé, chẳng y chiếu nghĩa Chân Đé.

Trong phần trước, chúng tôi đã nói, đại khái là nương theo lẽ Chân để tu tập. Tu tập Định chính là nương theo lẽ Chân, bước đầu cũng là thế tục, dần dần sẽ tiến nhập lẽ Chân. Họ quán tâm, sẽ từ lý tánh tiến nhập. Đối chiếu giữa hai đẳng, Định vốn phải từ lý tánh tiến nhập, họ lại nói chuyện này chiếu theo Thế Tục Đé, tức là căn cơ chưa chín muồi. Đức Phật khiến cho các hữu tình ấy học tập “*tập tụng*”. Tập tụng cũng có yêu cầu nhất định, hoàn toàn chẳng phải là chúng ta niệm một đoạn kinh, hoặc niệm một bộ kinh mà được coi là “*tập tụng*”. Chúng ta niệm quá ít, quá ngắn, đức Phật dạy họ tập tụng vào lúc đầu đêm, cuối đêm, và giữa đêm, [hay nói cách khác] bốn giờ đầu đêm, bốn giờ giữa đêm, và bốn giờ cuối đêm, tức là mười hai giờ. Trong mười hai giờ ấy, trừ bốn giờ thuộc giữa đêm có thể nghỉ ngơi đôi chút, có thể không đọc tụng. Ngoài ra, vào lúc đầu đêm và cuối đêm, đều phải siêng ròng, chẳng lười nhác, đều phải tập tụng.

Vì căn cơ của người ấy rất nông cạn, mỏng tanh, nhưng phát tâm rất lớn, nguyện rất lớn. Trong quá khứ, người ấy đã gieo chủng tử có căn tánh Đại Thừa. Do vậy, người ấy khẩn cầu Vô Thượng Trí. Vô Thượng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Trí là mong đạt tới thành Phật. Đức Phật bảo: Ta sẽ xếp đặt sao cho kẻ đó sẽ ở nơi Đại Thừa thuần tịnh, học đọc pháp Đại Thừa, niệm kinh điển Đại Thừa, khiến cho kẻ ấy tự đọc, lại còn dạy người khác đọc. Nếu quý vị phát đại tâm tự đọc, mà cũng dạy kẻ khác đọc, tự học, lại còn dạy người khác học, có ý niệm kiêm độ chúng sanh. Hoặc là tự mình tụng, hoặc là tụng kinh Pháp Hoa, hoặc tụng kinh Bát Nhã. Nếu chẳng thể đọc tụng toàn bộ Bát Nhã, bèn tụng kinh Kim Cang, hoặc tụng Tâm Kinh. Tự tụng, kiêm dạy người khác tụng. Chính mình nói, hoặc dạy người khác nói. Hoặc chính mình nghiên cứu, học tập kinh điển Đại Thừa, mà cũng dạy người khác học tập. Dùng phương pháp như vậy khiến cho chính mình và người khác đều đọc tụng kinh điển Đại Thừa hòng đoạn phiền não.

Bất luận mục đích học Phật sâu hay cạn, tập Định, hay tập Huệ, tiến nhập từ phương diện Huệ, hay tiến nhập từ phương diện Định, đều phải tu Định. Đọc tụng Đại Thừa đã hàm chứa ý nghĩa tu Định, chẳng phải là vào lúc đó mới đặt bày thứ tự như thế này: Hễ lúc nào tu Định, Định sẽ thuộc địa vị cao nhất. Nếu hoàn toàn tách rời Định và Huệ, ta chỉ học tập Định, chẳng học Huệ, sẽ chẳng thể được! Chỉ tu tập Huệ, không tu tập Định, cũng chẳng được! Ất phải là Định và Huệ cân bằng. Nhưng nói theo thứ tự thì Định có thể sanh ra Huệ, do Huệ cũng có thể nhập Định. Khi đọc kinh, đọc đến chỗ tương ứng, chẳng có người đọc và kinh được đọc, chẳng có tướng Tự và Tha, đây cũng là một thứ công phu thuộc về Định cảnh. Thế nhưng, tu Định cũng thế, mà tu Huệ cũng thế, đọc tụng Đại Thừa cũng thế, mà “*trì lai khứ niệm*” cũng thế, mục đích đều nhằm đoạn phiền não.

Vì phiền não mà hôn trầm hay tán loạn, nếu chẳng phải là tán loạn, thì sẽ là hôn trầm. Hễ có phân biệt, chuyện gì cũng đều chẳng thể thành. Tâm chẳng an, làm sao có thể thành cho được? Cái tâm chúng ta chẳng định được! Nếu chẳng có Định, quý vị đọc tụng Đại Thừa cũng chẳng định được. Quý vị ngồi ở đó, đối trước kinh bản niệm tụng, [do tâm rong ruổi], chẳng biết niệm tới chỗ nào rồi. Niệm miết mà chính mình cũng chẳng tìm được [đang niệm tới đâu], niệm đến nổi ngủ gục. A! Niệm đến đâu rồi? Chẳng biết! Hoặc là dấy lên vọng tưởng thì cũng là sai lầm mất rồi!

Tôi cảm thấy chính mình hoàn toàn chẳng phải là kẻ dụng công. Người thật sự dụng công vài chục năm thì cũng phải nên có nhập xứ; hiện thời, tôi vẫn chưa được! Tôi nói thật đấy! Bất luận tu Định cũng thế, chỉ cần là đệ tử học Phật, quý vị ắt phải đoạn phiền não. Phiền não

có nhiều lắm hay không? Quá nhiều! Tôi sao chép từ Bách Pháp Minh Môn Luận để nói với mọi người về các phiền não; chuyện này cũng rất hữu dụng.

“*Đại, trung phiền não*” (Phiền não bậc lớn và bậc trung): “*Đại phiền não*” là căn bản phiền não. Chúng tùy thuận cái tâm quý vị, bầu bạn với tâm sở pháp của quý vị. Chỉ cần khởi tâm động niệm, phiền não sẽ đi theo ngay! Quý vị chẳng lìa khỏi nó được. Điều thứ nhất là do chẳng có trí huệ, vô minh, ngu si. Ngu si thường được diễn tả bằng danh xưng khác là Tà Kiến, hoặc Vô Minh, chúng ta đều có rất nhiều! Buông lung bao gồm rất nhiều thứ, chúng ta suy ngẫm thì ai nấy đều hiểu. Buông lung, giải đãi là vào lúc giữa đêm, còn đầu đêm và cuối đêm đều đọc tụng Đại Thừa, [vậy thì] ban ngày quý vị làm gì? Hành phóng dật ư? Chẳng thể được! Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, đức Phật đều dạy quý vị đọc tụng, hoặc là tu Định. Quý vị chẳng giữ giới luật, [nhưng do tu tập nghiêm ngặt như vậy], sẽ tự nhiên trì giới. Chúng ta ngu si, buông lung, giải đãi, chẳng tin, vì sao chẳng khởi tâm tinh tấn? Căn bản là do tín tâm không trọn đủ! Chẳng tin tưởng lời nói của mọi người, bất luận ai nói ra cũng đều phản bác. Đã không tin, ta còn ngồi ở đây làm chi nữa? Lòng tin ấy hữu hạn, hiện thời lòng tin của chúng ta chẳng kiên định. Vì tín tâm chẳng nhạy bén, tinh tấn chẳng thể dấy lên được, nói tương đối như thế đó.

Câu Xá Luận gọi hôn trầm và điệu cử (掉舉, trạo cử) là đại phiền não. [Đại phiền não] bao gồm sáu loại, tức tham, sân, si, mạn, nghi, [và ác kiến]. Từ trong ác kiến, sanh ra năm món, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến. [Năm món Kiến ấy cộng với tham, sân, si, mạn, nghi] thành Thập Sở phiền não (mười món Kết Sở), là căn bản phiền não. “*Đại phiền não*” có thể hiểu là căn bản phiền não.

“*Trung phiền não*” lại là gì? Có thể là Tùy phiền não (Upakleśa). “*Trung phiền não*” gồm hai mươi món phiền não. Chúng ta chia hai mươi món phiền não thành Đại Tùy, Trung Tùy, và Tiểu Tùy. Đại Tùy phiền não gồm tám món; đây cũng là Tùy Phiền Não trong căn bản phiền não. Bất Tín (Aśrāddhya), Giải Đãi (Kausīdya), Điệu Cử (Auddhatya, trạo cử, lao chao, xáo động), Hôn Trầm (Styāna) là các Tùy tâm sở. Căn bản phiền não tùy thuộc cái tâm. Tâm pháp gồm có tám món, tức là [các thức] nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, Mạt Na, và A Lại

Da. Đó gọi là “tám tâm thức” (tám tâm vương). Tâm pháp gồm tám món, còn Tâm Sở Pháp gồm năm mươi một món.

Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra hai mươi món, tức là Đại Tỳ phiền não gồm tám món đã được nói trên đây, tức Bất Tín, Giải Đãi, Điều Cử, Hôn Trầm, Phóng Dật (Pramāda, buông lung), cộng thêm Thất Chánh Niệm (thất niệm, Muṣitasmr̥ti), Tán Loạn (Vikṣepa), và Bất Chánh Tri (Asamprajanya), thành tám món Đại Tỳ Phiền Não. Bất Chánh Tri là Đại Tỳ phiền não, [gọi nó là] Đại Tỳ phiền não nhằm biểu thị nó rất nặng nề.

Trung Tỳ phiền não rất đơn giản, thứ nhất là Tàm (慚, then), thứ hai là Quý (愧, hổ)³³. Chúng ta thường nói gộp chung thành Tàm Quý. Thật ra, Tàm là Tàm, Quý là Quý, giải thích như thế nào? Tàm là trong tâm chính mình khó chịu, xấu hổ đối với chính mình, trong tâm gương ngùng, cảm thấy mình trót làm điều sai trái, chẳng nên nghĩ “có phạm giới cũng chẳng sao”, hoặc “có làm vẫn chẳng sao hết”, cho đến khi làm chuyện sai quấy, trong tâm sanh hổ then. Quý là đối với người khác, đối với Tam Bảo, đối với đạo hữu, có sự hổ then, có điều then thường với chính mình, xấu hổ đối với người khác. Tàm và Quý là Trung Tỳ Phiền Não. Đó là Trung Tỳ Phiền Não. Tám món Đại Tỳ và hai món Trung Tỳ, gộp chung lại thành mười món. Còn có Tiểu Tỳ phiền não gồm mười món, gộp chung lại thành hai mươi món. Tiểu Tỳ phiền não gồm Phẫn (Krodha), Hận (Pradāsa), Não (Upanāha), Phú (Mrakṣa), Cuồng (Māyā), Siểm (Asāthya), Kiêu (Mada), Hại (Vihimsā), Tật (Īrṣyā), và Xan (Mātsarya, keo kiệt), mười món.

Phẫn (忿) là như thế nào? Bất bình! Chúng ta nói “bất bình khiến ta kêu ca”, chẳng nhịn nổi. Nói thông tục là “chẳng nhịn tức nổi”. Chuyện này quý vị chẳng thể nhịn nổi, bất luận là xảy ra trên thân người khác, hoặc là quý vị thấy một tình cảnh khiến cho quý vị cảm thấy bất bình. Bất quá, đó là cách suy tưởng trong tâm quý vị. Hận (恨) là có oán cừu, cho rằng người khác hại mình, quý vị liền hận. Hận bèn sâu hơn một chút. Não (惱) có nghĩa làm quý vị buồn bực, quấy rối quý vị. Trong mỗi danh từ đều hàm chứa một ý nghĩa. Phú (覆) có nghĩa là “che lấp”, vì nó che lấp quý vị, khiến cho trí huệ chẳng thể phát khởi. Phú là hành

³³ Ở đây, lão pháp sư nói nhầm. Trung Tỳ phiền não phải là Vô Tàm (Āhrīkya) và Vô Quý (Anapatrapya), còn Tàm và Quý được xếp vào Thiện Tâm Sở.

vi của quý vị, hoặc chướng ngại trong tâm khiến cho trí huệ chẳng thể phát xuất. Tật (嫉) là ghen ghét. Chính mình keo kiệt, tham lam, chẳng chịu xả, thấy kẻ khác bố thí, bèn dấy lòng ghen ghét: “Kẻ đó luôn gây náo động, khiến cho ta bị khuấy lấp!” Trong tâm luôn có ý nghĩ ấy, thấy người khác làm chuyện tốt, sẽ chẳng tùy hỷ, nảy sinh ganh tỵ. Quý vị cứ làm đi! Người ấy chẳng làm, hạng người như vậy keo kiệt đối với tài vật!

Xan và Tật coi như nhẹ tội một chút! Đặc biệt là đối với pháp, người ấy chẳng để cho người khác giảng. Người khác mà giảng, kẻ đó sẽ ghen ghét liền. Vì kẻ đó có cái tâm keo tham. Khi bị đọa lạc vào lòng keo tham đối với pháp, sẽ đọa vào ngạ quỷ đạo rất thảm. Chuyện kiêu này rất nhiều! Đối với pháp, chớ nên keo tham, chớ nên ghen tỵ, thấy người khác làm, hãy đều nên tùy hỷ, chớ nên keo tham! Vì sao phải keo tham? Keo và tham là vì lẽ nào? Kẻ đó dùng pháp để trao đổi điều kiện trong thế gian! Hễ được giá, sẽ đổi đãi bình đẳng: “Ta thuyết pháp cho người, người phải cúng dường ta. Phải xem người có trả đủ giá hay không? Có đủ thì ta mới nói, không đủ chẳng thèm nói!”

Đối với người học pháp, phải khuyên người khác đọc tụng Đại Thừa. [Thế mà] kẻ đó chẳng khuyên người khác thì thôi, thấy người khác khuyên người ta đọc, hấn bèn nảy lòng ghen tỵ, “chỉ có ta là tốt, chỉ có ta là mạnh mẽ”, phun ra lời đố kỵ, thậm chí thốt lời phá hoại. “Xan” là kẻ ấy chẳng chịu làm, “ta truyền dạy cách tu pháp này cho người, người phải cúng dường ta thật xộp đó nghe!” Có vị thượng sư nói theo kiêu đó, nhưng mỗi người mỗi khác, hãy tùy thuộc tâm lực của quý vị mà cân nhắc. Có vị thượng sư nói như vậy đó, “người phải đem nhiều tiền đến đây”, giống như kiêu nói tại Tây Tạng: “Người dẫn một thớt ngựa tốt đến [biếu ta], ta sẽ truyền quán đánh cho người”. Tôi từng hỏi sư phụ tôi: “Điều ấy có nghĩa là gì?” Thầy dạy: “Gã [đệ tử] đó keo tham, yêu quý con ngựa ấy như tánh mạng, há có thể cầu pháp được ư? [Thượng sư] bảo hấn ‘đem con ngựa tặng cho ta, ta sẽ truyền pháp cho người’. Hấn mà xả được thì tu tập sẽ đạt được thành tựu. Ta chẳng cần con ngựa của hấn, đem tặng lại cho người khác”. Thế nhưng quý vị chẳng thuộc địa vị ấy, cũng chẳng có Tha Tâm Thông, hoặc chẳng có phẩm đức ấy, chớ có đòi hỏi người khác, hoặc là đòi người khác phải trả một giá tiền nhất định. Được cúng dường rất nhiều vàng, bạc, của cải để làm gì chớ?

Mọi người hãy xem truyện của tôn giả Mật Lặc Nhật Ba (Milarepa)³⁴, sư phụ của Ngài là Mã Nhĩ Ba (Marpa)³⁵ yêu cầu Ngài cúng dường toàn bộ sở hữu rồi mới truyền pháp cho Ngài. Nhưng [nếu ta bắt chước làm như vậy], lời ta nói xuất phát từ keo tham, ta chẳng có bản lãnh ấy, kẻ kia sẽ chẳng chịu xả, không chịu cúng dường pháp. Lừa gạt người khác, chẳng có tín nghĩa. Nói dối, siểm nịnh, quý vị rất dễ dàng nhìn ra. Phàm là bất cứ ai, đối với kẻ thấp kém hơn mình, nếu lúc nổi tâm kiêu mạn, nhất định sẽ nịnh nọt kẻ bề trên của mình. Kiêu ngạo đối với kẻ dưới, nhất định sẽ bợ đỡ bề trên. Trông thấy người có quyền, hoặc là có tiền bạc, nhất định kẻ đó sẽ cúi đầu, khom lưng, có ý nghĩa như thế

³⁴ Jetsun Milarepa (1028–1111) là một vị đại hành giả thành tựu (Mahasiddha) của Phật giáo Tây Tạng. Ngài sanh trong một gia đình giàu có ở miền Tây xứ Tây Tạng. Khi cha Ngài mất sớm, chú và thím Ngài đã tìm mọi cách tước đoạt gia sản, khiến cho mẹ, bản thân Ngài và em gái đều khôn cùng. Căm thù, Ngài bỏ nhà, tìm học thuật phù thủy, dùng phù chú giết chết chú, thím. Say máu trả thù, Ngài giết chết rất nhiều người. Sau đó, Ngài hối hận sâu xa, xin theo học với đại dịch giả Marpa, chịu rất nhiều thử thách và bị hành hạ rất khắc nghiệt. Chẳng hạn, tôn giả Marpa bắt Ngài xây một cái tháp ba tầng, xây xong, bắt phá tan rồi xây lại. Bất cứ chuyện lớn nhỏ gì, Milarepa cũng đều bị đánh, chửi thậm tệ. Cuối cùng, sau nhiều năm, Marpa chấp thuận và dạy pháp cho Ngài. Đến lúc đó, Marpa mới cho biết ông có ý hành hạ như vậy để tiêu trừ nghiệp chướng cho Milarepa. Sau khi đắc pháp, nhất là pháp môn Lục Du Già của Naropa, Milarepa lui về ẩn tu trong một sơn cốc, sống khổ hạnh, và cuối cùng chứng ngộ, trở thành bậc đại hành giả về nhiều Mật Pháp. Những bài thơ của Ngài diễn tả sự chứng ngộ được phổ thành ca khúc và lưu truyền rất rộng rãi. Một đệ tử đắc pháp của Ngài là Gamgopa đã truyền thừa pháp mạch của Ngài, đặc biệt là pháp Đại Thủ Ấn (Mahamudra). Các môn đệ của Gamgopa đã lập nên tông phái Kargyupa (một trong bốn tông phái lớn nhất của Phật giáo Tây Tạng). Trong đó, tôn giả Dusum Khyenpa, đệ tử của Gamogopa, đã sáng lập chi phái Karma Kargyupa và trở thành Karmapa đời thứ nhất.

³⁵ Marpa Lotsawa (1012–1097), đôi khi còn gọi là Marpa Chökyi Lodrö, hoặc danh xưng thông dụng nhất là Đại Dịch Giả Marpa. Ngài quê ở miền Nam Tây Tạng, sanh trưởng trong một gia đình khá giả. Từ trẻ, Ngài đã theo học với Drokmi Shakay Yeshe, và thông thạo tiếng Sankrit. Do thấy kinh sách tại Tây Tạng không đủ và thiếu sót sau pháp nạn Phật giáo dưới thời vua Lang Dharma, Ngài phát tâm sang Ấn Độ cầu Mật Pháp. Ngài đã tham học với nhiều bậc đại hành giả Mật Tông Ấn Độ thời đó. Sau cùng, đắc pháp với ngài Naropa và đại đệ tử của Naropa là Maitripada. Sau mười hai năm miệt mài học tập, Ngài mang kinh sách trở về Tây Tạng và truyền bá Mật Pháp theo truyền thống Naropa. Tuy vậy, Ngài trở sang Ấn Độ hai lần nữa, vẫn theo học với Naropa để hoàn thiện kiến thức về Mật Tông, và được Naropa công nhận là pháp tử. Sau lần tham học lần cuối tại Ấn Độ, Ngài dành trọn thời gian phiên dịch kinh sách từ tiếng Phạn sang tiếng Tây Tạng.

đó. Những lời bợ đỡ, ngon ngọt gì hấn cũng đều tuôn ra hết. Ta có thể thấy chuyện này trên TV. Người hiện thời có bộ dạng như vậy rất nhiều, người học Phật chớ nên nịnh nọt!

Cuống siểm (誑諂) là chẳng nói lời thành thật. Trong ấy, lại chia thành hữu ý và vô ý. Quý vị chỉ cầu lợi, vì cái danh mà gạt gẫm người ta. Quý vị có mục đích, cái tội Cuống (誑, lường gạt) lại lớn hơn một chút nữa. Tùy tiện nói giỡn với người khác, hoặc nói bỡn cợt để trêu đùa, tội này sẽ nhẹ hơn nhiều. Cuống và Siểm đều thuộc loại vọng ngữ; nhưng Cuống ở đây không phải là như vậy, Cuống ở đây là cố ý, vì danh lợi. Siểm mị (諂媚, nịnh nọt, ve vuốt) cũng vì danh lợi.

Hại (害) khá rõ ràng, hoặc là hại người, nhưng kẻ đó cứ tưởng hại người, thật ra là hại chính mình. Phàm là hại người thì cũng đâu có hại được người ta, mà trái lại thành toàn cho người ta đấy chứ! Quý vị vừa hãm hại, đâm ra khiến cho người ta tiêu tai. Mọi người đọc kinh Kim Cang, [sẽ biết]: Nếu có ai bị kẻ khác khinh miệt, tội [của người đó] trong đời trước cũng sẽ tiêu diệt. Hoặc là quý vị bị kẻ khác hãm hại, cầu còn không được! Kẻ đó hại quý vị, tội trong đời trước của quý vị bị tiêu diệt. Vốn đáng bị đọa địa ngục, do kẻ đó hãm hại quý vị, ngay cả địa ngục cũng chẳng bị đọa, cái tội ấy cũng tiêu mất rồi!

Mạn (慢) là kiêu mạn. Chữ Kiêu (驕) trong “*kiêu mạn*” có rất nhiều cách giải thích. Mạn có mấy loại? Có mười loại mạn và mười loại kiêu. Tôi chỉ nói đại khái: Kẻ ấy vốn chẳng có bản lãnh, vốn chẳng nên hòn, vẫn cảm thấy mình ngon lành hơn người khác. Hạng người này rất nhiều! Kiến thức của kẻ đó chẳng to lớn gì, lại ngỡ chính mình rất lỗi lạc, giỏi giang hơn bất cứ ai khác. Ai cũng bị hấn khinh rẻ. Thậm chí cho rằng: “Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thật, ta mới là Phật thật”. Quả thật có kẻ như vậy đó, hòa thượng kiêu đó cũng có, cư sĩ kiêu đó cũng có luôn. Trong thời đại hiện tại, thứ gì cũng đều có! Phẫn, hận, nảo, phú, xan, tật, cuống, siểm, hại, kiêu, hiện thời chúng ta có mấy thứ? Hai mươi món Tùy phiền não, đều là phiền não của chúng ta. Có mấy thứ ấy, làm sao khai ngộ cho nổi? Có tu hành nổi hay không? Bất luận đọc tụng Đại Thừa cũng thế, mà tu Định cũng thế, chúng đều ngăn chướng quý vị, làm sao quý vị có thể tiến nhập cho nổi? Rất khó tiến nhập! Bất quá, đây đều là tật xấu của chúng ta. Đức Phật dạy chúng ta có quá nhiều tật xấu, mọi người ắt phải tự mình đối chiếu một phen, đừng tới đây để nghe những lời lẽ êm tai! Kinh Thập Luân có rất ít lời lẽ êm tai, càng về sau càng

phức tạp. Ở đây là nói đại khái về những khuyết điểm của chúng ta. [Ở đây nhắc tới] các loại phiền não lớn; trong phần sau, sẽ nói cặn kẽ từng điều một, chỉ ra những lầm lỗi của chúng ta đang nảy sinh trong hiện thời.

Nếu diệt trừ những lầm lỗi ấy thì tốt lắm, quý vị tu Định cũng có thể tiến nhập, đọc tụng Đại Thừa cũng có thể sanh huệ. Đọc tụng Đại Thừa thì quý vị đọc tụng kinh điển Đại Thừa, nhập Định, có lẽ trông thấy thánh cảnh. Đọc phẩm Tịnh Hạnh, sẽ thấy Văn Thù Bồ Tát, chẳng sai biệt cho mấy! Đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, sẽ thấy Phổ Hiền Bồ Tát, đọc kinh Địa Tạng sẽ thấy Địa Tạng Bồ Tát. Đọc Phổ Môn sẽ thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, thật sao? Chính là do cái tâm của quý vị biến hóa. Vì cái tâm của quý vị đã định, đọc kinh, sẽ sanh khởi. Đây là huyền cảnh, đừng ngỡ là thánh cảnh. Nếu quý vị hơi sanh khởi Ngã Kiến, vừa chấp trước: “Ta khá quá chớ, có thể đọc kinh cảm ứng Bồ Tát hiện thân”. Đây là kiêu, sẽ lập tức chuốc lấy phiền não. Đó là huyền cảnh, nếu quý vị chẳng chấp trước, cứ đọc kinh sách y như cũ, [thánh cảnh] hiện cũng được, mà không hiện cũng chẳng sao! Giống như Văn Hỷ Bồ Tát: “*Ông là ông, tôi là tôi*”. Khi Văn Thù Bồ Tát hiện thân trước Văn Hỷ, chiếu lý cho Sư. Sư nói: “*Văn Thù là Văn Thù, Văn Hỷ là Văn Hỷ. Ông chẳng thể làm thay tôi*”³⁶. Có chí khí như thế đấy! Do vậy, hiện

³⁶ Theo cụ Nam Hoài Cẩn (南懷瑾), đây là một câu chuyện khá nổi tiếng trong nhà Thiền: Thiền sư Văn Hỷ xuất gia từ bé, ba mươi mấy tuổi mới bắt đầu tham Thiền. Vì tu mãi vẫn chẳng khai ngộ, Ngài bèn tam bộ nhất bát từ phương Nam đến núi Ngũ Đài mong được Văn Thù Bồ Tát chỉ điểm. Khi đến động Kim Cang ở Ngũ Đài, Sư gặp một ông lão dốt trâu, đầu bạc phơ, mời Sư vào lều tranh uống chén trà, hỏi Sư từ đâu đến. Văn Hỷ thưa từ phương Nam đến, mong gặp Văn Thù Bồ Tát. Ông cụ hỏi: “Phật giáo ở phương Nam như thế nào?” Sư thưa: “Lộn xộn lắm, nên tôi đến đây cầu pháp”. Cụ già cười bảo: “Ở đây cũng thế, rần rờn hỗn tạp, phàm thánh đồng cư!” Ông lão hỏi tiếp Phật pháp, Sư không trả lời được. Ông lão nhíu mày, gọi: “Quân Đề! Tiễn khách!” Một bé trai chạy ra nói: “Xin mời sư phụ theo tôi”. Dẫn Sư ra khỏi lều, Sư quay lại định cảm tạ chú bé, chỉ thấy Văn Thù Bồ Tát cười trên con sư tử xanh đứng trên hư không. Giây lát Ngài biến mất. Ngàn dặm gian lao tam bộ nhất bát mong được Bồ Tát chỉ dạy, thế mà chẳng nhận biết Bồ Tát. Sư khóc lóc, sám hối, phát phần, quyết chí tu tập, rốt cuộc đại triệt đại ngộ. Sau khi đại ngộ, Sư phát nguyện phụng sự đại chúng, làm Phạn Đầu (người nấu cơm cho chư tăng) trong từng lùm. Mỗi bữa phải nấu cơm cho cả ngàn vị Tăng ăn. Có một hôm đang nấu cháo, Sư bỗng thấy ngài Văn Thù hiện thân trong nồi cháo, vẫn cười trên sư tử, chạy vòng quanh trong nồi. Văn Hỷ bèn dùng cái xẻng để quấy cháo đuổi đánh Văn Thù, quát to: “Văn Thù là Văn Thù, Văn Hỷ là Văn Hỷ. Ngài chạy đến đây làm chi? Ngài là

cảnh giới gì đi nữa, đều chẳng chấp trước, đáng nên làm gì thì cứ làm, đáng nên tu hành như thế nào, quý vị cứ tu hành đúng như thế đó!

Khi nhập Định, quý vị cũng có thể thấy rất nhiều cảnh giới. Đặc biệt là lúc mới vừa tu hành, Phật, Bồ Tát rất linh, dường như quý vị cầu gì cũng đều rất tương ứng. Tin lâu ngày, dường như Phật, Bồ Tát càng lúc càng xa. Trọn chẳng phải là Phật, Bồ Tát cách xa, mà là cái tâm của quý vị dấy lên biến hóa. Như người xuất gia chúng ta, xuất gia một năm thì Phật ở trước mắt, xuất gia mười năm thì Phật dọn qua Tây Thiên. Sau mười năm, người ấy chẳng biết nữa, Phật chẳng còn! Do nguyên nhân nào vậy? Sau khi học Phật, sanh khởi rất nhiều phiền não. Vốn là thánh sự, quý vị biến nó thành phiền não. Nơi Tục Đê còn chưa đủ, thêm vào Không Môn, chắc là chẳng rỗng không. Nếu thật sự chẳng không, tức là còn tăng thêm một cái Không nữa, Không trong hư không. Cái Không ấy rất lợi hại, khiến cho quý vị đọa lạc rất nhanh: “Chẳng có vấn đề gì! Không mà!” Dem toàn bộ nhân quả báo ứng một nét bút xóa sạch. Kẻ đó chẳng học Phật thì còn đỡ một tí, chẳng có lá gan lớn như vậy. Sau khi học Phật, to gan lắm: “Phật nói là Không mà!” Cho nên chuyện gì kẻ đó cũng đều dám làm. Sau khi đã làm, chắc chắn là [tội nghiệp] chẳng không rồi! Đợi đến khi thọ khổ, bụng đau, sợ nhức, mới biết là Không chẳng được! Một tí tẹo cũng chẳng coi là Không được! Kẻ đó biết sự lợi hại, cho nên sẽ thật thà học.

Trong phần trước, chúng tôi đã nói về tập tụng nghiệp luân, nói đến “*trung đại phiền não tu, giai trừ diệt cố, vị linh chứng Vô Thượng Trí cố*” (các khối phiền não to lớn trong ấy đều trừ diệt, vì khiến cho chứng Vô Thượng Trí). Chúng tôi nhắc lại một chút. Trong phần trước, nói về tu Định nghiệp, tức là tu Định; ở đây dạy về tập tụng nghiệp. Sợ rằng mọi người sợ tập tụng thì nhiều, mà tu Định thì ít. Vì chúng ta đọc kinh Kim Cang, hoặc đọc kinh Di Đà, “*tập tụng*” là đọc tụng Đại Thừa. Thông thường, mọi người nhìn theo mặt chữ, niệm một lượt là xong. Có lúc, do thời gian rất vội vàng, dường như tăng tốc độ đọc cho lẹ hơn. Trong tình huống như vậy, khi đọc tụng, quý vị chẳng dễ gì tiến nhập. Tôi nói “không thể tiến nhập”, vì trong khi tập tụng, chẳng thể thuận theo đạo lý trong kinh văn mà nhập Quán, chỉ chiếu theo văn tự mà đọc. Tập tụng kiểu đó, công lực kém cõi hơn. Tập tụng kiểu đó, đoạn phiền não sẽ có phần khó khăn!

Ngài, tôi là tôi”. Ngài Văn Thù cười to: “Khô qua thì rễ cũng đắng, dưa ngọt thì cuống dưa cũng ngọt. Tu hành ba đại kiếp, đâm ra bị lão tăng ghét”.

Tập tụng nghiệp và tu Định nghiệp giống như nhau. Nếu quý vị có thể chí tâm đọc, chẳng hạn như đọc phẩm Phổ Môn, nếu đã có thể nghe qua, đã được giảng qua thì càng tốt hơn. Chưa được nghe giảng, hoặc là nghe vị sư phụ nào nói “đọc phẩm Phổ Môn sẽ có lợi ích”, quý vị bèn thỉnh một quyển kinh Phổ Môn để đọc như vậy. Chẳng có sư phụ truyền dạy, chẳng có ai bảo quý vị đọc như thế nào, quý vị đạt được hiệu quả sẽ kém hơn một chút. Vì sao? Trong tụng nghiệp luân, có thêm vào một chữ Tập. “Tập” (習) là học tập. Sau khi quý vị đã học tập rồi mới đọc. Khi quý vị tu tập tụng nghiệp luân, tức là khi ta đọc tụng Đại Thừa, chớ nên giải đãi. Đầu đêm, cuối đêm [đều phải tụng đọc].

Nay chúng ta đang thuộc thời Mạt, sợ rằng với tình huống thân thể của chúng sanh trong hiện thời, sẽ chẳng thể chịu đựng nổi! Mọi người chỉ đọc, hoặc là phẩm Phổ Môn, hoặc là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, hoặc là kinh Dược Sư, hoặc kinh Di Đà, đọc một bộ là được rồi. Vậy thì chẳng dùng đến đầu đêm và cuối đêm, chẳng trở thành vấn đề tốn thời gian quá lớn.

Khi đọc, nhất định phải tuân theo nghi thức. Nói chung, cần phải có một lư hương. Đồng thời, tùy theo sức của quý vị lo nổi mà cúng chút hoa. Nếu chẳng thể cúng nhiều thì một bông cũng được. Quý vị dùng một cái bình hoa nhỏ, đổ vào đó chút nước để dâng cúng hoa, thắp một nén hương, nghi thức ấy cần phải có. Bày kinh bồn ra, chúng ta trước hết phải đánh lễ ba lượt. Lễ xong, mở kinh bồn ra, quý vị phải lắng lòng một chốc. Sau đó, phải tĩnh tâm một thoáng, quán tưởng trong chốc lát. Tâm đã tĩnh, bèn mở kinh bồn ra để niệm. Niệm thì ắt cần phải từng chữ rành mạch, phân minh. Lúc mới niệm, càng phải rõ ràng, rành rẽ. Nếu quý vị muốn thâm nhập đôi chút, bèn thuận theo kinh văn mà nhập quán.

Nếu quý vị đọc phẩm Phổ Môn, phẩm Phổ Môn tán thán công đức của Quán Thế Âm Bồ Tát, tán thán Quán Thế Âm Bồ Tát như sau: Hễ quý vị gặp phải tai nạn gì, chỉ cần niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát có thể cứu khổ cứu nạn. Kinh văn dạy như thế đó. Quý vị phải biết: Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì phải chí tâm; chẳng chí tâm, sẽ không thể được. Nếu quý vị biết tu Quán, khi đọc phẩm Phổ Môn, quý vị quán tưởng vì sao Quán Thế Âm Bồ Tát phát nguyện to lớn dường ấy? Ta cũng mong học theo Ngài, đọc tụng chuyện Ngài đã làm trong quá khứ, cũng là những chuyện cũ, đó là các chuyện Quán Thế Âm Bồ Tát đã thực hiện trong quá khứ. Quý vị đọc [kinh văn dạy về] Ngài, cũng phải học theo Ngài phát nguyện.

Khi tụng kinh, nếu thêm vào Quán, hiệu quả sẽ to lớn. Như thế thì mới có thể đoạn phiền não. Có các đạo hữu đã từng hỏi tôi như thế này: “Con đã tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên mấy ngàn bộ. Mỗi ngày tụng một bộ, con tụng mười mấy năm, thế nhưng một tí hiệu quả cũng chẳng có”. Tôi hỏi: “Quý vị tụng như thế nào?” Người ấy thưa: “Con cầm kinh bồng lên niệm”. Đúng hay không? Đúng! Tôi nói: “Quý vị nói hiệu quả thì là cầu hiệu quả gì vậy? Thoạt đầu, quý vị phát nguyện gì vậy?” Khi tập tụng, quý vị phát nguyện. Quý vị đọc một bộ kinh nào, hoặc là kinh Địa Tạng, hoặc đọc phẩm Phổ Môn, hay phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, như thế thì sẽ tùy thuận Địa Tạng Bồ Tát mà phát nguyện để đọc kinh Địa Tạng. Quý vị đọc phẩm Phổ Môn, sẽ tùy thuận Quán Thế Âm Bồ Tát mà phát nguyện. Đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, sẽ thuận theo Phổ Hiền Bồ Tát để phát nguyện. Quý vị tụng như vậy, hiệu quả sẽ to lớn. Nếu quý vị có thể liễu giải ý nghĩa bao hàm trong bộ kinh ấy, khi tụng, nếu chẳng dấy lên chấp trước, chẳng thấy ta là người có thể tụng, chẳng có kinh được tụng. Khi niệm kinh, đọc tụng, tâm của quý vị và kinh kết thành một thể, tâm của quý vị và Quán Thế Âm Bồ Tát kết thành một thể. Quý vị đọc bộ kinh nào, sẽ kết thành một Thể với vị Bồ Tát trong bộ kinh đó. Đó gọi là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đây là một phương thức đọc kinh.

Đọc kinh xong, nhất định phải hồi hướng. Khi bắt đầu đọc thì phải phát nguyện, đọc xong phải hồi hướng. Phải làm theo quá trình nhất định, đó gọi là “*tu hành*”. Quý vị đọc kinh là hành Bồ Tát đạo ở ngay nơi đây, là tu hành. [Quý vị thắc mắc]: “Bản thân con ngồi ở đây niệm kinh, làm sao hành Bồ Tát đạo cho được?” Công đức đọc tụng kinh của quý vị gia trì, hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh trong ba ác đạo. Quý vị phát nguyện, hy vọng Bồ Tát gia trì, độ thoát họ, trừ khử tai nạn cho họ. Ý nghĩa của hồi hướng là dùng tâm lực của chúng ta, dùng sức mạnh do sự nghiệp chúng ta đã làm, hãy đạt được sự báo đáp nào, đều trao cho họ hết. Giống như chúng ta làm việc, đem tiền lương kiếm được cúng dường Tam Bảo. Sau đây, thấy chúng sanh nghèo khổ, bèn bố thí cho họ, công đức ấy rất lớn. Nhưng quý vị chẳng biết khi đọc tụng kinh thì cũng giống như thế. Quý vị đạt được sự báo đáp là do Bồ Tát gia bị quý vị, Tam Bảo gia trì quý vị, bèn mong mỗi Tam Bảo sẽ gia trì hết thấy chúng sanh, bất luận hữu duyên hay vô duyên. Như vậy thì khi quý vị đọc tụng mới có thể đoạn phiền não.

Khi tập tụng có thể trừ diệt trung và đại phiền não, đạt được Vô Thượng Trí. Nếu không, quý vị chiếu theo kinh văn, chỉ niệm văn tự, sẽ

chẳng đạt được [hiệu quả trừ phiền não như vậy]. Khi đọc, khi niệm, phải thêm vào sức quán tưởng, như vậy thì mới có thể đạt được Vô Thượng Trí. Do mọi người ít tu Định, niệm kinh Dược Sư nhằm tiêu tai miễn nạn, giảm trừ đau khổ, khiến cho thân tâm khỏe mạnh, chẳng bị bệnh tật. Thậm chí nếu đã mắc bệnh, sẽ được lành bệnh, Bồ Tát gia bị lành bệnh. Quý vị đọc kinh Dược Sư cũng phải biết đọc. Đồng thời, lúc quý vị đọc, hãy thuận theo ý nghĩa của kinh văn mà nhập Quán, Định và Huệ hai đấng cùng kết hợp lại. Khi quý vị đọc, nếu tâm chẳng tạp loạn, quý vị đọc rồi sẽ có thể nhập Định. Đây hoàn toàn chẳng phải là ngủ mê. Nếu đọc rồi hôn trầm, [tưởng rằng] cũng giống như nhập Định, vậy là lẫn lộn mất rồi! Nói đến ý nghĩa nhập Định là như quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm.

Trong quá khứ, có một vị lão hòa thượng là như vậy, Ngài đọc trong Định, tốc độ đọc rất nhanh, nhanh như thế nào? Ngài trên đường từ Thiên Vương Điện³⁷ đến đại điện, đã đọc xong một bộ kinh Hoa Nghiêm! Mọi người biết kinh Hoa Nghiêm có tám mươi quyển, Ngài mới đi một hai trăm bước như vậy mà đã đọc xong một bộ kinh Hoa Nghiêm, Ngài đọc trong Định! Nếu đọc phổ biến thì “*một chính là hết thảy*”. Sau đó, vị thị giả nêu câu hỏi, không tin Ngài, tìm tám mươi người, mỗi người cầm một quyển. Tám mươi người nghe Ngài đọc kinh, lấy quyển thứ nhất nghe Ngài đọc một quyển, lấy tám mươi quyển nghe Ngài đọc tám mươi quyển, Ngài đọc thông suốt.

Tuy chúng ta vẫn chưa đạt đến định lực ấy, nhưng chúng ta có thể thực hiện từ mức sơ khởi, nông cạn. Quý vị đọc kinh Địa Tạng, đọc được phẩm nào liền quán tưởng phẩm ấy, biết phẩm ấy có ý nghĩa gì, phải hiểu ý nghĩa rồi mới lại đọc, hiệu quả sẽ tốt hơn một chút. Thậm chí khi đọc kinh, đừng để chuyện vụn vặt chứa trong đầu. Khi đọc kinh, chớ nên dấy vọng tưởng. Khi tâm tưởng của quý vị rối beng, ngồi yên nơi đó đọc kinh, vừa đọc liền ngủ gật. Tình huống này cũng có, đọc thì cứ đọc, nhưng dấy vọng tưởng, hôn trầm, chẳng biết đọc đến đâu rồi. Tu Định thì chẳng được lao chao, chẳng được hôn trầm, đọc kinh cũng phải như vậy. Chớ nên điều cử (lao chao), mà cũng chớ nên hôn trầm. Nếu quý vị điều cử, bộ kinh ấy sẽ xem được rất ít. Quý vị đọc trong một thời gian rất dài, vẫn đọc không xong, sẽ sanh phiền chán! Nếu gặp một bộ

³⁷ Trong các đại tòng lâm, Thiên Vương Điện là điện thờ ngay sau sơn môn (cửa tam quan) của chùa. Trong điện thờ Di Lặc Bồ Tát ngồi chính giữa, bốn vị thiên vương châu hầu bốn góc, nên gọi là điện Thiên Vương.

kinh dài, quý vị sẽ càng đọc không nổi. Đó chính là các lầm lỗi quý vị phải phòng ngừa thì mới có thể đạt đến Nhất Thiết Trí.

Đọc kinh là tu Huệ, mà cũng là tu phước. Kinh Kim Cang giảng về nghĩa Không của Bát Nhã. Đọc kinh Kim Cang, phước đức to lớn. [Kinh ấy dạy đọc tụng kinh Kim Cang] công đức to hơn công đức bố thí do “*dùng bảy báu chất đầy tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường*”. Đây là phước, lại còn có thể sử dụng, tức là có thể dùng [cái phước ấy] để đạt được Huệ. Đó là Huệ. Phước huệ song tu thì mới có thể đạt được trí Bát Nhã. Trong kinh văn [kinh Kim Cang], dường như không nói gì đến cách tu, nhưng thật ra, mỗi bộ kinh đều dạy chúng ta phương pháp. Quý vị tu tập, lúc tu tập chính là lúc học, như thế thì quý vị mới có thể đạt được thọ dụng. Đức Phật khiến cho hết thấy chúng sanh, nếu ai có căn cơ Đại Thừa, chuyên môn tu Đại Thừa, sẽ làm cho người ấy tập đọc tụng Đại Thừa. Không chỉ là chính mình học tập và đọc, mà còn khuyến người khác học tập và đọc. Như thế thì sẽ có thể đạt được trí huệ vô thượng, vì đọc kinh điển Đại Thừa, hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, trừ hết thấy các khổ, có thể tiêu trừ tất cả khổ nạn của chúng sanh. Chính quý vị đọc, khiến cho hết thấy chúng sanh cũng đọc, khiến cho họ tiến nhập tòa thành Vô Úy.

“*Vô Úy thành*” là sau khi đã thành Phật, sẽ có tứ vô sở úy. Úy (畏) là sợ hãi. Hiện thời, tình hình đáng sợ rất nhiều. Có rất nhiều đạo hữu đọc kinh Địa Tạng, cảm ứng bất đồng, hoặc là thấy quỷ thần, hoặc là phát lạnh. Đây đều chẳng phải là các hiện tượng xấu! Khi đó, chúng ta phải hỏi: “Người ấy có sợ hãi, chẳng dám đọc kinh nữa hay không?” Vốn đọc kinh là để tiêu trừ sợ hãi, nhưng người ấy có nỗi sợ hãi, do đọc kinh mà cảm nhận sợ hãi, tình huống kiểu này rất nhiều! Không chỉ là kinh Địa Tạng, đọc kinh khác cũng sẽ có. Trước hết, quý vị phải hiểu rõ: Đọc tụng kinh Đại Thừa, sẽ có hộ pháp bảo vệ, lẽ nào lại có cảm giác kinh hoảng? Vốn là khi đọc kinh, có thể tiến nhập vô úy, tiến nhập chẳng sợ sệt. Tứ Vô Sở Úy của đức Phật chính là Nhất Thiết Trí Vô Úy, chướng đạo vô sở úy (chẳng sợ sệt các pháp chướng đạo). Khi quý vị tu đạo, [đức Phật] bèn nói rõ ràng các pháp chướng ngại ấy. Khi Ngài đang nói, đều vô sở úy. Chỉ có đức Phật mới có thể nói rõ ràng hết thấy các pháp chướng đạo. Quý vị muốn tu đạo, thì Ngài ắt sẽ nói rõ ràng cho quý vị biết các pháp chướng đạo. Khi nói, Ngài chẳng hề sợ hãi.

Lại còn có Lưu Tận Vô Úy. Lưu Tận có nghĩa là chẳng bỏ sót tam giới, cho đến chẳng bỏ sót hết thấy chúng sanh, khiến cho họ vĩnh viễn

đều đạt đến giải thoát. Điều thứ tư là Tận Khổ Đạo Vô Úy, tức là nói “*chấm dứt khổ đạo*” không sợ hãi. Khi nói, chẳng sợ hãi. Do trí huệ, đức Phật có thể biết [cặn kẽ]. Đó là cầu Đại Thừa. Cầu Đại Thừa thì phải mong nhập Phật trí, đạt đến cảnh giới của Phật, trừ khổ cho hết thảy chúng sanh. Khi quý vị đọc tụng kinh điển Đại Thừa, sẽ có thể đạt được các lợi ích ấy. Chuyện này giống hệt như cầu lợi ích đắc Định trong phần trước.

(Kinh) Nhược chư hữu tình cầu Duyên Giác Thừa, ngã đương an trí chư duyên khởi pháp, linh kỳ tập tụng. Nhược chư hữu tình cầu Thanh Văn Thừa, ngã đương an trí bách thiên văn tụng Tứ A Cấp Ma, bách thiên văn tụng Tỳ Nại Da Tạng, bách thiên văn tụng A Tỳ Đạt Ma, cập Tỳ Bà Sa, linh kỳ tập tụng. Thiện nam tử! Thị danh Như Lai tập tụng nghiệp luân.

(經)若諸有情求緣覺乘，我當安置諸緣起法，令其習誦。若諸有情求聲聞乘，我當安置百千文頌四阿笈摩，百千文頌毗奈耶藏，百千文頌阿毗達磨，及毗婆沙，令其習誦。善男子！是名如來習誦業輪。

(Kinh: Nếu các hữu tình cầu Duyên Giác Thừa, ta sẽ xếp đặt các pháp duyên khởi để họ tụng tập. Nếu các hữu tình cầu Thanh Văn Thừa, ta sẽ an bài trăm ngàn văn tụng Tứ A Cấp Ma, trăm ngàn văn tụng Tỳ Nại Da Tạng, trăm ngàn văn tụng A Tỳ Đạt Ma và Tỳ Bà Sa để họ tập tụng. Đây thiện nam tử! Đó gọi là tập tụng nghiệp luân của Như Lai).

Nếu kẻ đó chẳng phải là căn khí Đại Thừa, đọc tụng Đại Thừa sẽ chẳng thể tiến nhập, đức Phật liền nói Duyên Giác Thừa. Duyên Giác Thừa là pháp Thập Nhị Nhân Duyên. Mười hai pháp nhân duyên ấy cũng có thể nói là “*pháp duyên khởi*”. Thấy hết thảy sự vật sanh diệt, biến hóa, biết vì sao phải thọ khổ? Vì sao sẽ hưởng vui? Đương nhiên, chứng Tịch Diệt là vui, luân hồi trong sanh tử là khổ. Vì duyên theo sự biến hóa của hết thảy sự vật, từ trí huệ của vị ấy, có thể sanh khởi sự giác ngộ, sanh ra trí huệ. Vị ấy thấy cây cối đã xanh lại vàng, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, cho đến thọ mạng của con người dài ngắn khác nhau. Đối với những chuyện đó, vị ấy dụng tâm nghiên cứu, tìm ra nguyên nhân. Hai cái nhân trong quá khứ sanh ra khổ quả trong hiện tại, Vô

Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc. Khi đức Phật thuyết pháp, tức là lúc có Phật xuất thế, Duyên Giác sẽ nương theo pháp nhân duyên do đức Phật đã nói mà khai ngộ. Lúc chẳng có Phật ra đời, chính vị ấy thấy hết thấy sự sanh diệt, biến hóa mà ngộ đạo, bèn gọi là Độc Giác. Cũng có trường hợp do thiện căn trong quá khứ, đối với loại chúng sanh này, bèn nói pháp nhân duyên, nói pháp duyên khởi, dạy họ niệm loại kinh này.

Nếu là Thanh Văn Thừa thì sao? Xếp đặt cho họ hàng trăm ngàn văn trường hàng và kệ tụng của Tứ A Cấp Ma. Tứ A Cấp Ma chính là Tứ A Hàm (Catvāri Āgama), có kinh Trường A Hàm (Dīrgha Āgama), kinh Trung A Hàm (Madhyama Āgama), kinh Tăng Nhất A Hàm (Ekottara Āgama), và kinh Tập A Hàm (Saṃyukta Āgama). A Hàm (Āgama) có nghĩa là “truyền thừa thánh điển về giáo pháp của đức Phật”. Đây là trong thời đại khởi nguyên của Phật giáo, đệ tử Phật và các tín đồ đã dùng hình thức văn tự giống như thơ và các câu văn ngắn gọn, đơn giản để truyền lại những lời đức Phật chỉ dạy và các pháp do Ngài đã nói mà họ đã được nghe thấy. Hình thức thơ ca đều là truyền miệng, chẳng giống như chúng ta dùng văn tự để ghi lại. Vào thời điểm ấy, toàn là truyền miệng, trực tiếp khẩu truyền. Như vậy bèn gọi là “chân truyền”. Vì phải tích cực truyền thừa, cho nên mới dần dần phát triển thành hình thức truyền tụng. Do vậy, họ dùng văn tự ngắn gọn để ghi chép lại. Vào thời điểm ấy, tại Ấn Độ toàn dùng hình thức thi ca. Văn tự để tụng do đó mà có. Đây là duyên khởi hình thành kinh A Hàm.

Trường A Hàm có tất cả hai mươi hai quyển. Trong ấy có bốn phần, gồm ba mươi bộ kinh văn. Quyển thứ nhất ghi chép những điều liên quan đến cuộc đời đức Phật. Phần thứ hai là tu hành, là kinh điển liên quan đến giáo lý. Phần thứ ba là ngoại đạo chất vấn, tranh luận với nhau, đả phá các tà tri, tà kiến của ngoại đạo. Phần thứ tư nói về đạo lý “sanh, trụ, dị, diệt, thành, trụ, hoại, không” của thế giới này. Nói chung, Tứ A Hàm đều có những ý nghĩa đó.

Trung A Hàm chỉ dạy Tứ Đế (Catvāri Āryasatyāni), thập nhị nhân duyên (Pratītya-samutpāda-aṅga), hoặc là nêu thí dụ, cũng chính là những lời lẽ khi đức Phật và các đệ tử luận nghị, cho đến những việc mà các Ngài đã làm. Giống như khi chúng ta tụng kinh chỉ là ngôn ngữ, nhưng Trung A Hàm dạy chúng ta cách hành như thế nào, tức là phương pháp tu hành. Do vậy, kinh này thuộc về Hành. Nương theo ngôn ngữ chỉ dạy mà hành trì, cho nên thuộc về Hành.

Tăng Nhất A Hàm là nói theo con số. Vì khi tu theo bộ kinh điển này, cứ mười số thì tăng thêm một, bèn có mười một pháp. Cứ mười pháp lại tăng thêm một, chữ Tăng Nhất (增壹) có ý nghĩa như thế đó. Kinh có năm mươi quyển, lại tăng thêm một quyển, nên thành năm mươi một quyển.

Tạp A Hàm ghi chép rất nhiều loại hỗn hợp, chẳng thuộc loại kinh văn dài, chẳng phải là cùng một nghĩa lý, mà là rất nhiều nghĩa lý.

Vậy thì nguyên thủy Phật giáo có bốn loại kinh điển, tức Tứ A Hàm. Thuận theo kinh văn, tôi nói đại khái với mọi người đôi chút. “*An trí bách thiên văn tụng A Cấp Ma, bách thiên văn tụng Tỳ Nại Da Tạng*” (Xếp đặt trăm ngàn văn tụng A Cấp Ma, trăm ngàn văn tụng Tỳ Nại Da Tạng): “*Tỳ Nại Da*” (Vinaya) là Luật Tạng, chuyên nói về giới luật. Giới là quy củ, là pháp luật mà đệ tử Phật phải nên tuân thủ. Sở dĩ gọi là “*giới luật*”, chẳng gọi là pháp luật, vì nó có hai loại là Trì và Giá. “*Trì*” là đáng nên làm, có Chỉ Trì và Tác Trì. Chỉ Trì là không được phép làm. Tác Trì là nhất định phải làm, cần phải làm; quý vị chẳng làm, sẽ phạm giới. Bảo quý vị đừng nên làm, mà quý vị cứ khăng khăng làm thì cũng phạm giới. Cần phải chia ra thành hai loại Chỉ và Tác, trong ấy, nói rất nhiều điều. Như mọi người rất quen thuộc Tam Quy. Tam Quy có nói giới hay không? Tam Quy cũng là giới. Quy y Phật nhằm ngăn che quý vị quy y ngoại đạo. Sau khi đã quy y Phật, chẳng thể quy y thiên ma, ngoại đạo nữa. Sau khi đã học Phật, nhất định phải trì tụng Tam Bảo, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đây là Tác Trì. Chẳng thể quy y ngoại đạo, chớ nên xem điển tịch của ngoại đạo. Khi quy y Pháp, chớ nên xem điển tịch của ngoại đạo. Đó là Chỉ Trì. Nhất định phải đọc kinh Phật là Tác Trì. Mỗi điều đều là như thế. Khi quy y Tăng, Tăng là tăng nhân, cũng là hết thầy người xuất gia, quý vị chẳng thể quy y tà đạo, đó lại là Chỉ Trì.

Phàm là trong giới luật, đối với bộ phận giới luật của Thanh Văn Thừa thì giới tỳ-kheo gồm hai trăm năm mươi điều. Cả hai trăm năm mươi giới điều đều chẳng phạm, đã trì thanh tịnh, nhất định sẽ chứng đắc quả A La Hán. Đây là nói kể từ ngày thọ giới trở đi, một mực chẳng phạm. Nếu quý vị trót phạm, theo đúng pháp sám hối thì là Tác Trì. Có pháp Yết Ma, tức là [những cách thức] dạy cho quý vị [sám hối, phát lộ] như thế nào, bèn làm như thế ấy. Quý vị đã phạm tội, phạm vào điều giới nhỏ, rất nhẹ mỏng, đã sám hối, bèn được thanh tịnh, khôi phục thanh

ting, đó là Tác Trì. [Cách thức phát lộ, thưa bày trước Tăng đoàn, chân thành sám hối] gọi là pháp Yết Ma.

A Tỳ Đạt Ma (Abhidharma) thuộc về Luận Tạng. [A Cấp Ma, Tỳ Nại Da, và A Tỳ Đạt Ma] là Kinh, Luật, Luận. Trong nguyên thủy Phật giáo, kinh A Hàm là Kinh, A Tỳ Đạt Ma là Luận. Kinh, Luật, Luận là Tam Tạng. Tỳ Bà Sa (Vibhāṣā) là luận được phê bình, chú giải cũng rất nhiều³⁸. Đối với người học Duyên Giác hay Thanh Văn, sẽ dạy họ tập tụng những thứ đó.

“Thị danh Như Lai tập tụng nghiệp luân” (Đó gọi là tập tụng nghiệp luân của Như Lai): Trên đây đã nói tập tụng như thế nào? Niệm những thứ ấy. Quý vị tự cảm thấy loại nào thích hợp với chính mình. Quý vị đọc kinh Tứ A Hàm, cảm thấy rất hay, vậy thì quý vị đọc kinh Tứ A Hàm. Quý vị đọc kinh điển Đại Thừa, kinh Kim Cang, kinh Di Đà, cảm thấy rất hay, hãy đọc kinh điển Đại Thừa. Sau khi quý vị quy y một vị sư phụ nào đó, rất ít người hướng về sư phụ thỉnh pháp: “Thưa sư phụ! Con nên đọc kinh gì là tốt nhất?” Rất ít người hỏi về vấn đề này. Thọ Tam Quy xong là bỏ đi, ngay cả niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng đều chẳng niệm, còn đọc kinh gì nữa! Họ chẳng thỉnh cầu chuyện ấy! Nếu có thỉnh cầu, sư phụ sẽ giảng cặn kẽ đôi chút. Có vị sư phụ chẳng nói với quý vị; quý vị chẳng hỏi, thầy cũng chẳng nói. Quý vị đã thọ Tam Quy, có khi còn muốn thọ Ngũ Giới. Thọ Ngũ Giới thì [sư phụ] nhất định phải giảng cho quý vị. Giảng ý nghĩa Tam Quy cho quý vị, tức là quý vị từ đây về sau đừng quên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Nhất định phải giảng những điều ấy; đó là tập tụng.

(Kinh) Thiện nam tử! Vân hà Như Lai doanh phước nghiệp luân? Vị chư hữu tình căn cơ ngu độn, vị chủng thiện căn, trí huệ vi liệt, giải đãi, thất niệm, nhiễm trước chủng chủng thọ dụng tư cụ, viễn ly thiện hữu, ngã đương an trí như thị hữu tình, sử doanh phước nghiệp, vị linh tu tác Phật, Pháp, Tăng sự, cập thân giáo sư, quỹ phạm sư sự. Thiện nam tử! Thị danh Như Lai doanh phước nghiệp luân.

³⁸ Do lão pháp sư nói câu này hơi khó hiểu, chúng tôi xin được nói thêm như sau: Chữ Vibhāṣā theo nghĩa gốc có nghĩa là “khái luận, khái yếu, giải thích”, do vậy, từ ngữ này được dịch sang chữ Hán thành “quảng giải, quảng thuyết, thắng thuyết, chủng chủng thuyết”. Đây là một từ ngữ dùng để chỉ các tác phẩm chú thích, chú giải các bộ luật hay luận. Bộ Tỳ Bà Sa nổi tiếng nhất là A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận. Riêng bộ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của ngài Long Thọ là ngoại lệ, vì đây là tác phẩm chú giải kinh Thập Trụ.

(經)善男子！云何如來營福業輪？謂諸有情根機愚鈍，未種善根，智慧微劣，懈怠失念，染著種種受用資具，遠離善友，我當安置如有情，使營福業，謂令修作佛、法、僧事，及親教師、軌範師事。善男子！是名如來營福業輪。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như thế nào là doanh phước nghiệp luân của Như Lai? Tức là các hữu tình căn cơ ngu độn, chưa gieo thiện căn, trí huệ kém ít, lười nhác, thất niệm, nhiễm đắm nơi hưởng thụ các vật dụng, xa lìa bạn lành, ta sẽ sắp xếp cho các hữu tình như thế, khiến cho họ chăm lo tu tạo phước nghiệp, tức là khiến cho họ phụng sự Phật, Pháp, Tăng, và phụng sự các vị thân giáo sư, quỹ phạm sư. Nay thiện nam tử! Đó gọi là doanh phước nghiệp luân của Như Lai).

Nếu tu Định chẳng được, tập tụng cũng chẳng tập tụng được, Như Lai còn có pháp môn phương tiện. Có pháp môn phương tiện gì vậy? Doanh phước nghiệp luân. Nghiệp là Tác (làm). Quý vị làm đôi chút phước đức, tức là tu phước. Đây là nói tới một loại hữu tình, căn tánh rất độn, chẳng thể đọc kinh, càng chẳng thể tu Định, ngu đốt, chậm lụt, chẳng có trí huệ. Vì trong quá khứ, họ chẳng gieo thiện căn, trí huệ rất kém thiếu, rất kém cỏi, mà cũng có nghĩa là “chẳng có trí huệ”. Vậy thì họ biểu hiện thành lười nhác, thất niệm. Mọi người đều thất niệm dễ dàng! Chúng ta có khi cầm râu chuối, hễ lần chuối thì nghĩ tới Phật, Pháp, Tăng. Buông râu chuối xuống liền quên bẵng. Cầm lấy râu chuối mới niệm. Nói đến “niệm” thì là niệm nào cũng đều chẳng quên Tam Bảo, hoặc là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng đều được. Quý vị chuyên niệm Phật cũng được. Vì kẻ đó trí huệ kém cỏi, thiện căn lại ít, những lúc thất niệm sẽ càng nhiều hơn. Họ chấp trước sự hưởng thụ, mong hưởng thụ hết thảy những vật dụng trong cuộc sống. Họ thà đi đánh tám ván mạt chược, bảo họ đến nghe giảng kinh ở đây một buổi chùng một tiếng rười thôi, họ cảm thấy rất khổ. Mỗi người có sở thích khác nhau. Như chỉ lấy giảng kinh làm thí dụ, kẻ không tin Phật thì không cần nói đến, đối với đệ tử Phật chúng ta, quý vị bảo họ vui chơi, tinh thần họ tràn đầy hăng hái, bảo họ niệm kinh, hoặc là tu Định, họ sẽ uể oải. Đối với thân thể hay vật dụng cần thiết cho cuộc sống, họ sẽ giữ rất kỹ,

chẳng lười nhác, rất tinh tấn, hoàn toàn tương phản! Đây là vì họ tham ái, có dục vọng đối với thế giới này.

Đồng thời, cũng là do chẳng có “*thiện hữu*” (bạn lành) giúp đỡ họ. Được gọi là “*thiện hữu*” bao gồm quý vị, hoặc là quan hệ vợ chồng, hoặc quan hệ bạn bè, hoặc quan hệ lục thân quyến thuộc. Vì chúng ta có một người lục thân quyến thuộc tin Phật, người ấy sẽ khuyên quý vị tin Phật, mong dẫn dắt quý vị tin Phật. Do người ấy, quý vị có cơ hội tin Phật. Nếu chẳng có nhân duyên ấy, chẳng gặp vị thiện hữu ấy, cho đến giữa các bạn đạo giúp đỡ lẫn nhau, nhắc nhở lẫn nhau, khiến cho quý vị tu hành, chẳng giải đãi. Giải đãi là nói tương phản với tinh tấn, thất niệm là nói tương phản với chánh niệm. Chẳng có thiện hữu, sẽ giống như loại hữu tình [ngu si, độn căn đang nói ở đây]. Đức Phật dạy: “*Ta sẽ an bài cho họ, khiến cho họ chăm lo tu phước*”. “*Doanh phước*” (營福) chính là tu tập, tích góp chút phước. Niệm Phật, niệm Pháp, hoặc là đến chùa miếu làm việc thiện, hoặc sửa chùa, tham gia tu tập, giống như rất nhiều đạo hữu làm nghĩa công (義工, làm thiện nguyện, hoặc làm công quả), tùy thuộc quý vị hồi hướng phước nghiệp ấy như thế nào. Tuy là thực hiện phước nghiệp rất bé, quý vị phải hồi hướng, khuếch trương nó thành to lớn. Chuyện này liên quan đến ý niệm.

Còn có những vị sư phụ mà quý vị thọ quy y, hoặc là thân giáo sư, hoặc quỳ phạm sư, khi họ hiện hữu, hãy làm thị giả cho họ, hoặc là chăm sóc họ. Khi họ tu hành, quý vị làm chút việc cho họ, đầy đủ là “*doanh phước*” (chăm lo tu phước). Chăm lo tu phước thì ở trong chùa đỡ đàn cho chư tăng. Vậy thì các vị cư sĩ tại gia, tức các vị Ưu-bà-tu-ca, Ưu-bà-sách-ca, cũng chính là Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ. Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ chính là doanh phước. Bước đầu tiên là đối với vị thân giáo sư của chính mình, nói thông thường, vị thân giáo sư là hòa thượng, cũng có nghĩa là vị hòa thượng mà quý vị thọ giới, hoặc các vị Yết Ma, Giáo Thọ, Quỳ Phạm Sư, Dẫn Lễ Sư truyền giới cho quý vị đều được kể vào trong ấy. Quý vị làm chút việc cho họ. Nếu quý vị tu Định chẳng thành, đọc kinh cũng chẳng thành, vậy thì quý vị hãy làm đôi chút việc tốt. Nếu quý vị làm thầy hương đăng trước bàn Phật, hoặc nếu trong nhà quý vị có thờ tượng Phật, mỗi ngày quý vị lau dọn bàn thờ, thắp hương, đó đều là những chuyện doanh phước. Chuyện doanh phước rất nhiều; đó là thành tựu Phật Luân thứ hai của Như Lai.

(Kinh) Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ nhị Phật Luân. Do thử luân cố, dĩ kỳ vô thượng tam thế nghiệp trí, như thật liễu tri nhất thiết hữu tình, chư nghiệp pháp thọ nhân cập quả báo, tùy kỳ sở ưng, lập tam nghiệp luân, thành thực nhất thiết sở hóa hữu tình, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tởi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, chuyển đại phạm luân, thành đại phạm hạnh, như thật liễu tri chúng sanh nhân báo.

(經)善男子！我成如是第二佛輪。由此輪故，以其無上三世業智，如實了知一切有情，諸業法受因及果報，隨其所應，立三業輪，成熟一切所化有情，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，摧諸天魔，外道邪論，轉大梵輪，成大梵行，如實了知眾生因報。

(Kinh: Này thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ hai như thế. Do vì luân ấy, dùng vô thượng tam thế nghiệp trí, đúng như thật biết rõ các nghiệp pháp thọ nhân và quả báo của các hữu tình, tùy theo căn tánh của mỗi hữu tình mà lập ra ba nghiệp luân để thành thực hết thảy các hữu tình được hóa độ, khiến cho họ trụ trong an ổn, được chẳng kinh hoàng, được chẳng sợ hãi, dẹp tan tà luận của thiên ma và ngoại đạo, chuyển đại phạm luân, thành tựu đại phạm hạnh, đúng như thật biết rõ nhân và báo của chúng sanh).

“Do thử luân cố, dĩ kỳ vô thượng tam thế nghiệp trí, như thật liễu tri nhất thiết hữu tình chư nghiệp pháp thọ nhân cập quả báo” (Do vì luân ấy, dùng vô thượng tam thế nghiệp trí, đúng như thật biết rõ các nghiệp pháp thọ nhân và quả báo của các hữu tình): “Tam thế nghiệp trí” là nói đến đức Phật. Đối với ba đời quá khứ, vị lai và hiện tại, Ngài đều có thể biết rõ nghiệp ba đời, đều biết đúng như thật nghiệp của hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh trong quá khứ, hiện tại, tương lai đã làm những gì, đã tạo những gì, đã gieo nhân nào, nay phải hứng chịu quả báo, đức Phật đều biết rõ đúng như thật. Do vậy, sẽ “tùy cơ ứng hóa”, tùy theo lẽ đáng nên, tức là thích ứng với căn cơ của họ mà lập ra ba loại nghiệp luân. Có thể nói “tam nghiệp luân” chính là ba nghiệp luân trên đây, tức định nghiệp, tập tưng nghiệp, và doanh phước nghiệp, thuận theo căn cơ, thấy họ thích hợp loại nào, tức nghiệp luân nào, bèn

dạy họ hãy nương theo nghiệp luân ấy để tu, khiến cho hết thấy các chúng sanh được đức Phật hóa độ đều có thể được an ổn. “An ổn” có nghĩa là chẳng bị khổ nạn, chẳng kinh hoảng, chẳng sợ sệt vì tam ác đạo, khiến cho họ chẳng sợ hãi. Đọa vào ba ác đạo là khổ, thậm chí chẳng cần nói đến chuyện đọa vào ba ác đạo, dầu là làm người, như trong hiện thời mọi người đều là người, tức là nói theo nhân đạo, thì hiện thời chúng ta đều là đệ tử Phật, thuộc về tứ chúng đệ tử, quý vị có hoảng sợ, có sầu lo hay không? Mỗi ngày đều phải lo được, lo mất, có hoảng sợ, vì sao vậy? Quý vị chẳng tu Định nghiệp tốt đẹp. Thậm chí đối với cái luân thứ ba, phước đức cũng chẳng đủ, phước nghiệp cũng chẳng đủ!

Đức Phật không như vậy. Ngài thành tựu, đối với hết thấy chúng sanh, biết đúng thật thiện căn của chúng sanh sâu hay cạn, cũng như biết họ đã tạo nghiệp dày hay mỏng. Nghiệp đã tạo là thiện nghiệp hay ác nghiệp, đã gieo cái nhân có sâu hay không? Có lớn hay không? Cho đến đối với quả báo họ đang lãnh nhận, có khổ nạn hay không? Có sợ hãi hay không? Biết quý vị có nỗi sợ hãi. Vì quý vị có sợ hãi, đức Phật sẽ dạy quý vị phương pháp trừ sợ hãi, tức là ba nghiệp luân như vừa mới nói. Trong ấy, bao gồm cách tu tập Định, có bao nhiêu loại Định? Cho đến đối với tập tụng, tập tụng quá nhiều! Tùy thuộc quý vị [ưa thích] đọc tụng loại kinh nào. Doanh phước rất rộng! Hiện thời, mọi người đều mong tưởng đủ loại thiện căn; đối với chuyện đọc tụng kinh điển Đại Thừa, chúng ta cũng biến thành tu phước! Tuy quý vị chẳng đạt được huệ, đọc tụng kinh điển vẫn là có phước đức, ngay cả phước đức được nghe danh tự cũng chẳng dễ dàng! Đối với thiện căn trong quá khứ, đức Phật có trọn đủ Nhất Thiết Chúng Trí, Ngài đều có thể biết, khiến cho quý vị chẳng còn kinh sợ nữa, khiến cho quý vị rốt ráo thành Phật, cũng có thể giống hết như Ngài, cũng có thể đập tan tà luận của hết thấy thiên ma và ngoại đạo.

“*Chuyển đại phạm luân*”: “*Phạm*” (梵) có nghĩa là thanh tịnh. Có thể đạt tới thanh tịnh, như vậy thì những nghiệp quý vị đã làm, đã tu hành, đều có thể trở thành phạm hạnh thanh tịnh. “*Phạm hạnh*” có nghĩa là thanh tịnh. Nói theo phía đức Phật, đức Phật chuyển đại pháp luân, chuyển thanh tịnh pháp luân. Ngài có thể đúng như thật biết nhân duyên quả báo của hết thấy chúng sanh.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán danh đại vương thành thiện xảo trí, quán sát nhất thiết sa-môn, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi,

Phiệt-xá, Thú-đạt-la đấng, chủng chủng công đức, đa văn, dũng kiện, công xảo, kỹ nghệ. Nhược chư chúng sanh phú hữu công đức, thành xảo tiện trí, tinh tấn, dũng mãnh, kiên cố bất thoái, chủng chủng phước đức nhi tự trang nghiêm.

(經)善男子！如刹帝利灌頂大王，成善巧智，觀察一切沙門，婆羅門，刹帝利，筏舍，戍達羅等，種種功德，多聞勇健，工巧技藝。若諸眾生富有功德，成巧便智，精進勇猛，堅固不退，種種福德而自莊嚴。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu trí thiện xảo, quan sát các thứ công đức, đa văn, dũng kiện, tài nghệ hay khéo của hết thầy sa-môn, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phiệt-xá, Thú-đạt-la v.v... Nếu các chúng sanh giàu có công đức, thành tựu trí phương tiện thiện xảo, tinh tấn, dũng mãnh, kiên cố chẳng lui sụt, có đủ loại phước đức để tự trang nghiêm).

Dùng vương luân này để tỷ dụ Phật Luân thứ ba. Chúng ta đã nói Phật Luân thứ nhất và thứ hai, nay nêu lên vương luân thứ ba của vua Sát-đế-lợi. Trước là tỷ dụ, sau là pháp. Pháp là nói về Phật Luân, đó là pháp. Dùng Sát-đế-lợi trong thế gian, đây cũng là quý tộc trong bốn loại chủng tánh của Ấn Độ. Sau khi ông ta được quán đánh, tiếp nhận vương vị, thành tựu trí phương tiện thiện xảo. Vua xem xét nhân dân trong nước, quan sát hết thầy. Sa-môn (Śramaṇa) là người xuất gia. Sa-môn ở đây bao gồm cả xuất gia Bà-la-môn, không phải chỉ là hàng xuất gia của Phật giáo. Bà-la-môn cũng có người xuất gia. Các ngoại đạo khác cũng có người xuất gia. Họ dùng chữ Sa-môn để gọi chung. Sa-môn dịch nghĩa là Cần Túc (勤息), tức là “cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si). Nếu nói rộng về các ý nghĩa được bao hàm trong từ ngữ Sa-môn, sẽ có rất nhiều cách giải thích. Nói chung thì có ý nghĩa như vậy.

Ấn Độ có bốn loại chủng tánh (Varṇa) ở ngoài sa-môn, bốn loại nào vậy? Chính là Bà-la-môn (Brāhmaṇa), Sát-đế-lợi (Kṣatriya), Phiệt-xá (Vaiśya), và Thú-đạt-la (Sūdra). Bà-la-môn giống như người đọc sách tại Trung Hoa, ở Ấn Độ thì gọi là “học giả”, tức là người có học vấn. Sát-đế-lợi là quý tộc, là dòng dõi vua chúa. Phiệt-xá bao gồm giới công

thương nghiệp, cũng là sĩ, nông, công, thương. Phiệt-xá phần nhiều là nói về thương nhân. Thú-đạt-la là chủng tánh hạ tiện, tức là những kẻ làm đồ tể, nô bộc. Bốn loại chủng tánh cộng thêm sa-môn là toàn thể nhân dân trong nước. Quốc vương đối với nhân dân trong nước có mấy loại chủng tánh, nhà vua đều biết tài năng như thế nào để khiến cho họ vun bồi phước, như thế thì mới thích hợp với sự nghiệp của họ.

“Chủng chủng công đức, đa văn, dũng kiện, công xảo kỹ nghệ” (Các thứ công đức, đa văn, mạnh mẽ dũng cảm, tài nghệ khéo léo): Đây là nói tùy thuộc loại người như thế nào, bèn đối đãi đúng lẽ như thế đấy. Sau đó, vua sẽ phân phối, ban cho họ trân bảo, tiền tài, thóc gạo, ruộng đất, nhà cửa, nô tỳ, tôi tớ. Do vậy, vua cũng quan sát những người ấy, hạng người nào có công đức lớn, đáng nên hưởng thụ như thế nào, loại người nào đa văn, có trí huệ. Đa văn là học tập rộng rãi. Đa văn là nói đến học tập, không hoàn toàn là nói về học tập Phật pháp. Như Thú-đạt-la, căn bản là họ cũng chẳng học Phật pháp, có những kẻ không tin Phật. *“Công xảo kỹ nghệ”* là Công Xảo Minh, Công Xảo (工巧, hay khéo) là như thương nhân. Phiệt-xá bao gồm công nhân, có kỹ thuật, hội họa, trang hoàng, tu bổ, đều được gộp vào trong ấy. Chữ *“kỹ nghệ”* bao gồm rất nhiều thứ. Giả sử đối đãi với những người có công đức, có trí huệ ấy (bất quá ở đây là nói những người hành xử rất thông minh, đừng lẫn lộn với trí huệ trong nhà Phật).

“Thành xảo tiện trí” (Thành tựu trí phương tiện thiện xảo): Vị vua quán đảnh này đối với sa-môn, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phiệt-xá, và Thú-đạt-la, tức năm loại người trong nước, [xét thấy] công đức của họ lớn hay nhỏ, năng lực mạnh hay yếu, kỹ thuật cao hay thấp, giả sử là người có công đức rất dồi dào, tức là công đức rất lớn, đây là một loại, hoặc là có phương tiện rất hay khéo, rất thông minh tức là rất lanh lợi, hoặc là có những sự vụ công hiến rất lớn đối với quốc gia, tinh tấn, dũng mãnh, cho đến hề làm chuyện gì, họ đều kiên cố chẳng lui sụt, dùng phước đức của chính mình để trang nghiêm. Như vậy thì vị vua quán đảnh ấy sẽ căn cứ theo nhu cầu, trí huệ, phẩm đức và năng lực của họ lớn hay nhỏ. Giống như tiền lương trong hiện thời, quý vị có thể làm chuyện gì, năng lực mạnh sẽ kiếm được nhiều tiền, năng lực kém sẽ kiếm ít hơn!

(Kinh) Thử Sát-đế-lợi quán đảnh đại vương, tùy bỉ sở ưng, cấp thí trân bảo, tài cốc, điền Trạch, nô tỳ, bộc sử. Ư tự quốc độ, nhược chư chúng sanh, đức nghệ khinh vi, công nghiệp tiền bạc, thử Sát-đế-

lợi quán đánh đại vương, tùy bỉ sở ưng, vì gia chẩn tuất. Ư tự quốc độ, nhược chư chúng sanh, công đức bạc liệt, thiếu u tinh tấn, giải đãi, lãn nọa, vong thất chánh niệm, vô từ bi tâm, bất tri ân báo. Ư hậu thế khổ, bất kiến bố úy, một cư gia nê, tích chư ác hạnh, thử Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, tùy bỉ sở ưng, chủng chủng trích phạt. Hoặc dĩ ngôn giáo khổ thiết ha trách, hoặc đoạt chủng chủng trân bảo, tư tài, hoặc đoạt thọ dụng như ý sản nghiệp, hoặc phạt tiên trượng, hoặc cầm lao ngục, hoặc đoạn chi tiết, hoặc trảm thân thủ. Như thị vô lượng tùy ưng trích phạt.

(經)此刹帝利灌頂大王，隨彼所應，給施珍寶，財谷田宅，奴婢僕使。於自國土，若諸眾生，德藝輕微，功業鮮薄，此刹帝利灌頂大王，隨彼所應，微加賑恤。於自國土，若諸眾生，功德薄劣，少於精進，懈怠懶惰，忘失正念，無慈悲心，不知恩報。於後世苦，不見怖畏，沒居家泥，積諸惡行，此刹帝利灌頂大王，隨彼所應，種種謫罰。或以言教苦切呵責，或奪種種珍寶資財，或奪受用如意產業，或罰鞭杖，或禁牢獄，或斷支節，或斬身首。如是無量隨應謫罰。

(Kinh: Vị đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh ấy tùy theo lẽ đáng nên mà ban thí trân bảo, tiền tài, gạo thóc, ruộng đất, nhà cửa, nô tỳ, tôi tớ. Trong cõi nước của mình, nếu các chúng sanh, đức hạnh lãn nọa, tài nghệ kém cỏi, công lao, sự nghiệp ít ỏi, mỏng manh, vị vua quán đánh Sát-đế-lợi ấy theo lẽ đáng nên sẽ chẩn cấp, giúp đỡ họ đôi chút. Trong cõi nước của chính mình, nếu các chúng sanh công đức mỏng kém, ít chịu tinh tấn, giải đãi, biếng nhác, quên mất chánh niệm, chẳng có tâm từ bi, chẳng biết báo ân, đối với nỗi khổ trong đời sau chẳng thấy sợ hãi, chìm đắm trong bùn lầy gia nghiệp, tích tập các hạnh ác, vị vua quán đánh Sát-đế-lợi ấy sẽ theo đúng lẽ đáng nên, áp dụng đủ loại trừng phạt. Hoặc dùng ngôn từ dạy bảo, quả trách nặng nề, hoặc tước đoạt các thứ trân bảo, của cải, hoặc tước đoạt các thứ thọ dụng như ý và sản nghiệp, hoặc trừng phạt bằng roi, gậy, hoặc giam

trong nhà tù, hoặc chặt chân tay, hoặc chém phăng đầu. Vô lượng sự trừng phạt theo đúng lẽ như thế đó).

“Tùy bỉ sở ưng, thí cấp trân bảo tài cốc, điền Trạch, nô tỳ, bộc sử” (Theo lẽ đáng nên mà ban thí trân bảo, tiền tài, gạo thóc, ruộng đất, nhà cửa, nô tỳ, tôi tớ): Trong quốc độ của chính họ, đối với các loài chúng sanh, bèn có sự phân biệt. Giống như tại Trung Hoa xưa kia, [các quan chức] có chín bậc, từ chức vụ Tể Tướng cho đến tri huyện là thất phẩm, cho đến nha dịch, đến thư biện³⁹, cho đến thôn trưởng, hương trưởng, tổng cộng thành chín phẩm. Tùy thuộc họ thích hợp làm gì, bèn giao cho họ làm việc đó. Đối với bậc thượng, bèn ban cho họ trân bảo, ruộng nương, nhà cửa, tôi tớ. Nếu chẳng có đức gì, đức chẳng trọng cho lắm, ban cấp rất ít. Công đức ít cũng là tương ứng với họ. Nếu năng lực của họ là ngay cả cái ăn, cái mặc cũng chẳng kiếm được, quốc vương liền từ bi, cứu tế, chẩn tuất cho họ. Còn có những kẻ công đức còn thấp kém hơn nữa, chẳng tinh tấn, giải đãi, lười nhác, quên mất chánh niệm, chẳng thể làm nổi chuyện tốt, đối với người khác chẳng có tâm từ bi. Thậm chí ban cho họ ân huệ rất lớn, họ cũng chẳng biết báo ân. Hiện thời, họ chẳng làm chuyện tốt, trong tương lai, nhất định hứng chịu quả báo. Đối với chuyện thọ khổ báo trong đời sau, họ chẳng sợ hãi, cũng chẳng kinh hoảng, làm một kẻ ác chẳng kiêng sợ chi hết.

“Một cư gia nê, tích chư ác hạnh” (Chìm đắm trong bùn lầy gia nghiệp, tích tập các ác hạnh): “Chìm đắm trong bùn lầy gia nghiệp” là nói đến sa-môn [chẳng lo tu hành, chỉ lo toan kiếm lợi, hưởng thụ, chẳng khác người tại gia], chẳng phải là xuất gia. “Cư gia” là tại gia, tại gia giống như hồ bùn, chìm lìm trong hồ bùn. Không chỉ là sa-môn, mà còn có những kẻ khác. Có thể giải thích “cư gia” bằng nhiều cách, như là kẻ ấy chẳng làm thiện nghiệp, chuyên làm ác nghiệp, quốc gia sẽ có pháp luật trừng phạt kẻ đó. Đó gọi là “thương phạt phân minh”. Trên đây là nói công đức lớn, nhỏ, nhiều, ít, có cống hiến cho quốc gia như thế nào. Cống hiến lớn, sẽ ban thưởng trọng hậu; cống hiến nhỏ, sẽ ít hơn. Cho đến kẻ chẳng hề cống hiến, chẳng thể duy trì cuộc sống, [quốc vương] còn phải chẩn tế, còn phải thương xót, giúp đỡ họ.

³⁹ Thư biện (書辦) là danh xưng để gọi chung các nha lại tại các phủ huyện chuyên quản trị, biên chép văn thư, thống kê hồ sơ, và biên soạn các văn bản theo lệnh của các quan trên.

Còn những kẻ tạo ác thì làm như thế nào? Kẻ tích tập các ác hạnh, vua Sát-đế-lợi bèn trừng phạt họ. Còn phải “*chủng chủng trích phạt*” (các thứ trừng phạt). Đây là pháp luật, hoặc là phê bình họ, nếu ác nghiệp nặng nề hơn, sẽ trừng phạt, quở trách họ, hoặc tịch thu tài sản, tước đoạt các thứ trân bảo, tài sản, hoặc tịch thu sản nghiệp của họ. Nếu vẫn chưa đủ, hoặc là dùng roi, gậy đánh phạt họ, quất rất nhiều roi. Hoặc là tống họ vào tù, hoặc là cắt chặt chi thể, hoặc là chém đầu, tùy thuộc họ phạm tội ác lớn hay nhỏ. Những điều ấy chỉ là tỷ dụ. Chúng ta nói những điều này chủ yếu nhằm hiển thị Phật Luân. Vì chúng sanh tạo nghiệp rất nhiều, làm ác hạnh cũng rất nhiều. Khi mâu thuẫn với pháp luật của quốc gia, hình phạt cũng rất nhiều, có vô lượng hình phạt. Tuy tâng cấp thưởng cũng rất nhiều, nhưng tâng cấp trừng phạt cũng rất nhiều.

(Kinh) Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ tam vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng. Thiện nam tử! Như thị Như Lai thành tựu thiện xảo tri căn cơ trí. Nhược chư đệ tử, viễn ly phước huệ xảo phương tiện trí, cập dĩ bố thí, điều phục tịch tĩnh, thất niệm, tâm loạn, lai chí ngã sở, quy y ngã, nhi ngã thiện tri bỉ căn ý nhạo, tùy miên, thắng giải, tùy kỳ sở ung, vị thuyết trị phạt Tỳ Nại Da pháp.

(經)善男子！刹帝利種灌頂大王，成就如是第三王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。善男子！如是如來成就善巧知根機智。若諸弟子，遠離福慧巧方便智，及以佈施，調伏寂靜，失念心亂，來至我所，歸依於我，而我善知彼根意樂，隨眠勝解，隨其所應，為說治罰毗奈耶法。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Đại vương dòng Sát-đế-lợi được quán đánh thành tựu vương luân thứ ba như thế. Do vì luân ấy, khiến cho cõi nước của chính mình tăng trưởng an vui, có thể chế phục hết thảy oán địch, bạn ác, khéo thủ hộ thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng. Đây thiện nam tử! Như Lai thành tựu tri biết căn cơ hay khéo như thế. Nếu

các đệ tử, xa lìa trí phước huệ, phương tiện hay khéo, và bố thí, điều phục tịch tĩnh, thất niệm, loạn tâm, đến chỗ ta, quy y ta, do ta khéo biết ý căn cơ, ý thích, tùy miên, và thắng giải của họ, sẽ theo lẽ đáng nên mà nói cho họ các pháp trị phạt thuộc Tỳ Nại Da).

“*Thiện nam tử! Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ tam vương luân*” (Này thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ ba như thế): Đây là chuyện quốc vương của một nước phải nên làm. Dùng chuyện này làm tỷ dụ, vì phải làm như thế thì mới có thể khiến cho quốc gia của ông ta yên vui, mới có thể hàng phục hết thầy oán địch và bạn ác, khiến cho quốc gia ấy bình an, mọi người đều có thể sống tốt đẹp.

“*Thiện nam tử! Như thị Như Lai thành tựu thiện xảo tri căn cơ trí*” (Này thiện nam tử! Như Lai thành tựu trí biết căn cơ hay khéo như thế): Biết căn cơ của hết thầy chúng sanh. Loại trí huệ này chẳng phải là trí thiện xảo của vua quán đánh Sát-đế-lợi, mà là trí huệ biết căn cơ của chúng sanh. “*Nhược chư đệ tử viễn ly phước huệ xảo phương tiện trí, cập dĩ bố thí, điều phục tịch tĩnh, thất niệm, tâm loạn, lai chí ngã sở, quy y ngã*” (Nếu các đệ tử xa lìa trí phương tiện thiện xảo phước huệ, cùng với bố thí, điều phục tịch tĩnh, thất niệm, loạn tâm, đến chỗ của ta, quy y ta): Vị đệ tử Phật ấy thoát đầu khi mới tin Phật, đến chỗ đức Phật, cầu Phật độ thoát, những người ấy có trí phước huệ phương tiện thiện xảo, cho đến có thể bố thí, điều phục phiền não, đều có thể đạt đến tịch tĩnh, đắc Định, cho đến đạt được chánh niệm. Nếu đã thất niệm, sẽ chẳng thể nhập Định, tâm rối loạn, do thất niệm nên loạn tâm. “*Lai chí ngã sở*” (Đến chỗ ta) là hướng về đức Phật cầu pháp, quy y đức Phật.

“*Nhi ngã thiện tri bỉ căn ý nhạo*” [nghĩa là] ta (đức Phật) biết người ấy thuộc căn cơ gì, biết người ấy thích gì, biết căn bản phiền não của người ấy là gì, biết người ấy trọn đủ rất nhiều trí huệ, trọn đủ rất nhiều thiện căn. Đây là thắng giải (hiểu biết thù thắng). Thắng giải sâu nhất khi đạt đến địa vị Phật, trọn đủ Phật trí. “*Các chúng sanh đến chỗ Phật*” tượng trưng cho hết thầy chúng sanh, vì trong quá khứ, họ đã có trí phương tiện phước huệ thiện xảo, bố thí, điều phục tịch tĩnh, nay thất niệm, tâm loạn, đức Phật liền quan sát, cho họ quy y Phật. Vì Ngài liễu giải căn cơ của họ, hiểu biết tùy miên, căn bản phiền não của họ, hoặc là trí huệ của họ to hay nhỏ, sức thắng giải như thế nào, Ngài sẽ thuyết pháp thích ứng căn cơ.

“*Lai chí ngã sở*” (Đến chỗ ta), họ bèn theo đức Phật xuất gia. [Đức Phật] vì họ giảng pháp Tỳ Nại Da. Tỳ Nại Da (Vinaya) là giới luật. Phạm là quy y Phật, tối thiểu là thọ Tam Quy. Tam Quy, ngũ giới, hoặc là tám giới, mười giới, cho đến hai trăm năm mươi giới [của tỳ-kheo], ba trăm bốn mươi tám giới [của tỳ-kheo-ni], bốn giới trọng và hai mươi tám giới khinh, hoặc sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh [của Bồ Tát giới trong Ưu Bà Tắc Giới Kinh]. Tỳ Nại Da có nghĩa là “*giới pháp*”.

(Kinh) Nhược chư chúng sanh, kỳ tánh hận lệ, u chư học xứ, bất năng phụng trì, vì linh cứu trụ ngã chi thánh giáo, đa hữu sở tác, hoặc vị chế lập ức niệm trị phạt, hoặc dĩ ngôn giáo khủng bố ha trách, hoặc tạm khu tấn, hoặc linh chiết phục, quy thành lễ bái, hoặc bất dữ ngữ, bất cộng đồng lợi, hoặc như thảo bố, hoặc phục diệt tấn.

(經)若諸眾生，其性恨戾，於諸學處，不能奉持，為令久住我之聖教，多有所作，或為制立憶念治罰，或以言教恐怖呵責，或暫驅擯，或令折伏，歸誠禮拜，或不與語，不共同利，或如草布，或覆滅擯。

(Kinh: Nếu các chúng sanh tánh rất hung dữ, chẳng thể thọ trì các học xứ, vì khiến cho thánh giáo của ta tồn tại lâu dài [trong cõi đời], được nhiều người hành trì, mà hoặc là chế lập các cách nghĩ nhớ, quở phạt, hoặc dùng ngôn giáo để đe dọa, quở trách, hoặc tạm thời xua đuổi để chiết phục họ quy hướng chân thành, lễ bái, hoặc chẳng nói chuyện với họ, chẳng cùng chia sẻ lợi lộc với họ, hoặc [kẻ đó trót đã phạm tội] bèn cho sám hối, hoặc lại diệt tấn).

Còn có Tác Trì, cũng là luật pháp. Nếu các chúng sanh ấy căn tánh ương bướng, dữ dằn, hung ác, thô bạo, chẳng khéo tòng thuận, đối với Tam Quy, Ngũ Giới, cho đến tám giới mà họ đã thọ nhận (“*học xứ*” là nói đến giới, cũng có thể hiểu là luật học mà họ đã được học), chẳng thể thọ trì, chẳng tuân phụng. Các giới luật ấy bảo vệ thánh giáo tồn tại lâu dài.

Nếu chẳng có giới luật, Phật pháp sẽ chẳng thể tồn tại lâu dài. Vì sao đức Phật cần phải chế giới? Khiến cho chánh pháp “*cứu trụ*” (久住), tức là khiến cho thánh giáo có thể tồn tại lâu dài trên thế gian, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích trong tương lai. Phật

pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, người được lợi ích cũng rất nhiều. Vì thế, yêu cầu tất cả đều đến chỗ ta quy y, đệ tử của ta đều phải nên phụng trì giới luật. Mục đích phụng trì giới luật là khiến cho thánh giáo cửu trụ, khiến cho Phật pháp cửu trụ.

Giới luật nhằm ngăn ngừa, bảo vệ, giống như tường thành để bảo vệ dân chúng. Giới luật nhằm bảo vệ tâm địa của quý vị, thân chẳng lay động, tâm chẳng loạn, bảo vệ thân tâm của quý vị. Giới luật được chế định bao gồm các loại pháp: Hoặc quý vị trót phạm sai lầm, hãy nhớ lại bèn sám hối. Hoặc là dùng ngôn ngữ đáng sợ, nói “ngươi đã phạm giới, trong tương lai phải thọ báo, đọa địa ngục”. Đó là dùng ngôn ngữ đáng sợ để quở trách. Nếu nghiêm trọng hơn, phạm giới căn bản, sẽ liền “*khu tấn*” (驅擯, trục xuất) người ấy, đuổi ra ngoài Phật pháp. Hoặc buộc kẻ ấy sám hối, tùy thuộc kẻ ấy phạm loại nào. Hoặc là bắt kẻ ấy quay về lễ bái, hoặc mọi người chẳng nói chuyện với kẻ ấy. Không nói chuyện tức là Tăng đoàn không quan tâm đến kẻ ấy nữa. Thậm chí chẳng “*cộng lợi*” (共利), [tức là] nếu thí chủ tại gia cúng dường các thứ tài vật v.v... sẽ chẳng chia sẻ cho kẻ đó. Đó gọi là “*bất cộng lợi*”.

“*Hoặc như thảo bố*”: “*Thảo bố*” (草布, cỏ bao phủ) tức là kẻ đó phạm tội quá nhiều, lớn nhỏ đều có, như cỏ che đất. Kẻ đó phạm tội giống như bùn lầy, lầy lội đến nỗi chẳng thể đi qua được, phải phủ cỏ lên mới đi qua được. Đây là phương thức sám hối tội lỗi. Tội lỗi kẻ ấy đã phạm cũng có tội nghiêm trọng, mà cũng có tội không nghiêm trọng. Phạm rất nhiều, nếu kẻ ra từng điều, khi mọi người cho kẻ đó sám hối sẽ chẳng thuận tiện cho lắm. Đây là một kiểu tổng sám. Giống như khi chúng ta bái sám, chuyện trong rất nhiều đời ta cũng chẳng biết. Kiếp này chúng ta chẳng phạm Ngũ Nghịch, Thập Ác, như vậy thì khi bái sám, chúng ta cứ hồi hướng như vậy. Vậy thì có thể là trong quá khứ, tức là trong bao nhiêu đời khác trước kia, đã từng phạm tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, cho nên sám hối như vậy. Đây là những chuyện được tổng sám, vì chúng ta chẳng biết quá khứ, chẳng có trí huệ. “*Thảo bố*” là như cỏ che phủ mặt đất, dùng cỏ phủ mặt đất, tức là pháp sám hối tương đương với chuyện dùng cỏ phủ đất, trải lên mặt đất để quý vị có thể đi qua chỗ bùn lầy. Nếu đã phạm rất nhiều lầm lỗi, quý vị bèn sám hối. Đây là ý nghĩa của tổng sám hối.

Hoặc là trong thật tại, đã hết cách, chẳng thể kê toa cứu chữa được, Tăng đoàn chẳng thể giữ quý vị lại, bèn “*diệt tấn*” (滅擯), tức là đuổi quý vị ra ngoài. Tại các chùa miếu thuộc Đại Lục, hề phạm giới căn

bản, sẽ bị khai trừ, trục xuất ra khỏi chùa miếu. Mỗi khu vực khác nhau, tại Đại Lục là Mặc Tần (默擯). Phàm là phá giới kiêu này, kẻ ấy chẳng dám trở về chùa miếu, chính mình bỏ đi; điều này được gọi là pháp Mặc Tần.

(Kinh) Ngã dĩ diệu trí, tri chư hữu tình Bồ Đặc Già La căn cơ, ý nhạo, tùy miên, thắng giải, như ưng trích phạt, vị linh giai phá quảng đại tích tụ vô nghĩa hắc ám, khô kiệt phiền não chư bộc lưu cố, linh đắc sanh thiên, Niết Bàn lạc cố, vị hành ác đạo Bồ Đặc Già La đắc điều phục cố, tùy kỳ sở ưng, thuyết trị phạt pháp, quán sát hắc thuyết, đại thuyết sai khác, tùy kỳ sở ưng, thọ dữ trị phạt hành ác đạo pháp.

(經)我以妙智，知諸有情補特伽羅根機意樂，隨眠勝解，如應謫罰，為令皆破廣大積聚無義黑闇，枯竭煩惱諸瀑流故，令得生天，涅槃樂故，為行惡道補特伽羅得調伏故，隨其所應，說治罰法，觀察黑說，大說差別，隨其所應，授與治罰行惡道法。

(Kinh: Ta do diệu trí, biết căn cơ, ý thích, tùy miên, và thắng giải của các hữu tình Bồ Đặc Già La mà trừng phạt đúng lẽ, vì khiến cho họ đều phá trừ hắc ám vô nghĩa tích tụ rộng lớn, khô cạn các dòng thác phiền não, khiến cho họ được hưởng niềm vui sanh thiên hay Niết Bàn, vì điều phục Bồ Đặc Già La hành theo ác đạo, theo đúng lẽ mà nói pháp đối trị, trừng phạt, quán sát hắc thuyết và đại thuyết sai khác, theo đúng lẽ mà truyền trao các pháp đối trị, trừng phạt kẻ hành theo ác đạo).

“Ngã dĩ diệu trí, tri chư hữu tình Bồ Đặc Già La căn cơ, ý nhạo, tùy miên, thắng giải, như ưng trích phạt” (Ta do diệu trí, biết căn cơ, ý thích, tùy miên, và thắng giải của các hữu tình Bồ Đặc Già La mà trừng phạt đúng lẽ): Bồ Đặc Già La (Pudgala) nghĩa là “người”, tức hữu tình chúng sanh. Đời đời kiếp kiếp lưu chuyển, cái chủ yếu bị lưu chuyển chính là ý nghĩa bao hàm trong từ ngữ Bồ Đặc Già La. Mục đích của việc “tùy theo tội ác quý vị đã phạm mà đối trị, trừng phạt” chính là để phá trừ hắc ám cho quý vị. Trong quá khứ, quý vị đã tích tụ những thứ vô nghĩa, chẳng có ý nghĩa thắng giải, chẳng có ý nghĩa tịnh hạnh, những thứ ấy đều hắc ám, muốn khô cạn các dòng thác phiền não ấy,

tiêu trừ Ngã Chấp, Ngã Kiến. Đây là hàm nghĩa của giới luật, là mục đích của việc trừng phạt, khiến cho [người phạm tội] sau khi đã sám hối, sẽ được hưởng sự vui sướng sanh thiên, chứng đắc Niết Bàn. Đây là nói rộng, không nhất định chỉ nói đến người xuất gia. [Mục đích] là điều phục hạng chúng sanh làm ác.

Rất nhiều người trông thấy chùa miếu, hoặc là nghe thấy Phật pháp, họ trọn chẳng gia nhập đoàn thể Phật giáo, chẳng tin Phật, cũng chẳng phải là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tỳ-kheo, hay tỳ-kheo-ni. Còn loại Bồ Đề Già La này có thể nghe Phật pháp, hoặc trông thấy chùa miếu, bèn gieo thiện căn cho họ, nhưng họ thấy giới luật của chúng ta, cảm thấy chẳng thể lãnh nhận được, cho nên chẳng dám gia nhập. Ta bèn nói với họ về phương diện tốt đẹp, để phương diện trị phạt sang một bên, [cho họ biết trong Phật pháp] còn có phương diện vun bồi phước, cũng chính là ba thứ luân đã nói trong phần trên (tu Định nghiệp, tập tụng, và doanh phước). Quan sát tội ác của họ lớn hay nhỏ, tội ác sai khác, để nói với họ về phương pháp đối trị, trừng phạt. Chẳng hạn như nói “sẽ đọa địa ngục”, chính là nói cho họ nghe phương pháp đối trị, trừng phạt. Nói họ sẽ thọ báo, sẽ bị đủ thứ bệnh. Đối với các quả báo ác ấy, trong tương lai, quý vị phải hứng chịu quả báo gì, đầy đều là hắc pháp. Các điều ấy được gọi là “*hắc thuyết, đại thuyết*”, nhưng phải xét xem những chúng sanh căn tánh kém hèn ấy tới mức độ nào!

(Kinh) Ngã dĩ diệu trí, tri chư hữu tình, cụ túc thành tựu tăng thượng tín kính, thuần tịnh ý nhạo, tùy kỳ sở ưng, vị thuyết chủng chủng thiện phẩm sai biệt, linh kỳ tu học, nãi chí linh bỉ nhất thiết thiện căn, giai đắc viên mãn, nhập vô úy thành. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ tam Phật Luân, do thử luân cố, tri chư hữu tình Bồ Đề Già La, chủng chủng căn cơ, ý nhạo, tùy miên, cập dữ thắng giải, chư nghiệp pháp thọ, tùy kỳ sở ưng, lợi ích an lạc, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tôi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)我以妙智，知諸有情，具足成就增上信敬，純淨意樂，隨其所應，為說種種善品差別，令其修學，乃至令彼一切善根，皆得圓滿，入無畏城。善男子！我成如是第

三佛輪，由此輪故，知諸有情補特伽羅，種種根機，意樂隨眠，及與勝解，諸業法受，隨其所應，利益安樂，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Ta do diệu trí biết các hữu tình thành tựu đầy đủ sự tín kính tăng thượng, ý thích thuần tịnh, theo đúng lẽ đáng nên mà nói các thứ thiện phẩm sai khác để họ tu học, cho đến khiến cho hết thấy các thiện căn đều được viên mãn, vào trong tòa thành vô úy. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ ba như thế đó. Do luân này, biết các thứ căn cơ, ý thích, cùng với thắng giải, các nghiệp pháp nhận lãnh của các hữu tình Bồ Đặc Già La, theo đúng lẽ đáng nên mà lợi ích, an lạc, trụ trong an ổn, được chẳng kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, thực hiện sư tử hống giữa đại chúng).

Đây là khiến cho kẻ ấy có thể tăng thượng tín tâm. Đây là một loại trí huệ vi diệu của đức Phật, khiến cho các hữu tình tăng thêm cái tâm kính tín đối với Tam Bảo, khiến cho tâm ý của họ thanh tịnh, tâm chẳng tán loạn, nói cho họ biết các thứ thiện phẩm sai khác. Hành Thập Thiện, đừng sanh ác nghiệp, chớ nên nói dối, chớ nên nói bịa đặt, đừng nói những lời lẽ thù ghét, đừng trộm cắp của người khác, chớ nên giết người. Hai điều ấy nhằm so sánh: Một đàng là thiện pháp luân, đàng kia là ác pháp luân. Thiện pháp luân có thể tăng thượng tín tâm của họ, chẳng nhất định [những người ấy phải thật sự] đến chỗ Phật. Trong phần trước, kinh văn nói “*lai chí ngã sở*” (đến chỗ của ta), nhưng trong thời đại hiện tại, hễ đến chỗ Tam Bảo thì cũng kể như là “*đến chỗ của Phật*”. Không nhất định phải đến đó để cầu xuất gia, mà là cầu thọ Tam Quy. Có những người thân cận Phật pháp, hoặc là đến Phật đường, chúng ta nói với họ về hai đường thiện và ác. Chuyện này cũng cần phải có nhân duyên. Có người ngay cả loại nhân duyên này cũng chẳng được thấy. Loại chúng sanh ấy chẳng có cách nào tăng trưởng thiện căn, do chẳng có loại nhân duyên này.

Hễ có loại nhân duyên này, sẽ dùng Phật Luân để chỉ dạy họ, khiến cho thiện căn của họ đạt đến viên mãn. Sau khi đã viên mãn, sẽ khiến cho họ chẳng còn sợ hãi. Hết thấy chúng sanh, sanh nhằm thời đại

này, sanh nhằm thời đại Mạt Pháp, đều cảm thấy “*không có nơi để trở về, không chốn nương thân*”, kinh hoàng, sợ sệt. Chúng ta thấy rất nhiều người đang trong đời loạn, giữa cảnh chiến tranh loạn lạc, chúng ta khoan nói đến đao binh, ngay như trong lúc bị thiên tai như nạn châu chấu hoặc lũ lụt, họ chẳng có cái ăn, rất khó duy trì mạng sống, thậm chí còn bị mất mạng! Khi ấy, quý vị nói với họ mười thiện pháp: “Vì sao quý vị cảm lấy cái quả ấy? Đó là vì trong quá khứ, quý vị chẳng gieo nhân lành. Hãy đừng gieo nhân nữa, tức là hiện thời, quý vị đừng làm ác nữa. Muốn chuyển biến cái quả sẽ rất khó khăn. Quý vị có thể tạo cái nhân cho vị lai, hãy gieo chủng tử mới, khiến cho các thiện căn khác viên mãn”. Lúc đức Phật chẳng tại thế, đệ tử Phật đại diện đức Phật.

Phàm là tứ chúng đệ tử, đều phải nên làm như vậy, khiến cho thiện căn của hết thảy chúng sanh đều được viên mãn. Những gì đức Phật đã nói là trong khi Ngài còn đang tại thế. Đức Phật thành tựu các thiện nam tử: “*Ta thành tựu Phật Luân thứ ba như thế*”. Nhưng đức Phật chẳng còn tại thế, hiện thời, vua Sát-đế-lợi rất ít, ngay của vua Sát-đế-lợi cũng chẳng có. Do vậy, minh quân xuất thế, quốc gia sẽ rất hưng thịnh, mưa gió đúng thời, chẳng có tai họa. Nếu quốc vương ấy rất ác, hình phạt rất nặng, quốc vương mong muốn tạo ác, các quốc sư phải khuyên nhủ hấn: “*Hãy nên giảm hình phạt, đại xá. Giảm bớt các tội, [những kẻ phạm] các tội nhẹ đều thả ra*”. Đây đều là ý nghĩa sám hối. Khi bậc thánh quân tại thế, quốc gia sẽ rất bình an, được vài chục năm bình an. Như thời Mãn Thanh tại Trung Hoa, triều Khang Hy là thịnh thế. Những vị minh quân gần như chiếm nửa thời gian trị vì của triều đại Mãn Thanh. Đời Càn Long, trong suốt sáu mươi năm, chẳng có chiến tranh, nhân dân sống rất bình an, chính nhà vua cũng rất hạnh phúc. Vua suốt ngày làm thơ, làm câu đối, tức là vui chơi. Quốc gia chẳng có tai hại gì, thiên tai lẫn nhân họa đều rất ít. Thời điểm đó chính là lúc thánh quân tại thế. Đời nhà Châu cũng đều là như vậy. Vì cứu vớt nhân dân mà [Châu Vũ Vương] phạt Trụ, tức là trừng phạt kẻ cai trị tàn bạo. Hiện thời, chẳng có vua Sát-đế-lợi, Phật cũng chẳng có, Phật cũng chẳng tại thế, nhưng pháp của tiên đế còn đó, nhân, nghĩa, lễ, trí, hiếu, đễ, trung, tín, cữ pháp trị quốc của tiên vương lại dọn ra. Phật pháp thường là như thế, Phật pháp của chư Phật đều là như thế.

Do luân này sẽ khiến cho căn cơ, ý nhạo, tùy miên, phiền não, và thắng giải của các loại Bồ Đặc Già La, cũng như các nghiệp pháp mà họ lãnh nhận, “*tùy kỳ sở ứng, lợi ích an lạc*” (theo đúng lẽ đáng nên mà lợi ích, an lạc), tức là hết thảy nhân dân, hết thảy chúng sanh, đều được lợi

lạc. “An ổn” là chẳng kinh sợ. Chẳng kinh sợ thì họ sẽ không sợ hãi. Đó chính là đức Phật tự xưng thuyết: “Ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tôi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống” (Ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà loạn của các thiên ma và ngoại đạo, ở giữa đại chúng thực hiện sư tử hống): Chẳng sợ hãi, phát khởi sư tử hống, toàn nói ra chánh pháp. “Sư tử hống” (師子吼, sư tử rống) là từ ngữ hình dung. Sư tử tôn quý nhất trong trăm thú. Sư tử rống lên, trăm loài thú nghe thấy đều nức nỡ! Đó là cách nói hình dung, chúng ta chớ nên quá mức chấp trước.

Khi tôi ở Bắc Kinh, có một vị đạo hữu đã hỏi tôi: “Kinh Phật nói sư tử hống dường như rất ghê gớm, nhưng sư phụ ơi! Sư tử trong sở thú rống lên vẫn chẳng được như vậy!” Trả lời người ấy như thế nào đây? Có những câu hỏi như thế đầu lắm! Tôi nói: “Sư tử có rống hay không? Tôi đã đến sở thú rất nhiều lần, vẫn chưa nghe thấy nó rống”. Ông ta nói đã từng nghe, cũng chẳng ra sao cả! Tôi nói: “Bây giờ nó bị nhốt trong lồng thì làm sao được? Ông thả nó ra thử coi. Phật giáo chúng ta dùng sư tử hống là cách nói hình dung, biểu thị đức Phật ở giữa đại chúng thuyết pháp có oai lực rất cường thịnh. Ông chẳng thể so sánh [thô thiển] như vậy. Ông so sánh như vậy là không đúng, đây là đức Phật tự nói”. Nếu chúng ta tự nói, sẽ chẳng dám đem súc sanh so với Phật. Sư tử là súc sanh mà!

Như các đại tướng hoặc nguyên soái trong quá khứ được gọi là “hổ tướng”, chúng ta luôn dùng hổ để sánh ví. Nếu quý vị nói [họ dũng mãnh] như hổ thì được, chứ nếu nói họ là súc sanh, chỉ sợ đã bị họ gỡ cái sợ mất rồi! Quốc vương đều là rồng, Trung Hoa thường vẽ rồng, rồng biểu thị sự tôn quý nhất. Thế nhưng rồng là súc sanh. Nếu quý vị trông thấy quốc vương, bèn nói “bệ hạ là súc sanh”, đầu của quý vị lập tức “dọn nhà” mất! Tôi nói: “Ông nói như vậy không được! Đó là cách nói tỷ dụ, là từ ngữ hình dung, nhằm hình dung oai lực của Phật, chớ nên đem chuyện này ra so đo. Hễ so đo sẽ trở thành khập khiễng!” Nếu quý vị nói đại nguyên soái oai vũ như hổ, ông ta sẽ cao hứng, cười không khép miệng! Do vậy, có khi chỗ nào cũng đều chấp trước, có rất nhiều chỗ biểu lộ chấp trước, tức là đã chấp chặt vào đó. Chẳng nói theo pháp nghĩa chính là mong tìm khuyết điểm trong từ ngữ.

Doanh phước (chăm lo tu phước), quý vị làm chuyện tốt, trông thấy tăng nhân, đừng hủy báng, hãy coi họ như thân giáo sư, hãy coi họ như đại đức để cung kính họ, quý vị sẽ tích phước. Trong tâm quý vị

cung kính là được rồi. Còn nữa, khi đọc tụng, trước hết, hãy dâng cúng một đóa hoa, một nén hương. Ở đây, tôi còn muốn bổ sung mấy câu; nếu không, sẽ có khuyết điểm. Có một vị đạo hữu đã hỏi tôi: “Con làm công nhân, mấy người cùng ở chung một chỗ. Con thật sự muốn niệm kinh, không thắp hương, không cắm hoa, trong tâm dường như khó chịu lắm. Cái nhà con đang ở chẳng thể thắp hương, chẳng thể cúng Phật, chỉ có một cái giường, con bày chỗ nào đây?” Tôi nói: “Được thôi! Ông trải khăn phủ lên cái giường đó, vải của cái gói đầu phải sạch sẽ một chút, đặt kính bôn lên đó rồi ông quán tưởng”. Nếu như niệm kinh Địa Tạng, ông quán tưởng Địa Tạng Bồ Tát đến đó, ngồi ngay trên đó. Lại quán tưởng dọn đồ từ công ty bách hóa hoặc siêu thị”. Ông ta nói: “Làm sao con dám?” Tôi nói: “Chẳng phải vậy! Ông dùng cái tâm để dọn, chứ ông không trả tiền mà đòi dọn thật thì làm sao được? Ông cái gì cũng đều chẳng có, dùng tâm để cúng là được rồi. Ông chấp tay, hoa cũng cúng, hương cũng cúng, thứ gì cũng đều có, sẽ có cảm giác đúng pháp. Ông mở kính bôn ra để niệm, như vậy thì chẳng sao hết. Người khác cho là ông đang xem sách, không đọc ra tiếng thì vẫn được”.

Lại còn có thể dùng cách Kim Cang Trì để niệm kinh. Kim Cang Trì là gì? Chính mình niệm, chính mình nghe. Quý vị chỉ cần động đầu lưỡi, tai nghe được, chính mình nghe thấy, chứ người khác không nghe. Kiểu ấy gọi là Kim Cang Trì, tức là cách tụng niệm thầm. Đây gọi là “chẳng chấp trước”, đừng vì hình thức mà chậm trễ chánh hạnh của quý vị. Đó gọi là phương tiện thiện xảo, là phương tiện chánh hạnh. Niệm như thế xong là được, chẳng thể lạy thì lạy trong tâm là được! Nhà cửa chật hẹp như vậy, giường tầng thì quý vị lạy sao được? Tôi ở trong tù, ngay cả đập đầu lễ cũng không được, bèn lạy trong tâm, cai tù không biết. Khi quý vị [lạy thầm trong tâm], chẳng chấp tay cũng không sao, chẳng cần để người khác nhìn thấy hình thức bề ngoài. Trong tâm quý vị thanh tịnh, nội tâm làm công đức là được rồi. Đó gọi là trí phương tiện thiện xảo.

Quý vị chớ nên chấp trước, chuyện muốn làm hãy đạt tới mục đích là được rồi. Nếu kinh gì cũng chẳng thể niệm, niệm Phật có thể bao gồm trọn hết. Niệm thánh hiệu có thể bao gồm trọn hết. Quý vị ngồi đó, hương, hoa đều đã cúng dường xong. Đại nguyện thứ ba của Phổ Hiền Bồ Tát là “*quảng tu cúng dường*”, quý vị đã cúng dường trọn khắp, dọn hết những thứ từ các chỗ quý vị đã từng đến trên thế giới, không sao hết. Quý vị cúng ở đó, cúng xong bèn niệm. Nếu chẳng thể bày kính bôn ra, có thể nhớ rõ mười đại nguyện vương thì từ “*nhất giả, lễ kính chư Phật*”

cho đến “*thập giả, phổ giai hồi hướng*”. Nếu như vậy mà cũng chẳng thể làm được thì niệm A Di Đà Phật cũng được! Chỉ cần quý vị chịu phát Bồ Đề tâm, quý vị nếu muốn gì, đều có thể làm được. Quý vị chẳng phát tâm, cứ viện có thoái thác! Nay Phật đường của chúng ta rất tốt, có người giảng kinh, thuyết pháp, quý vị cũng chẳng thềm đến nghe. Nhân duyên do chính mình sáng tạo, phước đức do chính mình tu. Tội nghiệp do chính mình làm, thiện căn do chính mình gieo.

Mọi người hãy nên học tập doanh phước như thế, học tập trì tụng như thế, học tập tu Định như thế. Nếu muốn đợi cho bốn duyên đều trọn đủ, sẽ phải chờ rất lâu! Cứ muốn chờ thứ gì cũng đều được chuẩn bị tốt đẹp, muốn chờ gió Đông thổi, vậy thì gió Đông sẽ vĩnh viễn chẳng thổi đến, mà cũng chẳng có Gia Cát Lượng tính toán. Quý vị tự mình sáng tạo Gia Cát Lượng là được rồi, tự mình làm như vậy là được! Chờ u? Quý vị đừng nên chờ. Sanh mạng vô thường, chờ cái nổi gì? Thật sự là chẳng có cách nào, niệm thánh hiệu cũng được, công đức bình đẳng, trong tâm quý vị nhất định phải bình đẳng. Trong Phật đường rất trang nghiêm, cứ cho là như vậy thì công đức mới lớn. Thật ra, ở nhà mà [chí tâm tu tập] như vậy thì cũng bình đẳng y hệt. Bất bình đẳng là do cái tâm của quý vị. Nếu quý vị dấy tâm phân biệt, đương nhiên là bất bình đẳng, sẽ khác hẳn. Tâm địa quý vị bình đẳng, có thể tôi luyện phiền não là được rồi. Lúc nào cũng đều chẳng sanh phiền não, người khác chửi bới, chọc tức quý vị cách nào đi nữa, quý vị vẫn chẳng nổi cáu, chẳng bốc hỏa, họ sẽ chẳng có cách nào hết. Khi mọi người tập tụng, đọc tụng, những yêu cầu tôi đã nói trên đây rất nghiêm ngặt, quý vị nghe tôi nói như vậy, bèn kêu ca: “Con không đủ điều kiện, con đọc không được!” Như vậy là tôi đã tạo tội rồi, cho nên sau đó, phải giải thích đôi chút. Chỉ cần quý vị làm được là tốt rồi. Làm nhiều không được, làm ít cũng không thể, vậy thì niệm một câu Phật hiệu. Mỗi ngày niệm mười tiếng cũng đủ rồi, chỉ xem quý vị niệm mười tiếng ấy như thế nào!

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đảnh đại vương, tri tự quốc độ, hữu vô lượng hữu tình Bồ Đặc Già La, quy y chúng chúng tà thần, ngoại đạo, khởi u tà tín, cập khởi tà kiến, học tà cấm giới, chấp trước, tu trị tà sát hung tướng, cù thọ chúng chúng vô lợi ích khổ. Đại vương tri dĩ, số số triệu tập, dĩ kỳ tiên vương trị quốc chánh pháp, khai ngộ, thị hiện, giáo tập, giới sắc, linh kỳ xả trừ đảo tín, đảo kiến, tu học tiên vương chánh trực cự pháp, linh tự quốc độ nhất thiết hữu tình, nhất thú, nhất quy, nhất ý, nhất dục, nhất thiết hòa

hợp, đồng y tiên vương chánh pháp nhi chuyển, thính thọ chiếu mạng, tùy thuận phụng hành, suất độ hòa đồng, tác sở ưng tác. Thời, Sát-đế-lợi quán danh đại vương, thường dữ quần thần sở sở tập hội, cộng vị gia hào, thọ chư khoái lạc, hy hý du hành, bất tương sai nhị, hàm cộng trừ tư, lý chư vương vụ. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán danh đại vương, thành tựu như thị đệ tứ vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如刹帝利灌頂大王，知自國土，有無量有情補特伽羅，歸依種種邪神外道，起於邪信，及起邪見，學邪禁戒執著，修治邪吉凶相，具受種種無利益苦。大王知己，數數召集，以其先王治國正法，開悟示現教習誡敕，令其舍除倒信倒見，修學先王正直舊法，令自國土一切有情，一趣、一歸、一意、一欲，一切和合，同依先王正法，而轉聽受詔命，隨順奉行，率土和同，作所應作。時，刹帝利灌頂大王，常與群臣數數集會，共味嘉餚，受諸快樂，嬉戲遊行，不相猜貳，咸共疇諮，理諸王務。善男子！刹帝利種灌頂大王，成就如是第四王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi đã được quán danh, biết trong cõi nước của mình có vô lượng hữu tình Bồ Đặc Già La quy y các thứ tà thần, ngoại đạo, dấy lên tà tín và dấy tà kiến, học theo giới cấm tà vạy, chấp trước chuyện tu tập, đối trị các tướng cát hung tà vạy, thọ trọn đủ các thứ khổ chẳng có lợi ích. Đại vương đã biết, bèn nhiều lượt triệu tập, dùng chánh pháp trị quốc của tiên vương để khai ngộ, thị hiện, dạy bảo, răn đe, khiến cho họ trừ bỏ niềm tin điên đảo và kiến giải điên đảo, tu học pháp cũ chánh trực của tiên vương, khiến cho hết thấy hữu tình trong đất nước của mình đều hướng theo một lối, quay

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

về một lối, một ý, một mong ước, hết thấy hòa hợp, cùng nương theo chánh pháp của tiên vương để vận dụng, nghe nhận chiếu chỉ, mạng lệnh, tùy thuận vâng làm theo. Cả nước hòa đồng, làm chuyện đáng nên làm. Khi ấy, đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh thường cùng với các vị quân thần nhiều lần tụ họp, cùng nếm các món ăn ngon, hưởng các sự vui sướng, vui thú du hành, chẳng nghi kỵ nhau, đều cùng nhau mưu tính, xử lý việc nước. Nay thiên nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ tư như vậy. Do vì luân ấy, khiến cho cõi nước của mình tăng thêm yên vui, có thể hàng phục hết thấy các oán địch và bạn ác, khéo giữ gìn cái thân, tăng trưởng thọ mạng).

Phần này giống như các phần trước, nói vương luân trước, rồi nói đến Phật Luân. Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh biết hết thấy chúng sanh Bồ Đặc Già La trong cõi nước của chính mình, cũng tức là hết thấy chúng sanh trong nước của ông ta. Bồ Đặc Già La chúng sanh, đại khái có mười loại. Một loại là Bồ Đặc Già La chẳng gieo thiện căn, trong quá khứ chẳng có thiện căn, hiện tại lại chẳng tu phước nghiệp, cũng có nghĩa là chẳng tu thiện nghiệp. Hơn nữa, các nghiệp họ đã tu đều là liên tục tạp nhiễm. Một loại khác là những kẻ chẳng gặp gỡ bạn lành, toàn chung đụng bạn ác. Cả nước ấy đều là chúng sanh kiêu đó. Đồng thời, họ làm chuyện xấu, chẳng sợ hãi hậu quả. Dầu trong tương lai phải chịu quả báo trong tam đồ, họ đều chẳng sợ hậu quả. Tham, sân, si hết sức mạnh mẽ, vì tâm họ đã mê loạn, chấp chặt tà kiến. Nói đại khái thì có mười loại tình huống. Loại Bồ Đặc Già La quy y tà giáo, tức là tà thần, ngoại đạo chẳng chánh đáng. Có các loại tà thần, ngoại đạo chẳng gây ra chuyện ác rất lớn; ở đây là nói tới loại tạo ác.

Nêu một thí dụ như cúng tế quỷ tiên, nịnh nọt quỷ thần, giết các chúng sanh để cúng dường quỷ thần, cho rằng đây mới là cầu phước. Thật ra, làm như vậy, không chỉ chẳng cầu được phước, mà ngược lại, còn gieo rất nhiều khổ quả trong vị lai. Đó gọi là “tà tín ngưỡng”. Thậm chí, tôi thấy những thầy phong thủy cũng là “tà tín ngưỡng”! Họ nói tòa nhà này của quý vị tốt hay xấu, nói cát, hung, họa, phước. Nói theo Phật giáo, những điều ấy đều là tà tri, tà kiến. “Tà cảm giới”: Ấn Độ có rất nhiều ngoại đạo. Từ Ấn Độ, lại truyền sang Trung Hoa rất nhiều thứ ngoại đạo, hoặc là không ăn dầu, có kẻ chẳng ăn muối. Nói theo đất Trung Hoa thì không hề có chuyện thờ chó hay thờ bò. Tại Ấn Độ, có

một cách nói như sau: “Con bò này đã đắc thân thông”. Họ thấy một con bò về sau được sanh lên trời, [chẳng nhận biết con bò được sanh thiên] là vì nó có công đối với con người, bèn sùng tín con bò ấy. Tôi vừa mới qua Gia Nhĩ Các Đấp (Calcutta) của Ấn Độ, tản bộ trên đường phố. Ở trên khá nhiều con đường, tôi thấy bò đều rất to, rất mập. Đầu chúng nó đeo kín những thứ trang sức xanh xanh, đỏ đỏ. Tôi thấy những người lái xe hề thấy con bò, ngay lập tức ngừng xe lại, chờ con bò lững thững đi qua xong mới lái xe tiếp trên con đường đó. Con bò ấy cũng rất thông minh, nó đi trên con đường đó, chẳng đi sang phố khác, vì [người ở] con đường ấy đều tin thờ nó. Loại tín ngưỡng ấy được gọi là “tà cảm giới”. Còn có người đốt một đồng lửa. Bà-la-môn thờ lửa như thế đó. Mọi người vây quanh sụp lạy, lạy xong lại niệm chú ngữ và kinh điển của họ. Những điều ấy được gọi là “tà cảm giới”.

Có khi [các thứ ngoại đạo ấy] cũng rất giống Phật giáo. Họ nói: “Các vị là người xuất gia sống nơi mộ địa, ở ngoài đồng hoang, chúng tôi còn khổ hơn quý vị”. Còn có một loại người, ngủ trên bàn chông. Họ cũng ngủ ngoài đồng hoang, [tự khoe] “ta khổ hạnh hơn quý vị, sẽ thành đạo lớn hơn quý vị”. Đó gọi là “tà kiến”. Tu khổ hạnh thành đạo, hoàn toàn chẳng phải là thành tựu như vậy! Hễ có các thứ khổ sở vô ích, vị vua quán đánh Sát-đế-lợi thấy tình huống ấy, thường triệu tập các vị đại thần trong triều, và các nhân sĩ nổi danh trong nước, cùng nghiên cứu chánh pháp trị quốc của các vị tiên vương xưa kia để nhân dân cả nước học tập. Nếu có kẻ nào quấy rối tà vạy, sẽ chế tài họ: Nhẹ tội thì xử phạt, giáo dục; kẻ tội nặng có thể bị tống giam. Chẳng hạn như có rất nhiều kẻ tà tri, tà kiến, có đôi khi chúng nó sẽ hại người trong nước.

Chuyện xảy ra vào năm mươi năm trước, tức năm 1940, khi tôi đến Calcutta của Ấn Độ, nghe họ bảo: “Thầy đi đường tại Calcutta, phải cẩn thận đôi chút, đừng có đi một mình. Họ thấy thầy là người ngoài tới đây, lại chẳng hiểu ngôn ngữ, sẽ bức hại thầy. Họ bắt thầy vô phòng tối, đem thầy vô đó, chặt chân tay để cúng thần. Tròng mắt thì lại để cúng thần chi đó, còn bộ phận sinh dục thì cúng thần chi đó. Chân thì dùng để cúng thần chi đó”. Đây là tà tri đảo kiến. Nếu quốc gia chẳng ngăn chặn những chuyện ấy, pháp luật của quốc vương chẳng cấm đoán, chuyện ấy chẳng biết sẽ đến mức độ nào nữa! Đây là tà tri, tà kiến. Kiểu tà tri, tà kiến này ở Trung Hoa cũng rất nhiều!

Chánh pháp của tiên vương là thuở đầu khi mới kiến lập quốc gia ấy, tổ tiên đều rất từ bi. Pháp lệnh của quốc gia chính là đạo đức của họ. Trước kia, chúng ta cũng thường nghiên cứu luân lý, đạo đức, hiếu, đễ,

trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ của quốc gia. Xưa kia, rất nghiên cứu các môn đạo đức ấy. Thuở bé, tôi còn phải học. Tới khi tôi học trung học, chẳng còn nữa. Hiện thời, chẳng có ai nói đến luân lý, đạo đức! Chúng tôi cũng chẳng phải là kẻ sùng cổ. Quá khứ cũng có điều tốt, mà hiện tại cũng có điều tốt. Những cái gọi là “*tiến bộ, cải cách*” thì phải sửa đổi những điều bất hảo trong quá khứ, sửa trừ những thứ cũ kỹ có hại cho nhân dân, mới đáng gọi là “*cải cách*”. Hiện thời, chỉ sợ đều chẳng được như thế, sửa đổi toàn bộ những điều tốt đẹp trong quá khứ do thời đại bất đồng, chúng ta thường nghe nói những lời lẽ ấy. Cải cách mà “giết, trộm, dâm, dối” hoành hành chẳng bị ngăn trở! Trong quá khứ, dân số cũng ít ỏi, nếu bị giết hại như vậy, chỉ sợ là dân số sẽ bị giảm thiểu, chẳng đáng bị chết mà chết mất. Đây là tà đảo kiến (邪倒見, tri kiến tà vạy, điên đảo). Nghiên cứu chánh pháp là nghiên cứu những điều đã được thi hành từ quá khứ xưa kia, nghiên cứu chánh trị luật pháp do tiên vương đã áp dụng trong quá khứ. Mọi người sau khi đã nghiên cứu, nhất trí tuân theo chánh pháp của tiên vương. Nếu kẻ nào không nghe theo, tức là trái nghịch chiếu mạng của hoàng đế. Hoàng đế chế định tân pháp, truyền cho hết thảy thần dân trong nước đều làm theo như vậy. Làm những gì họ đáng nên làm; chuyện chẳng nên làm, sẽ chẳng được phép làm. Vì vua quán đánh Sát-đế-lợi ấy thường tụ họp với quần chúng, thảo luận các vấn đề ấy. Quốc thái dân an, mọi người được hưởng thụ, trọn chẳng phải như trong hiện thời: Dùng của công để mời khách, biếu quà! Vì thế, mọi người cùng nhau chè chén, khoái hoạt, hưởng thụ vui sướng, khoan khoái vui chơi. Đôi bên chẳng nghi kỵ nhau, đối với đất nước chẳng có hai lòng, chẳng ngờ vực, chẳng đố kỵ nhau, nhất tâm nhất ý cùng nhau mưu tính mong xử lý việc nước vẹn toàn. Đây là vua quán đánh Sát-đế-lợi thành tựu vương luân thứ tư, dùng điều này để hiển thị chánh luân của đức Phật.

Do vị quốc vương định ra các pháp luật mà khiến cho quốc độ ấy tăng trưởng an lạc, có thể khiến cho hết thảy oán địch và bạn ác đều bị hàng phục. Do vậy, có thể khéo thủ hộ thân mình. Chử Thân (身) hàm nghĩa mỗi người dân đều có thể bảo vệ chính mình, mà cũng có thể yêu thương, che chở người khác. Như vậy thì mới có thể tăng trưởng thọ mạng, tích phước, tăng thọ, cho đến chẳng thương tổn kẻ khác. Đó là luân thứ tư của quốc vương.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai thành tựu thiện xảo tri thắng giải trí, kiến chư thể gian chủng chủng tà quy, tà kiến, tà ý, nhạo trước tà pháp, hành tà nghiệp hạnh. Do thị nhân duyên, thọ vô lượng khổ. Như Lai kiến dĩ, số số triệu tập, u đại chúng tiên, dĩ kỳ quá khứ chư Phật Thế Tôn Tam Bảo chủng tánh nhân quả, lục chủng Ba La Mật Đa, Du Già y nhân, tam luật nghi đấng, chư nhân quả pháp, khai ngộ, thị hiện, khánh ủy, giới sắc nhất thiết chúng hội, linh kỳ giải thoát chư điên đảo kiến, kiến lập chánh kiến, an trí Thập Thiện chánh trực cụ đạo, cộng chư hữu tình số số đồng tu pháp tùy, pháp hạnh, phương tiện dẫn nhiếp nhân quả đấng lưu. Vị chư hữu tình, tứ chúng hòa hợp, đồng tu nhất thiết thù thắng thiện hạnh, tiện cộng du hý tứ chủng Niệm Trụ, u tam-ma-địa giải thoát tri kiến, chư đạo phẩm trung, hoan ngu thọ lạc, vị linh thánh giáo cứu trụ thế cố, thiệu Tam Bảo chủng bất đoạn tuyệt cố, tiện cộng du hý Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đấng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi. U kỳ chủng chủng thắng tam-ma-địa giải thoát tri kiến chư đạo phẩm trung, hoan ngu thọ lạc. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ tử Phật Luân. Do thử luân cố, tri chư hữu tình Bồ Đặc Già La, chủng chủng thắng giải, quy thú, ý nhạo, chư nghiệp pháp thọ, tùy kỳ sở ưng, lợi ích an lạc, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tội chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)善男子！如是如來成就善巧知勝解智，見諸世間種種邪歸、邪見、邪意，樂著邪法，行邪業行。由是因緣，受無量苦。如來見已，數數召集，於大眾前，以其過去諸佛世尊三寶種姓因果，六種波羅蜜多，瑜伽依因，三律儀等，諸因果法，開悟、示現、慶慰、誠敕一切眾會，令其解脫諸顛倒見，建立正見，安置十善正直舊道，共諸有情數數同修法隨法行，方便引攝因果等流。為諸有情，四眾和合，同修一切殊勝善行，便共遊戲四種念住，於三摩地解脫智見，諸道品中，歡娛受樂，為令聖教久住世故，

紹三寶種不斷絕故，便共遊戲四正勤、四神足、五根、五力、七等覺支、八聖道支。於其種種勝三摩地解脫智見諸道品中，歡娛受樂。善男子！我成如是第四佛輪。由此輪故，知諸有情補特伽羅，種種勝解、歸趣、意樂、諸業法受，隨其所應，利益安樂，得安穩住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như Lai thành tựu trí biết thắng giải hay khéo như thế, thấy các thứ tà quy, tà kiến, tà ý, ưa thích tà pháp, hành hạnh tà nghiệp trong các thế gian. Do nhân duyên ấy, [chúng sanh] chịu vô lượng khổ. Như Lai thấy rồi bèn nhiều lượt triệu tập, đối trước đại chúng, dùng chuông tánh, nhân quả Tam Bảo của chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, sáu loại Ba La Mật Đa, ba loại luật nghi nương theo cái nhân của Du Già v.v... các pháp nhân quả để khai ngộ thị hiện, an ủi khiến cho hoan hỷ, răn truyền hết thầy chúng hội, để họ thoát khỏi các tri kiến điên đảo, kiến lập chánh kiến, đặt vững đạo cũ Thập Thiện chánh trực, cùng với các hữu tình nhiều lượt cùng tu pháp tùy, pháp hạnh, dùng phương tiện để hướng dẫn, nhiếp thọ các thứ nhân quả, vì các hữu tình từ chúng hòa hợp, cùng tu hết thầy hạnh lành thù thắng, liền cùng vui chơi trong bốn loại Niệm Trụ, hoan hỷ vui sướng trong các đạo phẩm chánh định, tri kiến giải thoát, vì để cho thánh giáo được tồn tại lâu dài trên thế gian, vì nối tiếp chuông tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, bèn dạo chơi trong Tứ Chánh Cần, Tứ Thần túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, hoan hỷ vui thỏa trong các loại đạo phẩm, chánh định thù thắng, và tri kiến giải thoát. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ tư như thế. Do vì luân này, biết các thứ kiến giải thù thắng, sự quy hướng, các sự yêu thích, các nghiệp pháp nhận lãnh của các hữu tình Bồ Đặc Già La, tùy theo lẽ đáng nên mà lợi ích, an lạc, được trụ an ổn, được không kinh hoảng, được không sợ hãi, tự xưng “ta đã ở nơi địa vị đại tiên tôn quý”, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng mà thực hiện sự tử hống).

Đây là Phật Luân thứ tư của đức Phật. Hiện thời, phần lớn đều là tà quy, tà kiến, ưa thích tà pháp, hành nghiệp hạnh tà. Công việc hiện thời do chính nhân dân tự mình lựa chọn. Nếu quý vị chọn nghề nghiệp không tốt, trong công việc ấy, đòi hỏi phải sát sanh, nhưng nghề nghiệp ấy hoàn toàn chẳng lừa gạt. Nghề nghiệp nào cũng đòi hỏi phải nói lời chân thật; bất quá, kẻ làm kinh doanh đều chẳng thể nói lời chân thật được! Tại Đại Lục, có những đạo hữu hỏi: “Không nói dối, sẽ chẳng có cách nào kinh doanh được!” Tôi đến Mỹ, thấy tình huống hoàn toàn chẳng phải là như vậy. Trong các siêu thị, trên quầy họ để giá bao nhiêu tiền, sẽ bán bấy nhiêu tiền. Vì họ để giá thật, chẳng cần có nhân viên phục vụ, họ cũng chẳng nói chuyện với quý vị. Do vậy, không nhất định phải nói dối! Lẽ đâu bắt buộc phải nói dối thì mới có thể kinh doanh được! Tôi chỉ nêu ra một thí dụ như vậy. Đây là tà nghiệp. Tà nghiệp là làm tà hạnh, không nhất định phải làm như thế mà vẫn cứ làm!

Ngoài ra, nếu trong quá khứ, quý vị chẳng có phước báo lớn đường ấy, bất kể quý vị gạt gẫm cỡ nào, chèn ép như thế nào, mách khỏe lươn leo cỡ nào đi nữa, kẻ như có cơ hội tước đoạt lọt vào tay, ngay lập tức sẽ thất bại. Kẻ cường đạo cướp đoạt, còn có cường đạo lợi hại hơn hẳn. Cường đạo cướp đoạt cường đạo, còn có cường đạo có thể lực to hơn nữa, chiến thắng quý vị! [Khăng khăng hành tà hạnh là do] chẳng biết mối quan hệ nhân duyên quả báo. Dù loại tà kiến, tà nghiệp, ưa thích chuyện tà pháp quá nhiều, hậu quả là quý vị nhất định phải hứng chịu vô lượng thống khổ. Quy y thân là tà quy, tri kiến bất chánh. Chúng ta đều có thể trông thấy đệ tử của họ hết sức đông đảo. Quý vị phải nói như thế nào đây? Đây chính là “*phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp sẽ tụ tập theo từng loại, sự vật theo chia ra thành từng nhóm theo mỗi tánh chất riêng biệt). Nhân duyên kiêu đó chính là vì gã ma vương ấy muốn chuyển thế, bọn ma con, ma cháu của hắn sẽ theo hắn kéo đến, đương nhiên là tín phụng hắn, chúng nó chẳng tín phụng chánh giáo của quý vị!

Loại nào sẽ tín phụng theo loại ấy. Thuộc hạnh nào, nghiệp nào, sẽ kết giao những kẻ cùng hạnh, cùng nghiệp đó! Thương nhân sẽ chẳng qua lại, kết bằng hữu với kẻ làm chánh trị. Quý vị làm bạn với họ, nhất định sẽ gặp chuyện chẳng hay ho! Người ta nói: “*Giao quan cùng, giao thương phú*” (Chơi với quan sẽ nghèo mạt, chơi với thương nhân sẽ giàu). Muốn đánh quan tòa, chắc chắn sẽ bị khốn cùng. Đây là sự giáo hóa xưa cũ của Trung Hoa. Quý vị giao du với kẻ nào, chơi với kẻ ác hay với người lành, sẽ có mối quan hệ hết sức to lớn, như người Hoa đã

nói: “*Cận châu giả xích, cận mặc giả hắc*” (Gần son thì đỏ, gần mực thì đen), hàm nghĩa như thế đó.

Đức Phật chỉ dạy các đệ tử phải chiếu theo nhân quả của chúng tánh Tam Bảo, các thứ giới luật, hoặc là dùng Lục Ba La Mật, tức là dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, ái hành, Tứ Nhiếp Pháp để giáo dục chúng sanh. Hoặc là nương theo tam luật nghi nơi nhân địa. Tam luật nghi là Tam Tụ Tịnh Giới, cũng tức là Nhiếp Thiện Pháp Giới, Nhiêu Ích Hữu Tình Giới, và Nhiếp Luật Nghi Giới. Ba thứ luật nghi ấy đều là pháp nhân quả. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. “*Khai ngộ thị hiện*”: Có thể giảng chữ Ngộ là “*hiểu rõ*”. Sau khi đã hiểu rõ nhân quả báo ứng, sẽ khiến cho họ quy y Phật, quy y Pháp trong Tam Bảo, gieo chúng tánh thiện căn. Gieo nhân lành, sẽ đạt được quả lành. Hoặc là có cái nhân tương ứng, thì sẽ có cái quả tương ứng. Dựa trên cái nhân để nghiệm chứng cái quả. Du Già có nghĩa là “*tương ứng*”, cũng có nghĩa là các pháp nhân quả thuộc ba loại luật nghi v.v... Đó gọi là “*nhân quả báo ứng*”. Khiến cho họ hiểu rõ đạo lý này. Có khi đức Phật lại an ủi chúng sanh, khiến cho họ vui mừng vì được an ủi, gieo phước điền nơi Tam Bảo, đời mai sau sẽ chẳng chịu khổ. Trong kinh Phật, có rất nhiều lời lẽ an ủi. Sau khi quý vị đã nghe pháp, đã quy y Phật, trong tương lai, sẽ hưởng đủ loại phước nghiệp, chẳng còn thọ khổ quả. Đây là những ngôn từ an ủi.

Tiếp đó là những ngôn từ răn truyền. Ngôn từ răn truyền chính là giới luật. Quý vị đã phạm giới, chẳng thể nào không đọa địa ngục, đọa vào ba ác đạo. Ngôn từ thuộc loại này rất nhiều. Đức Phật thường xuyên răn truyền các vị đại đệ tử làm thế nào để lợi ích chúng sanh, làm thế nào để tiêu trừ các tri kiến điên đảo của chúng sanh, khiến cho họ được giải thoát. Tri kiến giải thoát và tri kiến điên đảo, hai đằng hoàn toàn đối nghịch với nhau. Như thế nào thì mới có thể giải thoát? Quý vị phải kiến lập chánh tri, chánh kiến, đừng hành theo tà mạng. Vì để chính mình sống sót, mà kiến lập hạnh phúc của chính mình trên sự đau khổ của chúng sanh, chớ nên! Cho đến vì để chính mình sống thoải mái, nói chung là vì vật chất hữu hạn, bèn tranh đoạt. Có tranh đoạt hợp pháp và tranh đoạt bất hợp pháp. Có những thứ thuận theo nhân quả, đáng nên có thì sẽ có, chẳng đáng nên có thì sẽ chẳng thể đạt được! Chúng ta đổ công dốc sức, người ta sẽ đãi ngộ bằng tiền lương, đó là chuyện đáng nên có. Nếu đục khoét, trộm cắp, lường gạt người ta, đó là thứ chẳng đáng nên có. Mọi người đều biết chuyện đáng nên làm, chuyện chẳng nên làm, trong tâm họ tự biết rất rõ, nhưng vì lợi, hoặc vì danh, thầy kể chuyện

nên làm hay chẳng nên làm, miễn sao ta có lợi để đổi lấy cái giả danh là được rồi! Biết rõ chuyện ấy chẳng thể làm mà cứ ương ngạnh muốn làm, biết rõ chuyện này đáng nên làm, nhưng chẳng có lợi ích gì cho ta, họ sẽ chẳng làm.

Khi ấy, đức Phật dạy bảo hết thảy chúng sanh, khiến cho họ có Thập Thiện, đó là đạo cũ chánh trực. Hết thảy chư Phật đều chỉ dạy như thế này: “Chớ nên giết, trộm, dâm, đừng nên tạo tham, sân, si, đừng nên nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác”. Đó là Thập Thiện Nghiệp, đó là chánh đạo, là cụ đạo. Cùng hết thảy hữu tình, hết thảy Bồ Đề Già La, nhiều lượt cùng tu pháp. Tu pháp gì, sẽ hành theo pháp đó. Chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp, sẽ hành theo Thập Thiện Nghiệp. Tu Lục Ba La Mật, sẽ hành theo pháp Lục Độ. Bồ thí chẳng đơn thuần là vật chất. Chúng ta thường dùng vẻ mặt hoan hỷ đối đãi hết thảy chúng sanh, khiến chúng sanh trông thấy quý vị bèn hoan hỷ. Quý vị thấy Di Lặc Bồ Tát, Ngài ngồi đó tươi cười, Ngài bố thí hoan hỷ. Cho đến dùng Tài Bồ Thí, còn có cách thuyết pháp cho người khác, tức Pháp Bồ Thí, khuyên người khác làm chuyện tốt, đều là bồ thí. Tôi chỉ nêu một thí dụ như vậy để nói.

Dẫu sao, đây là phương tiện thiện xảo, dùng các pháp nhân quả ấy để hướng dẫn, nhiếp thọ, cũng tức là trong thiện ác nhân quả, sẽ có cạn và sâu. Sâu nhất là phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Đề đạo, cho đến quý vị sẽ tự nhiên chứng đắc thành Phật quả, điều ấy sâu lắm! Đối với những kẻ bình phàm, hoặc là khuyên người khác niệm Phật, khuyên người ta tin Phật, tin Phật thì có lợi ích gì? Miễn trừ tai nạn. Khuyên người khác coi trọng nhân quả một chút. Biết chúng ta khởi lên ý niệm xấu, trong tương lai, nhất định gặt hái quả báo xấu xa. Đây là nói theo hàng Bồ Tát. Nói theo bọn chúng sanh bình phàm, ắt cần phải có sự thật. [Phải nói với họ]: Làm chuyện ấy, sẽ thật sự tạo thành thương tổn; đây mới là trị tội. Đối với Bồ Tát thì khởi tâm động niệm là đã không được rồi, phải hiểu nhân quả ấy. Hàng đệ tử Phật chúng ta, tức tứ chúng đệ tử, hòa hợp cùng nhau tu hành thiện pháp.

Thiện pháp thù thắng nhất là phải phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, lợi ích chúng sanh, rộng độ chúng sanh. Phải cùng nhau tu hành thiện hạnh thù thắng, cùng nhau niệm Phật, đả Phật Thát, cùng nhau bái sám. Coi tu pháp thành thú vui, bốn loại Niệm Trụ, tức “*thân, thọ, tâm, pháp*”, vui chơi trong bốn loại Niệm Trụ ấy. Tam-ma-địa là Định. Tri kiến giải thoát có thể thành tựu Pháp Thân huệ mạng của quý vị. Cho đến đối với các đạo phàm, bao gồm rất nhiều thứ, như Tứ Chánh Cần,

Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo. Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Chỉ có tín tâm đối với Phật giáo thì vẫn chưa được, quý vị phải tinh tấn. Tấn là tinh tấn. Quý vị tinh tấn thì mới có thể đạt được điều tốt đẹp. Thường luôn nghĩ nhớ Tam Bảo, nghĩ tới pháp quý vị đang tu, chẳng xả chánh niệm. Quý vị một mực tu như vậy, giữ vững hơi thở ra vào, dần dần đắc Định. Do Định, có thể sanh ra Huệ, khởi quán chiếu. Ở trong Định, hàm chứa quán chiếu. Trong quán chiếu, hàm chứa Định, nhưng do quý vị tu đã lâu, sẽ có sức mạnh. Ngũ Căn và Ngũ Lực chính là sức mạnh ấy. Cho đến đối với các loại tam-ma-địa, sẽ chứng các loại Định, đắc các loại Huệ.

Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: Do cái luân này, ta chẳng ở trong thế giới Sa Bà. Ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, tà luận của hết thầy thiên ma và ngoại đạo đều bị phá hủy, giống như sư tử hồng. Đây là Phật Luân thứ tư. Trước tiên, nói về đủ thứ nguy hại trong thế gian, quốc vương xử lý như thế nào. Sau đó, đức Phật cũng dạy các đệ tử của Ngài đối trị các lỗi lầm, họa hoạn như thế nào.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán danh đại vương, tri tự quốc độ, hoặc tha quốc độ, hữu vô lượng hữu tình Bồ Đặc Già La, u tỳ tài sắc, đam nhiễm vô yếm, u tha tài sắc, tham cầu truy ái, tức tiện an trí kiên cố thành, quách, thôn, phường, thú la, quốc ấp, vương cung, quảng thuyết nãi chí xá-la, anh vũ, phòng thủ chúng cụ, linh vô tổn thất. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán danh đại vương, thành tựu như thị đệ ngũ vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ, tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如刹帝利灌頂大王，知自國土，或他國土，有無量有情補特伽羅，於自財色，耽染無厭，於他財色，貪求追愛，即便安置堅固城郭、村坊、戍邏、國邑、王宮，廣說乃至舍羅、鸚鵡，防守眾具，令無損失。善男子！刹帝利種灌頂大王，成就如是第五王輪。由此輪故，令自國土，增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương quán đánh Sát-đế-lợi tự biết trong quốc độ của mình, hoặc quốc độ khác, có vô lượng hữu tình Bồ Đặc Già La đối với tài sắc của chính mình đắm nhiễm chẳng chán, đối với tài sắc của kẻ khác bèn tham cầu, theo đuổi, yêu mến, liền sắp đặt thành quách, thôn, phường, tuần phòng nghiêm ngặt, [phòng vệ] quốc ấp, vương cung kiên cố, nói rộng thì cho đến đặt [các loài chim báo động] như xá-la, chim két, các vật dụng để phòng thủ, khiến cho chẳng bị tổn thất. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ năm như thế. Do bởi luân ấy, khiến cho quốc độ của chính mình tăng trưởng yên vui, có thể hàng phục hết thầy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ thân, tăng thêm thọ mạng).

Những điều này đều nói về quốc vương. Thuở đức Phật tại thế, trước kia, hoàn toàn chẳng có dân chủ, [một đất nước] không thể nào chẳng có quốc vương. Trong lịch sử đều là như vậy. Nếu một quốc gia chẳng có quốc vương, sẽ như bày rông không có thủ lãnh, loạn lạc ngay! Hiện thời, chúng ta là dân trị, pháp trị, chẳng phải là nhân trị. Dân trị là tuân theo pháp luật mà hành xử. Thời đại hiện tại chẳng giống thời đại thuở ấy, hiện thời loạn hay không, chúng ta cũng đều biết rất rõ ràng, nhưng chẳng có tư cách bình luận. Đức Phật nêu ra thí dụ, dựa trên hết thầy tình huống của thời Ngài đang sống. Hết thầy chúng sanh, đối với tài sắc của chính họ, “sắc” bao gồm các loại hưởng thụ, họ đắm nhiễm chẳng chán. Chữ Đam (耽, đắm đuối) vốn là nói về một thứ độc, chúng sanh chẳng biết đó là độc, cứ tham luyến không bỏ được. Chính mình chẳng chịu xả, lại còn muốn bảo vệ, còn truy cầu những thứ thuộc về người khác. Do nguyên nhân này, nhà vua ắt cần phải bảo vệ quốc độ ấy, khiến cho cuộc sống của quốc dân an định. Hoặc là tu bổ tường thành cho kiên cố. Trong quá khứ, thành ấp đều được tu bổ như vậy. Thời đại ấy sử dụng đao thương. Nếu đắp tường thành cao hơn, dày hơn, đóng cửa thành lại, kẻ giặc chẳng thể vào được. Thôn làng cũng là như vậy.

Tôi nhớ thuở bé, sống trong một thôn xóm ở miền Đông Bắc Trung Hoa, đắp bốn lô-cốt (blockhaus, blockhouse). Ở đó, hoặc là có tám mươi gia đình, hoặc là một gia đình cả trăm người. Bốn lô-cốt đều có đặt thổ pháo⁴⁰, vì thuở ấy, vùng Đông Bắc rất nhiều thổ phi. Thổ phi

⁴⁰ Thổ pháo (土炮) là loại súng “thần công” kiểu xưa, tức loại đại bác sử dụng từ thời Trung Cổ, nòng súng đúc bằng gang đặc, phải dùng dây ngòi để đốt thuốc súng, bắn

tấn công, tường thành rất dày, [người trong lô-cốt] sẽ bắn súng từ trên xuống. Họ gọi chỗ ấy là Hưởng Dao (響窯)⁴¹, thôn ấy được gọi là Hưởng Dao, biểu thị trong ấy có thuốc nổ, có súng đạn, đại pháo. Thổ phỉ muốn cướp thôn ấy, ắt phải tập hợp rất nhiều người. Trước hết, dùng thổ pháo công phá tòa thành ấy rồi mới có thể tiến vào. Mỗi quốc gia xưa kia đều là như thế. Nếu quý vị đi qua, [sẽ thấy] mỗi thành thị có tường thành đắp dày như thế. Thậm chí như Tần Thủy Hoàng mong bảo vệ đất nước của mình bèn xây Vạn Lý Trường Thành. Vạn Lý Trường Thành dùng để ngăn chặn quân Hung Nô từ phương Bắc. Thuở ấy, nếu có tường thành bảo vệ sẽ rất tốt, thậm chí mỗi thôn trấn, mỗi thôn làng, cũng đều phải bảo vệ.

“*Vương cung*”: Mọi người đến thăm thành Bắc Kinh, [sẽ thấy có] ngoại thành, nội thành, còn có một tòa Tử Cấm Thành. Chúng ta đến thăm Tử Cấm Thành tại Cố Cung Bắc Kinh, [nếu] đóng chặt cửa, quý vị sẽ chẳng vào được. Hiện thời, có phi cơ trực thăng bay thẳng vào, thả bộ binh xuống, sẽ chiếm được ngay. Thời đại bất đồng, thiết bị cũng khác. Đây là nói theo ý nghĩa “*phòng hộ*”.

“*Xá-la, anh vũ*”: Con vẹt (két) trông gọi là Xá-la (Sāra), két mái gọi là Xá-lợi. Chim mái gọi là Xá-lợi (Sārikā), chim trống kêu là Xá-la. Xá La chuyên môn bảo vệ chim mái, nó làm nhiệm vụ ấy. Mọi người thấy chim nhận, nhận sợ bị lẻ loi. Một mai bị lẻ bạn, nó sẽ nghĩ đến chuyện tự sát. Vì sao? Cô đơn. Nếu bày nhận đáp xuống, con nhận lẻ bạn phải tuần phòng. Trong bày nhận, thường có nhận lẻ bạn. Người săn nhận sẽ bắt con nhận lẻ bạn trước. Nó bị bắt, sẽ không kêu nữa. Con nhận lẻ bạn không kêu nữa, hẳn có thể bắt được rất nhiều nhận, vì những con nhận khác đều đang ngủ. Tôi ở Tây Tạng, thấy Tây Tạng có rất nhiều đàn bò Yak (mao ngưu, 犛牛) được bảo vệ. Quý vị thấy thông thường bò sợ sói, sợ báo, và cũng sợ cạp. Nhưng trong đàn bò, sẽ có một hai con đầu đàn, được gọi là “*đầu ngưu*” (頭牛, bò đầu đàn). Hễ đến tối, chúng nó sẽ ăn đặc biệt ngon, cũng chẳng cần phải ra ngoài gặm cỏ. Chủ

ra đạn gang, có tác dụng công phá thành lũy, chưa sử dụng các loại đạn nổ tung văng miêng gây sát thương nặng nề như các loại pháo cối sau này.

⁴¹ Hưởng Dao là cách kiến trúc phổ biến tại vùng Quan Đông dành cho các gia trang hoặc thôn ấp lớn. Chung quanh xây thành cao và dày, bốn phía đặt lầu canh để gia đình bắn súng, tên nỏ, phòng ngự khi giặc cướp, thổ phỉ tấn công.

nhân luôn cho nó ăn tầm ba (tsampa)⁴². Chủ nhân ăn gì, bèn cho nó ăn thứ đó. Thậm chí, nấu thức ăn cho nó. Nó sẽ làm gì? Tối buổi tối, chủ nhân đi ngủ, thả chó ra, chó sẽ phối hợp với bò đầu đàn. Con bò đầu đàn đi lại, đi quanh đàn bò vài vòng. Bò sợ con bò đầu đàn; nếu chủ mục trường đích thân chặn bò, bò vẫn chạy lộn xộn. Nhưng con bò đầu đàn đi quanh vài vòng, đàn bò đều nằm phục xuống, chẳng dám động đậy. Nó bèn tuần tra, xem có sói hay báo hay không? Bò đầu đàn phát huy tác dụng ấy. Tôi nêu thí dụ này, [nhằm chứng tỏ] ngay cả súc sanh hay phi cầm đều cần được bảo vệ, huống hồ nhân loại ư? Hiện thời, loài người trí huệ phức tạp, chẳng giống như quá khứ, có hỏa tiễn cùng máy bay chiến đấu. Lại còn từ biên tân công, từ trên lục địa bay tới, quá nhiều. Hiện thời, so với trước kia lại càng khác biệt. Đây là hàng phục hết thảy oán địch, bảo vệ tánh mạng và tài sản của bản thân và gia đình.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai thành tựu thiện xảo tri chư tánh trí, tri chư ác ma, cập cứu thập ngũ chúng tà ngoại đạo, tịnh dư vô lượng chúng ma ngoại đạo sở hoặc hữu tình. Ư tự tài sắc, đam nhiễm vô yếm, ư tha tài sắc, tham cầu, truy ái, ư ngã tự thân, cập ngã đồ chúng, thâm sanh tăng tật, vi hại ngã cố, giả thiết trần soạn, tạp dĩ độc dược, ám trí hỏa khanh, ngụy phu sàng tòa, hoặc thôi sơn thạch, hoặc phóng cuồng tượng, bạt kiếm truy trực, tán bộn trần uế, bánh hành dâm dục, hủy thị bất nam, hoặc vị phi nhân, hoặc ngôn huyền hóa, dĩ thị chư ác nhi tương phỉ hủy.

(經)善男子！如是如來成就善巧知諸性智，知諸惡魔，及九十五眾邪外道，並餘無量眾魔外道所惑有情。於自財色，耽染無厭，於他財色，貪求追愛，於我自身，及我

⁴² Tầm ba (tsampa) là bột lúa đại mạch (barley) rang chín, đôi khi trộn lẫn với bột mì. Khi ăn trộn với trà bơ (nước trà cho bơ và muối vào) nắm thành từng vát để ăn. Đôi khi, người khá giả có thể cho nhiều trà để trộn thành một loại cháo sền sệt, hoặc thêm mật ong, hoặc sữa và Chhaang (một loại bia của Tây Tạng). Tsampa được coi là lương thực chính yếu của người Tây Tạng. Họ cũng dùng Tsampa hòa nước, ngào với mật hay đường, nặn thành từng khối to hình nón, gắn lên đó những mẫu trang trí nặn bằng bơ nhuộm nhiều màu sắc khác nhau, tạo hình thành hoa lá, chim muông, các biểu tượng trong Phật giáo như hoa sen, ngọc như ý, ngà voi, bánh xe pháp luân v.v... và gọi đó là Torma để cúng dường trên bàn thờ Phật và các thần linh.

徒眾，深生憎嫉，為害我故，假設珍饌，雜以毒藥，闇置火坑，偽敷床座，或推山石，或放狂象，拔劍追逐，散塗塵穢，謗行淫慾，毀是不男，或謂非人，或言幻化，以是諸惡而相誹毀。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như Lai thành tựu trí thiện xảo biết các tánh như vậy, biết các ác ma, và chín mươi lăm loại tà, ngoại đạo, và vô lượng các ma, ngoại đạo mê hoặc hữu tình. Đối với tài sắc của chính mình, đắm nhiễm chẳng chán, đối với tài sắc của người khác bèn tham cầu, mê say theo đuổi. Họ đối với bản thân ta và đồ chúng của ta, sanh lòng ghen ghét sâu xa, vì muốn làm hại ta mà hoặc giả vờ bày các thức ăn ngon xen lẫn thuốc độc, ngâm bày hố lửa, giả vờ trải giường, tòa, hoặc là đẩy đá từ trên núi xuống, hoặc thả voi cuồng, rút gươm truy đuổi, vung rải bụi dơ, báng bổ ta làm chuyện dâm dục, hủy báng ta chẳng phải là nam nhân, hoặc bảo chẳng phải là người, hoặc nói ta là huyền hóa, dùng các điều ác như thế để phỉ báng, hủy gièm).

Chúng sanh trong đời Mạt Pháp hiện thời đã bị danh lợi dụ dỗ, mê hoặc, lại còn bị ngoại cảnh dụ dỗ, mê hoặc, [cho nên] tham, sân, si trong nội tâm đặc biệt nghiêm trọng. Đối với tài sản của chính mình, họ sẽ bảo vệ. Tài sản thuộc về lợi, họ phòng bị rất chu đáo, tham lam chẳng chán, nhưng lại muốn lừa gạt, tước đoạt tài sản của người khác. Một người chưa đủ, còn dây dưa đến mấy người! Hiện thời, chuyện kiêu ấy rất nhiều. Còn có kẻ theo đuổi tài sắc, nghi kỵ lẫn nhau. Hữu tình chúng sanh trong hiện thời, đặc biệt là đệ tử Phật, phải đối phó với ác ma như thế nào? Ngoại đạo dụ dỗ, mê hoặc không gì chẳng ngoài tài, sắc, lợi, hại. Đồng thời đối với bản thân chúng ta, thậm chí đối với đồ chúng của chúng ta, cũng là đây kia đều bất an. Ngoại đạo ganh tỵ đối với chánh đạo của đức Phật. Hiện thời, không chỉ là ngoại đạo ganh tỵ, mà là đệ tử Phật cũng đang ghen tỵ lẫn nhau. Do vậy, tứ chúng đệ tử chúng ta phải tán thán lẫn nhau, chớ nên công kích lẫn nhau, hay hủy báng lẫn nhau. Như vậy là không nên!

Họ lừa gạt quý vị, mời quý vị làm khách, quý vị phải cẩn thận, họ bỏ thuốc độc trong đó. Hoặc là đào hầm bẫy, tức bẫy rập để bắt dã thú. Mọi người nếu đến vùng núi sẽ biết. Như khi tôi ở miền Đông Bắc [Trung Hoa], họ sắp đi vào núi, dặn dò quý vị, đi đường phải cẩn thận:

“Người thấy con đường này, thật ra, phía dưới là hầm bẫy, phía trên phủ cỏ. Dã thú chạy lên đó, sẽ sập bẫy”. Còn có bẫy treo trên cây, dùng những sợi thừng to thô trói lại. Nếu quý vị giẫm phải, sẽ bị bắn trúng, hoặc treo ngược lên. Sau đó, sẽ có người tới bắt. Đây là cách bẫy dã thú. Có người đi lâm vào chỗ gài bẫy dã thú ấy, đại đa số là chỗ núi rừng rất hiểm người lui tới. Kinh Địa Tạng có nói: Nếu quý vị hoặc vì có việc, chẳng thể nào không tiến vào rừng núi, sợ chuốc phải nguy hiểm, hãy niệm thánh hiệu của ta cho nhiều. Đó là trường hợp hãm nhập loại nguy nan này.

Hoặc là họ mời mọc quý vị, trải giường tòa, đối với quý vị [giả vờ] rất cung kính, rất kính phục. “*Hoặc thôi sơn thạch, hoặc phóng cuồng tượng*” (Hoặc đẩy núi đá, hoặc thả voi cuồng): Tại Ấn Độ, còn có voi cuồng; ở nơi đây (Trung Hoa) chẳng có. Có đôi khi họ cho voi uống rượu khiến nó điên cuồng. Voi giẫm đạp quý vị, dùng vòi cuốn quý vị ném đi. Hoặc là dùng vũ khí, rút gươm, giương súng bức bách quý vị. “*Tán bôn trần uế*” (Vung rải bụi nhơ) tức là vu hãm quý vị, dùng những lời lẽ vu cáo, hãm hại, tung tin đồn có hại. Quý vị rõ ràng là thanh tịnh, họ liền tung rải tin đồn.

“*Báng hành dâm dục*”: Hủy báng quý vị phá giới. Hoặc là hủy hoại quý vị, hoài nghi quý vị chẳng phải là nam nhân. Trong Phật giáo, có năm loại “*bất nam*”, chẳng phải nam mà cũng chẳng phải nữ. Nêu một thí dụ, như thái giám chẳng phải là nam nhân, đó là một loại. Trong giới luật của kinh Phật, có nói năm loại bất nam⁴³. Họ hoặc là nửa nam nửa nữ: Ở với nam nhân, họ là nữ. Ở chung với nữ nhân, họ là nam. Loại này gọi là Biến Bất Nam. Chẳng thể thấu nhận hạng người như vậy xuất gia. Họ hủy báng người ấy, thấy người ấy có đạo đức, đồ chúng quy y

⁴³ Ngũ Bất Nam (Pañca Pandakāh), còn gọi là Ngũ Chủng Hoàng Môn. Theo luật Thập tụng gồm:

1. Sanh bất nam (Jāti-pandaka) tức là từ lúc sanh ra, không có nam căn, hay không có khả năng hành dâm.
2. Bất bất nam (Paksa-pandaka): Chỉ có thể hành dâm trong nửa tháng, nửa tháng sau hoàn toàn chẳng thể.
3. Đồ bất năng nam (Īrsyā-pandaka): Thấy người khác hành dâm, do đó kỵ bèn sanh khởi dâm tâm.
4. Biến bất nam (Saktaprādurbhāvī-pandaka): Khi hành dâm, nam căn bị biến mất. Theo từ điển Phật Học của Đinh Phước Bảo thì giải thích giống như lão pháp sư đã nói.
5. Bệnh bất nam (Āpat-pandaka): Nhân vì thương tích hay bệnh tật mà cắt bỏ nam căn.

rất đông, liền hủy báng người ấy, nói người ấy chẳng phải là người, mà là quỷ biến hiện, đừng nên tin người ấy. Đấy đều là ngôn từ hủy báng.

(Kinh) U Phậ, Pháp, Tăng, diệc khởi vô lượng chủng chủng phỉ báng, mạ ly, hủy nhục. U ngã cận trụ Thanh Văn đệ tử, tât đồ nhân duyên, khởi chư hủy báng. Như Lai tri dĩ, thiện thủ lục căn, y tứ phạm trụ, cụ tứ biện tài, vị chư Thanh Văn, tuyên thuyết pháp yếu, an lập thanh tịnh tam giải thoát môn. Ngã dĩ như thị thể, xuất thể gian, tri chư tánh trí, như thật liễu tri nhất thiết chúng sanh, chủng chủng vô lượng chư tánh sai biệt, tùy kỳ sở ưng, vị tác nhiều ích.

(經)於佛法僧亦起無量種種誹謗罵詈毀辱。於我近住聲聞弟子，嫉妒因緣，起諸毀謗。如來知己，善守六根，依四梵住，具四辯才，為諸聲聞，宣說法要，安立清淨三解脫門。我以如是世出世間，知諸性智，如實了知一切眾生，種種無量諸性差別，隨其所應，為作饒益。

(Kinh: Đối với Phậ, Pháp, Tăng, cũng dấy lên vô lượng các thứ phỉ báng, chửi bới, hủy nhục. Đối với các đệ tử Thanh Văn cận trụ của ta, vì nhân duyên ganh ghét, dấy lên các thứ hủy báng. Như Lai đã biết, bèn khéo giữ gìn sáu căn, nương vào bốn phạm trụ, trọn đủ bốn món biện tài, vì các Thanh Văn tuyên nói pháp yếu, an lập ba môn giải thoát thanh tịnh. Ta dùng trí biết các tánh thể gian và xuất thể gian như thế, đúng như thật biết rõ vô lượng các loại tánh sai biệt của hết thảy các chúng sanh, tùy theo lẽ đáng nên mà tạo lợi ích cho họ).

Tiếp đó, đều là ngôn từ hủy báng. Dùng đủ loại ác sự hủy báng quý vị, hủy báng gì vậy? Hủy báng Phậ, Pháp, Tăng. Rõ ràng là chánh pháp, họ nói đấy chẳng phải là chánh pháp, [pháp của họ] mới là chánh pháp. Hoặc quý vị trì giới, trì giới thanh tịnh, họ bày ra đủ trò gây khó dễ, thậm chí hủy báng quý vị, khiến cho quý vị chẳng thể sống yên ổn. Tình hình kiểu ấy, trong chôn chùa miếu cũng có, tứ chúng đệ tử đều có. Chúng ta phải có trí huệ, phải nhận biết hạng người ấy. Nói rộng hơn, [sẽ là] vô lượng các loại hủy báng, chửi bới, hủy nhục. Đó là nói rộng. Hoặc là đối với các vị đệ tử Thanh Văn cận trụ của ta, “cận trụ” (近住) là ở bên cạnh đức Phậ, tức là Tăng chúng gồm một ngàn hai trăm năm

mười vị ở cạnh đức Phật. Do nhân duyên ganh tỵ, vì họ sanh lòng ganh tỵ, bèn sanh khởi hủy báng. Đây là chuyện chỉ có khi đức Phật tại thế, những vị ở cạnh đức Phật được gọi là “*cận sự đệ tử*”. Đức Phật nhập Niết Bàn thì chẳng có nữa. Chùa lớn có của cải rất lớn, thấy nhà chùa giàu có, họ cũng sanh khởi hủy báng, chuyện này rất nhiều. Đức Phật răn nhắc chúng ta hãy khéo bảo vệ sáu căn, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khéo gìn giữ sáu căn, cũng là “*phòng ý như thành*” (ngăn ngừa ý như giữ thành trì), đặc biệt là ý thức, giống như là đắp tường thành để phòng bị nó, vì nó (ý thức) sẽ tùy thời, chẳng thuận theo quy củ, tùy thời phạm sai lầm.

“*Y Tứ Phạm Trụ*” (Nuơng cây Tứ Phạm Trụ): Tứ Phạm Trụ là thanh tịnh. “*Thanh tịnh*” là nói đến điều gì vậy? Tức là Tứ Vô Lượng Tâm, từ, bi, hỷ, xả. Y từ, bi, hỷ, xả mà trụ. Phải trọn đủ bốn thứ biện tài. Có biện tài thì mới có thể bảo vệ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo thanh tịnh, biện luận cùng ngoại đạo. Khi các vị Ca Diếp Ma Đằng (Kāśyapa Mātanga) và Trúc Pháp Lan (Dharmaratna) vào Trung Hoa truyền pháp, Đạo giáo biện luận cùng họ, nói [Phật pháp] là tà pháp, [bởi lẽ], “chúng tộc bất đồng, quốc độ bất đồng. Họ tới Trung Hoa hoằng pháp, sẽ là tà đạo”. Hoàng đế nói “cũng chẳng có cách nào”, bèn đem kinh sách do Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đem đến, đặt trên một cái đài, đem kinh sách Đạo giáo đặt trên đài khác, châm lửa đốt. Kinh điển Đạo giáo đều bị thiêu hủy. Kinh do Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan mang đến thưở ấy là Tứ Thập Nhị Chương Kinh. Kinh Tứ Thập Nhị Chương tỏa quang minh, chẳng bị thiêu hủy. Khi ấy, mới kiến lập chùa miếu.

Tứ Biện Tài là biện tài vô ngại, pháp vô ngại, ý vô ngại, và từ vô ngại. Tư cách của một vị pháp sư chân chánh là trọn đủ Tứ Vô Ngại Biện. Một vị thánh tăng thật sự nếu chẳng có ngữ ngôn tam-muội, hoằng pháp sẽ chẳng thể đạt được lợi ích rộng lớn, chẳng thể gọi là bậc pháp sư toàn tài được. Khi đó, các vị đại đức Ấn Độ tới Trung Hoa chẳng bao lâu, bèn học hiểu tiếng Hoa, học thông suốt ngôn ngữ, văn tự, đạt được phương tiện lợi sanh. Như chúng tôi rất đáng hổ thẹn, chẳng có trí huệ ấy. Tới quốc độ của người khác, chẳng hiểu ngôn ngữ, chẳng biết phong tục và tập quán của người ta, làm sao phiên dịch kinh sách cho được? Một vị đại đức hay đại pháp sư thật sự, ắt cần phải có hạnh thanh tịnh, từ, bi, hỷ, xả trọn đủ, pháp, ý, từ, bi, biện tài ắt cần phải trọn đủ, khéo thuyết pháp cho người khác. Đức Phật chỉ dạy đệ tử, biết các nhân duyên trên đây, tức là các thứ hủy báng đã nói trên đây. Ngài răn dạy đệ tử hãy khéo bảo vệ sáu căn, siêng năng chuyên ròng, đừng buông lung, hãy nên

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

nuơng vào Tứ Niệm Xứ để trụ, thường nghĩ đến vô thường, nghĩ đến vô ngã, nghĩ đến khổ. Tuyên nói pháp yếu như vậy cho các vị Thanh Văn, an lập ba môn giải thoát thanh tịnh.

Đức Phật đã biết các thứ ngoại đạo hủy báng như trên, liền răn dạy các đệ tử hãy khéo bảo vệ sáu căn, giữ gìn các căn môn cẩn thận. “Căn môn” (根門) tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, phải chiếu theo từ, bi, hỷ, xả để trụ, phải học tập trọn đủ bốn loại biện tài. Đức Phật vì các đệ tử, các vị Thanh Văn, tuyên nói pháp yếu. Nói chung, phải an lập ba môn giải thoát. Ba môn giải thoát chính là Không, Vô Tướng, và Vô Nguyên. Dưới đây đều là những lời đức Phật dạy.

“Ngã dĩ như thị thể, xuất thể gian tri chư tánh trí” (Ta dùng trí biết các tánh thể gian và xuất thể gian như thế): Ta biết tánh của pháp, biết bản thể của pháp, biết nhân duyên của pháp, biết quả báo của pháp. Có loại trí huệ ấy, sẽ đúng như thật mà biết rõ chúng sanh có vô lượng các thứ tánh sai biệt. Có thể nói tánh ấy là tánh tình, mỗi người có tánh tình khác nhau. Nói như vậy, hoàn toàn chẳng phải là nói theo “tánh thể” (性體, bản thể của tánh). Tánh thể chẳng có sai biệt. Tánh được nói ở đây sẽ là căn tánh thiện căn của họ, các loại căn tánh thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại. Mỗi người một tánh, cũng có nghĩa là thói quen trong cuộc sống của quý vị. Mỗi người có thói quen sanh hoạt riêng. Có khi họ tin Phật, quy y trở thành đệ tử Phật, vâng theo giới luật của đức Phật đã dạy, cùng sống với Tăng đoàn, hàng phục cá tánh của chính mình, chẳng dám phóng túng. Cùng sống với đại chúng tăng, chính mình đã là đệ tử của đức Phật, chẳng thể tùy hứng, chẳng thể mặc tình theo tánh tình của cá nhân. Đức Phật biết các thứ cá tánh hoàn toàn bất đồng của hết thầy đệ tử cho đến hết thầy chúng sanh. Đức Phật ứng cơ, [nghĩa là] tùy thuộc quý vị thích gì, Ngài sẽ khai ngộ quý vị điều đó, sẽ dựa theo đó để chỉ dạy quý vị. Chúng ta chẳng biết, khi đức Phật giảng kinh, chẳng hạn như kinh Thập Luân, các chúng sanh tương ứng với pháp này sẽ đều tụ hội, đều nhóm đến, đều tán thán, tùy hỷ. Địa Tạng Bồ Tát rất rạo cảm được pháp hội này bèn đến dự, khi mọi người nhóm họp đông đủ, sẽ ứng theo căn cơ trong hội ấy mà thuyết các thứ pháp.

Hiện thời, tình hình thông thường là học một bộ kinh nào, sẽ thỉnh vấn bộ kinh ấy. Giống như chúng tôi ở Mân Nam Phật Học Viện, hoặc Trung Quốc Phật Học Viện, tôi chỉ giảng về Pháp Tướng, chỉ giảng về Ngũ Giáo, chỉ nói về Tứ Đế, những điều khác tôi không nói, căn cứ theo những gì họ đang học để cống hiến. Đức Phật hoàn toàn chẳng phải là

như vậy, đức Phật căn cứ trên căn cơ: “Quý vị cần gì, ta sẽ nói cho quý vị điều ấy”. Hiện thời, trái ngược hẳn, quý vị có phải là căn cơ ấy hay không, tôi mặc kệ, tôi chỉ nói điều này! Vì sao mong sanh vào thời có đức Phật tại thế? Vì dễ dàng khai ngộ, dễ dàng thành đạo, gieo thiện căn, cho nên muốn sanh nhằm thời có Phật xuất thế. Coi như chúng ta thuộc vào tám nạn. Một trong tám nạn là nhằm lúc chẳng có Phật xuất thế, đã sai khác rất nhiều. Lại còn có đủ loại tà tri, tà kiến quá nhiều, quý vị có thể giải thoát bằng cách nào đây? Chẳng giải thoát được! Cho nên đức Phật có thể đúng như thật mà biết rõ đủ loại cá tánh của chúng sanh, đủ loại sự khác biệt. “Tùy kỳ sở ứng” (Theo lẽ đáng nên), “sở ứng” (所應) là tùy thuận người ấy đáng nên dùng pháp gì để có thể đắc độ, đức Phật liền tạo lợi ích cho người ấy, nói cho người ấy nghe pháp đó.

(Kinh) Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ ngũ Phật Luân. Do thử luân cố, dĩ thế, xuất thế tri chư tánh trí, tri chư hữu tình Bồ Đặc Già La, chủng chủng vô lượng chư tánh sai biệt, tùy kỳ sở ứng, lợi ích, an lạc, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tôi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)善男子！我成如是第五佛輪。由此輪故，以世出世知諸性智，知諸有情補特伽羅，種種無量諸性差別，隨其所應，利益安樂，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ năm như thế. Do vì luân ấy, dùng trí biết các tánh thế gian và xuất thế gian, biết các tánh sai biệt của vô lượng các hữu tình Bồ Đặc Già La, tùy theo lẽ đáng nên, mà lợi ích, yên vui, được trụ nơi an ổn, được không kinh hoảng, được không sợ hãi, tự xưng “ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý”, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử hống).

“Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ ngũ Phật Luân” (Đây thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ năm như thế): Đây là thành tựu Phật

Luân thứ năm. Do Phật Luân này, ta đối với pháp tánh của pháp thể gian và xuất thể gian, cũng đúng như lý mà nói, hoặc nói theo Sự, hoặc dùng giới luật để nói, vì ta có thể biết rõ pháp thể gian và xuất thể gian, có loại trí huệ ấy để đối đãi các loại Bồ Đặc Già La, tức các loại chúng sanh. Họ có vô lượng căn tánh khác biệt, vô lượng nhu cầu, ta sẽ theo đúng lẽ đáng nên mà lợi ích, an vui họ, khiến cho sau khi được nghe pháp đó, hành theo, sẽ được giải thoát. Dầu không làm theo, cũng được an ổn. Họ đã hiểu rõ, đã liễu giải, sẽ chẳng sợ hãi, [tự nhủ]: “Hoặc là ta không đến đó, hoặc ta né tránh”. Chúng ta liễu giải đằng trước là nguy hiểm, chẳng cần phải đến đó, quý vị chẳng tránh né ư? Rõ ràng biết là nguy hiểm, lại chẳng thể nào không đi, quý vị sẽ làm như thế nào? Ất cần phải đi qua lãnh thổ một nước, phải đi qua núi, rừng, thì phải làm sao? Quý vị đã niệm kinh Địa Tạng, sẽ biết là cần niệm Địa Tạng Bồ Tát. Trong phần trên, cũng đã nói rồi: Niệm thánh hiệu Địa Tạng có đủ loại công đức, được trụ trong an ổn. Khi ấy, quý vị mới có thể an ổn, chẳng sợ sệt, chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi.

“Tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tồ chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống” (Tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử hống): Phần này giống như kinh văn trong phần trên. Đối với Thập Luân, trong mỗi luân, kinh văn đều nói như thế.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đảnh đại vương, an trí nhất thiết kiên cố thành quách, thôn phường, thú la, quốc ấp, vương cung, quảng thuyết nữ chí xá-la, anh vũ, phòng thủ cụ dĩ, xử tự cung trung, dĩ chư quyền thuộc, hậu phi, thái nữ, nhi tự vi nhiều, du hí ngũ dục, chủng chủng nhạc cụ, phóng tứ lục căn, thọ chư hỷ lạc. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi quán đảnh đại vương, thành tự như thị đệ lục vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如刹帝利灌頂大王，安置一切堅固城郭、村坊、戍邏、國邑、王宮，廣說乃至舍羅、鸚鵡，防守具已，處自宮中，與諸眷屬，后妃嫫女，而自圍繞，遊戲

五欲，種種樂具，放恣六根，受諸喜樂。善男子！刹帝利灌頂大王，成就如是第六王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh, xếp đặt hết thảy thành quách kiên cố, thôn phường, tuần phòng nghiêm ngặt, quốc ấp, vương cung, cho đến nói rộng là [xếp đặt các phương tiện bảo động] như xá-la, anh vũ. Đã phòng thủ đầy đủ rồi, bèn ở trong cung của chính mình, cùng với các quyến thuộc, hậu phi, thái nữ vây quanh, vui chơi ngũ dục, các thứ nhạc cụ, bông lông sáu căn, hưởng các vui sướng. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ sáu như thế. Do vì luân ấy, khiến cho quốc độ của chính mình tăng trưởng yên vui, có thể hàng phục hết thảy oán địch và bạn ác, khéo giữ gìn cái thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng).

Luân thứ sáu và luân thứ năm tương tự. Vì nhà vua đã phòng hộ tốt đẹp, chuyên môn đề phòng, ngăn ngừa oán địch. Trong nước đã tốt đẹp, bèn phòng ngự hải ngoại. Đã có thể thống nhất trong nước, chẳng hai lòng, mọi người đều nhất trí, chẳng còn đấu đá nội bộ. Sau đấy, lại xây dựng thành thị kiên cố, thậm chí các thôn trấn đều có ngăn ngừa, bảo vệ. Điều này giống như trong phần trước [đã nói] “nãi chí xá-la, anh vũ”. Đã phòng thủ kỹ càng, thì sau đấy trong cung mới có thể vui sướng, mới có thể vui chơi. “Phóng tứ lục căn, thọ chư hỷ lạc” (Buông lung sáu căn, hưởng các hỷ lạc). Đây là một tỷ dụ. Bên ngoài chẳng có thành quách chắc chắn, chẳng có thôn, phường. “Thú la” (戍邏) có nghĩa là “tuần tra”. Chúng ta biết những người chỉ huy các đội lính phòng vệ chuyên lo phòng thủ. “Thú” (戍) có nghĩa là phòng thủ, “la” (邏) có nghĩa là tuần tra, xem có kẻ trộm cắp hay không. Cho đến vương cung, quốc ấp, “ấp” (邑) có nghĩa là đô thị hay thành thị, hoặc là thôn trấn. “Vương cung” là chỗ nhà vua ở. [Các nơi ấy] đều phải phòng thủ kỹ càng, cũng tức là đảm bảo rất an toàn. Sau đấy, mới có thể hưởng thụ, mới có thể vui sướng. “Thọ chư hỷ lạc” (Hưởng các vui sướng), ta thích nghe âm nhạc bèn nghe. Đây là vua quán đánh thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi thành tựu vương luân thứ sáu.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai, dữ chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, cập đại Thanh Văn, an trí nhất thiết kiên cố thánh giáo phòng thủ chi sự, tức tiện hiện nhập tối sơ Tĩnh Lự, nãi chí hiện nhập đệ tứ Tĩnh Lự, hiện nhập Vô Biên Hư Không Xứ Định, quảng thuyết nãi chí hiện nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Định. Như thị nãi chí hiện nhập nhất thiết Phật sở hành định. Nhập thử Định dĩ, vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa thiên, long, Dược Xoa, La Sát, Kiện Đạt Phục, A Tô Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Bệ Lê Đa, Tát Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na đẳng, v chư chúng sanh, thường hoài độc ác, tổn hại chi tâm, vô từ, vô bi, v hậu thế khổ bất kiến bố úy, nhi bỉ kiến ngã nhập v nhất thiết Phật sở hành Định, giai v ngã sở, sanh đại hoan hỷ, khởi tịnh tín tâm. Ư Tam Bảo trung, giai sanh tối thắng hoan hỷ tịnh tín, tôn trọng cung kính, đắc vị tăng hữu. Ư nhất thiết ác, tà quý phát lộ, thâm tâm hồi quá, thệ nguyện vĩnh đoạn. Do thị nhân duyên, nhất sát-na khoảnh, vô lượng vô số chư phiền não chướng, nghiệp chướng, pháp chướng giai đắc tiêu diệt. Vô lượng vô số phước huệ, tư lương, giai đắc thành mãn, bồi ly sanh tử, thú hướng Niết Bàn, hộ trì Như Lai vô thượng chánh pháp. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ lục Phật Luân.

(經)善男子！如是如來，與諸菩薩摩訶薩眾，及大聲聞，安置一切堅固聖教防守之事，即便現入最初靜慮，乃至現入第四靜慮，現入無邊虛空處定，廣說乃至現入非想非非想定。如是乃至現入一切佛所行定。入此定已，無量百千俱胝那庾多天、龍、藥叉、羅刹、健達縛、阿素洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽、薜荔多、畢舍遮、布怛那、羯吒布怛那等，於諸眾生，常懷毒惡，損害之心，無慈無悲，於後世苦不見怖畏，而彼見我入於一切佛所行定，皆於我所，生大歡喜，起淨信心。於三寶中，皆生最勝歡喜淨信，尊重恭敬，得未曾有。於一切惡，慚愧發露，深心悔過，誓願永斷。由是因緣，一剎那頃，無量無數諸煩惱

障、業障、法障皆得銷滅。無量無數福慧、資糧、皆得成滿，背離生死，趣向涅槃，護持如來無上正法。善男子！我成如是第六佛輪。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như Lai và các vị Bồ Tát Ma Ha Tát cùng các đại Thanh Văn cũng như vậy, sắp đặt hết thảy các sự phòng thủ bằng thánh giáo kiên cố, liền thị hiện nhập môn Tĩnh Lự tối sơ, cho đến thị hiện nhập môn Tĩnh Lự thứ tư, thị hiện nhập Vô Biên Hư Không Xứ Định, nói rộng là cho đến thị hiện nhập Phi Tướng Phi Tướng Định. Như thế cho đến thị hiện nhập hết thảy các môn Định do Phật đã hành. Đã nhập môn Định ấy rồi, vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa trời, rồng, Dược Xoa, La Sát, Kiện Đạt Phục, A Tó Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hồ Lạc Già, Bệ Lệ Đa, Tát Xá Giá, Bồ Đạt Na, Yết Trá Bồ Đạt Na v.v... đối với các chúng sanh thường ôm lòng độc ác, tổn hại, chẳng từ, chẳng bi, đối với sự khổ trong đời sau chẳng thấy sợ hãi, nhưng họ thấy ta nhập trong hết thảy các môn Định do Phật đã hành, bèn đối với ta sanh lòng hoan hỷ to lớn, khởi tín tâm trong sạch. Đối với Tam Bảo, đều sanh lòng tin thanh tịnh, hoan hỷ tối thắng, tôn trọng, cung kính, đạt được điều chưa từng có. Đối với hết thảy các điều ác, đều hổ thẹn, bày tỏ, thâm tâm hối lỗi, thệ nguyện vĩnh viễn đoạn trừ. Do nhân duyên ấy, trong khoảng một sát-na, vô lượng vô số các phiền não chướng, nghiệp chướng, pháp chướng đều được tiêu diệt. Vô lượng vô số tư lương phước huệ đều được thành tựu viên mãn, trái lìa sanh tử, tiến hướng Niết Bàn, hộ trì chánh pháp vô thượng của Như Lai. Này thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ sáu như thế đó).

Tĩnh Lự (靜慮): Có bốn loại Tĩnh Lự. Bốn Tĩnh Lự là gì? Chính là bốn loại Thiền Định. Dùng Tứ Thiền để đối trị Hoặc (惑, phiền não) của quý vị. Có công phu Định ấy, thậm chí có thể phòng ngừa Hoặc nhiễm. Đây là Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, và Tứ Thiền trong Sắc Giới. Vì thế, lại gọi là Sắc Giới Định. Tĩnh Lự là “thẩm lự” (審慮, suy xét), đúng như thật biết rõ cảnh tánh của tâm ý. Định là trụ chắc nơi một loại cảnh tánh, cũng là quán tâm định trụ trong một loại cảnh tánh.

Người có thể thâm nhập [môn Thiền Định ấy], sau khi đã có thể lìa khỏi Dục Giới, cảm nhận có thể tương ứng với sự quán tưởng Sắc Giới. Trong quá trình tu Định, ba món Thiền đầu (Sơ Thiền, Nhị Thiền,

Tam Thiên) là những bậc thang phương tiện, là các hoạt động trong tâm dần dần phát triển, hình thành thế giới tinh thần. Tiến nhập đệ tứ Thiên mới là Thiên Định chân thật. Đây là nói về Sơ Quả thánh nhân, Nhị Quả thánh nhân, và Tam Quả thánh nhân. Sơ Quả thánh nhân trong quá trình sanh thiên, đã sanh thiên xong, lại trở vào nhân gian. Sơ Quả thánh nhân còn phải bảy lượt sanh vào nhân gian. Nhị Quả thánh nhân phải một lần trở lại nhân gian. Bậc Tam Quả chẳng trở lại [nhân gian], luôn ở trên cõi trời, luôn trụ trong Tứ Thiên Thiên. Vì các Ngài tu loại Định này, dần dần có thể thành tựu, đoạn dứt Kiến Hoặc phiền não, đoạn dứt Tư Hoặc phiền não, dần dần đoạn sạch Kiến Hoặc phiền não, mà cũng đoạn trừ Tư Hoặc phiền não, sẽ chứng đắc quả A La Hán. Sơ Thiên Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, lìa khỏi Tầm và Tứ.

Loại Thiên thứ hai là do Định sanh khởi, phiền não trong nội tâm người ấy bèn thanh tịnh. Chẳng như chúng ta, hễ nội tâm sanh khởi phiền não, liền cảm thấy trong tâm rất bứt rứt, nội hỏa bốc lên rất to. Khi đó, vị ấy [trong tâm] chẳng có gì, Kiến Hoặc nội tại đã đoạn. Lại còn có thể đoạn Tư Hoặc. Đạt tới Tam Thiên Thiên, dần dần sanh khởi Định, sanh khởi cảm giác hỷ lạc. Đã đạt tới Tam Thiên Thiên, bèn ly hỷ, [tức là] Tam Thiên Thiên lìa khỏi hỷ (sự hoan hỷ) do Định sanh ra. Đó cũng là thô lạc biến thành tế lạc, cho nên gọi là Diệu Lạc Địa. Khi ấy, sanh ra chánh tri, chánh kiến. Tứ Thiên Thiên là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa (địa vị thanh tịnh, xả trừ ý niệm), đều là địa vị sau thù thắng hơn địa vị trước. Cõi trời phía sau không chỉ xả trừ những điều [hành giả] đã xả trừ khi chứng đắc trong cõi trời trước, mà còn tiến cao hơn một bước là xả trừ [những cảnh giới] trong cõi trời trước. Giống như chúng ta tu đạo, khi tu Định, quý vị tiến thêm một bước, đã chẳng còn thấy phiền não, đã hàng phục thô Hoặc. Nếu tu Sở Túc Quán, quý vị sẽ cảm thấy hơi thở ra rất thô, cho đến khi rất tĩnh, chẳng còn duyên niệm theo cảnh giới đã tu khi hơi thở còn thô tháp. Đây là tiến nhập cảnh giới tế, cũng là giai đoạn sau thù thắng hơn giai đoạn trước. Khi đã có tiến bộ trong giai đoạn sau, có thể bỏ qua các điều thuộc giai đoạn trước, chẳng còn duyên niệm những điều trước đó nữa!

Chúng ta thường nói “*đã vượt sông, chẳng cần thuyền nữa*”. Chớ nên duyên niệm những sự vật trước đó, hãy bỏ đi! Sau đó, học pháp. Đã học thâm nhập rồi, nếu đã đắc Định, quý vị chẳng bắt buộc phải xem văn tự, cũng không cần phải cầm kinh bản để niệm nữa. Quý vị có thể nhất tâm tu Định. Trong khi tu hành, nhất định là sẽ có loại cảnh giới này. Sau khi đã đắc loại Định này, quý vị mới có thể hàng phục Hoặc, đối với

sự dẫn dụ từ cảnh giới bên ngoài cũng thế, mà đối với [những thứ phiền não] sanh khởi trong nội tâm cũng thế, quý vị đều hàng phục được. Nếu chẳng có Định lực, quý vị sẽ chẳng thể hàng phục được. Sau bốn thứ Tĩnh Lự, tiếp đó, kinh văn nói đến chuyện nhập Vô Biên Hư Không Xứ Định, cho đến hiện nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. Những điều ấy được gọi là Tứ Thiên Tứ Không Định, tức là Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định; đó là Tứ Không Định. Cho đến thị hiện nhập hết thấy các môn Định do Phật đã hành, từng bước đều có rất nhiều công sức.

Sau khi đã nhập Định, có thể ngăn ngừa hết thấy thiên ma và ngoại đạo, chúng sẽ chẳng thể quấy nhiễu quý vị. Ngăn ngừa gì vậy? “*Định như thành*” (Định như tòa thành). “*Kiên cố*” là thành quách, thôn phường kiên cố. Đây là nói sau khi đã nhập Định, quý vị sẽ thành đạo. Đối với nội tặc và ngoại tặc, thấy đều có thể hàng phục, chẳng bị kẻ giặc nào hại. Kế đó, [chánh kinh] nêu ra vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa, tức là nói “*ức triệu*”, trời, rồng, Dược Xoa, La Sát, Kiện Đạt Phục, A Tố Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già nhiều ngàn ấy. Đây là bát bộ quỷ thần chúng.

Sau đó toàn là quỷ, Bệ Lệ Đa, Tát Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na v.v... tổng cộng mười hai loại. Những loài quỷ ấy có thiện và ác. Có đôi khi họ là hộ pháp, có khi là loài ác, thường ôm lòng độc ác và tổn hại, chẳng có tâm từ bi. Do hành giả đắc bốn loại Tĩnh Lự, nhập Tứ Thiên Bát Định, cho đến Cử Thứ Đệ Định, thậm chí nhập hết thấy các môn Định của Phật như Thủ Lăng Nghiêm Định, các quỷ thần sẽ chẳng thể nào hại người tu hành. Các quỷ thần trông thấy người tu hành và các bậc thánh hiền tu các môn Định do Phật đã hành, không chỉ chẳng nào hại, mà còn sanh khởi tâm hoan hỷ, sanh khởi tâm tịnh tín. Tịnh tín chẳng dễ sanh khởi; đây là tín tâm thanh tịnh. Khi đó, các quỷ thần ấy đối với Tam Bảo Phật Pháp Tăng, sẽ sanh khởi tịnh tín hoan lạc tối thắng.

Nếu chúng ta sanh khởi tịnh tín đối với Tam Bảo, sẽ chẳng xen tạp bất cứ danh văn gì nữa, chẳng màng đến quan hệ lợi hại. Quan hệ lợi hại là gì? Nếu sanh bệnh, quý vị mong cầu hết bệnh. Đó gọi là quan hệ lợi hại. Hiện thời, quá khốn khó, túng quẫn, quý vị mong cầu những thứ cần dùng cho cuộc sống sung túc đôi chút, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Cho đến đối với những việc kinh doanh, đều gọi là quan hệ lợi hại, chẳng gọi là “*tịnh tín*”. Đây là có mong cầu. “*Tịnh tín*” là chẳng mong cầu, nhưng

chúng ta phát Bồ Đề tâm cầu Phật, có tính là mong cầu hay không? Đó là thuận chánh đạo, là tâm thanh tịnh, chẳng thể so sánh với pháp thế gian. Nhất định phải liễu giải. Sau khi đã liễu giải, nhất định phải hiểu rõ ràng. Đã hiểu rõ ràng rồi, khi quý vị cầu, sẽ có hai loại nguyện. Phát nguyện là tốt nhất. Niệm phẩm Tịnh Hạnh, [quý vị sẽ thấy] tổng cộng có một trăm bốn mươi một loại nguyện, nhưng tổng kết lại, vẫn chỉ là hai nguyện: Độ chúng sanh và cầu thành Phật, thậm chí làm cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật. Khi phát nguyện ấy, sẽ là thanh tịnh. Vì quý vị mong cái tâm của quý vị biến thành Phật tâm, đồng thời, mong phục hồi diện mạo sẵn có của chúng sanh, lại còn thanh tịnh Phật Tánh vốn có của họ. Đó gọi là tịnh tín.

Do vậy, nhất định phải phân định rõ ràng tịnh tín và nhiễm ô tín. Thế nhưng, chúng ta mới vào Phật môn, gặp phải kẻ bất tín thì làm như thế nào? Quý vị phải khuyên nhủ họ: “Tin Phật sẽ có lợi ích, trong nhà sẽ có thể bình an”. Quý vị chẳng thể lập tức kỳ vọng cao sâu quá mức, họ chẳng tiến nhập được! Trước hết, dùng dục để lôi kéo, dần dần khiến cho họ nhập Phật đạo. Thoạt đầu, dùng những điều họ ưa thích nhất, cần thiết cấp bách nhất, quý vị nói với họ, họ sẽ thích chí, tin tưởng. Có gia trì hay không? Có gia trì. Sau khi được gia trì, sẽ làm cho họ dần dần sanh khởi tín tâm thanh tịnh hoan hỷ tối thắng, khiến cho họ sanh lòng cung kính đối với Tam Bảo thì mới có thể đoạn hết thảy ác, đoạn dần dần, chính họ mới nhận biết. Sau khi đã biết, sẽ hổ thẹn, biết phát lộ sám hối. Đã biết hối cải, cho nên ắt cần phải trọn đủ thân tâm, tịnh tín tâm, thì mới có thể thệ nguyện vĩnh viễn đoạn dứt phiền não.

Trong Phật Luân thứ sáu, đức Phật dạy: Khiến cho đệ tử của ta đều phải nên tu tập các pháp môn thuộc về Định, nhập Tứ Thiên Bát Định, cho đến hết thảy các môn Định của Như Lai. Đây là phòng ngừa, ngăn trở kẻ giặc bên ngoài quấy nhiễu và kẻ trộm bên trong trộm cắp. Cướp trong nhà khó đề phòng! Hãy nhớ cổ nhân đã bảo: “*Sơn tặc dị phòng, gia tặc nan phòng*” (Giặc trên núi dễ ngừa, giặc trong nhà khó ngừa). [Đề phòng] kẻ trộm bên ngoài thì dễ, quý vị chú ý cẩn thận là được, chứ gia tặc (家賊, kẻ giặc trong nhà), quý vị sẽ chẳng thể lo toan xuê. Giặc trong nhà mình rất khó đề phòng! Chúng ta có thể chế phục tướng cảnh giới bên ngoài ngay lập tức, hoặc chẳng dính líu đến, chẳng tham gia. Nếu căn cơ của chính mình chẳng dày, rất dễ bị tiêm nhiễm. Trà đình, tử quán ta chẳng đến đó là được, chẳng đến phòng khiêu vũ là được. Những nơi chốn nào đừng nên tới, ta không tới là được rồi. Đã thọ

Bát Quan Trai Giới, [giới luật] chẳng chấp thuận quý vị đến các chỗ ấy. Điều ấy mang ý nghĩa “*phòng hộ*”. Đức Phật đã phòng hộ quý vị tốt đẹp, cho nên mới có thể tiêu trừ phiền não của quý vị.

Do nhân duyên này, vô lượng vô số các phiền não chướng, nghiệp chướng, và pháp chướng đều được tiêu diệt, hết thảy nhân duyên chướng đạo đều bị tiêu diệt, nhân duyên của thánh đạo tăng trưởng, vô lượng vô số tư lương phước huệ đều viên mãn. Như thế thì sẽ trái nghịch sanh tử, rời lìa sanh tử, gần với Niết Bàn, tiến hướng bất sanh, bất diệt. Sanh tử là sanh diệt. Có sanh, ắt có tử; đây là quy luật tất nhiên. Chúng ta đều sợ chết, chẳng biết so sánh giữa lúc sanh và lúc tử thì cũng đau khổ chẳng khác nhau cho mấy! Quý sợ đầu thai, người sợ chết! Quý có thần thông, họ biết trụ thai, thọ thai, sanh ra, các thứ đau khổ khôn ngần. Quý sợ siêu sanh, chẳng mong siêu sanh, làm quý tốt hơn. Quý cũng mong làm quý lâu dài.

Cùng một đạo lý, con người sợ chết, chẳng muốn chết. Quý cũng sợ chết, sợ chết thì mới biết chết rồi sẽ phải sanh. Con người đối với nỗi đau khổ chết chóc, chỉ biết sẽ biệt ly, chia lìa với người thân yêu của chính mình, vĩnh viễn biệt ly. Tài vật và nhà cửa do chính mình suốt đời gây tạo, thứ gì cũng chẳng đem theo được. Tới [thế gian này] như thế nào, sẽ ra đi như thế ấy! Khi sanh ra, thứ gì cũng chẳng cầm đến được. Từ trong bụng mẹ sanh ra, trần trùng trục, thứ gì cũng đều chẳng có. Khi quý vị chết đi, mặc vào một thân áo liệm, hỏa thiêu xong, thứ gì cũng đều chẳng còn, ngay cả bã xương cũng chẳng có. Đó gọi là “trái lìa sanh tử”, phải hiểu đạo lý này. Quý vị mong cầu bất tử ư? Chứng Niết Bàn sẽ bất tử, Niết Bàn là bất sanh, bất diệt.

Chắc là có kẻ bảo: “Người nói sai rồi! Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải là cũng chết đó thôi!” Chẳng phải là Ngài cũng thọ sanh ư? Hễ thọ sanh thì nhục thể nhất định phải chết. Đó gọi là “*bất sanh, bất tử*”, nhưng quý vị ngỡ là Ngài phải thọ sanh tử. Thật ra, Ngài hóa hiện. Cho đến khi quý vị thành đạo, sẽ biết là Ngài hóa hiện. Hiện thời cũng là hóa hiện. Nhục thể này do Thất Đại, tức địa, thủy, hỏa, phong, không, căn, và thức hợp thành, căn bản là chẳng có. Nếu là chân thật, đương nhiên sẽ bất diệt. Do chẳng chân thật, cho nên sẽ huyền diệt.

“*Hộ trì Như Lai vô thượng chánh pháp*” (Hộ trì chánh pháp vô thượng của Như Lai): Tám bộ quỷ thần thấy đức Phật tu các môn Định ấy, sanh khởi tâm hoan hỷ to lớn, sanh khởi tịnh tín hoan hỷ đối với Tam Bảo, đạt được điều chưa từng có, chẳng còn làm hết thảy các điều ác nữa, cho đến hỏ thẹn, phát lộ sám hối những điều đã trót làm trong quá

khứ, thâm tâm hồi cải hết thảy lỗi ác, vô lượng phước huệ đều được tăng trưởng, tiến hướng Niết Bàn. Sau đó, không chỉ là chẳng nào hại chúng sanh, mà sẽ còn hộ trì Tam Bảo, hộ trì chúng sanh. Ngay cả quỷ cũng đều phát nguyện: Người nào tu đạo, họ sẽ liên bảo vệ!

Vì sao chúng ta phải hộ trì Tam Bảo? Nếu có các thiện quý thần, [nếu như họ thấy chúng ta] tụng kinh, hoặc làm Phật sự, họ sẽ hộ trì chúng ta, chúng ta phải gia trì họ. Họ cầu phước huệ nơi chúng ta. Do vậy, chúng ta làm rất nhiều chuyện, ắt cần phải thành tâm, tịnh khiết, thậm chí tiến vào Phật đường, phải cung kính. Đấy đều là đối ứng với quý thần. Nếu chúng ta làm sai, quý thần sẽ có tâm sân hận, Phật, Bồ Tát từ bi, chẳng quở trách quý vị, biết quý vị nghiệp nặng, do theo nghiệp lưu chuyển mà biểu hiện bất đồng. Quý thần chẳng như vậy. Do vậy, chúng ta có rất nhiều giới luật nhằm phòng hộ tâm tham, ngăn ngừa sân tâm dấy lên. Đấy là Phật Luân thứ sáu.

(Kinh) Do thử luân cố, Như Lai du hý Tĩnh Lự giải thoát, đấng trì, đấng chí, vô lượng bách thiên vi diệu thâm định, dĩ tịnh trí tùy chuyển, diệt chư hữu tình vô lượng phiền não, tùy kỳ sở ưng, lợi ích, an lạc, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tởi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử吼.

(經)由此輪故，如來遊戲靜慮解脫，等持等至，無量百千微妙深定，以淨智隨轉，滅諸有情無量煩惱，隨其所應，利益安樂，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Do vì luân ấy, Như Lai vui chơi nơi Tĩnh Lự, giải thoát, đấng trì, đấng chí⁴⁴, vô lượng trăm ngàn môn Định sâu vi diệu, dùng

⁴⁴ Đấng Chí (Samāpati), còn phiên âm là Tam Ma Bát Đê, Tam Ma Bạt Đê, có nghĩa là sau khi đã viễn ly hôn trầm và điều cử, có thể giữ cho tâm và tâm sở bình đẳng chuyển đổi cảnh giới. Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc Định cũng được gọi là Bát Đấng Chí. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa cho rằng Đấng Chí là chính thức tiến nhập cảnh giới Định, sau khi đã an trụ trong cảnh giới Định thì gọi là Tam Ma Bát Na (Samāpanna, chánh thọ). Đấng Trì là tên gọi khác của Tam Ma Địa (Chánh Định).

tĩnh trí để chuyển đổi, diệt trừ vô lượng phiền não cho các hữu tình. Theo lẽ đáng nên mà lợi ích, an lạc, trụ trong an ổn, được chẳng kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sự tử hống).

Những điều này giống như trong phần trước, chẳng cần phải nói nữa.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, dữ chư quân thần, lãnh tứ binh chúng, châu tuần quán sát nhất thiết tự quốc thành, ấp, tụ lạc, sơn, xuyên, khe, giã, viên uyển, điền trạch, pha, hà, trì chiếu, khoáng dã, tùng lâm, trấn la đẳng xứ. Tùy bĩ sở tại, quốc giới chư phương hiểm trở đa nạn, bất nhậm doanh lý, hữu nghi, hữu bố, kham dung ngoại cảnh oán địch, ác hữu đầu thoán, tàng phục. Thử Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, tùy kỳ lực năng, phương tiện an trí chúng chủng tu lý kiên cố phòng thủ, linh bĩ chư phương, bình thân, vô nạn, kham nhậm doanh lý, vô nghi, vô bố, giá kỳ ngoại cảnh oán địch, ác hữu đầu thoán, tàng phục, an phủ tự quốc nhất thiết nhân dân, giai ly chúng khổ, thọ chư khoái lạc. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ thất vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如刹帝利灌頂大王，與諸群臣，領四兵眾，周巡觀察一切自國城邑、聚落、山川、溪澗、園苑、田澤、陂河、池沼、曠野、叢林、鎮邏等處。隨彼所在，國界諸方險阻多難，不任營理有疑有怖，堪容外境怨敵，惡友投竄藏伏。此刹帝利灌頂大王，隨其力能，方便安置種種修理堅固防守，令彼諸方，平坦無難，堪任營理，無疑無怖，遮其外境怨敵，惡友投竄藏伏，安撫自國一切人民，皆離眾苦，受諸快樂。善男子！刹帝利種灌頂大王，

成就如是第七王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh, cùng với các quân thần, thống lãnh bốn loại binh, đi tuần tra trọn khắp, quan sát hết thấy thành, ấp, xóm làng, núi, sông, khe, ngòi, vườn tược, ruộng, nhà, sườn núi, sông ngòi, ao, chuôm, đồng hoang, rừng rậm, thị trấn v.v... trong nước mình. Ở bất cứ chỗ nào là chỗ hiểm trở, lắm tai nạn, không thể làm ăn, đáng ngờ, đáng sợ, có thể là chỗ để oán địch nước ngoài và bạn ác ẩn nấp, giấu mình, vị đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh ấy sẽ tùy theo sức mình, dùng phương tiện sắp đặt các thứ sửa chữa, chỉnh đốn, phòng thủ kiên cố, khiến cho các nơi bình thản, chẳng có hoạn nạn, có thể buôn bán, không còn nghi ngờ, không có sợ hãi, ngăn chặn bạn oán địch và bạn ác nước ngoài ẩn nấp, giấu mình, vỗ yên hết thấy nhân dân trong nước mình đều là các khổ, hưởng các vui sướng. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ bảy như thế. Do vì luân này, khiến cho cõi nước của chính mình tăng trưởng an vui, có thể hàng phục hết thấy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ cái thân, khiến cho thọ mạng tăng thêm).

Đây là vương luân thứ bảy. Trong phần trước, đã nói bốn loại Thiên Định, tức Tứ Vô Sắc Định. Các danh từ như thế ấy, rất nhiều kinh luận sử dụng giống nhau. Khi quý vị thật sự học tập, sẽ thấu hiểu rất nhiều kinh Phật. Tứ Vô Sắc Định là vượt khỏi sắc tướng, chẳng có sắc để có thể biểu hiện, nên gọi là Vô Sắc. Bốn loại cảnh giới ấy đều là cảnh giới nơi tư tưởng, chẳng phải là hữu hình tướng, hữu sắc. Chẳng giống như sáu tầng trời trong Dục Giới và mười tám tầng trời trong Sắc Giới, [Tứ Không Thiên] chẳng có hình tướng, do tư duy mà đắc Định. Có thể chứng đắc Vô Sắc Giới Định chính là đã đối trị các thứ trói buộc trong Sắc Giới và Dục Giới, tức [đối trị] các thứ trói buộc có hình tướng. Nhập loại Định này, sẽ chẳng có trói buộc. Nhờ vào sự tu hành ấy, sẽ có thể hàng phục phiền não của quý vị. Học Phật pháp là hàng phục phiền não. Đắc bốn loại Định ấy, cảnh giới tinh thần và diện mạo của người ấy sẽ khác hẳn. Người ấy đang trụ trong Tịch Tĩnh.

1) Môn Định thứ nhất là Không Vô Biên Xứ. Hư không có ngần mé ư? Chẳng có! Vô biên. [Đặt tên như vậy] nhằm hình dung tâm thức

khi nhập môn Định này, sẽ chẳng bị trói buộc bởi hết thảy các môn Định thuộc Tứ Thiên Thiên. Tức Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, các môn Định ấy có hình thức trói buộc, còn môn Không Xứ Định này chẳng có hình thức, chẳng có hình tướng. Chúng ta có thể tưởng tượng không gian to lớn vô hạn, không có cách nào hạn chế. Không gian rộng cuộc lớn cỡ nào? Vô Biên Xứ có nghĩa là “*chẳng có hạn chế, chẳng có xứ sở, chẳng có bờ mé, chẳng có hình tướng*”. Môn Định này vượt cao hơn Tứ Thiên Bát Định trong phần trước. Có kinh luận nói đến loại Định thứ chín, tức là Cửu Thứ Đệ Định, có Tứ Thiên Bát Định. Tứ Không Xứ Định ở đây chính là Tứ Vô Sắc Định.

Hiện thời, nếu chú ý hơi thở ra vào, tu trì Xuất Nhập Tức, [tức quán tưởng] thở ra, hít vào. Nếu có thể giữ vững đến rốt ráo, quý vị sẽ đều vượt lên cao hơn. Các loại Định này đều nói theo tâm thức, chúng trừ khử chướng ngại của quý vị. Chẳng có chướng ngại. Trong không trung, có chướng ngại hay không? Chẳng có chướng ngại! Đó là Không Xứ Định. Không Vô Biên Xứ Định là Không Xứ Định, có thể diệt trừ chướng ngại của chúng ta. Khi đó, chẳng thể diễn tả: Có khi ngã năng nhập Định, hoặc ngã sở nhập Định, Năng và Sở đều là không, tư tưởng của người ấy (người tu Định) vẫn có tác ý. Tác ý chính là Không Xứ của tư tưởng, to lớn vô biên, vô tướng. Chỉ tận cùng hư không, chẳng có tướng ngăn mé, cho nên gọi là Không Vô Biên Xứ Định. Nói theo chúng ta hiện thời mà muốn tu loại Định này thì còn cách biệt rất xa, phải tiến từng bước. Bất quá, cần phải biết thứ tự ấy trước đã.

2) Loại thứ hai là Thức Xứ Định. Thức ở đây là thức trong “*tâm ý thức*”. Môn Định này gọi là Thức Xứ Định. Thức ấy lớn vô hạn. Nay chúng ta dùng năm thức trước là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỵ Thức, Thiệt Thức, và Thân Thức. Năm thức ấy mang tánh chất cục bộ, hạn chế. Nếu chẳng có gì bên ngoài để giúp đỡ, chẳng có Không Đại giúp đỡ, chẳng có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hoặc đèn giúp đỡ, mắt chúng ta thứ gì cũng chẳng thể thấy được. Trong tối tăm, còn có thể thấy được chăng? Tại chúng ta chỉ cần bị chướng ngại đôi chút, sẽ chẳng nghe rõ ràng. Thức Vô Biên Xứ là nói quý vị nhập môn Định này, sẽ khác hẳn. Nhập môn Định này, chẳng cạy vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú giúp đỡ, quý vị vừa tác ý, nhãn căn có thể trông thấy hết thảy. Đại Phạm thiên vương có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. Nhập môn Định này, chẳng phải là rỗng không. [Đừng hiểu lầm]: Nếu là Không định, đã là Không, thứ gì cũng chẳng có. Nó chẳng phải là Đoạn Diệt Không. “*Nhập môn Định này sẽ giống như rỗng không*”, chẳng phải là ý nghĩa

ấy! Đây là Thức Xứ Định, Thức cũng to lớn vô hạn, Không cũng to lớn vô hạn; nhưng cái Thức này vẫn có tư duy. Cái Thức tư duy ấy chẳng có tướng biên giới.

3) Môn Định thứ ba là Vô Sở Hữu Xứ, còn gọi là Diệu Xứ Định. Môn Định này vượt cao hơn Thức Vô Biên Xứ Định, nương vào tất cả hết thảy các tướng tư duy của quý vị để an trụ. Diệu Xứ Định là quý vị tư duy đến chỗ nào, sẽ nhập Định nơi đó. Đây gọi là Diệu Xứ. Quý vị nghĩ đến chỗ nào, nơi đó là chỗ quý vị nhập Định, tùy thuận an trụ, tùy thuận tất cả các tướng của quý vị mà an trụ.

4) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ: Môn Định này vượt cao hơn Vô Sở Hữu Xứ Định. Tư duy tướng ấy, nói là có tướng chẳng thể được, mà bảo là không có tướng cũng chẳng thể được! Quý vị tướng thứ gì, có tướng hay không có tướng? Có tác ý hay chẳng? Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ là cái phi tướng ấy cũng bị trừ khử, chẳng phải là hư huyền, mà cũng chẳng phải là rỗng không. Chẳng phải là tướng, chẳng phải là phi tướng, mà cũng chẳng là phi phi tướng; ý nghĩa bao hàm như thế đó. Phi Tướng tức là chẳng thể coi là có. Nó chẳng cần quý vị chấp trước, tức là diệt trừ tướng chấp trước của quý vị. Sự tư duy ấy chẳng phải là tư duy, chẳng phải là tướng, chẳng giống như chúng ta dùng lục căn ý thức để tướng. Chúng ta nghĩ tới sự vật gì, nghĩ tướng sự vật này, nghĩ tướng sự vật kia, trọn chẳng phải là như vậy. Phi Tướng chẳng phải là tướng, mà cũng chẳng phải là vô tướng. Phi Phi Tướng chẳng phải là Tướng đối ứng với Phi Tướng. Phi Phi Tướng tức là môn Định này khác với Diệt Tận Định. Diệt Tận Định là môn Định của A La Hán, vị ấy đã diệt sạch Kiến Tư phiền não. Nhưng khi nhập môn Định này (Phi Tướng Phi Phi Tướng Định), người ấy (người tu môn Định này) hãy còn có vô minh phiền não. Môn Định này còn có Tư Hoặc phiền não, [người chứng đắc môn Định này] hoàn toàn chẳng phải là thánh nhân, thế nhưng, chẳng phải là vô tướng, khác với vô tướng. Phải giải thích hai câu sau cùng, tức “*chẳng phải là vô tướng, khác với vô tướng*” như thế nào? Phi Tướng tức là chẳng phải tư duy, không suy nghĩ. Không suy nghĩ thì giống với Không Tịch, có nghĩa là nó khác với Vô Tướng Định, chẳng phải hoàn toàn là Không Tịch.

Tứ Vô Biên Xứ Định, bốn loại cảnh giới ấy đều do tư duy mà đắc Định. Vô Sắc Giới Định để đối trị gì vậy? Đối trị trói buộc, tức là đối trị các Hoặc nghiệp trói buộc chúng ta. Nói cách khác, đối với tướng cảnh giới bên ngoài, chúng ta đều có một loại cảm nhận. Bốn môn Định ấy là lìa khỏi sự cảm nhận, lìa khỏi sự cảm nhận tướng cảnh giới bên ngoài.

Nói cách khác, đấng các môn Định ấy, cái tâm phan duyên của chúng ta sẽ ngưng dứt. Vì sao bốn môn Định này, mỗi môn sau lại tiến bộ hơn môn trước? Nói chung, chúng được gọi là Tứ Vô Sắc Định, tức là các môn Định thuộc vào Vô Sắc Giới. Trong Duy Thức đã nói về chúng rất rõ ràng!

Trong ấy, có ba loại thần biến. Ba loại thần biến ấy lại là ba thứ chỉ dạy, ba thứ thị hiện, ba thứ giáo hóa. Khi Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, các Ngài thị hiện “*đức, tướng, dụng*” của thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp:

1- Điều thứ nhất là thần thông biến hiện. Bồ Tát thương xót các chúng sanh chịu khổ trong địa ngục, Ngài bèn hiện sức thần thông. Đó gọi là “*thần thông biến hiện*”. Dùng sức thần thông của Ngài để tiêu diệt núi đao, biển lửa, các loại dụng cụ hành hình v.v... trong địa ngục. Khi Ngài dùng sức thần thông để hàng phục các hiện tượng ấy, chúng sanh chịu khổ trong địa ngục có thể siêu sanh, có thể thoát ra, sanh lên trời. Đây là thần thông biến hiện.

2- Điều thứ hai là ký thuyết biến hiện (記說變現). Ký thuyết biến hiện cũng là do Bồ Tát thương xót chúng sanh đang chịu khổ trong địa ngục; họ nghĩ nhớ gì (đó là Ký), Ngài bèn đến nói cho họ nghe pháp ấy (đó là Thuyết). Bồ Tát có thần thông, thuyết pháp ứng cơ. Trong tâm họ nghĩ gì, Phật bèn nói cho họ nghe pháp ấy, khiến cho chúng sanh nương nhờ pháp lực đó, thoát khỏi địa ngục. Nhờ vào sự hàng phục, nhờ vào sức thuyết pháp của Bồ Tát mà từ địa ngục thoát ra, sanh trong cõi trời, người, hưởng thụ vui sướng. Đây là Tha Tâm Thông của Bồ Tát. Chúng sanh trong địa ngục có thể cảm Bồ Tát tới thuyết pháp, chỉ là cơ hội này quá xa vời! Như thế nào thì mới có thể cảm thọ được? Trừ phi trong đời này, trước khi đọa địa ngục, quý vị có sức tín ngưỡng thành khẩn đối với đức Địa Tạng, Quán Âm, Phổ Hiền, Văn Thù, hoặc A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật. Lại còn do đền trả quả báo của một loại nghiệp. Khi lâm chung, dầu quý vị chẳng giữ vững chánh niệm, do đền trả quả báo phải đọa địa ngục, nhưng do sức thiện căn của quý vị rất mạnh mẽ, sẽ cảm ứng Phật, Bồ Tát. Các chúng sanh ấy nay đã đọa địa ngục, trong quá khứ họ có nhân duyên nhất định với ta, có tu vi (bản lãnh tu hành) nhất định. Như vậy thì Bồ Tát mới có thể cảm thông với người ấy được. Hoặc là nhờ sức cầu khẩn của lục thân quyến thuộc, thỉnh vị Bồ Tát ấy đến cứu độ. Giống như mẹ của Địa Tạng Bồ Tát, do Ngài cảm vơi, bèn có thể sanh lên trời. Như mẹ của tôn giả Mục Kiền Liên đọa làm ngựa quý,

Ngài muốn dùng sức thần thông cứu mẹ, nhưng không đủ sức. Thức ăn Ngài đưa cho mẹ đều biến thành lửa. Ngài liền cầu đức Phật cứu mẹ. Đức Phật dạy vào ngày hội Vu Lan Bồn, tức ngày Rằm tháng Bảy, hãy cúng dường đại chúng tăng. Nhờ vào sức mạnh của việc cúng dường đại chúng tăng, cây vào sức mạnh ấy siêu độ mẹ Ngài. Do thí thực cho đại chúng, [mẹ Ngài] sẽ có thức ăn. Loại [thị hiện] này là thần biến, tức thuyết pháp thần biến. Nếu ở trong địa ngục mà vẫn có thể nghe Bồ Tát thuyết pháp, chẳng dễ dàng đâu nhé! So với chúng ta hiện thời đến pháp hội cùng nhau học tập, khó hơn rất nhiều!

3- Loại thứ ba là giáo giới biến hiện (教誡變現, biến hiện răn dạy), cũng là Bồ Tát phát tâm từ bi, thuyết pháp để răn dạy họ. Nhờ sự răn dạy ấy, được thoát khỏi địa ngục, có thể dẹp trừ tai họa, nhưng chỉ có Bồ Tát đắc Lưu Tận Thông thì mới có thể đến địa ngục.

Bồ Tát có ba loại thần biến này, hoặc là chỉ dạy, hoặc là thị hiện, hoặc là giáo hóa, đều rất khó có. Trong kinh văn, đức Phật đã dạy như vậy. Vị quốc vương ấy, hoặc là chánh phủ, đối với quốc giới, phạm là chỗ nào nguy hiểm, bèn nói chỗ ấy có thể biến thành nơi chốn để vui chơi, kiến lập đại đô thị tại chỗ đó. Ở những chỗ ấy, đều phòng ngừa ngoại địch xâm nhập, lại còn ngăn ngừa trộm cướp xâm đoạt. Do vậy, giữ cho ngoại địch chẳng dễ ản núp, xâm lược quốc giới của nhà vua, sắp đặt đủ loại tuần tra, phòng ngừa, xếp đặt đất nước sao cho oán địch và bạn ác chẳng thể ản núp trong nước nhà. Đồng thời, khiến cho nhân dân cả nước ấy an cư lạc nghiệp, lìa các sự bức hại, lìa các khổ nạn. Vị quốc vương ấy thành tựu vương luân như thế; sau đó, quốc gia của nhà vua tăng trưởng an lạc, cuộc sống được bảo đảm. Đồng thời, oán địch và bạn ác thường chẳng đến xâm lăng, quấy rối, nhân dân an cư lạc nghiệp.

Người ta nói “*tâm quảng thể bần*” (心廣體胖), nghĩa là nếu cái tâm rộng rãi hơn, thân thể sẽ mập mập hơn. Nếu quốc giới rất an định, mọi người chẳng phải lo lắng, bất luận sĩ, nông, công, thương đều rất tốt đẹp. Bất luận quý vị làm gì, cái tâm đã an rồi, tự nhiên phước thọ tăng trưởng, chẳng có gì ưu sầu nữa. Cái gây tổn thương lớn nhất cho thân thể và thọ mạng là ưu sầu. Vì sao phải ưu sầu? Cuộc sống chẳng được bảo đảm, thân thể bị xâm hại, quấy nhiễu. Quý vị thấy quốc gia nào có cuộc sống tốt đẹp hơn một chút, chúng tỏ pháp luật và chánh trị của quốc gia ấy có quan tâm, bảo vệ người dân tốt đẹp hơn. Nếu một quốc gia chẳng thể bảo vệ nhân dân trong nước mình, đầy trợn chẳng phải là thiên tai, mà là nhân họa. Kế đó, kinh văn nói về Phật Luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai dĩ kỳ Phật nhãn, như thật liễu tri nhất thiết hữu tình Bồ Đặc Già La, hữu tham, hữu sân, hữu si tâm đẳng, như thật liễu tri thị chư hữu tình chủng chủng phiền não bệnh hạnh sai biệt. Như Lai tri dĩ, tiện khởi vô lượng tinh tấn dũng mãnh phương tiện, thế lực, tùy kỳ sở nghi, thọ dĩ chủng chủng tu Định diệu dược, linh chư hữu tình, tinh cần tu học, trừ phiền não bệnh.

(經)善男子！如是如來以其佛眼，如實了知一切有情補特伽羅，有貪、有瞋、有癡心等，如實了知是諸有情種種煩惱病行差別。如來知己，便起無量精進勇猛方便勢力，隨其所宜，授以種種修定妙藥，令諸有情，精勤修學，除煩惱病。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như Lai dùng Phật nhãn như thế, đúng như thật biết rõ hết thảy hữu tình Bồ Đặc Già La có các tâm tham, sân, si v.v... đúng như thật biết rõ các hữu tình có các thứ bệnh hạnh phiền não sai khác. Như Lai đã biết, bèn dậy lên vô lượng phương tiện và thế lực tinh tấn, dũng mãnh, tùy theo lẽ thích đáng, mà trao cho họ các thứ diệu dược tu Định, dạy các hữu tình siêng năng, chuyên ròng tu học để trừ bệnh phiền não).

“Thiện nam tử! Như thị Như Lai dĩ kỳ Phật nhãn, như thật liễu tri nhất thiết hữu tình Bồ Đặc Già La” (Này thiện nam tử! Như Lai dùng Phật nhãn đúng như thật biết rõ hết thảy hữu tình Bồ Đặc Già La như thế): Có mười loại Bồ Đặc Già La. Bồ Đặc Già La (Pudgala) là danh từ dùng để chỉ luân hồi thọ sanh.

Loại thứ nhất là Bồ Đặc Già La chẳng gieo thiện căn. Trong đời quá khứ, hoặc trong đời hiện tại, người ấy chẳng có thiện căn Bồ Đề, mà cũng chẳng hề phát tâm. Không gieo thiện căn thì sẽ làm ác, chẳng tạo cái nhân thiện sự.

Loại thứ hai chưa từng tu phước nghiệp, chẳng bố thí cho người khác. Nói cách khác, chẳng hề giúp đỡ người khác, cho đến chẳng hề tiếp cận Phật pháp. Phải tiếp cận Phật pháp thì mới thọ giới, trì giới. Chưa tu phước nghiệp, cũng là tạo nhiều ác hạnh.

Loại thứ ba là tạp nhiễm liên tục, cũng là các thứ phiền não như tham, sân, si, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Tà Kiến rất nhiều. Đây cũng gọi là “chẳng có thiện căn”. Tạp nhiễm tham, sân, si rất nặng, lại còn liên tục chẳng dứt, mà cũng là tạo ác nghiệp tham, sân, si chẳng gián đoạn.

Loại thứ tư là hữu tình tùy thuận điều ác. Vì đối với thiện nghiệp và ác nghiệp, họ dường như có tánh chất bất định. Gặp bạn lành, họ sẽ học theo điều lành. Gặp phải bạn ác, họ sẽ làm điều ác. Đây là nói do thiện căn của họ trong quá khứ ít ỏi, chẳng gặp bạn lành. Nếu gặp gỡ bạn lành, họ lại chẳng thể theo bạn lành cùng làm việc thiện. Hiện thời, có rất nhiều người tin Phật và cũng tiếp cận Phật pháp, thậm chí đã thọ Tam Quy. Sau đó, họ lại phạm giới. Phạm giới gì vậy? Phạm Tam Quy, vì quy y tà đạo. Họ chẳng thể thâm nhập chánh đạo. Gặp phải ác hữu, ác tri thức dẫn dắt, bèn tiến hướng tà đạo, đi theo bạn ác.

Loại thứ năm là kẻ chẳng sợ khổ quả đời sau. Tạo ác nghiệp, kẻ ấy chẳng tin nhân quả, chẳng sợ nhân quả đời sau. Loại chúng sanh này chẳng tin nhân quả. Họ nói: “Chết rồi là kết thúc, còn thọ hậu báo chi nữa, thọ hậu hữu chi nữa!” Do vậy, họ chẳng sợ khổ quả trong đời sau. Loại Bồ Đặc Già La này tâm tham dục chẳng chán đủ, đặc biệt mạnh mẽ. Đối với của cải, [lòng ham muốn] vĩnh viễn chẳng hề có giới hạn. Chúng ta thấy các quốc vương, các quan chức chánh phủ, cho đến các nhà đại tư bản, các tập đoàn tài chánh lớn, họ đều chẳng có chừng hạn. Có mười ức, bèn mong có một trăm ức; có một trăm ức, bèn mơ một ngàn ức! Dem cả quả địa cầu trao cho họ, họ vẫn mong chiếm lấy mặt trời, chiếm luôn mặt trăng trong không trung, vĩnh viễn chẳng thể thỏa mãn! Đã làm quốc vương vẫn chưa đủ, vẫn mong làm Chuyển Luân Vương, muốn địa cầu đã tròn bèn to hơn. Đó là chuyện chẳng thể được. Lòng tham cầu dữ dội, vĩnh viễn chẳng chán đủ. Loại Bồ Đặc Già La này sân khuê mạnh mẽ, ngu si dữ dội. Phiền não xảy đến chẳng có cách nào ngưng dứt, đặc biệt là cái tâm sân hận dấy khởi rất mạnh mẽ. Ba thứ tham, sân, si đều chẳng chịu thua kém nhau, thế nhưng, si mạnh mẽ hơn đôi chút [so với tham và sân]. Si là đối với hết thảy các cảnh bèn mơ hồ, dấy lên các tà kiến, phá nát chánh pháp.

Có các đạo hữu đã tin tưởng chánh pháp, vì tin tưởng đã rất lâu, nhưng do một thứ lợi ích chi đó, hoặc do thân thể mắc bệnh khổ, nếu tin tưởng nhân quả sẽ biết đó là túc nghiệp mà ta hãy còn sót lại, bèn trừ sạch, Đó là một loại. Hoặc là buôn bán thất bại, bị tổn thất, gặp kẻ nói hươu nói vượn, hoặc kẻ khoe có thần thông: “Tôi sẽ giúp cho quý vị phát

tài” bèn tin theo, quên mình đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Thậm chí [kẻ dối trá ấy] dạy họ chẳng cần tin Phật nữa, chẳng cần cúng dường Tăng nữa, chẳng cần thân cận người xuất gia. Đây là tội ngu si. Hiện tượng này rất nghiêm trọng. Loại Bồ Đặc Già La như thế cũng là vì trong đời quá khứ đã tích tập thiện căn chẳng sâu.

Loại Bồ Đặc Già La thứ chín⁴⁵ là đã mê hoặc, tâm họ mê loạn, tâm không thể làm chủ, không làm thiện nghiệp.

Loại thứ mười là giữ tà kiến ác, chẳng tin chánh giáo của Như Lai, giữ vững tà kiến của ngoại đạo.

Mười loại Bồ Đặc Già La này đương nhiên sẽ đọa vào súc sanh đạo, hoặc đọa vào ngạ quỷ đạo. Chúng ta là Bồ Đặc Già La có thiện căn, hoàn toàn tương phản với những loại ấy. Nhưng chúng ta cũng có tham, sân, si, bất quá chẳng phải tham, sân, si giống như các loại Bồ Đặc Già La ấy. Họ là [tham, sân, si] liên tục chẳng ngừng, chẳng chịu ngưng dứt. Hiểu ý nghĩa này, [mới biết] chúng ta rất may mắn. Vì cái tâm tham, sân, si của Bồ Đặc Già La rất nặng. Đức Phật vì cứu độ loại chúng sanh này, thấy các loại bệnh của họ, không chỉ là thân thể sanh bệnh. Hễ có phiền não, thì đây là bệnh trạng, có đủ loại bệnh phiền não. Không chỉ là bệnh tật nơi thân thể, mà tâm lý cũng có bệnh, cũng mắc đủ loại bệnh phiền não. Giống như một quốc gia có rất nhiều nguy nan hiểm trở. Bất luận Đại Lục cũng thế, Đài Loan cũng thế, Gia Nã Đại cũng thế, Hoa Kỳ cũng thế, chúng ta từ đây nhìn vào, [sẽ thấy] mỗi vị đại vương quán đánh Sát-đế-lợi đều còn cách biệt rất xa yêu cầu “*quốc giới thanh tịnh*”! Vì thời đại này khác hẳn, tham, sân, si đặc biệt nặng nề, thời đại này tuyệt đối bất đồng. Những gì quý vị gặp gỡ, trông thấy hằng ngày, cho đến những gì quý vị suy tưởng, nghĩ ngợi đều thuộc về các căn bệnh tham, sân, si khác biệt. Như Lai hiểu rành mạch. Đức Phật và các vị đại Bồ Tát nếu muốn độ các chúng sanh đó, chẳng phải là tùy tiện mà có thể độ được.

Trong phẩm thứ tám của kinh Địa Tạng, vua Diêm La và đại quỷ vương nói: “Địa Tạng Bồ Tát đã phát đại nguyện lớn dường ấy, vì sao vẫn độ chưa xong? Vì sao đã độ xong, sau đó, họ lại trở vào? Mới từ địa ngục thoát ra, hầu như trở lại ngay”. Đức Phật bèn bảo các vị đại quỷ vương: “*Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề ương ngạnh, khó điều hòa,*

⁴⁵ Không thấy lão pháp sư nói đến loại thứ sáu, bảy và tám. Có lẽ những loại này đã được gộp chung trong đoạn kinh văn dài sau phần nói về loại Bồ Đặc Già La thứ năm.

khó chế phục”. [Ở đây, đức Phật dạy] quý vị phải sửa sang quốc giới sao cho địch nhân chẳng thể xâm nhập; quả thật [điều này] rất khó đạt được. Chỉ sợ rằng quốc vương hiện thời chẳng có năng lực này. Từ trên trời bay đến, từ dưới đất bò lên. Tu phước nghiệp có thể miễn trừ. Nếu chẳng tu phước nghiệp, làm người còn chưa dám nói chắc, quý vị có thể nghĩ ra biện pháp nào để đối trị. Lũ lụt, bão tố, hỏa hoạn, có cách nào hay không? Chư Phật, Bồ Tát hiểu nỗi thống khổ của chúng sanh, các Ngài sanh khởi vô lượng phương tiện và thể lực tinh tấn, dũng mãnh. Điều này cần phải do vô lượng kiếp tinh tấn tu hành, giống như các đạo hữu đã phát đại Bồ Đề tâm cứu độ chúng sanh. Chính quý vị trẻ tráng, giải đãi, thì ngay cả chính mình còn chẳng cứu được, làm sao cứu nỗi người khác? Ất phải tinh tấn!

Xác thật là chúng ta dũng mãnh chưa đủ! Chẳng phải là dũng mãnh đối với người khác, mà là dũng mãnh đối với phiền não của chính mình. Chính mình đối với tham sân của chính mình, phải dũng mãnh hơn! Nếu bại trận, sân tâm của quý vị vĩnh viễn càng ngày càng to. Phải dũng mãnh tiêu trừ, khắc chế nó, phải dùng sức mạnh nào? Phải nhẫn nại. Nhẫn rất khó! [Trong chữ Hán, chữ Nhẫn (忍)] là trên chữ Tâm (心) cắm một thanh Dao (刀). Quý vị nhẫn bằng cách nào? Thường là khi chúng ta bực bội, sẽ chẳng thể nhẫn được! Cổ nhân nói: “*Nóng giận như mãnh hổ xuống núi*”. Khi một người nổi trận lôi đình, khi tâm sân hận dấy lên, ai khuyên người ấy cũng chẳng nghe lọt tai, phải cạy vào trí huệ của chính mình để chế ngự. Dùng sức nhẫn nại, dùng sức hàng phục để dừng nổi giận. Hãy thường tươi cười hoan hỷ với người khác, học theo lòng từ bi của Di Lặc Bồ Tát. Quý vị khiến người ta khóc lóc, người ta cũng khóc lóc trả lại. Người ta chửi quý vị, quý vị vẫn cười với họ. Họ đánh quý vị, quý vị vẫn dùng khuôn mặt tươi cười đối với họ, họ sẽ bó tay, cũng chẳng đánh nổi nữa. Đây là tâm sân hận. Đối với tâm tham cũng thế. Tham, sân, si đều chẳng sai biệt cho mấy!

Đức Phật đối đãi loại chúng sanh này, chính mình tinh tấn, dũng mãnh, dùng sức trí huệ, dùng phương tiện thiện xảo, dùng sức mạnh ấy. Nhưng vẫn phải biết xem xét căn cơ, xem chúng sanh này hẳn là mắc phải loại bệnh nào, phải uống mấy loại thuốc. Kẻ có lòng sân hận lẫn tham lam nặng nề, quý vị khuyên bảo họ: “*Đừng nổi nóng!*” Họ sẽ tin ư? Họ chẳng hề tin đâu nhé! Nếu thể lực của quý vị mạnh hơn họ, tâm sân hận của họ sẽ sanh khởi, muốn đánh lộn. Họ muốn đánh nhau, nếu quý vị chế phục họ, đánh bại họ, cái tâm sân hận của họ cũng chẳng có,

khiến cho họ liền thành thật. “Cường lãg nhược, chúng bạo quả” (Mạnh hiệp yếu, đông hiệp ít). Hai chữ “thế lực” hàm chứa ý nghĩa này. Chúng ta biết Quán Thế Âm Bồ Tát tại đất Hán hiện tướng từ bi, phần lớn thị hiện tướng nữ nhân. Ở Tây Tạng, Ngài thị hiện tướng hộ pháp, tức là tướng Dạ Xoa hung mãnh.

Những điều này thuộc về các loại diệu dược tu Định. Diệu dược sanh ra diệu lạc, trị các loại bệnh tham, sân, si cho quý vị. Dựa vào những gì? Cậy vào định lực. Quý vị nói “chẳng tham”, như có một đạo hữu hướng về tôi sám hối: Lúc ông ta ở trong một ngôi chùa, khi rời đi, nhất định phải lấy trộm một vật mang đi. Nếu chẳng lấy một món đồ nào, trong lòng đúng là khó chịu lắm. Bất luận ở trong ngôi chùa miếu nào, dầu ngôi chùa ấy nghèo nàn đến mấy đi nữa, ông ta cũng phải cầm một món đồ đi. Thật ra thì cũng chẳng lấy gì. Ông ta lấy món đồ cúng nào đó trước tượng Phật mang đi, vừa bước ra ngoài, đều đưa cho người khác, hoàn toàn chẳng phải chiếm dụng làm của riêng cho mình. Về sau, ông ta xin sám hối với tôi, nói: “Con chẳng hiểu vì sao! Trong tâm biết rõ là sai lầm, biết là đã phạm Căn Bản Giới, biết đây là ăn trộm vật của Tam Bảo, chẳng thể nào không đọa địa ngục, lại còn là đọa xuống địa ngục Vô Gián. Biết thì biết thế, nhưng vẫn cứ làm như vậy! Hôm nay, con thưa với Ngài cũng coi như sám hối. Con nói ra, chắc là về sau sẽ có thể chẳng làm nữa!” Tôi nói: “Nói với một người thì chưa được! Ông đến ngôi chùa nào, bèn nói với [mọi người trong] ngôi chùa ấy, tôi sẽ lấy trộm đồ, quý vị phải chú ý tôi, canh chừng tôi, khiến cho tôi đừng trộm cắp. Hoặc là quý vị sám hối giùm tôi. Dững khí ấy chẳng dễ gì mà có được. Khi ăn trộm đồ vật của người ta, ông phải nói trắng ra cho người ta biết. Sau đây, người ta sẽ ngăn chặn ông. Điều này rất khó khăn!”

Ai nấy đều có lòng tham. Nếu triệt để đoạn dứt căn bản phiền não, quý vị sẽ thành tựu. Chẳng đoạn được! Chẳng có cái tâm trộm cắp, bắt quá có cái tâm chiếm tiện nghi, sợ rằng rất nhiều người đều có. Cũng có người chẳng chiếm tiện nghi của kẻ khác. Phàm là vật của người khác, trọn chẳng sanh vọng tưởng. Loại người này thiện căn trong quá khứ rất sâu dày, thấy vật thuộc về kẻ khác, không chỉ là vật thuộc về con người, mà đối với hết thảy các vật phẩm, hết thảy vật chất, người ấy đều chẳng sanh lòng tham ái, huống hồ sẽ chiếm hữu ư? Vật của chính mình còn mong xả, thậm chí quán tưởng thân thể của chính mình, biết là giả, ai muốn, ta cũng cho người đó. Bất quá, tôi thấy tại Đài Loan, những người hiển các bộ phận thân thể, chờ chết rồi mới lấy, tôi nói: “Nếu quý vị thật sự phát Bồ Đề tâm, sẽ cho người khác chẳng bận tâm. Ai cần cứ lấy trên

thân tôi, tôi cho người đó”. Tôi từng hỏi bác sĩ, tôi nói: “Giả sử tôi đã tám mươi tuổi, tôi muốn bỏ các bộ phận trên thân tôi cho người ngoài ba mươi tuổi thì có thích hợp hay không? Có được hay không?” Ông ta nói: “Cũng chẳng sống được mấy ngày. Gắn vào thì cũng vẫn được, cũng tùy thuộc thể lực của thầy, tùy thuộc các cơ quan của thầy mạnh hay yếu. Nếu cơ quan hay thân thể có bệnh, thầy buông xả, ghép vào thân người khác. Vốn các cơ quan khác của người ấy chẳng có vấn đề gì, khi chuyển cơ quan của thầy qua thân người ấy, không được rồi, đâm ra người ấy lại bị tổn thương”. Bác sĩ hiểu rất rõ chuyện này. Nếu thật sự hiến cơ quan thì hãy xả ngay khi ấy, cho người khác là được rồi. Luyến tiếc, đợi sau khi chết, quý vị chết đi, dẫu sao cũng bị thiêu hủy, quý vị chẳng làm chủ được, có xả hay không cũng bằng không! Bất quá, quý vị chẳng phát cái nguyện ấy, khi chẳng xả, người khác chẳng dám cắt lấy cơ quan của quý vị. Nếu không, sẽ là phạm tội!

Do vậy, ắt cần phải có diệu dược dững mãnh tu Định này thì mới trừ được. Ngay cả đối với thân thể của chính mình, cũng thường tu Quán như vậy, thì sẽ có Định lực. Đã có loại Định lực ấy, quý vị còn có gì chẳng xả được, còn muốn trộm đồ vật của người khác nữa ư? Tự nhiên là chẳng có! Phải thường quán tưởng nhẫn nhục, chẳng nổi nóng với bất cứ ai. Hễ gặp phải chuyện trái ý, chuyện chẳng vừa lòng, hoặc bị người khác chèo kéo, chính mình ngay lập tức cảnh giác: “Đây là cơ hội tốt để ta tu hành! Đây là cơ hội tốt cho ta sám hối”. Nếu thường suy nghĩ như vậy, tham, sân, si của quý vị hiện tiền, sẽ có thể đối trị như vậy, còn có ngu si nữa hay không? Đây là có trí huệ. Chẳng có trí huệ, sẽ chẳng làm được! Luyện tập đối trị tham, sân, si của chính mình, gặp loại cảnh giới này hiện tiền, sẽ khắc phục được! Đức Phật đã đáp ứng ban cho chúng ta loại diệu dược gì? Chính là các pháp ấy! Quý vị học theo phương pháp của đức Phật. Khi học, phải chuyên ròng, siêng năng học tập.

Tôi nghĩ mọi người vào lúc ấy, [chẳng hạn như] nếu tôi quở trách quý vị, hoặc có vị đạo hữu nào nói đùng chạm quý vị mấy câu, hoặc quý vị ngủ gục, người khác đánh thức quý vị ngay lập tức, quý vị sẽ thường sanh khởi tâm sân hận. Nếu khi tôi không nói, [khi bị đánh thức, kẻ đó sẽ cúi kính]: “Ông nghe thì nghe, [tôi ngủ] mắc mớ gì đến ông?” Tôi xác thực đã thấy chuyện ấy. Hai người cãi cọ, tôi hỏi: “Hai vị cãi lầy chuyện gì vậy?” Người kia nói: “Người này ngủ gục, tôi kêu ông xóc lại tinh thần đôi chút”. Khi đó, tôi đang giảng kinh Hoa Nghiêm ở chùa Nam Phổ Đà, tôi nói: “Về sau, hãy chú ý một chút, người ta giúp đỡ quý vị, hãy nên sám hối mình đã si [vì ngủ gục]”. Sau đó còn nói sân [khi được

nhắc nhở], tham, sân, si đều trọn đủ! Tôi nói [với người kia]: “Quý vị giúp đỡ người ấy, vốn là chuyện tốt. Quý vị lại cãi nhau với người ta, sân tâm lại phát lên thì cũng như quý vị chẳng giúp người ta chi hết”. Rất khó! Khi chúng tôi giảng bộ kinh này, quý vị có một tia quang minh, tham, sân, si đều bị chế ngự, ngăn chặn.

Trường kỳ học tập như vậy; nếu có thể chuyên ròng, siêng năng học tập, sẽ giảm thiểu bệnh khổ của quý vị. Bệnh khổ lớn nhất của con người chính là bệnh phiền não, trọn chẳng phải là thân thể bị bệnh ung thư. Các thứ khác đều có thể chuyển biến, nhưng tâm tham rất khó chuyển biến. Quý vị mong chuyển biến tham, sân, si, rất khó! Chúng nó theo quý vị từ vô lượng đời đến nay, xoay chuyển chúng bằng cách nào? Bệnh tật trong hiện thời chỉ là bệnh trong một đời này. Hễ đời này chẳng còn nữa, lại thay đổi diện mạo, chẳng biết sẽ biến thành bộ dạng chi nữa. Chúng ta ở nơi đây, tướng nam, tướng nữ, tướng già, tướng trẻ, luôn luôn chuyển hóa. Trước khi thành Phật, đều là như thế. Mọi người đều biết Đề Bà Đạt Đa chống đối đức Phật nhất, bị đọa địa ngục. Nhưng trong quá khứ, ông ta là vị thầy nói pháp Đại Thừa cho đức Phật, chúng ta thường chỉ nhìn vào tướng cảnh giới trước mắt.

(Kinh) Nhược chư hữu tình, nghi tu bất tịnh, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu bất tịnh được. Nhược chư hữu tình, nghi tu phạm trụ, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu phạm trụ được. Nhược chư hữu tình, nghi tu duyên khởi, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu duyên khởi được. Nhược chư hữu tình, nghi tu tức niệm, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu tức niệm được. Nhược chư hữu tình, nghi khả tu u tam giải thoát môn, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu u tam chủng giải thoát môn được. Nhược chư hữu tình, nghi tu Tĩnh Lự, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu Tĩnh Lự được. Nhược chư hữu tình, nghi tu Vô Sắc, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu Vô Sắc được. Nhược chư hữu tình, nãi chí nghi tu Thủ Lăng Già Ma chư tam-ma-địa, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa được.

(經)若諸有情，宜修不淨，除煩惱病，即便授以修不淨藥。若諸有情，宜修梵住，除煩惱病，即便授以修梵住藥。若諸有情，宜修緣起，除煩惱病，即便授以修緣起藥

。若諸有情，宜修息念，除煩惱病，即便授以修息念藥。
若諸有情，宜可修於三解脫門，除煩惱病，即便授以修於
三種解脫門藥。若諸有情，宜修靜慮，除煩惱病，即便授
以修靜慮藥。若諸有情，宜修無色，除煩惱病，即便授以
修無色藥。若諸有情，乃至宜修首楞伽摩諸三摩地，除煩
惱病，即便授以首楞伽摩三摩地藥。

(Kinh: Nếu các hữu tình, đáng nên tu bất tịnh để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu bất tịnh. Nếu các hữu tình, đáng nên tu phạm trụ, để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu phạm trụ. Nếu các hữu tình, đáng nên tu duyên khởi, để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu duyên khởi. Nếu các hữu tình, đáng nên tu dứt niệm, để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu dứt niệm. Nếu các hữu tình, đáng nên tu ba môn giải thoát để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu ba loại giải thoát môn. Nếu các hữu tình, đáng nên tu Tĩnh Lự, để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu Tĩnh Lự. Nếu các hữu tình, đáng nên tu Vô Sắc để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu Vô Sắc. Nếu các hữu tình, cho đến đáng nên tu các tam-ma-địa như Thủ Lăng Già Ma để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa).

Hết thấy hữu tình đáng nên tu Bất Tịnh Quán, ta sẽ cho họ tu Bất Tịnh Quán để trị bệnh phiền não, trao cho họ thuốc Bất Tịnh, nói cho họ pháp Bất Tịnh Quán để đối trị. Họ chịu uống thuốc ấy, cũng tức là họ nghe pháp, bệnh sẽ lành. Có các chúng sanh, đáng nên tu Phạm Trụ. Phạm Trụ là thanh tịnh, tu hạnh thanh tịnh, hoặc là trì giới, hoặc nhẫn nhục, đều là phạm hạnh. Phạm (梵) có nghĩa là “*thanh tịnh*”, trừ bệnh phiền não. Ta sẽ cho họ thuốc tu Phạm Trụ. Tu Tứ Niệm Xứ, hoặc là tu Ngũ Căn, tu Ngũ Lực đều được.

“*Nhược chư hữu tình, nghi tu duyên khởi*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu duyên khởi): Hiểu hết thấy các pháp sanh bởi nhân duyên, chẳng có thật thể. Các chúng sanh ấy tu Không Quán rất khá, liền nói pháp duyên khởi cho họ. Hết thấy các pháp là duyên khởi, hết thấy các pháp vô tự tánh, bản thể của hết thấy các pháp là rỗng không. Đó gọi là “*duyên khởi tánh Không*”.

“*Nhược chư hữu tình, nghi tu Tứ Niệm*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu Tứ Niệm): Tứ Niệm (息念) là ngưng dứt tạp niệm, như “*trì khứ lai niệm*” (giữ vững niệm qua lại, tức Sở Tứ Quán) cũng được. Đây là dứt vọng. Dứt vọng sẽ có thể diệt trừ bệnh phiền não của quý vị. “*Nhược chư hữu tình, nghi khả tu tam giải thoát môn*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu ba môn giải thoát): Cũng chính là ba môn giải thoát Không, Vô Tướng, và Vô Nguyên. Đây là tu Không Quán, tu Vô Tác, tu Vô Tướng. Đó là ba môn giải thoát, sẽ trao cho họ thuốc Tam Giải Thoát Môn.

“*Nhược chư hữu tình, nghi tu Tĩnh Lự*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu Tĩnh Lự): Tĩnh Lự là Định. Tu tam-muội, tức là dùng Định để trừ bệnh phiền não. Như vậy thì sẽ trao cho họ thuốc tu Tĩnh Lự. “*Nhược chư hữu tình, nghi tu Vô Sắc*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu Vô Sắc): Vô Sắc là trừ bệnh phiền não. Trong phần trước, đã nói đến Vô Sắc Xứ Định, quán hết thấy các pháp chẳng có hình tướng, cũng tương tự như tu Không Tướng. Vô Sắc là có thể đối với ngũ uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, dùng sắc pháp để đại diện. Trong phần trước nói về tu tâm, còn ở đây là tu Sắc.

“*Nhược chư hữu tình, nãi chí nghi tu Thủ Lăng Già Ma chư tam-ma-địa*” (Nếu các hữu tình cho đến tu các môn tam-ma-địa như Thủ Lăng Già Ma): Đây cũng là đại định, tức Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa định. Tu môn Định này chính là môn Định rốt ráo, là môn Định rất sâu vô thượng trong một trăm lẻ tám môn tam-muội. Như vậy thì bèn trao truyền thuốc Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa.

(Kinh) Sở dĩ Như Lai thọ chư hữu tình như thị pháp dược, bất linh nhất thiết sở hóa hữu tình, vì tứ ma oán chi sở hệ nhiếp, bất linh nhất thiết sở hóa hữu tình, bởi nhân thiên thừa, hướng chư ác thú, bất linh Như Lai vô thượng pháp nhãn, Tam Bảo chủng tánh tốc tạt hoại diệt.

(經)所以如來授諸有情如是法藥，不令一切所化有情，為四魔怨之所繫攝，不令一切所化有情，背人天乘，向諸惡趣，不令如來無上法眼，三寶種姓速疾壞滅。

(Kinh: Do Như Lai trao cho các hữu tình pháp dược như thế, chẳng khiến cho hết thấy hữu tình được hóa độ bị bốn thứ ma oán trói buộc, nhiếp thọ, chẳng để cho hết thấy hữu tình được hóa độ trái nghịch

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

nhân thiên thừa, hướng đến các đường ác, chẳng để cho vô thượng pháp nhân của Như Lai và chúng tánh Tam Bảo bị hoại diệt nhanh chóng).

“*Như Lai thọ chư hữu tình như thị pháp dược, bất linh nhất thiết sở hóa hữu tình, vì tứ ma oán chi sở hệ nhiếp*” (Do Như Lai trao cho các hữu tình pháp dược như thế, chẳng khiến cho hết thảy hữu tình được hóa độ bị bốn thứ ma oán trói buộc, nhiếp thọ): Đây là nói chung. Trao cho thuốc Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa sẽ là rất ráo. Đối với pháp dược nói trong các loại pháp dược ấy, nếu họ chịu tiếp nhận, chịu thọ trì, thì coi như đã uống thuốc. Đã uống thuốc, sẽ chẳng có phiền não. Đây là Phật Luân thứ bảy. Phật Luân này khiến cho hết thảy hữu tình chẳng bị tứ ma “*hệ nhiếp*” (繫攝), “*hệ*” (繫) là trói buộc, “*nh nhiếp*” (攝) là nhiếp trì. Tứ Ma thì thứ nhất là Ngũ Uẩn Ma. Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; đây là một thứ ma. Còn có Phiền Não Ma. Phiền Não bao gồm Kiến Tư phiền não. Còn có Tử Ma. Chúng ta hết sức sợ hãi Tử Ma, chẳng có ai muốn chết! Chẳng đặng đừng, tự sát cũng có. Chết là chẳng thoải mái. Hễ tự sát, so với người chết bình thường sẽ đau khổ gấp bội, xuống địa ngục nhanh như tên bắn. Quý vị nói chẳng thể chịu nổi phiền não này, mong trốn thoát trách nhiệm, tự sát cho xong chuyện. Hễ chết là hết chuyện! Đây là cách nghĩ tương tuyệt đối sai lầm! Trong giới luật, tự sát và sát nhân có cùng một tội lỗi, chớ nên tự sát!

Lúc đức Phật tại thế, có những vị tỳ-kheo vâng lời đức Phật dạy, tu trì Bất Tịnh Quán. Họ chán ghét thân thể khôn cùng, đã tu Bất Tịnh Quán sâu rồi, thấy thân thể này đúng là giòi bọ, tạp uế khôn kham! Họ phiền chán thân thể của chính mình tới cực điểm. Đã tu Bất Tịnh Quán thành tựu, sẽ có hiện tượng ấy, nhưng họ chẳng phát tâm Bồ Đề, chẳng niệm niệm độ chúng sanh. Do vậy, họ tu thành Bất Tịnh Quán suông, chỉ nghĩ sao cho chính mình được siêu thoát sạch sẽ! Nếu là độ chúng sanh, có đại Bồ Đề tâm, họ sẽ chẳng tự sát. Họ nhận thấy hết thảy chúng sanh đều là như vậy, đáng tiếc là chúng sanh chẳng hiểu rõ, bèn dùng hiện tượng thật tế của chính mình để nói cho mọi người biết. Họ nói ra, người khác cũng chẳng thấy.

Họ tự quán chiếu, tu Bất Tịnh Quán đã thành công, [do chẳng có Bồ Đề tâm], sẽ làm như thế nào? Tự sát chẳng được, họ bèn mượn tay các ngoại đạo Ấn Độ, đem y phục, vật dụng cho các ngoại đạo ấy, xin họ giết mình. Các ngoại đạo vì tiền, bèn giết chết họ. Về sau, đức Phật biết được, chẳng cho phép tự sát, người khác giết cũng không được. Tự mình

giết cũng không được, mà mượn kẻ khác giết cũng không được! Đây là nói tới chuyện cũ trong giới luật. Phải quán tưởng cái chết ấy như thế nào? Chết là chương ngại cho sự tu đạo của chúng ta. Nếu quý vị đang tu đạo, tử thuộc về phi mạng. “Phi mạng” có nghĩa là không đáng chết, là nhân duyên chương đạo. Chương đạo này được coi là một loại Ma, gọi là Tử Ma.

Còn có Thiên Ma. Thiên Ma là nói đến quỷ thần. Khi quý vị tu đạo đến một mức độ nhất định, lúc sắp thành tựu, thiên ma sẽ tìm tới, hóa hiện đủ loại tướng. Như khi Thích Ca Mâu Ni Phật sắp thành Phật, ma vương Ba Tuần liền suất lãnh bọn ma binh, ma tử đến vây quanh, quấy nhiễu đức Phật. Thiên ma gây chương ngại cho quý vị. Đó là Thiên Ma. Quý vị đọc kinh, thấy quỷ, hoặc có quỷ đến, thân thể phát sốt, hoặc thấy tướng chi đó. Đây chẳng phải là chuyện xấu. Nếu chẳng phải là quyến thuộc của quý vị, sẽ không thể đến trước mặt quý vị. Chẳng phải là cha mẹ nhiều đời trong quá khứ, hoặc lục thân quyến thuộc của quý vị, sẽ chẳng đến trước mặt được! Họ tìm tới mong quý vị siêu độ, đâu có biết là quý vị sợ hãi. Họ chỉ biết quý vị là người nhà của họ, cho nên họ tìm đến. Kẻ tìm đến, tùy thuộc là loại người nào, nếu là loại chúng sanh có oai thần rất lớn, thân thể quý vị sẽ cảm thấy nóng bừng. Nếu là chư thiên, hoặc thiên thần tới nghe quý vị niệm kinh Địa Tạng, niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, niệm phẩm Phổ Môn, quý vị có cảm ứng, tương thông với họ, họ đến tặng phước, quý vị sẽ cảm thấy trên thân mình nóng bừng. Quỷ thật sự đến, quý vị sẽ cảm thấy thân thể rét run, rét từng chập, lạnh từng chập. Quý vị cứ tiếp tục niệm kinh, coi như chẳng có chuyện gì. Đến khi quý vị niệm xong, sẽ chẳng có chuyện gì cả! Có người [sợ hãi] chẳng niệm, nói: “Tôi không niệm nữa thì sẽ chẳng có [những chuyện đáng sợ ấy]”. Tôi nói: “Quý vị chẳng niệm, đương nhiên là chẳng có”. Người đó nói: “Tôi vĩnh viễn không niệm nữa!” Tôi nói: “Vĩnh viễn chẳng niệm là hỏng mất rồi! Quý vị cứ tiếp tục niệm, sẽ chẳng có chuyện gì!” Đó là chương ngại, đây chẳng phải là ma, phải phân biệt rõ ràng!

Khi Phật Luân vận chuyển, sẽ khiến cho những người ấy đều chẳng trái nghịch nhân thiên thừa, hoặc là làm người, hoặc sanh lên trời. Tôi thiếu là chẳng trái nghịch nhân thiên thừa, chẳng tiến hưởng ba ác đạo. Đồng thời, khiến cho pháp của Như Lai, khiến cho pháp nhãn của Như Lai và chủng tánh Tam Bảo chẳng bị hoại diệt. Khiến cho các hữu tình được hóa độ chẳng trái nghịch nhân thiên thừa, chẳng hưởng theo đường ác. Đối với pháp nhãn của Như Lai và chủng tánh Tam Bảo, sẽ

khiến cho chẳng bị hoại diệt. “*Hoại diệt nhanh chóng*” là như chúng ta đối với pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật đã hoại diệt rất nhanh chóng: Chánh Pháp năm trăm năm, Tượng Pháp năm trăm năm, Mạt Pháp một vạn năm. Tuy nói như vậy, nhưng các điều ấy đều chẳng chuẩn xác, tùy thuộc nghiệp của chúng sanh như thế nào? Thời Mạt Pháp, cũng vẫn có chánh pháp tồn tại. Chỉ cần có người đọc tụng Đại Thừa, có Tam Bảo hiện diện, có tượng Phật, có Pháp Bảo, có Tăng chúng, tức là có Tam Bảo, có chỗ cho chúng ta gieo phước thì [thời Mạt Pháp] có thể trở thành Chánh Pháp.

Nay chúng ta đang học tập, đó là Chánh Pháp. Nếu rời chỗ này đi tạo tội thì sẽ là Mạt Pháp. Ý nghĩa của việc phân chia thành các thời điểm Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp chính là: Chánh Pháp là nói theo ý nghĩa chánh đạo và thành đạo. Vừa vào trong Phật pháp, vừa nghe giảng, bèn khai ngộ, bèn hiểu rõ, đó sẽ là Chánh Pháp. Cho đến lúc Mạt Pháp thì hằng ngày đều học mà phiền não chẳng dễ đoạn. Vì sức huân tập của chúng ta chẳng đủ, cũng có lẽ suốt mấy tháng chỉ nghe giảng một hai buổi, hoặc là mấy năm mới nghe một lần, tu thì tu vậy, nhưng tu như thế nào? Đức Phật yêu cầu chúng ta nghe pháp xong, tu ngay lập tức. Đã tu bèn chứng đắc. Điều đó gọi là “*chuyên ròng, siêng năng dững mãi*” thì mới có thể trừ phiền não.

(Kinh) Do thị Như Lai thọ chư hữu tình như thị pháp dược. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ thất Phật Luân. Do thử luân cố, dĩ kỳ vô thượng Biến Hành hạnh trí, thọ chư chúng sanh chủng chủng pháp dược, linh cần tu học, trừ phiền não bệnh, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tởi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử吼.

(經)由是如來授諸有情如是法藥。善男子！我成如是第七佛輪。由此輪故，以其無上徧行行智，授諸眾生種種法藥，令勤修學，除煩惱病，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(**Kinh:** Do vậy Như Lai trao pháp dược như thế cho các hữu tình. Nay thiên nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ bảy như thế. Do vì luân ấy, dùng hạnh trí Biến Hành vô thượng, trao các loại pháp dược cho các chúng sanh, khiến họ siêng tu học, trừ bệnh phiền não, được trụ trong an ổn, được chẳng kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng thực hiện sự tử hống).

Địa Tạng Bồ Tát hỏi như vậy, đức Phật trả lời đến Phật Luân thứ bảy như thế. “*Biến Hành*” (徧行, Sarvatraga) có năm món, đối ứng với Biệt Cảnh (別境)⁴⁶. Năm món Biến Hành [trong Tâm Sở pháp] là Tác Ý (作意, Manasi-kāra), Xúc (觸, Sparśa), Thọ (受, Vedanā), Tưởng (想, Saṃjñā), và Tư (思, Cetanā). Món thứ nhất là Tác Ý. Tác Ý là tâm chúng ta suy tưởng như vậy, vận dụng ý niệm suy nghĩ. Thọ là tiếp nhận. Tiếp nhận các hình tướng gì? Người ta đánh quý vị, quý vị sẽ cảm thấy đau. Người ta xoa bóp, quý vị sẽ cảm thấy thoải mái, chẳng nói ra ngoài hình tướng được. Đó là ý nghĩa “*tiếp nhận*”. Chẳng hạn như nếu người khác tán dương quý vị, quý vị cũng tiếp nhận âm thanh ấy. Chửi bới thì quý vị tiếp nhận, sẽ sanh khởi phiền não, hoặc sẽ cãi lộn với kẻ đó. Người khác tán dương quý vị, trong tâm quý vị khoái trá. Thọ thuộc về tâm pháp, chẳng thể dùng hình tướng để hình dung. Tưởng cũng là “*biến*” (徧, trọn khắp). Biến Hành khác với Biệt Cảnh. “*Biến*” có nghĩa là “*trọn khắp hết thảy mọi nơi*”. Tưởng là suy nghĩ, nghĩ tưởng. Để tưởng, quý vị phải Tác Ý (khởi lên ý niệm, vận dụng tâm tư). Tác Ý khác với Tưởng đôi chút. Tưởng chỉ là Tư Duy, còn Tác Ý là nghĩ tới cách thức [để thực hiện]. Trong Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận, điều này đã được giải thích rất rõ ràng. Món thứ tư là Tư, Tư và Tưởng thường liên quan với nhau. Tư là tư duy, tự mình tư duy. Còn Tưởng thì có lúc thêm vào hồi ức; do vậy, có sai khác đôi chút. Xúc là tiếp xúc. Xúc và Thọ dường như giống nhau, nhưng thật ra, chúng hoàn toàn chẳng giống nhau.

Năm món Biến Hành ấy, do vô thượng Biến Hành, sẽ dẫn khởi phiền não. Đối với điều này, phải có trí huệ. Nếu chẳng có trí huệ, sẽ chẳng thể đoạn phiền não. Nếu quý vị siêng năng, chuyên ròng, sẽ trừ

⁴⁶ Biệt Cảnh là năm món tâm sở do tâm vương (tám thức) duyên từng cảnh riêng biệt mà sanh khởi. Biệt Cảnh gồm Dục, Thắng Giải, Niệm, Định và Huệ. Năm món Tâm Sở này thông với thiện, ác, và vô ký.

được bệnh phiền não, được trụ trong an ổn, chẳng kinh hoảng, mà cũng chẳng sợ hãi, chẳng bị sợ sệt. Đức Phật tự xưng Ngài thuộc địa vị đại tiên tôn quý, thuộc vào địa vị Phật, chuyển pháp luân của Phật. Luân ấy có thể dẹp tan tà luận của hết thầy thiên ma và ngoại đạo, ở giữa đại chúng mà sư tử hồng.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, ức niệm tự tha bốn tích chủng tánh, sơ sanh, đồng tử hy hý đẳng sự, vị ức tự tha w như thị xứ, sơ sanh mộc dục, hoài bão nhũ bộ, án ma chi tiết, nãi chí hý tiểu, hoặc lộng hôi thổ, hoặc dữ thị từng chủng chủng ngao du, hoặc tập kỹ nghệ, hoặc phục tu doanh chủng chủng sự nghiệp, hoặc du tha quốc, túc dạ thê bạc, hoặc phụng sự vương, hoặc lý vương vụ, hoặc vi Thái Tử. Hoặc đẳng vương vị, đắc đại tự tại, thọ chư khoái lạc, quảng đại danh xưng, biến chư phương duy. Niệm thị sự dĩ, an lập tiên vương sở tuân chánh pháp, phủ dục nhất thiết quốc độ nhân dân, thủ hộ tự quốc, bất xâm tha cảnh. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ bát vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如刹帝利灌頂大王，憶念自他本昔種姓，初生童子嬉戲等事，謂憶自他於如是處，初生沐浴，懷抱乳哺，按摩支節，乃至戲笑，或弄灰土，或與侍從種種遨遊，或習技藝，或復修營種種事業，或游他國，夙夜棲泊，或奉事王，或理王務，或為太子。或登王位，得大自在，受諸快樂，廣大名稱，遍諸方維。念是事已，安立先王所遵正法，撫育一切國土人民，守護自國，不侵他境。善男子！刹帝利種灌頂大王，成就如是第八王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh nghĩ nhớ bốn tích và chủng tánh của chính mình lần người khác,

các chuyện như lúc mới sanh ra, vui đùa khi còn là trẻ thơ v.v... tức là mình và người khác ở chỗ như vậy, lúc mới sanh được tắm rửa, ẵm bồng, bú mớm, xoa bóp chân tay, cho đến cười đùa, hoặc nghịch tro, đất, hoặc cùng người hầu ngao du các thú, hoặc học tập nghề khéo, hoặc là kiến lập, lo liệu các thứ sự nghiệp, hoặc dạo chơi nước khác, hoặc trong đêm trú lại nghỉ ngơi, hoặc phụng sự vua, hoặc lo liệu việc nước, hoặc làm Thái Tử. Hoặc lên ngôi vua, được đại tự tại, hưởng các vui sướng, danh tiếng rộng lớn, trọn khắp các phương. Nghĩ tới những chuyện ấy rồi bèn an lập chánh pháp do tiên vương đã tuân hành để vô yên, nuôi nấng hết thảy nhân dân trong quốc độ, bảo vệ nước mình, chẳng xâm lấn nước khác. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ tám như thế. Do vì luân ấy, khiến cho nước mình tăng trưởng yên vui, có thể hàng phục hết thảy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ cái thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng).

Quốc vương ấy nhớ lại quá khứ, bắt đầu từ lúc còn là đứa bé, giống như mọi người, hoặc là vọc tro, đất, hoặc là được hầu hạ, rong chơi, hoặc là học tập các thứ tài khéo, hoặc tu tập các thứ sự nghiệp, nhớ lại những chuyện thuở làm đồ đệ, hoặc làm đệ tử. Nói những chuyện ấy để làm gì? Nhớ lại lúc quá khứ, nhà vua sẽ biết phải nên làm như thế nào trong hiện tại. Vị đại vương quán đánh ấy trong quá khứ, chính mình đã lúc trẻ thơ cho tới khi trưởng thành, đã được trưởng thành dưới pháp độ của tiên vương. Ông ta nhớ lại pháp độ của tiên vương tốt đẹp ngàn nào! Ta phải phát triển. Những chỗ không tốt, ta sẽ cải tiến, đó gọi là “*cách mạng*”. Phàm là cách mạng, cải cách, tức là trừ bỏ những phần không tốt đẹp, [thế nhưng] lịch sử hoàn toàn phát triển trái ngược, diệt trừ những cái tốt đẹp. Họ cách mạng theo kiểu chiếu theo những cái xấu xa để thực hiện. Tôi thấy lịch sử phát triển như thế đó. Phật giáo đồ nói hoằng dương Phật pháp, [thế mà] chẳng hoằng dương thì còn đỡ, [Phật pháp] sẽ bị diệt chậm một chút. Càng hoằng dương, càng bị diệt lẹ! Phật đường càng nhiều, đệ tử Tam Bảo giả mạo càng đông, mọi người ắt cần phải có con mắt chánh pháp.

Vì thế, nhà vua nhớ quá khứ, phải dùng chánh pháp của tiên vương, dùng các pháp do tiên vương đã áp dụng cho quốc độ này để vô yên nhân dân hiện thời trong nước, bảo vệ nước mình thành tựu tốt đẹp. Tốt lành như thế sẽ khiến cho nhân dân trong nước của nhà vua có thể an

cur lạc nghiệp. Đây là nhớ lại quá khứ, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng nhớ lại quá khứ!

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai xử đại chúng hội, ức niệm tỳ tha túc thế sở kinh vô lượng chủng sự, vị ức nhất sanh, hoặc nhị, hoặc tam, nãi chí vô lượng bách thiên sanh sự, hoặc ức thành kiếp, hoặc ức hoại kiếp, hoặc ức vô lượng thành kiếp, hoại kiếp, tăng u quá khứ trụ như thị xứ, như thị danh tự, như thị chủng tánh, như thị chủng loại, như thị ẩm thực, như thị lãnh nạp khổ thọ, lạc thọ, như thị thọ lượng, như thị cửu trụ, như thị cực u thọ lượng biên tế, từng bỉ xứ một, lai sanh thử gian, phục từng thử một, vãng sanh bỉ xứ. Ưc niệm túc thế như thị đẳng sự vô lượng, vô biên, tùy chư chúng sanh căn tánh sai biệt, kiến lập chánh pháp, vị tác nhiều ích. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ bát Phật Luân.

(經)善男子！如是如來處大眾會，憶念自他宿世所經無量種事，謂憶一生，或二，或三，乃至無量百千生事，或憶成劫，或憶壞劫，或憶無量成劫，壞劫，曾於過去住如是處，如是名字、如是種性、如是種類、如是飲食、如是領納苦受樂受、如是壽量、如是久住、如是極於壽量邊際，從彼處沒，來生此間，復從此沒，往生彼處。憶念宿世如是等事無量無邊，隨諸眾生根性差別，建立正法，為作饒益。善男子！我成如是第八佛輪。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như Lai ở trong các đại chúng hội như thế, nghĩ nhớ vô lượng các sự mà mình và người đã trải qua trong các đời trước, tức là chuyện trong một đời, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô lượng trăm ngàn đời, hoặc nhớ kiếp thành, hoặc nhớ kiếp hoại, hoặc nhớ vô lượng kiếp thành, kiếp hoại, từng trong quá khứ ở chỗ như thế, tên gọi như thế, chủng tánh như thế, chủng loại như thế, ăn uống như thế, nhận lãnh khổ thọ và lạc thọ như thế, thọ lượng như thế, tồn tại lâu dài như thế, cùng tội ngăn mé thọ lượng như thế, từ chỗ kia chết, đến sanh trong cõi này, lại từ cõi này mất đi, đến sanh trong chỗ kia. Nghĩ nhớ các sự trong những đời trước như thế, vô lượng, vô biên, tùy theo

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

căn tánh sai biệt của các chúng sanh mà kiến lập chánh pháp, hòng tạo lợi ích. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ tám như thế).

Trong đại chúng hội, đối với hết thảy các đệ tử do ta giáo hóa, đối với trăm ngàn ức chúng sanh, đều làm gì? Thuyết pháp đúng theo căn cơ. Hoặc là ở trong hoại kiếp, các đệ tử ấy đều theo ta làm gì? Trong thành kiếp, chúng ta đều làm gì? Trong một đại kiếp, có bốn kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không. Thành kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, Trụ kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, Hoại kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, Không kiếp có hai mươi tiểu kiếp. Hoại kiếp là giai đoạn giữa Thành kiếp và Không kiếp, thế giới đã sắp hủy diệt, địa cầu hoàn toàn chẳng còn. Khi hư hoại đến tột cùng, đại tam tai [xảy ra, thế giới] chẳng còn nữa, rộng tuếch! Sau đấy, lại dần dần ngưng tụ, ngưng kết, tinh vân (Nebula) lại dần dần hình thành. Giai đoạn Thành gồm hai mươi tiểu kiếp, Trụ gồm hai mươi tiểu kiếp. Nay chúng ta đang thuộc Trụ kiếp, trọn chẳng phải là Hoại kiếp.

Trong Trụ kiếp, nghĩ nhớ các nơi trong kiếp ấy, đã trải qua thời gian nhiều ngàn ấy, lại còn trải qua rất nhiều chỗ. Trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật từng nói như thế này: Trong thế giới Sa Bà này, tức trong tam thiên đại thiên thế giới này, chẳng có chỗ nào chùng bằng vi trần mà không phải là nơi Ngài xả thân mạng. Cũng tức là nói Ngài ở trong thế giới Sa Bà độ chúng sanh quá lâu! Cho đến [thời gian] làm chúng sanh trong thế giới này cũng rất nhiều, xả thân mạng nhằm lợi ích chúng sanh. Trong quá khứ, ta trụ ở nơi đây, người cũng trụ ở nơi đây. Người khác ở nơi kia có tên gọi là gì. Các thứ chủng tánh, chủng loại như thế nào, ăn những thực phẩm gì, nhận lãnh khổ thọ, lạc thọ, thọ mạng khá nhiều, hoặc là sống lâu nơi đời, hoặc là thọ mạng rất dài. “*Tùng bỉ xứ một, lai sanh thử gian*” [nghĩa là] lại sanh đến chỗ này, từ chỗ này chết đi, lại sanh sang chỗ khác. Nghĩ nhớ các chuyện trong các đời trước như vậy, vô lượng, vô biên, quá nhiều! Khi mọi người đều thành Phật, nhìn lại một phen, sẽ biết các sanh mạng trong quá khứ là vô lượng, vô biên.

Trong khi quý vị niệm kinh, nằm mộng là giả, chẳng thật; nhưng khi tôi nằm mộng, có khi đúng là thật! Lại nữa nằm mộng, giấc mộng ấy là giả, nhưng có lúc, đầu óc coi nó thành sự thật. Vì sao nói như vậy? Xác thực là tôi có cảm giác ấy. Khi tôi ở Nữ Ước, tôi nằm mộng, dường như là giấc mộng bắt đầu từ thời Nguyên. Tối hôm nay, mộng vẫn chưa xong, tỉnh giấc, tối mai chỉ cần đặt đầu xuống gối, lại nằm

mộng, giống như viết tiểu thuyết theo lối từng chương, từng hồi vậy. Giác mộng ấy sẽ được tiếp tục vào hồi thứ hai như thế này, như thế nọ! Sau đây tỉnh giấc, không mộng nữa. Đây vốn là giả, vì tôi tự mình chứng nghiệm giấc mộng của mình. Do nằm mộng mà xuất gia, đến Cửu Hoa Sơn là do nằm mộng. Đến Cổ Sơn cũng là do nằm mộng. Sau khi đã đến Cổ Sơn, chẳng nằm mộng nữa. Đến nơi ấy chẳng còn mộng nữa. Sau đây, chẳng còn nằm mộng nữa, mãi cho đến hiện tại, tôi vẫn hy vọng được giác mộng chỉ điểm. Không nằm mộng, tức là lúc không mộng, tôi lại mê. So với lúc nằm mộng, mê càng sâu hơn. Đó là tật xấu của bản thân tôi.

Tuy nói mộng là giả, nhưng nó chỉ cho tôi phương hướng, tôi bèn cho rằng nó là thật. Khi đó, cũng chưa hề tiếp xúc Phật pháp, chuyện gì cũng chẳng biết. Do nằm mộng, tôi bèn xuất gia, do giác mộng bèn xuất gia. Sư phụ đặt cho tôi pháp danh là Giác Tỉnh (覺醒), ngụ ý “*hễ giác ngộ, sẽ thức tỉnh*”. Sau đây, tôi nghĩ cái tên ấy chẳng thích hợp cho lắm. Dường như tôi vẫn chưa tỉnh, tôi nói tôi đang nằm mộng. Mộng Tham (夢參) là cái tên do tôi tự đặt, đúng là tương phản với chữ Giác Tỉnh. Mấy hôm trước, tôi bỗng ngẫu nhiên nhớ đến thầy tôi là lão hòa thượng Tu Lâm. Khi tôi niệm kinh, nghĩ đến vị thầy thế độ đã đặt tên cho mình. Tôi nghĩ: Khi nào tôi sẽ có thể tỉnh? Nay đã sắp chết đến nơi rồi, vẫn chẳng tỉnh, vẫn đang ở trong mộng, vẫn đang tham cứu. Hiện thời, ngay cả tham cứu cũng tham cứu chẳng xong! Vì sao? Tham cứu đến mức già khòm rồi, già lụm cụp rồi, chẳng giống như thuở trẻ trung, lúc mới vừa học pháp, lúc vừa mới tu. Do vậy, tu đạo mà mong đoạn phiền não rất khó, tôi tự mình thể nghiệm. Từ kinh nghiệm của cá nhân tôi, đã xuất gia hơn sáu mươi năm, hiện thời vẫn cách biệt rất xa, chẳng nắm vững một tí nào! Quý vị đừng nghĩ tôi đang nói nhảm, chẳng nói nhảm tí nào hết!

Do đó, khi đức Phật chỉ dạy hết thầy chúng sanh, Ngài đã căn cứ vào các thứ khác biệt trong quá khứ của họ. Đức Phật thuyết pháp, chúng ta lập tức thành đạo. Nếu kẻ nào chưa thành đạo, chẳng hạn như chúng tôi cũng muốn thật sự phát Bồ Đề tâm, chúng tôi giảng giải, giảng suốt mấy tháng, chỉ sợ người giảng lẫn người nghe đều chẳng thể tiến nhập, chỉ là gieo thiện căn cho tương lai. Chúng tôi khẳng định điều này: Tuy chẳng có lợi ích to lớn, nhưng lợi ích ấy vẫn chẳng nhỏ! Có lợi ích gì thế? Chúng ta niệm kinh Địa Tạng, giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, giảng kinh Địa Tạng, giảng kinh Thập Luân, nói chung là Địa Tạng Bồ Tát sẽ chú ý chúng ta đôi chút.

Vì thế, chúng ta nghe, niệm, đều gọi gắm nơi Địa Tạng Bồ Tát. Mỗi lần, tôi niệm Địa Tạng Bồ Tát, tôi đều nghĩ như thế. Tôi và các đạo hữu đều phó thác cho Địa Tạng Bồ Tát, hy vọng Bồ Tát sẽ nhanh chóng cứu chúng con. Cái tâm của quý vị đã hướng về Ngài, Địa Tạng Bồ Tát đã hướng đến chúng ta. Thật ra, đó là quý vị tự độ chính mình, cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình! Cầu chính mình thì quý vị có thể cầu như thế nào? Niệm, đọc, chính mình tự xem một lượt, cũng sẽ cảm vờ Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát giảng cho quý vị, quý vị càng dễ dàng khai ngộ. Vì sao phải quan sát quá khứ? Vì như thế thì mới có thể biết căn tánh của họ, mà cũng biết nhân duyên giữa Phật và chúng ta trong quá khứ. Tuy chúng ta là đệ tử Phật trong thời Mạt Pháp, mà có thể cảm được Pháp Bảo Đại Thừa vẫn còn tồn tại trong thời Mạt Pháp, Tăng Bảo tồn tại, Phật Bảo tồn tại, đây cũng chính là Trụ Thế Tam Bảo. Tượng bằng đất nặn, gỗ chạm chính là Phật Bảo, Tam Tạng kinh văn là Pháp Bảo, người cạo đầu mặc y niêm sắc là Tăng Bảo. Quý vị có thể thấy Tăng Bảo, nếu thường xuyên cùng ở chung với Phật Pháp Tăng Tam Bảo, sẽ đắc độ rất nhanh. Đôi khi chúng ta nói: “*Phiền não rất nặng, nghiệp chướng rất sâu*”, tiêu cực khôn ngần! Chúng ta hãy nghĩ theo phương diện này: Đã gieo không ít thiện căn, hiện thời còn có thể ở cùng Phật Pháp Tăng. Có những vị tối ngủ vẫn niệm, có khi niệm cả trong mộng. Có những đạo hữu còn có thể làm như vậy, quý vị còn sợ hãi chi nữa? Vì quý vị đã học pháp, sẽ chẳng sợ hãi, cũng đã thành tựu Phật Luân thứ tám rồi!

(Kinh) Do thử luân cố, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tồ chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử吼.

(經)由此輪故，利益安樂無量有情，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Do vì luân này, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, được trụ an ổn, được chẳng kinh hoàng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử吼).

Trên đây là Phật Luân thứ tám.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, tùy niệm quán sát tự quốc hữu tình, chủng tánh, kỹ nghệ, cấp chư sự nghiệp, tử tử sanh tử, nhân quả thắng liệt, sai biệt bất đồng. Tri bỉ hữu tình sanh như thị gia, kỳ thân dũng kiện, hoặc phục khiếp nhược, u chư kỹ nghệ, dĩ học, vị học, sở hữu sự nghiệp thiện tác, ác tác, phú quý, bần tiện, đoan chánh, xú lậu, như thị đẳng loại, nãi chí mạng chung. Hoặc hữu tự nghiệp vị tận nhi tử, hoặc hữu tự nghiệp dĩ tận nhi tử, hoặc phạm vương pháp hình lục nhi tử, hoặc hữu đệ tương tàn hại nhi tử, hoặc nhân tiên trọng chủy sở nhi tử, hoặc nhân linh ngữ u trập nhi tử, hoặc nhân tập học kỹ nghệ nhi tử, hoặc nhân chiến trận thương sát nhi tử, hoặc nhân đấu tránh ẩu kích nhi tử, hoặc nhân tài bảo tham lận nhi tử, hoặc nhân sắc dục đam miện nhi tử, hoặc nhân phần hận kết phần nhi tử, hoặc nhân lao quyện đốn tộ nhi tử, hoặc nhân cơ khát pháp tuyệt nhi tử, hoặc hữu quá tử, hoặc vô quá tử, hoặc kỳ niên tử, hoặc tráng niên tử, hoặc ấu niên tử, hoặc tác chủng chủng thiện nghiệp nhi tử, hoặc tác chủng chủng ác nghiệp nhi tử. Tri chư hữu tình hành thiện hạnh giả, thân hoại, mạng chung, đương vãng thiện thú. Tri chư hữu tình hành ác hạnh giả, thân hoại, mạng chung, đương vãng ác thú. Tri thị sự dĩ, phục tự tư duy: “Ngã đương chánh cần, tu thân thiện hạnh, tu ngữ thiện hạnh, tu ý thiện hạnh. Ngã đương thi thiết chủng chủng phương tiện, tu hành bố thí, điều phục tịch tĩnh, thân hoại mạng chung, đương vãng thiện thú, vật đọa ác thú”. Tử Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, tư duy thị dĩ, dũng mãnh, tinh tấn, tu thân, ngữ, ý, tam chủng thiện hạnh, thường hành bố thí, nhất thiết sở hữu ẩm thực, y phục, tượng, mã, ky, thừa, ngọa cụ, y dược, phòng xá, đăng minh, cấp dư tư cụ, nô tỳ, đồng bộc, chủng chủng trân tài, châu, mục, thủ, túc, nãi chí thân mạng, vô sở lận tích, cấp ly sát sanh, ly bất dữ thủ, ly dục tà hạnh, ly hư cuống ngữ, ly thô ác ngữ, ly ly gián ngữ, ly tạp uế ngữ, ly chư tham dục, ly chư sân khuê, ly chư tà kiến.

(經)善男子！如刹帝利灌頂大王，隨念觀察自國有情，種姓技藝，及諸事業，死此生彼，因果勝劣，差別不同。知彼有情生如是家，其身勇健，或復怯弱，於諸技藝，

已學未學，所有事業善作惡作，富貴貧賤，端正醜陋，如是等類，乃至命終。或有自業未盡而死，或有自業已盡而死，或犯王法刑戮而死，或有遞相殘害而死，或因鞭杖捶楚而死，或因囹圄幽繫而死，或因習學技藝而死，或因戰陣傷殺而死，或因斗爭毆擊而死，或因財寶貪吝而死，或因色慾耽湎而死，或因忿恨結憤而死，或因勞倦頓弊而死，或因飢渴乏絕而死，或有過死，或無過死，或耆年死，或壯年死，或幼年死，或作種種善業而死，或作種種惡業而死。知諸有情行善行者，身壞命終，當往善趣。知諸有情行惡行者，身壞命終，當往惡趣。知是事已，復自思維：「我當正勤，修身善行，修語善行，修意善行。我當施設種種方便，修行佈施，調伏寂靜，身壞命終，當往善趣，勿墮惡趣。」此刹帝利灌頂大王，思惟是已，勇猛精進，修身語意，三種善行，常行佈施，一切所有飲食、衣服、象馬、騎乘、臥具、醫藥、房舍、燈明、及餘資具，奴婢、僮僕、種種珍財，頭目手足，乃至身命，無所吝惜，及離殺生，離不與取，離欲邪行，離虛誑語，離粗惡語，離離間語，離雜穢語，離諸貪慾，離諸嗔恚，離諸邪見。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh thuận theo ý niệm, quan sát hữu tình trong nước của chính mình, chủng tánh, tài khéo, và các sự nghiệp, chết đây, sanh kia, nhân quả hơn kém, sai khác bất đồng. Biết các hữu tình đó sanh trong gia đình như thế, thân họ dũng mãnh, tráng kiện, hoặc là yếu ớt, đối với các nghề khéo đã học hay chưa học, tất cả sự nghiệp là làm lành hay làm ác, phú quý hay nghèo hèn, đoan chánh hay xấu xí, thô kệch, các loại như thế

cho đến lúc mạng chung: Hoặc có người nghiệp của chính họ chưa hết mà đã chết, hoặc có người nghiệp của chính họ đã hết mà chết, hoặc phạm phải phép vua, bị xử tử chết. Hoặc có khi tàn hại lẫn nhau mà chết. Hoặc do bị roi, gậy đánh đập mà chết. Hoặc do bị giam kín trong nhà tù mà chết. Hoặc do học tập tài khéo mà chết. Hoặc do chiến trận bị sát thương mà chết. Hoặc do tranh chấp, đánh lộn mà chết. Hoặc do tham lam, keo kiệt của cải mà chết. Hoặc do tham đắm sắc dục mà chết. Hoặc do phân hận, phân uất mà chết. Hoặc do mệt mỏi, suy sụp mà chết. Hoặc do đói khát, thiếu thốn mà chết. Hoặc do có lỗi mà chết. Hoặc không có lỗi mà chết. Hoặc tuổi già mà chết. Hoặc tuổi tráng niên mà chết. Hoặc tuổi thơ bé mà chết. Hoặc làm các loại nghiệp lành mà chết. Hoặc làm các loại ác nghiệp mà chết. Biết các hữu tình làm các hạnh lành, thân hoại, mạng hết, sẽ tiến vào đường lành. Biết các hữu tình làm các hạnh ác, thân hoại, mạng hết, sẽ vào đường ác. Đã biết chuyện ấy rồi, lại tự tư duy: “Ta nên siêng năng chánh đáng để tu thiện hạnh nơi thân, thiện hạnh nơi ngôn ngữ, thiện hạnh nơi ý. Ta sẽ sắp đặt các loại phương tiện, tu hành bố thí, điều phục tịch tĩnh. Thân hoại, mạng chung, sẽ tiến vào đường lành, chẳng đọa vào đường ác”. Vị đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh ấy tư duy như thế xong, bèn dùng mãnh, tinh tấn, tu ba thứ hạnh lành nơi thân, ngữ, ý, thường hành bố thí, hết thấy tất cả thức ăn, y phục, voi, ngựa, vật cưỡi, xe cộ, đồ trải nằm, thuốc men, nhà cửa, đèn sáng, và các thứ vật dụng sinh hoạt khác, nô tỳ, người hầu, các loại của cải quý báu, đầu, mắt, chân, tay, cho đến thân mạng, chẳng hề keo tiếc, và lìa sát sanh, lìa chẳng cho mà lấy, lìa dục tà hạnh, lìa lời hư huyền, dối trá, lìa lời thô ác, lìa lời ly gián, lìa lời tạp uế, lìa các tham dục, lìa các sân khuể, lìa các tà kiến).

Trong phần trước, đã nói về năm thứ Biến Hành, tôi sẽ giải thích lần nữa. Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, đây là năm loại. Khi năm loại Biến Hành ấy dậy lên, chúng sẽ đồng thời khởi, chẳng có trước sau. Tác Ý (作意) có nghĩa là “cảnh giác”, có nghĩa là khi cái tâm chưa dậy lên [ý niệm], Tác Ý sẽ khiến cho cái tâm khởi niệm. Khởi niệm là dậy lên tướng cảnh giới. Nếu cái tâm vừa dậy niệm, nó sẽ có thể dẫn khởi quán cảnh. “Quán” có nghĩa là đối trước cảnh. Xúc là đã đối cảnh (對境, tiếp nhận cảnh). Thọ là lãnh nhận, lãnh nhận tiền cảnh. Tưởng là nắm giữ lấy tướng cảnh giới. Tư là khởi tâm tạo nghiệp. Năm loại này đồng thời cùng khởi, cho nên gọi là Biến Hành.

Vương luân thứ chín của vua Sát-đế-lợi: Vị quốc vương ấy có trí huệ to lớn, tự mình trước hết xem xét trong nước ấy, chủng tánh, tài khéo, sự khéo léo, quốc gia ấy làm sự nghiệp gì, cho đến nhân dân trong quốc gia ấy “*tử thử, sanh bỉ*” tức là từ nơi này chết đi, sanh vào nơi kia. Cái trí huệ biết họ “chết ở nơi này, sanh vào nơi kia” chẳng phải là Túc Mạng Trí, nhà vua hoàn toàn chẳng biết “từ thế giới này chết đi, sẽ sanh vào thế giới nào”, mà là căn cứ trên các nghiệp họ đã làm, căn cứ theo những chuyện họ đã làm khi còn sống bèn có thể phán đoán. Những chuyện họ đã làm trong hiện tại là nhân; trong tương lai, họ sanh đến nơi kia là quả. [Cụ thể là] sanh đến chỗ nào, ông ta không phán định được; vị quốc vương ấy chẳng có Túc Mạng Trí và Tha Tâm Trí. Ở đây là nói khi ông ta quan sát, bèn quan sát nhân dân trong quốc gia ấy đã gieo cái nhân tốt hay xấu, hiện thời họ hứng chịu cái quả. Vì sao phải hứng chịu cái quả như vậy? Do quá khứ đã gieo cái nhân không tốt. Biết nhân quả quá khứ của họ là thù thắng hay kém hèn? Hiện thời, vì sao có sự khác biệt như vậy? Từ cái quả của quá khứ, sẽ có thể biết cái nhân đã làm trong đời này: Sanh trong một gia đình tốt đẹp, hay sanh vào một gia đình không tốt. Như thế nào là một gia đình tốt đẹp? Như thế nào là một gia đình không tốt đẹp? Hoàn toàn đây chẳng phải là luận định theo của cải.

Tại Ấn Độ, sanh trong chủng tánh Bà-la-môn thì là gia đình tốt đẹp, có kiến thức, có học vấn. Sanh vào chủng tánh Sát-đế-lợi thì là gia đình phú quý. Nếu sanh trong chủng tánh Phệ-xá hoặc Thú-đà-la, sanh trong nhà đồ tể, sanh trong nhà thợ thuyền, sẽ là hơn kém bất đồng. Có người sanh ra cứ một mực trưởng thành, thân thể rất mạnh khỏe, rất dũng mãnh, rất tráng kiện. Có người sanh ra liền ốm đau, quặt quẹo, đó là ý nghĩa của từ “*khiếp nhược*” (怯弱) [trong chánh kinh]. Có người sanh ra đã rất thông minh, rất lanh lợi, hề học nghề khéo nào liền thông hiểu. Có kẻ học rất khó, rất đần. Giống như trong thuở trước, công nhân theo thầy học ba năm, có người học một năm đã hiểu, mỗi người mỗi khác!

Do vậy làm lành, làm ác, phú quý, nghèo hèn, sanh ra đọa chánh, hoặc xấu xí, thô kệch, đủ mọi chủng loại, cho đến mạng chung, cũng là thọ mạng mỗi người khác biệt. Có người vì nghề nghiệp của chính mình, mạng chưa đáng chết mà lại chết mất. Đó là thọ mạng chưa tận, mà lại đoản mạng chết đi. Duyên tận bèn chết thì là chết chánh đáng. Tục gia có cách nhìn như thế này: Nếu chết trong nhà của chính mình thì gọi là

“*thọ chung chánh tâm*” (壽終正寢). Nếu chết ở bên ngoài, là do quý vị tạo nghiệp, chẳng thể “*thọ chung chánh tâm*”, chết trong khi đang lưu lạc. Nếu phạm phải phép vua, bị chặt đầu, hoặc bị phán hình phạt treo cổ. Đây là “*chết vì hình lục*”. Họ do giết hại lẫn nhau mà chết, hoặc là bị roi gậy quật đánh mà chết. Bị trách phạt, hoặc do đấu đá với kẻ khác, hoặc bị giam cầm, chết trong tù ngục. Cho đến cả một đời u ám, chết trong nhà giam. Hoặc là vì học nghề khéo, bất luận học nghề nào, vì lỡ làm gây nên thương tích mà chết. Cũng có trường hợp như vậy. Hoặc là quân trận đôi bên giao chiến mà chết. Hoặc là xô xát do cãi lộn với người khác mà chết. Hoặc vì tham luyến của cải mà chết.

Đối với chuyện tham luyến của cải này, tôi kể một câu chuyện: Có một vị lão hòa thượng suốt đời chặt mót được một đỉnh bạc, chẳng cần thận, làm rớt xuống nhà cầu. Do tiếc nuôi đỉnh bạc ấy, bèn chết đi. Sau khi mạng chung, ông ta biến thành một con ếch ở dưới hầm cầu, ôm đỉnh bạc ấy. Vị thầy Tri Khách trong ngôi chùa ấy rất có thần thông, rất có trí huệ, biết vị lão hòa thượng ấy chết rất bất thường, bèn mời người đào nhà cầu ấy lên. Hầm cầu trong chùa ở Đại Lục rất sâu, đào lên rất tốn công. Đào vét sạch cái hầm ấy, mới lấy ra được, niêm kinh hồi hướng, cầu nguyện cho ông ta, dùng đỉnh bạc ấy vì ông ta làm Phật sự, giúp cho ông ta siêu độ. Vị lão hòa thượng ấy may mắn gặp vị sư Tri Khách ấy. Nếu chẳng gặp, sẽ vĩnh viễn đọa trong đó để mà tham tiếc. Vì tham luyến tiền tài mà chết giống như thế, thường là những kẻ làm kinh doanh thất bại, tiền của đều tổn thất, hoặc do cái tâm nuôi tiếc của báu bị mất đi. Do toàn bộ tâm lực chú ý vào đó, hề mất đi, mạng người ấy cũng chấm dứt theo. Đó là do tham keo tài sắc mà chết vậy!

Hoặc là vì sắc dục mà chết. Có người luyến ái chẳng thành, u buồn mà chết. Có người luyến ái đã thành, cũng vì tham dục mà chết. Hoặc bị người khác hãm hại, tâm lý chẳng cân bằng được, không có sức chống lại kẻ đó, bèn phẫn hận, u uất mà chết. Đủ loại chết như vậy. Hoặc là do mệt nhọc, kiệt sức mà chết, hoặc là đói khát, thiếu thốn, suy kiệt mà chết. Hoặc là có lỗi mà chết, không có lỗi mà chết. Hoặc chết vào lúc tuổi già, hoặc chết trong thuở tráng niên, hoặc chết khi còn tấm bé. Hoặc là có thiện nghiệp mà chết, có kẻ mang ác nghiệp mà chết.

Vị vua Sát-đế-lợi ấy căn cứ vào các loại tình huống tử vong để phán đoán. Ông ta nói hữu tình do tạo thiện nghiệp, khi thân hoại, mạng chung, nhất định sẽ sanh vào chốn lành, sanh trong đường trời người. Nếu là kẻ rất ác, làm ác lắm nổi, kẻ ấy thân hoại, mạng chung, nhất định

sanh vào tam ác đạo. Ông ta thấy sự tình trong xã hội, thấy rất rõ ràng. Bất quá, chỉ giới hạn trong vòng nhân dân của đất nước mình. Nói theo Phật giáo, không chỉ là một vị vua Sát-đế-lợi, chúng ta nhìn vào thế gian, xem toàn thế nhân gian, chuyện này thuộc vào pháp Tứ Đế. Lại nói nó là pháp thế gian. Hết thấy Phật pháp chẳng rời thế gian. Phật pháp do đức Phật đã nói chính là vì thế gian mà kiến lập pháp xuất thế gian.

Chúng ta có rất nhiều người sống đến sáu mươi mấy tuổi, trải qua rất nhiều chuyện trong thế gian. Kinh này nói đến các loại chết là nói đến thọ mạng khác biệt, có các loại chết [khác nhau]. Thuở ấy, còn chưa có tai nạn xe cộ. Nếu có tai nạn xe cộ, nhất định là sẽ có trường hợp chết vì tai nạn xe cộ. Có đủ loại tai nạn xe cộ, cũng có trường hợp chết vì máy bay. Thuở đó, chỉ có thuyền, qua sông bị chết đuối thì có, nhưng công cụ để qua sông khác biệt. Giống như chúng ta ngồi thuyền lớn, thuyền chạy bằng máy, rất tốt. Thuyền gỗ trước kia cũng khá lắm. Nếu mọi người sống tại Tây Tạng, lúc qua sông ở vùng Khang Tây⁴⁷ phải ngồi thuyền, sẽ khiến quý vị sợ chết khiếp! Thuyền gì vậy? Thuyền bằng da bò. Một lớp da bò được lột ra, dùng bốn cọc gỗ để căng ra, đem phơi khô, dùng nó [bọc khung gỗ làm thành thuyền] để vượt sông. Họ chèo như thế này: Mỗi bên có một mái chèo. Đi về phía này thì chèo bên này, đi về phía bên kia thì chèo bên kia. Ngồi trong thuyền sẽ khiến quý vị sợ run lập cập. Sóng dồn tới, thuyền sẽ bị tung lên rất cao. Sóng rút xuống, thuyền lại trầm xuống. Nếu gặp sóng dữ, nước ủa vào, sẽ bị nhấn chìm. Nhấn chìm thì cũng chẳng có cách nào hết.

Đây là nói về các loại chết, chết đủ mọi cách, mọi dạng. Vị đại vương quán đảnh Sát-đế-lợi này, khi tu phước, đã quan sát đủ loại hiện tượng trong quốc giới, bèn tư duy. Ông ta nói: “Sanh mạng vô thường, chẳng thể làm chuyện xấu, chỉ nên làm chuyện tốt. Ta phải nên theo con đường chánh xác, siêng năng, dũng cảm tu hành”. “*Ngã đương chánh cần*” (Ta nên siêng năng chánh đáng): “*Chánh*” là chánh xác, chẳng phải là tà ma, ngoại đạo. Tự mình tu thiện hạnh nơi thân. Thiện hạnh nơi thân là thân nghiệp. Thiện hạnh là không giết, không trộm, không tà

⁴⁷ Khang Tây là cách người Hoa phiên âm tên gọi vùng Khams của Tây Tạng (còn được phiên âm là Khách Mộc, và dịch là Khang Khu). Vùng này nằm ở phía Đông Tây Tạng, là một tỉnh xưa của Tây Tạng, tiếp giáp với hai tỉnh Vệ Tạng (U-Tsang) và Am Đương (Amdo). Tỉnh này nay đã bị Trung Cộng chia nhỏ thành nhiều huyện để sát nhập vào các tỉnh Tứ Xuyên, Thanh Hải, Cam Túc, và Vân Nam. Chiến binh Khampa nổi tiếng về tài bắn cung và cưỡi ngựa. Do đây là vùng đầu nguồn của bốn con sông lớn, nên họ sử dụng thuyền rất nhiều.

dâm. Tu thiện hạnh nơi lời ăn tiếng nói, tức là tu cái miệng, chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói thô ác, chẳng nói đôi chiều. Đây là tu ngữ thiện nghiệp. Tu thiện hạnh nơi ý là chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Ngoài ra, còn phải hành các loại bố thí, sắp đặt đủ loại phương tiện. Tu bố thí thì cũng phải là phương tiện thiện xảo, điều phục cái tâm của chính mình. Nhà vua có thể đắc Định, điều hòa hơi thở, khiến cho cái tâm lắng xuống. Như vậy thì tới khi thân hoại, mạng chung, sẽ có thể sanh vào đường lành, chẳng đọa trong nẻo ác. Vị vua Sát-đế-lợi quán đánh tư duy về chuyện này; sau đó, ông ta dừng mãi, tinh tấn. Tu thiện hạnh nơi ba nghiệp thân, ý, ngữ, hành thiện đạo. Thường hành bố thí, bố thí gì vậy? Thức ăn, quần áo, hết thấy các công cụ giao thông, voi, ngựa, xe cộ, cho đến đồ trải để ngủ, cho đến thuốc men cho người mắc bệnh, bố thí nhà cửa, bố thí đèn chiếu sáng, cho đến hết thấy các vật dụng cần thiết cho cuộc sống, tùy sức mà hành.

Vua quán đánh Sát-đế-lợi có sức mạnh ấy, nhưng hiện thời, ông ta chẳng làm quốc vương, lúc đó, ông ta là người tu hành. Do sự tu hành, tư duy, thí xả, chẳng tạo các nghiệp ấy, cho nên lìa khỏi sát sanh, lìa khỏi chẳng cho mà lấy, lìa đục tà hạnh, cũng tức là lìa khỏi giết, trộm, dâm. Thân chẳng làm giết, trộm, dâm, miệng lìa lời lẽ hư dối, lời thô ác, lời ly gián, lời tạp uế. Chúng ta gọi lời lẽ tạp uế là ý ngữ (綺語, nói thêu dệt). Lời ly gián chính là nói đôi chiều, lời thô ác là ác khẩu, lời hư dối là vọng ngữ. Lìa các tham dục, lìa các sân khuê, lìa các tà kiến, cũng là lìa tham, sân, si.

(Kinh) Do thị nhân duyên, thử Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, đương hoạch thập chủng công đức thắng lợi. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, cụ đại danh xưng. Nhị giả, cụ đại tài bảo. Tam giả, cụ diệu sắc tướng. Tứ giả, cụ đa quyền thuộc. Ngũ giả, thiểu bệnh, thiểu não. Lục giả, bằng hữu, quyền thuộc thông huệ, đa văn. Thất giả, chánh chí, chánh hạnh, thân cận cúng dường. Bát giả, quảng mỹ thanh dự, lưu chân thập phương. Cửu giả, đại oai đức thiên thần, thường tùy vệ hộ. Thập giả, thân hoại, mạng chung, đương sanh thiên thượng, thường cư thiện thú, An Lạc quốc độ. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ cửu vương luân.

(經)由是因緣，此刹帝利灌頂大王，當獲十種功德勝利。何等為十？一者、具大名稱。二者、具大財寶。三者

、具妙色相。四者、具多眷屬。五者、少病少惱。六者、朋友眷屬，聰慧多聞。七者、正至正行，親近供養。八者、廣美聲譽，流振十方。九者、大威德天神，常隨衛護。十者、身壞命終，當生天上，常居善趣，安樂國土。善男子！刹帝利種灌頂大王，成就如是第九王輪。

(Kinh: Do nhân duyên ấy, vị đại vương Sát-đế-lợi được quán đánh ấy sẽ đạt được mười loại lợi ích công đức thù thắng. Những gì là mười? Một là trọn đủ danh xưng to lớn. Hai là trọn đủ của cải to lớn. Ba là trọn đủ sắc tướng màu nhiệm. Bốn là có nhiều quyền thuộc. Năm là ít bệnh, ít phiền não. Sáu là bạn bè, quyền thuộc thông minh, trí huệ, đa văn. Bảy là chánh chí, chánh hạnh thân cận, cúng dường. Tám là thanh danh đẹp đẽ rộng lớn, vang rền mười phương. Chín là thiên thần có oai đức lớn thường theo bảo vệ. Mười là khi thân hoại, mạng chung, sẽ sanh lên trời, thường ở trong đường lành, hoặc cõi An Lạc. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ chín như thế).

Do nhân duyên mười nghiệp thanh tịnh, quán đánh đại vương Sát-đế-lợi đạt được mười loại công đức thù thắng. Không chỉ riêng mình ông ta, bất cứ hữu tình chúng sanh nào, nếu hành Thập Thiện Nghiệp, tùy thuộc người ấy hành Thập Thiện Nghiệp như thế nào, có sâu, có cạn. Như chúng ta thọ Ngũ Giới, đối với giới lìa tà dâm, nếu người ấy trì giới, ngay cả chánh dâm cũng không dâm, sẽ có thể sanh về Phạm Thiên. Người ấy chẳng nói dối, nói lời chân thật, chẳng nói lời chàm ngòi ly gián, tận lực nói lời tốt lành, khiến cho người khác hiền hòa, tốt đẹp. Đây là người ấy đã đảo ngược [những tập khí xấu ác], đó là công đức của người ấy, ai cũng gọi người ấy là “đại thiện nhân”, thanh danh đẹp đẽ. Vì người ấy bố thí, sẽ có thể được giàu to. Quả báo của bố thí là sẽ giàu có. Chúng ta cho rằng xả rồi sẽ chẳng có, khéo tương phản là trong tương lai, quý vị sẽ đạt được của cải to lớn. Có của cải là do phước đức chiêu cảm, hoặc do tu hành chiêu cảm. Quý vị chẳng có phước báo, hết thảy của cải đều chẳng thuộc về quý vị!

Mọi người biết hoàng đế cuối cùng của nhà Mãn Thanh là Tuyên Thống (Phổ Nghi). Về sau, lúc ông ta ngồi tù, chỉ có một người cháu trai

theo ông ta. Người cháu ấy một mực theo ông ta đến cùng, cũng ở tù cùng với ông ta. Cháu ông ta hoàn toàn chẳng phạm tội gì, từ nhỏ đã ở bên cạnh chăm sóc ông ta, theo ông ta đi tù để có thể chăm sóc cuộc sống cho cụ hoàng. Anh ta và chú mình cất giấu rất nhiều thứ quý báu, chuyển từ trong cung ra, một mực cất giấu. Từ lúc sang Liên Xô cho đến khi về nước, Liên Xô chẳng tịch thu, chính quyền [Trung Quốc] chẳng tịch thu, vẫn cho anh ta giữ, tùy ý anh ta bán cho ai cũng được. Về sau, anh ta hiến toàn bộ cho nhà nước. Năm trước, tôi trở về Nam Phổ Đà, có gặp anh ta. Nay anh ta đang học vẽ, có họ là Ái Tân Giác La⁴⁸, biến thành một họa sĩ.

Sau khi Phổ Nghi mất, chính quyền [Trung Quốc] đối xử với anh ta cũng khá khoan dung. Sau khi tốt nghiệp học viện nghệ thuật, anh ta làm họa sĩ. Ở Nam Phổ Đà, tôi có gặp anh ta, tôi nói: “Trở về Cố Cung, anh có cảm tưởng như thế nào?” Nếu Phổ Nghi không chết, vẫn làm hoàng đế, kể như anh ta là Thái Tử. Phổ Nghi chết rồi, sẽ do anh ta tiếp nhận [ngôi báu]. Anh ta nói: “Hết thầy vô thường, cũng chẳng thuộc về chúng ta, rốt cuộc sẽ thuộc về ai?” Anh ta học Phật đã rất lâu, hiểu được đạo lý ấy. Tôi lấy anh ta làm thí dụ, vì rất nhiều người mong cầu của cải, nói món đồ chi đó là bảo bối, rất đáng tiền. Ngay lập tức, quý vị sẽ có cách nhìn khác, sẽ đặc biệt bảo vệ món đồ ấy, sợ bị mất đi. Thật ra, quý vị chẳng thể bảo vệ được món đồ ấy. Hiện thời, trân bảo của Cố Cung

⁴⁸ Ái Tân Giác La (Aisin Gioro) là họ của các hoàng đế nhà Thanh. Aisin có nghĩa là Kim Quốc, chỉ triều đại nhà Kim trong lịch sử Trung Hoa vì Hoàng Thái Cực tự coi là người phục hưng nhà Kim (nhà Thanh thoát đầu xưng quốc hiệu là Hậu Kim). Ái Tân là tộc danh (tên thị tộc, bộ tộc), còn Giác La là họ thật sự, Thanh Thái Tổ (Hoàng Thái Cực) đã ghép hai chữ này thành họ riêng của chi tộc mình. Giác La là bộ tộc Mãn Châu sống ở vùng Yilan, tỉnh Hắc Long Giang. Khi thành hoàng đế Trung Hoa, theo khuynh hướng Hán hóa, các vua đã đặt ra một số chữ trước tên mỗi thế hệ để đánh dấu thứ tự truyền thừa. Khang Hy đặt ra hai chữ Dận và Hoàng để đánh dấu con cháu trực hệ của mình. Càn Long đặt thêm các chữ Vĩnh, Miên, Dịch, Tải. Vua Đạo Quang đặt thêm các chữ Phổ, Dục, Hằng, Khải. Vua Hàm Phong đặt các chữ Đào, Tăng, Kỳ. Chẳng hạn vua Ung Chánh tên húy là Dận Chân, Càn Long là Hoàng Lịch, Gia Khánh là Vĩnh Diễm, Đạo Quang là Miên Ninh, Hàm Phong là Dịch Trữ, vua Quang Tự là Tải Diễm, vua Tuyên Thống tên húy là Phổ Nghi v.v... Sau khi nhà Thanh sụp đổ, con cháu hoàng tộc Ái Tân Giác La thường đổi họ thành Kim, Ngải, La, Triệu, hoặc lấy chữ thuộc thế hệ làm họ (như trường hợp của nhà thư pháp Khải Công, hoặc em trai vua Phổ Nghi là Phổ Nhậm đổi tên thành Kim Hữu Chi), nhưng vẫn có người giữ nguyên họ hoàng gia như diễn viên Ái Tân Giác La Khải Tinh, nhà thư pháp Ái Tân Giác La Khải Tương v.v...

rải rác khắp thế giới. Các món trân bảo ấy do đâu mà có? Khi một triều đại hoàng đế có phước, sẽ có người khai thác của báu từ trong biển dâng lên, cũng có món đồ do ngoại quốc tấn công. Long vương, quý thần đều biến thành người bình phàm đến dâng của báu. Khi phước báo đã hết, thứ gì cũng đều chẳng còn, chỉ sợ bát cơm cũng biến thành vắn đề. Trân bảo là gì? An no là trân bảo!

Đại ca Phổ Nghi, tại Bắc Kinh, [mọi người] thường gọi ông ta là Đại A Ca⁴⁹. Trước kia ông ta hút nha phiến (thuốc phiện), hút bạch phiến (heroin), [gia sản] vẫn có thể cầm cự, chẳng đến nỗi suy sụp nhanh như thế. Nhưng ông ta bài bạc, trong một đêm, thua mất một vạn, hai vạn đồng. Toàn chơi những canh bạc lớn, bán sạch đại vương phủ lẫn các phủ trạch. Thua sạch rồi, chẳng có tiền thì làm gì? Thuở ấy, Bắc Kinh nói “kéo xe”. Ông ta phải đi kéo xe. Ai nấy đều biết, đó là Đại A Ca kéo xe! Thuở ấy, ông ta là thân vương, khi quý vị phước báo đã mất, cái gì cũng chẳng có! Quý vị chẳng thể dùng cân não để tích tụ được của cải đâu nhé, nhất định phải hiểu đạo lý này!

“*Cụ diệu sắc tướng*” (Trọn đủ sắc tướng màu nhiệm): Trưởng thành rất đẹp đẽ, ai trông thấy cũng đều hoan hỷ, lại còn hết sức cung kính. Có những kẻ xấu xí, thô kệch, nên bị kẻ khác xem thường. Nếu kẻ đó có nội đức thì còn được. Nếu nội đức cũng chẳng có, sẽ chẳng được người khác cung kính. “*Diệu sắc tướng*” là sắc tướng thù diệu, chẳng bình phàm! Có nghĩa là vị quốc vương ấy nếu có thể làm các thiện sự đó, tức là thực hiện tốt đẹp Thập Thiện Nghiệp, thậm chí còn hành bố thí, thì trong hiện đời, sẽ có được mười thứ lợi ích: Trọn đủ tiếng tăm to lớn, trọn đủ của cải to lớn, trọn đủ sắc tướng màu nhiệm, quyền thuộc đông

⁴⁹ A Ca (阿哥), còn phiên âm là A Cách (có nghĩa là “anh” giống như “ca ca” trong tiếng Hán), vốn là một tiếng xưng hô trang trọng trong tiếng Mãn Châu để gọi vương tử, con cái của vương tử, thiếu gia, công tử v.v... Khi quân Mãn Châu vào Trung Hoa, danh xưng này trở thành tước hiệu riêng để gọi các hoàng tử nhà Thanh và các thế tử của các vương công Mông Cổ. Năm 1635, Thanh Thái Tông Hoàng Thái Cực (Hong Taji, Đại Hãn đời thứ hai của nhà Hậu Kim, về sau cải quốc hiệu là Đại Thanh, cha của vua Thuận Trị (Phúc Lâm) nhà Thanh) hạ chiếu quy định chỉ có con và cháu trai của Thái Tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích được gọi là A Ca. Dân chúng không được gọi thẳng tên họ, mà phải gọi họ bằng A Ca hoặc Giác La. Sau khi chiếm được Trung Hoa, Thanh Thái Tông lại hạ lệnh: Tất cả con cháu trực hệ của hoàng đế được gọi là tông thất, chỉ riêng các hoàng tử mới được gọi là A Ca, thêm vào chữ chỉ thứ tự. Chẳng hạn Ung Chánh trước khi lên ngôi, được gọi là Tứ A Ca (do hoàng tử Dận Chân là con trai thứ tư của vua Khang Hy).

đảo. Mọi người đừng nghĩ “*quyền thuộc*” chỉ là con cái, hay lục thân của chính mình, trọn chẳng phải là như vậy. Chúng ta là đệ tử đức Phật, đều là *quyền thuộc* của đức Phật, tức *quyền thuộc* của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu chúng ta sanh vào thế giới Cực Lạc, sẽ lại thay đổi, sẽ là *quyền thuộc* của A Di Đà Phật. Đây cũng là *quyền thuộc* của Phật, là đệ tử Tam Bảo. Bất luận phá giới, thậm chí trái nghịch Tam Bảo, Phật vẫn nhiếp thọ quý vị, quý vị vẫn là *quyền thuộc* của Phật. Nếu quý vị trì giới thanh tịnh, nương theo Tam Quy, hành Thập Thiện, sẽ là *quyền thuộc* tốt. *Quyền thuộc* của đức Phật không nhất định mỗi người đều là đại Bồ Tát. Trong thời Mạt Pháp, *quyền thuộc* của đức Phật là tứ chúng đệ tử. Có rất nhiều kẻ xấu, nhưng đức Phật chẳng vứt bỏ họ. Nói chung là do thiện căn, trong tương lai, cũng sẽ được nhiếp thọ. Vì thế, vị quốc vương ấy làm nhiều chuyện tốt đẹp như vậy, *quyền thuộc* của quốc vương đặc biệt đông đảo. Quốc dân trong quốc gia họ đều là *quyền thuộc* của nhà vua.

Loại công đức thứ năm là ít bệnh, ít khổ não. Rất ít sanh bệnh, rất ít phiền não. Thậm chí tất cả cảnh giới bên ngoài đều chẳng thể khiến cho vua cáu kỉnh, đều khiến cho vua ít phiền não. Vua có chánh niệm hiện tiền, đương nhiên là ít bệnh, ít phiền não. Bằng hữu và *quyền thuộc* của vua cũng đều có trí huệ. Lại còn đa văn, đa văn là nói đến chuyện nghe pháp. Chúng ta mở rộng thêm một chút, sẽ là có tài khéo công nghệ thế gian, các loại kỹ thuật đều học được toàn bộ. Ông ta thông minh, “*đa văn*” là nghe nhiều pháp. Chánh trí, chánh hạnh, ông ta làm toàn chuyện tốt, đều là các hành vi chánh thường, đều chẳng lìa khỏi Thập Thiện, nói chung là như thế đó. Thân cận cúng dường Phật, Bồ Tát, cúng dường Tam Bảo, cho đến cúng dường, thí xả cho hết thầy mọi người.

“*Quảng mỹ thanh dự, lưu chấn thập phương*” (Tiếng tăm rộng lớn đẹp đẽ vang dội khắp mười phương): [Thanh danh của] vị thiện vương ấy cho đến hiện tại vẫn còn được lưu truyền, như vua A Dục (Asoka Maurya) tạo tám vạn bốn ngàn tòa Phật tháp, trọn khắp thế giới Sa Bà. Trên trời, trong nhân gian, và cung rồng đều có. Nhân gian kẻ ra vẫn còn rất ít. Tại Trung Hoa, chỉ có chùa A Dục Vương ở Ninh Ba. Các nơi khác cũng nói là có xá-lợi của đức Phật, hoàn toàn chẳng thể khảo cứu được. Hiện thời, răng Phật⁵⁰ còn có thể khảo chứng. Xá-lợi lóng

⁵⁰ Hiện thời, tại Tân Gia Ba có Phật Nha Tự Long Hoa Viện thờ xá-lợi là một chiếc răng được tin là của đức Phật, và chùa Sri Dalada Maligawa tại Kandy (Sri Lanka) cũng thờ một chiếc răng của đức Phật. Ngoài ra, tại chùa Linh Quang ở Bắc Kinh,

xương ngón tay của Phật ở chùa Pháp Môn còn có thể khảo chứng. Đối với [nơi thờ] xá-lợi đức Phật [tại Trung Hoa], chỉ có chùa A Dục Vương do vua A Dục kiến tạo là có một hạt, nhưng trong Phật đường của nhân gian, xá-lợi Phật quá nhiều. Đây cũng là xá-lợi Phật, mà kia cũng là xá-lợi Phật.

Lúc tôi ở Đài Bắc, có một đệ tử nói: Có người lấy được xá-lợi Phật đem bán, ông ta mua rất nhiều xá-lợi của Phật, đầy cả một bình, đem thờ ở đó! Quý vị coi đó là xá-lợi Phật để thờ phụng cũng được, ngay cả hình tượng vẽ trên giấy cũng đều là xá-lợi của Phật. Thế nhưng, xá-lợi Phật thật sự chỉ có một viên. Đối với tiếng tăm danh vọng, tôi nêu vua A Dục làm thí dụ. Như Đường Thái Tông được tất cả mọi người xưng tụng là “hiền quân” (vua hiền) hoặc “thánh quân”. Đời Đường, Phật pháp đặc biệt hưng thịnh. Gần đây nhất là vị hoàng đế tương đối hưởng phước là vua Càn Long, làm vị thái bình thiên tử suốt sáu mươi năm. Chuyện gì cũng đều chẳng phải làm, lo làm thơ, vui chơi, ngắm phong cảnh. Đó là chuyện ông ta phải làm! Làm hoàng đế kiểu đó rất sung sướng. Sau ông ta, hai ba đời vua vẫn còn khá. Đó là quả báo thanh danh rộng lớn, đẹp đẽ!

“*Cửu giả, đại oai đức thiên thần thường tùy vệ hộ*” (Chín là bậc thiên thần có oai đức lớn thường theo hộ vệ): Người ấy chẳng thấy được. Tại Bắc Kinh, [dân chúng] thường kể những câu chuyện về Càn Long. Quan Thánh Đế Quân chỗ nào cũng có miếu thờ; là do chánh lệnh của Càn Long ban xuống, ấn định thành pháp luật quốc gia: “Mỗi huyện, mỗi thôn làng đều dựng miếu Quan Đế”. Vì sao dựng miếu Quan Đế? Vào thời Càn Long mới khởi đầu [xây dựng], trước kia, cũng chẳng có. Sau này, quý vị tới từng thôn trấn đều có miếu Quan Đế. Quan Đế thánh quân cũng hiền thánh, vì Quan Đế thánh quân bảo vệ vua Càn Long. [Chuyện kể rằng]: Có một hôm khi vua thượng triều, nghe đằng sau có tiếng vũ khí, ông ta chẳng cho đó là có người ám sát, mà biết đó là thần đến bảo vệ ông ta. Vua hỏi: “Ai hộ giá? Ai đến bảo vệ ta?” Sau lưng vua có tiếng đáp: “Nhị đệ Vân Trường”. Ông ta biết chính mình là Lưu Bị chuyển thế. Hoàng đế đều rất thông minh, bèn hỏi: “Tam đệ (Trương Phi) ở đâu?” Quan Công đáp: “Trần thủ Liêu Dương”, cũng chính là

tổng đàn Phật Quang Sơn ở Cao Hùng (Đài Loan), chùa Viên Giác (Zuirokusan Engaku Kōshō Zenji, Thụy Lộc Sơn Viên Giác Hưng Thánh Thiên Tự) ở Kamakura (Kiềm Thương) Nhật Bản, chùa Somawathiya Chaitya tại Plonnaruwa (Sri Lanka), chùa Lư Sơn (ở Rosemead, California) đều tuyên bố họ có thờ răng Phật. Không biết ở đây lão pháp sư nói đến nơi nào.

Liêu Dương ở miệt Đông Bắc. Bất quá, vị tướng quân trấn thủ Liêu Dương chẳng có phước báo. Càn Long nghe nói, liền điều vị ấy vào kinh. Do tâm vua nôn nóng bèn dùng kim bài để vờ. Sau khi nhận được kim bài, [vị tướng quân] ấy lập tức phải lên đường, ngày đêm rong ruổi. Đó gọi là “kim bài điều”. Bị điều động, vị tướng quân ấy cho rằng chính mình đã phạm lỗi lầm rất lớn. Nếu không, sao [triều đình] lại dùng kim bài để điều động? Ông ta uống thuốc độc tự sát. Đây là một câu chuyện cũ. Đó là “đại oai đức thiên thân thường tùy thủ hộ”.

Như trong lúc chúng ta thọ giới, quý vị thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, sẽ có hộ pháp thiện thân hộ trì quý vị. Quý vị vừa phá giới, họ liền rời khỏi quý vị. Phạm là người thọ Tam Quy, Ngũ Giới, sẽ gặp nguy nan rất ít. Tại Bắc Kinh thuở đó, có một vị hòa thượng hút thuốc phiện, lúc chết thì vẫn chết trong ngôi chùa ấy. Vào thời đó, Nhật Bản xâm lược [Trung Hoa], sau khi họ đã chiếm Bắc Kinh, tôi còn ở Bắc Kinh, có rất nhiều hòa thượng hút thuốc phiện. Trong chùa còn có tiền [thì chưa sao], lúc hết tiền, họ bèn bán chùa từng chỗ một. Những ngôi chùa ấy đều rất lớn. Họ tùy tiện bán một ít đất đai, đủ cho họ hút một, hai năm, nhưng họ cũng chẳng đến nỗi chết vật vạ trên đường phố!

Ở quê hương tôi có lời đồn, mùa Đông lạnh mấy chục độ âm, hành tây bị đông cứng, nhưng không chết, vẫn sống như thường. Có bao nhiêu tai ương, bao nhiêu tai nạn, vẫn chưa thấy có hòa thượng phải lê lét, lêu bêu ngoài đường. Tục ngữ có câu: “Ngạ bất tử Tăng, đông bất tử thông” (Tăng chẳng chết đói, hành chẳng chết vì lạnh). Vì thế có người nói: “Chẳng có cơm ăn bèn xuất gia làm hòa thượng!”. Ở phương Bắc, phong tục này rất nặng. Thuở ấy, tại các chùa ở nông thôn, hòa thượng không ăn chay, đều ăn mặn. Tuy rằng trong chùa không cho phép hòa thượng cưới vợ, nhưng họ cũng chẳng thọ giới, còn có “ngoại gia”. Ngoại gia là gì? Nhà của họ ở bên ngoài, chẳng ở trong chùa. Đó gọi là “ngoại gia”. Thời Mạt Pháp là như vậy đó.

Đối trước hiện tượng này, đức Phật chẳng cho phép hủy báng họ, không chấp thuận hành hình họ, không chấp thuận dùng phép nước để xử phạt họ, vì họ thuộc chủng tánh Tam Bảo. Nếu quý vị làm thiện nghiệp, sẽ có bậc oai thần đến hộ pháp cho quý vị. Khi quý vị thân hoại, mạng chung, sẽ sanh lên trời, thường ở trong đường lành. “Quốc độ an lạc” là nhân gian hoặc trên cõi trời. Đây là đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ chín như thế đó.

(Kinh) Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng. Thiện nam tử! Như thị Như Lai như thật liễu tri nhất thiết hữu tình tử sanh đẳng sự, vị như thật tri: Nhược chư hữu tình, thành thân ác hạnh, thành ngữ ác hạnh, thành ý ác hạnh, phỉ báng hiền thánh, cù túc tà kiến, tà kiến nghiệp nhân, thân hoại, mạng chung, đọa chư ác thú, hoặc sanh địa ngục, hoặc sanh bàng sanh, hoặc sanh ngạ quỷ. Nhược chư hữu tình, thành thân thiện hạnh, thành ngữ thiện hạnh, thành ý thiện hạnh, bất báng hiền thánh, cù túc chánh kiến, chánh kiến nghiệp nhân, thân hoại, mạng chung, thăng chư thiện thú, hoặc sanh thiên thượng, hoặc sanh nhân trung, hoặc tận chư lậu. Như Lai như thị như thật tri dĩ, u bỉ chúng sanh, khởi đại từ bi, dũng mãnh, tinh tấn, hiện tam thân biến, linh bỉ chúng sanh, quy thú Phật pháp, giáo giới an trí, thành lập thế gian, xuất thế gian tín.

(經)由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。善男子！如是如來如實了知一切有情死生等事，謂如實知：若諸有情，成身惡行，成語惡行，成意惡行，誹謗賢聖，具足邪見，邪見業因，身壞命終，墮諸惡趣，或生地獄，或生傍生，或生餓鬼。若諸有情，成身善行，成語善行，成意善行，不謗賢聖，具足正見，正見業因，身壞命終，升諸善趣，或生天上，或生人中，或盡諸漏。如來如是如實知己，於彼眾生，起大慈悲，勇猛精進，現三神變，令彼眾生，歸趣佛法，教誡安置，成立世間，出世間信。

(Kinh: Do vì luân này, khiến cho quốc độ của chính mình tăng trưởng an vui, có thể hàng phục hết thảy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng. Đây thiện nam tử! Như Lai biết rõ đúng như thật các chuyện tử sanh v.v... của hết thảy hữu tình như thế, tức là biết đúng như thật: Nếu các hữu tình thành tựu ác hạnh nơi thân, thành tựu ác hạnh nơi ngữ, thành tựu ác hạnh nơi ý, phỉ báng hiền thánh, trọn đủ tà kiến và nghiệp nhân tà kiến, thân hoại, mạng hết, sẽ

đọa vào các đường ác, hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh làm bàng sanh, hoặc sanh làm quỷ đói. Nếu các hữu tình thành tựu thiện hạnh nơi thân, thành tựu thiện hạnh nơi ngữ, thành tựu thiện hạnh nơi ý, chẳng báng hủy báng hiền thánh, trọn đủ chánh kiến và nghiệp nhân của chánh kiến, thân hoại, mạng hết, sẽ thăng lên các đường lành, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh trong loài người, hoặc hết sạch các lậu. Như Lai đã biết đúng như thật rồi, đối với các chúng sanh ấy, dấy đại từ bi, dưng mãnh, tinh tấn, hiện ra ba thứ thần biến, khiến cho các chúng sanh ấy quy hướng Phật pháp, sắp đặt các thứ răn dạy, thành tựu niềm tin xuất thế gian trong thế gian).

“Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng” (Do vì luân ấy, khiến cho nước mình tăng trưởng yên vui, có thể chế phục hết thảy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng): Vị quốc vương ấy rất tốt, không chỉ tốt đẹp cho riêng mình, mà còn khiến cho trong quốc giới ấy chẳng có kẻ làm ác! “Thiện nam tử! Như thị Như Lai như thật liễu tri nhất thiết hữu tình tử sanh đẳng sự” (Này thiện nam tử! Như Lai đúng như thật biết rõ những chuyện sanh tử của hết thảy các hữu tình): Những chuyện giống như thế, do trí huệ mà đức Phật bèn biết rõ đúng như thật, tức là lý giải xứng tánh. Đối với sanh tử, làm chuyện tốt, hay làm chuyện xấu, đức Phật đều biết. Trong mười loại Trí, [đức Phật] khéo biết chỗ sanh tử của hết thảy chúng sanh. Nếu hết thảy hữu tình, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, cũng tức là ba thứ ác hạnh nơi thân, ngữ, ý đều thành tựu, ác nghiệp đã thành tựu. Có các chúng sanh ác hạnh hủy báng hủy báng hiền thánh. Đối với bậc hiền thánh có đức hạnh, họ đều hủy báng, trọn đủ tà kiến. Do cái nhân tà kiến ấy, sau khi họ chết đi, sẽ đọa vào ba ác đạo, sẽ rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh. “Hoặc sanh bàng sanh”: Bàng sanh (傍生) là súc sanh. Hoặc sanh làm ngạ quỷ, tức là ba ác đạo.

Nếu nói ngược lại, các chúng sanh đó “thân thiện hạnh thành, ngữ thiện hạnh thành, ý thiện hạnh thành”, tức là đã thành tựu thiện hạnh nơi thân, thành tựu thiện hạnh nơi ngữ, thành tựu thiện hạnh nơi ý, chẳng hủy báng hủy báng hiền thánh, cũng chính là chánh tri, chánh kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến. Do các nghiệp nhân ấy, khi họ thân hoại, mạng chung, chỗ họ sanh về sẽ khác hẳn: Sanh vào đường lành, sanh trong nhân gian, hưởng thụ phú quý, vinh hoa. Sanh lên trời thì sao? Càng tốt hơn sanh

trong nhân gian! “*Hoặc sanh thiên thượng, hoặc sanh nhân trung*” (Hoặc sanh lên trời, hoặc sanh trong loài người): Câu này có ý nghĩa bất định, tùy thuộc thiện nghiệp và ác nghiệp của người ấy lớn hay nhỏ. Như Lai đều biết rõ đúng như thật. “*U bi chúng sanh khởi đại từ bi, dũng mãnh, tinh tấn, hiện tam thần biến*” (Đối với các chúng sanh ấy, đầy đại từ bi, dũng mãnh, tinh tấn, hiện ra ba thứ thần biến): Đức Phật biết rõ đúng như thật. Hạng chúng sanh này làm thiện nghiệp, Phật sanh khởi lòng từ bi nhiếp thọ, hộ trì. Nhiếp thọ, hộ trì người ấy như thế nào? Khiến cho chúng sanh ấy, tức những chúng sanh tốt lành ấy, những chúng sanh thiện nghiệp đã chín muồi do thần lực của Như Lai, sẽ tiến hướng Phật pháp. Đức Phật sắp đặt răn dạy họ như thế nào? Thành lập niềm tin thế gian xuất thế gian, tức là tuy ở trong thế gian mà tin vào pháp xuất thế gian, kiến lập tín tâm.

(Kinh) Hà đẳng vi tam? Nhất giả, thần thông biến hiện. Nhị giả, ký thuyết biến hiện. Tam giả, giáo giới biến hiện. Do thị tam chủng biến hiện oai lực, khuyến phát hữu tình, giáo giới, an trí, thành lập thế gian xuất thế gian tín, linh u nhất thiết hữu thú tử sanh giai đắc giải thoát.

(經)何等為三？一者，神通變現。二者，記說變現。三者，教誡變現。由是三種變現威力，勸發有情，教誡安置，成立世間出世間信，令於一切有趣死生皆得解脫。

(Kinh: Những gì là ba? Một là thần thông biến hiện. Hai là ký thuyết biến hiện (do chúng sanh nghĩ nhớ pháp nào, bèn hiện thân nói pháp đó). Ba là giáo giới biến hiện (biến hiện răn dạy). Do oai lực của ba loại biến hiện này, khuyên lơn, phát khởi hữu tình, răn dạy, đặt yên, thành lập niềm tin xuất thế gian trong thế gian, khiến cho những kẻ tử sanh trong hết thấy các đường đều được giải thoát).

Ba loại thần biến, “*hà đẳng vi tam? Nhất giả, thần thông biến hiện. Nhị giả, ký thuyết biến hiện. Tam giả, giáo giới biến hiện*” (Những gì là ba? Một là thần thông biến hiện, hai là tùy họ nghĩ nhớ pháp nào sẽ hiện thân nói pháp đó, ba là biến hiện răn dạy): Răn dạy họ hãy khéo tăng thêm thiện hạnh, siêu xuất mười thiện nghiệp, tu tập Thiền Định, cho đến thọ ký, biến hiện thần thông, thọ ký họ trong tương lai, thị hiện Thần Túc Thông, Thần Cảnh Thông, khiến cho tín tâm của họ tăng

trường. Nếu chúng ta mắc bệnh chẳng trị được, quý vị niệm thành khẩn, cầu nguyện như thế, Địa Tạng Bồ Tát sẽ trị lành cho chúng ta. Chẳng riêng mình quý vị sanh khởi tín tâm thanh tịnh, mà những thân hữu chung quanh cũng sẽ đều sanh khởi lòng tin thanh tịnh. Cũng có kẻ trông thấy cảnh giới ấy, họ vẫn hủy báng, do họ là hạng chúng sanh căn tánh xấu hèn. Họ là hạng người như vậy đó. Nếu quý vị nói người nào đó do niệm kinh Địa Tạng mà được Bồ Tát gia trì, được lành bệnh, hoặc chuyển hóa cảnh sống, kẻ không tin sẽ nói: “Lẽ nào có chuyện ấy? Bệnh ấy vốn có thể chữa lành”. Cũng có kẻ không tin, lý do không tin là vì căn tánh xấu ác. Người khéo tin là do có lý do để khéo tin. Do vậy, [có những kẻ] dùng thần thông hoặc những trò biến hiện lạ lùng để lường gạt người khác, là vì có các chúng sanh ham chuộng. Nhưng người chánh tín sẽ chẳng đọa vào tà tri, tà kiến. Tuy họ cũng tán thán, tùy hỷ, nhưng cho rằng đây chưa phải là rốt ráo, nhất định phải hiểu đạo lý này. Phải khuyên lơn, phát khởi hữu tình như vậy, sắp đặt sao cho họ thành lập niềm tin xuất thế gian trong thế gian, khiến cho hết thảy “*hữu thú chúng sanh*” đều được giải thoát. “*Hữu thú*” (有趣) là lục đạo chúng sanh có nỗi khổ sanh tử, bao gồm trời, người, Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. “*Hữu thú*” có sáu đường, ở đây, là nói đến đường ác. Có sanh tử thì chưa được giải thoát, đều khiến cho bọn họ được giải thoát.

(Kinh) Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ cửu Phật Luân. Do thử luân cố, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển ư Phật Luân, tởi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)善男子！我成如是第九佛輪。由此輪故，利益安樂無量有情，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ chín như thế. Do vì luân này, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, trụ trong an ổn, được không kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta trụ nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử hống).

Pháp do ta nói đều là chánh pháp, giống như sư tử rống, tà ma và ngoại đạo nghe thấy đều bị khuất phục. Có ý nghĩa ấy!

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, vị trừ tứ châu vô lượng hữu tình, chủng chủng thân bệnh, khí xả vương vị. Dĩ chư hương thang mộc dục thân thủ, trước tiên tịnh y, đoan tọa tư duy, u chư chúng sanh, kỳ tâm bình đẳng, từ bi hộ niệm, vị linh giải thoát nhất thiết bệnh cố, dĩ kỳ chủng chủng hương, hoa, kỹ nhạc, cập dư cúng cụ, cúng dường nhất thiết đại oai đức thiên thân. Nhĩ thời, nhất thiết thiên đế, long đế, nãi chí Mạc Hô Lạc Già thân đế, tri thị sự dĩ, các tương vị ngôn: “Thử Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, cụ chư công đức, hữu đại oai thần, ưng tác Luân Vương, thống tứ châu chủ. Ngã đẳng nghi ưng cộng vãng kiến lập, linh phục vương vị, thống tứ châu chủ, linh chư chúng sanh, vô bệnh an lạc”. Thời, chư thiên đế, nãi chí Mạc Hô Lạc Già thân đế, tức tiện cộng vãng, lập Sát-đế-lợi quán đánh đại vương Chuyển Luân Vương vị, linh cụ thất bảo, thống tứ đại châu, giai đắc tự tại, thiên tử cụ túc, dũng kiện, đoan chánh, năng tột oán địch, khóa vương đại địa, hằng cùng hải tế, trích phạt giai đình, đao trượng bất cử, hàm tu chánh pháp, phổ thọ an lạc. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ thập vương luân. Do thử luân cố, u tứ đại châu, viên cập bát vạn tứ thiên tiểu chủ, an lập kỳ trung chư hữu tình loại, Thập Thiện nghiệp đạo, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng, thân hoại, mạng chung, đương sanh thiên trung, thọ chư diệu lạc.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，為除四洲無量有情，種種身病，棄舍王位。以諸香湯沐浴身首，著鮮淨衣，端坐思維，於諸眾生，其心平等，慈悲護念，為令解脫一切病故，以其種種香華伎樂，及餘供具，供養一切大威德天神。爾時，一切天帝，龍帝，乃至莫呼洛伽神帝，知是事已，各相謂言：「此剎帝利灌頂大王，具諸功德，有大威神，應作輪王，統四洲渚。我等宜應共往建立，令復王位，統四洲渚，令諸眾生，無病安樂」。時，諸天帝，乃

至莫呼洛伽神帝，即便共往，立刹帝利灌頂大王轉輪王位，令具七寶，統四大洲，皆得自在，千子具足，勇健端正，能摧怨敵，跨王大地，恆窮海際，謫罰皆停，刀杖不舉，咸修正法，普受安樂。善男子！刹帝利種灌頂大王，成就如是第十王輪。由此輪故，於四大洲，爰及八萬四千小渚，安立其中諸有情類，十善業道，善守護身，令增壽命，身壞命終，當生天中，受諸妙樂。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi được quán đánh vì trừ các thứ thân bệnh cho vô lượng hữu tình trong bốn châu, bèn vứt bỏ ngôi vua, dùng các nước thơm tắm gội thân và đầu, mặc áo sạch sẽ, ngôi ngay ngắn tư duy, đối với các chúng sanh, tâm vua bình đẳng, từ bi hộ niệm, vì để giải thoát hết thầy bệnh, dùng các thứ hương, hoa, kỹ nhạc, và các vật cúng khác để cúng dường hết thầy các thiên thần có oai đức lớn. Lúc bấy giờ, hết thầy vua trời, vua rồng, cho đến thần đế Mạc Hô Lạc Già biết sự ấy rồi, đều nói với nhau: “Vị đại vương quán đánh Sát-đế-lợi này có đủ các công đức, có oai thần lớn, đáng làm Luân Vương thống lãnh bốn đại châu, chúng ta hãy nên cùng đến kiến lập, khôi phục ngôi vua, khiến cho ông ta thống lãnh bốn đại châu, khiến cho các chúng sanh không bệnh, yên vui”. Khi ấy, các vị thiên đế cho đến Mạc Hô Lạc Già thần đế liền cùng nhau đến, lập đại vương quán đánh Sát-đế-lợi lên ngôi Chuyển Luân Vương, khiến cho ông ta trọn đủ bảy báu, thống lãnh bốn đại châu đều được tự tại, có đủ một ngàn con trai, dũng mãnh, tráng kiện, đoan chánh, có thể dẹp tan oán địch, làm vua trọn khắp đại địa, tốt cùng ngăn mé biển cả, các loại trùng phạt đều ngừng, đao, gậy chẳng dùng đến, [nhân dân] đều tu chánh pháp, khắp hưởng yên vui. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ mười như thế. Do vì luân ấy, trong bốn đại châu, cùng với tám vạn bốn ngàn tiểu châu, đặt yên các loài hữu tình nơi Thập Thiện nghiệp đạo, khéo thủ hộ thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng, khi thân hoại, mạng chung, sẽ sanh về cõi trời, hưởng các sự vui mầu nhiệm).

Đây là vương luân thứ mười, là pháp thế gian tốt đẹp nhất. Vị đại vương quán đánh Sát-đế-lợi ấy vì muốn trừ khử bệnh tật của chúng sanh trong bốn đại bộ châu, bèn “*khí xả vương vị*” (vứt bỏ ngôi vua), dùng nước thơm tắm rửa thân thể, mặc y phục mới sạch. Nhà vua liền tư duy, tư duy cũng là quán tưởng: Đối với chúng sanh mắc bệnh trong bốn đại bộ châu, phải trừ khử thân bệnh của họ như thế nào? Vì sao có thân bệnh? Thân bệnh là do nghiệp sát sanh nặng nề của họ trong nhiều đời quá khứ, cho nên thân thể mới bị bệnh. Còn nữa, thân bệnh dễ trị, tâm bệnh chẳng dễ trị. Làm như thế nào đây? Thuyết pháp cho họ, vì họ giải trừ các loại thân bệnh của hết thảy hữu tình trong bốn châu. Sau khi đã tư duy, vua bèn cúng dường các thiên thần có đại oai đức. Đây là nói đến Ngọc Hoàng Đại Đế, và cũng nói đến tầng trời thứ tư, hoàn toàn chẳng bao gồm Phạm Thiên. Vì “*cúng dường thiên đế*” là nói đến [vua] tầng trời thứ tư.

Còn có long đế của các long vương, cho đến tám bộ quỷ thần chúng, cho đến thần đế của thần đại mãng xà. Mạc Hô Lạc Già là mãng thần (蟒神, thần đại mãng xà). Ông ta cúng dường những vị thần ấy, mong những vị thần ấy sẽ dùng thần lực để tiêu trừ bệnh tật của hết thảy chúng sanh. Đây chỉ là thân bệnh, trọn chẳng thuyết pháp.

Vị quán đánh đại vương ấy trọn đủ công đức, có oai thần to lớn, đáng làm Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương ở đây là nói đến Kim Luân Thánh Vương, sẽ làm vua bốn bộ châu. Kim Luân Thánh Vương là vua bốn bộ châu. Ngân Luân Thánh Vương làm vua ba bộ châu. Đồng Luân Thánh Vương làm vua hai bộ châu. Thiết Luân Thánh Vương chỉ có thể làm vua một bộ châu. Hiện thời, trong thế giới này không có thánh vương. Trong thời đại này, dường như cũng chẳng có nghiệp luân của thánh vương! Quốc gia vô đạo, tai họa nhiều lượt dấy lên. Mọi người niệm kinh Nhân Vương Hộ Quốc sẽ biết. Vì công đức và phước đức của nhà vua, các vị thiên thần, thiên đế, long đế, cho đến thần đế của mãng xà thần, thần đế của tám bộ quỷ thần, đều cùng nhau tụ hội, thảo luận, nghiên cứu vị Luân Vương này, xem [làm cách nào để] có thể khôi phục vương vị cho ông ta, [để ông ta] có thể làm bậc quán đánh đại vương, bèn lập ông làm vị đại vương quán đánh thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi giữ ngôi vị Chuyển Luân Vương, để ông ta làm vua cả bốn bộ châu, trọn đủ bảy món báu. Bảy món báu ấy không phải là vàng, bạc, mã não, bảo châu v.v... mà là thất bảo (Satta ratanāni) trong Tứ Đại Bộ Châu:

Một là Luân Bảo (Cakra-ratna). Nếu do phước báo, Luân Vương cảm được [ngôi vị] Kim Luân Vương, các vị quý thần, thiên, địa sẽ kiến tạo một cái kim luân. Luân ấy to cỡ nào? Xe Tổng Thống lớn nhất cũng chẳng to bằng cái luân ấy, còn to hơn cả tàu thủy. Quyển thuộc của nhà vua, tứ đại binh chủng, bảy báu đều đặt trên cái luân ấy. Thất bảo đều bao gồm trong Luân Bảo. Vua có thể cưỡi cái luân ấy phi hành bốn đại bộ châu: Đông Thắng Thần Châu, Bắc Câu Lô Châu, Tây Ngưu Hạ Châu [và Nam Thiệm Bộ Châu]. Chúng ta chỉ có thể ở Nam Thiệm Bộ Châu vì ở phía Nam của mặt trời. Phía Bắc của mặt trời là Bắc Câu Lô Châu. Phía Tây mặt trời là Tây Ngưu Hạ Châu, phía Đông của mặt trời là Đông Thắng Thần Châu.

Đây là thần thoại, kinh Phật trích dẫn thần thoại để thuyết minh về Kim Luân Vương. Chúng ta không cần nói tới tứ đại bộ châu. Một Nam Thiệm Bộ Châu có bao nhiêu chủng tộc, bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu tập quán sanh hoạt. Mỗi bộ lạc đều có tập quán sanh hoạt của riêng họ. Quốc độ đã phát triển thì họ có một thứ ngôn ngữ chung để giao tiếp. Nơi chưa khai phá, có chỗ phi cơ đã bay đến, cũng có chỗ phi cơ chưa bay tới. Đặc biệt là chủng tộc rong trong biển, có bao nhiêu loại hữu tình chúng sanh trong biển? Đối với bốn bộ châu của nhà vua, quý vị phải thông hiểu hết thấy ngôn ngữ. Điều thứ nhất là tập quán sanh hoạt, họ có phong tục bất đồng. Nếu mong thống nhất, há dễ dàng như vậy ư? Thống nhất tứ đại bộ châu chẳng dễ dàng! Nhà vua có thần lực này, đây là Luân Bảo.

Còn có Tượng Bảo (Hasti-ratna), con voi ấy khác hẳn voi bình phàm. [Tuy nó] chẳng có thần thông lớn như con voi do Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi, mà là loại Tượng Bảo thông thường. Tượng Bảo là của báu trong loài voi. Con voi ấy là voi báu. Còn có Mã Bảo (Asva-ratna), thiên mã bay trên hư không, có nghĩa là “ngựa báu”, thiên mã có thể bay. Còn Châu Bảo (Maṇi-ratna), Châu Bảo tức là Như Ý Bảo Châu (Cintāmaṇi). Tất cả các bảo bối của Luân Vương khác với các thứ của chúng ta. Chúng ta chẳng có Dạ Minh Châu, trong đêm tối phải dùng ánh sáng của đèn. Nếu có một viên Dạ Minh Châu, căn nhà này liền sáng bừng. Chúng ta cũng chẳng có Tỳ Thủy Châu. Bất luận quý vị đến sông, hồ, rạch, biển, hễ dùng Tỳ Thủy Châu, nước liền rẽ làm hai để quý vị có thể đi qua. Ngay cả gió lốc, bất luận bão tố, bất luận loại gió nào, quý vị dùng Định Phong Châu hướng về phía đó, gió đều chẳng còn nữa. Luân Vương có các bảo bối ấy, vốn trọn đủ, chúng ta chẳng có phước báo gặp gỡ. Bất quá, các bảo châu ấy đều chẳng bằng viên Như Ý Bảo Châu

trong tay Địa Tạng Bồ Tát. Tu thành tựu như Địa Tạng Bồ Tát, quý vị sẽ có được Như Ý Bảo Châu.

Đây là thất bảo, còn có Nữ Bảo (Strī-ratna). Nữ Bảo cũng là mỹ nữ. Các mỹ nữ ấy hoàn toàn chẳng phải là mỹ nữ tham dục, mà rất thanh tịnh. Mọi người nghe giảng Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh, thiên nữ nói móc ngài Xá Lợi Phất là do Bồ Tát hóa hiện. Vị Luân Vương này tuy có đức, vẫn chưa thể cảm Bồ Tát hóa hiện [làm Nữ Bảo]. Mọi người chớ nên nghĩ [Nữ Bảo] là các ca nữ, kỹ nữ, toàn là phường xướng ca! Nếu nghĩ Nữ Bảo là bọn ca nữ trong nhân gian, thì sẽ chẳng thành của báu. Trong nhân gian, Bảo là gì? Bảo là tôn quý, hiếm hoi. Dùng ý nghĩa như vậy để nói về Nữ Bảo.

Còn có người tổng chỉ huy quân đội (Chủ Binh Bảo, Pariṇāyaka-ratna), đều ở trên Kim Luân. Vị đại thần ấy có oai thần chẳng thể nghĩ bàn, có thể dẹp tan hết thủy oán địch⁵¹. Tới lúc ấy, mọi người đều trì giới, đều hành Thập Thiện Nghiệp, làm sao có oán địch cho được? Luân Bảo của quốc vương đến đâu, nơi đó đều thanh tịnh, tôn vua làm bậc quán đánh đại vương. Trọn đủ Thất Bảo, thống lãnh tứ đại bộ châu, đều được tự tại. Hễ nói đến vua Sát-đế-lợi, Luân Vương có đủ “*thiên tử*”, tức là một ngàn đứa con trai, nhưng chẳng phải do cùng một vị phu nhân sanh ra, hoặc là vua có vô lượng phu nhân. Loại tình huống này chẳng thể dùng quy chế “*một vợ, một chồng*” để luận đoán được! Nhà vua thọ mạng cực dài, dưỡng kiện, lại có một ngàn con trai, nhưng hành hạnh thanh tịnh. Nếu Chuyển Luân Thánh Vương thật sự dâm dục thì sẽ không được, ông ta cũng chẳng thể làm Chuyển Luân Thánh Vương. Đây là ý cảnh. [Con cái] có khi là hóa sanh. Đã thế, một ngàn đứa con đều dưỡng kiện, đoan chánh, có thể dẹp tan oán địch.

Phàm là tứ đại bộ châu do nhà vua thống lãnh, cùng tận đến bờ mé của biển cả. Bờ mé của biển chẳng dễ gì cùng tận được. Thái Bình Dương, Đại Tây Dương là các đại dương chúng ta trông thấy, còn bảy rặng kim sơn vây quanh núi Tu Di và bảy tầng biển nước thom, phía ngoài đều là biển cả nước mặn. Có câu tục ngữ rằng: “*Tam sơn, lục thủy, nhất phần điền*”, ý nói: Ruộng đất chỉ chiếm một phần, ba phần là đất núi non, sáu phần là đất ngập nước. Chỗ ruộng nương có thể trồng trọt chỉ được một phần. Có ai đo lường Thái Bình Dương rốt cuộc to cỡ nào

⁵¹ Lão pháp sư còn nói thiếu một Bảo nữa là Chủ Tạng Bảo, đôi khi còn gọi là Cur Sī Bảo (Gahapati-ratna). Vị đại thần này có thể biết chỗ nào có kho báu, có thể mở các kho báu cho Chuyển Luân Vương tùy nghi sử dụng.

hay không? Còn có năm đại dương nữa! Không chỉ là một đại dương, mà còn có Ấn Độ Dương, Nam Băng Dương, Bắc Băng Dương. “*Hằng cùng hải tế*” là ngay cả bờ mé của biển cả đều đạt đến tận cùng. Đó là nói sự thống lãnh rộng lớn, ngoài đại địa ra, hết thảy các quả núi, các mé biển. Tới khi ấy, vua chẳng có hình phạt, chẳng quở trách, hết thảy các hình phạt đều đình chỉ. Cũng chẳng có hình cụ để trách phạt, đao trượng chẳng dùng, vì [tất cả mọi người] đều tu chánh pháp, khắp tất cả đều hưởng yên vui. Do vậy, vị vua quán đánh ấy thành tựu vương luân thứ mười.

Do vì luân này, ở trong tứ đại châu cho đến trọn khắp tám vạn bốn ngàn “*tiểu châu*” (小渚), tức là các tiểu châu. Tám vạn bốn ngàn tiểu châu, tiểu quốc gia có tám vạn bốn ngàn nước. Đây là nêu ra con số tổng quát, an lập trong đó. Các loài hữu tình ấy đều hành Thập Thiện Đạo, đều giữ gìn thân mình, thọ mạng tăng trưởng, thân hoại, mạng chung, chẳng đọa vào ba ác đạo. Khi đó, Kim Luân Vương thống lãnh nhân dân đều hành Thập Thiện Nghiệp. Khi hết thọ mạng, đều sanh lên cõi trời, chẳng đọa vào ba ác đạo. Kinh Phật chỉ nói như vậy, rốt cuộc có bao nhiêu Kim Luân Vương xuất thế, hoàn toàn chẳng ghi chép. Tối thiểu là trong quốc độ này, chẳng thấy ghi chép. Thiết Luân Vương cũng chẳng có. Thuở ấy, chỉ nói “*suất độ chi tân, mạc phi vương thổ*” (khắp cả bờ cõi, không gì chẳng phải là đất của nhà vua). “*Phổ thiên chi hạ*” (Dưới trọn khắp bầu trời) [trong cách nói của đế vương Trung Hoa thời cổ] gần như chỉ là [đất đai] ở hai bên bờ Hoàng Hà mà thôi. Lãnh thổ cai trị của Tam Hoàng Ngũ Đế rất nhỏ. Đó là “*tọa tỉnh quán thiên*” (ngồi dưới đáy giếng nhìn trời, éch ngồi đáy giếng), chẳng biết lãnh thổ của người khác ở ngoài lãnh thổ của mình to cỡ nào. Ý nghĩa là như vậy đây, hiểu ý nghĩa bao hàm ấy là được rồi!

Đây là dùng Phật nhãn để nhìn. Trong quốc độ tốt đẹp như thế, vào lúc tứ đại châu đều tốt đẹp, hoặc là khi đại châu được kiến lập đã hơn vạn vạn năm, đức Phật xuất thế thọ tám vạn năm, cũng có khi Phật trụ thế suốt một kiếp. Những lúc đó, có thể là có Kim Luân Vương hộ pháp. Nhưng nguyện lực của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải là như vậy, [khi Ngài xuất thế] con người thọ mạng chỉ có một trăm năm, quốc gia thường xuyên chiến tranh, loạn lạc. Thuở đức Phật tại thế, đáng lẽ phải không có chiến tranh, loạn lạc chứ? Thuở đức Phật tại thế thì cũng [chiến tranh, loạn lạc] như vậy. Nếu nghiên cứu lịch sử Ấn Độ, xem xét tình huống của Ấn Độ như thế nào, ta sẽ thấy tình trạng y hệt. Hơn nữa,

Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ giáo hóa hai bên bờ sông Hằng. Quý vị đến Ấn Độ chiêm bái thánh tích, chỉ là [các nơi] ở hai bên bờ sông Hằng. Về sau, Phật pháp truyền bá khắp tứ đại bộ châu. Trừ Bắc Câu Lô Châu không tin, những nơi khác đều có, thậm chí đại thiên thế giới, tức tam thiên đại thiên thế giới.

Nhưng đối với quốc độ chúng ta đang cư trú, theo như những gì chúng ta có thể trông thấy, chúng ta cũng chỉ có thể liễu giải như vậy mà thôi! [Đối với kiến giải hạn hẹp của chúng ta], bốn đại bộ châu dường như thần thoại, vì chẳng được ghi chép, trong ý thức chẳng bảo tồn loại hồi ức này! Hoặc là đòi trước thì có, hiện tại đều đã mê; nhưng quý vị phải tu, dũng mãnh tinh tấn tu, sẽ đạt được thần thông, sẽ [biết các cảnh giới nói trong kinh Phật] đều thật sự có.

Do vậy, có các vị đại đức nhập Định quan sát, có thể quan sát khá nhiều thế giới, vì sao các Ngài không nói? Nói ra có ai tin hay không? Còn có thể bị chê là điên rồi, tinh thần thác loạn! Cho nên ắt cần phải bình đẳng! Đức Phật thị hiện trong nhân gian, cũng chẳng thể [thị hiện] cao siêu hơn người khác quá nhiều. Kinh A Hàm nói Ngài giống như mọi người, cũng ôm bát khát thực, sống cuộc đời giống như mọi người. Vì nếu muốn hóa độ kẻ khác mà thị hiện đặc biệt cao, người khác sẽ cảm thấy Ngài cao không nắm bắt được: “Chúng ta làm sao có thể học theo được?” Cho nên có người nói: “Những giới điều như của các vị hòa thượng quý Ngài, tôi làm sao thọ cho nổi?” Cũng có kẻ nhìn vào, thậm chí còn cho rằng chẳng ăn thịt thì làm sao được? Có kẻ nói: “Tôi cũng muốn làm hòa thượng, nhưng nếu họ không cho tôi ăn thịt, tôi sẽ chẳng làm!” Mong muốn mọi thứ đều phải thuận theo dục vọng để nhận thức, đó là chuyện không thể nào được! Nếu nhận thức như thế, Luân Vương cũng là như vậy.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai tích Bồ Tát vị, tri tự tha thân hữu vô lượng chủng chư phiền não bệnh, dĩ Định hương thủy, tẩy dục kỳ thân, cập dĩ Đế pháp đại từ đại bi, quán mộc kỳ thủ, trước tầm quý y. Thập phương nhất thiết chư Phật Thế Tôn, dĩ chư Tinh Lự, đẳng trì tinh tấn, phương tiện trí ý, từ bi hộ niệm, hàm tác thị ngôn: “Như thị Đại Sĩ, thị đại phước huệ trang nghiêm bảo khí, kham dung nhất thiết tam chủng bất hộ, tứ vô sở úy, Như Lai thập lực, cập dĩ thập bát bất cộng Phật pháp, kham đắc vô thượng Nhất Thiết Trí trí, đại từ, đại bi, vô bất cụ túc, thường hân lợi lạc nhất thiết chúng sanh. Thị cầu Phật Bảo thương nhân đạo thủ, năng cứu hữu tình sanh tử

chúng khổ, năng thí hữu tình Niết Bàn đại lạc. Ngã đẳng nhất thiết chư Phật Thế Tôn, ưng dĩ thành ngôn, dữ kỳ sở nguyện, linh thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đắc vô thượng pháp, vi đại pháp vương”. Ngã ư nhĩ thời, y phước huệ lực, dũng mãnh, tinh tấn, ư Tứ Thánh Đế như thật tri dĩ, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Thiện nam tử! Như Chuyển Luân Vương thống tứ đại châu, giai đắc tự tại, như thị Như Lai ư Tứ Tĩnh Lạc, Tứ Vô Sắc Định, tứ chủng phạm trụ, tứ vô ngại giải, tứ thánh đế quán, tứ vô sở úy, Như Lai thập lực, cập dữ thập bát bất cộng Phật pháp, Nhất Thiết Chủng Trí giai đắc tự tại. Như Chuyển Luân Vương cụ túc thất bảo, như thị Như Lai thành tựu thất chủng Bồ Đề Phần bảo. Như Chuyển Luân Vương thiên tử cụ túc, dũng kiện, đoan chánh, năng phục oán địch, như thị Như Lai hữu A Nhã Đa Kiều Trần Na vi tối sơ, Tô Bạt Đà La Tô Lạt Đa vi tối hậu. Chư đại Thanh Văn, từng Phật tâm sanh, từng Phật khẩu sanh, từng pháp hóa sanh, đắc Phật pháp phần, chư lậu vĩnh tận, danh vi dũng kiện, cụ tứ phạm trụ, danh vi đoan chánh, năng phục nhất thiết thiên ma, ngoại đạo dị luận, oán địch. Như Chuyển Luân Vương, hóa cập bát vạn tứ thiên tiểu chủ. Như thị Như Lai ư bách câu-chi Nam Thiệm Bộ Châu, ư bách câu-chi Tây Cù Đà Ni châu, ư bách câu-chi Đông Tỳ Đề Ha châu, ư bách câu-chi Bắc Câu Lô châu, ư bách câu-chi chư đại minh hải, ư bách câu-chi chư Diệu Cao sơn, ư bách câu-chi tứ đại vương thiên, ư bách câu-chi nữ chí Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên, ư bách câu-chi đại Luân Vi sơn, ư thử cao quảng nhất Phật độ trung, ngôn âm thí hóa, giai đắc tự tại. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ thập Phật Luân. Do thử luân cố, như thật liễu tri tự thân, tha thân, chư lậu vĩnh tận, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy. Tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển ư Phật Luân, tồ chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)善男子！如是如來昔菩薩位，知自他身有無量種諸煩惱病，以定香水，洗浴其身，及以諦法大慈大悲，灌沐其首，著慚愧衣。十方一切諸佛世尊，以諸靜慮，等持精進，方便智意，慈悲護念，咸作是言：「如是大士，是大福慧莊嚴寶器，堪容一切三種不護，四無所畏，如來十

力，及與十八不共佛法，堪得無上一切智智，大慈大悲無不具足，常欣利樂一切眾生。是求佛寶商人導首，能救有情生死眾苦，能施有情涅槃大樂。我等一切諸佛世尊，應以誠言，與其所願，令成如來應正等覺，得無上法，為大法王」。我於爾時，依福慧力，勇猛精進，於四聖諦如實知己，證得無上正等菩提。善男子！如轉輪王統四大洲，皆得自在，如是如來於四靜慮、四無色定、四種梵住、四無礙解、四聖諦觀、四無所畏、如來十力，及與十八不共佛法，一切種智皆得自在。如轉輪王具足七寶，如是如來成就七種菩提分寶。如轉輪王千子具足，勇健端正，能伏怨敵，如是如來有阿若多憍陳那為最初，蘇跋陀囉嚩刺多為最後。諸大聲聞，從佛心生，從佛口生，從法化生，得佛法分，諸漏永盡，名為勇健，具四梵住，名為端正，能伏一切天魔，外道異論怨敵。如轉輪王，化及八萬四千小渚。如是如來於百俱胝南瞻部洲，於百俱胝西瞿陀尼洲，於百俱胝東毗提訶洲，於百俱胝北俱盧洲，於百俱胝諸大溟海，於百俱胝諸妙高山，於百俱胝四大王天，於百俱胝乃至非想非非想天，於百俱胝大輪圍山，於此高廣一佛土中，言音施化，皆得自在。善男子！我成如是第十佛輪。由此輪故，如實了知自身他身，諸漏永盡，利益安樂無量有情，得安隱住，得無驚恐，得無所畏。自稱我處大仙尊

位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Như Lai xưa thuộc địa vị Bồ Tát cũng như thế, biết thân mình và thân người khác có vô lượng các loại bệnh phiền não. Dùng nước Định thơm để tắm rửa thân mình, dùng Đệ pháp đại từ, đại bi để xối, gội đầu mình, mặc áo hổ thẹn. Mười phương hết thấy chư Phật Thế Tôn dùng các Tĩnh Lự, đảnh trì, tinh tấn, phương tiện trí ý, từ bi hộ niệm, đều nói như thế này: “Vị Đại Sĩ như thế là vật dụng báu trang nghiêm bằng phước huệ to lớn, có thể chữa hết thấy ba thứ bất hộ, bốn món vô sở úy, mười lực của Như Lai, cùng với mười tám món Phật pháp bất cộng, kham đạt được trí Nhất Thiết Trí vô thượng, đại từ, đại bi không gì chẳng trọn đủ, thường thích lợi lạc hết thấy chúng sanh, là người hướng dẫn cho thương nhân [thâu lượm] Phật Bảo, có thể cứu các nỗi khổ sanh tử cho hữu tình, có thể thí niềm vui Niết Bàn to lớn cho hữu tình. Hết thấy chư Phật Thế Tôn chúng ta hãy nên dùng lời chân thành để thỏa nguyện của ông ta, khiến cho ông ta thành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, đắc vô thượng pháp, làm đại pháp vương”. Ngay trong lúc ấy, ta nương vào sức phước huệ, dũng mãnh, tinh tấn, đã biết Tứ Thánh Đệ đúng như thật rồi, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Đây thiện nam tử! Như Chuyển Luân Vương thống lãnh bốn đại châu đều được tự tại, cũng như thế, Như Lai đối với Tứ Tĩnh Lự, Tứ Vô Sở Úy, bốn loại phạm trụ, tứ vô ngại giải, tứ thánh đệ quán, tứ vô sở úy, Như Lai thập lực, và mười tám món Phật pháp bất cộng, Nhất Thiết Chủng Trí, đều được tự tại. Như Chuyển Luân Vương trọn đủ bảy báu; cũng như thế, Như Lai thành tựu bảy loại báu Bồ Đề Phần. Như Chuyển Luân Vương có đủ một ngàn con trai dũng kiện, đoan chánh, có thể hàng phục oán địch, cũng giống như thế, Như Lai có A Nhã Đa Kiều Trần Na là đệ tử tối sơ, Tô Bạt Đà La Tô Lạt Đa là đệ tử tối hậu. Các đại Thanh Văn sanh từ tâm Phật, sanh từ miệng Phật, từ pháp hóa sanh, có phân trong Phật pháp, các lậu vĩnh viễn hết sạch, ai nấy đều dũng cảm, tráng kiện, trọn đủ tứ phạm trụ, được gọi là đoan chánh, có thể hàng phục hết thấy dị luận của hết thấy thiên ma, ngoại đạo và oán địch. Như Chuyển Luân Vương giáo hóa trọn khắp tám vạn bốn ngàn tiểu châu, cũng giống như thế, Như Lai trong một trăm câu-chi Nam Thiệm Bộ Châu, trong một trăm câu-chi Tây Cù Đà Ni châu, trong một trăm câu-chi Đông Tỳ Đề Ha châu, trong một trăm câu-chi Bắc Câu

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Lô châu, trong một trăm câu-chỉ các biển lớn mênh mông, trong một trăm câu-chỉ các núi Diệu Cao, trong một trăm câu-chỉ tứ đại vương thiên, trong một trăm câu-chỉ cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên, trong một trăm câu-chỉ núi đại Luân Vi, trong một Phật độ cao rộng ấy, dùng ngôn âm để ban bố sự giáo hóa, đều được tự tại. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ mười như thế. Do vì luân ấy, biết rõ đúng như thật thân mình và thân người khác đã vĩnh viễn hết sạch các lậu, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, được trụ trong an ổn, được không kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng thực hiện sự tử hống).

Kể đó, nói về Phật Luân. “*Thiện nam tử, như thị Như Lai tích Bồ Tát vị*” (Nay thiện nam tử! Như Lai xưa kia ở địa vị Bồ Tát cũng như thế), [nghĩa là] khi đức Phật trong quá khứ, hành Bồ Tát đạo trong Đâu Suất Thiên Cung, chỉ là từ sự từng trải của bản thân giống hết như chúng sanh, biết thân mình và thân người khác, cũng tức là khi đức Phật hành Bồ Tát đạo, trong lúc tu nhân, chưa thành Phật, biết thân của chính mình và thân của hết thảy chúng sanh đều có vô lượng các loại bệnh phiền não. Đây chẳng phải là thân bệnh của đại vương quán đảnh, ông ta biết vô lượng bệnh phiền não. Phật dùng Định hương, để trừ phiền não thì dùng Định để trừ. Định có thể sanh ra Huệ. Dùng Định hương thì mới có thể trừ khử phiền não. Dùng nước Định thơm ấy để xối gột cái thân. Dùng gì để xối gột? “*Đế pháp*”. Đế pháp là lý pháp. Nước thơm tắm gội là pháp thế gian. Thế gian dùng hương để trị liệu là sạch sẽ nhất, thanh tịnh nhất, thanh khiết, thơm tho nhất để tẩy gột thân bệnh thì còn được, chứ chẳng thể tẩy gột bệnh phiền não của chúng sanh. Đế pháp có thể nói là tâm pháp, là lý pháp, nhập lý, là minh tâm kiến tánh. Dùng “*hành đại từ, đại bi*” cũng có nghĩa là cứu vớt, che chở hết thảy chúng sanh. Bi có thể dẹp khổ, Từ có thể ban vui, ban cho chúng sanh sự vui sướng. Lấy nước đại từ đại bi để xối gội đầu. Chúng ta biết khi Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh, phụ vương của Ngài dùng nước bốn biển rưới lên đỉnh đầu đức Phật. Đó là pháp thế gian. Ông ta lấy nước bằng cách nào? Do long vương đem đến cúng dường đức Phật.

“*Trước tà quý y*” (Mặc áo tà quý): Mặc y phục là áo Tà Quý, có nghĩa là có hổ, có thẹn. Tà (慚) là chính mình có lỗi bèn sám hối, luôn cảm thấy chính mình chẳng xứng đáng, chẳng kiêu mạn, giải

đãi. Tinh tấn, dũng mãnh, chẳng có ý nghĩ kiêu căng, ngã mạn. Nếu chính mình làm chuyện xấu, sẽ thẹn với kẻ khác. Tàm là trong nội tâm của chính mình. Quý (愧) là [nói theo phương diện] hành vi. Nếu tư tưởng nảy sanh ý niệm xấu, cảm thấy có hại cho chúng sanh, bất luận khởi lên ý niệm nào cũng đều có hại cho chúng sanh. Đồng thời, cũng bất lợi cho chính mình, bất lợi cho việc tu đạo. Ngài mặc y phục như thế đó. Y phục nhằm bảo vệ thân thể, dùng Tàm Quý để bảo vệ Pháp Thân, khiến cho Pháp Thân được thanh khiết, khiến cho Pháp Thân vĩnh viễn tồn tại. Mười phương hết thấy chư Phật Thế Tôn đều “*dĩ chư Tĩnh Lự*” (dùng các Tĩnh Lự). Tĩnh Lự vẫn là Định, là tu Tư Duy. Tu Tư Duy còn gọi là tam-muội, hay còn gọi là Định.

“*Đẳng trì tinh tấn, phương tiện trí ý*”: Đẳng Trì là bình đẳng. Tam Học Giới, Định, Huệ đều bình đẳng thọ trì [thì gọi là Đẳng Trì]. Đối với hết thấy chúng sanh cũng đều bình đẳng, chẳng có lấy hay bỏ. Tinh tấn như vậy để làm gì? Mong cầu trí huệ phương tiện. Nếu muốn lợi ích chúng sanh, ắt cần phải đạt được phương tiện huệ. Liên quan đến lý Đế pháp, ắt cần phải có phương tiện thiện xảo. Đã có huệ ấy, dùng từ bi để hộ niệm, hộ niệm những người nào? Những người có các căn bệnh phiền não. Đối với những người có bệnh phiền não, bèn từ bi hộ niệm họ.

“*Hàm tác thị ngôn, như thị Đại Sĩ, thị đại phước huệ trang nghiêm bảo khí*” (Đều nói như thế này: Bạc Đại Sĩ như thế là vật báu được trang nghiêm bằng phước huệ to lớn): Ngài nói, khi ta còn thuộc địa vị tu nhân, hành Bồ Tát đạo, ta đã làm như vậy. Hết thấy chúng sanh xưng dương ta có đại phước huệ, là vật dụng quý báu trang nghiêm. Món báu ấy chính là món vật báu trang nghiêm. Đó là gì vậy? Chính là phước huệ. Món vật báu ấy dùng để chứa đựng phước huệ. Ngài giống như vật báu, giống như vật báu chứa đầy châu báu. Món vật báu ấy có thể chứa đựng hết thấy ba loại bất hộ. Có nhiều cách giải thích từ ngữ “*ba loại bất hộ*”. Có người nói là “chẳng hộ niệm tam đồ” cũng được, hoặc hiểu là “chẳng có tâm hộ niệm Tam Bảo” cũng được, hoặc là “địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là ba loại chẳng thể bảo vệ, cho nên không hộ niệm họ”. Như vậy là khi ta phát Bồ Đề tâm, ta thậm chí có thể dung nạp, nhẫn thọ, bao dung họ, tức là ta đều có thể hộ niệm hết thấy chúng sanh, kể cả những chúng sanh chẳng được hộ niệm. Nói cách khác, “*kham dung ba thứ bất hộ*” tức là có thể hộ niệm họ.

“*Tứ Vô Sở Úy, Như Lai thập lực*”: Trong phần trước, đã có nói về Tứ Vô Sở Úy, còn Như Lai Thập Lực và mười tám pháp bất cộng, trong quá khứ, tôi rất ít nhắc đến, chỉ nêu lên danh xưng. Hàm nghĩa trong các danh từ ấy rất sâu, tôi chỉ nói đại lược. Thập Lực là mười loại nào vậy? Chính là mười loại trí huệ của Như Lai. Do trí huệ sanh ra sức mạnh, do các sức mạnh ấy mà lợi lạc chúng sanh. Mười loại trí lực ấy, một là Xứ Phi Xứ Trí Lực. Trí huệ của đức Phật biết hết thấy chỗ sanh về của hết thấy chúng sanh, chỗ đã sanh trong quá khứ, sẽ sanh đến đâu, [tức là] từ chỗ nào mà sanh đến đây, rồi sẽ lại sanh về chỗ nào. Đó là Xứ Phi Xứ Trí Lực.

Thứ hai là Nghiệp Dị Thục Trí Lực. Nghiệp nhân cảm quả báo, trong ấy có Dị Thục Quả (異熟果), cái nhân của nó rắc rối, phức tạp. Chẳng hạn những sự nghiệp đã làm trong đời này bao gồm thiện nghiệp và ác nghiệp, có thiện lớn, ác nhỏ, có ác lớn, thiện nhỏ. Các thứ nghiệp ấy, nghiệp nào chín muồi trước, sẽ thọ quả báo của nghiệp ấy trước. Đức Phật biết rành mạch, Ngài có trí huệ ấy. Ở đây là nói tới hết thấy chúng sanh, không phải là một, hai người, phạm vi bao quát của [trí biết nghiệp dị thục] của hết thấy chúng sanh quá nhiều.

Loại thứ ba là Tĩnh Lự Giải Thoát Đẳng Trì Trí Lực. Có thể đạt tới các thứ giải thoát, giải thoát là Định, Tĩnh Lự là Định. Chúng ta nói một trăm lẻ tám môn tam-muội. Tam-muội là Tĩnh Lự, Tĩnh Lự Định. Quá trình của Tĩnh Lự cũng rất nhiều, đức Phật đều bình đẳng thọ trì. Giống như chúng ta thọ trì mấy bộ kinh, mỗi bộ kinh [chỉ chọn ra] một phẩm như [thọ trì] phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa thì cũng coi như là thọ trì kinh Pháp Hoa, nhưng đây chỉ là một phẩm trong hai mươi tám phẩm của kinh Pháp Hoa. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là phẩm cuối cùng trong tám mươi một phẩm của [kinh Hoa Nghiêm], [tụng phẩm ấy] cũng coi như tụng kinh Hoa Nghiêm. Tụng một phẩm tương đương tụng toàn thể bộ kinh. Phải thấu hiểu tầng ý nghĩa này. Chúng ta chẳng có tâm lượng ấy, sẽ chẳng thể bình đẳng. “*Trì*” có nghĩa là “*nhậm trì*” (任持, nắm giữ), dùng trí huệ ấy để đối đãi hết thấy tam-muội, có thể khiến cho chúng sanh giải thoát.

Loại thứ tư là Căn Thắng Liệt Trí Lực. Thượng căn, hạ căn, hoặc trung căn, đây là thuyết pháp tương ứng với căn cơ. Mười loại trí lực nhằm nói đối ứng với [căn cơ của] chúng sanh. Ngài biết họ là hàng thượng căn, hay là kẻ hạ căn, biết căn cơ của họ đã chín muồi hay chưa. Đức Phật có loại trí lực ấy. Đó gọi là [Căn Thắng Liệt] Trí Lực.

Loại thứ năm là Chủng Chủng Thắng Giải Trí Lực. Hết thấy các pháp, hết thấy sự vật, hết thấy Lý pháp, hết thấy Sự pháp, đức Phật có các loại thắng giải, siêu thế gian, vượt hẳn Nhị Thừa, vượt hẳn Bồ Tát. Loại trí lực này cao hơn Thập Địa. Mười loại trí lực nơi Phật quả chỉ có đức Phật trọn đủ, rốt ráo viên mãn.

Loại thứ sáu là Chủng Chủng Giới Trí Lực. Giới (界) có nghĩa là “*sanh trường*”. Chỗ giáp ranh giữa huyện này và huyện kia, giữa thôn này và thôn kia [được gọi là Giới]. Biết chủng tánh của hết thấy chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói đến “*pháp giới*”, giới sanh ra các thứ pháp, cho nên gọi là “*pháp giới*”. Ở đây không nói là pháp giới, mà gọi là “*chủng chủng thắng giải trí lực*”, có loại trí huệ này.

Loại thứ bảy là Biến Thú Hành Trí Lực. Chúng tôi vừa mới giải thích năm loại Biến Hành, nhưng đây chỉ mới là lúc sơ khởi. [Biến Thú Hành (遍趣行) có nghĩa là] có thể biết trọn khắp chúng sanh do nghiệp đã tạo, sẽ tiến hướng vào đường nào. Đối với mười pháp giới, chúng ta thường nói về sáu đường, chẳng nhắc đến thánh nhân pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật, [do thiện nghiệp] cũng sẽ tiến hướng những pháp giới ấy. Nếu hành vi trong hiện thời của chúng ta nhằm tiến hướng Phật pháp giới thì sẽ là Phật. Hiện thời, quý vị dụng tâm, hiện thời đang tư duy, hiện thời đang thực hiện, đây là cái nhân. Quý vị đi theo con đường đó, tức là khi quý vị đang thực hiện, đã phân biệt sẽ hướng về đâu. Chuyện này rất rõ ràng. Nếu tu tập pháp Khô, Tập, Diệt, Đạo, quý vị tiến hướng Thanh Văn. Học pháp duyên khởi mười hai nhân duyên, sẽ tiến hướng pháp Duyên Giác. Tu Lục Ba La Mật, tu Bát Nhã Ba La Mật, tu Lục Độ vạn hạnh, sẽ tiến hướng pháp Bồ Tát, Bồ Tát rốt cục có thể thành Phật. Đây là “*biến thú*” (遍趣, tiến hướng trọn khắp).

Loại thứ tám là Nhập Tùy Niệm Trí Lực, cũng gọi là Túc Mạng Thông. Đức Phật là Túc Mạng rốt ráo, biết túc mạng của hết thấy chúng sanh. Biết hết thấy chúng sanh trong vô lượng kiếp quá khứ. Chuyện của mỗi chúng sanh trong vô lượng kiếp, đức Phật đều biết rành mạch. Thậm chí hiện thời quý vị đang nghĩ gì, tưởng gì, quý vị đang khởi tâm động niệm, nghĩ tới vô lượng kiếp trong quá khứ của quý vị, đức Phật đều biết rành mạch, hiểu rõ như trong lòng bàn tay. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã dùng số cát sông Hằng để tỷ dụ, mỗi hạt cát là một thế giới, cho đến một vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới, lại dùng [số lượng] cát trong một sông Hằng nơi mỗi thế giới trong các thế giới nhiều như cát

sông Hằng tích lũy lại, có các Phật quốc độ nhiều ngàn ấy, mỗi Phật quốc độ có vô lượng vô biên chúng sanh, đức Phật đều biết tâm niệm của họ. Vô lượng vô biên chúng sanh trong tâm nghĩ tưởng điều gì, so sánh với sáu mươi ức người trên địa cầu hiện thời, chẳng biết là nhiều gấp bao nhiêu ngàn ngàn vạn vạn lần! Do vậy, tâm niệm của chúng ta đức Phật đều biết rõ ràng. Đây là Niệm Trí Lực, chẳng thể nghĩ bàn! Cuối cùng, đức Phật nói, tâm của tất cả chúng sanh, tâm quá khứ chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, ba tâm chẳng thể được. Đức Phật liễu giải tâm niệm của quý vị như thế đó. [Trong bài kệ tán Phật có câu] “*sát-na tâm niệm khả số tri*” nghĩa là tâm niệm trong từng sát-na, đức Phật đều biết từng điều một. Quý vị nghĩ gì, Ngài đều tính ra cho quý vị. Đó gọi là Tùy Niệm Trí Lực. Hễ quý vị nghĩ gì, chỉ cần vừa động niệm, đức Phật đều biết.

Loại thứ chín là Tử Sanh Trí Lực. Chết đây, sanh kia, chết từ nơi kia, sanh vào nơi đây. Sanh sanh tử tử, sanh sanh diệt diệt.

Loại thứ mười là Lậu Tận Trí Lực. Đức Phật là lậu tận rốt ráo. Hàng Nhị Thừa cũng gọi là đã lậu tận, chẳng còn tạo tác nữa. Khi đó, chỉ là họ chẳng rơi rớt vào tam giới. Lậu Tận của Phật là chẳng rơi vào chín pháp giới, cũng chẳng thoái chuyển thành Bồ Tát. Ngài cũng có thể thị hiện làm hết thấy chúng sanh, vì Ngài đã hết sạch các lậu. Các lậu đã tận thì mới có thể thị hiện. Vì thị hiện, mới có thể độ các chúng sanh. Đó là mười loại trí lực.

Đây là nói đại khái, nhưng kinh Hoa Nghiêm lại nói mười loại trí lực khác hẳn, nói sâu hơn một chút. Các bộ kinh nói về mười loại trí lực có sâu hay cạn, nhận thức sâu hay cạn tùy thuộc trí lực của mỗi người. Ví như nước trong biển cả, hương vị đều là vị mặn. Dầu quý vị múc một chén [ném thử], vẫn là cùng một vị mặn. Hàm nghĩa như thế đó. Học Phật pháp, chỉ cần quý vị tiên nhập Phật môn, thậm chí quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Đây chính là tu hành.

Khi truyền thọ Tam Quy, tôi thường chúc phước mọi người như thế này. Tôi nói: “Quý vị niệm quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Trước khi ngủ phải niệm, buổi sáng tỉnh dậy phải niệm. Như thế thì sẽ trọn đủ hết thấy Phật pháp”. Tuy quý vị chẳng phân biệt cận kề như vậy, nhưng nói chung, chúng ta nói “Phật, Pháp, Tăng”, đó là pháp. Pháp do ai nói? Đức Phật nói. Ai truyền? Hòa thượng, tăng nhân truyền. Hễ quý vị niệm “*Phật, Pháp, Tăng*”, bộ kinh này quý vị đã trọn đủ, mà bộ kinh kia quý vị cũng trọn đủ. Pháp này trọn đủ hết thấy các pháp, mười phương hết thấy các pháp tạng. Khi bái sám, chẳng phải là cầu như vậy

hay sao? Chẳng phải là sám hối như vậy đó ư? Quý vị phải lý giải mười Phật trí như vậy. Sau khi đã lý giải, quý vị sẽ hồi hướng nhiều hơn!

Còn có mười tám pháp bất cộng. Mười tám pháp bất cộng là Thân Vô Thất, Khẩu Vô Thất, Ý Vô Thất, tam nghiệp vô thất (ba nghiệp chẳng sai sót, làm lỗi), đó là ba pháp. Ý là niệm. “*Thân vô thất*” là thân không có làm lỗi. Như vậy thì thân Phật và thân của hết thảy chúng sanh, cho đến thân của Bồ Tát đều bất cộng (Phật có các pháp chuyên biệt mà các địa vị khác chẳng có). Đây là nói mười tám pháp bất cộng của Phật chẳng giống với các đại Bồ Tát; đó là Bất Cộng. Thân Phật là Thân Vô Thất, Khẩu Vô Thất, Ý Vô Thất, Bất Di Tướng (không có suy nghĩ khác lạ), Vô Bất Định Tâm (tâm không lúc nào chẳng Định), tâm Ngài luôn ở trong Định. Thậm chí khi thị hiện hóa thân, lợi ích chúng sanh, Ngài đều luôn ở trong Định, chẳng có lúc nào không Định. “*Na Già thường tại Định*” có ý nghĩa như vậy đó. Chẳng có gì mà trí huệ của Phật không thể chiếu soi. Bất luận pháp nào, chẳng có pháp nào không chiếu tỏ. Pháp bất cộng thứ bảy là Dục Vô Giảm tức là độ sanh chẳng chán mệt. Pháp thứ tám là Tinh Tấn Vô Giảm, tức vĩnh viễn tinh tấn. Pháp thứ chín là Niệm Vô Giảm, tức là niệm nào cũng đều chẳng quên lợi ích chúng sanh. Niệm Vô Giảm là chẳng có niệm nào bỏ sót chuyện lợi ích chúng sanh.

Vì thế, chúng ta cũng phải niệm nào cũng đều chẳng quên Tam Bảo, chẳng bỏ sót một niệm nào! Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chúng ta có bao nhiêu niệm? Do vậy, chúng ta cách Phật bao xa sẽ biết ngay! Quý vị nói xem, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, có bao nhiêu niệm mà ta chẳng niệm Tam Bảo? Quý vị niệm Tam Bảo bao nhiêu niệm? Chính mình biết rất rõ ràng. Quý vị niệm gì vậy? Tài, sắc, lợi lộc, công danh, phú quý, và gia đình, quyền thuộc của chính mình. Bọn hòa thượng chúng tôi thì nghĩ tới chùa miếu, đạo hữu. Thậm chí kể cả khi quý vị niệm kinh Phật hay niệm Phật, tâm niệm vẫn quấn quanh trong đó. Nếu quý vị có tham đắm, tâm sẽ bất bình đẳng. Chúng ta [phân biệt] có lớn, nhỏ, từ cái này đến cái kia là chẳng được rồi. Giống như chúng ta mở mắt ra, liền thấy là nam, nữ, già, trẻ, tướng phân biệt rất nhiều. [Khi chứng đắc Phật quả], các niệm ấy đều mất. Dục Vô Giảm là độ chúng sanh chẳng giảm. Tinh Tấn Vô Giảm là chẳng có một niệm thoái thất.

Hết thảy trí huệ tương ứng vô giảm, vĩnh viễn bất thoái. Huệ Vô Giảm, Giải Thoát Vô Giảm, Giải Thoát Tri Kiến Vô Giảm, thân nghiệp có thể hành theo trí huệ, khẩu nghiệp hành theo trí huệ, ý nghiệp hành theo trí huệ, trí huệ biết quá khứ vô ngại. Quá khứ còn có quá khứ, quá

khứ còn có vô ngại. Vô vô ngại, vô chướng ngại. Trí huệ biết vị lai vô ngại, trí huệ biết hiện tại vô ngại. Tổng cộng là mười tám pháp. Những pháp ấy chẳng cùng chung với hết thầy Bồ Tát. Chúng ta thì càng chẳng cần phải nói nữa, [các pháp bất cộng của Phật] chẳng cùng chung với chúng ta. Chỉ có Phật và Phật là cùng có chung các pháp ấy. Đó gọi là mười tám pháp bất cộng⁵².

Mười lục và mười tám pháp bất cộng bao gồm hết thầy. Như thế thì mới có thể kham đạt được trí Vô Thượng Nhất Thiết Trí, đại từ, đại bi, không gì chẳng trọn đủ, thường hành lợi lạc hết thầy chúng sanh, tâm thường luôn cầu. Tâm vui sướng, hân hoan lợi ích chúng sanh. Chúng ta đều phải học theo đức Phật, học gì vậy? Đừng thấy cái này là xấu, cái kia là tốt, cái nọ xinh đẹp. Người đẹp đẽ thì quý vị rất hào hứng thân cận. Đối với kẻ xấu in thì trông thấy kẻ đó bèn cụt hứng, cách xa một chút. Kẻ đó nói chuyện với quý vị, quý vị chẳng kiên nhẫn cho lắm, tâm bất bình đẳng! Còn có những kẻ quý vị chán ghét, còn có kẻ từng hãm hại, oán địch của quý vị. Điều thứ nhất quý vị phải phát tâm là độ người chống đối quý vị, tức là oan gia của quý vị. Nếu quý vị có thể độ oan gia, tự nhiên là lục thân quyến thuộc của quý vị đều độ được, phiền não của quý vị sẽ ít đi, tâm oán hận cũng chẳng có, tâm căm ghét cũng chẳng còn. Kẻ đó hại quý vị, dụng tâm hại quý vị, quý vị dùng lòng từ bi đối đãi kẻ đó.

Tôi kể một câu chuyện: Khi chúng tôi ở Nữ Ước, có một cô gái người Mã Lai, trong các đồng nghiệp của cô tại sở bưu điện, có một cô nàng da trắng đúng là luôn tìm mọi cách gây khó dễ cho cô. Hai người cùng ngồi chung bàn làm việc. Cô ta đến bái sám ở chỗ tôi, tức tối khôn

⁵² Do cách nói của lão pháp sư không nêu rõ rệt mười tám pháp bất cộng, xin liệt kê theo thứ tự như sau để tiện tham khảo: Thân vô thất, khẩu vô thất, niệm vô thất, vô bất định tâm, vô dị tưởng tâm, vô bất tri xả tâm, dục vô giảm, tinh tấn vô giảm, niệm vô giảm, huệ vô giảm, giải thoát vô giảm, giải thoát tri kiến vô giảm, nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hạnh, nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hạnh, nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hạnh, trí huệ tri quá khứ thể vô ngại, trí huệ tri vị lai thể vô ngại, trí huệ tri hiện tại vô ngại. Đó là các pháp Bất Cộng theo kinh Đại Bát Nhã và Trí Độ Luận, và là cách nói phổ biến nhất khi luận định về mười tám pháp bất cộng. Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ lại chủ trương mười tám pháp Bất Cộng bao gồm Thập Lục, Tứ Vô Sở Úy, Tam Niệm Trụ (tâm bình đẳng đối với người nghe pháp cung kính, tâm bình đẳng đối với người nghe pháp chẳng cung kính, tâm bình đẳng đối với người nghe pháp tâm cung kính hay chẳng cung kính). Truyền thống Nam Truyền Phật giáo lại có cách giải thích khác, như trong các bộ Giải Thoát Đạo Luận, Thanh Tịnh Đạo Luận v.v... đã nói, nhưng sợ rườm rà nên không trích dẫn.

cùng, tính xin nghỉ, không làm việc ấy nữa, nhưng lại nghĩ ngợi: Rất khó xin vào sở bưu điện. Đã vào được bưu điện, bảo hiểm lao động và phúc lợi (benefits) đều đặc biệt tốt, muốn dùng cảm chú để nguyên rửa cô ả da trắng kia, khiến cho cô ả khôn đốn. Tôi nói: “Đừng nên nguyên rửa cô ta. Nguyên rửa sẽ càng tệ hơn. Cô hãy bái sám thay cho cô ta, cầu cô đó chuyển biến tư tưởng”. Cô ta nói: “Con mù đó hại con như vậy, con còn lạy giùm mù, hồi hướng cho mù hay sao?” Tôi đáp: “Đây là phương pháp màu nhiệm trong nhà Phật, dùng từ bi đối đãi kẻ oán hại. Trong quá khứ, nhất định là cô đã có nhân duyên với cô ta. Nếu không, sẽ chẳng tụ hội. Cô cứ làm thử xem”. Nói lần đầu, cô ta không làm. Nói hai ba lần [cô ta vẫn khăng khăng không chịu], tôi nghĩ ra một cách. Tôi nói: “Cô đi mua cà phê, mua thêm một ly nữa. Buổi trưa đều là uống cà phê, ăn bánh mì. Cô mua thêm một phần cho cô ta. Cô đối đãi với cô ta đặc biệt tốt. Cô ta càng xử tệ với cô, cô đối với cô ta càng tốt. Cô chỉ làm như vậy tám ngày, mười bữa, xem thử thế nào?” Sau đó, cô ta làm theo đề nghị của tôi, cô da trắng kia đối xử tốt hơn đối với cô ta. Trước kia cần dừng xe thì cô da trắng đặc biệt ngừng xe, khiến cho cô ta phải ngừng theo, chẳng lái vào bãi đậu được. Về sau, đối xử với cô ta đặc biệt tốt đẹp.

Đây là chuyện nhỏ, cũng là đôi bên chẳng có oán cừu to cho lắm, tức là tùy tiện như thế một phen bèn có thể chuyển biến được. Nếu là đại oán cừu, quý vị xử tốt với người ấy cỡ nào đi nữa, người ấy vẫn một mực có tâm lý chẳng tín nhiệm quý vị. Thậm chí giữa mẹ con, chị em dâu, anh em, đều có hiện tượng này. Do nguyên nhân gì vậy? Kết oán từ đời quá khứ. Bên nào kết? Khúc mắc ấy chẳng tháo gỡ được! Hiện thời, quý vị dùng phương pháp tốt đẹp, cầu Phật, Bồ Tát gia trì kẻ ấy để cởi gỡ oán kết. Chúng ta cởi gỡ thì mới có thể chứng đắc Bồ Đề. Đối với oan gia, quý vị phải đặc biệt hồi hướng cho họ. Do vậy, quý vị phải đối đãi bình đẳng, chẳng có người nào tốt, chẳng có kẻ nào xấu. Chúng ta làm pháp sư, đối với các đạo hữu, đừng khởi tâm phân biệt. Hoặc là do đạo hữu này trí huệ to lớn, tôi vừa nói, người ấy hiểu liền, nói chuyện rất hợp ý, bèn đối với người ấy đặc biệt tốt hơn một chút. Đối với đạo hữu khác rất lợt lạt, luôn nghĩ kẻ đó chẳng vừa ý, như vậy là không được! Đây chẳng phải là khởi tâm đại từ đại bi. Càng là đạo hữu như vậy thì càng phải đối xử đặc biệt tốt với họ. Họ càng chẳng tiến lên, chẳng tinh tấn, biếng nhác, thì càng phải đặc biệt từ bi đối với họ, phải tha thứ cho họ, đừng khiến cho họ giải đãi.

Chúng tôi có một vị đạo hữu ở Đại Lục, đã quy y Phật rất nhiều năm, miệng lưỡi ngoa ngoắt, chửi mắng người khác đều kèm theo những chữ thô tục. Không được rồi! Chẳng nói năng thì còn được, hễ mở miệng ra là [phê phán] đạo hữu này, đạo hữu nọ, khuấy động thị phi, đó gọi là “*nói lời của Tam Bảo*”. Đối với người xuất gia bèn kể lỗi của tăng sĩ. Thậm chí, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, Dược Sư Phật, người ấy cũng đều phê phán. Ông ta còn học Phật khá nhiều năm, cái tâm phân biệt quá nặng! Chúng ta phải coi mỗi vị đạo hữu như Thích Ca Mâu Ni Phật. Người dùng thuốc cứu độ chúng sanh, làm như vậy thì là Dược Sư Phật, là A Di Đà Phật, là Bất Động Như Lai. Quý vị cũng có thể nói như vậy. Phương tiện lợi sanh của năm mươi ba vị Phật khác nhau. Các Ngài chúng đấng Căn Bản Trí giống nhau, trọn đủ Pháp Thân giống hệt như chúng ta, nhưng phương tiện thiện xảo chẳng giống nhau, nhất định phải hiểu! Giữa các đạo hữu với nhau, phải đối xử hòa thuận.

(Kinh) Thiện nam tử! Ngã thành như thị thập chủng Phật Luân, bốn nguyện lực cố, cư thứ Phật độ, ngũ trước ác thế nhất thiết hữu tình, tổn giảm nhất thiết bạch tịnh thiện pháp, quý pháp sở hữu thất thánh tài bảo, viễn ly nhất thiết thông mãn trí giả, đoạn thường la vông chi sở phú tế, thường háo thừa ngữ chư ác thú xa, u hậu thế khổ bất kiến bố úy, thường xử biến trọng vô minh hắc ám, cụ thập ác nghiệp, tạo Ngũ Vô Gian, phỉ báng chánh pháp, hủy tử hiền thánh, ly chư thiện pháp, cụ chư ác pháp. Ngã u kỳ trung, thành tựu như thị Phật Thập Luân cố, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, hàng chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, tồi diệt nhất thiết chư hữu tình loại, do như kim cang kiên cố phiền não, tùy kỳ sở nhạo, an lập nhất thiết hữu lực chúng sanh, linh trụ tam thừa bất thoái chuyển vị.

(經)善男子！我成如是十種佛輪，本願力故，居此佛土，五濁惡世一切有情，損減一切白淨善法，匱乏所有七聖財寶，遠離一切聰敏智者，斷常羅網之所覆蔽，常好乘馭諸惡趣車，於後世苦不見怖畏，常處遍重無明黑闇，具十惡業，造五無間，誹謗正法，毀訾賢聖，離諸善法，具

諸惡法。我於其中，成就如是佛十輪故，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，降諸天魔，外道邪論，摧滅一切諸有情類，猶如金剛堅固煩惱，隨其所樂，安立一切有力眾生，令住三乘不退轉位」。

(Kinh: Này thiện nam tử! Ta thành tựu mười thứ Phật Luân như thế, do sức bốn nguyện, ở trong cõi Phật này, hết thấy hữu tình trong đời ác ngũ trước tôn giảm hết thấy thiện pháp trắng sạch, thiếu khuyết tất cả của báu Thất Thánh Tài, xa lìa hết thấy bậc thông minh, mãn tiệp, trí huệ, bị lưới rập Đoạn Kiến và Thường Kiến che phủ, thường thích ngồi trên xe vào các đường ác, chẳng sợ hãi nỗi khổ trong đời sau, thường ở trong tối tăm vô minh nặng nề trọn khắp, trọn đủ mười ác nghiệp, tạo tội Ngũ Vô Giá, phỉ báng chánh pháp, chê bai hiền thánh, lìa các thiện pháp, đủ các ác pháp. Ta ở trong đó, do thành tựu Thập Luân của Phật như thế, được trụ an ổn, được không kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, hàng phục tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, dẹp tan hết thấy các phiền não kiên cố ví như kim cương của hết thấy các loài hữu tình, tùy lòng họ ưa thích mà đặt yên hết thấy chúng sanh hữu lực trụ nơi địa vị bất thoái chuyển thuộc tam thừa”).

Đoạn cuối cùng này nhằm tổng kết Thập Luân của Phật. Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát, “*thiện nam tử*” là danh xưng đức Phật dùng để gọi Địa Tạng Bồ Tát. Ta vì thành tựu mười loại Phật Luân vừa nói trên đây, lại còn thêm sức bốn nguyện. Do sức bốn nguyện, sẽ sanh trong đời ác ngũ trước này, độ thoát hết thấy hữu tình chúng sanh khổ nạn. Đối với các thiện pháp ấy, chữ “*bạch tịnh*” nhằm hình dung thiện pháp. “*Bạch*” là tương phản với hắc, “*thiện*” đối lập với “*ác*”, “*tịnh*” đối lập với “*cấu*”. Chúng sanh trong đời ác ngũ trước này đều hành hắc pháp, đều là pháp cấu nhiễm, đều là pháp bất tịnh, thiếu thốn của báu Thất Thánh Tài. Của báu thánh tài khác với Thất Bảo [của Luân Vương] vừa nói trong phần trên. Thất Thánh Tài là gì? Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn Pháp (nghe pháp), Bố Thí, Trí Huệ, bảy món báu ấy. “*Quỹ pháp*” (匱乏) là chẳng có, thiếu khuyết. Đối với hết thấy bậc thiện tri thức trí sáng thông huệ, đã xa lìa đời ác ngũ trước này, nếu gặp những người có trí huệ ấy mà xa lìa thì là kẻ ngu si, vẩn đục, đều là ác nghiệp chúng sanh.

“*Đoạn Thường la vãng*” (Lưới rập Đoạn Kiến và Thường Kiến): Đoạn là Đoạn Kiến, Thường là Thường Kiến, đều là chẳng tin nhân quả, chẳng tin quả báo thiện ác. Chẳng thiên lệch nơi Đoạn, sẽ lệch về Thường. Hoặc là cho rằng người đã chết là đoạn diệt. Thường Kiến là như thế này: Thấy hết thấy các pháp thường luôn như thế [chẳng hạn như người chết đi sẽ lại đầu thai làm người, súc sanh tái sanh vẫn là súc sanh]. [Những kiến chấp ấy] che lấp cái tâm trí huệ của chính mình, che lấp cái tâm sáng suốt. Họ ưa thích gì? Trụ trong đường ác, [đó là ý nghĩa của câu] “*thường háo thừa ngục chư ác thú xa*”, thường làm ác nghiệp, rất ít thiện nghiệp. “*Thừa ác thú xa*” nghĩa là tiến vào đường ác. “*Ác thú*” (惡趣) thuần nói về ba ác đạo. Vì họ chẳng tin nhân quả, đối với chuyện hưởng vui hay chịu khổ trong vị lai, họ chẳng tin tưởng. Họ đã có tư tưởng Đoạn Kiến, chẳng tin nỗi khổ trong tương lai, cho nên chẳng sanh tâm sợ hãi. Nếu sanh khởi tâm sợ hãi đối với nỗi khổ trong tương lai, [nhận biết] hễ làm chuyện ác, làm một chuyện hại người, hoặc chuyện tổn người lợi mình, nhất định sẽ phải chịu quả báo ác. Nếu sanh khởi cái tâm sợ hãi ấy, kẻ đó sẽ chẳng làm. Nghe nói “*hại người rớt cuộc hại mình*”, kẻ [bị vướng vào Đoạn Kiến hay Thường Kiến] sẽ chẳng tin tưởng lời ấy, đương nhiên phải đạt được yên vui trước mắt đã, thân kệ hậu quả. Do vậy, kẻ đó chẳng kinh hoàng, chẳng sợ hãi nỗi khổ trong đời sau. Những gì kẻ đó chú trọng, thực hiện, hoàn toàn là hắc nghiệp. Do bị vô minh hắc ám phủ lấp, kẻ đó tạo nghiệp Thập Ác. Mười ác nghiệp là giết, trộm, dâm, tham, sân, si, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời thô ác. Đấy đều là ác nghiệp, cũng là mười ác nghiệp. “*Ngũ Vô Gián tội*”: Tội Ngũ Vô Gián là giết cha, giết mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, giết A La Hán. Nếu phạm vào năm loại tội ấy, sẽ đọa địa ngục nhanh như tên bắn. Hủy báng chánh pháp, hành tà kiến. Những điều đức Phật giáo huấn đều là chánh pháp, họ hủy báng chẳng tin; do chẳng tin bèn hủy báng. Tức là họ hủy báng hiền thánh, phá hoại Tam Bảo, hủy báng Tam Bảo.

Hủy báng pháp do đức Phật thuyết, hủy báng, chê gièm các vị hiền thánh tăng; đấy cũng là hủy báng, ý nghĩa như nhau. Xa cách thiện pháp [là ý nghĩa của câu] “*ly chư thiện pháp*”. Họ làm toàn ác pháp, đó là “*cụ chư ác pháp*”. Đấy là cách nói hình dung bọn hữu tình trong đời ác ngũ trược, thân, miệng, ý của họ đều là làm như thế ấy, những gì họ đã làm toàn là ác nghiệp. Đã chẳng có thiện pháp, vì đã bị “*tổn giảm*”. “*Tổn*” (損) là tổn thất, hoặc giảm bớt, chẳng phải là hoàn toàn hủy diệt.

Do vậy, hữu tình chúng sanh trong đời ác ngũ trược toàn là điều khiển xe đi vào đường ác, chẳng phải là xe tiến vào đường lành. “*Thừa ác thú xa*” là hành Thập Ác nghiệp, sẽ bị khổ quả trong đời sau. Bất luận thời gian hay nơi chốn, hoặc hết thảy các chuyện đã làm, họ đều ở trong vô minh hắc ám. Nói là “*vô minh hắc ám*” vì họ chẳng có trí huệ. Do vậy, họ trọn đủ cỗ xe “*ác thú*”. Thậm chí còn nặng hơn Thập Ác là tạo tội Ngũ Vô Giá, hủy báng chánh pháp, hủy báng hiền thánh. Trong thời ngũ trược ác thế, ta sở dĩ có thể trụ an ổn là do nương vào mười thứ Phật Luân như đã nói trên đây.

“*Ngã u kỳ trung thành tựu như thị Phật Thập Luân cố, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, hàng phục chư thiên ma, ngoại đạo tà luận*” (Ta ở trong ấy, do thành tựu mười luân của Phật như vậy, được trụ trong an ổn, được không kinh hoảng, được không sợ hãi, tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, hàng phục tà luận của chư thiên ma và ngoại đạo): Loại chúng sanh ấy có phiền não cứng chắc như kim cang, rất khó chuyển biến. Có phải là rất khó chuyển biến phiền não của mỗi chúng ta hay không? Rất khó thay đổi! Phiền não bao gồm quá nhiều! Vì chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng thấy rõ hết thảy sự vật. Ngã Cháp, Ngã Kiến luôn rất sâu. Hễ hơi có tí gì chẳng vừa ý mình, bèn nảy sanh phiền não. Chuyện như vậy rất nhiều, có nhẹ, có nặng. Nếu muốn đoạn trừ loại phiền não này, rất khó!

Do vậy, đức Phật nói: Muốn độ chúng sanh trong thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà ương ngạnh, khó thể điều phục, rất khó độ thoát. Phiền não của họ kiên cố như kim cang. Trong tình huống ấy, đức Phật vẫn ưa thích họ. Thế giới Sa Bà này vẫn còn có chúng sanh tốt lành, chẳng hoàn toàn đều là [bai hoại, cứng đầu] như vậy, vẫn còn có hạng người trí huệ, hoặc là mong thoát lìa tam giới, mong cầu quả vị tam thừa. Như vậy thì thuận theo điều họ tin tưởng, ưa thích, đức Phật sẽ an lập hết thảy hữu tình chúng sanh, thuyết pháp cho họ, khiến cho họ trụ nơi địa vị Bất Thoái Chuyển trong tam thừa, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng còn thoái đọa vào sáu đường, chẳng luân chuyển trong sáu đường. Địa vị chẳng thoái chuyển là nói theo lục đạo, tức là chẳng lui sụt thành phàm phu!

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, nhất thiết Thanh Văn, nhất thiết thiên, long, quảng thuyết nữ chí nhất thiết Yết Trá Bồ Đát Na chúng, nhân phi nhân đẳng, giai đại

hoan hỷ, đồng xướng “thiện tai”, vũ đại hương vũ, vũ đại hoa vũ, vũ chúng bảo vũ, vũ đại y vũ, nhất thiết đại địa giai tất chấn động. Văn thuyết như thị thập chúng Phật Luân, u chúng hội trung, hữu bát thập tứ bách thiên na-dữu-đa Bồ Tát Ma Ha Tát, đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Phục hữu vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, hoạch đắc chúng chúng chư đà-la-ni tam-ma-địa nhân. Phục hữu vô lượng, vô số hữu tình, sơ phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, đắc bất thoái chuyển. Phục hữu vô lượng, vô số hữu tình, đãi đắc quả chứng.

(經)爾時，會中一切菩薩摩訶薩眾，一切聲聞，一切天、龍，廣說乃至一切羯吒布怛那眾，人非人等，皆大歡喜，同唱善哉，雨大香雨，雨大華雨，雨眾寶雨，雨大衣雨，一切大地皆悉震動。聞說如是十種佛輪，於眾會中，有八十四百千那庾多菩薩摩訶薩，得無生法忍。復有無量菩薩摩訶薩，獲得種種諸陀羅尼三摩地忍。復有無量，無數有情，初發無上正等覺心，得不退轉。復有無量，無數有情，逮得果證。

(Kinh: Lúc bảy giờ, trong hội, hết thấy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy Thanh Văn, hết thấy trời, rồng, nói rộng là cho đến hết thấy các Yết Trá Bồ Đát Na, nhân phi nhân v.v... đều hoan hỷ to lớn, cùng xướng “lành thay”, tuôn mưa hương to, tuôn mưa hoa to, tuôn mưa các thứ báu, tuôn mưa to y phục, hết thấy đại địa thấy đều chấn động. Nghe nói mười loại Phật Luân như thế, trong chúng hội, có tám mươi bốn trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát Ma Ha Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Lại có vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được các thứ đà-la-ni tam-ma-địa nhân. Lại có vô lượng vô số hữu tình sơ phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, đạt được bất thoái chuyển. Lại có vô lượng vô số hữu tình đều được chứng quả).

Đức Phật thuyết pháp, từ trời, rồng cho đến Càn Đát Bà (Càn Thát Bà), A Tu La, cho đến nhân phi nhân v.v... do nghe đức Phật giảng về Phật Luân, đều hoan hỷ to lớn. Những người tham dự hội ấy là tứ chúng đệ tử, có Bồ Tát, có Thanh Văn, cũng có Duyên Giác, do được nghe đức

Phật thuyết pháp, họ đều hoan hỷ. “*Đồng xướng thiện tai*” (Cùng xướng “lành thay”) cũng là tán thán. Đồng thời, ở trong hội, tuôn xuống mưa hương, “*vũ đại hoa vũ*” là dùng các thứ hương, hoa, vật báu để cúng dường. Số lượng [nhiều đến nỗi] phải dùng chữ Vũ để hình dung, giống như trời giáng xuống một trận mưa ngọt vậy. Khi ấy, hết thầy đại địa sáu thứ chấn động. Đại địa đều bị chấn động, nghĩa là khi đức Phật thuyết pháp ấy đã chiêu cảm đất đai đều rung động. Nghe nói mười thứ Phật Luân như vậy, nghe Phật Luân ấy, những người nghe pháp trong hội, có tám mươi bốn trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát Ma Ha Tát. “*Na-dữu-đa*” là triệu, “*Câu-xá-la*” là ức, cũng là một ức triệu. Ở trong hội ấy, có bao nhiêu vị đại Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn? Nhiều đến tám mươi bốn trăm ngàn triệu Bồ Tát như vậy đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

“*Phục hữu vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát hoạch đắc chủng chủng chư đà-la-ni tam-ma-địa nhĩ*” (Lại có vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được các thứ đà-la-ni tam-ma-địa nhĩ), chứng đắc vô lượng tam-muội. “*Đà-la-ni*” là tổng trì, tổng trì hết thầy các pháp.

“*Phục hữu vô lượng vô số hữu tình, sơ phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, đắc bất thoái chuyển*” (Lại có vô lượng vô số hữu tình sơ phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, đắc bất thoái chuyển): Có các chúng sanh ở trong hội ấy phát Bồ Đề tâm, đạt được địa vị Bất Thoái Chuyển. Bất Thoái Chuyển là nói đến tín tâm. Sau khi đã tin bèn phát tâm, đã phát tâm sẽ chẳng lui sụt tín tâm. Còn có vô lượng hữu tình được chứng quả. Quả họ đã chứng chính là Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, hoặc là Duyên Giác. Đây là nói khi đức Phật giảng Thập Luân, có nhiều vị Bồ Tát, có nhiều hữu tình như vậy hoặc là phát tâm, hoặc là chứng quả, có người chứng địa vị Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đây là phần kinh văn nói về lợi ích sau khi nghe thuyết pháp. Quyển thứ hai tức phẩm Thập Luân đã giảng xong.

Phiền não của chúng sanh trong đời ác ngũ trược cứng cõi như kim cương, mọi người đều có thể lãnh hội. Bất quá, giết Phật, làm thân Phật chảy máu thì chẳng thể, nhưng phá hoại tượng vẽ trên giấy, hoặc tượng bằng đất nặn, gỗ khắc, sẽ có tội tương ứng như thế. Phá pháp, tức [phá hoại] Đế pháp (諦法), báng Tăng, ở trong Tăng chúng xúc xiêm ly gián, phá hòa hợp Tăng, đòn xóc hai đầu, khuấy động thị phi, tội ấy to lắm. Đây chẳng phải là nói kẻ đó dùng khẩu nghiệp khuấy động thị phi mà là do phá hòa hợp Tăng, bèn trở thành tội nghịch. Trong hiện thời, chỉ sợ rằng tình huống ấy chẳng ít. Chúng sanh tạo nghiệp này rất nhiều,

bất quá trong quá khứ, rất ít nghe thấy hiện tượng giết cha, giết mẹ. Hiện thời, các vụ án về tội phạm loại này cũng chẳng ít. Vì sao? Nghiệp nặng! Phước nghiệp của chúng sanh càng lúc càng nhẹ, thậm chí chẳng còn. Do vậy, trong xã hội mới xuất hiện hiện tượng ấy. Đức Phật nói: “*Pháp pháp trong thế gian, chẳng rời thế gian giác*”. Trên đây, đã dùng Thập Luân của Phật để đối chiếu Thập Luân của thế gian, tức Thập Luân của vua Sát-đế-lợi, đó là pháp thế gian, hiện tượng trong thế gian. Đức Phật từ trong thế gian, vượt thoát thế gian, đạt tới xuất thế gian. Đây chỉ là phẩm thứ hai do đức Phật nói.

Bắt đầu từ phẩm thứ ba, sẽ giải thích rộng khắp ý nghĩa của Phật Luân, cũng như ý nghĩa của pháp thế gian nơi vua Sát-đế-lợi, hai tình huống đều cùng tồn tại. Bất quá, trong tình huống hiện thời, nơi pháp thế gian, chúng sanh tạo mười ác nghiệp nghiêm trọng hơn, người tạo Thập Thiện Nghiệp rất ít, chứ chẳng phải là không có. Đệ tử quy y Tam Bảo đều hành mười thiện nghiệp, nhưng so với năm mươi bảy ức dân cư trên cả thế giới để nói, vẫn là thiểu số. Còn như những vị Bồ Tát chứng quả thành đạo, đạt được các môn đà-la-ni tam-ma-địa chắc là chẳng có. Dầu có đi nữa, chúng ta do chẳng đủ phước huệ, cũng chẳng thể thấy được! Đã phát Bồ Đề tâm, đã có thể tin tưởng, mà cũng chẳng hoài nghi, đối với Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo đã tin rồi, sẽ có thể khởi hạnh, chiếu theo lời chỉ dạy của đức Phật để hành, hạng chúng sanh như vậy rất ít!

III. Vô Y Hạnh - Phẩm Đệ Tam

無依行品第三

(Phẩm thứ ba: Vô Y Hạnh)

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung hữu Đại Phạm Thiên, danh viết Thiên Tạng, cửu thực thiện căn, trụ Đệ Thập Địa, cụ chư Bồ Tát Ma Ha Tát đức, tức tùng tòa khởi, hiệp chưởng lễ Phật, nhi thuyết tụng ngôn: “Công đức tạng huệ hải, ngã kim vấn sở nghi, nguyện huệ hải thù thính, vị ngã trừ nghi trệ. Ngã đẳng kim khát ngưỡng, đức tạng thắng pháp vị, cập tối thượng nghĩa vị, cử chúng hàm dục vấn”.

(經)爾時，會中有大梵天，名曰天藏，久植善根，住第十地，具諸菩薩摩訶薩德，即從座起，合掌禮佛，而說頌言：「功德藏慧海，我今問所疑，願慧海垂聽，為我除

疑滯。我等今渴仰，德藏勝法味，及最上義味，舉眾咸欲聞」。

(*Kinh: Lúc bảy giờ, trong hội có Đại Phạm Thiên, tên là Thiên Tạng, gieo thiện căn đã lâu, trụ Đệ Thập Địa, trọn đủ các đức của Bồ Tát Ma Ha Tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, lễ Phật, bèn nói kệ tụng rằng: “Biển huệ, kho công đức. Con nay hỏi điều nghi. Nguyên biển huệ lắng nghe. Vì con trừ nghi trệ. Chúng con nay khát ngưỡng, thắng pháp vị đức tạng, và nghĩa vị tối thượng. Đại chúng đều muốn nghe”*).

Bài kệ tụng này tán thán công đức của Phật, “*tạng huệ hải*” (藏慧海) là nói đến những lời đức Phật dạy. Phật chứa đựng hết thảy công đức, hàm tàng hết thảy trí huệ, sâu như biển, rộng như biển. Phạm Thiên nói “*ngã kim vấn sở nghi*”, [nghĩa là] nay con có đôi chút nghi hoặc, có thể thưa hỏi hay chẳng? Có thể thỉnh cầu hay chẳng?

“*Nguyện huệ hải thùi thỉnh*” (Xin biển huệ rủ lòng nghe): Kính xin đức Phật thương xót, cho phép con nói, như vậy thì sẽ có thể trừ nổi nghi hoặc ấy cho con. “*Nghi hoặc*” là vướng mắc, ngăn ngại. Hễ có nghi hoặc, ngăn ngại, sẽ chẳng thể tiến thêm được. Khử trừ nghi hoặc thì con mới có thể tu. Chúng con và đại chúng tham dự pháp hội đều khát ngưỡng, khát ngưỡng gì vậy? “*Đức tạng thắng pháp vị*” (Pháp vị thù thắng nơi kho công đức). “*Đức tạng*” (德藏) là [từ ngữ] ca ngợi Phật, ca tụng đức Thế Tôn chứa đựng hết thảy công đức, có pháp vị thù thắng. “*Pháp vị*” (法味) là khi đức Phật thuyết pháp, sẽ có một loại hương vị, giống như khi chúng ta ăn uống, cảm nhận diệu vị sanh khởi. Ở đây là diệu vị của các pháp, như khi quý vị sanh khởi tâm hoan hỷ, sanh khởi tâm hớn hở, sanh khởi tâm tinh tấn, sanh khởi tâm sám hối. Chuyện này bao hàm rất nhiều [ý nghĩa], tùy thuộc huệ lực khi nghe pháp của mỗi người, cũng như do sức thiện căn của chính mình.

“*Tối thượng nghĩa vị*” là pháp vị do nghe pháp, nghe Đệ Nhất Nghĩa Đế tối thượng. Nghĩa ấy là Đệ Nhất Nghĩa, ai nấy đều mong đạt được loại Đệ Nhất Nghĩa thù thắng ấy, có trí vị, lại còn có thể no đủ. Nghe pháp vị mà như thọ dụng thức ăn, chính mình hãy tự tu, hãy tu đi! Do vậy, hiện thời mọi người đều mong được nghe.

Trước hết, chúng ta phải biết hàm nghĩa của phẩm Vô Y Hạnh thì mới biết được ý nghĩa pháp vị ấy. Vô Y Hạnh là làm những điều chẳng

đáng nương cậy. Điều đó có nghĩa là khi quý vị thực hiện một pháp nào đó, lẽ ra pháp đó phải là cơ sở để thiện căn và công đức nương vào đó mà sanh khởi, nhưng cái pháp mà quý vị đang hành đó lại chẳng thể làm cơ sở [cho thiện căn và công đức] nương cậy [hòng sanh khởi] được! Vô Y (無依) là “không nương cậy được”. Hành pháp (pháp được thực hiện) vốn là chỗ nương tựa để sanh khởi công đức và thiện căn; [thế mà các hành pháp được nói trong phẩm này] là Vô Y, tức là chúng chẳng thể dùng làm cơ sở để sanh khởi [thiện căn, công đức] được! Vì sao chẳng thế? Hoặc là do quý vị duyên niệm tà tri, tà kiến, tạo tác đủ loại nghiệp. Hoặc do ác duyên, chẳng gặp gỡ minh sư, mà gặp bạn ác dẫn dụ, vậy thì khi quý vị hành pháp, các pháp ấy chẳng thể làm chỗ nương cậy cho công đức và thiện căn, tức là những gì quý vị đã làm chẳng thể sanh ra thiện căn, chẳng thể sanh ra công đức. Vậy thì sẽ sanh ra gì? Sanh ra các tội lỗi. Dưới đây, [đức Phật sẽ kê ra] có tất cả mười loại.

(Kinh) Phật cáo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: “Nhu Lai kim giả tứ nữ ý vấn, đương tùy vấn đáp, linh như tâm hỷ”. Đại Phạm Thiên ngôn: “Duy nhiên, Thế Tôn!” Dĩ tụng vấn viết: “Lợi huệ tu Định giả, an trụ bất phóng dật, vị trụ Thắng Nghĩa Đệ? Vị y chỉ sanh tử? Trú dạ u pháp nghĩa, tinh cần nhi tụng tập, vị độ phiền não hải? Vị thoái đọa ác thú? Dũng mãnh cần doanh phước, vị định thú Niết Bàn? Vị xử sanh tử trung, thoái đọa u ác thú? Thông huệ Sát-đế-lợi, thành tựu thập chủng luân, vị trầm sanh tử trung? Vị đương thăng Phật quả? Tụ nhiệm tâm nan phục, chư phiền não sở loạn, dĩ hà tịnh kỳ tâm, tu Định, phước, tụng nghiệp?”

(經)佛告天藏大梵天言：「如來今者恣汝意問，當隨問答，令汝心喜」。大梵天言：「唯然，世尊！」以頌問曰：「利慧修定者，安住不放逸，為住勝義諦？為依止生死？晝夜於法義，精勤而習誦，為渡煩惱海？為退墮惡趣？勇猛勤營福，為定趣涅槃？為處生死中，退墮於惡趣？聰慧剎帝利，成就十種輪，為沉生死中？為當升佛果？雜染心難伏，諸煩惱所亂，以何淨其心，修定福誦業？」

(**Kinh:** Đức Phật bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: “Nhu Lai nay cho phép ông tùy ý hỏi, sẽ theo lời ông hỏi mà đáp, khiến cho tâm ông vui mừng”. Đại Phạm Thiên nói: “Thưa vâng, đức Thế Tôn!” Dùng kệ hỏi rằng: “Kẻ huệ bén tu Định, an trụ chẳng buông lung, sẽ trụ Thắng Nghĩa Đé, hay nương cây sanh tử? Ngày đêm đều siêng ròng, tụng tập các pháp nghĩa, sẽ vượt biển phiền não, hay thoái đọa đường ác? Dùng mãnh siêng tu phước, chắc chắn đạt Niết Bàn, hay ở trong sanh tử, lui sụt vào nẻo ác? Sát-đế-lợi thông huệ, thành tựu mười thứ luân, sẽ chìm trong sanh tử, hay ngự lên Phật quả? Tâm tạp nhiễm khó phục, các phiền não nhiều loạn, dùng gì để tịnh tâm, tu Định, phước, tụng nghiệp?”)

Đức Phật liền khen ngợi các vấn đề do Thiên Tạng Đại Phạm Thiên đã hỏi. Đức Phật bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên: “Nhu Lai nay cho phép ông tùy ý hỏi, sẽ tùy theo lời hỏi mà đáp, khiến cho tâm ông hoan hỷ”. Đại Phạm Thiên thưa: “Kính vâng, đức Thế Tôn!”, rồi dùng kệ tụng để hỏi. Trước hết, ông ta thưa thỉnh. Kệ tụng trong phần trước là để thỉnh ý Phật: Con có nghi vấn, Ngài có thể giải đáp cho con hay không? Sau khi đã giải đáp, sẽ khiến cho chúng con đều do nghe pháp mà hưởng pháp vị thù thắng, nhiệm màu, nghe nghĩa vị thù thắng nhất. “*Pháp vị, nghĩa vị*”: Trong pháp vị có chứa đựng nghĩa vị, trong pháp có chứa đựng nghĩa lý. Đức Phật lại trả lời: “*Tùy như ý vấn*”, nghĩa là: Ông muốn hỏi ta, ta sẽ giải thích, trả lời cho ông. Đại Phạm Thiên dùng bài kệ tụng này để hỏi. Ông ta nói tắt cả năm bài tụng, mỗi bài tụng là bốn câu. Ông ta nói: Người có trí huệ thông lợi mà tu Định, tức tu tam-muội, có thể chẳng buông lung. “*Chẳng buông lung*” (Bất phóng dật) tức là chẳng điệu cử (掉舉, lao chao, xáo động), mà cũng chẳng hôn trầm. Hạng chúng sanh như vậy sẽ trụ nơi Thắng Nghĩa Đé ư? Hay là vẫn phải lưu chuyển trong sanh tử? Vẫn y chỉ sanh tử để lưu chuyển, hay sẽ y chỉ Thắng Nghĩa? Tức là nói giả sử có một người trí huệ nhạy bén tu Định, an trụ trong tinh tấn, bất phóng dật để tu hành, người ấy sẽ trụ trong Thắng Nghĩa Đé, hay là vẫn nương tựa sanh tử? Đó là một vấn đề.

“*Trú dạ ư pháp nghĩa, tinh cần nhi tụng tập, vị độ phiền não hải? Vị thoái đọa ác thú?*” (Ngày đêm đều siêng ròng, tụng tập các pháp nghĩa, sẽ vượt biển phiền não? Hay thoái đọa đường ác?): “*Pháp*” chính là nghĩa lý được chứa đựng trong các bài kinh do đức Phật đã nói. Mỗi bộ kinh đều có nghĩa lý, đều là vô thượng nghĩa, là Đệ Nhất Nghĩa Đé.

Do vậy, mỗi pháp đều gọi là “*Đế pháp*” (諦法, pháp chân thật). Đối với nghĩa lý của Phật pháp, ngày đêm tu tập, đọc tụng Đại Thừa, lại còn tinh tấn, dũng mãnh, siêng năng chuyên ròng, chẳng giải đãi; như thế thì có thể vượt biển phiền não hay chăng? Người ấy làm như vậy có thể vượt biển phiền não hay không? Hay sẽ thoái đọa vào đường ác? Bài kệ này có ý nghĩa giống bài tụng trên: [Chỗ khác biệt là] một đấng tu Định, một đấng đọc tụng Đại Thừa để tu Huệ và tu phước.

Kẻ đó là chăm lo tu phước. “*Dũng mãnh cần doanh phước*” (Dũng mãnh, siêng tu phước): Làm hết thảy các Phật sự, luôn luôn dũng mãnh, chuyên ròng, siêng năng thực hiện. “*Vị định thú Niết Bàn? Vị sử sanh tử trung, thoái đọa u ác thú?*”, ý nói: Loại chúng sanh chuyên tu tạo phước nghiệp ấy có thể dùng sức phước đức để tiến hướng Niết Bàn hay không? Hay là vẫn ở trong sanh tử, lui đọa vào nẻo ác? Đây lại là một điều nữa!

Vấn đề thứ hai, Sát-đế-lợi thông minh, có trí huệ, thành tựu mười loại luân, “*vị trảm sanh tử trung? Vị đương thăng Phật quả?*” (sẽ chìm trong sanh tử? Hay ngự lên Phật quả?): Đối với các vua thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi như đã nói trong phần trước, tức Sát-đế-lợi được quán đảnh làm vua, đã thành tựu mười loại vương luân, lên ngôi Kim Luân Vương, hoặc ngôi vua Đổng Luân. Sát-đế-lợi [làm Luân Vương] có bốn loại, chúng ta luôn nói đến Kim Luân Vương làm vua trọn khắp bốn bộ châu. Ông ta đã thành tựu mười loại vương luân, sẽ vẫn chìm đắm trong sanh tử, hay là sẽ thăng lên Phật quả? Tức là có thể thành Phật quả hay không?

“*Tạp nhiễm tâm nan phục, chư phiền não sở loạn, dĩ hà tịnh kỳ tâm, tu Định, phước, tụng nghiệp?*” (Tâm tạp nhiễm khó hàng phục, bị các phiền não làm loạn, làm thế nào để tịnh cái tâm, tu Định, tu phước, hay đọc tụng?): Đây là phần kệ tụng nhằm nêu chung những điều ấy. Chúng sanh trong hiện thời, bất luận tu Định cũng thế, mà tu tụng nghiệp (đọc tụng Đại Thừa) cũng thế, chúng sanh lo tu phước cũng thế, tâm họ toàn là tâm tạp nhiễm. Đối với vị Sát-đế-lợi được quán đảnh làm vua, vì sao ông ta (Thiên Tạng Đại Phạm Thiên) hỏi như thế? Lo tu tạo phước thì có thể tiến hướng Niết Bàn hay không? Do nghiệp trì tụng có thể đạt đến Phật quả hay không? Tu Định có thể thành tựu tam-ma-địa hay không? Nêu ra một đấng là chánh diện, một đấng là tương phản, vì sao ông ta hỏi như vậy? “*Tạp nhiễm tâm nan phục*” (Tâm tạp nhiễm khó hàng phục).

Cái tâm phiền não, cái tâm tạp nhiễm của chúng sanh rất khó điều phục. Thường là trong khi hành đạo, cái tâm của họ chẳng thể chuyên chú một cảnh, sẽ bị phiền não nhiễu loạn, dùng phương pháp gì thì mới có thể giữ cho cái tâm thanh tịnh để tu Định, hay tu phước, để thực hiện sự nghiệp thù thắng như thế?

Trong thời đại hiện tại, nhằm lúc Mạt Pháp, có rất nhiều đạo hữu tu Định, cho đến đọc tụng Đại Thừa, ấn định công khóa thường nhật, cũng như công khóa sáng tối trong các chùa miếu đều là đọc tụng Đại Thừa, còn có một số mật chú, làm Phật sự, hoặc là tụng kinh, lễ bái. Hoặc là có các đạo hữu, do trai chủ tới thỉnh cầu, sắp đặt cúng chay để tạo phước. Vậy thì làm những phước nghiệp ấy có thể thành đạo hay không? Có thể thành tựu Phật quả, thành tựu đạo nghiệp hay không? Vì sao hỏi như vậy? Vì khi họ thực hiện [những điều đó], cái tâm họ là tâm tạp nhiễm. Tâm tạp nhiễm chính là hai thứ tâm thiện và ác đều có, tâm họ chẳng thể chuyên chú một cảnh.

Khi tụng kinh, mọi người đều biết, chẳng dễ chuyên chú nơi nghĩa chặng đầu, nghĩa chặng giữa, và nghĩa chặng cuối trong kinh văn. Bắt đầu từ câu thứ nhất là đọc tựa đề kinh, cho đến cuối cùng là hồi hướng, sau khi đã đọc xong, trong khoảng ấy, có tạp loạn vọng tưởng hay không? Tâm có thanh tịnh hay không? Bản thân chúng ta đều có thể phán đoán. Có khi tâm thanh tịnh, có lúc niệm thì cứ niệm vậy, chẳng biết niệm đến chỗ nào rồi! Có lúc niệm mà ngủ gà ngủ gật cũng có! Có lúc do chẳng dụng công, còn chẳng nhận biết nữa kia. Hễ dụng công thì [sẽ nhận biết] hôn trầm lẫn điệu cử đều xuất hiện đủ mặt! Trong chốc lát này nghĩ đến chuyện khác, chốc lát sau lại nghĩ đến chuyện khác nữa! Hai đẳng đều dễ bị quấy nhiễu nhất.

Trong khi niệm kinh thì miệng vẫn niệm, dường như niệm lâu lâu. Niệm phẩm Phổ Môn đã nhiều năm rồi, đã niệm mười mấy năm trở lên, thuộc nằm lòng rồi. Hoặc như chúng ta bái sám, bái chãng bao lâu, mọi người đều thuộc lòng. Đã thuộc rồi, càng dễ tán loạn. Miệng thì niệm đây, tâm chạy đến chỗ khác mất tiêu rồi! Như vậy thì có phước báo hay không? Tôi cho rằng vẫn có. Tối thiểu là khẩu nghiệp và thân nghiệp đã định, chỉ là chưa thể thanh tịnh vọng tưởng! Phạm Thiên nêu câu hỏi: Làm thế nào để có thể thanh tịnh cái tâm? Muốn tịnh tâm thì phải tu Định, tu phước, cho đến đọc tụng như thế nào thì hiệu quả mới to lớn. Nếu dùng cái tâm tạp nhiễm thì do phiền não tạp loạn quý vị, có công đức hay không? Đức Phật có phương pháp thiện xảo phương tiện nào, khiến cho các chúng sanh ấy trừ bỏ cái tâm tạp nhiễm để tu Định, tu

phước, hoặc tập tụng hay không? Câu hỏi của Phạm Thiên chứa đựng ý nghĩa như thế đó.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo bĩ Thiên Tạng Đại Phạm Thiên viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ thiện biện tài, năng vấn tư nghĩa. Nhữ u thử pháp, dĩ tác cù lao. Nhữ u chư hạnh, dĩ đắc viên mãn. Nhữ u quá khứ Cãng-già sa đẳng Phật Thế Tôn sở, dĩ cần tam nghiệp, hưng long chánh pháp, thiệu Tam Bảo chủng, kim vị nhiều ích vô lượng chúng sanh, phục vấn Như Lai như thị thâm nghĩa. Thiện nam tử! Hữu đại ký biệt pháp, danh Vô Y Hạnh, quá khứ nhất thiết chư Phật Thế Tôn, vị dục thành thực chư hữu tình cố, vị linh yếm ly sanh tử pháp cố, vị linh trừ đoạn nghiệp phiền não cố, vị linh tam thừa tốc viên mãn cố, tuyên thuyết, trụ trì thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp”.

(經)爾時，世尊告彼天藏大梵天曰：「善哉！善哉！汝善辯才，能問斯義。汝於此法，已作劬勞。汝於諸行，已得圓滿。汝於過去殑伽沙等佛世尊所，已勤三業，興隆正法，紹三寶種，今為饒益無量眾生，復問如來如是深義。善男子！有大記別法，名無依行，過去一切諸佛世尊，為欲成熟諸有情故，為令厭離生死法故，為令除斷業煩惱故，為令三乘速圓滿故，宣說住持此無依行大記別法。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: “Lành thay! Lành thay! Ông biện tài hay khéo, có thể hỏi nghĩa ấy. Đối với pháp ấy, ông đã nhọc nhằn tu tập. Đối với các hạnh, ông đã viên mãn. Trong quá khứ, ông đã ở nơi các vị Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, dùng ba nghiệp siêng năng để chánh pháp hưng thịnh, tiếp nối chủng tánh Tam Bảo, nay vì muốn lợi ích vô lượng chúng sanh, lại hỏi Như Lai nghĩa sâu như thế. Nay thiện nam tử! Có pháp đại ký biệt tên là Vô Y Hạnh, hết thấy chư Phật Thế Tôn trong quá khứ vì muốn thành thực các hữu tình, vì muốn khiến cho họ chán lìa pháp sanh tử, vì muốn đoạn trừ nghiệp phiền não, vì khiến cho tam thừa mau viên mãn mà tuyên nói, duy trì pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này).

Đức Phật trả lời Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: “Ông hỏi rất hay! Ông biện tài vô ngại, biện tài khéo léo, cho nên có thể hỏi đạo lý này”. Chữ “*Tư*” (斯) chỉ những vấn đề đã được nêu ra trước đó. “*Tư nghĩa*” (斯義) tức là “*nghĩa lý ấy*”. “*Nhữ u thử pháp dĩ tác cù lao*” nghĩa là: Đối với pháp này, ông đã tu tập rất lâu. “*Cù lao*” (劬勞) là tán thán ông ta rất vất vả, rất tinh tấn. Do vậy, đối với các pháp mà ông đã hỏi, ông đã hành viên mãn. Do các hạnh đã viên mãn, ông đã đạt đến Thập Địa, trụ trong địa vị Thập Địa Bồ Tát, tức là đạt tới Pháp Vân Địa, đã sắp viên mãn. Ông không chỉ hỏi ta trong hiện tại, mà còn ở nơi chư Phật Thế Tôn trong quá khứ nhiều như cát sông Hằng, ông cũng hỏi như thế.

Ông đã từng tu trì loại nghĩa sâu này, đã tự mình tu tập, đã có kinh nghiệm, Phạm Thiên đã biết. Khi tu Định, tu đọc tụng Đại Thừa nhằm tu huệ nghiệp, do cái tâm tạp nhiễm, bị phiền não nhiễu loạn, có thể liễu sanh tử hay không? Có thể chứng đắc Phật quả hay không? Ông ta đã từng kinh nghiệm: Dùng cái tâm tạp nhiễm, sẽ chẳng thể chứng đắc, ắt phải đạt được cái tâm thanh tịnh. Có phương pháp nào có thể khiến cho cái tâm của người ấy chẳng vọng động hay không, có thể chứng đắc cái tâm thanh tịnh hay không? Do vậy, đức Phật tán thán: Trong vô lượng kiếp quá khứ, đối trước chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, ông đã dùng ba nghiệp thân, miệng, ý để siêng năng chuyên ròng tu hành, hộ trì chánh pháp, hưng thịnh chánh pháp, tiếp nối chủng tánh Tam Bảo, cũng đã từng hỏi chư Phật Thế Tôn [những ý nghĩa] như thế. Vì lợi ích vô lượng chúng sanh, nay ông ta lại hỏi ta nghĩa sâu như thế. Đạo lý này rất sâu! Ông nói cái tâm tạp nhiễm, chẳng có phước báo, lại do đâu mà đạt được tịnh tâm ư? Thiện căn phải do gieo bồi dần dần, Hoặc nghiệp dần dần tiêu. Chư Phật, Bồ Tát đều tu hành trải qua vô lượng kiếp. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện hóa thân, tu suốt ba đại A-tăng-kỳ kiếp, [thật ra], há nào phải chỉ có ba đại A-tăng-kỳ kiếp? Địa Tạng Bồ Tát tu hành vô lượng, vô lượng kiếp, rất nhiều ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Do vậy, Phật đạo khó thành!

Này thiện nam tử! Có pháp đại ký biệt tên là Vô Y Hạnh, chư Phật đều như thế. “*Đại ký biệt*” (大記別) là thọ ký, tức đức Phật dự đoán trong tương lai sẽ như thế này, như thế nọ; đó gọi là Ký Biệt (記別). Cho đến đức Phật chứng thực cho một vị đệ tử nào đó, nói: “Cho đến khi nào đó, đã trải qua bao nhiêu kiếp, ông sẽ thành Phật. Khi thành Phật, ông sẽ

có danh hiệu là gì, quốc độ ấy tên là gì, thế giới ấy tên là gì”. Đó gọi là Thọ Ký (授記). [Đại Ký Biệt] ở đây là nói về thuyết pháp. “Đại ký” (大記) là nói về pháp, chẳng nói về người. Nói trong tương lai, hết thầy chúng sanh sẽ như thế này, như thế nọ, đây cũng là Ký Biệt. [Tiên đoán về tình hình trong các giai đoạn] Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp, thì cũng là ý nghĩa Ký Biệt. Trong thời đại Mạt Pháp, chúng sanh sẽ như thế này, như thế nọ, thậm chí Phật pháp thừa thớt, tạo nghiệp nhiều, Đoạn Kiến, Thường Kiến, ác kiến rất nhiều.

(Kinh) Hiện tại, thập phương chư Phật Thế Tôn, diệc vị thành thực chư hữu tình cố, vị linh yếm ly sanh tử pháp cố, vị linh trừ đoạn nghiệp phiền não cố, vị linh tam thừa tốc viên mãn cố, tuyên thuyết, trụ trì thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp. Vị lai nhất thiết chư Phật Thế Tôn, diệc vị thành thực chư hữu tình cố, vị linh yếm ly sanh tử pháp cố, vị linh trừ đoạn nghiệp phiền não cố, vị linh tam thừa tốc viên mãn cố, tuyên thuyết, trụ trì thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp. Nhữ u quá khứ chư Như Lai sở, dĩ cụ đắc văn thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp. Ngã u kim giả, diệc vị thành thực chư hữu tình cố, vị linh yếm ly sanh tử pháp cố, vị linh trừ đoạn nghiệp phiền não cố, vị linh tam thừa tốc viên mãn cố, tuyên thuyết, trụ trì thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp. Nhữ ung để thính! Thiện tư niệm chi! Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết”.

(經)現在，十方諸佛世尊，亦為成熟諸有情故，為令厭離生死法故，為令除斷業煩惱故，為令三乘速圓滿故，宣說住持此無依行大記別法。未來一切諸佛世尊，亦為成熟諸有情故，為令厭離生死法故，為令除斷業煩惱故，為令三乘速圓滿故，宣說住持此無依行大記別法。汝於過去諸如來所，已具得聞此無依行大記別法。我於今者，亦為成熟諸有情故，為令厭離生死法故，為令除斷業煩惱故，為令三乘速圓滿故，宣說住持此無依行大記別法。汝應諦聽！善思念之！吾當為汝分別解說」。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Hiện tại, mười phương chư Phật Thế Tôn cũng vì thành thực các hữu tình, vì khiến cho họ chán lìa pháp sanh tử, vì khiến cho họ đoạn trừ nghiệp phiền não, vì khiến cho tam thừa mau viên mãn mà tuyên nói, duy trì pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Vị lai hết thấy chư Phật Thế Tôn cũng vì thành thực các hữu tình, vì khiến cho họ chán lìa pháp sanh tử, vì khiến cho họ đoạn trừ nghiệp phiền não, vì khiến cho tam thừa mau viên mãn mà tuyên nói, duy trì pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Trong quá khứ, ông đã ở chỗ các đức Như Lai, được nghe trọn vẹn pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Ta nay cũng vì thành thực các hữu tình, vì khiến cho họ chán lìa pháp sanh tử, vì khiến cho họ đoạn trừ nghiệp phiền não, vì khiến cho tam thừa mau viên mãn mà tuyên nói, duy trì pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Ông hãy nên lắng nghe! Khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói”).

Bất luận quá khứ, hiện tại, hay vị lai chư Phật, tam thế chư Phật vì muốn khiến cho hết thấy chúng sanh đoạn nghiệp, đoạn Kiến Hoặc, và đoạn phiền não của họ, khiến cho họ thành thực, lìa khỏi sanh tử, chúng đắc Niết Bàn, thành tựu quả vị tam thừa, chẳng còn luân hồi trong sáu đường nữa, cũng tuyên nói pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Tam thế chư Phật đều nói như thế. “*Nhữ*” (ông) là nói với Thiên Tạng Đại Phạm Thiên: Ông đã ở nơi quá khứ chư Phật, đã được nghe pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Ông đã được nghe rồi, nhưng vì duyên có lợi ích chúng sanh, lại xin ta nói. Nay ta cũng vì thành thực hết thấy các hữu tình, khiến cho hết thấy hữu tình đoạn phiền não, chúng Bồ Đề, vì làm cho họ chán lìa sanh tử, vì làm cho họ chúng đắc Niết Bàn, vì làm cho họ chúng các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chóng thành tựu viên mãn, cho nên cũng sẽ tuyên nói pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này!

“*Nhữ ưng để thính!*” nghĩa là: Ông hãy nghe cho kỹ, nghe đúng như lý. Đối với mọi người thính pháp, đức Phật đều bảo “*hãy nghe như lý*”, “*để thính*”. Từ Bồ Tát thuộc quả vị Thập Địa cho đến Văn Thù Bồ Tát thưa hỏi, Địa Tạng Bồ Tát thưa hỏi, đức Phật đều dạy hãy “*để thính, như lý thính*” (hãy lắng, nghe đúng lý), [nói như vậy] nhằm dạy chúng ta [hãy nghe như lý, lắng nghe chân thật]. Chúng ta nhất định phải như lý mà suy xét. Nói là Văn (聞) tức là nghe, nghe chính là Văn Huệ. Văn, Tư, Tu, chẳng nghe thì làm sao có thể tư duy cho được? Chẳng tư duy, quý vị làm sao có thể tu? Nếu không, sẽ là tu mù! Quý vị phải biết tu

như thế nào, hành trì như thế nào? Hành trì sẽ có phương pháp để hành trì. Do vậy, dạy quý vị phải “*đế thính*”.

(Kinh) Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: “Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn”. Phật ngôn: - Đại Phạm! Hữu thập chủng Vô Y Hạnh pháp, nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, thượng bất năng thành Dục Giới thiện căn. Thiết sử tiên thành, tầm hoàn thoái thất. Huống đương năng thành Sắc, Vô Sắc Định, nãi chí tam thừa, tùy thành nhất thừa?

(經)爾時，天藏大梵天言：「唯然，世尊！願樂欲聞」。佛言：「大梵！有十種無依行法，若修定者，隨有一行，尚不能成欲界善根。設使先成，尋還退失。況當能成色、無色定，乃至三乘，隨成一乘？」

(Kinh: Lúc bảy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên thưa: “Kính vâng, đức Thế Tôn! Con xin ưa thích nghe”. Đức Phật dạy: - Nay Đại Phạm! Có mười pháp Vô Y Hạnh, nếu người tu Định mà có bất cứ một hạnh nào, sẽ còn chẳng thể thành tựu thiện căn trong Dục Giới. Giả sử [thiện căn ấy] đã thành tựu trước đó, sẽ lập tức lui sụt, mất đi. Huống hồ sẽ có thể thành tựu Sắc Giới Định và Vô Sắc Giới Định, cho đến thành tựu một thừa nào trong tam thừa ư?)

“*Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: - Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn*” (Lúc bảy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên thưa: - Kính vâng, đức Thế Tôn! Con xin ưa thích nghe): Con nhất định sẽ vâng theo lời đức Phật căn dặn, chăm chú nghe, rất mong được nghe lời Phật dạy. “*Phật ngôn: - Đại Phạm! Hữu thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, thượng bất năng thành Dục Giới thiện căn. Thiết sử tiên thành, tầm hoàn thoái thất. Huống đương năng thành Sắc, Vô Sắc Định, nãi chí tam thừa tùy thành nhất thừa?*” (Đức Phật dạy: - Nay Đại Phạm! Có mười pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định mà có bất cứ một hạnh nào, còn chẳng thể thành tựu thiện căn trong Dục Giới. Giả sử [thiện căn ấy] đã thành tựu trước đó, vẫn bị lập tức lui sụt, mất đi. Huống hồ sẽ có thể thành tựu Sắc Giới Định và Vô Sắc Giới Định, cho đến thành tựu một thừa trong ba thừa ư?) Đây là nói có mười loại pháp Vô Y Hạnh. Khi người ấy hành theo pháp Vô Y,

chẳng nương tựa Tam Bảo, chẳng nương tựa giáo pháp của đức Phật, như thế thì tu Định sẽ chẳng thể thành công!

Mười loại pháp Vô Y Hạnh ấy, hễ có một loại, đều chẳng thể thành tựu. Ngay cả thiện căn trong Dục Giới còn chẳng thể thành tựu được. Nếu người ấy đã thành tựu trước đó, khi người ấy hành theo các pháp ấy, tức là trong mười loại Vô Y mà có một loại Vô Y, những gì người ấy đã đạt được trước kia đều bị thoái thất. Thiện căn và phước báo của chúng ta chẳng phải là vô hạn lượng. Nếu đời này chẳng tu, phước báo trước kia sẽ bị lui sụt, mất đi trong đời này. Đời này hưởng thụ hết rồi, sẽ chẳng còn nữa! Người học đạo nếu chẳng tinh tấn, hễ giải đãi thì “*học đạo như thuyền bơi ngược nước, chẳng tiến, ắt lùi*”. Quý vị chẳng dùng mãnh tinh tấn, khi chưa đạt tới địa vị Bất Thoái, sẽ vẫn bị lui sụt, trừ phi đã thành Phật! Đã thành Phật thì thân, miệng, ý của vị đó chẳng cần phải phòng hộ hoặc nghĩ tới nữa! Chẳng cần phải tác ý, mà là tự nhiên, chẳng có một tí bất thiện nào! Các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát trước khi đạt tới Bát Địa, đều phải phòng hộ, nghĩ tưởng [gìn giữ tam nghiệp thanh tịnh]. Bậc A La Hán tuy đã chứng đắc, cho rằng Niết Bàn bất động, nhưng các Ngài vẫn phải bảo vệ thân, miệng, ý. Đó gọi là “*hữu hộ*” (有護, phải bảo vệ). Phật đã đạt tới địa vị “*bất hộ*” (不護, chẳng cần phải gìn giữ, bảo vệ ba nghiệp).

Nếu trong mười loại Vô Y Hạnh, quý vị có một loại, mà mong thành tựu thiện căn trong Dục Giới, sẽ chẳng thể được! Trước kia đã thành tựu, mà nay có Vô Y Hạnh, hễ có một pháp như vậy, quý vị sẽ thoái thất. Nếu quý vị muốn tu Thiền Định, sẽ chẳng thể đắc Thiền Định. Các môn Thiền Định đều chẳng thể đạt được! Sắc Giới Thiền Định và Vô Sắc Giới Thiền Định đều không đạt được. Cũng tức là Tứ Thiền và Tứ Không Định trong Bát Định chẳng đạt được môn nào, hưởng hồ là nói đến quả vị trong tam thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, một thừa cũng chẳng thành! Có ý nghĩa như thế đó. Dưới đây, nêu ra mười Vô Y Hạnh.

(Kinh) Hà đẳng vi thập? Nhất giả, thế hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi phạm tư duyên, kinh cầu nhiều loạn. Nhị giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi phạm Thi La, hành chư ác hạnh. Tam giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi diên đảo kiến, vọng chấp cát hung, thân tâm cương cường. Tứ giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi tâm điệu động, bất thuận hiền thánh, chư căn khinh táo.

Ngũ giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi ly gián ngữ, phá loạn bỉ thứ. Lục giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi thô ác ngữ, hủy mạ hiền thánh. Thất giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi tạp uế ngữ, cập hư cuồng ngữ. Bát giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài tham tật, ư tha sở đắc lợi dưỡng, cung kính, tâm bất hoan duyệt. Cửu giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài sân phẫn, ư chư hữu tình, tâm thường phẫn khuể. Thập giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài tà kiến, bất vô nhân quả. Đại Phạm đương tri! Thị danh thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, thượng bất năng thành Dục Giới thiện căn. Thiết sử tiên thành, tầm hoàn thoái thất. Huống đương năng thành Sắc, Vô Sắc Định, nãi chí tam thừa, tùy thành nhất thừa?

(經)何等為十？一者、世有一類，雖欲修定，而乏資緣，經求擾亂。二者、復有一類，雖欲修定，而犯尸羅，行諸惡行。三者、復有一類，雖欲修定，而顛倒見，妄執吉凶，身心剛強。四者、復有一類，雖欲修定，而心掉動，不順賢聖，諸根輕躁。五者、復有一類，雖欲修定，而離間語，破亂彼此。六者、復有一類，雖欲修定，而粗惡語，毀罵賢聖。七者、復有一類，雖欲修定，而雜穢語，及虛誑語。八者、復有一類，雖欲修定，而懷貪嫉，於他所得利養恭敬，心不歡悅。九者、復有一類，雖欲修定，而懷瞋忿，於諸有情，心常憤恚。十者、復有一類，雖欲修定，而懷邪見，撥無因果。大梵當知！是名十種無依行法。若修定者，隨有一行，尚不能成欲界善根。設使先成，尋還退失。況當能成色、無色定，乃至三乘，隨成一乘？

(**Kinh:** Những gì là mười? Một là cõi đời có một loại người, tuy muốn tu Định mà thiếu các duyên phụ trợ, sẽ bị các điều mong cầu nhiễu loạn. Hai là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà phạm Thi La, làm các hạnh ác. Ba là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà tri kiến điên đảo, xăng bậy chấp trước cát, hung, thân tâm ương ngạnh. Bốn là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà tâm xao động, chẳng thuận theo hiền thánh, các căn bộp chộp. Năm là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà nói lời ly gián, phá hoại, nhiễu loạn đôi bên. Sáu là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà nói lời thô ác, hủy báng, chửi rủa hiền thánh. Bảy là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà nói lời tạp uế và lời hư dối. Tám là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà ôm lòng tham lam, ganh ghét, đối với chuyện người khác được lợi dưỡng, cung kính, tâm chẳng vui thích. Chín là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà ôm lòng sân hận, phẫn nộ, đối với các hữu tình, tâm thường phẫn nộ, giận dữ. Mười là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà thường ôm giữ tà kiến, bài bác chẳng có nhân quả. Đại Phạm hãy nên biết! Đấy gọi là mười pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định, hề có một hạnh nào, còn chẳng thể thành tựu thiện căn trong Dục Giới. Giả sử đã thành tựu trước đó, sẽ liền lui sụt, mất đi. Hướng hồ sẽ có thể thành tựu Sắc Giới Định và Vô Sắc Giới Định, cho đến chẳng thành tựu bất cứ thừa nào trong tam thừa ư?)

“Hà đẳng vi thập?” (Những gì là mười): Gạn hỏi ý nghĩa, mười loại nào vậy? “Nhất giả, thế hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi pháp tu duyên, kinh cầu nhiễu loạn” (Một là trong cõi đời có một loại người, tuy muốn tu Định mà thiếu các duyên giúp đỡ, bị các điều mong cầu nhiễu loạn): Quý vị mong tu Định thì phải có tư lương; trước hết, phải chuẩn bị tư lương. Tư lương để tu Định có hai loại:

- 1) Quý vị phải có nơi chốn thanh vắng.
- 2) Có người hộ trì quý vị. Ăn mặc, sinh sống, thứ gì cũng đều có, chẳng phải bận lòng, chẳng phải khởi tâm động niệm.

Đấy đều là tư lương để hành đạo. Còn trọng yếu hơn nữa là tư lương về pháp. Quý vị muốn tu Định, trước hết phải tu gia hạnh. Trước hết, quý vị sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng. Chúng ta đã thọ Tam Quy, đã thọ Ngũ Giới, trước hết, đều phải sám hối, đó là do ý nghĩa này. Quý vị chẳng có tư lương mà mong tu Định, tĩnh tu, sẽ chẳng thể làm được. Chẳng thể làm được thì vọng tưởng trong tâm quý vị nhất định sẽ sanh khởi: Ăn bữa này, chẳng có bữa sau, làm thế nào đây? Khi tĩnh tọa

nơi đó, sẽ nghĩ ngợi: “Ngày mai còn có gạo để bỏ vào nồi hay không?” Hoặc là quần áo để mặc không đủ, chẳng thể chống lạnh. Hoặc là chỗ quý vị tu đạo lắm muỗi quá. Muỗi đốt quý vị, khi Định lực còn chưa đủ, quý vị sẽ chẳng thể định được. Mong ở trong núi, tìm một chỗ thanh vắng, núi rừng chẳng phải là chỗ dễ ở. Nói theo Trung Hoa, khi quý vị tham cứu chưa thấu suốt, chẳng thể sống trong núi, cũng là vì quý vị chưa thể định được, chẳng có Định lực ấy. Loại Vô Y thứ nhất chính là chẳng có tư lương để nương cậy. Tu hành như vậy, sẽ chẳng thành tựu. Đó là điều thứ nhất.

“Nhi giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi phạm Thi La, hành chư ác hạnh” (Hai là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà phạm Giới Luật, làm các hạnh ác): Đã phạm giới, đã phá giới. Thi La bảo vệ quý vị. Thi La là căn bản để sanh thiện, ngăn ngừa sai trái, dứt điều ác. Nếu quý vị phạm giới, phá luật nghi, mà mong tu Định, sẽ chẳng thể được! Chẳng giữ giới thì là phạm giới. Phạm giới là hành ác hạnh. Hành ác hạnh mà muốn tu Định, sẽ chẳng thể được. Đây là Vô Y Hạnh thứ hai.

“Tam giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi diên đảo kiến, vọng chấp cát, hung, thân tâm cương cường” (Ba là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà tri kiến diên đảo, xằng bậy chấp trước cát, hung, thân tâm ương ngạnh): Muốn tu Định mà dùng tri kiến diên đảo, [chấp trước] cát, hung, họa, phước. Cát, hung, họa, phước bao gồm rất nhiều điều! *“Diên đảo kiến”* là gì? Trông thấy căn nhà này, hoặc ngôi nhà này, vừa bước vào, lướt nhìn, bèn nói: “Chỗ này không tốt! Cửa sổ kia chẳng trở đúng chỗ. Mở cái cửa nọ không tốt. Trở cửa kiểu đó sẽ chuốc lấy hung hiem, quý vị phải sửa đổi đôi chút. Phải làm như thế nào thì mới là tốt”. Đó gọi là *“diên đảo kiến”*. Cát, hung, họa, phước do nghiệp từ quá khứ của quý vị, được định đoạt bởi cái nhân trong quá khứ. Hơn nữa, người tốt lành ở chỗ ác, chỗ ác cũng biến thành tốt lành. Kẻ ác ở chỗ tốt, cát địa cũng biến thành hung địa! Hết thầy do con người, chẳng do nơi chốn, cũng chẳng do cái nhà nào!

Khi quý vị có diên đảo kiến, xằng bậy chấp trước cát, hung, họa, phước, thân tâm rất ương ngạnh, sẽ chẳng tiếp nhận chánh tri, chánh kiến. Đức Phật chẳng nói [cát, hung, họa, phước] như vậy. Cho đến những kẻ khoe khoang thần thông, thốt lời nói dối to lớn đều thuộc loại này. Cho đến coi cát, hung, họa, phước, chiêm tinh, sửa đổi tướng mạng cho người khác, đều là *“diên đảo kiến”*. Diên đảo kiến là vì diên đảo ở chỗ nào? Diên đảo nhân quả, chẳng tin tưởng thiện, ác, nhân, quả.

“*Tứ giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi tâm điều động*” (Bốn là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà tâm xáo động): Tâm chẳng định được! Điều cử (掉舉, trạo cử) là vọng niệm rất nhiều, hết sức tạp loạn, cũng chính là các căn phập phều, bộp chộp. Người tu Định tối thiểu là phải thâm nhiếp sáu căn đôi chút. Vì sao khi chúng ta tu Định phải mở mắt ba phần, nhắm mắt bảy phần? Để nhãn căn chẳng hướng ra ngoài tìm tòi, dò xét, nhìn ngó khắp nơi! Phải lắng lòng! Khi mắt tiếp xúc cảnh, phải tịch tĩnh. Khi tai nghe thấy âm thanh, phải tịch tĩnh. Vì sao phải tìm chôn tịch tĩnh? Chẳng bị khuấy nhiễu! Quý vị đứng nơi đường lớn, toàn là tiếng xe hơi qua lại, làm sao quý vị tu Định cho nổi? Tu không nổi. Các điều ấy đều thuộc loại Điều Cử. Tâm điều cử là do chẳng hành theo lời dạy bảo của thánh hiền, các căn rất phiền rối, bộp chộp, thân thể chẳng thể ngồi yên được! Sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý đều phập phều, nao động!

“*Ngũ giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi ly gián ngữ*” (Năm là có một loại người, tuy muốn tu Định mà thốt lời ly gián): Đây là hiện tượng phá giới. Đoạn trên nói về phá giới, [đoạn này nói về chuyện] châm ngòi ly gián. Nếu không nói lời khuấy động ly gián, kẻ đó sẽ chẳng thể chịu được. Cũng chính là trông thấy kẻ khác tốt đẹp, tâm hấn ganh ghét, sẽ chen vào bịa đặt, dựng chuyện, chõ mòm phá hoại đôi bên. Chuyện này chúng tôi chẳng cần nêu thí dụ, ai cũng đều hiểu đạo lý này!

“*Lục giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi thô ác ngữ*” (Sáu là lại có một loại người, tuy muốn tu Định nhưng nói lời thô ác): Miệng toàn phun ra những lời lẽ không sạch sẽ, luôn kèm theo những ngôn từ rất bần thiêu. Đó là “*thô ác ngữ*”. Hoặc là “*hủy mạ thánh hiền*” (hủy báng, chửi bới thánh hiền), trong ấy bao gồm báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, cho đến hiền nhân. Trong vòng các đạo hữu, người khác tu đạo, hấn bèn sanh khởi chướng ngại. Trong ấy, luôn chứa đựng chuyện tranh lợi. Tranh danh cũng được gộp trong ấy. Bất quá nói lời thô ác thì chẳng phải là vô duyên vô cớ mắng chửi người khác, luôn bao hàm ý nghĩa ấy. Thốt ra loại lời lẽ này, sẽ là Vô Y. Nếu quý vị tu hành vô y, thì sẽ là ác y (惡依, nương tựa vào điều ác), chẳng phải là thiện y.

“*Thất giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi tạp ược ngữ*” (Bảy là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà thốt lời tạp ược): Tuy mong tu Định, nhưng tạp ược ngữ (雜穢語) chính là ý ngữ (nói thêu dệt). “*Ý ngữ*” (綺語) là nói năng chẳng có ý nghĩa gì, cũng là tán phét, hoặc là

chuyện gẫu. Trong khi tán gẫu, ở đây được gọi “*xung xác tử*” (衝穀子), [có nghĩa là] giống như một loại ngũ cốc, nếu tuốt vỏ trấu đi, sẽ hiện ra lớp vỏ cám chân thật. Chữ Xung (衝) rất có ý nghĩa. Nhưng nói những lời chẳng có ý nghĩa, đã tạp uế, lại còn chen vào những ngôn từ chẳng sạch sẽ, lời tạp uế, tiếng hư dối, thốt lời giả dối gạt người. Đó là vọng ngữ!

“*Bát giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài tham tật*” (Tám là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà ôm lòng tham lam, ghen ghét): Keo kiệt, tham lam, ghen ty. Từ đây trở đi là ba món tham, sân, si. Bản thân kẻ ấy tham lam, chính mình chẳng đạt được, thấy người khác có được, bèn sanh lòng ghen ty. Thấy người khác được cung kính, được cúng dường, hoặc là kinh doanh, buôn bán, hoặc bất luận làm chuyện gì, hễ đạt được lợi ích, kẻ ấy không chỉ chẳng tùy hỷ, chẳng sanh vui mừng, mà còn đâm ra ghen ty. Do ghen ty, kẻ ấy liền phá hoại. Đối với sự lợi dưỡng do kẻ khác đạt được, hẳn chẳng sanh tâm cung kính, chẳng sanh tâm vui mừng, mà nảy sanh lòng ghen ghét, chướng ngại!

“*Cửu giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài sân hận, phần nộ*” (Chín là lại có loại người, tuy muốn tu Định, nhưng ôm lòng sân hận, phần nộ): Tâm sân hận đối với hữu tình khác. Kẻ đó luôn thấy người khác chẳng vừa mắt. Hoặc là thấy hành động của người khác, người ấy cũng ngứa mắt. Thấy người khác nói năng, kẻ ấy cũng chẳng bằng lòng. Trong tâm họ có một niềm sân hận. Có tâm sân hận thì sẽ có phần nộ. Phần nộ: Sân ở trong tâm, phần ở nơi tướng. Tướng ấy rõ rệt. Đối với hết thảy hữu tình, họ thường sanh khởi cái tâm phần hận. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến quan hệ lợi hại. Đối với hết thảy chúng sanh, kẻ ấy như chúng ta thường nói là kẻ “*phẫn thế, tật tục*” (憤世嫉俗, hận đời, căm ghét thế gian). Đối với thế giới này, kẻ ấy hết sức ghen ty, hết sức tham lam! Do kẻ ấy chẳng đạt được gì, bèn ganh ghét những gì kẻ khác có được. Vì thế, kẻ đó thường sanh sân hận!

“*Thập giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài tà kiến*” (Mười là có một loại người, tuy muốn tu Định mà thường ôm lòng tà kiến): Tà kiến là ngu si, tức là si trong “tham, sân, si”. Ngu si, tà kiến, chẳng tin nhân quả. Chẳng tin nhân quả, liền bài bác “chẳng có nhân quả”. Chẳng tin “làm lành được thiện, làm ác chịu ác”. Chẳng tin nhân quả, bèn là “*bát vô nhân quả*” (撥無因果, bài bác chẳng có nhân quả).

“*Đại Phạm đương tri! Thị danh thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, thượng bất năng thành Dục Giới thiện căn. Thiết sử tiên thành, tâm hoàn thoái thất. Huống đương năng thành Sắc, Vô Sắc Định, nãi chí tam thừa, tùy thành nhất thừa?*” (Đại Phạm nên biết: Đó gọi là mười loại pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định mà có bất cứ một hạnh nào, sẽ còn chẳng thể thành tựu thiện căn trong Dục Giới. Giả sử đã thành từ trước, liền bị lui sụt, mất đi. Huống hồ có thể thành tựu Sắc Giới Định và Vô Sắc Giới Định, cho đến có thể thành tựu một thừa trong ba thừa ư?): Đức Phật lại bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên: - Ông phải nên biết: Những điều ta vừa nói trên đây được gọi là “mười loại Vô Y Hạnh pháp”. Khi hành pháp, chẳng thuận theo thiện pháp, mà tạo tác đủ các loại ác hạnh nghiệp, làm toàn ác nghiệp, “vô y” là chẳng có thiện pháp để nương tựa. Nếu là người tu hành tu Định, trong mười loại ấy, hề có bất cứ một loại nào, mà mong thành tựu thiện căn trong Dục Giới, được sanh làm trời hay người, đạt được phước báo, chuyển thành giàu to, khi chuyển sanh sang đời sau, sẽ sống cuộc đời rất an lạc, rất vui sướng. Đó là chuyện chẳng thể đạt được!

Do vậy, chúng ta sống cuộc đời rất vui sướng, phải nên cảm tạ quá khứ của chính mình! Cầu người khác, chẳng bằng cầu chính mình. Trong quá khứ, quý vị đã tạo thiện căn, đời này tự nhiên hưởng thụ. Trong quá khứ, quý vị đã thương tổn kẻ khác rất nhiều, đời này cũng bị người khác thương tổn rất nhiều. Trong quá khứ, quý vị vô tình thương tổn kẻ khác, chính mình vẫn không biết. Đời này, quý vị cũng sẽ bị kẻ khác vô tình tổn thương. Giống như băng đảng đua xe ở Đài Loan, cảnh sát truy bắt chúng nó, hỏi vì sao chúng nó làm như vậy? Vì sao chúng nó muốn giết người? Có thù oán với kẻ bị giết hay không? Có quen biết hay không? Không quen biết! Bản thân chúng nó cũng chẳng biết vì sao phải làm như thế! Đây là do cộng nghiệp cảm vờ. Đây chẳng phải là nghiệp của một cá nhân!

Chúng ta muốn tu thiện căn để chuyển biến cái nghiệp trong quá khứ, như thế nào thì có thể? [Thế nhưng] đời này những gì đã tu toàn là Vô Y Hạnh! Như thế nào là Hữu Y Hạnh? Trong phần sau sẽ nói. Tôi có thể nói trước đôi chút, như chúng ta quy y Tam Bảo, đã thọ Tam Quy Ngũ Giới. Thọ Tam Quy Ngũ Giới là nương theo thiện hạnh, là hữu y, y (nương tựa) gì vậy? Nương tựa Tam Bảo, nương theo sự chỉ dạy trong pháp do đức Phật đã nói, tin tưởng nhân quả, đương nhiên là “*hữu y*”. Hữu Y thì không chỉ là quý vị có thể thành tựu thiện căn, mà quả vị trong tam thừa cũng có thể đạt được, nhất định có thể thành Phật!

Nhưng trong một ngày, có rất nhiều tâm tạp nhiễm, chúng ta phải là “*hễ làm bèn sám*”. Trong khi sám hối, trong khi sám hối, quý vị hồi hướng. Hồi hướng các chuyện sai lầm đã trót làm trong đời này, [đã trót] dấy lên các tạp niệm, dấy lên những ý niệm chẳng chánh xác, thân thể thực hiện các hành vi không đoan chánh, cho đến phá giới. Hễ phá giới, sẽ tùy thời sám hối. Sám hối thì sẽ lại thanh tịnh. Đây là có cái để nương cậy, nương cậy vào pháp sám hối do đức Phật đã dạy, nương theo Tam Bảo mà tu hành.

Đức Phật đã có lời chỉ dạy nhất định, chẳng hạn như bộ kinh này, chính là tu “*trì lại khừ niệm*” (giữ vững ý niệm đến đi). Đây là Hữu Y, tức là nương theo chánh pháp để tu Định, tu hành Thập Thiện Nghiệp. Đó gọi là Hữu Sở Y, có thể thành tựu đạo quả tam thừa. Không chỉ là mười loại Vô Y này; dưới đây, còn có [những loại khác].

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Hựu hữu thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, chung bất năng thành chư tam-ma-địa. Thiết sử tiên thành, tâm hoàn thoái thất. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, nhạo trước sự nghiệp. Nhị giả, nhạo trước đàm luận. Tam giả, nhạo trước thù miên. Tứ giả, nhạo trước doanh cầu. Ngũ giả, nhạo trước diễm sắc. Lục giả, nhạo trước diệu thanh. Thất giả, nhạo trước phân hương. Bát giả, nhạo trước mỹ vị. Cửu giả, nhạo trước tế xúc. Thập giả, nhạo trước Tầm Tứ.

(經)復次大梵！又有十種無依行法，若修定者，隨有一行，終不能成諸三摩地。設使先成，尋還退失。何等為十？一者、樂著事業。二者、樂著談論。三者、樂著睡眠。四者、樂著營求。五者、樂著艷色。六者、樂著妙聲。七者、樂著芬香。八者、樂著美味。九者、樂著細觸。十者、樂著尋伺。

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Lại có mười loại pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định mà hễ có một hạnh, sẽ trọn chẳng thể thành các tam-ma-địa. Giả sử đã thành tựu từ trước, sẽ liền lui sụt, mất đi. Những gì là mười? Một là ưa đắm sự nghiệp. Hai là ưa đắm đàm luận. Ba là ưa đắm ngũ nghê. Bốn là ưa đắm lo toan, mong cầu. Năm là ưa đắm sắc đẹp.

Sáu là ưa đắm tiếng màu nhiệm. Bảy là ưa đắm mùi thơm. Tám là ưa đắm mỹ vị. Chín là ưa đắm sự đụng chạm vi tế. Mười là ưa đắm Tâm Túc).

Mười pháp trong phần trước là Sơ Hạnh. Còn có mười pháp, nếu trọn đủ mười pháp ấy, quý vị mong tu đắc các môn Định, những môn Định cao sâu hơn đôi chút. Tam-ma-địa là tam-muội, đã thành tựu trong quá khứ, thế mà đời này có bất cứ một loại pháp nào trong mười loại pháp Vô Y Hạnh ấy, cũng sẽ buông xả, cũng sẽ thoái đọa, lui sụt, mất đi, chẳng còn nữa. Mười thứ danh từ ấy, sẽ được giải thích từng điều một trong phần sau.

(Kinh) Đại Phạm dương tri! Thị danh thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, chung bất năng thành chư tam-ma-địa. Thiết sử tiên thành, tầm hoàn thoái thất. Nhược bất năng thành chư tam-ma-địa, tuy tập sở dư chư thiện pháp tu, nhi hữu thị sự, truy cầu thọ dụng tín thí nhân duyên, phát khởi ác tâm, tâm sở hữu pháp, u chư quốc vương, đại thần đẳng sở, phạm chư quá tội, hoặc bị ha mạ, hoặc bị chủy đả, hoặc bị đoạn tiết chi tiết, thủ túc. Do thị nhân duyên, hoặc thành trọng bệnh, trường thời thọ khổ, hoặc tạt mạng chung, u tam ác thú, tùy sanh nhất sở, nãi chí hoặc sanh Vô Gian địa ngục, như Ôt Đạt Lạc Ca, A La Đồ Để Sa, Cù Ba Lý Ca, Đê Bà Đạt Đa. Như thị đẳng loại, thoái thất Tĩnh Lự, nãi chí đọa u Vô Gian địa ngục, thọ vô lượng chủng nan nhân đại khổ”.

(經)大梵當知！是名十種無依行法。若修定者，隨有一行，終不能成諸三摩地。設使先成，尋還退失。若不能成諸三摩地，雖集所餘諸善法聚，而有是事，追求受用信施因緣，發起噁心，心所有法，於諸國王，大臣等所，犯諸過罪，或被呵罵，或被捶打，或被斷截肢節手足。由是因緣，或成重病，長時受苦，或疾命終，於三惡趣，隨生一所，乃至或生無間地獄，如嗚達洛迦、阿邏荼底沙、瞿

波理迦、提婆達多。如是等類，退失靜慮，乃至墮於無間地獄，受無量種難忍大苦」。

(*Kinh: Đại Phạm nên biết: Đó là mười loại pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định mà có bất cứ một hạnh nào, sẽ trọn chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa. Giả sử đã thành từ trước, sẽ liền thoái thất. Nếu chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa, tuy tu tập các khôi thiện pháp khác, mà có chuyện này, [tức là] truy cầu hưởng dụng [sự cúng dường] nơi nhân duyên tín thí, phát khởi ác tâm và tâm sở hữu pháp, ở chỗ các quốc vương, đại thần v.v... phạm các tội lỗi, hoặc bị quả trách, chửi mắng, hoặc bị đánh đập, hoặc bị cắt chặt chi tiết, chân tay. Do nhân duyên ấy, hoặc thành trọng bệnh, chịu khổ lâu dài, hoặc nhanh chóng mạng chung. Trong ba đường ác, sẽ sanh về một đường nào đó, thậm chí có thể sanh vào địa ngục Vô Gián, như Ôt Đạt Lạc Ca, A La Đồ Để Sa, Cù Ba Lý Ca, Đề Bà Đạt Đa. Những kẻ như thế thoái thất Tĩnh Lự, cho đến đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu vô lượng nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng nổi”).*

“Đại Phạm đương tri!” (Đại Phạm nên biết): Đức Phật lại bảo vị Đại Phạm Thiên ấy, nói với ông ta, vì ông ta là bậc đương cơ. Nếu tu Định mà có bất cứ một hạnh nào trong mười loại pháp Vô Y Hạnh ấy, cũng chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa, mong cầu đạt được Định sâu nơi tam-ma-địa sẽ chẳng thể được. Không chỉ là chẳng thể trong đời hiện tại, mà [những gì đạt được] trong đời quá khứ “tâm hoàn thoái thất” (sẽ liền bị lui sụt, mất đi). “Nhuộc bất năng thành chư tam-ma-địa, tuy tập sở dư chư thiện pháp tu, nhi hữu thị sự, truy cầu thọ dụng tín thí nhân duyên, phát khởi ác tâm, tâm sở hữu pháp, ư chư quốc vương, đại thần đẳng sở, phạm chư quá tội” (Nếu chẳng thể thành các tam-ma-địa, tuy tu tập các khôi thiện pháp khác, mà có chuyện này, [tức là] truy cầu hưởng thụ [các thứ cúng dường] nơi nhân duyên tín thí, phát khởi tâm ác, tâm sở hữu pháp, ở nơi các quốc vương và đại thần, phạm các tội lỗi). “Phạm chư quá tội” có nghĩa là đã không tu Định được, còn các khôi thiện pháp thì sao? Tức là nói về các khôi thiện pháp khác. “Sở dư chư thiện pháp” (Các khôi thiện pháp khác) là nói về điều gì? Chẳng đắc Định, như vậy thì chúng ta tụng kinh, làm Phật sự, đó cũng là thiện sự, đó cũng là “thiện pháp tu”. Có các sự ấy, nhờ vào các khôi thiện sự ấy để truy cầu sự hưởng thụ. “Truy cầu thọ dụng” là hưởng thụ. Tiếp nhận nhân duyên tín

thí của người khác là vì có người tin tưởng Tam Bảo bèn bố thí, cúng dường.

Vì có nhân duyên ấy, kẻ đó bèn truy cầu. “*Truy cầu*” là đến khuyển hóa [tín chủ cúng dường], đó là ý nghĩa của “*hóa duyên*” (化緣). Khi hóa duyên, có khi đạt được, có khi chẳng được! Trong tâm kẻ ấy bèn sanh khởi ác niệm. “*Ác niệm, tâm, tâm sở hữu pháp*”: Tâm sở hữu pháp [là các tác dụng tâm lý] tương ứng với tâm, lại còn đồng thời phát khởi. “*Tâm*” là tám thức tâm (nhãn thức, nhĩ thức...), tâm sở hữu pháp gồm năm mươi một món (như dục, tầm, quý, tham, sân, si, mạn...). Nhưng tâm sanh khởi ác niệm và tùy phiền não tương ứng của cái tâm là Phần sẽ đều hiện diện, phiền não ấy tương ứng với cái tâm và đồng thời phát khởi.

Trong quốc độ này, ở nơi quốc vương, đại thần v.v... kẻ ấy sẽ phạm rất nhiều lỗi lầm vì theo đuổi sự hưởng thụ, do tâm thức duyên theo sự truy cầu. Hễ truy cầu, sẽ phạm rất nhiều sai lầm. Do phạm các sai lầm, sẽ bị quốc vương, đại thần quở trách, hoặc bị đánh đập, hoặc bị chặt đứt tay chân, cánh tay. “*Chi tiết*” (肢節) cũng chính là tứ chi. Hoặc là do bị đánh đập mà sau đó trở thành trọng bệnh, hoặc bị chịu khổ trong một thời gian dài, hoặc vì lẽ ấy mà mạng chung. Sau khi mạng chung, sẽ đọa vào ba đường ác, tùy thuộc những gì kẻ ấy đã làm trong suốt một đời mà thậm chí đọa vào địa ngục Vô Gián.

Ở đây, đức Phật nêu lên một số trường hợp. Như Ớt Đạt Lạc Ca (Udraka Rāmaputra, Uất Đầu Lam Phát), A La Đồ Đê Sa (Ārāḍakālāma, A Lam tiên nhân), Cù Ba Lý Ca (Gopālika), đó là ba ngoại đạo. Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) là em họ của đức Phật, là anh của ngài A Nan. Ông ta phạm tội Ngũ Nghịch, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, muốn làm Phật⁵³. Những hạng người giống như thế, đều thoái thất Tĩnh Lự, cũng là đã đánh mất Định. Quá khứ đã có [Định], cho đến khi tu tập Tĩnh Lự, khi tu Định, không chỉ là thoái thất, mà còn đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu vô lượng các nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng nổi. Khổ nạn rất nhiều, nên nói là “*nan nhân đại khổ*” (nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng).

⁵³ Đề Bà Đạt Đa từng ước hẹn với thái tử A Xà Thế: A Xà Thế giết cha (vua Tần Bà Sa La), cướp ngôi, còn Đề Bà Đạt Đa sẽ cướp đoạt Tăng đoàn, hại chết Phật, để ông ta đứng đầu Tăng đoàn, trở thành Phật mới! Ông ta sẽ nhờ thế lực của A Xà Thế trấn áp chư Tăng nếu âm mưu thành công.

Các vị thấy các sự khổ được chép trong kinh Địa Tạng, nếu chúng ta dùng nhục thể để chịu đựng, sẽ không có cách nào chịu nổi. Nếu quý vị nghĩ đến nỗi khổ ấy, sẽ chẳng thể chịu nổi. Nhưng đã bị đọa thì quý vị chẳng có sức đâu mà kháng cự, vẫn phải chấp nhận. Thân tâm bị giày vò, những gì chúng ta đã hứng chịu trong quá khứ đều quên hết rồi. Từ vô lượng kiếp đến nay, ai trong chúng ta cũng đều từng hứng chịu, nhưng đều mê mất, đều quên sạch cả rồi! Nếu cảnh giới ấy lại hiện tiền, chắc là cái tâm tu đạo sẽ có thể thành tựu mau hơn một chút. Đã biết khổ, sẽ chẳng dám tạo nghiệp nữa! Các ngoại đạo ấy đều tu ngoại đạo Định. Đề Bà Đạt Đa tu đạo mười hai năm, lúc mới xuất gia rất tốt. Về sau, ông ta chẳng thành đạo, bèn oán hận, tìm đến ngoại đạo học thần thông. Đã học được thần thông, bèn làm chuyện ác. Đó là thoái thất.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo A Nhã Đa Kiêu Trần Na ngôn: “Ngô thính nhữ đẳng cấp A Luyện Nhã tu Định bát-sô tối thượng phòng xá, tối thượng ngoạ cụ, tối thượng ẩm thực, nhất thiết Tăng sự giai ưng phóng miễn. Sở dĩ giả hà? Chư tu Định giả, nhược phạp tu duyên, tức tiện phát khởi nhất thiết ác tâm, tâm sở hữu pháp, bất năng thành tựu chư tam-ma-địa, nãi chí đọa ư Vô Gián địa ngục, thọ vô lượng chủng nan nhẫn đại khổ”.

(經)爾時，世尊告阿若多憍陳那言：「吾聽汝等給阿練若修定苾芻最上房舍，最上臥具，最上飲食，一切僧事皆應放免。所以者何？諸修定者，若乏資緣，即便發起一切噁心，心所有法，不能成就諸三摩地，乃至墮於無間地獄，受無量種難忍大苦。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A Nhã Đa Kiêu Trần Na (Kiêu Trần Như) rằng: “Ta cho phép ông dành cho các bát-sô tu Định trong A Luyện Nhã phòng ốc tốt nhất, đồ trải nằm tốt nhất, thức ăn ngon nhất, hết thấy Tăng sự đều nên được miễn. Vì có sao vậy? Những người tu Định nếu thiếu các duyên phụ trợ, sẽ liền phát khởi hết thấy ác tâm và ác tâm sở hữu pháp, chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa, cho đến đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu vô lượng nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng).

Do tu Định ắt cần phải có đủ nhân duyên, phải trọn đủ các tu lương, cho nên đức Phật bèn nhắc lại. Lúc đức Phật mới thành đạo, Ngài đến Lộc Dã Uyển độ năm vị tỳ-kheo. Kiều Trần Như (Ājñātakauṇḍinya, A Nhã Đa Kiều Trần Na) là Thượng Thủ, là vị Thượng Thủ xuất gia đầu tiên, đây là vị đại đệ tử Thượng Thủ của đức Phật. Trong các vị tỳ-kheo thọ giới, Ngài là người đầu tiên. Nhóm các Ngài gồm có năm vị. Năm vị ấy là năm vị Thượng Thủ, cũng gọi là “ngũ tỳ-kheo”. Các Ngài trước kia từ hoàng cung theo đức Phật cùng xuất gia. Các Ngài thấy đức Phật đang tu khổ hạnh, bèn cùng tu với đức Phật. Về sau, do thấy đức Phật tiếp nhận bơ sữa do cô gái chăn dê [dâng cúng], bèn cho là đức Phật đã thoái thất đạo tâm, chẳng tu khổ hạnh nữa, liền lìa bỏ đức Phật, đến tu nơi Lộc Dã Uyển (Mrigadava, Isipatana). Lộc Dã Uyển cách Bồ Đề Già Da (Buddha-gayā, Bodh Gaya) chẳng xa cho mấy. Sau khi đức Phật thành đạo ở đạo tràng Bồ Đề Già Da, Ngài đến Lộc Dã Uyển, độ cho năm vị ấy trước tiên, thuyết pháp cho họ. Năm vị ấy đắc độ trước hết. Vì thế nói A Nhã Đa Kiều Trần Như là đệ tử tối thượng thủ, Ngài quản lý hết thảy phân phối.

Vì sao đức Phật phải nói với ngài Kiều Trần Như? Vì phòng ốc, chăn đệm, thức ăn, đồ uống đều do ngài Kiều Trần Như sắp xếp. Đức Phật liền bảo ngài Kiều Trần Như: “Ta cho phép ông cấp cho vị tỳ-kheo tu Định ấy phòng ốc tốt nhất, chăn đệm tốt nhất, thức ăn tốt nhất. Hết thảy những chuyện lao động thuộc về Tăng sự người ấy đều nên được miễn, để người ấy an tâm tu Định”. Vì sao phải làm như vậy? “Sở dĩ già hà?” (Vì lẽ nào vậy?) Đây là gạn hỏi ý nghĩa. Vì sao ta phải cho phép ông đối xử với người tu Định như vậy, chăm sóc họ tốt đẹp như vậy? Đức Phật bảo ngài Kiều Trần Như: Nếu người tu Định chẳng có tu lương, chẳng có hoàn cảnh rất tốt đẹp, họ sẽ sanh khởi ác tâm. Tuy ác tâm chẳng phải là rất nghiêm trọng, nhưng họ có thể ôm lòng oán trách, khi tu Định sẽ chẳng thể an tâm. Có ý nghĩa như vậy đó! Tình hình kiểu này có thể là mọi người đã đều từng trải rồi.

Khi tôi ở Phòng Sơn, các đạo hữu sống trong lều tranh. Có lúc mọi người gặp mặt nhau, đến chỗ thường trụ lãnh đồ xong, cầm một bao giấy nhỏ đựng muối, [cần nhân]: “Thường trụ bunn xin quá, cho chúng tôi có một tí muối! Ba mươi ngày phải làm thế nào đây? Một tháng mới phát tí xíu muối như vậy!” Họ nói thường trụ khổ sở, chẳng có cúng dường. Khi đó, chúng tôi ở phương Bắc mà phát kê, nếu phát bấp thì còn đỡ một chút, lâu đói, chứ kê thì chẳng thể đỡ đói cho lắm. Cháo kê như thế nào? Ba mươi cân hạt kê, thường trụ giữ lại ba cân, ba mươi cân bớt

lại ba cân, tổng cộng phát cho quý vị hai mươi bảy cân. Với chút muối đó, quý vị cầm về lều tranh, chỉ có thể nấu cháo loãng, người tu Định chẳng cần lương thực nhiều lắm! Tôi muốn nói là họ oán hận. Khi họ chẳng đủ tư lương, làm sao có thể tu hành cho nổi? Do vậy, sẽ phan duyên.

Thuở đó, chúng tôi xuất gia chưa bao lâu, hoàn toàn chẳng phải là người tu hành lâu năm, cũng chẳng có duyên phận. Người tu hành đã lâu suy nghĩ: “Vị thí chủ nào đó phải nên chăm sóc tôi một phen, phải nên biếu tặng tôi”. Nếu tâm người ấy nghĩ đến chuyện đó, làm sao tu Định cho nổi? Đức Phật liễu giải tâm chúng sanh, liễu giải hết thấy sự vật. Do vậy, miễn cho họ hết thấy những việc lao động, chăm sóc đặc biệt tốt đẹp. Đặc biệt tốt đẹp thì người ấy có thể tu hay không? Hai đấng đều chẳng thể, tăng trưởng cái tâm tham cũng không được!

Ở tỉnh Hà Bắc, có một vị đại đức phát tâm mong cúng dường người tu Thiên Định. Người trụ tĩnh muốn gì, ông ta đều cho thứ đó. Có những người đến chỗ thường trụ, đòi tấm mền nỉ tốt nhất, ông ta cũng mua cho. Đòi đồng hồ sang nhất, ông ta cũng mua cho. Đã thế, trong mỗi gian nhà đều có phích nước nóng, thuở đó là rất cao cấp! Ông ta mong những người ở đó sẽ tu Định, mỗi căn nhà đều đặt phích nước nóng, mua cho mỗi người một cái. [Người tu Định] cảm thấy thân thể không khỏe, đòi ăn bánh chẻo. Ở phương Bắc, ăn bánh chẻo⁵⁴ là sang lắm. Ông ta bèn theo đúng ý nấu bánh chẻo. Sau đó, những người tu Thiên Định có tu hành tốt đẹp hay không? Chẳng hề! Đến cuối cùng, phước đức của ông ta chẳng đủ, những người tu Thiên Định dần dần bỏ đi hết sạch, chẳng còn sót lại một người nào! Ông ta cũng đóng cửa đạo tràng đó luôn! Khi ấy là năm một ngàn chín trăm ba mươi mấy, khoảng

⁵⁴ Bánh chẻo (餃子, giảo tử, Dumpling) loại bánh gói bằng vỏ bột mì, thường có hình bán nguyệt. Vỏ bánh là miếng bột được cán tròn, gói nhân xong, sẽ vặn mép bột thành các nếp nhún, trông giống như bánh quai vạc của Việt Nam. Bánh chẻo làm xong sẽ hấp, hay thả vào nồi nước luộc rồi ăn với súp (kiểu này sẽ được gọi là Thủy Giảo, hay Sủi Cảo theo cách phát âm của người Quảng Đông), hay đem nướng hoặc chiên. Đây là thứ bánh bắt buộc phải có trong Tết Nguyên Đán, thậm chí người Hoa thường hay tụ họp gói bánh chẻo với nhau trước đêm giao thừa. Nhân bánh thường là rau củ cắt vụn, thêm gia vị, có thể trộn với thịt băm hay tôm. Tuy Giảo Tử là tên gọi phổ biến, tùy vùng mà lại có tên gọi khác nhau, như vùng Sơn Đông gọi là Cốt Tạc, Hà Nam lại gọi là Chử Giác v.v... Tên gọi loại bánh Gyōza của Nhật chính là cách phát âm chữ Giảo Tử theo kiểu người Nhật. Tương truyền, loại bánh này do Trương Trọng Cảnh chế ra từ thời Nam Bắc Triều, có nhân bằng thịt dê để chữa bệnh.

ba mươi lăm, ba mươi sáu, ba mươi bảy chi đó. Đại khái chưa đầy ba năm đã kết thúc!

Khổ quá mức cũng không được, sướng quá mức cũng chẳng thể. Sướng quá, họ lại phóng dật. Khổ sở, họ sẽ oán hận. Thế nhưng, tu duyên (資緣, các duyên giúp cho việc tu Định) chẳng thể thiếu khuyết. Nếu không, sẽ dẫn đến ác tâm sở phát khởi. Tuy vậy, tu duyên đặc biệt tốt đẹp, đặc biệt thuận tiện, ác tâm sở của kẻ đó cũng thành lập! Phan duyên, tham lam, kẻ đó chẳng thể định nổi, mà cũng tu chẳng nổi! Do vậy, chẳng thể thành tựu tam-ma-địa, thậm chí đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu vô lượng nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng được!

(Kinh) Tu Định hành giả, nhược cụ tư duyên, chư tam-ma-địa vị thành năng thành. Nhược tiên dĩ thành, chung bất thoái thất. Do thử bất khởi nhất thiết ác pháp, quảng thuyết nãi chí bất thiện tâm tứ, vãng sanh thiên thượng, chứng đắc Niết Bàn. Tu Định hành giả, nhược vị thành tựu chư tam-ma-địa, sơ dạ, hậu dạ, đương xả thù miên, tinh tấn tu học, viễn ly hội náo, thiểu dục tri túc, vô sở cố luyến. Nhất thiết tham, sân, phẫn, phú, nã, hại, kiêu, mạn, cống cao, xan lận, tật đố, ly gián, thô ác, hư cuồng, tạp uế, nhất thiết nhân gian hy hý phóng dật, giai tất viễn ly. Như thị hành giả, ưng thọ Thích, Phạm, hộ thế tứ vương, Chuyển Luân Vương đẳng tán thán, lễ bái, cung kính, thừa sự, phụng thí bách thiên na-dữu-đa cúng, hướng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phiệt-xá, Thú-đạt-la đẳng. Vị đắc Định giả, thượng ưng thọ thử tán thán, lễ bái, cung kính thừa sự, phụng thí, cúng dường, hướng hồ dĩ đắc tam-ma-địa giả!” Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết: “Tu Định năng đoạn Hoặc, dư nghiệp sở bất năng, cố tu Định vi tôn, trí giả ưng cúng dường”.

(經)修定行者，若具資緣，諸三摩地未成能成。若先已成，終不退失。由此不起一切惡法，廣說乃至不善尋伺，往生天上，證得涅槃。修定行者，若未成就諸三摩地，初夜、後夜，當舍睡眠，精進修學，遠離憤鬧，少欲知足，無所顧戀。一切貪、瞋、忿、覆、惱、害、憍、慢、貢高、慳吝、嫉妒、離間、粗惡、虛誑、雜穢，一切人間嬉

戲放逸，皆悉遠離。如是行者，應受釋、梵、護世四王、轉輪王等，讚歎、禮拜、恭敬、承事，奉施百千那庾多供，況刹帝利、婆羅門、筏舍、戍達羅等。未得定者，尚應受此，讚歎、禮拜、恭敬、承事，奉施供養，何況已得三摩地者！」爾時，世尊而說頌曰：「修定能斷惑，餘業所不能，故修定為尊，智者應供養」。

(*Kinh: Hành giả tu Định nếu có đủ các duyên phụ trợ thì các môn tam-ma địa chưa thành sẽ có thể thành. Nếu các môn Định đã thành từ trước, trọn chẳng bị thoái thất. Do vậy, chẳng dấy lên hết thấy ác pháp, Nói rộng thì cho đến chẳng có Tâm, Tứ bất thiện, sẽ sanh lên cõi trời, chứng đắc Niết Bàn. Hành giả tu Định nếu chưa thành tựu các tam-ma-địa, đầu đêm, cuối đêm, hãy nên bỏ ngủ nghỉ, tinh tấn tu học, xa lìa ồn ào, náo nhiệt, ít tham muốn, biết đủ, chẳng nuôi tiếc gì. Hết thấy tham, sân, phẫn, giầu giém, náo hại, kiêu căng, ngạo mạn, ngạo nghệ, keo kiệt, ghen ghét, ly gián, nói thô ác, dối trá, tạp uế, hết thấy vui đùa phóng dật của nhân gian thấy đều xa lìa. Hành giả như thế đáng nên được Đế Thích, Phạm Vương, bốn thiên vương hộ thế, Chuyển Luân Vương v.v... tán thán, lễ bái, cung kính, phụng sự, dâng thí trăm ngàn na-dữu-đa vật cúng, hướng hồ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phiệt-xá, Thú-đạt-la v.v... Người chưa đắc Định còn đáng nên được họ tán thán, lễ bái, cung kính, phụng sự, hướng hồ người đã đắc các tam-ma-địa!” Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng: “Tu Định đoạn trừ Hoặc, các nghiệp khác chẳng thể. Nên tu Định tôn quý. Bạc trí nên cúng dường”).*

Hành giả tu Định nhất định phải trọn đủ các duyên phụ trợ. Khi đó, có thể thành tựu các tam-ma-địa chưa thành tựu. Nếu [các tam-ma-địa] đã thành từ trước, tức là đã thành tựu thì sẽ càng tăng trưởng, chẳng bị thoái thất. Vậy thì do có Định lực, tâm có thể hàng phục, hết thấy ác pháp đều chẳng dấy lên. “Quảng thuyết nãi chí bất thiện Tâm, Tứ” (Nói rộng thì là cho đến các món Tâm, Tứ bất thiện): Tâm Tứ có nghĩa là “truy cầu”, [ở đây, kinh văn có ý nói] “chẳng truy cầu nữa”. Như thế thì có thể sanh lên trời, chứng đắc Niết Bàn, càng có thể tu thành công. Hoặc là tu Tứ Thiên Tứ Định, hoặc là Tứ Không Tứ Định, sẽ có thể sanh

lên trời, thậm chí thâm nhập, tu các tam-ma-địa, cho đến rốt ráo chứng đắc Niết Bàn, cho đến chứng đắc, thành tựu các quả vị thuộc tam thừa.

Đây là đức Phật tán thán tu Định. Trong thế gian, vào lúc tu hành, có ba loại: Loại thứ nhất là tu Định tâm, loại thứ hai là tu đọc tụng, loại thứ ba là chăm lo tu phước. Hành giả tu Định là người tu hành, là người hành đạo. Định là “*Tĩnh Lự, tịch tĩnh*”. Khi tu nhân, chính là tu tịch tĩnh, tu Tĩnh Lự, tu Quán. Về sau, khi thành tựu, đạt tới tam-ma-địa. Tam-ma-địa trong phần trước đã nói rất nhiều. Đẳng Trì dịch là Tịch Tĩnh. Người tu Định hạnh phải nên làm công tác chuẩn bị tư lương thì khi tu tập, quý vị mới dễ chứng đắc. Có những chuyện quý vị cần phải chú ý, cũng tức là đối với hoàn cảnh và tình hình khách quan bên ngoài, quý vị đều phải nên lưu ý.

Nếu quý vị còn chưa thành tựu tam-ma-địa, tức là trước khi chưa đắc Định, sẽ phải nhọc nhằn đôi chút. Đầu đêm, cuối đêm, khi quý vị còn chưa thành công, phải nên chịu cực đôi chút. Nếu tính vào lúc đầu đêm, dùng mười hai giờ trong hiện thời để tính toán, quý vị có thể nghỉ ngơi bốn tiếng đồng hồ vào lúc giữa đêm, Trong tám tiếng đồng hồ thuộc đầu đêm và cuối đêm, quý vị phải luôn tinh tấn tu hành, chớ nên quá ham ngủ. “*Đương xả thùy miên*” (Hãy nên bỏ ngủ nghỉ), bốn tiếng đồng hồ chẳng đủ. Ở đây nói tới người thật sự phát tâm muốn liễu sanh tử, mong đoạn phiền não. Hạng người tu hành như vậy sẽ thật sự tin tưởng, ngưỡng mộ lời chỉ dạy của đức Phật. Tôi phải nhấn mạnh: Tín tâm ấy hoàn toàn chẳng phải là lòng tin bình phàm của chúng ta, mà là thật sự tin sâu, chẳng dòi dỏ. Quý vị tin tưởng lời răn dạy của đức Phật, đức Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta sẽ làm đúng như thế ấy. Như thế thì mới có thể nhập đạo. Hiện thời, chúng ta đều tự nhận là rất tin Phật, cá nhân tôi cảm thấy vẫn chẳng đủ! Chúng ta hoàn toàn chẳng thể mỗi ngày suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chỉ ngủ bốn giờ, trong hai mươi giờ còn lại đều có thể hành đạo, đúng không? Như bọn xuất gia chúng tôi, tức các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni là “*chuyên nghiệp*”, chuyên nghiệp mà đều làm không được, còn như đối với mọi người học Phật, tu hành là nghề phụ, hoàn toàn chẳng phải là chuyên nghiệp [thì còn nói gì được nữa]!

Mọi người biết: Sau khi chúng tôi xuất gia, có công khóa sáng tối. Chúng tôi hai giờ rưỡi sáng đã phải thức dậy. Mỗi ngôi chùa đều là hai giờ rưỡi thức dậy. Quy định này, quý vị đến xin quải đơn (挂单, gia nhập chúng thường trụ) tại chùa miếu nào cũng đều là hai giờ rưỡi sáng thức

dậy. Trong ấy, bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Xưa kia, tại Đại Lục, trong chùa miếu không có bữa tối, họ gọi [ăn lót dạ cho đỡ đói vào buổi tối] là “*duộc thạch*” (藥石), cũng có nghĩa là “*uống thuốc*”. Hiện thời, thân thể trong đời Mạt chẳng khỏe mạnh như cổ nhân trong quá khứ, bèn phải uống thuốc. Cơm chiều như thuốc, nhưng quy củ thông thường trong các chùa miếu [thuở trước], thuốc ấy là cháo ăn với dưa khú. Quý vị muốn ăn thì ăn, chẳng muốn ăn thì thôi!

Hiện thời, đương nhiên chẳng phải là như vậy. Nếu mọi người đến chùa miếu dùng cơm chiều, vẫn ăn rất ngon. Có các nhà sư trẻ tuổi còn đi ra các quán bán thức ăn vặt bên ngoài, giống như ở ngoài cửa chùa chúng ta, toàn là những cái quán nhỏ! Như vậy thì tu đạo làm sao nổi? Gieo thiện căn mà thôi! Nếu thật sự tu hành, quý vị đừng nên quá tham ngủ, ngủ nghề là một món Cái. Chúng ta tính thử xem, trong suốt một đời của chúng ta, thời gian ngủ nghề đã chiếm hết bao nhiêu? Chiếm rất nhiều thời gian! Nhưng có những người vì kinh doanh sự nghiệp, hoặc là làm công nhân, vẫn phải làm thêm giờ, có khi vì kiếm tiền, cũng ngủ rất ít. Vậy thì chẳng liên quan, ở đây, chuyên nói về người tu hành. Nếu lúc quý vị muốn tu Định, hãy nên tinh tấn, đừng nên giải đãi! Ngủ nghề chính là giải đãi. Quý vị đừng luống uổng thời gian tốt đẹp!

Có các đạo hữu đã phát tâm, mong ở trong núi, hoặc có rất nhiều đạo hữu hay cư sĩ muốn học theo cổ đức, chẳng ngủ nghề, người như vậy cũng rất nhiều. Thậm chí cũng có người chẳng ăn cơm, đã một thất, hai thất, tập trung thời gian muốn tu đạo, mục đích là mong đắc Định. Đắc Định thì có lợi ích gì? Mọi người đều biết: Hễ đắc Định, sẽ có thể khai trí huệ. Khi ở trong Định, điều gì quý vị cũng đều thông tỏ. Như các vị A La Hán, nếu quý vị thỉnh các Ngài hồi hướng, khi các Ngài chưa nhập Định, sẽ chẳng khác chúng ta cho mấy. Hễ các Ngài nhập Định, khởi quán chiếu, trí huệ hiện tiền, các Ngài mới có thể biết. Các Ngài xả báo, bèn nhập tam-ma-địa, chứng Không lý.

Do vậy, khi chưa tu Định thành công, phải bỏ bớt ngủ nghỉ, phải tinh tấn tu học. Học gì vậy? Học Thiền Định, phải tu tập Định, nhưng quý vị sống trong thành thị sẽ tu chẳng thành! Xe cộ quá nhiều, khiến cho quý vị chẳng dễ nhập Định. Tiếng người ồn ào, cũng chẳng thể nhập Định. Chỗ huyên náo sẽ chẳng thể được! “*Thiểu dục tri túc*” (Ít ham muốn, biết đủ): Người tri túc thường vui sướng, đừng nên tham cầu quá nhiều! Chúng ta vì cái tâm tham cầu quá to, chẳng giác ngộ xác thân của chúng ta là huyễn hóa, chẳng nhận định nhục thể là vô thường, luôn để

cho thân thể thoải mái, [chỉ suy tính] sao cho thân thể điều hòa, làm thế nào để thông dong, thỏa thích. Đa dục chẳng biết đủ, rất nhiều kẻ chẳng thể thỏa lòng được! Có lúc kẻ bần cùng thấy kẻ giàu có bèn cảm thấy rất kỳ quái: “Họ có nhiều tiền ngàn ấy, suốt đời có ăn hết nổi hay không?” Kẻ giàu thấy người nghèo nói: “Người chẳng tu phước, đáng phải chịu tội. Người nghèo mà là chuyện đáng phải như vậy!”

Đây là dạy chúng ta phải thiếu dục, tri túc, như những vị đại đức sống trong núi có phước báo rất lớn, nhưng họ đều buông xả, như thế thì mới vui sướng được. Biết đủ sẽ thường vui. Người thiếu dục tự an. Thiếu dục thì quý vị mới có thể bình an. Vô cầu, quý vị cũng chẳng thương tổn ai. Vì thế, ắt cần phải thiếu dục tri túc, đừng nên lưu luyến. Lưu luyến có nghĩa là tham luyến. Đối với hết thảy sự vật trong thế gian, nói theo phía chúng ta, ăn, mặc, ở, đi lại, hề “ăn, mặc, ở” còn đáp đối được thì chớ nên tham luyến. Đối với tham, sân, phẫn, phú, não hại, kiêu, mạn, ngạo nghễ, bủn xỉn, ghen tỵ, ly gián, thô ác, hư dối, tạp uế, quý vị phải trọn đủ từ, bi, hỷ, xả để đối trị tham, sân, si, ái. Lưu luyến có nghĩa là tham, sân, là lúc chẳng vừa ý sẽ sanh khởi phiền não. Sân là cái tâm sân hận.

Đây là ba căn bản tội nghiệp, tức tham, sân, si. Si là chẳng có trí huệ. Kiêu mạn: Ai nấy đều nghĩ như thế này: “Ta là kẻ bình phàm, có gì đáng để kiêu mạn?” Nhưng thật ra, chẳng phải là như thế. Mỗi người khi nghĩ đến những kẻ cùng lứa, hoặc đồng nghiệp, luôn cảm thấy ta ngon lành hơn họ. Kiêu, nói đơn giản là kiêu ngạo tự mãn, nói rộng thì là kiêu căng, phách lối. Chuyện đáng kiêu căng phô trương quá nhiều: Chẳng hiểu mà cứ ra vẻ thông hiểu, chẳng biết mà cứ giả vờ biết tuốt. Rõ ràng là chẳng ra hồn mà chính mình vẫn cảm thấy bản thân ta ghê gớm lắm! Vì sao nói gộp chung kiêu và mạn? “Mạn” (慢) ở đây có nghĩa là ngạo mạn.

Người nghèo có ngạo mạn hay không? Kẻ nghèo càng ngạo mạn! Họ cảm thấy chính mình rất thanh cao, đặc biệt là những kẻ có học. Xưa kia là “*cùng tú tài*” (窮秀才, chàng tú tài nghèo kiết xác), nay là những kẻ đã tốt nghiệp đại học. Hiện thời, tốt nghiệp đại học vẫn còn thua kém, phải là người có học vị Tiến Sĩ hay Thạc Sĩ! Tôi nhớ hai mươi mấy năm trước, khi ở Thượng Hải, Tiến Sĩ chẳng ít. Ở Bắc Kinh, Tiến Sĩ cũng chẳng ít. Tôi đã gặp hai vị Tiến Sĩ học từ Mỹ về. Một người học ngành Nông Nghiệp từ trường Khang Nãi Nhĩ (Cornell), ông ta làm giáo sư đại học, đáng kiêu ngạo mà! Ông ta bị bắt vô tù, luôn nghĩ mình cao hơn kẻ

khác: “Tôi là Tiên Sĩ ngồi tù”. Tôi nói: “Tôi là hòa thượng ở trong ngục!” Ông ta kêu tôi bầu bạn với ông ta, luôn cảm thấy kiêu ngạo. Bất luận đến chỗ nào, ông ta đều biểu lộ ra ngoài vẻ kiêu mạn. Bất cứ lúc nào, ông ta luôn [tự nghĩ chính mình] ngon lành hơn người khác. Sợ rằng đọa địa ngục, ông ta vẫn cảm thấy chỉ có ông ta mới đủ tư cách đọa địa ngục! Quý vị chẳng có cái nghiệp ấy, sẽ chẳng đến nơi ấy được đâu nhé! Như tôi ở trong tù, thời gian bị tù quá lâu, tiếp xúc cả đồng phạm nhân. Ở đó, giữa các phạm nhân với nhau, họ cũng cho rằng ta mạnh hơn lũ phạm nhân các người! Ai nấy đều có biểu hiện ấy. Đó chính là Câu Sanh Ngã Chấp (俱生我執, ngã chấp bản sanh). Điều này rất dữ dội, vì luôn nghĩ ta ngon lành hơn kẻ khác. Nữ đạo hữu bất luận xấu cỡ nào, đều cho rằng chính mình rất đẹp, suốt ngày luôn soi gương, luôn tô trát. Vì sao? Kiêu mạn, ngạo nghễ!

“Xan” (慳) có nghĩa là tham, rất keo tiết, cái tâm buông xả chẳng nặng! Chúng ta nói Xả là gì? Là bỏ thí, xả trong “tù, bi, hỷ, xả”. Xả thì phải xả từ trong chính cái tâm của quý vị, không chỉ là vật chất. Ngoại trừ vật chất bên ngoài, trước hết, phải xả cái tâm. Nếu tâm quý vị đã xả thanh tịnh, sẽ thành công. Chẳng có keo tham, sẽ đổi thành bỏ thí, là từ bi, là xả. Ghen tỵ thì sao? Điều này càng bao hàm nhiều ý nghĩa hơn nữa. Ghen ghét chuyện tốt đẹp của người khác! Nếu dính líu đến lợi hại thì ghen tỵ còn có thể lý giải, đằng này chẳng mấy may liên quan đến kẻ đó! Chỉ cần có vài người, hễ nói đến chuyện tốt của người khác, người ta tán thán người ấy, kẻ đó bèn phun lời phá hoại ngay: “Hắn là cái thá gì chớ? Có gì là ghê gớm đâu?” Đó là ghen tỵ. Chuyện kiêu này rất nhiều, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, quý vị đều có thể gặp phải!

Trong mười đại nguyện vương của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đại nguyện thứ năm là “tùy hỷ công đức”: Thấy người khác làm chuyện tốt, quý vị phải tán thán. Tán thán, tùy hỷ thì chuyện tốt của người ấy sẽ chia cho quý vị phân nửa! Chúng ta phải thường tùy hỷ công đức của chư Phật, Bồ Tát. Như Địa Tạng Bồ Tát mọi người đều biết, nguyện lực to lớn, xuống địa ngục độ chúng sanh. Nguyện lực của Quán Thế Âm Bồ Tát cũng rất lớn, Ngài có mười hai đại nguyện. Phổ Hiền Bồ Tát có mười đại nguyện, Văn Thù Bồ Tát có mười đại nguyện, chúng ta đều tùy hỷ. Tùy hỷ sẽ được hưởng một phần. Thấy kẻ khác làm chuyện tốt, chúng ta chẳng có sức lực làm như vậy, chúng ta bèn tùy hỷ. Tùy hỷ người đó, gặp mặt được chia một nửa. Người Hoa [hay nói] “*gặp mặt, tôi chia một nửa*”, nhưng Phật giáo chẳng chú trọng vật chất, tôi tùy hỷ,

cũng chẳng tổn hại đến cái sẵn có của người khác, đây là tùy hỷ công đức. Như thế thì sẽ có thể tiêu trừ ghen tỵ.

“*Ly gián, thô ác*”, “*ly gián*” (離間) là châm ngòi ly gián. Nếu thấy người khác thành công, kẻ [ly gián] sẽ phá hoại. Còn có lưỡng thiệt (兩舌 nói đôi chiều), xúc xiểm thị phi. Như trong phần trên đã nói, tham, sân, phẫn, phú, nảo hại, kiêu mạn, ngạo nghễ, đủ loại thô ác đều là hư dối, như uế, cũng là cấu uế. Không chỉ vứt bỏ những thứ đó, mà ngay cả những thứ vui chơi, buông lung trong nhân gian thấy đều xa lìa. Như ở nhà xem TV, có tính là vui chơi hay không? Tùy thuộc quý vị xem như thế nào. Nếu là người phát tâm, người tu đạo, khi ở trong tình cảnh ấy, tùy thuộc quý vị dụng tâm như thế nào? Quý vị có giữ được định hay không? Nếu định được, dẫu quý vị vui chơi, cũng biến thành tinh tấn; vui chơi, buông lung đều biến thành tinh tấn. “*Na Già thường tại Định*” (Đức Thế Tôn thường ở trong Định). Phật, đại Bồ Tát làm hết thấy các chuyện tùy thuận chúng sanh, các Ngài thường ở trong Định. Những chuyện ấy đều biến thành tinh tấn. Nếu chúng ta chẳng làm được, chẳng có định lực ấy, tốt nhất là hãy xa lìa, tự mình kiểm điểm.

Có những kẻ thường xuyên viện cớ: “Đâu có phóng dật! Tôi đang tu đạo mà!” Đó là tự mình lừa mình! Nếu chúng ta trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tuy chẳng thể tu tập suốt hai mươi tiếng đồng hồ, vậy thì mười tiếng đồng hồ có thể hay không? Làm chẳng nổi! Năm giờ có thể hay không? Làm chẳng nổi luôn! Hai giờ có nổi hay không? Vẫn chẳng làm nổi! Một giờ có được hay không? Vẫn chẳng làm nổi! Vậy thì vào lúc sáng tối, khi sắp ngủ, khi sắp thức dậy, niệm mười lượt “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, chỉ sợ chuyện này vẫn chẳng làm được! Hoặc là lại nhiều hơn một chút, niệm “*nhất giả, lễ kính chư Phật. Nhị giả, xưng tán Như Lai*” cho đến “*thập giả, phổ giai hồi hướng*”, đọc thuộc mười đại nguyện vương của đức Phổ Hiền Đại Nguyên Vương thì cũng được chứ? Nếu những nguyện ấy cũng chẳng nhớ được, hãy niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm Phổ Hiền Bồ Tát, hoặc niệm Địa Tạng Bồ Tát, nhưng chúng ta vẫn có thói quen là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát và Địa Tạng Bồ Tát nhiều hơn. Niệm mấy chục câu chắc sẽ làm được chứ! Làm chuyện gì, quý vị hãy niệm mười mấy câu, sẽ đều có thể được!

Làm như thế sẽ có thể đối trị rất nhiều phiền não, từng chút một như vậy, tuy thời gian rất ít, nhưng lợi ích hết sức to lớn. Thông thường, thiện căn cạn mỏng, như chư vị đạo hữu thường tới nghe kinh, nghe một,

hai tiếng đồng hồ, quý vị nghe văn tự, hoặc nghe ngôn ngữ của một vị pháp sư nào đó, có thể lọt vào tâm quý vị hay không? Dùng Nhĩ Căn để nghe, nghe rồi bèn xoay lại cái Nghe để nghe tự tánh, kết hợp với tâm tánh của quý vị. Dường như những chuyện đức Phật đã nói, ta đều vi phạm, cho nên ta chẳng đắc Định. Làm như thế nào đây? Sau khi ta đã biết, hãy nên dần dần xa lìa!

Một phương diện khác, nếu là tham, sân, phẫn, phú, cho đến hư dối, tạp uế, hết thấy chơi đùa, buông lung, đều là không tốt. Không tốt thì phải rời lìa. Tốt thì phải tinh tấn, phải thực hiện. “*Như thị hành giả*” (Hành giả như thế), cũng chính là người hành đạo, người tu Định, đương nhiên không nhất định là người xuất gia, [mà có thể là] các vị đạo hữu, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hết thấy cư sĩ, hễ tu Định quý vị phải làm như thế này: Ở nơi thanh vắng để tu đạo, tinh tấn, giảm bớt ngủ nghỉ, quý vị chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, không bủn xỉn, tham lam, chẳng ghen ty, chẳng buông lung, quý vị đáng nên đạt được gì? Được Đại Phạm thiên vương hộ trì quý vị. Còn có Tứ Thiên Vương, hoặc là Chuyển Luân Vương trong nhân gian, cũng như quốc vương sẽ đều tán thán, cung kính, lễ bái, thừa sự quý vị. Thậm chí đối với người tu Định ấy, tức người hành đạo ấy, sẽ bố thí trăm ngàn na-dữu-đa vật cúng nhiều ngàn ấy, cũng có nghĩa là cúng dường rất nhiều.

Một người thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi, hay chủng tánh Bà-la-môn, cho đến Phiệt-xá, Thú-đạt-la, tức người thuộc bốn loại chủng tánh ấy, khi họ đang tu tập Định, tuy còn chưa đắc Định, họ cũng là người tu hành, đều có thể kham tiếp nhận Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương tán thán, lễ bái, cung kính, thừa sự, cúng dường. Nếu đã đắc tam-ma-địa, tu Định đã thành tựu, đã đắc Định, đã đắc tam-ma-địa, sẽ được cúng dường càng chẳng thể nghĩ bàn. Ất cần phải nói theo hai phương diện, liên quan đến thiện căn trong nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ của người ấy.

Như tại Ấn Độ, có các vị A La Hán đã chứng Tứ Quả A La Hán, không chỉ tu Định, mà còn đắc tam-ma-địa, đắc Không Định, đạt đến tự tại. Vì sao các vị ấy ôm bát khát thực, vẫn chẳng xin được? Lúc đó, có người đã hỏi đức Thế Tôn như thế, đức Phật bảo là do trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, vị đó rất ít bố thí. Tuy đã thành tựu nơi phương diện Huệ, nhưng rất ít ỏi nơi phương diện Phước. Ấn Độ có câu: “*Tu huệ, bất tu phước, La Hán thác không bát*” (Tu huệ, chẳng tu phước, La Hán ôm bát rỗng), chẳng khát thực được. “*Tu phước, bất tu huệ, hương tượng quai anh lạc*” (Tu phước, chẳng tu huệ, voi thom đeo anh lạc). Quốc

vương cuội con voi to ấy, [người hầu] khoác châu báu, anh lạc để trang nghiêm [thân voi]. Nó là tu phước, chẳng tu huệ, đọa vào súc sanh đạo. La Hán tu huệ, chẳng tu phước, ôm bát rỗng, cũng chẳng phải là vĩnh viễn ôm bát rỗng không. Đôi khi cũng có lúc không khát thực được gì. Do vậy biết trong hết thấy sự vật, bất luận trong nội giáo, hay nơi tướng cảnh giới bên ngoài, đừng nên bận lòng những chuyện vụn vặt. Có những người thích hỏi những chuyện ấy, thích vắn vò những từ ngữ rỗng tuếch: “Tôi không tu Định, tôi vẫn được cúng dường”. Hoặc là nói như vậy đó! [Chẳng hề biết] được cúng dường là do phước báo của quý vị, chẳng phải do huệ sanh trưởng. Ở đây, đức Phật cổ vũ, khích lệ người tu Định.

Đức Phật thuyết pháp, đều là ban cho chúng sanh đôi chút ngọt ngào, cho nên nói Địa Tạng Bồ Tát gia trì chúng ta, [khiến cho chúng ta] có thể đạt được rất nhiều lợi ích, thì họ mới chịu niệm. Phẩm Phổ Môn nói: Niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được gia trì rất nhiều. Miễn trừ rất nhiều tai nạn thì giống như được gia trì! Hiện thời, nếu quý vị nói Không với chúng sanh, [họ sẽ kinh ngạc]: “Không ư? Thế thì tôi tin để làm gì?” Họ chẳng tin, vì họ đã lý giải sai lầm. Quý vị ắt phải đạt đến mức độ nào thì mới nói chuyện tương ứng với mức độ đó, có nghĩa như vậy đây! Do vậy, đức Thế Tôn đã dùng kệ tụng để biểu đạt các ý nghĩa trên đây. Vì sao nói như vậy? Vì người tu Định có thể đoạn Hoặc. Hoặc (惑) có nghĩa là “*mê hoặc*”, là chẳng hiểu rõ, chẳng có chánh tri, chánh kiến. Dấy lên tham, sân, si, dấy lên phẫn, phú, não hại, chẳng có Định lực. Hễ dấy tham dục, kẻ đó sẽ chẳng thể định được, sẽ bị cảnh xoay chuyển. Do tâm bị cảnh chuyển, cho nên đọa lạc. Nếu có định lực, tâm có thể chuyển cảnh. Tâm có thể chuyển cảnh, tức giống với Như Lai.

Tuy đức Phật nói ra ba phương pháp, tức tu Định, đọc tụng Đại Thừa, cho đến tu phước, nhưng trong ba phương pháp ấy, chỉ có tu Định là tốt nhất. “*Tu Định có thể đoạn Hoặc, các nghiệp khác chẳng thể*”. Nếu quý vị tu hành các pháp khác, chẳng tu Định, mà mong đoạn Hoặc, sẽ rất khó. Vì thế, “*cố tu Định vi tôn*” (cho nên tu Định là tôn quý), đáng tôn trọng nhất, đáng tôn kính nhất. Do vậy, tu Định là tốt nhất. “*Trí giả ưng đương cúng dường*” [nghĩa là] người có trí huệ hãy nên làm như thế ấy, cúng dường, thừa sự!

(Kinh) Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ư Phật pháp trung nhi xuất gia giả, nhược Sát-đế-lợi, đại thần, tể tướng, dĩ tiên, trượng đẳng chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, vi đáng hợp nhĩ? Vi bất hợp da?”

(經)爾時，天藏大梵天言：「大德世尊！於佛法中而出家者，若刹帝利，大臣、宰相，以鞭杖等捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命，為當合爾？為不合耶？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên nói: “Bạch đại đức Thế Tôn! Đối với người xuất gia trong Phật pháp, nếu Sát-đế-lợi, đại thần, tể tướng, dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc cắt chân tay, hoặc đứt mạng họ, có thích đáng hay không? Hay chẳng thích đáng?”)

Đây là chuyện nói về người xuất gia. Đại Phạm thiên vương ca ngợi đức Phật là “*đại đức Thế Tôn*”. Đối với những người xuất gia trong Phật pháp, “*xuất gia*” là nói đến các vị tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni. Xuất gia là lìa nhà thế tục, vào nhà Phật. Đối với vị xuất gia tỳ-kheo mà nếu quốc vương Sát-đế-lợi, hoặc đại thần, hay tể tướng của quốc vương là những kẻ có thế lực, có quyền thế, dùng roi hoặc gậy gộc đánh đập thân thể tỳ-kheo, trừng phạt người xuất gia. Hoặc là đem vị đó nhốt vào tù, hoặc chửi mắng, quở trách vị đó. Hoặc là chặt đứt tứ chi, “*giải chi tiết*” là chặt đứt chi thể, tức chặt tay, chặt chân, chặt cánh tay, chặt bắp chân, hoặc đoạn mạng vị đó, cho đến giết chết. Nói theo kiểu hiện thời sẽ là bắn chết!

Như vậy thì có đúng hay không? Có thích hợp hay không? Hay là chẳng đúng? Có một câu hỏi như thế đó. Trong câu hỏi này, bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Tỳ-kheo thời Mạt Pháp xuất gia hết sức khó khăn, tu đạo càng khó hơn. Trong thời Mạt Pháp, người tin Phật rất khó, lại còn chẳng sanh khởi tín tâm. Kẻ không tin thì nhiều, hoặc là đã tin, sau đó lại tiến tiến, lùi lùi. Có lần, tôi trở về chùa Nam Phổ Đà. Mọi người biết ở Đài Loan có một vị tỳ-kheo-ni, đầu tiên là mang danh nghĩa tỳ-kheo-ni, sau đó hoàn tục. Bà ta qua Đại Lục, rêu rao, chèo kéo khắp nơi. Người xuất gia trong chùa miếu còn nghiễm nhiên theo học với bà ta, còn cho

rằng bà ta rất lỗi lạc. Sau đó, cục tôn giáo đuổi bà ta đi, hành động ấy khiến cho những kẻ xuất gia theo học với bà ta đều bị dọa sợ, trốn về quê nhà ẩn náu. Hiện tại chẳng còn chuyện gì nữa. [Những kẻ xuất gia ấy] đã sắp tốt nghiệp tại Phật Học Viện, đã học Phật mấy năm, sao còn bị mê hoặc kiêu đó? Nếu là những kẻ ít nghe Phật pháp, gặp phải loại ngoại đạo này, gặp phải cái gọi là “*thần thông*”, thường phô trương là “*khai thiên nhãn*”, hoặc “*mở con mắt thứ ba*”, thấy cái này, thấy cái nọ, liền cho là đáng tin. Hiện thời, tình hình này ở Đài Loan rất nhiều.

Đối với Tam Bảo, tức Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, quý vị ắt phải thà xả thân mạng, chẳng hủy báng Tam Bảo. Có sức tín ngưỡng kiêu đó, mới có thể giữ vững tín căn của quý vị. Lòng tin của quý vị ắt phải “mọc rễ”, ắt phải có sức mạnh. Khi tin, phải tin đến mức Niệm bất thoái, cho đến phải tu Định sao cho Định bất thoái, phải tu Huệ sao cho Huệ bất thoái. Đây là nói tới bước đầu, tín tâm ấy chẳng phải là do quý vị tu thành, mà là cái có thể [giúp cho hành nhân] đạt đến mục đích chính là tín tâm ấy. Có tín tâm như vậy. Có huệ, sẽ có thể phân biệt rõ đúng sai. Có Định lực, sẽ không bị cảnh chuyển. Kẻ khác nói gì, quý vị sẽ dựa theo giáo nghĩa để suy xét. [So sánh giữa] Định của kẻ đó và Định do đức Phật dạy, tức Tứ Thiên Bát Định, thậm chí như “*trì niệm lai khứ*” (giữ vững ý niệm đến đi) được nói trong bộ kinh này, có loại công lực ấy hay không? Còn như thấy quý thần, kinh Địa Tạng đã nói rất rõ ràng!

Nếu quý vị thắc mắc, hãy dùng Chiêm Sát Luân Tướng của đức Địa Tạng để hỏi về nghiệp báo của chính mình, để chiêm sát nghiệp báo của chính mình. Kẻ đó hoặc là cáo tinh chuyên thế, hoặc là chồn hay cày thành tiên chuyên thế, hoặc là [những kẻ] do quả báo mà có thần thông. Tại mỗi quốc gia, đều có hạng người như thế không ché. Mắt họ có thể thấy sâu dưới đất mấy ngàn thước, có thể thấy cát, hung trong vị lai, có thể nói ra đủ loại tiên đoán. Bọn họ vẫn thuộc vào sanh tử, chẳng có gì lỗi lạc! Quý vị chớ nên tin họ, phải trọn đủ chánh tri, chánh kiến. Nói đến “*chánh tri, chánh kiến*” thì quý vị có thể khảo nghiệm một phen: Kẻ đó có nói “*hết thấy các pháp đều là vô ngã*” hay không? Có thể quán “*hết thấy các pháp vô thường*”, quán “*hết thấy các pháp là khổ*”, quán “*hết thấy các pháp đều là không*” hay chẳng? Có thể quán như vậy hay không? Có thể quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã hay không? Quý vị dùng pháp ấn, dùng các pháp do đức Phật đã dạy để ấn chứng một phen, sẽ phân biệt rõ ràng! Quý vị liễu giải kẻ đó rốt cuộc là đúng hay không đúng, phải trọn đủ loại trí huệ ấy. Nếu không, trong đời Mạt tu đạo khó khăn, xuất gia càng khó hơn.

Thời Mạt Pháp, nhằm lúc ngũ dục hừng hực, nhân dục sôi sục. Mọi người thấy trong thế giới này, xã hội trong hiện tiền có hình thái gì vậy? Nếu trong lúc này, quý vị có thể tu một năm, tôi thấy sẽ còn hơn tu một kiếp trong thế giới Cực Lạc rất nhiều. Thế giới Cực Lạc chẳng có ai chọc khuấy quý vị, quý vị chẳng đến nỗi sai lầm. Bồ thí thì quý vị bồ thí cho ai? Vàng ròng ư? Khắp nơi đều là các thứ trân kỳ, mã não, châu báu đầy đất. Cây cối cũng bằng chất báu, thứ gì cũng đều là chất báu. Chẳng có ai dấy lòng tham, nhiều quá, chẳng tham nữa! Khi tôi chuyện gẫu với kẻ khác, người đó nói: “Trên thế giới này, hoàng kim quý nhất” Tôi nói: “Chưa chắc!” Người đó hỏi: “Thầy nói thứ gì quý nhất?” Tôi đáp: “Vẫn là gạo tẻ hoặc mạn đầu⁵⁵ quý nhất”. Kẻ đó bật cười, bảo: “Gạo thì một hai đồng đã mua được bao nhiêu là gạo!” Tôi nói: “Vào lúc bình thường, nếu sẵn gạo thì gạo không đáng tiền. Nếu nhằm lúc lũ lụt, một cái mạn đầu ông đưa cho họ mười lạng vàng, họ cũng chẳng bán cho ông”. Khi quốc gia đang rối loạn, không có ăn thì mới loạn, không có mặc thì mới loạn. Có vàng hay không, đều chẳng đáng kể chi hết.

Có một câu chuyện như thế này: Khi Hoàng Hà gây lụt lớn, hai người đi tỵ nạn. Một người tỵ nạn mang theo một túi vàng. Có một người ôm theo một mớ mạn đầu. Người mang mạn đầu do mang nhẹ, nên trèo lên cây. Kẻ vác theo vàng, cũng trèo lên cây. Họ ở trên cái cây đó. Lúc sau, hai người đều đói. Kẻ mang vàng nói: “Ta cho người một miếng vàng đổi lấy một cái mạn đầu, có được hay không?” Người có mạn đầu suy nghĩ: “Mua bán kiểu này thật sự rất có lời, được rồi, bán cho người một cái”. Đưa cho anh ta một cái mạn đầu, anh ta liền đưa một miếng vàng. Nước chẳng rút, anh ta tùy thời dùng vàng mua mạn đầu. Nước vẫn chẳng rút. Người mang mạn đầu kia bán sạch mạn đầu cho kẻ mang theo vàng. Hấn cứ nghĩ nước sẽ rút rất nhanh, nhưng nước vẫn không rút. Kẻ đem mạn đầu thầm nghĩ: “Hễ nước rút thì ta sẽ phát tài”. Kẻ đem mạn đầu nói với người mang theo vàng: “Vàng này người lấy lại đi để ta đổi lấy mạn đầu”. Người mang vàng trả lời: “Mạn đầu ta ăn hết sạch rồi, không còn nữa!” Thật ra, ông ta còn tám chín cái mạn đầu, tự mình giữ lại. Kẻ đem mạn đầu bị chết đói. Kẻ mang vàng vì có mạn đầu mà sống sót. Kẻ mang mạn đầu đã chết đói rồi, kẻ mang vàng lại đổi lấy hoàng kim như vậy để cầm về! Câu chuyện này thoạt nghe rất giống chuyện lừa. Quý vị nói xem: Thứ gì đáng quý trọng nhất? Tôi nói, cái đáng quý trọng nhất chính là trí huệ. Vốn khi đó đào thoát, ông ta

⁵⁵ Mạn đầu (mản đầu, 饅頭): Bánh bao không nhân.

mang theo mạn đầu là đúng, vì trong nhà chẳng có chi khác, mà cũng chẳng có vàng. Nhưng khi đó, ông ta chẳng nghĩ lúc ấy cần tiền để làm gì? Tiền có dùng được đâu? Cái tâm tham sẽ chẳng nảy sanh!

Lúc đó, quốc vương và đại thần chẳng tin tưởng Tam Bảo. Chắc các vị nghĩ quốc vương Sát-đế-lợi và đại thần, tể tướng đều có phước báo, sao họ lại chẳng cung kính Tam Bảo, chẳng có tín tâm vậy? Sao lại còn đối xử với tỳ-kheo kiêu đó? Chửi bới, đánh đập, chặt chém chân tay? Chẳng tin thì mọi người hãy mở to mắt mà trông, bắt luận tại Đài Loan, hay tại Đại Lục, ngay cả ở Mỹ, người ta căn bản không hiểu quý vị là người xuất gia, căn bản chẳng đem xia tới! Họ có hiểu những chuyện đó hay không? Đến Ấn Độ thì hiện thời đã gần như chẳng có người xuất gia Phật giáo! Tuy nói Ấn Độ vẫn có người xuất gia, nhưng tới chùa Đại Bồ Đề, những người xuất gia đó có lẽ là người Tư Lý Lam Kha (Tích Lan, Sri Lanka), chứ bản thân người Ấn Độ thì không có. Còn có những ngôi chùa, hiện thời có những vị lạt-ma Tây Tạng đến tu tại đó, chứ chùa Phật giáo của người Ấn đã đều bị phá tan. Loại tình huống này phổ biến trong thời Mạt Pháp. Vì thế, tôi thường nói: Kinh Đại Tập Thập Luân đúng là hình chụp của thời đại Mạt Pháp, đã chụp ảnh cho chúng ta. Mọi người hãy xem thử, tình huống hiện thời có phải là như vậy hay không? Vẫn còn có tín đồ tôn giáo, tuy chẳng phải là tỳ-kheo, nhưng họ tin tưởng giáo nghĩa, luôn làm các thiện sự, làm chuyện tốt cho người khác. Như vậy thì có thể hay không, đúng hay không?

(Kinh) Phật cáo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: - Thiện nam tử! Nhược chư hữu tình, u ngã pháp trung xuất gia, nãi chí thế trù tu phát, bị phiến ca-sa, nhược trì giới, nhược phá giới, hạ chí vô giới, nhất thiết thiên, nhân, A Tổ Lạc đẳng, y tục chánh pháp, do thượng bất hợp dĩ tiên, trượng đẳng chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, hướng y phi pháp! Hà dĩ cố? Trừ kỳ nhất thiết trì giới, đa văn, u ngã pháp trung nhi xuất gia giả, nhược hữu phá giới, hành chư ác pháp, nội hoài hủ bại, như uế oa loa, thật phi sa-môn, tự xưng sa-môn, thật phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh, hằng vị chúng chúng phiền não sở thắng, bại hoại khuynh phúc. Như thị phá giới chư ác bất-sô, do năng thị đạo nhất thiết thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân đẳng, vô lượng công đức trân bảo phục tạng.

(經)佛告天藏大梵天言：「善男子！若諸有情，於我法中出家，乃至剃除鬚髮，被片袈裟，若持戒，若破戒，下至無戒，一切天、人、阿素洛等，依俗正法，猶尚不合以鞭，杖等捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命，況依非法！何以故？除其一切持戒多聞，於我法中而出家者，若有破戒，行諸惡法，內懷腐敗，如穢蝸螺，實非沙門，自稱沙門，實非梵行，自稱梵行，恆為種種煩惱所勝，敗壞傾覆。如是破戒諸惡苾芻，猶能示導一切天、龍、藥叉、健達縛、阿素洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽、人非人等，無量功德珍寶伏藏。

(Kinh: Đức Phật bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: - Nay thiện nam tử! Nếu các hữu tình xuất gia trong pháp của ta, cho đến cạo bỏ râu tóc, khoác một mảnh ca-sa, hoặc trì giới, hoặc phá giới, thậm chí không có giới, hết thấy trời, người, A Tó Lạc v.v... nương theo chánh pháp của thế tục, còn chẳng nên dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam vào lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc chặt tứ chi, hoặc đoạn mạng họ, hưởng hồ những kẻ tuân theo phi pháp! Vì sao vậy? Trừ hết thấy những vị trì giới, đa văn, xuất gia trong pháp của ta, nếu có những kẻ phá giới, làm các pháp ác, trong tâm thói nát, như con ốc sên bản thủ, thật sự chẳng phải là sa-môn mà tự xưng là sa-môn, thật sự chẳng phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh, luôn bị các thứ phiền não không chế, bại hoại, khuynh đảo.

Các ác bất-sô phá giới như thế vẫn có thể chỉ dạy vô lượng kho báu công đức trân bảo cho hết thấy trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước, A Tó Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân v.v...)

Vị Thiên Tạng Đại Phạm Thiên này có trí huệ, cho nên hỏi đạo lý như thế. Do vậy, đức Phật bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: “*Thiện nam tử! Nhược chư hữu tình u ngã pháp trung xuất gia, nãi chí thế trừ tu phát, bị phiến ca-sa*” (Này thiện nam tử! Nếu có các hữu tình xuất gia trong pháp của ta, cho đến cạo bỏ râu tóc, khoác một mảnh ca-sa): Rất ít!

Chỉ có một mảnh be bé mà thôi, cũng tức là gắn một mảnh ca-sa trên y phục. “*Nhược trì giới, nhược phá giới*” [nghĩa là] sau khi đã xuất gia, giữ giới luật rất tinh nghiêm, trì giới cũng chẳng trái phạm, giữ giới thanh tịnh; hoặc là sau khi đã xuất gia bèn phạm giới. “*Hạ chí vô giới*”: Có kẻ hủy hoại toàn bộ các giới đã thọ.

“*Nhất thiết thiên, nhân, A Tố Lạc đặng, y tục chánh pháp, do thương bất hợp dĩ tiên, trọng đặng chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoan kỳ mạng. Huống y phi pháp!*” (Hết thầy trời, người, A Tố Lạc v.v... vâng theo chánh pháp của thế tục còn chẳng nên dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam vào lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc chặt chân tay, hoặc đoan mạng họ, huống hồ những kẻ hành theo phi pháp!): Đây là vâng theo chánh pháp của thế tục, tức là giết người thì phải đền mạng, thiếu nợ thì phải trả tiền, trộm cắp người khác sẽ bị tai họa lao ngục. Nếu giam cầm, hoặc trừng phạt thì cũng là chiếu theo pháp luật của thế gian, nhất định phải bị trách phạt. Trước pháp luật, ai nấy đều bình đẳng, người xuất gia cũng chẳng có ngoại lệ!

Từ đời Đường - Tống đến nay, mỗi triều đại đều có. Thậm chí bậc đại đức như Tử Bách lão nhân⁵⁶ chết trong ngục giam, Hám Sơn đại sư

⁵⁶ Tử Bách lão nhân (1543-1603), Sư là cao tăng Thiên Tông, tổ quán ở Cú Dung huyện Tô Châu, đến đời cha Ngài dời sang Thái Hồ thuộc Ngô Huyện, Tô Châu. Sư họ Trầm, pháp danh Đạt Quán, về sau đổi thành Chân Khả, người đời sau xưng tụng Ngài bằng mỹ hiệu Tử Bách Tôn Giả. Ngài cùng với các vị Liên Trì, Ngẫu Ích, và Hám Sơn được gọi chung là Minh Mạt Tứ Đại Cao Tăng. Khi sanh ra, đến năm tuổi Ngài vẫn chưa biết nói. Về sau, gặp một vị dị Tăng, bảo: “Mai sau, đứa trẻ này sẽ xuất gia”, Ngài mới bắt đầu biết nói. Thuở bé, Ngài ngang tàng, hào hiệp, thích uống rượu, hễ nói một lời không hợp là đánh nhau ngay. Năm mười bảy tuổi, đeo kiếm làm hiệp khách lãng du. Đến Xương Môn, do gặp trận mưa lớn, đụt mưa tại chùa Hồ Khâu. Đến đêm, nghe sư Minh Giác tụng Bát Thập Bát Phạt Sám, bỗng ngộ đạo. Sáng sớm hôm sau, xin xuất gia với ngài Minh Giác. Sau khi đã xuất gia, Ngài tỉnh tọa suốt đêm đến sáng, suốt đời không nằm xuống giường. Ngài tánh rất cương liệt, sau khi đã xuất gia, hễ thấy Tăng nhân uống rượu, ăn thịt, sẽ quở mắng thậm tệ. Do Ngài trì giới rất nghiêm, tánh tình lại cương liệt, ai nấy đều sợ Ngài. Năm hai mươi tuổi, thọ Cụ Túc giới, để đọc kinh Hoa Nghiêm bèn bế quan suốt ba năm tại chùa Cảnh Đức. Sau đó, Sư từ biệt thầy, hành Đầu Đà hành cước suốt cả đời. Ngài một ngày đi hai mươi dặm đường, chân nứt nẻ, bèn dùng đá lót chân đi tiếp. Trên đường hành cước, do nghe bài kệ Kiến Đạo bèn ngộ đạo. Ngài đến làm môn hạ của tổ Biên Dung suốt chín năm. Năm Vạn Lịch thứ chín (1581), Sư phát nguyện cùng với các thiện tín như tri phủ Gia Hưng in khắc Đại Tạng Kinh. Quyên mộ mãi đến năm Vạn Lịch 17 (1589) mới bắt đầu khắc ván in tại Ngũ Đài. Bản in này thường được gọi là

thì bị sung quân (đầy làm lính), cũng từng ngồi tù. Vào đời Minh, Hoàng Thái Hậu rất tin Phật [nhưng vua Minh Thần Tông tin theo Đạo giáo, nghe lời sàm báng, hãm hại Tăng sĩ], hiện tượng kiêu này thường có. Đường Thái Tông là hoàng đế thời thịnh trị mà cũng giết rất nhiều hòa thượng. Do vậy, đế vương cũng chẳng tránh khỏi tạo nghiệp này. Nếu ông ta vâng theo chánh pháp của thế tục, sẽ phạm vào sai lầm, đều chẳng nên dùng roi, gậy đánh đập thân thể tỳ-kheo, hoặc giam họ trong lao ngục, hoặc chửi mắng họ, hoặc chặt chân tay họ, hoặc đoạn mạng họ. “*Hà dĩ có?*”: Vì sao nói như vậy? “*Trừ kỳ nhất thiết trì giới, đa văn, u ngã pháp trung nhi xuất gia giả*” (Trừ hết thầy những người trì giới, đa văn, xuất gia trong pháp của ta): Những vị trì giới, đa văn, có đạo đức thì chẳng cần phải nói. Nếu có những kẻ phá giới, hành ác pháp, trong tâm thối nát, tuy bề ngoài là xuất gia, nhưng trọn chẳng thật sự tu hành, chẳng tu tập, mà cũng chẳng hành trì. Phá giới là hành ác pháp, tham, sân, si như đã nói trên đây đều trọn đủ.

“*Nội hoài hủ bại*” (Trong tâm thối nát): Bản thiêu, giống như con oa loa (蝸螺), tức là ốc sên. Loài này có khi được gọi là “*oa ngư*” (蝸牛). Ốc sên rút mình trong vỏ. “*Loa tu*” (螺蜥, ốc nhồi) có vỏ bảo vệ thân nó, nhưng trong ấy rất bẩn, nó ăn và bài tiết ngay trong ấy, rất ứ tấp. Kẻ tạo nghiệp đọa vào loài đó. Vì thế, kẻ phá giới, hành ác pháp giống như con ốc nhồi (ốc brou), hoặc ốc sên. Họ tuy khoác ca-sa, đã

Gia Hưng Tạng. Năm Vạn Lịch 14 (1586), do được thư mời của ngài Hám Sơn, đôi bên gặp gỡ tại thành Tức Mặc ở Lao Sơn, trở thành bạn thâm giao. Năm Vạn Lịch 23 (1595), ngài Đức Thanh Hám Sơn bị vu hãm tội lén xây chùa, bị hạ ngục, rồi đầy đi Lôi Dương làm lính. Vì tìm cách cứu Hám Sơn, Ngài viết biểu xin triều đình ngưng thu thuế các mỏ quặng, lặn lội các nơi. Năm Vạn Lịch 31 (1603), vì vua Vạn Lịch (Minh Thần Tông) tính phê trương lập ấu, dẫn phát đến vụ án yêu thư, yêu ngôn, ngài Từ Bách vốn là bạn thân của Trầm Lý thuộc Đông Lâm đảng (các Nho sĩ chủ trương chống lại chính sách quan liêu và đề xướng cải tiến đất nước. Tư tưởng này bị bọn triều thần hủ bại cho là “*yêu ngôn hoặc chúng*”), nên bị vu cáo, tống giam vào ngục. Ngài bị bọn nha lại Đông Xưởng và vệ binh Cẩm Y Vệ tra khảo đến nỗi thân thể rách mướp, chỉ còn thoi thóp. Đến ngày Mười Bảy tháng Chạp, Ngài cố sức tắm gội, ngồi ngay ngắn, niệm Tỳ Lô Giá Na Phật mấy câu rồi viên tịch. Sau khi mất, đệ tử đưa thi thể về chôn ở chùa Từ Huệ (phía Tây Bắc Kinh). Khi nạn lụt xảy ra, đệ tử đưa di thể về am Tịch Chiếu ở Kính Sơn để chôn. Về sau, tháp bị ngập nước, lại dời về Khai Sơn, đã mười ba năm trôi qua, toàn thân xá lợi vẫn bất hoại! Mãi cho đến năm Vạn Lịch 44 (1616), khi ngài Đức Thanh Hám Sơn được tha, trở về Bắc Kinh cử hành lễ trà tỳ, đưa tro cốt về thờ tại Văn Thủ Đài ở Kính Sơn thuộc huyện Du Hàng, tỉnh Chiết Giang.

xuất gia, nhưng chẳng phải là sa-môn. Họ tự nói mình là sa-môn, tự xưng là sa-môn, tự xưng là người xuất gia. “*Thật phi phạm hạnh*” (Thật sự chẳng phải là phạm hạnh), những gì họ đã làm đều là hạnh chẳng thanh tịnh. Tự kể đó nói là hạnh thanh tịnh, nhưng luôn bị khuấy phục bởi đủ loại phiền não. Phiền não thắng thế thiện nghiệp, ác nghiệp hơn hẳn thiện nghiệp của kẻ đó. “*Bại hoại khuynh phúc*” (Bại hoại, khuynh đảo): Phạm hạnh lẫn thanh tịnh hạnh của kẻ đó đều bị bại hoại. Phật môn đều bị kẻ đó bại hoại. Hạng ác tỳ-kheo phá giới như vậy vẫn có thể tạo phước đức cho trời người.

“*Do năng thị đạo nhất thiết thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân đẳng, vô lượng công đức trân bảo phục tạng*” (Vẫn có thể chỉ dạy vô lượng kho tàng công đức quý báu cho hết thầy trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân v.v...): Chỉ cần kẻ ấy là đệ tử Phật, chỉ cần kẻ đó còn khoác một mảnh ca-sa, sẽ có thể chỉ dạy tám bộ quý thân.

Tại Ấn Độ, có một người sống nơi mồ mả. Ông ta thấy một con rồng ác. Ông ta vốn là kẻ ăn mày đi xin dọc đường. Trong gò mả ấy, có [thi thể] của một vị tỳ-kheo đã viên tịch. Sau đó, ca-sa bị rách nát, rơi ra một miếng. Người ăn mày ấy vội vã trùm mảnh áo đó lên đầu, ác long chẳng ăn ông ta, lướt qua. Chuyện này cho thấy, tuy là ác tỳ-kheo nhưng khoác ca-sa thì cũng có thể chỉ dạy tám bộ quý thân, vì mảnh áo ca-sa hàm chứa vô lượng kho báu công đức trân bảo. Hoàn toàn chẳng phải vì người ấy, mà là do mảnh áo của người ấy. Đó gọi là Tam Bảo chủng tánh.

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Ư ngã pháp trung, nhi xuất gia giả, tuy phá giới hạnh, nhi chư hữu tình đồ kỳ hình tướng, ung sanh thập chủng thù thắng tư duy, đương hoạch vô lượng công đức bảo tụ. Hà đẳng vi thập? Vị ngã pháp trung, nhi xuất gia giả, tuy phá giới hạnh, nhi chư hữu tình, hoặc hữu kiến dĩ, sanh ư niệm Phật ân trọng, tín kính thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, chung bất quy tín chư ngoại đạo sư, thư luận, đồ chúng, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành.

(經)又善男子! 於我法中, 而出家者, 雖破戒行, 而諸有情睹其形相, 應生十種殊勝思惟, 當獲無量功德寶聚

。何等為十？謂我法中，而出家者，雖破戒行，而諸有情，或有見已，生於念佛殷重，信敬殊勝思惟。由是因緣，終不歸信諸外道師，書論，徒眾，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Người xuất gia trong pháp của ta tuy phá giới hạnh, nhưng các hữu tình thấy hình tướng của họ, sẽ sanh khởi mười loại tư duy thù thắng, sẽ đạt được vô lượng khối báu công đức. Những gì là mười? Tức là người xuất gia trong pháp của ta tuy phá giới hạnh, nhưng các hữu tình, nếu đã trông thấy, sẽ sanh tư duy thù thắng nghĩ tới Phật, trân trọng tin kính. Do nhân duyên ấy, họ trọn chẳng quy hướng, kính tin các thầy ngoại đạo, sách vở, luận thuyết, và đồ chúng của chúng nó, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, là khỏi các sợ hãi).

Trông thấy chiếc ca-sa ấy, sẽ sanh khởi ý tưởng thù thắng. Tuy kẻ đó phá giới, nhưng hẳn là Phật tử, biểu hiện vẫn là Phật tử. Mười loại công đức nào vậy? “*Vị ngã pháp trung nhi xuất gia giả, tuy phá giới hạnh, nhi chư hữu tình, hoặc hữu kiến dĩ, sanh u niệm Phật ân trọng tín kính thù thắng tư duy*” (Chính là kẻ xuất gia trong pháp của ta, tuy phá giới hạnh, nhưng các hữu tình mà được trông thấy, sẽ sanh khởi tư duy thù thắng nghĩ đến Phật, trân trọng kính tin): Tuy kẻ đó phá giới, nhưng chúng sanh trông thấy hẳn, hoàn toàn chẳng nghĩ hẳn là kẻ phá giới. Hữu tình chỉ thấy từ nơi thân hẳn là một vị tỳ-kheo, chỉ thấy một tướng. Vì chúng sanh chỉ thấy quý vị là một tỳ-kheo, liền sanh khởi ý tưởng thù thắng. Do thấy vị tỳ-kheo ấy mà họ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Do niệm Phật mà sanh khởi tư tưởng tin kính thù thắng. Họ sẽ nghĩ như thế này: “*Vị tỳ-kheo này là đệ tử Phật*”. Do đó, sẽ nghĩ tới công đức của Phật.

“*Do thị nhân duyên, chung bất quy tín chư ngoại đạo sư, thư luận, đồ chúng*” (Do nhân duyên ấy, họ trọn chẳng quy ngưỡng, tin tưởng các thầy ngoại đạo, sách vở, luận thuyết và đồ chúng của chúng nó): Người ấy do thấy hòa thượng phá giới, sẽ nghĩ đến Phật, nghĩ đến Pháp. Do vì nhân duyên này, người ấy quy y Phật, Pháp, Tăng, chẳng quy kính, tin tưởng bọn tà sư ngoại đạo. “*Ngoại đạo luận*” là sách vở, mà cũng là pháp của ngoại đạo. “*Đồ chúng*” là tăng chúng ngoại đạo.

“*Bất quy y ngoại đạo sư, thư luận, đồ chúng, nãi chí u năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành*” (Chẳng quy các thầy ngoại đạo, sách vở, kinh luận, đồ chúng của họ, cho đến có thể vào tòa thành đại Niết Bàn, là khỏi các sợ hãi), ý nói: Thấy vị tỳ-kheo phá giới ấy, người đó sanh khởi nhân duyên thù thắng, nghĩ đến Phật, nghĩ đến Pháp, thậm chí cung kính vị Tăng ấy. Do nhân duyên ấy, người đó có thể lìa hết thầy sợ hãi, chúng đấng Niết Bàn, có thể nhập Định, có thể chứng đắc “*chẳng sanh diệt*”.

(Kinh) Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệtm thánh giới thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, năng ly sát sanh, ly bất dữ thủ, ly dục tà hạnh, ly hư cuồng ngữ, ly ẩm chư tửu, sanh phóng dật xú, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệtm bố thí thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, đắc đại tài vị, thân cận, cúng dường chánh chí, chánh hạnh, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành.

(經)或有見已，生念聖戒殊勝思惟。由是因緣，能離殺生，離不與取，離欲邪行，離虛誑語，離飲諸酒，生放逸處，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念佈施殊勝思惟。由是因緣，得大財位，親近供養，正至正行，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。

(Kinh: Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ tới thánh giới. Do nhân duyên ấy, có thể lìa sát sanh, lìa chẳng cho mà lấy, lìa dục tà hạnh, lìa lời hư dối, chẳng uống các thứ rượu, lìa khỏi các chỗ sanh khởi phóng dật, cho đến có thể vào trong thành Đại Niết Bàn, lìa khỏi các sợ hãi. Hoặc là có người thấy rồi, sanh tư duy thù thắng nghĩ tới bố thí. Do nhân duyên ấy, đạt được địa vị và của cải to lớn, thân cận, cúng dường bậc chánh chí, chánh hạnh, cho đến có thể vào trong thành Đại Niết Bàn, lìa khỏi các sợ hãi).

Có người trông thấy vị tỳ-kheo ấy, thấy oai nghi của ông ta, nghĩ là ông ta trì giới, là người xuất gia, bèn cho rằng “*ý niệtm xuất gia*” rất khó có. Do bởi nhân duyên ấy, vì cho rằng vị tỳ-kheo đoạn tham, sân, si, chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, lìa lời nói hư vọng, lìa uống rượu, lìa các thứ rượu vì chúng là chỗ sanh khởi phóng dật, [cho nên] chẳng

uống rượu. Cũng là do thấy một vị tỳ-kheo phá giới mà sanh khởi nhiều cảm giác thù thắng dường ấy! Người ấy có thể vì trông thấy vị tỳ-kheo phá giới ấy mà gieo thiện căn, cuối cùng thành đạo, chứng nhập Niết Bàn thành. Người ấy thấy một vị tỳ-kheo, liền sanh khởi cảm giác thù thắng, bèn cúng dường vị ấy, sanh ý tưởng bố thí. Do nhân duyên ấy, đạt được của cải và địa vị to tát. Thấy một vị tỳ-kheo mà coi vị ấy như một vị thánh tăng, sẽ sanh khởi ý tưởng thù thắng. Do hình tướng của vị ấy, [người đó sẽ] “*thân cận cúng dường, chánh chí, chánh hạnh, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành*” (thân cận, cúng dường bậc chánh chí, chánh hạnh, cho đến có thể vào trong thành Đại Niết Bàn, lia khỏi các sợ hãi).

(Kinh) Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm nhân nhục, nhu hòa, chất trực thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, tiện năng viễn ly ly gián, thô ác, tạp uế, sân, phẫn, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm xuất gia, tinh cần tu hành thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, năng xả gia pháp, thú u phi gia, dũng mãnh, tinh tấn, tu chư thắng hạnh, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm viễn ly chư tán loạn tâm, Tĩnh Lự, đẳng chí thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, tâm nhạo sơn lâm, A Luyện Nhã xứ, trú dạ tinh cần, tu chư Định hạnh, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm trí huệ thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, hân nhạo thính văn, độc, tụng chánh pháp, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm túc thực, xuất ly thiện căn thù thắng tư duy, nhuễn ngữ úy vấn, nãi chí lễ túc. Do thị nhân duyên, đương sanh tôn quý, đại thể lực gia, vô lượng hữu tình hàm cộng chiêm ngưỡng, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Thiện nam tử! Ư ngã pháp trung nhi xuất gia giả, tuy phá giới hạnh, nhi chư hữu tình đồ kỳ hình tướng, sanh thử thập chủng thù thắng tư duy, đương hoạch vô lượng công đức bảo tụ. Thị cố, nhất thiết Sát-đế-lợi vương, đại thần, tể tướng, quyết định bất hợp dĩ tiên, trượng đẳng, chủ khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng.

(經)或有見已，生念忍辱柔和，質直殊勝思惟。由是因緣，便能遠離離間粗惡、雜穢瞋忿，乃至能入離諸怖畏

大涅槃城。或有見已，生念出家，精勤修行殊勝思惟。由是因緣，能舍家法，趣於非家，勇猛精進，修諸勝行，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念遠離諸散亂心，靜慮等至殊勝思惟。由是因緣，心樂山林阿練若處，晝夜精勤，修諸定行，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念智慧殊勝思惟。由是因緣，欣樂聽聞，讀誦正法，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念宿植，出離善根殊勝思惟，軟語慰問，乃至禮足。由是因緣，當生尊貴，大勢力家，無量有情咸共瞻仰，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。善男子！於我法中，而出家者，雖破戒行，而諸有情睹其形相，生此十種殊勝思惟，當獲無量功德寶聚。是故，一切剎帝利王，大臣，宰相，決定不合以鞭，杖等，捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。

(Kinh: Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ tới nhẫn nhục, nhu hòa, chất trực. Do nhân duyên ấy, sẽ có thể xa lìa ly gián, thô ác, tạp uế, sân, phẫn, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ đến xuất gia, siêng ròng tu hành. Do nhân duyên ấy, có thể bỏ pháp tại gia, hướng đến không nhà, dũng mãnh, tinh tấn, tu các hạnh thù thắng, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ đến xa lìa các tâm tán loạn, [hướng đến] Tĩnh Lự, đẳng chí. Do nhân duyên ấy, tâm ưa thích núi, rừng, chốn A Luyện Nhã (A Lan Nhã), ngày đêm siêng ròng tu các Định hạnh, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng nghĩ đến trí huệ. Do nhân duyên ấy, ưa thích lắng nghe, đọc, tụng chánh pháp, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Hoặc là có

người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ đến thiện căn xuất ly đã gieo từ trước, dùng lời lẽ mềm mỏng để an ủi, hỏi han, cho đến lễ dưới chân. Do nhân duyên ấy, sẽ sanh trong gia tộc tôn quý, có thể lực lớn, vô lượng hữu tình đều cùng chiêm ngưỡng, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Nay thiện nam tử! Kể xuất gia trong pháp của ta, tuy phá giới hạnh, nhưng các hữu tình trông thấy hình tướng người ấy, sẽ sanh khởi mười loại tư duy thù thắng ấy, sẽ đạt được vô lượng khối công đức báu. Vì thế, hết thấy các vua Sát-đế-lợi, đại thần, tể tướng, quyết định chẳng nên dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân kẻ ấy, hoặc giam vào lao ngục, hoặc lại quở mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng kẻ đó).

“Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm nhân nhục, nhu hòa, chất trực thù thắng tư duy” (Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ tới nhân nhục, nhu hòa, chất trực): Đây là Nhân Nhục Ba La Mật. “Do thị nhân duyên, tiện năng viễn ly ly gián, thô ác, tạp uế, sân, phẫn” (Do nhân duyên ấy, liền có thể xa lìa lời ly gián, thô ác, tạp uế, sân, phẫn): Lìa tâm sân hận, lìa tạp uế. “Tạp uế” (雜穢) là lời thô ác, nhưng chẳng phải là ác khẩu. Do trông thấy hình tướng của vị tỳ-kheo phá giới ấy, khiến cho họ có thể tư duy như vậy, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. “Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm xuất gia, tinh cần tu hành thù thắng tư duy” (Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng nghĩ đến xuất gia, siêng ròng tu hành): Người xuất gia vô dục, vô trước (無着, không vướng mắc), thanh tịnh, tiêu sái⁵⁷. Tỳ-kheo phá giới [bề ngoài] cũng rất tiêu sái. Mọi người thấy thiện sư Đạo Tế thị hiện nghịch hạnh. Tuy là nghịch hạnh, thật ra, Ngài hành Bồ Tát đạo, ai biết Ngài là thánh tăng? Chẳng biết! Thấy Sư uống rượu, vào quán ăn, thậm chí vào nhà thổ để độ người khác. Nghe tôi nói Ngài đến nhà thổ như vậy, chắc là mọi người hoài nghi, [cho rằng] chẳng phải vậy! Tôi nhớ khi tôi xem Tế Công Truyện, lúc ấy tôi cũng sanh khởi ý tưởng thù thắng, Ngài độ người như thế nào?

⁵⁷ “Tiêu sái” (瀟灑) là từ ngữ hình dung tinh thần lẫn cử chỉ phóng khoáng, ung dung, lưu loát, tự nhiên, thanh nhã, thoát tục, nhàn nhã tự tại, chẳng cứng nhắc, câu nệ. Tuy phóng khoáng nhưng không suồng sã, vẫn giữ được chừng mực lễ nghi, khiến người khác kính trọng, ngưỡng mộ. Chữ này cũng thường được dùng để mô tả nét thư pháp nhẹ nhàng, bay bướm, tài hoa, nhưng không phóng túng, thô cuồng.

Có một hôm, Ngài đến nhà một đệ tử. Ở cửa Tây thành Tô Châu có một vị viên ngoại, tên là Tô Bắc Sơn. Sư đến đó tìm Tô Bắc Sơn, hỏi: “Hôm nay ông bận việc gì hay không?” Đệ tử thưa: “Không ạ!” Thiên sư Đạo Tế (道濟) nói: “Không bận gì thì đi với ta đến chỗ này”. Đệ tử hỏi: “Sư phụ đến chỗ nào vậy? Con đi với thầy”. Thiên sư Đạo Tế nói: “Ông mang tiền nhiều một chút!” [Trò thưa]: “Sư phụ uống rượu, con cúng dường cho thầy, không sao hết”. Thiên sư Đạo Tế nói: “Hôm nay ta không uống rượu, ta muốn đến chỗ này”. Trò hỏi: “Đến chỗ nào ạ?” Thiên sư Đạo Tế nói: “Ta đến phố bán hoa”. “Sư phụ ơi! Thầy đến chỗ đó làm chi?” “Ông đừng lo, cứ đi với ta”. Người đồ đệ ấy lắc đầu, được rồi, đến kỹ viện vậy! Tới nơi, ở đó có một kỹ nữ mới tới, là danh kỹ (名妓, kỹ nữ nổi tiếng). Thiên sư Đạo Tế nói: “Ta muốn kỹ nữ ấy, cô Đồng Xuân Hương”. Đồng Xuân Hương thấy một vị hòa thượng vừa bản thủ vừa nhếch nhác, bộ dáng rất khó coi! Nhưng viên ngoại thì nhìn khác hẳn, vừa có chức tước, vừa giàu có. Cô ta đối với viên ngoại hết sức xun xoe. Thiên sư Đạo Tế nói: “Cô đến đây, hấn chẳng thể cứu cô, cứu cô vẫn phải cậy vào ta”. Cô ta hỏi: “Đại sư muốn làm gì?” Thiên sư Đạo Tế nói: “Cô lại đây ta nói cho cô nghe. Nhân rồi vô sự lại thoải mái, hòa thượng cũng muốn vui thú một chút. Kêu Xuân Hương một tiếng thì cô qua đây, qua chỗ ta nè, đừng có tới chỗ hấn”. Đồng Xuân Hương liền hỏi: “Sư phụ! Thầy muốn làm gì?” Thiên sư Đạo Tế nói: “Mau mau cởi giải thắt lưng ra!” Xuân Hương sững sờ! Thiên sư Đạo Tế lại nói: “Tặng cho bản tăng cột giày rách. Giày cỏ của ta đã hỏng rồi, cô cho ta chiếc đai để cột giày, chứ chẳng có ý chi khác!” Thiên sư Đạo Tế muốn làm gì? Cô Đồng Xuân Hương bị kẻ khác hăm hại, bán vào kỹ viện. Thiên sư Đạo Tế vì độ cô ta mới đến đó, bảo Tô Bắc Sơn đem tiền chuộc cô ta ra, đưa cô về nhà. Cô gái ấy không biết, mẹ cô ta và nàng ta đã không còn liên lạc với nhau. Thiên sư Đạo Tế có thần thông, bèn bảo nàng tìm quản gia của Tô Bắc Sơn đưa cho cô ta một ít tiền. Thiên sư Đạo Tế đến cứu người!

Lại còn có một vị lão hòa thượng cũng giống như thế. Sư thân nhận một đứa trẻ bốn, năm tuổi, dẫn nó vào sông trong núi. Ở trong núi, đứa bé ấy ngoại trừ trông thấy cây cối, núi non, suối, khe, lại thấy dã thú hay cạp, thứ gì khác cũng chẳng thấy. Chờ đến khi đứa trẻ ấy mười tám tuổi trưởng thành, sư phụ dẫn nó xuống đạo phố phường. Úi chao! Đứa nhỏ thấy chói lòa cả mắt, tiếp nhận không xuê! Cuối cùng, tới một kỹ viện, các cô nương tô son trát phấn, sư phụ dẫn nó đi xem các kỹ nữ ấy

một phen. Đồ đệ hỏi: “Su phụ! Đó là gì vậy?” Su phụ đáp: “Cọp!” Trên núi, cọp toàn ăn thịt người! Sau khi trở về núi, su phụ hỏi nó: “Hôm nay con thấy thứ gì hay nhất?” Nó thưa: “Thứ gì cũng chẳng hay, cọp là hay nhất”.

Đó gọi là Hoặc. “*Hoặc*” (惑) là mê hoặc, cũng là cái nghiệp mang đến từ thuở lọt lòng. Tham dục khó đoạn, mỗi người chúng ta hãy tự chứng nghiệm chính mình! Tỳ-kheo phá giới cũng có thể khiến cho quý vị đoạn tham dục, vì quý vị chỉ nhìn từ hiện tượng. Các vị thánh nhân, các vị A La Hán thị hiện nghịch hạnh, như thiên sư Đạo Tế ra vào tửu quán, trà đình. Mỗi ngày, Sư làm như vậy, quý vị thấy Sư cũng chẳng tu hành, cũng chẳng làm chi hết, cầm bầu uống rượu, trong bọc còn giắt thịt chó. Thiên sư Đạo Tế có thể kéo các súc gỗ từ cái giếng trong chùa Tịnh Từ lên, quý vị có thể kéo nổi hay không? [Ngài làm như thế] để sửa chùa Tịnh Từ. Hiện thời, nếu quý vị đến Hàng Châu ở Đại Lục, đến chùa Tịnh Từ⁵⁸ nhìn xem, trong giếng còn có một súc gỗ gác trong đó. Cuối cùng [nhà chùa nói] “*đu rồi*”, Ngài không kéo nữa, bỏ luôn súc gỗ ấy tại đó!

Quý vị có tin hay không? Có thật đấy! Thiên sư Đạo Tế xác thực là sự thật. Nhưng có những chuyện chẳng phải là sự thật, mà do tiểu thuyết đặt ra. Ngài xuất gia, khùng khùng điên điên, quý vị nghĩ Ngài là hòa thượng phá giới. Thật ra, Ngài ngầm hành Bồ Tát hạnh, quý vị hoàn toàn chẳng biết. Do vậy, quý vị chỉ nên cung kính Tam Bảo, đừng nên so đo vị ấy phạm giới chi đó, [chuyện đó] đối với quý vị chẳng liên quan chi hết, người thọ báo là vị ấy. Hãy coi vị ấy là thánh tăng, coi hết thấy

⁵⁸ Chùa Tịnh Từ ở phía Nam của Tây Hồ, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, đối diện tháp Lô Phong, được xếp vào trong Tây Hồ Tứ Đại Cổ Sát (bốn ngôi chùa cổ lớn ở Tây Hồ), và Tây Hồ Thập Cảnh. Chùa do Ngô Việt Vương Tiền Hoàng Thục xây vào năm 954 để làm chỗ trụ tích cho tổ Vĩnh Minh Diên Thọ. Khi chùa bị hỏa hoạn, nhà chùa vận động quyên mộ. Ngài Đạo Tế (do hình dung cử chỉ điên khùng, nên thường bị gọi là Tế Điên) cũng đi ra ngoài, ăn uống no say, khật khưỡng về chùa. Tăng chúng hỏi: “Có quyên mộ được đồng nào hay không?” Sư đáp: “Nằm hết trong bụng tôi rồi”. Mọi người lắc đầu, Sư lăn ra ngủ mê mệt suốt ba ngày mới tỉnh. Sau đó, Sư đến bên cái giếng ở nhà bếp, kéo từng súc gỗ lên để làm cột kèo, cho đến khi thợ mộc nói đủ rồi mới thôi. Còn một súc gỗ chưa dùng tới, bị Sư bỏ lại trong giếng. Từ đó, giếng này đổi tên thành giếng Thần Vận. Thường mọi người chỉ biết đến Ngài qua các câu chuyện thần dị, chữa bệnh, thậm chí tôn xưng Ngài là Tế Công Hoạt Phật, chứ ít ai biết Ngài học văn uyên bác, được tôn là tổ thứ sáu của phái Dương Kỳ trong tông Lâm Tế của Thiên Tông. Ngài còn để lại bộ Tuyên Phong Ngữ Lục (鑄峯語錄) gồm mười quyển, và rất nhiều các bài thi kệ được chép trong các bộ Tịnh Từ Tự Chí, Đài Sơn Phạm Hương v.v...

chúng sanh đều là Phật, coi như Bồ Tát. Câu chuyện về Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn⁵⁹ cũng là như vậy. Quý vị dùng Phật Tánh, sẽ thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. Nhưng người nhìn được như thế rất ít, khi quán tưởng, vẫn chẳng thể quán được như vậy.

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Nhược hữu y ngã nhi xuất gia giả, phạm giới, ác hạnh, nội hoài hủ bại, như uế oa loa, thật phi sa-môn, tự xưng sa-môn, thật phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh, hằng vị chủng chủng phiền não sở thắng, bại hoại khuynh phúc. Như thị bất-sô, tuy phá cấm giới, hành chư ác hạnh, nhi vị nhất thiết thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hồ Lạc Già, nhân phi nhân đẳng, tác thiện tri thức, thị đạo vô lượng công đức phục tạng. Như thị bất-sô, tuy phi pháp khí, nhi thể tu phát, bị phục ca-sa, tấn chỉ oai nghi, đồng chư hiền thánh. Nhân kiến bỉ cố, vô lượng hữu tình chủng chủng thiện căn, giai đắc sanh trưởng, hựu năng khai thị vô lượng hữu tình thiện thú, sanh thiên, Niết Bàn chánh lộ.

(經)復次大梵！若有依我而出家者，犯戒惡行，內懷腐敗，如穢蝸螺，實非沙門，自稱沙門，實非梵行，自稱

⁵⁹ Ngài Phật Ấn (1032-1098) là một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn nhà Thiền, pháp hiệu Liễu Nguyên, pháp tự Giác Lão. Ngài cũng có công chấn hưng Tịnh Độ, từng làm xā chủ của Thanh Tùng Xā, chuyên hướng dẫn các xā viên tu Tịnh Độ. Tống Thần Tông đã ban kim bát đề tuyên dương phẩm đức của Ngài. Khi Ngài ở chùa Kim Sơn, từng làm bạn thân của Tô Đông Pha. Theo Kim Sơn Tự Chí, khi Tô Đông Pha đấu đá với Tư Mã Quang trong triều đình bị thất thế, bị biếm về Qua Châu. Họ Tô nghe nói ở Qua Châu có một vị hòa thượng rất nổi tiếng là Phật Ấn, bèn đến gặp. Ông ta khoe tài kinh luân, nói thao thao bất tuyệt cả buổi, bàn luận quốc sách, đông tây kim cổ, Phật Ấn chỉ lẳng lẳng chăm chú nghe. Tô Đông Pha trong tâm khinh thường Phật Ấn chỉ mang cái danh hão, chẳng hiểu biết gì. Phật Ấn hỏi Tô Đông Pha: “Ngài thấy lão nạp là người như thế nào?” Tô Đông Pha khinh bỉ đáp: “Người chỉ có tiếng hão, vờ vĩnh cao sâu, chẳng có bản lĩnh thật học, chỉ lừa gạt người khác mà thôi”. Phật Ấn mỉm cười, chẳng nói gì. Tô Đông Pha càng thêm vênh váo, hỏi ngược: “Nhà sư thấy ta ra sao?” Sư đáp: “Ngài là bậc đại học sĩ, rất có học vấn, có tu dưỡng, lão nạp tự thẹn chẳng bằng”. Khi về nhà, Tô Đông Pha càng thêm đắc ý, khoe khoang với cô em gái là Tô Tiêu Muội. Cô em nghe xong, cười sặc cả com: “Anh gièm chê hòa thượng hết lời, Ngài chẳng giận mà còn tán dương anh, anh nói xem ai là người tu dưỡng? Ai có học vấn thật sự? Thật xấu hổ là anh chẳng hiểu biết gì hết mà vẫn cứ nhơn nhơn đắc ý”.

梵行，恆為種種煩惱所勝，敗壞傾覆。如是苾芻，雖破禁戒，行諸惡行，而為一切天、龍、藥叉、健達縛、阿素洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽，人非人等，作善知識，示導無量功德伏藏。如是苾芻，雖非法器，而剃鬚發，被服袈裟，進止威儀同諸賢聖。因見彼故，無量有情種種善根，皆得生長，又能開示無量有情善趣、生天、涅槃正路。

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Nếu có kẻ nương theo ta xuất gia mà phạm giới, ác hạnh, trong tâm thối nát, như con ốc sên bản thủ, thật chẳng phải là sa-môn, tự xưng là sa-môn, thật chẳng phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh, luôn bị các thứ phiền não không chế, bại hoại, khuynh đảo. Bất-sô như thế tuy phá giới cấm, làm các hạnh ác, nhưng là thiện tri thức cho hết thấy trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục (Cầm Thát Bà), A Tố Lạc (A Tu La), Yết Lộ Đồ (Ca Lô La), Khẩn Nại Lạc (Khẩn Na La), Mạc Hô Lạc Già (Ma Hầu La Già), nhân phi nhân v.v... chỉ dạy vô lượng kho tàng công đức. Bất-sô như thế tuy chẳng phải là pháp khí, nhưng cạo râu tóc, khoác đắp ca-sa, oai nghi lui tới giống như bậc hiền thánh. Do vì thấy người đó, các thứ thiện căn của vô lượng hữu tình đều được sanh trưởng, lại còn có thể khai thị cho vô lượng hữu tình con đường chánh đáng để tiến đến đường lành, sanh lên trời, chứng đắc Niết Bàn).

Nếu có những kẻ nương theo ta xuất gia, phạm giới, ác hạnh, phạm gì vậy? Giống như con ốc sên, tuy họ tạo những nghiệp như vậy, quý vị cũng chớ nên coi thường họ. Họ có thể chỉ dạy kho báu vô lượng công đức. Những vị tỳ-kheo ấy tuy không phải là pháp khí, chẳng phải là một dụng cụ rất tốt để chứa đựng pháp. Một cái bát tốt đẹp sẽ chứa đựng thức ăn, đựng thức ăn tốt nhất. Hết thấy người xuất gia hoặc tứ chúng đệ tử, đều là dụng cụ chứa đựng pháp, đều chứa đựng hết thấy các pháp do đức Phật đã dạy.

Tuy những kẻ [được nói trong đoạn chánh kinh trên đây] chẳng phải là pháp khí rất tốt, nhưng họ cạo bỏ râu tóc, khoác ca-sa, cử chỉ oai nghi vẫn giống như bậc hiền thánh, “*đồng chư hiền thánh*”. Vì hết thấy vô lượng hữu tình trông thấy họ, sẽ có thể sanh trưởng thiện nghiệp.

Huống hồ những kẻ xuất gia được mấy bữa, tề lẫm thì cũng biết nói mấy câu Phật pháp. Lại còn có thể khai thị vô lượng hữu tình, “*thiện thú, sanh thiên, Niết Bàn chánh lộ*” (con đường chánh đáng để hướng đến đường lành, sanh lên trời, chứng đắc Niết Bàn).

Tuy bản thân họ chẳng tu hành, nhưng họ nói với quý vị làm thế nào để tín ngưỡng Tam Bảo, tu hành như thế nào, cung kính như thế nào, bố thí như thế nào? Do vậy, mọi người đối với ngoại đạo, đối với tà sư, chẳng sanh ra cảm giác sợ hãi. Nếu quý vị sợ hãi, hãy đối trước Phật, Bồ Tát, đối trước kinh sách lễ bái là được rồi, sẽ có thể tránh khỏi tà vạy. Chỉ cần quý vị tâm chánh, có chánh tri, chánh kiến, tà kiến sẽ chẳng thể xâm nhập!

(Kinh) Thị cố, y ngã nhi xuất gia giả, nhược trì giới, nhược phá giới, hạ chí vô giới, ngã thượng bất hứa Chuyển Luân thánh vương, cập dư quốc vương, chư đại thần đẳng, y tục chánh pháp, dĩ tiên, trượng đẳng, chủy khẩu kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, huống y phi pháp! Đại Phạm! Như thị phá giới ác hạnh bất-sô, tuy u ngã pháp Tỳ Nại Da trung, danh vi tử thi, nhi hữu xuất gia giới đức dư thể, thí như ngư, xạ, thân mạng chung hậu, tuy thị vô thức bàng sanh tử thi, nhi ngư hữu hoàng, nhi xạ hữu hương, năng vi vô lượng vô biên hữu tình tác đại nhiều ích. Phá giới bất-sô diệc phục như thị, tuy u ngã pháp Tỳ Nại Da trung, danh vi tử thi, nhi hữu xuất gia giới đức dư thể, năng vi vô lượng vô biên hữu tình tác đại nhiều ích.

(經)是故，依我而出家者，若持戒，若破戒，下至無戒，我尚不許轉輪聖王，及餘國王、諸大臣等，依俗正法，以鞭杖等，捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命，況依非法！大梵！如是破戒惡行苾芻，雖於我法毗奈耶中，名為死尸，而有出家戒德餘勢。譬如牛麝，身命終後，雖是無識傍生死尸，而牛有黃，而麝有香，能為無量無邊有情作大饒益。破戒苾芻亦復如是，雖於我

法毗奈耶中，名為死尸，而有出家戒德餘勢，能為無量無邊有情作大饒益。

(*Kinh*: Vì thế, kẻ nương theo ta xuất gia, dù trì giới, hay phá giới, thậm chí chẳng có giới, ta còn chẳng chấp thuận Chuyển Luân thánh vương và các quốc vương khác, các đại thần v.v... nương theo chánh pháp của thế tục, dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ, huống hồ là kẻ vâng theo phi pháp! Này Đại Phạm! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, tuy gọi là “xác chết” trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta, nhưng còn sót lại thể lực giới đức của hàng xuất gia, ví như bò và hươu xạ, sau khi thân mạng chết đi, tuy là xác chết của loài bàng sanh không còn hay biết gì, nhưng bò thì có ngưu hoàng, hươu xạ thì có xạ hương, có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình. Bất-sô phá giới cũng giống như thế, tuy được gọi là “xác chết” trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta, do có thể lực giới đức còn sót lại của bậc xuất gia, bèn có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình).

Do duyên cớ này, phạm là kẻ nương theo ta xuất gia, bất luận là trì giới hay phá giới, thậm chí kẻ chẳng có giới gì, ta đều chẳng chấp thuận Chuyển Luân thánh vương và các hàng quốc vương khác, các đại thần v.v... “y tục chánh pháp” tức là dùng pháp luật thế gian để đánh đập, tra khảo, cho đến dùng roi, gậy quất họ. “Hoặc bế lao ngục, hoặc phục hạ mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, huống y phi pháp” (Hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ, huống hồ nương theo phi pháp): Phi pháp lại càng chẳng được, càng phạm tội! “Đại Phạm! Như thị phá giới ác hạnh bất-sô, tuy ư ngã pháp Tỳ Nại Da, danh vi tử thi” (Này Đại Phạm! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, tuy trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta, được gọi là “xác chết”): Trong Phật giáo chúng ta, nếu phá bốn căn bản giới, “giết, trộm, dâm, dối” là bốn căn bản giới, phá bốn căn bản giới thì gọi là “tử thi” (xác chết). Giới tỳ-kheo có bảy tụ pháp. Trong tự điển, danh xưng của bảy tụ không phiên dịch, nhưng từ nội dung có thể biết được đôi chút. Bảy tụ pháp gọi bốn giới căn bản là Tứ Ba La Di Pháp, tức là Khí Tội (棄罪, tội khiến cho người phạm phải, sẽ đáng bị vứt bỏ ra ngoài Tăng đoàn), đáng bị đuổi ra ngoài biển cả của Phật, trục xuất khỏi Phật giáo, thì gọi là Ba La Di pháp (Pārājikuddeso). Trong giới tỳ-kheo. Tội này chẳng cho phép sám hối.

Tuân theo pháp Đại Thừa, như chúng ta lạy Địa Tạng Sám, hoặc lạy Đại Bi Sám, Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Sám, vẫn có thể sám hối, nhưng sau khi sám hối, ắt cần phải thấy hảo tướng. Quý vị bái sám thấy Địa Tạng Bồ Tát, bái Quán Âm Sám, hay bái Đại Bi Sám mà thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, tội của quý vị sẽ thanh tịnh. Nhưng trong giới luật, giới tỳ-kheo chẳng thể sám hối [bằng cách tự lạy sám pháp, cầu hảo tướng]. Khi muốn sám hối, vẫn phải đối trước đại chúng tăng, [phải được] hai mươi vị Tăng thanh tịnh bảo quý vị: “Ông đã sám hối xong”. [Sau đó], tự mình ở một mình, một mình khấu đầu đánh lễ, vâng theo lời đức Phật dạy. Đây cũng là nói theo giới pháp, chuyên nói về tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni. Loại thứ hai là pháp Tăng Tàn. Tăng Tàn (僧殘, Saṃghāvaśeṣa) có nghĩa là hãy còn một hơi thở, vẫn chưa chết. Đối với vấn đề xử lý, tôi chỉ nói danh từ mà thôi, mọi người biết là được rồi!

Thất Tụ Tịnh Giới chuyên nói về tỳ-kheo. Người ấy chẳng hoàn toàn phạm toàn bộ các giới đó, chỉ cần phạm vào bốn căn bản thì Luật Tông đã gọi kẻ đó là “tử thi”. “Tử thi” nghĩa là giống như xác chết vậy, cũng có nghĩa là đã phạm Khí Tội. “Hữu xuất gia giới đức dư thể” (Có thể lược sót lại của giới đức xuất gia): Tuy phá giới, nhưng thuở đầu khi kẻ đó xuất gia, vẫn giữ giới thanh tịnh. Thế lực của việc trì giới thanh tịnh ấy vẫn chưa hoàn toàn mất sạch. Thế lực ấy giống như bò có Ngưu Hoàng. Nếu bò ăn cỏ linh chi, dạ dày của nó tiêu hóa chẳng được, giống như bị ung thư, mọc lên một cái bướu. Trong cái bướu ấy chứa đựng gì vậy? Đó gọi là Ngưu Hoàng (牛黃). Nếu ngựa ăn cỏ linh chi, sẽ gọi là Mã Bảo (馬寶). Nếu chó ăn cỏ linh chi thì gọi là Cẩu Bảo (狗寶), những thứ ấy đều gọi là Bảo.

Cái được gọi là Bảo (寶) ấy có công năng gì? Giải trừ bệnh khổ. Ngưu Hoàng chữa các chứng bệnh bất trị. Cắt một chút Ngưu Hoàng làm thuốc, cho quý vị uống để trừ bệnh. Xạ (麝) là xạ hương (麝香), sau khi con hươu xạ (musk deer) chết đi, tuy đã xả mạng rồi, đã chết, xạ hương vẫn có giá, vẫn là của báu. Tuy bò đã chết, Ngưu Hoàng vẫn là của báu, trọn chẳng phải là con bò nào cũng đều có. Nhưng loại hươu có xạ hương khi sắp chết, liền phình to bụng, cọ sát trên mặt đất cho vỡ ra, khiến cho xạ hương chảy mất, khiến cho thợ săn có muốn lấy, cũng chẳng lấy được!

Nai có lộc nhung (鹿茸). Nếu quý vị săn nó, làm nó bị thương, hoặc giết chết nó, thợ săn phải ôm lấy đầu nó trước. Nếu không, nó sẽ húc đầu vào cây cối. Lộc nhung là máu, nếu máu chảy mất, sẽ chẳng còn

có tác dụng nữa. Người ta săn nai là vì nó có nhung. Săn hươu là vì nó có xạ hương. Ngưu Hoàng thì không nhất định, có đôi khi con bò bị bệnh chết, thầy thuốc phán đoán, nói con bò đã chết rồi. Tuy nó có Ngưu Hoàng, nhưng chủ nhân hoàn toàn không biết, đem chôn nó, hoặc xẻ thịt để ăn, sai mất rồi! Chuyện này cần phải có bác sĩ thú y kết luận.

Sau khi thân mạng kết thúc, tuy là xác chết của loài bàng sanh chẳng có tri giác gì, tuy nó là súc sanh, chẳng có tri giác, chẳng có tri thức, nhưng xác chết của con thú ấy như bò có Ngưu Hoàng, hươu xạ có xạ hương, có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình, dùng để làm thuốc, có thể chữa trị rất nhiều bệnh tật cho con người. Bất-sô phá giới cũng giống như thế, tuy trong Tỳ Nại Da của Phật pháp được gọi là “tử thi”, nhưng do thể lực của giới đức còn sót lại, có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng vô biên hữu tình.

(Kinh) Đại Phạm! Thí như cổ khách, nhập ư đại hải, sát bĩ nhất loại vô lượng chúng sanh, khiêu thủ kỳ mục, dữ Mạt Đạt Na quả, hòa hợp đảo sai, thành nhĩn bảo dược. Nhược chư hữu tình mạnh mẽ, vô mục, nãi chí bào thai nhi sanh mạnh mẽ, trì thử bảo dược, đồ bĩ nhĩn trung, sở hoạn giai trừ, đắc minh tịnh mục. Phá giới bất-sô diệt phục như thị, tuy ư ngã pháp Tỳ Nại Da trung, danh vi “tử thi”, nhi hữu xuất gia oai nghi hình tướng, năng linh vô lượng, vô biên hữu tình tạm đắc kiến giả, thượng hoạch thanh tịnh trí huệ pháp nhĩn, huống năng vị tha tuyên thuyết chánh pháp!

(經)大梵! 譬如賈客, 入於大海, 殺彼一類無量眾生, 挑取其目, 與末達那果, 和合搗篩, 成眼寶藥。若諸有情盲冥無目, 乃至胞胎而生盲者, 持此寶藥, 塗彼眼中, 所患皆除, 得明淨目。破戒苾芻亦復如是, 雖於我法毗奈耶中, 名為死尸, 而有出家威儀形相, 能令無量無邊有情暫得見者, 尚獲清淨智慧法眼, 況能為他宣說正法!

(Kinh: Đây Đại Phạm! Ví như khách buôn vào trong biển cả, giết vô lượng chúng sanh thuộc một loại, khoét lấy mắt chúng, hòa hợp với

quả Mạt Đạt Na⁶⁰, nghiền trộn, tạo thành loại thuốc bấu cho mắt. Nếu các hữu tình đui mù, không mắt, cho đến kẻ mù từ lúc còn trong bào thai, đem loại thuốc bấu này bôi vào mắt, các bệnh tật đều trừ, được mắt sáng sạch. Bật-sô phá giới cũng giống như thế, tuy bị gọi là “xác chết” nơi Tỳ Nại Da trong pháp của ta, nhưng có hình tướng và oai nghi của bậc xuất gia, có thể khiến cho vô lượng, vô biên hữu tình tạm được trông thấy, còn có thể đạt được pháp nhãn trí huệ thanh tịnh, huống hồ có thể vì họ tuyên nói chánh pháp).

Trong biên có một loại chúng sanh là loài cá, gã lái buôn ấy đã giết loài chúng sanh ấy để lấy mắt của chúng. Mạt Đạt Na quả, còn gọi là Túy Nhân Quả, nhưng có chất độc. Dùng mắt loại cá ấy, tức là dùng trông mắt, nghiền chung với loại quả ấy, chế thành thuốc trị bệnh mắt. Có các chúng sanh mù đui, hoặc không có mắt, bị mù từ bé, đều dùng [loại thuốc ấy] được. Thậm chí kẻ sanh manh, tức là từ lúc lọt lòng đã là người mù, đem thuốc bấu ấy bôi cho, kẻ đó sẽ thấy được, trông mắt liền khôi phục.

Tỳ-kheo phá giới cũng giống như vậy. Tuy rằng ở trong pháp Tỳ Nại Da của ta bị gọi là “tử thi”, nhưng kẻ đó có oai nghi và hình tướng xuất gia, có thể khiến cho vô lượng, vô biên hữu tình, dầu chỉ tạm thời thấy kẻ đó trong chốc lát, sẽ đều có thể đạt được pháp nhãn trí huệ thanh tịnh! Đây là quý vị gieo thiện căn. Nếu chẳng có nhân duyên ấy, ngay cả hình tướng của tỳ-kheo phá giới cũng chẳng trông thấy, mà cũng chẳng trông thấy người khoác áo ca-sa. Thậm chí công đức do trông thấy như vậy đều là chẳng thể nghĩ bàn. Thật đấy! Tại Đại Lục, trong khoảng thời gian từ 1950 cho đến 1980, quý vị muốn thấy một vị tăng sĩ mặc quần áo xuất gia, sẽ hoàn toàn chẳng thấy!

Tôi nhớ pháp sư Đại Quang là người viết bộ Ảnh Trần Hồi Úc Lục, có kể với tôi: “Tôi đến Thượng Hải liền tác quái”. Tôi hỏi: “Thầy tác quái gì vậy?” Thầy ấy kể: “Tôi mặc áo hậu (áo hải thanh) màu vàng, đắp y ca-sa đỏ, trong tay cầm tích trượng, cũng là tích trượng của Địa Tạng Bồ Tát, đi đến đường Nam Kinh ở bên ngoài của Thượng Hải. Tới

⁶⁰ Mạt Đạt Na (Madana), sách Huệ Lâm Âm Nghĩa giảng: “Mạt Đạt Na quả, còn gọi là Ma Đà Na, hoặc Ma Đà La, dịch là Túy Quả, chỉ có ở Tây Vực, cõi này không có. Quả ấy to như quả cau, ăn vào sẽ bị say, có thể dùng làm thuốc”. Tự điển Phật Quang nói đây là loại quả có tên khoa học là Datura Metel, tức họ Cà Độc Dược. Loại này rất độc, có thể gây ảo giác, co giật, thậm chí gây chết người, nên dường như Datura Metel chẳng phải là loại quả làm thuốc đang nói ở đây.

đó bèn đi lòng vòng. Người ở đó xúm đen xúm đỏ vây quanh. Ai nấy đều nói đây là quái vật, chẳng biết là thứ gì?” Thế là cảnh sát ủa tới, lôi thầy ấy đi. Vừa thấy thầy ấy là Hoa Kiêu từ Hương Cảng sang, họ liền lập tức trục xuất. Khi đó, nếu có ai mặc y phục hòa thượng thì là phạm pháp. Như vậy mà đã là phạm pháp, huống hồ còn vì người khác tuyên nói chánh pháp ư? Vị tỳ-kheo phá giới này còn có thể thuyết pháp thì càng tuyệt diệu thay!

(Kinh) Đại Phạm! Thí như thiêu hương, kỳ chất tuy hoại, nhi khí phân phức, huân tha linh hương. Phá giới bất-sô diệc phục như thị. Do phá giới cố, phi lương phước điền, tuy hằng trú dạ tín thí sở thiêu, thân hoại, mạng chung, đọa tam ác thú, nhi vị vô lượng vô biên hữu tình tác đại nhiều ích, vị giai linh đắc văn u sanh thiên, Niết Bàn hương khí.

(經)大梵! 譬如燒香, 其質雖壞, 而氣芬馥, 熏他令香。破戒苾芻亦復如是。由破戒故, 非良福田, 雖恆晝夜信施所燒, 身壞命終, 墮三惡趣, 而為無量無邊有情作大饒益, 謂皆令得聞於生天, 涅槃香氣。

(Kinh: Này Đại Phạm! Ví như đốt hương, chất liệu tuy xấu, nhưng mùi thơm ngát, xông những thứ khác khiến cho chúng cũng thơm tho. Bất-sô phá giới cũng giống như thế, do vì phá giới, chẳng phải là ruộng phước tốt lành, tuy ngày đêm luôn bị tín thí thiêu đốt, thân hoại, mạng chung, sẽ đọa vào ba đường ác, nhưng tạo lợi ích to lớn cho vô lượng vô biên hữu tình, tức là đều khiến cho họ được ngửi mùi thơm sanh thiên và Niết Bàn).

Hương đốt tuy chất liệu xấu, nhưng mùi hương vẫn thơm tho, người bị nhuốm mùi hương cũng có mùi thơm. Tỳ-kheo phá giới cũng giống như vậy. Do vì ông ta phá giới, chẳng phải là ruộng phước tốt lành, nhưng ngày đêm luôn bị thiêu đốt bởi sự cúng dường của tín thí, khi thân hoại, mạng chung, sẽ đọa vào ba ác đạo. Bản thân ông ta do tiếp nhận sự cúng dường của tín thí, sau khi chết, sẽ đọa vào ba ác đạo, đọa vào địa ngục, rơi xuống ba ác đạo, nhưng [lúc còn sống] vẫn có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình. Nói cách khác, bản thân ông ta phá giới, [do quả báo phá giới] vẫn phải thọ báo, nhưng ông ta có

thể làm chuyện tốt cho hết thảy hữu tình. Về phần hết thảy hữu tình, vẫn có thể được nghe mùi hương sanh thiên và Niết Bàn. Trên thân ông ta có mùi hương, tức là hãy còn mùi hương do trước kia ông ta đã từng thọ giới, giữ giới thanh tịnh.

(Kinh) Thị cố, Đại Phạm! Như thị phá giới, ác hạnh bất-sô, nhất thiết bạch y giai ung thủ hộ, cung kính cúng dường. Ngã chung bất hứa chư tại gia giả, dĩ tiên, trượng đẳng chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng. Ngã duy hứa bỉ thanh tịnh Tăng chúng, v bố-tát thời, hoặc tự tứ thời, khu tấn linh xuất, nhất thiết cấp thí tứ phương Tăng vật, ẩm thực, tu cụ, bất thính thọ dụng. Nhất thiết sa-môn Tỳ Nại Da sự, giai linh khu xuất, bất đắc tại chúng, nhi ngã bất hứa gia kỳ tiên, trượng, hệ phục, đoạn mạng”. Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết: “Chiêm Bác Ca hoa tuy ủy tụy, nhi thượng thắng bỉ chư dư hoa. Phá giới ác hạnh chư bất-sô, do thắng nhất thiết ngoại đạo chúng”.

(經)是故，大梵！如是破戒，惡行苾芻，一切白衣皆應守護、恭敬、供養。我終不許諸在家者，以鞭杖等捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。我唯許彼清淨僧眾，於布薩時，或自恣時，驅擯令出，一切給施四方僧物、飲食、資具，不聽受用。一切沙門毗奈耶事，皆令驅出，不得在眾，而我不許加其鞭杖、繫縛斷命」。爾時，世尊而說頌曰：「瞻博迦華雖萎悴，而尚勝彼諸餘

華。破戒惡行諸苾芻，猶勝一切外道眾」。

(Kinh: Vĩ thế, Đại Phạm! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, hết thảy kẻ bạch y đều nên thủ hộ, cung kính, cúng dường. Ta trọn chẳng chấp thuận các kẻ tại gia dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân thể ông ta, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc giết chết. Ta chỉ cho phép Tăng chúng thanh tịnh vào lúc bố-tát, hoặc lúc tự tứ, xua đuổi [ông ta] ra khỏi Tăng đoàn,

chẳng cho phép ông ta thọ dụng hết thảy những vật dụng, thức ăn, đồ dùng cúng thí cho tứ phương Tăng. Đối với hết thảy những chuyện thuộc về Tỳ Nại Da của sa-môn, [ông ta] đều bị đuổi ra [không cho tham dự], chẳng được ở trong chúng, nhưng ta chẳng chấp thuận đối xử với ông ta bằng roi, gậy, trói buộc, hay hại mạng”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng: “Hoa Chiêm Bặc Ca tuy tàn héo, vẫn còn hơn các loài hoa khác. Các bất-sô phá giới ác hạnh, vẫn hơn hết thảy kẻ ngoại đạo”).

Cứ để ông ta hoành hành như vậy thì không được. Tăng chúng sẽ cử hành bố-tát để xử phạt ông ta. Cái được gọi là “bố-tát” (Uposadha, Upavasatha) chính là người xuất gia vào ngày mùng Một và Rằm, tức mỗi nửa tháng phải thuyết giới một lần. Bố-tát chính là thuyết giới. Quý vị treo biển thông báo ở chùa miếu, có khi đề là “bố-tát”, có khi viết là “tụng giới”, tức là lấy giới bản ra đọc một lượt. Sau đó, gọi ông ta ra, đuổi ông ta ra ngoài Tăng đoàn. Phàm có ai cúng dường Tăng chúng, hòa hợp Tăng được hưởng dụng thức ăn, những vật dụng cần dùng cho cuộc sống, y, đơn⁶¹, ông ta sẽ vĩnh viễn chẳng có phần. Nếu mọi người vào lúc tụng giới mỗi nửa tháng, cũng chẳng cho phép ông ta đến đó. Phàm là khi tác pháp Yết Ma, chỉ cần là làm những chuyện thuộc về Luật, sẽ đuổi ông ta ra, chẳng được phép ở trong đại chúng, nhưng đức Phật không cho phép dùng roi, gậy, trói buộc, hoặc đoạn mạng ông ta.

Tuy là phá giới, giống như hoa Chiêm Bặc Ca (Campaka, hoa Chiêm Bặc, Kim Sắc Hoa) ở Ấn Độ bị héo úa, mùi thơm phai nhạt, vẫn hơn hẳn các loại hoa khác. Tuy là tỳ-kheo phá giới, ác tánh, so ra vẫn tốt hơn hết thảy bề lũ ngoại đạo, hết thảy kẻ ác. Điều này có nghĩa là chẳng cho phép người tại gia hủy báng tỳ-kheo. Trước kia, tôi đã thưa với các đạo hữu: “Dầu tỳ-kheo tôi tệ đến mấy, quý vị cũng đừng nên nói lỗi của tứ chúng!” Có các vị đại đức, các vị hòa thượng, cá nhân họ như thế nào, quý vị chẳng cần quản! Đặc biệt là kẻ bạch y (hàng tại gia), quý vị đừng nên bình luận. Người xuất gia có thể nói lỗi của người xuất gia hay không? Một người cũng chẳng thể nói, phải thỉnh đại chúng trực xuất kệ

⁶¹ Trong tông lâm theo quy củ xưa, trừ các vị chức sự, hay trưởng lão đã cao tuổi có liêu phòng riêng để tiện nghỉ ngơi, dưỡng bệnh, còn chư Tăng thanh chúng sẽ chia thành từng chúng, ngủ trong các gian nhà lớn, hoàn toàn không có phòng riêng. Mỗi vị chỉ được kê một tấm ván làm giường vừa đủ để một người nằm. Nếu trở mình không cẩn thận, sẽ rơi ngay xuống đất. Tấm ván ấy được gọi là Đơn. Do vậy, nếu gia nhập Tăng đoàn của một ngôi chùa sẽ gọi là “quái đơn”, khi xin cáo từ ra đi thì gọi là “trừu đơn” (rút đơn).

ấy, cho đến chế định hẳn, tùy thuộc kẻ ấy phạm pháp nào trong Thất Pháp Tụ, đáng là tội gì, đáng xử phạt như thế nào, bèn xử phạt như thế ấy! Nhưng chuyện của Tăng chúng, quý vị là đạo hữu tại gia, hãy coi họ như đệ tử Phật, coi như Tăng Bảo, coi hết thấy các tỳ-kheo đều là thánh tăng. Trong tâm quý vị, họ là thánh tăng, công đức của quý vị chẳng bị mất đi tí nào! Chẳng vì kẻ đó phá giới mà ảnh hưởng tới quý vị! Đức Phật đã dạy rất rõ ràng. Do vậy, mọi người ngàn vạn lần đừng nói lỗi của Tam Bảo. Nếu quý vị khinh rẻ Tăng nhân, hủy báng, đánh chửi, chặt chân tay, quý vị đáng bị quả báo gì, trong phần sau sẽ nói.

Xin các đạo hữu chú ý điểm này: Chuyện này chỉ có thể nói với đệ tử Phật. Kẻ chẳng tin Phật, đương nhiên là họ chẳng tin! Ngay cả vị tỳ-kheo tốt lành, họ còn chẳng thể tin, đâu cần biết quý vị là tỳ-kheo loại nào! Dầu sao họ chẳng tin quý vị. Giống như xưa kia ở Hương Cảng, nếu sáng sớm mà trông thấy một vị xuất gia cạo đầu, người Quảng Đông sẽ chửi bới, nói họ sẽ bị xui xẻo, hôm nay khởi cần buôn bán nữa! “Hòa thượng! Mới sáng sớm người đừng mò ra đường!” Hiện thời đã tốt hơn, vì hòa thượng nhiều. Hiện thời làm Phật sự cũng rất nhiều, dần dần họ đã biết. Nếu họ không biết, quý vị cũng chẳng có cách nào hết!

Phần kinh văn kể tiếp rất dài, đều dạy phải tôn kính tỳ-kheo. Đây hoàn toàn chẳng phải là đức Phật bao che khuyết điểm. Hoàn toàn chẳng có nghĩa là đệ tử Phật tệ bại như thế nào đi nữa, quý vị đều phải cung kính, dầu hư hỏng cỡ nào vẫn phải cung kính! Chẳng phải là ý nghĩa ấy. Vì đức Phật thấy rất xa, Ngài có thể thấy vô lượng kiếp trong quá khứ của chúng ta, và cũng thấy vô lượng kiếp trong tương lai. Ngài thấy rất nhiều kẻ vì hủy báng Tam Bảo mà đọa lạc trong tam đồ, do cung kính Tam Bảo mà được vô biên hạnh phúc. Những vị tỳ-kheo chúng ta coi là tốt đẹp, đương nhiên là cung kính. Đối với các vị tỳ-kheo phá giới hư hỏng, chớ nên hủy báng họ, chớ nên tiến hành xử lý họ.

Trong phần trước đã có nói, nếu thấy có các tỳ-kheo, trong tâm liền ưa thích thoát khỏi trần thế, muốn tu tập thanh tịnh trong chôn núi rừng. Vị tỳ-kheo trụ nơi thanh tịnh, tu Định hạnh, nếu gặp gỡ, quý vị có thể sanh trưởng trí huệ. Quý vị giải thích ý nghĩa ấy như thế nào? Vì sao thấy họ sẽ có thể sanh trưởng trí huệ? Thấy họ sẽ có thể đắc Định? Mọi người mỗi ngày gặp tôi, có sanh Định hay không? Có sanh trí huệ hay không? Đây chẳng phải là chuyện trong chốc lát. Quý vị thấy người đó, nếu sanh khởi tâm cung kính đối với Tam Bảo, sẽ có thể dần dần tăng trưởng thiện căn đã gieo trước kia trong đời quá khứ. Vì chúng ta gieo trồng thóc lúa, hoa màu trên đất, được đất và nước vun tưới, giống như

chúng ta thấy Tăng Bảo, thấy Pháp Bảo, thấy Phật Bảo, sẽ vun quén [thiện căn] của quý vị một lượt, lại phát triển một lần. Gieo trồng như vậy, lâu ngày, thiện căn tăng trưởng; lâu ngày, quý vị sẽ tự nhiên thành tựu. Từ học Phật cho đến thành đạo, chẳng phải vừa tiếp xúc liền thành, mà là do từ vô lượng kiếp tới nay. Làm ác, tạo tội, chẳng phải là lập tức tạo thành, mà là tích lũy từ nhiều đời, vô lượng kiếp. Nay quý vị muốn tiêu trừ cái tội trong vô lượng kiếp, phải trải qua thời gian tôi luyện rất lâu!

Do vậy, đọc đoạn kinh văn này, sẽ thấu hiểu vì sao đối với tỳ-kheo phá giới, cho đến tỳ-kheo chẳng có phạm hạnh, chúng ta vẫn phải cung kính họ? Đây là như chúng ta thường nói: “*Chẳng nhìn mặt Tăng, cũng phải nhìn mặt Phật*”, có ý nghĩa như vậy đó. Chúng ta thấy họ là đệ tử Phật, [tôn kính họ là] vì chúng ta tôn kính Tam Bảo, tôn kính Phật, có hàm nghĩa như vậy. Nếu quý vị cho rằng: “Rõ ràng biết gã đó rất xấu. Chúng ta thấy hắn khoác một mảnh ca-sa vẫn rất cung kính hắn, chẳng hợp lý cho lắm!” Chẳng phải là ý nghĩa ấy, hoàn toàn chẳng phải là coi trọng cá nhân ấy! Kẻ đó đã là đệ tử Phật, trong khi hắn chưa có pháp phục, chưa xuống tóc, nếu hắn phạm giới, Tăng đoàn sẽ khai trừ hắn. Kẻ đó chẳng có pháp phục; khi ấy, hắn chẳng phải là đệ tử Phật. Chỉ cần kẻ đó vẫn còn khoác ca-sa, sẽ còn thuộc trong Tăng Bảo. Dầu phạm rất nhiều giới, hay phá giới, gã tỳ-kheo phá giới ấy sẽ chẳng nói cho quý vị biết “ta là tỳ-kheo phá giới”. Hắn sẽ giống trống, khua chiêng, tuyên truyền [“ta là tỳ-kheo phá giới”] ư? Quý vị căn bản là chẳng biết hắn phá giới hay không! Do vậy, chỉ cần hắn hiện Tăng tướng, cứ cung kính hắn là được rồi!

Vì sao Luật Tạng dạy phải phát lộ sám hối? Đã có tội thì phải sám hối; nếu giấu giếm, sẽ là lòng gạt. Trừ các tội do chính bản thân kẻ đó trót phạm ra, kẻ đó còn phạm thêm tội giấu giếm, lòng gạt. Đây là tội càng thêm tội, rất nhiều. Khi sám hối, rất khó sám hối cho thanh tịnh. Quá khứ chúng ta đã có các sai lầm, phạm rất nhiều, nhưng chúng ta chẳng khai ngộ, thậm chí, trong cuộc đời bị bệnh tật, gặp rất nhiều chuyện chẳng vừa ý, người ta xuôi chèo mát mái, còn quý vị trầy trật, trắc trở là do nguyên nhân nào? Từ vô lượng kiếp đến nay, đã làm quá nhiều chuyện. Nhất thời sám hối, vẫn chẳng dễ gì sám hối thanh tịnh. Quý vị ắt cần phải sám hối trong một thời gian rất dài!

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Hữu ngũ Vô Gian đại tội ác nghiệp. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả, cố tư sát phụ. Nhị giả, cố tư sát

mẫu. Tam giả, cố tư sát A La Hán. Tứ giả, đảo kiến phá Thanh Văn Tăng. Ngũ giả, ác tâm xuất Phật thân huyết. Như thị ngũ chủng, danh vi Vô Gián đại tội ác nghiệp. Nhược nhân u thử ngũ Vô Gián trung, tùy tạo nhất chủng, bất hợp xuất gia, cập thọ Cụ giới. Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện phạm tội. Bỉ ưng khu tẫn, linh xuất ngã pháp. Như thị chi nhân, dĩ hữu xuất gia oai nghi hình tướng, ngã diệc bất hứa gia kỳ tiên, trượng, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng.

(經)復次大梵！有五無間大罪惡業。何等為五？一者、故思殺父。二者、故思殺母。三者、故思殺阿羅漢。四者、倒見破聲聞僧。五者、噁心出佛身血。如是五種，名為無間大罪惡業。若人於此五無間中，隨造一種，不合出家，及受具戒。若令出家，或受具戒，師便犯罪。彼應驅擯，令出我法。如是之人，以有出家威儀形相，我亦不許加其鞭杖，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Có năm ác nghiệp đại tội Vô Gián. Những gì là năm? Một là cố ý giết cha, hai là cố ý giết mẹ, ba là cố ý giết A La Hán, bốn là do tri kiến điên đảo mà phá Thanh Văn Tăng, năm là do ác tâm làm thân Phật chảy máu. Năm loại như thế gọi là “ác nghiệp đại tội Vô Gián”. Nếu ai tạo bất cứ loại nào trong năm loại Vô Gián ấy, chẳng thích hợp xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. Nếu cho phép kẻ đó xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới, vị thầy sẽ phạm tội. Kẻ đó đáng nên bị xua đuổi ra ngoài pháp của ta. Người như thế đã có oai nghi và hình tướng xuất gia, ta cũng chẳng cho phép dùng roi, gậy đánh đập, hoặc nhốt vào lao ngục, hoặc lại quả trách, chửi bới, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng kẻ đó).

Được gọi là Ngũ Vô Gián là năm loại như thế, được gọi chung là “Vô Gián đại tội ác nghiệp”. Nếu trong năm loại tội ấy, kẻ phạm bất cứ một loại nào, chẳng thích hợp để xuất gia, tức là chẳng thuận nhận cho hẳn xuất gia, càng chẳng thể cho hẳn thọ Cụ Túc Giới. Khi quý vị sắp xuất gia, vị thầy sẽ hỏi: “Trước khi người xuất gia, đã làm những chuyện gì, có phạm phải những chuyện ấy hay chẳng?” Nếu có phạm chuyện

này, thầy sẽ chẳng dám thân nhận quý vị. Còn có kẻ sáu căn chẳng đầy đủ. Hiện thời, trong Phật môn cũng có người mù, người què, người thọt, người bị bệnh thần kinh, những trường hợp ấy đều chẳng thể. Còn có năm loại Bất Nam, cũng là bất nam bất nữ. Hạng người này không được phép xuất gia, quý vị ắt phải thừa thật. Quý vị chẳng nói ra, vị sư phụ cũng chẳng thể kiểm tra, quý vị phải thẳng thắn khai ra. Nếu lòng gạt, chẳng nói, sẽ phạm tội lừa dối. Quý vị trà trộn vào đây, hộ pháp long thiên sẽ gây ra đủ loại chướng ngại nhiều hại quý vị. Chuyện này chẳng thể lừa gạt được!

Tới khi quý vị thọ giới, lúc vào giới đàn, [các vị thầy truyền giới] sẽ hỏi các điều “*giá nạn*” (遮難, ngăn chướng), chẳng hạn như Ngũ Vô Gián là “*nạn*”. Còn có rất nhiều điều ngăn trở khiến cho quý vị chẳng thể thọ giới. Như năm loại Bất Nam, bất nam bất nữ, khi ở chung với nam chúng, kẻ đó là nữ, khi ở chung với nữ, kẻ đó là nam. Hoặc nửa nam, nửa nữ, phía trên là dương, phía dưới là âm. Những kẻ giống như vậy đều thuộc vào năm loại Bất Nam. Như thái giám sẽ chẳng thể xuất gia, chẳng thể thân nhận. Vì thế, làm tỳ-kheo rất khó.

Thoạt đầu, nếu trong quá khứ quý vị có tội Ngũ Vô Gián, phải chú ý đến chữ Cố (故). “*Cố tư sát phụ*” (Cố ý giết cha): “*Tư*” (思) là chuẩn bị, trong ấy bao gồm sát nhân, sát pháp, sát nhân, sát nghiệp (cái nhân (nguyên do) giết, cách giết, người thực hiện hành động giết, và nghiệp giết), ắt phải đoạn mạng căn. Hễ chết rồi thì mới tính, tội ấy đã thành lập. Nếu chẳng phải là cố ý, vô tâm, thì là chẳng phạm căn bản giới, là tương tự tội (tội ngộ sát), đó là tương tự tội. Do vậy, phía trước các tội giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, đều có chữ Cố. Ba loại tội ấy đều có chữ Cố, tức là cố ý. Hữu tâm, thậm chí bày mưu tính kế, ba loại ấy [kết tội] như thế đó. “*Đảo kiến phá Thanh Văn Tăng*” (Tri kiến điên đảo phá Thanh Văn Tăng): Tri kiến điên đảo, chẳng phải là chánh tri, chánh kiến, tà tri, tà kiến điên đảo, phá hòa hợp Tăng, chia rẽ Tăng chúng vốn là một thành hai nhóm. Chẳng hạn như trong chùa chúng ta có ba mươi người xuất gia, quý vị chọc ngoáy ly gián, xé vụn thành từng nhóm từ ba người trở lên, đây chính là phá hòa hợp chúng. Châm ngòi ly gián một người thì không tính. Nếu châm ngòi cho bảy tám người tách rời, sẽ là phá hòa hợp Tăng. Khi mọi người cùng nhau hòa hợp tu đạo, quý vị phá hoại, thì gọi là “*phá hòa hợp Tăng*”. Chuyện này chỉ giới hạn trong chúng Thanh Văn. Ác tâm làm thân Phật chảy máu, ác tâm là có tâm hủy báng, thậm

chí có phần, có sân. Những tâm ấy đều coi như là ác tâm. Làm thân Phật chảy máu chỉ là khi đức Phật còn tại thế.

Có đạo hữu hỏi tôi: Tượng Phật vẽ trên giấy, do chúng ta chẳng chú ý, khiến cho bị xé rách, hủy hoại, hoặc được treo ở đó, khi quý vị lấy xuống, đã làm rách, như vậy thì có tính là “*làm thân Phật chảy máu*” hay không? Như thế thì chẳng tính, chỉ có thể tính là lỗi làm nhẹ ít. Chỉ có thể tính là không tôn trọng cho lắm, chỉ có thể tính như vậy. Chẳng thể tính là làm thân Phật chảy máu, vì tượng giấy chẳng thể chảy máu. Tượng bằng đất nặn hay gỗ khắc có chảy máu hay không? Chẳng có máu, đó là nói về cảnh hiện tiền, là cảnh chân thật. Như thế thì mới tính là tội Ngũ Nghịch. Đó gọi là Ngũ Vô Gian đại tội. Vô Gian (無間) là chịu khổ chẳng gián đoạn, chịu khổ chưa hề ngưng dứt. Khi quý vị sắp mạng chung, lúc vào địa ngục chẳng gián đoạn tí nào, rất ư là nhanh.

Đối với năm loại ấy, hề phạm một loại nào, cũng đều chẳng được phép xuất gia. Ngay cả xuất thế tục gia cũng chẳng thể, càng chẳng được phép thọ giới. Thọ Cụ Túc Giới, cũng tức là hai trăm năm mươi giới của tỳ-kheo. Giả sử vị sư phụ nào cho kẻ đó xuất gia, hoặc là cho kẻ đó thọ Cụ Túc Giới, vị sư phụ ấy đã phạm tội. Nếu thân nhận kẻ đó, bản thân vị sư phụ ấy phạm tội, vậy thì các đồ chúng do ông ta đã thân nhận thì sao? Phải đuổi những kẻ có đủ các thứ giá nạn ra ngoài Tăng đoàn, chẳng thể giữ họ lại trong Tăng đoàn, phải xua đuổi họ ra khỏi Phật giáo, chẳng thân nhận vào Phật pháp. Nói tỷ dụ thì giống như tử thi chết chìm trong biển, sóng biển nhất định sẽ đẩy nó lên bờ. Biển chẳng dung nạp tử thi, biển Phật pháp chẳng dung kẻ phá giới.

Còn như những kẻ phạm tội Ngũ Vô Gian, sư phụ vẫn thân nhận kẻ đó, vẫn cho hắn thọ Cụ Túc Giới. Hắn vẫn chưa bị khai trừ, vẫn trà trộn trong số các vị xuất gia. Kẻ đó có oai nghi và hình tướng xuất gia, đã thọ Cụ Túc Giới, vẫn còn đắp y, chứ áo hậu (áo hải thanh) không tính là gì cả. Áo hậu là trang phục của người Hán. [Trái các đời] Hán, Đường, Tống, Minh đều là như vậy. Bất quá túi áo chẳng may to như vậy, tay áo cũng chẳng rộng như vậy, [khi may thành lễ phục cho tăng sĩ và cư sĩ đã] hơi tăng thêm đôi chút. Vào thời ấy (khi đức Phật giảng kinh Đại Tập Thập Luân), Ngài nói đến cái y (ca-sa); hiện thời, y cũng bị sửa đổi rồi! Có những người nói: “Xã hội đã biến hóa, phải nên thay đổi”. Hiện thời, [y ca-sa] có khoen và móc là từ Trung Hoa mà ra. Kiểu cách đó vốn từ Ấn Độ cũng là như vậy. Hiện thời, người Ấn Độ mặc y phục vẫn là như vậy. Ở đây, chúng ta có rất nhiều người Ấn Độ, quý vị thấy

nam nữ hễ [mặc y phục truyền thống] sẽ vắt vạt áo chùng lên như thế đó.

Kẻ đó trọn đủ oai nghi của người xuất gia. Oai nghi của người xuất gia có bao nhiêu? Ba ngàn! Từ xưa đã hình dung oai nghi xuất gia: Nếu quý vị lên chánh điện, hoặc lúc đi đường, mắt chẳng nhìn về phía trước quá năm thước⁶². Nếu xoay đầu nhìn Đông ngó Tây, giống như lắc trống bỏi⁶³ thì không được rồi, đã phạm vào oai nghi! Đi đường có hạn chế nhất định, những điều này đều phải học. Thậm chí trong lúc dùng cơm, chẳng giống như chúng ta. Bới bát cơm như thế nào, cầm đũa ra sao, khi ăn phải ăn như thế nào, đặc biệt là trong khi ăn, nếu nhai chóp chép là không được!

Khi tôi ở Cổ Sơn, lúc quá đường (過堂, dùng bữa trưa) có hơn một ngàn người. Từ cửa trai đường bước vào, quý vị chẳng nghe thấy trong ấy có chút âm thanh nào. Trong ấy còn chẳng có tiếng đũa, bát, ngay cả tiếng nhai cơm cũng chẳng có, đâu có giống như một ngàn tám trăm người đang ăn cơm tại đó. Quý vị còn chẳng biết trong ấy có nhiều người đến thế! Khi đó, tôi vừa mới đến Cổ Sơn, tôi nói ngôi chùa này to ngàn ấy, sao lại vắng tanh thế này, vừa bước vào, còn có đôi chút cảm giác hoảng sợ. Đi trên hành lang cũng chẳng thấy một ai. Đến khi nghe tiếng bang⁶⁴, khi lên đại điện, ở mỗi cửa nhỏ, thoạt nhìn rất hẹp, đều có người xuất gia đứng. Lúc đó, cùng ở đây có hơn tám trăm bảy mươi vị xuất gia, còn có hơn một ngàn vị tịnh nhân. Tịnh nhân (淨人) là người

⁶² Thước ở đây là thước Tàu (xích, 呎), độ dài thay đổi xê xích tùy theo triều đại, nhưng không quá 33 cm.

⁶³ Trống bỏi (波浪鼓, ba lãng cổ) vốn là một loại trống nhỏ có thể cầm trên tay, tang trống rất nhỏ. Trống có hai mặt, có cán, hai bên tang trống buộc hai sợi dây buộc một hòn gỗ hoặc sỏi để khi lắc, hòn gỗ/sỏi đập vào mặt trống, sẽ phát ra tiếng. Loại trống này thường dùng cho trẻ con chơi, hay dành cho thợ nhuộm dùng để rao hàng. Mật Tông Tây Tạng cũng dùng một loại trống bỏi không có cán, eo thắt, thường gắn thêm đuôi bằng các giải vải thêu thùa nhiều màu sắc sỡ, gọi là Damaru để lắc chung với Kim Cang linh (Dril-bu) trong khi tụng niệm, hoặc khi tăng sĩ múa các điệu vũ Dakini hay các bài Kim Cang Vũ khác. Loại trống lớn hơn gọi là Chod drum cũng là hình thức trống bỏi.

⁶⁴ Bang (梆), còn gọi là Ngư Bang, là một dụng cụ báo hiệu trong trai đường của các đại tông lâm, thường là gỗ đẽo thành hình một con cá lớn (hàm ý luôn tỉnh thức vì cá ngủ vẫn mở mắt). Khi cơm nước đã chuẩn bị ổn thỏa, vị Tăng trực nhật sẽ đánh ba hồi bang để Tăng chúng xếp hàng vào trai đường thọ trai. Có nơi còn dùng kèm thêm một bản và báo chung.

phục vụ trong chùa miếu, lo làm vườn, chăm nom vườn trái cây, dường như là ai nấy đều trọn đủ oai nghi của người xuất gia.

Quý vị làm tịnh nhân trong chùa, sẽ trọn đủ oai nghi. Chỉ cần vào chùa, sẽ chẳng giống với thế tục. Bất quá, hiện thời cũng tiến bộ rồi! [Người hiện thời cho rằng] những thứ đó đều chẳng cần nữa, cảm thấy quá rườm rà. Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh ràng buộc mỗi cá nhân trở thành hình dạng như thế đó.

Vào thời ấy, Tăng chúng sống trong chùa cũng chẳng cảm thấy [trói buộc gì], đã thành thói quen rồi. Từ khi thọ giới, một mực ở trong rừng lâm cho đến chùa lớn. Quý vị xuất gia, nhất định phải sống trong rừng lâm mới biết hình tướng oai nghi. Chỉ cần kẻ đó có hình tướng oai nghi, bất luận trong quá khứ hần đã phạm tội Ngũ Nghịch, thậm chí hần trà trộn trong Tăng chúng, hễ còn chưa bị trục xuất, đều chẳng nên trách phạt, quất đánh, hoặc giam cầm trong lao ngục, hoặc là chửi mắng, hoặc là cắt chặt tứ chi, hoặc là giết chết, những điều ấy đều chẳng thể! Dầu là chúng sanh trong quá khứ mắc tội Ngũ Vô Gian trà trộn vào Phật môn thì cũng đều chẳng thể!

Hôm nay, có đạo hữu hỏi tôi: “Giả sử biết người đó là kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, tôi chẳng sanh tâm cung kính đối với hần được!” Quý vị chớ nên sanh [cái tâm ấy], hãy nên sám hối. Vì tâm quý vị chẳng phải là Phật tâm, chẳng phải là Tam Bảo tâm. Quý vị gặp Tam Bảo, lẽ đâu chẳng thể sanh khởi tín tâm? Quý vị nghĩ kẻ đó phá giới, chỉ cần kẻ đó có Tăng tướng, chúng ta thấy vị sư phụ này tốt lắm, bản thân vị sư phụ ấy cũng cảm thấy tốt lắm. Nhưng kẻ đó phạm các giới thuộc vi tế hạnh, long, thiên, quỷ thần đều biết cả, thậm chí [kẻ đó] còn chưa biết chính mình phạm giới! Trước nay chưa hề học giới, làm sao biết là phạm giới cho nổi? Tuy là như vậy, long, thiên, quỷ thần vẫn cung kính kẻ đó.

(Kinh) Phục hữu tứ chúng, cận Ngũ Vô Gian đại tội ác nghiệp căn bản chi tội. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, khởi bất thiện tâm, sát hại Độc Giác, thị sát sanh mạng đại tội ác nghiệp căn bản chi tội. Nhị giả, dâm A La Hán, bất-sô-ni Tăng, thị dục tà hạnh đại tội ác nghiệp căn bản chi tội. Tam giả, xâm tổn sở thí Tam Bảo tài vật, thị bất dữ thủ đại tội ác nghiệp căn bản chi tội. Tứ giả, đảo kiến phá hoại hòa hợp Tăng chúng, thị hư cuồng ngữ đại tội ác nghiệp căn bản chi tội.

(經)復有四種，近五無間大罪惡業根本之罪。何等為四？一者、起不善心，殺害獨覺，是殺生命大罪惡業根本之罪。二者、婬阿羅漢、苾芻尼僧，是欲邪行大罪惡業根本之罪。三者、侵損所施三寶財物，是不與取大罪惡業根本之罪。四者、倒見破壞和合僧眾，是虛誑語大罪惡業根本之罪。

(Kinh: Lại có bốn thứ là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp, gần với Ngũ Vô Gian. Những gì là bốn? Một là dấy tâm bất thiện, sát hại Độc Giác, đó là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp “sát sanh”. Hai là dâm uế A La Hán, bát-sô-ni Tăng, đó là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp “tà hạnh dâm dục”. Ba là xâm phạm, tổn hại tài vật cúng thí cho Tam Bảo, đây là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp “chẳng cho mà lấy”. Bốn là tri kiến điên đảo phá hoại Tăng chúng hòa hợp. Đó là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp “nói lời hư dối”).

Đây là nói về Cận Ngũ Vô Gian Tội, hoàn toàn chẳng phạm tội nặng như tội Vô Gian. Cận Ngũ Vô Gian Tội có bốn thứ:

1) Loại thứ nhất, khởi tâm bất thiện, sát hại Độc Giác. Tâm bất thiện dấy lên ác tâm. Dấy lên ác tâm sát hại Độc Giác. Độc Giác là khi chẳng có Phật xuất thế, Ngài ở trong rừng núi vắng lặng tu hành, chứng đắc quả Độc Giác, tức là chứng đắc quả vị Độc Giác trong Nhị Thừa. Vì không có Phật xuất thế, Ngài tự khai ngộ chứng đạo, cho nên gọi là Độc Giác. Có Phật xuất thế thì gọi là Duyên Giác, do nương vào mười hai pháp nhân duyên mà giác ngộ. Sát hại [Độc Giác] thì là Cận Ngũ Vô Gian, chưa tính là năm tội Vô Gian! Thế nhưng, đây là tội sát sanh, là tội căn bản đại ác nghiệp, chẳng tính là tội Vô Gian.

2) Hai là dâm uế A La Hán, bát-sô-ni Tăng, bất luận vị ấy có biết hay không. Đây là tội Cận Vô Gian, cũng là tội đại ác.

3) Ba là xâm phạm, tổn hại vật dụng thuộc thường trụ Tam Bảo, hoặc vật được thí cho thường trụ Tam Bảo. Đây là tội đại ác “chẳng cho mà lấy”.

4) Bốn là tri kiến điên đảo phá hòa hợp Tăng. Điên đảo tri kiến phá hòa hợp Tăng chỉ là tạo tội từ nơi ngôn ngữ của kẻ ấy. Đối với cả hai

đăng, đều khuấy động thị phi, chỉ tính gộp trong ác ngữ và hư cuồng ngữ (nói lời lừa gạt), dính líu đến giới vọng ngữ.

Đây là bốn giới căn bản “*giết, trộm, dâm, dối*”.

(Kinh) Nhược nhân ư thử tứ Cận Vô Gian đại tội ác nghiệp căn bản tội trung, tùy phạm nhất chủng, bất hợp xuất gia, cập thọ Cụ giới. Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện đắc tội. Bĩ ưng khu tẫn, linh xuất ngã pháp. Như thị chi nhân, dĩ hữu xuất gia, cập thọ Cụ giới oai nghi hình tướng, ngã diệc bất hứa gia kỳ tiên, trượng, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng.

(經)若人於此四近無間大罪惡業根本罪中，隨犯一種，不合出家，及受具戒。若令出家，或受具戒，師便得罪。彼應驅擯，令出我法。如是之人，以有出家，及受具戒威儀形相，我亦不許加其鞭杖，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。

(Kinh: Nếu ai phạm bất cứ loại nào trong bốn tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp Cận Vô Gian này, chẳng thích hợp xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. Nếu cho kẻ ấy xuất gia hoặc thọ Cụ Túc Giới, vị thầy sẽ mắc tội. Kẻ đó đáng nên bị trục xuất, đuổi ra khỏi pháp của ta. Người như thế, nếu đã có oai nghi hình tướng xuất gia và thọ giới Cụ Túc, ta cũng chẳng cho dùng roi, gậy đánh đập, hoặc giam vào tù ngục, hoặc lại quả trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc giết chết).

Kẻ phá bốn loại giới căn bản, cũng là kẻ phạm tội căn bản, tội to tày trời, bất quá chẳng phải là Ngũ Vô Gian, mà là Cận Vô Gian. Bốn loại ấy, hề phạm bất cứ loại nào, sự phụ chẳng thể thân nhận kẻ đó. Nếu lúc gạn hỏi giá nạn, “người có giết thánh nhân hay không?” Điều này bao gồm các vị thuộc Nhị Thừa, tức Thanh Văn và Duyên Giác, kẻ đó thừa “*chẳng có*”. Chính hấn cũng chẳng biết người bị hấn giết chết có phải là thánh nhân hay không? Làm sao hấn biết nổi! La Hán và Độc Giác sẽ chẳng nói: “Ta đã chứng Độc Giác”. Mọi người đọc kinh Kim Cang sẽ biết ngay. Ngài Tu Bồ Đề nói: “*Chúng vô sở chứng*” (Chúng cái chẳng có gì để chứng). Hiểu đạo lý này là được rồi! Tuy các tội đó là

tội căn bản, vẫn chẳng thể xuất gia. Đó là tội căn bản, chẳng phải là tội Vô Gián.

Kẻ phạm bốn đại tội ác, cũng chẳng thể xuất gia. Đó gọi là “*phạm tứ căn bản*”. Giết, trộm, dâm, dối là phạm vào tánh tội, người ấy chưa xuất gia, còn chưa thọ giới, chẳng phạm giá tội (遮罪)⁶⁵. Nếu đã xuất gia, lại thọ giới tỳ-kheo, hai đấng trên đều phạm, [tức là] tánh tội lẫn giá tội đều phạm. Rõ ràng biết là đã phạm tội, quý vị còn mong thọ giới, tội thêm một bậc nữa, tự chuốc lấy khổ. Quý vị đọa địa ngục, hoặc là chịu cả hai tầng xử phạt, thời gian càng dài hơn! Giả sử vị sư phụ thân nhận kẻ đó xuất gia, ngay từ đầu kẻ đó đã lường gạt sư phụ, căn bản là sư phụ của hắn không biết. Về sau, điều tra ra, vị sư phụ ấy phạm tội Đột Cát La (突吉羅, Duṣkṛta, Ác Tác), hướng về mọi người sám hối. Vị thầy ấy được chấp thuận sám hối. Sau đó, đuổi đồ đệ đi, chẳng thể dung nạp trong Phật pháp được. Tội nhân trọn có đủ bốn món đại ác ấy đã trà trộn vào hàng ngũ xuất gia, đức Phật cũng chẳng chấp thuận đánh đập hắn, cho đến chửi mắng, chặt chân tay, đoạn mạng của hắn.

(Kinh) Như thị hoặc hữu thị căn bản tội, phi Vô Gián tội. Hữu Vô Gián tội, phi căn bản tội. Hữu căn bản tội, diệt Vô Gián tội. Hữu phi căn bản tội, diệt phi Vô Gián tội. Hà đẳng danh vi thị căn bản tội, diệt Vô Gián tội? Vị ngã pháp trung, tiên dĩ xuất gia, thọ Cụ Giới giả, cố tư sát tha, dĩ đao cứu cánh kiến Đế nhân đẳng. Như thị danh vi thị căn bản tội, diệt Vô Gián tội. Thử u ngã pháp Tỳ Nại Da trung, ung tốc khu tân.

(經)如是或有是根本罪，非無間罪。有無間罪，非根本罪。有根本罪，亦無間罪。有非根本罪，亦非無間罪。何等名為是根本罪，亦無間罪？謂我法中，先已出家，受

⁶⁵ “*Tánh tội*” là những tội có bản chất đã ác. Hễ vi phạm sẽ mắc tội báo, như giết, trộm, dâm, dối v.v... “*Giá tội*” là những tội chế định để ngăn ngừa nhân duyên khiến cho người ấy phạm tánh tội (như giới uống rượu vì người uống rượu sẽ loạn tâm. Tuy vậy, Câu Xá Luận coi uống rượu là tánh tội), hoặc những giới chế định ngăn ngừa sự gièm chê hoặc hiềm nghi của thế gian.

具戒者，故思殺他，已到究竟見諦人等。如是名為是根本罪，亦無間罪。此於我法毗奈耶中，應速驅擯。

(Kinh: Như thế bèn có [các trường hợp]: Hoặc là có người phạm tội căn bản, nhưng chẳng phải là tội Vô Gián. Có người phạm tội Vô Gián, chẳng phải là tội căn bản. Có người phạm tội căn bản mà cũng là tội Vô Gián. Có người chẳng phải là tội căn bản mà cũng chẳng phải là tội Vô Gián. Những gì gọi là tội căn bản lẫn tội Vô Gián? Tức là kẻ ở trong pháp của ta đã xuất gia và thọ giới Cụ Túc từ trước, mà cố ý giết người khác, mà người bị giết ấy đã đạt đến mức kiến Đế rất ráo. Như thế thì gọi là phạm tội căn bản mà cũng phạm tội Vô Gián. Trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta, hãy nên nhanh chóng trục xuất kẻ ấy).

Dùng bốn loại này để phân biệt. Có khi là tội căn bản, nhưng chẳng phải là tội Vô Gián, tức là kẻ đó giết Thanh Văn, giết A La Hán, cho đến dâm La Hán tỳ-kheo-ni. Đây là tội căn bản, chẳng phải là tội Vô Gián. Có khi là tội Vô Gián chẳng phải là tội căn bản. Tội này nhất định phải biện định rõ ràng: Tội ấy là tội Ngũ Vô Gián, chẳng thể xem như thuộc phạm vi của tội căn bản. Dầu sao, tội căn bản cũng thế, mà tội Vô Gián cũng thế, hai hạng người ấy đều chẳng thể thâm nhận cho phép xuất gia. Thậm chí hấn trà trộn vào, đã thọ giới, chúng ta biết hấn là kẻ như vậy, chớ nên coi rẻ hấn, phải nên theo đúng Tăng pháp mà đuổi hấn ra.

Có kẻ tội căn bản cũng có mà tội Ngũ Vô Gián cũng có luôn! Sát nghiệp, tâm sân hận, cho đến đối với “*giết, trộm, dâm, dối*” đều phạm rất nặng, hai đặng đều trọn đủ, vậy là tội càng nặng! Có kẻ chẳng thuộc hai loại này, chẳng phải là tội căn bản, mà cũng chẳng phải là tội Vô Gián. Hai đặng đều chẳng phải, sẽ là tội nhẹ. “*Tội nhẹ*” là tội Tăng Tàn thuộc Thất Tụ Pháp được nói trong kinh Phật, cũng rất nặng: Kẻ ấy phải đối trước hai mươi vị tỳ-kheo thanh tịnh [mà phát lộ sám hối] thì mới có thể sám trừ. Theo giáo nghĩa Tiểu Thừa, các tội ấy chẳng chấp thuận sám hối.

“*Hà đẳng danh vi thị căn bản tội diệc Vô Gián tội?*” (Những gì gọi là tội căn bản mà cũng là tội Vô Gián?): Tiếp đó là giải thích từng điều. “*Vị ngã pháp trung tiên dĩ xuất gia thọ Cụ Giới giả, cố tư sát tha, dĩ đao cứu cánh kiến Đế nhân đẳng, như thị danh vi thị Căn Bản Tội diệc Vô Gián Tội*” (Tức là ở trong pháp của ta, trước đã xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, mà cố ý giết người khác, người đó là bậc đã kiến Đế rất ráo. Như thế thì gọi là Căn Bản Tội mà cũng là Vô Gián Tội): Hai đặng đều

trọn đủ. Nếu sau khi kẻ ấy xuất gia, đã thọ Cụ Túc Giới, mà cố ý. Chữ Cố (故) nghĩa là hữu ý. “Tu” (思) là suy nghĩ phương pháp, tức là sát duyên và sát nhân (nhân và duyên của việc giết chóc). Đã có sát nhân và sát duyên như thế, bèn giết bậc đã kiến Đế rốt ráo. Bậc kiến Đế rốt ráo chính là A La Hán, hoặc là Sơ Quả, thuộc địa vị Kiến Đạo. Kiến Đế lý Bồ Tát là nói đến bậc đại Bồ Tát, Kiến Đạo Đế Lý. “Kiến” (見) có nghĩa là địa vị Kiến Đạo, Đế (諦) là Lý, đã chứng đắc. Nếu kẻ đã thọ giới sát hại bậc như thế, như vậy thì tội Căn Bản cũng đã phạm. Tội Vô Gian cũng phạm luôn, hai đặng đều trọn đủ!

(Kinh) Hà đặng danh vi thị căn bản tội, phi Vô Gian tội? Vị ngã pháp trung, tiên dĩ xuất gia thọ Cụ giới giả, cố tư sát hại tha dị sanh nhân, nãi chí phương tiện dữ nhân độc dược, đọa kỳ thai tạng, như thị danh vi thị căn bản tội, phi Vô Gian tội. Thử nhân bất ưng dữ Tăng cộng trụ, chư hữu cấp thí tứ phương Tăng vật, diệc bất ưng linh u trung thọ dụng.

(經)何等名為是根本罪，非無間罪？謂我法中，先已出家受具戒者，故思殺害他異生人，下至方便與人毒藥，墮其胎藏，如是名為是根本罪，非無間罪。此人不應與僧共住，諸有給施四方僧物，亦不應令於中受用。

(Kinh: Những gì gọi là tội Căn Bản chẳng phải là tội Vô Gian? Tức là ở trong pháp của ta, trước đó đã xuất gia và thọ Cụ Túc Giới, cố ý sát hại người khác thuộc loài dị sanh, cho đến dùng phương tiện đưa thuốc độc cho người ta, khiến họ bị đọa thai. Như thế thì gọi là tội Căn Bản, chẳng phải là tội Vô Gian. Người ấy chẳng nên ở chung với Tăng. Nếu có các Tăng vật được bốn phương cúng thí thì cũng chẳng cho kẻ đó thọ dụng).

Trong Luật Tạng, phạm loại tội này, một khắc cũng chẳng thể lưu lại; hề biết đến, sẽ ngay lập tức trục xuất, tốc độ rất nhanh chóng. “Hà đặng danh vi thị căn bản tội phi Vô Gian tội? Vị u ngã pháp trung, tiên dĩ xuất gia thọ liễu Cụ Túc Giới, cố tư sát hại tha dị sanh nhân” (Những gì gọi là tội căn bản, chẳng phải là tội Vô Gian? Tức là ở trong pháp của ta, trước hết đã xuất gia, đã thọ Cụ Túc Giới, cố ý sát hại kẻ khác thuộc

loài dị sanh): Đây chỉ là tội giết người. “Dị” (異) là khác, hình tướng bất đồng, ngôn ngữ bất đồng, sắc thân bất đồng, đều gọi là “dị sanh”. Dù mọi tướng khác biệt, bèn gọi là “dị sanh”. “Dị sanh” là chúng sanh, tức loài chúng sanh. “Cố tư” (故思) là cố ý sát hại những người ấy, thậm chí sử dụng đủ loại phương tiện, chuốc thuốc độc cho người ta sẩy thai. Mọi người biết đây là sát hại kẻ dị sanh, sát hại người khác. Đó gọi là “căn bản tội”.

Mọi người biết phá thai là tội giết người, là tội căn bản, luận tội giống như giết người. Bất quá, theo pháp luật thế tục, hoàn toàn chẳng nghiêm trọng như vậy. Tuy là phạm tội, nhưng có những quốc gia, pháp luật của họ không coi đó là phạm tội, có quốc gia còn đề xướng phá thai. Tuy nói là tội căn bản, chẳng phải là tội Vô Gián, nhưng kẻ ấy chẳng nên ở chung với đại chúng Tăng, cũng chẳng nên được thọ dụng những vật thuộc về tứ phương Tăng dành cho đại chúng Tăng hưởng dụng. [Những vật] cúng dường đại chúng Tăng thì chẳng thể chia cho kẻ đó một phần, chẳng thể thọ dụng trong đó!

(Kinh) Hà đẳng danh vi thị Vô Gián tội, phi căn bản tội? Vị nhược hữu nhân, hoặc thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, hoặc thọ thập giới, u Ngũ Vô Gián tùy tạo nhất chủng, như thị danh vi thị Vô Gián tội, phi căn bản tội. Như thị chi nhân, bất hợp xuất gia, cập thọ Cụ giới. Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện đắc tội. Bĩ ưng khu tấn linh xuất ngã pháp. Hà đẳng danh vi phi căn bản tội, diệc phi Vô Gián tội? Vị nhược hữu nhân, hoặc thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, u Phật, Pháp, Tăng nhi sanh nghi tâm, hoặc quy ngoại đạo dĩ vi sư đạo, hoặc chấp chủng chủng, nhược thiếu, nhược đa, cát hung chi tướng, từ tế quý thân. Nhược phục hữu nhân, u chư Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoặc Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc thị Đại Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, giá chỉ, tự bất tín thọ, linh tha yếm bội, chướng ngại tha nhân độc, tụng, thư tả, hạ chí lưu nạn nhất tụng chánh pháp. Như thị danh vi phi căn bản tội, diệc phi Vô Gián, nhi sanh cực trọng đại tội ác nghiệp, Cận Vô Gián tội. Như thị chi nhân, nhược vị sám hối, trừ diệt như thị đại tội ác nghiệp, bất hợp xuất gia, cập thọ Cụ giới. Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện đắc tội. Bĩ ưng khu tấn, linh xuất ngã pháp. Nhược dĩ xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, phạm như thị tội, nhược bất sám hối, thử u ngã pháp Tỳ Nại Da trung, ưng tốc khu tấn. Sở dĩ giả hà? Thử nhị chủng nhân, tập hành

phá hủy chánh pháp nhân hạnh, tập hành ỉn diệt chánh pháp dăng hạnh, tập hành đoạn tuyệt Tam Bảo chủng hạnh, linh chú thiên nhân tập hành vô nghĩa, vô lợi khổ hạnh, đọa chư ác thú. Thử nhị chủng nhân, tự báng chánh pháp, hủy tử hiền thánh, diệt linh tha nhân phi báng chánh pháp, hủy tử hiền thánh, mạng chung đương đọa Vô Gian địa ngục, kinh kiếp thọ khổ, bất khả liệu trị.

(經)何等名為是無間罪，非根本罪？謂若有人，或受三歸，或受五戒，或受十戒，於五無間隨造一種，如是名為是無間罪，非根本罪。如是之人，不合出家，及受具戒。若令出家，或受具戒，師便得罪。彼應驅擯令出我法。何等名為非根本罪，亦非無間罪？謂若有人，或受三歸，或受五戒，於佛法僧而生疑心，或歸外道以為師導，或執種種，若少若多，吉凶之相，祠祭鬼神。若復有人，於諸如來所說正法，或聲聞乘相應正法，或獨覺乘相應正法，或是大乘相應正法，誹謗遮止，自不信受，令他厭背，障礙他人讀誦書寫，下至留難一頌正法。如是名為非根本罪，亦非無間，而生極重大罪惡業，近無間罪。如是之人，若未懺悔，除滅如是大罪惡業，不合出家，及受具戒。若令出家，或受具戒，師便得罪。彼應驅擯令出我法。若已出家，或受具戒，犯如是罪，若不懺悔，此於我法毗奈耶中，應速驅擯。所以者何？此二種人，習行破毀正法眼行，習行隱滅正法燈行，習行斷絕三寶種行，令諸天人習行無義，無利苦行，墮諸惡趣。此二種人，自謗正法，毀訾

賢聖，亦令他人誹謗正法，毀訾賢聖，命終當墮無間地獄，經劫受苦，不可療治。

(Kinh: Những gì gọi là tội Vô Gian, chẳng phải là tội căn bản? Tức là nếu có người thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, hoặc thọ mười giới, mà tạo bất cứ một loại nào trong Ngũ Vô Gian, như thế sẽ gọi là tội Vô Gian, chẳng phải là tội căn bản. Người như thế chẳng thích hợp xuất gia, và thọ Cụ Túc Giới. Nếu cho kẻ đó xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới, thầy sẽ mắc tội. Kẻ ấy đáng nên bị xua đuổi ra khỏi pháp của ta. Những gì gọi là chẳng phải tội căn bản mà cũng chẳng phải tội Vô Gian? Tức là nếu có người hoặc thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, mà sanh lòng nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, hoặc quy hướng ngoại đạo, coi họ là thầy hướng dẫn. Hoặc chấp trước các thứ tướng cát, hung, dù ít hay nhiều, cúng tế quý thần. Nếu lại có người đối với chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng với Độc Giác Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng với Đại Thừa mà phỉ báng, ngăn trở, tự mình chẳng tin nhận, [lại còn] khiến cho kẻ khác chán ngán, chống trái, chướng ngại người khác đọc, tụng, biên chép, tối thiểu là gây trở ngại cho một bài kệ chánh pháp. Như thế thì gọi là “chẳng phải tội căn bản, mà cũng chẳng phải tội Vô Gian”, nhưng sanh ra đại tội ác nghiệp cực nặng, là tội gần với Vô Gian. Người như thế, nếu chưa sám hối trừ diệt các ác nghiệp đại tội như thế, chẳng thích hợp xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. Nếu cho kẻ đó xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới, thầy sẽ mắc tội. Kẻ đó đáng nên bị xua đuổi ra khỏi pháp của ta. Nếu đã xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới mà phạm tội như thế, nếu chẳng sám hối, thì trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta đáng nên mau chóng trục xuất. Vì có sao vậy? Hai loại người ấy đã thực hành hạnh phá hủy con mắt chánh pháp, đã thực hành cái hạnh ản diệt ngọn đèn chánh pháp, đã thực hành cái hạnh đoạn tuyệt chủng tánh Tam Bảo, khiến cho các trời và người thực hành khổ hạnh vô nghĩa, chẳng có lợi ích, đọa vào các đường ác. Hai loại người ấy tự báng chánh pháp, hủy báng, chê bai hiền thánh, cũng khiến cho kẻ khác phỉ báng chánh pháp, hủy báng, chê bai hiền thánh, mạng chung sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian, trải nhiều kiếp chịu khổ, chẳng thể chữa trị).

“Hà đẳng danh vi thị Vô Gian tội phi căn bản tội?” (Những gì gọi là tội Vô Gian, chẳng phải là tội căn bản?): Nếu nói có kẻ đã thọ Tam

Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, thọ mười giới, đối với năm tội Vô Gián mà tạo bất cứ tội nào, như thế sẽ gọi là “*tội Vô Gián, chẳng phải là tội căn bản*”. Chỉ là đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, thọ mười giới, đối với năm tội Vô Gián, hễ tạo một tội nào, [chẳng hạn như] cố ý giết cha, cố ý giết mẹ, đều tính là tội Vô Gián, chẳng phải là tội căn bản. Trọn đủ tội Vô Gián, nhưng chẳng trọn đủ cả hai đẳng (Vô Gián và căn bản). Kẻ đó chỉ trọn đủ một đẳng, chẳng phải là tội căn bản. Tội căn bản nhẹ hơn một chút, tội Vô Gián nặng hơn. Hạng người như thế cũng chẳng thể thâm nhận cho họ xuất gia, chẳng thích hợp xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. “*Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện đắc tội*” (Nếu cho xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới, thầy sẽ mắc tội): Kẻ đó vừa mới xuất gia thì phải trực xuất, chẳng cho phép ở trong Tăng chúng.

Nếu có kẻ thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, sanh lòng hoài nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, lại đến quy y ngoại đạo. Quy y ngoại đạo rồi tôn ngoại đạo làm thầy hướng dẫn. Bọn chúng nói rất nhiều tướng cát, hung. Đã thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, mà quý vị lại sanh khởi tâm hoài nghi đối với Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, lại đi nghiên cứu cát, hung, họa, phước, quy y ngoại đạo. Hiện thời, chúng ta lại còn thêm một món nữa là học Khí Công. Học Khí Công đúng hay sai? Nếu quý vị rèn luyện thân thể, đánh quyền, luyện Khí Công, mong sẽ đạt được lợi ích chi đó, sai lầm mất rồi! Chuyện này tùy thuộc quý vị dụng tâm như thế nào? Nhưng trong Phật giáo, quý vị đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, thì chớ nên làm, vì đó là ngoại đạo, chẳng phải là Phật giáo, cũng là ở ngoài Phật đạo. Muốn họ đến làm thầy cho quý vị, dẫn dắt quý vị, hoặc là chấp trước nhiều hay ít đều chẳng quản. Cho đến đối với tướng cát, hung, họa, phước vật vãnh, thậm chí còn giống như [lập] từ đường, miếu tế tự, miếu thờ thần. Chuyện cúng bái này bao gồm rất nhiều thứ, trong từ đường tế quỷ, tế thần. Để tế quỷ thần, phải dùng rượu, thịt. Dùng đồ chay đến miếu quỷ thần cúng bái, chẳng bằng không cúng. Quý vị cúng họ, họ còn có thể sanh tâm sân hận.

“*Nhược phục hữu nhân u Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoặc Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc thị Đại Thừa tương ứng chánh pháp*” (Nếu lại có người đối với chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc chánh pháp tương ứng Thanh Văn Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng Độc Giác Thừa, hoặc là chánh pháp tương ứng với Đại Thừa): “*Tương ứng*” (相應) có nghĩa là “*phù hợp*”. Tâm quý vị tương ứng với pháp Đại Thừa, hay

tương ứng với pháp Nhị Thừa. “*Phỉ báng, giá chỉ*” (Phỉ báng, ngăn cấm): Hoặc là người khác đến hoằng dương, khiến cho chúng sanh đắc độ, quý vị ở nơi đó hủy báng, khuyên người ta chớ nên tin, bảo “chẳng có lợi ích gì!” Thậm chí còn nói rất nhiều lời phá hoại, ngăn trở người khác, không cho họ đến nghe. Hoặc là không cho họ đến nhận, đến nghe, hoặc không cho họ thân cận, bao gồm những điều ấy. Chính mình chẳng tin, còn khiến cho kẻ khác phản bội, cho đến khiến cho họ sanh khởi tâm phiền chán đối với Tam Bảo. Hoặc là chướng ngại kẻ khác đọc tụng kinh điển, biên chép kinh điển, dấu chỉ một bài kệ bốn câu. Đây chẳng phải là tội căn bản, cũng chẳng phải là tội Vô Gian, nhưng tội ác cực đại. Do vậy nói tội báng pháp gần với tội Vô Gian, rất gần giống tội Vô Gian!

Nếu kẻ ấy còn chẳng sám trừ những tội ấy, chẳng sám hối, chẳng diệt trừ tội ấy, kẻ có tội ác to lớn như thế sẽ chẳng thể xuất gia, cũng chẳng thể cho kẻ đó thọ Cụ Túc Giới. Đây đều là tội chẳng cho phép sám hối. Giả sử vị sư phụ thọ nhận kẻ đó làm đồ đệ rồi lại cho hắn thọ Cụ Túc Giới, vị thầy ấy sẽ mắc tội. Kẻ đó phạm pháp, chính là trái phạm Phật pháp, hoàn toàn chẳng vi phạm chánh pháp của thế tục (tức chẳng làm chuyện vi phạm pháp luật), kẻ đệ tử như thế sẽ bị trục xuất. Do vậy, nếu đã xuất gia, hoặc đã thọ Cụ Túc Giới mà phạm những tội ấy, hãy nên làm như thế nào? Phải sám hối! Có rất nhiều phương thức sám hối. Hai mươi vị Tăng cho phép kẻ đó sám hối, hoặc Tăng chúng cho phép kẻ đó làm Yết Ma, cho kẻ đó vĩnh viễn làm tịnh nhân, ở trong chùa miếu vĩnh viễn hành khổ hạnh. Nếu kẻ đó sám hối, có thể xử lý như vậy. Nếu chẳng sám hối, hãy nhanh chóng đuổi hắn ra. Vì sao như vậy? Vì hai hạng này đã thực hiện hạnh phá hủy con mắt chánh pháp, những gì kẻ đó đã làm khiến cho chánh pháp nhãn tạng chẳng thể trụ lâu dài trong thế gian, sẽ làm mù mắt của trời, người, làm mù mắt của hết thảy chúng sanh.

Chẳng có Phật pháp, chúng ta sẽ chẳng sáng suốt. Có Phật pháp thì có nghĩa là “*chiếu sáng*”. Đồng thời, những gì kẻ đó làm chính là đã ỷ diệt chánh pháp soi sáng như đèn, khiến cho chánh pháp chẳng hiện, thậm chí bị diệt trừ. Hành vi kiêu ấy chính là gì? Hạnh đoạn tuyệt chúng tánh Tam Bảo, khiến cho hết thảy trời, người tu tập khổ hạnh vô nghĩa, chẳng có lợi ích, đọa vào các đường ác, khiến cho người khác đều đọa trong ác đạo. Do vậy, hai loại người ấy chính họ đã hủy báng chánh pháp, hủy báng và chê gièm hiên thánh, lại còn khiến cho người khác hủy báng chánh pháp, gièm chê hiên thánh. Mạng chung, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian, trái bao kiếp chịu khổ, chẳng thể chữa trị. Thời gian đọa

lạc vì tội Ngũ Vô Giá hết sức lâu. Do vậy, nếu đọa vào ngục Vô Giá, một ngàn vị Phật xuất thế trong Hiền Kiếp, quý vị chẳng gặp được một vị, vẫn chẳng lìa khỏi địa ngục. Một ngàn vị Phật xuất thế, quý vị cũng chẳng gặp được vị nào, cho đến trải qua vô lượng đại kiếp, chẳng phải là tiểu kiếp, mà là vô lượng đại kiếp.

Đoạn này chuyên nói về tà-kheo phá giới, tà-kheo tạo đại ác nghiệp, quý vị đừng nên hủy báng họ, phải nên cung kính, mà cũng chớ nên đánh đập, cho đến nỗi hại họ. Nếu như khiến cho những vật dụng cần thiết cho cuộc sống của kẻ đó bị thiếu hụt, hễ có một thí chủ muốn cúng dường kẻ đó, quý vị bảo: “Đó là tà-kheo phá giới, là kẻ xấu”. Hồng bét rồi! Họ sẽ lập tức chẳng cúng dường nữa, như vậy là quý vị phạm tội. Tội ấy giống như tội của tà-kheo phá giới!

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Hoặc hữu giá tội Vô Y Hạnh pháp, hoặc hữu tánh tội Vô Y Hạnh pháp. Ư tánh tội trung, hoặc hữu căn bản Vô Y Hạnh pháp. Vân hà căn bản Vô Y Hạnh pháp? Vị nhược bất-sô hành phi phạm hạnh, phạm căn bản tội. Hoặc dĩ cố tư sát dị sanh nhân, phạm căn bản tội. Hoặc phục thân đạo phi Tam Bảo vật, phạm căn bản tội. Hoặc đại vọng ngữ, phạm căn bản tội. Nhược hữu bất-sô u thử tứ chủng căn bản tội trung, tùy phạm nhất chủng, u chư bất-sô sở tác sự nghiệp, linh thọ chiết phục, nhất thiết cấp thí tứ phương Tăng vật, giai tất bất thính u trung thọ dụng. Nhi diệc bất hợp gia kỳ tiên, trượng, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng. Như thị danh vi u tánh tội trung căn bản trọng tội Vô Y Hạnh pháp. Hà cố thuyết danh vi căn bản tội? Vị nhược hữu nhân phạm thử tứ pháp, thân hoại, mạng chung, đọa chư ác thú, thị chư ác thú căn bản tội cố. Thị cố thuyết danh vi căn bản tội, hà cố Vô Giá cập cận Vô Giá căn bản tội đẳng, thuyết danh cực trọng đại tội ác nghiệp Vô Y Hạnh pháp?

(經)復次大梵！或有遮罪無依行法，或有性罪無依行法。於性罪中，或有根本無依行法。云何根本無依行法？謂若苾芻行非梵行，犯根本罪。或以故思殺異生人，犯根本罪。或復偷盜非三寶物，犯根本罪。或大妄語，犯根本罪。若有苾芻於此四種根本罪中，隨犯一種，於諸苾芻所

作事業，令受折伏，一切給施四方僧物，皆悉不聽於中受用。而亦不合加其鞭杖，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。如是名為於性罪中根本重罪無依行法。何故說名為根本罪？謂若有人犯此四法，身壞命終，墮諸惡趣，是諸惡趣，根本罪故。是故說名為根本罪，何故無間及近無間根本罪等，說名極重大罪惡業無依行法？

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Hoặc là có Vô Y Hạnh pháp thuộc về giá tội, hoặc có Vô Y Hạnh pháp thuộc về tánh tội. Trong tánh tội, hoặc là có pháp căn bản Vô Y Hạnh. Thế nào là pháp căn bản Vô Y Hạnh? Tức là nếu bất-sô làm chuyện chẳng phải là phạm hạnh, phạm căn bản tội, hoặc do cố ý giết người khác chủng loại, phạm căn bản tội. Hoặc trộm cắp vật chẳng thuộc về Tam Bảo, phạm căn bản tội. Hoặc đại vọng ngữ, phạm căn bản tội. Nếu có bất-sô đối với bốn loại tội căn bản ấy, hề phạm một loại nào, thì đối với các sự nghiệp thực hiện bởi các bất-sô, hãy nên khiến cho kẻ đó bị chiết phục, hết thấy các vật bố thí cho tứ phương Tăng đều chẳng cho phép kẻ đó được thọ dụng, nhưng cũng chớ nên dùng roi, gậy đánh đập, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc giết chết. Như thế thì gọi là Vô Y Hạnh pháp thuộc trọng tội căn bản trong tánh tội. Vì sao nói là tội căn bản? Tức là nếu có kẻ nào phạm phải bốn pháp ấy, thân hoại, mạng chung, sẽ đọa trong các đường ác, do vì đó là tội căn bản, khiến cho [kẻ phạm tội] đọa vào trong các đường ác, cho nên gọi là tội căn bản. Vì sao nói các tội Vô Gian và cận Vô Gian được gọi là Vô Y Hạnh pháp ác nghiệp đại tội cực nặng?)

Chúng ta nói tới tánh tội; trong tánh tội, có căn bản và phi căn bản. Vô Y Hạnh pháp căn bản là gì? “*Nhược bất-sô hành phi phạm hạnh*” (Nếu bất-sô làm chuyện chẳng phải là phạm hạnh): “*Hành phi phạm hạnh*” tức là phạm dâm giới, phạm căn bản tội. Hoặc do “*cố tư sát dị sanh nhân*” (cố ý giết người khác chủng loại): Nếu phạm sát giới thì là phạm căn bản tội. Hoặc là trộm cắp vật chẳng phải của Tam Bảo, đã phạm căn bản tội, tức là ăn trộm đồ vật của người khác. Nhưng tại Ấn Độ, khi đức Phật chế giới, đã có một tiêu chuẩn: “Ở Ấn Độ, nếu thứ gì

đáng giá năm đồng tiền Ấn Độ thì cũng kể như đã phạm tội căn bản”, cũng tức là tội căn bản thuộc về giới trộm cắp.

Hoặc là đại vọng ngữ. Trong Phật giáo, đại vọng ngữ là “*chính mình chưa chứng mà nói là đã chứng, chưa đắc mà nói là đã đắc*”, đó gọi là đại vọng ngữ. Chưa đắc thánh quả, tự nói đã chứng thánh quả, lường gạt kẻ khác tín ngưỡng. Chính mình vì danh lợi mà lường gạt tín ngưỡng, chủ yếu là vì lợi. Bốn loại ấy được gọi là “*dâm, giết, trộm, dối*”. Vì trong pháp Thanh Văn, đặt giới dâm ra trước. Quý vị thọ Bồ Tát giới, [thứ tự] sẽ là “*giết, trộm, dâm, dối*”, xếp dâm vào vị trí thứ ba. Điều đó có mối liên quan: Nơi Bồ Tát, đại từ đại bi là chánh yếu, dùng tâm Bồ Đề cứu độ hết thảy chúng sanh, lẽ đâu còn có thể sát hại chúng sanh? Do vậy, tội này nặng nhất. Theo thứ tự, sát giới nặng nhất. Đối với trộm cắp, hành Bồ Tát đạo thì phải bố thí, điều đầu tiên là phải bố thí chúng sanh, dẹp khổ cho chúng sanh, lẽ nào còn có chuyện trộm cắp món gì của chúng sanh để nuôi béo chính mình? Vì thế, kẻ ấy phạm tội rất nặng. Đó gọi là bốn căn bản.

Dâm, giết, trộm, dối, trong bốn tội căn bản ấy, hễ phạm một loại, sẽ đáng bị chiết phục trong các sự nghiệp (các pháp Yết Ma) được thực hiện bởi các bật-sô. Quý vị làm chuyện ấy, đã bôi đen các vị tỳ-kheo thanh tịnh. “*Chiết phục*” (折伏) có nghĩa là bị kẻ khác khuất phục, hoặc là tự mình chịu chiết phục, cho đến nói kẻ phạm loại tội căn bản ấy thì trong các sự nghiệp do hàng tỳ-kheo thực hiện, kẻ ấy sẽ bị quở phạt. Đối với hết thảy các vật do thí chủ cúng dường cho tứ phương tăng, đều chẳng cho phép kẻ đó hưởng dụng. Hết thảy phòng ốc, y phục, thậm chí những vật dụng của Tăng chúng đều chẳng thể chia cho kẻ đó, cũng có nghĩa là hủy bỏ các phước lợi mà Tăng nhân đáng được hưởng thụ. Tuy vậy, hạng người như thế “*nhi diệc bất hợp gia kỳ tiên, trượng, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha ma, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng. Như thị danh vi ư tánh tội trung, căn bản trọng tội Vô Y Hạnh pháp*” (cũng chẳng nên dùng roi, gậy đánh đập, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ. Như thế gọi là Vô Y Hạnh Pháp thuộc trọng tội căn bản trong tánh tội). Vì các pháp ấy đều là pháp Vô Y Hạnh, chẳng sanh điều thiện, chẳng sanh công đức. Như trong phần trước chúng tôi đã nói: Thực hiện những hạnh chẳng thể sanh ra công đức thì hạnh ấy được gọi là pháp Vô Y Hạnh.

Vì sao lại nói là phạm tội căn bản? Tiếp đó, [đức Phật] giải thích tội căn bản là gì? Giả sử có kẻ phạm bốn pháp ấy, thân hoại, mạng

chung, đọa vào các đường ác, tùy thuộc các tình tiết khi kẻ đó phạm tội [mà sẽ đọa vào đường nào]. Nói theo giới luật, sẽ là phải nghiên cứu khi quý vị phạm giới, cái tâm có mạnh mẽ hay không. Mạnh mẽ sẽ đóng vai trò chủ chốt, mà cố ý hay vô tình cũng đóng vai trò chủ chốt [để quyết định quả báo]. Hoặc là trong khi quý vị giết người thuộc chủng loại khác, cái tâm sân hận của quý vị hết sức nặng nề, đây là [tâm phạm tội] “mạnh mẽ”. Nếu quý vị sắp giết, lại chẳng muốn giết, tâm tình ấy chính là chẳng mạnh mẽ. Cũng có nghĩa là khi quý vị giết, cảm thấy chính mình đang phạm tội, trong tâm chính mình cũng rất khó chịu, nhưng lại không thể chẳng giết kẻ đó. Chẳng giết kẻ đó, chỉ sợ sẽ gặp nguy hại, tội ấy sẽ nhẹ hơn một chút.

Do vậy, vì sao phải học Giới? Do học mấy loại này, một đằng là nhân, cái nhân là mạnh mẽ, hay không mạnh mẽ. Một đằng khác là duyên, duyên thúc đẩy thành tựu. Tình huống của duyên rất phức tạp, đều phải phân biệt trong ấy. Khi kẻ đó phạm tội, nếu đã học pháp luật, sẽ hiểu điều này. Pháp thế gian cũng giống như thế. Đó gọi là tội căn bản, được gọi là “*căn bản tội*”. Nếu có kẻ phạm bốn pháp ấy, thân hoại, mạng chung, đọa vào đường ác. Có kẻ phạm phải hạnh dâm tà, sẽ đọa làm chim uyên ương, đọa vào súc sanh đạo, sẽ đọa vào bàng sanh đạo. Bàng sanh cũng là súc sanh, nhưng chẳng phải là loài phi cầm (飛禽, chim bay). Súc sanh bao gồm rất nhiều loại, có loài ở trong biển, hoặc sống trên mặt đất, đều có những điểm khác biệt. Vì sao gọi Vô Gián, Cận Vô Gián, và tội căn bản là đại tội ác cực nặng? Đây là những thứ tạo nên tội nghiệp, là pháp Vô Y Hạnh.

(Kinh) Thiện nam tử! Thí như thiết đoàn, diên tích đoàn đặng, trích trí không trung, chung vô tam trụ, tất tốc đọa địa. Tọa Ngũ Vô Gián, cập Cận Vô Gián tứ căn bản tội, tịnh bán chánh pháp, nghi Tam Bảo đặng. Nhị chủng tội nhân diệc phục như thị. Nhược nhân u thử thập nhất tội trung, tùy tạo nhất chủng, thân hoại, mạng chung, vô dư gián cách, định sanh Vô Gián đại địa ngục trung, thọ chư kịch khổ. Cố danh cực trọng đại tội ác nghiệp Vô Y Hạnh pháp. Phạm thử cực trọng đại tội ác nghiệp Vô Y Hạnh pháp Bồ Đặc Già La, u hiện thân trung, quyết định bất năng tận chư phiền não, thượng bất năng thành chư tam-ma-địa, hưởng năng thú nhập chánh tánh ly sanh? Bỉ nhân mạng chung, định sanh địa ngục, thọ chư trọng khổ.

(經)善男子！譬如鐵搏，鉛錫搏等，擲置空中，終無暫住，必速墮地。造五無間，及近無間四根本罪，並謗正法，疑三寶等。二種罪人亦復如是。若人於此十一罪中，隨造一種，身壞命終，無餘間隔，定生無間大地獄中，受諸劇苦。故名極重大罪惡業無依行法。犯此極重大罪惡業無依行法補特伽羅，於現身中，決定不能盡諸煩惱，尚不能成諸三摩地，況能趣入正性離生？彼人命終，定生地獄，受諸重苦。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Ví như hòn sắt, hoặc hòn chì pha thiếc v.v... quăng lên không trung, trợn chẳng thể tạm dừng lại, ắt nhanh chóng rơi xuống đất. Tạo tội Ngũ Vô Gian và bốn tội căn bản Cận Vô Gian, cũng như báng chánh pháp, nghi ngờ Tam Bảo v.v... Hai loại tội nhân ấy cũng giống như thế. Nếu ai trong mười một tội ấy, hễ tạo một thứ, thân hoại, mạng chung, chẳng hề xen hở, chắc chắn sanh trong đại địa ngục Vô Gian, chịu các nỗi khổ cùng cực. Vì thế gọi là pháp Vô Y Hạnh ác nghiệp đại tội cực nặng. Bồ Đặc Già La (hữu tình) phạm pháp Vô Y Hạnh ác nghiệp đại tội cực nặng ấy thì trong đời hiện tại, chắc chắn chẳng thể dứt hết các phiền não, còn chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa, huống hồ có thể tiến nhập chánh tánh ly sanh? Kể ấy mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục, chịu các nỗi khổ nặng nề).

Cầm hòn sắt hoặc hòn chì, phàm là thứ gì nặng nề, quý vị ném lên không trung, nó sẽ rơi xuống hết sức nhanh chóng, chẳng ngừng chút nào. Vật nặng, ném lên không trung, chẳng thể tạm ngừng trên không trung. Đây là nói: Kẻ phạm vào loại tội này, hễ mạng chung, trong vòng một niệm, ngay lập tức đọa địa ngục. Người ấy chết đi, quý vị quàn lại bảy ngày cũng thế, hay ngay lập tức đem thiêu cũng thế, trợn chẳng có giá trị mảy may, chẳng ăn nhằm chi hết. Trong Phật giáo, sau khi một người đã chết, phải quàn thi thể tối thiểu ba ngày, cho đến bảy ngày. Vì sao? Thân thức của kẻ đó chưa rời thân thể, nghiệp thiện ác cũng chẳng mạnh mẽ. Nếu nghiệp thiện mạnh mẽ, trong thời gian một niệm, có thể sanh về thế giới Cực Lạc; hễ mạng chung, sẽ ra đi ngay trong một niệm.

Hoặc là sanh lên trời, đi ngay trong một niệm. Nếu chẳng vậy, [tức là] thiện nghiệp cũng chẳng mạnh mẽ, ác nghiệp cũng chẳng mạnh mẽ, khi kẻ đó hướng đến chỗ thọ báo trong tương lai, cũng chẳng mạnh mẽ [sanh ngay vào đó]. Chẳng mạnh mẽ, sẽ rất chậm rãi, thần thức của kẻ đó chẳng lìa thân xác, vẫn đắm luyến thể xác, chẳng nở bỏ. Do thần thức chưa rời thân thể, đành phải quán lại mấy ngày như vậy. Đợi đến khi xác định người ấy đã chết hẳn, thân đã lạnh rồi mới rời đi.

Trong kinh đã nói chuyện này rất cặn kẽ. Có những kẻ lúc ra đi, phần dưới thân thể lạnh trước, hoặc lạnh trước từ đầu. Lạnh trước từ phần đầu, phần nhiều đọa tam đồ. Từ phần dưới lạnh lên, có cơ hội sanh thiên nhiều hơn. Kiểu trắc nghiệm này dành cho kẻ bất định đối với hai loại nghiệp (thiện nghiệp lẫn ác nghiệp đều chẳng mạnh mẽ). Nhưng đối với kẻ tạo nghiệp mạnh mẽ, sẽ đọa địa ngục nhanh như tên bắn, giống như hòn sắt, hòn chì, do chúng nặng nề, ném lên không trung, sẽ rơi phịch xuống rất nhanh, trợn chẳng thể tạm dừng, ắt nhanh chóng rơi xuống đất. Nhất định sẽ rơi phịch xuống, lại còn rơi rất nhanh! Hai loại tội nhân tạo Ngũ Vô Giá và Cận Ngũ Vô Giá, cho đến bốn tội căn bản, cũng như báng chánh pháp, hoài nghi Tam Bảo, và hai loại tội nhân Cận Tứ Vô Giá, Cận Tứ Căn Bản Tội cũng sẽ giống như vậy, đọa địa ngục rất nhanh chóng!

“U thử thập nhất tội trung, tùy tạo nhất chủng, thân hoại, mạng chung, vô dư giá cách” (Trong mười một tội ấy, hề tạo một loại, khi thân mạng, mạng chung, sẽ không xen hở): Năm tội Vô Giá trên đây là năm loại, được gọi là Ngũ Vô Giá. [Cộng thêm] bốn tội căn bản là bốn loại nữa, hợp thành chín loại. Còn có hai loại nữa là cận Căn Bản và cận Vô Giá; do vậy, thành mười một loại. Hễ phạm một loại nào, thân hoại, mạng chung, sẽ chẳng có xen hở! Trong khoảng mạng chung, một tí kẽ hở cũng chẳng có. *“Định sanh Vô Giá đại địa ngục trung, thọ chư kịch khổ”* (Chắc chắn sanh trong đại địa ngục Vô Giá, chịu các nỗi khổ cùng cực): Loại khổ nạn này hết sức dữ dội, cho nên gọi là *“cực trọng đại tội ác nghiệp”*. Bồ Đặc Già La phạm phải Vô Y Hạnh pháp, phạm cực trọng đại tội ác nghiệp, trong hiện đời, loại chúng sanh ấy chắc chắn chẳng thể chấm dứt các phiền não được!

Đời này, quý vị mong trừ sạch các phiền não, chứng đắc Phật quả, sẽ chẳng thể được! Thậm chí cũng chẳng thể đắc Định. Còn chẳng thể thành tựu tam-ma-địa, hưởng hồ có thể tiến nhập chánh tánh ly sanh ư? *“Ly sanh chánh tánh”* là nói đến Niết Bàn. Chánh tánh ly sanh của bậc kiên đạo đã rời lìa sanh tử phiền não, đó gọi là *“tiến nhập chánh tánh ly*

sanh, tiến nhập Niết Bàn, lìa khỏi sanh tử”. Người đó mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục, không chỉ chẳng thể chứng quả, mà sanh thiên cũng chẳng thể, mà cũng chẳng thể tái sanh trong loài người. “*Thọ chử chúng khổ*” (Chịu các thứ khổ): Từ địa ngục Vô Gián thoát ra, thời gian hết sức lâu dài. Dầu lại có thể thác sanh trong nhân gian, nhưng do nghiệp lực trong quá khứ, kẻ đó sẽ trở nên mù, điếc, câm, ngọng, tứ chi tàn khuyết.

Người như thế từ trong ba ác đạo thoát ra, hoặc từ địa ngục thoát ra, đại khái là hạng người từ Ngũ Vô Gián thoát ra rất đông. Họ đều thai vào các gia đình vẫn là kẻ ác hạnh. “*Phương dĩ tụ loại, vật dĩ quần phân*” (Các phương thức tụ tập thành loại, mọi vật chia thành từng nhóm). Chớ nên tạo loại tội này! Thông qua bái sám, xưng danh hiệu, Đại Bi Sám cũng được, Địa Tạng Sám cũng được. Chúng ta bái Chiêm Sát Sám, bái Thiên Phật Danh Sám đều có thể tiêu trừ loại nghiệp này. Đó gọi là pháp Đại Thừa. Quý vị niệm thánh hiệu Địa Tạng, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm mấy vị đại Bồ Tát, cho đến niệm Phật hiệu, đều có thể tiêu diệt trọng tội của quý vị. Bất quá, chẳng thể nào mong thành tựu ngay trong đời này được!

Chúng tôi lại nói ngược lại, người thành tựu trong đời hiện tại tức là trong quá khứ đã tích tập các nghiệp rất tốt lành, rất to lớn, tu đạo sắp thành, mà chưa thành tựu, cho nên trong đời này bèn hoàn thành. Ý nghĩa là như thế đó. Quý vị thấy người khác được cúng dường, quý vị phải tùy hỷ, tán thán, vì người ấy có công đức và phước báo. Tuy quý vị chẳng đạt được, nhưng do tùy hỷ, tán thán, quý vị sẽ có được một nửa, nhất định phải tùy hỷ công đức. Đại nguyện thứ năm trong mười đại nguyện vương là “*tùy hỷ công đức*”, tức là chúng ta gieo thiện căn, cho đến vun bồi phước. Đây là phương pháp tốt nhất. Quý vị thấy trên đường phố, bất luận là đệ tử Tam Bảo, hay người bình phàm, tùy tiện làm chuyện tốt lành gì, thấy người ta phóng sanh, tuy quý vị chẳng bỏ tiền, nhưng tán thán, tùy hỷ đôi chút, quý vị sẽ có công đức giống như người đó. Thấy chuyện thiện, quý vị đều nên tùy hỷ. Thấy chuyện ác, nhất định phải sám hối, giúp kẻ đó hồi hướng, như thế thì chính quý vị đang hành Bồ Tát đạo. Đại nguyện thứ tư là “*sám hối*”, đã sám hối rồi bèn tùy hỷ. Chuyện này phải thực hiện bất cứ lúc nào. Đây là tư lương. Chuẩn bị loại tư lương này sẽ có mối quan hệ rất lớn đối với chuyện thành đạo trong tương lai!

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Nhược thiện nam tử, nhược thiện nữ nhân, dĩ tịnh tín tâm, quy y ngũ pháp, hoặc thú Thanh Văn Thừa, hoặc thú Độc Giác Thừa, hoặc thú Đại Thừa, u ngũ pháp trung, tịnh tín xuất gia, thọ Cụ Túc Giới. Ư chư học xứ, thâm tâm kính trọng, u tứ căn bản tánh tội giới trung, kiên cố dũng mãnh, tinh cần thủ hộ. Như thị chi nhân, thường vị nhất thiết nhân phi nhân đẳng, tùy trực ủng vệ, danh bất hư thọ nhân thiên cúng dường.

(經)復次大梵！若善男子，若善女人，以淨信心，歸依我法，或趣聲聞乘，或趣獨覺乘，或趣大乘，於我法中，淨信出家，受具足戒。於諸學處，深心敬重，於四根本性罪戒中，堅固勇猛，精勤守護。如是之人，常為一切人非人等，隨逐擁衛，名不虛受人天供養。

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Nếu thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân dùng tâm tịnh tín, quy y pháp của ta, hoặc tiến hướng Thanh Văn Thừa, hoặc tiến hướng Độc Giác Thừa, hoặc tiến hướng Đại Thừa, ở trong pháp của ta, tịnh tín, xuất gia, thọ Cụ Túc Giới. Đối với các học xứ, thâm tâm kính trọng, đối với giới về bốn căn bản tánh tội, kiên cố, dũng mãnh, siêng rông gìn giữ, người như thế thường được hết thảy nhân phi nhân v.v... theo sát ủng hộ, bảo vệ, được gọi là “chẳng luống uổng tiếp nhận sự cúng dường của trời, người”).

Trong phần trước nói về kẻ làm ác, phá giới; ở đây, nói về trì giới, so sánh giữa hai đẳng. Nếu có kẻ nam, người nữ, tức là những nam tử rất thiện lương, rất tốt, những nữ nhân rất tốt, có tâm tịnh tín. Chúng ta đều có tín tâm, nhưng “*tịnh*” thì rất khó. Nói chung là chẳng vì danh, chẳng vì lợi, mong cầu thánh đạo, chẳng phải mong sống ăn bám an nhàn, thấy hòa thượng bèn nghĩ làm hòa thượng rất dễ sống. Trong quá khứ, đã có câu thơ hăm mộ cuộc sống của hòa thượng: “*Thiết giáp tướng quân dạ độ quan, triều thần thị lậu ngũ canh hàn, nhật xuất tam can Tăng vị khởi, khán lai danh lợi bất như nhàn*” (Tướng quân giáp sắt đêm vượt ải, quan đi châu sớm rét buốt xương, trời đã gần trưa, Tăng chửa dậy, xem ra danh lợi chẳng bằng nhàn). Sau khi tôi xuất gia, cảm thấy bài thơ ấy không đúng. Vì sao? “*Nhật xuất tam can Tăng vị khởi*” (Mặt trời mọc cao ba sào, Tăng vẫn chưa dậy). Họ thấy hòa thượng đang ngủ, trọn

chẳng biết hai giờ rưỡi sáng hòa thượng đã phải thức dậy, lên chánh điện tụng niệm, uống cháo xong, quá đường xong, trở về nghỉ ngơi đôi chút. Họ trông thấy, tưởng hòa thượng vẫn chưa thức dậy. Có người ngủ một chút, có người tỉnh tọa, họ chỉ thấy khi đó. Hòa thượng hai rưỡi sáng đã thức dậy, quý vị vào chùa miếu mà xem. Chuông, trống vừa gióng, mọi người trong chùa đều thức dậy, quý vị chẳng thể trốn tránh phạm sự. Dùng tâm thái như vậy để xuất gia, hâm mộ cuộc sống hòa thượng an nhàn, hoặc là trốn nợ, hoặc là lánh nạn, trà trộn làm hòa thượng. Kẻ như thế chẳng thể làm một vị hòa thượng tốt, nhưng quý vị cũng chớ nên khinh rẻ hẳn, có ý nghĩa này. Đây là có tâm tịnh tín.

Sau khi đã quy y Phật pháp, người ấy cầu tu đạo, hoặc là tu Tứ Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tu mười hai nhân duyên, hoặc là tu Lục Độ vạn hạnh. Chúng ta nói tổng quát, lấy những pháp ấy làm đại diện, đó là “tam thừa nhân”. Người ấy dùng tín tâm thanh tịnh xuất gia như vậy, thọ Cụ Túc Giới. “*U chur học xứ*” (Nơi các học xứ): “*Học xứ*” là giới. Đã thọ giới thì phải học, ắt cần phải thọ tỳ-kheo giới rồi mới có thể học. Bỏ Tát giới thì ngược lại, trước đó, phải học cho kỹ rồi mới thọ giới. Tam Quy, Ngũ Giới dễ dàng. Quý vị có thể học trước rồi mới thọ, cũng có thể là thọ rồi mới học. Đó là phương tiện thiện xảo để nhiếp dẫn (nhiếp thọ, tiếp dẫn), nhưng giới của tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni thì khác hẳn. Sau khi đã thọ giới, năm năm đầu của vị tỳ-kheo xuất gia nhất định phải học giới luật. Học giới tinh thông rồi mới có thể học kinh, học luận. Giới luật là trước hết. Đồng thời, khi học phải trọn đủ thâm tâm, thiện tâm, và tịnh tâm. Thâm tâm bao gồm rất nhiều; ở đây nói là thâm tâm, tức là phải có cái tâm chí thành, khẩn thiết. Đại Thừa Khởi Tín Luận giảng thâm tâm phải trọn đủ hết thấy các thiện pháp, những gì đại Bồ Tát đã làm chỉ là thâm tâm, mà cũng là chí thành khẩn thiết. Như vậy thì mới có thể kiên cố, vững mạnh, siêng rông gìn giữ bốn giới căn bản về “*giết, trộm, dâm, dối*”. Thọ giới dễ dàng, giữ bốn giới căn bản rất khó. Do vậy, ắt cần phải kiên cố. “*Kiên cố*” có nghĩa là hết sức kiên cường, bị bất cứ thử thách nào cũng đều chẳng ngã lòng, quý vị mới có thể giữ được bốn giới căn bản. Nếu không, chẳng dễ gì giữ được! Vì có tập khí trong vô lượng kiếp quá khứ, nhưng chỉ hạn định trong giới tương tỳ-kheo, quý vị giữ vững là được rồi.

Trong giới Bồ Tát, cũng là nói đến cái tâm. Như bốn căn bản giới, tâm sân hận chẳng dậy lên, chẳng có cái tâm giết người, sẽ chẳng thể giết người được. Khi quý vị hận thù kẻ khác, cái tâm gì cũng đều nảy sanh. Trước hết, không nói đến chuyện giết người. Quý vị thấy con gián

hoặc con chuột, cắn hư thứ gì đó, hay phá hủy thức ăn của quý vị, tâm sân hận lập tức bốc lên. Quý vị muốn bắt nó chĩnh cho nó chết đứ đừ, đây là sát tâm. Do vậy, quý vị ắt cần phải có tín ngưỡng sâu sắc; đó là ý nghĩa “*kiên cố, dũng mãnh*”. Bốn giới căn bản ấy, quý vị chớ nên lui sụt. Hễ lui sụt đôi chút, xong mất rồi! Tuy chẳng phạm căn bản, chẳng phạm rốt ráo, nhưng xét theo một phương diện, quý vị lại phạm mất rồi. Phải tinh tấn gìn giữ, một tí buông lung cũng không được!

“*Phòng ý như thành*” (Ngăn ngừa tâm ý như gìn giữ thành trì): Giữ giới như ngọc như ý trắng sạch, không tỳ vết, chẳng thể có một tí sứt mẻ, làm như thế nào? Hễ phạm sai lầm, bèn lập tức sám hối. Mỗi nửa tháng bố-tát chính là nêu ra những sai lầm chính mình đã phạm, khiến cho đại chúng Tăng hay biết. Quý vị đã thanh tịnh, lại hoàn nguyện. Điều này giống như y phục đã bẩn, hãy giặt giũ. Giặt xong, vẫn chẳng hoàn toàn sạch sẽ như cũ. Y phục đã rách, đem vá, vá so với giặt còn khó khăn hơn. Tuy nói là đã vá, vẫn có vết vá. Đã phá giới, tuy quý vị đã sám hối, nhưng nói chung vẫn có khuyết điểm. Do vậy, quý vị siêng ròng gìn giữ. Nếu giữ chẳng phạm như thế thì mới có thể được trời, người cúng dường. “*Nhân phi nhân đặng*”, “*phi nhân*” là nói đến quý thần. Họ sẽ ủng hộ quý vị, được trời, người cúng dường.

(Kinh) Ư tam thừa trung, tùy sở hân nhạo, tốc năng thú nhập, thành biện cứu cánh. Thị cố, chân thật cầu Niết Bàn giả, ninh xả thân mạng, chung bất hủy phạm như thị tứ pháp. Sở dĩ giả hà? Chư hữu tình loại, yếu do tam nhân đắc Niết Bàn lạc: Nhất giả, y chỉ Như Lai vi nhân. Nhị giả, y ngã thánh giáo vi nhân. Tam giả, y ngã đệ tử vi nhân. Chư hữu tình loại y thử tam nhân, tinh cần tu hành, đắc Niết Bàn lạc. Nhược nhân hủy phạm như thị tứ pháp, ngã phi bỉ sư, bỉ phi đệ tử.

(經)於三乘中，隨所欣樂，速能趣入，成辦究竟。是故，真實求涅槃者，寧舍身命，終不毀犯如是四法。所以者何？諸有情類，要由三因得涅槃樂：一者、依止如來為因。二者、依我聖教為因。三者、依我弟子為因。諸有情

類依此三因，精勤修行，得涅槃樂。若人毀犯如是四法，我非彼師，彼非弟子。

(Kinh: Trong tam thừa, tùy lòng ưa thích mà mau chóng tiến nhập, tu tập hoàn mãn, thành tựu rốt ráo. Do vậy, người chân thật cầu Niết Bàn, thà xả thân mạng, trọn chẳng hủy phạm bốn pháp như thế. Vì có sao vậy? Các loại hữu tình cần phải do ba cái nhân mà đạt được niềm vui Niết Bàn: Một là y chỉ Như Lai làm nhân. Hai là nương theo thánh giáo của ta làm nhân. Ba là nương cậy đệ tử của ta làm nhân. Các loài hữu tình nương theo ba cái nhân ấy, siêng ròng tu hành, đạt được niềm vui Niết Bàn. Nếu có kẻ hủy phạm bốn pháp như thế, ta chẳng phải là thầy kẻ đó, kẻ đó chẳng phải là đệ tử [của ta]).

Trong pháp tam thừa Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, tùy lòng quý vị ưa thích, do cái nhân trong đời trước và trợ duyên bên ngoài trong hiện thời, nhân duyên đã chín muồi [bèn học theo một pháp]. Như thế thì quý vị học pháp Tứ Đế, hoặc học pháp nhân duyên, pháp Lục Độ, chẳng phạm bốn căn bản giới. Các oai nghi tế hạnh khác nếu quý vị trót phạm, hễ sám hối liền thanh tịnh, chẳng chướng ngại quý vị tu đạo, chẳng chướng ngại quý vị thành tựu. Phạm bốn căn bản giới sẽ chướng ngại quý vị tu đạo thành tựu, khi quý vị tu đạo, sẽ chẳng có cách nào tiến nhập! Vì sao nói như vậy? Nếu tu tập đến rốt ráo, như thế thì mới cầu Niết Bàn, cầu đạo lý “*bất sanh, bất tử, bất sanh, bất diệt*”. Do vậy, quý vị giữ giới này, phải giữ kiên cố đến mức độ như thế nào? “*Ninh xả thân mạng*” (Thà xả thân mạng)! Trong giới luật nơi kinh Phật, chẳng sát sanh tới mức độ nào? Bị trói bằng sợi cỏ. Khi gã đạo tặc bắt người ấy, chẳng có gì để trói được, bèn đem sợi thùng cột người ấy xuống cỏ. Hẳn biết tỳ-kheo chẳng dám động. Hễ động, cỏ sẽ bị nhổ bật lên; như thế là phá giới. Các đạo tặc Ấn Độ đối với người xuất gia tin tưởng như thế đó. Đó gọi là “*thảo hệ tỳ-kheo*” (草繫比丘, tỳ-kheo bị buộc vào cỏ). Nếu như vậy, vị ấy sẽ thành đạo. Đó gọi là “*dùng mãnh tinh tấn*”.

Chúng ta đều có phương tiện thiện xảo. Vì sao phải cột vị ấy vào cỏ? Quý vị cột vị ấy vào cây, vị ấy sẽ nghĩ cách tháo gỡ, tự bỏ chạy, có phải là như vậy hay không? Đây là nói tới chuyện trì giới kiên cố, vị ấy thà xả thân mạng, trọn chẳng phạm bốn pháp như thế, chẳng phạm bốn giới dâm, giết, trộm, dối. Vì sao phải nói như vậy? “*Sở dĩ giả hà?*” (Vì có sao vậy?): Nhằm nói hết thấy các loài hữu tình phải do ba cái nhân mà đạt được niềm vui Niết Bàn. Ba cái nhân ấy, đầu tiên là y chỉ Như

Lai. “*Y chỉ Như Lai vi nhân*” (Nương cây Như Lai làm cái nhân). Mở rộng hơn một chút, sẽ là y chỉ thiện tri thức, nương cây Phật, phải nương vào thánh giáo, phải nương vào pháp. Như Lai là nhân, thánh giáo là nhân, tức là dùng pháp làm nhân. Lại còn phải nương cây đệ tử của ta, cũng tức là y chỉ Tăng. Đó gọi là y chỉ Tam Bảo làm nhân. Sau đó, sẽ tiếp nhận lời chỉ dạy, đây là nói Tam Tạng kinh, luật, luận đều được bao gồm trong ấy, hoàn toàn chẳng phải chỉ chuyên nói về giới luật, mà Kinh và Luận cũng đều được gộp vào trong đó. Hết thấy loài hữu tình, hết thấy chúng sanh nương vào ba cái nhân ấy, tức là nương theo Phật, Pháp, Tăng siêng năng tu hành, sẽ có thể chứng đắc niềm vui Niết Bàn.

Những điều này tôi đã giảng ở hội quán Thanh Tuyền tại Đài Bắc bốn lần, giảng về quy y Tam Bảo, cũng là nói nương theo Tam Bảo để tu hành là đủ rồi. Nương theo “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, ngày đêm trì tụng “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, công đức vô lượng. Vì thế, coi điều này là cái nhân. Lại còn có trợ duyên. Đã có ba cái nhân ấy, siêng rông tu hành, tinh tấn dũng mãnh tu hành, chẳng giải đãi. Kinh Đại Tập Thập Luân dạy cách tu bằng “*trì lai khứ niệm*”, tức là quán hơi thở ra vào. Đây đều là phương pháp tu hành. Vì thế, Tam Bảo làm nhân, tức là quý vị chẳng phân biệt người nào phạm giới hay chẳng phạm giới, không quan tâm, chỉ quan tâm giữ sao cho cái tâm của chính mình tốt đẹp. Cái nhân ấy gieo trong tâm quý vị. Đức Phật dạy: Đối với hết thấy các đệ tử của ta, quý vị chẳng cần phân biệt họ. Quý vị đối xử bình đẳng với hết thấy Tăng chúng, đối với thánh tăng ta cũng thế, mà đối với phàm phu tăng, ta cũng coi như thánh tăng. Đối với thánh tăng và phàm phu tăng, chẳng khởi phân biệt. Chẳng nói “*vị Tăng này tu đạo, tu hành tốt lắm. Nếu ta cúng dường vị ấy, phước báo sẽ to hơn một chút. Ông Tăng kia là hòa thượng phá giới, ta cúng dường hấn, chỉ sợ phước báo của ta bị giảm bớt*”. Quý vị đừng phân biệt như thế! Nếu quý vị chẳng có cái tâm phân biệt, sẽ đều trở thành cúng dường thánh tăng. Như thế thì quý vị sẽ gieo phước báo, sẽ đạt được phước báo, đạo tu hành là như thế đó.

Nếu quý vị thấy đây là tượng đất nặn, tượng gỗ khắc, nói đó là tượng giấy, [phân biệt] tượng vẽ trên giấy, tượng bằng đất đắp, tượng bằng gỗ khắc, đương nhiên là sẽ chẳng linh. Giấy thì linh nổi gì? Quý vị coi đó là Phật thật sự, thì sẽ linh. Đó là cái tâm của quý vị linh. Đây chính là Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo ở ngay trong tâm quý vị, làm cái nhân tu đạo cho quý vị. Quý vị có tịnh tín, tức là có tín tâm thanh tịnh thì mới có thể tiến nhập, mới có thể đạt tới vô phân biệt. Nếu chẳng có tín

tâm thanh tịnh, làm sao có thể vô phân biệt cho được? Hai con mắt của chúng ta dùng ý thức và nhãn thức sẽ có phân biệt. Theo thói quen, còn chẳng đợi thiết căn ném thử, quý vị đã biết đắng, cay, chua, ngọt. Khổ qua nhất định là đắng! Phải luôn canh giữ loại đạo lý này. Đó là nói hết thấy các hữu tình phải y chỉ ba cái nhân ấy, siêng ròng tu hành, thì mới có thể đạt được niềm vui Niết Bàn. Nếu hủy phạm bốn pháp như thế, phạm phải “*dâm, giết, trộm, dối*”, ta chẳng thừa nhận kẻ đó là đệ tử của ta. “*Ngã phi bỉ sư, bỉ phi đệ tử*” (Ta chẳng phải là thầy của kẻ đó, kẻ đó chẳng phải là đệ tử), phải trục xuất ra khỏi Phật pháp!

(Kinh) Nhược nhân hủy phạm như thị tứ pháp, tác vi vi việt ngã sở tuyên thuyết thậm thâm quảng đại vô thường, khổ, không, vô ngã, tương ứng lợi ích, an lạc nhất thiết hữu tình biệt giải thoát giáo. Nhược việt như thị biệt giải thoát giáo, tác u nhất thiết Tĩnh Lự, đẳng trì, giai thành minh, bất năng thú nhập, vị chư phiền não ác nghiệp triển phục. Ư tam thừa pháp, diệc vi phi khí, đương đọa ác thú, thọ chư trọng khổ. Nhược thiện nam tử, nhược thiện nữ nhân, u ngã sở thuyết biệt giải thoát giáo, sở chế tứ chủng căn bản trọng tội, thanh tịnh vô phạm, ngã thị bỉ sư, bỉ thị đệ tử, tùy thuận ngã ngữ, thiện trụ ngã pháp, nhất thiết sở tác, giai đương thành mãn. Thử nhân thiện trụ Thi La Uẩn cố, danh vị thiện trụ nhất thiết thiện pháp. Hoặc danh cụ túc trụ Thanh Văn Thừa, hoặc danh cụ túc trụ Độc Giác Thừa, hoặc danh cụ túc trụ u Đại Thừa. Sở dĩ giả hà? Nhược năng hộ trì như thị tánh tội tứ căn bản pháp, đương tri tác vi kiến lập nhất thiết hữu lậu, vô lậu, thiện pháp thắng nhân. Thị cố, hộ trì như thị tứ pháp, danh vị nhất thiết thiện pháp căn bản.

(經)若人毀犯如是四法，則為違越我所宣說甚深廣大，無常、苦、空、無我、相應利益、安樂一切有情別解脫教。若越如是別解脫教，則於一切靜慮，等持皆成盲冥，不能趣入，為諸煩惱惡業纏縛。於三乘法，亦為非器，當墮惡趣，受諸重苦。若善男子，若善女人，於我所說別解脫教，所制四種根本重罪，清淨無犯，我是彼師，彼是弟子，隨順我語，善住我法，一切所作，皆當成滿。此人善

住尸羅蘊故，名為善住一切善法。或名具足住聲聞乘，或名具足住獨覺乘，或名具足住於大乘。所以者何？若能護持如是性罪四根本法，當知則為建立一切有漏，無漏善法勝因。是故，護持如是四法，名為一切善法根本。

(Kinh: Nếu kẻ nào hủy phạm bốn pháp như thế, tức là đã trái vượt giáo pháp biệt giải thoát “vô thường, khổ, không, vô ngã”, tương ứng lợi ích, an lạc hết thấy hữu tình rất sâu rộng lớn do ta đã tuyên nói. Nếu vượt giáo pháp biệt giải thoát như thế thì đối với hết thấy Tĩnh Lự, đấng trị, đều trở thành mù tối, chẳng thể tiến nhập, bị các ác nghiệp phiền não trói buộc, mà cũng chẳng phải là căn khí thích hợp để tu pháp tam thừa, sẽ đọa trong đường ác, chịu các sự khổ nặng nề. Nếu thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân, đối với bốn loại căn bản trọng tội do ta chế định trong giáo pháp biệt giải thoát mà giữ thanh tịnh, chẳng trái phạm, ta là thầy người đó, người đó là đệ tử của ta, tùy thuận lời ta, khéo trụ trong pháp của ta, hết thấy việc làm sẽ đều thành tựu viên mãn. Người đó do khéo trụ trong Thi La Uẩn, cho nên gọi là khéo trụ trong hết thấy các pháp lành. Hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Thanh Văn Thừa, trụ trọn đủ nơi Độc Giác Thừa, hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Đại Thừa. Vì có sao vậy? Nếu có thể hộ trì bốn pháp căn bản thuộc về tánh tội như thế, hãy nên biết đó chính là kiến lập cái nhân thù thắng cho hết thấy thiện pháp hữu lậu và vô lậu. Vì thế, hộ trì bốn pháp như thế thì gọi là căn bản của hết thấy các thiện pháp).

Nếu kẻ nào hủy phạm bốn pháp như thế chính là trái nghịch pháp biệt giải thoát “vô thường, khổ, không, vô ngã” rộng lớn rất sâu tương ứng lợi ích, an lạc cho hết thấy hữu tình do ta đã nói. Vì đã trái nghịch, vượt qua, cho nên cũng là đã phạm. Trái vượt điều gì vậy? Chính là hết thấy các pháp do ta đã nói, nói chung là vô thường, khổ, không, vô ngã, bốn pháp ấy tương ứng với Niết Bàn. Các pháp ấy tương ứng với bất sanh, bất tử, cho đến tương ứng thành tựu đạo nghiệp. Nếu chẳng trái phạm bốn pháp ấy, tương ứng Tứ Thánh Đế Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, có thể khiến cho hết thấy chúng sanh đạt được lợi ích, cho đến khiến cho hết thấy chúng sanh có thể giải thoát.

“*Biệt giải thoát*”: Quý vị trì một giới, sẽ giải thoát trói buộc. “*Trì một giới, sẽ giải thoát các trói buộc*”, đây chính là giải thoát. Hai trăm

năm mươi giới thanh tịnh chẳng phạm, chứng quả A La Hán, phân biệt giới giải thoát như thế. Nếu trái vượt, sẽ là vi phạm.

“*Tắc u nhất thiết Tĩnh Lự, đẳng trì, giai thành manh minh*” (Tức là đối với hết thảy Tĩnh Lự, đẳng trì, đều trở thành tối tăm): Đẳng Trì (等持) là trì hết thảy các pháp, bình đẳng trì “pháp nghĩa” của hết thảy các pháp. “*Manh minh*” (盲冥) là kẻ mù, “*minh*” (冥) là tối tăm. Trong khi quý vị tu Định, tu pháp, cho đến học giáo nghĩa, quý vị đều chẳng thể tiến nhập, là một bầu tối tăm. “*Manh*” (盲) là thứ gì cũng chẳng trông thấy. Chúng ta có mắt, chẳng phải là mù, nhưng trong chỗ tối tăm mà chẳng có ánh đèn, chẳng có ánh sáng mặt trời, chẳng có ánh sáng mặt trăng, khi chẳng có tam quang (ánh sáng đèn, ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng), quý vị cũng là mù, cũng chẳng thấy chi hết. Do vậy, chẳng thể tiến nhập. Quý vị tiến nhập Niết Bàn bằng cách nào? Bị các ác nghiệp phiền não trói buộc.

“*U tam thừa pháp, diệc phi pháp khí*” (Đối với các pháp tam thừa, cũng chẳng phải là pháp khí): Các ác nghiệp phiền não như thế đó, các ác nghiệp đã tạo đều chẳng thuận pháp tánh, chẳng tương ứng với giải thoát. Đây là ác nghiệp.

Hoặc là nói chúng ta có rất nhiều phiền não; đây là vì những chuyện chúng ta đã làm toàn là sanh ra phiền não, chẳng nẩy sanh công đức. Công đức không có chỗ để nương tựa, những gì quý vị đã làm chẳng đáng trông cậy, là sanh phiền não, chẳng thể sanh ra công đức, chẳng thể sanh thiện pháp. Vì ác pháp quán trói quý vị, suốt ngày ở trong phiền não, quý vị còn có thể tu đạo nổi ư? Cho đến quý vị tu đạo tốt hay xấu, sau khi đã tin Phật, bất luận quý vị niệm kinh hay tu Định; đây là cách tốt nhất để kiểm tra, cảm nhận phiền não của chính mình như thế nào. Quý vị thấy gì, trong tâm đều chẳng vui sướng. Sau khi quý vị đã tin Phật, quy y Tam Bảo, thọ Tam Quy, cho đến Ngũ Giới, sở dĩ quý vị chẳng đạt được lợi ích, là vì quý vị vẫn đang ở trong phiền não. Phiền não tương ứng với đường ác, tương ứng với nghiệp bất thiện, tương ứng với ác nghiệp. Chẳng phiền não là tương ứng với thiện pháp, tương ứng với thiện nghiệp.

Nếu có thể thủ hộ tốt đẹp bốn giới căn bản, đức Phật nói như thế nào, ta bèn làm như thế đó. “*Tùy thuận ngã ngữ, thiện trụ ngã pháp*” (Tùy thuận lời ta, khéo trụ trong pháp của ta): Y giáo phụng hành. Đức Phật nói như thế nào, người đó liền làm như thế ấy, thường trụ trong Phật pháp. Pháp ấy là pháp gì? Phật pháp là tâm pháp của quý vị. Văn

Thù Bồ Tát dạy chúng ta “*thiện dụng kỳ tâm*”. “*Thiện dụng kỳ tâm*” (Khéo dùng cái tâm) là đoạn phiền não. Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, cũng đều vận dụng cái tâm của quý vị rất khéo, dùng đến mức tuyệt diệu. Chúng ta thấy rất nhiều người khéo dùng cái ác, tự cho là chính mình có rất nhiều ưu điểm, có rất nhiều chủ ý, dường như là rất có biện pháp, nhưng ý niệm của họ là ác niệm, chẳng hữu dụng đối với điều thiện cho lắm! Những sự nghiệp kẻ ấy đã thực hiện, làm sao có thể thành tựu cho nổi?

Nếu “*tùy thuận ngã ngữ, thiện trụ ngã pháp*” (tùy thuận lời ta, trụ trong pháp của ta), vậy thì hết thấy những gì kẻ ấy đã làm sẽ đều “*thành mãn*”, tức là thành tựu viên mãn, chẳng thiếu khuyết. “*Thử nhân thiện trụ Thi La Uẩn*” (Người ấy khéo trụ trong Thi La Uẩn): Thi La (Śīla) là Luật. Thi La có nghĩa là quý vị khéo ngừa sai, dứt ác. Dứt ác sẽ sanh ra thiện pháp. Đó là hàm nghĩa của Thi La. “*Uẩn*” (蘊) là ẩn tàng. Trong Thi La, ẩn tàng vô lượng thiện pháp, vô lượng công đức. Đó mới gọi là “*hân thiện trụ nhất thiết thiện pháp*” (vui thích khéo trụ trong hết thấy các pháp lành), “*hoặc danh cụ túc trụ Thanh Văn Thừa*” (hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Thanh Văn thừa), “*hoặc danh cụ túc trụ Độc Giác Thừa*” (hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Độc Giác thừa), “*hoặc danh cụ túc trụ Đại Thừa*” (hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Đại Thừa). Như thế bèn trụ trong tam thừa!

Mọi người hãy ngẫm xem, bốn giới “*dâm, giết, trộm, dối*” này, trong quá khứ, tuy chẳng phạm nghiêm trọng như vậy, nhưng trong tâm ta không khống chế, không ngưng dứt được. Ta thấy món đồ tốt của người khác, trong tâm mong có được, mong chiếm làm của riêng, đó là phạm giới trộm cắp. Sanh khởi mong tương quá phận, giống như hoa có chủ, không có chủ thì không tính, trên núi không tính. Hoa “*có chủ*” [ở đây nói theo ý nghĩa] hoa để cúng Phật, quý vị tới đó ngửi một chút, đó là “*trộm hương*”. Hương dành để cúng Phật, khi mua hương, hoặc mua hoa, quý vị đừng ngửi trước. Nếu quý vị chẳng mua nó, chẳng dành để cúng Phật, quý vị chẳng có ý niệm dùng để cúng Phật thì có thể ngửi một chút.

Nếu quý vị đã xác định, ta mua hoa này để cúng Phật, hễ ngửi một chút thì là “*trộm hương*”. Quý vị chẳng được Phật cho phép, đã cầm lên ngửi, tức là “*trộm hương*”, không được rồi! Giới trộm cắp hết sức khó giữ. Ta chẳng trộm cắp thứ gì của ai đó, còn phạm giới trộm cắp ư? Rất nhiều người khi tôi bảo họ phạm giới trộm cắp, họ chẳng thừa nhận:

“Tôi ăn trộm đồ của người ta ư?” Suốt một ngày, quý vị đều có cái tâm trộm cắp, nghiệp ăn trộm, cách ăn trộm, duyên ăn trộm, rất nhiều! Do vậy, pháp sư Hoàng Nhất soạn riêng một quyển sách nói về giới tướng của giới trộm cắp. Giới tướng của giới trộm cắp rất khó giữ. Nhưng đối với chúng ta mà nói, hễ dời [một vật gì đó] khỏi chỗ vốn có của nó là đã vi phạm. Giống như đóa hoa này, quý vị cầm nó ra khỏi chỗ vốn có của nó. Sau đó, ta lại hối hận, đặt nó lại chỗ cũ, đã phạm giới rồi! Vẫn phải sám hối. Chỉ cần dời khỏi chỗ vốn có của nó là đã phạm rồi! Hễ đã xong một niệm thứ nhất thì đã trở thành sự thật. Sau đó hối hận, niệm thứ hai là trì giới, có sao ta có thể phạm tội ấy? Đây là phạm Ngũ Giới. Dâm, giết, trộm, dối, bốn căn bản đều trọn đủ. Chạy vội vàng đặt lại chỗ cũ, đã phạm rồi, đặt trở lại thì cũng được sám hối. Bất quá đây là lỗi rất nhỏ yếu.

Nói thật ra, nếu chẳng phạm bốn pháp căn bản, tức là đã kiến lập cái nhân thù thắng của hết thảy thiện pháp hữu lậu và vô lậu. Trong pháp hữu lậu, đó cũng là cái nhân thù thắng. Quý vị mong đạt được phước báo nhân thiên, mong đạt được vinh hoa, phú quý, thì cũng phải nương theo bốn loại pháp này, đó cũng chính là pháp thế gian và xuất thế gian. Hữu lậu là nói đến pháp thế gian, vô lậu là chứng quả vị trong Phật pháp. Phật pháp là vô lậu, chứng đắc quả vị ấy. Đây là cái nhân thù thắng của hết thảy thiện pháp, thù thắng nhất. Nhân là cái nhân có thể sanh khởi, tức là có thể sanh khởi hết thảy thiện pháp, là cái nhân thù thắng nhất. Vì thế, hộ trì bốn pháp như thế, được gọi là căn bản của hết thảy các thiện pháp. Do vậy, quý vị phải hộ trì bốn pháp ấy. Bốn pháp ấy là căn bản của hết thảy các thiện pháp, vì thiện pháp sẽ do bốn pháp ấy mà sanh, từ đây mà sanh.

Chúng ta hãy xem lại, ở đây, nói đến tánh tội. Trong cuộc sống thường nhật, trong mỗi giao tiếp giữa người với người, mọi người hãy nghĩ xem, người chẳng phạm bốn loại tội ấy có được bao nhiêu? Mọi người đến từ Đài Bắc, hãy nhìn lại xem ở Đài Bắc có bao nhiêu người chẳng phạm bốn loại tội ấy? Rất nhiều. Giết chết oan uổng, hãm hại người khác, bịa chuyện hãm hại người khác, sợ rằng rất phổ biến. Người thật sự muốn hộ trì bốn pháp chẳng phạm, đâm ra là thiểu số, kẻ vi phạm trở thành đa số! Do vậy, kinh Đại Tập Thập Luân rất liên quan đến cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Chúng ta phải nên tùy thời, tùy lúc quán tưởng, bốn loại này rất dễ nhớ. Khi khởi tâm động niệm, quán tưởng cũng rất dễ dàng. Giả sử chẳng thanh tịnh, chẳng có tín tâm kiên cố; trong ấy, nảy sanh quá nhiều phiền não, ngàn đầu vạn mối, có đủ loại

phương thức, đủ thứ khác nhau. Mọi người biết học giới rất khó! Lão pháp sư Hoàng Nhất sau khi đã xuất gia, bèn khuyên điếm Nam Sơn tam đại bộ⁶⁶, tam đại bộ là ba bộ luận. Ngài hoàn toàn chẳng phê bình, chú giải, chỉ khuyên điếm đôi chút, chấm câu, ngắt câu thôi mà đã tốn công sức khá nhiều năm. Nếu chúng ta mở ra xem, đâu có kiến thức văn học, cũng chẳng dễ đọc hiểu. Khi Ngài (tổ Đạo Tuyên) viết thì [nguyên bản] còn chưa có chấm câu! Giới luật rất khó học, cho nên chúng ta thọ Tam Quy, Ngũ Giới, nhất định phải tuân thủ Tam Quy, Ngũ Giới. Ngũ Giới chính là bốn căn bản. Có thể giữ kỹ Ngũ Giới thì căn bản của hết thầy thiện pháp đều trọn đủ, thậm chí có thể dần dần thành Phật.

(Kinh) Như y đại địa, nhất thiết dược, cốc, hỷ, mộc, tùng lâm, giai đắc sanh trưởng. Như thị y chỉ cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, nhất thiết thiện pháp giai đắc sanh trưởng. Như y đại địa, nhất thiết chư sơn, Tiểu Luân Vi sơn, Đại Luân Vi sơn, Diệu Cao sơn vương, giai đắc an trụ. Như thị y chỉ cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, chư Thanh Văn Thừa, cập Độc Giác Thừa, vô thượng Đại Thừa, giai đắc an trụ. Như y đại địa, cầu đắc nhất thiết thế gian mỹ vị. Như thị y chỉ cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, cầu đắc nhất thiết Niệm, Định, Tổng Trì, an nhân thánh đạo, nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

(經)如依大地，一切藥、谷、卉、木、叢林，皆得生長。如是依止極善護持四根本戒，一切善法皆得生長。如依大地，一切諸山、小輪圍山、大輪圍山、妙高山王，皆

⁶⁶ Do đời Đường, ngài Đạo Tuyên hoằng dương Tứ Luật Tông tại đạo tràng Chung Nam Sơn, nên Luật Tông truyền thừa theo giáo nghĩa của Ngài được gọi là Nam Sơn Luật Tông. Ngài Đạo Tuyên trước tác rất nhiều bản chú giải. Trong đó, có năm tác phẩm được gọi là Nam Sơn Ngũ Đại Bộ được coi là trọng yếu nhất. Về sau, các môn nhân tinh giản thành ba bộ, gọi là Nam Sơn Tam Đại Bộ, tức Tứ Phần Luật San Phồn Bồ Khuyết Hành Sự Sao, Tứ Phần Luật Tỳ Kheo Hàm Chú Giới Bản, và Tứ Phần Luật Tùy Cơ Yết Ma Sớ. Trải qua chiến loạn liên miên vào cuối đời Minh, các tác phẩm ấy bị thất lạc. Cho đến thời Dân Quốc, cư sĩ Từ Úy Như thỉnh các tác phẩm từ Nhật Bản trở về, đem khắc in tại Thượng Hải, nhưng bị sai sót rất nhiều. Ngài Hoàng Nhất phải đối chiếu với nhiều tạng kinh tại Nhật Bản và Cao Ly, giáo chánh suốt hai mươi năm mới có được bản hoàn thiện. Do cách hành văn theo lối cổ không chấm câu, cho nên nếu không có học vấn rộng rãi, sẽ dễ ngắt câu sai, trở thành hiểu lầm hoàn toàn ý nghĩa.

得安住。如是依止極善護持四根本戒，諸聲聞乘，及獨覺乘、無上大乘，皆得安住。如依大地，求得一切世間美味。如是依止極善護持四根本戒，求得一切念、定、總持、安忍聖道，乃至無上正等菩提。

(Kinh: Như nương vào đại địa, hết thấy được thảo, ngũ cốc, cây cối, rừng rậm đều được sanh trưởng. Y chỉ hộ trì bốn giới căn bản cực thiện như thế, hết thấy thiện pháp đều được sanh trưởng. Như nương vào đại địa, hết thấy các núi, núi Tiểu Luân Vi, núi Đại Luân Vi, núi chúa Diệu Cao, đều được an trụ. Y chỉ hộ trì bốn giới căn bản cực thiện như thế, các Thanh Văn Thừa, và Độc Giác Thừa, vô thượng Đại Thừa đều được an trụ. Như nương vào đại địa, cầu đạt được hết thấy vị ngon trong thế gian. Y chỉ hộ trì bốn giới căn bản cực thiện như thế, cầu đạt được hết thấy Niệm, Định, Tổng Trì, an nhẫn thánh đạo, cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề).

Bốn giới căn bản là “dâm, giết, trộm, dối”. Giới “cấm uống rượu” trong Ngũ Giới không kể vào đó. Giới “không uống rượu” được coi như rất nhỏ. Bốn giới căn bản ấy, bất luận là người quy y Tam Bảo, hay đệ tử thọ Tam Quy Ngũ Giới, hoặc đệ tử Bát Quan Trai Giới, cho đến sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na nữ, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, bảy chúng đệ tử đều cùng tuân thủ. Vì sao gọi là căn bản giới? Vì giới căn bản có thể sanh ra trí huệ căn bản. Nếu phạm vào các giới ấy, chẳng thể sanh trí huệ, mà phước đức cũng đều mất đi. Nếu phá bốn căn bản giới, tất cả hết thấy các thiện pháp của quý vị đều chẳng thể an trụ.

Đức Phật nói tỷ dụ, vì có đại địa thì mới có thể sanh trưởng hết thấy các loại lương thực, các loại dược vật, các loại hoa cỏ, cho đến cây cối. Chúng ta biết: Chẳng có cây cối, chúng ta chẳng thể sanh tồn, cây cối chế tạo dưỡng khí (Oxygen, oxygène). Nếu thành thị thiếu cây cối, sẽ chẳng thể điều hòa dưỡng khí. Nếu chẳng có đại địa, hết thấy sự vật đều chẳng thể tồn tại, có ý nghĩa này. Cũng như vậy, mượn đại địa để tỷ dụ, chúng ta phải hộ trì bốn giới căn bản nhằm mục đích sanh trưởng hết thấy thiện pháp của chúng ta. Giống như đại địa, hết thấy núi non phải dựa vào đại địa để an trụ. Hết thấy các thiện pháp đều phải cậy vào hộ trì bốn giới căn bản. Nếu sau khi đã thọ Tam Quy, mà chẳng thọ Ngũ Giới, căn bản là người ấy chẳng phạm. Nếu kẻ đó phạm bốn giới căn bản này,

sẽ bị quốc pháp chế tài. Phạm bốn giới căn bản này, từ cổ đến nay, pháp luật quốc gia sẽ đều chế tài. Như vậy thì kẻ đó chẳng phạm giá tội, nhưng công đức và thiện pháp mà người ấy đã đạt được sẽ chẳng thể sanh trưởng, sanh trưởng hết sức chậm chạp!

Nếu sau khi quý vị đã vào Phật môn, mong đắc Thiên Định, đắc tam-muội. “*Tổng trì*” là tam-muội, đắc đà-la-ni, cho đến đắc Lục Độ vạn hạnh, thậm chí thành Phật, mà nếu chẳng hộ trì bốn giới căn bản này, quý vị mong đạt được niệm thanh tịnh, đắc định thanh tịnh, đắc tam-muội, sẽ đều chẳng thể được, càng chẳng mong chi thành Phật được! Giống như đại địa chẳng chọn lựa, nó là bình đẳng. Do vậy, bất luận quý vị có gì sạch sẽ, hay chẳng sạch sẽ, nó chẳng phân biệt, đều bình đẳng gìn giữ, chẳng lựa chọn, chẳng thể nói “thanh tịnh thì ta mới duy trì, không thanh tịnh ta sẽ không duy trì”. Đức Phật dùng điều này để sánh ví tỷ-kheo phá giới. Nếu đã phạm bốn giới căn bản, sẽ lại như thế nào? Như trong phần trước chúng tôi đã nói, để vương Sát-đế-lợi, hoặc Bà-la-môn, cho đến hai chúng đệ tử tại gia, hết thấy mọi người đều phải tôn kính người xuất gia, chớ nên phá hoại, chớ nên rêu rao lỗi kẻ đó!

(Kinh) Hựu như đại địa, u tịnh, bất tịnh, giai đẳng nhậm trì. Cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân diệc phục như thị. Ư thử pháp khí cập phi pháp khí, kỳ tâm bình đẳng, bất cơ, bất lộng, bất tự cống cao, bất suất hạ cử, năng vi nhất thiết thiện pháp sanh xứ. Hựu như đại địa, nhất thiết hữu tình giai cộng thọ dụng, nhi đắc tồn hoạt. Cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân, diệc phục như thị. Ư chư Như Lai sở thuyết chánh pháp, sanh trưởng đệ nhất hoan hỷ tịnh tín. Ư chư hữu tình vô sai biệt tướng, dĩ Tứ Nhiếp Pháp bình đẳng nhiếp thọ, nhất thiết hữu tình giai cộng y chỉ, thọ dụng pháp lạc, nhi tự tồn hoạt”.

(經)又如大地，於淨不淨皆等任持。極善護持四根本戒，諸善男子及善女人亦復如是。於其法器及非法器，其心平等，不譏不弄，不自貢高，不率呵舉，能為一切善法生處。又如大地，一切有情皆共受用，而得存活。極善護持四根本戒，諸善男子及善女人亦復如是。於諸如來所說

正法，生長第一歡喜淨信。於諸有情無差別想，以四攝法平等攝受，一切有情皆共依止，受用法樂，而自存活」。

(Kinh: Lại như đại địa, đối với tịnh và bất tịnh đều bình đẳng duy trì. Các thiện nam tử và thiện nữ nhân hộ trì cực tốt đẹp bốn giới căn bản, cũng giống như vậy: Đối với pháp khí và chẳng phải pháp khí, tâm họ bình đẳng, chẳng chê bai, chẳng trào lộng, chẳng tự kiêu căng, chẳng khinh suất quở trách, cử tội, có thể làm chỗ sanh ra hết thấy các thiện pháp. Lại như đại địa, hết thấy hữu tình đều cùng thọ dụng để được sống còn. Các thiện nam tử và thiện nữ nhân hộ trì cực tốt đẹp bốn giới căn bản cũng giống như thế, đối với chánh pháp do Như Lai đã nói, sanh trưởng niềm tin thanh tịnh hoan hỷ bậc nhất, đối với các hữu tình, chẳng có ý tưởng sai khác, dùng Tứ Nhiếp Pháp để bình đẳng nhiếp thọ, hết thấy hữu tình đều cùng y chỉ, thọ dụng pháp lạc để tự sống còn”).

Tiếp đó, nói đến [mối quan hệ giữa] người xuất gia đối với người xuất gia, hòa thượng đối với hòa thượng. Đối với tỳ-kheo phá giới, phải nên làm như thế nào? Tăng đoàn này giống như đại địa, đối với tịnh và bất tịnh, trì giới thanh tịnh, hay chẳng trì giới thanh tịnh, vẫn đối đãi bình đẳng. Thế nhưng, hộ trì giới thanh tịnh, sẽ dễ thành thánh đạo, dễ thoát ly phiền não, dễ rời lìa khổ nạn. Trong quá khứ, quý vị đã phá bốn giới căn bản, tuy trải qua vô lượng ức đời đều hứng chịu khổ não. Dầu được lại làm người thì hoặc là tứ chi tàn khuyết, hoặc tinh thần bất bình thường, hoặc chẳng có phước đức, trí huệ. Vậy thì [những người ấy] đối với chuyện tu Định, trì tụng, cho đến chăm lo làm phước như đã nói trong phần trước, sẽ đều chẳng có! Nếu trong quá khứ đã phá căn bản giới; hiện thời, sẽ rất khó lại được nghe pháp, chẳng biết phải trải qua vô lượng ức kiếp, rất khó gặp gỡ Tam Bảo. Vì thế, nói là hết thấy thiện nam tử, thiện nữ nhân hộ trì giới, hãy nên giống như đại địa. Có khi là pháp khí, nghe pháp bèn có thể thọ trì, cũng là vật dụng chứa đựng pháp. Có khi họ tuy nghe pháp, nhưng chẳng phải là vật dụng chứa đựng pháp, sẽ bị rò rỉ mất. Giống như cái chén hoặc cái bát đựng nước, chẳng thể có một lỗ hỏng to bằng lỗ kim được. Nếu có chỗ rò rỉ, sẽ chẳng thể đựng nước được, sẽ luôn bị chảy mất. Nhưng chúng ta có thể vá đôi chút, tìm đồ để vá bát. Hiện thời, còn có một cách, dùng băng dính dán ở dưới, dán lỗ hỏng lại, nó sẽ chẳng rỉ mất; nhưng vẫn là tàn khuyết! Đại địa đối với hết thấy nhiễm hay tịnh đều có thể đối đãi bình đẳng.

Do vậy, Tăng Bảo trong Tăng chúng, đối đãi những vị xuất gia, hoặc là đối với những vị tại gia thọ Ngũ Giới, cũng là thọ bốn giới căn bản, dầu họ đã phá giới, tâm quý vị vẫn đối xử với họ bình đẳng. Chớ nên châm chọc, chớ nên cười nhạo, chớ nên đối với họ ra vẻ: “Ta trì giới thanh tịnh, người là đồ phá giới”. Trong các đạo hữu chúng ta, có rất nhiều vấn đề như thế ấy. Đức Phật chuyên thẳng thừng vạch ra các vấn đề ấy, mọi người phải đặc biệt chú ý. Phải dùng cái tâm bình đẳng để đối đãi, chớ nên khinh suất trách móc họ, thậm chí tố giác họ, rêu rao lỗi lầm của họ. Như trong các đạo hữu chúng ta, tuy cùng thọ Tam Quy Ngũ Giới nơi một vị sư phụ mà vẫn chỉ trích lẫn nhau. Nếu chẳng cùng một vị sư phụ, thì càng chẳng cần phải nói nữa! Đấy đều là sai lầm.

Nếu hộ trì như thế, sẽ khiến cho hết thầy các thiện pháp có thể sanh trưởng, những người đã làm chuyện sai lầm phạm giới sẽ cầu mong sám hối. Sau khi sám hối, sẽ thanh tịnh; nhưng kẻ chẳng thể sám hối, chỉ cần kẻ đó có tâm hổ thẹn, có tâm hối lỗi, chẳng tiếp tục làm nữa, đối với hết thầy những gì đã phạm, kẻ đó biết là sai lầm. Dầu chưa sám hối thanh tịnh, kẻ đó chẳng hề tiếp tục làm nữa. Tạo tội ác cũng như thế, mà làm lành cũng là như thế, giống như đã quen nét, đã làm quen tay, không làm, trong tâm họ rất bứt rứt! Khi tôi ở trong tù, đã hỏi một gã trộm vặt: “Vì sao ăn trộm đồ vật của người ta? Trộm xong, anh lại chẳng hưởng thụ”. Kẻ đó thưa: “Con thấy món đồ gì của người ta mà không lấy trộm, trong tâm ngứa ngáy, cũng chẳng có cách nào ngủ được, cơm cũng chẳng có cách nào nuốt nổi!” Tới khi anh ta đã lấy trộm xong, chính mình cũng chẳng dùng, lấy rồi lại quăng đi, hoặc đem cho người khác, anh ta sẽ an tâm.

Còn nữa, quý vị hỏi kẻ làm nghề đồ tể, [sẽ biết] kẻ đó chẳng làm (chẳng mổ giết súc vật), sẽ không yên bụng. Kẻ làm một loại nghiệp nào đó, loại nghiệp lực ấy khiến cho kẻ đó tiếp tục làm ác, kẻ đó chẳng thể sám hối. Biền Tăng chúng trong Phật giáo cũng giống như thế, giống như đại địa, hết thầy hữu tình trên đại địa đều cùng nhau hưởng thụ, có thể cùng chung sống. Bốn giới căn bản này khiến cho Tăng đoàn tốt đẹp, khiến cho Phật pháp hưng thịnh, có thể tồn tại lâu dài trong thế gian. Vậy thì quý vị hộ trì bốn giới căn bản, Phật pháp có thể tồn tại lâu dài trong cõi đời.

Hoan hỷ tịnh tín bậc nhất là gì? Đối với hết thầy chúng sanh, hết thầy hữu tình chẳng khởi tâm phân biệt, chẳng nghĩ là sai khác. Nhưng trong ấy lại có một vấn đề, đã là chẳng nghĩ sai biệt, [vậy thì] vì sao tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni xuất gia như nhau, mà giới luật của nữ chúng nghiêm

ngặt như vậy? Có đến ba trăm bốn mươi tám giới; vì sao nam chúng chỉ có hai trăm năm mươi giới? Đây chẳng phải là khác biệt! Vì sao người xuất gia thọ giới Bồ Tát nhất định phải thọ mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, hàng tại gia có thể thọ sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh? Đây chẳng phải là pháp khác biệt, mà là do căn cơ, có kẻ tiếp nhận được, có kẻ chẳng thể tiếp nhận! Nhưng [dù số lượng giới điều chênh lệch], đều yêu cầu quý vị phải có tín tâm thanh tịnh, đừng nên sanh ý tưởng khác biệt, pháp trong ba thừa đều bình đẳng!

Đối với căn cơ này, người ấy có thể tiếp nhận đến mức độ này, liền nói với họ Khô, Tập, Diệt, Đạo. Đối với người thuộc căn cơ khác, do trình độ bất đồng, liền nói cho kẻ ấy về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiền Định, trí huệ, nói cho kẻ ấy biết pháp Lục Độ. Đây chẳng phải là khác biệt, mà là thật sự bình đẳng. Người ấy có thể tiếp nhận bao nhiêu, liền nói cho người ấy bấy nhiêu! Đức Phật có Tứ Nhiếp Pháp để bình đẳng nhiếp thọ, bố thí chẳng chọn lựa đối tượng. Nói kẻ đó là Phật, Bồ Tát, chúng ta sẽ cúng dường. Kẻ đó là chúng sanh khổ sở, chúng ta sẽ thí cho kẻ đó. Bố thí không nhất định là cho chút tiền, mà còn bao gồm Pháp Thí: Quý vị thuyết pháp cho kẻ đó, điều thứ nhất là bố thí. Như Ái Ngữ tức là nói với người khác những lời họ thích nghe, chẳng thốt lời hung ác, chẳng tùy tiện quở mắng người khác. Đối với bất cứ ai, cũng đều là như thế. Ngay cả đứa trẻ mới mấy tuổi, nó cũng có lòng tự trọng, quý vị cứ quen thói trách mắng. Nếu kẻ làm cha mẹ có chuyện gì chẳng như ý, thuận tay liền giáng cho con một cái tát nổ đom đóm, hoặc đánh nó mấy cái. Nó có đôi chút sai lầm liền chửi bới, quát tháo, chớ nên!

Lại còn đối với người khác bèn làm chuyện lợi ích, đó là Lợi Hành. Bất luận nơi ngôn ngữ hay hành động, hoặc nơi phương diện tài lợi, bất cứ chuyện gì có lợi cho người khác thì làm nhiều chuyện lợi tha. Đồng Sự là quý vị muốn độ kẻ khác, họ làm gì, quý vị bèn làm giống như thế, thì mới dễ dàng tiếp cận họ, khiến cho tâm họ cảm thấy thân thiết, tiếp nhận. Đức Phật chỉ dạy chúng ta dùng Tứ Nhiếp Pháp để nhiếp thọ hết thảy hữu tình. Như thế thì họ sẽ dễ dàng tiếp nhận. Vì lúc Phật pháp tồn tại trên thế gian, hết thảy hữu tình đều cùng y chí. Y chí thì họ sẽ có thể đạt được pháp hỷ, có thể đạt được sự vui sướng nơi pháp. Vậy thì “sống còn” bao gồm hai loại: Một loại là sống còn theo pháp thế gian, chẳng tranh đua với đời, cuộc sống rất ít phiền não. Một loại sống còn khác là ở trong giáo, tức là trong Phật pháp, thường xuyên hành đạo như thế, trưởng dưỡng Pháp Thân của chính mình.

Đức Phật nói đoạn này xong, tôn giả Ưu Ba Ly cảm thấy thắc mắc, hỏi đức Phật: “Đối với các ác hạnh tỳ-kheo, con nên xử trí như thế nào?” Đoạn kế tiếp sẽ nói về chuyện đó.

(Kinh) Nhĩ thời, tôn giả Ưu Ba Ly văn Phật sở thuyết, tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, đánh lễ Phật túc, thiên dẫn nhất kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng, cung kính, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân, kỳ pháp khí cập phi pháp khí, kỳ tâm bình đẳng, bất cơ, bất lộng, bất tự cống cao, bất suất ha cử. Nhược như thị giả, vị lai thế, hữu chư bất-sô phá giới, ác hạnh, thật phi sa-môn, tự xưng sa-môn, thật phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh, chư bất-sô Tăng vị lai nhân đẳng, vân hà phương tiện ha cử, khu tẩn?”

(經)爾時，尊者優波離聞佛所說，從座而起，整理衣服，頂禮佛足，偏袒一肩，右膝著地，合掌恭敬白佛言：

「世尊！如佛所說，極善護持四根本戒，諸善男子及善女人，於其法器及非法器，其心平等，不譏不弄，不自貢高，不率呵舉。若如是者，於未來世，有諸苾芻破戒惡行，實非沙門，自稱沙門，實非梵行，自稱梵行。諸苾芻僧，於是人等，云何方便呵舉驅擯？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, tôn giả Ưu Ba Ly nghe lời đức Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, đánh lễ dưới chân đức Phật, trật một bên vai áo, gối phải đặt sát đất, chắp tay, cung kính bạch với đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Như đức Phật đã nói, các thiện nam tử và thiện nữ nhân hộ trì cực tốt đẹp bốn giới căn bản, đối với pháp khí và chẳng phải pháp khí, tâm họ bình đẳng, chẳng chê bai, chẳng cười nhạo, chẳng tự kiêu căng, chẳng khinh suất quở mắng, cử tội. Nếu là như vậy thì trong đời vị lai, có các bất-sô phá giới, ác hạnh, thật sự chẳng phải là sa-môn, tự xưng là sa-môn, thật sự chẳng phải là phạm hạnh, mà tự xưng là phạm hạnh, các vị bất-sô Tăng đối với những người ấy sẽ dùng cách nào để quở trách, cử tội, trục xuất?”)

Tôn giả Ưu Ba Ly (Upāli) là vị trì luật bậc nhất trong các đệ tử Phật. Luật Tạng được kết tập là do tôn giả Ưu Ba Ly chủ trì kết tập, Ngài hộ trì giới luật. Ngài nghe đức Phật nói, đối với hết thảy đều phải bình đẳng như thế, vẫn chẳng quở trách tỳ-kheo phá giới, ác hạnh. Nếu nói như vậy, Tăng đoàn sẽ phải làm như thế nào? Ngài liền hỏi đức Phật. Phần đầu đoạn kinh văn này nói về các nghi thức khi Ngài thỉnh vấn. Ngài hỏi, chiếu theo lời đức Phật dạy, thiện nam tử, thiện nữ nhân hộ trì bốn giới căn bản, đây là pháp khí. Nếu đối với kẻ chẳng phải là pháp khí, phá giới, [cụ thể là] phá bốn giới căn bản, phải đối xử bình đẳng với họ như thế nào? Lại còn chẳng cho phép gièm chê, trào phúng họ, chẳng được phép trêu chọc họ.

Tỳ-kheo trì giới chẳng được kiêu căng, ngã mạn, chẳng thể tùy tiện quở mắng, cử tội tỳ-kheo phá giới. Nếu là như vậy, trong tương lai, những kẻ phá giới, ác hạnh ấy, căn bản chẳng phải là sa-môn, tự xưng sa-môn, những gì kẻ đó làm đều là ô nhiễm. Kẻ đó tự nói là phạm hạnh, là thanh tịnh hạnh, [vậy thì] trong đại chúng, phải chế tài kẻ đó như thế nào?

(Kinh) Phật cáo tôn giả Ưu Ba Ly ngôn: “Ngã chung bất hứa ngoại đạo, tục nhân cử bất-sô tội, ngã thượng bất hứa chư bất-sô Tăng bất y pháp, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, hà hướng khu tấn? Nhược bất y pháp, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, hoặc phục khu tấn, tiện hoạch đại tội.

(經)佛告尊者優波離言：「我終不許外道，俗人舉苾芻罪，我尚不許諸苾芻僧不依於法，率爾呵舉破戒苾芻，何況驅擯？若不依法，率爾呵舉破戒苾芻，或復驅擯，便獲大罪。

(Kinh: Đức Phật bảo tôn giả Ưu Ba Ly rằng: - Ta trọn chẳng cho phép ngoại đạo và kẻ thế tục cử tội bất-sô, ta còn chẳng cho phép các bất-sô Tăng chẳng theo đúng pháp, khinh suất quở trách, cử tội phá giới bất-sô, hướng hồ trục xuất? Nếu chẳng theo đúng pháp mà tùy tiện quở mắng, cử tội phá giới bất-sô, hoặc lại xua đuổi, sẽ mắc tội lớn).

Trong Phật pháp, “ngoại đạo” tức là chẳng thuộc vào Phật giáo. Lại còn có kẻ tại gia, tức tục nhân, cho đến quốc vương, đại thần, [đức Phật] chẳng cho phép họ cử tội người xuất gia, không cho phép họ trừng

tri tà hạnh của người xuất gia. Nếu lúc cần phải quở trách, cử tội họ, phải vâng theo pháp. Vâng theo pháp gì vậy? Đức Phật đối với tỳ-kheo phạm giới có bảy loại phương pháp chế tài. Bảy thứ chế tài nào vậy? Cũng là làm pháp sự. Thứ nhất là hiện tiền pháp, thứ hai là ức niệm pháp, thứ ba là bố thí pháp, thứ tư là tự nhiên chế pháp, thứ năm là nghịch tội hướng pháp, thứ sáu là đa nhân dữ pháp (nhiều người chấp thuận cho kẻ đó được phép sám hối hay không), thứ bảy là thảo phu địa pháp (cho phép người phạm tội tự sám, sám hối tội khiên)⁶⁷. Phải dựa theo những điều ấy để làm pháp Yết Ma.

Kể tội tỳ-kheo thì phải vâng theo pháp, cũng tức là muốn quở trách, cử tội vị tỳ-kheo phá giới, phải do chư Tăng [thực hiện]. Một người không được, tối thiểu là phải có ba vị Tăng trở lên thì mới được phép cử tội tỳ-kheo. Quý vị chẳng vừa ý ông ta, thấy ông ta phá giới, nội tâm sanh khởi phiền não, liền tùy tiện quở mắng, cử tội, trách móc vị tỳ-kheo phá giới ấy, hoặc là đuổi ra, [hay nói trang trọng hơn là] “*khu tẩn*” (驅擯).

“*Tiện hoạch đại tội*” (Liên mắc tội lớn). Đây là tội của chính mình, phải chịu lấy trùng phạt. Tội ấy đương nhiên chẳng phải là Tăng Già bỏ-tát, mà cũng chẳng phải là tội Ba La Di, mà là phạm tội chửi mắng Tăng, tội coi thường Tam Bảo, tội phá hoại Tam Bảo. Tội của quý vị rất lớn. Do vậy, sau khi nói xong, đức Phật liền bảo ngài Ưu Ba Ly...

(Kinh) Ưu Ba Ly! Nhữ kim đương tri, hữu thập phi pháp, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội, chư hữu trí giả giai bất ưng thọ. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, bất hòa Tăng chúng, v quốc vương tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Nhị giả, bất hòa Tăng chúng, Phạm-chí chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Tam giả, bất hòa Tăng chúng, tể quan chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Tứ giả, bất hòa Tăng chúng, v chư trưởng giả, cư sĩ chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Ngũ giả, nữ nhân chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Lục giả, nam tử chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Thất giả, tịnh nhân chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Bát giả, chúng đa bất-sô, bất-sô ni tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Cửu giả, túc oán hiềm tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô.

⁶⁷ Do đây là những pháp dành riêng cho người xuất gia, lão pháp sư không tiện giải thích chi tiết, chỉ nêu danh xưng. Trong luật điền của hàng xuất gia thì có giải thích cụ thể.

Thập giả, nội hoài phần hận, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Như thị thập chúng, danh vi phi pháp suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội. Thiết y thật sự nhĩ ha cử giả, thượng bất ưng thọ, huống ư phi thật? Chư hữu thọ giả, diệc đắc đại tội!

(經)優波離！汝今當知，有十非法，率爾呵舉破戒苾芻，便獲大罪，諸有智者，皆不應受。何等為十？一者、不和僧眾，於國王前，率爾呵舉破戒苾芻。二者、不和僧眾，梵志眾前，率爾呵舉破戒苾芻。三者、不和僧眾，宰官眾前，率爾呵舉破戒苾芻。四者、不和僧眾，於諸長者，居士眾前，率爾呵舉破戒苾芻。五者、女人眾前，率爾呵舉破戒苾芻。六者、男子眾前，率爾呵舉破戒苾芻。七者、淨人眾前，率爾呵舉破戒苾芻。八者、眾多苾芻，苾芻尼前，率爾呵舉破戒苾芻。九者、宿怨嫌前，率爾呵舉破戒苾芻。十者、內懷忿恨，率爾呵舉破戒苾芻。如是十種，名為非法，率爾呵舉破戒苾芻，便獲大罪。設依實事而呵舉者，尚不應受，況於非實？諸有受者，亦得大罪！

(Kinh: Này Ưu Ba Ly! Ông nay nên biết có mười loại phi pháp khinh suất quả trách, cử tội bất-sô phá giới, liền mắc tội lớn, những người có trí đều chẳng nên tiếp nhận. Những gì là mười? Một là Tăng chúng bất hòa, đối trước quốc vương, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Hai là Tăng chúng bất hòa, đối trước các phạm-chí, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Ba là Tăng chúng bất hòa, đối trước các tể quan, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Bốn là Tăng chúng bất hòa, đối trước các trưởng giả và cư sĩ, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Năm là đối trước các nữ nhân, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Sáu là đối trước các người nam, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Bảy là đối trước các tịnh nhân, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Tám là đối trước nhiều vị bất-sô và bất-sô-ni, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Chín là

đổi trước kẻ sẵn có oán hiềm từ trước mà khinh suất quở mắng, cử tội bất-sô phá giới. Mười là trong lòng ôm nỗi phẫn hận mà khinh suất quở mắng, cử tội bất-sô phá giới. Mười loại như thế gọi là phi pháp khinh suất quở mắng, cử tội bất-sô phá giới, sẽ mắc tội lớn. Nếu dựa theo sự thật để quở mắng, cử tội, còn chẳng nên làm, huống hồ chẳng thật. Những người chấp thuận [sự kể tội ấy] cũng mắc tội lớn!)

Quý vị nay đã biết “*hữu thập chủng phi pháp suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội*” (có mười loại phi pháp khinh suất quở mắng, cử tội phá giới bất-sô, sẽ mắc tội lớn). Hễ phù hợp với mười loại trách mắng tỳ-kheo ấy, [tội] sẽ thành lập. Người có trí huệ chẳng nên làm như thế. Những gì là mười? Ta nói mười loại phi pháp, mười loại gì vậy? “*Tăng chúng chẳng hòa hợp*”, phải hết sức chú ý điều này! Phạm là Tăng chúng [chẳng hòa hợp], tức là ý kiến chẳng hòa hợp, hoặc quyền lợi chẳng hòa hợp. Ý kiến chẳng hòa hợp thì mọi người đều biết, quý vị có cách nhìn của quý vị, tôi có cách nhìn của tôi, tranh chấp rất nhiều! Quyền lợi bất hòa tức là phân phối các vật thuộc thường trụ, phân phối chẳng hợp lý, đương nhiên là sẽ chẳng hòa hợp.

Ở Đại Lục cũng như thế, [khi phân chia tiền tín thí cúng dường], vị Đương Gia sư, Tri Khách sư, lão hòa thượng trong chùa, họ lấy hai mươi đồng, quý vị [không giữ chức vụ] chỉ được một đồng. Thời đức Phật tại thế, như vậy là không được! Phật cũng chỉ nhận một đồng! Tôi chỉ nêu thí dụ, thật ra, thời đức Phật tại thế, chẳng có ai cúng dường tiền, đức Phật cũng chẳng nhận tiền. Ngài cấm tỳ-kheo cầm vàng, bạc. Cúng dường y phục, tăng y, muốn cúng dường y thì mỗi vị một bộ. Sau khi tôn giả Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin) mất đi, tài sản Ngài sở hữu trị giá sáu mươi vạn.

Sáu mươi vạn thuở đó, chẳng biết là bao nhiêu tiền. Thuở đức Phật tại thế, tôn giả Ca Lưu Đà Di thị hiện tham lam, cố ý làm ra dáng vẻ đó. Ngài đã chứng quả A La Hán, đạt được vô ngã. Vì sao Ngài còn phải làm như thế? Thị hiện, như thế thì [đức Phật] mới thuận tiện chế giới! Tôi nêu lên thí dụ ấy.

Do đó, có mười loại không được phép quở trách tỳ-kheo phá giới như vậy. Điều kiện thứ nhất là “*Tăng chúng chẳng hòa hợp*”, quý vị chẳng thể làm Phật sự, vốn là chẳng hòa hợp. Hoặc là ở trước mặt quốc vương, “*suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô*” (khinh suất quở trách, cử tội tỳ-kheo phá giới). Quốc vương đến chùa miếu, đương nhiên là vị tỳ-kheo phá giới chẳng thể tiếp nhận [bị quở trách, cử tội], ông ta cũng coi thường

quốc vương. Tỳ-kheo phá giới rất kiêu ngạo, ngay cả giới còn chẳng thọ, ông ta còn sợ gì chứ? Hai là Tăng chúng chẳng hòa hợp, ở chỗ phạm-chí⁶⁸ tu hành hạnh thanh tịnh, [*“phạm-chí”* tại Ấn Độ] giống như bậc trưởng giả hoặc học giả trong Nho giáo tại Trung Hoa. Ở ngay trước mặt họ, chẳng thể trách lỗi của tỳ-kheo. Ba là Tăng chúng chẳng hòa hợp, đối trước quan trên, quan chức địa phương, hoặc quan viên cao cấp, quý vị chẳng thể trách lỗi của tỳ-kheo, trách cứ ông ta sai trái chi đó. Chuyện này chớ nên! Bốn là Tăng chúng chẳng hòa hợp, đối trước các vị trưởng lão, trưởng giả, cư sĩ, đối trước các vị trưởng giả và cư sĩ thuộc tại gia tục nhân, chẳng thể dễ dãi trách lỗi tỳ-kheo phá giới. Năm là đối trước nữ nhân, chớ nên trách lỗi tỳ-kheo phá giới. Sáu là đối trước những nam tử tục gia, chớ nên khinh suất trách lỗi tỳ-kheo. Bảy là đối trước các vị tịnh nhân, đừng khinh suất trách lỗi tỳ-kheo. Các tịnh nhân ấy sống trong chùa miếu, chẳng phải là người xuất gia. Như chúng ta có người tới làm công việc đôi chút, hoặc làm công quả thì gọi là *“tịnh nhân”*. Nhưng do họ ở trong chùa lâu ngày, chớ nên ở trước mặt bọn họ mà trách lỗi tỳ-kheo. Thứ tám là đối trước đông đảo bất-sô và bất-sô-ni, mọi người đang hội họp đông đảo, [tức là] đối trước rất nhiều tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, chớ nên trách lỗi tỳ-kheo, sợ rằng tỳ-kheo [đang được nói ở đây] là tỳ-kheo phá giới! Chín là do đối trước kẻ sẵn có hiềm oán từ trước, vị tỳ-kheo ấy có hiềm oán với những kẻ khác, quý vị chớ nên đối trước người có hiềm oán với ông ta, bèn quở mắng, trách tội của ông ta, chớ nên! Thứ mười là trong tâm ôm nỗi niềm phần hận, trong tâm đã dấy lên oán hận, quý vị liền trách lỗi tỳ-kheo, chớ nên! Tuy kẻ đó phá giới, quý vị chẳng thể khinh suất. Chưa thông qua phương cách đúng pháp để chỉ lỗi của ông ta, quý vị sẽ chẳng thể quở trách, cứ tội của tỳ-kheo được!

“Như thị thập chủng, danh vi phi pháp suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô” (Mười loại như thế được gọi là phi pháp khinh suất quở mắng và cử tội của hàng tỳ-kheo phá giới): Ở đây có một vấn đề, mọi người hãy suy ngẫm đôi chút: Tỳ-kheo đã phá giới mà đức Phật còn che chở họ như vậy để làm gì? Vì sao không cho phép người khác quở trách họ? Còn chẳng chấp thuận cho kẻ khác kẻ tội họ? Quá khứ hết thấy chư Phật đều như thế! Tuy các tỳ-kheo ấy đã phá giới, nhưng chúng tử thanh tịnh

⁶⁸ Phạm-chí (Brahmacārin) có thể hiểu đơn giản là *“chí cầu phạm hạnh”*. Trong một đời của Bà-la-môn, sẽ có một khoảng thời gian họ lắng tâm tu hành, sống trong núi rừng, hoặc nơi thanh vắng. Thời gian đó gọi là *“phạm-chí”*, hoặc có những Bà-la-môn phát nguyện suốt đời tu hành tịch tĩnh, cũng gọi là Phạm-chí.

hãy còn sót lại, khi kẻ đó có một niệm thọ giới, trong một niệm ấy, cho đến trong quá trình kẻ đó xuất gia, trong tương lai, sẽ nhất định có thể thành Phật. Do vì lẽ ấy, chúng ta liên tưởng hết thấy chúng sanh được nghe Phật pháp, các Bồ Đặc Già La có thể thân cận Phật pháp, sẽ nhất định có thể thành Phật. Thành Phật vào lúc nào? Không nhất định, thời gian sẽ rất dài! Họ đã gieo chủng tử, nhất định sẽ sanh rễ, nảy mầm, tăng trưởng, nhất định có thể thành Phật.

“*Thiết y thật sự nhi ha cử giả, thượng bất ưng thọ, hướng u phi thật*” (Nếu dựa theo sự thật để quở trách, cử tội, còn chẳng nên tiếp nhận, hướng hồ chẳng thật): Kẻ đó phạm sai lầm; phạm giới là sự thật, cũng là tình huống thật sự. Phải nên [thực hiện] trong Tăng chúng, nương theo pháp của Tăng Già để cử tội người ấy. Có hai mươi vị tăng nhân, mười tăng nhân, hoặc [tối thiểu] là ba vị tăng nhân, nương theo pháp Yết Ma như vậy để cử tội người đó. Trong phân kinh văn kế tiếp, sẽ nêu thí dụ. Nếu chẳng làm như vậy, sẽ là phi pháp. Hướng hồ chuyện [phạm giới] ấy, quý vị nghe thấy, có phải là sự thật hay không, vẫn cần phải khảo sát. Chứ nếu [chỉ nghe nói] như vậy mà đã cử tội thì chẳng được! Phàm là vị tỳ-kheo quở trách, cử tội kiểu đó, cũng mắc tội lớn. “*Chư hữu thọ giả nhi y sự thật ha cử tha, thượng bất ưng thọ, hà hướng bất y sự thật*” (Các vị tiếp nhận [lời than phiền], nếu dựa theo sự thật để quở trách, cử tội, còn chẳng nên tiếp nhận [ngay lập tức trước khi điều tra rõ], hướng hồ [vội vàng quở trách, cử tội dựa theo những lời tố cáo] chẳng dựa trên sự thật). Chữ Thọ (受) này nói về điều gì? Có người tố giác, đến lúc đại chúng Tăng tác pháp, chẳng nên tiếp nhận ngay [lời tố cáo ấy để quở trách, cử tội người bị tố giác], trước hết, phải nên điều tra. Điều tra rõ ràng rồi mới chấp nhận [cử tội]. Nếu là sự thật cũng phải thận trọng, bởi [cử tội không thận trọng như vậy] rất dễ phá hoại Tăng đoàn.

Như tỳ-kheo Đại Thiên (Mahadeva) tại Ấn Độ bị quở trách, cử tội, đã đơn độc chia thành một chúng riêng, gồm năm trăm người, lập riêng pháp của ông ta, tức là có thêm pháp của Đại Thiên, [thường gọi là] “*Đại Thiên ngữ pháp*”. Đây là đôi với danh tướng của giới luật, vì ý kiến chẳng hợp nhau mà [Tăng đoàn] phân liệt. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, kết tập giới luật, bèn chia thành hai mươi nhóm, tức là lúc ấy chia thành hai mươi bộ phái⁶⁹. Đó là vì ý kiến bất đồng. Quý vị tán thành

⁶⁹ Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, do bất đồng về quan điểm giới luật, Tăng đoàn đã tách thành hai nhóm chánh là Thượng Tọa Bộ (Sthaviravāda) và Đại Chúng Bộ

vị tỳ-kheo này phá giới, muốn tác pháp Yết Ma, tôi không tán thành. Nhóm quý vị tán thành thì quý vị tác pháp, bọn tôi không tán thành, tôi bèn tách ra thành nhóm riêng. Lúc đó, chia thành hai mươi bộ phái. Chuyện này phải học giới Luật mới biết. Đây là chuyện nói về tỳ-kheo hòa hợp chúng. Đối với vấn đề này, đức Phật hết sức thận trọng, đã nói hết sức nhiều.

(Kinh) Phục hữu thập chủng phi pháp ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội, chư hữu trí giả diệc bất ưng thọ. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, chư dư ngoại đạo ha cử bất-sô. Nhị giả, bất trì cấm giới tại gia bạch y ha cử bất-sô. Tam giả, tạo Vô Gian tội ha cử bất-sô. Tứ giả, phỉ báng chánh pháp ha cử bất-sô. Ngũ giả, hủy tử hiền thánh ha cử bất-sô. Lục giả, si cuồng tâm loạn ha cử bất-sô. Thất giả, thống não sở triền ha cử bất-sô. Bát giả, tứ phương Tăng tịnh nhân ha cử bất-sô. Cửu giả, thủ viên lâm nhân ha cử bất-sô. Thập giả, bị phạt bất-sô ha cử bất-sô. Như thị thập chủng phi pháp ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội. Thiết y thật sự nhi ha cử giả, diệc bất ưng thọ, huống ư phi thật! Chư hữu thọ giả, diệc đắc đại tội.

(經)復有十種非法呵舉破戒苾芻，便獲大罪，諸有智者亦不應受。何等為十？一者、諸餘外道呵舉苾芻。二者、不持禁戒在家白衣呵舉苾芻。三者、造無間罪呵舉苾芻。四者、誹謗正法呵舉苾芻。五者、毀訾賢聖呵舉苾芻。六者、癡狂心亂呵舉苾芻。七者、痛惱所纏呵舉苾芻。八

(Mahāsāṃghika) do chấp nhận quan điểm của Đại Thiên hay không. Theo thời gian, từ hai nhóm lớn này đã tách ra thành các nhóm nhỏ hơn, gọi chung là các bộ phái:

1) Từ Thượng Tọa Bộ tách ra thành mười một bộ phái là Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivāda), Tuyết Sơn Bộ (Haimavata), Độc Tử Bộ (Vatsīputrīya), Pháp Thượng Bộ (Dharmotara), Hiền Trụ Bộ (Bhadrāyānīya), Chánh Lượng Bộ (Saṃmitīya), Mật Lâm Sơn Bộ (Channagirika), Hóa Địa Bộ (Mahisasaka), Pháp Tạng Bộ (Dharmaguptaka), Âm Quang Bộ (Kāśyapīya) và Kinh Lượng Bộ (Sautrāntika).

2) Đại Chúng Bộ tách thành chín bộ phái: Nhất Thuyết Bộ (Ekavyāvahārika), Thuyết Xuất Thế Bộ (Lokottaravāda), Kê Dân Bộ (Gokulika), Đa Văn Bộ (Bahusrutīya), Thuyết Giả Bộ (Prajñaptivāda), Chế Đa Sơn Bộ (Caitika), Tây Sơn Trụ Bộ (Aparaśaila), và Bắc Sơn Trụ Bộ (Uttarāśaila).

者、四方僧淨人呵舉苾芻。九者、守園林人呵舉苾芻。十者、被罰苾芻呵舉苾芻。如是十種非法呵舉破戒苾芻，便獲大罪。設依實事而呵舉者，亦不應受，況於非實！諸有受者，亦得大罪。

(Kinh: Lại có mười loại phi pháp quở trách, cử tội phá giới bất-sô, sẽ mắc tội lớn, những người có trí cũng chẳng nên làm theo. Những gì là mười? Một là các ngoại đạo khác quở trách, cử tội bất-sô. Hai là tại gia bạch y chẳng trì giới cấm mà quở trách, cử tội bất-sô. Ba là kẻ tạo tội Vô Gian quở trách, cử tội bất-sô. Bốn là kẻ phỉ báng chánh pháp quở trách, cử tội bất-sô. Năm là kẻ hủy báng, chê bai hiền thánh quở trách, cử tội bất-sô. Sáu là kẻ si cuồng, loạn tâm quở trách, cử tội bất-sô. Bảy là kẻ bị đau đớn, khổ não trời buộc mà quở trách, cử tội bất-sô. Tám là tịnh nhân của tứ phương Tăng quở trách, cử tội bất-sô. Chín là kẻ trông coi vườn, rừng quở trách, cử tội bất-sô. Mười là bất-sô bị phạt lại quở trách, cử tội bất-sô. Mười thứ quở trách, cử tội phá giới bất-sô phi pháp như thế, sẽ chuốc lấy tội lớn. Nếu dựa theo sự thật mà quở trách, cử tội thì cũng chẳng nên tiếp nhận, huống hồ chẳng thật! Những ai tiếp nhận thì cũng mắc tội lớn).

Chớ nên tiếp nhận, chớ nên lãnh nạp vấn đề loại này. Những gì là mười? Chớ nên [cho phép] các ngoại đạo quở trách, cử tội tỳ-kheo. Bạch y tại gia chẳng trì giới cấm quở trách, cử tội tỳ-kheo, “*cấm giới*” (禁戒) [được nói ở đây] là giới cấm tại gia. Quý vị thọ Ngũ Giới hoặc Bát Quan Trai Giới. Đức Phật cấm chỉ, nói theo Luật, hàng bạch y tại gia chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. Ba là kẻ tạo tội Vô Gian quở trách, cử tội bất-sô. Quý vị đã tạo tội Vô Gian, càng chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. Dầu quý vị đã sám hối, vẫn chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. Bốn là kẻ phỉ báng chánh pháp, chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. Năm là người hủy báng, gièm chê hiền thánh mà quở trách, cử tội bất-sô. Hạng người này cũng chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo.

Do vậy, bạch y tại gia quở trách, cử tội tỳ-kheo thanh tịnh, quý vị đã phạm tội, tạo tội Vô Gian. Đối với tỳ-kheo phá giới, quý vị cũng chẳng thể quở trách, cử tội người đó. Trước hết, quý vị hãy kiểm tra chính mình thanh tịnh hay không thanh tịnh. Trong phần trên là hòa hợp

Tăng chúng. Nếu Tăng chúng chẳng hòa hợp, sẽ chẳng thể cử tội của tỳ-kheo.

“*Lục giả, si cuồng tâm loạn ha cử bất-sô*” (Sáu là kẻ si cuồng, tâm loạn quở trách, cử tội bất-sô): Nội tâm của quý vị bất bình thường, lời nói chẳng đáng tin. Ngay cả quở trách, cử tội cũng chẳng thể tin tưởng được, [nếu để cho kẻ như vậy tùy tiện cử tội] thì [người cho phép] cũng phạm tội lớn. Kẻ đó tinh thần phân liệt, chớ nên [cho phép kẻ đó quở trách, cử tội]. “*Thất giả, thống não sở triền ha cử bất-sô*” (Bảy là kẻ bị đau khổ trói buộc quở trách, cử tội tỳ-kheo): Bản thân kẻ đó bị phiền não trói buộc, lại tìm tòi khuyết điểm của tỳ-kheo để quở trách, cử tội! “*Bát giả, tứ phương Tăng tịnh nhân ha cử bất-sô*” (Tám là tịnh nhân của tứ phương Tăng quở trách, cử tội bất-sô): “*Tứ phương Tăng tịnh nhân*” là tịnh nhân ở chung với Tăng Già. Chữ “*tịnh nhân*” chuyên chỉ người tại gia, trọn chẳng phải là hàng xuất gia. Họ ở trong chùa làm lưng, cũng là tịnh nhân của Tăng Già. Thứ chín là kẻ trông nom vườn, rừng. Trông nom vườn rừng của Tăng Già, cũng là người thủ hộ tài sản của tăng nhân. Họ chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. “*Thập giả, bị phạt bất-sô ha cử bất-sô*” (Mười là bất-sô bị phạt mà quở trách, cử tội bất-sô): Chính quý vị là kẻ bị xử phạt, chẳng có quyền lực gì để quở trách, cử tội tỳ-kheo.

Mười loại như trên, “*như thị thập chủng phi pháp ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội. Thiết y thật sự nhi ha cử giả, diệc bất ưng thọ*” (Mười loại quở trách, cử tội phi pháp như thế sẽ mắc đại tội. Nếu họ nương theo sự thật để quở trách, cử tội, cũng chớ nên tiếp nhận): Tăng đoàn chớ nên tiếp nhận, những hạng người trên đây đều nói sự thật còn chẳng nên tiếp nhận, bởi [những lời cáo buộc của họ] là “*phi pháp*”. Huống hồ, họ chẳng nói sự thật! Nếu ai tiếp nhận [những lời cáo buộc ấy] rồi quở trách tỳ-kheo, sẽ mắc tội lớn. Nói như vậy, tỳ-kheo phá giới có thể ở chung với Tăng chúng hay không?

(Kinh) Phục thứ Ưu Ba Ly! Nhược hữu bất-sô, hủy phạm cấm giới, dĩ Tăng cộng trụ. Ư Tăng chúng trung hữu dư bất-sô, quý tắc sở hành giai tất cụ túc, nhất thiết ngũ đức vô bất viên mãn, ưng tùng tòa khởi, chỉnh lý y phục, cung kính đảnh lễ bất-sô Tăng túc, tiện chí phá giới ác bất-sô tiền, cầu thỉnh cử tội, tác như thị ngôn: “Trưởng lão ưc niệm! Ngã kim dục cử trưởng lão sở phạm, dĩ thật, phi hư vọng, ưng thời, bất phi thời, nhuyển ngữ, phi thô quánh, từ tâm, bất sân khuê, lợi ích, phi tổn giảm, vị linh Như Lai pháp nhãn, pháp đấng cứu xí

thịnh cố. Trưởng lão thính giả, ngã đương như pháp cử trưởng lão tội”. Bĩ nhược thính giả, tiện ưng như pháp, như thật cử chi. Bĩ nhược bất thính, phục ưng đánh lễ Thượng Tọa Tăng túc, cung kính bạch ngôn: “Như thị bất-sô phạm như thị sự, ngã y ngũ pháp, như thật cử chi”. Thời, Tăng chúng trung Thượng Tọa bất-sô, ưng thăm quán sát năng cử, sở cử, cập sở phạm sự hư, thật, khinh, trọng, y Tỷ Nại Da, cập Tổ Đát Lãm, phương tiện kiểm vấn, ủy dụ, ha trách, dĩ thất chủng pháp, như ưng diệt trừ. Nhược phạm trọng tội, ưng trọng trị phạt. Nhược phạm trung tội, ưng trung trị phạt. Nhược phạm khinh tội, ưng khinh trị phạt, linh kỳ tầm quý, sám hối sở phạm”.

(經)復次優波離！若有苾芻，毀犯禁戒，與僧共住。

於眾僧中有餘苾芻，軌則所行皆悉具足，一切五德無不圓滿，應從座起，整理衣服，恭敬頂禮苾芻僧足，便至破戒惡苾芻前，求聽舉罪，作如是言：「長老憶念！我今欲舉長老所犯，以實非虛妄，應時不非時，軟語非粗獷，慈心不瞋恚，利益非損減，為令如來法眼，法燈久熾盛故。長老聽者，我當如法舉長老罪。」彼若聽者，便應如法，如實舉之。彼若不聽，復應頂禮上座僧足，恭敬白言：「如是苾芻犯如是事，我依五法，如實舉之。」時，僧眾中上座苾芻，應審觀察能舉所舉，及所犯事虛實輕重，依毗奈耶，及素怛纜，方便檢問，慰喻呵責，以七種法，如應滅除。若犯重罪，應重治罰。若犯中罪，應中治罰。若犯輕罪，應輕治罰，令其慚愧，懺悔所犯」。

(Kinh: Lại này Ưu Ba Ly! Nếu có bất-sô hủy phạm cấm giới ở chung với Tăng chúng. Trong Tăng chúng, có bất-sô khác hành theo khuôn phép thấy đều trọn đủ, hết thấy năm đức không gì chẳng viên mãn, hãy nên từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, cung kính đánh lễ dưới chân bất-sô Tăng, đến trước phá giới ác bất-sô, xin người ấy hãy nghe cử tội, nói như thế này: ‘Trưởng lão nghĩ nhớ! Tôi nay muốn nêu

ra các chuyện trưởng lão đã phạm, nêu sự thật, chẳng hư vọng, đúng lúc, chẳng sai thời, nói mềm mỏng, chẳng thô lỗ, cộc cằn, từ tâm, chẳng sân khúe, lợi ích, chẳng tổn giảm, vì khiến cho mất pháp và đền pháp của Như Lai rục rờ lâu dài. Trưởng lão chịu nghe, tôi sẽ đúng như pháp mà nêu ra tội của trưởng lão’. Nếu kẻ đó chịu nghe, sẽ đúng như pháp, đúng sự thật mà nêu ra. Nếu kẻ đó chẳng nghe, hãy nên đánh lễ dưới chân vị tăng Thượng Tọa, cung kính bạch rằng: ‘Bật-sô như vậy phạm chuyện như thế này, con sẽ theo đúng năm pháp, đúng sự thật mà nêu ra’. Khi đó, vị bật sô Thượng Tọa trong Tăng chúng hãy nên suy xét, quan sát người cử tội và kẻ bị cử tội, cũng như các chuyện đã phạm là giả, thật, nhẹ, nặng, dựa theo Tỳ Nại Da và Tổ Đát Lãm (Kinh Tạng) để phương tiện xét hỏi, kiểm chứng, an ủi, khuyên dụ, quở trách, dùng bảy loại pháp để theo đúng lễ diệt trừ. Nếu phạm trọng tội, hãy nên trừng phạt nặng. Nếu phạm tội bậc trung, hãy nên trừng phạt bậc trung. Nếu phạm tội nhẹ, hãy nên trừng phạt tội nhẹ, khiến cho người ấy hổ thẹn, sám hối các điều đã phạm).

Kẻ đó hủy phạm giới cấm, tức là đã vi phạm những điều đức Phật cấm đoán, nhưng vẫn ở trong Tăng đoàn, ở chung với đại chúng Tăng. Như vậy thì vị tỳ-kheo khác là người vâng giữ quy củ, chẳng phạm giới, thanh tịnh, hành trì giới thanh tịnh thấy đều trọn đủ, hết thấy năm đức không gì chẳng viên mãn. E rằng năm đức ấy chẳng giống ngũ đức thường nói. Ngũ đức là trong ngày kết hạ an cư, có thể “tự tứ cử tội”. “Tự tứ cử tội” là như thế nào? “Tự tứ” (自語) có nghĩa là “tùy ý”. “Tự tứ” là tùy theo ý của quý vị, mà cũng thuận theo ý kiến của người khác, nên gọi là Tự Tứ. Hãy nên hiểu chữ Tứ (語) có nghĩa là Ý; [tự tứ] là tùy thuận ý của quý vị, mà cũng tùy thuận ý của người khác. Như thế thì sẽ nêu bày sai lầm của nhau. Cũng tức là kết hạ an cư từ Rằm tháng Tư đến Rằm tháng Bảy, khi an cư viên mãn, bèn sám hối tội đã phạm trong quá khứ. Đó là nói đến đời này, trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Một năm mới kết hạ an cư một lần. Trong một năm ấy, quý vị có làm chuyện sai trái nào hay chẳng? Đối trước đại chúng, bản thân quý vị có thể tự nêu bày, mà người khác cũng có thể vạch lỗi quý vị. Trong ấy bao gồm “thấy, nghe, nghĩ”. Ngay cả hoài nghi cũng đều có thể nói ra, nhưng chẳng thành sự thật, thì sẽ chẳng thể sám tội!

Một vị tỳ-kheo có tâm sân hận, nói vị tỳ-kheo khác phạm bất tịnh hạnh, nhưng trên thực tế, ông ta kể tội gì vậy? Do vị đó thấy dơ dáy và

dê cái đang làm chuyện bất tịnh, [vị tỳ-kheo mang tâm sân hận] bèn nói vị tỳ-kheo kia cũng hành bất tịnh hạnh. Chuyện kiêu này cũng tính là sự thật ư? Đó gọi là “*sở kiến phi thật, sở cử diệc phi thật*” (điều trông thấy chẳng thật, điều được nêu ra cũng chẳng thật). Đó gọi là “*hoài nghi*”, tội này không tính! Tuy đối trước các vị tỳ-kheo khác công khai sám hối, nhưng phải xét xem tội ác lớn hay nhỏ. Tội lớn thì ba tỳ-kheo, lớn hơn nữa thì mười vị tỳ-kheo. Sám hối thanh tịnh xong, lại khéo tu hành. Đó là Tụ Tứ. Tụ Tứ có năm đức: Tụ mình nói ra, đối với chính mình chẳng trở ngại, chẳng thẹn, chẳng hổ, chẳng nghi. “*Tụ tứ bất tụ tứ tri chi*” [nghĩa là] tôi tụ nghĩ tôi có tội ấy, có phải là thật sự phạm tội hay không? Chính tôi vẫn chẳng thể biết, tôi nói ra để mọi người chứng thực cho tôi một phen. Mọi người nói: “Thầy không phạm tội ấy” thì quý vị sẽ không phạm. Nếu nói quý vị phạm tội, quý vị liền sám hối. Đó gọi là “*tự ngữ đức*” (năm đức của chính mình).

Thứ hai là “*cử tội ngữ đức*” (năm đức khi kể tội), còn gọi là Tha Ngũ Đức. “*Tri thời*” (Biết thời): Quý vị phải biết lúc nào thì mới có thể cử tội của tỳ-kheo. Biết lúc nào cũng chính là lúc tụ tứ trước đại chúng Tăng để sám hối. Đó là đúng thời. Thông thường, đại chúng Tăng tụ hội, trước hết, quý vị bước ra xin phép. Nếu kẻ đó (kẻ bị cử tội) chấp nhận, [tức là] “quý vị cứ nêu tội”. Người ấy đã chấp nhận, quý vị mới có thể cử tội. Nếu là chân thật, có lợi ích cho kẻ đó, có lợi cho chính mình, có lợi cho Tăng đoàn, phải nhu hòa, thiện thuận, lại còn phải có tâm từ bi. Đó là Ngũ Đức, được gọi chung là Tụ Tha Ngũ Đức. Trọn đủ ngũ đức như vậy, năm đức của chính mình và người khác đều viên mãn. Một vị tỳ-kheo như vậy từ chỗ ngồi đứng lên, chỉnh đốn y phục gọn ghẽ, “*cung kính đánh lễ bát-sô Tăng túc*” (cung kính đánh lễ dưới chân đại chúng bát-sô Tăng), lễ đại chúng. Tiếp đó, vị ấy lại đối trước vị bát-sô phá giới, thưa: “Tôi sẽ cử tội thầy, thầy có cho phép hay không?” “*Tác thị ngôn*” (Nói như thế này): Nói với người ấy như thế nào? Nói “*trưởng lão ưc niệ*”: Thầy hãy suy nghĩ, tư duy, nhớ lại đôi chút, nay tôi muốn nói tội thầy đã phạm.

“*Ngã kim dục cử trưởng lão sở phạm*” (Tôi nay muốn nêu ra điều trưởng lão đã phạm): Tôi nói sự thật, chẳng phải là hư vọng. Nay lúc này là đúng thời, chẳng phải sai thời. Nay tôi nhu hòa, thiện thuận, nói nhẹ nhàng, chẳng phải là ăn nói cộc cằn, thô ác. Tôi chẳng có tâm sân hận, tôi muốn khiến cho Tăng đoàn thanh tịnh, khiến cho thầy khéo tu hành thanh tịnh. Tôi do từ tâm, chẳng phải vì sân khuê. Tôi vì tạo lợi ích cho thầy, chẳng phải là tổn hại, giảm thiểu đạo đức của thầy. Vì khiến cho

chánh pháp nhân tạng và đèn pháp của Như Lai vĩnh cửu sáng hừng hực trong nhân gian. Vì lẽ như vậy, tôi xin trưởng lão cho phép tôi kể lỗi của Ngài.

“*Thính giả*” (Chịu nghe, cho phép): Nếu vị tỳ-kheo trên đây nghe vị Tăng muốn cử tội nói đúng, cho phép vị ấy kể ra, thì vị ấy có thể đúng như pháp mà cử tội ấy. Nếu vị kia, tức vị bị tố giác chẳng chấp thuận, không để ý tới vị xin cử tội, nói: “Lời người nói không đúng, ta đâu có phạm sai lầm”, thì vị [xin cử tội] ấy phải làm như thế nào? Vị ấy sẽ đánh lễ Thượng Tọa.

“*Thượng Tọa*” hoặc là ngài Ưu Ba Ly, hoặc là các vị xuất gia đã lâu, cũng là bậc Thượng Tọa đại đức xuất gia, tăng lạp⁷⁰ cao, chủ trì pháp hội ấy. Liền hướng về vị Thượng Tọa ấy đánh lễ, cũng sẽ cung kính thưa bày như thế, nói tỳ-kheo như thế đã phạm tội như vậy. “*Ngã y ngũ pháp, như thật cử chi*” (Con sẽ nương theo năm pháp, đúng như thật mà nêu ra): Năm pháp ấy chỉ năm loại giới trọng đầu [trong Thất Tụ Tịnh Giới của tỳ-kheo], tức Ba La Di (Pārājika), Tăng Tàn (Saṃghāvaśeṣa), chín mươi giới thuộc Ba Di Đề (Pāyattika, Đon Đọa), cho đến ba mươi ba giới thuộc Ni Sa Ba Di Đề (Naihsargika-pāyattika, Xả Đọa), cũng là bốn pháp, cộng thêm hai giới thuộc loại Bất Định, nhưng hai giới Bất Định (Aniyata) sẽ không tính, có thể bỏ qua. Còn có một trăm điều thuộc Chúng Học Pháp (Sambahulāh Śaiksa-dharmāh), đều y theo các giới điều trong giới bản, ắt cần phải đúng sự thật mà nêu ra.

Ngoài ra, còn có năm pháp là Yết Ma Pháp, đây là chuyện của người xuất gia. Năm pháp ấy chỉ nên nói với người xuất gia, chẳng thể nói với hàng tại gia. Ngoài ra, còn có năm pháp là khi đại chúng Tăng đã tụ tập, cần phải xướng lên. “*Cử trừ*” (舉籌, giơ thẻ) giống như phiếu bầu, [biểu thị] quý vị có tán thành kể tội người đó hay không? Nếu có một người không tán thành, sẽ chẳng thể cử tội. Còn có rất nhiều pháp, chỉ để nói với người xuất gia. Đối với Tăng chúng như vậy, vị tỳ-kheo Thượng Tọa phải nên quan sát. “*Năng cử, sở cử*”: Người cử tội và kẻ bị cử tội, chuyện của vị kể tội và tội đã phạm là giả, hay thật, là bịa ra, hay có thật, là nặng, hay là nhẹ. Vậy thì lại dựa theo Tỳ Nại Da, tức là vâng theo

⁷⁰ Tăng lạp (僧臘) là số năm xuất gia của một tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni. Theo truyền thống Trung Hoa, Tăng lạp chỉ được tính kể từ khi vị ấy đã thọ Cụ Túc Giới. Nghiêm ngặt hơn, nêu năm tháng nào mà phạm giới (dù lớn hay nhỏ) thì đều không được tính vào Tăng lạp.

Luật Tạng, Tổ Đát Lãm (Sūtra) là Kinh Tạng, vâng theo kinh do đức Phật đã nói, vâng theo giới luật do đức Phật đã dạy, “*phương tiện*” là phương tiện thiện xảo để kiểm nghiệm một phen. Khi ấy, vừa vỗ về, vừa quở trách kẻ đó.

“*Dĩ thất chủng pháp, như ưng diệt trừ*” (Dùng bảy loại pháp, theo đúng lẽ mà diệt trừ): Cũng chính là bảy loại pháp như chúng tôi vừa mới nói, tức ức niệm pháp (pháp nghĩ nhớ), tự tứ pháp, tự thuyết pháp (pháp tự nói, tự nêu ra tội lỗi), cho đến cuối cùng là kẻ ấy đã phạm tội lỗi lớn nhỏ quá nhiều, như cỏ che rợp đất, đối trước đại chúng sám hối như vậy. Nhưng [các tội đã phạm] chẳng phải là bốn căn bản (giết, trộm, dâm, dối). Phạm bốn căn bản thì không được! Tội nặng thì dùng cách trị tội nặng, tội nhẹ thì dùng cách trị tội nhẹ. “*Linh kỳ tầm quý, sám hối sở phạm*” (Khiến cho kẻ đó hổ thẹn, sám hối tội đã phạm), đạt tới mục đích gì? Khiến cho vị tỳ-kheo phá giới nhất định sẽ biểu lộ sám hối; về sau, không tái phạm nữa! Đại chúng Tăng chế tài kẻ đó, bảo kẻ đó bái sám, bắt kẻ đó “*diện bích*” (面壁, nhìn vách sám hối). Cấm túc (禁足), tức là không cho kẻ đó ra ngoài. Đây đều là các phương pháp chế tài. Tùy tình huống lúc đó mà định. Hiện thời, pháp này đã gần như chẳng thể thực hiện được, mà bản thân Tăng đoàn chẳng phải là hòa hợp như thế! Hiện thời là “anh xạc tôi, tôi xạc anh”, Tăng đoàn càng hỗn loạn, chỉ có vâng theo kinh, chính mình sám hối! Làm như vậy có được hay không? Vì lẽ này, tôn giả Ưu Ba Ly lại thỉnh vấn đức Phật.

(*Kinh*) Thời, Ưu Ba Ly phục bạch Phật ngôn: “*Thế Tôn! Nhược thật hữu quá, ác hạnh bất-sô, thị bạch y lực, hoặc tài bảo lực, hoặc đa văn lực, hoặc từ biện lực, hoặc đệ tử lực, dĩ như thị đẳng chư thế lực cố, lãng cự Tăng chúng Thượng Tọa bất-sô, trì Tổ Đát Lãm, cập Tỳ Nại Da, cập Ma Đát Lý Ca giả, như pháp giáo hối, giai bất thừa thuận. Như thị bất-sô, vân hà trị phạt?*” Phật ngôn: “*Ưu Ba Ly! Thượng Tọa bất-sô trì Tam Tạng giả, ưng hòa Tăng chúng, khiến sứ cáo bạch quốc vương, đại thần, linh trợ oai lực. Nhiên hậu, như thật y pháp trị phạt*”. Thời, Ưu Ba Ly phục bạch Phật ngôn: “*Thế Tôn! Nhược bỉ hữu quá, ác hạnh bất-sô, dĩ tài bảo lực, hoặc đa văn lực, hoặc từ biện lực, hoặc dĩ chủng chủng xảo phương tiện lực, linh bỉ quốc vương, đại thần hoan hỷ, giai trụ phá giới phi pháp bằng trung, dung túng như thị ác bất-sô tội, bất thỉnh như thật y pháp trị phạt. Nhĩ thời, Tăng chúng ưng đương vân hà?*” Phật ngôn: “*Ưu Ba Ly! Nhược*

bỉ bất-sô hành Vô Y Hạnh, u tăng chúng trung, thô trọng tội tướng vị chương lộ giả, thị thời Tăng chúng ưng quyền xả trí. Nhược bỉ bất-sô hành Vô Y Hạnh, u Tăng chúng trung, thô trọng tội tướng dĩ chương lộ giả, thị thời Tăng chúng ưng cộng hòa hợp, y pháp khu tấn, linh xuất Phật pháp. Ưu Ba Ly! Thí như yển mạch, tại mạch điền trung, nha, hành, chi, diệp, dữ mạch tương tự, uế tạp tịnh mạch. Cập chí bỉ thảo, kỳ tuệ vị xuất, thị thời nông phu ưng quyền xả trí. Tuệ ký xuất dĩ, thị thời nông phu khùng uế tịnh mạch, tịnh căn tiền bạt, khí u điền ngoại. Hành Vô Y Hạnh, phá giới bất-sô diệp phục như thị, thị bạch y đẳng chủng chủng thể lực, trụ u Tăng trung, oai nghi, hình tướng, dữ Tăng tương tự, uế tạp thanh chúng, nãi chí thiện thân vị tương giác phát. Ư Tăng chúng trung, thô trọng tội tướng vị chương lộ giả, thị thời Tăng chúng ưng quyền xả trí. Nhược chư thiện thân dĩ tương phát giác, u Tăng chúng trung, thô trọng tội tướng dĩ chương lộ giả, thị thời Tăng chúng ưng cộng hòa hợp, y pháp khu tấn, linh xuất Phật pháp.

(經)時，優波離復白佛言：「世尊！若實有過，惡行苾芻，恃白衣力，或財寶力，或多聞力，或詞辯力，或弟子力，以如是等諸勢力故，凌拒僧眾上座苾芻，持素怛纜，及毗奈耶，及摩怛理伽者，如法教誨，皆不承順。如是苾芻，云何治罰？」佛言：「優波離！上座苾芻持三藏者，應和僧眾，遣使告白國王，大臣，令助威力。然後，如實依法治罰」。時，優波離復白佛言：「世尊！若彼有過，惡行苾芻，以財寶力，或多聞力，或詞辯力，或以種種巧方便力，令彼國王，大臣歡喜，皆住破戒非法朋中，容縱如是惡苾芻罪，不聽如實依法治罰，爾時，僧眾應當云何？」佛言：「優波離！若彼苾芻行無依行，於僧眾中，粗重罪相未彰露者，是時僧眾應權舍置。若彼苾芻行無依行，於僧眾中，粗重罪相已彰露者，是時僧眾應共和合，

依法驅擯，令出佛法。優波離！譬如燕麥，在麥田中，芽、莖、枝、葉，與麥相似，穢雜淨麥。及至彼草，其穗未出，是時農夫應權舍置。穗既出已，是時農夫恐穢淨麥，並根剪拔，棄於田外。行無依行，破戒苾芻亦復如是，恃白衣等種種勢力，住於僧中，威儀形相，與僧相似，穢雜清眾，乃至善神未相覺發。於僧眾中，粗重罪相未彰露者，是時僧眾應權舍置。若諸善神已相覺發，於僧眾中，粗重罪相已彰露者，是時僧眾應共和合，依法驅擯，令出佛法。

(Kinh: Khi đó, ngài Ưu Ba Ly lại bạch với đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu ác hạnh bất-sô thật sự có lỗi, ý vào sức của kẻ tại gia, hoặc sức tiền của, hoặc sức đa văn, hoặc sức từ biện, hoặc sức đệ tử, do các thế lực như thế, lấn hiếp, chống cự Tăng chúng và Thượng Tọa bất-sô trì Kinh Tạng, Luật Tạng, và Luận Tạng, đối với lời răn dạy đúng pháp đều chẳng vâng theo. Bất-sô như thế thì trị phạt như thế nào?” Đức Phật dạy: “Này Ưu Ba Ly! Thượng Tọa bất-sô là vị trì Tam Tạng, hãy nên cùng với Tăng chúng, sai người đến báo với quốc vương và đại thần để họ giúp oai lực. Sau đấy, đúng như thật, theo pháp mà trị phạt”. Khi đó, ngài Ưu Ba Ly lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu ác hạnh bất-sô có lỗi ấy dùng sức tiền của, hoặc sức đa văn, hoặc sức từ biện, hoặc dùng đủ loại sức phương tiện khéo léo, khiến cho các quốc vương và đại thần ấy hoan hỷ, đều trụ trong đám bè đảng phá giới, phi pháp, dung túng tội của ác bất-sô như thế, chẳng chấp thuận đúng như thật, theo pháp trị phạt. Lúc đó, Tăng chúng hãy nên làm như thế nào?” Đức Phật dạy: “Này Ưu Ba Ly! Nếu ác hạnh bất-sô hành Vô Y Hạnh, mà trong tăng chúng, tội tướng thô nặng của kẻ đó chưa lộ ra rõ rệt, lúc đó, Tăng chúng hãy nên tạm thời bỏ đó. Nếu bất-sô hành Vô Y Hạnh ấy, ở trong Tăng chúng, tội tướng thô nặng đã lộ rõ ràng, khi đó, Tăng chúng cùng hòa hợp, theo đúng pháp trục xuất kẻ đó ra ngoài Phật pháp. Này Ưu Ba Ly! Ví như yến mạch, ở trong ruộng lúa mạch, [các loại cỏ dại] có mầm, thân, cành, lá tương tự như lúa mạch, làm tạp uế

lúa mạch. Khi các loại cỏ ấy chưa trở đồng đồng, lúc đó, nông phu hãy nên tạm thời bỏ đó. Lúa đã trở đồng đồng, lúc ấy, nông phu sợ chúng sẽ làm ô uế lúa mạch, bèn nhổ cắt tận rễ, vứt ra ngoài ruộng. Phá giới bất-sô hành Vô Y Hạnh cũng giống như thế, cấy vào các thứ thế lực của kẻ tại gia v.v... ở trong Tăng chúng, oai nghi và hình tướng tương tự với Tăng, uế tạp Tăng chúng thanh tịnh, cho đến thiện thần cũng chưa nhận biết. Ở trong Tăng chúng, tội tướng thô nặng [của tỳ-kheo phá giới ấy] chưa tỏ lộ, khi đó, Tăng chúng tạm thời bỏ đó. Nếu các thiện thần đã phát giác, tội tướng thô nặng đã tỏ lộ trong Tăng chúng, khi ấy, Tăng chúng hãy nên cùng hòa hợp, theo đúng pháp xưa đuổi kẻ đó ra ngoài Phật pháp).

“*Ma Đát Lý Ca*” (Mātrkā) là Luận Tạng. [Tỳ-kheo phá giới, ác hạnh đối với] giáo huấn đúng pháp trong Tam Tạng đều chẳng thừa nhận. Bất luận Tăng chúng giáo huấn kẻ đó như thế nào, hắn cũng đều chẳng tiếp nhận. “*Như thị bất-sô, vân hà trị phạt?*” (Bất-sô như thế trị phạt như thế nào?): Đối với loại tỳ-kheo ác tánh như thế, chúng con lại nên làm như thế nào? Đức Phật liền bảo tôn giả Ưu Ba Ly: “*Thượng Tọa bất-sô trì Tam Tạng giả*” [ý nói vị Thượng Tọa bất-sô] là người tinh thông Tam Tạng Kinh, Luật, Luận, “*ưng hòa Tăng chúng*” (nên cùng với Tăng chúng), hãy nên liên hợp toàn thể đại chúng, đại chúng trong đại hội nhất trí, phái một vị Tăng sĩ đến nói với quốc vương, đại thần, hy vọng quốc vương, đại thần đừng hợp tác với ác hạnh tỳ-kheo, sẽ tăng trưởng oai lực của Tăng đoàn. Sau đây, đúng như thật, vâng theo pháp để chế tài, trị phạt kẻ đó!

Tôn giả Ưu Ba Ly lại nói: “*Bạch Thế Tôn! Nếu bất-sô ấy là kẻ có lỗi ác, có ác hạnh, có sức mạnh tiền bạc, mua chuộc quốc vương, mua chuộc đại thần*”. Tiền có thể thông thần! Mọi người đều biết: Thuở đức Phật tại thế, đã có tình hình này! Nếu không, làm sao có thể chế giới cho được? “*Hoặc hữu đa văn lực*” (Hoặc có sức đa văn): Kẻ đó nghe kinh nhiều, biện tài lại rất lưu loát, sức từ biện (ngôn từ biện tài) biện luận vô ngại. Kẻ đó có tội, cãi thành vô tội, cãi phăng đen thành trắng; cũng có hạng người như vậy! Cũng có khi họ còn có thể nêu kinh, dẫn luận [để chứng minh bản thân vô tội]. “*Hoặc dĩ chủng chủng phương tiện lực*” (Hoặc dùng đủ loại sức phương tiện): Nghĩ đủ loại phương pháp để phá hoại Tăng đoàn, khiến cho quý vị chẳng thể trị tội kẻ đó được. Hoặc là kẻ đó khiến cho các quốc vương, đại thần hoan hỷ, dùng đủ loại phương pháp đút lót quốc vương, đại thần, hoặc là điên đảo trắng đen. Các quốc

vương, đại thần ấy đều là bè đảng của tỳ-kheo phá giới, họ là bằng hữu của kẻ đó, thuộc vào đảng của kẻ đó. Dung túng tội của bất-sô như thế, quốc vương và đại thần sẽ chẳng giúp đỡ Tăng chúng thanh tịnh. “*Nhĩ thời, Tăng chúng ưng đương vân hà?*” (Lúc bấy giờ, Tăng chúng phải nên làm như thế nào?): Tới lúc ấy, chúng ta lại nên xử lý như thế nào?

“*Phật ngôn: - Ưu Ba Ly! Nhược bỉ bất-sô hành Vô Y Hạnh*” (Đức Phật dạy: “*Này Ưu Ba Ly! Nếu bất-sô ấy hành Vô Y Hạnh*”): Vô Y Hạnh chẳng sanh công đức, chẳng sanh thiện pháp, chẳng nương theo đạo do đức Phật đã dạy để hành. Đó gọi là Vô Y Hạnh. Nhưng “*ư Tăng chúng trung*” (ở trong Tăng chúng), kẻ đó đã phạm tội, bất luận thô tội hay trọng tội, cho đến tội nhẹ, hễ còn chưa lộ rõ, chẳng phải công khai, chẳng phải là mọi người đều biết đến, vẫn chưa hiển lộ. Khi đó, Tăng chúng hãy nên dùng phương tiện quyền xảo, tạm thời chẳng quan tâm tới hẳn. “*Xả trí*” (舍置) là chẳng hỏi tới kẻ đó, chẳng có cách nào, đành bỏ đó không hỏi tới!

“*Nhược bỉ bất-sô hành Vô Y Hạnh, ư Tăng chúng trung, thô trọng tội tướng, dĩ chương lộ giả*” (Nếu bất-sô ấy hành Vô Y Hạnh, ở trong Tăng chúng, tội tướng thô nặng đã tỏ lộ): Ở trong Tăng đoàn, mọi người đều biết; khi đó, Tăng chúng hãy nên vâng theo pháp, nương theo giáo pháp của ta để trục xuất kẻ đó, đuổi kẻ đó ra khỏi Tăng đoàn, khiến cho kẻ đó rời lìa Phật pháp.

Đức Phật lại bảo ngài Ưu Ba Ly: Ví như yến mạch (燕麥, Oat). Yến mạch được trồng trong ruộng còn chưa trở hạt. Ở trong ruộng lúa mạch, các thứ [lúa đại hoặc cỏ đại khác] có mầm, thân, cành, lá giống hệt lúa mạch tốt, quý vị chẳng thể phân định rõ ràng nổi. Chỉ vì nó chẳng có hạt, chưa kết hạt mà! “*Tạp uế tịnh mạch*” nghĩa là loại cỏ hay lúa đại tạp nhiễm xen lẫn với lúa mạch thuần túy; khi ấy, chúng vẫn còn đang là mạ non.

“*Bỉ thảo*” (Các thứ cỏ đó): Trước khi chúng trở đòng đòng, kết hạt, quý vị vẫn chẳng thể đoán định nó là yến mạch được. Quý vị xử lý nó, người khác vẫn không chấp nhận, đợi cho tới khi lúa đã trở đòng đòng, sẽ biết thứ nào chẳng phải là lúa mạch. Cỏ đại đương nhiên chẳng trở đòng đòng, chẳng thành lương thực, chẳng kết thành hạt lúa. Khi đó, nông phu mới nhổ bỏ, vứt đi. Chứ khi vừa mới nảy mầm, nông phu cũng chẳng phân biệt được. Đợi cho đến khi lúa trở đòng đòng, sẽ kết luận nó chẳng thể kết hạt, như thế thì nông phu sẽ nhổ cỏ tận gốc, vứt khỏi ruộng, quăng ra ngoài ruộng. Tỳ-kheo hành Vô Y pháp, phá giới cũng

giống như thế. Hấn cậy vào các thứ thế lực của kẻ tại gia, trụ trong Tăng chúng, có oai nghi và hình tướng vẫn tương tự như Tăng chúng.

“*Uế tạp thanh chúng*” [nghĩa là] khiến cho đại chúng thanh tịnh bị nhuốm bẩn, chẳng thể thanh tịnh. Đồng thời, thiện thân vẫn chưa phát giác, thiện thân chưa tỏ giác, thân hộ pháp chẳng tỏ giác, tội tướng thô nặng trong Tăng chúng còn chưa lộ rõ. Khi ấy, Tăng chúng chẳng quan tâm đến hấn, gác lại đó. Khi thiện thân đã phát giác, thân hộ pháp đã phát giác, tội tướng thô nặng của hấn đã lộ rõ trong Tăng chúng. Lúc đó, Tăng chúng hãy nên cùng hòa hợp, nương theo pháp mà trực xuất, đui gã đó ra ngoài Tăng đoàn Phật pháp.

(Kinh) Ưu Ba Ly! Thí như đại hải, bất túc tử thi, ngã Thanh Văn Tăng chư đệ tử chúng diệc phục như thị, bất dữ phá giới, ác hạnh bất-sô tử thi cộng trụ”. Thời, Ưu Ba Ly phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược bỉ phá giới, ác hạnh bất-sô, Tăng chúng hòa hợp cộng khu tân dĩ, bỉ ác bất-sô, dĩ tài bảo lực, hoặc đa văn lực, hoặc từ biện lực, hoặc dĩ chúng chúng xảo phương tiện lực, linh bỉ quốc vương, đại thần hoan hỷ, giai trụ phá giới, phi pháp bằng trung, dĩ oai thế lực lăng bức Tăng chúng, hoàn linh như thị phá giới bất-sô dữ Tăng cộng trụ. Nhĩ thời, Tăng chúng đương phục vân hà?” Phật ngôn: “Ưu Ba Ly! Nhĩ thời, Tăng trung hữu năng hồi quý trì giới bất-sô, vị hộ giới cố, bất ưng sân mạ phá giới bất-sô, dẫn ưng cáo bạch quốc vương, đại thần, hoặc khủng lăng bức, nhi bất cáo bạch, ưng xả bốn cư, biệt vãng dư xứ”.

(經)優波離！譬如大海，不宿死尸，我聲聞僧諸弟子眾亦復如是，不與破戒，惡行苾芻死尸共住」。時，優波離復白佛言：「世尊！若彼破戒，惡行苾芻，僧眾和合共驅擯已，彼惡苾芻，以財寶力，或多聞力，或詞辯力，或以種種巧方便力，令彼國王，大臣歡喜，皆住破戒，非法朋中，以威勢力凌逼僧眾，還令如是破戒苾芻與僧共住。爾時，僧眾當復云何？」佛言：「優波離！爾時，僧中有能悔愧持戒苾芻，為護戒故，不應瞋罵破戒苾芻，但應告

白國王，大臣，或恐凌逼，而不告白，應舍本居，別往餘處」。

(Kinh: Nay Ưu Ba Ly! Ví như biển cả chẳng chứa xác chết, các đệ tử Thanh Văn Tăng của ta cũng giống như thế, chẳng cùng ở chung với xác chết bất-sô phá giới, ác hạnh). Khi đó, ngài Ưu Ba Ly lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu bất-sô phá giới ác hạnh ấy đã bị Tăng chúng hòa hợp trục xuất rồi, liền dùng sức tiền của, hoặc sức đa văn, hoặc sức từ biện, hoặc dùng các loại sức phương tiện khéo léo, khiến cho quốc vương và đại thần hoan hỷ, đều trụ trong bè đảng phá giới, phi pháp, dùng sức oai thế lấn hiếp Tăng chúng, còn ép buộc họ phải cho bất-sô phá giới ở chung với chư Tăng. Khi ấy, Tăng chúng nên làm như thế nào?” Đức Phật dạy: “Này Ưu Ba Ly! Lúc bấy giờ, trong Tăng có vị bất-sô có thể sám hối, hổ thẹn, vì hộ giới, chẳng nên giận dữ, chỉ nên thưa rõ với quốc vương, đại thần. Nếu sợ bị lấn hiếp, bức bách mà chẳng thưa rõ, hãy nên bỏ chỗ đang ở, sang ở riêng chỗ khác”).

Nếu quý vị nhảy xuống biển chết đi, nước biển nhất định sẽ dùng sóng đẩy trả xác quý vị lên bờ. Biển chẳng chứa tử thi. “Ngã Thanh Văn Tăng chư đệ tử chúng diệc phục như thị, bất dữ phá giới, ác hạnh bất-sô tử thi cộng trụ” (Các đệ Thanh Văn Tăng của ta cũng giống như thế, chẳng ở chung với “xác chết” của bất-sô phá giới, ác hạnh), tuyệt đối chẳng ở chung với kẻ đó! “Thời Ưu Ba Ly phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược bị phá giới, ác hạnh bất-sô, Tăng chúng hòa hợp cộng khu tấn dĩ, bị ác bất-sô, dĩ tài bảo lực, hoặc đa văn lực, hoặc từ biện lực, hoặc dĩ chủng chủng xảo phương tiện lực, linh bị quốc vương, đại thần hoan hỷ” (Khi đó, ngài Ưu Ba Ly lại bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu bất-sô phá giới, ác hạnh ấy đã bị Tăng chúng hòa hợp cùng trục xuất rồi, nhưng hấn dùng sức tiền của, hoặc sức đa văn, hoặc sức từ biện, hoặc dùng sức của các loại phương tiện khéo léo khiến cho quốc vương và đại thần hoan hỷ): Quốc vương và đại thần đều đứng về phía tỳ-kheo phá giới, kéo bè kết đảng, dùng sức oai thế lấn hiếp, bức ép Tăng chúng, khiến họ phải ở chung với tỳ-kheo như thế. Trong quá khứ, quốc vương Ấn Độ làm chuyện này rất nhiều. Do vậy, đã chia hòa hợp Tăng thành hai chúng. Tỳ-kheo phá giới vẫn có kẻ tán thành họ, chẳng hạn như các tỳ-kheo giải đãi, phóng dật bèn ở chung với họ. Do vậy,

ngay trong thuở đức Phật tại thế, đã có hiện tượng Tăng chúng phân liệt này!

Vậy thì lại phải làm như thế nào? Đuổi, họ không đi, họ ở lỳ trong Tăng chúng. “*Phật ngôn: - Ưu Ba Ly! Nhĩ thời, Tăng trung hữu năng hồi quý, trì giới bát-sô, vị hộ giới cố, bất ưng sân mạ phá giới bát-sô, đản ưng cáo bạch quốc vương, đại thần, hoặc khủng lãng bức nhi bất cáo bạch, ưng xả bốn cư, biệt vãng dư xứ*” (Đức Phật bảo: - Này Ưu Ba Ly! Lúc bấy giờ, trong Tăng có vị bát-sô có thể sám hối, hổ thẹn, trì giới, vì hộ giới, chớ nên giận dữ, chửi mắng bát-sô phá giới, chỉ nên bảo rõ với quốc vương và đại thần. Hoặc là sợ bị lấn hiếp, bức ép mà chẳng thưa rõ với quốc vương và đại thần, hãy nên bỏ chỗ đang ở, sang sống riêng ở một nơi khác). Đó là đã bị phân liệt, làm như thế nào đây? Phương pháp xử lý là vị tỳ-kheo tốt hãy rời đi, chính mình tìm một chỗ khác để ở. Quý vị chẳng thể trêu vào hấn đọc, hãy nấu mình đi! Có ý nghĩa như vậy đó. Vẫn chẳng cho phép không chế, trừng phạt kẻ đó. Đây là nói rõ thiện tín của quốc vương lúc ấy đang bị thế lực ác vây quanh!

Đề Bà Đạt Đa và vua A Xà Thế muốn đoạt vương vị, [Đề Bà Đạt Đa] sai A Xà Thế đoạt ngôi vua của phụ vương A Xà Thế. Ông ta nói: “Khi Ngài làm hoàng đế, tôi sẽ làm Phật”. Thuở đức Phật tại thế, chuyện kiêu này đã xảy ra. Đã thế, ông ta còn rất ác. Do có thế lực, ông ta là anh của ngài A Nan, cũng thuộc vương tộc. Vì vậy, ông ta dùng đủ loại phương thức để hại Phật. Ở trên đỉnh núi, dùng đá toan đề nát Phật. Chẳng đề Phật đọc, đâm ra làm thân Phật chảy máu. Ngay khi đó, đại địa liền nứt ra, nhanh chóng hút Đề Bà Đạt Đa vào, thân hãm trong địa ngục. Phá hoại hòa hợp Tăng đoàn cũng [sẽ chuốc lấy tội lỗi] giống như thế!

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Phả hữu Phật độ ngũ trược ác thế, không vô Phật thời, kỳ trung chúng sanh phiền não xí thịnh, tập chur ác hạnh, ngu si hận lệ, nan khả hóa phủ? Vị Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la. Như thị đẳng nhân, thiện căn vi thiếu, vô hữu tín tâm, siểm khúc, ngu si, hoài thông mình mạn, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, ly thiện tri thức, nãi chí thú hướng Vô Gián địa ngục.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩復白佛言：「大德世尊！頗有佛土五濁惡世，空無佛時，其中眾生煩惱熾盛，習諸惡行，愚癡佞戾，難可化不？謂刹帝利旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、長者旃荼羅、沙門旃荼羅、婆羅門旃荼羅。如是等人，善根微少，無有信心，諂曲愚癡，懷聰明慢，不見不畏後世苦果，離善知識，乃至趣向無間地獄。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch đại đức Thế Tôn! Há có cõi Phật nào nhằm thời ngũ trược ác thế, trống rỗng, chẳng có Phật, chúng sanh trong ấy phiền não lừng lẫy, quen làm các điều ác, ngu si, hung hăng, dữ tợn, khó thể hóa độ hay chăng? Tức là Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la. Những kẻ như thế thiện căn ít ỏi, chẳng có tín tâm, siểm nịnh, cong queo, ngu si, tự phụ thông minh, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, lìa thiện tri thức, cho đến hướng tới địa ngục Vô Gián).*

Sau khi ngài Ưu Ba Ly hỏi xong, Địa Tạng Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng lên, hướng về đức Phật, thưa: “Đại đức Thế Tôn! Trong thời Mạt Pháp, có rất nhiều Phật quốc độ, không chỉ là Phật quốc độ này của chúng ta”, “*phả hữu Phật độ*” hàm nghĩa không chỉ là thế giới Sa Bà, mà vô lượng thế giới khác. Trong vô biên thế giới, có Phật quốc độ cũng thị hiện là ngũ trược ác thế. Ngũ trược ác thế là Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược; đây là Ngũ Trược. Thời đại ấy rất chẳng thanh tịnh. Cũng là thế gian lúc ấy rất ác, lại chẳng có Phật, là lúc rỗng không, chẳng có Phật. Vị Phật trước đã nhập diệt, vị Phật sau chưa giáng sanh. Khi đó, chúng sanh trong thế giới này, chúng sanh trong cõi Phật phiền não nặng nề khôn ngần!

“*Xí thịnh*” (熾盛, hùng hực): Rất hùng thịnh, giống như lửa lớn. Chẳng làm chuyện tốt, làm điều ác, ai nấy đều quen làm. Đối với cảnh giới ngũ dục, mọi người tranh nhau tập luyện giết, trộm, dâm, dối. Hiện thời là như thế đó, quý vị có thể dùng kinh Phật để đối chiếu một phen. Ngu si cũng là tâm sân hận rất nặng, vô minh rất nặng, hết sức hung bạo.

“*Lê*” (戾) có nghĩa là hung bạo. Đối với chữ Hận (恨) phải nên dùng bút khoanh lại [để đánh dấu], [chẳng giống như] chữ Ngạn (狠) thuộc bộ Khuyển (犬), Hận (恨) có nghĩa là “chẳng dễ giáo hóa, ương ngạnh, khó điều phục”.

Có khi là ác đế vương, Sát-đế-lợi, quốc vương đó là Chiên-đồ-la, là kẻ ác. Chiên-đồ-la (旃荼羅, Caṇḍāla)⁷¹ biểu thị ý nghĩa ác. Cũng có thể quan Chiên-đồ-la. “*Ác quan*”: Đã có quốc vương ác thì sẽ có quan lại ác. Các cư sĩ ấy chẳng phải là cư sĩ đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, mà là kẻ tại gia. Kẻ tại gia Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, trưởng giả chẳng phải [người hành] Thập Thiện ư? Đôi khi trưởng giả có của cải, giàu có, có oai lực lớn, họ cũng biến thành kẻ ác. Kẻ ác trong các trưởng giả, tức là ác trưởng giả, Bà-la-môn Chiên-đồ-la v.v... Những kẻ như thế thiện căn ít ỏi, chẳng có tín tâm, siểm khúc, ngu si. “*Khúc*” (曲) là chẳng ngay thẳng. Tâm họ chẳng chánh trực, siểm mị, không ngay thẳng. Quý vị thấy một kẻ đối với quan trên, đối với thượng cấp của hấn nịnh nọt khôn cùng! Ở trong văn phòng của quan trên, hấn sẽ khò lưng, chùng gối, đứng hết sức cung kính, khi trở về văn phòng của chính mình, nhất định sẽ đối xử kiêu căng, ngạo mạn với thuộc hạ. Hễ siểm nịnh cấp trên, nhất định sẽ kiêu căng với kẻ dưới. Kẻ đó chẳng có trí huệ, là kẻ ngu si, nhưng hấn ý chính mình thông minh, rất biết xu nịnh. Gian tướng, gian thần đều là kẻ rất thông minh. Họ làm chuyện xấu hết sức thông minh. Vì bọn họ làm chuyện xấu hết sức thông minh, bèn kiêu căng, ngạo mạn, thấy ai cũng chẳng bằng họ. Nhưng đối với khổ quả trong vị lai, họ chẳng trông thấy, mà cũng chẳng sanh lòng kinh sợ, cũng chẳng tin tưởng. Nếu chúng ta nói nghiệp báo thiện ác với họ, nói vị lai sẽ như thế nào, căn bản là họ chẳng tin tưởng, bởi họ chỉ thấy người sống chịu tội, chẳng thấy người chết mang gông!

Tôi đã gặp một kẻ rất ác; hiện thời, hấn đã già rồi. Trong quá khứ, hấn làm đao phủ. Hiện thời, đổi sang xử tử bằng súng, hấn chẳng còn việc nữa. Hiện thời, hấn rất già, rất nghèo túng, rất khổ sở. Hấn vẫn chẳng sửa đổi thói quen ấy, tôi cũng tán gẫu với hấn suốt ngày. Tôi khuyên hấn tin Phật. Tôi nói: “Ông có thể thay đổi ác quả trong tương

⁷¹ Chiên-đồ-la còn phiên âm là Chiên Đà La, có nghĩa gốc là “*đồ tể, bạo ác*”. Thoạt đầu từ ngữ này dùng để chỉ những kẻ thuộc chủng tánh thấp, chuyên làm những nghề bị coi là hạ tiện như đồ tể, thuộc da. Dần dần, Chiên-đồ-la được dùng để chỉ những kẻ hung bạo, tàn nhẫn.

lai”. Hắn nói: “Tôi chẳng tin chuyện ông nói!” Chẳng tin thì thôi, tôi vẫn trò chuyện với hắn. Hắn khoe với tôi: Dao của hắn chẳng giống như chúng ta tưởng tượng. Chúng ta thường nghĩ giết người nhất định phải dùng một cây dao rất lớn. Chẳng phải vậy! Dao của hắn rất nhỏ, giống như dao xắt trái cây vậy, nhưng rất sắc bén, rất mỏng. Khi hắn giết người, chẳng phải là như chúng ta hung hăng chặt chém, hoàn toàn chẳng phải là như vậy. Dao của hắn bỏ trong ống, giấu trong tay áo. Tôi lúc muốn giết quý vị, bèn vờ áo lên cổ quý vị, nhấn mạnh một cái, sọ rụng xuống liền! Dao hết sức sắc bén, rất mỏng. Hắn thấy kẻ khác, bất luận là mẹ, hay cha, hay thân nhân của hắn, hắn sẽ nhìn vào cái ót của họ, xem sẽ hạ dao ở chỗ nào! Hắn chuyên môn xem chỗ nào có thể cứa dao, đốt xương nào có chỗ trống, trừ một tầng da ra! Hắn sẽ cứa ngay tại đó, giống như mổ bò. Một con bò hắn giết rất nhanh, tìm được chỗ khớp xương để cứa gọn rất nhanh. Loại người ác như vậy trong tâm toàn nghĩ đến chuyện ác, chỉ biết chuyện gì có lợi cho hắn là được rồi!

Trong xã hội này, mỗi người chúng ta cũng từng bị hại, quý vị có từng hại người khác hay không? Chắc cũng đã từng hại! Trong quan hệ lợi ích, kẻ hoàn toàn chưa hại người khác, tôi nghĩ vẫn là số ít. Nếu thật sự có hạng người như thế, thật sự là Bồ Tát. Trong đời ác ngũ trược này, chúng ta đừng tưởng rằng lúc này chẳng tốt! Trong lúc này mà quý vị có thể thọ Tam Quy, Ngũ Giới, trong tâm hướng thiện, so với lúc quý vị ở trong thế giới thanh tịnh, cũng như lúc thế giới này có Phật, công đức của quý vị hơn họ hành thiện trong mười năm, trăm năm, ngàn năm! Vì vậy, vào lúc chẳng thể làm việc thiện, chẳng có sức làm việc thiện, chẳng có sức để đột phá hoàn cảnh hiện thực. Do vậy, nếu quý vị chẳng làm ác, sẽ bị hết thấy các thứ công kích, áp bức từ những kẻ làm ác. Chỗ nào quý vị cũng bị hạn chế, ước thúc. Nói cách khác, quý vị bị khốn đốn khắp nơi!

Chúng tôi nói “*thần hộ pháp bảo vệ quý vị*”, [tuy vậy], có khi sức mạnh của thần hộ pháp cũng chẳng đủ! Vì sao? Ác quỷ và ác thần có sức mạnh còn to hơn thần hộ pháp! Nhân gian còn chưa loạn, cõi trời đã loạn trước. A Tu La và chư thiên đánh nhau trước, chỉ sợ lúc ấy, chư thiên bận đánh giặc, thế lực của kẻ ác bèn tăng cường. Cho nên có khổ quả trong đời sau như vậy, lìa khỏi thiện tri thức, tiền hướng địa ngục Vô Gián.

(Kinh) Như thị đẳng nhân vị tài lợi cố, dữ chư phá giới, ác hạnh bất-sô, tương trợ cộng vi phi pháp bằng đẳng, giai định thú hướng Vô Gián địa ngục. Nhược hữu thị xứ, ngã đương trụ bỉ, dĩ Phật Thế Tôn

Như Lai pháp vương, lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình. Vô thượng vi diệu cam lộ pháp vị, phương tiện hóa đạo, linh đặc thọ hành, bạt tế như thị Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, linh bất thú hướng Vô Gian địa ngục”.

(經)如是等人為財利故，與諸破戒，惡行苾芻，相助共為非法朋黨，皆定趣向無間地獄。若有是處，我當住彼，以佛世尊如來法王，利益安樂一切有情。無上微妙甘露法味，方便化導，令得受行，拔濟如是刹帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，令不趣向無間地獄」。

(Kinh: Những kẻ như thế vì tài lợi mà cùng với các bất-sô ác hạnh, phá giới, giúp đỡ nhau, cùng kết thành bè đảng phi pháp, đều chắc chắn tiến hướng địa ngục Vô Gian. Nếu có chỗ như thế, con sẽ ở nơi đó, dùng pháp của Phật Thế Tôn Như Lai pháp vương để lợi ích, an lạc hết thảy hữu tình, [cho họ hưởng] pháp vị cam lộ vi diệu vô thượng, phương tiện giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho họ tiếp nhận, vâng hành, cứu vớt Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la như thế, khiến cho họ chẳng tiến hướng địa ngục Vô Gian”).

Đây là Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện, là trọng điểm của kinh Thập Luân. Trước hết, Địa Tạng Bồ Tát hướng về đức Phật thừa bầy: Trong đời ác ngũ trược, nhằm thuở Mạt Pháp, vào lúc chẳng có Phật, phiền não của chúng sanh rất mạnh. Trong loài người cũng có kẻ ác, mà quốc vương cũng ác, tể quan cũng ác, nhân dân cũng ác, cho đến kẻ làm gương mẫu như bậc trưởng giả cũng là ác trưởng giả, học giả Bà-la-môn cũng ác, cũng đều là Chiên-đồ-la. Những người như thế chẳng có thiện căn, lại chẳng có tín tâm, lại chẳng chí tâm, lại chẳng sợ khổ quả đời sau. Giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo cho họ nghe chẳng có tác dụng cho mấy, họ chẳng tin, có tác dụng chi đâu!

“*Giai định thú hướng Vô Gian địa ngục*” (Điều chắc chắn tiến hướng địa ngục Vô Gian). Vì sao? Kẻ đó vì lợi, hạng người như kẻ đó còn chẳng phải vì danh, mà chuyên vì lợi. Kẻ vì danh còn tốt đẹp hơn một tí, vì còn phải quan tâm đến thể diện, phải giữ gìn thanh danh tốt đẹp. Kẻ tham tài lợi, hết thảy đều bất kể! Những kẻ xấu ác đó lại cùng tỳ-kheo phá giới, ác hạnh kết bầy với nhau, còn có thể tổ giác giả dối,

hạng người này ở đâu cũng đều có! Trong giới Phật giáo, trong giới hòa thượng, cũng có những kẻ xu nịnh, dựa thân, cậy thế! Khi mới xuất gia, tư tưởng [của những kẻ ấy đã] có vấn đề, hoàn toàn chẳng phải là thanh tịnh xuất gia. Cũng có sư phụ thâm nhận kẻ đó, kiến lập trên quan hệ tài lợi. Có các chùa vì bảo tôn chính mình mà mong hại người khác, [cứ nghĩ] “chẳng hại người khác, sẽ chẳng thể bảo tồn chính mình. Hại người khác thì mới bảo tồn chính mình”. Nhưng trên thực tế, quý vị niệm kinh, niệm Phật, lễ bái, trì tụng cũng có thể bảo vệ chính mình, thiện pháp hộ pháp thần sẽ bảo vệ quý vị.

Bất quá, trong hiện thời, ngay cả thiện pháp thần cũng bảo hộ chẳng xuê, ác thần quá nhiều! Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát bèn phát nguyện này: Nếu có nơi như vậy, con nhất định đến đó. “*Ngã đương trụ bi*” (Con sẽ trụ trong đó), sẽ dùng pháp của đức Như Lai pháp vương trong Phật pháp để an vui hết thấy hữu tình, khiến cho họ đạt được pháp vị cam lộ vi diệu vô thượng, phương tiện giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho họ có thể tiếp nhận, hành trì, chẳng tiến vào địa ngục Vô Gian. Chúng tôi giảng kinh Thập Luân nhằm mục đích nói rõ công lực to lớn của Địa Tạng Bồ Tát, Ngài chuyên độ các chúng sanh chẳng thể giáo hóa. Khi họ đọa địa ngục, Ngài sẽ đến giáo hóa họ. Đợi cho tới lúc họ vào đó chịu khổ, may ra có thể chuyển biến đôi chút. Bất quá, chuyện này cũng rất khó nói!

Khi tôi ở Bắc Kinh, có một vị lão hòa thượng, ở trên đường, thấy một bà già dắt đứa cháu nhỏ, hai bà cháu đi xin ăn. Sư trông thấy, sanh lòng thương xót, Sư cũng đã hoàn tục. Bất quá, khi nhắc đến, chúng tôi vẫn kêu ông ta là “lão hòa thượng”. Bản thân ông ta có chỗ ở, chỗ ở rất rộng rãi. Sư bảo bà già: “Bà hãy để cho cháu bé này theo tôi xuất gia. Bà cũng tới đó làm tịnh nhân, chúng ta cùng sống với nhau, cần gì phải đi xin ăn nữa?” Đấy chẳng phải là hảo ý ư? Bà già đó nổi quạu: “Bọn tao ăn mày, đã mệt rệp cực đỉnh rồi, còn phải làm hòa thượng nữa hả?” Sư nói với tôi: “Pháp sư! Người hiện thời, đúng là chẳng có cách nào hết!” Tôi hỏi: “Sao vậy?” “Tôi muốn giúp bà ta an cư lạc nghiệp, sống ở chỗ tôi chẳng phải là rất tốt ư?” Bà ta liền nói: Bà ta đã mệt rệp đến cùng cực, lại còn phải làm hòa thượng hả? Còn bảo tôi: “Làm hòa thượng tệ hại hơn ăn mày!” Ông ta bảo tôi: “Thầy vẫn đừng nên làm pháp sư, đừng nên trở về chùa”. Tôi nói: “Tôi vẫn còn là phạm nhân! Chưa hoàn toàn khôi phục [tư cách công dân]”. Ông ta nói: “Bỏ đi! Mai sau khi được khôi phục, đừng nên làm hòa thượng nữa!” Ôi! Thật sự đáng thương.

Nếu như vậy, Phật pháp sẽ chẳng có ai giảng nữa! Quý vị nói xem, xã hội này có ác hay không? Ác đến nỗi coi hòa thượng thành như vậy đó!

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: -
Thiện nam tử! Ư vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu chư chúng sanh
phiền não xí thịnh, tập chư ác hạnh, ngu si hận lệ, nan khả hóa đạo,
vị Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la,
trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la.
Như thị đẳng nhân, thiện căn vi thiếu, vô hữu tín tâm, siểm khúc, ngu
si, hoài thông minh mạn, ly thiện tri thức, ngôn vô chân thật, bất năng
tùy thuận thiện tri thức ngữ, thường hành phỉ báng, hủy tử, mạ ly. Ư
chư chánh pháp, do dự đảo kiến, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả,
thường nhạo tập cận chư ác luật nghi, háo hành sát sanh, nãi chí tà
kiến, khi cuống thế gian, tự tha câu tổn. Thị Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la,
nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, hoại loạn ngã pháp. Ư ngã pháp
trung, nhi đặc xuất gia, hủy phá cấm giới, nhạo doanh tục nghiệp. Bĩ
Sát-đế-lợi nãi chí Bà-la-môn đẳng, cung kính cúng dường, tham lợi
cầu tài, hữu ngôn vô hạnh, truyền thư tổng ẩn, thông tín vãng lai,
thương cổ bản dịch, háo tập ngoại điển, chủng thực doanh nông, tàng
trữ bảo vật, thủ hộ viên trạch, thê, thiếp, nam, nữ, tập hành phù ấn,
chú thuật sử quý, chiêm tướng cát hung, hạp hòa thang dược, liệu
bệnh cầu tài, dĩ tự hoạt mạng, tham trước ẩm thực, y phục, bảo sức,
cần doanh tục vụ, hủy phạm Thi La, hành chư ác pháp, bôi âm cầu
hạnh, thật phi sa-môn, tự xưng sa-môn, thật phi phạm hạnh, tự xưng
phạm hạnh. Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la,
ái nhạo thân cận, cung kính cúng dường, thỉnh thọ ngôn giáo. Thử
phá giới giả, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la,
diệt nhạo thân cận, cung kính cúng dường, thỉnh thọ ngôn giáo.
Nhược kiến hữu nhân, ư ngã pháp trung, đặc xuất gia dĩ, cụ giới, phú
đức, tinh tấn tu hành, Học, Vô Học hạnh, nãi chí chứng đắc tối hậu
cực quả, bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la,
phản sanh tăng tật, bất nhạo thân cận, cung kính cúng dường, thỉnh
thọ ngôn giáo.*

(經)爾時，佛告地藏菩薩摩訶薩言：「善男子！於未來世，此佛土中，有諸眾生煩惱熾盛，習諸惡行，愚癡佞戾，難可化導，謂刹帝利旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼

羅、長者旃荼羅、沙門旃荼羅、婆羅門旃荼羅。如是等人，善根微少，無有信心，諂曲愚癡，懷聰明慢，離善知識，言無真實，不能隨順善知識語，常行誹謗毀訾罵詈。於諸正法，猶豫倒見，不見不畏後世苦果，常樂習近諸惡律儀，好行殺生，乃至邪見，欺誑世間，自他俱損。是刹帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，壞亂我法。於我法中，而得出家，毀破禁戒，樂營俗業。彼刹帝利乃至婆羅門等，恭敬供養，貪利求財，有言無行，傳書送印，通信往來，商賈販易，好習外典，種植營農，藏貯寶物，守護園宅、妻妾、男女，習行符印，咒術使鬼，佔相吉凶，合和湯藥，療病求財，以自活命，貪著飲食、衣服、寶飾，勤營俗務，毀犯尸羅，行諸惡法，貝音狗行，實非沙門自稱沙門，實非梵行自稱梵行。彼刹帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，愛樂親近，恭敬供養，聽受言教。此破戒者，於刹帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，亦樂親近，恭敬供養，聽受言教。若見有人，於我法中，得出家已，具戒富德，精進修行，學無學行，乃至證得最後極果，彼刹帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，反生憎嫉，不樂親近，恭敬供養，聽受言教。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay thiện nam tử! Trong đời vị lai, trong cõi Phật này, có các chúng sanh phiền não lừng lẫy, quen hành các ác hạnh, ngu si, hung tợn, khó thể giáo hóa, hướng dẫn, tức là Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tế quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la. Những kẻ như thế thiện căn ít ỏi, chẳng

có tín tâm, siểm nịnh, cong vạy, ngu si, tự phụ thông minh, lừa thiện tri thức, lời nói chẳng chân thật, chẳng thể tùy thuận lời thiện tri thức, thường làm chuyện phỉ báng, chê gièm, chửi bới. Đối với chánh pháp bèn do dự, tri kiến điên đảo, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau. Thường thích hành trì, gán gũ các ác luật nghi, ưa thích sát sanh, cho đến tà kiến, dối gạt thế gian, mình lẫn người đều tổn hại. Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy phá hoại, rối loạn pháp của ta. Ở trong pháp của ta mà được xuất gia, hủy phá giới cấm, thích lo toan sự nghiệp thế tục. Các Sát-đế-lợi cho đến Bà-la-môn ấy cung kính cúng dường, tham lợi cầu tài, chỉ nói suông, chẳng có đức hạnh, truyền thư trao ấn, thông tin qua lại, buôn bán, dối chác, chuông học tập kinh sách ngoài Phật giáo, gieo trồng, canh nông, cất chứa vật báu, bảo vệ vườn, nhà, thế thiếp, con trai, con gái, tập luyện bùa, ấn, chú thuật để sai khiến quỷ, xem tướng cát hung, pha chế thuốc men, trị bệnh để kiếm tiền, hòng tự nuôi thân, tham đắm thức ăn, y phục, vật trang sức báu, siêng năng lo liệu sự vụ thế tục, hủy phạm Thi La, hành các pháp ác, học theo hạnh của chó, thật chẳng phải là sa-môn mà tự xưng là sa-môn, thật sự chẳng phải là phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh. Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy ưa thích thân cận, cung kính cúng dường, nghe nhận ngôn giáo [kẻ đó]. Kẻ phá giới ấy đối với Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn cũng thích thân cận, cung kính cúng dường, nghe nhận ngôn giáo. Nếu thấy có người ở trong pháp của ta, đã được xuất gia, đủ giới, lăm đức, tinh tấn tu hành, tu tập hạnh Hữu Học và Vô Học, cho đến chứng đắc cực quả tối hậu, các Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy ngược ngạo sanh lòng ghen ghét, chẳng thích thân cận, cung kính cúng dường, nghe nhận ngôn giáo).

Chánh pháp dường như bị hủy diệt, tâm hoài nghi của chúng sanh đặc biệt nặng nề, tri kiến điên đảo đặc biệt nghiêm trọng. Thậm chí đã vào Phật môn, họ vẫn sanh khởi tri kiến điên đảo, vẫn tin theo tà ma, ngoại đạo. Đây là vì kẻ đó ở trong Phật pháp, trong Phật giáo, chẳng đạt được bất cứ lợi ích gì. Tôi nghĩ mọi người có lẽ hoài nghi điều này. Kẻ đó tin Phật rất lâu, chẳng có thâm hoạch gì, vì kẻ đó có cái tâm cầu đạt được! Cầu gì vậy? “Phật, Bồ Tát phù hộ cho con phát tài. Phật, Bồ Tát phù hộ gia đình con bình an. Phật, Bồ Tát phù hộ nhà con ai nấy bình an, không bệnh tật, bất cứ tai nạn gì cũng chẳng xảy đến. Như vậy thì con

muốn buôn bán gì, muốn làm chuyện gì, cũng sẽ đều phát tài”, thậm chí “con muốn hại kẻ khác, cũng phải giúp đỡ con hại được kẻ đó!”

Những chuyện như vậy tôi đã đều gặp cả rồi. Kẻ đó nói: “Có thể giúp tôi hay không?” Tôi hỏi: “Làm gì?” Kẻ đó bảo: “Thằng nhóc nhà tôi đặc biệt hư hỏng, tôi không thể nào không chỉnh nó!” Tôi bảo: “Tôi chẳng thể giúp ông! Hễ tôi giúp ông, nó sẽ giết tôi chết. Làm sao tôi giúp ông cho nổi?” Rất nhiều kẻ hiểu lầm Phật pháp, Phật pháp là vấn đề kiến giải. Quý vị ắt cần phải hiểu rõ Phật pháp là gì? Phật pháp chính là tâm pháp của quý vị. Quý vị phải giác ngộ, nó chính là quý vị, chính quý vị là chính mình. Tự mình nhận thức chính mình, đừng có tri kiến điên đảo. Đây mới là chánh tri chánh kiến thật sự. Ăn nói phải chánh ngữ, làm việc phải chánh hạnh. Thân, ngữ, ý phải là chánh kiến, chánh ngữ, chánh ý, đều phải chánh, hết thấy đều phải chánh, chớ nên điên đảo. Phải tin đời này quý vị làm tí ti chuyện hại người, về sau, phải đền bồi gấp mười lần, lại còn phải trả tiền lời nữa! Hoa báo, quả báo, dư báo! Chẳng hạn như quý vị thường xuyên bị bệnh. Đây là do quý vị sát sanh quá nặng, còn mắc nợ mạng, đền mạng vẫn chưa đủ, còn phải trả tiền lời, còn phải chịu dư báo.

Thân thể của quý vị chẳng khỏe mạnh. Đây là quả. Tùy tiện quý vị tìm thầy thuốc nào đó, tìm A Di Đà Phật, tìm Thích Ca Mâu Ni Phật, tìm Dược Sư Phật, các vị thầy thuốc ấy gần như đều có thể chữa khỏi bệnh cho quý vị. Quý vị tìm thầy thuốc thế gian sẽ trị chẳng hết, phải trị theo nhân quả báo ứng của quý vị. Lường gạt thế gian như vậy, chính mình tự hại chính mình, tự mình lẫn kẻ khác đều bị tổn hại. Do vậy, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la “*hoại loạn ngã pháp*” (phá hoại, làm rối loạn pháp của ta), tức là phá hoại Phật pháp! Các gã Chiên-đồ-la ấy là những kẻ có quyền lực, có thế lực, có của cải, họ phá hoại bằng cách nào? Họ cấu kết với sa-môn [phá giới, ác hạnh]. Hễ cấu kết với sa-môn thì sẽ phá hoại được. Do vậy, trong kinh Đại Bát Niết Bàn có chép: Khi đức Phật sắp Niết Bàn, ma vương Ba Tuần tìm đến. Lúc đó, đức Phật vẫn chưa quyết định nhập Niết Bàn, còn đang xem xét căn cơ của chúng sanh. Nếu lúc ấy, ngài A Nan đến chỗ Phật trước Ba Tuần, thỉnh Phật trụ thế, sẽ chẳng có chuyện gì! A Nan đến sau Ba Tuần, không được rồi! Ba Tuần đến trước, hấn thưa với đức Phật: “Bạch Thế Tôn! Ngài nên ra đi. Ngài đã độ con ma, cháu ma của tôi nhiều lắm rồi. Trong tương lai, tôi sẽ phá hoại Ngài”. Đức Phật hỏi: “Ngươi sẽ phá hoại ta như thế nào?” Hấn nói sẽ phá hoại Phật pháp như thế này, như thế nọ, đức Phật đều cười bảo: “Ngươi chẳng phá hoại được!” Hấn nói thêm:

“Tôi còn có một phương pháp tốt nhất. Tôi sẽ sai ma con, ma cháu đều làm người xuất gia trong pháp của Ngài, làm tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, ăn cơm của Ngài, mặc y phục của Ngài, nhưng chẳng làm chuyện của Ngài. Như vậy thì sẽ phá hoại được!”

Mọi vật cần phải mục nát trước rồi sau đó mới sanh ra giòi, trùng. Xuất phát từ nội bộ hư nát trước đã; sau đấy mới sanh ra trùng. Hết thầy mọi thứ đều là như vậy. Do vậy, người ngoài chẳng thể phá hoại Phật pháp được! Vậy thì hòa thượng, tỳ-kheo-ni mặc áo hòa thượng, làm chuyện xấu xa. Người khác nhìn vào, thấy họ là người xuất gia, [bèn vỗ đùi cả năm] “Phật pháp là như vậy đó!” Quý vị có thấy hay không? Ai còn tin được nữa! Họ đã phá hoại rồi! Quý vị phải biết các hòa thượng phá hoại, các tỳ-kheo-ni phá hoại ấy đều ma con, ma cháu kéo tới. Chuyện này đã có dự ngôn rồi! Nhưng các ác Sát-đế-lợi, ác Bà-la-môn, cho đến hết thầy các ác cư sĩ như đã nói trong phần trên cung kính, cúng dường các tăng sĩ ác ấy hoàn toàn chẳng phải là thiện tín thật sự, họ là những kẻ tri kiến điên đảo. Họ cúng dường bọn tham tài cầu lợi, chỉ nói suông, chẳng tu hành ấy, thậm chí còn gởi thư, trao đổi tin tức qua lại, buôn bán, kinh doanh, thích học tập các sách vở của ngoại đạo, đủ mọi thứ kinh doanh, trồng trọt, tàng trữ bảo vật, bảo vệ vườn tược, nhà cửa.

Kết duyên thì được, chẳng vì cầu lợi, chuyên vì lợi ích chúng sanh thì vẫn có thể dung thông. Hết thầy sự vật đều có thể dung thông. Do vậy, có những chuyện có lợi có thể mưu tính, dung thông được. Chúng ta dung thông với Địa Tạng Bồ Tát thì cũng có thể dung thông được. Vậy thì đối với Địa Tạng Bồ Tát, niệm danh hiệu của Ngài, học tập kinh Thập Luân, niệm kinh Địa Tạng cũng là dung thông với Ngài, nhưng đấy là dung thông với thiện pháp, chẳng dung thông với ác pháp! Trong lúc ấy, trao đổi tin tức qua lại, học kinh sách ngoại đạo, bán buôn, kinh doanh thương nghiệp. Hiện thời, chùa miếu của Nhật Bản đều là công ty! Chùa miếu Trung Hoa hiện thời cũng học đòi kiểu đó! E rằng Đại Lục đã học theo giỏi lắm, đã bắt đầu làm như vậy rồi! Tự lực cánh sanh, quý vị kinh doanh, chánh phủ cổ vũ, khích lệ. Hiện thời, còn phải mua vé vào cửa. Quý vị vào chùa thắp hương lễ Phật, phải cầm tiền mua hương, phải mua vé vào cửa!

Tôi đến chùa Nam Phổ Đà (ở Hạ Môn, tỉnh Phước Kiến), [vé vào cửa thuở đó là] một xu, nay chúng tôi trở về là một đồng, trong tương lai, sẽ tăng lên năm đồng! Cần bán vé vào cửa! Nếu không, hơn năm trăm người sẽ sống bằng cách nào? Phải dựa vào tiền bán vé vào cửa! Quý vị đến triều bái Phật, lễ Phật, thắp hương cũng phải tốn tiền, cũng

phải mua. Đó là chẳng có cách nào, đó là Mạt Pháp! Còn có kẻ luyện chú thuật để sai khiến quỷ thần, xem tướng cát, hung. Còn có kẻ bán thuốc, pha chế thuốc thang. Bán thuốc giả thì hồng bát, bán thuốc thật thì còn đỡ một chút. Hiện thời, bán thuốc giả rất nhiều. Đặc biệt là trên núi, khoe là thuốc của ta từ núi Vũ Di ở Phước Kiến, do chùa nào tạo tác, do vị lão hòa thượng nào đó bào chế. Được lắm, vậy là rất có giá! Có rất nhiều chuyện như vậy, “*dĩ tự hoạt mạng, tham trước ẩm thực, y phục, bảo sức, cần doanh tục vụ, hủy phạm Thi La*” (để tự nuôi sống, tham đắm thức ăn, quần áo, vật trang sức báu, siêng năng lo liệu sự vụ thế tục, hủy phạm Thi La). Thi La là giới. Những chuyện đức Phật chế định không được làm, họ đều làm tuốt, phạm hết. Chủ yếu nhất là Tứ Chúng Thanh Tịnh Minh Hối (bốn loại giáo huấn rõ ràng về hạnh thanh tịnh), cũng chính là bốn giới căn bản. Bốn giới căn bản như vậy đều có thể phạm, những sai lầm khác càng nhiều. Thân giết, trộm, dâm, miệng nói dối, nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, cho đến ý tham, sân, si. Những thứ ấy đều có thể làm thì gọi là “*hành ác hạnh*”.

“*Bối âm cầu hạnh*” (貝音狗行) tức là học tập phương pháp của loài chó. Thời Mạt, tỳ-kheo phỉ báng lẫn nhau, đôi bên ngờ vực, ghen ghét lẫn nhau, chìm đắm trong vô ích mà chẳng thể tự cứu. Dùng chó làm thí dụ, “*bỉ chi hành thử pháp, vị chi hành cầu pháp*” (kẻ hành pháp ấy chính là hành pháp của chó), cũng tức là “*bối âm cầu hạnh*” có nghĩa là hành theo phương pháp của chó. Khi làm như vậy, kẻ đó đã đánh mất bản thể của sa-môn, phạm vào bốn giới căn bản, chẳng phải là sa-môn. Bất luận nơi ý nghĩa, hay nơi bản thể, đều đã mất tư cách sa-môn; nhưng chính kẻ đó không chịu sám hối. Nếu bản thân kẻ đó chẳng thể tuân thủ, có thể “*thoái giới*”. Cảm thấy [các giới ấy] đối với chính mình chẳng thích hợp, quý vị có thể thoái giới. Nhưng kẻ đó lại chẳng thoái giới, vẫn lẫn lộn trong Tăng chúng. “*Thoái giới*” (退戒) chính là bỏ đạo hoàn tục. Vì sao kẻ ấy làm như thế? Hẳn thoái giới sẽ chẳng có chỗ nào kiếm cơm ăn! Ở trong chùa miếu, Tăng chúng rất đông, nói chung là có bậc đại đức. Bậc có đức sẽ cảm ứng ăn, mặc, ở đưa tới, kẻ đó còn hưởng thụ được! Do vậy, hạng người như thế đã thật hành phương pháp của chó, cho nên nói là “*bối âm cầu hạnh*”.

Những gì bản thân kẻ đó làm chẳng phải là hạnh thanh tịnh. “*Phạm hạnh*” có nghĩa là hạnh thanh tịnh. Chính mình làm hạnh ô nhiễm, hẳn vẫn tự xưng là phạm hạnh. Đây là hình dung loại tỳ-kheo phá giới, vẫn có những hạng người tin tưởng, ngưỡng mộ hẳn! Nếu ác Sát-

đề-lợi vương, hề thêm vào từ ngữ Chiên-đồ-la đều có nghĩa “*thuộc loại ác nhân*”. Trước đó (trước mỗi chủng loại), thêm vào chữ Chiên-đồ-la, hàm nghĩa ác quốc vương, ác Bà-la-môn, họ rất chịu thân cận hạng tỳ-kheo phá giới ấy. Đó gọi là “*phương dĩ loại tỳ, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp được phân chia theo từng loại, sự vật dựa theo từng đặc tánh giống nhau mà chia ra). Xú khí (臭氣, hơi hôi thối, tức những kẻ xấu xa) thu hút nhau, thân thiết với nhau, kết hợp thành bè đảng. “*Cung kính cúng dường*”: Nói là “*cung kính cúng dường*” tức là cung kính, cúng dường các tỳ-kheo phá giới đó. “*Thính thọ ngôn giáo*” (Nghe và tiếp nhận ngôn giáo): Đối với những lời lẽ do kẻ chẳng hành phạm hạnh nói ra, họ cũng chịu nghe, bằng lòng tiếp nhận sự giáo hóa của kẻ đó!

Kẻ phá giới ấy đối với Sát-đề-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la luôn ưa thích thân cận, cúng dường, lắng nghe, tiếp nhận ngôn giáo của kẻ đó. Nếu thấy có kẻ, “*u ngã pháp trung*” (ở trong pháp của ta), “*u ngã pháp*” là ở trong Phật pháp xuất gia, thọ Cụ Túc Giới. Trong phần trước là nói về “*hoại tỳ-kheo*” (tỳ-kheo xấu), còn tiểu đoạn này nói đến các tỳ-kheo tốt. Sau khi đã xuất gia, sau khi đã thọ Cụ Túc Giới, có thể tuân thủ, có thể trì giới. “*Phú đức*” (富德) là đạo đức rất phong phú, đức hạnh dồi dào, trọn đủ giới đức, lại có thể tinh tấn hành. “*Học hành*” là tu hành. Học là “*học pháp*”, tức là địa vị Hữu Học. “*Vô Học hạnh*” là chứng đắc quả A La Hán. Tính từ Sơ Quả, thánh nhân đã chứng quả chẳng học giống như chúng ta, sự học của các Ngài là vô học, cho đến cuối cùng chứng đắc Phật quả. Nhưng có thể nói [Vô Học Hạnh] là quả A La Hán, từ Sơ Quả cho đến Tứ Quả.

Điều này có nghĩa là gì? Chính là nói Sát-đề-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với tỳ-kheo ác hạnh bèn thân cận, cúng dường, nghe nhận ngôn giáo của gã đó, nhưng đối với bậc tỳ-kheo có đạo đức, không chỉ chẳng thân cận, mà còn ngược ngạo “*tăng tật*” (憎嫉), “*tăng*” (憎) là chán ghét, “*tật*” (嫉) là ganh tỵ, tức là chẳng thích thân cận, cũng chẳng ưa thích cung kính cúng dường, cũng chẳng nghe dạy, tiếp nhận các vị tỳ-kheo có đạo đức cho đến chứng quả ấy. Họ chẳng thân cận, chẳng tiếp nhận ngôn giáo của các Ngài.

(Kinh) Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, nhập bảo châu chủ, khí xả chủng chủng để thanh, đại thanh, kim, ngân, chân châu, hồng liên hoa sắc Phiệt Lưu Ly đẳng đại giá chân bảo, thủ Ca Giá châu. Vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đề-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-

la-môn Chiên-đồ-la, diệc phục như thị. Nhập ngã chánh pháp bảo châu chữ trung, khí xả chủng chủng cụ giới, phú đức, nhạo Thắng Nghĩa Đé, cụ túc tầm quý Học, Vô Học nhân, cập thiện dị sanh, tinh cần tu học Lục Đáo Bỉ Ngạn, cụ chư công đức chân thánh đệ tử, thủ chư phá giới, háo hành chúng ác, vô tầm, vô quý, ngôn từ thô quánh, thân tâm kiêu ngạo, ly chư bạch pháp, vô từ, vô bi, ác hạnh bất-sô, dĩ vi phước điền, cung kính cúng dường, thỉnh thọ ngôn giáo. Như thị ác nhân, sự cập đệ tử, câu định thú hướng Vô Gian địa ngục.

(經)善男子！譬如有人，入寶洲渚，棄舍種種帝青、大青、金、銀、真珠、紅蓮華色筏琉璃等大價真寶，取迦遮珠。於未來世，此佛土中，有刹帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，亦復如是。入我正法寶洲渚中，棄舍種種具戒富德、樂勝義諦、具足慚愧學無學人，及善異生，精勤修學六到彼岸、具諸功德真聖弟子，取諸破戒，好行眾惡，無慚無愧，言辭粗獷，身心憍傲，離諸白法，無慈無悲惡行苾芻，以為福田，恭敬供養聽受言教。如是惡人師及弟子，俱定趣向無間地獄。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Ví như có người vào bến bãi báu, vứt bỏ các thứ báu thật sự có giá trị cao như đế thanh⁷², đại thanh, vàng, bạc, châu châu, Phiệt Lưu Ly màu hoa sen hồng, v.v... để lấy châu Ca Giá. Trong đời vị lai, trong cõi Phật này, có Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la cũng giống như thế, vào trong bến bãi bảo châu chánh pháp của ta, vứt bỏ những vị đủ giới, giàu đức, thích Thắng Nghĩa Đé, là bậc Học, Vô Học, trọn đủ hồ thẹn, và những loài dị sanh tốt lành, và các vị đệ tử của bậc chân thánh thật sự siêng rông tu học sáu Ba La Mật, đầy đủ các công đức, để chọn lấy các bất-sô ác hạnh, phá giới, thích làm các điều ác, không thẹn, không hổ, ngôn ngữ thô bạo, tục tằn, thân tâm kiêu ngạo, lìa các bạch pháp, không từ, không bi, coi những gã

⁷² Đế thanh (帝青) là màu xanh da trời đậm. Sách Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa giảng: “Đế thanh tiếng Phạn là Nhân Đà La Ni La Mục Đa, có nghĩa là một món báu của Đế Thích, có màu xanh biếc”.

đó là phước điền, cung kính, cúng dường, nghe nhận ngôn giáo. Kẻ ác như thế, thầy lẫn đệ tử chắc chắn đều tiến vào địa ngục Vô Gián).

Ca Giá (Kāca) châu cũng là một loại Ma-ni châu, nhưng kém xa Phiệt Lưu Ly (Vaidūrya, Phệ Lưu Ly, Tỳ Lưu Ly, Lưu Ly, Lapis Lazuly), tức là thua hẳn một bậc. Thứ tốt, kẻ đó chẳng lấy, mà lấy thứ kém hơn. Đây là đức Phật nêu tỷ dụ, nhằm nói vào thời Mạt Pháp, trong Phật quốc độ này của ta, có khi là ác vương Sát-đế-lợi, có lúc là Bà-la-môn Chiên-đồ-la tức là ác Bà-la-môn cũng giống như vậy. Đối với vị tỷ-kheo có đạo đức, họ chẳng tin tưởng, chẳng thân cận, chẳng nghe nhận lời dạy bảo. Đối với tỷ-kheo phá giới, ác hạnh, bèn “*ngưu tìm ngưu, mã tìm mã*” (ngựa tìm ngựa, trâu tìm trâu), còn hướng về gã đó cầu pháp, nghe nhận lời dạy của hắn!

Đã tới bến bãi châu báu chánh pháp của ta, lại vứt bỏ hạng trọn giới, lăm đức, vứt bỏ vị ưa thích Thắng Nghĩa Đé. Thắng Nghĩa Đé có nghĩa là Thật Tướng. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là cảnh giới Thật Tướng, là Thắng Nghĩa Đé, tức là nghĩa lý tối thắng. Họ cũng vứt bỏ bậc trọn hồ thẹn, “*Học, Vô Học nhân*”. “*Học nhân*” là còn chưa chứng quả vị. “*Vô Học nhân*” là người đã chứng đắc quả vị. “*Cập thiện dị sanh*” (Và các loài dị sanh tốt lành), tức là thiện Bồ Đặc Già La. Cho đến họ cũng vứt bỏ ưu-bà-tắc, ưu-bà-di là người thật sự tu hành, thật sự tin tưởng, ngưỡng mộ chánh pháp, cung kính chánh pháp. Thậm chí vứt bỏ đệ tử của bậc “*chân thánh*” thật sự siêng rông tu học Lục Đáo Bỉ Ngạn, tức là hành Lục Độ Ba La Mật, trọn đủ công đức. Đây là đệ tử [Phật] thật sự!

“*Chân thánh*” (真聖) là nói đến đức Phật. Họ là đệ tử thật sự của đức Phật, [đối với những vị ấy], những kẻ [ác hạnh Sát-đế-lợi, tể quan v.v...] đều chẳng thân cận, mà ngược ngạo “*thủ chư phá giới, háo hành chúng ác, vô tâm, vô quý, ngôn từ thô quánh, thân tâm kiêu ngạo, ly chư bạch pháp, vô từ, vô bi, ác hạnh bất-sô, dĩ vi phước điền*” (chọn lấy các ác hạnh bất-sô phá giới, thích làm các điều ác, không thẹn, không hổ, ngôn từ thô lỗ, tục tằn, thân tâm kiêu ngạo, lia các bạch pháp, chẳng từ, chẳng bi, coi đó là phước điền). Như vậy thì sẽ nhận được kết quả như thế nào? “*Như thị ác nhân, sư cập đệ tử, câu định thú hướng Vô Gián địa ngục*” (Kẻ ác như thế, thầy và đệ tử đều chắc chắn tiến vào địa ngục Vô Gián). Quý vị tiếp nhận ngôn giáo của kẻ đó, tin tưởng, ngưỡng mộ hắn, sẽ theo hắn cùng xuống địa ngục. Điều này chắc chắn chẳng thể

nghe. Do vậy, sẽ sanh ra một loại tà tri, tà kiến. Trong thời đại Mạt Pháp hiện tại, thật sự chẳng ít kẻ [như vậy]. Nếu mọi người nương theo giáo điển, vận dụng trí huệ của chính mình, sử dụng chánh tri, chánh kiến, quý vị sẽ có thể biện định được.

Đôi với hiện thời, chuyện này hết sức cụ thể, cũng rất hiện thực, nhưng quý vị có thể dùng cách thức như đức Phật đã dạy để phán đoán, chẳng thuận theo ý kiến của chính mình, mà dùng giáo điển của đức Phật, dùng Phật pháp làm thầy, chẳng lấy cái tâm của chính mình làm thầy. Quý vị có thể thấy kẻ nào dẫn quý vị xuống địa ngục. Kẻ đó cũng làm Phật sự, nhưng bề cong Phật sự, dùng tri kiến điên đảo để làm Phật sự. Phật pháp vốn là phương pháp tốt đẹp để minh tâm kiến tánh, kẻ đó dùng Phật pháp để tạo danh lợi, làm giao dịch buôn bán, chẳng xuống địa ngục hay sao? Do vậy, đức Phật nói ra mười loại luân. Mười loại ấy hoàn toàn chẳng phải là thiện luân, mà là ác luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Hữu thập ác luân, u vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, như thị đẳng nhân, u thập ác luân, hoặc tùy thành nhất, hoặc cụ thành tựu, tiên sở tu tập nhất thiết thiện căn, tội hoại, thiêu diệt, giai vi hôi tẫn, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục.

(經)善男子！有十惡輪，於未來世，此佛土中，有刹帝利旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、長者旃荼羅、沙門旃荼羅、婆羅門旃荼羅，如是等人，於十惡輪，或隨成一，或具成就，先所修集一切善根，摧壞燒滅，皆為灰燼，不久便當肢體廢缺，於多日夜結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Có mười ác luân, trong đời vị lai, trong cõi Phật này, có Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, những người như thế, trong mười ác luân nếu thành tựu

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

một luân nào, hoặc thành tựu trọn đủ, thì hết thấy các thiện căn đã tu tập trước đó sẽ bị hư nát, cháy tiêu, đều thành tro tàn, chẳng lâu sau, từ chi sẽ tàn phế, thiếu khuyết, bị đờ lưỡi chẳng thể nói được trong nhiều ngày đêm, chịu các nỗi khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Sau khi chết đi, chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gián).

Các tỳ-kheo phá giới, tỳ-kheo ác hạnh, Bà-la-môn Chiên-đồ-la trong phần trước, “*như thị đẳng nhân*” (những kẻ như thế), từ các quốc vương cho đến dân chúng, cho đến hạng bình dân, cho đến người xuất gia, cho đến học giả, đều được bao gồm trong ấy. Có những người như thế, do mười ác luân như sẽ kể dưới đây, “*hoặc tùy thành nhất, hoặc cụ thành tựu*” (nếu thành tựu một loại nào đó, hoặc thành tựu trọn đủ). Hễ trọn đủ một luân, hoặc có đủ hai luân, hoặc trọn đủ ba luân không nhất định, hoặc chỉ có một luân, thiện căn do người ấy đã tu tập, tích tụ trong nhiều đời bao kiếp sẽ đều bị đập tan, hoặc bị đốt rụi. Nếu thành tựu một điều trong mười luân ấy, tất cả thiện căn và thiện niệm đã hành của người ấy trong nhiều đời bao kiếp đều hóa thành tro tàn! Do vậy, chúng ta cảm thấy chỉ gieo thiện căn, chỉ học tập Phật pháp, hoàn toàn chẳng thật sự đoạn phiền não; trong tương lai, quý vị có thể cũng sẽ rơi vào trong Thập Ác Luân này! Vì hễ chuyển thế, nếu quý vị chẳng tu đắc Túc Mạng Thông, sẽ dễ bị danh lợi và ái dục quán trối mà dễ dàng đọa vào Thập Ác Luân.

Chúng ta học kinh Thập Luân, học kinh Địa Tạng, đọc tụng kinh Địa Tạng, cho đến đọc kinh Đại Tập Thập Luân, cho đến được Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho chúng ta trong đời này có thiện căn và nhân duyên như vậy. Kết duyên với Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta sẽ chẳng đọa vào Thập Ác Luân, vì Địa Tạng Bồ Tát đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật cam đoan. Chúng ta đọc kinh Địa Tạng, sẽ có thể cảm nhận, thấu hiểu các vị đại Bồ Tát ấy. Phạm là đối với các vị Bồ Tát xuất hiện trong kinh Địa Tạng, cũng như trong phẩm nói về danh hiệu các vị Phật, tức phẩm thứ chín của kinh Địa Tạng, chúng ta trì bất cứ danh hiệu nào, sẽ vĩnh viễn chẳng đọa vào tam đồ. Nếu chúng ta kiến lập tín tâm kiên cố như vậy, sẽ chẳng dính líu Thập Ác Luân, sẽ chẳng bị đọa lạc. Do nguyên nhân nào? Do sức gia trì của Địa Tạng Bồ Tát, mà cũng là do Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho chúng ta chẳng đọa vào ác luân. Thậm chí trong thời Mạt Pháp, có chuyện thân cận Phật môn, tiến nhập Phật môn chừng bằng vi trần, bé tí ti như vậy, Địa Tạng Bồ Tát nhất

định sẽ gia trì quý vị. Nhưng nếu quý vị cự tuyệt sự gia trì của Ngài, thậm chí chẳng thêm dính dáng đến Ngài thì sẽ là chuyện khác!

“*Bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết*” (Không lâu sau, tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết): Đó là trong đời hiện tại. “*U đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn*” (Trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi chẳng thể nói được): Chẳng thể nói năng, lục căn đã mất tác dụng. “*Thọ chư khổ độc*” (Chịu các khổ độc): Loại khổ này ngay cả diễm tử, cũng chẳng thể diễm tử được! Chúng ta thấy rất nhiều người bị đụng xe, sau đó, biến thành người sống đời thực vật. Trước kia, tôi nghĩ người sống đời thực vật chắc là không nhiều, nhưng năm 1993, tôi sang Đài Loan, đến tổng y viện Vinh Dân và y viện Trường Canh ở Lâm Khâu, tôi mới thấy người sống đời thực vật trong bệnh viện quá nhiều. Vì thế, các điều mô tả trên đây chính là nói đến những người ấy. Bị khổ độc, thân thể lở loét, chẳng nói được, thứ gì cũng đều tàn phế, thiếu khuyết, đều hư hoại cùng cực. Đầu óc tàn phế, biến thành người thực vật. Hoặc là do nghiệp trong đời này, hoặc vì nghiệp của người ấy trong đời trước, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Vẫn chưa nói đến chuyện sau khi chết đi, hiện thời, người ấy vẫn còn sống, đã đau khổ cùng cực khó thể chịu đựng, chịu cảnh chi thể tàn phế, thiếu khuyết. Kẻ đầy đủ Thập Ác Luân, nhất định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gián.

(Kinh) Hà đẳng vi thập? Như thị phá giới, ác hạnh bất-sô, hữu Sát-đế-lợi, cập tể quan đẳng nhân thọ ác kiến, báng A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô ngôn: “Chư nhân giả! Như thị bất-sô ngu si, phạm ồi, trá hiện dị tướng, cuống hoặc thể gian, vị cầu ẩm thực, y phục, lợi dưỡng, cung kính, danh dự, tự tán, hủy tha, tật đố đầu loạn, tham trước danh lợi, vô hữu yếm túc, ưng đương tấn truat, vật thọ kỳ ngôn. Như thị bất-sô chuyên hành vọng ngữ, ly đế thật pháp, ư thử giai vô đắc đạo quả giả, diệc vô ly dục, vĩnh tận chư lậu, dẫn vị lợi dưỡng, cung kính, danh dự, trụ A Luyện Nhã, tự hiện hữu đức. Thận mạc cúng dường, cung kính, thừa sự, như thị siểm khúc, phi chân phước điền, phi hành đạo giả”. Thời, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nữ chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, ư A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô, bất năng sanh thật tín tâm, hy hữu chi tướng, tâm vô cung kính, ý hoài lăng miệt, bất nhạo thân cận, thừa sự, cúng dường, sở hữu ngôn thuyết, giai bất thính thọ. Kinh hủy như thị trụ A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô, tức thị kinh hủy nhất thiết pháp nhân Tam Bảo chủng tánh.

(經)何等為十？如是破戒，惡行苾芻，有刹帝利及宰官等，忍受惡見，謗阿練若清淨苾芻言：「諸仁者！如是苾芻愚癡凡猥，詐現異相，誑惑世間，為求飲食、衣服、利養，恭敬名譽，自讚毀他，嫉妒斗亂，貪著名利，無有厭足，應當擯黜，勿受其言。如是苾芻專行妄語，離諦實法，於此皆無得道果者，亦無離欲，永盡諸漏，但為利養、恭敬、名譽住阿練若，自現有德。慎莫供養，恭敬承事，如是諂曲，非真福田，非行道者」。時，刹帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，於阿練若清淨苾芻，不能生實信心，希有之想，心無恭敬，意懷凌蔑，不樂親近，承事供養，所有言說，皆不聽受。輕毀如是住阿練若清淨苾芻，即是輕毀一切法眼三寶種姓。

(Kinh: Những gì là mười? Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, do có Sát-đế-lợi và tể quan v.v... tiếp nhận ác kiến [của hẳn], liền báng bỏ vị bất-sô thanh tịnh trong A Luyện Nhã rằng: “Này các vị nhân giả! Bất-sô như thế ngu si, tâm thường, bỉ ổi, dối trá hiện tướng lạ, lòng gạt, mê hoặc thế gian, hồng cầu thức ăn, quần áo, lợi dưỡng, cung kính, danh dự, tự khen mình, chê người, ghen ghét, đấu đá, gây rối, tham đắm danh lợi chẳng hề chán đủ, đáng nên bị trục xuất, xua đuổi, đừng tin lời hẳn. Bất-sô như thế chuyên môn nói dối, lừa pháp chắc thật, đối với pháp ấy, hẳn ta đều chẳng đắc đạo quả, cũng chẳng lừa dối, vĩnh viễn hết thấy các lậu. Chỉ vì lợi dưỡng, cung kính, danh dự, mà ở trong A Luyện Nhã, làm ra vẻ có đạo đức. Hãy thận trọng, đừng cúng dường, cung kính, thừa sự kẻ siểm nịnh, cong vạy, chẳng phải là ruộng phước chân thật, chẳng phải là người tu đạo”. Khi đó, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với vị bất-sô thanh tịnh ở trong A Luyện Nhã, chẳng thể sanh tín tâm thật sự, chẳng có ý nghĩ hy hữu, tâm chẳng cung kính, ôm lòng lẩn hiếp, khinh miệt, chẳng thích thân cận, thừa sự, cúng dường, đối với tất cả ngôn thuyết của vị ấy đều chẳng nghe nhận. Kinh

miệt, hủy báng vị bất-sô thanh tịnh trụ trong A Luyện Nhã như thế tức là khinh miệt, hủy báng hết thầy pháp nhân chứng tánh Tam Bảo).

Từ đây trở đi, thuyết minh Thập Ác Luân. “*Như thị phá giới ác hạnh bất-sô, hữu Sát-đế-lợi cập tể quan đấng, nhân thọ ác kiến*” (Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, do có Sát-đế-lợi và tể quan v.v... tiếp nhận ác kiến [của hắn]): Đối với tỳ-kheo ác hạnh ấy, có các Sát-đế-lợi và tể quan Chiên-đồ-la tiếp nhận, cũng như tin tưởng, nghe theo lời hắn, thậm chí cùng hắn làm ác. Làm ác gì vậy? “*Báng A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô ngôn*” (Báng bỏ vị bất-sô thanh tịnh trụ trong A Lan Nhã): Báng bỏ vị tỳ-kheo thanh tịnh ấy. A Luyện Nhã (A Lan Nhã, Araṇya) là chỗ tịch tĩnh, núi rừng, dưới tàng cây cọ. Nói theo kiểu hiện thời, là tu trong núi rừng, tự mình thanh tu. Tỳ-kheo ác hạnh ấy hủy báng những vị đó, thốt ra những lời lẽ nào? Tỳ-kheo ác hạnh bảo vua Sát-đế-lợi và tể quan: Những kẻ ở trong núi rừng ấy đều rất ngu si. Họ hiện hình tướng khác lạ, cố ý làm ra vẻ tu hành, là bọn lòng gạt. “*Cuống hoặc thế gian*” (Lừa gạt, mê hoặc thế gian), “*vị cầu ẩm thực, y phục, lợi dưỡng, cung kính, danh dự, tự tán, hủy tha, tật đố đấu loạn, tham trước danh lợi, vô hữu yếm túc, ung đương tân truất, vật thọ kỳ ngôn*” (vì cầu thức ăn, quần áo, lợi dưỡng, cung kính, danh dự, khen mình, chê người, ghen tỵ, đấu đá, gây rối, tham đắm danh lợi chẳng hề chán đủ. Hãy nên trực xuất, xua đuổi, đừng nghe lời họ).

Đây là tỳ-kheo ác hạnh phê phán tỳ-kheo thanh tịnh. Đoạn sau đây là lời lẽ hủy báng của hắn: “*Như thị bất-sô chuyên hành vọng ngữ, ly đế thật pháp. Ư thử giai vô đắc đạo quả giả, diệc vô ly dục, vĩnh tận chư lậu, đản vị lợi dưỡng, cung kính, danh dự, trụ A Luyện Nhã*” (Bất-sô như thế chuyên hành vọng ngữ, lìa khỏi pháp chắc thật, đều chẳng đắc đạo quả trong đó, mà cũng chẳng lìa dục, chẳng vĩnh viễn hết sức các lậu, chỉ vì lợi dưỡng, cung kính, danh dự mà trụ trong A Luyện Nhã): Tức là nói họ trên thực tế chẳng đắc đạo quả, mà cũng chẳng ly dục, cũng chẳng hết sạch các lậu, chỉ vì lợi dưỡng, cung kính, danh dự, vì những thứ đó nên họ mới trụ trong nơi thanh tịnh, tịch tĩnh. “*Tự hiện hữu đức, thân mặc cúng dường, cung kính, thừa sự, như thị siểm khúc, phi chân phước điền, phi hành đạo giả*” (Tự làm ra vẻ có đức, hãy cẩn thận, đừng cúng dường, cung kính, thừa sự kẻ siểm nịnh, cong vạy, chẳng phải là phước điền thật sự, chẳng phải là kẻ tu hành như thế). Đó là những lời lẽ hủy báng vị tỳ-kheo thanh tịnh của tỳ-kheo ác hạnh!

“Thời, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nữ chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, ở A Luyện Nhã thanh tịnh bát-sô, bất năng sanh thật tín tâm, hy hữu chi tướng” (Khi ấy, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với bát-sô thanh tịnh ở A Luyện Nhã chẳng thể sanh tín tâm chân thật và ý tưởng hy hữu): Đối với vị tỳ-kheo tốt đẹp, họ chẳng sanh khởi lòng thành tín thật sự, chẳng sanh ý tưởng đây là vị thiện tri thức hy hữu khó tìm, cho nên họ chẳng có tâm cung kính, mà ôm lòng lẩn hiếp, khinh miệt. “Lăng” (陵) là lẩn hiếp, chúng ta nói là “*thịnh khí lăng nhân*” (盛氣陵人, khí thể hùng hực áp đảo kẻ khác) có ý nghĩa này. Miệt thị vị ấy. Khinh miệt, hủy báng vị bát-sô thanh tịnh trụ trong A Luyện Nhã như thế, tức là khinh miệt, hủy báng hết thầy chúng tách pháp nhãn Tam Bảo. Sau khi nói như vậy, tỳ-kheo ác hạnh hủy báng vị tỳ-kheo thanh tịnh, lôi kéo bọn ác nhân từ Sát-đế-lợi cho đến Bà-la-môn cùng nhau hủy báng. Chuyện ấy sanh ra hiệu quả như thế nào? Do bọn họ muốn hủy diệt chúng tách Tam Bảo. “*Pháp nhãn*”: “*Nhãn*” có nghĩa là quan sát. Chẳng có pháp, hủy diệt pháp thanh tịnh. Các chúng sanh ấy đã làm toàn điều ác, chẳng có con mắt chánh pháp, cho nên điên đảo. Nói thiện thành ác, ngược ngạo biến các điều ác do chính mình đã làm thành thiện. Như thế thì sẽ nhận được kết quả như thế nào?

(Kinh) Thời, bỉ quốc trung hữu chư thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, ở Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân hận, hổ tương vị ngôn: “Nhân đẳng! Đương quán thử Sát-đế-lợi, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, giai tất khinh hủy nhất thiết pháp nhãn Tam Bảo chúng tách, tổn giảm thiện căn, do ác hữu lực, nhiếp chư tội nghiệp, đương dọa ác thú. Ngã đẳng tùng kim vật phục ủng hộ thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, tịnh kỳ sở cư quốc độ, thành, áp”. Tác thị ngữ dĩ, nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng giai tất khí xả, bất phục ủng hộ bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, tịnh bỉ sở cư quốc độ, thành, áp. Ư bỉ quốc độ, nhất thiết pháp khí chân thật phước điền, giai xuất kỳ quốc. Thiết hữu trụ giả, diệc sanh xả tâm, bất phục hộ niệm. Do chư thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, cập chư pháp khí chân thật phước điền, ở Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, tịnh bỉ sở cư quốc độ, thành, áp, giai xả thủ hộ, bất hộ niệm dĩ. Thời bỉ quốc độ, tự quân, tha quân, cạnh khởi xâm lăng, cánh tương tàn hại, tạt địch, cơ căn, nhân thử phục hưng.

Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, nhất thiết quốc dân, giai vô hoan lạc. Tiên sở ái nhạo, kim tất biệt ly. Bằng hữu, quyền thuộc cánh tương sân hận, tiềm mưu sai nhị, vô từ, vô bi, tật đố, xan tham, chúng ác giai khởi. Sở vị sát sanh, nữ chí tà kiến, vô tâm, vô quý, thực dụng nhất thiết Tốt-đổ-ba vật, cập Tăng Kỳ vật, tăng vô hồi tâm. Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tăng tật trung hiền, ái nhạo siểm nịnh, linh kỹ quan thứ hồ tương xâm lãng, phần khuể kết oán, hưng chư đấu tránh. Cộng dư lân quốc giao trận chiến thời, quân sĩ ly tâm, vô bất thoái bại. Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục.

(經)時，彼國中有諸天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿，互相謂言：「仁等！當觀此刹帝利、宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，皆悉輕毀一切法眼三寶種姓，損減善根，由惡友力，攝諸罪業，當墮惡趣。我等從今勿復擁護此刹帝利旃荼羅等，並其所居國土城邑」。作是語已，一切天、龍、藥叉神等皆悉棄舍，不復擁護彼刹帝利旃荼羅等，並彼所居國土城邑。於彼國土，一切法器真實福田，皆出其國。設有住者，亦生舍心，不復護念。由諸天、龍、藥叉神等，及諸法器真實福田，於刹帝利旃荼羅等，並彼所居國土城邑，皆舍守護，不護念已。時彼國土自軍他軍，競起侵凌，更相殘害，疾疫饑饉，因此復興。彼刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，一切國民，皆無歡樂。先所愛樂，今悉別離。

朋友眷屬更相瞋恨，潛謀猜貳，無慈無悲，嫉妒慳貪，眾惡皆起。所謂殺生乃至邪見，無慚無愧，食用一切宰堵波物，及僧祇物，曾無悔心。彼刹帝利旃荼羅王，憎嫉忠賢，愛樂諂佞，令己官庶互相侵凌，憤恚結怨，興諸斗爭。共餘鄰國交陣戰時，軍士離心，無不退敗。彼刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong nước ấy có các trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... tin kính Tam Bảo chẳng bị lay động, phá hoại, đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến các sa-môn, Bà-la-môn v.v... toàn là hạng Chiên-đồ-la, tâm sanh sân hận, phẫn nộ, nói với nhau: “Các vị! Hãy xem bọn Chiên-đồ-la Sát-đế-lợi, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn này thấy đều khinh miệt, hủy báng hết thấy chúng tánh Tam Bảo pháp nhãn, tổn giảm thiện căn, do sức của bạn ác mà thâm tóm các tội nghiệp, sẽ đọa vào đường ác. Từ nay, chúng ta chẳng còn ủng hộ bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la v.v... ấy và quốc độ, thành, ấp nơi bọn chúng sống nữa”. Nói lời ấy xong, hết thấy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... thấy đều vứt bỏ, chẳng còn ủng hộ bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la v.v... ấy nữa, và cõi nước, thành, ấp nơi bọn chúng sống. Trong quốc độ ấy, hết thấy các bậc pháp khí, phước điền chân thật đều ra khỏi nước ấy. Nếu có vị nào ở lại thì cũng sanh tâm lừa dối, chẳng còn hộ niệm nữa. Do chư thiên, rồng, Dược Xoa thần v.v... và các bậc pháp khí, chân thật phước điền đối với bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la v.v... ấy và quốc độ, thành, ấp nơi bọn chúng sống đều buông bỏ sự thủ hộ, chẳng hộ niệm nữa, trong quốc độ đó, lúc ấy, quân của chính mình và quân nước khác đưa nhau dấy lên xâm lăng, tàn hại lẫn nhau. Dịch bệnh, đói kém do vậy lại dấy lên. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những gã Chiên-đồ-la thuộc loại sa-môn, Bà-la-môn... hết thấy quốc dân, đều chẳng được vui sướng. Những gì yêu thích trước kia, nay đều biệt ly. Bạn bè và quyến thuộc sân hận lẫn nhau, ngầm tính mưu kế, nghi ngờ, chẳng từ, chẳng bi, ghen ghét, keo tham. Các điều ác đều dấy lên, như là sát sanh, cho đến tà

kiến, chẳng thẹn, chẳng hổ, ăn dùng hết thấy những vật thuộc về Tốt-đồ-ba (tháp thờ Phật) và vật thuộc về Tăng chúng, chưa từng có tâm hối hận. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương ghen ghét bậc trung hiền, ưa thích phường siểm nịnh, khiến cho quan và dân của chính mình xâm phạm lẫn nhau, phân, sân, kết oán, dấy lên các sự đấu tranh. Khi cùng các nước lân cận giao chiến, do lòng quân ly tán, không lúc nào chẳng thua chạy. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, và bọn tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm bị đờ lưỡi chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Các vị thiện thần hộ pháp nổi tâm sân hận. “Hỗ tương vị ngôn” nghĩa là các thần nói với nhau: “Nhân đẳng! Đương quán thử Sát-đế-lợi, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la nhân” (Các vị! Hãy xem bọn Sát-đế-lợi, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la này). Họ nói hiện thời, trong quốc độ này, từ quốc vương, cho đến tể quan, cư sĩ, trưởng giả của ông ta, thậm chí còn có hàng xuất gia, Bà-la-môn đều là Chiên-đồ-la. Chiên-đồ-la là ác nhân. Ác nhân hành ác pháp. Chúng nó hủy báng Tam Bảo và hết thấy chúng tánh pháp nhãn Tam Bảo, tổn giảm căn lành. Người trong quốc độ ấy chẳng có thiện căn, do sức của bạn ác mà thâm nhiếp các tội nghiệp. Từ ác lực, tạo ra hết thấy ác nghiệp. “Đương đọa ác thú” (Sẽ đọa vào đường ác), nhất định đọa vào tam đồ!

“Ngã đẳng tòng kim, vật phục ủng hộ thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, tịnh kỳ sở cư quốc độ, thành, ấp. Tác thị ngữ dĩ, nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, giai tất khí xả” (“Chúng ta từ nay trở đi chẳng còn ủng hộ bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la này nữa và quốc độ, thành, ấp nơi bọn chúng cư ngụ”. Nói lời ấy rồi, hết thấy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... thấy đều vứt bỏ). Các vị thiện thần rời khỏi quốc độ ấy, chỉ còn lại La Sát, Dạ Xoa ác! Từ đây trở đi, quốc độ ấy chẳng cát tường, các vị hộ pháp thiện thần chẳng còn ủng hộ nữa! “Thiết hữu trụ giả, diệc sanh xả tâm” (Nếu có vị nào ở lại, cũng sanh tâm buông bỏ): Hoặc còn một số ít còn ở lại, chưa đi, nhưng chẳng hộ trì bọn chúng, sanh tâm buông bỏ. Không chỉ là thần, mà người xuất gia chúng ta [cũng buông xả]! Có thể nhìn thấy hiện tượng xã hội này: Sau khi các vị tỳ-kheo thiện lương đều buông bỏ, không thủ hộ, không còn hộ niệm bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và quốc độ, thành, ấp nơi bọn chúng sống nữa. Sau khi

chẳng còn hộ niệm, “*thời bỉ quốc độ, tự quân, tha quân, cạnh khởi xâm lăng*” (khi ấy, trong quốc độ đó, quân của nước mình và quân nước khác đua nhau đẩy lên xâm lăng): “*Tự quân*” là quân đội của chính nước mình đánh lẫn nhau, giống như tại Trung Hoa Đại Lục, quân Mao Trạch Đông và quân Quốc Dân Đảng đánh nhau rất nhiều năm. Sau đó, “*tha quân*” (quân nước khác), người Nhật Bản liền xâm lược quốc gia. “*Tha quân*” (Quân khác) tức người khác đánh xong, quân nước mình lại đánh, giết hại lẫn nhau, cho đến dịch bệnh, đói kém. Còn có tai ương nước, lửa. “*Phục hưng*” [ở đây] có nghĩa là các tai họa ấy lại đẩy lên. “*Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đặng Chiên-đồ-la nhân, nhất thiết quốc dân, giai vô hoan lạc*” (Bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-La, hết thầy nhân dân trong nước đều chẳng vui sướng): Chẳng thể vui sướng nổi! “*Tiên sở ái nhạo, kim tất biệt ly*” nghĩa là những gì được hưởng thụ, yêu thích trong quá khứ, các cảnh tượng khoái hoạt đều chẳng còn nữa, đều rời bỏ cả rồi!

“*Bằng hữu quyền thuộc, cánh tương sân hận*” (Bạn bè và quyền thuộc sân hận lẫn nhau): Thân nhân của chính mình sân hận lẫn nhau, não hại lẫn nhau. Chuyện này chẳng cần giải thích! Không chỉ Đài Loan có nhiều, mà Đại Lục cũng nhiều. Hằng ngày quý vị đều có thể trông thấy, giống như chúng ta thấy ngay cả bầu bán cũng đấu đá. “*Vô tâm, vô quý*” (Không hổ, không thẹn), khi đó “*tật đồ xan tham, chúng ác giai khởi*” (ghen ghét, keo tham, các điều ác đều đẩy lên). Toàn là tạo ác nghiệp, cho đến sát nghiệp, tà kiến. “*Chẳng hổ, chẳng thẹn*”, bao gồm rất nhiều tà kiến! Chúng tôi nêu một thí dụ đơn giản nhất. Trong khi họ ăn các chúng sanh khác, họ nói các chúng sanh đó được sanh ra để cho họ ăn! Đó gọi là tà kiến. Lợn, dê chi nữa đều là những thứ thức ăn ư? Lợn, dê sanh ra để cho con người ăn, vậy thì gà sanh ra cũng để cho người ăn ư? Nói như vậy, con người sanh ra cũng là để cho chó sói, cho cọp ăn ư? [Bị vặn hỏi như thế], bọn họ mới chẳng nghĩ như vậy, và cũng chẳng nói như vậy. Chuyện này gọi là tà kiến! Tà tri, tà kiến, chẳng hổ, chẳng thẹn! Thậm chí đôi với tiền bạc nơi chùa miếu, bọn chúng đều đến cướp lấy xài, chẳng sợ địa ngục Vô Gián. Tiền bạc từ tất cả chùa miếu, họ đều cướp lấy để dùng. “*Tăng Kỳ vật*” là những thứ cúng dường trong chùa miếu của Tăng chúng, bọn họ đều cướp lấy để dùng, một tí tâm hồi cải cũng chẳng có!

Những kẻ đó, “*bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương tăng tật trung hiền*” (gã vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy ghen ghét bậc trung thân, hiền

thần): Ghen ghét người hiền, ghen ghét người tốt, sủng ái bọn siểm mị, gian nịnh. “*Nịnh*” (佞) là gian thần, là kẻ xấu. Chúng ta nói họ trở thành người xấu. Đã làm quan, cho đến đã được bầu làm thượng nghị sĩ, đều xâm phạm lẫn nhau. Có lúc xuất phát từ tư lợi, có lúc xuất phát từ đảng phái, chưa hề lo toan nhân dân cả nước như thế nào, tuy họ luôn rêu rao “ta suy xét cho toàn thể quốc dân”, mượn cái chiêu bài ấy để thành tựu danh lợi cho chính mình. “*Hỗ tương xâm lãng*”: Trong lúc đó, sức kẻ đó chẳng chống nổi quý vị, quý vị liền giết phăng hẳn đi, hoặc là tàn sát cả gia tộc của hắn. Cái tâm phần hận của bọn họ kết chặt thành “*phần khuê*” trong tâm. “*Phần khuê*” là sức mạnh phần nộ mà chẳng tiết phát được, kết trong tâm sẽ sanh ra khuê nộ. Đây là kết thù chuốc oán, cho đến lúc chết còn nói: “*Ta thành quý cũng phải báo thù!*” Vậy là kết hận, uất hận kết lại trong tâm. Đời sau tái sanh, nếu gặp gỡ nhau, kẻ đó có thể đối xử tốt với quý vị hay không? Vì sao có người vừa mới thấy kẻ khác, chẳng có mảy may liên hệ gì với người đó, cũng rút súng bắn liền? Đây chẳng phải là kiếp này, mà là [oan trái] đã kết trong đời quá khứ. Kẻ đó vừa trông thấy, bèn chẳng thể nào không giết chết kẻ kia, vì đời trước người đã giết chết ta. Vì kẻ đó chẳng thấy đời trước, đây là “*khuê kết*”.

“*Hung chư đấu tránh*” (Dấy lên đấu đá, tranh chấp): Đề xướng đấu tranh, tuyên dương đấu tranh. Đấu đến nổi con đấu với cha, vợ chồng đấu nhau, gia tộc đấu nhau. “*Cộng dư lân quốc giao trận chiến thời*” (Lúc giao chiến với nước lân cận): Quốc gia như vậy, binh sĩ trong quân đội cũng chẳng thể đánh trận. Khi giao chiến với người khác, quân sĩ tức là các binh sĩ tác chiến, tâm họ đã rã rời, chẳng nghĩ bảo vệ quốc gia ấy, chẳng nghĩ sẽ xả thân bảo vệ quốc gia. Do vậy, cùng địch nhân giao chiến sẽ bị chiến bại! “*Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phé khuyết*” (Bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và lũ Chiên-đồ-la tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn ấy chẳng lâu sau tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết): Tức là những kẻ ấy hoặc bị người khác giết hại, tàn hại, hoặc chính mình ngã bệnh, bất luận bệnh tật như thế nào, đều sanh ra ác bệnh chẳng thể chữa trị, bị bệnh rất lâu. Trong nhiều ngày đêm, đờ lưỡi chẳng thể nói, có miệng mà chẳng thể ăn gì được!

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu, siểm khúc, ngu si, hoài

thông minh mạn, u Tam Bảo sở, vô thuần tịnh tâm, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả. Thử hữu nhất loại, u Thanh Văn Thừa đắc vì thiếu tín, thật thị ngu si, tự vị thông minh, u ngã sở thuyết Duyên Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, hủy tử, phỉ báng, bất thính chúng sanh thọ trì, độc tụng, hạ chí nhất tụng.

(經)復次, 善男子! 有刹帝利旃荼羅王、宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人, 隨惡友行, 善根微少, 諂曲愚癡, 懷聰明慢, 於三寶所, 無淳淨心, 不見不畏後世苦果。此有一類, 於聲聞乘得微少信, 實是愚癡, 自謂聰敏, 於我所說緣覺乘法, 及大乘法, 毀訾誹謗, 不聽眾生受持讀誦, 下至一頌。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, cho đến những gã Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn làm theo bạn ác, thiện căn ít ỏi, siểm khúc, ngu si, tự phụ thông minh, đối với Tam Bảo, tâm chẳng thuần tịnh, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả đời sau. Hạng người như vậy tin tưởng Thanh Văn Thừa đôi chút, thật sự là phường ngu si, tự cho là thông minh, mãi tiếp, đối với pháp thuộc Duyên Giác Thừa và pháp Đại Thừa do ta đã nói bèn chê gièm, phỉ báng, chẳng cho phép chúng sanh thọ trì, đọc tụng, dầu chỉ một bài kệ tụng).

Đây là một loại ác luân khác. Có quốc vương là ác quốc vương, tất cả tể quan, thần dân, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, và Bà-la-môn của hắn đều là kẻ ác. “Tùy ác hữu hành” (Làm theo bạn ác). “Ác hữu” (惡友, bạn ác) là sa-môn phá giới như chúng ta vừa nói, cho đến sa-môn giả mạo! Hiện thời, có rất nhiều sa-môn giả mạo. Một kẻ tại gia cũng tự xưng là pháp sư, cũng mặc áo hậu vàng, đắp y đỏ của hòa thượng, cũng thăng tòa thuyết pháp, giải thích Phật pháp theo một kiểu khác biệt. Tôi ở Đài Loan nghe nói quý vị còn có thể phát sóng trên truyền hình. Gã đó mua một tiết mục nói mấy phút. Đó là điên đảo. Kẻ như vậy, thuận theo ác hữu làm những chuyện gì? “Siểm khúc, ngu si”. Hắn còn tưởng chính mình rất thông minh. Nói là “thông minh”, vì hắn cho rằng tà kiến của chính mình rất thông minh, thông minh tới mức độ nào? Chẳng có tín

tâm đối với Tam Bảo, chẳng có tâm thuần tịnh, chẳng có tâm cung kính, chẳng tin nhân quả. Lúc ấy, có thể lộ rõ hẳn là kẻ chẳng tin nhân quả. Hễ tin nhân quả, hẳn trọn chẳng dám làm các việc ấy! Đây là kẻ chẳng học Phật pháp. Có lúc, tâm hẳn không dám làm chuyện ác, hẳn chẳng làm được, vì trong quốc độ của chúng ta, chẳng hạn như dân tộc Trung Hoa, Nho giáo cũng thế, trong truyền thống lịch sử mấy ngàn năm cũng thế, tuy [trong lúc] chưa có Phật pháp, họ cũng biết chuyện này chẳng thể làm, chẳng làm chuyện hại người, lợi mình. Nho giáo cũng dạy như thế. “Phi lễ vật thị” (Chuyện phi lễ chớ nhìn), chẳng hợp đạo lý chớ nên nhìn, chẳng hợp đạo lý thì đừng nên làm, các âm thanh chẳng hợp đạo lý đừng nên nghe. “Phi lễ vật thị, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật thính” (Chuyện phi lễ đừng nhìn, lời phi lễ chớ nói, chuyện phi lễ chớ nghe), những điều này ứng hợp với Phật giáo. Đây là “chú trọng nhân quả”.

“Hại nhân giả, nhân hằng hại chi. Sát nhân giả, nhân hằng sát chi” (Kẻ hại người, người khác luôn hại hẳn. Kẻ giết người, người khác luôn giết hẳn). Nhưng hẳn chẳng tin, cứ nghĩ chính mình rất thông minh. Nếu quý vị nói với hẳn pháp Thanh Văn, hẳn bảo: “Ta là Đại Thừa!” Nếu quý vị nói pháp Bồ Tát với hẳn, bảo hẳn hành Bồ Tát đạo, hẳn nói: “Ta là Tiểu Thừa, là tự lợi.” Rốt cuộc hẳn là thừa nào? Một thừa cũng chẳng phải! Hẳn là địa ngục thừa, mà cũng là tam đồ thừa. Hẳn ngồi lên cỗ xe ấy, cái xe đó chuyên chở hẳn vào trong tam đồ, thậm chí hẳn còn thỏa thích nữa!

Hoặc là đối với pháp nhân duyên, kẻ đó hiểu đôi chút, bèn báng pháp Thanh Văn, báng pháp Đại Thừa, báng pháp Lục Độ. Hoặc là kẻ đó học pháp Thanh Văn, học Khổ, Tập, Diệt, Đạo, liền báng pháp Duyên Giác, báng Đại Thừa, báng pháp Lục Độ. Hẳn tự cho mình là viên mãn, chính mình đang học pháp Đại Thừa, sanh khởi hủy báng đối với pháp Tiểu Thừa. Đối với pháp Tiểu Thừa, đức Phật cũng tán thán. Học pháp Đại Thừa, cứ nghĩ chẳng cần học pháp Nhị Thừa, [thế nhưng] đức Phật hoàn toàn chẳng hủy báng pháp Nhị Thừa. Đức Phật đối với người căn cơ Đại Thừa, bèn nói cho họ pháp Đại Thừa. Quý vị đã phát Bồ Đề tâm, độ hết thấy chúng sanh, hết thấy chúng sanh đều có thể độ, hướng hồ thánh nhân Nhị Thừa ư? Do vậy, pháp tam thừa đều đúng. Phải thấu hiểu đức Phật đối ứng căn cơ mà thuyết pháp, chẳng phải là chuyên nói một pháp nào! Nếu có các chúng sanh thuộc loại căn cơ này, Ngài sẽ nói cho họ loại pháp này. Đối với loại căn cơ khác, Ngài sẽ nói một loại phương pháp khác. Phương pháp tu hành có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn,

phương pháp rất nhiều, tùy thuộc nói với người nào! Nói với kẻ đó mà chẳng thích hợp thì sẽ chẳng thể nói, ý nghĩa như thế đó!

Thấu hiểu tầng ý nghĩa này, đối với pháp tam thừa, đều phải nên đọc tụng, chớ nên hủy báng. Ở đây lại nói, đối với những người xuất gia, cũng như đối với ưu-bà-di cư sĩ, giữa các cư sĩ với nhau, giữa người xuất gia với nhau, các thiện nam nữ tại gia tịnh tín, đối đãi tứ chúng đệ tử, quan tâm lẫn nhau, phải nên tôn trọng. Đối với một tỳ-kheo phá giới trên đây, phải nên đối đãi như thế nào? Kẻ đó có nhân quả của chính hắn, quý vị cứ một mực coi kẻ đó như thánh nhân. Quý vị dùng cái tâm thánh nhân, thấy hết thấy mọi người đều là thánh nhân. Thọ trì đọc tụng pháp tam thừa, tối thiểu là một bài kệ tụng.

(Kinh) Phục hữu nhất loại, u Duyên Giác Thừa đắc vi thiếu tín, thật thị ngu si, tự vị thông mãn, u ngã sở thuyết Thanh Văn Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, hủy tử, phỉ báng, bất thính chúng sanh thọ trì, độc tụng, hạ chí nhất tụng. Phục hữu nhất loại, u Đại Thừa pháp đắc vi thiếu tín, thật thị ngu si, tự vị thông mãn, u ngã sở thuyết Thanh Văn Thừa pháp, Duyên Giác Thừa pháp, hủy tử, phỉ báng, bất thính chúng sanh thọ trì, độc tụng, hạ chí nhất tụng. Như thị đẳng nhân, danh vi hủy báng Phật chánh pháp giả, diệc vi vi nghịch tam thể chư Phật, phá tam thể chư Phật nhất thiết pháp tạng, phần thiêu đoạn diệt, giai vi hôi tấn, đoạn hoại nhất thiết bát chi thánh đạo, khiêu hoại vô lượng chúng sanh pháp nhãn. Nhược Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, u Phật sở thuyết Thanh Văn Thừa pháp, Duyên Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, chương ngại phú tàng, linh kỳ ẩn một, nãi chí nhất tụng.

(經)復有一類，於緣覺乘得微少信，實是愚癡，自謂聰敏，於我所說聲聞乘法，及大乘法，毀訾誹謗，不聽眾生受持讀誦，下至一頌。復有一類，於大乘法得微少信，實是愚癡，自謂聰敏，於我所說聲聞乘法，緣覺乘法，毀訾誹謗，不聽眾生受持讀誦，下至一頌。如是等人，名為毀謗佛正法者，亦為違逆三世諸佛，破三世佛一切法藏，焚燒斷滅，皆為灰燼，斷壞一切八支聖道，挑壞無量眾生

法眼。若刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，於佛所說聲聞乘法、緣覺乘法，及大乘法，障礙覆藏，令其隱沒，乃至一頌。

(Kinh: Lại có một loại tin tưởng Duyên Giác Thừa đôi chút, thật sự là ngu si, tự cho mình thông minh, mẫn tiệp, đối với pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa do ta đã nói, chê gièm, phủ báng, chẳng cho phép chúng sanh thọ trì, đọc tụng, dầu chỉ một bài kệ tụng. Lại có một loại người tin tưởng pháp Đại Thừa đôi chút, thật sự là ngu si, tự cho là thông minh, mẫn tiệp, đối với pháp Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa do ta đã nói, chẳng cho phép chúng sanh thọ trì, đọc tụng, dầu chỉ một bài kệ tụng. Hạng người như thế gọi là hủy báng chánh pháp của Phật, cũng là trái nghịch tam thể chư Phật, phá hết thầy pháp tạng của tam thể Phật, thiêu đốt, đoạn diệt đều thành tro tàn, đứt trừ, đoạn hoại hết thầy tám chi thánh đạo, chọc mù pháp nhãn của vô lượng chúng sanh. Nếu vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn người sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, và pháp Đại Thừa do đức Phật đã nói mà chướng ngại, che giấu, khiến bị ẩn mất, dầu chỉ một bài kệ tụng).

“Phục hữu nhất loại, u Duyên Giác Thừa đắc vi thiếu tín” (Lại có một loại người đối với Duyên Giác Thừa tin tưởng đôi chút): Thật sự là kẻ ngu si, họ chẳng chứng đắc đạo Duyên Giác, tự cho chính mình thông minh, bèn báng pháp Thanh Văn Thừa. Đây gọi là “hủy báng chánh pháp”. Quý vị có biết “Án, ma ni bát di hồng” (Aum, maṇi padme hūm) chứa đựng ý nghĩa gì hay không? Quý vị ắt phải dùng cách hiển thị, dùng ngôn ngữ chỉ bày để giải thích một phen, quý vị mới có thể biết. “Án, ma ni bát di hồng”, tất cả các kinh luận của Quán Tự Tại Bồ Tát đều có thể bao hàm trong sáu chữ ấy, thậm chí được bao gồm trong một chữ Án. Một chữ Án trọn đủ hết thầy. Chẳng có cơ sở Hiền Giáo, quý vị chẳng hiểu, làm sao có thể nhập cho được? Đây là dạy chúng ta đối với chánh pháp Tam Bảo, phải nên hộ trì, chớ nên hủy báng. Nếu hủy báng, quý vị đã hủy báng chánh pháp, đó là pháp tạng của tam thể chư Phật. Đối với bất luận các tông, các phái, dù Hiền hay Mật, quý vị cho rằng pháp nào đó không đúng thì chẳng học là được rồi. Pháp ấy chẳng thích hợp với căn cơ của quý vị. Quý vị phải tìm pháp nào đúng với căn cơ của quý vị. Hủy báng tương đương với “phân thiêu đoạn diệt” (thiêu

đốt, đoạn diệt), chọc mù pháp nhãn của vô lượng chúng sanh, khiến cho chúng sanh đều thành kẻ mù, chẳng có trí huệ nơi pháp.

“*Nhược Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đặng Chiên-đồ-la nhân, u Phật sở thuyết Thanh Văn Thừa pháp, Duyên Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, chương ngại, phú tàng*” (Nếu vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, và pháp Đại Thừa do đức Phật đã nói mà chướng ngại, che giấu), khiến cho các pháp ấy chẳng thể hoằng dương, “*linh kỳ ản một*” (khiến chúng bị ảm mất). Bộ kinh nào chẳng được nói, bộ kinh ấy sẽ dần dần chẳng còn trên cõi đời. Vì sao có người nói “khi pháp diệt, kinh A Di Đà vẫn còn trụ thế một trăm năm”? Vì có nhiều người hoằng dương Tịnh Độ. [Trong khi đó, có các kinh] giáo nghĩa rất sâu, nhưng giải thích quá ít, bất luận bộ kinh nào [gặp phải tình cảnh ấy, sẽ dần dần bị ảm mất]. Hiện thời, trong Kinh Tạng có rất nhiều phương pháp tốt đẹp, nhưng rất nhiều pháp đều bị ảm mất!

Nếu duyệt tạng (閱藏, đọc Đại Tạng Kinh), quý vị có thể cảm nhận bộ kinh ấy đối với quý vị rất thích hợp, lại chẳng có ai giảng, chẳng có ai hoằng dương, chẳng có ai đề xướng, chẳng được ấn hành. Chúng ta trừ mấy bộ kinh như kinh Kim Cang, kinh A Di Đà, kinh Dược Sư ra, rất nhiều kinh dần dần không được nhắc đến nữa, chúng sẽ dần dần biến mất. Chẳng có ai hoằng dương, sẽ bị mai một. Hoằng dương kinh A Di Đà nhiều vì pháp này thích hợp căn cơ của chúng ta trong đời Mạt Pháp, xác thật là đối ứng căn cơ. Quý vị học chẳng hiểu, cứ niệm câu A Di Đà Phật là được rồi! Niệm câu A Di Đà Phật cũng có thể đắc độ. Nhưng nếu đã học, phải học cho kỹ, học kỹ là như thế nào? Có rất nhiều phương pháp niệm A Di Đà Phật. Trước hết, hãy thanh tịnh cái tâm của quý vị, tự hỏi chính mình dùng cái tâm gì để niệm? Niệm Phật chẳng phải là miệng niệm, niệm Phật phải từ tâm khởi niệm. Niệm nào cũng đều phải quy vào tâm. Cái tâm này của quý vị là Phật, tâm này làm Phật. A Di Đà chính là quý vị. Chính quý vị có thể phóng vô lượng quang, nhưng quý vị ắt phải học thấu đáo. Nếu quý vị hủy báng, pháp ấy liền bị chướng ngại, dần dần sẽ bị hủy diệt!

(Kinh) Đương tri thị nhân, danh bất cung kính nhất thiết pháp nhân Tam Bảo chủng tánh. Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đấng, tín kính Tam Bảo vô động hoại

giả, w Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phần, quảng thuyết nữ chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, w đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian đại ngục.

(經)當知是人，名不恭敬一切法眼三寶種姓。由是因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿，廣說乃至彼刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當支體廢缺，於多日夜結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間大獄。

(Kinh: Hãy nên biết người ấy được gọi là chẳng cung kính hết thầy chúng tánh pháp nhãn Tam Bảo. Do nhân duyên ấy, khiến cho hết thầy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... hộ trì quốc độ ấy là những vị tín kính Tam Bảo chẳng lay động, chẳng bị phá hoại, sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn người Chiên-đồ-la sa-môn, Bà-la-môn, nói rộng là cho đến bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy chẳng bao lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm, đờ lưỡi chẳng thể nói được, chịu các nỗi khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sanh vào ngục lớn Vô Gian).

Kẻ hủy báng hãy nên biết: Ai hủy báng, ai là “bất cung kính nhất thiết pháp nhãn Tam Bảo chúng tánh, do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả” (chẳng cung kính hết thầy chúng tánh pháp nhãn Tam Bảo. Do nhân duyên ấy, khiến cho hết thầy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... hộ trì quốc độ ấy là những vị tín kính Tam Bảo chẳng lay động, chẳng bị phá hoại): Lòng tin của các vị quý thần ấy có nền tảng, chẳng tùy tiện dao động. “Vô động hoại giả” [nghĩa là] chẳng hề dao động tín tâm, chẳng thể phá hoại tín tâm của họ được. Trời, rồng, Dược Xoa thần như vậy, trong các vị trời, rồng, Dược Xoa thần là Dạ Xoa, có thiện và

ác. Người có thiện và ác, thần cũng có thiện và ác giống hệt như vậy. Thiện thần hộ pháp đối với vua Chiên-đồ-la Sát-đế-lợi cho đến những kẻ Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... sanh tâm sân hận, nói rộng là cho đến bốn người gồm vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những kẻ Chiên-đồ-la chẳng bao lâu tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết. Kẻ báng pháp “*ư đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhân, mạng chung định sanh Vô Gián đại ngục*” (trong nhiều ngày đêm, đó lưỡi chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sanh vào đại ngục Vô Gián): Điều này giống như trong phần trước [đã nói], quyết định sanh vào đại ngục Vô Gián, đó cũng là địa ngục Vô Gián.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy trực phá giới ác bất-sô hành, quảng thuyết nãi chí ư bỉ quốc trung hữu chư pháp khí, chân thật phước điền, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, giai trụ xả tâm, nhi bất hộ niệm. Tuy cư kỳ quốc, nhi y pháp trụ, thường bất hỷ nhạo tục gian cư chỉ, diệc bất sở sở vãng thí chủ gia. Thiết linh tạm vãng, nhi hộ ngữ ngôn. Túng hữu ngữ ngôn, tăng vô hư cuống, chung bất đối bỉ tại gia nhân tiền, cơ hủy, khinh lộng chư phá giới giả. Ư chư phá giới ác hạnh bất-sô, chung bất khinh nhiên triếp tương kiểm vấn, diệc bất hiện tướng, cố hiển kỳ phi, thường cận phước điền, viễn chư phá giới. Nhi bỉ phá giới, ác hạnh bất-sô, ư thử trì giới, chân thiện hạnh giả, phản sanh sân hận, khinh hủy xâm lãng, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tại gia nam, nữ, đại, tiểu đẳng tiền, chủng chủng siểm khúc, hư vọng đàm luận, hủy tử, phi báng thử trì giới giả, linh Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, ư ngã đệ tử thiếu dục, tri túc, trì giới, đa văn, cụ diệu biện tài chư bất-sô sở, tâm sanh sân hận, chủng chủng thô ngôn, ha mạ, bức thiết, linh tâm ưu não, thân bất an thái, hoặc đoạt y, bát, chư tư thân cụ, linh kỳ quỹ pháp, hoặc đoạt sở thí tứ phương Tăng vật, bất thính thọ dụng, hoặc bế lao ngục, già tỏa khảo sở, hoặc giải chi tiết, hoặc trảm thân thủ.

(經)復次，善男子！有刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨逐破戒惡苾芻行，廣說乃至於彼國中有諸法器，真實福田，於刹帝利旃荼羅等，皆住舍心，而不護念。雖居其國，而依法住，常不喜樂俗間居止，亦不數數往施主家。設令暫往，而護語言。縱有語言，曾無虛誑，終不對彼在家人前，譏毀輕弄諸破戒者。於諸破戒惡行苾芻，終不輕然輒相檢問，亦不現相，故顯其非，常近福田，遠諸破戒。而彼破戒，惡行苾芻，於此持戒，真善行者，反生瞋恨，輕毀侵凌，於刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，在家男女大小等前，種種諂曲，虛妄談論，毀訾誹謗此持戒者，令刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，於我弟子少欲知足，持戒多聞，具妙辯才諸苾芻所，心生瞋恨，種種粗言，呵罵逼切，令心憂惱，身不安泰，或奪衣鉢，諸資身具，令其匱乏，或奪所施四方僧物，不聽受用，或閉牢獄，枷鎖拷楚，或解支節，或斬身首。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Có Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những gã Chiên-đồ-la làm theo ác bất-sô phá giới, nói rộng là cho đến trong nước ấy có những vị là pháp khí, là ruộng phước chân thật, đối với bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy, đều mang tâm lừa dối, chẳng hộ niệm chúng. Tuy ở trong nước ấy, nhưng theo đúng pháp mà trụ, thường chẳng ưa thích sống trong thế tục, cũng chẳng nhiều lượt đến nhà thí chủ. Dầu có tạm đến, bèn gìn giữ lời ăn tiếng nói. Dầu có nói năng, chưa từng hư dối, trọn chẳng đối trước kẻ tại gia mà gièm chê, hủy báng, khinh thường, trào lộng các kẻ phá giới. Đối với các bất-sô ác hạnh, phá giới, trọn chẳng khinh suất tùy tiện

tra hỏi, cũng chẳng hiện tướng cố ý hiển lộ sai trái của họ, thường gần phước điền, xa các kẻ phá giới. Nhưng gã bất-sô phá giới, ác hạnh ấy đối với bậc trì giới, thiện hạnh chân thật đó lại ngược ngạo sanh lòng sân hận, khinh miệt, hủy báng, xâm lấn, đối trước vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tại gia nam, nữ, lớn, nhỏ, đủ loại siểm khúc, đàm luận hư vọng, chê bai, phỉ báng vị trì giới ấy, khiến cho vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những kẻ Chiên-đồ-la thuộc sa-môn, Bà-la-môn đối với các đệ tử bất-sô thiếu dục, tri túc, trì giới, đa văn, trọn đủ biện tài hay khéo của ta, sanh tâm sân hận, dùng đủ mọi lời lẽ thô lỗ, quở trách, chửi bới, bực bách, khiến cho tâm họ ưu não, thân chẳng yên ổn, hoặc cướp đoạt y, bát, và các vật dụng cần dùng, khiến họ bị thiếu thốn, hoặc đoạt vật thí cho tứ phương Tăng, hoặc giam vào lao ngục, gông, xiềng, tra khảo, hoặc chặt chân tay, hoặc chém đứt đầu).

Đoạn kinh văn này nói: Từ ác vương cho đến ác nhân, đều bị thiện thần hộ trì quốc độ ấy lia bỏ, chẳng hộ niệm bọn chúng nữa. Cũng có vị vẫn ở trong quốc độ ấy, có vị đã bỏ đi, có vị vẫn chưa rời đi. Tuy chẳng rời đi, cũng chẳng quản, chẳng hộ niệm quốc độ, chẳng hộ niệm những kẻ trên đây! Hạng người ấy chẳng thích trụ trong thế gian, thích sống nơi tịch tĩnh, tức là như trong phần trước đã nói là “*trụ tịch tĩnh xứ*”, nơi đó được gọi là A Lan Nhã (hoặc A Luyện Nhã). Họ cũng chẳng thường xuyên đến nhà thí chủ, đó cũng là nhà thí chủ có tín tâm. “*Thiết linh tạm vãng*” (Giả sử tạm đến), hoặc là do có chuyện gì phải đến một phen, đối với lời ăn tiếng nói của chính họ, họ khéo giữ gìn, chẳng nói lời hư dối, chẳng nói lời gạt găm, mê hoặc kẻ khác. Cũng chẳng ở trước mặt hàng tại gia “*cơ hủy khinh lộng*” (gièm chê, hủy báng, khinh miệt, trào lộng) các kẻ phá giới, tức là trọn chẳng nói lỗi của tỳ-kheo phá giới, bất luận đối với ai, bất luận đối với quốc vương! Trên đây, đã nêu rất nhiều trường hợp, đều chẳng nói lỗi của tỳ-kheo ác hạnh. “*Cố hiển kỳ phi*” tức là cố ý hiển lộ lỗi lầm của tỳ-kheo phá giới, ác hạnh. “*Thường cận phước điền, viễn chư phá giới*” (Thường gần ruộng phước, xa những kẻ phá giới): Bản thân họ chẳng ở chung với tỳ-kheo phá giới, nhưng bất-sô phá giới, ác hạnh ngược ngạo sanh lòng sân hận đối với người trì giới. Vì thiện nhân, thiện hạnh tỳ-kheo do gìn giữ ngôn hạnh, chẳng có câu nào nhắc đến lỗi quấy của hắn. Nhưng tỳ-kheo ác hạnh lại khác, hắn đâm ra “*khinh hủy, xâm lăng*” (khinh miệt, hủy báng, xâm phạm), xâm phạm vị thiện tỳ-kheo ấy, đối trước “*Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-*

môn, Bà-la-môn đấng Chiên-đồ-la nhân” (vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những gã Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn), hoặc đối trước tại gia nam, nữ, bất luận người lớn, kẻ nhỏ, đủ loại siểm khúc, hư vọng đàm luận, “*hủy tử, phi báng thử trì giới giả*” (hủy báng, gièm pha, phi báng người trì giới ấy), nói xấu người thanh tịnh ấy, tức vị tỳ-kheo thanh tịnh, khiến cho vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy tâm sanh sân hận, cho đến dùng đủ loại lời lẽ thô ác, quở trách, chửi bới, bức bách, khiến cho tâm họ ưu não, khiến cho các tỳ-kheo như thế, tức các tỳ-kheo tu hành thân lẫn tâm đều chẳng được an ổn, thanh thản! Hoặc còn tệ hơn nữa là cướp đoạt y, bát, và các vật dụng sinh hoạt của các vị thiện tỳ-kheo, khiến cho họ bị thiếu thốn. Hoặc đoạt những vật thí cho tứ phương Tăng. Những thứ do người khác cúng dường cho tỳ-kheo, họ đều tước đoạt, chẳng cho hưởng dụng. Tệ hơn nữa là “*hoặc bế lao ngục, già tỏa khảo sở, hoặc giải chi tiết, hoặc trảm thân thủ*” (hoặc nhốt vào lao ngục, gông xiềng tra khảo, hoặc chặt chân tay, hoặc chém đầu). Đủ mọi hình phạt, phi lý hành hạ!

(Kinh) Thiện nam tử! Đương quán như thị chư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đấng Chiên-đồ-la nhân, thân cận phá giới, ác hạnh bất-sô, tạo tác như thị chủng chủng đại tội, nữ chí đương đạo Vô Gian địa ngục. Nhược chư chúng sanh tác Ngũ Vô Gian, hoặc phạm trọng giới, hoặc cận Vô Gian tánh tội, giá tội do khinh. Như thị chư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đấng Chiên-đồ-la nhân, thân cận phá giới, vi phạm pháp trọng tội. Thiện nam tử! Như thị phá giới, ác hạnh bất-sô, tuy tác như thị vi phạm trọng tội, nhi y ngã pháp, thể trừ tu phát, bị phục ca-sa, tấn chỉ oai nghi đồng chư hiền thánh, ngã thượng bất hứa quốc vương, đại thân, chư tại gia giả, y tục chánh pháp, dĩ tiên, trọng đấng, chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, hưởng y phi pháp? Quốc vương, đại thân, chư tại gia giả, nhược tác thử sự, tiện hoạch đại tội, quyết định đương sanh Vô Gian địa ngục. Ư chư phá giới, ác hạnh bất-sô, do thượng bất ưng như thị trích phạt, hà hưởng trì giới chân thiện hạnh giả? Thiện nam tử! Nhược hữu bất-sô, u chư căn bản tánh trọng tội trung, tùy phạm nhất tội, tuy danh phá giới ác hạnh bất-sô, nhi u thân giáo hòa hợp Tăng trung, sở đắc luật nghi, do bất đoạn tuyệt, nữ chí khí xả sở học Thi La, do hữu bạch pháp hương khí tùy trực. Quốc vương, đại thân, chư tại gia giả, vô hữu luật nghi, bất ưng khinh mạn,

cập gia trích phạt. Như thị bất-sô tuy phi pháp khí, thoái thất thánh pháp, uế tạp thanh chúng, phá hoại nhất thiết sa-môn pháp sự, bất đắc thọ dụng tứ phương Tăng vật, nhi u thân giáo hòa hợp Tăng trung, sở đắc luật nghi bất khí xả cố, do thắng nhất thiết tại gia bạch y. Phạm tánh tội giả, thượng ưng như thị, huông phạm kỳ dư chư tiểu giá tội. Thị cố, bất hứa quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, khinh mạn, trích phạt.

(經)善男子！當觀如是諸刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，親近破戒，惡行苾芻，造作如是種種大罪，乃至當墮無間地獄。若諸眾生作五無間，或犯重戒，或近無間性罪，遮罪猶輕。如是諸刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，親近破戒，越法重罪。善男子！如是破戒，惡行苾芻，雖作如是越法重罪，而依我法，剃除鬚髮，被服袈裟，進止威儀同諸賢聖，我尚不許國王、大臣、諸在家者，依俗正法，以鞭杖等捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命，況依非法？國王、大臣、諸在家者，若作此事，便獲大罪，決定當生無間地獄。於諸破戒，惡行苾芻，猶尚不應如是謫罰，何況持戒真善行者？善男子！若有苾芻，於諸根本性重罪中，隨犯一罪，雖名破戒惡行苾芻，而於親教和合僧中，所得律儀，猶不斷絕，乃至棄舍所學尸羅，猶有白法香氣隨逐。國王、大臣、諸在家者，無有律儀，不應輕慢，及加謫罰。如是苾芻雖非法器，退失聖法，穢雜清眾，破壞一切沙門法事，不得受用四方僧物，而於親教和合僧中，所得律儀不

棄舍故，猶勝一切在家白衣。犯性罪者，尚應如是，況犯其餘諸小遮罪。是故，不許國王、大臣、諸在家者，輕慢謫罰。

(Kinh: Này thiện nam tử! Hãy nên quán các vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la như thế, thân cận bất-sô phá giới, ác hạnh, tạo tác đủ mọi tội to lớn như thế, cho đến sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Nếu các chúng sanh tạo tội Ngũ Vô Gián, hoặc phạm trọng giới, hoặc tánh tội Cận Vô Gián, giá tội còn nhẹ. Các vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn người sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la như thế thân cận kẻ phá giới, vượt pháp, phạm trọng tội. Này thiện nam tử! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, tuy tạo trọng tội vượt pháp như thế, nhưng do nương theo pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, mặc khoác ca-sa, oai nghi cư xử, giống như các vị hiền thánh, ta còn chẳng cho phép quốc vương, đại thần, những kẻ tại gia nương theo chánh pháp của thế tục dùng roi, gậy v.v... để đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ, hưởng hồ nương theo phi pháp! Quốc vương, đại thần, các kẻ tại gia, nếu làm chuyện ấy, sẽ mắc tội lớn, quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gián. Đối với các bất-sô ác hạnh, phá giới, còn chẳng nên trừng phạt như thế, hà huống [làm như thế đối với] bậc trì giới, thiện hạnh thật sự ư? Này thiện nam tử! Nếu có bất-sô đối với các trọng tội mang tánh chất căn bản, hễ phạm một tội, tuy gọi là “bất-sô phá giới, ác hạnh”, nhưng luật nghi đã được truyền thọ bởi Tăng chúng thân giáo hòa hợp vẫn chẳng đoạn tuyệt, thậm chí kẻ đó vứt bỏ Thi La đã học, vẫn còn có hương thơm bạch pháp đọng lại. Quốc vương, đại thần, những kẻ tại gia, do chẳng có luật nghi, chớ nên khinh mạn và ra tay trừng phạt. Bất-sô như thế, tuy chẳng phải là pháp khí, lui mất thánh pháp, ứ tạp Tăng chúng thanh tịnh, phá hoại hết thấy các pháp sự của sa-môn, chẳng được thọ dụng vật dụng của tứ phương Tăng, nhưng chẳng vứt bỏ luật nghi đã đạt được từ thân giáo hòa hợp Tăng, vẫn hơn hẳn hết thấy kẻ bạch y tại gia. Kẻ phạm tánh tội còn nên như thế, huống hồ kẻ phạm những giá tội nhỏ khác. Vì thế, chẳng cho phép quốc vương, đại thần, và những kẻ tại gia khinh mạn, trừng phạt).

“Nhu thị chủng chủng đại tội” (Đủ loại tội lớn như thế) tức là vì dùng đủ mọi cách hãm hại bậc tỳ-kheo thiện lương, tỳ-kheo trì giới, tỳ-kheo tu hành, tức là phạm vào đủ loại tội lớn, “đương đọa Vô Gián địa ngục” (sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián). “Nhuợc chư chúng sanh tác Ngũ

Vô Gián, hoặc phạm trọng giới, hoặc Cận Vô Gián tánh tội” (Nếu các chúng sanh tạo tội Ngũ Vô Gián, hoặc phạm trọng giới, hoặc tánh tội Cận Vô Gián): Tội Cận Vô Gián, còn chưa phạm đại tội Ngũ Vô Gián. Tôi nêu thí dụ như sau: Giết người, nhưng chưa giết chết, [tức là] tuy người ấy bị giết, nhưng sau đó không chết, cái tội ấy là tội Cận Ngũ Vô Gián, vẫn chưa phải là tội Ngũ Vô Gián. Chẳng hoàn thành thì vẫn chưa kể là phạm giới căn bản. Nhưng tỳ-kheo có ác hạnh ấy đã là tỳ-kheo phá giới. “*Thiện nam tử! Như thị phá giới ác hạnh bất-sô, tuy tác như thị vi phạm trọng tội*” (Này thiện nam tử! Bất-sô ác hạnh, phá giới như thế tuy tạo trọng tội vượt pháp như vậy), kẻ đó đã tạo loại trọng tội ấy, tội Vô Gián ấy, nhưng do kẻ đó nương theo pháp của ta cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa, oai nghi cử chỉ vẫn giống bậc hiền thánh. Quốc vương đối với tỳ-kheo ác hạnh, cũng có quốc vương thiện lương, chẳng hoàn toàn là quốc vương mang tánh ác. Ác tánh quốc vương có cùng một thể với kẻ đó (tỳ-kheo phá giới), đương nhiên sẽ chẳng giết kẻ đó, chẳng hại kẻ đó, vì nghĩ hấn làm đúng. Quốc vương thiện lương, đối với gã ác tánh tỳ-kheo ấy, tuy hấn chẳng thể vâng theo chánh pháp, hoặc là gã tỳ-kheo ấy trộm cắp, hoặc là gã tỳ-kheo ấy giết người, đáng phải đền mạng. Chiếu theo chánh pháp [của thế tục], phải đoạn dứt sanh mạng của gã tỳ-kheo ấy, điều này chớ nên! Vì hấn đã thị hiện tướng trạng giống như bậc hiền thánh, là Tăng Bảo có thiện căn thọ giới, hãy còn thể lực sót lại của thiện pháp. Thể lực ấy chưa tiêu hết sạch, [cho nên] chẳng thể đoạn mạng hấn, huống hồ [xử trí theo] phi pháp ư? Dẫu hợp pháp, cũng chẳng thể làm như vậy, vâng theo phi pháp thì càng chẳng thể được!

Do đó, “*quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, nhược tác thử sự, tiện hoạch đại tội*” (quốc vương, đại thần, những kẻ tại gia, nếu làm chuyện này sẽ mắc tội lớn): Nếu đối với vị tỳ-kheo phá giới mà làm chuyện ấy, tức là trừng phạt kẻ đó, sẽ mắc tội lớn. “*Quyết định đương sanh Vô Gián địa ngục*” (Quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gián), tương đương với quý vị đã sát sanh. Đối với các bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, còn chẳng nên trách phạt như vậy, huống hồ là [trách phạt như vậy đối với] bậc trì giới, thiện hạnh chân thật? Đối với tỳ-kheo phá giới còn chẳng thể làm như vậy, cho đến đối với người tu hành, tỳ-kheo thật sự trì giới, cho đến tỳ-kheo hoằng pháp, cho đến tỳ-kheo thật sự trụ trì chánh pháp, càng chẳng thể làm như thế. Làm như vậy, tội càng lớn hơn nữa!

Bốn giới “*giết, trộm, dâm, dối*”, hễ phá bất cứ một giới nào trong ấy, đều gọi là “*tỳ-kheo phá giới, ác hạnh*”, nhưng luật nghi đã được

truyền thọ từ thân giáo hòa hợp Tăng vẫn chẳng đoạn tuyệt. Kẻ ấy vẫn chưa hoàn toàn đánh mất, vẫn chẳng đoạn giới thể của luật nghi đã thọ. Thậm chí đối với Thi La đã học, tuy tỳ-kheo phá giới, ác hạnh ấy đã hoàn toàn vứt bỏ, chẳng học nữa, nhưng hẳn vẫn còn có mùi hương của pháp thanh tịnh. Thể lực sót lại của giới hương vẫn còn đọng lại, [ví như] đàn hương đã đốt, khói đã chẳng còn, nhưng quý vị ở trong căn nhà ấy đã lâu, trên thân quý vị vẫn có mùi hương, còn có mùi đàn hương, hoặc mùi trầm hương, có hàm nghĩa như vậy.

“*Quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, vô hữu luật nghi, bất ưng khinh mạn*” (Quốc vương, đại thần, những kẻ tại gia do chẳng có luật nghi, chớ nên khinh mạn): Quốc vương, đại thần, bản thân quý vị chẳng thọ giới, chẳng có giới luật nghi, làm sao có thể khinh mạn kẻ đó cho được? Huống hồ lại còn trách phạt! “*Như thị bất-sô, tuy phi pháp khí, thoái thất thánh pháp, uế tạp thanh chúng, phá hoại nhất thiết sa-môn pháp sự, bất đắc thọ dụng tứ phương Tăng vật, nhi u thân giáo hòa hợp Tăng trung, sở đắc luật nghi bất khí xả cố*” (Bất-sô như thế tuy chẳng phải là pháp khí, lui mất thánh pháp, uế tạp Tăng chúng thanh tịnh, phá hoại pháp sự của hết thầy sa-môn, chẳng được thọ dụng vật của tứ phương Tăng, nhưng do chẳng vứt bỏ luật nghi đã được truyền thọ từ thân giáo hòa hợp Tăng). Do vì thoát đầu thọ giới, học Luật từ Thân Giáo Sư của người ấy, kẻ đó vẫn chưa hoàn toàn vứt bỏ luật nghi đã được truyền thọ bởi hòa hợp Tăng. Do vậy, kẻ đó vẫn hơn hẳn hết thầy hàng bạch y tại gia. Đã phạm giới căn bản, “*phạm tánh tội giả, thượng ưng như thị*” ([đối với] kẻ phạm tánh tội, còn nên như thế). Đối với [tỳ-kheo] phạm giới căn bản, hàng tại gia bạch y, hoặc quốc vương còn chẳng nên coi thường kẻ đó, chớ nên trách phạt kẻ đó. Cho đến trường hợp tỳ-kheo phá giới ấy phạm giá tội nhỏ, lại càng không nên làm, tức là càng không nên trách phạt kẻ đó.

Nếu quốc vương, đại thần, các kẻ tại gia khinh mạn, trách phạt [tỳ-kheo phá giới] thì chẳng đúng! Chớ nên trách phạt, khinh mạn kẻ đó. Nói như vậy, dường như đức Phật rất bảo vệ các đệ tử, kẻ đã phá giới mà còn bảo vệ như vậy! Hoàn toàn chẳng phải là do nguyên nhân này. Chẳng phải là bảo vệ họ, mà là bảo vệ quý vị, bảo vệ kẻ tại gia hủy báng họ, sợ quý vị sẽ chôn vùi phước đức, sẽ đọa địa ngục. Chẳng phải là bảo vệ kẻ [phá giới] đó! Nếu chúng ta quan sát sai lầm, [sẽ tưởng] đức Phật bảo vệ đệ tử phá giới của Ngài, giống như bọn tại gia chúng ta bảo vệ con cái của chính mình, hoặc như công ty bảo vệ viên chức của chính mình. Dùng quan niệm ấy để nhận thức đức Phật thì sai lầm mất rồi! Vì

sao nói như vậy? Vì đức Phật bảo vệ quý vị khiến cho quý vị đừng tạo tội, hoàn toàn chẳng phải là bảo vệ tỳ-kheo phá giới ấy. Ai hủy báng kẻ đó, kẻ đó làm gì thì kẻ đó phải chịu báo, chứ nếu quý vị hủy báng kẻ đó, sẽ mắc tội. Đây là bảo vệ quý vị, chớ nên làm như vậy.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Thiện nam tử! Nãi vãng quá khứ, hữu Ca Xa quốc vương danh Phạm Thọ, sắc Chiên-đồ-la: “Hữu đại tượng vương, danh Thanh Liên Mục, lục nha cụ túc, trụ Tuyết sơn biên, như khả vãng bỉ, bạt thủ nha lai. Nhược bất đắc giả, như đẳng ngũ nhân, định vô hoạt nghĩa”. Thời, Chiên-đồ-la vị hộ thân mạng, chấp trì cung tiễn, phi xích ca-sa, trá hiện sa-môn oai nghi hình tướng, vãng Tuyết sơn biên, chí tượng vương sở. Thời, bỉ mẫu tượng dao kiến nhân lai, chấp trì cung tiễn, kinh bố trì tẩu, nghệ tượng vương sở, bạch ngôn: “Đại Thiên! Kim kiến hữu nhân trưng cung, niệp tiễn, từ hành thị siêm, lai thú ngã đẳng, tương phi ngã đẳng mạng dục tận da?” Tượng vương văn dĩ, cử mục tiện kiến thể trừ tu phát, trước ca-sa nhân, tức vị mẫu tượng, nhi thuyết tụng viết: “Bị Căng-già sa đẳng, chư Phật pháp tràng tướng, quán thử ly chư ác, tất bất hại chúng sanh”. Thời, bỉ mẫu tượng dĩ tụng đáp viết: “Tuy tri bị pháp phục, nhi chấp trì cung tiễn, thị ác Chiên-đồ-la, nhạo ác, vô bi mẫn”. Thời, đại tượng vương phục thuyết tụng viết: “Kiến ca-sa nhất tướng, tri thị từ bi bổn, thử tất quy Phật giả, mẫn niệm chư chúng sanh. Nhữ vật hoài nghi lục, nghi ung tốc nhiếp tâm, bị thử pháp y nhân, dục độ sanh tử hải”.

(經)所以者何? 善男子! 乃往過去, 有迦奢國王名梵授, 敕旃荼羅: 「有大象王, 名青蓮目, 六牙具足, 住雪山邊, 汝可往彼, 拔取牙來。若不得者, 汝等五人, 定無活義」。時, 旃荼羅為護身命, 執持弓箭, 披赤袈裟, 詐現沙門威儀形相, 往雪山邊, 至象王所。時, 彼母象遙見人來, 執持弓箭, 驚怖馳走, 詣象王所, 白言: 「大天! 今見有人張弓捻箭, 徐行視覘, 來趣我等, 將非我等, 命欲盡耶? 」象王聞已, 舉目便見剃除鬚髮, 著袈裟人, 即

為母象而說頌曰：「被殃伽沙等，諸佛法幢相，觀此離諸惡，必不害眾生」。時，彼母象以頌答曰：「雖知被法服，而執持弓箭，是惡旃荼羅，樂惡無悲愍」。時，大象王復說頌曰：「見袈裟一相，知是慈悲本，此必歸佛者，愍念諸眾生。汝勿懷疑慮，宜應速攝心，被此法衣人，欲渡生死海」。

(Kinh: Vì có sao vậy? Nay thiện nam tử! Trong thời quá khứ, có nước Ca Xa, vua tên Phạm Thọ, sắc truyền Chiên-đồ-la: “Có voi chúa lớn, tên là Thanh Liên Mục, có đủ sáu ngà, ở cạnh núi Tuyết, các người hãy sang đó, bẻ lấy ngà về. Nếu chẳng lấy được, năm đũa người đừng mong sống nữa!” Khi đó, Chiên-đồ-la vì giữ tánh mạng, cầm nắm cung, tên, khoác ca-sa đỏ, giả vờ hiện oai nghi và hình tướng sa-môn, đến bên núi Tuyết, tới chỗ voi chúa. Khi ấy, voi cái từ xa trông thấy có người đi đến, cầm nắm cung, tên, bèn kinh sợ rảo chạy đến chỗ voi chúa, bạch rằng: “Đại Thiên! Nay tôi thấy có kẻ giương cung, lắp tên, đi thông thả nhìn ngó, tới chỗ chúng ta, chẳng phải là muốn đoạn mạng của chúng ta ư?” Voi chúa nghe nói, nhướng mắt liền thấy người cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, liền vì voi cái nói bài tụng rằng: “Người đắp tướng pháp tràng, của Hằng sa chư Phật, xét ra, là các ác, ắt chẳng hại chúng sanh”. Lúc đó, voi cái dùng kệ tụng đáp: “Tuy biết mặc pháp phục, nhưng cầm nắm cung, tên, là ác Chiên-đồ-la, chuộng ác, chẳng thương xót”. Khi ấy, đại tượng vương lại nói kệ tụng rằng: “Trông thấy tướng ca-sa, biết vốn là từ bi, người ấy ắt quy Phật, nghĩ thương các chúng sanh. Người đừng lo ngại nữa, hãy nên mau nhiếp tâm, người mặc pháp y này, muốn vượt biển sanh tử”).

Đây là đức Phật tự mình nêu thí dụ: Có voi chúa lớn tên là Thanh Liên Mục (mắt như sen xanh). Voi trắng sáu ngà là voi báu. Nó ở chỗ nào? Ở bên núi Tuyết. Trong quá khứ, có nước tên Ca Xa La, quốc vương tên là Phạm Thọ. Vua tìm mấy gã ác nhân Chiên-đồ-la, tức ác nhân thuộc chủng tánh Chiên-đồ-la, vua bảo họ: “Có voi chúa lớn tên là Thanh Liên Mục, có đủ sáu ngà đang ở bên núi Tuyết. Ngà của nó là ngà báu. Các người qua nơi đó, bẻ ngà nó về cho ta. Nếu các người chẳng bẻ

được ngài, ta sẽ giết toàn bộ các người”. Năm gã Chiên-đồ-la ấy chẳng có cách nào, vì bảo vệ thân mạng của chính mình, bèn đi giết con voi ấy. Bọn họ biết dùng sức của chính họ, nhất định sẽ bị con voi ấy đạp chết. Vì voi có oai lực rất lớn, bọn họ làm cách nào? Bọn họ liền cầm theo cung, tên, ở chỗ cách xa con voi ấy, hóa trang thành sa-môn, cạo tóc, tìm y ca-sa đỏ, giả làm oai nghi và hình tướng sa-môn. “*Vãng Tuyết sơn biên, chí tượng vương sở*” (Đến bên núi Tuyết, tới chỗ voi chúa). Voi chúa ấy có voi cái; từ xa, voi cái thấy có kẻ cầm cung tên đến nơi đây, rất kinh hoàng, chạy đến trước mặt voi chúa thưa trình, tán thán voi chúa, tán thán đại thiên: “*Kim kiến hữu nhân trượng cung, niệp tiễn, từ hành thị siêm*” (Nay thấy có người giương cung, lắp tên, đi thông thả dòm ngó). Nó nói: “Chỉ sợ bọn chúng đến gây thương tổn cho chúng ta. Chúng nó vừa đi, vừa dò xét tìm kiếm”. “*Lai thú ngã đẵng*” nghĩa là đến chỗ chúng ta, há chẳng phải là muốn đoạn mạng chúng ta ư? Có phải là chúng ta sẽ chết hay không?

Voi chúa nghe xong, đưa mắt nhìn, liền thấy người cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa, bèn nói kệ tụng bảo voi cái: “*Bị Căng-già sa đẵng, chư Phật pháp tràng tướng, quán thử ly chư ác, tất bất hại chúng sanh*” (Người khoác tướng pháp tràng, của Hằng sa chư Phật, quán họ lìa các ác, ắt chẳng hại chúng sanh). Nó nói: “Người sai lầm rồi. Những người này đắp y ca-sa, đã gieo thiện căn nơi chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Y phục họ mặc chính là tướng pháp tràng của hết thảy chư Phật. Đây là y ca-sa, bọn họ đã lìa các ác, sao có thể hại chúng sanh cho được?” Voi chúa nói như thế. Voi cái lại đáp lời: “Tuy biết là họ mặc pháp phục, nhưng họ cầm nắm cung tên, tức là ác Chiên-đồ-la, thích làm ác, chẳng có lòng bi mẫn”. Do bọn họ chẳng thể bi mẫn, sẽ thích làm chuyện ác. Những kẻ đó đều là ác Chiên-đồ-la. Tuy mặc pháp phục, sao lại có thể cầm cung tên cho được? Bọn họ giả vờ đấy!

Voi chúa vẫn nói, lại dùng kệ tụng bảo: “*Kiến ca-sa nhất tướng, tri thị từ bi bổn*” (Thấy tướng khoác ca-sa, biết vốn là từ bi): Voi chúa nói: “Mặc kệ họ đi! Chỉ cần thấy ca-sa, sẽ trọn đủ từ bi. Người khoác ca-sa căn bản là từ bi, nhất định từ bi đối với hết thảy chúng sanh”. “*Thử tất quy Phật giả*” (Kẻ ấy ắt quy hướng Phật), nhất định là đệ tử Phật. “*Mẫn niệm chư chúng sanh*” (Thương xót các chúng sanh): Từ mẫn, thương xót hết thảy chúng sanh. “*Nhữ vật hoài nghi lự*” (Người đừng ôm lòng lo ngại), ý nói: Người đừng ngờ vực quá mức. “*Nghi ưng tức nhiếp tâm*” (Hãy nên mau nhiếp tâm): Người hãy thu nhiếp cái tâm lại, đừng nghĩ

như vậy nữa! Người mặc ca-sa muốn vượt biên sanh tử, lẽ nào có thể hại chúng sanh cho được?

(Kinh) Thời, Chiên-đồ-la tức dĩ độc tiễn, loan cung thẳm xạ, trúng tượng vương tâm. Mẫu tượng kiến chi, cử thanh hào đào, bi ai ngạnh ế, dĩ tụng bạch ngôn: “Bị thử pháp y nhân, nghi ưng định quy Phật, oai nghi tuy tịch tĩnh, nhi hoài độc ác tâm, ưng tốc đạp bỉ thân, linh kỳ mạng căn đoạn, diệt thử oán linh tận, dĩ xạ thiên thân cố”. Thời, đại tượng vương dĩ tụng đáp viết: “Ninh tốc xả thân mạng, bất ưng sanh ác tâm, bỉ tuy hoài trá tâm, do tự Phật đệ tử. Trí giả phi vị mạng, nhi hoại thanh tịnh tâm, vị độ chư hữu tình, thường tập Bồ Đề hạnh”. Thời, đại tượng vương tâm sanh bi mãn, từ vấn nhân viết: “Nhữ hà sở tu?” Bỉ nhân đáp viết: “Dục tu nhữ nha”. Tượng vương hoan hỷ, tức tự bạt nha, thí Chiên-đồ-la, nhi thuyết tụng viết: “Ngã dĩ bạch nha kim thí nhữ, vô phần, vô hận, vô tham tích. Nguyên thử thí phước đương thành Phật, diệt chư chúng sanh phiền não bệnh”.

(經)時，旃荼羅即以毒箭，彎弓審射，中象王心。母象見之，舉聲號陶，悲哀哽噎，以頌白言：「被此法衣人，宜應定歸佛，威儀雖寂靜，而懷毒噁心，應速蹋彼身，令其命根斷，滅此怨令盡，以射天身故」。時，大象王以頌答曰：「寧速舍身命，不應生噁心，彼雖懷詐心，猶似佛弟子。智者非為命，而壞清淨心，為度諸有情，常習菩提行」。時，大象王心生悲愍，徐問人曰：「汝何所須？」彼人答曰：「欲須汝牙」。象王歡喜，即自拔牙，施旃荼羅，而說頌曰：「我以白牙今施汝，無忿無恨無貪惜。願此施福當成佛，滅諸眾生煩惱病」。

(Kinh: Khi đó, Chiên-đồ-la liền dùng mũi tên độc kéo cung, ngắm bắn, trúng tim voi chúa. Voi cái trông thấy, lớn tiếng gào rú, bi ai, nghẹn ngào, dùng kệ tụng rằng: “Kẻ mặc pháp y này, đáng nên quy y Phật, oai nghi tuy tịch tĩnh, nhưng ôm tâm độc ác, mau giẫm đạp thân chúng, hồng đoạn mạng căn chúng, diệt hết nỗi oán này, dám bắn thân đại

thiên”. Khi ấy, đại tượng vương dùng kệ tụng đáp rằng: “Thà mau xả thân mạng, chẳng nên sanh tâm ác, tâm họ tuy gian trá, vẫn giống đệ tử Phật. Người trí chẳng vì mạng, mà hoại tâm thanh tịnh. Vì độ các hữu tình, thường tu Bồ Đề hạnh”. Khi đó, đại tượng vương sanh tâm bi悯, thông thả hỏi mấy người ấy rằng: “Người cần gì?” Những kẻ đó đáp rằng: “Muốn ngà của người”. Voi chúa hoan hỷ, tức tự nhổ ngà, thí Chiên-đồ-la, lại nói kệ tụng rằng: “Nay dùng ngà trắng thí cho người, không phẫn, không hận, chẳng tham tiếc. Nguyên phước thí này sẽ thành Phật, diệt bệnh phiền não cho chúng sanh”).

Ngay trong lúc [voi chúa] đang nói, kẻ ác Chiên-đồ-la giương cung, bắn mũi tên độc trúng vào tim con voi ấy. “Mẫu tượng kiến chi, cử thanh hào đào, bi ai ngạnh ế, dĩ tụng bạch ngôn: - Bị thử ca-sa nhân, nghi ưng định quy Phật, oai nghi tuy tịch tĩnh, nhi hoại độc ác tâm” (Voi cái trông thấy, lớn tiếng gào rú, bi ai, nghẹn ngào, dùng kệ tụng thưa rằng: - Kẻ mặc ca-sa này, đáng nên quy y Phật, oai nghi tuy tịch tĩnh, nhưng ôm lòng độc ác). Oai nghi của họ trông tốt đẹp lắm, nhưng tâm quá xấu xa! “Ứng tốc đạp bi thân” (Hãy mau giảm thân họ): Voi cái nói, ta sẽ giết bọn họ. “Linh kỳ mạng căn đoạn” (Hòng dứt tánh mạng họ). Giết chết, tức là đoạn dứt mạng căn. “Diệt thử oán linh tận” (Diệt hết nỗi oán này): Cái tâm oán hận này, tôi chẳng diệt họ, sẽ không cam lòng! Tiêu diệt bọn họ, hận tâm của tôi mới có thể tiêu mất, mới tiêu hết nỗi oán. Đại tượng vương không chấp thuận, dùng kệ tụng bảo voi cái: “Ninh tốc xả thân mạng, bất ưng sanh ác tâm” (Thà mau xả thân mạng, chẳng nên sanh tâm ác): Khuyên lon voi cái, người ngàn vạn lần đừng sanh tâm ác, ta xả thân mạng là được rồi. “Bỉ tuy hoại trá tâm, do tự Phật đệ tử” (Tuy họ lòng gian trá, vẫn giống đệ tử Phật): Tuy bọn họ chẳng phải là đệ tử Phật thật sự, họ lường gạt, nhưng họ tương tự. Vì sao? Họ khoác áo của đệ tử Phật. “Trí giả phi vị mạng” (Người trí chẳng vì mạng): Người có trí huệ tuyệt đối chẳng vì bảo vệ sanh mạng của chính mình, “nhi hoại thanh tịnh tâm” (mà hoại tâm thanh tịnh): Phá hủy cái tâm thanh tịnh của chúng ta. Xả thân mạng chẳng sao cả! Chẳng thể phá hoại tâm thanh tịnh. “Vị độ chư hữu tình, thường tập Bồ Đề hạnh” (Vì độ các hữu tình, thường tu hạnh Bồ Đề): Phải phát khởi Bồ Đề nhân, tu hạnh Bồ Đề. Có thanh tịnh tâm chính là Bồ Đề hạnh, nhất định có thể chứng quả Bồ Đề.

“Thời, đại tượng vương tâm sanh bi悯” (Khi ấy, đại tượng vương sanh tâm bi悯): Đối với kẻ bắn nó, không chỉ chẳng thương tổn, mà ngược lại còn thương xót họ. “Từ vấn nhân viết” (Thông thả hỏi

họ rằng): “Tư” (徐) là chậm rãi, nhu hòa, thiện thuận. “Nhữ hà sở tu?” (Người cần gì?): Hỏi các người vì sao phải bắt ta, các người cần gì vậy? Bọn họ đáp, tức các gã Chiên-đồ-la ấy trả lời: “Dục tu nhữ nha!” tức là “muốn có ngà của người”. Voi chúa nghe xong, rất hoan hỷ, tự mình nhổ ngà cho Chiên-đồ-la, bố thí cho bọn chúng. “Ngã dĩ bạch nha kim thí nhữ, vô phần, vô hận, vô tham tích” (Ngà trắng nay đem thí cho người, chẳng phần, chẳng hận, không tham tiếc): Ta chẳng có lòng tham, đối với cơ thể của chính mình chẳng có lòng tham, ta cũng chẳng luyến tiếc. Người bắt ta, ta cũng chẳng phần hận người, chẳng oán hận người. Mục đích của ta là nguyện bố thí cho người chiếc ngà này, do phước đức bố thí này mà sẽ thành Phật. Trong tương lai, ta nhất định có thể thành Phật, và cũng có thể dùng công đức này để diệt hết thầy bệnh phiền não của chúng sanh. Ta phát nguyện tiêu diệt phiền não và bệnh khổ của hết thầy chúng sanh.

(Kinh) Thiện nam tử! Đương quán như thị quá khứ tượng vương, tuy thọ vô hạ bàng sanh thú thân, vị cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố, nhi năng khí xả thân mạng vô lặn, cung kính, tôn trọng trước ca-sa nhân, tuy bị vi oán, nhi bất gia báo. Nhiên vị lai thế, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thật thị ngu si, hoài thông minh mạn, siểm khúc, hư trá, khi cuồng thế gian, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả. Ư quy ngã pháp nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí chư đệ tử sở, não loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên, trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử ư nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội, quyết định đương thú Vô Gian địa ngục, đoạn diệt thiện căn, phân thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly.

(經)善男子！當觀如是過去象王，雖受無暇傍生趣身，為求阿耨多羅三藐三菩提故，而能舍棄身命無吝，恭敬尊重著袈裟人，雖彼為怨，而不加報。然未來世，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，實是愚癡，懷聰明慢，諂曲虛詐，欺誑世間，不見不

畏後世苦果。於歸我法而出家者，若是法器、若非法器諸弟子所，惱亂呵罵，或以鞭杖楚撻其身，或閉牢獄，乃至斷命。此於一切過去、未來、現在諸佛，犯諸大罪，決定當趣無間地獄，斷滅善根，焚燒相續，一切智者之所遠離。

(Kinh: Này thiện nam tử! Hãy nên quán voi chúa trong quá khứ như thế, tuy thọ thân không nhân hạ trong đường bàng sanh, vì cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên có thể buông xả thân mạng chẳng keo tiếc, cung kính, tôn trọng người đắp y ca-sa. Tuy kẻ đó gây oán, chẳng báo thù. Nhưng trong đời vị lai có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những gã Chiên-đồ-la thật sự ngu si, tự phụ thông minh, siểm nịnh, cong vạy, dối trá, lường gạt thế gian, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, nếu đối với các đệ tử nương theo pháp của ta xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, mà nã loạn, quở trách, chửi mắng, hoặc dùng roi, gậy đánh đập thân họ, hoặc giam trong lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm các đại tội nơi hết thấy quá khứ, vị lai, và hiện tại chư Phật, quyết định sẽ tiến vào địa ngục Vô Gian, đoạn diệt căn lành, thiêu đốt liên tục, hết thấy người có trí đều xa lìa).

Voi chúa ấy vốn là súc sanh, thọ thân bàng sanh, tức súc sanh. “Vị cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố, nhi năng khí xả thân mạng vô lạn” (Vì cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà có thể buông bỏ thân mạng chẳng keo tiếc): Buông xả thân mạng chẳng keo tiếc, chẳng oán hận, có thể cung kính, tôn trọng người đắp y ca-sa, cung kính người mặc ca-sa. Ca-sa (Kāṣāya) là nhãn nhục y. Ca-sa có rất nhiều hàm nghĩa. “Tuy bỉ vi oán, nhi bất gia báo” (Tuy kẻ đó gây oán mà không báo thù): Kẻ đó bắt chết nó, nó đáng lẽ phải cừ hận, phải kết oán, nhưng nó chẳng trả thù. Nếu dùng sức của voi chúa để trả thù, năm gã ấy sẽ chẳng còn mạng sống!

“Nhiên vị lai thế hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thật thị ngu si, hoài thông minh mạn, siểm khúc, hư trá, khi cuồng thế gian, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả. Ư quy ngã pháp nhi xuất gia giả, nhược thị pháp

khí, nhược phi pháp khí” (Nhưng trong đời vị lai có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những gã Chiên-đồ-la, thật sự ngu si, tự phụ là thông minh, siểm khúc, dối trá, lòng gạt thế gian, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, đối với người quy y pháp ta xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí): “*Pháp khí*” là đệ tử trì giới, “*phi pháp khí*” là đệ tử phá giới. Bất luận pháp khí, hay phi pháp khí tức tỳ-kheo phá giới, đều coi như cao hơn hết thấy người thế tục, bất luận quốc vương, đại thần, hay thứ dân. Nếu đối với tỳ-kheo mà quở trách, chửi mắng, náo loạn, quát đánh, cho đến giam cầm trong tù ngục, thậm chí đoạn mạng, sẽ là phá hoại Phật pháp của hết thấy chư Phật trong quá khứ, vị lai, và hiện tại, diệt chánh pháp nhân tạng, phạm phải tội lớn. “*Quyết định đương thú Vô Gián địa ngục*” (Quyết định đọa vào địa ngục Vô Gián), quyết định đọa địa ngục, lại còn vĩnh viễn đoạn dứt thiện căn. Loại tội ác ấy tiếp tục không ngừng, giống như lửa thiêu đốt liên tục. “*Nhất thiết trí giả chi sở viễn ly*” (Hết thấy người có trí đều xa lìa), chuyện này hết thấy người có trí huệ sẽ tuyệt đối chẳng làm, rời xa ác sự này!

(Kinh) Bĩ ký tạo tác như thị trọng tội, phục hoài ngạo mạn, cuồng hoặc thế gian, tự xưng “ngã đẳng diệt cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ngã thị Đại Thừa, đương đắc tác Phật”. Thí như hữu nhân, tự khiêu kỳ mục, manh vô sở kiến, nhi dục đạo tha đẳng thượng đại sơn, chung vô thị xứ! Ư vị lai thế, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, diệt phục như thị, w quy ngã pháp, nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí chư đệ tử sở, náo loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên, trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử w nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội, đoạn diệt thiện căn, phần thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương thú Vô Gián địa ngục.

(經)彼既造作如是重罪，復懷傲慢，誑惑世間，自稱「我等亦求無上正等菩提，我是大乘，當得作佛」。譬如有人，自挑其目，盲無所見，而欲導他登上大山，終無是處！於未來世，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙

門、婆羅門等旃荼羅人，亦復如是，於歸我法，而出家者，若是法器、若非法器諸弟子所，惱亂呵罵，或以鞭杖楚撻其身，或閉牢獄，乃至斷命。此於一切過去、未來、現在諸佛，犯諸大罪，斷滅善根，焚燒相續，一切智者之所遠離，決定當趣無間地獄。

(Kinh: Kẻ đó đã tạo tác trọng tội như thế, lại còn ôm lòng ngạo mạn, dối gạt, mê hoặc thế gian, tự xưng “chúng ta cũng cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ta là Đại Thừa, sẽ được làm Phật”. Ví như có kẻ tự chọc mù mắt mình, mù lòa chẳng thấy gì, mà muốn hướng dẫn người khác trèo lên núi lớn, chẳng có lối ấy! Trong đời vị lai, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và bọn tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những kẻ Chiên-đồ-la cũng giống như thế, đối với các đệ tử quy y pháp của ta xuất gia, dầu là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, mà nã loạn, quả trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gậy đánh đập thân họ, hoặc nhốt vào lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm các đại tội đối với hết thầy chư Phật trong quá khứ, vị lai, và hiện tại, đoạn diệt căn lành, thiêu đốt liên tục, hết thầy người có trí đều xa lìa, quyết định sẽ vào địa ngục Vô Gián).

Giả sử có vua Sát-đế-lợi, cho đến những kẻ thuộc chủng tánh Bà-la-môn, hoặc Sát-đế-lợi tạo tội này, bản thân họ vẫn rất ngạo mạn. “Cuống hoặc thế gian” (Lừa dối, mê hoặc thế gian), lừa dối, mê hoặc như thế nào? “Ngã đẳng diệc cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề”, tức là chúng ta cũng cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Còn nói gì nữa? “Ngã thị Đại Thừa, đương đắc tác Phật” (Ta là Đại Thừa, sẽ được làm Phật): Đây là lừa bịp, dối trá! Kẻ đó làm chuyện ác, còn gạt gẫm người khác là chính hẵn đang học pháp Đại Thừa, chẳng chấp tướng, các pháp đều là Không. Gạt gẫm, lừa bịp thế gian! “Thí như hữu nhân, tự khiêu kỳ mục, manh vô sở kiến, nhi dục đạo tha đẳng thượng đại sơn, vô hữu thị xứ” nghĩa là: Như có một người tự làm mù mắt của chính mình, sau đó, còn muốn làm người dẫn đường, lãnh đạo kẻ khác lên núi, có thể làm nổi hay không? Chẳng có chuyện đó, tuyệt đối chẳng thể nào được!

Trên đây là tỷ dụ, nay nói về pháp. Kẻ xuất gia trong pháp của ta, nương theo pháp của ta mà xuất gia, hoặc là pháp khí, tức tỷ-kheo thanh

tịnh, hoặc chẳng phải là pháp khí, tức là tỳ-kheo phá giới. Đối với các đệ tử ấy của ta mà “*não loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên, trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật phạm chư đại tội, đoạn diệt thiện căn, phần thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương thú Vô Gian địa ngục*” (não loạn, quở trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gây đánh đập thân họ, hoặc nhốt vào lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm các tội lớn đối với quá khứ, vị lai, và hiện tại chư Phật, đoạn diệt căn lành, thiêu đốt liên tục, hết thầy người có trí đều xa lìa, chắc chắn đọa vào địa ngục Vô Gian). Những điều này đều là nhắc lại. Mỗi câu phía trước và phía sau đều giống nhau, chỉ có vài câu tình tiết trong phần giữa là khác mà thôi!

(Kinh) Bĩ ký tạo tác như thị trọng tội, phục hoài ngạo mạn, cuồng hoặc thế gian, tự xưng “ngã đẳng diệt cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ngã thị Đại Thừa, đương đắc tác Phật”. Bĩ do não loạn xuất gia nhân cố, hạ tiện nhân thân, thượng nan khả đắc, hướng đương năng chứng Nhị Thừa Bồ Đề? Vô Thượng Đại Thừa, u kỳ tuyệt phần.

(經)彼既造作如是重罪，復懷傲慢，誑惑世間，自稱「我等亦求無上正等菩提，我是大乘，當得作佛。」彼由惱亂出家人故，下賤人身，尚難可得，況當能證二乘菩提？無上大乘，於其絕分。

(Kinh: Kẻ đó đã tạo tác trọng tội như thế, lại còn ôm lòng ngạo mạn, lừa dối, mê hoặc thế gian, tự xưng “chúng ta cũng cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ta là Đại Thừa, sẽ được làm Phật”. Kẻ đó do não loạn người xuất gia, làm thân người hạ tiện còn khó thể được, hướng hồ sẽ có thể chứng Nhị Thừa Bồ Đề ư? Trọn chẳng có phần nơi Vô Thượng Đại Thừa).

Kẻ đó lừa gạt gì vậy? Dùng lời lẽ lừa gạt! Hạng người như thế luôn lường gạt thế gian, còn có thể thành Phật nổi ư? Kẻ đó não loạn người xuất gia, ngay cả được chuyển sanh làm thân người thấp hèn vẫn chưa thể, đều chẳng đạt được! [Đó chính là ý nghĩa của câu] “*thượng*

nan khả đắc”. Kẻ đó còn nói sẽ đắc Nhị Thừa Bồ Đề, cho đến cứu cánh Bồ Đề của Đại Thừa ư? Đối với kẻ đó mà nói, trọn chẳng thể được!

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Quá khứ hữu quốc danh Bàn Giá La, vương hiệu Thắng Quân, thống lãnh bỉ quốc. Thời, bỉ hữu nhất đại khâu khoáng sở, danh Khiết Lam Bà, thậm khả bố úy, Dược Xoa, La Sát, đa trụ kỳ trung. Nhược hữu nhập giả, tâm kinh, mao thụ. Thời hữu quốc nhân, tội ưng hợp tử, vương sắc điển ngục phược kỳ ngũ xứ, tống Khiết Lam Bà đại khâu khoáng sở, linh chư ác quỷ thực đạm kỳ thân. Tội nhân văn dĩ, vị hộ mạng cố, tức thế tu phát, cầu mịch ca-sa, ngộ đắc nhất phiến, tự hệ kỳ cảnh. Thời điển ngục giả như vương sở sắc, phược kỳ ngũ xứ, tống khâu khoáng trung, chư nhân hoàn dĩ.

(經)又善男子！過去有國名般遮羅，王號勝軍，統領彼國。時，彼有一大丘壙所，名竭藍婆，甚可怖畏，藥叉、羅刹，多住其中。若有入者，心驚毛豎。時有國人，罪應合死，王敕典獄縛其五處，送竭藍婆大丘壙所，令諸惡鬼食啖其身。罪人間已，為護命故，即剃鬚發，求覓袈裟，遇得一片，自系其頸。時典獄者如王所敕，縛其五處，送丘壙中，諸人還已。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Trong quá khứ, có quốc gia tên là Bàn Giá La, vua tên là Thắng Quân, thống lãnh nước ấy. Khi đó, nước ấy có một chỗ gò mả hoang vu to lớn, tên là Khiết Lam Bà, rất đáng kinh sợ. Dược Xoa, La Sát phân nhiều ở trong đó. Nếu có ai vào đó, tâm sẽ kinh hãi, rợn da gà. Khi đó, hễ nước ấy có tội nhân mắc tội đáng chết, vua truyền người giám ngục trói năm chỗ trên thân kẻ đó, đưa đến vùng gò hoang lớn Khiết Lam Bà để các ác quỷ ăn nuốt thân kẻ đó. Tội nhân nghe rồi, vì bảo vệ tánh mạng, liền cạo râu tóc, tìm kiếm ca-sa, gặp được một mảnh, bèn buộc vào cổ. Khi đó, người giám ngục tuân lời vua truyền, trói kẻ đó ở năm chỗ, đưa vào gò hoang. Mọi người đều quay về hết rồi).

“*Quá khứ hữu quốc danh Bàn Giá La*” (Trong quá khứ có quốc gia tên là Bàn Giá La), đây là một trong mười sáu đại quốc của Ấn Độ,

tên là nước Bàn Giá La (Pañcāla)⁷³. Quốc vương ấy hiệu là Thắng Quân (Jayasena), là vua của nước đó, thông lãnh quốc gia ấy. Nước ấy có một chỗ tên là Khiết Lam Bà, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*đại khâu khoáng*” (大邱壙, chỗ gò mả to lớn). Đại khâu khoáng là gì? Đại khâu khoáng là nơi mồ mả, tức là người sau khi đã chết, chôn vùi vào nơi đất vô chủ, còn gọi là “*loạn phần*” (亂墳, nơi mồ hoang). Ai cũng có thể chôn vào đó. Lại còn là nơi hoang dã, rất ít người ở. “*Đại khâu khoáng sở*” là Khiết Lam Bà. “*Thậm khả bố úy*” (Rất đáng kinh sợ): Chỗ ấy hết sức đáng sợ, không ai mò đến đó. La Sát và Dược Xoa đều đến chỗ đó, ở trong đó. Giả sử có người trông thấy nơi ấy, tới nơi ấy, sẽ đều kinh sợ, rớt hết da gà, [đó là ý nghĩa của câu] “*tâm kinh, mao thụ*”.

Thuở ấy, trong nước Bàn Giá La, hễ có người phạm tội, tội ấy đáng phải xử tử, vua Thắng Quân liền truyền kẻ chấp pháp, tức giám ngục, trói buộc năm chỗ nơi thân tội nhân, tức hai tay, hai chân, trói chặt hai tay và hai chân, dùng thừng thít chặt hai chân, tròng lên cổ, đó gọi là “*ngũ xú*” (năm chỗ). Trói chặt kẻ đó xong, đưa đến gò mả hoang ấy, cũng tức là chỗ hoang vu Khiết Lam Bà để ác quỷ ăn thịt kẻ đó, thế là xong, chẳng cần phải giết hại hẳn! Vì vậy, quốc vương ấy chẳng giết hại chúng sanh, mà đem tội nhân đến chôn hoang dã, thí cho quỷ thần.

Gã tội nhân nghe biết quốc vương sẽ tống hẩn đến chỗ đó, đại khái là nghe biết sự thù thắng của ca-sa, liền cạo tóc đầu, hóa thân thành sa-môn. “*Câu mịch ca-sa*” (Tìm kiếm ca-sa): Hẩn muốn tìm một tấm ca-sa mà chẳng tìm được, chỉ tìm thấy một mảnh ca-sa, chỉ được một mảnh ca-sa, hoặc là ca-sa mục nát. Có được một mảnh ca-sa như vậy, hẩn buộc vào cổ. Giám ngục bèn đưa hẩn đến chỗ gò hoang. Những người áp tải hẩn đã quay về hết, tới ban đêm. Quỷ thần ở chôn hoang vu ấy ban ngày chẳng xuất hiện. Quỷ thần lẩn tránh thái dương, âm khí chẳng thắng nội dương khí của vàng thái dương. Tuy chúng ta sợ quỷ; thật ra, quỷ cũng sợ người, đặc biệt là đệ tử Phật. Chính mình chẳng thấy quang minh của chính mình. Quỷ thần trông thấy kẻ đó, nhưng kẻ đó chẳng tin Tam Bảo, cũng chẳng có thần hộ pháp gia trì, nhiệt năng, hỏa lực, và dương khí trên người kẻ đó khiến quỷ thần e ngại. Quỷ sợ người, người cũng sợ quỷ. Người ta nghe nói đến quỷ bèn sợ hãi. Thật ra, quỷ cũng sợ hãi con

⁷³ Bàn Giá La là một vương quốc cổ nằm giữa hai sông Hằng và Á Mục Nạp (Yamuna), tương đương với huyện Farrukhabad hiện thời thuộc tiểu bang Uttar Pradesh của Ấn Độ. Về sau, nó bị sát nhập vào đế quốc của Không Tự cư vương triều (Maurya) rồi hoàn toàn bị xóa sổ bởi đế quốc Gupta (Cấp Đa).

người. Quý vị không làm chuyện phải thẹn với lòng, đâu có sợ quỷ gõ cửa! Quý vị đã trót làm, có chuyện [sai trái] thì mới sợ hãi. Hơn nữa, bậc chánh nhân quân tử chẳng sợ quỷ, thứ gì cũng đều chẳng sợ. Tâm quý vị bất chánh thì mới sợ. Đã làm chuyện hổ thẹn với lòng mình, đã làm chuyện sai trái đối với người khác, trong tâm quý vị có quỷ. Quý vị sợ quỷ là sợ quỷ ngay trong lòng mình, có ý nghĩa này!

(Kinh) Chí u dạ phần, hữu đại La Sát mẫu, danh Dao Kiếm Nhân, dĩ ngũ thiên quyển thuộc lai nhập trung gian. Tội nhân dao kiến, thân tâm kinh tủng. Thời, La Sát mẫu kiến hữu thử nhân bị phược ngũ xú, thể trừ tu phát, phiến xích ca-sa hệ kỳ cảnh hạ, tức tiệp hữu nhiều, tôn trọng, đảnh lễ, hiệp chưởng cung kính, nhi thuyết tụng ngôn: “Nhân khả tự an ủy, ngã chung bất hại nhữ, kiến thể phát, nhiễm y, linh ngã ức niệm Phật”. Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu ngôn: “Mẫu, ngã vị cơ khát, thậm bức thiết thân tâm, nguyện thỉnh thực thử nhân, tức khổ, thân tâm lạc”. Thời, La Sát mẫu tiệp cáo tử ngôn: “Bị Căng-già sa Phật, giải thoát tràng tướng y, u thử khởi ác tâm, định đọa Vô Gián ngục”. Thời, La Sát tử dĩ chư quyển thuộc, hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đảnh lễ, hiệp chưởng cung kính, nhi thuyết tụng viết: “Sám hối nhiễm y nhân, ngã ninh u phụ mẫu, tạo thân, ngữ, ý ác, u nhữ chung vô hại”.

(經)至於夜分，有大羅刹母，名刀劍眼，與五千眷屬來入塚間。罪人遙見，身心驚悚。時，羅刹母見有此人被縛五處，剃除鬚髮，片赤袈裟系其頸下，即便右繞，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌言：「人可自安慰，我終不害汝，見剃髮染衣，令我憶念佛」。時，羅刹子白其母言：「母，我為飢渴，甚逼切身心，願聽食此人，息苦身心樂」。時，羅刹母便告子言：「被殃伽沙佛，解脫幢相衣，於此起噁心，定墮無間獄」。時，羅刹子與諸眷屬，右繞此人，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌曰：「懺悔染衣人，我寧於父母，造身語意惡，於汝終無害」。

(**Kinh:** *Tối ban đêm, có đại La Sát mẫu tên là Dao Kiếm Nhãn, và năm ngàn quyến thuộc vào trong chỗ mồ mả. Tội nhân từ xa trông thấy, thân tâm kinh hoảng, run rẩy. Khi đó, La Sát mẫu thấy có người bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc, mảnh ca-sa đỏ buộc dưới cổ, liền nhiễu theo chiều bên phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Ông hãy tự an ổn, tôi trọn chẳng hại ông, thấy tóc cạo, áo nhuộm, khiến tôi nghĩ nhớ Phật”. Khi đó, các La Sát con thưa với mẹ rằng: “Mẹ, con bị đói khát, rất bức bách thân tâm, cho con ăn người này, dứt khổ, thân tâm sướng”. Khi đó, La Sát mẫu bèn bảo các con rằng: “Mặc y tràng giải thoát, của Hằng sa chư Phật, ác tâm với người ấy, nhất định đọa Vô Gián”. Khi đó, các La Sát con và các quyến thuộc nhiễu theo chiều bên phải của người ấy, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay cung kính mà nói kệ tụng rằng: “Sám hối bậc áo nhuộm, con thà với cha mẹ, tạo thân, ngữ, ý ác, trọn chẳng hại đến Ngài”).*

Tối nửa đêm, quỷ thần tìm tới. “*Hữu đại La Sát mẫu, danh Dao Kiếm Nhãn, dữ ngũ thiên quyến thuộc, lai nhập trung gian*” (Có đại La Sát mẫu tên là Dao Kiếm Nhãn (mắt như đao gươm), và năm ngàn quyến thuộc đến trong mồ mả), đến chỗ gò mả hoang. Tội nhân từ xa trông thấy, thân tâm kinh hoảng, run rẩy. La Sát mẫu thấy có người “*bị phược ngũ xứ, thế trừ tu phát*” (bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc), còn có một mảnh ca-sa đỏ buộc dưới cổ, bèn rất cung kính, liền nhiễu theo chiều phải ba vòng, giống như chúng ta vào điện Phật, nhiễu theo chiều phải ba vòng. Tại Đại Lục, mỗi lần chúng ta tiến vào đại điện thì trong đại điện đều có thể đi chung quanh thông suốt, nhất định là quý vị có thể nhiễu Phật, chẳng giống như đại điện của chúng ta ở đây, quý vị chẳng thể đi vòng ra sau được, vì tượng Phật chẳng đặt ở chính giữa, xây tháp vây quanh. Hễ bước vào tháp, nhiễu quanh bốn phía tháp ba vòng, hoặc bảy vòng, phước điền sẽ vô lượng. Sau khi nhiễu thì mới có thể đánh lễ. Bước vào cửa, động tác đầu tiên là nhiễu quanh tháp ba vòng, nhiễu tháp kính hành. Đây là quy chế của Phật. Do vậy, La Sát mẫu vừa thấy người có một mảnh ca-sa, bèn nhiễu quanh người ấy ba vòng. Sau khi nhiễu xong, “*tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính*” nói kệ tán tụng: “*Nhân khả tự an ổn, ngã chung bất hại nử*” (Ông hãy tự an lòng, ta trọn chẳng hại ông). Đừng nên sợ hãi, ông có thể an ổn. Vì ta trông thấy ông, “*kiến thế phát niệm y, linh ngã ức niệm Phật*” (thấy cạo tóc, y nhuộm, khiến ta nhớ nghĩ Phật): Ta nghĩ tới đức Phật, ông đừng nên sợ hãi. Ta sẽ chẳng thương tổn ông. Nhưng con cái bà ta, và năm ngàn quyến thuộc

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

lại khác. Các La Sát con liền nói với mẹ, tức “*bạch mẫu ngôn*”, mẹ ơi! “*Ngã vị cơ khát*”, nay con vừa khát vừa đói. “*Cơ*” (飢) là đói, “*khát*” (渴) là mong được uống nước. “*Thậm bức thiết thân tâm*” [nghĩa là] thân tâm của con rất bất an. “*Nguyện thỉnh thực thử nhân, tức khổ, thân tâm lạc*” (Cho con ăn người này, dứt khổ, thân tâm sướng): Mẹ hãy cho phép con ăn thịt hân!

La Sát mẫu liền bảo các con của bà ta: “*La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: - Bị Căng-già sa Phật, giải thoát tràng tướng y, u thử sanh ác tâm, định đọa Vô Gián ngục*” (La Sát mẫu liền bảo con rằng: - [Người này] mặc y mang hình tướng giải thoát tràng của chư Phật số nhiều như sông Hằng, sanh ác tâm đối với người này, chắc chắn đọa vào địa ngục Vô Gián): Các con chớ sanh khởi ý niệm ấy! Đây là tâm y giải thoát của chư Phật nhiều như cát sông Hằng, “*tràng tướng y*” là pháp tràng, rất thù thắng. Đối với người ấy mà sanh khởi ác tâm, “*định đọa Vô Gián ngục*”, các con nhất định đọa vào địa ngục Vô Gián, đừng sanh khởi cái tâm ấy. Các La Sát con và quyến thuộc vừa nghe La Sát mẫu nói như thế, họ đều học theo La Sát mẫu, vây quanh thân người ấy, nhiều ba vòng theo chiều phải, “*tôn kính, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính thuyết tụng viết: - Sám hối nhiễm y nhân, ngã ninh u phụ mẫu, tạo thân, ngữ, ý ác, u nhữ chung vô hại*” (tôn kính, đánh lễ, chắp tay, cung kính nói kệ tụng rằng: - Xin sám hối đối với bậc đấng y nhuộm, tôi thà đối với cha mẹ tạo các điều ác nơi thân, ngữ, ý, trọn chẳng làm hại ông). Khuyên ông hãy an tâm, chúng tôi sẽ không hại ông. Giả sử chúng tôi chẳng nghe lời cha mẹ, cho đến có thể chống đối cha mẹ, nhưng chẳng dám tôn thương ông. Vì sao? Ông là người sám hối, mặc áo thâm. Ông là bậc sám hối, cầu đạo, là đệ tử của Phật.

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu đại La Sát mẫu, danh Lư Loa Xỉ, diệc hữu ngũ thiên quyến thuộc vi nhiều, lai nhập trùng gian. Thời, La Sát mẫu diệc kiến thử nhân bị phược ngũ xứ, thế trừ tu phát, phiến xích ca-sa hệ kỳ cảnh hạ, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng ngôn: “Nhân u ngã vật bố, nhữ cảnh sở hệ phục, thị tiên tràng tướng y, ngã đánh lễ cúng dường”. Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu viết: “Nhân huyết nhục cam mỹ, nguyện mẫu thỉnh ngã thực, tăng trưởng thân tâm lực, dũng mãnh, vô sở úy”. Thời, La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: “Nhân thiên đẳng diệp lạc, do cung kính xuất gia, cố cúng dường nhiễm y, đương hoạch vô lượng

lạc”. Thời, La Sát tử dữ chư quyến thuộc, hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng viết: “Ngã kim cung kính lễ, thể phát nhiệm y nhân, nguyện thường u vị lai, kiến Phật thâm sanh tín”.

(經)爾時，復有大羅刹母，名驢驪齒，亦有五千眷屬圍繞，來入塚間。時，羅刹母亦見此人被縛五處，剃除鬚髮，片赤袈裟系其頸下，即便右繞，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌言：「人於我勿怖，汝頸所繫服，是仙幢相衣，我頂禮供養」。時，羅刹子白其母曰：「人血肉甘美，願母聽我食，增長身心力，勇猛無所畏」。時，羅刹母便告子言：「人天等妙樂，由恭敬出家，故供養染衣，當獲無量樂」。時，羅刹子與諸眷屬，右繞此人，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌曰：「我今恭敬禮，剃髮染衣人，願常於未來，見佛深生信」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có đại La Sát mẫu, tên là Lư Loa Xi (Răng Lừa), cũng có năm ngàn quyến thuộc vây quanh, vào trong khu gò mả. Khi đó, La Sát mẫu cũng thấy người ấy bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc, một mảnh ca-sa đỏ buộc dưới cổ, liền nhiều theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, chắp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Ông đừng sợ hãi tôi, cổ ông có đeo buộc, tràng tràng của đại tiên, tôi đánh lễ, cúng dường”. Khi đó, các La Sát con thưa với mẹ rằng: “Máu thịt người thơm ngọt, xin mẹ cho con ăn, tăng trưởng sức thân tâm, dùng mãnh, chẳng sợ hãi”. Khi đó, La Sát mẫu liền bảo các con rằng: “Vui màu nhiệm trời, người, do cung kính xuất gia, nên cúng dường y nhuộm, sẽ được vô lượng lạc”. Khi đó, các La Sát con và các quyến thuộc nhiều theo chiều phải quanh thân người ấy, tôn trọng, đánh lễ, chắp tay, cung kính mà nói kệ tụng rằng: “Con nay cung kính lễ, người cạo tóc, y nhuộm, nguyện thường trong vị lai, thấy Phật, sanh thâm tín”).

Ngoại trừ tên La Sát Mẫu không giống trong phần trước, những điều khác đều tương đồng, đều là nhắc lại. Còn có kệ tán thán có đôi chút sai khác. “Nhân u ngã vật bố, nhữ cảnh sở hệ phục, thị tiên tràng

tướng y, ngã đánh lễ, cúng dường” (Ông đừng sợ hãi ta, cổ ông có đeo buộc, tràng tướng y đại tiên. Tôi đánh lễ cúng dường): La Sát mẫu trông thấy kẻ phạm tội ấy trên cổ có một mảnh ca-sa, do vậy, liền nói với kẻ đó: Ông chẳng cần sợ hãi, đừng kinh hoảng, tôi cung kính mảnh ca-sa buộc trên cổ ông. Y ca-sa là pháp tràng tướng y của các vị đại tiên, tức là chư Phật, tôi đánh lễ cúng dường, cũng là do ý nghĩa ức niệm đức Phật. Tuy La Sát mẫu là như thế, các La Sát con vẫn muốn xin mẹ cho phép ăn kẻ đó: *“Nhân huyết nhục cam mỹ, nguyện mẫu thính ngã thực, tăng trưởng thân tâm lực, dũng mãnh vô sở úy”* (Máu thịt người thơm ngọt, xin mẹ cho con ăn, tăng trưởng sức thân tâm, dũng mãnh, không sợ hãi): Các La Sát con hướng về mẹ yêu cầu, máu và thịt người rất thơm ngọt, quý nói như thế. *“Nguyện mẫu thính ngã thực”*, chữ Thực (食) này có nghĩa là “ăn”. Hy vọng mẹ cho phép con, chấp thuận cho con ăn gã này. Ăn rồi sẽ tăng trưởng sức lực nơi thân tâm con, con sẽ chẳng sợ hãi, dũng mãnh, chẳng sợ sệt.

Quý tử mẫu liền bảo bọn chúng: *“Nhân thiên đặng diệu lạc, do cung kính xuất gia, cố cung kính nhiếp y, đương hoạch vô thượng lạc”*, nghĩa là: Sở dĩ nhân thiên có thể đạt được phước báo trời, người, hưởng thụ các loại sung sướng vi diệu, đều là do cung kính người xuất gia. Cho nên hãy cung kính người mặc ca-sa này, sẽ có thể đạt được vô lượng vui sướng. Vì lẽ đó, các con chẳng thể ăn người này! Mẹ con quý La Sát nói với nhau như thế, các La Sát con cũng như năm ngàn quyến thuộc của chúng, cũng đi nhiều theo chiều bên phải của người ấy. *“Tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính nhi thuyết tụng viết: - Ngã kim cung kính lễ, thế phát nhiếp y nhân, nguyện thường ư vị lai, kiến Phật sanh thâm tín”* (Tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: - Tôi nay cung kính lễ, bậc y nhuộm, cạo tóc, nguyện thường trong tương lai, thấy Phật, sanh thâm tín): Đây là họ phát nguyện. Những quý con ấy và các quyến thuộc của chúng phát nguyện: Tôi nay cung kính đánh lễ người cạo tóc, đắp y nhuộm này, nguyện trong đời tương lai, khi tôi chuyển thế, sẽ được gặp gỡ Phật. Khi thấy Phật có thể sanh khởi tín tâm thanh tịnh, thoát lìa biển khổ, chẳng còn luân chuyển nữa!

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu đại La Sát mẫu, danh Tranh Nanh Phát, diệc hữu ngũ thiên quyến thuộc vi nhiều, lai nhập trùng gian. Thời, La Sát mẫu diệc kiến thử nhân bị phước ngũ xứ, thế trừ tu phát, phiến xích ca-sa hệ kỳ cảnh hạ, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đánh lễ,

hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng ngôn: “Đại tiên tràng tướng y, trí giả ưng tán phụng, nhược năng tu cúng dường, tất đoạn chư hữu phược”. Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu viết: “Thử nhân thân huyết nhục, quốc vương chi sở đãi, nguyện thỉnh ngã ẩm đạm, đắc lực thừa sự mẫu”. Thời, La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: “Như thị nhiệm y nhân, phi nhữ sở ưng thực, u thử khởi ác giả, đương thành đại khổ khí”. Thời, La Sát tử dữ chư quyến thuộc, hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng cung kính, nhi thuyết tụng viết: “Nhữ thị đại tiên chủng, kham vi lương phước điền, cố ngã tu cúng dường, nguyện tuyệt chư hữu phược”.

(經)爾時，復有大羅刹母，名猊犍發，亦有五千眷屬圍繞，來入塚間。時，羅刹母亦見此人被縛五處，剃除鬚髮，片赤袈裟系其頸下，即便右繞，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌言：「大仙幢相衣，智者應讚奉，若能修供養，必斷諸有縛」。時，羅刹子白其母曰：「此人身血肉，國王之所賚，願聽我飲啖，得力承事母」。時，羅刹母便告子言：「如是染衣人，非汝所應食，於此起惡者，當成大苦器」。時，羅刹子與諸眷屬，右繞此人，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌曰：「汝是大仙種，堪為良福田，故我修供養，願絕諸有縛」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có đại La Sát mẫu, tên là Tranh Nanh Phát (phát khởi hung ác), cũng có năm ngàn quyến thuộc vây quanh, vào trong gò mả. Khi đó, La Sát mẫu cũng thấy người ấy bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc, mảnh ca-sa đỏ buộc ở dưới cổ, liền nhiều theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Đại tiên tràng tướng y, người trí phải khen trọng, nếu hay tu cúng dường, ắt đoạn các hữu phược”. Khi đó, các La Sát con thưa cùng mẹ rằng: “Máu thịt thân người này, do quốc vương ban tặng, nguyện cho con ăn, uống, có sức hầu hạ mẹ”. Khi đó, La Sát mẫu liền bảo con rằng: “Người áo nhuộm như thế, các con chớ nên ăn, với người này khởi ác, sẽ chịu khổ sở lớn”. Khi đó, các La Sát con và các quyến thuộc, nhiều theo chiều

phải của người ấy, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Ông thuộc dòng đại tiên, đáng làm ruộng phước tốt, nên tôi tu cúng dường, nguyện dứt các hữu phước”).

“Đại tiên” là nói đến đức Phật. Cái y ấy của đức Phật giống như tràng báu, dựng lập tướng ấy, sẽ có nghĩa là gì? Chính là lìa khổ được vui. Người có trí huệ hãy nên tán thán, cúng dường, cung kính. Nếu ai có thể tu cúng dường, sẽ có thể đoạn hết thấy các phước (phiền não trói buộc). Có rất nhiều Phước. Nếu nói rộng ra, sẽ là hai mươi lăm món Phước. Hai mươi lăm Hữu trong tam giới đều có thể trói buộc quý vị, cho đến phiền não của chúng ta, tức tám vạn bốn ngàn phiền não đều trói buộc quý vị, phải có ý nghĩ đoạn phiền não. Nếu ai có thể cúng dường các vị xuất gia, sẽ nhất định có thể đoạn kết sử, đoạn phiền não. La Sát con cũng hướng về mẹ xin ăn thịt người đó. “*Thử nhân thân huyết nhục*”: Trên thân kẻ đó có đủ máu và thịt. “*Quốc vương chi sở lã*” (Do quốc vương ban tặng): Quốc vương ban cho chúng ta ăn, đem kẻ này bỏ ở đây. “*Nguyện thỉnh ngã ẩm đạm*”: Xin mẹ hãy cho phép chúng con ăn thịt hẳn. “*Đắc lực thừa sự mẫu*”: [Ăn thịt hẳn xong], thân tâm con khỏe mạnh, có sức, con sẽ khéo hiếu kính mẹ. La Sát mẫu liền bảo các con: “*Như thị nhiệm y nhân, phi nhữ sở ưng thực, ư thử khởi ác giả, đương thành đại khổ khí*” (Người áo nhuộm như thế, con chớ có nên ăn. Khởi ác với người ấy, sẽ chịu khổ to tát): Các con chớ nên ăn thịt người cạo tóc, đắp y nhuộm. Nếu các con phát khởi ác niệm đối với người ấy, sanh khởi ác tâm, con sẽ biến thành kẻ chịu khổ! “*Khí*” (器) là dụng cụ, đồ đựng. Dụng cụ ấy chứa đựng sự khổ. Pháp khí chứa đựng pháp, đây là cách nói hình dung.

“*Thời La Sát tử dữ chư quyền thuộc*” (Khi đó, các La Sát con và các quyền thuộc) cũng nghe lời La Sát mẫu nói. “*Hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng viết: - Nhữ thị đại tiên chủng, kham vi lương phước điền, cố ngã tu cúng dường, nguyện tuyệt chư hữu phước*” (Nhiều quanh người ấy theo chiều bên phải, tôn trọng đánh lễ, chấp tay, bèn nói kệ tụng rằng: “Ông thuộc dòng đại tiên, kham làm ruộng phước tốt. Vì thế, tu cúng dường. Nguyện dứt các hữu phước”): “*Nguyện tuyệt chư hữu phước*” giống như “*tất đoạn chư hữu phước*” (tắt đoạn các trói buộc trong các Hữu). Mỗi bài kệ tụng đều có ý nghĩa giống nhau, chỉ là cách dùng từ trong mỗi câu thay đổi đôi chút. Thật ra, những bài kệ tụng ấy chỉ thuyết minh một vấn đề: Đối với người xuất gia đắp y nhuộm, bèn tôn trọng tâm y ấy, hoàn toàn

chẳng phải là người ấy. La Sát đều có thần thông. Họ biết kẻ đó là phần tử phạm tội, nhưng do kẻ đó khoác tấm y ấy, chẳng thể thương tổn tánh mạng của hắn. Tồn hại tánh mạng của hắn chính là hủy diệt pháp tướng của đức Phật. Điều này có hàm nghĩa như thế đó!

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu đại La Sát mẫu, danh Dao Kiếm Khẩu, diệp hữu ngũ thiên quyển thuộc vi nhiều, lai nhập trung gian. Thời, La Sát mẫu diệp kiến thử nhân bị phục ngũ xứ, thế trừ tu phát, phiến xích ca-sa hệ kỳ cảnh hạ, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng ngôn: “Nhữ kim bị pháp y, tất thú Niết Bàn lạc, cố ngã bất hại nhữ, khủng chư Phật sở ha”. Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu viết: “Ngã thường hấp tinh khí, ẩm đạm nhân huyết nhục, nguyện thỉnh thực thử nhân, linh sắc lực sung thịnh”. Thời, La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: “Nhược hại chư ca-sa, thế trừ tu phát giả, tất đạo Vô Gian ngục, cứu thọ đại khổ khổ”. Thời, La Sát tử dĩ chư quyển thuộc, hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng viết: “Ngã đẳng bố địa ngục, cố bất hại nhữ mạng, đương giải phóng nhữ thân, nguyện thoát địa ngục khổ”.

(經)爾時，復有大羅刹母，名刀劍口，亦有五千眷屬圍繞，來入塚間。時，羅刹母亦見此人被縛五處，剃除鬚髮，片赤袈裟系其頸下，即便右繞，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌言：「汝今被法衣，必趣涅槃樂，故我不害汝，恐諸佛所呵」。時，羅刹子白其母曰：「我常吸精氣，飲啖人血肉，願聽食此人，令色力充盛」。時，羅刹母便告子言：「若害諸袈裟，剃除鬚髮者，必墮無間獄，久受大苦器」。時，羅刹子與諸眷屬，右繞此人，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌曰：「我等怖地獄，故不害汝命，當解放汝身，願脫地獄苦」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có đại La Sát mẫu tên là Dao Kiếm Khẩu (miệng như đao gươm), cũng có năm ngàn quyển thuộc vây quanh, vào trong gò mả. Khi đó, La Sát mẫu cũng thấy người ấy bị trói năm chỗ,

cạo bỏ râu tóc, một mảnh ca-sa đở buộc ở dưới cổ, liền nhiễu theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Ông nay mặc pháp y, ắt đạt Niết Bàn lạc, nên ta chẳng hại ông, sợ chư Phật quả trách”. Khi đó, các La Sát con thừa cùng mẹ rằng: “Con thường hút tinh khí, ăn uống máu thịt người, xin cho ăn người này, khiến sắc lực sung mãn”. Khi đó, La Sát mẫu liền bảo các con rằng: “Nếu hại người đấp y, và cạo bỏ râu tóc, ắt đọa ngục Vô Gián, chịu khổ lớn dài lâu”. Khi đó, các La Sát con nhiễu quanh thân người ấy theo chiều bên phải, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Chúng tôi sợ địa ngục, nên chẳng hại mạng ông. Sẽ cõi trời cho ông, nguyện thoát khỏi địa ngục”).

“Xích sắc” là màu đỏ, nhưng thuở đức Phật tại thế, y của Ngài [chế định] luôn là y nhuộm hoại sắc, chẳng phải là đỏ tươi. Chẳng hạn như y phục của lạt-ma mặc đều là màu đỏ pha sắc tía (màu Maroon), y vàng cũng chẳng phải là vàng tươi. Sau khi [Phật giáo] truyền sang Trung Hoa, y phục của chúng ta biến thành màu đỏ tươi, vàng tươi. Đây là vì quốc vương thuở ấy, cũng tức là vua Sát-đế-lợi muốn làm như vậy, nhằm thể hiện ý nghĩa tôn trọng, [cho nên] tăng nhân đều sửa lại. Nhưng người xuất gia chúng ta mặc trang phục này, áo dài vạt vuông, cổ tròn, chính là y phục của người thời Hán.

Hơn nữa, chùa miếu được gọi là Tự, đó là tên gọi của dinh phủ quan lại thời Hán, tức là nơi làm việc, tức nha môn của chánh phủ. Thuở đó, [quốc khách] từ ngoại quốc đến, hoặc từ Ấn Độ đến, đều đưa tới Hồng Lô Tự⁷⁴, tương đương với chỗ chiêu đãi của bộ ngoại giao. Ở đó,

⁷⁴ Hồng Lô Tự (鴻盧寺) là cơ quan đặc trách tiếp khách ngoại quốc, nhất là các sứ đoàn ngoại giao. Cơ quan này dưới thời Tần có tên là Điền Khách, sang thời Hán đổi thành Đại Hành Lệnh. Hán Vũ Đế đổi thành Đại Hồng Lô với ý nghĩa “lớn tiếng truyền tụng tán dương”, thể hiện ý nghĩa hướng dẫn các nghi lễ. Đứng đầu là Hồng Lô Tự Khanh, phó là Thiếu Khanh, ngoài ra còn có các chức Thừa, Chủ Bạ phụ tá. Cơ quan này đặc trách việc đón tiếp sứ đoàn, tiếp nhận, và giám định các phẩm vật tiến cống, an trí chỗ nghỉ ngơi, khoản đãi các sứ đoàn, hướng dẫn các nghi lễ, tặng quà cho sứ đoàn theo quy định. Đến thời Minh, cơ quan này kiêm thêm việc phụ giúp bộ Lễ tổ chức các điển lễ, tế tự, tiệc tùng, tang ma của triều đình. Đến đời Thanh, lại đặt thêm các viện trực thuộc Hồng Lô Tự như Truyền Pháp đặc trách san nhuận kinh văn, và Tăng Lục Ty để chưởng quản danh sách tăng ni, tự viện trong nước... Hai triều đại Kim và Nguyên không có cơ cấu này, mọi trách nhiệm của Hồng Lô Tự giao về bộ Lễ.

có rất nhiều phòng ốc để tiếp đãi họ. Do vậy, lập một ngôi chùa, chẳng gọi là tự miếu, cũng chẳng gọi là Tăng già-lam, mà gọi là Tự. Tự vốn là Hồng Lô Tự đời Hán. Các sảnh, các viện của chánh phủ đều gọi là Tự. Biết ý nghĩa này là được rồi. Nay ý nghĩa được bao hàm trong đoạn kinh văn này có chút sai khác. “*Xích ca-sa*” là áo ca-sa màu đỏ. Y ca-sa dịch nghĩa là “*giải thoát phục*”, [hàm ý] mặc y phục ấy sẽ giải thoát. Nhưng hiện thời chẳng giải thoát được, đắp y vẫn chẳng giải thoát, giống như trong phần trước chúng tôi đã nói: Có rất nhiều tỳ-kheo phá giới, đức Phật vẫn cho phép quý vị cúng dường, vẫn phải ủng hộ kẻ đó, chẳng cho phép thương tổn kẻ đó. Đây có nghĩa là gì? Do ý nghĩa: Kẻ đó vẫn có thể làm cho người khác trông thấy hình tướng tỳ-kheo, làm phước điền cho người khác. Hiện thời, có lúc ngay cả tỳ-kheo phá giới cũng chẳng trông thấy. Một vạn năm sau này trong thời Mạt Pháp, tương trạng Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo đã chẳng còn! Trên Đại Lục đã có thời gian suốt hơn ba mươi năm chẳng có [hình tướng tỳ-kheo]!

Do vậy, quý tử mẫu Dao Kiếm Khẩu cũng như thế. Vị La Sát Mẫu này chúng ta thường dịch là Quý Tử Mẫu⁷⁵. La Sát mẫu có năm ngàn quyến thuộc vây quanh vào trong vùng gò mả ấy. La Sát mẫu thấy kẻ đó bị trói năm chỗ, còn có một mảnh ca-sa đỏ buộc trên cổ, bèn nhiễu theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính. “*Nhữ kim bị pháp y*” (Ông nay đeo pháp y), đây là pháp y của người tu đạo. Nếu chúng ta thọ Tam Quy Ngũ Giới, Ngũ Giới cho phép có một cái y để mặc khi lễ sám, đó cũng gọi là “*pháp phục*”. Đây là chế định của đức Phật, nhưng trong ấy chỉ có năm điều⁷⁶, chẳng có điều ngang. Có điều ngang nhằm biểu thị điều gì? Giống như đất ruộng. Đó là phước điền, làm ruộng phước cho

⁷⁵ Chữ Quý Tử Mẫu ở đây chỉ có nghĩa là mẹ của lũ quý con. Khi kinh Phật nói Quý Tử Mẫu mà không nêu rõ danh xưng thì là nói đến quý mẫu Ha Rị Đê (Hariti), còn dịch là Hoan Hỷ Mẫu, Bạo Ác Mẫu, hoặc Ái Tử Mẫu. Bà này có năm trăm đứa con, được đức Phật hóa độ, phát nguyện chuyên bảo hộ trẻ con.

⁷⁶ “Điều” là một mảnh vải. Ở đây lão pháp sư nói Mạn Y (縵衣) dành cho cư sĩ theo kiểu cổ gồm năm miếng dọc không có những mảnh ngang. Trong khi y ngũ điều của chư tăng thì mỗi mảnh dọc ấy lại cắt thành những mảnh nhỏ hơn, thông thường là một mảnh dài, một mảnh ngắn. Hiện thời, hầu như mạn y thường may nguyên khối vải, hay chỉ do hai miếng vải ghép lại. Thông thường, Mạn Y dành cho người tại gia đã thọ Bồ Tát Giới. Nhưng có những đạo tràng như Phật Quang Sơn, thọ Ngũ Giới đã cho phép đắp y. Nói chung, truyền thống Trung Hoa khuyên cáo chỉ đắp y khi sám hối, hoặc tụng giới, không nên mặc trần lan. Cũng như đắp là để nhớ giới đã thọ, không phải để khoe khoang, tự mãn.

chúng sanh. Quý vị thấy cái y ấy, liền gieo phước điền. Nếu có thể lễ bái, phước lớn hơn một chút, cúng dường thì phước lớn hơn chút nữa. Hơn nữa, chỉ cần quý vị trông thấy cái y ấy, sẽ gieo thiện căn, cho nên gọi là pháp y. “*Nhữ kim bị pháp y*” (Ông nay mặc pháp y): Bất luận ông là giả vờ cũng thế, mà thật sự cũng thế, chỉ cần ông đã mặc. “*Tất thú Niết Bàn lạc*” (Ất đạt đến niềm vui Niết Bàn): Trong tương lai, nhất định chứng đắc Phật quả, Niết Bàn có nghĩa là “*bất sanh, bất diệt*”. “*Cố ngã bất hại nhữ*”: Do vậy, tôi sẽ chẳng thương tổn ông. “*Khủng chư Phật sở ha*” (Sợ chư Phật quả trách): Nếu tôi tổn thương ông, chư Phật sẽ quả trách, hoặc trách phạt tôi, tôi sẽ mắc tội!

“*Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu viết: ‘Ngã thường hấp tinh khí, ẩm đạm nhân huyết nhục, nguyện thính thực thử nhân, linh sắc lực sung thịnh’. Thời La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: - Nhược hại trước ca-sa, thể trừ tu phát giả*” (Khi đó, La Sát con thưa với mẹ rằng: “Con thường hút tinh khí, ăn thịt, uống máu người. Cho con ăn người này, khiến sắc lực sung mãn”. Khi đó, La Sát mẫu liền bảo con rằng: “Nếu hại kẻ đắp y, cạo bỏ râu lẫn tóc”): Nếu các con hại người xuất gia, “*tất đọa Vô Gian ngục, cứu thọ đại khổ khổ*” (ất đọa ngục Vô Gian, chịu khổ lớn dài lâu): Sẽ trở thành một dụng cụ chứa đựng khổ, chịu sự khổ độc lâu dài! “*Thời, La Sát tử dữ chư quyến thuộc hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng viết: - Ngã đẳng bố địa ngục, cố bất hại nhữ mạng, đương giải phóng nhữ thân, nguyện thoát địa ngục khổ*” (Lúc ấy, các La Sát con và các quyến thuộc nhiều quanh người ấy theo chiều bên phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: - Chúng tôi sợ địa ngục, nên chẳng hại mạng ông, sẽ giải thoát thân ông, nguyện thoát khổ địa ngục): Chúng tôi vì sợ chịu khổ trong địa ngục, cho nên sẽ chẳng hại mạng ông. Nếu không, chúng tôi sẽ ăn thịt ông! “*Đương giải phóng nhữ thân, nguyện thoát địa ngục khổ*”: Tôi sẽ thả ông đi, hồi hướng cho chính mình trong tương lai chẳng còn phải chịu nỗi khổ trong địa ngục.

(Kinh) Thời, chư La Sát mẫu, tử, quyến thuộc, đồng khởi từ tâm, giải thử nhân phược, sám tạ, ủy dụ, hoan hỷ phóng hoàn. Thử nhân thanh đán tạt chí vương sở, dĩ như thượng sự, cụ bạch ư vương. Thời, Thắng Quân vương cập chư quyến thuộc, văn chi kinh được, thán vị tăng hữu, tức lập điều chế, ban cáo quốc nhân: “Tự kim dĩ hậu, ư ngã quốc trung, hữu Phật đệ tử, nhược trì giới, nhược phá giới, hạ chí vô giới, dẫn thể tu phát, bị phục ca-sa, chư hữu xâm lăng,

hoặc gia hại giả, đương dĩ tử tội nhi hình phạt chi”. Do thử nhân duyên, chúng nhân mộ đức, tiệm tiệm quy hóa, vương Thiệm Bộ Châu, giai cộng thành tâm, quy kính Tam Bảo. Thiện nam tử! Đương quán như thị quá khứ La Sát, tuy thọ vô hạ ngã quý thú thân, hấp nhân tinh khí, ẩm đạm huyết nhục, ác tâm xí thịnh, vô hữu từ bi, nhi kiến vô giới, thể trừ tu phát, dĩ phiến ca-sa quả kỳ cảnh giả, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đánh lễ, cung kính, tán tụng, vô tổn hại tâm.

(經)時, 諸羅刹母子眷屬, 同起慈心, 解此人縛, 懺謝慰喻, 歡喜放還。此人清旦疾至王所, 以如上事, 具白於王。時, 勝軍王及諸眷屬, 聞之驚躍, 嘆未曾有。即立條制, 頒告國人: 「自今已後, 於我國中, 有佛弟子, 若持戒、若破戒, 下至無戒, 但剃鬚發, 被服袈裟, 諸有侵凌或加害者, 當以死罪而刑罰之」。由此因緣, 眾人慕德, 漸漸歸化, 王贍部洲, 皆共誠心, 歸敬三寶。善男子! 當觀如是過去羅刹, 雖受無暇餓鬼趣身, 吸人精氣, 飲啖血肉, 噁心熾盛, 無有慈悲, 而見無戒, 剃除鬚髮, 以片袈裟掛其頸者, 即便右繞, 尊重頂禮, 恭敬讚頌, 無損害心。

(Kinh: Lúc ấy, các mẹ con La Sát và quyến thuộc cùng dấy từ tâm, cõi trời cho người ấy, sám hối, tạ từ, an ủi, khuyên dụ, hoan hỷ thả người ấy về. Người ấy sáng sớm vội đến chỗ nhà vua, đem chuyện trên đây tâu căn kẽ cùng vua. Khi đó, vua Thắng Quân và các quyến thuộc nghe xong, kinh ngạc, hớn hờ, than là chưa từng có, lập tức chế định điều luật, bố cáo với dân trong nước: “Từ nay trở đi, trong nước của ta, có đệ tử Phật, dù trì giới, hay phá giới, thậm chí chẳng có giới, chỉ cạo bỏ râu tóc, đắp khoác ca-sa, mà nếu có kẻ nào xâm phạm, hiếp đáp, hoặc làm hại, sẽ dùng tội tử hình để trừng phạt”. Do nhân duyên ấy, mọi người hâm mộ đức, dần dần quy hướng sự giáo hóa. Trong Thiệm Bộ Châu của nhà vua, [dân chúng] đều cùng thành tâm quy kính Tam Bảo. Nay thiện nam tử! Hãy nên quán La Sát trong quá khứ như thế, tuy thọ

thân không nhàn hạ trong đường ngạ quỷ, hút tinh khí của kẻ khác, ăn thịt, uống máu, ác tâm lừng lẫy, chẳng có từ bi, mà thấy kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, dùng một mảnh ca-sa đeo vào cổ, liền nhiễu theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, cung kính, tán tụng, chẳng có tâm tôn hại).

Đoạn này bao gồm rất nhiều mẹ con La Sát và quyền thuộc như đã nói trên đây “đồng khởi từ tâm”. Chữ Đồng (同) có nghĩa là mọi người đều phát khởi tâm từ bi. “Giải thử nhân phược” [nghĩa là] tháo gỡ dây thừng hoặc dụng cụ hành hình cho kẻ đó. “Sám tạ ủy dụ” đồng thời sám hối, hoan hỷ, an ủi kẻ đó. “Hoan hỷ phóng hoàn” (Hoan hỷ thả về): Nói ông hãy quay về, để cho kẻ đó chạy đi. Đây là chuyện trong đêm! “Thử nhân thanh đán tạt chí vương sở” (Người ấy sáng sớm, vội đến chỗ vua): “Thanh đán” là sáng sớm. Đến sáng mai, kẻ đó còn chưa chết, bèn rất nhanh chóng, “tật” (疾) là nhanh chóng, tới chỗ quốc vương, vào vương cung. “Dĩ như thượng sự cụ bạch ư vương” (Đem chuyện trên đây tâu cận kề với vua): Đem những chuyện kẻ đó đã từng trải hôm qua, tức chuyện mẹ con La Sát chẳng hại mạng hần, tâu lên quốc vương. “Thời, Thắng Quân vương cập chư quyền thuộc văn chi kinh dục” (Khi đó, vua Thắng Quân và các quyền thuộc nghe kể, kinh ngạc, hớn hờ): Vua Thắng Quân là quốc vương xử phạt hần, còn có các đại thần, quyền thuộc, nghe kẻ đó kể lại như vậy, ngạc nhiên khôn cùng! “Thán vị tăng hữu” có nghĩa là kinh ngạc than thở! “Tức lập điều chế” (Liền lập ra quy chế): Lập ra quy định. Nói theo hiện thời là đối với hiện pháp đã lập, liền tăng thêm điều khoản này, tuyên cáo khắp thiên hạ: “Tự kim dĩ hậu, ư ngã quốc trung, hữu Phật đệ tử, nhược trì giới, nhược phá giới, hạ chí vô giới” (Từ nay trở đi, trong nước của ta, có đệ tử Phật, dù là trì giới, hay phá giới, thậm chí không có giới): “Vô giới” là còn chưa xuất gia, vì phải tỵ nạn, lìa khỏi cảm giác hoảng sợ, mới tìm ca-sa, nhưng chẳng tìm được, chỉ có được một mảnh. Mảnh ca-sa ấy cứu kẻ đó, đây là kẻ “vô giới”. Chỉ cần cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa, không cho phép bất cứ ai xâm phạm, lấn hiếp, hay lăng nhục kẻ đó. Nếu quý vị xâm hại, hoặc làm hại người cạo bỏ râu tóc, đắp khoác ca-sa, sẽ dùng hình phạt tử tội để trừng phạt. Đây là pháp luật do vua Thắng Quân định ra.

“Do thử nhân duyên, chúng nhân mộ đức, tiệm tiệm quy hóa vương Thiệm Bộ Châu” (Do nhân duyên ấy, mọi người hâm mộ đức dần dần quy hướng sự giáo hóa của vua nơi Thiệm Bộ Châu): Do vua Thắng Quân làm như vậy, định ra loại pháp luật này, miễn trừ tử hình, miễn trừ

tử tội, chẳng phải là dành cho hết thảy mọi người, mà là đối với người xuất gia, phải cung kính, phải lễ bái, phải kính lễ. Vì có nhân duyên như vậy, các quốc độ khác, hoặc là nhân dân đều dần dần ngưỡng mộ đạo đức của nhà vua, dần dần quy hướng về sự giáo hóa của ông ta. Vua Thắng Quân làm như vậy, cho nên dần dần đã đề cao thế lực của quốc vương.

“*Quy hóa*” là như mọi người đều biết, đã tới Gia Nã Đại, phải nhập quốc tịch. Đó gọi là “*quy hóa*”. Quý vị phải tuyên thệ, còn phải thề. Khi tôi ở Nữ Ước, có một đạo hữu sau khi tuyên thệ, trở về nói với tôi: “Hôm nay người khảo hạch đã hỏi con: Giả sử chúng ta đánh nhau với Trung Quốc, đánh nhau với người Hoa. Chúng tôi phải ông đi đánh giặc, ông có đi hay không?” Tôi hỏi: “Ông trả lời ra sao?” Ông ta trả lời: “Đi thôi! Đương nhiên là đi”. Tôi bảo: “Ông trả lời như vậy chẳng phải là đệ tử Phật!” Ông ta rất ngạc nhiên hỏi: “Con nên trả lời như thế nào?” Tôi bảo: “Ông nên trả lời, tôi hy vọng quý vị không gây chiến. Quý vị sai tôi đi chiến đấu, tôi không đi, chẳng nhập tịch thì thôi!” Vì La Sát quỷ tử mẫu muốn quý vị quy hóa, quý vị cũng quy phục và chịu để cho chúng nó giáo hóa ư? Mọi người hãy ngắm xem, có thể là chẳng bị hỏi câu ấy, nhưng cũng có thể bị hỏi vấn đề này!

Phàm là chuyện gây nguy hại cho kẻ khác, ta sẽ không làm. [Chuyện nguy hại cho] súc sanh ta cũng chẳng làm! Muốn chúng ta giết súc sanh, chúng ta chẳng giết súc sanh. Ngay cả La Xoa (La Sát), Dạ Xoa, là những quỷ ác nhất, họ còn như vậy, huống hồ chúng ta là người ư? Bất luận quý vị vào quốc tịch nước nào, sai quý vị đi giết đồng bào của mình, quý vị có thể phát cái nguyện ấy hay không? Hãy chú ý, chớ nên vì lợi ích trước mắt mà bỏ lỡ rất nhiều hạnh phúc trong tương lai. Nếu cho rằng đây là nói suông, chẳng có vấn đề gì! Ôi chao! Quý vị đừng nghĩ là nói suông, khi tuyên thệ nhập tịch, chẳng phải là nguyện, mà là thệ nguyện. Tuyên thệ xong, quý vị không làm, sẽ là vọng ngữ; nếu làm, lại thương tổn kẻ khác, ngay cả thương tổn súc sanh cũng chẳng được!

“*Thiện nam tử! Đương quán như thị quá khứ La Sát, tuy thọ vô hạ ngạ quỷ thú thân*” (Này thiện nam tử! Hãy nên quán La Sát trong quá khứ như thế, tuy thọ thân chẳng nhân hạ trong đường ngạ quỷ): “*Vô hạ*” (無暇) là khiến cho người học Phật pháp chẳng rảnh rang, thân thể chịu khổ, không thể nhân hạ nổi! Giống như các đạo hữu có lúc bận tít tít, chịu đựng các tai nạn không ngớt, chính mình mong tu hành, chẳng thể

được! “*Vô hạ*”: Có rất nhiều người phát nguyện nghe giảng viên mãn bộ kinh này, chẳng thiếu một buổi nào, chẳng thể được! Quý vị còn có chuyện phải làm. Hễ phải làm thì sẽ rời khỏi chỗ này. Hoặc là vì bệnh tật mà phải rời đi, hoặc vì có chuyện mà phải rời đi, hoặc là bận việc trong công ty mà phải rời đi, chẳng thể nghe. Đây là giải đãi, chẳng tinh tấn. Đó là nghiệp quá khứ, hoặc vì nghiệp chướng gây chướng ngại. Chẳng có cách nào, đó là chuyện nhỏ! Dừng mãi, tinh tấn thì sẽ có thể làm được! “*Bát vô hạ, thập viên mãn*”⁷⁷: Mong cầu được làm thân người như vậy đều chẳng thể được!

Lấy ngay bản thân tôi làm thí dụ. Tôi ở trong tù vài chục năm, tôi mong học Phật pháp, lễ bái, sám hối đều chẳng thể, chẳng có cơ hội ấy. Đó gọi là “*vô hạ*”. Quý vị mong cái thân viên mãn, rất khó khăn! Họ vốn là thân quý La Sát, đã là không rảnh rang, là nợ quý. Họ có thể thấy kẻ đó mà chẳng ăn thịt, đây là rất khó có! Họ dựa vào hút tinh khí, uống máu, ăn thịt [để tồn tại], ác tâm của họ hết sức dữ dội, chẳng có quan niệm từ bi chi hết! Nhưng thấy một kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, chỉ dùng một mảnh ca-sa buộc vào cổ, họ còn có thể nhiều theo chiều bên phải, còn có thể tôn kính, đảnh lễ, cung kính, tán thán kẻ đó, tiêu trừ cái tâm tổn hại!

(Kinh) Nhiên vị lai thế, hữu Sát-đê-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm hoài độc ác, vô hữu từ mẫn, tạo tội quá u Dục Xoa, La Sát, ngu si, ngạo mạn, đoạn diệt thiện căn. U quy ngã pháp, nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, thế trừ tu phát, bị phục ca-sa chư đệ tử sở, bất sanh cung kính, não loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên trọng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội, đoạn diệt thiện căn, phần thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương sanh Vô Giám địa ngục.

⁷⁷ “*Bát vô hạ*” tức là tám nạn, hàm ý người gặp một trong tám nạn ấy sẽ bị phiền não và các khổ nạn quần trôi, không thể thanh thân tu đạo giải thoát được. “*Bát vô hạ*” là địa ngục, nợ quý, súc sanh, biên địa, sanh trong cõi trời trường thọ, sanh nhằm cõi đời không có Phật, các căn chẳng đủ, và có tà kiến. “*Thập viên mãn*” là mười nhân duyên viên mãn khiến cho người ấy có thể nghe pháp tu hành: Sanh làm người, sanh tại nơi có văn hóa cao, các căn đầy đủ, chẳng có túc nghiệp điên đảo, chánh tín, nhằm lúc Phật xuất thế, có người giảng nói chánh pháp, giáo pháp trụ thế, tin tưởng hành theo chánh pháp, gặp gỡ thiện tri thức chỉ dạy.

(經)然未來世，有刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，心懷毒惡，無有慈愍，造罪過於藥叉、羅刹，愚癡傲慢，斷滅善根。於歸我法，而出家者，若是法器，若非法器，剃除鬚髮，被服袈裟諸弟子所，不生恭敬，惱亂呵罵，或以鞭杖楚撻其身，或閉牢獄，乃至斷命。此於一切過去、未來、現在諸佛，犯諸大罪，斷滅善根，焚燒相續，一切智者之所遠離，決定當生無間地獄。

(Kinh: Nhưng đời vị lai có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những kẻ Chiên-đồ-la, ô lòng độc ác, chẳng có từ mẫn, tạo tội còn hơn Dược Xoa, La Sát, ngu si, ngạo mạn, đoạn diệt thiện căn. Đối với các đệ tử quy y pháp của ta xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, cạo bỏ râu tóc, khoác đắp ca-sa mà chẳng sanh cung kính, não loạn, quở trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gậy đánh đập thân họ, hoặc giam trong lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm các đại tội nơi hết thầy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, đoạn diệt thiện căn, thiêu đốt liên tục, hết thầy người có trí đều xa lìa, quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gián).

Những gã Chiên-đồ-la ấy làm ác còn vượt quá La Sát, Dược Xoa. “Ngu si ngạo mạn”, chẳng có trí huệ. Chính mình chẳng có trí huệ, vẫn rất kiêu ngạo. “Đoạn diệt thiện căn. Ư quy ngã pháp nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí” (Đoạn diệt thiện căn. Đối với kẻ quy y pháp của ta xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí): Pháp khí là vị tỳ-kheo thanh tịnh, tốt đẹp. Phi pháp khí là tỳ-kheo phá giới, nhưng chỉ cần người ấy là đệ tử cạo bỏ râu tóc, khoác đắp ca-sa. Đối trước họ mà “bất sanh cung kính, não loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiền, trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội” (chẳng sanh lòng cung kính, não loạn, quở trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gậy đánh đập thân kẻ đó, hoặc giam trong lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó đã phạm các tội lớn nơi hết thầy chư Phật trong quá khứ, vị lai và hiện tại):

Đã phạm vào tội ác lớn nhất đối với tam thế chư Phật, đoạn diệt thiện căn. Trong quá khứ có chút thiện căn, do lần này [tạo tội như thế] liền đoạn diệt.

“*Phân thiêu tương tục*” (Thiêu đốt liên tục): Đây là cách nói hình dung. “*Nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương sanh Vô Gian địa ngục*” (Hết thầy người có trí sẽ xa lìa, quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gian): Khi phạm loại tội này, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian!

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Tích hữu quốc vương, danh Siêu Phước Đức. Hữu nhân phạm quá, tội ưng hợp tử, vương tánh nhân từ, bất dục đoạn mạng. Hữu nhất đại thần, đa chư trí sách, tiền bạch vương viết: “Nguyện vật vi ưu, chung bất linh vương đắc sát sanh tội, bất phó khôi khoái linh sát thử nhân”. Thời bỉ đại thần, dĩ kỹ trí lược, tương phạm tội nhân, phó ác túy tượng. Thời ác túy tượng, dĩ tỵ quyền thủ tội nhân lưỡng hĩnh, cử thượng không trung, tận kỳ thế lược, dục phác u địa. Hốt kiến thử nhân thường hữu xích sắc, vị thị ca-sa, tâm sanh tịnh tín, tiện từ trí địa, sám tạ bi hào, quy phục u tiền, dĩ tỵ vãn túc, thâm tâm kính trọng, chiêm ngưỡng bỉ nhân. Đại thần kiến dĩ, trì hoàn bạch vương. Vương văn hỷ ngạc, thán vị tăng hữu, tiện sắc quốc nhân gia kính Tam Bảo. Nhân tư đoạn sát, vương Thiệm Bộ Châu. Thiện nam tử! Đương quán như thị quá khứ túy tượng, tuy thọ vô hạ bàng sanh thú thân, nhi kính ca-sa, bất tạo ác nghiệp.

(經)又善男子！昔有國王，名超福德。有人犯過，罪應合死，王性仁慈，不欲斷命。有一大臣，多諸智策，前白王曰：「願勿為憂，終不令王得殺生罪，不付魁膾令殺此人」。時彼大臣，以己智力，將犯罪人，付惡醉象。時惡醉象，以鼻卷取罪人兩脛，舉上空中，盡其勢力，欲撲於地。忽見此人裳有赤色，謂是袈裟，心生淨信，便徐置地，懺謝悲號，跪伏於前，以鼻拄足，深心敬重，瞻仰彼人。大臣見已，馳還白王。王聞喜愕，嘆未曾有，便敕國

人加敬三寶。因斯斷殺，王贍部洲。善男子！當觀如是過去醉象，雖受無暇傍生趣身，而敬袈裟，不造惡業。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Xưa kia có quốc vương, tên là Siêu Phước Đức. Có kẻ phạm lỗi, tội đáng phải chết. Tánh vua nhân từ, chẳng muốn đoạn mạng kẻ đó. Có một đại thần có nhiều kế sách trí huệ, đối trước vua, tâu rằng: “Xin bệ hạ đừng lo, thần trọn chẳng khiến cho bệ hạ mắc tội sát sanh, chẳng giao cho đao phủ giết người này”. Khi đó, đại thần dùng trí lực của chính mình, đem kẻ phạm tội giao cho con voi say hung ác. Lúc đó, con voi say hung ác dùng vòi cuốn lấy hai bắp chân tội nhân, giơ lên trên không, tận hết sức lực, toan quăng kẻ đó xuống đất, bỗng thấy cái xiêm người ấy mặc có màu đỏ, cho là ca-sa, tâm sanh tịnh tín, liền thông thả đặt xuống đất, sám hối, tạ lỗi, gào lên buồn bã, quỳ phục trước mặt, dùng vòi vuốt ve chân [kẻ đó], thâm tâm kính trọng, chiêm ngưỡng kẻ ấy. Đại thần đã thấy, bèn vội quay về, tâu với vua. Vua nghe chuyện hoan hỷ, kinh ngạc, than là chưa từng có, liền sắc truyền người trong nước càng thêm tôn kính Tam Bảo. Do vậy, thời giết hại, vua thống lãnh trọn Thiệm Bộ Châu. Này thiện nam tử! Hãy nên quán voi say trong quá khứ như thế, tuy thọ thân chẳng nhàn hạ trong đường bàng sanh, mà kính trọng ca-sa, chẳng tạo ác nghiệp).

Đây là kể chuyện cũ. Những câu chuyện cũ sẽ khơi gợi chúng ta sanh khởi tín tâm. Trong quá khứ có vị quốc vương, tên là Siêu Phước Đức, có người phạm tội. “Tội ưng hợp tử, vương tánh nhân từ, bất dục đoạn mạng” (Tội đáng phải chết, vua tánh nhân từ, chẳng muốn đoạn mạng): Vua không muốn giết gã tội nhân đó, không muốn đoạn mạng hắn, có nghĩa là muốn miễn trừ tội tử hình. Tuy hắn phạm tội ác rất lớn, đáng bị tử hình, bèn toan lưu đày hắn. “Hữu nhất đại thần, đa chu trí sách” nghĩa là có một vị đại thần rất có trí huệ, có sách lược. Ông ta bèn tâu với vua Siêu Phước Đức: “Nguyện vật vi ưu” (Xin đừng lo buồn). Tâu quốc vương! Ngài đừng vì chuyện này mà rầu rĩ, thần sẽ làm cho bệ hạ chẳng mắc tội sát sanh, cũng có nghĩa là: Tuy chẳng giết, vẫn có thể xử phạt hắn. “Bất linh khô khoái, linh sát thử nhân” (Cũng chẳng giao cho đao phủ giết chết kẻ này): “Khô khoái” (魁膾) là đao phủ. Vị đại thần này, dùng sức trí huệ của mình, đem phạm nhân “phó ác túy tượng” (giao cho voi say hung ác), tức là dùng một con súc sanh để chấp pháp. Con voi ấy rất hung ác, đổ rượu cho voi uống say. Người say sẽ

mắt tánh người, voi say cũng đánh mắt bản tánh của nó. Con voi ấy dùng vòi “*quyển thủ lưỡng hĩnh*” (cuốn lấy hai bắp chân) của tội nhân, “*lưỡng hĩnh*” (兩脛) là hai bắp chân. Nó cuốn lấy kẻ đó “*quyển cử không trung*” (co vòi, giơ lên trên không), dùng vòi nhắc người ấy lên cao. “*Tận kỳ thế lực*” (Tận hết sức nó): Con voi ấy dùng hết khí lực, muốn quăng kẻ đó xuống đất, từ trên cao quật xuống; nhưng con voi ấy bỗng dung phát hiện y phục khoác trên thân kẻ đó có màu đỏ, “*hốt kiến thử nhân thường hữu xích sắc*” (bỗng thấy cái xiêm của kẻ đó có màu đỏ). “*Thường*” (裳) là xiêm y; trang phục của kẻ đó có màu đỏ, nó ngỡ đó là ca-sa. Con voi say hung ác liền sanh khởi tín tâm thanh tịnh. “*Tiện từ trí địa*” (Bèn thông thả đặt xuống đất), bèn chậm chậm, nhẹ nhàng đặt người ấy xuống đất.

“*Sám tạ bi hào*” (Sám hối, tạ lỗi, kêu lên buồn bã): Con voi ấy bèn hướng về kẻ đó sám hối, tạ lỗi, buồn bã khóc lóc. “*Hào*” (號) là lớn tiếng kêu khóc. “*Quy phục ư tiền*” (Quy phủ phục trước mặt): Quy gối trước kẻ đó. “*Dĩ tỵ vấn túc*” tức là dùng vòi cọ chân kẻ đó, vuốt ve chân tội nhân. “*Thâm tâm kính trọng, chiêm ngưỡng bỉ nhân. Đại thần kiến dĩ, trì hoàn bạch vương*” (Tâm kính trọng sâu xa, chiêm ngưỡng kẻ đó. Đại thần thấy vậy, vội trở về tâu với vua): Vị đại thần rất ngạc nhiên, liền tâu với vua. “*Vương văn hỷ ngạc*” (Vua nghe tâu, hoan hỷ, kinh ngạc): Nhà vua cũng rất kinh ngạc, có chuyện như vậy! “*Thán vị tăng hữu*” nghĩa là tán thán hiếm có, bèn “*sắc quốc nhân gia kính Tam Bảo, nhân tư đoan sát*” (sắc truyền người dân trong nước, càng thêm tôn kính Tam Bảo. Do vậy, chấm dứt sát hại): Quốc gia ấy từ đó trở đi, chẳng còn sát sanh, đều trì giới “*bất sát sanh*”. Thiện nam tử hãy nên quán voi say trong quá khứ như thế, tuy thọ thân chẳng nhân hạ trong đường bàng sanh; trong phần trên là ngựa quý, ở đây là súc sanh, chúng sanh trong ba ác đạo đối với tội nhân mặc ca-sa đỏ đều sanh khởi tâm cung kính to lớn dường ấy. “*Nhi kính ca-sa, bất tạo ác nghiệp*” (Kính trọng ca-sa, chẳng tạo ác nghiệp), nhưng con người chẳng phải là như vậy.

(Kinh) Nhiên vị lai thế, hữu Sát-đê-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm hoài độc ác, vô hữu từ mẫn, tạo chư tội nghiệp, quá ác túy tượng, ngu si, ngạo mạn, đoan diệt thiện căn. Ư quy ngã pháp nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, thế trừ tu phát, bị phục ca-sa chư đệ tử sở, bất sanh cung kính, nã loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên

trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội, đoạn diệt thiện căn, phần thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương sanh Vô Gián địa ngục.

(經)然未來世，有刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，心懷毒惡，無有慈愍，造諸罪業，過惡醉象，愚癡傲慢，斷滅善根。於歸我法而出家者，若是法器，若非法器，剃除鬚髮，被服袈裟諸弟子所，不生恭敬，惱亂呵罵，或以鞭杖楚撻其身，或閉牢獄，乃至斷命。此於一切過去、未來、現在諸佛，犯諸大罪，斷滅善根，焚燒相續，一切智者之所遠離，決定當生無間地獄。

(Kinh: Nhưng trong đời vị lai có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những kẻ Chiên-đồ-la, ôm lòng ác độc, chẳng từ mẫn, tạo các tội nghiệp còn hơn voi say hung ác, ngu si, ngạo mạn, đoạn diệt căn lành. Đối với các đệ tử quy y pháp của ta mà xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa, bèn chẳng sanh tâm cung kính, não loạn, quở trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gây đánh đập thân họ, hoặc nhốt vào lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm tội lớn đối với hết thầy chư Phật trong quá khứ, vị lai, và hiện tại, đoạn diệt căn lành, thiêu đốt liên tục, hết thầy người trí xa lìa, quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gián).

“Vị lai” là khi nào? Có thể là thời hiện tại của chúng ta! Hiện thời được gọi là Mạt Pháp. Xã hội hiện tại có phải là thật sự như vậy hay không? Như chúng ta là nơi có Phật pháp, còn biết Tam Bảo là gì, chứ nơi chẳng có Phật pháp thì căn bản chẳng hiểu Tam Bảo là gì! Tượng đắp ở chùa Nam Phổ Đà tại Hạ Môn, chính giữa là Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Phật, và A Di Đà Phật, ba thánh tượng. Hai bên các Ngài đắp tượng hộ pháp. Một là Đệ Thích Thiên, tượng kia là Đại Phạm Thiên, cũng là Đại Phạm Thiên Chúa, cũng là chúa cõi trời. Chúng ta thấy các tượng ấy, chứ những nơi khác chẳng rõ rệt như ở chùa Nam Phổ

Đà. Đại Phạm thiên vương cũng hộ trì Phật pháp, thỉnh pháp, chuyên môn hộ trì Phật pháp.

Tôi đã thấy vài người xuất gia ở Mỹ. Họ tự đi làm, kiếm tiền, kiếm tiền đến một mức nhất định, bèn đến trung tâm bé quan để bé quan: Giao một vạn đồng để bé quan ba năm, ba tháng, hoặc ba ngày. Có một vị đi làm nửa ngày, nửa ngày học pháp. Hiện thời, các quốc gia chẳng có Tam Bảo vẫn nhiều hơn. Chẳng hạn như Đại Lục và Đài Loan có Tam Bảo, [đại chúng] có cung kính đối với tỳ-kheo hay không? Đa số mọi người cung kính, nhưng vẫn có một số người chẳng cung kính. Đối với tỳ-kheo phá giới, hoặc tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni chẳng tu hành, họ sẽ hủy báng.

Nếu đọc kinh Đại Tập Thập Luân mà tin tưởng, sẽ có thể [có thái độ] tốt đẹp hơn đôi chút. Nếu chẳng tin thì vẫn cứ như vậy. Đức Phật nói như thế đó. Những kẻ đó cho đến vua, quan, dân chúng “*tâm hoài độc ác*” (ôm lòng độc ác), chẳng từ mẫn, cứ làm đúng như vậy, còn dữ dội hơn con voi ác bị say, đoạn mất thiện căn.

Đối với các đệ tử nương theo pháp của đức Phật để xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, họ chẳng cung kính, chẳng sanh tâm cung kính, cứ náo loạn, quở trách, chửi bới, thậm chí dùng roi, gậy đánh đập, nhốt vào lao ngục. Chuyện này vào lúc mới thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa [đã xảy ra] khá nhiều. Vào thuở đó, người xuất gia trong chùa miếu nhất loạt bị bắt bỏ đạo, hoàn tục, mãi cho đến năm 1980, theo chánh sách tôn giáo, mới lại khôi phục, trả lại chùa miếu cho hòa thượng. Khi chánh sách được thực hiện, muốn tìm hòa thượng, tìm không ra, phải tìm các hòa thượng đã hoàn tục lập gia đình trở về. Thuở đầu, từ năm 1980 cho đến 1983, tình huống là như thế đó, [các vị sư đã hoàn tục ấy] mặc y phục tại gia đi làm, đến chùa miếu làm việc, bèn khoác áo tràng vào. Có chuyện thì mặc vào, xong việc thì tan sở, treo áo tràng lên, trở về nhà. Hiện thời thì không như vậy nữa. Kể từ sau năm 1983, chánh sách được thực hiện tiến bộ hơn nữa. Tăng ra Tăng, chùa ra chùa, từ lúc đó mới được khôi phục nguyên trạng!

(Kinh) Nhược Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đặng Chiên-đồ-la nhân, thành tựu như thị đệ tam ác luân. Do thử nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đặng, tín kính Tam Bảo, vô động hoại giả, u Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đặng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phẫn. Quảng thuyết nữ chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương,

tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục.

(經)若刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，成就如是第三惡輪。由此因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶，無動壞者，於刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Nếu vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... thành tựu ác luân thứ ba như thế; do nhân duyên ấy, khiến cho hết thầy trời, rồng, Dược Xoa thân v.v... hộ trì quốc độ là những vị tin kính Tam Bảo chẳng lay động, chẳng hư hoại, bèn sanh tâm sân hận đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... Nói rộng là cho đến các vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... những gã Chiên-đồ-la ấy chẳng bao lâu sẽ liền tứ chi tàn phế, thiếu khuyết. Trong nhiều ngày đêm, đó lưỡi chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Trên đây là nói tổng quát, đều là ác luân!

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! U vị lai thế, thứ Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu, quảng thuyết nãi chí bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, kiến hữu sở thí tứ phương Tăng vật, vị chư tự xá, hoặc tự xá vật, hoặc chư viên lâm, hoặc viên lâm vật, hoặc chư trang điền, hoặc trang điền vật, hoặc sở nhiếp thọ tịnh nhân nam nữ, hoặc sở nhiếp thọ súc sanh chủng loại, hoặc sở nhiếp thọ y phục, ẩm thực, hoặc sở nhiếp thọ sàng, tòa,

phu cụ, hoặc sở nhiếp thọ bệnh duyên y dược, hoặc sở nhiếp thọ chủng chủng tư thân ưng thọ dụng vật. Như thị sở thí tứ phương Tăng vật, cụ giới, phú đức, tinh tấn tu hành Học, Vô Học hạnh, nãi chí chứng đắc tối hậu cực quả, thanh tịnh bất-sô sở ưng thọ dụng.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨惡友行，善根微少，廣說乃至不見不畏後世苦果，見有所施四方僧物，謂諸寺舍，或寺舍物，或諸園林，或園林物，或諸莊田，或莊田物，或所攝受淨人男女，或所攝受畜生種類，或所攝受衣服飲食，或所攝受床座敷具，或所攝受病緣醫藥，或所攝受種種資身應受用物。如是所施四方僧物，具戒富德，精進修行，學無學行乃至證得最後極果，清淨苾芻所應受用。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, trong cõi Phật này, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là bọn Chiên-đồ-la làm theo bạn ác, căn lành kém ít, nói rộng là cho đến chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, thấy các vật cúng thí cho tứ phương Tăng, tức là chùa chiền, hoặc vật dụng trong chùa, hoặc các vườn rừng, hoặc các vật trong vườn rừng, hoặc các trang trại, ruộng đất, hoặc vật thuộc các trang trại, ruộng đất, hoặc các tịnh nhân nam nữ thuộc quyền sở hữu của nhà chùa, hoặc các loài súc sanh của chùa, các y phục, thức ăn của chùa, hoặc giường, tòa, đồ trải của chùa, hoặc thuốc men chữa trị bệnh tật của chùa, hoặc các vật cần dùng cho cuộc sống đáng nên thọ dụng của nhà chùa. Các vật thí cho tứ phương Tăng như thế đáng nên dành cho các bậc đủ giới, giàu đức, tinh tấn tu hành thuộc các địa vị Học và Vô Học, cho đến bậc tỳ-kheo thanh tịnh chứng đắc cực quả tối hậu thọ dụng).

Nói chung là chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng. Bất quá, những quốc gia nói đến dân chủ thì còn tin theo nhân quả, chỉ là chẳng tin tưởng khẩn thiết như Phật giáo, nhưng họ vẫn mong làm chuyện tốt. Các

quốc gia phương Tây bảo vệ động vật; bất quá, họ chẳng bảo vệ triệt để, cũng chẳng trì giới kiêng giết để bảo vệ. Tuy vậy, có cái hay là họ bảo vệ cảm thú, yêu thương, bảo vệ súc sanh, tức là cũng có lòng nhân từ, vẫn sợ hãi khổ quả trong vị lai. Đây là nói đến điều gì vậy? Trong phần trên là nói về người, ở đây nói về vật. Những kẻ ác, vua ác đó, họ tước đoạt các vật phẩm dành để cúng dường tứ phương Tăng nhân, hoặc là phòng ốc trong chùa, hoặc vật dụng trong chùa chiền, vườn rừng, hoặc vật trong vườn rừng, hoặc là điền trang, hoặc các vật thuộc điền trang, hoặc các tịnh nhân nam nữ thuộc về nhà chùa. Bọn quốc vương cho đến đại thần như thế đã tước đoạt vật dụng của Tăng Già khá nhiều. Nếu mọi người đến Bắc Kinh, tại Bắc Kinh có chùa Đàm Chá (潭柘), tọa lạc tại ngoại thành Bắc Kinh. Gần như một nửa đất đai nơi đó thuộc về chùa Đàm Chá. Thuở ấy, các vị Tăng ăn cơm trong chùa có khoảng hơn ba ngàn người, chia thành bảy chỗ ăn cơm, tức bảy chỗ đánh bang⁷⁸, chín chỗ để tụng niệm công khóa. Hiện thời có những chỗ bị hủy hoại, vừa trùng tu!

Đoạt ruộng vườn của nhà chùa, đoạt phòng ốc của chùa, đã tạo tội ấy thì phải thọ báo. “*Tịnh nhân nam nữ*” là như thế này: Trong chùa miếu [nếu là chùa ni, các tịnh nhân] đều là nữ nhân. Những người sống trong ngôi chùa lớn đều là nam nhân, [tịnh nhân cũng toàn là nam giới]. Vì sao gọi là “*tịnh nhân*”? Họ phát tâm, chẳng hạn như làm công quả, ở trong chùa, ăn cơm nhà chùa, làm lụng trong trang viên của chùa miếu, hoặc chăm sóc chùa miếu. Chuyện quét dọn, làm vệ sinh sạch sẽ, hoặc phóng sanh do họ chăm lo. Như vườn rừng của Cổ Sơn nhiều ngàn ấy, cây ăn quả trên núi có đến mấy vạn gốc quít, phải có người hái, có người lo toan, những người đó đều gọi là “*tịnh nhân*”. Nấu cơm trong chùa, làm hết thảy mọi công việc khác nhau, đều là tịnh nhân. Tỳ-kheo chẳng thể làm! Hễ tỳ-kheo làm, sẽ là phạm giới. Đó là trong thuở ấy, nay thì đều phải tự làm. Khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, đều là tự gieo trồng, tự ăn. Hòa thượng tự mình trồng trọt, tự mình nấu cơm, tự lo liệu cuộc sống. Đây là tùy thuận chế độ pháp luật của quốc gia. Phạm là kẻ cướp đoạt vật dụng của Tăng, sẽ phải thọ báo, nhất định sẽ thọ báo!

Trong chùa miếu, còn có rất nhiều thứ, hoặc các loài chúng sanh thuộc quyền sở hữu của nhà chùa. Hoặc y phục, thức ăn của nhà chùa, hoặc giường, tòa, đồ trải nằm, hoặc các thứ thuốc men chữa bệnh, các

⁷⁸ Bang (梆) là một dụng cụ báo hiệu có hình con cá dài bằng gỗ, thường treo trước nhà trù, hoặc Tăng xá, có nhiệm vụ báo hiệu giờ thọ trai.

loại vật dụng cần dùng cho cuộc sống thuộc sở hữu nhà chùa, các vật thí cho tứ phương Tăng như thế, là những vật đáng nên dành cho những vị trọn đủ giới đức, tinh tấn tu hành, học theo hạnh Hữu Học và Vô Học, cho đến các vị bất-sô thanh tịnh chứng đắc cực quả tối hậu hưởng dụng. Các vật phẩm trên đây, cho đến động vật và thực vật: Thực vật ở trong vườn, rừng, động vật trong chùa miếu; có chùa miếu còn có lừa, ngựa, vì họ có trang viên. Trong trang viên, nhất định có lừa, ngựa, có bò, những thứ ấy đều thuộc về chùa miếu. Còn có những con vật được người ta phóng sanh. Trong vùng núi, đại đa số là núi non, họ thả chúng trên núi. Vùng núi ấy thuộc về nhà chùa, cũng là hết thảy các thứ thuộc về hòa thượng. Dầu cho người hay vật, đều thuộc về quyền sở hữu và hưởng dụng của bậc có đạo đức, tinh tấn tu hành, thuộc địa vị Hữu Học và Vô Học. Hữu Học là chưa chứng đắc Tứ Quả, Vô Học là địa vị đã chứng Tứ Quả. Đạt tới địa vị Vô Học thì chứng đắc cực quả. Đó là sự hưởng dụng đúng lý của tỳ-kheo thanh tịnh.

(Kinh) Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, dĩ cường thế lực, xâm đoạt cụ giới thanh tịnh bất-sô, bất thính thọ dụng, hồi dữ phá giới ác hạnh bất-sô, kinh doanh tại gia chư tục nghiệp giả, linh cộng thọ dụng, hoặc độc thọ dụng. Phá giới bất-sô ký thọ đắc dĩ, hoặc cộng thọ dụng, hoặc độc thọ dụng, hoặc dữ tục nhân, đồng cộng thọ dụng. Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, u Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phần. Quảng thuyết nữ chí bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục.

(經)彼刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，以強勢力，侵奪具戒清淨苾芻，不聽受用，回與破戒惡行苾芻，經營在家諸俗業者，令共受用，或獨受用。破戒苾芻既受得已，或共受用，或獨受用，或與俗人，同共受用。由是因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬

三寶無動壞者，於刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Gã vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... do thế lực mạnh mẽ, xâm phạm, cướp đoạt bất-sô trọn đủ giới hạnh thanh tịnh, không cho họ hưởng dụng, trao cho bọn bất-sô phá giới là những kẻ kinh doanh các sự nghiệp thế tục của người tại gia để cùng nhau hưởng thụ, hoặc hưởng thụ một mình, hoặc cùng kẻ thế tục hưởng thụ. Do nhân duyên ấy, khiến cho hết thấy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... hộ trì quốc độ, là những vị tín kính Tam Bảo chẳng hư hoại, chẳng lay động, sanh tâm sân hận đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... Nói rộng thì cho đến vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, và tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... thuộc loại Chiên-đồ-la ấy, chẳng lâu sau, sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi chẳng nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Chết đi, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gian).

Chiên-đồ-la sa-môn là tỳ-kheo phá giới. Nếu mọi người đã xem Ảnh Trần Hồi Úc Lục, sẽ biết: Lão pháp sư Đàm Hư tiếp nhận chùa Pháp Nguyên, bị bọn ác tỳ-kheo thừa kiện. Bọn chúng muốn chiếm đoạt những bảo vật của chùa Pháp Nguyên. Do vậy, thanh tịnh tỳ-kheo và ác tỳ-kheo phải ra tòa. Khi đó, quân phiệt Đông Bắc vẫn đang chiếm đóng miền Đông Bắc, Dương Lăng Các⁷⁹ quy y lão pháp sư Đàm Hư. Tuy có thế lực, lão pháp sư Đàm Hư chẳng làm như vậy. Sau đó, Ngài vẫn giao ngôi chùa đó cho các gã tỳ-kheo ấy. Các gã ác tỳ-kheo ấy sẽ như thế

⁷⁹ Dương Lăng Các (1866-1929) tên thật là Dương Vũ Đình, tự là Lăng Các, còn có các tên hiệu khác là Lân Các, Lân Cát. Quê ở huyện Pháp Khố, tỉnh Phụng Thiên (nay là huyện Pháp Khố, tỉnh Liêu Ninh). Ông ta là một tướng lãnh quân phiệt hùng mạnh trong chánh quyền quân phiệt Bắc Dương thuộc Phụng Hệ (quân phiệt vùng Phụng Thiên). Do tranh quyền cai trị, ông ta bị lãnh tụ Phụng Hệ là Trương Học Lương sai người bí mật ám sát vào năm 1929.

nào? Bọn chúng có được các thứ ấy, sẽ cùng với các ác tỳ-kheo khác cùng hưởng thụ, hoặc riêng mình hưởng thụ, hoặc là cùng kẻ thế tục, cùng các tịnh nhân, và kẻ tại gia cùng nhau hưởng thụ, hoặc là cùng với những kẻ ác Chiên-đồ-la hưởng thụ. Do nhân duyên ấy, chọc giận thần hộ pháp. Các vị trời, rồng, thần Dược Xoa v.v... hộ trì quốc độ ấy, là những vị tín kính Tam Bảo chẳng hoại động, liền sanh khởi tâm sân khuể.

Còn như “*ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phần. Quảng thuyết nãi chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết*” (sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những gã sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy. Nói rộng thì cho đến vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy và những gã tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la đó, chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết), chẳng phải là đức Phật nguyên rửa họ. Ngài thấy nhân quả báo ứng, thấy họ nhất định phải hứng chịu nỗi khổ cùng cực ấy. Nếu không, quý vị sẽ nói “đức Phật cũng nguyên rửa người khác”. Chuyện này giống như khi đọc phẩm Phổ Môn, [thấy kinh dạy] có kẻ dùng thuốc độc hại người khác, [do người bị hại chí tâm xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát], đâm ra [kẻ hại người] sẽ phải tự hứng chịu, chính mình phải nhận lấy [hậu quả ấy], đã có người hỏi tôi: “Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng từ bi?”. Tôi hỏi: “Vì sao?” Người đó đáp: “Phẩm Phổ Môn nói khi dùng thuốc độc hại kẻ khác, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ khiến cho kẻ ấy tự uống thuốc độc, khiến cho chính kẻ ấy mắc hại”. Tôi nói: “Đó chẳng phải là ý của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ông đã hiểu sai ý nghĩa của kinh. Đó là kẻ ấy tự thọ báo”.

Giống như ở đây đức Phật nói “*chẳng lâu sau, tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết*”; đây là đức Phật thấy kẻ đó phải thọ quả báo ấy. Cho đến “*ư đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn. Mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục*” (trong nhiều ngày đêm bị đờ lưỡi, chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián): Còn sống thì chịu khổ đôi chút, vẫn còn dễ chịu, vẫn tốt hơn nhiều so với địa ngục Vô Gián. Chết đi, nhất định đọa vào địa ngục Vô Gián. Phải liễu giải chánh xác đạo lý này! Nếu không, sẽ nói “đức Phật nguyên rửa những kẻ ấy đều đọa địa ngục Vô Gián”, hoàn toàn chẳng phải là ý nghĩa

như vậy! Đức Phật thấy quả báo của họ, mà cũng chẳng thể cứu họ. Họ đã phạm tội ấy, đức Phật chẳng thể cứu nổi!

Do vậy, cuối cùng Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện sẽ cứu họ. Nói nhiều như vậy, nhằm hiển thị lòng đại từ đại bi của Địa Tạng Bồ Tát. Đây là kinh Thập Luân chuyên hiển thị đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát đến nơi đó chuyên cứu vớt những kẻ ấy.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Ư vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu. Quảng thuyết nãi chí bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, kiến y ngã pháp nhi xuất gia giả, thông duệ, đa văn, ngữ thâm viên mãn, hoặc năng truyền thông Thanh Văn Thừa pháp, hoặc năng truyền thông Độc Giác Thừa pháp, hoặc năng truyền thông Vô Thượng Thừa pháp, linh quảng lưu bố, lợi lạc hữu tình. Bỉ u như thị thuyết pháp sư sở, ha mạ, hỷ nhục, phỉ báng, khinh lộng, khi cuồng, bức bách, não loạn pháp sư, chướng ngại chánh pháp.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨惡友行，善根微少。廣說乃至不見不畏後世苦果，見依我法而出家者，聰睿多聞，語甚圓滿，或能傳通聲聞乘法，或能傳通獨覺乘法，或能傳通無上乘法，令廣流佈，利樂有情。彼於如是說法師所，呵罵毀辱，誹謗輕弄，欺誑逼迫，惱亂法師，障礙正法。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la làm theo bạn ác, thiện căn ít ỏi. Nói rộng là cho đến chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, thấy người nương theo pháp của ta xuất gia, thông duệ, đa văn, nói năng hết sức viên mãn, hoặc có thể truyền dạy, thông đạt pháp Thanh Văn Thừa, hoặc có thể truyền dạy, thông đạt pháp Độc Giác Thừa, hoặc có thể truyền dạy, thông đạt pháp Vô Thượng Thừa, khiến cho [các pháp ấy] được truyền bá rộng rãi, lợi lạc hữu tình. Bọn họ đối với vị thầy thuyết pháp

như thế bèn quở trách, chửi bới, hủy nhục, phỉ báng, khinh mạn, trào lộng, lừa dối, áp bức, nã loạn pháp sư, chướng ngại chánh pháp).

Ác luân trong phần trước là tước đoạt vật dụng của Tăng-già, còn ác luân trong phần này là gã ác nhân này câu kết với gã ác nhân khác, tức là câu kết với kẻ ác, chẳng sợ khổ quả đời sau. Thấy người nương theo Phật pháp xuất gia, “*thông duệ, đa văn*”.

“*Duệ*” (睿) có nghĩa là “hiểu rõ, có trí huệ”. “*Đa văn*” là nghe nhiều Phật pháp, mở mang trí huệ. “*Ngũ thậm viên mãn*”, “*viên mãn*” là người ấy thuyết pháp, giải thích pháp do đức Phật đã nói, khiến cho pháp tồn tại trong cõi đời, khiến cho loài người được lợi ích, hoặc là có thể truyền đạt, thông đạt pháp Thanh Văn Thừa. Kế đó là [giải thích cận kề thêm] ý nghĩa của từ ngữ “*ngũ thậm viên mãn*”: Hoặc là có thể truyền đạt pháp Độc Giác Thừa, hoặc là có thể truyền đạt pháp Vô Thượng Thừa, tức là pháp Đại Thừa, khiến cho pháp tam thừa được truyền bá rộng rãi, lợi lạc hữu tình.

“*Bỉ ư như thị thuyết pháp sư sở, ha mạ, hủy nhục, phỉ báng, khinh lộng, khi cuống, bức bách, nã loạn pháp sư, chướng ngại chánh pháp*” (Bọn họ đối với vị thầy thuyết pháp như thế bèn quở trách, chửi bới, hủy nhục, phỉ báng, khinh mạn, trào lộng, lừa dối, áp bức, nã loạn pháp sư, chướng ngại chánh pháp): Không cho phép vị ấy thuyết pháp, nã loạn vị ấy.

(Kinh) Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ, nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phần. Quảng thuyết nữ chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cửu tiện đương chi thể phế khuyết, ư đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục.

(經)由是因緣，令護國土，一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，

不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Do nhân duyên ấy, khiến cho hết thầy trời, rồng, thần Dược Xoa v.v... hộ trì quốc độ là các vị tín kính Tam Bảo chẳng động hoại, sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến lũ Chiên-đồ-la trong giới Sa-môn, Bà-la-môn v.v... Nói rộng là cho đến vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và bọn tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... là những gã Chiên-đồ-la chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, khuyết thiếu, trong nhiều ngày đêm đờ đờ chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Do nhân duyên này, khiến cho hết thầy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... là các vị hộ trì quốc độ này, hộ trì nhân dân trong quốc gia, họ là những vị tín kính Tam Bảo, [tín tâm] chẳng thể động hoại, sẽ sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, cho đến những gã Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... Nói rộng sẽ là sanh tâm phần hận đối với Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la. Do sanh phần hận, bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la [cũng như lũ Chiên-đồ-la tể quan, trưởng giả v.v... của chúng] chẳng lâu sau, tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết. “*Chi tiết phế khuyết*” là tứ chi tàn khuyết, chẳng vẹn toàn, hoặc là bị tai nạn xe cộ, hoặc từ trên núi ngã xuống, hoặc đi du lịch bị rơi xuống nước, đều là các biểu hiện của tứ chi chẳng toàn vẹn. Hiện thời, chuyện này cũng biến hóa! Có một lần, tôi triều bái núi Ngũ Đài. Nơi con đường chạy từ ven sông cho đến chùa dài ngàn ấy, hai bên đường toàn là ăn mày, đủ mọi hình tướng. Quý vị trông thấy, sẽ sanh lòng sợ hãi. Hoặc chỉ còn nửa mặt, hoặc một mắt. Tàn phế cũng khác nhau, tay bên trái là móc, đùi bên phải cụt lủng lẳng, đủ mọi thứ hình trạng lạ lùng, quý vị chẳng thể tưởng tượng nổi. Hiện thời, chẳng còn nữa, có phải là chẳng có kẻ làm ác nữa hay không? Chẳng phải! Trước kia, có thể nói là Bồ Tát thị hiện để quý vị đến nơi ấy sẽ biết sám hối do trông thấy hình tướng ấy. Hiện thời, vì chỗ ấy đã trở thành nơi buôn bán, những kẻ đó chẳng còn nữa, chẳng trông thấy nữa!

Do nhân duyên ấy, khiến cho quốc gia đó chẳng được an ninh, các vị thần hộ pháp chẳng còn hộ trì nữa. Các chuyện quái dị trong quốc gia ấy nảy sanh tràn lan, quân nước mình và quân nước khác gây chiến với

nhau, tai ương, bệnh dịch hoành hành, lòng dân chẳng an định, cho đến chẳng bao lâu, tứ chi của bọn chúng bị tàn khuyết. “*U đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc*” (Trong nhiều ngày đêm bị đờ lưỡi, chẳng nói được, hứng chịu các khổ độc): Có thể nói là chẳng khác người sống đời thực vật trong hiện thời cho mấy, đau xót cùng cực, khó thể chịu đựng! Khi mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gián.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! U vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu. Quảng thuyết nãi chí bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, kiến hữu sở thí tứ phương Tăng vật, tự xá, trang điền, nhân, súc, tài bảo, hoa thụ, quả thụ, nhiệm thụ, âm thụ, hương dược thụ đẳng, cập dư tư thân chủng chủng tạp vật. Ngã chư đệ tử, cụ giới, phú đức, tinh tấn tu hành Học, Vô Học hạnh, nãi chí chứng đắc tối hậu cực quả, thanh tịnh bát-sô sở ưng thọ dụng. Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, dĩ cường thế lực, hoặc tự bức đoạt, hoặc giáo nhân đoạt, hoặc vị tự dụng, hoặc vị tha dụng. Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, u Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân hận. Quảng thuyết nãi chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨惡友行，善根微少，廣說乃至不見不畏後世苦果，見有所施四方僧物，寺舍、莊田、人畜、財寶、華樹、果樹、染樹、蔭樹、香藥樹等，及餘資身種種雜物。我諸弟子，具戒富德，精進修行學無學行，乃至證得最後極果，清淨苾芻所應受用。彼刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門

等旃荼羅人，以強勢力，或自逼奪，或教人奪，或為自用，或為他用。由是因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, trong cõi Phật ấy, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la làm theo bạn ác, thiện căn ít ỏi. Nói rộng là cho đến chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, thấy có những vật thí cho tứ phương Tăng, như phòng ốc trong chùa chiền, trang trại, ruộng nương, người, súc vật, của cải, cây có hoa, cây ăn quả, cây có chất nhựa làm thuốc nhuộm, cây rọp bóng mát, cây để chế hương liệu v.v... và các thứ vật dụng khác cần dùng cho cuộc sống. Các đệ tử của ta là những vị bất-sô thanh tịnh trọn giới, đủ đức, tinh tấn tu hành các hạnh Học và Vô Học, cho đến chứng đắc cực quả tối hậu đáng nên hưởng dụng [những thứ ấy]. Gã vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy cho đến sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la, cậy vào thế lực mạnh mẽ, hoặc tự bức bách, chiếm đoạt, hoặc dạy kẻ khác chiếm đoạt để chính mình dùng, hoặc cho người khác dùng. Do nhân duyên ấy, khiến cho hét thảy trời, rồng, thần Dược Xoa v.v... là những vị hộ trì quốc độ, tín kính Tam Bảo chẳng động hoại, sanh tâm sân hận đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những gã sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la. Nói rộng là cho đến vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... những gã Chiên-đồ-la ấy chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm bị đờ lưỡi chẳng nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Đây là làm theo bạn ác, bị kẻ ác xúi giục, dạy bảo, cho đến chẳng sợ khổ quả trong đời sau. Thấy vật được bố thí cho tứ phương Tăng, như phòng ốc trong nhà chùa, trang trại, ruộng nương, của cải của người và

súc vật, cây có hoa, cây ăn quả, cây làm thuốc nhuộm, cây rợp bóng mát, cây làm hương liệu v.v... “*Nhiễm thụ*” (染樹, cây thuốc nhuộm) kết trái có chứa chất nhuộm. Loại cây này có hai tác dụng: Quả do cây ấy sanh ra có thể nhuộm quần áo, hoặc dùng để nhuộm màu [các vật liệu khác]. Những điều này đều là nhắc lại, phần giữa có thay đổi đôi chút, [tức là] nơi sự, nơi cảnh, thay đổi đôi chút. Kinh văn trước và sau đó đều giống hệt nhau. Đây là những kẻ ác cùng nhau tước đoạt vật dụng của Tăng chúng.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Ư vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thiện căn vi thiếu, vô hữu tín tâm, siểm khúc, ngu si, hoài thông minh mạn, ngôn vô chân thật, viễn ly thiện hữu, tùy ác hữu hành. Ư chư thánh pháp, tâm hoài do dự, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, thường nhạo tập cận chư ác luật nghi, háo hành sát sanh, nãi chí tà kiến, nhi hoài ngạo mạn, cuồng hoặc thê gian, tự xưng ngã thị trụ luật nghi giả. Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, chủng chủng phương tiện, hủy diệt ngã pháp, vu quy ngã pháp nhi xuất gia giả, sở sở sân hận, ha mạ, hủy nhục, khảo sở, cầm bế, cát tiệt chi tiết, nãi chí đoạn mạng. Ngã sở thuyết pháp, bất khăng tín thọ, hoại Tốt-đồ-ba, cập chư tự xá, khu bức bất-sô, thoái linh hoàn tục, chướng ngại thế phát, bị phục ca-sa, chủng chủng khu sử, đồng chư bộc thứ. Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo, vô động hoại giả.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，善根微少，無有信心，諂曲愚癡，懷聰明慢，言無真實，遠離善友，隨惡友行。於諸聖法，心懷猶豫，不見不畏後世苦果，常樂習近諸惡律儀，好行殺生，乃至邪見，而懷傲慢，誑惑世間，自稱我是住律儀者。彼刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，種種方便，毀滅我法

， 于歸我法而出家者， 數數瞋忿， 呵罵毀辱， 拷楚禁閉， 割截肢節， 乃至斷命， 我所說法， 不肯信受， 壞窣堵波及諸寺舍， 驅逼苾芻， 退令還俗， 障礙剃髮， 被服袈裟， 種種驅使， 同諸僕庶。 由是因緣， 令護國土一切天、 龍、 藥叉神等， 信敬三寶， 無動壞者。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la thiện căn ít ỏi, chẳng có tín tâm, siểm khúc, ngu si, tự phụ thông minh, lời nói chẳng chân thật, xa lìa bạn lành, làm theo bạn ác. Đối với các chánh pháp, ôm lòng do dự, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả đời sau, thường thích thân cận, thực hiện các ác luật nghi, ưa thích sát sanh, cho đến tà kiến, ôm lòng lừa dối, mê hoặc thế gian, tự xưng “ta là kẻ trụ trong luật nghi”. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn ấy dùng đủ mọi phương tiện hủy diệt pháp của ta. Đối với những người quy hướng pháp của ta xuất gia, bèn nhiều lượt sân phần, quở trách, chửi bới, đánh đập, giam cầm, chặt cắt chân tay, cho đến giết chết. Đối với pháp do ta nói, họ chẳng chịu tin nhận, phá hoại tháp, và các phòng xá trong chùa, xua đuổi, áp bức bắt-sô phải lui về hoàn tục, chướng ngại người cạo đầu, khoác mặc ca-sa, đủ cách xua đuổi, sai khiến họ giống như tôi tớ. Do nhân duyên này, khiến cho hết thấy trời, rồng, thần Dược Xoa v.v... là những vị hộ trì quốc độ, tín kính Tam Bảo chẳng hoại động).

Tự nhận là rất thông minh, nói năng chẳng chân thật. “Ngôn vô chân thật”: Chẳng nói lời thành thật. Có một số đạo hữu đệ tử Phật hỏi: “Thưa sư phụ! Chúng con buôn bán, chẳng nói lời giả dối, chẳng nói xạo đòi chút, sẽ chẳng có cách nào buôn bán được!” Tôi nói: “Khi tôi chưa đến Mỹ, tôi chẳng có cách nào trả lời quý vị. Sau khi đã đến Mỹ, tôi thấy người buôn bán tại Mỹ, trong siêu thị, chẳng có ai nói chuyện với quý vị. Quý vị chẳng cần hỏi giá tiền, họ đều ghi rõ. Quý vị muốn mua thì lấy. Chẳng có chuyện trả giá, quý vị muốn mua thì mua”. Họ nói: “Nếu bán sỉ thì phải trả giá”. Tôi nói: “Người bán món đồ ấy là bán sỉ, người ấy đến đó ước định một lô hàng, họ cũng cò kè, mặc cả”. Tôi bảo: “Đây cũng chẳng phải là không nói dối thì không được! Quý vị cứ nói đúng sự thật, chẳng nhất định là phải nói dối mới kiếm tiền nổi!” Đó là tạo tín tâm cho họ, chẳng chiết khấu. Còn như trong hiện thời, những gì chúng

ta nghe được, bất luận từ kẻ buôn bán cho đến kẻ chẳng buôn bán, họ có thể nói bao nhiêu câu chân thật?

Sư phụ chẳng nên nói dối, đúng không? Ở đây có ác hạnh sa-môn, còn có Chiên-đồ-la sa-môn, chẳng nói lời chân thật, nói dối, nói thêu dệt, rất khó đoạn! Vì sao? Vì họ “*viễn ly thiện hữu, tùy ác hữu hành, u chú thánh pháp, tâm hoài do dự*” (xa lìa bạn lành, hành theo bạn ác, ôm lòng do dự đối với các thánh pháp). Họ hoài nghi Phật pháp, hỏi: “Những lời đức Phật nói có thật hay không?” Còn có kiểu nói khác nữa: “Đức Phật đã nói từ hơn hai ngàn năm trước, nay chẳng còn hữu dụng nữa! Hiện nay là thời đại nào? Vẫn cứ nhắc tới những lời lẽ từ hơn hai ngàn năm trước ư?” Tôi nói: “Đức Phật nói tham, sân, si, Ngài dạy nói dối là dối gạt. Vậy thì trong thời đại này, bất luận người thuộc quốc gia nào, nếu quý vị lừa tiền, lường gạt thì có phạm tội hay không? Lừa dối thì có phạm tội hay không? Vẫn là chẳng thể! Có thể nói lời hư giả hay không? Chớ nên lừa gạt! Vẫn nên đề cao sự thành thật. Giết, trộm, dâm càng chẳng cần phải nói nữa! Giết, trộm, dâm thì trong bất cứ thời đại nào, triều đại nào, quốc gia nào, dẫu sửa đổi thế nào đi nữa, giết, trộm, dâm vẫn đều là phạm tội!”

“*Tùy ác hữu hạnh*” (Làm theo bạn ác): Kẻ đó chẳng có thiện tâm, tâm kẻ đó biến thành ác tâm, chẳng tin tưởng lời dạy của đức Phật. “*Tâm hoài do dự*” (Ôm lòng do dự): Chẳng tin tưởng cho lắm! Có rất nhiều đạo hữu ôm lòng lo ngại đối với vấn đề này. Hễ có ý niệm ấy thì trong khi tu hành, kẻ đó thường hoài nghi, chẳng thể tin tưởng thành khẩn. Vậy thì quý vị tu hành, mong chứng thánh quả, đoạn phiền não đều rất khó khăn. Tuy đã gieo thiện căn, vẫn chẳng biết phải mất bao nhiêu năm, bao nhiêu đời, rèn giũa dần dần! Nếu tâm quý vị thành khẩn, quý vị sẽ chiếm tiện nghi, sẽ có thể đắc độ rất nhanh chóng. Chẳng thể nói nhất định là “*lập tức chứng quả*”, nhưng qua hai ba đời, quý vị sẽ dần dần có thể tiến nhập, có thể nhập môn.

Hiện thời, chúng ta đều ở ngoài Phật môn, dường như là tin Phật, trên thực tế, chẳng nhập môn! Nguyên nhân là gì? “*Tâm hoài do dự*” (Ôm lòng do dự). Chuyện này giống như người uống nước, nước nóng hay lạnh, chính quý vị tự biết. Bất quá, đức Phật nói như vậy, chúng ta bèn tin tưởng lời Phật, nhưng vẫn chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, vì chẳng nhìn thấy, sẽ chẳng sợ hãi. Khá nhiều người thấy rồi mới sợ hãi. Khi thấy rồi mới sợ hãi thì đã muộn mất rồi, chẳng còn kịp nữa. Có hối hận thì đã muộn màng! Chớ nên lo ngại, nghi ngờ. Quý vị có thể phân biệt được ai là bạn ác, ai là bạn lành hay không? Ngay cả

điều này còn chẳng biết nữa mà! Nói chung, cần phải biết thiện và ác, cần phải biết người thiện và kẻ ác. Nhưng có những kẻ bề ngoài làm ra vẻ thiện tướng, trong lòng rất ác, quý vị chẳng dễ biết được! Nếu quý vị niệm nhiều, cầu Phật, Bồ Tát cho nhiều, dùng Chiêm Sát Luân để hỏi: “Tôi thân cận vị sư phụ này, trong tâm vị ấy có thánh hạnh hay không? Ông ta có phải thật sự là một vị sư phụ tốt hay không?” Quý vị sẽ có thể biết. Kinh Chiêm Sát dạy như thế, quý vị đừng nói là pháp sư Mộng Tham nói. Nếu nói như thế, mọi người lại chửi tôi! Trong quyển Thượng của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có nói rất rõ ràng: Nếu quý vị muốn thân cận người ấy, hoặc làm bạn với người ấy, coi là thiện tri thức, phải xét xem người ấy có phải là thiện tri thức hay không? Yêu cầu của thiện tri thức rất cao!

Phải trọn đủ điều kiện như thế nào thì mới có thể coi là thiện tri thức? Chúng ta chẳng đòi hỏi rất nghiêm ngặt. Nay là thời Mạt Pháp, chẳng có cách nào, chỉ cần tốt đẹp một chút thôi! Trước tiên, quý vị hãy gieo Chiêm Sát Luân, nếu [Chiêm Sát Luân] dạy: “Quý vị chớ nên thân cận kẻ đó. Kẻ đó nội tại chẳng có thật đức. [Những gì] kẻ đó thị hiện trong hiện thời đều là giả tướng”. Hoặc là “quý vị có thể thân cận người ấy, sẽ có thể đạt được lợi ích”. Kinh Chiêm Sát nói rất rõ ràng; hễ quý vị chiêm sát một phen, sẽ biết ngay!

“*Thường nhạo tập cận chư ác luật nghi*” (Thường thích tu tập, thân cận các ác luật nghi): Ác luật nghi là luật nghi chẳng do đức Phật chế định. Đối với ác luật nghi, chúng tôi nêu thí dụ như sau: Để tế trời, tế thần, phải giết lợn, mổ dê, cho đến giết gà. Đây gọi là tà tri, tà kiến. Ưa chuộng sát sanh là tà tri, tà kiến, “*Nhi hoài ngạo mạn, cuồng hoặc thể gian, tự xưng ngã thị trụ luật nghi giả*” (Mà ôm lòng ngạo mạn, dối gạt, mê hoặc thể gian, tự xưng “ta là bậc trụ trong luật nghi”): Còn tự nói chính mình là bậc trì giới!

“*Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đảng Chiên-đồ-la nhân, chủng chủng phương tiện, hủy diệt ngã pháp*” (Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những gã Chiên-đồ-la sa-môn, Bà-la-môn v.v... dùng đủ mọi phương tiện để hủy diệt pháp của ta): Họ nghĩ đủ mọi loại phương tiện, luôn mong hủy diệt Phật pháp. Thậm chí còn nói họ cũng học pháp Dược Sư, cũng giảng kinh Dược Sư, cũng lay Dược Sư Sám. Nói chung là luôn pha tạp tà tri, tà kiến vào đó. Họ đem Đạo Giáo, thậm chí tà đạo, vu giáo (巫教, đồng bóng, ma thuật) đều xen lẫn vào. Dần dần như thế khiến cho chúng sanh chẳng phân biệt được,

cái nào là thật, cái nào là giả, cái nào là Phật giáo, cái nào là Đạo Giáo, phân biệt không nổi. Đó gọi là “hủy diệt”.

“*U quy ngã pháp nhi xuất gia giả, sở sở sân phần, ha mạ hủy nhục, khảo sở, cấm bế, cát tiệt chi tiết, nãi chí đoạn mạng*” (Đối với người quy y pháp của ta mà xuất gia, bèn nhiều lượt sân phần, quở trách, chửi bới, hủy nhục, đánh đập, giam cầm, cắt chặt tứ chi, cho đến đoạn mạng): Đối với pháp do ta đã nói, họ chẳng chịu tin nhận. “*Hoại Tót-đổ-ba*” (Phá hoại tháp) cũng là phá hoại chùa miếu. “*Cập chư tự xá*” (Và phòng ốc trong chùa): “*Tự miếu*” ở đây chuyên nói về tháp, còn “*tự xá*” trong phần sau là nói về tinh xá trong chùa miếu. Đây là phiên dịch. Tiếng Phạn trong kinh Phật trọn chẳng gọi [chùa miếu] là Tự, mà là do chúng ta phiên dịch. A Lan Nhã hoặc Tăng-già-lam, sở dĩ phiên dịch thành Tự là vì Trung Hoa dùng chữ Tự để hình dung. “*Khu bức bật-sô, thoái linh hoàn tục*” (Xua đuôi, áp bức bật-sô, buộc họ hoàn tục): Không chỉ trong hiện tại, mà vào đời Đường, Đường Vũ Tông đã khởi sự trục xuất, cưỡng bức tỳ-kheo hoàn tục.

“*Chưong ngại thế phát, bị phục ca-sa*” (Chưong ngại người cao tóc khoác mặc ca-sa): Không cho phép quý vị xuất gia, dùng đủ mọi cách xua đuôi, sai khiến, “*đồng chư bộc thứ*” (giống như tôi tớ): Sai khiến người xuất gia, sử dụng kẻ xuất gia, coi họ như nô bộc. Đấy đều là sự thật.

(Kinh) U Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phần. Quảng thuyết nãi chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục.

(經)於刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn v.v... Chiên-đồ-la. Nói rộng là cho đến bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... thuộc loại Chiên-đồ-la ấy chẳng lâu sau tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm bị đờ lưỡi chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Những kẻ đó vĩnh viễn chẳng được nghe những lời này. Dầu nghe, vẫn chẳng tin. Họ có thể được nghe kinh Đại Tập Thập Luân hay không? Họ chẳng được nghe! Trong quá khứ giảng pháp Đại Thừa, nói những lời này, dường như cũng sợ đắc tội với kẻ khác. Thuở ấy, nếu đắc tội với các quốc vương, đắc tội với các đại thần, trong ấy bao gồm sa-môn, Bà-la-môn, cho đến những kẻ tín phụng Phật pháp, đều bao gồm trong ấy, hãy đều nên tự kiểm điểm, có phải là chuyện như thế hay không? Bộ kinh này được khai diễn rất ít, chúng tôi cứ đúng theo kinh mà nói.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, u thượng sở thuyết thập chủng ác luân, hoặc tùy thành nhất, hoặc cụ thành tựu, tiên sở tu tập nhất thiết thiện căn, tội hoại tiêu diệt, giai vi hôi tẫn, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục. Thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, u đương lai thế, hạ tiện nhân thân, thượng nan khả đắc, huống đương năng chứng Nhị Thừa Bồ Đề! Vô Thượng Đại Thừa, u kỳ tuyệt phần. Như thị ác nhân, Đại Thừa danh tự thượng nan đắc văn, huống đương năng chứng Vô Thượng Phật Quả! Thị nhân cứu cánh tự tổn, tổn tha, nhất thiết chư Phật sở bất năng cứu!

(經)善男子！若刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，於上所說十種惡輪，或隨成一，或具成就，先所修集一切善根，摧壞燒滅，皆為灰燼，不久便當支體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，

痛切難忍，命終定生無間地獄。此刹帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，於當來世，下賤人身，尚難可得，況當能證二乘菩提！無上大乘，於其絕分。如是惡人，大乘名字尚難得聞，況當能證無上佛果！是人究竟自損損他，一切諸佛所不能救！

(Kinh: Nay thiện nam tử! Nếu vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, và bọn Chiên-đồ-la trong giới tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... đối với mười ác luân vừa nói trên đây, hễ thành tựu bất cứ một luân nào, hoặc thành tựu trọn đủ, thì hết thầy thiện căn đã tu tập trước kia sẽ bị phá nát, thiêu rụi, đều thành tro tàn. Chẳng lâu sau, tứ chi sẽ tàn phế, khiếm khuyết, trong nhiều ngày đêm đó lưỡi chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gian. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và bọn Chiên-đồ-la trong giới tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... ấy trong đời tương lai, còn khó thể làm thân người hạ tiện, hưởng hồ sẽ có thể chứng Nhị Thừa Bồ Đề! Trọn chẳng có phần nơi Vô Thượng Đại Thừa. Kẻ ác như thế, danh tự Đại Thừa còn khó được nghe, hưởng hồ sẽ có thể chứng Vô Thượng Phật Quả! Người ấy rốt ráo tổn mình, tổn người, hết thầy chư Phật chẳng thể cứu nổi!)

Mười loại ác luân đã nói xong. Ở đây, chẳng nói riêng [khổ quả của từng điều] mà nói tổng quát. “*Hoặc tùy thành nhất, hoặc cụ thành tựu*” (Hoặc thành tựu bất cứ một luân nào, hoặc thành tựu trọn đủ): Mười luân đều có, hoặc chỉ có một luân, vậy thì những gì quý vị đã tu tập “*nhất thiết thiện căn, tồi hoại, thiêu diệt*” (hết thầy thiện căn bị phá nát, thiêu rụi), thiện căn trước kia của quý vị đều bị ác luân ấy hủy diệt. “*Giai vi hôi tẫn, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục. Thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, u đương lai thế, hạ tiện nhân thân thượng nan khả đắc*” (Đều thành tro tàn. Chẳng lâu sau, tứ chi sẽ tàn phế, khiếm khuyết. Trong nhiều ngày đêm, đó lưỡi chẳng thể nói. Chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gian. Vua Sát-đế-lợi

Chiên-đồ-la và bọn Chiên-đồ-la trong giới tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... ấy trong đời tương lai, còn khó thể làm thân người hạ tiện): Chẳng thể mong chuyển sanh lại được làm thân người! Dầu muốn làm kẻ hạ tiện vẫn không được! Huống hồ có thể chứng “*Nhị Thừa Bồ Đề, Vô Thượng Đại Thừa dữ kỳ tuyệt phân*” (Nhị Thừa Bồ Đề, trọn chẳng có phần với Vô Thượng Đại Thừa). Kẻ đó chẳng thể bèn mảng được, trọn chẳng dính líu đến Phật pháp nổi!

“*Như thị ác nhân, Đại Thừa danh tự thượng nan đắc văn*” (Kẻ ác như thế, danh tự Đại Thừa còn khó thể nghe nổi): Ngay cả danh hiệu Đại Thừa, như kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, cho đến kinh Kim Cang, kinh Địa Tạng, kinh Đại Tập Thập Luân, danh tự của hết thầy các kinh đều chẳng nghe thấy. Ngay cả tên kinh mà còn khó thể nghe thấy, vậy thì còn có thể chứng Phật quả nữa chẳng? “*Thị nhân cứu cánh tự tổn, tổn tha*” (Người ấy rốt ráo tự tổn, tổn người): Tự tổn hại mình mà cũng tổn hại người khác!

“*Nhất thiết chư Phật sở bất năng cứu*” (Hết thầy chư Phật chẳng thể cứu nổi): Nếu trọn đủ mười ác luân ấy, hễ có một luân nào, chư Phật đều chẳng có cách nào cứu quý vị. Bất quá, Địa Tạng Bồ Tát sẽ đến nơi đó, cứu vớt quý vị. Quý vị đọa vào địa ngục Vô Gian, Địa Tạng Bồ Tát ở ngay trong địa ngục chờ đợi quý vị, Ngài đến đó cứu vớt. Có phải là chúng sanh trong địa ngục Vô Gian, hễ Địa Tạng Bồ Tát thuyết pháp thì họ sẽ nghe thấy hay không? Cũng chưa chắc! Vẫn phải kết cái duyên. Vô lượng đời trong quá khứ đều chẳng có nhân duyên ấy, chẳng có nhân, mà cũng chẳng có duyên. Tỳ-kheo phá giới có lợi thế là họ đã kết duyên với Tam Bảo, thật sự tin nhận, còn có oai lực sót lại, còn có đức sót thừa, còn có chủng tử ấy. Do vậy, đức Phật nói “còn có thể cứu họ”. Quý vị chớ nên xem thường họ, hàm nghĩa như thế đó.

(*Kinh*) “*Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, áp du vi nghiệp. Nhất nhất ma lạp, giai hữu trùng sanh. Dĩ luân áp chi, du tiện lưu xuất. Nhữ đương quán thử áp ma du nhân, u nhật dạ trung, sát kỹ sanh mạng? Giả sử như thị áp ma du nhân, dĩ thập cụ luân, tương tục hằng áp. Ư nhất nhật dạ, nhất nhất luân trung, sở áp ma du, số mãn thiên hộc. Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Nhữ quán thử nhân, sát kỹ sanh mạng? Sở hoạch tội nghiệp, ninh vi đa phủ?*” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “*Thậm đa, Thế Tôn! Thậm đa, đại đức! Thử nhân sở sát vô lượng, vô biên. Sở hoạch tội nghiệp bất khả xưng kể, toán, số, thí dụ, sở bất năng cập, duy Phật năng tri, dư vô tri giả*”.

(經)善男子！譬如有人，壓油為業。一一麻粒，皆有蟲生。以輪壓之，油便流出。汝當觀此壓麻油人，於日夜中，殺幾生命？假使如是壓麻油人，以十具輪，相續恆壓。於一日夜，一一輪中，所壓麻油，數滿千斛。如是相續，至滿千年。汝觀此人，殺幾生命？所獲罪業，寧為多不？」地藏菩薩摩訶薩言：「甚多，世尊！甚多，大德！此人所殺無量無邊。所獲罪業不可稱計，算數譬喻所不能及，唯佛能知，餘無知者」。

(Kinh: Này thiện nam tử! Ví như có người làm nghề ép dầu. Trong một hạt mè, đều có trùng sống. Dùng thớt nghiền để ép, dầu liền chảy ra. Ông hãy nên quán kẻ ép dầu ấy trong một ngày đêm, đã giết bao nhiêu sanh mạng? Giả sử người ép dầu như thế dùng mười cái máy ép, luôn ép liên tục. Trong một ngày đêm, mỗi cái máy ép, ép dầu mè số tròn ngàn học⁸⁰. Liên tục như thế, đến trọn ngàn năm. Ông hãy quán xem người ấy đã giết bao nhiêu sanh mạng? Chuốc lấy tội nghiệp có nhiều hay không?" Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thưa: "Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều! Kẻ đó đã giết vô lượng, vô biên, chuốc lấy tội nghiệp chẳng thể nói kể. Toán, số, thí dụ đều chẳng thể sánh được, chỉ đức Phật có thể biết, người khác chẳng biết").

Mọi người có thể thấy cái thớt ép trong máy ép dầu. Có hai loại hạt thường dùng, tức là hạt mè, hoặc là hạt cải. Trên mỗi loại hạt để ép dầu, đều có trùng sống. Chúng rất nhỏ bé, nhục nhãn của quý vị rất khó trông thấy, lại còn rất nhiều. Kẻ đó dùng thớt nghiền để ép, hoặc là ép hạt cải, hoặc hạt mè, dầu liền chảy ra. "Nhữ đương quán thử áp ma du nhân, ư nhật dạ trung, sát kỷ sanh mạng?" (Ông hãy xem người ép dầu ấy, trong một ngày đêm, đã giết bao nhiêu sanh mạng?): Quý vị nói xem kẻ đó trong một ngày đêm đã giết bao nhiêu? Trong xưởng của kẻ đó, có mười cái máy ép dầu. Ngày đêm ép như vậy chẳng ngừng, vậy thì số dầu

⁸⁰ Một Học là mười đấu, mỗi đấu là mười thăng. Một thăng dao động từ một lít cho đến 1,8 lít. Như vậy một học khoảng từ 100 đến 180 lít.

mè do hai thót nghiền [của mỗi máy] ép ra, sẽ là ngàn cân. “*Như thị tương tục, chí mãn thiên niên*” (Liên tục như thế cho đến trọn một ngàn năm), lại còn ép suốt một ngàn năm, kẻ đó đã giết bao nhiêu sanh mạng? “*Sở hoạch tội nghiệp ninh vi đa phủ?*” (Chuồn lấy tội nghiệp có nhiều hay không?)

Trong đoạn này, Địa Tạng Bồ Tát thỉnh pháp, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát đừng quên những vị đương cơ. Đức Phật hỏi Địa Tạng Bồ Tát: “Ông nói xem có nhiều hay không?” Địa Tạng Bồ Tát thưa: “Bạch đức Thế Tôn rất nhiều! Bạch đại đức rất nhiều”.

Kẻ đó sát hại chúng sanh vô lượng, vô biên, chuồn lấy tội nghiệp chẳng có cách nào tính kê, [dẫu sử dụng] toán, số, thí dụ [để sánh ví] đều chẳng thể sánh nổi! Đó là sánh ví tội ác của kẻ đó. “*Duy Phật năng tri, dư vô tri giả*” nghĩa là: Chỉ có đức Phật mới có thể biết, những người khác chẳng thể biết nổi!

(Kinh) Phật ngôn: - Thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, vị tài lợi cố, trí thập tâm phùng. Nhất nhất phùng trung, trí thiên tâm nữ. Nhất nhất tâm nữ, chủng chủng trang nghiêm, cuồng hoặc đa nhân, hằng vi dục sự. Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Thử nhân hoạch tội bất khả xưng kê, toán, số, thí dụ, sở bất năng cập. Như tiền thập luân áp du nhân tội, đẳng nhất tâm phùng sở hoạch tội nghiệp. Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, vị tài lợi cố, trí thập tửu phùng. Nhất nhất phùng trung, chủng chủng nghiêm sức, phương tiện chiêu dụ thiên đạ tửu nhân, ẩm hứng hoan ngu, trú dạ vô phế. Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Thử nhân hoạch tội bất khả xưng kê, toán, số, thí dụ sở bất năng cập. Như tiền sở thuyết thập tâm phùng tội, đẳng nhất tửu phùng sở hoạch tội nghiệp. Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, vị tài lợi cố, trí thập đồ phùng. Nhất nhất phùng trung, ư nhất nhất dạ, sát hại thiên sanh, ngư, dương, đà, lộc, kê, trư đẳng mạng. Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Thử nhân hoạch tội bất khả xưng kê, toán, số, thí dụ sở bất năng cập. Như tiền sở thuyết thập tửu phùng tội, đẳng nhất đồ phùng sở hoạch tội nghiệp. Như tiền sở thuyết thập đồ phùng tội, đẳng Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, ư tiền thập ác, tùy thành nhất luân, nhất nhất nhất dạ sở hoạch tội nghiệp.

(經)佛言：「善男子！假使有人，為財利故，置十婬坊。一一坊中，置千婬女。一一婬女，種種莊嚴，誑惑多人，恆為欲事。如是相續，至滿千年。此人獲罪不可稱計，算數譬喻所不能及。如前十輪壓油人罪，等一婬坊所獲罪業。又，善男子！假使有人，為財利故，置十酒坊。一一坊中，種種嚴飾，方便招誘干耽酒人，飲興歡娛，晝夜無廢。如是相續，至滿千年。此人獲罪不可稱計，算數譬喻所不能及。如前所說十婬坊罪，等一酒坊所獲罪業。又，善男子！假使有人，為財利故，置十屠坊。一一坊中，於一日夜，殺害千生，牛、羊、駝、鹿、雞、豬等命。如是相續，至滿千年。此人獲罪不可稱計，算數譬喻所不能及。如前所說十酒坊罪，等一屠坊所獲罪業。如前所說十屠坊罪，等刹帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，於前十惡，隨成一輪，一日一夜所獲罪業」。

(Kinh: Đức Phật bảo: - Nay thiện nam tử! Giả sử có người vì tài lợi mà lập mười nhà thổ. Trong mỗi nhà thổ, đặt một ngàn dâm nữ. Mỗi dâm nữ đủ loại trang sức, dối gạt, mê hoặc nhiều người luôn làm dục sự. Liên tục như thế, cho đến trọn một ngàn năm. Người ấy mắc tội chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng. Như tội của kẻ có mười máy ép dầu trên đây, bằng với tội nghiệp do một nhà thổ gây ra. Lại này thiện nam tử! Giả sử có người vì tài lợi mà lập mười tiệm rượu. Trong mỗi tiệm, trang hoàng đủ mọi cách, dùng phương tiện chiêu dụ một ngàn người ham uống rượu, say sưa vui sướng, ngày đêm chẳng bỏ lỡ. Liên tục như thế, cho đến tròn một ngàn năm. Người ấy mắc tội chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng. Tội của mười nhà thổ như đã nói trên đây, bằng với tội nghiệp do một tiệm rượu gây ra. Lại này thiện nam tử! Giả sử có người vì tài lợi mà lập ra mười lò sát sanh. Trong mỗi lò, trong một ngày đêm, giết hại một ngàn sanh mạng của

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

trâu, dê, lạc đà, nai, gà, lợn v.v... Liên tục như thế, cho đến một năm. Người ấy mắc tội chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng. Tội của mười tiệm rượu như đã nói trên đây bằng với tội nghiệp do một lò sát sanh gây tạo. Tội của mười lò sát sanh như đã nói trên đây bằng với tội nghiệp đã gây tạo của vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương cho đến những gã sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la do trong một ngày một đêm thành tựu bất cứ một luân nào trong mười ác luân như đã nói trên).

Mở kỹ viện, mở mười nhà thổ. Trong mỗi kỹ viện, đặt một ngàn dâm nữ. Mỗi nàng còn mê hoặc rất nhiều người. “*Hằng vi dục sự*” (Luôn làm dục sự): Làm hạnh bất tịnh ấy. “*Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Thử nhân hoạch tội bất khả xưng kể, toán, số, thí dụ bất năng cập. Như tiên thập luân áp du nhân tội, đặng nhất dâm phùng*” (Liên tục như thế, cho đến trọn một ngàn năm. Người ấy mắc tội chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng. Như tội của người có mười máy ép dầu trong phần trước sẽ bằng với tội của một nhà thổ). Tội ác của kẻ có mười máy ép dầu, mười tội ác ấy chỉ bằng tội gây tạo do lập một nhà thổ! [Tội do lập] một nhà thổ nặng gấp mười lần tội của người trước (người ép dầu). Kẻ sau so với người trước đều [phạm tội] nặng hơn gấp mười lần.

“*Giả sử hữu nhân, vị tài lợi cố, trí thập tửu phùng*” (Giả sử có người vì tài lợi mà lập ra mười tiệm rượu): Trong Bồ Tát Giới, bán rượu là giới căn bản, còn tội uống rượu nhỏ và nhẹ hơn! Bán rượu tức là quý vị đã mê hoặc kẻ khác. “*Nhất nhất phùng trung, chủng chủng nghiêm sức, phương tiện chiêu dụ thiên đàm tửu nhân*” (Trong mỗi tiệm, trang hoàng đủ thứ, dùng các phương tiện chiêu dụ một ngàn kẻ ham rượu): Một ngàn kẻ mê rượu, trầm mê trong rượu, uống rượu làm vui. “*Ấm hứng hoan ngu, nhật dạ vô phé*” (Say sưa vui vẻ, ngày đêm chẳng bỏ lỡ): Chỗ bán rượu ngày đêm đều bán! “*Như thị tương tục, chí mãn thiên niên*” (Liên tục như thế, cho đến trọn một ngàn năm): Kẻ đó mắc tội chẳng thể tính kể. Toán, số, thí dụ đều chẳng thể sánh bằng. Tội do lập mười nhà thổ như vừa nói trên đây bằng với tội nghiệp gây tạo do lập một tiệm rượu. Tội mở mười nhà thổ bằng với tội mở một tiệm bán rượu.

Tội của lò mổ còn lớn hơn nữa. Tội ác của mười lò mổ tương đương với tội gây tạo bởi vua Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la thành tựu một luân trong mười ác luân, chẳng phải là cả mười luân đều thành tựu! [Nếu thành tựu cả mười luân], lại càng khôn

ngần! Trong mười ác luân, thành tựu một luân trong vòng một ngày một đêm, sẽ tương đương với tội của một lò mổ. Mười tiệm rượu mới bằng một lò mổ!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết: - Thập áp du luân tội, đẳng bỉ nhất dâm phùng. Trí bỉ thập dâm phùng, đẳng nhất tửu phùng tội. Trí thập tửu phùng tội, đẳng bỉ nhất đồ phùng. Trí bỉ thập đồ phùng, tội đẳng vương đẳng nhất.

(經)爾時，世尊而說頌曰：「十壓油輪罪，等彼一婬坊。置彼十婬坊，等一酒坊罪。置十酒坊罪，等彼一屠坊。置彼十屠坊，罪等王等一」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng: - Tội mười máy ép dầu, bằng tội một nhà thối. Mở ra mười nhà thối, tội bằng một tiệm rượu. Tội mở mười tiệm rượu, tội bằng một lò mổ. Tội mở mười lò mổ, bằng tội của vua, quan, thực hiện một ác luân).

Đoạn này giống như tổng kết. Do tội của mười lò mổ bằng với tội của vua Sát-đê-lợi, cho đến những gã Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... thực hiện một ác luân. Thậm chí họ chẳng tạo ác luân ấy lâu dài, chỉ một ngày một đêm! Đây là ác luân như đã nói trong phần trước, do tội nghiệp của một ác luân là vô lượng, vô biên. Nếu tội nghiệp đó lớn dường ấy, khi nào sẽ thoát khỏi địa ngục Vô Gián? Vì sao kẻ làm ác nhiều dường ấy? Người trên thế giới vẫn rất nhiều, thay phiên luân chuyển, từ súc sanh đạo thoát ra. Súc sanh còn nhiều hơn loài người, đúng không? Mọi người hãy ngẫm xem! Lấy một loại súc sanh, chẳng hạn như kiến, quý vị nói xem: “Nam Thiệm Bộ Châu có bao nhiêu kiến?” Chẳng nói chi khác, kiến rất đông, vượt hơn sáu mươi ức nhân khẩu bao nhiêu lần? Còn có những loài khác, họ dần dần thọ báo đã xong, lại chuyển thành người. Địa ngục, quỷ đạo, tất cả các đường khác đều sẽ chuyển thành người. Còn thiên đạo thì có lúc thiện nghiệp trong cõi trời chưa hết, họ lại chuyển sanh trong nhân gian. Có người nói: “Chư thiên chuyển thế, từ nạ quỷ đến, từ địa ngục đến, cùng với chư thiên chuyển thành người, tuyệt đối bất đồng”.

Các ác nghiệp như [ác nghiệp của] vua Chiên-đồ-la vương, Chiên-đồ-la sa-môn, Chiên-đồ-la Bà-la-môn, hết thảy Chiên-đồ-la chúng sanh mang ý nghĩa ác, họ là chúng sanh làm ác, tạo một ác nghiệp sẽ thọ khổ

vô lượng. Nếu chúng ta nghĩ đến điều này, quý vị còn dám làm ác hay không? Trong khi quý vị khởi tâm động niệm, niệm trước vừa dấy lên, niệm sau hãy ngay lập tức ngăn dứt. Quý vị nghĩ xem, kinh Đại Tập Thập Luân dạy chẳng giống các kinh khác, [các kinh khác] chẳng nói rõ rệt như kinh Đại Tập Thập Luân. Thoạt đầu, tôi chẳng mong giảng kinh Đại Tập Thập Luân, suy nghĩ suốt một hai năm, vẫn không dám giảng. Ngay cả tôi còn sợ hãi, lo ngại [giảng ra] sẽ khiến cho người khác sanh khởi cảm giác kinh sợ, hoặc còn dễ dàng chuốc lấy sự phỉ báng. Họ sẽ cho rằng đức Phật chẳng từ bi dường ấy, hung tợn dường ấy, Phật chẳng phải là đại từ bi ư? Chính vì Ngài đại từ đại bi, cho nên mới dạy quý vị đừng làm chuyện ấy. “Nếu quý vị cứ làm, ta chẳng có cách nào cứu quý vị”. Dạy bảo quý vị như thế này: [“Quý vị phạm mười ác luân], Phật, Bồ Tát chẳng có cách nào cứu”. Bất quá, sau đó, Địa Tạng Bồ Tát vẫn phát nguyện cứu họ, nhưng cứu chẳng xuể, vẫn còn rất nhiều. Những kẻ Ngài có thể cứu vẫn là thiểu số.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện trưởng giả, chân thiện sa-môn, chân thiện Bà-la-môn, như thị đẳng nhân, năng tự thiện hộ, diệc thiện hộ tha, thiện hộ hậu thế, thiện hộ Phật pháp xuất gia chi nhân. Nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí vô giới, thế trụ tu phát, bị ca-sa giá, phỉ thiện thủ hộ, cung kính cúng dường. Hựu năng thiện hộ Thanh Văn Thừa pháp, Duyên Giác Thừa pháp cập Đại Thừa pháp, cung kính thính văn, tín thọ, cúng dường. Ư trụ Đại Thừa, cụ giới, phú đức, tinh cần tu hành, nãi chí trụ quả Bồ Đặc Già La, năng thiện thủ hộ, trợ kỳ thế lực, tứ vấn thính thọ, hoan hỷ đàm luận, viên ly phá giới, ác hạnh bất-sô. Ư chư sở thí tứ phương Tăng vật, chung bắt linh nhân phi pháp phí dụng, cần gia thủ hộ, cúng tứ phương Tăng. Ư Tốt-đổ-ba, cập Tăng Kỳ vật, chung bắt tự đoạt, bất giáo tha đoạt, diệc bất tự dụng, bất giáo tha dụng. Ư năng biện thuyết tam thừa pháp nhân, cung kính cúng dường, gia hộ dữ lực, bắt linh tha nhân phỉ báng, hủy nhục, tôn trọng, an ủy chư xuất gia nhân, tín thọ, hộ trì Phật sở thuyết pháp, chung bắt phá hoại chư Tốt-đổ-ba, diệc thường hộ trì Tăng Già Lam xá. Ư thế tu phát, bị phục ca-sa xuất gia nhân sở, chung bắt hủy phế. Ư thập ác luân, tự bất nhiễm tập, diệc thường khuyến tha ly thập ác luân. Cụ học tiên vương trị quốc chánh pháp, thiệu Tam Bảo chúng, thường linh xí thịnh, hằng nhạo thân

cận chu thiện tri thức, từ tâm phủ dục nhất thiết quốc nhân, tùy kỳ sở nghi, phương tiện hóa đạo, linh xả tà pháp, tu hành chánh pháp. Như thị chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đấng, đắc kỷ sở phước? Diệt kỷ sở tội?

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩復白佛言：「大德世尊！若有真善刹帝利、真善宰官、真善居士、真善長者、真善沙門、真善婆羅門，如是等人，能自善護，亦善護他，善護後世，善護佛法出家之人。若是法器，若非法器，下至無戒，剃除鬚髮，被袈裟者，普善守護，恭敬供養。又能善護聲聞乘法、緣覺乘法及大乘法，恭敬聽聞，信受供養。於住大乘，具戒富德，精勤修行，乃至住果補特伽羅，能善守護，助其勢力，諮問聽受，歡喜談論，遠離破戒，惡行苾芻。於諸所施四方僧物，終不令人非法費用，勤加守護，供四方僧。於窣堵波，及僧祇物，終不自奪，不教他奪，亦不自用，不教他用。於能辯說三乘法人，恭敬供養，加護與力，不令他人誹謗毀辱，尊重安慰諸出家人，信受護持佛所說法，終不破壞諸窣堵波，亦常護持僧伽藍舍。於剃鬚發、被服袈裟、出家人所，終不毀廢。於十惡輪，自不染習，亦常勸他，離十惡輪。具學先王治國正法，紹三寶種，常令熾盛，恆樂親近諸善知識，慈心撫育一切國人，隨其所宜，方便化導，令舍邪法，修行正法。如是真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，得幾所福？滅幾所罪？」

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch với đức Phật rằng: - Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện trưởng giả, chân thiện sa-môn, chân thiện Bà-la-môn, những người như thế có thể khéo gìn giữ chính mình, cũng khéo gìn giữ người khác, khéo thủ hộ đời sau, khéo thủ hộ người xuất gia trong Phật pháp. Dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, thậm chí kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, khéo thủ hộ trọn khắp, cung kính cúng dường. Lại có thể khéo thủ hộ pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, và pháp Đại Thừa, cung kính lắng nghe, tin nhận, cúng dường. Đối với bậc trụ trong Đại Thừa, đủ giới, giàu đức, siêng ròng tu hành, cho đến trụ quả Bồ Đặc Già La, có thể khéo thủ hộ, giúp thế lực cho họ, thưa hỏi, nghe nhận, hoan hỷ đàm luận, xa lìa bất-sô phá giới, ác hạnh. Đối với các vật thí cho tứ phương Tăng, trọn chẳng để kẻ khác tiêu xài phung phí phi pháp, càng thêm siêng năng thủ hộ, cúng tứ phương Tăng. Đối với Tốt-đồ-ba (Stupa, tháp) và vật dụng thuộc về Tăng chúng, trọn chẳng tự đoạt, chẳng dạy kẻ khác đoạt, cũng chẳng tự dùng, chẳng dạy kẻ khác dùng. Đối với người có thể biện luận, diễn thuyết pháp tam thừa, bèn cung kính cúng dường, gia hộ, tăng thêm sức, chẳng để cho kẻ khác phỉ báng, hủy nhục [người ấy]. Tôn trọng, an ủi các vị xuất gia. Tin nhận và hộ trì pháp do đức Phật đã nói. Trọn chẳng phá hoại các tốt-đồ-ba, cũng thường hộ trì phòng ốc thuộc Tăng Già Lam. Đối với các vị xuất gia cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa, trọn chẳng hủy phé. Tự chẳng nhuộm bán do hành mười ác luân, cũng thường khuyên người khác lìa mười ác luân. Học trọn đủ chánh pháp trị quốc của tiên vương, nối tiếp chủng tánh Tam Bảo, khiến cho thường hưng thịnh, luôn thích thân cận các vị thiện tri thức, từ tâm vô về, dưỡng dục hết thầy người trong nước, tùy theo lẽ thích ứng mà phương tiện giáo hóa, hướng dẫn, khiến họ bỏ tà pháp, tu hành chánh pháp. Vua Sát-đế-lợi chân thiện cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... như thế, sẽ được bao nhiêu phước? Diệt bao nhiêu tội?)

Đoạn kinh văn dài này tương phản với đoạn kinh văn trước đó. Trong phần trước là làm ác phải đọa địa ngục, đọa vào Vô Gián. Ở đây, nói ngược lại: Nếu các Sát-đế-lợi, cho đến Bà-la-môn v.v... cúng dường thủ hộ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, phước đức của họ sẽ to cỡ nào? Đoạn kinh văn này và đoạn kinh trước đó tương đồng, một đằng thiện, một đằng ác. Trong kinh Đại Tập Thập Luân, do Địa Tạng Bồ Tát thỉnh pháp, thuyết pháp, lấy Ngài làm chánh yếu, cho nên gọi là kinh Địa Tạng

Thập Luân. Từ đây trở đi, trong phần trước đã nói mười ác luân nhiều như thế, nếu nói ngược lại, [tức là] chẳng làm các điều ác ấy, cho đến xa lìa điều ác ấy, họ sẽ có phước đức nhiều cỡ nào? Địa Tạng Bồ Tát hỏi như thế. Đối chiếu văn tự trong phần này với phần trước, ắt cần phải giảng giải đôi chút.

“*Chân thiện*” là gì? Chân thiện là giải thoát, thật sự đạt được giải thoát, cho đến tu tập, sẽ có thể chứng đắc Niết Bàn, đây là ý nghĩa “*chân thiện*”. Thật sự tu hành, thật sự giải thoát, cho đến tín tâm kiên định, các vị Sát-đế-lợi, tể quan, Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, những người ấy tự mình hộ niệm chính mình, khéo léo hộ niệm. Chúng ta đọc phẩm Tịnh Hạnh, [ý nghĩa chủ đạo trong phẩm kinh ấy] chẳng phải là “*thiện dụng kỳ tâm*” (khéo dùng cái tâm) ư? Hàm nghĩa là “*chính mình có thể khéo dụng tâm, không chỉ hộ trì đời hiện tại, mà còn hộ trì cả đời sau!*”

Kế tiếp là Tam Bảo, hộ trì Phật, hộ trì Pháp, hộ trì Tăng chúng. Trong việc hộ trì Tăng nhân, có những vị tốt lành, trì giới thanh tịnh, có vị chẳng phải là pháp khí, mà cũng là pháp giới. Trong phần trước đã nói tỳ-kheo phá giới, thậm chí kẻ chẳng có giới nào, chỉ cần kẻ đó cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, từ Sát-đế-lợi cho đến Bà-la-môn đều cung kính thủ hộ, hướng về họ nghe pháp, [tức] pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, và pháp Đại Thừa, tức là pháp tam thừa, cung kính nghe nhận. Đã tin rồi bèn có thể tiếp nhận, tiếp nhận rồi bèn có thể tu hành. Không chỉ tin nhận mà thôi, lại còn thực hiện. Cúng dường là bố thí. Đối với các bậc trọn đủ giới thanh tịnh, có đức, siêng rông tu hành, cho đến Bồ Đặc Già La đã chứng quả, cũng là Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả; đây là hoàn toàn nói theo pháp Tiểu Thừa, người ấy có thể khéo thủ hộ, giúp họ tu hành, mang ý nghĩa “*làm hộ pháp*” cho họ. Lại còn hướng về họ thưa hỏi Phật pháp, hoan hỷ đàm luận, xa lìa tỳ-kheo phá giới, ác hạnh. Đây là xét theo phương diện tốt đẹp. Đối với kẻ phá giới, chẳng bị tỳ-kheo phá giới tiêm nhiễm. Đối với những vật được bốn phương cúng dường trong Tăng Già Lam, cũng là các vật của Tăng chúng, người ấy chẳng phi pháp chiếm dụng, cũng chẳng phi pháp chiếm đoạt, lại còn giúp sức thủ hộ.

Vậy thì cúng dường tứ phương Tăng cho đến đối với tháp, cũng như vật dụng của Tăng Già, là những vật phẩm cúng dường đại chúng trong Tăng Già Lam, “*chung bất tự đoạt*” (trọn chẳng tự chiếm đoạt), tức là các vua Sát-đế-lợi, đại thần có quyền thế chẳng tự cướp đoạt, chẳng đoạt để chính mình sở hữu, cũng chẳng để tự dùng, mà cũng

chẳng cho phép kẻ khác tước đoạt, cũng chẳng cho phép kẻ khác dùng. Chỉ cần là người có thể nói pháp tam thừa, họ sẽ đều hộ trì, cung kính cúng dường, giúp sức cho người ấy càng thêm siêng ròng tu hành. Trong đoạn trước đã nói, nếu tu hành tại đó, có các ác tỳ-kheo phá hoại các tỳ-kheo tịch tĩnh, cũng như ác Bà-la-môn phá hoại các vị tỳ-kheo tịch tĩnh, họ (quốc vương, đại thần) sẽ liền bảo vệ, an ủi các vị xuất gia ấy. Tin nhận, hộ trì pháp do đức Phật đã nói. “*Chung bất phá hoại chư tốt-đồ-ba*” (Trọn chẳng phá hoại các tháp), tức là [trọn chẳng phá hoại] chùa miếu hay tháp.

Đối với mười ác luân đã nói trong phần trước, bản thân họ chẳng bị tiêm nhiễm, chẳng hành ác pháp. Họ còn khuyên những kẻ đó rời bỏ mười ác luân. Đối với các chúng sanh Bồ Đặc Già La đã tiêm nhiễm, huân tập mười ác luân, các vua quán đảnh Sát-đế-lợi cho đến Bà-la-môn đều khuyên những kẻ đó phải xa lìa mười ác luân. “*Cụ học tiên vương trị quốc chánh pháp*” (Học trọn đủ chánh pháp trị quốc của tiên vương): Đây là nói tỷ dụ, [hàm ý] học Pháp Bảo do quá khứ chư Phật đã dạy. Như vậy thì mới có thể khiến cho Tam Bảo chẳng đoạn diệt. “*Thiệu*” (紹) có nghĩa là “*kế thừa*”. “*Thiệu Tam Bảo chúng*” (Nối tiếp chúng tánh Tam Bảo), thường khiến cho Phật Pháp Tăng Tam Bảo hưng thịnh, cũng thường xuyên mong muốn thân cận thiện tri thức, từ tâm vỗ về, dưỡng dục hết thảy người dân trong nước. Như thế bèn “*tùy kỳ sở nghi*” (theo lẽ thích ứng), tức là thuận theo [căn tánh của] người tu hành ấy cho đến những tỳ-kheo ác hạnh mà uốn nắn họ. Uốn nắn thì cũng cần phải hộ trì, giáo hóa, hướng dẫn, phải chọn lựa phương tiện giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho họ lìa bỏ tà pháp, tu hành chánh pháp.

“*Như thị chân thiện Sát-đế-lợi, nãi chí u chân thiện Bà-la-môn đặng, đắc kỳ sở phước? Diệt kỳ sở tội?*” (Chân thiện Sát-đế-lợi cho đến chân thiện Bà-la-môn như thế sẽ được bao nhiêu phước? Diệt bao nhiêu tội?): Tăng phước, diệt tội, bất luận là người ấy từ tu đạo cho đến có thể sống hạnh phúc trên thế gian, luôn có thể tu pháp xuất thế. Trong phần trước đã nói các vua Chiên-đồ-la Sát-đế-lợi, Chiên-đồ-la Bà-la-môn v.v... làm chuyện ác, cùng với ác tỳ-kheo phá hoại tỳ-kheo tịnh hạnh, cho đến khiến cho các vị ấy chẳng thể tu đạo, những kẻ tạo tội nhiều như vậy, đều đọa vào địa ngục Vô Gian. [Ở đây], nói ngược lại, những người hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo thì sẽ có thể đạt được bao nhiêu điều lợi ích?

(Kinh) Phật ngôn: “Thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, xuất hiện thế gian, cụ đại oai lực, u nhật sơ phần, tích tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu, phụng thí chư Phật, cập đệ tử chúng. U nhật trung phần, diệc tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu, phụng thí chư Phật, cập đệ tử chúng. U nhật hậu phần, diệc tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu, phụng thí chư Phật, cập đệ tử chúng. Như thị nhật nhật tương tục, bố thí mãn bách thiên niên, thử nhân phước tu, ninh vi đa phủ?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn! Thận đa, đại đức! Thử nhân phước tu vô lượng vô biên, bất khả xưng kể. Toán, số, thí dụ, sở bất năng cập, duy Phật năng tri, dư vô tri giả”. Phật ngôn: “Thiện nam tử! Như thị, như thị. Như nữ sở thuyết. Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, u thập ác luân, tự bất nhiễm tập, diệc thường khuyến tha ly thập ác luân, sở hoạch phước tu, quá tiền phước tu, vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể”.

(經)佛言：「善男子！假使有人，出現世間，具大威力，於日初分，積集七寶，滿瞻部洲，奉施諸佛，及弟子眾。於日中分，亦集七寶，滿瞻部洲，奉施諸佛，及弟子眾。於日後分，亦集七寶，滿瞻部洲，奉施諸佛，及弟子眾。如是日日相續，佈施滿百千年，此人福聚，寧為多不？」地藏菩薩摩訶薩言：「甚多，世尊！甚多，大德！此人福聚無量無邊，不可稱計。算數譬喻所不能及，唯佛能知，餘無知者」。佛言：「善男子！如是，如是。如汝所說。若有真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，於十惡輪，自不染習，亦常勸他離十惡輪，所獲福聚，過前福聚，無量無邊，不可稱計。

(Kinh: Đức Phật nói: “Này thiện nam tử! Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, có oai lực lớn, vào buổi sáng tích tập bảy báu đầy khắp Thiệm Bộ Châu, dâng cúng chư Phật và các vị đệ tử. Vào buổi trưa, cũng tu tập bảy báu đầy khắp Thiệm Bộ Châu, dâng cúng chư Phật

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

và các vị đệ tử. Vào buổi tối, cũng tụ tập bảy báu đầy khắp Thiệm Bộ Châu, dâng cúng chư Phật và các vị đệ tử. Hằng ngày liên tục như thế, bố thí trọn trăm ngàn năm, người ấy tích tụ phước há có nhiều chăng?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: “Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều! Người ấy tích tụ phước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể. Toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ riêng Phật có thể biết, những người khác không biết”. Đức Phật bảo: “Này thiện nam tử! Đúng như vậy, đúng như thế. Đúng như lời ông nói. Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... đối với mười ác luân chẳng tụ huân tập, cũng thường khuyến hóa người khác rời lìa hành mười ác luân, thì khối phước đạt được sẽ vượt hơn phước tích tụ bởi người trước vô lượng vô biên, chẳng thể tính kể”).

“Thiện nam tử” ở đây là danh xưng [đức Phật dùng để gọi] Địa Tạng Bồ Tát. Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, trọn đủ oai lực rất lớn, tức là nói đến phước nghiệp của người ấy, so với vua quán đánh Sát-đế-lợi hộ trì các thiện tín, hàng phục những kẻ có tánh ác thì công đức của người ấy lớn cỡ nào? Cũng tức là để luận định công đức của người ấy, đức Phật bèn dùng cách tỷ dụ, tỷ dụ theo từng tầng một. [Trong tầng tỷ dụ đầu tiên, đức Phật nói]: Giả sử có một người như thế xuất hiện trên thế gian, người ấy có rất nhiều oai lực.

“*Ư nhật sơ phần*”, [tức là] lúc mặt trời mới mọc, “*tích tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu*”: Vào buổi sáng, người ấy có thể do oai lực của chính mình mà tập trung bảy báu, mã não, san hô, hổ phách, tổng cộng nhiều cỡ nào? Nhiều như Nam Thiệm Bộ Châu! Vào sáng sớm, dùng bảy báu nhiều ngàn ấy để cúng dường chư Phật và các vị đệ tử. “*Ư nhật trung phần*” tức là buổi trưa cũng tụ tập bảy báu đầy khắp Thiệm Bộ Châu. [Buổi sáng] đã bố thí xong, buổi trưa lại tụ tập bảy báu đầy khắp Nam Thiệm Bộ Châu nhiều ngàn ấy, “*phụng thí chư Phật cập đệ tử chúng. Ư nhật hậu phần, diệc tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu, phụng thí chư Phật cập đệ tử chúng*” [nghĩa là] ngay trong ngày hôm đó, buổi trưa, buổi tối, kể cả buổi sáng, trong ba thời thân, đều tập trung bảy báu đầy khắp Nam Thiệm Bộ Châu, ba lượt đều tụ tập bảy báu trọn khắp Nam Thiệm Bộ Châu như thế để bố thí, cúng dường chư Phật và các đệ tử, lại còn chẳng phải chỉ [làm như vậy] một ngày!

“*Như thị nhật nhật tương tục*” [tức là] hằng ngày đều [tiếp tục] cúng dường như thế. Cúng dường trong thời gian nhiều cỡ nào? “*Mãn bách thiên niên*” (Trọn trăm ngàn năm): Hoặc là cúng dường một trăm

năm, hoặc cúng dường một ngàn năm. Hãy nói xem, người ấy có phước đức nhiều hay không? Dùng các thứ thất bảo ấy để cúng dường chư Phật, mỗi ngày ba lượt cúng dường, cúng dường trong trăm ngàn năm, phước đức ấy có nhiều hay không? Địa Tạng Bồ Tát thưa: “*Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều!*” Sự cúng dường ấy chẳng thể nghĩ bàn, phước do người ấy tích tụ “*vô lượng vô biên, chẳng thể tính kể*”. Dùng con số để tính toán, mỗi ngày đều như thế ba lượt cúng dường bảy báu nhiều ngàn ấy, phước đức của người ấy đâu dùng toán, số, thí dụ [để tính toán hay so sánh] đều tính chẳng ra! Phước đức cúng dường ấy chỉ có đức Phật mới biết, người khác không biết: Trừ đức Phật ra, các vị đại Bồ Tát khác cũng không có cách nào biết được.

Đức Phật dạy: “*Thiện nam tử! Như thị, như thị*”, [nghĩa là] ông nói rất là đúng. “*Như như sở thuyết*” hàm nghĩa: Như ông vừa mới hỏi ta “*nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn v.v...*” tự mình chẳng huân tập mười ác luân, lại còn khuyên kẻ khác rời lìa mười ác luân, sẽ đạt được phước đức to lớn cỡ nào? Phước đức của người ấy so với phước đức vừa nói trên đây “*quá tiền phước tụ*” (hơn hẳn phước tích tụ trước đó), “*tụ*” (聚) có nghĩa là “*tụ tập*”. Nói đến phước đức của người ấy, thì phước đức đã tụ tập [của người ấy] vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể. Thiện nam tử ấy đã tự mình chẳng huân nhiễm mười ác luân, lại còn khuyên kẻ khác cũng đừng huân nhiễm mười ác luân, rời lìa mười ác luân, phước đức của người ấy vượt xa phước của người cúng dường trên đây. Đây là bước đầu. Nay lại nói cao hơn một bậc nữa!

(*Kinh*) “*Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân xuất hiện thế gian, cụ đại oai lực, vị tứ phương Tăng doanh kiến tự vũ, kỳ lượng khoan quảng đẳng tứ đại châu, thượng diệu phòng xá, sàng, phu, y phục, âm thực, y dược, tư duyên sung bị, linh chú Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, đại đệ tử chúng chỉ trụ kỳ trung, tinh tấn tu hành chủng chủng thiện phẩm. Nhược trú, nhược dạ, vô hữu giải tức, kinh bách thiên câu-chi na-dữu-đa tuế, cung cấp cúng dường, tương tục bất tuyệt. Thử nhân phước tụ, ninh vi đa phủ?*” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “*Thậm đa, Thế Tôn! Thậm đa, đại đức! Thử nhân phước tụ vô lượng vô biên, bất khả xưng kể, toán, số, thí dụ sở bất năng cập, duy Phật năng tri, dư vô tri giả*”. Phật ngôn: “*Thiện nam tử! Như thị, như thị, như như sở thuyết*”.

(經)又，善男子！假使有人出現世間，具大威力，為四方僧營建寺宇，其量寬廣等四大洲，上妙房舍、床敷、衣服、飲食、醫藥，資緣充備，令諸如來、聲聞、菩薩、大弟子眾止住其中，精進修行種種善品。若晝若夜，無有懈怠，經百千俱胝那庾多歲，供給供養，相續不絕。此人福聚，寧為多不？」地藏菩薩摩訶薩言：「甚多，世尊！甚多，大德！此人福聚無量無邊，不可稱計，算數譬喻所不能及，唯佛能知，餘無知者」。佛言：「善男子！如是，如是，如汝所說。

(*Kinh*: “*Lại này thiện nam tử! Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, có oai lực lớn, vì tứ phương Tăng tạo dựng chùa chiền, kích thước rộng lớn bằng bốn đại châu, phòng ốc tốt đẹp nhất, giường, mền, y phục, thức ăn, thuốc men, các vật cần thiết trọn đủ, để các vị Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, các vị đại đệ tử ở trong ấy, tinh tấn tu hành các loại thiện phẩm. Dù đêm hay ngày, chẳng hề lười nhác, ngưng nghỉ. Trải qua trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa năm cung cấp, cúng dường liên tục chẳng dứt, phước do người ấy tích tụ há có nhiều chăng?*”

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thưa: “*Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều! Người ấy tích tụ phước đức vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ riêng đức Phật có thể biết, kẻ khác chẳng biết*”.

Đức Phật bảo: “*Này thiện nam tử! Đúng như thế đấy, đúng như vậy đấy, đúng như lời ông đã nói*”).

Xây dựng trụ xứ trong Tăng Già Lam, tức là chỗ ở dành cho Tăng nhân. Ngôi chùa ấy to cỡ nào? Xây dựng ngôi chùa “*khoan quảng đẳng tứ đại bộ châu*” (rộng lớn bằng bốn bộ châu): Tứ đại bộ châu đều thành một ngôi chùa! Người ấy có đại oai lực, còn có phòng ốc tốt đẹp nhất. Trong mỗi phòng, còn có những vật dụng sinh hoạt như y phục, giường, mền đệm, y phục, thức ăn, “*tư duyên sung bị*” (các thứ cần thiết cho cuộc sống đều trọn đủ). Các vật cần dùng cho cuộc sống đều rất đầy đủ, để các vị Như Lai, chẳng phải là một, hai vị Phật [mà là chư Phật], khiến

cho các vị Thanh Văn và Bồ Tát là đệ tử của chư Như Lai cùng ở trong ngôi chùa do kẻ ấy đã tạo. “*Tinh tấn tu hành chủng chủng thiện phẩm*” (Tinh tấn tu hành các loại thiện phẩm), đương nhiên là chư Phật, Bồ Tát sẽ chỉ dạy, dẫn dắt, sẽ thuyết pháp. Thuyết pháp thì còn có rất nhiều chúng sanh đều có thể siêng ròng tu hành. Thiện phẩm là do đức Phật chỉ dạy, như trong kinh đã nói, hoặc là tu tập Thiền Định, hoặc đọc tụng, hoặc lễ bái. “*Nhược trú, nhược dạ, vô hữu giải tức, kinh bách thiên câu-chi na-dữu-đa tuế*” (Dù ngày hay đêm chẳng hề biếng nhác, ngưng nghỉ, trải qua trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa năm), na-dữu-đa là ức, trăm ngàn câu-chi ức, nhiều dường ấy, “*cung cấp cúng dường, tương tục bất tuyệt, thử nhân phước tụ ninh vi đa phủ?*” (cung cấp, công đức, liên tục chẳng dứt, phước đức của người ấy há có nhiều chẳng?)

“*Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thập đa, Thế Tôn! Thập đa, đại đức!*” (Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: - Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều). Đức Thế Tôn nói phước do người đó tích tụ vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể. Chúng ta có thể tưởng tượng điều này. Chúng ta dựng một ngôi chùa bình thường, như trưởng giả Cấp Cô Độc tạo dựng tinh xá Kỳ Viên cho đức Phật. Khi trưởng giả tạo tinh xá, trên tầng trời thứ ba là Dạ Ma Thiên cũng tạo cung điện cho ông ta. Tinh xá của ông ta trong nhân gian còn chưa hoàn thành, mà cung điện phước đức [trên cõi trời] đã kiến tạo xong xuôi! Đây chỉ là tinh xá Kỳ Viên. Tinh xá Kỳ Viên là một viên lam tại nước Xá Vệ mà thôi, còn tinh xá [được nói ở đây] to cỡ nào? Lượng bằng tứ đại bộ châu! Công đức này đương nhiên to hơn công đức kia, phước đức [sẽ được hưởng] sau khi chết đương nhiên cũng rất lớn. Nhưng phước đức xuất thế gian và phước đức thế gian khác nhau. Phước đức nhân thiên dẫu to cách mấy, vẫn là hư vọng. Đức Phật dùng tỷ dụ này nhằm nói người ấy đã tích tụ phước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ đức Phật có thể biết, người khác chẳng biết. Giống như trong phần trước, đức Phật dạy: “*Thiện nam tử! Như thị, như thị*”. Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: Ông nói đúng lắm, đúng như lời ông nói, phước đức như vậy vô lượng, vô biên.

(*Kinh*) “*Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, xuất hiện thế gian, cụ đại oai lực, vị tứ phương Tăng doanh kiến tự vũ, khoan quảng lượng đẳng thập tứ đại châu, thượng diệu phòng xá, sàng, phu, y phục, ẩm thực, y dược, tư duyên sung bị, linh chư Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, đại đệ tử chúng chỉ trụ kỳ trung, tinh tấn tu hành chủng*

chủng thiện phẩm. Nhược trú, nhược dạ, vô hữu giải tức. Kinh bách thiên câu-chỉ na-dữu-đa tuế, cung cấp, cúng dường, tương tục bất tuyệt, thử nhân phước tu, ninh vi đa phủ?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn! Thận đa, đại đức! Thử nhân phước tu vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể, toán, số, thí dụ sở bất năng cập, duy Phật năng tri, dư vô tri giả”. Phật ngôn: “Thiện nam tử! Như thị, như thị, như nhữ sở thuyết”.

(經)又，善男子！假使有人，出現世間，具大威力，為四方僧營建寺宇，寬廣量等十四大洲，上妙房舍、床敷、衣服、飲食、醫藥，資緣充備，令諸如來、聲聞、菩薩、大弟子眾止住其中，精進修行種種善品。若晝若夜，無有懈怠。經百千俱胝那庾多歲，供給供養，相續不絕，此人福聚，寧為多不？」地藏菩薩摩訶薩言：「甚多，世尊！甚多，大德！此人福聚無量無邊，不可稱計，算數譬喻所不能及，唯佛能知，餘無知者」。佛言：「善男子！如是，如是，如汝所說。

(Kinh: “Lại này thiện nam tử! Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, có oai lực lớn, vì tứ phương Tăng tạo dựng chùa miếu, kích thước rộng lớn bằng mười bốn đại châu, phòng ốc tốt đẹp nhất, giường, mền đệm, y phục, thức ăn, thuốc men, các vật cần thiết trọn đủ, để các vị Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, các vị đại đệ tử ở trong ấy, tinh tấn tu hành các loại thiện phẩm. Dù đêm hay ngày, chẳng hề lười nhác, ngưng nghỉ. Trải qua trăm ngàn câu-chỉ na-dữu-đa năm, cung cấp, cúng dường liên tục chẳng dứt, phước do người ấy tích tụ há có nhiều chẳng?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều! Người ấy tích tụ phước đức vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ Phật có thể biết, kẻ khác chẳng biết”. Đức Phật bảo: “Này thiện nam tử! Đúng như thế đấy, đúng như vậy đấy, đúng như lời ông đã nói”).

Trong phần trước nói tứ đại châu, ở đây nói gấp đôi, cũng kiến tạo phòng ốc thượng diệu, giường, mền đệm, y phục, thức ăn, thuốc men, các duyên trọn đủ, để chư Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, các vị đại đệ tử v.v... ở trong ấy tu hành, cho đến thuyết pháp độ chúng sanh, ngày đêm đều chẳng giải đãi. Trải qua trăm ngàn câu chi na-dữu-đa năm, cung cấp, cúng dường, liên tục chẳng dứt. Chẳng phải là một, hai ngày, mà là trong thời gian vô cùng, vô tận, người ấy tích tập phước đức có nhiều hay không? Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: “*Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức rất nhiều*”. Người ấy tích tụ phước đức vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ đức Phật có thể biết, người khác chẳng biết. Đức Phật dạy: “*Thiện nam tử! Như thị, như thị, như nữ sở thuyết*”, [nghĩa là] ông nói rất đúng, phước đức ấy vô lượng, vô biên.

(Kinh) Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, xuất hiện thế gian, cụ đại oai lực, vị Phật xá-lợi, khởi Tốt-đổ-ba, nghiêm lệ, cao quảng, lượng đẳng tam thiên đại thiên thế giới. Như tiền sở thuyết vị tứ phương Tăng tạo tự phước tự, loại thử sở thuyết vị Phật xá-lợi khởi Tốt-đổ-ba, sở hoạch phước tự, u bách phần trung bất cập kỳ nhất, u thiên phần trung diệc bất cập nhất, u bách thiên phần diệc bất cập nhất, u câu-chi phần diệc bất cập nhất, na-dữu-đa phần, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, nãi chí ố-ba-ni-sát-đàm phần, diệc bất cập nhất.

(經)又，善男子！假使有人，出現世間，具大威力，為佛舍利，起窣堵波，嚴麗高廣，量等三千大千世界。如前所說為四方僧造寺福聚，類此所說為佛舍利起窣堵波，所獲福聚，於百分中不及其一，於千分中亦不及一，於百千分亦不及一，於俱胝分亦不及一，那庾多分、數分算分、計分喻分，乃至鄔波尼殺曇分亦不及一。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, có oai lực lớn, vì xá-lợi của Phật mà dựng Tốt-đổ-ba, trang nghiêm, tráng lệ, cao rộng, lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới. Phước tích tụ vì tạo chùa cho tứ phương Tăng như đã nói trong phần

trước so với phước đang nói ở đây, tức là so với khối phước đạt được do dựng tháp thờ xá-lợi của Phật thì sẽ chẳng bằng một phần trăm, cũng chẳng bằng một phần ngàn, cũng chẳng bằng một phần trăm ngàn, cũng chẳng bằng một phần câu-chi, một phần na-dữu-đa, một phần toán, một phần số, một phần kế, một phần dụ, cho đến cũng chẳng bằng một phần ồ-ba-ni-sát-đàm).

Vì sao lại thêm câu “*cụ đại oai lực*” (có oai lực to lớn)? Nếu chẳng có loại sức mạnh như thế, sao có thể tạo dựng thành tựu được? Phước đức của người này cũng chẳng thể nghĩ bàn! Lại vì xá-lợi của Phật mà tạo Tốt-đồ-ba (Stupa), tức là kiến tạo tháp thờ xá-lợi. Tháp ấy được kiến tạo có kích thước bằng tam thiên đại thiên thế giới, cao rộng như vậy. Phước tích tụ do tạo chùa cho tứ phương Tăng đã nói trong phần trước nếu đem so với chuyện này, tức là so với phước tích tụ do vì xá-lợi của Phật mà dựng Tốt-đồ-ba, “*ư bách phần trung bất cập kỳ nhất, ư thiên phần trung diệc bất cập nhất, ư bách thiên phần diệc bất cập nhất, ư câu-chi phần diệc bất cập nhất, na-dữu-đa phần, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, nãi chí ồ-ba-ni-sát-đàm phần*” (chẳng bằng một phần trăm, cũng chẳng bằng một phần ngàn, cũng chẳng bằng một phần trăm ngàn, cũng chẳng bằng một phần câu-chi, một phần na-dữu-đa, một phần toán, một phần số, một phần kế, một phần dụ cho đến một phần ồ-ba-ni-sát-đàm): Ổ-ba-ni-sát-đàm (Upanisadam-api)⁸¹ là một phần cực nhỏ, là con số nhỏ nhất, “*diệc bất cập nhất*” (cũng chẳng bằng một phần).

Đây là nói đảo lại. Nói đảo lại như thế nào? Trong phần trước đã nói những con số. Sau đó lại đem công đức của vị Sát-đế-lợi, tức Sát-đế-lợi thiện vương, chân thiện Sát-đế-lợi, [tức công đức do] bản thân nhà vua chẳng dính mắc mười ác luân, khuyên người khác đừng dính mắc mười ác luân, xa lìa mười ác luân để so sánh từng bước. Hiện thời, nói đảo lại, chẳng nhắc lại công đức của vị chân thiện Sát-đế-lợi vương, vẫn nhằm chỉ rõ: Công đức ấy, hoặc phước đức của người đã làm những việc

⁸¹ Sách Hy Lân Âm Nghĩa (希麟音義) quyển một giảng: “Ổ-ba-ni-sát-đàm là tiếng Phạn, là phần cực nhỏ trong cách tính toán. Còn gọi là Ưu-ba-ni-sái-tha. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa dẫn Du Già Đại Luận dịch thành Vi Tế Phần. Như chẻ một sợi lông thành một trăm phần, lại chẻ một phần ấy thành trăm ngàn vạn phần, lại chẻ mỗi phần ấy sau khi đã chia chẻ ấy giống như trước, cho đến khi mỗi phần chia chẻ ấy gần với hư không, chẳng thể chia nhỏ hơn được nữa, thì gọi là Ổ-ba-ni-sát-đàm phần”.

như tạo tháp thờ xá-lợi của Phật dẫu nhiều ngàn ấy, vẫn chẳng thể sánh bằng một phần công đức của vị chân thiện vương xa lìa mười ác luân và khuyên người khác xa lìa mười ác luân. Không chỉ là chẳng bằng một phần mười, chẳng bằng một phần trăm, mà cho đến một phần của câu-chỉ phần cũng chẳng bằng!

“*Na-dữu-đa phần, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, nãi chí ồ-ba-ni-sát-đàm phần diệc bất cập nhất*”: Mọi người hãy biết đoạn kinh văn này mang ý nghĩa hiển thị công đức và phước đức do xa lìa mười ác luân. Đức Phật càng nói càng sâu, càng sâu càng nhiều, càng nói càng nhiều. Phước đức xa lìa mười ác luân, cho đến dạy người khác xa lìa mười ác luân, quả thật chẳng thể tính kể, to hơn bất cứ phước đức nào, vì đây là pháp xuất thế gian, liễu sanh tử. Từ nay về sau, vĩnh viễn liễu thoát, chẳng còn làm ác nữa. Có hàm nghĩa như thế đó!

(Kinh) Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu đắc Ba La Mật Đa, cụ bát giải thoát, Tĩnh Lự, Đẳng Chí đại A La Hán, biến mãn tam thiên đại thiên thế giới, như đạo, ma, trúc, vi, cam giá, tùng lâm, nhất thiết giai bị kiên phước ngũ xứ, kinh bách thiên niên. Thời hữu nhất nhân, xuất hiện ư thế, cụ đại oai lực, nhạo phước đức cố, tất giải bị phước chư A La Hán, hương thang tháo dục, phụng thí y bát, kinh bách thiên niên, cấp thượng phòng xá, sàng, phu, y phục, ẩm thực, y dược, chủng chủng sở tu như pháp tư cụ. Chư A La Hán bát Niết Bàn dĩ, cúng dường phần thiêu, thân thủ xá-lợi, dĩ diệm thất bảo, khởi Tốt-đồ-ba, an trí kỳ trung. Phục dĩ chủng chủng bảo tràng, phan, cái, hương, hoa, kỹ nhạc, nhi cúng dường chi. Như tiền sở thuyết vị Phật xá-lợi khởi Tốt-đồ-ba sở hoạch phước tụ, loại thử sở thuyết giải A La Hán cúng dường phước tụ, ư bách phần trung bất cập kỳ nhất, ư thiên phần trung diệc bất cập nhất, ư bách thiên phần diệc bất cập nhất, ư câu-chỉ phần diệc bất cập nhất, na-dữu-đa phần, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, nãi chí ồ-ba-ni-sát-đàm phần, diệc bất cập nhất.

(經)又，善男子！假使有得波羅密多，具八解脫靜慮等至大阿羅漢，徧滿三千大千世界，如稻、麻、竹葦、甘蔗、叢林，一切皆被堅縛五處，經百千年。時有一人，出現於世，具大威力，樂福德故，悉解被縛諸阿羅漢，香湯

澡浴，奉施衣鉢，經百千年，給上房舍、床敷、衣服、飲食、醫藥，種種所須如法資具。諸阿羅漢般涅槃已，供養焚燒，收取舍利，以妙七寶，起窣堵波，安置其中。復以種種寶幢、幡蓋、香華、伎樂而供養之。如前所說為佛舍利起窣堵波，所獲福聚，類此所說，解阿羅漢供養福聚，於百分中不及其一，於千分中亦不及一，於百千分亦不及一，於俱胝分亦不及一，那庾多分、數分算分、計分喻分乃至鄔波尼殺曇分，亦不及一。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Giả sử có các vị đại A La Hán đắc Ba La Mật Đa, đủ tám giải thoát, Tĩnh Lự, Đăng Chí, trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới như lúa, mè, tre, lau, mía, rừng cây, hết thầy đều bị trói chặt năm chỗ, trải qua trăm ngàn năm. Khi đó, có người xuất hiện trong cõi đời, có oai lực lớn, do ưa thích phước đức, đều cởi trói cho các vị A La Hán, dùng nước thơm tắm gội, dâng thí y, bát. Trải qua trăm ngàn năm, dâng hiến phòng ốc bậc thượng, giường, mền, y phục, thức ăn, thuốc men, các thứ vật dụng cần thiết đúng pháp. Các vị A La Hán đã nhập Niết Bàn rồi, người ấy bèn cúng dường, hỏa thiêu, thâu nhặt xá-lợi, dùng bảy báu màu nhiệm để dựng tháp, đặt ở trong ấy. Lại dùng các thứ tràng báu, phan, lọng, hương, hoa, kỹ nhạc để cúng dường. Phước tích tụ do dựng tháp thờ xá-lợi của Phật như trong phần trước đã nói, đem so với phước tích tụ do cởi trói và cúng dường các A La Hán này thì chẳng bằng một phần trăm, cũng chẳng bằng một phần ngàn, cũng chẳng bằng một phần trăm ngàn, cũng chẳng bằng một phần câu-chi, một phần na-dữu-đa, một phần số, một phần toán, một phần kế, một phần dụ, cho đến một phần ỏ-ba-ni-sát-đàm, cũng đều chẳng bằng).

Đây là nói một chút phần công đức, [tức là] vẫn chẳng sánh bằng một phần cực nhỏ công đức của vua Sát-đế-lợi [chẳng hành thập ác luân].

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữi chí chân thiện Bà-la-môn đấng, u thập ác luân, tự bất nhiễm tập, diệt thường khuyến tha ly thập ác luân, sở hoạch phước đức, quá tiền phước tụ vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể. Như sanh phước số, diệt tội diệt nhĩ.

(經)善男子！若有真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，於十惡輪，自不染習，亦常勸他離十惡輪，所獲福德，過前福聚無量無邊，不可稱計。如生福數，滅罪亦爾。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... đối với mười ác luân tự mình chẳng nhiễm, cũng thường khuyên người khác lìa mười ác luân, sẽ đạt được phước đức vượt quá phước tích tụ trên đây vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể. [Do công đức ấy cũng có thể] diệt tội giống như số lượng phước đã sanh khởi).

Các chân thiện Bà-la-môn ấy tự mình chẳng nhiễm mười ác luân, cũng khuyên người khác chẳng nhiễm, sẽ đạt được phước đức vượt quá lượng phước tích tập như đã nói trên đây vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể lần. Trong phần trước [đã nói các thiện sự từ dùng bảy báu đầy ấp tứ đại bộ châu để cúng dường hằng ngày ba lượt suốt trăm ngàn năm] cho đến tạo tháp, miếu, cứ từng bước, từng tầng một so sánh, [dầu cho] càng lúc càng to lớn, càng nhiều hơn, vẫn đều chẳng bằng phước đức do các vị chân thiện Bà-la-môn đạt được vì tự mình chẳng nhiễm mười ác luân này, và cũng khuyên người khác lìa mười ác luân. [Đó là ý nghĩa của câu] “*quá tiền phước tụ vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể, như sanh phước số, diệt tội diệt nhĩ*”.

Khi người ấy còn sống, phước đức chẳng thể nghĩ bàn, tiêu diệt tội ác cũng thế, cũng giống hết như phước đức. Cũng có nghĩa là: Người ấy có thể dần dần thành Phật. Lìa thập Ác là Thập Thiện. Thập Ác và Thập Thiện có điểm khác biệt là gì? Người ấy khiến cho hết thảy chúng sanh lìa mười ác, cũng là cung kính cúng dường Tam Bảo, trụ thế Tam Bảo, khiến cho Phật pháp vĩnh viễn tồn tại trên thế gian, khiến cho pháp nhân của chúng sanh chẳng bị đoạn tuyệt, chúng sanh trong vị lai đắc độ càng nhiều hơn. Điều này chẳng thể đo lường được. Dựa theo điều này để suy đoán, phước đức ấy chẳng thể suy lường được! Thị hiện [bồ thí] của cải, cho đến dựng tháp, cho đến tất cả các thứ cúng dường, đều là

hữu hạn. Vì sao? Những thứ ấy vẫn thuộc về tướng thế gian. Khiến cho con người lìa thập ác thì thuộc về xuất thế gian.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, cập chư chân thiện tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng, u vị lai thế, hậu ngũ bách tuế, pháp dục diệt thời, năng thiện hộ trì ngã chi pháp nhãn, năng tự thiện hộ, diệc thiện hộ tha, thiện hộ hậu thế, thiện hộ ngã pháp xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí vô giới, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, phổ thiện thủ hộ, cung kính cúng dường, linh vô tổn nã. Hựu năng thiện hộ tam thừa chánh pháp. Thính thọ cúng dường Thanh Văn pháp thời, u Độc Giác Thừa cập Đại Thừa pháp, bất sanh phỉ báng. U Độc Giác Thừa, cập Đại Thừa nhân, diệc bất tăng tật. Thính thọ cúng dường Độc Giác pháp thời, u Thanh Văn Thừa cập Đại Thừa pháp, bất sanh phỉ báng. U Thanh Văn Thừa cập Đại Thừa nhân, diệc bất tăng tật. Thính thọ cúng dường Đại Thừa pháp thời, u Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, bất sanh phỉ báng. U Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa nhân, diệc bất tăng tật. U Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, bất cầu thú chứng, duy cầu thú chứng Đại Thừa chánh pháp. U trụ Đại Thừa, cụ giới, phú đức, tinh cần tu hành, nãi chí trụ quả Bồ Đặc Già La, đa số thân cận, thừa sự, cúng dường, thâm tâm kính trọng, thỉnh vấn, thính thọ.

(經)善男子！若有真善刹帝利王，及諸真善宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等，於未來世，後五百歲，法欲滅時，能善護持我之法眼，能自善護，亦善護他，善護後世，善護我法出家弟子，若是法器，若非法器，下至無戒，剃除鬚髮，被袈裟者，普善守護，恭敬供養，令無損惱。又能善護三乘正法。聽受供養聲聞法時，於獨覺乘及大乘法，不生誹謗。於獨覺乘及大乘人，亦不憎嫉。聽受供養獨覺法時，於聲聞乘及大乘法，不生誹謗。於聲聞乘及大乘人，亦不憎嫉。聽受供養大乘法時，於聲聞乘、獨覺

乘法，不生誹謗。於聲聞乘、獨覺乘人，亦不憎嫉。於聲聞乘、獨覺乘法，不求趣證，唯求趣證大乘法。於住大乘，具戒富德，精勤修行，乃至住果補特伽羅，多數親近，承事供養，深心敬重，請問聽受。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương và các chân thiện tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... trong đời vị lai, năm trăm năm cuối, khi pháp sắp diệt, có thể khéo hộ trì pháp nhân của ta, có thể khéo tự hộ trì, mà cũng khéo hộ trì người khác, khéo hộ trì đệ tử xuất gia trong pháp của ta, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, thậm chí kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, đều khéo thủ hộ trọn khắp, cung kính cúng dường, khiến cho họ chẳng bị tổn hại, náo loạn. Lại có thể khéo hộ trì chánh pháp tam thừa. Khi nghe nhận, cúng dường pháp Thanh Văn, đối với pháp Độc Giác Thừa và pháp Đại Thừa, chẳng sanh phỉ báng. Đối với người [tu tập] pháp Độc Giác Thừa và pháp Đại Thừa, cũng chẳng ghen ghét. Khi nghe nhận, cúng dường pháp Độc Giác, đối với pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa, chẳng sanh phỉ báng. Đối với người [tu tập] pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa, cũng chẳng ghen ghét. Khi nghe nhận, cúng dường pháp Đại Thừa, đối với pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa, chẳng sanh phỉ báng. Đối với người [tu tập] Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, cũng chẳng ghen ghét. Đối với pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa chẳng cầu chứng nhập, chỉ cầu chứng nhập chánh pháp Đại Thừa. Đối với Bồ Đặc Già La trụ Đại Thừa, đủ giới, giàu đức, siêng rông tu hành, cho đến trụ quả vị, nhiều lượt thân cận, thừa sự, cúng dường, thâm tâm kính trọng, thưa hỏi, nghe nhận).

Trong đoạn kinh văn này, Phật lại nêu thí dụ để nói. Nếu lia mười ác luân, “*nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, cập chư chân thiện tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng*” (nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương và các chân thiện tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v...), năm trăm năm sau trong đời vị lai, “*hậu ngũ bách tuế*” là nói về năm trăm năm cuối cùng [trong thời Mạt Pháp]. Ở đây, có hai cách nói:

1) Chánh Pháp năm trăm năm, Tượng Pháp năm trăm năm, Mạt Pháp năm trăm năm. Đây là một cách nói bao gồm một ngàn năm trăm

năm. [Thuyết này] có khi nói là Chánh Pháp năm trăm năm, Tượng Pháp năm trăm năm, Mạt Pháp một ngàn năm.

2) Thuyết khác là Chánh Pháp và Tượng Pháp đều một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm.

Mấy cách nói ấy hoàn toàn chẳng tương đồng, ở đây chỉ nói tới năm trăm năm cuối cùng. [Nếu hiểu] Mạt Pháp một vạn năm thì khi chín ngàn năm trăm năm đã qua, chỉ còn lại năm trăm năm, lúc đó, pháp sắp diệt.

Khi Phật pháp hãy còn, tức là nói thời Mạt Pháp hãy còn tồn tại rất dài. [Ở đây] nói khi pháp sắp diệt, trong năm trăm năm cuối cùng, vào lúc đó, đầu trong lúc Tam Vũ diệt Phật cũng thế, chúng ta cho rằng vẫn chưa đến lúc pháp diệt, pháp ấy có thể tồn tại trong thế gian. Người ấy không chỉ hộ trì chính mình, mà còn khéo hộ trì người khác, cũng khéo hộ trì các đệ tử xuất gia theo pháp của đức Phật trong đời sau. Bất luận [người xuất gia ấy] trì giới hay chẳng trì giới, là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, cho đến chẳng thọ giới, hễ vừa cạo bỏ râu tóc, “*bị thương ca-sa*” (khoác áo ca-sa), thậm chí ca-sa ấy là ca-sa của sa-di, giống như mạn y⁸² của chúng ta, chẳng phải là phước điền y.

“*Phổ thiện thủ hộ, cung kính cúng dường*” (Khéo có thể thủ hộ trọn khắp, cung kính cúng dường): Xa lìa mười ác luân, vua Sát-đế-lợi ấy “*nãi chí Bà-la-môn đấng*” (cho đến hàng Bà-la-môn) có thể khéo hộ trì Phật pháp, có thể khiến cho Phật pháp trụ thế, khiến cho những người học pháp ấy chẳng bị tổn hại, não loạn, bình đẳng hộ trì chánh pháp tam thừa. Đối với những phần kinh văn sau đó, quý vị hiểu ý nghĩa như vậy là được rồi. Hộ trì pháp Thanh Văn, chẳng hủy báng pháp Độc Giác, chẳng hủy báng pháp Đại Thừa. Hộ trì pháp Độc Giác, chẳng hủy báng pháp Thanh Văn, chẳng hủy báng pháp Đại Thừa. Vậy thì khi cúng dường pháp Đại Thừa, người ấy cũng chẳng hủy báng pháp Thanh Văn, cũng chẳng hủy báng pháp Độc Giác. Trong tam thừa, người ấy tin theo thừa nào, sẽ chẳng hủy báng hai thừa kia, phải cùng hộ trì tam thừa. Cũng chẳng ghét bỏ, cũng chẳng hủy báng, mà phải bình đẳng cúng dường. Nếu như Bồ Đặc Già La là bậc trụ quả, tức là trụ trong Sơ Quả,

⁸² Mạn y (縵衣) là y không có điều (thường là màu nâu) dùng cho cư sĩ đã thọ Bồ Tát Giới (đối với phần lớn các tông phái thuộc Thiên Tông Trung Hoa, người đã thọ Ngũ Giới đều đắp mạn y khi làm lễ sám hối). Do rất nhiều tông phái của Phật giáo Trung Hoa, tăng sĩ không đắp y vàng (kể cả thiên phái Tào Động), cho nên y sa-di không có điều sẽ giống y hệt mạn y của cư sĩ.

Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả. “*Trụ quả*” là nói đến toàn bộ La Hán Thừa, Thanh Văn Thừa. Người ấy đều phải “*thân cận cúng dường, thâm tâm kính trọng, thỉnh vấn, thỉnh thọ*” (thân cận cúng dường, thâm tâm kính trọng, thưa hỏi, nghe nhận).

(Kinh) Viễn ly phá giới, ác hạnh bất-sô. Ư chư sở thí tứ phương Tăng vật, chung bắt linh nhân phi pháp thí dụng, cần gia thủ hộ, cúng tứ phương Tăng. Ư Tốt-đồ-ba, cập Tăng Kỳ vật, chung bắt tự đoạt, bắt giáo tha đoạt, diệc bắt tự dụng, bắt giáo tha dụng. Ư năng biện thuyết tam thừa pháp nhân, cung kính cúng dường, gia hộ dữ lực, bắt linh tha nhân phi pháp, hủy nhục. Tôn trọng, an ủy chư xuất gia nhân. Tín thọ, hộ trì Như Lai thánh giáo. Chung bắt phá hoại chư Tốt-đồ-ba. Diệc thường hộ trì tứ phương Tăng tự. Ư ngã xuất gia chư đệ tử sở, chung bắt hủy phế, hoàn tục sách sử. Ư thập ác luân, tự bắt nhiễm tập, diệc thường khuyến tha ly thập ác luân. Cụ học tiên vương trị quốc chánh pháp. Thập Thiện nghiệp đạo, nhiếp hóa thế gian. Thường đương thân cận chư thiện tri thức, thiệu Tam Bảo chủng, thường linh xí thịnh, thiện hộ pháp nhân, linh bắt diệt một. Như thị chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đấng, do cụ như thị chư công đức cố, danh bắt hư thọ quốc nhân bổng lộc. Nhất thiết thiên, long, Dược Xoa quý thân, nữ chí Yết Trá Bồ Đát Na đấng, giai sanh hoan hỷ, từ bi ứng hộ nhất thiết pháp khí, chân thật phước điền, diệc sanh hoan hỷ, từ bi hộ niệm.

(經)遠離破戒，惡行苾芻。於諸所施四方僧物，終不令人非法費用，勤加守護，供四方僧。於宰堵波，及僧祇物，終不自奪，不教他奪，亦不自用，不教他用。於能辯說三乘法人，恭敬供養，加護與力，不令他人誹謗毀辱。尊重安慰諸出家人。信受護持如來聖教。終不破壞諸宰堵波。亦常護持四方僧寺。於我出家諸弟子所，終不毀廢，還俗策使。於十惡輪，自不染習，亦常勸他離十惡輪。具學先王治國正法。十善業道，攝化世間。常當親近諸善知

識，紹三寶種，常令熾盛，善護法眼，令不滅沒。如是真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，由具如是諸功德故，名不虛受國人俸祿。一切天、龍、藥叉鬼神，乃至羯吒布怛那等，皆生歡喜，慈悲擁護一切法器，真實福田，亦生歡喜，慈悲護念。

(Kinh: Xa lia bát-sô phá giới, ác hạnh. Đối với những vật cúng thí cho tứ phương Tăng, trọn chẳng để cho người khác sử dụng phung phí phi pháp, càng thêm siêng năng thủ hộ, cúng dường tứ phương Tăng. Đối với vật dụng trong tháp và vật dụng của Tăng chúng, trọn chẳng tự chiếm đoạt, hay dạy người khác chiếm đoạt, cũng chẳng tự dùng, dạy người khác dùng. Đối với bậc có thể biện thuyết pháp tam thừa, bèn cung kính cúng dường, gia tăng, hộ trì thế lực, chẳng để cho kẻ khác phi báng, hủy nhục [vị ấy]. Tôn trọng, an ủi các vị xuất gia, tin nhận, hộ trì thánh giáo của Như Lai. Trọn chẳng phá hoại các tòa tháp, cũng thường hộ trì chùa của tứ phương Tăng. Đối với các đệ tử xuất gia của ta, trọn chẳng hủy phước, ép buộc họ hoàn tục. Đối với mười ác luân, trọn chẳng tiêm nhiễm, cũng thường khuyên kẻ khác lìa mười ác luân. Học đầy đủ chánh pháp trị quốc của tiên vương. Dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo nhiếp hóa thế gian. Thường xuyên thân cận các vị thiện tri thức, nói tiếp chủng tánh Tam Bảo, khiến cho thường hưng thịnh, khéo hộ trì pháp nhĩn, chẳng để diệt mất. Các chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Bà-la-môn như vậy do trọn đủ các công đức như thế, gọi là chẳng luống nhận bổng lộc của nhân dân. Hết thấy trời, rồng, Dược Xoa, quỷ thần, cho đến Yết Trá Bồ Đát Na v.v... đều sanh hoan hỷ, từ bi ủng hộ hết thấy pháp khí, phước điền chân thật cũng sanh hoan hỷ, từ bi hộ niệm).

Xa lia bát-sô phá giới, ác hạnh. Ác hạnh tỳ-kheo có thể chuyển hóa; ở đây là nói [xa lia] những tỳ-kheo ác hạnh chẳng thể chuyển hóa. Họ chẳng nghe nhận, chẳng thể hưởng dụng vật cúng thí cho tứ phương Tăng. Hễ họ hưởng dụng, sẽ là phi pháp. “Cần gia thủ hộ” (Càng thêm siêng năng thủ hộ): Hộ trì các vật thuộc về Tăng chúng thanh tịnh, không cho các tỳ-kheo ác hạnh hưởng dụng. “Ư năng biện thuyết tam thừa pháp nhĩn, cung kính cúng dường” (Đối với người có thể biện luận,

giảng nói pháp tam thừa, đều cung kính cúng dường): Cúng dường gì vậy? Đối với người có thể thuyết pháp tam thừa, bèn cung kính cúng dường, tăng thêm sức hộ trì.

Tuy đã phá giới, người ấy vẫn có thể giải thích các pháp, thì cũng phải cung kính cúng dường người ấy, thỉnh người ấy thuyết pháp, mà cũng chẳng để cho kẻ khác hủy báng người ấy. Tôn trọng, an ủi hết thầy người xuất gia. Tin nhận, hộ trì thánh giáo của Như Lai như vậy. Phạm là pháp do đức Phật đã nói, cũng chính là lời dạy của đức Phật, đều là thánh giáo. Bậc đại thánh nhân chẳng phá hoại pháp, chẳng phá hoại người học pháp, cũng chẳng phá hoại tốt-đồ-ba, chẳng phá hoại chùa, tháp. Có những kẻ phá hoại tháp, miếu. Hiện thời, ở đây chúng ta chẳng thấy; nhưng nêu quý vị sang Đại Lục du lịch, bất luận đến một đạo tràng nào, quý vị sẽ thấy tháp, miếu bị phá hoại, chùa chiền bị thiêu hủy. Tạo những tội ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nay ở đây đang nói đến những vị hảo nhân, hảo nhân là ai? Thiện tín thật sự, cho đến các vua Sát-đế-lợi vương, Bà-la-môn v.v... Họ không chỉ hộ trì người xuất gia chân chánh, mà còn hộ trì pháp, hộ trì chùa, hộ trì chùa của tứ phương Tăng và chùa miếu nơi Tăng nhân cư trú.

“U ngã xuất gia chư đệ tử sở, chung bất hủy phế, hoàn tục sách sử” (Đối với các đệ tử xuất gia của ta, trọn chẳng hủy phế, áp bức họ hoàn tục): Người ấy chẳng cưỡng ép người xuất gia. Hủy hoại chùa miếu, không cho phép xuất gia, buộc họ phải hoàn tục, thì gọi là *“sách sử”* (策使). Tăng nhân ở Đại Lục từng bị như thế. Dẫu sao, nhất định là có tiền nhân (前因, cái nhân từ trước) gây nên sự hủy diệt, chẳng phải là vô duyên có mà sanh. Thiện thần hộ pháp sẽ chẳng hộ trì các ác quốc vương La Sát cho đến bọn ác Bà-la-môn v.v... như thế. *“U thập ác luân, tự bất nhiễm tập”* (Tự chẳng nhiễm mười ác luân), cũng thường khuyên kẻ khác lìa mười ác luân, học trọn đủ chánh pháp trị quốc của tiên vương, học trọn đủ những điều chư Phật chỉ dạy. Nói theo Phật pháp, Thập Thiện Nghiệp Đạo nhiếp hóa thế gian. Thập Thiện Nghiệp Đạo có cạn và sâu. Nếu bản thân chúng ta có thể chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, chẳng vọng ngữ, chẳng nói dối, chẳng ác khẩu, cho đến chẳng dấy lên tham, sân, si, tự thân thanh tịnh, cũng khuyên hết thầy chúng sanh đều như thế, chẳng tạo mười ác nghiệp, hành Thập Thiện Nghiệp, dùng Thập Thiện Nghiệp để *“nhiếp hóa thế gian, thường thời thân cận thiện tri thức”* (nhiếp hóa thế gian, thường luôn thân cận thiện

tri thức). Liên quan đến thiện tri thức thì Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận⁸³ đã giảng rất cặn kẽ.

“*Thiệu Tam Bảo chủng*” (Nói tiếp chủng tánh Tam Bảo): Khiến cho chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt. Chủng tánh Phật Bảo chẳng đoạn tuyệt, tức là hễ có [tượng Phật, Bồ Tát] bằng đất nặn, gỗ khắc, cho đến hình in hoặc vẽ trên giấy, đều coi là Phật Bảo. Đó là hóa thân của Phật Bảo. Chúng ta thấy tượng giấy, tượng đất, tượng gỗ khắc, bèn coi đó là hóa thân của chư Phật. Khi đức Phật ở trên cung trời Đao Lợi nói kinh Địa Tạng đã quá lâu, quốc vương, đại thần, và các đại đệ tử tưởng nhớ Phật, thỉnh họa sĩ vẽ tượng, vẽ hình tượng Phật. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật từ trên trời trở lại nhân gian, bức tượng vẽ ấy tự mình đến nghênh tiếp đức Phật. Do tượng ấy có sự thù thắng riêng, mọi người mới tôn kính. Quý vị đừng thấy đó là giấy, đừng coi đó là tượng đất, gỗ khắc. Nếu quý vị nghĩ đó là Phật thật thì sẽ thật sự là Phật. Nếu trong tâm cho rằng đó là bùn, cho rằng đó là giấy, thì nó chỉ là hình vẽ trên giấy!

Tổ sư Đôn Hà chê tượng Phật, muốn tìm xá-lợi trong tượng Phật. Vị hòa thượng kia bảo Ngài: “Đó là tượng tạc bằng gỗ, làm sao có xá-lợi cho được?” Lời ấy chẳng hoàn toàn đúng; đó là vì công lực tu hành của quý vị chẳng đủ. Có khi hình tượng trên giấy có thể sanh ra xá-lợi. Công lực trọn đủ, giấy có thể sanh ra xá-lợi. Quý vị thấy trong Cảm Ứng Lục có chép [những câu chuyện như thế]: Từ kinh sách xuất hiện xá-lợi. Quốc sư Thanh Lương đọc kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm xuất hiện xá-lợi. Xá-lợi từ trong kinh sách rớt ra. Trong quá khứ, chuyện như vậy rất nhiều. Đấy đều là vì đạo đức cảm ứng gia trì, hoàn toàn chẳng có gì đáng ngạc nhiên! Nếu quý vị tu, cũng có thể đạt được!

Có khi trong Đại Tạng Kinh, mở Tạng Kinh ra tụng, sẽ sanh ra xá-lợi. Xá-lợi từ chỗ nào trong Tạng Kinh xuất hiện? Đó là do thiện thần hộ pháp cúng dường. Do vậy, tùy thuộc người tu đạo dùng tâm tình như thế nào để làm chuyện ấy. Công đức ấy là do tâm quý vị mà quyết định, chẳng phải là do hành vi đã làm mà quyết định. Quý vị phải hiểu đạo lý này. Sau khi đã biết, lúc quý vị tụng kinh, học pháp, nghe pháp, tâm quý

⁸³ Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Quảng Luận (Lamrim Chenmo) do sáng tổ của Cách Lỗ Phái (Gelugpa) của Tây Tạng là Tông Khách Ba (Tsongkhapa) biên soạn vào năm 1405, dựa theo phần biên định về thứ tự của các quả vị chứng đạo trong bộ Bồ Đề Đạo Đẳng Luận của tôn giả A ĐỂ HẠP (Atisha) người Ấn biên soạn. Ngài Tông Khách Ba đã phân định các kinh luận dựa trên các căn cơ (hạ sĩ, trung sĩ, thượng sĩ) và Chỉ Quán Luận để phân định các địa vị. Tác phẩm này đã được trưởng lão Pháp Tôn dịch sang tiếng Hán vào năm 1931.

vị sẽ có một loại cảm ứng, hoàn toàn chẳng phải là bên ngoài hiện tượng chi đó! Dầu phóng quang, cũng đừng coi đó là thật. Chỉ cần trong tâm quý vị đoạn phiền não thì mới là thật. Tâm chẳng phiền não, thường gìn giữ sự vui sướng thanh tịnh. Đó là thật, đấy là Pháp Thân của chính quý vị hiện hiện. Các hiện tượng được thấy từ bên ngoài đều là của người khác, chẳng phải là của quý vị. Cái thật sự của quý vị là trong tâm thanh lương, vĩnh viễn chẳng có nhiệt não. Người ta đánh, chửi, vũ nhục quý vị, quý vị đều [cảm thấy] tốt lắm, tiêu nghiệp chướng của ta. Giống như kinh Kim Cang đã dạy: Bị kẻ khác khinh mạn, vũ nhục, tức là trong đời trước quý vị đã tạo tội nghiệp đáng đọa địa ngục thọ báo, nay [do bị khinh mạn, vũ nhục, cho nên] vẫn chưa phải hứng chịu, tội nặng mà chịu báo nhẹ, quý vị đã chiếm tiện nghi to lớn!

Nếu ai chửi bới, quý vị nói “A Di Đà Phật”; khi ấy, quý vị niệm như vậy là thích đáng. Hoàn toàn chẳng phải là như khi gọi điện thoại, người ta hỏi quý vị: “Ai đó?”, bèn đáp: “A Di Đà Phật!” Vậy là không được rồi, quý vị đâu có phải là A Di Đà Phật! Người ta hỏi quý vị là ai cơ mà! Hiện thời, khi gọi điện thoại thường xuyên có [tình huống] như khi được hỏi: “Vị nào vậy?” [Người gọi trả lời]: “A Di Đà Phật!” Tôi nói: “Quý vị là A Di Đà Phật à?” Chúng tôi có nhiều đệ tử, hễ gọi điện thoại muốn nói chuyện với tôi, tôi vừa hỏi: “Vị nào vậy?” [Nghe đáp] “A Di Đà Phật”, tôi tưởng A Di Đà Phật gọi điện thoại cho tôi chứ! Có người cho rằng: “Nói năng trả lời đều niệm A Di Đà Phật thì dường như ta rất dụng công, chỗ nào cũng đều chẳng lìa khỏi A Di Đà Phật”. Thật ra, chẳng biết cái tâm đã chạy đến đâu mất rồi! Vì thế, pháp này phải khéo dùng, phải khéo dụng tâm!

Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta: Người có trí huệ khéo dùng cái tâm, đừng dùng sai chỗ! Dùng sai chỗ, không chỉ chẳng có lợi, mà còn hỏng bét! Người khác nghe thấy, sẽ rất khinh miệt, phải hiểu đạo lý này! Nói chúng ta không cần niệm kinh, lạy Phật, mà cứ mong cầu cảm ứng chi đó, [chẳng hạn như] hiện quang minh, bắc đèn hiện hoa, các chuyện ấy chẳng thấy đem lại cho quý vị lợi lạc chi cả! Chỉ là khiến cho quý vị tăng thêm tín tâm, khiến cho tín tâm của quý vị tốt hơn một chút, chứ quý vị chẳng đạt được lợi ích thật sự chi hết! Lợi ích thực tế là gì? Vào lúc đáng nầy sanh phiền não, sẽ chẳng có phiền não! Đối với người khác, đấy là phiền não không ngăn, còn nơi quý vị sẽ là hoan hỷ, chẳng sầu não, sống lâu hơn một chút, bệnh tật cũng ít hơn!

Do vậy, hễ có bệnh thì vẫn phải trị. Đức Phật cũng nói đến chuyện chữa bệnh, nhưng quý vị phải biết nguyên nhân gây ra bệnh. Cái nhân

quý vị đã tạo trong quá khứ, chỉ trông cậy vào y dược của thế gian sẽ chẳng đủ, quý vị phải trả nợ mà! Y dược thế gian chẳng thể bệnh gì cũng đều chữa được! Quý vị muốn uống thứ gì tốt một chút để kéo dài mạng sống ư? Tôi thấy trong quá khứ, đê vương, quan lại, người nào chẳng có tiền? Có hoàng đế nào chẳng ăn ngon? Họ có thể kéo dài thọ mạng hay không? Chẳng thể! Quý vị tích phước, hành nhiều thiện sự hơn, phóng sanh nhiều hơn, đừng giết kẻ khác, tự nhiên là người khác chẳng giết hại quý vị. Quý vị chẳng thương tổn người khác, người khác sẽ chẳng thương tổn quý vị. Nhưng quý vị chỗ nào cũng thương tổn kẻ khác, tự nhiên phải mắc báo ứng. Người lành và kẻ ác phân biệt ở chỗ này. Phải thật sự hộ trì Phật pháp, thường khiến cho Tam Bảo hưng thịnh, giống như hộ trì con mắt của chúng sanh vậy. Đó gọi là “*pháp nhĩn*”, khiến cho nó chẳng bị diệt mất. Sau khi chẳng bị diệt mất, hết thấy chúng sanh còn có pháp để học. Sau khi đã học, họ sẽ có thể ngộ đạo.

“Nhu thị chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, do cù như thị công đức cố, danh bất hư thọ quốc nhân bổng lộc” (Chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn như thế, do trọn đủ công đức như thế, được gọi là “chẳng luống hưởng bổng lộc của dân chúng”): Sát-đế-lợi vương chính là [tượng trưng cho toàn thể] quốc gia, nhân dân cả nước cung kính ông ta. Các vị đại thần ấy “*nhất thiết thiên, long, Dược Xoa quý thần*” (hết thấy trời, rồng, Dược Xoa, quý thần), “*nãi chí Yết Trá Bồ Đát Na*” (cho đến Yết Trá Bồ Đát Na), “*thân*” là thân vương. Các vị thần vương ấy đều sanh lòng hoan hỷ, ngay cả các ác quỷ vương đều sanh hoan hỷ. “*Từ bi ủng hộ nhất thiết pháp khí, chân thật phước điền diệc sanh hoan hỷ, từ bi hộ niệm*” (Từ bi ủng hộ hết thấy pháp khí, ruộng phước chân thật, cũng sanh hoan hỷ, từ bi hộ niệm).

(Kinh) Do thị nhân duyên, sở cư quốc độ, cập chư hữu tình, triển chuyển xí thịnh, an ổn phong lạc. Lân quốc binh qua bất năng xâm hại, giai kính mộ đức, tự lai quy phụ. Do thử triển chuyển khuyến tu thiện nghiệp, khô kiệt ác thú, tăng trưởng thiên nhân, thủ hộ thân mạng, linh đắc trường viễn, tự diệt phiền não, diệc linh tha diệt, trụ trì Bồ Đề đạo, Lục Ba La Mật Đa, phá hoại nhất thiết chúng tà ác đạo. Ư sanh tử hải, bất cứu trầm luân, thường ly ác hữu, thường cận thiện hữu, sanh sanh thường ngộ chư Phật, Bồ Tát, cung kính thừa sự, tăng vô tam phế. Bất cứu giai đương tùy tâm sở nạo, các các an trụ ư Phật quốc độ, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

(經)由是因緣，所居國土及諸有情，展轉熾盛，安隱豐樂。鄰國兵戈不能侵害，皆敬慕德，自來歸附。由此展轉勸修善業，枯竭惡趣，增長天人，守護身命，令得長遠，自滅煩惱，亦令他滅，住持菩提道、六波羅蜜多，破壞一切眾邪惡道。於生死海，不久沉淪，常離惡友，常近善友，生生常遇諸佛菩薩，恭敬承事，曾無暫廢。不久皆當隨心所樂，各各安住於佛國土，證得無上正等菩提」。

(Kinh: Do nhân duyên ấy, quốc độ đang ở và các hữu tình lần lượt hưng thịnh, an ổn, giàu vui. Các nước lân cận chẳng dấy binh xâm lấn, đều kính yêu, hâm mộ đức, tự đến quy phục, xin phụ thuộc. Do vậy, lần lượt khuyến tu thiện nghiệp, khô cạn đường ác, tăng trưởng trời, người, thủ hộ thân mạng khiến cho dài lâu, tự diệt phiền não, cũng diệt [phiền não] cho người khác, trụ trì Bồ Đề đạo, Lục Ba La Mật Đa, phá hoại hết thảy các tà ác đạo, chẳng còn trầm luân lâu dài trong biển sanh tử, thường lià bạn ác, thường gần bạn lành, đời đời thường gặp chư Phật, Bồ Tát, cung kính thừa sự, chưa từng tạm bỏ. Chẳng lâu sau, sẽ đều thuận theo lòng muốn, ai nấy đều an trụ trong Phật quốc độ, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề).

Quốc gia ấy hết sức an định, cuộc sống hết sức vui sướng. “An ổn phong lạc” (An ổn, giàu có, vui sướng): Thậm chí các nước láng giềng đều chẳng thể xâm lấn. Binh lực [của họ] “bất năng xâm hại, giai kính mộ đức” (chẳng thể xâm lăng, gây hại, đều kính mộ đức), cung kính quốc gia ấy, tán thán đức hạnh của quốc gia ấy. Họ tự nhiên quy thuận quý vị. Quý vị chẳng cần phải tranh đoạt, chẳng cần phải thảo phạt. Chỉ cần là bậc có đức, người khác đều cung kính quý vị. Quý vị dùng bạo lực mong hàng phục người khác. Hôm nay họ khuất phục, ngày mai họ lại chẳng phục, lại làm phản!

Đời Đường, thực lực quốc gia cường thịnh, đời đời các nước chung quanh, chẳng hạn như đối với dân tộc Thổ Phồn⁸⁴. Dân Thổ Phồn

⁸⁴ Thổ Phồn (吐蕃, Bod chenpo, còn đọc là Thổ Phiên) là danh xưng người Hán gọi một vương quốc cổ trên đất Tây Tạng tồn tại từ thế kỷ thứ 7 cho đến thứ 9, có địa

cũng là người Tây Tạng, từ Thanh Hải cho đến Tây Tạng, chinh chiến nhiều năm, từ đời Đường mãi cho đến đời Thanh. Thời thịnh trị dưới đời hoàng đế Càn Long nhà Thanh, chiến tranh lớn nhỏ đã chết rất nhiều người. Từ nội địa [Trung Hoa], phát binh đánh sang Tây Khang, cho đến chỗ giáp ranh với Tây Tạng, tức vùng Đại Kim Xuyên và Tiểu Kim Xuyên, những nơi ấy gặp tai họa chiến tranh từ năm này qua tháng khác. Đây là thời thịnh trị Càn Long đấy nhé. Nếu chẳng phải là đời thịnh trị, chiến tranh lại càng chẳng cần phải nói nữa, xâm hại lẫn nhau. Hễ nơi nào có chiến tranh, nơi đó sẽ có tai dịch lưu hành, tức là chỗ ôn dịch lây lan, gió trái mùa, thủy tai vì nước dâng không đúng thời, hỏa tai do lửa cháy đột ngột, chẳng nên cháy mà cứ cháy. Đây là Tứ Đại Chung tứ giới xâm hại, do chẳng làm chuyện lành. Đó là quả báo.

Nhưng trong thời Mạt Pháp, các hiện tượng [thịnh trị] ấy chẳng thể nào có! Vì sao chẳng thể có? Do lòng người chẳng có khả năng [tạo nên những hiện tượng thịnh trị được]. Nếu lòng người có khả năng thì sẽ là Chánh Pháp, chẳng gọi là Mạt Pháp. Nhưng chúng ta chẳng thể đòi hỏi toàn thể đều như vậy, cốt sao mỗi cá nhân chúng ta đều nên tạo khả năng. Nếu tâm quý vị thuần hành Thập Thiện Nghiệp, Chánh Pháp sẽ trụ thế, ta duy trì Phật pháp trong cõi đời, tuyên dương Phật pháp, hành Thập Thiện Nghiệp, chẳng nã hại bất cứ ai, mà bất cứ ai cũng chẳng

bàn bao gồm vùng đất trũng Tháp Lý Mộc (Tarim), cao nguyên Tây Tạng, và một phần Bengal, kể cả tỉnh Cam Túc, tỉnh Thanh Hải, vùng Khang Ba (tỉnh Tứ Xuyên) và một phần tỉnh Vân Nam của Trung Hoa. Vương triều này được thành lập bởi Namri Songtsen từ đời Tùy, nhưng người đưa vương triều này đến mức cường thịnh nhất là Songtsen Gampo (con trai của Namri Songtsen, sử Trung Hoa gọi ông là Tùng Tấn Can Bố). Thổ Phồn trở thành một mối đe dọa nơi biên giới phía Tây cho nhà Đường, nhất là sau khi Songtsen Gampo đánh bại và sát nhập vương quốc Thổ Dục Hồn (Tuyhuhun) vào Thổ Phồn. Đường Thái Tông đã gả công chúa Văn Thành cho Songtsen Gampo. Theo truyền thuyết, công chúa đã đem Phật giáo vào Tây Tạng. Người Tây Tạng coi nhà vua là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, công chúa Văn Thành (Mungchang Kungco trong tiếng Tây Tạng) được coi là hóa thân của Tara Bồ Tát (Độ Mẫu). Vương triều suy vong khi vua Tritsu Detsen (Ralpacan) bị ám sát bởi hai viên quan theo đạo Bön (tôn giáo bản địa của Tây Tạng, người Hoa gọi là Bồng giáo, hoặc Bàn giáo), và anh của nhà vua là Langdarma (một người chống đạo Phật) lên ngôi. Langdarma bách hại đạo Phật, tàn phá chùa chiền, cuối cùng bị một tu sĩ Phật giáo ám sát. Các thủ lĩnh địa phương nổi lên tranh giành quyền lực, khiến vương triều suy vong và sụp đổ, Tây Tạng rơi vào cảnh nội chiến triền miên cho đến khi nhà Nguyên xâm lược, biến Tây Tạng thành phiên quốc của Trung Hoa, mãi cho đến khi Tai Situ Changchub Gyatsen đánh bại quân Mông Cổ, lập ra vương triều Phagmodrupa.

não hại ta. Ta không báo thù, chỉ đòi hỏi chính mình, như vậy thì sẽ là hành Bồ Đề đạo, Phật pháp sẽ trụ thế lâu dài, Bồ Đề đạo cũng trụ thế. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiền Định, Bát Nhã, Lục Ba La Mật đều trụ thế lâu dài. “*Phá hoại nhất thiết chúng tà ác đạo, u sanh tử hải bất cứu trầm luân*” (Phá hoại hết thảy các tà ác đạo, chẳng còn trầm luân dài lâu trong biển sanh tử): Sẽ chẳng có biển sanh tử, nó chẳng tồn tại, mà trầm luân cũng chẳng có!

“*Thường ly ác hữu, thường cận thiện hữu, sanh sanh thường ngộ chư Phật, Bồ Tát*” (Thường lìa bạn ác, thường gần bạn lành. Đòi đòi thường gặp chư Phật, Bồ Tát): Mọi người đừng cho rằng triều bái Ngũ Đài Sơn là gieo đại thiện căn chẳng thể nghĩ bàn, [cho nên người sống tại Ngũ Đài Sơn đều là thiện nhân]! Quý vị triều bái Ngũ Đài Sơn là đã gieo đại thiện căn, nhưng người sanh trưởng tại Ngũ Đài Sơn chẳng gieo thiện căn. “*Danh sơn đê hạ vô thiện nhân*”, [nghĩa là] “*kẻ sống nơi ngọn núi nổi tiếng chẳng có người lành*”! Sau khi [Đại Lục] thực hiện chánh sách khoan dung tôn giáo, tôi dẫn các học tăng từ Trung Quốc Phật Học Viện, hơn hai mươi học tăng triều bái Ngũ Đài Sơn, đứng vào lúc tiết trời rất nóng. Ngũ Đài Sơn thuộc Đài Hoài Trấn, [trần ấy] cũng là trung tâm của vùng Ngũ Đài. Mỗi năm đến tháng Bảy, nơi ấy có đại hội lừa ngựa. Lừa ngựa trong phạm vi từ mười đến hai mươi huyện chung quanh đều đưa tới bán tại Đài Hoài Trấn. Lúc đó, chúng tôi muốn đến đó để quét dọn tháp của Năng Hải Thượng Sư⁸⁵, muốn trèo lên Đại Loa Đảnh

⁸⁵ Năng Hải thượng sư (1886-1967) là một vị danh Tăng ở Trung Hoa chủ trương phục hồi Mật Tông theo truyền thống Hán truyền Phật giáo. Sư xuất thân trong một gia đình nghèo tại Miên Trúc (tỉnh Tứ Xuyên), cha mẹ mất sớm. Sư vào học viện quân sự và trở thành sĩ quan huấn luyện tại trường võ bị Vân Nam. Mãi cho đến năm 1924, Sư mới thỏa nguyện xuất gia thuộc thế hệ 44 dòng Lâm Tế. Do tinh tấn tu hành, Sư được đặc cách thọ Cụ Túc Giới vào năm 1925 do lão hòa thượng Thích Quán Nhất chùa Bảo Quang (thành phố Thành Đô) làm đàn đầu. Cùng năm ấy, Sư theo pháp sư Đại Dũng từ Tứ Xuyên sang Tây Tạng học Phật. Suốt từ năm 1928 đến năm 1940, Sư nhiều lần sang Tây Tạng học Mật pháp, y chỉ Khang Tát thượng sư (Khangsar Rinpoche), được truyền pháp, trở thành đích tử đời thứ 28 của Cách Lỗ phái (Gelugpa). Sau khi học thành tài, Sư trở về Thành Đô, lập chùa Cận Từ chuyên môn phiên dịch và xuất bản kinh Phật, bồi dưỡng nhiều đệ tử, được tôn xưng mỹ hiệu là “*Tông Khách Ba tái sanh*”. Sau khi Trung Cộng thành lập, Sư bị ép buộc phải đảm nhiệm chức vụ phó hội trưởng hội Phật Giáo Trung Quốc, đại biểu Quốc Hội, và ủy viên ủy ban hành chánh tỉnh Sơn Tây. Năm 1966, Mao Trạch Đông triển khai Cách Mạng Văn Hóa. Khi ấy, Sư đang ở động Thiện Tài thuộc Ngũ Đài Sơn. Sư bị Hồng Vệ Binh quy kết tội danh gieo rắc tư tưởng phản động và chủ nghĩa xét lại,

thì chỗ ấy toàn là lừa với ngựa, chẳng có lợn! Các học tăng hỏi tôi: “Thưa lão pháp sư! Vì sao Ngũ Đài Sơn có lắm lừa và ngựa như vậy?” Tôi nói: “Quý vị phải chú ý. Nếu tu hành không tốt, quý vị thác sanh, có thể chẳng thành người, mà sẽ thành lừa, ngựa”. Tôi nói: “Những con lừa, ngựa ở Ngũ Đài Sơn chính là người dân sống quanh Ngũ Đài Sơn. Những người dân ấy chuyên môn ăn cắp đồ của hòa thượng, trộm cắp những vật trong chùa miếu. Thậm chí đá trong chùa cũng bị họ khiêng đi. Quý vị nói xem, có phải là ác hay không?” Có phải là người ở núi Phổ Đà, người ở tại núi Nga Mi đều hành thiện sự hay không? Chẳng thể nào! Vì sao? Các vị tự mình đoán thử xem, hoặc tự tham cứu, suy ngẫm, sẽ biết ngay!

Nếu có thể thường xuyên “ngộ đáo chư Phật, Bồ Tát cung kính, thừa sự, tặng vô tam phế” (gặp chư Phật, Bồ Tát bèn cung kính, thừa sự, chưa từng tam lợi là): Dầu trong một khoảng thời gian ngắn ngủi cũng chẳng phế xả, sẽ là “tùy tâm sở nhạo” (tùy lòng ưa thích), quý vị muốn sanh về thế giới Cực Lạc cũng thế, mà sanh lên trời cũng thế, vĩnh viễn sanh trong thiện đạo, hoặc là [sanh về] thế giới của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, tùy tiện mong đến nơi nào, “các các an trụ ở Phật quốc độ” (ai nấy đều an trụ trong quốc độ của Phật), là Phật quốc độ thanh tịnh. Phật quốc độ thanh tịnh của mười phương vô lượng chư Phật quý vị đều đến được. Đã tới Phật quốc độ thanh tịnh, còn chẳng thành Phật ư? Thành tựu ngay trong một đời! Trong thế giới Cực Lạc, chẳng còn thọ sanh luân chuyển nữa. Dầu thời gian dài đến mấy đi nữa, vẫn đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề rốt ráo!

(Kinh) Nhĩ thời, chúng trung nhất thiết thiên đế, cập chư quyền thuộc, nãi chí nhất thiết Tất Xá Giá đế, cập chư quyền thuộc, tùng tòa

mê hoặc quần chúng, cũng như một loạt tội danh chống phá chính quyền. Sư bị Hồng Vệ Binh lăng nhục, tra tấn tàn bạo, nhưng vẫn kiên cường chịu đựng, chủ trương họ đang tiêu trừ nghiệp chướng cho Ngài. Toàn thể Tăng chúng trong chùa bị bắt hoàn tục, hoặc tập trung cải tạo tại chùa, nếu không chịu rời đi. Hằng ngày Tăng chúng bị cấm tụng niệm, phải học chính trị liên tục, khẩu phần ăn bị cắt giảm tàn nhẫn. Tối hôm 31 tháng Mười Hai năm 1966, Sư bảo các học trò đã đến lúc Ngài phải ra đi vì duyên hóa độ đã hết. Tối hôm đó, Sư bảo pháp sư Thành Tông xin cho Sư nghỉ học tập chính trị ngày mai vì thân thể không khỏe. Đến rạng sáng ngày 01 tháng Giêng năm 1967, pháp sư Thâm Đức vào liêu phòng của Ngài gọi Ngài dùng cháo sáng, thấy pháp sư đắp y, ngồi kiệt già, đã viên tịch từ lúc nào, thọ 81 tuổi. Di thể của Sư được an táng tại Thanh Lương Kiều ở Ngũ Đài Sơn. Mãi đến năm 1973, di thể của Ngài mới được đưa về chôn tại núi Bảo Tháp và lập tháp thờ.

nhi khởi, đánh lễ Phật túc, hiệp chưởng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ư vị lai thế, hậu ngũ bách tuế, ư thử Phật độ, pháp diệt thời, nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, ư thập ác luân, tự năng viễn ly, diệt năng khuyến tha linh kỳ viễn ly, thiện hộ tự tha, thiện hộ hậu thế, hộ trì chánh pháp, thiệu Tam Bảo chủng, giai linh xí thịnh, vô hữu đoạn tuyệt. Dĩ yếu ngôn chi, như Phật sở thuyết, như thị đẳng nhân, ư tam thừa pháp, cung kính thính thọ, chung bất ẩn tàng. Ư tam thừa nhân, hộ trì, cúng dường, bất linh nhiễu nã. Ư Tam Bảo vật, cần gia thủ hộ, bất linh xâm tổn. Ngã đẳng quyền thuộc, ư thử chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, cần gia ủng hộ, linh kỳ thập pháp, giai đắc tăng trưởng”.

(經)爾時，眾中一切天帝，及諸眷屬，乃至一切畢舍遮帝，及諸眷屬，從座而起，頂禮佛足，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！於未來世，後五百歲，於此佛土，法欲滅時，若有真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，於十惡輪，自能遠離，亦能勸他令其遠離，善護自他，善護後世，護持正法，紹三寶種，皆令熾盛，無有斷絕。以要言之，如佛所說，如是等人，於三乘法，恭敬聽受，終不隱藏。於三乘人，護持供養，不令擾惱。於三寶物，勤加守護，不令侵損。我等眷屬，於此真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，勤加擁護，令其十法，皆得增長。

(Kinh: Lúc bảy giờ, trong đại chúng, hết thấy thiên đế và các quyền thuộc, cho đến hết thấy Tất Xá Giá đế và các quyền thuộc, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, chắp tay, cung kính, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Trong đời mai sau, vào năm trăm năm cuối, trong cõi Phật này, khi pháp sắp diệt, nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... có thể tự xa lìa mười ác luân ấy, cũng có thể khuyến người khác khiến họ xa lìa, khéo hộ trì cả mình lẫn người, khéo hộ trì đời sau, hộ trì chánh pháp, nối tiếp chủng tánh Tam Bảo đều khiến cho hưng thịnh, chẳng bị đoạn tuyệt. Nói

tóm gọn là như lời đức Phật dạy, những người như thế đối với pháp tam thừa, cung kính nghe nhận, trọn chẳng ẩn giấu. Đối với người thuộc tam thừa, hộ trì, cúng dường, chẳng khiến cho họ bị quấy nhiễu, náo loạn. Đối với vật thuộc về Tam Bảo, càng thêm siêng năng thủ hộ, chẳng để bị xâm phạm, tổn hại. Chúng con và quyến thuộc đối với chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy, đều thêm siêng năng ủng hộ, khiến cho mười pháp ấy đều được tăng trưởng”).

“Tát Xá Giá đế” là vua quỷ hút máu, Tát Xá Giá (Pisāca) là một loài quỷ. “Cập chư quyến thuộc” (Và các quyến thuộc): Đây là Bồ Tát hóa hiện, đừng coi họ là quỷ. Nếu họ [thật sự] là quỷ, sẽ chẳng thể đến pháp hội này. Đó là Bồ Tát hóa hiện, thị hiện. Giống như chúng ta xem kinh Địa Tạng, thấy có rất nhiều quỷ vương. Những quỷ ấy cũng chẳng phải là bình phạm. Chẳng phải là quỷ vương Chủ Mạng sẽ thành Phật trong vị lai hay sao? Đức Phật thọ ký cho vị ấy, bảy mươi kiếp sau sẽ thành Phật. Đây là bậc đại Bồ Tát thị hiện. “Tùng tòa nhi khởi” (Từ chỗ ngồi đứng dậy), chẳng phải là một người, hay hai người. Chư thiên Đế Thích, thiên đế bao gồm rất nhiều, còn có nhiều quyến thuộc của họ, chữ “nãi chí” (cho đến) trong đoạn này diễn tả ý giản lược, [hàm nghĩa] còn có các quỷ vương thuộc tám bộ quỷ thần, còn có rất nhiều vị “đánh lễ Phật túc, hiệp chương, cung kính” (đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay, cung kính); đó là nghi thức lễ kính đức Phật.

“Nhi bạch Phật ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Ư vị lai thế, hậu ngũ bách tuế, ư thử Phật độ, pháp dục diệt thời, nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, ư thập ác luân, tự năng viễn ly, diệt năng khuyến tha linh kỳ viễn ly, thiện hộ tự tha, thiện hộ hậu thế, hộ trì chánh pháp, thiêu Tam Bảo chủng, giai linh xí thịnh, vô hữu đoạn tuyệt” (Bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Trong đời mai sau, vào năm trăm năm cuối, trong cõi Phật này, khi pháp sắp diệt, nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... có thể tự xa lìa mười ác luân ấy, cũng có thể khuyên người khác khiến họ xa lìa, khéo hộ trì cả mình lẫn người, khéo hộ trì đời sau, hộ trì chánh pháp, nối tiếp chủng tánh Tam Bảo đều khiến cho hưng thịnh, chẳng bị đoạn tuyệt”). Đoạn kinh văn này do mọi người cùng xưng nói, hướng về đức Phật bày tỏ. Họ nói trong thời Mạt Pháp, vào năm trăm năm cuối, Phật pháp sắp tiêu diệt, các quốc vương, Bà-la-môn ấy rời lìa mười ác luân, lại còn có thể khuyên người khác rời xa, khéo thủ hộ chính mình, khéo thủ hộ đời sau, hộ trì chánh pháp, có thể tiếp

nổi hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo, đều khiến cho hưng thịnh, chẳng bị đoạn tuyệt. “*Dĩ yếu ngôn chi, như Phật sở thuyết*” (Nói tóm lại, đúng như lời Phật dạy): Đoạn kinh văn này chẳng phải là hoàn toàn lặp lại lời đức Phật đã dạy, “*như thị đẳng nhân, u tam thừa pháp, cung kính thỉnh thọ, chung bất ẩn tàng, u tam thừa nhân, hộ trì cung kính, bất linh nhiễu nã*” (những người như thế đối với pháp tam thừa, cung kính nghe nhận, trọn chẳng ẩn giấu. Đối với người tam thừa, hộ trì cúng dường, chẳng khiến cho họ bị quấy nhiễu, nhiễu loạn), “*nhiễu*” (擾) là quấy rối, làm nhiễu hại.

“*U Tam Bảo vật, cần gia thủ hộ, bất linh xâm tổn. Ngã đẳng quyền thuộc, u thủ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, cần gia ủng hộ, linh kỳ thập pháp giai đắc tăng trưởng*” (Đối với vật dụng của Tam Bảo, càng thêm siêng thủ hộ, chẳng để bị xâm phạm, tổn hại. Chúng con và quyền thuộc đối với chân thiện Sát-đế-lợi vương ấy cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... càng thêm siêng năng ủng hộ, khiến cho mười pháp ấy đều được tăng trưởng). Đó là thiện thân hộ pháp. Chúng ta thường nói đến thiện thân hộ pháp, có bao nhiêu thiện thân hộ pháp? Cũng là số lượng chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị có điều thiện thì hai bên thân sẽ có thiện thân hộ pháp. Quý vị đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, mỗi giới có năm vị thiện thân hộ pháp. Quý vị phá một giới, sẽ mất đi năm vị. Năm giới đều phá, hai mươi lăm vị thiện thân hộ pháp ấy đều chẳng còn nữa. Do vậy, phải trì giới, trì giới thanh tịnh. Mỗi giới đều có năm vị thiện thân hộ pháp, chỉ cần quý vị phá một giới, sẽ chẳng còn nữa. Quý vị cũng chẳng thể trông thấy. Nếu quý vị đã phá một giới, sẽ cảm thấy áo não, cảm thấy rất không thoải mái, đó là vì thiện thân đã rời đi, ác thần bèn tìm đến!

Trong kinh Phật, Giới Kinh có nói: Thuở đó, tại Ấn Độ, đức Phật cho phép tỳ-kheo ăn thịt, nhưng tỏi, hẹ, hành, kiệu, hưng cừ, tức ngũ huân (五葷, năm thứ rau có mùi hôi nồng) đều chẳng thể ăn. Vì sau khi ăn, ban đêm khi ngủ, quỷ vương, ác thần sẽ tới ăn, chẳng phải là ăn thịt quý vị, mà là hít lấy hơi quý vị thở ra. Họ hút lấy hơi thở ấy, bèn no đủ, [khí phận của] quý vị sẽ ứng hợp với họ. Do vậy, đức Phật chẳng cho phép đệ tử ăn ngũ huân; những thứ đó mới gọi là ngũ huân. Chúng ta thường gọi ăn thịt là ngũ huân, chẳng phải vậy, đó gọi là Tinh (腥, tanh tưởi). Tinh chẳng phải là Huân, tỏi, hành... mới là Huân. Kế đó, nói tới mười pháp, khiến cho mười pháp đều được tăng trưởng. Mười pháp nào vậy?

(Kinh) Hà đẳng vi thập? Nhất giả, tăng trưởng thọ mạng. Nhị giả, tăng trưởng vô nạn. Tam giả, tăng trưởng vô bệnh. Tứ giả, tăng trưởng quyền thuộc. Ngũ giả, tăng trưởng tài bảo. Lục giả, tăng trưởng tư cụ. Thất giả, tăng trưởng tự tại. Bát giả, tăng trưởng danh xưng. Cửu giả, tăng trưởng thiện hữu. Thập giả, tăng trưởng trí huệ. Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, u thập ác luân, tự năng viễn ly, diệc năng khuyến tha linh kỳ viễn ly, cụ tiền sở thuyết chư công đức giả, ngã đẳng ủng hộ, định đương đắc thử thập pháp tăng trưởng.

(經)何等為十？一者、增長壽命。二者、增長無難。三者、增長無病。四者、增長眷屬。五者、增長財寶。六者、增長資具。七者、增長自在。八者、增長名稱。九者、增長善友。十者、增長智慧。大德世尊！若彼真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，於十惡輪，自能遠離，亦能勸他令其遠離，具前所說諸功德者，我等擁護，定當得此十法增長。

(Kinh: Những gì là mười? Một là tăng trưởng thọ mạng. Hai là tăng trưởng không nạn. Ba là tăng trưởng không bệnh. Bốn là tăng trưởng quyền thuộc. Năm là tăng trưởng của cải. Sáu là tăng trưởng vật dụng cần dùng. Bảy là tăng trưởng tự tại. Tám là tăng trưởng tiếng tăm. Chín là tăng trưởng bạn lành. Mười là tăng trưởng trí huệ. Đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy, đối với mười ác có thể tự xa lìa, cũng có thể khuyến người khác khiến cho xa lìa, sẽ trọn đủ các công đức như đã nói trên đây. Chúng con sẽ ủng hộ khiến cho người ấy nhất định đạt được mười pháp tăng trưởng ấy).

Những gì là mười? Một là tăng trưởng thọ mạng, tức trường thọ. Hai là tăng trưởng vô nạn, tai nạn gì cũng đều chẳng có. Tai nạn gì đến chỗ quý vị cũng đều hóa hiểm thành lành. Có khi ở Đài Loan, tôi gặp tai nạn xe cộ ở ngay trước mặt; ở trên đường, bất cứ lúc nào cũng đều có thể thấy. Đụng xe, tôi nghĩ chỉ sai lệch một vài giây. Người đó lái mau hơn

một chút sẽ vượt qua, hoặc chậm một chút, cũng chẳng va chạm. Họ chẳng mau, chẳng chậm, vừa đúng lúc đúng phải. Đó gọi là nghiệp. Đây là sự thật. Quý vị chẳng có cái nghiệp ấy, thọ mạng của quý vị dài lâu, tăng trưởng vô nạn, tăng trưởng vô bệnh. Chúng ta phát Bồ Đề tâm, còn có cái tâm tăng trưởng, thiện căn lúc nào cũng đều tăng trưởng, nghiệp chướng sẽ tùy thời mà biến mất. Thọ mạng của quý vị có phải là cố định hay không? Vẫn chẳng phải là cố định! Nếu quý vị làm như thế (tức là không hành mười ác luân), sẽ tăng trưởng thọ mạng. Thọ mạng của một người vốn là sáu mươi tuổi, nay chúng ta có thể tăng trưởng đến một trăm tuổi. Như vậy là “*tăng trưởng thọ mạng, tăng trưởng vô nạn, tăng trưởng vô bệnh, tăng trưởng quyền thuộc*”. Không chỉ bản thân quý vị cát tường, mà người cùng ở với quý vị sẽ đều cát tường. Họ mong thân cận quý vị, mong theo quý vị. Còn “*tăng trưởng tài bảo, tăng trưởng tự cụ, tăng trưởng tự tại*” (tăng trưởng của cải, tăng trưởng các vật dụng cần dùng, tăng trưởng tự tại), các điều này chẳng dễ dàng. Tăng trưởng tự tại là cuộc sống rất thoải mái, không phiền, không náo, thông dong, nhàn hạ, chẳng có gì nhiễu loạn quý vị. Làm chuyện gì cũng đều có cảm giác tự tại.

“*Tăng trưởng danh xưng*” (Tăng trưởng tiếng tăm), thanh danh chính là “*danh*” trong câu này. Người hiện thời chẳng phải là háo danh hay sao? Cái danh ấy chẳng phải do quý vị cầu được. Nếu quý vị làm chuyện tốt, tiếng lành sẽ lan xa. Giống như danh xưng của Thích Ca Mâu Ni Phật, mười phương pháp giới chư Phật đều biết. A Di Đà Phật, các cõi Phật đều biết. Không chỉ riêng thế giới này của chúng ta muốn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trong mười phương thế giới, người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ rất nhiều, đến đó để tham học. Hãy nên biết, họ đến thế giới Cực Lạc để tham học. Chúng sanh trong thế giới Cực Lạc muốn đến chỗ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Bất Động Như Lai, hoặc tới các nơi để tham học [rất dễ dàng]. Bởi lẽ, các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc và đại chúng trong Liên Trì Hải Hội mỗi sáng sớm thức dậy, vào lúc ăn sáng, họ đến mười ức cõi Phật trong mười phương để cúng dường, xong xuôi quay về, vẫn chưa ăn sáng. Quý vị có thể tham cứu điều đó có nghĩa là gì?

“*Tăng trưởng thiện hữu*” (Tăng trưởng bạn lành): Người tốt muốn thân cận quý vị, người xấu đều lìa khỏi. Đó là “*phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp tương tự được gom thành nhóm, mọi sự vật tùy theo đặc tánh mà chia thành từng loại riêng), bao hàm ý nghĩa ấy. Cuối cùng là “*tăng trưởng trí huệ*”, sẽ tăng trưởng trí huệ Bát Nhã.

“*Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, ư thập ác luân, tự năng viễn ly, diệc năng khuyến tha linh kỳ viễn ly, cụ tiền sở thuyết chư công đức giả, ngã đẳng ủng hộ*” (Bach Đại đức Thế Tôn! Nếu các chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy có thể tự xa lìa mười ác luân, mà cũng có thể khuyến người khác xa lìa, sẽ trọn đủ các công đức như đã nói trên đây, chúng con sẽ ủng hộ). Đối với mười loại vừa nói trên đây, chúng con đều ủng hộ, khiến cho họ trường thọ, cho đến tăng trưởng trí huệ, khiến cho họ có trí huệ. “*Định đương đắc thử thập pháp tăng trưởng*” (Nhất định sẽ đều đắc mười pháp tăng trưởng ấy): Chúng con hộ trì người ấy, khiến cho mười pháp ấy tăng trưởng nơi người ấy!

(Kinh) Phục thứ, Thế Tôn! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, thành tựu như tiền sở thuyết công đức, ngã đẳng quyên thuộc cần gia ủng hộ, linh ư thập pháp giai đắc viễn ly. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, viễn ly nhất thiết oán gia khẩu dịch. Nhị giả, viễn ly nhất thiết phi ái sắc, thanh, hương, vị, xúc cảnh. Tam giả, viễn ly nhất thiết chương lệ tật bệnh. Tứ giả, viễn ly nhất thiết tà chấp ác kiến. Ngũ giả, viễn ly nhất thiết tà vọng quy y. Lục giả, viễn ly nhất thiết tà ác tai quái. Thất giả, viễn ly nhất thiết tà ác sự nghiệp. Bát giả, viễn ly nhất thiết tà ác tri thức. Cửu giả, viễn ly nhất thiết tại gia ứ nê. Thập giả, viễn ly nhất thiết phi thời yếu táng. Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, thành tiền sở thuyết chư công đức giả, ngã đẳng ủng hộ, định đương đắc thử thập pháp viễn ly.

(經)復次，世尊！若有真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，成就如前所說功德，我等眷屬勤加擁護，令於十法皆得遠離。何等為十？一者、遠離一切怨家寇敵。二者、遠離一切非愛色聲香味觸境。三者、遠離一切障癘疾病。四者、遠離一切邪執惡見。五者、遠離一切邪妄歸依。六者、遠離一切邪惡災怪。七者、遠離一切邪惡事業。八者、遠離一切邪惡知識。九者、遠離一切居家淤泥。十者、

遠離一切非時天喪。大德世尊！若彼真善刹帝利王，乃至真善婆羅門等，成前所說諸功德者，我等擁護，定當得此十法遠離。

(Kinh: Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn thành tựu các công đức như đã nói trên đây, quyền thuộc chúng con sẽ càng siêng năng ủng hộ, khiến cho họ đều được xa lìa mười pháp. Những gì là mười? Một là xa lìa hết thấy oán gia, giặc cướp, đối địch. Hai là xa lìa hết thấy cảnh “sắc, thanh, hương, vị, xúc” chẳng đáng yêu mến. Ba là xa lìa hết thấy tai chướng, dịch lệ, bệnh tật. Bốn là xa lìa hết thấy tà chấp, ác kiến. Năm là xa lìa hết thấy quy y tà vạy, hư vọng. Sáu là xa lìa hết thấy tà ác tai quái. Bảy là xa lìa hết thấy sự nghiệp tà ác. Tám là xa lìa hết thấy tri thức tà ác. Chín là xa lìa hết thấy bùn lầy tại gia. Mười là xa lìa hết thấy chết yểu chẳng đúng thời. Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy thành tựu các công đức như đã nói trên đây, chúng con sẽ ủng hộ, nhất định khiến cho họ sẽ được xa lìa mười pháp ấy).

Ngoài tăng trưởng mười pháp ra, còn có mười pháp sẽ xa lìa. “Viễn ly nhất thiết oán gia khẩu địch” (Xa lìa hết thấy oán gia, giặc cướp, địch nhân): Địch nhân và những kẻ phản đối quý vị sẽ đều xa lìa, cho đến cường đạo như tôi vừa mới nói cũng sẽ xa lìa. “Viễn ly nhất thiết phi ái sắc thanh hương vị xúc cảnh” (Xa lìa hết thấy những cảnh “sắc, thanh, hương, vị, xúc” chẳng đáng yêu mến): Các thứ cảnh “sắc, thanh, hương, vị, xúc” quý vị không ưa thích đều chẳng hiện tiền, những gì quý vị yêu thích mới hiện tiền. “Phi ái” nghĩa là quý vị chẳng ưa thích. Cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc không ưa thích đều chẳng thể hiện tiền. Mắt quý vị cũng chẳng trông thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, chẳng dính dáng lục căn của quý vị. Đây là thân hộ pháp tránh cho quý vị.

“Tam giả, viễn ly nhất thiết chướng lệ tật bệnh” (Ba là xa lìa hết thấy tai chướng, dịch lệ, bệnh tật): Bệnh truyền nhiễm vô hiệu đối với quý vị. Dầu bệnh gì được coi là rất nguy hại, quý vị cũng chẳng cần sợ hãi. Chẳng phải là tôi đã từng nói với mọi người hay sao: Bệnh phong cùi [khiến cho bệnh nhân] rụng sạch lông mày, cái tâm sẽ dần dần phát điên. Sau đó, còn cắn ngón tay của chính mình, cứ một mực cắn mãi. Tại Tây Tạng, nếu gặp phải bệnh nhân thuộc loại này, bèn đưa họ lên đỉnh

núi cao, dùng đá làm nhà cho họ ở, người trong nhà khi đưa cơm cho họ, đều cách rất xa, kêu họ tự tới lấy, mãi cho đến khi họ chết mới thôi!

Tại Đại Lục, cũng có người mắc bệnh phong cùi ấy, bị cách ly khỏi mọi người. Căn bệnh này rất nguy hại. Nhà thờ nước Pháp chuyên thu thập bệnh nhân phong cùi, tinh thần của đạo Thiên Chúa chẳng thể nghĩ bàn! Tôi rất tán thán họ. Mấy cô y tá và bác sĩ, chẳng có ai sống sót trở về. Họ vào trong đó, tối đa là năm năm, tối thiểu là ba năm, hoặc trễ hơn một chút, nhất định sẽ bị lây bệnh. Bọn họ sống ở đó để trị liệu bệnh nhân, trừ bớt nỗi khổ nạn của họ. Khi tôi ở trong tù, họ bắt một người như thế, sáu mươi mấy tuổi rồi. Khi đưa đến mới biết người ấy mắc bệnh phong cùi, liền giam riêng một phòng, cách ly với chúng tôi. Cần có người đưa cơm cho kẻ ấy, ai cũng chẳng muốn đi. Tôi nói: “Tôi đi là được rồi!” Làm chuyện ấy rất tốt, tôi cũng chẳng cần phải lao động, chuyện gì cũng không làm. Hằng ngày đưa cơm cho người ấy, khi đó, còn dứt cơm cho người ấy. Về sau, người ấy toàn thân rữa nát, hỏi người ấy có đau khổ hay không? Người ấy cũng chẳng biết, lắc đầu tỏ vẻ không biết, toàn thân đã hư nát rồi. Tôi từ căn phòng ấy đi ra, người khác cũng chẳng ở chung với tôi, tôi ở riêng một buồng giam.

Sau đó, có rất nhiều bác sĩ khám nghiệm, nói tôi chẳng bị lây bệnh. Sau đấy, họ lại ở chung với tôi. Quá thật, sau này tôi không bị bệnh. Căn bệnh ấy chẳng lây cho tôi, chính mình có tín tâm. Nhưng khi đó vì sao tôi làm như vậy? Tôi cũng mong chết. Chết kiểu đó cũng rất tốt, thối rữa mà chết, tiêu tai miễn nạn! Nhưng tôi không chết được, đại khái là để đợi cho đến hiện thời, tôi và mọi người cùng nhau học tập. Có rất nhiều chuyện chẳng thể nghĩ bàn, vì lúc ấy bệnh truyền nhiễm hết sức dữ dội. Nhưng còn có nghiệp gì? Tà tri, ác kiến, chúng ta vẫn còn có, cũng chớ nên cho rằng chúng ta đã tin Phật thì một chút tà kiến cũng chẳng còn! Tôi thấy mỗi người [đều có tà kiến] hoặc nhiều, hoặc ít. Chánh kiến nhiều hơn, tà kiến sẽ ít đi, vì chánh kiến khắc phục tà kiến. Chúng ta nhìn vấn đề, suy nghĩ sự việc, có rất nhiều chỗ chẳng đúng, chẳng chánh xác; ngàn vạn lần chớ nên kiêu ngạo, tự mãn. Chúng ta học quá ít, biết quá ít, lại còn dẫu biết mà chẳng thể làm, chẳng thể chuyển biến cái tâm của chính mình.

Tham, sân, si, chúng ta đều biết là độc, có ai chẳng nổi giận? Chúng ta là đệ tử đức Phật, kẻ chẳng tin Phật thì không nói, có ai chẳng dấy lên lòng tham? Lòng tham bao gồm rất nhiều thứ, kể cả khi chúng ta học thiện pháp. Chẳng hạn như chúng ta trì bảy biến chú Đại Bi, bảy biến chẳng thành, bèn niệm một trăm lẻ tám biến. Đây chẳng phải là

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

tham ư? Nhưng do nó thuận theo thiện tâm sở, chẳng thể xếp vào tham, nhưng trong hàm nghĩa thì có. Nếu quý vị niệm một lượt, chân thành, cũng là công đức vô lượng. Một trăm lễ tám biến diệt sạch vọng tưởng, vẫn chẳng tốt bằng một biến, có hàm nghĩa này, tức là nói quý vị phải thành tâm một lần, có tín tâm thật sự.

“*Đệ tứ, viễn ly nhất thiết tà chấp ác kiến*” (Thứ tư là xa lìa hết thảy chấp trước tà vạy và ác kiến): Có lúc nào chẳng thiện thuận, chẳng điều nhu như thế. Nghe kẻ khác nói bèn chẳng tiếp nhận: “Tao học điều này rất khá, bọn mày học chẳng ra cái quái gì!” Những điều đó đều thuộc về tà kiến! Kinh văn trong bộ kinh này đã dạy: Quý vị nghe pháp Thanh Văn Thừa, nếu báng pháp Độc Giác Thừa, nếu báng pháp Đại Thừa, sẽ là tà kiến. Học pháp Đại Thừa, nếu bài xích pháp Thanh Văn, bài xích pháp Độc Giác, sẽ là tà kiến. Chánh và tà chỉ trong vòng một niệm! Cho nên chúng ta hãy cố dịp bèn sám hối cho nhiều, chớ nên cố chấp ý kiến của chính mình, chớ nên cho rằng những gì ta trông thấy đều đúng, chưa chắc đâu nhé! Quý vị thấy là vàng, người khác thấy là trắng. Vì quý vị đeo cặp kiếng màu, vì quý vị có rất nhiều vọng niệm, rất nhiều tạp niệm, rất nhiều kiến giải chẳng chánh xác, làm sao thấy chánh xác cho nổi? Chỉ có chiếu theo lời Phật dạy để chứng minh là chánh xác hay chẳng chánh xác! Quý vị đừng nên cố chấp ý mình. Nói điều này là tà tri, tà kiến cũng đừng sợ. Vì chúng ta niệm A Di Đà Phật chính là chánh kiến. Quý vị niệm A Di Đà Phật cũng đừng bài xích Dược Sư Phật, vì quý vị niệm A Di Đà Phật, [trông thấy] kẻ khác niệm kinh Dược Sư, [bèn phản đối]: “Chẳng thể được! Sao người không niệm A Di Đà Phật? Ta đi về phương Tây, người đi sang phương Đông, không được rồi. Như thế là trật lất rồi!” Đó là tà tri, tà kiến! Quý vị nói: “Chỗ nào tôi cũng chẳng đi, tôi là người thuộc thế giới Sa Bà, tôi cần đến thế giới Cực Lạc làm chi, quá khó!” Như vậy thì cũng chẳng đúng, đấy cũng là tà tri, tà kiến. Khi chưa nhập Tín vị, rất khó nói quý vị là chánh tri, chánh kiến. Sau khi đã tin, có hoàn toàn đúng hay không? Vẫn chưa được! Ất cần phải đạt đến Sơ Trụ thì mới bất thoái; đó gọi là Phát Tâm Trụ. Lại phát Bồ Đề tâm, phát Bồ Đề tâm trước kia không tính, đấy chẳng phải là thật sự phát!

“*Viễn ly nhất thiết tà vọng quy y*” (Xa lìa hết thảy quy y tà vọng): Chuyện này càng nhiều hơn! Sau khi đã quy y Tam Bảo, vẫn muốn xủ quẻ, vẫn muốn tin thần. Sau khi đã quy y Tam Bảo, vẫn mong sống trên đời cả trăm năm, hoặc một ngàn năm, học tập Khí Công để cho thân thể mình tốt đẹp hơn đôi chút, có thể chữa bệnh. Chẳng phải là muốn bảo

dưỡng thân thể trường thọ, chỉ muốn cho thân thể mình khỏe mạnh. Nếu nói thật sự nghiêm ngặt, đệ tử Phật đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, yêu cầu rất nhiều. Hơn nữa, có rất nhiều đệ tử muốn thọ Bồ Tát Giới, quý vị phải học trước, quý vị có lá gan to gan ấy hay không? Phát Bồ Đề tâm. Ta vừa thoát ly Bồ Đề tâm, sẽ đọa địa ngục. Đã phạm, ta sám hối thì được! Quý vị muốn thành Phật, một niệm tâm ấy đã vượt xa rất nhiều kiếp! Do vậy, trước khi thọ Bồ Tát Giới, phải học trước. Quý vị nhận biết rõ ràng rồi mới có thể thật sự gánh vác. Như vậy rồi mới đi thọ giới. Tam Quy, Ngũ Giới, và Bồ Tát Giới ắt cần phải thọ, có thể gánh vác thì cũng nên thọ. Chẳng thể gánh vác thì cũng phải thọ. Vì sao? Có thể gieo chủng tử thành Phật, hễ phạm liền sám hối. Sám hối như thế nào? Lạy Phật, niệm Phật đều có thể sám hối. Thậm chí niệm Địa Tạng Bồ Tát đều có thể sám hối. Kinh Chiêm Sát cũng dạy như thế, dạy tu hai loại Quán. “*Nếu chẳng tu thành Nhất Thật cảnh giới thì có thể niệm tên ta cũng được!*” Tức là xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát thì cũng có thể tiến nhập tu Quán.

Cho đến “*viễn ly nhất thiết tà ác tri thức*” (xa lìa hết thảy tri thức tà ác). Tri kiến tà ác của quý vị do đâu mà có? Do tri thức tà ác dạy bảo! Xa lìa họ thì sẽ chẳng còn.

“*Viễn ly nhất thiết tại gia ứ nê*” (Xa lìa hết thảy bùn lầy tại gia): Coi tại gia như hố bùn. Thật ra, những vị thần ấy cũng đang ở trong bùn lầy. Thiên, nhân, A Tu La, lục đạo đều ở trong bùn lầy. Nếu đã rời lìa thì Phạm Thiên chẳng có bùn lầy. Sau đó, ông ta cũng sẽ đọa trong bùn lầy, chẳng rốt ráo, do chưa thành Phật.

“*Viễn ly nhất thiết phi thời yếu táng*” (Xa lìa hết thảy chết yếu không đúng thời): Tử vong chết yếu, thọ mạng chưa hết. Mọi người đọc kinh Dược Sư, chẳng phải là thấy có chín loại chết đột ngột (“*hoanh tử*”, 橫死) ư? Không đáng chết, gặp phải cái chết không đúng thời, giống như tôi vừa mới nói: Đi sớm hơn một bước sẽ chẳng mắc phải nghiệp ấy, chậm một bước cũng chẳng mắc phải nghiệp ấy. Quý vị đi nhanh một chút sẽ vượt qua, hoặc chậm một chút sẽ chẳng đụng phải. Chẳng nhanh, chẳng chậm, vừa khớp bị xe tông phải, xảy ra chuyện! “*Yếu táng*” (天喪, chết yếu) rất khó nói. Trẻ thơ trong bụng mẹ còn chưa sanh ra đã chết. Chết trong thai cũng có. Cho đến xét theo thọ mạng, độ tuổi nào chết cũng đều có. Chết ngang xương (“*hoanh tử*”) kiểu nào cũng có. Tại Hương Cảng cũng rất nhiều [trường hợp chết ngang xương như vậy]. Người đi bên dưới, bên trên sửa chữa, rơi một cục gạch xuống, hoặc là

roi thứ gì đó, đúng ngay vào đầu, người đó chết ngay, làm sao chẳng gọi là “không đáng chết” cho được? Biết làm sao đây? Chuyện như vậy rất nhiều, đó gọi là “*yếu táng*”.

Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy thành tựu các công đức như đã nói trên đây, tức là công đức như trong phần trước đã nói “chính mình xa lìa mười ác luân, lại khuyên người khác cũng rời xa mười ác luân”, do thành tựu công đức ấy, người đó nhất định sẽ đạt được mười pháp viễn ly này, tức là xa rời mười loại tai nạn đó.

(Kinh) Phục thứ, Thế Tôn! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, cụ tu như tiền sở thuyết công đức, linh viên mãn giả, ngã đẳng quyền thuộc, cần gia ủng hộ, linh thử đế vương, tịnh chư quyền thuộc, cập kỳ quốc độ nhất thiết nhân dân, linh u thập pháp, giai đắc viễn ly. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, viễn ly nhất thiết tha quốc oán địch. Nhị giả, viễn ly nhất thiết tự quốc oán địch. Tam giả, viễn ly nhất thiết hung ác quý thân. Tứ giả, viễn ly nhất thiết khiên dương kháng hạn. Ngũ giả, viễn ly nhất thiết phục âm, trệ vũ. Lục giả, viễn ly nhất thiết phi thời hàn nhiệt, liệt phong, bạo vũ, sưng bạc tai hại. Thất giả, viễn ly nhất thiết ác tinh biến quái. Bát giả, viễn ly nhất thiết cơ cần hoang kiệt. Cửu giả, viễn ly nhất thiết phi thời bệnh tử. Thập giả, viễn ly nhất thiết tà chấp, ác kiến. Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, cụ tu như tiền sở thuyết công đức, linh viên mãn giả, ngã đẳng quyền thuộc, cần gia ủng hộ, linh thử đế vương, tịnh chư quyền thuộc, cập kỳ quốc độ nhất thiết nhân dân, định đương đắc thử thập pháp viễn ly”. Nhĩ thời, Thế Tôn tán chư thiên đế, cập kỳ quyền thuộc, nãi chí nhất thiết Tất Xá Giá đế, cập quyền thuộc ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng phát thử thệ nguyện. Thử sự giai thị nhữ đẳng ưng tác. Do thị nhân duyên, đương linh nhữ đẳng trường dạ an lạc”.

(經)復次，世尊！若有真善刹帝利王，具修如前所說功德，令圓滿者，我等眷屬，勤加擁護，令此帝王，並諸眷屬，及其國土一切人民，令於十法，皆得遠離。何等為十？一者、遠離一切他國怨敵。二者、遠離一切自國怨敵

。三者、遠離一切兇惡鬼神。四者、遠離一切愆陽亢旱。五者、遠離一切伏陰滯雨。六者、遠離一切非時寒熱、烈風、暴雨、霜雹災害。七者、遠離一切惡星變怪。八者、遠離一切饑饉荒儉。九者、遠離一切非時病死。十者、遠離一切邪執惡見。大德世尊！若彼真善刹帝利王，具修如前所說功德，令圓滿者，我等眷屬，勤加擁護，令此帝王，並諸眷屬，及其國土一切人民，定當得此十法遠離」。爾時，世尊讚諸天帝，及其眷屬，及至一切畢舍遮帝，及眷屬言：「善哉！善哉！汝等乃能發此誓願。此事皆是汝等應作。由是因緣，當令汝等長夜安樂」。

(Kinh: “Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, tu trọn đủ viên mãn các công đức như đã nói trên đây, quyến thuộc chúng con càng thêm siêng năng ủng hộ, khiến cho đế vương và các quyến thuộc, cùng với hết thầy nhân dân trong quốc độ đều được xa lìa mười pháp. Những gì là mười? Một là xa lìa hết thầy oán địch từ nước khác. Hai là xa lìa hết thầy oán địch trong nước mình. Ba là xa lìa hết thầy quỷ thần hung ác. Bốn là xa lìa hết thầy chuyện dương khí quá thịnh gây ra hạn hán dữ dội. Năm là xa lìa hết thầy tối tăm lâu ngày, mưa dầm. Sáu là xa lìa hết thầy nóng lạnh trái thời, gió loạn, mưa cuồng, sương, mưa đá tai hại. Bảy là xa lìa hết thầy sao xấu biến hiện quái lạ. Tám là xa lìa hết thầy đói kém, mất mùa. Chín là xa lìa hết thầy chết chóc vì bệnh tật trái thời. Mười là xa lìa hết thầy tà chấp, ác kiến. Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương ấy tu trọn đủ viên mãn các công đức như đã nói trên đây, quyến thuộc chúng con càng thêm siêng năng ủng hộ, khiến cho đế vương ấy và các quyến thuộc, cùng với hết thầy nhân dân trong nước, nhất định sẽ được xa lìa mười pháp ấy”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen ngợi các thiên đế cùng với quyến thuộc, cho đến hết thầy Tất Xá Giá đế và các quyến thuộc rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể phát ra thệ nguyện này. Chuyện này là chuyện các ông nên làm. Do nhân duyên này, sẽ khiến cho các ông yên vui trong đêm dài”).

Còn có những pháp xa lìa, “*hà đẳng vi thập?*” (những gì là mười?) “*Viễn ly nhất thiết tha quốc oán địch*” (Xa lìa hết thảy oán địch từ nước khác) là nói theo phía quốc vương. “*Viễn ly nhất thiết tự quốc oán địch*” nghĩa là quốc gia của chính mình chẳng có oán địch, sẽ không có chuyện phản loạn, quân mình chẳng tàn sát lẫn nhau. Quân nước khác cũng chẳng kéo đến. “*Tam giả, viễn ly nhất thiết hung ác quỷ thần*” (Ba là xa lìa hết thảy quỷ thần hung ác), quỷ thần hung ác chẳng thể xâm phạm, quấy nhiễu. “*Tứ giả, viễn ly nhất thiết khiên dương kháng hạn*” (Bốn là xa lìa hết thảy chuyện dương khí quá thịnh gây ra hạn hán dữ dội): Tức là nạn hạn hán, nói đơn giản [“*khiên dương kháng hạn*”] là nạn hạn hán. “*Ngũ giả, viễn ly nhất thiết phục âm trệ vũ*”: (Năm là xa lìa hết thảy âm u nhiều ngày, mưa dầm): Âm u lâu ngày chẳng quang đăng, sau đó, lại còn phát sanh lũ lụt. “*Lục giả, viễn ly nhất thiết phi thời hàn nhiệt*” (Sáu là xa lìa hết thảy lạnh, nóng trái thời): Nên lạnh mà chẳng lạnh, nên nóng mà chẳng nóng. Hiện thời, khí hậu điên đảo như thế đó. Khi tôi còn bé, miền Đông Bắc là mấy chục độ âm, gần đây đã thay đổi, tối đa là mười độ âm đã hiếm hoi lắm rồi. Mùa Hè lại còn đặc biệt nóng. Đây là mưa gió chẳng đúng thời, tai họa nầy sanh liên tiếp. “*Liệt phong, bạo vũ, sương bạc tai hại*” (Gió loạn, mưa cuồng, sương, mưa đá gây tai hại): Sương tuôn, mưa đá rất nhiều! “*Thất giả, viễn ly nhất thiết ác tinh biến quái. Bát giả, viễn ly nhất thiết cơ cấn hoang kiệt. Cửu giả, viễn ly nhất thiết phi thời bệnh tử. Thập giả, viễn ly nhất thiết tà chấp ác kiến*” (Bảy là xa lìa hết thảy sao xấu biến hiện quái dị. Tám là xa lìa hết thảy đói kém, mất mùa. Chín là xa lìa hết thảy cái chết chẳng đúng thời. Mười là xa lìa hết thảy tà chấp, ác kiến): Hơi giống phần trước.

“*Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, cụ tu như tiền sở thuyết công đức, linh viên mãn giả, ngã đẳng quyền thuộc cần gia ủng hộ*” (Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương ấy tu trọn đủ viên mãn các công đức như đã nói trên đây, quyền thuộc chúng con càng thêm siêng năng ủng hộ). Như thế sẽ “*linh thử đế vương, tịnh chư quyền thuộc, cập kỳ quốc độ nhất thiết nhân dân, định đương đắc thử thập pháp viễn ly*” (khiến cho đế vương và các quyền thuộc cùng với hết thảy nhân dân trong nước, nhất định sẽ được xa lìa mười pháp ấy). Mười pháp ấy chính là pháp xa lìa sẽ được nói trong phần kế tiếp.

(Kinh) Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện thính ngã vị vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, thuyết Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú. Do thử Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú oai thần lực cố, linh vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, bất vị nhất thiết oán địch, ác hữu chi sở tồ phục. Năng linh nhất thiết oán địch, ác hữu tự nhiên thoái tán. Năng thiện hộ trì thân, ngữ, ý, nghiệp, vị chư trí giả thường sở xưng tán, ly chư ác pháp. Thường hành thiện pháp, thường ly nhất thiết tà kiến, tà quy. Thường u Đại Thừa tinh tấn tu hành, dũng mãnh, kiên cố. Thường năng thành tựu vô lượng, vô số sở hóa hữu tình, trí bất y tha, tự nhiên thiện xảo, cụ năng tu hành Lục Đáo Bỉ Ngạn trân bảo phục tạng, viễn ly nhất thiết phần, xan, tật đẵng phiền não triền cấu. Thường vị nhất thiết nhân phi nhân đẵng, cung kính hộ niệm, chư hữu sở vi, tâm vô vong thất, bất xả hữu tình, nhạo Tứ Nhiếp sự. Thường bất viễn ly pháp khí phước điền”.

(經)爾時，天藏大梵復白佛言：「世尊！唯願聽我為未來世，此佛土中，一切真善刹帝利王，說能護國不退輪心大陀羅尼明咒章句。由此護國不退輪心大陀羅尼明咒章句威神力故，令未來世，此佛土中，一切真善刹帝利王，不為一切怨敵惡友，之所摧伏。能令一切怨敵惡友，自然退散。能善護持身語意業，為諸智者常所稱讚，離諸惡法。常行善法，常離一切邪見邪歸。常於大乘精進修行，勇猛堅固。常能成就無量無數所化有情，智不依他，自然善巧，具能修行六到彼岸珍寶伏藏，遠離一切忿慳嫉等煩惱纏垢。常為一切人非人等，恭敬護念，諸有所為，心無忘失，不舍有情，樂四攝事。常不遠離法器福田」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Kính mong cho phép con vì hết thảy chân

thiện Sát-đế-lợi vương trong cõi Phật này nơi đời vị lai, nói Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú. Do sức oai thần của Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú này, khiến cho hết thấy chân thiện Sát-đế-lợi vương trong cõi Phật này nơi đời vị lai chẳng bị hết thấy oán địch và bạn ác dẹp tan, hàng phục. Có thể khiến cho hết thấy oán địch và bạn ác tự nhiên lui tan, có thể khéo hộ trì thân, ngữ, ý nghiệp, được những người có trí thường ca ngợi, lìa các ác pháp. Thường hành thiện pháp, thường lìa hết thấy tà kiến, tà quy. Thường dùng nhẫn, kiên cố, tinh tấn tu hành Đại Thừa. Thường có thể thành tựu vô lượng vô số hữu tình được hóa độ, trí chẳng phải cậy vào người khác, tự nhiên thiện xảo, có thể trọn đủ kho tàng trân quý Lục Đáo Bỉ Ngạn, xa lìa hết thấy các phiền não triền cấu như phần, keo kiệt, ganh ghét v.v... Thường được hết thấy nhân phi nhân v.v... cung kính hộ niệm, những gì đã làm tâm chẳng quên mất, chẳng bỏ hữu tình, thích hành Tứ Nhiếp. Thường chẳng xa lìa ruộng phước pháp khí”).

Thiên Tạng Đại Phạm bắt đầu thỉnh vấn: “Thế Tôn! Duy nguyện thính ngã vị vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, thuyết Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú” (Bạch đức Thế Tôn! Kính mong cho phép con vì hết thấy chân thiện Sát-đế-lợi vương trong cõi Phật này nơi đời vị lai, nói Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú): Bất thoái luân, bất thoái gì vậy? Phải trì chú này. Do oai lực của Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú, có thể khiến cho trong Phật quốc độ vào thời Mạt Pháp, tất cả quốc vương thật sự tốt đẹp “bất vị nhất thiết oán địch ác hữu chi sở tồi phục, năng linh nhất thiết oán địch ác hữu tự nhiên thoái tán” (chẳng bị hết thấy oán địch và bạn ác dẹp tan, hàng phục, có thể khiến cho oán địch và bạn ác tự nhiên lui tan): Họ mong chinh phạt quý vị, trong nước họ sẽ dấy lên nội loạn, dấy lên biến hóa, họ sẽ phải lui tan.

“Năng thiện hộ trì thân, ngữ, ý nghiệp” (Có thể khéo hộ trì thân, ngữ, ý nghiệp): Chuyện này chẳng dễ dàng, có thể khiến cho thân, ngữ, ý nghiệp của Sát-đế-lợi chẳng phạm sai trái, chẳng làm các điều ác. Đó là [tác dụng của] bài chú này.

“Vị chư trí giả thường sở xưng tán, ly chư ác pháp” (Được những người có trí thường ca ngợi, lìa các pháp ác): Xa lìa hết thấy các ác pháp, thường hành thiện pháp, thường lìa hết thấy tà kiến, tà quy, [tà quy] là

quy hướng những thứ không chánh đáng! “*Thường u Đại Thừa tinh tấn tu hành, dũng mãnh, kiên cố, thường thành tựu vô lượng vô số sở hóa hữu tình, trí bất y tha, tự nhiên thiện xảo*” (Thường đối với Đại Thừa, tinh tấn tu hành, dũng mãnh, kiên cố, thường thành tựu vô lượng, vô số hữu tình được hóa độ trí chẳng cậy vào ai khác, tự nhiên hay khéo): Đây là thành tựu trí huệ, [trí huệ ấy] chẳng phải do những điều khác khởi lên, mà là do tự tâm biến hóa. Tôi thường nói với các đạo hữu: Khi quý vị đọc tụng Đại Thừa, hãy đọc tụng nhiều lần. Bộ kinh này quý vị vốn không hiểu, sau khi đã đọc, sẽ hiểu toàn bộ, thông suốt trước sau, cũng chẳng cần phải hỏi ai khác. Đó gọi là “*bất do tha đắc*” (chẳng do ai khác mà đạt được). Loại trí huệ này do quý vị tinh tấn tu tập mà đạt được, tự nhiên có trí huệ thiện xảo!

“*Cụ năng tu hành Lục Đáo Bỉ Ngạn trên bảo phục tạng*” (Có thể tu hành trọn đủ kho tàng trên bảo Lục Đáo Bỉ Ngạn): Lục Ba La Mật giống như kho tàng trên bảo, thoát ly biển sanh tử tới bờ kia Niết Bàn. “*Viễn ly nhất thiết phần, xan, tật đặng phiền não triền cấu*” (Xa lìa hết thảy các phiền não triền cấu như phần, keo kiệt, ghen ghét v.v...): Phần hận, keo tham, ghen ty, chướng ngại, những món phiền não ấy ràng buộc, quấy nhiễu quý vị, đều là cấu nhiễm. “*Thường vị nhất thiết nhân phi nhân đặng cung kính hộ niệm, chư hữu sở vi, tâm vô vong thất*” (Thường được hết thảy nhân phi nhân v.v... cung kính hộ niệm. Những việc đã làm, tâm đều chẳng quên mất): Đạt được trí chẳng thể nghĩ bàn, cũng tức là trí nhớ mạnh mẽ, chẳng bỏ hữu tình, thích hành Tứ Nhiếp, tức bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, [đó là] Tứ Nhiếp Pháp. Dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, bốn loại ấy để nhiếp thọ hết thảy hữu tình. “*Thường bất viễn ly pháp khí phước điền*” (Thường chẳng xa lìa pháp khí phước điền): Thường chẳng lìa pháp, thường chẳng lìa Pháp Bảo. Phước ấy vô lượng.

(Kinh) Phật ngôn: “Thiên Tạng! Ngô kim tứ nhữ vị vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, thuyết Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú. Do thử Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú oai thần lực cố, linh vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, bất vị nhất thiết oán địch, ác hữu chi sở tồi phục, quảng thuyết nãi chí thường bất viễn ly nhất thiết chư Phật, cập Phật đệ tử”. Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm tức thuyết Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú:

“Đát điệt tha. Mâu ni mạo lệ. Mâu na yết lạp phiệt. Mâu ni hột lê đạt duệ. Mâu ni rô ha tỳ chiết lệ. Mâu na hạt lạt chế. Mâu ni cấp mê. Thúc ngật la bác sai. Bát la xa bác sai. Mật ra bác sai. Tao lạt bà hột lạt đế. Đố lạt noa ngật lạt chiết lệ. Bát đát la xoa hột lạt đế. Cụ cụ noa mật lệ. Ấp phiệt xoa tát lệ. Át nô ha kỳ lý phiệt. Mâu ni bát tháp phiệt. Sa ha”.

(經)佛言：「天藏！吾今恣汝為未來世，此佛土中，一切真善刹帝利王，說能護國不退輪心大陀羅尼明咒章句。由此護國不退輪心大陀羅尼明咒章句威神力故，令未來世，此佛土中，一切真善刹帝利王，不為一切怨敵惡友，之所摧伏，廣說乃至常不遠離一切諸佛，及佛弟子」。爾時，天藏大梵即說護國不退輪心大陀羅尼明咒章句：「怛經他。牟尼冒隸。牟那揭臘筏。牟尼紇梨達曳。牟尼嚧訶毗折隸。牟那曷栗制。牟尼笈謎。束訖羅博差。鉢邏奢博差。蜜囉博差。騷刺婆紇栗帝。妬刺拏訖栗折隸。鉢怛邏叉紇栗帝。具具拏蜜隸。唵筏叉薩隸。遏怒訶祇履筏。牟尼鉢塔筏。莎訶」。

(*Kinh*: Đức Phật nói: “Này Thiên Tạng! Ta nay cho phép ông vì hết thấy các vị vua Sát-đế-lợi vương chân thiện trong cõi Phật này vào thuở vị lai, nói Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú. Do sức oai thần của Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú này, khiến cho trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, hết thấy chân thiện Sát-đế-lợi vương chẳng bị hết thấy oán địch và bạn ác đẹp tan, hàng phục, nói rộng cho đến thường chẳng xa lìa Phật và các đệ tử Phật”. Lúc bấy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm liền nói Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú: “Đát điệt tha. Mâu ni mạo lệ. Mâu na yết lạp phiệt. Mâu ni hột lê đạt duệ. Mâu ni rô ha tỳ chiết lệ. Mâu na hạt lạt chế. Mâu ni cấp mê. Thúc ngật la bác sai. Bát la xa bác sai. Mật ra bác sai. Tao lạt bà hột lạt đế.

Đổ lạt noa ngật lạt chiết lệ. Bát đất la xoa hột lạt đế. Cự cụ noa mật lệ. Ấp phiệt xoa tát lệ. Át nộ ha kỳ lý phiệt. Mâu ni bát thập phiệt. Sa ha”).

Thiên Tạng Đại Phạm vì hộ trì vị chân thiện Sát-đế-lợi vương, khiến cho quốc gia của ông ta chẳng còn bị tai họa nữa, bèn nói bài chú như vậy, nhưng ắt cần phải thỉnh đức Phật cho phép. Đức Phật liền cho phép ông ta nói. Lại còn bảo bài chú ấy rất hay, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy Sát-đế-lợi vương có thể đạt được rất nhiều lợi ích to lớn, cho phép ông ta nói.

“*Đát điệt tha*”: Đát điệt tha (Tadyathā) là gì? Chính là “*tức thuyết chú viết*” (liền nói chú rằng), các bài chú trong các kinh đều có [câu này]. Chẳng phải là các bài chú đều rất dài, nhưng Đát-điệt-tha chính là “*tức thuyết chú viết*”, cũng là khởi sự nói chú. Mỗi bài chú đều có câu này. Sau câu đó (câu “*tức thuyết chú viết*”) mới là chú thật sự, những câu trước đó chẳng phải là chú. Như trong chú Lăng Nghiêm, có rất nhiều câu chẳng phải chú thật sự. Đại Bi Chú cũng thế, quý vị phải biết từ chữ “*đát điệt tha*” trở đi mới là chú ngữ. Những câu trước đó là gì? Những câu trước đó là tiền phương tiện, cũng thuộc về nghi thức, nghi quỹ giảng kinh thuyết pháp. Do vậy, chú Lăng Nghiêm nhiều cỡ nào? “*Tất đất đa bát đất ra*” (Sitātapatrā)⁸⁶ chính là chú Lăng Nghiêm. Đó

⁸⁶ Trong chú Lăng Nghiêm, cuối hội thứ năm, sau chữ Tadyathā là “*án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạt xà ra đà rị, bàn đà, bàn đà nhĩ, bạt xà ra bát ni phán, hổ hồng đồ rô ung phán, sa bà ha*” (Aum, anale, viśade, vīra vajra-dhare, bandha, bandhane vajrapaṇe, phaṭ phaṭ hūṃ trūṃ phaṭ svāha). Nhưng nói chú Lăng Nghiêm là Tất Đất Đa Bát Đất Ra vì khi nói chú này, đức Phật đã phóng quang từ nhục kế trên đỉnh đầu nói ra, và chú này có tên gọi đầy đủ là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm. Tất Đất Đa Bát Đất Ra dịch nghĩa là Đại Bạch Tán Cái (tàn lọng trắng) do hai chữ Sita (màu trắng) và Atapatrā (dù, lọng) ghép lại. Trong Mật Tông, đây là một vị Phật Đảnh, tức thân cụ thể của trí huệ Phật, với danh xưng là Đại Bạch Tán Cái Phật Đảnh Phật Mẫu (Uṣṇīṣasitātapatrā). Vị này được đặc biệt tôn sùng trong Tạng Truyền Phật Giáo. Vị Phật Đảnh này thường được tạo hình dạng nữ Bồ Tát, có ba mặt sáu tay, hoặc ba mặt tám tay, đôi khi lên đến một ngàn tay, một ngàn mặt, một ngàn chân, một triệu mắt, nhằm biểu thị mạnh mẽ phá tan các phiền não trong tam thiên đại thiên thế giới. Pháp khí tiêu biểu là bánh xe pháp luân và chiếc lọng trắng. Các nhà chú giải cho rằng năm hội của chú Lăng Nghiêm, tương ứng với ngũ trí Như Lai, và toàn thể các câu chú trước chữ Đát-điệt-đa-tha chính là lời quy kính xưng tụng danh hiệu của các vị Phật, Bồ Tát, kim cang, minh vương, hộ pháp, yết ma quỷ thần chúng trong mỗi bộ thuộc Ngũ Bộ.

gọi là “*chú tâm*”⁸⁷. Còn có những bài chú ngắn hơn Lăng Nghiêm, cũng có bài rất dài. So với phần Đất-điệt-tha ở đây còn dài hơn. Từng bài chú đều là như vậy.

“*Đất diệt tha. Mâu ni mạo lệ*”: Chữ Mâu Ni trong “*mâu ni mạo lệ*” chính ra phải nói là Ma Ni. Khi phiên dịch đã tùy thuận cách phát âm [thuở đó] mà phiên dịch thành “*mâu ni mạo lệ*”. Đối với âm thanh khi niệm chú, quý vị đừng nuốt chữ, phải phát âm cho chuẩn. Nếu dựa theo mặt chữ để niệm, quý vị sẽ niệm sai. Nếu quý vị niệm Mâu Ni Mạo Lệ là được, đọc thành Mâu Ni Mạo Đãi⁸⁸ là đã khác rồi. “*Mâu na yết lap phiệt. Mâu ni hột lê đạt duệ. Mâu ni rô ha tỳ chiết lệ. Mâu na hạt lật chế. Mâu ni cấp mê. Thúc ngật la bác sai. Bát la xa bác sai*” Chữ La (囉) này khi phát âm luôn đọc thành Ra. Đối với câu “*mật ra bác sai*”, quý vị đừng đọc theo nguyên âm (tức La), đọc chữ [“囉” trong] Mật La phải kèm thêm bộ Khẩu. Phàm là chữ nào có thêm bộ Khẩu, sẽ đọc thành Ra. “*Tao lật bà hột lật đế. Đố lật noa hột lật chiết lệ. Bát đất la xoa hột lật đế. Cự cụ noa mật lệ. Ấp phiệt xoa tát lệ. Át nô ha kỳ lý phiệt. Mâu ni bát tháp phiệt*.” “*Sa ha*” (Svāha) là thành tựu, hết thảy đều đã thành tựu.

(*Kinh*) *Thiên Tạng Đại Phạm thuyết thị chú dĩ, phục bạch Phật ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn, cập chư đại chúng, u ngã sở thuyết đại đà-la-ni, giai sanh tùy hỷ”. Thế Tôn cáo viết: “Thiện tai! Thiện tai!” Nhất thiết đại chúng diệc tác thị ngôn: “Thiện tai! Thiện tai!”*

(*經*)天藏大梵說是咒已，復白佛言：「唯願世尊，及諸大眾，於我所說大陀羅尼，皆生隨喜」。世尊告曰：「善哉！善哉！」一切大眾亦作是言：「善哉！善哉！」

(*Kinh*: *Thiên Tạng Đại Phạm nói chú ấy xong, lại bạch cùng đức Phật: “Kính mong đức Thế Tôn và các đại chúng đối với đại đà-la-ni do con đã nói đều sanh lòng tùy hỷ”. Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay!*

⁸⁷ Chú tâm (咒心) có nghĩa là Chú tâm là câu chú chánh yếu, cốt lõi của cả bài chú. Những câu trước chữ Tadyathā thường là những danh hiệu, những lời tán dương chư Phật, hoặc vị bộ chủ (chân ngôn chủ) của bài chú ấy.

⁸⁸ Chữ Lệ (隸) khi viết theo lối giản thể sẽ thành “隶” trùng với lối viết cổ của chữ Đãi (逮), nên nếu không chú ý sẽ đọc sai Lệ thành Đãi khi niệm chú.

Lành thay!” Hết thầy đại chúng cũng nói như thế này: “Lành thay! Lành thay!”).

Thiên Tạng nói xong bài chú ấy, thưa: “Con hy vọng đức Thế Tôn và hết thầy đại chúng có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể sanh tâm tùy hỷ đối với bài chú con vừa nói”. Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Được lắm, Ta tùy hỷ, tùy hỷ”. Đại chúng cũng đều nói: “Lành thay! Lành thay! Ta tùy hỷ”.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo tôn giả Đại Mục Càn Liên, cập cáo Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát viết: - Thiện nam tử! Nhữ đẳng giai ung thọ trì như thị Thiên Tạng Đại Phạm sở thuyết Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Mi Minh Chú Chương Cú, truyền thọ vị lai thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, linh tự thọ trì, cập linh lưu bố. Do thị nhân duyên, bỉ chư chân thiện Sát-đế-lợi vương, tịnh chư quyến thuộc, cập quốc nhân dân, nhất thiết giai đắc lợi ích an lạc, thường chuyển pháp luân, danh xưng cao viễn, oai đức xī thịnh, tở diệt tà kiến, kiến lập chánh kiến, thủ hộ pháp nhân, thiệu Tam Bảo chúng, giai linh xī thịnh, vô hữu đoạn tuyệt, thành thực vô lượng, vô biên hữu tình, u Đại Thừa trung, kiên cố tịnh tín, cứu trụ viên mãn, năng cụ tu Lục Ba La Mật Đa, đoạn nhất thiết chướng, tốc đáo cứu cánh.

(經)爾時，世尊復告尊者大目乾連，及告彌勒菩薩摩訶薩曰：「善男子！汝等皆應受持如是天藏大梵所說護國不退輪心大陀羅尼明咒章句，傳授未來此佛土中，一切真善剎帝利王，令自受持，及令流佈。由是因緣，彼諸真善剎帝利王，並諸眷屬，及國人民，一切皆得利益安樂，常轉法輪，名稱高遠，威德熾盛，摧滅邪見，建立正見，守護法眼，紹三寶種，皆令熾盛，無有斷絕，成熟無量無邊有情，於大乘中，堅固淨信，久住圓滿，能具修六波羅蜜多，斷一切障，速到究竟」。

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo tôn giả Đại Mục Càn Liên (Đại Mục Kiên Liên), và Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay thiện nam tử! Các ông đều nên thọ trì Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú do Thiên Tạng Đại Phạm đã nói như thế, truyền dạy cho hết thầy chân thiện Sát-đế-lợi vương trong cõi Phật này vào thuở vị lai, khiến cho họ tự thọ trì và lưu truyền. Do nhân duyên ấy, các vị chân thiện Sát-đế-lợi vương và các quyến thuộc, cùng với nhân dân trong nước, hết thầy đều được lợi ích, yên vui, thường chuyển pháp luân, tiếng tăm cao xa, oai đức lừng lẫy, phá diệt tà kiến, kiến lập chánh kiến, thủ hộ pháp nhãn, nối tiếp chủng tánh Tam Bảo, khiến cho đều hưng thịnh, chẳng bị đoạn tuyệt, thành thực vô lượng, vô biên hữu tình, lòng tin trong sạch kiên cố đối với Đại Thừa, tồn tại lâu dài viên mãn, có thể tu trọn Lục Ba La Mật Đa, đoạn hết thầy các chương, nhanh chóng đạt đến rốt ráo).

Sau khi Thiên Tạng Đại Phạm nói xong bài chú ấy, đã mong cầu đức Thế Tôn và đại chúng tùy hỷ. Đức Phật bèn bảo đại đệ tử Mục Kiên Liên và Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát là đại đệ tử trong các vị Bồ Tát, Mục Kiên Liên là đại đệ tử trong chúng Thanh Văn. Di Lặc Bồ Tát giáng sanh tại Ấn Độ, thị hiện nhục thân, chẳng giống như Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng ở trong thế gian này, Ngài hóa hiện. Đức Phật bảo ngài Mục Kiên Liên và Di Lặc Bồ Tát: “Các ông đều phải nên thọ trì Hộ Quốc Bất Thoái Tâm Đà La Ni Minh Chú do Thiên Tạng Đại Phạm vừa nói, khiến cho trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, người có tâm thật sự cầu giải thoát, làm bậc chân thiện, khiến cho quốc vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi như thế tự mình tiếp nhận. Đồng thời, do ông ta lãnh đạo nhân dân trong nước, sẽ khiến cho mọi người đều tiếp nhận. Như vậy thì sẽ khiến cho quốc gia ấy được lợi ích, an vui. Do chú ấy, có thể khiến cho chánh pháp thường tồn tại, pháp luân thường chuyển. Đồng thời, tiếng tăm của quốc vương cũng sẽ cao xa, oai đức lừng lẫy.

Trong quốc độ như thế, tà tri, tà kiến sẽ bớt đi, kiến lập một loại chánh tri chánh kiến. Đây là do sức gia trì của chú này. Do sức gia trì của chú này mà thủ hộ pháp nhãn. Pháp nhãn là Phật pháp trụ thế, giống hệt như trông mắt. Người có mắt thì mới có thể thấy. Chẳng có nhãn căn, thứ gì cũng chẳng thấy được. Có như vậy thì mới khiến cho Tam Bảo vĩnh viễn tồn tại lâu dài trong thế gian, lại còn có thể tỏa sáng rạng ngời, vĩnh viễn chẳng bị đoạn tuyệt. Đã có pháp, sẽ có thể thành thực vô

lượng, vô biên hữu tình, hết thảy chúng sanh nghe pháp sẽ có thể đạt được giải thoát, có thể đắc độ.

Khi chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chính là khiến cho quý vị thành tựu tín tâm. Vị Bồ Tát phát khởi trong kinh ấy tên là Kiên Tịnh Tín, nay tín tâm của chúng ta giống như sợi lông trong không trung, vật vờ theo gió thổi, gặp cảnh giới nào bèn bị thổi đến chỗ đó, đã chẳng kiên định, mà cũng chẳng thanh tịnh. Tín tâm kiên định dường như rất dễ dàng! Nếu có thể có tín tâm, sẽ có thể thành Phật. Đây là nhân, thành Phật là quả. Tu thanh tịnh tín thì phải mất một vạn đại kiếp, rất khó khăn! Những gì chúng ta đang tu tập trong hiện tại là để khiến cho tín tâm thanh tịnh, luôn kiên cố, chẳng lay động! Chúng ta gặp cảnh giới liền bị dao động. Nếu vậy, quý vị mong viên mãn Phật quả, sẽ chẳng thể được! Nếu muốn tu Lục Ba La Mật thì cũng chẳng thể! Ất cần phải có tín tâm thanh tịnh, Lục Ba La Mật sẽ đều có thể trọn đủ. Chẳng có tín tâm thanh tịnh, quý vị làm chuyện gì cũng đều xen tạp ô nhiễm, chẳng thuần! Chẳng hạn như nay chúng ta cũng hành bố thí, cũng hành xả, nhưng sự hành xả của quý vị chẳng thanh tịnh! Ví như hiện thời đến mùa Đông, chúng ta có quần áo dư bèn xả đôi chút. Quý vị xả những thứ quần áo dư bằng cái tâm gì? Điều này có mối quan hệ rất lớn. Tín tâm thanh tịnh, tôn kính người khác, đừng coi kẻ khác là ăn mày!

Chúng tôi đang giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo một lần nữa. Trong kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát đã thưa hỏi đức Phật, vì sao sau khi bố thí, có người hưởng phước một đời, có người hưởng phước mười đời, có người hưởng phước trăm đời, ngàn đời, cho đến có người hưởng phước vô lượng? Vì sao cùng tu bố thí như nhau, cùng là bố thí các vật như nhau [mà lại hưởng phước sai khác đến thế?] Đó là do cái tâm phân biệt. Nếu tôn kính người khác, sẽ là cái tâm cúng dường. Nếu hành bố thí [bằng cái tâm cúng dường], sẽ giống như cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng.

Trong hết thảy các kinh, gần như [đều dạy phải bố thí giống như] cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng. Tôn trọng hết thảy chúng sanh, người ấy cúng dường hết thảy chúng sanh. Cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, lại còn cúng dường hết thảy chúng sanh, tức là đối với quý thân, đối đãi với họ như chúng sanh, đều là Bồ Đặc Già La. Dùng cái tâm ấy để cúng dường hết thảy, tận hư không, trọn pháp giới, vô cùng, vô tận, như thế thì công đức của quý vị sẽ to lớn. Tuy thí vật chất chẳng nhiều lắm, nhưng tâm lượng to lớn. Khi chúng ta sám hối, cũng giống như vậy. Tuy nói “làm điều ác chẳng lớn”,

nhưng ngày đêm liên tục, cái tâm mạnh mẽ, điều ác ấy sẽ to lớn, điều ác đó sẽ trọn khắp pháp giới. Vì sao chúng ta vẫn một mực chẳng xuất ly, chẳng thể viên mãn thành Phật được? Do nguyên nhân như thế đó. Phải dụng tâm sám hối. Như thế thì mới có thể đạt đến rốt ráo!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Thời Thiên Tạng Đại Phạm, thỉnh vấn Lương Túc Tôn, lợi căn đẳng hữu tình, nhạo tu Định, tụng, phước, thông huệ vương thành pháp, vị thăng tấn, trầm luân? Sở tu tam sự trung, thù trừ Hoặc bất thoái? Thế Tôn cáo bỉ ngôn, nhược phạm Vô Y Hạnh, tuy giác huệ mãnh lợi, nhi thú Vô Gian ngục. Phi chân thông huệ cố, nhạo hành Thập Ác Luân, đoạn diệt chư thiện căn, tốc thú u địa ngục. Định năng đoạn phiền não, phi thánh tụng phước nghiệp. Cố dục cầu Niết Bàn, thường đương tu Tĩnh Lự. Hữu huệ, cần tinh tấn, hộ trì ngã chánh pháp, do kính tín ca-sa, năng độ phiền não hải, nhạo xử không nhân lâm, viễn tạo vô đồng loại, kính trì giới tu định, năng độ chư hữu hải. Phổ tín kính tam thừa, hưng long ngã chánh pháp, cung kính nhiếp y giả, đương thành công đức hải.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「時天藏大梵，請問兩足尊，利根等有情，樂修定誦福，聰慧王成法，為升進沉淪？所修三事中，誰除惑不退？世尊告彼言，若犯無依行，雖覺慧猛利，而趣無間獄。非真聰慧故，樂行十惡輪，斷滅諸善根，速趣於地獄。定能斷煩惱，非聽誦福業。故欲求涅槃，常當修靜慮。有慧勤精進，護持我正法，由敬信袈裟，能渡煩惱海，樂處空閑林，遠造無同類，敬持戒修定，能渡諸有海。普信敬三乘，興隆我正法，供養染衣者，當成功德海。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn hiển lộ lại ý nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: “Khi Thiên Tạng Đại Phạm, thưa hỏi Lương Túc Tôn, các hữu tình lợi căn, thích tu Định, tụng, phước, vua thông huệ thành pháp, thăng tấn hay trầm luân? Trong ba sự đã tu, pháp nào sẽ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

trừ Hoặc, khiến đạt được bất thoái? Thế Tôn bảo ông ta: Nếu phạm Vô Y Hạnh, dẫu giác huệ mạnh bén, vẫn vào ngục Vô Gián. Chẳng thật sự thông huệ, ưa làm mười ác luân, đoạn diệt các thiện căn, mau chóng vào địa ngục. Định đoạn trừ phiền não, chẳng do tụng phước nghiệp. Do vậy, cầu Niết Bàn, thường nên tu Tĩnh Lự. Có huệ, siêng tinh tấn, hộ trì Phật chánh pháp, do kính tín ca-sa, sẽ vượt biển phiền não, thích ở chốn thanh vắng, xa lìa kẻ khác hạnh, kính trì giới, tu Định, sẽ vượt biển tam giới. Tin kính khắp ba thừa, hưng thịnh Phật chánh pháp. Cung kính người xuất gia, sẽ thành biển công đức).

Đoạn kinh văn thuộc phẩm Vô Y Hạnh này trên cơ bản đã sắp viên mãn, đức Phật bèn nhắc lại các ý nghĩa bao hàm trong ấy một lượt. Trong đoạn kệ tụng này, [đức Phật nhắc lại chuyện] Thiên Tạng Đại Phạm thưa hỏi, nhắc lại lời hỏi của ông ta. Thiên Tạng Đại Phạm đến “*thỉnh vấn Lương Túc Tôn*” (thưa hỏi đấng Lương Túc Tôn). Đây là đức Thế Tôn nói kệ tụng, chẳng phải là Thiên Tạng Đại Phạm nói. Bởi lẽ, sau khi đã nói xong ý nghĩa này, đức Phật nhắc lại đôi chút. Vì sao? Trong hội trường thuyết pháp của đức Phật, hoàn toàn chẳng phải toàn là thính chúng đều hiện diện từ đầu, cũng có người nửa chừng mới đến. Họ chẳng được nghe đoạn kinh văn ấy, đức Phật bèn nhắc lại, bổ sung đôi chút, bất quá chẳng nói cặn kẽ như vậy. Thuở đức Phật tại thế, những vị như tôn giả Ca Diếp, hoặc Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, trong những vị Bồ Tát và Thanh Văn thường có vị do sự nghiệp hóa độ, phải đi rất xa. Trong pháp môn Đại Tập này, chẳng đợi các vị ấy trở lại, gần như đã nói xong, đức Phật lại dùng kệ tụng để nhắc lại một lượt. Các vị ấy đều có trí huệ, [chỉ cần] nói sơ lược đôi chút, các vị liền hiểu rõ, chẳng cần phải nhắc lại cặn kẽ. Kệ tụng có khi rất dài, có lúc rất giản lược. Trong phần Trường Hàng trước đó, các bài kệ tụng chỉ nhằm nói lên một chuyện, còn kệ tụng ở đây đã khái quát các ý nghĩa [trong phẩm kinh này].

Thiên Tạng Đại Phạm hỏi: “Tu định, tu phước, tụng kinh, pháp nào tốt đẹp? Trong ba pháp ấy, pháp nào là tối thượng? Có thứ tự hay không?” Vì khi ông ta thỉnh vấn, đức Phật đã dạy ba loại nghiệp, tức tu Định nghiệp, trì tụng nghiệp, và doanh tạo phước nghiệp. Đức Thế Tôn bảo ông ta, tức “*cáo bỉ ngôn*”, cả ba môn ấy đều tốt. Nếu phạm Vô Sở Y, tức là Vô Y Hạnh, thì các hành vi tu tập của quý vị sẽ chẳng thể sanh ra công đức, chẳng thể sanh ra phước đức. Do tu Vô Y Hạnh, những sự nghiệp họ đã làm sẽ là Vô Y Hạnh. Chẳng nương cậy Tam Bảo, cho đến làm chuyện phản đạo, cũng tức là chẳng nghe lời dạy bảo của đức Như

Lai. Tuy kẻ đó rất thông minh, có giác huệ cũng rất mạnh mẽ, nhạy bén, nhưng kẻ đó đã phạm Vô Y Hạnh, hoặc mười ác luân đã nói trong phần trước, hễ có một ác luân, những gì kẻ đó tu tập sẽ chẳng thành tựu. Dầu thông minh đến mấy, dầu có trí huệ như thế nào đi nữa, vẫn đọa vào địa ngục Vô Gián. Vì sao? Vì trí huệ và thông minh của kẻ đó chẳng chân thật, [đó là ý nghĩa của câu] “*phi chân thông huệ cố*”. Trí huệ và thông minh chân thật sẽ như thế nào? Chẳng làm thập ác! Giống như đối với thập ác luân trong phần trước, nếu người ấy chẳng có một điều nào, thì sẽ là thông huệ chân chánh. Nay chúng ta đã học thập ác luân, chính mình có thể đối chiếu đôi chút, chúng ta có hành vi thập ác luân hay không?

Nêu thí dụ, vấn đề ăn mặn và ăn chay khiến cho nhiều người rất lúng túng. Có kẻ mong xuất ly, cũng chán ghét sanh tử, chán lìa khổ não trong thế gian, cũng muốn niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc, nhưng ở phương Đông (Sa Bà) ăn thịt uống rượu, kẻ đó chẳng buông xuống được! Có người cho rằng nếu phải ăn chay sẽ rất khó khăn, xác thực là rất khó khăn, vì tập quán từ vô thi đến nay, sẽ gặp khó khăn. Kẻ đó nếu thấy các vị xuất gia, có các vị xuất gia vẫn ăn mặn, kẻ đó bèn chọn lựa ăn mặn. Ăn mặn mà cũng muốn thành Phật tại Tây Phương, vẫn ăn thịt tại Đông phương, quý vị nói như vậy thì xét theo tâm lý, chuyện này chẳng có vấn đề gì, tùy thuộc quý vị có giải thoát hay không? Nhưng do nơi tâm lý đã trái phạm, đó chẳng phải là thật sự có trí huệ!

Còn nữa, đối với y phục, chúng ta mặc quần áo, có mặc đúng cách hay không? Tôi cho rằng phải nên chú trọng đối với y phục. Mùa Hè phải mặc mỏng một chút, mát mẻ một chút, mùa Đông phải giữ ấm hơn. Quần áo nhằm bảo vệ thân thể của chúng ta. Hiện thời đã sai mất rồi, mặc quần áo là để cho người khác xem! Trong thời đại hiện tại, chú trọng thời trang, mặc y phục cho người khác ngắm, chính mình phải chịu tội. Bó thân thể chật cứng, rất khó chịu. Như ở Mỹ có các công ty quy định, [nữ giới] đi làm nhất định phải mặc váy. Mùa Đông rét buốt như thế, bao nhiêu độ âm, cô ta mặc váy trông rất đẹp đẽ, để hai đùi phô ra. Đùi của phụ nữ [do không được giữ ấm] sanh ra rất nhiều bệnh tật. Đặc biệt là đối với phụ nữ, sẽ dẫn đến chuyện kinh nguyệt chẳng điều hòa, đủ loại bệnh tật ở phần thân dưới. Cô ta cũng thà hy sinh cái mạng, vẫn phải ăn mặc xinh đẹp đôi chút, sợ không xinh đẹp, sẽ chẳng khiến cho người khác thích. Quý vị thấy đó, bất luận là tô son hay trang điểm, cốt là để người khác trông thấy sẽ ưa thích, chẳng phải vì chính mình, mà là vì người khác. Điều ấy chẳng cần thiết!

Xưa kia, có một vị lão hòa thượng được một nhà thí chủ cúng dường. Cả nhà ấy từ khi Sư bắt đầu tu đạo đều là toàn gia sốt sắng cúng dường. Đã trải qua hai, ba thế hệ, đều cúng dường Sư. Lão hòa thượng sống rất lâu, tu hành trong núi. Có một lần, nhà ấy đang có hỷ sự, vị lão hòa thượng ấy lại đến đó để hóa duyên, đến nhận gạo. Sư đứng ngoài cửa thấy nhà ấy đang lo tổ chức tiệc vui, bèn khóc âm lên. Người khác hỏi Sư: “Lão hòa thượng! Hôm nay chúng tôi có đại hỷ sự, sư đến nơi đây, có sao sư đến báo tang, khóc lóc chuyện gì vậy?” Sư nói: “Đáng thương cho lão thí chủ của tôi, đáng thương cho chúng sanh khổ sở, cháu nội cưới bà nội!” Sư nói: “Đây là tôi tự trông thấy. Bà ta lại tái sanh làm người, làm cô dâu cho cháu nội”. “*Trư dương tịch thượng tọa, lục thân oa lý chủ*” (Lợn, dê ngồi trên tiệc, lục thân nấu trong nồi).

Khi bà nội kết hôn, lục thân đều biến thành lợn, dê. Nay đứa cháu kết hôn, các con lợn, dê ấy đang ngồi ăn tiệc, còn lục thân thườ đó bị nấu trong nồi. Sư có thần thông, thấy rõ như vậy. Điều này mang ý nghĩa cảnh sách. Vì sao chúng ta phải phóng sanh? Phải cứu độ chúng sanh, sám hối tội lỗi. Phóng sanh tiêu nghiệp nhanh nhất. Quý vị chẳng muốn nhiễm bệnh, phóng sanh là được rồi. Khiến cho người khác sống vui sướng, cuộc sống của quý vị cũng vui sướng. Kẻ đoạn dứt thiện căn, hành mười ác luân, chẳng đọa địa ngục ư? Đương nhiên là đọa địa ngục! Đức Phật nói: “*Định có thể đoạn phiền não, chẳng phải do tập tụng và tạo phước*”. Vậy thì Định chẳng phải là phước nghiệp do nghe và học tập kinh điển, bởi phước ấy có thể thuộc vào phước thế gian, có ý nghĩa như thế đó. Quý vị mong cầu Niết Bàn, phải thường tu Định, tu Tĩnh Lự. Tĩnh Lự không nhất định là tọa Thiền, Tĩnh Lự tức là tâm quý vị phải thường luôn quan sát. Hoặc là quan sát bằng Chỉ. Chỉ quan sát là Định, hoặc là huệ quan sát. Huệ quan sát là tu Huệ, cũng chính là vận dụng cả Chỉ lẫn Quán, có hàm nghĩa như vậy! Nếu có trí huệ, lại còn dừng mãi tinh tấn tu hành, tu hành như thế nào? Hộ trì chánh pháp của Phật, hộ pháp là tu hành.

“*Do kính tín ca-sa*”: Tin vào tâm y ấy. Vì trong phần trước, đã nêu ra rất nhiều thí dụ, chẳng hạn như quý La Sát trông thấy một mảnh ca-sa đỏ, chẳng ăn thịt kẻ đó cũng là vì phải kính tín. Cung kính sanh khởi thanh tịnh tín, đừng nên chiết khấu. “*Năng độ phiền não hải*” (Có thể vượt biển phiền não): Do tín tâm như vậy, có thể vượt qua biển khổ sanh tử. Kế đó, đừng tìm chỗ náo nhiệt, hãy tìm chỗ rừng sâu thanh vắng, chẳng qua lại với những kẻ ác, cho đến xa lìa chỗ ồn náo trong xã hội. Quý vị tu Định như vậy thì mới có thể tu thành công, trì giới mới có

thể trì kiên cố. Cho đến “*kính trì giới, tu Định*” (kính cẩn giữ giới, tu Định) ở nơi ấy, hoàn cảnh khách quan bên ngoài chẳng khiến cho quý vị phạm tội, cơ hội phạm tội ít ỏi. Ở trong Định cảnh, tâm tham cũng chẳng sanh khởi, đặc biệt là ngôi trong thi lâm⁸⁹, quý vị thấy cứ chốc lát lại đưa một xác chết đến, chết rồi sẽ rửa nát, vừa trông thấy sẽ khởi lên cái tâm chán lìa. Quý vị cũng như thế, thân thể của chính mình rồi cũng sẽ như vậy.

Do vậy, ở trong nhân gian huyễn hóa này độ chúng sanh, người ấy chẳng thấy chúng sanh là chân thật, chỉ thấy như mộng, huyễn, bọt, bóng. Nếu chúng sanh đều là chân thật, Bồ Tát suốt ngày vì tâm đại bi, chỉ sợ chính mình cũng sẽ khổ não chết mất. Các Ngài chẳng bị cảnh chuyển, nhận biết đó là huyễn hóa. Nếu chúng ta chẳng có định lực như thế, cũng chẳng có rất nhiều thiện căn, chỉ có thể xa lìa, chớ nên đến chốn ồn náo, như vậy thì mới có thể vượt biển “*chư Hữu*” (hai mươi lăm Hữu, tức tam giới).

“*Phổ kính tín tam thừa*” (Tin kính trọn khắp tam thừa): Đối với tam thừa chẳng dấy lên phân biệt. Thanh Văn Thừa cũng thế, Duyên Giác Thừa cũng thế, Bồ Tát Thừa cũng thế, như vậy thì mới có thể “*hung long ngã chánh pháp*” (hung thịnh chánh pháp của ta). “*Cung kính nhiếp y giả, đương thành công đức hải*” (Cung kính bậc mặc áo nhuộm, sẽ thành tựu biển công đức): Quý vị mong cầu công đức, hãy cúng dường bậc xuất gia cho nhiều, ly dục thanh tịnh. Quý vị đừng phân biệt vị này có phải là thánh tăng hay không, vị kia có phải là phá giới hay không. Trong tâm quý vị căn bản là chẳng dấy lên ý niệm ấy, hết thấy đều là Phật tử.

(Kinh) Năng phục nan điều tâm, bất cử bất-sô tội. Tu tri túc thánh chủng, đương thành Lương Túc Tôn. Viên ly ác bất-sô, thân cận thánh hạnh xứ. Bất thực dụng Tăng vật, tốc chứng đại Bồ Đề. Tam giới trung an lạc, giai do Tam Bảo sanh. Cố cầu an lạc nhân, thường cúng dường Tam Bảo. Chiên-đồ-la vương đẳng, bằng đẳng ác bất-sô. Ư Tam Bảo khởi quá, tốc đọa Vô Gián ngục. Thập áp du luân tội, đẳng bỉ nhất dâm phùng. Trí bỉ thập dâm phùng, đẳng nhất tửu phùng tội. Trí thập tửu phùng tội, đẳng bỉ nhất đồ phùng. Trí bỉ thập đồ phùng, tội đẳng vương đẳng nhất. Chân thiện quốc vương

⁸⁹ Thi lâm (屍林): Tại Ấn Độ có những vùng không chôn hay thiêu, họ có những khu rừng chuyên dành để bỏ xác người chết vào đó để xác tự rửa nát.

đăng, hưng long ngã chánh pháp, phổ cúng dường tam thừa, đưng thành công đức hải. Thất bảo mãn Thiệm Bộ, phụng thí Phật cập Tăng, bỉ sở hoạch phước tu, bất như hộ Phật pháp. Vị Phật, Tăng tạo tự, lượng đăng thập tứ châu, bỉ sở hoạch phước tu, bất như hộ Phật pháp. Tạo Phật tốt-đỗ-ba, lượng đăng tam thiên giới, bỉ sở hoạch phước tu, bất như hộ Phật pháp. Giải A La Hán phước, chủng chủng tu cúng dường, bất chướng ngã chánh pháp, kỳ phước thắng u bỉ. Thiên câu-chi kiếp trung, trí giả cần tu Định, sở sanh thắng giác huệ, bất như hộ ngã pháp. Chân thiện quốc vương đăng, viễn ly thập ác luân, hộ trì ngã chánh pháp, cập trước ca-sa giả. Bất hủy báng ngã thuyết, tam thừa pháp cập nhân, phổ thính văn cúng dường, hộ trì thuyết pháp giả, bất tổn Tam Bảo vật, bất chướng trước ca-sa, thường kính khí, phi khí, phước thắng vô luân thất.

(經)能伏難調心，不舉苾芻罪。修知足聖種，當成兩足尊。遠離惡苾芻，親近聖行處。不食用僧物，速證大菩提。三界中安樂，皆由三寶生。故求安樂人，常供養三寶。旃荼羅王等，朋黨惡苾芻。於三寶起過，速墮無間獄。十壓油輪罪，等彼一婬坊。置彼十婬坊，等一酒坊罪。置十酒坊罪，等彼一屠坊。置彼十屠坊，罪等王等一。真善國王等，興隆我正法，普供養三乘，當成功德海。七寶滿贍部，奉施佛及僧，彼所獲福聚，不如護佛法。為佛僧造寺，量等十四洲，彼所獲福聚，不如護佛法。造佛窣堵波，量等三千界，彼所獲福聚，不如護佛法。解阿羅漢縛，種種修供養，不障我正法，其福勝於彼。千俱胝劫中，智者勤修定，所生勝覺慧，不如護我法。真善國王等，遠離十惡輪，護持我正法，及著袈裟者。不毀謗我說，三乘法

及人，普聽聞供養，護持說法者，不損三寶物，不障著袈裟，當敬器非器，福勝無倫匹。

(Kinh: Hàng phục tâm khó điều, chẳng cử tội bất-sô. Cần biết đủ thánh chủng, sẽ thành Lương Túc Tôn. Xa lìa bất-sô ác, thân cận chỗ thánh hạnh. Chẳng ăn, dùng Tăng vật, mau chứng đại Bồ Đề. An lạc trong tam giới, đều do Tam Bảo sanh. Nên người cầu an lạc, thường cúng dường Tam Bảo. Bọn vua Chiên-đồ-la, cùng ác tăng kết đảng. Phạm lỗi với Tam Bảo, mau đọa ngục Vô Gián. Tội mười máy ép dầu, bằng tội một nhà thổ. Lập ra mười nhà thổ, bằng tội một tiệm rượu. Tội mở mười tiệm rượu, bằng mở một lò mổ. Lập ra mười lò mổ, tội bằng với vua quan, chuyên hành một ác luân. Bạc quốc vương chân thiện, hưng thịnh Phật chánh pháp, cúng dường khắp ba thừa, sẽ thành biển công đức. Bảy báu khắp Thiệm Bộ, dâng thí Phật và Tăng, người ấy đạt khỏi phước, chẳng bằng hộ Phật pháp. Vì Phật, Tăng dựng chùa, to bằng mười bốn châu, người ấy đạt khỏi phước, chẳng bằng hộ Phật pháp. Dựng tháp thờ phụng Phật, to bằng cõi tam thiên, người ấy đạt khỏi phước, chẳng bằng hộ Phật pháp. Cởi trói A La Hán, đủ mọi cách cúng dường, chẳng chướng Phật chánh pháp, phước ấy vượt hơn hẳn. Trong ngàn câu-chi kiếp, người trí siêng tu Định, sanh giác huệ thù thắng, chẳng bằng hộ pháp ta. Bạc quốc vương chân thiện, xa lìa mười ác luân, hộ trì Phật chánh pháp, và người mặc ca-sa, chẳng bằng pháp tam thừa, do ta đã nói ra, chẳng bằng người hành trì. Nghe trọn khắp, cúng dường, hộ trì người thuyết pháp, chẳng tổn vật Tam Bảo, chẳng chướng người xuất gia, thường kính khí, phi khí, phước thù thắng khôn sánh).

“*Năng phục nan điều tâm*” (Có thể hàng phục cái tâm khó điều phục): Điều phục cái tâm của quý vị cho tốt. Cái tâm ấy khó điều phục. Quý vị đã tin Phật, nghe hai bộ kinh, nghe rồi lập tức chuyển biến. Bất quá, tâm tham rất khó không chế, khó chế ngự hơn bất cứ sự vật nào! Có đạo hữu nói: “Hễ tôi tĩnh tọa, vọng niệm [dấy lên] nhiều ngàn ấy”. Đó là do tĩnh tọa, quý vị mới nhận biết vọng niệm. Chẳng tĩnh tọa, làm sao nhận biết vọng niệm cho được, vì quý vị đang ở trong vọng niệm! Tô Đông Pha có bài thơ: “*Hoành khán thành lãnh, trắc thành phong. Viễn cận, cao đê các bất đồng. Bất thức Lô Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung*” (Nhìn ngang thành lạnh, dọc thành đình. Cao,

thấp, gần xa, khác hẳn nhau. Chẳng biết Lô Sơn chân diện mục, vì thân vẫn ở tại non này). Quý vị ở trong phiền não, sẽ chẳng trông thấy phiền não. Vì quý vị tu Định, hoặc nghe kinh rồi đối chiếu, như thế này là phiền não, như thế kia là phiền não. Nếu không, quý vị làm sao biết nổi? Vì quý vị nghe kinh xong, tĩnh tọa ở nơi đây, lại dấy lên vọng niệm. Vọng niệm ấy sau nửa tiếng đồng hồ lại mất đi, quý vị chuyển theo vọng niệm. Giả sử quý vị chẳng học Phật, chẳng làm gì, thì trong nửa tiếng đồng hồ, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị đều bị vọng niệm xoay chuyển, làm sao nhận biết cho nổi? Lúc tỉnh đã bị vọng niệm chuyển, mà đêm ngủ nằm mộng vẫn bị vọng niệm chuyển, hoàn toàn chẳng có lúc nào làm chủ! Bậc đại đức cũng có lúc chẳng thể làm chủ, chưa phải là Bồ Tát đấng địa (tối thiểu đã chứng Sơ Địa), hoặc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng), cũng sẽ có lúc chẳng thể làm chủ!

A La Hán cũng đã đoạn Kiến Tư Hoặc, khi chẳng nhập Định, Ngài cũng chẳng thể làm chủ. Vì sao Ngài “*hôi thân mẫn trí*” (灰身泯智) tức là phải đốt cháy thân thể này? Bất luận Ngài có thần thông, phần trên thân thể bốc lửa, phần dưới thân thể tuôn ra nước, mười tám pháp thần thông biến hóa, tự mình thiêu hóa chính mình, chẳng còn nhục thể này nữa, đã đoạn dứt, thật sự nhập Niết Bàn. Khi đạt tới trình độ nhất định, vị ấy sẽ dấy lên biến hóa, chẳng đơn giản như vậy. Nếu nghiên cứu A La Hán, [sẽ thấy] có rất nhiều loại A La Hán, cũng có thoái địa (thoái chuyển) A La Hán. Vị ấy chẳng tiến lên, chẳng độ chúng sanh, chẳng lợi lạc thế gian. Trước khi thành Phật, khi chưa đạt tới Bát Địa Bồ Tát, tức Bất Động Địa, sẽ chưa phải là bất thoái. Bất thoái lại có Vị Bất Thoái và Niệm Bất Thoái. Niệm Bất Thoái rất khó, hiểu đạo lý này là được rồi!

Đối với hết thảy các pháp, phải biết đủ. “*Tu tri túc thánh chủng, đương thành Lương Túc Tôn*” (Cần phải biết đủ, đó là chủng tử của bậc thánh, sẽ trở thành Lương Túc Tôn): Chủ yếu là đối với tham, đặc biệt là chúng ta lưu chuyển trong sanh tử vì dục, tức ái dục. Đây là căn bản sanh tử của chúng ta. “*Viễn ly ác bất-sô, thân cận bậc thánh hạnh xú*” (Xa lìa bất-sô ác, thân cận bậc thánh hạnh): Thân cận tỳ-kheo tốt, đừng thân cận ác tỳ-kheo. Trong phần trước, đã bảo quý vị đừng phân biệt. Đó là nói khi quý vị cúng dường, đừng dấy lòng phân biệt. Còn khi quý vị tu hành, phải chọn lựa ai là thiện hữu, ai là ác hữu? Nếu quý vị có sức có thể chuyển kẻ ác như các vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, các Ngài chẳng phân biệt thiện hay ác, càng ác, càng độ kẻ đó.

Chúng ta chẳng có sức mạnh ấy, kẻ bình phàm chẳng có sức mạnh ấy, đức Phật liền dạy cho chúng ta biết: Hãy bớt thân cận các ác tỳ-kheo ấy, hãy thân cận những vị Tăng có thánh hạnh, đáng cung kính.

Hơn nữa, ngàn vạn phần đừng dùng vật của Tăng, Tăng [được nói ở đây là Tăng chúng] trong chùa miếu. Hễ nhắc đến Tăng là nói tới Tăng Già, Tăng Già chẳng phải là một vị. Một vị sẽ không thể gọi là Tăng. Chỉ có xuất gia thì gọi là tỳ-kheo. [Nói đến Tăng] thì ắt cần phải là từ ba vị trở lên. “*Tăng vật*” là vật dụng của đại chúng Tăng từ ba vị trở lên, quý vị đừng dùng! Nếu là như thế, quý vị thân cận thiện hữu, đừng lạm dụng vật thuộc về thường trụ, sẽ rất dễ thành tựu quả Bồ Đề. Vì điều này tương đương với chẳng trộm cắp, thân cận thiện hữu sẽ giống như tôn kính Tăng. Quý vị gặp gỡ ác tỳ-kheo, sẽ bị mắc hại, nhưng khi quý vị cúng dường họ, chẳng vì họ là kẻ ác mà quý vị phê bình. Do vậy, trong phần trước, đã nói rất nhiều lượt, cung kính vì áo ca-sa đỏ, do người ấy khoác ca-sa, [cho nên] quý vị cung kính Tăng tướng của người ấy. Như thế thì trong tam giới, quý vị có thể đạt được an lạc, khiến cho Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo sanh khởi, “*thường cúng dường Tam Bảo*”. Đó là Hữu Y. Sở dĩ Vô Y là vì người ấy chẳng thân cận Tam Bảo, cho nên Vô Y. Trong phẩm sau là Hữu Y, những gì người ấy đã làm đều là thân cận Tam Bảo; đấy gọi là Hữu Y.

“*Chiên-đồ-la vương đặng, bằng đặng ác bất-sô, u Tam Bảo khởi quá, tốc đọa Vô Gian ngục*” (Bọn vua Chiên-đồ-la, kết đảng với sư ác, phạm lỗi với Tam Bảo, mau đọa ngục Vô Gian): Trong phần trước đã nói rất nhiều. Tỳ-kheo hiện thời còn kết bái huynh đệ; tôi đã thấy rất nhiều. Ở Ấn Ni (Indonesia) và Tân Gia Ba có mấy người, đều thuộc lứa tuổi trung niên, năm sáu chục tuổi. Tỳ-kheo hiện thời còn kết bái huynh đệ với nhau, quý vị nói việc này đúng hay sai? Tôi nghĩ ai nghe xong cũng cảm thấy chẳng đúng, đó gọi là “*kéo bè kết đảng*”. Đó là ác tỳ-kheo, họ thường đối trước Phật, Pháp, Tăng tạo tội, sẽ đọa địa ngục rất nhanh!

Trong phần trước, đã nói “*thập áp du luân tội, đặng bỉ nhất dân phường. Trí bỉ thập dân phường, đặng nhất tưu phường tội. Trí thập tưu phường tội, đặng bỉ nhất đồ phường. Trí bỉ thập đồ phường, tội đặng vương đặng nhất*” (Tội mười máy ép dầu, bằng tội một nhà thổ. Mở ra mười nhà thổ, tội bằng một quán rượu. Lập ra mười quán rượu, tội bằng một lò mổ. Lập ra mười lò mổ, tội bằng với vua quan, thành tựu một

luân ác): Tội của ác tánh vương bằng tội của mười tiêm rượu⁹⁰. Quý vị làm quốc vương, hễ tạo một tội, sẽ bằng tội của mười tiêm rượu. Vì quốc vương có sức lớn, tạo tội cũng lớn. Tu thiện lớn, tạo tội cũng lớn, “*Chân thiện quốc vương đặng, hưng long ngã chánh pháp, phổ cúng dường tam thừa*” (Bậc quốc vương chân thiện, hưng thịnh Phật chánh pháp, cúng dường khắp tam thừa), chẳng dấy lên sự chọn lựa đối với tam thừa, “*đương thành công đức hải*” (sẽ thành tựu biển công đức), nếu cúng dường như vậy, công đức sẽ thành tựu rất nhanh chóng.

“*Thất bảo mãn Thiệm Bộ*” (Bảy báu đầy khắp Nam Thiệm Bộ Châu): Bảy báu đầy ắp Thiệm Bộ Châu, điều này đã được nhắc tới trong phần trước. “*Phụng thí Phật cập Tăng, bỉ sở hoạch phước tu, bất như hộ Phật pháp*” (Dâng thí Phật và Tăng, đạt được khối phước đức, chẳng bằng hộ Phật pháp): Cung ứng vật chất là hữu hạn, cũng có lúc chấm dứt. Nếu hộ trì Phật pháp, khiến cho trong vị lai có rất nhiều người đắc độ, công đức ấy vô lượng. “*Vị Phật, Tăng tạo tự, lượng đặng thập tứ châu*” (Vì Phật, Tăng dựng chùa, lượng bằng mười bốn châu): Ý nghĩa này trong phần trước đã đều nói rồi. Ở đây là trùng tụng. “*Bỉ sở hoạch phước tu, bất như hộ Phật pháp*” (Họ đạt được khối phước, chẳng bằng hộ trì Phật pháp), công đức chẳng lớn bằng hộ trì Phật pháp. “*Tạo Phật tốt-đỏ-ba, lượng đặng tam thiên giới*” (Tạo tháp thờ phụng Phật, lượng bằng cõi đại thiên): Tạo ngôi chùa rất lớn, chùa to bằng tam thiên đại thiên thế giới, phước đạt được cũng “*bất như hộ Phật pháp*” (chẳng bằng hộ trì pháp của Phật). “*Giải A La Hán phước, chủng chủng tu cúng dường, bất chướng ngã chánh pháp, kỳ phước thắng ư bỉ*” (Cởi trói A La Hán, cúng dường đủ các thứ, chẳng chướng Phật chánh pháp, phước ấy vượt hơn hẳn): Đây cũng là hộ pháp. Trong phần trước đã nói, có kẻ trói A La Hán, hay muốn bức hại họ, bèn cứu giúp họ, giải thoát họ. Sau đó, lại còn cúng dường các Ngài đủ mọi cách. Công đức ấy vẫn chẳng bằng công đức hộ trì chánh pháp, công đức chẳng chướng ngại chánh pháp. Phước đức của người sau vượt hẳn công đức trước.

“*Thiên câu-chi kiếp trung, trí giả cần tu Định, sở sanh thắng giác huệ, bất như hộ ngã pháp*” (Trong ngàn câu-chi kiếp, người trí siêng tu Định, sanh giác huệ thù thắng, chẳng bằng hộ Phật pháp): Cá nhân quý vị tu một ngàn kiếp, thậm chí có trí huệ, tu Định như vậy sanh ra giác huệ thù thắng, nhưng vẫn chẳng lớn bằng công đức hộ trì chánh pháp của ta. Đó là chỉ vì chính mình, chẳng lợi ích chúng sanh. Chỉ cần có

⁹⁰ Ở đây có lẽ là người chép lại lời giảng ghi lầm. Đúng ra phải là mười lò mổ.

Phật pháp nhân tồn tại, hết thầy vị lai vô cùng, vô tận chúng sanh đều đắc độ, cho nên mọi người phải hoằng dương Phật pháp, chớ nên viện cớ: “Tôi chẳng có học vấn, tôi chẳng biết hoằng dương như thế nào”. Quý vị khuyên người khác niệm câu A Di Đà Phật, đó chính là hoằng dương Phật pháp. Quý vị nói cho người khác một bộ kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, cho đến một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, hoặc nói một bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Họ được nghe những danh xưng ấy, đều là hoằng dương Phật pháp, gieo thiện căn. [Do vậy], ai nấy đều có thể hoằng pháp.

Vì thế, đệ tử Tam Bảo, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đều phải nên hoằng pháp. Thậm chí chúng ta thường xuyên đối trước súc sanh thuyết Tam Quy cho chúng. Quý vị nói: “Nó nghe có hiểu hay không?” Đừng cho rằng nó không hiểu! Nếu quý vị thật sự nói với nó, nó sẽ đắc độ. Chúng sanh càng nhỏ, như kiến rất nhiều. Chẳng phải là nhà quý vị có gián hay sao? Chẳng phải là có chuột hay sao? Quý vị đừng thương tổn chúng nó, hãy nói Tam Quy cho chúng nó. Quý vị nói: “Các người ở nơi đây chẳng thích hợp, ta dời chỗ các người. Các người hãy rời đi. Vì ta rất dễ tổn thương người, người khác thấy các người cũng chẳng thanh tịnh, sẽ đánh chết các người. Các người hãy rời đi”. Quý vị nói Tam Quy, thuyết pháp cho chúng nó, hãy thử xem! Đừng nầy sanh tâm phiền não, đừng thương tổn chúng nó.

“Chân thiện quốc vương đấng, viển ly thập ác luân, hộ trì ngã chánh pháp, cập trước ca-sa giả” (Bậc quốc vương chân thiện, xa lìa mười ác luân, hộ trì pháp của ta, và người mặc ca sa): Không chỉ hộ pháp, mà còn phải hộ Tăng, đừng hủy báng pháp tam thừa do ta đã nói và người hành trì pháp tam thừa. *“Phổ thỉnh văn cúng dường, hộ trì thuyết pháp giả”* (Nghe trọn khắp, cúng dường, hộ trì người thuyết pháp): Khiến cho quý vị hộ trì người thuyết pháp. Đừng nói chi khác, niệm câu A Di Đà Phật là được rồi, khéo khuyên hết thầy mọi người. Nhưng quý vị ngàn vạn lần chớ nên hủy báng. Phạm là các pháp do đức Phật đã nói, đối với những lời đức Phật đã dạy, đều chẳng hủy báng. Pháp Thanh Văn, pháp Duyên Giác, pháp Bồ Tát, chỉ cần là bất cứ pháp do đức Phật đã nói, quý vị đều chẳng hủy báng. Cho đến người hộ trì, tức là nói tới người thuyết pháp, quý vị phải nghe trọn khắp. Chỉ cần là người ấy nói Phật pháp, sẽ thường lắng nghe, lại còn phải cúng dường. Hộ trì người thuyết pháp, hoặc là hề có ai thuyết pháp, đều phải hộ trì người đó.

Tiếp đó, chẳng tổn hại vật thuộc về Tam Bảo. Đối với vật thuộc Phật, Pháp, Tăng, quý vị chớ nên hủy hoại. “*Thường kính khí, phi khí*” (Thường kính trọng pháp khí và phi pháp khí): Là pháp khí cũng thế, mà chẳng phải là pháp khí cũng thế. Pháp khí là tỳ-kheo thanh tịnh, phi khí (chẳng phải pháp khí) là tỳ-kheo phá giới, hoặc là thanh tịnh cận sự nam, thanh tịnh cận sự nữ, hễ ai thọ Tam Quy Ngũ Giới, người ấy là thanh tịnh. Sau khi đã thọ Tam Quy, [vị thầy truyền giới] sẽ bảo quý vị: “*Quy y Phật, trọn chẳng quy y ngoại đạo, thiên ma v.v...*”, quý vị chẳng lay quý thân, cầu cạnh quý thân gia trì. Trong bất cứ tình huống nào, cũng đều chẳng làm, dẫu cho mất mạng [cũng chẳng làm]. Sau khi đã quy y Phật, chẳng quy y quý thân. Thọ Tam Quy, quy y Pháp, chẳng quy y sách vở của ngoại đạo. Quy y Tăng, chẳng quy y tà chúng của ngoại đạo. Đó gọi là Tam Quy thanh tịnh. Có rất nhiều người Tam Quy chẳng thanh tịnh, lại càng chẳng nói tới Ngũ Giới, Bồ Tát Giới! Tam Quy trọn chẳng thanh tịnh, phải nên chú ý điều này. Đây là chuyện rất quan trọng.

“*Phước thắng vô luân thât*” (Phước thù thắng, khôn sánh bằng): Nếu có thể làm như vậy, bất luận thanh tịnh hay không, ta đều đối đãi bình đẳng. Lại còn chẳng bươi móc lỗi của họ. Làm sao ta biết họ thanh tịnh hay không? Vì quý vị nghe người khác nghị luận, hoặc quý vị tham dự bàn luận, quý vị sẽ biết họ thanh tịnh hay không. Dùng thánh giáo lượng để lượng định họ. Chẳng cần làm như vậy, họ có quả báo của họ!

(Kinh) Như ngũ nhật tịnh hiện, đại hải giai khô kiệt. Như thị hộ ngã pháp, năng khô kiệt phiền não. Như phong tai khởi thời, chư sơn giai tán diệt. Như thị hộ ngã pháp, năng trừ diệt phiền não. Như thủy tai khởi thời, đại địa giai phiêu hoại. Như thị hộ ngã pháp, năng hoại phi ái quả. Như như ý bảo châu, tùy sở nguyện giai mãn. Như thị tam thừa pháp, năng mãn chúng sanh nguyện. Như ngọc đặc hiền bình, trừ bần, hoạch phú lạc. Như thị ngộ Phật pháp, diệt Hoặc, chứng Bồ Đề. Như thập ngũ dạ nguyệt, minh chiếu mãn hư không. Như thị hộ pháp nhân, trí huệ châu pháp giới. Như hư không bình đẳng, vô vật, diệc vô tướng. Như thị hộ pháp nhân, tri chư pháp nhất vị. Như nhật phóng quang minh, hằng trừ thế gian ám. Như thị hộ pháp giả, thường phổ chiếu thế gian.

(經)如五日並現，大海皆枯竭。如是護我法，能枯竭煩惱。如風災起時，諸山皆散滅。如是護我法，能除滅煩

惱。如水災起時，大地皆漂壞。如是護我法，能壞非愛果。如如意寶珠，隨所願皆滿。如是三乘法，能滿眾生願。如遇得賢瓶，除貧獲富樂。如是遇佛法，滅惑證菩提。如十五夜月，明照滿虛空。如是護法人，智慧周法界。如虛空平等，無物亦無相。如是護法人，知諸法一味。如日放光明，恆除世間闇。如是護法者，常普照世間」。

(Kinh: Năm mặt trời cùng hiện, biển cả đều khô cạn. Hộ pháp ta như thế, khô cạn các phiền não. Như lúc phong tai dậy, các núi đều tan diệt. Hộ pháp ta như thế, hay trừ diệt phiền não. Như lúc thủy tai dậy, đại địa đều ngập, hư. Hộ pháp ta như thế, hoại quả chẳng mền yêu. Như bảo châu như ý, nguyện gì cũng đều thỏa. Pháp tam thừa như thế, thỏa mãn chúng sanh nguyện. Như gặp được hiền bình, trừ nghèo, được giàu vui. Gặp Phật pháp cũng thế, diệt Hoặc, chứng Bồ Đề. Như trăng đêm hôm Rằm, chiếu sáng khắp hư không. Người hộ pháp cũng thế, trí huệ trọn pháp giới. Như hư không bình đẳng, không vật, chẳng có tướng. Người hộ pháp cũng thế, biết các pháp một vị. Như mặt trời tỏa sáng, luôn trừ tối thế gian. Người hộ pháp cũng thế, thường chiếu khắp thế gian).

“Như ngũ nhật tịnh hiện, đại hải giai khô kiệt. Như thị hộ ngã pháp, năng khô kiệt phiền não” (Như năm mặt trời cùng hiện ra, biển cả đều khô cạn. Hộ trì pháp ta cũng như thế, có thể khô cạn biển phiền não): Khi thế giới này đến lúc tận thế, hỏa tai sẽ sanh khởi như thế này: Năm vàng thái dương là đã quá sức rồi, đến cuối cùng, xuất hiện bảy mặt trời. Bảy vàng thái dương nung đốt, tất cả đều bốc lửa. Thứ gì cũng đều cháy rụi. Núi cũng cháy, đá cũng bốc cháy. Quý vị thấy bom nguyên tử, lửa từ bom nguyên tử là như thế đó. Sự vật gì cũng đều có thể cháy! Năm vàng thái dương xuất hiện như thế, tất cả nước biển đều khô cạn. Nếu quý vị hộ trì Phật pháp, phiền não của quý vị đều khô cạn, năm vàng thái dương biến thành trí huệ.

“Như phong tai khởi thời, chư sơn giai tán diệt. Như thị hộ ngã pháp, năng trừ diệt phiền não” (Như lúc phong tai dậy, các núi đều tan diệt. Hộ pháp ta cũng thế, hay trừ diệt phiền não): Khi phong tai phát

sanh, phá tan các núi, thổi tung lên không trung, biến thành vi trần. Chuyện này mọi người đều có thể nhìn thấy như khi có gió lốc.

“*Như thủy tai khởi thời, đại địa giai phiêu hoại*” (Như lúc thủy tai dậy, đại địa đều ngập, hư): Toàn thể đại địa đều ngập nước. “*Như thị hộ ngã pháp, năng hoại phi ái quả*” (Hộ pháp ta cũng thế, hay hoại quả chẳng thích): Sẽ chứng thánh quả. “Ái” không tốt, “phi ái” là tốt⁹¹, có nghĩa là hư hoại. Hư hoại những điều xấu xa chẳng đáng mến thích, khiến cho sự mến thích [không đúng lý] ấy chẳng thể sanh ra cái quả.

“*Như như ý bảo châu, tùy sở nguyện giai mãn. Như thị tam thừa pháp, năng mãn chúng sanh nguyện. Như ngọc đắc hiền bình, trừ bần hoạc phú lạc*” (Như bảo châu như ý, nguyện nào cũng đều thỏa. Pháp tam thừa cũng thế, hay mãn nguyện chúng sanh. Như gặp được hiền bình, trừ nghèo, được giàu vui): Đó là thần thoại. Nếu vào trong biển cả thâm nhật báu vật, tìm được cái hiền bình ấy, quý vị mong gì, trong bình báu bèn sanh ra thứ ấy. Mọi người đã từng xem chuyện Ngàn Lẻ Một Đêm hay chưa? Hễ đã xem Ngàn Lẻ Một Đêm, sẽ biết đến ông thần đèn. Ở đây chẳng phải là bình báu kiêu đó, mà là do đức Phật nói, hãy nghĩ nó giống như trong chiếc bảo bình của Quán Thế Âm Bồ Tát, thứ gì cũng đều có. Hoặc như viên bảo châu của Địa Tạng Bồ Tát, thứ gì cũng đều có. Đây là trừ nghèo khó. Do vậy, đạt được sự giàu vui!

“*Như thị ngọc Phật pháp, diệt Hoặc, chứng Bồ Đề. Như thập ngũ dạ nguyệt*” (Gặp Phật pháp như thế, diệt Hoặc, chứng Bồ Đề, như trăng đêm hôm Rằm): Như vàng trăng đêm Rằm mỗi tháng, quang minh chiếu trọn khắp, “*minh chiếu mãn hư không. Như thị hộ pháp nhân, trí huệ châu pháp giới*” (chiếu sáng ngời hư không. Người hộ pháp như thế, trí huệ trọn pháp giới): Trí huệ ấy trọn khắp các pháp.

“*Như hư không bình đẳng, vô vật, diệt vô tướng. Như thị hộ pháp nhân, tri chư pháp nhất vị. Như nhật phóng quang minh, hằng trừ thế gian ám. Như thị hộ pháp giả, thường phổ chiếu thế gian*” (Như hư không bình đẳng, không vật, cũng không tướng. Người hộ pháp cũng thế, biết các pháp một vị. Như mặt trời phóng quang, luôn trừ tối thế gian. Người hộ pháp cũng thế, thường chiếu khắp thế gian): Mặt trời vừa mọc, tối tăm trong thế gian đều tiêu mất. Do vậy, ai hộ trì Phật pháp, sẽ giống như vàng mặt trời, chiếu trọn khắp thế gian. Hộ pháp có sâu, có

⁹¹ Câu này hơi khó hiểu. Theo ngu ý, lão pháp sư muốn nói Ái (yêu mến chấp trước) là không tốt. “Phi ái” (không yêu mến chấp trước) là tốt.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

cạn, tùy thuộc quý vị hộ trì như thế nào. Nhưng có một điều kiện: Chúng ta chớ nên hủy báng. Bất luận ai thuyết pháp, quý vị đều tán thán, tùy hỷ, không nói đến cái xấu, chỉ nói về điều tốt, như thế là hộ pháp. Phạm chỗ nào có pháp bảo, quý vị bèn cung kính, coi giống như Phật đang ngự tại đó. Pháp bảo là Pháp Thân của Phật, mà cũng là Pháp Thân của quý vị. Quý vị cung kính và tôn kính như thế, dầu chúng ta có những chỗ chưa thấu hiểu, các bậc đại đức trong quá khứ rất chú ý chuyện này.

Hiện thời, bất luận là đạo hữu tại gia cư sĩ, ngay cả các hòa thượng, rất nhiều vị hòa thượng trong chùa miếu cũng đều chẳng chú ý cho lắm, các tiểu hòa thượng thông thường lại càng chẳng cần phải nói nữa. Cầm kinh Phật mà không đủ quý trọng, cứ giống như cầm một quyển sách bình thường, quăng, ném, cuộn vò! Đạo hữu tại gia càng chẳng cần phải nói nữa! Họ phải nên trân trọng, nâng niu kính, luôn tôn kính như vậy; đây là Pháp Thân của Phật, phải cung kính như thế. Phẩm Vô Y Hạnh nói đến đây đã xong.

**Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh
Giảng Ký - Quyển 1**

“Hoan nghêh ấn tồg, công đức vô lượg”

**Đại Thừa Đại Tập
Địa Tạng Thập Luân
Kinh Giảng Ký
Quyển 2
大乘大集地藏十輪
經講記**

**Mộng Tham lão hòa thượng chủ giảng
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký

大乘大集地藏十輪經講記

Mộng Tham lão hòa thượng chủ giảng

梦参老和尚主講

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

IV. Hữu Y Hạnh - Phẩm Đệ Tứ

有依行品第四

(Phẩm thứ tư: Hữu Y Hạnh)

Nay tôi bắt đầu giảng phẩm Hữu Y Hạnh. Hữu Y (有依) là nương cây Tam Bảo, có thể sanh ra các loại công đức lực.

(Kinh) Nhĩ thời, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, u đại chúng trung, tùng tòa nhi khởi, đánh lễ Phật túc, thiên dẫn nhất kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng, cung kính, dĩ tụng văn viết:

(經)爾時，金剛藏菩薩摩訶薩，於大眾中，從座而起，頂禮佛足，偏袒一肩，右膝著地，合掌恭敬，以頌問曰。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, trật một vai áo, gối phải đặt sát đất, chắp tay, cung kính, dùng kệ tụng hỏi rằng).

Kim Cang Tạng Bồ Tát nêu ra câu hỏi. Ngài hỏi: “Đức Phật nói pháp này, dường như có chỗ chẳng giống với những điều đã nói trước đó, có chỗ mâu thuẫn, hãy nên dung thông như thế nào?” Bản thân Kim Cang Tạng Bồ Tát đã dung thông, nhưng Ngài biết chúng sanh trong vị lai có thể sẽ thắc mắc, ngờ vực tam thừa có bình đẳng hay không? Bởi lẽ, trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói: “*Duy thử nhất thị thật, dư nhị giai phi chân*” (Chỉ có một pháp này là thật, hai pháp khác đều chẳng thật). Trong kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật còn nói kinh Kim Cang là rốt ráo, những kinh khác đều chẳng phải. Vì sao có lúc đức Phật nói thế này, có khi lại nói thế khác? Phải dung thông như thế nào?

(Kinh) Tích ngôn: “Phá giới, thất tịnh đức, phi hiền thánh khí, phi ngã tử. Chư sa-môn pháp khí như tân, bất ưng u ngã thanh chúng trung. Tam cầu sở ô, thất diệt đạo, bỉ bất kham tiêu thăng cúng dường. Ư thí tứ phương Tăng chúng vật, thiếu phần ngã diệt bất thánh thọ. Tứ căn bản tội, tùy phạm nhất, thanh chúng sở khí như hải thi”. Văn hà kim thuyết ác bất-sô, ưng nhân, ưng bi, giá trích phạt? Phục khuyến ưng cần cúng dường bỉ. Bỉ mãn, vật sanh vi ác tâm. Cung kính thánh thọ sở thuyết pháp, đương hoạch phước huệ đại bi giá. Lục Thông cứu thế dư kinh thuyết: “Nhữ đẳng giai đương tín Đại Thừa. Chánh trực, vi diệu Bồ Đề đạo. Ứng xả Nhị Thừa giải thoát lộ”. Văn hà kim phục thuyết tam thừa, phổ khuyến thánh, trì, tu cúng dường? Căn, lực, giác đạo sa-môn quả, thử kinh trung hữu, dư xư vô? Bất chi thánh đạo vô đẳng luân. Tam thừa giai đồng hành thử đạo. Dục cầu giải thoát, cần tinh tấn. Các tùy sở nguyện chứng Bồ Đề. Hữu tình trung tôn đương chiếu sát, hội kim tích giáo sử vô vi, linh chư thiên nhân Bồ Tát chúng, giải ngộ, tâm hoan, chứng chân thật. Văn thuyết Đại Thừa thù hữu ích? Văn thuyết Đại Thừa thù hữu tổn? Thập chủng giải thoát Thanh Văn Thừa, văn thuyết thù tổn, thù hữu ích? Hà nhân văn pháp chuyển thăng tấn? Hà nhân văn pháp phiên thoái một? Văn hà yếm hoạn chư hữu vi? Năng tốc khô kiệt u lão tử. Trú dạ cần tu chư thiện giả, y hà diệu lý, ngự hà thừa? Năng độ thâm quảng tứ tộc lưu. Cứu thế giai đương vị tuyên thuyết.

(經)昔言：「破戒失淨德，非賢聖器非我子，諸沙門法棄如燼，不應居我清眾中。三垢所污失滅道，彼不堪消勝供養。於施四方僧眾物，少分我亦不聽受。四根本罪隨犯一，清眾所棄如海尸」。云何今說惡苾芻，應忍應悲遮謫罰？復勸應勤供養彼。悲愍勿生微噁心。恭敬聽受所說法，當獲福慧大悲者。六通救世餘經說：「汝等皆當信大乘。正直微妙菩提道。應舍二乘解脫路」。云何今復說三乘，普勸聽持修供養？根力覺道沙門果，此經中有餘處無？八支聖道無等倫

。三乘皆同行此道。欲求解脫勤精進。各隨所願證菩提。有情中尊當照察，會今昔教使無違，令諸天人菩薩眾，解悟心歡證真實。聞說大乘誰有益？聞說大乘誰有損？十種解脫聲聞乘，聞說誰損誰有益？何人間法轉升進？何人間法翻退沒？云何厭患諸有為？能速枯竭於老死。晝夜勤修諸善者，依何妙理御何乘？能渡深廣四瀑流。救世皆當為宣說」。

(Kinh: Xưa nói: “Phá giới, mất tịnh đức, chẳng phải pháp khí, con của Phật. Bỏ pháp sa-môn như tro tàn, chẳng được ở cùng thanh tịnh chúng. Tam cầu nhuộm bẩn, diệt mất đạo. Chẳng thể kham thọ các cúng dường. Các vật cúng thí tứ phương Tăng, chút phần ta chẳng cho thọ dụng. Bốn tội căn bản, hễ phạm một, biến thanh tịnh chúng chẳng chứa xác”. Sao nay lại nói ác bất-sô, nên nhẫn, nên thương, cảm trừng phạt? Lại khuyên nên siêng cúng dường họ, thương xót, đừng sanh chút ác tâm? Cung kính nghe nhận pháp Phật nói, sẽ thường được phước huê đại bi. Lục Thông, cứu thế, kinh khác nói: “Các người đều nên tin Đại Thừa, chánh trực, vi diệu Bồ Đề đạo. Hãy xả đường giải thoát Nhị Thừa”. Sao nay lại nói đến tam thừa, khuyên khắp nghe, trì, tu cúng dường? Căn, Lục, Giác, Đạo sa-môn quả, riêng kinh này có, kinh khác không! Tám chi thánh đạo khôn sánh bằng, tam thừa đều cùng hành đạo này. Muốn cầu giải thoát, siêng tinh tấn, đều theo ước nguyện chứng Bồ Đề. Đáng chúng tôn quý nên xét chiếu, dung hội pháp xưa nay chẳng trái, khiến cho trời, người, các Bồ Tát, giải ngộ, tâm vui, chứng chân thật. Nghe nói Đại Thừa, ai được lợi? Nghe nói Đại Thừa, ai tổn hoại? Mười thứ giải thoát Thanh Văn Thừa, nghe nói ai tổn? Ai có ích? Người nào nghe pháp sẽ thăng tấn? Ai nghe pháp rồi sẽ thoái thất? Chán sợ hữu vi bằng cách nào? Mau chóng khô cạn già và chết, ngày đêm siêng tu các điều thiện, nương diệu lý nào? Tu thừa nào? Sẽ vượt bốn dòng thác rộng sâu. Đáng cứu thế xin vì tuyên nói).

“Tích ngôn: Phá giới thất tịnh đức, phi hiền thánh khí phi ngã tử, chư sa-môn pháp khí như tảo, bất ưng cư ngã thanh chúng trung” (Xưa kia đức Phật nói: - Kẻ phá giới, đánh mất công đức thanh tịnh, chẳng phải là căn cơ hiền thánh, chẳng phải là con ta. Kẻ đó đã vứt bỏ các pháp

sa-môn, giống như tro tàn. Kẻ đó chẳng nên ở trong Tăng chúng thanh tịnh của ta): Bài tụng này ý nói tỳ-kheo phá giới chẳng có công đức, đánh mất công đức thanh tịnh, chẳng thể trở thành bậc hiền nhân, mà cũng chẳng thể trở thành thánh nhân, chẳng phải là dụng cụ chứa đựng pháp (pháp khí), chẳng phải là đệ tử của ta. Ta chẳng phải là đại sư của kẻ đó, kẻ đó chẳng phải là đệ tử của ta. Có ý nghĩa như thế đó.

“Chư sa-môn pháp khí như tẩn, bất ưng cư ngã thanh chúng trung” (Vứt bỏ các pháp sa-môn giống như tro tàn, chẳng nên ở trong Tăng chúng thanh tịnh của ta): Kẻ phạm giới chẳng nên ở chung với đại chúng nữa. Mỗi bộ kinh luận đều nói như thế. *“Tam cầu sở ô thất diệt đạo, bỉ bất kham tiêu thắng cúng dường, u thí tứ phương Tăng chúng vật, thiếu phần ngã diệt bất thính thọ”* ([Kẻ phá giới đó] bị nhuốm bẩn bởi tam cầu, diệt mất đạo. Kẻ đó chẳng kham tiêu nổi của cúng dường thù thắng. Đối với các vật thí cho tứ phương Tăng, ta cũng không cho phép kẻ ấy hưởng chút phần): Trong Giới Kinh, đức Phật đã từng nói, nếu tỳ-kheo phá giới, sẽ chẳng thể hưởng dụng các vật thuộc về tứ phương Tăng. Thậm chí một chút cũng không cho phép kẻ đó được thọ dụng; vì đây là vật cúng dường thù thắng.

“Tứ căn bản tội tùy phạm nhất. Thanh chúng sở khí như hải thí” (Trong bốn tội căn bản mà phạm bất cứ một tội nào, Tăng chúng sẽ vứt bỏ kẻ đó như biển không dung nạp xác chết): Biển cả chẳng dung nạp xác chết. Chết trong biển, sóng nhất định đẩy xác quý vị lên bờ. Đây là nói tỳ-kheo phạm giới bị thanh trừ khỏi các vị tỳ-kheo thanh tịnh. *“Vân hà kim thuyết ác bất-sô, ưng nhẫn, ưng bi, giá trích phạt?”* (Vì sao nay lại nói phải nên nhẫn thọ, từ bi, [lại còn] ngăn trở trừng phạt ác bất-sô?): Nhưng vì sao bộ kinh này nói như vậy? Phải nhẫn thọ ác tỳ-kheo, phải thương xót hẳn, chớ nên tùy tiện quở trách, chửi bới hẳn? *“Phục khuyến ưng cần cúng dường bỉ, bi mẫn, vật sanh vi ác tâm”* (Lại khuyên nên siêng năng cúng dường hẳn, hãy thương xót, đừng sanh chút ác tâm): Phải dấy lòng đại bi cúng dường kẻ đó, thương xót kẻ đó, đừng sanh khỏi chút xíu ác tâm nào, vì kẻ đó mặc ca-sa đỏ.

“Cung kính thính thọ sở thuyết pháp, thường hoạch phước huệ đại bi giả. Lục thông cứu thế dư kinh thuyết: Nhữ đẳng giai đương tín Đại Thừa” (Cung kính nghe nhận pháp do Phật nói; thường đạt được phước huệ và đại bi. Trong các kinh khác, đáng Lục Thông, cứu đời đã dạy: “Các người đều phải nên tin Đại Thừa”): Đối với lời đức Phật dạy, chúng ta đều cung kính lắng nghe, tiếp nhận; đã nghe nhận rồi, nhất định sẽ đạt được phước huệ đại bi. Đối với pháp, chúng ta phải cung kính,

phải nghe nhận, phải hộ trì. Như vậy thì mới có thể đạt được phước huệ. “*Lục Thông cứu thế dư kinh thuyết*” (Trong các kinh khác, đáng Lục Thông cứu thế đã nói): Đức Phật trọn đủ Lục Thông. Lục Thông là Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông, và Lưu Tận Thông. Lưu Tận của Phật là lưu tận rốt ráo, đạt đến thanh tịnh rốt ráo. “*Nhữ đẳng giai đương tín Đại Thừa*” (Các người đều nên tin Đại Thừa) [ý nói]: Chớ nên học pháp Nhị Thừa, phải tin pháp Đại Thừa.

“*Chánh trực vi diệu Bồ Đề đạo, ưng xả Nhị Thừa giải thoát lộ*” (Chánh trực, vi diệu, Bồ Đề đạo, nên xả đường giải thoát Nhị Thừa): Giải thoát trong Nhị Thừa chưa phải là giải thoát thật sự, còn đây là Bồ Đề đạo vi diệu chẳng thể nghĩ bàn, chớ nên tham đắm Tiểu Thừa. “*Vân hà kim phục thuyết tam thừa, phổ khuyến thính trì tu cúng dường*” (Nay sao lại nói pháp tam thừa, khuyến khắp mọi người nghe nhận, thọ trì, tu tập, cúng dường): Trong bộ kinh này, đức Phật nói Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, ba thừa đều phải khéo tu, khuyến mọi người đều nghe giảng, hành trì, đều phải cúng dường. Có sao nói mâu thuẫn với trước kia? Bài kệ này có ý nghĩa như thế đó!

“*Căn, lực, giác, đạo, sa-môn, quả, thử, kinh, trung, hữu, dư, xú, vô*” (Kinh này có nói căn, lực, giác, đạo, sa-môn quả, chứ trong các kinh khác chẳng có): Nay nói Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, cho đến chứng đắc Tứ Quả Sa-môn (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán), bộ kinh này nói như thế. Kinh điển Đại Thừa chẳng nói như vậy. “*Bát chi thánh đạo vô đẳng luân, tam thừa giai đồng hành thử đạo*” (Tám chi thánh đạo khôn sánh bằng, ba thừa đều cùng hành đạo này): Tam thừa bình đẳng, đều tu Bát Thánh Đạo như thế! “*Dục cầu giải thoát, cần tinh tấn, các tùy sở nguyện chứng Bồ Đề*” (Muốn cầu giải thoát, siêng tinh tấn, đều tùy ước nguyện chứng Bồ Đề): Nương theo Bát Thánh Đạo, mong tưởng tinh tấn tu hành, mong cầu giải thoát, quý vị phát nguyện gì bèn chứng quả Bồ Đề ấy.

“*Hữu tình trung tôn đương chiếu sát, hội kim tích giáo sử vô vi*” (Đấng tôn quý trong các hữu tình hãy nên chiếu soi, xem xét, dung hội giáo pháp trước kia và hiện thời, để các pháp ấy đừng mâu thuẫn với nhau): Phật là đấng tôn quý trong hết thảy chúng sanh, Ngài hãy nên dùng trí huệ chiếu soi. “*Hội*” (會) có nghĩa là “*dung hội*” (融會). Lời dạy hiện thời và trước kia chẳng mâu thuẫn nhau thì mới nên! “*Linh chú thiên, nhân, Bồ Tát chúng, giải ngộ, tâm hoan, chứng chân thật*” (Khiến

cho chư thiên, người, các vị Bồ Tát đều giải ngộ, tâm hoan hỷ, chứng chân thật): Nghe [giáo pháp hiện thời và trước kia trái nghịch nhau] như vậy, họ sẽ chẳng ưa thích. Vì sao? Họ chẳng thể giải ngộ, chẳng thể chứng chân thật, rốt cuộc như thế nào thì mới là đúng? Có ý nghĩa này!

“*Văn thuyết Đại Thừa thù hữu ích? Văn thuyết Đại Thừa thù hữu tổn? Thập chủng giải thoát Thanh Văn Thừa, văn thuyết thù hữu tổn, thù hữu ích?*” (Nghe nói Đại Thừa ai hữu ích? Nghe nói Đại Thừa ai bị tổn? Mười loại giải thoát Thanh Văn Thừa, ai được lợi ích? Ai tổn hại?) Người nào sẽ được lợi ích? Người nào bị tổn hại? Đại Thừa cũng thế, mà Thanh Văn Thừa cũng thế. Người được nghe nói và người diễn nói, rốt cuộc ai được lợi ích? Ai sẽ bị tổn hại? “*Hà nhân văn pháp chuyển thăng tấn? Hà nhân văn pháp phiên thoái một?*” (Người nào nghe pháp sẽ thăng tấn? Ai nghe pháp rồi sẽ thoái thất?) Phải như thế nào thì nghe pháp mới có thể tiến cao hơn, tinh tấn tiến lên? Người nào nghe pháp sẽ đâm ra thoái thất? Như thế thì sẽ nảy sanh hoài nghi, nghĩ tưởng báng pháp. Hễ báng pháp bèn thoái thất, lui sụt, đọa vào địa ngục.

“*Vân hà yếm hoạn chư hữu vi, năng tốc khô kiệt u lão tử*” (Chán ghét hữu vi bằng cách nào? Mau chóng khô cạn già và chết): Hết thấy các pháp hữu vi, như thế nào thì mới có thể khiến cho họ biết lỗi hại của chúng, mới có thể khiến cho họ tránh khỏi nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. “*Khô kiệt lão tử*” (Khô cạn già chết): “*Khô kiệt*” (枯竭) là diệt. Làm như thế nào để nảy sanh sự chán ghét đối với hữu vi? Làm thế nào để đoạn sanh tử? Hết thấy các pháp trong thế gian đều là pháp hữu vi; già, chết cũng là pháp thế gian. Làm thế nào để chán ghét sanh, lão, bệnh, tử, cầu xuất ly?

“*Trú dạ cần tu chư thiện giả, y hà diệu lý? Ngự hà thừa?*” (Ngày đêm siêng tu các điều thiện, nương diệu lý nào? Ngồi thừa nào?): Những người tu thiện nghiệp, Thanh Văn cũng thế, mà Bồ Tát cũng thế, rốt cuộc dùng đạo lý nào thì mới có thể “*ngự*”? “*Ngự*” có nghĩa là “*điều khiển cỗ xe*”. Thanh Văn Thừa tốt đẹp? Hay Duyên Giác Thừa tốt đẹp? Hay là Bồ Tát Thừa tốt đẹp? Hay là nương vào pháp Tứ Đế, pháp nhân duyên, và pháp Lục Độ?

“*Năng độ thâm quảng tứ bực lưu, cứu thế giai đương vị tuyên thuyết*” (Có thể vượt qua bốn dòng thác chảy xiết rộng sâu, xin đáng cứu đời hãy đều vì chúng con tuyên nói): Bốn dòng thác, thứ nhất là dòng thác Dục, tức cảnh giới ngũ dục. Nói thông thường, tài, sắc, danh, ăn

uống, ngủ nghề là ngũ dục. Rất rõ ràng, chúng nó là năm cội rễ của địa ngục. Chúng được gọi là cảnh giới ngũ dục.

Loại thứ hai là Tứ Giới Vô Sắc Giới. Bốn dòng thác chỉ Tứ Giới Vô Sắc Giới. Tứ Giới là bốn giới nào vậy? Địa, thủy, hỏa, phong. Vô Sắc Giới chẳng có địa, thủy, hỏa, phong. Đây là loại thứ hai. Trong Tứ Giới Vô Sắc Giới, đều có tham, kiêu mạn, hoài nghi; đó là những thứ nổi bật nhất. Hết thấy chúng sanh hoài nghi, hiểu lầm đạo lý tu Bồ Đề đạo. Hoài nghi thì sẽ chẳng tin, gặp chuyện gì cũng đều phết dấu hỏi. Nhưng Kim Cang Tạng Bồ Tát thay mặt cho chúng sanh, Ngài biết chúng sanh nhất định sẽ thắc mắc.

Loại thứ ba là Kiến. Kiến là tri kiến. Chúng ta có rất nhiều tri kiến sai lầm, tà tri, tà kiến, điên đảo kiến.

Loại thứ tư, đại Bồ Tát cũng trọn đủ vô minh căn bản phiền não, chưa đạt đến Diệu Giác. Diệu Giác thì mới có thể đoạn trừ, nó rất vi tế. “*Cứu thế giai đương vị tuyên thuyết*” (Đấng cứu thế hãy tuyên nói cho con): Con thỉnh vấn, mong đức Phật sẽ giải đáp cho con, chỉ dạy con, có ý nghĩa như thế đó.

(Kinh) Nhữ thời, Phật cáo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim vị dục lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, vị chư thiên, nhân, A Tó Lạc đẳng, tác đại nghĩa lợi, thỉnh vấn Như Lai như thị thâm nghĩa. Nhữ ưng để thính, thiện tư niệm chi, ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết”. Kim Cang Tạng Bồ Tát ngôn: “Dụ nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn”. Phật ngôn: “Thiện nam tử! Hữu thập chủng Bồ Đặc Già La, luân hồi sanh tử, nan đắc nhân thân. Hà đẳng vị thập Bồ Đặc Già La? Nhất giả, bất chủng thiện căn. Nhị giả, vị tu phước nghiệp. Tam giả, tạp nhiễm tương tục. Tứ giả, tùy ác hữu hành. Ngũ giả, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả. Lục giả, mãnh lợi tham dục. Thất giả, mãnh lợi sân khuể. Bát giả, mãnh lợi ngu si. Cửu giả, kỳ tâm mê loạn. Thập giả, thủ ác tà kiến. Như thị thập chủng Vô Y Hạnh nhân, linh chư chúng sanh phạm căn bản tội, hủy phạm Thi La, đọa chư ác thú”.

(經)爾時，佛告金剛藏菩薩摩訶薩言：「善哉！善哉！善男子！汝今為欲利益，安樂無量有情，為諸天、人、阿素洛等，作大義利，請問如來如是深義。汝應諦聽，善思念之

，吾當為汝分別解說」。金剛藏菩薩言：「唯然，世尊！願樂欲聞」。佛言：「善男子！有十種補特伽羅，輪迴生死，難得人身。何等為十補特伽羅？一者、不種善根。二者、未修福業。三者、雜染相續。四者、隨惡友行。五者、不見不畏後世苦果。六者、猛利貪慾。七者、猛利瞋恚。八者、猛利愚癡。九者、其心迷亂。十者、守惡邪見。如是十種無依行因，令諸眾生犯根本罪，毀犯尸羅，墮諸惡趣。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử! Ông nay vì muốn lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, vì các trời, người, A Tó Lạc v.v... tạo đại nghĩa lợi mà thưa hỏi Như Lai nghĩa sâu như thế. Ông hãy nên lắng nghe, ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói”. Kim Cang Tạng Bồ Tát thưa: “Thưa vâng, đức Thế Tôn! Con vui thích mong được nghe”. Đức Phật dạy: “Nay thiện nam tử! Có mười loại Bồ Đặc Già La luân hồi sanh tử, khó được làm thân người. Những gì là mười loại Bồ Đặc Già La? Một là chẳng gieo thiện căn. Hai là chưa tu phước nghiệp. Ba là liên tục tạp nhiễm. Bốn là làm theo bạn ác. Năm là chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả đời sau. Sáu là tham dục mạnh mẽ. Bảy là sân khuể mạnh mẽ. Tám là ngu si mạnh mẽ. Chín là tâm kẻ đố mê loạn. Mười là chấp giữ tà kiến ác. Mười loại nguyên nhân Vô Y Hạnh như thế khiến cho các chúng sanh phạm tội căn bản, hủy phạm Thi La, đọa vào các đường ác”).

Mười loại Bồ Đặc Già La tạo nghiệp là vì họ không có thiện căn để nương cậy. Một tí thiện căn cũng chẳng có, phước gì cũng đều chẳng tu, đã thế họ còn tạo nghiệp tạp nhiễm liên tục, chưa hề ngưng nghỉ! Do trong quá khứ đã có mười loại Vô Y Hạnh làm cái nhân, cho nên họ chẳng tu phước nghiệp, chẳng gieo thiện căn.

(Kinh) Hà đẳng danh vi Thập Vô Y Hạnh? Vị ngã pháp trung nhi xuất gia giả, hữu gia hạnh hoại, ý nhạo bất hoại. Hữu ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại. Hữu gia hạnh, ý nhạo câu hoại. Hữu giới hoại, kiến bất hoại. Hữu kiến hoại, giới bất hoại. Hữu giới, kiến câu hoại. Hữu u gia hạnh, ý nhạo, giới, kiến tuy giai bất hoại, nhi dẫn y

chỉ ác hữu lực hành, tác Vô Y Hạnh. Hữu tuy y chỉ thiện hữu lực hạnh, nhi phục ngu độn, do như á dương, u chư sự nghiệp, đô bất phân biệt, văn thiện hữu thuyết thiện, bất thiện pháp, bất năng lãnh thọ, bất năng ký trì, bất năng giải liễu thiện, bất thiện nghĩa; do thị nhân duyên, tác Vô Y Hạnh. Hữu u chúng chúng tài bảo chúng cụ, thường vô yếm túc, truy cầu nhân duyên, kỳ tâm mê loạn, tác Vô Y Hạnh. Hữu vị chúng bệnh chi sở bức não, tiện cầu chúng chúng từ tự, chú thuật, do thị nhân duyên, tác Vô Y Hạnh. Như thị thập chúng Vô Y Hạnh nhân, linh chư chúng sanh phạm căn bản tội, u hiện pháp trung phi hiền thánh khí, hủy phạm Thi La, đọa chư ác thú.

(經)何等名為十無依行？謂我法中而出家者，有加行壞，意樂不壞。有意樂壞，加行不壞。有加行、意樂俱壞。有戒壞、見不壞。有見壞、戒不壞。有戒、見俱壞。有於加行、意樂、戒、見，雖皆不壞，而但依止惡友力行，作無依行。有雖依止善友力行，而復愚鈍，猶如啞羊，於諸事業，都不分別，聞善友說善不善法，不能領受，不能記持，不能解了善不善義；由是因緣，作無依行。有於種種財寶眾具，常無厭足，追求因緣，其心迷亂，作無依行。有為眾病之所逼惱，便求種種祠祀咒術，由是因緣，作無依行。如是十種無依行因，令諸眾生犯根本罪，於現法中非賢聖器，毀犯尸羅，墮諸惡趣。

(Kinh: Những gì gọi là mười Vô Y Hạnh? Tức là kẻ xuất gia trong pháp của ta, có kẻ gia hạnh hoại mà ý nhạo chẳng hoại. Có kẻ ý nhạo hoại mà gia hạnh chẳng hoại. Có kẻ gia hạnh và ý nhạo đều hoại. Có kẻ giới hoại, kiến chẳng hoại. Có kẻ kiến hoại, giới chẳng hoại. Có kẻ giới lẫn kiến đều hoại. Có kẻ tuy gia hạnh, ý nhạo, giới và kiến đều bất hoại, nhưng do nương tựa lực hạnh của bạn ác mà làm Vô Y Hạnh. Có kẻ tuy y chỉ lực hạnh của bạn lành, nhưng lại ngu độn ví như con dê câm, đối với các sự nghiệp đều chẳng phân biệt, nghe bạn lành nói thiện pháp và bất thiện pháp chẳng thể lãnh nhận, chẳng thể nhớ, giữ, chẳng thể thấu

hiểu nghĩa thiện và bất thiện. Do nhân duyên ấy mà làm Vô Y Hạnh. Có kẻ đối với các thứ của cải, các vật dụng thường chẳng chán đủ, do nhân duyên truy cầu [những thứ ấy] mà cái tâm mê loạn, làm Vô Y Hạnh. Có chúng sanh vì bệnh tật bức bách, não hại, liền cầu đủ thứ cúng bái, chú thuật. Do nhân duyên ấy mà làm Vô Y Hạnh. Mù vì cái nhân gây nên Vô Y Hạnh như thế khiến cho các chúng sanh phạm tội căn bản, chẳng phải là căn khí hiền thánh trong pháp hiện thời, hủy phạm Thi La, đọa vào các đường ác).

Vì sao họ phạm tội căn bản? Vì họ có cái nhân ấy, tất nhiên sẽ phạm tội. Mù vì loại Vô Y Hạnh như thế khiến cho hết thấy chúng sanh phạm tội căn bản, chẳng phải là căn khí hiền thánh trong pháp hiện tại, cho nên họ sẽ hủy phạm giới cấm, đọa vào các đường ác.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Đặc Già La, gia hạnh hoại, ý nhạo bất hoại, tùy ngộ nhất chủng Vô Y Hạnh nhân, phạm căn bản tội, tiện thâm bố cụ, tầm quý khí xả, nhi bất sở sở tác chư ác hạnh. Như Lai vị ích bỉ cố, thuyết hữu ô đạo sa-môn. Sở dĩ giả hà? Bỉ tác như thị trọng ác nghiệp dĩ, tức tiện phát lộ, bất cảm phú tàng, tầm quý sám hối. Bỉ do như thị tầm quý sám hối, tội đắc trừ diệt, vĩnh đoạn tương tục, bất phục cánh tác. Tuy u nhất thiết sa-môn pháp sự, giai ưng tận xuất, nhất thiết sa-môn sở hữu tư cụ, bất thính thọ dụng, nhi do bỉ nhân u tam thừa trung, thành pháp khí cố, Như Lai từ bi, hoặc vị bỉ thuyết Thanh Văn Thừa pháp, hoặc vị bỉ thuyết Duyên Giác Thừa pháp, hoặc vị bỉ thuyết Vô Thượng Thừa pháp. Bỉ hữu thị xú, chuyển u đệ nhị, đệ tam sanh trung, phát chánh nguyện lực, ngộ thiện hữu lực, nhất thiết sở tác chư ác nghiệp chướng, giai tất tiêu diệt. Hoặc hữu chứng đắc Thanh Văn Thừa quả, hoặc hữu chứng đắc Duyên Giác Thừa quả, nhi bát Niết Bàn, hoặc hữu ngộ nhập quảng đại thậm thâm Vô Thượng Thừa lý. Như thị giới hoại, kiến bất hoại giả, ưng tri diệt nhĩ.

(經)善男子！若有補特伽羅，加行壞、意樂不壞，隨遇一種無依行因，犯根本罪，便深怖懼，慚愧棄舍，而不數數作諸惡行。如來為益彼故，說有污道沙門。所以者何？彼作如是重惡業已，即便發露，不敢覆藏，慚愧懺悔。彼由如是

慚愧懺悔，罪得除滅，永斷相續，不復更作。雖於一切沙門法事，皆應擯出，一切沙門所有資具，不聽受用，而由彼人於三乘中，成法器故，如來慈悲，或為彼說聲聞乘法，或為彼說緣覺乘法，或為彼說無上乘法。彼有是處，轉於第二、第三生中，發正願力，遇善友力，一切所作諸惡業障，皆悉消滅。或有證得聲聞乘果，或有證得緣覺乘果，而般涅槃，或有悟入廣大甚深無上乘理。如是戒壞、見不壞者，應知亦爾。

(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu có Bồ Đặc Già La gia hạnh hoại, mà ý nhạo chảnh hoại, hễ gặp bất cứ một loại nhân nào gây nên Vô Y Hạnh, khiến phạm tội căn bản, liền sợ hãi sâu xa, hổ thẹn buông bỏ, chẳng nhiều lượt làm các hạnh ác. Như Lai vì lợi ích kẻ đó, bèn nói có ô đạo sa-môn. Vì có sao vậy? Kẻ đó tạo ác nghiệp nặng nề như thế xong, liền lập tức phơi bày, chẳng dám giấu giếm, hổ thẹn sám hối. Kẻ đó do hổ thẹn sám hối như vậy, tội được trừ diệt, vĩnh viễn đoạn sự tiếp nối [của ác nghiệp], chẳng còn làm nữa. Tuy trong hết thấy các pháp sự của hàng sa-môn, vẫn bị trục xuất, chẳng được phép thọ dụng hết thấy các vật dụng của sa-môn, nhưng do kẻ đó trở thành pháp khí trong tam thừa, cho nên Như Lai từ bi, hoặc vì kẻ đó nói pháp Thanh Văn Thừa, hoặc vì kẻ đó nói pháp Duyên Giác Thừa, hoặc vì kẻ đó nói pháp Vô Thượng Thừa. Do vì điều này, kẻ ấy chuyển sanh sang đời thứ hai, đời thứ ba, do sức phát nguyện chân chánh, do sức gặp gỡ bạn lành, hết thấy các nghiệp chướng ác trót làm thấy đều tiêu diệt. Hoặc là có khi chứng đắc quả Thanh Văn Thừa, hoặc có kẻ chứng đắc quả Duyên Giác Thừa rồi bát Niết Bàn, hoặc có người ngộ nhập lý Vô Thượng Thừa rộng lớn rất sâu. Như thế thì đối với kẻ giới hoại mà kiến chẳng hoại cũng nên biết sẽ giống như thế).

Tiếp đó, đối với mỗi nhân [tạo tác Vô Y Hạnh] đều nói lại một lượt.

Tuy đã phá giới, nhưng trong đời này, kẻ ấy có thể sám hối sửa lỗi, đức Phật lại nói pháp tam thừa cho kẻ đó. Trong đời thứ hai, hay đời

thứ ba, kẻ đó do sức phát khởi chánh nguyện, lại được gặp gỡ các thượng thiện hữu, tất cả các ác nghiệp chướng đều tiêu diệt. Do vậy, chúng đặc pháp Thanh Văn Thừa, hoặc có người chúng đặc pháp Duyên Giác Thừa, hoặc chúng đặc pháp Vô Thượng Thừa rộng lớn rất sâu. Đó gọi là “*giới hoại, kiến bất hoại, ung tri diệt nhĩ*” (đó gọi là giới hoại, kiến chẳng hoại, hãy nên biết cũng thế).

Thứ nhất là “*gia hạnh hoại, ý nhạo bất hoại*” và “*ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại*”, gộp chung cả hai điều để giải thích. “*Gia hạnh hoại*” là chẳng có phương tiện thiện xảo. Vì đã phá giới, sẽ chẳng có phương tiện thiện xảo. Tuy gia hạnh đã hoại, nhưng ý nhạo bất hoại, [nghĩa là] người ấy còn có thể hổ thẹn, có thể sám hối, còn có thể phát lộ. Tuy là ô đạo sa-môn, vẫn có thể phát lộ sám hối, có biểu hiện hối cải, tội nghiệp của kẻ đó có thể bị trừ diệt. Do vậy, đức Phật dạy: “*Đối với ô đạo sa-môn, cũng phải nên cúng dường, phải nên tôn kính*”, là do ý nghĩa này.

Tuy ô đạo sa-môn chẳng thể chúng quả trong đời này, nhưng trong đời thứ hai, hoặc đời thứ ba, sức mạnh chánh kiến của người ấy sẽ phát huy. Lại gặp thiện hữu dìu dắt, vậy thì hết thảy các nghiệp chướng ác do người ấy đã tạo đều bị tiêu diệt. Còn như chúng đặc quả Thanh Văn Thừa, hoặc chúng đặc quả Duyên Giác Thừa rồi bát Niết Bàn, sẽ chẳng nhất định, phải tùy thuộc tình huống tu tập của người ấy trong đời thứ hai, hay đời thứ ba.

“*Hoặc hữu ngộ nhập quảng đại thậm thâm Vô Thượng Thừa lý, như thị giới hoại, kiến bất hoại*” (Hoặc là có kẻ ngộ nhập lý Vô Thượng Thừa rộng lớn rất sâu, giới hoại mà kiến chẳng hoại như thế): Người ấy tuy phá giới, nhưng tri kiến chẳng bị phá hoại, vẫn nhận biết chính mình sai lầm. Có những kẻ tuy làm sai, nhưng chẳng thừa nhận, còn cho rằng chính mình làm đúng, đó là thật sự ác. Tuy đã phá giới, người ấy vẫn có chánh tri, chánh kiến, có thể sám hối sửa đổi.

(Kinh) Nhược hữu Bồ Đặc Già La, ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại, Như Lai vị ích bỉ cố, thuyết câu Tứ Phạm Trụ pháp. Bỉ thị Thanh Văn Thừa khí, hoặc thị Duyên Giác Thừa khí. Nhược hữu Bồ Đặc Già La gia hạnh, ý nhạo câu hoại, bỉ u chư thừa, giai phi pháp khí, Như Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết bố thí. Nhược hữu Bồ Đặc Già La kiến hoại, giới bất hoại, Như Lai vị ích bỉ cố, thuyết duyên khởi pháp linh xả ác kiến, u hiện thân trung, nhập Thanh Văn pháp, hoặc Duyên Giác pháp, hoặc u dư thân, phương năng ngộ nhập.

(經)若有補特伽羅，意樂壞，加行不壞，如來為益彼故，說求四梵住法。彼是聲聞乘器，或是緣覺乘器。若有補特伽羅，加行、意樂俱壞，彼於諸乘，皆非法器，如來為益彼故，讚說佈施。若有補特伽羅，見壞、戒不壞，如來為益彼故，說緣起法令舍惡見，於現身中，入聲聞法，或緣覺法，或於餘身，方能悟入。

(Kinh: Nếu có Bồ Đặc Già La ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại, Như Lai vì lợi ích người đó, nói hãy cầu pháp Tứ Phạm Trụ. Người ấy là pháp khí Thanh Văn Thừa, hoặc là pháp khí Duyên Giác Thừa. Nếu có Bồ Đặc Già La mà gia hạnh lẫn ý nhạo đều hư hoại thì kẻ đó chẳng phải là pháp khí nơi các thừa, Như Lai vì lợi ích người đó bèn khen nói bổ thí. Nếu có Bồ Đặc Già La mà kiến hoại, giới bất hoại, Như Lai vì lợi ích người đó, sẽ nói pháp duyên khởi, khiến cho người ấy bỏ ác kiến, nơi thân hiện tại bèn nhập pháp Thanh Văn, hoặc pháp Duyên Giác, hoặc từ nơi thân khác mới có thể ngộ nhập).

“*Nhược hữu Bồ Đặc Già La ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại*” (Nếu có Bồ Đặc Già La ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại), [nghĩa là] tuy người ấy chẳng ưa thích Phật giáo, chẳng tin tưởng Phật pháp cho lắm (đó là “ý nhạo hoại”), nhưng người ấy tu tập chẳng gián đoạn, niệm kinh, theo thường lệ mà tụng niệm khóa tụng, theo lệ thường mà lễ bái (đó là “gia hạnh bất hoại”). Ý nhạo của người ấy bị hoại, tín tâm chẳng trọn đủ, chẳng nầy sanh hứng thú, nhưng gia hạnh bất hoại, cứ theo lệ thường mà hành trì. Do sức gia trì của Tam Bảo, có thể khiến cho người ấy còn có thể tìm lại, khôi phục ý nhạo.

Phương tiện thiện xảo, phương tiện chứng đạo, khi quý vị muốn tu đạo, trước đó phải có gia hạnh. Gia hạnh (加行) là gì vậy? Là phương tiện thiện xảo. Không nhất định rập rày mười vạn lần, chẳng nhất định là niệm mười vạn Bách Tự Minh Chú¹, cũng chẳng nhất định phải niệm

¹ Bách Tự Minh Chú là một bài chú, do gồm có một trăm âm, cho nên gọi tên như vậy, tức: “*Oṃ Vajrasatva Samaya Manupālaya, Vajrasatva Tvenopa Tiṣṭhā, Dṛḍho Me Bhava, Sutoṣyo Me Bhava, Anurakto Me Bhava, Suṣoṣyo Me Bhava, Sarva Siddhim Me Prayaccha, Sarva Karmasu Ca Me Cittaṃ Śriyāṃ Kuru Hūṃ, Haha*”

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

mười vạn lần bài Tam Bảo Tụng. Đó là tu gia hạnh theo kiểu Mật Tông. Trong Hiến giáo, đọc tụng, lễ bái, sám hối, tụng niệm sáng tối đều gọi là gia hạnh. Đó là phương tiện thiện xảo trước khi tu đạo, gia hạnh là phương tiện thiện xảo. Như Lai vì làm cho người ấy đạt được lợi ích, “*thuyết câu Tứ Phạm Trụ pháp*” (nói hãy cầu pháp Tứ Phạm Trụ). Pháp Tứ Phạm Trụ là Tứ Vô Lượng Tâm. Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả, có thể thanh tịnh cái tâm của quý vị. Nếu là pháp khí Thanh Văn Thừa, hoặc là pháp khí Duyên Giác Thừa, thế thì người ấy tu Duyên Giác Thừa, hay tu Thanh Văn Thừa, sẽ có thể thoát lìa nỗi khổ. Vì thế, đối với loại tỳ-kheo ô đạo, tức ô đạo sa-môn, đức Phật đã tạo phương tiện thiện xảo như thế để nhiếp thọ họ.

“*Nhược hữu Bồ Đặc Già La gia hạnh, ý nhạo câu hoại, bỉ u chư thừa, giai phi pháp khí*” (Nếu có Bồ Đặc Già La gia hạnh lẫn ý nhạo đều hoại, kẻ đó đối với các thừa đều chẳng phải là pháp khí): Gia hạnh hư

Haha Hoh, Bhagavān Sarva Tathāgata Vajra Ma Me Muñca, Vajri Bhava Mahā Samaya Satva Āḥ”. Bài chú này do Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát (Vajrasattva) nói ra. Theo Mật giáo Tây Tạng, bài chú này có công năng thanh lọc thân tâm, tiêu trừ nghiệp chướng, bỏ khuyết những thiếu sót trong khi tu tập, tương ứng với tam-ma-địa, trừ diệt tội Ngũ Vô Gian, trừ hết thảy khổ não, cầu hết thảy Như Lai gia trì, thành tựu các Tát-địa, chứng nhập thể tánh của hết thảy Như Lai. Theo Chân Ngôn Tông, Kim Cang Tát Đỏa là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát khi dạy Mật Giáo, còn Tạng Truyền Phật Giáo lại nói Ngài là hóa thân Phật của Phổ Hiền Vương Như Lai (Samantabhadra Rājā Tathāgata, còn gọi là A Đề Phật, tức Nguyên Thi Phật, là Pháp Thân của hết thảy chư Phật). Vị này đóng vai trò trọng yếu trong Chân Ngôn Tông, vì Đông Mật coi Ngài là nhị tổ (Đại Nhật Như Lai là Sơ Tổ), tam tổ Long Thọ Bồ Tát đã học Mật Pháp từ Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát nơi tháp sắt ở Nam Ấn Độ. Kim Cang Tát Đỏa biểu thị tâm linh thuần tịnh. Trước khi tu bất cứ Mật pháp nào, để thật sự đủ tư cách tiếp nhận quán đánh, hành giả phải tịnh hóa thân tâm bằng cách thực hiện pháp sám hối (thường gọi là Nyungne trong tiếng Tạng) bao gồm ân cư, lễ bái mười vạn đại lễ (cách lễ từ đứng thẳng rồi quỳ rạp xuống đất, duỗi thẳng thân và tay áp sát mặt đất), tụng mười vạn chú Bách Tự Minh Chú, các bài tán tụng chẳng hạn Tam Bảo Tụng, cúng dường bằng cách quán tưởng và phụng hiến Mạn-đà-la (thường là dâng cúng bằng gạo hay đá quý). Để thực hiện viên mãn nghi lễ chuẩn bị này, hành giả tối thiểu phải hành trì liên tục mỗi ngày từ ba năm đến năm năm mới có thể hoàn tất. Sau đó, mới có tư cách được truyền thọ Mật pháp. Sau khi đã được truyền thọ Mật pháp, lại phải nhập thất hành trì cho đến khi vị A Xà Lê xét thấy đệ tử đủ tư cách mới ấn chứng, cho phép truyền dạy đạo. Vì thế, những ai tự xưng theo học với các vị chân sư Tây Tạng, trong ba năm, năm năm, đã được gia trì quán đánh làm A Xà Lê, chúng đắc này nọ, phần lớn đều là mạo xưng, lừa gạt tín đồ. Kinh Tô Tát Địa đã dạy rất chi tiết về tiêu chuẩn của một vị A Xà Lê.

hoại, mà ý nhạo cũng hư hoại. Đối với Duyên Giác Thừa cũng thế, mà đối với Thanh Văn Thừa cũng thế, đối với Đại Thừa Phật pháp cũng thế, kẻ đó đều chẳng phải là pháp khí. Làm như thế nào đây? Đức Phật liền vì kẻ đó khen nói pháp bố thí, hãy làm thiện sự cho nhiều, thí xả cho nhiều. Đây cũng là một phương pháp nhiếp thọ khác.

“*Nhược hữu Bồ Đặc Già La kiến hoại, giới bất hoại*” (Nếu có Bồ Đặc Già La kiến hoại, giới bất hoại), tức là tuy tri kiến bất chánh, nhưng kẻ đó chẳng phá giới. Như thế thì Như Lai do gia hộ kẻ đó, bèn nói pháp duyên khởi, khiến cho kẻ đó xả ác kiến, khiến cho kẻ đó nhận biết các pháp do nhân duyên sanh khởi. “*U hiện thân trung, nhập Thanh Văn pháp, hoặc Duyên Giác pháp, hoặc u dư thân, phương năng ngộ nhập*” (Trong thân hiện tại, nhập pháp Thanh Văn, hoặc pháp Duyên Giác, hoặc từ nơi thân khác mới có thể ngộ nhập): Đời này vẫn chưa được, đời sau mới có thể ngộ nhập. Loại thứ tư là “*giới hoại, kiến bất hoại*”. Đối với “*giới hoại, kiến bất hoại*” và “*kiến hoại, giới bất hoại*” có thể giải thích cùng lúc. Như Lai vì khiến cho kẻ đó được lợi ích, liền “*thuyết duyên khởi pháp, linh xả ác kiến*” (nói pháp duyên khởi khiến cho họ bỏ ác kiến). Hoặc là kiến hoại, giới bất hoại, hoặc kẻ đó là giới hoại, kiến bất hoại, hai loại ấy đều tương tự; cho nên chẳng cần phải nhắc lại.

(Kinh) Nhược hữu Bồ Đặc Già La, giới kiến câu hoại, bỉ u thánh pháp, diệt bất thành khí. Như Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết bố thí. Nhược hữu Bồ Đặc Già La, gia hạnh, ý nhạo, giới, kiến bất hoại, nhi dẫn y chỉ ác hữu lực hạnh, Như Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nhược hữu Bồ Đặc Già La, tuy phục y chỉ thiện hữu lực hạnh, nhi phục ngu độn, do như á dương, bất năng lãnh thọ thiện, bất thiện pháp. Như Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết tập tụng. Nhược vị chủng chủng tham bệnh sở bức, hữu vị chủng chủng kiến thú mê hoặc, Như Lai vị ích như thị đẳng cố, cầu giải thoát giả, vị kỳ khai thị năng xuất sanh tử, thú Thanh Văn Thừa Tứ Thánh Đế pháp. Đoạn Kiến Luận giả, vị kỳ tán thuyết chư duyên khởi pháp. Thường Kiến Luận giả, vị thuyết tam giới, chư hữu, chư thú, tử tử, sanh bỉ, như đào gia luân vãng lai vô tuyện, vô thường đẳng pháp.

(經)若有補特伽羅，戒見俱壞，彼於聖法，亦不成器。

如來為益彼故，讚說佈施。若有補特伽羅，加行、意樂、戒

、見不壞，而但依止惡友力行，如來為益彼故，讚說十善業道。若有補特伽羅，雖復依止善友力行，而復愚鈍，猶如啞羊，不能領受善不善法。如來為益彼故，讚說習誦。若為種種貪病所逼，有為種種見趣迷惑，如來為益如是等故，求解脫者，為其開示能出生死，趣聲聞乘四聖諦法。斷見論者，為其讚說諸緣起法。常見論者，為說三界，諸有，諸趣，死此，生彼，如陶家輪往來無絕，無常等法。

(Kinh: Nếu có Bồ Đặc Già La giới lần kiến đều hoại, kẻ đó đối với thánh pháp cũng chẳng thành pháp khí. Như Lai vì lợi ích kẻ đó, khen nói bố thí. Nếu có Bồ Đặc Già La, gia hạnh, ý nhạo, giới, kiến chẳng hoại, chỉ vì y chỉ lực hạnh của bạn ác, Như Lai do lợi ích kẻ đó, bèn khen nói Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu có Bồ Đặc Già La tuy y chỉ lực hạnh của bạn lành, nhưng lại ngu độn giống như dê câm, chẳng thể lãnh nhận thiện pháp và bất thiện pháp. Như Lai vì lợi ích kẻ đó, khen nói tập tụng. Nếu có kẻ bị các thứ bệnh tham bực bách, bị các kiến giải mê hoặc, Như Lai vì lợi ích những kẻ cầu giải thoát như thế, liền vì họ khai thị pháp Tứ Thánh Đế để họ có thể thoát khỏi đường sanh tử theo Thanh Văn Thừa. Vì kẻ chấp Đoạn Kiến Luận mà khen ngợi các pháp duyên khởi. Vì kẻ chấp Thường Kiến Luận mà nói các hữu, các đường trong tam giới, chết đây, sanh kia như cái bánh xe của thợ gốm xoay tròn không dứt, vô thường v.v...)

“Nhược hữu Bồ Đặc Già La, giới kiến câu hoại, bỉ u thánh pháp, diệc bất thành khí” (Nếu có Bồ Đặc Già La giới lần kiến đều hoại, kẻ đó đối với thánh pháp cũng chẳng thành pháp khí): Như thế thì đức Phật sẽ vì kẻ đó nói pháp bố thí, khiến cho Bồ Đặc Già La ấy cũng có thể được cứu.

“Nhược hữu Bồ Đặc Già La gia hạnh, ý nhạo, giới, kiến bất hoại” (Nếu có Bồ Đặc Già La gia hạnh, ý nhạo, giới và kiến đều chẳng hoại), gia hạnh cũng bất hoại, ý nhạo cũng bất hoại, giới cũng bất hoại, kiến cũng bất hoại. Đây chẳng phải là rất tốt hay sao? Nhưng kẻ đó có bạn ác, kẻ bại hoại kết bè kéo đảng, nương theo sức của bạn ác, làm theo bạn ác,

hông hết mất rồi! Chẳng hạn như anh ngài A Nan là Đề Bà Đạt Đa, chẳng phải là thân đọa hãm trong địa ngục ư? Ông ta lôi kéo năm trăm vị tỳ-kheo tách khỏi Tăng đoàn, năm trăm vị tỳ-kheo ấy theo ông ta phá hòa hợp Tăng. Năm trăm vị tỳ-kheo ấy kiến cũng bắt hoại, giới cũng bắt hoại, ý nhạo cũng bắt hoại, nhưng làm theo ác hữu, phạm tội Nhất Xiển Đề, lòng tin chẳng trọn đủ!

“Nhược hữu Bồ Đặc Già La tuy phục y chỉ thiện hữu lực hạnh, nhi phục ngu độn” (Nếu có Bồ Đặc Già La tuy vẫn y chỉ lực hạnh của thiện hữu, nhưng lại ngu độn): Loại này trái ngược. Có một loại đi theo bạn lành, nhưng trì độn quá mức, chuyện gì cũng đều chẳng biết, đã chẳng thể thuyết pháp, mà cũng chẳng thể phân biệt rõ ràng nghĩa lý, giống hệt như dê câm. Dê câm chẳng thể nói được. Đức Phật dùng con dê câm để tỷ dụ kẻ đó chẳng hiểu biết Phật pháp chi cả, cũng chẳng thể tiếp nhận gì là thiện pháp, gì là bất thiện pháp, là một vị Tăng giống như con dê câm.

“Nhu Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết tập tụng” (Nhu Lai vì lợi ích kẻ đó mà khen nói tập tụng): Người đó hãy đọc nhiều kinh sách Đại Thừa, đọc nhiều kinh điển, học tập tụng kinh.

“Nhược vị chủng chủng tham bệnh sở bức, hữu vị chủng chủng kiến thú mê hoặc. Nhu Lai vị ích như thị đẳng cố, cầu giải thoát giả, vị kỳ khai thị năng xuất sanh tử, thú Thanh Văn Thừa Tứ Thánh Đế pháp” (Nếu có người bị các thứ bệnh tham bức bách, có người bị các thứ tri kiến mê hoặc. Nhu Lai vì lợi ích những kẻ cầu giải thoát như thế, bèn vì họ khai thị pháp Tứ Thánh Đế thoát khỏi đường sanh tử theo pháp Thanh Văn Thừa), tức là pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bồ Đặc Già La có mười loại, trong loại thứ tám bèn nói đến cả loại thứ chín và thứ mười, hoàn toàn chẳng nêu ra từng điều [riêng rẽ]. Đó là có lúc nói gộp lại, có khi nói tách ra, quý vị cứ chiếu theo kinh văn, vừa nhìn sẽ biết ngay.

Đối với *“Đoạn Kiến Luận giả, vị kỳ tán thuyết chư duyên khởi pháp. Thường Kiến Luận giả, vị thuyết tam giới, chư hữu, chư thú, tử thử, sanh bỉ”* [nghĩa là] nêu đối với kẻ theo Thường Kiến Luận, bèn nói pháp chẳng thường, tức là: Do [kẻ tuân theo] Thường Kiến Luận cho rằng hết thảy, tức núi, sông, đại địa, đều bất biến, vĩnh viễn tồn tại. Người chết đi rồi sẽ lại tái sanh. Tuy là sống sống, chết chết, chết chết, sống sống, kẻ đó vẫn nghĩ là thường hằng. Hoặc là đối với thọ mạng, mong sống một ngàn năm. Đây là chúng sanh theo Thường Kiến. Họ thấy hết thảy sự vật dường như chẳng hư hoại, cho nên tăng trưởng tâm tham. Nhưng đây là sai lầm, tam giới đều là vô thường!

Đức Phật nói một tỷ dụ là “đào gia luân” (陶家輪, cái bàn xoay của thợ gốm). Làm đồ sứ thì có một cái bánh xe (bàn xoay), đặt đồ gốm trên ấy, sẽ xoay tròn như vậy để nặn. [Cái bánh xe ấy] chuyển động không ngừng, [dùng vật này để tỷ dụ] chẳng có pháp thường hằng để đạt được. Dùng điều này để hình dung vô thường.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Lai vô hữu sở thuyết, danh tự, ngôn thuyết, âm thanh, không vô quả giả, vô bất giai vị thành thực hữu tình. Thị cố, nhất thiết hủy báng Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoại chư hữu tình chánh pháp nhãn tội, quá chư Vô Giá, tự Vô Giá đẳng vô lượng trọng tội. Nhược hữu u ngã vị dục lợi lạc nhất thiết hữu tình sở thuyết chánh pháp, vị y Thanh Văn Thừa sở thuyết chánh pháp, hoặc y Duyên Giác Thừa sở thuyết chánh pháp, hoặc y Đại Thừa sở thuyết chánh pháp, phỉ báng, giá chỉ, chướng tế, ẩn một, hạ chí nhất tụng, đương tri thị danh báng chánh pháp giả, diệc danh hủy diệt Bát Thánh Đạo giả, diệc danh phá hoại nhất thiết hữu tình chánh pháp nhãn giả. Như thị chi nhân, ký tự tập hành đại vô lợi hạnh, diệc linh nhất thiết hữu tình tập hành đại vô lợi hạnh. Thử nhân y chỉ vô tầm quý Tăng, như thị hủy báng Như Lai chánh pháp.

(經)善男子! 如來無有所說, 名字, 言說, 音聲, 空無果者, 無不皆為成熟有情。是故, 一切毀謗如來所說正法, 壞諸有情正法眼罪, 過諸無間, 似無間等無量重罪。若有於我為欲利樂一切有情所說正法, 謂依聲聞乘所說正法, 或依緣覺乘所說正法, 或依大乘所說正法, 誹謗遮止, 障蔽隱沒, 下至一頌, 當知是名謗正法者, 亦名毀滅八聖道者, 亦名破壞一切有情正法眼者。如是之人, 既自習行大無利行, 亦令一切有情習行大無利行。此人依止無慚愧僧, 如是毀謗如來正法。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Như Lai chẳng có gì để nói, danh tự, ngôn thuyết, âm thanh đều là Không, chẳng thực tại, không gì chẳng nhằm đều khiến cho hữu tình thành thực. Vì thế, hết thầy tội hủy báng

chánh pháp do Như Lai đã nói, làm hư con mắt chánh pháp của hữu tình, còn nặng hơn vô lượng trọng tội như tội Vô Gián, hay tội tương tự Vô Gián v.v... Nếu có kẻ đối với chánh pháp do ta đã nói nhằm lợi lạc hết thấy hữu tình, tức là chánh pháp đã nói do dựa theo Thanh Văn Thừa, chánh pháp đã nói do dựa theo Duyên Giác Thừa, hoặc chánh pháp đã nói do dựa theo Đại Thừa, mà phủ báng, ngăn trở, chướng lấp, ẩn giấu, dấu chỉ một bài tụng, hãy nên biết [tội ấy] sẽ gọi là hủy báng chánh pháp, cũng gọi là hủy diệt Bát Thánh Đạo, cũng gọi là phá hoại con mắt chánh pháp của hết thấy hữu tình. Người như thế đã tự làm hạnh vô ích to lớn, mà cũng khiến cho hết thấy hữu tình tập làm hạnh vô ích to lớn. Kẻ đó y chỉ hạng tăng sĩ không hổ thẹn, hủy báng chánh pháp của Như Lai như thế đó).

Danh tự, ngôn thuyết và âm thanh do Như Lai đã nói đều là Không, chẳng có thật thể. “Vô quả” (無果) là chẳng có thực tại, đều là Không. Do vậy, tướng danh tự, tướng ngôn thuyết, âm thanh, đều là giả, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Nói là Không, “vô quả” tức là chẳng có thực tại. “Vô bất giai vị thành thực hữu tình” (Không gì chẳng đều vì thành thực hữu tình): Mục đích là khiến cho chúng sanh đắc độ, nhằm mục đích này!

“Thị cố nhất thiết hủy báng Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoại chư hữu tình chánh pháp nhân tội, quả chư Vô Gián, tự như Vô Gián đẳng vô lượng trọng tội” (Vì thế, hết thấy các tội hủy báng chánh pháp do Như Lai đã nói, phá hư con mắt chánh pháp của hữu tình còn nặng hơn vô lượng trọng tội như tội Vô Gián, hay tội tương tự Vô Gián v.v...): Nếu quý vị hủy báng pháp như vậy, sẽ mắc tội ác rất lớn. Hủy diệt pháp do Như Lai đã nói, sẽ giống như hủy diệt con mắt chánh pháp của chúng sanh, đó gọi là “phạm tội hủy diệt pháp”. So với các tội Vô Gián trong thế gian, cho đến tội tương tự Vô Gián, vô lượng các tội, tội diệt pháp lớn nhất. Đây là trả lời cho điều hoài nghi của Kim Cang Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Hữu tứ chủng Tăng, hà đẳng vi tứ? Nhất giả, thắng nghĩa Tăng. Nhị giả, thế tục Tăng. Tam giả, á dương Tăng. Tứ giả, vô tầm quý Tăng. Vân hà danh thắng nghĩa Tăng? Vị Phật Thế Tôn, nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, kỳ đức tôn cao, u nhất thiết pháp, đắc tự tại giả, nhược Độc Thắng Giác,

nhược A La Hán, nhược Bất Hoàn, nhược Nhất Lai, nhược Dự Lưu. Như thị thất chủng Bồ Đặc Già La, thắng nghĩa Tăng nhiếp. Nhược chư hữu tình, đối tại gia tướng, bất thể tu phát, bất phục ca-sa, tuy bất đắc thọ nhất thiết xuất gia biệt giải thoát giới, nhất thiết yết-ma, bố-tát, tự tứ, tất giai giá khiển, nhi hữu thánh pháp, đắc thánh quả cố, thắng nghĩa Tăng nhiếp. Thị danh thắng nghĩa Tăng. Vân hà danh thể tục Tăng? Vị thể tu phát, bị phục ca-sa, thành tựu xuất gia biệt giải thoát giới. Thị danh thể tục Tăng. Vân hà danh á dương Tăng? Vị bất liễu tri căn bản đẳng tội, phạm dữ bất phạm, bất tri khinh trọng, hủy phạm chủng chủng tiểu tội, tiểu tội, bất tri phát lộ sám hối sở phạm, xuân ngu, lỗ độn, u vi tiểu tội bất kiến, bất úy, bất y thông minh thiện sĩ nhi trụ, bất thời thời gian, vãng nghệ đa văn, thông minh giả sở thân cận, thừa sự, diệc bất sở sở cung kính thỉnh vấn: “Vân hà vi thiện? Vân hà bất thiện? Vân hà hữu tội? Vân hà vô tội? Tu hà vi diệu? Tác hà vi ác?” Như thị nhất thiết Bồ Đặc Già La, á dương Tăng nhiếp. Thị danh á dương Tăng. Vân hà danh vô tà quý Tăng? Vị nhược hữu tình, vị hoạt mạng cố, quy y ngã pháp, nhi cầu xuất gia. Đắc xuất gia dĩ, u sở thọ trì biệt giải thoát giới, nhất thiết hủy phạm, vô tà, vô quý, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, nội hoài hủ bại, như uế oa loa, bôi âm cầu hạnh, thường háo hư ngôn, tăng vô nhất thật, xan tham, tật đố, ngu si, kiêu mạn, ly tam thắng nghiệp, tham trước lợi dưỡng, cung kính, danh dự, đàm miện lục trần, háo nhạo dâm dật, ái dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc cảnh. Như thị nhất thiết Bồ Đặc Già La, vô tà Tăng nhiếp, hủy báng chánh pháp. Thị danh vô tà quý Tăng.

(經)復次，善男子！有四種僧，何等為四？一者、勝義僧。二者、世俗僧。三者、啞羊僧。四者、無慚愧僧。云何名勝義僧？謂佛世尊，若諸菩薩摩訶薩眾，其德尊高，於一切法，得自在者，若獨勝覺，若阿羅漢，若不還，若一來，若預流。如是七種補特伽羅，勝義僧攝。若諸有情，帶在家相，不剃鬚發，不服袈裟，雖不得受一切出家別解脫戒，一切羯磨、布薩、自恣悉皆遮遣，而有聖法，得聖果故，勝義僧攝。是名勝義僧。云何名世俗僧？謂剃鬚發，被服袈裟，

成就出家別解脫戒。是名世俗僧。云何名啞羊僧？謂不了知根本等罪，犯與不犯，不知輕重，毀犯種種小隨小罪，不知發露懺悔所犯，蠢愚魯鈍，於微小罪，不見不畏，不依聰明善士而住，不時時間，往詣多聞，聰明者所親近承事，亦不數數恭敬請問：「云何為善？云何不善？云何有罪？云何無罪？修何為妙？作何為惡？」如是一切補特伽羅，啞羊僧攝。是名啞羊僧。云何名無慚愧僧？謂若有情，為活命故，皈依我法，而求出家。得出家已，於所受持別解脫戒，一切毀犯無慚無愧，不見不畏後世苦果，內懷腐敗，如穢蝸螺，貝音狗行，常好虛言，曾無一實，慳貪、嫉妒、愚癡、憍慢，離三勝業，貪著利養，恭敬名譽，耽湎六塵，好樂婬泆，愛慾色聲香味觸境。如是一切補特伽羅，無慚僧攝，毀謗正法。是名無慚愧僧。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Có bốn loại Tăng, những gì là bốn? Một là tăng nghĩa Tăng. Hai là thế tục Tăng. Ba là Tăng dê tâm. Bốn là Tăng không hổ thẹn. Thế nào là tăng nghĩa Tăng? Tức là Phật Thế Tôn, hoặc là các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đức hạnh tôn quý, cao cả, được tự tại trong hết thảy các pháp, hoặc là Độc Thắng Giác, hoặc A La Hán, hoặc Bất Hoàn, hoặc Nhất Lai, hoặc Dự Lưu. Bảy loại Bồ Đặc Già La như thế thuộc vào tăng nghĩa Tăng. Nếu các hữu tình mang hình tướng tại gia, chẳng cạo râu tóc, chẳng đắp ca-sa, tuy chẳng được thọ hết thảy các biệt giải thoát giới của hàng xuất gia, hết thảy các pháp yết-ma, bố-tát, tự tử đều bị cấm dự, bị đuổi ra, nhưng người ấy có thánh pháp. Do đắc thánh quả, nên thuộc về thánh nghĩa Tăng. Đó gọi là tăng nghĩa Tăng. Thế nào là thế tục Tăng? Tức là cạo bỏ râu tóc, khoác đắp ca-sa, thành tựu biệt giải thoát giới của hàng xuất gia. Đó gọi là thế tục Tăng. Thế nào Tăng dê tâm? Tức là đối với các tội căn bản, chẳng biết rõ có phạm hay chẳng phạm, chẳng biết nặng hay nhẹ, hủy phạm đủ thứ tiểu

tùy², tiểu tội, chẳng biết phơì bày, sám hối các tội đã phạm, ngu xuẩn, thô lỗ, đần độn, chẳng thấy, chẳng sợ các tội nhỏ nhất, chẳng nương theo bậc thiện sĩ thông minh để trụ, chẳng thường luôn đến chỗ bậc đa văn, thông minh để thân cận, phụng sự, cũng chẳng nhiều lượt cung kính thưa hỏi: “Thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là có tội? Thế nào là vô tội? Tu pháp gì là tốt nhất? Làm điều gì là ác?” Hết thấy Bồ Đặc Già La như thế thuộc loại Tăng dê câm. Đó là Tăng dê câm. Thế nào là Tăng không hổ thẹn? Tức là nếu có hữu tình vì để nuôi thân mà quy y pháp của ta, cầu xuất gia. Đã được xuất gia, đối với biệt giải thoát giới đã thọ, bèn hủy phạm hết thấy, chẳng hổ, chẳng thẹn, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, lòng ôm ấp những điều thối nát như con ốc sên dơ bẩn, hành theo hạnh của chó, thường ham chuộng lời rỗng tuếch, chẳng nói một điều nào chân thật, keo kiệt, tham lam, ganh ghét, ngu si, kiêu mạn, lừa ba nghiệp thù thắng, tham đắm lợi dưỡng, cung kính, danh dự, đắm đuối sáu trần, ưa chuộng dâm dật, ái dục, và cảnh thanh, hương, vị, xúc. Hết thấy Bồ Đặc Già La như thế thuộc loại Tăng không hổ thẹn, hủy báng chánh pháp. Đó gọi là Tăng không hổ thẹn).

“Phục thứ, thiện nam tử! Hữu tứ chủng Tăng” (Lại này, thiện nam tử! Có bốn loại Tăng): Kinh văn chẳng nói đến loại Tăng kéo bè, kết đảng. “Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, thắng nghĩa Tăng. Nhị giả, thế tục Tăng. Tam giả, á dương Tăng. Tứ giả, vô tâm quý Tăng” (Những gì là bốn? Một là thắng nghĩa Tăng. Hai là thế tục Tăng. Ba là Tăng dê câm. Bốn là Tăng không hổ thẹn). Thắng nghĩa Tăng là gì? “Vị Phật Thế Tôn, nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, kỳ đức tôn cao, u nhất thiết pháp đắc tự tại giả” (Tức là Phật Thế Tôn, hoặc các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đức hạnh tôn quý, cao cả, được tự tại trong hết thấy các pháp), đó là Thắng Nghĩa Tăng. “Nhược Độc Thắng Giác, nhược A La Hán” (Hoặc là Độc Thắng Giác, hoặc A La Hán), [Độc Thắng Giác] tức là Độc Giác, A La Hán là Vô Sanh. “Nhược Bất Hoàn” tức là Tam Quả Bất Hoàn (A Na Hàm, Anāgāmin). “Nhược Nhất Lai” là Nhị Quả (Tu Đà Hàm, Sakṛdāgāmin). “Nhược Dự Lưu” là thánh nhân Sơ Quả (Tu Đà Hoàn, Srotāpanna). Tu Đà Hoàn, A Na Hàm, Tu Đà Hàm, và A La Hán là quả

² Tiểu Tùy là các loại tâm sở được xếp vào loại Tiểu Tùy Phiền Não tức Phẫn, Hận, Phú (giấu giếm tội lỗi của chính mình), Não (não loạn người khác), Tật (ghen ghét), Xan (keo kiệt), Khí (hep hòi), Cuồng (lường gạt người khác), Hại (làm hại người khác), Kiêu.

Tứ Thánh Đế. Lại còn thêm Phật, Bồ Tát, và Độc Giác, tổng cộng bảy loại Bồ Đặc Già La. Phật cũng là một loại chúng sanh. Trong bảy loại Bồ Đặc Già La, Phật, Bồ Tát, Duyên Giác là ba loại, lại còn bốn quả, tức Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, và Tứ Quả, là bảy loại Bồ Đặc Già La. Bảy loại này đều thuộc vào Thắng Nghĩa Tăng.

“*Nhược chư hữu tình đời tại gia tướng*” (Nếu các hữu tình mang hình tướng tại gia), tuy chưa xuất gia, nhưng tâm người ấy xuất gia, thân chưa xuất gia, “*bất thể tu phát, bất phục ca-sa*” (chẳng cạo râu tóc, chẳng đắp ca-sa). Tuy chưa thọ biệt giải thoát giới của hàng xuất gia, hết thảy các pháp yết-ma, bố-tát, tỳ-tứ, người ấy đều chẳng được phép tham gia. Đó chính là “*giá khiển, giá chỉ*” (遮遣, 遮止, ngăn che, đuổi ra [không cho tham dự]). “*Nhi hữu thánh pháp*” (Nhưng có thánh pháp), tại gia cũng có người đắc quả vị thù thắng. Hàng người này cũng thuộc loại Thắng Nghĩa Tăng. Tại gia đạt được quả vị thù thắng thì cũng gọi là Thắng Nghĩa Tăng. “*Vân hà danh thế tục Tăng? Vị thế tu phát, bị phục ca-sa, thành tựu xuất gia biệt giải thoát giới, thị danh thế tục Tăng*” (Thế nào là thế tục Tăng? Tức là cạo râu tóc, thành tựu biệt giải thoát giới của hàng xuất gia thì gọi là thế tục Tăng): Do không chứng thắng quả, nên gọi là thế tục Tăng.

Thế nào là Tăng như dê câm? Chẳng biết rõ các tội căn bản có phạm hay không! Đối với căn bản giới, người đó chẳng biết gì là phạm, gì là không phạm. Phạm là như thế nào? Trong mỗi giới, đều trọn đủ năm duyên, chẳng hạn như sát giới: Sát nhân, sát pháp, sát duyên, sát nghiệp (cái nhân gây ra giết chóc, cách giết, duyên giúp cho sát nghiệp thành tựu, nghiệp giết), cho đến mạng tận. “*Mạng tận*” (命盡) là giết chết, đó mới là “*phạm*”. Nếu mạng chưa hết, nhưng có cái nhân giết chóc, tức ta muốn giết kẻ đó, mà cũng có cái duyên, chẳng hạn như dao, dùng vật dụng gì đó [để giết], thì gọi là Duyên. Sát nghiệp là nghĩ cách thức, tức là nghĩ giết bằng cách nào, hoặc là dùng dao chém, hoặc là bắn, hoặc dùng súng bắn cho chết. Tạo nghiệp ấy, cho đến nghĩ đủ mọi cách. Đối tượng bị giết chết, quý vị liền phạm tội này. Chẳng có những điều ấy, hề thiếu một duyên thì tội chẳng thành. Quý vị ắt cần phải học, chẳng học sẽ không biết. Tăng dê câm chẳng học, họ không biết gì là phạm, gì là chẳng phạm, đấy gọi là “*Tăng dê câm*”. Kẻ đó chẳng học, mà cũng chẳng thể nói cho người khác!

Thế nào là Tăng đáng hổ thẹn? Kẻ đó vì mạng sống, thấy bát cơm hòa thượng dễ ăn quá, đến trà trộn ăn chực cơm của người xuất gia. Tuy

kẻ đó quy y Phật pháp, sau khi xuất gia, cũng thọ biệt giải thoát giới, nhưng hết thấy đều phạm. Kẻ đó căn bản là chẳng nghĩ tới xuất gia, cho nên hết thấy các giới đều phạm. Đã phạm lại chẳng sám hối, “*vô tâm, vô quý*” (không hổ, không thẹn), còn cho rằng bản thân đã làm đúng, cũng chẳng thấy khổ quả trong đời sau. Nội tâm thối nát, “*như uế oa loa*”, [nghĩa là bản thiu] giống như con ốc nhồi hoặc ốc sên, “*bối âm cầu hạnh*” là học theo hạnh của chó. Đã học theo chó mà còn ăn nói lớn lối, còn nói lời giả dối. “*Thường háo hư ngôn, tăng vô nhất thật*” (Thường chuộng lời hư dối, chưa hề nói một lời thành thật): Một câu lời nói thật đều chẳng có, đều là lời nói dối.

“*Xan tham, tật đố, ngu si, kiêu mạn*” (Keo tham, ghen ty, ngu si, kiêu mạn): Ba nghiệp thù thắng kẻ đó đều lìa, [tức là] đối với ba nghiệp thù thắng nơi thân, miệng, ý, kẻ đó hoàn toàn xa lìa. Kiêu mạn, ngu si, tham lam, keo kiệt, mười ác đều phạm toàn bộ. Lại còn tham đắm lợi dưỡng, cung kính, danh dự, tham đắm sáu trần, tức cảnh giới sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng bỏ một thứ nào. “*Háo nhạo dâm dật*” (Ham chuộng dâm dật): “*Háo nhạo dâm dật*” là chỉ cầu hưởng thụ. Nói đơn giản là “*ái dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc cảnh. Như thị nhất thiết Bồ Đặc Già La, vô tâm Tăng nhiếp, hủy báng chánh pháp. Thị danh vô tâm quý Tăng*” (ái dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc cảnh. Hết thấy Bồ Đặc Già La như thế thuộc loại Tăng không thẹn, hủy báng chánh pháp. Đó là Tăng không hổ thẹn).

(Kinh) Thiện nam tử! Thắng nghĩa Tăng giả, u trung hoặc hữu, diệt thị thắng đạo sa-môn sở nhiếp. Ngôn thắng đạo giả, vị nhược năng y bát chi thánh đạo, tự độ nhất thiết phiền não sử lưu, diệt linh tha độ. Thử phục vân hà? Vị Phật Thế Tôn, cập Độc Thắng Giác, chư A La Hán, như thị tam chủng Bồ Đặc Già La, dĩ ly nhất thiết hữu chi quyền thuộc, cố danh Thắng Đạo.

(經)善男子！勝義僧者，於中或有，亦是勝道沙門所攝。言勝道者，謂若能依八支聖道，自度一切煩惱駛流，亦令他度。此復云何？謂佛世尊，及獨勝覺，諸阿羅漢，如是三種補特伽羅，已離一切有支眷屬，故名勝道。

(Kinh: Này thiện nam tử! Trong thắng nghĩa Tăng cũng có thể bao gồm thắng đạo sa-môn. Nói “thắng đạo” nghĩa là vị ấy có thể

nương theo Bát Chánh Đạo, tự vượt qua hết thủy các dòng nước phiền não sử, và cũng độ người khác. Điều này lại như thế nào? Tức là Phật Thế Tôn, và Độc Thắng Giác, các vị A La Hán, ba loại Bồ Đặc Già La như thế đã lìa hữu chi quyền thuộc, cho nên gọi là Thắng Đạo).

Có tất cả bốn loại Sa-môn, lại còn thêm loại [sa-môn] kết bè kéo đảng, thành năm loại. Vì Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi đức Phật: - Trước kia, đức Phật đã nói ô đạo sa-môn phá giới giống như xác chết trong biển cả, bị vớt ra ngoài biển của chư Phật. Hết thủy các thọ dụng của Tăng chúng đều chẳng chia cho kẻ đó, kẻ đó cũng chẳng thể có phần. Vì sao đức Phật còn khuyên các đệ tử phải cúng dường, phải từ bi đối với kẻ đó?

Chữ “*thiện nam tử*” ở đây là nói với Kim Cang Tạng Bồ Tát, đức Phật khen ngợi Kim Cang Tạng Bồ Tát. “*Thắng nghĩa*” (勝義) là nói đến thắng đạo sa-môn. Thắng Nghĩa được gộp vào trong thắng đạo sa-môn; đây là Thắng Nghĩa. “*Thắng đạo*” bao gồm vài loại, loại nào sẽ là thắng nghĩa Tăng? Nói đơn giản, sẽ là nương theo đạo thù thắng mà chúng quả. Phật Thế Tôn, Độc Giác, Thanh Văn, tức là Duyên Giác và Thanh Văn, Thanh Văn là A La Hán, ba loại Bồ Đặc Già La ấy đều là hữu tình Bồ Đặc Già La. Phật cũng là một loại Bồ Đặc Già La, các Ngài đoạn dứt Kiến Tư phiền não, phiền não chẳng phải là quyền thuộc của các Ngài. “*Hữu chi*” (有支) là tất cả phiền não, tổng cộng gồm hai mươi lăm Hữu³ trong tam giới. Những điều này thuộc về danh từ Pháp Tướng; ở đây nói ba loại. Các Ngài đều đã lìa phiền não, cho nên gọi là Thắng Đạo sa-môn!

(Kinh) Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, bất giả tha duyên, u nhất thiết pháp trí kiến vô chướng, nhiếp thọ lợi lạc nhất thiết hữu

³ Hai mươi lăm Hữu là cách phân loại chi tiết sanh tử luân hồi trong tam giới. Do có nhân, ắt phải có quả, nhân và quả đều chẳng mất, nên gọi là Hữu, bao gồm: 1) Địa Ngục Hữu. 2) Súc Sanh Hữu. 3) Ngạ Quỷ Hữu. 4) A Tu La Hữu. 5) Phát Bà Đề Hữu (Đông Thắng Thần Châu). 6) Cù Da Ni Hữu (Tây Ngưu Hóa Châu). 7) Uất Đan Việt Hữu (Bắc Câu Lô Châu). 8) Diêm Phù Đề Hữu. 9) Tứ Thiên Xứ Hữu. 10) Tam Thập Tam Thiên Hữu. 11) Diêm Ma Thiên Hữu. 12) Đâu Suất Thiên Hữu. 13) Hóa Lạc Thiên. 14) Tha Hóa Tự Tại Thiên Hữu. 15) Sơ Thiên Hữu. 16) Đại Phạm Thiên Hữu. 17) Nhị Thiên Hữu. 18) Tam Thiên Hữu. 19) Tứ Thiên Hữu. 20) Vô Tướng Hữu. 21) Tịnh Cư A Na Hàm Hữu. 22) Không Xứ Hữu. 23) Thức Xứ Hữu. 24) Bất Dụng Xứ Hữu. 25) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Hữu.

tình, diệt danh thắng đạo sa-môn sở nhiếp. Kỳ thắng nghĩa Tăng, cập thể tục Tăng, u trung hoặc hữu, diệt thị thị đạo sa-môn sở nhiếp. Nhược hữu thành tựu biệt giải thoát giới, chân thiện dị sanh, nãi chí cụ túc thể gian chánh kiến, bỉ do ký thuyết biến hiện lực cố, năng quảng vị tha tuyên thuyết, khai thị chư thánh đạo pháp. Đương tri như thị Bồ Đặc Già La, danh tối hạ liệt thị đạo sa-môn. Chứng Dự Lưu quả Bồ Đặc Già La, thị danh đệ nhị. Chứng Nhất Lai quả Bồ Đặc Già La, thị danh đệ tam. Chứng Bất Hoàn quả Bồ Đặc Già La, thị danh đệ tứ. Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, thị danh đệ ngũ. Vị trụ Sơ Địa, chí Đệ Thập Địa, nãi chí an trụ tối hậu hữu thân, thử giai thị đạo sa-môn sở nhiếp. Nhược hữu thành tựu biệt giải thoát giới, quý tác sở hành, thanh tịnh cụ túc, thử giai mạng đạo sa-môn sở nhiếp. Dĩ đạo hoạt mạng, cố danh mạng đạo.

(經)復有菩薩摩訶薩眾，不假他緣，於一切法智見無障，攝受利樂一切有情，亦名勝道沙門所攝。其勝義僧，及世俗僧，於中或有，亦是示道沙門所攝。若有成就別解脫戒，真善異生，乃至具足世間正見，彼由記說變現力故，能廣為他宣說，開示諸聖道法。當知如是補特伽羅，名最下劣示道沙門。證預流果補特伽羅，是名第二。證一來果補特伽羅，是名第三。證不還果補特伽羅，是名第四。復有菩薩摩訶薩眾，是名第五。謂住初地，至第十地，乃至安住最後有身，此皆示道沙門所攝。若有成就別解脫戒，軌則所行，清淨具足，此皆命道沙門所攝。以道活命，故名命道。

(Kinh: Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng nhờ vào các duyên, đối với trí thấy hết thấy các pháp chẳng chướng ngại, nhiếp thọ lợi lạc hết thấy hữu tình, cũng gọi là “thuộc về thắng đạo sa-môn”. Trong số các vị thắng nghĩa Tăng và thể tục Tăng, cũng có người có thể thuộc vào loại thị đạo sa-môn (sa-môn dạy đạo). Nếu có chân thiện dị sanh thành tựu biệt giải thoát giới, cho đến trọn đủ chánh kiến thể gian, người ấy do sức ký thuyết (có thể nói pháp tương ứng với ước muốn của người nghe

pháp) biến hiện, sẽ có thể vì người khác tuyên thuyết, khai thị các pháp thánh đạo. Hãy nên biết Bồ Đặc Già La như thế được gọi là hạng thị đạo sa-môn kém cõi nhất. Bồ Đặc Già La chứng quả Dự Lưu được gọi là thứ hai. Bồ Đặc Già La chứng quả Nhất Lai được gọi là thứ ba. Bồ Đặc Già La chứng quả Bất Hoàn được gọi là thứ tư. Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát được gọi là thứ năm, tức là trụ từ Sơ Địa cho đến Đệ Thập Địa, cho đến các vị an trụ nơi thân tối hậu, những vị ấy đều thuộc loại thị đạo sa-môn. Nếu có ai thành tựu biệt giải thoát giới, làm theo đúng các khuôn phép, thanh tịnh trọn đủ, thì những người ấy đều thuộc loại mạng đạo sa-môn. Do dùng đạo để nuôi mạng, nên gọi là mạng đạo).

“Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, bất giả tha duyên” (Các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng nhờ vào các duyên khác): Khi Bồ Tát tạo lợi ích cho chúng sanh, tuy chưa thành đạo, xét theo phương diện chứng quả, các Ngài chẳng bằng Thanh Văn, chẳng bằng Độc Giác, nhưng xét theo phương diện lợi sanh, các Ngài vượt hẳn Thanh Văn, vượt hơn Độc Giác. Cũng có vị là đại quyền thị hiện, Ngài đã chứng đắc, trở lại thị hiện, hoặc là thị hiện làm phàm phu. “Bất giả tha duyên” (Chẳng nhờ vào các duyên khác): Các Ngài chẳng giống những vị sa-môn khác, cũng có khi các Ngài chẳng xuất gia. Bồ Tát Ma Ha Tát không nhất định đều là người xuất gia, cũng có các vị Bồ Tát tại gia. Trong hết các pháp, các Ngài có thể thấy “Không và Hữu chẳng hai”, ngộ Trung Đạo, trí huệ bèn có Căn Bản Trí, mà cũng có Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là phương tiện thiện xảo.

Do vậy, các Ngài là chánh tri, chánh kiến, lợi sanh chẳng bị chướng ngại, nơi Trí Độ chẳng có chướng ngại. Mục đích của các Ngài là nhiếp thọ hết thảy hữu tình, độ chúng sanh. Bồ Tát quá nửa là thị hiện thân phận tại gia, vì các Ngài phải độ chúng sanh, chẳng nghĩ đến chính mình, luôn suy nghĩ vì hết thảy chúng sanh. Mọi người đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, hoặc đọc Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm, sẽ thấy [các vị Bồ Tát] thành Phật để độ chúng sanh, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật. Đây cũng thuộc về thắng đạo sa-môn.

Ngoài ra, còn có thắng nghĩa Tăng và thế tục Tăng. Thế tục Tăng chưa chứng đạo, ở trong thế gian này, trong ấy bao gồm Sơ Quả, Nhị Quả (Nhị Quả còn phải trở lại thế gian), Tam Quả chẳng trở lại thế gian, những địa vị ấy đều thuộc thế tục Tăng. Chứng đắc quả A La Hán thì mới gọi là Thắng Nghĩa Tăng. Nói thông thường, trong giáo nghĩa

Thanh Văn, theo như kinh A Hàm và luận Câu Xá đã nói, vị chúng Sơ Quả được coi là thánh nhân. Ở đây, [chánh kinh] tách ra để nói, những địa vị khác thuộc về Thắng Nghĩa Tăng và Thế Tục Tăng.

Cũng có những vị “*thị đạo sa-môn sở nhiếp*” (thuộc loại thị đạo sa-môn). “*Thị đạo*” (示道) là như đức Phật thuyết pháp cho một nhóm chúng sanh, hoặc là hiển thị Khổ, Tập, Diệt, Đạo, hoặc là hiển thị pháp mười hai nhân duyên, hoặc hiển thị Lục Ba La Mật, tức [hiển thị] các pháp thuộc tam thừa. Ngài chẳng nói tách rời, mà chỉ nói tổng quát. Đây là thị đạo sa-môn, thuộc về phương diện tốt lành. Lại còn có những vị thành tựu biệt giải thoát giới. “*Chân thiện dị sanh*” là chân thiện Bồ Đề Già La, là hữu tình đã đạt được giải thoát, nhưng không nhất định là bậc xuất gia. “*Dị sanh*” (異生) hàm nghĩa dùng pháp để sống, từ pháp hóa sanh. “*Dị sanh*” được giải thích như thế, tức là đã thật sự giải thoát, người ấy có thể đạt được giải thoát. Còn có người thành tựu biệt giải thoát giới. Biệt giải thoát giới của bậc thiện dị sanh chính là hai trăm năm mươi giới của tỳ-kheo, là biệt biệt giải thoát giới (別別解脫戒, biệt giải thoát giới riêng biệt)⁴. Hễ trì một giới, sẽ được giải thoát một phần, trì thêm một giới, sẽ được giải thoát thêm một phần nữa, đó cũng coi như là “*thiện dị sanh*”.

“*Chân thiện*” có nghĩa là “*giải thoát*”. Cho đến người chưa thọ Cụ Túc Giới, nhưng có chánh tri, chánh kiến. Trọn đủ chánh tri, chánh kiến, tri kiến chẳng điên đảo, biết hết thấy các pháp vô thường, biết hết thấy các pháp đều là khổ, hết thấy các pháp vô ngã, hết thấy các pháp đều là Không. Đó gọi là Tứ Pháp Ấn. Hết thấy các pháp đều là Thật Tướng duy nhất, đó gọi là “*nhất thật cảnh giới*”, gọi là “*nhất pháp ấn*”. Dùng điều này để ấn chứng, có loại tri kiến ấy, sẽ là chánh tri, chánh kiến. Người ấy cầu đắc cái Không trong trí Bát Nhã, nhưng chẳng rơi vào Đoạn Diệt Không, thị hiện hết thấy các pháp là có mà chẳng rơi vào Thường Kiến. Đây mới gọi là chánh kiến.

“*Khởi điên đảo kiến*” (Dấy lên tri kiến điên đảo). Người ấy có năng lực phân định thị phi. Hiện thời, trong cuộc sống hiện thực, có rất nhiều người cũng nói Phật pháp; thật ra, họ vẫn dùng quan điểm ngoại

⁴ Do giới luật trong Phật pháp luôn dẫn đến sự giải thoát, chẳng phải là các giới cấm khổ hạnh vô ích như trong ngoại đạo, nên gọi là Biệt Giải Thoát Giới. Trong các Biệt Giải Thoát Giới của Phật pháp, giới Cụ Túc lại dành riêng cho người xuất gia tu đạo, nên gọi là Biệt Biệt Giải Thoát Giới.

đạo để giải thích, chẳng phù hợp lời dạy của đức Phật. Người như thế chẳng thuộc loại thị đạo sa-môn. Người ấy có trọn đủ Chánh Kiến hay không? Lời lẽ của người ấy có phải là Chánh Ngữ hay chẳng? Có phù hợp lời dạy của đức Phật hay không? Cho đến phải xét xem khẩu nghiệp của người ấy có ác ngữ, ăn nói thô lỗ, tục tằn, nói dối, nói đòi chiều hay không? Chẳng có những thứ ấy thì là Chánh Ngữ. Hễ có những thứ ấy, sẽ chẳng phải là Chánh Ngữ. Có kẻ thân tuy xuất gia, tâm chẳng xuất gia, cái tâm tham vẫn rất nặng. Kẻ đó làm ra vẻ giống như Phật giáo đồ, nhưng những gì kẻ đó làm chẳng phải là Phật giáo, những gì kẻ đó đã thể hiện chỉ vì tự mình, vì ngũ dục của chính mình, vì sự tham cầu hưởng thụ của chính mình.

Nêu một thí dụ, xây dựng chùa công đức vô lượng, ai nấy đều biết, nhưng phải coi kẻ đó dùng cái tâm gì làm chủ đạo. Nếu cái tâm danh lợi là chủ đạo, dẫu xây chùa, chẳng có công đức! Chỉ cần ngôi chùa ấy tồn tại, nghiệp của kẻ đó vĩnh viễn tồn tại. Ngôi chùa ấy bị hủy, nghiệp của kẻ đó cũng tiêu mất. Nếu phan duyên, sử dụng đủ loại thủ đoạn bất chánh, tuy xây cất chùa, kẻ ấy chết đi, nhất định sẽ đọa vào địa ngục! Đợi đến khi ngôi chùa ấy hoàn toàn chẳng còn, nghiệp ấy mới tiêu. Chùa kiểu đó không nhất định có Tăng chúng ở. Có những ngôi chùa dựng lên, chẳng có hòa thượng ở. Tuy là đạo tràng tại gia, vẫn chẳng coi là cư sĩ, do tri kiến đều chẳng phải là chánh kiến. Điều này chúng ta phải cạy vào trí huệ để phán đoán, có phải là chánh tri, chánh kiến hay không! Phải cạy vào chính mình nương theo giáo nghĩa để ấn chứng có phù hợp lời dạy của đức Phật hay không, sẽ biết tri kiến ấy có phải là chánh kiến hay không.

“*Bi do ký thuyết biến hiện lực cố*” (kẻ ấy do sức ký thuyết biến hiện): Sức biến hiện là có thần thông. Người ấy chứng đắc Tha Tâm Trí, cho nên trọn đủ một loại trí huệ, [tức là có khả năng] thấy rõ đối với loại chúng sanh nào thì phải nên nói loại pháp nào [để phù hợp với chí hướng và sự ưa thích của họ], bèn khai thị cho họ pháp ấy (khả năng ấy được gọi là “*ký thuyết*”). Những điều ấy đều thuộc loại “*ký thuyết biến hiện lực*” (記說變現力). Loại Bồ Đặc Già La ấy [vì chưa chứng thánh quả, cho nên] là loại thị đạo sa-môn thấp kém nhất. Thị đạo sa-môn kiểu này thuộc loại nào vậy? Tiếp đó, [chánh kinh] bèn chỉ rõ: “*Chứng Dự Lưu quả Bồ Đặc Già La*”, Dự Lưu Quả là Sơ Quả. Thánh nhân Sơ Quả là Tu Đà Hoàn, Ngài còn phải bảy lượt sanh tử trong cõi trời hoặc nhân gian rồi mới chứng quả A La Hán, sẽ bất thoái. Cũng tức là đoạn dứt mắt, tai,

mũi, lưỡi, thân, ý, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, lưỡi biết vị, mũi ngửi thơm, thối, thân tiếp xúc, tâm phân biệt. Đã đoạn dứt tám mươi tám món Sở thuộc Kiến Hoặc. Dự Lưu là dự vào dòng thánh nhân. Loại chúng sanh Bồ Đặc Già La hữu tình này cao hơn loại trước, cũng có nghĩa là so với loại “*ký thuyết*” tuyên dương Phật pháp thì phải cao hơn một chút. Họ chẳng thuộc vào loại Thắng Nghĩa Tăng, chỉ là thị đạo sa-môn.

“*Chứng Nhất Lai quả Bồ Đặc Già La thị danh đệ tam*” (Bồ Đặc Già La chứng quả Nhất Lai thì gọi là đệ tam): Quả thứ ba còn trở lại nhân gian một lần, tức là tái sanh trong cõi trời hay nhân gian một lần nữa, chỉ tái sanh một lần, Ngài liền chứng đắc Tứ Quả A La Hán, gọi là quả Tư Đà Hàm. Bồ Đặc Già La chứng quả Bất Hoàn được gọi là thứ tư. Bất Hoàn là chẳng sanh trở lại trong nhân gian, được gọi là quả A Na Hàm. Ngài đã đoạn dứt Tư Hoặc thuộc phẩm thứ ba, nhưng vẫn chưa thể đoạn tập khí, vẫn chưa thể đoạn vô minh. Đó gọi là loại thứ tư.

“*Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng thị danh đệ ngũ*” (Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, gọi là thứ năm): Nương theo tứ giáo hay ngũ giáo để phán đoán hàm nghĩa của các giáo. Bồ Tát Ma Ha Tát là nói đến Thông Giáo. [Ngũ giáo là] Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. [Bồ Tát được nói trong đoạn này là] Bồ Tát trong Tiểu Giáo, Thi Giáo, và Thông Giáo, vì trong phần kế tiếp, sẽ nói đến [các vị Bồ Tát] từ Sơ Địa cho đến Thập Địa, cũng là các vị trụ thân tối hậu. So với sự chứng đắc của A La Hán thì [Thông Giáo Bồ Tát] đạt đến Thất Địa mới bằng A La Hán. Viên Giáo chẳng phải là như vậy, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã là như thế (đã chứng đắc bằng với A La Hán). Các loại Bồ Tát ấy đều gọi là thị đạo sa-môn. Thị đạo sa-môn tự mình có chánh tri, chánh kiến, đã lý giải Phật pháp, vị ấy cũng có thể lợi ích chúng sanh, làm cho chúng sanh lý giải.

“*Thành tựu biệt giải thoát giới*”, đối với giới thanh tịnh đã thọ, người ấy chẳng trái phạm, cho đến thực hiện hết thảy mọi việc đều tiếp nhận các quy tắc do đức Phật đã dạy để hành sự. Quy tắc ấy bao gồm hết thảy những chuyện đáng nên làm thì sẽ đều làm. Giới của nhà Phật có hai loại: Một là Chỉ Trì, tức là những chuyện chẳng thể làm. Còn có Tác Trì là những điều quý vị ắt phải nên làm. Chẳng hạn như nói một vị tỳ-kheo phạm lỗi, mọi người ắt phải tác pháp yết-ma cho ông ta, Tăng chúng làm pháp sự yết-ma, đó gọi là “*biện sự*” (辦事, thực hiện công việc). Chuyện nên làm thì ắt phải làm. Lại còn trong chùa miếu, có các trách nhiệm phải gánh vác thì đều phải nên thực hiện. Nội dung của Tác

Trì rất nhiều, đều là những chuyện tỳ-kheo nên làm. Đó gọi là “*quy tắc*”.

Phật giáo truyền đến Trung Hoa. Thiên sư Bách Trượng của Trung Hoa đã chế lập Thanh Quy Giới Luật cho Trung Hoa, vì ở trong chùa miếu có rất nhiều người, chẳng thể chiếu theo chế định của đức Phật để thực hiện. Vì tại quốc độ của chúng ta, tình huống sanh hoạt có những điều bất đồng, cho nên Ngài ấn định riêng Thanh Quy Giới Luật. Giống như chúng ta mặc lễ phục, sáng tối lên chánh điện tụng niệm công khóa. Thuở đức Phật tại thế, chẳng có công khóa sáng tối. Thiên sư Bách Trượng trích lấy các chú ngữ và kinh điển Đại Thừa, như buổi sáng thức dậy bèn niệm chú Lăng Nghiêm, buổi tối lễ bái Bát Thập Bát Phật (tức Hồng Danh Bảo Sám), hoặc niệm kinh Di Đà. Đây là công khóa sáng tối, đều thuộc về quy tắc, đều thuộc về giới luật.

“*Xuất pha*” (出坡)⁵, quét đất, lên núi trồng trọt. Thuở đức Phật tại thế chẳng cho phép trồng trọt vì sẽ thương tổn chúng sanh. [Phật giáo] truyền đến quốc độ của chúng ta, chẳng thể nào không làm như thế. Vì chùa miếu đều ở trong núi, chính quý vị không trồng trọt, lấy gì mà ăn? Thuở đức Phật tại thế, cũng đã ấn định một số quy tắc. Phàm là đối với những quy tắc đã ấn định, cho đến những giới luật ước thúc, những chuyện đáng nên làm, đều thực hiện rất tốt đẹp, thì sẽ “*thanh tịnh cụ túc*”. Đó gọi là “*mạng đạo sa-môn*”, tức là dùng đạo làm mạng sống.

Điều không được chấp thuận là làm thuốc, bói toán, xem tướng. Nay là thời Mạt Pháp, hòa thượng làm thầy thuốc vẫn là rất tốt, rất thanh cao, nhưng trong giới luật nhà Phật thì chẳng được phép, đó gọi là “*kiếm sống bằng tà mạng*”. Có năm loại tà mạng, [nói như vậy, chắc có kẻ sẽ bất bẻ] kinh Chiêm Sát chẳng phải là tà mạng ư? Chẳng phải! Kinh Chiêm Sát là vì quý vị tu đạo mà Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt nói ra. Do

⁵ “*Xuất pha*” còn gọi là “*phổ thỉnh*” (普请) tức là những việc lao động cần thiết trong tự viện cần mời Tăng chúng chia nhau làm. Theo tinh thần “*một ngày không làm, một ngày không ăn*” của tổ Bách Trượng, Tăng chúng bất luận có địa vị như thế nào trong chùa, trừ người già yếu hay bệnh tật, đều phải tham gia lao động tập thể chẳng hạn như cày cấy, khâu hoạch mùa màng, bửa củi, trồng rau, gánh nước, dọn dẹp với mục đích giữ vững Định tâm trong mọi hoàn cảnh, cũng như tự cung cấp cho cuộc sống, không ỷ lại tín thí cúng dường để rồi sẽ phải bận lòng chiều chuộng đàn-na tín thí, mong cầu lợi dưỡng. Nhưng hễ nói đến “*xuất pha*”, thông thường là nói đến việc trồng trọt, khâu hoạch theo tinh thần Nông Thiền. Tổ Bách Trượng đến tuổi già vẫn cày cuốc. Chấp sự Tăng xót xa, giấu nông cụ, xin Ngài nghỉ ngơi, Ngài bèn nhìn ăn.

vậy, khi Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh Phật thuyết pháp, đã hỏi đức Phật: “Chúng sanh đời Mạt Pháp, tâm hoài nghi đặc biệt nặng nề, làm thế nào để đoạn nghi cho chúng sanh?” Đức Phật liền mời Địa Tạng Bồ Tát nói, chứ bản thân Ngài không nói gì. Vì đức Phật đã chế giới, điều ấy chẳng được phép! Địa Tạng Bồ Tát bèn thiện xảo phương tiện, vì Ngài đã đạt tới “*nhất thật cảnh giới, nhị chủng quán đạo*”. Khi sử dụng Chiêm Sát Luân, chớ nên hoài nghi. Nếu dùng pháp đó để cầu danh lợi, hoặc là đoán quẻ cho người khác để lấy tiền, sẽ là phạm giới, chẳng được phép! Mục đích chủ yếu của Chiêm Sát Luân là để quý vị chiêm nghiệm, xét coi chính mình đã đoạn tham, sân, si cỡ nào, hiện tại có phải là chứng đắc hay chưa? Chính mình đã chứng địa vị Ngũ Phẩm hay chưa? Nếu chính mình không biết, thì quý vị bèn chiêm sát đôi chút. Nay ta có thể tu hai loại quán đạo hay không? Vì theo như kinh Chiêm Sát đã dạy, nếu khi [chiêm sát mà thấy] luân tướng chẳng thanh tịnh, tức là chẳng chấp thuận cho quý vị tu hai loại quán đạo, sẽ tu chẳng thành. Có tu thì cũng dễ bị ma dựa. [Dụng ý của] chiêm sát luân là muốn cho quý vị đoạn ma, hiểu hàm nghĩa này là được rồi! Vì thế, những sa-môn ấy đều là “*khấu đạo sa-môn sở nhiếp*”, tức là dùng đạo làm mạng sống, cho nên gọi là “*mạng đạo*”.

(Kinh) Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị dục nhiếp thọ, lợi ích, an lạc nhất thiết hữu tình, cụ túc tu hành Lục Đáo Bỉ Ngạn, diệt danh mạng đạo. Như thị thắng đạo, thị đạo, mạng đạo, tam chủng sa-môn, danh vi thế gian chân thật phước điền. Sở dư sa-môn danh vi ô đạo, tuy phi chân thật, diệt đắc đạo tại phước điền số trung.

(經)復有菩薩摩訶薩眾，為欲攝受、利益、安樂一切有情，具足修行六到彼岸，亦名命道。如是勝道、示道、命道三種沙門，名為世間真實福田。所餘沙門，名為污道，雖非真實，亦得墮在福田數中。

(Kinh: Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát vì muốn nhiếp thọ, lợi ích, an lạc hết thảy hữu tình, tu hành trọn vẹn Lục Đáo Bỉ Ngạn, cũng gọi là “mạng đạo”. Ba loại sa-môn thắng đạo, thị đạo, và mạng đạo như thế, được gọi là “phước điền chân thật của thế gian”. Các sa-môn khác được gọi là ô đạo, tuy chẳng phải là chân thật, nhưng vẫn thuộc vào phước điền).

Đại Bồ Tát lợi ích chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh hữu tình đều có thể giác ngộ, nhiếp thọ họ, trao truyền những điều tốt đẹp, họ mới tin tưởng. Đối với bố thí thì Bồ Tát cũng phải hành bố thí, từ bi đối với chúng sanh. Phải ái ngữ, đồng sự, lợi hành, làm chuyện có lợi cho họ, họ sẽ vui thích. Như thế thì quý vị mới có thể nhiếp thọ họ, độ họ được. Tiến hơn bước nữa là tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiền Định, Lục Độ vạn hạnh, cho đến Thiền Định, Bát Nhã. Đây cũng gọi là “mạng đạo”. Trong Đại Thừa và Tiểu Thừa, đều có mạng đạo sa-môn và thị đạo sa-môn. Tam thừa đều có các hạng sa-môn này.

“*Như thị thắng đạo, thị đạo, mạng đạo tam chủng sa-môn, danh vi thế gian chân thật phước điền*” (Ba loại sa-môn thắng đạo, thị đạo, và mạng đạo như thế, gọi là phước điền chân thật trong thế gian): Cúng dường các vị mạng đạo sa-môn, thị đạo sa-môn, và thắng đạo sa-môn ấy, đương nhiên là phước đức càng to hơn nữa. Đây đều là phước điền chân thật trong thế gian.

“*Sở dư sa-môn*” (Các sa-môn khác), trừ ba loại ấy ra, đều là “ô đạo sa-môn”. Ô đạo sa-môn là tà-kheo phá giới, giới luật chẳng thanh tịnh, hoặc là [chẳng tuân thủ] quy tắc thanh tịnh. Họ đối với Tam Bảo có ô nhiễm, chẳng phải là chân thật. Tuy họ chẳng phải là chân thật, nhưng đức Phật dạy vẫn coi họ như phước điền Tăng. Vì sao? Trong thời Mạt Pháp, thắng đạo sa-môn, thị đạo sa-môn, và mạng đạo sa-môn đã chẳng còn, phải chọn lựa trong các ô đạo sa-môn, cho nên quý vị vẫn phải cúng dường, vẫn phải tôn kính họ. Đây là câu trả lời cho lời hỏi của Kim Cang Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Nhược hữu y chỉ vô tâm quý tăng Bồ Đặc Già La, u ngã chánh pháp Tỳ Nại Da trung, danh vi “tử thi”, u thanh chúng hải, ưng đương tân khí, phi pháp khí cố. Ngã u bỉ nhân, bất xưng đại sư, bỉ nhân u ngã, diệc phi đệ tử. Hữu vô tâm Tăng, bất thành pháp khí, xưng ngã vi sư, u ngã xá-lợi, cập ngã hình tượng, thâm sanh kính tín. Ư ngã Pháp, Tăng, thánh sở ái giới, diệc thâm kính tín. Kỳ bất tự chấp chư ác tà kiến, diệc bất linh tha chấp ác tà kiến, năng quảng vị tha tuyên thuyết ngã pháp, xưng dương, tán thán, bất sanh hủy báng, thường phát chánh nguyện; tùy sở phạm tội, sở sở yếm xả, phát lộ sám hối, chúng đa nghiệp chướng, giai năng trừ diệt. Đương tri như thị Bồ Đặc Già La, tín kính Tam Bảo thánh giới lực cố, thắng cứu thập ngũ chư ngoại đạo chúng đa bách thiên bội, phi tốc năng nhập bát Niết Bàn thành, Chuyển Luân Thánh Vương thượng bất năng cập, hướng

đư tạp loại nhất thiết hữu tình? Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai quán sát nhất thiết hữu tình, chư nghiệp pháp thọ sai biệt tướng dĩ, tác như thị thuyết: “U ngā pháp trung, thể trừ tu phát, bị ca-sa giá, ngā chung bất thính Sát-đế-lợi đẳng hủy nhục, trích phạt. Nhược hữu hủy nhục, trích phạt nhất thiết xuất gia chi nhân, sở hoạch tội báo như tiền quảng thuyết”.

(經)若有依止無慚愧僧補特伽羅，於我正法毗奈耶中名為死尸，於清眾海應當擯棄，非法器故。我於彼人，不稱大師，彼人於我，亦非弟子。有無慚僧，不成法器，稱我為師，於我舍利，及我形像，深生敬信。於我法僧聖所愛戒，亦深敬信。既不自執諸惡邪見，亦不令他執惡邪見，能廣為他宣說我法，稱揚讚歎，不生譏謗，常發正願；隨所犯罪，數數厭舍，發露懺悔，眾多業障，皆能除滅。當知如是補特伽羅，信敬三寶、聖戒力故，勝九十五諸外道眾多百千倍，非速能入般涅槃城，轉輪聖王尚不能及，況餘雜類一切有情？以是義故，如來觀察一切有情，諸業法受差別相已，作如是說：「於我法中，剃除鬚髮，被袈裟者，我終不聽剃帝利等毀辱謫罰。若有毀辱謫罰一切出家之人，所獲罪報，如前廣說」。

(Kinh: Nếu có Bồ Đặc Già La y chỉ vị Tăng không hổ thẹn, thì đối với Tỳ Nại Da trong chánh pháp của ta, được gọi là “xác chết”, hãy nên xua đuổi, vứt bỏ khỏi biển Tăng chúng thanh tịnh, do [kẻ đó] chẳng phải là pháp khí. Ta đối với kẻ đó chẳng xưng là đại sư, mà kẻ đó đối với ta cũng chẳng phải là đệ tử. Có Tăng sĩ chẳng thẹn hổ, chẳng thành pháp khí, gọi ta là thầy, đối với xá-lợi và hình tượng của ta, sanh lòng kính tin sâu xa. Đối với Pháp, Tăng và giới được các vị thánh yêu mến của ta, cũng sanh lòng kính tin sâu xa. Đã chẳng tự chấp các tà kiến ác, cũng chẳng để cho kẻ khác chấp tà kiến ác, có thể rộng vì họ tuyên nói pháp

của ta, xưng dương, tán thán, chẳng sanh hủy báng, thường phát ra chánh nguyện. Đối với các tội đã phạm, nhiều lượt chán bỏ, phát lộ, sám hối. Khá nhiều nghiệp chướng đều có thể trừ diệt. Hãy nên biết Bồ Đặc Già La như thế do sức tín kính thánh giới của Tam Bảo, cho nên vượt hơn chín mươi lăm các loại ngoại đạo trăm ngàn lần. Tuy chẳng thể mau chóng vào tòa thành bát Niết Bàn, nhưng Chuyển Luân Thánh Vương vẫn chẳng thể sánh bằng kẻ đó. Huống hồ hết thấy hữu tình thuộc các loại khác ư? Do vì nghĩa này, Như Lai quán sát hết thấy các tướng nghiệp pháp thọ sai biệt của các hữu tình rồi nói như thế này: “Đối với kẻ ở trong pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, ta trọn chẳng cho phép những kẻ như Sát-đế-lợi v.v... hủy nhục, trừng phạt họ. Nếu có kẻ nào hủy nhục, trừng phạt hết thấy người xuất gia, sẽ mắc phải tội báo như đã nói rộng trong phần trước”).

Tuy vị Tăng không hổ thẹn chẳng phải là pháp khí, nhưng trong ấy còn chọn lọc đôi chút. Vì thế nói “*đối với ô đạo sa-môn, cũng phải cúng dường*”, bao hàm ý nghĩa như thế đó. Bồ Đặc Già La chẳng hổ, chẳng thẹn là kẻ đã phạm giới, đã phá giới, nhưng chẳng sám hối. Đối với pháp tam thừa, đặc biệt là đối với các giới trong Tỳ Nại Da của chánh pháp, những kẻ đó cũng chẳng tu. “*Tử thi*” là xác của người đã chết, thi thể còn chưa rửa nát. Trong biển đại chúng thanh tịnh chẳng thể dung chứa, sẽ tần xuất những kẻ đó ra ngoài Tăng đoàn. Tuy những kẻ đó chẳng phải là pháp khí, nhưng trong đó còn có những người có đôi chút điểm tốt. Đối với những kẻ đó, tuy họ cũng chẳng phải là đệ tử Phật, nhưng có những tăng sĩ không hổ thẹn, vẫn tôn xưng đức Phật là thầy. Vì sao? Họ đối với xá-lợi và hình tượng của Phật vẫn sanh lòng kính tín sâu đậm, đối với Phật pháp “*diệt thâm kính tín*” (cũng kính tín sâu xa). Tuy họ chẳng hổ thẹn, chẳng trở thành pháp khí, nhưng họ vẫn tôn đức Phật làm thầy. Đối với xá-lợi và hình tượng của Phật, họ vẫn sanh lòng kính tín sâu đậm, đối với các giới đã thọ, họ vẫn sanh lòng kính tín sâu đậm, có tín tâm thành kính sâu sắc, tha thiết.

Những điều họ nói vẫn là chánh pháp, khiến cho quý vị trừ khử tri kiến tà vạy, điên đảo, dạy quý vị trừ khử Ngã Chấp, dạy quý vị tu Không Quán, chẳng chấp trước hết thấy các pháp, có thể tuyên nói Phật pháp cho hết thấy chúng sanh, lại còn có thể “*xưng dương tán thán, bất sanh hủy báng, thường phát chánh nguyện*” (xưng dương, tán thán, chẳng sanh hủy báng, thường phát nguyện chân chánh). Phát nguyện rồi sẽ “*tùy sở phạm tội, số số yếm xả*” (hễ phạm tội, nhiều lượt ghét bỏ), do

ghét bỏ liền sám hối. Do ghét bỏ, chẳng còn tái phạm nữa. Biết chuyện ấy chớ nên làm, bèn chẳng làm, lại còn có thể phát lộ sám hối, khá nhiều nghiệp chướng đều có thể trừ diệt. Tuy kẻ đó trót tạo rất nhiều tội, cũng gây ra rất nhiều nghiệp chướng, nhưng do sám hối mà được thanh tịnh, lại phục hồi sự thanh tịnh.

Trước tiên là nói về Tăng sĩ không hổ thẹn. Kẻ đó lại nói đến các Tăng sĩ không hổ thẹn, đáng phải trực xuất, chẳng thành pháp khí, nhưng vẫn còn có những biểu hiện sám hối, những người xuất gia ấy so với chín mươi lăm thứ ngoại đạo, hay so sánh với thế tục, vẫn tốt hơn nhiều lắm! Tuy hiện thời, những người ấy vẫn chưa thể chứng nhập Niết Bàn, vẫn chưa thể thành đạo, nhưng công đức, phước đức, và trí huệ của họ vẫn tồn tại. “*Chuyển Luân Thánh Vương thượng bất năng cập*” (Chuyển Luân Thánh Vương vẫn chẳng thể sánh bằng): Dầu là Chuyển Luân Thánh Vương thì phước đức và trí huệ vẫn chẳng to bằng phước đức và trí huệ của vị tỳ-kheo đó. “*Huống đư tạp loại nhất thiết hữu tình*” (Huống hồ hết thảy các loài hữu tình khác) ư? Các hữu tình khác càng chẳng thể sánh bằng.

Do đạo lý này, Như Lai biết nghiệp, pháp, và sự sai biệt của hết thảy chúng sanh, hết thảy hữu tình. Chẳng thể nói hết thảy các tướng kiêu “vơ đũa cả nắm” được. Nói theo kiêu “vơ đũa cả nắm” thì các Tăng sĩ không hổ thẹn đều là ô đạo sa-môn. Nhưng trong các ô đạo sa-môn, hãy còn có những người tốt đẹp đôi chút. Mỗi loại chúng sanh nào cũng đều có thượng, trung, hạ. Trong ô đạo sa-môn, còn có thượng phẩm, cũng có trung phẩm, và hạ phẩm. Vì lẽ này, đức Phật mới nói như thế này: “*Ư ngã pháp trung, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, ngã chung bất thính Sát-đế-lợi đặng hủy nhục, trích phạt*” (Ta trọn chẳng cho phép Sát-đế-lợi v.v... hủy nhục, trừng phạt kẻ nào ở trong pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa), có ý nghĩa như vậy đó. Vì sao đức Phật chẳng cho phép Sát-đế-lợi, tức các quốc vương, dùng pháp luật thế gian chế tài họ? Vì họ đã cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, đã gieo phước đức, tướng pháp tràng ấy vẫn tồn tại. Nếu hủy nhục, khiển trách họ, [tức là xâm phạm] hết thảy người xuất gia, sẽ chuốc lấy tội báo như đã nói cặn kẽ trong phần trước, trong phẩm Vô Y Hạnh đã nói rất nhiều!

(Kinh) Hựu y ngã pháp, xả tục xuất gia, thế trừ tu phát, bị xích ca-sa, tức vị nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật từ bi hộ niệm. Oai nghi, hình tướng, sở phục ca-sa, diệc vị quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn từ bi thủ hộ. Thị cố, khinh hủy thế trừ tu phát, bị

xích ca-sa, xuất gia nhân giả, tức thị khinh hủy nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn. Do thị nhân duyên, chư hữu trí huệ, yếm bố chúng khổ, hân cầu nhân, thiên, Niết Bàn lạc giả, bất ưng khinh hủy xả tục xuất gia, thể trừ tu phát, bị ca-sa giả. Hữu vô tà Tăng, hủy phá cấm giới, bất thành tam thừa hiền thánh pháp khí, ký tự kiên chấp chư ác tà kiến, diệt năng linh tha chấp ác tà kiến, vị vị chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tổ quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện sa-môn, chân thiện trưởng giả, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la.

(經)又依我法，舍俗出家，剃除鬚髮，被赤袈裟，即為一切過去、未來、現在諸佛慈悲護念。威儀形相，所服袈裟，亦為過去、未來、現在諸佛世尊慈悲守護。是故，輕毀剃除鬚髮、被赤袈裟、出家人者，即是輕毀一切過去、未來、現在諸佛世尊。由是因緣，諸有智慧，厭怖眾苦，欣求人天，涅槃樂者，不應輕毀舍俗出家，剃除鬚髮，被袈裟者。有無慚憎，毀破禁戒，不成三乘賢聖法器，既自堅執諸惡邪見，亦能令他執惡邪見，謂為真善刹帝利、真善婆羅門、真善宰官、真善居士、真善沙門、真善長者、真善筏舍、真善戍達羅。

(Kinh: Lại có kẻ nương theo pháp của ta, bỏ tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa đỏ, liền được hết thảy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật từ bi hộ niệm. Oai nghi, hình tướng, ca-sa đã mặc cũng được quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn từ bi thủ hộ. Vì thế, khinh miệt, hủy báng người xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa đỏ, chính là khinh miệt, hủy báng hết thảy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn. Do nhân duyên ấy, những người có trí huệ chán sợ các khổ, ưa cầu niềm vui nhân, thiên, Niết Bàn, chớ nên khinh miệt, hủy báng người xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa. Có Tăng sĩ không hổ thẹn, hủy phá giới cấm, chẳng trở thành pháp khí của tam thừa hiền thánh, đã tự chấp trước kiên cố các tà kiến ác, lại còn có thể khiến cho kẻ khác chấp trước

tà kiến ác, tức là vì chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện sa-môn, chân thiện trưởng giả, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la...)

Tam thế chư Phật thủ hộ tám ca-sa ấy. Tám ca-sa là tướng pháp tràng của hết thầy chư Phật. Do duyên có ấy, đối với người xuất gia cao bỏ râu tóc, đắp ca-sa đỏ, chẳng cho phép kẻ tại gia như quốc vương, đại thần, cho đến Bà-la-môn v.v... bức hại, vũ nhục họ; trái lại, phải cúng dường họ. Do nhân duyên đó, đức Phật nói như vậy, và cũng nhằm trả lời Kim Cang Tạng Bồ Tát. Vì thế, hết thầy những ai muốn cầu phước nghiệp, chớ nên khinh rẻ những người xuất gia. Bất luận kẻ đó phá giới cũng thế, vẫn đều phải tôn kính, cúng dường kẻ đó, thì những người ấy sẽ có thể đạt được phước đức.

“Hữu vô tâm Tăng, hủy phá cấm giới, bất thành tam thừa hiền thánh pháp khí, ký tự kiên chấp chư ác tà kiến, diệc năng linh tha chấp ác tà kiến” (Có Tăng sĩ không hổ thẹn, hủy phá giới cấm, chẳng trở thành pháp khí cho tam thừa hiền thánh, đã tự chấp chặt các ác tà kiến, lại còn có thể khiến cho kẻ khác chấp trước tà kiến ác): Đó là ác tri thức. Trong phần trước đã nói, ô đạo sa-môn có hai loại, loại trước là tốt (tức là loại tin kính Phật, Pháp, Tăng, biết hổ thẹn, sám hối, không có tà kiến ác) thì còn có thể thân cận, còn có thể cúng dường. Ở đây nói đến loại tồi tệ. Nếu có các quốc vương tốt lành, tức chân thiện quốc vương, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ. “*Chân thiện*” là nói họ mong cầu giải thoát. Cho đến chân thiện trưởng giả, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la, tức là bốn loại chúng tánh.

(Kinh) Nhược nam, nhược nữ, thuyết chư thế gian vô phụ, vô mẫu, nữ chí vô hữu thiện nghiệp, ác nghiệp sở đắc quả báo, vô hữu năng đắc thánh đạo quả giả, nhất thiết chư pháp bất tùng nhân sanh. Hoặc hữu chấp ngôn, Sắc Giới thị thường, phi biến hoại pháp. Hoặc hữu chấp ngôn, Vô Sắc Giới thường, phi biến hoại pháp. Hoặc hữu chấp ngôn, ngoại đạo sở kế chư khổ hạnh pháp, đắc cứu cánh tịnh. Hoặc hữu chấp ngôn, duy Thanh Văn Thừa đắc cứu cánh tịnh, phi Độc Giác Thừa, diệc phi Đại Thừa. Ư Thanh Văn Thừa, tín kính, xưng tán, tuyên thuyết, khai thị. Ư Độc Giác Thừa, cập u Đại Thừa, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc hữu chấp ngôn, duy Độc Giác Thừa đắc cứu cánh tịnh, phi Thanh Văn Thừa, diệc phi Đại Thừa. Ư Độc Giác Thừa, tín kính, xưng tán, tuyên

thuyết, khai thị. U Thanh Văn Thừa, cập u Đại Thừa, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc hữu chấp ngôn, duy hữu Đại Thừa đắc cứu cánh tịnh, phi Thanh Văn Thừa, phi Độc Giác Thừa. U Đại Thừa pháp, ký tự sanh tín, giáo tha sanh tín, ký tự cung kính, giáo tha cung kính, ký tự xưng tán, giáo tha xưng tán, ký tự thư tả, giáo tha thư tả, ký tự độc tụng, giáo tha độc tụng, ký tự thính thọ, giáo tha thính thọ, ký tự tư duy, giáo tha tư duy, u tha hữu tình, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, giai vị quảng thuyết, khai thị, giải thích vi tế thậm thâm Đại Thừa pháp nghĩa. U Thanh Văn Thừa, cập Độc Giác Thừa, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố, tự bất sanh tín, chướng tha sanh tín, tự bất cung kính, chướng tha cung kính, tự bất xưng tán, chướng tha xưng tán, tự bất thư tả, chướng tha thư tả, tự bất độc tụng, thính thọ, tư duy, chướng tha độc tụng, thính thọ, tư duy, bất nhạo quảng thuyết, khai thị, giải thích nhị thừa pháp nghĩa.

(經)若男若女，說諸世間無父無母，乃至無有善業惡業所得果報，無有能得聖道果者，一切諸法不從因生。或有執言，色界是常，非變壞法。或有執言，無色界常，非變壞法。或有執言，外道所計諸苦行法，得究竟淨。或有執言，唯聲聞乘得究竟淨，非獨覺乘，亦非大乘。於聲聞乘，信敬稱讚，宣說開示。於獨覺乘及於大乘，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或有執言，唯獨覺乘得究竟淨，非聲聞乘，亦非大乘。於獨覺乘，信敬稱讚，宣說開示。於聲聞乘及於大乘，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或有執言，唯有大乘得究竟淨，非聲聞乘，非獨覺乘。於大乘法，既自生信、教他生信，既自恭敬、教他恭敬，既自稱讚、教他稱讚，既自書寫、教他書寫，既自讀誦、教他讀誦，既自聽受、教他聽受，既自思惟、教他思惟，於他有情，若是法器，若非法器，

皆為廣說，開示解釋，微細甚深大乘法義。於聲聞乘及獨覺乘，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈，自不生信、障他生信，自不恭敬、障他恭敬，自不稱讚、障他稱讚，自不書寫、障他書寫，自不讀誦聽受思惟、障他讀誦聽受思惟，不樂廣說開示解釋二乘法義。

(*Kinh*: Dù nam, hay nữ, nói các thế gian không cha, không mẹ, cho đến chẳng có chuốc lấy quả báo do thiện nghiệp hay ác nghiệp, chẳng có ai có thể đắc quả nơi thánh đạo, hết thấy các pháp chẳng do nhân mà sanh. Hoặc có kẻ chấp rằng Sắc Giới là thường, chẳng phải là pháp biến hoại. Hoặc có kẻ chấp rằng Vô Sắc Giới là thường, chẳng phải là pháp biến hoại. Hoặc có kẻ chấp rằng ngoại đạo do tu khổ hạnh mà đạt được thanh tịnh rốt ráo. Hoặc có kẻ chấp rằng, chỉ có Thanh Văn Thừa đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải Độc Giác Thừa, cũng chẳng phải Đại Thừa. Đối với Thanh Văn Thừa, tín kính, xưng tán, tuyên thuyết, khai thị. Đối với Độc Giác Thừa, và Đại Thừa liên phỉ báng, khinh hủy, ngăn trở, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc có kẻ chấp rằng chỉ có Độc Giác Thừa đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải Thanh Văn Thừa, cũng chẳng phải Đại Thừa. Đối với Độc Giác Thừa, tín kính, xưng tán, tuyên thuyết, khai thị. Đối với Thanh Văn Thừa và Đại Thừa, phỉ báng, khinh hủy, ngăn trở, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc có kẻ chấp rằng, chỉ có Đại Thừa đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải Thanh Văn Thừa, chẳng phải Độc Giác Thừa. Đối với pháp Đại Thừa, tự mình đã sanh lòng tin, dạy người khác sanh lòng tin, tự mình đã cung kính, dạy người khác cung kính, tự mình đã xưng tán, dạy người khác xưng tán, tự mình đã biên chép, dạy người khác biên chép, tự mình đã đọc tụng, dạy người khác đọc tụng, tự mình đã nghe nhận, dạy người khác nghe nhận, tự mình đã tư duy, dạy người khác tư duy. Đối với các hữu tình khác, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải pháp khí, đều vì họ rộng nói, khai thị, giải thích pháp nghĩa Đại Thừa vi tế rất sâu. Đối với Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, bèn phỉ báng, khinh hủy, ngăn chướng, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền, tự chẳng sanh lòng tin, chướng ngại người khác sanh lòng tin, tự mình chẳng cung kính, chướng ngại người khác cung kính, tự mình chẳng xưng tán, chướng ngại người khác xưng tán, tự mình chẳng biên chép, chướng ngại người khác biên

chép, tự mình chẳng đọc tụng, nghe nhận, tư duy, chường ngại người khác đọc tụng, nghe nhận, tư duy, chẳng thích nói rộng, khai thị, giải thích pháp nghĩa Nhị Thừa).

Đoạn kinh văn này nói về ác tri thức có ác tánh rất sâu, tà kiến rất sâu. Vị quốc vương, hoặc bốn chủng tánh cầu giải thoát, bất luận là nam hay nữ, chớ nên học theo những kẻ đó, chớ nên thân cận các ác tri thức đó. Những kẻ xấu đó, bất luận là nam hay nữ, làm thế nào để phân định rõ ác tà kiến của họ? Kẻ đó nói thế gian không cha, không mẹ. Hiện thời, có rất nhiều kẻ ngỗ nghịch. Đó là chẳng tin cha mẹ, tổn thương cha mẹ, giết hại cha mẹ. Ăn nói kiêu đó, sợ rằng mọi người đều đã nghe thấy, chúng tôi chẳng cần phải giải thích cận kề. Hiện thời, thường thấy chuyện giết cha, giết mẹ. Trong quá khứ rất ít; hiện thời nghiệp càng lúc càng nặng.

Bài bác chẳng có nhân quả, [đối với chuyện] “làm thiện được thiện báo, làm ác được ác báo”, họ đều không tin. Do cho rằng “người đã chết là hết”, cho nên họ tận lực tạo ác, phóng túng ngũ dục, căn bản là chẳng thể thành thánh, chứng đạo quả. Kẻ đó cho rằng đây là gạt người, chẳng chân thật. Kẻ đó cho rằng hết thảy các pháp cũng chẳng sanh từ các nhân, chẳng có nhân quả, còn nói Sắc Giới là thường, vĩnh viễn chẳng biến hóa. Cho đến nói Vô Sắc Giới là thường, cũng vĩnh viễn chẳng biến hóa. Hoặc là chấp vào các khổ hạnh của bọn ngoại đạo, chẳng hạn như Bà-la-môn hành khổ hạnh nuốt lửa, cho đến Bà-la-môn nhìn đói, thậm chí lạy bò, lạy chó, đầy đều là [tà hạnh của] ngoại đạo, [thế mà] họ nói do các pháp đó, sẽ có thể đạt được thanh tịnh rất ráo.

Hoặc có kẻ chấp trước, cũng nói chấp chặt rằng: Chỉ có Thanh Văn Thừa mới có thể đạt đến thanh tịnh rất ráo, chứ Độc Giác Thừa và Đại Thừa đều chẳng thể được. Đây là do chấp trước Thanh Văn Thừa, bèn hủy báng Độc Giác Thừa, hủy báng Đại Thừa. Hoặc là tin tưởng Độc Giác Thừa; vì thế, lại hủy báng Thanh Văn Thừa, tức là kẻ đó trọn chẳng bình đẳng đối với pháp tam thừa. Kẻ đó chấp trước một thừa, phủ nhận hai thừa kia. Kẻ đó tin pháp Thanh Văn bèn hủy báng pháp nhân duyên, hủy báng pháp Lục Độ. Do vậy, pháp nhân duyên và pháp Lục Độ sẽ dần dần bị ẩn mất. Hoặc là nói ngược lại, kẻ đó chấp trước Độc Giác Thừa, đối với Thanh Văn Thừa và Đại Thừa cũng đều hủy báng. Hoặc kẻ đó chấp trước Đại Thừa, đối với Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa đều hủy báng, chẳng cho người khác học, thậm chí khiến cho các pháp ấy bị ẩn giấu, chẳng cho phép truyền bá.

Trong các pháp tam thừa, chấp trước lẫn nhau, hủy báng lẫn nhau, kẻ đó tin thừa nào bèn nói thừa ấy là tốt, khiến cho người khác tin pháp ấy, khiến cho các đệ tử cũng đều không tin các thừa khác. Kẻ đó tin [thừa nào] bèn cung kính; hề không tin bèn hủy báng. Chính mình dạy như vậy, mà dạy người khác cũng thế. Kẻ đó tự mình xưng tán Thanh Văn Thừa tốt đẹp, xưng tán pháp thuộc Thanh Văn Thừa, kinh A Hàm và luận Câu Xá là hay, còn Lục Độ vạn hạnh và mười hai nhân duyên đều chẳng tốt. Tự kẻ đó nói như thế, mà cũng dạy người khác như thế. Chính kẻ đó biên chép như thế, mà cũng dạy người khác biên chép như thế.

Có những kẻ học pháp Đại Thừa, học theo kinh Pháp Hoa, nói hàng Nhị Thừa là “*tiêu nha, bại chủng*” (焦芽敗種, mầm bị cháy, hạt giống hư), [chẳng thấu hiểu] đức Phật quả trách các vị ấy, vì các vị ấy chẳng phát tâm Bồ Đề. Nếu quý vị chấp trước lời đó, cũng là sai lầm. Pháp tam thừa đều hay, hết thảy các pháp nghĩa do đức Phật đã dạy đều nói thích đáng căn cơ. Nói đối ứng căn cơ, pháp tam thừa đều bình đẳng, chớ nên tin thừa này, bèn hủy báng thừa kia. Nếu làm như vậy, sẽ là hủy diệt Phật pháp. Thậm chí có kẻ nói chỉ có tu bố thí thì mới có thể đạt được thanh tịnh rốt ráo, chứ trì giới, nhẫn nhục, học trí, đều vô dụng, tu Thiền Định vô dụng. Hoặc là có kẻ lại chấp trước học Thiền Định sẽ hữu dụng, cho đến đối với trì giới, bố thí, nhẫn nhục, học Bát Nhã đều vô dụng, tức là chấp một pháp, phủ nhận các pháp khác. Đối với Lục Độ vạn hạnh cũng là như thế, kẻ đó chấp một Độ trong Lục Độ vạn hạnh, phủ nhận năm Độ kia!

(Kinh) Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu bố thí đắc cứu cánh tịnh, phi giới, phi nhẫn, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu cấm giới đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi nhẫn, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu an nhẫn đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi giới, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu tinh tấn đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi giới, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu Tĩnh Lự đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi giới, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu Bát Nhã đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi giới, nãi chí phi định. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu chủng chủng thế gian sở tập chư kỹ nghệ trí đắc cứu cánh tịnh. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu chủng chủng đầu nham, phó hỏa, tự ngã đẳng hạnh đắc cứu cánh tịnh.

(經)或有執言：唯修佈施得究竟淨，非戒、非忍乃至非慧。或有執言：唯修禁戒得究竟淨，非施、非忍乃至非慧。或有執言：唯修安忍得究竟淨，非施、非戒乃至非慧。或有執言：唯修精進得究竟淨，非施、非戒乃至非慧。或有執言：唯修靜慮得究竟淨，非施、非戒乃至非慧。或有執言：唯修般若得究竟淨，非施、非戒乃至非定。或有執言：唯修種種世間所習諸技藝智得究竟淨。或有執言：唯修種種投岩赴火自餓等行得究竟淨。

(Kinh: Hoặc có kẻ chấp trước rằng: Chỉ có tu bố thí thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải giới, chẳng phải nhẫn, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu cấm giới thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải nhẫn, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu an nhẫn thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải giới, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu tinh tấn thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải giới, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu Tĩnh Lự thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải giới, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu Bát Nhã thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải giới, cho đến chẳng phải Định. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu các thứ nghề khéo và các trí như thế gian thường làm thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu các loại hạnh như gieo mình xuống gộp đá, gieo thân vào lửa, tự nhịn đói v.v... thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo).

“Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu bố thí đắc cứu cánh tịnh, phi giới, phi nhẫn” (Hoặc có kẻ chấp trước rằng: Chỉ có tu bố thí thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải giới, chẳng phải nhẫn), cũng chẳng phải là Giới, cũng chẳng phải là Thi La Ba La Mật, cũng chẳng phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật, cho đến cũng chẳng phải là Bát Nhã Ba La Mật. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu giới cấm thì sẽ đạt được thanh tịnh rốt ráo, tức là do tu Thi La Ba La Mật thì mới có thể đạt đến thanh tịnh rốt

ráo, các Ba La Mật khác đều không tốt. Đây là điều bị đức Phật quở trách, vì đó là ác tánh chấp trước, là ác kiến. Đó gọi là chấp trước tà kiến. Ngoại đạo lại càng chẳng cần phải nói nữa, hoặc là tu đủ kiêu [khô hạnh] như quăng mình xuống gộp đá, gieo thân vào lửa, nhịn đói. Họ cứ nghĩ tu các hạnh môn đó thì mới là rốt ráo. Đây là nói điên đảo. Ở đây, nêu ra thí dụ, “*đầu nham*” (投岩, quăng mình xuống gộp đá) tức là trèo lên đỉnh núi, nhảy xuống vách núi, cứ nghĩ nhảy xuống sẽ thành đạo. Tại núi Nga Mi có Xả Thân Nhai (舍身崖, vách núi xả thân), trong kinh Pháp Hoa, Diệu Hỷ Bồ Tát tự đốt thân, đây đều chẳng phải là các pháp thường hằng, chớ nên phỏng theo lệ ấy. Kinh điển Đại Thừa nói tới những trường hợp ấy là do các nhân duyên riêng biệt. Còn các chuyện gieo mình xuống vách đá, nhảy vào lửa, nhịn đói như ngoại đạo đã nói, cứ ngỡ làm như vậy sẽ có thể đạt được thanh tịnh rốt ráo. Đó là sai lầm!

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị phá giới, ác hạnh bất-sô, phi pháp khí giả, chủng chủng dụ hoặc chân thiện pháp khí chư hữu tình đẳng, linh chấp ác kiến. Bĩ do điên đảo chư ác kiến cố, phá hoại chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thù-đạt-la đẳng, nhược nam, nhược nữ, sở hữu tịnh tín, giới, văn, xả, huệ, chuyển Sát-đế-lợi thành Chiên-đồ-la, nữ chí Phiệt-xá, Thù-đạt-la đẳng thành Chiên-đồ-la. Thử phi pháp khí, phá giới bất-sô, tịnh Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, sư cập đệ tử, câu đoạn thiện căn, nữ chí đương đọa Vô Gian địa ngục. Thiện nam tử! Như nhân tử thi, bàng trưởng, lạn xú, chư lai kiến giả, giai vị xú huân, tùy sở xúc cận lạn xú tử thi, hoặc dữ giao ngoạn, tùy bị xú uế chi sở huân nhiễm. Như thị chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thù-đạt-la đẳng, nhược nam, nhược nữ, tùy sở thân cận phá giới, ác hạnh, phi pháp khí Tăng, hoặc dữ giao du, hoặc cộng trụ chỉ, hoặc đồng sự nghiệp, tùy bị ác kiến xú uế huân nhiễm. Như thị, như thị, linh bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thù-đạt-la đẳng, nhược nam, nhược nữ, thoái thất tịnh tín, giới, văn, xả, huệ, thành Chiên-đồ-la, sư cập đệ tử, câu đoạn thiện căn, nữ chí đương đọa Vô Gian địa ngục.

(經)善男子! 如是破戒惡行苾芻, 非法器者, 種種誘惑真善法器諸有情等, 令執惡見。彼由顛倒諸惡見故, 破壞真善刹帝利王, 乃至真善戍達羅等, 若男若女, 所有淨信戒聞

舍慧，轉刹帝利成旃荼羅，乃至筏舍，戍達羅等成旃荼羅。此非法器，破戒苾芻，並刹帝利旃荼羅等，師及弟子，俱斷善根，乃至當墮無間地獄。善男子！如人死尸，膨脹爛臭，諸來見者，皆為臭熏，隨所觸近爛臭死尸，或與交玩，隨被臭穢之所熏染。如是真善刹帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，隨所親近破戒惡行非法器僧，或與交遊，或共住止，或同事業，隨被惡見臭穢熏染。如是，如是，令彼真善刹帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，退失淨信戒聞舍慧，成旃荼羅，師及弟子，俱斷善根，乃至當墮無間地獄。

(Kinh: Này thiện nam tử! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, chẳng phải là pháp khí, dùng đủ mọi cách dụ dỗ, mê hoặc các hữu tình là bậc chân thiện pháp khí, khiến cho họ chấp trước ác kiến. Những kẻ đó do các ác kiến điên đảo, bèn phá hoại chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Thù-đạt-la v.v... Dù nam hay nữ, tất cả tịnh tín, giới, văn, xả, huệ [đều bị thoái thất], chuyển Sát-đế-lợi thành Chiên-đồ-la, cho đến Phiệt-xá, Thù-đạt-la v.v... thành Chiên-đồ-la. Bất-sô phá giới chẳng phải pháp khí ấy và Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la v.v... thầy lẫn trò đều đoạn mất thiện căn, cho đến sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Này thiện nam tử! Như xác người trương phình, nứt nẻ, hôi thối, những người đến xem đều bị mùi thối xông xức. Hễ đến gần xác chết nứt nẻ, hôi thối, hoặc đi qua, đều bị xú uế hun nhiễm. Chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Thù-đạt-la v.v... như thế, dù nam hay nữ, hễ thân cận Tăng nhân phá giới, ác hạnh, chẳng phải là pháp khí, hoặc giao du, hoặc ở chung, hoặc có cùng sự nghiệp, sẽ bị ác kiến xú uế hun nhuộm. Đúng như thế đó, đúng như thế đấy, sẽ khiến cho chân thiện Sát-đế-lợi vương ấy, cho đến chân thiện Thù-đạt-la v.v... dù nam hay nữ thoái thất tịnh tín, giới, văn, xả, huệ, trở thành Chiên-đồ-la, thầy lẫn trò đều đoạn thiện căn, cho đến sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián).

Đây là tổng kết. Các tỳ-kheo phá giới, ác hạnh đó chẳng phải là pháp khí, tức chẳng phải là dụng cụ chứa đựng pháp. Họ là phường tà tri,

tà kiến, nói dối, gạt gẫm, dụ hoặc. Đối với bậc chân thiện pháp khí, đối với người thật sự tu hành, thật sự là chánh tri, chánh kiến, những ác Tăng đó sẽ khuyên họ dấy lên ác kiến, khuyên họ vứt bỏ chánh kiến. Bản thân những gã đó do có ác kiến điên đảo, sẽ phá hoại quốc vương tốt lành, thương nhân tốt lành, cho đến những người tốt lành thuộc các chủng tánh thấp hèn. Thú-đạt-la là chủng tánh thấp hèn, là chủng tánh thấp nhất trong bốn chủng tánh. [Những gã ác Tăng ấy] đều khiến cho những người đó dấy lên ác kiến.

Tại Ấn Độ, thành phần giai cấp chủng tánh hết sức nghiêm trọng. Tôn giả Ưu Ba Ly là vị trì giới bậc nhất, vốn là thợ cạo tóc cho hoàng đế trong cung đình. Khi ngài A Nan xuất gia, đức Phật bảo A Nan hãy lễ dưới chân ngài Ưu Ba Ly, A Nan không lễ, nói: “Đây là gã hầu chuyên cạo tóc của tôi, làm sao tôi lễ hắn ta cho được?” Đức Phật bảo: “Hễ vào Phật pháp thì đều là bình đẳng như nhau. Thầy ấy là bậc Thượng Tọa, xuất gia sớm hơn ông, đã chứng đắc quả A La Hán, ông phải nên lễ bái”. Đối với Phật, các pháp đều bình đẳng. Phật độ chúng sanh chẳng phân biệt giai cấp, đều bình đẳng độ. Do vậy, đức Phật xét theo căn cơ mà nói hết thấy các pháp.

Pháp tam thừa, Tiểu Thừa là pháp Tứ Đế, Duyên Giác Thừa là pháp mười hai nhân duyên, Bồ Tát Thừa là Lục Độ vạn hạnh, đầy đủ là nêu đại ý. Luật Tạng tạng kinh, trong ấy cũng chứa đựng nghĩa lý Đại Thừa. Như niệm A Di Đà Phật chính là ý nghĩa Đại Thừa, điều này được nói trong giới kinh. Có các pháp dạy chúng ta phải khéo học, nhưng ở đây là nói về tỳ-kheo ác tánh, tỳ-kheo phá giới, họ hướng dẫn chúng sanh, khiến cho chúng sanh buông xả tín, giới, huệ, bố thí, chuyển chân thiện Sát-đế-lợi vương thành Chiên-đồ-la Sát-đế-lợi vương. Hoặc là chân thiện Phiệt-xá, Thú-đạt-la đều bị chuyển thành phùng Chiên-đồ-la, đều chuyển thành phùng ác tánh, hành theo hạnh của các ác tỳ-kheo. Tỳ-kheo phá giới chẳng phải là pháp khí, đã hướng dẫn những người ấy đều trở thành ác tánh.

Đề Bà Đạt Đa dạy vua A Xà Thế giết cha, dạy ông ta hãy soán đoạt ngôi vị hoàng đế, đó là tội Ngũ Nghịch. Đề Bà Đạt Đa muốn thay thế đức Phật, liền lăn tảng đá đè Phật, toan đè chết đức Phật, quăng trúng chân đức Phật, khiến cho thân Phật chảy máu, ông ta ngay lập tức đọa địa ngục. Đây là biểu thị tánh ác. Ở đây là tỳ-kheo phá giới chẳng phải là pháp khí, cho đến những kẻ đi theo hắn, tin tưởng hắn, nên sanh ra ác kiến. Các Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương cho đến Thú-đạt-la Chiên-đồ-la ấy đều trở thành kẻ có tánh ác. *“Sự cập đệ tử, câu đoạn thiện căn”*

(Thầy lẫn đệ tử đều đoạn thiện căn): Bất luận kẻ dạy bảo hay đệ tử của kẻ đó đều đoạn dứt thiện căn. “*Đương đọa Vô Gián địa ngục*” (Sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gián): Mọi người đều đọa vào địa ngục Vô Gián.

“*Linh bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Thú-đạt-la đẵng, nhược nam, nhược nữ, thoái thất tịnh tín, giới, văn, xả, huệ*” (Khiến cho chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, đều thoái thất tịnh tín, giới, văn, xả, huệ): Xả là bố thí, Huệ là trí huệ, Văn là nghe pháp. Toàn bộ tịnh giới, nghe pháp, trí huệ đều buông bỏ, trở thành ác tánh Chiên-đồ-la, thiện căn đều bị đoạn dứt, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Do vậy, đức Phật bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát, ta nói “*phải nên cúng dường*” là có chọn lựa, chẳng phải là không chọn lựa! Đối với hai đẳng thiện và ác, phải phân biệt đại lược: Tuy đều là ô đạo sa-môn, nhưng trong các ô đạo sa-môn, còn có một số người là tốt. Điều này có nghĩa là nương theo Tam Bảo, nương theo điều thiện để tu hành, sẽ có thể thành đạo. Nếu lui sụt thành Vô Y, quý vị tu hành, nhưng chẳng có công đức, lui sụt xuống phẩm Vô Y Hạnh. Phẩm Vô Y Hạnh và phẩm Hữu Y Hạnh phải gộp chung lại để nói. Vì sao lại vô y, chẳng y theo Tam Bảo? Do chẳng có chánh tri, chánh kiến, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Nương theo Tam Bảo, có chánh tri, chánh kiến, sẽ là thị đạo sa-môn, mạng đạo sa-môn, hay thắng đạo sa-môn, có ý nghĩa này. Nói về kẻ ác xong, đức Phật lại giảng về người lành.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhữ quán như thị Sát-đế-lợi đẵng vô lượng hữu tình, thân cận như thị phá giới, ác hạnh, phi pháp khí Tăng, thoái thất nhất thiết sở hữu thiện pháp, nãi chí đương đọa Vô Gián địa ngục. Thị cố dục đắc thượng diệu sanh thiên, Niết Bàn lạc giả, giai ưng thân cận, thừa sự, cúng dường thắng đạo sa-môn, tứ bẩm, thỉnh văn tam thừa yếu pháp, hoặc cầu thị đạo, mạng đạo sa-môn. Nhược vô như thị tam đạo sa-môn, đương u ô đạo sa-môn trung cầu, tuy phục giới hoại, nhi hữu chánh kiến, cụ túc ý nhạo, cập gia hạnh giả, ưng vãng thân cận, thừa sự, cúng dường, tứ bẩm, thỉnh văn tam thừa yếu pháp, bất ưng thân cận, thừa sự, cúng dường gia hạnh, ý nhạo, cập kiến hoại giả. Bỉ tuy giới hoại, nhi vô tà kiến, ý nhạo, gia hạnh, kiến cụ túc cố, ưng nghệ kỳ sở, tứ bẩm, thỉnh văn Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, bất ưng khinh hủy. Ư tam thừa trung, tùy ý sở nhạo, phát nguyện tinh tấn, tùy học nhất thừa, u sở dư thừa, bất ưng khinh hủy. Nhược u tam thừa, tùy khinh hủy nhất, hạ chí nhất tụng, bất ưng thân cận, hoặc dữ giao du,

hoặc cộng trụ chỉ, hoặc đồng sự nghiệp. Nhược hữu thân cận, hoặc dữ giao du, hoặc cộng trụ chỉ, hoặc đồng sự nghiệp, câu định đương đọa Vô Gian địa ngục.

(經)善男子！汝觀如是刹帝利等無量有情，親近如是破戒惡行，非法器僧，退失一切所有善法，乃至當墮無間地獄。是故欲得上妙生天，涅槃樂者，皆應親近承事，供養勝道沙門，諮稟聽聞三乘要法，或求示道、命道沙門。若無如三道沙門，當於污道沙門中求，雖復戒壞，而有正見，具足意樂，及加行者，應往親近承事供養、諮稟聽聞三乘要法，不應親近承事供養加行、意樂及見壞者。彼雖戒壞，而無邪見，意樂、加行、見具足故，應詣其所，諮稟聽聞聲聞乘法、獨覺乘法，及大乘法，不應輕毀。於三乘中，隨意所樂，發願精進，隨學一乘，於所餘乘，不應輕毀。若於三乘，隨輕毀一，下至一頌，不應親近，或與交遊，或共住止，或同事業。若有親近，或與交遊，或共住止，或同事業，俱定當墮無間地獄。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Ông hãy quán vô lượng hữu tình như Sát-đế-lợi v.v... như thế, thân cận Tăng nhân phá giới, ác hạnh, chẳng phải là pháp khí như thế, sẽ thoái thất tất cả hết thấy thiện pháp, cho đến sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian. Do vậy, kẻ muốn đạt được niềm vui thượng diệu do sanh thiên hay chứng Niết Bàn, đều phải nên thân cận, thừa sự, cúng dường bậc thắng đạo sa-môn để thưa hỏi, nghe pháp trọng yếu trong tam thừa, hoặc cầu bậc thị đạo, hay mạng đạo sa-môn. Nếu chẳng có ba loại đạo sa-môn như thế, hãy nên cầu nơi ô đạo sa-môn. Họ tuy giới hư hoại, nhưng có chánh kiến, trọn đủ ý nhạo và gia hạnh, hãy nên đến thân cận, thừa sự, cúng dường, thưa hỏi, nghe pháp trọng yếu trong tam thừa. Chớ nên thân cận, thừa sự, cúng dường kẻ có gia hạnh, ý nhạo, và kiến đều hoại. Đối với những người tuy giới hoại,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

nhưng chẳng có tà kiến, [lại còn] ý nhạo, gia hạnh, và kiến đều trọn đủ, hãy nên đến chỗ kẻ đó, thưa hỏi, lắng nghe pháp Thanh Văn Thừa, pháp Độc Giác Thừa, và pháp Đại Thừa, chớ nên khinh hủy. Trong tam thừa, tùy lòng yêu thích, hãy phát nguyện tinh tấn, học lấy một thừa, đối với hai thừa kia, chớ nên khinh hủy. Nếu kẻ nào đối với tam thừa, hễ khinh hủy bất cứ một thừa nào, dẫu chỉ một bài tụng, chớ nên thân cận hoặc giao du, hoặc ở chung chỗ, hoặc làm cùng sự nghiệp. Nếu có thân cận, hoặc giao du, hoặc cùng ở chung chỗ, hoặc làm cùng sự nghiệp, sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gián).

Trong phần trước đã nói về mười ác luân, hễ có một luân nào, không chỉ thoái thất thiện pháp trong đời này, mà thiện pháp do quý vị đã tu hành trong nhiều đời đều bị thoái thất. “*Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở*”. Không chỉ thoái thất, mà trong vị lai, quý vị sẽ toàn gặp chướng ngại. Dấy lên một niệm sân tâm, khởi lòng tham, bản thân là ngu si, chứa đựng vô minh. Nếu chẳng có Vô Minh Hoặc, quang minh trí huệ sẽ chiếu rọi, người ấy sẽ chẳng dấy lòng tham, cũng chẳng dấy lòng sân. Đó là hai đường thiện, ác.

Từ nhiều đời, nhiều kiếp đến nay, vì sao chúng ta chẳng thể thành đạo, cứ tiến tiến lùi lùi? Đời này gặp gỡ thiện tri thức, tiến lên được một thời gian, sau đó, lại gặp ác tri thức, lại bị lui sụt. Cứ tiến tiến lùi lùi, lùi lùi tiến tiến như thế, thời gian sẽ lâu dài! Bái sám, tu hành, niệm Phật hiệu, thánh hiệu, hoặc là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, hoặc là niệm Địa Tạng Bồ Tát, tùy tiện quý vị làm gì đều là tiến lên. Nếu có thể trong lúc lâm chung mà giữ vững, nếu có Túc Mạng Trí, trong đời sau, sẽ biết đời trước ta đã làm gì, quý vị sẽ chẳng làm ác nữa, đời này tối thiểu ắt phải tu được Túc Mạng Trí. Quý vị mong đạt được sự vui sướng thượng diệu sanh lên trời, hay chứng Niết Bàn, phải nên làm như thế nào? Phải nên “*thân cận, thừa sự, cúng dường thắng đạo sa-môn*”. Nay là thời Mạt Pháp, tìm đâu ra vị nào đã chứng đắc quả vị A La Hán, hoặc còn có thể thấy Phật ư? Chẳng thể nào! Quý vị làm như thế nào đây? Tìm một vị trong số các ô đạo sa-môn cũng được, nhưng chớ tìm tỳ-kheo nào phá giới, ác hạnh, tà tri, tà kiến. Kẻ đó sẽ dẫn quý vị vào địa ngục đấy!

Đã chẳng có thắng đạo sa-môn, như vậy thì tìm thị đạo sa-môn, chuyện này cũng chẳng dễ dàng! Nay chúng ta cũng chẳng nhận biết, cũng chẳng đạt đến trí huệ ấy. Mạng đạo sa-môn cũng thế! “*Nhược vô tam đạo sa-môn*” nghĩa là thắng đạo sa-môn chẳng có, thị đạo sa-môn quý vị cũng chẳng gặp được, mạng đạo sa-môn cũng chẳng gặp luôn,

vậy thì làm như thế nào? “*Đương u ô đạo sa-môn trung cầu*” (Hãy nên cầu nơi ô đạo sa-môn). Hiện thời, ngay cả ô đạo sa-môn cũng khó gặp gỡ. Ô đạo sa-môn tuy phá giới, nhưng có chánh kiến, tri kiến của vị ấy chẳng hoại. Phá giới, Phật còn có thể cứu; phá kiến thì Phật chẳng có cách nào cứu nổi! Kẻ đó không tin, dầu quý vị nói như thế nào đi nữa, kẻ đó vẫn chẳng tin! Tuy sanh khởi tri kiến điên đảo, kẻ đó đối với Phật pháp vẫn có lòng ưa thích, vẫn có tâm mong cầu. Gia hạnh là phương tiện thiện xảo, kẻ đó phải tu. Gia hạnh chính là phương tiện đạo. Nay chúng ta đọc kinh, lễ bái, sám hối, cho đến xưng niệm thánh hiệu, đều coi như gia hạnh đạo.

Vậy thì quý vị hãy nên “*thân cận, thừa sự, cúng dường, tứ bảm, thỉnh vấn tam thừa yếu pháp*” (thân cận, thừa sự, cúng dường, thưa hỏi, nghe nhận các pháp trọng yếu trong tam thừa). Thắng đạo sa-môn quý vị chẳng gặp được, mạng đạo sa-môn cũng chẳng gặp được, cho đến thì đạo sa-môn cũng chẳng gặp được! Làm như thế nào đây? Đến cuối cùng, ngay cả ô đạo sa-môn cũng chẳng gặp gỡ, người khoác ca-sa đều chẳng có, pháp đã bị diệt! Pháp đã thật sự bị diệt, muốn thỉnh một bộ kinh cũng chẳng thấy. Quý vị đừng thấy hiện thời Pháp Bảo rất nhiều! Tới lúc pháp diệt, ngay lập tức chẳng có chi hết! Chúng tôi không biết đó là do sức mạnh nào, chẳng còn gì hết! Tại Đại Lục (Hoa Lục) là như vậy đó. Trong rất nhiều chùa miếu, Tàng Kinh Lô đều bị niêm phong. Kinh ở trong đó, nhưng quý vị chẳng dám xem, cũng chẳng lấy ra được! Hễ xem, sẽ là phạm pháp, phạm tội. Đây là nói chuyện trước kia. Vua Chiên-đồ-la vương hành pháp Chiên-đồ-la, tức ác pháp, quý vị chẳng có cách nào hết! Tuy vị Tăng ấy (ô đạo sa-môn) phá giới, nhưng tri kiến vẫn rất tốt, chẳng có tà kiến. Vậy thì người đó có ý nhạo (tâm ưa thích Phật pháp), ý nhạo thì sẽ mong mỏi, có tâm hoan hỷ, đối với Phật giáo có tâm hoan hỷ, còn hành các gia hạnh. “*Ứng nghệ kỳ sở, tứ bảm thỉnh vấn Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, bất ưng khinh hủy*” (Hãy nên đến chỗ kẻ đó, thưa hỏi, nghe nhận pháp Thanh Văn Thừa, pháp Độc Giác Thừa, và pháp Đại Thừa, chớ nên khinh hủy), phải sanh lòng cung kính đối với người ấy.

“*U tam thừa trung, tùy ý sở nhạo, phát nguyện tinh tấn*” (Trong ba thừa, tùy lòng ưa thích, phát nguyện tinh tấn), trong ba thừa, tùy ý quý vị thích pháp nào, bèn tu pháp ấy là được! “*Tùy học nhất thừa*” (Tùy ý học một thừa), không nhất định, quý vị đối với nhân duyên nào rất sâu dày, bèn học pháp ấy, điều này phải tùy duyên. Tôi mong học pháp Thanh Văn Thừa, nhưng chẳng gặp kinh A Hàm, chẳng gặp luận

Câu Xá, sẽ lại học như thế nào? Đồng thời, quý vị gặp một vị thầy, nhưng vị thầy ấy chưa hề học luận Câu Xá, cũng chẳng học kinh A Hàm, vị ấy sẽ nói cho quý vị pháp gì đây? Vị ấy học pháp gì, quý vị sẽ học pháp ấy. Khi tôi ở Hạ Môn, khôi phục Mân Nam Phật Học Viện⁶ tại chùa Nam Phổ Đà, lúc đó tôi là Giáo Vụ Trưởng, tới đâu để mời giáo sư đây? [Phật pháp tại Hoa Lục] đã bị gián đoạn [gần bốn mươi năm]. Học trò hai mươi mấy tuổi, chúng tôi khi đó đã hơn bảy mươi tuổi. Quý vị muốn tìm một vị thầy vào lứa tuổi bốn mươi, năm mươi, chẳng có!

Trước kia, Mân Nam Phật Học Viện tu Duy Thức Tông, nhưng hiện thời, mong mời giảng sư giảng Bát Thức Quy Củ Tụng thì chẳng có ai có thể giảng, đều chưa từng học. [Các giảng sư] có vị học tứ giáo, có vị học ngũ giáo, có vị học Tịnh Độ, bèn giảng kinh A Di Đà. Làm như thế nào? Vị nào biết điều gì, sẽ dạy điều đó. Do vậy, dạy rất phức tạp. Chương trình học không đủ, tôi mời mấy giáo sư từ đại học Hạ Môn, là các vị giáo sư già đến dạy. Văn học cũng học, chúng tôi cũng có các lớp tiếng Anh, tiếng Nhật, tức là dạy rất phức tạp. Vì sao vậy? Tùy duyên! Quý vị mong quyết định học môn gì, chẳng có [giảng sư], làm như thế nào? Lại còn phải có sách giáo khoa, học trò phải có sách. Chẳng có sách, học thế nào đây? Dùng cách in ronéo, mượn mấy bản từ thư viện, tìm người in lại, dùng để dạy học!

Kinh điển tam thừa, tùy tiện quý vị muốn học bộ nào, có thể cùng nhau học, chớ nên khinh miệt, hủy báng. Nhưng với kẻ ác hạnh, quý vị chớ nên thân cận, chớ nên giao du với hắn. Nếu quý vị thân cận, giao du với hắn, quý vị sẽ khốn đốn! Do vậy, khi học pháp tam thừa, hoặc là khi học Hiền giáo, chúng ta vì gieo phước, chớ nên hủy báng thừa khác. Bất

⁶ Mân Nam Phật Học Viện gần như là học viện đầu tiên của Phật giáo Trung Hoa. Phật Học Viện được sáng lập và chính thức hoạt động vào ngày mùng Một tháng Chín năm 1925 theo đề nghị của hòa thượng Truyền Phùng, trụ trì chùa Nam Phổ Đà, thỉnh pháp sư Hội Tuyên làm viện trưởng. Đến năm 1927, Thái Hư đại sư làm viện trưởng nhiệm kỳ 2. Do vậy, Mân Nam Phật Học Viện chủ yếu học về Duy Thức. Năm 1929, Phật Học Viện này cùng với Vũ Xương Phật Học Viện được coi là trường cao cấp Phật giáo toàn Trung Hoa. Năm 1934, Hoàng Nhất đại sư lập thêm Dưỡng Chánh Viện (trường trung học phổ thông) cho Phật Học Viện này. Phật Học Viện hoạt động đến năm 1943 thì bị chính quyền Mao Trạch Đông cấm hoạt động, chùa Nam Phổ Đà cũng bị đóng cửa, Tăng sĩ phải đi học tập cải tạo, hoặc buộc hoàn tục. Mãi cho tới năm 1985, dưới thời Đặng Tiểu Bình, chánh sách khoan dung tôn giáo được áp dụng, Phật Học Viện mới được phép mở cửa lại, do pháp sư Diệu Trạng làm viện trưởng. Pháp sư Diệu Trạng đã thỉnh pháp sư Mộng Tham mới ra khỏi tù về làm Giáo Vụ Trưởng.

luận pháp sư nào giảng kinh, cũng đều tán thán, tùy hỷ, đừng nên sanh lòng hủy báng. Quý vị chớ nên bình luận vị ấy giảng kinh hay, giảng kinh dở. Nếu quý vị có duyên với vị ấy, vui thì quý vị đến nghe, không vui thì có thể không nghe, chẳng có gì sai trái hết! Nếu quý vị hủy báng, vô duyên vô cớ tìm phiền não cho chính mình, tự chuốc lấy tội. Chẳng có tội, quý vị lại muôn thọ tội, việc gì phải vậy? Bất luận đối với người, hay đối với pháp, trong tâm quý vị luôn có Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, [trong kinh ấy đã nói] niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, công đức rất lớn. Khi quý vị niệm Pháp, Tam Tạng mười hai bộ hết thấy các kinh, các pháp do mười phương chư Phật đã dạy đều ở trong ấy, chẳng có lựa chọn. Hết thấy các vị Tăng thù thắng có thể dẫn khởi lòng yêu thích của quý vị. Vì do có phàm Tăng, quý vị có thể nghĩ đến các vị thánh Tăng. Do có thánh Tăng, quý vị có thể nghĩ đến Phật, sẽ gieo công đức.

(Kinh) Thiện nam tử! Thị cố, nhược dục u tam thừa trung, tùy y nhất thừa, cầu xuất sanh tử, hân nhạo an lạc, yếm nguy khổ giả, ưng u Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoặc y Thanh Văn Thừa sở thuyết chánh pháp, hoặc y Độc Giác Thừa sở thuyết chánh pháp, hoặc y Đại Thừa sở thuyết chánh pháp, phổ thâm tín kính, vật sanh báng hủy, chướng tế, ản một, hạ chí nhất tụng, thường ưng cung kính, độc tụng, thính văn, ưng phát kiên lao chánh nguyện cầu chứng. Báng hủy tam thừa, tùy nhất pháp giả, bất ưng cộng trụ, hạ chí nhất túc, bất ưng thân cận, tứ bâm, thính pháp. Nhược chư hữu tình, tùy u tam thừa, hủy báng nhất thừa, hoặc phục thân cận báng tam thừa nhân, tứ bâm, thính thọ, do thử nhân duyên, giai định đương đọa Vô Gián địa ngục, thọ đại khổ não, nan hữu xuất kỳ.

(經)善男子！是故，若欲於三乘中，隨依一乘，求出生死，欣樂安樂，厭危苦者，應於如來所說正法，或依聲聞乘所說正法，或依獨覺乘所說正法，或依大乘所說正法，普深信敬，勿生謗毀、障蔽、隱沒下至一頌，常應恭敬、讀誦、聽聞，應發堅牢正願求證。謗毀三乘，隨一法者，不應共住，下至一宿，不應親近，諮稟聽法。若諸有情，隨於三乘，

毀謗一乘，或復親近謗三乘人，諮稟聽受，由此因緣，皆定當墮無間地獄，受大苦惱，難有出期。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Vì thế, nếu người nào muốn trong tam thừa, nương theo một thừa nào đó để cầu thoát khỏi sanh tử, ưa thích an lạc, chán nổi khổ hiểm nguy, hãy nên đối với chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc nương theo chánh pháp được nói trong Thanh Văn Thừa, hoặc nương theo chánh pháp được nói trong Độc Giác Thừa, hoặc nương theo chánh pháp được nói trong Đại Thừa, tin kính sâu xa trọn khắp, đừng sanh lòng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu, dấu chỉ một bài tụng. Hãy thường nên cung kính, đọc tụng, lắng nghe, hãy nên phát chánh nguyện kiên cố cầu chứng. Hễ kẻ nào báng hủy bất cứ một pháp nào trong tam thừa, chớ nên ở chung với kẻ đó, dấu chỉ một đêm, hoặc là thân cận kẻ báng bỏ tam thừa, vâng nhận, lắng nghe. Do nhân duyên ấy, chắc chắn sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu khổ não to lớn, khó có lúc thoát ra).

Do vậy, “*thiện nam tử! Dục u tam thừa trung, tùy y nhất thừa, cầu xuất sanh tử, hân nhạo an lạc*” (thiện nam tử! Muốn trong ba thừa, nương theo một thừa nào đó để cầu thoát khỏi sanh tử, ưa thích an lạc). Quý vị chán ghét sự nguy nan, chán lìa xã hội này. Muốn thoát khỏi sanh tử, phải nên vâng theo chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc vâng theo chánh pháp đã nói trong Thanh Văn Thừa, hoặc vâng theo chánh pháp đã nói trong Độc Giác Thừa, hay vâng theo chánh pháp đã nói trong Đại Thừa, tin kính sâu xa, trọn khắp. “*Phổ*” (普) là sâu trọn khắp, chẳng phải là tri kiến nông cạn, mà là tín ngưỡng rất sâu. Nếu quý vị chứng đắc bốn quả vị A La Hán, thần thông cũng vô ngại, có thể biết chuyện trong tám vạn đại kiếp, khá lắm! Nhưng quý vị chẳng trụ trong môn Định ấy, đây là Bồ Tát.

Nhưng xin quý vị hãy “*vật sanh báng hủy, chướng tế, ẩn một*” (đừng sanh lòng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu). Nếu hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu thì chính là do tâm lý ghen tỵ. Kẻ đó tin tưởng pháp ấy, chỉ mong hoằng dương pháp ấy, sợ kẻ khác cũng hoằng dương, hoặc thấy chùa người ta đệ tử rất đông, kẻ đó nảy lòng chướng ngại, sẽ phá hoại, đặt điều. Đây là đặc điểm trong thời Mạt Pháp, cũng là đặc điểm trong thời hiện tại. Không chỉ là hàng xuất gia, mà tại gia cư sĩ cũng là như vậy. Ở đây, tôi không nêu thí dụ, mọi người đều có thể hiểu, hằng ngày

đều có thể gặp phải, nhưng chúng ta chớ nên làm [như vậy]. Các pháp được dạy trong tam thừa đều hay, nếu nguyện lực của quý vị chẳng kiên định, tri kiến bất chánh, nguyện sẽ chẳng chánh! Quý vị chẳng có chánh nguyện; [bởi lẽ], chẳng có chánh kiến, quý vị sẽ chẳng thể sanh khởi chánh nguyện. Bàng môn, tà đạo, quý vị muốn thoát ly biển khổ, chẳng thể nào được!

Nếu là “*báng hủy tam thừa pháp, tùy nhất pháp giả, bất ưng cộng trụ*” (kẻ hủy báng bất cứ một pháp nào trong pháp tam thừa, chẳng nên ở chung). Hiện thời, quyền lợi “*trụ*” ấy, đại chúng Tăng cũng chẳng còn nữa. Như chùa Nam Phổ Đà có hơn năm trăm người ở đó, nếu quý vị thấy kẻ nào bất hảo, tấn xuất kẻ đó, hẳn sẽ thưa quý vị lên Cục Tôn Giáo. Tôi nói: “Kẻ đó đã phá giới”. Họ nói: “Chẳng thấy kẻ đó phạm sai lầm gì, một vị hòa thượng sao có thể dây dưa với nữ nhân được? Chẳng phạm pháp!” Quý vị làm như thế nào đây? Vẫn phải mời kẻ đó ở lại thôi! Tới thời đại này, phải nên biết thời thế, biết là đang nhằm thời nào, hãy nên biết các giới hạn, biết quý vị đang ở trong quốc giới nào. Còn phải biết nhân, biết duyên, biết pháp, biết nghiệp. Có trí huệ thì quý vị phải tùy duyên, đó gọi là “*tùy duyên*”. Nhưng bản thân quý vị đừng nên biến đổi, nếu kẻ khác nhậ nhệ, ta cũng nhậ nhệ theo, kẻ khác tìm đàn bà, ta cũng tìm theo, hoặc là nữ nhân [do thấy] kẻ khác tìm nam nhân, ta cũng tìm theo! Phật Học Viện của nữ chúng, người hoàn tục cũng rất nhiều; trong xã hội nhằm thời đại Mạt Pháp này là như thế đó. Nếu [bất chước] làm theo như vậy, quý vị sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián, chẳng có lúc thoát ra!

(Kinh) Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Ngã u quá khứ, tu Bồ Tát hạnh, tinh cần cầu chứng vô thượng trí thời. Hoặc vị cầu thỉnh y Thanh Văn Thừa sở thuyết chánh pháp, hạ chí nhất tụng, nãi chí khí xả tự thân thủ, túc, huyết, nhục, bì, cốt, đầu, mục, tửy, não. Hoặc vị cầu thỉnh y Độc Giác Thừa sở thuyết chánh pháp, hạ chí nhất tụng, nãi chí khí xả tự thân thủ, túc, huyết, nhục, bì, cốt, đầu, mục, tửy, não. Hoặc vị cầu thỉnh y u Đại Thừa sở thuyết chánh pháp, hạ chí nhất tụng, nãi chí khí xả tự thân thủ, túc, huyết, nhục, bì, cốt, đầu, mục, tửy, não. Như thị cần khổ, u tam thừa trung, hạ chí cầu đắc nhất tụng pháp dĩ, thâm sanh hoan hỷ, cung kính thọ trì, như thuyết tu hành, thời vô tàm phế, kinh vô lượng kiếp, tu hành nhất thiết nan hành khổ hạnh, nãi chứng cứu cánh vô thượng trí quả. Phục vị lợi ích, an lạc hữu tình, tuyên thuyết, khai thị tam thừa chánh pháp. Dĩ thị nghĩa cố, bất ưng báng hủy, chướng tế, ản một, hạ chí nhất tụng, thường ưng

cung kính, đọc tụng, thính văn, vng phát kiên lao chánh nguyện cầu chứng.

(經)何以故？善男子！我於過去修菩薩行，精勤求證無上智時。或為求請依聲聞乘所說正法，下至一頌，乃至棄舍自身手足、血肉皮骨、頭目髓腦。或為求請依獨覺乘所說正法，下至一頌，乃至棄舍自身手足、血肉皮骨、頭目髓腦。或為求請依於大乘所說正法，下至一頌，乃至棄舍自身手足、血肉皮骨、頭目髓腦。如是勤苦，於三乘中下至求得一頌法已，深生歡喜，恭敬受持，如說修行，時無暫廢，經無量劫修行一切難行苦行，乃證究竟無上智果。復為利益安樂有情，宣說開示三乘正法。以是義故，不應謗毀、障蔽、隱沒下至一頌，常應恭敬、讀誦、聽聞，應發堅牢正願求證。

(Kinh: Vì có nào? Nay thiện nam tử! Ta trong quá khứ tu Bồ Tát hạnh, lúc siêng rông cầu chứng Vô Thượng Trí. Hoặc vì cầu thỉnh nương theo chánh pháp được nói trong Thanh Văn Thừa, dẫu chỉ một bài kệ tụng, mà thậm chí buông xả tay, chân, máu, thịt, da, xương, đầu, mắt, tủy, não của chính mình. Hoặc vì cầu thỉnh nương theo chánh pháp được nói trong Độc Giác Thừa, dẫu chỉ một bài kệ tụng, mà thậm chí buông xả tay, chân, máu, thịt, da, xương, đầu, mắt, tủy, não của chính mình. Hoặc vì cầu thỉnh nương theo chánh pháp được nói trong Đại Thừa, dẫu chỉ một bài kệ tụng mà thậm chí buông xả tay, chân, máu, thịt, da, xương, đầu, mắt, tủy, não của chính mình. Siêng khổ như thế để cầu trong tam thừa dẫu chỉ cầu được một bài tụng, sau đó sanh lòng hoan hỷ sâu xa, cung kính thọ trì, tu hành đúng như lời dạy, chưa lúc nào tạm bỏ, trải qua vô lượng kiếp tu hành hết thấy khổ hạnh khó hành, cho đến chứng trí quả vô thượng rốt ráo. Lại vì lợi ích an lạc hữu tình mà tuyên nói, khai thị chánh pháp tam thừa. Do vì nghĩa ấy, chớ nên báng hủy, chướng lấp, ẩn giấu, dẫu chỉ một câu kệ tụng, hãy thường nên cung kính, đọc tụng, nghe nhận, hãy nên phát khởi chánh nguyện kiên cố cầu chứng).

Do duyên có nào? “*Thiện nam tử! Ngã ư quá khứ tu Bồ Tát hạnh, tinh cần cầu chứng vô thượng trí thời*” (Này thiện nam tử! Khi ta trong quá khứ tu Bồ Tát hạnh, siêng rông cầu chứng đắc vô thượng trí): Đức Phật tự dùng bản thân làm dẫn chứng để nói: Trong quá khứ, khi Ngài hành Bồ Tát đạo, mong chứng đắc trí huệ của Phật. Lúc đó, [đức Bồ Sư còn là Bồ Tát], để thỉnh Phật nói một câu kệ, đã xả mạng để cúng dường Phật. Mọi người đọc truyện Thích Ca Mâu Ni Phật, [sẽ thấy] những chuyện kiêu ấy rất nhiều. Vì cầu một bài kệ mà xả thân mạng, hoặc vì cầu nửa bài kệ, thí xả tay, chân, máu, thịt, da, xương, đầu, mắt, tủy, não của chính mình. Chỉ cần cầu được pháp, tâm sanh hoan hỷ, cung kính thọ trì. Nếu xả thân mạng, tay, chân để đổi lấy như thế, cái tâm cung kính, tâm tin ưa, tâm cầu chứng của quý vị sẽ rất dừng mãi.

Nay nếu chúng ta nghe kinh ở đây, tôi chẳng nói xả tay, chân, chỉ cần bỏ ra hai, ba ngày khéo bé quan để tu hành. Hãy ngẫm xem, nói kiêu đó mà còn xả chẳng được, [cứ than vãn] chẳng có thời gian! Há còn có thể xả tay, chân, hoặc xả đầu, mắt được sao? Chúng ta chẳng có sức mạnh ấy. Vì sao? Ất cần phải có tín tâm kiên định. Phải kiên định tín tâm thanh tịnh thì quý vị mới làm được. Chúng ta hằng ngày nói phải “*sáu thời tu hành*”, trong kinh bốn nói như thế đó, chính mình thật sự chẳng làm được! Hãy nên sanh tâm hổ thẹn!

Khi bái sám, chẳng biết các đạo hữu có nghĩ tới hay không? Hãy nên đối với cái thân xác trong hiện thời của chính mình mà sanh lòng hổ thẹn. Mọi người đều rất bảo vệ chính mình, toàn là đặt sự chú ý nơi cái thân của mình, ăn gì cho thân thể khoẻ hơn một chút, khí lực mạnh hơn một chút, hễ có bệnh tật gì bèn kiểm tra ngay lập tức. Thật ra, phải nên hướng sự chú ý ra ngoài, làm thế nào để ta thành tựu, khiến cho mọi người thành tựu lẫn nhau. Đã thành tựu thì trong vị lai chúng ta mới có thể cùng nhau thoát ly biển khổ. Quý vị đừng dốc hết sự chú ý vào thân thể! Chẳng có ai bắt tử, thân thể ai cũng chẳng thể bảo tồn mãi được! Quý vị muốn vĩnh viễn bảo trì như thế, chẳng thể được! Bắt tử ư? Nếu thế giới này bắt tử, đã sớm chẳng chứa nổi dân cư rồi!

Để lìa khỏi sự khổ này, phải hành khổ hạnh. Khó hành mà có thể làm, chúng ta hãy nên làm thế nào? Nói tới điều chúng ta có thể làm được thì lạy Phật, niệm kinh có thể làm được hay không? Quý vị nói chuyện ấy cũng chẳng thể được, tôi đang đi làm, niệm Phật thì được! Chẳng niệm ra tiếng thì được! Trong tâm nghĩ đến cũng được! Quý vị hãy chăm sóc kỹ càng ý niệm của chính mình! Như trong kinh văn của

quyển hạ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo [đã dạy], mỗi ngày trong mười hai thời, quý vị phải chú ý tâm niệm của chính mình. Hễ khởi niệm bèn chú ý, vì sao sanh khởi ý niệm ấy? Đó gọi là “*tu hành*”.

Do vậy, đối với tam thừa chánh pháp, chớ nên hủy báng, ngăn lấp, cho đến đâu chỉ một câu nói mà có thể khai ngộ. Lại còn phải cung kính, đọc tụng, lắng nghe. Bất quá, đôi khi đức Phật lại quở trách đọc tụng, quở trách nghe nhận. Chẳng hạn đức Phật quở ngài A Nan: “*A Nan tưng cường ký, bất miễn lạc tà tư*” (A Nan dẫu nhớ dai, chẳng khỏi rơi vào suy nghĩ tà vạy). Vì ngài A Nan được nghe pháp hằng ngày, nhưng gặp phải cô Ma Đăng Già, Ngài chẳng có cách nào, dễ dàng nảy sanh tà kiến. Nhưng chúng ta cung kính nghe nói, đọc tụng, sẽ lập tức có sáu phương Phật hộ niệm ta. Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới, sáu phương Phật, không chỉ là một phương, trước hết nêu ra mấy vị làm đại biểu rồi sau đó nói “*hằng hà sa số*” (nhiều như số lượng hạt cát trong sông Hằng). Hằng hà sa số chư Phật trong sáu phương đều hộ niệm quý vị.

Mọi người đọc kinh Di Đà, có chú ý hay không? Đời này ta chưa vãng sanh, vẫn chẳng sao! Đời này chẳng sanh thì đời sau nhất định sanh. Đời sau chưa sanh thì đời sau nữa vẫn có thể sanh. [Kinh ấy] có ba câu “*nhược dĩ sanh*”, tức là đã sanh về thế giới Cực Lạc. “*Nhược kim sanh*”, đời này ta niệm, sẽ có thể sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu đã sanh, nếu đang sanh, đời này nhất định có thể vãng sanh. Chẳng vãng sanh cũng không sao, sáu phương chư Phật hộ niệm ta. “*Nhược đương sanh*”, trong vị lai nhất định sẽ sanh.

Nếu quý vị niệm A Di Đà Phật, niệm kinh A Di Đà, phát ra nguyện ấy, “*con đến thế giới Cực Lạc*”, nay chưa đến được, không sao cả! Quý vị chưa mua vé máy bay được, vài ngày sau lại mua, luôn có phi cơ, sẽ có thể bay đến nơi. Nếu phi cơ chẳng cất cánh, quý vị chẳng có cách nào hết. Chúng ta vĩnh viễn đều có thể lên thuyền về Cực Lạc, vì trong tâm của chính quý vị sanh khởi.

Do vậy, có những kẻ nói: “*Sư phụ! Con chẳng thể vãng sanh, làm thế nào đây?*” Tôi nói: “*Sợ gì! Sanh không được thì đời sau lại sanh. Đời sau vẫn chưa sanh được thì đời kế sẽ sanh, sáu phương chư Phật hộ niệm, quý vị nhất định có thể vãng sanh! Nếu chẳng thể vãng sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ trở thành nói dối*”. Kinh A Di Đà đã nói rất rõ ràng: “*Nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh*”, ra đi trước để chứng minh cho quý vị. Đời này có rất nhiều người vãng sanh, nay chúng ta chưa đi được, chẳng đi được thì đợi chuyến phi cơ sau, đều

giống hệt như nhau! Do đó, phải có tín niệm như vậy, có chánh nguyện tinh tấn dũng mãnh như vậy, có cái tâm cầu chúng. Đó là điều chủ yếu.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị tam thừa xuất yếu chánh pháp, nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại quá Căng Già sa chư Phật đồng thuyết, đại oai thân lực cộng sở hộ trì, vị dục bạt tế nhất thiết hữu tình sanh tử đại khổ, vị dục thiệu long Tam Bảo chủng tánh, linh bất đoạn tuyệt. Thị cố, u thử tam thừa chánh pháp, ưng phổ tín kính, vật sanh báng hủy, chướng tế, ẩn một. Nhược hữu báng hủy, chướng tế, ẩn một tam thừa chánh pháp, hạ chí nhất tụng, quyết định đọa Vô Gian địa ngục.

(經)善男子！如是三乘出要正法，一切過去、未來、現在過殞伽沙諸佛同說，大威神力共所護持，為欲拔濟一切有情生死大苦，為欲紹隆三寶種姓，令不斷絕。是故，於此三乘法，應普信敬，勿生謗毀、障蔽、隱沒。若有謗毀、障蔽、隱沒三乘法，下至一頌，決定當墮無間地獄。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Chánh pháp xuất yếu trong tam thừa như thế được hết thầy chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại nhiều hơn cát sông Hằng cùng nói, dùng sức đại oai thân cùng hộ trì, vì muốn dẹp tan nỗi khổ sanh tử to lớn cho hết thầy các hữu tình, vì muốn tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt. Vì thế, đối với chánh pháp tam thừa, hãy đều nên tin kính trọn khắp, đừng sanh lòng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu. Nếu có kẻ nào hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu chánh pháp tam thừa, dẫu chỉ một bài kệ tụng, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian).

“Thiện nam tử! Như thị tam thừa xuất yếu chánh pháp, nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại quá Căng Già sa chư Phật đồng thuyết” (Nay thiện nam tử! Chánh pháp xuất yếu trong tam thừa như thế, do hết thầy chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại nhiều hơn cát sông Hằng cùng nói): Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật nói những lời như vậy, mà quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật số nhiều như cát sông Hằng cũng đều nói như vậy, dùng “đại oai thân lực cộng sở hộ trì” (sức oai thân to lớn cùng hộ trì). Quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật hộ trì điều gì? Hộ trì

người tin tưởng chánh pháp xuất yếu trong tam thừa, khiến cho hết thảy hữu tình có thể thoát ly nỗi khổ sanh tử to lớn, mà cũng có thể “*thiệu long Tam Bảo chủng tánh, linh bất đoạn tuyệt*” (tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo, khiến cho chẳng đoạn tuyệt). Chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, sẽ khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể lìa khổ. “*Thị cố, ư tam thừa chánh pháp, ưng phổ tín kính*” (Vì thế, đối với chánh pháp tam thừa, đều nên tin kính trọn khắp).

Đến cuối cùng, nếu quý vị tin Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa, quý vị đừng nên sanh lòng hủy báng, đừng sanh tâm chướng lấp, ản giấu. Đừng coi điều mình tin tưởng, ngưỡng mộ là đúng, coi những điều khác đều là sai. Căn bệnh ấy rất lớn, rất nặng; đó gọi là nghiệp chướng. Nghiệp chướng có hình dạng như thế nào? Chính là như vậy. Nếu ản giấu chánh pháp tam thừa, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Ư vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, Phiệt-xá Chiên-đồ-la, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, nhược nam, nhược nữ, siểm khúc, ngu si, hoài thông minh mạn, kỳ tánh hung bột, thảo lệ, thô quánh, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, háo hành sát sanh, nãi chí tà kiến, tật đố, xan tham, tăng bội thiện hữu, thân cận ác hữu, phi thị tam thừa hiền thánh pháp khí. Hoặc thiếu thính tập Thanh Văn Thừa pháp, tiện ư chư Phật cộng sở hộ trì Độc Giác Thừa pháp, Vô Thượng Thừa pháp, phỉ báng, hủy tử, chướng tế, ản một, bất linh lưu bố. Hoặc thiếu thính tập Độc Giác Thừa pháp, tiện ư chư Phật cộng sở hộ trì Thanh Văn Thừa pháp, Vô Thượng Thừa pháp, phỉ báng, hủy tử, chướng tế, ản một, bất linh lưu bố. Hoặc thiếu thính tập Vô Thượng Thừa pháp, tiện ư chư Phật cộng sở hộ trì Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp, phỉ báng, hủy tử, chướng tế, ản một, bất linh lưu bố. Vị câu danh lợi, xướng như thị ngôn: “Ngã thị Đại Thừa, thị Đại Thừa đẳng, duy nhạo thính tập, thọ trì Đại Thừa, bất nhạo Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, bất nhạo thân cận học Nhị Thừa nhân”. Như thị trá xưng Đại Thừa nhân đẳng, do tự ngu si, kiêu mạn thế lực, như thị báng hủy, chướng tế, ản một tam thừa chánh pháp, bất linh lưu bố, tăng tật tu học tam thừa pháp nhân, phỉ báng, hủy nhục, linh vô oai thế.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有刹帝利旃荼羅、婆羅門旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、沙門旃荼羅、長者旃荼羅、苾舍旃荼羅、戍達羅旃荼羅，若男若女，諂曲愚癡，懷聰明慢，其性凶悖、慍厲、粗獷，不見不畏後世苦果，好行殺生，乃至邪見，嫉妒慳貪，憎背善友，親近惡友，非是三乘賢聖法器。或少聽習聲聞乘法，便於諸佛共所護持獨覺乘法、無上乘法，誹謗毀訾，障蔽隱沒，不令流佈。或少聽習獨覺乘法，便於諸佛共所護持聲聞乘法、無上乘法，誹謗毀訾，障蔽隱沒，不令流佈。或少聽習無上乘法，便於諸佛共所護持聲聞乘法、獨覺乘法，誹謗毀訾，障蔽隱沒，不令流佈。為求名利，唱如是言：「我是大乘，是大乘黨，唯樂聽習，受持大乘，不樂聲聞、獨覺乘法，不樂親近學二乘人」。如是詐稱大乘人等，由自愚癡，憍慢勢力，如是謗毀、障蔽、隱沒三乘正法，不令流佈，憎嫉修學三乘法人，誹謗毀辱，令無威勢。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, Phiệt-xá Chiên-đồ-la, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, dù nam hay nữ, siểm khúc, ngu si, tự phụ thông minh, tánh tình hung hăng, phóng túng, thô lỗ, tục tằn, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả đời sau, ưa chuộng sát sanh, cho đến tà kiến, ganh tỵ, keo kiệt, tham lam, ghét bỏ bạn lành, thân cận bạn ác, chẳng phải là pháp khí để trở thành hiền thánh trong tam thừa. Hoặc do nghe nhận, tu tập đôi chút pháp Thanh Văn Thừa, liên phi báng, chê bai, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền pháp Độc Giác Thừa và pháp Vô Thượng Thừa là các pháp được chư Phật cùng hộ trì. Hoặc do nghe nhận, tu tập đôi chút pháp Độc Giác Thừa, liên phi báng, chê bai,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền pháp Thanh Văn Thừa và pháp Vô Thượng Thừa là các pháp được chư Phật cùng hộ trì. Hoặc do nghe nhận, tu tập đôi chút pháp Vô Thượng Thừa, liền phỉ báng, chê bai, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa là các pháp được chư Phật cùng hộ trì. Vì cầu danh lợi, bèn xướng như thế này: “Ta là Đại Thừa, thuộc bè đảng Đại Thừa, chỉ thích nghe nhận, tu tập Đại Thừa, chẳng thích pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa, chẳng thích thân cận kẻ học pháp Nhị Thừa”. Giả dối xưng là người Đại Thừa như thế, do thế lực ngu si, kiêu mạn của chính mình mà hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu chánh pháp tam thừa, chẳng cho lưu truyền, ghen ghét người tu học pháp tam thừa, phỉ báng, hủy nhục, khiến cho những người ấy chẳng có oai thế).

“Hoài thông minh mạn” (Ôm lòng tự phụ thông minh), tức là kẻ chẳng thông minh. “Mạn” (慢) là biểu hiện của sự không thông minh. Tự cho là thông minh, vì kẻ đó nghĩ mình mạnh hơn người khác. Rõ ràng là chẳng bằng người ta, mà vẫn tự nhận chính mình ngon lành hơn người khác, dầu chỗ nào cũng đều thua kém kẻ khác! Chúng ta hãy tự vấn cẩn thận, ai nấy đều mắc phải tật này, thường coi rẻ kẻ khác, luôn cảm thấy chính mình khá lắm. Đó là Ngã Chấp. Thật ra, khi quý vị thấy người khác luôn tốt đẹp hơn bất cứ ai, khi đó, quý vị là tốt nhất. Kẻ đó cũng chẳng cảm nhận được chuyện này, bản thân hẳn ngu si, vẫn cho rằng chính mình thông minh lắm. Người ấy có cái tâm kiêu mạn đó.

“Kỳ tánh hung bột” (Tánh người ấy hung hăng, ương bướng), “bột” là rất khó điều phục, nhu thuận. Chúng ta thấy trâu, hoặc ngựa, hoặc lừa, dùng roi đánh đập, trói chặt vào cột, nó vẫn chẳng đổi tánh. Đọa làm súc sanh, tánh của nó càng hung hăng, trái nghịch. “Thảo lệ thô quánh” (慥厲、粗獷) [nghĩa là] hành động hết sức chẳng tuân thủ quy củ, ăn nói cũng rất thô lỗ, tục tằn! Vì sao kẻ ấy làm như vậy? Kẻ đó chẳng sợ đời sau, chẳng tin nhân quả. Kẻ như vậy chẳng phải là pháp khí trong tam thừa. Đối với Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, đều chẳng phải là pháp khí. Hoặc là do thấy nghe sơ sài pháp Thanh Văn Thừa, nghe pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo rồi bèn phá hoại [các pháp khác]. Họ được nghe đôi chút pháp Thanh Văn, ngỡ mình ghê gớm lắm, đối với các pháp Độc Giác Thừa và Thượng Thừa bèn hủy báng rất kịch liệt.

Phật pháp tại các nước Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka) và Thái Lan rất tốt. Chúng ta có rất nhiều đệ tử tới đó du học. Đó là Phật pháp thuần túy khi đức Phật tại thế, nhưng đối với Trung Hoa Đại Thừa, cho đến Mật Tông của Tây Tạng, họ tuyệt đối chẳng tin tưởng. Người Hoa học pháp Đại Thừa, đặc biệt là người học Thiền Tông, đối với giới luật, đối với chuyện nghe kinh, đại đa số quăng ra sau ót. Khi tôi ở Cổ Sơn, Thiền đường tranh chấp với học đường của chúng tôi, chẳng phải là đấu lý, mà là tranh lợi! Đường khẩu nào có nhiều đồ vật, đường khẩu nào có cuộc sống dễ chịu hơn! Lo tranh giành những thứ ấy, quên bằng pháp tam thừa như thế đó!

Đối với pháp tam thừa do chư Phật cùng hộ trì, họ nghe pháp Thanh Văn Thừa, bèn hủy báng pháp Độc Giác Thừa, hủy báng pháp Đại Thừa. Họ nghe pháp Độc Giác Thừa, liền hủy báng pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa. Nghe xong pháp Đại Thừa, liền hủy báng pháp Thanh Văn và Độc Giác, mong ẩn giấu các pháp ấy, chẳng cho lưu truyền. Nhưng có một điều kiện cơ bản là “*vì cầu danh lợi, xướng như thị ngôn*” (vì cầu danh lợi, xướng như thế này): Nội tâm của họ là vì danh lợi, chẳng phải vì pháp. [Họ rêu rao] họ là Đại Thừa, thuộc bè phái Đại Thừa. Thanh Văn Thừa thì là bè đảng Thanh Văn Thừa. Độc Giác Thừa thì là bè đảng Độc Giác Thừa. Kéo bè kết cánh đấu đá, [kêu gào]: “Các vị đều như nhau, chúng ta là một đảng. Chúng ta đều là Đại Thừa. Bọn Độc Giác Thừa kia là Nhị Thừa. Chúng ta khác bọn chúng, hãy bài xích bọn chúng!” Kéo bè kéo đảng đấu đá kẻ có tri kiến khác biệt, công kích [đối phương] là dị đoan. Nếu quý vị trở thành mấy đảng, lẽ nào chẳng công kích nhau? Đã công kích nhau, mà mong chung sống hòa bình, sẽ chẳng thể được! Nếu ta nâng mình lên thì phải đè kẻ khác xuống, chuyện là như thế đó!

Kẻ dối trá xưng là Đại Thừa như thế, thêm một chữ Trá (詐, dối trá) là vì kẻ đó chẳng phải là Đại Thừa. Nếu kẻ đó thật sự là Đại Thừa, thật sự là Bồ Tát, sẽ chẳng hủy báng bất cứ pháp nào. Địa Tạng Bồ Tát hoàng dương pháp môn Địa Tạng, chẳng báng Quán Âm. Quán Âm cũng đến đây giúp Ngài tuyên dương. Kim Cang Tạng Bồ Tát là Không, Hư Không Tạng Bồ Tát cũng là Không. Kẻ đó chẳng phải là Đại Thừa, mà là trá hiện Đại Thừa, chẳng phải là chân chánh Đại Thừa. Do thế lực ngu si, kiêu mạn của chính mình, kẻ đó nhất định có sức lực, có sức mạnh xã hội. Vì kẻ đó kéo bè kết đảng công kích kẻ khác, người tin theo hẳn vẫn chẳng ít. Càng tới thời Mật Pháp, kẻ tin hẳn càng nhiều. Làm

người tốt không được nữa. Hiện thời chẳng thể nói chuyện [làm người tốt] được nữa! Quý vị nói hắc đạo không tốt, nhưng có quốc gia nào chẳng có xã hội đen, đảng phái nào mà chẳng có những kẻ đen tối? Thời này là thời Mạt Pháp. Những kẻ đó trá xưng Đại Thừa, mọi người phải chú ý chữ Trá, chúng chẳng phải là người Đại Thừa thật sự. Do thế lực của bọn chúng, bèn hủy báng, chướng ngại, ẩn giấu chánh pháp tam thừa, chẳng cho lưu truyền, ghen ghét người tu học pháp tam thừa. Người nào tuyên truyền chánh pháp, sẽ bị kẻ đó ghen ghét. Hiện thời, ngoại đạo ghen ghét, chín mươi sáu loại ngoại đạo ghen ghét đức Phật khôn cùng! [Ở đây, những kẻ trá xưng Đại Thừa] phi báng, hủy nhục [người học pháp tam thừa], khiến cho họ chẳng có oai thế.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn, cập chư Bồ Tát Ma Ha Tát, vị dục lợi lạc nhất thiết hữu tình, dĩ đại bi lực hộ trì nhị sự. Nhất giả, vị dục thiệu long Tam Bảo chủng tánh, thường linh bất tuyệt, xả tục xuất gia, thế trừ tu phát, bị phục ca-sa. Nhị giả, tam thừa xuất yếu Tứ Thánh Đế đẳng tương ứng chánh pháp. Như thị nhị sự, duy Phật Thế Tôn, cập đại Bồ Tát năng thiện hộ trì, phi chư Thanh Văn, Độc Thắng Giác đẳng, diệc phi bách thiên na-dữu-đa số Đại Phạm Thiên Vương, cập Thiên Đế Thích vương, tứ đại châu Chuyển Luân Vương đẳng sở năng hộ trì.

(經)善男子！一切過去、未來、現在諸佛世尊，及諸菩薩摩訶薩，為欲利樂一切有情，以大悲力護持二事：一者、為欲紹隆三寶種姓，常令不絕，舍俗出家，剃除鬚髮，被服袈裟。二者、三乘出要四聖諦等相應正法。如是二事，唯佛世尊及大菩薩能善護持，非諸聲聞、獨勝覺等，亦非百千那庾多數大梵天王及天帝釋王、四大洲轉輪王等所能護持。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Hết thầy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn và các Bồ Tát Ma Ha Tát vì muốn lợi lạc hết thầy hữu tình, dùng sức đại bi hộ trì hai sự: Một là vì muốn tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo thường chẳng dứt tuyệt, xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa. Hai là các pháp xuất thế trọng yếu trong tam thừa như Tứ Thánh Đế v.v... tương ứng chánh pháp. Hai chuyện như thế, chỉ

có Phật Thế Tôn và đại Bồ Tát là có thể khéo hộ trì, chẳng phải là các hàng Thanh Văn, Độc Giác v.v... cũng chẳng phải trăm ngàn na-dữu-đa các Đại Phạm Thiên Vương và Thiên Đế Thích Vương, các Chuyển Luân Vương trong bốn đại bộ châu mà có thể hộ trì).

Các vị đại Bồ Tát và chư Phật vì lợi ích hết thảy chúng sanh, dùng sức đại bi hộ trì hai chuyện. “*Nhất giả, vị dục thiêu long Tam Bảo chủng tánh, thường linh bất tuyệt, xả tục xuất gia, thế trừ tu phát, bị phục ca-sa*” (Một là vì muốn tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo thường chẳng dứt tuyệt, xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa). Đây là dùng sức đại bi để hộ trì chuyện thứ nhất, tức là khiến cho Tam Bảo thường được lưu truyền chẳng dứt, thường chẳng bị đoạn tuyệt. Như thế nào thì mới có thể khiến cho chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn? Phải hộ trì người xuất gia để trụ trì Tam Bảo. Bản thân Tăng nhân là như vậy, họ cạo bỏ râu tóc, khoác đắp ca-sa, vẫn chưa bàn đến chuyện họ có trì giới hay không. Trì giới thì càng tốt hơn! Chỉ cần có thể khoác đắp ca-sa, xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, họ đã làm được bước đầu tiên ấy, thì cũng đã tốt lắm rồi!

“*Nhị giả, tam thừa xuất yếu Tứ Thánh Đế đẳng tương ứng chánh pháp*” (Hai là các pháp xuất thế trọng yếu trong tam thừa như Tứ Thánh Đế v.v... tương ứng chánh pháp): Điểm thứ hai là phải hộ trì tam thừa xuất yếu, tức là đạo trọng yếu để xuất thế [trong tam thừa]. Bất luận Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, hay Bồ Tát Thừa, điều thứ nhất là phải kiến lập xuất ly tâm, ắt phải có tâm xuất ly tam giới khổ hải. Chẳng có cái tâm ấy, thứ gì cũng đều chẳng thành. Xuất ly tâm là điểm chung của tam thừa. Tứ Thánh Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo là Tứ Thánh Đế. Thanh Văn Thừa nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chính mình đã chứng đắc, tức chứng đắc Niết Bàn là đủ rồi. Bồ Tát Thừa khác hẳn, dầu nhiều người như vậy, đợi cho họ đã đều liễu thoát rồi, ta mới liễu thoát. Địa Tạng Bồ Tát đợi họ đều thành Phật cả rồi, Ngài mới thành Phật, mong trọn hết trách nhiệm độ chúng sanh. Đây là “*tương ứng hết thảy chánh pháp*”. Khổ, Tập, Diệt, Đạo là pháp Tứ Thánh Đế, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa tức Độc Giác Thừa đều phải trọn đủ.

“*Như thị nhị sự*” (Hai sự như thế) chỉ có chư Phật Thế Tôn và bậc đại Bồ Tát mới có thể khéo hộ trì, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà có thể làm được, cũng chẳng phải trăm ngàn na-dữu-đa Đại Phạm Thiên Vương và Thiên Đế Thích Thiên, các Chuyển Luân Vương

trong bốn đại bộ châu có thể hộ trì được. Chỉ có Phật và đại Bồ Tát mới có thể hộ trì.

(Kinh) U vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, kiến y ngã pháp nhi đắc xuất gia, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, phương tiện tứ cầu sở phạm quá thất, dĩ chủng chủng duyên, ha ma, hủy nhục, hoặc gia tiên trọng, hoặc bế lao ngục, hoặc đoạt tư cụ, hoặc thoát ca-sa, phé linh hoàn tục, sử tác chủng chủng cư gia sự nghiệp, hoặc hoành khu dịch, hoặc lạm tấn khiển, hoặc đoạn ẩm thực, hoặc hại thân mạng. Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, dĩ kỷ ngu si, kiêu mạn thế lực, hủy nhục, trích phạt chư Phật, Bồ Tát dĩ đại bi lực cộng sở hộ trì ngã chư đệ tử, phỉ báng, hủy diệt chư Phật, Bồ Tát dĩ đại bi lực cộng sở hộ trì ngã thậm thâm pháp, u kỳ tam thế chư Phật, Bồ Tát cộng sở hộ trì tam thừa chánh pháp, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố.

(經)於未來世，此佛土中，有刹帝利旃荼羅王，見依我法而得出家，剃除鬚髮、被袈裟者，方便伺求所犯過失，以種種緣呵罵毀辱，或加鞭杖，或閉牢獄，或奪資具，或脫袈裟，廢令還俗，使作種種居家事業，或橫驅役，或濫擯遣，或斷飲食，或害身命。彼刹帝利旃荼羅王，以己愚癡憍慢勢力，毀辱謫罰諸佛菩薩以大悲力共所護持我諸弟子，誹謗毀滅諸佛菩薩以大悲力共所護持我甚深法，於其三世諸佛菩薩共所護持三乘正法，障蔽隱沒，不令流佈。

(Kinh: Trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la thấy người nương theo pháp của ta để xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, bèn dùng các phương tiện bươi móc lỗi lầm người ấy đã phạm, dùng đủ mọi duyên quở trách, chửi bới, hủy nhục, hoặc đánh bằng roi, gậy, hoặc nhốt vào tù, hoặc tước đoạt các vật dụng cần dùng, hoặc lột ca-sa, bắt phải hoàn tục, sai người đó làm các thứ sự nghiệp tại gia, hoặc ngang ngược sai khiến họ phục dịch, hoặc lạm quyền xua đuổi, hoặc cắt lương thực, hoặc hại thân mạng. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy dùng thế lực ngu si, kiêu mạn của chính mình để hủy nhục, trừng phạt

các đệ tử của ta là những người được chư Phật và Bồ Tát cùng dùng sức đại bi hộ trì, phủ bóng, hủy diệt pháp rất sâu của ta do chư Phật và Bồ Tát cùng dùng sức đại bi hộ trì, chướng lấp, ẩn giấu chánh pháp tam thừa được chư Phật và Bồ Tát cùng hộ trì, khiến cho pháp ấy chẳng được lưu truyền).

Đoạn này nói về lúc Mạt Pháp. Có ác vương, Chiên-đồ-la (Caṇḍāla) nghĩa là “ác độc, chẳng có thiện tín”. Hẳn thấy các vị xuất gia, tức là hàng xuất gia cạo bỏ râu tóc, nương theo Phật pháp để xuất gia, bèn bươi móc các loại lỗi lầm của họ. “*Tứ sát*” (伺察) là tìm kiếm, bươi móc những lỗi lầm đã phạm. Dùng đủ mọi nhân duyên để quở trách, chửi mắng, hủy nhục, cho đến dùng roi, gậy đánh đập những người xuất gia. Những chuyện đó thuộc về trách phạt! Hoặc là tống họ vào lao ngục. Trong quá khứ, cũng có loại tình huống này. Đời Minh lần triều Mãn Thanh đều có. Mọi người thấy Tử Bách lão nhân và Hám Sơn đại sư đều từng bị tù. Tử Bách lão nhân chết trong nhà giam. Vào thời Mãn Thanh, lụt-ma, hòa thượng cũng [mắc nạn] rất nhiều. Như gần đây nhất là Bát Chỉ đầu đà tức Tế Thiên đại sư cũng từng bị giam. Vào thời Mạt Pháp, luôn có hiện tượng này!

Khi đó, thiện căn của chúng sanh mỏng, ít, kẻ làm quốc vương có phước đức. Do phước đức từ nhiều đời bao kiếp đã chín muồi, kẻ đó làm quốc vương. Trong thời Mạt Pháp, hẳn thấy người xuất gia, thấy người nương theo Phật pháp để xuất gia bèn bươi móc lỗi lầm của họ. Như Hám Sơn đại sư và Tử Bách lão nhân bị Hoàng Thái Hậu liên lụy, vì hoàng đế [Vạn Lịch, tức Minh Thần Tông] và Hoàng Thái Hậu có mâu thuẫn. Thái Hậu tôn kính các Ngài làm thầy, cúng cho các Ngài rất nhiều tiền để dựng chùa, nhà vua [do mê Đạo giáo] liền vịn vào có ấy để nhốt các Ngài vào tù. Trong nhà tù, chẳng cho những người xuất gia chúng tôi nói chuyện với nhau, buồng giam cũng khác nhau. Sau đó, cho ra lao động, dẫu nghiêm ngặt cỡ nào, khi cho ra hóng gió, cũng có thể trò chuyện. Tôi biết họ được Phật, Bồ Tát gia trì. Hễ nói ra, sẽ khiến cho mọi người cảm thấy rất chẳng thể nghĩ bàn. Trong ấy, có chứa đựng sự linh cảm gia trì của Phật, Bồ Tát.

Chuyện kiêu này có khi là Cộng Nghiệp, gọi là Kiếp Trước. Vào lúc đó, mọi người đều phạm Cộng Nghiệp. Kẻ bức hại chúng ta cũng là cả một tập đoàn. Vậy thì kẻ bị hại cũng là một nhóm người. Bất luận tại gia hay xuất gia, đều là kẻ bị hại. Do cộng nghiệp trong quá khứ của quý

vị cảm vời, ắt phải hứng chịu. Tiêu hết nợ, được gia trì, tùy thuộc công lực của quý vị như thế nào, tùy thuộc quý vị đền trả như thế nào! Thật sự đến lúc đó, thấy hết thấy đều là Không, sẽ chẳng sao cả! Nhìn từ hiện tượng (hình tướng biểu hiện), dường như rất tệ, nhưng nhìn từ thực chất, do đã thọ báo rồi, cũng sẽ chẳng còn nữa. Đây cũng là bản thể của Tập [trong Tứ Thánh Đế].

Do vậy, vào thời Mạt Pháp, ác vương đó thấy người mặc ca-sa bèn chẳng hoan hỷ cho lắm, dùng đủ mọi duyên để quở mắng, chửi bới, hủy nhục, cho đến dùng roi đánh, nhốt vào lao ngục, tịch thu hết các vật dụng cần dùng của đại chúng Tăng trong chùa miếu, khiến họ chẳng thể sống nổi, chẳng cho họ làm hòa thượng nữa. Hoặc cưỡng bức họ cởi ca-sa hoàn tục. Không chỉ hoàn tục, mà còn bắt họ làm những chuyện của người tại gia. Hoặc ngang ngược sai khiến họ làm kẻ phục dịch, coi họ như đầy tớ hèn mọn. Hoặc lạm quyền tấn xuất. “*Lạm quyền tấn xuất*” tức là chẳng dựa theo quy chế của đức Phật, chẳng dựa theo Tăng pháp để tấn xuất, mà là lạm quyền tấn xuất.

Hoặc cắt đứt thực phẩm, hoặc hại sanh mạng của họ. Gã ác quốc vương ấy do bản thân ngu si, dùng thế lực kiêu mạn để hủy nhục các vị đệ tử xuất gia, cho đến phỉ báng, hủy diệt. Tức là hủy diệt Tăng, hủy diệt Pháp. Nếu chẳng có Tăng, chẳng có Pháp, tượng Phật cũng bị hủy diệt. Đó là hủy diệt Tam Bảo. Chánh pháp Đại Thừa do tam thể chư Phật hộ trì bị kẻ đó hủy diệt, sẽ chướng lấp, ẩn mất, pháp chẳng thể lưu truyền. Như tại Đài Loan, dùng hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát để quảng cáo đầy đường, đều là như vậy. Bao bì có in hình Ngài bị xé rách, vứt đầy đường. Như thế thì tuy chẳng phải là diệt pháp, nhưng làm kiểu đó chẳng khác Đại Lục cho lắm, căn bản là không tôn kính. Cái nghiệp ấy cũng lớn, mọi người dùng văn vật Phật giáo để tuyên truyền, tạp chí cũng sử dụng [hình Phật, Bồ Tát] tràn lan. Kể ra, chúng ta có những đạo hữu tin Phật, thấy hình tượng Phật trên các tạp chí đó, quý vị có cảm tưởng gì? Rất nhiều thứ bị vứt loạn xạ! Thậm chí tại các xưởng in kinh, những thứ ấn phẩm [có hình tượng Phật, Bồ Tát] bị hư rách vứt đầy mặt đất. Đó là làm gì? Công đức in kinh và chuyện tôn phước gần như tương đương, đều là hiện tượng hủy diệt Phật pháp. Chẳng phải là được tam thể chư Phật hộ trì ư? Vì sao còn bị hủy diệt? Nghiệp lực của chúng sanh còn lớn hơn Phật lực. Nếu không lớn hơn Phật lực, Phật đã độ chúng ta hết rồi! Do nghiệp chướng của chúng ta ngăn trở, chẳng thể vượt qua được, cho nên chẳng thể lưu truyền!

(Kinh) Hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí Phiệt-xá, Thú-đạt-la đấng Chiên-đồ-la nhân, nhược nam, nhược nữ, ngu si, kiêu mạn, tự hiệu Đại Thừa, bỉ nhân thượng phi Thanh Văn, Độc Giác Nhị Thừa pháp khí, hưởng thị vô thượng Đại Thừa pháp khí? Vị cầu lợi dưỡng, cung kính, danh dự, cuống hoặc thế gian ngu si tạp loại, tự ngôn “ngã đấng thị Đại Thừa nhân”, báng hủy Như Lai Nhị Thừa chánh pháp. Như thị nhân đấng, ngu si, siểm khúc, kiêu mạn, tật đố, xan tham nhân duyên, hủy ngã pháp nhân, linh tốc ẩn diệt. Bỉ u tam thế nhất thiết chư Phật phạm đại quá tội, diệt u tam thế nhất thiết Bồ Tát phạm đại quá tội. Hựu u tam thế nhất thiết Thanh Văn phạm đại quá tội, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, tao ngộ chủng chủng trọng ác tật bệnh. Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí Phiệt-xá, Thú-đạt-la đấng Chiên-đồ-la nhân, nhược nam, nhược nữ, do tạo ác nghiệp, khởi đảo kiến cố, tổn đoạn nhất thiết sở hữu thiện căn. Tuy phục hữu thời đa tu thí phước, u vị lai thế, đương sanh quý thú, bàng sanh thú trung, thọ phú lạc quả, nhi bỉ thân trung, thượng bất năng khởi Sắc, Vô Sắc Giới hạ liệt thiện căn, hưởng đương năng chủng Thanh Văn, Độc Giác, cập Vô Thượng Thừa, vô công dụng khởi Nhất Thiết Trí trí thiện căn chủng tử? Hựu linh kỳ thiệt vi bệnh sở hại, u đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định đương sanh u Vô Gian đại địa ngục trung.

(經)有剎帝利旃荼羅王，乃至筏舍、戍達羅等旃荼羅人，若男若女，愚癡憍慢，自號大乘，彼人尚非聲聞、獨覺二乘法器，況是無上大乘法器？為求利養、恭敬、名譽，誑惑世間愚癡雜類，自言「我等是大乘人」，謗毀如來二乘正法。如是人等，愚癡、諂曲、憍慢、嫉妒、慳貪因緣，毀我法眼，令速隱滅。彼於三世一切諸佛犯大過罪，亦於三世一切菩薩犯大過罪。又於三世一切聲聞犯大過罪，不久便當肢體廢缺，遭遇種種重惡疾病。彼剎帝利旃荼羅王，乃至筏舍、戍達羅等旃荼羅人，若男若女，由造惡業，起倒見故，損斷

一切所有善根。雖復有時多修施福，於未來世，當生鬼趣、傍生趣中，受富樂果，而彼身中，尚不能起色、無色界下劣善根，況當能種聲聞、獨覺及無上乘，無功用起一切智智善根種子？又令其舌為病所害，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定當生於無間大地獄中。

(Kinh: Có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho tới những kẻ Phiệt-xá, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la v.v... dù nam hay nữ, ngu si, kiêu mạn, tự xưng là Đại Thừa. Những kẻ đó còn chẳng phải là pháp khí của Thanh Văn, Độc Giác Nhị Thừa, huống hồ là pháp khí của vô thượng Đại Thừa! Vì cầu lợi dưỡng, cung kính, danh dự, mà đối gạt các hạng người ngu si trong thế gian, tự nói “chúng ta là bậc Đại Thừa”, hủy báng chánh pháp Nhị Thừa của Như Lai. Những kẻ như thế do nhân duyên ngu si, siểm khúc, kiêu mạn, ghen tỵ, keo kiệt, tham lam, mà hủy hoại pháp nhân của ta, khiến cho mau chóng ẩn diệt. Những kẻ đó phạm tội lỗi lớn đối với ba đời hết thầy chư Phật, cũng phạm tội lỗi lớn đối với ba đời hết thầy Bồ Tát. Lại phạm tội lỗi lớn đối với ba đời hết thầy Thanh Văn. Chẳng lâu sau, sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, gặp đủ các loại bệnh tật nặng nề, ngặt nghèo. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy cho đến bọn Phiệt-xá, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, dù nam hay nữ, do tạo ác nghiệp, dấy lên tri kiến điên đảo, tổn hại, đoạn dứt hết thầy các thiện căn họ vốn có. Tuy có lúc tu nhiều phước bố thí, trong đời vị lai, sẽ sanh vào đường quý, hay đường bàng sanh, hưởng quả giàu vui, nhưng nơi thân họ, còn chẳng thể khởi lên các căn lành kém hèn trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới, huống hồ có thể gieo chủng tử của trí Nhất Thiết Trí vô công dụng trong Thanh Văn, Độc Giác, và Vô Thượng Thừa ư? Lại còn khiến cho những kẻ đó mắc bệnh về lưỡi. Trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi chẳng thể nói được, chịu các nỗi khổ độc, đau đớn cùng cực, khó thể chịu đựng. Mạng chung, chắc chắn sẽ sanh vào đại địa ngục Vô Gián).

Đoạn này nói gì vậy? Ác vương ấy cho đến các kẻ ác, dân ác ấy, cho đến đại thần, tể quan, bất luận nam nữ, do họ ngu si, chẳng có trí huệ, kiêu ngạo, tự mãn, tự xưng là Đại Thừa, học pháp Đại Thừa, muốn báng bỏ pháp Thanh Văn, báng bỏ pháp Duyên Giác, thậm chí chẳng cho phép lưu truyền. Đức Phật nói hạng người ấy ngay cả “Thanh Văn,

Độc Giác Nhị Thừa pháp khí” còn chẳng có! Chẳng có thiện căn, họ làm sao có thể tiến nhập vô thượng Đại Thừa pháp khí cho được? Chỉ có thể là mắc tội báng pháp. Nhưng kẻ đó vì “*câu lợi dưỡng, cung kính, danh dự*”, mà dối gạt “*cuồng hoặc thế gian ngu si tạp loại*” (lường gạt mê hoặc các loài ngu si trong thế gian). “*Tạp loại*” (雜類) là nói đến các chúng sanh, nói đến loài người. Vì mục đích này, những kẻ đó nói chính mình học Đại Thừa, chẳng cần đến pháp Nhị Thừa, chẳng cần pháp mười hai nhân duyên của Thanh Văn và Duyên Giác, cho nên chẳng cho phép lưu thông bất cứ một pháp [Nhị Thừa] nào, dần dần chúng sẽ bị mất đi. Đây là hủy báng chánh pháp Nhị Thừa của Như Lai.

“*Như thị nhân đẳng ngu si, siểm khúc, kiêu mạn, tật đố, xan tham*” (Những kẻ như thế ngu si, siểm khúc, kiêu mạn, ghen ghét, keo kiệt, tham lam), do các thứ nhân duyên ấy, cho nên hủy hoại pháp nhãn của ta, khiến cho pháp nhãn nhanh chóng bị ẩn diệt. Pháp là huệ nhãn của chư Phật, cũng là pháp nhãn của chư Phật. Những pháp ấy quý vị rất khó liễu giải được! Có thể nghe danh tự đã chẳng dễ dàng. Hiện thời, có rất nhiều danh tự kinh luận chúng ta không nghe nói đến, do chẳng có ai nói, quý vị sẽ chẳng nghe biết. Như kinh Đại Tập Thập Luân, không nói tới đạo hữu tại gia, người xuất gia chúng tôi, rất nhiều người nghe danh tự của bộ kinh này đều rất ngỡ ngàng! Chưa hề nghe nói đến, mà cũng chẳng có ai phê chú. Trong quá khứ, các bậc đại đức chẳng đề xướng, sẽ chẳng có ai nói. Vì thời ấy, có rất nhiều thành kiến, chấp trước, cho rằng đây là pháp Tiểu Thừa, [cho rằng] kinh Địa Tạng toàn nói về quý thân, Địa Tạng Bồ Tát ở trong địa ngục cũng chẳng thừa nhận Ngài là đại Bồ Tát. Nay nhằm thời Mạt Pháp, hiện tượng gì cũng đều có. Quý vị chưa hề nghe nói, làm sao có thể học cho được? Chẳng thể học!

Đối với pháp Nhị Thừa, [tại Trung Hoa], cũng chỉ [nhắc đến] kinh A Hàm và luận Câu Xá. Lúc tôi xuất gia, học các pháp ấy rất ít. Về sau, do giao thiệp với Sri Lanka và Thái Lan, chúng ta cũng gửi Tăng sinh du học đến các quốc gia ấy, hoặc từ Nhật Bản truyền vào. Họ coi trọng kinh A Hàm và Nam Truyền Phật giáo, chẳng hủy báng. Trước kia, Nam Truyền Phật giáo chẳng truyền vào Đại Lục được. Đại Lục chỉ có Thiên Tông, cho nên vào lúc Thiên Tông hưng thịnh nhất, rất nhiều pháp bị ẩn mất. Vì sao? Vào lúc Tam Vũ diệt Phật, không cho phép học, không cho phép tu, chẳng có cách nào, không cho phép quý vị xuất gia! Các vị đại đức bèn ẩn cư trong núi, chỉ có thể tham Thiên, chẳng có kinh sách để

đọc. Do vậy, riêng Thiên Tông hưng thịnh, trong thời điểm ấy, rất nhiều kinh đều bị ẩn diệt.

Vì thế, quốc vương có mối quan hệ rất trọng yếu. Nếu quốc vương là đệ tử Tam Bảo, mạnh mẽ đề xướng Phật giáo, nhân dân cũng gieo phước dễ dàng! Nhưng bọn họ vì tiếng tăm, lợi dưỡng, lừa bịp, gạt gẫm thế gian, cho nên mới đề xướng hủy diệt pháp Nhị Thừa. Pháp Nhị Thừa cũng được tam thế chư Phật hộ trì, [thế mà] họ (các ác quốc vương) chẳng cho phép học tập, sẽ phạm tội lỗi rất nặng. Sẽ gặp phải quả báo gì vậy? Tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, mắc phải đủ loại bệnh tật nặng nề, ngặt nghèo. Những kẻ ác tánh ấy, dù nam hay nữ, do tạo ác kiến ấy, tạo ác nghiệp ấy, dấy khởi tri kiến điên đảo. Tri kiến điên đảo chính là “coi chánh pháp là phi pháp, coi phi pháp là chánh pháp”. Tri kiến điên đảo khiến cho hết thấy thiện căn trước hết là cứ giảm thiểu mãi cho đến khi toàn bộ bị đoạn tuyệt. Hết thấy tất cả thiện căn, kể cả thiện căn đã gieo và phước báo đã vun bồi trong quá khứ đều bị hủy diệt trong đời này. Khi gieo thiện căn, tu phước ở nơi đây, sẽ rất khó khăn.

Phước đức tích lũy cũng rất dễ dàng mất đi, chẳng kiên cố. Đức Phật gọi các chúng sanh ấy là “*mao đạo phàm phu*” (毛道凡夫), [hàm ý] giống như sợi lông trên không trung, chẳng cần có gió to, bão lớn, chỉ một tí gió nhẹ đã thổi bay quý vị, vì quý vị chẳng định được! Có những kẻ tuy là ác tánh, nhưng do một chút thiện căn phát khởi, có phước do tu bố thí, do phước ấy, sẽ được thọ dụng, nhưng kẻ đó sanh vào đường quý, hoặc vào đường bàng sanh. Nói là trâu ngựa, hoặc là biến thành đại chúng, sanh trong loài bàng sanh, kẻ ấy cũng hưởng phước lạc quả!

Tại Ấn Độ, “*huong tượng quải anh lạc*” (voi thơm đeo anh lạc), trong quốc độ này, chúng ta cũng có thể trông thấy. Như các vua Mông Cổ, tọa kỵ của họ là ngựa, những con ngựa ấy hưởng thụ sướng hơn nông nô rất nhiều! Một con ngựa luôn có hai nô lệ chăm sóc thớt ngựa ấy, họ được gọi là “*mã phu*” (kẻ chăn ngựa). Khi chúng tôi ở Đông Bắc, lúc ấy, chẳng có xe hơi, chẳng có phi cơ, thổ phỉ và quân đội đều cưỡi ngựa. Các tướng lãnh cao cấp từ sư trưởng trở lên, các thớt ngựa của họ được cho ăn rất đầy đủ, do những người chăn ngựa phụng dưỡng. Đó gọi là “*bàng sanh hưởng phước báo*”. Voi tại Ấn Độ rất khô, phải chở nặng rất nhiều, nhưng có những con voi có phước báo, đặc biệt là “*huong tượng quải anh lạc*”, có hàm nghĩa ấy!

Tuy có phước báo ấy, kẻ đó vẫn rơi vào quỷ đạo, đại lực quý vương là như thế đó. Các loại chúng sanh như vậy, trong đời hiện tại

chẳng có thiện căn sanh thiên. [Kinh văn nói đến] Sắc Giới và Vô Sắc Giới tức là sanh thiên, họ chẳng có phước đức ấy. Ngay cả phước đức kém cõi mà còn chẳng có, làm sao có thể gieo thiện căn Thanh Văn, Độc Giác, và Vô Thượng Thừa cho được? Cho đến chúng tử thiện căn của trí Nhất Thiết Trí, những kẻ đó chẳng có thiện căn Phật pháp, chẳng có thiện căn Thanh Văn và Độc Giác. Vô thượng thừa, vô công dụng, trí Nhất Thiết Trí, các chúng tử thiện căn ấy càng chẳng có. Đồng thời, do báng pháp trong đời hiện tại, khiến cho những kẻ đó bị bệnh lười, vì báng pháp đều là do miệng hủy báng. Khi gặp phải quả báo, sẽ “*vị bệnh sở hại, đa nhật dạ kết thiết bất ngôn*” (bị mắc bệnh trong nhiều ngày đêm, đờ lười chẳng nói được), nói chẳng nên lời. “*Thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhân, mạng chung định đương sanh u Vô Gian đại địa ngục trung*” (chịu các nỗi khổ độc, đau đớn cùng cực, khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sẽ sanh trong đại địa ngục Vô Gian), sau khi chết sẽ đọa địa ngục!

(Kinh) Thị cố, Như Lai từ bi lân mẫn nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thù-đạt-la đấng, nhược nam, nhược nữ, linh đặc trường dạ lợi ích an lạc, ân cần, khẩn thiết, tác như thị ngôn: “Nhữ đẳng ưng đương u quy ngã pháp, thể trừ tu phát, bị phiến ca-sa, xuất gia nhân sở, thận vật nã loạn, cơ ha, trích phạt. Ư ngã sở thuyết tam thừa chánh giáo, thận vật báng hủy, chương tế, ẩn một. Nhược vi ngã ngôn, nhi cố tác giả, sở hoạch tội báo như tiền quảng thuyết.

(經)是故，如來慈悲憐愍一切真善刹帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，令得長夜利益安樂，慇懃懇切作如是言：「汝等應當於歸我法，剃除鬚髮、被片袈裟，出家人所，慎勿惱亂，譏呵謫罰。於我所說三乘正教，慎勿謗毀、障蔽、隱沒。若違我言，而故作者，所獲罪報如前廣說。

(Kinh: Vì vậy, Như Lai từ bi thương xót hết thảy các vua chân thiện Sát-đế-lợi cho đến chân thiện Thù-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, khiến cho họ được lợi ích, an lạc trong đêm dài, bền ân cần, khẩn thiết, nói như thế này: “Đối với người xuất gia quy y pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, khoác một mảnh ca-sa, các người hãy nên cẩn thận, đừng nã loạn,

chê bai, quở trách, trừng phạt. Đối với chánh giáo tam thừa do ta đã nói, hãy cẩn thận, đừng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu. Nếu trái lời ta, cố ý làm, sẽ mắc tội báo như đã nói rộng trong phần trên”).

Trong chúng tánh thấp hèn, cũng có người phát tâm, nhưng kẻ tánh ác chẳng phát tâm. Cũng có chân thiện Thú-đạt-la tốt lành, tuy đời này, họ đọa vào chúng tánh thấp hèn. Trong số đó, cũng có người làm nghề đồ tể, nhưng họ giác ngộ hết thủy, buông dao mổ xuống, chẳng làm nghề ấy nữa. Bữa trước, chúng tôi có nói mười nhà thổ bằng một tiệm rượu, mở khách sạn bán rượu, người ấy đổi nghề chẳng làm khách sạn nữa, đã tỉnh ngộ. Nhưng chuyện này rất khó, đã hãm vào đó, mà còn có thể giác ngộ, rất khó! Ất cần phải do cái nhân lành trong đời trước đã chín muồi! Đối với những người đó, bất luận nam hay nữ, đều làm cho họ vĩnh viễn thọ dụng lợi ích và yên vui.

Do vậy, đức Phật ân cần, khẩn thiết nói với họ: *“Nhữ đẳng ưng đương u quy ngã pháp, thế trừ tu phát, bị phiến ca-sa, xuất gia nhân sở, thận vật nã loạn, cơ ha, trích phạt”* (Đối với người xuất gia, quy y pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, khoác một mảnh ca-sa, các người hãy nên cẩn thận đừng nã loạn, chê bai, quở trách, trừng phạt): Ngàn vạn lần đừng nên nã hại những người ấy. Đối với chánh pháp tam thừa do ta đã nói, *“thận vật báng hủy, chướng tế, ẩn một”* (hãy cẩn thận, đừng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu). Nếu như trái nghịch lời dạy của ta, *“nhi cố tác giả”* (cố ý làm), *“sở hoạch tội báo như tiền quảng thuyết”* (sẽ mắc tội báo như đã nói rộng trong phần trước), tức là không chỉ chuốc lấy tội báo đọa địa ngục trong vị lai, mà còn trong đời này, hoặc là lưỡi chẳng thể nói được, cho đến bị đứt mất chân tay, các thứ bệnh khổ.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Thử quy ngã pháp, thế trừ tu phát, bị xích ca-sa, xuất gia hình tướng, nãi thị quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, Bồ Tát đại bi thần lực chi sở hộ trì. Thử thế tu phát, bị xích ca-sa, xuất gia oai nghi, thị chư hiền thánh giải thoát tràng tướng, diệc thị nhất thiết Thanh Văn Thừa nhân thọ dụng giải thoát pháp vị tràng tướng, diệc thị nhất thiết Độc Giác Thừa nhân thọ dụng giải thoát pháp vị tràng tướng, diệc thị nhất thiết Đại Thừa chi nhân thọ dụng giải thoát pháp vị tràng tướng. Như Lai sở thuyết tam thừa chánh pháp, diệc thị tam thế chư Phật, Bồ Tát đại bi thần lực chi sở hộ trì, thị chư hiền thánh giải thoát y chỉ, diệc thị nhất thiết Thanh Văn Thừa nhân thọ dụng giải thoát pháp vị y chỉ, diệc thị nhất thiết Độc Giác Thừa nhân

thọ dụng giải thoát pháp vị y chỉ, diệt thị nhất thiết Đại Thừa chi nhân thọ dụng giải thoát pháp vị y chỉ.

(經)所以者何? 此歸我法, 剃除鬚髮、被赤袈裟, 出家形相, 乃是過去、未來、現在諸佛菩薩, 大悲神力之所護持。此剃鬚發、被赤袈裟, 出家威儀, 是諸賢聖解脫幢相, 亦是一切聲聞乘人, 受用解脫法味幢相。亦是一切獨覺乘人, 受用解脫法味幢相, 亦是一切大乘之人, 受用解脫法味幢相。如來所說三乘正法, 亦是三世諸佛菩薩, 大悲神力之所護持, 是諸賢聖解脫依止, 亦是一切聲聞乘人, 受用解脫法味依止, 亦是一切獨覺乘人, 受用解脫法味依止, 亦是一切大乘之人, 受用解脫法味依止。

(Kinh: Vì có sao vậy? Những người ấy quy y pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa đỏ, mang hình tướng xuất gia, được thần lực đại bi của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, Bồ Tát hộ trì. Những người có oai nghi xuất gia, cạo râu tóc, mặc ca-sa đỏ ấy là tràng tượng giải thoát của các vị hiền thánh, cũng là pháp vị giải thoát tràng tượng được thọ dụng bởi hết thảy những người thuộc Thanh Văn Thừa, cũng là pháp vị giải thoát tràng tượng được thọ dụng bởi hết thảy những người thuộc Độc Giác Thừa, cũng là pháp vị giải thoát tràng tượng được thọ dụng bởi hết thảy những người thuộc Đại Thừa. Chánh pháp tam thừa do Như Lai đã nói cũng được thần lực đại bi của tam thế chư Phật và Bồ Tát hộ trì, là chỗ y chỉ để giải thoát cho các vị hiền thánh, cũng là chỗ y chỉ để thọ dụng pháp vị giải thoát cho hết thảy những người thuộc Thanh Văn Thừa, cũng là chỗ y chỉ để thọ dụng pháp vị giải thoát cho hết thảy những người thuộc Độc Giác Thừa, cũng là chỗ y chỉ để thọ dụng pháp vị giải thoát cho hết thảy những người thuộc Đại Thừa).

Vì sao ta phải nói như vậy? “Thử quy ngã pháp, thế trừ tu phát, bị xích ca-sa xuất gia hình tướng” (Những người ấy quy y pháp ta, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa đỏ, có hình tướng xuất gia). Kiểu hình tướng ấy thể hiện trạng của vị Tăng xuất gia. Oai nghi, hành động, cho đến một

mảnh ca-sa của các vị xuất gia đắp ca-sa, cạo bỏ râu tóc ấy chính là “giải thoát tràng tướng”. Tướng pháp tràng có nghĩa là “*tạo lập chánh pháp*”. Quý vị trông thấy những người ấy, bèn nghĩ tới Phật, nghĩ tới Pháp. Đức Phật thuyết pháp nhằm dạy chúng ta giải thoát, chẳng phải là trói buộc. Hiện thời, thân tâm của chúng ta có đủ thứ trói buộc, nhất là những thứ trói buộc nơi thân đặc biệt nghiêm trọng, chẳng thể giải thoát được! Tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, Tà Kiến, cho đến giết, trộm, dâm, dối, các thứ ấy đều trói buộc thân thể chúng ta, chẳng thể đạt được giải thoát!

Nếu là “*Đại Thừa chi nhân thọ dụng giải thoát pháp vị tràng tướng*” (Là tràng tướng để người Đại Thừa thọ dụng pháp vị giải thoát): Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiền Định, trí huệ, những pháp ấy đều là tràng tướng của Đại Thừa. Nếu y theo đó, quý vị sẽ có thể giải thoát, có thể trở thành Bồ Tát. Nếu y theo Khô, Tập, Diệt, Đạo để tu hành, sẽ có thể trở thành Thanh Văn. Quán hết thấy các pháp sanh khởi, quán hết thấy các pháp hoàn diệt, quán hết thấy các pháp tuần hoàn thiện ác nhân quả báo ứng trong thế giới, sẽ thuộc vào pháp Độc Giác Thừa. Pháp thuộc mỗi thừa đều có thể khiến cho quý vị đạt được giải thoát. Nếu thật sự thọ trì, quý vị sẽ có cảm giác giải thoát thù thắng. Giống như ăn uống, bản thân quý vị sẽ ham mê một loại hương vị nào đó, ăn vào sẽ cảm thấy khoái trá. Nếu quý vị chẳng ham mê hương vị ấy, ăn vào sẽ chẳng cảm thấy thoải mái. Có những người không ăn ớt được, nếu cho họ dùng một chén đồ ăn nêm ớt, họ sẽ khổ chết luôn, chẳng cảm thấy thích hợp! Người ta là pháp khí Tiểu Thừa mà quý vị lại nói pháp Đại Thừa với người ấy, sẽ rất không thích hợp.

Hiện thời, quốc độ này đều nói pháp Đại Thừa, nói pháp Tiểu Thừa không ai nghe. Quý vị nêu ra hết thấy các hiện tượng trong cuộc sống khách quan, họ chẳng nghe lọt tai. Thậm chí nói theo giới luật, nói theo biệt biệt giải thoát giới (別別解脱戒), họ cảm thấy quá trói buộc, chẳng thích hợp. Vì sao họ lại tin pháp Đại Thừa? Họ chẳng phải thật sự tin, mà vì pháp Đại Thừa thuận tiện. Chúng ta là đệ tử Phật phải nên biết: Hết thấy các pháp do đức Phật đã nói đều là đối ứng căn cơ mà nói, tức là [người nghe thuộc] căn cơ gì bèn nói cho họ pháp ấy. Chẳng đúng với căn cơ thì là sai lầm. Làm thế nào để có thể đúng với căn cơ? [Trong thời Mạt Pháp], từ bản thân người đó (người giảng kinh, thuyết pháp), từ chướng ngại ngôn ngữ và văn tự của người đó, lại còn thêm chướng ngại về pháp, người đó chẳng biết đối với đối tượng này thì phải nên nói pháp

gì. Vì vậy, người đó chỉ có thể giảng bộ kinh này. Nếu quý vị nghe pháp này mà thọ dụng, tức là quý vị tương ứng với pháp này. Chẳng thọ dụng, quý vị có thể không nghe. Vì sao có tình huống như vậy? Vì phước báo của mọi người đều mỏng tanh!

Thuở đức Phật tại thế, chúng ta chẳng gặp gỡ. Cho đến sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, hãy còn có các vị đại A La Hán trụ thế, chúng ta cũng chẳng hề gặp gỡ! Tới lúc Mạt Pháp, thứ gì cũng đều chẳng có! Bất quá còn cảm được thời Mạt Pháp, còn có tượng Phật, kinh sách, còn có người xuất gia đắp y ca-sa. Nếu trải qua hai ngàn năm nữa, chẳng cần tới một vạn năm, chỉ sợ hai ngàn năm sau, những [hình tượng ấy] cũng đều chẳng có, dần dần bị đoạn tuyệt.

Hiện thời, kỹ thuật ấn loát rất phát triển, chúng ta ấn loát nhiều kinh sách ngàn ấy, lẽ nào sẽ chẳng có? Tới lúc đó, các kinh sách sẽ tự biến mất, do nghiệp chướng cảm vời, mở ra toàn là kinh bỗn không có chữ, đều biến thành Vô Tự Thiên Thư (sách trời không có chữ)! Vì sao chẳng có chữ? Hoặc là do vì khí hậu, hoặc vì ẩm ướt, bị mục nát, chữ chẳng còn nữa! Hoặc do mực in dính cả vắn lem luốc. Chuyện này liên quan tới phước báo.

(Kinh) Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, câu giải thoát giả, ưng đương thân cận, cung kính, cúng dường chư quy ngã pháp, thể trừ tu phát, bị xích ca-sa, xuất gia chi nhân. Ứng tiên tín kính Thanh Văn Thừa pháp. Nhược tự thính thọ, giáo tha thính thọ, nhược tự độc tụng, giáo tha độc tụng, nhược tự thư tả, giáo tha thư tả, nhược tự thí dũ, giáo tha thí dũ, nhược tự tuyên thuyết, giáo tha tuyên thuyết, tư duy tu hành, quảng linh lưu bố. Như thị tín kính Độc Giác Thừa pháp. Nhược tự thính thọ, giáo tha thính thọ, nhược tự độc tụng, giáo tha độc tụng, nhược tự thư tả, giáo tha thư tả, nhược tự thí dũ, giáo tha thí dũ, nhược tự tuyên thuyết, giáo tha tuyên thuyết, tư duy tu hành, quảng linh lưu bố. Nhược phi khí giả, bất ưng tự thính, vật giáo tha thính, nãi chí quảng thuyết.

(經)善男子！以是義故，求解脫者應當親近，恭敬供養諸歸我法，剃除鬚髮、被赤袈裟出家之人。應先信敬聲聞乘法。若自聽受、教他聽受，若自讀誦、教他讀誦，若自書寫、教他書寫，若自施與、教他施與，若自宣說、教他宣說，思惟修行，廣令流佈。如是信敬獨覺乘法。若自聽受、教他聽受，若自讀誦、教他讀誦，若自書寫、教他書寫，若自施與、教他施與，若自宣說、教他宣說，思惟修行，廣令流佈。如是信敬於大乘法，若自聽受、教他聽受，若自讀誦、教他讀誦，若自書寫、教他書寫，若自施與、教他施與，若自宣說、教他宣說，思惟修行，廣令流佈。若非器者，不應自聽，勿教他聽，乃至廣說。

(Kinh: Này thiện nam tử! Do vì nghĩa này, kẻ cầu giải thoát hãy nên thân cận, cung kính, cúng dường những vị xuất gia quy y pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa đỏ. Trước hết, hãy nên tín kính pháp Thanh Văn Thừa. Hoặc là tự nghe nhận, dạy người khác nghe nhận. Hoặc tự đọc tụng, dạy người khác đọc tụng. Hoặc tự biên chép, dạy người khác biên chép. Hoặc tự trao tặng, dạy người khác trao tặng. Hoặc tự tuyên nói, dạy người khác tuyên nói, tư duy tu hành, lưu truyền rộng rãi. Cũng giống như thế, hãy tín kính pháp Độc Giác Thừa. Hoặc là tự nghe nhận, dạy người khác nghe nhận. Hoặc tự đọc tụng, dạy người khác đọc tụng. Hoặc tự biên chép, dạy người khác biên chép. Hoặc tự trao tặng, dạy người khác trao tặng. Hoặc tự tuyên nói, dạy người khác tuyên nói, tư duy tu hành, lưu truyền rộng rãi. Cũng như thế, hãy tín kính Đại Thừa pháp. Hoặc là tự nghe nhận, dạy người khác nghe nhận. Hoặc tự đọc tụng, dạy người khác đọc tụng. Hoặc tự biên chép, dạy người khác biên chép. Hoặc tự trao tặng, dạy người khác trao tặng. Hoặc tự tuyên nói, dạy người khác tuyên nói, tư duy, tu hành, lưu truyền rộng rãi. Nếu chẳng phải là pháp khí, đừng nên tự nghe, đừng dạy người khác nghe, cho đến rộng nói).

Đối với người xuất gia cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, phải nên tin tưởng, kính trọng họ; đồng thời cũng nên tin kính pháp Thanh Văn Thừa. Khổ, Tập, Diệt, Đạo, quả thật lợi ích cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Quý vị hãy quán tưởng cho nhiều, những thứ ta lãnh nhận có phải là khổ hay không, khổ do đâu mà có? Do chính quý vị cảm vò, do chính quý vị tụ tập, “*tập*” (集) có nghĩa là “*tụ tập*”. Chính quý vị cảm vò, tụ tập, chính mình hứng chịu. Đó là nhân quả thế gian, là hai Đé Khổ và Tập, là nhân quả thế gian, chiêu cảm bởi các nghiệp do quý vị đã tạo, trong ấy có vui sướng, nhưng đau khổ chiếm đa số. Suy ngẫm cuộc sống hiện thực của chúng ta, đâu có của cải, quý vị chẳng thể tránh khỏi ốm đau, mà cũng chẳng thể khiến cho tư tưởng của quý vị rất vui sướng được. Có kẻ của cải rất nhiều, quý vị nói chuyện với kẻ đó, [sẽ thấy] kẻ đó hoàn toàn chẳng vui sướng. Trong tâm kẻ ấy chẳng giải thoát, đó gọi là “*đầy tớ của tiền tài*”, chẳng phải là chủ nhân của tiền tài. Ngạn ngữ Trung Hoa có cách nói “*thần giữ của*”, kẻ đó bảo vệ tiền tài, chính mình cũng chẳng dám dùng. Đối với cha mẹ, vợ con đều chẳng dám bỏ ra. Thần giữ của là như vậy đó! Kẻ đó còn có thể thí xả cho người ngoài được sao? Chẳng thể nào!

Nghe pháp cũng là chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị muốn lìa khổ, “*lìa khổ được vui*”, phải tu đạo xuất ly. Tu đạo sẽ có thể chứng đắc, chứng đắc gì vậy? Chứng đắc tịch diệt, đó là “*lìa khổ*”. Chứng đắc Đạo Đế và Diệt Đế, tức là nhân quả xuất thế gian. Loại pháp này rất tốt đối với đời hiện tại của chúng ta. Đối với Lục Độ, vạn hạnh, cho đến Bát Nhã Ba La Mật, dường như gieo thiện căn thì còn có thể, chứ chẳng thọ dụng được. Vì sao? Nếu là người có phước đức, có trí huệ, sẽ thọ dụng được; kẻ chẳng có trí huệ sẽ không thể thọ dụng được. Trong pháp Nhị Thừa, có rất nhiều công phu Thiên Định. Nếu quý vị tọa Thiền, thân tâm của quý vị hết sức an định. Quý vị chẳng dễ dàng tiến nhập Đại Thừa Thiên Định. Vì sao chẳng thể nhập Đại Thừa Thiên Định? Trong cuộc sống hằng ngày, bất cứ quý vị làm chuyện gì, đều phải dùng công phu Thiên Định. Theo kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, công phu Thiên Định là niệm nào cũng đều chẳng rời Tam Bảo. Đó là Định. Có thể niệm nào cũng đều chẳng rời [Tam Bảo] thì là Định. Hễ rời, sẽ chẳng phải là Định, đã xuất Định rồi! Xuất Định thì sẽ là làm chuyện khác, sẽ làm chuyện thế gian. Chuyện thế gian có thiện, ác, và vô ký (無記, không thiện, không ác). Quý vị chẳng làm chuyện thương tổn người khác thì là không thiện, không ác. Làm thiện sự, người khác được lợi ích, thì gọi là

thiện. Quý vị làm chuyện ác, khiến kẻ khác mắc hại thì là ác. Thông thường, dùng điều này để phán đoán. Đại Thừa Định là “*Na Già thường tại Định*” (Đức Phật luôn ở trong Định), Na Già Định chẳng dễ dàng, chẳng phải do đã gieo thiện căn trong vô lượng kiếp, sẽ rất khó đắc Định!

Trong pháp Đại Thừa, chúng ta cần phải bái sám, bất luận bái sám theo nghi thức nào, đều là Đại Thừa. Bất luận kinh luận nào, hễ lúc nào nói tới bái sám, quý vị phải quán tưởng hồi hướng pháp giới chúng sanh. Đây là pháp thuộc về Đại Thừa. Hễ có thể tham gia bái sám, Đại Bi Sám cũng thế, mà Dược Sư Sám, Chiêm Sát Sám, đối với bất cứ pháp sám nào, nếu chẳng đã từng gieo thiện căn nơi vô lượng chư Phật, quý vị sẽ chẳng gặp được. Khi quý vị bái sám, cũng sẽ chẳng dừng mãnh tham gia, lạy xong rồi thôi, ba ngày đánh cá, hai ngày phơi lưới, có ý nghĩa như thế đó! Nhưng lạy một lần thì được công đức một lần, lạy lâu ngày sẽ được giải thoát, chẳng có chướng ngại, nhưng đây là chuyện rất khó khăn. Vẫn chẳng thể nói tương lai là như thế nào, nhưng ngay trong hiện tại, trong khi quý vị bái sám, có thể nảy sanh rất nhiều chướng ngại. Quý vị muốn bái sám, nhưng không thể chăm sóc người trong nhà, phải chăm sóc con cái. Đã ấn định thời gian bái sám, nhưng rồi quý vị phải làm cơm, phải đưa con đến trường! “Không được, ta phải bái sám”. Vậy là làm không được, mà bái sám cũng chẳng thành, trong nhà quý vị sẽ nảy sanh chướng ngại. Ất phải thuận theo pháp thế gian, lại có thể tu pháp xuất thế gian, khiến cho hết thảy nhân duyên đều chín muồi, thiện căn ấy chẳng dễ dàng!

Tôi nói điều này chắc mọi người không tin. Quý vị thấy các sư phụ hòa thượng và tỳ-kheo-ni chúng tôi có phải là dừng mãnh, tinh tấn tu hành hay không? Lấy ngay tôi để nói, tôi chẳng phải là như thế, tôi làm không được. Chính mình có nên tu hay không? Đáng nên phải tu, vì sao chẳng làm? Nghiệp chướng. Luôn luôn có rất nhiều duyên lôi kéo khiến cho quý vị chẳng làm được! Quý vị muốn làm cái kia, lại bỏ mất cái này. Nếu quý vị có thể bái sám, đó là phước đức đã gieo từ vô lượng kiếp trước. Hiện thời, trên địa cầu này có hơn sáu mươi ức người, người có thể làm được những chuyện [bái sám] này có bao nhiêu người? Thiện chủng yếu ớt, ác chủng hưng thịnh. Đến thời Mạt Pháp, ác thịnh, thiện yếu, sức mạnh của cường quyền to lực, sức của người tu thiện nhỏ nhoi! Chẳng phải là có nhiều thần hộ pháp ngàn ấy ư? Thần hộ pháp chẳng cự nổi ác lực! Chúng ta nói “*quỷ sợ kẻ ác*”, đồ tể cầm dao mổ, quỷ đều sợ, ngay cả quỷ thần cũng đều chẳng dám thân cận kẻ đó. Hiểu đạo lý này,

quý vị sẽ biết!

(Kinh) Hựu ưng viễn ly nhất thiết ác pháp, ưng xả ác hữu, ưng thân thiện hữu, ưng cần tu tập Lục Đáo Bỉ Ngạn, ưng sở sám hối nhất thiết ác nghiệp, ưng tùy sở nghi cần phát chánh nguyện. Nhược năng như thị, tư hữu thị xứ, hiện thân đắc thành Thanh Văn Thừa khí, hoặc Độc Giác Thừa chủng tử bất thoái, hoặc phục Đại Thừa chủng tử bất thoái. Thị cố tam thừa giai ưng tu học, bất ưng kiêu ngạo, vọng hiệu Đại Thừa, báng hủy Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp. Ngã tiên duy vị Đại Thừa pháp khí kiên tu hành giả, thuyết như thị ngôn: “Duy tu Đại Thừa, năng đắc cứu cánh”. Thị cố, kim tích thuyết bất tương vi!

(經)又應遠離一切惡法，應舍惡友，應親善友，應勤修習六到彼岸，應數懺悔一切惡業，應隨所宜勤發正願。若能如是，斯有是處，現身得成聲聞乘器，或獨覺乘種子不退，或復大乘種子不退。是故三乘皆應修學，不應憍傲，妄號大乘，謗毀聲聞、獨覺乘法。我先唯為大乘法器堅修行者，說如是言：「唯修大乘，能得究竟」。是故，今昔說不相違」

。

(Kinh: Lại nên xa lìa hết thầy ác pháp, nên bỏ bạn ác, nên thân cận bạn lành, nên siêng tu tập Lục Đáo Bỉ Ngạn, nên nhiều lượt sám hối hết thầy ác nghiệp, hãy nên thuận theo cơ nghi mà siêng năng phát nguyện chánh đáng. Nếu có thể làm như thế, thì chắc chắn là thân trong đời hiện tại sẽ trở thành pháp khí của Thanh Văn Thừa, hoặc chủng tử Độc Giác Thừa bất thoái, hoặc lại là chủng tử Đại Thừa bất thoái. Vì thế, đều nên tu học tam thừa, chớ nên kiêu ngạo, xằng bậy xưng là Đại Thừa, hủy báng pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Trước kia, ta chỉ vì làm cho người thuộc pháp khí Đại Thừa tu hành kiên cố, mà nói như thế này: “Chỉ có tu Đại Thừa thì mới có thể đạt được rốt ráo”. Do vậy, lời nói xưa kia và hiện thời chẳng mâu thuẫn!)

Những người ấy phải nên xa lìa các ác pháp ấy, hãy nên bỏ bạn ác, thân cận bạn lành. Đối với những kẻ không nghe [lời dạy của đức Phật],

chuyên môn gây chướng ngại, ngàn vạn phần quý vị đừng nên đàn đúm với họ. Đàn đúm với họ, quý vị sẽ bị họ nhuốm bần, họ sẽ lôi kéo quý vị, quý vị không nghe theo cũng không được. Có ý nghĩa như thế đó. Có những gia đình, vợ tin mà chồng không tin, hoặc chồng tin, vợ chẳng tin, luôn luôn là giằng co với nhau. Nếu chẳng nói chuyện để cảm thông với nhau, mà vẫn chẳng xảy ra cảnh giằng co với nhau, rất hiếm có! Thường là luôn giằng co, tạo chướng ngại cho nhau!

Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiên Định, trí huệ, sáu môn ấy, quý vị đạt được bất cứ một môn nào đều được, nhưng phải kiên trì tu hành. Cùng tu cả sáu môn lại càng tuyệt diệu! Nhưng hiện thời, đối với Lục Ba La Mật, chúng ta phạm phải một khuyết điểm. Khuyết điểm gì vậy? Chẳng tinh tấn, giải đãi, bất cứ môn nào cũng đều chẳng tu thành công. Chúng ta chẳng có tín tâm, vì sao? Người có tín tâm tinh tấn, vừa nghe pháp này bèn kiên quyết thực hiện, lại còn có thể trừ khử hết thảy chướng ngại, thà xả thân mạng vẫn luôn hành, như thế thì mới có thể coi là có tín tâm kiên định. Nếu không, chẳng thể coi là có tín tâm được. Hễ gặp những thử thách, người ấy chẳng làm, chẳng có tín tâm. Tín tâm vẫn là sợi lông mong manh, gió vừa thổi bèn chao đảo. Hễ có tín tâm, người ấy sẽ bài trừ hết thảy các chướng ngại.

Lúc mỗi người xuất gia đều phải trải qua khá nhiều khó khăn. Quá khứ lẫn hiện tại đều là như thế, râu tóc chẳng dễ rơi rụng như thế, nói xuất gia bèn xuất gia được liền, sẽ có khá nhiều chướng ngại. Sau khi đã xuất gia, còn có rất nhiều chướng duyên, khiến cho quý vị hoàn tục. Nghiệp chướng phát hiện như thế đó, quý vị không muốn hoàn tục cũng không được. Nó sẽ khiến cho chính quý vị cũng bằng lòng hoàn tục. Đã xuất gia, đã học nhiều pháp như vậy, vì sao còn muốn hoàn tục? Đó là vì nghiệp chướng phát hiện. Nghiệp chướng đã phát hiện, sẽ thoái đạo. Chớ nên thân cận những kẻ đó! Do vậy, tu tập Lục Ba La Mật, siêng tu Lục Ba La Mật, có thể đến được bờ kia, có thể siêu thoát, liễu sanh tử.

Chúng ta luôn mong có thần thông. Để có thần thông thì phải nghĩ phương tiện, bèn tìm một bí quyết để có thần thông. Nghe nói được truyền một bài chú nào mà hễ niệm thì sẽ có thần thông; lại nghe nói ở nơi nào đó lại có phương pháp chi đó khiến cho quý vị phát tài, khiến cho thân thể quý vị khỏe mạnh, quý vị đến liền. Kết quả là mắc lỡm, chẳng ra gì cả! Chính quý vị cầu, tự mình cũng cầu được, cầu đạt được thần thông, nhưng đã có thần thông mà bị đọa lạc, sẽ bị mất đi. Lục thông tiên nhân tại Ấn Độ là ngoại đạo, chẳng phải là Phật đạo. Trước kia, khi họ đến ứng cúng đều bay từ không trung xuống. Có một lần

quốc vương cúng dường họ, thỉnh các tiên nhân ấy. Quốc vương vừa nghĩ muốn dâng lên các vật cúng, vừa cầu khẩn, tiên nhân các nơi đều bay đến. Quốc vương tính thử đạo lực của họ, liền sai cung nữ đến đánh lễ họ. Vừa tiếp xúc, có ngoại đạo rất kiên định, tu hành khá, chẳng có vấn đề gì, trong tâm chẳng động niệm, [nhận cúng dường rồi] bay đi. Có ngoại đạo, khi các cung nữ đánh lễ ôm chân kẻ đó, do tay các cô rất mềm mại, kẻ đó động niệm. Vừa động niệm, chẳng thể bay lên được, lập tức mất thần thông!

Mọi người đều biết tôn giả A Nan. Có một hôm Ngài đi khát thực, tới một đêm xá, cô Ma Đăng Già nhìn trúng Ngài. Vì hai người có nhân duyên trong năm trăm đời quá khứ, cô ta không gả cho Ngài sẽ không cam lòng, bèn yêu cầu mẹ mình dùng tà chú. Mẹ cô ta nói: “Chớ nên! Đây là đệ tử của đại sư. Hơn nữa, A Nan rất nổi tiếng, chú thuật của ta không được, phải dùng chú của Phạm Thiên”. Con gái cứ một mực cầu khẩn; nếu không, sẽ tự sát. Mẹ cô ta bắt đắc dĩ, dùng chú khiến cho A Nan mê muội. Ngài vừa mê, đức Phật biết ngay, sai Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đến đó, trì chú Lăng Nghiêm, cũng là thần chú Lăng Già. Đối với bài chú ấy, quý vị niệm một câu “*tất đất đa bát đất ra*” là được rồi, không cần phải thuộc lòng toàn bộ chú ấy. Nhớ trọn hết thì quý vị không nhớ nổi, chỉ niệm chú tâm “*tất đất đa bát đất ra*”. Nếu trì linh nghiệm, thần chú này sẽ phá tà chú kia. Đây là vì nhân duyên trong quá khứ của Ngài đã chín muồi, cho nên có biểu hiện như vậy. Cô Ma Đăng Già theo Ngài đến trước Phật thưa: “Tôi chẳng có chàng, sẽ chết, Phật phải độ tôi”. Đức Phật liền thuyết pháp cho cô ta, “*quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường*”. Vừa nói pháp ấy, cô ta tâm khai ý giải, lập tức chứng đắc A La Hán.

Từ thân phận đêm nữ mà có thể chứng đắc A La Hán, lại càng chẳng cần nói tới chuyện long nữ trong kinh Pháp Hoa thành Phật ngay trong thân rồng. Đó là do cô ta đã tích lũy thiện căn trong quá khứ. Nếu chỉ nhìn vào tình huống hiện thực, sẽ cho rằng đó là chuyện không thể, vì quý vị chẳng thấy rõ tình huống hiện thực. Nếu quý vị mong tu thần thông, muốn niệm một bài chú, bẻ quan một trăm ngày, chỉ cầu thần thông. Đây là có phương pháp, nhưng phương pháp ấy tôi chẳng muốn học! Thần thông thật sự là gì? “*Thần*” là gì? Thần là cái tâm tự nhiên, cũng là một niệm tâm hiện tiền của quý vị. “*Thông*” là trí huệ mở mang. Thông là huệ tánh. Thần là nói về thiên tâm (天心, tâm tự nhiên), Thông là nói về huệ tánh, tức là cái tâm của chính quý vị mở mang trí huệ,

nghiệp chướng tiêu mất, sẽ thông suốt. Sự thông suốt ấy chính là “*chân thông*”.

Nếu tu Lục Ba La Mật, phải nên tu như thế nào? Phải nên sám hối! Sám hối là sám hối, chẳng phải là một, hai lượt, phải sám hối nhiều lượt. Sám hối ác nghiệp cho thanh tịnh, thiện nghiệp sẽ sanh trưởng, phải nên tùy nghi siêng năng phát chánh nguyện. Phát chánh nguyện cầu thành Phật, cầu lợi ích chúng sanh. Niệm phẩm Tịnh Hạnh, phẩm Phạm Hạnh, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên chính là học tập phát nguyện. Chánh nguyện: Khá nhiều nguyện đều chẳng lìa mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Rất nhiều bài phát nguyện văn đều trích lục từ đó. Nếu có thể phát nguyện như vậy thì mới có thể có nhập xứ, mới có thể thành tựu. Thân hiện tại có thể thành tựu pháp khí của Thanh Văn Thừa, thành tựu pháp khí Độc Giác Thừa, thành tựu chủng tử bất thoái của Độc Giác Thừa, hoặc chủng tử bất thoái của Đại Thừa. Độc Giác Thừa sâu hơn [Thanh Văn Thừa], Đại Thừa càng sâu hơn nữa. Chúng ta gieo thiện căn, gieo chủng tử đó, có thể khiến cho chúng ta chẳng thoái thất. Trong đời hiện tại, có thể chứng đắc quả vị tam thừa, quý vị hãy khéo tu, khéo học, đời này chưa chứng đắc thì đời vị lai có thể chứng đắc.

Phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị chớ nên thoái tâm. Ngay trong đời này, đời sau, hoặc đời sau nữa, sẽ nhất định có thể vãng sanh, vì có sáu phương Phật hộ trì quý vị vãng sanh. Quyển tám mươi mốt trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên dẫn về Cực Lạc, mọi người tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên sẽ là thượng phẩm thượng sanh. Ai tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, sẽ sanh về thế giới Cực Lạc thượng phẩm thượng sanh.

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo khi giảng đến quyển hạ có nói “*cảnh giới Nhất Thật, hai thứ quán đạo*”. Tu chẳng thành, sẽ chẳng tiến nhập. Làm thế nào? Như thế này thì sẽ tốt đẹp! Quý vị thật sự chẳng có cách nào niệm danh hiệu của ta (Địa Tạng Bồ Tát) [theo cách quán đạo] thì mỗi ngày niệm một vạn câu, ta sẽ khiến cho quý vị thành tựu. Điều này có thể làm được, đây mới là phương tiện thiện xảo. Chớ nên tìm tà môn ngoại đạo! Theo tà môn ngoại đạo, sẽ chẳng thể tiến nhập được. Không chỉ chẳng tiến nhập được, mà còn có thể bị ma dựa! Hễ bị ma dựa, sẽ khổ sở, đọa lạc vào đường ma!

Tam thừa tu hành như thế đó, “*bất ưng kiêu ngạo, vọng hiệu Đại Thừa, báng hủy Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp. Ngã tiên duy vị Đại Thừa pháp khí kiên tu hành giả*” (chớ nên kiêu ngạo, xằng bậy xưng là Đại Thừa, hủy báng pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Trước kia, ta

chỉ vì người thuộc pháp khí Đại Thừa tu hành kiên cố): Đây là Phật tự nói, Ngài bảo: “Vì sao trước kia ta chỉ đề xướng pháp khí Đại Thừa? Là vì loại căn cơ này, ta mới nói như thế. Nay ta chẳng nói mâu thuẫn, thậm chí pháp tam thừa đều nói, hoàn toàn chẳng mâu thuẫn, mà là đúng với căn cơ!”

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: “Đối chư đại chúng tiền, Kim Cang Tạng vấn ngã, vân hà khuyến cúng dường, phá giới ác bất-sô? Thất đồ-đa công đức, si ác kiến sở trì, phi pháp khí, ô đạo, nhi bất thính trích phạt? Phục thuyết tụng bỉ văn, tam thừa vi diệu pháp, chân giải thoát lương dược, thú tịch tĩnh Niết Bàn? Hà cố dư kinh ngôn, nhất Đại Thừa giải thoát, giá học Nhị Thừa pháp, kim phục thuyết tam thừa? Ai mãn chư hữu tình, linh xả tà ác nghiệp, đắc lợi ích an lạc, nguyện vị thuyết trừ nghi. Vị ích Sát-đế-lợi, nãi chí Thú-đạt-la, bất thính não bất-sô, khùng bỉ nhiễm đại tội. Thế phát, bị ca-sa, chư Phật pháp tràng tướng, chư Phật đẳng hộ trì, giải thoát đạo chi phục”.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「對諸大眾前，金剛藏問我，云何勸供養，破戒惡苾芻？失杜多功德，癡惡見所持，非法器污道，而不聽謫罰？復說從彼聞，三乘微妙法，真解脫良藥，趣寂靜涅槃？何故餘經言，一大乘解脫，遮學二乘法，今復說三乘？哀愍諸有情，令舍邪惡業，得利益安樂，願為說除疑。為益刹帝利，乃至戌達羅，不聽惱苾芻，恐彼染大罪。剃髮被袈裟，諸佛法幢相，諸佛等護持，解脫道之服。

(Kinh: Lúc bấy giờ, để nêu rõ lại nghĩa này, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng: “Đối trước các đại chúng, Kim Cang Tạng hỏi ta, cơ sao khuyến cúng dường, ác bất-sô phá giới? Mất công đức đầu-đà, si ác kiến nắm giữ, ô đạo, phi pháp khí, lại chẳng cho trùng phạt? Lại bảo nghe họ giảng, pháp vi diệu tam thừa, thuốc lành, chân giải thoát, đến tịch tĩnh Niết Bàn? Vì sao kinh khác nói, chỉ Đại Thừa giải thoát, gần học pháp Nhị Thừa, nay lại nói ba thừa? Thương xót các hữu tình, khiến bỏ tà ác nghiệp, được lợi ích an lạc, xin hãy nói trừ nghi. Vì lợi ích Sát-lợi, cho

đến Thú-đạt-la, cảm não loạn bất-sô, sợ nhuộm phải tội lớn. Cạo tóc, đắp ca-sa, tướng pháp tràng chư Phật, chư Phật đều hộ trì, y phục đạo giải thoát”).

Đức Phật lại trùng tuyên ý nghĩa này một phen. Đồi trước đại chúng, Kim Cang Tạng Bồ Tát thưa hỏi đức Phật. Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi như thế nào? “*Vân hà khuyến cúng dường, phá giới ác bất-sô*”, tức là hỏi đức Phật vì sao lại khuyên mọi người hãy cúng dường tỳ-kheo phá giới? “*Thất đố-đa công đức*” (Đánh mất công đức đầu-đà): Diệt trừ Trần Sa phiền não thì gọi là “*đố-đa*”. “*Đố-đa*” (Dhuta, đầu-đà) là một loại khổ hạnh, tức là một loại khổ hạnh của người tu đạo. “*Si ác kiến sở trì*” (Bị tri kiến si ác nắm giữ): Các tỳ-kheo ấy chẳng phải là pháp khí, đã khiến cho đạo, tức đạo mà họ tu, cho đến những lời đức Phật dạy, đều bị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh. “*Nhi bất thính trích phạt*” (Nhưng chẳng cho phép trùng phạt): Vì sao ta bảo quý vị chớ nên trùng phạt những tỳ-kheo ấy, lại còn phải cúng dường họ? Trong phần trước đã giải thích. Trong các ô đạo sa-môn ấy, cũng có người có thể thuyết pháp. Do vậy, từ họ, quý vị cũng có thể nghe pháp vì diệu tam thừa, nghe rồi sẽ có thể giải thoát. Đó là lương dục giải thoát, là con đường tốt lành để tiến hướng Niết Bàn tịch tĩnh, cũng là Bồ Đề đạo. Do vậy, đối với ô đạo sa-môn, chẳng cần lựa chọn để cúng dường là do nguyên nhân này! Các kinh khác chẳng nói như vậy.

“*Hà cố dư kinh ngôn, nhất Đại Thừa giải thoát, giá học Nhị Thừa pháp, kim phục thuyết tam thừa? Ai mãn chư hữu tình, linh xả tà ác nghiệp*” (Vì sao các kinh khác chỉ nói một đạo Đại Thừa giải thoát, ngăn cấm học pháp Nhị Thừa, nay Phật lại nói tam thừa? Do thương xót các hữu tình, khiến cho họ bỏ nghiệp tà ác): Có những chỗ (trong các kinh khác) nói đạo Nhất Thừa Đại Thừa là giải thoát, khi ngăn che quý vị học các thừa khác là vì ngăn chặn loại căn khí ấy (căn khí Đại Thừa) đừng rơi vào Nhị Thừa. Trong quá khứ, kinh dạy như vậy, còn hiện thời ta lại nói tam thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát Thừa đều cùng nói, là vì thương xót các hữu tình, khiến cho hết thảy các chúng sanh đều bỏ các nghiệp tà ác, “*đắc lợi ích an lạc*”, cho nên bằng lòng vì họ nói, hồng từ nghi hoặc của họ.

“*Vị ích Sát-đế-lợi, nãi chí Thú-đạt-la, bất thính não bất-sô, khủng bị nhiễm đại tội*” (Vì lợi ích Sát-đế-lợi cho đến Thú-đạt-la, chẳng cho phép những người ấy não loạn bất-sô, sợ họ nhiễm đại tội): Ta không cho bọn họ kể lỗi tỳ-kheo vì sợ phạm phải tội to lớn. “*Thế phát, bị ca-sa,*

chư Phật pháp tràng tướng” (Cạo tóc, đắp ca-sa, đó là tướng pháp tràng chư Phật): Chỉ cần người nào cạo râu tóc, hiện tướng tỳ-kheo, đây chính là tướng pháp tràng của chư Phật. “Chư Phật đẳng hộ trì, giải thoát đạo chi phục” (Chư Phật đều hộ trì y phục của đạo giải thoát): Ta hộ trì kẻ đó là vì hộ trì tràng tướng của đạo giải thoát, hộ trì ca-sa đỏ.

(Kinh) Tuy phá chư luật nghi, phi vĩnh giá giải thoát, năng xả chư ác kiến, đương tốc thú Niết Bàn. Như hủ bại lương dược, do năng liệu chúng bệnh, như thị phá luật nghi, diệt năng diệt tha khổ. Bất thính bỉ bật-sô, tại bố-tát, yết-ma, hứa vị tha thuyết pháp, câu hoạch phước vô nghi. Nhược quy kính Tam Bảo, xưng ngã vi đại sư, năng khí xả chúng ác, thắng chư ngoại đạo chúng. Như đọa La Sát chủ, thương chúng tất kinh hoàng, các chấp thú nhất mao, độ hải đắc miễn nạn. Như thị phá giới giả, ly chư ác tà kiến, do nhất tín vi nhân, thoát phiền não La Sát. Do hộ giải thoát tướng, chư Phật đẳng hộ trì, bất não phá giới Tăng, năng ly chư trọng ác. Chư lạc đa phước nhân, hân cầu chân giải thoát, đẳng hộ khí, phi khí, chứng giải thoát vô nan. Si mạn hiệu Đại Thừa, bỉ vô hữu trí lực, thượng mê Nhị Thừa pháp, hướng năng giải Đại Thừa? Thí như khuyết hoại nhãn, bất năng kiến chúng sắc, như thị khuyết hoại tín, bất năng giải Đại Thừa. Vô lực ẩm trì hà, cự năng thôn đại hải? Bất tập Nhị Thừa pháp, hà năng học Đại Thừa? Tiên tín Nhị Thừa pháp, phương năng tín Đại Thừa. Vô tín, tụng Đại Thừa, không ngôn, vô sở ích!

(經)雖破諸律儀，非永遮解脫，能舍諸惡見，當速趣涅槃。如腐敗良藥，猶能療眾病，如是破律儀，亦能滅他苦。不聽彼苾芻，在布薩羯磨，許為他說法，俱獲福無疑。若歸敬三寶，稱我為大師，能棄舍眾惡，勝諸外道眾。如墮羅刹渚，商眾悉驚惶，各執獸一毛，渡海得免難。如是破戒者，離諸惡邪見，由一信為因，脫煩惱羅刹。由護解脫相，諸佛等護持，不惱破戒僧，能離諸重惡。諸樂多福人，欣求真解脫，等護器非器，證解脫無難。癡慢號大乘，彼無有智力，

尚迷二乘法，況能解大乘？譬如闕壞眼，不能見眾色，如是闕壞信，不能解大乘。無力飲池河，詎能吞大海？不習二乘法，何能學大乘？先信二乘法，方能信大乘。無信誦大乘，空言無所益！

(Kinh: Tuy phá các luật nghi, chẳng mãi ngăn giải thoát. Xả được các ác kiến, sẽ mau chứng Niết Bàn. Như thuốc tốt hư nát, vẫn trị lành các bệnh. Phá luật nghi cũng thế, vẫn diệt khổ kẻ khác. Chẳng cho bắt-sô đó, làm bố-tát, yết-ma. Vẫn được phép thuyết pháp, đều được phước chẳng nghi. Nếu quy kính Tam Bảo, xưng ta là đại sư, vứt bỏ các điều ác, hơn hẳn các ngoại đạo. Như đọa chốn La Sát, các thương nhân kinh hoàng, mỗi người nắm lông thú, vượt biển, được thoát nạn. Như kẻ phá giới kia, lừa các tà kiến ác, do lòng tin làm nhân, thoát phiền não La Sát. Tướng giải thoát như thế, chư Phật cùng hộ trì, chẳng nào phá giới Tăng, xa rời các ác nặng. Người có nhiều phước lạc, vui cầu chân giải thoát, hộ trì khí, phi khí, chứng giải thoát khó gì. Si, mạn, xưng Đại Thừa, chẳng hề có trí lực, còn mê pháp Nhị Thừa, hiểu Đại Thừa sao nổi? Ví như kẻ mắt mù, chẳng thể thấy các sắc. Khuyết hoại tín như thế, chẳng thể hiểu Đại Thừa. Không sức uống ao, sông; sao nuốt được biển cả? Chẳng tu pháp Nhị Thừa, sao học Đại Thừa được? Trước tin pháp Nhị Thừa, mới tin nổi Đại Thừa. Chẳng tin, tụng Đại Thừa, nói suông, chẳng ích gì!)

“Tuy phá chư luật nghi, phi vĩnh giá giải thoát” (Tuy phá các luật nghi, vĩnh viễn chẳng ngăn che giải thoát): Quý vị đừng thấy kẻ đó nay đang phá giới, chẳng tu đạo, là phường ác đạo, ô đạo! Kẻ đó chẳng phải là vĩnh viễn không giải thoát, kẻ đó nhất định có thể giải thoát. Khi nào kẻ đó buông xả ác kiến, sẽ nhanh chóng tiến hướng Bồ Đề, nhất định sẽ chứng đắc quả Bồ Đề rất nhanh. Giống như thuốc tốt lành, dầu mực nát, vẫn có thể trị các bệnh. Tỳ-kheo phải tìm trong đống rác để kiếm thuốc uống, uống thuốc đã hư, đây là do Phật chế định: “Tỳ-kheo có bệnh, kiếm thuốc hư nát để uống”. Uống thuốc hư nát, nhờ Phật lực gia trì, sẽ lành bệnh.

“Như thị phá luật nghi, diệc năng diệt tha khổ” (Kẻ chẳng giữ luật nghi như thế, cũng có thể diệt khổ cho người khác): Quý vị đừng thấy kẻ đó là ô đạo sa-môn, kẻ đó vẫn có thể diệt khổ cho người khác.

Người khác vẫn có thể gieo phước điền nơi kẻ đó. “*Bất thính bỉ bất-sô, tại bố-tát, yết-ma*” (Chẳng cho phép bất-sô đó tham dự bố-tát, yết-ma): Tuy là kẻ đó không được nghe tỳ-kheo tụng giới, không được hưởng sự cúng dường dành cho đại chúng Tăng, nhưng vẫn cho phép kẻ đó thuyết pháp cho chúng sanh. Vì sao? Khi kẻ đó thuyết pháp, sẽ đạt được phước đức, tiêu trừ nghiệp chướng. Người nghe cũng có phước đức. Đây là điều quyết định, chẳng nghi ngờ chi nữa!

“*Nhược quy kính Tam Bảo, xưng ngã vi đại sư, năng khí xả chúng ác, thắng chư ngoại đạo chúng*” (Nếu quy kính Tam Bảo, xưng ta là đại sư, có thể bỏ các ác, hơn hẳn các ngoại đạo): Chỉ cần quy y ta, kẻ đó xưng tụng ta là đại sư, buông xả các điều ác, thì sẽ mạnh mẽ hơn các ngoại đạo rất nhiều. “*Như đọa la sát chủ, thương chúng tất kinh hoàng*” (Như đọa vào bờ bên của La Sát, các thương nhân đều kinh hoàng): Các thương nhân đi [vào biển] thuê nhật bảo vật, đến làm chỗ La Sát, sợ gần chết. Nếu “*các chấp thú nhất mao, độ hải đắc miễn nạn*” (nếu mỗi người nắm lấy lông con thần thú, sẽ vượt khỏi biển, thoát nạn): Con thú ấy rất lớn, chỉ cần nắm lấy một sợi lông của nó, cũng có thể nổi trên biển để thoát ra. “*Như thị phá giới giả, ly chư ác tà kiến, do nhất tín vi nhân, thoát phiền não La Sát*” (Kẻ phá giới cũng giống như thế, do lìa các tà kiến ác, dùng lòng tin làm nhân, thoát khỏi phiền não La Sát): “*Nhất tín*” là kẻ đó còn có tín tâm. Do có tín tâm như vậy, cho nên cũng có thể giải thoát.

“*Như thị giải thoát tướng, chư Phật đẳng hộ trì*” (Tướng giải thoát như thế, chư Phật đều cùng hộ trì): Kẻ đó đắp ca-sa, hiện ra tướng giải thoát như thế, hết thấy chư Phật đều hộ trì tướng giải thoát ấy. “*Bất nào phá giới Tăng, năng ly chư trọng ác*” (Chẳng nào loạn Tăng phá giới, có thể lìa khỏi các điều ác nặng nề): Quý vị chớ nên nào loạn tỳ-kheo phá giới thì cũng có thể lìa thoát biển khổ.

“*Chư lạc đa phước nhân, hân cầu chân giải thoát, đẳng hộ khí phi khí*” (Người có nhiều phước lạc, ưa thích cầu giải thoát chân thật, sẽ bình đẳng hộ trì pháp khí và phi pháp khí): Bình đẳng hộ trì, bất luận là pháp khí hay phi pháp khí. Quý vị mong cầu sự giải thoát chân chánh, hãy bình đẳng đối đãi tỳ-kheo phá giới và giữ giới. Chỉ có kinh này nói như vậy, các kinh khác rất ít nói như thế. Nếu học giới kinh, sẽ thấy hoàn toàn bất đồng.

Kinh Đại Tập Thập Luân chính là kinh đặc biệt từ bi của Địa Tạng Bồ Tát. “*Thí như khuyết hoại nhãn*” [nghĩa là ví như] kẻ nhãn căn bị hư hoại, “*bất năng kiến chúng sắc*” (chẳng thể thấy các sắc): Sắc gì mắt

cũng chẳng thấy! “*Như thị khuyết hoại tín, bất năng giải Đại Thừa*” (Cũng vậy, kẻ lòng tin khuyết hoại, sẽ chẳng thể hiểu Đại Thừa): Tín tâm đã chẳng có, lẽ nào có thể tin Đại Thừa cho được?

“*Vô lực ẩm trì hà, cự năng thôn đại hải?*” (Không có sức uống cạn ao, sông, làm sao có thể nuốt biển cả?): Ngay cả nước sông còn nuốt không nổi, làm sao có thể nuốt sạch nước đại dương? Chẳng thể nào được! Nếu “*bất tập Nhị Thừa pháp, hà năng học Đại Thừa?*”, [nghĩa là] quý vị chẳng học pháp Nhị Thừa, học ngay vào pháp Đại Thừa, làm sao có thể học được? Phải là “*tiên tín Nhị Thừa pháp, phương năng tín Đại Thừa*” (trước hết là tin pháp Nhị Thừa thì mới có thể tin pháp Đại Thừa): Đây là theo thứ tự. “*Vô tín tụng Đại Thừa, không ngôn vô sở ích*” (Không có tín tâm mà đọc tụng Đại Thừa thì là nói suông, chẳng có lợi ích): Tín tâm đã chẳng có, quý vị tụng kinh điển Đại Thừa có lợi ích gì?

(Kinh) Nội chân hoại Đoạn Kiến, vọng tự hiệu Đại Thừa, bất hộ tam nghiệp tội, hoại loạn ngã chánh pháp. Bĩ nhân mạng chung hậu, định đọa Vô Gián ngục. Cố ưng quán cơ thuyết, vật vị phi khí giả. Kiêu ngạo, vô từ bi, bạo ác, chí hạ liệt. Trí giả ưng đương tri, thị hoại Đoạn Kiến giả. Phi Thanh Văn Duyên Giác, diệc phi Đại Thừa khí. Siểm hủy, báng chur Phật, tất đọa Vô Gián ngục. Trì giới nhạo huyên não, xan pháp, úy khổ ác. Trí giả ưng đương liễu. thị danh Thanh Văn Thừa. Nhạo thí, quán sanh diệt, thường hân độc tĩnh xứ. Trí giả ưng đương liễu, thị danh Độc Giác Thừa. Cự túc chur thiện căn, thủ hộ từ bi bổn. Thường nhạo nhiếp lợi vật, thị danh vi Đại Thừa. Xả thân mạng hộ giới, bất nã hại chúng sanh. Tinh tấn cầu Không pháp, ưng tri thị Đại Thừa. Tâm kham nhẫn chur pháp, thiện ngôn vô bí lạn. Ư pháp thường hân nhạo, ưng tri thị Đại Thừa. Pháp khí, phi pháp khí, lợi lạc tâm bình đẳng. Bất nhiễm chur thế pháp, ưng tri thị Đại Thừa. Thị cố hữu trí giả, phổ kính thuyết tam thừa. Bất nã ngã Tăng đồ, tốc thành Vô Thụợng Giác.

(經)內真懷斷見，妄自號大乘，不護三業罪，壞亂我正法。彼人命終後，定墮無間獄。故應觀機說，勿為非器者。僥傲無慈悲，暴惡志下劣。智者應當知，是壞斷見者。非聲聞緣覺，亦非大乘器。諂毀謗諸佛，必墮無間獄。持戒樂喧

鬧，慳法畏苦惡。智者應當了，是名聲聞乘。樂施觀生滅，常欣獨靜處。智者應當了，是名獨覺乘。具足諸善根，守護慈悲本。常樂攝利物，是名為大乘。舍身命護戒，不惱害眾生。精進求空法，應知是大乘。心堪忍諸法，善言無秘密。於法常欣樂，應知是大乘。法器非法器，利樂心平等。不染諸世法，應知是大乘。是故有智者，普敬說三乘。不惱我僧徒，速成無上覺。

(Kinh: Trong tâm đây Đoạn Kiến, đối trá xưng Đại Thừa, chẳng phòng tam nghiệp tội, hoại loạn Phật chánh pháp. Kẻ đó mạng chung rồi, quyết định đọa Vô Gián. Vì thế, nên quán cơ, đừng vì phi khí nói. Kiêu ngạo, chẳng từ bi, bạo ác, chí kém hèn. Bậc trí hãy nên biết, là kẻ hoại Đoạn Kiến. Chẳng Thanh Văn, Duyên Giác, chẳng phải bậc Đại Thừa. Siểm hủy báng chư Phật, ắt đọa ngục Vô Gián. Trì giới, thích huyên não, tiếc pháp, sợ khổ ác. Bậc trí hãy nên hiểu. Đó gọi là Thanh Văn Thừa. Ưu thí, quán sanh diệt, thường thích chỗ riêng tĩnh, bậc trí hãy nên biết, đó gọi là Độc Giác Thừa. Trọn đủ các thiện căn. Hộ trì gốc từ bi, thường thích nhiếp lợi vật. Đó gọi là Đại Thừa. Xả thân mạng giữ giới. Chẳng nào hại chúng sanh, tinh tấn cầu Không pháp, nên biết là Đại Thừa. Tâm kham nhẫn các pháp, lời lành chẳng giấu tiếc. Thường ưa thích các pháp, nên biết là Đại Thừa. Pháp khí, phi pháp khí, tâm lợi lạc bình đẳng, chẳng nhiễm pháp thế gian, nên biết là Đại Thừa. Vì thế, người có trí, cung kính nói tam thừa. Chẳng nào hại chư Tăng, mau thành Vô Thượng Giác).

“*Nội chân hoại Đoạn Kiến*” (Trong tâm thật sự ôm giữ Đoạn Kiến): Trong tâm chấp giữ tâm lý Đoạn Kiến, tức là học lý Không mà chẳng thấu đáo, đâm ra trở thành Đoạn Diệt Kiến. Cái Không trong Bát Nhã chẳng phải là rỗng không như hư không, chẳng phải là Đoạn Kiến Không! “*Vọng tự hiệu Đại Thừa*” (Xăng bậy, tự xưng là Đại Thừa): Kẻ học pháp Đại Thừa ấy, cho rằng hết thấy các pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, như chớp, đối với chuyện ăn thịt, uống rượu, lấy vợ, lập gia đình, tự nhận là chẳng có vấn đề gì, ta là Đại Thừa mà, không vương, không mắc, [không cần câu nệ giới luật nữa]. Ăn thịt, uống rượu

có sao đâu? Thân thể này vương mắc, đây là nói tử dụ. Trong tâm kẻ đó ôm giữ tư tưởng Đoạn Kiến, vẫn cứ nói chính mình là Đại Thừa. “*Bất hộ tam nghiệp tội, hoại loạn chánh pháp*” (Chẳng ngăn ngừa tội lỗi nơi ba nghiệp, hoại loạn chánh pháp của ta): Đối với ba nghiệp thân, khẩu, ý, Thập Ác nghiệp, trọn chẳng ngăn ngừa tí nào, tạo nghiệp Thập Ác, phá hoại chánh pháp. Người ấy sau khi mạng chung, nhất định đọa vào ngục Vô Giá.

“*Cố ưng quán cơ thuyết, vật vị phi khí giả*” (Cho nên phải quán sát căn cơ mà nói pháp, đừng nói với kẻ chẳng phải là pháp khí): Đối với pháp Đại Thừa, quý vị phải xét xem người ấy có phải là pháp khí hay không, phải quán cơ! Khi chúng ta nói pháp, chúng ta chẳng thể quán cơ, chẳng biết mấy trăm năm hay bao nhiêu đại kiếp trước, kẻ đó đã tạo thiện căn nào, chẳng thể quán cơ. Làm như thế nào đây? Trước hết, phải sám hối. Trước tiên, hãy quán tưởng đây là Thích Ca Mâu Ni Phật nói, là đức Phật đang nói, chẳng phải ta đang nói. Mỗi khi hồi hướng, sám hối tội lỗi, nhất định phải kèm thêm một điều: “Con thuyết pháp sẽ được Phật gia trì, là Phật đến nói, chẳng phải là con nói”. Nhất định phải quán tưởng. Sau đó, sám hối tội lỗi, sám hối gì vậy? Đã nói sai, người ta chẳng đạt được lợi ích, nghe pháp mà vẫn chưa thể giải thoát, tức là ta có tội. Người nói có tội, chẳng liên quan gì đến người nghe.

“*Kiêu ngạo vô từ bi, bạo ác, chí hạ liệt*” (Kiêu ngạo, chẳng từ bi; bạo ác, chí kém hèn): Rất kiêu ngạo, chẳng có tâm từ bi. Thuyết pháp cần phải trọn đủ tâm từ bi. Mục đích thuyết pháp là khiến cho người khác đạt được giải thoát, muốn người khác nghe rồi sẽ khai ngộ, tối thiểu là gieo thiện căn, nhất định phải trọn đủ! Nếu quý vị kiêu ngạo, lại chẳng có tâm từ bi, đây là khinh thường chúng sanh, chí hướng kém hèn. Do vậy, người có trí huệ phải nên biết, ôm giữ Đoạn Kiến là gì, như thế nào mới là ôm giữ Đoạn Kiến?

“*Kiêu ngạo vô từ bi, bạo ác chí hạ liệt, trí giả đương ưng tri, thị hoại Đoạn Kiến giả, phi Thanh Văn, Duyên Giác, diệt phi Đại Thừa khí, siểm hủy báng chư Phật, ắt đọa Vô Giá ngục*” (Kiêu ngạo, chẳng từ bi, bạo ác, chí kém hèn, người trí hãy nên biết, kẻ ôm giữ Đoạn Kiến, chẳng phải là Thanh Văn hay Duyên Giác, mà cũng chẳng phải là pháp khí Đại Thừa. Kẻ đó siểm nịnh, hủy báng chư Phật, ắt đọa địa ngục Vô Giá): Quý vị chẳng phải là Thanh Văn, Duyên Giác, mà cũng chẳng phải là Đại Thừa, tam thừa đều chẳng phải! Chỉ là kẻ nịnh hót ác quốc vương, nịnh nọt các đại thần, hủy báng Phật pháp, ắt đọa vào địa ngục Vô Giá. Có các tể quan trong tâm họ chẳng muốn hủy báng Đại Thừa, nhưng vì

thế lực của ác pháp, ác quốc vương bức bách, sai khiến họ, khiến cho họ chẳng thể không làm như vậy. Họ làm như vậy vì lợi ích, cầu an lạc trong đời hiện tại mà hủy báng, tố giác người khác. Do chỉ nghĩ đến lợi ích, vì lợi dưỡng, tội ấy bèn nặng nề!

“*Trì giới nhạo huyền não, xan pháp, úy khổ ác, trí giả ưng đương liễu, thị danh Thanh Văn Thừa*” [nghĩa là]: Người đó muốn trì giới, ắt phải đến chỗ thanh tịnh, chỗ tịch tĩnh, chẳng dám ở nơi đô thị. Nếu huyền não, người đó chỉ sợ trì giới chẳng thành, mở mắt cũng phạm giới, tai nghe thấy cũng là âm nhạc tà ác, xem TV đều phạm giới, chỗ nào cũng đều là phạm giới! Làm thế nào đây? Đến chỗ không có dấu vết con người, xa lìa ồn náo. “*Xan pháp, úy khổ ác*” (Tiếc pháp, sợ khổ ác): Người ấy chẳng chịu thuyết pháp, sợ gì vậy? Sợ bị kẻ khác cảm nhiễm, sợ thuyết pháp sẽ thọ khổ. “*Trí giả ưng đương liễu*” (Người trí hãy nên biết rõ): Người có trí huệ sẽ biết Thanh Văn là như thế đó!

“*Nhạo thí, quán sanh diệt, thường hân độc tĩn xư, trí giả ưng đương tri, thị danh Độc Giác Thừa*” (Thích bố thí, quán sanh diệt. Thường thích ở một mình nơi thanh vắng. Người trí hãy nên biết. Đó gọi là Độc Giác Thừa): Độc Giác Thừa cũng thích bố thí, quán pháp sanh diệt, hết thấy các pháp vô thường, quán sanh diệt là quán nhân duyên; nhưng họ cũng thích tu tập một mình. Vì sao gọi là Độc Giác? Tĩnh tọa một mình, đó gọi là Độc Giác Thừa. “*Cụ túc chư thiện căn, thủ hộ từ bi bốn*” (Trọn đủ các thiện căn, thủ hộ gốc từ bi): Đây là tâm đại từ đại bi, thủ hộ từ bi. “*Thường nhạo nhiếp lợi vật, thị danh vi Đại Thừa*” (Thường thích nhiếp thọ, lợi lạc chúng sanh, đó gọi là Đại Thừa): Thường luôn hoan hỷ nhiếp thọ chúng sanh, dùng Tứ Nhiếp Pháp để lợi ích chúng sanh. “*Xả thân mạng hộ giới, bất não hại chúng sanh*” (Xả thân mạng để hộ trì giới, chẳng não hại chúng sanh): Thà xả thân mạng để hộ trì giới cấm của Phật. “*Tinh tấn cầu Không pháp, ưng tri thị Đại Thừa*” (Tinh tấn cầu pháp Không, nên biết đó là Đại Thừa): Cầu trí huệ Bát Nhã, do hết thấy các pháp hữu vi đều chẳng thể Không, bèn tu pháp vô vi, trọn chẳng não hại chúng sanh.

“*Tâm kham nhẫn chư pháp, thiện ngôn vô bí lậ, ư pháp thường hân nhạo, ưng tri thị Đại Thừa*” (Tâm kham nhẫn các pháp, chẳng giầu tiếc lời lành, thường ưa thích các pháp, nên biết là Đại Thừa): Tâm kham nhẫn, “*nhẫn*” (忍) có nghĩa là “*thừa nhận*”, hết thấy các pháp đều thiện. Bỏ Tát thì ngay cả pháp thế gian cũng chẳng xả. Chẳng có pháp thế gian, thì cũng chẳng có Phật pháp. Vì sao ta thuyết pháp thường dùng pháp

thế gian để tỷ dụ? Pháp xuất thế gian thì chúng sanh sẽ chẳng tiến nhập được, bèn nói pháp thế gian cho họ, chúng sanh hiểu pháp thế gian, dùng pháp thế gian để hiển lộ pháp xuất thế gian, như thế thì họ sẽ có thể tiến nhập! Chớ nên keo kiệt. Pháp chẳng có bí mật, nói Phật pháp là bí mật thì là sai lầm. Phật pháp chẳng có bí mật, chẳng có một pháp nào không thể nói với chúng sanh, mà là đều có thể nói; nhưng nếu không đúng căn cơ thì đối với chúng sanh này là Mật, đối với chúng sanh khác sẽ là Hiển. Mật là Hiển, Hiển là Mật, phải hiểu đạo lý này. Trong hết thấy các giáo pháp do đức Phật đã nói, phải thường luôn sanh khởi tâm tin ưa, tâm hoan hỷ. Đây là Đại Thừa.

“Pháp khí, phi pháp khí, lợi lạc tâm bình đẳng” (Tâm bình đẳng lợi lạc pháp khí lẫn phi pháp khí): Không vì đây là pháp khí, hoặc chẳng phải pháp khí, người thông minh có đại đệ tử trí huệ bèn hết sức vui thú, đối với các đệ tử ngu si, hồ đồ, bèn sanh lòng ghét bỏ, thậm chí khinh thường. Đây chẳng phải là Bồ Tát. Pháp khí cũng thế, đối với họ bèn bình đẳng lợi lạc, mà phi pháp khí cũng thế, đều bình đẳng lợi lạc họ. Tâm bình đẳng lợi lạc chúng sanh. *“Bất nhiễm chư thế pháp”* (Chẳng nhiễm các pháp thế gian): Tuy chẳng đắm nhiễm các pháp thế gian, nói Bồ Tát làm hết thấy công đức mà chẳng có công đức. Vì sao chẳng có công đức? Họ chẳng đắm nhiễm tướng công đức. Đây là Đại Thừa.

“Thị cố hữu trí giả, phổ kính thuyết tam thừa, bất não ngã Tăng đồ, tốc thành Vô Thượng Giác” (Vì thế, người có trí huệ sẽ cung kính nói trọn khắp ba thừa, chẳng não hại các đệ tử Tăng của ta, mau chóng thành Vô Thượng Giác): Đừng não hại đệ tử của ta, đừng não hại Tăng nhân phá giới!

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện trưởng giả, chân thiện sa-môn, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la, nhược nam, nhược nữ, thành tựu thập chủng Hữu Y Hạnh Luân. Ư hiện thân trung, tốc năng chủng thực Thanh Văn Thừa chủng, linh bất thoái thất, hoặc u hiện thân thành Thanh Văn Thừa chư thánh pháp khí, phi Độc Giác Thừa, Đại Thừa thánh khí. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, cụ túc tịnh tín, tín hữu nhất thiết ác hữu, ác kiến. Tam giả, an trụ luật nghi, viễn ly sát sanh, nãi chí ẩm tửu. Tứ giả, an trụ Từ tâm, viễn ly nhất thiết sân khuể, phần não. Ngũ giả, an trụ bi tâm, cứu bạt nhất thiết luy nhược hữu tình. Lục giả, an trụ hỷ tâm,

viễn ly nhất thiết ngũ tứ ác nghiệp. Thất giả, an trụ xả tâm, viễn ly nhất thiết xan tham, tật đố. Bát giả, cụ chánh quy y, viễn ly nhất thiết vọng chấp cát, hung, chung bất quy y tà thân, ngoại đạo. Cửu giả, cụ túc tinh tấn, kiên cố, dũng mãnh tu chư thiện pháp. Thập giả, thường nhạo tịch tĩnh, tư cầu pháp nghĩa, hoan duyệt vô quyện.

(經)復次，善男子！若有真善刹帝利、真善婆羅門、真善宰官、真善居士、真善長者、真善沙門、真善筏舍、真善戍達羅，若男若女，成就十種有依行輪。於現身中，速能種植聲聞乘種，令不退失，或於現身成聲聞乘諸聖法器，非獨覺乘、大乘聖器。何等為十？一者、具足淨信，信有一切善惡業果。二者、具足慚愧，遠離一切惡友惡見。三者、安住律儀，遠離殺生乃至飲酒。四者、安住慈心，遠離一切瞋恚忿惱。五者、安住悲心，救拔一切羸弱有情。六者、安住喜心，離遠一切語四惡業。七者、安住舍心，遠離一切慳貪嫉妒。八者、具正歸依，遠離一切妄執吉凶，終不歸依邪神外道。九者、具足精進，堅固勇猛修諸善法。十者、常樂寂靜，思求法義，歡悅無倦。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện trưởng giả, chân thiện sa-môn, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la, dù nam hay nữ, thành tựu mười thứ Hữu Y Hạnh Luân, thì trong thân hiện tại sẽ có thể nhanh chóng gieo trồng chủng tử Thanh Văn Thừa chẳng thoái thất, hoặc là trong thân hiện tại, sẽ thành pháp khí của các địa vị thánh nhân trong Thanh Văn Thừa, chẳng phải là pháp khí của Độc Giác Thừa và Đại Thừa. Những gì là mười? Một là trọn đủ tịnh tín, tin có hết thấy nghiệp quả thiện và ác. Hai là trọn đủ hổ thẹn, xa lìa hết thấy bạn ác và ác kiến. Ba là an trụ luật nghi, xa lìa sát sanh, cho đến uống rượu. Bốn là an trụ từ tâm, xa lìa hết thấy sân khuể, phẫn não. Năm là an trụ bi tâm, cứu bạt hết thấy hữu tình suy yếu. Sáu là an trụ hy

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

tâm, xa lìa hết thấy bốn ác nghiệp nơi lời ăn tiếng nói. Bảy là an trụ xa tâm, xa lìa hết thấy keo, tham, ghen ghét. Tám là có sự quy y chân chánh, xa lìa hết thấy chấp trước cát hung hư vọng, trọn chẳng quy y tà thần, ngoại đạo. Chín là trọn đủ tinh tấn, kiên cố, dũng mãnh tu các thiện pháp. Mười là thường ưa tịch tĩnh, suy nghĩ, tìm cầu pháp nghĩa, vui thích không mệt).

Vô Y Hạnh Luân có mười món, Hữu Y Hạnh Luân cũng có mười món. Trong đời hiện tại, có thể nhanh chóng gieo trồng chủng tánh Thanh Văn Thừa, khiến cho chúng tử ấy chẳng bị thoái thất, hoặc là trong đời hiện tại bèn thành tựu pháp khí của các địa vị thánh nhân trong Thanh Văn Thừa. Các địa vị thánh nhân chính là Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, và Tứ Quả, [nhưng người ấy] chẳng phải là pháp khí cho các địa vị thánh nhân trong Độc Giác và Đại Thừa, mà cũng chẳng phải là pháp khí của Độc Giác Thừa!

“*Hà đẳng vi thập? Nhất giả, cụ túc tịnh tín*” (Những gì là mười? Một là trọn đủ lòng tin thanh tịnh), tức là tin thiện ác nhân quả. “*Nhị giả, cụ túc tâm quý*” (Hai là trọn đủ hổ thẹn): Thường cảm thấy chính mình chưa đủ, [tức là] tu hành chẳng trọn đủ, nghe pháp cũng chẳng đủ, trí huệ cũng chẳng có. Đối với ác hữu, ác kiến, quý vị nhất định phải xa lìa. “*Tam giả, an trụ luật nghi*” (Ba là an trụ trong luật nghi): “*An trụ luật nghi*” là xa lìa sát sanh, cho đến uống rượu. Tối thiểu là an trụ trong Tam Quy, Ngũ Giới.

“*Tứ giả, an trụ Từ tâm*” (Bốn là an trụ trong Từ tâm): Phải có tâm đại bi. “*Từ*” là mong dẹp trừ hết thấy đau khổ của chúng sanh. Thấy họ khổ chính là ta khổ, cũng là một loại tâm “*thay thế*”, tức mong thay họ chịu khổ. Trong nguyện hồi hướng thuộc mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, [Bồ Tát đã] nguyện vì chúng sanh chịu hết thấy các khổ nạn, khiến cho họ được giải thoát. Đây là tâm đại bi của Bồ Tát, xa lìa hết thấy sân khuê, phần hận, não hại. Tiểu Thừa chỉ cần chính mình chẳng sân khuê, chẳng phần não, chẳng não hại chúng sanh. Từ tâm như thế là được rồi! Nhưng nay mười thiện luân này là Hữu Y Sở (有依所, có chỗ nương cậy để sanh khởi thiện căn, phước đức), được gọi là Hữu Y Luân (有依輪). Hữu Y Luân dựa trên Thập Luân, cả ba thừa đều có, tùy thuộc quý vị dùng cái tâm gì. Tâm Đại Thừa sẽ tín ngưỡng Đại Thừa, lòng từ bi rộng lớn. Lòng từ bi của Nhị Thừa chẳng rộng lớn bằng.

“*Ngũ giả, an trụ bi tâm*” (Năm là an trụ trong bi tâm): Cứu vớt chúng sanh suy yếu.

“*Lục giả, an trụ hỷ tâm*” (Sáu là an trụ trong hỷ tâm): Xa lìa hết thảy bốn ác nghiệp nơi lời ăn, tiếng nói. Lúc nói năng, chớ nên nói dối, chớ nên dối gạt người khác, chớ nên ăn nói thô ác tổn thương người khác. Cổ nhân nói: “*Lương ngôn nhất cú thâm Đông noãn*” (Một lời tốt lành khiến người nghe đầu trời Đông giá lạnh vẫn cảm thấy ấm áp): Nghe một lời tốt lành, trong lòng rất khoan khoái, rất an ủi, rất ấm áp. “*Ác ngữ thương nhân lục nguyệt hàn*” (Lời ác tổn thương người nghe, khiến họ rét buốt dù đang là tháng Sáu): Tháng Sáu nóng như vậy, một câu nói của quý vị tổn thương người ta như xối một thùng nước đá lên đầu người ta, lạnh run, sẽ tổn thương người ta, có ý nghĩa ấy! Đây là chuyên nói về ngữ nghiệp trong thập ác nghiệp. Chớ nên nói thêu dệt, nói lời vô ích đối với người khác. Những chuyện như tà ngữ, hoặc biểu diễn Tướng Thanh⁷ đã tạo nghiệp rất nhiều.

“*Thất giả, an trụ xả tâm*” (Bảy là an trụ trong tâm xả): Thường có cái tâm xả ly. Cái tâm xả ly ấy chính là tâm xả ly thế gian. Nếu Đại Thừa thì xả ly Nhị Thừa, còn [“xả ly” như chánh kinh đã nói thì là] xa lìa hết thảy keo kiệt, tham lam, ghen tỵ. Những điều này đều nói theo Nhị Thừa.

“*Bát giả, cụ chánh quy y*” (Tám là quy y chân chánh): Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng là “*chánh quy y*”. Xa lìa hết thảy chấp trước cát hung xằng bậy, trợn chẳng quy y tà thần, ngoại đạo.

“*Cửu giả, cụ túc tinh tấn, kiên cố, dũng mãnh, tu chư thiện pháp*” (Chín là trọn đủ tinh tấn, kiên cố, dũng mãnh, tu các pháp lành): Đối với Thập Thiện Nghiệp, chúng tôi nói một điều là chẳng ác ngữ. Quý vị vĩnh

⁷ Tướng Thanh (相聲) có thể tạm hiểu như Tấu Hải của người Việt, nhưng phức tạp hơn. Hình thức biểu diễn này xuất hiện từ đời Thanh tại Bắc Kinh. Người biểu diễn được gọi là Tượng Sinh (像生). Thoạt đầu, các nghệ nhân mô phỏng ngôn ngữ và hành vi của người khác để châm biếm, chọc cười. Về sau, đơn giản là dùng kỹ năng chọc cười, bằng các biện pháp nhân nhá, châm biếm, hý lộng, tạo những nút thắt, và cách giải quyết thông minh để gây ngạc nhiên, tán thưởng cho khán thính giả, nên gọi là Khẩu Tướng Thanh. Người biểu diễn có thể là một hay nhiều người, có thể là đối đáp, khích bác lẫn nhau, tận dụng tối đa các hình thức chơi chữ, câu đối, điển tích, kèm theo hát xướng, ngâm thơ để tạo hiệu quả tốt hơn. Nghệ nhân phải thông hiểu kinh sách, điển cố để vận dụng linh hoạt, tạo hiệu ứng kinh ngạc, cảm thán cho người nghe, nhất là vận dụng điển cố kinh sách Nho gia theo kiểu hiểu lệch lạc, xuyên tạc ý nghĩa.

viễn chẳng nói ác ngữ, tức là nói lời tán dương, giữ vững một hạnh là được. Không chỉ là trong một đời, mà là vô lượng đời, đều giữ vững một hạnh.

“*Thập giả, thường nhạo tịch tĩnh, tư cầu pháp nghĩa*” (Mười là thường ưa tịch tĩnh, suy nghĩ, tìm cầu pháp nghĩa): Thường ưa thích tịch tĩnh; ở đây chính là cái tâm tịch tĩnh, chẳng phải là cầu hoàn cảnh tịch tĩnh. [Chỉ tìm cầu] hoàn cảnh tịch tĩnh thì vẫn chưa được? Mong ở trong núi để được tịch tĩnh ư? Trên núi vẫn chẳng tịch tĩnh! Một người tu đạo ở trong lều cỏ trên núi rừng, khi đang nhập Định, trong tâm rất tĩnh. Chim nhỏ ở bên ngoài kêu chao chác, riu rít, người đó sanh khởi ác niệm: “Ta mai sau sẽ biến thành loại chim ưng trọc đầu chuyên ăn thịt những con chim ấy”. Công đức của người ấy chuyển hướng toàn bộ. Một niệm sân tâm dậy, ác niệm nổi lên, trăm vạn cửa chướng mở, người đó liền đọa lạc, biến thành con chim ưng đầu trọc (bald eagle), chuyên ăn thịt chim nhỏ. Ở trong núi rừng có tạo tội hay không? Ý niệm hết sức trọng yếu!

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thú-đạt-la đấng, nhược nam, nhược nữ, thành thử thập chủng Hữu Y Hạnh Luân, u hiện thân trung, tốc năng chủng thực Thanh Văn Thừa chủng, linh bất thoái thất.

(經)善男子! 若有真善刹帝利王, 乃至真善戍達羅等, 若男若女, 成此十種有依行輪, 於現身中, 速能種植聲聞乘種, 令不退失。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, thành tựu mười loại Hữu Y Hạnh Luân này, nơi thân hiện đời, có thể nhanh chóng gieo trồng chủng tử Thanh Văn Thừa, khiến cho chẳng thoái thất).

Chủng tánh Thanh Văn Thừa ấy chẳng bị thoái thất, cũng có thể chứng đắc tất cả thánh pháp của Thanh Văn Thừa trong đời hiện tại. Mười loại Hữu Y Luân này được nói theo Thanh Văn Thừa. Vừa rồi [trong chánh kinh] có mấy câu nói trực tiếp về pháp khí thuộc các thánh vị (địa vị thánh nhân) trong Thanh Văn Thừa, chẳng phải là Độc Giác Thừa, chẳng phải là chứng pháp Đại Thừa, [bởi lẽ, do mười Hữu Y Luân

trên đây sẽ] chẳng thể chứng đắc [pháp Đại Thừa được], mà [hành nhân] cũng chẳng trở thành pháp khí của Độc Giác và Đại Thừa.

(Kinh) Hoặc u hiện thân, chứng Thanh Văn Thừa sở hữu thánh pháp, thành Thanh Văn Thừa chư thánh pháp khí, phi chứng Độc Giác, Đại Thừa thánh pháp, phi thành Độc Giác, Đại Thừa thánh khí. Ứng tri thử trung Độc Giác, Đại Thừa, giai như thị thuyết. Thiện nam tử! Như thị thập chủng Hữu Y Hạnh Luân, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, chư Phật Như Lai, giai đồng cộng hữu.

(經)或於現身，證聲聞乘所有聖法，成聲聞乘諸聖法器，非證獨覺，大乘聖法，非成獨覺，大乘聖器。應知此中獨覺，大乘，皆如是說。善男子！如是十種有依行輪，一切聲聞、獨覺、菩薩、諸佛如來，皆同共有。

(Kinh: Hoặc là trong thân hiện tại chứng tất cả thánh pháp thuộc Thanh Văn Thừa, trở thành pháp khí của các địa vị thánh nhân thuộc Thanh Văn Thừa, chẳng chứng các thánh pháp thuộc Độc Giác hay Đại Thừa, chẳng phải là pháp khí cho các địa vị thánh nhân thuộc Độc Giác hay Đại Thừa. Hãy nên biết đối với Độc Giác và Đại Thừa ở trong ấy, đều nói như thế. Nay thiện nam tử! Mười loại Hữu Y Hạnh Luân như thế, hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, và chư Phật Như Lai đều cùng có).

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này hoàn toàn chẳng phải là nói đối ứng với Thanh Văn Thừa.

(Kinh) Thiện nam tử! Phục hữu thập chủng Hữu Y Hạnh Luân, bất cộng Thanh Văn, duy dĩ Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai, giai đồng cộng hữu. Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thú-đạt-la đẳng, nhược nam, nhược nữ, thành thử thập chủng Hữu Y Hạnh Luân, u hiện thân trung, tốc năng chứng thực Độc Giác Thừa chủng, linh bất thoái thất. Hoặc u hiện thân, chứng Độc Giác Thừa sở hữu thánh pháp, thành Độc Giác Thừa chư thánh pháp khí. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, tu hành thanh tịnh thân, ngữ, ý nghiệp. Nhị giả, cụ túc tâm quý, yếm hoạn tự thân. Tam giả, u Ngũ Thủ Uân, thâm sanh bố úy. Tứ giả, kiến sanh tử hà, cực vi nan độ. Ngũ giả, thường nhạo tịch tĩnh, ly chư hội não. Lục giả, nhạo A Luyện Nhã,

bất cơ tha thất. Thất giả, thủ hộ chư căn, tâm thường tịch định. Bát giả, thiện quán duyên khởi, thẩm sát nhân quả. Cửu giả, thường nhạo cần tu Đẳng Trì, Tĩnh Lự. Thập giả, u tập khởi pháp, năng thiện trừ diệt.

(經)善男子！復有十種有依行輪，不共聲聞，唯與獨覺、菩薩、如來，皆同共有。若有真善刹帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，成此十種有依行輪，於現身中，速能種植獨覺乘種，令不退失。或於現身，證獨覺乘所有聖法，成獨覺乘諸聖法器。何等為十？一者、修行清淨身語意業。二者、具足慚愧。厭患自身。三者、於五取蘊，深生怖畏。四者、見生死河，極為難渡。五者、常樂寂靜，離諸憤鬧。六者、樂阿練若，不譏他失。七者、守護諸根，心常寂定。八者、善觀緣起，審察因果。九者、常樂勤修等持靜慮。十者、於集起法，能善除滅。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Lại có mười thứ Hữu Y Hạnh Luân chẳng chung với Thanh Văn, chỉ có Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai là đều cùng chung có. Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, thành tựu mười loại Hữu Y Hạnh Luân này, sẽ ngay trong thân hiện thời có thể mau chóng gieo trồng chủng tử Độc Giác Thừa khiến cho chẳng thoái thất. Hoặc là ngay trong thân hiện tại, chứng tất cả thánh pháp thuộc Độc Giác Thừa, trở thành các pháp khí thuộc thánh vị của Độc Giác Thừa. Những gì là mười? Một là tu hành thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh. Hai là trọn đủ hổ thẹn, chán nhàm thân mình. Ba là sanh lòng sợ hãi sâu xa đối với Ngũ Thủ Uẩn. Bốn là thấy sông sanh tử tội bậc khó vượt. Năm là thường thích tịch tĩnh, lìa các ồn náo. Sáu là thích A Luyện Nhã, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác. Bảy là thủ hộ các căn, tâm thường tịch định. Tám là khéo quán duyên khởi, xét kỹ nhân quả. Chín là thường thích siêng tu Đẳng Trì, Tĩnh Lự. Mười là đối với các pháp nhóm họp, dấy lên, có thể khéo trừ diệt).

Phần trước nói về mười loại Hữu Y Hạnh của Thanh Văn Thừa; tiếp đó, [trong phần này] nói về Độc Giác Thừa. Hữu Y Hạnh Luân trong phần này chuyên nói về Độc Giác Thừa và Bồ Tát, thiên trọng Duyên Giác và Bồ Tát, khác với A La Hán. Mười thứ luân trong phần trước (các luân được nói trong phẩm thứ hai), Đại Thừa Bồ Tát và Độc Giác Thừa đều trọn đủ. Lại còn có mười loại Hữu Y Hạnh Luân mà Độc Giác Thừa, Bồ Tát, và Như Lai đều cùng trọn đủ. Nếu có quốc vương là bậc thiện thuận, cũng cầu pháp giải thoát, cho đến chủng tánh thấp nhất (Thú-đà-la) trong bốn loại chủng tánh, dù là nam hay nữ, nếu có thể thành tựu mười loại luân này, thì trong cuộc sống hiện thời, người ấy có thể gieo trồng chủng tánh Độc Giác Thừa khiến cho chẳng thoái thất, mà cũng nương vào Duyên Giác Thừa để nhập pháp, ngộ đạo. Đây là Trung Thừa.

Thanh Văn Thừa là Tiểu Thừa, Bồ Tát là Đại Thừa; hoặc là trong đời hiện tại, người ấy có thể chứng đắc, hoặc chẳng chứng đắc trong đời hiện tại, nhưng vị lai cũng sẽ chứng đắc. Gieo chủng tử sẽ thành pháp khí thánh nhân trong Độc Giác Thừa, [pháp khí] cũng tức là dụng cụ chứa đựng pháp. “*Hà đẳng vi thập?*” (Những gì là mười?): Mười loại luân nào vậy?

“*Nhất giả, tu hành thanh tịnh thân, ngữ, ý nghiệp*” (Một là tu hành thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh): Thân nghiệp là chẳng có hành vi giết, trộm, dâm. Ngữ nghiệp là chẳng có hành vi “nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác”. Ý niệm chẳng dấy lên tham, sân, si. Đây gọi là “*thanh tịnh thân, ngữ, ý*”.

“*Nhị giả, cụ túc tâm quý, yếm hoạn tự thân*” (Hai là trọn đủ hồ thẹn, chán ghét tự thân): Luôn cảm thấy chính mình cách thánh đạo rất xa, chẳng thể thanh tịnh, chẳng thể giải thoát phiền não của thế gian, chán lìa thân tâm của chính mình. Người đó chán nhàm thân tâm của chính mình, chẳng buông lung nơi ăn, mặc, cư xử.

“*Tam giả, u Ngũ Thủ Uẩn, thâm sanh bố úy*” (Ba là sanh lòng sợ hãi Ngũ Thủ Uẩn sâu xa): Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, những điều ấy gọi là Ngũ Thủ Uẩn. Do năm loại ấy, người ta sẽ giữ lấy điều ác, chẳng làm lành. Đối với Sắc pháp, cũng chính là đối với hết thảy các thứ hình sắc bèn tham cầu. Tâm pháp là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bốn pháp ấy đều thuộc về tâm pháp. Đây là Hữu Y Luân thứ ba.

“*Tứ giả, kiến sanh tử hà, cực vi nan độ*” (Bốn là thấy sông sanh tử, tội bậc khó vượt): Khi người đó nương vào loại thứ tư này để quan

sát, [đã nhận biết] biển khổ sanh tử rất khó vượt qua. Giống như chúng ta chìm nổi trong dòng sông sanh tử, chết đây, sanh kia, đã chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết. Nếu bắt tử, sẽ bắt sanh; nếu bắt sanh, sẽ bắt tử. Biển sanh tử ấy rất khó vượt qua, sẽ chìm đắm trong biển sanh tử!

“*Ngũ giả, thường nhạo tịch tĩnh, viễn ly hội náo*” (Năm là thường thích tịch tĩnh, xa các ồn náo): Kẻ đó thường mong cầu tịch tĩnh, tâm lia ồn ào, náo nhiệt, ở trong trần thế mà muốn tìm đến núi rừng, tìm đến chốn thanh nhàn.

“*Lục giả, nhạo A Luyện Nhã, bất cơ tha thất*” (Sáu là thích chốn A Luyện Nhã, chẳng chê gièm lỗi lầm của người khác): Vì phản đối sự ồn náo, người ấy mong mỏi A Luyện Nhã (A Lan Nhã) tức là chỗ tịch tĩnh. Do vậy, đối với sai lầm của kẻ khác, người ấy không chê gièm, chẳng hủy báng, chẳng châm chích người khác!

“*Thất giả, thủ hộ chư căn, tâm thường tịch định*” (Bảy là gìn giữ, bảo vệ các căn, tâm thường tịch định): Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, phải thường luôn thủ hộ kỹ càng, đừng để phạm sai lầm. Tâm thường trụ trong vắng lặng, ở trong Định, chẳng phập phều, mà cũng chẳng hôn trầm.

“*Bát giả, thiện quán duyên khởi, thâm sát nhân quả*” (Tám là khéo quán duyên khởi, xét kỹ nhân quả): Khởi tu như vậy, khéo quan sát duyên khởi của các pháp, nhưng vị này là Độc Giác, xuất sanh vào lúc chẳng có Phật tại thế, thì là Độc Giác. Khi có Phật xuất thế thì vị này gọi là Duyên Giác, nương vào mười hai nhân duyên để quán pháp mười hai nhân duyên, quán sự sanh khởi và tiêu mất của chúng. Vì sao một năm có bốn mùa? Vì sao cây cối Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu giảm thiểu, Đông ẩn tàng? Quán các duyên khởi ấy. Vì lẽ nào mà chúng có thể sanh trưởng? Vì lẽ nào mà chúng tiêu mất? Quán hết thấy nhân quả báo ứng trong đời người, báo ứng thiện ác, nhân quả. Do nhân nào mà kết thành quả nào. Chúng ta gieo thiện nhân, tuyệt đối sẽ đắc thiện quả. Gieo ác nhân, quý vị tuyệt đối phải hứng chịu khổ báo. Quan sát vì sao người này khổ như vậy? Vì sao người kia có phước báo tốt đẹp dường ấy? [Nói] “*vì sao*” hàm ý quan sát. Nhìn vào điều người ấy đã làm, đã thực hiện; điều ấy chỉ có thể nói theo đời hiện tại. Độc Giác Thừa nhập Định trong núi, có thể thấy tám vạn đại kiếp, có bao nhiêu chuyện trong vạn năm, vạn ức năm. Từ trong Định, Ngài có thể thấy trong nhiều đời người ấy đã làm gì, đều có thể thấy rõ; nhưng Ngài có một khuyết điểm là chẳng độ chúng sanh, chẳng nói cho người khác biết!

“*Cửu giả, thường nhạo cần tu, Đẳng Trì, Tĩnh Lự*” (Chín là thường ưa thích siêng tu Đẳng Trì, Tĩnh Lự): Tĩnh Lự là Định, người ấy có thể bình đẳng duy trì, khiến cho Định chẳng mất. Định có nhiều loại, Định của người ấy là Đẳng Trì, chẳng hạn như tu đạo Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, bèn thường luôn siêng năng [hành trì], chẳng giải đãi!

“*Thập giả, u tập khởi pháp, năng thiện trừ diệt*”: “Tập” (集) có nghĩa là “tụ tập”. Khi bậc Độc Giác tu đạo, từ trong thân tâm, sanh khởi các thứ nhân. Đối với các nhân, Ngài có thể tiêu diệt, trừ diệt. Ác nhân nhất định phải tiêu diệt, thiện nhân phải khiến cho tăng trưởng.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thú-đạt-la đẵng, nhược nam, nhược nữ, thành thử thập chủng Hữu Y Hạnh Luân. U hiện thân trung, tốc năng chủng thực Độc Giác Thừa chủng, linh bất thoái thất, hoặc u hiện thân, chứng Độc Giác Thừa sở hữu thánh pháp, thành Độc Giác Thừa chư thánh pháp khí. Thiện nam tử! Thệ danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Hữu Y Hạnh Luân. Nhất thiết Thanh Văn, cập chư Độc Giác, y chỉ thử luân, tốc năng siêu độ tam hữu đại hải, tốc năng thú nhập Bát Niết Bàn thành.

(經)善男子！若有真善刹帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，成此十種有依行輪。於現身中，速能種植獨覺乘種，令不退失，或於現身，證獨覺乘所有聖法，成獨覺乘諸聖法器。善男子！是名一切聲聞、獨覺有依行輪。一切聲聞及諸獨覺，依止此輪，速能超渡三有大海，速能趣入般涅槃城。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, thành tựu mười loại Hữu Y Hạnh Luân này, thì trong thân hiện tại, sẽ có thể mau chóng chứng tất cả thánh pháp thuộc Độc Giác Thừa, thành pháp khí cho các thánh vị trong Độc Giác Thừa. Đây thiện nam tử! Đó gọi là Hữu Y Hạnh Luân của hết thầy Thanh Văn và Độc Giác. Hết thầy Thanh Văn và các

Độc Giác y chỉ luân này, sẽ có thể mau chóng vượt thoát biển cả tam hữu, có thể mau chóng tiến nhập tòa thành Bát Niết Bàn).

“*Thiện nam tử*” là danh xưng đức Phật dùng để gọi Kim Cang Tạng Bồ Tát. Pháp này do Kim Cang Tạng Bồ Tát thỉnh vấn. Nếu có quốc vương tốt đẹp, cho đến bốn loại chúng tánh tốt lành, bất luận người ấy là nam hay nữ, nếu thành tựu mười loại Hữu Y Hạnh Luân này, trong khi người ấy tu hành, hoặc là trong cuộc sống, có thể tiêu diệt tội nghiệp và Hoặc (phiền não) của người ấy, có thể gieo trồng chúng tánh Độc Giác Thừa, khiến cho chúng tánh ấy chẳng bị thoái thất, đời này chưa thành tựu đạo quả Độc Giác Thừa, thì trong vị lai, sẽ có thể chứng đắc. Hoặc là trong đời này, có thể trở thành pháp khí của các địa vị thánh nhân, hoặc có thể chứng đắc [các địa vị ấy] trong đời này.

“*Thiện nam tử! Thị danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Hữu Y Hạnh Luân*” (Này thiện nam tử! Đó gọi là Hữu Y Hạnh Luân của hết thầy Thanh Văn và Độc Giác): Hết thầy Thanh Văn và các Độc Giác y chỉ luân này, sẽ có thể mau chóng vượt qua biển cả Tam Hữu (tam giới), có thể mau chóng tiến nhập thành Bát Niết Bàn, tức là có thể đạt tới địa vị bất sanh, bất tử, chứng đắc Niết Bàn. Niết Bàn ấy chẳng rớt ráo, chẳng phải là Niết Bàn rớt ráo của đức Phật, cho nên có sai biệt!

(Kính) Thiện nam tử! Hữu Y Hạnh Luân thị hà cú nghĩa? Ngôn Hữu Y giả, danh hữu chấp thủ, hữu ngã sở y, hữu sở nhiếp thọ, hữu sở hệ thuộc. Hạnh vị Uẩn Hạnh, Giới Hạnh, Xứ Hạnh, Hữu Hệ Thuộc Hạnh. Luân vị giáo thọ, giáo giới chi luân. Như Chuyển Luân Vương sở thừa xa luân, hoặc thủ hành luân. Như thị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, y chỉ thử luân, cầu Niết Bàn đạo. Cố thử nhị chủng phi Đại Thừa khí. Sở dĩ giả hà? Do bỉ y chỉ hạ liệt hạnh cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ chấp thủ tự chư Uẩn Hạnh, kinh bố, yếm hoạn, tự cầu giải thoát nhất thiết ưu khổ, bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ y chỉ tự chư Giới Hạnh, kinh bố, yếm hoạn, tự cầu giải thoát nhất thiết ưu khổ, bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ nhiếp thọ tự chư Xứ Hạnh, kinh bố, yếm hoạn, tự cầu giải thoát nhất thiết ưu khổ, bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ hệ thuộc hữu hệ thuộc hạnh, tự chư hữu tình, bất nhạo nhiếp thọ, vô hữu từ bi, hữu hệ thuộc cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ quán tha cụ thọ chúng khổ, xả nhi bất cứu, dẫn vị tự thân cầu giải

thoát cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ tự đoạn chư phiền não thủ, bất nhạo đoạn trừ nhất thiết hữu tình chư phiền não thủ, phi Đại Thừa khí. Do bỉ bất năng ngự Đại Thừa luân, thú Bồ Đề cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ bất năng tùy đại quang luân thú Bồ Đề cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ hỷ nhạo độc nhất vô lưỡng, nhập Niết Bàn thành nhi tu hành cố, phi Đại Thừa khí.

(經)善男子！有依行輪是何句義？言有依者，名有執取、有所攝受、有所繫屬。行謂蘊行、界行、處行、有系屬行。輪謂教授教誡之輪，如轉輪王所乘車輪，或首行輪。如是一切聲聞、獨覺，依止此輪求涅槃道。故此二種非大乘器。所以者何？由彼依止下劣行故，非大乘器。由彼執取自諸蘊行，驚怖厭患，自求解脫一切憂苦，不求解脫一切有情而修行故，非大乘器。由彼依止自諸界行，驚怖厭患，自求解脫一切憂苦，不求解脫一切有情而修行故，非大乘器。由彼攝受自諸處行，驚怖厭患，自求解脫一切憂苦，不求解脫一切有情而修行故，非大乘器。由彼系屬有系屬行，於諸有情不樂攝受，無有慈悲，有系屬故，非大乘器。由彼觀他具受眾苦，舍而不救，但為自身求解脫故，非大乘器。由彼自斷諸煩惱首，不樂斷除一切有情諸煩惱首，非大乘器。由彼不能馭大乘輪趣菩提故，非大乘器。由彼不能隨大光輪趣菩提故，非大乘器。由彼喜樂獨一無侶，入涅槃城而修行故，非大乘器。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Hữu Y Hạnh Luân là cú nghĩa như thế nào? Nói Hữu Y thì gọi là có chấp giữ, có cái để ngã nương tựa, có cái để nhiếp thọ, có cái hệ thuộc. Hạnh là Uẩn Hạnh, Giới Hạnh, Xứ Hạnh, Hữu Hệ Thuộc Hạnh. Luân là sự chuyển vận “truyền dạy, răn dạy”, như

bánh xe (Luân Bảo) được Chuyển Luân Vương ngự lên, hoặc thủ hành luân (hành luân đứng đầu). Hết thấy Thanh Văn, Độc Giác như thế nương theo cái luân này để cầu đạo Niết Bàn. Do vậy, hai loại [căn khí] này chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Vì có sao vậy? Do họ y chỉ hạnh kém hèn, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ chấp giữ các Uẩn Hạnh của chính mình rồi sợ hãi, chán ghét, tự cầu giải thoát hết thấy ưu khổ, chẳng cầu giải thoát hết thấy hữu tình mà tu hành, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ y chỉ các Giới Hạnh của chính mình để rồi sợ hãi, chán ghét, tự cầu giải thoát hết thấy ưu khổ, chẳng cầu giải thoát hết thấy hữu tình mà tu hành, cho nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ nhiếp thọ các Xứ Hạnh của chính mình rồi sợ hãi, chán ghét, tự cầu giải thoát hết thấy ưu khổ, chẳng cầu giải thoát hết thấy hữu tình mà tu hành, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ bị trói buộc, phụ thuộc vào Hữu Hệ Thuộc Hạnh (hạnh có hệ thuộc), đối với các hữu tình chẳng thích nhiếp thọ, chẳng có lòng từ bi, do có hệ thuộc, cho nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ quán kể khác chịu đủ mọi thứ khổ mà bỏ mặc chẳng cứu, chỉ vì cầu giải thoát cho chính mình, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ tự đoạn các phiền não đầu sỏ, chẳng thích đoạn trừ các phiền não đầu sỏ cho hết thấy hữu tình, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ chẳng thể cưỡi bánh xe Đại Thừa để tiến nhập Bồ Đề, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ chẳng thể nương theo đại quang luân tiến hướng Bồ Đề, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ vui thích đơn độc, không bè bạn, tiến nhập thành Niết Bàn để tu hành, cho nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa).

“Thiện nam tử! Hữu Y Hạnh Luân thị hà cú nghĩa?” (Này thiện nam tử! Hữu Y Hạnh Luân là cú nghĩa⁸ như thế nào?): Danh cú ngôn ngữ ấy có ý nghĩa như thế nào? “Ngôn Hữu Y giả” (Nói là Hữu Y): Đối với từ ngữ Hữu Y Hạnh Luân, trước hết giảng về Hữu Y. Hữu Y là gì? Là “chấp thủ” (執取), tức là chấp trước lấy hay bỏ. Trước hết phải có Ngã, sau đó mới có pháp đề ta “y” (nương dựa) vào, tức là cảnh. Pháp nào tốt đẹp bền nhiếp thọ (攝受, thu tóm, nắm giữ), “hữu sở nhiếp thọ, hữu sở hệ thuộc” (có cái được nhiếp thọ, có cái trói buộc, phụ thuộc). Điều ấy được gọi là Hữu Y. Hữu Y là gì? Nương theo sự chấp trước, giữ

⁸ Theo Phật Học Từ Điển của Đinh Phước Bảo, Cú Nghĩa là giải thích ý nghĩa, nghĩa lý của từng câu.

lấy của người ấy, sẽ có Ngã (tức là cái Ta để làm chủ thể cho hành động nắm giữ). Hễ có Ngã, bèn có Ngã Sở (我所, cái thuộc về ta), Ngã Sở còn được gọi là Ngã Sở Y (我所依). Chẳng hạn như cuộc sống của chúng ta chẳng lìa khỏi ăn mặc, cư trú, đi lại. Mùa Đông lạnh lẽo, chúng ta cần phải giữ ấm, điều này gọi là Hữu Y trong cuộc sống. Chỉ vì chấp trước các thứ ấy, bèn tham luyến, [cho nên sẽ] có cái nhiếp thọ, có cái hệ thuộc. Các thứ ấy trói buộc, khiến cho quý vị chẳng thể thoát ly được.

Giải thích đơn giản về chữ “*Hạnh*”. Trong Hữu Y Hạnh, Hạnh là gì? [Hạnh bao gồm] Uẩn Hạnh, Giới Hạnh, Xứ Hạnh, Hữu Hệ Thuộc Hạnh. Uẩn (蘊) là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Năm loại ấy thường xuyên vận động không ngừng, đó là Hạnh. “*Hạnh*” có nghĩa là “*vận động*”, thường xuyên không ngừng vận động. Hết thấy các sự là cảnh, kể cả thân thể của quý vị. Thân thể của quý vị do bốn đại chủng (Địa, Thủy, Hỏa, Phong) hợp thành, hết thấy động tác nơi thân thể đều chẳng rời Ngũ Uẩn.

Thọ (受) có nghĩa là “*tiếp nhận*”. Cảnh giới bên ngoài đã chẳng có, nhưng nội tâm lãnh nạp cảnh giới từ Pháp Trần của chính mình, cùng nó tiếp xúc; đó là Uẩn Hạnh. Giới là mười tám giới. Mười tám giới bao gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (đó là lục căn, 六根), Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp (đấy gọi là lục trần, 六塵), Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý Thức (gọi là lục thức, 六識). Sáu căn, sáu trần, sáu thức, ba loại ấy gộp chung lại, ba nhân sáu thành mười tám. “*Giới*” (界) nghĩa là mỗi pháp đều có phạm vi, có giới hạn của nó. Xứ (處) là mười hai chỗ, tức mắt quán sắc, tai nghe tiếng, lưỡi biết vị, thức thấu nhiếp pháp. Mỗi cảnh giới [bao gồm] sáu trần tiếp xúc với sáu thức, đó gọi là Thập Nhị Xứ. Trần và Thức tiếp xúc với Căn, tức lục căn. Lục căn và lục trần tiếp xúc, đó là chỗ Thức hoạt động.

Hữu Hệ Thuộc là gì? Có nghĩa là “*trói buộc*”. Lại có Vô Hệ Thuộc Hạnh, tức là đã giải thoát thì không hệ thuộc. Trong mỗi hạnh, lại có rất nhiều “*quyến thuộc*” phụ thuộc. Nói tới sắc ngoài thân, giống như thân thể của chúng ta vốn thuộc vào chính mình, nhưng các sắc ở ngoài thân chúng ta thì chính là [đối tượng] để chúng ta thọ dụng. Có những thứ là hệ thuộc, có những thứ là chán lìa. Tức là những sắc nào quý vị không ưa thích bèn chán lìa nó, thuộc loại yêu, ghét. Hễ yêu thích bèn

mong giữ làm thứ của riêng mình; hễ chán ghét bèn mong thoát khỏi nó. Đây là “*có hệ thuộc*”; điều này được gọi là Hữu Y Hạnh.

Luân là “*giáo thọ, giáo giới chi luân*” [nghĩa là] đức Phật thuyết pháp cho chúng ta, dạy bảo, răn dạy chúng ta phải nên làm như thế nào. Điều này giống như cái bánh xe (Luân Bảo) mà Chuyển Luân Thánh Vương ngự lên [để bay khắp bốn bộ châu], cũng giống như chúng ta ngồi xe hơi, nó có thể vận chuyển chúng ta. Nhưng Luân có công năng nghiền nát. Hễ dưới bánh xe có chướng ngại chi đó, hễ là thứ nhỏ thì nó có thể nghiền nát. Hết thầy Thanh Văn và Độc Giác nương vào Hữu Y Hạnh Luân, sẽ có thể chứng đắc Niết Bàn đạo.

“*Hoặc thủ hành luân*” nghĩa là gì? “*Thủ*” (首) có nghĩa là “*đầu*”, tức là đoạn phiền não. Đây là chặt đầu phiền não, đoạn dứt các phiền não, khéo cầu đắc Niết Bàn. Hai loại [Hữu Y Hạnh Luân] này thuộc về Thanh Văn và Duyên Giác. Kinh vốn chỉ nói về Độc Giác; ở đây, đã đem Thanh Văn trong phần trước nói gộp chung lại. Người hành Hữu Y Hạnh Luân này chẳng phải là pháp khí Đại Thừa, chẳng phải là Bồ Tát, chẳng phải là dụng cụ chứa đựng Đại Thừa, mà là Tiểu Thừa. Khí lượng của họ chỉ to chừng ấy. Vì sao nói như vậy? “*Do bỉ y chỉ tỵ chư Giới Hạnh, kinh bố, yếm hoạn*” (Do họ y chỉ các Giới Hạnh của chính mình bèn sợ hãi, chán ghét): Người ấy y chỉ Hữu Y Hạnh Luân, chỉ nghĩ đến chính mình, chẳng mong để cho các thứ khổ, lạc trôi buộc mình, chẳng muốn để cho các thứ đau khổ ràng buộc mình. Đối với sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương phải chia lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu chẳng được, người ấy rất kinh sợ, chán ghét các khổ nạn ấy. Đặc biệt là bệnh, rất chán ghét bệnh. Lại còn “*cầu chẳng được*”, quý vị mong cầu mà chẳng đạt được, muốn buông bỏ lại bỏ chẳng nổi! Yêu thương phải chia lìa, oán ghét phải gặp gỡ, người ấy muốn giải thoát các nỗi ưu khổ ấy, nhưng chỉ cầu mong giải thoát cho chính mình. “*Bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành*” (Chẳng cầu giải thoát cho hết thầy hữu tình mà tu hành): Người ấy vì giải thoát chính mình mà tu hành, chẳng phải vì hết thầy hữu tình mà xuất ly.

“*Phi Đại Thừa khí*” (Chẳng phải là pháp khí Đại Thừa), chẳng thuộc về Bồ Tát Thừa, chẳng phải là pháp khí của Đại Thừa. Người ấy hệ thuộc Hành, Uẩn, Giới, Xứ, mong đoạn diệt chúng. Kẻ ấy chẳng màng hết thầy hữu tình ưu khổ. Thấy hết thầy hữu tình chịu thông khổ, người ấy đều chẳng cứu độ, cho nên phải đến ở nơi tịch tĩnh, thậm chí xa cách mọi người. Người ấy “*bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu*

hành” (chẳng cầu giải thoát hết thảy hữu tình mà tu hành), cho nên nói người ấy “*phi Đại Thừa khí, do bị hệ thuộc Hữu Hệ Thuộc Hạnh*” (chẳng phải căn khí Đại Thừa, do người ấy phụ thuộc hạnh có hệ thuộc): Sự hệ thuộc này liên quan đến duyên niệm, tức là sự tin ưa của người ấy có hệ thuộc, vì đối với điều gì người ấy không tin ưa, sẽ bài xích. “*Chẳng hệ thuộc*” thì đối với các chúng sanh khác, họ chẳng nhiếp thọ, chẳng chịu giáo dục họ, chẳng chịu giúp đỡ người khác khiến cho họ thoát lia đau khổ. “*Vô hữu từ bi*” (Chẳng có lòng từ bi), vì sao? Người ấy chỉ cầu chính mình giải thoát khỏi ưu khổ, đó gọi là “*có hệ thuộc*”, bị trói buộc, “*chẳng phải là căn khí Đại Thừa*”.

“*Do bị quán tha cụ thọ chúng khổ, xả nhi bất cứu*” [nghĩa là] người ấy thấy hết thảy chúng sanh chịu đựng rất nhiều khổ nạn, nhưng chẳng cứu độ, mà cũng chẳng chịu thuyết pháp hồng lợi ích chúng sanh, chỉ cầu tự liễu thoát. Do chẳng muốn ở trong trần thế, cho nên “*phi Đại Thừa khí*” (chẳng phải căn khí Đại Thừa). Do người ấy tự mình “*đoạn phiền não thủ*”. “*Thủ*” (首) là hình dung từ, [“*đoạn phiền não thủ*”] là chặt đầu phiền não, chặt đứt phiền não, đoạn sạch phiền não.

“*Bất nhạo đoạn trừ nhất thiết hữu tình chư phiền não thủ*” (Chẳng thịch đoạn trừ hết thảy đầu mối phiền não cho hết thảy hữu tình): Chẳng chịu đoạn phiền não cho các chúng sanh, mà cũng chẳng chịu giúp đỡ chúng sanh, không thuyết pháp nhằm lợi lạc người khác. Vì thế, chúng tôi nói “*niệm kinh, trì chú, lễ bái, phát nguyện đều hồi hướng cho hết thảy chúng sanh*”; đây là Bồ Tát.

Hàng Thanh Văn Nhị Thừa làm gì? Họ chỉ hồi hướng cho chính mình, trọn chẳng nghĩ tới chúng sanh, cho đến lục thân quyến thuộc của chính mình, họ cũng chẳng độ. Do vậy, mọi người cho rằng người xuất gia vô tình, tu hành ắt phải giống như cục gỗ, giống như tảng đá; nhưng điều này chẳng đúng. Họ không chịu cứu độ chúng sanh, thấy chết mà chẳng cứu, dẫn chúng sanh đang ở trong biển khổ sanh tử. Họ đã thành đạo, chẳng hạn như đạt được sáu loại thần thông, đắc Lưu Tận Thông, phải nên thuyết pháp cho chúng sanh, nhưng họ không chịu, tự mình trụ trong Thiên Định hưởng thụ vui sướng. Do vậy, họ chẳng phải là căn khí Đại Thừa.

“*Bất năng ngự Đại Thừa luân, thú Bồ Đề đạo*” (Chẳng thể ngự trên bánh xe Đại Thừa để tiến hướng Bồ Đề đạo): Chẳng thể điều khiển Đại Thừa luân. “*Luân*” có nghĩa là nghiền nát. Đại Thừa luân cũng có công năng chuyên chở. Đại Thừa luân vận chuyển [hành nhân] tiến vào

Đại Thừa, Đại Thừa thì phải lợi ích chúng sanh. Do vậy, cảnh giới tự chứng của Đại Thừa và Tiểu Thừa đại khái đều giống nhau, nhưng một đằng là chịu đem cảnh giới do chính mình tự chứng bố thí chúng sanh, một đằng là chẳng chịu bố thí, sợ rơi vào hàm phiền não. Họ tự độ mình còn chưa xong, đối với chuyện độ người khác họ chẳng dám léo hánh! Họ “*bất năng tùy đại quang luân thú*” (chẳng thể theo đại quang luân để tiến nhập): “*Đại quang luân*” là trí huệ, có nghĩa là Bát Nhã. Hàng Độc Giác Thừa và hàng Thanh Văn Thừa chẳng thể nương theo đại quang luân để tiến nhập Bồ Đề đạo, hồng đạt tới Niết Bàn rốt ráo, chúng quã. Cho nên “*chẳng phải là căn khí Đại Thừa*”.

Độc Giác Thừa rất cô độc, họ cũng chẳng kết hợp với đạo hữu. Độc Giác là như thế nào? Họ tự mình tinh tu, quán tướng sanh diệt của hết thảy các pháp. Từ trong tướng sanh diệt, tìm ra lý bất sanh bất diệt, đã tìm được cái “*chẳng sanh diệt*” thì sanh trụ dị sẽ diệt. Do vậy, bảo họ chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Trong phần trên, chúng ta đã nói đến hai loại Thập Y Luân, tức Thập Hữu Y Luân, một đằng là Thanh Văn, một đằng là Độc Giác. Các pháp ấy có phải là tốt đẹp hay không? Có phải là pháp để chúng ta trực tiếp tiến hướng Đại Thừa hay chẳng?

(Kinh) Thiện nam tử! Hữu chư chúng sanh, u Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, vị tác cù lao, chánh cần tu học, như thị chúng sanh, căn cơ vị thực, căn cơ hạ liệt, tinh tấn vi thiếu. Nhược hữu vị thuyết vi diệu, thậm thâm Đại Thừa chánh pháp, thuyết thính nhị nhân, câu hoạch đại tội, diệt vi vi nghịch nhất thiết chư Phật. Sở dĩ giả hà? Nhược chư chúng sanh u Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, vị tác cù lao, chánh cần tu học, căn cơ vị thực, căn cơ hạ liệt, tinh tấn vi thiếu, nhi tiện thính thọ vi diệu, thậm thâm Đại Thừa chánh pháp. Như thị chúng sanh thật thị ngu si, tự vị thông duệ, hãm đoạn diệt biên, truy diên cuồng tưởng, chấp vô nhân luận. Ư chư nghiệp quả, sanh đoạn diệt tưởng, bát vô nhất thiết thiện tác, ác tác, vọng thuyết Đại Thừa, hoại loạn ngã pháp, phi pháp thuyết pháp, pháp thuyết phi pháp. Thật phi sa-môn, thuyết thị sa-môn; thật thị sa-môn, thuyết phi sa-môn; thật phi Tỳ Nại Da, thuyết thị Tỳ Nại Da; thật thị Tỳ Nại Da, thuyết phi Tỳ Nại Da.

(經)善男子！有諸眾生，於聲聞乘、獨覺乘法，未作劬勞正勤修學，如是眾生根機未熟，根機下劣，精進微少。若

有為說微妙甚深大乘法，說聽二人俱獲大罪，亦為違逆一切諸佛。所以者何？若諸眾生，於聲聞乘、獨覺乘法，未作劬勞正勤修學，根機未熟，根機下劣，精進微少，而便聽受微妙甚深大乘法。如是眾生實是愚癡，自謂聰睿陷斷滅邊，墜顛狂想執無因論。於諸業果生斷滅想，撥無一切善作、惡作，妄說大乘，壞亂我法，非法說法，法說非法。實非沙門，說是沙門；實是沙門，說非沙門；實非毗奈耶，說是毗奈耶；實是毗奈耶，說非毗奈耶。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Có các chúng sanh đối với pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, chưa nhọc nhằn, siêng năng chánh đáng tu học. Hạng chúng sanh như thế, căn cơ chưa chín muồi, căn cơ kém hèn, tinh tấn ít ỏi. Nếu có người vì kẻ ấy nói chánh pháp Đại Thừa vi diệu rất sâu, người nói lẫn kẻ nghe đều mắc tội lớn, mà cũng là trái nghịch hết thầy chư Phật. Vì có sao vậy? Nếu các chúng sanh đối với pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa chưa vất vả, siêng năng chánh đáng tu học, căn cơ chưa chín muồi, căn cơ kém hèn, tinh tấn ít ỏi, mà liền nghe nhận chánh pháp Đại Thừa vi diệu rất sâu, chúng sanh như thế thật là ngu si, tự cho là thông tuệ, bị hãm trong đoạn diệt, rơi vào suy tưởng điên cuồng, chấp trước luận thuyết “không có cái nhân”, đối với các nghiệp quả, sanh ý tưởng đoạn diệt, bài bác “không có hết thầy chuyện làm lành hay làm ác”, xằng bậy nói Đại Thừa, hoại loạn pháp của ta, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, Thật sự chẳng phải là sa-môn mà nói là sa-môn, thật sự là sa-môn mà nói là chẳng phải sa-môn, thật sự chẳng phải là Tỳ Nại Da mà nói là Tỳ Nại Da, thật sự là Tỳ Nại Da mà nói chẳng phải là Tỳ Nại Da).

Đức Phật nói về cách dạy bảo sai lầm [của các vị giảng sư]: Nếu khi [người nghe] còn chưa biết đi, mà đã bảo họ chạy, [người nghe] sẽ bị vấp ngã. Do vậy, có các chúng sanh chưa từng đồ công dốc sức nơi Khô, Tập, Diệt, Đạo, và mười hai nhân duyên, “*vị tác cù lao*” (chưa từng vất vả), tức là chưa hề đồ công dốc sức, chẳng khéo dụng công tu hành. Pháp ấy chưa tu thành, căn khí Đại Thừa vẫn chưa chín muồi. Chúng

sanh như thế chưa tu pháp Nhị Thừa, mà trực tiếp học pháp Đại Thừa, sẽ chẳng thể được!

“*Căn cơ hạ liệt, tinh tấn vi thiếu*” (Căn cơ hèn kém, tinh tấn ít ỏi): Nếu đời này chẳng nghe pháp Đại Thừa, kẻ đó sẽ sanh khởi hủy báng. Căn cơ chưa chín muồi, kẻ ấy căn cơ kém cỏi. Lại còn cái tâm tinh tấn tu đạo rất ít, mà cũng chẳng chịu tinh tấn, cứ giải đãi, tham đắm ngũ dục thế gian. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ chính là năm cội rễ của địa ngục. Kẻ đó tham cầu cảnh giới ngũ dục, ăn, ở, ngủ nghỉ chiếm rất nhiều thời gian trong một ngày. Chúng ta nghĩ xem: Bận bịu vì cái ăn, cái mặc, đã mệt nhoài thì phải ngủ nghỉ. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong một ngày trôi qua, quý vị còn được bao nhiêu thời gian để học đạo? Còn như niệm kinh, chúng ta tu tập cách niệm kinh, giữa người tại gia và kẻ xuất gia. đương nhiên là chẳng thể so sánh được! Người xuất gia tu hành năm tiếng đồng hồ là quá ít! Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị chỉ tu năm tiếng đồng hồ, mười chín tiếng đồng hồ còn lại quý vị làm gì? Ngủ nghỉ chiếm thời gian rất nhiều. Trong một đời người, ngủ nghỉ chiếm thời gian quá nhiều. Có những kẻ ngủ tám tiếng đồng hồ, vẫn cho là không đủ!

Nay chúng ta bái sám, kể cả bái sám thánh hiệu lẫn tĩn tọa, cũng chỉ một tiếng đồng hồ là xong, mọi người bèn tán gẫu. Đương nhiên tán gẫu thì cũng là bàn luận Phật pháp. Bàn gì đi nữa, thì cũng phải bận bịu ăn uống. Từ mười giờ rưỡi đến mười một giờ rưỡi, suốt một tiếng đồng hồ, sau đó là nghỉ ngơi một chặp, gần như một tiếng đồng hồ, thế là hai tiếng đồng hồ tùy tiện trôi đi! Thức dậy lại bận bịu chuyện nhà. Nếu quý vị sắp xếp thời gian, quả thật là [thời gian] tinh tấn rất ít! Người như vậy mà giảng cho họ chánh pháp Đại Thừa vi tế rất sâu, khiến cho họ nhập quán, khiến cho họ tham cứu, khiến cho họ tu hành, lãnh hội, sẽ chẳng thể được! Kẻ nói lẫn người nghe đều mắc tội lớn! Vì sao? Người nói chẳng biết căn cơ, người nghe sẽ có thể sanh khởi tội báng pháp. Làm như thế là đã trái nghịch hết thầy chư Phật, chẳng phù hợp lời dạy của chư Phật. Từ Tiểu Thừa đến Đại Thừa, quý vị trước hết cần biết thế gian này là khổ, nỗi khổ ấy do đâu mà có? Do chúng ta tạo nghiệp, tức là Tập (集, nhóm họp các nghiệp). Khổ và Tập là nhân quả thế gian. Diệt, Đạo: Phải biết tịch diệt là vui sướng, là thành tựu. Quý vị phải biết, phải quan sát, đây là tu Đạo hồng chứng Niết Bàn, là nhân quả xuất thế gian. Đó là hai tầng nhân quả. Nói theo Tiểu Thừa, pháp này vốn là pháp Tứ Đế, là Tiểu Thừa, nhưng do người ấy lợi ích chúng sanh, cho nên gọi là Đại

Thừa. Không chỉ là chính mình phải tu đạo, chúng Niết Bàn, chính mình chẳng tạo nghiệp nữa, chẳng còn thọ khổ quả, [mà còn phải] khiến cho chúng sanh đều biết. Đây là Đại Thừa.

Pháp chẳng có lớn hay nhỏ, quý vị chính là người thọ pháp. Quý vị nghe Đại Thừa nói “*các pháp là Không, nhân quả thiện ác chẳng tồn tại, căn bản là chẳng có*”, [nếu không liễu giải], quý vị sẽ đọa nhập Đoạn Diệt Không. Vậy thì sẽ thuận theo cảnh giới ngũ dục, phương diện này dường như đã trống không, phương diện kia xác thực hoàn toàn chẳng không. Do vậy, nói pháp Đại Thừa thì sợ rằng kẻ đó [nghe xong], sẽ rơi vào Đoạn Kiến, cũng chẳng rơi vào Thường Kiến. Nếu coi Niết Bàn là Thường Kiến, coi nghĩa Không là Đoạn Kiến; đó là sai lầm!

Do vậy, có một hạng chúng sanh, chưa hề chánh thức tu Thanh Văn hay Độc Giác Thừa, chẳng hề dụng công, chẳng nhọc nhằn tu tập, chẳng tinh tấn, căn cơ còn chưa chín muồi. “*Căn cơ hạ liệt*” (Căn cơ kém hèn), chỉ có tinh tấn đôi chút, đừng tới nghe nhận chánh pháp Đại Thừa rất sâu. Nhưng kẻ đó cho rằng chính mình là căn khí Đại Thừa, tự cho mình là thông duệ, có trí huệ, nhưng [nghe xong] chỉ hãm vào Đoạn Diệt, tức là Đoạn Kiến. Đoạn Kiến là kẻ đó nói đến Không, [làm tướng] “*hết thấy các pháp đều Không, vậy thì có gì là khổ hay lạc để đạt được nữa? Trên thực tế, chúng vốn chẳng có mà!*” Khi chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát, nửa quyển hạ là nói “*hai bên (Có và Không) đều chẳng lập*”, nhưng kẻ đó rơi vào phía Đoạn Kiến. Do tham đắm cảnh giới ngũ dục, kẻ đó rất tinh tấn, nhưng đối với chuyện tu Lục Ba La Mật, kẻ đó rất giải đãi, tinh tấn ít ỏi. Như thế là rơi vào “*điên cuồng tướng*”.

“*Chấp vô nhân luận*” (Chấp vào luận thuyết “*chẳng có cái nhân*”) tức là chẳng tin nhân quả. Đối với hết thấy nghiệp quả, làm ác nghiệp sẽ mắc khổ báo, làm thiện nghiệp sẽ được thiện báo, sanh lên trời hưởng thụ vui sướng, cho đến thành đạo. Kẻ chẳng tin nhân quả, bèn sanh khởi suy tưởng đoạn diệt, bài bác hết thấy chuyện làm lành, làm ác, hư vọng tự xưng là Đại Thừa. Kẻ đó học Đại Thừa, coi pháp Đại Thừa là Đoạn Diệt Tướng, vương nơi Không, chấp trước Không, coi hết thấy chuyện làm lành, làm ác, làm chuyện xấu, làm chuyện tốt của Phật pháp đều giống y hệt như nhau [vì hiểu lầm ý chỉ] “*Đại Thừa luôn nói bình đẳng, diệt cả hai bên*”. Trong kinh Duy Ma Cát, Văn Thù Bồ Tát hỏi cư sĩ Duy Ma Cát: “*Giới, Định, Huệ là như thế nào?*” Cư sĩ Duy Ma Cát đáp: “*Dâm, nô, si*”. Đây có nghĩa là gì? Dâm, nô, si chẳng có thật thể. Giới, Định, Huệ cũng chẳng có thật thể, cùng là bản thể của Pháp Thân, cũng là bản thể của pháp tánh. “*Đáp*” chính là đối ứng. Vị này nói nửa này, vị

kia nói nửa kia, chẳng có thiện hay ác. Giả sử quý vị chẳng tu hành Khổ, Tập, Diệt, Đạo, lại chứng đắc nghĩa Không ấy, sẽ rơi vào Đoạn Diệt Không, sẽ bài bác là “*chẳng có nhân quả!*” Bài bác chẳng có nhân quả, phá hoại, rối loạn pháp của Phật, rốt cuộc đối với Phật pháp bèn nói đúng thành sai! Dâm, nộ, si là phi pháp, kẻ đó nói là đúng, nói chánh pháp thành phi pháp, phi pháp nói thành chánh pháp!

“*Hoại loạn ngã pháp*” (Phá hoại, rối loạn pháp của ta): Vốn chẳng phải là Phật pháp, kẻ đó lại nói là Phật pháp. Vốn là Phật pháp, kẻ đó lại nói “*chẳng phải là Phật pháp*”. Vốn chẳng phải là người xuất gia, chẳng phải là sa-môn thật sự, lại nói là sa-môn. Đối với sa-môn thật sự, bèn nói chẳng phải là sa-môn. Đây là điên đảo. Thật sự chẳng phải là Tỳ Nại Da, tức chẳng phải giới luật, như đối với Phật pháp tại Đông Độ, các quy củ trong chùa miếu chẳng phải là giới luật, mà là do tổ sư quy định. Những điều ấy được gọi là Thanh Quy (清規), lại nói đó là giới luật. Do vậy, [có kẻ lầm lạc chủ trương] chẳng học giới luật do đức Phật truyền lại, học kỹ Thanh Quy là được rồi. Đây đều là “*pháp nói là phi pháp*”, thật sự chẳng phải là Tỳ Nại Da lại nói là Tỳ Nại Da, thật sự là Tỳ Nại Da lại bảo chẳng phải là Tỳ Nại Da.

(Kinh) Ngu si, điên đảo, kiêu mạn, tật đố, bằng đảng chi tâm, ư Đại Thừa pháp xung tán, ủng vệ, linh quảng lưu bố. Ư Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, báng hủy, chướng tế, bất linh lưu bố, bất năng như thật y Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, hoặc Vô Thượng Thừa xả tục, xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, thành bất-sô tánh, diệc bất như thật tu tập nhất thiết thiện pháp nhân duyên. Ư ngã đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, vị cần tu hành Học, Vô Học hạnh, nãi chí chứng đắc tối hậu cực quả chân thiện dị sanh, trì giới, phá giới, vô giới giả sở, chủng chủng hủy mạ, ha trách, nã loạn, đoạt kỳ y bát, bất thính thọ dụng chư tư sanh cụ, hệ phược, cầm bế.

(經)愚癡顛倒、憍慢、嫉妒、朋黨之心，於大乘法，稱讚擁衛，令廣流佈。於聲聞乘、獨覺乘法，謗毀障蔽，不令流佈，不能如實依聲聞乘，或獨覺乘，或無上乘，舍俗出家，受具足戒，成苾芻性，亦不如實修集一切善法因緣。於我弟子，或是法器，或非法器，謂勤修行學無學行，乃至證得

**最後極果真善異生，持戒、破戒、無戒者所，種種毀罵，呵
嘖惱亂，奪其衣鉢，不聽受用諸資生具繫縛禁閉。**

(*Kinh: Tâm ngu si, điên đảo, kiêu căng, ngạo mạn, ghen tỵ, bè đảng. Đối với pháp Đại Thừa, bèn xung dương, tán thán, ủng hộ, bảo vệ, khiến được lưu truyền rộng rãi. Đối với pháp thuộc Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, bèn hủy báng, chướng lấp, chẳng cho lưu truyền. Chẳng thể như thật nương theo Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, hoặc Vô Thượng Thừa để xả tục, xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, thành bất-sô tánh, cũng chẳng đúng như thật tu tập nhân duyên của hết thảy các thiện pháp. Đối với các đệ tử của ta, hoặc là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, khuyên họ siêng năng tu tập Học và Vô Học hạnh, cho đến đối với bậc chân thiện dị sanh chứng đắc cực quả tối hậu, trì giới, hay phá giới, kẻ không có giới, mà dùng đủ cách hủy báng, chửi rủa, quở trách, nã loạn, đoạt y bát của họ, chẳng cho hưởng dụng các thứ vật cần dùng trong cuộc sống, trói buộc, nhốt kín).*

“Ngu si, điên đảo, kiêu mạn, tật đố, bằng đảng chi tâm” (Cái tâm ngu si, điên đảo, kiêu căng, ngạo mạn, ghen tỵ, kết bè kéo đảng): Chùa này hủy báng chùa kia, chùa kia hủy báng chùa này. Nhóm cư sĩ này hủy báng nhóm cư sĩ kia. Rốt cuộc ai đúng, ai sai? Điên đảo đúng sai! Kẻ học pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa bèn hủy báng Đại Thừa. Kẻ học pháp Đại Thừa hủy báng, ngăn chướng pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, chẳng cho lưu truyền, [khăng khăng] “đấy là pháp Tiểu Thừa, chẳng để cho nó tồn tại”. Chẳng thể đúng như thật nương theo pháp Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, hoặc Vô Thượng Thừa để xả tục, xuất gia. Sau khi nghe pháp, sẽ nhập đạo. Kẻ chẳng thể làm như vậy, đương nhiên là chẳng thể xuất gia, chẳng thể thọ Cụ Túc Giới, chẳng thể trở thành tỳ-kheo, chẳng thể trở thành bậc xuất gia.

“Diệt bất như thật tu tập nhất thiết thiện pháp nhân duyên” (Cũng chẳng như thật tu tập hết thảy nhân duyên thiện pháp): Tu tập các nhân duyên thiện pháp bèn làm chuyện tốt lành. Đối với hết thảy thiện pháp, chớ nên vì điều thiện ấy nhỏ nhặt [mà không làm]. Chúng ta bỏ một đồng cho người cùng khổ, hoặc cúng cho pháp hội trong chùa miếu, quý vị quyên tặng một đồng cũng được. Đó gọi là tùy hỷ. Đã chẳng hiến tặng, lại còn hủy báng, tức là chẳng như thật tu tập hết thảy nhân duyên thiện pháp. “Ư ngã đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí” (Đối

với các đệ tử của ta, hoặc là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí): Người tu hành khéo học như thế, sẽ là dụng cụ chứa đựng pháp. “*Hoặc phi pháp khí*” là kẻ phá giới. Phá giới sẽ chẳng tốt! Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di như thế ấy, tức tứ chúng đệ tử [như thế ấy], sẽ chẳng thể gọi là siêng năng tu hành. “*Cần tu hành*” (勤修行) là tinh tấn siêng rông tu hành.

“*Học, Vô Học hạnh*” (Hạnh Hữu Học và Vô Học): Tức là địa vị Hữu Học và Vô Học. Địa vị Vô Học là đã chứng quả A La Hán. Địa vị Hữu Học là gì? Bảy địa vị đều là địa vị hữu học, tức Sơ Quả Hướng, Sơ Quả, Nhị Quả Hướng, Nhị Quả, Tam Quả Hướng, Tam Quả, Tứ Quả Hướng, đều gọi là địa vị Hữu Học. Chứng đắc quả A La Hán là địa vị Vô Học, cho đến “*chân thiện dị sanh chứng đắc cực quả tối hậu*”; đây là chứng đắc quả A La Hán, đoạn Kiến Tư Hoặc. Đó là pháp khí.

Hoặc là kẻ phá giới, “*trì giới, phá giới, vô giới giả sở*” (trì giới, phá giới, kẻ chẳng có giới): Có kẻ là trì giới, có kẻ là phá giới, hoặc ngay cả giới gì cũng đều chẳng có. Đây là [nói các loại người] học pháp Đại Thừa. Ở đây là nói về chân thiện Sát-đế-lợi vương, chân thiện Thú-đạt-la, tức là bốn chủng tánh đối với tỳ-kheo phá giới, tỳ-kheo trì giới, hoặc tỳ-kheo chẳng có giới nào, đều chẳng phân biệt, cứ nhất loạt chửi bới, hủy báng, rửa xả, quở trách, nã loạn, thậm chí còn tước đoạt y bát chẳng cho họ thọ dụng. Hết thấy những vật dụng cần thiết trong cuộc sống của họ đều bị tước đoạt, họ còn có thể sống sót hay chẳng? Họ sẽ chẳng thể sống sót, cho đến còn bị giam cầm trong tù ngục.

(Kinh) Như thị bát vô nhất thiết nhân quả Đoạn Diệt Luận giả, tuy tại nhân trung, thật thị La Sát, u đương lai thế, vô số đại kiếp, nan đắc nhân thân. Ninh tại địa ngục, thọ vô lượng khổ, bất xử nhân trung, khởi Đoạn Diệt Kiến. Như thị si nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn. Mạng chung, định sanh Vô Gián địa ngục. U chư ác thú, luân chuyển vãng lai, thọ chư khổ não, nan khả cứu tế, đa bách thiên kiếp, nan phục nhân thân. Tuy quá vô lượng, vô số kiếp dĩ, hoàn đắc nhân thân, nhi sanh ngũ trược, vô Phật thế giới, sanh manh, sanh lung, âm, á, vô thiệt, chủng chủng trọng bệnh, thường sở anh triền, hoặc thân toa xú, nhân bất hỷ kiến. Ngôn từ chuyết nột, nhĩ sở ác văn. Tâm thường mê loạn, vô sở giải liễu, sanh bản cùng gia, chúng sự khuyết pháp, bất phùng thiện hữu, tùy ác hữu hành, nhạo

tác ác nghiệp, háo chấp ác kiến, tạo Vô Gián tội, phục hoàn trùng đọa Vô Gián địa ngục, chuyển luân ác thú, nan hữu xuất kỳ.

(經)如是撥無一切因果斷滅論者，雖在人中，實是羅刹，於當來世無數大劫難得人身。寧在地獄受無量苦，不處人中起斷滅見。如是癡人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍。命終定生無間地獄。於諸惡趣輪轉往來，受諸苦惱難可救濟，多百千劫難復人身。雖過無量無數劫已，還得人身，而生五濁無佛世界，生盲生聾，瘖啞無舌，種種重病常所嬰纏，或身炓醜，人不喜見。言詞拙訥，耳所惡聞。心常迷亂，無所解了，生貧窮家，眾事闕乏，不逢善友，隨惡友行，樂作惡業，好執惡見，造無間罪，復還重墮無間地獄，轉輪惡趣難有出期。

(Kinh: Kể bài bác không có hết thấy nhân quả, tin theo Đoạn Diệt Luân như thế, tuy ở trong loài người, thật sự là La Sát. Trong đời tương lai, vô số đại kiếp, khó được làm người. Thà ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ, chẳng làm người mà dấy lên Đoạn Diệt Kiến! Kể si như thế, chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi, chẳng thể nói được. Hứng chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gián. Luân chuyển qua lại trong các đường ác, chịu các khổ não, khó thể cứu vớt, nhiều trăm ngàn kiếp, khó lại được làm thân người. Tuy trải qua vô lượng vô số kiếp sau, sẽ lại được làm người, nhưng sẽ sanh trong thế giới ngũ trược, không có Phật, mù điếc từ lúc lọt lòng, ngọng, câm, không lưỡi, đủ thứ bệnh nặng thường ràng buộc tẩm thân, hoặc thân thể lùn tịt, xấu xí, người khác chẳng thích thấy, lời lẽ vụng về, lắp bắp, tai nghe điều xấu, tâm thường mê loạn chẳng hiểu biết gì. Sanh trong nhà bần cùng, các sự thiếu khuyết, chẳng gặp bạn lành, hành theo bạn ác, thích tạo ác nghiệp, thích chấp ác kiến, tạo tội Vô Gián rồi lại đọa vào địa ngục Vô Gián, luân chuyển trong đường ác, khó có thuở thoát ra).

“*Bát vô nhất thiết nhân quả, Đoạn Diệt Luân giả*” (Bài bác không có hết thảy nhân quả, tin theo Đoạn Diệt Luân): [Tức là kẻ luôn khẳng khái cho rằng] “ta làm như vậy chẳng phạm sai lầm, chẳng mắc quá báo”. Đây là Đoạn Diệt Luân. “*Tuy tại nhân trung, thật thị La Sát*” (Tuy ở trong loài người mà thật ra là La Sát): Tuy kẻ đó sanh trong loài người, nhưng đây là ma vương giết người, mà cũng là quỷ La Sát. “*Ư đương lai thế, vô số đại kiếp, nan đắc nhân thân*” [nghĩa là] sau đời này, trải qua thời gian rất dài về sau, muốn khôi phục thân người, sẽ rất khó khăn. Phải chịu vô lượng khổ trong địa ngục. Vì sao người ấy phải phá pháp, hủy báng Tăng và Phật như vậy? Vì người ấy sanh khởi Đoạn Diệt Kiến, hiểu sai bét nghĩa Không của Đại Thừa. Tiếp đó, chúng ta sẽ giải thích vấn đề này.

“*Như thị si nhân bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết*” (Kẻ si như thế chẳng bao lâu sau, tứ chi sẽ tàn phế, thiếu khuyết): Tuy kẻ ấy chẳng tin nhân quả, nhân quả sẽ tìm tới kẻ đó; khi [nhân quả] tìm đến, kẻ đó sẽ chịu khổ. Hạng người ngu si ấy chẳng có trí huệ, thân thể trong đời này sẽ “*bất cứu chi thể phế khuyết*” (chẳng lâu sau, chi thể tàn phế, thiếu khuyết), hoặc là do sanh bệnh mà tàn phế, thiếu khuyết, hoặc là như trong hiện tại, bị tai nạn xe cộ, hoặc gặp thiên tai, thủy tai, hỏa hoạn, đều có thể khiến cho tứ chi của người ấy tàn khuyết, nhưng người tàn phế vì bệnh tật thì nhiều. Trong một thời gian rất dài, “*ư đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn*” (trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi chẳng thể nói): Lại còn chẳng thể nói được! Do nguyên nhân nào? Bệnh khổ khiến cho người ấy thành ra như vậy. Nghiệp báo chuyển đến thân người ấy; đó gọi là báo ứng do khởi Đoạn Diệt Kiến, khiến cho người ấy đau khổ sâu đậm, rất khó chịu đựng nổi. Sau khi mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián.

“*Ư chư ác thú, luân chuyển vãng lai*” (Luân chuyển qua lại trong các đường ác): “*Ác thú*” (惡趣) là ba ác đạo, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. “*Thọ chư khổ não, nan khả cứu tế*” (Chịu các khổ não, khó thể cứu vớt), trải qua bao nhiêu kiếp? “*Đa bách thiên kiếp*” (Nhiều trăm ngàn kiếp): Chẳng phải là một trăm ngàn kiếp, hai trăm ngàn kiếp, mà là rất nhiều trăm ngàn kiếp. Nếu muốn khôi phục thân người, tức là được đầu thai làm người trong nhân gian, chẳng dễ dàng! Ất cần phải trải qua thời gian vô lượng kiếp dài ngàn ấy thì mới có thể được làm thân người. Đối với con số vô số kiếp ấy, nếu nói theo tiểu kiếp thì cũng là bao nhiêu vạn vạn năm. Vô số kiếp nếu dùng thời gian trong nhân gian để tính toán

thời hạn thì rất khó tính đếm. “*Nhi sanh ngũ trước, vô Phật thế giới*” (Nhưng sanh trong thế giới ngũ trước, không có Phật): Đây là Ngũ Trước, ác thế Kiếp Trước, Kiến Trước, Phiền Nã Trước, Chúng Sanh Trước, và Mạng Trước. Tới khi ấy, [sẽ sanh vào] thế giới chẳng có Phật, tức là sanh vào thời kỳ giống như chúng ta trong hiện thời.

“*Sanh manh, sanh lung*” (Mù bẩm sanh, điếc bẩm sanh): Sanh ra đã là kẻ mù hay kẻ điếc, chẳng được, trọn chẳng phải là về sau bị bệnh [mới mù hay điếc]. Kẻ đó vừa sanh ra đã mù, hoặc sanh ra đã câm, hay không có lưỡi, hoặc lưỡi ngắn, hoặc lưỡi đặc biệt to, nói năng chẳng rõ ràng, lại còn mắc phải đủ thứ bệnh nặng. Hoặc là lúc còn thơ ấu đã bị đủ loại bệnh tật quần trời. Hiện thời, có đứa trẻ còn chưa sanh mà đã bị nạo thai, vì thai đã chết trong bụng mẹ. Đó là do túc nghiệp trong quá khứ của nó.

“*Hoặc thân toa xú*” nghĩa là vừa lùn, vừa xấu xí. “*Nhân bất hỷ kiến*” (Người khác chẳng thích gặp): Trong tâm kẻ khác chẳng ưa thích, không muốn trông thấy, hoặc nói chuyện với người đó. “*Ngôn từ chuyết nột*”, “*nột*” (訥) là nói lúng búng trong miệng, thường gọi là “*nói lắp*”. Chẳng biết kẻ đó đang nói gì, nói không rõ ràng, một câu phải nói cả buổi, vẫn chẳng thể nói rõ được. Đó là cà lăm!

“*Nhĩ sở ác văn*” [nghĩa là] tai chẳng nghe thấy, ý thức mê loạn, tinh thần phân liệt. Có kẻ tinh thần phân liệt từ bé. Tôi đã gặp rất nhiều kẻ như vậy, cầu niệm Địa Tạng Bồ Tát gia trì cho họ, cũng có người được lành, có người dẫu niệm, vẫn chẳng lành. Lứa năm ba tuổi cũng có, hoặc mười mấy tuổi cũng có, vì đủ mọi nguyên nhân như kinh hoảng v.v... khiến cho tâm kẻ ấy thường mê loạn, thứ gì cũng đều chẳng biết, tinh thần phân liệt mà! Lại còn sanh vào gia đình nhất định là gia đình nghèo khổ. Các vật dụng cần thiết trong cuộc sống “*chúng sự khuyết pháp*” (các thứ thiếu thốn), [nghĩa là] thiếu ăn, thiếu mặc!

Người như vậy sanh trong tình huống như vậy, lại còn có đủ thứ nhân duyên [chẳng tốt đẹp], há còn có thể gặp gỡ người tốt lành ư? “*Bát phùng thiện hữu*” (Chẳng gặp bạn lành), chẳng có nhân duyên ấy. Chẳng gặp bạn lành, bèn gặp bạn ác, chơi với bạn bè toàn là bạn ác, cùng những kẻ đó làm chuyện ác. “*Nhạo tác ác nghiệp*” (Thích làm nghiệp ác), “*háo chấp ác kiến*” (ưa chấp trước ác kiến): Kẻ đó giải thích, nhìn nhận vấn đề hết sức sai lầm, hết sức lệch lạc, nhưng chấp trước chẳng buông bỏ được. Tạo tội Ngũ Vô Giá như thế đó!

Ngũ Vô Giá rất nhiều, chịu khổ chẳng gián đoạn, thời gian không gián đoạn. Thời gian chịu khổ rất dài, chẳng như trong nhân gian, từ lúc bị bệnh cho đến lúc lành bệnh chỉ có một khoảng thời gian, tức là hữu giá (có gián đoạn). Thời gian chịu khổ hữu giá, [chẳng hạn như] ở trong tù cũng có thể ra khỏi tù. Thời gian thi hành án đã đủ, cũng có thể thoát ra; đó đều là hữu giá. Ngục Vô Giá chẳng có gián đoạn. Như trong địa ngục đó, có một cái giường lớn, to hơn tám vạn dặm. Một người nằm trên giường đó thọ tội, thân hình đầy chật cả giường. Một vạn người cũng là thân đầy chật cả giường. Đó là ý nghĩa “*chẳng gián đoạn*”. Đã tạo loại tội này, sau khi sanh vào nhân gian, thọ mạng của người như vậy vẫn chẳng dài, sau khi chết đi, lại vào địa ngục Vô Giá, tức là trở lại luân chuyển trong đường ác, có thể từ địa ngục Vô Giá thoát ra, chuyển làm người, vẫn còn đờ. Nếu chẳng chuyển sanh làm người, chắc là chuyển sang làm súc sanh, hay chuyển sang ngạ quỷ đạo!

(Kinh) Như thị ngu si Đoạn Diệt Luận giả, hoại loạn, hủy diệt ngã chi chánh pháp, bức não, trích phạt ngã chư đệ tử trì giới, phá giới, cập vô giới giả, giai linh bất an tu chư thiện phẩm. Do thị nhân duyên, đa bách thiên kiếp, một chúng ác thú, từng ám nhập ám, nan hữu xuất kỳ. Như thị chúng sanh sở hữu tội báo, giai vi vị cầu thính tập Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, tiên cầu thính tập vi diệu, thậm thâm Đại Thừa chánh pháp. Như thị ngu si Đoạn Diệt Luận giả, hạ liệt nhân thân, thượng nan khả đắc. Huống đương năng thành hiền thánh pháp khí? Thượng bất năng đắc Thanh Văn, Độc Giác sở chứng Niết Bàn, huống đắc quảng đại thậm thâm Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề? Như thị chúng sanh sở hữu quá thất, giai do vị học Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp, tiên nhập Đại Thừa.

(經)如是愚癡斷滅論者，壞亂毀滅我之正法，逼惱謫罰我諸弟子，持戒、破戒及無戒者，皆令不安修諸善品。由是因緣，多百千劫沒眾惡趣，從閻入閻，難有出期。如是眾生所有罪報，皆為未求聽習聲聞、獨覺乘法，先求聽習微妙甚深大乘法。如是愚癡斷滅論者，下劣人身尚難可得。況當

能成賢聖法器？尚不能得聲、聞獨覺所證涅槃，況得廣大甚深無上正等菩提？如是眾生所有過失，皆由未學聲聞乘法、獨覺乘法，先入大乘。

(Kinh: Kẻ ngu si, theo Đoạn Diệt Luận như thế phá hoại, rối loạn, hủy diệt chánh pháp của ta, bức bách, não hại, trừng phạt các đệ tử trì giới, phá giới, và không có giới của ta, đều khiến cho họ chẳng an ổn tu các thiện phẩm. Do nhân duyên ấy, trải qua nhiều trăm ngàn kiếp, chìm đắm trong các đường ác, từ chốn tối tăm vào chỗ tối tăm, khó có thuở thoát ra. Tất cả tội báo của chúng sanh như thế đều vì chưa cầu nghe giảng, tu tập pháp Thanh Văn và Độc Giác, mà trước đó đã cầu nghe giảng, tu tập chánh pháp Đại Thừa vi diệu rất sâu. Kẻ ngu si theo Đoạn Diệt Luận như thế, thân người hèn kém còn khó thể được, huống hồ là sẽ có thể trở thành pháp khí hiện thánh ư? Còn chẳng thể đắc Niết Bàn do Thanh Văn hay Độc Giác đã chứng, huống hồ đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề rộng lớn rất sâu ư? Tất cả lầm lỗi của chúng sanh như thế đều là do chưa học pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa mà đã nhập Đại Thừa trước).

“*Như thị ngu si Đoạn Diệt Luận giả*” (Kẻ ngu si theo Đoạn Diệt Luận như thế): Đây là kẻ tin theo Đoạn Diệt Luận, bài bác không có nhân quả. “*Hoại loạn, hủy diệt ngã chi chánh pháp*” (Phá hoại, gây rối loạn, hủy diệt chánh pháp của ta), khiến cho chánh pháp của đức Phật bị hủy diệt. Nếu hủy diệt tức là diệt pháp nhân của chúng sanh, mọi người sẽ chẳng có chánh pháp để có thể nghe. Kẻ đó ngăn trở rất nhiều người, chướng ngại người khác tin tưởng con đường của đức Phật. “*Bức não, trích phạt ngã chư đệ tử trì giới, phá giới, cập vô giới giả*” (Bức bách, não hại, trừng phạt các đệ tử trì giới, phá giới, và không có giới của ta), đối với đệ tử của ta, bất luận trì giới, phá giới, và không có giới, kẻ đó đều khiến cho họ chẳng thể an tâm, tu tập thiện phẩm, chẳng thể tin tưởng nhân quả, hành đạo, lễ Phật, bái sám. Các nhân duyên ấy đều chẳng có. Kẻ ác ấy vì nhân duyên trừng phạt, phá hoại Phật pháp, hủy Tăng, báng đạo, “*đa bách thiên kiếp, một chúng ác thú*” (trong nhiều trăm ngàn kiếp, chìm đắm trong các đường ác), thường chịu khổ trong ba ác đạo. “*Tùng ám nhập ám*” (Từ chốn tối tăm vào chỗ tối tăm): Từ chỗ hắc ám vẫn là vào chỗ hắc ám, dẫn sanh vào nhân gian, người ấy

cũng vẫn chẳng phải là một người hoàn bị, mù, điếc, câm, ngọng, mắc phải đủ thứ bệnh tật ngặt nghèo.

“*Tùng ám nhập ám, nan hữu xuất kỳ*” (Từ tối tăm vào tối tăm, khó có thuở thoát ra): Mong thoát ly loại khổ nạn ấy rất ư là khó. Tất cả tội báo của chúng sanh như thế, như trong phần trên đã nói tội báo nhiều ngàn ấy, họ trót phạm sai lầm, hứng chịu nỗi khổ và quả báo, đều vì “*vị cầu thánh tập Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, tiên cầu thánh tập vi tế thậm thâm Đại Thừa chánh pháp*” (chưa cầu nghe giảng, tu tập pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa, mà đã cầu nghe, tu tập trước chánh pháp Đại Thừa vi tế, rất sâu). Đối với cái quả báo ấy, bèn nêu ra cái nhân, nhân gì vậy? Do còn chưa nghe chánh pháp Tiểu Thừa, chẳng nghe pháp Nhị Thừa, mà trước hết đã nghe chánh pháp Đại Thừa.

Tôi nhớ thuở đầu, vào Phật Học Viện, lão pháp sư Từ Châu⁹ buổi sáng giảng Tứ Phần Giới, buổi chiều giảng kinh Hoa Nghiêm, một đảng là pháp Tiểu Thừa, là pháp Tiểu Thừa nhỏ nhất, một đảng là pháp Đại Thừa viên mãn nhất, Đại Thừa và Tiểu Thừa kết hợp! Học pháp Tiểu Thừa nhằm kiểm điểm các việc quý vị đã làm trong suốt một ngày. Đối với các việc làm nơi thân, tâm, tâm quý vị nghĩ những điều gì? Thân thể đã làm những gì? Có thể kết hợp với kinh Hoa Nghiêm hay không? Nếu chẳng thể kết hợp thì làm như thế nào? Phải sám hối! Học pháp Tiểu Thừa thì phải sám hối tội lỗi, cảnh giác, răn nhắc thân tâm của chính

⁹ Pháp sư Từ Châu (1877-1958), pháp danh là Phổ Hải, pháp tự Từ Châu, người huyện Tuy, tỉnh Hồ Bắc, là một vị danh tăng thời cận đại. Ngài được coi là một nhà giáo dục lỗi lạc trong Phật giáo Trung Hoa. Sư sanh trong một gia đình tín Phật, cha lẫn mẹ đều là cư sĩ Phật giáo thuần thành. Sư đã từng dạy học. Đến năm 1910, Sư cùng vợ đều xuất gia với lão hòa thượng Nguyên Chiếu tại chùa Phật Hoàn ở quê nhà. Sau đó, Sư nhập chúng tu học tại chùa Trường Sanh ở Dương Châu rồi quải đơn tại chùa Giang Thiên ở Trấn Giang. Năm 1914, Sư xin vào Hoa Nghiêm Đại Học do pháp sư Nguyệt Hà sáng lập. Sau khi tốt nghiệp, Sư dành trọn năm năm tham bái Phổ Đà và Cửu Hoa. Năm 1920, Sư giúp các pháp sư Giới Trần và Liễu Trần kế thừa di học của ngài Nguyệt Hà, kiến lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Năm sau, lập Pháp Giới Học Viện tại chùa Hưng Phước ở Thường Thục. Năm 1928, Sư sáng lập Trúc Lâm Phật Học Viện tại chùa Trúc Lâm ở Trấn Giang. Năm 1929, nhận lời thỉnh của tổ Ấn Quang và hòa thượng Chân Đạt, Sư làm trụ trì chùa Linh Nham. Năm 1931, Sư lại nhận lời mời của hòa thượng Hư Vân đến lập Pháp Giới Học Viện tại chùa Dũng Tuyên ở Phước Châu rồi mở Pháp Giới Học Viện tại chùa Pháp Hải ở Phước Châu vào năm 1936. Năm 1952, Sư làm trụ trì chùa Nam Phổ Đà. Sư từng làm hội trưởng hội Phật giáo Trung Quốc vào năm 1956, rồi làm Xử Lý Thường Vụ của hội vào năm 1957.

mình chớ nên buông lung, chớ nên cuồng vọng tự đại; nhưng điều ấy chưa đủ, ắt cần phải học pháp Đại Thừa thì mới có thể liễu sanh tử, mới có thể hoàn tất hai mươi loại Đoạn, chứng Niết Bàn rốt ráo của Phật. Nếu học pháp Đại Thừa, phải nhận biết nhân quả thiện ác chẳng sai một mảy. Chớ nên vì học Đại Thừa bèn coi nhân quả thế gian và xuất thế gian đều diệt mất. [Nếu cho là như vậy], sai lầm mất rồi! Nếu quý vị học pháp Đại Thừa thì đối với cái quả Niết Bàn chứng đắc trong pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa, vẫn phải hoăng dương rộng lớn, lại còn phải khuyên hết thầy chúng sanh học tập.

Chúng ta học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, những điều nói trong nửa quyển đầu và nửa quyển sau quả thực là hai việc khác nhau. Nửa quyển đầu nói về thiện ác, nhân quả. Chiêm sát thiện ác nhân quả, tức là xét coi quý vị làm lành nhiều, hay làm ác nhiều, hãy tự mình chiêm nghiệm một phen! Thân, khẩu, ý của quý vị đều tồn tại khá nhiều ác nghiệp. Quý vị đương nhiên biết đời hiện tại, nhưng đời quá khứ chẳng biết! Phải chiêm nghiệm xem trong đời quá khứ vô lượng kiếp trước đã làm những gì? Chiêm nghiệm đời sau, trong tương lai sẽ sanh vào chỗ nào? Đây là xét từ định nghiệp của quý vị, nó sẽ chuyển hóa bởi sự tu hành của quý vị, chẳng do định số ấy. Có thể chiêm nghiệm Chiêm Sát Luân bất cứ lúc nào. Hôm nay, lúc chiêm sát, quý vị thấy mình có thể phải chịu khổ báo. Hằng ngày bái sám, sáng ngày một lại chiêm sát, có thể là [sẽ thấy] tội nghiệp tiêu mất, khổ báo đã xong rồi, chẳng còn nữa! Chiêm Sát là ý nghĩa này!

(Kinh) Thiện nam tử! Thí như hoại bình, đa chur hà khích, thịnh du, nhũ đẳng, tận giai sấm lậu. Năng thịnh, sở thịnh, nhị câu hoại thất. Sở dĩ giả hà? Khí hữu thất cố. Như thị chúng sanh, ư Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, vị tác cù lao, chánh cần tu học, căn cơ vị thực, căn cơ hạ liệt, tinh tấn vi thiếu. Nhược hữu vị thuyết vi diệu, thậm thâm Đại Thừa chánh pháp, thuyết thính nhị nhân, câu hoạch đại tội, diệc vị vi nghịch nhất thiết chur Phật, sở hữu quá thất, quảng thuyết như tiền. Thí như thế gian khổ tạng đời huyệt, trí chur bảo hóa, đa hữu tán thất. Như thị chúng sanh, ư Nhị Thừa pháp, báng hủy bất tín, bất hằng tu học, vị thuyết Đại Thừa, bất như thật giải, nhân thử tạo tội, luân chuyển vô cùng. Thí như châu thuyên, đa chur tiết lậu, bất nhậm thừa tải, phiếm ư đại hải.

(經)善男子！譬如壞瓶多諸瑕隙，盛油乳等盡皆滲漏。能盛所盛，二俱壞失。所以者何？器有失故。如是眾生，於聲聞乘、獨覺乘法，未作劬勞正勤修學，根機未熟，根機下劣，精進微少。若有為說微妙，甚深大乘法，說聽二人俱獲大罪，亦為違逆一切諸佛，所有過失廣說如前。譬如世間庫藏頹穴，置諸寶貨多有散失。如是眾生，於二乘法，謗毀不信，不肯修學，為說大乘不如實解，因此造罪輪轉無窮。譬如舟船多諸泄漏，不任乘載泛於大海。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Ví như cái bình hư hoại, có nhiều vết rạn, kẽ nứt, đựng dầu, sữa v.v... sẽ đều bị rò rỉ hết. Đồ chứa đựng và thứ để chứa đựng, cả hai đều hư mất. Vì có sao vậy? Do vì đồ đựng có khuyết điểm. Chúng sanh cũng giống như thế, đối với các pháp thuộc Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa chưa nhọc nhằn, siêng năng tu học chánh đáng, căn cơ chưa chín muồi, căn cơ kém hèn, tinh tấn ít ỏi. Nếu có người vì kẻ đó nói chánh pháp Đại Thừa vi diệu rất sâu, người nói lẫn kẻ nghe, hai đàng đều mắc tội lớn, mà cũng trái nghịch hết thầy chú Phật, tất cả làm lỗi như đã nói rộng trong phần trên. Ví như kho chứa trong thế gian cũ nát, có hang hốc, thì các thứ của báu, hàng hóa chứa trong ấy, phần nhiều sẽ bị thất tán. Chúng sanh cũng giống như thế, hủy báng chẳng tin pháp Nhị Thừa, chẳng chịu tu học, mà vì họ nói Đại Thừa, họ sẽ chẳng hiểu đúng như thật. Do vậy bèn tạo tội, luân chuyển vô cùng. Ví như tàu, thuyền, có nhiều chỗ bị rò rỉ, chẳng thể chuyên chở, vượt qua biển cả được).

“Thiện nam tử! Thí như hoại bình” (Này thiện nam tử! Ví như cái bình đã hư hoại). “Hoại bình” là cái bình còn chưa nung, còn chưa nắn kỹ, còn có những lỗ thủng, kẽ nứt, kẽ hở. [Cái bình] như vậy mà quý vị dùng để đựng dầu, đựng sữa, có bị chảy mất hay không? “Tận giai sám lậu” (Đều bị rò rỉ hết)! Vì lẽ nào? Chẳng phải là đồ đựng [thích hợp] để chứa đựng, chẳng phải là đồ đựng rất tốt, đựng gì rồi cũng sẽ mất đi. Dụng cụ chứa đựng ấy cũng hư hoại, đó là món đồ ấy có khuyết điểm. Cũng có nghĩa là người thuyết pháp đối với người thọ pháp, phải xét

xem kẻ nghe là căn khí nào, đáng nên nói pháp nào, như thế thì kẻ ấy sẽ có thể tiếp nhận. Nếu kẻ ấy chẳng phải là căn khí ấy, mà là [căn khí] Thanh Văn hay Độc Giác Thừa, chẳng nói cho họ nghe chánh pháp Thanh Văn hay Độc Giác Thừa, lại ngược ngạo nói chánh pháp Đại Thừa. Đó gọi là “*phi khí*” (chẳng phải là căn khí).

Nêu một thí dụ, như Thiên Tông Trung Hoa, do thời đại bức bách, chẳng có kinh luận để có thể học. Vào thời Tam Vũ diệt Phật, riêng mình Thiên Tông hưng thịnh vì kinh nào cũng chẳng phải học, mà cũng chẳng cần niệm Phật. [Nghe ngài Triệu Châu nói] “*niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày*” [bèn tưởng rằng thật sự phải làm như thế, vì niệm Phật sẽ làm] cho miệng chẳng sạch sẽ suốt ba ngày! Hàm nghĩa chẳng phải là như vậy! [Ngài Triệu Châu nói như vậy], vì đó là thuận tụy Đại Thừa [dùng tự lực để tu], chẳng cậy vào một tí phương tiện nào. Đó là tham cứu để đốn ngộ, minh tâm kiến tánh. Nhưng điều này đã dưỡng thành thói quen gì? Từ đời Đường cho đến nay, người ở trong Thiên Đường rất ít học pháp. Quý vị giảng kinh tại đó, họ cũng chẳng nghe, cũng chẳng đến Niệm Phật Đường. Họ ở lý trong Thiên Đường, ngoài ăn no, ngủ kỹ ra, vẫn là ngủ kỹ, ăn no, cứ mịt mờ như thế. Thậm chí tụng niệm công khóa, quá đường, họ đều trốn tránh, chuyện gì cũng đều chẳng tin. Đó là rất nguy hiểm. Vẫn chẳng bằng niệm Phật trong Niệm Phật Đường, hoặc học giáo lý trong học đường, vẫn tốt hơn!

Khi học giáo nghĩa, vị pháp sư nào dạy quý vị, cũng đều là dạy từ Tiểu đến Đại. Chẳng phải là vừa mới học bèn học ngay Đại Thừa. Quý vị ở trong Phật Học Viện, cũng phải nói tám thức, phân tích ý niệm của quý vị, cho đến điều phục tốt đẹp ba nghiệp thân, khẩu, ý của quý vị thì mới có thể tiến nhập Đại Thừa. Nếu không, sẽ giống như cái bình nứt, còn mong đựng thứ gì được nữa? Cái bình đã hư rồi, đồ đựng cũng mất đi. Do vậy nói: Khi chúng sanh “*ư Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, vị tác cù lao, chánh cần tu học*” (đối với pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa, chưa vất vả siêng năng chánh đáng tu học), căn cơ chưa chín muồi, căn cơ hèn kém, lại chẳng có sức tinh tấn, nếu nói đại pháp vi diệu rất sâu cho họ, “*thính thuyết nhị nhân, câu hoạch đại tội*” tức là người nói lẫn kẻ nghe đều có tội. “*Diệc vị vi nghịch nhất thiết chư Phật*” (Cũng là trái nghịch hết thầy chư Phật), tất cả lỗi lầm đã nói căn kẽ như trong phần trước. Ví như nhà kho trong thế gian mà hư nát, có hang hóc, thì những thứ quý báu, hàng hóa đặt trong ấy sẽ phần nhiều bị thất lạc. Căn nhà quý vị dành để đựng hàng hóa [mà rách nát như vậy]

thì] không chỉ là bảo thạch cất giữ mà lương thực cũng bị mất, vì trong ấy có hang hốc, người khác có thể tiến vào. Nơi ấy đã hư nát rồi!

“*U Nhị Thừa pháp, báng hủy, bất tín, bất khăng tu học*” (Đối với pháp Nhị Thừa, hủy báng, chẳng tin, không chịu tu học): Đối với pháp Nhị Thừa đã chẳng tin, mà cũng chẳng tu học. Nói với họ pháp Đại Thừa, họ có thể tiếp nhận ư? Chẳng thể lãnh hội được! Vì vậy, tào tội, luân chuyển trong tam ác đạo, chịu khổ vô cùng. “*Thí như châu thuyền, đa chư tiết lậu*” (Ví như tàu, thuyền, có nhiều chỗ rò rỉ), thuyền đã thủng, chẳng còn là một chiếc thuyền tốt. “*Bất nhậm thừa tải, phiếm ư đại hải*” (Chẳng thể chuyên chở, vượt biển cả được): Nếu nhờ chiếc thuyền ấy để vượt đại dương, quý vị sẽ vùi thân trong biển cả!

(Kinh) Như thị chúng sanh, đa hoài xan tật, ư Nhị Thừa pháp, vị tăng tu học, vọng hiệu Đại Thừa, thật hoài Đoạn Kiến, kiêu mạn, siểm khúc, thành tiết lậu thân, bất kham bằng nhập Nhất Thiết Trí hải. Thí như hữu nhân, kỳ mục manh cổ, bất kham trình thị chủng chủng trân bảo. Như thị chúng sanh kiêu mạn, phóng dật, chấp trước Không kiến, bất học Nhị Thừa, manh vô huệ mục, bất nhậm hiển thị vô thượng Đại Thừa công đức trân bảo. Thí như hữu nhân, kỳ thân xú uế, tuy dĩ chủng chủng thượng diệu hương đồ, nhi cánh bất năng linh thân hương khiết. Như thị chúng sanh, ngu si, kiêu mạn, ư Nhị Thừa pháp, bất nhạo cần tu, bất đoạn sát sanh, nãi chí tà kiến. Tuy cần thỉnh thọ vô thượng Đại Thừa, nhi cánh bất năng giải thậm thâm pháp. Thí như thạch điền, tuy thực hảo chủng, cần gia doanh nậu, chung vô quả thật. Như thị chúng sanh, ư Nhị Thừa pháp, kiêu mạn, giải đãi, bất nhạo cần tu, tham câu ngữ dục, tăng vô yém quyện, tuy ư bỉ thân, thực Đại Thừa chủng, tinh tấn cần khổ, chung vô sở thành. Thí như ung khí, tiên trử độc dược, đầu thiếu thạch mật, bất nhậm thực dụng. Như thị chúng sanh, ư Nhị Thừa pháp, bất khăng tu học, chấp vô nhân luận, vị thuyết Đại Thừa, chung bất năng thành tự tha lợi ích.

(經)如是眾生多懷慳嫉，於二乘法未曾修學，妄號大乘，實懷斷見，憍慢諂曲成泄漏身，不堪憑入一切智海。譬如有人，其目盲瞽，不堪呈示種種珍寶。如是眾生憍慢放逸，執著空見，不學二乘，盲無慧目，不任顯示無上大乘功德珍

寶。譬如有人，其身臭穢，雖以種種上妙香塗，而竟不能令身香潔。如是眾生愚癡憍慢，於二乘法不樂勤修，不斷殺生乃至邪見。雖勤聽受無上大乘，而竟不能解甚深法。譬如石田，雖植好種，勤加營耨，終無果實。如是眾生於二乘法，憍慢懈怠，不樂勤修，貪求五欲，曾無厭倦，雖於彼身植大乘種，精進勤苦，終無所成。譬如甕器，先貯毒藥，投少石蜜，不任食用。如是眾生於二乘法不肯修學，執無因論，為說大乘，終不能成自他利益。

(Kinh: Chúng sanh như thế, trong tâm có nhiều điều keo kiệt, ghen ghét, chưa từng tu học pháp Nhị Thừa, xằng bậy xưng là Đại Thừa, thật sự ôm giữ Đoạn Kiến, kiêu căng, ngạo mạn, siểm khúc, trở thành cái thân rò rỉ, chẳng kham tiến nhập biển Nhất Thiết Trí. Ví như có người, con mắt đui mù, chẳng thể chỉ cho người đó thấy các thứ trân bảo. Cũng giống như thế, chúng sanh kiêu mạn, buông lung, chấp trước Không Kiến, chẳng học Nhị Thừa, mù lòa, không có con mắt Huệ, chẳng kham hiển thị công đức trân bảo Đại Thừa vô thượng. Ví như có người, thân thể hôi bẩn, tuy dùng các thứ hương tốt đẹp nhất để bôi lên, trợn chẳng thể khiến cho thân thể thơm sạch được. Cũng giống như thế, chúng sanh ngu si, kiêu căng, ngạo mạn, chẳng thích siêng tu pháp Nhị Thừa, chẳng đoạn sát sanh, cho đến tà kiến. Tuy siêng năng nghe, nhận Đại Thừa vô thượng, nhưng trợn chẳng thể hiểu pháp rất sâu. Ví như ruộng toàn đá, dẫu gieo hạt giống tốt, siêng năng chăm bón, cày cuốc, trợn chẳng có quả hạt. Cũng giống như thế, chúng sanh đối với pháp Nhị Thừa mà kiêu mạn, giải đãi, chẳng ưa siêng tu, tham cầu ngũ dục, chưa từng chán mệt. Nơi thân người ấy, tuy đã gieo chủng tánh Đại Thừa, tinh tấn, siêng khổ, trợn chẳng thành tựu. Ví như cái vò, trước đó đã chứa thuốc độc, bỏ thêm chút thạch mật, chẳng thể dùng để ăn được. Cũng giống như thế, chúng sanh chẳng chịu tu học pháp Nhị Thừa, chấp trước luận thuyết “không có cái nhân”, dẫu vì kẻ đó nói Đại Thừa, trợn chẳng thể thành tựu lợi ích cho mình lẫn người).

Người học pháp ấy “*đưa hoài xan tật, u Nhị Thừa pháp*” (tâm nhiều keo kiệt, ghen tỵ, đối với pháp Nhị Thừa) người ấy chẳng tu học. “*Vọng hiệu Đại Thừa*” tức là hư vọng, tự xưng là Đại Thừa. Trên thực tế là “*thật hoài Đoạn Kiến*” (thật sự ôm áp tri kiến Đoạn Diệt), Đoạn Diệt Kiến thì chẳng tin tưởng nhân quả. Vì Thanh Văn, Duyên Giác phải nói về nhân quả, nói về báo ứng. Pháp tắc Đại Thừa là nói Không Kiến, bất quá Không Kiến của kẻ đó thật ra là Đoạn Diệt Không Kiến, tức là Đoạn Kiến, chẳng phải là Không Kiến thật sự. Vì sao đức Phật thuyết pháp, có lúc chẳng nói Hữu, mà nói đến Phi Hữu? Có lúc nói về Không thì chẳng nói là Không, mà nói là Phi Không? Dụng ý là để quý vị đừng chấp trước. Quý vị đừng nên chấp trước Hữu; cái Hữu ấy là phi hữu. Cũng đừng nên chấp trước Không, cái Không ấy là Phi Không, như vậy bèn cũng Có cũng Không. Đó gọi là tứ cú (bốn câu): “*Không, có; chẳng phải có chẳng phải không; cũng có cũng không*”; bốn câu như thế đó. Hết thầy các pháp do đức Phật đã nói đều lìa khỏi bốn câu, vì những câu ấy đều chẳng chánh xác!

Giống như kẻ mù, quý vị bày đủ thứ trên bảo trước mặt kẻ đó, kẻ đó vẫn chẳng trông thấy, chẳng thể tiếp nhận. Hàng Nhị Thừa khi chưa tu học, toan dùng cái thân toàn là Lậu Hoặc để mong tiến vào biển Nhất Thiết Trí, sẽ chẳng thể được! Người như thế giống hệt như kẻ mù, ngay cả trên bảo cũng chẳng thể nhận biết. Chúng sanh như thế tự ôm lòng kiêu căng, ngạo mạn, vốn thuộc loại “*vô học bất thuật*” (chẳng có học thức mà cũng chẳng có tài năng gì), vẫn cứ ngỡ chính mình trác tuyệt, cứ buông lung, lười nhác.

“*Chấp trước Không Kiến, bất học Nhị Thừa*”: Chấp trước Không Kiến thì Không có rất nhiều loại. “*Manh vô huệ mục*” (Mù lòa, chẳng có con mắt Huệ): Chẳng hiển thị công đức trên bảo Đại Thừa vô thượng. Quý vị cho kẻ đó trên bảo Đại Thừa, tức pháp Đại Thừa, kẻ đó chẳng nhận biết! “*Thí như hữu nhân, kỳ thân xú uế, tuy dĩ chủng chủng thượng diệu hương đồ, nhi cánh bất linh kỳ thân hương khiết*” (Ví như có kẻ thân thể hôi bẩn, tuy dùng các thứ hương tốt nhất để bôi, trộn chẳng thể khiến cho thân thể thơm sạch): “*Xú uế*” là do ghê lở hoặc chảy mủ, tuy quý vị cho người ấy xức cả đồng nước hoa, vẫn chẳng có cách nào!

“*Bất đoạn sát sanh, nãi chí tà kiến*” (Chẳng đoạn sát sanh, cho đến tà kiến): Kẻ đó nói “sát sanh chẳng có tội”. Lại giống như có người nói “lợn, dê sanh ra để làm thức ăn cho con người”. Đó gọi là “*tà kiến*”. Cho đến nói “quý vị làm ác, hại người, nhất định thọ báo, hại người rốt cuộc là hại mình”. Chúng ta nói như vậy, kẻ đó chẳng tin! Hấn chỉ thấy

người sống hưởng lạc, chẳng thấy người chết chịu tội! Kẻ đó chẳng có trí huệ, làm sao có thể thấy cho được? Điều này thuộc về tà kiến. Tuy kẻ đó vẫn nghe Đại Thừa rất siêng năng, nhưng “*bất năng giải thâm thâm pháp*” tức là chẳng thể hiểu pháp nghĩa rất sâu, cho nên chẳng ngộ được!

“*Thí như thạch điền*” (Ví như thửa ruộng toàn đá): Đất ruộng toàn là đá lớn nhón, làm sao có thể gieo hạt giống cho nổi? Nếu quý vị gieo xuống, chẳng thể nào kết hạt được! Do vậy, “*chúng sanh ư pháp Nhị Thừa, kiêu mạn, giải đãi, bất nhạo cần tu*” (chúng sanh đối với pháp Nhị Thừa mà kiêu căng, ngạo mạn, lười nhác, chẳng thích siêng tu): Vì sao chẳng thích siêng tu? “*Tham cầu ngũ dục*”: Tham luyện cảnh giới ngũ dục, kẻ đó sẽ giải đãi, cũng chẳng phiền chán, cũng chẳng siêng tu. “*Tuy ư bỉ thân thực Đại Thừa chủng*” ý nói quý vị đã gieo chủng tử Đại Thừa cho các chúng sanh ấy, nhưng họ toàn là ruộng đá, chẳng thể sanh trưởng, mà họ cũng chẳng siêng ròng tu học. “*Chung vô sở thành*” (Trọn chẳng thành tựu): Từ đầu đến cuối chẳng có thành tựu. Chẳng hạn như chúng ta đọc kinh Địa Tạng, chúng ta cho rằng kinh Địa Tạng là Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Nói là Đại Thừa, thì kinh toàn giảng về nổi khổ trong địa ngục. Nói là Tiểu Thừa thì Địa Tạng Bồ Tát chuyện gì cũng đều gia trì quý vị. Tam thừa đạo quả, quý vị đều có thể đạt được từ kinh Địa Tạng. Do vậy, kinh ấy chẳng phải Đại, mà cũng chẳng phải Tiểu, mà cũng là Đại, cũng là Tiểu, tùy thuộc người lãnh hội, tùy thuộc quý vị có suy nghĩ như thế nào, thuộc loại pháp khí nào?

Chúng ta nói Tam Quy, Ngũ Giới. Bước đầu tiên để nhập Phật môn là phải thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Tam Quy, Ngũ Giới thuộc Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Trọn chẳng có ai phán định Tam Quy, Ngũ Giới là Tiểu Thừa, mà cũng chẳng có ai phán định Tam Quy, Ngũ Giới là Đại Thừa. Nếu quý vị thọ Tam Quy, Ngũ Giới, mãi cho đến khi phát Bồ Tát tâm lợi ích chúng sanh, thì sẽ là Đại Thừa. Sau khi quý vị đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, chán lìa thế gian, mong cầu xuất ly, trước hết chỉ lo cho chính mình, chẳng quan tâm tới ai khác, thì sẽ là Tiểu Thừa. Hết thấy các pháp chẳng có lớn hay nhỏ, chỉ tùy thuộc dụng tâm như thế nào? Nhưng ở đây, theo thứ tự, xét theo giáo nghĩa của đức Phật, như kinh A Hàm là Tiểu Thừa, kinh Bát Nhã là Đại Thừa. Kinh A Hàm cũng có ý nghĩa Đại Thừa, nhưng chúng ta chẳng lãnh hội được. Đức Phật thuyết pháp chẳng đơn thuần, trọn chẳng phải là Tiểu thì tuyệt đối Tiểu, Đại thì tuyệt đối là Đại, chẳng phải như vậy! Phật pháp chẳng có pháp cố định,

dựa theo tâm mà lập, chiếu theo cái tâm chúng sanh của những người học Phật như chúng ta để lập ra pháp Đại Thừa hay Tiểu Thừa.

“Thí như ung khí, tiên trữ độc dược, đầu thiếu thạch mật, bất nhậm thực dụng” (Ví như cái vò, trước đó đã chứa độc dược, bỏ vào chút thạch mật, sẽ chẳng thể dùng để ăn): Hoặc là một cái bát, cái vò, hoặc là một cái lu, tùy tiện lấy một món đồ đựng nào đó, trong quá khứ đã chứa thuốc độc, nếu quý vị chẳng rửa sạch, lại bỏ thạch mật vào đó. Thạch Mật (石蜜) là đường phèn, tuy đã biến đổi, nhưng vẫn chẳng thể ăn. Ăn vào, sẽ bị trúng độc. Giải quyết vấn đề như thế nào? *“Nhu thị chúng sanh, u Nhị Thừa pháp, bất khảng tu học, chấp vô nhân luận”* (Cũng giống như thế, chúng sanh đối với pháp Nhị Thừa chẳng chịu tu học, chấp trước luận thuyết “chẳng có cái nhân”), tức là chẳng nói nhân quả, [đó là] Vô Nhân Luận. Quý vị nói pháp Đại Thừa cho người như vậy, người ấy có thể thành tựu lợi ích cho mình lẫn người hay không? Không chỉ là chẳng thể lợi ích cho người khác, mà ngay cả chính mình cũng chẳng đạt được lợi ích!

(Kinh) Thí như ung khí, tiên trữ thạch mật, đầu thiếu độc dược, bất nhậm thực dụng. Như thị chúng sanh, tinh cần tu học Nhị Thừa chánh pháp do vị thành tựu, vị thuyết Đại Thừa, nhị câu hoại thất. Thí như hữu nhân, si cuồng, tâm loạn, vị tác âm nhạc, bất năng liễu tri. Như thị chúng sanh u Nhị Thừa pháp, vị tăng tu học, tham, sân, si đẳng mãnh lợi phiền não, nhiều loạn kỳ tâm, chấp trước vô nhân, cập Đoạn Diệt Luận, căn cơ vị thực, vị thuyết Đại Thừa, tuy kinh đa thời, nhi bất năng giải. Thí như hữu nhân bất trước giáp trụ, bất trì đao, trượng, triếp nhập trận trung, tất tạo thương hại, thọ chư khổ não. Như thị chúng sanh, u Nhị Thừa pháp, vị tăng tu học, trí huệ hiệp liệt, căn khí vị thành, vị thuyết Đại Thừa, tất sanh vọng chấp. Do thử triển chuyển, tạo ác vô cùng. Như thị si nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục, u chư ác thú, luân chuyển vãng lai. Ứng tri như tiền thứ đệ quảng thuyết.

(經)譬如甕器，先貯石蜜，投少毒藥，不任食用。如是眾生精勤修學，二乘法猶未成就，為說大乘，二俱壞失。譬如有人癡狂心亂，為作音樂不能了知。如是眾生於二乘法

未曾修學，貪瞋癡等猛利煩惱擾亂其心，執著無因及斷滅論，根機未熟，為說大乘，雖經多時而不能解。譬如有人不著甲冑，不持刀杖，輒入陣中，必遭傷害受諸苦惱。如是眾生於二乘法未曾修學，智慧狹劣，根器未成，為說大乘，必生妄執。由此展轉造惡無窮。如是癡人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄，於諸惡趣輪轉往來。應知如前次第廣說。

(Kinh: Ví như cái vò chứa, trước đó chứa thạch mật, bỏ vào một chút độc dược, chẳng dùng để ăn được. Chúng sanh cũng như thế, siêng ròng tu học chánh pháp Nhị Thừa vẫn chưa thành tựu, mà vì họ nói Đại Thừa, thì hai đàng đều hư hoại, mất đi. Ví như có người, si cuồng, loạn tâm, vì kẻ đó mà tấu âm nhạc thì kẻ đó chẳng thể hiểu biết. Chúng sanh cũng như thế, chưa từng tu học pháp Nhị Thừa, phiền não tham, sân, si v.v... mạnh mẽ, nhiều loạn cái tâm, chấp trước không có cái nhân và Đoạn Diệt Luận, căn cơ chưa chín muồi, vì họ mà nói Đại Thừa, dẫu trải qua nhiều thời gian, họ vẫn chẳng thể hiểu. Ví như có người chẳng mặc giáp trụ, chẳng cầm đao, gậy, xông bừa vào trận, ắt bị tổn thương, chịu các khổ não. Chúng sanh cũng như thế, chưa từng tu học pháp Nhị Thừa, trí huệ hẹp kém, chưa thành căn khí, mà vì họ nói Đại Thừa, họ ắt sanh chấp trước xằng bậy. Do vậy, xoay vần tạo ác vô cùng. Kẻ si như thế chẳng lâu sau, sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm, đờ lơỉ chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó nhẫn. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián, ở trong các đường ác, luân chuyển qua lại. Hãy nên biết như trong phần trên đã theo thứ tự nói cặn kẽ).

“Thí như ung khí, tiên trừ thạch mật” (Ví như cái vò, trước hết chứa thạch mật): Quý vị cho vào đó một tí thuốc độc, một chút là được rồi, quý vị vẫn chẳng thể ăn được, ăn vào sẽ bị trúng độc chết. “Nhu thị chúng sanh, tinh cần tu học Nhị Thừa chánh pháp, do vị thành tựu” (Chúng sanh như thế, siêng ròng tu học chánh pháp Nhị Thừa, vẫn chưa thành tựu): Cũng giống như có hạng chúng sanh tu pháp Nhị Thừa, vì giải đãi, tu gì cũng đều chẳng thành tựu. Nếu lại nói pháp Đại Thừa cho

họ, Nhị Thừa đã hỏng rồi, Đại Thừa cũng hư luôn, hai đấng họ đều chẳng thể thành tựu được! “*Thí như hữu nhân, si cuồng tâm loạn, vị tác âm nhạc, bất năng liễu tri*” (Ví như có người, si cuồng, tâm loạn, vì kẻ ấy tấu âm nhạc, [kẻ đó] chẳng thể hiểu biết): Tâm kẻ đó đã loạn rồi, quý vị gảy đàn hoặc ca hát cho kẻ đó nghe, thứ gì cũng đều chẳng lọt tai. Giống như chúng sanh chưa từng tu học pháp Nhị Thừa, tham, sân, si rất mạnh mẽ, phiền não nhiễu loạn cái tâm kẻ đó. Kẻ đó “*chấp trước vô nhân*” (chấp trước “chẳng có cái nhân”), quý vị nói gì, kẻ đó cũng chẳng nghe, vì kẻ đó chấp trước Đoạn Diệt Luân. Đối với người như vậy, quý vị nói pháp gì cũng chẳng thành. Dầu quý vị nói bao lâu đi nữa, kẻ đó cũng chẳng thể lý giải!

“*Thí như hữu nhân, bất trước giáp trụ, bất trì đao, trượng, triếp nhập trận trung, tất tảo thương hại, thọ chư khổ não*” (Ví như có người chẳng mặc giáp trụ, chẳng cầm đao, gậy, xông bừa vào trận, ắt bị tổn thương, chịu các khổ não): Đây là nói trong lúc chiến tranh, ra trận, đều phải khoác khôi giáp, bên trong còn mặc thêm áo giáp. “*Trụ*” (冑) là thứ mặc bên trong. “*Khải giáp*” (鎧甲) là thứ khoác bên ngoài. Tôi ở Tây Tạng, thấy hằng năm vào tiết Xuân, họ đua ngựa, bắn cung, đều đội thiết khôi¹⁰, đeo thiết giáp khá nặng. Ngựa hiện thời căn bản là chẳng chịu nổi. Bộ thiết khôi thiết giáp ấy nặng cả trăm cân, lại thêm thân người nặng một trăm cân nữa, còn phải có người tới giúp thì mới mặc được, đều bằng sắt thật sự. Họ diễn tuồng vẫn chỉ là hình dung. Tây Tạng diễn tuồng sử dụng thiết khôi, thiết giáp thật sự để kéo cung, bắn tên. Nếu ngay cả những thứ này mà quý vị chẳng phòng hộ kỹ càng, trong tay chẳng có đao, mà cũng chẳng có cung tên, chỉ là hai nắm tay trống rỗng mà xông vào trận đánh nhau, không được rồi! Hiện thời, càng không thể! Hiện thời dùng súng ống, lại khác hẳn thời ấy!

Do vậy, nói pháp Đại Thừa cho kẻ đó, hẳn chẳng rơi vào Đoạn Diệt Kiến, thì cũng rơi vào Thường Kiến, sẽ chấp trước hai bên. Do vậy mà lần lượt tạo ác vô cùng, tạo ra rất nhiều sai trái. Kẻ cuồng si không có trí huệ như thế, chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết. Do hủy báng Tam Bảo, mờ mịt nhân quả, “*ư đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhân*” (trong nhiều ngày đêm, bị đó lưới, chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng). Sau khi mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián. “*U*

¹⁰ Khôi (盔) là loại mũ che kín đầu bằng sắt hoặc đồng để chắn, tên đạn.

chư ác thú, luân chuyển vãng lai, ưng tri như tiền, thứ đệ quảng thuyết” (Luân chuyển qua lại trong các đường ác, hãy nên biết như đã nói cặn kẽ theo thứ tự trong phần trước): Những điều này trong phần trước đều đã nói rồi, ở trong địa ngục chịu khổ, chịu khổ vô cùng tận.

(Kinh) Thiện nam tử! Thị cố trí giả, tiên ưng quán sát nhất thiết chúng tâm, nhiên hậu thuyết pháp. Tiên đương khởi phát từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, ích tâm, bất giải đãi tâm, năng nhẫn thọ tâm, bất kiêu mạn tâm, bất tật đố tâm, bất xan lận tâm, đẳng dẫn định tâm, nhiên hậu vị tha tuyên thuyết chánh pháp, chung bất linh tha chư chúng sanh loại, văn sở thuyết pháp, luân chuyển sanh tử, đọa đại hiểm nạn. Thị cố, Như Lai thiện đạt nhất thiết chúng sanh tâm tướng, dĩ Vô Trần Cấu, Vô Thủ Hành Luân, vị thuyết chánh pháp. Cụ đại giáp trụ nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị tha thuyết pháp, diệt phục như thị. Do bi mãn cố, vị linh đoạn diệt chư phiền não cố, vị linh siêu độ tam hữu hải cố, vị chư chúng sanh ư tam thừa trung, tùy tâm sở nhạo, tùy thú Nhất Thừa, tốc viên mãn cố, vị thuyết chánh pháp, chung bất linh kỳ luân chuyển sanh tử, đọa đại hiểm nạn.

(經)善男子！是故智者先應觀察一切眾生，然後說法。先當發起慈心、悲心、喜心、益心、不懈怠心、能忍受心、不憍慢心、不嫉妒心、不慳吝心、等引定心，然後為他宣說正法，終不令他諸眾生類，聞所說法，輪轉生死，墮大險難。是故，如來善達一切眾生心相，以無塵垢、無取行輪，為說正法。具大甲冑一切菩薩摩訶薩眾，為他說法亦復如是。由悲愍故，為令斷滅諸煩惱故，為令超渡三有海故，為諸眾生於三乘中隨心所樂，隨趣一乘速圓滿故，為說正法，終不令其輪轉生死，墮大險難。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Vì thế, người có trí, trước hết hãy nên quán sát cái tâm của hết thầy mọi người, sau đây thuyết pháp. Trước hết, hãy nên phát khởi từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, tâm lợi ích, tâm chẳng giải đãi, tâm có thể chịu đựng, tâm chẳng kiêu mạn, tâm chẳng ghen ghét,

tâm chẳng buồn xin, tâm đặng dẫn định. Sau đấy, vì họ tuyên thuyết chánh pháp, trọn chẳng để các loài chúng sanh khác nghe pháp đã nói mà luân chuyển sanh tử, đọa vào hiểm nạn to lớn. Vì thế, Như Lai khéo thông đạt tâm tướng của hết thấy chúng sanh, dùng Vô Trần Cấu, Vô Thủ Hành Luân vì họ nói chánh pháp. Hết thấy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ giáp trụ, vì người khác thuyết pháp cũng giống như thế. Do thương xót, do muốn khiến cho chúng sanh đoạn diệt các phiền não, vì khiến cho họ vượt thoát biển ba cõi, vì để các chúng sanh từ trong ba thừa, tùy lòng ưa thích mà chọn lựa tiến theo một thừa, sẽ mau được viên mãn, vì nói chánh pháp trọn chẳng để cho chúng sanh luân chuyển sanh tử, đọa vào trong hiểm nạn to lớn).

Người có trí huệ trước hết phải quan sát chúng sanh, quan sát xem tâm niệm của họ là gì? Chuyện này ắt cần phải đắc Tha Tâm Thông và Túc Mạng Thông. Nếu không trọn đủ [các món thần thông ấy], sẽ làm như thế nào? Trước hết, quý vị phải phát tâm. “*Phát Từ tâm*”: Từ tâm là ban cho chúng sanh hết thấy sự vui sướng, dẹp trừ đau khổ cho chúng sanh. “*Đại bi tâm*” là thấy chúng sanh đau khổ giống hết như chính mình đau khổ. Đó gọi là phát Bồ Đề tâm. Trọn đủ nhiều loại tâm như vậy, sanh khởi tâm hoan hỷ, vui mừng đối với pháp, vui mừng đối với chúng sanh. Sanh “*ích tâm*”, tức là nhất định tạo lợi ích cho chúng sanh. “*Bất giải đãi tâm*”: Tu pháp, thuyết pháp đều phải tinh tấn, có thể chịu đựng sự náo hại của chúng sanh, đủ mọi thứ hủy báng đều có thể chịu đựng, vì sẽ tiêu tai. “*Bất kiêu mạn tâm*”: Chúng sanh và ta đều bình đẳng. Nếu thoát ly chúng sanh, quý vị sẽ chẳng thể thành Phật. Hôm nào đó, tôi đã cùng mọi người nói đến chuyện báo đáp tứ trọng ân, có biết tứ trọng ân là gì hay không? Chúng ta chỉ biết cha, mẹ, Phật, chẳng biết ân chúng sanh. Báo tứ trọng ân, điều thứ nhất là báo chúng sanh ân. Chẳng có chúng sanh, quý vị sẽ chẳng thể thành Phật. Từ bi hỷ xả đối với ai? Chúng sanh thành tựu Phật đạo cho quý vị. Có thể chịu đựng, chẳng kiêu căng, ngạo mạn, lại còn chẳng ganh tỵ, chẳng buồn xin!

“*Đẳng dẫn định tâm*”: Phải trọn đủ nhiều tâm ngàn ấy! Do định lực, dẫn khởi sự vui sướng nơi thân tâm, thân tâm an tịnh. Đó gọi là “*đẳng dẫn*” (等引). Sau đó, vì người ấy tuyên thuyết chánh pháp, nói đại pháp, chẳng khiến cho người ấy vì nghe thuyết pháp mà luân chuyển sanh tử. Chỉ cần được nghe pháp, sẽ khiến cho người ấy đoạn tuyệt con đường sanh tử, tối thiểu là đoạn tuyệt nỗi khổ nơi ba ác đạo. Trước kia,

tôi giảng Hoa Nghiêm, giảng Pháp Hoa. Thoạt đầu, học pháp, đã trải qua hai Phật Học Viện, năm năm đầu học Hoa Nghiêm tại Cô Sơn. Năm năm sau là ở Trạm Sơn Tự, học tứ giáo với lão pháp sư Đàm Hư, tức là lấy kinh Pháp Hoa làm chủ. Sau khi đã tới Mỹ, đổi sang học kinh Địa Tạng, bèn giảng Địa Tạng Tam Kinh. Nếu ai có thể niệm kinh Địa Tạng, tin kinh Địa Tạng, thấy tượng Địa Tạng Bồ Tát, thờ tượng Địa Tạng, sẽ tuyệt đối đoạn dứt tam đồ, hiểm nạn chẳng còn nữa. Đức Phật nói như thế đó. Tôi cho rằng giảng pháp này, chúng sanh sẽ không còn luân chuyển sanh tử, đọa trong khổ não to lớn. Sau đó, có khi còn giảng Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, giảng ba phẩm kinh Hoa Nghiêm, cũng giảng Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta khéo dùng cái tâm như thế nào. Chúng ta chỉ cần biết dụng tâm là được rồi. Khéo dùng cái tâm, sẽ đoạn hết thảy ác. Quý vị biết dụng tâm, gặp điều gì sẽ phát nguyện điều gì, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật.

“Như Lai thiện đạt nhất thiết chúng sanh tâm tướng, dĩ Vô Trần Cấu, Vô Thủ Hành Luân, vị thuyết chánh pháp” (Như Lai khéo thông đạt tâm tướng của hết thảy chúng sanh, dùng Vô Trần Cấu, Vô Thủ Hành Luân để nói chánh pháp cho họ): Tiếp đó, nói đến Phật luân, ý nghĩa của mấy đoạn kinh văn này rất sâu, quý vị phải chú ý nghe. *“Cụ đại giáp trụ nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng”* (Hết thảy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ giáp trụ): Người ấy ở trong chúng sanh mà chẳng bị chúng sanh tiêm nhiễm, ở trong chiến trận đội khô, mặc giáp, chẳng bị thương tổn, là bậc đại Bồ Tát, như vậy thì mới có thể thuyết pháp cho người khác. Đây là *“do bi mãn cố, vị linh đoạn diệt chư phiền não cố”* (do vì thương xót, vì muốn đoạn diệt các phiền não): Thương xót hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh đoạn trừ các phiền não ấy. *“Vị linh siêu độ tam hữu hải”* (Vì khiến cho họ vượt thoát biển ba cõi): Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới được gọi chung là Tam Hữu. Thông thường, *“tam hữu”* là nói đến điều này!

“Vị chư chúng sanh u tam thừa trung, tùy tâm sở nhạo, tùy thú nhất thừa” (Vì khiến cho các chúng sanh từ trong tam thừa, tùy lòng ưa thích, sẽ tiến hướng theo một thừa), tức là thuyết pháp trọn khắp, cả ba thừa đều nói. Chúng sanh có duyên với thừa nào, học thừa ấy sẽ rất tốt, cho nên cả ba thừa *“đại, trung, tiểu”* đều nói. *“Tốc viên mãn cố”* (Vì mau chóng viên mãn): Nếu tùy theo căn cơ mà thuyết pháp, người ấy do tương ứng căn cơ, sẽ đắc độ. Như thế thì sẽ khiến cho người ấy viên mãn rất nhanh chóng. *“Vị thuyết chánh pháp, chung bất linh kỳ luân chuyển sanh tử, đọa đại hiểm nạn”* (Vì họ nói chánh pháp, trọn chẳng khiến cho

họ luân chuyển sanh tử, đọa vào hiểm nạn to lớn): Mục đích thuyết pháp là khiến cho chúng sanh lìa khổ, được vui, chẳng còn đọa trong hiểm nạn. “*Hiểm nạn*” chính là sự hiểm nạn trong tam đồ.

(Kinh) Vân hà danh Vô Trần Cấu Hành Luân? Vô Trần Cấu giả, vị thuyết pháp thời, bất vị hữu Uẩn, bất vị hữu Xú, bất vị hữu Giới, bất vị hữu Dục Giới, bất vị hữu Sắc Giới, bất vị hữu Vô Sắc Giới, bất vị hữu thử thế, bất vị hữu tha thế, bất vị hữu chư Hành, bất vị hữu Thọ, bất vị hữu Tướng, bất vị hữu Tư, bất vị hữu Xúc, bất vị hữu tác ý, bất vị hữu vô minh, nãi chí bất vị hữu lão tử, bất vị hữu hành, cập bất hành cố. Vị chư chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp, duy vị nhất thiết chư Uẩn, Xú, Giới, quảng thuyết nãi chí hành dữ bất hành, giai tịch diệt cố, vị chư chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp. Dĩ thị nghĩa cố, danh Vô Trần Cấu. Hành giả, sở vị vị năng vĩnh đoạn tử thử, sanh bỉ, vị chư chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp. Sở vị: Vị năng vĩnh đoạn chư Uẩn, Xú, Giới, quảng thuyết nãi chí vị năng vĩnh đoạn hành dữ bất hành, vị chư chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp. Thị danh vi Hành. Luân giả, sở vị như mãn nguyệt quang, thanh lương vô ngại, biến mãn hư không, chiếu xúc nhất thiết vô chướng cảnh giới. Như thị Như Lai, cập chư Bồ Tát, sở hữu thần thông, ký thuyết, giáo giới, tam chủng thắng luân tác dụng vô ngại, biến chư thế giới, lợi lạc nhất thiết sở hóa chúng sanh, linh chư chúng sanh bất dị quy thú, bất cộng nhất thiết thế gian chúng sanh, bất cộng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, năng linh chúng sanh đoạn diệt sanh tử chư khổ não pháp, chứng đắc an lạc Bồ Đề Niết Bàn. Thị danh vi Luân. Như thị danh vi chư Phật, Bồ Tát Vô Trần Cấu Hành Luân.

(經)云何名無塵垢行輪？無塵垢者，謂說法時，不為有蘊，不為有處，不為有界，不為有欲界，不為有色界，不為有無色界，不為有此世，不為有他世，不為有諸行，不為有受，不為有想，不為有思，不為有觸，不為有作意，不為有無明，乃至不為有老死，不為有行及不行故。為諸眾生宣說正法，唯為一切諸蘊、處、界，廣說乃至行與不行皆寂滅故，為諸眾生宣說正法。以是義故，名無塵垢。行者，所謂為

能永斷死此生彼，為諸眾生宣說正法。所謂：為能永斷諸蘊處界，廣說乃至為能永斷行與不行，為諸眾生宣說正法。是名為行。輪者，所謂如滿月光，清涼無礙徧滿虛空，照觸一切無障境界。如是如來及諸菩薩所有神通、記說、教誡三種勝輪，作用無礙徧諸世界，利樂一切所化眾生，令諸眾生不異歸趣，不共一切世間眾生，不共一切聲聞、獨覺，能令眾生斷滅生死諸苦惱法，證得安樂菩提涅槃。是名為輪。如是名為諸佛菩薩無塵垢行輪。

(Kinh: Thế nào là Vô Trần Cấu Hành Luân? Vô Trần Cấu tức là khi thuyết pháp, chẳng vì có Uẩn, chẳng vì có Xứ, chẳng vì có Giới, chẳng vì có Dục Giới, chẳng vì có Sắc Giới, chẳng vì có Vô Sắc Giới, chẳng vì có đời này, chẳng vì có đời khác, chẳng vì có các Hành, chẳng vì có Thọ, chẳng vì có Tướng, chẳng vì có Tư, chẳng vì có Xúc, chẳng vì có tác ý (dấy khởi ý niệm), chẳng vì có vô minh, cho đến chẳng vì có già, chết, chẳng vì có hành và bất hành. Vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp, chỉ vì hết thấy các Uẩn, Xứ, Giới, nói rộng là cho đến hành và bất hành đều tịch diệt, vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Do vì nghĩa ấy, gọi là Vô Trần Cấu. Hành tức là có thể vĩnh viễn đoạn dứt “chết đây, sanh kia”. Vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp, tức là có thể vĩnh viễn đoạn các Uẩn, Xứ, Giới, nói rộng là cho đến có thể vĩnh viễn đoạn hành và bất hành, vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Đây gọi là Hành. Luân tức là như ánh trăng tròn, trong mát, vô ngại, trọn khắp hư không, chiếu chạm hết thấy cảnh giới chẳng chướng ngại. Như Lai và các vị Bồ Tát cũng như thế, tất cả ba loại luân thù thắng là thần thông, ký thuyết (thuyết pháp ứng với sự mong mỏi, nghĩ nhớ của chúng sanh), giáo giới (răn dạy) tác dụng vô ngại, trọn khắp các thế giới, lợi lạc hết thấy chúng sanh được giáo hóa, khiến cho các chúng sanh chẳng quy hướng theo đường khác, nhưng chẳng giống như hết thấy chúng sanh trong thế gian, chẳng chung với hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, có thể khiến cho chúng sanh đoạn diệt các pháp sanh tử khổ não, chứng đắc an lạc Bồ Đề Niết Bàn. Đây gọi là Luân. Như thế gọi là Vô Trần Cấu Hành Luân của chư Phật, Bồ Tát).

Điều này gọi là Vô Trần Cấu Luân (無塵垢輪), là nghĩa Không. [Trong đoạn trước] vừa mới nói [thuyết pháp không đúng căn cơ, sẽ khiến cho người nghe] đọa vào Đoạn Diệt Kiên, nhưng ở đây là thuyết pháp vi diệu, mà chẳng khiến cho kẻ nghe đọa vào Đoạn Diệt Kiên. “*Hữu*” là sắc pháp, bao gồm tâm pháp. “*Hữu uẩn*” là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. “*Bất vị hữu Xứ*” (Chẳng vì có Xứ) là mười hai Xứ. “*Bất vị hữu Giới*” (Chẳng vì có Giới) là mười tám Giới. Lại nói riêng về một điều, “*bất vị hữu Dục Giới*”, “*bất vị hữu Sắc Giới*”, “*bất vị hữu Vô Sắc Giới*” (chẳng vì có Dục Giới, chẳng vì có Sắc Giới, chẳng vì có Vô Sắc Giới), tức là tam giới. “*Bất vị hữu thứ thế*”, “*bất vị hữu tha thế*” (Chẳng vì có đời này, chẳng vì có đời khác), “*thứ thế*” là đời này, “*bất vị tha thế*” là nói tới tương lai. “*Bất vị hữu chư hành, bất vị hữu Thọ, bất vị hữu Tưởng, bất vị hữu Tư, bất vị hữu Xúc, bất vị hữu tác ý*” (Chẳng vì có các Hành, chẳng vì có Thọ, chẳng vì có Tưởng, chẳng vì có Tư, chẳng vì có Xúc, chẳng vì có tác ý): Đây là Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

“*Bất vị hữu vô minh*” (Chẳng vì có vô minh), cho đến chẳng vì có già, chết. Đây là mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên thì Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Xứ, cho đến già chết.

“*Bất vị Ngũ Thủ Uẩn*” (Chẳng vì Ngũ Thủ Uẩn), Ngũ Thủ Uẩn¹¹ là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, [cùng với] mười tám Giới, mười hai Xứ, chẳng có Tác Ý, Tư, Tưởng, Thọ, Hành, hết thảy đều chẳng tồn tại, như mộng, huyễn, bọt, bóng, cho đến Vô Trần Cấu Hành, cho đến đối với hành và bất hành, các thứ ấy đều nhằm hiển thị nghĩa Trung Đạo, chẳng rơi vào hai bên Đoạn và Thường.

Đoạn kinh văn tiếp đó nhằm nhắc lại, vì sao phải nhắc lại? Vì ý nghĩa này chẳng dễ hiểu! Đức Phật thuyết pháp là thanh tịnh, “*thanh tịnh luân trần cấu*” là những gì đã làm, những điều giáo hóa đã nói đều

¹¹ Nếu nói chi tiết hơn, Ngũ Thủ Uẩn chính là phiền não phát sanh từ Ngũ Uẩn. Theo Duy Thức, Thủ ở đây là tên gọi khác của phiền não. Gọi là Ngũ Thủ Uẩn do dựa theo ba ý nghĩa:

1. Ngũ Uẩn do phiền não mà sanh khởi.
 2. Do vì có Ngũ Uẩn mà có các phiền não hệ thuộc.
 3. Ngũ Uẩn làm cơ sở để sanh khởi phiền não.
- Cách hiểu thứ ba phổ biến nhất.

là thanh tịnh. Trong khi thuyết pháp, chẳng chấp trước cái này, mà cũng chẳng chấp trước cái kia. Hết thấy đều chẳng chấp trước, chẳng có đây và kia. Đây và kia đều là đối đãi. Hễ có đối đãi, bèn có trần cấu, cho nên pháp chẳng có đối đãi. Lìa khỏi hai bên, hiển lộ Trung Đạo, ly tứ cú, tuyệt bách phi.

Muôn đoạn sanh tử, phải hành Vô Trần Cấu Luân này, khiến cho hết thấy đều tịch diệt, đều thanh tịnh. Những điều chúng ta vừa đọc trên đây đều là vì tịch diệt, nói chánh pháp cho chúng sanh. Do vì nghĩa ấy, nên gọi là Vô Trần Cấu. Hành giả, nếu làm như vậy, sẽ có thể vĩnh viễn đoạn dứt “*chết đây, sanh kia*”, đó gọi là Hành. Vô Trần Cấu ắt cần phải đạt đến vĩnh viễn dứt sanh tử, chúng Niết Bàn rốt ráo. Đây là chánh pháp, chánh pháp rốt ráo, vĩnh viễn đoạn các Uẩn, Xứ, Giới, Ngũ Uẩn, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới.

Nếu nói rộng, hết thấy hành và bất hành đều phải đoạn tuyệt, chẳng có hành, mà cũng chẳng có bất hành, đây mới gọi là Vô Trần Cấu Luân. Vô Trần Cấu Luân là như vậy, chẳng có hành, mà cũng chẳng có bất hành. Hành tức là bất hành, bất hành tức là hành. Các pháp do đức Phật đã nói đều không có khởi đầu, không có kết thúc. Do vậy gọi là Viên. Quý vị tìm cái khởi đầu sẽ chẳng có, tìm cái kết thúc cũng chẳng có. Đó là ý nghĩa Viên. Hiện thời, dùng điều này để hiển thị Vô Trần Cấu Luân. Trong ấy, có mười loại giáp trụ luân. Luân là nói tỷ dụ, tỷ dụ gì vậy? Ví như pháp, dùng bánh xe để nói. Bánh xe có thể nghiền nát hết thấy các vật chướng ngại ở dưới nó. Trong Phật giáo, sánh ví những điều đức Phật đã nói giống như Luân. Luân ấy giống như trăng Rằm, quang minh chiếu trọn khắp. Nếu là mùa Hạ, ban đêm ánh trăng vừa chiếu bèn rất trong mát. Ý nghĩa của việc sánh ví [những điều Phật dạy] như quang minh nhằm thuyết minh [những pháp ấy] không bị chướng ngại. Quang minh hiển hiện trong khôngtrung, chẳng có chướng ngại, cũng tức là tướng cảnh giới vô chướng ngại. Đây là hình dung tất cả tác dụng thù thắng của [ba thứ thuyết pháp luân là] thần thông, ký thuyết, và giáo giới của Phật và đại Bồ Tát cũng đều vô ngại.

Còn đối với thần thông, nơi sáu căn của đức Phật, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều biến thành thần thông. Vậy thì thiên nhãn, thiên nhĩ, [đối với mỗi căn] đều thêm một chữ Thiên. Thiên (天) [ở đây] có nghĩa là tự nhiên. Khi quý vị chứng đắc, đã hiểu rõ, đã khai ngộ, khôi phục bản thể vốn có, các cảnh giới bị mê hoặc hay bị chướng ngại đều tiêu mất, sẽ có thần thông. Thần thông là bốn tánh trí huệ của quý vị. Cái Thể của

thần thông là trí huệ. “Thần” (神) là chẳng dựa vào sự nghĩ bàn. Người khác thấy một sự kiện [kỳ diệu], bèn nói người ấy là chân thần. Chân thần giống như ảo thuật, có cảm giác người ấy là thần. Hoặc là nuốt đao, phun lửa, quý vị cảm thấy [người làm được như vậy] đúng là rất thần dị, vì quý vị chẳng thể làm. Quý vị thấy họ làm, cảm giác rất thần dị. Thần thông của Phật rất tự nhiên. Ngài trông thấy chúng sanh, biết chúng sanh tướng, biết đời quá khứ của chúng sanh, đáng nên nói pháp gì cho họ, khiến cho họ có thể khai ngộ. [Đó là thần thông]. Còn “*ký thuyết*” (記說) là đại Bồ Tát hoặc chư Phật, đối với những điều chúng sanh nghĩ nhớ trong tâm, các Ngài đều ghi nhớ, tức là ghi nhớ những điều thuộc về tu nhân và tác dụng của cái tâm người ấy trong khi tu nhân, để thuyết pháp [tương ứng với điều họ nghĩ nhớ ấy]. Đó gọi là “*ký thuyết*”. “*Giáo giới*” (教誡, răn dạy): Phạm là pháp do đức Phật đã nói đều gọi là “*giáo giới*”. Như khi chúng ta thỉnh cầu giáo giới từ thượng sư, [giáo giới] có nghĩa là “*răn nhắc, khích lệ, giáo hóa*” quý vị. Giáo giới có nghĩa là thuyết pháp. Vốn là vị thầy răn dạy quý vị về giới luật, dạy quý vị nên làm như thế nào.

Ba loại pháp luân thù thắng ấy có tác dụng vô chướng ngại, tức là tác dụng chẳng bị trở ngại, chẳng phải là chỉ độ cho một chúng sanh nào đó, chẳng độ chúng sanh khác, hoặc độ trong thế giới này, chẳng thể độ trong thế giới khác. [Nếu như thế] thì là có phân biệt! Do vậy nói [Phật pháp] lợi lạc hết thảy chúng sanh, tức là lợi lạc hết thảy chúng sanh được hóa độ, khiến cho các chúng sanh ấy tam thừa cùng tu chẳng sai khác. Chỉ cần quý vị tu hành theo giáo pháp do đức Phật đã dạy, khởi đầu bằng Tam Quy là được rồi! Dùng lòng tin Đại Thừa để tu Tam Quy, cái mà quý vị quy hướng chính là cái để quý vị nương cậy, quy về cái tâm của chính mình. Đó là rốt ráo.

Hết thảy các pháp đã đạt đến chỗ rốt ráo, tức là một niệm tâm bình thường của quý vị trong hiện tiền chính là rốt ráo nhất. “*Quy thú*” (歸趣) là quy y cái tâm của quý vị, quy hướng tam thừa đạo quả, hoặc là quy y Phật quả. Đây là chỗ riêng biệt (bất cộng) so với hết thảy chúng sanh trong thế gian. Điều này chuyên nói về Phật, Bồ Tát, không chỉ riêng biệt so với hết thảy chúng sanh trong thế gian, mà đối với hết thảy chúng sanh thuộc Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa thuộc xuất thế gian cũng khác biệt. Đức Phật đại từ đại bi, vô lượng từ, bi, hỷ, xả, chẳng giống như hàng Nhị Thừa. Vì sao chẳng cùng chung (bất cộng)? Tiếp

đó, [chánh kinh] nói về hàng Nhị Thừa. Nhị Thừa chỉ vì chính mình, chẳng vì chúng sanh. Chúng sanh đau khổ, họ chẳng quản, mà cũng chẳng cứu độ. Vì Phật, Bồ Tát có thể đoạn diệt hết thảy khổ não sanh tử cho chúng sanh, sanh tử là do phiền não của chúng sanh mà dấy lên. Trong sanh tử luân hồi, chúng sanh có vô lượng vô biên khổ não. [Chư Phật, Bồ Tát] khiến cho họ ngưng dứt, đoạn diệt sanh tử khổ luân, chẳng xoay vần trong lục đạo luân hồi. Như thế thì sẽ chứng đắc điều gì? Chứng đắc Niết Bàn an lạc Bồ Đề. Bồ Đề là giác, vì đã giác ngộ, vì đã bất sanh, bất diệt. Niết Bàn là bất sanh, bất diệt, đạt được an lạc rốt ráo, đó gọi là Luân. Tôi giải thích chữ Luân này chính là “thuyết pháp”. Đó mới gọi là rốt ráo, đã đạt tới Vô Trần Cấu. Vô Thủ Hành, Hành thì chẳng có năng hành và sở hành (chẳng có người làm và việc được làm), chẳng chấp giữ. Đó gọi là “*chứng đắc*”. An lạc như vậy, “*nư thị giả, danh vi chư Phật, Bồ Tát Vô Trần Cấu Hành Luân*” (như thế bèn gọi là Vô Trần Cấu Hành Luân của chư Phật và Bồ Tát).

(Kinh) Vân hà danh vi Vô Thủ Hành Luân? Vị u chư pháp, vô sở quái ngại. Do như nhật quang phổ chiếu nhất thiết, tam thừa căn khí, tùy kỳ sở nghi, tuyên thuyết chánh pháp, vô sở chấp trước. Vị chư Như Lai vị chư chúng sanh thuyết như thị pháp, do như hư không, vô sai biệt tướng, dĩ vô lượng Định du hý tự tại trang nghiêm trụ trì, vị chư chúng sanh thuyết vi diệu pháp, vô sở chấp trước. Cụ đại giáp trụ nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị tha thuyết pháp, diệt phục như thị, vị thuyết chư pháp phi hữu, phi không, phi tức sắc không, phi ly sắc không, nãi chí phi tức thức không, phi ly thức không, phi tức nhãn không, phi ly nhãn không, nãi chí phi tức ý không, phi ly ý không, phi tức sắc không, phi ly sắc không, nãi chí phi tức pháp không, phi ly pháp không, phi tức nhãn thức không, phi ly nhãn thức không, nãi chí phi tức ý thức không, phi ly ý thức không, phi tức Dục Giới Không, phi ly Dục Giới Không, nãi chí phi tức Hư Không Vô Biên Xứ Không, phi ly Hư Không Vô Biên Xứ Không, phi tức Thức Vô Biên Xứ Không, phi ly Thức Vô Biên Xứ Không, phi tức Vô Sở Hữu Xứ Không, phi ly Vô Sở Hữu Xứ Không, phi tức Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Không, phi ly Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Không, phi tức Tứ Niệm Trụ Không, phi ly Tứ Niệm Trụ Không, nãi chí phi tức bát chi thánh đạo không, phi ly bát chi thánh đạo không, phi tức Tam Bất Hộ Không, phi ly Tam Bất Hộ Không, phi tức Tứ Vô Sở Úy

Không, phi ly Tứ Vô Sở Úy Không, phi tức Thập Lực Không, phi ly Thập Lực Không, phi tức Thập Bát Bất Cộng Pháp Không, phi ly Thập Bát Bất Cộng Pháp Không, phi tức đại từ đại bi đại hỷ đại xả không, phi ly đại từ đại bi đại hỷ đại xả không, phi tức Niết Bàn không, phi ly Niết Bàn không. Thị danh Như Lai cập chư Bồ Tát, vị chư chúng sanh tuyên thuyết xứ trung vi diệu chánh pháp.

(經)云何名為無取行輪？謂於諸法無所罣礙。猶如日光普照一切，三乘根器隨其所宜，宣說正法，無所執著。謂諸如來，為諸眾生說如是法，猶如虛空無差別相，以無量定遊戲自在莊嚴住持，為諸眾生說微妙法，無所執著。具大甲冑一切菩薩摩訶薩眾，為他說法，亦復如是，謂說諸法非有，非空，非即色空，非離色空，乃至非即識空，非離識空，非即眼空，非離眼空，乃至非即意空，非離意空，非即色空，非離色空，乃至非即法空，非離法空，非即眼識空，非離眼識空，乃至非即意識空，非離意識空，非即欲界空，非離欲界空，乃至非即虛空無邊處空，非離虛空無邊處空，非即識無邊處空，非離識無邊處空，非即無所有處空，非離無所有處空，非即非想非非想處空，非離非想非非想處空，非即四念住空，非離四念住空，乃至非即八支聖道空，非離八支聖道空，非即緣起法空，非離緣起法空，非即三不護空，非離三不護空，非即四無所畏空，非離四無所畏空，非即十力空，非離十力空，非即十八不共法空，非離十八不共法空，非即大慈大悲大喜大舍空，非離大慈大悲大喜大舍空，非即涅

槃空，非離涅槃空。是名如來及諸菩薩，為諸眾生宣說處中微妙正法。

(*Kinh*: Vô Thủ Hành Luân là như thế nào? Tức là trong các pháp chẳng vương mắc, ví như ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp hết thảy. Đối với căn khí tam thừa, tùy theo căn cơ thích đáng mà tuyên nói chánh pháp, chẳng chấp trước. Tức là các đức Như Lai vì các chúng sanh nói pháp như thế. Ví như hư không chẳng có tướng sai biệt, dùng vô lượng định du hý tự tại trang nghiêm để trụ trì, vì các chúng sanh thuyết vì diệu pháp chẳng chấp trước. Hết thảy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ giáp trụ, vì người khác thuyết pháp cũng giống như thế. Tức là nói các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải chính là sắc không, chẳng phải là lià sắc không, cho đến chẳng phải chính là thức không, chẳng phải là lià thức không, chẳng phải chính là nhãn không, chẳng phải là lià nhãn không, cho đến chẳng phải chính là ý không, chẳng phải là lià ý không, chẳng phải chính là sắc không, chẳng phải là lià sắc không, cho đến chẳng phải chính là pháp không, chẳng phải là lià pháp không, chẳng phải chính là nhãn thức không, chẳng phải là lià nhãn thức không, cho đến chẳng phải chính là ý thức không, chẳng phải là lià ý thức không, chẳng phải chính là Dục Giới Không, chẳng phải là lià Dục Giới Không, cho đến chẳng phải chính là Hư Không Vô Biên Xứ Không, chẳng phải là lià Hư Không Vô Biên Xứ Không, chẳng phải chính là Thức Vô Biên Xứ Không, chẳng phải là lià Thức Vô Biên Xứ Không, chẳng phải chính là Vô Sở Hữu Xứ Không, chẳng phải là lià Vô Sở Hữu Xứ Không, chẳng phải chính là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Không, chẳng phải là lià Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Không, chẳng phải chính là Tứ Niệm Trụ Không, chẳng phải là lià Tứ Niệm Trụ Không, cho đến chẳng phải chính là bát chi thánh đạo không, chẳng phải là lià bát chi thánh đạo không, chẳng phải chính là duyên khởi pháp không, chẳng phải là lià duyên khởi pháp không, chẳng phải chính là Tam Bất Hộ Không, chẳng phải là lià Tam Bất Hộ Không, chẳng phải chính là Tứ Vô Sở Úy Không, chẳng phải là lià Tứ Vô Sở Úy Không, chẳng phải chính là Thập Lực Không, chẳng phải là lià Thập Lực Không, chẳng phải chính là Thập Bát Bất Cộng Pháp Không, chẳng phải là lià Thập Bát Bất Cộng Pháp Không, chẳng phải chính là đại từ đại bi đại hỷ đại xả không, chẳng phải là lià đại từ đại bi đại hỷ đại xả không, chẳng phải chính là Niết Bàn Không, chẳng phải là lià Niết Bàn

Không. Đấy gọi là Như Lai và các Bồ Tát vì các chúng sanh tuyên thuyết vì diệp chánh pháp nơi các Xứ).

“*Vân hà danh vi Vô Thủ Hành Luân?*” (Thế nào gọi là Vô Thủ Hành Luân?): [Trong phần trước], gộp chung hai điều ấy để nói; nay tách ra. Trước tiên nói về Vô Trần Cấu Hành Luân. Kế đó, nói về Vô Thủ Hành Luân.

“*Vị ư chư pháp vô sở quái ngại, do như nhật quang phổ chiếu nhất thiết*” (Tức là chẳng vướng mắc nơi các pháp, ví như ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp hết thảy): Trong phần trước, dùng ánh trăng để hình dung sự tiêu trừ nhiệt não của chúng ta. Trong phần này, dùng ánh nắng để hình dung sự tiêu trừ hắc ám. Ánh sáng mặt trời chiếu khắp hết thảy. Đối với tất cả Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, kẻ đó đáng dùng pháp gì để đắc độ, bèn nói pháp đó, thích ứng với căn cơ. Pháp nào tương ứng với kẻ đó, bèn nói pháp đó. Hết thảy chúng sanh cho đến Thanh Văn, Duyên Giác đều có chấp trước. Thanh Văn và Duyên Giác chẳng còn Ngã Chấp, đã đoạn Ngã Chấp, nhưng hãy còn Pháp Chấp. [Họ cho rằng] “Ngã là giả, Pháp là thật”. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: “*Tri ngã thuyết pháp, như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*”, [nghĩa là] ông hãy biết các pháp do ta đã nói cho ông trước kia là để độ ông liễu sanh tử, giống như chiếc thuyền để vượt sông. Đã vượt sông xong rồi, chẳng cần thuyền nữa, còn chấp trước để làm chi?

Nói tới chánh pháp, đúng theo căn cơ mà thuyết pháp thì [các pháp đã nói ấy] đều là chánh pháp, khiến cho họ đắc độ thì gọi là chánh pháp. Chẳng đúng căn cơ, dẫu quý vị nói chánh pháp nhiều cỡ nào đi nữa, vẫn chẳng trừ khử nỗi chấp trước, chẳng trừ nỗi khổ não, dẫu vẫn chẳng phải là chánh pháp! Vì họ (người nghe) chẳng lý giải. [Chánh pháp là pháp] khiến cho chúng sanh chẳng chấp trước nữa! Chư Phật Như Lai vì các chúng sanh, nói pháp như thế, pháp gì vậy? Kế đó, [kinh văn liệt kê] các pháp như thế do đức Phật đã nói. “*Như thị*” là từ ngữ để chỉ pháp, nhằm chỉ các thứ gì đó. Những pháp như thế chính là các pháp nào vậy? Pháp ấy dường như hư không, chẳng có tướng sai biệt. “*Tướng*” chính là hết thảy các thứ được kiến lập trong hư không. Bản thân hư không chẳng có tướng sai biệt. Đối với tất cả chúng sanh thuộc các đường trong tam thừa, đức Phật đều nói vô lượng loại Định. Có vô lượng thứ Định. Định chẳng phải là ngồi im chẳng nói năng gì, sáu căn bất động thì mới là Định! Trọn chẳng phải là như thế! Định là hết thảy

các hành động đều ở trong Định. Chư Phật, Bồ Tát thấy các chúng sanh huyễn hóa, pháp do đức Phật đã nói cũng là pháp huyễn hóa. Khi độ chúng sanh giống như chúng ta đang chơi đùa (“*du hý*”). Chơi đùa gì vậy? “*Tự tại trang nghiêm trụ trì*” tức là Phật thuyết pháp để trụ trì, trụ trì ngay nơi pháp, trang nghiêm pháp ấy, nhưng trên thực tế, chẳng có pháp ấy!

“*Vì chư chúng sanh thuyết vi diệu pháp, vô sở chấp trước, cụ đại giáp trụ*” (Vì các chúng sanh nói pháp vi diệu, chẳng chấp trước, trọn đủ đại giáp trụ): “*Trọn đủ đại giáp trụ*” là khi chiến đấu với phiền não của chúng sanh, chẳng hề sợ hãi, chẳng bị chúng sanh ô nhiễm. Nếu công phu không sâu, chẳng có định lực, vốn là độ chúng sanh, đến cuối cùng lại đâm ra giống hết như chúng sanh, đã bị chúng sanh nhuộm bản! Nếu khởi chấp trước đối với pháp, hoặc dấy chấp trước đối với tướng chúng sanh, đó chẳng phải là liễu nghĩa rốt ráo. Lúc thoát đầu, nếu [nói ngay] như thế thì không được, phải biết vào lúc nào, sẽ thuyết pháp nào!

Vô Trần Cấu Luân là như thế nào? Phật hành Vô Hạnh Luân. Vô Hạnh Luân chính là Vô Thủ Hành Luân, [nghĩa là] chẳng giữ lấy hết thấy các pháp, tức là từ ngay trong sự vận động của nó, Hành là “vận động”, trong hết thấy tác dụng của nó, trí huệ phương tiện thiện xảo chẳng phải là căn bản, mà là huyễn hóa. Loại phương tiện thiện xảo ấy chính là pháp vi diệu.

Pháp vi diệu là gì? Tiếp đó, [chánh kinh] giải thích pháp vi diệu. Điều gì cũng chẳng chấp trước, chẳng có gì để chấp trước. “*Cụ đại giáp trụ*” (Trọn đủ giáp trụ lớn): Đại giáp trụ là gì? Nghĩa Không, hết thấy vô tác! Do vậy nói Bồ Tát Ma Ha Tát, tức là Đại Bồ Tát, [nói theo tiếng Phạn] là Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha dịch nghĩa là Đại, khi độ chúng sanh, hoặc lợi ích chúng sanh, tâm từ bi hỷ xả của Ngài lớn nhất, lớn nhất trong các pháp, nên gọi là Thế Tướng. Chúng sanh có thể hiểu rõ cái tâm của chính mình, [hiểu rõ] thế tướng của tự tâm, sẽ thuyết pháp cho chúng sanh, tức là nói (thuyết pháp) như thế đó. [Do vậy chánh kinh ghi là] “*diệc phục như thị*” (cũng giống như thế đó).

“*Thuyết chư pháp phi hữu, phi không, phi tức sắc không, phi ly sắc không, nãi chí phi tức thức không, phi ly thức không*” (Nói các pháp chẳng có, chẳng không, chẳng phải chính là sắc không, chẳng phải là lìa sắc không, cho đến chẳng phải chính là thức không, chẳng phải là lìa thức không): Pháp do đức Phật đã nói chẳng chấp trước tướng. Nói Có thì chúng sanh liền chấp trước Có. Nói Không, thật sự khổ, tam khổ, bát khổ, cho đến vô lượng các khổ, sanh, lão, bệnh, tử khổ, yêu thương phải

chia lìa, ngũ âm lừng lẫy, cầu chẳng được, chuyện quý vị mong cầu chẳng đạt được mục đích, khổ vì chết. Mỗi cá nhân đều có nỗi khổ vì cầu chẳng được! Sanh khổ, bệnh khổ. [Chúng sanh] đã quên mất sanh khổ. Đối với nỗi khổ lúc được sanh ra, quý vị đều mê mờ, chẳng nhớ. Nỗi khổ vì qua lại luân chuyển, quý vị chẳng nhớ. Lại nói tới các pháp Có; nếu nói là Có, chúng sanh bèn chấp trước. Đức Phật chẳng nói Có, trong giáo nghĩa Đại Thừa đều nói “*phi Hữu*”. Cái Hữu ấy chẳng phải là Hữu (phi Hữu), phi Hữu chẳng phải là Không! Phi Không thì chẳng phải là Hữu! Chẳng phải vậy! Đây là nói đến nghĩa Không. Cái Không ấy chẳng phải là rỗng không như quý vị chấp trước. Do đối ứng với sự chấp trước [cái Không] của quý vị mà nói là phi Không; đối với sự chấp trước cái Có của quý vị mà nói là phi Hữu.

Hết thấy các pháp đều có hai khía cạnh là Hữu và Không, phi Hữu phi Không là Trung Đạo. Chẳng nói quyết định là Có, mà cũng chẳng nói quyết định là Không. Không tức là Có, Có tức là Không. Không ở trong Hữu, Hữu ở trong Không. Đây mới là “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc*”; đó là nói chung. Nói chung thì “*các pháp chẳng phải Có, chẳng phải Không*”.

Tiếp đó, nói phân biệt từng điều. Trước tiên là nói đến Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng ta không nói tới Ngũ Uẩn. Pháp Ngũ Uẩn cũng là Không. Bản thân Sắc là Không, đúng chưa? Đã lìa Sắc thì ở nơi Sắc bèn nói là Không ư? Hay là từ lìa Sắc mà nói là Không? Ở nơi Sắc mà nói là Không thì nó vốn là Có. Chẳng hạn như đóa hoa này, chúng ta nói đóa hoa này là Không chứ gì? Không là Có, nhưng nó chẳng thật sự tồn tại, vì chẳng có tự thể. Nói nó là “*phi Hữu*”, tức là từ ngay nơi Hữu mà nói là “*phi Hữu*”, nói “*phi Hữu*” chính là Không, nhưng phi Không! Hiện thời còn có sự thật cụ thể tồn tại, có sao là Không? Đối với vấn đề này, quý vị phải ngộ, phải tham cứu!

Như thân thể này của chúng ta, có hay không? Xác thực là có. Danh tự và hình tướng của một người đều là có, nhưng người ấy chẳng phải là một thứ gì thật sự tồn tại, vì có thể biến hóa, chẳng có thể tánh của chính nó. Thân thể của chúng ta do Tứ Đại Chủng hợp thành, tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong. Kinh Lăng Nghiêm nói bảy đại, tức là kèm thêm Không, Căn, và Thức. Địa, Thủy, Hỏa, Phong thành tự thân thể, chẳng Không thì cũng không được? Mọi người có thể nói xem: Thân thể của chúng ta vì sao có chỗ trống không? Trong bụng quý vị, giữa ngũ tạng, lục phủ đều có những kẽ hở, giữa khí quan này và khí quan kia đều có khoảng trống. Nếu chẳng có khoảng trống, dính chặt với nhau thành một

khỏi, mỗi khí quan sẽ đánh mất tác dụng. Địa, Thủy, Hỏa, Phong tách lìa. Nếu trong bụng chẳng có không khí, quý vị còn có thể sống sót hay chẳng? Không có nước thì chẳng thứ gì tồn tại được. Nếu chẳng có không khí, quý vị sẽ lập tức tắt thở! Khi con người đến lúc tử vong cuối cùng, người ấy cũng chẳng ăn, cũng chẳng uống, vẫn có thể sống mấy ngày, nhưng đã đoạn khí thì sẽ chết. Do vậy, Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Căn, và Thức [được gọi chung là Thất Đại]. “*Căn*” là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức sáu căn, còn có Thức, thân thể tuy đã hoại, thức thứ tám bất hoại.

Vì thế, đối với hết thảy các pháp, trước tiên nêu ra Sắc pháp. Sắc pháp là Không u? Sắc pháp chẳng phải là Không, mà cũng chẳng phải là Có, là “*Sắc tức là Không*”, hay “*Không tức là Sắc*”? Hai đặng điên đảo! Sắc ấy có phải là Không hay chẳng? Vẫn chẳng thể nói như thế được! Sắc chẳng phải “chính là Không”, mà Không cũng chẳng phải “chính là Sắc”! Không là Không, Sắc là Sắc; Sắc là Sắc, Không là Không. Chẳng phải chỉ Sắc pháp là như thế, mà Thọ, Tưởng, Hành, Thức [cũng như thế], [chánh kinh] nói lược ba món Tưởng, Hành, Thức. “*Nãi chí*” có ý nghĩa “*lược bớt*”.

“*Phi tức Thọ không, phi tức Hành không, phi tức Tưởng không*” (Chẳng phải “chính là Thọ không”, chẳng phải “chính là Hành không”, chẳng phải “chính là Tưởng không”): Đối với những điều này chẳng lặp lại. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là như thế. Nói tới Uẩn, chẳng phải Uẩn chính là Không, mà cũng chẳng phải Không chính là Uẩn, có ý nghĩa như thế đó. Đây là Ngũ Uẩn Sắc pháp. [Như vậy thì] khi Tức (chính là) thì là Không, hay khi Ly (lìa khỏi) mới là Không? “*Tức*” cũng chẳng đúng, mà “*Ly*” cũng chẳng đúng! Chẳng phải Tức, chẳng phải Ly. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức là lại nói tới lục căn, như vậy thì “*phi tức Nhãn Không, phi ly Nhãn Không*”, “*nãi chí*” là lại nói lược bớt [để nói thẳng vào] “*phi tức Ý Không, phi ly Ý Không*”. Lược bớt gì vậy? Lược bớt bốn căn trung gian, tức là lược bớt tai, mũi, lưỡi và thân, dùng “*nãi chí*” để [thể hiện ý nghĩa] “nói lướt qua”. Đối với mỗi nhóm pháp, đều nói theo kiểu như vậy. Kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển nói qua, nói lại, xoay vần như vậy. Do chẳng giản lược, chẳng có từ ngữ “*nãi chí*”, cả sáu điều đều nêu ra, bày ra từng pháp; cho nên văn tự trong kinh văn [Đại Bát Nhã] rất nhiều. Có ý nghĩa như thế đó.

Trong các kinh khác, Ngài dùng hai chữ “*nãi chí*” để nói đại lược. Do vậy, trong đoạn kinh văn này, quý vị hiểu một ý nghĩa trong ấy, bèn hiểu toàn bộ, “*phi Tức, phi Ly*”, đó là nghĩa Trung Đạo. “*Tức*” cũng

chẳng phải, mà Ly cũng chẳng phải! Quý vị đọc kinh điển Đại Thừa, ly tứ cú, tuyệt bách phi¹², nói như thế nào cũng không đúng. Tứ Cú là “*có, không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không*”. Đó gọi là Tứ Cú. Tức “*Sắc là Không*” chẳng đúng, “*lià Sắc chính là Không*” cũng chẳng đúng, “*lià Thức chính là Không*” cũng chẳng đúng, “*Thức chính là Không*” cũng chẳng đúng. Đó là ý nghĩa “*ly tứ cú*” (lià khỏi bốn câu). “*Phi tức Sắc không, phi ly Sắc không*”, cho đến “*phi tức Pháp không, phi ly Pháp không*”, vì sao lại nói một lần nữa? Chẳng nói tới Sắc Tâm pháp (tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp). Trước tiên nói về Sắc pháp (Sắc, Thanh, Hương, Vị), sau đó nói về Tâm pháp (Pháp). Tâm là Pháp, nói đến tâm pháp, cũng đều là “*phi Tức, phi Ly*”. Sau đó lại nói đến Lục Thức, “*phi tức Nhân Thức không, phi ly Nhân Thức không*”. Kế đó lại nói lược bớt, cho đến Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, sáu thức, “*nãi chí phi tức Ý Thức không, phi ly Ý Thức không*”: “*Ly*” chẳng thể, mà “*Tức*” cũng chẳng thể. Đó cũng là ý nghĩa “*phi Tức phi Ly*”.

“*Phi tức Dục Giới không, phi ly Dục Giới không, nãi chí phi tức Hu Không Vô Biên Xứ Không*”, trong ấy đã nói đại lược khá nhiều. Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới đều lược đi. Dục Giới sáu tầng trời, Sắc Giới mười tám tầng trời đều bị lược đi, nói ngay vào Tứ Không Thiên, tức là Thức Vô Biên Xứ Thiên, Vô Sở Hữu Xứ Thiên, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, và Không Vô Biên Xứ Thiên. Tứ Không Thiên cũng chẳng phải là Không, mà cũng chẳng phải là Hữu. Tứ Không Thiên kiến lập trong hư không, phải nên là Không ư? Chẳng phải vậy! Vì họ (chư thiên) trụ trong tầng trời ấy, có ý thức. Họ cho là không có, nhưng trên thực tế thì vẫn là có! Vô Sở Hữu Xứ vốn chẳng có, nhưng thêm vào một chữ Xứ, [hàm nghĩa] là “*còn có*”. Vô Sở Hữu là không có, thêm vào chữ Xứ vì họ cho rằng sanh lên trời thì vẫn là có xứ sở, giống như chúng ta có chỗ cư trụ. Tứ Không Thiên là ngoại đạo thiên, nhưng [các vị đã chứng] quả A La Hán cũng ở tại Tứ Không Thiên. Trụ trong các cõi trời

¹² “*Bách phi*” là một trăm kiểu phủ định, cũng hàm nghĩa “*phủ định hết thảy các chấp trước*”. Bách phi được triển khai từ tứ cú. Tức là đối với “*có, không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không*”, mỗi câu trong ấy đều có đủ bốn câu, hợp thành bốn lần bốn, tức là mười sáu câu. Mười sáu câu ấy lại ghép với ba thời (quá khứ, vị lai, hiện tại) thành 16x3=48 câu. 48 câu ấy lại ghép với hai điều “*đã khởi, chưa khởi*” thành 48x2=96 câu. 96 câu ấy cộng với tứ cú căn bản (có, không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không) thành một trăm câu, gọi là “*bách phi*”.

khác nhau, họ nhập môn Định ấy là trụ trong chánh định, còn Tứ Thiên Bát Định thì ở trong Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định... Người nhập môn Định nào bèn tới tầng trời đó. [Tứ Thiên Bát Định và Định của A La Hán] được gọi [gộp chung] là Cửu Thứ Đệ Định.

Trong các pháp Hữu, đã nêu ra nhiều thí dụ như vậy. Ở đây là nêu lên thánh đạo, tức pháp do đức Phật thuyết như Tứ Niệm Xứ, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề (Thất Giác Chi), Bát Chánh Đạo, ba mươi bảy đạo phẩm, đầy đều là Bồ Đề thánh pháp. [Chánh kinh nói đại lược] “*tức Tứ Niệm Xứ Không, hoặc ly Tứ Niệm Xứ Không*”, kể đó dùng chữ “*nãi chi*” để lược bớt, [nói ngay vào] “*bát chi thánh đạo không, ly bát chi thánh đạo không*” tức là lược bớt [các pháp trung gian. Nói cụ thể] thì Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề đều lược bớt, chẳng nói cặn kẽ. Pháp do đức Phật thuyết cũng như thế. Không chỉ các pháp thế gian là Không, mà pháp do đức Phật nói cũng là Không, nhưng chẳng thế thiên chấp bên Không. Hễ thiên lệch về Không bèn là Đoạn Kiến. Thiên lệch về Hữu bèn là Thường Kiến. Không phải là chấp Thường, thì sẽ là chấp Đoạn. Chẳng phải chấp Có thì là chấp Không. Đầy đều là ý nghĩa Bát Nhã.

Kinh Thập Luân vốn giảng về Có, giảng về Không, muốn cho quý vị chán lìa. Chẳng thế phán định một bộ kinh tuyệt đối là Đại Thừa hay Tiểu Thừa. Trong ấy, sẽ dính líu một phần. Chẳng hạn như trong kinh Bát Nhã, trong ấy đều là từ “*chẳng Có, chẳng Không*” mà lãnh hội. Nêu lên các tướng ấy vì đức Phật đã nói các pháp ấy, thế gian có các tướng ấy, tam giới hai mươi lăm Hữu đều có các tướng ấy! Phải hiểu rõ Túc và Ly từ trong ấy. Túc là từ nơi Sắc mà nói là Không, từ nơi Không mà nói là Sắc. Lìa Sắc và Không, tức Sắc và Không. Lìa khỏi Tứ Niệm Trụ Không, hoặc “*tức Tứ Niệm Trụ Không*” đều chẳng đúng. Hiểu ý nghĩa này là được rồi! Đó gọi là diệu pháp. Do vậy, người học Phật pháp, phải nên hiểu ý nghĩa viên mãn. Quý vị chấp trước như thế nào cũng đều chẳng đúng. Đây là để phá chấp trước, bèn nói cho họ pháp chấp trước.

Chúng ta thường nói tới pháp duyên khởi. Các pháp duyên khởi, duyên sanh vô tự tánh. Pháp duyên khởi là Không, là Có. Như vậy “*phi tức duyên khởi pháp không*”, chẳng phải bản thân pháp duyên khởi là Không, mà cũng chẳng phải “*ly duyên khởi pháp không*”. Hiểu tánh không duyên khởi. Những điều ấy đều là nói về tánh Không, nói rất nhiều điều, đều là tánh Không. Vì sao có duyên khởi? Duyên khởi là các thứ nhân duyên, do nhiều thứ duyên hợp thành. Hễ thiếu một duyên, pháp ấy chẳng thành, có ý nghĩa như thế đó. Nếu quý vị hiểu đạo lý

duyên khởi tánh không, sẽ đều hiểu các đạo lý này. Chuyên nói về duyên khởi tánh không còn có mấy bộ kinh nữa! Pháp duyên khởi, tức pháp duyên khởi là không, lìa pháp duyên khởi là không. Trước mỗi pháp, đều thêm một chữ Phi (chẳng phải) là như quý vị nói “*chỉ có ngôn thuyết, chẳng có thật nghĩa*”. Pháp ngôn thuyết chẳng phải là pháp. Rồi lìa ngôn thuyết thì là Có ư? Rồi lìa ngôn thuyết còn có gì để hiển thị? Chẳng hiển thị được! Nói đến Chân Như, nói đến rốt ráo, chẳng có ngôn thuyết.

“*Chỉ có ngôn thuyết, đều chẳng có thật nghĩa*”: Chỉ cần nói ra, nói thứ gì cũng đều chẳng phải là thứ ấy, nhưng chẳng phải là vọng ngữ. Đừng quan tâm đến thứ ấy, đó chẳng phải là nói lời hư giả, chẳng phải vậy! Quý vị nói đến điều gì thì cũng đều chẳng phải [thật sự] là điều đó! Nói tới một thứ gì đó, thì đó chỉ là một cách biểu thị, là một ký hiệu. Chẳng hạn như chúng ta nói tới Hỏa, Hỏa [trong lời nói của quý vị] tuyệt đối chẳng phải là Hỏa [thật sự]. Nếu có Hỏa trong câu nói ấy, nó sẽ đốt cháy quý vị. Hãy nên hiểu hàm nghĩa này, quý vị nói đến thứ gì cũng đều chẳng phải là thứ đó. Quý vị nói tới Trương Tam, thì Trương Tam là tượng trưng. “Trương Tam” [trong câu nói của quý vị] chẳng phải là bản thân Trương Tam, chỉ là ký hiệu về ông ta. Đã là ký hiệu thì Trương Tam cũng được, mà Trương Tứ cũng có thể, sửa thành Trương Ngũ cũng được luôn, sửa thành thứ gì cũng đều được. Ký hiệu có thể tùy tiện thay đổi, chẳng phải là thật thể. Từ điều này, quý vị có thể lãnh hội được!

Bản tâm, chân tâm của chúng ta, hết thảy các ngôn ngữ đều chẳng thể biểu hiện được. Đó gọi là “*ly Chân Như*”. Đại Thừa Khởi Tín Luận, kinh điển Đại Thừa đều gọi là “*ly ngôn Chân Như*”, lìa “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”. Muốn suy nghĩ, quan sát [thì sẽ thấy] đều là chẳng có. Hễ quan sát là sai mất rồi, “*bách phi*” tức là ý nghĩa này. Chỉ cần quý vị dấy động ý niệm, đã sai lầm mất rồi. Ý nghĩa này rất sâu, chẳng phải là bôn nghĩa của kinh này!

[Từ ngữ] Tam Bất Hộ chỉ là nói về đức Phật, tức là: Thân, khẩu, ý ba nghiệp của đức Phật thuần thiện. Ngài tùy tiện làm như thế nào, thân làm như thế nào cũng đều là thiện, đạt tới chân, thiện, mỹ, rốt ráo thanh tịnh, vĩnh viễn xa lìa lỗi lầm, chẳng cần phải ngăn ngừa, gìn giữ nữa. “*Hộ*” (護) [trong Tam Bất Hộ] có nghĩa là “gìn giữ, ngăn ngừa”. Phật chẳng cần ngăn ngừa gìn giữ, nhưng A La Hán và Bồ Tát vẫn phải ngăn ngừa, gìn giữ. Thân, ngữ, ý nghiệp đều phải chú ý, vì thân, ngữ, ý [của A La Hán và Bồ Tát] vẫn còn có vô minh, tập khí vi tế.

Khi xưa, tại Ấn Độ có một vị tôn giả, tập khí từ vô lượng kiếp đến nay hết sức nặng nề. Vì từ vô lượng đời đến nay, Ngài nếu chẳng phải là quốc vương, thì là bậc đại trưởng giả, nhiệm thành thói quen ăn nói trong vô lượng kiếp, gọi người khác là “*tiểu tỳ*” (小婢, đưa tớ gái hèn mọn). Ngài hoàn toàn chẳng phải là kiêu mạn, mà là do thói quen. Ngài gặp Phật, nghe pháp, chứng đạo, có sức thần thông. Long vương, trời, quỷ thần đều hộ trì Ngài. Khi Ngài qua sông, chẳng qua được, bèn hô: “Tiểu tỳ! Ngăn dòng chảy lại”, bảo long vương ngăn dòng chảy lại. Long vương biết Ngài đã chứng đắc A La Hán, liền ngăn dòng nước cho Ngài đi qua. Ngài cũng chẳng một chữ cảm ơn, đi luôn! Long vương bèn đến mách với đức Phật, nói vị tôn giả ấy quá sức bất lịch sự, quá kiêu ngạo, tự mãn. Đức Phật bảo long vương, tôn giả chẳng có tâm coi thường, mà là do tập khí trong quá khứ. Tuy đã chứng quả A La Hán, chỉ có thể đoạn Kiến Tư Hoặc hiện hành, đoạn tuyệt thô Hoặc, nhưng tế Hoặc chẳng đoạn, hãy còn tập khí. Chúng ta muốn đoạn tập khí rất khó, tập khí từ nhiều đời bao kiếp vẫn mang theo. Người tu đạo vừa thấy liền biết tập khí của quý vị. Ai nấy đều biết rõ tập khí của chính mình, nhưng sửa đổi tập khí rất khó. Đức Phật liền bảo long vương: “Được rồi! Để ta bảo ông ta xin lỗi với ông, bảo ông ta sám hối với ông”. Liền bảo vị A La Hán ấy đến sám hối với long vương. Vị A La Hán ấy lại nói: “Tiểu tỳ đừng giận”. Ha, ha! Ở trước mặt đức Phật, vẫn còn gọi người khác là “*tiểu tỳ*”. Đức Phật bảo đây là tập khí của vị ấy, chẳng có cách nào thay đổi. Nếu vị ấy thay đổi được tập khí ấy, sẽ là đại Bồ Tát.

Chúng ta có rất nhiều vấn đề, mỗi người đều khác nhau. Một mẹ sanh chín con, chín con khác nhau. Mỗi người có tập khí riêng biệt, chủng tử khác nhau, tuyệt đối chẳng giống nhau. Do vậy, người tu đạo phải gìn giữ ba nghiệp. Đó gọi là Tam Bất Hộ. “*Tam Bất Hộ không*”: Tam Bất Hộ chẳng có. Ba nghiệp của Phật chẳng có. Chẳng Túc, cũng chẳng Không, cũng là chẳng Ly. Do đã lìa ba thứ Bất Hộ, nên nói là Không. Quý vị nói xem Không gì vậy? Rời lìa thật thể, còn nói Không chi nữa? Túc là Tam Bất Hộ là Không. Tam Bất Hộ Không là ba nghiệp thân, khẩu, ý của Phật. Thân, khẩu, ý nghiệp của đức Phật thanh tịnh. Vì thế, Tứ Vô Sở Úy, Thập Lực, Thập Bát Bất Cộng Pháp, cho đến đại từ, đại bi, hỷ, xả đều như thế, cho đến Phật chứng đắc Niết Bàn. Niết Bàn bất sanh, bất diệt, chẳng phải là Không ư? Đó là “*túc Niết Bàn không, ly Niết Bàn không*”, Túc chẳng thể, mà Ly cũng chẳng thể. Bản thân Niết

Bàn là “bất không, bất diệt”, “bất sanh, bất diệt”, chẳng nhiễm, chẳng tịnh.

Đây chính là chánh pháp vi diệu do hết thấy Như Lai và đại Bồ Tát tuyên nói cho chúng sanh. Đó gọi là Vô Trần Cấu Luân. Tùy thuận chấp trước, thì sẽ chẳng thanh tịnh, sẽ có trần cấu. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh mà chẳng thấy chúng sanh, suốt ngày độ chúng sanh mà chẳng có chúng sanh nào để có thể độ. Suốt ngày thuyết pháp, mà cũng chẳng nói pháp nào, chẳng nói một câu nào, bao hàm ý nghĩa như thế đó. Đây chẳng phải là đốn nghĩa. “Đốn nghĩa” là ly ngôn thuyết, nhưng có ngôn thuyết thì chẳng phải là Đốn Giáo. Dùng Vô Thủ Hành Luân này để nói pháp vi diệu. Hễ nói đến pháp vi diệu thì Tức cũng chẳng thể, mà Ly cũng chẳng thể, nói Không chẳng thể, mà nói Có cũng chẳng thể!

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai vị chư chúng sanh, dĩ Vô Trần Cấu Hành Luân thuyết pháp, như mãn nguyệt quang, thanh lương vô ngại, biến mãn hư không, chiếu xúc nhất thiết vô chướng cảnh giới, nãi chí quảng thuyết. Hựu dĩ Vô Thủ Hành Luân thuyết vi diệu pháp, v nhất thiết pháp vô sở quái ngại, do như nhật quang phổ chiếu nhất thiết, tam thừa căn khí, tùy kỳ sở nghi, tuyên thuyết chánh pháp, vô sở chấp trước. Vị chư Như Lai vị chư chúng sanh thuyết như thị pháp, do như hư không, vô sai biệt tướng, dĩ vô lượng Định du hí tự tại trang nghiêm trụ trì, vị chư chúng sanh thuyết vi diệu pháp, vô sở chấp trước, linh v tam thừa tùy nghi thú nhập. Cụ đại giáp trụ nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị tha thuyết pháp diệt phục như thị, linh chư chúng sanh, văn thử tối thắng thậm thâm pháp dĩ, v tam thừa trung, tùy kỳ sở nhạo, tùy thú nhất thừa, chủng chủng thiện căn, giai đắc thành thực, tùy v nhất thừa, cực thiện an trụ, chung bất linh kỳ v sanh tử trung, tăng trưởng chủng chủng ác bất thiện pháp, linh v Niết Bàn kiên cố bất thoái.

(經)善男子！如是如來為諸眾生，以無塵垢行輪說法，如滿月光，清涼無礙徧滿虛空，照觸一切無障境界，乃至廣說。又以無取行輪說微妙法，於一切法無所罣礙，猶如日光普照一切，三乘根器隨其所宜，宣說正法，無所執著。謂諸

如來，為諸眾生說如是法，猶如虛空無差別相，以無量定遊戲自在莊嚴住持，為諸眾生說微妙法，無所執著，令於三乘隨宜趣入。具大甲冑一切菩薩摩訶薩眾，為他說法，亦復如是，令諸眾生，聞此最勝甚深法已，於三乘中隨其所樂，隨趣一乘，種種善根皆得成熟；隨於一乘，極善安住，終不令其於生死中，增長種種惡不善法，令於涅槃堅固不退。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Cũng như thế, Như Lai vì các chúng sanh dùng Vô Trần Cấu Hành Luân để thuyết pháp, như ánh sáng trăng tròn, trong mát vô ngại, trọn khắp hư không, chiếu chạm hết thấy cảnh giới chẳng chướng ngại, cho đến nói rộng là lại dùng Vô Thủ Hành Luân để nói pháp vi diệu. Trong hết thấy các pháp, đều chẳng vướng mắc, ví như ánh mặt trời chiếu trọn khắp hết thấy. Đối với căn khí tam thừa, tùy theo từng căn khí thích đáng mà tuyên nói chánh pháp chẳng chấp trước. Tức là các Như Lai vì các chúng sanh nói pháp như thế, ví như hư không chẳng có tướng sai khác, dùng vô lượng Định du hý tự tại trang nghiêm trụ trì, vì các chúng sanh nói pháp vi diệu chẳng chấp trước, khiến cho tam thừa tùy theo căn khí thích đáng mà tiến nhập. Hết thấy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ đại giáp trụ vì người khác thuyết pháp cũng giống như thế, khiến cho các chúng sanh nghe pháp tối thắng rất sâu này xong, từ trong tam thừa, sẽ tùy lòng ưa thích mà tiến nhập một thừa, các thứ thiện căn đều được chín muồi, tốt khéo an trụ trong một thừa, trọn chẳng khiến cho họ tăng trưởng các thứ pháp ác, bất thiện trong sanh tử, khiến cho họ kiên cố bất thoái đối với Niết Bàn).

Do Vô Trần Cấu Hành Luân giống như ánh trăng: Trăng tròn trong mát, vô ngại, ánh trăng đầy khắp hư không, chiếu chạm hết thấy cảnh giới không chướng ngại. Ánh trăng chiếu sáng ngời, trăng chẳng khởi ý tưởng chiếu sáng ngời, mà tự nhiên là như thế. Người tiếp nhận cũng chẳng suy nghĩ mà tiếp nhận, cũng chẳng phải là có ý nghĩ mong tiếp nhận. Pháp vi diệu, trong hết thấy các pháp không vướng mắc, không chấp trước. Không vướng mắc, chẳng ngăn ngại, tức là “*chẳng phải có, chẳng phải không, chính là có, chính là không*” đều chẳng thế. “*Do như nhật quang phổ chiếu nhất thiết*” (Ví như ánh sáng mặt trời,

chiếu trọn khắp hết thảy): Mặt trời mọc lên, sự tối tăm trên đại địa đều tiêu mất. Đức Phật đối với căn khí tam thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, tùy theo pháp mà họ nương cậy, đức Phật thuyết pháp chẳng phải vì Ngài muốn thuyết pháp, mà vì chúng sanh cần đến. Căn cơ đã chín muồi, sẽ được Phật tuyên thuyết chánh pháp. Mỗi pháp nói ra đều là “chẳng thỉnh sẽ không nói”, đều có nhân duyên. Vì được thỉnh, đức Phật mới nói; lại có trợ duyên, chư đại Bồ Tát đến giúp giáo hóa. Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm Bồ Tát các Ngài đều cần nghe pháp, nhưng các Ngài tới giúp đức Phật hoằng dương giáo hóa, đến chứng minh: Sở dĩ các Ngài thành đạo là vì đã tu hành, chứng đắc [các pháp được nói ấy].

“*Vô sở chấp trước*”: Đối với hết thảy các pháp, chẳng chấp trước. Vì các chúng sanh mà nói pháp như thế. Pháp như thế “*do như hư không, vô sai biệt tướng*” (giống như hư không, chẳng có tướng sai biệt). Từ các pháp do đức Phật nói, chúng ta biết có nhân quả thế gian, nhân quả xuất thế gian, quả báo thiện ác. Đây đều là nói tương ứng với căn cơ. Trong hư không, chẳng có tướng này, chẳng có tướng kia. Có tướng thì chính là bản thân của cái tướng ấy.

“*Dĩ vô lượng Định du hí tự tại trang nghiêm trụ trì*” là dùng vô lượng môn Định để trang nghiêm tự tại trụ trì. Trụ trì gì vậy? Trụ trì diệu pháp này, trụ trì mà chẳng trụ trì! “*Trang nghiêm chúng sanh, thật phi trang nghiêm. Thị danh trang nghiêm*” (Trang nghiêm chúng sanh mà thật sự chẳng trang nghiêm. Đó gọi là trang nghiêm): Đây là sử dụng một câu nói trong kinh Kim Cang. Chớ nên chấp trước văn tự trong đoạn kinh này. Đối với giải thoát, có trói buộc thì mới giải thoát. Chẳng bị trói buộc, sẽ chẳng thể nói đến giải thoát. Không trói buộc thì không tháo gỡ. Chẳng có trói buộc, sẽ chẳng có giải thoát! Chúng sanh đoạn phiền não, chứng Bồ Đề. Có phiền não để có thể đoạn hay không? Chẳng có phiền não để đoạn, há có Bồ Đề để có thể chứng? Cư sĩ Trương Vô Tận¹³ đã

¹³ Cư sĩ Trương Thương Anh (1043-1121), tự Thiên Giác, hiệu Vô Tận Cư Sĩ, người xứ Tân Tân, thuộc Thục Châu (nay là tỉnh Tứ Xuyên). Ông đậu Tiến Sĩ đời Tống Nhân Tông, làm quan đến chức Thượng Thư Hữu Thừa Chuyển Tả Thừa. Ông có tài hùng biện, nói thẳng không e ngại, thông hiểu Phật giáo, thường thích trao đổi Phật pháp với Tăng chúng, được người đời xưng tụng là Tướng Công Thiên. Các bài văn như Hộ Pháp Luận, Tục Thanh Lương Truyện của ông đều được đánh giá chẳng khác gì khí vận của một bậc Thiên Tăng. Thoạt đầu, ông không tin Phật, còn ưa chỉ trích Phật giáo. Một hôm, ông đến chùa chơi, thấy Đại Tạng Kinh được khắc chữ vàng trên bìa, bực bội nói: “Sách đạo Không của ta còn chẳng được trân trọng bằng

nói hai câu như sau: “*Đoạn trừ phiền não trừng tăng bệnh*”, tức là nói quý vị mong đoạn phiền não, sẽ lại tăng thêm một tăng bệnh nữa! Tăng thêm gì vậy? Đoạn phiền não. Sự “đoạn” ấy là bệnh. “*Thú hướng Chân Như diệt thị tà*”, tà tri tà kiến! Quý vị muốn thú hướng (hướng về, tiến nhập) Chân Như để chứng Thật Tướng thì đều là tà kiến. Đó là đạt đến liễu nghĩa rất ráo. Chỉ cần mở miệng thì đã sai lầm, lia tứ cú, tuyệt bách phi. Chẳng nói năng chi hết thì có đúng hay không? Vì sao đức Phật lại quả trách hạng Tăng dề câm? Tăng dề câm rốt cuộc chẳng biết nên làm như thế nào! Có nhập thì mới biết được.

Đây đều là nghĩa Thật Tướng trong Đại Thừa liễu nghĩa mà quý vị phải chứng. Ý nghĩa của diệu pháp là khiến cho quý vị chẳng chấp trước gì, nhằm đạt đến mục đích như thế ấy! Khiến cho chúng sanh nghe điều gì, cũng đều chẳng chấp trước; đối với điều gì, cũng đều chẳng chấp trước. Khi đức Phật thuyết pháp, có vô lượng ức chúng sanh tới nghe pháp. Có người hỏi tôi: “Thưa pháp sư! Thuở đó tại Ấn Độ có bao nhiêu nhân khẩu?” Tôi nói: “Tôi cũng không biết, làm sao tôi biết Ấn Độ có bao nhiêu nhân khẩu? Tối thiểu là chẳng nhiều như hiện thời!” Người đó lại hỏi: “Trong hội thuyết pháp của đức Phật có nhiều người ngàn ấy hay sao?” Tôi nói: “Đây chẳng phải là người!” Người đó hỏi: “Chẳng phải là người thì là gì?” “Chư thiên, Bồ Tát từ các thế giới ở phương khác đến,

giáo pháp của người Hồ, sao người ta lại trân trọng Phật giáo đến thế?” Trở về, ông liền khởi sự viết Vô Phật Luận để bài xích Phật giáo. Một hôm, đến chơi nhà một đồng liêu, thấy trên khám thờ Phật có để một quyển kinh Duy Ma Cát, ông tiện tay lật xem. Đọc đến câu “*thử bệnh phi Địa Đại, diệt bất ly Địa Đại*” (bệnh này chẳng phải là Địa Đại, mà cũng chẳng lìa Địa Đại), dường như có cảm ngộ, than thở: “*Lời của người Hồ mà cũng được như thế này ư?*” bèn mượn về nhà đọc tiếp. Bà vợ bảo: “Ông đọc kỹ kinh này rồi hãy viết Vô Phật Luận”. Ông ngạc nhiên, thôi viết luận bài xích, lưu tâm đọc kỹ kinh Phật. Vào năm Nguyên Hựu thứ nhất (1086), khi giữ chức đề điểm hình ngục ở Hà Đông, ông triều bái núi Thanh Lương, được Văn Thù Bồ Tát hóa hiện trên hư không, liền vẽ lại hình tượng của Ngài. Bức tranh ấy được thờ tại đó. Trong niên hiệu Đại Quán, do hạn hán lâu ngày, Thương Anh được vua sai cầu mưa. Ông ba lần vào Ngũ Đài cầu mưa đều được ứng nghiệm. Năm Nguyên Hựu thứ sáu (1091), khi giữ chức Tào Vận Sứ ở Giang Tây, ông tham yết Đông Lâm Chiếu Giác Thường Tông thiền sư thuộc thiền phái Hoàng Long Huệ Nam, được Thiền Sư ấn khả. Tuy đắc Thiền chỉ, ông vẫn chuyên tâm niệm Phật. Liên Trì đại sư ca ngợi: “*Trương Vô Tận lãnh ngộ chân chỉ của Thiền Tông, vẫn nhất tâm nhất ý phụng trì Tịnh Độ, xác thực là bậc trí sáng vô cùng*”. Khi mất, ông an tường ngồi xếp bằng, bảo mọi người “*kinh Pháp Hoa nói từ đất vọt lên tháp báu của Phật Đa Bảo, [Phật Đa Bảo] chia tòa với Phật Thích Ca. Đó là chuyện chẳng hư dối*”. Nói xong, ông đọc kệ thị tịch, cúi đầu qua đời.

ở trên hư không”. “Thế giới này dung nạp nổi sao?” Tôi nói: “Đó là cách nhìn của quý vị”. Lý giải như vậy hoàn toàn là sai, đó gọi là chấp trước. Đức Phật thuyết pháp trong hư không, pháp âm do Ngài nói ra trọn khắp hết thảy mọi chỗ.

Có một vị pháp sư thuyết pháp, chỉ cần có năm người trở lên, vị ấy sẽ không nói nữa. Chúng tôi ở chùa Pháp Nguyên, khi các vị lão hòa thượng thuyết giới, cứ năm mươi người là một đàn [truyền giới], vẫn chẳng kịp thời gian. Cách làm như vậy chẳng hợp pháp. Thông thường là một đối một. Quý vị thấy các vị đại đức như thật khai ngộ, đều là một đối một truyền giới. Giới sư hỏi người ấy, nói đúng với căn cơ của người ấy (người thọ giới). Chúng ta chẳng có bản lãnh “thích hợp khắp ba căn” như đức Phật. Trong thời đức Phật, đức Phật nói một đoạn pháp, sẽ có rất nhiều người khai ngộ, chứng quả, cho đến phát Bồ Đề tâm. Chúng ta nói rất nhiều lần mà cũng chẳng có ai phát Bồ Đề tâm, mà có phát Bồ Đề tâm, quý vị cũng không biết, nhưng cũng chẳng phải là thật sự phát. Đạt tới Sơ Trụ thì mới có thể phát Bồ Đề tâm thật sự. Đó gọi là “*tùy nghi thuyết pháp*”.

“*Vị tha thuyết pháp, diệc phục như thị, linh chư chúng sanh văn thử tối thắng thậm thâm pháp dĩ*” (Vì người khác thuyết pháp cũng giống như thế, khiến cho các chúng sanh nghe pháp tối thắng rất sâu này xong): Pháp thù thắng sâu nhất chính là tâm pháp. Đối với “*phi tức, phi ly*” như vừa nói trên đây, chớ nên suy nghĩ nơi văn tự, mà phải là cái tâm ta thấu đạt. Quý vị nói xem, cái tâm của quý vị có hình dạng thật sự là gì? Tư duy thì chẳng phải là cái tâm ấy, rời lìa tư duy thì tâm ta lại ở nơi đâu? Quý vị phải lìa tâm ý thức để tham cứu. Hễ tham cứu bèn khai ngộ. Dùng cái tâm phân biệt, quý vị đến chỗ lão hòa thượng, thỉnh Ngài khai thị, suốt đời quý vị sanh khởi cái tâm phân biệt, Ngài sẽ đánh quý vị. Đó là diệu nghĩa rất sâu!

Như hòa thượng Câu Chi, người ta đến thỉnh vấn Ngài, bất luận là ai thỉnh vấn, Ngài đều dùng một ngón tay để dạy Thiền, ai đến hỏi cũng khai ngộ. Bất luận ai thỉnh pháp, Ngài đều giơ một ngón tay, người tìm đến liền khai ngộ, liền khấu đầu lễ bái, cảm tạ Ngài. Có một hôm Ngài không ở nhà, chỉ có một tiểu đồ đệ có mặt. Người khác tới hỏi pháp, [đồ đệ] nói sư phụ không ở nhà, người ấy bèn thỉnh vấn: “*Như thế nào là ý của tổ sư từ phương Tây sang?*” Vị tiểu đồ đệ bèn duỗi tay ra. Ôi! Người đó lại rất cao hứng, khấu đầu lễ tạ, rời đi, đã khai ngộ rồi! Sư phụ trở về, hỏi: “Có ai đến hay không?” Đồ đệ thưa: “Có người đến thỉnh pháp”. Sư phụ lại nói: “Con trả lời như thế nào?” Tiểu đồ đệ thưa: “Con

bất chước thầy. Ông ta hỏi như thế nào là ý của tổ sư từ phương Tây sang, con liền làm như thế này...” Sư phụ lại hỏi: “Biểu thị của ông ta như thế nào?” “Ông ta khấu đầu cảm ơn, nói đã khai ngộ rồi”. Hòa thượng Câu Chi hỏi: “Con có ngộ hay không?” “Con không biết”. “Được! Ta hỏi con, như thế nào là ý của tổ sư từ phương Tây sang?” Đồ đệ bèn giơ một ngón tay lên, thầy liền một đao chém đứt phăng ngón tay ấy! Đau đến nỗi đồ đệ vừa gào, vừa rên. [Thầy mỉm cười]: “Người đừng có kêu gào nữa, làm lại!” Tiểu đồ đệ cố nhìn đau, hòa thượng Câu Chi lại hỏi: “Như thế nào là ý của tổ sư từ phương Tây sang?” Đồ đệ liền khai ngộ, mà cũng chẳng đau!

Mọi người có ngộ hay không? Ngộ được gì? Trước là Có, sau là Không, chẳng phải Không, chẳng phải Có. Chẳng phải Có, không có chi hết, bèn nói là Không. Không thì còn nói gì nữa! Đã là không có, còn nói tới Không chi nữa! Chúng ta cứ thông thả tham cứu đi! Trong phần diễn tả trên đây, đã nói ra rất nhiều lý do, chẳng có lý do nào để có thể nói. Nếu nói, sẽ rơi vào Đệ Nhị Nghĩa, Đệ Tam Nghĩa, vĩnh viễn làm lỡ, chẳng thể ngộ được. Làm như thế nào? Dựa theo giáo lý, dựa theo kinh bản để xem. Như thế sẽ rất nhọc nhằn, vừa đọc tụng, vừa lễ bái, vừa sám hối. Nếu thật sự có bản lãnh, sẽ lập tức hoá nhiên đại ngộ. Dầu đã ngộ, vẫn phải học từ đầu. Tuy đã ngộ, nhưng chưa có bản lãnh, vẫn chưa phải là Phật, đó gọi là “ngộ được Lý Tức Phật”.

Trong tam thừa, tùy lòng ưa thích, “*tùy thú nhất thừa, chủng chủng thiện căn, giai đắc thành thực*” (tùy ý tiên hướng theo một thừa nào, các thú thiện căn đều được chín muồi): Các thiện căn đã gieo trong quá khứ đều đã chín muồi. “*Tùy u nhất thừa, cực thiện an trụ*” nghĩa là: Thừa nào cũng được, tốt bậc khéo an trụ, tức là người ấy có thể đoạn Hoặc, chứng Chân, an trụ bất động, chẳng còn thọ sanh tử luân hồi nữa!

(Kinh) Thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát vị đoạn vô lượng, vô số chúng sanh sanh tử lưu chuyển, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự đoạn sanh tử lưu chuyển, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị linh vô lượng, vô số chúng sanh độ tứ bậc lưu, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị linh kỹ độ tứ bậc lưu, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị trừ vô lượng, vô số chúng sanh chư phiền não bệnh, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự trừ chư phiền não bệnh, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị đoạn chúng sanh chư Uẩn phiền não tập khí tương tục linh tận vô dư, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự đoạn chư Uẩn phiền

nã tập khí tương tục hữu dư bất tận, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị thành đại bi đẳng lưu quả cố, đại bi vị nhân, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác bất vị đại bi đẳng lưu quả cố, vô đại bi nhân, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát u chư chúng sanh hữu sở cố niệm, nhi vị thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác u chư chúng sanh vô sở cố niệm, nhi vị thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị tức nhất thiết tha chúng sanh khổ, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự tức kỹ sở hữu khổ, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị mãn nhất thiết chúng sanh pháp vị, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự mãn kỹ thân pháp vị, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị chư chúng sanh đắc thắng pháp minh, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự kỹ đắc thắng pháp minh, vị tha thuyết pháp.

(經)善男子！菩薩摩訶薩，為斷無量無數眾生生死流轉，為他說法。聲聞、獨覺，但為自斷生死流轉，為他說法。菩薩摩訶薩，為令無量無數眾生渡四瀑流，為他說法。聲聞、獨覺，但為令己渡四瀑流，為他說法。菩薩摩訶薩，為除無量無數眾生諸煩惱病，為他說法。聲聞、獨覺，但為自除諸煩惱病，為他說法。菩薩摩訶薩，為斷眾生諸蘊煩惱，習氣相續令盡無餘，為他說法。聲聞、獨覺，但為自斷諸蘊煩惱，習氣相續有餘不盡，為他說法。菩薩摩訶薩，為成大悲等流果故，大悲為因，為他說法。聲聞、獨覺，不為大悲等流果故，無大悲因，為他說法。菩薩摩訶薩，於諸眾生有所顧念，而為說法。聲聞、獨覺，於諸眾生無所顧念，而為說法。菩薩摩訶薩，為息一切他眾生苦，為他說法。聲聞、獨覺，但為自息己所有苦，為他說法。菩薩摩訶薩，為滿一切眾生法味，為他說法。聲聞

、獨覺，但為自滿己身法味，為他說法。菩薩摩訶薩，為諸眾生得勝法明，為他說法。聲聞、獨覺，但為自己得勝法明，為他說法。

(Kinh: Này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát vì đoạn sanh tử lưu chuyển của vô lượng, vô số chúng sanh, mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì đoạn sanh tử lưu chuyển của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì khiến cho vô lượng vô số chúng sanh vượt qua bốn dòng thác mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì chính mình vượt qua bốn dòng thác mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì trừ các bệnh phiền não của vô lượng vô số chúng sanh mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì trừ các bệnh phiền não của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì đoạn trừ hết sạch chướng còn thừa sót các tập khí phiền não liên tục nơi các Uẩn của chúng sanh mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì đoạn trừ tập khí liên tục nơi các Uẩn phiền não của chính mình hãy còn thừa sót, chướng tận, mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì thành tựu quả đại bi đấng lưu, dùng đại bi làm nhân, mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chẳng vì quả đại bi đấng lưu, chẳng dùng đại bi làm nhân, mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát do quan tâm các chúng sanh mà vì họ thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chẳng quan tâm tới chúng sanh mà vì họ thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì dứt khổ cho hết thấy các chúng sanh khác mà thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì dứt tất cả các khổ của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì khiến cho hết thấy chúng sanh viên mãn pháp vị mà thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì viên mãn pháp vị của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì khiến cho các chúng sanh đạt được pháp minh thù thắng mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì chính mình đắc pháp minh thù thắng mà vì người khác thuyết pháp).

Chúng ta thường nói hàng Nhị Thừa cũng ôm bát khát thực, người ta thỉnh họ thuyết pháp, họ cũng thuyết pháp; nhưng mục đích của họ chỉ nhằm đoạn sanh tử, ngưng dứt sanh tử lưu chuyển của chính mình. Họ thuyết pháp chẳng nhằm khiến cho chúng sanh đoạn trừ sanh tử. Đây là

sự khác biệt giữa hàng Nhị Thừa và Bồ Tát. Hết thảy mọi chuyện họ (hàng Nhị Thừa) đã làm đều vì chính mình, chẳng phải vì độ vô lượng chúng sanh đang ở trong khổ luân sanh tử lưu chuyển mà thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát khiến cho hết thảy vô lượng vô số chúng sanh vượt bốn dòng thác mà vì họ thuyết pháp. Bốn dòng thác là bốn loại căn bản của sanh tử, cho đến loại cuối cùng là “*vô minh bộc lưu*” (dòng thác vô minh). Thanh Văn và Độc Giác chẳng phải vậy, họ chỉ vì vượt thoát bốn dòng thác của chính mình. Họ thuyết pháp cho chúng sanh nhằm mục đích thuận vì chính mình, chẳng vì người khác.

Bồ Tát thuyết pháp chưa từng nghĩ tới chính mình. Hết thảy mọi chuyện của Bồ Tát đều vì độ chúng sanh. Chúng ta niệm phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, hoặc niệm phẩm Tịnh Hạnh, [sẽ thấy] Ngài gặp một chuyện nào, cũng đều nghĩ tới Phật pháp, tức là nghĩ tới chúng sanh, chỉ mong chúng sanh được thành Phật. Mỗi câu đều là như thế, hễ gặp chuyện gì cũng đều “*đương nguyện chúng sanh*” (nguyện cho chúng sanh), nguyện họ đoạn phiền não, chúng Bồ Đề, đều là nguyện cho họ cắt đứt dòng sanh tử, nhập Nhất Thiết Trí, đều là như vậy. Thanh Văn và Độc Giác chẳng phải vậy.

Bồ Tát Ma Ha Tát vì trừ khử các bệnh phiền não của vô lượng vô số chúng sanh mà vì họ thuyết pháp. Bồ Tát thuyết pháp nhằm mục đích khiến cho chúng sanh đều đoạn Hoặc, chứng Chân, chẳng còn luân chuyển trong sanh tử. “*Thanh Văn, Độc Giác đản vị tự trừ chư phiền não bệnh, vị tha thuyết pháp*” [nghĩa là] Bồ Tát vì trừ bệnh phiền não cho chúng sanh mà thuyết pháp, chẳng vì chính mình, còn Độc Giác và Thanh Văn là vì trừ bệnh phiền não của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. “*Bồ Tát Ma Ha Tát vị đoạn chúng sanh chư Uẩn phiền não tập khí tương tục linh tận vô dư, vị tha thuyết pháp*” (Bồ Tát Ma Ha Tát vì đoạn các tập khí phiền não liên tục nơi các Uẩn của chúng sanh khiến cho hết sạch, chẳng còn sót, mà vì người khác thuyết pháp): Tuy chính mình chưa thành Phật, mà Ngài làm cho chúng sanh đều thành Phật. Địa Tạng Bồ Tát một mực ở địa vị Bồ Tát, nhưng các chúng sanh được Ngài hóa độ có rất nhiều vị đã thành Phật. Trong kinh Địa Tạng, chư Phật đến từ mười phương [tham dự pháp hội trên cung trời Đao Lợi] đều do Địa Tạng Vương Bồ Tát hóa độ, giáo hóa thành Phật. Chính Ngài vẫn là Bồ Tát, đây là chủng tánh đại Bồ Tát. Không chỉ khiến cho chúng sanh đoạn phiền não, đoạn các Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Ngũ Uẩn phiền não, mà còn mong đoạn tập khí, chẳng để cho tập khí tiếp nối,

chẳng để cho phiền não tiếp nối, khiến cho hết thảy phiền não đều hết sạch, chẳng còn thừa sót. Ngài thuyết pháp cho chúng sanh như thế đó!

“*Bồ Tát Ma Ha Tát vì thành đại bi đẳng lưu quả cố*” (Bồ Tát Ma Ha Tát vì thành tựu quả đại bi đẳng lưu): Đại bi làm nhân, vì người khác thuyết pháp. Tâm đại bi của Ngài bình đẳng. “*Lưu*” (流): Cùng loại là Lưu, [hàm ý] khiến cho hết thảy chúng sanh đều giống như Ngài, đều thành tựu viên mãn Bồ Đề. Ngài dùng cái tâm đại bi làm nhân, hy vọng hết thảy chúng sanh đều phát đại bi tâm, vì độ hết thảy chúng sanh mà thuyết pháp cho họ. Thanh Văn, Độc Giác thuyết pháp chẳng phải vì đại bi đẳng lưu quả. Họ chẳng phải vì đẳng lưu. “*Đẳng lưu*” (等流) có nghĩa là làm cho hết thảy chúng sanh đều bình đẳng với ta, đều thành cùng một loại. “*Lưu*” là một loại. Bồ Tát Ma Ha Tát vì nghĩ tưởng các chúng sanh mà thuyết pháp. “*Cố niệm*” (顧念) là “*gia hộ, gia trì, nhiếp thọ*”, dùng cái tâm đại bi, từ bi hỷ xả để nhiếp thọ chúng sanh. Nhiếp thọ họ như vậy, thuyết pháp cho họ; còn Thanh Văn, Độc Giác thì sao? Họ vì chính mình, chẳng có tâm đại từ đại bi, chẳng nghĩ nhớ, chẳng giống Phật. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, hễ gặp vị đại Bồ Tát nào, Ngài cũng đều dặn dò vị ấy: “*Sau khi ta nhập Niết Bàn, đối với các đệ tử của ta trong thời Mạt Pháp, đừng bỏ sót một ai, đều vì ta độ họ, khiến cho họ lìa khỏi sanh tử*”. Đối với mỗi vị đại Bồ Tát, đều dặn dò như thế, bắt luận Quán Âm, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Ngài đều là nhắc nhở như vậy. Đồng thời, lập ra đủ loại pháp phương tiện để dạy quý vị duyên niệm Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Thanh Văn và Duyên Giác chẳng quan tâm như thế. Bồ Tát vì dứt diệt khổ não cho hết thảy chúng sanh, dứt diệt thống khổ của hết thảy chúng sanh mà thuyết pháp cho họ, khiến cho họ đạt được thanh lương. Thanh Văn và Độc Giác vì diệt tất cả sự khổ của chính mình mà thuyết pháp cho kẻ khác, chẳng phải vì người khác, mà vì chính mình. Họ làm chuyện cần làm [để giúp chính mình giải thoát] như thế đó. Vì ai? Vì chính mình!

“*Bồ Tát Ma Ha Tát vì mãn nhất thiết chúng sanh pháp vị, vị tha thuyết pháp*” (Bồ Tát vì khiến cho hết thảy chúng sanh viên mãn pháp vị mà vì họ thuyết pháp): Chúng ta ăn thứ gì, cũng đều tham đắm vị ngon của nó. Pháp có pháp vị, tức là hương vị của pháp. Chư đại Bồ Tát chỉ dạy chúng ta sao cho quý vị có thể học pháp tinh tấn, hoan hỷ, sung sướng, tức là đã đạt được pháp vị, đạt được thanh lương. Đã đạt được thanh lương, sẽ trừ khử nhiệt não và đói kém cho quý vị. Hễ đã có pháp vị, chúng ta sẽ có pháp. Bồ Tát thuyết pháp như thế đó. Còn Thanh Văn

và Độc Giác chỉ nhằm thỏa mãn pháp vị của chính mình, chẳng phải vì chúng sanh, họ vì thỏa mãn pháp vị của chính mình mà thuyết pháp cho chúng sanh.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát vì chư chúng sanh đắc thắng pháp minh*” (Bồ Tát Ma Ha Tát vì làm cho chúng sanh đạt được pháp minh thù thắng): Từ nơi pháp, sanh ra quang minh trí huệ thù thắng. “*Minh*” là giác ngộ, giác có nghĩa là minh. Tam giác viên minh, tức là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Đối với ba loại giác ấy, nay chúng ta chỉ cầu tự giác là được rồi. Chúng ta không có minh, chẳng đủ sức! Khi Bồ Tát thuyết pháp cho chúng sanh, sẽ khiến cho hết thảy chúng sanh đều đạt được pháp thù thắng, có thể sanh ra quang minh trí huệ. Vì như thế mà thuyết pháp cho chúng sanh. Thanh Văn và Độc Giác chỉ vì chính mình đạt được pháp minh thù thắng mà vì người khác thuyết pháp.

(Kinh) Thiện nam tử! Dĩ yếu ngôn chi, Bồ Tát Ma Ha Tát vô lượng luật nghi, phổ vị trừ diệt nhất thiết chúng sanh đại vô minh ám, đại bố úy sự, nhất thiết suy tổn, đắc đại quang minh, cập đại danh xưng, như thật giác ngộ Nhất Thiết Trí trí, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác thiếu phần luật nghi, dẫn vị diệt trừ tự vô minh ám, đắc tiểu quang minh, cập tiểu danh xưng, như thật giác ngộ thiếu phần pháp trí, vị tha thuyết pháp. Thiện nam tử! Thanh Văn, Độc Giác, vô hữu u tha thật hoài cố niệm, vô hữu u tha thật hoài bi trắc, vô hữu u tha thật bất khinh lộng, vô hữu u tha thật vi lợi ích, vô hữu u tha thật vi bạt tế, vô hữu u tha thật hành tiến cử, vô hữu u tha thật dục xưng thán, vô hữu u tha thật vô siểm khúc, nhi hành tán mỹ, vô hữu u tha bất cố kỹ thân, linh bỉ an lạc, vô hữu u tha bất khởi ngộ thất thân, ngữ, ý nghiệp. Thiện nam tử! Trụ Đại Thừa giả vô hữu u kỳ, thật hoài cố niệm, quảng thuyết nãi chí vô hữu u tha phát khởi ngộ thất thân, ngữ, ý nghiệp!

(經)善男子！以要言之，菩薩摩訶薩無量律儀，普為除滅一切眾生大無明闇、大怖畏事、一切衰損，得大光明及大名稱，如實覺悟一切智智，為他說法。聲聞、獨覺，少分律儀，但為滅除自無明闇，得小光明及小名稱，如實覺悟少分法智，為他說法。善男子！聲聞、獨覺，無有於他，實懷顧

念，無有於他，實懷悲惻，無有於他，實不輕弄，無有於他，實為利益，無有於他，實為拔濟，無有於他，實行薦舉，無有於他，實欲稱嘆，無有於他，實無諂曲而行讚美，無有於他，不顧己身令彼安樂，無有於他，不起誤失身語意業。善男子！住大乘者，無有於己，實懷顧念，廣說乃至無有於他，發起誤失身語意業。

(*Kinh: Đây thiện nam tử! Nói tóm lại, vô lượng luật nghi của Bồ Tát Ma Ha Tát đều vì trừ diệt trọn khắp vô minh tối tăm to lớn, chuyên sợ hãi to lớn, hết thấy suy tổn của hết thấy chúng sanh, khiến cho họ đạt được quang minh to lớn và danh xưng to lớn, đúng như thật giác ngộ trí Nhất Thiết Trí, bèn vì người khác thuyết pháp. Chút phần luật nghi của Thanh Văn và Độc Giác chỉ nhằm diệt trừ tối tăm vô minh của chính mình, đạt được quang minh nhỏ và danh xưng nhỏ nhoi, đúng như thật giác ngộ chút phần pháp trí, vì người khác thuyết pháp. Đây thiện nam tử! Thanh Văn và Độc Giác chẳng thật sự ôm lòng quan tâm người khác, chẳng thật sự ôm lòng xót thương, trặc ả người khác, chẳng thật sự không khinh rẻ, chọc gheo người khác, chẳng thật sự tạo lợi ích cho người khác, chẳng thật sự vì cứu vớt người khác, chẳng thật sự làm những chuyện tăng tấn người khác, chẳng thật sự muốn khen ngợi người khác, chẳng thật sự không siểm khúc khen ngợi người khác, chẳng hề không màng chính mình mà khiến cho người khác an lạc, chẳng hề không dấy lên thân, ngữ, ý nghiệp làm lạc đối với người khác. Đây thiện nam tử! Người trụ Đại Thừa chẳng vì nghĩ nhớ chính mình, nói rộng là cho đến chẳng phát khởi thân ngữ ý nghiệp làm lạc đối với người khác).*

Trí Nhất Thiết Trí là nói đến Phật, chỉ có Phật thì mới có thể gọi là “trí Nhất Thiết Trí”. “Dĩ yếu ngôn chi” tức là nói tóm gọn. Nói chung, Bồ Tát Ma Ha Tát tuân hành vô lượng luật nghi. “Luật” là giới điều, “nghi” là bốn oai nghi, đi, đứng, ngồi, nằm. Nghi là phương tiện của luật. Vậy thì hết thấy các pháp, hết thấy luật nghi của các Ngài đều nhằm mục đích trừ khử vô minh hắc ám cho hết thấy chúng sanh, cho đến khiến cho chúng sanh vĩnh viễn chẳng kinh sợ. Người sống trong hắc ám, dễ nảy sanh sợ hãi; ở trong quang minh, sẽ chẳng nảy sanh sợ hãi.

Nếu có đại trí huệ, bất luận chuyện gì cũng đều thấy thấu suốt, sẽ chẳng có cảm giác sợ hãi. Nếu chẳng thấy thấu suốt, sẽ chẳng đạt được trí huệ, vẫn phải mò mẫm trên con đường hắc ám. Phía trước có phải là hầm bẫy hay không, quý vị chẳng biết. Đi trên đường, sẽ nảy sinh sợ hãi, sẽ có chuyện đáng sợ, cho đến bị tổn giảm, tức là sợ thiện nghiệp bị tổn giảm, chỉ sợ ác nghiệp sẽ tăng trưởng.

Nghe pháp nhằm mục đích khiến cho chính mình có thể đạt được đại quang minh, cho đến danh xưng tốt đẹp. Nói theo khía cạnh xã hội, cái danh chính là sanh mạng thứ hai. Nếu quý vị có danh tiếng tốt đẹp, ai trông thấy cũng đều cung kính, đều tán thán, đều tùy hỷ. Tiếng ác lan xa, quý vị sẽ gặp trở ngại. Đúng như thật giác ngộ trí Nhất Thiết Trí, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể giác ngộ thành Phật. Thuyết pháp cho họ như vậy, Bồ Tát muốn cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật, sẽ khiến cho hắc ám, vô minh dần dần suy tổn, quang minh trí huệ và danh xưng [tăng trưởng], khiến cho họ giác ngộ, rốt ráo tăng trưởng cho đến thành tựu trí Nhất Thiết Trí.

Đối với chút phân luật nghi của Thanh Văn và Độc Giác, [nếu nhìn theo sự tương], chúng ta chỉ biết giới điều của Bồ Tát là mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh như kinh Phạm Võng đã nói. Đây là luật nghi của Bồ Tát. [Trong khi đó], giới tỳ-kheo gồm hai trăm năm mươi điều, tám vạn tế hạnh, còn có tám vạn điều nơi ý, giới căn bản là hai trăm năm mươi điều. Nếu [dựa theo sự tương đó], cho rằng giới Bồ Tát rất ít, còn tỳ-kheo Thanh Văn, Duyên Giác có rất nhiều giới cấm, lý giải như thế là sai lầm. Mỗi điều giới trong kinh Phạm Võng bao hàm vô lượng vô số giới. Ngoài Chỉ ra, còn có Tác. Trong giới luật của tỳ-kheo, rất nhiều điều là Tác Trì, tức là những chuyện phải nên làm. Do vậy, phải biết, đối với Bồ Tát luật nghi, hễ phát Bồ Đề tâm, sẽ thọ Tam Tu Tịnh Giới:

1) Tất cả các luật nghi đều được bao gồm trong Nhiếp Luật Nghi Giới. Chỉ cần đức Phật dạy chuyện gì chẳng được phép làm thì đều là Luật.

2) Đối với Nhiếp Thiện Pháp Giới, chuyện gì đức Phật muốn quý vị thực hiện, đó là chuyện đáng nên làm, quý vị đều phải thực hiện. Sự nghiệp lợi ích chúng sanh và hết thảy thiện pháp quý vị đều phải thực hiện. Bất luận là pháp Thập Thiện, cho đến Tam Quy, Ngũ Giới, cho đến pháp Thanh Văn, quý vị đều phải thực hiện. Trong hết thảy các pháp, chỉ cần là thiện pháp thì đều phải làm. [Đó là Nhiếp Thiện Pháp Giới].

3) Khó thực hiện nhất là Nhiều Ích Hữu Tình Giới, tức là khiến cho hết thầy chúng sanh đều đạt được lợi ích.

Thanh Văn và Duyên Giác chẳng phải là như vậy, chỉ vì chính mình, diệt trừ tối tăm vô minh, tức là diệt trừ vô minh của chính mình, đạt được quang minh nhỏ nhoi. Vì tâm lượng của họ chẳng lớn, cho nên đạt được lợi ích rất nhỏ.

“*Tiểu danh xưng*”: Danh tiếng chẳng lớn. Trong tam thiên đại thiên thế giới và các quốc độ ở phương khác, vô lượng thế giới đều biết tới các vị đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi, Địa Tạng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát; đó gọi là “*đại danh xưng*”. Chẳng phải là tiếng tăm trong thế gian này, tiếng tăm trong thế gian này rất bé! “*Như thật giác ngộ thiếu phần pháp trí*” (Đúng như thật giác ngộ chút phần pháp trí): Họ chẳng phải là trí Nhất Thiết Trí (tức Nhất Thiết Chúng Trí), mà là Nhất Thiết Trí. “*Thiếu phần pháp*” là gì vậy? Khổ, Tập, Diệt, Đạo, mười hai nhân duyên. Họ có trí huệ đối với pháp ấy, bèn nói cho chúng sanh pháp như vậy!

“*Thiện nam tử! Thanh Văn, Độc Giác vô hữu u tha thật hoài cố niệm*” (Này thiện nam tử! Thanh Văn và Độc Giác chẳng thật sự quan tâm đến người khác): Thanh Văn và Độc Giác chẳng quan tâm chúng sanh, chỉ quan tâm chính mình.

“*Vô hữu u tha thật hoài bi trắc*” (Chẳng thật sự có lòng xót thương, trắc ẩn đối với người khác): Cái tâm trắc ẩn ai nấy đều có, đó là tâm đại bi. Thanh Văn đối đãi với chúng sanh chỉ vì sanh tử của chính mình, chẳng quan tâm đến chúng sanh.

“*Vô hữu u tha thật bất khinh lộng, vô hữu u tha thật vi lợi ích*” (Chẳng thật sự không khinh thường, trào lộng người khác, chẳng thật sự tạo lợi ích cho người khác): Bồ Tát thật sự chẳng khinh bi, chẳng trào lộng người khác, chẳng nào hại chúng sanh. La Hán chẳng vậy, nói theo tâm lý, họ đối với chúng sanh chẳng thuyết pháp đúng thật. Chẳng chân thật bồi dưỡng người khác, mà là chân thật bồi luyện chính mình. Công đức do tu hết thầy các pháp đều chuyên nhằm hồi hướng cho chính mình, chẳng hồi hướng cho người khác. Có rất nhiều đạo hữu, niệm kinh xong, hoặc bái sám xong, chỉ hồi hướng cho chính mình. Bảo họ hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, họ nói: “Đợi cho đến khi tôi đã tự độ rồi mới nói sau”.

Tôi gặp rất nhiều người như vậy, [luôn mang tâm lý]: “Tôi hồi hướng cho họ thì lại được gì cơ chứ? Nhọc nhằn niệm, nhọc nhằn lay, hồi hướng hết cho họ ư?” Chẳng thể hồi hướng như vậy thì là cái tâm

Tiểu Thừa. Nhưng họ cũng biết hồi hướng, hồi hướng cho chính mình trong tương lai, [cứ nghĩ] hồi hướng cho người khác có lợi ích chi đâu? Chẳng có! Họ cũng biết: Khi họ khát thực, có người cúng dường thức ăn cho họ, thì họ cũng hồi hướng cho người ta. Đức Phật đã dạy như vậy. Chẳng hồi hướng thì không được. Họ cũng phải hỏi người ấy: “Quý vị cúng dường thức ăn cho tôi, có mong cầu gì, muốn làm gì? Quý vị nói ra, tôi sẽ thuyết pháp cho quý vị, sẽ hồi hướng cho quý vị”. Đây là La Hán. Bồ Tát sẽ chẳng như vậy! Bồ Tát nhận vật cúng dường của quý vị, sẽ có thể hồi hướng, mãi cho đến khi quý vị thành Phật, chẳng do đạt được chút ít đã cho là đủ!

“*Vô hữu u tha thật hành tiến cử, vô hữu u tha thật dục xưng thán, vô hữu u tha thật vô siểm khúc, nhi hành tán mỹ*” (Chẳng thật sự giúp người khác tăng tấn, chẳng thật sự muốn khen ngợi người khác, chẳng thật sự không siểm khúc, ca ngợi người khác): Thanh Văn chẳng làm chuyện này! “*Vô hữu u tha bất cố kỷ thân, linh bỉ an lạc*” (Chẳng vì người khác mà chẳng màng thân mình, khiến cho họ được an lạc): Chúng ta thường nói, chẳng vì cầu an lạc cho chính mình, chỉ mong chúng sanh được lìa khổ. Đây là đại Bồ Tát, chẳng phát nguyện hư dối. Còn có mười đại nguyện vương của Phổ Hiền hồi hướng chúng sanh, nguyện chịu khổ thay cho hết thảy chúng sanh. Như Ngài ngài từ, “ta vô từ, quý vị thoát ra”. Quý vị bị bệnh, “ta thay quý vị gánh chịu, quý vị được khoẻ mạnh”, các vị đại Bồ Tát xác thực là có thể làm được [như thế ấy].

Có rất nhiều đạo hữu đã phát cái nguyện ấy; về sau, bị lửa thiêu thân, quý vị phát nguyện thay người khác bị bệnh, người đó lành bệnh. Khi mắc bệnh, quý vị đừng nên ôm lòng oán hận. Lúc đó, ta hành Bồ Tát đạo mới thành công, hành Bồ Tát đạo sẽ có thành tựu. Nếu không, quý vị có muốn thay thế, chỉ sợ chẳng thay nổi! Mọi người đều biết Tuyên Hóa thượng nhân. Sư là người Đông Bắc, lúc mười bảy tuổi, mẹ Sư mất, Sư giữ đạo hiếu bên mộ mẹ suốt ba năm. Thuở đó, vùng Đông Bắc tuyết rơi nhiều, rất lạnh. Vào lúc chúng tôi còn trẻ, [mùa Đông, trời lạnh] hai ba chục độ âm. Sư là người ở huyện Ngũ Thường, thuộc miền Bắc của Cáp Nhĩ Tân (Harbin), rất lạnh. Sư giữ mộ tại đó, có rất nhiều cảm ứng. Do vậy, cả một vùng Cáp Nhĩ Tân, rất nhiều huyện đều biết tiếng, gọi Sư là “*Bạch thiện nhân*”¹⁴. Tới năm 1946, 1947, Sư từ vùng Đông Bắc mới

¹⁴ Hòa thượng Tuyên Hóa (1918-1995), tục danh là Bạch Ngọc Thư, còn có tên là Ngọc Hỷ. Năm 19 tuổi, hòa thượng xuất gia tại chùa Tam Duyên, cầu thỉnh lão hòa

nhập Phật pháp. Đây là vì “*tha nhân*” (người khác), tuy là vì mẹ của chính mình, nhưng mẹ của chính mình cũng là *tha nhân*, vì *tha nhân* mà chẳng màng thân thể của chính mình, khiến cho người khác an lạc. Đây là Bồ Tát. Chuyện gì cũng chẳng suy nghĩ cho chính mình, hễ ta có chuyện gì tốt đẹp đều dâng tặng cho chúng sanh, bất luận là ai. Đặc biệt là cừu nhân của ta, ta đều nhường cho kẻ ấy. Từ đây về sau, kẻ ấy chẳng kết oán cừu với quý vị nữa. Oan nghiệp giữa quý vị và kẻ đó nhờ vậy mà tiêu mất. Bất luận người ấy có tiếp nhận hay không, oán nghiệp giữa quý vị và người đó đã tiêu mất. Đó gọi là hành Bồ Tát đạo.

“*Vô hữu u tha bất khởi ngộ thất thân, ngữ, ý nghiệp*” (Chẳng khởi lên lầm lỗi nơi thân, ngữ, ý nghiệp đối với người khác): Thân, miệng, ý đều làm cho người khác hoan hỷ, khiến cho người khác vui sướng. Thân, miệng, ý trọn chẳng tổn thương người khác, chẳng khởi lên, chẳng phạm sai lầm ấy. Thật sự là Đại Thừa Bồ Tát, đối với chính mình từ trước đến nay chưa hề bận tâm đến chính mình, luôn chiếu cố người khác. Thân, ngữ, ý nghiệp của chính mình có thể làm lạc đối với chính mình, nhưng đối với chúng sanh, trọn chẳng phạm sai lầm. Đối với chuyện này, chúng ta sai phạm rất nhiều, đặc biệt là đối với người thân cận càng trái phạm đặc biệt nhiều. Đối với người thân nhất của chính mình hay vợ chồng là dễ phạm nhất, đối với con cái càng dễ phạm: “*Tao nuôi này, mà là con trai tao, mà là con gái tao, mà không nghe lời tao, nghe ai?*” Đây là phạm sai lầm nơi thân nghiệp và ngữ nghiệp đối với chúng sanh. Đánh, chửi lại càng chẳng nên!

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Hữu chư chúng sanh bảm tánh bạo ác, ngôn từ thô quánh, thật thị ngu si, hoài thông minh mạn, bất đoan sát sanh, nãi chí tà kiến, u tha sở đắc lợi dưỡng, cung kính, thế sở xưng dự, thâm sanh tật đố, thường tự truy cầu lợi dưỡng, cung kính, thế sở xưng dự, tăng vô yếm quyền, hằng tự tán dự, khinh hủy u tha, bất tự phòng hộ thân, ngữ, ý nghiệp, thường nhạo tập hành nhất thiết ác hạnh, nội hành sấm độc, vô hữu bi mãn, vô tâm, vô quý, hỷ xúc nã tha, u chư phước điền, háo giản thắng liệt, u quy ngã pháp

thượng Thường Trí làm thế độ sư, được ban pháp danh An Từ, pháp tự Độ Luân. Tới năm 1946, Sư gặp hòa thượng Hư Vân, năm 1947 Sư mới thọ Cụ Túc Giới, cho đến năm 1948 mới được hòa thượng Hư Vân ấn khả, ban cho đạo hiệu Tuyên Hóa, trở thành truyền nhân đời thứ chín của tông Quy Nguỡng trong nhà Thiên, được xếp vào hàng ngũ mười đại đệ tử của hòa thượng Hư Vân, cho nên lão pháp sư Mộng Tham mới nói “*cho đến năm 1946, 1947, thượng nhân mới vào cửa Phật*”.

chư xuất gia nhân, thường nhạo tỵ cầu sở hữu hà khích. Tài đắc thiếu tướng, vị thâm chân hư, tức tiện khinh hủy, ha mạ, trích phạt. Kỳ tâm cương cường, ngân lệ mê loạn, thường hỷ xúc nã chư xuất gia nhân, bất tỉnh kỷ quá, niệm cơ tha khuyết. Tuy văn tán thán Đại Thừa công đức, phát ý thú cầu, nhi tâm háo vị chư trọng ác sự, tăng vị tịch tĩnh. Cuống hoặc tha cố, ư Đại Thừa pháp, hiện tự thính văn, giáo tha thính văn, hiện tự độc tụng, giáo tha độc tụng, vị tự tiến cử, lãng phục tha cố. Ứ Đại Thừa pháp, cung kính tán mỹ, tự ư Đại Thừa chư hành cảnh giới, bất tăng tu học, vị năng ngộ giải, nhi tự xưng hiệu “ngã thị Đại Thừa”, dụ khuyến tha nhân, phụ kỷ tu học, quy cầu danh lợi, dĩ tự hoạt mạng.

(經)復次，善男子！有諸眾生，稟性暴惡，言辭粗獷，實是愚癡，懷聰明慢，不斷殺生乃至邪見，於他所得利養恭敬、世所稱譽，深生嫉妒，常自追求利養恭敬、世所稱譽，曾無厭倦，恆自讚譽，輕毀於他，不自防護身語意業，常樂習行一切惡行，內行慘毒，無有悲愍，無慚無愧，喜觸惱他，於諸福田好簡勝劣，于歸我法諸出家人，常樂伺求所有瑕隙。才得少相未審真虛，即便輕毀呵罵謫罰。其心剛強，佞戾迷亂，常喜觸惱諸出家人，不省己過，念譏他闕。雖聞讚歎大乘功德發意趣求，而心好為諸重惡事，曾未寂靜。誑惑他故，於大乘法，現自聽聞、教他聽聞，現自讀誦、教他讀誦，為自薦舉陵伏他故。於大乘法，恭敬讚美，自於大乘諸行境界不曾修學，未能悟解，而自稱號「我是大乘」，誘勸他人附己修學，規求名利以自活命。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Có các chúng sanh bẩm tánh bạo ác, ngôn từ thô lỗ, tục tằn, thật sự là ngu si, tự phụ thông minh, chẳng đoan sát sanh, cho đến tà kiến. Đối với chuyện người khác đạt được lợi dưỡng, cung kính, được cõi đời khen ngợi, bèn sanh lòng ghen tỵ sâu xa,

thường tự truy cầu lợi dưỡng, cung kính, và sự ngợi khen trong cõi đời chưa từng chán mệt. Luôn tự ca ngợi, khinh miệt, hủy báng người khác, chẳng tự gìn giữ thân, ngữ, ý nghiệp. Thường thích thực hiện hết thấy ác hạnh. Trong lòng xấu xa, ác độc, chẳng có lòng bi mẫn, chẳng hổ, chẳng thẹn, thích xúc phạm, náo loạn người khác. Đối với các phước điền, thích phân biệt hơn, kém. Đối với những người xuất gia quy y pháp của ta, thường thích moi tìm tỳ vết của họ. Hễ tìm được chút tướng, chẳng tra xét thật giả, liền lập tức khinh miệt, hủy báng, quở trách, chửi mắng, trừng phạt. Tâm kẻ đồ vương ngạnh, hung tợn, mê loạn, thường chuộng xúc phạm, náo loạn các vị xuất gia, chẳng nhận biết lỗi mình, chỉ luôn nghĩ tưởng, chê cười sai sót của kẻ khác. Tuy nghe tán thán công đức Đại Thừa bèn sanh lòng tìm cầu, nhưng tâm chuộng làm các chuyện ác nặng nề, chưa từng tịch tĩnh. Vì lừa dối kẻ khác, bèn tự làm ra vẻ nghe nhận pháp Đại Thừa, dạy người khác lắng nghe, làm ra vẻ tự đọc tụng, dạy người khác đọc tụng. Vì tự đề cao mình, lấn hiếp, chèn ép người khác, bèn cung kính, khen ngợi Đại Thừa, nhưng tự mình đối với các cảnh giới sở hành của Đại Thừa chưa từng tu học, chẳng thể ngộ giải, lại tự rêu rao “ta là Đại Thừa”, khuyến dụ kẻ khác nương theo mình tu học để gom cầu danh lợi, hòng tự nuôi thân).

“Tà kiến” là ngu si, là vô minh, luôn dùng tà kiến để thay thế. “Phục thứ” (Lại nữa), đức Phật lại nói tiếp: Có chúng sanh bầm tánh thô bạo, ác tánh chẳng đỏi, rất thô bạo, ăn nói không ra thể thống gì, thường xuyên muốn động thủ đánh người. Chửi người khác không lại, hoặc bị người khác chửi bới ngược lại, sẽ chẳng chịu được. Kẻ đó chửi rửa người khác, nếu người khác chửi ngược lại, sẽ động thủ đánh người! “*U tha sở đắc lợi dưỡng, cung kính, thế sở xưng dự, thâm sanh tật đố*” (Thấy người khác đạt được lợi dưỡng, cung kính, cõi đời khen chuộng, sanh lòng ghen ghét sâu xa): Đây là biểu hiện chẳng có trí huệ. Kẻ đó có tâm ghen ty, cũng rất thông minh [theo kiểu] thông minh mạn. Thấy người khác đạt được đôi chút tốt lành, như được tiếng tăm tốt đẹp, hoặc được cúng dường, buôn bán có lời, kẻ đó sẽ nghĩ phương cách phá hoại! Nếu là cùng nghề thì sẽ là oan gia.

“*Thường tự truy cầu lợi dưỡng, cung kính*”: Điều kẻ đó mong cầu chính là tiếng tăm và lợi dưỡng. “*Thế sở xưng dự, tăng vô yếm quyện*” (Đối với lời khen ngợi trong cõi đời, chưa từng chán mệt): Đối với chuyện này, kẻ đó rất tinh tấn. Tuy người khác chẳng khen ngợi, kẻ đó cũng tự mình ca ngợi chính mình, khen mình, chê người! Đối với thân,

miệng, ý của chính mình, kẻ đó chẳng gìn giữ, ngăn ngừa, cứ chằm chặp canh chừng thân, miệng, ý của kẻ khác, quở kẻ khác ăn nói chẳng đúng, thân thể làm chuyện không đúng, thường uốn nắn thân, miệng, ý của kẻ khác, còn thân, miệng, ý của chính mình thì chẳng gìn giữ, ngăn ngừa!

Những điều kẻ ấy mong mỏi, tập luyện là gì? Hết thấy ác hạnh, toàn làm ác, chẳng làm việc thiện. “*Nội tâm sấm độc*”: Chữ “*sấm*” (疹) này có nghĩa là gì? Xấu ác, hỗn loạn. Đó là độc. Độc gì vậy? Là chất độc của ác hạnh. Một tí tâm bi mẫn người khác cũng chẳng có. Mẫn (愍) kém hơn [bi] một chút, tức là thương xót người khác. Bi là đại bi, lớn hơn. Chúng ta thường xuyên hình dung con người như thế này: “*Cái tâm trắc ẩn ai nấy đều có*”. Câu kinh này cho thấy không phải ai cũng đều là như vậy! Có những kẻ hung ác, quen thói thô bạo, chưa từng có tâm trắc ẩn. Không chỉ đối với người ngoài, mà đối với vợ con của hắn, vẫn là như vậy. Chẳng hổ, không thẹn! Trong lòng hắn ưa thích chuyện gì? Gây phiền não cho kẻ khác, luôn muốn làm cho người khác hứng chịu khổ não. Nếu có chuyện hơi tốt đẹp, muốn làm chuyện phước đức, hắn sẽ quấy phá. Có rất nhiều kẻ như vậy, cầm tiền của kẻ khác để làm chuyện tốt, chính kẻ đó chẳng có công đức, cứ ngỡ chính mình đã chiếm tiện nghi, thật ra, kẻ đó đang tạo tội. Tại Đại Lục, kẻ [làm như vậy] được gọi là “*thiện trùng tử*” (善蟲子, con sâu làm rầu thiện sự, con sâu ăn bám thiện sự), chuyên môn nuột trắng tiền tài của hòa thượng hoặc cư sĩ. Hạng người như thế được gọi là “*thiện trùng tử*”, là thứ ký sanh trùng, tức ký sanh trùng nơi thiện sự, chiếm lợi ích của người khác để tạo lợi ích cho riêng mình.

Có một kẻ rêu rao rùm beng chính mình là hiếu tử. Mẹ hắn ngã bệnh, hắn muốn cắt thịt để bồi bổ mẹ. Bất quá, hắn chẳng cắt thịt của chính mình. Người khác đợi sẵn ở nhà vệ sinh, khi hắn đang tiêu tiểu, bèn vung dao chém hắn, hắn chẳng kêu ầm lên hay sao? Người khác nói: “Ngươi đừng kêu. Cắt thịt dâng mẹ là lòng hiếu lớn nhất. Sao ngươi vẫn còn kêu?” Mọi người nghe xong cảm thấy chuyện này như thế nào? Tuy là chuyện cười, nhưng xác thực là có kẻ như thế đấy. Đối với hết thấy phước điền, hắn cứ kén chọn cái nào là tốt, ta nên làm; cái nào chẳng tốt, ta không nên làm. Phước đức đã bị giảm khinh, thiện căn này rất bé, thiện căn kia rất to, to thì ta nên làm, nhỏ nhoi ta chớ nên làm!

Khi Lưu Bị phó thác con côi [cho các đại thần], đã dặn Lưu Thiện¹⁵ phải nhớ kỹ hai câu: “*Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi*”, nghĩa là đừng thấy chuyện rất nhỏ nhặt, tuy là chuyện xấu rất nhỏ, chẳng có ảnh hưởng gì, người cũng đừng nên làm. “*Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi*”, chớ vì điều thiện này rất nhỏ mà chẳng làm. Nếu người làm, sẽ sanh khởi công đức to lớn. Giống như thí xả cho kẻ khác một ít tiền, một đồng, một xu, tâm quý vị một mực từ bi, cung kính, đích thân đưa cho người ta, công đức vô lượng. Nếu là quốc vương, hoặc đại thần, bố thí cho kẻ cùng khổ, hoặc ăn mày, đích thân an ủi, bất luận tiền bao nhiêu, công đức của người ấy hơn hẳn cúng dường vô lượng Hằng hà sa chư Phật. Kinh Địa Tạng dạy như thế đó.

Đối với người xuất gia trong pháp của ta, kẻ đó thường chuộng tìm cầu các tỳ vết. Kẻ đó chẳng làm gì khác, chỉ ráo riết bới lông tìm vết. Hễ thấy lỗi của người xuất gia, kẻ đó tìm được một chút, “*tài đắc thiếu tướng*” (mới tìm được một chút), hấn chẳng kiểm nghiệm là thật hay giả, liền “*khinh hủy, ha mạ, trích phạt*” (khinh miệt, hủy báng, chửi mắng, trừng phạt). Sai lầm mất rồi, đây là đại ác! Kẻ như thế chẳng nghe người khác khuyên bảo, cái tâm cứng cõi, khó thể điều phục. “*Hận lệ mê loạn*” tức là hung tàn, bạo ác, tâm rất mê loạn. Do vậy, mục đích của kẻ đó “*thường hỷ xúc nã chư xuất gia nhân*” (thường chuộng xúc phạm, nã loạn những người xuất gia): Thấy các hòa thượng và người xuất gia phiền não, kẻ đó rất khoái chí, mục đích của hấn là thường mong tìm lỗi của người xuất gia, khiến cho quý vị phiền não, khiến cho quý vị tu chẳng thành. Đó là ma quỷ. Con cái của ma vương Ba Tuần đến nã loạn người xuất gia. Sau đó, hấn cũng xuất gia, mặc y phục xuất gia, chẳng làm Phật sự, mà càng phá hoại mạnh hơn!

Hạng người này rất nhiều, làm thiện trùng tử chẳng thành, bèn vào tận bên trong [Phật giáo], đục ruỗng từ trong ra ngoài. Vào trong Phật giáo để phá hoại Phật giáo, hủy diệt Phật giáo, vĩnh viễn chẳng nghĩ đến sai trái của chính mình. Luôn chê bai, hủy báng kẻ khác, tìm khuyết điểm của người ta. Nghe tán thán công đức của Đại Thừa, hấn cũng biết

¹⁵ Lưu Thiện, tên tự là Công Tự và Thăng Chi, tên gọi thuở bé là A Đầu, con trai của Lưu Bị và Cam Mai (Chiêu Liệt Hoàng Hậu). Về sau, Lưu Thiện nối ngôi Lưu Bị (Hán Chiêu Liệt Đế). Sử thường gọi Lưu Thiện là Thục Hán Hậu Chúa. Khi Tôn Quyền sai người đón Tôn phu nhân về lại Đông Ngô đã bắt cóc Lưu Thiện theo, phải nhờ Triệu Vân (Triệu Tử Long) dũng mãnh đột phá mới cướp Lưu Thiện trở về được. Về sau, nhà Thục Hán bị Tào Ngụy thôn tính, Lưu Thiện bị bắt đưa về kinh đô Lạc Dương của nước Ngụy, giữ chức vị bù nhìn là An Lạc Huyện Công.

đây là chuyện tốt. Vừa nghe người ta tán thán công đức của Đại Thừa, hẳn cũng phát tâm mong cầu Đại Thừa, muốn tìm cầu. Nhưng trong tâm hẳn ưa chuộng giết, trộm, dâm, dối, chưa hề tịch tĩnh, chẳng ngưng dứt tạo lỗi ác, chẳng tỉnh được chính mình, hết sức tán loạn! Vì sao? Nghiệp khiến cho hẳn mê loạn. Nghiệp chướng mà! Đó gọi là nghiệp chướng thật sự. Quý vị thấy những kẻ đó nghiệp chướng rất nặng, nhưng chẳng thể khuyên họ. Nếu quý vị khuyên họ, họ sẽ tức giận, gây phiền não cho quý vị. Do đó, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo vua Diêm La: “*Chúng sanh trong thế giới Sa Bà này ương ngạnh, khó điều phục, tập khí rất sâu nặng*”. Làm ác sự trọng đại, trước nay chưa hề tỉnh lặng, lừa dối gạt gẫm người khác, toàn là giả vờ bày trò!

“*U Đại Thừa pháp, hiện tự thính thọ*” (Đối với pháp Đại Thừa, tự làm ra vẻ nghe nhận): Đối với pháp Đại Thừa, kẻ đó tự nghe, mà cũng dạy người khác nghe. “*Hiện tự độc tụng, giáo tha độc tụng. Vị tự tiến cử, lãng phục tha cố. U Đại Thừa pháp, cung kính tán mỹ. Tự u Đại Thừa pháp chư hành cảnh giới, vị tăng tu học, bất năng ngộ giải, nhi tự xưng hiệu ngã thị Đại Thừa, dụ khuyến tha nhân*” (Làm ra vẻ tự đọc tụng, dạy kẻ khác đọc tụng, nhằm đề cao chính mình, lãn hiếp, chế phục kẻ khác. Cung kính, khen ngợi pháp Đại Thừa, nhưng chính mình đối với các cảnh giới sở hành của Đại Thừa, chưa từng tu học, chẳng thể ngộ giải, mà tự xưng “ta là Đại Thừa”, khuyên dụ kẻ khác): Khuyên dụ người khác tin tưởng, nương theo hẳn tu học. Hai câu đầu, quý vị nghe thấy tốt lắm. Phần sau chẳng phải vậy, có dụng tâm khác, dụng tâm chẳng đúng! Kẻ đó nói: “Tôi đã nghe rồi, bộ kinh này hay lắm, quý vị hãy theo tôi đi nghe. Nay tôi đang đọc tụng kinh chi đó, quý vị có đọc tụng hay không? Tôi đề cử, hướng dẫn quý vị, nhưng quý vị phải nghe theo tôi”. Đây chính là dối gạt người ta.

Lãn hiếp, chèn ép người khác vì đề hàng phục kẻ khác. Đối với pháp Đại Thừa, tán dương, cung kính, đó là giả tướng, giả vờ tán thán, cung kính. Đối với các hạnh và tướng cảnh giới trong Đại Thừa, trước nay hẳn chưa hề tu học, có học cũng chẳng vô, khỏi bàn đến chuyện ngộ giải! Làm sao thấu hiểu cho nổi! Nhưng kẻ đó tự thổi phồng “ta là người học Đại Thừa”, khuyên mọi người hãy theo học với ta, nghe lời ta. Thật ra, kẻ đó giả dối hòng “*quy cầu danh lợi*”, tức là nhằm mục đích muốn cầu danh kiếm lợi để tự nuôi sống cái thân. Đó gọi là “sống bằng tà mạng”. Kẻ đó mạo nhận pháp Đại Thừa; dưới lớp ngụy trang ấy, kẻ đó bèn theo đuổi danh lợi. Một mình còn chưa thỏa, lại còn kéo bè kết đảng, lập băng vầy nhóm!

(Kinh) Thí như phá giới, ác trì luật sư, tự phạm Thi La, nhạo hành ác hạnh. Vị danh lợi cố, dụ khuyến tha nhân, linh cần tu học Tỳ Nại Da Tạng. Như thị siểm khúc, hư trá chúng sanh, hạ tiện nhân thân, thượng đương nan đắc, thoái thất thiện thú, Nhị Thừa Niết Bàn, hưởng đắc Đại Thừa? Chung vô thị xú! Đương đọa ác thú, nan hữu xuất kỳ. Chư hữu trí nhân, bất ưng thân cận, nhi vô tâm quý, ư đại chúng trung, tự hiệu Đại Thừa, như sư tử hống. Vị danh lợi cố, dụ cuồng ngu si, linh thân phụ kỹ, cộng vi bằng đẳng. Thí như hữu lưu, phi sư tử bì, nhi tiện tự vị dĩ vi sư tử. Hữu nhân dao kiến, vị chân sư tử. Cập chí minh dĩ, giai thức thị lưu, hàm cộng thóa ngôn: “Thử phi sư tử, thị thực bất tịnh, chân tặc ác lưu”, chủng chủng ha sát, giai cộng xả khứ. Ngã thuyết như thị Bồ Đặc Già La thường nhạo tập hành thập ác nghiệp đạo, thiêu diệt nhất thiết nhân thiên chủng tử, thượng thoái Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, hưởng ư Đại Thừa năng thành pháp khí? Ngu si, kiêu mạn, tự hiệu Đại Thừa, cuồng hoặc tha nhân, chiêu tập lợi dưỡng.

(經)譬如破戒惡持律師，自犯尸羅，樂行惡行。為名利故，誘勸他人，令勤修學毗奈耶藏。如是諂曲虛詐眾生，下賤人身尚當難得，退失善趣二乘涅槃，況得大乘？終無是處！當墮惡趣，難有出期。諸有智人不應親近，而無慚愧，於大眾中自號大乘如師子吼。為名利故，誘誑愚癡令親附己，共為朋黨。譬如有驢披師子皮，而便自謂以為師子。有人遙見，謂真師子。及至鳴已」皆識是驢，咸共唾言：「此非師子，是食不淨真弊惡驢」，種種呵叱，皆共舍去。我說如是補特伽羅，常樂習行十惡業道，燒滅一切人天種子，尚退聲聞、獨覺乘法，況於大乘能成法器？愚癡憍慢，自號大乘，誑惑他人，招集利養。

(Kinh: Ví như luật sư phá giới, ác trì, tự phạm giới luật, thích làm ác hạnh. Do vì danh lợi, khuyến dụ kẻ khác để họ siêng năng tu học Tỳ

Nại Da Tạng. Kể siểm khúc, dối trá như thế, thân người hạ tiện còn khó có được, thoái thất đường lành, Nhị Thừa Niết Bàn, huống hồ đắc Đại Thừa u? Trọn chẳng có lẽ ấy, mà sẽ đọa vào đường ác, khó có thuở thoát ra. Những người có trí chớ nên thân cận [kẻ ấy], mà gã đó chẳng hổ thẹn, ở trong đại chúng, tự xưng là Đại Thừa, như sư tử rống. Do vì danh lợi, dụ dỗ, gạt gẫm kẻ ngu si, khiến cho họ quy phục hẳn, kết thành bè đảng. Ví như có con lừa, khoác da sư tử, bèn tự cho mình là sư tử. Có người nhìn từ xa, ngỡ là sư tử thật, đến khi nó kêu, ai nấy đều biết nó là lừa, đều cùng thóa mạ: “Đấy chẳng phải là sư tử, mà là con lừa ăn đồ bất tịnh, thật sự tệ ác”, đủ mọi thứ chửi bới, trách mắng, đều cùng bỏ đi. Ta nói Bồ Đặc Già La như thế thường thích thực hành thập ác nghiệp đạo, đốt cháy hết thầy chúng tử trời, người, đối với pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa còn bị thoái thất, huống hồ có thể trở thành pháp khí Đại Thừa u? Ngu si, kiêu mạn, tự xưng là Đại Thừa, dối gạt, mê hoặc người khác để tom góp lợi dưỡng).

“Thí như phá giới, ác trì luật sư”, luật sư¹⁶ là giả, kẻ đó phá giới, “ác trì” (惡持) là hành trì theo điều ác. Hẳn trì ác pháp, chẳng hành giới pháp. Hạng luật sư như vậy tự mình phạm giới, tức là phạm Thi La. “Nhạo hành ác hành” (Thích làm hạnh ác): Vì danh lợi, lại còn khuyên dụ kẻ khác, “linh cần tu Tỳ Nại Da Tạng” tức là khuyên người khác siêng tu giới luật, làm ra vẻ ta đây là một người học Giới, khuyên người khác đều phải học Giới, trì Luật, nhưng chính mình đã phạm Thi La. Đã thế, lại còn siểm khúc, chẳng thật. “N hư thị siểm khúc, hư trá chúng sanh”, tức là hư dối chẳng thật, lừa gạt chúng sanh, kẻ như vậy “hạ liệt nhân thân thượng đương nan đắc”, [ý nói] mong làm thân người thấp hèn [còn chẳng được]. Một khi thân người đã mất đi, mong được làm thân người thấp hèn, rất khó! Cổ nhân nói: “Trước cửa địa ngục, Tăng, đạo đông”, có nghĩa là như thế đó. Kẻ đó chẳng phải là Tăng nhân chân chánh, cũng chẳng phải là người tu đạo chân chánh.

Vì sao? Kẻ đó vì danh, vì lợi, lừa gạt, vờ vĩnh. Đức Phật thấy rõ thời Mạt Pháp: Trong thời Chánh Pháp, người thành đạo nhiều, nhưng Mạt Pháp thì quý vị chẳng thấy người thành đạo. Kẻ [phá giới, dối trá] như vậy, quý vị chẳng mở mắt nhìn thì không thấy, hễ mở mắt liền thấy, nhưng nói theo phía bản thân chúng ta, dầu thấy mà coi như chẳng phát

¹⁶ Vị Tăng tinh thông, chuyên hành trì giới luật tinh nghiêm, có đủ tư cách dạy dỗ, truyền giới luật cho Tăng chúng thì gọi là Luật Sư.

hiện, phải nhẫn thọ, cứ coi kẻ đó như thánh tăng. Quý vị làm theo như vậy, sẽ đạt được phước đức, đạt được phước đức của bậc thánh tăng. Quý vị coi thánh tăng thành phàm phu tăng, trở thành tỳ-kheo phá giới, thì điều gì cũng chẳng đạt được. Dầu người đó là thánh tăng, quý vị cũng chẳng đạt được. Cho nên giống như hòa thượng Tế Điền, gặp vị hòa thượng phá giới ấy, điều gì quý vị cũng chẳng đạt được, vì quý vị không có cái tâm ấy.

Do đó người như vậy rốt cuộc phải đọa vào ác thú. “*Nan hữu xuất kỳ*” (Khó có lúc thoát ra): Chẳng đạt được thân người thấp hèn! Vì sao? Đã đọa vào địa ngục, đến lúc làm người, sẽ làm thân người thấp hèn, các chi thể chẳng vẹn toàn. Hoặc là điên rồ, hoặc là lục căn chẳng trọn đủ. “*Chư hữu trí nhân bất ung thân cận*” (Những người có trí chẳng nên thân cận): Người có trí huệ chớ nên thân cận kẻ đó, kẻ đó là phường không hô thẹn. Kẻ đó ở trong đại chúng “*tự hiệu Đại Thừa*” (tự xưng là Đại Thừa), giống như “*sư tử rông*”, thật ra, chỉ vì danh lợi. “*Dụ cuồng ngu si, linh thân phụ kỷ*” (Dụ dỗ, gạt gẫm kẻ ngu si, thân cận, quy phục chính mình), khiến cho kẻ khác thân cận hẳn, cùng hẳn kết bè kéo cánh, hẳn làm người cầm đầu.

Bản thân hẳn chẳng tu hành, mà cũng chẳng lý giải, chẳng có trí huệ, chỉ vì tiếng tăm, lợi dưỡng, khiến cho kẻ khác thân cận, quy thuộc hẳn, hẳn liền đạt được mục đích. Đức Phật nói tỷ dụ, loại người ấy giống như con lừa trong loài súc sanh. Con lừa thì tài khéo gì cũng đều chẳng có. Trong quá khứ, có câu nói [ví von] là “*Kiểm lư chi kỹ*” (黔驢之技, tài nghệ của con lừa đất Kiếm). Kiếm (黔) là tỉnh Quý Châu. Có người ở địa phương khác, mua một con lừa chở về. Cọp ở Quý Châu chưa từng thấy lừa, hoảng sợ trước con vật to lớn, chẳng dám quấy rối nó. Lâu ngày, cọp thấy nó cũng chẳng có gì đặc biệt, chẳng có bản lãnh gì, liền thử quấy rối lừa, cọp kéo đuôi lừa, lừa bèn lấy chân đá. Cọp trông thấy, nói: “Tài nghệ của ngươi chỉ đến thế. Bản lãnh của ngươi chỉ lớn chừng đó”. Cọp liền ăn thịt lừa!

Điều bất đồng là kẻ đó chẳng có hô thẹn, lại chẳng chịu học, cho rằng chính mình học pháp Đại Thừa, thậm chí giải nói cho kẻ khác, cho rằng chính mình cũng đang sư tử hồng, cũng sư tử hồng giống như Phật, nhưng kẻ đó có một khuyết điểm “*vì danh lợi*”. Nếu chẳng vì danh lợi, kẻ đó sẽ chẳng làm như vậy. Dụ dỗ người khác, dẫn dắt những kẻ chẳng khác gì hẳn cho mấy, đều là phường ngu si, thậm chí còn ngu si hơn kẻ đó. “*Cộng vi băng đảng*” (Cùng kết thành băng đảng): Giống như trong

hiện thời, kết thành một bang, một phái, có khác chi con lừa? Tự cho là sư tử thật sự, nhưng chẳng có bản lãnh thật sự của sư tử, đợi cho đến khi hấn rống lên, tiếng lừa rống và tiếng sư tử rống hai đằng sai khác quá xa! “*Thử phi sư tử, thị thực bất tịnh*” (Đây chẳng phải là sư tử, mà là thứ ăn đồ bất tịnh). “*Thực bất tịnh*” có thể giải thích bằng hai cách. Xét theo Phật giáo để giải thích, những gì kẻ đó đã làm đều chẳng thanh tịnh, chẳng phải là hạnh môn thanh tịnh. Đó là giả dạng, giả trất, là con lừa xấu ác. Mọi người sau khi đã nhận biết bèn chửi mắng hấn, chẳng chung bè chung phái với hấn, lừa bỏ hấn!

“*Ngã thuyết như thị Bồ Đặc Già La thường nhạo tập hành thập ác nghiệp đạo*” (Ta nói Bồ Đặc Già La như thế thường thích tập tà hành thập ác nghiệp đạo): Đức Phật nói loại chúng sanh ấy trong quá khứ đã tiếm nhiễm rất sâu. Những chuyện kẻ đó làm toàn là chuyện thuộc thập ác đạo, thích làm thập ác nghiệp, miệng ưa nói dối, nói thêu dệt, nói thô ác, nói đôi chiều, trong lòng mơ tưởng tham, sân, si, thân thể tạo tác giết, trộm, dâm. Đây là thập ác nghiệp. Thiêu hủy hết thầy chúng tử làm người, cho đến chúng tử sanh lên trời. Nhân thiên còn chẳng thể làm, há còn có thể có pháp Thanh Văn hay Duyên Giác chi nữa? Hoặc là pháp Duyên Giác, pháp Thanh Văn đã học trong đời quá khứ đều thoái thất, thứ gì cũng chẳng còn. Đối với Đại Thừa, kẻ ấy chẳng trở thành pháp khí Đại Thừa.

Kẻ đó tự nói là Đại Thừa, chúng tỏ hấn chẳng phải là Đại Thừa! Tất cả những gì kẻ đó có là “*ngu si, kiêu mạn*”, tự mình nguy trang. Hiện thời, bất luận là tứ chúng đệ tử, luôn cho rằng pháp mình đang học rất tuyệt diệu, bất luận là Hiển pháp hay Mật pháp, nhưng hoàn toàn chẳng thật sự tu. Nhìn từ hiện tượng, dường như là tu tập, hiện thời đương nhiên đều là Đại Thừa, đều tự xưng là Đại Thừa. Hiện thời, bất luận vị nào cũng đều [vỗ ngực xưng mình] viên dung, chẳng có ai nói ta tu Khô, Tập, Diệt, Đạo. [Người nói chính mình tu tập Khô, Tập, Diệt, Đạo] ít lắm!

Hiện thời, lại còn có một nguyên nhân khác: Sau khi kẻ đó xuất gia, bèn thoát ly giáo nghĩa. Vừa vào chùa, được tiếp cận sư phụ, đặc biệt là chùa Thiên Tông, hoặc chùa Tịnh Độ tại Đại Lục, ngay cả Đại Thừa cũng chẳng thừa nhận! Thật ra, đây là vì các tổ sư trong quá khứ đã nói như vậy, họ đều là bất chước nói theo [nhưng chẳng hiểu thâm ý, dụng ý khuyên nhất tâm, “chuyên tinh hành trì, đừng tham đắm đa văn khi chưa đạt chuyên tâm, chưa thấu hiểu pháp môn chính mình đang tu” của chư Tổ], cứ nhai nhải: “*Niệm một câu A Di Đà Phật, theo chiều dọc*

cùng tột tam giới, theo chiều ngang bao trùm tám giáo, thứ gì cũng đều trọn đủ. Niệm một câu A Di Đà Phật là đủ rồi”. Hàng Bồ Tát mới vừa xuất gia, mới vừa phát ý, thứ gì cũng đều chẳng biết, chỉ biết niệm một câu A Di Đà Phật, như thế bèn rất kiêu ngạo: “Ta niệm một câu A Di Đà Phật, so với người học kinh Hoa Nghiêm bao nhiêu năm có ích gì hay chẳng? Kinh Pháp Hoa chẳng cần phải học! Ta niệm một câu A Di Đà Phật đều có”. Thế nhưng [họ quên rằng] kinh Di Đà chẳng nói như vậy, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng nói như vậy. Cho nên kẻ đó chẳng học Giáo, mà cũng chẳng thâm nhập! Nếu thật sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì công đức của A Di Đà Phật quả thật chẳng thể nghĩ bàn, nhưng [sơ cơ hành nhân] chẳng làm được!

Ngoài ra, có rất nhiều kẻ tọa Thiền, thứ gì cũng chẳng biết, nhưng rất kiêu ngạo, tánh tình rất nóng nảy. Vì kẻ đó chẳng tu, chẳng nhập Định, sẽ phát triển theo cá tánh. Chẳng học tập giáo nghĩa, do có sự thiếu hụt này, kẻ ấy chẳng nhận thức chính mình, mà cũng chẳng nhận thức người khác, càng chẳng biết đức Phật dạy bảo, truyền dạy chúng ta những gì. Đức Phật quả trách hạng người này là “ngu si mạn”. Tự xưng là Đại Thừa, cho rằng chính mình ghê gớm lắm, lại còn lường gạt người khác nhằm mục đích tom góp lợi dưỡng!

(Kinh) Thí như si mạn, vô thủ túc nhân, dục hưng chiến phạt, nhập u đại trận, đồ thiết công hiệu, chung vô khắc thành. Trá hiệu Đại Thừa, diệt phục như thị. Tín thủ, giới túc, vô hữu nhất toàn, bất tự nhai quỹ sở kham hạnh nghiệp, dục hưng chiến phạt phiến não đại trận, đồ thiết công hiệu, chung vô khắc thành! Ngã thuyết thị nhân bất hộ tam nghiệp, chuyên hành ác hạnh, vọng hiệu Đại Thừa, thật u tam thừa, giai phi pháp khí, nhi dục phá hoại nhất thiết chúng sanh dũng kiện, kiên lao phiến não đại trận, dục giai hiển thị nhất thiết chúng sanh bất chi thánh đạo, linh nhập vô úy Niết Bàn chi thành, chung vô thị xứ! Sở dĩ giả hà? Thiện nam tử! Phù Đại Thừa giả, thọ trì đệ nhất thanh tịnh luật nghi, tu hành đệ nhất vi diệu thiện hạnh, cụ túc đệ nhất kiên cố tâm quý, thâm kiến, thâm úy hậu thế khổ quả, viễn ly sở hữu nhất thiết ác pháp, thường nhạo tu hành nhất thiết thiện pháp, từ bi thường biếu nhất thiết hữu tình, hàng phổ vị tác lợi ích an lạc, cứu tế, độ thoát nhất thiết hữu tình, sở hữu ách nạn, sanh tử chúng khổ, bất cố tự thân sở hữu an lạc, duy cầu an lạc nhất thiết hữu tình. Như thị danh vi trụ Đại Thừa giả.

(經)譬如癡慢無手足人，欲興戰伐入於大陣，徒設功效，終無克成。詐號大乘，亦復如是。信手、戒足，無有一全，不自崖揆所堪行業，欲興戰伐煩惱大陣，徒設功效，終無克成！我說是人，不護三業，專行惡行，妄號大乘，實於三乘皆非法器，而欲破壞一切眾生勇健堅牢煩惱大陣，欲皆顯示一切眾生八支聖道，令入無畏涅槃之城，終無是處。所以者何？善男子！夫大乘者，受持第一清淨律儀，修行第一微妙善行，具足第一堅固慚愧，深見深畏後世苦果，遠離所有一切惡法，常樂修行一切善法，慈悲常徧一切有情，恆普為作利益安樂，救濟度脫一切有情，所有厄難生死眾苦，不顧自身所有安樂，唯求安樂一切有情。如是名為住大乘者。

(Kinh: Ví như kẻ si mạn, chẳng có chân tay, muốn đi chiến đấu, chinh phạt, vào trong trận lớn, mưu toan lập công, trọn chẳng thành công. Kẻ dối trá xưng là Đại Thừa, cũng giống như thế. Tay Tín, chân Giới, không một thứ gì vẹn toàn, chẳng tự suy xét, cân nhắc hạnh nghiệp có thể làm, muốn chiến đấu, chinh phạt trong đại trận phiền não, mưu toan lập công, trọn chẳng thành công! Ta nói người như thế chẳng bảo vệ ba nghiệp, chuyên hành ác hạnh, hư vọng xưng là Đại Thừa, quả thật đều chẳng phải là pháp khí trong tam thừa, mà muốn phá hoại đại trận phiền não cứng chắc, dùng mãnh của hết thấy chúng sanh, muốn đều hiển thị tám chi thánh đạo của hết thấy chúng sanh, khiến cho họ đều vào tòa thành Niết Bàn không sợ hãi, trọn chẳng có lẽ ấy! Vì có sao vậy? Nay thiện nam tử! Phàm Đại Thừa là thọ trì luật nghi thanh tịnh bậc nhất, tu hành thiện hạnh vi diệu bậc nhất, trọn đủ hổ thẹn kiên cố bậc nhất, thấy sâu xa và sợ sâu xa khổ quả trong đời sau, xa lìa tất cả hết thấy ác pháp, thường thích tu hành hết thấy thiện pháp, thường từ bi trọn khắp hết thấy hữu tình, luôn tạo lợi ích an lạc, cứu tế, độ thoát trọn khắp tất cả các thứ khổ và ách nạn sanh tử của hết thấy hữu tình, chẳng màng tất cả an lạc của chính mình, chỉ cầu an lạc hết thấy hữu tình. Như thế thì gọi là người trụ trong Đại Thừa).

Ví như có một người tay lẫn chân đều không có, còn muốn tham gia chiến trận, muốn đánh giặc, [đó là ý nghĩa của câu] “*dục hưng chiến phật nhập u đại trận*”, có thể thành công hay không? Bản lãnh gì cũng đều không có, trống trơn, công hiệu gì cũng đều chẳng có. Vậy thì có thể thành tựu nổi không? “*Chung vô khắc thành*” (Trọn chẳng thể thành): Quý vị chẳng thể nào chiến thắng địch nhân, chỉ bị địch nhân tiêu diệt. Giống như chính mình chẳng có học vấn lẫn tài nghệ, ngay cả phiền não Kiến Tư Hoặc nông cạn nhất cũng chẳng thể đoạn, làm sao có thể làm chuyện lợi ích hết thảy chúng sanh cho được? Đây là đối trá xưng là Đại Thừa!

Người học Phật trong hiện thời chiến đấu với ai? Chính mình chiến đấu với bản thân, quý vị phải chiến đấu với phiền não và tập khí của chính mình. Khởi đầu trước hết từ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Cảnh giới ngũ dục ấy quý vị chẳng khắc phục được. Người ta chửi quý vị hai câu, quý vị bị lửa giận xông cao ba trượng. Đó là chuyện bé tí, bé tẹo, quý vị chẳng thể đối trị nổi, làm sao có thể lợi ích hết thảy chúng sanh? Thậm chí đặt Ngũ Kiến vào vị trí bậc nhất, chuyện gì cũng đều suy tính cho chính mình. Như thế thì quý vị làm sao có thể liễu sanh tử cho nổi? Nói là Đại Thừa, thế mà ngay cả liễu sanh tử còn chẳng thể! Quý vị mong đoạn phiền não, có thể đạt thanh tịnh đôi chút, thế mà ngay cả điều rất thô thiển, quý vị cũng chẳng đạt được! Rất hời hợt, xáo động, rất bộp chộp, rất nông nổi, suốt ngày luôn tán loạn, bảo đó là Đại Thừa thì ai mà tin được? Ai cũng chẳng thể tin nổi!

“*Tín thủ, Giới túc, vô hữu nhất toàn*” (Tay Tín, chân Giới, không một điều nào vẹn toàn): Tín tâm ví như tay, trì giới ví như chân. Vậy thì quý vị chẳng có tín tâm, lại chẳng giữ giới thanh tịnh, tức là “không tay, không chân”. Chẳng có tín tâm, lại chẳng có giới hạnh, thứ gì cũng đều chẳng đầy đủ!

“*Bất tự nhai quỹ*” [nghĩa là] vì chẳng biết tự lượng sức. Chính mình hãy tự cân nhắc bản thân, quý vị có công đức gì? Có đức hạnh gì? Chẳng biết tự lượng sức mình, quý vị đối với hạnh nghiệp mà chính mình có thể kham thực hiện, hãy học theo hạnh đó, hoặc là Thanh Văn Thừa, hoặc là Duyên Giác Thừa, quý vị có thể làm được hay không? Người ta nói “*thông minh bất quá nạp tử*” (thông minh chẳng hơn tăng sĩ), “*nạp tử*” (衲子, kẻ mặc áo bằng các mụn vải chằm lại) là nói đến

người xuất gia. Quý vị chớ nên thấy người xuất gia chẳng làm chuyện gì! Họ học điều gì, hiểu điều đó, hết sức thông minh. Kẻ có Thế Trí Biện Thông, vừa học liền hiểu ngay. Nếu có đôi chút Định lực gia trì, bất luận học điều gì, sẽ hiểu rất nhanh. Nếu ngay cả chút trí huệ ấy cũng không có, quý vị làm chuyện gì cũng đều chẳng nên hồn, tùy tiện làm một tí chuyện gì cũng đều là chân tay vụng về!

Đời Thanh, Ngọc Lâm quốc sư¹⁷ ở chùa Niêm Hoa, đó là ngôi chùa mà tôi được thọ giới. Sư làm Phương Trượng tại đó. Hoàng đế đến chùa thăm viếng, Sư giữ hoàng đế lại thọ trai. Nhưng giấy dán cửa sổ nơi trai phòng bị rách, gió lùa vang tiếng ù ù, Ngọc Lâm quốc sư bèn gấp mấy hạt cơm trong chén để lên bàn. Chú tiểu sa-di liền bước đến cầm mấy hạt cơm và tờ giấy dán chỗ rách. Vua Càn Long¹⁸ thờ dài, đứng là khá quá, “*thông minh bất quá nạp tử*”. Ngọc Lâm quốc sư bèn khen ngợi hoàng đế: “*Linh lợi bất quá đế vương*”. Tuy đây là chuyện cũ, quý vị thấy tiểu hòa thượng có rất nhiều chuyện chúng ta nghĩ không ra, chú bé thay quý vị làm rất tốt. Đó là thông minh bề ngoài. Mặt khác, nếu có trí huệ thật sự, có hòa thượng biểu hiện ngu xuẩn, đàn độn gần chết, tướng mạo rất xấu xí, thô kệch. Có rất nhiều hòa thượng có dị tướng, quý vị thấy họ rất xấu, chẳng hạn như thiền sư Đạo An¹⁹. Vào đời Tấn,

¹⁷ Ngọc Lâm Thông Tú (1614-1675), thường được gọi là Ngọc Lâm quốc sư, người huyện Giang Âm, tỉnh Giang Tô, là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế đời Thanh. Ngài thọ Cụ Túc Giới với ngài Khánh Sơn Viên Tu, từng làm trụ trì chùa Báo Ân ở Vũ Khang, tỉnh Chiết Giang. Về sau, Ngài vâng chiếu vào kinh truyền pháp, được phong hiệu là Đại Giác thiền sư. Năm Thuận Trị thứ mười bảy (1660), khi vợ yêu của Thuận Trị là Đồng Ngạc Phi qua đời sau một thời gian bệnh tật vì sanh nở, Thuận Trị chán ngán thế sự, muốn xuất gia, ngài Ngọc Lâm cực lực can ngăn. Nghe lời, Thuận Trị sai người thay mình xuống tóc, tôn ngài Ngọc Lâm làm bổn sư. Do chuyện này, khi Thuận Trị mất sớm, các nhà tiểu thuyết Trung Hoa đã bịa ra chuyện vua giả chết, trốn khỏi hoàng cung, lên núi Ngũ Đài tu hành.

¹⁸ Ở đây, có lẽ lão pháp sư nói nhầm, vì ngài Ngọc Lâm mất năm 1675, khi đó là năm Khang Hy thứ mười bốn, mà Càn Long (Hoảng Lịch) mãi đến năm 1711 mới sanh ra đời. Hoặc vì là một truyền thuyết trong dân gian, cho nên đã nêu danh tánh hoàng đế không chính xác.

¹⁹ Thích Đạo An (312-385) họ Vệ, người xứ Phù Liễn, Thường Sơn (nay là huyện Ký, tỉnh Hà Bắc), là vị cao tăng trứ danh thời Tấn. Ngài là thầy của sơ tổ Huệ Viễn của Tịnh Độ Tông. Sư là người tiên phong đề xướng nghiên cứu Trung Quán Bát Nhã tại Trung Hoa. Ngài Cư Ma La Thập từng gọi ngài Đạo An là Đông Phương Thánh Nhân. Cha mẹ mất sớm, phải nhờ người anh họ nuôi đến trưởng thành. Sư hình dạng xấu xí, thấp chùn, nhưng cực kỳ thông minh. Bảy tuổi đã có thể đọc sách trôi chảy và làm thơ, viết văn, sức ghi nhớ rất mạnh. Sư xuất gia lúc 12 tuổi. Quyển

Sư lúc còn bé mười mấy tuổi đã vào chùa. Sư phụ của Ngài coi thường: “Người gì mà vừa xấu, vừa lùn, mặt lại rỗ”. Không chỉ đen thui đen thui, một bên mặt lại rỗ, lại lùn tịt, các sư huynh trong chùa đều coi thường Ngài. Ngài chỉ đành đi trồng trọt, làm rất lâu. Có một hôm, Sư thưa cùng thầy: “Sư phụ cũng nên cho con một quyển kinh để niệm”. “Người muốn niệm kinh há? Được thôi!” Thuận tay lấy một quyển kinh mỏng tanh cho Sư. Vào vườn, Sư còn phải làm việc. Đại khái là vào lúc tạm nghỉ, bèn cầm kinh đọc. Buổi tối quay về, thưa với thầy: “Thầy đổi cho con quyển khác”. “Người có xem không đó?” Sư thưa: “Con có xem, xem xong hết rồi”. Thầy cũng lười nói với Sư, lại lấy ra một quyển dày gấp ba quyển trước, Sư lại cầm đi. Tối hôm sau, quay về, lại thưa với thầy: “Thầy lại đổi cho con quyển khác”. Thầy rất ngạc nhiên: “Vì sao người lại đổi nữa?” Sư thưa: “Con đọc xong rồi!” Thầy bèn từ phần sau quyển kinh ấy, tùy tiện lấy bất cứ đoạn kinh văn nào để hỏi, Sư cũng đều đọc lâu lâu; thầy mới phát hiện ra chỗ kỳ đặc của Sư. Pháp sư Đạo An là một vị đại đức có thành tựu sớm nhất tại Trung Hoa.

Chớ nên xét đoán con người qua tướng mạo, nhưng người ấy thật sự có bản lãnh đó! Không chỉ là tín tâm kiên định, mà giới hạnh cũng thanh tịnh, đều có tài năng chân thật, nhưng chính mình rất khiêm hư. Phàm là người thật sự có đức hạnh, sẽ đều rất khiêm hư, chẳng cho là chính mình tuyệt diệu, trọn chẳng thể như thế. Vì [người ấy biết mình] còn kém Phật rất xa, ngay cả Phật cũng rất khiêm tốn. Đức Phật coi hết

kinh đầu tiên là Biện Ý Kinh rất mỏng, quyển kinh thứ ba là Thành Cụ Quang Minh có hơn một vạn chữ, Sư nhớ không sai một chữ (khi đó, Sư mới 15 tuổi). Thầy của Sư mới kinh dị, lưu tâm bồi dưỡng, cho Ngài thọ Cụ Túc Giới. Về sau, Sư tham học với ngài Phật Đồ Trùng. Ngài Phật Đồ Trùng hết sức yêu quý, nhưng đại chúng vẫn coi thường vì ngài Đạo An quá xấu xí. Do vậy, mỗi lần giảng kinh xong, ngài Phật Đồ Trùng sai ngài Đạo An giảng lại một lượt, ai cũng kinh ngạc. Sau khi ngài Phật Đồ Trùng viên tịch, do tình hình bất ổn thời ấy, Sư phải lênh đênh khắp nơi, không có chỗ trụ cố định. Dầu bốn ba vẫn tụ tập đại chúng tu học, giảng kinh. Mãi đến năm 365, Sư đến Tương Dương mới an cư. Ngài là người đầu tiên đề xướng tư tưởng vãng sanh Đâu Suất Nội Viện để làm đệ tử Di Lạc Bồ Tát, chờ đến khi Phật Di Lạc giáng thế, sẽ trở lại nhân gian hóa độ chúng sanh. Ngài soạn bộ Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục, tác phẩm này được coi như là sách thông kê kinh Phật đầu tiên tại Trung Hoa. Ngài chế định Tăng Ni Quy Phạm và Phật Pháp Hiến Chương, lập ra những quy định về các tự viện Phật giáo, đề nghị tăng ni đều lấy chữ Thích làm họ trước pháp danh (tức là coi mình là con cháu của Phật Thích Ca), đặt quy cách thống nhất cho Tăng phục, cũng như đề xướng tiêu chí trong phiên dịch kinh Phật, góp phần hoàn thiện cách phiên dịch và giải thích kinh điển.

thầy chúng sanh là thầy. Mọi người thấy phàm Phổ Hiền Hạnh Nguyên có nói: “*Nếu chẳng có chúng sanh, một vị Phật cũng chẳng thành được!*” Do vậy, muốn báo ân chúng sanh thì phải độ chúng sanh. Nếu chẳng có loại bản lãnh ấy, chính mình ngay cả tay lẫn chân đều không có, còn muốn đánh trận ư? Quý vị vẫn chưa phát khởi tín tâm, vẫn chưa có cái tâm tín kính Tam Bảo, giới cũng chẳng trì, như thế thì còn nói là Đại Thừa nổi gì? Tiểu Thừa cũng chẳng có, nhân thiên thừa cũng chẳng bảo đảm!

Hạng người như thế chẳng thể bảo vệ thân, miệng, ý của chính mình, tùy tiện buông lung thân, miệng, ý. “*Buông lung*” là chuyên làm ác hạnh, chuyên làm chuyện xấu. Chính hấn vẫn hư vọng tự xưng là Đại Thừa. Học pháp Đại Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác Thừa, tam thừa đều chẳng phải là pháp khí. Kẻ đó chẳng phải là một người học pháp, mà là kẻ phá hoại người khác học pháp. Kẻ đó kết bè, kéo đảng, hấn có thể giúp đỡ đạo hữu và đệ tử của hấn trừ khử phiền não hay không? Phiền não của chúng sanh giống như chiến trường vậy! Phiền não ấy kiên cố, dũng mãnh, giống như một mặt trận lớn, khi quý vị muốn vào đó chiến đấu, tuy chẳng hoàn toàn thất bại, nhưng quý vị vẫn vui mình trong phiền não!

Đoạn kinh văn này bao hàm các ý nghĩa ấy. Đức Phật nói đoạn kinh này theo kiểu thí dụ. Tức là có những kẻ xưng bậy xưng là Đại Thừa, mà chính mình ngay cả Khổ, Tập, Diệt, Đạo đều chẳng đoạn, chẳng tu, nhân quả thế gian đều chẳng tu. Suốt ngày làm ác hạnh, đó là Tập. Tập (集) là “cảm vời”, tức cảm vời khổ quả. Căn bản là kẻ đó chẳng tu trì đạo Nhị Thừa, đạo xuất thế. Không chỉ chẳng tu, mà tín tâm cũng chẳng trọn đủ. Đã có tín tâm, kẻ đó sẽ chẳng dám tạo tội, sẽ luôn luôn phòng thủ, bảo vệ ý niệm, chẳng dám khởi lên ý niệm xấu, há còn dám thật sự làm ư? Quý vị thấy chuyện lợi ích trước mắt, tuyệt đối chẳng nẩy lòng tham, vì biết hễ tham, sẽ phải nhận lãnh chuyện không tốt đẹp, chẳng thể tiêu tai nổi! Kẻ đó ngay cả cái tâm còn chẳng có, Bát Thánh Đạo lẫn Thất Bồ Đề đều chẳng có, mong vào thành Niết Bàn sẽ chẳng thể được, trọn chẳng có lẽ ấy! Bất luận lúc nào cũng đều chẳng thể làm được!

Thật sự là pháp khí Đại Thừa, hành trì luật nghi thanh tịnh là nói đến bậc tỳ-kheo Bồ Tát. Không chỉ là giới tỳ-kheo thanh tịnh, mà giới Bồ Tát cũng thanh tịnh. Hoặc là thọ giới tỳ-kheo, hai trăm năm mươi giới đều thanh tịnh. Thọ Bồ Tát giới chẳng dễ dàng, vì mười giới trọng

và bốn mươi tám giới khinh là giới Phạm Võng. Giới Phạm Võng có yêu cầu rất sâu, rất rộng. Giới Phạm Võng được thọ trì bởi địa vị Bồ Tát nào? Chính là Đẳng Địa Bồ Tát, từ Hoan Hỷ Địa cho đến Pháp Vân Địa. Khi nói giới này, chẳng do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, mà là do [Báo Thân] Lô Xá Na Phật nói. Đây là giới do Báo Thân Phật nói. Khi Lô Xá Na Phật nói giới này, chính là nói cho một ngàn vị Thích Ca Mâu Ni Phật. Đại hóa thân là Lô Xá Na Phật, ngồi trên hoa sen trăm ngàn cánh. Mỗi tòa [của mỗi vị Phật Thích Ca] ở trên một cánh sen, tức là trên mỗi cánh sen [nơi tòa liên hoa của Lô Xá Na Phật] có một vị Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài có trăm ức quốc độ, trăm ức tiểu hóa Thích Ca Mâu Ni Phật, còn Lô Xá Na Phật là đại hóa. Như thế tức là [Báo Thân Lô Xá Na Phật của Pháp Thân] Tỳ Lô Giá Na Phật nói giới Phạm Võng cho một ngàn vị Phật Thích Ca, mỗi vị trong một ngàn vị Phật Thích Ca do Ngài (Tỳ Lô Giá Na Phật) tương ứng biên hiện. Đó là “*thiên bách ức*” Thích Ca, tức là một trăm ức lần trăm ức Phật Thích Ca. Như vậy là Ngài nói giới Phạm Võng cho một trăm ức Phật Thích Ca. [Mỗi vị trong số] một trăm ức Phật Thích Ca lại vào trong quốc độ của chính mình giáo hóa, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã ở trong Diêm Phù Đề của chúng ta mà nói giới Phạm Võng.

Do vậy, trì giới Phạm Võng là có thể trì mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Thấy pháp tánh, tâm niệm, và Pháp Thân của chính mình. Pháp tánh tương hợp, có tương hợp một phần thì mới có thể trì giới được! [Các vị Bồ Tát thuộc] địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) đều chẳng dám nói “đã trì giới thanh tịnh”, đặc biệt là đối với phương diện lợi ích chúng sanh và độ chúng sanh. Phương tiện thiện xảo huệ chẳng trọn đủ, sẽ chẳng dám nói là “*thọ trì thanh tịnh giới*”. Ở đây nói “*thọ trì*” thì không chỉ trì thanh tịnh, mà còn là bậc nhất, vượt hơn hẳn các loại thọ trì thông thường. Không chỉ là địa vị Thập Tín, mà địa vị Thập Trụ, địa vị Thập Hạnh, địa vị Thập Hồi Hướng, Đẳng Địa, đạt tới mức độ ấy, thì mới có thể thọ trì thanh tịnh giới. Hết thấy các thiện hạnh do người ấy đã làm đều vi diệu, như vậy thì trì thanh tịnh giới chính là Nhiếp Luật Nghi Giới trong Tam Tụ Tịnh Giới. Vi diệu pháp là Nhiếp Thiện Pháp Giới. Đức Phật nói hết thấy các pháp, không chỉ là trong hết thấy các pháp do đức Phật đã nói, mà đối với hết thấy các pháp trong thế gian, người ấy đều là bậc nhất. Phải có công, xảo, minh. Bồ Tát có Công Xảo Minh (Sīlpāsthāna-vidyā).

Trì thanh tịnh giới, học vi diệu pháp rất khó! Vì sao vi diệu thiện hạnh chẳng dễ dàng? Muốn khiến cho chúng sanh có thể đắc độ, khi cơ

duyên chín muôi, sẽ hóa độ họ. Có khi thị hiện nghịch hạnh để độ họ, như giết, trộm, dâm, đày là nghịch hạnh, phải thực hiện nghịch hạnh để độ kẻ đó. Chẳng có trí huệ, chẳng chứng đắc, quý vị chẳng thấy nỗi căn cơ của người khác, sẽ chẳng thể thực hiện ôn hòa. Nếu quý vị vẫn cứ làm như thế, sẽ là phạm giới. Đó gọi là vi diệu. Nếu nói Bồ Tát chẳng thể uống rượu, càng chẳng thể bán rượu. Tội ác do bán rượu lớn hơn tội uống rượu rất nhiều. Có lúc Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh bèn uống rượu. Tể Công luôn uống rượu, điên điên khùng khùng, dùng rượu để độ người. Ngài uống rượu để độ người khác, chúng ta chẳng làm được. Đó gọi là vi diệu hạnh của Bồ Tát. Ngài làm như vậy là trì thanh tịnh giới.

“*Cụ túc đệ nhất kiên cố tâm quý*” (Trọn đủ hổ thẹn kiên cố bậc nhất): Kiên cố tâm quý chẳng dễ dàng. Có hai loại thanh tịnh:

- Một loại là kiên cố chẳng phạm, kiên định chẳng phạm. Đó là thanh tịnh, căn bản là thanh tịnh.

- Loại kia là hề phạm liền sám, vừa phạm liền sám hối, chẳng giấu giếm khuyết điểm của chính mình, luôn bộc lộ, trọn đủ cái tâm hổ thẹn, luôn cảm thấy chính mình chẳng có trí huệ, chẳng có đức, trong quá khứ chẳng tu. Luôn cảm thấy chính mình cần hướng về chúng sanh sám hối, hướng về chư Phật sám hối. Nếu làm chuyện xấu, sẽ thấy khổ quả hết sức đáng sợ, dọa địa ngục khổ lắm!

“*Thâm kiến*” là thấy rất sâu, thấy được chuyện trong rất nhiều kiếp. “*Thâm úy*” (Sợ hãi sâu xa) là thấy chúng sanh chịu khổ nạn trong địa ngục, chính người ấy sẽ chẳng dám làm chuyện xấu.

“*Viễn ly sở hữu nhất thiết ác pháp*” (Xa lìa tất cả hết thảy ác pháp): Đòi chút điều ác nhỏ nhất, người ấy cũng xa lánh chẳng làm, lại còn tránh thật xa! “*Thường nhạo tu hành nhất thiết thiện pháp*” (Thường thích tu hành hết thảy các thiện pháp): Đây là Nhiếp Thiện Pháp Giới, trong ấy, trọn đủ Tam Tự Tịnh Giới của Bồ Tát như đức Phật đã dạy. Nhiếp Luật Nghi Giới là luật nghi thanh tịnh. Nhiêu Ích Hữu Tình Giới là dùng vi diệu pháp để độ thoát hết thảy chúng sanh, sợ khổ quả trong đời sau sâu xa! Nhiêu Ích Hữu Tình là thường thích tu hành hết thảy thiện pháp, thường từ bi trọn khắp hết thảy hữu tình. Từ bi là bình đẳng đại bi, trong tâm chẳng có ý niệm sai khác. Tâm sai biệt của chúng ta rất nhiều! Người này rất thông minh, bèn bằng lòng giáo hóa nhiều hơn. Kẻ nọ rất ngu si, ta chẳng muốn dạy hắn. Hắn quá đần, dạy một trăm lần, hắn vẫn chẳng hiểu, lại còn rất rườm rà, quý vị bèn phiền chán. Đây chẳng phải là Bồ Tát. Bồ Tát là người có ái tâm bậc nhất, hết

sức từ bi, có lòng đại bi. Đại bi có rất nhiều ý nghĩa: Có từ, có nghĩa, có Thể, có tướng, thì mới là đại bi thật sự.

“*Từ bi thường biến nhất thiết hữu tình, hằng phổ vị tác lợi ích, an lạc*” (Thường từ bi trọn khắp hết thảy hữu tình, luôn tạo lợi ích, an lạc trọn khắp): Khiến cho hết thảy chúng sanh đều được an lạc, đều được vui sướng. Cứu tế, độ thoát tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh đang mắc ách nạn trong sanh tử, trừ khử hết thảy các khổ cho chúng sanh. Trong khi chúng sanh đang hứng chịu khổ nạn, chính là lúc dễ độ nhất. Quý vị nói, họ sẽ chịu tin. Vào trong tù ngục thuyết pháp, vào trong bệnh viện thuyết pháp cho bệnh nhân đang nằm bẹp giường, trong khi họ đang bị khổ đau hành hạ, quý vị bảo họ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, họ sẽ chịu niệm. Niệm Địa Tạng Bồ Tát, khi đó họ đang rất khổ, cũng sẽ niệm thử một phen. Nhưng khi ấy có một điều nguy hiểm, quý vị chớ nên lo lắng cho sự an vui của chính mình. Hễ quý vị lo lắng cho sự an vui của chính mình, sẽ độ chẳng thành. Có khi quý vị đến nơi đó sẽ rất nguy hiểm, đến chỗ bệnh nhân, có thể sẽ mang theo bệnh trở về! Nếu quý vị muốn chịu khổ thay cho họ, sẽ thật sự thay thế. Chẳng giả đâu nhé. Nếu quý vị nguyện rất chân thật, xác thực là sẽ có thể chịu thay, nhưng hễ xảy ra nơi thân quý vị, đừng nên áo não, hối hận!

Chúng tôi không nói to lớn chi cả. Tại Nữ Ước có rất nhiều đoàn thể trợ niệm. Hễ có người vãng sanh, họ sẽ đến tham dự [trợ niệm]. Đương nhiên, trong số ấy có khi là đệ tử Phật, có khi chẳng phải là đệ tử Phật, hoặc bản thân họ là đệ tử Phật, khi quyến thuộc của họ sắp chết, bèn mời đoàn thể trợ niệm đến. Trợ niệm đoàn cũng phát cái nguyện ấy. Đến đó, thường là đem theo oán nghiệp của người ấy trở về. Quý vốn muốn tìm người ấy tính sổ, sẽ tìm người [trợ niệm ấy] để tính sổ. Người đó trở về bèn phát sốt, hoặc là bị chi đó! Vì người ấy hoàn toàn chẳng phải là hằng ngày tự niệm, cũng chẳng tu hành chi hết, chẳng có sức mạnh đề kháng. Do vậy, quý vị tham gia trợ niệm, hành Bồ Tát đạo, trước hết phải xem xét sức lực của chính mình là như thế nào? Vì sao hàng Nhị Thừa chẳng dám làm? Họ hiểu sức của chính mình chẳng đủ, chẳng dám phát đại tâm. Khá nhiều đạo hữu của chúng ta là đạo hữu Từ Tế²⁰, đến bổ thí, chẳng ngán người khác bản thủ, hoặc nơi chốn rất tẻ, chẳng thanh khiết, quý vị đến đó để hành Bồ Tát đạo.

²⁰ Từ Tế là tổ chức từ thiện phi chính phủ của Đài Loan do ni sư Chứng Nghiêm sáng lập từ năm 1966. Tổ chức này thường được biết đến dưới tên Tzu Chi Foundation (Từ Tế Cơ Kim Hội). Họ tham gia cứu trợ thiện nguyện trong các lãnh vực y tế,

Trong phẩm thứ mười của kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát đã xin đức Phật chỉ dạy: “Vì sao trên thế giới này, phước đức do bố thí khác biệt rất lớn như vậy?” Đức Phật dạy: Quý vị dùng cái tâm gì để bố thí? Trong khi quý vị hành bố thí, tâm thái của quý vị là gì? Dùng thái độ gì? Luôn liên quan rất lớn với tâm thái, tác phong, và lời ăn tiếng nói. Đương nhiên là quý vị cho người khác vật này nọ, người đó trong tâm hoan hỷ, trong tâm cũng [cảm thấy] được cứu độ. Có khi quý vị cho người ta thứ này thứ nọ, mà người nhận rất bức bối vì quý vị xem thường người khác. Khi đi ăn xin, họ vẫn có lòng tự trọng. Quý vị phải rất tôn kính họ, đưa đồ tận tay họ; sau đó, còn phải nói mấy câu an ủi. Nếu là Phật tử, hãy nói thêm vài câu Phật pháp cho người ấy, sẽ càng tốt hơn!

Do vậy, khi chúng sanh có khổ nạn, quý vị đừng nên bận tâm cho sự an vui của chính mình. Bồ Tát phát nguyện “*chẳng cầu an lạc cho chính mình, chỉ mong chúng sanh được là khổ*”. Hàm nghĩa là như thế đó. “*Duy cầu an lạc nhất thiết hữu tình, như thị danh vi trụ Đại Thừa giả*” (Chỉ cầu an lạc hết thảy hữu tình. Như thế thì gọi là người trụ trong Đại Thừa). Đây là thật sự trụ Đại Thừa, là Bồ Tát thật sự!

(Kinh) Thiện nam tử! Hữu hà đẳng tướng, danh Thanh Văn Thừa? Vị chư chúng sanh thường cần tinh tấn, an trụ chánh niệm, nhạo Đẳng Dẫn Định, ly chư siểm cuồng, tín tri nghiệp quả, bất trước ngũ dục, thế gian bát pháp sở bất năng nhiễm, tu thiện dũng mãnh, như cứu đầu nhiên, thường thăm đế quán chư Uẩn, Giới, Xứ, hàng nhạo an trụ sở hữu thánh chủng. Cụ thử tướng giả, danh Thanh Văn Thừa! Như thị chúng sanh, thượng vị năng thành Độc Giác Thừa khí, hướng phục năng thành Đại Thừa pháp khí? Thiện nam tử! Hữu hà đẳng tướng danh Độc Giác Thừa? Vị chư chúng sanh cụ thượng Thanh Văn nhất thiết công đức, phục năng w bỉ Ngũ Thủ Uẩn trung, sở sở an trụ tùy Vô Thường Quán, sở sở an trụ tùy Sanh Diệt Quán, phổ w nhất thiết duyên sanh pháp trung, năng thăm đế quán giai thị

thiên tai, bảo vệ môi trường. Thoạt đầu chỉ có mình ni sư Chứng Nghiêm và ba mươi phụ nữ tự nguyện mỗi ngày để dành 50 xu tạo thành quỹ giúp các gia đình nghèo khó trong vùng. Cho tới năm 1986, tổ chức này có hơn tám ngàn hội viên và mở bệnh viện đầu tiên vào năm 1986 tại thành phố Hoa Liên. Năm 1994, mở Từ Tế Y Học Viện (tức trường cao đẳng y khoa), cho đến năm 2000 chuyển thành Từ Tế Đại Học, bao gồm các phân khoa Y Khoa, Giáo Dục, và các ngành nhân văn. Cho tới năm 2013, tổ chức này có khoảng 10 triệu hội viên và có chi nhánh trên 47 quốc gia.

diệt pháp. Cụ thử tướng giả, danh Độc Giác Thừa. Như thị chúng sanh, phi Đại Thừa khí.

(經)善男子！有何等相名聲聞乘？謂諸眾生，常勤精進，安住正念，樂等引定，離諸諂誑，信知業果，不著五欲，世間八法所不能染，修善勇猛如救頭燃，常審諦觀諸蘊、界、處，恆樂安住所有聖種。具此相者，名聲聞乘！如是眾生，尚未能成獨覺乘器，況復能成大乘法器？善男子！有何等相名獨覺乘？謂諸眾生，具上聲聞一切功德，復能於彼五取蘊中，數數安住隨無常觀，數數安住隨生滅觀，普於一切緣生法中，能審諦觀皆是滅法。具此相者，名獨覺乘。如是眾生，非大乘器」。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Có các tướng nào thì gọi là Thanh Văn Thừa? Tức là các chúng sanh thường siêng tinh tấn, an trụ chánh niệm, thích Đăng Dẫn Định, lìa các siểm nịnh, dối trá, tin biết nghiệp quả, chẳng chấp trước ngũ dục, chẳng bị nhiễm tám pháp thế gian, tu thiện dũng mãnh như cứu đầu cháy, thường quan sát cận kề, chắc thật các Uẩn, Giới, Xứ, luôn thích an trụ trong tất cả thánh chủng. Có các tướng ấy thì gọi là Thanh Văn Thừa. Chúng sanh như thế còn chưa thể thành căn khí Độc Giác Thừa, huống còn có thể trở thành pháp khí Đại Thừa ư? Nay thiện nam tử! Có các tướng nào thì gọi là Độc Giác Thừa? Tức là các chúng sanh đã trọn đủ hết thấy công đức trên đây của Thanh Văn, lại có thể đối với Ngũ Thủ Uẩn nhiều lượt an trụ thuận theo Vô Thường Quán, nhiều lượt an trụ thuận theo Sanh Diệt Quán, vì khắp hết thấy các pháp duyên sanh mà có thể quán cận kề, chắc thật, đều là diệt pháp. Có các tướng ấy, thì gọi là Độc Giác Thừa. Chúng sanh như thế chẳng phải là pháp khí Đại Thừa).

Pháp Thanh Văn là gì? Trụ Thanh Văn Thừa là gì? Thanh Văn Thừa là nói học theo đạo Tiểu Thừa, học quả A La Hán. Tâm lượng của họ chẳng lớn, nhưng họ có chánh niệm, có chánh lạc, có Định lực, có thể từ Định lực dẫn khởi các niềm vui sướng. Đối với các loại Định, đều

bình đẳng dẫn khởi các sự vui sướng. Người ấy chẳng có tâm siểm khúc, chẳng có tâm lừa dối. Người ấy biết nghiệp quả thiện ác, lòng tin rất khẩn thiết. Có lúc nghe dường như là chuyện đùa, nhưng trên thực tế, quả thật là như vậy! Tại Nữ Ước, chúng tôi có một vị đạo hữu thấy ở lề đường có hai mươi đồng Mỹ Kim, chẳng biết do ai đánh rơi, ông ta nghĩ: “Ta nhặt lấy, chẳng phạm tội trộm cắp”. Ông ta tính nhặt lên, nhặt rồi lại nghĩ: “Ta phải làm sao với hai mươi đồng này? Vạn nhất phạm sai lầm thì sao?” Rốt cuộc, ông ta không nhặt, bèn đi qua. Người phía sau cũng thấy, cho rằng ông ta không thấy, thật ra ông ta có thấy, chỉ là không nhặt. Khi người phía sau đã nhặt rồi, vị đạo hữu ấy cảm thấy mình đã bỏ lỡ, bèn quay đầu lại nói: “Đó là tiền tôi đánh rơi”. Về sau, ông ta đến sám hối với tôi: “Thưa sư phụ! Con nói con đánh rơi là sai trái. Con đã nghĩ sai rồi!” Tính nhặt rồi lại chẳng nhặt, tín tâm không kiên định! Phải thật sự đối với hết thảy mọi sự đều chẳng bận khoăn. Khi đi đường, thứ gì cũng đều chẳng màng, có lợi ích hay không lợi ích, đều chẳng trông thấy! Ông ta thưa: “Sau đây, con nghĩ tới mấy cách, con nhặt lên để cho người nghèo, chẳng phải là rất tốt hay sao? Con lại làm công đức”. Tôi nói: “Ông chẳng có công đức, đó là công đức của người làm mất tiền!”

Khi gặp cảnh giới, quý vị biết đó có phải là hư giả hay không, tín tâm có chân thật hay không? Nếu quý vị tin tưởng quả báo thiện ác, đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, sẽ chẳng tham luyến. Mọi người mỗi sáng, lúc phải thức dậy, chẳng bỏ dậy nổi, vẫn mong ngủ thêm một chút, tối thiểu là phải ườn ra một chút, năm phút cũng được, chẳng phải là vừa tỉnh giấc bèn lập tức ngồi dậy. Trước nay, chẳng hề cảm thấy chính mình ngủ rất nhiều, luôn có cảm giác ngủ không đủ; đây là dục vọng. Khi ăn, thứ nào vừa mắt bèn ăn sạch; thứ nào thấy không ngon, sẽ chẳng thèm nhìn tới. Đây là ngũ dục. Nữ đạo hữu cũng yêu thích mua sắm. Chúng tôi sang Hương Cảng, có mấy nữ đạo hữu cùng đi, mê mua sắm lắm! Đi mua sắm suốt cả ngày, trở về luôn luôn là bao này, túi nọ. Cứ trông thấy là muốn mua! Bản thân việc mua sắm là tâm tham. Nhãn căn dẫn khởi ý thức của quý vị tham luyến, dọn cả công ty bách hóa về nhà quý vị, vẫn chẳng thỏa lòng! Vì cứ sau một hai năm, vật chất, y phục đều thay đổi, những thứ quý vị khuân về trước kia đều lỗi thời rồi! Mở công ty bách hóa, chẳng thể ứ đọng hàng hóa, hàng hóa ứ đọng sẽ lỗ tiền! Do vậy, cảnh giới ngũ dục chẳng phải là dễ dàng đâu nhé!

Chúng tôi cho rằng: Nếu tín tâm rất tốt, tin Phật rất thành khẩn, đến khi dục cảnh hiện tiền, quý vị quờ quạng bất định, có thể chẳng

thuận theo cảnh giới ngũ dục hay không? Chúng ta khi bái sám, hằng ngày niệm: Đối với tám pháp của thế gian, vọng tâm chẳng động. Tám pháp thế gian chính là xung, cơ, khổ, lạc, ái, tăng, hủy, dự (khen, chê, khổ, vui, yêu, ghét, hủy báng, ca ngợi). Bốn thứ là tốt, bốn thứ là xấu. Khen ngợi quý vị, châm chọc quý vị, hủy báng quý vị! Trước kia, Tô Đông Pha viết trên bàn “*bát phong xuy bất động*” (tám gió thổi chẳng động). Thiền sư Phật Ấn đến chỗ ông ta, trông thấy bèn viết hai chữ “*phóng thí*” (放屁, thả rắm). Ông Tô trở về, thấy thế, nổi giận đùng đùng. Phủ nha của ông ta ở bờ bên này Tây Hồ tại Hàng Châu, còn chùa Tịnh Từ ở bên kia Tây Hồ. Tô Đông Pha không nhịn được, ngồi thuyền vượt sông, tìm thiền sư Phật Ấn, đến chỗ thiền sư Phật Ấn để tranh cãi cho ra lẽ! Tô Đông Pha hỏi: “Cớ sao đối với câu ‘*bát phong xuy bất động*’, người viết là thả rắm?” Thiền sư Phật Ấn hỏi: “Đúng vậy há?” Tô Đông Pha cự nự: “Làm sao mà không đúng cho được, người còn dựa vào đâu [mà dám chê bai]?” Thiền sư Phật Ấn bèn nói: “Đúng thì đúng, nhưng thật ra, Ngài đã tám gió đều động! Tôi thả rắm một cái đã lôi Ngài qua sông!” Tô Đông Pha cứng họng! Tám gió thổi bất động, Phóng Thí vẫn là giả, vẫn chẳng phải là thật, chỉ là văn tự. Nếu là thật, quý vị phải nên làm gì? Còn có những kẻ tự nhận đạo lực dường như rất sâu, tám gió đều chẳng thổi động được. Chẳng cần đến tám gió, tùy tiện chửi một câu, quý vị lập tức nổi lên òn òn!

“*Thường thẩm để quán*” tức là thường suy nghĩ, xem xét, đối chiếu một phen. Các Uẩn, Giới, Xứ dùng gì để đối chiếu? Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ, trong khi Thức đối ứng Sắc, khi có Thanh tiếp xúc với Thức, quý vị phải nên đối chiếu đôi chút. Âm thanh đẹp dễ, hay âm thanh chửi rủa, hoặc âm thanh quý vị không thích nghe. Chẳng hạn khi chúng ta tọa Thiền, tĩnh tọa, tiếng xe hơi sẽ khiến cho quý vị bực bội. Tọa Thiền là tìm chỗ tịch tĩnh, quý vị chẳng có loại Định lực ấy, sẽ cảm thấy âm thanh ồn ào. Ở nơi đô thị ồn ào, bèn mong vào sống nơi rừng núi. Núi rừng cũng chẳng thanh tịnh. Núi rừng có rất nhiều âm thanh, như tiếng thú kêu. Nhằm lúc quý vị ở trong sơn động, ngay cả rắn cũng kêu. Tiếng dế, tiếng của các loại trùng, quý vị sẽ đều nghe thấy. Đặc biệt là con ve vào mùa Hè, quý vị cảm thấy ồn gần chết. Quả thật chẳng thể tĩnh tọa nổi. Đây là cái tâm của quý vị bất an, quý vị ở đó cũng chẳng trốn được! Tiếng gió thổi, tiếng gió lùa rung cây, đặc biệt là vào mùa Đông, tiếng gió lùa qua những cành cây khô khốc trụi lá, đêm nghe

xào xạc, xào xạc, quý vị nghe quý đến! Nếu quý vị chẳng chấp trước hết thấy âm thanh, âm thanh sẽ chẳng thể khuấy nhiễu quý vị được!

Có đôi câu đối: “*Phong thanh, vũ thanh, chung khánh thanh, thanh thanh tự tại*” (tiếng gió, tiếng mưa, tiếng chuông khánh, tiếng nào cũng tự tại). Khi chẳng đạt đến cảnh giới đó, quý vị ở trong chùa cũng thấy phiền. Hằng ngày đều gõ chuông. Chùa lớn còn có chuông U Minh. Suốt ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều phải gõ. Trước kia, tại Hiền Tông Tự có một vị lão hòa thượng. Ngài phụ trách thỉnh chuông, thỉnh chuông suốt bốn mươi năm. Ngài kê một cái giường bên cạnh chuông, ngủ luôn tại đó. Ngày đêm, Ngài đều ngủ tại đó, thỉnh chuông. Tôi hỏi: “Hằng ngày thầy ngủ được bao lâu?” Ngài đáp: “Tôi luôn ngủ”. Tôi hỏi: “Chuông thì sao?” Ngài đáp: “Chuông vẫn cứ gõ!” Ngài đã dưỡng thành thói quen. Ngài ngủ ngay tại đó ngay trong khi chuông đang ngân “boong”! Ngài biết thuận theo tiếng chuông, đợi khi tiếng chuông vừa dứt, lại gõ một tiếng. Âm thanh ngừng lại bèn gõ một tiếng. Đó gọi là chuông U Minh.

“*Hằng nhạo an trụ sở hữu thánh chủng*” (Luôn thích an trụ trong tất cả các thánh chủng): Lìa khỏi Uẩn, Giới, Xứ, an trụ trong thánh chủng, biết là vô thường, biết hết thấy các pháp đều là Khổ, Không. Cái Không ấy là Nhị Thừa Không, Không trong “*Pháp Bất Không, Ngã Không*”, đó gọi là “*thánh chủng*”. “*Thánh chủng*” là nói tới gì? “*Cụ thử tướng giả, danh Thanh Văn Thừa*” (Có đủ các tướng ấy thì gọi là Thanh Văn Thừa): Có kẻ tự xưng là Đại Thừa, coi thường Tiểu Thừa: “Đó là pháp Thanh Văn Thừa, ta không cần học!” Quý vị ngay cả hình dáng Thanh Văn Thừa còn chưa đạt được nữa kia! Đạt tới cảnh giới ấy là cảnh giới A La Hán. Thanh Văn Thừa lại kém hơn Độc Giác Thừa. “*Thượng vị năng thành Độc Giác Thừa khí*” (Vẫn chưa thể thành pháp khí của Độc Giác Thừa): Chỉ có thể là pháp khí của Thanh Văn Thừa, chẳng phải là pháp khí Độc Giác Thừa. Ngay cả pháp khí Độc Giác Thừa còn chưa đạt, sao có thể thành pháp khí của Đại Thừa?

Pháp khí của Độc Giác Thừa lại là hình trạng ra sao? “*Vị chư chúng sanh cụ thượng Thanh Văn nhất thiết công đức*” nghĩa là công đức của Thanh Văn quý vị đều trọn đủ, nhưng tiến nhập lại sâu hơn họ, có thể đối với Ngũ Thủ Uẩn “*sổ sổ an trụ*” (nhiều lượt an trụ). Có thể an trụ trong Ngũ Thủ Uẩn, tức là có thể biết hết thấy các pháp vô thường. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức Ngũ Thủ Uẩn đều là pháp vô thường, chẳng giữ lấy, chẳng chấp trước. Vô Thường Quán là quán các pháp vô thường, người ấy cũng có thể thâm nhập quán chiếu. Tùy sanh, tùy diệt, vô

thường quán, chẳng phải là Đoạn Kiến, chẳng giống ngoại đạo. Tùy thời sanh diệt, đây là pháp sanh diệt. Hết thấy các pháp Ngũ Thủ Uẩn đều là pháp sanh diệt, đều là vô thường, nhưng trong vô thường, người ấy lại duyên theo hết thấy các pháp. Do duyên khởi mà người ấy có thể nhận biết Lý của chúng. Tánh của các pháp duyên khởi là Không, Thể là Không. Có thể quan sát suy xét kỹ càng [các pháp ấy] đều là diệt pháp. Diệt thì sẽ thành đạo, như vậy thì mới có thể đạt được Độc Giác Thừa, tiến hơn Thanh Văn một bước, nhưng hạng chúng sanh ấy chẳng phải là Đại Thừa. Quý vị thấy Thanh Văn Thừa là hình trạng như thế nào? Độc Giác Thừa là hình trạng như thế nào? Quý vị có chứng đắc hay chẳng? Ngay cả pháp khí của Thanh Văn Thừa, quý vị còn chưa đủ trình độ, ngay cả pháp khí của Độc Giác Thừa cũng chẳng đủ trình độ, làm sao nói quý vị là Đại Thừa cho nổi? Có hàm nghĩa như thế đó!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Nhược chân thiện nhân Sát-đế-lợi, nãi chí chân thiện Thú-đạt-la, tu Tín đẳng thập Hữu Y Luân. Ư Thanh Văn Thừa tức thành khí. Cầu Độc Giác Thừa tam nghiệp tịnh. Cụ túc tâm quý, bố chư Uẩn. Tri quá, nhạo tĩnh, trụ không nhàn. Niệm thủ chư căn, tâm tịch định. Thiện quán duyên khởi, tu Tĩnh Lự. Chư Uẩn, Giới, Xứ xảo năng quán. Cụ thử thập hạnh Hữu Y Luân, thành thắng thừa khí độ Hữu hải. Tu cộng tam thừa Nhị Thừa luân, tự cầu giải thoát phiền não khổ. Bất độ hữu tình, bất xả tập, thử nhân câu phi Đại Thừa khí. Ngu si, giải đãi, căn hạ liệt. Ư Nhị Thừa pháp bất cần tu. Định bất năng cụ Đại Thừa luân. Cố phi Đại Thừa quảng đại khí.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「若真善人刹帝利，乃至真善戍達羅，修信等十有依輪。於聲聞乘速成器。求獨覺乘三業淨。具足慚愧怖諸蘊。知過樂靜住空閑。念守諸根心寂定。善觀緣起修靜慮。諸蘊界處巧能觀。具此十行有依輪，成勝乘器度有海。修共三乘二乘輪，自求解脫煩惱苦。不度有情不舍習，此人俱非大乘器。愚癡懈怠根下劣。於二乘法不勤修。定不能具大乘輪。故非大乘廣大器。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Nếu chân thiện nhân Sát-đế-lợi, cho đến chân thiện Thú-đạt-la, tu mười Hữu Y Luân như Tín... Mau thành pháp khí Thanh Văn Thừa. Cầu Độc Giác Thừa ba nghiệp tịnh, trọn đủ hổ thẹn, sợ các Uẩn. Biết lỗi, chuộng tỉnh, trụ thanh vắng. Niệm giữ các căn, tâm tịch định. Khéo quán duyên khởi, tu Tĩnh Lự. Các Uẩn, Giới, Xứ khéo quán tưởng. Hành trọn mười món Hữu Y Luân, thành thắng thừa khí, vượt biển Hữu. Tu chung ba thừa Nhị Thừa luân, tự cầu giải thoát phiền não khổ. Chẳng độ hữu tình, xả tập khí, người ấy chẳng phải Đại Thừa khí. Ngu si, giải đãi, căn kém hèn. Chẳng siêng tu tập pháp Nhị Thừa. Quyết chẳng thể trọn Đại Thừa luân. Chẳng phải Đại Thừa quảng đại khí).

“*Nhược chân thiện nhân Sát-đế-lợi, nãi chí chân thiện Thú-đạt-la*” (Nếu là bậc chân thiện Sát-đế-lợi, cho đến chân thiện Thú-đạt-la): Chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la, bốn chủng tánh ấy “*tu Tín đẳng thập Hữu Y Luân*” (tu mười Hữu Y Luân như Tín v.v...): Mười Hữu Y Luân ấy ngoại trừ Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, vẫn phải tu. Đây là năm địa vị đầu trong Thập Tín. Trong Hữu Y Luân, có mười pháp. Phải tu mười luân ấy thì mới có thể mau chóng trở thành pháp khí của Thanh Văn Thừa. Tiến hơn bước nữa, cầu Độc Giác Thừa thì tam nghiệp thanh tịnh, trọn đủ lòng hổ thẹn, đối với hết thảy các Uẩn và Giới, sanh khởi cảm giác sợ hãi, chẳng dấy khởi tham đắm. Biết sức lực của chính mình là như thế nào, chính mình phải trụ nơi thanh vắng, ở nơi vắng lặng, gìn giữ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chính mình, khiến cho cái tâm của quý vị có thể tịch định. Tức là đối với pháp Độc Giác Thừa, tu Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, cho đến sanh, lão, tử khổ, đều phải khéo quán duyên khởi!

Độc Giác Thừa chẳng giống Đại Thừa. Duyên khởi của Đại Thừa là biết hết thảy nhân duyên sanh khởi của hết thảy các pháp: Nhân duyên khởi, nhân duyên diệt, pháp duyên khởi chẳng có tự tánh. Bản thể của pháp tự tánh duyên khởi chính là Không. Đây là nghĩa Không trong Đại Thừa, chẳng giống với nghĩa Không của hàng Nhị Thừa. Đây chỉ là khéo quán duyên khởi để tu Định, tu tam-muội. Tĩnh Lự là Định, tức là quý vị tĩnh lặng. Sự suy tư ấy thoát đầu vẫn phải tìm tòi, vẫn phải trải qua rất nhiều quá trình thì quý vị mới có thể định được!

Như Sở Túc Quán được nói trong bộ kinh này, nếu quý vị tu Sở Túc Quán, phải khéo quán duyên khởi để tu môn Định ấy, khéo có thể quán Uẩn, Xứ, Giới, quán Ngũ Uẩn, quán mười tám Giới, quán mười hai

Xứ. Do có phương tiện huệ thiện xảo để quan sát, quan sát các pháp ấy đều là pháp duyên khởi. Hết thấy Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ đều là pháp duyên khởi, duyên khởi tánh Không. Tánh Không là Đại Thừa. Duyên khởi là Duyên Giác. Quán pháp duyên khởi, cũng đạt đến nghĩa Không. Cái Không ấy chẳng giống như cái Không trong Đại Thừa. Cái Không ấy (Không trong Đại Thừa) chẳng phải là Không [theo kiểu rỗng không], cái Không ấy là Chân Không. Chân Không là chứng đắc một nửa Chân Không. Cái Không của Bồ Tát được gọi là Phi Không, Phi Không chẳng phải là Không. Chẳng phải là Không thì là gì? Diệu Hữu. Diệu Hữu chẳng phải là Có, phi Hữu, đó là Chân Không. Hàm nghĩa của Chân Không bao gồm ý nghĩa lợi ích hết thấy chúng sanh.

Nhị Thừa đã đạt tới nghĩa Không, đã được an lạc trong ấy. Họ vì cầu an lạc cho chính mình, trụ trong Tĩnh Lự, trụ trong môn Định ấy. Đó là điếm bất đồng [giữa Nhị Thừa và Đại Thừa]. Họ đã vượt biển sanh tử, độ thoát tam giới. Họ là pháp khí của thừa thù thắng, tức là Nhị Thừa thù thắng. Thừa này cao hơn nhân thiên thừa, có thể vượt biển Hữu (vượt thoát tam giới), tu tam thừa luân chung cho cả ba thừa. Đây là cộng đạo (共道, đạo chung) của tam thừa, nhưng họ chỉ có thể tu Nhị Thừa Luân, chẳng thể tu Đại Thừa Luân.

“Tư cầu giải thoát phiền não khổ”, vì sao có thể biết họ là Nhị Thừa Luân? Họ chỉ cầu chính mình giải thoát. Giải thoát gì vậy? Giải thoát phiền não, có thể trừ bỏ phiền não. Họ gặp gì cũng chẳng khởi phân biệt, cho đến ý niệm tiếp xúc Pháp Trần, vẫn chẳng sanh khởi phân biệt, đoạn dứt Tư Hoặc, ý niệm chẳng dây Hoặc. Đó gọi là giải thoát nổi khổ phiền não. Đã chẳng có nổi khổ phiền não thì nổi khổ sanh tử cũng chẳng có. Nhưng khuyết điểm của họ là gì? *“Bất độ hữu tình, bất xả tập”* (Chẳng độ hữu tình, chẳng xả tập khí): Tập khí vẫn tồn tại! Kiến Tư Hoặc đã không còn, nhưng Trần Sa Hoặc vẫn tồn tại. Tập khí nhiều như cát bụi, rất khó đoạn, vì họ chẳng xả tập khí, chẳng độ chúng sanh. Cho nên, họ chẳng phải là pháp khí Đại Thừa. Do vậy, Thanh Văn và Độc Giác đều chẳng phải là khí cụ chứa đựng Đại Thừa.

“Ngu si, giải đãi, căn hạ liệt. Ư Nhị Thừa pháp bất cần tu, Định bất năng cụ Đại Thừa Luân. Có phi Đại Thừa quảng đại khí” (Ngu si, biếng nhác, căn cơ kém hèn, chẳng siêng tu tập pháp Nhị Thừa. Định chẳng thể trọn đủ Đại Thừa luân. Do vậy, chẳng phải là pháp khí rộng lớn của Đại Thừa): Chẳng phát tâm Bồ Đề. Đức Phật quở trách hàng Nhị Thừa là vì họ căn khí kém hèn, giải đãi. Chẳng thể tu pháp Nhị Thừa thì

làm sao có thể cầu Đại Thừa? Kẻ đối với pháp Nhị Thừa chẳng siêng năng tu hành, chẳng chứng quả Nhị Thừa, căn cơ hèn kém, làm sao có thể cầu Đại Thừa cho được? Đức Phật dạy: Chúng ta phải chiếu theo giáo nghĩa để đoán định, họ chẳng thể trọn đủ Đại Thừa Luân, tức là họ chẳng thể ngồi trên cỗ xe ấy, chẳng ngự trên cái Luân ấy (Đại Thừa Luân) được. Luân có nghĩa là xe lăn bánh, Thừa là có công năng vận chuyển. Thừa có Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tiểu Thừa ngồi trên cỗ xe nhỏ, như chiếc xe dê trong kinh Pháp Hoa, sức kéo của xe dê rất yếu nhẹ. Trung Thừa là xe kéo bằng nai, có sức mạnh hơn xe dê. Đại bạch ngưu xa là Đại Thừa, trong thí dụ của kinh Pháp Hoa, Đại Thừa Luân cách biệt Nhị Thừa Luân rất xa. Vì thế nói [pháp khí Nhị Thừa] chẳng phải là pháp khí rộng lớn của Đại Thừa.

(Kinh) Ngu si độc nhất cầu giải thoát. Liệt ý, hạ hạnh, vô từ bi. Nhạo trước Đoạn Kiến, hướng ác thú. Khí xả chánh pháp, thuyết phi pháp. Hủy báng Nhị Thừa, xả luật hạnh. Thọ Cụ Túc Giới, hiệu Đại Thừa. Phá loạn ngã pháp, hoặc chúng sanh. Do thử nhân thân nan phục đắc. Nã loạn ngã pháp chư hiền thánh, trích phạt bị xích ca-sa nhân. Ha mạ, giá đoạt y bát đấng, trường thời thoái thất nhân thiên thú.

(經)愚癡獨一求解脫。劣意下行無慈悲。樂著斷見向惡趣。棄舍正法說非法。毀謗二乘舍律行。受具足戒號大乘。破亂我法惑眾生。由此人身難復得。惱亂我法諸賢聖，謫罰被赤袈裟人。呵罵遮奪衣鉢等，長時退失人天趣。

(Kinh: Ngu si, độc nhất cầu giải thoát. Ý hèn, hạnh kém, chẳng từ bi. Ham chuộng Đoạn Kiến, hướng đường ác. Vứt bỏ chánh pháp, nói phi pháp. Hủy báng Nhị Thừa, bỏ luật hạnh. Thọ Cụ Túc Giới, xưng Đại Thừa. Phá loạn pháp ta, rồi chúng sanh. Do vậy, khó lại được làm người. Nã loạn pháp ta và hiền thánh, trích phạt người mặc ca-sa đồ. Quả mắng, ngăn đoạt y và bát... Lui mất đường trời người dài lâu).

“Ngu si độc nhất cầu giải thoát, liệt ý, hạ hạnh, vô từ bi” (Ngu si, độc nhất cầu giải thoát, ý hèn, hạnh kém, chẳng từ bi): Đức Phật phê bình hàng Nhị Thừa là ngu si, không có trí huệ, chẳng cầu Bồ Đề đạo, chỉ cầu giải thoát cho chính mình, chẳng giải trừ thống khổ cho người

khác (đó là ý nghĩa của câu “*độc nhất cầu giải thoát*”). Người khác có thống khổ, căn bản là họ chẳng quan tâm. Họ phát tâm rất kém hèn, chẳng thù thắng, hạnh chẳng rộng, chẳng có tâm từ bi.

“*Nhạo trước Đoạn Kiến, hướng ác thú. Khí xả chánh pháp, thuyết phi pháp*” (Đấm chuông Đoạn Kiến, hướng đường ác. Vứt bỏ chánh pháp, nói phi pháp): Đại Thừa là gì? Họ mong cầu nghĩa Không của Đại Thừa, [do chẳng hiểu thâm nghĩa] “*các pháp đều là Không, không tu, không chứng*”, bèn chấp giữ Đoạn Kiến, chẳng biết khi Bồ Tát lợi ích chúng sanh thì hết thấy các pháp đều phải tu. Nếu đấm chuông Đoạn Kiến, [cho rằng] chết rồi là hết, cần phải tu để làm gì cơ chứ? Họ lấy rất nhiều câu trong Đại Thừa để che đậy [sự lười nhác của bản thân]. Chẳng hạn như kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Hà tạ cù lao, khăng hệ tu chứng?*” [nghĩa là] tu chứng là giả, cần gì phải phí công phu. Họ dùng ngay câu kinh ấy để ra vẻ “ta đã chứng đắc”. [Chẳng biết hai câu ấy nhằm nói đến] bậc đại Bồ Tát đã chứng đắc pháp tánh, trực tiếp ngộ được pháp tánh, hiểu các pháp duyên khởi đều chẳng có thật tánh. Bản thân các pháp duyên khởi đã trọn đủ thật tánh. Đối với “*duyên khởi tánh Không*”, chỉ giữ lấy “tánh Không” thì gọi là Đoạn Kiến, hay Đoạn Diệt Kiến. Như thế thì chẳng thể gọi là Đại Thừa được! Kẻ đó thuộc về đường ác, sẽ tiến hướng đọa lạc trong ba đường ác, đọa lạc trong địa ngục.

“*Khí xả chánh pháp, thuyết phi pháp*” (Vứt bỏ chánh pháp, nói phi pháp): Pháp Nhị Thừa là chánh pháp, Thập Thiện Đạo là chánh pháp. Thập Thiện có sâu và cạn. Thanh Văn và Duyên Giác cũng hành Thập Thiện, đại Bồ Tát cũng hành Thập Thiện, chư Phật đều hành Thập Thiện. Tam Bất Hộ là thân, miệng, ý của Phật hoàn toàn thanh tịnh, chẳng cần phải bảo vệ. Hàng Nhị Thừa và Bồ Tát vẫn phải gìn giữ thân, miệng, ý, luôn ngăn giữ thân, miệng, ý. Thân, miệng, ý là mười nghiệp. Luôn bảo vệ mười nghiệp, chẳng để sai trái. “*Hủy báng Nhị Thừa, xả luật hạnh*” là không trì giới. Nhị Thừa chuyên nói tới trì giới. Hai trăm năm mươi giới đều trì thanh tịnh, chứng đắc quả A La Hán. Nếu chúng ta chẳng trì thanh tịnh, sẽ chẳng thể chứng đắc. Kẻ hủy báng pháp Nhị Thừa sẽ chẳng học giới luật Nhị Thừa, chẳng thọ trì giới luật, thậm chí đã thọ Cụ Túc Giới mà vẫn chẳng hành trì. Thọ Cụ Túc Giới, vừa thọ xong, bèn nói chính mình là Đại Thừa, [nại có ấy, để khởi tuân thủ giới luật].

“*Phá loạn ngã pháp, hoặc chúng sanh*”: Đây là mê hoặc chúng sanh, hủy báng, phá hoại chánh pháp của Phật. “*Do thử nhân thân nan phục đắc*” (Do vậy, khó lại được làm người): Kẻ hủy báng như thế đọa

vào Đoạn Kiến, cho đến phá loạn Phật pháp. Những kẻ ấy sau khi xả báo, lại muốn được làm người, sẽ rất khó, chẳng đạt được!

“*Não loạn ngã pháp chư hiền thánh, trích phạt bị xích ca-sa nhân*” (Não loạn các vị hiền thánh trong pháp của ta, trừng phạt người mặc ca-sa đỏ): Quả trách người đắp y ca-sa, cho đến hủy báng, não loạn. Trong ấy có thánh nhân và hiền nhân. Trước khi A La Hán nhập Định, Ngài ở chung với phàm phu Tăng, vị nào là thánh nhân? Vị nào là phàm nhân? Vị nào chứng thánh quả? Quý vị chẳng biết, chẳng phân biệt rõ ràng. Do vậy, [não loạn Tăng chúng sẽ là] não loạn các vị hiền thánh trong Phật pháp. “*Hiền nhân*” là nói tới bảy địa vị [trong Nhị Thừa], tức Sơ Quả Hướng, Sơ Quả, Nhị Quả Hướng, Nhị Quả, Tam Quả Hướng, Tam Quả, Tứ Quả Hướng. Chứng quả A La Hán thì mới gọi là thánh nhân. Nói theo pháp Nhị Thừa là như thế đó. Do vậy, nếu quả trách, chửi bới, khiển trách, ô nhục người đắp ca-sa, trong ấy sẽ có hiền mà cũng có thánh. Nếu quả trách, mắng chửi họ, cho đến ngăn trở, tước đoạt y và bát của họ. “*Trường thời thoái thất nhân thiên thú*” [nghĩa là] kẻ đó mong tái sanh trong nhân đạo, hoặc sanh lên thiên đạo, đều chẳng thể được.

(Kinh) Thị cố, nhược dục phục nhân thân, bất hoạn thiệt cầm nhi xả mạng, thường nhạo trị ngộ chư Phật giả, phổ ưng hoằng hộ tam thừa pháp, dục đắc tam thừa tối thượng thừa. Ứng thiện quán sát tam thừa pháp, hoan hỷ vị tha phổ khai thị, đương đắc thành Phật định vô nghi. Phá giới, xan tật, hoài kiêu mạn. Tự tán, hủy tha, hiệu Đại Thừa. Xả ly thử nhân, y trí giả, định đương thành Phật, độ tam giới. Ư tam thừa khí tùy sở nghi, từ bi vị thuyết tam thừa pháp. Tùy nguyện linh mãn vô xan tật, đương đắc thành Phật định vô nghi.

(經)是故，若欲復人身，不患舌_舌而舍命，常樂值遇諸佛者，普應弘護三乘法，欲得三乘最上乘。應善觀察三乘法，歡喜為他普開示，當得成佛定無疑。破戒慳嫉懷憍慢。自讚毀他號大乘。舍離此人依智者，定當成佛度三界。於三乘器隨所宜，慈悲為說三乘法。隨願令滿無慳嫉，當得成佛定無疑。

(Kinh: Vì thế, mong lại được thân người, chẳng bị đờ lưỡi mà xả mạng, thường thích gặp gỡ với chư Phật, hoằng hộ trọn khắp pháp tam thừa, mong đắc tam thừa tối thượng thừa. Nên khéo quan sát pháp tam thừa. Hoan hỷ vì họ khắp khai thị, sẽ được thành Phật quyết chẳng ngờ. Phá giới, keo, ghen, thường kiêu mạn. Khen mình, chê người, xưng Đại Thừa. Xả lìa người ấy, nương bậc trí, quyết sẽ thành Phật vượt tam giới. Tam thừa pháp khí thuận cơ nghi, từ bi vì họ nói tam thừa, khiến được mãn nguyện, chẳng keo, ganh. Sẽ được thành Phật, quyết chẳng nghi).

“Thị cố, nhược dục phục nhân thân, bất hoạn thiết cảm nhi xả mạng” (Vì thế, nếu muốn lại được làm người, chẳng bị đờ lưỡi, xả tánh mạng): Quý vị mong lại được làm thân người, có hai tình huống:

1) Tuy vẫn được làm thân người, nhưng rất khó có thân thể toàn vẹn. Một loại [khuyết tật] là lưỡi. Lưỡi quá ngắn, hoặc quá dài, chẳng thể nói được. Có miệng mà chẳng thể nói. Đó là một trường hợp.

2) Hoặc là xả mạng, sanh vào nhân gian chẳng bao lâu đã chết, lại xả thân người. Xả xong bèn vào địa ngục.

Nếu có lưỡi [mà chẳng nói được], sẽ sống lâu hơn một chút. Chẳng có lưỡi, thọ mạng sẽ ngắn hơn! Vì kẻ đó tiếp tục làm ác, mới từ địa ngục thoát ra, rất khó tăng trưởng thiện căn. Đã quen thói làm ác, rất khó sửa đổi tập khí. Đoạn Kiến Tư Hoặc còn dễ, chứ sửa đổi tập khí rất khó. Phá giới thì sám hối có thể thay đổi, chứ phá Kiến thì chẳng có cách nào, Phật cũng chẳng thể cứu kẻ đó. Kiến tức là tri kiến. Kẻ đó nhìn nhận vấn đề luôn khác với mọi người, đặc biệt lệch lạc, đặc biệt hẹp hòi, luôn chẳng phù hợp pháp, báng bổ chánh pháp là phi pháp, nói phi pháp là chánh pháp. Hễ ai có loại kiến giải ấy, sẽ chẳng dễ độ. Tập khí nơi tri kiến mang theo từ vô lượng đời. *“Thường nhạo trị ngộ chư Phật giả”* (Thường thích gặp gỡ chư Phật): Nếu quý vị mong thường gặp chư Phật, phải hoằng dương pháp tam thừa.

“Dục đắc tam thừa tối thượng thừa, ưng thiện quán sát tam thừa pháp” (Nếu muốn đắc pháp tối thượng thừa trong tam thừa, hãy nên khéo quán sát pháp tam thừa): Nếu quý vị mong đạt được pháp Đại Thừa, hãy khéo quan sát pháp tam thừa. Pháp tam thừa rốt cuộc là nói đến điều gì? *“Hoan hỷ vì chúng sanh phổ khai thị”* (Hoan hỷ vì chúng sanh khai thị trọn khắp). Ở đây, chữ Phổ (普, trọn khắp) là đừng chọn lựa, đừng nên chỉ khai thị cho kẻ có tiền, có thế; chẳng khai thị cho kẻ không tiền, không thế. Đôi khi chúng ta thấy súc sanh, khuyên mọi

người hãy niệm Tam Quy cho nó. [Quý vị cứ nghĩ] chúng nó không hiểu, [dẫu nói Tam Quy] chẳng có tác dụng ư? Quý vị thọ quán đánh, có hiểu hay không? Vì sao quý vị muốn thọ quán đánh? Đó gọi là “gieo chủng tử”. Có khá nhiều người thọ quán đánh, căn bản là chẳng hiểu. Đã thọ đại quán đánh thật sự, họ vẫn chẳng biết. Mỗi phép quán đánh, đều có một bài chú chủ yếu. Đã thọ quán đánh, nhất định phải niệm chú. Tôi thiếu là niệm mười vạn biến, thường thọ trì, niệm cho nhiều. Có người thọ quán đánh xong, tôi hỏi người ấy: “Quý vị có thọ trì hay không?” Người ấy hỏi: “Thọ trì gì vậy?” Tôi nói: “Quý vị thọ quán đánh gì vậy?” “Tôi cũng không biết”. Như vậy thì có công đức hay không? Có một ít, gieo chủng tử mà thôi!

Bất luận loại súc sanh nào, quý vị niệm Tam Quy cho nó. Quý vị đối trước chó, cho đến những con cá ta phóng sanh, chúng đều mở mắt rất to ngó quý vị. Quý vị nói Tam Quy cho chó, chó liền mở to mắt nhìn quý vị. Bất luận nó hiểu hay không, quý vị đã gieo chủng tử cho nó, có ý nghĩa như vậy. Nhất định phải làm như vậy, hãy nên khéo quan sát pháp tam thừa.

“Hoan hỷ vị tha phổ khai thị, đương đắc thành Phật định vô nghi” (Hoan hỷ vì người khác khai thị trọn khắp, sẽ được thành Phật, chắc chắn chẳng nghi ngờ): Người có thể làm như vậy, đấy mới là Đại Thừa thật sự, nhất định có thể thành Phật.

“Phá giới, xan, tật, hoài kiêu mạn, tự tán, hủy tha, hiệu Đại Thừa” (Phá giới, keo kiệt, ghen ghét, ôm lòng kiêu mạn, tự khen mình, chê người, mà xưng là Đại Thừa): Không chỉ chẳng phải là Đại Thừa, Tiểu Thừa cũng chẳng phải, chẳng nhập Phật môn, ngay cả mấp mé Phật pháp cũng chẳng có, chẳng cần đề ý đến hạng người như thế. “Xả ly thứ nhân y trí giả, định đương thành Phật độ tam giới” (Hãy lìa bỏ kẻ ấy, nương theo người trí huệ, chắc chắn sẽ thành Phật, độ tam giới): Hạng người phá giới, keo kiệt, ghen tỵ, lại ôm lòng kiêu căng, ngạo mạn như thế, tán thán chính mình, hủy báng người khác. Hễ hủy báng người khác, tất nhiên là sẽ có hơi hướng tán thán chính mình! Hãy lìa bỏ người như thế, nương cây bậc có trí huệ, nhất định sẽ thành Phật, độ thoát tam giới, thoát khỏi tam giới.

“Ư tam thừa khí tùy sở nghi, từ bi vị thuyết tam thừa pháp” (Đối với các pháp khí tam thừa, hãy tùy thuận cơ nghi, từ bi vì họ nói pháp tam thừa): Đối với người thuộc tam thừa, người ấy thuộc loại căn cơ nào, “nghi” (宜) có nghĩa là “đáng nên”, tức là người ấy đáng nên tiếp

nhận pháp nào, quý vị bèn từ bi nói cho người ấy pháp đó. “Tùy nguyện linh mãn vô xan, tất, đương đắc thành Phật định vô nghi” (Thuận theo ý nguyện khiến cho họ được thỏa mãn, chẳng keo kiệt, ghen ghét, thì sẽ thành Phật chắc chắn chẳng nghi ngờ): Tùy theo ý nguyện của người ấy, khiến cho người ấy thỏa mãn. Ngàn vạn phần chớ nên bủn xỉn pháp! [Nếu] bủn xỉn, tham lam, ghen ghét đối với pháp, quý vị sẽ mắc quả báo đó lười, chẳng thể nói được!

(Kinh) Tri Uẩn, Giới, Xứ giai không tịch, vô sở y trụ thí hư không, thuyết pháp đẳng nhiếp chư hữu tình, đương hoạch diệu giác vô biên trí. Phá giới, ý nhạo hoại ác tâm, văn thuyết Đại Thừa thắng công đức, trá hiệu Đại Thừa vị danh lợi, như tặc lư phi sư tử bì. Ngã kim phổ cáo nhất thiết chúng, nhược dục tất đắc thắng Bồ Đề, đương thiện tu trì Thập Thiện Nghiệp, hộ trì ngã pháp, vật hủy hoại!

(經)知蘊界處皆空寂，無所依住譬虛空，說法等攝諸有情，當獲妙覺無邊智。破戒意樂懷噁心，聞說大乘勝功德，詐號大乘為名利，如弊驢披師子皮。我今普告一切眾，若欲疾得勝菩提，當善修持十善業，護持我法勿毀壞！

(Kinh: Biết Uẩn, Giới, Xứ đều không tịch, chẳng hề nương trụ như hư không, thuyết pháp bình đẳng nhiếp hữu tình, sẽ đắc diệu giác vô biên trí. Phá giới, ý ưa ôm lòng ác, nghe công đức Đại Thừa thù thắng, vờ xưng Đại Thừa vì danh lợi, như lừa ác khoác da sư tử. Ta nay bảo khắp hết thầy chúng, nếu muốn mau đạt thắng Bồ Đề, hãy khéo tu trì Thập Thiện Nghiệp, hộ trì pháp ta, đừng hủy hoại!)

Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ đều là duyên khởi, chẳng có tự tánh. Tánh thể của chúng là không tịch. “Không” là chẳng có tướng trụ, chẳng đến, chẳng đi. Biết hết thầy các pháp như Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới đều là không tịch, đó là đạt được công phu. Nếu quý vị có thể học Duy Thức Tam Thập Luận, có thể hiểu rõ Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ, đều chẳng phải là chuyện dễ! Sau đó, quý vị lại quán, quán tướng gì? Các pháp ấy căn bản là chẳng có. Sáu thức Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý là hư vọng, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Bên ngoài thì đối ứng với sáu trần, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp cũng là rỗng không, hư huyễn như mộng, huyễn, bọt, bóng. Căn đối ứng với Trần thành mười hai Xứ, đều là tịch tĩnh, chẳng đến, chẳng đi, bất

sanh, bắt diệt. Do bản tánh thường tịch tĩnh, do các pháp như huyễn, đều chẳng y chỉ. Vì chẳng y chỉ, hư không nương vào đâu? Hư không chẳng nương vào thứ gì cả! Nói loại pháp này để nhiếp thọ các hữu tình; đây mới là diệu nghĩa Đại Thừa, khiến cho hết thảy chúng sanh đều đạt được trí huệ diệu giác vô biên, đạt được Không Huệ. Cái Không ấy chính là Bát Nhã, chính là cái Không mà Quán Tự Tại Bồ Tát dùng để chiếu “*Ngũ Uẩn đều không*”, mười tám Giới đều không, mười hai Xứ đều không. Cái Không của Bát Nhã ấy là không mà phi không. “*Không phi không*” chính là Chiếu.

“*Phá giới, ý nhạo hoài ác tâm*” (Phá giới, ý thích ôm lòng độc ác): Phạm là kẻ phạm giới, phá giới, tâm kẻ đó chẳng tốt lành, nhất định là ác tâm. Nghe nói công đức Đại Thừa to lớn, chính kẻ đó cũng lừa dối người khác, nói: “Ta cũng là Đại Thừa”. [Đó là] “*trá hiệu Đại Thừa*” (dối trá xưng là Đại Thừa). Công đức của Đại Thừa to lớn, tâm mọi người đều hướng đến, đặc biệt là chúng ta thích hướng về Đại Thừa, hướng về Mật, hướng về viên mãn, hướng về rốt ráo. Nếu nói pháp này chẳng rốt ráo, ta sẽ chẳng học pháp này, ta muốn học pháp rốt ráo. Khá lắm! Học pháp rốt ráo, chí hướng khá lắm, nhưng [nếu người học] chẳng phải là căn khí, thì sẽ liên quan đến danh lợi!

“*Như tỳ lư phi sư tử bì*” (Giống như con lừa tỳ hại, khoác da sư tử): Giống như thí dụ đã nói trong phần trước. Chỉ là một con lừa tỳ hại, khoác da sư tử, ngụy trang làm sư tử, bị người khác biết tồng tọng tồng! “*Ngã kim phổ cáo nhất thiết chúng, nhược dục tặc đắc thắng Bồ Đề*” (Nay ta bảo trọn khắp hết thảy đại chúng, nếu muốn nhanh chóng đạt được Bồ Đề thù thắng): Nay ta nói cùng mọi người, quý vị nếu muốn chứng đắc quả Bồ Đề rất nhanh chóng, hãy khéo tu trì Thập Thiện Nghiệp, hãy khéo tu tập Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp tu thành, có thể khiến cho Phật pháp chẳng bị hủy hoại.

(Kinh) Ngã tích chư dư Khế Kinh thuyết, ưng cầu đại giác, hành Đại Thừa, xả ly Thanh Văn, Độc Giác Thừa, vị thanh tịnh giả thuyết tư pháp. Tăng cúng vô lượng câu-chi Phật, đoạn ác, cần lao tu tịnh tâm. Ngã vị khuyến tấn bỉ chúng sanh, cố thuyết Nhất Thừa, vô đệ nhị. Kim thử chúng cụ tam thừa khí, hữu dẫn kham trụ Thanh Văn Thừa, tâm cực ưu bố, đa sự nghiệp. Bỉ phi thượng diệu Bồ Đề khí. Hữu si nhạo tĩnh, trụ Độc Giác, bỉ phi thượng diệu Bồ Đề khí. Hữu kham an trụ thượng diệu trí. Cố tùy sở nhạo, thuyết tam thừa. Cụ tịnh công đức, nhạo giải thoát. Văn thuyết Đại Thừa đọa ác thú, như bệnh

đàm ám, giáo phục nhũ. Thử tăng độc hại, phi trừ tật. Như thị phi khí Thanh Văn Thừa, văn thuyết Đại Thừa tâm mê loạn, tiện khởi Đoạn Kiến, đọa ác thú. Cố ưng thuyết pháp, thâm quán cơ.

(經)我昔諸餘契經說，應求大覺行大乘，舍離聲聞獨覺乘，為清淨者說斯法。曾供無量俱胝佛，斷惡勤勞修淨心。我為勸進彼眾生，故說一乘無第二。今此眾具三乘器，有但堪住聲聞乘，心極憂怖多事業。彼非上妙菩提器。有癡樂靜住獨覺，彼非上妙菩提器。有堪安住上妙智。故隨所樂說三乘。具淨功德樂解脫。聞說大乘墮惡趣，如病痰癩教服乳。此增毒害非除疾。如是非器聲聞乘，聞說大乘心迷亂，便起斷見墮惡趣。故應說法審觀機」。

(Kinh: Ta xưa trong các Khế Kinh nói, nên cầu đại giác, hành Đại Thừa, lìa bỏ Thanh Văn, Độc Giác Thừa, vì bậc thanh tịnh thuyết pháp ấy. Từng cúng vô lượng câu-chi Phật, đoạn ác, siêng năng, tu tịnh tâm. Ta vì khuyến khích chúng sanh ấy, chỉ nói nhất thừa, không thừa khác. Nay đại chúng đủ căn cơ tam thừa, có người chỉ kham Thanh Văn Thừa, tâm cực lo sợ, lảm sự nghiệp. Chẳng phải Bồ Đề thượng diệu khí! Kẻ si, chuộng tĩn, trụ Độc Giác, chẳng phải Bồ Đề thượng diệu khí. Kẻ kham an trụ trí thượng diệu, tùy lòng họ thích, nói ba thừa. Đủ tịnh công đức, chuộng giải thoát.

Nghe nói Đại Thừa, đọa đường ác. Như bị ghen đèm, dạy uống sữa. Tăng thêm độc hại, chẳng trừ bệnh. Căn khí Thanh Văn, phi Đại Thừa, nghe nói Đại Thừa tâm mê loạn, liền dấy Đoạn Kiến, đọa đường ác. Nói pháp phải nên quán căn cơ).

“Ngã tích chư dư Khế Kinh thuyết, ưng cầu đại giác, hành Đại Thừa” (Ta xưa kia trong các Khế Kinh khác nói: “Hãy nên cầu đại giác, hành Đại Thừa”): Trong các kinh khác, ta nói như vậy, khuyên mọi người, khuyên hết thầy chúng sanh đều nên học Đại Thừa, hành pháp Đại Thừa, đại giác cầu thành Phật. “Xả ly Thanh Văn, Độc Giác Thừa” (Lìa bỏ Thanh Văn và Độc Giác Thừa): Chẳng cần học pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Ta nói pháp ấy là vì những người thanh tịnh mà nói,

“*vị thanh tịnh giả thuyết tư pháp*” (vì những người thanh tịnh mà nói pháp này). Câu này nhằm trả lời câu hỏi của Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Trước kia, trong các kinh điển Đại Thừa khác, [đức Phật] đã từng nói như thế này: “Đều phải nên học Đại Thừa, chẳng cần học Thanh Văn và Độc Giác Thừa”. Đó là vì Ngài nói với những người thanh tịnh. Vì những người ấy đều đã cúng dường vô lượng câu-chi Phật, “*đoạn ác, cần lao tu tịnh tâm*” (đoạn ác, siêng khổ tu tịnh tâm), tịnh tâm phải tu đến mức thành tựu kha khá. “*Ngã vị khuyến tấn bỉ chúng sanh, cố thuyết nhất thừa, vô đệ nhị*” (Ta vì khuyến tấn các chúng sanh ấy, cho nên nói nhất thừa, chẳng có thừa thứ hai): Kinh Pháp Hoa nói như vậy. “*Chỉ thử thị nhất thật, dư nhị tắc vi chân*” (Chỉ có pháp này là duy nhất chân thật, hai thừa khác đều chẳng thật) nhằm nói cho những người ấy, tức là thuyết pháp đúng với căn cơ.

“*Kim thử chúng cụ tam thừa khí, hữu đản kham trụ Thanh Văn Thừa*” (Nay trong đại chúng này có đủ căn cơ tam thừa, có những người chỉ có thể trụ trong Thanh Văn Thừa): Nay ta chỉ nói trọn khắp cho người trong tam thừa. Kinh Đại Tập Thập Luân nói trọn khắp tam thừa. Nay trong đại chúng này, có những người chỉ có thể trụ trong Thanh Văn Thừa. Trong tâm người ấy sợ hãi rất nhiều chuyện, họ chẳng phải là căn khí Bồ Đề thượng diệu. Hàng Độc Giác trụ tịch tĩnh, “*bỉ phi thượng diệu Bồ Đề khí*” (kẻ đó chẳng phải là pháp khí của Bồ Đề thượng diệu). “*Hữu kham an trụ thượng diệu trí, cố tùy sở nhạo thuyết tam thừa*” (Có kẻ có thể an trụ trí thượng diệu; vì thế, tùy theo lòng ưa thích của họ mà nói tam thừa): Có người thích Đại Thừa, thuộc căn khí ấy, có thể trụ trong Đại Thừa, có trí huệ màu nhiệm ấy, ta liền nói cho người ấy pháp Đại Thừa. “*Cụ tịnh công đức nhạo giải thoát, văn thuyết Đại Thừa đọa ác thú*” [nghĩa là] còn có hạng người khác, họ mong cầu giải thoát thanh tịnh [chẳng có tâm phổ độ chúng sanh], nghe nói Đại Thừa, lại đâm ra đọa vào đường ác.

Tiếp đó nói tỷ dụ: “*Như bệnh đàm ẩm giáo phục nhũ, thử tăng độc hại, phi trừ tật*” (Như mắc bệnh nghẹn đờm, bảo kẻ đó uống sữa, sẽ tăng độc hại, chẳng trừ bệnh tật): Kẻ đó chỉ mong cầu lìa khỏi nỗi khổ trong ba đường ác, hoặc chỉ mong cầu lìa khỏi nỗi khổ trong tam giới, người ấy đã trọn đủ công đức của hai trăm năm mươi giới, mong giải thoát gì vậy? Giải thoát nhân gian, cầu đạt được sự tịch tĩnh của Nhị Thừa. Nếu ta nói pháp Đại Thừa cho kẻ đó, kẻ đó không chỉ chẳng tiếp nhận, mà còn sẽ hủy báng, nhất định đọa vào ác đạo. Như người mắc

bệnh đàm, ẩm đàm (癰痰) là chứng bệnh cổ họng không thoát máu (viêm họng), cho người ấy uống sữa, yết hầu càng nóng thêm, viêm nặng hơn. Đó là độc hại, hoàn toàn chẳng phải là trừ khử bệnh cho người đó. Uống chút nước hoàng liên sẽ đỡ hơn nhiều. Đó là cắt thuốc đúng bệnh.

“*Như thị phi khí Thanh Văn Thừa, văn thuyết Đại Thừa tâm mê loạn*” (Kẻ thuộc Thanh Văn Thừa, chẳng phải là pháp khí Đại Thừa, nghe nói Đại Thừa, tâm sẽ mê loạn): Đối với kẻ chẳng phải là pháp khí Đại Thừa, [nghe giảng Đại Thừa], nhất định sẽ mê loạn. Kẻ chẳng phải là pháp khí Nhị Thừa, nếu nói pháp Nhị Thừa cho người ấy, họ cũng chẳng thể chứng nhập, vì họ là căn khí Đại Thừa. Đối với hạng pháp khí Thanh Văn Thừa, nói pháp Đại Thừa cho người ấy, họ nghe xong, tâm sẽ loạn, ngay cả Thanh Văn Thừa cũng chẳng đạt được. Ngược lại, họ sẽ dấy khởi Đoạn Kiến, đọa vào ác thú Không. Không chỉ chẳng thể lãnh ngộ nghĩa Không, mà còn đọa vào Ác Thú Không, đọa vào đường ác. “*Có ưng thuyết pháp thẩm quán cơ*” nghĩa là khi thuyết pháp, nhất định phải cẩn thận, nhất định phải xem xét căn cơ cẩn thận.

V. Sám hối - Phẩm Đệ Ngũ

懺悔品第五

(*Phẩm thứ năm: Sám Hối*)

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị tụng dĩ, u chúng hội trung, hữu vô lượng bách thiên chúng sanh tăng ngộ văn pháp, mậu sanh Không giải, bát vô nhân quả, đoạn diệt thiện căn, vãng chư ác thú, văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, tức tùng tòa khởi, dẫn lễ Phật túc, u Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối, hiệp chưởng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đặng bổn tại Thanh Văn Thừa trung, tăng chủng thiện căn, vị năng thành thực Thanh Văn Thừa khí. Hậu phục ngộ văn Độc Giác Thừa pháp, mê hoặc bất liễu, tiện sanh Không kiến, bát vô nhân quả. Do thị nhân duyên, tạo thân, ngữ, ý vô lượng tội nghiệp, vãng chư ác thú. Ngã đặng kim giả, u Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, thâm tâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đặng tội giai tất tiêu diệt, u đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn tế bạt ngã đặng đương lai ác thú khổ

báo. Ngã đấng kim giả, hoàn nguyện thọ hành tiên sở tu tập Thanh Văn Thừa hạnh. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn giáo thọ”.

(經)爾時，世尊說是頌已，於眾會中有無量百千眾生，曾誤聞法，謬生空解撥無因果，斷滅善根，往諸惡趣。聞說此經，還得正見，即從座起，頂禮佛足，於世尊前深生慚愧，至誠懺悔，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！我等本在聲聞乘中曾種善根，未能成熟聲聞乘器。後復遇聞獨覺乘法，迷惑不了，便生空見撥無因果。由是因緣，造身語意無量罪業往諸惡趣。我等今者於世尊前，聞說此經還得正見，深心慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今已往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉銷滅，於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。我等今者，還願受行先所修習聲聞乘行。唯願世尊，哀愍教授」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói bài tụng ấy xong, trong chúng hội, có vô lượng trăm ngàn chúng sanh từng nghe làm pháp, làm lạc sanh khởi kiến giải rộng không, bài bác “chẳng có nhân quả”, đoạn diệt căn lành, đi vào đường ác, nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối, chấp tay, cung kính, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con vốn từng gieo thiện căn trong Thanh Văn Thừa, nhưng chưa thể thành thực pháp khí Thanh Văn Thừa. Sau đó lại được gặp gỡ, nghe pháp Độc Giác Thừa, bèn mê hoặc, chẳng hiểu rõ, liền sanh tri kiến rộng không, bài bác chẳng có nhân quả. Do nhân duyên ấy, tạo vô lượng tội nghiệp nơi thân, ngữ, ý, vào trong các đường ác. Chúng con nay ở trước đức Thế Tôn nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, bày tỏ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện trừ diệt hết. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng tái phạm, sẽ ngăn ngừa các tội chướng mai sau. Kính mong

đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt. Trong đời mai sau, vĩnh viễn chẳng còn tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn xót thương cứu giúp khổ báo nơi đường ác của chúng con trong mai sau. Chúng con nay vẫn mong tiếp nhận, hành trì các hạnh thuộc Thanh Văn Thừa đã tu tập trước kia. Kính mong đức Thế Tôn xót thương dạy bảo”).

Đức Phật hễ thuyết pháp, sẽ trừ khử những đau khổ của đại chúng tham dự pháp hội. Vì sao đức Phật nói các pháp ấy? Đây là thuyết pháp đúng theo căn cơ. Vì trong hội Đại Tập này, có các chúng sanh lầm lạc sanh khởi kiến giải rong không, trong quá khứ họ đã phạm sai lầm ấy. “*Bát vô nhân quả, đoạn diệt thiện căn*” (Bài bác “chẳng có nhân quả”, đoạn diệt căn lành), cho nên đi vào các đường ác, đọa trong ba ác đạo. Nay “*văn thuyết thử kinh*” (nghe nói kinh này), tức là được nghe đức Phật nói kinh Đại Tập Thập Luân, “*hoàn đắc chánh kiến*” (lại được chánh kiến), tức là lại khôi phục chánh kiến của họ. Họ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa mà sám hối.

Đây là phẩm thứ năm, tức phẩm Sám Hối. Khi chúng ta đọc đoạn kinh văn này, hãy ngẫm xem chính mình có phạm sai lầm ấy hay không? Nếu có, hãy tùy hỷ sám hối một phen. Chẳng có, quý vị có thể chẳng cần tùy hỷ. Bất quá, ai nấy nhất định sẽ phạm sai lầm, hoặc nhiều hay ít đó thôi, đều phải nên sám hối. Họ đánh lễ dưới chân đức Phật, sám hối. “*Hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn*” (Chấp tay, cung kính mà bạch cùng đức Phật rằng), cung kính thưa: “*Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng bôn tại Thanh Văn Thừa trung, tằng chủng thiện căn*” (Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con vốn từng gieo thiện căn trong Thanh Văn Thừa): Đã tu đạo, nhưng chẳng thành thực căn khí của Thanh Văn Thừa, chẳng chứng đạo, chẳng đạt được thành quả. “*Hậu phục ngộ Độc Giác Thừa pháp*” (Về sau lại gặp pháp Độc Giác Thừa), liền mê hoặc, sanh khởi Không kiến. Hễ Không kiến đã sanh, liền “*bác vô nhân quả*” (bài bác “chẳng có nhân quả”), chẳng tin quả báo thiện ác. Vì nhân duyên ấy, tạo “*thân, ngữ, ý, vô lượng tội nghiệp*” (tạo vô lượng tội nghiệp nơi thân, ngữ, ý), làm rất nhiều chuyện lầm lỗi. Do đã làm sai, bèn đọa vào đường ác. Nay chúng con đối trước đức Thế Tôn, “*văn thuyết thử kinh*” (nghe nói kinh này) mới khôi phục chánh kiến. “*Thâm tâm tâm quý*” (Sanh lòng hổ thẹn sâu xa), cảm thấy trong quá khứ đã sai trái, nay hướng về đức Thế Tôn phát lộ sám hối. “*Bát cảm phú tàng*” (Chẳng dám giấu

giếm), thỉnh cầu đức Thế Tôn chứng minh, “nguyên tất trừ diệt” (nguyên trừ diệt hết sạch) các tội ấy của con. Đối trước đức Thế Tôn sám hối xong, [các tội ấy] sẽ trừ diệt. “*Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tạo*” (Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa): Chẳng còn tạo các tội ấy nữa, chẳng còn đọa vào ác kiến nữa. “*Phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng*” (Ngăn ngừa tất cả tội chướng trong mai sau): Con đã sám hối xong; trong tương lai, những tội ấy lại đưa đến, con sẽ nhận biết ngay, sẽ chẳng đọa lạc lần nữa!

“*Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đặng tội giai tất tiêu diệt*” (Kính mong đức Thế Tôn thương xót nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt): Nay chúng con hướng về đức Phật đã sám hối xong, Phật sẽ gia trì chúng con, khiến cho tội cấu ấy đều tiêu diệt. “*Ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo*” (Trong đời mai sau, vĩnh viễn chẳng tạo nữa): Chẳng còn tạo tội này nữa! “*Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn té bạt ngã đặng đương lai ác thú khổ báo*” (Kính mong đức Thế Tôn xót thương cứu vớt khổ báo nơi đường ác của chúng con trong mai sau): Nếu con không sám hối, trong tương lai, nhất định phải hứng chịu quả báo ấy.

“*Kim giả hoàn nguyện thọ hành tiên sở tu tập Thanh Văn Thừa hạnh*” (Nay chúng con vẫn mong tiếp nhận, hành trì các hạnh thuộc Thanh Văn Thừa đã tu tập trước kia): Họ là căn khí Thanh Văn Thừa. Họ nói: Hiện thời, họ chẳng hâm mộ Độc Giác Thừa, vẫn muốn tu hành pháp Thanh Văn. “*Duy nguyện Thế Tôn ai mãn giáo thọ*” [nghĩa là] xin đức Phật lại vì chúng con nói pháp Thanh Văn lần nữa!

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đặng nãi năng như thị tâm quý, phát lộ sám hối. Ư ngã pháp trung, hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bỉnh tánh chuyên tinh, bốn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tâm quý, phát lộ sám hối. Thử nhị chủng nhân, ư ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả”. Ư thị, Thế Tôn tùy kỳ sở nhạo, phương tiện vị thuyết Tứ Thánh Đế pháp. Ư bỉ chúng trung, hữu đắc hạ phẩm Nhãn giả, hữu đắc trung phẩm Nhãn giả, hữu đắc thượng phẩm Nhãn giả, hữu đắc thế gian đệ nhất pháp giả, hữu đắc Dự Lưu quả giả, hữu đắc Nhất Lai quả giả, hữu đắc Bất Hoàn quả giả. Ư trung, phục hữu bát vạn tứ thiên bát-sô, chư lậu vĩnh tận, tâm đắc giải thoát, ý thiện thanh tịnh, thành A La Hán, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bốn tòa.

(經)世尊告曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是慚愧，發露懺悔。於我法中，有二種人，名無所犯：一者、稟性專精，本來不犯。二者、犯已慚愧，發露懺悔。此二種人，於我法中，名為勇健得清淨者」。於是，世尊隨其所樂，方便為說四聖諦法。於彼眾中，有得下品忍者，有得中品忍者，有得上品忍者，有得世間第一法者，有得預流果者，有得一來果者，有得不還果者。於中，復有八萬四千苾芻，諸漏永盡，心得解脫，意善清淨，成阿羅漢，歡喜禮佛，還復本座。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể hổ thẹn và bày tỏ sám hối như vậy. Trong pháp của ta, có hai loại người được gọi là chẳng phạm lỗi gì: Một là người bẩm tánh chuyên ròng, vốn chẳng hề phạm. Hai là người đã phạm bèn hổ thẹn, phát lộ sám hối. Hai loại người ấy ở trong pháp của ta, được gọi là người dừng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh”. Ngay khi đó, đức Thế Tôn bèn thuận theo lòng ưa thích của họ, phương tiện nói cho họ pháp Tứ Thánh Đế. Trong số những người ấy, có người đắc hạ phẩm Nhân, có người đắc trung phẩm Nhân, có người đắc thượng phẩm Nhân, có người đắc pháp đệ nhất trong thế gian, có người đắc quả Dự Lưu, có người đắc quả Nhất Lai, có người đắc quả Bất Hoàn. Trong ấy, lại có tám vạn bốn ngàn bát-sô vĩnh viễn hết sạch các lậu, tâm được giải thoát, ý thiện thanh tịnh, thành A La Hán, hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).

Đức Phật liền bảo: “Thiện tai! Thiện tai!”, hay lắm! “Nhữ đẳng nãi năng như thị tầm quý, phát lộ sám hối” [nghĩa là] như các ông hổ thẹn, phát lộ sám hối như vậy, các ông phải nhận biết trong Phật pháp: “Hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm” (Có hai loại người được gọi là “không phạm lỗi gì”), cũng là thanh tịnh. “Nhất giả, bẩm tánh chuyên tịnh” (Một là bẩm tánh chuyên ròng): Người ấy có tánh tình giữ giới rất tốt đẹp, chuyên ròng trì giới, vốn chẳng vi phạm. “Nhị giả, phạm dĩ tầm quý” tức là hề đã phạm giới, bèn dấy lên cái tâm hổ thẹn. “Phát lộ sám hối” thì cũng sẽ thanh tịnh. Loại người ấy “u ngã pháp trung, danh vi

dững kiện, đắc thanh tịnh giả” (loại người ấy ở trong pháp của ta, được gọi là người dững mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh), hết thấy tội ác đều sám trừ thanh tịnh.

“*U thi, Thế Tôn tùy kỳ sở nhạo*” (Do vậy, đức Thế Tôn thuận theo lòng ưa thích của họ): Tâm họ ưa thích điều gì? “*Phương tiện vị thuyết Tứ Thánh Đệ pháp*” (Phương tiện nói pháp Tứ Thánh Đệ cho họ): Pháp Tứ Thánh Đệ là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, gồm hai tầng nhân quả. Tập là cái nhân thế gian, Khổ là cái quả thế gian. Đạo là cái nhân xuất thế gian, Diệt là cái quả xuất thế gian. Cái nhân xuất thế gian và cái quả xuất thế gian, do tu Đạo bèn có thể thoát lìa. Do đức Phật nói như thế, ở trong hội ấy, “*hữu đắc hạ phẩm Nhẫn giả, hữu đắc trung phẩm Nhẫn giả, hữu đắc thượng phẩm Nhẫn giả, hữu đắc thế gian đệ nhất pháp giả*” (có người đắc hạ phẩm Nhẫn, có người đắc trung phẩm Nhẫn, có người đắc thượng phẩm Nhẫn, có người đắc thế gian đệ nhất pháp): Đó gọi là bốn địa vị Noãn (煖), Đảnh (頂), Nhẫn (忍), Thế Đệ Nhất (世第一), bèn chứng Sơ Quả, tu hành đã được Noãn khí (暖氣, hơi ấm). Khi mới vừa tu hành, chẳng có một tí hơi ấm nào, cũng tức là chẳng nhập môn. Đã có thể tiến nhập, hoặc là Định cũng thế, hoặc là đọa tụng Đại Thừa cũng thế, hoặc là có cảm giác vui thích. Đây là Hạ Nhẫn.

“*Trung Nhẫn*” lại tiến hơn một bước nữa. Có thể nói Đảnh (頂) là “*đã tiếp nhận*”. Sau đó, đạt đến địa vị Thế Đệ Nhất, tức là đỉnh điểm trong pháp thế gian. Sau đó là pháp xuất thế gian. Xuất thế gian là chứng Sơ Quả. Chứng Sơ Quả là pháp xuất thế gian. Đây là hết thấy các địa vị thuộc Tiểu Thừa. “*Hữu đắc Dự Lưu quả giả*” (Có người đắc quả Dự Lưu): Tiến thêm bước nữa, sẽ thành tựu địa vị này. Dự Lưu quả là Sơ Quả, dự vào dòng thánh nhân. Tiểu Thừa là Dự Lưu, còn Đại Thừa thì Tín vị (địa vị Thập Tín) đã dự vào dòng thánh. Có người đắc quả Nhất Lai, Nhất Lai là Nhị Quả. Quả vị trước đó là Tu Đà Hoàn, còn quả này là Tư Đà Hàm. Có người đắc quả Bất Hoàn, tức A Na Hàm, là Tam Quả.

“*U trung, phục hữu bát vạn tứ thiên bát-sô*” (Trong ấy lại có tám vạn bốn ngàn bát-sô): Trong phần trước, chẳng nói đến số lượng, [*“tám vạn bốn ngàn”*] ở đây hàm ý “*rất nhiều*”. Trong đại chúng hiện diện, còn có tám vạn bốn ngàn vị xuất gia, đắp y ca-sa đỏ. “*Chư lậu vĩnh tận*” (Vĩnh viễn hết sạch các lậu): Chẳng còn bị luân hồi trong tam giới, bèn chứng đắc quả A La Hán. “*Chư lậu vĩnh tận, tâm đắc giải thoát*” (Vĩnh viễn hết sạch các lậu, tâm được giải thoát): Kiến Tư Hoặc vừa đoạn, tâm đã được giải thoát. “*Ý thiện thanh tịnh, thành A La Hán, hoan hỷ lễ*

Phật, hoàn phục bốn tòa” (Ý thiện thanh tịnh, thành A La Hán, hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình): Các chúng sanh ấy đều rất hoan hỷ, vì họ thoát lìa biển khổ, cũng đã sám hối thanh tịnh.

Đọc kinh điển Đại Thừa, sẽ vượt qua Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, [sự giác ngộ] hơn hẳn Thanh Văn Thừa, nhưng đoạn Hoặc chẳng bằng Thanh Văn Thừa! Tân phát ý Bồ Tát vừa phát Bồ Đề tâm, sẽ vượt hơn họ (Thanh Văn Thừa). Tuy vẫn thuộc địa vị phàm phu, nhưng có thể làm chuyện của Bồ Tát, bất luận khi hoằng pháp, tu đạo, hay lợi ích chúng sanh, quán tưởng, điểm xuất phát [của Bồ Tát] là chẳng vì chính mình, hết thảy đều vì người khác. Dẫu làm sai, vấn đề cũng chẳng to lớn! Nếu vì chính mình, tuy quý vị làm rất đúng, rất mỹ mãn, nhưng do xen tạp danh lợi, vấn đề cũng rất to, quý vị hoàn toàn chẳng đạt được lợi ích!

(Kinh) Thời, chúng hội trung, phục hữu ngũ thập thất bách thiên na-dữu-đa chúng sanh, tăng ngộ văn pháp, mậu sanh Không giải, bát vô nhân quả, đoạn diệt thiện căn, vãng chư ác thú. Văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, tức tùng tòa khởi, danh lễ Phật túc, u Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối, hiệp chướng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng bốn tại Độc Giác Thừa trung, tăng chủng thiện căn, vị năng thành thực Độc Giác Thừa khí, hậu phục ngộ văn thuyết Đại Thừa pháp, tuy sanh ái nhạo, nhi bất năng giải, ngu minh nghi hoặc, tiện sanh Không kiến, bát vô nhân quả. Do thị nhân duyên, tạo thân, ngũ, ý, vô lượng tội nghiệp. Thừa thử nghiệp duyên, u vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, thọ chủng chủng khổ, sở độ nan nhân. Ngã đẳng kim giả, u Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, thâm tâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội giai tất tiêu diệt, u đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn tế bạt ngã đẳng đương lai ác thú khổ báo. Ngã đẳng kim giả, hoàn nguyện thọ hành tiên sở tu tập Độc Giác Thừa hạnh. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn giáo thọ”.

(經)時，眾會中，復有五十七百千那庾多眾生，曾誤聞法，謬生空解撥無因果，斷滅善根，往諸惡趣。聞說此經，

還得正見，即從座起，頂禮佛足，於世尊前深生慚愧，至誠懺悔，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！我等本在獨覺乘中曾種善根，未能成熟獨覺乘器，後復遇聞說大乘法，雖生愛樂而不能解，愚冥疑惑，便生空見撥無因果。由是因緣，造身語意無量罪業。乘此業緣，於無量劫墮諸惡趣，受種種苦，楚毒難忍。我等今者於世尊前，聞說此經還得正見，深心慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今已往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉消滅，於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。我等今者，還願受行先所修集獨覺乘行。唯願世尊，哀愍教授」。

(Kinh: Lúc ấy, trong chúng hội lại có năm mươi bảy trăm ngàn na-dữu-đa chúng sanh từng nghe làm pháp, làm lạc sanh kiến giải rộng không, bài bác chẳng có nhân quả, đoạn diệt căn lành, tiến vào các đường ác, nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối, chấp tay, cung kính mà bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con vốn từng gieo căn lành trong Độc Giác Thừa, nhưng chưa thể thành thực pháp khí Độc Giác Thừa. Về sau lại gặp gỡ, nghe nói pháp Đại Thừa, tuy sanh lòng yêu thích, nhưng chẳng thể hiểu, ngu si, tối tăm, ngờ vực, liền sanh Không kiến, bài bác chẳng có nhân quả, tạo vô lượng tội nghiệp nơi thân, ngữ, ý. Nương theo nghiệp duyên ấy, trong vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, chịu đủ thứ nỗi khổ, đau đớn khó nhẫn. Chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, bày tỏ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội chướng trong đời mai sau. Chỉ mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt. Trong đời mai sau, vĩnh viễn chẳng tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn xót thương cứu vớt khổ báo trong đường

ác mai sau của chúng con. Chúng con nay vẫn mong được tiếp nhận, hành trì hạnh Độc Giác Thừa đã tu tập trước kia. Kính mong đức Thế Tôn xót thương dạy bảo”).

Phẩm này là phẩm Sám Hối. Lúc đó, đại chúng tham gia pháp hội đông đúc ngàn ấy, trong hội Đại Tập này, các thành phần nhóm họp rất phức tạp, có vô lượng, vô biên chúng sanh. Trước tiên, họ nói rõ khi mới bắt đầu nghe pháp, nhưng chẳng cung kính Tam Bảo, cho đến nghe pháp rồi sanh hiểu lầm. Sự hiểu lầm này đều xét theo tánh Không, ở đây là Ác Thú Không (do chấp trước Không là rỗng không, không tin nhân quả, nên đọa vào đường ác). Có người nghe giảng kinh Kim Cang, [thấy kinh nói] “*hết thấy đều là Không*”, kẻ đó bèn thứ gì cũng chẳng học, cứ tạo ác nghiệp. Thiện nghiệp Không, nhưng ác nghiệp chẳng Không, tạo rất nhiều tội.

Trong hội này, phần trên nói về Thanh Văn Thừa, ở đây nói về Độc Giác Thừa. Trong đại chúng nhóm họp ấy, có bao nhiêu chúng sanh? Có năm mươi bảy trăm ngàn na-dữu-đa, tức là năm mươi bảy trăm ngàn mười triệu chúng sanh, họ cùng nhau đến nghe pháp, hướng về đức Phật, thỉnh cầu sám hối. Vì trong quá khứ, họ đã nghe lầm pháp. “*Nghe lầm pháp*” hoàn toàn chẳng phải là “*thuyết pháp sai lầm*”, mà là do người ấy [nghe pháp xong], lý giải sai lầm. Thật ra, cũng chẳng phải là họ lý giải sai lầm, mà là vì trong quá khứ, người ấy chẳng có nhiều thiện căn dường ấy, do chẳng tiếp nhận được, bèn sanh khởi Không kiến sai lầm. Rất khó phá trừ Không kiến ấy. Nếu sanh khởi Hữu kiến, tội nghiệp kiêu ấy dễ đoạn. Sanh khởi Không kiến, tội nghiệp loại này chẳng dễ đoạn. Vì lúc sanh khởi Hữu kiến, người ấy vẫn tin tưởng nhân quả, chấp trước nhân quả. Bất quá, cả hai đảng đều chẳng đúng. Kinh Phật cũng dạy, có rất nhiều tội nghiệp chẳng sám hối được. Trong đời trước, chúng ta đã tạo cái nhân, đời này nhất định phải thọ báo. Có khá nhiều cách nói sai lầm, [như nghe nói] “*chẳng thể sám hối*” bèn lập luận rằng “*phải vĩnh viễn mang theo tội ấy, nhất định sẽ đọa địa ngục*”. Đó là Hữu kiến sai lầm!

Trong phần trước, đã nói có hai loại người. Một là hạng người bầm tánh chuyên rỗng. Về căn bản, người ấy chẳng phạm tội. Hai là người đã phạm bèn hồ thẹn, tức là hổ thẹn, sám hối, thì cũng là dũng mãnh, can đảm. Đức Phật nói hai loại người ấy đều là thanh tịnh. Đã sai lầm khi nghe pháp, lại khẳng khẳng chẳng chịu sám hối, chẳng hổ thẹn. Hiện thời, có rất nhiều người học Phật pháp, quý vị nói với họ: “*Bạn đi*

theo con đường ấy chẳng đúng. Bạn có thể dùng Thánh Giáo Lượng như đức Phật đã dạy hoặc do thánh nhân đã dạy để đối chiếu đôi chút, sẽ biết là đúng hay không”. Nhưng họ đâu có chịu sửa sai, vẫn cho chính mình là đúng, chấp trước điều gì đó, chấp trước điều được nói trong kinh chi đó chẳng sai. [Họ khăng khăng]: “Kinh dạy ‘*hết thảy các pháp đều là Không*’, kinh Kim Cang dạy như thế đó!” Nhưng Không nghĩa là gì? Họ chẳng lãnh hội, cũng là do nghe pháp rồi nảy sanh hiểu lầm, lý giải sai lầm đối với Không.

Lấy kinh Kim Cang làm thí dụ. Kinh ấy dạy hàng Nhị Thừa trụ trong Niết Bàn và lý Không mà họ đã chứng đắc đều chẳng phải là rốt ráo. Nghĩa Không ấy cũng là do họ tu nhân khế hợp quả mà đạt được, chẳng phải là không có nhân quả. Đặc biệt là trong Thiên Tông Trung Hoa, có người học Thiên bèn hiểu lầm, hiểu sai “*tham Thiên để minh tâm kiến tánh*” thành “*bất cứ thứ gì cũng đều chẳng cần phải học*”. Thậm chí chẳng tin nhân quả, chỉ cần minh tâm kiến tánh là được rồi! Chẳng kiến tánh thì sẽ như thế nào? Quý vị tạo tội, vẫn phải thọ báo y hệt! Những người ấy sau khi nghe pháp có thể uốn nắn các sai lầm; trong quá khứ vì nghe pháp này đã lý giải nghĩa Không sai lạc! “*Bất vô nhân quả*” (Bàì bác chẳng có nhân quả), đoạn diệt thiện căn, tạo ác hạnh! Làm ác thì tự nhiên phải chịu ác báo. Nay trong pháp hội này, được nghe đức Phật nói kinh Đại Tập Thập Luân, nay đã hiểu rõ, liền khôi phục chánh kiến.

Trước kia đã có chánh kiến, về sau, do bạn ác hướng dẫn, hoặc là tin lầm lời kẻ khác nói, mới đánh mất chánh kiến. Có bao nhiêu người như thế? Có năm mươi bảy trăm ngàn mười triệu người như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng về đức Phật đánh lễ, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối. Sám hối gì vậy? Trong quá khứ, chúng con tu pháp Độc Giác Thừa, từng gieo thiện căn, nhưng chẳng thể thành thực pháp khí Độc Giác Thừa, cũng chẳng chứng đắc sự giác ngộ trong Độc Giác Thừa. Sau đó, lại được nghe pháp Đại Thừa, liền sanh khởi hoan hỷ, tin ưa, cầu Đại Thừa, nhưng chẳng thể hiểu. Chẳng lý giải thấu đáo nghĩa lý Đại Thừa, ngu si, tối tăm, ngờ vực. “*Ngu minh*” (愚冥) là chẳng có trí huệ, ở trong tăm tối, do ngờ vực bản thân liền giống như đang ở trong tăm tối. Hiện thời, chúng con có rất nhiều hoài nghi. Chương ngại lớn nhất trong việc học pháp là hoài nghi, chẳng thể tin tưởng nổi. Học bất cứ pháp gì, đều phải có tín. Có tín thì mới có thể sanh khởi giải, giải là lý giải. Tức là trong khi học, quý vị muốn tu một pháp

nào, trước hết phải hiểu rõ ràng pháp ấy, thứ tự tu trì, dụng công và quán tưởng như thế nào!

Quý vị hiểu rõ thứ tự tu hành, sẽ chẳng đi làm đường! Giống như chúng ta muốn tới một chỗ nào đó, quý vị ắt phải thông thuộc đường lối tới nhà bạn bè. Nếu chẳng quen thuộc, người ta ở phương Nam, quý vị lại lái xe đi theo phương Bắc. Như thế thì vĩnh viễn cũng chẳng đến được, càng đi càng xa! Quý vị ắt cần phải quen thuộc hàm nghĩa được nói trong pháp ấy là gì? Đừng hiểu lầm! “*Không*” trong Đại Thừa chẳng phải là Ác Thú Không, mà là trí huệ. Như quý vị học Tâm Kinh, “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều chẳng tồn tại, cũng chẳng có gì là thiện, cũng chẳng có gì là ác. Nếu quý vị làm ác, tức là trái nghịch Pháp Tánh, cũng vĩnh viễn chẳng đạt được cái Không. Nếu làm lành, sẽ dần dần cũng chẳng chấp trước điều lành, quý vị sẽ nhập Không nghĩa ấy. Chẳng lý giải điều này, sẽ là “*bát vô nhân quả*” (bài bác chẳng có nhân quả).

Do nhân duyên bài bác không có nhân quả, nơi thân, ngữ, ý của kẻ đó gây tạo mười ác nghiệp rất nhiều, tạo vô lượng tội. Nương cái duyên tạo nghiệp ấy, vô lượng kiếp đọa trong đường ác, đọa nhập ba ác đạo. “*Ác thú*” (惡趣) là ba ác đạo, chịu sự đau khổ rất lớn. Chón khổ sở ấy rất khó chịu đựng, “*khô độc*” (苦毒) là các hình phạt phải hứng chịu. Nay chúng con nghe đức Phật nói như vậy, được khôi phục trí kiến, giác ngộ trước kia chúng con đã sai trái, bèn phát lộ sám hối các tội ác do chúng con đã trót tạo, chẳng dám giấu giếm nữa. Nguyên đức Thế Tôn gia trì chúng con, [khiến cho các tội ấy] đều trừ diệt. Sau này, sẽ chẳng làm như thế nữa, vĩnh viễn chẳng tạo nữa, hồng ngăn ngừa tội chướng trong tương lai, chẳng còn tái phạm nữa. Tội trước kia đã làm, chỉ mong đức Thế Tôn xót thương cứu vớt, cứu giúp, che chở chúng con. Cứu vớt khổ báo trong đường ác của chúng con trong mai sau, nay chúng con vẫn phát nguyện “*thọ hành tiên sở tu tập Độc Giác Thừa hạnh*” (tiếp nhận, hành trì hạnh Độc Giác Thừa đã tu tập trước kia), học tập pháp nhân duyên. “*Duy nguyện Thế Tôn ai mãn giáo thọ*” [nghĩa là] nay chúng con đều quên sạch pháp nhân duyên, xin đức Phật dạy răn chúng con lần nữa!

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nữ năng như thị tâm quý, phát lộ sám hối. Ư ngã pháp trung, hữu nhị

chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bảm tánh chuyên tinh, bốn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tầm quý, phát lộ sám hối. Thứ nhĩ chủng nhân, u ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả”. U thị, Thế Tôn tùy kỳ sở nhạo, phương tiện vị thuyết chư duyên khởi pháp, linh bỉ nhất thiết tu Duyên Giác Thừa tiệm thứ viên mãn, giai tất chứng đắc Tràng Vương Duyên Định, u Độc Giác Thừa, đắc bất thoái chuyển, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bốn tòa.

(經)世尊告曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是慚愧，發露懺悔。於我法中，有二種人，名無所犯：一者、稟性專精，本來不犯。二者、犯已慚愧，發露懺悔。此二種人，於我法中，名為勇健得清淨者」。於是，世尊隨其所樂，方便為說諸緣起法，令彼一切修緣覺乘漸次圓滿，皆悉證得幢相緣定，於獨覺乘得不退轉，歡喜禮佛，還復本座。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế. Trong pháp của ta, có hai loại người được gọi là không phạm lỗi gì. Một là bảm tánh chuyên ròng, vốn chẳng trái phạm. Hai là phạm rồi bèn hổ thẹn, phát lộ sám hối. Hai loại người ấy ở trong pháp của ta được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh”. Ngay khi đó, đức Thế Tôn thuận theo lòng ưa thích của họ, phương tiện nói cho họ các pháp duyên khởi, khiến cho hết thảy lần lượt tu Duyên Giác Thừa viên mãn, thấy đều chứng đắc Tràng Vương Duyên Định, chẳng thoái chuyển trong Độc Giác Thừa. Họ hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).

“Thế Tôn cáo viết: - Thiện tai! Thiện tai!” (Đức Thế Tôn bảo: - Lành thay! Lành thay): Các vị nói rất hay, có tâm sám hối rất tốt. “Nhữ đẳng nãi năng như thị tầm quý, phát lộ sám hối” (Các ông có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế): Hổ thẹn chính mình đã làm những chuyện như thế. Sám hối là sửa lỗi, sửa chữa những gì chính mình đã làm trước kia. “Hối” (悔) là về sau chẳng còn làm chuyện như thế nữa! “U ngã pháp trung, hữu nhĩ chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bảm tánh chuyên tinh, bốn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tầm quý, phát lộ sám hối” (Trong pháp của ta, có hai loại người được gọi là không

phạm lỗi gì! Một là bầm tánh chuyên ròng, vốn chẳng trái phạm. Hai là đã phạm bèn hồ thẹn, phát lộ sám hối): Hai hạng người ấy được gọi là “bậc dũng mãnh, mạnh mẽ đạt được thanh tịnh”. Đã sám hối thì vẫn là thanh tịnh.

Họ thỉnh cầu đức Thế Tôn nói pháp nhân duyên cho họ. Đoạn kinh văn này chẳng nói tường tận, chỉ nói đại lược. Đức Thế Tôn “*tùy kỳ sở nhạo*”, tức là dựa theo sự tin ưa của họ, phương tiện giảng cho họ pháp “*chư duyên*” (các pháp duyên khởi). Độc Giác Thừa và Duyên Giác Thừa [khác biệt ở chỗ], khi có Phật tại thế thì gọi là Duyên Giác, lúc chẳng có Phật tại thế thì gọi là Độc Giác, do các Ngài một mình quán chiếu sự sanh thành, tồn tại, biến hóa của hết thảy các sự vật. Vì sao đóa hoa này nở? Nghiên cứu cái duyên của nó! Nếu nói đến mười hai nhân duyên thì Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc... Pháp duyên khởi do Ngài đã nói chính là pháp duyên khởi sơ bộ, còn “*tánh không duyên khởi*” của Đại Thừa là pháp duyên khởi theo Đại Thừa. Đối với duyên khởi ấy, nếu quý vị lý giải sai lầm, sẽ biến thành Đoạn Diệt Không, bài bác “*chẳng có nhân quả*”, vì chẳng biết Đại Thừa phải theo thứ tự mà đạt được. Do vậy, đức Phật nói pháp duyên khởi, dạy họ tu Duyên Giác Thừa.

“*Tiệm thứ viên mãn*” (Lần lượt viên mãn) thì mới có thể chứng đạo. “*Giai tất chứng đắc Tràng Tướng Duyên Định*” (Đều cùng chứng đắc Tràng Tướng Duyên Định): Tu Định nơi duyên khởi, người ấy chẳng thoái chuyển. “*Hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bốn tọa*” (Hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).

(Kinh) Thời, chúng hội trung, phục hữu bát thập bách thiên na-dữu-da chúng sanh, tăng u quá khứ chư Phật pháp trung, hủy báng Phật giáo, hạ chí nhất tụng. Do thị nhân duyên, đọa chư ác thú, thọ chúng khổ báo. Sơ phục nhân thân, sanh tiệp âm á, thường hoạn thiệt cảm, khẩu bất năng ngôn. Văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, tức tùng tòa khởi, dẫn lễ Phật túc, u Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối túc thế ác nghiệp, hiệp chưởng, cung kính, chiêm ngưỡng Thế Tôn. Phật thân lực cố, giai tất năng ngữ.

(經)時，眾會中，復有八十百千那庾多眾生，曾於過去諸佛法中，毀謗佛教下至一頌。由是因緣墮諸惡趣，受眾苦

報。初復人身，生便瘖啞，常患舌矜，口不能言。聞說此經，還得正見，即從座起，頂禮佛足，於世尊前深生慚愧，至誠懺悔宿世惡業，合掌恭敬，瞻仰世尊。佛神力故，皆悉能語。

(Kinh: Khi ấy, trong chúng hội lại có tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa chúng sanh đã từng ở trong pháp của quá khứ chư Phật, hủy báng Phật giáo, dấu chỉ một bài tụng. Do nhân duyên ấy, đọa trong các đường ác, hứng chịu các khổ báo, mới lại được làm thân người, bèn sanh ra đã câm ngọng, thường bị cứng lưỡi, miệng chẳng thể nói được. Họ nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối ác nghiệp trong đời trước, cung kính, chấp tay, chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Do thần lực của đức Phật, họ đều có thể nói được).

Những người này tội ác lớn hơn những người trước. “Hủy báng nãi chí nhất tụng” (Hủy báng dấu chỉ một bài tụng), hoặc là hủy báng rất ít, nhưng do nhân duyên hủy báng ấy, “đọa chư ác thú, thọ chúng khổ báo” (đọa vào các đường ác, chịu các khổ báo): Tuy đã thọ hết khổ báo, lúc sanh ra, chẳng thể nói năng, “thường hoạn thiết câm” (thường bị cứng lưỡi): Lưỡi chẳng thể nói được, chẳng thể phát ra tiếng được, miệng cũng chẳng thể nói được. Loại người này cũng tham gia pháp hội, nghe nói kinh này bèn “hoàn đắc chánh kiến”, tức là khôi phục chánh tri chánh kiến trước kia. “Tức tụng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, u Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối túc thế ác nghiệp” (Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối ác nghiệp trong đời trước): Trong đời trước, họ có ác nghiệp gì vậy?

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri nhi cố vấn: “Nhữ đẳng túc thế, tác hà ác nghiệp, kim xử chúng trung, khẩu bất năng ngữ?” Bửi chư nhân chúng, câu thời bạch Phật. Ư trung, nhất loại tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Tỳ Bát Thi Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp, hoặc ngôn hủy báng Độc Giác Thừa pháp, hoặc ngôn hủy báng Thanh Văn Thừa pháp, hạ chí nhất tụng. Ngã đẳng do thị ác nghiệp chương cố, cửu thập nhất kiếp

lưu chuyển sanh tử, thường xử địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, âm á, vô thiệt, đồ bất năng ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhân. Thủ u kim thể, đắc phục nhân thân, nhi do âm á, thường hoạn thiệt cảm, môn Phật thần lực, phương thử năng ngôn, phục năng ức niệm tự quá khứ thể sở hữu nhân duyên chư ác nghiệp chướng”.

(經)爾時，世尊知而故問：「汝等宿世作何惡業，今處眾中，口不能語？」。彼諸人眾俱時白佛。於中，一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於毗鉢尸如來法中，或言譏謗大乘正法，或言譏謗獨覺乘法，或言譏謗聲聞乘法，下至一頌。我等由是惡業障故，九十一劫流轉生死，常處地獄，傍生、餓鬼，瘖啞無舌，都不能言，受諸苦毒，痛切難忍。始於今世得復人身，而猶瘖啞，常患舌舂，蒙佛神力，方始能言，復能憶念自過去世所有因緣諸惡業障」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi: “Đời trước, các ông đã làm ác nghiệp gì, nay ở trong đại chúng, miệng chẳng thể nói được?” Những người ấy đều cùng bạch Phật. Trong số ấy, có một loại người thưa như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Tỳ Bát Thi Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa, hoặc thốt lời hủy báng pháp Độc Giác Thừa, hoặc thốt lời hủy báng pháp Thanh Văn Thừa, đều chỉ một bài tụng. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, chín mươi một kiếp lưu chuyển sanh tử, thường ở trong địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, âm, ngạ, không lưỡi, luôn chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực, khó thể chịu đựng. Bắt đầu từ đời này mới lại được thân người, vẫn còn âm, ngạ, thường bị cứng lưỡi, nhờ thần lực của đức Phật mới có thể nói được, lại có thể nghĩ nhớ tất cả nhân duyên và các ác nghiệp chướng trong đời quá khứ”.

Đức Phật thấy những người ấy sám hối, đánh lễ, biết trong quá khứ họ đã tạo nghiệp gì, đức Phật muốn họ tự nói ra, tuy biết rõ mà vẫn cố ý hỏi. Ngài hỏi: “Trong đời quá khứ, các vị đã làm ác nghiệp gì mà ở trong đại chúng, miệng chẳng thể nói được?” “*Bỉ chư nhân chúng, câu thời bạch Phật. Ư trung, nhất loại tác như thị ngôn*” (Những người ấy

đều cùng bạch Phật. Trong số đó, có một loại người thừa như thế này), hoàn toàn chẳng phải là toàn thể, chỉ dẫn lời của thiếu số nói. “*Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Tỳ Bát Thi Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp*” (Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia đã ở trong pháp của Tỳ Bát Thi Như Lai, thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa): Tỳ Bát Thi Phật là chính là Tỳ Bà Thi Phật (Vipāsīyīn) trong năm mươi ba vị Phật thường được bái sám.

Trong thời Tỳ Bát Thi Phật, chúng con đã báng bỏ chánh pháp Đại Thừa, “*hoặc ngôn hủy báng Độc Giác Thừa pháp, hoặc ngôn hủy báng Thanh Văn Thừa pháp*” (hoặc thốt lời hủy báng pháp Độc Giác Thừa, hoặc nói hủy báng pháp Thanh Văn Thừa), cho tới hủy báng một kệ tụng. Tuy hủy báng rất ít, tội ác vẫn rất lớn. Chúng con do tội nghiệp ấy, tức tội hủy báng kinh điển Đại Thừa, kinh điển Độc Giác Thừa, kinh điển tam thừa, cũng tức là hủy báng kinh điển trọn cả ba thừa, hủy báng Pháp Bảo, trải qua chín mươi một kiếp lưu chuyển sanh tử, đọa địa ngục kể từ thời Tỳ Bát Thi Phật.

Từ địa ngục thoát ra, hoặc là biến thành súc sanh, hoặc biến thành ngạ quỷ. Vì họ hủy báng pháp, cho nên chẳng thể nói năng. Nhưng họ sám hối, vì được đức Phật gia trì, họ lại có thể nói. Điều này biểu thị nghiệp đã thanh tịnh một phần, nay lại có thể ở trong pháp hội này, lại được thần lực của Phật gia trì, có thể đắc Túc Mạng Thông. Có thể nghĩ nhớ thì ắt phải đạt được Túc Mạng Thông. Nếu không, làm sao biết được? Thật ra, họ có thể tham gia pháp hội ấy, tức là nghiệp chướng còn nhẹ hơn chúng ta. Chúng ta vẫn chưa thể tham gia. Nếu chúng ta thấy Phật, có lẽ sẽ có thể khai ngộ. Có lẽ những vị ấy là bậc đại quyền thị hiện, ở trong hội ấy thị hiện cho người khác thấy. Do vậy, đức Phật nói mỗi bộ kinh điển đều có rất nhiều nhân duyên. Có người tuy chẳng mắc lầm lỗi ấy, nhưng họ lại thị hiện phạm lầm lỗi ấy. Đây là nêu bày nhằm cảnh tỉnh các chúng sanh khác trong pháp hội!

(Kinh) Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Thi Khí Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp”, các tùy bản duyên, như tiền quảng thuyết. Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Tỳ Nhiếp Phù Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp”, các tùy bản duyên, như tiền quảng thuyết. Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Yết Lạc Ca Tôn Đà Như Lai pháp trung, hoặc ngôn

hủy báng Đại Thừa chánh pháp”, các tùy bản duyên, như tiền quảng thuyết. Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Yết Nặc Ca Mâu Ni Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp”, các tùy bản duyên, như tiền quảng thuyết.

(經)復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於尸棄如來法中，或言譏謗大乘正法」，各隨本緣，如前廣說。復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於毗攝浮如來法中，或言譏謗大乘正法」，各隨本緣，如前廣說。復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於羯洛迦孫馱如來法中，或言譏謗大乘正法」，各隨本緣，如前廣說。復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於羯諾迦牟尼如來法中，或言譏謗大乘正法」，各隨本緣，如前廣說。

(Kinh: Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Thi Khí Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa”, mỗi người tùy theo duyên của chính mình như trên đã rộng nói. Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Tỳ Nhiếp Phù Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa”, mỗi người tùy theo duyên của chính mình như trên đã rộng nói. Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Yết Lạc Ca Tôn Đà Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa”, mỗi người tùy theo duyên của chính mình như trên đã rộng nói. Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Yết Nặc Ca Mâu Ni Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa”, mỗi người tùy theo duyên của chính mình như trên đã rộng nói).

Loại ấy nói xong, lại có một loại, tức là một loại người khác sám hối thưa bày: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Thi Khí Như Lai pháp trung” (Bạch đại đức Thế Tôn! Xưa kia chúng con ở trong pháp của Thi Khí Như Lai): Sau Tỳ Bà Thi Phật là Thi Khí Phật (Śikhin). Vị

Phật này cũng thuộc vào bốn vị Phật cuối cùng của Trang Nghiêm Kiếp. “Phục hữu nhất loại tác như thị ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Tỳ Nhiếp Phù Như Lai, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp, các tùy bốn duyên, như tiền quảng thuyết. Phục hữu nhất loại tác như thị ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Yết Lạc Ca Tôn Đà Như Lai pháp trung” (Lại có một loại, nói như thế này: - Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Tỳ Nhiếp Phù (Viśvabhu, Tỳ Xá Phù) Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa. Mỗi người tùy theo cái duyên của chính mình, như trên đã rộng nói. Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Yết Lạc Ca Tôn Đà Như Lai): Đây là Câu Lưu Tôn Phật (Krakucchanda), hoặc là ở trong pháp của Như Lai mà hủy báng chánh pháp Đại Thừa. “Các tùy bốn duyên, như tiền quảng thuyết” (Ai nấy đều tùy theo cái duyên của chính mình, như đã nói rộng trong phần trước): Lời sám hối đều là lời lẽ tương đồng, cho nên trong khi đức Phật thuyết pháp đã lược đi. “Phục hữu nhất loại tác như thị ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Yết Nặc Ca Mâu Ni Như Lai pháp trung”; Đây cũng là Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanakamuni) Phật, “hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp” (hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa), như thế thì “các tùy bốn duyên, như tiền quảng thuyết” (mỗi người tùy theo cái duyên của chính mình như trong phần trước đã rộng nói).

(Kinh) Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Ca Diếp Ba Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp, hoặc ngôn hủy báng Độc Giác Thừa pháp, hoặc ngôn hủy báng Thanh Văn Thừa pháp, hạ chí nhất tụng”.

(經)復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於迦葉波如來法中，或言毀謗大乘正法，或言毀謗獨覺乘法，或言毀謗聲聞乘法，下至一頌。

(Kinh: Lại có một loại, nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Ca Diếp Ba Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa, hoặc thốt lời hủy báng pháp Độc Giác

Thừa, hoặc thốt lời hủy báng pháp Thanh Văn Thừa, dẫn chỉ một bài kệ tụng”).

Câu Lưu Tôn Phật, Ca Diếp Phật (Kāśyapa, Ca Diếp Ba), Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, và Thích Ca Mâu Ni Phật là bốn vị Phật trong một ngàn vị Phật thuộc Nhân Hiền Kiếp. Vì sao chúng ta hễ xưng niệm bèn niệm “*thất Phật*”, vì mỗi vị trong số bảy vị Phật ấy kế tiếp nhau [xuất thế]. Sau Ca Diếp Phật là Thích Ca Như Lai. Sau Thích Ca Mâu Ni Phật là Di Lặc Bồ Tát. Trước Ca Diếp Phật là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật. Trước Câu Na Hàm Mâu Ni Phật là Câu Lưu Tôn Phật. Khoảng cách giữa hai vị Phật dài hay ngắn tùy thuộc vào nhân duyên của chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật và Phật Di Lặc cách nhau năm mươi sáu ức vạn năm, chúng ta cảm thấy rất dài, Đại Phạm Thiên thấy rất ngắn!

Một trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên Tứ Vương Thiên. Năm trăm năm trên Tứ Vương Thiên bằng một ngày đêm nơi Đạo Lợi Thiên. Một ngàn năm trên Đạo Lợi Thiên bằng một ngày đêm trên Dạ Ma Thiên. Cứ hướng lên trên để tính, cho tới khi quý vị tính đến Đại Phạm Thiên, nhân gian có bao nhiêu vạn năm, cứ tăng lên gấp mười. Chúng ta thấy thời gian rất dài, nhưng chư thiên thấy rất ngắn, mà Thích Ca Mâu Ni Phật không chỉ là một vị Thích Ca Mâu Ni Phật! Trong truyện ký về Đạo Tuyên luật sư có chép, Đạo Tuyên luật sư được một vị trời dâng cúng. Vị trời ấy mỗi ngày dâng cúng [thực phẩm cho] pháp sư Đạo Tuyên. Pháp sư Đạo Tuyên bèn hỏi vị trời ấy: “Nay Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập diệt, Ngài đến nơi đâu?” Vị trời hỏi ngược lại: “Thầy hỏi vị Thích Ca Mâu Ni Phật nào?” Từ câu hỏi của vị trời ấy, ta biết có rất nhiều Thích Ca Mâu Ni Phật. Vị ấy hỏi ngược lại Đạo Tuyên luật sư: “Vị Thích Ca Mâu Ni Phật nào?” “Tôi hỏi vị Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới này”. Ông ta đáp: “Vị Thích Ca Mâu Ni Phật này chưa nhập diệt. Ngài còn đang thuyết pháp trong thế gian, nhưng các vị chẳng nhìn thấy”. Từ cuộc vấn đáp ấy, có thể biết: Chỉ là do nghiệp chướng của chúng ta mà thôi! Mỗi vị Phật đều như thế, vì Thích Ca Mâu Ni Phật là hiện tại, cho nên họ chẳng nói đến Thích Ca Mâu Ni Phật. Đấy đều là những người đã tạo ác nơi sáu đức Phật trước đó. Hướng về đức Thích Ca Mâu Ni Phật nào để sám hối?

Hoặc nói: “Con từ trong Độc Giác Thừa hủy báng pháp Thanh Văn, hoặc từ trong Thanh Văn Thừa hủy báng pháp Độc Giác, hoặc từ trong Đại Thừa, hủy báng Độc Giác và Thanh Văn Thừa”, sám hối lẫn nhau. Tùy thuộc mỗi người hủy báng như thế nào, mỗi loại đều khác

nhau, lời lẽ hủy báng không nhất định. Hoặc là pháp Tiểu Thừa, gộp chung Thanh Văn lẫn Duyên Giác lại để nói. Hoặc là đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nói kẻ [tu theo pháp ấy] là tu nhân thiên thừa, ta là Bồ Tát, chẳng có gì là khổ! Kẻ đó quán Khổ, Tập, Diệt, Đạo như mộng, huyễn, bọt, bóng, liền bài bác “chẳng có nhân quả”, cứ như vậy mà hủy báng người khác!

Có lúc đối với căn khí Đại Thừa, đức Phật quở trách pháp Tiểu Thừa. Ngài nhằm đối ứng với loại căn cơ ấy mà nói, chẳng phải là hủy báng. Đó là uẩn tàng Tiểu Thừa, chứ Ngài chẳng báng Duyên Giác Thừa, chỉ là “quý vị nói pháp ấy thì chưa phải là rốt ráo”. Kinh Pháp Hoa nói như thế đó. Có lúc, đức Phật nói hàng Nhị Thừa là “*tiêu nha, bại chủng*” (焦芽敗種, mầm cháy, hạt lép). Ngài nói hoàn toàn đúng, “*tiêu nha*” tức là không có mầm Bồ Đề, chẳng có chủng tử Bồ Đề, người ấy chẳng thể thành Phật. Nếu người ấy phát Bồ Đề tâm, sẽ thành Phật đúng như thế đó. Hàm nghĩa là như thế đó.

(Kinh) Ngã đẳng do thị ác nghiệp chướng cố, tùng nhĩ dĩ lai, lưu chuyển sanh tử, thường xử địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, âm, á, vô thiệt, đô bất năng ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn. Thị u kim thế, phục đắc nhân thân, nhi do âm á, thường hoạn thiệt cấm, môn Phật thân lực, phương thử năng ngôn.

(經)我等由是惡業障故，從爾以來，流轉生死，常處地獄、傍生、餓鬼，瘖啞無舌都不能言，受諸苦毒，痛切難忍。始於今世，得復人身，而猶瘖啞，常患舌矜，蒙佛神力，方始能言。

(Kinh: Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, từ đó trở đi, lưu chuyển sanh tử, thường ở trong địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, âm, ngọ, không lưỡi, đều chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Tới đời này mới lại được thân người, nhưng vẫn âm, ngọ, thường bị cứng lưỡi, nhờ thân lực của đức Phật mới bắt đầu có thể nói).

Do hủy báng pháp tam thừa, kể từ lúc hủy báng, bèn lưu chuyển trong sanh tử, chẳng phải là đọa trong địa ngục thì ở trong bàng sanh, hay ngạ quỷ, một mực âm, ngọ, không có lưỡi, chẳng thể nói năng.

Loại này là chuyên nói về kẻ chẳng thể nói. Chắc là các đạo hữu thấy người đông ngàn ấy, rất ít thấy người câm, bèn nghĩ [kẻ câm] chẳng nhiều như vậy. Đó là chúng ta không ở giữa bọn họ. Quý vị vào trong loài bò, vào trong loài dê, lại còn có kiến, kiến đều là câm, chẳng có cách nào trò chuyện được!

(Kinh) Phục năng ức niệm tự quá khứ thế, sở hữu nhân duyên chư ác nghiệp chướng. Ngã đẳng kim giả, ư Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, hoạch đắc chánh kiến, thâm tâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội giai tất tiêu diệt. Ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn tế bạt ngã đẳng đương lai ác thú khổ báo. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn ngã đẳng, vị thuyết chánh pháp.

(經)復能憶念自過去世，所有因緣諸惡業障。我等今者於世尊前，聞說此經，獲得正見，深心慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今以往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉銷滅。於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。唯願世尊，哀愍我等，為說正法」。

(Kinh: Lại có thể nghĩ nhớ tất cả nhân duyên, các ác nghiệp chướng trong đời quá khứ của chính mình. Nay chúng con đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, đạt được chánh kiến, tâm hổ thẹn sâu xa, bày tỏ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội chướng trong mai sau. Kính mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt. Trong đời tương lai, vĩnh viễn chẳng tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn xót thương cứu vớt khổ báo nơi đường ác của chúng con trong mai sau. Kính mong đức Thế Tôn thương xót chúng con, vì chúng con nói chánh pháp).

Lại có thể nghĩ nhớ nhân duyên chính mình đã tạo trong đời quá khứ. “Chư ác nghiệp chướng, ngã đẳng kim giả ư Thế Tôn tiền, văn

thuyết thử kinh” (Các ác nghiệp chướng, chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này) mới đạt được tri kiến chánh xác, trong tâm hết sức hổ thẹn, “*phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng*” (bày tỏ sám hối, chẳng dám giấu giếm), “*nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác*” (nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa). Từ nay về sau, chúng con chẳng dám làm như thế nữa, ngăn ngừa tất cả tội trạng trong mai sau. Phần này giống hệt như trong phần trước.

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng như thị tâm quý, phát lộ sám hối. Ư ngã pháp trung, hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bảm tánh chuyên tinh, bổn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tâm quý, phát lộ sám hối. Thử nhị chủng nhân, u ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả”. Ư thị, Thế Tôn tùy kỳ sở nhạo, phương tiện vị thuyết chủng chủng chánh pháp, các tùy sở nghi, giai đắc lợi ích, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bốn tòa.

(經)世尊告曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是慚愧，發露懺悔。於我法中，有二種人，名無所犯：一者、稟性專精，本來不犯。二者、犯已慚愧，發露懺悔。此二種人，於我法中，名為勇健得清淨者」。於是，世尊隨其所樂，方便為說種種正法，各隨所宜，皆得利益，歡喜禮佛，還復本座。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế. Ở trong pháp của ta, có hai loại người được gọi là không trái phạm gì. Một là bảm tánh chuyên ròng, vốn chẳng trái phạm. Hai là phạm rồi bèn hổ thẹn, phát lộ sám hối. Hai hạng người ấy ở trong pháp của ta, được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh”. Liền đó, đức Thế Tôn bèn thuận theo ý thích của mỗi người, phương tiện vì họ nói các thứ chánh pháp, ai nấy tùy theo căn cơ đều được lợi ích, hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).

Thuyết pháp đúng với căn cơ. Ở đây là những người thuộc về tam thừa hướng về đức Phật sám hối cùng tụ tập rất nhiều. Đức Phật có thể nói cho từng nhóm như thế nào? Với số lượng nhiều như thế, nếu nói

kinh Đại Tập Thập Luân [cho từng nhóm], chỉ sợ suốt bốn mươi chín năm cũng nói chẳng xong! “*Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Đức Phật dùng một âm để diễn nói pháp, chúng sanh tùy theo từng loài đều được hiểu): Người Đại Thừa nghe đức Phật nói pháp Đại Thừa, Thanh Văn Thừa nghe đức Phật nói pháp Thanh Văn, Độc Giác Thừa nghe đức Phật nói pháp Độc Giác, “*tùy loại các đắc giải*” (tùy theo từng loại đều hiểu) chính là đạo lý này.

Hiện thời có một tình hình có thể chứng thực loại cảnh giới này. Giống như trong hội nghị quốc tế, quý vị có thể nghe đủ loại tiếng từ máy phát âm cá nhân. Quý vị là người Hoa, máy sẽ nói tiếng Hoa với quý vị. Quý vị nói tiếng Đài Loan, nó có thể nói tiếng Đài Loan. Đối với người nói tiếng Anh thì máy nói tiếng Anh. Một trăm bảy mươi, tám mươi quốc gia trên thế giới này, quý vị nói ngôn ngữ của quốc gia nào, khi hội họp, máy đều có thể phát ra ngôn ngữ đó. Chuyện này giống như đức Phật dùng một âm thanh mà tùy theo từng loài đều hiểu, chính họ nghe đức Phật nói với họ; thật ra, đức Phật nói trọn khắp. Loại thần thông này được gọi là ngữ ngôn tam-muội, hoặc ngữ ngôn đà-la-ni. Loại thần thông này là “*báo đắc*”.

Có người khi còn là trẻ thơ đã có thể học ngôn ngữ của tám nước. Tôi đã gặp một đứa bé chưa đầy mười tuổi có thể nói ngôn ngữ của tám nước. Đây là báo đắc thông. Có những người sanh ra biết được quá khứ, biết khá nhiều đời, không chỉ là một đời. Đôi khi biết một đời thì chẳng có gì là hiếm lạ! Người ấy có thể biết khá nhiều đời, nhưng chẳng dám nói. Nói ra, sẽ bị trời phạt, vì quý thần sẽ không chế kẻ đó, sợ kẻ đó “*yêu ngôn hoặc chúng*”. Quý vị nói ra chẳng có ai tin tưởng, mọi người đều chẳng có loại năng lực ấy, điều đó kỳ quái lắm! Kinh nói “*bất khả thuyết, bất khả thuyết*”, đó là chuyện chẳng thể nói được. Nói ra, sẽ phiền phức lắm, sẽ đem lại phiền toái cho quý vị. Hiểu ý nghĩa này là được rồi!

(Kinh) Thời, chúng hội trung, phục hữu vô lượng bách thiên Thanh Văn, cập vô lượng bách thiên na-dữu-đa Bồ Tát, văn thuyết thử kinh, ức tích sở tạo chư ác nghiệp chướng, tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc. Ư Thế Tôn tiên, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối, hiệp chướng, cung kính, giai bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng ức tích tăng ư vô lượng chư Phật pháp trung, hoặc hữu thuyết ngôn: Ngã đẳng ư bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, đa hành phân hận, ha mạ, hủy nhục, cơ thích, khinh

tiểu, chủng chủng phỉ báng, ẩn thiện, dương ác”.

(經)時，眾會中，復有無量百千聲聞，及無量百千那庾多菩薩，聞說此經，憶昔所造諸惡業障，即從座起，頂禮佛足。於世尊前，深生慚愧，至誠懺悔，合掌恭敬，皆白佛言：「大德世尊！我等憶昔曾於無量諸佛法中，或有說言：我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，多行忿恨，呵罵毀辱，譏刺輕誚，種種誹謗，隱善揚惡。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong hội có vô lượng trăm ngàn Thanh Văn, và vô lượng trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát nghe nói kinh này, nhớ lại các ác nghiệp chướng đã tạo xưa kia, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối, chắp tay, cung kính, đều bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con nhớ xưa kia đã từng ở trong pháp của vô lượng chư Phật, hoặc có người nói rằng: Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, thường làm nhiều chuyện phẫn hận, quở trách, chửi bới, hủy nhục, chê bai, châm chọc, khinh thường, coi rẻ, đủ mọi cách phỉ báng, ẩn giấu điều thiện, phô phang điều ác”).

Có đạo hữu nói: “Đã sai lầm rồi thì phải nên tốt khoe, xấu che!” Tôi nói: “Kẻ bình phàm đã nói sai rồi, nói như thế chẳng đúng”. Kẻ đó sám hối tội lỗi của chính mình, nhưng chẳng nói chuyện tốt của người khác, giấu giếm chuyện tốt của người ta, cứ tận lực nói những chỗ xấu của kẻ khác! [Các vị Thanh Văn và Bồ Tát ấy thừa bày]: Chúng con đối với Phật sự, đối với đệ tử Phật, có người là pháp khí, có kẻ chẳng phải là pháp khí, là phùng phá giới, chúng con sanh khởi cái tâm phẫn hận, tâm oán hận, cho đến quở trách, chửi bới, hủy nhục, chê bai, khinh miệt bọn họ.

“*Khinh tiểu*” (輕誚) là khinh miệt, nói lời dè bieu, đủ mọi cách hủy báng, chẳng nói chuyện tốt đẹp của họ, ẩn giấu đạo đức của họ, chuyên môn kể ra những khuyết điểm của họ.

Giống như trong phần nói về lỗi của các tỳ-kheo trong phần trước, có những kẻ chẳng hề thấy lỗi làm của chính mình. Con mắt họ trọn to

đùng, chuyên môn chú ý kẻ kia có khuyết điểm như thế nào, người này lại như thế nào, lại còn ghi chép sơ lược! Đặc biệt là kẻ làm trong công sở đã lâu, biết những chuyện riêng tư của người khác, bèn viết thành đôi chút “tâm đắc”! Trong sổ tay của kẻ đó ghi chép rất nhiều chuyện riêng tư của kẻ khác, dùng đó để dọa dẫm. Kẻ đó nói: “Người đã làm khá nhiều chuyện xấu, hai người chúng ta phải thảo luận đôi chút. Nếu người hỏi lộ ta đôi chút, ta sẽ không nói. Nếu không, ta sẽ đăng báo”. Người khác sợ bị tiết lộ, tiết lộ sẽ bẽ mặt lắm, bèn dúi cho kẻ đó chút tiền. Nhưng đâu có phải là hết chuyện, đến khi hấn xài hết tiền rồi, hoặc là thua bạc, lại đến kiếm quý vị! Nếu từ đầu quý vị thẳng thừng sấm hỏi, căn bản là chẳng cần nhét tiền cho hấn, chẳng cần phải nghe hấn nói. Đó gọi là kẻ xảo trá, loại người này rất đông!

Trong xã hội quá khứ, có một loại người gọi là “*đao bút tà sanh*” (刀筆邪生), mỗi chữ, mỗi cái chấm của hấn có thể đẩy quý vị vào chỗ chết, mà cũng do một cái chấm đó có thể cứu sống quý vị. Quý vị tốn rất nhiều tiền mới mua nổi chút lập luận đó. Có lần tôi dùng cơm với một đạo hữu, tôi nói: “*Quốc ưu, dân sầu, vương bất xuất đầu, thù vi chủ?*” (Nước đáng lo, dân sầu, vua không ra mặt, ai làm chủ?) Chỉ là một cái chấm, tức trên đầu chữ Vương (王) thêm một chấm, sẽ thành chữ Chủ (主). Câu ông ta đổi lại ý nghĩa cũng khá lắm, bỏ một điểm đi, “*thiên hàn, địa đông, thủy vô nhất điểm thành băng*” (trời lạnh, đất đông cứng, nước thiếu một điểm sẽ thành băng)²¹. Đó là một chấm!

Còn có một ví dụ về “*đao bút tà sanh*”. Có một gia đình, trong nhà mấy đời đều là độc đinh. Đứa nhỏ ấy bị thổ phi bắt cóc. Thổ phi lôi nó theo bọn chúng đi ăn cướp. Đứa nhỏ đó ngờ ngáo, tự mình thừa nhận có cướp đoạt. Thật ra, nó chẳng cướp, nhưng bọn thổ phi ấy từ cửa lớn tiến vào cướp đoạt đồ đạc. Trong nhà đứa nhỏ ấy có tiền, liền thuê một vị *đao bút tà sanh*: “Nếu ông có thể cứu sống con ta, tôi sẽ trả ông bao nhiêu tiền!” Ông ta bèn đem cáo trạng về nghiên cứu, nghiên cứu mấy ngày, liền hiểu rõ, bảo: “Tôi chỉ cần một cái chấm là được rồi!” Đối với câu “*tùng đại môn nhi nhập*” (từ cửa lớn tiến vào), đổi với chữ Đại (大) thêm một chấm [tức là chữ Khuyển (犬)], trở thành “*tùng khuyển môn nhi nhập*” (từ lỗ chó mà vào), tức là trộm vặt, thường xử lý rất nhẹ, từ

²¹ Đây là cách chơi chữ, bên cạnh chữ Băng (冰) có hai chấm, trong khi những chữ thuộc bộ Thủy (水) sẽ có ba chấm, chẳng hạn như chữ Tương (湘).

vài năm là được thả! Từ cửa lớn xông vào, tội cướp đoạt nặng nề, có thể là tử tội, hoặc là bị tù chung thân!

Bữa đó, tôi nhớ lại câu chuyện ấy, nghĩ đến đôi câu đối ấy, cũng dính líu đến một cái chám! Khá nhiều mối quan hệ của chúng ta cũng là một cái chám, sẽ là một đấng mê, một đấng ngộ, là kiêu tốt khoe, xấu che. Điên đảo như thế đó đều là tội ác. Chúng ta phải biết đạo lý này, chớ nên vì nói sai một câu, do một câu mà quý vị có thể phải chịu đau khổ vô lượng kiếp! Người ta đang tu pháp Thanh Văn, tu đã sắp thành tựu, quý vị nói: “Quý vị học Phật pháp kiêu này là pháp Tiểu Thừa, học làm gì chớ! Tôi có pháp Đại Thừa, pháp của tôi là Mật Tông, Du Già Mật (Yoganiruttaratantra), quý vị thọ quán đánh sẽ thành Phật”. Người ấy thọ quán đánh xong, chẳng thành tựu pháp Thanh Văn, ngược lại còn bỏ mất. Người đó nói: “Ta đã thọ quán đánh, ta chẳng sợ chi hết!” Chuyện gì xấu cũng đều làm, vậy là lại đọa vào địa ngục Vô Gián. Ác hữu và thiện hữu, quý vị phải phân biệt rõ ràng! Còn có ác sự và thiện sự, khi người ấy chỉ dạy quý vị, tuy là chiếu theo thứ tự để dạy, tuy hơi chậm một chút, nhưng ít bị nguy hiểm. Loại khác tuy nhanh chóng, rất nguy hiểm!

(Kinh) Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cổ, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, thọ chư trọng khổ, sở độc nan nhẫn, hậu đắc trị ngộ vô lượng chư Phật, giai tăng thân cận, thừa sự, cúng dường. Hựu đắc trị ngộ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, diệc giai thân cận, thừa sự, cúng dường. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối chư ác nghiệp chướng. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát sở, giai đắc thính thọ vô lượng pháp môn, tinh cần hộ trì, tu học vô lượng nan hành khổ hạnh. Do bỉ nghiệp chướng hữu dư vị tận, linh ngã đẳng bối vị năng chứng đắc an lạc Niết Bàn, vị năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức. Ngã đẳng kim giả, ư Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, phục thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội, giai tất trừ diệt. Ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn tế bạt, ngã đẳng đương lai ác thú khổ báo. Ngã đẳng kim giả, thừa Phật oai lực, nguyện tùy sở nhạo, tốc năng chứng đắc an lạc Niết Bàn, hoặc năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức.

(經)我等由此惡業障故，經無量劫墮諸惡趣，受諸重苦，楚毒難忍，後得值遇無量諸佛，皆曾親近承事供養。又得值遇無量菩薩摩訶薩眾，亦皆親近承事供養。於一一佛、一一菩薩摩訶薩前皆深慚愧，發露懺悔諸惡業障。於一一佛、一一菩薩摩訶薩所，皆得聽受無量法門，精勤護持，修學無量難行苦行。由彼業障有餘未盡，令我等輩，未能證得安樂涅槃，未能證得三摩地門殊勝功德。我等今者，於世尊前聞說此經，復深慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今以往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉除滅。於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。我等今者承佛威力，願隨所樂，速能證得安樂涅槃，或能證得三摩地門殊勝功德」。

(Kinh: Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp đọa trong các đường ác, chịu các nỗi khổ nặng nề, khổ sở khó thể chịu đựng, sau đó được gặp gỡ vô lượng chư Phật, đều từng thân cận, thừa sự, cúng dường. Lại được gặp gỡ vô lượng các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng đều thân cận, thừa sự, cúng dường. Đối trước mỗi đức Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối các ác nghiệp chướng. Đối trước mỗi đức Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều được nghe nhận vô lượng pháp môn, siêng rông hộ trì, tu học vô lượng khổ hạnh khó làm. Do nghiệp chướng ấy còn sót thừa chưa hết, khiến cho chúng con chưa thể chứng đắc Niết Bàn an lạc, chưa thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn. Nay chúng con đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, lại càng hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội chướng trong tương lai. Kính mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con đều được trừ diệt. Trong đời tương lai, vĩnh viễn chẳng dám tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn, xót thương cứu vớt khổ báo nơi đường ác của chúng

con trong tương lai. Chúng con nay nương theo oai lực của Phật, nguyện tùy theo lòng ưa thích, sẽ mau chóng chứng đắc Niết Bàn an lạc, hoặc có thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn).

Vô lượng kiếp, chẳng phải là một, hai ngày, vô lượng kiếp là khá nhiều vạn vạn năm, rất khó tính toán nổi! Trải qua vô lượng kiếp như vậy, “*kiếp*” ở đây không phải là nói đến số năm có hạn lượng, mà có nghĩa là “*trải qua vô lượng*”. Bao nhiêu tội nghiệp trả hết rồi thì mới coi như tiêu trừ. Đọa trong đường ác như vậy, chịu hết các khổ nạn, khó thể chịu đựng nổi! Chịu hết [quả báo] do tội lỗi trong vô lượng kiếp xong, lại “*trị ngộ vô lượng chư Phật*” (gặp gỡ vô lượng chư Phật). Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, chúng con đều thân cận, thừa sự, cúng dường. Sau đó, còn gặp gỡ các thiện hữu, vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát là đại Bồ Tát, cũng đều “*thân cận, thừa sự, cúng dường. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối chư ác nghiệp chướng*” (thân cận, thừa sự, cúng dường. Đối trước mỗi đức Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối các nghiệp chướng ác). Chúng con sám hối tội ấy rất nhiều lần, vì chúng con đã làm chuyện sai trái trải qua hai vô lượng kiếp. Đối với tội [đã trót tạo] trong vô lượng kiếp, bèn vô lượng kiếp sám hối, cũng tức là đối trước Phật, Bồ Tát, chúng con đều phát lộ, sám hối.

“*Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát sở, giai đắc thính thọ vô lượng pháp môn*” (Nơi mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều được nghe nhận vô lượng pháp môn): Lại học lần nữa vô lượng chánh pháp. “*Tinh cần hộ trì*” (Siêng rông hộ trì): Tinh tấn hộ trì pháp này. “*Tu học vô lượng nan hành khổ hạnh*” (Tu học vô lượng khổ hạnh khó làm): Pháp môn để tu hành rất nhiều, chuyện rất khó làm được, chúng con cũng đều làm, nhưng nghiệp chướng ấy vẫn chẳng hoàn toàn tiêu trừ. Khi quý vị tạo nghiệp thì rất dễ dàng, tùy tiện nói mấy câu bèn tạo vô lượng nghiệp. Nếu muốn sám trừ tội ấy, rất khó! Giống như tờ giấy trắng, quý vị vẩy mực lên tờ giấy trắng, mong khôi phục tờ giấy trắng nõn như cũ, rất khó! Làm như thế nào đây? Đối một tờ khác là được rồi, chứ tờ giấy trước đó chẳng có cách nào hết! Chúng ta làm như thế nào? Phải làm cho vọng tâm ngưng dứt. Hễ nó ngưng dứt thì là Bồ Đề. Thay đổi cái tâm, đổi thành tâm gì vậy? Đổi thành tâm Chân Như. “*Không thân*” huyền hóa, chẳng có thật thể. Huyền hóa Không thân chính là Pháp Thân. Nếu đã chứng đắc Pháp Thân, quý vị có tội nghiệp gì cũng đều thanh tịnh.

Đây là liễu nghĩa Đại Thừa rốt ráo, chúng ta thường nói “*chẳng thể chuyển định nghiệp*”, cũng là như những điều vừa nói trên đây. Chúng ta bị hướng dẫn sai lầm: “Tội của quý vị sám hối chẳng được! Không thể nào chẳng đọa địa ngục, quý vị bèn đợi ngày đọa địa ngục!” [Người tạo nghiệp nghe nói như vậy, bèn nghĩ]: “Chẳng thể chuyển thì chúng ta còn học Phật làm chi nữa? Có học thì vẫn chẳng thể lay chuyển được! Học rồi vẫn phải đọa địa ngục, chẳng học cũng đọa địa ngục, học Phật để làm gì cơ chứ?” [Lý luận kiểu đó] sẽ là đoạn dứt thiện căn của người khác, chẳng tốt. Có người nói: “Quý vị đã phạm tội, tội ấy chẳng sám hối được!” Đó là dọa cho quý vị sợ, đừng phạm tội lỗi. Đến khi quý vị đã trót phạm tội, lại cho phép quý vị sám hối. Đối với định nghiệp chẳng thể chuyển, thì do sức tam-muội gia trì, tức là nói tu Định, tu Không quán, cũng có thể quán Không, tội nghiệp của quý vị đều được sám trừ thanh tịnh. “*Tội tánh bốn Không, duy tâm tạo. Tâm nhược vong thời, tội diệt vong. Tâm vong, tội diệt, lưỡng câu không. Thị tắc danh vi chân sám hối*” (Tội tánh vốn là Không, chỉ do tâm tạo. Khi tâm đã mất thì tội cũng mất. Tâm mất, tội diệt, hai đằng đều Không. Đó gọi là sám hối chân thật). Nhưng cách sám hối ấy rất khó, phải ngộ tánh Không, chứng đắc Không lý. Tội nghiệp đã thanh tịnh, quý vị vẫn phải khởi tu. Chẳng tu hành, sẽ không thể thành Phật được.

Thành tựu Pháp Thân Phật, Pháp Thân lý thể, chúng ta đều có sẵn [Pháp Thân ấy]. Pháp Thân thanh tịnh, nhưng quý vị chẳng có phương tiện thiện xảo, lợi ích chúng sanh bằng cách nào? Chẳng lợi ích chúng sanh, chẳng có tướng công đức, ngay cả ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo nơi Hóa Thân cũng đều chẳng có. Như báo thân viên mãn của Báo Thân Phật, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, vẫn phải tu hành. Nay chúng ta có tội, tội vẫn chưa hết, vì sao? Vì chẳng chứng đắc Niết Bàn rốt ráo. “*Niết Bàn an lạc*” chính là Niết Bàn rốt ráo, bất sanh, bất diệt.

“*Vị năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức*” (Chưa thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn): Trụ trong tam-ma-địa, trụ trong tam-muội thù thắng ấy, vì chẳng chứng đắc [Thủ] Lăng Già [Ma] tam-muội (tức Thủ Lăng Nghiêm tam-muội) trong bộ kinh này. Trong phần trước đã nói một trăm lẻ tám môn tam-muội, chứng đắc tam-ma-địa ấy là tốt rồi! Nay chúng con “*u Thế Tôn tiên, văn thuyết thử kinh, phục thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt*” (đôi trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, lại hô thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt), đối với

nghiệp chướng chưa sám trừ sạch, cũng sẽ sám trừ cho sạch. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa!

“Phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn, nhiếp thọ, linh ngã đặng tội giai tất trừ diệt. Ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn tế bạt, ngã đặng đương lai ác thú khổ báo” (Ngăn ngừa tất cả tội chướng trong tương lai. Kính mong đức Thế Tôn xót thương, nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thảy đều trừ diệt, trong đời mai sau vĩnh viễn chẳng tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn, xót thương cứu vớt khổ báo trong đường ác của chúng con trong mai sau). Đây là nêu gương cho chúng sanh. Nơi mỗi đức Phật, mỗi vị Bồ Tát, họ đều thừa sự, há còn phải đọa vào địa ngục nữa ư? Chẳng thế nào!

Bọn họ biết đó đại quyền thị hiện, nêu gương, cũng chấp thuận cho họ nói những chuyện đã từng trải qua. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn là chúng sanh, Ngài cũng đã phạm rất nhiều sai lầm. Từ kinh Hiền Ngu Nhân Duyên, ta thấy [tiền thân của] đức Phật có lúc cũng rất ngu si. Cho đến khi trừ khử ngu si, có trí huệ, Ngài thành Phật, chẳng còn ngu si! Vị Phật nào cũng đều là như thế. Phật sanh từ chúng sanh, đều như thế. Quý vị chỉ cần tu, hỏ thẹn. Hỏ thẹn thì sức công đức bèn tăng trưởng, chẳng kiêu mạn, tự mãn!

(Kinh) Phục hữu thuyết ngôn: “Ngã đặng ư bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, dĩ thô ác ngôn, kỳ khắc bách hiếp. Ngã đặng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiền, thứ đệ quảng thuyết”. Phục hữu thuyết ngôn: “Ngã đặng ư bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, đã bỗng thương hại. Ngã đặng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiền thứ đệ quảng thuyết”. Phục hữu thuyết ngôn: “Ngã đặng ư bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, xâm đoạt y bát. Ngã đặng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiền thứ đệ quảng thuyết”.

(經)復有說言：「我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，以粗惡言期克迫脅。我等由此惡業障故，經無量劫，墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼諸

佛弟子，或是法器，或非法器，打棒傷害。我等由此惡業障故，經無量劫，墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，侵奪衣鉢。我等由此惡業障故，經無量劫，墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。

(Kinh: Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, dùng lời thô ác, chèn ép, bức hiếp. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã nói cặn kẽ theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với các đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, đánh đập, tổn thương. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã nói cặn kẽ theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí mà xâm đoạt y bát. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa trong các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã nói cặn kẽ theo thứ tự”).

Chúng con do vì ác nghiệp chướng duyên ấy, “*kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiền thứ đệ quảng thuyết*” (trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã nói cặn kẽ theo thứ tự). Đây là một loại người khác sám hối. Họ đối với pháp khí, tức là tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, cũng như phi pháp khí, tức là tỳ-kheo phá giới, chẳng trì giới. Chúng con nói lời thô ác đối với họ, mắng chửi, vũ nhục, lại còn bức hiếp, chèn ép họ. Chuyện bức hiếp rất nhiều, thậm chí vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la nhốt tù quý vị, mười năm hay mười lăm năm mới thả ra. Đó gọi là “*định kỳ bách hiếp*” (定期迫脅). Vì con đã tạo ác nghiệp chướng ấy, nên trải qua vô lượng kiếp, đọa trong đường ác, [chi tiết cụ thể] giống như đã nói trong phần trước.

“*Phục hữu thuyết ngôn*” (Lại có người thưa rằng), lại có một loại người khác sám hối: “*Ngã đẳng u bi chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, đã tổn thương hại*” (Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải pháp khí, đánh đập, tổn

thương). Đây là trường hợp khác, con không chửi họ, cũng không nói gì họ, nhưng con đánh họ. Các loại tình huống khác nhau! Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, “*kinh vô lượng kiếp đọa chư ác thú, ưng tri như tiên thứ đệ quảng thuyết*” (trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã theo thứ tự nói căn kẽ), đều lặp lại! Như lúc bái sám, mọi người đều rất quen thuộc văn bản bái sám ấy. Chiếu theo sám văn để tu Quán, toàn bộ đều bao gồm trong ấy, vượt ra ngoài kinh Đại Tập Thập Luân.

Hết thấy các kinh luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều được bao gồm trong đó. Trong ấy có mấy câu: “*Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp, giai do vô thí tham, sân, si. Tùng thân, ngữ, ý chi sở sanh, nhất thiết ngã kim giai sám hối*” (Xưa kia đã tạo bao ác nghiệp, đều do vô thí tham, sân, si. Từ thân, miệng, ý phát sanh ra, hết thấy con nay đều sám hối). Cách [sám hối] này bao gồm vô lượng kiếp, tất cả các ác nghiệp đã tạo, hết thấy con nay đều sám hối, đều bao gồm.

Chúng ta còn phát nguyện. Đối ứng với điều đó, ta phát nguyện mong thành Phật. “*Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, thương báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” (Nguyện dùng công đức này, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ): “*Tam đồ khổ*” là nạ quỷ, súc sanh, và địa ngục. “*Tứ trọng ân*”: Báo ân Phật, báo ân chúng sanh, lại còn báo ân quốc gia, ân đất đai đều phải báo; nhưng lấy báo ân chúng sanh làm chánh yếu. Báo ân chư Phật, Bồ Tát chỉ dạy chúng ta, báo ân chúng sanh, còn có ân cha mẹ. Có khi báo là báo bảy trọng ân; ở đây, chúng ta nói là tứ trọng ân. Phép sám hối này đã bao gồm trọn hết. Còn ở đây, các vị ấy biệt sám (別懺, sám hối từng tội riêng biệt): Thốt lời ác, nói lời thô ác. Có người nói: “Tôi trọn chẳng thốt lời ác, nhưng đả thương họ”. Có người nói: “Bất luận kẻ ấy là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, tôi cướp đoạt y bát của họ”. Do ác nghiệp ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác.

(Kinh) Phục hữu thuyết ngôn: “*Ngã đẳng u bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, xâm đoạt chủng chủng tư sanh chúng cụ, tuyệt kỳ ẩm thực. Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiên thứ đệ quảng thuyết*”. **Phục hữu thuyết ngôn:** “*Ngã đẳng u bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, thoái linh hoàn tục, thoát kỳ ca-sa, khóa thuế dịch sử. Ngã đẳng do thử ác nghiệp*

chương cổ, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ung tri như tiền, thứ đệ quảng thuyết”. Phục hữu thuyết ngôn: “Ngã đẳng u bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, hoặc hữu tội phạm, hoặc vô tội phạm, già tỏa hệ phược, cầm bế lao ngục. Ngã đẳng do thử ác nghiệp chương cổ, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ung tri như tiền, thứ đệ quảng thuyết”. Phục hữu thuyết ngôn: “Ngã đẳng u bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, khởi khinh mạn tâm, chủng chủng xúc não, linh bất an lạc”.

(經)復有說言：「我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，侵奪種種資生眾具，絕其飲食。我等由此惡業障故，經無量劫，墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：

「我等於彼無量諸佛出家弟子，或是法器，或非法器，退令還俗，脫其袈裟，課稅役使。我等由此惡業障故，經無量劫墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼無量諸佛出家弟子，或是法器，或非法器，或有罪犯，或無罪犯，枷鎖繫縛，禁閉牢獄。我等由此惡業障故，經無量劫墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼無量諸佛出家弟子，或是法器，或非法器，起輕慢心，種種觸惱，令不安樂。

(Kinh: Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, xâm đoạt các thứ vật dụng cần thiết cho cuộc sống, đoạn tuyệt lương thực của họ. Chúng con do ác nghiệp chương ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trên đã nói căn cứ theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, ép họ hoàn tục, lột y ca-sa, đánh thuế, sai khiến họ làm phu phen. Chúng con do ác nghiệp chương ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trên đã nói căn cứ theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của

các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, dù là có phạm tội, hay chẳng phạm tội, đều gông, xiềng, trói buộc, nhốt chặt trong ngục. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trên đã nói cặn kẽ theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, dấy lòng khinh mạn, đủ mọi cách xúc phạm, náo loạn, khiến cho họ chẳng an lạc”).

“Phục hữu thuyết ngôn: Ngã đẳng u bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử” (Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử xuất gia của các đức Phật ấy”): Lời sám hối của mỗi người mỗi khác, nhưng sự tình đều như nhau, chỉ thay đổi đôi chút vài câu. *“Hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, thoái linh hoàn tục”* (Hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải pháp khí, buộc họ hoàn tục): Loại đệ tử này trong quá khứ nhất định là có quyền thế. Loại người sám hối này, nếu chẳng phải là quốc vương, làm sao có quyền lực bức ép người khác hoàn tục? *“Thoái linh hoàn tục, thoát kỳ ca-sa”* (Ép buộc hoàn tục, lột y ca-sa), cho đến đánh thuế. Hòa thượng chẳng đóng thuế, vì họ không có thu nhập, chẳng cần nộp thuế.

Phàm là kẻ bắt hòa thượng đóng thuế, đánh thuế chùa miếu, hoặc là sai khiến họ cưỡng bức lao động, trong tương lai, sẽ đọa địa ngục. Quý vị nói với các quan chức thu thuế: “Được thôi! Quý vị thu thuế hòa thượng, sẽ đọa địa ngục”. Trong kinh Đại Tập Thập Luân, đức Phật đã nói như thế, đó gọi là *“bách hại”* (迫害, bức hại). Nhưng đối với tỳ-kheo phá giới, có thể có hai cách nói: Họ kiếm tiền, đi làm, đương nhiên là phải đánh thuế. Họ kinh doanh, mở cửa tiệm, đương nhiên là phải nộp thuế. Hiện thời, quý vị tới đây hóa duyên cũng phải nộp thuế. Quý vị thu được bao nhiêu, hóa duyên được bao nhiêu, cũng phải nộp thuế. Đó gọi là *“khóa dịch”* (課役, đánh thuế, bắt đi làm lao dịch). Cho đến bức ép quý vị làm lao dịch, cũng là do quý vị không có tiền, nghèo rớt mòng toi! Làm phu phen nặng nhọc, làm việc khổ sở, làm việc nặng mà chẳng trả tiền. Đó gọi là *“cưỡng bức lao động”*.

“Phục hữu thuyết ngôn: Ngã đẳng u bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử” (Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với các đệ tử xuất gia của vô lượng chư Phật”): *“Vô lượng”* là nói rất nhiều đệ tử Phật trong quá khứ, bất luận người đó là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí cũng thế, *“khởi khinh mạn tâm, chủng chủng xúc náo”* (dấy tâm khinh mạn,

đủ mọi cách xúc phạm, não loạn), chẳng bức hại họ, chẳng chửi mắng họ, cũng chẳng đánh họ, cũng chẳng đánh thuế họ, nhưng làm cho họ chẳng an vui, luôn khiến cho họ sanh khởi phiền não.

(Kinh) Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, thọ chư trọng khổ, sở độc nan nhân, hậu đắc tri ngộ vô lượng chư Phật, giai tăng thân cận, thừa sự, cúng dường. Hựu đắc tri ngộ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, diệc giai thân cận, thừa sự, cúng dường. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối chư ác nghiệp chướng. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát sở, giai đắc thính thọ vô lượng pháp môn, tinh cần hộ trì, tu học vô lượng nan hành khổ hạnh. Do bỉ nghiệp chướng hữu dư vị tận, linh ngã đẳng bồi vị năng chứng đắc an lạc Niết Bàn, vị năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức. Ngã đẳng kim giả, ư Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, phục thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội giai tất tiêu diệt, ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn tế bạt ngã đẳng đương lai ác thú khổ báo. Ngã đẳng kim giả thừa Phật thần lực, nguyện tùy sở nhạo, tốc năng chứng đắc an lạc Niết Bàn, hoặc năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức.

(經)我等由此惡業障故，經無量劫受諸重苦，楚毒難忍，後得值遇無量諸佛，皆曾親近承事供養。又得值遇無量菩薩摩訶薩眾，亦皆親近承事供養。於一一佛、一一菩薩摩訶薩前，皆深慚愧，發露懺悔諸惡業障。於一一佛、一一菩薩摩訶薩所，皆得聽受無量法門，精勤護持，修學無量難行苦行。由彼業障有餘未盡，令我等輩，未能證得安樂涅槃，未能證得三摩地門殊勝功德。我等今者，於世尊前聞說此經，復深慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今以往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪

皆悉消滅，於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。我等今者承佛神力，願隨所樂，速能證得安樂涅槃，或能證得三摩地門殊勝功德」。

(Kinh: Chúng con do ác nghiệp chướng áy, trải qua vô lượng kiếp, chịu các nỗi khổ nặng nề, khô sở khó thể chịu đựng. Sau đây, được gặp gỡ vô lượng chư Phật, đều từng thân cận, thừa sự, cúng dường. Lại được gặp gỡ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, cũng đều thân cận, thừa sự, cúng dường. Đối trước mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối các nghiệp chướng ác. Nơi mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều được nghe nhận vô lượng pháp môn, siêng rông hộ trì, tu học vô lượng khổ hạnh khó hành. Do nghiệp chướng áy còn sót thừa chưa hết, khiến cho chúng con chưa thể chứng đắc Niết Bàn an lạc, chưa thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn. Chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, lại hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội chướng mai sau. Kính xin đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt. Trong đời mai sau, vĩnh viễn chẳng tạo nữa. Kính xin đức Thế Tôn xót thương, cứu vớt khỏi báo trong đường ác của chúng con nơi đời mai sau. Chúng con nay nương vào thần lực của Phật, tùy theo lòng ưa thích, sẽ có thể mau chứng đắc Niết Bàn an lạc, hoặc có thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn).

Chính là do trong hiện tại, “*văn thuyết thử kinh, phục thâm tâm quý, phát lộ sám hối*” (nghe nói kinh này, lại hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối), trước kia tuy đã từng sám hối, nay nghe đức Phật nói bộ kinh này, càng cảm thấy hổ thẹn, phát lộ sám hối. Đối với các nghiệp đã làm, không chỉ sám hối một hai lần, mà là sám hối vô lượng lần. Từ nay trở đi, “*phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng*” (ngăn ngừa tất cả tội chướng trong tương lai), chẳng dám tái phạm!

(Kinh) Ư thị, Thế Tôn phổ cáo Thanh Văn, Bồ Tát chúng viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng như thị tâm quý, phát lộ sám hối. Hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bảm tánh chuyên tinh, bổn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tâm quý, phát lộ sám

hối. Thử nhị chủng nhân, u ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả. Hựu thiện nam tử! Như thị nã loạn Phật đê tử tội, tỷ tiền sở thuyết Cận Vô Gian tội, bỉ đản hữu danh, vị túc xung tội. Nhiên thử nã loạn Phật đê tử tội, diệc quá tiền thuyết Ngũ Vô Gian tội vô lượng bội số. Sở dĩ giả hà? Nhược chư bất-sô hủy phá cấm giới, tác chư ác pháp, do năng thị đạo vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa chúng sanh, thiện thú Niết Bàn, vô điên đảo lộ, dữ chư chúng sanh, tác đại công đức, trân bảo phục tạng như tiền quảng thuyết, huống trì cấm giới, tu thiện pháp giả? Dĩ thị nghĩa cố, nhược hữu nã loạn Phật đê tử chúng chư xuất gia nhân, đương tri tắc vi đoạn Tam Bảo chủng, diệc tắc danh vi khiêu hoại nhất thiết chúng sanh pháp nhân, diệc vi hủy diệt ngã cửu cần khổ sở đắc chánh pháp, dữ chư chúng sanh tác đại suy tổn. Thị cố, nã loạn Phật đê tử tội, quá tiền sở thuyết ngũ Vô Gian tội vô lượng bội số”.

(經)於是，世尊普告聲聞、菩薩眾曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是慚愧，發露懺悔。有二種人，名無所犯：一者、稟性專精，本來不犯。二者、犯已慚愧，發露懺悔。此二種人，於我法中，名為勇健得清淨者。又善男子！如是惱亂佛弟子罪，比前所說近無間罪，彼但有名，未足稱罪。然此惱亂佛弟子罪，亦過前說五無間罪無量倍數。所以者何？若諸苾芻毀破禁戒，作諸惡法，猶能示導無量百千俱胝那庾多眾生，善趣涅槃無顛倒路，與諸眾生作大功德珍寶伏藏，如前廣說，況持禁戒修善法者？以是義故，若有惱亂佛弟子眾諸出家人，當知則為斷三寶種，亦則名為挑壞一切眾生法眼，亦為毀滅我久勤苦所得正法，與諸眾生作大衰損。是故，惱亂佛弟子罪，過前所說五無間罪無量倍數。

(Kinh: Ngay khi đó, đức Thế Tôn bảo khắp các vị Thanh Văn và Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế. Có hai hạng người gọi là không sai phạm gì: Một là

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

bảm tánh chuyên rỗng, vốn chẳng trái phạm. Hai là phạm rồi hổ thẹn, phát lộ sám hối. Hai loại người ấy ở trong pháp của ta được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh. Lại này, thiện nam tử! Tội nào loạn đê tử của đức Phật như thế, so với tội Cận Vô Gian đã nói trong phần trước thì tội trước đó chỉ có danh xưng, chưa đáng gọi là tội, nhưng cái tội nào loạn đê tử đức Phật này cũng nặng hơn tội Ngũ Vô Gian đã nói trước đó vô lượng lần. Vì có sao vậy? Như các bất-sô hủy phá giới cấm, tạo các ác pháp, vẫn có thể chỉ dạy vô lượng trăm ngàn câu-chi na-diừ-đa chúng sanh con đường lành, con đường chẳng điên đảo hướng đến Niết Bàn, tạo công đức to lớn cho các chúng sanh, là kho tàng trân bảo như đã rộng nói trong phần trước, huống hồ người giữ giới cấm, tu các pháp lành ư? Do vì nghĩa này, nếu có kẻ nào loạn những người xuất gia là đê tử đức Phật, hãy nên biết chính là đã đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo, cũng gọi là chọc mù pháp nhãn của hết thầy chúng sanh, mà cũng là hủy diệt chánh pháp do ta siêng khổ đã lâu mới đạt được, tạo sự suy tổn to lớn cho các chúng sanh. Vì thế, tội nào loạn các đê tử của đức Phật nặng hơn tội Ngũ Vô Gian đã nói trong phần trước vô lượng lần).

Những lời thưa trình như vậy tuy khác nhau, nhưng ý nghĩa giống hệt như nhau. Đức Phật bảo mọi người: “*Lành thay! Lành thay! Các ông (tức các chúng sanh đã nói trên đây) có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế*”. Có hai loại chúng sanh được gọi là không trái phạm, một loại là “*bảm tánh chuyên tinh, bốn lai bất phạm*” (bảm tánh chuyên rỗng, vốn chẳng trái phạm), tức là người trì giới thanh tịnh. Loại thứ hai thì sao? Tuy đã phạm, vẫn có thể hổ thẹn, vẫn có thể sám hối, muốn sửa đổi. Hai loại người này được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ trong pháp của ta.

Sám hối tội lỗi rất khó! Ở trước mặt rất nhiều người, nói ra chuyện sai lầm do chính mình đã phạm phải, rất xấu hổ, đúng không? Chẳng mở miệng nổi! Khoe công đức, ca ngợi chính mình dễ nói hơn nhiều. Chỉ có một tí tẹo, kẻ đó có thể nói thành to đùng. Trái lại, sám hối tội lỗi của chính mình, chẳng muốn nói! Làm như thế nào? Đối trước Phật, Bồ Tát nói, quý thần sẽ chứng minh cho quý vị, thần hộ pháp sẽ chứng minh cho quý vị. Đối trước mặt mọi người để nói mà ngượng lắm thì quý vị có thể đối trước tượng Phật sám hối, thưa bày. Khi chúng ta bái sám, vì sao phải lạy riêng? Người đồng, sám hối chỉ nói những câu ấy, ai nấy đều như nhau. Câu [văn sám hối] xướng lên tuy rất viên mãn, nhưng tội ác

do quý vị đã tạo thì thật ra khác nhau. Khi quý vị về nhà, đối trước tượng Phật, bèn cầu nguyện: “Con đã phạm các tội ấy”. Vì sao mọi người nói ta chẳng tốt. Ta làm một tí chuyện tốt bèn bị người khác phá hoại, đây là do nguyên nhân nào? Đại khái là trong đời quá khứ, mình đã nói người ta chẳng tốt. Quý vị hãy suy ngẫm, tâm quý vị [nghĩ xấu cho người khác] cho đến móc rĩa, hủy báng, khinh miệt kẻ khác, quý vị đã làm bao nhiêu? Đặc biệt là đối với người xuất gia, hoặc đối với đạo hữu. Chúng ta [phạm lỗi với] người xuất gia có lẽ còn ít, chứ giữa các ưu-bà-tắc hoặc ưu-bà-di với nhau, chuyện kiêu này quá nhiều, đặc biệt là ưu-bà-di, phải đặc biệt chú trọng! Giữa các đạo hữu với nhau, chẳng thấy sở trường của người khác, toàn thấy khuyết điểm. Sở trường của người khác bèn ẩn giấu, còn khuyết điểm thì bà ta rêu rao cùng khắp: “Ôi trời ơi! Quý vị thấy đó, cư sĩ X... hôm nay lấy trái cây trong chùa nè!” Bà ta chẳng biết trái cây đó là do sự phụ cho [vị cư sĩ đó].

Tôi đã thấy chuyện kiêu này! Sau đó, lại có người đến khóc lóc, kẻ lể, mách tội kẻ khác. Tôi nói: “Đây là tôi cho bà ta!” Quý vị đừng bận tâm, tội nghiệp của quý vị [do bị bà ta bươi móc] như thế sẽ tiêu trừ. Chớ nên bực bội, chẳng có chuyện gì hết. Do bà ta hủy báng, quý vị mắc tội đáng lẽ đọa địa ngục bèn thoát khỏi. Tôi chẳng nói tùy tiện đâu nhé, kinh Kim Cang dạy như thế đó. Mọi người đọc kinh Kim Cang, hãy xem thử, có phải là đúng như thế hay chẳng? Như vậy thì [hễ người nào bị kẻ khác hủy báng] sẽ rất vui thích. Nếu chẳng giải thích như vậy, trong tâm [người đó] bèn sanh phiền não, có phải là [tự mình chuốc lấy] phiền não hay không? Đặc biệt là chúng ta học rất kiên thành, rất sợ kẻ khác nói mình không tốt. Nếu ai vừa nói ta không tốt, nổi nóng ngay! Sau đó, giữa các đạo hữu với nhau, một chuyện dính thành hai chuyện, dính dính rất nhiều! Quý vị không có [những điều xấu ấy], chớ sợ! Mặc kệ kẻ đó nói như thế nào đi nữa, kẻ đó cũng chẳng tổn hại quý vị tí nào, vô dụng! [Hãy tâm niệm]: “Người nói nhằm khiến cho ta nghe xong sẽ sanh khỏi phiền não. Người báng bỏ thế nào đi nữa, ta chẳng nghe người nói chi hết!” Bởi lẽ, những chuyện này mỗi đạo hữu cũng đều có; hễ đụng phải thì quý vị làm như thế nào? Quý vị hãy hỏ thẹn! Quý vị chẳng có đức hạnh to dường ấy, mong người khác đừng nói động đến mình, chẳng thể nào được! Thích Ca Mâu Ni Phật mà còn bị kẻ khác nói nặng nhẹ, còn có kẻ mạo phạm Ngài, còn có người tính vượt hơn Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng nói gì, nhưng kẻ tạo nhân quả ấy đối với Ngài, đọa vào địa ngục, chịu khổ! Có kẻ thọ báo ngay trong hiện đời, “*dụng sào bèn thấy bóng*” đó mà!

Giúp đỡ người khác, giúp đỡ người đó tiến hơn bước nữa, người đó biết chính mình đạo đức chẳng đủ, vì sao người ta nói chúng ta này nọ? Vì bản thân chúng ta chẳng đủ đạo đức! Quý vị phải hổ thẹn. Hễ nghe thấy, quý vị phải sám hối. Nếu nói đời này tôi tốt lắm, đời trước thì sao? Vô lượng đời thì sao? Kẻ hủy báng quý vị là vì trong quá khứ quý vị đã nói xấu người ta. Vì sao quý vị chẳng sám hối? Vì hiện thời quý vị chẳng trông thấy. Nếu tất cả mọi người đều có thần thông, biết vốn là chuyện như vậy, sẽ tâm bình khí hòa. Do chẳng biết quá khứ, chỉ nhìn vào hiện tại. Nhìn vào hiện tại, sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề. Lúc học kinh, đừng nghĩ những câu kinh ấy lặp đi lặp lại, quý vị nắm lấy mấy điểm là được rồi! Chúng tôi luôn cảm thấy bất luận lúc nào cũng đều đang sám hối, ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn đang sám hối. Bản thân quý vị hãy khéo cầu nơi chính mình, hướng ra ngoài cầu cạnh, sẽ cầu chẳng được! Hãy cầu nơi cái tâm của chính mình.

Tôi kể một câu chuyện cũ, thiền sư Phật Ấn và Tô Đông Pha hai người đến chùa. Tô Đông Pha hỏi thiền sư Phật Ấn: “Quán Thế Âm Bồ Tát cầm tràng hạt để làm gì?” Thiền sư Phật Ấn đáp: “Để niệm”. “Ngài niệm ai?” “Ngài niệm Quán Thế Âm Bồ Tát!” Tô Đông Pha nói: “Lẽ nào Quán Thế Âm Bồ Tát niệm Quán Thế Âm Bồ Tát?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Ngài không niệm chính mình thì niệm ai?” Đây là điều thứ nhất. Tô Đông Pha lại hỏi: “Ngài có đánh lễ không?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Lạy chứ!” Tô Đông Pha nói: “Lạy ai?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Quán Thế Âm Bồ Tát lạy Quán Thế Âm Bồ Tát!” Qua vài lượt hỏi đáp, thiền sư Phật Ấn bảo Tô Đông Pha: “Ông đã khai ngộ”.

Mọi người ngẫm xem [chúng ta] có khai ngộ hay không? Sợ rằng chúng ta vẫn chẳng khai ngộ, biết điều này có nghĩa là gì? Tâm của mỗi vị Phật chính là cái tâm của quý vị. Quý vị chỉ cần niệm nào cũng là Quán Thế Âm, hay niệm nào cũng là chính mình cũng thế. Chớ nên niệm sắc thân của chính mình! Sắc thân của quý vị có thể tạo tội, hãy niệm Pháp Thân của chính mình. Pháp Thân ấy bao gồm hết thầy chư Phật, [niệm Pháp Thân của chính mình] là niệm hết thầy chư Phật, niệm hết thầy Bồ Tát, một tức là hết thầy, có hàm nghĩa này! Vì sao nói như vậy? Đức Phật bèn giải thích cho họ. Phát lộ sám hối có hai loại người, ở trong pháp của ta, “*danh vi dũng kiện đắc thanh tịnh giả*” (được gọi là kẻ dũng mãnh, mạnh khỏe, đạt được thanh tịnh).

Nếu “*thiện nam tử! Như thị nã loạn Phật đệ tử tội, tỷ tiền sở thuyết Cận Vô Gian tội*” (thiện nam tử! Cái tội nã loạn đệ tử của đức Phật như thế, so với tội Cận Vô Gian đã nói trong phần trước) còn nặng

hơn! [Bởi lẽ, tội Cận Vô Gian] chỉ có danh xưng, chưa kể là tội. Tức là tội Cận Ngũ Vô Gian vẫn chưa tính là tội được! Nhưng cái tội nào loạn đệ tử của đức Phật “*diệt quá tiền thuyết Ngũ Vô Gian tội vô lượng bội số*” (cũng nặng hơn tội Ngũ Vô Gian đã nói trong phần trước vô lượng lần), còn nặng hơn tội Ngũ Vô Gian. Do vậy, đọa vào địa ngục, tức là đọa vào địa ngục vô Gian, thời gian để thoát ra đặc biệt lâu dài.

Vì lẽ nào vậy? “*Nhược chư bát-sô hủy phá cấm giới, tác chư ác pháp, do năng thị đạo vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa chúng sanh, thiện thú Niết Bàn, vô điên đảo lộ*” (Như các bát-sô phá hủy giới cấm, tạo các ác pháp, vẫn có thể chỉ dạy đường lành hướng đến Niết Bàn, là con đường chẳng điên đảo cho vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa chúng sanh). Tuy kẻ đó phá giới, là tỳ-kheo bại hoại, nhưng ông ta vẫn có thể thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa chúng sanh nhiều ngàn ấy, khiến cho họ có thể đạt tới Niết Bàn, [chỉ cho họ] con đường chẳng điên đảo. Lại còn “*chúng sanh tác đại công đức, trân bảo phục tàng*” (làm kho báu đại công đức cho chúng sanh), nghĩa là ông ta là kho báu như trong phần trước đã rộng nói; huông hồ một vị [tỳ-kheo] trì giới cấm, tu pháp lành [càng có công đức to lớn hơn ư]? Trong phần trước, đối với tình hình này, đức Phật đã nói rất nhiều. Trong phần kinh văn trước đó, [đức Phật đã bảo] tỳ-kheo phá giới vẫn là kho tàng báu chứa đựng trân bảo cho hết thầy chúng sanh, có thể sử dụng chẳng cùng tận; huông hồ những vị gìn giữ giới cấm tốt đẹp, lại còn tu thiện pháp! Kẻ nào loạn các vị như thế, tội còn to hơn nữa!

Vì sao ta (đức Phật) nói tội ác lớn dường ấy? Kẻ hủy báng, phá diệt, cho đến phá pháp, phá tỳ-kheo Tăng, đã chọc mù pháp nhãn của hết thầy chúng sanh, mà cũng là hủy diệt chánh pháp do ta siêng khổ trong vô lượng ức kiếp mới đạt được. “*Dữ chư chúng sanh tác đại suy tổn*” (Tạo sự suy tổn to lớn cho các chúng sanh): Tổn thương công đức pháp tạng của chúng sanh. “*Thị cố, não loạn Phật đệ tử tội, quá tiền sở thuyết Ngũ Vô Gian tội vô lượng bội số*” (Vì thế, cái tội nào loạn đệ tử Phật vượt hơn tội Ngũ Vô Gian đã nói trong phần trước vô lượng lần).

(Kinh) Thị cố, nhữ đẳng kim ư ngã tiền, khởi chí thành tâm, tăng thượng tâm quý, ân cần khẩn thiết, phát lộ sám hối vãng tích sở tạo chư ác nghiệp chướng, ngã kim từ bi nhiếp thọ nhữ đẳng, linh ác nghiệp chướng tiếm đắc tiêu diệt. Ư thử Phật độ, Đại Hiện Kiếp trung, hữu thiên Như Lai xuất hiện ư thế, nhữ đẳng ư bỉ chư Như Lai tiền, diệt đương chí thành phát lộ sám hối, chư ác nghiệp chướng, phòng

hộ đương lai sở hữu tội cứu. Ư thử Hiền Kiếp thiên Như Lai trung, tối hậu Như Lai danh viết Lô Chí Như Lai, Ứng Chánh Đăng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thệ Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm, thập hiệu cụ túc. Như đẳng u bỉ Lô Chí Phật tiền, diệc đương chí thành phát lộ sám hối chư ác nghiệp chướng, nãi đắc diệt tận, vô hữu di dư.

(經)是故，汝等今於我前，起至誠心、增上慚愧，殷勤懇切發露懺悔往昔所造諸惡業障，我今慈悲攝受汝等，令惡業障漸得消滅。於此佛土大賢劫中，有千如來出現於世，汝等於彼諸如來前，亦當至誠發露懺悔諸惡業障，防護當來所有罪咎。於此賢劫千如來中，最後如來名曰盧至如來、應正等覺、明行圓滿、善逝、世間解、無上丈夫、調御士、天人師、佛、薄伽梵，十號具足。汝等於彼盧至佛前，亦當至誠發露懺悔諸惡業障，乃得滅盡無有遺餘」。

(Kinh: Vì thế, các ông nay đối trước ta, dấy lòng chí thành, hổ thẹn tăng thượng, ân cần, khẩn thiết, phát lộ sám hối các ác nghiệp chướng đã tạo xưa kia. Ta nay từ bi nhiếp thọ các ông, khiến cho ác nghiệp chướng dần dần tiêu diệt. Nơi cõi Phật này, trong Đại Hiền Kiếp, có một ngàn đức Như Lai xuất hiện trong cõi đời, các ông đối trước các đức Như Lai ấy, cũng nên chí thành phát lộ sám hối các ác nghiệp chướng, ngăn ngừa tất cả tội lỗi trong tương lai. Trong một ngàn vị Như Lai thuộc Hiền Kiếp này, vị Như Lai cuối cùng tên là Lô Chí Như Lai, Ứng Chánh Đăng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thệ Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm, mười hiệu trọn đủ. Các ông đối trước Lô Chí Phật cũng nên chí thành phát lộ sám hối các ác nghiệp chướng cho đến diệt tận chẳng còn thừa sót).

Hồ thẹn chưa đủ, còn phải là “tăng thượng tâm quý”. Chúng ta học pháp nhằm mục đích tăng thượng cái tâm, khiến cho chúng ta phát tâm, khiến cho chúng ta phát nguyện, khiến cho sự sám hối tội ác của chúng ta luôn được tăng thượng. Vì sao chúng ta phải nghe kinh? Nghe

xong một buổi giảng kinh, quý vị sẽ tăng thượng một phần tâm. Nếu chẳng nghe, quý vị sẽ chẳng có cái tâm ấy, [cái tâm ấy] chẳng dễ dàng sanh khởi! Trong Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận, đặc biệt chú trọng tăng thượng duyên; nhưng xét theo tội nghiệp thì cũng là tăng thượng nghiệp. Ác duyên tăng thượng, tội nghiệp của quý vị cũng tăng thượng. Hàm nghĩa của “*tăng thượng*” là như thế đó, phải tăng thượng hồ thẹn, ân cần, khẩn thiết.

Nếu có thể phát khởi sám hối, quý vị đau đớn khóc lóc, tối thiểu là khắp thân toát mồ hôi đầm đìa, thậm chí rơi lệ, sám hối đến chảy cả máu mắt thì mới là thật sự sám hối thanh tịnh. Thật sự nhận biết tội ác đúng là đáng sợ. Có kẻ nói nổi khổ địa ngục là do đức Phật dọa dẫm chúng ta, thật sự có nổi khổ địa ngục hay không? Đợi tới khi quý vị chịu khổ, sẽ biết, trễ mất rồi! Giả sử lúc ấy chẳng có thiện căn, quý vị niệm một tiếng thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát: “Địa Tạng Bồ Tát hãy mau tới cứu con! Con đang ở trong địa ngục”. Địa ngục lập tức thành không, đáng tiếc là lúc đó đã sớm quên bằng Địa Tạng Bồ Tát mất rồi, căn bản là chẳng nghĩ nổi!

Khi chúng ta nằm mộng thấy được ác duyên bèn tỉnh mộng, hãy nghĩ xem vì sao chúng ta chẳng niệm Phật? Trong mộng, hoảng sợ thân đầm mồ hôi. Đây là lúc bình thường không có công sức, tới khi phải vận dụng, chẳng vận dụng được! Điện trong nhà quý vị đứt cầu chì, vì quý vị không học [cách sửa chữa], chẳng biết ở chỗ nào, tìm không thấy! Có thấy cũng chẳng biết, quý vị chẳng chuyên chú nơi đó, [cho nên] chẳng biết, mỗi việc đều là như vậy. Thoạt nhìn chuyện rất đơn giản, [thế nhưng] quý vị chẳng hiểu, mà cũng chẳng biết. Do vậy, ắt cần phải tăng thượng hồ thẹn, khéo sám hối, hoặc là cầu Phật từ bi gia trì. Đây là chẳng thể nghĩ bàn!

Chẳng hạn như mời thợ, quý vị thấy là chuyện rất đơn giản. Kẻ đó làm nhaoy nhaoy là xong, lại đòi rất nhiều tiền. Quý vị nghĩ không ra: “Chỉ cần làm mấy bước mà đòi mình lắm tiền như vậy?” Tôi kể cho quý vị nghe một câu chuyện: Tôn Trung Sơn (Tôn Văn) ở Thượng Hải, khi đó, chỗ ông ta ở đã có hệ thống nước máy. Vòi nước bị hư, tắt cũng không được. Kêu thợ đến sửa, ông Tôn thấy người thợ vặn hai ba cái, sờ nắn thêm một tí nữa là xong, nước không chảy nữa. Tôn tiên sinh hỏi: “Tính bao nhiêu tiền?” Người đó nói: “Hai mươi đồng”. Vào lúc đó, hai mươi đồng khá lớn! Tôn tiên sinh hỏi: “Sao mà anh tính mắc quá vậy, đòi nhiều tiền dữ vậy?” Người đó đáp: “Mắc hả? Không mắc đâu! Tôi tính cho ngài coi. Tôi học từ Tiểu Học tới Trung Học, tốt nghiệp Cao

Trung (cấp ba), tôi đi học kỹ thuật. Tồn công mấy năm tôi mới học hiểu. Đây chẳng phải là đáng tiền ư?” Tôn tiên sinh suy nghĩ, có lý! Ta chỉ nghĩ là anh ta tính mắc, chẳng nghĩ người ta phải học như thế nào mới có được tay nghề đó!

Giống như Tề Bách Lâm (Ferdinand A. von Zeppelin) phát minh ra tàu bay²². Ông ta bán sạch ruộng vườn, trang trại. Cuối cùng, khi hỏa lực chẳng đủ, phàm những gì trong nhà có thể đốt được đều quăng vào lò luyện thép. Cuối cùng, lực thân quyền thuộc đều lìa bỏ ông ta, thứ gì cũng đều chẳng còn, chỉ còn lại một mình ông ta! Rốt cuộc ông ta đã phát minh ra phi đĩnh (飛艇, thuyền bay), cái phi đĩnh ấy được gọi bằng danh xưng Zeppelin. Tôi thấy câu chuyện ấy, bèn nói: “Quý vị phải hiểu, mỗi phần kiến thức là mỗi phần công sức, bất luận ngành nghề nào! Huống hồ quý vị mong học Phật, làm đệ tử đức Phật, muốn liễu đạo thành Phật, đoạn vô lượng kiếp sanh tử, cứ tà tà mà có thể đạt được ư?” Nhất định phải nhận thức như thế, cái tâm hổ thẹn của quý vị mới có thể sanh khởi được! Mong đoạn khổ, được vui, quý vị thấy người ta đạt được phú quý dễ ợt, đừng nên ganh tỵ, họ có nhân duyên của họ! Quý vị đừng thấy làm quan là tốt. Đó là tiêu tiền để chịu tội! Đợi đến khi người ấy hứng chịu, ăn năn, kẻ đó mới biết. Giương chiêu bài “*vì nhân dân phục vụ*”, đợi đến khi nắm được quyền lực, kẻ đó chẳng nghĩ tới nhân dân, chẳng làm chuyện tốt cho dân chúng, mà chỉ nghĩ tới chính mình!

“*U thử Phật độ, Đại Hiền Kiếp trung*” (Trong Đại Hiền Kiếp nơi cõi Phật này): Trong Nhân Hiền Kiếp, tức Đại Hiền Kiếp, “*hữu thiên Như Lai xuất hiện ư thế*” (có một ngàn vị Như Lai xuất hiện trong cõi đời): Hiện thời đã qua bốn vị Phật, hãy còn chín trăm chín mươi sáu vị. Ở chỗ các đức Như Lai ấy, tức là đối trước mỗi vị Phật trong một ngàn vị Phật, đối trước mỗi vị Phật đó, quý vị đều phải nên chí thành sám hối.

²² “*Tàu bay*” là từ ngữ dùng để tạm dịch chữ Airship (phát minh của ông Zeppelin, người Hoa gọi là “phi đĩnh” hay “phi thuyền”, trong khi các loại phi thuyền như Appollo sẽ được gọi là Thái Không Phi Thuyền hoặc Vũ Trụ Phi Thuyền khi cần phân biệt rõ) để phân biệt với các loại phi cơ sau này. Đây là một loại khinh khí cầu có khung cứng. Mỗi chiếc Zeppelin có hình dạng thon dài trông như một điệu xì gà, có khung bằng kim loại (thường là hợp kim bằng đồng và nhôm), bọc vải dầu. Bên trong chứa những túi đựng khí hydrogen để giúp Zeppelin có thể bay lên, có động cơ để điều khiển sức đẩy và định hướng. Phía dưới cái khung ấy có khoang chứa hành khách. Zeppelin được sử dụng để chở hành khách tại Âu Châu trước Thế Chiến thứ nhất. Thời Thế Chiến thứ nhất, Đức đã dùng Zeppelin để ném bom các nước Đồng Minh.

Các ác nghiệp chướng quý vị trót tạo, “*phòng hộ đương lai sở hữu tội cữu*” (ngăn ngừa tất cả tội lỗi trong tương lai), do sẽ phải thọ báo, do tội lỗi mà mắc quả báo. Quý vị phải khéo ngăn ngừa. Nếu sám hối, sẽ chẳng phải hứng chịu. Mọi nợ tội chướng ấy, quý vị có thể tránh khỏi. “*Ư thử Hiền Kiếp thiên Như Lai trung, tối hậu Như Lai danh viết Lô Chí Như Lai*” (Trong một ngàn vị Như Lai thuộc Hiền Kiếp này, vị Như Lai cuối cùng tên là Lô Chí Như Lai): Đây là Hộ Pháp Vi Đà, Ngài thành Phật cuối cùng.

“*Ứng Chánh Đăng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm*”, [đó là] mười hiệu của Như Lai. Mỗi vị Phật đều có đủ mười hiệu ấy. Các ông hãy nên đối trước Lô Chí Phật giống như hiện thời đối trước ta vậy! “*Phát lộ sám hối, chư ác nghiệp chướng*” (Bày tỏ sám hối các nghiệp chướng ác). Khi ấy mới có thể “*diệt tận vô hữu di dư*” (diệt hết sạch, chẳng còn sót thừa), vẫn có thể đối trước Lô Chí Phật sám hối tất cả nghiệp chướng của quý vị. Sau đó, sẽ thanh tịnh, vĩnh viễn chẳng còn nữa. Điều này được gọi là “*thọ ký*”. Phật sẽ “*thọ ký biệt*” cho người ấy, chẳng phải là thọ ký thành Phật, đó là chuyện trong tương lai. Trước hết, thọ ký biệt cho người ấy, đây là [nội dung của] kinh Đại Ký Biệt. Bộ kinh ấy có tên là Đại Ký Biệt, chẳng phải là hứa nguyện, mà nhằm bảo hộ: Quý vị phải làm như thế nào để trong tương lai quý vị sẽ có thể thanh tịnh.

(Kinh) Thời, chư Thanh Văn, cập Bồ Tát chúng, câu thời bạch Phật: “*Duy nhiên Thế Tôn! Ngã đẳng thẩm đương u bỉ tối hậu Lô Chí Phật sở, hoạch đắc chánh kiến, ly chư tà kiến, chư ác nghiệp chướng tận diệt vô dư, giải thoát nhất thiết chúng khổ não giả. Nhược linh ngã đẳng u Đại Hiền Kiếp, thường xử Vô Gian đại địa ngục trung, hằng thọ chủng chủng cực trọng khổ não, diệc năng kham nhẫn*”. Thế Tôn cáo viết: “*Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng như thị dũng mãnh. Như đẳng do thử kiên cố tinh tấn tự thệ nguyện lực, định năng u bỉ Lô Chí Phật tiền, túc thế sở tập chư ác nghiệp chướng giai tất tiêu diệt, định năng phát khởi tăng thượng tín kính, thân cận, cúng dường Lô Chí Như Lai, định năng vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thành A La Hán, hoặc định năng chứng tam-ma-địa môn thù thắng công đức*”. Thời, chư Thanh Văn cập Bồ Tát chúng, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bốn tòa.

(經)時諸聲聞及菩薩眾，俱時白佛：「唯然世尊！我等審當於彼最後廬至佛所，獲得正見，離諸邪見，諸惡業障盡滅無餘，解脫一切眾苦惱者。若令我等於大賢劫，常處無間大地獄中，恆受種種極重苦惱，亦能堪忍」。世尊告曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是勇猛。汝等由此堅固精進自誓願力，定能於彼廬至佛前，宿世所集諸惡業障皆悉消滅，定能發起增上信敬親近供養廬至如來，定能永斷一切煩惱成阿羅漢，或定能證三摩地門殊勝功德」。時，諸聲聞及菩薩眾，歡喜禮佛，還復本座。

(Kinh: Khi ấy, các vị Thanh Văn và Bồ Tát cùng lúc bạch Phật: “Kính vâng đức Thế Tôn! Chúng con chắc chắn sẽ ở nơi vị Phật Lô Chí tối hậu, đạt được chánh kiến, lìa các tà kiến, diệt sạch các ác nghiệp chướng chướng sót, giải thoát hết thảy các khổ não. Dẫu cho chúng con trong Đại Hiền Kiếp, thường ở trong đại địa ngục Vô Gián, luôn thọ các thứ khổ não cực nặng, cũng có thể kham chịu”. Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể dũng mãnh như thế. Các ông do sức tự thệ nguyện kiên cố tinh tấn này, chắc chắn sẽ ở nơi Lô Chí Phật, các nghiệp chướng ác đã tích tập trong đời trước thảy đều tiêu diệt, chắc chắn sẽ phát khởi lòng tín kính tăng thượng, thân cận, cúng dường Lô Chí Như Lai, chắc chắn sẽ có thể vĩnh viễn đoạn trừ hết thảy phiền não, thành A La Hán, hoặc chắc chắn có thể chứng công đức thù thắng nơi tam-ma-địa môn”. Khi ấy, các Thanh Văn và các vị Bồ Tát hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).

Chúng ta hãy khéo suy xét, nhất định phải quan sát như vậy, phải làm như vậy. Đối trước Lô Chí Phật, tức vị Phật cuối cùng [trong Hiền Kiếp] mà sám hối thanh tịnh. “Hoạch đắc chánh kiến, ly chư tà kiến, chư ác nghiệp chướng tận diệt vô dư” (Đạt được chánh kiến, lìa các tà kiến, các nghiệp chướng ác đều tận diệt, chẳng còn sót), tiêu diệt hết sạch tất cả các ác nghiệp chướng, chẳng còn tồn tại nữa. “Vô dư” (無餘) là chẳng còn gì nữa. “Giải thoát nhất thiết chúng khổ não giả” (Giải

thoát hết thảy các khổ não): Các nỗi khổ trong tam đồ, cho đến Kiến Tư phiền não, Trần Sa đều có thể giải thoát, nhưng vẫn chưa đoạn vô minh. “*Diệt năng kham nhẫn*” nghĩa là có thể chịu đựng, có thể tiếp nhận hết thảy các pháp sanh vô lượng nghĩa. Khi đó, sẽ thật sự trở thành đại pháp khí. Phải tới khi Lô Chí Phật xuất thế thì mới sám hối hết sạch, họ mới có thể thành Phật.

Đối với công đức của mỗi vị Phật được nói trong phẩm Xưng Phật Danh Hiệu của kinh Địa Tạng, nếu nói riêng từng vị sẽ rất dài. Chúng ta lễ lạy hằng ngày, mỗi ngày tối thiểu lạy một lượt, quý vị phải khéo hồi hướng, phải phát nguyện, đừng nên bỏ lỡ. Mỗi vị Phật đều như thế, đều có nhân duyên để gọi bằng danh hiệu Đại Thông Như Lai²³, quý vị có thể thấy vô lượng ức Phật thọ ký cho quý vị cho đến khi thành Phật.

Đây là chúng ta bái sám vị Phật cuối cùng [trong phẩm kinh ấy], tức Đại Thông Như Lai, phải nên tác ý. “*Tác ý*” là quý vị phải nên quan sát, phải tư duy, phải suy tưởng, đối với công đức đáng đạt được, đừng nên bỏ lỡ. Khi đáng nên sám hối tội lỗi, cũng đừng nên bỏ lỡ. Đây là công đức. Hơn nữa, tội ác và công đức hai đằng đều không có, phép Quán ấy là Bát Nhã Quán. Các pháp đều là duyên khởi, duyên khởi tánh Không. Xét theo bản thể hoặc pháp tánh, chúng đều chẳng tồn tại. Nhiệm là nói đối lập với tịnh, tội ác là nói đối lập với công đức. Cũng chẳng có công đức, mà cũng chẳng có tội ác. Các pháp tương đối ấy trọn chẳng có, nhưng quý vị ắt cần phải chứng đắc địa vị ấy thì mới có thể nói như thế! Chẳng đạt tới mức độ ấy, [nói suông kiểu đó] sẽ là rỗng tuếch. Tội tất quý vị mấy cái nổ đom đóm, chửi quý vị dăm câu, quý vị chẳng thể nào coi là Không được! Có Không nổi hay chẳng? Không chẳng nổi! Nếu ba ngày chúng tôi chẳng cho quý vị ăn cơm, quý vị đói bụng, một mực kêu gào âm ỉ; vài ngày không uống nước, quý vị chịu nổi hay không? Quý vị nói Không, thân thể của ta đều là Không, tới lúc đó, quán chẳng thành, Không chẳng nổi! Đã chẳng Không được, sẽ chịu khổ liền! Phải hiểu đạo lý này, lấy ngay chuyện này làm tỷ dụ. Quý vị đã phạm tội, hoặc là hiện thời phải thọ báo, chẳng “chích ngừa”, đến lúc đó, nhất định sẽ phải hứng chịu. Vì sao Đại Bồ Tát đến hóa độ chúng sanh?

²³ Danh hiệu đầy đủ của vị Phật này là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Đúng ra, vị Phật cuối cùng trong phẩm kinh ấy là Nguyệt Diện Phật, nhưng vì Ngài được nói gộp chung với Tịnh Nguyệt Phật, Sơn Vương Phật, Trí Thắng Phật, Tịnh Danh Vương Phật, Trí Thành Tụ Phật, Vô Thượng Phật, Diệu Thanh Phật, Mãn Nguyệt Phật cho nên không nói riêng. Đại Thông Sơn Vương Phật là vị Phật cuối cùng được nói riêng công đức.

Các Ngài chẳng bị chúng ta huân nhiễm, đã “chích ngừa”, đã phòng thủ cái tâm kỹ càng! Tâm các Ngài là Không, đây mới là Chân Không, trọn chẳng phải là cái Không như kiểu chúng ta. Pháp Đại Thừa là liễu nghĩa, nhưng khi quý vị chưa chứng đắc, sẽ chẳng dấy lên tác dụng, quý vị chẳng thể sử dụng được. Vì chẳng dùng được, quý vị mới ăn nói lớn lối!

Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thể làm chủ cho những người ấy, nói “được lắm, các vị sám hối với tôi là được rồi. Tội nghiệp của quý vị đã thanh tịnh”? Ngài trọn chẳng nói như thế. Ngài biết quý vị cần phải rèn giũa dần dần, vì quý vị hoàn toàn chẳng đạt tới cảnh giới đó.

Như chúng ta, ngay cả tín tâm cũng chẳng trọn đủ, phải tu từ từ. Sở dĩ tôi nói “*tu từ từ*” là vì quý vị quá tinh tấn! Chúng ta hễ nói “*tinh tấn tu*”, [bèn lập tức hiểu lầm] là chuyện gì cũng chẳng làm, cứ bái sám mà thôi! Ai cho quý vị cơm ăn? Hòa thượng tự mình ở trong sơn động tu hành, chẳng lợi ích người khác, cũng chẳng giúp đỡ người khác, làm sao người khác giúp quý vị cho được? Đều là trao đổi lẫn nhau! Tuy chẳng phải là [đổi chác] ngang giá, nhưng tự nhiên có ý nghĩa này! Tăng nhân phải làm công đức, ngay cả ăn cơm cũng phải hồi hướng cho người ta. Ăn uống, ngủ nghỉ, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, cũng đều phải nghĩ tới kẻ khác, luôn hồi hướng cho họ. Nói đến chuyện đi vệ sinh, chớ nên hồi hướng u? Đi vệ sinh càng phải cần [làm như thế]. Khi bước vào phòng vệ sinh, quý vị bèn phát nguyện “*đương nguyện chúng sanh, khi tham, sân, si, quỳên trừ tội pháp, nhất thiết thanh tịnh*” (nguyện cho chúng sanh, bỏ tham, sân, si, trừ sạch tội pháp, hết thảy thanh tịnh). Khi tiến vào đó, tội ác gì ta cũng đều bỏ sạch, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều vứt bỏ tham, sân, si, chứng đắc Niết Bàn. Ngay cả ở nơi đó, vẫn chẳng buông lung. Đi, đứng, nằm, ngồi, suốt ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, bất cứ lúc nào cũng đều phát nguyện, nguyện cho chúng sanh thành Phật, luôn luôn sám hối, sám hối tội nghiệp!

Nguyện thứ tư trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: Nếu tội của chúng ta mà có hình tướng, thế giới này chẳng thể chứa đựng nổi. Hư không đều nứt vỡ. Còn may là tội chẳng có hình tướng, là Không. Hãy hiểu đạo lý này. Do vậy, khi sám hối tội lỗi, ắt phải dựa theo đại nguyện vương thứ tư trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện để sám hối; tùy hỷ công đức thì phải dựa theo đại nguyện thứ năm để tùy hỷ.

(Kinh) Nhữ thời, Thế Tôn cáo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thiện nam tử! Ngã dĩ Phật nhãn quán chư thế gian, kiến

vi lai thế, thử Phật độ trung, hữu vô lượng, vô số bách thiên câu-chi na-dữu-đa Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa môn Chiên-đồ-la, Phiệt-xá Chiên-đồ-la, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, nhược nam, nhược nữ, thiếu chủng thiện căn, tuy đắc nhân thân, nhi tùy ác hữu, khởi chư tà kiến, tạo chư ác hạnh, hoại ngã thậm thâm vô thượng chánh pháp. Ư ngã sở thuyết vô hữu xí nhiên, diệt xí nhiên pháp, bất sanh tín nhạo, hoặc u ngã thuyết dữ Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc u ngã thuyết dữ Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc u ngã thuyết dữ Vô Thượng Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc u quy ngã chư xuất gia nhân, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, đa hành phân hận, ha mạ, hủy nhục, cơ thích, khinh tiếu, chủng chủng phỉ báng, ẩn thiện, dương ác, quảng thuyết nãi chí khởi khinh mạn tâm, chủng chủng xúc não. Như thị chư nhân, phi thánh pháp khí, tự thật ngu si, hoài thông minh mạn, từng thử mạng chung, đọa tam ác thú, thọ vô lượng chủng tăng thượng mãnh lợi, nan nhẫn khổ độc, kinh u vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa kiếp nan phục nhân thân, như tiền quảng thuyết.

(經)爾時，世尊告金剛藏菩薩摩訶薩言：「善男子！我以佛眼觀諸世間，見未來世此佛土中，有無量無數百千俱胝那庾多刹帝利旃荼羅、婆羅門旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、長者旃荼羅、沙門旃荼羅、吠舍旃荼羅、戍達羅旃荼羅，若男若女，少種善根，雖得人身，而隨惡友，起諸邪見，造諸惡行，壞我甚深無上正法。於我所說無有熾然，滅熾然法，不生信樂，或於我說與聲聞乘相應正法，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或於我說與獨覺乘相應正法，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或於我說與無上乘相應正法，誹

謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或于歸我諸出家人，若是法器，若非法器，多行忿恨，呵罵毀辱，譏刺輕誚，種種誹謗，隱善揚惡，廣說乃至起輕慢心種種觸惱。如是諸人，非聖法器，自實愚癡，懷聰明慢，從此命終墮三惡趣，受無量種增上猛利難忍苦毒，經於無量百千俱胝那庾多劫難復人身，如前廣說。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay thiện nam tử! Ta dùng Phật nhãn xem các thế gian, thấy trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có vô lượng vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa môn Chiên-đồ-la, Phiệt-xá Chiên-đồ-la, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, dù nam hay nữ, ít gieo căn lành, tuy được làm người, nhưng theo bạn ác, dấy lên các tà kiến, tạo các ác hạnh, phá hoại chánh pháp vô thượng rất sâu của ta. Đối với các pháp “[khiến cho phiền não] chẳng hừng hực, diệt [phiền não] hừng hực” của ta chẳng sanh lòng tin ưa, hoặc đối với chánh pháp tương ứng Thanh Văn Thừa do ta đã nói, bèn phỉ báng, khinh miệt, hủy hoại, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc đối với chánh pháp tương ứng Độc Giác Thừa do ta đã nói, bèn phỉ báng, khinh miệt, hủy hoại, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc đối với chánh pháp tương ứng Vô Thượng Thừa do ta đã nói, bèn phỉ báng, khinh miệt, hủy hoại, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc đối với những người xuất gia quy y pháp của ta, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thường làm nhiều chuyện phẫn hận, quở trách, chửi bới, hủy nhục, gièm chê, châm chọc, khinh rẻ, coi thường, đủ thứ phỉ báng, ẩn giấu điều thiện, phô phang thói ác. Nói rộng là cho đến dấy lòng khinh mạn, đủ mọi cách xúc phạm, não loạn. Những kẻ như thế chẳng phải là pháp khí của các địa vị thánh nhân, tự mình thật sự ngu si, tự phụ thông minh, từ đó cho đến khi mạng chung, đọa vào ba đường ác, hứng chịu vô lượng thứ khổ độc tăng thượng, mạnh mẽ, khó thể chịu đựng, trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp khó lại được thân người như trong phần trước đã nói cặn kẽ).

Trong phần trước đã nói: Hễ tạo nghiệp hủy báng Tam Bảo, báng bỏ pháp do đức Phật đã nói, có khi là Đại Thừa, có khi là Độc Giác Thừa, có khi là Thanh Văn Thừa. Hủy báng lẫn nhau, cho đến đối với người xuất gia, hoặc là bậc trì giới, tu hành tốt đẹp, hoặc kẻ chẳng tu hành, phá giới, đều nã hại họ, sanh khởi đủ cách hãm hại. Như thế thì sẽ tạo rất nhiều ác nghiệp; trong phần trên đã có rất nhiều loại chúng sanh hướng về đức Phật sám hối. Đức Phật liền thọ ký cho họ, nói: Các vị sám hối, phải cho đến khi đối trước Phật Lô Chí [là vị Phật cuối cùng] trong một ngàn vị Phật [thuộc Hiền Kiếp] thì mới có thể sám hối thanh tịnh các ác nghiệp đã tích tụ trong đời trước. Trong thế gian này, thời gian một ngàn vị Phật [lần lượt xuất thế] cũng rất dài. Trong phần trước, tôi đã nhắc đến tam thiên đại thiên thế giới và tiểu kiếp, trung kiếp, một đàng là nói về nơi chốn, một đàng nói về thời gian. Còn có một cách nói nữa: Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp. Tức là [mỗi giai đoạn] “thành, trụ, hoại, không” đều kéo dài hai mươi tiểu kiếp. Trụ là hai mươi tiểu kiếp, Hoại là hai mươi tiểu kiếp, Không là hai mươi tiểu kiếp. Cấu tạo của địa cầu hoàn toàn chẳng thể hình thành trong thời gian ngắn ngủi được!

Các nhà khoa học hiện thời nói tinh cầu là do các tinh vân (Nebula) sanh khởi tác dụng giao kết mà hình thành. Tác dụng giao kết ấy nếu thành tựu thì gọi là Thành Kiếp, cần thời gian dài bao lâu? Kinh Phật nói là hai mươi tiểu kiếp. Các nhà khoa học trọn chẳng nói cần bao nhiêu kiếp; tùy thuộc địa cầu ấy dần dần từ bé đến lớn. Từ bé đến lớn, [phát triển dần dần] như thế đó. Vì sao khi địa cầu này đã thành tựu, nhìn từ bên ngoài, tức là nhìn từ phi thuyền vũ trụ thì tinh cầu là màu lam. “Không” đương nhiên là chẳng có. Không thì họ chẳng thấy, Không thì căn bản là chẳng có hình tướng. Vì sao quả địa cầu của chúng ta là màu lam? Địa cầu bao quanh bằng nước, địa cầu xoay chuyển. Xét theo toàn thể, chỉ có thể thấy biển, chỉ trông thấy nước. Do vậy, nhìn từ bên ngoài, sẽ là màu lam. Đối với “thành, trụ, hoại, không”, nay chúng ta đang thuộc Trụ Kiếp, [do địa cầu] đã sớm thành tựu từ lâu rồi. Dẫu động đất, thủy tai, hỏa hoạn rất nhiều, hiện thời vẫn chưa đến lúc địa cầu hư hoại, những thứ ấy là tiểu tam tai. Lúc có đại tam tai, địa cầu sẽ bắt đầu hư hoại.

Kinh Địa Tạng dạy: Tạo tội nghiệp trên quả địa cầu này, khi địa cầu hư hoại, có phải là ta chẳng chịu khổ quả trong địa ngục nơi địa cầu nữa ư? Chẳng phải vậy, [tội nhân đang chịu khổ trong địa ngục] sẽ dời sang thế giới ở phương khác. Ai dòi? Nghiệp của chính quý vị chuyển

dời. Thế giới đó hư hoại rồi, lại chuyển sang thế giới khác. Đợi cho đến khi thế giới này thành tựu, vì quý vị thuộc vào thế giới này, tạo tội thì vẫn phải trở về thế giới này. Vậy là thành, trụ, hoại, không, mỗi giai đoạn đều trải qua hai mươi tiểu kiếp. “*Kiếp*” được luận đoán như thế nào? Cũng là dựa theo thọ mạng của con người để luận đoán. “*Thành*” cũng chẳng phải là thành ngay lập tức, mà Hoại cũng chẳng phải là hoại ngay lập tức, mỗi giai đoạn đều trải qua quá trình hai mươi tiểu kiếp. Nếu dùng số lượng năm để tính toán, sẽ cần thời gian bao nhiêu ức triệu năm? Nếu chúng ta đã sám hối tội thanh tịnh rồi, sẽ có thể tăng thượng tín tâm. Nay chúng ta đang thuộc giai đoạn tăng thượng tín tâm, chỉ có thể nói là tín, chỉ có thể tùy thời gia tăng tín tâm của chúng ta. Nhưng tín tâm của chúng ta chẳng kiên định, vẫn chẳng có cội rễ. Tín tâm ấy có thể bị phá hoại bất cứ lúc nào, chẳng cần đợi đến đời sau.

Hiện thời, có rất nhiều đạo hữu mà tín tâm của họ có thể bị phá hủy bất cứ lúc nào, nầy sanh biến hóa, chẳng sanh khởi cái tâm tín kính, tức là chẳng gặp gỡ thiện tri thức. Tuy Phật, Bồ Tát, La Hán vẫn ở trong thế giới này, nhưng quý vị vô duyên, do vô duyên nên chẳng thấy được. Vì chúng ta ở trên thế giới này, trong năm mươi, sáu mươi ức nhân khẩu, chúng ta có khả năng tiếp xúc hoặc quen biết bao nhiêu người? Mọi người [hiện diện ở nơi đây] đều từ Đài Loan tới, Đài Loan có hai ngàn ba trăm vạn nhân khẩu, quý vị quen biết bao nhiêu người? Quý vị tính toán xem, chẳng được bao nhiêu! Vì sao? Họ vô duyên với quý vị. Tuy cùng ở trên địa cầu, thuộc cùng một điều kiện sanh tồn, nhưng vô duyên, tức là chẳng có duyên tiếp xúc với họ. Ngay cả mèo, chó, súc sanh, hoặc lũ kiến, quý vị trông thấy đều là hữu duyên! [Các chúng sanh] quý vị chẳng thấy quá nhiều! Ngay cả cái duyên trông thấy cũng chẳng có. Ngay cả cái duyên nghe thấy cũng chẳng có. Kinh Địa Tạng đã dạy rất nhiều, khi người khác thọ khổ vì tội nghiệp, quý vị chẳng trông thấy. Vì quý vị chẳng có duyên với người ấy, quý vị cũng chẳng nghe thấy. Ngay cả cái duyên thấy hay nghe cũng đều chẳng có. Vì sao? Vì quý vị chẳng có cái nghiệp ấy. Quý vị nghĩ chúng ta có cái nghiệp ấy, mong trốn tránh, nhưng trốn chẳng thoát, tuyệt đối chẳng thể trốn thoát nổi!

Vào thời điểm Đại Lục nội chiến, có một nhóm người tới Đài Loan, có người không rời đi. Người trong cùng một nhà, có người đến đây một hai người, có một nửa ở lại Đại Lục, những điều ấy cũng đều là có nhân duyên. Có người đã sắp lên thuyền, sắp tới nơi, thuyền chìm! Tôi có một đạo hữu, rất tin Phật. Trước kia ông ta làm chuyên viên ở Ninh Ba, về sau làm chủ tịch tỉnh Liêu Ninh. Cả chiếc thuyền ấy toàn là

người của Quốc Dân Đảng, đều là các nhân vật từ cấp sảnh trưởng²⁴ trở lên, mang theo rất nhiều tài sản. Có thể là đem theo quá nhiều vàng, thuyền chở quá nặng, vừa ra khỏi cảng Thượng Hải, đến chỗ tiếp giáp với Ninh Ba thì đã bị chìm lìm! Tôi đến Bắc Kinh tìm em trai của người ấy, tôi hỏi chuyện, người ấy bảo tôi: “Cả nhà anh tôi, ngay cả chị dâu tôi dẫn theo con cái toàn bộ đều chết chìm hết”. Em trai ông ta chẳng đi, do chẳng đi, bèn ở lại Bắc Kinh. Nhân duyên ấy là do vận mạng của họ khác nhau!

Có lúc tôi bảo các đạo hữu: “Quý vị sanh chín đứa con, một mẹ sanh chín con, chín đứa con mỗi đứa mỗi khác. Mỗi đứa có vận mạng riêng, chẳng cần phải quá bận tâm”. Vì chẳng có cái duyên ấy, quý vị có miễn cưỡng cũng chẳng được! Hễ có cái duyên ấy, tự nhiên sẽ thành thực. Nghiệp duyên ấy, nếu quý vị sám hối, tội lỗi thanh tịnh, đức Phật thọ ký những người ấy đến lúc Lô Chí Phật (Rucika) xuất thế, sám trừ tội lỗi sạch sẽ, có thể đoạn phiền não. Đã đoạn phiền não rồi bèn thành tựu quả A La Hán, hoặc chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa. Các vị Thanh Văn và Bồ Tát ấy hoan hỷ lễ Phật, được thọ ký, họ vui mừng, chẳng còn đọa vào tam đồ nữa! Vì mỗi vị Phật xuất thế, họ nhất định sẽ được gặp gỡ; nếu không, đức Phật sẽ chẳng nói. Một ngàn vị Phật xuất thế, nơi mỗi đức Phật, quý vị đều sám hối như thế, cũng đều nói như thế.

Đức Phật thọ ký cho những người ấy xong, lại bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát: “Thiện nam tử! Ta dùng Phật nhãn, thấy nơi cõi Phật này trong đời vị lai, có vô lượng vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương nhiều ngàn ấy. [Số lượng] trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa ấy, không chỉ riêng Chiên-đồ-la vương, tức ác vương, mà còn có ác Bà-la-môn, ác tể quan, ác cư sĩ, ác trưởng giả, cho đến ác sa-môn, phá giới sa-môn, bại hoại sa-môn, sa-môn chửi bới sa-môn càng dữ dằn hơn, sa-môn phá hoại chùa miếu càng khốc liệt hơn. Những kẻ đó là ma con, ma cháu do Ba Tuần phái đến. Bọn chúng đến phá hoại Phật giáo, tận lực phá hoại! Trước mắt, nhìn vào các đảng phái, thậm chí là trong Phật giáo chúng ta, khi đảng phái hoặc tổ chức, tập

²⁴ Sảnh trưởng (廳長, đúng ra phải đọc là Thính Trưởng, nhưng do thói quen ta vẫn quen đọc là Sảnh Trưởng) là người đứng đầu một cơ quan hành chính trực thuộc cấp tỉnh, hoặc thành phố, tương đương với ty trưởng. Sảnh trưởng cũng là chức vụ đứng đầu các phân ban chuyên môn trực thuộc Quốc Vụ Viện (phủ Thủ Tướng) theo quy chế của Hoa Lục, tương đương chức cục trưởng.

đoàn nào đó bị sụp đổ thì họ bị sụp đổ như thế nào? Trong tập đoàn của họ thối nát trước rồi mới bị hư hoại, hoàn toàn chẳng phải là do bên ngoài [nhúng tay]. [Nội bộ] công kích lẫn nhau, sau đó là thối ruỗng. Phật giáo cũng như thế. Khi Phật giáo sắp tới lúc bị tiêu diệt, ai diệt? Chính đệ tử Phật hủy diệt! Tứ chúng đệ tử đều có phần, phá hoại lẫn nhau. Tới lúc đó, Phật pháp chẳng còn nữa. Do vậy nói tới những gã Chiên-đồ-la cũng chẳng hiếm có tí nào cả, luôn luôn hiện hữu! Thậm chí giới thương nhân trong bốn chủng tánh, Phiệt-xá là thương nhân hoặc nông dân, Thú-đạt-la làm nghề đồ tể, cho đến tạo ác nghiệp, tức những kẻ tạo ác nghiệp, bất luận nam hay nữ, thiện căn rất ít, hoàn toàn chẳng phải là tuyệt đối không có. Gieo thiện căn ít ỏi, người gieo thiện căn, trước sau đều khác nhau. Nếu là đạo hữu tại gia, thuở đầu chẳng ăn mặn, có những người sanh ra đã chẳng ăn mặn, hoặc là sau khi xuất gia, kiêng ăn mặn, chẳng ăn nữa, đến tuổi già lại ăn mặn!

Có rất nhiều người tu hành, bình thường rất tinh tấn dụng công, tới lúc sắp viên tịch, nghiệp chướng gì cũng đều phát hiện, mà cũng chẳng trì giới. Rất nhiều sự nghiệp đều không làm! Do bị bệnh khổ hành hạ, nghe người ta nói ăn thịt có thể trị lành bệnh, người đó liền ăn thịt. Muốn người đó làm gì, người đó liền phạm ngay! Đối với nghiệp, chẳng tự chủ được, chính mình chẳng làm chủ được. Tôi thấy rất nhiều đạo hữu, suốt đời khổ tu trong núi, tới lúc lâm chung, vẫn không buông xuống được, nghiệp chướng gì cũng đều phát hiện. Đó gọi là “*vứt sạch công lao trước kia*”. Tuy đã gieo chủng tử, đã gieo công đức, nhưng dứt sạch công lao trước kia, chuyện này chẳng phải hiếm hoi, lạ lùng tí nào! Dùng Phật nhãn để quán, [sẽ thấy] khi tới đời Mạt, thiện căn của những người đó chẳng đầy đủ, chẳng sâu, lại còn gieo [thiện căn] quá ít. Tuy được làm thân người, chuyển thế làm người, vẫn có thể trở thành đệ tử của Tam Bảo.

Trong đời Mạt Pháp, trong Tam Bảo, đặc biệt là trong tứ chúng đệ tử, tức tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, những vị thật sự phát tâm Bồ Tát thì chính là bậc đại Bồ Tát, cũng có người thật sự phát tâm Thanh Văn, thành A La Hán, cũng có người thật sự là A Tu La. Họ khuấy nháo nhào thiện nghiệp, lồi quý vị đọa xuống, lồi quý vị đọa lạc tam đồ, biến thành ma vương. Vì sao họ lồi kéo ngay trong Tam Bảo? Vì kẻ thuộc vào Tam Bảo, ít nhiều đều có thiện căn, cho đến lúc tuổi già, khi suy hoại, vẫn còn có phước báo, phước báo do tu tập trước kia vẫn còn có, kẻ đó có thể chẳng đọa vào tam đồ, chuyển sang ma vương giới, trở thành ma tử, ma tôn (ma con, ma cháu), tăng thêm đội ngũ cho hẳn

(Ba Tuần). Hấn chỉ tìm kiếm đệ tử trong Tam Bảo, vì những kẻ đó mới có tư cách sanh lên cõi trời. Muốn sanh vào đội ngũ của Ba Tuần, cũng cần phải có Thập Thiện Nghiệp. Chẳng có Thập Thiện Nghiệp, sẽ chẳng thể sanh về đó được. Tuy là ma, ma cũng phải có phước. Chẳng có phước thì làm sao có thể hưởng thụ cho được? Hiểu đạo lý này là được rồi!

Bởi lẽ, mục đích tu hành của chúng ta là chẳng làm ác. Ta suốt đời làm việc thiện, tới lúc lâm chung lại làm ác, hoặc là bị bạn ác dụ dỗ, hoặc là lục thân quyến thuộc của quý vị trong quá khứ, họ có ác nghiệp rất nặng. Những kẻ đó có thể lôi kéo quý vị, muốn kéo quý vị vào đường đó để cùng xum vầy với họ. Tuy được làm thân người, nhưng bị kẻ ác xoay chuyển, sanh khởi tà tri, tà kiến. Có rất nhiều người trong các đệ tử chúng ta, bất luận tại Đài Loan hay Đại Lục, cũng đều là như thế! Gặp lúc có quan hệ lợi hại, trong lúc phải chọn lựa, họ dùng con mắt thịt để xem xét, đi theo đường nào sẽ có lợi, [họ chẳng do dự, chọn ngay con đường đó]: Câu kết với kẻ quyền thế, câu kết với kẻ có tiền có thế, câu kết quan lại, ức hiếp hòa thượng tốt lành. Chuyện kiêu này, kể từ khi tôi xuất gia tới nay, đã thấy quá ư là nhiều. Kẻ đó có thể làm rất nhiều ác hạnh, tạo ác nghiệp, phá hoại chánh pháp vô thượng rất sâu của đức Phật. Phật pháp thì bất luận pháp nào cũng đều là liễu sanh tử, đều là “liạ khổ, được vui”, đều là đoạn phiền não. Đối với các pháp do đức Phật đã nói, quý vị đều chẳng phân biệt gì, Hiển, Mật, Đại, Tiểu, chỉ cần quý vị đạt được đôi chút, nương theo pháp ấy để làm, quý vị sẽ có thể đạt được, có thể giải thoát, có thể đoạn phiền não!

Dầu Phật pháp sâu xa, tốt đẹp đến mấy, nếu vẫn chẳng hành được, một tí thọ dụng cũng chẳng có, thì sẽ chẳng mấy may nào dính líu tới quý vị. Làm như thế nào để có thể thực hiện được? [Ngay cả] niệm một tiếng Phật hiệu mà quý vị cũng chẳng thể làm được, luôn chẳng thể kiên trì một dạ, còn nói đến quán tưởng rất sâu chi nữa! Cho đến tu hành, làm sao tu cho nổi? Tín tâm kiêu ấy chẳng thể vun bồi được, chẳng thể thành tựu tín tâm! Vậy thì sẽ như thế nào? Pháp do đức Phật đã nói chẳng thể sanh khởi tươi tốt, chỉ có thể khiến cho Phật pháp dần dần bị diệt mất, chẳng thể hưng thịnh. Chánh pháp giống như lửa, hề hừng hực sẽ khiến cho người khác cảm thấy ấm áp. Nếu dần dần diệt mất, sau khi đã bị diệt rồi, sẽ khiến cho quý vị chẳng nẩy sanh lòng tin ưa. Đã chẳng có tín tâm thì cái tâm vui sướng cũng chẳng thể dấy lên được.

“Hoặc ư ngã thuyết dĩ Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, khinh hủy” (Hoặc đối với chánh pháp tương ứng với Thanh

Văn Thừa do ta đã nói mà phỉ báng, khinh hủy): Có những người nghe Khổ, Tập, Diệt, Đạo, liền phát tâm. Họ nghe, thấy thế gian là khổ. Khổ do đâu mà có? Do quý vị đã tạo nghiệp, do quý vị đã tạo ra cái nhân gây khổ. Ác nhân của quý vị ngưng dứt, khổ sẽ ngừng. Nếu quý vị tận lực làm (tạo nghiệp), khổ sẽ vĩnh viễn chẳng ngừng. Đạo lý này rất đơn giản, ai nấy đều biết, nhưng thực hiện rất khó khăn. Thanh Văn Thừa là như thế, mà Duyên Giác Thừa cũng như thế. Trong phần trước, [kinh Đại Tập] đã nói rất rõ ràng, đặc biệt là đối với phi pháp khí bèn có sự lựa chọn. Kim Cang Tạng Bồ Tát nói phi pháp khí đã là phá hoại, có sao đức Phật dạy vẫn phải cung kính họ? Vẫn muốn cho hết thảy mọi người cung kính, cúng dường những kẻ đó? Vì những kẻ đó vẫn có thể làm công đức.

Trong thời đại Mạt Pháp, muốn tìm một vị tỳ-kheo thanh tịnh, chẳng tìm được! Ngẫu Ích đại sư đã nói như thế, mà pháp sư Hoàng Nhất cũng nói như thế. Ngẫu Ích đại sư đã thoái giới tỳ-kheo, thọ giới lần nữa. Thật ra, lần đầu tiên Ngài không đắc giới, cho nên cũng chẳng có cái gọi là “*thoái giới*”. Vào cuối thời Minh, đầu đời Thanh, muốn tìm năm vị tỳ-kheo thanh tịnh, sẽ chẳng thể tìm được. Phải có đủ năm vị thuyết giới thì quý vị mới có thể đắc giới. Ngẫu Ích đại sư còn nói: “*Từ thời Nam Tống trở đi, chẳng có năm vị tỳ-kheo thanh tịnh*”, có nghĩa là thời đại của chúng ta khá ác!

Đức Phật nói trong đời tương lai, trong cõi Phật này, sẽ có vô lượng, vô số, con số khá nhiều, trên cả ức triệu. Không chỉ là trong thế giới này, không chỉ là Nam Thiệm Bộ Châu, mà còn có rất nhiều thế giới Sa Bà, rất nhiều bộ châu. “*Phật độ*” trong chánh kinh là nói tới cõi Phật nào? Thế giới Sa Bà Phật độ, chẳng phải là một cuộc đất bé tí Nam Thiệm Bộ Châu của chúng ta, cho nên mới có nhiều như vậy. Tính toàn bộ người trên Nam Thiệm Bộ Châu, một triệu cũng không có, vì một triệu là mười ức, có con số mười ức [Chiên-đồ-la vương] hay không? Ngài nói đến vua Chiên-đồ-la, mỗi nước chỉ có một Chiên-đồ-la vương. Vậy mà hấn phá hoại chánh pháp. Đối với tam thừa, bất luận là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, hay Vô Thượng Thừa, hấn đều phỉ báng, khinh hủy, chướng lấp, ản giấu, chẳng cho lưu truyền. Thậm chí đối với người xuất gia trong pháp của ta, dù là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, “*đưa hành phần hận, ha mạ, hủy nhục, cơ thích, khinh tiếu, chửi chửi phỉ báng, ản thiện, dương ác*” (làm nhiều chuyện phần hận, quở trách, chửi bới, hủy nhục, gièm chê, châm chích, khinh rẻ, đủ loại phỉ báng, ản giấu điều lành, phô bày điều ác).

Những kẻ ấy vốn rất ngu si. “Ngu si” ở đây có nghĩa là họ chẳng hiểu biết Phật pháp. Đó là ngu si. Họ cho rằng chính mình rất thông minh. Đối với pháp thế gian, họ gây tạo âm mưu, quỷ kế, đấu đá chánh trị, tự nghĩ chính mình rất thông minh, nhưng đối với Phật pháp, họ chẳng thông minh! Vì thế, “ngu si” là nói theo kiểu đó. Vì lẽ đó, họ phá hoại Tam Bảo, hủy diệt Tam Bảo. Cho đến sau khi họ mạng chung, đọa vào ba ác đạo, hứng chịu vô lượng thứ khổ sở dữ dội tăng thượng, khó thể chịu đựng! Các thứ hình cụ thọ khổ số đến vô lượng. Mọi người niệm kinh Địa Tạng sẽ biết. Quý vị nói chúng ta chịu khổ trong nhân gian đủ loại, đủ cách. Tuy vậy, chúng ta chẳng có cảnh đao chặt, lửa đốt, chẳng khổ sở kiểu ấy! Chúng ta quán chiếu đôi chút nỗi đau khổ trong nội tâm của chính mình, bất luận là ai, trừ phi quý vị đã đoạn phiền não. Đoạn Kiến Hoặc, thì vẫn còn đau khổ vì Tư Hoặc. Tư Hoặc đã đoạn hết, thì còn có nỗi thống khổ của Trần Sa và Vô Minh. Có ai chẳng khổ? Chỉ có Phật và Phật mới chẳng khổ, đạt được vui sướng rốt ráo; ngoài ra, toàn là khổ. Hàng Nhị Thừa chịu nỗi khổ Phần Đoạn Sanh Tử, tức là thọ mạng có từng giai đoạn một, chết đây, sanh kia, [rồi lại] sanh đây, chết kia, đấy gọi là nỗi khổ Phần Đoạn Sanh Tử. Hàng Nhị Thừa sau khi đã chứng quả, thì có nỗi khổ Biến Dịch Sanh Tử, trong Chân Thường hãy còn sót lại vô minh. Hắc ám, Biến Dịch Sanh Tử khổ, ắt cần phải đoạn hai mươi loại khổ theo thứ tự, lên bờ Tam Đức, thì mới có thể thật sự chứng đắc Pháp Thân, sự khổ ấy mới có thể diệt. Nếu không, sẽ luôn ở trong Khổ.

Do vậy, hứng chịu vô lượng các thứ khổ. Theo cái quả [của các sự khổ] ấy, càng trong lúc khổ, thì càng khó thể làm lành. Khi con người bị khổ sở bức bách, thiện tâm chẳng thể sanh khởi nổi, chỉ có thể nghĩ cách giải trừ thống khổ: “Ta muốn giải trừ thống khổ, ắt cần phải giá họa cho người khác!” Ở trong nhà tù, chúng ta nghĩ như vậy đó. Có những kẻ hằng ngày rình rập trình báo [cho cai ngục] để làm gì? Kẻ đó mong giải trừ thống khổ của chính mình, tính đem người khác thay thế. Ở nơi đó, có một khẩu hiệu: “Nếu người muốn tạo dựng hạnh phúc thì phải tạo lập trên nỗi đau khổ của kẻ khác. Nếu không, sẽ chẳng thể tạo dựng được!” Chúng tôi đã nói, những kẻ đó ba ngày mà không hại được ai, sẽ đi lại ủ rũ, cơm cũng chẳng thể nuốt trôi nổi, nói không nên lời! Kẻ đó chẳng hại người, sẽ chẳng có cách nào hết, tinh thần ủ dột. Hành vi ác hấn đã tập quen thành tánh. Như thế bèn chịu khổ, hứng chịu vô lượng sự khổ độc mạnh mẽ khó thể chịu đựng. Phải mất thời gian bao lâu? Vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp, nhiều ngàn ấy! Chúng tôi không nói là đại

kiếp, dầu tính bằng tiểu kiếp thì thời gian ấy cũng cực dài! Trong thời gian dài ngàn ấy, mong khôi phục thân người, khó lắm! Chẳng thể khôi phục nổi. Trong phần trước đã nói rất nhiều, đã nói cặn kẽ, chẳng nhắc lại nữa!

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị chúng sanh, ninh xử Vô Giác đại địa ngục trung, thọ chư trọng khổ, bất thọ như thị bỉ ác nhân thân, kiêu mạn, cống cao, tùy thuận ác hữu, tạo tác như thị ác bất thiện nghiệp, lưu chuyển sanh tử, nan khả tế độ, thường xử sanh tử, thọ chư khổ não!

(經)善男子! 如是眾生, 寧處無間大地獄中受諸重苦, 不受如是鄙惡人身, 憍慢貢高, 隨順惡友, 造作如是惡不善業, 流轉生死, 難可濟度, 常處生死, 受諸苦惱」。

(Kinh: Này thiện nam tử! Chúng sanh như thế thà ở trong đại địa ngục Vô Giác chịu các sự khổ nặng nề, chẳng nhận lấy thân người hèn ác, kiêu mạn, ngạo nghễ như thế, tùy thuận bạn ác, tạo tác các nghiệp ác, bất thiện như thế, lưu chuyển sanh tử, khó thể tế độ, thường ở trong sanh tử, chịu các khổ não).

Giả sử từ ngục giam thoát ra, nhưng sáu căn chẳng vẹn toàn, cho đến sanh ra, suốt đời toàn là hại người, toàn là tạo nghiệp. Tạo tội xong rồi lại phải trở về, tức là quay lại địa ngục. Chúng ta thường nói “*chẳng có địa ngục*”, nhưng do nghiệp của kẻ đó cảm vơi, kẻ đó sẽ thấy là có! Tại vùng Đông Bắc Trung Hoa, đã phát sanh sự kiện như thế này: Khi đó, tôi còn rất nhỏ, cũng theo người khác đến xem. Có một đứa nhỏ, chẳng lớn cho lắm, chỉ mười tám, mười chín tuổi, bỗng đứng ở trong nhà của chính mình chạy qua, chạy lại, ai kêu cũng không chịu ra. Đợi đến khi nó chạy xong rồi, ngã nhào xuống đất. Thoạt nhìn, nửa thân dưới của nó đã cháy rộp lên, đáng sợ lắm! Sau đó, nó mới nói cuộc đất ấy, chúng tôi cũng chỉ thấy là một cuộc đất bình thường, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng nó thấy toàn là lửa, làm cách nào cũng không chạy ra khỏi được! Đến khi nó thật sự hết sạch sức lực, ngã quy xuống đất, lửa cũng chẳng còn! Người khác lôi nó ra, toàn thân đều bị đốt phồng rộp lên, đốt đen thui luôn. Đây là nghiệp gì vậy? Chẳng thể lý giải. Huyện của chúng tôi

không quá lớn; thườ đó, Thảm Dương được gọi là Phụng Thiên²⁵. Ký giả của báo Phụng Thiên Tân Văn đến đó phỏng vấn, cũng chẳng biết do nguyên nhân nào, bèn viết như thế.

Chúng ta thấy kinh Phật ghi lại rất nhiều chuyện. Nếu quý vị đến nhiều nơi, thì rất nhiều chuyện trong kinh Phật, quý vị có thể chứng thực. Chẳng hạn như vùng giáp ranh giữa Tây Tạng với các tỉnh Thanh Hải, Tứ Xuyên, và Cam Túc, chẳng ai quản tới. Tại vùng ấy, Di tộc, Tạng tộc, Hắc Sơn tộc, riêng Di tộc có chín mươi sáu loại, chẳng phải chỉ đơn thuần một loại, họ bao gồm Hắc Di, Bạch Di, Hoa Di, khá nhiều bộ tộc. Những kẻ đó hoàn toàn chẳng hiểu đạo lý làm người, cách nói của họ khác với chúng ta. Nếu làm người dân ở nơi đó, sống tại nơi đó, họ cứ tiếp tục đánh nhau. Tộc này đánh tộc kia, chẳng có ngày nào không đánh. Nhà này đánh với nhà kia, đánh đến mức thành oan gia. Hễ đánh đám bèn kéo dài cả mấy trăm năm, vẫn đang đánh, chẳng chấm dứt!

Làm thế nào biết kẻ ấy là oan gia của ta? Nếu tôi giết chết một người trong nhà quý vị, đầu tiên là xung đột, giữa chừng có tộc khác đến hòa giải, sẽ không đánh lộn nữa! Do vậy, bèn bồi thường, trả rất nhiều tiền, nhưng có những món đồ vật mà giá trị chẳng lớn, như một cây dù, một cái chén gỗ, lại còn có thứ gì đó để tẩy rửa. Sau đó, đưa cho họ ba món ấy. Nhà ấy bèn giữ kỹ cái chén gỗ, cái dù gỗ ấy. Về sau, sanh ra con cái, bất luận nam hay nữ, đều nói với nó: “Con phải nhớ kỹ kẻ sát hại chú hay ba của con, lớn lên phải báo cừu!” Như vậy là từ thế hệ này sang thế hệ khác, giết qua, giết lại, mỗi nhà đều góp nhặt rất nhiều chén gỗ, chất đống trong tủ, dùng như công cụ giáo dục, tăng trưởng tâm lý cừu hận.

Hạng người như thế khi làm người khổ nạn vô cùng, vĩnh viễn chẳng biết từ địa ngục bò ra bằng cách nào? Sau đó, ngay lập tức lại quay vào. Quý vị muốn làm người như vậy, tức hạng người tệ ác như vậy, có gì đáng để kiêu căng, ngạo mạn ư? Người như thế đều thuận theo

²⁵ Thảm Dương là tỉnh lỵ của tỉnh Liêu Ninh. Sở dĩ có tên là Thảm Dương là vì thành phố nằm ở phía Bắc sông Thảm Thủy. Đến đời Thanh, khi Thanh Thái Tổ (Hoàng Thái Cực) lập ra vương triều Hậu Kim, đã chọn nơi đây làm kinh đô, gọi là Thịnh Kinh. Đến thời Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) đã đổi vùng này thành Phụng Thiên Phủ. Do vậy, Thảm Dương được gọi là Phụng Thiên, hay gọi theo tiếng Mãn Châu là Mukden. Tới năm 1929, chính quyền quân phiệt Trương Học Lương đã dựa theo danh xưng đời Liêu (Thảm Châu Thành) để đổi Phụng Thiên thành Thảm Dương. Thành phố này đã có từ thời Chiến Quốc, được coi là một trọng trấn của nước Yên.

bạn ác, “*phương dĩ loại tỵ, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp chia thành từng loài, các sự vật phân chia theo từng đặc tánh). Thấy quý vị đàn đúm với hạng người nào, dường như là chuyện tất nhiên, con người tự nhiên phân chia như thế đó. Các đảng, các phái đều là như thế đó; hắc đạo, bạch đạo đều là như thế. Hạng người ác sẽ làm chuyện ác, đều là nghiệp bất thiện. Nghiệp bất thiện đương nhiên sẽ lưu chuyển trong sanh tử, khó thể tế độ, thường ở trong sanh tử, chịu các khổ não. Đức Phật nói hạng người như vậy, Phật chẳng có cách nào cứu độ họ! “*Nan khả tế độ, thường xử sanh tử, thọ chư khổ não*” (Khó thể tế độ, thường ở trong sanh tử, chịu các khổ não). Những điều này đều nhằm hình dung Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện to lớn, vì rất nhiều kẻ khó độ, Ngài đều phát nguyện đến độ. Do vậy, Ngài vào địa ngục. Có những kẻ đọa địa ngục, đã thoát khỏi địa ngục rồi lại quay về. Ác hạnh của họ chông chất, chẳng có cách nào tính toán được. Địa Tạng Bồ Tát xuống địa ngục độ họ, cho nên gọi là kinh Địa Tạng Đại Tập Thập Luân. Nếu mọi người xem kinh Địa Tạng, kinh Chiêm Sát, kinh Đại Tập Thập Luân, phải biết cảm ơn, cảm nhận ân đức đặc biệt to lớn của Địa Tạng Bồ Tát đối với chúng ta.

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung hữu vô lượng vô số đại huệ hữu tình, tùng tòa nhi khởi, danh lễ Phật túc, hiệp chưởng, hướng Phật, bi khấp đọa lệ, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Đế quán như thị thế gian chúng sanh, tuy giai hoạch đắc nan đắc nhân thân, nhi viễn ly chánh tín, viễn ly chánh nguyện, viễn ly chánh ý nhạo, viễn ly chánh kiến, viễn ly thiện tri thức, viễn ly hảo thời, viễn ly hảo xứ, viễn ly tịnh giới, viễn ly chánh định, viễn ly chánh huệ. Như thị chúng sanh, tuy giai hoạch đắc nan đắc nhân thân, nhi do ngu si, kiêu mạn lực cố, tạo tác như tiền sở thuyết trọng tội, hủy báng Thế Tôn sở thuyết chánh pháp, xúc não Thế Tôn xuất gia đệ tử. Ngã đẳng kim giả, đối Thế Tôn tiền, dĩ chí thành tâm, phát chân thệ nguyện: Ngã đẳng tùng kim lưu chuyển sanh tử, nãi chí vị đắc giải thoát dĩ lai, thường nguyện bất ngộ như thị ác duyên, quyết định bất tạo như thị trọng tội, chung bất hủy báng chư Phật chánh pháp, diệc bất xúc não chư xuất gia nhân, tất bất khiêu hoại chúng sanh pháp nhân, diệc bất đoạn diệt Tam Bảo chủng tánh. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ ngã đẳng sở phát như thị thệ nguyện”.

(經)爾時，會中有無量無數大慧有情，從座而起，頂禮佛足，合掌向佛，悲泣墮淚，而白佛言：「大德世尊！諦觀如是世間眾生，雖皆獲得難得人身，而遠離正信，遠離正願，遠離正意樂，遠離正見，遠離善知識，遠離好時，遠離好處，遠離淨戒，遠離正定，遠離正慧。如是眾生，雖皆獲得難得人身，而由愚癡憍慢力故，造作如前所說重罪，謾謗世尊所說正法，觸惱世尊出家弟子。我等今者對世尊前，以至誠心發真誓願：我等從今流轉生死，乃至未得解脫已來，常願不遇如是惡緣，決定不造如是重罪，終不謾謗諸佛正法，亦不觸惱諸出家人，必不挑壞眾生法眼，亦不斷滅三寶種性。唯願世尊，哀愍攝受我等所發如是誓願」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, trong hội có vô lượng, vô số đại huệ hữu tình, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, chắp tay, hướng về đức Phật, buồn khóc rơi lệ, mà bạch với đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Quán kỹ chúng sanh trong thế gian như thế, tuy đều đạt được thân người khó được, nhưng xa lìa chánh tín, xa lìa chánh nguyện, xa lìa chánh ý nhạo, xa lìa chánh kiến, xa lìa thiện tri thức, xa lìa thời tốt đẹp, xa lìa chỗ tốt đẹp, xa lìa tịnh giới, xa lìa chánh định, xa lìa chánh huệ. Chúng sanh như thế tuy đều đạt được thân người khó được, nhưng do sức ngu si, kiêu mạn, tạo tác trọng tội như trên đây đã nói, hủy báng chánh pháp do đức Thế Tôn đã nói, xúc phạm, não loạn các đệ tử xuất gia của đức Thế Tôn. Chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, dùng tâm chí thành, phát ra thệ nguyện chân thật: Chúng con từ nay lưu chuyển sanh tử cho đến trước khi được giải thoát, thường nguyện chẳng gặp ác duyên như thế, quyết định chẳng tạo trọng tội như thế, trọn chẳng hủy báng chánh pháp của chư Phật, cũng chẳng xúc phạm, não loạn những người xuất gia, ắt chẳng chọc mù pháp nhãn của chúng sanh, cũng chẳng đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo. Kính mong đức Thế Tôn xót thương, nhiếp thọ thệ nguyện đã phát như thế của chúng con”).

Những tội đã nói trên đây là do người nào tạo ra? Trong hội này, có vô lượng, vô số, chẳng phải là trăm vị, ngàn vị, vạn vị, mà là vô lượng, vô số. Cho nên có một nhóm các hữu tình có đại trí huệ, đương nhiên là họ đều đã phát Bồ Đề tâm. Các chúng sanh ấy từ chỗ ngồi đứng lên, hướng về đức Phật đánh lễ, khóc lóc đau xót. Có ai thương tâm mà chẳng rơi lệ? Buồn khóc còn thảm hơn chỉ khóc lóc! Vì thế, rơi lệ thì vẫn là hữu tình chúng sanh. Hữu tình có nước mắt; hễ động lòng, bèn tuôn nước mắt. Tâm sân hận nổi lên, bốc hỏa đùng đùng, tức sùi bọt mép. Tình cảm sâu nặng bèn tuôn nước mắt. Hai loại ấy đều chẳng tốt, chẳng tự nhiên!

Các vị ấy do thương xót chúng sanh, thấy trên đây đức Phật đã nói nhiều kẻ ác thọ tội như vậy, [bèn thưa rằng]: Chúng con để quán, tức là đúng lý quan sát, quan sát suy xét chắc thật, thì gọi là Đế. Quan sát theo Đế lý, quan sát từ thể tánh, nương theo giáo nghĩa do đức Phật đã giáo hóa để đúng lý quan sát tất cả chúng sanh trong thế gian, [bèn thấy rằng] tuy họ đạt được thân người khó có như thế. Đức Phật nói một phen được làm thân người khó khăn cỡ nào? Đức Phật nói một tỷ dụ: “*Thất nhân thân như đại địa thổ, đắc nhân thân như trào thượng trần*”. Tức là quý vị một phen được làm thân người giống như bụi đất bám vào kẽ móng tay, ít ỏi như thế đó; đánh mất thân người thì nhiều như đất trong đại địa. Chư vị đạo hữu! Vì sao chúng ta được làm thân người? Trong nhiều đời bao kiếp, đã có nhân duyên nhất định đối với Tam Bảo, tức là đời này chúng ta có dịp gặp gỡ ở nơi đây, mọi người cùng nhau học tập, trọn chẳng phải chỉ là một đời, mà là mười đời, trăm đời đã gieo thiện căn nơi khá nhiều đức Phật.

Quý vị dùng tình cảnh hiện thực để đối chiếu với lời đức Phật dạy, đối chiếu với những điều người có trí huệ đã nói như thế nào, [sẽ nhận biết] thân người khó được dường ấy, [thế mà nay chúng ta] lại coi chẳng đáng một đồng, hồng bét mất rồi! Đánh mất thân người lần này, mong lại được làm người, chẳng giống như chúng ta nói, hoặc như kẻ khác nói “*chết rồi là chẳng còn gì nữa*”. Đâu có chuyện tiện nghi như thế, chết rồi chẳng còn gì nữa ư? Giết người, phóng hỏa, tạo ác nghiệp nhiều ngàn ấy, quý vị chẳng phải hứng chịu [hậu quả], chẳng có [hậu quả] ư? Chẳng thể được! Do vậy, người trên thế gian này, vì sao có kẻ giàu to, tiền bạc rủng rỉnh? Có người hưởng thụ ngàn ấy, có người nghèo túng ngàn ấy? Họ đã phạm cái thân người khó có này! Nếu thật sự phá hỏng hơn nữa, thì họ dùng tám thân để tạo nghiệp, tạo nghiệp gì vậy? Tự mình tạo địa ngục, địa ngục đều là do chính mình tạo ra!

Như vậy thì quý vị đối với thời điểm tốt đẹp và nơi chốn tốt đẹp đều xa lìa. Thời điểm tốt đẹp là gì? Lúc đức Phật xuất thế, quý vị chưa sanh ra. Lúc đức Phật tại thế, Phật sanh ở nơi đâu, quý vị chẳng sanh về chỗ đó. Nơi thiện tri thức đến, quý vị chẳng đến đó. Quý vị cách các Ngài rất xa, sanh vào vùng biên cương, chẳng nghe Phật pháp, chẳng nghe chánh pháp. Sau đó, lại tạo nghiệp. Điều này giống như trong phần trước đã nói, diệt Phật, diệt Pháp, diệt Tăng, bức hại pháp khí và chẳng phải pháp khí, hủy báng chánh pháp do đức Phật đã nói, xúc phạm, nhiễu loạn đệ tử xuất gia của đức Thế Tôn, nay chúng ta có cảm giác rất hoảng sợ!

(Kinh) Thời, chúng hội trung, phục hữu vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa thông huệ hữu tình, từng tòa nhi khởi, đảnh lễ Phật túc, hiệp chưởng, cung kính nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả, đối Thế Tôn tiền, dĩ chí thành tâm, phát chân thệ nguyện: Ngã đẳng từng kim lưu chuyển sanh tử, nãi chí vị đắc Pháp Nhân dĩ lai, ư kỳ trung gian, thường nguyện bất xử chư đế vương vị, thường nguyện bất xử chư tể quan vị, thường nguyện bất xử chư quốc sư vị, thường nguyện bất xử thành, ấp, tỵ lạc, trấn la trưởng vị, thường nguyện bất xử chư quân tướng vị, thường nguyện bất xử chư thương chủ vị, thường nguyện bất xử nhất thiết từ tự tự quán chủ vị, thường nguyện bất xử trưởng giả, cư sĩ, sa-môn chủ vị, thường nguyện bất xử chư sư trưởng vị, thường nguyện bất xử chư gia trưởng vị, thường nguyện bất xử đoán sự giả vị, thường nguyện bất xử nãi chí nhất thiết phú quý tôn vị. Nãi chí vị đắc Pháp Nhân dĩ lai, ngã đẳng nhược xử như thị chư vị, tắc ư Phật pháp danh ác nhân duyên, tạo chư trọng tội, hủy báng chư Phật sở thuyết chánh pháp, xúc nhiễu chư Phật xuất gia đệ tử, tất đương khiêu hoại chúng sanh pháp nhân, diệc vi đoạn diệt Tam Bảo chủng tánh, diệc vi tổn não vô lượng hữu tình. Do thị định đương đọa Vô Gián ngục, luân chuyển ác thú, nan hữu xuất kỳ. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn nhiếp thọ ngã đẳng sở phát như thị thệ nguyện”.

(經)時，眾會中，復有無量百千俱胝那庾多聰慧有情，從座而起，頂禮佛足，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！我等今者對世尊前，以至誠心發真誓願：我等從今流轉生死，乃至未得法忍已來於其中間，常願不處諸帝王位，常願不

處諸宰官位，常願不處諸國師位，常願不處城邑聚落鎮邏長位，常願不處諸軍將位，常願不處諸商主位，常願不處一切祠祀寺觀主位，常願不處長者、居士、沙門主位，常願不處諸師長位，常願不處諸家長位，常願不處斷事者位，常願不處乃至一切富貴尊位。乃至未得法忍已來，我等若處如是諸位，則於佛法名惡因緣，造諸重罪，謾謗諸佛所說正法，觸惱諸佛出家弟子，必當挑壞眾生法眼，亦為斷滅三寶種性，亦為損惱無量有情。由是定當墮無間獄，輪轉惡趣，難有出期。唯願世尊，哀愍攝受我等所發如是誓願」。

(Kinh: Khi ấy, trong chúng hội lại có vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa hữu tình thông huệ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, chấp tay, cung kính bạch với đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, dùng tâm chí thành, phát ra thệ nguyện chân thật: Chúng con từ nay trở đi, lưu chuyển trong sanh tử, cho đến khi chưa đắc Pháp Nhãn, trong khoảng giữa ấy, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị đế vương, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị tế quan, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị quốc sư, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị đứng đầu thành, ấp, xóm làng, thị trấn, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị tướng lãnh trong quân đội, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị chủ quản kinh thương, thường nguyện chẳng giữ hết thảy các ngôi vị đứng đầu các nơi cúng tế, chùa chiền, đạo quán, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị đứng đầu giới trường giả, cư sĩ, sa-môn, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị sư trưởng, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị gia trưởng, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị xử đoán, cho đến thường nguyện chẳng giữ hết thảy các ngôi vị phú quý tôn quý. Cho đến khi chưa đắc Pháp Nhãn, nếu chúng con giữ các ngôi vị như thế, sẽ gọi là ác nhân duyên trong Phật pháp, tạo các trọng tội, hủy báng chánh pháp do chư Phật đã nói, xúc phạm, nã loạn các đệ tử xuất gia của chư Phật, ắt sẽ chọc mù pháp nhãn của chúng sanh, cũng sẽ đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo, cũng tổn hại, nã loạn vô lượng hữu tình. Do vậy, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián,

luân chuyển trong đường ác, khó có thuở thoát ra. Kính mong đức Thế Tôn xót thương, nhiếp thọ các thế nguyện do chúng con đã phát ra như thế”).

Những người trong đại hội mong mỗi làm gì? Đừng làm đế vương! Hoàn toàn tương phản với kẻ bình phàm. Có rất nhiều kẻ đời sau mong làm quốc vương, còn các vị này hoàn toàn tương phản, mong mỗi đừng làm quốc vương, mong đừng làm tể quan, mong đừng làm quốc sư. Người xuất gia làm thầy của hoàng đế thì gọi là “*quốc sư*”. “*Thường nguyện bất xử thành, áp, tỵ lạc, trấn la trưởng vị*” [nghĩa là] hương trưởng (trưởng làng), thôn trưởng, cho đến khu trưởng, cho đến huyện trưởng, các địa vị ấy ta đều không mong muốn. “*Thường nguyện bất xử chư quân tướng vị*” (Thường nguyện chẳng giữ địa vị tướng lãnh trong quân đội): Ngàn vạn lần đừng cầm quân, cũng chẳng làm tướng quân. Vì sao? Trong quá khứ đã có bài thơ nói về kẻ làm tướng quân: “*Nhất tướng công thành, vạn cốt khô*”, [tức là] quý vị làm tướng quân, cho đến khi đạt được địa vị tướng quân, sẽ tạo rất nhiều nghiệp. Nói “*vạn*” là nói số lượng đại khái mà thôi, chẳng biết phải giết bao nhiêu người! Nghiệp ấy rất lớn, cho nên chẳng mong địa vị làm tướng quân.

Cũng “*thường nguyện bất xử chư thương chủ vị*”, [tức là] đừng làm chủ doanh nghiệp. Ở nơi đây, có mấy vị đạo hữu là thương chủ (chủ xí nghiệp, doanh nghiệp); vì sao chẳng muốn thuộc địa vị thương chủ? Chúng ta có thể nghĩ đến điều này! Chúng ta có các quyền thuộc làm ông bà chủ, ở đây cũng có mấy vị làm chủ doanh nghiệp, quý vị ngắm xem, làm chủ doanh nghiệp quá khổ sở! Chưa kể là hắc đạo (bọn giang hồ, xã hội đen) quấy nhiễu quý vị, quan quyền hạch sách, hiếp đáp quý vị. Hòa thượng hóa duyên cũng tìm đến quý vị, vì quý vị có tiền, khổ càng nhiều hơn!

Mọi người còn biết có chuyện cưỡng ép hóa duyên nữa cơ! Miền Đông Bắc, tu bỏ các ngôi đại tự. Mọi người đã xem Ảnh Trần Hồi Úc Lục thì biết. Có lão tướng quân Châu Tử Kiêu, trong quá khứ đã làm tướng quân tại Hắc Long Giang. Tới thời Dân Quốc, ông ta chỉ làm ủy viên trưởng trong Chấn Tế Ủy Viên Hội, ông ta đòi Tưởng Giới Thạch cho mình giữ địa vị ấy. Ông ta nói là muốn làm sự nghiệp từ thiện, nhưng hóa duyên theo kiểu cưỡng ép. Cưỡng ép như thế nào? Các bạn bè lâu năm của ông ta đều bị hóa duyên đến nỗi sợ xanh mặt! Ông ta sửa chùa cũng nhiều, cứu tế tai nạn cũng nhiều. Dân bị tai nạn nhiều ngàn ấy! Có lần Hoàng Hà gây nên nạn lụt, ông liền đến cứu trợ. Tại vùng

Đông Bắc Trung Hoa, ông ta hóa duyên Trương Học Lương²⁶, hóa duyên bao nhiêu vạn gánh cao lương. Người ta cần ăn, ông chuyển đến từng người một. Con số hóa duyên của ông ta rất lớn, ông ta sang Thượng Hải hóa duyên các đạo hữu. Có chuyện buồn cười là ông ta ngồi đợi ở phòng khách nhà bạn, chủ nhà ngồi lì trong phòng vệ sinh không dám ra. Làm cách nào đây? Ông ta đến tận phòng vệ sinh, rống lên: “Ông ra ngay đi! Tôi quyên số tiền đâu có nhiều! Chỉ là một vạn đồng! Một vạn đồng là được rồi, có thể đuổi tôi đi được rồi!” Thuở đó, một vạn đồng đại dương²⁷ rất lớn!

Có lúc ông ta hóa duyên rất nhiều, nhưng ông ta rất nghèo, thứ gì cũng chẳng có. Là một người rất có đạo đức, chuyện bất cứ ai không dám làm, ông ta sẽ làm. Vợ ông ta lớn hơn chồng mười lăm tuổi, mọi người nghĩ chuyện ấy chẳng thể nào được! Vợ ông ta chính là nha hoàn trong nhà. Nhà ông ta cha mẹ mất sớm, ông ta là con một, người khác đều bỏ đi hết rồi, cô nha hoàn ấy nuôi ông. Tới khi ông trưởng thành, tính toán cho nha hoàn như thế nào? Ông bảo: “Tôi và cô kết hôn là xong!” Nha hoàn nói: “Chuyện này làm sao có thể được! Tôi lớn hơn cậu quá nhiều!” Ông ta nói: “Nếu không, tôi chẳng thể báo đáp cô!” Sau đây, ông ta lại yêu cầu nha hoàn kết hôn với ông. Đã kết hôn, ông ta tuyệt đối chẳng hai lòng, lại còn sanh con cái rất đông!

²⁶ Trương Học Lương (1901-2001), tự Hán Khanh, hiệu Nghị Am, tên cúng cơm là Song Hỷ, quê ở Hải Thành thuộc Phụng Thiên, là quân phiệt vùng Phụng Thiên, vốn là con trưởng của quân phiệt Trương Tác Lâm. Ông từng làm Tổng Tư Lệnh Bảo An vùng Đông Bắc. Về sau, ông theo Quốc Dân Đảng. Trương Học Lương từng làm đến cấp bậc thượng tướng trong quân đội Đài Loan, nhưng do từng trở cờ bắt giam Tưởng Trung Chánh (Tưởng Giới Thạch) tại Tây An, ông bị nghi kỵ, bị giam lỏng suốt năm mươi năm tại nhà riêng cho đến khi Lý Đăng Huy làm tổng thống Đài Loan mới được trả tự do hoàn toàn.

²⁷ Đại Dương (大洋) là đồng tiền tròn đúc bằng bạc thời Dân Quốc, còn gọi là Ngân Viên, Ngân Nguyên, Viên Ngân, Ngân Bính, Ngân Tiền, Ngân Dương, Dương Ngân, Đại Dương Tiền, Dương Điền, hay Quang Dương. Đồng Đại Dương thời Dân Quốc đúc bằng bạc, nặng 26 gr, thường là một mặt ghi chữ Nhất Viên (壹圓, một đồng), mặt kia đúc nổi hình Tôn Văn, hay chân dung lãnh tụ chính quyền quân phiệt nơi đồng bạc lưu hành. Đồng tiền này thật ra là hợp kim bạc pha đồng, và được thay thế bằng một hình thức tiền tệ mới gọi là Pháp Tệ (法幣) vào năm 1935. Tuy vậy, theo thói quen, đơn vị tiền tệ vẫn gọi là Viên (圓, Yuan, đôi khi viết thành 元, Nguyên), và danh xưng này được dùng tại Đài Loan cho đến ngày nay tuy đã sử dụng tiền giấy (và từ năm 1949, chính quyền Đài Loan đã phát hành đồng tiền mới là Tân Đài Tệ, nhưng mọi người vẫn quen gọi đơn vị tiền tệ là Viên hoặc Nguyên).

Nói về đạo đức cá nhân của người này. Trong quá khứ, khi ông ta làm tướng quân, được gọi là “Châu đồ phu” (朱屠夫, gã đồ tể họ Châu). Mọi người có biết vì sao bị gọi là “Châu đồ phu” hay không? Tên ông ta là Châu Khánh Nam, hiệu là Châu Tử Kiêu, giết người quá nhiều! Về sau, ông ta sám hối, buông dao đồ tể, ngay lập tức thành Phật. Ông ta nói: “Tôi có thể giết người, mà cũng có thể cứu người”. Ông ta cứu trợ tai nạn, chẳng biết đã cứu trợ bao nhiêu người. Về sau, ông ta thân thiết với lão pháp sư Đàm Hư nhất. Ông ta và chúng tôi có thể nói chuyện thoải mái với nhau. Ông ta nói: “Tôi cứu người nhiều hơn giết người, có thể chuộc lỗi được!” Chúng tôi bảo ông ta: “Chuộc không nổi! Kinh Phật cũng chẳng nói có thể chuộc! Tức là ông giết những kẻ đó thì phải đền trả từng người một; ông cứu những người khác, thì mỗi người trong bọn họ sẽ báo đáp ông. Chẳng có chuyện chuộc!” “Có phương pháp nào thì mới có thể chuộc được?” Tôi nói: “Ông tu Không Quán. Đã là Không, sẽ chẳng có gì là người được cứu và kẻ cứu. Đã không có người được cứu thì người giết lẫn kẻ bị giết đều không có, đều được giải quyết! Thứ gì cũng đều chẳng có”. Đây là nó về tâm sám (心懺, sám hối bằng cái tâm), vạn pháp duy thức. Duy tâm, quý vị phải dùng điều này để quán tu, hết thấy tội đều chẳng tồn tại, rỗng không, tội tánh vốn Không, chỉ do tâm tạo.

Phép Quán này chẳng dễ tu, nói rất dễ dàng. Chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, quyển hạ giảng về phép Quán này. Mọi người hãy xem thử phép Quán này tu khó hay dễ? Bất quá chẳng khẩn yếu, có một phương pháp. Cuối cùng, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta một phương pháp, niệm danh hiệu của Ngài, sẽ có thể tu thành phép Quán ấy. Niệm nào quý vị cũng quán Địa Tạng Bồ Tát là Không, là cái tâm của chính mình, thế là được rồi! Nay lại nói về chỗ mình không muốn đến, trước hết nói về khổ đã. Nỗi khổ vẫn xảy tới, làm thế nào để lìa khổ? Các vị ấy nói: Con chẳng muốn giữ địa vị sư trưởng, cũng chẳng làm thương chủ, chẳng muốn kinh doanh to lớn, hoặc làm ông chủ, cũng chẳng làm miếu chủ cai quản từ đường, cũng chẳng làm Đương Gia trong tự viện, những thứ ấy con đều không cần. Lại còn chẳng muốn giữ các địa vị cầm đầu bọn trưởng giả, cư sĩ, sa-môn!

Người xuất gia chúng ta phát nguyện làm pháp sư²⁸ rất ít. Từ những người tốt nghiệp Phật Học Viện, tìm một hai vị pháp sư rất khó. Làm pháp sư rất khó khăn, nghiệp rất nhiều. Nói sai một câu, bài bác “chẳng có nhân quả”, sẽ bị đọa lạc. Quý vị chẳng biết nói sai như thế nào ư? Nhưng chính mình đã có kiến thức to lớn dường ấy, lại làm như thế nào đây? Giả sử ai nấy đều chẳng hoằng dương Phật pháp, chẳng phải là pháp bị đoạn tuyệt ư? Pháp bị đoạn tuyệt, hết thầy chúng sanh chẳng được độ, do chẳng có pháp nhân. Tội ác như thế chẳng to lớn ư? Tội do hoằng pháp mà phạm tội và cái tội chính mình đọa địa ngục [vì đã xuất gia mà không hoằng pháp], tội ác nào lớn hơn? Khi ấy, tôi đã suy xét cả hai đường, “*trước cửa địa ngục, Tăng, đạo đông*”, vì sao? Mọi người có thể tưởng tượng được, tôi chẳng nói nữa!

Đời Tống, Chân Hiết thiên sư làm phương trượng chùa Dũng Tuyền tại Cổ Sơn, giảng kinh, hoằng pháp, đạo đức rất cao. Hơn ngàn người nghe kinh, tối thiểu là mấy trăm người, công đức rất lớn. Về sau, khi Ngài bị bệnh, chuyển qua ở trong một gian nhà gần chỗ hỏa táng. Cũng có thể nói gian nhà ấy là chỗ để quàn xác chết. Phạm quý vị bệnh nặng, chữa không được, chẳng thể nào sống sót, liền khiêng sang đó. Được khiêng vào đó, hơi lạnh khiến Ngài tỉnh lại, thấy chính mình đang ở Niết Bàn Đường, Niết Bàn Đường là bất sanh bất diệt; khiêng tới đó, chờ thiêu hóa. Sau đó, Ngài lành bệnh, bèn làm một bài thơ hồng dạy bảo những người thuyết pháp: “*Giảng đạo, luận pháp thật khả thương*” (Giảng đạo, luận pháp, thật đáng thương), [nghĩa là] giảng kinh, thuyết pháp, bàn đạo lý, nói đạo lý rành mạch, nhưng chính mình chẳng chứng đắc thì là chuyện thật sự đáng thương tâm. “*Chung báo thân ngoạ Niết Bàn Đường*” (Sắp chết nằm mọp Niết Bàn Đường): Từ sáng đến tối chờ chết ở Niết Bàn Đường. “*Môn vô quá khách, song vô chi*” (Cửa không khách tới, song không giấy): Khi quý vị làm đại pháp sư, đệ tử rất đông, người này đến thăm, người nọ đến viếng. Hễ tới Niết Bàn Đường, sẽ chẳng có ai hết. Một người khách cũng không có. Cửa sổ phát giấy, khi ấy nhằm thời Tống, toàn là dùng giấy dán cửa sổ để che gió (gọi là “phát giấy”). Gió lùa thổi rách giấy dán cửa sổ, cũng chẳng có ai tới dán cửa

²⁸ “*Pháp sư*” ở đây là những vị thật sự có khả năng thuyết pháp, thông thuộc, thâm nhập Kinh Tạng, có chánh kiến, giảng pháp tối thiểu không trái nghịch với tinh thần của Phật và chư tổ, chẳng phải là người có khẩu tài, khéo biện bác, lập ra dị thuyết, mà cũng chẳng phải là danh xưng thông thường để gọi các vị xuất gia như thường sử dụng tại Trung Hoa và Đài Loan.

sở Niết Bàn Đường. Gian nhà chứa người chết thì dán để làm gì? Chẳng có ai quản, cho nên gió lùa vào tận nơi! “*Lô hữu hàn hôi, tịch hữu sương*” (Tro lạnh đầy lò, chiếu nhuốm sương): Niết Bàn Đường phải nhóm lò, rất lạnh, nhưng không có ai đến nhóm lửa, toàn là tro lạnh ngắt. Còn chiếu thì do cửa sổ chẳng phát giấy, gió thổi lồng lộng, cuốn theo sương ướt đầm chiếu.

“*Bệnh tùng thử tri thân thị khổ*” (Bệnh rồi mới biết thân đau khổ): Đợi đến khi quý vị bị bệnh, mới biết thân mình khổ nhất, có cái thân là khổ sở nhất! “*Kiện thời đồ vị tha nhân mang*” (Lúc khỏe luôn vì người khác bận): Lúc thân thể khỏe mạnh, quý vị chẳng tu hành, cứ đi giúp người này, gia trì cho người này, cầu cảm ứng cho kẻ kia, niệm kinh hoặc bái sám cho kẻ nọ, luôn bận bịu vì chuyện người khác. Có đúng như thế hay không? Đúng! Vào lúc ấy, Ngài thốt lời thương tâm, bảo ban những người giảng đạo, luận pháp, đừng quên khuấy chính mình, có ý nghĩa như thế đó. Hai câu cuối nhằm nói: Ngài đã làm được, cho nên về sau gọi là Chân Hiết (真歇, thật sự ngưng nghỉ). “*Lão tăng tự hữu an tâm pháp*”: Ta luôn có phương pháp để an cái tâm. “*Bát khổ giao tiên tổng bất phương*” (Tám khổ cùng nung chẳng ngại gì): Tám sự khổ đều ủa đến, chẳng sao cả! Hai câu này nói Ngài đã ngộ đạo trong Niết Bàn Đường.

Vì lẽ ấy, các vị đại đức trông thấy tình huống kiêu ấy, bèn nói ngàn vạn lần đừng làm sư trưởng, ngàn vạn lần đừng làm người đứng đầu. Thậm chí bất luận quý vị làm gì, làm thủ lãnh của sa-môn, hay đứng đầu hoặc lãnh đạo các cư sĩ đều chẳng làm, phát nguyện như vậy. Còn có hết thấy các địa vị sư trưởng, trưởng giả, cho đến xét xử, phán đoán công bằng hay không, đây có thể là nói đến chức vụ luật sư [hay quan tòa]. “*Thường nguyện bất xử đoán sự giả vị*” (Thường nguyện chẳng giữ địa vị làm người xử đoán): Hoặc làm phán quan xử án, xét xử, cho đến các địa vị phú quý cao sang. Nói chung, phàm là địa vị tôn quý, được kẻ khác cung kính, ta đều chẳng muốn. Trước khi ta đắc Pháp Nhãn, khi chưa thành đạo, nếu giữ các địa vị ấy, nhất định sẽ sanh ra ác nhân duyên trong Phật pháp, sẽ tạo đủ loại tội. Do vậy, ta chẳng mong đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo, chẳng mong hủy diệt chánh pháp của Phật, cũng chẳng mong tổn hại vô lượng hữu tình. “*Do thị định đương đọa Vô Gian địa ngục, luân chuyển ác thú, nan hữu xuất kỳ, duy nguyện Thế Tôn*” (Do vậy, nhất định sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian, luân chuyển trong đường ác, khó có thể thoát ra. Kính mong đức Thế Tôn) hãy từ bi

nhiếp thọ chúng con, khiến cho chúng con được thỏa mãn nguyện đã phát này! Con sẽ làm một kẻ tu hành bình phàm, tín phụng Tam Bảo. Đó là một loại người nữa!

(Kinh) Nhĩ thời, nhất thiết chư lai đại chúng, thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục, nhân phi nhân đẳng, giai tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, bi hào, cảm thiết, thể lệ giao lưu, hiệp chưởng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vô tử sanh tử dĩ lai, ngu si, kiêu mạn, khởi chư ác nghiệp, hoặc thân ác nghiệp, hoặc ngữ ác nghiệp, hoặc ý ác nghiệp, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, như thị chư tội, kim đối Phật tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội cũu”. Đệ nhị, đệ tam diệc như thị thuyết. “Ngã đẳng chí thành phát chân thệ nguyện: Tùng kim nãi chí sanh tử hậu tế, u kỳ trung gian, thường nguyện bất phùng chư ác tri thức, diệc nguyện bất ngộ chư ác nhân duyên. Thiết đương phùng ngộ, nguyện bất tùy thuận, quyết định bất tạo như tiền sở thuyết chư ác tội nghiệp, vật linh ngã đẳng trường dạ thọ khổ. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn, nhiếp thọ ngã đẳng, sở phát như thị thệ nguyện”.

(經)爾時，一切諸來大眾，天、龍、藥叉、健達縛、人非人等，皆從座起，頂禮佛足，悲號感切，涕淚交流，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！我等無始生死已來，愚癡憍慢，起諸惡業，或身惡業，或語惡業，或意惡業，自作教他，見聞隨喜。如是諸罪，今對佛前，皆深慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅，從今以往永不復作，防護當來所有罪咎」。第二第三，亦如是說：「我等至誠，發真誓願：從今乃至生死後際，於其中間，常願不逢諸惡知識，亦願不遇諸惡因緣。設當逢遇願不隨順，決定不造如前所說諸惡罪業，勿令我等長夜受苦。唯願世尊，哀愍攝受我等，所發如是誓願」。

(**Kinh:** Lúc bảy giờ, hết thầy các đại chúng đến dự pháp hội, trời, rông, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước (Càn Thát Bà), nhân phi nhân v.v... đều từ chỗ ngồi đứng lên, đánh lễ dưới chân đức Phật, buồn than, cảm xúc thiết tha, nước mắt ràn rụa, chấp tay, cung kính bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con từ vô thủy sanh tử đến nay, ngu si, kiêu căng, ngạo mạn, dấy lên các ác nghiệp, hoặc ác nghiệp nơi thân, hoặc ác nghiệp nơi ngữ, hoặc ác nghiệp nơi ý, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe bèn tùy hỷ, các tội như thế đối trước đức Phật đều hồ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội lỗi trong mai sau”. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế. “Chúng con chỉ thành phát ra thệ nguyện chân thật, từ nay cho đến hết sanh tử trong đời mai sau, trong khoảng ấy, thường nguyện chẳng gặp các ác tri thức, cũng nguyện chẳng gặp các ác nhân duyên. Dầu có gặp gỡ, nguyện chẳng thuận theo, quyết định chẳng tạo các ác tội nghiệp như đã nói trên đây, chẳng khiến cho chúng con chịu khổ trong đêm dài. Kính mong đức Thế Tôn xót thương, nhiếp thọ thệ nguyện do chúng con đã phát ra như thế”).

Đây là khóc ra tiếng. “Hào” (號) là khóc lớn. “Thế lệ giao lưu, hiệp chưởng, cung kính nhi bạch Phật ngôn: - Đại đức Thế Tôn, ngã đặng vô thủy sanh tử dĩ lai, ngu si, kiêu mạn, khởi chư ác nghiệp, hoặc thân ác nghiệp, hoặc ngữ ác nghiệp, hoặc ý ác nghiệp” (Nước mắt ràn rụa, chấp tay, cung kính mà bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con từ vô thủy sanh tử đến nay, ngu si, kiêu căng, ngạo mạn, dấy lên các ác nghiệp, hoặc ác nghiệp nơi thân, hoặc ác nghiệp nơi miệng, hoặc ác nghiệp nơi ý”): Ba nghiệp toàn là tạo ác, chính mình đã tạo ác thì thôi, lại còn chỉ dạy kẻ khác! “Kiến văn tùy hỷ, như thị chư tội, kim đối Phật tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt, tòng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác” (Thấy nghe vui theo, các tội như thế, nay đối trước Phật, đều hồ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa): Phát nguyện chẳng còn làm những điều ác ấy. “Phòng hộ đương lai sở hữu tội cửu” (Ngăn ngừa tất cả tội lỗi trong mai sau), “đệ nhị, đệ tam, diệc như thị thuyết” (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế). “Như thị” là mỗi loại đều phát nguyện như thế, cũng là họ phát nguyện gần giống như nhau, phần lớn đều giống nhau. Đại khái là khi pháp sư Huyền Trang phiên dịch, những chỗ tương đồng, Ngài chẳng

dịch lặp lại quá nhiều, bèn thêm chữ “*đệ nhị, đệ tam*”, đại ý là có ý nghĩa như thế! Nguyên gì vậy? Nguyên chúng con ngàn vạn lần đừng gặp ác tri thức, bọn chúng sẽ kéo chúng con vào địa ngục. Chẳng muốn gặp các nhân duyên ác như thế đó. “*Thiết đương phùng ngộ, nguyện bất tùy thuận*” (Nếu như gặp gỡ, nguyện chẳng thuận theo): Quyết định chẳng tạo các tội nghiệp xấu ác như đã nói trong phần trước. “*Vật linh ngã đẳng trường dạ thọ khổ. Duy nguyện Thế Tôn ai miễn nhiếp thọ ngã đẳng, sở phát như thị thệ nguyện*” (Đừng để chúng con chịu khổ trong đêm dài. Kính mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ thệ nguyện do chúng con đã phát như thế).

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phổ cáo nhất thiết chư lai đại chúng: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng ư hậu thế khổ, thâm kiến bố úy, phát lộ sám hối. Nhữ đẳng kim giả, dục độ sanh tử thâm quảng bộc lưu, dục nhập vô úy Niết Bàn chi thành, phát như thị nguyện. Chư thiện nam tử! Hữ thập chủng pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, hoạch đắc vô tội, chánh lộ Pháp Nhân. Hà đẳng vi thập? Chư thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội thân, bất trước ngoại thân, bất trước nội ngoại thân, bất trước quá khứ thân, bất trước vị lai thân, bất trước hiện tại thân, danh đệ nhất pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân”.

(經)爾時，世尊普告一切諸來大眾：「善哉！善哉！汝等乃能於後世苦，深見怖畏，發露懺悔。汝等今者，欲度生死深廣瀑流，欲入無畏涅槃之城，發如是願。諸善男子！有十種法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪，正路法忍。何等為十？諸善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著內身，不著外身，不著內外身，不著過去身，不著未來身，不著現在身，名第一法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo khắp hết thầy các đại chúng đến tham dự: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể đối với sự khổ trong đời sau, trông thấy bèn sợ hãi sâu xa, phát lộ sám hối. Nay các ông muốn vượt thoát khỏi dòng thác sanh tử sâu rộng, muốn vào tòa

thành Niết Bàn không sợ hãi, bèn phát nguyện như thế. Nay các thiện nam tử! Có mười loại pháp có thể khiến cho hàng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhẫn. Những gì là mười? Nay các thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thân, chẳng chấp ngoại thân, chẳng chấp trước trong ngoài thân, chẳng chấp thân quá khứ, chẳng chấp thân vị lai, chẳng chấp thân hiện tại, thì gọi là pháp thứ nhất có thể khiến cho hàng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhẫn”).

Trên đây có nhiều loại chúng sanh như vậy, đối với từng loại một, đức Phật đều tổng kết: “*Thiện tai! Thiện tai!*”, [ý nói] các vị phát nguyện đều rất hay! “*Nhữ đấng nữ năng ư hậu thế khổ, thâm kiến bố úy*”, [nghĩa là] các vị đối với sự khổ trong đời sau đều có thể hiểu rõ, lại còn quán chiếu rất sâu sắc, phát sanh tâm kính sợ. Cho nên “*phát lộ sám hối*”. Hiện thời, “*nhữ đấng kim giả dục độ sanh tử thâm quảng bộc lưu*” (nay các ông muốn vượt dòng thác sanh tử sâu rộng): Biền khổ sanh tử vừa sâu lại vừa rộng, giống như dòng thác chảy xiết, mong tiến nhập “*vô úy Niết Bàn chi thành*” (tòa thành Niết Bàn chẳng sợ hãi): Chẳng có sợ hãi, tiến nhập tòa thành Niết Bàn, tức là thành đạo, thành Phật sẽ chẳng sợ hãi. Do vậy, “*phát như thị nguyện. Chư thiện nam tử! Hữu thập chủng pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đặng, hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhẫn*” (phát nguyện như thế. Nay các thiện nam tử! Có mười loại pháp, có thể khiến cho hàng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhẫn): Chúng ta có muốn đắc Pháp Nhẫn hay không? Đây là con đường chánh đáng để đạt được Pháp Nhẫn, đạt đến thành đạo.

“*Hà đặng vi thập? Chư thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát, bất trước nội thân, bất trước ngoại thân, bất trước nội ngoại thân, bất trước quá khứ thân, bất trước vị lai thân, bất trước hiện tại thân, danh đệ nhất pháp*” (Những gì là mười? Nay các thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thân, chẳng chấp ngoại thân, chẳng chấp trước trong ngoài thân, chẳng chấp thân quá khứ, chẳng chấp thân vị lai, chẳng chấp thân hiện tại, thì gọi là pháp thứ nhất): Chớ nên chấp trước thân thể của quý vị. Thân thể của quý vị là vô thường. Dùng thân để đại diện cho những gì? Đại diện sắc pháp. Hết thấy các thứ hữu hình, hữu tướng, sẽ đều tiêu diệt. Đặc biệt là chúng sanh do Ngã Kiến quá nhiều, đều coi chính mình là chánh yếu. Vì sao? Thân thể này của ta cần phải hưởng thụ, thân thể của ta phải thoải mái, luôn luôn là tài, sắc, danh

vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đều vì cái thân thể này! Trước hết, đoạn trừ Thân Kiến. Trong thân, ngoài thân, hết thấy các thân đều phải đoạn. Đây là phương pháp thuộc loại thứ nhất, tức là đoạn Thân Kiến. Đây là sắc pháp.

Vì trong phần sau, sẽ nói đến Thọ, Tướng, Hành, Thức. Sẽ nói đến Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, cho đến Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Nêu ra Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức làm đại diện. Đó là pháp thứ nhất. Sau đó, lại đoạn trừ tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, tổng cộng là mười pháp, bao gồm các pháp ấy. “*Năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân*” (Có thể khiến cho Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân). Đây là pháp thứ nhất, khiến cho hết thấy Bồ Tát đều có thể thành Phật.

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội thọ, bất trước ngoại thọ, bất trước nội ngoại thọ, bất trước quá khứ thọ, bất trước vị lai thọ, bất trước hiện tại thọ, danh đệ nhị pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội tướng, bất trước ngoại tướng, bất trước nội ngoại tướng, bất trước quá khứ tướng, bất trước vị lai tướng, bất trước hiện tại tướng, danh đệ tam pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội hành, bất trước ngoại hành, bất trước nội ngoại hành, bất trước quá khứ hành, bất trước vị lai hành, bất trước hiện tại hành, danh đệ tứ pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội thức, bất trước ngoại thức, bất trước nội ngoại thức, bất trước quá khứ thức, bất trước vị lai thức, bất trước hiện tại thức, danh đệ ngũ pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân.

(經)又善男子! 若諸菩薩摩訶薩等, 不著內受, 不著外受, 不著內外受, 不著過去受, 不著未來受, 不著現在受, 名第二法, 能令菩薩摩訶薩等, 獲得無罪正路法忍。又善男子! 若諸菩薩摩訶薩等, 不著內想, 不著外想, 不著內外想

，不著過去想，不著未來想，不著現在想，名第三法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著內行，不著外行，不著內外行，不著過去行，不著未來行，不著現在行，名第四法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著內識，不著外識，不著內外識，不著過去識，不著未來識，不著現在識，名第五法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thọ, chẳng chấp ngoại thọ, chẳng chấp nội ngoại thọ, chẳng chấp quá khứ thọ, chẳng chấp vị lai thọ, chẳng chấp hiện tại thọ, gọi là pháp thứ hai, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội tướng, chẳng chấp ngoại tướng, chẳng chấp nội ngoại tướng, chẳng chấp quá khứ tướng, chẳng chấp vị lai tướng, chẳng chấp hiện tại tướng, gọi là pháp thứ ba, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội hành, chẳng chấp ngoại hành, chẳng chấp nội ngoại hành, chẳng chấp quá khứ hành, chẳng chấp vị lai hành, chẳng chấp hiện tại hành, được gọi là pháp thứ tư, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thức, chẳng chấp ngoại thức, chẳng chấp nội ngoại thức, chẳng chấp quá khứ thức, chẳng chấp vị lai thức, chẳng chấp hiện tại thức, thì gọi là pháp thứ năm, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân).

“Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội thọ, bất trước ngoại thọ, bất trước nội ngoại thọ, bất trước quá khứ thọ, bất trước tương lai thọ, bất trước hiện tại thọ, danh đệ nhị pháp” (Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thọ, chẳng chấp ngoại thọ, chẳng chấp nội ngoại thọ, chẳng chấp quá khứ thọ, chẳng chấp vị lai thọ, chẳng chấp hiện tại thọ, gọi là pháp thứ hai):

Đây là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Năm món này đều đã nói trong phần trước; bất quá, vẫn tự biến hóa đôi chút. Trong ấy bao gồm tám thức, tôi chỉ giảng tổng quát đôi chút. Đối với những cái được gọi là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Quán Tự Tại Bồ Tát do đã hành Bát Nhã sâu xa, soi thấy Ngũ Uẩn đều Không, tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức [đều Không]. Nay đức Phật dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước, đó gọi là “*tu Quán*”. Đồng thời, quý vị cũng đừng nên chấp trước sắc này, đừng nên chấp trước sắc kia, như vậy thì quý vị sẽ có thể dần dần đạt được thành tựu. Đó gọi là “*chánh lộ Pháp Nhân*”.

Tuy quý vị có thể chẳng chấp trước Ngũ Uẩn, nhưng dùng trí huệ chiếu Không, chúng ta vẫn chưa đạt được! Vì quý vị ắt cần phải tiến thêm một bước nữa, biết Ngũ Uẩn đều không. Như thế nào thì mới có thể chẳng chấp trước, chẳng tham đắm? Quý vị phải tu Không Quán. Đây chính là một ý nghĩa khác. Quý vị dùng Quán Chiếu như trong phần trên đã nói. Kinh Đại Tập Thập Luân dạy chúng ta tu Quán, Sở Túc Quán, hãy khéo tu thì sẽ có thể đạt được!

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước thử thế, danh đệ lục pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước tha thế, danh đệ thất pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Dục Giới, danh đệ bát pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Sắc Giới, danh đệ cửu pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Vô Sắc Giới, danh đệ thập pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân.

(經)又善男子! 若諸菩薩摩訶薩等, 不著此世, 名第六法, 能令菩薩摩訶薩等, 獲得無罪正路法忍。又善男子! 若諸菩薩摩訶薩等, 不著他世, 名第七法, 能令菩薩摩訶薩等, 獲得無罪正路法忍。又善男子! 若諸菩薩摩訶薩等, 不著

欲界，名第八法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著色界，名第九法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著無色界，名第十法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp đời này, thì gọi là pháp thứ sáu, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát, chẳng chấp đời khác, thì gọi là pháp thứ bảy, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp Dục Giới, thì gọi là pháp thứ tám, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp Sắc Giới thì gọi là pháp thứ chín, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp Vô Sắc Giới, thì gọi là pháp thứ mười, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn).

“Thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng bất trước thử thế” (Này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp trước đời này): Đời này chuyện gì quý vị cũng đều chẳng chấp trước, “bất trước” (不著) là không chấp trước. Đó là pháp thứ sáu. “Năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng bất trước tha thế” (Có thể khiến cho các Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp trước đời khác): Chẳng chấp đời này, mà đời khác cũng chớ nên chấp trước. Quá khứ cũng vậy, mà tương lai cũng thế, đều chớ nên chấp trước. Đó gọi là “chẳng chấp ba đời”. Quá khứ, vị lai: Quá khứ đã qua, chẳng cần nghĩ tới nữa, hiện tại có được hay không? [Hiện tại thì] ngay lập tức lại trở thành quá khứ, biến thành ba đời đều Không! Tương lai thì tương lai còn chưa đến, quý vị nghĩ tới nó để làm gì? Rốt cuộc là như thế nào? Chuyện gì cũng đều phải lập kế hoạch. Đó là sai lầm! Kế hoạch chẳng do quý vị

hoạch định! Quý vị chẳng biết nghiệp quả của chính mình được an bài như thế nào, ai cũng đều chẳng thể an bài cho chính mình. Dường như là chính mình an bài cho chính mình, nhưng thật ra, quý vị mù quáng bần lòng, đã sớm an bài sẵn rồi!

Quý vị làm như thế nào, sẽ hứng chịu như thế ấy. Trừ phi hiện tại đang chuyển biến, chuyển biến như thế nào? Quý vị đã nghe Phật pháp, lại còn có thể hành. Nay quý vị mỗi ngày niệm Địa Tạng Bồ Tát, coi Ngài như vị cứu mạng vương xuất hiện, lại nắm chặt Ngài không buông, niệm như thế đó! Chuyển biến tối thiểu là chẳng thọ tam đồ! Nghe danh hiệu Địa Tạng Vương, sẽ chẳng rơi vào tam đồ. Có người nói “đang nằm mộng mà niệm Địa Tạng Bồ Tát sẽ chẳng linh!” Chẳng phải là niệm trong mộng không linh, mà là khi quý vị tỉnh đã niệm chẳng linh, do quý vị chẳng niệm bằng cái tâm. Hễ niệm bằng tâm, sẽ linh. Trong khi ngủ mà niệm thì cảnh trong mơ chẳng còn, [do niệm Bồ Tát] mà mong liễu sanh tử còn được, hưởng hồ nằm mơ! Phải tin tưởng!

“Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Dục Giới, danh đệ bát pháp” (Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp trước Dục Giới thì gọi là pháp thứ tám): Thế giới chúng ta đang sống được gọi là Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng trời và nhân gian, lại còn có súc sanh, ngạ quỷ, và địa ngục, các cõi ấy đều thuộc về Dục Giới. *“Bất trước Sắc Giới”*: [Sắc Giới] có mười tám tầng trời, [chẳng chấp trước Sắc Giới] được gọi là pháp thứ chín. *“Năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Vô Sắc Giới”* (Có thể khiến cho các Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp trước Vô Sắc Giới). Vô Sắc Giới là Không. Vô Sắc Giới đã là Không, còn làm chi nữa? Đã đạt tới Vô Sắc Giới Thiên, chính là La Hán Định. La Hán Định chẳng phát Bồ Đề tâm. Đến một lúc nhất định, họ sẽ dao động, lại phát Bồ Đề tâm.

Vì thế, chớ nên chấp trước Vô Sắc Giới. *“Danh vi đệ thập pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn”* (Được gọi là pháp thứ mười, có thể khiến cho các Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ pháp nhãn), có thể thành Phật. Nếu ngay cả tam giới đều không chấp trước, đương nhiên là sẽ thành tựu, chẳng chịu khổ.

(Kinh) “Chư thiện nam tử! Thị danh thập pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn”. Thế Tôn

vị chúng thuyết thử pháp thời, u chúng hội trung, hữu thất thập nhị bách thiên câu-chi Bồ Tát Ma Ha Tát đồng thời chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Phục hữu bát thập tứ bách thiên na-dữu-đa Bồ Tát chứng đắc Tùy Thuận Pháp Nhân. Phục hữu vô lượng bách thiên Thanh Văn, nãi chí vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thành A La Hán. Phục hữu bách thiên na-dữu-đa chúng sanh, tiên vị phát tâm, kim phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, u Như Lai trí, trụ bất thoái địa. Phục hữu vô lượng, vô số chúng sanh, tiên vị phát tâm, u kim nãi phát Độc Giác Thừa tâm. Phục hữu vô lượng, vô số chúng sanh, tiên vị phát tâm, u kim nãi phát Thanh Văn Thừa tâm.

(經)諸善男子! 是名十法, 能令菩薩摩訶薩等, 獲得無罪正路法忍」。世尊為眾說此法時, 於眾會中, 有七十二百千俱胝菩薩摩訶薩, 同時證得無生法忍。復有八十四百千那庾多菩薩, 證得隨順法忍。復有無量百千聲聞, 乃至永斷一切煩惱成阿羅漢。復有百千那庾多眾生, 先未發心, 今發無上正等覺心, 於如來智住不退地。復有無量無數眾生, 先未發心, 於今乃發獨覺乘心。復有無量無數眾生, 先未發心, 於今乃發聲聞乘心。

(Kinh: “Các thiện nam tử! Đó gọi là mười pháp có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân”. Khi đức Thế Tôn vì đại chúng nói pháp này, ở trong chúng hội, có bảy mươi hai trăm ngàn câu-chi Bồ Tát Ma Ha Tát đồng thời chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Lại có tám mươi bốn trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát chứng đắc Tùy Thuận Pháp Nhân. Lại có vô lượng trăm ngàn Thanh Văn, cho đến vĩnh viễn đoạn tuyệt hết thấy phiền não, thành A La Hán. Lại có trăm ngàn na-dữu-đa chúng sanh, trước kia chưa phát tâm, nay phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, trụ địa vị bất thoái chuyển nơi trí Như Lai. Lại có vô lượng vô số chúng sanh, trước kia chưa phát tâm, nay bèn phát tâm Độc Giác Thừa. Lại có vô lượng vô số chúng sanh, trước kia chưa phát tâm, nay bèn phát tâm Thanh Văn Thừa).

Khi đức Phật nói pháp ấy, có bảy mươi hai trăm ngàn câu-chi Bồ Tát Ma Ha Tát đồng thời chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, tức là đăng địa (chứng Sơ Địa). Nghe nói như thế, mọi người bèn cầu gia trì. Các vị ấy đã đăng địa, nay chúng ta vẫn chưa nhập, tin nổi hay không? Hy vọng mọi người tin tưởng, chúng ta tin Vô Sanh Pháp Nhẫn, hoàn toàn chẳng phải là nhập. Chúng ta có thể tin Vô Sanh Pháp Nhẫn, trong tương lai nhất định có thể chứng nhập. Tín là mẹ của hết thảy các công đức. Có thể tin thì sẽ có thể tiến nhập.

Ngoài ra còn có tám mươi bốn trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát, đắc Tùy Thuận Pháp Nhẫn. “*Phục hữu bách thiên vô lượng Thanh Văn, nữ chí vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thành A La Hán. Phục hữu bách thiên na-dữu-đa chúng sanh, tiên vị phát tâm, kim phát Vô Thượng Chánh Đăng Giác tâm*” (Lại có vô lượng trăm ngàn Thanh Văn, cho đến vĩnh viễn đoạn diệt hết thảy các phiền não, thành A La Hán. Lại có trăm ngàn na-dữu-đa chúng sanh trước kia chưa phát tâm, nay phát tâm Vô Thượng Chánh Đăng Giác): Ta cũng mong thành Phật, đây là phát tâm. Bồ Tát mới vừa phát tâm Bồ Đề, “*ư Như Lai trí, trụ bất thoái địa*” (trụ địa vị bất thoái chuyên nơi trí của Như Lai): Người nào phát tâm, cũng đều có thể trụ trong địa vị Bất Thoái Chuyển. Trí huệ của Như Lai là địa vị chẳng thoái chuyển, đạt tới Sơ Trụ sẽ bất thoái. Nếu đạt đến Thất Trụ, Thất Trụ là Vị Bất Thoái. Sơ Trụ là Tâm Bất Thoái, Thất Trụ là Vị Bất Thoái, tức là địa vị Bất Thoái. Họ tin tưởng hết thảy trí huệ của đức Phật, ta nhất định có thể thành đạo.

Còn có vô lượng vô số chúng sanh nay mới phát tâm, phát tâm gì vậy? Chẳng phải là thành Phật. “*Phát Độc Giác Thừa tâm. Phục hữu vô lượng vô số chúng sanh, tiên vị phát tâm*” (Phát tâm Độc Giác. Lại có vô lượng vô số chúng sanh, trước kia chưa phát tâm), đến nay bèn phát tâm, phát gì vậy? Ta liễu sanh tử là được rồi, tức là phát “*Thanh Văn tâm*”.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo đại chúng: “Nhược chư hữu tình dĩ đắc Pháp Nhẫn, xử Sát-đế-lợi quán danh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập xử chủng chủng phú quý tôn vị, thị ngã sở hứa, phi dư hữu tình”. Kim Cang Tạng Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhẫn, ư Sát-đế-lợi quán danh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, định bất hứa xử, vi diệc hứa da?”

(經)爾時，世尊復告大眾：「若諸有情已得法忍，處剎帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及處種種富貴尊位，是我所許，非餘有情」。金剛藏菩薩白佛言：「世尊！若諸有情未得法忍，於剎帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及餘種種富貴尊位，定不許處，為亦許耶？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng: “Nếu các hữu tình đã đắc Pháp Nhãn, ở ngôi vua Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và thuộc các ngôi vị phú quý sang cả, thì ta chấp thuận, chẳng phải các hữu tình khác”. Kim Cang Tạng Bồ Tát bạch đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhãn, đối với vương vị Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và các thứ địa vị sang cả phú quý, sẽ là chắc chắn chẳng được phép, hay cũng được phép?”)

Đã đắc Pháp Nhãn, “xử Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập xử chủng chủng phú quý tôn vị, thị ngã sở hứa, phi dư hữu tình” (ở ngôi vua Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ tài sản to lớn thù thắng, và thuộc các ngôi vị phú quý sang cả, thì ta chấp thuận, chẳng phải các hữu tình khác): Làm Sát-đế-lợi, ngoại trừ những gã vua chúa Chiên-đồ-la tạo nghiệp, còn có những vị đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, là bậc đẳng địa Bồ Tát. Các vị ấy muốn thị hiện, hóa hiện, liền ở ngôi vua quán đảnh. Họ nhận vương vị ấy, đáng nên hưởng thụ, ta (đức Phật) cho phép điều ấy, chứ các hữu tình khác sẽ chẳng thể! Kim Cang Tạng Bồ Tát liền hỏi đức Phật: “Thế Tôn! Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhãn, ở Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, định bất hứa xử” (Bạch đức Thế Tôn! Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhãn, đối với vương vị Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ tài sản to lớn thù thắng, và các thứ địa vị sang cả phú quý, sẽ là chắc chắn chẳng được phép): Nhất định chẳng cho phép, “vi diệc hứa da?”, hay cũng có thể được phép. Tức là trừ những vị đã đắc Pháp Nhãn, Phật cũng cho phép ư? Nếu chưa đắc Pháp Nhãn, còn có phương tiện nào để cho phép họ ở ngôi vua quán đảnh Sát-đế-lợi hay chẳng?

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: - Nhược chư hữu tình, vị đắc Pháp Nhân, hữu năng thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, diệt khuyến chúng sanh linh thọ học giả, ngã diệt thính hứa xử Sát-đế-lợi quán danh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị. Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhân, diệt bất thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cập khuyến chúng sanh linh cần thọ học, dĩ cường thế lực, xử Sát-đế-lợi quán danh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập xử chủng chủng phú quý tôn vị, danh Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị Chiên-đồ-la vương, ngu si, kiêu mạn, hủy hoại, nhiễu loạn ngã thậm thâm pháp, diệt chánh pháp đăng, đoạn Tam Bảo chủng. Ư ngã xuất gia chư đệ tử chúng, chủng chủng não loạn, chủ khảo, hình phạt, đoạt kỳ y bát, cơ nghiệp tài sản, thoái linh hoàn tục, khóa thuế, dịch sử, hệ bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Ư ngã sở thuyết vi diệu pháp nghĩa, phỉ báng, khinh hủy, chương tế, ẩn một, bất linh lưu bố, đoạt Tốt-đổ-ba cập Tăng Kỳ vật. Như thị chư nhân giai đương đọa Vô Gian địa ngục, thọ chư kịch khổ, luân chuyển ác thú, nan hữu xuất kỳ.

(經)世尊告曰：「若諸有情未得法忍，有能受行十善業道，亦勸眾生令受學者，我亦聽許處刹帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及餘種種富貴尊位。若諸有情未得法忍，亦不受行十善業道，及勸眾生令勤受學，以強勢力處刹帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及處種種富貴尊位，名刹帝利旃荼羅王，及餘種種富貴尊位旃荼羅王，愚癡憍慢，毀壞擾亂我甚深法，滅正法燈，斷三寶種。於我出家諸弟子眾，種種惱亂，捶拷刑罰，奪其衣鉢、基業、財產，退令還俗，課稅役使，係閉牢獄，乃至斷命。於我所說微妙法義，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈，奪奪堵波及僧祇物。如是諸人，皆當墮無間地獄，受諸劇苦，輪轉惡趣，難有出期」。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: - Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhân, mà có thể hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cũng khuyên chúng sanh lãnh nhận, học theo, ta cũng cho phép họ giữ ngôi vua quán đánh Sát-đế-lợi, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và các thứ địa vị phú quý sang cả khác. Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhân, mà cũng chẳng lãnh nhận, thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, và chẳng khuyên chúng sanh siêng năng lãnh nhận, học theo, dùng thế lực mạnh mẽ để nắm giữ ngôi vua Sát-đế-lợi quán đánh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và nắm giữ các địa vị sang cả phú quý, [thì những kẻ ấy] được gọi là Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương và các thứ địa vị Chiên-đồ-la vương sang cả phú quý khác. [Bọn chúng] ngu si, kiêu mạn, hủy hoại, nhiễu loạn pháp rất sâu của ta, diệt đèn chánh pháp, đoạn diệt chúng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của ta, [bọn chúng dùng] đủ mọi cách nào loạn, đánh đập, tra khảo, trừng phạt, đoạt y bát, cơ nghiệp, tài sản của họ, buộc họ hoàn tục, đánh thuế, bắt làm lao dịch, giam cầm trong tù, cho đến đoạn mạng. Đối với pháp nghĩa vi diệu do ta đã nói, bèn khinh miệt, hủy phá, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền, đoạt vật dụng của Tốt-đồ-ba (tháp) và Tăng chúng. Những kẻ như thế sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu các nỗi khổ cùng cực, luân chuyển trong đường ác, khó có thể thoát ra).

“Thế Tôn cáo viết: Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhân” (Đức Thế Tôn bảo rằng: “Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhân”): Kẻ đó chẳng chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, chưa dự lên địa vị ấy, nhưng kẻ đó có thể tiếp nhận, hành trì Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta đều có thể làm được điều này, chứ Vô Sanh Pháp Nhân chúng ta vẫn chưa làm được. Dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo để ngăn giữ ba nghiệp thân, miệng, ý của quý vị, hoàn toàn chẳng phải là cầm điếc, không nói năng! Có người nói: “Ta chẳng nói chi hết, sẽ gìn giữ khẩu nghiệp”. Nhưng kẻ câm, hoặc loại Tăng dề câm có thể thành đạo hay không? Câm thì chẳng tạo nghiệp, nói không nên lời thì làm sao nói năng gì được nữa? Chẳng phải là ý nghĩa ấy! Đừng nói lời sai trái, hãy nói lời tán dương Tam Bảo. Quý vị nói nhiều lời tốt lành, đối với ai cũng đều đừng nói lời ác, như vậy là được rồi. Chẳng phải là không nói năng, hãy nói nhiều kinh Phật. Đối với người khác, hãy nói nhiều về Tam Bảo và nhân quả.

Còn nữa, quý vị có thể thấy phiền não của chúng sanh, hoặc là từ các bộ phim tình ái, [sẽ thấy] phiền não ái tình đặc biệt nặng nề, hướng theo con đường tử vong. Nghiệp lại còn hết sức sâu, chính mình chẳng

đẹp trừ nổi tham dục. Quý vị nhìn từ góc độ nào, đeo cặp kính nào, sẽ hiện ra như thế ấy, đó là tuyệt đối. Đeo kính màu để nhìn, đương nhiên là [thấy mọi vật đều] có màu ấy! Do vậy, “*thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, diệc khuyến chúng sanh linh thọ học giả, ngã diệc thỉnh hứa xử Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị. Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhân, diệc bất thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cập khuyến chúng sanh linh cần thọ học, dĩ cường thế lực*” (lãnh nhận, hành trì Thập Thiện Nghiệp Đạo, cũng khuyên chúng sanh lãnh nhận, học theo Thập Thiện Nghiệp Đạo, ta cũng cho phép người đó ở ngôi vua Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng và các địa vị sang cả phú quý khác. Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhân, mà cũng chẳng lãnh nhận, thực hành Thập Thiện Nghiệp Đạo và khuyên chúng sanh siêng năng lãnh nhận, học theo, dùng thế lực mạnh mẽ): Thế lực ấy là thế lực gì? Tăng trưởng quý vị sanh thiên, thậm chí thành đạo, thậm chí trong tương lai làm người, đời đời kiếp kiếp đều học. Đức Phật cũng chấp nhận họ hưởng thụ các loại đại tài nghiệp (các tài sản, của báu to lớn) thù thắng. [Kể như vậy] làm vua quán đảnh, chẳng có vấn đề gì, kể đó sẽ chẳng tạo nghiệp, có thể hưởng các loại phú quý.

Trái lại, nêu Sát-đế-lợi, “*Chiên-đồ-la vương, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị Chiên-đồ-la vương, ngu si, kiêu mạn, hủy hoại, nhiều loạn ngã thậm thâm pháp, diệt chánh pháp đấng, đoạn Tam Bảo chủng*” ([Sát-đế-lợi] Chiên-đồ-la vương và các loại địa vị Chiên-đồ-la vương sang cả phú quý khác, ngu si, kiêu căng, ngạo mạn, hủy hoại, nhiều loạn pháp rất sâu của ta, diệt đèn chánh pháp, đoạn chủng tánh Tam Bảo): Pháp ấy giống như đèn trí huệ trong xã hội, có ngọn đèn ấy thì mới có thể tỏa ra quang minh, trừ khử hắc ám. Kẻ đó đã đoạn dứt chủng tánh Tam Bảo. “*Ư ngã xuất gia chư đệ tử chúng, chủng chủng não loạn, chủy khảo, hình phạt, đoạt kỳ y bát*” (Đối với các đệ tử xuất gia của ta, đủ mọi cách não loạn, đánh đập, tra khảo, hành hình, trừng phạt, tước đoạt y bát của họ): Những dụng cụ cần thiết cho cuộc sống của người tu đạo là cơ nghiệp của họ, đều tước đoạt hết, họ làm sao sống sót nổi? Hoặc buộc họ hoàn tục, hoặc đánh thuế, bắt họ lao dịch. “*Hệ bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Ư ngã sở thuyết vi diệu pháp nghĩa, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố*” (Giám cầm trong tù ngục, cho đến đoạn mạng. Đối với pháp nghĩa vi diệu do ta đã nói bèn phỉ báng, khinh miệt, hủy hoại, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền). Tốt-đồ-ba (Stupa) dịch là tháp, hoặc chùa miếu, cùng với Tăng Kỳ vật (vật dụng của Tăng

chúng thường trụ) đều bị cướp đoạt. “*Thường Tăng Kỳ vật*” (捨僧祇物) chính là cướp đoạt vật dụng thuộc chùa miếu. “*Như thị chư nhân, giai đương truy đọa Vô Gián địa ngục, thọ chư kịch khổ*” (Những kẻ như thế, sẽ đều đọa lạc địa ngục Vô Gián, chịu các nỗi khổ tột cùng): Đấy chẳng phải là vấn đề nhỏ nhặt, nhất định phải chịu khổ cùng cực, xoay vần trong đường ác, khó có lúc thoát ra. Mong thoát ra rất khó!

(Kinh) Thời, Kim Cang Tạng Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược chư hữu tình, vị đắc Pháp Nhân, diệc bất thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cập khuyến chúng sanh linh cần thọ học, dĩ cường thế lực, xử Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, thọ dụng chúng chúng thắng đại tài nghiệp, cập dư chúng chúng phú quý tôn vị, phả hữu biệt duyên, đắc phương tiện cứu, linh kỳ miễn đọa Vô Gián địa ngục, cập dư ác thú, thọ chư khổ phủ?

(經)時，金剛藏菩薩復白佛言：「世尊！若諸有情未得法忍，亦不受行十善業道，及勸眾生令勤受學，以強勢力處剎帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及餘種種富貴尊位，頗有別緣，得方便救，令其免墮無間地獄及餘惡趣，受諸苦不？」

(Kinh: Khi ấy, Kim Cang Tạng Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật: - Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhân, cũng chẳng tiếp nhận, hành trì Thập Thiện Nghiệp Đạo, và khuyên chúng sanh siêng năng tiếp nhận, học theo, do thế lực mạnh mẽ mà giữ vương vị Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và các thứ địa vị sang cả phú quý khác, há có duyên nào khác để phương tiện cứu vớt, khiến cho họ khỏi đọa vào địa ngục Vô Gián và các đường ác, hừng chịu các nỗi khổ hay chăng?)

Còn có nguyên nhân gì để cứu họ hay không? “*Linh kỳ miễn đọa Vô Gián địa ngục, cập dư ác thú, thọ chư khổ phủ?*” (Khiến cho họ khỏi đọa vào địa ngục Vô Gián và các đường ác, hừng chịu các nỗi khổ hay chăng?)

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: - Diệt hữu biệt duyên, đắc phương tiện cứu, vị hữu chúng sanh, xử Sát-đế-lợi quán danh vương vị, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục vị đắc thành tựu Pháp Nhân, Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhi hữu tín lực tôn kính Tam Bảo, u Phật sở thuyết tam thừa tương ứng chư xuất yếu pháp, hạ chí nhất tụng, chung bất báng hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. U Phật xuất gia chư đệ tử chúng, trì giới, phá giới, hạ chí vô giới, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, giai bất nã loạn, chửu khảo, trích phạt, xâm đoạt y bát, cơ nghiệp, tài sản, thoái linh hoàn tục, khóa thuật, dịch sử, hệ bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng, diệt bất xâm đoạt Tốt-đổ-ba vật, cập Tăng Kỳ vật, giá chế, tồ phục chư bạo ác nhân, bất linh nã loạn chư xuất gia chúng, bất linh xâm đoạt Tam Bảo tài vật. U Phật sở thuyết tam thừa tương ứng chư xuất yếu pháp, cung kính thính thọ. Ký thính thọ dĩ, tinh tấn tu hành pháp tùy, pháp hành. U ngã tam thừa hiền thánh đệ tử, cung kính cúng dường, thân cận, thừa sự. U Đại Thừa trung, thế nguyện kiên cố, chung vô nghi nan, thoái khuất chi tâm, diệt thường khuyến đạo an trí chúng sanh, linh u Đại Thừa tín thọ, tu học. Thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị Chiên-đồ-la vương, quá khứ chư Phật, giai cộng thính hứa xử đế vương vị, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục thọ dụng chủng chủng quốc độ, thành, ấp, tự lạc thắng đại tài nghiệp, nhi đắc miễn đọa Vô Gian địa ngục, cập dư ác thú. Ngã diệt thính hứa xử đế vương vị, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục thọ dụng chủng chủng quốc độ, thành, ấp, tự lạc, nhi đắc miễn đọa Vô Gian địa ngục, cập chư ác thú. Nhược chư hữu tình, dục đắc sám hối, trừ diệt nhất thiết chư ác nghiệp chướng, linh vô dư giả, u ngã sở thuyết như thị pháp môn, đương cần tu học, vật linh phế vong, hữu năng như thử hiện tiền đại chúng, tầm quý sám hối chư ác nghiệp giả, tiên thế sở tạo nhất thiết ác nghiệp, giai đắc tiêu diệt, vô hữu di dư.

(經)世尊告曰：「亦有別緣，得方便救，謂有眾生處剎帝利灌頂王位，及餘種種富貴尊位，雖復未得成就法忍、十善業道，而有信力尊敬三寶，於佛所說三乘相應諸出要法，下至一頌，終不謗毀、障蔽、隱沒，不令流佈。於佛出家諸弟子眾，持戒、破戒下至無戒，剃除鬚髮、被袈裟者，皆不

惱亂捶拷謫罰，侵奪衣鉢、基業、財產，退令還俗，課稅役使，係閉牢獄乃至斷命，亦不侵奪宰堵波物及僧祇物，遮制摧伏諸暴惡人，不令惱亂諸出家眾，不令侵奪三寶財物。於佛所說三乘相應諸出要法，恭敬聽受。既聽受已，精進修行，法隨法行。於我三乘賢聖弟子，恭敬供養，親近承事。於大乘中誓願堅固，終無疑難退屈之心，亦常勸導安置眾生，令於大乘信受修學。此刹帝利旃荼羅王，及餘種種富貴尊位旃荼羅王，過去諸佛皆共聽許處帝王位，及餘種種富貴尊位。雖復受用種種國土、城邑、聚落、勝大財業，而得免墮無間地獄及餘惡趣。我亦聽許處帝王位，及餘種種富貴尊位，雖復受用種種國土、執邑、聚落，而得免墮無間地獄及諸惡趣。若諸有情，慾得懺悔，除滅一切諸惡業障，令無餘者，於我所說如是法門，當勤修學，勿令廢忘。有能如此現前大眾，慚愧懺悔諸惡業者，先世所造一切惡業皆得銷滅，無有遺餘。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: - Cũng có duyên khác để phương tiện cứu độ, tức là có chúng sanh ở ngôi vị Sát-đế-lợi quán đảnh vương và các địa vị sang cả phú quý khác, tuy vẫn chưa thành tựu Pháp Nhân và Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng có tín lực, tôn kính Tam Bảo. Đối với các pháp xuất thế trọng yếu tương ứng với tam thừa do đức Phật đã nói, dầu chỉ một bài tụng, trọn chẳng hủy báng, chướng lập, ẩn giấu, chẳng ngăn cấm lưu truyền. Đối với các vị đệ tử xuất gia của Phật, dầu là trì giới, phá giới, thậm chí kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, đều chẳng nã loạn, đánh đập, tra khảo, trừng phạt, cướp đoạt y bát, cơ nghiệp tài sản, ép buộc hoàn tục, đánh thuế, lao dịch, giam cầm trong tù ngục, cho đến đoạn mạng, cũng chẳng cướp đoạt vật từ tháp và vật dụng của Tăng Kỳ, ngăn trở, chế phục, dẹp yên những kẻ bạo ác, chẳng cho

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

chúng nó nã loạn các vị xuất gia, chẳng để cho chúng nó cướp đoạt tài vật của Tam Bảo. Cung kính nghe nhận các pháp xuất thế trọng yếu tương ứng với tam thừa do đức Phật đã nói. Đã nghe nhận rồi bèn tinh tấn tu hành pháp tùy, pháp hành. Đối với các đệ tử thuộc tam thừa hiền thánh của ta, cung kính cúng dường, thân cận, thừa sự. Trong Đại Thừa, thế nguyện kiên cố, trọn chẳng có tâm ngờ vực, lui sụt, cũng thường khuyên dạy, đặt yên chúng sanh, khiến họ tin nhận, tu học Đại Thừa. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy và các vua Chiên-đồ-la thuộc địa vị sang cả phú quý được quá khứ chư Phật đều cùng cho phép ở ngôi vua và các địa vị sang cả phú quý khác, tuy lại thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng nơi quốc độ, thành, ấp, xóm làng, mà thoát khỏi đọa vào địa ngục Vô Gián và các đường ác. Ta cũng cho phép họ ở ngôi vua và các địa vị sang cả phú quý khác, tuy lại thọ dụng các thứ quốc độ, thành, ấp, xóm làng, mà thoát khỏi đọa vào địa ngục Vô Gián và các đường ác. Nếu các hữu tình muốn được sám hối, trừ diệt hết thảy các ác nghiệp chướng, khiến chẳng còn sót, thì đối với pháp môn do ta đã nói như thế này, hãy siêng năng tu học, đừng bỏ phế, quên mất. Có kẻ nào hổ thẹn, sám hối ác nghiệp như hiện tiền đại chúng thì hết thảy ác nghiệp đã tạo trong đời trước sẽ được tiêu diệt, chẳng còn thừa sót).

Phương tiện thiện xảo nhằm cứu độ họ. Có các chúng sanh ở ngôi vị Sát-đế-lợi quán đảnh, hoặc là các thứ địa vị sang cả phú quý khác, không nhất định là địa vị nào, nói chung là các địa vị cao sang phú quý, tuy chẳng thành tựu Vô Sanh Pháp Nhẫn, hoặc chẳng thành tựu [các môn] Pháp Nhẫn khác, hoặc chẳng thành tựu Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng kẻ đó có tín tâm. Chỉ cậy vào sự tin tưởng, ngưỡng mộ, cung kính, tôn kính Tam Bảo. Đối với các pháp xuất thế trọng yếu tương ứng với Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, và Đại Thừa, họ cung kính nghe nhận. Pháp xuất yếu chính là phương pháp quan trọng nhất để xuất ly sanh tử, là đạo pháp thiện xảo phương tiện trọng yếu nhất. “*Hạ chí nhất tụng*” tức là chỉ nói một bài kệ tụng. Các điều khác chẳng nói, chỉ biết nói “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điển, ưng tác như thị quán*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như chớp, hãy nên quán như thế): Bài kệ tụng ấy tuyệt diệu thay! Đó chính là yếu nghĩa của toàn bộ kinh Kim Cang. Quý vị nói với người khác, “*hết thảy các pháp hữu vi đều là khổ, đều là không, vô thường huyễn hóa*”, ta còn tham đắm chi nữa? Họ liền chứng đạo, giải thoát, công đức của quý vị to lớn!

Vào thời Chánh Pháp là như thế đó, chỉ cần nghe một bài kệ tụng liền khai ngộ. Một trong năm vị tỳ-kheo được đức Phật độ đầu tiên là tỳ-kheo Mã Thắng (A Thuyết Thị, Ásvajit), ngài Xá Lợi Phất thấy oai nghi của tỳ-kheo Mã Thắng bèn hỏi: “*Sư phụ của Ngài là ai? Sư phụ của Ngài nói pháp gì?*” Tỳ-kheo Mã Thắng đáp: “*Tôi chỉ nói cho ông hai câu: Chư hành vô thường, là pháp sanh diệt*”. Ngài Xá Lợi Phất liền chứng đắc quả A La Hán. Đây là một bài kệ chỉ gồm hai câu thôi! Lục Tổ Huệ Năng nghe người khác tụng kinh Kim Cang đến câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (đừng nên trụ vào đâu mà sanh cái tâm), Ngài liền khai ngộ, thành tựu, một câu thôi! Bất quá, người tụng kinh Kim Cang hoàn toàn chẳng khai ngộ, người nghe kinh khai ngộ! Tôi giảng kinh ở đây, tôi chẳng khai ngộ, các vị khai ngộ; đây là công đức của quý vị, tôi cũng có phần.

Người như thế, đức Phật cũng chấp thuận cho họ hưởng thụ các của cải ấy. Vì sao? Vì kẻ đó chẳng hủy báng, không ản diệt, tức là không hủy báng, không ản diệt thánh pháp, không ngăn cấm lưu truyền. Đối với các vị đệ tử xuất gia, trì giới, phá giới, cho đến kẻ chẳng có giới, chỉ cần cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, người đó chẳng nào loạn, đánh đập, tra khảo, trừng phạt, cướp đoạt y bát là tài sản cơ nghiệp của họ. “*Thoái linh hoàn tục, khóa thuế, dịch sử, hệ bé lao ngục, nãi chí đoạn mạng*” (Buộc họ hoàn tục, đánh thuế, bắt làm phu phen, bắt giam vào tù, cho đến đoạn mạng): Kẻ đó sẽ chẳng làm [những chuyện ấy]. Đây là vua Sát-đế-lợi có tín tâm. Còn như đoạn mạng, “*diệc bất xâm đoạt Tốt-đồ-ba vật, cập Tăng Kỳ vật*” (cũng chẳng cướp đoạt vật dụng của tháp thờ và vật dụng của Tăng chúng), kẻ đó chẳng làm. Đối với tài sản của Tốt-đồ-ba hoặc chùa miếu, người đó chẳng dính dáng tí nào, mà cũng chẳng cướp đoạt. Người đó có thể ngăn trở, chế phục, dẹp tan những đũa bạo ác, cũng chẳng để cho chúng nó nào loạn người xuất gia, cũng chẳng để chúng nó cướp đoạt tài vật của Tam Bảo. Vua Sát-đế-lợi có quyền lực, đối với các pháp xuất yếu tương ứng với tam thừa, đều có thể cung kính nghe nhận. Đã nghe nhận, lại còn có thể chiếu theo đó mà thực hiện, tinh tấn tu hành, tu hành pháp tùy và pháp hành.

Thế nào là pháp tùy, pháp hành? Chẳng hạn như đối với pháp sanh diệt, người ấy chẳng nói, chỉ nương theo sự vật, thấy chúng hư hoại, vì sao hư hoại? Vô thường! Đó gọi là tùy thuận. Người ấy chẳng biết đến Phật pháp, nhưng có thể biết hàm nghĩa ấy, đó gọi là “*tùy thuận Phật pháp*”. Trái nghịch Phật pháp thì sao? Đức Phật nói vô thường, người ấy bèn diễn giải thành đoạn diệt, bảo đó là do chính Thích Ca Thế Tôn đã

nói. Đối với câu “*chư hành vô thường*”, [bèn hiểu lệch lạc] vô thường là không có. Như thế là chẳng tùy thuận pháp. Cùng một câu nói, hễ tùy thuận bèn có thể thành đạo, phước đức vô lượng; chẳng tùy thuận, tội nghiệp vô biên. Đây là tùy thuận pháp, chúng ta thường lý giải sai lầm, cho nên nói là kẻ ấy chẳng tùy thuận pháp này. Đối với pháp xuất yếu tương ứng với tam thừa do đức Phật đã nói, hãy cung kính nghe nhận. Đã nghe nhận rồi bèn có thể “*tinh tấn tu hành*”, đó là “*pháp tùy, pháp hành*”. Tùy thuận pháp tam thừa thì chúng ta nói Không, Không theo ý nghĩa “*hiển lộ Diệu Hữu*”. Các kho công đức của Như Lai chẳng không. “*Không*” là “*đoạn sạch hết thấy phiền não*”, kho công đức của các vị Như Lai chẳng không. Thật sự trông thấy Pháp Thân, chư Như Lai Tạng cũng không. Nhưng tùy thuận pháp, tùy thuộc quý vị nói như thế nào, “*ư ngã tam thừa hiển thánh đệ tử, cung kính cúng dường, thân cận, thừa sự*” (đối với các đệ tử thuộc tam thừa hiển thánh của ta, bèn cung kính cúng dường, thân cận, thừa sự).

Nhưng từ đầu đến cuối, đối với thế nguyện Đại Thừa, chắc chắn trọn chẳng hoài nghi, hoặc là nguy nan, hoặc là thoái khuất, cái tâm ấy chưa bao giờ hoài nghi, tức là “*chung vô nghi nan, thoái khuất chi tâm*” (trọn chẳng có tâm nghi nan hoặc lui sụt), chẳng vì pháp khó khăn, chẳng vì con đường tu hành dài lâu mà ôm lòng sợ hãi, lui xuống Nhị Thừa! Đại Thừa kiên cố, “*diệt thường cần đạo, an trí chúng sanh, linh ư Đại Thừa tín thọ tu học*” (cũng thường siêng năng hướng dẫn, đặt yên chúng sanh, khiến cho họ tin nhận, tu học Đại Thừa): Khiến cho hết thấy chúng sanh tin pháp Đại Thừa, khéo tu, khéo học. “*Thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị Chiên-đồ-la vương, quá khứ chư Phật giai cộng thính hứa*” (Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy và các địa vị vua Chiên-đồ-la phú quý sang cả khác đều được quá khứ chư Phật cùng chấp thuận): Nói đến vua ác này, cũng cho phép ông ta, chỉ cần ông ta sửa đổi, chẳng làm ác nữa, [chư Phật] cho phép ông ta ở ngôi vị đế vương. Quá khứ chư Phật đều cho phép như thế. “*Cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục thọ dụng chủng chủng quốc độ, thành, ấp, tụ lạc thắng đại tài nghiệp*” (Và các thứ địa vị sang cả phú quý khác, tuy vẫn thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng nơi quốc độ, thành, ấp, xóm, làng): Tất cả của cải trong nước, kẻ đó được hưởng thụ mà chẳng đọa vào địa ngục Vô Gián. Đây là được đức Phật cho phép, sẽ chẳng đọa vào các đường ác khác! Ta còn “*thính hứa xử đế vương vị, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục thọ dụng chủng chủng quốc độ, thành, ấp, tụ lạc, nhi đắc miễn đọa Vô Gián địa ngục*

cập chư ác thú” (cho phép kẻ đó ở ngôi vị đế vương và các địa vị sang cả phú quý khác, tuy vẫn thọ dụng các thứ quốc độ, thành, ấp, tỵ lạc, mà được thoát khỏi địa ngục Vô Gián và các đường ác), tức là ác vương chỉ cần sám hối thì cũng được hứa khả!

Tại Ấn Độ, Đề Bà Đạt Đa và vua Vô Yểm Túc (A Xà Thế), một người hại Phật, một người giết vua cha, phạm tội ngũ nghịch, cả hai đều đáng đọa vào địa ngục. Sau này, vua Vô Yểm Túc sám hối, hộ trì Phật pháp, hộ trì Tam Bảo, đức Phật cũng chấp thuận cho ông ta sám hối, đạ được thanh tịnh. Do vậy, các hữu tình có thể sám hối là được, có thể trừ diệt hết thảy ác nghiệp và nghiệp chướng.

“*U ngã sở thuyết như thị pháp môn, đương cần tu học*” (Đối với pháp môn do ta đã nói như thế, hãy nên siêng tu học): Ta nói ra hai mươi pháp ấy, phải khéo tu học, một đấng là tu pháp Thập Thiện Nghiệp, chúng ta thực hiện pháp Thập Thiện Nghiệp được! Thật ra, Thập Thiện Nghiệp là chánh lộ Pháp Nhân, mọi người hãy thấu hiểu đôi chút. Thập Thiện Nghiệp là công đức do quý vị thực hiện, có cạn và sâu. [Chẳng hạn như đối với] “chẳng giết”, không chỉ là ta chẳng giết, mà còn khuyên hết thảy mọi người đừng giết. Thập Thiện Nghiệp ấy sẽ chẳng phải là Thập Thiện Nghiệp bình phạm. Ta không chỉ chẳng uống rượu, mà còn khuyên hết thảy chúng sanh không uống rượu. Vì sao không uống rượu? Hãy nói rõ với bọn họ. Chẳng giết, chẳng trộm v.v... Đó là Ngũ Giới.

Có đạo hữu sợ thọ Ngũ Giới, nói là “sợ thọ vì lỡ phạm thì làm thế nào đây?” Đã phạm thì đương nhiên là sai lầm. Đã phạm, hãy sám hối. Hễ phạm, liền sám hối ngay. Nhưng quý vị có hiểu công đức thọ Ngũ Giới hay không? Quý vị thọ Ngũ Giới, chẳng mất thân người, có biết hay không? Quý vị chẳng biết điều này! Chỉ nghĩ tới phương diện bất lợi, vì sao chẳng suy xét phương diện có lợi? Quý vị thọ Ngũ Giới, sẽ có hai mươi lăm vị thần hộ pháp thủ hộ quý vị. Quý vị toan phạm giới, họ sẽ ngăn chặn, khiến cho quý vị chẳng phạm. Nay quý vị chẳng thọ giới, đối với năm loại tội, [hễ vi phạm], vẫn có tội báo y hệt! Quý vị giết người, chẳng phạm tội ư? Có thể thoát tội hay không? Quý vị đã thọ giới, sau đó giết người, đối trước Phật, sám hối, niệm kinh chú gia trì, dùng sức mạnh khác để giúp đỡ quý vị, đừng nên sanh khởi tà tri, tà kiến.

Đã thọ giới mà phạm giới thì biết làm sao đây? Tri kiến ấy chẳng chánh xác. Vì sao lại phạm? Tuy quý vị chẳng thọ các giới ấy, hễ phạm, vẫn mắc tội. Đức Phật chế giới, dạy quý vị đừng nên phạm các giới ấy.

Tôi lại nói một loại công đức của giới. Giới có sức gia trì, tức là gia trì khiến cho quý vị chẳng làm. Giết, trộm, dâm, tôi nghĩ không một chúng sanh nào chẳng phạm, nhưng quốc gia vẫn chấp nhận cho phạm. Giống như trách nhiệm thuộc về công việc mà người ấy phải chấp hành. Quý vị nói đây là sát sanh, giết lợn, giết dê, phạm tội gì? Ai định tội cho kẻ đó? Trong quan hệ vợ chồng, nếu bảo đó là phạm giới dâm thì loài người đều đoạn tuyệt! Có thể nói như vậy hay không? Chẳng thể nào! Không được! Người ấy (người đã thọ giới) có sức gia trì. Chẳng phải là nói [thọ giới, sợ sẽ] vi phạm. Quý vị phải suy xét từ phương diện công đức của thọ giới. [Cũng giống như] học Phật pháp, nghe nói có nhiều địa ngục dường ấy, [bèn tự nhủ] “ta không học Phật thì tốt hơn!” Đúng hay không? Ta ngay cả địa ngục cũng chẳng biết, ta cũng chẳng tin tưởng [có địa ngục, phải đền trả quả báo], nhưng tội đã làm thì quý vị vẫn phải chịu! Ta không tin, sẽ chẳng phải chịu tội ư? Đâu có tiện nghi như thế! Quý vị không tin, vẫn phải chịu tội. Bất quá, đức Phật nói ra thì có lợi [vì người nghe thấy các thứ tội báo, sẽ kinh sợ chẳng dám phạm tội], đừng nên hiểu lầm ý nghĩa. Chẳng phải là tôi xúi quý vị thọ Ngũ Giới. Nếu quý vị cảm thấy “ta chẳng thọ giới được”, vẫn chẳng cần phải thọ. Bất quá, quý vị phải nghĩ đến công đức gia trì do thọ Ngũ Giới [để suy xét]!

Sau này, tôi nghĩ lại, kể từ sau khi xuất gia, đã thọ giới tỳ-kheo, tôi nói: “Nguy hiểm quá! Hở ra là phạm lỗi. Hai trăm năm mươi giới, từng giới điều một, tám vạn bốn ngàn oai nghi, Thanh Quy Giới Luật nhiều ngàn ấy”. Lúc đó, thật sự muốn xả giới hoàn tục cho rồi, kham chẳng nổi! Điều này chẳng thể làm, điều kia chẳng thể làm! Đối với bốn oai nghi, tùy tiện quý vị làm điều gì, ở trong chùa miếu, lúc mới xuất gia, cử chỉ động tác, không có gì chẳng phạm sai lầm! Tôi nhớ khi quả đơn, thưởng đó vẫn chưa có đèn. Trong đêm tối, ra nhà vệ sinh quá xa. Nhà vệ sinh cũng chẳng có đèn, không thể đi. Ban đêm thức dậy tiểu tiện, làm thế nào đây? Vị thầy tri khách đặt dưới cửa sổ mấy cái thùng chứa nước tiểu để mọi người giải quyết tại đó. Khi đó, vị thầy tri khách nói: “Vị này nhất định là mới tới quả đơn”. Tôi nói: “Thầy tri khách này có thần thông, làm sao ông biết là mình vậy kia?” Hóa ra vì tôi đi tiểu, chẳng tiểu đúng cách. Mọi người có biết nghĩa là sao hay không? Tiểu tiện chẳng thể vang ra tiếng. Hễ có tiếng, sẽ kinh động người khác! Ăn cơm, tiểu tiện, cho đến hết thấy các hành động, không có chỗ nào chẳng có Thanh Quy Giới Luật. Kẻ mới xuất gia vừa mới thọ Sa Di làm sao giữ cho đúng hết được?

“Sám hối trừ diệt nhất thiết chư ác nghiệp chướng, linh vô dư giả, u ngã sở thuyết thị pháp môn” (Sám hối trừ diệt hết thảy các ác nghiệp chướng khiến cho chẳng thừa sót, đối với pháp môn do ta đã nói như thế), nếu quý vị khéo tu học, vậy thì “*tiên thế sở tạo nhất thiết ác nghiệp, giai đắc tiêu diệt vô hữu di dư*” (hết thảy ác nghiệp đã tạo trong đời trước đều được tiêu diệt, chẳng còn thừa sót), người ấy đối trước Phật sám hối chẳng còn sót. Nay chúng ta đã nghe kinh Đại Tập Thập Luân, lúc bái sám, quý vị liền lạy ba lạy, niệm thầm: “Con nghe kinh Đại Tập Thập Luân, đức Phật giảng phẩm Sám Hối, con đều trọn đủ [các tội lỗi ấy]. Con cũng phát nguyện như thế, hy vọng Phật sẽ gia trì con, hy vọng Địa Tạng Bồ Tát gia trì”. Quý vị cũng sẽ trọn đủ giống như những người đó. Tôi nói như vậy, quý vị chẳng tin cũng được! Chẳng phạm lỗi gì!

VI. Thiện Nghiệp Đạo - Phẩm Đệ Lục

善業道品第六

(Phẩm thứ sáu: Thập Nghiệp Đạo)

(Kinh) Nhĩ thời, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát vân hà u Thanh Văn Thừa, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Độc Giác Thừa, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Đại Thừa, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Đại Thừa Bồ Đặc Già La, đắc vô ngộ thất? Vân hà thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh? Vân hà u chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiến ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển? Vân hà lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng? Vân hà u nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhãn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển? Vân hà thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành? Vân hà thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng Tăng? Vân hà u chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc? Vân hà thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc?”

(經)爾時，金剛藏菩薩摩訶薩復白佛言：「大德世尊！

菩薩摩訶薩，云何於聲聞乘，得無誤失？云何於聲聞乘補特伽羅，得無誤失？云何於獨覺乘，得無誤失？云何於獨覺乘補特伽羅，得無誤失？云何於大乘，得無誤失？云何於大乘補特伽羅，得無誤失？云何常能熾然三寶種姓？云何於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失？云何於大乘法，常得升進，無有退轉？云何利慧勝福，常得增長？云何於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉？云何常得值遇諸善知識，隨順而行？云何常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧？云何於諸善根常精進求，心無厭足？云何常於菩提種種行願，心無厭足？」

(Kinh: Lúc bảy giờ, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La? Làm thế nào để chứng tánh Tam Bảo thường rạng rỡ? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thầy kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc? Làm thế nào để thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển nơi pháp Đại Thừa? Làm thế nào để trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng? Làm thế nào để mau được tự tại, chẳng thoái chuyển nơi hết thầy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa? Làm thế nào để thường được gặp gỡ các thiện tri thức hòng làm theo họ? Làm thế nào để thường được chẳng lìa thấy hết thầy Phật, và các vị Bồ Tát, cùng đệ tử Thanh Văn, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận cúng dường chúng Tăng? Làm thế nào để thường tinh tấn cầu các thiện căn, tâm

không chán đủ? Làm thế nào để đối với các thứ hạnh nguyện nơi Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ?”)

Phẩm này giảng về Thiện Nghiệp Đạo. Đã sám hối xong, bèn tu hành. Sau khi đã sám trừ nghiệp chướng, sẽ tu gì vậy? Tu thiện nghiệp. Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát là người phát khởi. Ngài hướng về đức Phật thỉnh cầu: “Đại đức Thế Tôn! Con còn có thắc mắc”. Bồ Tát Ma Ha Tát là bậc đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát. Khi Ngài muốn hoằng pháp lợi sanh, nếu gặp căn cơ Thanh Văn, đối với Thanh Văn Bồ Đặc Già La, Ngài sẽ chẳng nói pháp Độc Giác Thừa, cũng chẳng nói pháp Đại Thừa. Pháp nghĩa của mỗi pháp có giới hạn rạch ròi, chẳng phải là luông tuông! Kế đó, đối với mỗi loại Bồ Đặc Già La hữu tình chúng sanh, họ thuộc loại pháp khí nào, là căn khí gì, sẽ nói với họ pháp ấy, chẳng hề phạm sai lầm.

Nay chúng ta thuyết pháp, chẳng cần biết là đúng căn cơ hay không, chúng tôi giảng bộ kinh này, chẳng phải là căn cơ, họ cũng đến nghe. Đúng căn cơ cũng tới nghe. Đấy gọi là “[thuyết pháp] chẳng đúng căn cơ”. Đã chẳng đúng căn cơ, đối với pháp Thanh Văn mà chẳng sai lầm sẽ rất khó, hoặc là chẳng sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng sai lầm đối với Bồ Tát Thừa, tức là chẳng sai lầm đối với pháp tam thừa. Nếu nói theo căn cơ, [nói pháp] chẳng đúng căn cơ, chẳng đúng với [căn tánh của mỗi loại] Bồ Đặc Già La (Pudgala, hữu tình chúng sanh), [đáng lẽ] quý vị phải nói pháp Thanh Văn, lại nói thành pháp Độc Giác, hoặc nói thành pháp Đại Thừa, đó gọi là “ngộ thất” (誤失, sai lầm). Hễ có sai lầm, người nói sẽ chịu trách nhiệm nhân quả.

Nay đang thời Mạt Pháp, thiếu khuyết năng lực khéo quan sát, khi thuyết pháp, chính mình phải phát nguyện, mong cầu sám hối phát nguyện: “Con là một chúng sanh bình phàm, chẳng nhập thánh quả, thuyết pháp nhất định sẽ có sai lầm. Bất luận xét theo căn cơ, hay xét theo pháp, đều phạm sai lầm!” Nếu đã thọ Bồ Tát giới, phát đại tâm, [nếu sợ thuyết pháp sai lầm rồi chẳng thuyết pháp] thì sẽ là đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo. Quý vị phải cân nhắc giữa hai đặng: Cái nào là trọng yếu, cái nào chẳng trọng yếu! Tuy là phạm sai lầm đối với họ (người nghe pháp), họ vẫn có thể gieo thiện căn. Nếu hoàn toàn chẳng có ai nói, pháp chẳng còn nữa, có thể gặp gỡ mà không sai lầm hay không, họ cũng chẳng thể biết!

Cá nhân tôi mỗi khi gặp dịp thuyết pháp, đều cầu Phật, Bồ Tát gia trì, hoặc là tụng kinh, hoặc sám hối, cầu Phật, Bồ Tát gia trì, khiến cho lời tôi nói chẳng trái nghịch ý Phật. Nói cách khác, gia trì tôi khi thuyết pháp bèn có tri kiến chánh xác. Tri kiến như thế nào sẽ là chánh xác hay chẳng chánh xác? Nương theo pháp do đức Phật đã dạy để nói, tri kiến ấy sẽ là chánh đáng. Đức Phật có ba pháp ấn [dành cho pháp Nhị Thừa, tức vô thường, khổ, và vô ngã], và cũng có một pháp ấn [dành cho pháp Đại Thừa, tức Thật Tướng]. Khi thuyết pháp, chẳng lìa Thật Tướng, đối với mỗi chúng sanh đều nói “*chẳng lìa Thật Tướng*”, khiến cho chúng sanh biết đạo lý “*vạn pháp duy tâm*”. Khi nói pháp Thanh Văn Thừa, nhất định phải biết pháp Tứ Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo; đây là Tứ Thánh Đế. Các pháp Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, ba mươi bảy Đạo Phẩm, tam thừa đều cùng chung có. Quý vị nói như thế nào cũng đều được, rất cuộc chẳng vượt ra ngoài pháp tam thừa. Chớ nên nói chánh kiến thành tà kiến, [nếu nói thành tà kiến], sẽ là điên đảo, phạm sai lầm. Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, và Đại Thừa là pháp tam thừa nhằm đối ứng căn cơ tam thừa, cũng như tam thừa Bồ Đặc Già La. Đối với pháp chẳng có sai lầm, mà cũng chẳng sai lệch, chẳng hỗn loạn thị phi; đối với Bồ Đặc Già La, tức là đối với người [nghe pháp], cũng chẳng sai lầm! Đây là hạng người nào? Chính là Bồ Tát Ma Ha Tát, đại Bồ Tát tuyệt đối có thể làm được!

Lại nữa, làm thế nào để khiến cho chúng tánh Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo hưng thịnh, thường sung mãn, khiến cho chúng tánh Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo vĩnh viễn chẳng đoạn, vĩnh viễn trụ trong thế gian? Lại làm như thế nào để phân biệt các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai là pháp khí hay chẳng phải pháp khí? Cho đến đối với kẻ khoác một mảnh ca-sa, bèn chẳng phạm sai lầm? Kẻ “*vô giới*” kém cõi hơn pháp khí và phi pháp khí, vì kẻ đó giả mạo người xuất gia. Kẻ đó vốn là tội phạm, kiếm được một mảnh ca-sa bèn đeo lên người, mong tiêu tai, thoát nạn, làm như thế đó. Đối với hạng người như thế đó, cũng đều chẳng phạm sai lầm!

Đối với pháp Đại Thừa, khiến cho pháp ấy vĩnh viễn hưng thịnh, đừng từ Đại Thừa thoái chuyển thành Nhị Thừa. Có những người nếu nói pháp Đại Thừa với họ, họ sẽ dừng mãi tiến lên, chiêu theo pháp Đại Thừa để tu tập. Có những người cảm thấy tu pháp Đại Thừa để độ chúng sanh quá khó khăn, vì chúng sanh ương ngạnh, khó điều phục. Đừng nói là phạm phu độ chúng sanh, ngay như Thanh Văn đã chứng

quả A La Hán muốn độ chúng sanh cũng rất khó khăn. Cho nên họ sợ hãi, thoái đọa địa vị Nhị Thừa, nhập Thiên Không Định. Những trường hợp giống như vậy rất nhiều, ngay cả một vị A La Hán như ngài Xá Lợi Phất, trí huệ bậc nhất, vẫn lui xuống Nhị Thừa như vậy! Ngài mong phát Bồ Đề tâm, vừa mới phát tâm bèn lui sụt. Câu chuyện này chắc là mọi người đều biết: Ngài Xá Lợi Phất vừa phát Bồ Đề tâm, Đế Thích Thiên bèn hóa hiện đến thử thách Ngài. Ông ta thị hiện làm một cô bé, ngồi khóc ở ven đường. Ngài Xá Lợi Phất đến trước cô bé, hỏi: “Con đừng nên bi ai, có khó khăn gì, ta có thể giúp con giải quyết. Hãy kể cho ta biết”. Bé gái thưa: “Điều con mong cầu, Ngài giải quyết không nổi đâu. Ngài đâu có tâm Bồ Đề lớn dường ấy!” Ngài nói: “Ta vừa mới phát Bồ Đề tâm”. Cô bé nói: “Được rồi! Con nói với Ngài. Mẹ con nay bị một loại bệnh đặc biệt, tìm thuốc uống, thuốc thì có, nhưng chất dẫn thuốc chẳng có”. “Chất dẫn thuốc chẳng khó lắm, con cứ tìm đi, hoặc là mua”. Cô bé nói: “Mua không được! Chất dẫn thuốc này cần đến tròng mắt”. Ngài Xá Lợi Phất nói: “Ta mới vừa phát Bồ Đề tâm, nay gặp gỡ, ta đáng nên phát đại tâm. Được! Ta bỏ thí một con mắt vậy!”

Ngài liền móc một con mắt trao cho cô bé. Cô bé nói: “Con mắt này không đúng!” “Vì sao chẳng đúng?” “Con cần mắt trái, mà Ngài móc ra mắt phải”. Ngài Xá Lợi Phất phiền não: “Sao con không nói sớm? Thôi được! Nếu ta đã muốn phát đại tâm thì cũng móc luôn con mắt trái, cả hai con đều cho con”. Cô bé cầm lấy người, rồi chê: “Con mắt này tanh hôi quá! Làm sao có thể bỏ vào thuốc cho được?” Quãng bệt xuống đất, lấy chân giẫm lên, vừa giẫm lên, liền nghe tiếng vỡ đánh bụp một cái! Ngài Xá Lợi Phất liền ngã lòng, nói Bồ Tát đạo khó hành, gặp phải kiêu chúng sanh như vậy, chẳng có cách nào, thoái thất Bồ Đề tâm!

Thật ra, A La Hán đều có thần thông. Có một vị A La Hán dẫn theo một Sa Di đi trên đường. Chú Sa Di ấy do thấy trên cánh đồng có con chim sẻ đang ăn những con trùng dưới đất. Những con trùng ấy do bị lưỡi cày lật đất lên [mà lộ ra], chim sẻ liền mổ ăn. Chú bèn phát tâm: “Chúng sanh quá khổ! Ta phải phát Bồ Đề tâm để lợi ích hết thảy chúng sanh”. Khi ấy, chú đang quảy y bát của thầy, trong túi đựng đầy ắp. Vị A La Hán ấy kêu chú: “Con đứng lại!” Đồ đệ đứng lại. “Tiểu Sa Di lại đây, đưa đây cho ta đeo”. Thầy đeo rồi, đồ đệ cũng chẳng biết là chuyện gì, liền đi tiếp. Chú Sa Di ấy lại nghĩ: “Độ chúng sanh bằng cách nào đây? Bồ Tát đạo rất khó hành, dài dằng dặc, xa xôi quá! Mình vẫn nên cầu được liễu sanh tử, mình liễu sanh tử trước rồi mới lại nói!” Tâm chú vừa

tác ý như thế, thầy lại bỏ cái dây xuống, hô: “Đứng lại! Con vẫn đeo cái dây này đi”. Lần đầu tiên, lần thứ hai, chú đồ đệ vẫn không cảm thấy gì, lại đi tiếp. Chú Sa Di ấy lại nghĩ: “Không được rồi! Phải thành Phật, phải phát đại tâm, phải rớt ráo thì mới được!” Chú chẳng phát tâm lui sụt xuống hàng Nhị Thừa, không được! Vẫn phải nên phát đại Bồ Đề tâm, chớ nên nao núng! Thầy lại kêu: “Đứng lại! Đứng lại!” Chú đứng lại, “giao dây cho thầy đeo”. Chú tiểu Sa Di mới biết là có chuyện rồi, mới hỏi: “Su phụ! Thầy có bị bệnh tâm thần hay không? Thầy điên rồi! Một chốc con đeo, chốc lát lại thầy đeo. Rớt cuộc là chuyện gì thế?” Thầy bảo: “Con đã phát Bồ Đề tâm, là đại Bồ Tát, ta chỉ là A La Hán. Cho nên thầy chẳng dám sai Bồ Tát quấy dây cho thầy, đưa cho thầy thì hơn! Con vừa mới phát tâm, lại thoái tâm, lại thoái chuyển, mong liễu sanh tử. Ta đã liễu sanh tử, con vẫn chưa, con chỉ phát tâm mà thôi. Được rồi, vẫn là để cho con đeo. Giao qua, giao lại là như thế đó. Vì con vừa khởi tâm động niệm, ta biết ngay”.

Bậc A La Hán như thế rất khó có! Vì sao? Ngài có Tha Tâm Thông, chẳng cần nhập Định. Có những vị A La Hán trong cuộc sống thường nhật, Tha Tâm Thông, lục thông đều trọn đủ như thế! Có vị A La Hán cần phải tu Định thì Lục Thông mới hiển hiện; có vị chẳng cần mà vẫn có thể hiển hiện. Những vị giống như vậy đều là bậc Đại A La Hán, đều giống như trong một ngàn hai trăm năm mươi vị Thường Tùy Chúng [của đức Phật], mười vị đại đệ tử²⁹ đứng đầu thường luôn ở trong Định.

Vì thế, khiến cho Đại Thừa thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển, rất khó! Mọi người hằng ngày phát Bồ Đề tâm, nhưng hằng ngày chẳng làm chuyện Bồ Đề, thì cái tâm đã phát ấy giả trá, phỏng theo người khác mà phát đó thôi! Khi bái sám cũng phát, phát đại nguyện “*độ tận hết thảy chúng sanh*”, cũng như “*chịu khổ thay cho chúng sanh*”. Quý vị chẳng xâm chiếm lợi ích của chúng sanh là được rồi, còn “*chịu khổ thay cho chúng sanh*” thì làm thế nào để thực hiện? Chúng ta bất cứ lúc nào, kể

²⁹ Thông thường, theo truyền thống Nam Truyền, dựa trên kinh Trưởng Lão, thập đại đệ tử là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Đại Ca Chiên Diên, Đại Câu Hy La (Mahākotṭhita), Đại Kiếp Tân Na (Mahākappina), Đại Thuần Đà (Mahācunda), A Nậu Lô Đà, Ly Bà Đa (Revata), và Nan Đà (Nanda). Nhưng theo Bắc Truyền Phật giáo (chẳng hạn như kinh Duy Ma Cát), thập đại đệ tử là Xá Lợi Phất (Śāriputra), Mục Kiền Liên (Maudgalyāyana), Đại Ca Diếp (Mahākāśyapa), Tu Bồ Đề (Subhūti), Phú Lô Na (Pūrṇa Maitrāyaniputra), Ma Ha Ca Chiên Diên (Mahākātyāyana), A Na Luật (A Nậu Lô Đà, Aniruddha), Ưu Ba Ly (Upāli), La Hâu La (Rāhula), và A Nan Đà (Ānanda).

cả mọi người chúng ta đều chẳng có ngoại lệ, đều luôn xâm chiếm lợi ích của chúng sanh! Chúng ta có thể chịu khổ thay cho chúng sanh hay không? Chẳng có! Quý vị làm chánh trị cũng thế, mà làm kinh tế cũng thế, bất cứ quý vị làm gì, hãy ngẫm xem tất cả lợi ích của quý vị do đâu mà có? Từ chúng sanh! Đều là của chúng sanh, rất khó!

Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni xuất gia, đáng lẽ phải tốt đẹp lắm chứ! Tứ chúng đệ tử, Sa Di, Sa Di Ni, nếu liễu đạo thì tốt. Nếu chưa liễu đạo, các thứ quý vị hưởng thụ đều là máu và mồ hôi của người ta! Thậm chí, trong số đó, cũng có những thứ do lừa gạt, cũng có thứ phi pháp! Quý vị tiêu trừ các tai họa ấy bằng cách nào? Vì sao quy định người xuất gia có hai đường công khóa sáng tối? Nhằm để tiêu tai! Quý vị chẳng tu hành chi khác, lên đại điện tụng niệm công khóa sáng tối để trả nợ, có thể miễn trừ tai nạn! Vì sao tứ chúng đệ tử đều có công khóa hằng ngày? Bất luận quý vị tụng một quyển Phổ Môn Phẩm, tụng phẩm Phổ Môn là để hồi hướng cho người ta. Như thế thì ăn, mặc, đi, ở, quý vị sống trong căn nhà do người ta [phát tâm cúng dường, kiến tạo], cái ăn của quý vị do người khác cúng dường. Quý vị chẳng tự kiếm được một đồng nào! Phải hiểu đạo lý này! Cần phải luôn luôn phát Bồ Đề tâm! Nếu có thể thường luôn phát Bồ Đề tâm, trí huệ của quý vị có thể tăng trưởng. Phước đức thù thắng như vậy sẽ thường có thể tăng trưởng. Phước đức thù thắng và trí huệ nhảy bén sanh từ chỗ nào? Phải cậy vào Tam Bảo. Tam Bảo là chủng tử của hết thảy. Như thế nào thì mới có thể khiến cho trí huệ nhảy bén và phước thù thắng của chính mình thường tăng trưởng, chẳng lui sụt? Đây là một vấn đề!

Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi đức Phật: Làm thế nào để giữ vững các điều ấy? “*Vân hà ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa?*” (Làm thế nào để đối với hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa?) Đây là nói theo Thập Địa và Thập Nhẫn trong kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi không nói cặn kẽ, chỉ nêu đại lược đôi chút. Mau chóng đạt được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Trong hết thảy các Định, đều có thể tự tại: Muốn nhập Định liền nhập Định, muốn xuất Định liền xuất Định. Từ địa vị Định này tiến nhập Nhẫn vị. Từ Nhẫn vị đến Sơ Địa, từ Sơ Địa, Nhị Địa, cho đến Thập Địa. “*Vân hà thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành?*” (Làm thế nào để thường được gặp gỡ các vị thiện tri thức, tùy thuận mà hành?): Như thế nào thì mới có thể vĩnh viễn chẳng lìa thiện tri thức, làm theo lời chỉ dạy của thiện tri thức?

“*Vân hà thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử?*” (Làm thế nào để thường chẳng rời thấy hết thấy chư Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử?): Các vị đệ tử Thanh Văn ấy đã thành đạo, cho đến “*bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng Tăng*” (chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận cúng dường các vị Tăng): Tăng ở đây là phạm phu Tăng. Phạm phu Tăng cũng bao gồm các hạng người như trong phần trước đức Phật đã dạy, [đối với kẻ] khoác một mảnh ca-sa, là Tăng sĩ giả mạo, chúng ta vẫn coi họ như thánh Tăng.

“*Vân hà u chư thiện căn thường tinh tấn?*” (Làm thế nào để thường tinh tấn nơi các thiện căn?): Cầu thiện căn thường tinh tấn. Tinh tấn là chẳng giải đãi, vun trồng thiện căn của chúng ta. Làm thế nào thì mới có thể vun trồng thiện căn? Thiện căn càng tăng trưởng càng tốt, càng nhiều càng tốt. Trong tâm, chẳng có chán đủ, chẳng có chán phiền, chẳng có thỏa mãn! Cái chúng ta thiếu hụt chính là chẳng thể tinh tấn. Bất luận bái sám, bất luận nghe kinh, bất luận chính quý vị niệm kinh, đầy đều là các nghiệp thù thắng; nhưng luôn tìm một cái cớ để bào chữa! “Hôm nay tôi bận việc, tôi xin kiếu. Ngày mai sẽ lại làm bù!” Bù bằng cách nào? Hễ đoạn liền bị chặt đứt! Một ngày đoạn, hai ngày đoạn, đoạn lâu ngày, kẻ đó sẽ chẳng nghĩ thực hiện nữa!

Người ta nói: “*Học đạo như thuyền bơi ngược nước, chẳng tiến, ắt lùi*”. Cái thuyền đó, khi chèo ngược dòng, chẳng tiếp tục tiến lên, sẽ bị nước đẩy lùi ngược lại, sẽ bị sóng đánh giạt lui xuống! Tại gia tu hành đều là như vậy, “*Thục sơn vô tận, cần vi lộ*” (Núi Thục vô tận, phải siêng lên đường)³⁰. Biển khổ chẳng có bờ bến. Đồi người trong biển khổ to lớn, quý vị phải siêng khổ. Giống như đi học. Đi học giống như trèo lên núi, chẳng có đường! Quý vị chỉ cần mong cầu tri thức, mong cầu đạo lý phong phú, đã phải siêng ròn; huống hồ tu pháp xuất thế u? Trong tâm vĩnh viễn chẳng có lúc thỏa mãn. Đã đạt tới vô cầu, đã đạt tới Bát Địa Bồ Tát, sẽ tùy tâm, cũng chẳng có tinh tấn, mà cũng chẳng có giải đãi!

“*Vân hà thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc?*” (Làm thế nào để thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề, tâm

³⁰ Ở đây, người ghi lại lời giảng đã viết sai, câu đúng ra phải là “*Thục sơn hữu lộ, cần vi kính; học hải vô nhai, khổ tác châu*” (Núi sách có đường, dùng sự siêng năng tạo thành đường tắt để tiến vào. Biển học không bờ bến, phải dùng cần cù làm thuyền). Đó là đôi câu đối do Hàn Dũ viết và được chép trong bộ Tăng Quang Hiền Văn.

chẳng chán đủ?): Phát lên rất nhiều hạnh nguyện Bồ Đề, nếu giống như mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, sẽ bao gồm trọn vẹn. “Mười” tức là trùng trùng vô tận. Mỗi vị Bồ Tát phát nguyện đều là trùng trùng vô tận. Đây là nói các vị đại Bồ Tát, vĩnh viễn luôn phát nguyện, vĩnh viễn vô tận, tâm chẳng chán đủ, mà cũng vĩnh viễn chẳng có lúc phiền chán, cho là đủ rồi! Kim Cang Tạng Bồ Tát thưa hỏi đức Phật như vậy, “làm như thế nào thì mới có thể đạt tới những điều con đã thưa hỏi trên đây?” Khi Bồ Tát Ma Ha Tát lợi ích chúng sanh, làm như thế nào thì mới có thể miễn trừ những làm lỗi ấy? Đức Phật bèn trả lời Ngài.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thiện nam tử! Hữu Bồ Tát Ma Ha Tát thập luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử thập luân, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhãn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Thường ư nhất thiết tiên sở tạo tác ác bất thiện nghiệp, dĩ thánh kim cang, kiên lợi pháp trí, tội hoại, tán diệt, linh vô dư di, bất thọ quả báo. Cánh bất tạo tân ác bất thiện nghiệp, tâm vô yếm quyện, tốc năng chứng đắc vô thượng pháp luân. Thường cần tu tập Thất Giác Phần bảo, tâm vô yếm quyện. Thường năng trừ diệt nhất thiết chúng sanh chư phiền não bệnh, tâm vô yếm quyện. Nhất thiết chúng sanh y chỉ tồn hoạt.

(經)爾時，世尊告金剛藏菩薩摩訶薩言：「善男子！

有菩薩摩訶薩十輪。若菩薩摩訶薩成此十輪，於聲聞乘得

無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種姓。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。常於一切先所造作惡不善業，以聖金剛堅利法智，摧壞散滅，令無遺餘，不受果報。更不造新惡不善業，心無厭倦，速能證得無上法輪。常勤修習七覺分寶，心無厭倦。常能除滅一切眾生諸煩惱病，心無厭倦。一切眾生，依止存活。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay thiện nam tử! Có thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu mười luân ấy, sẽ chẳng sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, sẽ chẳng sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, sẽ chẳng sai lầm đối với Độc Giác Thừa, sẽ chẳng sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, sẽ chẳng sai lầm đối với Đại Thừa, sẽ chẳng sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể khiến cho chúng tánh Tam Bảo hưng thịnh. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhậy bén, phước thù thắng, thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các vị thiện tri

thức, để tùy thuận làm theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận cúng dường chúng Tăng. Trong các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề tâm chẳng chán đủ. Thường đối với hết thấy các nghiệp ác bất thiện đã tạo tác trước kia, dùng pháp trí thánh kim cương cứng chắc, nhạy bén để phá tan diệt mất, khiến cho chẳng còn thừa sót, chẳng thọ quả báo. Lại còn chẳng tạo nghiệp ác bất thiện mới, tâm chẳng chán mệt, mau có thể chứng đắc vô thượng pháp luân, thường siêng tu tập báu Thất Giác Phần, tâm chẳng chán mệt. Thường có thể trừ diệt hết thấy các bệnh phiền não cho chúng sanh, tâm chẳng chán mệt. Hết thấy chúng sanh nương cậy để sống sót).

Ông đã hỏi các vấn đề ấy, nếu muốn chẳng sai lầm, hãy học theo mười luân này. [Do học luân này, đối với] tam thừa hữu tình, đều có thể chẳng phạm sai lầm, chủng tánh Tam Bảo sẽ vĩnh viễn hưng hực. Đồng thời, “*ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất*” (đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thấy những kẻ khoắc một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng sai lầm), để dạy bảo họ chẳng phạm sai lầm thì phải nương theo thập luân này. Các phần kinh văn trước đó vẫn chưa nói tới thập luân, đợi đến khi đã nói xong công đức của thập luân ấy thì mới nói thập luân.

“*Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển*” (Trong hết thấy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, nhanh chóng được tự tại, chẳng bị thoái chuyển), chẳng phải là ông đã hỏi như thế hay sao? Đức Phật bèn nhắc lại nguyên văn [lời hỏi] lần nữa, dùng thập luân để giải quyết những vấn đề Bồ Tát đã hỏi, có ý nghĩa như vậy đây!

Cũng có thể “*thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc*” (thường được gặp gỡ các vị thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thấy chư Phật, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn,

thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ): Hạnh và nguyện chẳng chán đủ. Hạnh và nguyện hai thứ vốn kết hợp lại, hạnh tức là nguyện, nguyện tức là hạnh, nhưng nói theo phía chúng ta thì chúng bị tách rời. Có khi chúng ta phát nguyện suông, nguyện toàn là rỗng tuếch, chẳng có hạnh phối hợp với nguyện. Có khi chúng ta có hạnh, lại chẳng có nguyện, chẳng biết phát nguyện, nguyện của người ấy hết sức nhỏ bé, chẳng tương hợp với pháp!

Mỗi lần đến mừng Một, Rằm, người thắp hương rất nhiều, hoặc người bái sám cũng rất nhiều, họ liền thực hiện. Tuy làm, nhưng chẳng biết phát nguyện, chẳng biết vận dụng quán tưởng. Kẻ đó thắp một nén hương là một nén hương, dâng một đĩa hoa là một đĩa hoa, chẳng biết dùng nguyện lực để tăng nhiều hơn, cũng chẳng biết hoa là nhân. Khi chúng ta cúng hoa, nguyện ta đắc quả, hoa là Bồ Đề nhân, ta nguyện đắc Bồ Đề quả. Người ấy chẳng tưởng như thế, chẳng có tâm lượng như vậy, căn bản là chẳng biết!

Mọi người học Phật pháp đã rất lâu, đã biết. Hãy nhớ lại xem, khi quý vị cúng Phật, có phải là mỗi niệm đều vận dụng Bồ Đề tâm, vận dụng Phổ Hiền cúng (sự cúng dường của Phổ Hiền Bồ Tát) hay không? Có các đạo hữu, chúng ta cũng là cùng nhau dâng cúng, tức là cúng trọn khắp. Cúng dường mười phương hết thầy chư Phật, cúng dường mười phương hết thầy tôn pháp, cúng dường hết thầy thánh hiền Tăng. Bất luận trong nước hay ngoài nước, Tây Tạng, Ấn Độ đều tính gộp vào đó, cho đến hiền thánh đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới Liên Trì Hải Hội đều được bao gồm trong ấy, có từng nghĩ tâm lượng của quý vị lớn cỡ nào hay không? Quý vị tưởng lớn cỡ nào, công đức sẽ to cỡ đó. Nguyện và hạnh giống như hai cái chân của mỗi người, một chân ngắn hơn, hay thiếu chân đều không được, sẽ chẳng thể đạt được hiệu quả to lớn. Đây đều là nhắc lại những lời thưa hỏi của Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Đức Phật dạy: Nếu nương theo thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát thì những gì ông đã hỏi sẽ đều đạt được. Trong các điều [được nêu ra] tiếp đó, [có những điều] chẳng thuộc trong lời hỏi của Ngài. Như “*cầu các thứ hạnh nguyện, tâm chẳng chán đủ*” thì vẫn là lời hỏi của Kim Cang Tạng Bồ Tát. Đức Phật nhắc lại, có thể thỏa mãn [ước nguyện ấy], nhưng điều sau đó chẳng phải: “*Thường đối với hết thầy các nghiệp ác bất thiện đã tạo tác trước kia*”: Nghiệp ác bất thiện, tức nghiệp bất thiện đã tạo trong

quá khứ. Điều ác đã tạo như thế đó. Đối với điều ác ấy, sám hối như thế nào? Diệt trừ như thế nào? “*Dĩ thánh kim cang kiên lợi pháp trí*” (Dùng pháp trí thánh kim cang cứng chắc, nhọn bén), tức là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, chúng ta thường nói là kinh Kim Cang. Trí huệ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật chính là trí Bát Nhã. Trí huệ Bát Nhã kiên cố như kim cang, chẳng bị hết thảy phá hoại. Sắc bén như kim cang, chẳng bị hết thảy các thứ khác bẻ gãy. Trí huệ từ pháp Bát Nhã có thể phá hủy toàn bộ các nghiệp ác bất thiện đã tạo ấy, “*linh vô di dư*” (khiến cho chẳng còn sót thừa). Không chỉ phá hủy, mà còn chẳng có tí nào sót lại! Phá hủy sạch sành sanh, phá hủy sạch sẽ chẳng còn sót, chẳng thừa sót tí nào, chẳng thọ quả báo!

Đối với nghiệp đã tạo trong vô lượng kiếp quá khứ, quý vị nương vào thập luân này, ngay lập tức, các nghiệp kiên cố ấy đều bị phá hủy. Dùng gì vậy? Dùng trí Bát Nhã, trí huệ Bát Nhã kiên cố, lại còn “*chẳng thọ quả báo*”. “*Cánh bất tạo tân ác bất thiện nghiệp*” (Lại chẳng tạo thêm nghiệp ác bất thiện mới): Nghiệp cũ đã sám hối xong, chẳng tạo nghiệp mới nữa! Vì sao? Nương theo mười luân của Bồ Tát Ma Ha Tát, nương theo mười luân ấy, sẽ chẳng tạo, có thể mau chóng “*chứng đắc vô thượng pháp luân*”. Nương theo thập luân ấy, sẽ rất nhanh chóng chứng thành quả Phật, có thể chuyển đại pháp luân, thường siêng năng tu tập pháp Thất Giác Chi, tức “*Thất Giác Chi Phần bảo*”, tâm chẳng chán mệt! “*Thường năng trừ diệt nhất thiết chúng sanh chư phiền não bệnh, tâm vô yếm quyền*” (Thường có thể diệt trừ các bệnh phiền não của hết thảy chúng sanh, tâm chẳng chán mệt). Bệnh phiền não của chúng ta quá nhiều, tám vạn bốn ngàn phiền não. Đức Phật đã nói tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị, có tổng phiền não và căn bản phiền não. Tổng phiền não là vô minh. “*Nhất thiết chúng sanh y chỉ tồn hoạt*” (Hết thảy chúng sanh nương cậy vào đó để sống sót), tức là do thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu hết thảy chúng sanh muốn thành tựu Pháp Thân huệ mạng, nương theo Pháp Thân huệ mạng ấy, Pháp Thân vĩnh viễn thường tồn tại, [thì phải nương vào thập luân ấy], có hàm nghĩa như thế đó. Đoạn này nhằm nói Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ thập luân, nương theo mười luân ấy để giữ toàn vẹn Pháp Thân huệ mạng, nhưng vẫn chưa giảng thập luân là gì. Nói thật ra, ai nấy đều biết thập luân cả rồi, nó cũng chính là Thập Thiện Nghiệp.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Chuyển Luân Vương cụ túc thất bảo. Phạm sở hành động, luân bảo đạo tiền, dư bảo tùy hậu, tuần tứ đại châu, phổ năng trừ diệt nhất thiết chúng sanh thân tâm trược uế,

phổ năng sanh trưởng nhất thiết chúng sanh thân tâm an lạc. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, w Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, quảng thuyết nãi chí nhất thiết chúng sanh y chỉ tồn hoạt. Thiện nam tử! Như đại xa lộ, cụ túc tứ luân, đa nhân thừa chi, du hành đại lộ. U kỳ lộ thượng, thổ khối, ngôa, lịch, thảo mộc, căn, hành, chi, diệp, hoa, quả vị luân sở triển, giai tất tồ hoại, bất nhậm thọ dụng. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, tất năng tồ hoại chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, linh bất thọ báo.

(經)善男子！如轉輪王具足七寶。凡所行動，輪寶導前，餘寶隨後，巡四大洲，普能除滅一切眾生身心濁穢，普能生長一切眾生身心安樂。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，於聲聞乘得無誤失，廣說乃至一切眾生，依止存活。善男子！如大車輅具足四輪，多人乘之遊行大路。於其路上，土塊、瓦礫、草木、根、莖、枝、葉、華、果為輪所輾，皆悉摧壞，不任受用。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，悉能摧壞諸煩惱障、諸有情障、一切法障，令不受報。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Như Chuyển Luân Vương trọn đủ bảy báu, phàm khi di chuyển, luân bảo dẫn đường đằng trước, các báu khác theo sau, tuần du khắp bốn đại châu, có thể trừ diệt trọn khắp trước uế nơi thân tâm của hết thảy chúng sanh. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, đối với Thanh Văn Thừa chẳng phạm sai lầm, nói rộng là cho đến hết thảy chúng sanh dựa vào đó mà sống sót. Đây thiện nam tử! Như cỗ xe lớn trọn đủ bốn bánh, nhiều người ngồi trên đó, rong ruổi trên đường lớn. Các hòn đất, ngói, sỏi, rễ, thân, cành, lá, hoa, quả của thảo mộc trên đường bị bánh xe nghiền qua, thảy đều tan nát, chẳng thể còn có tác dụng nữa. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, thảy đều có thể phá tan các phiền não, các hữu tình chướng, hết thảy pháp chướng khiến chẳng thọ báo).

Tượng bảo, mã bảo, mỹ nữ bảo, châu bảo, trân châu bảo đều được luân bảo dẫn đường. Trong các Chuyển Luân Thánh Vương, Thiết Luân Vương hễ xuất hành thì thiết luân tự nhiên hiện tiền, do phước báo cảm vời. Có Đồng Luân Vương cai quản hai châu, đồng luân hiện tiền. [Ngân Luân Vương] cai quản ba châu thì ngân luân hiện tiền. [Kim Luân Vương] cai quản tứ đại bộ châu thì kim luân hiện tiền. Hễ ông ta xuất hành, bèn có kim luân hiện tiền. Ở đây, [chánh kinh] nói về kim luân bảo.

“*Tuần tứ đại châu*” tức là Nam Thiệm Bộ Châu (Jambu-dvīpa), Bắc Câu Lô Châu (Uttara-kuru), Tây Ngưu Hạ Châu (Apara-godānīya), và Đông Thắng Thần Châu (Pūrva-vidēha), cả bốn đại châu đều có thể tuần tra, đều có thể diệt trừ hết thảy trước uế nơi thân tâm của chúng sanh, và có thể sanh trưởng sự an lạc nơi thân tâm cho trọn khắp hết thảy chúng sanh trong bốn đại châu. Chuyển Luân Thánh Vương có công đức ấy. Ông ta đến bốn đại châu, thuyết pháp cho bốn đại bộ châu, dùng mạng lệnh của quốc vương để chế định chánh sách nơi bốn bộ châu, khiến cho chúng sanh ấy đều được an lạc.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát diệc phục như thị*” (Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế): Đây là nói tỷ dụ. Trước nêu tỷ dụ, sau đó thuyết pháp, cũng là pháp và dụ (喻, thí dụ) hòa hợp. Ta nói Bồ Tát Ma Ha Tát, “*thành tựu thập luân*” giống như Chuyển Luân Thánh Vương. Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, thập luân hiện tiền. Vận dụng thập luân, sẽ chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, nói rộng là đúng như Kim Cang Tạng Bồ Tát đã nói. “*Quảng thuyết nãi chí nhất thiết chúng sanh y chỉ tồn hoạt*” (nói rộng thì cho đến hết thảy chúng sanh đều dựa vào đó để sống sót), tức là nói rộng ra thì như trong kinh văn phần trước đã vừa nhắc lại, chẳng lặp lại nữa!

“*Thiện nam tử, như đại xa lộ*” (Ví như cỗ xe ngựa lớn): “*Đại xa lộ*” (大車路) là cỗ xe lớn. “*Cụ túc tứ luân*” (Trọn đủ bốn bánh), xe hiện thời đều có bốn bánh. “*Đa nhân thừa chi, du hành đại lộ*” (Nhiều người ngồi trên đó rong ruổi trên đường lớn): Lái xe trên đường, hòn đất, ngói, sỏi, thảo mộc, cành, lá, hoa, quả “*vị luân sở triển*” (bị bánh xe nghiền qua), sẽ đều bị nghiền nát. “*Giai tất tồi hoại*” (Thầy đều tan nát), tức là Bồ Tát thành tựu mười luân này, bất luận cái bánh xe nào cũng đều có công năng này: Phá tan tất cả chướng ngại trên đường. Dầu phiền não ngăn chướng, chẳng bị phiền não xoay chuyển, thọ dụng và tác dụng của phiền não đều chẳng còn nữa, đều bị tiêu mất. Bồ Tát Ma Ha Tát là như

vậy đó, có thể “*thành tựu thập luân, tất năng tở hoại chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, linh bất thọ báo*” (thành tựu thập luân, tất đều có thể phá tan các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thảy pháp chướng, khiến chẳng thọ báo): Lật ngược nhân quả, hết thảy các pháp chướng, và các chướng ngại đều chẳng chấp trước, chẳng có Không nghĩa, khiến cho chẳng thọ báo, tức là người ấy đã tự chứng đắc tánh Không, chẳng thọ báo. Nhưng mọi người hãy nên thường xuyên quán tưởng mười luân ấy, nói “*định nghiệp chẳng thể chuyển*” là nói về luật nhân quả. Quý vị đã tạo cái nhân nào, nhất định phải thọ báo ấy.

Nếu bị chuyển, sẽ chẳng có nhân quả, luật nhân quả chẳng tồn tại. Vì vậy, định nghiệp chẳng thể chuyển, sức tam-muội gia trì chính là định lực gia trì. Định lực gia trì môn Định nào vậy? Môn Định ấy chính là “*hết thảy các pháp đều Không*”. Chẳng có định nghiệp, nhân quả vốn cũng chẳng có. Nói như vậy thì rất dễ rơi vào Đoạn Diệt, rất nhiều người tạo nghiệp. Đó gọi là “*hữu ngộ thất*” (有誤失, có sai lầm). Quý vị có thể nói như vậy với Đại Thừa Bồ Tát, chứ đối với Thanh Văn, đối với kẻ khoác một mảnh ca-sa, đối với các pháp khí chẳng thuộc loại pháp khí Đại Thừa, [nhất là đối với] kẻ chẳng phải là pháp khí, càng chẳng thể nói như vậy được! Nếu nói với như vậy với họ, sẽ là sai lầm. Nếu muốn chẳng sai lầm, thì phải nói “*các pháp do nhân duyên sanh, ta nói chính là Không, cũng là giả danh, cũng là nghĩa lý Trung Đạo*”. Đây là một loại cảnh giới khác được nói trong một loại kinh điển khác. Còn ở đây là nói gồm chung các pháp tam thừa, nói chung về tam thừa.

Vì thế, nói hết thảy các phiền não chướng đã chẳng có, pháp chướng đã chẳng có, phiền não chướng đã chẳng có, Kiến Tư phiền não chướng đã chẳng có. Pháp chướng đã chẳng có, Pháp Chấp và Ngã Chấp đã chẳng có. Pháp Chấp là nói hàng Nhị Thừa có Pháp Chấp. A La Hán đều có Pháp Chấp. Họ nói: “*Ngã chẳng có, Ngã đã Không, phiền não không, nhưng pháp chẳng không*”. Họ cho rằng pháp do đức Phật đã nói chẳng không. Đó gọi là Pháp Chướng, tức là đã bị pháp hạn cuộc, còn ở đây là hết thảy các chướng ngại đã hoàn toàn tiêu mất. Vì sao chẳng thọ báo? Do các pháp duyên khởi tánh Không; cho nên chẳng bị chướng, mà cũng chẳng thọ báo.

(Kinh) Thiện nam tử! Như lợi kiếm luân, tài nhất đầu xé, năng trăm oán địch thủ cập chi tiết, linh vô thể dụng. Bồ Tát Ma Ha Tát

diệc phục như thị, thành tựu thập luân, năng phá nhất thiết ngũ thú lao ngục, sanh tử đại khổ, vĩnh đoạn nhất thiết phiền não ác nghiệp, linh bất thọ báo. Thiện nam tử! Như hỏa tai khởi, ngũ nhật xuất thời, biến tứ đại châu, nhất thiết hà, hải, thủy giới, tân nhuận, vô bất khô kiệt. Bồ Tát Ma Ha Tát diệc phục như thị, thành tựu thập luân, nhất thiết tứ nhân, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, khổ báo căn bản, tất giai khô kiệt. Thiện nam tử! Như phong tai khởi, tứ phương mãnh phong, câu thời đồn phát, nhất thiết thế giới, đại tiểu chư sơn, cập chư đại địa, tất giai tán diệt. Bồ Tát Ma Ha Tát diệc phục như thị, thành tựu thập luân, thế gian tứ đảo, kiên mạn chư sơn, vô bất băng hoại. Nhất thiết chúng sanh chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, khổ báo căn bản, tất giai tán diệt.

(經)善男子！如利劍輪才一投擲，能斬怨敵首及支節，令無勢用。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，能破一切五趣牢獄，生死大苦，永斷一切煩惱惡業，令不受報。善男子！如火災起，五日出時，遍四大洲一切河、海、水界、津潤，無不枯竭。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，一切四因諸煩惱障、諸有情障、一切法障、苦報根本，悉皆枯竭。善男子！如風災起，四方猛風俱時頓發，一切世界大小諸山及諸大地，悉皆散滅。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，世間四倒憍慢諸山，無不崩壞。一切眾生諸煩惱障、諸有情障、一切法障、苦報根本，悉皆散滅。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như vàng grom sắc vừa mới rút ra, có thể chém phẳng đầu và tứ chi của oán địch, khiến họ trở thành vô dụng. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, có thể phá hết thủy nổi khổ sanh tử to lớn trong lao ngục năm đường, vĩnh viễn đoạn dứt hết thủy các ác nghiệp phiền não, khiến chẳng thọ báo. Nay thiện nam tử! Như lúc hỏa tai dậy lên, năm mặt trời mọc, trọn khắp bốn đại châu, hết thủy sông, biển, các chỗ có nước, những nơi ẩm ướt, không

đâu chẳng bị khô cạn. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, hết thấy bốn nhân, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, căn bản khổ báo, thấy đều khô cạn. Nay thiện nam tử! Như lúc phong tai dấy lên, gió mạnh từ bốn phương cùng lúc dấy lên, trong hết thấy các thế giới, các núi lớn, nhỏ, và các đại địa, thấy đều tan diệt. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, các núi bốn thiên đảo, kiêu căng, ngạo mạn, không gì chẳng nứt sụp. Các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, khổ báo căn bản của hết thấy chúng sanh, thấy đều tan diệt).

Đức Phật lại nêu thí dụ. “*Như lợi kiếm luân*” [nghĩa là] luân ấy giống như grom báu sắc bén nhất. Grom báu “*tài nhất đầu xé*” (vừa mới rút ra), hết sức mau chóng, vừa mới vung lên, đã chặt đứt phăng đầu và tứ chi của oán địch, khiến họ vô dụng. Đó là ý nghĩa của câu “*linh vô thế dụng*”. Có các đề tài trong tiểu thuyết đã căn cứ theo [các thí dụ] trong kinh Phật để viết. Tôi có đọc một quyển tiểu thuyết, người đó tìm một vị sư phụ thường thất bại. Vì ông ta vĩnh viễn thất bại, cho nên gọi là Thiên Bại (千敗, ngàn lần thất bại). Ông ta tôn vị ấy làm thầy, học gì từ sư phụ? Chẳng có gì kỳ lạ, đặc biệt, tức là [học sao cho] hễ rút grom báu sẽ thật nhanh, vung grom cái roẹt, một phát là xong! Tôi nghĩ công phu ấy chính là như các hòa thượng chúng tôi gọi là “*tác ý*”. Tâm đến đâu, pháp tới đó. Tâm đến đâu, kiếm tới đó, vung grom lấy đầu đối thủ, có ý nghĩa như thế đó. Ông ta rút grom nhanh đến nỗi địch nhân chẳng có cách nào thấy ông ta ra tay, cũng chẳng thấy ông ta rút kiếm! Nói về chiêu thức thì ông ta chẳng có chiêu thức, một chiêu như vậy thôi! Chiêu gì vậy? Vung grom, sọ quý vị rơi phập xuống, quý vị còn chờ tôi xem quý vị ra chiêu chi nữa? Ta khéo đỡ một chiêu, chẳng có chuyện ấy, chỉ là một nhất kiếm, quý vị chẳng đỡ nổi! Hiểu được đạo lý này, sẽ biết ngay!

Cái được sử dụng ở đây là huệ kiếm, tức cái tâm trí huệ của quý vị, đến nơi ấy, hắc ám bị phá nát. Chẳng có trí huệ, nếu muốn làm chuyện phương tiện, sẽ càng bị ràng buộc chặt hơn. Do vậy, người có trí huệ sẽ càng thuận tiện, càng giải thoát. Vì thế, “*hữu huệ, phương tiện giải; vô huệ, phương tiện phược*” (có huệ thì phương tiện là giải thoát. Không có trí huệ, sẽ bị phương tiện trói buộc). Chẳng có trí huệ, quý vị đừng tạo phương tiện loạn xạ. Làm lung tung tức là đầu óc có vấn đề! Người có trí huệ, tùy tiện như thế nào, cũng đều có thể vận dụng! Quý vị

luyện Bát Quái Kiếm, hay Thái Cực Kiếm chi chi nữa, tùy tiện quý vị luyện loại kiếm nào, người ta rút kiếm, một phát chém phăng sọ quý vị, chẳng chờ quý vị thi triển! Quý vị thi triển bằng cách nào? Căn bản là chẳng có đường nào khác để thi triển! Có ý nghĩa như thế đó.

Bồ Tát Ma Ha Tát “*thành tựu thập luân*”, sức mạnh ấy lớn đến nỗi có thể phá tan nỗi khổ sanh tử to lớn trong lao ngục năm đường, sanh tử liền bị đoạn diệt. “*Vĩnh đoạn nhất thiết phiền não ác nghiệp*” (Vĩnh viễn đoạn dứt hết thảy ác nghiệp phiền não). Các nghiệp phiền não ấy Bồ Tát Ma Ha Tát đều đoạn trừ, khiến cho chẳng thể thọ báo. Nghiệp là báo, “*ngiệp báo*” là quả báo của nghiệp, đoạn nghiệp thì đều chẳng còn nữa, báo cũng chẳng có! Khi hỏa tai phát sanh trong thế giới này, khi cảm vùi nghiệp báo, một vàng thái dương xuất hiện, hai vàng thái dương xuất hiện, ba vàng thái dương xuất hiện, bốn vàng thái dương xuất hiện, năm vàng thái dương xuất hiện. Một vàng thái dương xuất hiện, chúng ta cảm thấy là mùa Hè. Ngay lúc mặt trời chiếu giữa Ngọ, quý vị đều chịu không nổi. Nếu là năm mặt trời, tăng gấp năm lần! Nhiệt độ [mùa Hè thông thường là] ba mươi chín độ, ba lần năm là mười lăm, ba lần chín là hai mươi bảy, tức là [năm nhân ba mươi chín] sẽ là một trăm bảy mươi bảy độ. Một trăm bảy mươi bảy độ chiếu xuống, quý vị bốc hơi, có thể tồn tại nổi ư? Do vậy, sông, biển, những nơi có nước, những chỗ ẩm ướt đều khô cạn.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân*” (Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân), tiêu trừ bốn cái nhân và các phiền não chướng của hết thảy chúng sanh. Bốn căn bản phiền não là bốn cái nhân. Bốn căn bản phiền não là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, và ngã ái. Đó là cơ bản. Nhưng nói sâu hơn chút nữa, sẽ là Kiến phiền não, Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Các thứ phiền não ấy làm nhân, cảm vùi quả báo, cũng rất nhiều. Hết thảy các phiền não, ác nghiệp đều tiêu mất, cạn hay sâu, cho đến vi tế, cho đến chủng tử, chủng tử phiền não dùng vô minh làm căn bản. Vì chúng đặc Không tánh, đã lý giải, nói pháp chướng, nghiệp chướng, khổ chướng của hết thảy hữu tình, thọ khổ là khổ báo, quả báo và cái nhân cũng đã tiêu mất. Đó là quả!

“*Tất giai khô kiệt*” (Thảy đều khô cạn), giống như năm vàng thái dương xuất hiện. Năm vàng thái dương nhằm hình dung trí huệ của quý vị đã dẹp tan, cạn khô phiền não chướng, đợi cho đến khi Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thập luân, sẽ cạn khô toàn bộ biển cả phiền não, biển khổ sanh tử. Các núi bốn điên đảo, kiêu căng, ngạo mạn trong thế gian đều bị

sụp vỡ. Đảo kiến (倒見, tri kiến điên đảo) có thể nói chính là “ngã si, ngã mạn, ngã ái, ngã kiến”. [Bảo là] điên đảo, vì chẳng phải là ngã mà chấp là ngã. Đây là điên đảo kiến! Si là vô minh, chuyển biến vô minh thành trí huệ, chuyển tà tri tà kiến thành chánh kiến, chuyển thành trí huệ, chuyển ngã mạn thành nhân nhục, chuyển ngã ái thành từ bi. Đại từ đại bi chuyển thành trí huệ ái. “*Nhất thiết chúng sanh chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, khổ báo căn bản, tất giai tán diệt*” (Các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thảy pháp chướng, căn bản khổ báo của hết thảy chúng sanh thảy đều tan diệt), đều diệt trừ sạch.

(Kinh) Thiện nam tử! Như sư tử vương, hồng thanh nhất phát, nhất thiết cảm thú tất giai kinh bố, phi lạc, tẩu phục, vô cảm triếp động. Bồ Tát Ma Ha Tát diệc phục như thị, thành tựu thập luân, pháp âm nhất chấn, nãi chí nhất thiết ngoại đạo, dị học, ác tri thức đẳng, tất giai kinh bố, vong thất ngôn biện, vô cảm thù kháng.

(經)善男子！如師子王，吼聲一發，一切禽獸悉皆驚怖，飛落走伏，無敢輒動。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，法音一震，乃至一切外道，異學，惡知識等，悉皆驚怖，忘失言辯，無敢酬抗。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như sư tử chúa vừa rống một tiếng, hết thảy cảm thú thảy đều kinh sợ, đang bay bị rơi xuống, chạy núp, chẳng dám tùy tiện động đậy. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, pháp âm vừa vang rền, cho đến hết thảy ngoại đạo, dị học, ác tri thức v.v... thảy đều kinh sợ, quên sạch nói năng, biện bác, chẳng dám chống đối).

“*Như sư tử vương hồng thanh nhất phát*” (Như sư tử chúa rống một tiếng), “*nhất thiết cảm thú tất giai kinh bố, phi lạc tẩu phục, vô cảm triếp động*” (hết thảy cảm thú thảy đều kinh sợ, đang bay bị rơi xuống, chạy tìm chỗ ẩn núp, chẳng dám động đậy), “*phi lạc*” (飛落, đang bay bị rơi xuống) là nói đến loài chim bay. Sư tử rống khiến chúng nó chân động, đều bay trốn đi. “*Bồ Tát Ma Ha Tát diệc phục như thị, thành tựu thập luân, pháp âm nhất chấn, nãi chí nhất thiết ngoại đạo, dị học, ác tri*

thức đặng tất giai kinh bố, vong thất ngôn biện” (Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, pháp âm vừa vang rền, cho đến hết thấy ngoại đạo, dị học, ác tri thức v.v... thấy đều kinh sợ, quên mất nói năng, biện luận): Lúc họ tính biện luận với quý vị, [quý vị] dùng chánh pháp âm nói ra, họ muốn mở miệng mà chẳng thể mở được. Tà tri, tà kiến đều bị phá hủy. Đó là hàm nghĩa của câu “vô cảm thù kháng” (chẳng dám đối kháng), “thù” (酬) là chống đối, “kháng” (抗) nghĩa là kháng biện (抗辯), đối kháng, tức là tranh luận, biện hộ với quý vị.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Thiên Đế Thích dữ A Tô Lạc tương dục chiến thời, thiên quân vi nhiều, thủ chấp kim cang, bôn thú trận địch, chư A Tô Lạc kinh bố, thoái tán. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, nhất thiết đảo kiến ngoại đạo, dị học, ác tri thức đặng, kinh bố thoái tán. Thiện nam tử! Như Như Ý châu, trí cao tràng thượng, năng vũ chủng chủng thượng diệu trần bảo, cấp thí nhất thiết bần pháp chúng sanh. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, xử tịnh giới tràng, vũ đại pháp vũ, cấp thí nhất thiết vô lượng chúng sanh. Thiện nam tử! Như ám dạ phân, thế gian u minh, đô vô sở kiến, mê thất chánh đạo. Mãn nguyệt xuất dĩ, chư ám giai trừ, chư thất đạo giả, giai kiến chánh lộ. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, nhược chư chúng sanh, vô minh hôn ám, do thử mê thất bát chi thánh đạo. Bồ Tát vị kỳ tuyên thuyết chánh pháp, trừ vô minh ám, sanh pháp quang minh, khai thị, hiển hiện bát chi thánh đạo, linh đoạn chư lậu, tận chư khổ tế.

(經)善男子！如天帝釋，與阿素洛將欲戰時，天軍圍繞，手執金剛，奔趣陣敵，諸阿素洛驚怖退散。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，一切倒見外道，異學，惡知識等，驚怖退散。善男子！如如意珠置高幢上，能雨種種上妙珍寶，給施一切貧乏眾生。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，處淨戒幢，雨大法雨，給施一切無量眾生。善男子！如闇夜分，世間幽冥都無所見，迷失正道。滿月出已，諸

闇皆除，諸失道者皆見正路。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，若諸眾生無明昏闇，由此迷失八支聖道。菩薩為其宣說正法，除無明闇，生法光明，開示顯現八支聖道，令斷諸漏，盡諸苦際。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Như Thiên Đế Thích và A Tổ Lạc lúc sắp giao chiến, quân trời vây quanh, tay cầm kim cang, xông vào giao chiến với địch quân, các A Tổ Lạc kinh sợ, tan chạy. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, hết thấy ngoại đạo tri kiến điên đảo, dị học, ác tri thức v.v... kinh sợ tan chạy. Đây thiện nam tử! Như Như Ý châu đặt trên tràng cao, có thể tuôn ra các thứ trân bảo thượng diệu, thí cho hết thấy chúng sanh nghèo thiếu. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, đặt trên tràng tịnh giới, tuôn mưa pháp to, thí cho hết thấy vô lượng chúng sanh. Đây thiện nam tử! Như trong đêm tối tăm, thế gian đen tối, trợn chẳng thấy gì, mê mất đường chánh. Trăng tròn vừa mọc, các tối tăm đều trừ, những kẻ lạc đường đều thấy đường chánh. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, nếu các chúng sanh vô minh tăm tối; do vậy, mê mất đường tám chi thánh đạo. Bồ Tát vì họ tuyên nói chánh pháp, trừ tối vô minh, sanh pháp quang minh, khai thị, hiển hiện tám chi thánh đạo, khiến đoạn các lậu, hết sạch các khổ).

“Thiện nam tử, như Thiên Đế Thích dữ A Tổ Lạc, tương dục chiến thời, thiên quân vi nhiễu, thủ chấp kim cang, bồn thú trận địch” (Đây thiện nam tử! Như Thiên Đế Thích và A Tổ Lạc lúc sắp giao chiến, quân trời vây quanh, tay cầm kim cang³¹, xông vào giao chiến với địch), tức là vào trong chiến trận của A Tổ Lạc (A Tu La).

“Chư A Tổ Lạc, kinh bố thoái tán” (Các A Tổ Lạc kinh sợ, tan chạy), Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như vậy. Nếu *“thành tựu thập luân, nhất thiết đảo kiến ngoại đạo, dị học, ác tri thức đẳng, kinh bố thoái tán. Thiện nam tử! Như Như Ý Châu trí cao tràng thượng”* (thành tựu thập luân, hết thấy ngoại đạo tri kiến điên đảo, dị học, ác tri thức v.v... kinh sợ tan chạy. Đây thiện nam tử! Như Như Ý châu đặt trên tràng cao), lại tỷ dụ, Như Ý bảo châu đặt trên chỗ rất cao. Nếu khô hạn,

³¹ Kim cang ở đây là kim cang xứ (vajra), vũ khí của Thiên Đế Thích.

bền đem bảo châu đặt trên chỗ cao, bảo châu ấy có thể tuôn ra các loại mưa. Mưa ấy là mưa trên bảo thượng diệu, bố thí hết thảy chúng sanh nghèo thiếu, bọn họ liền được cứu.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, xử tịnh giới tràng*” (Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, ở trên tràng tịnh giới): Trì giới thanh tịnh. Giới thanh tịnh giống như tràng cao. Mưa đại pháp vũ là thuyết pháp, chẳng phải là trần bảo, còn tốt đẹp hơn trần bảo. Thuyết pháp là mưa pháp vũ, mang ý nghĩa mưa ra pháp mà chúng sanh yêu thích. Mưa có thể trừ diệt tai nạn, chuyển đại pháp luân. “*Pháp vũ*” là từ ngữ hình dung thuyết pháp cho họ, hướng về hết thảy chúng sanh để nói, đáng nên dùng pháp gì để độ được, liền nói cho họ pháp đó.

“*Thiện nam tử, như ám dạ phần*” (Này thiện nam tử! Như trong đêm đen), trời tối đen, như trong lúc ấy, thế gian tối tăm, “*u minh*” (幽冥) có nghĩa là hắc ám. “*Đô vô sở kiến*” (Đều chẳng trông thấy): Trong tối tăm, mắt chúng ta mất tác dụng. Mắt chúng ta thấy sáng, chẳng thấy tối. Lúc đó, quý vị chẳng thấy vật gì, chẳng trông thấy để biết nên đi đường nào, liền bị lạc mất nẻo chánh. Đợi cho đến khi trăng Rằm, “*mãn nguyệt*” là vầng trăng tròn ngày Rằm, khi trăng tròn, nó sẽ trừ tối tăm, các tối tăm đều tiêu mất. Quý vị sẽ thấy đường rõ ràng. Kẻ chẳng trông thấy chính là kẻ lạc đường, chẳng tìm ra con đường đúng, ngay lúc ấy bền trông thấy, quang minh vừa chiếu, kẻ đó sẽ tìm được đúng lối.

Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như vậy, thành tựu thập luân, nếu các chúng sanh vô minh tăm tối, bị lạc mất tám chi thánh đạo, chẳng đi theo con đường chánh. Như thế thì Bồ Tát sẽ tuyên nói chánh pháp, trừ bỏ tối vô minh, sanh khởi ánh sáng pháp cho kẻ đó, khai thị, hiển hiện tám chi thánh đạo. “*Linh đoạn chư lậu*” (Khiến đoạn các lậu), bao gồm lậu tam giới, cho đến lậu nhị tử, lậu Biên Dịch Sanh Tử. Những thứ ấy đều là “*khổ tế*” (苦際, ngăn mé khổ), cũng là “*chư lậu tận chư khổ tế*”. Điều này bao gồm hết thảy Bồ Tát. Bồ Tát hãy còn ở trong nỗi khổ Biên Dịch Sanh Tử, hãy còn có Trần Sa và Vô Minh Hoặc, sẽ đều đoạn trừ cho họ!

(Kinh) Thiện nam tử! Như đại nhật điện xuất hiện thế gian, nhất thiết miêu giá, tất giai tăng trưởng, nhất thiết hoa diệp tất giai phu vinh, nhất thiết xú uế tất giai trừ diệt, chư cốc, quả, dược, tất giai thành thực, Tuyết sơn tiêu lưu, chư hà sung dật, tiệm thứ chuyển chú,

mãn u đại hải. Bồ Tát Ma Ha Tát diệc phục như thị, thành tựu thập luân, y chỉ tăng thượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh, Thi La, an nhĩn, chánh cần, Tĩnh Lự, Bát Nhã, phương tiện, từ bi, biện tài công đức, giai tất xí thịnh, vị chư chúng sanh, tuyên thuyết chánh pháp, do pháp oai quang, linh chư chúng sanh, chủng chủng tăng thượng thiện căn miêu giá tất giai tăng trưởng, chủng chủng tăng thượng diệu hạnh hoa diệp tất giai phu vinh, chủng chủng phiền não, ác nghiệp, ác hạnh, tất giai trừ diệt, thiện thú Niết Bàn, chư cốc, quả, dược, tất giai thành thực, tà kiến mạn sơn tất giai tiêu lưu, chủng chủng chánh tín, giới, văn, xả, huệ, cập chư định hà, vô bất sung dật, tiệp thứ doanh mãn đại Niết Bàn hải, linh chư hữu tình tùy ý sở nhạo, thú nhập vô úy Niết Bàn chi thành.

(經)善男子！如大日殿出現世間，一切苗稼悉皆增長，一切華葉悉皆敷榮，一切臭穢悉皆除歇，諸谷果藥悉皆成熟，雪山銷流，諸河充溢，漸次轉註，滿於大海。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，依止增上佈施、調伏、寂靜、尸羅、安忍、正勤、靜慮、般若、方便、慈悲、辯才功德，皆悉熾盛，為諸眾生宣說正法，由法威光，令諸眾生，種種增上善根苗稼悉皆增長，種種增上妙行華葉悉皆敷榮，種種煩惱惡業惡行悉皆除歇，善趣涅槃，諸谷果藥悉皆成熟，邪見慢山悉皆銷流，種種正信戒聞舍慧及諸定河無不充溢，漸次盈滿大涅槃海，令諸有情隨意所樂，趣入無畏涅槃之城。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Như cung điện mặt trời to lớn xuất hiện trong thế gian, hết thấy lúa mạ thấy đều tăng trưởng, hết thấy hoa, lá thấy đều sum suê, hết thấy thói dơ thấy đều trừ dứt, các loại ngũ cốc, trái cây, dược thảo, thấy đều chín muồi, Tuyết sơn tan chảy, các dòng sông tràn đầy, lần lượt chảy rót vào nhau, chan chứa biển cả. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, y chỉ tăng thượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh, Thi La, an nhĩn, chánh cần, Tĩnh Lự, Bát Nhã,

phương tiện, từ bi, biện tài công đức, thấy đều hùng hực, vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Do oai quang của pháp, khiến cho các thứ lúa mạ thiện căn tăng thượng của các chúng sanh thấy đều tăng trưởng, các loại hoa lá diệp hạnh tăng thượng thấy đều sum suê, các loại phiến nã, ác nghiệp, ác hạnh, thấy đều trừ dứt, các loại ngũ cốc, trái cây, dược thảo khéo hướng đến Niết Bàn thấy đều chín muồi, núi tà kiến, ngạo mạn thấy đều tan chảy, các loại sông chánh tín, Giới, Văn, Xả, Huệ và các Định không gì chẳng tràn đầy, lần lượt đầy ắp biển đại Niết Bàn, khiến cho các hữu tình tùy lòng ưa thích, tiến nhập tòa thành Niết Bàn không sợ hãi).

“*Nhật điện*” (日殿) chính là thái dương cung điện. “*Điện*” (殿) có nghĩa là “*cung điện*”. “*Đại nhật điện*” là cung điện xuất hiện trong vàng mặt trời. Hết thấy vạn vật chẳng được ánh sáng mặt trời bồi bổ, lúa mạ sẽ chẳng thể tăng trưởng. Ánh mặt trời vun bồi, chẳng nói là “*đại nhật*”, mà nói là “*đại nhật điện*”, chẳng nói là “*nguyệt xuất*” (月出, trăng mọc), mà nói là “*mãn nguyệt*” (滿月, trăng tròn). Giống như “*ôn thất*” (溫室, greenhouse), khiến cho hết thấy chủng tử đều có thể tăng trưởng. “*Nhất thiết hoa diệp, tất giai phu vinh*” (Hết thấy hoa, lá, thấy đều sum suê), nở xòe, trở hoa tươi tốt, hết thấy hôi thối thấy đều trừ dứt, trở thành thơm tho. “*Chư cốc, quả, dược, tất giai thành thực*” (Các loại ngũ cốc, trái cây, dược vật, thấy đều chín muồi), ngũ cốc, hoa màu thấy đều kết quả, “*dược*” (藥) là dược thảo.

“*Tuyết sơn tiêu lưu*” (Tuyết sơn tan chảy): Lúc đó, năm vàng mặt trời [cùng xuất hiện], núi Tuyết vạn năm cũng tan chảy. Nam Băng Dương, Bắc Băng Dương đều chẳng còn. Một quả núi Tuyết vừa tan chảy, khiến cho các dòng sông đều tràn ngập, đều có thể tưới tắm, khiến cho hết thấy vạn vật sanh trưởng. Sau đó, sông đổ vào biển cả. Do vậy, các sanh vật phối hợp tăng trưởng tốt đẹp. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng như thế.

“*Thành tựu thập luân, y chỉ tăng thượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh, Thi La, an nhẫn, chánh cần, Tỉn Lự, Bát Nhã, phương tiện, từ bi, biện tài công đức, giai tất xí thịnh*” (Thành tựu mười luân, nương vào tăng thượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh, Thi La, an nhẫn, chánh cần, Tỉn Lự, Bát Nhã, phương tiện, từ bi, biện tài công đức, thấy đều hùng hực): Bồ thí là bố thí Bát Nhã. “*Điều phục*” là điều phục cái tâm của chúng ta, điều phục cũng là quán chiếu. Như Tứ Niệm Xứ, là khi chúng

ta mới bắt đầu tu Định, dùng Sổ Tức Quán. Sổ Tức Quán có thể điều phục cái tâm tán loạn của quý vị. Nó điều phục cái tâm tán loạn, khiến cho chẳng hôn trầm. Sau đó, đạt được tịch tĩnh, sẽ nhập Định. Tịch tĩnh là Chỉ. Thi La có các ý nghĩa “ngăn giữ, thanh tịnh”. Thi La là Giới. “An nhẫn”: Nếu quý vị muốn bình an, mong vui sướng, trước hết phải nhẫn nhục. Hễ nhẫn thì trăm sự đều tiêu mất. Phải cầu nhẫn, nhẫn chẳng dễ dàng, đặc biệt là người có quyền thế. Nhẫn đúng là chẳng dễ dàng!

Trước kia, có một vị Tể Tướng. Khi ông ta làm Tể Tướng, con ông ta vẫn còn ở quê nhà. Vị Tể Tướng ấy tốt lắm. Nếu chẳng tốt, con ông ta đã sớm hoành hành ngang ngược. Vì đất nhà ông ta bị hàng xóm chiếm mất một phần. Người hàng xóm xây tường, chiếm rất nhiều đất của nhà ông ta. Vì thế, đưa con liền viết thư cho cha, xin cha gửi thư đến quan huyện ở quê nhà, yêu cầu quan huyện phán xử trả lại đất. Vị Tể Tướng ấy trả lời con mình như thế nào? “*Thiên lý tu thư chỉ vị tường*” (Ngàn dặm đưa thư chỉ vì tường), xa xôi như vậy mà người viết một lá thư chỉ vì bị người khác xây một bức tường chiếm một vài thước đất! “*Nhượng tha kỷ xích hựu hà phương?*” (Nhường người vài thước có sao đâu?): Nhường cho hắn vài thước đất thôi, cần gì phải tranh giành? “*Vạn Lý Trường Thành kim do tại*” (Vạn Lý Trường Thành còn mãi đó), người có thấy chẳng, Vạn Lý Trường Thành hãy còn đó. “*Bất kiến đương niên Tần Thủy Hoàng*” (Thủy Hoàng giờ đã mất tăm rồi). Ai là ai? Ba mươi năm Hà Đông, ba mươi năm Hà Tây, cái gì là của người, của ta? Nước nhân chìm, lửa đốt rụi, ai cũng đều chẳng tồn tại!

Tài sản trong thế gian là của chung năm nhà, mất đi, quý vị đừng áo não. Nếu bị lừa gạt, quý vị hãy nên sanh tâm hoan hỷ! Đó là ta trả nợ. Thứ chẳng đáng nên thuộc về hắn, [mà hắn gạt ta], đó là hắn thiếu nợ ta, ta cũng đừng nảy sanh ý tưởng đòi nợ! Nếu muốn đòi nợ, quý vị còn phải sanh vào thế giới này, đến chỗ nào để đòi? Kẻ đó là chủng tử địa ngục, hắn lừa gạt, dối trá người khác, sẽ đến thế giới này chịu khổ! Quý vị cũng theo hắn vào trong thế giới này chịu tội với hắn ư? Hãy quên đi, bố thí cho hắn. Đó là bố thí, đó là nhẫn. Nhẫn cơn nóng giận một lúc, có thể tránh khỏi tai họa cả trăm ngày! Ất cần phải thường ngày quán tưởng điều này. Nếu không, lỡ có lúc gặp phải, làm sao có thể chịu đựng cho nổi? Đúng không? Ngay cả một câu mà còn chẳng nhẫn nổi! Kẻ đó vũ nhục ta, hoặc là nói động tới người trong gia tộc, hoặc nói đến chính ta, nói rất nhiều chuyện xấu của quý vị, bất luận quý vị có hay không. Hễ có, quý vị nghe xong, rất hoan hỷ, người ấy là thiện tri thức của ta, dập đầu lễ người ấy ba lượt. Ôi chao! Quý vị vạch ra sai lầm ấy cho tôi, tôi

cảm ơn quý vị, tôi tiêu nghiệp, tôi nhất định phải sám hối. Kẻ ấy sẽ chẳng thể nói nữa! Nếu kẻ đó nói sai sự thật. Kinh Kim Cang dạy kẻ khác hủy báng, vũ nhục quý vị, sau khi đã chịu nhẹn, quý vị vốn đáng phải đọa địa ngục, do nghiệp chướng, nghiệp báo ấy, [tội đọa địa ngục] liền tiêu mất, cũng là trọng nạn mà chịu báo nhẹ, cũng phải nên nhẫn. An nhẫn, chánh căn, phải siêng năng học tinh tấn, phải học theo chuyện hữu ích, đối với chuyện vô ích thì chớ nên rất siêng năng, chịu khó!

Chúng ta vì cầu lợi, ngày đêm chẳng ngủ nổi, vắt óc suy nghĩ, ta làm thế nào thì mới có thể đạt được? Làm thế nào để thắng cử? Ta lôi kéo ai? Chúng ta bỏ ra bao nhiêu tiền, ai cũng không biết. Đấy chẳng phải là hối lộ để trúng cử, thì cũng là tránh chuyện hối lộ bằng cách bỏ tiền ra mua phiếu bầu! Há có chuyện tiện nghi như vậy ư? Chẳng hề có! Siêng năng, mong được yên tĩnh, Tĩnh Lự tư duy quán sát, nhìn vào chuyện gì, cũng đều phải quán sát chánh xác. Bát Nhã là Căn Bản Trí, phương tiện là thiện xảo, từ bi là đại từ đại bi. Đấy là cái tâm lợi ích chúng sanh của bậc đại Bồ Tát, biện tài vô ngại. Biện tài thì quý vị phải học; quý vị chẳng học thì làm sao ra biện tài cho được? Có trí huệ thì mới có biện tài, chẳng có trí huệ thì quý vị biện luận gì đây?

“*Công đức*”: “*Công*” là hạnh. “*Đức*” là quý vị làm các chuyện như thế, đạt được nơi tâm, phải từ tâm phát sanh. Đó là công đức chẳng thể nghĩ bàn, sẽ đều hưng hực. “*Xí thịnh*” (熾盛) là có nghĩa là hình thể hưng thịnh, to tát. “*Vì chư chúng sanh, tuyên thuyết chánh pháp, do pháp oai quang, linh chư chúng sanh chủng chủng tăng thượng thiện căn miêu giá tất giai tăng trưởng*” (Vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Do oai quang của chánh pháp, khiến cho đủ loại lúa mạ thiện căn tăng thượng của các chúng sanh thấy đều tăng trưởng). Các tỷ dụ vừa nêu trên đây đều là dùng pháp để kết hợp thành.

“*Chủng chủng tăng thượng diệu hạnh hoa diệp, tất giai phu vinh*” (Các thứ hoa lá diệu hạnh tăng thượng thấy đều sum suê): Nở xòe hết sức tươi tốt. “*Chủng chủng phiền não, ác nghiệp, ác hạnh, tất giai trừ diệt*” (Các thứ phiền não, ác nghiệp, ác hạnh, thấy đều trừ dứt): Đều ngưng dứt. “*Thiện thú Niết Bàn*” (Khéo hướng đến Niết Bàn), đây là sự tiến hướng rất tốt đẹp. Quả hạt bất sanh, bất diệt, “*chư cốc, quả, dược tất giai thành thực*” (các loại ngũ cốc, trái cây, dược thảo, thấy đều chín muồi): Đây là đã thành tựu. Thiện nghiệp là các thứ ngũ cốc, trái cây, dược thảo, đã thành tựu, bèn khéo tiến nhập Niết Bàn. Tà kiến, ngã mạn giống như núi cao, “*tất giai tiêu lưu*” (thấy đều tan chảy), giống như núi

bằng bị tan chảy. Phiền não của chúng ta là nghiệp chướng, giống như núi nãi bị tan rã. “*Linh chư hữu tình tùy ý sở nạo, thú nhập vô úy Niết Bàn chi thành*” nghĩa là khiến cho hết thảy hữu tình đều có thể chứng đắc bất sanh, bất diệt, bất sanh, bất tử, đạt đến Niết Bàn rốt ráo.

(Kinh) Thiện nam tử! Vân hà danh Bồ Tát Ma Ha Tát thập luân? Thiện nam tử! Thử thập luân giả, phi dư pháp dã, đương tri tức thị Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thành tựu như thị thập chủng luân cố, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã. Ư nhất thiết ác, giai năng giải thoát, nhất thiết thiện pháp tùy ý thành tựu, tốc năng doanh mãn đại Niết Bàn hải, dĩ đại thiện xảo phương tiện trí quang, thành thực nhất thiết chúng sanh chi loại, giai linh hoạch đắc lợi ích an lạc. Sở dĩ giả hà? Thiện nam tử! Quá khứ nhất thiết chư Phật Thế Tôn, giai tất viễn ly thập ác nghiệp đạo, giai tất xưng dương, tán thán như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo sở đắc quả báo. Thị cố, nhược năng ư thử sở thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo, tùy thủ hộ nhất, nãi chí mạng chung, cứu cánh vô phạm, tất hoạch nhất thiết thù thắng quả báo, như tiền sở thuyết.

(經)善男子！云何名菩薩摩訶薩十輪？善男子！此十輪者，非餘法也，當知即是十善業道。成就如是十種輪故，得名菩薩摩訶薩也。於一切惡皆能解脫，一切善法隨意成就，速能盈滿大涅槃海，以大善巧方便智光，成熟一切眾生之類，皆令獲得利益安樂。所以者何？善男子！過去一切諸佛世尊，皆悉遠離十惡業道，皆悉稱揚讚歎如是十善業道所得果報。是故，若能於此所說十善業道，隨守護一，乃至命終究竟無犯，必獲一切殊勝果報，如前所說。

(Kinh: Này thiện nam tử! Thế nào là thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát? Này thiện nam tử! Mười luân ấy chẳng phải là pháp nào khác, hãy nên biết chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Do thành tựu mười loại luân như thế, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Trong hết thảy các ác, đều có thể giải thoát, hết thảy các thiện pháp tùy ý thành tựu, có thể mau chóng tràn đầy biển đại Niết Bàn, dùng quang minh trí huệ đại thiện xảo phương tiện để thành thực hết thảy các loài chúng sanh, khiến cho họ

đều đạt được lợi ích an lạc. Vì có sao vậy? Đây thiện nam tử! Hết thầy chư Phật Thế Tôn trong quá khứ thầy đều xa lìa thập ác nghiệp đạo, thầy đều xưng dương, tán thán quả báo đạt được do Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế. Do vậy, nếu có thể tùy ý thủ hộ một điều trong Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói như thế, cho đến lúc mạng chung, rốt ráo chẳng phạm, ắt sẽ đạt được hết thầy quả báo thù thắng như đã nói trong phần trước).

“Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát Ma Ha Tát thập luân?” (Đây thiện nam tử! Thế nào là thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát?) Nói cả buổi, bây giờ mới nói đến thập luân. Thế nào là thập luân? “Phi dư pháp dã” [nghĩa là] chẳng phải phương pháp nào khác! “Đương tri tức thị Thập Thiện Nghiệp Đạo” (Hãy nên biết chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo): Chúng ta có lúc chẳng gìn giữ cẩn thận thân, miệng, ý, cho đó là chuyện nhỏ nhặt. Đây chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt, mà là căn bản để thành Phật, là căn bản của hết thầy các thiện nghiệp. Đức Phật nói nửa buổi như thế, trong phần trước, Ngài đã nêu ra nhiều tỷ dụ cũng vậy, mà thuyết pháp cũng vậy, nay mới nêu ra Thập Luân là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo là mười loại luân. [Do trọn đủ] mười luân ấy, sẽ được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Mười luân trọn đủ, quý vị là đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát, được giải thoát hết thầy các điều ác!

“Nhất thiết thiện pháp tùy ý thành tựu” (Hết thầy các thiện pháp tùy ý thành tựu): Thành tựu Thập Luân thì đương nhiên đều thành tựu. Đối với khẩu nghiệp, chẳng hạn như nói chúng ta chẳng nói dối, chẳng nói lời thô ác, chẳng mắng chửi người khác, chẳng nói thêu dệt, chẳng rủa rới người khác, chẳng nói lời không có nguyên do, chẳng nói đôi chiều, cũng chẳng khuấy đảo thị phi. Chúng ta thường nói mười nghiệp như thế, nhưng quý vị khuyên mỗi chúng sanh đều làm như vậy, đây là đại Bồ Tát. Ngay cả chúng ta cũng chẳng gìn giữ tốt đẹp, làm sao có thể khuyên người khác cho được? Chính mình phải làm gương! Nêu một thí dụ, năng lực của bản thân chúng ta chẳng đủ, vậy thì lại nên làm như thế nào? Mắt bớt thấy, tai bớt nghe, miệng bớt nói, tối thiểu là bớt nói các lời lẽ rời lìa Tam Bảo. Khi các đệ tử chúng ta bàn luận với nhau, bèn nói nhiều chuyện thuộc Phật pháp. Đoạn Hoặc bằng cách nào? Chứng Chân bằng cách nào? Tôi nghĩ như thế đó. Bác sĩ bảo chúng ta vận động nhiều, đi lại nhiều. Khi đi, lúc Định lực chưa thành tựu thì khi đi, dễ bị tán loạn. Quý vị hãy nghĩ xem, khi tĩnh thì chẳng tán loạn, hay là lúc đi thì chẳng tán loạn? Tôi cũng biết, các đạo hữu khuyên tôi là vì ý tốt: “Su

phụ, con đưa thầy ra ngoài đi lại đôi chút, hoạt động đôi chút. Thầy cứ ở trong phòng miết, như vậy, sẽ sanh bệnh rất nhanh!” Chẳng phải vậy, sanh bệnh thuộc về nghiệp. Có nghiệp thì mới bệnh, chẳng có nghiệp thì sẽ không! Người ta đều khuyên quý vị, đạo hữu khuyên bảo lẫn nhau, quý vị hãy lắng lòng, vận dụng công phu Tĩnh Lự cho nhiều. Các vị chẳng biết ai là người tốt, ai là kẻ xấu. Quý vị nói tôi, nói tốt thì “Được! Được! Tôi nghe thì nghe vậy, tôi vẫn chẳng thuận theo quý vị”!

Như thế nào là bị cuốn theo quý vị? Tại tôi xoay chuyển theo lời nói của quý vị! Đi thôi! Càng đi, càng buông lung. Chẳng phải là ra siêu thị, thì là dạo công viên nhìn ngó. Vậy thì người nào sẽ đi đến chỗ đó? Người ta nhàn rỗi, có tiền, buông lung ngũ dục. Chúng ta thâm nhiếp thân tâm. Thân, tâm, và miệng của chúng ta lúc nào cũng phải thâm nhiếp, lúc nào cũng chỉ thấy cảnh. Nếu chẳng có định lực to dường ấy, tâm sẽ chuyển theo cảnh. Chúng ta vẫn chưa thể đạt tới “*tâm có thể chuyển cảnh*”. Tâm có thể chuyển cảnh, liền giống Như Lai. “*Tâm bị cảnh chuyển*” là chúng sanh. Trong các đạo hữu, giữ gìn thân, miệng, ý cho nhiều, ít buông lung, trốn tránh còn chẳng kịp, còn muốn tới đó làm chi? Nơi đó là chốn náo nhiệt!

Nói đến đây, tôi nhắc nhở mọi người đôi chút, hảo ý của quý vị tôi chỉ có thể tâm lãnh. Các vị chẳng biết, thầy của quý vị chẳng có đạo lực to ngàn ấy, sẽ không đến chỗ đó! Chỗ nào không khí tốt đẹp? Trong tâm quý vị, không khí tốt nhất. Quý vị tĩnh lặng, không khí sẽ tốt nhất. Chúng ta đối với thân, miệng, ý của chính mình, phải tuyệt đối gìn giữ được một thứ. Trong mười nghiệp, quý vị có thể giữ được một nghiệp, chẳng phạm tí nào, thậm chí cho đến khi mạng chung xả mạng, ta chẳng phạm giới ấy. Nếu chẳng sát sanh, chưa hề sát sanh, chẳng chiếm tiện nghi của người khác, nhất định là quý vị sẽ đạt được quả báo thù thắng. Quả báo gì vậy? Quý vị cũng chẳng bị bệnh, mà cũng chẳng đoan mạng, chẳng bị nghiệp ấy. Nếu quý vị chẳng trộm cắp, nhiều đời chẳng trộm cắp của người khác, sẽ chẳng bị mất đồ. Tôi đã tự mình thí nghiệm điều này. Từ bé xuất gia, cho đến bây giờ, chẳng có ai ăn trộm đồ của tôi. Cửa phòng chúng tôi chưa hề khóa, bất luận như thế nào, phòng của tôi chưa hề khóa. Trước kia, tôi đã phát nguyện, ai muốn lấy gì, tôi sẽ bố thí cúng dường. Tôi tự mình có thể làm được, nhưng hai hoặc ba người cùng ở chung thì không được!

Mọi người phải biết: “*Mạn tàng hối đạo, trị dung hối dâm*” (Giấu kỹ xui người trộm, làm đẹp dụ người dâm), quý vị cũng sẽ cảm vùi. Quý vị trang điểm đẹp đẽ, người khác tham ái. Quý vị càng cất giấu kỹ lưỡng,

càng dễ bị mất. Két an toàn cũng bị phá vỡ. Thuê một cái két an toàn ở bưu điện hay ngân hàng, khu vực Nữ Ước đã bị mất rất nhiều két bảo hiểm. Hoàn toàn chẳng phải là dùng chìa khóa để mở, bọn chúng có dụng cụ chạy bằng điện, tự nhiên cắt ra. Chẳng phải là quý vị đặt tất cả các thứ [quý giá] trong két bảo hiểm hay sao? Được! Điều mất sạch. Tôi đọc báo thấy đăng tải có rất nhiều lần [tin két an toàn bị phá], làm thế nào để khéo gìn giữ? Chẳng ăn trộm đồ vật của người khác, chính là gìn giữ tốt đẹp. Không chỉ là trong một đời chẳng mất, mà là đời đời đều chẳng mất. Kẻ trộm lấy mất, lửa đốt, quốc vương tịch thu, thổ phỉ cướp đoạt, quý vị có thể gìn giữ nổi hay không? Cái sợ của quý vị còn chẳng giữ nổi, huống hồ vật ngoài thân, làm sao có thể bảo vệ được? Quý vị hành Thập Thiện Nghiệp, sẽ gìn giữ được. Ta chẳng trộm cắp đồ đạc của người ta, người khác cũng chẳng trộm cắp của ta. Tôi tin tưởng tuyệt đối là như thế.

Tôi chẳng hề giết người khác, người khác cũng chẳng thương tổn tôi, cũng chẳng giết tôi. Đó gọi là nghiệp báo, điều này cũng chẳng dễ dàng! Nếu có thể tin khẩn thiết, mọi người đều nỗ lực, đây mới thật sự là chỗ đáng để chúng ta nỗ lực. Nếu thành tựu Thập Thiện Nghiệp Đạo, “*đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã. Ư nhất thiết ác, giai năng giải thoát*” (được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, đều có thể giải thoát hết thảy các điều ác). Hoàn toàn giải thoát tất cả các ác nghiệp. Ác là nói về quá, chúng ta có thể chẳng bị kẻ khác trói buộc. Làm thế nào để chẳng bị trói buộc? Thành tựu Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp đã đạt đến rất ráo. Giết, trộm, dâm, tham, sân, si, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác, mười ác nghiệp hoàn toàn thanh tịnh, như thế thì sẽ thành tựu, thành tựu Bồ Tát Ma Ha Tát.

Cho đến khuyên hết thảy chúng sanh đều làm như thế, do quý vị tràn trề đại trí huệ, giải thoát hết thảy các điều ác, hết thảy các thiện pháp đều có thể tùy ý thành tựu, có thể mau chóng tràn đầy biên đại Niết Bàn, chứng đắc “*bất sanh, bất diệt*” thật sự. Dùng quang minh trí huệ phương tiện đại thiện xảo để thành thực hết thảy chúng sanh, đều làm cho họ đạt được lợi ích, an lạc. Vì sao tôi nói như vậy? Vì lẽ nào vậy? Có ý nghĩa gì, khơi gợi: Đạo lý ở chỗ nào? Hết thảy chư Phật thành Phật bằng cách nào? Các Ngài xa lìa thập ác nghiệp đạo, chẳng dám tiếp cận. “*Giai tất xung dương, tán thán như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (Thấy đều xung dương, tán thán Thập Thiện Nghiệp Đạo), đạt được quả báo nhỏ thì là quả báo nhân thiên. Thập Thiện Nghiệp là “miệng nói Bồ Đề đạo, trong tâm tưởng nhớ Bồ Đề đạo, thân thể thực hiện Bồ Đề đạo”. Tham,

sân, si đã chẳng còn, sẽ là Giới, Định, Huệ, sẽ chẳng có các quả báo ấy. Có thể thường nói như thế, phải tán thán Thập Thiện Nghiệp Đạo, phải xa lìa Thập Ác Nghiệp Đạo, như thế thì quý vị mới có thể đạt được Thập Thiện Nghiệp Đạo.

“*Sở đắc quả báo, thị cố, năng u thử sở thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo, tùy thủ hộ nhất*”, [nghĩa là] tuy chẳng thể gìn giữ cả mười điều, chỉ cần gìn giữ một điều, “*nãi chí mạng chung, cứu cánh vô phạm*” (cho đến mạng chung, rốt ráo chẳng phạm), có thể gìn giữ tuyệt đối thanh tịnh. Ta suốt đời chẳng ăn trộm của người khác, hoặc suốt đời chẳng lừa dối người khác, hoặc cả đời chẳng thốt lời dối trá. Dối trá bao gồm cả lòng gạt. Nếu ta vô tình nói sai, ta nằm mộng, hoặc là do cảm vờ mà hiểu sai, bèn nói ta đã chứng quả, các trường hợp ấy chẳng phạm giới. Đối với hết thảy giới luật, nếu quý vị chẳng vì danh lợi, chính mình vì Bồ Đề đạo, những gì ta đã làm, sẽ chuyển thành chuyện thuộc Bồ Đề đạo, chẳng phải là chuyện thuộc về tam nghiệp đạo. Vậy thì gìn giữ một thiện nghiệp đạo mãi cho đến khi mạng chung, trọn chẳng trái phạm, quý vị nhất định đạt được quả báo thù thắng. Quý vị phải hiểu điều này, “*một chính là hết thảy, thâm nhập một môn, mười ác nghiệp đều tiêu mất*”. Do cái tâm mạnh mẽ, nhạy bén thù thắng của quý vị, những thứ ấy (ác nghiệp) đều tiêu mất.

“*Như tiền sở thuyết*”: Trong phần trước đã từng nói, trong phần sau sẽ lại nói, sẽ giải thích như dưới đây.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ, viễn ly sát sanh, tức thị thí dữ nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố, linh chư chúng sanh bất sanh ưu khổ, ly mao thụ úy. Do thử thiện căn, tốc đắc thành thực, sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân sát sanh cố, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư thọ mạng chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viễn ly sát sanh luân cố, giai tất triển hoại, tồ diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đấng, giai cộng thân ái, vô hữu sai lự, thân tâm an lạc, thọ mạng trường viễn. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín.

(經)善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽遠離殺生，即是施與一切眾生無驚無怖，令諸眾生不生憂苦，離毛豎畏。由此善根速得成熟，所有前際輪轉五趣，沒生死河，因殺生故，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸壽命障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離殺生輪故，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無有猜慮，身心安樂，壽命長遠。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子，眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa sát sanh, tức là thí cho hết thảy chúng sanh chẳng kinh sợ, khiến cho các chúng sanh chẳng sanh ưu khổ, lìa nỗi sợ rón lông tóc. Do vậy, thiện căn ấy mau được chín muồi, trong tất cả các lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia, do vì sát sanh, tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thảy pháp chướng, các thọ mạng chướng, tự làm, dạy người, thấy, nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa sát sanh” này, [các thứ chướng ấy] thảy đều bị nghiền nát, phá tan chẳng sót, chẳng chịu quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân mến, chẳng lo ngờ, thân tâm an lạc, thọ mạng dài lâu. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến, quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy bậc vừa ý, điều phục thành tựu các thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa).

Quý vị chẳng sát sanh, “tận hình thọ” (盡形壽) là từ lúc sanh ra cho đến khi chết, chẳng hề sát sanh. Sau khi đã nghe pháp, ta chẳng sát sanh, xa lìa sát sanh. “Tức thí thí dữ nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố” (Tức là thí cho hết thảy chúng sanh không kinh sợ): Thập Thiện Nghiệp

ở đây khác với [Thập Thiện Nghiệp được nói trong kinh khác, ở chỗ không chỉ] chẳng sát sanh, mà còn phải quán tưởng. Không chỉ chẳng sát sanh, mà còn bỏ thí “*không sát sanh*” cho chúng sanh. Vì sao chúng sanh sợ hãi? Có ai chẳng sợ chết? Chúng sanh cũng sợ chết. Nếu quý vị bắt một con chim sẻ, nó sẽ bay trốn lẹ. Con lợn biết sắp bị mổ, nó sẽ gào lên âm ỉ. Quý vị dùng hết sức lôi nó, nó sẽ trì lại chẳng đi, vì nó biết sắp bị chết, kinh hoảng! “*Linh chư chúng sanh bất sanh ưu khổ, ly mao thụ úy*” (Khiến cho các chúng sanh chẳng sanh ưu khổ, lìa nỗi sợ rón lông tóc): Khi chúng ta kinh hoảng, sẽ rón lông tóc, toát mồ hôi lạnh, kinh nghiệm ấy ai cũng có. Có kẻ suốt đời chẳng sợ hãi, chưa hề rón lông tóc, nhưng nhận biết chuyện ấy, tuy kẻ đó chẳng kinh sợ! Nếu bị bắt, có những người rất cứng cỏi, dầu bị bắt chẳng sao hết! Nếu bị bắn chết, chỉ là chuyện nhỏ, hai mươi năm sau ta sẽ trở lại. Đó gọi là “*thế giới Sa Bà*”, chúng sanh ương ngạnh, khó điều phục, chẳng sợ hãi, rất hung ác, cho nên mới có nỗi sợ hãi. Có những người thiện nghiệp đã thành tựu, do vì thiện nghiệp mới chẳng bị sợ hãi. Đó là hai cực đoan. Đây là nói về thiện nghiệp.

“*Do thử, thiện căn tốc năng thành thực*” (Do vậy, thiện căn có thể mau chóng chín muồi): Tất cả “*tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà*” (những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia), “*tiền tế*” (前際) là quá khứ. Trong quá khứ, đã lưu chuyển trong sông sanh tử, “*nhân sát sanh cố*” tức là vì sát sanh mà “*tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư thọ mạng chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ*” (tạo thân, ngữ, ý, các nghiệp chướng ác, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các thọ mạng chướng, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe vui theo). Vì sao thọ mạng có dài hay ngắn? Đây là do nghiệp sát sanh. Trong nghiệp sát sanh, bao gồm thân, tức là có lúc ra tay giết, hoặc là dùng chân đá chết người khác, đều tính [thành tội sát sanh nơi thân]. Dùng miệng cắn chết người khác, dùng đầu húc chết người khác. Có kẻ đã học công phu “*dao chùy quán đánh*” (vung búa đập đầu không bị tổn thương, tức thiết đầu công), có thể dùng đầu húc chết người khác, bất cứ bộ vị nào trên thân thể quý vị cũng đều có thể giết người. Thân, ngữ, ý đều có thể tạo ác nghiệp. Khi sắp bị giết, còn chửi bới, sắp chết còn hô khẩu hiệu, tin cái này, ủng hộ cái kia. Đây là khẩu nghiệp. Sắp chết mà vẫn còn tạo nghiệp!

Hết thầy chướng ngại thầy đều tiêu trừ. Do các ác nghiệp đã tạo nơi thân, ngữ, ý, tất cả các phiền não, hết thầy hữu tình chẳng néo lẫn nhau không rõ ràng. Cha, mẹ, con cái, vợ chồng, quan hệ ái tình, đều là hữu tình. Hữu tình chướng ngại khá nhiều! Hết thầy các pháp chướng, pháp chướng là nói theo hết thầy các pháp. Quý vị hủy báng hết thầy các pháp, dùng khẩu nghiệp hủy báng. Đối với pháp tam thừa, đều hủy báng, nghiệp của quý vị càng to hơn nữa. “*Thọ mạng chướng*”: Nếu quý vị mong tu đạo, mà thọ mạng đã hết, sẽ chẳng thể tu thành công được! Chúng tôi giảng kinh cũng phải phát nguyện. Trước khi giảng, bèn phát nguyện: Bộ kinh này đừng bị gián đoạn nửa chừng, đừng ngã bệnh, đừng bị gián đoạn vài ngày, cũng đừng giảng một nửa đã chết. Vậy là xong, giảng chẳng được! Đó gọi là “*gián đoạn nửa chừng*”, đó là nghiệp chướng. Khi quý vị mong làm chuyện tốt, mong chuộc lỗi, chẳng chờ quý vị chuộc xong, mạng đã hết rồi, chẳng còn kịp nữa. Đây là chướng ngại!

Chính quý vị giết như thế, dạy người ta giết, tự làm, dạy người khác. Chính mình chẳng giết, xúi người khác giết, đó gọi là “*giá họa cho kẻ khác*”. Ta cùng kẻ khác có cừ hận, muốn giết chết kẻ đó, lại sợ phạm pháp, bèn hoặc là dùng tiền, hoặc là châm ngòi ly gián. Châm ngòi đến nỗi kẻ đó nổi cơn thịnh nộ, bèn thêm thất chút sự thật, giữa hai kẻ đó lại có hiềm oán, bèn giết phăng đi. Quý vị ở bên cạnh ngó thấy hiệu quả, đã báo cừ được rồi, nhưng quý vị hoàn toàn chẳng ra tay, tội ấy cũng rất lớn. Tội lỗi dạy người khác giết cũng to như tội tự tay giết. Mướn hung thủ, mướn lũ đâm thuê chém mướn, cho rằng chính mình chẳng có tội, đến thủa vị lai, quý vị mới biết, khi thọ báo, quý vị mới biết! Thấy kẻ khác giết lợn, có lúc đi coi náo nhiệt, đừng xem chuyện sát sanh, [bởi lẽ], thấy nghe tùy hỷ, quý vị cũng có phần, quý vị cứ đi xem đi nhé!

Do vậy, chúng ta nói “*thọ Bát Quan Trai Giới, chẳng cố ý đi xem, nghe*” là do ý nghĩa này. Nếu chẳng có chuyện của quý vị, quý vị tới xem náo nhiệt làm chi? Kẻ thấy sẽ có phần, quý vị phải hiểu! Đặc biệt là nơi pháp trường xử bắn, rất nhiều người đi xem, quý vị sẽ có một phần! Trường hợp ấy, cũng đừng nên đi, thấy nghe tùy hỷ mà! “*Do thử viễn ly sát sanh luân cố*” (Do cái luân “xa lìa sát sanh” này): Phải rời xa sát sanh. Đã chẳng giết, mà còn phải luôn nghiền nát nó. “*Triển hoại, tội diệt vô dư*” (Nghiền nát, phá tan chẳng còn sót): Dùng bắt sát luân, tức “*chẳng giết*” trong Thập Thiện Luân để nghiền nát hết thầy giết chóc và nghiệp báo của nó. Như thế thì sẽ “*chẳng thọ quả báo*”.

“*U hiện thân trung, chư nhân thiên đấng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự*” (Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng lo ngại): Chẳng lo ngại, ngại vực quý vị, do biết quý vị sẽ chẳng thương tổn người khác, vì quý vị sợ phạm giới. Bản khoán chính mình trong tương lai sẽ đọa địa ngục, chẳng phải là quý vị không muốn làm, mà là chẳng dám làm. Vì sao chẳng dám làm? Sợ đọa địa ngục, sợ nổi khổ trong địa ngục, cho nên chẳng dám sát sanh. Chúng ta thấy loài chim bay, hoặc là tiêu động vật, muốn nuôi chơi, hoặc là nuôi chó, nuôi mèo, nuôi chim nhỏ, nuôi vẹt, nuôi nhồng, quý vị bắt chúng nó nhốt vào lồng, trong tương lai, quý vị cũng sẽ bị nhốt. Quý vị nhốt chúng nó bao lâu, sẽ phải trả gấp bội, chúng nó trọn chẳng vui sướng. Quý vị tưởng chúng nó vui sướng hay sao? Giống như chúng tôi bị nhốt vào tù, nói không chừng là trong đời quá khứ, tôi nuôi động vật đã nhốt nó rất lâu, cũng chắc là như thế đó. Quý vị thấy cọp bị nhốt trong sở thú, nhốt trong lồng, nó nôn nóng đi qua đi lại trong ấy. Dã thú quen sống trong rừng núi, chúng ta mong chính mình tự do, nhưng lại hạn chế tự do của các động vật khác. Quả báo ấy cứ suy nghĩ khác biệt!

“*Nhất thiết pháp chương, chư thọ mạng chương, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ*” (Hết thầy pháp chương, các thọ mạng chương, tự làm, dạy người khác, thấy nghe vui theo): Trong hiện thời, hàng trời, người v.v... đều cùng thân ái, chẳng ngại vực. “*Thân tâm an lạc*”, thọ mạng cũng lâu dài. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị “*ưu khổ bức thiết*” (sầu khổ bức bách), chánh niệm hiện tiền, sanh về Cực Lạc cũng nắm chắc. “*Sở ái thể tử, quyến thuộc vi nhiều, lâm mạng chung thời*” (Vợ con yêu mến, quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung), chẳng có hiện tượng Diêm La Vương khủng bố!

(Kinh) Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, vô bệnh, trường thọ, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học, ly sát sanh pháp, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, ly chư bình khí, vô hữu “oán hại, đấu chiến” chi danh, tuyệt chư bố úy, an ổn, khoái lạc, nhất thiết vô bệnh, trường thọ hữu tình, lai sanh kỳ quốc. Như Lai tự thọ vô lượng, vô biên, vị chư hữu tình như

ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhất viễn ly sát sanh luân dã.

(經)既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，無病長壽，端正聰明，安隱快樂。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學，離殺生法，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，離諸兵器，無有怨害斗戰之名，絕諸怖畏，安隱快樂，一切無病，長壽有情來生其國。如來自壽無量無邊，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩第一遠離殺生輪也。

(Kinh: Đã mạng chung rồi, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể đầy đủ. Sanh ở bất cứ nơi đâu, đều không bệnh, sống lâu, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng. Lại gặp bậc đẹp ý, điều phục, thành tựu các thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức. Nương theo người ấy tu học, lìa pháp sát sanh, có thể đoạn hết thầy pháp ác, bất thiện, có thể thành tựu hết thầy pháp thiện căn thù thắng, có thể cầu hết thầy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thầy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, lìa các binh khí, chẳng có danh xưng “oán hại, chiến đấu”, dứt các sợ hãi, an ổn, vui sướng. Hết thầy hữu tình không bệnh, sống lâu, sanh về cõi đó. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vô biên, vì các hữu tình thuyết pháp đúng theo căn cơ. Sau khi Ngài nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Đây thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ nhất “xa lìa sát sanh” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

“Ký mạng chung rồi, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ” (Đã mạng chung rồi, vẫn sanh làm người, các

căn viên mãn, chi thể trọn đủ, sanh ở bất cứ nơi đâu), lại còn chẳng bị bệnh khổ, lại sống lâu, tướng mạo đoan chánh, ai nấy đều ưa thích, lại còn thông minh, lanh lợi. “*An ổn, khoái lạc*” (An ổn, vui sướng) còn có thể gặp người vừa ý, gặp gỡ thiện tri thức, gặp thiện pháp, gặp gỡ “*cụ giới, phú đức, chân thật phước điền*” (bậc đủ giới, giàu đức, ruộng phước chân thật) làm thiện tri thức cho quý vị, theo họ “*tu học lý sát sanh pháp*” (tu học pháp “lìa sát sanh”). Đó là bước đầu tiên, tức “*không sát sanh*” trong Thập Thiện Nghiệp, cho đến chẳng có ý niệm giết chóc. Bất luận quý vị tắm rửa, bất luận quý vị làm gì, đối với những loài trùng nơi thân thể của chính mình, đều phải bảo vệ chúng, Điều này rất vi tế, rất khó!

“*Năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp*” (Có thể đoạn hết thảy các pháp ác, bất thiện, có thể thành tựu hết thảy thiện pháp thù thắng). Có thể thành tựu hết thảy pháp nghĩa Đại Thừa. Vì sao chúng ta có thể nghe pháp Đại Thừa mà chẳng tin được? Có chướng ngại. Cũng có thể tu tập “*nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh*” (hết thảy hạnh nguyện của Bồ Tát), Bồ Tát phát nguyện như thế nào? “*Tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải*”, tức là dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng. Do vậy, “*chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề*”, bèn thành Phật. “*Sở cư Phật độ, ly chư binh khí*”, [nghĩa là] nơi quý vị sống, ngay cả vũ khí cũng đều chẳng có. Không chỉ chẳng có vũ khí, ngay cả những danh xưng “*oán hại, chiến đấu*” cũng đều chẳng có. “*Tuyệt chư bố úy*” (Dứt sạch các sợ hãi): Còn có cảm giác hoảng sợ hay chẳng? Chẳng có!

“*An ổn, khoái lạc, nhất thiết vô bệnh, trường thọ hữu tình lai sanh kỳ quốc*” (An ổn, vui sướng, hết thảy các hữu tình không bệnh, sống lâu sanh vào cõi ấy): Những ai không bệnh, sống lâu, đều sanh vào trong quốc độ của quý vị. Thọ mạng của Như Lai là vô lượng vô biên, chẳng như Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ có một trăm năm. “*Vị chư hữu tình, như ưng thuyết pháp*” (Vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ): Đáng nên dùng căn cơ nào để đắc độ, bèn nói cho người ấy pháp đó. Như vậy sẽ khiến chánh pháp tồn tại lâu dài, có thể lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, khiến cho vô lượng hữu tình đều đạt được vui sướng. Này thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ nhất “*xa lìa sát sanh*” của Bồ Tát Ma Ha Tát, tức là chẳng giết. Bồ Tát Ma Ha Tát phải thành tựu cái luân “*chẳng sát sanh*” này!

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển, lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc, thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng như tiền thuyết.

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟，剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉，利慧勝福，常得增長。於一切定，諸陀羅尼，諸忍，諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛，及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近，供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足，常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣如前說。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, không phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, không phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, không phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa,

không phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, không phạm sai lầm đối với Đại Thừa, không phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chúng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như trên đã rộng nói).

Đoạn kinh văn này toàn là nhắc lại, trùng tuyên những điều đã nói trong phần trước, hòng mong chúng ta hãy suy xét cho nhiều: Không chỉ là ngôn ngữ, văn tự, mà là mong chúng ta hãy thực hiện. Quý vị mắc bệnh, tìm bác sĩ vô dụng! Chỉ cần chẳng giết chóc, ngưng dứt sát nghiệp; cho đến phóng sanh. Không chỉ là chẳng giết, mà còn cứu chúng sanh. Chúng ta nói “ăn một tí thịt có sao đâu”, có sao nhiều lắm đấy! Tuy quý vị chẳng giết, nhưng quý vị thuận theo chuyện giết chóc, tán thán giết chóc. Nếu nói “sát sanh chẳng sao hết, ăn thịt chẳng ăn nhằm gì”, nói “các động vật là để cho chúng ta ăn. Cá, ba ba, tôm, cua dành cho con người ăn”; tôi nói: “Mỗi người quý vị vẫn là để dành cho gấu chó, cọp, beo, sói ăn!” Có thể nói như vậy hay không? Chỉ là gặp nhân duyên ấy, quý vị có thể bị chúng nó ăn thịt. Chẳng có nhân duyên, quý vị chẳng ăn nó được! Đừng tạo nghiệp! Đó là luân thứ nhất “chẳng sát sanh” trong Thập Luân.

Mười thiện luân này, mọi người có thể xem một lượt. Nói chung, từ “chẳng giết” cho đến điều cuối cùng là “chẳng si”. Thập Thiện là nói đối lập với Thập Ác. Vì sao phải nói lập đi lập lại như vậy? Mọi người thấy toàn bộ kinh văn giống hệt như nhau, tức là chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói dối... Văn tự thay đổi đôi chút, những điều khác đều y hệt như nhau. Dụng ý của đức Phật là khiến cho chúng sanh chú ý nhiều hơn, khiến cho chúng ta quán tưởng nhiều

hơn, tư duy nhiều hơn. Nói một lần không được, nói mười lần thì có thể. Có hàm nghĩa như thế đó! Đây là nguyên nhân khiến Ngài nhắc lại.

Giảng bộ kinh này, chẳng thể nói từng điều một, như thế sẽ quá trùng lặp. Quá trùng lặp, sẽ sanh cảm giác chán ngán. Chúng ta nghe kinh Kim Cang, sẽ cảm thức trực tiếp, thỏa đáng hơn, ưa muốn nghe. Những loại kinh như thế, có các danh từ là điểm độc đáo riêng biệt của bộ kinh ấy, mọi người hiểu ý nghĩa là được rồi. Chúng tôi vẫn là giảng một lượt, trong các luân kế tiếp, sẽ chẳng giảng cạn kẽ từng điều nữa!

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly bất dữ thủ, tức thị thí dữ nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố, vô hữu nhiệt nã, diệc vô nhiều động. Ư tự sở đắc như pháp tài lợi, hỷ tức nhi trụ, chung bất hy cầu phi pháp tài lợi. Do thử thiện căn, tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân bất dữ thủ, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư tài bảo chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viễn ly bất dữ thủ luân, giai tất triển hoại, tồ diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, tài bảo cụ túc. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ. Duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離不與取，即是施與一切眾生無驚無怖，無有熱惱，亦無擾動。於自所得如法財利，喜足而住，終不希求非法財利。由此善根，速得成熟。所有前際輪轉五趣，沒生死河，因不與取，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸財寶障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離不與取輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，財寶具足。將命終時，

身心不為憂苦逼切，所愛妻子，眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剡魔王使。唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, là “chẳng cho mà lấy”, tức là thí cho hết thấy chúng sanh chẳng kinh sợ, chẳng có nhiệt não, mà cũng chẳng bị nhiều động. Đối với các tài lợi đạt được đúng pháp, vui mừng cho là đủ, trọn chẳng mong cầu tài lợi phi pháp. Do vậy, thiện căn có thể mau thành thực. Trong tất cả các lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia, do chẳng cho mà lấy, tạo thành các nghiệp chướng ác nơi thân, miệng, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại nơi tiền của, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa chẳng cho mà lấy” này, [các nghiệp chướng ấy] sẽ đều bị nghiền nát, đập tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong đời hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng hề lo ngại, thân tâm an lạc, của cải trọn đủ. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy bậc vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng tin kính sâu xa).

Đây là điều thứ hai trong Thập Thiện Nghiệp Đạo: Chẳng trộm cắp. “*Bất dũ thủ*” (不與取) tức là người khác chẳng cho quý vị, quý vị cứ cầm lấy. Đó là Đạo (盜, trộm cắp). Nếu sau khi quý vị nghe pháp, có thể “*tận hình thọ*” (盡形壽, suốt cả đời) chẳng trộm cắp, “*hình*” (形) là thân thể của quý vị, “*thọ mạng*” vô hình, nhưng hình thể là hữu hình, tức là cho đến khi quý vị mạng chung, mãi cho đến lúc tử vong, trọn chẳng phạm giới “*không cho mà lấy*”, cũng chẳng phạm giới trộm cắp! Khi chúng ta thọ Ngũ Giới, chỉ cần chẳng trộm cắp là được rồi. Chẳng phạm giới ấy, là đã thanh tịnh. Công đức đạt được, sẽ là chẳng bị người khác trộm cắp, cho đến đối với giới ấy, quý vị chẳng phạm sai lầm. Nhưng còn có một hàm nghĩa sâu xa hơn, vì Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ mười luân, chẳng phải chỉ là “*chẳng trộm cắp*” như đối với phàm phu. Hàm nghĩa của mỗi pháp từ Tiểu đến Đại, từ phàm phu mãi cho đến địa vị

Phật, hàm nghĩa [trong mỗi địa vị] bất đồng, danh từ như nhau, nhưng chúng ta [là phàm phu], chẳng giết thì là tuyệt đối chẳng thể giết. Hễ giết liền phạm giới, lại còn là nói theo ý nghĩa “*giết người*”.

[Giới chẳng] trộm cắp là chẳng trộm cắp hết thảy các vật chất của con người, chẳng trộm vật có chủ. Vật phẩm ấy hễ có chủ [mà tự tiện lấy dùng], sẽ là phạm giới trộm cắp. Vật vô chủ rất khó nói. Như núi rừng, chúng ta cho là vô chủ, nhưng thật ra là có chủ, tức quốc gia. Trong biên cảnh của quốc gia ấy, [mọi vật] đều coi là vật có chủ. Ở trên đường, người ta làm rớt vật chi đó, ta không trộm cắp, mà do người khác đánh rơi. Ta thấy đồ vật, hoặc là tiền, hoặc là món gì đó, quý vị nhặt lên, khi chúng ta đã thọ giới, tức Ngũ Giới, hoặc những giới khác [mà nhặt lấy những vật đó], đều chẳng coi là phạm giới trộm cắp. Nhưng đối với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thì không được, vì họ chẳng được phép cầm vàng, bạc, của báu, chẳng cầm tiền. Hễ cầm, cũng là phạm giới. Bồ Tát càng không được, trong thế giới này, chẳng có thứ gì vô chủ. Nếu nói vật ấy do chúng sanh làm rơi, ta nhặt được, Bồ Tát cũng phạm giới “*chẳng cho mà lấy*”.

Đồng thời, Bồ Tát ắt cần phải quán tưởng, chính mình chẳng trộm cắp, cũng mong sao hết thảy chúng sanh đừng trộm cắp. Ta không sát sanh, trì giới cấm “*chẳng giết*” đến cùng, ta đem giới ấy bố thí cho chúng sanh. Chúng ta tuyệt đối chẳng thể nghĩ tới điều này. Chẳng trộm cắp, ta không chỉ chẳng ăn trộm, mà còn mong bố thí cho chúng sanh, bố thí gì vậy? Bố thí khiến cho họ không sợ hãi, chớ nên sợ hãi, chớ nên nhiệt nảo (nóng nảy, bứt rứt). Nếu chúng ta lấy trộm của họ thứ chi đó, hoặc là cầm đi, họ bị mất, nhất định sẽ bứt rứt, nóng ruột. Hoặc là món đồ ấy có liên quan đến sanh mạng của họ, họ sẽ sanh khởi cảm giác sợ hãi. Chẳng hạn như ăn trộm công văn, hoặc lấy trộm khế ước đất đai, ăn trộm báo cáo thâm nhập của người khác, đối với quý vị chẳng có vấn đề gì, nhưng người ấy có thể bị tổn thất to lớn. Không chỉ tâm bất an, mà thân cũng chẳng an. Sau khi họ đánh mất, tìm kiếm khắp nơi! Trộm có nhiều loại, cướp đoạt đồ vật của người khác, đó gọi là Thương (搶, cướp) và cũng bao gồm Đạo (盜, trộm). Ăn trộm thì gọi là Đạo, tức cường đạo. Hoặc là khéo bày ra đủ loại phương pháp lừa dối, gạt gẫm, thì cũng phạm giới trộm cắp. Nếu nói đến Trộm Cắp thì có rất nhiều loại. Hoặc là dùng ngôn từ, phương thức rất khéo léo, [nại có] “*chẳng phải là tôi trộm của quý vị, mà là quý vị cho tôi*”, nhưng vẫn tính vào giới trộm cắp. Vì đó là lường gạt, dối trá, hoặc là mượn mà không trả, cũng tính là trộm cắp. Cái

tội trộm cắp [kiểu ấy] càng nặng hơn. Khi nói tới giới trộm cắp, giới tương hết sức cặn kẽ, hết sức vi tế, nhưng ở đây, kinh văn chẳng nói [cặn kẽ như vậy]!

Đức Phật bảo là Bồ Tát Ma Ha Tát “*tận hình thọ*” (cho đến hết thọ mạng), chớ nên trộm cắp. Người ta chẳng cho, chẳng thể lấy. Trái lại, ta chẳng trộm cắp, mà còn mong bố thí cho chúng sanh! Bố thí gì vậy? Khiến cho họ chẳng kinh sợ, chẳng có nhiệt não, mà cũng chẳng bị nhiễu động. Đối với tài lợi đạt được đúng pháp, hợp pháp của chính quý vị, giống như chúng ta làm việc kiếm tiền, hoặc là bất luận như thế nào, đó là món tiền chúng ta nên có. Hễ đạt được, phải nên vui mừng, thỏa mãn, chớ nên tham cầu. “*Bát trụ*” có nghĩa là “*vấn cứ truy cầu*”. Mặt khác, phạm là tài lợi phi pháp, ta chẳng nên có, thì đừng mưu cầu, mà cũng đừng mong cầu. Không chỉ ta đích thân chẳng làm, mà tâm cũng chẳng suy tưởng, miệng càng chẳng nên nhắc tới. Có những thứ tài vật là do miệng lừa được, có tình huống này. Do chẳng trộm cắp như thế, thiện căn chín muồi rất nhanh chóng, vì chẳng có duyên có trộm cắp, chẳng có tâm trộm cắp.

Như vậy thì nghiệp đã tạo trong quá khứ, tiền tế, hậu tế (後際, vị lai), trung tế (中際) là hiện tại, quá khứ là tiền tế (前際). Do tội ác trộm cắp, quý vị đáng nên vào trong năm đường. Năm đường chính là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người, A Tu La [được tính chung vào bốn đường kia, ngoại trừ địa ngục]. Do vì ăn trộm, luân chuyển sanh tử trong ấy, sanh tử giống như con sông dài, vĩnh viễn chìm chìm trong ấy, chẳng thoát ra được, “*một sanh tử hà*” (chìm trong sông sanh tử), vây phủ trong con sông sanh tử! Vì không cho mà lấy, tạo thành thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, các ác nghiệp chướng, “*chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư tài bảo chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ*” (các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại nơi của cải, tự làm, dạy người khác, thấy nghe tùy hỷ): Đó là nghiệp quý vị đã tạo trong quá khứ. Nghiệp ấy vì trộm cắp mà tạo thành các ác nghiệp chướng nơi thân, ngữ, ý, tức là ta cướp đoạt, dùng thân thể để cưỡng đoạt, hoặc dùng miệng lừa gạt, hoặc dùng ý niệm bày cách. Các ác nghiệp đã tạo nơi thân, ngữ, ý đều thuộc loại trộm cắp. Phạm những gì thuộc loại này đều là trộm cắp. Do như thế, gây phiền não cho chính mình, gây phiền não cho người khác, ngăn chướng đạo nghiệp tu đạo của quý vị.

Nếu chúng ta buôn bán chẳng thuận lợi, hoặc là tài nguyên không thuận lợi, các dụng cụ cần thiết cho cuộc sống thiếu thốn, quý vị chẳng oán trời, hờn người, mà hãy oán chính mình, quá khứ đã tạo các nghiệp ấy, cho nên quý vị có các chướng ngại đó. Đối với hết thảy các pháp, quý vị đều chẳng thể tiến nhập, bị ngăn chướng. Cửa cái quý vị cũng chẳng trọn đủ. Vì thế liền sanh ra các chướng ngại ấy. Không chỉ là chính mình trộm cắp, hoặc là dạy người khác trộm cắp, tự mình làm, dạy người khác trộm cắp, cho đến thấy kẻ khác trộm cắp, quý vị cao hứng, mừng rỡ, thấy nghe tùy hỷ, chẳng phải là tùy hỷ thiện nghiệp, mà là tùy hỷ ác nghiệp.

Nếu nay quý vị xa lìa các tội chướng “*chẳng cho mà lấy*”, chẳng trộm cắp, cách nó rất xa. “*Xa lìa*” có nghĩa là chẳng tạo tác nữa. “*Giai tất triển hoại*” (Thầy đều nghiền nát): Do cái luân trong hiện tại, hiện tại là cái luân gì vậy? Chính là cái luân “*xa lìa chẳng cho mà lấy*”. Trong quá khứ, do mê muội, hồ đồ, do nghiệp chướng, đã làm những chuyện như vậy. Từ nay về sau, phát nguyện chẳng trộm cắp, cũng xác thực là chẳng trộm cắp, cũng tức là nay chúng ta chẳng tạo, tiêu mất nghiệp quá khứ, dẹp tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Do vậy, phải nên sám hối. Đã sám hối xong; sau đây, sẽ chẳng làm nữa!

“*U hiệnt thân trung, chư nhân thiên đặng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự*” (Trong thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng có ngờ lo): Người khác đối với quý vị chẳng ngờ vực, lo ngại. Hễ mất đồ, họ chẳng hoài nghi quý vị lấy, có ý nghĩa như thế đó. Chẳng ngờ vực, lo ngại, họ bị mất đồ tuyệt đối chẳng hề ngờ vực quý vị, chẳng hoài nghi quý vị nhảm nhí. Nếu không, trong nhà này có mấy người, người nào đó mất đồ, sẽ hoài nghi: “Nhà này chỉ có mấy người, chẳng phải Trương Tam thì chắc là Lý Tứ”. Nhưng do quý vị chẳng có nghiệp này, họ sẽ chẳng hoài nghi quý vị là hạng người như thế đó!

Còn có kẻ trộm vật của quý thân. Quý thì chúng ta còn có thể trộm được thứ gì đó, thân thì chúng ta cũng chẳng thể trộm được. Chẳng phải vậy! Phàm là trong miếu thờ, bất cứ đồ vật, tiền tài, trong miếu thờ thổ địa, quý vị đừng có lấy, đó là xúc phạm quỷ thần. Phàm là những thứ trong chùa, thứ gì sự phụ cho quý vị thì có thể lấy, đó là vật dụng tư nhân. Nhưng nếu ông ta lấy thứ gì thuộc Tam Bảo, hoặc lấy vật thuộc thập phương thường trụ làm quà tặng, thì ông ta phạm lỗi, chứ quý vị chẳng phạm. Trong Phật đường, sự phụ trao cho quý vị thứ chi đó, quý vị chẳng phạm lỗi, mà ông ta cũng chẳng phạm. Ông ta nói những thứ đó là của ông ta, chẳng phải là của thập phương thường trụ. Vì sao ông ta

phải ở trong tinh xá, không ở trong chùa lớn? Điều này có nguyên nhân, ông ta sợ phạm tội! Ở trong chùa, quý vị tùy tiện nhất cử nhất động, đều phải suy xét. Đây là của Tam Bảo, ăn sai một miếng cũng chẳng được! Do vì như vậy, người ta chẳng ngờ vực, lo ngại quý vị, thân tâm an lạc. Quý vị chẳng trộm cắp, sẽ chẳng gặp cảnh khốn cùng. Quý vị cảm cái quả ấy, của cải trọn đủ. Tới khi quý vị lâm chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, cảm thấy rất nhẹ nhàng, rất tự tại.

Trong mười luân ấy, hễ luân nào được thành tựu, các thứ khác đều kém quan trọng hơn! Kẻ mạnh chẳng thể chèn ép kẻ yếu được! Thập luân thành tựu, dầu thành tựu một luân cũng được, lúc lâm chung, quý vị cũng chẳng thấy sứ giả của vua Diêm Ma. Trong đoạn kinh văn trên đây, có một câu “*sở ái thể tử, quyến thuộc vi nhiều*” (vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh): Đây là “*thọ chung chánh tâm*”. “*Chánh tâm*” (正寢) là gì? Chết ở trong nhà của chính mình, chết ngay trong nhà, thi thể quàn ở trong nhà. Đó gọi là “*thọ chung chánh tâm*” (壽終正寢). Chết ở bên ngoài, chuyển xác về, chẳng thể coi là “*thọ chung chánh tâm*”. Trong quá khứ, cổ nhân nói: Quý vị tạo rất nhiều nghiệp, làm rất nhiều chuyện xấu, chết ở bên ngoài, sẽ chẳng được coi là “*thọ chung chánh tâm*”. [Hiện thời] chết tại nhà rất khó, trong quá khứ rất nhiều. Hiện thời “*thọ chung chánh tâm*” rất ít, vì thọ chung ở bệnh viện chiếm đại đa số. Khi lâm chung, quý vị chẳng thấy vua Diêm La, ông ta cũng chẳng sai người đến cầu hôn quý vị, chẳng thể. Chỉ thấy những người khiến cho quý vị đẹp ý, hoặc thấy quang minh, ngửi mùi thơm. Nếu quý vị là người tin Phật, sẽ thấy thánh tượng. Quý vị chẳng tin Phật, nhưng do là người chẳng trộm cắp, sẽ được thiện thần, hộ pháp, sẽ trông thấy thiện thần. Phạm là [trông thấy người] hợp ý, như vậy thì sẽ thành tựu điều hòa thiện pháp của quý vị, đó là những người thiện pháp trọn đủ, trọn giới, giàu đức. “*Thiện pháp điều thành*” (Điều hòa thành tựu thiện pháp) tức là thuận theo thiện pháp.

“*Cụ giới, phú đức*” (Đủ giới, giàu đức) là trì giới thanh tịnh, có oai đức. Hay là chân thật phước điền, phước điền Tăng, hoặc là phước điền cư sĩ, hoặc là phước điền ưu-bà-tắc, ưu-bà-di làm thiện tri thức cho quý vị. Khi lâm chung, sẽ có thể trông thấy họ. Quý vị thấy rồi, “*thân tâm hoan duyệt, tâm sanh kính tín*” (thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa): Do có loại tâm tình ấy, chết đi sẽ “*hoàn sanh nhân trung*” (lại sanh trong loài người), hoặc sanh lên cõi trời.

(Kinh) Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, cụ đại tài bảo, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc, bất dữ ngũ gia cộng chư tài bảo. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học “ly bất dữ thủ”, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, chúng bảo trang nghiêm, bảo thụ, bảo trì, bảo đài, điện đảnh, vô bất sung bị. Ly ngã, ngã sở, vô sở nhiếp thọ, nhất thiết cụ túc nghiêm sức hữu tình, lai sanh kỳ quốc. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhị viễn ly bất dữ thủ luân.

(經)既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，具大財寶，端正聰明，安隱快樂，不與五家共諸財寶。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離不與取，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，眾寶莊嚴，寶樹、寶池、寶台殿等，無不充備。離我、我所，無所攝受，一切具足嚴飾有情，來生其國。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩第二遠離不與取輪。

(Kinh: Đã mạng chung xong, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ. Sanh ở bất cứ nơi đâu, trọn đủ của cải lớn lao, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng, chẳng có chung tài sản với năm nhà. Lại gặp bậc đáng mến, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức. Nương theo

người ấy tu học, là “chẳng cho mà lấy”, có thể đoạn hết thấy ác pháp bất thiện, có thể thành tựu hết thấy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, các thứ báu trang nghiêm, cây báu, ao báu, đài báu, cung điện v.v... không gì chẳng trọn đủ. Các hữu tình là ngã, ngã sở, không có gì nhiếp thọ, trọn đủ hết thấy trang nghiêm, sanh về cõi ấy. Bản thân đức Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Này thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ hai “chẳng cho mà lấy” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

“Chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, cụ đại tài bảo, đoạn chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc” (Các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, sanh ở bất cứ nơi đâu cũng đều trọn đủ của cải, đoạn chánh, thông minh, an ổn, vui sướng). Đoạn này giống như kinh văn trong phần trước. Chỉ phần giữa nói về trộm hay giết khác nhau, những điều khác giống nhau: Lại được sanh làm người, sáu căn trọn đủ, tứ chi cũng trọn đủ. Sanh ở nơi đâu, cũng đều trọn đủ các của cải. Đương nhiên là gia tộc của quý vị cũng rất giàu có. Sanh vào gia đình tốt đẹp, đoạn chánh, thông minh, tướng mạo rất tốt, ai thấy cũng đều thích, thông thái, lanh lợi, an ổn, vui sướng.

“Bát dữ ngũ gia cộng chư tài bảo” (Chẳng cùng chung tài sản với năm nhà): Hết thấy của cải trong thế gian là của chung năm nhà. Quý vị chẳng trộm cắp thì chính quý vị sẽ làm chủ. Chẳng cùng chung với năm nhà, năm nhà nào vậy?

- 1) Quốc gia tịch thu, hoặc là trưng dụng.
- 2) Hoặc là đạo tặc cướp đoạt. Chúng nó cướp đoạt, quý vị chẳng đề phòng nổi, hoặc là bị kẻ trộm lấy cắp. Đây là hai nhà.
- 3) Nước nhấn chìm, lũ lụt cuốn trôi mất đi.
- 4) Lửa đốt, đó là bốn nhà.
- 5) Lợi hại nhất là “cướp nhà khó phòng”, tức con cháu bất hiếu, quý vị chẳng có cách nào cả!

Hết thấy tài sản trong thế gian là của chung năm nhà đó. Quý vị có thể an ổn, vui sướng. Tài sản [của quý vị] chẳng phải là của chung năm nhà, chỉ có phước báo của quý vị do quý vị cảm vời. Ai cũng chẳng tịch thu của quý vị được! Con cháu của quý vị đều thiện lương, chẳng sanh ra con cháu ngỗ nghịch.

“Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức” (Lại gặp bậc đẹp ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức): Sẽ nương theo người như vậy để tu học, theo người đó tu hành, học đạo, xa lìa “không cho mà lấy”, giữ giới này thanh tịnh, chẳng còn trộm cắp nữa! Hết thấy các pháp bất thiện như đã nói, quý vị đều có thể đoạn. Tuy chỉ trì một giới này, chín điều thiện kia quý vị cũng có thể trọn đủ. Có một điều đề đột phá, những điều khác cũng trọn đủ. “*Năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, chúng bảo trang nghiêm, bảo thụ, bảo trì, bảo đài, điện đặng, vô bất sung bị*” (Có thể thành tựu hết thấy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, các thứ báu trang nghiêm, cây báu, ao báu, đài báu, cung điện v.v... không gì chẳng trọn đủ): Điều này giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mọi người niệm kinh A Di Đà đều biết, sanh vào thế giới nào, cũng đều giống nhau. Sanh vào quốc độ ấy, sanh thiên cũng là như thế. Quý vị đến cõi Phật ấy, bản thân Phật Thế Tôn Như Lai thọ mạng vô lượng, vì hết thấy hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ, quý vị đến đó có thể nghe pháp. Sau khi đức Phật diệt độ, trong thế giới ấy, “*chánh pháp cứu trụ, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhị viễn ly bất dữ thủ luân*” (chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Đây thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ hai “chẳng cho mà lấy” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thủ luân cố, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiến ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thắng tấn, vô hữu thoái chuyển, lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển.

Thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉，利慧勝福，常得增長。於一切定，諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân ấy, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng, thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

lìa thấy hết thấy Phật và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trên).

Người thuộc tam thừa, Bồ Đặc Già La (Pudgala) là người, là hữu tình. Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, Đại Thừa. Ba loại người ấy thọ trì pháp tam thừa, quý vị thuyết pháp cho họ, dạy họ, đều chẳng phạm sai lầm, họ cũng sẽ chẳng phạm sai lầm, sẽ nói đúng như pháp. Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát. Ngài (Kim Cang Tạng Bồ Tát) hỏi Bồ Tát Ma Ha Tát làm thế nào để có thể thành tựu đại Bồ Tát đạo? Hóa độ chúng sanh bằng cách nào? Đức Phật liền bảo ngài Kim Cang Tạng có thập luân. Nói xong mười luân này, trong phần sau, còn có Thập Giáp Trụ Luân. Đó cũng là những việc phải làm của Bồ Tát. Do vậy quý vị thấy thập luân là nhắc lại, kinh Đại Tập Thập Luân chuyên nói về thập luân.

Dần dần thăng tấn nơi pháp Đại Thừa, mãi cho đến khi thành Phật. Từ đây về sau, chẳng hề thoái chuyển. “*Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng*”, [ý nói]: Trí huệ sắc bén, trí huệ giống như kim cương, phước đức thù thắng, vĩnh viễn tăng trưởng; đồng thời, cũng có thể đạt được Giới, Định, Huệ. Bản thân xa lìa trộm cắp, xa lìa “*chẳng cho mà lấy*”, đó là Giới. Khi quý vị tu Định, hết thấy các tam-muội đều có thể đạt được. Cho đến khi thành Phật, sẽ đạt được Thập Nhẫn, Thập Địa, cũng có thể đạt được tự tại, chẳng bị thoái chuyển, thường được gặp gỡ các vị thiện tri thức để tùy thuận làm theo, thường gặp được danh sư chỉ điểm, hướng dẫn quý vị. Quý vị hành theo lời vị ấy nói, người ấy làm như thế nào, quý vị cũng làm như thế đó, hành thuận theo, chẳng trái nghịch. Thường được chẳng lìa thấy hết thấy các vị Phật, thường được chẳng lìa thấy hết thấy các vị Bồ Tát, thường được chẳng lìa thấy hết thấy Thanh Văn, thường được chẳng lìa thấy chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, thường được chẳng lìa nghe pháp. Nơi quý vị ở, thường luôn có các hội thuyết pháp, thường có thể nghe pháp, lại còn có thể thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đây là Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, quý vị thường chẳng tách rời, thường được thân cận.

“*Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc*” (Thường tinh tấn cầu các thiện căn, tâm chẳng chán đủ): Đây là vun bồi phước đức, vun bồi thiện căn, tinh tấn chẳng lười nhác, chẳng thỏa mãn, tức là chẳng cảm thấy làm lành đã đủ. Đối với ác thì một niệm chẳng sanh. Đó

là một niệm thành Phật. “*Thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc*” (Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ): Phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Đề hạnh, phát Bồ Đề nguyện, chẳng chán đủ, đạt được quả báo như trong phần trước đã rộng nói.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly dục tà hạnh, tức thị thí dữ dục lưu sở phiêu nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố, vô tật, vô hại, vô hữu nhiệt nã, diệc vô nhiễm động. Ư kỹ thể thất, hỷ túc nhi trụ, chung bất hy cầu phi pháp sắc dục. Do thử thiện căn, tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân dục tà hạnh, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư thất gia chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viên ly dục tà hạnh luân, giai tất triển hoại, tội diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, thể thất trình lương. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyền thuộc vi nhiễm. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, cụ chư quyền thuộc, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học, ly dục tà hạnh, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, vô chư nữ nhân, ly chư dâm dục, cụ tục đệ nhất phạm hạnh hữu tình lai sanh kỳ quốc. Nhất thiết hữu tình giai thọ hóa sanh, bất xử bào thai xú uế bất tịnh. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc, vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tam viên ly dục tà hạnh luân.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離欲邪行，即是施與欲流所漂一切眾生無驚無怖，無嫉無害，無

有熱惱，亦無擾動。於己妻室喜足而住，終不希求非法色慾。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因欲邪行，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸室家障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離欲邪行輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，妻室貞良。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剎魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，具諸眷屬，端正聰明，安隱快樂。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離欲邪行，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，無諸女人，離諸淫慾，具足第一梵行有情來生其國。一切有情皆受化生，不處胞胎臭穢不淨。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第三遠離欲邪行輪。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng là dục tà hạnh, tức là đã thí “không kinh sợ, không ghen ghét, không náo hại, không nhiệt nảo”, cũng như “không nhiễu loạn” cho hết thấy chúng sanh trôi giạt trong dòng dục. Trụ trong sự vui đủ đối với vợ mình, trọn chẳng mong cầu sắc dục phi pháp. Do vậy, thiện căn mau được thành thực. Trong tất cả những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở quá khứ, do dục tà

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

hạnh, tạo các ác nghiệp chướng nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại về gia đình, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa dục tà hạnh” này, [các thứ chướng ấy] sẽ đều bị nghiền nát, phá tan chẳng còn sót thừa, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm an lạc, thê thiếp trinh lương. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách. Vợ con yêu mến, quyến thuộc vây quanh. Khi sắp mạng chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người đẹp ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung rồi lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, sanh ở bất cứ nơi đâu, quyến thuộc đầy đủ, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng, lại gặp người vừa ý, thành tựu điều phục các thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức, nương theo người ấy tu học, lìa dục tà hạnh, có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy sống, không có các nữ nhân, lìa các dâm dục, hữu tình trọn đủ phạm hạnh bậc nhất sanh về nước ấy. Hết thấy hữu tình đều được hóa sanh, chẳng ở trong bào thai hôi thối, bất tịnh. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng theo căn cơ. Sau khi đắc Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ ba “xa lìa dục tà hạnh” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

[Giữ giới chẳng] tà dâm, “*tức thị thí dũ dục lưu sở phiêu, nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố*” (tức là thí chẳng kinh sợ cho hết thấy chúng sanh đang trôi giạt trong dòng dục), giống như giới trộm cắp, đây cũng là bố thí cho chúng sanh. Tất cả những kẻ đang chìm đắm trong dòng dục, tham đắm dâm dục, hạng chúng sanh ấy chìm nổi trong ba đường ác. Bố thí cho hết thấy chúng sanh đang trôi giạt, an ủi, khiến cho họ không sợ hãi, không kinh hoàng, giống hệt như trong phần trước [đã nói]. “*Vô tật, vô hại, vô hữu nhiệt não*” (Chẳng ghen ghét, chẳng nào hại, chẳng có nhiệt não), cũng chẳng nhiều loạn. “*U kỳ thê thất, hỷ túc nhi trụ*” (Trụ nơi vui đủ với vợ mình): Quan hệ vợ chồng là chánh đạo trong nhân gian, cho nên đã thọ Ngũ Giới hay thọ [tại gia] Bồ Tát Giới,

sẽ chẳng gây trở ngại cho chánh đạo trong nhân gian. Nếu đã thọ tỳ-kheo Bồ Tát giới thì không được [có quan hệ dâm dục]. Hàng Bồ Tát thuộc Tín vị phải đoạn hết thấy các dục. Chúng ta cảm thấy lập gia đình sanh nở, nuôi dưỡng con cái, nối dõi tông đường là chuyện bình thường trong nhân gian, nhưng điều ấy có đúng hay không? Chẳng đúng!

Như khi tôi ở chùa Chánh Giác thuộc Trung Nam Hải tại Bắc Kinh, có một vị giáo sư đại học đến công viên Bắc Hải chơi, trông thấy một ngôi chùa, liền bước vào. Trong công viên lại có chùa, ông ta cảm thấy rất lạ lùng. Có thể là lần đầu tiên ông ta bước vào. Ngôi chùa trong công viên Bắc Hải do đế vương nhà Mãn Thanh xây dựng; trước kia, chùa hoàn toàn chẳng mở cửa cho công chúng. Bởi lẽ, ngôi chùa ấy chuyên dành cho các vị Lạt-ma ở, chẳng dành cho các hòa thượng ở. Thời đó, các hoàng đế đều quy y Lạt-ma, mượn sức người Mông Cổ, mượn sức người Tây Tạng để giúp đỡ biên cương [an ổn].

Vị giáo sư ấy đến đó, thấy bọn hòa thượng chúng tôi, ông ta chẳng cung kính đối với tượng Phật, cũng chẳng lễ bái, lên giọng răn dạy chúng tôi: “Nếu ai nấy đều giống như các ngươi, nhân gian sẽ chẳng còn ai hết, bị tuyệt chủng cả rồi!” Ông ta nói với tôi rất nhiều, tôi chỉ nêu ra vấn đề liên quan đến chuyện đang nói hôm nay (tức là chuyện đoạn dục). Lúc đó, tôi đáp lời ông ta: “Đều giống như chúng tôi thì cũng được lắm, đều đoạn dục, tuyệt chủng rồi. [Ông cho rằng] đều giống như chúng tôi là không được, nhưng tôi có thể nói mấy chỗ, chẳng hạn như thế giới Cực Lạc chẳng có nữ nhân, họ chẳng tuyệt chủng, người trong mười phương thế giới đều đến đó”. Tôi nói: “Đại Phạm Thiên chẳng tuyệt chủng! Ở cõi trời ấy, chẳng có tướng nữ nhân, mà cũng chẳng có nữ nhân, chỉ sáu tầng trời trong cõi Dục thì có, chứ Đại Phạm Thiên tuyệt đối chẳng có. Mười phương thế giới đều sanh về đó, họ chẳng bị tuyệt chủng”. Ông ta đáp: “Tôi chẳng thấy chuyện ấy, tôi không tin. Tôi chỉ tin tưởng chuyện thấy trước mắt. Có sự thật thì tôi mới tin tưởng. Những điều ấy chẳng phải là sự thật, toàn là chuyện do Phật giáo mấy ông bịa ra!” Tôi nói: “Tôi nói một chút sự thật vậy. Đều giống như chúng tôi thì không được, vậy thì đều giống như giáo sư nhà ông thì có được hay không?” “Có gì là không được? Tôi có thể dạy dỗ người khác”. Tôi nói: “Ông có ăn uống hay không? Có mặc quần áo hay không? Quần áo của ông từ đâu mà có? Là do giáo sư làm ra? Hay do học giả làm ra? Lương thực ông ăn do các vị giáo sư như ông trồng trọt à? Đều giống như tôi [đương nhiên] là chuyện chẳng thể. Nhưng nếu đều giống như ông thì cũng chẳng được! Nếu đều giống như ông thì thế giới này cũng chẳng

có, đều chết đói hết rồi! Ông cũng chẳng cần mặc quần áo, mà cũng chẳng cần ăn cơm nữa, ông còn muốn đến chơi chỗ này thì chẳng thể nào được!”

Giả sử nói thế giới này đều giống như Phật, đó là chuyện chẳng thể nào! Chỉ có thể nói là Phật quả. Nếu giống như Phật, thế giới này sẽ chẳng có, toàn thể thanh tịnh. Đây là chuyện tuyệt đối chẳng thể có. Đó là đã phạm sai lầm căn bản [trong khi biện luận]. Bất luận quý vị nêu lên một pháp nào, nếu đều là một pháp, thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ có một pháp là chứng đắc tánh Không. Ai nấy đều trọn đủ tánh Không, nhưng [kẻ bình phàm] ai nấy đều chẳng chứng được! Người chứng đắc [tánh Không] rất ít, cho nên [người chứng đắc tánh Không] mới thành Phật. Vật gì hiếm thì quý! Trong nhân loại, hề có một vị A La Hán đoạn phiền não, chứng Bồ Đề, vị ấy sẽ tôn quý khôn cùng, có ý nghĩa như thế đó.

Vị Bồ Tát này cho đến hết thọ mạng đều có thể rời lìa [dục tà hạnh], vì Bồ Tát có tại gia Bồ Tát và xuất gia Bồ Tát, cho nên các Ngài lìa dục tà hạnh. Nếu toàn thể [chúng sanh đều] là Bồ Tát, sẽ đều là chánh hạnh ly dục, chẳng thể nào tà hạnh. Thế nhưng nếu quý vị chẳng có dục niệm, thì đối với hết thảy chúng sanh, chính là đã cứng đường, bỗ thí cho họ “chẳng kính sợ, chẳng ghen ghét, chẳng nào hại”. Tà dục là ghen tỵ, do gian dâm sanh ra sát hại. Hễ phá giới này, sát giới cũng phá, mà cũng có thể giới uống rượu bị phá luôn, mà cũng có thể là giới trộm cắp cũng phạm. Giết, trộm, dâm, dối, chỉ cần phá một điều, sẽ có mối liên quan, cũng có thể phá sạch cả năm giới. Do vậy, chớ nên ghen tỵ. “*Vô hữu nhiệt não, diệc vô nhiều loạn, ư kỳ thể thất, hỷ tức nhi trụ*” (Chẳng có nhiệt não, cũng chẳng nhiều loạn, có thể trụ trong vui đủ với vợ của chính mình), phải nên vui thỏa [với những gì mình đang có]. Dục vọng là thứ không có chừng hạn!

“*Chung bất hy cầu phi pháp sắc dục*” (Trọn chẳng mong cầu sắc dục phi pháp), tức là chẳng tham cầu sắc dục trái pháp. Chẳng hợp pháp, chẳng qua các thủ tục [kết hôn], thì đều gọi là “*phi pháp sắc dục*”. Hiện thời, chẳng có cách nào! Hằng ngày xem báo chí, [sẽ thấy] sắc dục phi pháp quá nhiều. Nếu Bồ Tát có thể cho đến hết thọ mạng, luôn xa lìa [dục tà hạnh]; do điều này mà thiện căn nhất định có thể chín muồi! Trong tất cả những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia, do dục tà hạnh, tạo ra các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thảy pháp

chương, các chương ngại về gia đình, [những thứ chương sẽ đều bị trừ diệt]. Có gia đình là có chương ngại.

Mọi người thấy chữ Gia (家), phía trên có một chữ giống như cái lọng báu (tức bộ Miên, 宀), khóa chặt lại, chẳng thể có cách nào thoát ra. Chờ gì vậy? Chờ bị tàn sát, chờ đến khi chết ngắc trong nhà. Hiện thời, thật sự chết ở trong nhà vẫn là “*chánh tâm*”, nếu chết ở bên ngoài thì “*phiêu lưu*” (trôi giạt).

“*Tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viển ly dục tà hạnh luân*” (Tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa dục tà hạnh” này), khi quý vị xem TV, gặp những màn ấy, quý vị phải phát nguyện, nguyện cho hết thấy chúng sanh đoạn tà dục, nhất định phải phát nguyện. Quý vị nhìn những cảnh ấy, lại nhìn vào thế giới động vật, quý vị nói xem, con người và động vật khác nhau bao nhiêu? Đều là lo kiếm ăn, tàn sát lẫn nhau. Mấy hôm nay, tôi xem TV mới biết gấu chó ăn cá. Gấu chó³² ở Bắc Cực phải dựa vào cá để sống. Thứ gì cũng đều chẳng có, trời băng đất tuyết, nó phải bắt cá. Đó gọi là tàn sát lẫn nhau. Trả nợ mạng thay cho nhau. Trông thấy những việc ấy, ngàn vạn phần chó nên tùy hỷ! Quý vị nói xem, giữa con người với nhau, giữa súc sanh với nhau, có gì khác biệt? Trung Hoa cổ đại đã có câu tục ngữ: “*Nhân chi dị ư cầm thú giả cơ hỷ*” (Con người khác với cầm thú rất ít). Rất ít! Con người xét theo lý, trong cảnh giới ngũ dục, chúng ta một vừa hai phải, chó nên quá phận. Chữ Dâm (淫) có ba chấm thủy, Dâm là quá mức, [theo nghĩa gốc là] mưa dầm quá lâu, một mực chẳng ngừng. Mưa lâu liền sanh ẩm ướt. Dâm có nghĩa là “quá mức”, càng quá mức thì khác biệt với động vật càng nhỏ!

Quý vị có thể quan sát, bò câu, chim sẻ, chuột, dục niệm của chúng đúng là chẳng có chừng hạn. Phải nên biết điều này! Do “*viển ly dục hạnh luân*” sẽ “*giai tất triển hoại, tòi diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng giai cộng thân ái, vô sở sai lự*” (thầy đều nghiền nát, phá tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng có ngờ

³² Cầu hùng (狗熊, nguyệt hùng, hắc hạt hùng, gấu chó, Asian black bear, người Việt lại thường gọi chúng là gấu ngựa) tức loại gấu có mõm giống như mõm chó, thường có lông màu đen, có tên khoa học là *Ursus Thibetanus*. Trong khi gấu Bắc Cực là chủng loại khác (có tên khoa học là *Ursus Maritimus*). Do chúng có hình dáng giống nhau, chỉ khác màu lông, người Hoa vẫn gọi lẫn lộn cả hai loại đều là Cầu Hùng.

vực, lo ngại): Trời, người đối với quý vị chẳng ngờ vực, lo ngại. Quý vị đã rời lìa dục niệm, nữ nhân chẳng phải đề phòng quý vị, vì tuyệt đối chẳng phát sanh chuyện cường bạo. Do chính quý vị nhận biết mình đã lìa dục, hết thấy nữ nhân sẽ chẳng sanh khởi cái tâm tham ái đối với quý vị, vì “*điện quang*”, từ trường phóng ra từ tinh thần của quý vị chẳng tương ứng, chẳng khởi tác dụng đối với họ.

Vấn đề này rất lớn. Thập Thiện Nghiệp Đạo, nói dễ hiểu thì là nhân thiên thừa, nói lớn hơn thì Thanh Văn Thừa cũng chưa làm được, họ chỉ có thể làm được một phần. Cho đến hàng Bồ Tát Ma Ha Tát cũng chỉ có thể làm được một phần. Chỉ có Phật với Phật thì mới có thể rốt ráo thành tựu Thập Thiện Nghiệp Đạo Luân, mỗi pháp đều là như thế. Quả báo đạt được sẽ là nơi thân hiện tại, các hàng nhân thiên đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại quý vị, thân tâm của chính mình cũng an lạc. “*Thê thất trinh lương*”, theo như kinh Phật đã nói, dường như chủ nghĩa đại nam nhân rất nặng. [Nếu chấp trước văn tự, sẽ hiểu] “*thê thất trinh lương*” dường như [chỉ cần vợ trinh lương], mặc kệ chồng, chồng có thể tùy tiện [lãng nhãng] chứ gì? Nam nữ đều như nhau, đều chẳng thê! Thường nói là “*thê thất trinh lương*”, nhưng nam nhân cũng phải làm như vậy!

Trong quá khứ, vào thời Chiến Quốc, anh của ông Liễu Hạ Huệ³³ nước Lỗ, thân bất nhị sắc (người chung thủy với một nữ nhân duy nhất). Xưa nay, mọi người đề xứng, chung thủy với vợ, nam giới chớ nên lẹo tẹo với nữ nhân nào khác. Nữ nhân chớ nên tăng tịu với nam nhân nào khác [ngoài chồng mình]. Có khi là suốt đời thanh tịnh, suốt đời chẳng lập gia đình. Rất nhiều người thời cổ là như vậy. Có người khi phê phán, đã cho rằng hạng người ấy là ngu si, chẳng có trí huệ. [Họ lập luận] “ăn uống và sắc dục là bản tánh. Thế mà người như thế ngay cả ăn uống lẫn sắc dục đều không hiểu; đây là ngu si”, [đâu có biết] chỉ có thánh nhân mới làm được như thế! Người như Liễu Hạ Huệ, [nữ nhân] ngồi trong

³³ Liễu Hạ Huệ (720-621 trước Công Nguyên) họ Cơ, tên là Hoạch, biểu tự là Cầm, còn có một tên khác là Quý. Ông là hậu duệ của Công Tử Triển (con cháu của Lỗ Hiếu Công). Liễu Hạ là tên thực ấp (đất phong) của ông ta, Huệ là thụy hiệu (tên đặt sau khi mất). Do vậy, khi nhắc tới ông người ta thường gọi là Liễu Hạ Huệ, hay Liễu Hạ Quý. Ông làm quan đại phu nước Lỗ, là người cương trực, đạo đức, rất được Mạnh Tử khen ngợi. Theo truyền tụng, ông ra ngoài thành, thấy có một cô gái bị lạnh sắp ngất xỉu, ông ôm trong lòng để giữ ấm cho cô ta khỏi chết rét, không nảy sanh dục niệm, không có hành động sàm sỡ nào.

lòng mà tâm vẫn chẳng loạn, “*Lỗ nam tử*”³⁴ là một nam nhân ở nước Lỗ như thế! Ông ta thân bất nhị sắc, suốt đời gìn giữ thanh tịnh. Đó là chuyện chẳng dễ dàng! Phải hiểu đạo lý này!

Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, “*bất kiến khả bố Diễm La Vương sứ, duy kiến khả ý thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức*” (chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diễm La, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện căn, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức): Đoạn này giống như kinh văn trong phần trước. Như vậy thì sẽ “*y bỉ tu học ly dục tà hạnh*” (nuông theo người ấy tu học lìa dục tà hạnh), câu kinh văn này khác biệt. Trong đoạn kinh văn trước đó thì là “*ly bất dữ thủ*” (lìa chẳng cho mà lấy), còn ở đây là ly dục, các điều khác đều giống nhau. Trong đoạn thứ nhất nơi phần trước là “*ly bất sát*” (lìa chẳng giết). “*Năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệm thứ thứ nhập thâm quảng trí hải*” (Có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng): Dần dần có thể thành Phật, “*nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề*” (cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề). “*Sở cư Phật độ, vô chư nữ nhân*”, [nghĩa là] quý vị sanh vào cõi Phật ấy, trì giới “*chẳng tà dâm*” trong Ngũ Giới thì quý vị sẽ sanh vào cõi Phật chẳng có nữ nhân.

“*Ly chư dâm dục, cụ túc đệ nhất phạm hạnh*” (Lìa các dâm dục, trọn đủ phạm hạnh bậc nhất): Phạm hạnh bậc nhất là thanh tịnh hạnh. Người sanh về cõi Phật ấy đều trọn đủ phạm hạnh thanh tịnh, đều lìa các dâm dục. Thế giới Cực Lạc là như vậy. Thế giới của Đông Phương Dục Sư Lưu Ly Quang Như Lai, và thế giới của Bất Động Như Lai ở thượng phương cũng như vậy. Phạm là cõi Phật thanh tịnh đều là như thế. Vậy thì sẽ chẳng còn thọ sanh [trong thai bào], thọ sanh đều là hóa sanh. Cõi Phạm Thiên đều là hóa sanh, thế giới Cực Lạc là liên hoa hóa sanh. Như vậy, sẽ chẳng có tình huống “*ở trong thai mẹ, thai bào xú uế bất tịnh*”.

³⁴ Lỗ nam tử là Nhan Thúc Tử người nước Lỗ thời Xuân Thu. Ông sống một mình. Một hôm, do có người nữ hàng xóm bị mưa gió làm sụp nhà, xin tá túc. Từ chối không được, ông bèn thấp đèn ngồi ngoài phòng khách suốt đêm để tránh tỵ hiềm. Người đương thời gọi ông là Lỗ nam tử.

Phật Như Lai trong thế giới ấy thọ mạng vô lượng. “*Vì chư hữu tình như ung thuyết pháp, bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cửu trụ, lợi ích an lạc, vô lượng hữu tình*” (Vì các hữu tình thuyết pháp đúng như căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình), ý nghĩa như đã nói trong phần trước đã xong. Đây là “*thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tam viễn ly dục tà hạnh luân*” (này thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ ba “xa lìa dục tà hạnh” của Bồ Tát Ma Ha Tát). Đây là cái luân thứ ba.

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiến ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tình tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退

轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân ấy, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng, thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trên).

Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi đức Phật, làm như thế nào mới chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa? Làm như thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La? “*Ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất? Ư Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất? Ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất? Ư kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất?*” (Chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa? Chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La? Chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa? Chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La?), cũng thường khiến cho Tam Bảo hưng thịnh, chủng tánh Tam Bảo thường có thể tồn tại. Nếu có thể thành tựu cái luân “*xa lìa dục tà hạnh*”, có thể thành tựu cái luân “*chẳng giết chóc*”, có thể thành tựu cái luân “*xa lìa chẳng cho mà lấy*”,

thì sẽ đều như nhau. Như thế thì đối với pháp tam thừa, đối với người thuộc tam thừa, sẽ có thể chẳng sai lầm. Khi đại Bồ Tát đang thuyết pháp, khi nương theo pháp để khơi gợi chúng sanh, đối với người thuộc Thanh Văn Thừa, sẽ nói cho họ pháp Thanh Văn thừa, sẽ chẳng làm lạc nói pháp Đại Thừa cho họ. Đối với người Đại Thừa, cũng chẳng nói pháp Thanh Văn. Đây là đối với tam thừa bèn thuyết pháp tương ứng căn cơ, đều chẳng sai lầm. Như thế thì chánh pháp sẽ tồn tại lâu dài.

Trên đây đã nói, sau khi mỗi vị Phật bát Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, có ý nghĩa như thế ấy. Đối với đệ tử xuất gia, “*nhược thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, vô hữu ngộ thất*” (dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, chẳng phạm sai lầm): Không chỉ chẳng phạm sai lầm đối với người thuộc tam thừa. Chỉ cần kẻ ấy khoác một mảnh ca-sa [cũng chẳng phạm sai lầm đối với kẻ ấy]. Quý vị phải biết vì sao người ấy có thể khoác một mảnh ca-sa này, đó gọi là “*tri căn vô ngộ*” (biết tận cội rễ thì sẽ chẳng làm), tuyệt đối chẳng sai lầm! Như thế thì pháp Đại Thừa thường được thăng tấn; nếu không, sẽ bị thoái chuyển. “*Lợi huệ, thắng phước*” (Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng) do vậy “*thường đắc tăng trưởng, ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại vô hữu thoái chuyển, thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành*” (thường được tăng trưởng, đối với hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận mà hành). Những điều này giống như trong phần trước. “*Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng Tăng*” (thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận cúng dường chúng Tăng): Đối với Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo thường được thân cận.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly hư cuống ngữ, nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính, sở xuất ngôn từ giai thành đế lượng, văn tất kính phụng, vô sở sai nghi. Do thử thiện căn, tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngữ thú, một sanh tử hà, nhân hư cuống ngữ, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư tín ngôn chướng, tự tác, giáo tha, kiên

văn tùy hỷ, do thử viễn ly hư cuồng ngữ luân, giai tất triển hoại, tội diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, sở xuất ngôn từ, tha giai tín phụng. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết. Sở ái thê tử, quyến thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diễm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, sở ngôn thành đế, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học, ly hư cuồng ngữ, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, nhất thiết chân thật, ly chư hư ngụy, diệu hương khiết vật chi sở trang nghiêm, vô siểm, vô cuồng, tâm hạnh chánh trực, hy cầu thuần tịnh thiện pháp hữu tình lai sanh kỳ quốc, hương khiết diệu phục, bảo sức trang nghiêm. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tứ viễn ly hư cuồng ngữ luân.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離虛誑語，一切眾生常共愛敬，所出言詞皆誠諦量，聞悉敬奉，無所猜疑。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因虛誑語，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸信言障，自作、教他、見聞隨喜，由此遠離虛誑語輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，所出言詞他皆信奉。將命終時，身心不為憂苦逼切。所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剌魔王使，唯見可意成調善法，

具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，所言誠諦，端正聰明，安隱快樂。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離虛誑語，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，一切真實，離諸虛偽，妙香潔物之所莊嚴，無諂無誑，心行正真，希求純淨善法有情來生其國，香潔妙服，寶飾莊嚴。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第四遠離虛誑語輪。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng lừa dối hư dối, hết thấy chúng sanh sẽ thường cùng yêu kính, lời lẽ nói ra đều trở thành chắc thật, đúng lý, người nghe đều kính trọng, vâng theo, chẳng ngờ vực. Do vậy, thiện căn có thể mau chín muồi. Tất cả các nghiệp chướng nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại khiến cho lời nói chẳng đáng tin do lời hư dối tạo ra khi luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trong quá khứ, tự mình làm, dạy người khác làm, sẽ do cái luân “xa lừa dối nói hư dối” này mà đều bị nghiền nát, phá tan chẳng còn thừa sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại gì. Thân tâm an lạc, lời lẽ nói ra, người khác đều tin tưởng, vâng theo. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến, quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sự giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người đáng mến, thành tựu điều phục thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui vẻ, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể đầy đủ, sanh ở bất cứ nơi đâu, lời nói chân thành, chắc thật, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng. Lại

gặp người vừa ý, thành tựu điều phục thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước đức chân thật làm thiện tri thức, nương theo người đó tu học, là lời hư dối, có thể đoạn hết thấy pháp ác, bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, hết thấy chân thật, là các hư vọng, trang nghiêm bằng các vật thơm sạch màu nhiệm. Các hữu tình không siểm nịnh, không dối gạt, tâm hạnh chánh trực, mong cầu thiện pháp thuần tịnh sanh về cõi ấy. Các thứ y phục màu nhiệm thơm sạch, các thứ trang sức báu trang hoàng. Bản thân của Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật bát Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ tư “xa là lời hư dối” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

“Hư” (虛) là lời nói rỗng tuếch, giả dối, “cuống” (誑) là lời lẽ gạt người, đều phải xa lìa. “Nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính, sở hữu ngôn từ giai thành đế lượng” (Hết thấy chúng sanh thường cùng yêu kính, tất cả lời lẽ đều trở thành chắc thật, đúng lý). “Lượng” (量) có nghĩa là “như lý” (如理, đúng lý), Đế (諦) là lý, còn Lượng là “như lý”. Hết thấy lời nói đều là chân thật, sự chân thật ấy phù hợp pháp tánh. Những lời chúng ta nói đều chẳng chân thật, chẳng đúng lý, chẳng phải là sự thật, chứa đựng những yếu tố lừa gạt, dụ hoặc. Lời lẽ dối gạt bao gồm rất nhiều thứ. Đối với chúng ta, chỉ cần [lời nói] chẳng vì danh lợi, chẳng phải vì chính mình có lợi, [thì dầu không chân thật] cũng tạm chấp nhận được; nhưng đối với Bồ Tát thì không thể. Yêu cầu của Bồ Tát rất nghiêm ngặt: Bồ Tát chỉ được phép nói dối nếu vì hành Bồ Tát đạo!

Chẳng hạn như khi đức Phật còn tu nhân, có một con đĩ quyền bị thợ bẫy chim làm bị thương. Con đĩ quyền ấy bay đến bên đức Phật. Đức Phật liền giấu nó trong ngực. Gã thợ bẫy chim tới đó nhìn ngó, thấy có một người như vậy, bèn hỏi: “Tao vừa đánh bẫy được một con chim, mày có thấy hay không?” “Tôi không thấy”. Đó chẳng gọi là nói dối. Ngài giấu con đĩ quyền trong ngực áo, vẫn nói chẳng trông thấy. Điều này chẳng phạm giới, Ngài vì lợi ích chúng sanh, chính là phương tiện thiện xảo của Phật. Các pháp do đức Phật đã nói đều là phương tiện. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật đã bảo ngài Tu Bồ Đề: “Tri ngã

thuyết pháp, như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp” (Hãy biết pháp do ta đã nói ví như thuyền bè. Pháp còn nên xả, huống hồ phi pháp). Đó là phương tiện, do là phương tiện thiện xảo độ chúng sanh, cho nên mới nói như thế. Thật ra, chẳng có hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp đều chẳng thành lập, đó gọi là “*hư cuồng, vọng ngữ*”. Vì lợi ích chúng sanh, cho nên đối với giới sát, giới trộm, giới dâm, đều nói như thế. Chúng ta thờ tượng Đề Lam Quán Âm (提籃觀音, Quán Âm cầm giỏ), Đề Lam Quán Âm³⁵ chính là Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện thân nữ nhân, kết hôn với người khác. Ngài có phạm giới hay không? Phạm giới! Ngài vì lợi ích các chúng sanh ấy, nhưng hôm Ngài kết hôn bèn chết. Đã kết hôn, hoàn thành hôn lễ, tối hôm đó Ngài chết. Ngày dạy người đó niệm phẩm Phổ Môn, hoặc là niệm mấy phẩm. Về sau, còn dạy họ tụng thuộc lòng kinh Pháp Hoa. Chàng họ Mã ấy suốt ngày từ sáng đến tối học kinh Pháp Hoa, Ngài gả cho anh ta, nhưng đến tối đó bèn chết. Chàng họ Mã thấy vậy, [cảm ngộ] đời người vô thường như thế đó, xinh đẹp như vậy để làm gì, dù gì đi nữa thì cũng phải chết, anh ta cũng xuất gia, tức là Bồ Tát đã độ anh ta! Đại Bồ Tát hành nghịch hạnh. Hành nghịch hạnh tức chẳng phải là thuận hạnh, trái nghịch giới luật nhà Phật. Tuy hành nghịch hạnh, nhưng thật sự là thuận, chân thuận! Ngài làm đúng như lý, hiểu đạo lý này là được rồi. Nếu không, hãy còn có rất nhiều mê hoặc. Các chúng sanh như vậy, người khác cung kính họ, họ

³⁵ Theo Quán Âm Linh Cảm Truyện, tại bãi Kim Sa thuộc vùng Thiểm Hữu, có một cô gái rất xinh đẹp, thường xách giỏ đi bán cá. Các chàng trai chưa vợ trong thôn đều muốn lấy cô làm vợ. Cô gái nói: “Nếu ai có thể thuộc lòng phẩm Phổ Môn, tôi sẽ gả cho người đó”. Hôm sau, có hai mươi người thuộc lòng phẩm Phổ Môn. Cô gái lại gieo hẹn: “Ai có thể trong một đêm thuộc lòng kinh Kim Cang, tôi sẽ gả cho người đó”. Hôm sau, vẫn có mười người thuộc. Cô gái lại nói: “Nếu ai có thể thuộc toàn bộ kinh Pháp Hoa trong vòng ba ngày, tôi sẽ gả cho người đó”. Khi đó, chỉ có chàng họ Mã thuộc. Lễ cưới liền tiến hành. Vừa rước dâu qua cửa, cô ngã lăn ra chết, xác chết rửa nát ngay, phải chôn liền. Mấy hôm sau, có một tăng sĩ dẫn chàng họ Mã đào quan tài lên để xem xét, chỉ thấy một miếng xương đòn bằng vàng trong quan tài. Tăng sĩ nói: “Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện hóa độ các người tin Phật”. Nói xong, vị Tăng nhân cũng bay lên hư không, biến mất. Từ đó, các vùng tại tỉnh Thiểm Tây đều tín phụng Quán Âm. Thân thị hiện này được gọi là Đề Lam Quán Âm, hay Ngư Lam Quán Âm. Trong Tây Du Ký, Ngô Thừa Ân đã bịa chuyện để xuyên tạc: “Cá chép trong ao sen của Quán Thế Âm Bồ Tát trốn xuống trần gian làm yêu quái, bắt cóc, toan ăn thịt Đường Tăng. Tôn Ngộ Không sang núi Phổ Đà mách, Quán Thế Âm Bồ Tát vội vàng chặt trúc tía, đan thành cái giỏ, xuống trần gian bắt yêu quái! Khi Ngài bay lên, mọi người họa hình thờ, gọi là Ngư Lam Quán Âm”.

bền lìa khỏi, chẳng lừa gạt, toàn nói lời chân thật. Như thế thì người khác đối với lời nói của người đó, chẳng có chỗ nào làm căn cứ để có thể ngờ vực, lo ngại, cho nên chẳng hoài nghi, có thiện căn ấy, đã chín muồi.

“*Chư tín ngôn chướng*”: Do kẻ khác chẳng tin, lời nói của người đó sẽ bị chướng ngại. Nếu một kẻ [ăn nói dối trá], khiến cho người khác chỉ trích, thì dầu kẻ đó nói cả trăm lượt, ta vẫn chẳng tin. Chuyện này rất khó khăn! Tức là quý vị thốt lời dối gạt quá nhiều, nói dối quá mức, ai còn tin nổi quý vị? Gạt người khác một lần, hai lần, ba lần, năm lần, mười lần, ba mươi lần thì còn có thể. Chứ quý vị nói một trăm lần, vì quý vị thốt lời dối trá, nói rồi chẳng làm, xài chi phiếu lưng, vậy là xong đời rồi! Chẳng có cách nào kinh doanh được nữa!

Do vì thiện căn đã chín muồi, dầu trong quá khứ, khi luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử, đã trót thốt lời dối trá, sanh ra đủ thứ chướng ngại, [các chướng ngại ấy do thiện căn “lìa lời dối trá”] sẽ đều tiêu mất. Cái luân “*xa lìa hư dối*” sẽ đều nghiền nát, xa lìa [các thứ chướng ấy], chẳng còn nói lời hư giả nữa. “*Tôi diệt vô dư*” (Phá tan chẳng còn sót thừa), đối với [các nghiệp] đã tạo trước kia sẽ “*bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đấng, giai cộng thân ái*” (chẳng nhận lãnh quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái): Mọi người đều thân ái quý vị; bởi lẽ, nếu quý vị rất thành thật, bất luận buôn bán với ai, họ đều mong qua lại với quý vị. Kể ra, chẳng có kẻ nào là thành thật, nhưng ai nấy đều mong kẻ khác thành thật. Có hiểu ý nghĩa này hay chẳng? Tôi nghĩ mỗi đạo hữu đều hiểu. Quý vị đã thấy nghe, luôn hy vọng kẻ khác đừng lừa gạt ta, ta có thể lường gạt người khác. Đó là tâm lý của mọi người. Nếu hy vọng “mọi người đều lừa gạt ta, ta trọn chẳng lừa gạt người khác. Ai lừa gạt ta, ta đều bằng lòng chịu bị gạt” thì là bậc đại Bồ Tát.

Hết thấy chúng sanh giết ta, ta đều có thể chịu đựng, ta bằng lòng cúng dường chúng sanh, nhưng ta chẳng nỡ hại một chúng sanh nào, kể cả loài kiến. Tôi ở Nữ Ước, [chỗ ở] có gián và chuột, có một đệ tử hỏi: “Làm thế nào đối với gián và kiến?” Lại chẳng thể đập chúng, lại chẳng thể dùng nước sôi rưới nó, lại chẳng thể rải thuốc. Tin tưởng Phật, tôi nói: “Quý vị thuyết pháp cho nó”. “Nó có thể hiểu hay không?” Tôi nói: “Tôi thuyết pháp cho quý vị, cũng có những điều quý vị không hiểu! Tôi xem kinh, có những chỗ kinh nói tôi không hiểu, rất nhiều thứ chẳng hiểu! Quý vị chớ vì nó không hiểu mà chẳng nói. Quý vị hãy thử xem, sẽ

thật sự linh”. Người đó nói: “Linh thiệt”. Nhà người ấy chẳng có [gián, kiến] nữa!

Chuyện kiêu này rất nhiều, hễ quý vị tin tưởng thì sẽ thành tựu. Chẳng tin, thứ gì cũng không linh. Hễ tin tưởng bèn linh. Kinh Địa Tạng Bồ Tát dạy: Niệm danh hiệu ta là được, nhưng quý vị vẫn chẳng niệm! Niệm u? Tôi cảm thấy tôi chẳng thể ngày ngày niệm như thế được! Mỗi ngày niệm một vạn câu, chẳng làm được! Nhưng đạo hữu của tôi, có rất nhiều người làm được! “Vì sao tôi chẳng làm được? Chẳng có thời gian!” Đó toàn là viện cớ! Tín lực vẫn chưa đủ! “Tôi giảng kinh là đủ rồi!” Luôn đổ vấy cho nguyên nhân khác khiến cho mình chẳng thể làm! Nếu thật sự chẳng giải đãi, bất luận là chướng ngại nào, tôi mỗi ngày niệm danh hiệu Ngài một vạn câu, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ tiếp dẫn quý vị. Để niệm một vạn tiếng, quý vị vẫn phải mất ba năm. Có khi đã thất thì niệm một trăm vạn tiếng! Như thế thì mỗi ngày niệm một ngàn câu, phải niệm bao lâu mới được một trăm vạn câu? Mỗi ngày niệm một ngàn câu, một tháng là ba vạn câu, một năm mới hơn ba mươi vạn câu. Quý vị muốn niệm một trăm vạn câu, phải niệm ba năm. Khi quý vị tinh tấn, dũng mãnh, quý vị liền niệm một trăm vạn câu. Niệm xong, lại giải đãi ba năm, ba năm sau, lại niệm một trăm vạn câu nữa. Làm kiêu ấy cũng được, ta đặt kế hoạch như vậy. Hết một năm, ta đã thất, niệm một trăm vạn câu, hoặc nhiều hơn. Nói là “niệm một trăm vạn câu”, thật ra là niệm một trăm mười vạn câu, vì sao? Có lúc đầy vọng tưởng, niệm hơn mười vạn tiếng để bổ sung những câu niệm xen tạp vọng tưởng. Biết chẳng? Khi chúng ta niệm kinh, phải niệm nhiều hơn một chút, đầy vọng tưởng chẳng sao hết! Sau đấy, quý vị bổ sung, chuyện này thật sự có thể bổ sung. Khi niệm, ta niệm một ngàn câu, quý vị phải niệm thêm một trăm câu nữa. Vì ở trong ấy, đã đầy vọng tưởng, hoặc là lần chuỗi đếm sai, cũng có khi đếm số chẳng chuẩn xác. Niệm nhiều chẳng ít, các chướng ngại trên đây sẽ đều đoạn trừ.

Xa lìa hư dối, quý vị phải nên làm như thế nào để đối trị? Nói lời chân thật. Nói năng tuyệt đối phải suy nghĩ một phen rồi mới nói. Đừng mở miệng thốt lời luông tuông, hãy suy xét một phen rồi mới nói. Người ta vừa hỏi liền đáp ngay, sẽ dễ sai lầm. [Người ta chê trách] “*cứ mở miệng là phun ào ào*” là vì ý nghĩa này. Diệt tan quả báo trong quá khứ, sẽ chẳng lãnh nhận quả báo nữa. “*U hiện thân trung, chư nhân thiên đấng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự. Thân tâm an lạc, sở xuất ngôn từ, tha giai kính phụng*” (Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại. Thân tâm an lạc, lời lẽ nói ra, người

khác đều kính trọng, vâng theo): Người khác đều tin lời quý vị nói, làm theo lời quý vị nói. Hoặc là ai nấy đều tuân hành lời nói của quý vị, đó chính là sự tín nhiệm đối với quý vị. Người trong nước, ai nấy đều tin nhận vị Tổng Thống này toàn nói lời thành thật, họ sẽ tuyệt đối làm theo chánh sách do ông ta đã nói. Chánh sách do quốc gia định ra sẽ chẳng trở thành “ăn nói hai lời, toàn là lừa gạt!”

Giết chóc quá nặng, nước nhà sẽ tồn tại chẳng lâu, chẳng thể tồn tại một trăm năm. Nhà Nguyên tồn tại ngắn nhất, [vương triều của] Lý Tự Thành càng ngắn ngủi hơn, mười tám ngày! Tới ngày thứ mười tám, nhà Mãn Thanh vào trong quan ải, đuổi ông ta chạy dài. Ông ta toàn nói lời giả dối, giết người quá nhiều. [Người lừa lời dối trá], khi mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma. Vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh, mọi người ở đó đều nói lời chân thật, đều tiễn ông ta đi, khiến cho ông ta thật sự chẳng lưu luyến. Điều này rất quan trọng. Khi sắp chết, đối trước cửa ải tình ái, nếu khóc sụt sướt, thân thức của người đó đã bị quý vị cầm giữ, rất khó siêu thoát!

Học tập lừa lời hư dối. Chắc là mọi người nói: “Lừa lời hư dối mà còn phải học à?” Vì mọi người chẳng học giới kinh. Học giới kinh thì [sẽ biết] mỗi một giới đều phải học. Như thế nào là phạm phải tội nói hư vọng? Như thế nào là chẳng phạm tội nói hư vọng? Cái nhân của lời hư vọng, cái duyên của lời hư vọng, [hợp thành những điều kiện để xét đoán có phạm] giới hư vọng [hay không]. Còn nữa, lừa gạt để cầu danh lợi, lừa gạt người ta, người ta bị tổn thất, là đã thành phạm giới. Tùy tiện lừa gạt đứa bé [khi nó quấy khóc], đại khái là do chuyện ấy chẳng phạm thì không gọi là phạm giới ăn nói hư vọng. Bất quá, quý vị lừa trẻ nhỏ như vậy, sẽ có điều gì không tốt? Đứa bé học theo cha mẹ nó, lớn lên sẽ nói láo! Vì từ thuở bé đã học rồi, cha mẹ đều nói như vậy, dễ sông trẻ nhỏ: “Con đừng có khóc, ta sẽ cho con bánh hoặc kẹo”. Chờ tới khi nó không khóc, muốn nhận lấy thì chẳng có. Đứa trẻ biết bị gạt, nó cũng sẽ lừa quý vị. Hiểu đạo lý này là được rồi! Quý vị ắt cần phải học, chẳng học sẽ vẫn không hiểu! Học tập xa lừa lời hư dối như thế nào, xa lừa lời hư dối thì hãy nói lời thật cho nhiều. *“Năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quang trí hải”* (Có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp

nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thảy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng), dần dần có thể thành Phật.

“*Nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ*” (Cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở): Trong cõi Phật ấy, “*nhất thiết chân thật*” (hết thảy chân thật), chẳng có cõi Phật nào không chân thật, nhưng cõi Phật này của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng chân thật, vì sao? Vì đây là hóa thân [trong cõi đời] chẳng phải là tịnh, mà là đời ác ngũ trược. Đức Phật đã nói thế giới này chẳng chân thật, hư huyền. Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong cõi Phật này để chuyên hóa độ những kẻ nói lời hư dối; do vậy, Ngài đến nơi đây. Địa Tạng Bồ Tát chuyên tới địa ngục, các cõi Phật khác chẳng có địa ngục. Thế giới Cực Lạc hoặc các thế giới khác chẳng có địa ngục, chẳng có tam đồ. Không chỉ là chẳng có tam đồ, mà cũng chẳng có lục đạo, chỉ có người hóa sanh. Những người đó đều là Bồ Tát. Dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở toàn là chân thật, lìa các dối trá, trang nghiêm bằng các vật thanh khiết, thơm tho nhiệm màu. Hữu tình chúng sanh không siểm nịnh, không lường gạt, toàn là đốn chánh, tâm hạnh chánh trực, mong cầu thiện pháp thuần tịnh thì mới có thể sanh về quốc độ ấy.

Chúng ta toàn nói vọng ngữ, có thuần tịnh hay không? Quý vị làm việc thiện, có phải thật sự là làm việc thiện hay không? Chúng ta ngỡ chúng ta đang làm việc thiện, làm chuyện tốt, nhưng trong ấy, luôn xen tạp rất nhiều thứ chẳng thuần, chẳng thanh tịnh! Chẳng hạn như phóng sanh, mỗi người có cách nghĩ khác nhau, tuy chẳng thuần tịnh, vẫn có công đức. Phóng sanh có thuần tịnh hay không? Chẳng thuần tịnh. Vì sao? Trong tâm tưởng gì, chính mình biết ngay! Chúng ta làm hết thảy mọi chuyện đều xen tạp các điều kiện kèm theo! Chẳng hạn như cho người khác mượn tiền, phải có chứng cứ, hoặc ra ngân hàng vay tiền, phải dùng bất động sản để thế chấp, đều cần phải có thứ gì đó! Chúng ta đều luôn cần thứ gì đó bảo đảm, mong mỏi được hồi báo. Ta phóng sanh, thấy các súc sanh đó bơi trở lại, trong lòng rất cao hứng, giống như nó quay lại báo đáp, luôn có sự mong cầu ấy. Nếu nó chẳng quay lại hồi báo mà bỏ đi luôn, [sẽ làm bầm]: “Thứ vô tình, vô nghĩa. Ta cứu nó, mà nó vẫn vô tình vô nghĩa!” Chuyện kiêu này rất nhiều. Chúng ta làm hết thảy mọi chuyện, trong tâm luôn xen tạp rất nhiều thứ. Niệm một bộ kinh, niệm kinh, niệm Phật, trong ấy có rất nhiều thứ xen tạp. Sau đó, phát nguyện cầu cái này, nguyện cầu cái kia. “Bồ Tát ơi! Ngài vì con gia trì cho ai đó”, giống như khi quý vị cầu thì Phật, Bồ Tát phải gia trì vậy!

Đợi tới khi Phật, Bồ Tát gia trì xong, hết chuyện rồi, chẳng tìm Phật, Bồ Tát làm chi nữa! Như thế đó! Sau đây [có chuyện], lại ôm chân Phật. Đó là cái tâm chúng sanh, đó là chẳng thuần tịnh. Nếu quý vị mong cầu thiện pháp thuần tịnh, hữu tình sanh về cõi ấy ắt cần phải tinh thuần. Muốn sanh về cõi Phật, phải suy tưởng tinh thuần, đừng nói lời giả, đừng nói dối!

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及

諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân ấy, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chúng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường đắc thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trên).

Thiện căn khoác một mảnh ca-sa khác với thiện căn trì thanh tịnh giới, mà cũng chẳng giống với kẻ phá giới, thiện căn của họ bất đồng. Quý vị chỉ khoác một mảnh ca-sa, do tâm gì mà khoác? Đấy đều là có nguyên nhân; hết thảy các pháp đều có nhân. Phạm giới cũng cần phải xét theo cái nhân, nhân gì? Duyên gì? Hễ có một nhân, sẽ thành phạm giới. Có một nhân khác, sẽ thành chẳng phạm.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly ly gián ngữ, nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính, sở phát ngôn từ giai linh hòa thuận, văn tất kính phụng, vô sở sai nghi. Do thử, thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngữ thú, một sanh tử hà, nhân ly gián ngữ, tạo thân, ngữ, ý chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng,

nhất thiết pháp chương, chư hòa kính chương, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thử “viễn ly ly gián ngữ” luân, giai tất triển hoại, tội diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, sở phát ngôn từ, giai linh hòa thuận. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyến thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, sở ngôn hòa thuận, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離離間語，一切眾生常共愛敬，所發言詞皆令和順，聞悉敬奉，無所猜疑。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣，沒生死河，因離間語，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸和敬障，自作、教他、見聞隨喜，由此「遠離離間語」輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，所發言詞皆令和順。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剎魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德，真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，所言和順，端正聰明，安隱快樂。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, lìa lời ly gián, hết thấy chúng sanh thường cùng yêu kính, ngôn từ nói ra đều khiến cho mọi người hòa thuận, nghe rồi đều kính vâng, chẳng ngờ vực, lo ngại. Do vậy, thiện căn có thể mau chóng được thành thực. Trong tất cả các lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, do ly gián ngữ mà tạo các nghiệp

chương ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chương, các hữu tình chương, hết thấy pháp chương, các chương ngại đối với sự hòa kính, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ, do cái luân “liạ lời ly gián” này, [các chương ấy] thấy đều bị nghiền nát, phá tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm an lạc, lời lẽ nói ra đều khiến mọi người hòa thuận. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ru khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Lúc lâm chung, chẳng thấy sự giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người đẹp ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui mừng, sanh lòng tin kính sâu xa. Đã mạng chung rồi, vẫn sanh trong loài người, các căn viên mãn, chi thể đầy đủ. Sanh ở bất cứ nơi đâu, lời lẽ hòa thuận, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).

“Ly gián ngữ” là nói đôi chiều, châm ngòi ly gián. Mọi người bị ly gián sẽ thay đổi, cừ hận lẫn nhau, còn có thể kính yêu lẫn nhau nữa hay không? Nếu liạ ly gián ngữ, chẳng khảy động thị phi, khi mọi người tiếp xúc với nhau, sẽ tôn kính lẫn nhau, những ngôn từ thốt ra đều là hòa thuận, chẳng phải là bạo lực. Châm ngòi ly gián, sẽ chẳng hòa thuận. Đối trước Trương Tam, chúng ta kể tội Lý Tứ, đối trước Lý Tứ, kể tội Trương Tam, chuyện châm ngòi ly gián quá nhiều. Trong giới hòa thượng, giữa người xuất gia với nhau, thì gọi “phá hòa hợp Tăng”, còn trong những người bình phàm, ly gián ngữ được gọi là “châm ngòi ly gián”. Nhưng có kẻ [làm như vậy] để đạt được lợi ích cho chính mình, lại có kẻ khuấy đảo cho người khác đấu đá, nhưng bản thân kẻ đó chẳng được lợi ích gì, chỉ là kẻ đó rất vui thú, thích thấy người khác đấu đá, thích khuấy đảo cho người khác đấu đá. Loại quả báo này khi hứng chịu sẽ rất thảm, giữa người với người là như thế, giữa các nước với nhau cũng là như thế. Ly gián ngữ, ác ngữ: “Ác ngữ thương nhân lục nguyệt hàn”, [ý nói] trời tháng Sáu cực nóng, quý vị nói lời quá mức kích thích người khác, người ấy mãi cảm, dù trời rất nóng cũng chẳng thể toát mồ hôi nổi, rơn cả da gà, đông cứng luôn! Nếu nói lời êm tai, dầu trời đang rét mướt, “luong ngôn nhất cú tam đông noãn”. Tức là trời đang lạnh buốt, tâm quý vị cảm thấy rất thoải mái. Hiểu đạo lý này là được rồi. Do vậy, chúng ta đừng nên nói lời ly gián.

Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát cho đến hết thọ mạng, có thể liạ ly gián ngữ, thì hết thấy chúng sanh sẽ thân ái với nhau,

toàn nói những lời hòa thuận, mọi người đều kính vâng theo. Nghe những gì quý vị nói, đều là “người này tốt đẹp, người này trước nay chưa hề lá mặt lá trái”. Chớ nên trước người này nói thế này, trước kẻ kia nói thế khác. Trong một hội nghị, bất luận đảng Cộng Hòa hay đảng Dân Chủ của nước Mỹ, hay đảng Dân Tiến và Quốc Dân Đảng của Đài Loan, cho đến có thêm một đảng mới, động tác của họ là như thế nào? Khuấy chọc cho họ bất hòa để chúng ta ở giữa thủ lợi! Phiếu của ta nhiều hơn, phiếu của người nhất định giảm bớt. Ta nắm quyền, các người phải nghe theo ta, ta chẳng cần nghe theo bọn người! Mục đích là như thế đó, thấy rất rõ ràng! Chỉ là lìa khỏi hội nghị từ ngoài nhìn vào [mới thấy], chứ trong hội nghị sẽ chẳng thấy! Đó là gì? Ly gián lẫn nhau, quấy rối lẫn nhau!

Hôm nay mới vừa mở hội nghị tại Quốc Hội, buổi họp đầu tiên đã đấu đá nhau. Thường ngày châm ngòi ly gián đã thành thực, khúc mắc ấy khó tháo gỡ, cuộc họp vừa mở ra bèn tranh chấp, vừa họp liền đấu đá nhau, làm sao có thể tốt đẹp cho nổi? Nói “tôi vì dân chúng, tôi cũng là vì nhân dân. Quý vị bầu cho tôi một phiếu, trong tương lai, tôi sẽ cho quý vị hưởng lợi ích như thế này, như thế nọ”. Mọi người bầu cho bọn họ xong, bọn họ tới Quốc Hội, quên bém phiếu bầu, quên sạch lợi ích của nhân dân, lo tranh chấp! Chúng tôi giảng kinh Đại Tập Thập Luân, muốn nói về Thập Thiện Luân và Thập Ác Luân. Ai nấy đều đoạn Thập Ác Luân, hành Thập Thiện Luân, thì không chỉ trên thế giới này, mà ngay cả A Tu La và chư thiên cũng chẳng đánh nhau. Chẳng cần phải đánh, không cần thiết, như thế sẽ tốt lắm! Hiện thời, có thể lìa xa các chướng ngại ấy. Nếu không, sẽ chẳng xa lìa được! Vì ly gián ngữ tạo ra các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, chướng ngại sự hòa kính, hoặc là tự làm, hoặc dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Chúng ta thấy kẻ khác đánh nhau, đừng sanh tâm hoan hỷ. Trông thấy tranh đấu, bèn sanh tâm chán lìa. Vì sao phải làm như vậy? Bất luận họ viện ra lý do nào, đều chẳng phải là lý do! Quý vị đã muốn đánh đấm, đánh rồi thì chẳng có lý do chi hết, còn có lý do chi nữa? Vẫn muốn tìm lý do, bản thân chuyện tìm lý do ấy đã sai lầm rồi! Đạo lý cần phải dựa vào đấu đá thì mới có thể giải quyết ư? Do vậy, người ta dùng hỏa tiễn tấn công quý vị là chánh đáng, lý do gì vậy? “Tao đánh mày, vì tao có thể mạnh”. Đó chẳng gọi là công lý, đó gọi là “*cường quyền*”.

Nói đến bình đẳng, ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là bình đẳng nhất, Ngài đối xử với mọi người đều như nhau, [ai cũng] đều có thể

thành Phật. Đức Phật nói, quý vị và tôi giống hệt như nhau, bản tánh của quý vị sẵn có, có cùng một Thể với tôi, mọi người đều như nhau, nhưng tôi đã trừ sạch nghiệp chướng, quý vị hãy còn có nghiệp chướng. [Trừ khử] nghiệp chướng là lìa chướng ngại nơi ngôn ngữ. Nếu quý vị lìa ly gián ngữ, nghiệp chướng sẽ diệt trừ. Đó là cái luân “*lìa ly gián ngữ*” đã nghiền nát, phá hủy các chướng ấy. “*Tôi diệt vô dư, bất thọ quả báo*” (Đẹp tan chẳng còn sót, chẳng nhận lấy quả báo). Đức Phật giảng đoạn kinh văn này là nói theo phía phàm phu, từ phàm phu cho đến Thanh Văn, Bồ Tát, đạt đến thành Phật, đều bắt đầu từ làm người. Do vậy, mỗi đoạn kinh văn đều khởi đầu bằng chuyện làm người.

(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, y bửu học ly ly gián ngữ, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, nhất thiết kiên mật, nan khả phá hoại. Chư mỹ diệu vật chi sở trang nghiêm. Vô vi, vô cạnh, thiện hòa tránh tụng, hy cầu thuần chất, thiện pháp hữu tình, lai sanh kỳ quốc, thường tu hòa kính, thính văn chánh pháp. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình, như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ ngũ viên ly ly gián ngữ luân. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thứ luân cố, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離離間語，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，一切堅密，難可破壞。諸美妙物之所莊嚴。無違無競，善和諍訟，希求淳質善法有情來生其國，常修和敬，聽聞正法。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第五「遠離離間語」輪。菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Lại gặp bậc vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức. Nương theo người đó tu học, lià ly gián ngữ, có thể đoạn hết thầy ác pháp bất thiện, có thể thành tựu hết thầy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thầy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thầy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

nhập biển trí rộng sâu, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, hết thấy cứng chắc, chặt chẽ, khó thể phá hoại, được trang nghiêm bằng các vật đẹp đẽ màu nhiệm. Hữu tình chúng sanh không chống trái, không đua tranh, khéo hòa giải các tranh chấp và kiện cáo, mong cầu thiện pháp thuần chất, sẽ sanh về cõi ấy. Họ thường tu hòa kính, lắng nghe chánh pháp. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật bát Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Này thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ năm “xa lìa lời ly gián” của Bồ Tát Ma Ha Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chúng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thấy kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thấy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, nhanh chóng được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức để tùy thuận làm theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ, đạt được quả báo như trên đây đã rộng nói).

Được làm người, thường xuyên gặp gỡ thiện tri thức, gặp họ để làm gì? Học lìa ly gián ngữ. Học tập sao cho đừng nói những lời chàm ngòi ly gián. Chàm ngòi ly gián gây hại khá lớn. Nếu quý vị đâm thọc người khác, thì cũng là đâm thọc chính mình! Quý vị thường xuyên khuấy động người khác, chẳng có ai nói lời tốt đẹp với quý vị. Đây chẳng phải là mắc quả báo ư? Nếu lìa khỏi ly gián ngữ, có thể đoạn hết thấy pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy hạnh nguyện của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí rộng sâu, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, sẽ thành Phật. Cõi nước người ấy ở, “nhất

thiết kiên mật, nan khả phá hoại” (hết thầy cứng chắc, chặt chẽ, khó thể phá hoại). Ly gián ngữ chẳng thể phá hoại được!

Cơ chế nội bộ của chúng ta chẳng kiên toàn, ly gián ngữ sẽ dễ nảy sanh tác dụng. Chính quý vị đã đấu đá, cho đến khi kẻ bên ngoài châm ngòi ly gián, sẽ càng đấu đá hung hăng hơn! Chính mình chẳng chịu thua kém, hằng ngày cứ cãi cọ là do chính mình chẳng chịu thua kém, đừng trách ai khác! Một điều ác cũng chẳng có, sẽ có thể thành tựu hết thầy các thiện pháp thù thắng, có thể thành tựu pháp nghĩa Đại Thừa, những điều ấy đều có thể thành tựu. Chúng ta trừ khử các nghiệp bất thiện, trừ khử nghiệp bất thiện, sẽ là thiện nghiệp, cho nên có thể thâm nhập biển trí, cho đến chứng Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật ta đang ở sẽ cứng chắc, chặt chẽ, *“nan khả phá hoại. Chư mỹ diệu vật chi sở trang nghiêm. Vô vi, vô cạnh, thiện hòa tránh tụng, hy cầu thuần chất”* (khó thể phá hoại. Trang nghiêm bằng các vật đẹp để màu nhiệm. Không chống trái, không tranh đua, khéo hòa giải các tranh chấp và thừa kiện, mong cầu thuần chất): *“Thuần chất”* có ý nghĩa giống như *“thuần tịnh”*.

Khi Bồ Tát Ma Ha Tát giáo hóa hết thầy chúng sanh, đối với pháp và đối với mọi người, đều chẳng phạm sai lầm. Pháp chẳng sai lầm, mà đối với người cũng chẳng sai lầm, chẳng nhận sai căn cơ, coi Tiểu Thừa thành Đại Thừa. Đối với kẻ chẳng chán ghét Ngũ Nghịch, chẳng tin Phật pháp, mà lại nói pháp Đại Thừa, thì người nói phạm sai lầm, phải thọ báo.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly thô ác ngữ, nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính. Sở phát ngữ ngôn giai linh hoan duyệt, văn tất kính phụng, vô sở sai nghi. Do thử, thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân thô ác ngữ, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư điều thiện chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thử viên ly thô ác ngữ luân, giai tất triển hoại, tội diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, sở xuất ngôn từ, giai linh hoan duyệt. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết. Sở ái thể tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diễm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung,

chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, sở ngôn nhu nhuyễn, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離粗惡語，一切眾生常共愛敬。所發語言皆令歡悅，聞悉敬奉，無所猜疑。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因粗惡語，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸調善障，自作、教他、見聞隨喜，由此遠離粗惡語輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，所出言詞皆令歡悅。將命終時，身心不為憂苦逼切。所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，所言柔軟，端正聰明，安隱快樂。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng là lời thô ác, hết thấy chúng sanh thường cùng yêu kính, lời lẽ nói ra đều khiến cho mọi người hoan hỷ, nghe rồi đều kính trọng, vâng theo, chẳng ngờ vực, lo ngại. Do vậy, thiện căn mau chóng chín muồi. Trong tất cả những lúc luân chuyển năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, do thô ác ngữ, tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại nơi điều phục thiện sự, tự làm, dạy người, thấy nghe vui theo, do cái luân “xa lìa lời thô ác” này, [các nghiệp chướng ấy] thấy đều bị nghiền nát, phá tan, chẳng còn sót, chẳng thọ quả báo. Trong thân hiện đời, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng có ngờ vực, lo ngại, thân tâm an lạc, lời lẽ nói ra đều khiến cho người khác vui mừng. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành

tự thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui mừng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chỉ thể trọn đủ. Sanh ở bất cứ nơi đâu, lời nói mềm mỏng, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).

“*Thô ác ngữ*” là nói lời ác, lời nói khó nghe! Chửi người khác thì lời lẽ thốt ra thường bản thủ. Nếu là người Tứ Xuyên, hễ mở miệng ra bèn nói “*cách lão tử*”. “*Cách lão tử*” là gì? “*Cách lão tử*” (格老子)³⁶ là câu cửa miệng của họ, gặp ai cũng gọi người ta là “*tiểu bối*” (小輩, bọn nhỏ). Tôi có tranh luận với thầy tôi về chuyện này, thầy nói đó là tập khí của họ. Tôi nói: “Tập khí ư? Có sao họ đối với Phật chẳng dám gọi là “*tiểu bối*”, mà gọi là Thế Tôn. Họ thấy quốc vương, làm sao dám gọi là “*tiểu bối*”! Tập khí gì vậy? Tập khí có thể sửa đổi, câu cửa miệng của họ, thậm chí thấy ai cũng đều gọi là “*quy nhi tử*” (龜兒子, đồ con rùa). Tôi nói: “Họ thấy quan địa phương, thấy cảnh sát, đâu có dám gọi những người đó là đồ con rùa!” Phàm là đối với hết thầy thói quen, [nếu quan niệm] có sửa hay không cũng chẳng sao, hồng bát rồi! Hết thầy thói quen sanh hoạt, hoặc là lời lẽ thô ác, cứ để mặc như vậy, cho là chẳng có vấn đề gì! Khi kinh Phật dạy về giới, chẳng nói [cặn kẽ] như thế sẽ không được. Khi đó, những điều [giới kinh] nói ra, [hễ vi phạm] đều tính là phạm giới. Giới luật ắt phải nói như sự thật, nêu rõ sự thật. Trừ giới luật ra, đều chẳng thể nói lời thô ác.

Không nói lời thô ác, hãy nói lời mềm mỏng. Từ ngữ mềm mỏng, nói những lời đáng mến, khiến cho người khác thích nghe. Mềm mỏng là âm điệu rất nhu hòa, đừng ăn nói thô bạo, hoặc là lớn tiếng, gắt gỏng, mặt cũng đỏ bừng, mắt cũng trợn trừng trừng. Quý vị còn chưa nói gì, người ta trông thấy đã phiền não. Nếu quý vị thốt ra lời, đương nhiên

³⁶ Theo người Tứ Xuyên chữ Cách này không có ý nghĩa gì, chỉ là một chữ cảm thán. Cái tật của họ là hay dùng chữ Cách như ta nói “nè, e hèm”. Về sau chữ Cách này được hiểu như từ ngữ chỉ ngôi thứ nhất, Cách Lão Tử là “ông nội mày đây”. Do vậy, đối với người ngoài Tứ Xuyên nghe xung là Cách Lão Tử sẽ rất khó chịu, vì giống như nghe họ nói: “Ông nội mày”. Cái tật này nặng đến nỗi mở miệng ra là “*cách lão tử*” dù chẳng cần phải nói như vậy. Có chuyện kể rằng: Một người Sơn Đông sang Tứ Xuyên mua hàng, hỏi: “*Giá cá đông tây đa thiếu tiền?*” (Món đồ này bao nhiêu tiền?) Người bán hàng trả lời: “*Cách lão tử, ngữ thập khối tiền*” (Ông nội mày, năm mươi đồng). Người mua dùng dùng nổi giận: “*Tao mua đồ của mày, mày chẳng cảm ơn thì chớ, còn dám chửi ông nội tao hả?*”

càng tệ hơn thế. Chuyện kiêu này rất nhiều, đều là biểu hiện chẳng đoan chánh, chẳng thông minh. Khi người đang nổi giận, tướng mạo hết sức khó coi!

(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, y bỉ tu học ly thô ác ngữ, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, viễn ly nhất thiết bất khả ý thanh, chủng chủng thượng diệu, như ý hòa nhã, chư ý lạc thanh, kết tập pháp thanh, sung mãn kỳ độ. Cụ túc niệm huệ, phạm âm thanh triệt, điều thiện hữu tình, lai sanh kỳ quốc. Thường dĩ nhuyển ngữ, cánh tương khuyến tấn. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình, như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ lục “viễn ly thô ác ngữ” luân. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc tăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離粗惡語，能斷一切惡不善法，能成一切殊

勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，遠離一切不可意聲，種種上妙、如意、和雅諸意樂聲、結集法聲，充滿其土。具足念慧，梵音清徹，調善有情來生其國。常以軟語，更相勸進。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第六「遠離粗惡語」輪。菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Lại gặp bậc vừa ý, thành tựu điều phục thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người ấy tu học, lìa lời thô ác, có thể đoạn hết thầy các pháp ác, bất thiện, có thể thành tựu hết thầy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thầy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thầy nguyện hạnh Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy đang ở, xa lìa hết thầy tiếng chẳng đẹp ý, các thứ thượng diệu, như ý, hòa nhã, các thứ tiếng khiến đẹp lòng, tiếng kết tập pháp, đầy ắp cõi ấy. Các hữu tình chúng sanh trọn đủ niệm huệ, phạm

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

âm trong treo, thấu triệt, điều hòa thuận thiện, sanh về cõi ấy. Thường dùng lời lẽ mềm mỏng để khuyên lơn, sách tấn lẫn nhau. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật bát Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ sáu “xa lìa lời thô ác” của Bồ Tát Ma Ha Tát. Do Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, sẽ chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển, thường được gặp gỡ các thiện tri thức tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như trên đây đã rộng nói).

“Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, y bỉ tu học” (Lại gặp người vừa ý, thành tựu điều phục thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật, nương theo người đó tu học): Phải học như thế nào thì mới có thể lìa lời thô ác? Chuyện này lại bất đồng, khác với những điều trước đó. Âm thanh “*chủng chủng thượng diệu*” (các thứ thượng diệu), sanh vào thế giới Cực Lạc, ngay cả tiếng chim kêu đều là đang thuyết pháp, há còn có lời thô ác? Đã chẳng có, cho nên hết thảy [các chúng sanh] tâm tình điều phục, hiền lành, ăn nói mềm mỏng, âm thanh vi diệu, đều sanh về cõi Phật ấy.

“*Thường dĩ nhuyển ngữ cánh tương khuyến tấn*” (Thường dùng lời lẽ mềm mỏng để khuyên lơn, khích lệ lẫn nhau), phải tinh tấn tu hành. Điều gì được coi là có trí huệ? Điều gì có thể khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích? Cho đến “*sắc bén, chẳng bị hết thảy chướng ngại*

tối tâm ngăn trở”. Đó là trí huệ. Đây là huệ kiếm, huệ kiếm chém diệt ma! Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật chính là [trí huệ ấy]. Trí huệ ấy kiên cố như kim cang, sắc bén như kim cang, có thể trừ khử hết thảy các Hoặc. Đó gọi là “lợi huệ”. Có thể nói lợi huệ chính là kim cang trí huệ, cũng gọi là trí Bát Nhã. “Thắng phước” là gì? Chẳng chấp trước. Bồ Tát làm hết thảy các sự, độ hết thảy chúng sanh, chẳng có phước đức. Ngài Tu Bồ Đề ngạc nhiên, làm nhiều như vậy mà chẳng có phước đức ư? Bồ Tát tạo phước đức, nhưng chẳng chấp trước, đây là phước đức lớn nhất. Khi chúng ta làm hết thảy các chuyện tốt mà chẳng chấp trước, chuyện tốt ấy biến thành rất lớn. Lợi huệ và phước đức có thể lý giải theo nhiều cách, thường được tăng trưởng.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ ly tạp uế ngữ, nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính, sở phát ngôn từ giai hữu nghĩa lợi, văn tất kính phụng, vô sở sai nghi. Do thử thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân tạp uế ngữ, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư nghĩa lợi chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thử viễn ly tạp uế ngữ luân, giai tất triển hoại, tội diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đấng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, sở phát ngôn từ, giai thành nghĩa lợi. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyến thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, ngôn tất nhiều ích, đoan chánh, thông minh, an ổn khoái lạc.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離雜穢語，一切眾生常共愛敬，所發言詞皆有義利，聞悉敬奉，無所猜疑，由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因雜穢語，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸義利障，自作、教他、見聞隨喜，由此遠

離雜穢語輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，所發言詞皆成義利。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剡魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，言必饒益，端正聰明，安隱快樂。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, lìa lời tạp uế, hết thấy chúng sanh sẽ thường cùng yêu kính, lời lẽ nói ra đều có nghĩa lợi, người nghe đều tôn kính, vâng theo, chẳng nghi ngờ, lo ngại. Do vậy, thiện căn mau được chín muồi. Trong tất cả các lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, đã do lời lẽ tạp uế mà tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại đối với nghĩa lợi. Do cái luân “xa lìa lời tạp uế” này, [các nghiệp chướng ấy] đều bị nghiền nát, phá tan, chẳng còn sót, chẳng nhận lấy quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm yên vui. Lời lẽ thốt ra đều trở thành nghĩa lợi. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách. Vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vira ý, thành tựu điều phục thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung, lại được sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, sanh vào bất cứ nơi đâu, cũng đều nói lời lợi ích, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).

Tạp uế ngữ là món cuối cùng trong ngữ nghiệp. [Chúng ta đã thảo luận về] hư công ngữ, thô ác ngữ, ly gián ngữ, loại thứ tư trong ngữ nghiệp là tạp uế ngữ, cũng chính là ý ngữ. “Ý ngữ” (綺語) là thốt ra lời lẽ vô ích. “Uế” (穢) có nghĩa là “bất tịnh”; nói đúng ra, chính là cái kiểu chuyện gẫu, tán nhảm thông thường của chúng ta! Có mấy người ngồi

với nhau, tán gẫu sẽ là [tình hình] như thế này: Chuyện gì cũng nói được, đó chính là tạp uế! Do người nói lời tạp uế chẳng được chúng sanh cung kính, chúng sanh chẳng muốn cung kính, vì họ ăn nói chẳng có “nghĩa lợi” (義利, nghĩa lý, lợi ích), tức là như chúng ta nói “ngôn ngữ nhạt phèo, nhìn mặt chán ngắt!” Nếu lìa tạp uế ngữ, [lời nói] sẽ có ý nghĩa. Hết thấy chúng sanh đều muốn thân cận, cung kính, kính mến người ấy. Như thế thì lìa khỏi lời tạp uế, lời người ấy nói có đạo lý, có lợi ích cho chúng sanh, người khác nghe thấy sẽ cung kính quý vị, sẽ chẳng ngờ vực, lo ngại. Nếu quý vị ăn nói mà người ta cứ phải “trừ hao” [những điều khoác lác, nhằm nhí, vô bổ] thì hãy ngẫm xem, lời nói của quý vị còn có ý nghĩa gì cơ chứ? Đây chính là “sai nghi” (猜疑, ngờ vực, lo ngại), chẳng thể hoàn toàn tin lời quý vị, sẽ nảy sanh nghi hoặc đối với lời nói của quý vị. Nếu lìa khỏi tạp uế ngữ, sẽ khiến cho quý vị mau chóng được thành thực, thành thực gì vậy? Thành thực tịnh nghiệp. Trong quá khứ trước kia, đã luân chuyên trong năm đường, chìm đắm trong sông sanh tử, quả báo ấy có liên quan đến tạp uế ngữ, đồng thời tạo rất nhiều [nghiệp nơi] thân, ngữ, ý, “chư ý nghiệp có” (do các ý nghiệp), có ý nghĩa ấy!

[Nếu quý vị] đọc phẩm Phạm Hạnh [của kinh Hoa Nghiêm] đều biết “ngữ” là ngữ nghiệp, cũng có hàm nghĩa như thế. “Ý” là ý nghiệp, “thân” là thân nghiệp. Thân và thân nghiệp khác nhau, vì lời nói chẳng có ý nghĩa khiến cho các nghiệp đã làm và tất cả tác dụng nơi thân, khẩu, ý của quý vị đều trở thành chướng ngại. Khi quý vị giáo hóa, độ chúng sanh, cùng học tập với chúng sanh, [các nghiệp đã tạo nơi thân, ngữ, ý] đều trở thành chướng ngại, cũng tức là người khác chẳng muốn quan tâm quý vị. Vì có chướng ngại ấy, hoặc là do chính mình thốt lời tạp uế, cho đến dạy kẻ khác nói lời tạp uế, hoặc là nghe kẻ khác thốt lời tạp uế, quý vị đều tán thán, tùy hỷ. Nơi trà đình, tửu quán, tiệm ăn, phòng khiêu vũ, ngôn ngữ thuộc loại này quá nhiều. Đối với chuyện này, quý vị chớ nên nảy sanh thái độ “thấy, nghe tùy hỷ”, phải xa lìa! Nếu xa lìa tạp uế ngữ, luân này sẽ thành tựu. Xa lìa tạp uế ngữ nghiệp luân có mười luân. Đây là luân cuối cùng trong mười luân. Do cái luân nghiền nát tạp uế ngữ này, hết thấy ngữ nghiệp tạp uế trong quá khứ của quý vị sẽ bị phá nát chẳng còn sót thừa, chẳng chịu quả báo. Chẳng chịu quả báo thuộc về “tiền tế” (前際, quá khứ), còn “hiện tế” (現際, hiện tại) là “u hiện thân trung, chư thiên nhân đấng giai cộng thân cận” (nơi thân hiện tại, các hàng thiên nhân đều cùng thân cận).

Nếu trời, người đều cùng thân cận quý vị, thì đối với cá nhân của quý vị, họ chẳng phải lo ngại, suy đoán, rà xét lời lẽ của quý vị, mà sẽ tin ưa chân thành, khẩn thiết, thân tâm của quý vị cũng an lạc. Tất cả ngôn từ “*giai thành nghĩa lợi*” (đều thành nghĩa lợi), chẳng phải là ngôn từ không có nghĩa lý và vô ích. Tất cả ngôn từ khiến cho hết thảy hữu tình chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích. Nếu lúc quý vị sắp mạng chung, thân tâm đều chẳng bị ưu sầu, buồn bã, khổ não trói buộc, cũng chẳng bị khổ nạn vùi dập, bức bách. Sự khổ sở mang tánh chất bức bách khiến cho thân tâm của quý vị chẳng được an lạc. Thân tâm đạt được an lạc, sẽ chẳng có tánh chất bức bách. Mỗi cá nhân đều hy vọng khi chết, lục thân quyến thuộc của chính mình, vợ con yêu mến đều vây quanh bên mình. Những lời này thoạt nhìn rất đơn giản, rất nhiều người khi chết, chẳng có vợ con hiện diện, hoặc là chết vì tai nạn xe cộ, hoặc chết nơi đất khách quê người. Có thể “*thọ chung chánh tâm*”, khi chết, người thân yêu nhất ở bên cạnh, đây cũng là rất hạnh phúc, ra đi cũng rất thoải mái. Tuy cuối cùng vẫn biệt ly, vẫn là biệt ly rất tốt đẹp. Quý vị cũng chẳng trông thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, Hắc Vô Thường, Bạch Vô Thường. Họ là câu hồn sứ giả, câu hồn quý vị đi. Quý vị cũng chẳng trông thấy.

Trong khi mạng chung mà trông thấy những kẻ ấy, sẽ sanh lòng hoảng sợ. Bất quá, quý vị trông thấy toàn là thiện tri thức vừa ý, điều thuận thiện pháp, toàn thấy các vị phước điền chân thật, đủ giới, giàu đức, khiến cho thân tâm của quý vị rất hoan hỷ, rất vui sướng. Đồng thời, đối với vị thiện tri thức ấy, sanh lòng kính tín sâu xa. Như thế thì khi quý vị ra đi, sẽ ra đi rất tốt đẹp. Nếu quý vị chẳng tu hành, chỉ do một hạnh lìa lời tạp uế này, do đã thành tựu nghiệp này, quý vị còn có thể sanh làm người, sẽ chẳng [phải lâm vào tình cảnh khôn khổ] như đã nói trong Thập Ác Nghiệp Luân thuộc phần trước, tức là hễ sanh làm người, các căn thiếu sót, tứ chi không đầy đủ! Mà sẽ là sanh trong loài người, các căn viên mãn, tứ chi trọn vẹn. “*Tùy sở sanh xứ, ngôn tất nhiều ích*” (Sanh ở bất cứ nơi đâu, lời nói ắt tạo lợi ích): Quý vị sanh ở bất cứ nơi đâu, hễ tới chỗ nào, nói năng đều có thể tạo lợi ích cho người khác. Ai nấy đều sanh tâm hoan hỷ, tướng mạo của quý vị là “*đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng*”.

(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học ly tạp uế ngữ, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất

thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, viễn ly nhất thiết vô nghĩa lợi thanh, chủng chủng thượng diệu Bồ Tát tạng nhiếp, đại pháp âm thanh châu biến quốc độ, thành tựu vô biên đại nguyện diệu trí, năng thiện biện thuyết chủng chủng pháp nghĩa, như thị hữu tình lai sanh kỳ quốc. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ thất viễn ly tạp uế ngữ luân. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離雜穢語，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，遠離一切無義利聲，種種上妙菩薩藏攝大法音聲週徧國土，成就無邊大願妙智，能善辯說種種法義，如有有情來生其國。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第七遠

離雜穢語輪。菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người đó tu học là lời tap uế, có thể đoạn hết thấy pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở xa là hết thấy tiếng chẳng có nghĩa lợi, âm thanh to lớn thuộc về các loại Bồ Tát Tạng thượng diệu trọn khắp cõi nước, thành tựu vô biên đại nguyện diệu trí, có thể khéo biện luận, giảng giải các thứ pháp nghĩa. Hữu tình như thế sanh về nước ấy. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng như căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ bảy “xa là lời tap uế” của Bồ Tát Ma Ha Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo.

Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, cho đến đối với hết thảy những kẻ khoắc một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức để tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Tát, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trước).

Đây là nói quý vị lại sanh trong nhân gian, cũng giống như khi lâm chung [đã nói] trong phần trước, cũng gặp gỡ hàng thiện tri thức vừa ý. Vị ấy đã điều phục ác pháp, chẳng có ác pháp, đều biến thành thiện pháp, trọn đủ giới thanh tịnh, phước đức dồi dào, có trí huệ. “*Phước điền chân thật*” chính là nói đến bậc phước điền xuất thế. Phước điền chân thật là nói phước điền lý tánh của chính mình, chẳng phải là phước điền hư vọng. Bậc thiện tri thức như thế đến làm bậc y chỉ cho quý vị, quý vị sẽ học tập điều gì từ họ? Học tập lìa tạp uế ngữ, tức là chẳng nói những lời không có ý nghĩa. Đây là đối chiếu giữa Thập Ác Nghiệp và Thập Thiện Nghiệp. Hãy khéo học tập Thập Thiện Nghiệp, Thập Ác Nghiệp liền biến thành Thập Thiện Nghiệp. Học tập Thập Thiện Nghiệp tốt đẹp, Thập Ác Nghiệp sẽ chẳng còn nữa, bị đoạn dứt.

Trong quá khứ, chúng ta cứ ngỡ Thập Thiện Nghiệp chỉ là phước báo nhân thiên. Nếu tiến thêm bước nữa, dùng Thập Thiện Nghiệp làm cơ sở để tiến lên, hết thảy các thiện pháp đều có thể tăng trưởng, hết thảy các ác pháp đều có thể tách rời. Quý vị có thể thành tựu hết thảy thiện pháp thù thắng, bao gồm Tứ Đế, mười hai duyên, Lục Độ. Khi ấy, nếu quý vị cầu pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu Bồ Tát nguyện, phát Bồ Tát nguyện, hành Bồ Tát hạnh, sẽ dần dần tiến nhập trí huệ Bát Nhã, thâm nhập biển trí sâu rộng, cho đến thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy thì trong cõi Phật quý vị đang ở, sẽ xa lìa hết thảy các âm thanh chẳng có nghĩa lợi, chẳng nghe thấy các ngôn ngữ không có nghĩa lợi. Như thế thì [các âm thanh được nghe] toàn thuộc về Bồ Tát Tạng thượng diệu, luôn được nghe các pháp nghĩa vi diệu, đều thuộc loại Đại Thừa Bồ Tát. “*Đại pháp âm thanh châu biến quốc độ*” (Âm thanh đại

pháp trọn khắp cõi nước): Pháp âm như vậy trọn khắp cả nước, trọn khắp cõi Phật quý vị đang ở. Quốc độ ấy chẳng phải là một tiểu châu, mà là một thế giới Phật, [chẳng hạn như] thế giới Sa Bà của chúng ta, toàn thể pháp âm trọn khắp thế giới Sa Bà. “*Thành tựu vô biên đại nguyện diệu trí*” là chỉ nói Đại Thừa. Có đôi khi, đức Phật nói Đại Thừa mà hàm nhiếp Nhị Thừa. [Chánh kinh nói] “*hữu tình như thế sanh vào cõi ấy*” để hình dung quốc độ ấy có hình dạng như thế nào? Cõi Phật ấy hết sức trang nghiêm, hoàn toàn thuộc về Đại Thừa. Thế giới Cực Lạc cũng thế, đến nơi đó là sẽ tiến thẳng đến thành Phật, nhưng trong ao hoa sen ấy cũng có Thanh Văn, cũng có Duyên Giác, đều là tiến nhập Đại Thừa, hoàn toàn chẳng phải là các Thanh Văn đoạn chủng tử Bồ Đề trong thế giới Sa Bà, mà là hàng Thanh Văn có chủng tử Bồ Đề.

Thọ mạng của đức Phật thì sao? Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, “*Như Lai*” chính là A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng vô lượng. Mỗi vị Phật trong vô lượng các tịnh Phật quốc độ đều có thọ mạng vô lượng. “*Vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp*” [nghĩa là] họ thuộc căn cơ gì, bèn nói cho họ pháp [tương xứng] căn cơ ấy. Sau khi đức Phật trong cõi ấy nhập Niết Bàn, “*chánh pháp cửu trụ, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình*” (chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, yên vui vô lượng hữu tình). Chẳng có Tượng Pháp và Mạt Pháp, Chánh Pháp vĩnh viễn trụ trong thế gian.

“*Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc*” (Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ): Vun bồi thiện căn, vĩnh viễn chẳng chán đủ, mãi cho đến khi thành Phật. “*Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc*” (Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ): Trăm ngàn vạn ức nguyện, trăm ngàn vạn ức hạnh, vĩnh viễn chẳng chán đủ. Vì thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát vẫn đang phát nguyện, Thập Địa Bồ Tát vẫn đang phát nguyện, các Ngài phát nguyện lợi ích chúng sanh. “*Sở đắc quả báo quảng như tiền thuyết*” (Đạt được quả báo rộng như đã nói trong phần trước): Những điều ấy đã nói tới lần thứ bảy rồi, tổng cộng sẽ nói mười lượt.

Thân nghiệp gồm giết, trộm, dâm, khẩu nghiệp bao gồm nói hu công (虛誑, giả dối, lừa gạt), tức là vọng ngữ. Những danh từ được phiên dịch trong kinh này có đôi chút biến hóa, “*hu công ngữ*” là vọng ngữ, “*ly gián ngữ*” là lưỡng thiệt. Ngài (pháp sư Huyền Trang) không dùng danh xưng lưỡng thiệt mà gọi là “*ly gián ngữ*”. Ngài gọi ác khẩu là

“thô ác ngữ”, gọi ý ngữ là “tạp uế ngữ”. Tuy danh xưng bất đồng, nhưng ý nghĩa như nhau. Mọi người phải nên biết: Danh từ trong các kinh tuy bất đồng, nhưng ý nghĩa của chúng như nhau. Dưới đây còn có ba luân, [những câu chữ được sử dụng trong ba luân ấy] đều là trùng lặp.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ, viễn ly tham dục, nhất thiết chúng sanh thường sở ái trọng, kỳ tâm thanh tịnh, ly chư nhiễm trước. Do thử, thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân tham dục cố, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư vô tham chướng, tự tác, giáo tha, kiên văn tùy hỷ. Do thử viễn ly tham dục luân cố, giai tất triển hoại, tồi diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc. Kỳ tâm thanh tịnh, ly chư nhiễm trước. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, kỳ tâm thanh tịnh, ly chư nhiễm trước, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, y bỉ tu học ly tham dục pháp, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệp thứ thú nhập thâm quang trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, địa bình như chưởng, chúng bảo sung mãn, chủng chủng bảo thụ hàng liệt trang nghiêm, chủng chủng bảo y, bảo trang nghiêm cụ, bảo tràng, phan, cái, kim, ngân, chân châu, la võng đẳng thụ, xư xư giai hữu, thậm khả ái nhạo, viễn ly kiêu mạn, nhan mạo đoan nghiêm, chư căn vô khuyết, kỳ tâm bình đẳng. Như thị hữu tình lai sanh kỳ quốc, vô tham công đức, viên mãn trang nghiêm. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ bát viễn ly tham dục luân dã.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽遠離貪慾，一切眾生常所愛重，其心清淨，離諸染濁。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因貪慾故，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸無貪障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離貪慾輪故，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂。其心清淨，離諸染濁。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，其心清淨，離諸染濁，端正聰明，安隱快樂。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離貪慾法，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，地平如掌，眾寶充滿，種種寶樹行列莊嚴，種種寶衣、寶莊嚴具、寶幢幡蓋、金、銀、真珠、羅網等樹，處處皆有，甚可愛樂，遠離憍慢，顏貌端嚴，諸根無缺，其心平等。如是有情來生其國，無貪功德圓滿莊嚴。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第八遠離貪慾輪也。

(**Kinh:** Lại này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa tham dục, hết thấy chúng sanh sẽ thường yêu mến, kính trọng. Tâm vị ấy thanh tịnh, lìa các nhiễm trược. Do vậy, thiện căn có thể mau chóng thành thực. Trong những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia, vì tham dục đã tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại đối với vô tham, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa tham dục” này, [các nghiệp chướng ấy] đều bị nghiền nát, tan diệt chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm yên vui. Tâm vị ấy thanh tịnh, lìa các nhiễm trược. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách. Vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung rồi, lại được làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ. Sanh ở bất cứ chỗ nào, tâm cũng thanh tịnh, lìa các đấm nhiễm, ô trược, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng. Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, đủ đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người ấy tu học pháp lìa tham dục, có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, các thứ báu đầy ắp, các thứ cây báu bày hàng trang nghiêm, các thứ áo báu, vật trang hoàng báu, tràng, phan, lọng báu, các thứ cây được phủ lưới mảnh vàng, bạc, châu châu v.v... thật đáng yêu thích, nơi nơi đều có. Xa lìa kiêu mạn, vẻ mặt đoan nghiêm, các căn chẳng khuyết, tâm người ấy bình đẳng. Hữu tình như thế sanh vào nước ấy, công đức “chẳng tham” viên mãn trang nghiêm. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài trong cõi đời, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Này thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ tám “xa lìa tham dục” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

Lìa tham dục rất khó. Lìa tham dục đến mức lìa tham dục rốt ráo, chính là đoạn trừ vô minh. Tham dục chia ra rất nhiều tầng cấp. Khi

nghiệp của chúng ta rất nặng, khi duyên niệm Tam Bảo, [làm như thế] là đúng, nhưng rốt cuộc, duyên niệm Tam Bảo cũng trở thành chướng ngại. Duyên niệm Tam Bảo vẫn là hữu pháp, nếu đạt đến cái Không rốt ráo (tắt cánh Không), thiện pháp lẫn ác pháp đều chẳng có. Thiện pháp Tam Bảo, Tam Bảo là học Giới, Định, Huệ, vì cung kính Tam Bảo mà học Giới, Định, Huệ, trừ diệt tham, sân, si, đối trị tham dục. Tham, sân, si đã chẳng còn, quý vị cũng đừng chấp trước Giới, Định, Huệ. Nếu vẫn chấp trước, sẽ thành bệnh, thuộc loại bệnh chấp trước. Chẳng hạn như chúng ta lập một gian Phật đường, nếu chúng ta thỉnh một bức tượng Phật, cung kính tột bậc, vốn chỉ có một bức tượng vẽ trên giấy được thờ tại đó, vẫn [cung kính] y hệt, cho đến cúng mấy vạn đồng, hoặc là mười vạn đồng đều biểu thị tôn kính. Trong ấy có thiện tham niệm. Có những lúc chúng ta cũng giống như vậy, tham niệm kiểu này rất nặng, phải khắc phục tham niệm ấy; [nếu không], niệm Phật, lạy Phật, luôn mong số lượng cho nhiều, chẳng cầu nội tâm thanh tịnh.

“*Phật*” là Giác. Ý nghĩa của Giác là trừ bỏ. Luôn cho rằng ta niệm số lượng càng nhiều, thì sức gia trì của Phật sẽ càng lớn. Niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát một vạn câu chẳng được, niệm mười vạn câu chẳng được, vậy thì niệm một trăm vạn câu, trong ấy có sự chiết khấu. Ta niệm mười vạn câu ấy, trong đó có rất nhiều vọng tưởng. Ta niệm một trăm vạn câu, trong ấy cũng có vọng tưởng. Như thế thì một trăm vạn câu niệm của ta đã chiết khấu thành mười vạn niệm thanh tịnh, mười vạn câu chiết khấu thành một vạn niệm thanh tịnh, một vạn câu chiết khấu thành một ngàn thanh tịnh niệm, một ngàn chiết khấu thành một trăm, đáng phải là như vậy! Nếu một trăm niệm thanh tịnh cũng chẳng có, mười tiếng thì cũng được, có được một câu niệm thanh tịnh thì sẽ là chẳng thể nghĩ bàn. Đó là ý nghĩa “*dùng nhiều hòng đạt được cái ít*”.

Mong cầu tham dục rất nhiều, [vận dụng] trí huệ Bát Nhã chân chánh sẽ triệt để đoạn dứt [cái tâm mong cầu ấy], rốt ráo thanh tịnh, nhưng hiện thời vẫn chưa được. Vì để đối trị sự tham dục này, khi quý vị lìa khỏi sự đắm nhiễm, ô trược, thiện căn đã chín muồi. Do vậy, trong quá khứ, khi luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử, đã vì tham dục làm duyên [mà tạo các nghiệp chướng]; đây là căn bản của sanh tử. Thập Luân được nói trong kinh Đại Tập Thập Luân đều là bình đẳng. Tạp uế ngữ chính là ý ngữ, giới luật chế định vốn rất nhẹ. Chẳng có chuyện gì, ngay cả khi chỉ đứng đó nói chuyện gẫu thì trong mỗi câu tán gẫu đã chứa đựng sự thị phi. Quý vị đến Phật đường, nhìn vào các đạo hữu luôn thấy cái này chẳng đúng, cái kia chẳng đúng, bàn luận

người khác, đó chính là lưỡng thiệt. Hoặc là đối với ai cũng chẳng nghi luận, chỉ lượn qua lượn lại tại đó. Lượn qua lượn lại thì chẳng hợp Phật pháp, chẳng hợp nghĩa lý! Hễ chuyện gì chẳng liên quan đến Phật pháp thì đều gọi là tạp uế ngữ. Rất dễ phạm sai lầm này!

Trên thực tế, đối với chúng ta, cái khó đoạn nhất là tham dục. Vì quý vị lìa tham dục, thân tâm an lạc, cái tâm thanh tịnh, lìa các đăm nhiễm, ô trược. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Lúc lâm chung, quý vị cũng chẳng trông thấy tiểu quỷ sai của vua Diêm Ma, hoặc câu hồn sứ giả Hắc Bạch vô thường sẽ chẳng tới. “*Duy kiến khả ý*” (Chỉ thấy người vừa ý), [những người] khiến cho tâm ý vui thích đều có thể trông thấy, chẳng thấy những kẻ không ưa thích. “*Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, y bỉ học tập, ly tham dục pháp*” (Chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người ấy học tập pháp lìa tham dục): Đây là học tập pháp lìa tham dục từ thiện tri thức, và cũng có thể đoạn trừ hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng. Chỉ có kinh Đại Tập Thập Luân nói như thế, các kinh khác chẳng có ý nghĩa như vậy!

Tham dục là căn bản phiền não, còn nghiêm trọng hơn so với tạp uế ngữ và thô ác ngữ. Giết, trộm, dâm chỉ là trong đời hiện tại, tham đã bao gồm hết. Mười nghiệp đều lấy tham dục làm gốc. Quý vị ngẫm xem, tất cả đều nói lời tạp uế, nói đã quen miệng rồi, nói đã quen nết, sẽ trở thành tập khí. Do tập khí tham dục, cứ thuận miệng đứng ở đâu, đâu chẳng có chuyện gì cũng phải nói. Có những kẻ nói quá nhiều, chẳng có ai nghe họ nói, họ bèn ở trong nhà tự nói chuyện với mình. Có chuyện như thế đấy! Chúng ta gọi những kẻ đó là “*thuyết quỷ thoại*”. “*Thuyết quỷ thoại*” là như thế nào? Chẳng có ai nói chuyện với kẻ đó, kẻ đó bèn tự nói với mình. Nhất là mấy bà cụ đã cao tuổi, đặc biệt đông dài! Quý vị nghe họ chót chết suốt ngày! Đó là tập khí căn bản.

Kinh Đại Tập Thập Luân đối đãi bình đẳng với Thập Ác Nghiệp, văn tự đều giống hệt như nhau, các kinh khác chẳng vậy. Kinh này nói về Thập Ác Luân, tức Thập Ác Nghiệp Ác Luân. Thập Thiện Nghiệp Thiện Luân đã được hoàn toàn nêu bày danh tự trong phần trước, nói một lượt là được rồi! Vì sao kinh này đã nói lần này qua lần khác, nói từng lần một, cả mười lần đều như thế? Đây là vì sợ quý vị chẳng chú ý.

Đó là lòng đại từ của đức Phật. Nếu giảng bài cho đệ tử trong Phật Học Viện, chẳng thể giảng như vậy. Trong mỗi khóa học tại Phật Học Viện, toàn là giảng về nghĩa lý, rất ít khi giảng kinh. Thời gian giảng nghĩa lý thì nhiều, thời gian giảng kinh ít. Giảng về luận, Nhiếp Đại Thừa Luận, Hiện Quán Trang Nghiêm Luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận, Đại Trí Độ Luận, Du Già Sư Địa Luận. Giảng luận, chẳng giảng kinh, rất ít giảng kinh. Kinh nhằm dạy quý vị thực hiện, còn Luận để biện luận, nhằm khai trí huệ. Phật Học Viện là học sự hiểu biết, Thiền Đường chẳng phải vậy. Thiền Đường là quý vị ít nói, tham cứu là được rồi. Niệm Phật Đường thì quý vị cũng ít nói, chỉ niệm A Di Đà Phật là được rồi! Học Giới thì suốt ngày làm Yết Ma, bày giới tướng ra, hằng ngày học tập, quý vị làm thế nào để giữ giới thanh tịnh? Trong một tùng lâm, hay trong một ngôi chùa lớn, trừ Học Giới Đường, Niệm Phật Đường, Thiền Đường, và Học Đường ra, còn có Như Ý Liêu³⁷. Khi quý vị sợ hãi, có thể tiến vào Như Ý Liêu.

Những điều được giảng trong kinh Thập Luân chuyên vì đại chúng trong hội Đại Tập mà giảng. Trong pháp hội ấy, từ Bồ Tát cho đến phàm phu đều có. Rất nhiều phàm phu phạm sai lầm này. Do vậy, đức Phật phải nhắc đi, nhắc lại, dặn tới, dặn lui. Thông thường, đức Phật căn dặn ba lượt là được rồi, còn kinh Đại Tập Thập Luân là mười lượt, dùng ngôn ngữ, lời lẽ giống hệt nhau, đều bình đẳng diễn nói để nhắc lại, là do ý nghĩa này! Có phải là hễ nói mười lượt thì sẽ ghi nhớ hay chẳng? Tâm chẳng để vào đó thì một trăm lần vẫn là như vậy! Học pháp thì phải học từ trong tâm. Đây là soi gương. Quý vị hãy soi để biết trong Thập Luân, chính mình có mấy luân. Có người được toàn bộ, có người chỉ có hai ba luân. Như thế thì quý vị là thiện tri thức. Nếu biết nghiệp chướng của chính mình chẳng nặng, chính quý vị có thể đối chiếu đôi chút, toàn thể văn tự trong đoạn này đều tương đồng. Trong phần trước đã nói hai lần; từ đây trở đi, chẳng nói nữa!

Nói “*năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệp thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ địa bình như chưởng, chúng bảo sung mãn, chủng chủng bảo thụ, hàng liệt trang nghiêm, chủng chủng bảo y, bảo trang nghiêm cụ, bảo tràng, phan, cái, kim, ngân, chân châu đẳng thụ, xú xú giai hữu*” (có thể thành tựu hết thảy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết

³⁷ Như Ý Liêu là nơi dành cho các vị tăng bị bệnh an dưỡng trong một ngôi tùng lâm.

thầy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thầy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí rộng sâu, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, các thứ báu đầy ắp, các thứ cây báu bày hàng trang nghiêm, các thứ y báu, vật trang nghiêm báu, tràng, phan, lọng, báu, các thứ cây báu phủ lưới mảnh bằng vàng, bạc, chân châu v.v... nơi nơi đều có). Đây là thế giới Cực Lạc, các cõi Phật thanh tịnh đều là như thế.

“*Thậm khả ái nhạo*” (Hết sức đáng ưa thích), quý vị còn tham chi nữa! Vì quý vị ắt phải lìa tham dục, phá hủy tham dục luân, sau đó mới có thể đạt được quả báo này!

“*Viễn ly kiêu mạn, nhan mạo đoan nghiêm, chur căn vô khuyết, kỳ tâm bình đẳng. Như thị hữu tình, lai sanh kỳ quốc*” (Xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, hình mạo đoan nghiêm, các căn chẳng khuyết, cái tâm bình đẳng. Hữu tình như thế sanh vào cõi ấy): Chúng sanh trong quốc độ ấy đều là như thế, chẳng kiêu căng, chẳng ngạo mạn. Tướng mạo của mỗi người chẳng sai biệt cho lắm, cũng không có ai xấu xí chẳng ra sao, mà đều là dung mạo đoan chánh. Xinh đẹp có mấy loại, người xinh đẹp mà có đức hạnh thì ai trông thấy cũng đều sanh tâm cung kính, chẳng có tâm khinh mạn, chẳng có tâm vũ nhục! Nói đến phụ nữ có đức thì trong quá khứ, chúng ta nói đến những cô tiểu thư khuê các, hễ có phước đức thì cũng rất đoan trang, mà cũng rất mỹ lệ! Nhưng đem so với một kỹ nữ xinh đẹp thì tuyệt đối chẳng thể nói là tương đồng được, chẳng ai nầy sanh tâm khinh mạn đối với các cô!

Xưa kia, Địa Tạng Vương Bồ Tát làm một cô gái Bà-la-môn cũng thế, mà khi là cô Quang Mục cũng thế. Ai trông thấy các cô ấy, cũng đều sanh lòng cung kính. Ngay cả quỷ trông thấy cô ta đều nầy sanh tâm cung kính. Đó là đức (đức hạnh). Như chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát và thấy một vị mỹ nữ, tuyệt đối là hai tâm thái khác nhau! Chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, bất luận quý vị tin Phật hay không, sẽ đối với Ngài sanh tâm cung kính, chẳng có tâm giải đãi, ngạo mạn. Đừng nói Phật, Bồ Tát, ngay như thiên nhân, Ma Tổ (Thiên Hậu Nguyên Quân)³⁸ là một cô bé, tổ miếu tại Bồ Điền, tỉnh Phước Kiến. Các bức

³⁸ Ma Tổ là một vị thần bảo hộ cho những người sống bằng nghề biển hoặc dân cư ven biển, đặc biệt được sùng bái tại Hoa Nam, nhất là các tỉnh Phước Kiến, Quảng Đông, Hải Nam. Theo chân người Hoa, miếu thờ của bà xuất hiện khắp vùng Đông Nam Á, thậm chí tại Nhật Bản cũng có miếu thờ. Bà húy là Lâm Mặc, người huyện Bồ Điền, sanh năm Kiến Long nguyên niên (960) tại đảo My Châu, thông minh, lanh lợi, nhưng ít nói. Sau khi chết, bà hiển linh cứu giúp dân chài hoặc những người vượt

tượng của Ma Tổ trong huyện ấy, vẽ rất xinh đẹp, chẳng có ai dám sanh tâm khinh mạn đối với Ngài. Còn có một câu chuyện tại miếu thờ Cửu Thiên Huyền Nữ Nương Nương, Ân Trụ Vương³⁹ đến dâng hương tại miếu đó. [Trông thấy] tượng Cửu Thiên Huyền Nữ⁴⁰ tạc khéo quá, vua sanh khởi tâm ô nhiễm, sanh khởi tâm tham dục. Vị thần ấy phẫn nộ, chửi Bò Tát chẳng hề! Cửu Thiên Huyền Nữ liền sai hồ ly tinh chín đuôi [đến phá hoại nhà Ân], hồ ly tinh chín đuôi liền biến thành Đất Kỳ. Do một niệm [tham ái, Trụ Vương] đã chôn vùi giang sơn!

Người có đức, công đức viên mãn; cho nên lục căn toàn vẹn. “Nhan mạo đoan nghiêm, chư căn vô khuyết, kỳ tâm bình đẳng” (Dung mạo đoan nghiêm, các căn chẳng khuyết, cái tâm bình đẳng), ý nghĩa được bao hàm ở đây chính là “người ấy chẳng có tham dục”. Đó là công

biên. Nổi tiếng nhất là khi sứ đoàn của Lộ Doãn Dịch đi sứ Cao Ly, gặp nạn sóng thần, đoàn thuyền tám chiếc chìm hết bảy, riêng thuyền của ông Lộ được bà hiền linh cứu vớt. Do vậy, khi trở về ông Lộ đã xin triều đình sắc phong cho bà. Thoạt đầu bà chỉ được sắc phong là Sùng Phước Phu Nhân, rồi Linh Huệ phu nhân. Đến đời Nguyên, Hốt Tất Liệt sắc phong bà là Thiên Phi, đến đời Thanh, vua Khang Hy sắc phong bà là Thiên Hậu. Trải các đời, phong hiệu của bà đã trở thành Hộ Quốc Tỳ Dân Diệu Linh Chiêu Ứng Hoàng Nhân Phó Tế Phước Hựu Quần Sanh Thành Cảm Hàm Phù Hiền Thần Tán Thuận Thủy Từ Đốc Hộ An Lan Lợi Vận Trạch Đàm Hải Vũ Điểm Ba Tuyên Huệ Đạo Lưu Diễn Khánh Tĩnh Dương Tích Chi Ân Châu Đức Phổ Vệ Tào Thái Chấn Vũ Tuy Cương Thiên Hậu Chi Thần. Bà thường được gọi bằng danh xưng Thiên Hậu Nguyên Quân, hay Thiên Hậu Thánh Mẫu. Chử Ma Tổ vốn là từ ngữ người huyện Hưng Hóa tỉnh Phước Kiến dùng để tôn xưng tổ tiên thuộc phái nữ.

³⁹ Trụ Vương chính là tên miệt thị của nhà Châu dùng để gọi Đế Tân (?-1046 trước Công Nguyên), con trai của Đế Ất. “Trụ” (紂) có nghĩa là miếng da che móng ngựa, dẫn khởi thành ý nghĩa “hung ác, tàn nhẫn”. Ông tên thật là Tử Thọ, là vị vua cuối cùng của nhà Thương. Ông được mô tả là người cao lớn, có sức mạnh, có thể chống lại cả trăm người. Sau khi lên ngôi, ông đóng đô tại Mạt Ấp (sau đó đổi tên thành Triều Ca). Do say mê mở rộng lãnh thổ, chinh chiến liên miên khiến quốc khố trống rỗng, lại đam mê tửu sắc, bỏ bê triều chính, nên nhà Thương bị diệt vong. Do tổ tiên của Trụ Vương là Bàn Canh (Tử Tuần, cháu chín đời của vua Thành Thang) đã dời đô về Ân Khư (nay là huyện An Dương tỉnh Hà Nam), nhà Thương thường được gọi là nhà Ân.

⁴⁰ Cửu Thiên Huyền Nữ, còn gọi là Cửu Thiên Huyền Mẫu, là một vị nữ thần đã được người Hoa tôn sùng từ thời cổ. Bà thường được hình dung đầu người mình chim, đã truyền binh pháp cho Hoàng Đế đánh bại Xi Vưu. Đạo giáo coi bà là môn đệ của Tây Vương Mẫu, chế ra bùa Lục Nhâm Lục Giáp, chế ra pháp ấn Chế Yêu Thông Linh Ngũ Minh Ấn, cũng như là thần bảo hộ của những người làm hương.

đức của người ấy, quốc độ nơi người ấy sanh vào đều [được trang nghiêm bởi] công đức chẳng tham dục, tức là “*viên mãn trang nghiêm*”. Công đức chẳng tham dục, bản thân “*chẳng tham dục*” đã là công đức. Bản thân “*chẳng nói lời tạp uế*” đã là công đức. Như Lai trong cõi Phật ấy thọ mạng vô lượng. Tất cả các đức Như Lai nơi các quốc độ được nói trong cả mười luân đều là thọ mạng vô lượng, [nói thọ mạng vô lượng] chẳng phải là [nói đến thọ mạng của] Báo Thân, mà là [thọ mạng của] Hóa Thân.

“*Vì chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ*” (Vì các hữu tình, thuyết pháp đúng căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài): Cũng chẳng có Tượng Pháp và Mặt Pháp. “*Lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ bát viễn ly tham dục luân dã*” (Lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Này thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ tám “*xa lìa tham dục*” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiên ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo quảng thuyết như tiền.

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽

羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, cho đến đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Đối với hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức để tùy thuận làm theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy các đức Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trước).

Ở đây chỉ nói tới ly tham dục luân; sau đó, hãy còn hai luân nữa!

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, viễn ly sân khuể, nhất thiết chúng sanh thường sở ái trọng, kỳ tâm thanh tịnh, ly chư cấu uế. Do thử, thiện căn tốc đắc

thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân sân khuể cố, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư vô minh chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viễn ly sân khuể luân cố, giai tất triển hoại, tồi diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng giai cộng thân ái, vô sở sai lự. Kỳ tâm thanh tịnh, ly chư cấu uế. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thê tử, quyến thuộc vì nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ. Duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, kỳ tâm thanh tịnh, ly chư cấu uế, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽遠離瞋恚，一切眾生常所愛重，其心清淨離諸垢穢。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣，沒生死河，因瞋恚故，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸無明障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離瞋恚輪故，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮。其心清淨，離諸垢穢。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，其心清淨，離諸垢穢，端正聰明，安隱快樂。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa nóng giận, hết thấy chúng sanh sẽ thường yêu mến, kính trọng, tâm vị ấy thanh tịnh, lìa các cấu uế. Do vậy, thiện căn

mau được thành thực. Trong những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, do sân khuê, đã tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các vô minh chướng, tự làm, dạy người khác, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa sân khuê” này, [các nghiệp chướng ấy] đều bị nghiền nát, phá tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng nhân thiên đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại. Cái tâm thanh tịnh, lìa các cấu uế. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến, quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, trọn đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tín sâu xa. Đã mạng chung, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, hễ sanh vào nơi đâu, cái tâm thanh tịnh, lìa các cấu uế, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).

Đoạn kinh văn này có thêm một câu, tức là phá tan “*chư vô minh chướng*”. Sân hận có lớn và nhỏ. Sân khuê thì có người nếu nổi nóng, cáu giận, sẽ có khá nhiều người bị mắc họa! Như quốc vương, đại thần, tướng quân, do một niệm sai lầm, sẽ tạo rất nhiều nghiệp. Như tướng Bạch Khởi đời Tần, khi nước Tần giao tranh với nước Triệu, đã ra lệnh đào hầm chôn sống bốn mươi vạn tù binh nước Triệu do hắn bắt được trong trận chiến Trường Bình! Bản thân hắn mắc quả báo hứng chịu bất tận! Có một năm nọ, báo chí Thượng Hải đăng tin, có một con lợn nơi chỗ da dưới bụng nó có đề tên màu đỏ “*Bạch Khởi*”. Đây là Phật, Bồ Tát chỉ bày cảnh tỉnh chúng ta. Lại còn có một người họ Trình, chúng tôi không nói tên người ấy, ông ta làm chuyên viên, đã thụt két, nuốt gọn mấy vạn lạng bạc trắng, cũng bị biến thành lợn. Con lợn nái có thai lần ấy, đẻ ba con lợn con, dưới bụng đều có ghi tên, một là Bạch Khởi, hai là tên của gã họ Trình, còn con lợn kia cũng đề tên của một người đã từng sống tại vùng Thượng Hải. Đó là nghiệp báo, ở dưới bụng, có đề tên màu đỏ chói, đề rành rành là Bạch Khởi. Đó là gì? Đây là quả báo. Báo chí Thượng Hải bèn đăng tải để giáo dục mọi người.

Từ thuở đó cho đến hiện thời đã bao nhiêu năm, thời gian ấy vẫn còn rất ngắn, hắn vẫn phải thọ báo. Một cuộc chiến thành công, cả vạn bộ hài cốt khô. Không chỉ là một vạn bộ hài cốt, thuở ấy có đến bốn mươi vạn người. Từ xưa đến nay, bất luận ở nơi đâu cũng đều chẳng giết hàng binh, hễ đầu hàng thì thôi, buông vũ khí là xong! Hắn dùng thủ

đoạn lừa gạt, đem họ chôn sống. Trên thực tế, nếu người ta thật sự liều mạng, cũng rất khó đánh! Sau khi đã lừa được họ buông vũ khí xuống, liền đào hầm chôn sống họ, đương nhiên là hẳn có các thứ nghiệp! Tôi còn nhớ có một bài thơ: “*Ô nha thất kỳ mẫu*” (Quạ đen bị mất mẹ), khi con quạ đen chết, tức quạ già chết, quạ non mất mẹ. “*Kinh niên thủ cố lâm*” (Bao năm giữ rừng cũ), trong quá khứ đã ở trong rừng cây ấy. “*Dạ dạ bất ly khứ, duy báo niệm mẫu ân*” (Hàng đêm chẳng lìa khỏi, chỉ nghĩ báo ơn mẹ): Mỗi đêm nó đều kêu như thế, chẳng chịu bay đi. “*Tích hữu Ngô Khởi già*” (Xưa có gã Ngô Khởi), có một gã tên là Ngô Khởi⁴¹, chẳng phải là Bạch Khởi. “*Mẫu táng, mộ bất lâm*” (Mẹ mất, chẳng viếng mộ): Mẹ hẳn đã chết, ngay cả mộ địa cũng chẳng thềm đến viếng. “*Ta thân tư đồ bói, kỳ tâm bất như cầm*” (Than ôi! Hạng người đó, tâm chẳng bằng loài chim). So sánh giữa con người và cầm thú, có khi con người vẫn chẳng khác gì cầm thú! Khi tôi còn ở trong tù, có một bác sĩ, đưa con ruột của ông ta cưỡng hiếp mẹ nó, bị phán tù mười tám năm. Vào thời quá khứ, tôi ấy bị “*ngũ mã phân thi*” (năm ngựa xé xác), hoặc “*ngũ ngư phân thi*” (năm con trâu xé xác). Đó là đại tội nghịch, chẳng bằng cầm thú! Ngựa tuyệt đối chẳng giao phối với ngựa mẹ, còn dê khi sắp bú sữa, nhất định sẽ quỳ xuống, quỳ để bú sữa. Đó là báo ân.

Hễ nói tới ác nghiệp, đều xen tạp phiền não. Phiền não là tâm tham, tâm sân hận. Phật giáo chúng ta chú trọng tâm sân hận nhất. Tất cả công đức do quý vị tích lũy, “*một niệm sân hận khởi, chấy rui rừng công đức*”. Hễ nổi cơn giận, quý vị cứ tưởng chỉ là nóng giận một trận rồi thôi ư? Đặc biệt phải đối trị tâm sân hận, nó có thể đem lại cho quý vị rất nhiều họa hoạn. Đối với tâm sân hận, quý vị cho rằng nổi nóng chẳng

⁴¹ Ngô Khởi (440-381 trước Công Nguyên) là một nhà quân sự cuối thời Xuân Thu Chiến Quốc. Ông ta thông thạo quân sự, từng làm tướng cho ba nước Lỗ, Ngụy và Sở, giúp cho Ngụy Văn Hầu thành tựu bá nghiệp. Khi làm quan tại nước Sở, ông ta đã đề ra nhiều cải cách khiến giới quý tộc bất mãn. Vì thế, sau khi Sở Điệu Vương mất đi, họ đã tạo binh biến, giết chết Ngô Khởi. Binh pháp của ông nổi tiếng ngang với binh pháp của Tôn Vũ. Ông nổi tiếng tàn nhẫn, chỉ mong đạt mục đích, bất cần phương tiện. Khi còn trẻ, ông ta đã hao phí gia tài để cầu cạnh được làm quan, nhưng không thành công. Xóm làng có kẻ cười chê, cho nên khi ông ta thành công, đã giết ba mươi mấy người trong số ấy. Về sau, ông theo học với Tăng Thân là con của Tăng Sâm (cao đồ của Không Tử) để học đạo Nho, nghe tin mẹ chết tại nước Vệ, ông ta vẫn tiếp tục học, chẳng thềm về viếng tang. Tăng Thân chê là kẻ bất hiếu, đuổi đi, không dạy nữa. Khi sang nước Lỗ, để được Lỗ Mục Công trọng dụng làm tướng, nhưng do vợ ông ta là người nước Tề, cho nên vua cũng có lòng ngờ. Ngô Khởi liền giết vợ để đoạn sạch quan hệ với nước Tề.

nhằm nhò gì! Gia đình thường vì một hai trận giận dữ mà vợ chồng bất hòa, hoặc là như trong hiện thời, do căm thù mà giết hại nhau, gia đình tan vỡ. Đối với tầm quan trọng của một niệm tâm sân hận, tôi phải nói nhấn mạnh đôi chút như vậy để mọi người tham khảo, những điều khác đều giống như kinh văn trong phần trước. Đây là nói về sân khuể luân. Quý vị thấy người ta nổi nóng, thấy người ta đánh nhau, rất nhiều kẻ bu lại xem náo nhiệt. Chớ nên xem sự náo nhiệt ấy! Nếu quý vị bu lại coi, không chừng bị ngộ thương, họ đánh lầm quý vị, chớ nên xem náo nhiệt!

(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, y bỉ tu học, ly sân khuể pháp, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, viễn ly nhất thiết trước uế phong vân, úc chung trần cấu, chư thô tộ vật, chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nhạo, viễn ly kiêu mạn, nhan mạo đoan nghiêm, chư căn vô khuyết, tâm thường tịch định. Như thị hữu tình, lai sanh kỳ quốc. Từ bi công đức, viên mãn trang nghiêm. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ cửu viễn ly sân khuể luân dã.

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離瞋恚法，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，遠離一切濁穢風雲、郁烝塵垢、諸粗弊物，眾寶莊嚴甚可愛樂，遠離憍慢，顏貌端嚴，諸根無缺，心常寂定。如有有情，來生其國。慈悲功德，圓滿莊嚴。如來自身壽命無量，為諸有

情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。

善男子！是名菩薩摩訶薩，第九遠離瞋恚輪也。

(*Kinh: Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người ấy tu học, lìa pháp sân khuể, có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở xa lìa hết thấy dơ bẩn, gió mây, nung nấu các trần cấu, các vật thô tệ, được trang nghiêm bằng các món báu rất đáng ưa thích. Xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, dung mạo đoan nghiêm, các căn chẳng khuyết, tâm thường tịch định, các hữu tình như thế sẽ sanh về cõi ấy. Từ bi công đức viên mãn trang nghiêm. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình nói pháp thích ứng căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ chín “xa lìa sân khuể” của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

“Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức” (Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức): Nương theo vị thiện tri thức ấy, “tu học ly sân khuể pháp”. Nếu muốn lìa pháp sân khuể, phải làm như thế nào? Phải nhẫn nhục. Dựa trên sự rèn luyện hằng ngày của quý vị, khi sắp nổi nóng, quý vị hãy vào Phật đường. Hoặc nhằm lúc không có Phật đường, chính quý vị phải tĩnh tọa, đã tĩnh tọa rồi, niệm Phật cũng được, mà niệm kinh cũng được. Hễ niệm thì cái tâm của quý vị sẽ thanh lương, lửa giận sẽ dịu xuống! Khi đang nóng giận, ngàn vạn lần đừng xử trí công việc. Khi trong tâm quý vị chẳng thoải mái, cũng đừng nên đáp ứng chuyện gì, quý vị nhất định phải khắc phục. Quý vị rèn luyện dần dần như thế, đây cũng là cách tu hành.

Đã nhẫn lại nhẫn nữa, Trương Công bách nhẫn⁴², viết một chữ Nhẫn mà chưa nhẫn được, bèn viết một chữ nữa, vẫn chẳng nhẫn được,

⁴² Đồi Đường, tại Vân Châu có ông Trương Công Nghệ, gia tộc chín đời cùng chung sống, hòa thuận, không hề có chuyện tranh chấp gì. Đường Cao Tông rất lạ lùng, triệu ông vào cung hỏi bí quyết. Ông bèn lấy một trang giấy viết một trăm chữ Nhẫn.

lại viết một chữ nữa. Ất cần phải nhẫn! Nhẫn rất khó! [Nhẫn (忍) là] trên chữ Tâm (心) cắm một thanh đao bén (刃, đao bén), đau đớn lắm! Nhẫn có sức mạnh lớn như vậy! Đặc biệt là khi sanh khởi phiền não, quý vị sẽ tạo nghiệp. Không phải chỉ là thân quý vị tạo nghiệp! Trong tâm khởi lên [sân khuê], sẽ phát ra đặng miệng, chửi rửa người khác. Chửi hết mức bèn đánh, đánh đã rồi vung đao, hoặc nổ súng, đèo thêm cái nợ mạng, sẽ bị nhốt vào tù. Lúc đó, quý vị hồi hận chẳng kịp, lại còn phải đền mạng. Nhất định phải nhẫn, mỗi luân đều là như vậy. Bất quá đối với sân luân này, đặc biệt nói nhiều một chút. Quý vị mong lìa khỏi nó rất khó. Người quen thói nổi nóng sẽ rất khó lìa khỏi!

Còn nữa, hễ nổi giận, trong lòng bực bội, trong gia đình, đặc biệt dễ nảy sanh [chuyện này nhất]: Quý vị bực mình với đứa con nào, hằng ngày chửi mắng nó. Nó làm gì, quý vị cũng lập tức xài xể, quở trách nó. Cứ như thế, dầu là cha mẹ ruột, đâm ra đứa con cũng coi như oán cừu! Hoặc là nó trưởng thành, sẽ lìa khỏi quý vị, hoặc là nó còn muốn báo thù. Tôi đã gặp rất nhiều trường hợp báo thù rồi! Chẳng cần nói quá nhiều, khi người khác sai lầm, đừng nổi giận, phải tha thứ cho người khác. Quý vị thường xuyên nghĩ như vậy, một hai lần không được, cứ cố gắng nhiều lần, dần dần sẽ được. Vì người khác chẳng phải là quý vị, dầu [kẻ đó] do chính mình sanh ra, vẫn chẳng phải là có cùng một cái tâm với quý vị. Cách nghĩ của quý vị và cách nghĩ của họ phải khác nhau, nhất định phải nhẫn điều này. Học tập lìa pháp sân khuê như thế, có thể tu hết thảy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề.

Cõi Phật người ấy ở, “*viễn ly nhất thiết trước uế, phong vân, úc chung trần cấu, chư thô tộ vật, chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nhạo*” (xa lìa hết thảy dơ bẩn, gió, mây, nung nấu trần cấu, các vật thô tộ, [lại được] các báu trang nghiêm rất đáng ưa thích). Đây là vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, [môi trường hiện thời] dơ bẩn, đục ngầu, đặc biệt là nước bị ô nhiễm. Gió thổi qua, [các thứ bẩn thỉu] bị bốc lên không trung, ở trên không trung biến thành mây đen. Phàm là những thứ có màu đen là đã xen tạp vật bất tịnh. “*Chung*” (蒸) là khi mặt trời mọc, sẽ nung nóng, chúng liền bị bốc hơi. Đã bốc hơi xong, lại rơi xuống đất, hóa thành các vật thô tộ. Các vật thô tộ ấy nếu rơi xuống nước, hoặc các thực phẩm, cũng sẽ khiến cho chúng bị nhiễm độc. Khí oán kết dữ dội hơn bất cứ thứ độc hại nào, tức là như chúng tôi vừa mới nói “*phẫn nộ, oán độc*”. Oán độc thì ai gặp cũng sợ. Nếu quốc độ này, tàn sát nhân dân

trên quy mô lớn, giống như đại chiến trường, chết một loạt mấy vạn người, mấy chục vạn người, loại oán khí ấy xông lên không trung, ngưng kết thành một loại oán khí mà hễ ai đi qua nơi đó, nếu chẳng né tránh, chạm phải, thần tiên cũng chẳng có cách nào cứu được!

Oán độc của chúng sanh hết sức dữ dội. Rất nhiều bộ kinh Phật nghiên cứu thứ này, đã nói oán độc nặng nề hơn bất cứ thứ gì khác. Vì thế, người ấy [do xa lìa sân khuể] đã chuyển hóa các vật thô tẻ do các trần cấu nung nấu mà thành, chuyển biến các thứ đó thành “*chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nhạo*” (các báu trang nghiêm, rất đáng yêu mến). “*Viễn ly kiêu mạn, nhan mạo trang nghiêm, chư căn vô khuyết, tâm thường tịch định*” (Xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, diện mạo trang nghiêm, các căn chẳng khuyết, tâm thường tịch định). Thêm vào “*tịch định*”, tức là trong tâm luôn an tĩnh, luôn lặng lẽ, an định, chẳng tán loạn, chẳng phiền não thì mới định được. Vì sao trong tâm chúng ta bứt rứt? Tuy chẳng nổi nóng, cội rễ trong ấy là do phiền não muốn bùng phát, mà chẳng phát ra được. Hoặc là do khắc chế, khiến cho nó chẳng bùng ra, trong tâm sẽ bứt rứt, chẳng thoải mái! Do vậy, cái tâm phải thường tịch định, đừng buồn bực, đừng bứt rứt. Quốc độ của người ấy (người đã xa lìa sân khuể) là như thế! Phàm những ai tâm thường tịch định, xa lìa kiêu mạn, sẽ sanh về cõi ấy, đều là “*từ bi công đức, viên mãn trang nghiêm*”. Trái nghịch với sân hận là từ bi. Do đó, đối với hết thảy chúng sanh, đều phải từ bi. Người tu Từ Bi Quán sẽ chẳng tức giận, mà cũng chẳng nổi cáu!

Còn có một loại nữa là Bồ Tát thị hiện: “Tánh tình ngươi quá nóng, ta còn nóng tánh hơn ngươi nữa! Ngươi còn lộn xộn nữa, ta giết ngươi luôn!” Quán Thế Âm Bồ Tát tại đất Hán rất từ bi; ở Tây Tạng Ngài chẳng phải là như vậy. Ngài thị hiện giống như ma vương, Mã Đầu Kim Cang (Hayagriva)⁴³, hoặc Đại Minh Kim Cang, hiện rất nhiều

⁴³ Mã Đầu Kim Cang, còn gọi là Mã Đầu Quán Âm, là thân phần nộ của Quán Thế Âm Bồ Tát, là một tôn vị trong Quán Âm Viện của Thai Tạng Giới Mạn Đà La, thuộc Lục Quán Âm (Thánh Quán Âm, Thiên Thủ Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Chuẩn Đề Quán Âm, và Như Ý Luân Quán Âm) đặc biệt được tôn sùng trong Mật Tông. Đây chính là Sư Tử Vô Úy Quán Âm trong Lục Quán Âm của tông Thiên Thai, là thân thị hiện cứu vớt chúng sanh trong súc sanh đạo. Ngài cũng là Minh Vương Bộ Chủ thuộc Liên Hoa Bộ trong Kim Cang Giới Mạn Đà La, cũng như được coi là Phần Nộ Thân của Vô Lượng Thọ Phật. Tượng Ngài có hai tay, bốn tay, cho đến sáu tay, thường có ba mặt, cổ đeo xâu chuỗi bằng đầu lâu, lưng quấn khố da hổ, mặt chính giữa có ba mắt. Sắc mặt giận dữ, nhe răng.

tướng Kim Cang. Tướng Kim Cang rất dữ tợn. Đây là từ bi thật sự, hàng phục phiền não của họ. Muốn hàng phục phiền não của họ, chúng ta làm không được! Chỉ có thể nhẫn nại đôi chút, chúng ta vẫn chưa có công lực ấy!

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề, chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得

Cổ tay, cổ chân, cổ và eo đều có rấn quán, tay cầm các pháp khí như chén bằng sọ người (kappala), dây thừng, rấn, gậy đầu lâu. Trên đỉnh đầu có một hoặc ba đầu ngựa nhô ra. Tượng theo truyền thống Tây Tạng còn vẽ hoặc tạc Ngài có hai cánh xanh biếc, đầu đội mũ có gắn đầu lâu (biểu thị từ trong phiền não mà chứng nhập Ngũ Trí Như Lai). Theo Mật Tông, Ngài có các công đức hàng phục quỷ mị, tà thần, tiêu trừ vô minh, trừ diệt ôn dịch, hạn hán, bệnh khổ, trừ diệt các tà chú ác độc...

增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, cho đến đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được tăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, đều mau chóng tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trước).

Người học pháp tam thừa, hoặc học pháp Nhị Thừa, nếu đối với pháp và người đều chẳng “ngộ thất”, tức là chẳng sai lầm. “*Như ưng thuyết pháp, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh*” (Tùy theo căn cơ thích đáng mà thuyết pháp, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo): Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, bất luận là trong cõi Phật nào, đại đa số là nói tới quốc độ này của chúng ta. “*Nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí*” (Dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí), thế giới Cực Lạc chẳng có “*phi pháp khí*”, đương nhiên là nói đến cõi [Sa Bà] này. Phàm là những quốc độ tương tự như chúng ta, “*hạ chí nhất thiết bị phiến ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất*” (thậm chí đối

với hết thầy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm): Không chỉ là chẳng sai lầm đối với ba thừa, mà thậm chí đối với kẻ chỉ khoác một mảnh ca-sa, kẻ ấy nhất định có thiện căn, nhất định là có nhân duyên, phải quan sát quá khứ của kẻ đó.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ, viễn ly tà kiến, nhất thiết chúng sanh thường sở ái trọng, kỳ tâm thanh tịnh, ly tà phân biệt. Do thứ, thiện căn tốc đắc thành thục. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân tà kiến cố, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư chánh kiến chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thứ viễn ly tà kiến luân cố, giai tất triển hoại, tồi diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, kỳ tâm thanh tịnh, ly tà phân biệt. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, kỳ tâm thanh tịnh, ly tà phân biệt, doan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽遠離邪見，一切眾生常所愛重，其心清淨，離邪分別。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因邪見故，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸正見障，自作、教他、見聞隨喜，由此遠離邪見輪故，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等，皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，其心清淨，離邪分別。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德，真實

福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，其心清淨，離邪分別，端正聰明，安隱快樂。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa tà kiến, sẽ được hết thấy chúng sanh thường yêu kính, quý trọng. Tâm vị ấy thanh tịnh, lìa tà phân biệt. Do vậy, thiện căn mau được thành thực. Trong tất cả những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, do tà kiến mà tạo các ác nghiệp chướng nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chánh kiến chướng, tự làm, dạy người khác, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa tà kiến” này, [các nghiệp chướng ấy] thấy đều bị nghiền nát, tan diệt chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm an lạc, cái tâm thanh tịnh, lìa tà phân biệt. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách. Vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, là bậc phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ. Sanh ở bất cứ nơi đâu, cái tâm thanh tịnh, lìa tà phân biệt, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).

“Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ, viễn ly tà kiến” (Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa tà kiến): Ngu si cũng là vô minh. Kẻ chẳng có trí huệ, sẽ nấy sanh tà kiến. Đức Phật nói kẻ phá kiến chẳng thể cứu độ. “Kiến” (見) là chấp trước. Có những kẻ chẳng xả chấp trước! Quý vị nói thiện pháp với họ, họ chẳng có cách nào nghe lọt tai được! “Tà tri, tà kiến”: Nếu kẻ đó vì đắc Thiên Nhân Thông, thấy bò sanh lên trời, bèn nói: “Làm bò là tốt nhất! Sau khi chết, có thể sanh lên trời!” Kẻ đó chẳng hiểu đời trước của con bò ấy như thế nào, chẳng biết nhân quả. Thần thông của kẻ đó chỉ thấy đời này, chẳng thấy tám vạn đại kiếp, càng chẳng thấy vô lượng đại kiếp, chỉ thấy trước mắt, bèn nói bò có

công đức to lớn. Do vậy, hằng ngày kẻ đó lạy bò, chẳng tin Phật. Đối trước tượng Phật, kẻ đó chẳng lễ bái, lại có thể lạy lục con bò!

Khi tôi sang Ca Nhĩ Cách Đạp (Calcutta) của Ấn Độ, có một con đường, chắc là tới cả ngàn con bò, to dễ sợ, còn to gấp mấy lần chúng tôi! Đầu bò gắn một viên ngọc, khoác vải bông đủ màu. Còn có người dùng tơ vàng kết thành quả cầu đeo bên thân bò. Con bò đi trên phố, đi đến nhà nào, đại khái là nhà ấy đem đồ ăn cho nó ăn no, lấy nước lọc sạch nhất cho nó uống. Cả con đường ấy đều thờ phụng bò. Nếu quý vị chẳng biết, hoặc là đụng phải bò, thôi rồi! Người trên phố ấy sẽ liều mạng với quý vị. Khi tôi đến đó là năm 1940, thuở ấy, Đế Nhị Thế Chiến còn chưa chấm dứt, Ấn Độ chưa độc lập, vẫn bị Anh quốc thống trị. Người Anh cũng chẳng dám đụng tới lũ bò, vì biết sẽ chuốc lấy phiền toái. Nếu họ lái xe phải qua khu phố đó, sẽ lái theo đường vòng, chẳng lái thẳng vào con đường đó. Nếu chẳng thể không lái qua con đường ấy, họ sẽ lái chậm chậm, đợi con bò đi qua, đường thông rồi mới lái. Nếu bò vẫn chưa đi qua, quý vị chẳng thể đuổi nó đi được. Đó là tà tri tà kiến của ngoại đạo tín phụng, chẳng có cách nào hết! Nếu hiện thực hơn chút nữa, trong quốc độ này của chúng ta, kẻ tin tà tri tà kiến quá nhiều! Thế giới này có bao nhiêu ức người đều là tin theo tà tri tà kiến, chứ chánh tri chánh kiến khá ít. Đại Lục có mười ba ức người, được bao nhiêu người có chánh tri chánh kiến? Kể cả trong các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, người chánh tri chánh kiến vẫn rất ít.

Nhưng trong Thập Luân, nói theo tà kiến thông thường, đều như nhau, tức là ngu si, chính là si trong tham, sân, si. Chúng ta mỗi ngày thấy chuyện gì cũng đều chẳng chánh xác, phán đoán sai lầm, đều là ngu si, chẳng thể liễu giải “*các pháp duyên khởi tánh Không*”. Đó là ngu si. Hết thấy các pháp sanh khởi từ “*duyên khởi tánh Không*”, phải mong hồi quy về duyên khởi tánh Không; đây là điều căn bản nhất trong khi học Phật. Điều ấy sẽ có thể đoạn tà kiến của quý vị. Nếu xa lìa các tà kiến, quả báo đạt được sẽ chín muồi, đó chính là “*viễn ly tà kiến luân*”.

Đối với tà phân biệt, nếu chẳng có Định lực, chẳng có trí huệ, trong tâm quý vị suy nghĩ, phân biệt, toàn là tà tri tà kiến. Tà tri tà kiến ấy hoàn toàn chẳng phải là tà tri tà kiến của ngoại đạo, mà là trong tâm quý vị, hễ chẳng an lạc, hễ chẳng thanh tịnh, thì đều thuộc về tà tri tà kiến. Sâu hơn một chút, sẽ là chẳng thấy pháp tánh, tâm vượt ra ngoài đạo, tâm vượt ra ngoài Bồ Đề đạo, nghĩ tưởng các thứ chẳng phải là Bồ Đề đạo, đó gọi là “*tà kiến*”. Đó là nói tới những cái chẳng chiếu theo lời chỉ dạy của đức Phật, chẳng thể đoạn Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chẳng thể

nương theo pháp Tứ Đế để tu, chẳng thể nương theo pháp mười hai nhân duyên để tu, chẳng thể nương theo pháp Lục Độ để tu, đó đều là tà kiến. Nếu xa lìa tà phân biệt, trong tâm tưởng chẳng sanh khởi tà kiến, luôn nương theo chánh kiến, nương theo lời Phật dạy để hành, như thế là lìa tà phân biệt, sẽ có kết quả tốt đẹp gì vậy? Khi mạng chung, thân tâm của quý vị chẳng bị đau khổ bức bách. “*Sở ái thê tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ*” (Vợ con yêu mến và quyền thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma), chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức cho quý vị. “*Thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín*” (Thân tâm vui sướng, sanh lòng tin kính sâu xa): Như thế thì sẽ an tường, nhân nhả chuyển thế. Sau khi mạng chung, lại sanh trong loài người.

(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học ly tà kiến pháp, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệp thứ thú nhập Đại Thừa đại hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, viễn ly nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác nhị thừa nhân pháp, viễn ly nhất thiết thiên ma đồ chúng, viễn ly nhất thiết ngoại đạo bằng đảng, chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nhạo, viễn ly nhất thiết vọng chấp cát hung, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, ngã sở kiến. Như thị hữu tình, lai sanh kỳ quốc, thọ mạng trường viễn, thọ dụng nhất vị, vị Đại Thừa vị. Như Lai tự thân, thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình, như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cửu trụ, lợi ích, an lạc, vô lượng hữu tình, thánh giáo nhất vị, vô hữu quai tránh, xí thịnh lưu thông, ly chư chướng nạn. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ thập viễn ly tà kiến luân dã.

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離邪見法，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入大乘大海，乃至證得無上菩提。所居佛土，遠離一切聲

聞、獨覺二乘人法，遠離一切天魔徒眾，遠離一切外道朋黨，眾寶莊嚴甚可愛樂，遠離一切妄執吉凶、常見、斷見、我、我所見。如是有情來生其國，壽命長遠，受用一味，謂大乘味。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情，聖教一味，無有乖諍，熾盛流通，離諸障難。善男子！是名菩薩摩訶薩，第十遠離邪見輪也。

(Kinh: Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức. Nương theo người đó tu học pháp lìa tà kiến, có thể đoạn hết thấy pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, lần lượt tiến nhập biển cả Đại Thừa, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở xa lìa hết thấy người và pháp thuộc hai thừa Thanh Văn và Độc Giác, xa lìa hết thấy đồ chúng thiên ma, xa lìa hết thấy bè đảng ngoại đạo, các thứ báu trang nghiêm rất đáng yêu thích, xa lìa hết thấy hư vọng chấp trước cát hung, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, và cái thấy của ta (ngã sở kiến). Hữu tình như thế sanh vào nước ấy, thọ mạng dài lâu, thọ dụng một vị, tức là Đại Thừa vị. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, thánh giáo một vị chẳng hề chống trái, tranh chấp, lưu thông rạn vỡ, lìa các chướng nạn. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ mười “xa lìa tà kiến” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

“Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức” (Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức): Y chỉ vị thiện tri thức ấy, tu học cách lìa tà kiến như thế nào, tu pháp môn này bằng cách nào. “Năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiếm thứ thứ nhập Đại Thừa đại hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề” (Có thể

đoạn hết thấy pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển cả Đại Thừa, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề): Như thế thì cõi Phật nơi người ấy ở “*viễn ly nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác nhị thừa nhân pháp, viễn ly nhất thiết thiên ma đồ chúng, viễn ly nhất thiết ngoại đạo bằng đảng, chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nạo*” (xa lìa hết thấy người và pháp thuộc hai thừa Thanh Văn và Độc Giác, xa lìa hết thấy đồ chúng thiên ma, xa lìa hết thấy bè đảng ngoại đạo, các thứ báu trang nghiêm rất đáng yêu thích): Chỉ có lìa tà kiến luân thì mới nói đến chuyện “*xa lìa hết thấy pháp Nhị Thừa Thanh Văn và Độc Giác*”, còn chín luân kia đều chẳng có. Đây mới gọi là “*chánh kiến*”.

Do ở đây nói đến tà kiến, “*viễn ly nhất thiết vọng chấp cát hung, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, ngã sở kiến. Như thị hữu tình, lai sanh kỳ quốc*” (xa lìa hết thấy hư vọng chấp trước cát hung, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, và cái thấy của ta. Hữu tình như thế sanh về nước ta): Sanh vào cõi Phật ấy, chẳng phải là bình phạm, được xa lìa hết thấy thiên ma đồ chúng tà kiến. Người ấy sẽ xa lìa hết thấy hư vọng chấp trước cát hung. Nếu chúng ta mong sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị còn mong đoán mạng, xử quẻ hay không? Kinh Chiêm Sát khác hẳn. Quý vị muốn dùng Chiêm Sát Luân để hỏi: “Con có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không?” Quý vị chiêm sát một phen, Địa Tạng Chiêm Sát Luân sẽ nói: “Nếu người muốn sanh về thế giới Cực Lạc, vẫn phải dụng công”. Nếu nói là “có thể được vãng sanh”, vậy thì quý vị nắm chắc [chuyện vãng sanh], càng phải thêm dụng công, nhưng cơ hội chiêm sát được như vậy rất ít!

Chiêm sát luân rất ít khi sẽ nói ngay: “Quý vị có thể vãng sanh”, nhưng nếu muốn hỏi trong quá khứ quý vị đã sanh từ đường nào đến, chết rồi sẽ sanh vào đường nào, Chiêm Sát Luân sẽ trả lời chánh xác. Nếu quý vị sanh lòng sợ hãi, [sợ chính mình] sẽ sanh vào ba ác đạo, hãy gấp gáp tu tập! Chẳng phải là quý vị gieo [chiêm sát luân] hằng ngày ư? Hằng ngày lay, hằng ngày gieo, lay đến một mức độ nhất định, tam ác sẽ luân chuyển, quý vị sẽ có thể vãng sanh. Luân tướng ấy khác với cát, hung, họa, phước, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, ngã sở kiến, ngã kiến, toàn bộ đều thuộc vào tà kiến. Xa lìa chấp trước cát, hung, họa, phước hư vọng. Cát, hung, họa, phước chẳng thể biện luận cố định được, nó luân luân chuyển biến! Đặc biệt là đối với đệ tử Tam Bảo, đối với người học đạo, nó sẽ luân chuyển biến. Tướng mạo của con người luân chuyển

biến. Nếu quý vị chú ý quan sát tướng mạo của một người, sẽ thấy trong một ngày, nó biến hóa vài lượt. Nếu cách vài hôm, nhìn lại người đó, tướng mạo lại thay đổi. Quý vị thấy người ấy rất phiền chán, diện mạo đáng ghét, ăn nói tẻ ngắt. Hai ngày sau, nhìn lại kẻ đó, quý vị sẽ sanh khởi tâm hoan hỷ, đó là vì người ấy có sự tu tập. Hiện thời, nếu một người đã thất, niệm Phật một vài ngày, khi niệm đến tương ứng, tướng mạo lập tức biến đổi. “*Biến*” chẳng phải là như trong thế gian, mặt mũi hồng hào, hoặc là trắng trẻo, hoặc là dễ coi, chẳng phải như vậy. Loại người có đạo đức ấy, sẽ khiến cho quý vị cảm ứng, khiến cho tâm quý vị hoan hỷ. Quý vị thấy một vị lão hòa thượng hay lão lạt-ma nào đó, bộ dạng rất xấu xí, rất bần thủ, nhưng quý vị gặp vị ấy, sẽ sanh khởi tâm cung kính, đối với vị ấy đặc biệt cung kính. Đó là do đức của vị ấy!

Phải lìa khỏi hết thảy, lìa khỏi Thường Kiến và Đoạn Kiến. Thường Kiến là nói đến Thường, tức là luôn cho rằng bất tử, hoặc “chết rồi vẫn sanh làm người”, chẳng tin tưởng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó là tà kiến. Sau khi đã sanh, ta nhất định sanh lên trời, sanh lên tầng trời nào? Sanh đến chỗ chúa trời, sanh vào Phạm Thiên. Quý vị vẫn có chỗ cách biệt với thiên chúa và Phạm Thiên, chẳng đến đây để làm Đại Phạm Thiên Chúa, chỉ có thể làm thiên dân. Đó đều là những tri kiến chẳng chánh xác. Thường Kiến, Đoạn Kiến, hoặc là Ngã Kiến, Ngã Chấp Ngã Kiến, Ngã Sở Kiến là các thứ vật chất hoặc người mà ta chấp trước. Ngã Kiến và Ngã Sở Kiến là hai thứ. Ngã là năng kiến (chủ thể trông thấy), còn Ngã Sở Kiến là cái được Ngã trông thấy. Hữu tình như thể sanh vào nước ấy, quốc độ đó chẳng có kẻ tà kiến, “*thọ mạng trường viễn, thọ dụng nhất vị*” (thọ mạng dài lâu, thọ dụng một vị): Thọ dụng một vị gì vậy? Đại Thừa vị. “*Như Lai tự thân, thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình, như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, thánh giáo nhất vị*” (Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng theo căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, thánh giáo một vị). Đây là điều bất đồng, trong phần trước là “*như ưng thuyết pháp*” (thuyết pháp thích hợp căn cơ), điều này bất đồng: Đức Phật dạy bảo một vị, chẳng có tranh luận Đại Thừa, hay tranh luận là Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, chủng tánh Tam Bảo đều là Đại Thừa. “*Xí thịnh lưu thông*” (Lưu truyền rạng rỡ), đều là Bồ Tát, hết thảy các chương ngại đều chẳng có. “*Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ thập viễn ly tà kiến luân*” (Này thiện nam tử! Đó là luân thứ mười “xa lìa tà kiến” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển, thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề chủng hạnh nguyện, Lục Ba La Mật Đa, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，六波羅蜜多，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn

Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, cho đến đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, Lục Ba La Mật Đa, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như trên đã rộng nói).

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu như thị Thập Luân, năng tốc chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Sở dĩ giả hà? Ư quá khứ thế, nhất thiết Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, giai tất viễn ly Thập Ác Nghiệp Đạo, giai tất xưng dương, tán thán như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo sở đắc quả báo, vị dục trưởng dưỡng nhất thiết chúng sanh lợi ích, an lạc Bồ Đề đạo cố, vị dục trừ diệt nhất thiết chúng sanh nghiệp phiền não khổ, linh vô dư cố, vị dục khô kiệt tam ác thú cố, vị dục thiêu long Tam Bảo chúng cố, vị dục đoạn trừ tam giới hữu cố, vị dục vĩnh đoạn Uẩn, Giới, Xứ cố, vị linh nhất thiết tốc nhập vô úy Niết Bàn thành cố, quảng thuyết như tiền, viễn ly thập chủng bất thiện nghiệp đạo, sở đắc quả báo. Thị cố, thiện nam tử! Nhược bất chân thật hy cầu như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo sở chứng Phật quả, cập bất chân thật hạ chí thủ hộ nhất thiện nghiệp đạo, nãi chí mạng chung, nhi tự xưng ngôn: “Ngã thị chân thật hành Đại Thừa giả, ngã cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề”. Đương tri như thị Bồ Đặc Già La, thị cực hư trá, thị đại vọng ngữ, đối thập phương giới Phật Thế Tôn tiền, cuồng hoặc thế gian, vô tâm, vô quý, thuyết Không đoạn kiến, dụ cuồng ngu si, thân hoại mạng chung, đọa chư ác thú.

(經)善男子！若菩薩摩訶薩成就如是十輪，能速證得阿耨多羅三藐三菩提。所以者何？於過去世一切如來、應、正等覺，皆悉遠離十惡業道，皆悉稱揚讚歎如是十善業道所得果報，為欲長養一切眾生利益安樂菩提道故，為欲除滅一切眾生業煩惱苦令無餘故，為欲枯竭三惡趣故，為欲紹隆三寶種故，為欲斷除三界有故，為欲永斷蘊、界、處故，為令一切速入無畏涅槃城故，廣說如前，遠離十種不善業道，所得果報。是故，善男子！若不真實希求如是十善業道所證佛果，及不真實下至守護一善業道，乃至命終而自稱言：「我是真實行大乘者，我求無上正等菩提」。當知如是補特伽羅，是極虛詐，是大妄語，對十方界佛世尊前，誑惑世間，無慚無愧，說空斷見，誘誑愚癡，身壞命終，墮諸惡趣。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu mười luân như thế, có thể mau chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì có sao vậy? Trong đời quá khứ, hết thấy Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác thấy đều xa lìa Thập Ác Nghiệp Đạo, thấy đều xưng dương, tán thán quả báo đạt được do Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế, vì muốn trưởng dưỡng lợi ích cho hết thấy cúng sanh, an lạc Bồ Đề đạo, vì muốn trừ diệt nghiệp phiền não khổ chẳng còn sót thừa cho hết thấy chúng sanh, vì muốn khô cạn ba đường ác, vì muốn tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo, vì muốn đoạn trừ tam giới hữu, vì muốn đoạn vĩnh viễn Uẩn, Giới, Xứ, vì khiến cho hết thấy mau vào tòa thành Niết Bàn không sợ hãi. Nói rộng thì như quả báo đã đạt được do xa lìa mười thứ bất thiện nghiệp đạo đã nói trong phần trên. Do vậy, thiện nam tử! Nếu chẳng chân thật mong cầu Phật quả được chứng bởi Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế, và chẳng chân thật tối thiểu là thủ hộ một thiện nghiệp đạo cho đến khi mạng chung, mà tự xưng là: “Ta là người thật sự hành Đại

Thừa. Ta cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề”. Hãy nên biết Bồ Đề Già La như thế là kẻ hư dối tốt bậc, là đại vọng ngữ, đối trước mười phương thế giới Phật Thế Tôn mà dối gạt, mê hoặc thế gian, không hổ, không thẹn, nói Đoạn Kiến rộng tuếch, dụ dỗ, lường gạt kẻ ngu si. Thân hoại, mạng chung, sẽ đọa vào các đường ác).

Đây là nói chung. Quá khứ chư Phật có thể thành tựu Thập Luân, Bồ Tát Ma Ha Tát chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề rất nhanh chóng. Vì sao phải nói như vậy? Vì hết thầy các đức Như Lai sở dĩ có thể thành Phật, thành tựu Chánh Giác, là do xa lìa Thập Ác Nghiệp. Do vậy, thầy đều xưng dương, tán thán quả báo đạt được do Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế. “*Vị dục trưởng dưỡng nhất thiết chúng sanh, lợi ích, an lạc Bồ Đề đạo cố*” [nghĩa là] khiến cho đạo Bồ Đề của chúng sanh có thể trưởng dưỡng, dần dần tăng trưởng, nuôi dưỡng dần dần. “*Vị dục diệt trừ nhất thiết chúng sanh nghiệp, phiền não, khổ, linh vô dư cố*” (Vì muốn trừ diệt nghiệp, phiền não, khổ chẳng còn sót cho hết thầy chúng sanh): [Cái nhân của] nghiệp là Hoặc (phiền não). “*Nghiệp*” [ở đây] là nói đến các nghiệp do quý vị đã tạo. Phiền não là Hoặc, Khổ là cái quả [của nghiệp]. Do phiền não mà tạo nghiệp, vì tạo nghiệp mà gạt lấy khổ quả. Như vậy thì [do tu Thập Luân], sẽ khiến cho chúng chẳng còn thừa sót, thanh tịnh ba món Hoặc, Nghiệp, Khổ, khiến cho chúng thanh tịnh. Đồng thời, khiến cho ba đường ác khô kiệt. Vì phải khô kiệt ba đường ác thì mới có thể “*thiệu long*” (tiếp nối hưng thịnh) chủng tánh Tam Bảo. “*Thiệu*” (紹) là kế thừa, “*long*” (隆) là rạng rỡ, to lớn. Không chỉ tiếp tục kế thừa, mà còn khiến cho chủng tánh Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng phát dương quang đại. “*Vị dục đoạn trừ tam giới hữu cố*” (Vì muốn đoạn trừ tam giới hữu). Tam giới có sanh tử, có phiền não, có khổ não, có nghiệp, [cho nên gọi là Hữu], đều đoạn tuyệt các thứ đó. Lại còn mong đoạn tuyệt, tức là vĩnh viễn đoạn dứt Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ. “*Vị linh nhất thiết tốc nhập vô úy Niết Bàn thành cố, quảng thuyết như tiền viễn ly thập chủng bất thiện nghiệp đạo, sở đắc quả báo*” (Vì khiến cho hết thầy mau chóng vào tòa thành Niết Bàn không sợ hãi, nói rộng là như quả báo sẽ đạt được do xa lìa mười loại bất thiện nghiệp đạo trong phần trước). Nói xong lại tổng kết một lượt. Trong phần trên, đối với mỗi luân đều đã nói rồi.

“Thị cố, thiện nam tử! Nhược bất chân thật hy cầu như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo sở chứng Phật quả, cập bất chân thật hạ chí thủ hộ

nhất thiện nghiệp đạo” (Vì thế, thiện nam tử! Nếu chẳng chân thật mong cầu Phật quả được chứng bởi Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế, và chẳng tối thiểu là chân thật thủ hộ một thiện nghiệp đạo): Quý vị ngay cả một thiện nghiệp đạo vẫn chẳng thể chân thật thủ hộ. “*Nãi chí mạng chung*” (Cho đến mạng chung): Chẳng làm như vậy, nói dối! “*Nhi tự xưng ngôn: - Ngã thị chân thật hành Đại Thừa giả*” (Mà tự xưng là: “Ta là người hành Đại Thừa chân thật”): Đối với Thập Thiện Nghiệp Đạo, ngay cả một đạo mà quý vị còn chẳng làm được, vẫn nói chính mình chân thật hành Đại Thừa, hoặc nói chính mình cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề! Bồ Đề Già La ăn nói kiêu đó “*thị cực hư trá*” (tột bậc hư dối, lường gạt), dối trá, lừa gạt, “*thị đại vọng ngữ*”, nói dối tột bậc. “*Đối thập phương giới Phật Thế Tôn tiên, cuồng hoặc thế gian, vô tâm, vô quý, thuyết không đoạn kiến*” (Đối trước mười phương thế giới Phật Thế Tôn, dối gạt, mê hoặc thế gian, chẳng hổ, chẳng thẹn, nói đoạn kiến rỗng tuếch): Cái Đoạn Kiến rỗng tuếch ấy lấy gì làm tiêu chuẩn? Thập Thiện Nghiệp! Dùng [những lời lẽ dối trá đó] để “*dụ cuồng ngu si*” [tức là] lừa gạt, dụ dỗ, gạt gẫm kẻ không có trí huệ, cho đến nói “*làm như vậy, nói như vậy*” người là kẻ ngu si nhất. Kẻ đó tự mình nói. Nếu “*thân hoại, mạng chung*”, kẻ đó sẽ trực tiếp đọa vào đường ác nhanh như tên bắn, sanh thẳng vào đường ác.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược dẫn ngôn thuyết, cập dẫn thính văn, bất do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, năng đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn giả, u nhất kiếp trung, hoặc nhất niệm khoảnh, khả linh thập phương nhất thiết Phật độ địa giới vi trần toán số chúng sanh, giai đặng Chánh Giác, nhập bát Niết Bàn, nhiên vô thị sự. Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo thị Đại Thừa bản, thị Bồ Đề nhân, thị chứng Niết Bàn kiên cố thể đẳng. Thiện nam tử! Nhược dẫn phát tâm, phát thệ nguyện lực, bất do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, năng đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn giả, u nhất kiếp trung, hoặc nhất niệm khoảnh, khả linh thập phương nhất thiết Phật độ địa giới vi trần toán số chúng sanh, giai đặng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, nhiên vô thị sự. Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo, thị thể xuất thế thù thắng quả báo công đức căn bản. Thiện nam tử! Nhược bất tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, thiết kinh thập phương nhất thiết Phật độ vi trần số kiếp, tự hiệu Đại Thừa, hoặc thuyết, hoặc thính, hoặc dẫn phát tâm, hoặc phát thệ nguyện, chung bất năng chứng Bồ Đề Niết Bàn, diệc bất linh tha thoát sanh tử khổ. Thiện nam tử! Yếu do tu hành Thập Thiện

Nghiệp Đạo, thế gian phương hữu chư Sát-đế-lợi, Bà-la-môn đẳng, đại phú quý tộc, Tứ Đại Vương Thiên, nữ chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, hoặc Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, nữ chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, giai do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo phẩm loại sai biệt.

(經)善男子！若但言說，及但聽聞，不由修行十善業道能得菩提般涅槃者，於一劫中，或一念頃，可令十方一切佛土地界微塵算數眾生，皆登正覺，入般涅槃，然無是事。所以者何？十善業道，是大乘本，是菩提因，是證涅槃堅固梯蹬。善男子！若但發心，發誓願力，不由修行十善業道能得菩提般涅槃者，於一劫中，或一念頃，可令十方一切佛土地界微塵算數眾生，皆登正覺，入般涅槃，然無是事。所以者何？十善業道，是世出世，殊勝果報功德根本。善男子！若不修行十善業道，設經十方一切佛土微塵數劫，自號大乘，或說或聽，或但發心，或發誓願，終不能證菩提涅槃，亦不令他脫生死苦。善男子！要由修行十善業道，世間方有諸剎帝利、婆羅門等大富貴族，四大王天乃至非想非非想處，或聲聞乘，或獨覺乘，乃至無上正等菩提，皆由修行十善業道，品類差別。

(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu chỉ nói suông, và chỉ nghe, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn, trong một kiếp, hay trong một niệm, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh nhiều như vi trần hay vi như toán số nơi cõi đất của hết thảy các cõi Phật đều có thể chứng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, chẳng có chuyện ấy. Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là cái gốc của Đại Thừa, là cái nhân của Bồ Đề, là bậc thang kiên cố để chứng Niết Bàn. Này thiện nam tử! Nếu chỉ do sức phát tâm và phát thệ nguyện, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn,

hoặc trong một kiếp, hay trong khoảng một niệm, có thể khiến cho chúng sanh nhiều như vi trần, toán số trong cõi đất thuộc hết thầy các cõi Phật đều có thể chứng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn thì chẳng có chuyện ấy. Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản của quả báo công đức thù thắng trong thế gian và xuất thế gian. Nay thiện nam tử! Nếu chẳng tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, dẫu trải qua vi trần số kiếp trong hết thầy các cõi Phật khắp mười phương, tự xưng là Đại Thừa, hoặc nói, hoặc nghe, hoặc chỉ phát tâm, hoặc phát thệ nguyện, trọn chẳng thể chứng Bồ Đề Niết Bàn, mà cũng chẳng thể khiến cho người khác thoát khỏi nỗi khổ sanh tử. Nay thiện nam tử! Phải do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo thì thế gian mới có các Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, dòng dõi cao quý giàu có v.v... Tír Đại Vương Thiên, cho đến Phi Tướng Phi Tướng Xứ, hoặc Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, đều là do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo theo từng phẩm loại sai khác).

“Thiện nam tử! Nhược dẫn ngôn thuyết, cập dẫn thính văn, bất do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, năng đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn giả” (Nay thiện nam tử! Nếu chỉ nói suông, và chỉ nghe, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn); đây là chuyện chẳng thể được! Giả sử nói như thế này, nếu chỉ luận bàn, nghe nhận, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, mà có thể chứng đắc Bồ Đề, chứng đắc Niết Bàn; đây là chuyện chẳng thể nào! Hoặc là “*ư nhất kiếp trung*” (trong một kiếp), được nghe như vậy, hoặc là trong khoảng một niệm, [nghe nói như vậy] mà “*khả linh thập phương nhất thiết Phật độ địa giới vi trần toán số chúng sanh, giai đặng Chánh Giác, nhập bát Niết Bàn, nhiên vô thị xứ*” (có thể khiến cho hết thầy chúng sanh nhiều như vi trần hay ví như toán số nơi cõi đất của hết thầy các cõi Phật đều có thể chứng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, chẳng có chuyện ấy): Nói kiểu ấy sẽ là chuyện không thể nào xảy ra được! Nói cách khác, nếu không do hành Thập Thiện Nghiệp, quý vị nói gì cũng đều chẳng thể!

Nếu xây tòa cao ốc trên bãi cát, sẽ bị sụp đổ, Thập Thiện Nghiệp mới là căn bản của hết thầy. Vì sao phải nói như thế? Thập Thiện Nghiệp là cái gốc của Đại Thừa. “*Thị Bồ Đề nhân, thị chứng Niết Bàn kiên cố thể đặng*” (Là cái nhân của Bồ Đề, là bậc thang kiên cố để chứng Niết Bàn): Giống như bậc thang để bước lên đài cao, từng bậc, từng bậc một, hợp thành chiếc thang. Thập Thiện Nghiệp chính là chiếc thang.

“Nhược đản phát tâm, phát thệ nguyện lực, bất do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, năng đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn giả, u nhất kiếp trung, hoặc nhất niệm khoảnh, khả linh thập phương nhất thiết Phật độ địa giới vi trần toán số chúng sanh, giai đẳng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, nhiên vô thị sự” (Nếu chỉ do sức phát tâm và phát thệ nguyện, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn, hoặc trong một kiếp, hay trong khoảng một niệm, có thể khiến cho chúng sanh nhiều như vi trần, toán số trong cõi đất thuộc hết thầy các cõi Phật, đều có thể chứng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, thì chẳng có chuyện ấy): Đây là ăn nói lớn lối, nói suông, giả trá, rỗng tuếch! Nói cách khác, đều là do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo thì mới đắc quả thù thắng.

“Nhiên vô thị sự. Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo, thị thế xuất thế thù thắng quả báo công đức căn bản. Thiện nam tử! Nhược bất tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, thiết kinh thập phương nhất thiết Phật độ vi trần số kiếp” (Nhưng chẳng có chuyện ấy. Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản của quả báo công đức thù thắng trong thế gian và xuất thế gian. Nay thiện nam tử! Nếu chẳng tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, dẫu trong vi trần số kiếp trải qua hết thầy các cõi Phật trong mười phương): Thời gian quá dài, trải qua [thời gian] bằng số lượng của vi trần trong mười phương, tức là đem mười phương cõi Phật mài nát thành vi trần, cứ một hạt vi trần coi là một kiếp, lâu dài cỡ nào? Trải qua thời gian dài như thế, ăn nói lớn lối như thế, tự xưng là Đại Thừa, hoặc là nghe, hoặc tự mình nói, hoặc chỉ phát tâm, chỉ phát thệ nguyện mong thành Phật, thì vẫn chẳng thể chứng quả Bồ Đề. Không chỉ chính mình chẳng thể chứng đắc, mà quý vị mong làm cho người khác thoát khỏi nỗi khổ sanh tử, có làm được hay không? Chẳng thể nào!

Thiện nam tử! Do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cho nên thế gian còn có quốc vương Sát-đế-lợi, còn có Bà-la-môn, học giả, còn có quý tộc giàu to. Người phú quý do đâu mà có? Do tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Còn có Tứ Đại Vương Thiên, “nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ” (cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên), tất cả hết thầy thiên chúng, hoặc là Thanh Văn Thừa, hoặc là Độc Giác Thừa, “nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, giai do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo phẩm loại sai biệt” (cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, đều do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, phẩm loại sai khác): Mức độ khác nhau, quả vị bất đồng, cho đến quả báo nhân thiên bất đồng, cho đến quả báo thánh nhân khác nhau. Đây là tu Thập Thiện Nghiệp, tùy thuộc quý vị tu

như thế nào! Phương pháp tu khác nhau, sẽ chứng đắc địa vị khác nhau. Nhưng ắt phải tu Thập Thiện Nghiệp thì mới có thể đạt được phú quý trong trời người, cho đến chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, cho đến thành Phật. Nếu không, sẽ tuyệt đối chẳng thể đạt được!

(Kinh) Thị cố, thiện nam tử! Nhược dục tốc mãn Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề nguyện giả, đương tu như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo dĩ tự trang nghiêm, phi trụ thập ác bất luật nghi giả năng mãn như thị Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề đại nguyện. Nhược cầu tốc ngộ Đại Thừa cảnh giới, tốc chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, tốc mãn nhất thiết thiện pháp nguyện giả, tiên ưng hộ trì Thập Thiện Nghiệp Đạo. Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo thị năng an lập nhất thiết thiện pháp công đức căn bản, thị thể xuất thế thắng quả báo nhân. Thị cố, ưng tu Thập Thiện Nghiệp Đạo.

(經)是故，善男子！若欲速滿無上正等菩提願者，當修如是十善業道以自莊嚴，非住十惡不律儀者，能滿如是無上正等菩提大願。若求速悟大乘境界，速證無上正等菩提，速滿一切善法願者，先應護持十善業道。所以者何？十善業道，是能安立一切善法功德根本，是世出世勝果報因。是故，應修十善業道」。

(Kinh: Vì thế, thiện nam tử! Nếu muốn mau chóng mãn nguyện Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế để tự trang nghiêm, chẳng phải là kẻ trụ trong thập ác bất luật nghi mà có thể viên mãn đại nguyện Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề như thế. Nếu cầu mau ngộ cảnh giới Đại Thừa, mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, mau thỏa mãn hết thấy các nguyện thiện pháp, trước hết hãy nên hộ trì Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản để đặt yên hết thấy thiện pháp công đức, là cái nhân của cái quả thù thắng thế gian và xuất thế gian. Vì thế, hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo).

Đã phát Bồ Đề nguyện, nếu quý vị muốn thỏa mãn nguyện ấy, “đương tu như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo dĩ tự trang nghiêm” (hãy nên

tu Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế để tự trang nghiêm), như thế thì mới có thể thực hiện được, trang nghiêm chính quý vị, “*phi trụ Thập Ác, bất luật nghi giả, năng mãn như thị Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề đại nguyện*” (chẳng phải là trụ trong Thập Ác, chẳng giữ luật nghi mà có thể thỏa mãn đại nguyện Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề), chẳng hành Thập Thiện thì sẽ là Thập Ác. “*Nhược cầu tốc ngộ Đại Thừa cánh giới, tốc chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, tốc mãn nhất thiết thiện pháp nguyện giả, tiên ưng hộ trì Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (Nếu cầu mau ngộ cánh giới Đại Thừa, mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, mau thỏa mãn hết thảy các nguyện thiện pháp, trước hết, hãy nên hộ trì Thập Thiện Nghiệp Đạo), đây là căn bản của hết thảy các pháp. “*Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo thị năng an lập nhất thiết thiện pháp công đức căn bản, thị thể xuất thế thắng quả báo nhân*” (Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản để đặt yên hết thảy công đức thiện pháp, là cái nhân của quả báo thù thắng thế gian và xuất thế gian): Nếu muốn đạt được quả báo thù thắng, Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là cái nhân của nó. Quý vị tu thâm nhập, sẽ chứng quả. “*Thị cố, ưng tu Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (Vì thế, hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo), đức Phật đã nói mười lượt vẫn sợ chúng sanh quên khuấy!

Do vậy, Ngài trùng tụng nghĩa này, trong phần trước đã nói mười lượt, đức Phật vẫn chẳng an tâm. Do vậy, đức Phật nói pháp nào, cuối cùng dặn dò vị Bồ Tát này, căn dặn vị Bồ Tát kia, vào thời Mật Pháp, các đệ tử chẳng tin, các vị nhất định phải gánh vác trách nhiệm độ họ. Bộ kinh này giao phó cho Hư Không Tạng Bồ Tát, có kinh giao cho Văn Thù Bồ Tát, có kinh giao cho Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát là người kế nhiệm Phật, cho nên, đức Phật nói với Di Lặc Bồ Tát nhiều nhất. Vì thế, khi Di Lặc Bồ Tát thành Phật, trong ba hội Long Hoa, Ngài sẽ độ chúng sanh thời Mật Pháp, độ chẳng sót một ai. Di Lặc Bồ Tát đã phát nguyện, Ngài sẽ độ.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thứ nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Dục trừ chư hữu khổ, chứng đắc đại Bồ Đề, ưng tu thập thiện luân, tinh cần vật phóng dật. Tiệm w tam thừa pháp, cập Bồ Đặc Già La, nhất thiết xuất gia nhân, giai đắc vô ngộ thất. Tín thọ hành Đại Thừa, lợi lạc nhất thiết chúng, giác thắng pháp Tịnh Độ, tốc chứng đại Bồ Đề. Nhược ly w sát sanh, nhất thiết giai ái kính, hằng vô bệnh trường thọ, thường nhạo bất hại pháp. Nhất thiết sở sanh xứ, hằng

nhạo Phật sở hành, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, tức thành Vô Thượng Giác.

(經)爾時, 世尊重顯此義, 而說頌曰: 「欲除諸有苦, 證得大菩提, 應修十善輪, 精勤勿放逸。便於三乘法, 及補特伽羅, 一切出家人, 皆得無誤失。信受行大乘, 利樂一切眾, 覺勝法淨土, 速證大菩提。若離於殺生, 一切皆愛敬, 恆無病長壽, 常樂不害法。一切所生處, 恆樂佛所行, 常遇佛法僧, 速成無上覺。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Muốn trừ khổ các cõi, chứng đắc đại Bồ Đề, hãy tu thập thiện luân, siêng rông, chớ buông lung. Sẽ với pháp tam thừa, và Bồ Đặc Già La, hết thấy người xuất gia, đều chẳng phạm sai lầm. Tin nhận, hành Đại Thừa, lợi lạc hết thấy chúng, giác Tịnh Độ thù thắng, mau chứng đại Bồ Đề. Nếu rời lìa sát sanh, hết thấy đều yêu kính, luôn không bệnh, sống lâu, thường thích pháp bất hại. Sanh bất cứ nơi đâu, luôn thích hành theo Phật, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, chóng thành Vô Thượng Giác).

Đạo lý này tuy đức Phật đã nói mười lượt, vẫn chẳng an tâm. Cuối cùng, Ngài lại nói kệ tụng, nhắc lại một phen, lại căn dặn một lượt. Đặc biệt là đối với Thập Thiện Nghiệp, “*dục trừ chư hữu khổ, chứng đắc đại Bồ Đề, ưng tu thập thiện luân, tinh cần, vật phóng dật*”, [ý nói]: Nếu quý vị muốn trừ hết thấy các khổ [trong các cõi], nếu muốn chứng đắc Phật quả, hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo luân, phải siêng năng, chuyên rông tu tập, chớ nên buông lung! “*Tiên ư tam thừa pháp, cập Bồ Đặc Già La*” [nghĩa là] đối với ba thừa, tức Thanh Văn, Độc Giác, Đại Thừa, cho đến Bồ Đặc Già La [thuộc ba thừa ấy], quý vị mới có thể dạy họ chẳng sai lầm. “*Nhất thiết xuất gia nhân, giai đắc vô ngộ thất*”, [ý nói]: Bất luận người ấy phá giới cũng thế, phạm giới cũng thế, cho đến hết thấy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, quý vị đều chớ nên xử lý họ, [có ý nghĩa] như thế đó. [Tức là] chớ nên trách phạt, chớ nên đánh mắng, chẳng thể giam cầm họ.

“*Tín thọ hành Đại Thừa, lợi lạc nhất thiết chúng, giác thẳng pháp Tịnh Độ, Niết Bàn, tốc chứng đại Bồ Đề. Nhược ly u sát sanh, nhất thiết giai ái kính*” (Tin nhận hành Đại Thừa, lợi lạc hết thảy chúng, giác Tịnh Độ thù thắng, mau chứng đại Bồ Đề. Nếu lìa khỏi sát sanh, hết thảy đều yêu kính): Nếu quý vị là người thật sự tín phụng Đại Thừa, lợi lạc hết thảy chúng sanh, quý vị mong giác ngộ, muốn thành tựu một cõi thanh tịnh, sẽ có thể chứng đắc Đại Bồ Đề rất nhanh chóng. Chúng ta mong tu đạo, trước hết phải có một gian tinh xá, có quan phòng để bề quan. Phật nếu muốn thành Phật, tự mình phải có một cõi Phật. Bất luận vị Phật nào, trước hết chính vị ấy phải phát nguyện kiến lập một quốc độ, phải hiểu ý nghĩa này! Thế giới của Lưu Ly Quang Như Lai là như thế, mà thế giới của A Di Đà Phật cũng là như vậy, Bất Động Như Lai là như vậy, thế giới của Đa Bảo Như Lai là như vậy, quốc độ của mỗi vị Phật khác nhau.

Nếu muốn tu đạo, phải có một gian lều tranh, ở trong sơn động, đều phải có một cái động. Nếu không, thứ gì cũng đều chẳng có. Do vậy, hết thảy chư Phật nếu mong tu một cõi Tịnh Độ của Phật, chứng đại Bồ Đề; điều thứ nhất là phải lìa sát sanh. Lìa sát sanh thì hết thảy đều yêu kính; quý vị lại chẳng có bệnh, sống lâu, thường luôn vui vẻ, ưa thích pháp bất hại, chẳng nỡ hại chúng sanh. Sát sanh bao gồm rất nhiều thứ. Con chó đang nằm úp sấp tại đó, quý vị muốn đi qua, cho rằng nó ngáng đường, hoặc là lấy đá phang nó một trận, hoặc dùng chân đá; đó gọi là “*nã hại chúng sanh*”. Quý vị có thể đi vòng qua một chút, đừng cho là chúng sanh gây trở ngại cho chuyện của mình, đừng nên phương hại hết thảy chúng sanh. Vì sao khi quý vị đi đường, lại phải chú ý nhìn, đừng đạp lên ổ kiến, vì trên đó có trùng, quý vị phải chú ý đừng đạp chết nó. Trẻ nhỏ có lúc coi chuyện giẫm chết chúng sanh khác là chơi đùa, bắt chim sẻ con, thậm chí nỡ hại hết thảy chúng sanh: Dùng nước nóng xối vào hang kiến, hoặc là trong bếp lò có gián, bèn lấy nước nóng giội vào. Tuy chúng nó đều chết sạch, quý vị luôn phải trả nợ. Đó gọi là “*nã hại chúng sanh*”, sẽ rất khó chứng quả Đại Thừa. “*Nhất thiết sở sanh xứ, hằng nhạo Phật sở hành*” (Sanh ở hết thảy các nơi, đều thích hành theo Phật): Bất luận quý vị sanh vào nơi đâu, đức Phật làm như thế nào, chính mình sẽ làm theo như thế ấy. Như vậy thì sao? Quý vị sẽ thường gặp Phật, Pháp, Tăng, mau thành Vô Thượng Giác.

(Kinh) Nhược ly bất dữ thủ, trí giả giai ái kính, diệt tham sở sanh nghiệp, hoạch vô tham sở sanh. Sanh sanh thường cự phú, năng

vi đại thí chủ, đắc chúng bảo trang nghiêm, khả ái tịnh Phật quốc. Nhược ly dục tà hạnh, diệt xú uế phiền não, khô kiệt tham ái hà, tốc đắc tịnh Phật quốc. Bạt chư chúng sanh loại, linh xuất dục í nê, an trí u Đại Thừa, sử cần tu phạm hạnh. Nhược ly hư cuồng ngữ, đắc thánh tự tại trí, thường nhạo để thật ngôn, diệt hư vọng chúng khổ. Nhất ngôn vi chứng lượng, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, tốc đắc đại Bồ Đề, khuyến tu bất vọng ngữ. Nhược ly ly gián ngữ, thành chúng thiện pháp khí, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, bất quy u đoạn diệt. Đắc thánh vô nhiễm trước, Đà-la-ni bảo tạng, đạt thâm pháp hải nguyên, tốc thành Vô Thượng Giác. Nhược ly thô ác ngữ, thường thuyết nhu nhuỷ ngôn, chúng sanh giai ái kính, diệt tiên thế tội nghiệp. Linh chúng thường hoan duyệt, thành Bồ Tát đạo sư, tri chư Phật sở hành, siêu quá Đệ Thập Địa. Nhược ly tạp uế ngữ, trí giả giai ái kính, vị tha sở phát ngôn, cụ hoạch ngữ công đức. Thường thính thọ thánh ngôn, hằng hân cầu thánh đạo, viên mãn chư Phật hải, tốc đắc Nhất Thiết Trí.

(經)若離不與取，智者皆愛敬，滅貪所生業，獲無貪所生。生生常巨富，能為大施主，得眾寶莊嚴，可愛淨佛國。若離欲邪行，滅臭穢煩惱，枯竭貪愛河，速得淨佛國。拔諸眾生類，令出欲淤泥，安置於大乘，使勤修梵行。若離虛誑語，得聖自在智，常樂諦實言，滅虛妄眾苦。一言為證量，常遇佛法僧，速得大菩提，勸修不妄語。若離離間語，成眾善法器，常遇佛法僧，不歸於斷滅。得聖無染著，陀羅尼寶藏，達深法海源，速成無上覺。若離粗惡語，常說柔軟言，眾生皆愛敬，滅先世罪業。令眾常歡悅，成菩薩導師，知諸佛所行，超過第十地。若離雜穢語，智者皆愛敬，為他所發言，具獲五功德。常聽受聖言，恆欣求聖道，圓滿諸佛海，速得一切智。

(Kinh: Lìa chẳng cho mà lấy, người trí đều kính yêu, diệt cái sanh bởi tham, đạt sanh bởi vô tham. Đòi đòi thường giàu lớn, làm bậc đại thí chủ, được các báu trang nghiêm, cõi Phật tịnh đáng mến. Nếu lìa hạnh tà dục, diệt phiền não thói bản, khô cạn sông tham ái, mau được cõi Phật tịnh. Cứu các loại chúng sanh, thoát bùn lầy ái dục, đặt yên nơi Đại Thừa, khiến siêng tu phạm hạnh. Nếu lìa lời hư dối, được trí thánh tự tại, thường thích lời chắc thật, diệt các khổ hư vọng. Một lời làm chứng lượng, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, mau đắc đại Bồ Đề, khuyên tu chẳng vọng ngữ. Nếu lìa lời ly gián, thành các thiện pháp khí, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, chẳng quy về đoạn diệt. Đắc thánh, chẳng đăm nhiệm, tặng báu Đà-la-ni, đạt nguồn biển pháp sâu, mau thành Vô Thượng Giác. Nếu lìa lời thô ác, thường nói lời mềm mỏng, chúng sanh đều yêu kính, diệt tội nghiệp đời trước. Khiến chúng thường vui thích, thành Bồ Tát đạo sư, biết chư Phật sở hành, vượt hơn Đệ Thập Địa. Nếu lìa lời tạp uế, người trí đều yêu kính, vì người khác thốt lời, trọn được năm công đức. Thường nghe, nhận thánh ngôn, luôn vui cầu thánh đạo, viên mãn biển các Phật, mau đắc Nhất Thiết Trí).

“*Nhược ly bất dữ thủ, trí giả giai ái kính, diệt tham sở sanh nghiệp, hoạch vô tham sở sanh*” (Nếu lìa “chẳng cho mà lấy”, người trí đều yêu kính, diệt cái được sanh ra bởi tham, đạt được cái sanh bởi vô tham): Chẳng ăn trộm của người khác, sẽ được người có trí yêu kính. Kẻ trộm cắp là tham, [đó là nghiệp] sanh ra bởi tham, đó là chuyện thuộc về tội nghiệp. Chẳng tham, do chẳng tham mà sanh ra Tịnh Độ. Chẳng tham thì “*sanh sanh thường cự phú*” (đòi đòi thường giàu to), đòi nào, kiếp nào cũng đều là kẻ có tiền, đều trở thành trưởng giả đại phú. Tham và trộm đều chẳng được, càng ngày càng nghèo túng, càng chẳng có gì. Càng giàu có thì càng có thể bố thí. Càng có thể bố thí thì càng tích phước! Do vậy, người đó có thể trở thành bậc đại thí chủ. “*Đắc chúng bảo trang nghiêm*” (Được trang nghiêm bằng các báu) là cõi Phật thanh tịnh, rốt cuộc sanh vào cõi Phật thanh tịnh. “*Nhược ly dục tà hạnh*” (Nếu lìa hạnh tà dục), tức là xa lìa cả ba thứ giết, trộm, dâm.

Luân thứ ba, “*diệt xú uế phiền não*”: Kinh Lăng Nghiêm dạy hết sức rõ ràng. Mọi người thấy ngài A Nan khi muốn tán thán đức Phật, đức Phật bèn hỏi ngài A Na thấy Phật như thế nào? Ngài trả lời: “Con thấy như thế này, con chán lìa tham dục, nhưng chẳng chứng quả. Chẳng chứng quả thì tham dục Hoặc vẫn chưa diệt trừ”. Ngài A Nan nói như thế nào? “*Nùng uế tạp loạn, vân hà năng sanh diệu minh tử kim quang*

tu?” (Mủ và chất bẩn lẫn lộn, làm sao có thể sanh ra khối sáng màu nhiệm có màu vàng tía?): Nam nữ sanh ra trẻ nhỏ, tinh cha, huyết mẹ chính là “*nùng uế*” (濃穢), tức máu mủ lẫn lộn. Làm sao có thể sanh khối quang minh màu nhiệm giống như khối quang minh có màu vàng tía trên thân đức Phật? Thân Phật kim sắc, ngài A Nan chẳng tin Phật do tinh cha huyết mẹ sanh ra. Đây là thân công đức, chứ các thứ kia chẳng thể nào sanh ra được! Do vậy, tham dục chẳng thể sanh [kim thân Phật], hiểu điều này là được rồi. Vì thế, phải lìa dục tà hạnh, [tà hạnh] chính là cái sanh bởi phiền não xú uế. “*Khô kiệt tham ái hà, tốc đắc tịnh Phật quốc, bạt chư chúng sanh loại, linh xuất dục ú nê, an trí u Đại Thừa, sử cần tu phạm hạnh*” (Khô cạn sông tham ái, mau được cõi Phật tịnh, cứu vớt các chúng sanh, thoát khỏi bùn lầy dục, đặt yên nơi Đại Thừa, khiến siêng tu phạm hạnh): Làm cho hết thấy chúng sanh đều là phạm hạnh thanh tịnh, đừng nên quá tham dục.

“*Nhược ly hư cuồng ngữ, đắc thánh tự tại trí, thường nhạo để thật ngôn, diệt hư vọng chúng khổ*” (Nếu lìa lời hư dối, được trí thánh tự tại, thường ưa lời chắc thật, diệt các khổ hư vọng): Nếu quý vị lìa hư vọng, chẳng lường gạt kẻ khác, sẽ có thể đạt được trí huệ tự tại, trí huệ thù thắng tự tại, lại ưa thích lời lẽ đúng sự thật, lời lẽ đúng với chân lý, diệt trừ nỗi khổ hư vọng! “*Nhất ngôn vi chứng lượng, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, tốc đắc Đại Bồ Đề, cần tu bất vọng ngữ. Nhược ly ly gián ngữ, thành chúng thiện pháp khí, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, bất quy u đoạn diệt, đắc thánh vô nhiễm trước. Đà-la-ni bảo tạng, đạt thâm pháp hải nguyên, tốc thành Vô Thượng Giác*” (Một lời làm chứng lượng, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, mau đắc Đại Bồ Đề, siêng tu không vọng ngữ. Nếu lìa lời ly gián, thành các pháp khí tốt lành, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, chẳng quy vào đoạn diệt, đạt được thánh vô nhiễm. Tạng báu Đà-la-ni, thấu đạt nguồn biển pháp sâu xa, mau thành Vô Thượng Giác): Lời ly gián có thể khuấy động người khác, châm ngòi ly gián, khiến cho mọi người chẳng thể hòa hợp, làm sao quý vị có thể gặp Phật, Pháp, Tăng cho được? Cho nên quý vị chẳng thành đạo! Muốn thành đạo, đắc thánh vô nhiễm, nếu mong đạt được tạng báu đà-la-ni, quý vị phải “*đạt thâm pháp hải nguyên, tốc thành Vô Thượng Giác. Nhược ly thô ác ngữ, thường thuyết nhu nhuễn ngôn, chúng sanh giai ái kính, diệt tiên thế tội nghiệp, linh chúng thường hoan duyệt, thành Bồ Tát đạo sư, tri chư Phật sở hành, siêu quá Đệ Thập Địa*” (thấu đạt nguồn biển pháp sâu xa, mau thành Vô Thượng Giác. Nếu lìa lời thô ác,

thường nói lời mềm mỏng, chúng sanh đều yêu kính, diệt tội nghiệp đời trước, khiến chúng thường vui sướng, thành Bồ Tát đạo sư, biết các sở hành của chư Phật, vượt hơn hẳn bậc Đệ Thập Địa). Là lời thô ác, có công đức to lớn ngàn ấy. “*Nhược ly tạp uế ngữ, trí giả giai ái kính, vị tha sở phát ngôn, cụ hoạch ngữ công đức*” (Nếu là lời tạp uế, người trí đều yêu kính, vì người khác thốt lời, đạt trọn năm công đức): Năm công đức ấy là năm loại công đức được nói trong Tịnh Độ Luận.

(Kinh) Nhược ly u tham dục, bất phỉ báng thánh giáo, cúng dường phục ca-sa, hoằng tam thừa thánh đạo, đương sanh tịnh Phật quốc. Đạo sư chỉ sở cư, thừa u vô thượng thừa, tốc đắc tối thắng trí. Nhược ly u sân khuể, nhất hướng tu từ tâm, tốc tột chứng đẳng trì, nhạo chúng thánh hạnh xứ, đương sanh tịnh Phật độ, viễn ly chư quá ác, trụ bỉ chứng Bồ Đề, linh ly chư sân phân. Nhược ly u tà kiến, thuận tu tịnh tín tâm, nhạo khai thị tam thừa, diệc cúng dường chư Phật. Vĩnh thoát chư ác thú, ngộ chúng hiền thánh giả, cụ chư Bồ Tát đức, đãi đắc tối thượng trí. Ngã thuyết Thập Thiện Nghiệp, năng thú thắng Bồ Đề, sanh trưởng chư Đẳng Trì, Đà-la-ni, Nhân, Địa. Thử luân đại oai đức, năng tột chư ác thú, phá hoại chư ác chướng, tốc chứng đại Bồ Đề.

(經)若離於貪慾，不誹謗聖教，供養服袈裟，弘三乘聖道。當生淨佛國，導師之所居，乘於無上乘，速得最勝智。若離於瞋恚，一向修慈心，速疾證等持，樂眾聖行處。當生淨佛土，遠離諸過惡，住彼證菩提，令離諸瞋忿。若離於邪見，純修淨信心，樂開示三乘，亦供養諸佛。永脫諸惡趣，遇眾賢聖者，具諸菩薩德，速得最上智。我說十善業，能趣勝菩提，生長諸等持，陀羅尼忍地。此輪大威德，能摧諸惡趣，破壞諸惡障，速證大菩提。

(Kinh: Nếu là khỏi tham dục, chẳng phỉ báng thánh giáo, cúng người mặc ca-sa, hoằng thánh đạo ba thừa, sẽ sanh cõi Phật tịnh, là chỗ đạo sư ở. Nương theo vô thượng thừa, mau được trí tối thắng. Nếu là khỏi sân khuể, một mực tu từ tâm từ, mau chóng chứng đẳng trì, ưa thích

các thánh hạnh, sẽ sanh cõi Phật tịnh, xa lìa các lỗi ác, trụ đó, chứng Bồ Đề, khiến lìa các sân phần. Nếu lìa khỏi tà kiến, thuần tu tịnh tín tâm, ưa khai thị ba thừa, cũng cúng dường chư Phật, mãi thoát các đường ác, gặp các vị thánh hiền. Đủ các Bồ Tát đức, bèn đắc tối thượng trí. Ta nói nghiệp Thập Thiện, hay nhập thắng Bồ Đề, sanh trưởng các Đăng Trì, Đà-la-ni, Nhẫn, Địa. Luân này oai đức lớn, hay dẹp các đường ác, phá hoại các ác chướng, chóng chứng đại Bồ Đề).

“Nhược ly u tham dục, bất phi báng thánh giáo, cúng dường phục ca-sa” (Nếu lìa các tham dục, chẳng phi báng thánh giáo, cúng dường người mặc ca-sa): Truyền y ca-sa, hoàng dương tam thừa thánh đạo. *“Đương sanh tịnh Phật quốc, đạo sư chi sở cư. Thừa u vô thượng thừa”* (Sẽ sanh vào cõi Phật thanh tịnh, là chỗ ở của bậc đạo sư. Nương theo vô thượng thừa): Đức Phật ngự trong cõi Phật thanh tịnh, là vô thượng Đại Thừa. *“Tốc đắc tối thắng trí, nhược tuy u sân khuê, nhất hướng tu từ tâm, tốc tạt chứng Đăng Trì, nhạo chúng thánh hành xứ”* (Mau được trí tối thắng, dẫu ở trong sân khuê, một mực tu tâm từ, mau chóng chứng Đăng Trì, thích hành xứ chúng thánh): Nếu lìa sân khuê, lìa tham, lìa sân, tu Từ Bi Quán, như thế thì mới có thể thành tựu Phật quả. Đăng Trì (Bình đẳng duy trì) hết thấy các pháp, tri vô lượng nghĩa. *“Đương sanh tịnh Phật độ, viễn ly chư quá ác, vãng bỉ chứng Bồ Đề, linh ly chư sân phần. Nhược ly u tà kiến, thuần tu tịnh tín tâm, nhạo khai thị tam thừa, diệc cúng dường chư Phật. Vĩnh thoát chư ác thú, ngộ chúng hiền thánh giả, cụ chư Bồ Tát đức, đãi đắc tối thượng trí”* (Sẽ sanh cõi Phật tịnh, xa lìa các lỗi ác, về đó chứng Bồ Đề, khiến lìa các sân phần. Nếu lìa các tà kiến, thuần tu tịnh tín tâm, ưa khai thị ba thừa, cũng cúng dường chư Phật. Mãi thoát các đường ác, gặp các bậc thánh hiền, đủ các Bồ Tát đức, bèn đắc trí tối thượng): Như thế thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

“Ngã thuyết Thập Thiện Nghiệp, năng thú thắng Bồ Đề, sanh trưởng chư Đăng Trì, Đà-la-ni, Nhẫn, Địa. Thử luân đại oai đức, năng tột chư ác thú, phá hoại chư ác chướng, tốc chứng đại Bồ Đề” (Ta nói Thập Thiện Nghiệp, hay nhập thắng Bồ Đề, sanh trưởng các Đăng Trì, Đà-la-ni, Nhẫn, Địa. Luân này oai đức lớn, dẹp tan các đường ác, phá hoại các ác chướng, mau chứng đại Bồ Đề): Đây là nói tổng quát. Thập Thiện Luân là thành tựu cái nhân của Bồ Đề thù thắng, có thể sanh trưởng mười pháp vô lượng, đó là Đà-la-ni. Vô lượng pháp là Đăng Trì, là Đà-la-ni, là tam-muội. *“Đà-la-ni, Nhẫn, Địa”* là Thập Nhẫn, Thập

Địa. Oai đức của luân này có thể phá tan các đường ác, phá hoại các ác chướng, mau chứng đại Bồ Đề.

VII. Phước Điền Tướng - Phẩm Đệ Thất

福田相品第七

(Phẩm thứ bảy: Tướng Phước Điền)

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát hữu thập Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Hà đẳng vi thập? Sở vị bố thí chủng chủng âm thực, y phục, bảo sức, tượng, mã, xa, thặng, cập dĩ tự thân thủ, túc, nhĩ, ty, đầu, mục, tủy, não, bì, cốt, huyết, nhục, quốc thành, thê, tử, nô tỳ, điền trạch. Như thị nhất nhất hành bố thí thời, bất cố thân mạng, bất chuyên vị kỷ cầu u thế gian, xuất thế gian lạc, phát tâm bố thí; dẫn dục phổ vị nhất thiết hữu tình sanh trưởng đại từ, đại bi nha cố, phát tâm bố thí; vị dục dẫn phát thiện xảo phương tiện thù thắng trí cố, phát tâm bố thí; vị dục dẫn phát nhất thiết hữu tình an lạc sự cố, phát tâm bố thí; vị dục trừ diệt nhất thiết hữu tình khổ não sự cố, phát tâm bố thí; vô thắng tha tâm, vô thô quán tâm, vô tật đồ tâm, vô xan lận tâm, nhi hành bố thí. Ư sở thí vật, nhược đa, nhược thiếu, hạ chí nhất thực, chung bất hy cầu tự thọ quả báo, phát tâm bố thí; chung bất hy cầu Thanh Văn Thừa quả, phát tâm bố thí, chung bất hy cầu Độc Giác Thừa quả phát tâm bố thí. Ư sở thí vật, nhược đa, nhược thiếu, hạ chí nhất thực, dẫn vị hy cầu Nhất Thiết Chủng Trí, phát tâm bố thí.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩，有十財施大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。何等為十？所謂佈施種種飲食、衣服、寶飾、象馬、車乘，及以自身手足耳鼻、頭目髓腦、皮骨血肉、國城、妻子、奴婢、田

宅。如是一一行佈施時，不顧身命，不專為己求於世間、出世間樂，發心佈施；但欲普為一切有情生長大慈大悲芽故，發心佈施；為欲引發善巧方便殊勝智故，發心佈施；為欲引發一切有情安樂事故，發心佈施；為欲除滅一切有情苦惱事故，發心佈施；無勝他心，無粗獷心，無嫉妒心，無慳吝心，而行佈施。於所施物若多若少，下至一食，終不希求自受果報，發心佈施，終不希求聲聞乘果，發心佈施；終不希求獨覺乘果，發心佈施。於所施物若多若少，下至一食，但為希求一切種智，發心佈施。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát có mười Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể trừ dứt, vượt xa hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn và Độc Giác làm ruộng phước lớn, hết thấy các vị Thanh Văn và Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Những gì là mười? Tức là bố thí các thứ thức ăn, quần áo, vật trang sức báu, voi, ngựa, xe cộ, cùng với tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, da, xương, máu, thịt của chính mình, quốc thành, vợ, con, nô tỳ, ruộng nương, nhà cửa. Khi hành bố thí mỗi thứ như thế, đều chẳng đoái hoài thân mạng, chẳng chuyên vì cầu sự vui thế gian hay xuất thế gian cho chính mình mà phát tâm bố thí; chỉ vì muốn sanh trưởng mầm đại từ đại bi cho hết thấy hữu tình mà phát tâm bố thí; vì muốn dẫn phát trí thiện xảo phương tiện thù thắng mà phát tâm bố thí; vì muốn dẫn phát sự an lạc cho hết thấy hữu tình mà phát tâm bố thí; vì muốn trừ diệt chuyện khổ não cho hết thấy hữu tình mà phát tâm bố thí; chẳng có tâm vượt hơn người khác, chẳng có tâm thô lỗ, tục tằn, chẳng có tâm ghen ghét, chẳng có tâm keo kiệt mà hành bố thí. Đối với các vật bố thí, dù nhiều hay ít, thậm chí một bữa ăn, trọn chẳng mong cầu quả Thanh Văn Thừa mà phát tâm bố thí, trọn chẳng mong cầu quả Độc Giác Thừa mà phát tâm bố thí. Đối với các vật bố thí, dù nhiều hay ít, thậm chí một bữa ăn, chỉ vì mong cầu Nhất Thiết Chung Trí mà phát tâm bố thí).

Nói xong phẩm Thập Thiện Nghiệp Đạo, phẩm này là phẩm Phước Điền Tướng. Thập Thiện Nghiệp Đạo là bảy chi nơi thân và miệng (tức giết, trộm, dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, và nói thô ác), cộng thêm tham, sân, si. Đây là hữu vi, chỉ nói về pháp Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa. Nếu nói cao hơn bước nữa, Thập Thiện Nghiệp Đạo từ Nhân Thiên Thừa cho đến Bồ Tát Thừa đều trọn đủ, là pháp chung của năm loại người tu hành. Nếu dùng pháp Thập Thiện Nghiệp Đạo để hiển thị và hóa độ chúng sanh, sẽ là Bồ Tát. Nếu là Thanh Văn và Duyên Giác, họ mong tu Khổ, Tập, Diệt, Đạo, mười hai nhân duyên, cũng ắt cần phải lấy Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cơ sở. Chiếu theo kinh văn trong phần trước, sau khi đã chết, lại sanh trong nhân gian, đạt được phước đức to lớn; đây là phước đức đáng nên lãnh thọ của chính Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu trong tâm quý vị thâm nhập quán tưởng thì sẽ là Đại Thừa. Đó là pháp chung cho cả ba thừa, tùy thuộc loại căn cơ nào, sẽ có thể lãnh thọ pháp thuộc loại ấy.

Tướng phước điền khác nhau; [ở đây], tướng phước điền thuần túy nói theo Bồ Tát Ma Ha Tát. Phước điền để gieo phước, tức là ruộng nương để gieo phước chẳng thể nghĩ bàn. Mỗi đoạn [kinh văn] và mỗi luân đều có hai loại tướng: Một là tướng thế gian, hai là tướng xuất thế gian. Trong thế gian, Bồ Tát thuận theo chúng sanh để nói, hành Bồ Tát đạo như thế nào, khiến cho chúng sanh tích tụ phước điền. Phước điền của Bồ Tát là Không nghĩa, tức là “*phước điền mà chẳng có phước điền*”. Đây chính là ý nghĩa “*tướng chính là vô tướng*”. Nếu Bồ Tát mong hành Bồ Tát đạo, tức Lục Độ vạn hạnh trong Bồ Tát đạo, chính là dùng bố thí đứng đầu [trong các hạnh ấy]. Trước hết, nói về Tài Thí; kế đó, nói về Pháp Thí. Nếu chẳng dùng pháp để bố thí, chẳng dùng tài để bố thí, mà mong nhập chúng sanh giới, sẽ rất khó khăn. Để có thể chẳng bị ngũ dục xoay chuyển, chẳng theo chúng sanh trầm luân trong thế gian, phải trang bị đôi chút. Do vậy, chữ Trụ (冑) trong “*đại giáp trụ*” (大甲冑) có nghĩa là gì? Chính là Khôi (盔) che đầu (mũ sắt hay mũ da dầy). “*Giáp*” (甲) là đội khôi, mặc giáp. Bởi lẽ, quý vị muốn độ chúng sanh, Đồng Sự Nhiếp chúng sanh, thị hiện giống như chúng sanh, quý vị phải phòng hộ đôi chút.

Phòng hộ như thế nào? Tức là trang bị đôi chút nhằm bảo vệ chính mình. Dùng gì để bảo vệ? “*Giáp trụ*” là hình dung như đang ở trong chiến trận, phải đội khôi khoác giáp để khỏi bị địch nhân gây thương

tích. Nếu quý vị vào trong chúng sanh giới độ chúng sanh, chẳng bị chúng sanh nhuốm bản, chẳng bị chúng sanh xoay chuyển, mà có thể chuyên chúng sanh. Đây là nói đến bậc Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng có nghĩa là đạo lực của Ngài rất sâu dày. Vận dụng cái luân này, có thể diệt trừ nỗi đau khổ do nghèo túng, thiếu hụt của chúng sanh. Chẳng có tiền, sẽ rất đau khổ, cho nên phải dùng tài vật để bố thí. Nếu Bồ Tát thành tựu Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân, từ lúc Ngài mới phát tâm, đã có thể đoạn trừ ngũ dục. Chuyện này đối với chúng tôi có đôi chút chẳng phù hợp! Tôi xuất gia hơn sáu mươi năm, hiện thời vẫn chẳng thể hoàn toàn đoạn trừ ngũ dục, thế mà các vị Bồ Tát ấy vừa phát tâm bèn đoạn trừ ngũ dục, chẳng tham luyến thế gian. Nhưng các Ngài chẳng lìa thế gian, khác hẳn Thanh Văn và Duyên Giác. Vừa mới phát tâm, liền có thể đoạn trừ ngũ dục. Trong phần trước, chúng tôi đã nói về cảnh giới ngũ dục rất nhiều. Nói nông cạn, dễ hiểu là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Sở dĩ chúng ta chẳng thể dấy lên tinh tấn nổi, giải đãi, là vì bị ngũ dục lôi kéo, dẫn dắt! Khi chúng ta bố thí, luôn xen tạp rất nhiều ô nhiễm! Trong phần trước, khi nói về Thập Thiện Nghiệp Đạo, trong ấy đã xen tạp rất nhiều ô nhiễm, chẳng dùng cái tâm thanh tịnh để hành tài thí. Bất luận quý vị đang làm gì, cúng dường Tam Bảo cũng thế, mà cho đến khi cứu tế trong xã hội cũng thế, trong mỗi hành vi, đều xen tạp rất nhiều ý niệm chẳng thanh tịnh. Nhân địa chẳng chân thật, chuốc lấy cái quả cong queo. Tâm chẳng thanh tịnh, mà quý vị mong đạt được cái quả chân thật, sẽ là chuyện chẳng thể được!

Đoạn kinh văn này nói Bồ Tát Ma Ha Tát dùng Tài Thí làm công cụ để nghiên nát ngũ dục. Khi phát tâm, hành Bồ Tát đạo, khi tài bố thí, sẽ đoạn trừ ngũ dục. Hiện thời, vị ấy không chỉ đoạn trừ ngũ dục, mà Trần Sa vô minh cũng phá dần dần. Các vị Đẳng Địa Bồ Tát ấy đoạn một phần vô minh, chúng một phần Pháp Thân. Do vậy, các Ngài vượt xa hết thầy các vị Thanh Văn và Độc Giác, làm phước điền to lớn cho trọn khắp hết thầy Thanh Văn và Duyên Giác. Hết thầy các vị thuộc hai thừa Thanh Văn và Duyên Giác đều phải nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ vị đại Bồ Tát này. Vì sao? Các Ngài lợi ích họ. Bồ Tát Ma Ha Tát có thể tạo lợi ích cho hết thầy Thanh Văn và Duyên Giác. Đây là nói tổng quát. Tiếp đó liền nói phân biệt những gì là Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân?

“*Hà đẳng vi thập?*” (Những gì là mười?) Mang ý nghĩa gạn hỏi, khơi gợi, nhằm giải thích khái quát một phen. “*Sở vị bố thí chủng chủng ẩm thực, y phục, bảo sức, tượng, mã, xa, thặng, cập dĩ tự thân thủ, túc,*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

nhĩ, ty, đầu, mục, tủy, não, bì, cốt, huyết, nhục, quốc thành, thê, tử, nô tỳ, điền Trạch. Như thị nhất nhất hành bố thí thời, bất cố thân mạng” (Tức là bố thí các thứ thức ăn, y phục, vật trang sức báu, voi, ngựa, xe cộ, cùng với tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, da, xương, máu, thịt của chính mình, quốc thành, vợ, con, nô tỳ, ruộng nương, nhà cửa. Khi hành bố thí từng món như thế, chẳng đoái hoài thân mạng): Tài Thí [của Bồ Tát] chẳng giống như cách chúng ta thường bố thí. Do vậy, khi nêu tổng quát trong phần trước, đã nói là “*đại Bồ Tát*”. Ngài có thể vét cạn sức lực để bố thí. Hành động bố thí ấy bao gồm bố thí các thứ thức ăn, y phục, cho đến bảo bối, voi, ngựa, xe cộ, đều là các thứ ngoài thân. Còn có bản thân của chính Ngài, cho đến lục căn đều có thể bố thí. Tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, da thịt, huyết nhục, quốc thành, vợ con, nô tỳ, ruộng nương, nhà cửa. Khi hành bố thí mỗi món như thế, đều chẳng màng đến sanh mạng của chính mình. Bồ Tát chẳng vì cầu an lạc cho chính mình, chỉ mong cho chúng sanh lìa khổ. Đây là bản ý của Bồ Tát. Do vậy, trở thành Bồ Tát chính là chúng sanh có đại đạo tâm, Ngài chuyên tạo lợi ích cho hết thảy hữu tình, chưa hề nghĩ tới chính mình. Cho thấy Ngã Chấp cũng đã đoạn! Nếu Pháp Chấp tồn tại, sẽ chẳng thể thí cùng tận được!

[Trong phần sau], còn có Pháp Thí Thập Luân, phần này nói về thế gian Thập Luân. Còn có xuất thế gian Thập Luân. Ngài chẳng vì cầu sự vui sướng thế gian hay xuất thế gian cho chính mình mà phát tâm bố thí. Nhân địa chân thật, cảm quả chân thật, có thể thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong khi bố thí, Ngài chẳng vì lợi ích thế gian, cho đến lợi ích xuất thế gian, Ngài cũng chẳng cầu. Tướng của phước điền ấy là tướng gì? Chính là Không tướng. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói, khi Bồ Tát hành bố thí, cúng dường, làm hết thảy các thiện pháp, nhưng chẳng đạt được phước đức. Ngài Tu Bồ Đề liền rất hoài nghi, vì sao khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo lại chẳng có phước đức? Đức Phật nói Bồ Tát chẳng chấp trước phước đức ấy. Nếu Ngài chấp trước, sẽ chẳng phải là Bồ Tát. Do đó, Ngài chỉ là chẳng chấp trước đó thôi! Chẳng đoái hoài thân mạng, cho tới bố thí như thế, chỉ nhằm mục đích lợi ích chúng sanh. Tâm đại từ đại bi của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, tu từ bi cũng chẳng phải là đơn giản mà có thể thực hiện được!

Vô Trước Bồ Tát mong thân cận Từ Thị Bồ Tát, tức là Di Lạc Bồ Tát. Ngài ở trong núi tu từ tâm tam-muội suốt mười năm. Mong thành Phật, mong dẹp trừ hết thảy đau khổ cho chúng sanh, cho nên gọi là từ

tâm tam-muội. Tu đã mười năm, điều gì cũng chẳng đạt được, cũng chẳng thấy chi hết, dường như vô duyên, Ngài liền ngã lòng. Ngài xuống núi, xuống núi được nửa đường, gặp một bà cụ đang cầm một cái chày sắt rất to đang mài thành kim. Ngài hỏi: “Bà cụ ơi! Cụ đang làm gì vậy?” Bà cụ đáp: “Tôi mài kim”. “Cụ mài kim để làm gì?” Bà cụ bảo: “Con gái tôi sắp xuất giá, tôi mài kim để may quần áo cho nó làm đồ cưới”. Vô Trước Bồ Tát cười bảo: “Cụ mài thành kim, chỉ sợ con gái cụ chết rồi, làm sao có thể mài thành kim cho được?” Bà cụ bảo Ngài: “Hễ đổ công, tự nhiên sẽ thành”. Ngài bỗng dựng khai ngộ, nói: “Ta chẳng có công phu ấy, cho nên chẳng thể thấy Từ Thị Bồ Tát!” Ngài không đi, trở lại núi tu mười năm nữa, tổng cộng tu hai mươi năm, vẫn là chẳng có gì hết, ngay cả hình ảnh cũng chẳng thấy. Như chúng ta bái sám, niệm Phật, mong được giấc mộng tốt đẹp, cầu rất nhiều, đều thuộc về hữu tướng. Đấy chẳng phải là Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm!

Do vậy, Ngài xuống núi lần thứ hai. Lần này Ngài hạ quyết tâm ra đi, cũng chẳng gặp cảnh giới gì. Xuống chân núi, bên cạnh một con sông, thấy một con chó. Con chó ấy da bụng bị một vết lở loét, đang rên siết, rất đau khổ. Trước khi xuất gia học đạo, ngài Vô Trước là thầy thuốc, chuyên trị các chứng bệnh ung thũng, nay đối trước cảnh này. Ngài tu từ tâm hai mươi năm, tính giúp nó chữa trị, nhưng con chó ấy bản quá. Ngài nghĩ: “Nếu con chó này là người, ta còn có thể chữa trị một phen”. Ngài nghĩ ngợi, bỏ đi một đoạn, lại nghĩ: “Sai rồi! Ta tu từ tâm tam-muội hai mươi năm. Tu từ tâm là bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, vì sao lại có tâm phân biệt?” Ngài quay trở lại, đã đi rồi quay lại như thế, lặp lại mấy lần, chẳng hạ quyết tâm nổi. Cuối cùng, Ngài nghĩ: “Công phu hai mươi năm ta chớ nên lãng phí, vẫn phải giúp nó chữa trị”. Do vậy, bèn nhắm mắt hút mủ từ vết thương ấy. Vết thương ấy ắt cần phải dùng miệng hút. Ngài hút lấy, trong tâm nghĩ rất ghê tởm, chắc sẽ ói. Khi sắp ói, cảm thấy hương vị không đúng! Vết lở loét nung mủ chẳng thể có hương vị thơm ngon, hương vị thượng diệu thế này! Mở bừng mắt ra nhìn, chó đã chẳng còn, Từ Thị Bồ Tát xuất hiện. Vì thế, Ngài liền hỏi: “Thưa Bồ Tát! Con tu hai mươi năm, hằng ngày lạy Ngài, cầu Ngài, rớt cuộc Ngài vẫn thử thách con một phen!” Từ Thị Bồ Tát đáp: “Ta cũng rất sốt ruột, mọi ngày ta đều chuẩn bị gia trì ông, nhưng ông chẳng thềm đoái hoài tới ta”. Đó là vì trong ấy có nghiệp chướng!

Vì thế, chúng ta biết là dùng đại từ đại bi tâm để phát tâm bố thí, rất khó! Nếu chẳng có trí huệ thù thắng, mê mông đại từ đại bi tâm của

chúng ta sẽ chẳng thể nầy sanh được! Không phải là tôi khinh rẻ quý vị, mà đối với chính tôi cũng vậy! Cái tâm đại từ bi của chúng ta hết sức hữu hạn! Cái tâm trắc ẩn ai nấy đều có, nhưng trong tâm đại bi của chúng ta có ái kiến. Nếu là thân hữu của chính mình, hoặc nếu là người mà ta tôn kính, ta ưa thích, sẽ có tâm từ bi. Nếu gặp phải oán gia, hoặc là một con chó như đã nói trên đây, chẳng khởi tâm từ bi được, làm sao quý vị có thể bố thí, chẳng màng đến thân mạng, những gì chính mình vốn có đều cúng dường cho người khác được ư? Chẳng chịu! Chúng ta có thể tự mình trắc nghiệm điều này, thậm chí có lúc đã bố thí rồi mà lấy lại!

Cảnh giới trong kinh Đại Tập Thập Luân càng lúc càng sâu, dạy ta hành Bồ Tát đạo như thế nào? Khi cúng dường chúng sanh, đều coi như đang cúng dường Phật, đều đối đãi với chúng sanh như Phật. Vì Bồ Tát muốn thành Bồ Tát đạo, theo phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nếu chẳng có chúng sanh, chúng ta sẽ chẳng thể thành Bồ Tát đạo! Ân chúng sanh khó báo, vì chúng sanh khiến cho chúng ta có thể thành Phật. Vì thế, đại Bồ Tát sau khi phát tâm bố thí, mục đích và nguyện vọng của Ngài là làm cho trọn khắp hết thảy hữu tình đều có thể thành Phật, khiến cho hết thảy hữu tình cũng có thể sanh khởi mầm mống đại từ đại bi. Vì duyên có như vậy, nên mới phát tâm bố thí. Đồng thời, vì muốn dẫn phát trí phương tiện thiện xảo thù thắng cho nên phát tâm bố thí. Dẫn dắt ai? Dẫn hết thảy chúng sanh cũng phát khởi cái tâm lợi ích chúng sanh, lần lượt dạy bảo nhau. Đồng thời, nói theo bản thân Bồ Tát, dẫn phát phương tiện trí lợi ích chúng sanh của chính mình. Phương pháp để lợi ích chúng sanh của các vị Bồ Tát chính là trí huệ phương tiện của Ngài. Phải học phương tiện trí ấy, chúng ta cũng mong giúp đỡ người khác. Nếu phương pháp chẳng đúng, không chỉ chẳng thể giúp đỡ được, mà chính mình còn chuốc lấy rất nhiều phiền não. Rất nhiều đạo hữu đã có kinh nghiệm này: Chẳng hạn như dựng chùa, ta mong làm chút công đức, lập Phật Học Viện để tạo công đức, nghe kẻ khác nói này nói nọ, cả một đồng bàn ra tán vào, [rót cuộc] chùa nào cũng chẳng dựng, Phật Học Viện nào cũng chẳng lập! Họ đã thoái tâm bèn sanh hủy báng. Đối với chuyện này, tôi đã nghe quá nhiều, vì sao không dám nói? Chẳng kể lỗi Tam Bảo! Cho đến đối với ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cũng đều chẳng dám nói. Đừng nên kể lỗi của bốn chúng. Đây là phạm giới căn bản của Bồ Tát. Chẳng hợp tướng phước điền, phước ấy gieo xuống, căn bản là chẳng nầy mầm được, sẽ biến thành mầm chấy, hạt lép. Trong phần nói về Thập Thiện Nghiệp Đạo và Thập Ác Luân, đã nói hết sức rõ ràng. Như

thế thì quý vị sẽ đọa địa ngục Vô Gián, cho đến địa ngục Cận Vô Gián. Báng Tam Bảo còn nặng hơn tội đọa địa ngục Vô Gián nữa!

Vì sao tin Phật khá nhiều năm, vẫn chẳng có thành tựu chi cả, do nguyên nhân nào? Chúng ta đã tạo ba nghiệp thân, miệng, ý quá nhiều! Quý vị chẳng biết là đang tạo nghiệp. Nếu đối chiếu một chút với kinh Đại Tập Thập Luân, quý vị mới biết mười nghiệp nơi thân, miệng, ý, Thập Thiện Nghiệp và Thập Ác Nghiệp, Thập Ác Luân và Thập Thiện Luân đặc biệt khó ngăn ngừa, bảo vệ. Chúng ta ngỡ dường như rất dễ dàng, đó là cách nghĩ kiêu mạn, chẳng phải là chân thật! Do đó, Bồ Tát dùng trí phương tiện thiện xảo thù thắng để hành bố thí, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể an lạc bố thí. Khi quý vị hành bố thí, phải phát tâm, phải phát nguyện, nhất định phải trọn đủ từ, bi, hỷ, xả, tứ vô lượng tâm.

Đồng thời, Bồ Tát dùng tài bố thí để trừ diệt khổ não của hết thảy chúng sanh, cho nên phát tâm bố thí. Lúc chúng sanh đang trong khổ nạn, quý vị phát tâm bố thí, ban tài thí cho họ, quý vị phải phát tâm thiện xảo phương tiện, phát tâm dẫn họ nhập pháp, hướng dẫn họ thành đạo, liễu thoát sanh tử. Quý vị còn phải buông xuống hết thảy, đầy bất quá là dùng tài vật để hướng dẫn họ đó thôi. Vì thế, Phật giáo nói, khi độ chúng sanh, trước hết dùng dục để lôi kéo, dần dần dần nhập Phật đạo. Tức là trước hết dùng các thứ họ ưa thích, hoặc thứ họ khuyết thiếu, để dẫn dụ họ, dần dần có thể dẫn vào Phật đạo, nhiếp thọ họ. Đồng thời, trong khi Bồ Tát phát tâm bố thí, chớ nên so sánh với người khác, chớ nên nói kẻ nọ bỏ ra nhiều tiền hơn, ta cần phải vượt hơn hẳn. Hẳn bỏ một vạn, ta phải bỏ ra hai vạn! Tài lực của người ta như thế nào, tài lực của quý vị ra sao, chẳng cần phải so sánh, chẳng cần mong vượt hơn người khác. Quý vị hành đạo của quý vị là được rồi, nghĩa là đừng có cái tâm phải thắng kẻ khác, chẳng có tâm thô lỗ, tục tằn. “*Tâm thô lỗ, tục tằn*” có nghĩa là tâm chẳng nhu hòa, chẳng thiện thuận, chẳng điều nhu.

Trong khi hành bố thí, của cải tuy to tát, nhưng xen tạp các thứ tâm chẳng tinh sạch, chẳng khiết tịnh. “*Tài đại khí thô*”⁴⁴ chẳng phải là cái tâm cúng dường. Do vậy, trong kinh Địa Tạng, khi nói tới phẩm thứ mười, Địa Tạng Bồ Tát đã thỉnh đức Phật so sánh công đức, dạy về công

⁴⁴ “*Tài đại khí thô*” (財大氣粗) có hai ý nghĩa. Một là tài sản to lớn, nghĩa thứ hai là cậy vào tiền tài sẵn có, dư dả để ý thể khinh hiếp người khác. Từ ngữ này thường được dùng theo ý nghĩa xấu: Kẻ sẵn tiền, lắm của, sẵn sàng vung tay chi tiền cốt sao thỏa mãn thể diện.

đức bố thí của chúng sanh: Vì sao có người hưởng thụ một đời, có người hưởng thụ mười đời, có người hưởng thụ trăm ngàn ức đời chẳng hết? Tài vật như nhau, chẳng tăng nhiều hơn, nguyên nhân [khiến cho người bố thí hưởng phước khác nhau] là vì đâu? Cái tâm bất đồng! Ất phải dùng cái tâm Bồ Đề, tối thiểu là không có cái tâm muốn thắng người khác, không có thứ tâm thô ác ấy! Lại còn có tâm ghen tỵ. Rất nhiều kẻ có cái tâm ghen tỵ ấy, còn có những kẻ tâm bủn xỉn. Tuy bố thí, sau đó lại sanh lòng hối hận, luyến tiếc, keo kiệt, tham lam, ghen tỵ, lại còn tiếc rẻ! Hành bố thí kiêu đó, bất luận vật được thí dù nhiều hay ít, “*hạ chí nhất thực*” (thậm chí một bữa ăn), cho đến bố thí bảy báu đầy cả một tam thiên đại thiên thế giới vào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, ba thời đều hành bố thí như thế, vẫn chẳng đạt được phước đức to lớn. Thậm chí, còn có trường hợp ngay cả phước đức cũng chẳng có, đặc biệt là đối với Tam Bảo, mà đối với chúng sanh cũng là như thế. Bất luận bố thí nhiều hay ít, chớ nên cầu chính mình hưởng quả báo, thí mà chẳng mong mỗi được báo đáp. Nho gia Trung Hoa cũng nghĩ như thế (“*thi ân bất cầu báo*”)! Khi bố thí mà hy vọng được báo đền, tức là quý vị có ý đồ, đây chẳng phải là bố thí. Thậm chí tuy bố thí rất ít, vẫn hy vọng người khác báo đáp, vậy thì chẳng còn là bố thí nữa! [Cứ nghĩ] “ta làm chuyện tốt”, vậy là mục đích của quý vị chẳng thuần!

Nếu phát tâm bố thí, trọn chẳng mong cầu quả Thanh Văn Thừa mà phát tâm bố thí, đừng mong chứng đắc quả A La Hán. Phát tâm như vậy quá cục hạn, nhỏ bé. Chúng ta mong liễu sanh tử, đoạn Tập nhân thế gian; sau đó, tiêu diệt khổ quả thế gian, dùng cái nhân tu Đạo để chứng đắc Thiên Không Niết Bàn, chẳng phải là Niết Bàn chân không rốt ráo. Kiêu đó là cầu quả Thanh Văn. Mong liễu sanh tử, mong chứng đắc Đại Bát Niết Bàn, quý vị phát tâm cầu Phật quả, phát tâm cầu chứng đắc quả Bồ Đề. Phát cái tâm bố thí ấy chính là Bồ Đề tâm. Do vậy nói: Chẳng mong cầu quả vị Độc Giác Thừa mà phát tâm bố thí. Không chỉ chẳng mong cầu quả vị Thanh Văn Thừa, mà quả vị Độc Giác Thừa cũng chẳng mong cầu. Hợp cả hai đằng lại, tức là [chẳng mong cầu] quả vị Nhị Thừa. Đối với vật phẩm hoặc vật chất để thí, dù nhiều hay ít, “*hạ chí nhất thực, đản vị hy cầu Nhất Thiết Chúng Trí*” (thậm chí một bữa ăn, chỉ vì mong cầu Nhất Thiết Chúng Trí), tức là cầu thành Phật. Sau đó, đối với thiện sự bất luận lớn hay nhỏ, niệm nào cũng đều mong cầu thành tựu Nhất Thiết Chúng Trí, mong cầu thành Phật quả. Phát tâm như vậy là đúng!

(Kinh) Thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu như thị thập chủng Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Sở dĩ giả hà? Thanh Văn, Độc Giác phát tâm bố thí, vô đại từ bi, dẫn vị kỳ thân xả bản cùng cố, dẫn vị kỳ thân thoát chúng khổ cố, dẫn vị kỳ thân đắc an lạc cố, dẫn vị kỳ thân chứng Niết Bàn cố, bất năng phổ vị nhất thiết hữu tình nhi hành bố thí. Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm bố thí hữu đại từ bi, phổ vị hữu tình xả bản cùng cố, phổ vị hữu tình thoát chúng khổ cố, phổ vị hữu tình đắc an lạc cố, phổ vị hữu tình chứng Niết Bàn cố, bất vị tự thân nhi hành bố thí. Dĩ thị nghĩa cố, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành Tài Thí Ba La Mật Đa thời, ư diệu ngũ dục, tâm vô nhiễm trước, tự sở nhiếp thọ nhất thiết lạc cụ, phổ năng thí dữ nhất thiết hữu tình. Y phổ nhiếp thọ chư hữu tình tâm, y tự nhân thọ nhất thiết khổ tâm, y diệt nhất thiết hữu tình khổ tâm, y dữ nhất thiết hữu tình lạc tâm, y dữ hữu tình đại Niết Bàn tâm, nhi hành bố thí. Dĩ thị nghĩa cố, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thiện nam tử! Nhược ư ngũ dục, tâm vô nhiễm trước, cụ đại từ bi nhi hành bố thí, thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, diệc danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền. Nhược bất trừ đoạn thế gian ngũ dục, vô đại từ bi nhi hành bố thí, tuy xả vô lượng vô biên thí vật, nhi do bất đắc danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, diệc phi nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền. Thử thí bất môn thánh ấn sở ấn. Thị cố, ưng đoạn thế gian ngũ dục, cụ đại từ bi nhi hành bố thí. Nhược bất đoạn ư thế gian ngũ dục, vô đại từ bi, nhi hành bố thí, bất danh Bồ Tát, phi chân phước điền. Thiện nam tử! Nhiễm trước ngũ dục, hành bố thí luân, thượng bất năng diệt tự thân sở hữu thiểu phần khổ não, huống năng trừ diệt nhất thiết hữu tình vô lượng khổ não?

(經)善男子！菩薩摩訶薩，成就如是十種財施大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺

，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。所以者何？聲聞、獨覺發心佈施，無大慈悲，但為己身舍貧窮故，但為己身脫眾苦故，但為己身得安樂故，但為己身證涅槃故，不能普為一切有情而行佈施。菩薩摩訶薩發心佈施，有大慈悲，普為有情舍貧窮故，普為有情脫眾苦故，普為有情得安樂故，普為有情證涅槃故，不為自身而行佈施。以是義故，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。菩薩摩訶薩，修行財施波羅蜜多時，於妙五欲心無染著，自所攝受一切樂具，普能施與一切有情。依普攝受諸有情心，依自忍受一切苦心，依滅一切有情苦心，依與一切有情樂心，依與有情大涅槃心而行佈施。以是義故，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。善男子！若於五欲心無染著，具大慈悲，而行佈施，是名菩薩摩訶薩也，亦名一切聲聞、獨覺真實福田。若不除斷世間五欲，無大慈悲，而行佈施，雖舍無量無邊施物，而猶不得名為菩薩摩訶薩也，亦非一切聲聞、獨覺真實福田。此施不蒙聖印所印。是故，應斷世間五欲，具大慈悲，而行佈施。若不斷於世間五欲，無大慈悲，而行佈施，不名菩薩，非真福田。善男子！染著五欲，行佈施

輪，尚不能滅自身所有少分苦惱，況能除滅一切有情無量苦惱？」

(Kinh: Nay thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu mười thứ Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân như thế, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, làm ruộng phước lớn cho khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Hết thấy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vì có sao vậy? Thanh Văn, Độc Giác phát tâm bố thí chẳng có đại từ bi, chỉ vì chính mình xả bần cùng, chỉ vì chính mình thoát các khổ, chỉ vì chính mình được an vui, chỉ vì chính mình chứng Niết Bàn, chẳng thể vì khắp hết thấy hữu tình mà hành bố thí. Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm bố thí có đại từ bi, vì xả trừ bần cùng cho trọn khắp các hữu tình, vì khiến cho trọn khắp hữu tình thoát các khổ, vì khiến cho trọn khắp các hữu tình được an lạc, vì khiến cho trọn khắp các hữu tình chứng Niết Bàn, chẳng vì chính mình mà hành bố thí. Do bởi nghĩa này, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành Tài Thí Ba La Mật Đa, đối với các ngũ dục tốt đẹp, tâm chẳng nhiễm đắm, có thể thí trọn khắp hết thấy các vật dụng vui thích thuộc về chính mình cho hết thấy hữu tình. Nương vào cái tâm nhiếp thọ trọn khắp các hữu tình, nương theo cái tâm tự chịu đựng hết thấy các khổ, nương vào cái tâm diệt khổ cho hết thấy hữu tình, nương vào cái tâm ban vui cho hết thấy hữu tình, nương vào cái tâm ban Đại Niết Bàn cho hữu tình mà hành bố thí. Do bởi nghĩa này, hơn hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước rộng lớn. Hết thấy Thanh Văn, Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Nay thiện nam tử! Nếu đối với ngũ dục, tâm chẳng nhiễm đắm, trọn đủ đại từ bi mà hành bố thí, thì gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng gọi là ruộng phước chân thật cho hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Nếu chẳng đoạn trừ ngũ dục thế gian, chẳng có lòng đại từ bi mà hành bố thí, tuy xả vô lượng vô biên vật để thí, vẫn chẳng được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng chẳng phải là ruộng phước chân thật của Thanh Văn, Độc Giác. Sự bố thí ấy chẳng được thánh ấn in vào. Vì thế, hãy nên đoạn ngũ dục thế gian, trọn đủ đại từ bi mà hành bố thí. Nếu chẳng đoạn ngũ dục thế gian, chẳng có đại từ bi mà hành bố thí, chẳng gọi là Bồ Tát, chẳng phải là ruộng phước chân thật. Nay thiện

nam tử! Đắm nhiễm ngũ dục, hành bố thí luân còn chẳng thể diệt chút phần khổ não vốn có của chính mình, huống hồ có thể trừ diệt vô lượng khổ não của hết thảy hữu tình u?)

Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu mười loại Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân như thế, từ lúc mới phát tâm, “nhất thiết ngũ dục giai năng đoạn trừ” (hết thảy ngũ dục đều có thể đoạn trừ), vừa phát tâm liền có thể đoạn trừ. Thanh Văn, Duyên Giác Thừa chẳng làm được! Điều này cho thấy hàng Bồ Tát vượt xa hết thảy Thanh Văn, Duyên Giác, cho nên các Ngài có thể làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Đối với bậc thiện tri thức như vậy, hết thảy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều phải nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vì có sao vậy? Thanh Văn, Độc Giác phát tâm bố thí, nhưng chẳng có lòng đại từ bi, chẳng có tâm từ bi, vì họ chẳng phát Bồ Đề tâm. Từ bi thuộc về Bồ Đề tâm. Đại từ bi được nói ở đây là đại từ bi như thế nào? Chúng ta giúp đỡ, cứu tế người khác, phải giúp triệt để! Cứu một người mà chỉ cứu người ấy thoát khỏi tử nạn thì vẫn chưa tính là triệt để. Phải dùng lời Phật dạy khiến cho người ấy thành Phật thì mới là triệt để.

Có tâm đại từ bi, độ hết thảy chúng sanh, đều mong mọi họ thành Phật, như thế là có lòng đại từ bi. Chỉ vì xả sự bần cùng của chính mình, vì sao ta chịu khổ? Do trong quá khứ ta chẳng bố thí. Do bố thí, bèn đạt được phước báo. Vì chẳng gieo phước ấy, cho nên nghèo cùng. Phàm vì chính mình chúng Niết Bàn, liễu sanh tử, mong tự mình vượt thoát tam giới, trông thấy đời ác ngũ trược rất khổ, sanh lòng chán lìa; đây đều là sự phát tâm của hàng Nhị Thừa. Bồ Tát phát Bồ Đề tâm thì cái tâm thứ nhất là tâm chán lìa, tức là tâm xuất ly. Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận có nói về tâm xuất ly, nhưng [Bồ Tát] đã phát tâm xuất ly, chán lìa thế gian, lại chẳng rời lìa thế gian, vì sao? Vì hết thảy chúng sanh còn chưa đắc độ. Bồ Tát muốn làm cho hết thảy chúng sanh đều hiểu rõ cái tâm xuất ly. Phát tâm như nhau, trình độ của hai người (Bồ Tát và Nhị Thừa) khác nhau! Bồ Tát vì hết thảy chúng sanh được yên vui, chẳng cầu an lạc cho chính mình, mong mọi hết thảy chúng sanh đều có thể trọn đủ tâm xuất ly, không chỉ vì riêng mình có tâm xuất ly. Do chính mình đã hiểu rõ, biết hết thảy thế gian là khổ, thế giới là Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, nhưng Ngài biết chẳng thể buông xả sự nghiệp độ chúng sanh, phải phát đại Bồ Đề tâm. Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm bố thí có lòng đại từ bi, chẳng giống Thanh Văn. Thanh Văn chẳng thể vì trọn khắp hết thảy hữu tình mà hành bố thí. Khi Bồ Tát phát tâm bố thí, Ngài có tâm đại từ bi,

không chỉ cứu tế cái thân người khác, mà còn muốn cứu tế cái tâm của họ, khiến cho họ thành Phật, khiến cho họ phát Bồ Đề tâm. Không chỉ vì khiến cho hết thảy hữu tình thoát lìa nghèo cùng, khôn khổ mà thôi, Ngài nguyện làm cho trọn khắp hết thảy hữu tình thoát lìa hết thảy các khổ!

“*Chúng khổ*” (Các nỗi khổ) bao gồm Phần Đoạn sanh tử và Biên Dịch sanh tử. Không phải chỉ vì chúng Hữu Dư Niết Bàn, mà còn là chúng đắc Cứu Cánh Vô Dư Niết Bàn, vì khiến cho trọn khắp hết thảy chúng sanh được yên vui. Sự an lạc ấy chính là an lạc rốt ráo. Như khi chúng ta bán sấm, đã niệm bài kệ: “*Phổ vị chúng sanh đắc an lạc, đản nguyện chúng sanh viễn ly khổ não*” (Vì khắp chúng sanh được an lạc, chỉ nguyện chúng sanh xa lìa khổ não). Nhưng quý vị phải chú ý cái nhân: Sự an lạc ấy do đâu mà có? Ất cần phải phát tâm, phải chú trọng cái nhân khiến cho hết thảy được an lạc. Có thể xả cái khổ bằng cách nào? Khổ do đâu mà có? Phải chú trọng cái nhân tạo ra khổ. Đây mới là đại từ bi. Vì lợi ích hữu tình như thế, khiến cho hữu tình có thể chúng đắc cứu cánh Niết Bàn. Họ hành bố thí, chẳng phải vì chính mình bèn hành bố thí, mà vì hết thảy chúng sanh hành bố thí. Như thế là lại đem “*công đức do vì hết thảy chúng sanh mà hành bố thí*” để bố thí cho chúng sanh, tức là bố thí và cúng dường công đức [mà chính mình] đã đạt được cho chúng sanh. Do vậy, chúng ta làm đôi chút sự nghiệp, đều phải hồi hướng pháp giới hữu tình. Vì có như thế thì công đức ấy mới vĩnh viễn chẳng đoạn, vì pháp giới trọn khắp, pháp giới vĩnh viễn chẳng đoạn diệt.

“*Dĩ thị nghĩa cố, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác*” (Do bởi nghĩa ấy, vượt xa hết thảy Thanh Văn, Độc Giác): Do vậy mà vượt hẳn hết thảy hữu tình. Bồ Tát Ma Ha Tát là “*nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền*” (làm ruộng phước lớn cho hết thảy Thanh Văn, Độc Giác), có tư cách làm đại phước điền cho họ. Vì thế, hết thảy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều phải nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Đồng thời, khi Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành Tài Thí Ba La Mật, sẽ có thể đạt đến bờ kia. Ba La Mật (Pāramitā) có nghĩa là “*đáo bỉ ngạn*” (đạt đến bờ kia). Lão pháp sư Năng Hải giải thích “*Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha*” (Gate, Gate, Pāragate, Pārasaṃgate, Bodhi Svāhā) có nghĩa là “*thành Phật, thành Phật, chúng sanh đều thành Phật*”. Nhưng trong quá khứ, có đại đức giải thích là “*đến bờ kia, đến bờ kia, hết thảy chúng sanh đều đến bờ kia*”. Cách giải

thích tuy bất đồng, nhưng hàm nghĩa như nhau! Khi Bồ Tát Ma Ha Tát hành Tài Thí, đối với ngũ dục vi diệu, tâm Ngài đều chẳng nhiễm đắm, ngũ dục vi diệu bèn đặc biệt thù thắng. Như ngũ dục vi diệu trên cõi trời, cho đến ngũ dục vi diệu đối với sở hành và sở chứng của Bồ Tát đều là chẳng thể nghĩ bàn. Nơi tâm lý, những thứ như âm nhạc cũng là ngũ dục vi diệu. Như Tứ Ý tiếp xúc, nghe thấy toàn là hảo sắc. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm thứ cảnh giới ấy, cho đến hết thảy công cụ để hưởng thụ ngũ lạc đều có thể thí cho trọn khắp hết thảy hữu tình.

“*Dĩ thị nghĩa cố, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác*” (Do bởi nghĩa ấy, vượt xa hết thảy Thanh Văn, Độc Giác), cho nên “*phổ vi nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền*” (làm ruộng phước lớn cho trọn khắp hết thảy Thanh Văn và Độc Giác). Lại nói ở một mức cao hơn, cái nhân để làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn, Duyên Giác là gì? Nói tới cái nhân ấy, thì hoặc là khi Bồ Tát thí cho hết thảy hữu tình, không chỉ là đối với thô ngũ dục, Ngài chẳng chấp trước; mà thậm chí đối với diệu ngũ dục, Ngài cũng chẳng đắm nhiễm. Tự Ngài có thể chịu đựng hết thảy các đau khổ, cũng chẳng khiến cho hết thảy chúng sanh thông khổ. Nói cách khác, Ngài trọn chẳng giá họa cho kẻ khác, mà mong cho chúng sanh lìa khổ, nguyện chịu khổ thay cho chúng sanh. Vì có thể chịu đựng hết thảy khổ, cho nên cũng có thể có tiêu diệt nỗi khổ của hết thảy hữu tình chúng sanh, khiến cho chúng sanh chẳng chịu khổ, tiêu diệt cái nhân gây ra nỗi khổ cho chúng sanh. Vì sao họ phải chịu khổ? Vì họ đã tích tập. “*Tích tập*” chính là Tập trong Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tức nhân quả thế gian do họ đã tích tập. Tích tập như thế nào? Miệng nói ra, thân tự làm, trong tâm suy nghĩ, tích tập như thế đó. Nghiệp bất thiện tích tập, đương nhiên là quý vị phải hứng chịu khổ quả! Tâm vui thích đối với hữu tình chính là tâm vui sướng, tâm tin ưa, cái tâm vui vẻ ấy sanh khởi bằng cách nào? Nương theo pháp do đức Phật đã chỉ dạy, nương theo lời Phật chỉ dạy để phát tâm. Phát tâm cũng là lợi ích hết thảy hữu tình, khiến cho hết thảy chúng sanh đều hiểu bất sanh, bất diệt, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tự, chẳng tha. Đây là đại Niết Bàn tâm, là Bát Nhã trí tâm. Loại nghĩa lý ấy, “*dĩ thị nghĩa cố*” (do vì nghĩa ấy), vượt xa hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, có thể có sức mạnh làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn và Độc Giác.

“*Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đặng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thiện nam tử! Nhược ư ngũ dục tâm vô nhiễm trước, cụ đại từ bi nhi hành bố thí, thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã*” (Hết thảy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

Này thiện nam tử! Nếu tâm chẳng đắm nhiễm đối với ngũ dục, trọn đại từ bi, hành bố thí, thì gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát). Đây mới là Bồ Tát thật sự. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc chúng ta nói thô thiên là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, trong tâm chẳng nhiễm trước các thứ ấy, chẳng ham thích, lại còn chẳng chấp trước. Trọn đủ cái tâm đại từ bi như thế để bố thí, đây mới là Bồ Tát Ma Ha Tát chân chánh, nhưng loại Bồ Tát này thông thường là đã dự lên thánh địa, [tối thiểu là] đã chứng Hoan Hỷ Địa (Sơ Địa).

Nhưng theo kinh Hoa Nghiêm, hễ đạt tới Sơ Trụ Bồ Tát, vừa phát Bồ Đề tâm, là đã có thể thành chánh quả. Phải viên mãn tâm Thập Tín, mới dự vào Sơ Trụ. Sơ Trụ được gọi là Phát Tâm Trụ. Ngài đã phát Bồ Đề tâm, bèn trụ trong Bồ Đề tâm, hết thấy việc làm đều là sự nghiệp Bồ Đề. Nhưng ở đây nói là Bồ Tát Ma Ha Tát, tức là bậc đại Bồ Tát, là Đẳng Địa Bồ Tát, thì mới có thể làm ruộng phước chân thật cho Thanh Văn và Độc Giác. Giả sử chẳng thể đoạn trừ ngũ dục thế gian, chẳng có lòng đại từ bi mà hành bố thí, tuy đã xả vô lượng vô biên tài vật để bố thí, cúng dường đủ loại các thứ, vẫn chẳng thể gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Chẳng thể gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát là vì người đó chẳng có tâm đại Bồ Tát, chẳng có tâm từ bi, mà cũng chẳng thể làm ruộng phước chân thật cho Thanh Văn và Duyên Giác.

Thêm hai chữ “*chân thật*” vào đây là có dụng ý! Trong quyển Hạ của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đã nói về “*Chỉ Quán song vận*”, đạt tới cảnh giới Nhất Thật. Tướng phước điền trong cảnh giới Nhất Thật là “*tướng vô tướng*”. Bồ Tát dùng Bồ Đề tâm để bố thí là tướng gì vậy? Tướng vô tướng! Khi bố thí là Diệu Hữu, Diệu Hữu chẳng phải là hữu, chẳng chấp trước. Diệu Hữu phi hữu là Chân Không. Đó gọi là “*Chỉ Quán song vận*”. Quán Huệ trọn đủ, thì mới có thể đạt đến phước điền chân thật. “*Thử thí bất môn thánh ấn sở ấn*” (Sự bố thí ấy chẳng được thánh ấn in vào). “*Ấn*” ở đây là nói đến Thật Tướng ấn của chư Phật. Do vậy, phải nên đoạn ngũ dục thế gian, trọn đủ đại từ bi để hành bố thí. Nếu chẳng đoạn ngũ dục thế gian, chẳng có đại từ bi mà hành bố thí, chẳng gọi là Bồ Tát. Không chỉ chẳng phải là Ma Ha Tát, mà Bồ Tát cũng chưa đạt mức! Hai chữ Bồ Tát chính là “*giác ngộ hữu tình*”, là chúng sanh có cái tâm mong thành tựu đại đạo. Chính người đó chẳng giác ngộ, làm sao có cái tâm giác ngộ chúng sanh cho được? Bồ Tát nói trọn đủ là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva). Chữ Bồ là do lược đi chữ Đề, Tát là lược bớt chữ Đỏa, nói trọn đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Vì thế, người như vậy không chỉ chẳng gọi là Bồ Tát, mà cũng chẳng phải là

phước điền thật sự. Đây là nói theo thâm nghĩa, trọn chẳng phải là nói “*đã bố thí, sẽ chẳng có phước điền*”. Đừng nên lý giải sai lầm!

Như chúng ta chẳng phải là đại Bồ Tát, chúng ta đã bố thí, cũng chẳng có phước điền. Đó là nói quý vị chẳng đạt được phước điền như Bồ Tát Ma Ha Tát. Bất quá, quý vị vẫn có phước điền, bố thí lẽ nào chẳng có phước điền? Bồ thí có thể cứu tế bản cùng, đời sau quý vị giàu có. Nhưng khi quý vị tham đắm sự giàu có, quý vị luôn tạo nghiệp, tâm quý vị chẳng thanh tịnh, quý vị đến nhân gian, có tiền mà vẫn chẳng tạo nghiệp ư? Quá khứ tích phước, đời này có địa vị, có tiền, quý vị tạo ác nghiệp càng lớn hơn nữa. Chiên-đà-la vương, Chiên-đà-la Bà-la-môn, Chiên-đà-la tể quan [như đã nói] trong phần trước mang ý nghĩa này. Vì thế, chớ nên đắm nhiễm ngũ dục. “*Thượng bất năng diệt tự thân sở hữu thiếu phần khổ não*” (Còn chẳng thể diệt chút phần khổ não vốn có nơi bản thân). Nếu chẳng diệt ngũ dục, do tham đắm ngũ dục mà hành bố thí, đó là có mục đích. Bản thân quý vị hưởng thụ ngũ dục, ngay cả một tí khổ não của chính mình còn chẳng tránh được, làm sao có thể diệt trừ vô lượng khổ não cho hết thấy hữu tình? Đây là chuyện chẳng thể nào xảy ra được!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Thành tựu tài thí luân, trí giả tịnh ý nhạo, tận ly ư ngũ dục, an lạc chư hữu tình. Vị lạc chư hữu tình, bất cầu tự quả báo. Tuy hành thiếu phần thí, nhi danh chân phước điền. Tuy phục thí chúng đa, nhi y chỉ ngũ dục, phi thánh ấn sở ấn, trụ Bất Định Tự trung. Tuy hành thiếu phần thí, nhi bất y ngũ dục, danh Thanh Văn, Độc Giác, chân thật lương phước điền. Cố ưng xả ngũ dục, thường hành thanh tịnh thí, an lạc hữu tình chúng, thành chân thật phước điền.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「成就財施輪，智者淨意樂，盡離於五欲，安樂諸有情。為樂諸有情，不求自果報。雖行少分施，而名真福田。雖復施眾多，而依止五欲，非聖印所印，住不定聚中。雖行少分施，而不依五欲，名聲聞獨覺，真實良福田。故應舍五欲，常行清淨施，安樂有情眾，成真實福田。」

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Thành tựu tài thí luân, bậc trí tịnh ý thích, lìa hết khỏi ngũ dục, an lạc các hữu tình. Vì lợi lạc hữu tình, chẳng cầu hưởng quả báo. Tuy bố thí chút phần, gọi là chân phước điền. Tuy lại thí rất nhiều, nhưng nương theo ngũ dục, thánh ấn chẳng in vào, trụ trong Bất Định Tu. Tuy bố thí chút phần, chẳng nương vào ngũ dục, là ruộng phước chân thật, của Thanh Văn, Độc Giác. Hãy nên xả ngũ dục, thường bố thí thanh tịnh, an lạc các hữu tình, thành phước điền chân thật).

Nếu thành tựu môn Bồ Tát Bồ Thí Giáp Trụ Luân này, người có trí huệ sẽ có thể thanh tịnh. Sự tin ưa và ý niệm suy nghĩ của người ấy đều có thể lìa khỏi ngũ dục, chẳng tham đắm ngũ dục, có thể an lạc hết thảy hữu tình chúng sanh. Vì muốn an lạc hết thảy hữu tình, cho nên người ấy chẳng cầu quả báo cho chính mình. Cái tâm bố thí là thanh tịnh thì vật dùng để bố thí cũng thanh tịnh. Do chúng ta xen tạp rất nhiều thứ ô uế, tuy bố thí, cúng dường, mà tâm chẳng thanh tịnh, người nhận bố thí sẽ được lợi ích rất ít, cũng chẳng thanh tịnh. Họ nhận vật bố thí từ quý vị, có thể là vẫn tạo nghiệp. Loại phản ứng dây chuyền này có mối quan hệ lợi hại to lớn dường ấy. Do vậy, khi bố thí, trong tâm nhất định phải thanh tịnh, chẳng cầu quả báo cho chính mình. Dầu bố thí chút phần, mà được gọi là phước điền chân thật. Khi Bồ Tát hành bố thí, Ngài sẽ chẳng cầu lợi ích cho chính mình chút nào, tất cả đều bố thí cho chúng sanh, thì mới có thể làm phước điền thật sự cho chúng sanh.

“Tuy phục thí chúng đa, nhi y chỉ ngũ dục, phi thánh ấn sở ấn, trụ Bất Định Tu trung” (Tuy bố thí rất nhiều, nhưng nương theo ngũ dục, thánh ấn chẳng in vào, trụ trong Bất Định Tu): Tuy bố thí rất nhiều thứ, rất nhiều vật chất, thậm chí pháp sư còn thuyết pháp cho người khác, nhưng nếu tâm của chính mình chẳng thanh tịnh, quý vị thuyết pháp có ô nhiễm, người nghe cũng chẳng thể thanh tịnh được!

Ngoài ra, khi bố thí, quý vị phải quán cơ (觀機, xem xét căn cơ). Trong phần trước, chúng ta đã nói: Chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với người thuộc căn cơ Thanh Văn Thừa. Chẳng sai lầm đối với căn cơ, tức là căn cơ và pháp phải ăn khớp. Nếu căn cơ không đúng với pháp, pháp chẳng có tác dụng. Pháp chẳng đúng với căn cơ, thì pháp ấy cũng chẳng có tác dụng. Nếu y chỉ ngũ dục để hành bố thí, đức Phật chẳng ấn khả chuyện ấy. Quý vị sẽ thuộc vào đâu? Phước đức bố thí của quý vị rốt cuộc sẽ thành thánh quả, hay vẫn

thành phàm phu? Chẳng nhất định. Vì chẳng biết ý nguyện Bồ thí như thế nào? “*Bất Định Tự*” tức là chẳng biết quý vị là Đại hay Tiểu, có hàm nghĩa như thế đó. Thí nhiều mà y chỉ ngũ dục thì không được! Nếu thí ít, “*tuy hành thiếu phần thí, nhi bất y ngũ dục*” (tuy Bồ thí chút phần, nhưng chẳng nương theo ngũ dục): Tuy người ấy xả rất ít vật chất, nhưng chẳng thuận theo ngũ dục, chẳng mong cầu ngũ dục. Đây mới là thành tựu phước điền chân thật cho Thanh Văn và Độc Giác.

“*Cố ưng xả ngũ dục, thường hành thanh tịnh thí, an lạc hữu tình chúng, thành chân thật phước điền*” (Hãy nên xả ngũ dục, thường Bồ thí thanh tịnh, an lạc các hữu tình, thành phước điền chân thật): Quý vị dâng tặng Bồ thí, cúng dường chúng sanh, trở thành phước điền chân thật. Chúng sanh được quý vị Bồ thí, được quý vị cúng dường, họ cũng có thể dùng các tài vật của quý vị, trong tâm cũng thanh tịnh, cũng có thể quy y, kính tín Tam Bảo.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát hữu thập Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, túc năng hoạch đắc Nhật Đăng Quang Định, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Hà đẳng vi thập? Vị chư Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoặc Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc dữ Đại Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc thế gian pháp, hoặc xuất thế gian pháp, hoặc hữu lậu pháp, hoặc vô lậu pháp, hoặc hữu vi pháp, hoặc vô vi pháp, hoặc bất nhị pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát ư thử thập pháp thâm tín, kính trọng, nhất thiết thỉnh văn, tùy lực sở năng, thâm để lãnh thọ, tư duy, quán sát, cứu cánh thông lợi, tùy kỳ sở nghi, vị tha diễn thuyết. Ư thuyết pháp thời, vô tật đồ tâm, vô xan lận tâm, vô kiêu mạn tâm, vô cầu lợi tâm, vô khinh tha tâm, vô tự cử tâm, hữu cung kính tâm, hữu nhiều ích tâm, hữu đại từ tâm, hữu đại bi tâm. Vị Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La thuyết Thanh Văn pháp, bất vị bỉ thuyết Độc Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp. Vị Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La thuyết Độc Giác pháp, bất vị bỉ thuyết Thanh Văn Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp. Vị ư Đại Thừa Bồ Đặc Già La thuyết Đại Thừa pháp, bất vị bỉ thuyết Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp. Tùy chư hữu tình căn khí sở năng, vị thuyết chánh pháp. Phi căn khí giả, chung bất

vị thuyết. Ư kỳ Đại Thừa chư hữu tình sở, chung bất khuyến tu Độc Giác Thừa hạnh, Thanh Văn Thừa hạnh. Ư Độc Giác Thừa chư hữu tình sở, hoặc thời khuyến bỉ tu Đại Thừa hạnh. Ư Thanh Văn Thừa chư hữu tình sở, hoặc thời khuyến tu Độc Giác Thừa hạnh, cập Đại Thừa hạnh. Ư chư Như Lai sở thuyết chánh pháp, hạ chí nhất tụng, nãi chí bán cú, thâm tín, kính trọng, chung bất hủy báng, chương tế, ẩn một. Ư thuyết pháp sư, khởi Thế Tôn tướng. Ư thính pháp chúng, khởi bệnh giả tướng. Ư sở thuyết pháp, khởi lương dược tướng, đoạn trừ ngũ dục, vô sở hy cầu, tuyên thuyết chánh pháp. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát thập chủng Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, năng đoạn ngũ dục, tốc năng hoạch đắc Nhật Đăng Quang Định, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩有十法施大甲冑輪。

若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，速能獲得日燈光定，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。何等為十？謂諸如來所說正法，或聲聞乘相應正法，或獨覺乘相應正法，或與大乘相應正法，或世間法、或出世間法，或有漏法、或無漏法，或有為法、或無為法，或不二法。菩薩摩訶薩於此十法，深信敬重一切聽聞，隨力所能審諦領受，思惟觀察究竟通利，隨其所宜為他演說。於說法時，無嫉妒心，無慳吝心，無憍慢心，無求利心，無輕他心，無自舉心，有恭敬心，有饒益心，有大慈心，有大悲心。為聲聞乘補特伽羅，說聲聞法，不為彼說獨覺乘法及大乘法。為獨覺乘補特伽羅，說獨覺法，不為彼

說聲聞乘法及大乘法。為於大乘補特伽羅，說大乘法，不為彼說聲聞乘法、獨覺乘法。隨諸有情根器所能，為說正法。非根器者，終不為說。於其大乘諸有情所，終不勸修獨覺乘行、聲聞乘行。於獨覺乘諸有情所，或時勸彼修大乘法行。於聲聞乘諸有情所，或時勸修獨覺乘行及大乘法行。於諸如來所說正法，下至一頌乃至半句，深信敬重，終不毀謗、障蔽、隱沒。於說法師起世尊想。於聽法眾起病者想。於所說法起良藥想，斷除五欲，無所希求，宣說正法。善男子！是名菩薩摩訶薩，十種法施大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，能斷五欲，速能獲得日燈光定，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát có mười Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, có thể mau chóng đạt được Nhật Đăng Quang Định, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, làm ruộng phước lớn cho trọn khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Những gì là mười? Chính là chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc chánh pháp tương ứng Thanh Văn Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng Độc Giác Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng Đại Thừa, hoặc là pháp thế gian, hoặc là pháp xuất thế gian, hoặc là pháp hữu lậu, hoặc là pháp vô lậu, hoặc là pháp hữu vi, hoặc là pháp vô vi, hoặc là pháp bất nhị. Đối với mười pháp ấy, Bồ Tát Ma Ha Tát tin sâu, kính trọng, hết thấy nghe nhận, tùy theo năng lực mà suy xét chắc thật, lãnh nhận, tu duy, quan sát, rốt ráo thông lợi, tùy theo lẽ đáng nên mà vì người khác diễn thuyết. Trong khi thuyết pháp, chẳng có tâm ghen tỵ, chẳng có tâm keo tham, chẳng có tâm kiêu căng, ngạo mạn, chẳng có tâm cầu lợi, chẳng có tâm khinh rẻ kẻ khác, chẳng có tâm tự đề cao, có tâm cung

kính, có tâm tạo lợi ích, có tâm đại từ, có tâm đại bi. Vì Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La nói pháp Thanh Văn, chẳng vì họ nói pháp Độc Giác Thừa và pháp Đại Thừa. Vì Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La nói Độc Giác pháp, chẳng vì họ nói pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa. Vì các Đại Thừa Bồ Đặc Già La nói pháp Đại Thừa, chẳng vì kẻ đó nói pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa. Tùy theo căn khí của các hữu tình có thể tu tập mà nói chánh pháp cho họ. Đối với kẻ chẳng phải căn khí, sẽ trọn chẳng nói. Nơi các hữu tình Đại Thừa, trọn chẳng khuyên họ tu hạnh Độc Giác Thừa hay hạnh Thanh Văn Thừa. Nơi các hữu tình Độc Giác Thừa, hoặc có lúc khuyên họ tu hạnh Đại Thừa. Nơi các hữu tình Thanh Văn Thừa, hoặc là có lúc khuyên họ tu hạnh Độc Giác Thừa và hạnh Đại Thừa. Đối với chánh pháp do các đức Như Lai đã nói, dầu chỉ một bài kệ tụng, cho đến nửa câu, đều tin sâu, kính trọng, trọn chẳng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu. Đối với vị thầy thuyết pháp, tưởng như đức Thế Tôn; đối với người nghe pháp, tưởng như người bệnh. Đối với pháp nói ra, tưởng như là thuốc lành, đoạn trừ ngũ dục, chẳng có mong cầu, tuyên nói chánh pháp. Này thiện nam tử! Đó gọi là mười loại Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, có thể đoạn ngũ dục, có thể mau chóng đạt được Nhật Đăng Quang Định, vượt hơn hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, vì trọn khắp hết thầy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thầy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Đây là Pháp Thí, câu trước nói về Tài Thí. Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân. “Đại giáp trụ luân” là cách nói hình dung, hình dung cái tâm thanh tịnh của Bồ Tát. Trong khi quý vị làm một việc gì đó, trước hết phải lắng lòng: Chuyện này phải nên phát tâm như thế nào? Phải phát Bồ Đề tâm. Do cái tâm Bồ Đề ấy, sẽ có thể sanh khởi trí huệ phương tiện. Khi quý vị lợi sanh, sẽ có thể quán thời gian và căn cơ để bố thí, chẳng nầy sanh sai lầm lệch lạc, chẳng nầy sanh lầm lộn. Nếu lúc đại Bồ Tát thành tựu luân này, tức Pháp Thí Đại Giáp Luân, sẽ giống như khi Ngài mới vừa phát tâm trong phần trước: Ngũ dục đều có thể đoạn dứt. Đoạn dứt ngũ dục, sẽ đạt được công đức, công đức gì vậy? Đắc một môn Định, tức Nhật Đăng Quang Định. Môn Định này là một môn trong một trăm lẻ tám tam-muội, thuộc loại Lăng Già Định. Nhật là “nhật quang” (ánh sáng của mặt trời), Đăng là “đăng quang” (ánh sáng của đèn), tức là hình dung vị ấy có thể phá trừ hắc ám cho chúng sanh, mà cũng phá trừ

hắc ám của chính mình. Có quang minh chiếu soi, có trí huệ, đó là điều mà hết thầy Thanh Văn, Độc Giác đều chẳng có. Do vậy nói Ngài vượt xa hết thầy Thanh Văn và Độc Giác, cho nên có thể làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn và Độc Giác, hết thầy Thanh Văn và Độc Giác đều phải nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. “*Thừa sự*” có nghĩa là đệ tử [phụng sự] đối với bậc thượng sư, hoặc đối với bậc đại thiện tri thức.

Đây là nói tổng quát, tiếp đó bèn nói phân biệt. Bất quá, trong phẩm Phước Điền Tướng, trong phần trước, đức Phật đã nói đại lược mười tài luân (Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân), nói gộp chung lại. Những gì là mười? Bồ thí thức ăn, xe cộ, voi, ngựa, tay, chân của chính mình, cũng là mười loại. Hễ trọn đủ cái tâm đại bi là được rồi. Pháp Thí trong hiện thời cũng giống như thế, người ấy từ khi mới phát tâm, đức Nhật Đăng Quang Định, hơn hẳn hết thầy Thanh Văn, Duyên Giác. Khi người ấy thuyết pháp, tức thánh pháp do đức Như Lai đã dạy, [hễ căn cơ của người nghe] tương ứng Thanh Văn Thừa bèn nói pháp Thanh Văn Thừa, tức là đối ứng với căn cơ Thanh Văn Thừa. “*Tương ứng*” là Du Già. Hiện thời, nói đến “*Du Già*” thì chính là “*tương ứng*” trong tiếng Hán. Khi tương ứng, chính là pháp và căn cơ tương ứng. Vừa nghe pháp, người ấy có thể tu hành. Tu hành có thể đắc đạo, có thể nhập Định. Nếu chẳng tương ứng, người ấy là [căn cơ] Thanh Văn Thừa, quý vị lại nói pháp Độc Giác Thừa, nói pháp nhân duyên, hoặc là nói pháp Lục Độ của Đại Thừa, người ấy sẽ chẳng nắm được, sẽ cho rằng Phật pháp vô ích đối với mình, cho nên quý vị chỉ có thể nói Thập Thiện Nghiệp cho người ấy. Quý vị giảng kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật cho người ấy, người ấy chẳng thể hiểu. Nếu nói với người ấy, “*Phật pháp là Không*”, từ đây về sau, người ấy sẽ sanh khởi Đoạn Diệt Không, chuyện gì cũng đều chẳng làm! Ngược lại, còn tạo nghiệp. Đó là “*chẳng đúng căn cơ*”. Chẳng đúng căn cơ, sẽ chẳng đạt được lợi ích, chánh pháp do Như Lai đã nói đối với người nghe sẽ trở thành tà pháp. Người ấy không chỉ đạt được lợi ích, mà còn sanh khởi tội lỗi báng pháp!

Tương ứng với Thanh Văn Thừa thì sao? Nói chung là pháp Tứ Đế. Tương ứng với Độc Giác Thừa thì sao? Pháp nhân duyên, tức pháp mười hai nhân duyên. Chánh pháp tương ứng với Đại Thừa thì sao? Chính là pháp Lục Độ. Điều này bao gồm rất nhiều thứ, hoặc là pháp thế gian, hoặc là pháp xuất thế gian, hoặc là pháp hữu lậu, hoặc là pháp vô lậu. Pháp thế gian là hữu lậu, pháp xuất thế gian là vô lậu. Hai thứ này, mỗi thứ đều có hàm nghĩa; trong mỗi đoạn sau, sẽ đều có giải thích. Hoặc là pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi, hoặc pháp bất nhị. Pháp bất nhị

chính là pháp rốt ráo. Nếu mọi người đã từng nghe kinh Duy Ma Cật, [hãy biết] đó là pháp môn Bất Nhị. Nói chung là “*nhiễm và tịnh chẳng hai*”. Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều là bất nhị, như trong kinh Duy Ma Cật, Văn Thù Bồ Tát hỏi cư sĩ Duy Ma Cật: “*Như thế nào là pháp môn Bất Nhị?*” Cư sĩ Duy Ma Cật đáp: “*Hành dâm, nộ, si là pháp môn Bất Nhị*”. Dâm, nộ, si chính là Giới, Định, Huệ.

Trong một đoạn khác, khi Văn Thù Bồ Tát hỏi Duy Ma Cật về pháp môn Bất Nhị, cư sĩ chẳng nói lời nào! Mọi người nói rất nhiều pháp môn Bất Nhị, khi hỏi tới Ngài, Ngài chẳng mở miệng. Văn Thù Bồ Tát liền tán thán: “*Đấy mới là pháp môn Bất Nhị chân chánh!*” Pháp môn Bất Nhị là gì? Ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xú diệt. Chẳng thể tư duy, chẳng thể dùng ngôn ngữ để biểu đạt. Đó là pháp môn Bất Nhị. Nếu đối với mười pháp này, sanh lòng tin tưởng, kính trọng sâu xa, hết thầy người nghe tùy theo khả năng của chính mình. Quý vị là căn cơ gì, có thể làm được bao nhiêu, sẽ lãnh hội bấy nhiêu. Chúng ta suy xét, tư duy cặn kẽ, quán sát đúng lý, suy xét chắc thật rồi lãnh thọ trong tâm. “*Thọ*” là trong tâm nhận lãnh. Tư duy, quán sát như thế, thì mới có thể thông suốt rốt ráo, mới có thể thông đạt! Nghe mà chẳng suy nghĩ, sẽ quên bằng. Quên bằng thì có khác gì chẳng học, chẳng nghe! Suy nghĩ mà không hành, sẽ biếng nhác. Suy nghĩ mà chẳng thực hiện thì cũng như không!

Chẳng hạn như chúng ta tu tập kinh Thập Luân, phải tu hành pháp Thập Luân. Nếu chúng ta tu hành pháp Tịnh Độ, nghe kinh Vô Lượng Thọ, hoặc kinh A Di Đà xong, nghe rất nhiều, quý vị chẳng làm, vô dụng! Đả Phật Thất thì được. Giống như lão pháp sư Diệu Cảnh đến chùa Quán Âm đả Phật Thất, tham gia Phật Thất là được rồi, “*hành*” là thực hiện, “*thực hiện*” là tu hành. Nhưng quý vị phải chú ý, niệm Phật phải từ tâm khởi, niệm rồi phải trở về tâm. Niệm nào cũng từ tâm khởi, niệm nào cũng đều quy vào tâm. Đó chính là pháp môn Bất Nhị như chúng tôi đã nói. A Di Đà Phật là ta, ta là A Di Đà Phật, ắt phải quán như thế. Đây cũng là pháp môn Bất Nhị. Tự và tha chẳng hai, năng niệm (người niệm Phật) là ta, sở niệm (đối tượng được niệm) là A Di Đà Phật. Năng niệm và sở niệm cùng một Thể, cùng một Pháp Thân. Lão pháp sư Từ Châu khai thị về niệm Phật, đã phối hợp với mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát: “*Niệm một câu A Di Đà Phật bèn tương ứng với mười đại nguyện Phổ Hiền*”. Đây là vào năm 1940, Ngài đã khai thị như thế trong một Phật Thất. Đó là pháp môn Bất Nhị.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát u thử thập pháp, thâm sanh kính trọng*” (Bồ Tát Ma Ha Tát sanh lòng kính trọng sâu xa đối với mười pháp này): Quý vị có trí huệ to cỡ nào, có thể sanh khởi bao nhiêu quán chiếu, có Định lực to cỡ nào? Có thể tiếp nhận được bao nhiêu? Tư duy là Định, quan sát là Huệ; phải cùng vận dụng Định và Huệ, như thế thì mới có thể đạt đến rốt ráo. Nếu quý vị sanh vào thế giới Cực Lạc sẽ thông suốt, thế giới Cực Lạc ở ngay trong cái tâm của quý vị. A Di Đà Phật là quý vị, quý vị có thể thành tựu như thế. Đó gọi là “*tùy kỳ sở nghi*”. Bồ Tát Ma Ha Tát dùng mười pháp này để giáo hóa hết thảy chúng sanh; đây là pháp cúng dường, dùng pháp để bố thí. Đây gọi là Pháp Thí. Nhưng khi thuyết pháp, chớ nên có tâm ghen tỵ, chớ nên mang tâm bủn xỉn, chớ nên có tâm kiêu mạn, chẳng thể có tâm cầu lợi, chẳng thể có tâm khinh thường người khác. Còn phải biết quán cơ thuyết pháp. Tôi đã phạm lỗi làm ấy, vì tôi không biết xem xét căn cơ, chẳng có đức hạnh ấy, chẳng có thần thông ấy. Tôi có ý niệm gì? Chỉ cần khi tôi cùng mọi người học tập, quý vị tới nghe thì là hữu duyên. Nếu quý vị muốn nghe kinh Đại Tập Thập Luân, đó là hữu duyên. Quý vị tới nghe, tôi nói với quý vị, vậy là chẳng sai lầm! Quý vị nghe giảng mà chẳng thích nghe, hai người chúng ta vô duyên, quý vị rời đi, tôi cũng chẳng phạm sai lầm, quý vị cũng chẳng phạm sai lầm! Quý vị một mực nghe đến hết, có thể đạt được đôi chút lợi ích, đối với tôi mà nói, tôi cũng chẳng có công đức gì, nhưng nói về phía quý vị, quý vị thật sự đạt được lợi ích. Đây là có thể nhập Phật môn.

Mỗi vị đạo hữu chúng ta khi hoằng dương Phật pháp, hướng về người khác tuyên truyền, đối diện với thân hữu vây quanh, khuyên họ niệm một câu A Di Đà Phật, quý vị cũng là đang nói chánh pháp. Khả nhiều đạo hữu hỏi tôi: “Con có thể giúp người khác bằng cách nào? Làm thế nào để có thể độ người khác?” Tôi đáp: “Quý vị có thể hành Bồ Tát đạo”. “Con có thể hành Bồ Tát đạo ư?” Tôi nói: “Quý vị cứ làm theo thế này là được, quý vị có biết niệm Phật hay không?” “Biết ạ!” Tôi nói: “Quý vị có thể nói cho người khác biết lợi ích do niệm Phật hay không?” “Có thể ạ!” Tôi bảo: “Đây là hành Bồ Tát đạo!” Về phần nghĩa lý rất sâu, tôi là chuyên nghiệp, quý vị là dân không chuyên. Quý vị có thể làm như vậy, còn mạnh hơn tôi, quý vị cũng chẳng vì danh, vì lợi, chẳng phải vậy hay sao?

Bất luận vị đạo hữu nào giúp đỡ người khác, ngàn vạn lần phải chú ý, điều thứ nhất: Chẳng vì danh, chẳng vì lợi. Chỉ “*chẳng vì danh, chẳng vì lợi*” thì vẫn chưa đủ, còn phải chớ nên có tâm kiêu mạn, chẳng

có tâm bủn xỉn, chẳng có tâm cầu lợi, chẳng có tâm khinh rẻ người khác: “Người không hiểu! Ta nói cho người thì hay hơn!” Đó là tâm khinh mạn. Tuy quý vị chẳng biểu đạt thành lời, dường như chính mình cũng chẳng khinh mạn, nhưng nói người ta không hiểu thì chính là khinh mạn! Bồ Tát thuyết pháp, đối với lợi căn hay độn căn đều bình đẳng, sẽ chẳng vì chúng sanh này rất ngu si, nói một lần không hiểu, nói hai lần vẫn không hiểu, nói mười lần vẫn không hiểu [bèn khinh thường, buông bỏ], mà kẻ lợi căn thì chỉ cần nói một lần đã hiểu [bèn yêu mến, trân trọng]. Nhìn từ phía Bồ Tát, hai đảng đều bình đẳng, sẽ chẳng vì người này là lợi căn mà đặc biệt tốt hơn một chút, đối với kẻ độn căn sẽ chẳng thêm quan tâm, vì kẻ đó phiền quá! Có đạo hữu hay hỏi là vì họ chẳng biết thì mới hỏi nhiều một tí, quý vị đừng nghĩ là quá phiền toái, sanh tâm phiền chán. [Nếu sanh tâm phiền chán], tức là trong ấy đã chứa đựng cái tâm khinh mạn kẻ đó.

“*Vô tự cử tâm*” (Không có tâm tự đề cao): “*Tự cử*” (自舉) là tuyên dương chính mình. “*Tuyên dương*” bằng cách nào? Hiện thời quá nhiều. Chúng tôi chẳng cần nêu thí dụ mà [quý vị] vẫn có thể biết. Luôn làm cho mọi người biết ưu điểm của chính mình. Vậy thì người khác đều chẳng ra sao, chỉ có ta rất tốt. “*Tự cử*” là khinh người khác, khinh người khác nhằm thể hiện chính mình. Đó là sai lầm, chỉ sợ chúng sanh phạm [lỗi này] rất nhiều! Trong lúc vô tình hay hữu ý, rất dễ phạm. Đó là chẳng có tâm cung kính người khác. Cung kính người khác, sẽ chẳng nghĩ đến chính mình, trong ấy có chứa đựng ý nghĩa như vậy. Phải có tâm nhiều ích (饒益, tạo lợi ích cho người khác), có tâm đại từ, có tâm đại bi, có cái tâm ấy, như thế thì từ cái tâm cung kính, sẽ cung kính hết thảy chúng sanh, “*họ là vị lai Phật*”, thường quán tưởng như thế. Tất cả mọi người biết Lục Tổ đại sư nghe người khác niệm kinh Kim Cang, Ngài khai ngộ, nhưng người niệm kinh Kim Cang ấy chưa từng được nhắc đến! Đương nhiên là người ấy chẳng ngộ, nhưng Lục Tổ nghe rồi khai ngộ, nhất định phải hiểu đạo lý này. Chỉ vì đây là bậc đại căn khí, tức là nói đến bậc Bồ Tát Ma Ha Tát, khi các Ngài hành Pháp Thí, sẽ có đạo đức, có Tha Tâm Thông. Đối với người thuộc Thanh Văn Thừa, Ngài sẽ tuyệt đối chẳng nói pháp Độc Giác Thừa, cũng chẳng nói pháp Đại Thừa. Đối với người thuộc Độc Giác Thừa, cũng chẳng nói pháp Thanh Văn Thừa cho họ, cũng chẳng nói pháp Đại Thừa. Đối với người thuộc căn khí Đại Thừa, tức là đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, sẽ không nói với họ pháp Thanh Văn, hoặc nói pháp Độc Giác. Tùy theo căn khí của

hữu tình, họ có thể tiếp nhận, có thể lãnh ngộ pháp nào, bèn thuyết chánh pháp cho họ. Pháp tam thừa đều là chánh pháp, nhưng kẻ chẳng phải là căn khí, chẳng có thiện căn ấy, cũng chẳng thể lãnh hội nổi!

“*U kỳ Đại Thừa chư hữu tình sở*” (Đối với các hữu tình Đại Thừa): Những người thuộc căn khí Đại Thừa, quý vị đừng khuyên họ tu theo phương pháp tu hành của Độc Giác Thừa, cũng đừng khuyên họ tu theo phương pháp của Thanh Văn Thừa. Nhưng trong ba thừa, trong phần trước, khi nói về Thập Thiện Nghiệp Đạo Luân, đã có nói “*chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La*”, pháp tam thừa và người thuộc tam thừa tuyệt đối chẳng thể lẫn lộn, [phải biết rõ] đối với căn cơ nào thì phải nói pháp nào! Như thế thì đối với loại chúng sanh nào, sẽ khuyên họ tu loại pháp nào [thích hợp]; pháp tam thừa là nói chung. Như tôi nói suốt ba tháng, cũng chẳng nói được mấy câu là chánh pháp. Pháp là chánh, nhưng con người tôi dường như chẳng chứng đắc chánh tri chánh kiến, vẫn chẳng hoàn toàn là chánh, có khi còn lệch lạc, sai lầm. Đó là điều đáng nên sám hối. Nhưng pháp là chánh, quý vị hãy y pháp, đừng y người! Quý vị đối với người thuyết pháp là cái tâm gì, đối với người ấy tưởng như thế nào, nếu quý vị có thể sanh khởi tâm niệm tưởng người ấy như Thế Tôn, quý vị sẽ là Phật, Bồ Tát. Quý vị là tâm Phật. Nếu quý vị thấy kẻ tham danh, yêu lợi, chắc quý vị cũng có đôi chút vấn đề đối với danh lợi!

Có một câu chuyện cũ, mọi người có thể nghe tỷ dụ này. Khi Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn hai người cùng tản bộ, Tô Đông Pha liền hỏi thiền sư Phật Ấn: “Thầy thấy tôi như thế nào?” Thiền sư Phật Ấn đáp: “Ông mập mập, lại có phước báo, còn là quan lại, giống như một vị Phật”. Tô Đông Pha trong lòng rất khoái trá, rất thỏa mãn, rất sung sướng. Tiếp tục đi, đi một hồi lâu, Tô Đông Pha hỏi thiền sư Phật Ấn: “Sao thầy không hỏi tôi, thầy giống như gì?” Sư đáp: “Tôi chẳng cần hỏi ông, tôi chẳng có gì muốn hỏi ông”. Ông ta nói: “Thầy phải nên hỏi tôi chứ!” Sư đáp: “Được rồi! Tôi hỏi ông, ông thấy tôi giống như gì?” Tô Đông Pha nói: “Tôi thấy thầy giống như một bãi cát chứ!” Thiền sư Phật Ấn cười xòa, cũng chẳng nói gì, chuyện ấy kết thúc. Về nhà, Tô Đông Pha kể lại với cô em gái. Tô tiểu muội là người có trí huệ. Ông ta khoe: “Hôm nay anh chiến thắng hòa thượng, trước nay chưa hề thắng ông ta”. Tô tiểu muội liền hỏi: “Anh chiến thắng như thế nào? Có thể kể cho em nghe hay không?” Ông ta kể lại đầu đuôi. Tô tiểu muội nói: “Anh thua chắc rồi, anh thua hoàn toàn!” “Ừ! Sao anh thua được?” “Tâm người ta

là Phật tâm, thấy anh giống như Phật. Còn tâm anh là cút chó, cho nên thấy người ta giống như cút chó!” Những lời ấy rất có ý nghĩa! Mỗi người thấy khác nhau. Vì sao thấy khác nhau? Vì quý vị chỉ có trí huệ lớn chừng ấy! Trong chúng ta còn có những người từ đầu đến cuối chẳng thể liễu giải Phật pháp. Vì sao chẳng thể liễu giải? Mới vừa học một chút, đã mong thâm nhập Phật pháp, chẳng thể nào! Tôi nói lời này vì chính mình đã tự thể nghiệm. Tôi xuất gia đến nay đã sáu mươi bốn năm, vẫn chẳng liễu giải như thế nào! Tôi thường nghĩ đến Lư Sơn trong một bài thơ của Tô Đông Pha: “*Hoành khán thành lãnh, trác thành phong, viễn cận cao đê các bất đồng, bất thức Lư Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung*” (Nhìn ngang thành rặng, dọc thành chòm, cao, thấp, gần, xa mỗi khác nhau. Chẳng biết Lư Sơn chân diện mục, vì thân vẫn ở trong non này). Chúng ta đọa trong cái hố bùn lầy ấy, làm sao có thể nhận thức Phật pháp? Ngay cả pháp thế gian còn chẳng nhận thức! Có thể thật sự thiện xảo nhận biết pháp thế gian, thì quý vị sẽ thoát khỏi nó. Nếu quý vị nhận biết, chiếu theo lời Phật mà tin tưởng kiên cố, chẳng đổi dời. Ta luôn kiên cố tin tưởng lời đức Phật nói, chẳng đổi dời. Đức Phật nói đây là ngũ trược ác thế, quý vị còn tham luyến chi nữa? Quý vị còn muốn tìm kiếm vui sướng trong cõi này nữa ư? Chẳng có vui sướng! Do vậy, chớ nên tham ngũ dục! Thiện nam tử! Đây là mười loại Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát Ma Ha Tát.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Trí giả tu pháp thí, tùy khí thuyết tam thừa, bất vị thuyết dư thừa, khứng văn nhi báng pháp. Xưng căn khí thuyết pháp, bất vị phi căn khí, các tùy kỳ sở nhạo, khuyến tấn linh hoan hỷ. Chung bất khuyến Đại Thừa, linh tu Nhị Thừa hạnh, hoặc thời khuyến bỉ nhị, tấn tu trung thượng thừa. Thường cung kính văn pháp, thâm tín bất hủy báng, cúng dường thuyết pháp sư, như Phật Thế Tôn tướng. Khuyến văn diệu pháp dục, linh trừ phiền não bệnh, xả lợi dưỡng, danh dự, nhi tuyên thuyết chánh pháp.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「智者修法施，隨器說三乘，不為說餘乘，恐聞而謗法。稱根器說法，不為非根器，各隨其所樂，勸進令歡喜。終不勸大乘，令修二乘行，或時勸彼二，進修中上乘。常恭敬聽法，深信

不設謗，供養說法師，如佛世尊想。勸聞妙法藥，令除煩惱病，舍利養名譽，而宣說正法。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Bậc trí tu Pháp Thí, tùy cơ nói tam thừa, chẳng vì nói thừa khác. Sợ nghe rồi báng pháp. Thuyết pháp xúng căn khí, chẳng vì sai căn khí, tùy lòng họ ưa thích, khuyến khích sanh hoan hỷ. Trọn chẳng khuyên Đại Thừa, tu theo hạnh Nhị Thừa. Có lúc khuyên Nhị Thừa, tấn tu trung thượng thừa. Thường cung kính nghe pháp, tin sâu, chẳng hủy báng. Cúng dường thầy thuyết pháp, tưởng như Phật Thế Tôn. Khuyến nghe thuốc diệu pháp, khiến trừ bệnh phiền não, bỏ lợi dưỡng, danh dự, mà tuyên nói chánh pháp).

Trong khi đức Phật đang nói pháp, thường xuyên có trùng tụng. Trong kinh có ghi chép hàm nghĩa của trùng tụng: Mỗi khi đức Phật thuyết pháp, sợ mọi người chẳng nhớ được, hoặc có khi nói xong, quý vị lại bỏ sót. Hoặc là khi nghe, quý vị chưa nghe thấy, hoặc có lúc quý vị đi xa, nghe có cơ hội đức Phật thuyết pháp bèn tìm đến, do phần Trường Hàng đã giảng xong, đức Phật bèn nhắc lại một lượt. Cho nên gọi là Trùng Tụng (重頌, Geya, Kỳ Dạ). Lại còn Cô Khởi Tụng, khác hẳn. Cô Khởi Tụng là đức Phật hoàn toàn dùng thể tài kệ tụng để thuyết pháp. Do chẳng có phần kinh văn Trường Hàng, nên gọi là Cô Khởi (孤起, Gāthā, Già Đà). Ở đây là Trùng Tụng.

“Trí giả tu Pháp Thí, tùy khí thuyết tam thừa” (Bậc trí tu Pháp Thí, tùy cơ nói ba thừa): Nếu người có trí huệ muốn học tập, vận dụng Pháp Bố Thí để thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh, khi bố thí [pháp] cho chúng sanh, sẽ tùy theo căn khí của chúng sanh mà nói pháp Thanh Văn, Độc Giác, hay Đại Thừa. Tùy theo căn cơ, tùy thuộc người ấy là loại pháp khí đáng nhận lãnh pháp nào, bèn nói cho người ấy pháp thuộc thừa đó. “Bất vị thuyết dư thừa” (Chẳng vì người đó nói pháp thuộc thừa khác), đối với người đáng nhận lãnh Thanh Văn Thừa, sẽ không nói cho người đó pháp Đại Thừa. Đối với kẻ đáng nhận lãnh pháp Đại Thừa thì cũng chẳng nói cho họ nghe pháp Thanh Văn Thừa hay Độc Giác Thừa. Vì sao phải làm như vậy? “Khùng văn nhi báng pháp” (Sợ nghe rồi sẽ báng pháp): Vì họ nghe thấy xong, không chỉ chẳng tin, mà còn hủy báng. Do vậy, không chỉ là chẳng độ chúng sanh, mà ngược lại còn tăng thêm tội nghiệp cho chúng sanh.

“*Xúng căn khí thuyết pháp, bất vị phi căn khí, các tùy kỳ sở nhạo, khuyến tấn linh hoan hỷ*” (Xúng căn khí thuyết pháp, chẳng vì kẻ chẳng phải căn khí mà nói, đều thuận theo lòng ưa thích của mỗi người mà khuyến khích, khiến cho họ hoan hỷ): Thuyết pháp đúng với căn khí. Đúng với căn khí cũng chính là đúng với căn cơ. Nếu người ấy chẳng phải là căn cơ, chẳng phải là căn khí của pháp ấy, quý vị tùy duyên là được rồi, tùy thuộc người ấy thích gì, bèn nói cho người ấy pháp đó. Người ấy chẳng phải là căn khí Đại Thừa, quý vị liền nói pháp Nhị Thừa, nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nói thế giới này đều là khổ. Quý vị phải biết Khổ, đoạn Tập. Khéo nói thì thậm chí nếu họ chẳng biết, quý vị bèn thuận theo pháp thế gian, nói pháp thế gian cho khéo. Giảng giải nhân, nghĩa, lễ, trí, tín cũng được, nói về đạo lý làm người, nói “làm người thì phải trọn tư cách làm người, chẳng thể giống như súc sanh”. Dường như là đối với người như thế nào, bèn thuyết pháp như thế đó. Đối với kẻ tham ngữ dục, quý vị chẳng thể thuận theo họ nói về ngữ dục, mà ắt phải nói lỗi hại của ngữ dục, khiến cho họ đoạn lìa ngữ dục, mãi cho đến khi họ hoan hỷ mới thôi!

“*Chung bất khuyến Đại Thừa, linh tu Nhị Thừa hạnh. Hoặc thời khuyến bỉ nhị, tấn tu trung thượng thừa*” (Trọn chẳng khuyên người căn khí Đại Thừa tu theo hạnh Nhị Thừa. Hoặc có lúc khuyên người thuộc hai thừa kia, hãy tấn tu theo trung thừa và thượng thừa): Đối với người chẳng phải là căn khí, chẳng phải là căn cơ Đại Thừa, quý vị sẽ chẳng buộc họ tu Đại Thừa. Nếu là căn khí Đại Thừa, quý vị có nên khuyên họ tu Nhị Thừa hay không? Đây chẳng phải là căn khí. “*Hoặc thời khuyến bỉ nhị, tấn tu trung thượng thừa*”, [nghĩa là] trọn chẳng khuyên căn khí Thanh Văn Thừa tu trung thừa (Độc Giác Thừa), căn khí Độc Giác Thừa tu thượng thừa tức Đại Thừa. Hoặc là đối với căn khí Độc Giác Thừa cũng trọn chẳng khuyên họ tu Đại Thừa, mà cũng chẳng khuyên họ tu Thanh Văn Thừa. “*Hoặc thời khuyến bỉ nhị*”, “*bỉ nhị*” tức là nói đến Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa.

“*Thường cung kính thính pháp, thâm tín bất hủy báng*” (Thường cung kính nghe pháp. Tin sâu, chẳng hủy báng): Bất luận quý vị là pháp Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, hay Đại Thừa, đều phải nên cung kính nghe pháp, đừng nên sanh lòng hủy báng. Đối với pháp, phải nên tin sâu chẳng nghi, trong ấy có rất nhiều vấn đề. Chẳng hạn như chúng ta nói đến Địa Tạng Tam Kinh, kinh Địa Tạng là Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Đa số cho rằng đây là kinh Tiểu Thừa, vì toàn là nói về địa ngục và quỷ. Nội dung kinh vẫn cũng nói về địa ngục rất nhiều. Nhưng đại chúng trong

pháp hội ấy được nói trên trời Đao Lợi, khởi đầu là do đức Phật nói với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Phẩm thứ hai do Địa Tạng Vương Bồ Tát thừa thỉnh Phật. Phẩm thứ ba là phu nhân Ma Da thừa chuyện với đức Phật, mỗi phẩm đều là như thế.

Hơn nữa, nghe danh tự của Địa Tạng Bồ Tát, sẽ có thể chẳng đọa tam đồ, cho đến khi sanh vào quốc độ ở phương khác, đều có thể đến các quốc độ thanh tịnh. Đấy chẳng phải là Tiểu Thừa. Nghe danh tự của Địa Tạng Vương Bồ Tát, cho đến cuối cùng, trong phẩm mười hai, đức Phật căn dặn Quán Thế Âm Bồ Tát, và cuối cùng dặn dò Hư Không Tạng Bồ Tát. Cuối kinh Đại Tập Thập Luân, vị được căn dặn vẫn là Hư Không Tạng Bồ Tát. Đấy là các vị Đại Bồ Tát xướng họa lẫn nhau. Chúng ta nhất định phải nhận biết, hãy từ nhiều phương diện mà nhận biết hàm nghĩa trong một bộ kinh, có như vậy thì quý vị mới sẽ chẳng nghe kẻ khác nói gì bèn nghe theo lời kẻ đó nói, hoặc bảo sao nghe vậy, dễ tạo tội nhất! Do vậy, trong hết thầy các kinh, Địa Tạng Tam Kinh đồng thời hoàng dương tam thừa. Quý vị là [căn khí] nhân thiên, thì cũng có thể dùng pháp Nhân Thiên Thừa để giải thích cho quý vị, nhưng chỉ cần quý vị chẳng hủy báng là được! Chớ nên hủy báng, phải cung kính nghe pháp, hãy tin sâu, đừng sanh hủy báng.

“*Cùng đường thuyết pháp sư*”: Bất luận vị nào thuyết pháp, phải hiểu ý nghĩa của “*pháp sư*”. Nếu quý vị lấy pháp làm thầy, đó là pháp sư. Trong ấy, cũng bao hàm hai chúng tại gia nam nữ. Có đôi khi gọi là Cận Sư, có lúc gọi là Cận Trụ. Cận Sư (近事) nghĩa là “*thân cận Tam Bảo*”. Đó là người có thể nầy sanh tâm cung kính đối với Tam Bảo, đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Cận Trụ (近住) khác hẳn. Cận Trụ là ở ngay chỗ Tam Bảo, thọ Bát Quan Trai Giới, ở ngay trong chùa. Chỉ cần những điều họ nói là chánh pháp thì đều có thể là pháp sư. Pháp sư chẳng phải là người chuyên vì lợi ích, mà cũng chẳng phải giảng kinh thì mới là pháp sư. Hễ đứng tại đó, nói với quý vị vài câu pháp, khuyên quý vị tin Phật, niệm Phật, quý vị cũng có thể coi người ấy là pháp sư. Nghe một bài kệ mà xả thân mạng. [Người khác] nói với người đó bốn câu, người ấy liền xả thân mạng, nghe một bài kệ bèn khai ngộ. Tôn giả Xá Lợi Phất gặp tỳ-kheo Mã Thắng, thấy tỳ-kheo oai nghi trang nghiêm, Ngài liền hỏi: “Ngài tôn vị nào làm thầy?” [nghĩa là] ai là sư phụ của Ngài? Ngài trước hết nói cho tôi một bài kệ là được rồi! Tỳ-kheo Mã Thắng nói một bài kệ, ngài Xá Lợi Phất liền khai ngộ, dẫn các đệ tử của Ngài đến

quy y đức Phật. Do vậy, quý vị đúng căn cơ, nói một câu, tuy quý vị chẳng khai ngộ, nhưng người khác khai ngộ.

Khi niệm kinh Kim Cang, Lục Tô đứng lúc đến bán củi, đứng dưới nhà người ta, nghe trong nhà có người niệm kinh Kim Cang, Tô nghe đến câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” liền khai ngộ. Tô niệm kinh Kim Cang mấy chục năm, chẳng biết đã niệm bao nhiêu lần, mỗi lần niệm đều nghĩ “có người vừa nghe liền khai ngộ, tôi niệm nhiều lượt ngàn ấy vẫn chẳng thể ngộ được!” Do nguyên nhân nào? Nghiệp chướng sâu nặng, đây là nghiệp. Ngộ và mê chỉ là lật ngược lại như vậy, tức là úp hay ngửa bàn tay! Do vậy, nếu quý vị chẳng đạt được lý giải thù thắng, chẳng khai ngộ, cũng đừng nên tạo tội, hãy cung kính nghe pháp, chớ nên hủy báng, lại càng chớ nên hủy báng vị thầy thuyết pháp.

Trong Thập Thiện Nghiệp Đạo thuộc phần trước, đã nói lễ kính Tam Bảo rất nhiều. Thậm chí oai lực do khoác một mảnh ca-sa, kẻ đó vẫn chưa phải là người xuất gia, quốc vương muốn đưa kẻ đó vào vùng mả hoang cho quỷ ăn. Kẻ đó nghe rồi sanh lòng sợ hãi, cạo sạch tóc trên đầu. Sau đó, tìm ca-sa. Chỗ nào có? Từ trong các tấm vải rách bị vứt đi, hắt lượm được một mảnh ca-sa màu đỏ, vẫn chưa phải là tấm ca-sa trọn vẹn, đeo lên người, lũ quỷ ấy chẳng dám ăn kẻ đó, bèn vây quanh, tán thán kẻ đó. Quỷ La Sát mẹ và con đông ngàn ấy tán thán người đó, điều đó bộc lộ oai lực của Tam Bảo. Vì thế, chúng ta chớ nên sanh khởi lòng hủy báng Tam Bảo. Vị pháp sư nào cũng đều tốt! Đối với kẻ khoác một mảnh ca-sa, đều coi kẻ ấy là pháp sư, có thể làm phước điền cho chúng sanh. Lũ quỷ ấy thấy kẻ đó, vây quanh, coi kẻ đó như thánh tăng mà cung kính, coi kẻ ấy như thánh tăng phước điền.

Nếu chúng ta hiểu đạo lý “*vạn pháp duy tâm*”, trong hết thầy mọi nơi, hết thầy thời, tâm chính là Phật. Hãy nên thường quán như thế, có thể khuyên hết thầy mọi người nghe diệu pháp như thế. Đây là phương pháp. Giống như chúng ta có bệnh thì phải uống thuốc, thuốc vào, bệnh hết. Nay chúng ta mắc bệnh gì? Có bệnh sanh tử, có bệnh ngũ dục, có tham, sân, si, có các chứng bệnh ấy, cho nên đức Phật mới nói pháp ấy. Khéo phù hợp là quý vị uống thuốc ấy, bệnh sẽ diệt trừ, khiến cho quý vị chẳng phiền não. Căn bệnh của chúng ta, nói chung là bệnh phiền não, phải buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, chớ nên vì tiếng tăm, lợi dưỡng mà thuyết pháp. Bình thời, cái tâm tham dục rất nặng, lòng tham đối với cảnh giới ngũ dục và tài vật thế gian rất nặng, quý vị phải nên thường quán tưởng. Đó là độc, quý vị phải thường nên quán tưởng. Hằng ngày nghĩ như thế, tự nhiên sẽ chẳng tham dục. Quý vị luôn nghĩ tham dục có

lợi ích; thật ra, nó đem lại tai hại. Chiến tranh thế giới cũng thế, quý vị mong tranh giành điều gì? Chẳng phải là tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng hay sao? Nhìn vào những gì người thế gian đang làm trong hiện tại là biết ngay! Giữa các nước với nhau, giữa người và người với nhau, tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng. Đệ tử Tam Bảo chúng ta, điều thứ nhất là phải buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, vì đây chẳng phải là chuyện tốt. Nó sẽ lôi quý vị xuống địa ngục. Quý vị thường xuyên suy tưởng, đây là điều khiến cho chúng ta chịu khổ, quý vị phải chuẩn bị tâm lý. Sau đó, lại nói chánh pháp với người ta, những gì quý vị đã nói đều là pháp đoạn ngũ dục, trọn chẳng tuyên dương ngũ dục.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát tịnh giới hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, cộng; nhị giả, bất cộng. Vân hà Bồ Tát Cộng Tịnh Giới Luân? Vị chư tại gia Cận Sự, Cận Trụ sở thọ luật nghi, hoặc phục xuất gia, cập thọ Cụ Túc Biệt Giải Thoát Giới, như thị luật nghi biệt giải thoát giới. Thị danh Bồ Tát cộng tịnh giới luân, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng. Bồ Tát bất do thử tịnh giới luân, năng trừ nhất thiết hữu tình phiền não, chư ác kiến thủ, cập năng giải thoát nghiệp chướng sanh tử. Thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有淨戒大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何淨戒大甲冑輪？善男子！菩薩淨戒，有二種相：一者、共，二者、不共。云何菩薩共淨戒輪？謂諸在家、近事、近住所受律

儀，或復出家及受具足別解脫戒。如是律儀、別解脫戒，是名菩薩共淨戒輪，共諸聲聞、獨覺乘等。菩薩不由此淨戒輪，能除一切有情煩惱、諸惡見趣及能解脫業障生死。此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn và Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân? Đây thiện nam tử! Tịnh giới của Bồ Tát có hai loại tướng: Một là cùng chung, hai là chẳng cùng chung. Thế nào là tịnh giới luân cùng chung của Bồ Tát? Tức là các luật nghi do hàng tại gia Cận Sự, Cận Trụ đã thọ, hoặc là Cụ Túc Biệt Giải Thoát Giới do hàng xuất gia đã thọ. Luật nghi và biệt giải thoát giới như thế, được gọi là tịnh giới luân cùng chung của Bồ Tát, do cùng chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Bồ Tát chẳng do tịnh giới luân ấy mà có thể trừ phiền não, các đường ác kiến của hết thấy hữu tình, hoặc có thể giải thoát nghiệp chướng sanh tử. Điều này chẳng được gọi là Đại Giáp Trụ Luân, và cũng chẳng do vậy mà được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng như gọi là phước điền chân thật của hết thấy Thanh Văn và Độc Giác).

Luật nghi được thọ bởi hàng tại gia Cận Sự, Cận Trụ chính là thọ Tam Quy, Ngũ Giới, hoặc thọ Bát Quan Trai Giới. Cận Sự là Tam Quy, Ngũ Giới, Cận Trụ là Bát Quan Trai Giới. “*Hoặc phục xuất gia*” (Hoặc lại xuất gia), xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Xuất gia mà chưa thọ Cụ Túc Giới, liền thọ mười giới của Sa Di. “*Cập thọ Cụ Túc Giới*” (Và thọ Cụ Túc Giới): Cụ Túc Giới là Biệt Giải Thoát Giới. Trọn đủ một giới, sẽ giải thoát như nhau. Trì một giới, bèn giải thoát y hệt. Hai trăm năm mươi giới đều trì thanh tịnh, sẽ đều giải thoát, chứng đắc quả A La Hán. “*Như thị luật nghi biệt giải thoát giới, thị danh Bồ Tát cộng tịnh giới luân*” (Biệt giải thoát giới luật nghi như thế gọi là cộng tịnh giới luân của Bồ Tát): “*Cộng*” (共) ở đây có nghĩa là gì? Có Bồ Tát như Địa Tạng

Bồ Tát, hiện tướng tỳ-kheo, Ngài cùng [thọ trì giới luật và oai nghi tỳ-kheo] chung với Thanh Văn và Độc Giác. Ngài vừa là Bồ Tát, vừa là tỳ-kheo, nên gọi là “*Bồ Tát tỳ-kheo*”. Đó gọi là “*cộng tịnh giới*”, Ngài vừa thọ giới tỳ-kheo, vừa thọ giới Bồ Tát. Giới tỳ-kheo cũng thanh tịnh, giới Bồ Tát cũng thanh tịnh; điều này có cùng đặc điểm với Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Có phải là Bồ Tát sẽ nhờ vào tịnh giới luân này để có thể nghiền nát hết thảy phiền não hay không? Khiến cho hết thảy phiền não và đường ác của chúng sanh đều đoạn tuyệt ư? Có thể hay không? Chẳng thể! Vì Thanh Văn và Độc Giác chẳng phát cái tâm ấy. Bồ Tát dùng giới này đạt được tịnh giới luân, trừ sạch hết thảy phiền não, hết thảy ác kiến, tà tri tà kiến của hữu tình. Dùng điều đó để giải thoát nghiệp chướng sanh tử. Dùng các điều ấy để giải thoát sanh tử nghiệp chướng. “*Sanh tử*” ở đây là nói đến rốt ráo, đó chẳng phải là Đại Giáp Trụ Luân, chẳng phải là Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng phải do vậy mà được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Đây là điều cùng chung với Thanh Văn và Độc Giác, thuộc về Thanh Văn và Độc Giác, chẳng thể gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, chẳng thể làm phước điền chân thật cho hết thảy Thanh Văn và Độc Giác.

(Kinh) Vân hà Bồ Tát Bất Cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân? Vị chư Bồ Tát phổ u thập phương nhất thiết hữu tình, khởi bình đẳng tâm, vô nhiễm động tâm, vô oán hận tâm, hộ trì tịnh giới, phổ u nhất thiết trì giới, phạm giới, bố thí, xan tham, từ bi, phân khuể, tinh tấn, giải đãi, hạ, trung, thượng phạm chư hữu tình sở, vô sai biệt tâm, vô sai biệt tướng, hộ trì tịnh giới. Phổ u tam giới nhất thiết hữu tình, vô khuể, vô phân, cập chư ác hạnh, hộ trì tịnh giới. Phổ u tam hữu Uẩn, Giới, Xứ trung, vô sở phân biệt, hộ trì tịnh giới; bất y Dục Giới hộ trì tịnh giới; bất y Sắc Giới hộ trì tịnh giới; bất y Vô Sắc Giới hộ trì tịnh giới; bất quán chư hữu nhất thiết quả báo, hộ trì tịnh giới; bất y nhất thiết đắc dữ bất đắc, hộ trì tịnh giới; bất y chư hành, hộ trì tịnh giới. Thị danh Bồ Tát bất cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã. Siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

(經)云何菩薩不共淨戒大甲冑輪？謂諸菩薩，普於十方一切有情，起平等心、無擾動心、無怨恨心，護持淨戒；普於一切持戒犯戒、佈施慳貪、慈悲忿恚、精進懈怠、下中上品諸有情所，無差別心，無差別想，護持淨戒。普於三界一切有情，無恚無忿，及諸惡行，護持淨戒。普於三有蘊、界、處中，無所分別，護持淨戒；不依欲界，護持淨戒；不依色界，護持淨戒；不依無色界，護持淨戒；不觀諸有一切果報，護持淨戒；不依一切得與不得，護持淨戒；不依諸行，護持淨戒。是名菩薩不共淨戒大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成此淨戒大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也。超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

(Kinh: Thế nào là Bất Cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát đã vì trọn khắp hết thấy hữu tình trong mười phương, dấy lên tâm bình đẳng, tâm chẳng nhiễu loạn, tâm không oán hận mà hộ trì tịnh giới, vì khắp hết thấy các hữu tình trì giới, phạm giới, bố thí, keo tham, từ bi, sân hận, tinh tấn, giải đãi, hạ, trung, thượng phẩm, chẳng có tâm sai biệt, không có ý tưởng sai biệt mà hộ trì tịnh giới. Vì khắp hết thấy hữu tình trong tam giới, không nóng giận, không sân hận, và chẳng có các ác hạnh mà hộ trì tịnh giới. Vì chẳng phân biệt trọn khắp Uẩn, Xứ, Giới trong tam hữu mà hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo Dục Giới để hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo Sắc Giới để hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo Vô Sắc Giới để hộ trì tịnh giới, chẳng quán hết thấy quả báo trong các hữu mà hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo hết thấy đắc và bất đắc để hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo các hành để hộ trì tịnh giới. Đó gọi là Bất Cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành Tịnh Giới Đại

Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, sẽ đều có thể đoạn trừ hết thấy ngũ dục, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát; vượt xa hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn và Độc Giác làm ruộng phước lớn, hết thấy hàng Thanh Văn và Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Đây là Bồ Tát Giới. Bồ Tát Giới là “tam tụ tịnh giới”, gồm có sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh [theo kinh Ưu Bà Tắc Giới Kinh], hoặc mười bốn giới trọng và bốn mươi tám giới khinh [theo kinh Phạm Võng]. Đây là giới Bồ Tát, chẳng cùng chung với Nhị Thừa, cho nên gọi là “bất cộng tịnh giới”. Do luân này thì mới có thể độ hết thấy hữu tình, vì sao? Các Ngài đối với chúng sanh chẳng oán, bình đẳng. “Nếu chúng sanh nào hại ta, ta sẽ chẳng độ kẻ đó”, chẳng phải là như vậy! Cái tâm phải bình đẳng, quý vị nào hại các Ngài một vạn lần, hại các Ngài bao nhiêu lần, các Ngài vẫn coi quý vị như cha mẹ, tưởng như chư Phật, Bồ Tát. Các Ngài vẫn cung kính quý vị y hết. Đó là cái tâm Bồ Tát chân chánh. Định lực của Ngài hết sức mạnh mẽ, chẳng bị tướng cảnh giới xoay chuyển. Tâm có thể chuyển cảnh, chẳng có tâm oán hận. Như vậy thì sẽ không có trả thù, chẳng khổ, chẳng oán, các Ngài chẳng trả thù. Hộ trì tịnh giới của Bồ Tát như thế đó. Đối với giới, kẻ trì giới là pháp khí, kẻ phá giới chẳng phải là pháp khí. Trì giới và phá giới là pháp tương đối. Bồ thí và keo tham, chẳng chịu bồ thí, từ bi và phần khuể, sân tâm hết sức mạnh mẽ, tinh tấn và giải đãi, [đó là các pháp đối đãi]. Đối với hết thấy hữu tình thuộc ba phẩm thượng, trung, hạ, chẳng có tâm sai biệt. Không chỉ chẳng có cái tâm ấy, mà ngay cả suy tưởng cũng chẳng có, chẳng có ý tưởng sai biệt mà hộ trì tịnh giới.

Đối với Trì Thanh Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân này, phần trước là Cộng. “Cộng” tức là cả ba thừa đều cùng có. Phần này là bất cộng với Thanh Văn và Duyên Giác (tức là Thanh Văn và Duyên Giác hoàn toàn chẳng có các pháp này). Đối với hết thấy chúng sanh trong tam giới, chẳng phiền não, chẳng sân hận, chẳng phần nộ, thấy chúng sanh đều là hư vọng. Quán thể tánh của chúng sanh vốn là Không, cho nên kinh Kim Cang mới nói: “*Khi chư Phật độ chúng sanh, hoặc chư đại Bồ Tát độ chúng sanh, chẳng thấy chúng sanh tướng, biết chúng sanh là huyền hóa*”. Các Ngài làm sao sanh khởi sân khuể, ghét hận cho được? Vì chúng ta chẳng thấy lý Không, nói chuyện chẳng hợp lẽ, cho nên trong mối quan hệ giữa người và người với nhau, lại có rất nhiều chỗ phần nộ! Đồng thời, trong tâm của chính mình cũng chẳng thanh tịnh, cũng chẳng

rốt ráo thanh tịnh. Các vị đại Bồ Tát ấy hộ trì tịnh giới như thế nào? Các Ngài quán hết thấy chúng sanh như huyễn, như hóa. Đối với chúng sanh, chẳng sanh khởi một tí tâm phiền não nào. Tâm khuê nộ là chút phần, chứ cái tâm phiền não bao gồm quá nhiều thứ!

Phần thuộc trong mười ba món cấu. Bồ Tát hộ trì tịnh giới là hộ trì như thế đó. Đối với hết thấy hữu tình chúng sanh trong tam giới, họ nào hại ta như thế nào, Bồ Tát đều chẳng dấy lòng sân hận. Chẳng sanh khởi tâm sân hận, đương nhiên là chẳng có tâm tổn hại chúng sanh, trì giới thanh tịnh như thế đó. Khi trì giới thanh tịnh, các Ngài lia hai bên (Có và Không), hiển thị ý nghĩa Trung Đạo. Thế nào mới là giới thanh tịnh? Ngài chẳng nương vào Tam Hữu, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Phạm là có lưu chuyển sanh tử, Ngũ Uẩn, mười tám giới, mười hai Xứ, hết thấy các pháp đều chẳng có phân biệt, chẳng dấy lên phân biệt. Nói cách khác, không thấy chúng sanh nào là tốt, chúng sanh nào làm thiện nghiệp, chúng sanh nào tạo ác nghiệp. Tạo ác nghiệp, quý vị liền chán ghét, có khuê, có phần. Đối với người thiện, tâm cảm nhận phải hộ trì họ. Đó là tâm phân biệt, đó gọi là “*có phân biệt*”. “*Cứu cánh trì thanh tịnh giới*” (Trì giới thanh tịnh rốt ráo): Giới ở đây chính là tâm giới. Những điều được nói phân biệt kể đó chính là [nói chi tiết về] tâm giới. Sau đây, bèn nói hộ trì tịnh giới, chẳng chấp trước hết thấy tướng Có, tịnh giới chẳng chấp tướng. Kể đến là chẳng nương vào tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, cho đến chẳng quán quả báo trong hết thấy các cõi mà hộ trì tịnh giới. Trì giới là nhân, cái quả đạt được trong tương lai là quả báo. Trì tịnh giới thanh tịnh, chúng quả A La Hán, chúng đắc Phật quả. Các Ngài hoàn toàn chẳng xét tới [điều ấy], chẳng vì trong tương lai sẽ đạt được quả báo, hoặc là trong tương lai đạt được lợi ích thì mới hộ trì tịnh giới.

Lại còn, “*bất y nhất thiết đắc dữ bất đắc hộ trì tịnh giới*” (chẳng nương vào hết thấy đắc và bất đắc mà hộ trì tịnh giới): Trì giới có công đức, phá giới chôn vùi công đức, có tội ác. Như vậy, khi Bồ Tát trì tịnh giới, như thế nào thì mới là trì thanh tịnh giới? Tâm tịnh, cõi Phật tịnh. Hết thấy chúng sanh tịnh, hết thấy các pháp tịnh, họ hộ trì tịnh giới như vậy. “*Bất y chư hành hộ trì tịnh giới*” (Chẳng nương vào các hành mà hộ trì tịnh giới), “*hành*” là tu hành, tu mười tướng, cho đến tu Duy Tâm Thức Quán, những pháp ấy đều kể như là trụ tâm. Chẳng phải vì những điều ấy mà trì tịnh giới, đây mới là Bất Cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. Bất Cộng Tịnh Giới chẳng cùng chung với Thanh Văn và Độc Giác. Những gì chung với Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa?

Như Ngũ Giới, như Bát Quan Trai Giới, như hai trăm năm mươi giới của tỳ-kheo, Nhiếp Thiện Pháp Giới, và Nhiếp Luật Nghi Giới, đó là Bồ Tát Cộng Nhiếp Luật Nghi Giới. Có chỗ Bồ Tát giới “*bất cộng*” (chẳng chung với) Nhị Thừa, tức là Nhiều Ích Hữu Tình Giới thì bất cộng với Nhị Thừa. Vị Bồ Tát ấy trì thanh tịnh giới luân, trong phần trước đã nói, có hai loại tướng, một loại là cộng tướng, hai là bất cộng tướng. Trong phần trước nói đến cộng tướng, còn phần này hoàn toàn nói về bất cộng tướng.

Do vậy, Ngài có thể đoạn trừ hết thảy ngũ dục, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Mà đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát chính là giác hữu tình, giác ngộ hết thảy chúng sanh, làm cho hết thảy chúng sanh đều giác ngộ, có thể trì thanh tịnh giới. Do loại trì giới thanh tịnh này, tâm tịnh, chẳng chấp trước giới tướng. Vì vậy, Ngài vượt hơn hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, cho nên mới có thể làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn và Độc Giác. Hết thảy các vị thuộc Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa đều phải nên cúng dường vị Bồ Tát Ma Ha Tát này, đều phải nên thừa sự, học tập tịnh giới với Ngài. Thế nào mới là tịnh giới?

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa nhi thuyết tụng viêt: - Trụ tại gia luật nghi, xuất gia giải thoát giới, dữ Nhị Thừa đẳng cộng, bất danh Ma Ha Tát. Trí giả tu Không pháp, bất y chư thế gian, diệc bất y chư hữu, hộ trì thanh tịnh giới, ly thủ tướng Thi La, vô nhiễm, vô chư lậu. Hộ trì như thị giới, danh chân thật phước điền.

(經)爾時，世尊重顯此義而說頌曰：「住在家律儀，出家解脫戒，與二乘等共，不名摩訶薩。智者修空法，不依諸世間，亦不依諸有，護持清淨戒，離取相尸羅，無染無諸漏。護持如是戒，名真實福田。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Trụ tại gia luật nghi, xuất gia giải thoát giới, chung với hàng Nhị Thừa. Chẳng gọi Ma Ha Tát. Người trí tu pháp Không, chẳng nương các thế gian, cũng chẳng nương các hữu, hộ trì giới thanh tịnh, lìa chấp tướng Thi La, vô nhiễm, không các lậu. Hộ trì giới như thế, gọi là phước điền chân thật).

“*Tại gia luật nghi*” là Ngũ Giới và Bát Quan Trai Giới. Còn như sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh trong Bồ Tát Giới, khi mới học luật nghi, sẽ nương theo hữu tướng để tiến nhập vô tướng, giống như trong đoạn trên đã nói tới pháp vô tướng. Đây là điều cùng chung với Nhị Thừa, tức là nương theo giới luật hữu tướng để thọ trì giới tướng, tức là nương theo tướng để thọ trì. Điều đó gọi là “*dữ Nhị Thừa cộng*” (chung với Nhị Thừa). Hễ chung với Nhị Thừa thì chẳng gọi là đại Bồ Tát, mà là Bồ Tát bình phàm. Hoặc là sơ phát ý Bồ Tát, người trí tu pháp Không, tức là tu Duy Tâm Thức Quán, tu Không Quán. Người có trí huệ bèn tu Không Quán. Ở trong thế gian mà lìa rời tướng thế gian, chẳng nương vào thế gian mà hành hết thấy các pháp, cũng chẳng nương vào các hữu, tức là chẳng nương vào tam giới để hộ trì thanh tịnh giới. Hễ chấp tướng, sẽ chấp trước luật, Thi La là Giới hay Luật. Đã lìa khỏi, chẳng chấp trước tướng. Trì giới mà chẳng có giới tướng của trì giới; đó là tâm địa pháp môn, vô nhiễm, chẳng có các lậu. Tất cả trì luật nghi, trì tỳ-kheo giới trong Nhị Thừa vẫn là pháp có nhiễm. Vì họ nói đến Tịnh thì cái Tịnh ấy là do nói đối lập với Nhiễm. Giới tỳ-kheo của Nhị Thừa chỉ nhằm đối trị Kiến Tư phiền não, chẳng thể dính lứu tới thể tánh. Có trí huệ bèn tu Không Pháp, tức là tánh thể.

Trong phần trước, đã nhắc đến Duy Tâm Thức Quán. Những điều được nói trong Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đối chiếu với bộ kinh này thì phù hợp khít khao với nửa phần sau. Mười đại giáp trụ luân trong đoạn này đều là pháp rốt ráo của Bồ Tát Ma Ha Tát Đại Thừa, đều là tu Không Quán. Quán hết thấy các pháp đều là Không, giới luật cũng là Không. Phạm là pháp tương đối, pháp tương đối đều chẳng có thật thể. Phải hộ trì giới như thế, chẳng rơi rớt tam giới, cho đến hết thấy vô minh lậu, trần sa lậu, đều được coi là hữu lậu. Vì hàng Nhị Thừa còn có nỗi khổ Biên Dịch Sanh Tử, vẫn coi như là hữu lậu, chẳng phải là lậu rốt ráo của chư Phật. Đây chỉ là chẳng rơi rớt trong tam giới mà thôi! Nếu có thể hộ trì giới như vậy, chẳng giữ lấy tướng chấp trước. Hễ có lấy thì là chấp trước. Hễ có lấy, nhất định có xả, không giữ lấy tướng cũng là vô xả. Đây mới là có thể làm phước điền chân thật cho Nhị Thừa.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu An Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thứ luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục, giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa

đăng giai ung cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà An Nhân Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát an nhân hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian. Nhị giả, xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian an nhân? Vị hữu lậu nhân, duyên chư hữu tình, hữu thủ, hữu tướng, y chư quả báo, y chư phước nghiệp, sở phát khởi nhân, y tự chư Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, sở phát khởi nhân, hữu phát thú nhân, vô kham năng nhân, lực luy liệt nhân, khí chúng sanh nhân, hữu cuồng trá nhân, kiêu duyệt tha nhân, bất vị lợi lạc chư hữu tình nhân. Thị danh Bồ Tát thế gian an nhân. Như thị an nhân, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng; thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有安忍大甲冑輪。

若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何安忍大甲冑輪？善男子！菩薩安忍，有二種相：一者、世間。二者、出世間。云何菩薩世間安忍？謂有漏忍，緣諸有情有取有相，依諸果報，依諸福業所發起忍，依自諸色、聲、香、味、觸所發起忍，有發趣忍、無堪能忍、力羸劣忍、棄眾生忍、有誑詐忍、矯悅他忍、不為利樂諸有情忍。是名菩薩世間安忍。如是安忍，共諸聲聞、獨覺乘等；此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có An Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

thừa sự, thủ hộ. An Nhân Đại Giáp Trụ Luân là như thế nào? Đây thiện nam tử! An nhân của Bồ Tát có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là an nhân thế gian của Bồ Tát? Tức là hữu lậu nhân, duyên theo các hữu tình, có giữ lấy, có tướng, nương theo các quả báo, nương theo các phước nghiệp mà phát khởi nhân, nương theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc của chính mình mà phát khởi nhân, có nhân phát khởi tiến hướng, có nhân chẳng thể kham làm, có nhân sức yếu kém, có nhân vứt bỏ chúng sanh, có nhân dối gạt, có loại nhân mù quáng ra chuộng kẻ khác, có nhân chẳng vì lợi lạc các hữu tình. Đó gọi là an nhân thuộc loại thế gian của Bồ Tát. An nhân như thế cùng chung với các vị Thanh Văn và Độc Giác Thừa; đây chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng do các nhân ấy mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, và cũng chẳng gọi là ruộng phước chân thật của hết thầy Thanh Văn và Độc Giác).

An Nhân Đại Giáp Trụ Luân là gì? “*Thiện nam tử! An nhân hữu nhị chủng tướng*” (Đây thiện nam tử! An nhân có hai loại tướng): Mỗi luân đều có hai loại tướng, một là tướng thế gian, hai là tướng xuất thế gian. Xuất thế gian là tướng “*vô tướng*”. An nhân thế gian là gì? Chữ Nhân (忍) ở đây chẳng thể hiểu là Nhẫn Nhục, mà phải hiểu theo ý nghĩa “*thừa nhận*”. Thừa nhận gì vậy? Thừa nhận tánh thể, thừa nhận pháp hữu lậu và pháp vô lậu. “*Vô lậu*” (無漏) có ý nghĩa là “*rốt ráo*”. Hữu lậu là chẳng rốt ráo. “*Duyên chư hữu tình*” (Duyên theo các hữu tình), Bồ Tát hành nhân là nhân, được hết thầy các hữu tình bên ngoài làm các duyên. Nhân là cái có thể sanh khởi, duyên là cái có thể giúp cho thành tựu. Nếu lúc Bồ Tát muốn thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật, phải biết: Trên thế gian chẳng có gì đạt tới rốt ráo, môn Nhân ấy của quý vị vẫn là hữu lậu, là bất liễu nghĩa nhân! Vì [môn Nhân ấy] duyên niệm hết thầy hữu tình, hữu tình làm trợ duyên cho nó. Tu môn Nhân ấy, sẽ có chấp lấy, có tướng. Nếu kẻ khác mắng ta, não hại ta, ta liền biết chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, chịu đựng bị kẻ đó sỉ nhục. Đây là hữu tướng nhân.

Vô tướng thì sao? Chúng sanh về căn bản là Không, hết thầy các pháp đều là Không, thấy chúng sanh chẳng có tự thể, đều do duyên mà thành. Có các duyên nào mà thành vậy? Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức, do bảy đại ấy tạo thành. Hết thầy chúng sanh đều do bảy đại tạo thành. Kinh thường nói Tứ Đại, tức địa giới, thủy giới, hỏa giới,

phong giới. Hễ khi nào nói “*tứ đại giới*”, tức là nói tới bốn đại chủng địa, thủy, hỏa, phong. Hễ khi nào nhắc tới “*tam giới*” thì đương nhiên là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Như vậy là tứ đại giới bao gồm Dục Giới và Sắc Giới. Vô Sắc Giới là không, cho nên nói “địa, thủy, hỏa, phong, không” là đã bao gồm tứ đại chủng trong ấy. Vô Sắc Giới cũng được gộp vào Không. Sự an nhẫn của Bồ Tát chẳng phải là giữ lấy tướng, nhưng do thuận theo pháp thế gian, Ngài có chấp giữ, có tướng. Nương theo các quả báo thì phải tu, nhẫn nhục là tu phước tốt nhất. Người nhẫn nhục tướng mạo rất trang nghiêm, tướng mạo rất xinh đẹp, có tướng công đức. Nếu một người nổi giận, có tâm sân hận, tướng mạo sẽ xấu ác. Người mỹ lệ, tướng mạo rất trang nghiêm, nhưng hễ nổi nóng, lúc người ấy cấu giận, tướng mạo sẽ biến đổi, biến thành La Sát.

Do vậy, phải nên hiểu [thế gian nhẫn] có giữ lấy, có tướng, nhưng Bồ Tát hoàn toàn chẳng phải là như vậy. Ngài nương theo thế gian, nên có bộ dáng như vậy. Tu phước thế gian, vì Nhẫn sanh khởi bởi phước thế gian sẽ nương vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc để sanh ra nhẫn. Hoặc là quý vị đánh tôi, đó là Xúc. Xúc là Khổ Thọ. Quý vị cảm giác đau khổ, hoặc bị kẻ khác chửi bới, cảm thấy nhục nhã, đầy đều là hữu tướng. Đối trước các hữu tướng ấy, quý vị chịu đựng, nhưng đối với việc liễu sanh tử, chẳng có cách giải quyết. Đây chỉ là nương theo thế gian. Giả sử liễu sanh tử thì cũng chỉ có thể chứng đắc sự sanh tử của Nhị Thừa. Đó gọi là Phần Đoạn Sanh Tử, chẳng phải là rốt ráo! Môn Nhẫn ấy (thế gian nhẫn) là nói theo hết thấy Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Đây là Ngũ Trần. Ngũ Trần tiếp xúc ngũ căn của quý vị bèn sanh khởi những điều chẳng vừa ý. Quý vị chịu đựng được thì gọi là “nương theo điều đó mà sanh ra Nhẫn”. Môn Nhẫn ấy chẳng phải là rốt ráo, do thuận theo tướng thế gian để phát tâm tiến hướng. Nếu đang ở trong tướng thế gian mà muốn đoạn thế gian, đoạn tam giới cửu hữu⁴⁵, Nhẫn ấy sẽ chẳng rốt ráo. Do vậy, nó được gọi là “*thế gian nhẫn*”.

“*Vô kham năng nhẫn*”: Nếu là người trong thế gian, họ sẽ chẳng thể nhẫn thọ (chịu đựng), nhưng nói theo người tu đạo thì sẽ có thể kham nhẫn, có thể chịu đựng. Hoặc là kẻ khí lực suy yếu, chẳng bằng người

⁴⁵ Cửu Hữu là chín chỗ cư ngụ của hữu tình chúng sanh trong tam giới, tức là Dục Giới (bao gồm nhân gian và sáu tầng trời cõi Dục), Sơ Thiên Thiên, Nhị Thiên Thiên, Tam Thiên Thiên, Vô Tướng Thiên, Không Xứ Thiên, Thức Xứ Thiên, Vô Sở Hữu Xứ Thiên, và Phi Tướng Phi Tướng Xứ Thiên. Nếu nói chi tiết hơn, tách ra từng tầng trời, cũng như kẻ thêm tam ác đạo sẽ thành hai mươi lăm Hữu. Do các cõi này đều có phiền não và tâm thức ràng buộc, nên gọi là Hữu.

khác. Nếu so sánh với người khác, luôn kém cõi hơn, người ấy cho rằng như thế là chánh xác, chẳng có tâm tranh giành phần thắng với người khác. Đây đều là nói theo ý nghĩa “*có chấp lấy, có tương*”.

“*Khí chúng sanh nhân*” (Môn nhân vứt bỏ chúng sanh): Chúng ta thấy Thanh Văn và Duyên Giác của Nhị Thừa chẳng độ chúng sanh. Chẳng độ chúng sanh chính là “*khí chúng sanh*” (棄衆生, vứt bỏ chúng sanh). Họ tu môn Nhân ấy chính là “*khí chúng sanh*”. Hoặc là có kẻ lừa dối, gạt gẫm quý vị, lường gạt quý vị, dối lừa quý vị, quý vị chẳng nhận biết đây là dối gạt, vẫn chấp nhận kẻ đó, mù quáng ưa chuộng kẻ đó, khiến cho hấn hoan hỷ, khiến cho hấn sung sướng. Chúng ta thừa nhận như thế, [tức là] “*bất vị lợi lạc chư hữu tình nhân*” (chẳng phải vì lợi lạc các hữu tình mà nhân). Đó gọi là an nhân thế gian của Bồ Tát, chẳng lợi lạc chúng sanh! Các môn Nhân ấy là “*thế gian nhân*”. Chính là môn nhân gì vậy? Là nhân của Thanh Văn và Duyên Giác. Nói cách khác, đều là pháp thuộc về Thanh Văn và Duyên Giác, tùy thuận thế gian. Đó là nhân pháp cùng chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Đây là an nhân thuộc loại thế gian của hàng Bồ Tát. Môn an nhân này có chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa, nương theo môn Nhân ấy để tu, sẽ chứng đắc môn Nhân ấy.

(Kinh) Vân hà Bồ Tát xuất thế An Nhân Đại Giáp Trụ Luân? Vị vô lậu nhân, nhất thiết hiền thánh đại pháp quang minh, phổ vị lợi lạc nhất thiết hữu tình vô nhiễm trước nhân, vĩnh đoạn nhất thiết sở tác sự nghiệp, ngữ ngôn, nhân tướng, văn tự, âm thanh, hành y xứ an nhân. Tu thử nhân cố, năng đoạn nhất thiết tam kết, tam thọ, tam tướng, tam thể, tam hữu, tam hạnh, tam bất thiện căn, tứ chủng bộc lưu, tứ ách, tứ thủ, tứ chủng thân hệ. Tu thử nhân thời, tâm ý tịch tĩnh. Thị danh Bồ Tát xuất thế An Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Thiệt nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử An Nhân Đại Giáp Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

(經)云何菩薩出世安忍大甲冑輪？謂無漏忍，一切賢聖大法光明，普為利樂一切有情，無染著忍，永斷一切所

作事業，語言、因相、文字、音聲、行依處安忍。修此忍故，能斷一切三結、三受、三相、三世、三有、三行、三不善根、四種瀑流、四扼、四取、四種身系。修此忍時，心意寂靜。是名菩薩出世安忍大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成此安忍大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也！超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

(Kinh: Thế nào là xuất thế An Nhân Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Chính là vô lậu nhân, là quang minh nơi đại pháp của hết thầy hiền thánh, là vô nhiễm trước nhân (môn nhân không đắm nhiễm) lợi lạc trọn khắp hết thầy hữu tình, là môn nhân vĩnh viễn đoạn trừ hết thầy sự nghiệp đã làm, ngôn ngữ, tướng trạng của cái nhân, văn tự, âm thanh, hành y xứ. Do tu môn nhân này, có thể đoạn hết thầy tam kết, tam thọ, tam tướng, tam thế, tam hữu, tam hạnh, tam bất thiện căn, bốn loại dòng thác, tứ ách, tứ thủ, bốn loại trói buộc nơi thân. Khi tu môn nhân này, tâm ý tịch tĩnh. Đó gọi là xuất thế An Nhân Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu An Nhân Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thầy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hơn hẳn hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thầy Thanh Văn, Độc Giác làm đại phước điền. Hết thầy các hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Thế nào là xuất thế gian An Nhân Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Môn nhân này chẳng phải là Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng phải là an nhân rốt ráo, được gọi là Vô Lậu Nhân. Không chỉ chẳng “lậu lạc” (rõ rí, thừa sót) trong tam giới, mà cũng chẳng lậu lạc trong hết thầy các Hữu. “Lậu” là nói đến tập khí vô minh và trần sa. Loại nhân này được gọi là Pháp Nhân. Nếu thừa nhận pháp tánh thì được gọi là Vô Lậu Nhân. Môn nhân này sanh khởi từ quang minh nơi đại pháp của các bậc hiền thánh, tức cũng là từ trí huệ của họ. “Hiền” (賢) là nói tới địa vị

Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương), [Thánh là nói tới Thập Địa]. Đây là bậc Bồ Tát chứng đắc địa vị hiền thánh, đạt được đại pháp quang minh trí huệ. Nhưng Ngài hoàn toàn chẳng vứt bỏ chúng sanh, mà lợi lạc hết thảy hữu tình. Tuy lợi lạc hữu tình, nhưng chẳng tham đắm, chẳng chấp lấy tướng của chúng sanh.

“*Phổ vị lợi lạc nhất thiết hữu tình vô nhiễm trước nhân*” (Môn Nhân vì lợi lạc trọn khắp hết thảy hữu tình mà chẳng đắm nhiễm): “*Vô nhiễm trước nhân*” là do chấp nhận hết thảy chúng sanh, chẳng [chấp trước] có tướng chúng sanh, tức là “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” như kinh Kim Cang đã dạy, cũng chẳng có cái ta có thể nhân, cũng chẳng có pháp để có thể nhân, chẳng có đối tượng để nhân. Chẳng có cảnh, chẳng có ý cảnh, chẳng có pháp, chẳng có ngã, vĩnh viễn đoạn hết thảy các sự nghiệp đã làm. “*Đã vĩnh viễn đoạn sự nghiệp đã làm*” có nghĩa là chẳng chấp trước. “*Vĩnh viễn đoạn*” hoàn toàn chẳng phải là không làm gì, mà là làm hết thảy các sự, nhưng chẳng chấp trước hết thảy sự nghiệp.

“*Ngữ ngôn, nhân tướng, văn tự, âm thanh*”: Phàm các sự nghiệp quý vị đã làm đều chẳng thể lìa khỏi ngôn ngữ, cũng chẳng thể lìa khỏi văn tự, chẳng thể lìa khỏi tướng văn tự, chẳng lìa khỏi tướng ngôn ngữ, mà cũng chẳng thể lìa khỏi chúng sanh. Sự nghiệp mà quý vị có thể hành đều cạy vào hết thảy các duyên mà thành tựu. Chẳng có trợ duyên, duyên đã bị diệt, thì sự nghiệp ấy cũng chẳng có! Nếu có thể đạt được môn Nhân ấy, sẽ có thể đoạn “*tam kết, tam thọ, tam tướng, tam thể, tam hữu, tam hành, tam bất thiện căn, tứ chủng bộc lưu, tứ ách, tứ thủ, tứ chủng thân hệ. Tu thử nhân thời, tâm ý tịch tĩnh*” (tam kết, tam thọ, tam tướng, tam thể, tam hữu, tam hành, tam bất thiện căn, bốn loại giòng thác, tứ ách, tứ thủ, bốn loại ràng buộc nơi thân. Khi tu môn Nhân này, tâm ý tịch tĩnh). Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát tu An Nhân Đại Giáp Trụ Luân này, từ lúc người ấy vừa mới phát tâm, sẽ có thể đoạn trừ ngũ dục.

“*Tam thọ*” là gì? “*Thọ*” (受) ở đây có nghĩa là “*lãnh nạp*” (領納, tiếp nhận). Bất luận thân thể quý vị tiếp xúc, cho đến ý niệm tiếp xúc, sẽ có ba loại là Khô Thọ, Lạc Thọ, và Bất Khô Bất Lạc Thọ. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý của chúng ta gọi là Lục Căn. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp ở bên ngoài, được gọi là Lục Trần. Khi Căn và Trần tiếp xúc, trong ấy bèn có Lục Thức, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỵ Thức, Thân Thức, và Ý Thức. Ba món ấy (Căn, Trần, Thức) hợp thành Thập Bát Giới. Nếu Căn và Trần tiếp xúc, mà không có Thức, thứ gì quý vị cũng

chẳng biết. Khi Căn và Trần tiếp xúc [mà chẳng có Thức], quý vị chẳng có cảm giác gì. Do có Thức sanh khởi tác dụng phân biệt, quý vị sẽ cảm nhận được. Cái cảm nhận ấy chính là Thọ. Thọ là có khổ, có lạc, lại còn một loại nữa là Bất Khổ Bất Lạc, có ba loại Thọ như thế. Tức là nói khi Căn đối đãi (tiếp xúc) ngoại cảnh, cộng thêm sự phân biệt của Thức, quý vị sẽ cảm nhận ba loại Thọ. Một loại là cảm giác đau khổ (Khổ Thọ), một loại nữa là cảm giác vui sướng (Lạc Thọ). [Ngoài ra, còn có một tình huống là] quý vị chẳng có cảm giác gì, tức là trọn chẳng có cảm giác khổ hay sướng. Chẳng khổ, chẳng lạc thì gọi là Xả Thọ (Bất Khổ Bất Lạc Thọ).

“*Tam kết*” là gì? “*Kết*” là Kết Sử (結使). Chúng ta ở trong Hoặc nghiệp giống như sợi thừng hoặc cái đai thắt nút chặt lại. Nay chúng ta đều dùng thắt lưng bằng da. Trong quá khứ, ở hương thôn, toàn dùng sợi thừng, hoặc dùng vải may thành đai lưng để buộc. Có khi thắt rất chặt, đặc biệt là lúc sử dụng Công Phu, sợ chẳng đủ chặt, nó sẽ bung ra, tuột mất, cho nên thắt rất chặt. Như vậy thì đương nhiên cũng có phiền toái: Lúc tháo ra, rất khó khăn! Điều này ví như chúng ta đang ở trong phiền não, mong tháo gỡ sự kết buộc ấy rất khó khăn. Cái nút thắt ấy là gì? Kiến Hoặc, [hay nói cụ thể hơn là] tám mươi tám món Sử thuộc Kiến Hoặc, khiến cho quý vị chịu tội, đó là Kiến Hoặc. Có khi Thân Kiến và Biên Kiến [trong Kiến Hoặc] đều lấy Ngã làm chủ, coi thân thể này của ta là chủ yếu, mang ý nghĩa “chủ quan của chính mình rất mạnh”. Đó gọi là “*hằng khởi Ngã Kiến*” (luôn dấy lên Ngã Kiến):

1) Ngã Kiến là Thân Tướng Kết, tức là đối với thân thể thì Ngã Kiến [có một loại kiến chấp] gọi là Thân Kiến Kết (身見結, sự vương mắc do kiến chấp đối với cái thân), mong bảo vệ thân thể, giống hệt như Kết Sử.

2) Cầm Thủ Kết: Cầm Thủ Kết (禁取結, kết sử về sự chấp giữ giới cấm hay kiêng kỵ nào đó) chính là tà kiến. Tà tri, tà kiến, tà giác quán. Đó là nói đến ngoại đạo.

3) Nghi Kết: Hoài nghi chánh lý, tức chánh lý chân chánh. Chẳng hạn như đối với Duy Tâm Thức Quán, quý vị hoài nghi. Suy nghĩ và việc làm đều chẳng phù hợp đạo lý. Chúng ta nói “*chẳng hợp lý*” chẳng phải là nói theo đạo lý như thế gian đã nói. Trong Phật giáo, “*chẳng hợp lý*” là nói theo nội tâm của quý vị, chẳng tương ứng với chân tâm thì mới gọi là Mê. Chẳng hạn như chúng ta tin theo Phật giáo, người khác nói là [chúng ta] mê tín! Tôi đã từng hỏi một số người, tôi nói: “Quý vị hãy nói

cho tôi biết, mê là gì? Tín là gì?” Họ chỉ biết nói theo người khác, người khác nói sao bèn nhắc lại như vậy. “Mê” là mơ hồ. Mơ hồ tin tưởng Phật giáo tức là đã mơ hồ, mê muội. Tôi nói: Đã mơ hồ, mơ màng mà còn tin ư? Giống như người mắc bệnh tâm thần phân liệt, mơ hồ, điều gì cũng chẳng tin, ngay cả chính mình cũng chẳng biết! Đã mê, sẽ tuyệt đối chẳng tin. Người tin, tuyệt đối chẳng mê! Ghép hai chữ Mê và Tín với nhau, chẳng thể được! Vì sao? Kẻ hoài nghi sẽ chẳng tin. Vì chúng ta đã tin, tin hết thấy các pháp chỉ do tâm thức biến hiện, [thường nói là] “*duy tâm sở hiện*”. Kẻ ấy đã chẳng tin, đã hoài nghi. Hễ đã nghi thì lòng tin chẳng thể bén rễ được. Đây cũng là một cái nút thắt, tức Nghi Kết.

Kinh Lăng Nghiêm dạy phải tháo gỡ nút thắt giữa Căn và Trần, nhưng cái nút thắt ấy rất khó tháo gỡ. Có lẽ các vị là bậc Bồ Tát đã tháo gỡ, chứ tôi chưa cởi bỏ được! Chẳng tháo nổi cái nút ấy là vì hoài nghi, chẳng thể sanh khởi tín tâm chân chánh. Tín tâm chân chánh là như thế nào? Nói theo phía chúng tôi, kinh văn trong nửa quyển sau của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã giúp cho chúng tôi giảng kinh Đại Thừa Đại Tập Thập Luân rất nhiều. Chúng tôi giảng đến đoạn kinh văn này, tin vào chân tâm, tin vào Chân Như Thật Tướng của quý vị, tin thân của chúng ta và thân của chư Phật đều giống hệt nhau, bình đẳng, chẳng khiêm khuyết, nhưng vì sao ta chẳng đạt được? Chính là vì Tam Kết đã trói buộc, khiến cho quý vị chẳng thể tin nổi!

“*Tam tướng*” tức là Giả Danh Tướng, Pháp Tướng, và Vô Tướng Tướng. Đây là Tam Tướng. Hết thấy các pháp đều có ba tướng ấy.

1) Giả Danh là gì? Hư ngụy mà có giả danh, chẳng có thật thể. Chỉ có danh tự, mà chẳng có thật thể, có thể hư hoại. Hễ hư hoại, cái danh tự ấy cũng chẳng tồn tại, chẳng đại biểu cho điều gì được nữa. Giả Danh là bất cứ lúc nào cũng đều có thể thay đổi danh tự. Tôi ở trong tù chẳng có tên, bị gọi là “thằng tù số 345”. Có khi gọi là “thằng tù số 178”. Tức là tùy lúc [cai ngục] ban cho quý vị một con số. Hễ điều chỉnh buồng giam, lại cấp cho quý vị một số mới. Điều chỉnh sang chỗ khác, lại đổi thành số mới, chẳng để cho kẻ khác biết quý vị đang ở nơi nào! Nếu quý vị vào trong đó, chẳng có danh tự nữa, hễ nghe gọi con số thay thế ấy, liền biết đó là mình. Không chỉ đối với phạm nhân, mà quân đội, cho đến các quan chức cao cấp của chánh phủ, đều dùng số hiệu làm đại biểu. Số nào ra số nấy, trong nội bộ sẽ biết đó là ai, người ngoài chẳng biết được! Các danh tự ấy chẳng phải là giả danh ư? Giả trá, chẳng có thật thể để có thể chấp trước. Có thể đặt cho tên gọi này, mà cũng có thể đặt tên bằng danh

tự kia, hết thầy các tướng đều là giả tướng. Đối với giả tướng thì có thể đặt giả danh tương ứng với giả tướng như thế, biến hóa rất nhiều!

2) Loại thứ hai là Pháp Tướng. Pháp Tướng là tướng của các pháp, như chúng ta nói đến Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, các tướng ấy chẳng thật!

3) Loại thứ ba là Tướng Vô Tướng: Tướng vô tướng chính là đã lìa khỏi giả danh. Pháp Tướng lìa khỏi giả danh bèn là tướng gì vậy? Chân Như. Chân Như chẳng phải là thật, chỉ là tên gọi của pháp mà thôi! Nó lìa khỏi giả tướng. Trong danh từ Chân Như, danh từ Chân vẫn là giả, mà cũng chẳng thấy Chân Như là như thế nào! Chân Như rốt cuộc là như thế nào? Chúng ta cách chân tâm rất xa, một giây cũng chẳng gặp được! Nếu gặp gỡ trong một phút, quý vị sẽ khai ngộ trong một phút. Gặp gỡ một giây, quý vị sẽ khai ngộ trong một giây. Khi nghe giải thích, quý vị tin tưởng. Khi quý vị tiến nhập, là do theo giả danh mà tin, chẳng phải là thật sự đạt được niềm tin. Còn nữa, chúng tôi nói Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu. Các thứ ấy đều là giả danh, đều là Tướng. Đây là pháp tướng.

“*Sanh tướng, Trụ tướng, Di tướng, Diệt tướng*”: Sanh, trụ, di, diệt vốn là Tứ Tướng. Trụ tướng và di tướng gộp lại, hợp thành một, hai tướng biến thành một. Chúng ta đang thuộc Trụ Tướng. Kể từ ngày được sanh ra đời, đã là Trụ Tướng. Nhưng trong khi đang trụ, lại di (異, đổi khác). Di là nói “*đổi khác*”, mỗi năm một thay đổi, biến đổi dần dần đến tử vong. Đây là Sanh Tướng, Di Tướng, và Diệt Tướng, đến cuối cùng tiêu mất, chẳng còn nữa. Điều này có thể hoại hết thầy các pháp. “*Diệt*” là tướng của hết thầy các pháp đều chẳng tồn tại. Đã diệt mà nói là “*vô sanh diệt*”, chẳng diệt thì sẽ chẳng sanh, chẳng sanh thì cũng chẳng diệt. Hai điều này tương phản, không thể cùng tồn tại. Nay chúng ta là Sanh Tướng, đến khi chúng ta tử vong, tức là đã diệt, chẳng còn nữa. Diệt Tướng, Diệt Tướng là tướng gì? Là chẳng còn nữa!

“*Tam thế*” dễ giải thích, tức là quá khứ, hiện tại, và tương lai.

“*Tam hữu*”: Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu. Chúng sanh theo các nghiệp mà hứng chịu các quả báo, bèn có sanh tử.

“*Tam hành*”, “*hành*” có nghĩa là “*vận động*”, thứ gì đang vận động? Thân, miệng, ý đang vận động. Tam hành là nói về thân, miệng, ý.

“*Tam bất thiện căn*” tức là tham, sân, si. Ba thứ ấy chẳng tốt đẹp, hễ có đôi chút [tham, sân, si] liền bại hoại, chẳng phải là thiện căn. Ba

thứ ấy nhiễm đắm cảnh. Đối với cảnh bên ngoài, hễ vừa ý thì là thuận cảnh, quý vị liền vui thích. Chẳng vừa ý, sẽ là sân cảnh, quý vị liền phẫn nộ, phiền não gì cũng đều đưa đến. Đó gọi là chẳng có trí huệ. Chẳng có trí huệ, sẽ chẳng hiểu rõ Sự, Lý. Đây là “tam bất thiện căn”, là căn bản của hết thảy các điều ác.

“*Tứ chủng bộc lưu*” (Bốn dòng thác) tức là dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, và vô minh bộc lưu. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ cũng là giòng thác. Tham, sân, si, mạn, nghi cũng là giòng thác.

“*Tứ ách*”: [Cái ách] chẳng thường thấy. Ách (扼) là bộ phận đặt trên xe, chẳng phải là xe hơi hiện thời, mà là cái ách gắn trên xe trâu hay xe ngựa. Bộ phận ở chính giữa [nối vào thùng xe] để buộc ngựa, hai bên có chốt, đó là ách, cũng có nghĩa là buộc chặt con ngựa vào cái ách để nó kéo xe. Nó nhảy nhót cỡ nào cũng chạy không thoát, đã bị buộc chặt rồi, chẳng thoát ra được. Hết thảy bọn chúng sanh chúng ta ở trong sanh tử cũng chẳng thoát ra được. “*Dục ách đồng dục bộc lưu*” (Dục ách giống như dòng thác Dục), có hai mươi chín loại. “*Hữu ách đồng hữu bộc lưu*” (Hữu ách giống như dòng thác Hữu), có hai mươi tám loại. “*Kiến ách đồng kiến bộc lưu*” (Kiến ách giống như dòng thác về Kiến Hoặc), có ba mươi sáu loại. “*Tứ vô minh ách*” (Thứ tư là Vô Minh Ách), “*tứ vô minh bộc lưu*” (thứ tư là dòng thác Vô Minh) có mười lăm loại. “*Tứ ách*” chính là “*tứ bộc lưu*”, nhưng trong đó lại chia ra khá nhiều thứ. Vì sao chia ra nhiều như vậy? Do tư tưởng và hành vi của chúng ta có rất nhiều thứ, đức Phật nói ra từng thứ một. Quý vị phù hợp loại nào, nó sẽ khiến cho quý vị chẳng thể kiến tánh nơi loại đó, có ý nghĩa như thế đó!

“*Tứ thủ*” (Bốn thứ chấp giữ) là tên khác của phiền não. Tam giới có tám trăm phiền não, chia thành bốn loại riêng: Hữu Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ, và Ngã Dữ Thủ. Ngã Dữ Thủ (我與取) là tất cả trói buộc trong thân, tức là Ngã Chấp dấy lên, cũng có nghĩa là ta làm chuyện gì đều nhằm biểu lộ cái Ngã. Biểu lộ cái Ngã có nghĩa là Ngã Kiến, cũng là một loại trong bốn loại bộc lưu.

“*Tứ chủng thân hệ*” (Bốn thứ trói buộc nơi thân) là tham sân, giới thủ, thật thể thủ (chấp trước bản thể các pháp là thật). Bốn thứ chấp trước ràng buộc.

“*Tam luật nghi*”: Biệt Giải Thoát Luật Nghi, Tịnh Sanh Luật Nghi, và Đạo Sanh Luật Nghi.

“*Tam giải thoát môn*” là Không, Vô Tướng, Vô Nguyên.

“Tứ đoạn kiến” chính là Tứ Chánh Cần.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - An nhẫn thuyết nhị chủng, vị hữu tướng, vô tướng. Hữu tướng nhãn hữu trước. Trí giả bất xưng dự. Tu nhẫn y tam hành, y Uẩn, Giới, Xứ đẳng. Thị danh hữu lậu nhãn, phi Ma Ha Tát tướng. Vị diệt Tứ Diên Đảo, tu vô nhiễm trước nhãn. Tịch tĩnh tam hạnh đẳng. Thử nhãn khả xưng dự. Năng tịch tĩnh chư hành, ly nhất thiết phân biệt, tâm bình đẳng như không. Thử nhãn khả xưng dự. Chư pháp đồng nhất thú, Không, Vô Tướng tịch diệt. Tâm vô sở trụ trước. Thử nhãn thành đại lợi.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「安忍說二種，謂有相無相。有相忍有著。智者不稱譽。修忍依三行，依蘊界處等。是名有漏忍，非摩訶薩相。為滅四顛倒，修無染著忍。寂靜三行等。此忍可稱譽。能寂靜諸行，離一切分別，心平等如空。此忍可稱譽。諸法同一趣，空無相寂滅。心無所住著。此忍成大利。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - An nhẫn nói hai loại, hữu tướng và vô tướng. Hữu tướng nhãn chấp hữu, người trí chẳng khen ngợi. Tu nhẫn nương tam hành, nương vào Uẩn, Giới, Xứ, gọi là hữu lậu nhãn, vô Ma Ha Tát tướng. Vì diệt Tứ Diên Đảo, tu nhãn không đắm nhiễm, tam hành đều tịch tĩnh. Nhãn ấy đáng khen ngợi. Tịch tĩnh nơi các hành, lìa hết thấy phân biệt, tâm bình đẳng như không. Nhãn ấy đáng khen ngợi. Các pháp cùng một nẻo, Không, Vô Tướng tịch diệt. Tâm chẳng hề trụ vương. Nhãn ấy thành đại lợi).

“Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa ấy, bèn nói kệ tụng rằng): Đức Phật nhắc lại lần nữa các ý nghĩa bao hàm trong đoạn kinh văn trên đây. “An Nhẫn thuyết nhị chủng, vị hữu tướng, vô tướng” [nghĩa là] An Nhẫn có hai loại tướng, một là hữu tướng, hai là vô tướng. “Hữu tướng nhãn” cùng chung cho cả ba thừa. “Vô tướng nhãn” chỉ riêng cho Bồ

Tát. “*Trí giả bất xung dự*” (Người trí chẳng khen ngợi): Người có trí huệ chẳng tán thán Hữu Tướng Nhân.

“*Tu nhân y tam hành, y Uẩn, Giới, Xứ đẳng, thị danh hữu lậu nhân, phi Ma Ha Tát tướng*” (Tu nhân nương theo tam hành, nương theo Uẩn, Giới, Xứ v.v... thì gọi là hữu lậu nhân, chẳng phải là tướng Ma Ha Tát): Nương theo thân, miệng, ý (đó là tam hành), nương theo mười tám giới, mười hai xứ. Hành nhân, tu nhân như thế chẳng phải là tướng Ma Ha Tát, tức chẳng phải là tướng của đại Bồ Tát. “*Vị diệt Tứ Diên Đảo*” (Vị diệt Tứ Diên Đảo): Vô ngã, chấp ngã đều là diên đảo. Vốn chẳng có chấp trước. Hãy nhớ hễ có cái Ta, vốn chẳng phải là vui, mà là khổ, lại coi nó là lạc; đây là [diên đảo] của nhân sanh. Nêu một thí dụ, giống như chúng ta uống rượu trong tiệc rượu. Uống rượu là do mọi người rủ rê, khuyên dụ lẫn nhau, dường như rất vui sướng, uống say mềm, uống say lú tủy. Phải nên biết đây là khổ, lại còn khiến cho cái thân đau khổ. Năm xưa, khi tôi đến nơi đó, có một vị đạo hữu đến từ Đài Loan, ông ta uống rượu say sưa, té gục dưới chân bàn, gãy phần trước xương cổ. Hiện thời, cổ ông ta vẫn tổn hại như thế, tổn rất nhiều tiền trị liệu. Vốn là tìm khoái lạc, rốt cuộc hoàn toàn chẳng khoái lạc!

Giống như tại Đài Loan có nam bồi rượu, có nữ bồi rượu, nữ tìm nam bồi rượu, nam tìm nữ bồi rượu. Vốn là chuyện vui sướng, nhưng ghen tỵ lẫn nhau, thậm chí thù hận giết nhau! Tổn thất kinh tế chẳng cần nói, còn dẫn đến rất nhiều phiền toái. Lại còn “*tranh phong*” (tranh giành chiếm ưu thế), lại ghen tuông, rất nhiều nỗi đau khổ trong ấy. Quý vị nói xem, đây là khoái lạc hay là thống khổ? Vốn chẳng có chúng sanh, ngay cả Ngã đều chẳng có, sự khoái lạc ấy chẳng phải là khoái lạc. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là Tứ Đức của chư Phật. Ngược lại thì gọi là Tứ Diên Đảo, coi khổ là vui, coi vô thường chính là thường, coi tịnh là bất tịnh. Thân thể của chúng ta vốn bất tịnh, vẫn chê cái này bất tịnh, cái kia cũng bất tịnh, quý vị có điếm nào sạch sẽ hay chẳng? Chính mình chẳng tu Quán, vì phía trên thân thể có hoành cách mô (Thoracic diaphragm), phía dưới lại có một cái hoành cách mô nữa, cho nên mùi hôi [từ trong nội tạng] mới không thoát ra. Trước khi chúng ta lọt lòng mẹ, toàn là bất tịnh, ở ngay dưới sanh tạng và thực tạng⁴⁶ bản thiêu, ở ngay trong phần phân tiêu, lại còn phải hấp thụ những thứ ấy thì mới có thể sanh tồn. Sau khi được sanh ra, quý vị thấy thân thể này, chín lỗ thường tuôn chảy. Do

⁴⁶ Sanh tạng và thực tạng là từ ngữ chỉ chung bộ phận tiêu hóa, sanh tạng như thực quản, bao tử, thực tạng là phần ruột non, ruột già...

điên đảo, kẻ ấy thường cho rằng [chính mình] rất sạch sẽ, [chê bai] thứ này chẳng sạch sẽ, thứ kia cũng chẳng sạch sẽ. Kẻ đó cho rằng chính mình rất tốt đẹp, rất sạch sẽ; thật ra, rất bẩn thỉu!

Giả sử nói: Bất cứ lúc nào chúng ta tụ hội, luôn xách theo một túi phân, một bọc nước tiểu, gói thật kín để đem đi, chính quý vị cảm thấy rất nhơ bẩn. Dầu chẳng ai biết, cũng cảm thấy rất bẩn thỉu. Thật ra, chúng ta đem theo cái thân xác thịt này, quý vị nói xem có phải là giống hệt như vậy hay chẳng? Đó đều là điên đảo. Sanh mạng này vốn có sanh, ắt có diệt, chẳng phải là thường hằng, nhưng chúng ta một mực cho là nó thường hằng, luôn muốn sống mấy trăm năm, sống một trăm năm, sống mấy chục năm! Khuyên người khác cũng như vậy, hãy trường thọ! Tôi khuyên mọi người tu Vô Thường Quán, luôn chú ý chính mình có thể chết bất cứ lúc nào. Có các đạo hữu không thích nghe nói như vậy, [càu nhàu] “mắc mớ gì mà nói đến chết chóc?” Đây là tôi lưu ý quý vị đôi chút, cực tốt, chẳng xấu đâu nhé! Nói chết liên chết ư? Chưa đến lúc chết, thì tôi có nói một trăm lần, quý vị cũng chẳng chết được. Tôi nói chết mỗi ngày, tôi vẫn còn sống nhăn! Tôi đã nói cả mấy chục năm là tôi muốn chết. Vì sao muốn chết? Tránh cho chính mình khỏi bùng lung! Quý vị lúc nào cũng nghĩ đến cái chết, nghĩ tới vô thường, thế gian còn có gì để tham luyến nữa? Do vậy, quý vị quán vô thường, tu vô thường như vậy, đó là ý nghĩa chẳng nhiễm đắm! Quý vị ắt cần phải thừa nhận như thế, “*nhẫn*” có nghĩa là “*thừa nhận*”. Nếu quý vị chẳng thừa nhận thì sẽ hưởng lạc, chẳng đạt được cái thân tịch tĩnh. Ba hạnh tịch tĩnh nơi thân, miệng, ý, quý vị chẳng đạt được! Quý vị ắt cần phải thường xuyên quán tưởng điều này, phải lật ngược các điên đảo, phải là vô ngã, vô thường, khô, không, thường quán tưởng như thế. Vì diệt Tứ Diên Đảo, tu vô nhiễm trước nhãn, đối với hết thảy các pháp đều chẳng chấp trước. [Hay nói cặn kẽ hơn, sẽ là] đối với thân, miệng, ý, và hết thảy các pháp đều chẳng chấp trước. Đối với Thập Thiện Nghiệp thì [các nghiệp nơi] thân, miệng, ý đều là Thập Thiện Nghiệp, cũng chẳng chấp trước. [Thập Thiện Nghiệp] dường như là chuyện đáng nên làm, chẳng có gì đáng tham đắm!

Do nhẫn, có thể đạt được hết thảy các môn Định, tám trăm môn tam-muội đều có thể đạt được. Vì sao? Lìa hết thảy tướng phân biệt. “*Tâm bình đẳng như không*” (Tâm bình đẳng như hư không): Chúng ta coi Có và Chẳng Có đều là bình đẳng, coi khổ và vui là bình đẳng, coi thường và vô thường là bình đẳng, hết thảy chúng sanh hiền hay ngu, trí óc chậm lụt ngu độn và thông minh đều bình đẳng. Xét theo tánh thể,

đều bình đẳng. Vì sao? “*Chư pháp đồng nhất thú*” (Các pháp cùng một đường), tiến hướng đến điều gì? Không, vô tướng, tịch diệt. Tiến hướng không, vô tướng, tịch diệt. Không, Vô Tướng, Vô Nguyên là ba môn giải thoát. Hết thầy các pháp đều là Không, hết thầy các pháp đều vô tướng. Tướng ấy là giả danh, giả tướng, tâm chẳng trụ vào đâu! Cái tâm của quý vị chẳng chấp trước chút nào như vậy, môn nhãn ấy chính là môn nhãn của bậc trí huệ, có thể thành Phật.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát tinh tấn hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian; nhị giả, xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian tinh tấn? Vị chư Bồ Tát tinh tấn, dũng mãnh, cần tu tam chủng thế phước nghiệp sự. Hà đẳng vi tam? Nhất giả, thí phước nghiệp sự; nhị giả, giới phước nghiệp sự; tam giả, tu phước nghiệp sự. Tu thử tức danh tam chủng tinh tấn. Như thị tinh tấn, duyên chư chúng sanh hữu lậu, hữu thủ, y chư quả báo, y chư phước nghiệp. Thị danh Bồ Tát thế gian tinh tấn. Như thị tinh tấn, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有精進大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何精進大甲冑輪？善男子！菩薩精進，有二種相：一者、世間；二者、出世間。云何菩薩世間精進？謂諸菩薩精進勇猛，勤修三種世福業事。何等為三？一者、施福業事；二者、戒福

業事；三者、修福業事。修此即名三種精進。如是精進，緣諸眾生有漏有取，依諸果報，依諸福業。是名菩薩世間精進。如是精進，共諸聲聞、獨覺乘等，此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân? Đây thiện nam tử! Tinh tấn của Bồ Tát có hai loại tướng, một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là tinh tấn thế gian của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát tinh tấn, dũng mãnh, siêng tu ba sự phước nghiệp thế gian. Những gì là ba? Một là thí phước nghiệp sự, hai là giới phước nghiệp sự, ba là tu phước nghiệp sự. Tu các điều ấy thì được gọi là “ba loại tinh tấn”. Tinh tấn như thế, duyên theo hữu lậu, có chấp luyến của chúng sanh, nương theo quả báo, nương theo các phước nghiệp. Đó gọi là tinh tấn thế gian của Bồ Tát. Tinh tấn như thế, sẽ cùng chung với các vị Thanh Văn, Độc Giác Thừa, chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng do vì điều này mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng như gọi là ruộng phước chân thật cho hết thấy Thanh Văn và Độc Giác).

Sự tinh tấn của Bồ Tát có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Tướng thế gian tinh tấn là gì? Chính là các Bồ Tát tinh tấn, dũng mãnh, siêng tu ba loại chuyện thuộc về phước nghiệp thế gian. Hành Thập Thiện, trì Ngũ Giới, đều là thế gian phước, bố thí cũng là phước thế gian. Như vậy là nói đến phước thế gian thì có ba loại tướng sự nghiệp. Ba loại tướng nào vậy?

1) Một là tướng sự nghiệp thuộc về thí phước, tức là nghiệp tướng bố thí, hành hết thấy hạnh bố thí. Nghiệp tướng [thứ nhất] như thế đó.

2) Thứ hai là giới, tức trì giới. Thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Quý vị trì tốt đẹp, sự báo đáp tối thiểu là được sanh lên trời, vĩnh viễn thoát khỏi tam đồ. Trì Bát Quan Trai Giới thì quý vị đã thọ Bát Quan Trai Giới, trì

một ngày, một đêm, chắc chắn được sanh lên trời. Phước đức và công đức của Bát Quan Trai Giới như thế đó. Nếu trì nhiều ngày, phước đức của quý vị sẽ tăng thượng. Quý vị vốn trì một ngày một đêm, đáng sanh lên trời Đao Lợi. Quý vị trì một trăm ngày thì hoặc là quý vị làm Đệ Thích Thiên, hoặc làm thiên vương, sẽ chẳng làm thiên dân do phước đức càng lớn hơn nữa. Nếu chẳng tham đắm phước nghiệp, chẳng cầu sanh lên trời, mà cũng chẳng cầu hưởng thụ, ta đều hồi thí cho hết thầy chúng sanh, sẽ là Bồ Tát Ma Ha Tát. Làm hết thầy mọi chuyện, tùy thuộc quý vị tưởng như thế nào. Quý vị tưởng gì, sẽ đạt được cái quả đó. Do cách nghĩ của quý vị khác nhau, quả báo cũng bất đồng. Hiểu đạo lý này, chúng ta làm một chút việc thiện, chẳng cầu chính mình được an lạc, chỉ mong chúng sanh được lìa khổ. Thường nghĩ tới chúng sanh, công đức của quý vị liền to lớn, phước báo vô cùng, vô tận. Bồ thí là như thế, trì giới là như thế, mà tu phước nghiệp cũng như thế.

3) Chuyện tu phước rất nhiều, [chẳng hạn như] sửa cầu, đắp đường, tán thán, tùy hỷ. Chuyện gì ta cũng đều chẳng làm, nhưng thấy người khác làm, bèn vâng theo mười đại nguyện vương của đức Phổ Hiền mà tán thán, tùy hỷ, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Tôi có một phần trong chuyện ấy của quý vị, tôi cũng mong làm, tùy hỷ công đức, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Mọi người đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nguyện thứ năm là “*tùy hỷ công đức*”, phải tán thán, tùy hỷ. Công đức tán thán tùy hỷ chẳng thể nghĩ bàn. Mặt khác, quý vị hủy báng, hoặc cho rằng “có công đức chi đâu, ai chẳng làm được!” Nói suông thì ai cũng đều nói được, nhưng kẻ đó chẳng làm, thấy người khác làm bèn hủy báng, giảm thiểu lợi ích của người ta, kẻ đó sẽ thọ tội. Phước ấy to lớn, mà tội [hủy báng] cũng to lớn lắm!

Ba loại tinh tấn ấy, bất luận quý vị tu nhiều cỡ nào, tinh tấn như thế nào, ngày đêm chẳng ngủ nghỉ, phước đức đạt được chỉ là hữu lậu! Đây là [phước đức] hữu lậu, vì có rò rỉ, có chấp giữ, do nương theo các quả báo, do nương theo các phước, được gọi là tinh tấn thế gian của Bồ Tát. Tinh tấn như thế, sẽ chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa, chẳng phải là Đại Giáp Trụ Luân. Cũng chẳng do vì thế mà được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, chẳng thể; mà cũng chẳng thể làm ruộng phước chân thật cho Thanh Văn và Độc Giác Thừa.

Như thế nào mới là Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Thế nào là Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát? Chính là các vị Bồ Tát dũng mãnh, tinh tấn, tâm tánh bình đẳng đối với các chúng sanh. Chúng ta rất khó làm được, vì tâm chúng ta phân biệt đặc biệt nặng nề,

ai cũng chẳng tránh được! Tướng nam, tướng nữ, tướng người già, tướng trẻ nít; đối với trẻ nhỏ sẽ chẳng thể tôn kính như vậy! Tôi không nói điều này, nhưng chắc mọi người cũng có thể cảm nhận được! Người xuất gia tu đạo chúng ta chấp tướng rất nghiêm trọng, chẳng thể tiếp cận nữ nhân, mà nữ cũng chẳng thể tiếp cận nam nhân, tỳ-kheo-ni chẳng thể tiếp cận tỳ-kheo, [chấp trước] các thứ tướng như vậy có phải là bình đẳng hay không? Như trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, Thanh Lương quốc sư đã tự yêu cầu chính mình: “*Thân bất xúc cư sĩ chi tháp, túc bất lý ni sư chi trần, tọa bất bối pháp giới chi kinh*” (Thân chẳng chạm vào giường của cư sĩ, chân chẳng dẫm lên bụi của tỳ-kheo-ni, ngồi chẳng xoay lưng vào chỗ có kinh pháp), tức là sau chỗ Ngài ngồi mà có kinh sách thì tuyệt đối chẳng ngồi. Trước nay, Ngài chưa hề bước vào tự viện của tỳ-kheo-ni. Khi đó, tôi đã nói đùa với đạo hữu khác: “Thanh Lương quốc sư đã phạm giới”. Ông ta hỏi: “Phạm giới gì? Bậc đại đức như thế phạm giới gì?” Tôi nói: “Không giao tế với tỳ-kheo-ni”. Ông ta nói: “Người ta chẳng thỉnh Ngài”. Tôi bảo: “Có thỉnh, Ngài cũng sẽ chẳng đến. Ngài không tiến vào tự viện của tỳ-kheo-ni đúng chưa? Chân chẳng giẫm lên bụi của tỳ-kheo-ni mà! Cư sĩ muốn cúng dường Ngài, thân Ngài chẳng chạm giường của cư sĩ. Giường của cư sĩ, Ngài không thể nằm. Lại còn ‘*khẩu bất vị quá ngọ chi hào*’ (miệng chẳng nếm thức ăn quá Ngọ). Đã quá Ngọ, nước trà cũng đều chẳng uống!”

Trì Ngọ là gì? Thật sự trì Ngọ thì nước có màu, sẽ chẳng thể uống; đó mới gọi là “trì Ngọ”. Nếu thọ Bát Quan Trai Giới, đối với giới “*quá Ngọ không ăn*”, quý vị phải chú ý, chẳng thể tùy tiện ăn được! Sở dĩ có các giới giống như Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, nếu có thời gian, tôi sẽ nói để mọi người hiểu rõ rốt cuộc là chuyện như thế nào! Uống chén sữa bò, cứ cho đó chẳng phải là ăn quá Ngọ. Tôi đã nói với rất nhiều người, uống sữa là không được; hễ nước có màu thì là không được! Lại còn đối với chuyện dùng bữa điếm tâm, bất luận trời đã sáng hay chưa, ắt cần phải là lúc minh tướng (明相) xuất hiện. “*Minh tướng xuất hiện*” là gì? Trời đã sáng hẳn, trông thấy đường chỉ trên lòng bàn tay thì quý vị mới được ăn thứ này thứ nọ. Như chúng ta hiện thời dựa vào sự biểu hiện bên ngoài, trời chưa sáng, [mà đã ăn điếm tâm] sẽ không được! Đức Phật chế giới có giới hạn nhất định. Giới có nghĩa là “*ngăn dứt*”, chẳng phải là bất bình đẳng! Như Thanh Lương quốc sư viên dung như vậy, trong một vi trần có các cồi nước số lượng nhiều như vi trần. Quý vị

thấy Ngài phê bình, chú giải kinh Hoa Nghiêm hết sức viên dung, nhưng yêu cầu đối với chính mình hết sức nghiêm khắc!

(Kinh) Vân hà Bồ Tát xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân? Vị chư Bồ Tát dũng mãnh, tinh tấn, u chư chúng sanh, kỳ tâm bình đẳng, trừ diệt nhất thiết phiền não nghiệp khổ. Như thị tinh tấn, nhất thiết hiền thánh cộng sở xưng dự. Vô lậu, vô thủ, vô sở y chỉ. Phổ u nhất thiết tinh tấn, giải đãi, bố thí, xan tham, trì giới, phá giới, từ bi, phần khuể, hạ, trung, thượng phẩm chư chúng sanh sở, vô sai biệt tâm, vô sai biệt tướng, dũng mãnh, tinh tấn. Phổ u tam giới nhất thiết chúng sanh, bình đẳng, vô nhị, vị tác sự nghiệp, ngữ ngôn, tư duy, chư hành y xứ, vô sở trụ trước, dũng mãnh, tinh tấn. Phổ u tam hữu Uẩn, Giới, Xứ trung, vô sở phân biệt, dũng mãnh, tinh tấn. Bất y Dục Giới dũng mãnh tinh tấn. Bất y Sắc Giới dũng mãnh tinh tấn. Bất y Vô Sắc Giới dũng mãnh tinh tấn. Bất quán chư hữu nhất thiết quả báo dũng mãnh tinh tấn. Bất y nhất thiết đặc dữ bất đặc dũng mãnh tinh tấn. Bất y chư hành dũng mãnh tinh tấn. Bất y tam chủng thể phước nghiệp sự dũng mãnh tinh tấn. Cụ túc xuất thế tam phước nghiệp sự dũng mãnh tinh tấn. Thị danh Bồ Tát xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân.

(經)云何菩薩出世精進大甲冑輪？謂諸菩薩勇猛精進，於諸眾生其心平等，除滅一切煩惱業苦。如是精進，一切賢聖共所稱譽。無漏無取，無所依止。普於一切精進懈怠、佈施慳貪、持戒破戒、慈悲忿恚、下中上品諸眾生所，無差別心，無差別想，勇猛精進。普於三界一切眾生，平等無二，為作事業，語言思惟諸行依處，無所住著，勇猛精進。普於三有蘊界處中，無所分別，勇猛精進。不依欲界，勇猛精進。不依色界，勇猛精進。不依無色界，勇猛精進。不觀諸有一切果報，勇猛精進。不依一切得與不得，勇猛精進。不依諸行，勇猛精進。不依三種世福業事

，勇猛精進。具足出世三福業事，勇猛精進。是名菩薩出世精進大甲冑輪。

(Kinh: Thế nào là xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát dùng mãnh, tinh tấn, đối với các chúng sanh, tâm Ngài bình đẳng, trừ diệt hết thảy phiền não, nghiệp, khổ. Tinh tấn như thế, hết thảy hiện thánh đều cùng ca ngợi. Vô lậu, chẳng chấp giữ, chẳng y chỉ vào đâu. Vì khắp hết thảy các chúng sanh dù tinh tấn, giải đãi, bố thí, keo tham, trì giới, phá giới, từ bi, phân khuể, thuộc các phẩm vị thượng, trung, hạ, tâm đều chẳng sai biệt, không suy tưởng sai biệt mà dùng mãnh tinh tấn. Vì trọn khắp hết thảy chúng sanh trong tam giới mà bình đẳng không hai, đối với chuyện thực hiện sự nghiệp, nói năng, tư duy, các chỗ nương cậy của các hạnh đều chẳng trụ vào. Đối với khắp các Uẩn, Giới, Xứ trong ba cõi, chẳng phân biệt mà dùng mãnh tinh tấn. Chẳng nương vào Dục Giới mà dùng mãnh tinh tấn. Chẳng nương vào Sắc Giới mà dùng mãnh tinh tấn. Chẳng nương vào Vô Sắc Giới mà dùng mãnh tinh tấn. Chẳng quán hết thảy quả báo trong các hữu mà dùng mãnh tinh tấn. Chẳng nương theo hết thảy đắc và bất đắc mà dùng mãnh tinh tấn. Chẳng nương theo các hành mà dùng mãnh tinh tấn. Chẳng nương theo ba loại phước nghiệp sự thế gian mà dùng mãnh tinh tấn. Trọn đủ ba loại phước nghiệp sự xuất thế gian mà dùng mãnh tinh tấn. Đó gọi là xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát).

“Ư chư chúng sanh, kỳ tâm bình đẳng” (Tâm bình đẳng đối với chúng sanh) thì mới có thể trừ khử hết thảy nghiệp khổ phiền não; đây là tinh tấn. Bình đẳng là gì? Từ trong cái tâm của quý vị, sự bình đẳng này thuộc về Lý, chẳng phải là bình đẳng nơi hết thảy các Sự. Nơi Sự, sẽ chẳng thể bình đẳng được. Vĩnh viễn chẳng thể bình đẳng! Có người tranh cãi với tôi, cho rằng “nơi Sự cũng phải bình đẳng”. Tôi nói: Tuyet đối chẳng thể bình đẳng được! Chẳng hạn như chúng ta ăn cơm trong phòng khách thì không được. Từ hôm nay, ra lệnh phải đến trai đường ăn, mỗi người ba chén. Người ta “*xuất pha*” (出坡, người trong tự viện ra ngoài lao động, canh tác), làm việc cực nhọc tại đó, thanh niên ba mươi tuổi thì ba chén chẳng đủ, cần đến năm chén. Chứ quý vị thì không được, chỉ có thể ăn ba chén. Các cụ già, ăn xong, khỏi nhúc nhích luôn! Hoặc là họ ở nhà, suốt ngày ngồi tại đó, bắt họ đến đó ăn ba chén, có bóp chết họ cũng không ăn nổi! Không được rồi! Đây là bất bình đẳng,

mỗi người ba chén mới là bình đẳng hay sao? Bình đẳng kiểu đó chính là chấp trước. Như thế nào thì mới được coi là bình đẳng? Bụng quý vị bình đẳng. Quý vị có thể ăn nhiều, bèn ăn nhiều. Đó gọi là bình đẳng. Chẳng thể nói “kẻ khác khiêng một trăm cân, khiêng hai trăm cân”, đều bắt [mọi người] bình đẳng khiêng hai trăm cân, rất nhiều người chẳng làm được! Bình đẳng nói như thế nào? Ta muốn nói “bình đẳng thì mọi người phải bình đẳng về của cải, chẳng thể có kẻ phú quý”, bèn san bằng mọi người, sung công tài sản của quý vị, sau đó chia đều ra. Tôi nói: “Phật giáo chẳng nói bình đẳng theo kiểu ấy!” “Thầy nói như thế nào?” Tôi nói: “Tự mình tạo nghiệp, chính mình hứng chịu. Trong quá khứ, kẻ đó đã tạo nghiệp ấy; đời này, gặp cảnh khốn cùng. Kẻ giàu có hưởng thụ là do đã tạo [phước nghiệp] trong quá khứ. Đó gọi là bình đẳng. Bình đẳng nơi phương diện tạo nghiệp”.

Chẳng hiểu rõ nhân quả, quý vị đòi bình đẳng, vĩnh viễn chẳng thể bình đẳng được! Bình đẳng kiểu ấy là chuyện như thế nào? Tôi nói: “Hiện thời đều bất bình đẳng”. Kẻ đó nói: “Bất bình đẳng như thế nào?” Tôi nói: “Tôi bị nhốt lại. Quý vị ở bên ngoài, tự do như vậy. Đó là bình đẳng nổi gì? Bất bình đẳng, làm sao bình đẳng cho được!” “Thầy phạm pháp!” Tôi đáp: “Tôi phạm pháp, pháp ấy do ai định?” Bình đẳng, Phật giáo nói tới bình đẳng là nói theo Lý, Pháp Thân bình đẳng, đều bình đẳng. Chẳng sai! Đều là bình đẳng, nhưng quý vị chưa tu Pháp Thân, còn chưa Phật đã tu! Đại Bồ Tát đã tu, nhưng chưa thể thành Phật, ắt phải giống như ta, làm chưa được [do chưa đủ sức]! Đây là nguyện vọng của quý vị. Quý vị mong san bằng cho đều nhau: Quý vị đọa địa ngục, vẫn sợ người khác đều chẳng xuống địa ngục! Chẳng thể được! Có những kẻ oán hận, họ vốn rất khô, bèn oán người khác, thấy người khác giàu có bèn sanh tâm ghen tỵ. Chúng ta thường thấy chúng sanh oán điều gì, đều có thể quán tưởng từ Lý. Các oán hận ấy làm sao nói bình đẳng cho được? Đồi trước các chúng sanh thuộc ba phẩm hạ, trung, thượng, “*vô sai biệt tâm, vô sai biệt tướng, dừng mãnh tinh tấn. Phổ u tam giới nhất thiết chúng sanh bình đẳng vô nhị*” (tâm chẳng sai biệt, ý tưởng chẳng sai biệt, dừng mãnh tinh tấn. Vì khắp hết thấy chúng sanh trong tam giới mà bình đẳng, không hai). Nói theo Lý, đây là trừ diệt phiền não khổ cho chúng sanh. Khi Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, bình đẳng đối với chúng sanh, trừ diệt phiền não của chúng sanh. Tinh tấn như thế là đại tinh tấn. Vô lậu, không chấp, vốn chẳng hữu lậu. Pháp Thân chưa hề hữu lậu, địa ngục cũng chẳng có lậu!

Khi giảng kinh Địa Tạng, tôi thường nói với mọi người “*chẳng có địa ngục*”, mọi người không tin! Có một đạo hữu thường nói với tôi: “Con thường xuyên suy nghĩ. Suốt cả đời này con cũng chẳng tu chi hết. Trong tương lai, chỉ sợ sẽ đọa địa ngục. Thầy có phương pháp gì giúp con hay không?” “Tôi không có phương pháp! Quý vị nhất định sẽ đọa địa ngục”. Người đó than: “Thầy cũng nói như vậy!” Tôi đáp: - Phải đấy! Chính quý vị luôn nghĩ như vậy. Tôi chẳng hề nói như vậy. Quý vị suốt ngày chẳng nghĩ chi khác, chỉ tưởng đọa địa ngục, dẫu chư Phật xuất thế, cũng chẳng có cách nào cứu quý vị! Đức Phật mong quý vị nghĩ tới Phật pháp, quý vị chẳng nghĩ, cứ nghĩ tới địa ngục. Kinh Phật đã nói rất nhiều vấn đề, quý vị chẳng nghĩ tới, vì sao chuyên tưởng địa ngục? Vì sao quý vị nghĩ tới ngã quý? Hoặc nghĩ tới tam đồ? Đối trước tam đồ, quý vị hãy nói chính mình chẳng có phần, thì sẽ chẳng có phần trong tam đồ! Trong tâm quý vị tưởng gì, sẽ tiến hướng về đó. Vì sao luôn nghĩ tới thế giới Cực Lạc? Tưởng thế giới Cực Lạc, chẳng có hai niệm, ta đã quyết định, chớ nên hoài nghi. Ta chết đi, nhất định sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị sẽ sanh về đó.

“*Ngữ ngôn, tư duy, chư hành y xứ, vô sở trụ trước*” (Đối với ngôn ngữ, tư duy, và chỗ nương cậy của các hành, đều chẳng chấp trước): Bất luận hết thấy những gì quý vị đã làm, hết thấy những điều suy tưởng trong tâm, những điều đã thực hiện qua thân, ngữ, ý, bèn chẳng trói buộc, chẳng giải thoát, mà cũng chẳng chấp trước. Chẳng trói buộc là giải thoát, giải thoát là chẳng trói buộc. Chẳng trói buộc là không chấp trước hai bên. Chẳng chấp trước hai bên, đạo lý này sâu lắm, mà cũng chẳng có gì là tinh tấn, cũng chẳng có gì không tinh tấn! Tinh tấn là gì? Không tinh tấn là gì? Thật sự nói theo Lý, hết thấy hai bên đều chẳng thể có, nhưng hiện thời chúng ta chẳng thể nói như vậy được! Vì hiện thời chúng ta giải đãi. Giải đãi là đối lập của tinh tấn. Tinh tấn cũng là đối lập của giải đãi. Dững mãnh tinh tấn, trọn đủ ba phước nghiệp xuất thế là dững mãnh tinh tấn, được gọi là xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. “*Ba phước nghiệp*” chính là Phước, Tội, và Vô Động.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác. Phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

(經)善男子！若菩薩摩訶薩成此精進大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺。普為一切聲聞、獨覺，作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn, hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ. Vừa phát tâm, bèn đoạn trừ ngũ dục. Đây là bậc đại Bồ Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát là bậc hữu tình đại giác ngộ như thế đó. Cho nên giáp trụ tinh tấn của Ngài vượt xa Thanh Văn, Độc Giác, có thể làm ruộng phước to lớn cho hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Hết thấy Thanh Văn và Độc Giác đều nên thân cận, cúng dường, thừa sự, học theo Ngài thực hiện đại giáp trụ tinh tấn luân này như thế nào?

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Ư lục căn nhiễm trước, phiêu ngu ngũ bặc lưu, tuy dững mãnh tinh tấn, trí giả giai yếm hủy. Duyên chúng sanh tinh tấn, hữu lậu, cập hữu thủ, phi chân thật phước điền, bất danh Ma Ha Tát. Trí giả cần tinh tấn, viễn ly nhất thiết trước, tâm vô sở y chỉ, danh chân thật phước điền. Bất nhiễm trước danh sắc, ly Uẩn, Giới, Xứ đẳng, vị chúng tác quy y. Thị danh Ma Ha Tát. Hành thế như thủy nguyệt, tu tinh tấn cứu cánh. Thử luân năng vĩnh đoạn, chúng sanh phiền não phước.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「於六根染著，漂愚五瀑流，雖勇猛精進，智者皆厭毀。緣眾生精進，有漏及有取，非真實福田，不名摩訶薩。智者勤精進，遠

離一切著，心無所依止，名真實福田。不染著名色，離蘊界處等，為眾作歸依，是名摩訶薩。行世如水月，修精進究竟。此輪能永斷，眾生煩惱縛。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Nhiễm đắm nơi sáu căn, trôi ngu năm dòng thác, tuy dừng mãnh tinh tấn, kẻ trí đều chê chán. Duyên chúng sanh tinh tấn, hữu lậu và chấp trước, ruộng phước chẳng chân thật, chẳng gọi Ma Ha Tát. Người trí siêng tinh tấn, xa lìa hết thấy chấp, tâm không chỗ y chỉ, là ruộng phước chân thật. Chẳng đắm nhiễm danh sắc, lìa các Uẩn, Giới, Xứ, chúng sanh đều quy y, gọi là Ma Ha Tát. Đạo chơi trong cõi đời, như bóng trăng in nước. Tu tinh tấn rốt ráo, luân này vĩnh viễn đoạn, phiền não trôi chúng sanh).

“Ngũ bộc lưu” (năm dòng thác) tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, [cộng thêm] ý, thành lục căn đắm nhiễm các trần cảnh Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Đó chính là trôi giạt trong ngũ dục, trôi giạt trong sanh tử, cũng có thể nói là trôi giạt trong lục đạo. Tuy dừng mãnh tinh tấn, vẫn chẳng thể đắc quả, chẳng đạt được rốt ráo. “Trí giả giai yếm hủy” (Kẻ trí đều chán ngán, chê bai): Người có trí huệ sẽ chẳng làm như vậy. “Duyên chúng sanh tinh tấn, hữu lậu cập hữu thủ, phi chân thật phước điền, bất danh Ma Ha Tát” (Duyên theo chúng sanh để tinh tấn, hữu lậu và có chấp giữ, thì chẳng phải là ruộng phước chân thật, chẳng gọi là Ma Ha Tát): Có giữ lấy, có xả, tức là hữu lậu, chẳng thể đạt tới vô lậu. Hạng người ấy chẳng thể làm phước điền chân thật cho chúng sanh, càng chẳng thể làm phước điền cho Bồ Tát, Độc Giác [và Thanh Văn], cho nên chẳng gọi là đại Bồ Tát. “Trí giả cần tinh tấn, viễn ly nhất thiết trước, tâm vô sở y chỉ, danh chân thật phước điền” (Bậc trí siêng tinh tấn, xa lìa hết thấy chấp trước, tâm không y chỉ vào đâu, thì gọi là ruộng phước chân thật): Trong tâm chẳng nương theo hết thấy các tướng, chẳng chấp giữ chút nào, chẳng chấp trước hết thấy các pháp. Trong tâm chẳng y chỉ, y chỉ điều gì? Y chỉ mà không y chỉ là gì? Đó là Pháp Thân. Pháp Thân là vô y chỉ.

“Bất nhiễm trước danh sắc, ly Uẩn, Giới, Xứ đẳng, vị chúng tác quy y, thị danh Ma Ha Tát” (Chẳng đắm nhiễm danh sắc, lìa các Uẩn, Giới, Xứ v.v... Làm chỗ quy y cho đại chúng, thì gọi là Ma Ha Tát): Là

hết thấy các pháp, chẳng chấp hết thấy các pháp, bèn nhiếp vô lượng nghĩa, tức là tổng trì vô lượng nghĩa, làm chỗ quy y cho chúng sanh, là nơi chúng sanh hướng về để nhờ cậy, cũng là bậc đại Bồ Tát khiến cho họ thoát khỏi biển khổ. “*Hành thế như thủy nguyệt, tu tinh tấn cứu cánh, thử luân năng vĩnh đoạn, chúng sanh phiền não phục*” (Đi trong cõi đời như trăng trong nước, tu tinh tấn rất ráo. Luân này có thể đoạn vĩnh viễn các phiền não trói buộc của chúng sanh): Bồ Tát làm hết thấy các sự trên thế gian, giống như vàng trắng in bóng trong nước, rỗng không, chẳng có. Hết thấy các pháp như huyền, mộng, bọt, bóng. Tu tinh tấn như thế đó, vị Bồ Tát ấy rất ráo tinh tấn thật sự, sẽ vĩnh viễn đoạn dứt luân chuyển sanh tử, dẹp tan các phiền não trói buộc chúng sanh.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phục điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát Tĩnh Lự hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian; nhị giả, xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian Tĩnh Lự? Vị chư Bồ Tát y trước chư Uẩn tu tập Tĩnh Lự, y trước chư Giới tu tập Tĩnh Lự, y trước chư Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước Dục Giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Vô Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Tam Luật Nghi tu tập Tĩnh Lự, y trước Tam Giải Thoát tu tập Tĩnh Lự, y trước Tứ Niệm Trụ tu tập Tĩnh Lự, y trước Tứ Chánh Đoạn tu tập Tĩnh Lự, y trước Tứ Thân Túc tu tập Tĩnh Lự, y trước Ngũ Căn tu tập Tĩnh Lự, y trước Ngũ Lực tu tập Tĩnh Lự, y trước Thất Đẳng Giác Chi tu tập Tĩnh Lự, y trước Bát Thánh Đạo Chi tu tập Tĩnh Lự, y trước Địa giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Hỏa giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Phong giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Không giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Thức giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, y trước Khổ Thọ tu tập Tĩnh Lự, y trước Bất Khổ Bất Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, y trước Hư Không Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước Thức Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước Vô Sở Hữu Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước thử thế tu tập Tĩnh Lự, y trước tha thế tu tập Tĩnh Lự, y trước tiểu tướng tu tập Tĩnh Lự, y trước đại tướng tu tập Tĩnh Lự, y trước vô lượng tướng tu

tập Tĩnh Lự. Như thị Tĩnh Lự, hữu lậu, hữu thủ, hữu sở y trước, thị danh Bồ Tát thế gian Tĩnh Lự. Như thị Tĩnh Lự, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệt bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有靜慮大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何靜慮大甲冑輪？善男子！菩薩靜慮，有二種相：一者、世間，二者、出世間。云何菩薩世間靜慮？謂諸菩薩依著諸蘊修習靜慮，依著諸界修習靜慮，依著諸處修習靜慮，依著欲界修習靜慮，依著色界修習靜慮，依著無色界修習靜慮，依著三律儀修習靜慮，依著三解脫修習靜慮，依著四念住修習靜慮，依著四正斷修習靜慮，依著四神足修習靜慮，依著五根修習靜慮，依著五力修習靜慮，依著七等覺支修習靜慮，依著八聖道支修習靜慮，依著地界修習靜慮，依著水界修習靜慮，依著火界修習靜慮，依著風界修習靜慮，依著空界修習靜慮，依著識界修習靜慮，依著樂受修習靜慮，依著苦受修習靜慮，依著不苦不樂受修習靜慮，依著虛空無邊處修習靜慮，依著識無邊處修習靜慮，依著無所有處修習靜慮，依著非想非非想處修習靜慮，依著此世修習靜慮，依著他世修習靜慮，依著小想修習靜慮，依著大想修習靜慮，依著無量想修習靜慮。如是靜慮，有漏、有取

、有所依著，是名菩薩世間靜慮。如是靜慮，共諸聲聞、獨覺乘等，此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Tĩnh Lực Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào Tĩnh Lực Đại Giáp Trụ Luân? Đây thiện nam tử! Tĩnh Lực của Bồ Tát có hai loại tướng, một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là Tĩnh Lực thế gian của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát nương vào các Uẩn để tu tập Tĩnh Lực, nương vào các Giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào các Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Dục Giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Sắc Giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Vô Sắc Giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tam Luật Nghi để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tam Giải Thoát để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tứ Niệm Trụ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tứ Chánh Đoạn để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tứ Thần Túc để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Ngũ Căn để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Ngũ Lực để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Thất Đăng Giác Chi để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Bát Thánh Đạo Chi để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Địa giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Thủy giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Hỏa giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Phong giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Không giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Thức giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Lạc Thọ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Khổ Thọ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Bất Khổ Bất Lạc Thọ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Hư Không Vô Biên Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Thức Vô Biên Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Vô Sở Hữu Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào đời này để tu tập Tĩnh Lực, nương vào đời khác để tu tập Tĩnh Lực, nương vào tiểu tướng để tu tập Tĩnh Lực, nương vào đại tướng để tu tập Tĩnh Lực, nương vào vô lượng tướng để tu tập Tĩnh Lực. Tĩnh Lực như thế là hữu lậu, có chấp lấy, có cái để nương vào, thì gọi là Tĩnh Lực thế gian của Bồ Tát. Tĩnh Lực như thế cùng chung với hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Đó chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, chẳng

do vì các thứ này mà được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, mà cũng chẳng gọi là ruộng phước chân thật của hết thảy Thanh Văn, Độc Giác).

“Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân” (Lại này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân): Đây là Định. Tĩnh Lự là tu tư duy, cũng là tam-muội. “Tam-muội” (Samādhi) dịch thành Tĩnh Lự, cũng dịch là Định, còn dịch là Tư Duy Tu. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, Ngài mới vừa phát tâm, sẽ có thể đoạn trừ ngũ dục. “Siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền” (Vượt xa hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thảy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn): Hết thảy các Thanh Văn, Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự và thủ hộ Ngài. Ở đây là nhắc lại.

“Vân hà Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát Tĩnh Lự hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian, nhị giả xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian Tĩnh Lự?” (Thế nào là Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân? Này thiện nam tử! Tĩnh Lự của Bồ Tát có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là Tĩnh Lự thế gian của Bồ Tát?) Các Bồ Tát nương vào các Uẩn để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Sắc để tu hành Tĩnh Lự, nương vào Thọ để tu tập Tĩnh Lự. Tĩnh Lự (靜慮) là lắng lòng quan sát. Chúng tôi nêu một thí dụ, nương vào Sắc, Sắc Tức tam-muội, Tâm Tức tam-muội, Nhất Hạnh tam-muội. Đối với Sắc, hết thảy các thứ hữu hình đều có sắc. Như vậy Tĩnh Lự là tư duy. Trong phần trước, chúng tôi đã có nói: Hết thảy các pháp vô thường, quán hết các pháp vô ngã, rỗng không! Môn Tĩnh Lự này là Tĩnh Lự của Nhị Thừa. Quý vị đắc nhân gian Định, Cửu Thứ Đệ Định, dựa trên thế gian này để tu Định, quý vị phải tu trước [các môn Định thế gian]. Giống như chúng tôi đã nói phép quán Sở Tức, quý vị dựa theo đó, đây cũng là Tĩnh Lự. Sở Tức Quán vẫn thuộc trong Tĩnh Lự thế gian. Đây là bước đầu của Tĩnh Lự thế gian, có thể khiến cho tâm quý vị tịch tĩnh. Trước hết, hãy tịch tĩnh rồi mới sanh khởi quán chiếu. Nương theo Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức để quán chiếu đôi chút, sẽ có thể tịch tĩnh được. Quán chiếu là Huệ, có thể tĩnh chỉ, tịch tĩnh. Đó là Định.

Như chúng ta ở trong Dục Giới của tam giới, nương vào Dục Giới Tĩnh Lự, nương vào Sắc Giới Tĩnh Lự, hoặc nương vào Vô Sắc Giới Tĩnh Lự. Nương vào Tam Luật Nghi để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Tam

Giải Thoát để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Tứ Niệm Trụ để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Tứ Chánh Đoạn để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Tứ Thần Túc để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Ngũ Căn để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Ngũ Lực để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Thất Giác Chi và Bát Chánh Đạo để tu tập Tĩnh Lự.

“*Y trước Địa giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Hỏa giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Phong giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Không giới tu tập Tĩnh Lự*” (Nương vào Địa giới tu tập Tĩnh Lự, nương vào Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, nương vào Hỏa giới tu tập Tĩnh Lự, nương vào Phong giới tu tập Tĩnh Lự, nương vào Không giới tu tập Tĩnh Lự): Chỗ này cần phải nói đôi chút. “*Không*” vốn là chẳng có gì, sao có thể là niệm Tĩnh Lự cho được! Khi mọi người quán tưởng, nương vào Không để tu tập môn Tĩnh Lự nào? “*Không*” là hiển thị pháp, là cách nói hình dung. Nương vào Không thì mới có thể an trụ trong hết thảy các pháp. Vì Không, chúng ta mới có thể kiến tạo nhà cửa. Vì Không, nên mới chứa được Nam Thiệm Bộ Châu. Nam Thiệm Bộ Châu ở trong không trung. Phía dưới Nam Thiệm Bộ Châu là thủy luân. Chắc mọi người cho rằng phía dưới nền đất có thủy luân, chẳng phải vậy. Toàn thể địa cầu ở trong không trung, thủy luân cũng ở trong không trung. Trước kia, kinh Phật nói như thế, có một số người ngờ vực chẳng tin. Nay vệ tinh đã bay lên trời. Nhìn từ vệ tinh, địa cầu luôn có màu lam. Phía ngoài địa cầu là thủy luân. Thủy luân bao quanh địa cầu. Thoạt đầu, chúng tôi nghe đạo lý ấy, [đã thắc mắc] địa cầu ở trong nước, sao chẳng bị chìm? Phía dưới nước vẫn là gió, gió duy trì cái luân ấy. Toàn thể Hoa Tạng thế giới hải, phía dưới có một đại phong luân để duy trì. Phong luân có hai mươi loại, mỗi phong luân lại duy trì một phong luân [phía trên nó, mỗi phong luân] đều có danh tự [được nói cận kề trong phẩm Hoa Tạng Thế Giới của kinh Hoa Nghiêm]. Ất cần phải do trí huệ của Phật thì mới có thể biết, chứ trí huệ của chúng ta không được! Tôi nói tổng quát về Tĩnh Lự đôi chút.

Nếu biết là Không, quý vị còn truy cầu chi nữa? Quý vị đã tĩnh, chẳng cần nói đã tương hợp với Chân Không. Dùng cái Không ấy, quý vị có thể đạt đến Không Vô Biên Xứ Định. Lúc quý vị tu Duy Tâm Thức Quán, đạt được Thức Vô Biên Xứ và Không Vô Biên Xứ Định. Nương theo các pháp ấy để tu, nương vào Thức để tu Thức Vô Biên Xứ, nương vào Lạc Thọ để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Khổ Thọ để tu tập Tĩnh Lự. Quý vị tưởng hết thảy khổ là vô thường, tánh thể của Khổ là gì? Chẳng có! Nếu thường tưởng như thế, hiệu quả sẽ có, nhưng quý vị trọn chẳng

thường xuyên tưởng. Khổ thật sự đưa đến, quý vị tạm thời quán đôi chút, đương nhiên là có thể giảm bớt vài phần thống khổ. Quý vị tu Quán, dùng Không hoặc Vô Ngã, quý vị nói xem, ai sẽ chấp trước cái đau? Hoặc là trong tâm quý vị nghĩ đến một bên thì cũng được, do chuyển dời mục tiêu, sẽ có thể giảm bớt thống khổ rất nhiều. Hoặc là nếu thời gian quá dài, để tôi luyện nỗi khổ ấy, phải cấy vào tu Quán. Các cách tu Tĩnh Lự ấy đều là Thiền Định thế gian. Đó là tiểu tướng, chẳng phải là đại tướng. Đó gọi là “*nương vào tiểu tướng để tu tập Tĩnh Lự*”. Nương vào đại tướng, nương vào vô lượng tướng, sẽ chẳng dễ dàng! Tu tập Tĩnh Lự, nếu xét theo pháp thế gian, đại tướng cũng thế, mà tiểu tướng cũng thế, có sở y (所依, cái để nương vào), có sở trước (所着, có cái để chấp vào), có chấp tướng, thì đều gọi là Thế Gian Định. Nương vào thế gian Thiền Định để tu, vô tướng là gì? Xuất thế gian là gì? Tu Chân Không Tuyệt Tướng Quán, an lập hết thấy các tướng. Tu Không Quán, tu Giả Quán, hết thấy các pháp đều là giả, hết thấy các pháp đều là Không, đó là chẳng rốt ráo. Tuy thuộc địa vị Bồ Tát, nhưng chẳng rốt ráo. Phải tu Trung Quán, Trung Quán mới là rốt ráo nhất.

Kinh Hoa Nghiêm lại giải thích Trung Quán khác hẳn. “*Chân không tuyệt tướng quán*”, “*Lý Sự vô ngại quán*”, “*Sự Sự vô ngại quán*” như tôi vừa mới nói, Không và Hữu hai đằng hợp lại, Không là Lý, Hữu là Sự. Lý và Sự hai đằng hợp lại thành một Thể. Lý tức là Sự, Sự tức là Lý. Sự và Lý dung hợp, giáo lý ấy được gọi là Chung Giáo. Trong Trung Đạo thì Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, Lý Sự vô ngại, được gọi là Lý Sự Vô Ngại Quán. Nhưng cuối cùng là có Châu Biện Hàm Dung Quán (周遍含融觀), tức là tùy tiện lấy một pháp, không pháp nào chẳng phải là pháp giới. Nó đã là pháp giới, hàm nhiếp vô lượng vô biên hết thấy các pháp, đều thuộc trong pháp giới. Mỗi pháp lại là một pháp giới, đó gọi là “*trùng trùng vô tận*”. Kinh Hoa Nghiêm đã lập ra Tam Quán như thế. Tứ Giáo kiến lập ba môn Quán là Không, Giả, Trung, còn Tam Luận Tông⁴⁷ chỉ lập một môn Trung Quán. Các tông phái nói khác nhau,

⁴⁷ Tam Luận Tông là một tông phái Đại Thừa trong Phật giáo, lập cước trên ba bộ luận, tức Trung Luận (Mūlamadhyamakakārikā, do ngài Long Thọ biên soạn, ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán), Thập Nhị Môn Luận (Dvādaśanikāya Śāstra, do ngài Long Thọ biên soạn, ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán), và Bách Luận (Śataśāstra, do ngài Thánh Thiên soạn, cũng do ngài Cưu Ma La Thập dịch). Học thuật của tông này thuộc giáo nghĩa Trung Quán. Sau này, một đệ tử người Cao Ly của ngài Gia Tường Cát Tạng là Huệ Quán đã truyền Tam Luận Tông sang Nhật

nhưng cái để dấy lên quán chiếu thì giống nhau. Khi tu Tĩnh Lự, nương theo văn tự, nương theo thứ tự này, đó gọi là “*Thiền giác*”. Đó là Hữu Tướng Thiền, chẳng thuộc loại Vô Tướng Thiền thâm áo của Thiền Tông. Thần Tú đại sư ở phương Bắc nương theo hữu tướng, tinh tấn từng bước một. Huệ Năng đại sư ở phương Nam truyền dạy Vô Tướng Thiền, được gọi là Chân Không Tuyệt Tướng, chẳng chấp, chẳng vương mắc. Hai loại ấy đều có thể tu dần dần.

Đối với một loại đại học vẫn như thế, khi quý vị muốn học, nếu muốn lý giải trọn hết các danh tướng, chúng tôi giảng hằng ngày cũng chẳng giảng rõ ràng được! Phải vừa dụng công, vừa học tập. Nếu quý vị học tập Tứ Thiền Bát Định rất lâu, đợi cho đến khi chúng tôi nói xong, lại bắt đầu giảng từ Sở Tức Quán. Nay chúng ta khởi sự tu tập, [các pháp Tĩnh Lự vừa nói trên đây] đều chẳng phải là pháp chúng ta đáng nên tu! Sở Tức Quán đơn giản lại rõ ràng. Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta môn Sở Tức Quán, chiếu theo đó để tu, quý vị cũng có thể khế nhập. Đếm số mà còn chẳng biết ư? Đếm số cũng chẳng phải là đếm một, hai, ba, bốn, năm, sáu, mà là đếm hơi thở của quý vị: Tướng thở ra, tướng hít vào. Từ thô đếm tới tế. Đã tế, hơi thở chẳng còn; đã Chi, đã Định rồi! Dường như chẳng có hơi thở, hơi thở cũng ngừng, cũng chẳng có hơi thở ra, cũng chẳng có hơi thở hít vào. Đó gọi là Định. Nếu quý vị dùng ngón tay [đặt dưới mũi người đã nhập Định] để kiểm xem, [sẽ thấy người ấy] chẳng thở ra. Đem người ấy đi chôn sống, làm như thế đó, người ấy đã nhập Định cũng chẳng biết. Nghe nói: Nếu người ấy chẳng thở ra, tuyệt đối chẳng có hơi thở. Nếu không có ai đụng đến, dầu một đại kiếp, người ấy cũng không chết. Khi người ấy đã nhập Định, thân thể sẽ chẳng bị hư hoại. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị dùng lửa đốt, đương nhiên là thân người ấy sẽ bị hư hoại. Nếu quăng xuống biển, nhất định sẽ bị ngấm nước trương phình. Đó là nói chuyện tu Định. Các môn Định ấy

Bản, trở thành Sơ Tổ Tam Luận Tông của Nhật Bản. Theo Bát Tông Cương Yếu, tông này đã tôn Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm cao tổ, Mã Minh là Nhị Tổ, Long Thọ là tam tổ, kế đó, lần lượt là các vị Long Trí, Thanh Biện, Trí Quang, Sư Tử Quang (đó là chi lưu thứ nhất). Chi lưu thứ hai tức là từ một đệ tử khác của ngài Long Thọ là Đề Bà, lần lượt truyền cho La Hầu La Đa, Sa Xa Vương Tử cho đến ngài La Thập. Do vậy, Tam Luận Tông Trung Hoa tôn ngài La Thập làm sơ tổ, truyền cho các vị Đạo Sanh, Tăng Triệu, Pháp Dung, Tăng Duệ, Đàm Ảnh, Đàm Tế. Đàm Tế truyền cho Đạo Lãng, Tăng Thuyên, Pháp Lãng, Cát Tạng... Riêng ngài Gia Tường Cát Tạng được coi là vị có công hoàn thiện và hệ thống giáo nghĩa Tam Luận Tông. Cuối đời Đường, Tam Luận Tông suy vi và bị dung nhập vào tông Thiên Thai.

đều chẳng phải của Bồ Tát Ma Ha Tát. Các môn Định được nói trên đây đều là [các môn Định] chung với Nhị Thừa.

(Kinh) Vân hà Bồ Tát xuất thế Tĩnh Lự? Vị chư Bồ Tát viễn ly chư Uẩn tu tập Tĩnh Lự, viễn ly chư Giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly chư Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Dục Giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Vô Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tam Luật Nghi tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tam Giải Thoát tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tứ Niệm Trụ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tứ Chánh Đoạn tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tứ Thần Túc tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Ngũ Căn tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Ngũ Lực tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Thất Đăng Giác Chi tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Bát Thánh Đạo Chi tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Địa giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Hỏa giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Phong giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Không giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Thức giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Khổ Thọ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Bất Khổ Bất Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Hư Không Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Thức Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Vô Sở Hữu Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly thủ thế tu tập Tĩnh Lự, viễn ly tha thế tu tập Tĩnh Lự, viễn ly tiểu tướng tu tập Tĩnh Lự, viễn ly đại tướng tu tập Tĩnh Lự, viễn ly vô lượng tướng tu tập Tĩnh Lự. Như thị Tĩnh Lự, năng phát hiện thánh quang đại quang minh, vô lậu, vô thủ, vô sở y trước. Thị danh Bồ Tát xuất thế Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thủ Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

(經)云何菩薩出世靜慮？謂諸菩薩遠離諸蘊修習靜慮，遠離諸界修習靜慮，遠離諸處修習靜慮，遠離欲界修習靜慮，遠離色界修習靜慮，遠離無色界修習靜慮，遠離三律儀修習靜慮，遠離三解脫修習靜慮，遠離四念住修習靜慮，遠離四正斷修習靜慮，遠離四神足修習靜慮，遠離五

根修習靜慮，遠離五力修習靜慮，遠離七等覺支修習靜慮，遠離八聖道支修習靜慮，遠離地界修習靜慮，遠離水界修習靜慮，遠離火界修習靜慮，遠離風界修習靜慮，遠離空界修習靜慮，遠離識界修習靜慮，遠離樂受修習靜慮，遠離苦受修習靜慮，遠離不苦不樂受修習靜慮，遠離虛空無邊處修習靜慮，遠離識無邊處修習靜慮，遠離無所有處修習靜慮，遠離非想非非想處修習靜慮，遠離此世修習靜慮，遠離他世修習靜慮，遠離小想修習靜慮，遠離大想修習靜慮，遠離無量想修習靜慮。如是靜慮，能發賢聖廣大光明，無漏無取，無所依著。是名菩薩出世靜慮大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成此靜慮大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺，作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

(Kinh: Thế nào là Bồ Tát xuất thế Tĩnh Lự? Tức là các Bồ Tát xa lìa các Uẩn tu tập Tĩnh Lự, xa lìa các Giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa các Xứ tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Dục Giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Vô Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Tam Luật Nghi tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Tam Giải Thoát tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Tứ Niệm Trụ tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Tứ Chánh Đoạn tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Tứ Thần Túc tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Ngũ Căn tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Ngũ Lực tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Thất Đẳng Giác Chi tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Bát Thánh Đạo Chi tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Địa giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Hỏa giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Phong giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Không giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Thức giới tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Khổ Thọ tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Bất Khổ Bất Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Hư Không Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Thức Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, xa lìa Vô Sở Hữu Xứ tu

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

tập Tĩnh Lự, xa lìa Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ tu tập Tĩnh Lự, xa lìa đời này tu tập Tĩnh Lự, xa lìa đời khác tu tập Tĩnh Lự, xa lìa tiểu tướng tu tập Tĩnh Lự, xa lìa đại tướng tu tập Tĩnh Lự, xa lìa vô lượng tướng tu tập Tĩnh Lự. Tĩnh Lự như thế có thể phát sanh quang minh to lớn của hiền thánh, vô lậu, chẳng chấp giữ, chẳng nương tựa. Đó gọi là Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể trừ dứt, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hơn hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn, hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Chúng ta nói tới tu tập Tĩnh Lự bằng Duy Tâm Thức Quán, chẳng cần xem văn tự. Văn tự đều lìa tướng văn tự. Quý vị xem văn tự thì cũng chẳng nắm bắt được. Vì sao? Phải lìa hết thấy các tướng, lìa hết thấy các pháp để tu tập Tư Duy. Đó là Không Quán. Thoạt đầu, Không Quán của Đại Thừa và Nhị Thừa có khác biệt. Nhị Thừa cũng thành tựu Không Quán, nhập Niết Bàn tịch tĩnh. Họ cũng chứng đắc Niết Bàn, cũng bất sanh bất diệt. Họ cho rằng đã là Không, nhưng chẳng độ chúng sanh. Từ trong Không, chẳng thể xuất Hữu, từ Không nhập Giả, từ Giả nhập Không. Họ chẳng thấu hiểu đạo lý này; do vậy, [Thiền Định của Nhị Thừa] gọi là Thiền Định thế gian. Thế gian Nhị Thừa đều dựa theo thế gian để tu. Đại Bồ Tát chẳng nương theo thế gian để tu, mà nương theo môn “*năng phát hiện thánh quang đại quang minh*” (có thể phát ra quang minh rộng lớn của hiền thánh). Phạm là có tướng, có tướng, có chấp giữ, đều chẳng phải là cảnh giới của Bồ Tát. Đại Bồ Tát tu hành Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân xuất thế, vẫn chẳng phải là tu xuất thế Không Quán. Không Quán là chân không tuyệt tướng. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo cũng do Địa Tạng Vương Bồ Tát nói. [Trong kinh ấy], Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy tu Quán, một là Duy Tâm Thức Quán, hai là Chân Như Thật Tướng Quán, nhập cảnh giới Thật Tướng. Một đẳng là Quán, là Chiếu; một đẳng là Định, là Chỉ. [Hay nói cách khác là] Xa Ma Tha (Śamatha, Chỉ) và Tỳ Bà Xá Na (Vipaśyanā, Quán). Bồ Tát tu Tỳ Bà Xá Na Quán. Quán và Huệ hai đẳng hợp lại để tu. Chỉ có Định, chẳng có Huệ, thì thuộc về Thanh Văn. Nhị Thừa ắt cần phải Chỉ và Quán cùng vận dụng. Nếu có thể thành tựu môn Đại Giáp Trụ Luân này, từ lúc người ấy vừa mới phát tâm, ngũ dục đều có thể đoạn trừ. Như thế thì gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Vị xả kỷ trọng đảm, tu hữu sở đắc Định, cầu đoạn tận phiền não, phi chân trí giả tướng. Y khí hữu sở quán, cầu giải thoát tu Định, thử trước thử bỉ ngạn, phi lợi lạc hữu tình. Vị lợi lạc hữu tình, tu Định xả trọng đảm, diệt nhất thiết phiền não, thị chân trí giả tướng. Vị nhuận chư hữu tình, tu vô y trước Định, vĩnh đoạn chư hữu ái, thị danh đại huệ giả. Vị giải chư hữu phược, linh trụ vô úy thành, tu hành Tịch Chỉ định, thị danh Ma Ha Tát.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「為舍己重擔，修有所得定，求斷自煩惱，非真智者相。依器有所觀，求解脫修定，取著此彼岸，非利樂有情。為利樂有情，修定舍重擔，滅一切煩惱，是真智者相。為潤諸有情，修無依著定，永斷諸有愛，是名大慧者。為解諸有縛，令住無畏城，修行寂止定，是名摩訶薩。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Vì mình buông gánh nặng, tu Định có sở đắc, cầu mình đoạn tận phiền não, chẳng phải tướng chân trí. Nuông thế gian để quán, cầu giải thoát tu Định, chấp tướng hai bên bờ, chẳng lợi lạc hữu tình. Vì lợi lạc hữu tình, tu Định buông gánh nặng, diệt hết tất cả phiền não, là tướng bậc chân trí. Vì nhuận ích hữu tình, tu Định không nuông chấp, vĩnh viễn đoạn hữu ái, gọi là bậc đại huệ. Vì cởi các hữu phược, trụ trong thành vô úy, tu hành Tịch Chỉ Định, gọi là Ma Ha Tát).

Gánh nặng ấy là gánh nặng gì vậy? Xả chính mình! Chỉ vì chính mình liễu thoát thì là hàng Nhị Thừa. Các thứ Định được nói trước đó đều là pháp tu của hàng Nhị Thừa. Bồ Tát thì ngược lại! Trong đoạn kinh văn trên đây, hoàn toàn chẳng nói Bồ Tát chuyên tu các pháp nào. Pháp chuyên tu của Ngài hoàn toàn trái ngược với Nhị Thừa, đó là pháp tu của Bồ Tát. Bồ Tát tu Không Quán là bất không. Bất không được hiển thị ở chỗ nào? Phải độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh đều có thể hiểu rõ “thế gian này là khô”, cho đến “thế gian cũng là chẳng khô, chẳng lạc”. Hàng Nhị Thừa tức Tiểu Thừa khác hẳn! Bởi lẽ, họ vì buông xả

gánh nặng của chính mình, tự cảm thấy gánh nặng ấy quá nặng nề, mong lìa bỏ nó, bèn tu hữu sở đắc Định, đắc gì vậy? Đắc Niết Bàn tịch tĩnh. Đó là Niết Bàn tịch tĩnh của hàng Nhị Thừa. Vĩnh viễn đoạn trừ phiền não của chính mình, đoạn Kiến Tư Hoặc. Đây chẳng phải là người có trí, chẳng phải là tướng trạng của bậc chân trí! Bậc trí chẳng tu như thế. “*Y khí hữu sở quán, cầu giải thoát tu Định, thủ trước thủ bị nạn, phi lợi lạc hữu tình*” (Nương theo khí thể gian để có đối tượng quán, do cầu giải thoát mà tu Định, chấp lấy bờ này và bờ kia, chẳng lợi lạc hữu tình): Đây cũng chẳng phải là cách tu của bậc Đại Thừa Bồ Tát.

Phép Quán ấy chẳng phải là trí huệ thật sự, do phải nương vào gì? Y chỉ chánh giác thể gian. Phép Quán ấy là chân quán, vì cầu giải thoát mà tu Định. Đây là nói theo Nhị Thừa: “Ta muốn giải thoát phiền não, bèn tu Định như vậy”. Chẳng có trí huệ, chẳng lợi ích chúng sanh. Trí huệ chẳng lớn, vì chấp giữ bờ này, bờ kia. Ta từ bờ này, muốn tới bờ kia. Lục Ba La Mật chẳng phải là đạt đến bờ kia hay sao? Đây là cách nói hình dung, dùng [bờ kia] làm tỷ dụ. Chẳng có bờ này, mà cũng chẳng có bờ kia! Nếu như quý vị mong cầu giải thoát, bèn tu Định, nắm giữ, chấp trước “ta đang ở bờ sanh tử, muốn tới bờ Niết Bàn”. Đây chẳng phải là lợi lạc hữu tình, mà cũng chẳng phải là Bồ Tát Ma Ha Tát.

“*Vì lợi lạc hữu tình, tu Định, xả trọng đảm*” (Vì lợi lạc hữu tình mà tu Định hòng bỏ gánh nặng): Ta vì lợi ích chúng sanh, khiến cho chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích. Tu hành như thế, tức là tu Định để bỏ gánh nặng cho chúng sanh. Tu Định nhằm diệt trừ hết thảy phiền não của chúng sanh. Đây mới là tướng trạng của bậc trí huệ chân thật. Là đại Bồ Tát Ma Ha Tát vì nhuận ích các hữu tình bèn tu Vô Y Trước Định, vĩnh viễn đoạn sự yêu đắm trong các cõi (hữu ái), thì gọi là bậc đại huệ. Chẳng phải vì chính mình, tu Định cũng thế, thậm chí tu đôi chút động tác cũng thế, tất cả các Tinh Tấn Độ cũng đều như thế. Môn Định này chính là chẳng nương dựa, chẳng chấp trước. Đối với phương pháp tu Định, hoàn toàn chẳng phải là “ngồi thì mới có thể tu Định, chứ đứng chẳng thể tu Định”. “*Na Già thường tại Định*” (Đức Phật thường ở trong Định). Đi, đứng, ngồi, nằm, trong bốn oai nghi, quý vị đều có thể tu Định. Khi ngồi, tu Định có hai loại chướng ngại: Một là tán loạn. Hễ vừa tĩnh lặng, chuyện cũ từ tám mươi năm trước đều nghĩ tới. Bóng dáng của chúng trôi lên, suy nghĩ miên man khiến ngồi chẳng yên, sẽ nổi nóng. Nổi nóng với ai? Nổi nóng với chính mình. Lúc đó, [cứ lan man suy nghĩ, giá mà] ta đừng nên làm như vậy, cho đến bây giờ chịu thua thiệt. Quý vị hồi hận. Hễ tán loạn xảy đến, [sau khi dẹp được tán loạn],

Định được rồi, lại bị hôn trầm. Có lúc, Định rồi ngủ thiếp đi một hai tiếng. Lúc tỉnh lại vẫn chẳng biết, quý vị thấy đã qua một khoảng thời gian rồi!

Chúng ta tĩnh tọa trong Thiền Đường. Trong vòng một cây hương to (trong khoảng thời gian cháy hết một cây hương), có người rất định, có người trong tâm xáo động khôn cùng, [kẻ ấy] càng ngó dáo dác, càng chịu không nổi! Cây hương ấy rất thô, dài ngàn ấy, tối thiểu cháy hai tiếng rưỡi đồng hồ. Quý vị dòm lư hương: “Hương vẫn còn y nguyên, chẳng cháy bớt chút nào!” Thấy nó quả thật chẳng giảm. Có người căn bản là chẳng nhìn, cứ mặc kệ, bèn nhập Định, [thật ra], ngủ mất tiêu! Hai ba tiếng đồng hồ trôi đi, đợi nghe gõ bản (nhắc đại chúng xả Thiền), người đó tỉnh dậy, [thời khóa tọa Thiền] đã qua đi, làm gì cũng chẳng biết. Có lúc công phu tĩnh tọa của chúng ta tốt đẹp, chân cũng không đau. Bất quá, ngôi Thiền ngon lành [thật ra] là tệ nhất, vì người ấy ngủ suốt hai ba tiếng đồng hồ. Quý vị thấy bộ dáng người ấy dường như đang nhập Định, thật ra, đang ngủ khò khò. Chuyện này phải do luyện tập mà thành, nhìn từ bên ngoài, sẽ nhìn chẳng ra. Kẻ đó đang ngủ, tự mình cảm thấy rất thoải mái. Sự khinh an khi nhập Định và ngủ giống nhau. Đạt được khinh an, thứ gì cũng chẳng suy nghĩ, thật sự buông xuống hết thảy, trụ trong sự khinh an ấy. Đó chẳng phải là khai trí huệ, ắt cần phải tinh tấn dũng mãnh.

Nếu vì tăng trưởng chúng sanh, tu môn Định này, không nương dựa, chẳng chấp trước, vĩnh viễn đoạn trừ các ái trong các Hữu thuộc tam giới, chẳng phải vì chính mình, mà nhằm lợi lạc chúng sanh, khiến cho các hữu tình không nương dựa, không chấp trước mà nhập Định, có thể vĩnh viễn đoạn tuyệt hết thảy ái phược (愛縛, trói buộc do yêu mến). Đây là người có trí huệ, “*vị giải chư hữu phược, linh trụ vô úy thành, tu hành Tịch Chỉ Định, thị danh Ma Ha Tát*” (vì tháo gỡ các trói buộc trong các Hữu nơi tam giới, khiến cho [các hữu tình] trụ trong tòa thành không sợ hãi, mà tu môn Định tịch tĩnh dứt bật, thì [người ấy] được gọi là Ma Ha Tát). Vì khiến cho hết thảy chúng sanh giải thoát tất cả triền phược, trói buộc, mà ở trong tòa thành không sợ hãi, tức tòa thành vô sanh, vô diệt. Tu Chỉ, tu Định như vậy, tức là Tịch Chỉ Định. Đây mới là bậc đại Bồ Tát. Nếu mọi người xem sách vở về Thiền Định, sẽ biết những điều ấy. Nay chúng ta chỉ nhận biết danh từ. Đó chẳng phải là pháp chúng ta sẽ tu. Đợi đến khi chúng tôi giảng xong [bộ kinh này, đại chúng] hãy khéo tu hành pháp Sở Tức Quán do Địa Tạng Vương Bồ Tát

đã nói, đồng thời lại còn khéo niệm Phật. Người thật sự niệm Phật, tu Sở Túc Quán, sẽ giống hệt như công phu tu Tĩnh.

(Kính) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thứ luân, tụng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát Bát Nhã hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian; nhị giả, xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian Bát Nhã? Vị chư Bồ Tát duy y độc, tụng, thư tả, thính văn, vị tha diễn thuyết tam thừa chánh pháp, dục cầu trừ diệt nhất thiết chúng sanh vô minh hắc ám, dục cầu phát khởi nhất thiết chúng sanh đại huệ quang minh, vị u Như Lai sở thuyết chủng chủng dĩ Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, tinh cần độc tụng, thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết, khuyến chánh tu hành. Hoặc u Như Lai sở thuyết chủng chủng dĩ Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, tinh cần độc tụng, thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết, khuyến chánh tu hành. Hoặc u Như Lai sở thuyết chủng chủng dĩ Vô Thượng Thừa tương ứng chánh pháp, tinh cần độc tụng, thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết, khuyến chánh tu hành. Bất cầu hiền thánh vô lậu đạo chi, bất cầu thánh đạo, bất cầu thánh đạo sở nhiếp giải thoát, bất hành tịch tĩnh chân thật Bát Nhã, thường hành hữu kiến, hữu tướng Bát Nhã. Như thị Bát Nhã, hữu thủ, hữu trước, thị danh Bồ Tát thế gian Bát Nhã. Như thị Bát Nhã, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền. Vân hà Bồ Tát xuất thế Bát Nhã? Vị chư Bồ Tát tinh cần tu tập Bồ Đề đạo thời, tùy lực độc tụng, thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết tam thừa chánh pháp, nhi u kỳ trung, y vô sở đắc phương tiện nhi trụ, vô sở hành động, vô sở tư duy, vô hữu căn bản, dĩ như hư không tâm, phổ tịch diệt tâm, vô tăng giảm huệ, vô thủ trước tâm, vô sanh diệt tâm, vô thoái chuyển tâm, pháp bình đẳng tâm, Chân Như tâm, thật tế tâm, pháp giới tâm, vô ngã tâm, vô phân biệt tâm, tịch diệt an nhĩ ly phân biệt tâm, thiện xảo an trụ vô thành hoại địa, thiện xảo an trụ vô trụ vô trước thắng diệu huệ địa. Như thị Bát Nhã, vô thủ, vô trước, thị danh Bồ Tát xuất thế Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有般若大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何般若大甲冑輪？善男子！菩薩般若，有二種相：一者、世間；二者、出世間。云何菩薩世間般若？謂諸菩薩，唯依讀誦、書寫、聽聞，為他演說三乘正法，欲求除滅一切眾生無明黑暗，欲求發起一切眾生大慧光明，謂於如來所說種種與聲聞乘相應正法，精勤讀誦，聽聞書寫，為他演說，勸正修行。或於如來所說種種與獨覺乘相應正法，精勤讀誦，聽聞書寫，為他演說，勸正修行。或於如來所說種種與無上乘相應正法，精勤讀誦，聽聞書寫，為他演說，勸正修行。不求賢聖無漏道支，不求聖道，不求聖道所攝解脫，不行寂靜真實般若，常行有見有相般若。如是般若，有取有著，是名菩薩世間般若。如是般若，共諸聲聞、獨覺乘等，此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。云何菩薩出世般若？謂諸菩薩，精勤修習菩提道時，隨力讀誦、聽聞、書寫，為他演說三乘正法，而於其中，依無所得方便，而住無所行動、無所思惟、無有根本，以如虛空心、普寂滅心、無增減慧、無取著心、無生滅心、無退轉心、法平等心、真如心、實際心、法界心、無我心、無分別心、寂滅安忍離分別心，

善巧安住無成壞地，善巧安住無住無著勝妙慧地。如是般若，無取無著，是名菩薩出世般若大甲冑輪。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Đại Giáp Trụ Luân của Bát Nhã? Đây thiện nam tử! Bồ Tát Bát Nhã có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là Bát Nhã thế gian của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát chỉ nương vào đọc, tụng, biên chép, lắng nghe, vì người khác diễn thuyết chánh pháp tam thừa, muốn cầu trừ diệt vô minh hắc ám cho hết thấy chúng sanh, muốn cầu phát khởi quang minh đại huệ cho hết thấy chúng sanh, tức là đối với các thứ chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa do đức Như Lai đã nói, bèn siêng rông đọc tụng, lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn nói, khuyên họ tu hành chánh đáng. Hoặc là đối với các thứ chánh pháp tương ứng với Độc Giác Thừa do đức Như Lai đã nói, bèn siêng rông đọc tụng, lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn nói, khuyên họ tu hành chánh đáng. Hoặc là đối với các thứ chánh pháp tương ứng với Vô Thượng Thừa do đức Như Lai đã nói, bèn siêng rông đọc tụng, lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn nói, khuyên họ tu hành chánh đáng. Chẳng cầu vô lậu đạo chi của hiền thánh, chẳng cầu thánh đạo, chẳng cầu sự giải thoát được nhiếp thọ bởi thánh đạo, chẳng hành Bát Nhã chân thật tịch tĩnh, thường hành Bát Nhã có kiến, có tướng. Bát Nhã như thế nếu chấp giữ là có, thì gọi là Bát Nhã thế gian của Bồ Tát. Bát Nhã như thế cùng chung với các Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Đó chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng do đó mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng chẳng gọi là ruộng phước chân thật của hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Thế nào là Bát Nhã xuất thế của Bồ Tát? Chính là khi các Bồ Tát siêng rông tu tập Bồ Đề đạo, tùy sức mà đọc tụng, lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn thuyết tam thừa chánh pháp, nhưng ở trong ấy, bèn trụ vào phương tiện “không có gì để đạt được”, không có hành động, chẳng có tư duy, chẳng có căn bản, dùng cái tâm như hư không, cái tâm tịch diệt trọn khắp, cái tâm trí huệ chẳng tăng giảm, không chấp giữ, tâm chẳng sanh diệt, tâm chẳng thoái chuyển, tâm pháp bình đẳng, tâm Chân Như, tâm thật tế, tâm pháp giới,

tâm vô ngã, tâm chẳng phân biệt, tâm tịch diệt an nhẫn lìa phân biệt, tâm thiện xảo an trụ địa vị chẳng thành hoại, thiện xảo an trụ địa vị trí huệ mâu nhiệm thù thắng vô trụ, không chấp trước. Bát Nhã như thế chẳng giữ lấy, chẳng chấp trước, gọi là Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát).

Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu trí huệ Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân này, từ khi Ngài mới phát tâm, đã có thể đoạn tuyệt ngũ dục. Đây là nói bậc Thập Trụ Bồ Tát phát tâm, hoàn toàn chẳng phải là nói về Sơ Tín. Như chúng ta cũng phát tâm, nhưng chẳng thể đoạn ngũ dục. Hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong địa vị Thập Trụ vừa phát Bồ Đề tâm, ngũ dục đều đoạn trừ, họ có thể nhanh chóng đoạn dứt. Lại còn vừa phát tâm, đã vượt xa Thanh Văn, Độc Giác, vượt xa A La Hán, hơn hẳn hàng Nhị Thừa. Do vậy, Ngài có thể làm ruộng phước to lớn cho hết thầy Thanh Văn và Độc Giác. Vì thế, hết thầy Thanh Văn và Độc Giác Thừa đều phải nên cúng dường, thừa sự, thân cận, thủ hộ Ngài. Đây là điều tương thông, vẫn tự giống như trong các đoạn trước.

Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân là gì? Trí huệ Bát Nhã của Bồ Tát có hai loại tướng: Một loại là thế gian, loại kia là xuất thế gian, tức một loại là thế gian Bát Nhã, loại kia là xuất thế gian Bát Nhã. Thế gian Bát Nhã chung với Thanh Văn và Độc Giác, xuất thế gian Bát Nhã chẳng chung với Thanh Văn và Độc Giác. Sau khi Bồ Tát thành tựu luân này, khi thuyết pháp cho hết thầy chúng sanh, sẽ dựa vào đâu? Bồ Tát sẽ đọc, tụng, biên chép, lắng nghe. Khi Bồ Tát tu hành trong đời quá khứ, cũng dựa vào đọc tụng, biên chép, lắng nghe. Lắng nghe là Văn Tư, tức là nghe xong bèn suy nghĩ, suy nghĩ rồi có thể tu. Đọc tụng và biên chép là một cách thực hiện tu hành, khác với tĩnh tọa và tham Thiền. Một đặng là từ tướng mà vào, tiến nhập dần dần. Một đặng là từ Thể mà nhập, đốn ngộ. Chúng ta biết Huệ Năng đại sư chẳng đọc tụng, mà cũng chẳng biên chép. Ngài cũng chẳng biết chữ, [thế mà] Ngài đốn ngộ. Căn cơ của chúng ta chẳng giống Ngài. Nếu Ngài là loại căn cơ đó, mà lại nói pháp Thanh Văn Nhị Thừa cho Ngài, bảo Ngài đọc tụng, lắng nghe, thì sai lầm mất rồi! Trong phần trước, chúng tôi đã nói “*chẳng phạm sai lầm đối với tam thừa*”, nếu làm như vậy (thuyết pháp không đúng căn cơ) thì sẽ là sai lầm. Nếu đối với người thuộc loại căn cơ “*tiệm tiến*” (漸進, tiến nhập dần dần), mà chỉ nói pháp đốn ngộ, [dạy họ] tham cứu minh tâm kiến tánh thì hiện thời đối với loại căn cơ ấy, sẽ chẳng thích hợp.

Vì sao Bồ Tát làm như vậy? Ngài vì tu hành, tu hành vì chúng sanh. Đọc tụng, biên chép, lắng nghe, đều nhằm diễn thuyết chánh pháp tam thừa. Ở đây, thêm chữ Chánh, [ngụ ý những gì các Ngài đã làm đều] nhằm trừ diệt vô minh hắc ám của chúng sanh. Vô minh phiền não của chúng sanh phải dựa vào pháp này để giải cứu, phải mong trừ khử sự hắc ám nơi tâm lý của chúng sanh. Dựa vào pháp thì mới có thể diệt trừ, chẳng nhờ vào ánh sáng đèn, ánh sáng mặt trời, mặt trăng [để diệt trừ hắc ám]. Các thứ quang minh ấy (ánh đèn, hay ánh sáng nhật nguyệt) chẳng trừ được hắc ám của họ. Chúng có thể trừ khử sự hắc ám nơi hiện tượng. Nếu muốn trừ khử sự hắc ám nơi tâm lý thì phải học pháp, phải tu pháp, khiến cho họ sanh ra quang minh đại huệ vốn sẵn có của chính mình. Vì duyên có này, Bồ Tát phải quán cơ. Quán cơ (觀機) tức là xem xét [đối tượng được thuyết pháp] thuộc loại căn cơ nào để nói cho người ấy pháp thích đáng thuộc thừa đó.

Kế đó, [chánh kinh liệt kê] các thứ pháp. Nếu là chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa, bèn đối trước người thuộc Thanh Văn Thừa mà nói, khiến cho họ nghe pháp xong cũng có thể siêng rông tu học, “*thính văn, thư tả*” (lắng nghe, biên chép), khuyên họ tu hành. Sau khi [đối tượng] đã nghe pháp, sẽ khuyên họ tu hành. “*Vị tha diễn thuyết, khuyến chánh tu hành*” (Vì người khác diễn thuyết, khuyên tu hành chánh đáng), chớ hành theo tà đạo. Mục đích nghe pháp của chúng ta là sợ chính mình hành trì chẳng phải là chánh hạnh. Nếu chẳng phải là công phu chân chánh, vận dụng sai lầm, [chẳng hạn như] học Khí Công cũng rất dễ đi vào ngõ rẽ. Nếu quý vị bị hướng dẫn theo công phu chẳng tốt, do tu chẳng tốt đẹp, sẽ dẫn khởi rất nhiều bệnh tật. Vì thế, đối với pháp này, cũng phải nói chánh pháp như thế; sau đó phải tinh tấn, chớ nên giải đãi. “*Cần*” (勤, siêng năng) là chẳng biếng nhác! Xét theo ý nghĩa của đọc tụng, Đọc là chiếu theo kinh văn để đọc, Tụng là đọc thuộc lòng. Đọc kinh phần lớn là chiếu theo kinh bản để đọc. Một bộ kinh Pháp Hoa, xét ra trí lực của chúng ta chẳng thể nào thuộc nằm lòng được. Kinh Hoa Nghiêm chúng ta cũng chẳng thể thuộc nằm lòng nổi; kinh Đại Bát Nhã chúng ta cũng không thể thuộc nổi! Một phần trong đó, như Tâm Kinh, thì chúng ta có thể thuộc. Quý vị thuộc nằm lòng, [có thể đọc không cần kinh bản] thì là Tụng. Chiếu theo kinh bản để đọc, hoặc chính mình sao chép, quý vị làm được điều này, nhưng khuyên kẻ khác tu hành chánh đáng thì chẳng làm được!

Tu Quán bèn quán chẳng được, như Quán Tự Tại Bồ Tát dạy quý vị tu, khơi mở trí huệ Bát Nhã của ta. Trí huệ ấy sanh ra đại huệ quang minh, quý vị mới có thể chiếu kiến “*Ngũ Uẩn đều là Không*”. Nếu không, lấy gì để chiếu kiến Ngũ Uẩn đều là Không? Chúng ta vẫn giữ mãi nơi ngũ dục ư? Chẳng hiểu rõ năm mươi loại Âm Ma, căn bản là quý vị đang ở trong loài ma, vẫn cứ tưởng chính mình rất biết tu hành, sai lầm mất rồi! Vì sao phải thường xuyên đọc kinh? Dùng kinh để đối chiếu. Kinh giống như mặt gương. Trên mặt chúng ta có vết đen, chính mình chẳng trông thấy, quý vị vừa soi gương sẽ biết. Do vậy, khuyên họ phải tu hành chánh đáng. Nếu cảm nhận tu hành không đúng, hãy đối chiếu với kinh bản, coi đức Phật dạy như thế nào? Hãy đối chiếu một phen! Chiếu theo các thứ pháp do đức Như Lai đã nói, nếu là căn cơ Thanh Văn Thừa, hãy nói kinh A Hàm, hoặc luận Câu Xá cho người ấy, tức là chánh pháp tương ứng với Thanh Văn. Nếu là Độc Giác Thừa, hãy nói cho người ấy pháp nhân duyên, nói mười hai nhân duyên. Ba mươi bảy đạo phẩm, tức Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, những pháp ấy chung cho cả ba thừa. Quý vị có thể [giảng giải] sâu, mà cũng có thể cạn. Như thế thì Thanh Văn, Độc Giác, “*thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết, khuyên chánh tu hành*” (lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn nói, khuyên họ tu hành chánh đáng).

“*Hoặc ư Như Lai sở thuyết chủng chủng dữ Vô Thượng Thừa tương ứng chánh pháp*” (Hoặc đối với các thứ chánh pháp tương ứng Vô Thượng Thừa do đức Như Lai đã nói): Nếu gặp chúng sanh cầu Vô Thượng Thừa, bèn khuyên họ tu hành chánh đáng, nói chánh pháp tương ứng với Vô Thượng Thừa, như kinh Bát Nhã, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, minh tâm kiến tánh. Đặc biệt là kinh Pháp Hoa, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, nói cho họ tri kiến của Phật. Kẻ Nhị Thừa chẳng thể tin nhận! Lấy ngay các đạo hữu trong hiện thời để nói, tôi đã gặp mấy kẻ, họ chẳng phản đối. Quý vị giảng kinh Pháp Hoa, họ cũng theo nghe đôi chút. Quý vị giảng kinh Hoa Nghiêm, họ cũng nghe. Như vậy là gieo thiện căn! Căn cơ Nhị Thừa đều chẳng có, họ chẳng thể chứng đắc thánh quả, chỉ là gieo thiện căn, nhưng họ có thể nghe danh tự của kinh, có thể lắng nghe, đều là do đã gieo thiện căn từ vô lượng kiếp đến nay! Nếu không, họ sẽ chẳng thể nghe nổi, đã ngồi xuống rồi lại đứng lên bỏ đi!

Khi tôi giảng kinh Hoa Nghiêm tại chùa Nam Phổ Đà ở Hạ Môn, giảng hơn nửa năm, có người nghe đôi chút bèn bỏ đi, chẳng thể nghe từ

đầu đến đuôi. Học trò thì không được, chẳng nghe cũng không được, vì họ là học sinh tại Phật Học Viện, ắt phải nghe giảng bài. Họ chẳng phải là căn cơ ấy; chẳng phải là căn cơ ấy, thì kể như gieo thiện căn. Trong đời tương lai, họ sẽ dần dần thành tựu căn cơ ấy, đó là gieo nhân. Nhưng có thể gieo cái nhân này, là do có nhân duyên tức thế. Giống như đoạn kinh văn này đã nói, nếu chúng ta muốn thật sự đạt đến Bát Nhã chân thật, tức là như nay chúng tôi đang giảng nửa quyển sau kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đang giảng về chân thật Bát Nhã thì những điều chúng tôi vừa nói chỉ là hữu tướng Bát Nhã. Hữu Tướng Bát Nhã khác hẳn Vô Tướng Bát Nhã. Hữu Tướng là “*hữu thủ, hữu trước*” (có giữ lấy, có chấp trước), còn Vô Tướng chẳng có.

Họ siêng rông đọc tụng Đại Thừa, lắng nghe, biên chép như thế, tức là sự “*chánh tu hành*” (tu hành chánh đáng) của họ chẳng giống như sự tu hành trong các phần trước, chẳng cầu trí huệ vô lậu của Nhị Thừa. “*Chẳng cầu thánh đạo*” là nói đến [thánh đạo] Nhị Thừa. Vô cầu, vô chứng, chẳng cầu sự giải thoát được nói trong thánh đạo [Nhị Thừa], chẳng hành tịch tĩnh chân hạnh Niết Bàn. Trái lại, đối với tịch tĩnh chân thật Bát Nhã, họ chẳng hành, như thế thì các điều họ đã hành toàn là Bát Nhã hữu tướng có thể thấy được. Đối với loại Bát Nhã ấy, có lấy, có bỏ, đó là có chấp trước tướng. Tu hành như thế thì môn Bát Nhã ấy chẳng phải là Bát Nhã chân thật, tức là chẳng hành tịch tĩnh chân thật Bát Nhã. “*Hành*” là thấy, pháp được hành là hữu tướng Bát Nhã. Môn Bát Nhã ấy có lấy, có xả; đó chẳng phải là môn Bát Nhã thật sự rốt ráo của Bồ Tát. Đây là gì? Chính là thế gian Bát Nhã của Bồ Tát. Do vậy, đối với sự phân biệt, đối đãi trong pháp yếu tam thừa, chẳng phải là đức Phật nói vô sai biệt, bình đẳng hay sao? Đó là bình đẳng, [tương ứng với] pháp họ đáng nên lãnh thọ. Họ có thể tiếp nhận cỡ nào, quý vị sẽ nói cho họ chừng ấy. Họ chẳng thể tiếp nhận mà quý vị [chỉ dạy] vượt quá khả năng của họ, [họ sẽ hoàn toàn chẳng tiếp nhận]. Đây là bất bình đẳng!

Chuyện này có ý nghĩa giống như thí dụ ăn cơm tôi đã nêu trong phần trước. Chúng ta ấn định người ấy phải ăn ba chén. Người có thể ăn năm chén, sẽ không đủ no. Người chỉ có thể ăn một chén, ép họ ăn ba chén xong, họ chịu không nổi! Đây mới là bất bình đẳng! Người ấy là căn cơ gì, có thể nghe nói pháp gì, có thể biên chép pháp gì? Quý vị diễn nói cho người ấy, khuyên người ấy tu chánh đáng, chớ nên sai lầm. Kẻ chẳng phải là căn khí rất sâu, chẳng mong thành Phật, chẳng mong đạt tới quả vị rốt ráo, quý vị chẳng thể nói pháp rất sâu cho kẻ đó được! Kẻ đó có thể nghe pháp, cũng có thể lắng nghe, cũng có thể biên chép,

nhưng mục đích của kẻ đó bất đồng. Họ tu tập giải thoát cũng khác, sự tu hành của người ấy luôn thuộc vào hữu tướng, hữu vi, chấp trước!

Giống như giới Bồ Tát và giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo và giới Sa Di, giới Sa Di và Bát Quan Trai Giới, Bát Quan Trai Giới và Ngũ Giới, đều khác nhau. Vì tâm lượng của người ấy chỉ to chừng đó. Đó là hữu tướng Bát Nhã. Môn Bát Nhã ấy còn có lấy, có bỏ, chấp trước “đây là nghiệp bất tịnh, ta chẳng thể làm”. Đó gọi là “*chấp trước*”. Bồ Tát thì vô trước (chẳng chấp trước), là thật sự bình đẳng. Nói Thanh Văn và Duyên Giác chấp trước, chẳng phải là họ chấp trước ngũ dục thế gian, mà chấp trước gì vậy? Họ chấp trước pháp. [Đối với họ], Ngã đã chẳng còn thì là đã tu thành công. Đã đoạn Ngã Chấp, nhưng Pháp Chấp vẫn chưa đoạn. Tuy người ấy có trí huệ, nhưng chỉ được một nửa, đó gọi là thế gian Bát Nhã của Bồ Tát. Bồ Tát phải trọn đủ hai loại Bát Nhã. Loại Bát Nhã này (thế gian Bát Nhã) cùng chung với Thanh Văn, Độc Giác. Họ cũng nương theo loại Bát Nhã này để học, cũng chứng đắc như thế. Bồ Tát tuy cũng nương theo pháp ấy để học, nhưng sau khi học xong, bèn lợi ích chúng sanh, chẳng vì để chính mình thọ dụng, mà là để cho người khác thọ dụng. Loại Bát Nhã này chẳng thể gọi là “*Đại Giáp Trụ Luân*”, do chẳng có sức mạnh của cái luân ấy, chẳng gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, chẳng thể coi là bậc đại Bồ Tát được, chẳng thể gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng chẳng thể làm ruộng phước chân thật cho Thanh Văn và Bồ Tát. Đó là thế gian Bát Nhã của Bồ Tát.

Bát Nhã có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Xuất thế gian Bát Nhã của Bồ Tát, “*vị chư Bồ Tát tinh cần tu tập Bồ Đề đạo thời*” (tức là khi các Bồ Tát siêng ròng tu tập Bồ Đề đạo), nêu ra tiền đề khác biệt: Vị ấy tu hành Bồ Đề đạo, trong khi tu nhân, đã nương vào Bồ Đề đạo để tán tu, nơi quả địa chứng đắc quả Bồ Đề. “*Tùy lực đọc, tụng, thính văn, thư tả*” (Tùy sức mà đọc tụng, lắng nghe, biên chép), tùy theo sức của vị ấy, tức là tùy theo sức trí huệ. Có sức trí huệ rất lớn, sẽ có thể học tập pháp ấy. Sau khi đã học xong, liền có thể lợi ích chúng sanh, diễn tam thừa chánh pháp cho chúng sanh.

“*Nhi ư kỳ trung, y vô sở đắc phương tiện nhi trụ, vô sở hành động, vô sở tư duy, vô hữu căn bản, dĩ như hư không tâm, phổ tịch diệt tâm, vô tăng giảm huệ, vô thủ trước tâm, vô sanh diệt tâm, vô thoái chuyển tâm, pháp bình đẳng tâm, Chân Như tâm, Thật Tế tâm, pháp giới tâm, vô ngã tâm, vô phân biệt tâm, tịch diệt an nhân ly phân biệt tâm*” (Nhưng ở trong ấy, nương vào phương tiện chẳng có gì đạt được mà trụ, chẳng có hành động, chẳng tư duy, chẳng có căn bản, dùng cái tâm như

hư không, tâm tịch diệt trọn khắp, trí huệ chẳng tăng giảm, tâm không chấp giữ, tâm chẳng sanh diệt, tâm chẳng thoái chuyển, tâm pháp bình đẳng, tâm Chân Như, tâm Thật Tế, tâm pháp giới, tâm vô ngã, tâm chẳng phân biệt, tâm tịch diệt an nhiên là phân biệt). Tổng cộng có mười hai tâm. Bồ Tát chứng đắc Căn Bản Trí, nương theo Căn Bản Trí mà sanh khởi Hậu Đắc Trí. Bồ Tát phải có phương tiện thiện xảo, từ trong Căn Bản Trí, hàng Nhị Thừa chỉ chứng được một nửa, chẳng có phương tiện thiện xảo, vì họ chẳng thể độ chúng sanh, [cho nên] chẳng sanh ra các phương tiện thiện xảo.

Thế nào là phương tiện thiện xảo? Bồ Tát độ chúng sanh mà chẳng thấy tướng chúng sanh. Chúng sanh đáng nên dùng căn cơ nào để đắc độ, bèn hiện căn cơ ấy. Cho đến đối với chúng sanh ấy đáng nên bố thí một chút tiền tài, hoặc là nên bố thí đôi chút pháp, Bồ Tát hãy nên bố thí cho kẻ ấy đôi chút tiền tài hoặc pháp. Vậy là cũng chẳng thể cho kẻ ấy trì giới, cho kẻ ấy thọ giới, khiến cho kẻ ấy hành Đại Nhân Nhục Bát Nhã hạnh, kẻ đó chẳng làm được, vì chẳng có sức lớn như vậy. Tuy làm đủ mọi thứ, nhưng chẳng chấp trước, “*vô sở hành động*” có nghĩa là “*chẳng chấp trước*”. Độ chúng sanh mà chẳng thấy tướng chúng sanh, cũng chẳng biểu thị “chính mình có thể độ chúng sanh”, cũng chẳng có chúng sanh được ta độ, chẳng chấp trước. Đó gọi là “*tam luân thể không*”.

Các tâm sau đó đều nhằm hình dung cảnh giới độ sanh: Quý vị dùng cái tâm gì. Ngược lại thì sẽ là nương theo trí huệ Chân Như Bát Nhã. Chúng ta “*vô sở hành động*”, tức là chúng ta cũng chẳng độ chúng sanh. Hết thấy chúng sanh “*vô sở tư duy*” (chẳng dựa vào đâu để tư duy), tức là nghĩa Không, chứng đắc tịch diệt, đấy là nghĩa Không. Tất cả các tư duy của chúng ta là chẳng có ư? Tư duy của chúng ta đều là hư vọng, chẳng thật! Chân tư duy của Bồ Tát là chẳng tư duy, nhưng chẳng phải là không có tư duy. Ý nghĩa trong Đại Thừa là như thế đó. Nói “*chẳng có căn bản*”, tức là nói người ấy chẳng nương vào đâu, chẳng chấp trước gì. Nói căn bản là như thế đó. Quý vị nghĩ xem, khi chư Phật thành đạo, các Ngài hoàn toàn chẳng nói nương vào Pháp Thân để tu hết thấy các hạnh hồng thành tựu Báo Thân, nương vào Báo Thân để thành tựu Hóa Thân. Hoàn toàn chẳng nói kiêu đó! Ngài là trí huệ hiển hiện. Vì sao? Tâm Ngài như hư không, chẳng có tác dụng. Hư không có tác dụng gì? Hư không chẳng có tác dụng.

“*Phổ tịch diệt tâm*”: Làm cho chúng sanh đều có thể đạt được tịch tĩnh, chẳng xáo động! Đối với Huệ, tại phạm chẳng giảm, nơi thánh

chẳng tăng. Bát Nhã Huệ tại phàm chẳng giảm, [bởi lẽ, mỗi chúng sanh] vốn trọn đủ trí huệ Bát Nhã, vốn trọn đủ Pháp Thân đức tướng của chư Phật. Đã thành thánh quả, rốt ráo thành Phật, cũng chẳng thể tăng. Các vị đạo hữu! Chúng tôi giảng Tâm Kinh, quý vị đều biết “*bát tăng, bát giảm*” là tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng. Tâm trí huệ loại này chẳng có giữ lấy, chẳng chấp trước, chẳng chấp hết thấy các pháp. Người ấy không chỉ chẳng chấp Ngã, mà đối với hết thấy các pháp, cũng đều chẳng chấp trước. Đây là đã đạt tới cảnh giới màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, là diệu huệ địa. Quán hết thấy các pháp đều là vô sanh, vô diệt. Chúng ta quán hết thấy các pháp có sanh, có diệt, có tăng, có giảm, cho nên chúng ta chẳng thể tiến nhập. Khi chúng ta giúp đỡ người khác, chẳng thể giúp triệt để, chỉ có thể gieo thiện căn mà thôi, chẳng thể giải quyết vấn đề, chẳng thể khiến cho người ấy đoạn phiền não, mà cũng chẳng thể khiến cho người ấy chứng Bồ Đề. Vì tâm Bồ Tát như hư không, vĩnh viễn chẳng có thoái đạo. Đây là nói tới bậc Đẳng Địa Bồ Tát, đại Bồ Tát đã chứng Bát Nhã trí, vĩnh viễn chẳng thoái đạo. Bát Địa, tức Bất Động Địa, sẽ chẳng thoái đạo.

“*Pháp bình đẳng tâm*”: Hết thấy các pháp bình đẳng, vô nhiễm, vô tịnh, bất tăng, bất giảm, bất sanh, bất diệt. Đó là pháp bình đẳng tâm! Cái tâm ấy là chân thật, là Chân Như tâm. Chúng ta nói Thật Tế lý địa, danh từ ấy nhằm hình dung Pháp Thân, nhưng “*thật tế tâm*”, “*pháp giới tâm*”, “*vô ngã tâm*”, đối với vô ngã tâm, còn có thêm một sự khu biệt: Hàng Nhị Thừa cũng đạt tới vô ngã, nhưng là Tiểu Vô Ngã. Vô Ngã cũng là chẳng có các cảnh thuộc về ta. Tâm có thể chuyển hết thấy các cảnh, tâm có thể chuyển hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp đều vô ngã, chẳng có tâm phân biệt, chẳng có nhiễm, tịnh, lớn, nhỏ, chẳng có dài, ngắn, vuông, tròn. Tịch diệt an nhẫn, tịch tĩnh bất động, chẳng đến, chẳng đi, cho nên không có tâm phân biệt. “*Thiện xảo an trụ vô thành hoại địa*” (Thiện xảo an trụ nơi địa vị chẳng thành hay hoại): Rất phương tiện thiện xảo đối với thành hay hoại bình đẳng. “*Bình đẳng*” như vừa mới nói chính là đối với thành tựu và phá hoại, người ấy đều thấy hai thứ ấy bình đẳng.

Hễ còn có phân biệt kiêu ấy, đối với một thứ đã thành tựu, sẽ chẳng chịu phá hoại nó. Đó là có tâm phân biệt, chẳng thể thấy bình đẳng! Nếu đã thấy là bình đẳng, có cần phá hoại nữa chẳng? Bình đẳng thì càng chẳng phá hoại. Hết thấy các pháp an lập, nói “*thế pháp chư pháp vị, thế gian tướng thường trụ*”, tức là mỗi pháp sẽ ở đúng nơi bản vị của chúng, tướng ấy sẽ thường trụ. Hết thấy các pháp, đều chẳng phá

hoại bản vị của nó, đó là tướng thế gian thường trụ. Ý nghĩa “*thường trụ*” hoàn toàn chẳng phải là hoa nở vĩnh viễn. “*Thường trụ*” ở đây là nối tiếp chẳng dứt, nối tiếp thường trụ! Do đó, kinh Kim Cang nói “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, “*thọ giả*” là liên tục không ngừng, thọ mạng liên tục không ngừng, hoàn toàn chẳng phải là chúng ta sẽ sống một vạn ức năm, chẳng phải là ý nghĩa đó. Chúng ta từ đời này sang đời khác vĩnh viễn lưu chuyển trong tam giới chẳng ngừng. Có ý nghĩa như thế đó. “*Thiện xảo an trụ vô trụ vô trước thắng diệu huệ địa*” (An trụ trong địa vị trí huệ thù thắng, nhiệm màu, không trụ, không chấp), đây là Bát Nhã thật sự. Bát Nhã có hình dạng như thế nào? “*Vô thủ, vô trước. Thị danh Bồ Tát xuất thế Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân*” (Không giữ lấy, không chấp trước. Đó gọi là Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát). Nếu Bồ Tát thành tựu luân này, kể từ lúc mới phát tâm, luân này đã có thể phá hủy hết thảy. Mỗi đoạn kinh văn đều nói như vậy. Mười Giáp Trụ Luân đều là như vậy.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân, tòng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

(經)善男子！若菩薩摩訶薩成此般若大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thảy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt xa hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thảy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thảy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Người ấy vừa phát tâm, có thể đoạn trừ ngũ dục Hoặc, “*nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn*” (hết thảy ngũ dục đều có thể đoạn trừ), đây

là đại Bồ Tát, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Đại Bồ Tát khi vừa phát tâm, liền “*siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác*” (vượt xa hết thầy Thanh Văn, Độc Giác). Chuyện này ắt cần phải nói theo giáo nghĩa thì quý vị mới hiểu được! Vì vị ấy đã viên mãn tâm Thập Tín, tâm Thập Tín là cảnh giới gì? Là nguyện tâm, tức nguyện độ hết thầy chúng sanh thành Phật. Ngài không chỉ phát nguyện ấy, mà còn chiếu theo đó để làm. Do vậy, Ngài phát Bồ Đề tâm, độ hết thầy chúng sanh. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, tâm Thập Tín rất sâu sắc. Phạm phu phát tâm, tâm niệm tối sơ là niệm nào cũng bất thoái, niệm nào cũng chẳng rời Tam Bảo. Nhận biết niệm trước khởi ác, liền dứt trừ niệm kế tiếp, chẳng cho nó khởi lên. Đó là Tín vị. Hữu tín Bồ Tát, thật sự phát khởi tín tâm, chúng ta có thể quan sát chính mình có phải là như vậy hay chăng? Nếu là như vậy thì đã thuộc Tín vị. Nhất tâm, nhị tâm, tam tâm, tứ tâm, bốn huệ tâm ấy, có nguyện tâm, có tâm hộ pháp, đạt tới Đệ Thất Tín là hộ pháp. Thế nào là hộ pháp? Nếu có kẻ hủy báng Tam Bảo, ta có thể xả thân mạng của chính mình để hộ trì Tam Bảo. Nghe thấy hủy báng Tam Bảo, bèn dùng thân mạng của chính mình để bảo vệ Pháp, bảo vệ Phật, chúng ta có làm được hay không? Đó là Đệ Thất Tín tâm. Thứ tám là Hồi Hướng Tâm, hồi hướng cho hết thầy chúng sanh. Chúng ta làm một tí chuyện nào cũng đều hồi hướng cho chúng sanh. Như thế cho đến khi đạt tới Phát Tâm Trụ, tức là dựa vào địa vị Sơ Trụ; đã viên mãn mười tín tâm bèn dựa vào Phát Tâm Trụ. Vừa phát tâm bèn phát đại tâm, có thể làm ruộng phước cho hết thầy Thanh Văn và Độc Giác, cũng có thể làm chỗ nương tựa cho hết thầy Thanh Văn và Độc Giác, khuyên họ phát tâm Đại Thừa. Đây là Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thủ luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà danh vi Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát thiện xảo phương tiện, hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian; nhị giả, xuất thế gian. Vân hà danh vi Bồ Tát thế gian thiện xảo phương tiện? Vị chư Bồ Tát hoặc vị tự lợi, hoặc vị tha lợi, hoặc vị câu lợi, thường hoài bỉ thử, thị hiện chủng chủng công xảo kỹ thuật, vị tự cập tha đắc thành thực cố, thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc

chư Bồ Tát, hoặc chư Độc Giác, hoặc chư Thanh Văn, hoặc mẫu, hoặc phụ, hoặc chư bệnh giả, hoặc chư luy liệt vô y hồ giả. Nhược kiến ách nạn, lâm bị hại giả, chủng chủng cần khổ phương tiện cứu tế, dĩ Tứ Nhiếp Sự thành thực hữu tình. Thị chư Bồ Tát tự trụ Đại Thừa, u chư Thanh Văn, cập Độc Giác Thừa, phi Đại Thừa khí, nhược chư Thanh Văn, cập Độc Giác Thừa, căn vị thực giả, vị thuyết vi diệu thậm thâm pháp giáo, linh kỳ tu học, hoặc khuyến cần tu chư thánh Tĩnh Lự, hoặc vị khai thị Tối Thắng Nghĩa Đẳng, khuyến linh tu hành, siêu Tứ Diên Đảo, giác ngộ tứ chủng vô đọa pháp tánh, hoặc linh thú nhập Tứ Vô Ngại Giải, hoặc phục nãi chí khuyến linh an trụ Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đẳng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, hữu dư, vô dư đạo, cập đạo quả, thú nhập xảo trí, linh kỳ thành thực. Nhược chư hữu tình tham cầu danh xưng, lợi dưỡng, phú quý, chư căn tháo nhiễu, thiện căn vị thực, khuyến linh độc tụng chư A Cấp Ma, cập Tỳ Nại Da, A Tỳ Đạt Ma. Hoặc khuyến độc tụng trừ Phật sở thuyết thuận giải thoát luận, linh kỳ thành thực. Nhược chư hữu tình bất nhạo bố thí, khuyến linh huệ xả chủng chủng trân tài, linh kỳ thành thực. Nhược chư hữu tình bạo ác bất nhân, khuyến linh tu học tứ chủng phạm trụ. Nhược chư hữu tình tâm đa phân khuể, khuyến linh tu nhân. Nhược chư hữu tình tâm đa giải đãi, khuyến tu tinh tấn. Nhược chư hữu tình tâm đa tán loạn, khuyến tu Tĩnh Lự. Nhược chư hữu tình cụ túc ác huệ, vị thuyết chánh pháp, vị dĩ ký thuyết, giáo giới, phương tiện, linh kỳ thành thực. Nhược chư hữu tình bất kính Tam Bảo, cụ Vô Y Hạnh, khuyến thọ Tam Quy, linh kính Tam Bảo, hoặc khuyến thọ học Cận Sự luật nghi, hoặc khuyến thọ học Cận Trụ luật nghi, linh kỳ thành thực. Hoặc khuyến tu tập chủng chủng công xảo kỹ thuật nghiệp xứ, linh kỳ thành thực. Như thị đấng Bồ Tát Ma Ha Tát chủng chủng thể gian xảo phương tiện trí, quá Căng-già sa Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ thị nhất thiết thư luận, công xảo, kỹ thuật nghiệp xứ, gia hạnh, tinh tấn, xảo phương tiện trí, tồi phục nhất thiết ngoại đạo dị học. Như thị danh vi Bồ Tát thể gian thiện xảo phương tiện. Thử xảo phương tiện, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đấng, diệc tác nhất thiết Phật pháp y nhân, diệc thị thiện xảo chư hành y xứ, diệc thị thiện xảo nhậm vận vô tư, diệt thoái đọa pháp.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有善巧方便大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何名為善巧方便大甲冑輪？善男子！菩薩善巧方便，有二種相：一者、世間；二者、出世間。云何名為菩薩世間善巧方便？謂諸菩薩，或為自利，或為他利，或為俱利，常懷彼此示現種種工巧技術，為自及他得成熟故，承事供養諸佛世尊、或諸菩薩、或諸獨覺、或諸聲聞、或母、或父、或諸病者、或諸羸劣無依怙者。若見厄難臨被害者，種種勤苦方便救濟，以四攝事成熟有情。是諸菩薩自住大乘，於諸聲聞及獨覺乘非大乘器，若諸聲聞及獨覺乘根未熟者，為說微妙甚深法教令其修學，或勸勤修諸聖靜慮，或為開示最勝義諦，勸令修行超四顛倒，覺悟四種無墮法性，或令趣入四無礙解，或復乃至勸令安住四念住、四正斷、四神足、五根、五力、七等覺支、八聖道支，有餘無餘，道及道果，趣入巧智，令其成熟。若諸有情，貪求名稱、利養、富貴，諸根躁擾，善根未熟，勸令讀誦諸阿笈摩，及毗奈耶、阿毗達摩，或勸讀誦除佛所說順解脫論，令其成熟。若諸有情，不樂佈施，勸令惠舍種種珍財，令其成熟。若諸有情，暴惡不仁，勸令修學四種梵住。若諸有情，心多忿恚，勸令修忍。若諸有情，心多懈怠，勸修精進。若

諸有情，心多散亂，勸修靜慮。若諸有情，具足惡慧，為說正法，謂以記說，教誡方便，令其成熟。若諸有情，不敬三寶，具無依行，勸受三歸，令敬三寶，或勸受學近事律儀，或勸受學近住律儀，令其成熟。或勸修習種種工巧技術業處，令其成熟。如是等菩薩摩訶薩種種世間巧方便智，過殞伽沙菩薩摩訶薩以是一切書論、工巧、伎術業處，加行、精進巧方便智，摧伏一切外道異學。如是名為菩薩世間善巧方便。此巧方便，共諸聲聞、獨覺乘等，亦作一切佛法依因，亦是善巧諸行依處，亦是善巧任運無思，滅退墮法。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân? Đây thiện nam tử! Bồ Tát thiện xảo phương tiện có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là thế gian thiện xảo phương tiện của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát hoặc vì tự lợi, hoặc vì lợi ích cho người khác, hoặc vì hai bên cùng có lợi, thường nghĩ đến đôi bên, thị hiện các thứ kỹ thuật hay khéo, vì để cho mình lẫn người được thành thực mà thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc các vị Bồ Tát, hoặc các Độc Giác, hoặc các Thanh Văn, hoặc mẹ, hoặc cha, hoặc những người bệnh, hoặc những kẻ yếu đuối, không nơi nương cậy, Nếu thấy kẻ bị hại vì các thứ ách nạn, bèn siêng khổ dùng các phương tiện cứu giúp, dùng Tứ Nhiếp Sự để thành thực hữu tình. Các vị Bồ Tát ấy tự trụ Đại Thừa, đối với các Thanh Văn, và Độc Giác Thừa chẳng phải là cản khí Đại Thừa, nếu các Thanh Văn và Độc Giác Thừa căn cơ chưa chín muồi, sẽ vì họ nói pháp vi diệu rất sâu để dạy họ tu học. Hoặc khuyên siêng tu các thánh Tỳ Ni Luật, hoặc vì họ khai thị Tối Thắng Nghĩa

Đế, khuyên họ tu hành vượt khỏi Tứ Diên Đảo, giác ngộ bốn loại vô đạo pháp tánh, hoặc dạy họ tiến nhập Tứ Vô Ngại Giải, hoặc lại còn cho đến khuyên họ an trụ trong Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, đạo hữu dư, vô dư, và đạo quả, tiến nhập trí khéo, khiến cho họ thành thực. Nếu các hữu tình tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, phú quý, các căn xáo động, nhiễu loạn, sẽ khuyên họ đọc tụng các kinh A Cấp Ma, Tỳ Nại Da, và A Tỳ Đạt Ma. Hoặc khuyên đọc tụng các bộ luận thuận theo giải thoát luận chẳng do đức Phật nói, khiến cho họ thành thực. Nếu các hữu tình chẳng thích bố thí, khuyên họ thí xả rộng rãi các thứ tài vật quý báu, khiến cho họ thành thực. Nếu các hữu tình bạo ác, bất nhân, khuyên họ tu học bốn thứ Phạm Trụ. Nếu các hữu tình tâm lắm sân khuê, khuyên họ tu nhẫn. Nếu các hữu tình tâm lắm giải đãi, khuyên tu tinh tấn. Nếu các hữu tình tâm lắm tán loạn, khuyên tu Tĩnh Lự. Nếu các hữu tình trọn đủ ác huệ, sẽ vì họ nói chánh pháp, tức là dùng phương tiện như ký thuyết (thuyết pháp đúng với căn cơ và ước nguyện của họ) và giáo giới (răn dạy) để thành thực họ. Nếu các hữu tình chẳng kính Tam Bảo, trọn đủ Vô Y Hạnh, bèn khuyên họ thọ Tam Quy, khiến cho họ kính trọng Tam Bảo, hoặc khuyên thọ học Cận Sự luật nghi, hoặc khuyên thọ học Cận Trụ luật nghi, khiến cho họ thành thực. Hoặc khuyên tu tập các thứ nghiệp xứ kỹ thuật hay khéo, khiến cho họ thành thực. Các thứ trí xảo phương tiện thế gian của các vị Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều hơn cát sông Hằng như thế, dùng hết thấy các thứ trí phương tiện nghiệp xứ, sách vở, luận thuyết, kỹ thuật hay khéo, gia hạnh, tinh tấn ấy để dẹp tan dị học của hết thấy ngoại đạo. Như thế thì gọi là phương tiện thiện xảo thế gian của Bồ Tát. Phương tiện hay khéo ấy chung với các Thanh Văn và Độc Giác Thừa, và cũng là cái nhân để hết thấy Phật pháp nương vào, và cũng là chỗ nương tựa của các hạnh thiện xảo, và cũng là pháp thiện xảo tùy ý không suy nghĩ, diệt trừ thoái đạo).

Chỉ có trí Bát Nhã thì chưa được, còn phải có thiện xảo phương tiện. Đây là nói đến Ngũ Minh Bồ Tát. [Một loại trong] Ngũ Minh⁴⁸ của

⁴⁸ Ngũ Minh (Pañca-vidyā) là năm loại học vấn cần phải thấu đạt của hàng Bồ Tát:

1. Thanh Minh (Śabda-vidyā): Thông thạo ngôn ngữ, văn học, văn tự học, huấn hồ học, vừa thấu hiểu, vừa có thể viết lách, diễn giảng.

2. Nhân Minh (Hetu-vidyā): Thông thạo luận lý học, có khả năng biện luận dẹp sạch, chiết phục các luận thuyết của ngoại đạo, cũng như trình bày giáo nghĩa một cách hệ

Bồ Tát là Công Xảo Minh; chẩn bệnh có phải là phạm giới hay không? Bồ Tát chẳng phải như vậy, Ngài có Y Phương Minh, có trí huệ, phương tiện thiện xảo, trí huệ không chấp trước, có minh, có đại trí huệ để làm các việc ấy. Khi thành tựu thiện xảo phương tiện luân, vừa phát tâm, ngũ dục đều bị đoạn trừ, sẽ vượt xa hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, lại còn có thể làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn và Độc Giác. Hai chữ “*thị hiện*” cho thấy chẳng phải là thật sự có, mà là thị hiện. Phương tiện thiện xảo cần đến kỹ thuật hay khéo. Sự hay khéo ấy là để thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc cúng dường chư Phật, Bồ Tát, hoặc cúng dường Độc Giác, hoặc cúng dường Thanh Văn, hoặc cha mẹ của chính mình. “*Hoặc chư bệnh giả, hoặc chư luy liệt, vô y hỗ giả. Nhược kiến ách nạn lâm bị hại giả, chủng chủng cần khổ, phương tiện cứu tế*” (Hoặc là đối với người bệnh, hoặc kẻ suy yếu không nơi nương tựa. Nếu thấy người bị hại vì ách nạn, bèn dùng đủ mọi phương tiện để siêng khổ cứu giúp). Đây là phương tiện thiện xảo. Do vậy, dùng Tứ Nhiếp Pháp để thành thực hữu tình, Bồ Tát hiện đủ loại thân. Thứ nhất là bố thí, bố thí đến mức độ nào? Phải là nội thí, ngoại thí, trong lẫn ngoài đều thí. Các thứ tiền tài bình thường đều chẳng tính! Ngay cả vợ con đều có thể bố thí, hưởng hồ nhà cửa, cho đến ruộng vườn, đều có thể bố thí. Đây là “*ngoại thí*”. “*Nội thí*” là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý của chính mình đều có thể bố thí, bố thí cho chúng sanh. Đó gọi là Bố Thí.

“*Đồng sự*”: Thị hiện làm các chuyện giống như họ, hoặc là họ làm nhân viên công vụ, quý vị cũng làm nhân viên công vụ. Họ làm việc ở đó, quý vị cũng làm việc tại đó, thì mới có thể tiếp cận họ. Đó là “*thị hiện Đồng Sự Nhiếp*”. Bố Thí và Đồng Sự để làm chuyện có lợi cho hết thầy chúng sanh thì gọi là Lợi Hành. Còn phải nói Ái Ngữ, tức là đối với bất luận người nào, cũng đều chẳng thể ăn nói rất thô bạo, nặng nề. Gặp ai cũng đều nhiếp thọ bằng Ái Ngữ. Đó gọi là Tứ Nhiếp Pháp. Phải là đại Bồ Tát mới thực hiện rốt ráo Tứ Nhiếp Pháp. Văn Thủ Bồ Tát bất cứ thứ gì cũng đều thị hiện, dê, trâu, ngựa... đều thị hiện. Mọi người xem

thống, khúc chiết, lập luận rõ ràng, khiến cho người nghe phát khởi tín tâm thâm nhập Phật pháp.

3. Nội Minh (Adhyātma-vidyā): Thông thạo triết học và giáo lý Phật pháp, thâm nhập Tam Tạng, đã tự mình tu hành, lại còn có thể giúp cho người khác khai ngộ.

4. Công Xảo Minh (Śilpa-karma-sthāna-vidyā): Thông thạo các nghề khéo và kỹ thuật thế gian như nghệ thuật, khoa học, toán học, công nghệ, nông nghiệp...

5. Y Phương Minh (Cikitsā-vidyā): Thông thạo y học và dược học, cho đến các loại chú thuật cần thiết để chữa bệnh hồng cứu giúp chúng sanh.

Cảm Ứng Lục của các vị đại Bồ Tát, [sẽ thấy] các Ngài thị hiện [đủ loại] chúng sanh bất đồng. Đây là bậc Bồ Tát.

“*Tự trụ Đại Thừa*”: Đây chẳng phải là hề thấy chúng sanh nào, cũng đều nhiếp thọ kẻ đó trụ trong Đại Thừa. Chẳng thể nào! Chúng ta có các đạo hữu phát tâm chỉ hoằng dương kinh Hoa Nghiêm, không nói pháp tam thừa. Họ đến nghe, đó là căn cơ tìm đến tôi, chứ tôi không tìm căn cơ. Chúng sanh cầu tôi thì tôi nói cho họ nghe. Chẳng cầu tôi, tôi sẽ không nói; còn đã nói mà họ hiểu hay không là chuyện của họ, chẳng liên quan đến tôi. Hiện thời, tình huống hoằng pháp của chúng ta là tình huống như thế đó! Nhưng tình huống hoằng pháp của Bồ Tát chẳng như vậy. Bản thân Bồ Tát trụ trong Đại Thừa, đối với Thanh Văn và Độc Giác [là những người] chẳng phải là căn khí Đại Thừa, chẳng thể nào nói pháp vi diệu rất sâu cho họ được, hoặc dạy họ tu học được! Đối với những kẻ chẳng phải là căn khí Đại Thừa, căn khí còn chưa chín muồi, hoặc căn khí Thanh Văn và Độc Giác Thừa của họ đã chín muồi, chỉ có thể nói cho họ nghe pháp thuộc Thanh Văn Thừa hay Độc Giác Thừa. Nhưng khi căn khí Đại Thừa còn chưa chín muồi, khi họ còn chưa tiến nhập Đại Thừa, quý vị nói cho kẻ đó pháp vi diệu rất sâu, dạy kẻ đó tu học thì là sai lầm.

Bồ Tát sử dụng phương tiện thiện xảo như thế nào? Họ chẳng phải là căn khí Đại Thừa, quý vị mong chuyển họ vào Đại Thừa, thì phải dần dần từ từ, chẳng phải là có thể ngay lập tức chín muồi được! Đối với căn cơ Độc Giác Thừa, hoặc căn cơ Thanh Văn Thừa, [nhưng thật ra là căn khí Đại Thừa] còn chưa chín muồi, họ [thật sự] chẳng phải là Thanh Văn, mà cũng chẳng phải là Độc Giác, quý vị bèn từ từ khuyên dụ, nói cho họ pháp vi diệu rất sâu, dạy họ tu học, hoặc khuyên họ siêng tu các thánh Tịch Lự. Hết thấy bậc thánh nhân Sơ Quả đều được coi là thánh nhân. Trong Tiểu Thừa, Sơ Quả được coi là thánh nhân, Đại Thừa thì dẫu Tứ Quả cũng chẳng coi là thánh nhân. Làm cho họ tu tập Định, tu tập tam-muội, cho đến Cửu Thứ Đệ Định, vì họ khai thị Tối Thắng Nghĩa Đệ, dần dần khai thị Tối Thắng Nghĩa Đệ. Tối Thắng Nghĩa Đệ có mấy loại? Tứ Thánh Đệ được coi như Tối Thắng Nghĩa Đệ. Đối với pháp thế gian, khuyên họ tu hành, vượt khỏi bốn thứ điên đảo.

Tứ Điên Đảo: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là Tứ Đức của Phật; nhưng chúng sanh điên đảo, coi vô thường là thường, chấp vô ngã là ngã, chấp bất lạc là lạc, chấp bất tịnh là tịnh. Khổ, không, vô thường như thế đó! Bốn thứ ấy (vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh) khiến cho họ điên đảo.

Phải khuyên họ vượt khỏi bốn loại điên đảo ấy, vượt thoát phàm phu, đạt tới cảnh giới thánh nhân.

“*Tứ chủng vô đạo pháp tánh*” (Bốn loại pháp tánh chẳng đạo) có mấy loại? Có bốn thứ hạnh môn của Bồ Tát, thứ nhất là đạt đến bờ kia, thần thông hạnh, thành thực hữu tình hạnh⁴⁹, tức là bốn thứ đạo trong Bồ Tát hạnh, nhằm thành tựu lợi ích chúng sanh, làm cho họ tiến nhập tứ vô đạo tánh.

Ngoài ra là Tứ Vô Ngại Giải. Tứ Vô Ngại Giải là pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, và biện tài vô ngại. Biện tài vô ngại là người ấy đối với hết thảy các pháp đều thông suốt. “Chẳng bị chướng ngại” nghĩa là không gì chẳng biết. Phương tiện thiện xảo của Bồ Tát đối với pháp thế gian cũng như thế. Do vậy, thoát đầu đức Phật nói bản tên, các nghề khéo, bất luận các thứ Công Xảo Minh trong thế gian, hết thảy các thứ nghề khéo [lúc Phật còn là Thái Tử, hoặc khi tu Bồ Tát hạnh] đều có thể làm, lại còn vượt xa chúng sanh, đều là bậc nhất!

Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Đoạn (Tứ Chánh Cần), Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Chi, Bát Chánh Đạo, các danh tướng ấy chúng tôi đã nói rất nhiều! “*Hữu dư, vô dư đạo quả*”: Hữu Dư, Vô Dư chính là Hữu Dư Niết Bàn và Vô Dư Niết Bàn. “*Đạo quả*” cũng rất nhiều. Sơ Quả cũng là đạo quả, cho đến đạo quả của Bồ Tát, Phật quả rốt ráo. Nhưng Bồ Đề dùng trí phương tiện thiện xảo, khiến cho họ đều có thể thành thực. Họ thuộc loại căn cơ nào, bèn thành thực loại quả [thuộc căn cơ] ấy, dần dần khuyến dụ họ, nhưng ắt phải có phương tiện thiện xảo để nhiếp thọ chúng sanh.

“*Nhược chư hữu tình tham cầu danh xưng, lợi dưỡng, phú quý, chư căn tháo nhiễu, thiện căn vị thực*” (Nếu các hữu tình tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, phú quý, các căn xáo động, nhiễu loạn, thiện căn chưa chín muồi): Trong phần trước nói về những kẻ thiện căn đã chín muồi, còn ở đây là những ai thiện căn chưa chín muồi, cũng khuyên họ “*độc tụng chư A Cấp Ma*” (đọc tụng các kinh A Cấp Ma), tức là kinh A Hàm (Āgama), “*cập Tỳ Nại Da*” là Luật Tạng, A Tỳ Đạt Ma (Abhidharma) là Luận Tạng, khuyên họ đọc tụng Kinh Luật Luận Tam Tạng. Hoặc khuyên họ “*độc tụng trừ Phật sở thuyết thuận giải thoát luận, linh kỳ thành thực*”, có nghĩa là khuyên họ đọc tụng gì vậy? Các pháp thế gian thuận theo giải thoát luận do đức Phật đã nói. Ngoài những điều đức

⁴⁹ Không biết là hòa thượng nói thiếu, hay người ghi lại lời giảng chép thiếu, ở đây chỉ nêu ra ba loại hạnh môn.

Phật đã dạy ra, các pháp thế gian tuy chẳng phải là Phật giáo, vẫn có thể cho họ học, khiến cho họ thành thực các nghề khéo.

Thọ Tam Quy là quy y Pháp, chẳng quy y sách vở của ngoại đạo. Vậy thì vị Bồ Tát ấy nói, đối với những điều chẳng do đức Phật nói, chỉ cần thuận theo lý luận giải thoát của [Phật giáo] chúng ta, luận thuyết ấy có ý nghĩa chẳng mâu thuẫn với sự giải thoát, cũng có thể đạt được giải thoát [thì có thể học]. Giống như trong thế gian có rất nhiều thứ, chẳng hạn như Đạo giáo cũng là một pháp tu hành, nói theo phương diện xã hội, chẳng gây trở ngại cho người khác. [Nho gia có câu cách ngôn] “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (điều gì chính mình chẳng muốn thì đừng thực hiện đối với người khác), có khác gì với lòng từ bi của Phật giáo chúng ta hay không? Chuyện quý vị chẳng mong muốn, đừng áp đặt lên thân người khác. Đó gọi là “*thuận giải thoát*”, nhưng chẳng phải do đức Phật nói. Chuyện kiêu này rất nhiều, khiến cho họ thành thực, sẽ hữu ích cho họ thành thực tu đạo. Điều này có nghĩa là khuyên bảo họ, họ học Phật mà chẳng tin được, bèn dùng pháp thế gian để khuyên dụ họ. Vị Bồ Tát này chẳng phải là xuất gia Bồ Tát, xuất gia Bồ Tát chẳng thể làm như vậy được. “*Bồ Tát*” bao gồm tứ chúng đệ tử, cho đến bao gồm hết thầy chúng sanh. Đại Bồ Tát thị hiện trong quý đạo rất nhiều. Trong phẩm thứ tám của kinh Địa Tạng, [có nói] Chủ Mạng quý vương mong thành Phật, đức Phật liền thọ ký cho vị ấy. Vị ấy là quý, đi vào đường ấy. Các trường hợp thị hiện như vậy rất nhiều.

Đối với kẻ chẳng thích bố thí, bèn khuyên họ bố thí. “*Khuyến linh huệ xả*” (Khuyên họ bố thí rộng rãi, hoặc khuyên họ xả thí tạo ân huệ): Quý vị phải xả, phải thí ân huệ cho chúng sanh. Điều này khác với cách nói của đức Phật. Đệ tử Phật bố thí, chẳng mong được báo đáp. Chứ người hiện thời khi quý vị bảo họ xả, họ sẽ có mong cầu. Làm chuyện tốt, khuyên họ “*làm lành thì sẽ được vui sướng nhất*”. Đây cũng là thuận giải thoát. Như vậy thì sẽ có thể khiến cho họ huệ xả (bố thí rộng rãi) các thứ vàng bạc, của cải, khiến cho họ dần dần thành thực. “*Nhược chư hữu tình bạo ác, bất nhân*” (Nếu các hữu tình bạo ác, bất nhân): Kẻ bạo ác, chẳng nhân từ, kẻ chẳng có chút từ tâm nào, như quốc vương thi hành chánh sách tàn bạo, làm trọn mọi sự bạo ác, bất nhân. Đối với những kẻ như thế, bèn khuyên họ học “*tứ chủng Phạm Trụ*” (bốn loại Phạm Trụ). Tứ Phạm Trụ là gì? Tứ Phạm Trụ chính là nói đến bốn loại hạnh thanh tịnh, bốn loại nào vậy? Từ, bi, hỷ, xả, cũng là Tứ Vô Lượng Tâm. Hễ tu lòng Từ, bạo ác sẽ chẳng nổi lên. Tu từ bi nhằm đối trị bạo ác.

“*Nhược chư hữu tình, tâm đa phần khuể*” (Nếu các hữu tình, tâm lắm phần hận, nóng giận): Người dễ dàng nổi nóng, bèn khuyên họ tu nhẫn nhục. “*Nhược chư hữu tình đa giải đãi*” (Nếu các hữu tình nhiều giải đãi), phải khuyên họ tu tinh tấn. Chúng ta khuyên họ như vậy, họ sẽ tinh tấn hay không? Do vậy, bậc đại Bồ Tát phải có phương tiện thiện xảo. Các Ngài chẳng nói thẳng thừng như chúng ta. Trông thấy kẻ giải đãi, liền nói thẳng vào mặt: “Người phải tinh tấn, phải tu hành, niệm Phật cho nhiều thì mới có lợi!” [Nếu nói thẳng như vậy], những kẻ đó sẽ mặc kệ quý vị, sẽ trừng mắt ngó quý vị. Quý vị phải có phương tiện thiện xảo. Vì sao cần phải thiện xảo? Quý vị chẳng có thiện xảo, sẽ chẳng thể nhiếp thọ họ. Hiện thời có những người, thấy một kẻ vừa mới tin Phật, bèn khuyên kẻ đó xuất gia: “Tôi thân nhận quý vị, quý vị xuất gia thì mới có thể tinh tấn!” Như thế nào? Kẻ đã xuất gia chẳng tinh tấn quá nhiều! Đã xuất gia, kẻ đó ngỡ là chính mình có thành tựu, bèn giải đãi. Trong phần trước, chúng tôi đã nói: “*Có thể đắp y ca-sa, y ca-sa được Phật gia trì*”. Chẳng phải là nói theo cá nhân quý vị, chẳng phải là như trong phần trước chúng ta đã thấy, hễ đắp ca-sa liền đắc độ. Đắc độ ư? Vẫn đọa địa ngục y hết! Người ta cung kính cái y ca-sa ấy, vì cái y ca-sa đại biểu cho Phật, đại biểu cho Pháp, đại biểu chúng Tăng. Quý vị đã lý giải sai lầm mất rồi! Khuyên người khác tu tinh tấn, ắt phải hành theo đường lối chánh đáng. Quý vị có phương tiện thiện xảo, hướng dẫn người ta, người ta sẽ tự nhiên tinh tấn. Đợi cho đến lúc căn khí chín muồi, người ấy xuất gia, sẽ có thể ngộ đạo.

Hiện thời, quý vị độ rất nhiều người xuất gia. Họ không chỉ chẳng ngộ đạo, mà trái lại còn bị lỡ làng, tạo các tội. Vì sau khi họ xuất gia, đã chẳng tu hành nên thân, đó là tạo tội! Vốn là thanh tịnh thường trụ, đâm ra khác hẳn! Ắt phải biết căn cơ, đối với kẻ giải đãi, khuyên họ tinh tấn là đúng. Nếu quý vị không tinh tấn, có sai lầm gì vậy? Quý vị làm một nửa! Nếu quý vị chẳng chuyên tâm thực hiện, chuyện gì cũng chẳng thành. Hướng hồ tu Phật pháp ư? Thông thả khuyên lon người đó như thế. Chẳng phải là nói suông mà có thể đả động kẻ đó được, chính mình còn phải dẫn đầu thực hiện! Bồ Tát độ chúng sanh, chúng sanh cũng giúp đỡ Ngài. Các vị quy y tôi, theo tôi bái sám, mọi người có thể giải đãi một lần, không đến lạy: “Hôm nay tôi mệt lắm, xin nghỉ một bữa vậy”. Trước nay, tôi chưa dám xin nghỉ. Ngày nào tôi không lạy, người khác cũng chẳng lạy. Nếu tôi chẳng lạy một bữa, mấy hôm chẳng lạy, mọi người đều chẳng lạy. Ở Nữ Ước và Tam Phiên (San Francisco) là

như thế, nhưng tôi rất ít khi chẳng lạy, tự mình lập cái hạnh ấy, phải tinh tấn.

Có khi cái tâm của chúng ta lắm nổi tán loạn, tán loạn thì phải tu Định. Tu Định như thế nào? Đợi chúng tôi giảng xong, sẽ nói về Sở Tứ Quán. Quý vị tu từ đầu, sẽ có thể tiến nhập. Đừng nhìn tôi, [chắc là có người thắc mắc]: “Đếm hơi thở ra vào, có công đức gì?” Công đức ấy có thể to lắm, vì khi quý vị đắc Định, niệm Phật trong Định, đó là chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng tán loạn, chẳng hôn trầm, chẳng bị nhiễu loạn, quý vị niệm nhất tâm. Chẳng phải là chúng ta mong niệm đến mức nhất tâm bất loạn ư? Chẳng nói niệm đủ số mười vạn câu là được rồi, niệm đến một trăm vạn, một ngàn vạn câu, quý vị cũng chẳng sanh về thế giới Cực Lạc, phải niệm như thế nào? Nhất tâm bất loạn. Đối với kẻ tán loạn, phải khuyên kẻ đó tu Tĩnh Lự.

“*Nhược chư hữu tình cù túc ác huệ*” (Nếu các hữu tình trọn đủ ác huệ): “*Ác huệ*” là tà tri, tà kiến, người ấy luôn có vấn đề bất đồng với người khác, có chênh lệch. Người khác nói Đông, kẻ đó nhất định phải nói Tây, bất đồng với quý vị. Nếu là kẻ tà tri tà kiến thì đối trị bằng cách nào? “*Nói chánh pháp*”, quý vị phải đem những lời răn dạy của đức Phật, các vị đại thiện tri thức, và các vị đại tổ sư, dùng phương tiện để dẫn dụ kẻ ấy, khiến cho kẻ ấy thành thực. “*Nhược chư hữu tình bất kính Tam Bảo*” (Nếu các hữu tình chẳng tôn kính Tam Bảo): Trong phần trước, chúng ta đã nói đến Vô Y Hạnh. Vô Y là không nương tựa; kẻ vô y là kẻ bất kính Tam Bảo. Chúng ta khuyên kẻ ấy thọ Tam Quy, phải quy y Tam Bảo, khiến cho kẻ ấy cung kính Tam Bảo, hoặc khuyên họ học Cận Sự luật nghi, tức Ngũ Giới, hay Tam Quy và Ngũ Giới, khuyên họ học Cận Trụ luật nghi cũng tức là Bát Quan Trai Giới. Bát Quan Trai Giới đáng lẽ là chín giới. Chúng ta thường cho rằng Bát Quan Trai Giới chỉ có tám giới. Nói theo Tây Du Ký, Trư Bát Giới theo Đường Tăng đi thỉnh kinh, đó là tám giới. Thật ra, ngoài tám giới, còn có một Trai, tức “*quá Ngọ không ăn*”. “*Trai*” (齋) có nghĩa là “*kỳ hạn*”. Cho nên [nói đúng ra] phải là chín. Vì sao đối với Bát Quan lại gọi là Quan (關, đóng lại)? Đóng cửa các đường ác. Quý vị thọ một ngày như thế, Bát Quan Trai Giới đóng chặt các đường ác.

Tôi thấy rất nhiều người thọ Bát Quan Trai Giới, có rất nhiều vị rất nghiêm cẩn, quá Ngọ cũng chẳng uống. Nước có màu, đức Phật chế định không thể uống. Không chỉ chẳng thể uống sữa bò, sữa đậu nành, mà ngay cả uống trà, uống nước trái cây đều chẳng phải là nước ư?

Không được! Chỉ có thể uống nước. Nhưng trong ấy có khai duyên. Nếu thọ giới thì trước hết phải học khai duyên, chúng ta phải luôn tìm phương tiện. Chẳng hạn như chúng ta không thể chống đỡ được, thân thể yếu ớt, nếu chúng ta đã thọ giới “*quá Ngọ chẳng ăn*”, nhưng hề có bệnh liền khai duyên, quá Ngọ có thể uống các thứ nước ép.

“*Hoặc khuyến tu tập chủng chủng công xảo kỹ thuật nghiệp xứ, linh kỳ thành thực*” (Hoặc khuyến tu tập các thứ nghiệp xứ kỹ thuật hay khéo, khiến cho họ thành thực): Các việc đòi hỏi kỹ thuật cao, hoặc xây cất, phàm là hết thảy các kỹ thuật đều có thể [thực hiện]. Đó gọi là thế gian Công Xảo Minh của Bồ Tát. Công Xảo Minh là phương tiện trí của Bồ Tát. Các vị Bồ Tát trọn đủ phương tiện thiện xảo trí trong thế gian nhiều như cát sông Hằng. Các vị đại Bồ Tát đối với kỹ năng viết lách, luận thuyết, nghề hay khéo, đều có thể thực hiện, tăng trưởng các nghiệp ấy do tinh tấn xảo phương tiện trí. Các thứ ngoại đạo biết, chúng ta đều biết. Các vị đại Bồ Tát không chỉ biết, mà còn vượt xa họ thì họ mới có thể khâm phục quý vị. Họ biết làm chuyện gì, quý vị biết làm chuyện đó. Chuyện gì quý vị có thể làm cũng đều đạt đến bậc nhất thì họ sẽ học theo quý vị. Bậc đại Bồ Tát ắt phải có trí huệ phương tiện thiện xảo kiêu đó thì mới có thể hàng phục hết thảy ngoại đạo. Đó gọi là phương tiện thiện xảo thế gian của Bồ Tát.

Phương tiện thiện xảo này chung với Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều có thể học, đều có thể làm được, cũng có thể làm như vậy. Đó gọi là làm cái nhân nương cây cho hết thảy Phật pháp, nương vào Phật, Pháp, Tăng để gieo cái nhân ấy. Hết thảy phương tiện thiện xảo là chỗ sở hành của Ngài, là chỗ nương cây, cũng là pháp tùy ý thiện xảo, không suy nghĩ để diệt sự thoái đọa. Điều này chẳng dễ dàng! Pháp không suy nghĩ, vĩnh viễn diệt trừ thoái đọa, pháp chẳng thoái đọa chính là phương tiện thiện xảo. “*Nhậm vận*” (任運, tùy ý) là tự nhiên, thấy hết thảy các pháp đang sanh diệt. Ngài có thể từ trong hết thảy các pháp, dẫn nhập trở về Lý Thể của pháp tánh, từ trong sanh diệt, dẫn người khác trở về không sanh diệt, đạt đến “*chẳng sanh diệt*” thì mới có thể chẳng thoái đọa. Những điều chẳng thể chấp thuận [đối với thiện xảo phương tiện thế gian] sẽ được nói dưới đây.

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát bất y minh sư, bất y thiện hữu, tu hành thế gian thiện xảo phương tiện, thị chư Bồ Tát ngu ư thế gian thiện xảo phương tiện, hướng chư ác thú, bất năng tùy

thuận an trụ xuất thế xảo phương tiện trí, diệc phi nhất thiết chân thật phước điền, bất năng thiện xảo trí chư hữu tình căn hành sai biệt. Dĩ u thiện xảo phương tiện ngu cố, vị chư Thanh Văn, cập Độc Giác Thừa, phi Đại Thừa khí, cập u Đại Thừa căn vị thực giả, tuyên thuyết Đại Thừa, linh kỳ tu học. Hựu vị Đại Thừa pháp khí hữu tình, tuyên thuyết Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, linh tu Thanh Văn, Độc Giác Thừa hạnh. Vị Độc Giác Thừa pháp khí hữu tình, thuyết Thanh Văn thừa, linh kỳ tu tập Thanh Văn Thừa hạnh. Vị Thanh Văn Thừa pháp khí hữu tình, thuyết sanh tử pháp, linh kỳ ái trước, bất vị tuyên thuyết yếm sanh tử pháp. Hựu u thiện xảo phương tiện ngu cố, nhược chư hữu tình nhạo hành sát sanh, quảng thuyết nãi chí chấp trước tà kiến, vị bi tuyên thuyết thậm thâm Đại Thừa, bất vị tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển, tử thử, sanh bỉ, chúng khổ quả báo, linh kỳ yếm bố, ly chư ác pháp. Hựu u thiện xảo phương tiện ngu cố, nãi chí nhược chư hữu tình nhạo tu tịnh giới, linh tu bố thí. Nhược chư hữu tình nhạo tu an nhẫn, khuyến xả an nhẫn, linh tu tịnh giới. Nhược chư hữu tình nhạo tu tinh tấn, khuyến xả tinh tấn, linh tu an nhẫn. Nhược chư hữu tình nhạo tu Tĩnh Lự, khuyến xả Tĩnh Lự, linh tu tinh tấn. Nhược chư hữu tình nhạo tu Bát Nhã, khuyến xả Bát Nhã, linh tu Tĩnh Lự. Như thị Bồ Tát, ngu u thế gian thiện xảo phương tiện, bất năng chân thật lợi lạc hữu tình, dĩ chư hữu tình vi ác tri thức. Thử xảo phương tiện y hữu sở đắc, hữu sở chấp trước, như thị danh vi Bồ Tát thế gian thiện xảo phương tiện. Như thị thế gian thiện xảo phương tiện, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, thử bất danh vi Đại Giác Trụ Luân, diệc bất do thử, danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.

(經)又，善男子！若諸菩薩，不依明師，不依善友，修行世間善巧方便，是諸菩薩愚於世間善巧方便，向諸惡趣，不能隨順安住出世巧方便智，亦非一切真實福田，不能善巧知諸有情根行差別。以於善巧方便愚故，為諸聲聞及獨覺乘非大乘器，及於大乘根未熟者，宣說大乘，令其修學。又為大乘法器有情，宣說聲聞、獨覺乘法，令修聲聞、獨覺乘行。為獨覺乘法器有情，說聲聞乘，令其修習

聲聞乘行。為聲聞乘法器有情，說生死法，令其愛著，不為宣說厭生死法。又於善巧方便愚故，若諸有情，樂行殺生，廣說乃至執著邪見，為彼宣說甚深大乘，不為宣說生死流轉，死此生彼，眾苦果報，令其厭怖離諸惡法。又於善巧方便愚故，乃至若諸有情，樂修淨戒，令修佈施。若諸有情，樂修安忍，勸舍安忍，令修淨戒。若諸有情，樂修精進，勸舍精進，令修安忍。若諸有情，樂修靜慮，勸舍靜慮，令修精進。若諸有情，樂修般若，勸舍般若，令修靜慮。如是菩薩，愚於世間善巧方便，不能真實利樂有情，與諸有情為惡知識。此巧方便，依有所得，有所執著，如是名為菩薩世間善巧方便。如是世間善巧方便，共諸聲聞、獨覺乘等，此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

(Kinh: Lại nữa, thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát chẳng nương theo mình sư, chẳng nương theo bạn lành để tu hành phương tiện thiện xảo thế gian, các Bồ Tát ấy do ngu muội đối với phương tiện thiện xảo thế gian, hướng đến các đường ác, chẳng thể tùy thuận an trụ trong trí phương tiện thiện xảo xuất thế, cũng chẳng phải là hết thầy ruồng phước chân thật, chẳng thể thiện xảo biết căn và hạnh sai khác của các hữu tình. Do ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, bèn vì các Thanh Văn, và Độc Giác Thừa, đối với kẻ chẳng phải căn khí Đại Thừa, và kẻ căn khí Đại Thừa chưa chín muồi, mà tuyên thuyết Đại Thừa, khiến họ tu học. Lại vì hữu tình thuộc pháp khí Đại Thừa, tuyên thuyết pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa, dạy họ tu các hạnh thuộc Thanh Văn và Độc Giác Thừa, vì hữu tình thuộc pháp khí Đại Thừa nói Thanh Văn Thừa, khiến họ tu tập hạnh Thanh Văn Thừa, vì hữu tình thuộc pháp khí Đại Thừa nói pháp sanh tử, khiến cho họ yêu đắm, chẳng vì họ tuyên thuyết pháp chán sanh tử. Lại do ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, nếu các hữu tình thích làm sát sanh, nói rộng là cho đến chấp

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

trước tà kiến, bèn vì họ tuyên thuyết Đại Thừa rất sâu, chẳng vì họ tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển, chết đây, sanh kia, các quả báo khổ, khiến cho họ chán ngán, sợ hãi, lừa các ác pháp. Lại do ngu muội nơi phương tiện thiện xảo, cho đến nếu các hữu tình thích tu tịnh giới, bèn dạy họ tu bố thí. Nếu các hữu tình thích tu an nhẫn, bèn khuyên họ bỏ an nhẫn, dạy tu tịnh giới. Nếu các hữu tình thích tu tinh tấn, lại khuyên họ bỏ tinh tấn, dạy tu an nhẫn. Nếu các hữu tình thích tu Tịch Lự, liền khuyên bỏ Tịch Lự, dạy tu tinh tấn. Nếu các hữu tình thích tu Bát Nhã, bèn khuyên họ bỏ Bát Nhã, dạy tu Tịch Lự. Bồ Tát như thế ngu muội đối với phương tiện thiện xảo thế gian, chẳng thể chân thật lợi lạc hữu tình, làm ác tri thức cho các hữu tình. Phương tiện hay khéo ấy nương vào cái có đạt được, có chấp trước, như thế, thì gọi là phương tiện thiện xảo thế gian của Bồ Tát. Phương tiện thiện xảo thế gian như thế cùng chung với các vị Thanh Văn, Độc Giác Thừa; đây chẳng gọi là Đại Giác Trụ Luân, cũng chẳng do vậy mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng chẳng gọi là ruộng phước chân thật của Thanh Văn và Độc Giác).

Trong phương tiện thiện xảo, chúng ta tùy thuận pháp thế gian mà có thể chuyển pháp thế gian. Quý vị tùy thuận pháp thế gian, lại bị pháp thế gian xoay chuyển. Như thế chẳng phải là đại Bồ Tát. Đối với trí phương tiện thiện xảo này, quý vị phải là người thật sự thông hiểu. Được gọi là “*người thông hiểu*” thì Kinh, Luật, Luận không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng hiểu. Thật sự thông đạt, đối với căn cơ nào, sẽ biết phải nhiếp thọ như thế nào, thì họ mới có thể nhập Phật đạo. Chuyện này giống như Bồ Tát trước hết dùng dục để lôi kéo, khiến cho họ dần dần nhập Phật đạo. Không chỉ là như thế, mà còn có thể dùng ngũ dục để dẫn dụ họ. Thế gian đều tham tài, mê sắc, hai thứ ấy là căn bệnh chung của hết thảy chúng sanh. Bồ Tát liền thị hiện thỏa mãn quý vị, lại thị hiện sanh diệt vô thường. Quý vị đã tham được rồi, lại chẳng có nữa, sẽ ngay lập tức tỉnh ngộ [thế gian vô thường]. Ngài độ quý như vậy đó, đại Bồ Tát mới có phương tiện thiện xảo này!

Như mọi người rất quen thuộc với thiên sư Đạo Tế (Té Điền). Ngài điên điên cuồng cuồng, dùng rượu độ đời, dùng sự điên khùng để cứu đời. Ngài giả ngây giả dại để độ kẻ khác. Vì sao mọi người cung kính Ngài như vậy? Ngài nhận biết chỗ chân thật, lại còn có thể giải quyết hết thảy khó khăn của quý vị. Nếu quý vị chẳng có trí phương tiện thiện xảo, sẽ chẳng thể giải quyết sự thống khổ của chúng sanh. Trí phương tiện thiện xảo của quý vị liền hạ thấp thành ngu si! Đây chẳng

phải là trí huệ, mà là phương tiện thiện xảo ngu muội, chẳng phải là trí phương tiện thiện xảo. Đây là hướng vào đường ác, chẳng phải là hướng vào đường lành, chẳng thể an trụ trong trí phương tiện thiện xảo xuất thế gian, chẳng thể tùy thuận trí phương tiện thiện xảo! Trong phần trước đã nói, quý vị nói các pháp cũng được, nhưng phải thuận theo Như Lai, có thể giống như Như Lai đã chỉ dạy, có thể đạt được giải thoát. Nếu quý vị trái nghịch những điều đó, sẽ là chẳng tùy thuận pháp tánh, sẽ chẳng thể thành tựu được! Quý vị cũng chẳng thể làm bậc thiện tri thức thật sự, mà cũng chẳng thể làm ruộng phước chân thật, chẳng thể có phương tiện thiện xảo. Quý vị chẳng có trí huệ ấy, chẳng biết chúng sanh có căn tánh khác biệt. Hết thấy các tướng sai biệt nơi hành vi của họ, quý vị đều chẳng biết, sẽ độ họ bằng cách nào đây? Chẳng có cách nào độ họ! Đó gọi là “*thiện xảo phương tiện ngu*” (ngu muội nơi phương tiện thiện xảo); tức là ngu trong ngu si! Đây chẳng phải là căn khí Đại Thừa, ngay cả Thanh Văn và Độc Giác cũng chẳng thể thành tựu được!

Vì ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, đối với căn cơ thuộc tam thừa, quý vị thuyết pháp điên đảo. Người ta là chúng tánh Thanh Văn, quý vị lại nói với họ về chuyện ân ái thế gian, chẳng nói “*biết khổ, đoạn diệt*”, chẳng nói pháp chán lìa sanh tử cho họ. Đối với căn cơ thuộc Duyên Giác Thừa, chẳng nói cho họ pháp nhân duyên, lại ngược ngạo nói cho họ pháp Đại Thừa. Đối với căn khí Đại Thừa, lại nói với họ pháp Thanh Văn và Duyên Giác, nói pháp sanh tử, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đây là chẳng thể! Đó gọi là điên đảo, cũng gọi là ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, chẳng phải là phương tiện thiện xảo!

“*Nhược chư hữu tình nhạo hành sát sanh, quảng thuyết nãi chí chấp trước tà kiến*” (Nếu các hữu tình thích hành sát sanh, nói rộng là cho đến chấp trước tà kiến): Đây là giết, trộm, dâm, dối, uống rượu. Nếu nói Ngũ Giới, các hữu tình ấy có thể lý giải; đó là ngũ dục thế gian. Đối trước ngũ dục, quý vị hãy nên nói cho họ pháp đoạn dục, pháp liễu sanh tử, chẳng hạn như ngũ dục hại người như thế nào? Chẳng tốt đối với quý vị như thế nào? Các pháp ấy đúng với căn cơ của họ, [thế nhưng] quý vị nói cho họ pháp Đại Thừa quá sâu, chẳng tuyên nói pháp lưu chuyển sanh tử cho họ! “*Tử thử, sanh bỉ, chúng khổ quả báo*” (Chết đây, sanh kia, các quả báo đau khổ): Quý vị nói những điều này, họ [nghe xong] có thể chán lìa, sợ hãi. [Chứ nói] “các pháp quý vị nương cậy đều là Không” đúng là phù hợp với sự ưa thích của họ. Họ bảo “vốn là trống không” thì càng sốt sắng vi phạm, chấp trước cảnh giới ngũ dục. Đó chẳng phải là trí phương tiện thiện xảo, đó gọi là ngu muội đối với

phương tiện thiện xảo, chẳng phải là trí huệ. Đối với các hữu tình ấy, họ thích giết, trộm, dâm, dối, quý vị phải nói với họ, [do các điều ấy] sẽ phải đọa địa ngục, phải lìa khỏi các ác pháp ấy. Như thế thì mới là đúng. Nhưng quý vị nói pháp Đại Thừa cho họ, nói “Không nghĩa” liễu nghĩa, sai bét mất rồi!

Cho đến trong Lục Độ, vạn hạnh, họ vốn thích trì giới, quý vị lại nói bỏ thí. Họ vốn thích tu Nhẫn, quý vị lại bảo họ trì tịnh giới. Đây là thuyết pháp chẳng đúng căn cơ. Nếu các hữu tình thích tu tinh tấn, khuyên họ xả tinh tấn, để tu an nhẫn. Người ta đang rất tinh tấn tu hành, quý vị khuyên họ hãy buông xuống, hãy nên tu nhẫn nhục. Đây là “*pháp mà nói là phi pháp, phi pháp mà bảo là pháp!*” Nếu các hữu tình thích tu Tĩnh Lự, mong tu Định, [quý vị lại ngược ngạo] khuyên họ xả Định, bảo họ tu tinh tấn. Nếu các hữu tình ưa thích tu Bát Nhã, khuyên họ bỏ Bát Nhã, bảo họ tu Tĩnh Lự. Họ muốn tu trí huệ, quý vị buộc họ học Định, hai đằng đều chẳng thành. “*Như thị Bồ Tát ngu*” tức là vị Bồ Tát ấy khá ngu si, chẳng phải là Bồ Tát, đối với phương tiện thiện xảo thế gian, “*bất năng chân thật lợi lạc hữu tình*” (chẳng thể chân thật lợi lạc hữu tình). Phương tiện thiện xảo của Bồ Tát nhằm lợi ích chúng sanh. Hễ quý vị điên đảo như vậy, chúng sanh sẽ chẳng đạt được lợi ích. Đó chẳng phải là thiện tri thức của hữu tình, mà là ác tri thức của hữu tình. “*Thử xảo phương tiện y hữu sở đắc, hữu sở chấp trước*” (Phương tiện thiện xảo ấy nương vào có sở đắc, có chấp trước): [Nếu suy nghĩ] do nương vào phương tiện thiện xảo này, vì hành phương tiện thiện xảo này, sẽ có thể đắc đạo, tức là chấp trước phương tiện thiện xảo này. “*Như thị danh vi Bồ Tát thế gian thiện xảo phương tiện*” (Như thế gọi là phương tiện thiện xảo thế gian của Bồ Tát): Đây chẳng phải là phương tiện thiện xảo xuất thế gian! Hễ có được, bèn có mất; có được, thì sẽ có cái chẳng được. Đó là pháp tương đối. Do vậy, đó là sai lầm, chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, “*diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát*” (cũng chẳng do vậy mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát). Đây chẳng phải là Bồ Tát Ma Ha Tát.

(Kinh) “Vân hà danh vi Bồ Tát xuất thế thiện xảo phương tiện? Vị chư Bồ Tát dẫn vị lợi tha, bất vị tự lợi, thị hiện chủng chủng công xảo kỹ thuật, vị thành thực tha thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc chư Bồ Tát, hoặc chư Độc Giác, hoặc chư Thanh Văn, hoặc mẫu, hoặc phụ, hoặc chư bệnh giả, hoặc chư luy liệt vô y hỗ giả. Nhược kiến ách nạn, lâm bị hại giả, chủng chủng cần khổ phương

tiện cứu tế, dĩ Tứ Nhiếp Sự thành thực hữu tình, tùy kỳ ý nhạo, tùy kỳ căn khí, vị chư hữu tình tuyên thuyết chánh pháp. Hựu năng tiêm thứ khuyến chư Thanh Văn tu Độc Giác Thừa, khuyến chư Độc Giác tu tập Đại Thừa. Nhược ư Thanh Văn cập Độc Giác Thừa căn vị thực giả, vị thuyết yếm ly sanh tử khổ pháp, linh kỳ tu học, yếm ly sanh tử, hân cầu Niết Bàn. Nhược chư hữu tình nhạo hành sát sanh, quảng thuyết nãi chí nhạo trước tà kiến, tùy kỳ căn tánh, hoặc vị tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển, tử thử, sanh bỉ, chúng khổ quả báo, linh kỳ yếm bố, ly chư ác pháp. Hoặc vị tuyên thuyết dĩ Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc vị tuyên thuyết dĩ Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc vị tuyên thuyết Vô Thượng Thừa trung thiện cận chi pháp, linh tiêm tu học. Nhược chư hữu tình dĩ nhạo bố thí, vị thuyết thắng thượng thọ trì tịnh giới, linh kỳ tu học, quảng thuyết nãi chí nhược chư hữu tình dĩ nhạo Tĩnh Lự, vị thuyết thắng thượng vô lậu thánh đạo sở nhiếp Bát Nhã linh kỳ tu học. Thử xảo phương tiện y vô sở đắc, vô sở chấp trước. Như thị danh vi Bồ Tát xuất thế Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu như thị Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: “Sở tu huệ hữu nhị: Thế gian, xuất thế gian. Thủ trước danh thế gian. Vô thủ trước, xuất thế. Tu thiện xảo phương tiện, y nhị chủng sai biệt, hữu sở đắc thế gian, vô sở đắc xuất thế. Nhược duy thuyết Nhất Thừa, thị danh ác thuyết pháp, bất năng tự thành thực, diệc bất năng độ tha. Nhất hướng ác chúng sanh, vị thuyết tam thừa giáo. Thị tắc vi ngu si, bất danh Ma Ha Tát. Hữu kham thú tam thừa, hân cầu văn chánh pháp, vị thuyết nhạo sanh tử, phi vi trí giả tướng. Chuyên ý để tư duy, tùy căn dục giáo hóa, thử thiện xảo phương tiện, trí giả sở xưng dự. Chúng sanh tuy hữu ác, nhi kham nhập tam thừa, tùy căn khí giáo đạo, linh giải thoát chúng ác”.

(經)云何名為菩薩出世善巧方便？謂諸菩薩，但為利他，不為自利，示現種種工巧技術，為成熟他，承事供養

諸佛世尊、或諸菩薩、或諸獨覺、或諸聲聞、或母、或父、或諸病者、或諸羸劣無依怙者。若見厄難臨被害者，種種勤苦方便救濟，以四攝事成熟有情，隨其意樂，隨其根器，為諸有情宣說正法。又能漸次勸諸聲聞修獨覺乘，勸諸獨覺修習大乘。若於聲聞及獨覺乘根未熟者，為說厭離生死苦法，令其修學，厭離生死，欣求涅槃。若諸有情，樂行殺生，廣說乃至樂著邪見，隨其根性，或為宣說生死流轉，死此生彼，眾苦果報，令其厭怖離諸惡法。或為宣說與聲聞乘相應正法，或為宣說與獨覺乘相應正法，或為宣說無上乘中淺近之法，令漸修學。若諸有情，已樂佈施，為說勝上受持淨戒，令其修學，廣說乃至若諸有情，已樂靜慮，為說勝上無漏聖道所攝般若，令其修學。此巧方便，依無所得，無所執著。如是名為菩薩出世善巧方便大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成就如是善巧方便大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。爾時，世尊欲重顯此義，而說頌曰：「所修慧有二：世間出世間。取著名世間。無取著出世。修善巧方便，依二種差別，有所得世間，無所得出世。若唯說一乘，是名惡說法，不能自成熟，亦不能度他。一向惡眾生，為說三乘教。是則為愚癡，不名摩訶薩。有堪趣三乘，欣求聞正法，為說樂生死

，非為智者相。專意諦思惟，隨根欲教化，此善巧方便，智者所稱譽。眾生雖有惡，而堪入三乘，隨根器教導，令解脫眾惡。

(Kinh: Thế nào gọi là phương tiện thiện xảo xuất thế của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát chỉ vì lợi ích người khác, chẳng vì tự lợi, thị hiện các thứ kỹ thuật hay khéo, vì thành thực người khác mà thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc các Bồ Tát, hoặc các Độc Giác, hoặc các Thanh Văn, hoặc mẹ, hoặc cha, hoặc những người bệnh, hoặc những kẻ suy yếu không nơi nương cậy, hoặc thấy người bị hại bởi các ách nạn, sẽ dùng các phương tiện siêng khổ để cứu giúp. Dùng Tứ Nhiếp Sự thành thực hữu tình, tùy theo lòng yêu thích, tùy theo căn khí của họ, vì các hữu tình tuyên thuyết chánh pháp. Lại có thể lần lượt khuyên các Thanh Văn tu Độc Giác Thừa, khuyên các Độc Giác tu tập Đại Thừa. Nếu đối với Thanh Văn và Độc Giác Thừa căn khí chưa chín muồi, vì họ nói pháp chán lìa sanh tử, khiến họ tu học, chán lìa sanh tử, vui cầu Niết Bàn. Nếu các hữu tình thích hành sát sanh, nói rộng là cho đến đối với kẻ thích chấp trước tà kiến, sẽ tùy theo căn tánh, hoặc vì họ tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển, chết đây, sanh kia, các thứ quả báo khổ sở, khiến cho họ chán sợ, lìa các ác pháp. Hoặc vì họ tuyên thuyết chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa, hoặc vì họ tuyên thuyết chánh pháp tương ứng với Độc Giác Thừa, hoặc vì họ tuyên thuyết các pháp thiền cận trong Vô Thượng Thừa để họ dần dần tu học. Nếu các hữu tình đã thích bố thí, vì họ nói thọ trì tịnh giới thù thắng bậc thượng, khiến cho họ tu học. Nói rộng là cho đến nếu các hữu tình đã thích Tĩnh Lự, bèn vì họ nói thánh đạo vô lậu thắng thượng bao gồm Bát Nhã, khiến cho họ tu học. Phương tiện hay khéo ấy chẳng nương vào “có đạt được”, chẳng chấp trước gì. Như thế thì gọi là phương tiện thiện xảo Đại Giác Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát. Đây thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu phương tiện thiện xảo Đại Giác Trụ Luân như thế, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: “Tu huệ có hai thứ, thế gian, xuất thế gian. Chấp giữ gọi thế gian; chẳng chấp giữ: Xuất thế.

Tu phương tiện thiện xảo, nương hai thứ sai khác. Hữu sở đắc: Thế gian. Vô sở đắc: Xuất thế. Nếu chỉ nói Nhất Thừa, gọi là ác thuyết pháp, chẳng thể tự thành thực, cũng chẳng thể độ người. Chúng sanh chuyên làm ác, bèn giảng pháp tam thừa. Đó là kẻ ngu si, chẳng gọi Ma Ha Tát. Có kẻ kham tam thừa, ưa cầu nghe chánh pháp, nói pháp thích sanh tử, chẳng phải là bậc trí. Chuyên tâm, tư duy kỹ, tùy căn, dục giáo hóa. Phương tiện thiện xảo ấy, bậc trí đều khen ngợi. Chúng sanh tuy có ác, nhưng kham nhập ba thừa, theo căn khí chỉ dạy, khiến giải thoát các ác”).

Phần trước đã nói về hai tầng quan hệ: Vì tự lợi và lợi tha (lợi ích người khác). Ở đây, chẳng phải vậy. Đây là phương tiện thiện xảo xuất thế gian của Bồ Tát, chuyên vì lợi ích người khác, chẳng vì tự lợi. Ngài cũng “*thị hiện chủng chủng công xảo kỹ thuật, vị thành thực tha, thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn*” (thị hiện các thứ kỹ thuật hay khéo, vì thành thực người khác, mà thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn). Như vậy thì các vị đại Bồ Tát ấy hoàn toàn vì lợi ích người khác, chẳng vì tự lợi, thị hiện các thứ kỹ thuật hay khéo, nhằm mục đích thừa sự, cúng dường chư Phật. Chẳng hạn như, chúng tôi thấy các lạt-ma ở Lạp Tát (Lhasa), bọn họ dùng bơ và tẩn-ba (tsampa, bột lúa mạch rang) có thể làm rất nhiều hoa, có thể tạo thành đàn tràng để tu đạo. Họ cũng chẳng có danh, chẳng có lợi chi cả. Đàn tràng được kiến lập tại đó, ai cũng chẳng biết là do vị lạt-ma nào làm! Chẳng có ghi tên, mà cũng chẳng đạt được tài lợi gì, thứ gì cũng đều chẳng có, làm việc cho tự viện. Làm việc mà chẳng được trả công. Nghề khéo kiểu này hoàn toàn vì lợi ích người khác, cúng dường chư Phật, mà cũng chẳng phải là lợi ích con người, đều là cúng dường chư Phật.

Hễ có ách nạn, vị đại Bồ Tát này liền thị hiện các thứ phương tiện siêng khổ để cứu vớt, và tiếp cận họ, khiến cho họ có thể thay đổi. Nhưng quý vị ắt phải có trí huệ. Quý vị chẳng có trí huệ, làm sao có thể thực hiện cho được! Như câu chuyện ngài Tế Công cứu gã bán thịt chó. Gã đó bán thịt chó, hằng ngày đều giết chó. Đối với mẹ, hấn hết sức bất hiếu, thường xuyên mắng mẹ, đánh mẹ. Có một hôm, khi sắp giết một con chó cái, không biết là quên thứ gì, hấn phải ra ngoài rồi trở lại, tìm cách nào cũng chẳng thấy con dao mổ chó. Tìm trong lẩn ngoài đều chẳng thấy, hấn liền chửi mắng, bắt mẹ cũng đi tìm. Mẹ hấn cũng đi tìm, căn bản là chẳng tìm thấy. Cuối cùng tìm được, đó là hấn thấy một con cún nằm úp sấp ngay trước mặt, bèn đá một cước, đá con cún chạy đi.

Phía dưới con cún có con dao. Con cún đã dùng thân mình che giấu con dao. Lúc đó, hấn vẫn mổ thịt con chó cái ấy. Bất quá, trong lòng hấn rất hổ thẹn, nói: “Ta muốn giết mẹ nó. Con cún ấy giấu dao đi, dùng sanh mạng của nó che đậy. Ta là người, đối với mẹ bất hiếu dường ấy!” Hấn liền khấn đầu, sám hối với mẹ, thưa: “Mẹ ơi! Hôm nay con bán thịt chó xong, sẽ chẳng làm chuyện buôn bán này nữa, tìm nghề khác làm. Sau này, con sẽ hiếu kính mẹ đàng hoàng!”

Vốn hấn đáng phải chịu quả báo “*ngũ lôi oanh đánh*”. Cái gọi là quả báo “*ngũ lôi oanh đánh*” (五雷轟頂) tức là chết trong ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Khi hấn đẩy xe ra ngoài, muốn đi đại tiện, bèn dừng cái xe thịt chó ở bên đường, đại tiện thì phải tìm chỗ khuất. Hấn chạy đến chỗ có một bức tường bằng đất đắp, không ai trông thấy để ngồi xỏm đi đại tiện. Hấn vừa đi ngoài, vừa trông chừng xe thịt chó. Tể Công có thần thông, biết hấn sắp bị [tường sập] đè chết. Vì một niệm hiếu tâm, khiến cho tội ác của hấn tiêu mất; Tể Công đi tới, đẩy cái xe đi. Hấn nóng ruột: “Đây là lần [buôn bán] cuối cùng, có chút tiền vốn đó. Ông đẩy xe của ta đi, ta làm thế nào đây?” Hấn ngưng đại tiện, thất lưng quần lại, đuổi theo: “Đại sư! Tôi cúng dường thịt chó cho Ngài, dừng lại đi. Đây là tiền vốn của tôi”. Hấn một mực la ầm lên, Tể Công dừng xe lại. Hấn nói: “Đại sư! Cảm ơn Ngài”. Nhưng lúc hấn vừa mới chạy đuổi theo, bức tường đất chỗ hấn vừa ngồi chồm hòm liền sụp xuống, hấn sợ tới mức đổ mồ hôi lạnh toàn thân, nói: “Sư phụ! Con phải cảm ơn Ngài! Con cho Ngài một nửa số thịt chó này”. Ngài nói: “Ta không cần thịt chó của người, ta chỉ giúp người bán”. Tể Công liền bán giúp hấn, người qua đường đều mua. Tể Công nói: “Hôm nay chúng ta bán giá cao gấp ba”. “Giá gấp ba có thể bán được hay không?” Tể Công bảo: “Người chó lo! Ta bán được!” Tể Công vừa niệm chú, người đi qua nơi đó đều mua, người thấy mùi thịt chó thơm quá, họ liền mua, lập tức bán sạch xe thịt chó. Tiền thu được rất nhiều, nhiều gấp ba tiền vốn. Hấn nói: “Đại sư! Con tạ ơn thầy bằng cách nào?” Sư nói: “Người không cần cảm ơn ta. Một niệm hiếu tâm dấy lên, sáng hôm nay người đã sám hối với mẹ. Đây là do hiếu tâm cảm vời”.

Nếu quý vị chẳng có sự thiện xảo ấy, sẽ chẳng thể cứu người ta, khiến hấn bị tường sụp đè chết. Bị đè chết thì chẳng phải là đọa địa ngục ư? Còn chẳng đợi cho hấn sám hối nữa, sát nghiệp của hấn nặng như vậy mà! Bồ Tát độ chúng sanh có bản lãnh, phương tiện thiện xảo này chẳng phải là phương tiện thiện xảo mà chúng ta có. Sự thiện xảo của chúng ta

[nói thật ra] chẳng phải là thiện xảo, nói đơn giản là vì tự lợi, chẳng phải vì lợi ích người khác, nhất định phải hiểu đạo lý này. Chớ nên viện cớ giúp đỡ đạo hữu khác, quý vị ôm cái tâm gì? Nếu quả thật thuần túy vì lợi ích người khác, chẳng có mảy may vì chính mình, thì đây là Bồ Tát thật sự phát tâm.

Chúng ta học như vậy, quý vị làm mỗi chuyện, nhất định phải quán chiếu cái tâm của chính mình, từ nơi nào phát sanh cái tâm ấy? Quý vị lìa khỏi tham, sân, si, ái, đó là điều rất then chốt! Bồ Tát làm chuyện ngu si, “*chúng chúng cần khổ phương tiện, cứu tế nhất thiết chúng sanh*” (các thứ phương tiện siêng khổ, cứu giúp hết thảy chúng sanh), dùng Tứ Nhiếp Pháp thành thực hữu tình. Tứ Nhiếp Pháp là bố thí, đồng sự, lợi hành, ái ngữ, tùy thuận lòng ưa thích của chúng sanh, chẳng phải là thuận theo cái tâm của quý vị: Trong tâm quý vị muốn như thế nào, bèn mong làm như thế ấy! Nay vì Bồ Tát lợi ích chúng sanh Bồ Tát, nghĩ chính mình nên làm như thế nào, mọi người phải nghe theo ta; đây là hoàn toàn sai lầm mất rồi! Tuyên thuyết chánh pháp, phải tùy thuộc họ thích điều gì, bèn nói cho họ điều ấy. Do pháp ấy, họ có thể đắc độ, vì có thể dần dần khuyên lơn các vị Thanh Văn, Độc Giác Thừa, khuyên họ hồi Tiểu hướng Đại, khuyên các vị thuộc Độc Giác Thừa tu Đại Thừa, khuyên Thanh Văn Thừa phải tiến cao hơn tu Độc Giác Thừa. Nếu các Ngài là căn khí Thanh Văn Thừa, sẽ làm cho họ tu học, chán lìa sanh tử, mong cầu Niết Bàn, cầu bất sanh bất tử.

“*Nhược chư hữu tình nhạo hành sát sanh, quảng thuyết nãi chí nhạo trước tà kiến*” (Nếu các hữu tình thích hành sát sanh, nói rộng là cho đến ưa thích tà kiến): Giết, trộm, dâm, dối, đây là bốn căn bản. “*Tùy kỳ căn tánh*” (Tùy theo căn tánh của họ), vì họ tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển. “*Tử tử, sanh tử*” (Chết đây, sanh kia): Các quả báo khổ sở khiến cho họ sanh khởi cảm giác sợ hãi, sanh cảm giác chán lìa, lìa khỏi các ác pháp ấy. Quý vị bèn tuyên thuyết cho họ hết thảy chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng với Độc Giác Thừa. Căn cơ Đại Thừa thì “*hoặc vị tuyên thuyết Vô Thượng Thừa trung thiên cận chi pháp*” (hoặc vì họ tuyên nói các pháp thiên cận trong Vô Thượng Thừa), chẳng phải là lập tức có thể tiến nhập Đại Thừa! Từ sơ khởi, phải từ pháp nông cạn, gần gũi, cho đến những pháp tương đương với bậc trung, cuối cùng nói pháp Tối Thượng Thừa.

Mọi người khi đọc ba phẩm kinh Hoa Nghiêm, quý vị có thể cảm nhận phẩm Tịnh Hạnh ai cũng đều làm được: Thấy điều gì, bèn nghĩ đến gì, đó gọi là “*phát tâm*”. Phẩm Phạm Hạnh là nhập Chân Không thanh

tịnh hạnh. Phạm hạnh là thanh tịnh hạnh, hết thấy những gì đã làm đều thanh tịnh. Hết thấy đều chẳng có, cho đến ngay cả Thập Lục của Phật cũng đều chẳng có. Đó là Không, thật sự Không. Nhưng vẫn chưa đủ, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trùng trùng vô tận, từ Không xuất Hữu. Hữu là Diệu Hữu, Diệu Hữu phi hữu, tức là Không. Chân Không chẳng Không. Chẳng Không là Diệu Hữu. Hành Phổ Hiền Hạnh lật đi lật lại như thế đó, tức là có từng giai đoạn một. Nếu quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm, tốt nhất là chọn lựa ba phẩm đó, như thế sẽ đều có. Từ Thiện Tài đồng tử sơ phát tâm, bắt đầu từ địa vị Thập Tín, mãi cho đến khi tham yết bậc Đẳng Giác. Đã tham yết xong, cho đến giai đoạn thành Phật, vẫn chưa đủ, lại trở về trước mặt Văn Thù Bồ Tát. Di Lạc Bồ Tát bảo Ngài trở lại tham yết Văn Thù Bồ Tát. Ngài lại trở về chỗ Văn Thù Bồ Tát, dùng Tín làm căn bản, “*Tín là nguồn đạo, mẹ công đức, trường dưỡng hết thấy các thiện căn*”. Trường dưỡng đã thành, lại quay về tự tâm. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo Thiện Tài trở về tham yết Phổ Hiền Bồ Tát lần nữa, mới có thể rốt ráo thành tựu Pháp Thân Phật chẳng thể nghĩ bàn. Đó cũng là Báo Thân Phật. Phải như thế thì mới gọi là Bồ Tát trọn đủ phương tiện thiện xảo. Phương tiện thiện xảo ấy chẳng có gì chấp trước. Nói pháp thiện căn; sau đây, lại dần dần khiến cho họ tu học. Nếu chúng sanh ưa thích bố thí, chỉ bố thí thì không đủ, còn phải trì giới, còn phải tu nhẫn nhục. Nhẫn nhục chưa đủ, phải tu Thiền Định. Từng bước một, khiến cho họ tu Lục Ba La Mật, khiến cho họ chứng đắc, chỉ là vô sở đắc (chẳng có gì để đạt được), chẳng có gì chấp trước. Phương tiện thiện xảo xuất thế của Bồ Tát là như thế đó; đây mới là Đại Giáp Trụ Luân thật sự.

Nếu quý vị tu hành phương tiện thiện xảo, cũng nương theo hai loại sai biệt. Hễ có cái để đạt được (hữu sở đắc), thì là thế gian; vô sở đắc là xuất thế. Đối với thế gian mà chẳng có gì để đạt được, thì sẽ có thể xuất thế gian. “*Nhược duy thuyết Nhất Thừa, thị danh ác thuyết pháp, bất năng tự thành thực, diệc bất năng độ tha*” (Nếu chỉ nói Nhất Thừa, thì gọi là ác thuyết pháp, chẳng thể tự thành thực, cũng chẳng thể độ người khác): Không nói pháp ba thừa, chỉ nói pháp Nhất Thừa của Đại Thừa. Thuyết pháp kiểu ấy là ác thuyết pháp, chẳng phải là thiện thuyết pháp, chính mình cũng chẳng thành thực được, mà cũng chẳng thể độ người khác. “*Nhất hướng ác chúng sanh, vị thuyết tam thừa giáo*” (Đối với chúng sanh một mực làm ác, vì họ nói giáo pháp tam thừa): Kẻ không có thiện căn, toàn là làm ác. Nếu quý vị nói cho họ pháp tam thừa,

chẳng nói cho họ pháp quy y nông cạn, gàn gù, không dạy họ hành Thập Thiện Pháp, họ làm sao tiến nhập được? Đó gọi là ngu si.

“*Hữu kham thú tam thừa, hân cầu văn chánh pháp, vị thuyết nhạo sanh tử, phi vi trí giả tướng*” (Có người kham tiến nhập tam thừa, thích cầu nghe chánh pháp, [thế mà] vì họ nói [các pháp] thích sanh tử thì chẳng phải là bậc có trí huệ): Người ấy đã có thể, “*kham*” (堪) là có thể, tức là có thể thành tựu, tiến nhập Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa, hết sức vui thích, vui cầu nghe pháp chân chánh. Quý vị nói cho họ pháp sanh tử, vì họ nói ưa thích sanh tử. Nói pháp sanh tử [là nói các pháp tu tập để] sanh lên trời, làm người, gieo thiện căn. Đây là pháp sanh tử, là mười thiện pháp nhập môn. Đó chẳng phải là bậc trí, vì [thuyết pháp] chẳng đúng căn cơ. “*Chuyên ý để tư duy, tùy căn dục giáo hóa*” (Hãy chuyên tâm suy nghĩ kỹ càng, thuận theo căn cơ và ham muốn của họ để giáo hóa): Bồ Tát độ chúng sanh chẳng phải tùy tiện như vậy, phải suy nghĩ kỹ càng, suy nghĩ đúng lý. Nếu quý vị chẳng biết căn cơ của họ, thì có thể nghe họ nói. Quý vị nói chuyện với họ, họ sẽ biểu đạt, sẽ nói cho quý vị biết họ thuộc căn cơ nào. Cho nên khi quý vị nói chuyện với chúng sanh, tuy mỗi người chẳng đem điều mong cầu và suy nghĩ viết trên mặt, nhưng xác thực là từ vẻ mặt họ đã cho quý vị biết, họ muốn làm gì, họ cũng có những điều mong mỏi mà quý vị có thể nhận biết. Chuyện này phải khéo quan sát, phải khéo tư duy, tùy theo căn cơ và dục vọng của họ mà giáo hóa như thế. Đó mới là thật sự thiện xảo, đáng được bậc trí khen ngợi!

“*Chúng sanh tuy hữu ác, nhi kham nhập tam thừa*” (Chúng sanh tuy có điều ác, nhưng có thể nhập tam thừa): Các chúng sanh ấy làm ác, giống như trong câu chuyện tôi vừa kể, gã đó giết chó, tức là làm ác, lại bất hiếu với mẹ. Nhưng trong quá khứ, hắn có thiện căn, nay thiện căn của hắn chín muồi, có thể buông dao mổ xuống, có thể dấy lên một niệm thiện tâm. Thiện căn của hắn đã sanh trưởng, làm một thiện nhân. Còn kẻ suốt đời làm lành, tới khi sắp chết, ác tánh chẳng đổi, đó là các điều ác trong đời quá khứ rất nặng, [tạo thành] nhân duyên chướng đạo. Có thể dùng phương tiện thiện xảo như vậy để quan sát căn cơ của chúng sanh. Tuy trong đời quá khứ họ là ác, nhưng hiện thời, họ có thể chứng nhập tam thừa. Quý vị phải chỉ dạy, nhiếp thọ người ấy, khiến cho người ấy giải thoát các điều ác. Nói “*buông dao mổ xuống, thành Phật ngay tại đó*” có hàm nghĩa như vậy. Chớ nên vì kẻ đó làm ác, mà chẳng nhiếp thọ họ, chẳng nói thiện pháp cho họ. Đây cũng là sai lầm, chẳng phải là trí

huệ thiện xảo, chẳng quan sát thấy hiện tại [thiện căn của] họ đã chín muồi!

(Kinh) “Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Đại Từ Đại Giác Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Đại Từ Đại Giác Trụ Luân? Thiện nam tử! Từ hữu nhị chủng: Vị pháp duyên từ, hữu tình duyên từ. Pháp duyên từ giả, danh vi đại từ, danh đại giác trụ. Hữu tình duyên từ, bất danh đại từ, phi đại giác trụ. Sở dĩ giả hà? Hữu tình duyên từ, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng. Thanh Văn, Độc Giác vị tự lợi lạc, bất vị hữu tình, tinh cần tu tập hữu tình duyên từ. Thanh Văn, Độc Giác vị tự tịch tĩnh, vị tự Niết Bàn, vị diệt tự Hoặc, vị diệt tự kết, bất vị hữu tình tinh cần tu tập hữu tình duyên từ. Thị cố, thử từ bất danh đại từ, phi đại giác trụ. Kỳ pháp duyên từ, bất cộng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, duy chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng sở năng tu hành. Bồ Tát Ma Ha Tát phổ vị lợi lạc nhất thiết hữu tình, tinh cần tu tập thử pháp duyên từ. Bồ Tát Ma Ha Tát phổ vị nhất thiết hữu tình tịch tĩnh, cập đắc Niết Bàn, diệt phiền não kết, tinh cần tu tập thử pháp duyên từ. Thị cố, thử từ danh vi đại từ, thị đại giác trụ. Hữu chư Bồ Tát tu pháp duyên từ, bất y chư Uẩn, bất y chư Xứ, bất y chư Giới, bất y Niệm Trụ, nãi chí bất y Đạo Chi, bất y Dục Giới, bất y Sắc Giới, bất y Vô Sắc Giới, bất y thử thể, bất y tha thể, bất y thử ngạn, bất y bỉ ngạn, bất y đắc, bất y bất đắc. Như thị Bồ Tát tu pháp duyên từ, siêu chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa địa, thị danh Bồ Tát pháp duyên Đại Từ Đại Giác Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Đại Từ Đại Giác Trụ Luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Thanh Văn cập Độc Giác, tu hữu tình duyên từ, tâm đối thập tam quá, duy cầu tự lợi lạc. Bồ Tát đại danh xưng, phổ vị chư hữu tình, tu bất cộng đại từ, tâm ly thập tam quá. Tâm trừ thập tam cấu, vị thú Đại Bồ Đề, tu pháp duyên đại từ, thành phước điền phi viễn. An trụ thập tam lực,

xuất quá chư hữu tình, do như sư tử vương, siêu thắng chư cầm thú. Hàng phục thập tam oán, ly đoạn thường biên chấp, tâm vô hữu nhiệm trước, tức chứng Đại Bồ Đề.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有大慈大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何大慈大甲冑輪？善男子！慈有二種：謂法緣慈、有情緣慈。法緣慈者，名為大慈，名大甲冑。有情緣慈，不名大慈，非大甲冑。所以者何？有情緣慈，共諸聲聞、獨覺乘等，聲聞、獨覺為自利樂，不為有情，精勤修習有情緣慈。聲聞、獨覺為自寂靜，為自涅槃，為滅自惑，為滅自結，不為有情，精勤修習有情緣慈。是故，此慈不名大慈，非大甲冑。其法緣慈，不共聲聞、獨覺乘等，唯諸菩薩摩訶薩眾所能修行。菩薩摩訶薩普為利樂一切有情，精勤修習此法緣慈。菩薩摩訶薩普為一切有情，寂靜及得涅槃，滅煩惱結，精勤修習此法緣慈。是故，此慈名為大慈，是大甲冑。又諸菩薩，修法緣慈，不依諸蘊，不依諸處，不依諸界，不依念住，乃至不依道支，不依欲界，不依色界，不依無色界，不依此世，不依他世，不依此岸，不依彼岸，不依得，不依不得。如是菩薩修法緣慈，超諸聲聞、獨覺乘地，是名菩薩法緣大慈大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成此大慈大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也

，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「聲聞及獨覺，修有情緣慈，心帶十三過，唯求自利樂。菩薩大名稱，普為諸有情，修不共大慈，心離十三過。心除十三垢，為趣大菩提，修法緣大慈，成福田非遠。安住十三力，出過諸有情，猶如師子王，超勝諸禽獸。降伏十三怨，離斷常邊執，心無有染濁，速證大菩提。

(Kinh: “Lại này thiên nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Đại Từ Đại Giác Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Đại Từ Đại Giác Trụ Luân? Này thiên nam tử! Từ có hai loại, tức là pháp duyên từ và hữu tình duyên từ. Pháp duyên từ được gọi là đại từ, là đại giác trụ. Hữu tình duyên từ chẳng gọi là đại từ, chẳng phải là đại giác trụ. Vì có sao vậy? Hữu tình duyên từ cùng chung với hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Thanh Văn, Độc Giác vì lợi lạc cho chính mình, chẳng vì hữu tình mà siêng rông tu tập hữu tình duyên từ. Thanh Văn, Độc Giác vì sự tịch tĩnh của chính mình, vì Niết Bàn của chính mình, vì diệt Hoặc của chính mình, vì diệt kết phược của chính mình, chẳng vì hữu tình mà siêng rông tu tập hữu tình duyên từ. Vì thế, lòng Từ ấy chẳng gọi là đại từ, chẳng phải là đại giác trụ. Pháp duyên từ chẳng cùng chung với hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa, chỉ có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát là có thể tu hành. Bồ Tát Ma Ha Tát vì lợi lạc trọn khắp hết thấy hữu tình mà siêng rông tu tập pháp duyên từ này. Bồ Tát Ma Ha Tát vì làm cho trọn khắp hết thấy hữu tình đạt được tịch tĩnh và đắc Niết Bàn, diệt phiền não kết, mà siêng rông tu tập môn pháp duyên từ này. Vì thế, lòng Từ này được gọi là đại từ, là đại giác trụ. Lại nữa, các Bồ Tát tu pháp duyên từ, chẳng nương theo các Uân, chẳng nương theo các Xứ, chẳng nương theo các Giới, chẳng nương theo Niệm Trụ, cho đến chẳng nương theo Đạo Chi, chẳng nương theo Dục Giới,

chẳng nương theo Sắc Giới, chẳng nương theo Vô Sắc Giới, chẳng nương theo đời này, chẳng nương theo đời khác, chẳng nương theo bờ này, chẳng nương theo bờ kia, chẳng nương theo đấng, chẳng nương theo bất đấng. Bồ Tát tu pháp duyên từ như thế, vượt hẳn các địa vị Thanh Văn, Độc Giác Thừa; được gọi là pháp duyên Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. Đây thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn, hết thấy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa ấy, bèn nói kệ tụng rằng: - Thanh Văn và Độc Giác, tu hữu tình duyên từ, tâm mang mười ba lỗi, chỉ cầu lợi lạc riêng. Bồ Tát thanh danh lớn, vì khắp các hữu tình, tu bất cộng đại từ, tâm lìa mười ba lỗi. Tâm trừ mười ba cấu, tiến nhập Đại Bồ Đề, tu pháp duyên đại từ, thành phước điền chẳng xa. An trụ mười ba lực, vượt khỏi các hữu tình, ví như sư tử chúa, vượt xa các cầm thú. Hàng phục mười ba oán, lìa đoạn, thường, biên chấp. Tâm chẳng có nhiễm trước, mau chứng Đại Bồ Đề).

Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân là gì? Giống như trong phần trước, Từ cũng có hai loại: Pháp duyên từ, và hữu tình duyên từ. Một đằng là xét theo người, một đằng là xét theo pháp. Xét theo pháp để nói, Từ là đại từ, là đại giáp trụ. Nếu nói theo tình, thì chẳng gọi là đại từ, chẳng phải là đại giáp trụ. Vì sao phải nói như vậy? “Sở dĩ giả hà?” (Vì có sao vậy?): [Câu này] mang ý nghĩa gạn hỏi. Tiếp đó liền nói: “Hữu tình duyên từ” là “chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng”, [nghĩa là lòng Từ] tương đương với họ. Vì sao? Do Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa vì lợi lạc chính mình, chẳng phải vì hữu tình. Họ tinh tấn tu tập, chẳng phải là duyên theo hết thấy hữu tình mà tu tâm đại từ bi. Họ vì tịch tĩnh, vì Niết Bàn của chính mình, vì diệt trừ Hoặc nghiệp và đoạn trừ Kết Sở của chính mình. Kết Sở Hoặc rất khó đoạn! Kết Sở khiến cho quý vị phiền não, khiến cho quý vị đọa lạc, vì cái nghiệp đã kết thành, sẽ chẳng thể giải thoát được! Thanh Văn, Duyên Giác Thừa chỉ mong diệt Kết Sở của chính mình, chẳng phải vì hữu tình mà siêng ròng tu tập. Họ là hữu tình duyên từ. Chúng tôi lại nói đơn giản, Thanh Văn, Duyên Giác Thừa chẳng đẹp khổ cho chúng sanh. Ngay như tôn giả Mục Kiền Liên vì cứu mẹ mới đến địa ngục đưa cơm cho mẹ. Ngài trọn chẳng phát đại tâm đưa cơm cho hết thấy chúng sanh trong địa ngục. Tâm lượng của Ngài quá

nhỏ, chỉ vì chính mình, chẳng có tâm đại từ bi. Thanh Văn Thừa chẳng thể đại từ, đại bi, chẳng thể vì hết thảy hữu tình mà siêng rông tu tập. Lòng từ ái của họ là tình kiến hữu ái. Ái là vô minh, lòng Từ kiêu ấy “*bất danh đại từ*” (chẳng gọi là đại từ).

“*Pháp duyên từ*” có hình trạng như thế nào? “*Bất cộng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, duy chư Bồ Tát Ma Ha Tát sở năng tu hành*” (Chẳng chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa, chỉ các vị Bồ Tát Ma Ha Tát là có thể tu hành): Đây là pháp tu hành của bậc đại Bồ Tát. Các Ngài tu hành như thế nào? Các Ngài vì lợi lạc trọn khắp “*nhất thiết hữu tình, lợi lạc nhất thiết hữu tình, tinh cần tu tập*” (hết thảy hữu tình, do lợi lạc hết thảy hữu tình mà siêng rông tu tập), chẳng vì chính mình. Đó gọi là Pháp Duyên Từ. Ngài duyên theo Pháp Thân, chữ Pháp [trong Pháp Duyên Từ] cũng có thể hiểu là Pháp Thân, vì có cùng một Thể với Pháp Thân. Ta và chúng sanh như nhau, do có cùng một Thể, ta phải độ họ. Chính mình cũng được bao gồm trong ấy. Đó là Pháp Duyên Từ. Chưa hề nghĩ tới chính mình, vì muốn lợi ích chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh đạt được tịch tĩnh, đắc Định rốt ráo, đạt được Niết Bàn, diệt hết thảy khúc mắc phiền não cho chúng sanh, tháo gút cho chúng sanh. Như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói “*giải lục kết, việt tam không*” (tháo gỡ sáu cái gút thắt, vượt khỏi ba thứ không). Lục Kết chính là Lục Căn, tức là phiền não do Lục Căn đối ứng Lục Trần đều được tháo gỡ, quý vị bèn đạt tới cảnh giới Chân Không. Cảnh giới Chân Không bao gồm Nhị Thừa Không, Bồ Tát Không, Cứu Cánh Không, và Tát Cánh Không. Quý vị đạt tới địa vị rốt ráo ấy, diệt phiền não kết cho chúng sanh, siêng rông tu tập pháp Pháp Duyên Từ này. Đó gọi là đại từ, dẹp trừ hết thảy đau khổ cho chúng sanh.

Tam giới thuộc về sanh tử. “*Thử thế*” là đời này, “*tha thế*” là đời vị lai. Lòng đại từ bi của vị Bồ Tát ấy, bất luận là vị lai hay hiện tại, ba đời bình đẳng, tam giới bình đẳng, hết thảy các pháp là bình đẳng, chẳng có bờ này, mà cũng chẳng có bờ kia. Hễ có bờ này là sanh tử, thì bờ kia là Niết Bàn. Vì ưa thích Niết Bàn mà đoạn dứt sanh tử, vượt thoát biển khổ sanh tử. Phát tâm kiêu ấy không lớn. Sau khi đã diệt hết thảy các pháp, thì mới có thể kiến lập hết thảy các pháp. Đã không còn hết thảy các pháp rồi thì mới có thể bất không. Nếu nay chúng ta bất không, sẽ là chấp trước. Sau khi đã không, lại quay về, lại độ chúng sanh. Độ chúng sanh mà chẳng thấy tướng chúng sanh. Quý vị nghĩ chuyện này rất đơn giản, nhưng chúng ta chẳng chuyên được! Nếu chuyên được thì quá tốt, chúng ta đều thành Phật cả rồi, chuyện là như thế đó! Thoạt nhìn rất đơn

giản! Phiền não và Bồ Đề, sanh tử và Niết Bàn, cổ nhân hình dung, phiền não là lòng bàn tay, Bồ Đề là lưng bàn tay, chỉ là một bàn tay mà thôi, chẳng có chi khác! Quý vị thấu hiểu, sẽ chứng đắc. Chẳng hiểu rõ, sẽ bị lầm lạc. Đến khi nào mới có thể hiểu rõ? Tùy thuộc sự tu tập của mỗi người. Có đắc, có bất đắc, có đắc thì nhất định có bất đắc. Chẳng dựa theo đó mà khởi tâm đại từ bi, Pháp Duyên Từ là bình đẳng. Do vậy, chẳng nương theo đó mà dấy lên tâm từ bi của ta. Đó gọi là Pháp Duyên Từ.

“Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết” (Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng), chúng ta đọc bài kệ này một lượt. *“Thanh Văn cập Độc Giác, tu hữu tình duyên từ, tâm đối thập tam quá”* (Thanh Văn và Độc Giác, tu hữu tình duyên từ, tâm mang mười ba lỗi): Nếu tu hữu duyên từ, sẽ có mười ba món lầm lỗi, vì chỉ cầu lợi lạc cho riêng mình, cầu lợi lạc cho chính mình. *“Bồ Tát đại danh xưng, phổ vị chư hữu tình, tu bất cộng đại từ”* (Bồ Tát thanh danh lớn, vì khắp các hữu tình, tu bất cộng đại từ): [Lòng từ ấy] chẳng cùng chung với Thanh Văn, Duyên Giác. *“Tâm ly thập tam quá”* (Tâm lìa mười ba lỗi): Chẳng có mười ba lỗi! *“Tâm trừ thập tam cấu, vị thú đại Bồ Đề, tu pháp duyên đại từ, thành phước điền phi viễn”* (Tâm trừ mười ba cấu, tiên nhập đại Bồ Đề, tu pháp duyên đại từ, thành phước điền chẳng xa): Nhất định sẽ thành phước điền rôt ráo, thành Phật chẳng xa, nhưng *“mười ba cấu”* rất khó trừ. *“An trụ thập tam lực, xuất quá chư hữu tình, do như sư tử vương, siêu thắng chư cầm thú”* (An trụ mười ba lực, vượt hơn các hữu tình, ví như sư tử chúa, vượt hẳn các cầm thú). Giống như sư tử vương, sư tử là vua các loài thú. *“Hàng phục thập tam oán, ly đoạn thường biên chấp”* (Hàng phục mười ba oán, lìa chấp đoạn và thường): Mười ba oán do các kiến chấp Đoạn và Thường sanh ra. Như vậy thì *“tâm vô hữu nhiễm trược, tốc chứng đại Bồ Đề”* (tâm chẳng có đấm nhiễm, ô trược, mau chứng đại Bồ Đề): Hàng Nhị Thừa Thanh Văn và Độc Giác tu từ bi là hữu duyên từ bi, có thể thoát ly “mười ba lỗi”. Mười ba lỗi thì trong quyển chín mươi chín của Du Già Sư Địa Luận, có nói mười lăm lỗi. Từ mười lăm lỗi ấy, chúng ta có thể ghép lại một hai điều [để hiểu mười ba lỗi]. Trước hết, chúng ta đọc mười lăm lỗi một lượt.

“Nhất giả, tứ trùng quá thất” (Một là bốn tầng lầm lỗi), *“nhị giả, mãnh lực Thiên quá thất”* (hai là lỗi lầm trong khi tu Thiên, dùng sức quá mạnh), *“tam giả, quỹ pháp bất túc hỷ quá thất”* (ba là lỗi lầm thiếu sót, chẳng đủ hỷ), *“tứ giả, tha sở cơ quá thất”* (bốn là lỗi lầm do bị

người khác ràng buộc), “*ngũ giả, vô chánh tín bồi linh bất tín*” (năm là khiến cho kẻ chẳng có chánh tín trái nghịch chẳng tin), “*lục giả, hữu chánh tín giả linh kỳ biến dị quá thất*” (sáu là lỗi làm khiến cho người có chánh tín đổi khác), hai điều năm và sáu có thể ghép thành một, tức là khiến cho người có chánh tín chẳng thể tăng trưởng tín tâm, ngược lại khiến cho tín tâm của họ thoái chuyển. Đây là một thứ lỗi làm. Quý vị làm các sự nghiệp, lòng từ bi của quý vị vốn là tốt đẹp, nhưng do người khác chằm chọc quý vị, thậm chí còn có đồng đạo trách cứ quý vị. Quý vị vốn phát xuất từ tâm bi, người khác cho là quý vị còn có mục đích khác. Đó là một lỗi làm. “*Đa tài bảo, đa chur sự nghiệp quá thất*” (Lỗi làm do có lắm của cải, lắm sự nghiệp): Của cải quá nhiều, sẽ phạm tội. Sự nghiệp quá nhiều, cũng chẳng thể được. “*Nhiệm trước quá thất*” (Lỗi làm đấm nhiễm), “*não tha quá thất*” (lỗi làm não loạn người khác), “*phát khởi tật bệnh quá thất*” (lỗi làm phát khởi tật bệnh), đây là điều chúng ta chẳng thể tránh được. Ai cũng chẳng muốn bị bệnh, nhưng quý vị nẩy sanh bệnh tật. Vì sao chúng ta nẩy sanh bệnh tật? Bệnh từ miệng vào, ăn quá nhiều! Ăn ít hơn thì được rồi. Loại bệnh này rất nhiều. “*Chướng vãng thiện thú quá thất*” (Lỗi làm do chướng ngại tiến vào đường lành): Đôi khi chúng ta có cảm giác dường như Phật, Bồ Tát ở ngay trước mắt, trong tâm có lúc dụng công tương ứng, cảm thấy dường như Phật, Bồ Tát rất gần mình, trong tâm sanh khởi đại hoan hỷ. Có đôi khi quý vị dụng công, dụng công mười năm hay tám năm, dường như cách xa Phật, Bồ Tát vô biên. Niệm kinh cũng thế, trì chú cũng thế, dường như Phật, Bồ Tát chẳng gia trì, chính mình càng niệm càng mơ hồ. Đây là lỗi làm chướng ngại quý vị tiến vào đường lành.

Có một lỗi làm là đối với kẻ chẳng nên che chở, lại ngược ngạo che chở. Đạo lý này chỉ sợ ai cũng có, phải tránh hiềm nghi. Kẻ đáng nên che chở bèn che chở, kẻ không nên che chở sẽ chẳng che chở. Chúng tôi nêu thí dụ, Phật độ hết thầy chúng sanh, Bồ Tát độ hết thầy chúng sanh. Chúng sanh ấy do ác tâm mà tới, quý vị nói xem, chúng ta phải nên che chở hẩn, hay là chẳng nên che chở? Hẩn sanh khởi ác tâm, chẳng cầu pháp, quý vị có thần thông thì có thể biết. Chẳng có thần thông, quý vị làm sao biết được? Kẻ đó hai lòng, hoặc là muốn thử quý vị, hoặc muốn khảo đảo quý vị. Nếu quý vị làm chuyện lợi ích chúng sanh, phải nên làm như thế nào? Chẳng hạn như có chúng sanh hỏi: “Lão pháp sư, thầy tu hành bằng cách nào? Niệm kinh gì vậy?” Chuyện này có liên quan gì đến hẩn? Biết những chuyện đó để làm gì? Vị pháp sư ấy chắc là sẽ nẩy sanh nghi vấn: “Quý vị hỏi tôi chuyện này để làm gì? Quý

vị muốn trải nghiệm công phu của tôi à?” Nhưng có nên che chở kẻ đó hay không? Tùy thuộc quý vị có trí huệ hay không? Có trí huệ thì sẽ chẳng che chở hẳn, sẽ giải thích cho hẳn đôi chút: “Chuyện này chẳng liên quan gì đến quý vị! Tôi tu, quý vị chẳng thấy tu thành công. Tôi tu, quý vị tu chẳng thấy linh nghiệm, cũng chẳng có nghĩa là [quý vị thấy tôi tu tập pháp môn nào] quý vị hãy nên tu theo! Có những thứ là ‘thông’, ‘thông’ hiểu theo nghĩa ‘cùng chung, phổ cập’, [tức là những pháp mà] tôi tu, quý vị cũng có thể tu, [đó là Thông]. Nhưng có những pháp tôi tu mà quý vị không thể tu”. Giải thích rõ ràng cho kẻ đó là được rồi. Có các lầm lỗi ấy, nếu khi quý vị muốn tạo lợi ích cho chúng sanh, sẽ phạm rất nhiều khuyết điểm. Chớ nên y chỉ mà lại làm y chỉ cho kẻ đó, đáng nên làm y chỉ mà quý vị lại ngược ngạo chẳng y chỉ; đó đều là lầm lỗi. Đáng nên cung kính mà chẳng cung kính; chẳng nên cung kính mà quý vị lại ngược ngạo cung kính. Đây cũng là chẳng chánh xác.

Đối với “*mười ba lỗi*”, trong Du Già Sư Địa Luận nói “*mười lăm loại lỗi*”, [chẳng hạn như] đáng nên làm kho tàng mà chẳng làm kho tàng; chẳng đáng nên làm kho tàng, mà làm kho tàng. Đáng nên tu tập, mà quý vị chẳng tu tập. Chẳng đáng nên học tập, mà lại học tập. Có thể không cần giải thích hai loại này. Đây là mười ba lỗi. Do vậy, nếu quý vị phạm các sai lầm ấy, sẽ chẳng thể đạt tới đại từ đại bi. Đại từ đại bi thì phải nên như thế nào? Đối với hết thảy chúng sanh, chẳng vứt bỏ, chẳng có các lỗi lầm ấy. Nói cách khác, hễ có mười ba thứ ấy, thì là tu hữu duyên từ. Các lỗi lầm ấy sẽ sanh ra gì? Vì cầu lợi lạc cho chính mình, chỉ nghĩ lợi lạc cho chính mình, chẳng lợi ích người khác. Bồ Tát thì ngược lại. Bồ Tát có thanh danh to lớn, Ngài lợi ích trọn khắp hết thảy chúng sanh. Ngài tu bất cộng đại từ. “*Bất cộng*” là chẳng cùng chung với Thanh Văn, Duyên Giác (tức là Thanh Văn và Duyên Giác không thể có các phẩm đức ấy), nhưng cùng chung với hết thảy những người phát Bồ Đề tâm. Như vậy thì tu môn này (Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân), sẽ chẳng có các lỗi lầm ấy, “*tâm trừ thập tam cấu*” (tâm trừ mười ba món cấu). Đối với “*mười ba cấu*”, trong Phật Học Từ Điển có “*thập tứ cấu*”, tôi đem mười bốn cấu ghép lại, sẽ là “mười ba cấu”. [Theo Phật Học Từ Điển], mười bốn cấu là Tứ Kết, Tứ Xứ, và Lục Tồn Tài Pháp⁵⁰, gộp chung lại thành mười bốn món cấu.

⁵⁰ Tứ Kết là sát sanh, trộm cắp, dâm dật, nói dối. Tứ Xứ là Dục Xứ, Khuể Xứ, Bỏ Xứ (sợ hãi), và Si Xứ. Lục Tồn Tài Pháp là mê đắm rượu chè, cờ bạc, phóng đãng, mê kỹ nhạc, chơi với bạn ác, và giải đọa (lười nhác mà đọa lạc).

Tứ Kết là gì? Chính là Kết Sử. Chúng ta thường đọc thấy [kinh luận nhắc đến] Kết Sử. Mấy loại khúc mắc ấy, nếu quý vị chẳng thể tháo gỡ được, chúng sẽ khiến cho quý vị tạo tội. Mấy loại nào vậy? Chính là giết, trộm, dâm, dối trong Ngũ Giới, đó là Tứ Kết Sử. Bốn loại ấy là căn bản. Cho đến khi thành Phật, mới đoạn tuyệt ngu si. Ngu si là vô minh, [thành Phật mới] đoạn hết vô minh. Lại còn có dục (ham muốn), khuê (恚, nóng giận), bố (怖, sợ hãi), si. Trong hết thảy cảnh giới, khởi tham dục. Trong hết thảy cảnh giới, dấy lên sân hận, dấy lên khuê. Khuê có nghĩa là nã hại, cũng là “*tăng phần*” (憎忿, chán ghét, phần nộ), oán hận. Lại còn khủng bố (恐怖, kinh hoàng, sợ hãi), đó là ngu si. Nếu chẳng phải là kẻ ngu si, người ấy sẽ chẳng có tham dục, biết hết thảy các pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng. Người ấy chẳng dấy lên tham dục, [vì biết rõ] đó là cảnh giới huyễn hóa, là gạt người. Có ái thì mới có khuê, chẳng có ái sẽ không có khuê, cũng là chẳng có tình. Nếu đối với nhân loại mà nói là vô tình, thì dường như kẻ đó là động vật máu lạnh, là vô tình. Đúng chưa? Chẳng đúng! Động vật máu lạnh cũng có tình, động vật máu lạnh hoàn toàn chẳng phải là không có tình. Như loài cá là động vật máu lạnh, sống trong biển, nó có tình cảm, đối với con cái do nó sanh ra, nó bảo vệ, tức là có tình cảm!

“*Vô tình*” có nghĩa là “đối với hết thảy các pháp, đều chẳng chấp trước”. Có kẻ cho rằng Phật giáo đòi chúng ta hãy tin theo Phật giáo, sẽ vô tình, chẳng cần đến tình cảm nữa. Vợ, chồng, cha, mẹ gì cũng đều chẳng cần. Đó là lời phê bình sai lầm, Phật chẳng vô tình. Người học Phật chẳng phải là vô tình, mà là đặc biệt trọng tình. Không chỉ đối riêng với một người nào, [tức là chẳng phải] đối với cha mẹ, vợ con bèn hữu tình, chẳng có tình cảm đối với người khác. Chẳng phải vậy! Đối với hết thảy chúng sanh, người ấy đều hữu tình. “*Đa tình nãi Phật tâm*” (Nhiều tình cảm là tâm Phật), người ấy sẽ cứu độ hết thảy chúng sanh. Nhưng chữ Tình ấy được giải thích bất đồng. Người ấy có trí huệ, chẳng chấp trước, chẳng dấy lên tham luyến. Như thế thì sẽ chẳng có các khuyết điểm!

Còn có câu nhiễm, tức là kẻ thích uống rượu sẽ làm lỡ rất nhiều chuyện! Vì sao đức Phật xếp giới uống rượu vào Ngũ Giới? Tại Ấn Độ, đã phát sanh loại chuyện như thế này: Vì uống rượu, phạm tội dâm dục. Vì có sân hận, sợ bị kẻ đó tố giác, liền giết người, bỏ trốn. Chạy trốn, do chẳng có tiền, bèn trộm cắp, nói dối. Vì uống rượu, mà toàn bộ “*giết, tội, dâm, dối*” đều phạm. Trong giới kinh, có rất nhiều chuyện kiểu này. Do vậy, xếp uống rượu vào Ngũ Giới, nguyên nhân rất trọng yếu là ở

chỗ này! Đặc biệt là đối với Bồ Tát, giới cấm về rượu cũng là căn bản. Bồ Tát không thể bán rượu. Tội lỗi do bán rượu còn nặng hơn tội lỗi uống rượu. Quý vị mê hoặc rất nhiều người, tương đương với bán thuốc độc, chuyện là như thế đó. Nhưng pháp luật quốc gia chẳng chế tài, ngược lại còn cổ vũ bán rượu. Vì sao cổ vũ? Thâu thuế, thuế rượu rất lớn! Mặt khác là những niềm vui phóng đăng, mê luyến. Chuyện này chia thành hai loại: Mê luyến là như kỹ viện, các chỗ vui chơi. Chỗ vui chơi là nơi phóng đăng. Đối với mười bốn câu ấy, tôi ghép lại thành mười ba câu. Còn nữa, kết hợp với ác ngữ, sẽ dẫn khởi quý vị làm rất nhiều chuyện xấu, sanh ra làm lỗi. Còn có giải đọa (懈墮), tức là giải đãi thì nhất định sẽ đọa lạc. Khi quý vị giải đãi, hãy nghĩ quý vị nhất định bị đọa lạc. Kinh Trường A Hàm dạy như thế đó.

“Mười ba oán” tức là “mười một thứ sân hận”, cộng thêm hai điều nữa, sẽ là mười ba oán. Ác nghiệp mạnh mẽ, điều gì mạnh mẽ? Khi nổi nóng, sân tâm mạnh mẽ. Khi chẳng thể không chế lửa giận, sân tâm dấy lên, thứ gì cũng đều chẳng quan tâm; thậm chí táng gia bại sản, nước mắt nhà tan đều có thể. Nếu tâm sân hận xảy ra hết sức mạnh mẽ, hoặc là bị não loạn, hoặc bị người khác khuấy động phiền não, hoặc là ô mòng oán hận, kẻ có oán cừu đối với ta, ta mong báo thù kẻ đó, cho đến đối với thân thể này là “mười ba oán”. “Hiện tướng” là trong sự oán hận bèn hiện tướng ác, đó là “hiện tướng”. “Độc hại” là dùng thuốc độc làm hại người khác. “Bất đoạn” là sân tâm chẳng thể cắt đứt, tiếp nối chẳng ngừng!

“Thập tam lực” (Mười ba lực): Chuyên nói về các vị Bồ Tát trong Tây Phương Tịnh Độ trọn đủ mười ba loại lực, lại còn tự lợi và lợi lạc người khác.

1) Thứ nhất là Nhân Lực: Trong quá khứ, quý vị đã có thể sanh về Tịnh Độ, tức là do sức thiện căn của đời trước.

2) Thứ hai là Duyên Lực, tức là sức dạy bảo của thiện tri thức.

3) Thứ ba là Ý Lực, tức như lý tác ý.

4) Thứ tư là Nguyện Lực, tức là sức cầu Bồ Đề, nguyện cầu Bồ Đề, phát nguyện thành quả.

5) Thứ năm là Phương Tiện Lực, hết thấy phương tiện thiện xảo để tu tự lợi, hoặc lợi ích người khác.

6) Thứ sáu là Thường Lực, tức thường nương theo Phật pháp để tu hành, sanh ra sức mạnh.

7) Thứ bảy là Thiện Lực, tức sức chánh tu thiện căn, chính là thiện nghiệp trong Thập Thiện Nghiệp.

8) Thứ tám là Định Lực, tức sức tam-muội, là tu Xa Ma Tha (Chi). Do tu Xa Ma Tha mà sanh ra sức mạnh.

9) Thứ chín là Huệ Lực. Huệ Lực là do tu huệ, do Huệ Quán thành tựu sanh ra sức mạnh.

10) Thứ mười là Đa Văn Lực. Do đa văn chánh pháp, do thường nghe thì quý vị mới sanh khởi trí huệ. Chẳng nghe, làm sao quý vị có thể hiểu rõ cho được? Chẳng nghe, quý vị sẽ không hiểu rõ. Phải đa văn! Do nghe pháp, sẽ sanh ra chánh pháp, sẽ có một thứ sức mạnh gia trì quý vị. Do sức mạnh ấy gia trì quý vị, sẽ cảm thấy Phật ở ngay trước mắt. Hễ giải đãi, Phật chẳng còn nữa, sức mạnh ấy tiêu mất, sức mạnh ấy rất xa! Tôi nghĩ mỗi vị đạo hữu đều có cảm giác này: Trong khi quý vị lắng lòng, hoặc là niệm mười vạn tiếng, niệm một trăm vạn tiếng, cảm giác Địa Tạng Bồ Tát quả thật ở ngay trước mắt. Hoặc là niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở ngay trước mắt. Hễ quý vị giải đãi, sức mạnh ấy chẳng còn nữa! Có lúc rất xa, có khi rất gần, đó là sức mạnh của chính mình.

11) Thứ mười một là trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, ghép bốn thứ này lại thì mới tạo thành sức mạnh.

12) Thứ mười hai là Chánh Niệm. Chúng ta suốt ngày khởi tâm động niệm, nhất định phải có ý niệm chánh xác. Hễ khởi tâm động niệm, đều là vì lợi ích người khác, chẳng vì cầu an lạc cho chính mình. Niệm ấy chính là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng; đó đều là chánh niệm. Trong ấy bao gồm chánh quán, “*chư thông minh lực*” tức là thần thông, thành tựu chánh niệm. Chánh quán Lục Thông, tam minh lực.

13) Thứ mười ba là sức đúng pháp điều phục chúng sanh, tức sức đúng pháp điều phục chúng sanh ương ngạnh.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ung cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, dẫn vị kỳ thân đắc lợi lạc cố, nhi tu hành bi, bất dục phổ vị nhất thiết hữu tình đắc lợi lạc cố tu hành đại bi. Bồ Tát Ma Ha Tát bất vị kỳ thân đắc lợi lạc cố tu hành bi, dẫn dục phổ vị nhất thiết hữu tình đắc lợi lạc cố tu hành đại bi. Thị cố, Bồ Tát

thành tựu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有大悲大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。所以者何？一切聲聞、獨覺乘等，但為己身得利樂故而修行悲，不欲普為一切有情得利樂故修行大悲。菩薩摩訶薩，不為己身得利樂故而修行悲，但欲普為一切有情得利樂故修行大悲。是故，菩薩成就大悲大甲冑輪，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vì có sao vậy? Hết thấy Thanh Văn, Độc Giác Thừa chỉ vì bản thân được lợi lạc mà tu hành lòng Bi, chẳng muốn vì khắp hết thấy hữu tình được lợi lạc mà tu hành đại bi. Bồ Tát chẳng vì chính mình được lợi lạc mà tu hành lòng Bi, chỉ muốn vì khắp hết thấy hữu tình được lợi lạc mà tu hành đại bi. Do vậy, Bồ Tát thành tựu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Hàng Nhị Thừa tu bi tâm là vì chính mình có lợi, chỉ vì chính mình đạt được lợi ích mà tu hành lòng Bi như vậy. Do đó, bi tâm chẳng

trọn khắp. Chúng ta thường nói “*thương xót người khác*”, hoặc đối với sự việc, hoặc đối với người nào đó mà hành đại bi, chẳng muốn vì trọn khắp hết thấy hữu tình được lợi ích mà tu hành đại bi. Chỉ vì chính mình cầu yên vui, chẳng vì chúng sanh được lìa khổ, như thế thì sẽ chẳng thể lợi ích trọn khắp hết thấy chúng sanh. Thực hành đại bi như thế, khi người ấy tu pháp, nơi dụng tâm sẽ có hai loại bất đồng. Vì vậy, chúng ta làm một chuyện chi đó, phải khéo dụng tâm. Văn Thủ Bồ Tát dạy chúng ta khéo dùng cái tâm, tùy thuộc quý vị quán chiếu như thế nào? Chuyện giống nhau, quý vị dùng một đồng để cúng dường bố thí, [thế mà] công đức vô lượng vô biên; kẻ khác dùng một vạn đồng để bố thí cúng dường, công đức bé tí tẹo! Nguyên nhân gì vậy? Dụng tâm bất đồng! Phải khéo dùng cái tâm, tùy thuộc quý vị thấy như thế nào, làm như thế nào?

Mỗi việc đều có hai loại tướng mạo: Quý vị làm đúng, công đức vô lượng; làm trái nghịch, lỗi hại cũng vô biên! Ta thường cho rằng giết người, phóng hỏa, là tội ác, nhưng Bồ Tát có lúc vì muốn lợi ích đa số chúng sanh, đối với kẻ nào hại chúng sanh ấy, Ngài chẳng ngăn trở được, sẽ có thể giết phăng kẻ ấy, hoặc là nổi lửa thiêu chết hẳn. Chỉ vì lợi ích nhiều chúng sanh, Bồ Tát chẳng sợ khổ. Đối với chúng sanh ấy, Bồ Tát vẫn phải nợ mạng của hắn; về sau còn phải hóa độ hắn. Bất luận thuận hay nghịch, Bồ Tát đều là tâm đại bi, vì điềm xuất phát của Ngài là đại bi tâm, cho nên là lòng đại bi. Chỉ cần không vì chính mình mà cầu an lạc, khiến cho chúng sanh lìa khổ; Bồ Tát thành tựu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân như thế, liền vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, khắp vì hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn cho họ. Họ có thể cầu phước báo từ nơi Bồ Tát.

(Kinh) “Thị Bồ Tát Ma Ha Tát phổ vị nhiều ích chư hữu tình cố, hành Tứ Nhiếp Sự nhi thành thực chi, vị do đại bi phổ vị lợi lạc chư hữu tình cố, hành Bố Thí Nhiếp, năng xả nhất thiết thân bảo tài vật, cảm thú, bộc sử, quốc thành, thê tử, nãi chí thân mạng, vô sở lận tích. Hành vô sở đắc vi phương tiện cố, bất kiến nhất thiết sở hóa hữu tình, bất kiến thí giả, bất kiến thọ giả, bất kiến thí vật, bất kiến thí hạnh, bất kiến thí hạnh sở đắc quả báo, nãi chí bất kiến vô sở đắc hạnh. Như thị đại bi, phổ vị lợi lạc chư hữu tình cố, hành Ái Ngữ Nhiếp, hành Lợi Hành Nhiếp, hành Đồng Sự Nhiếp, tùy kỳ sở ưng, như thượng quảng thuyết, nãi chí bất kiến vô sở đắc hành. Thị Bồ Tát Ma Ha Tát thường dĩ tối thắng năng điều phục tâm, năng tịch tĩnh tâm, vô số lượng tâm, bất hành nhất thiết Uân, Xứ, Giới tâm, sở sanh

vô động, vô trụ, Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân, thành thực nhất thiết sở hóa hữu tình, tâm vô yếm quyền. Như thị danh vi Bồ Tát Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân, bất cộng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: “Thậm thâm vi diệu pháp, sở thành chi đại bi, nan trắc loại hư không, vô sắc, vô an trụ. Bồ Tát đại tinh tấn, cụ đồ-đa công đức, thắng trí thành đại bi, dũng kiện siêu chur thế. Vô y hỗ hữu tình, sanh tử khổ uế phược, đại bi thủy mộc dục, linh giải thoát chúng khổ. Bồ Tát hành đại bi, năng kiệt sanh tử hải, phi chur Thanh Văn chúng, cập Độc Giác sở hành. Chúng sanh tham, khuể, si, mê mâu đọa ác thú, trạc dĩ đại bi thủy, thoát khổ đắc tiêu nhiên”.

(經)是菩薩摩訶薩普為饒益諸有情故，行四攝事而成熟之，謂由大悲普為利樂諸有情故，行佈施攝，能舍一切珍寶財物、禽獸、僕使、國城、妻子乃至身命，無所吝惜。行無所得為方便故，不見一切所化有情，不見施者，不見受者，不見施物，不見施行，不見施行所得果報，乃至不見無所得行。如是大悲，普為利樂諸有情故，行愛語攝，行利行攝，行同事攝，隨其所應，如上廣說，乃至不見無所得行。是菩薩摩訶薩常以最勝能調伏心、能寂靜心、無數量心、不行一切蘊處界心，所生無動無住大悲大甲冑輪，成熟一切所化有情，心無厭倦。如是名為菩薩大悲大甲冑輪，不共一切聲聞、獨覺。善男子！若菩薩摩訶薩成此大悲大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩

薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「甚深微妙法，所成之大悲，難測類虛空，無色無安住。菩薩大精進，具杜多功德，勝智成大悲，勇健超諸世。無依怙有情，生死苦穢縛，大悲水沐浴，令解脫眾苦。菩薩行大悲，能竭生死海，非諸聲聞眾，及獨覺所行。眾生貪恚癡，迷謬墮惡趣，濯以大悲水，脫苦得蕭然。

(Kinh: “Vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy vì lợi ích trọn khắp các hữu tình mà hành Tứ Nhiếp Sự để thành thực họ, tức là do đại bi lợi lạc trọn khắp các hữu tình, nên hành Bồ Thí Nhiếp, có thể xả hết thầy tài vật quý báu, cảm thú, tôi tớ, quốc thành, thê tử, vợ con, cho đến thân mạng chẳng hề tiếc nuối. Do hành “không có gì đạt được” để làm phương tiện, chẳng thấy hết thầy hữu tình được hóa độ, chẳng thấy người thí, chẳng thấy người nhận, chẳng thấy vật được thí, chẳng thấy hạnh bố thí, chẳng thấy quả báo đạt được do bố thí, cho đến chẳng thấy hạnh “không có gì để đạt được”. Đại bi như thế vì lợi lạc trọn khắp các hữu tình mà hành Ái Ngữ Nhiếp, hành Lợi Hành Nhiếp, hành Đồng Sự Nhiếp, tùy theo lẽ đáng nên, như trong phần trước đã rộng nói, cho đến chẳng thấy hạnh “không có gì để đạt được”. Vị Bồ Tát ấy thường dùng cái tâm có thể điều phục tối thắng, tâm có thể tịch tĩnh, tâm chẳng có số lượng, tâm chẳng hành hết thầy Uẩn, Xứ, Giới, sanh ra Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân chẳng động, chẳng trụ, thành thực hết thầy hữu tình được hóa độ mà tâm chẳng chán mệt. Như thế gọi là Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát, chẳng cùng chung với hết thầy Thanh Văn, Độc Giác. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thầy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hẳn hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thầy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thầy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Pháp vi diệu rất sâu, thành tựu lòng đại bi, khó lường dường hư không,

vô sắc, chẳng an trụ. Bồ Tát đại tinh tấn, trọn công đức đầu-đà, thắng trí thành đại bi, mạnh mẽ vượt thế gian. Hữu tình không nương tựa, sanh tử khổ đơ, trôi. Nước đại bi tắm gội, khiến giải thoát các khổ. Bồ Tát hành đại bi, cạn khô biển sanh tử. Các Thanh Văn, Độc Giác, chẳng thể hành hạnh này. Chúng sanh tham, giận, si, mê lầm đọa nẻo ác, nước đại bi gội rửa, thoát khổ, được an nhiên).

Bồ Tát vì lợi ích các hữu tình, bèn hành Tứ Nhiếp Pháp, khiến cho các chúng sanh và các hữu tình đã thành thực đều được thành tựu, lìa khổ, được vui. “*Vị do đại bi phổ vị lợi lạc chư hữu tình cố, hành Bồ Thí Nhiếp*” (Tức là do đại bi lợi lạc trọn khắp các hữu tình mà hành Bồ Thí Nhiếp): Bồ thí là xả vật chất, hoặc là nội thí, ngoại thí, hoặc xả thân thể, vì làm cho những người khác được lợi ích. Có thể xả các vật chất gì? Hết thấy “*trân bảo, tài vật, cầm thú, bộc sử*” (vật quý, tài vật, chim thú, tôi tớ): “*Cầm thú*” [ở đây] là nói tới những con vật quý vị yêu thích, như vẹt, bát ca (nhông), đều là những con vật được ưa thích nhất. Đó là hàng tại gia Bồ Tát. Cầm thú, người hầu, đầy tớ, cho đến quốc gia, quốc thành, vợ con của chính mình đều có thể xả. Thậm chí tự thân “*vô sở lận tích*” (chẳng hề keo tiếc), chẳng tiếc rẻ. “*Tiếc rẻ*” nghĩa là không xả được. Đối với bất cứ sự vật nào nơi bản thân hay ngoài thân, cho đến tất cả hết thấy, Ngài đều có thể xả; nhưng khi xả, Ngài chẳng cầu quả. Do vậy, chẳng có người nhận, chẳng có kẻ thí, cho đến chẳng thấy quả báo đạt được do bồ thí. Ta xả như vậy, trong tương lai sẽ đạt được quả báo gì? Chẳng có quả báo, chẳng chấp trước quả báo, chẳng tham cầu quả báo, xả như thế đó. Ở đây, có một vấn đề: Thời đức Phật thuyết pháp, vợ con thuộc quyền sở hữu của chính mình, giống như một phần tài sản. Nhưng hiện thời, chú trọng bình đẳng, cô ta có tự do, có quyền lợi của chính mình, ta xả cô ta cho ai? Chẳng thể được! Hiện thời chẳng thể được! Vợ muốn thí xả chồng, cũng chẳng thể. Quý vị nói: “Tôi đem chồng thí xả cho ông để dùng anh ta làm nô lệ”. Chồng sẽ chẳng nghe lời quý vị. Đây là nói theo tình hình xã hội trong quá khứ.

Vị ấy xả thân thể hay tài vật của chính mình, đó là một phần của chính mình, có thể xả bất cứ lúc nào. Hiện thời, xả quốc thành, thể tử, có người hỏi: “Tôi làm quốc vương, tôi tính xả”. Quý vị mong xả, các đại thần của quý vị có đồng ý hay không? Quý vị buông xả, chánh phủ chẳng đồng ý. Hiện thời, Tổng Thống nói: “Tôi xả!” Quý vị buông xả ngôi vị Tổng Thống, hai viện Tham Chúng (Thượng Viện và Hạ Viện Quốc Hội) vẫn chưa thông qua, quý vị chẳng xả được! Vấn đề này nhìn

theo một phương diện khác, nói theo nội tâm. Khi Bồ Tát hành đạo, trong tâm Ngài nghĩ như thế này: “Phàm những gì tâm ta tham ái, đối với bất luận thứ gì đều chẳng tham, chẳng ái. Hết thấy đều có thể xả, cũng chẳng keo tiếc gì!” Đó gọi là phương tiện thiện xảo; nhưng lúc xả, hoàn toàn chẳng thấy ta là người có thể xả, cũng chẳng thấy có người nhận bố thí. Hễ còn có vật phẩm do ta thí, hễ còn có [ý niệm] “ta hành bố thí là do hành đại bi tâm, hành Bồ Tát đạo. Sau khi ta đã thí, trong vị lai đạt được quả báo gì”; nếu suy xét, bận tâm những điều đó, thì cũng chẳng thành bậc đại bi Bồ Tát.

Khiến cho lòng đại bi như thế, “*phổ vị lợi lạc chư hữu tình cố, hành Ái Ngữ Nhiếp*” (vì lợi lạc trọn khắp các hữu tình mà hành Ái Ngữ Nhiếp). Mọi người đều biết Ái Ngữ (愛語) là nói lời êm tai, đừng nói những lời khiến cho kẻ khác phiền não. Trung Hoa có câu cách ngôn: “*Thuận tình thuyết hảo thoại*” (順情說好話), nghĩa là thuận theo tình cảm của người ta mà nói lời tốt đẹp, sẽ khiến cho người ta vui mừng. “*Ác ngữ thảo nhân hiềm*” (惡語討人嫌), nghĩa là quý vị nói lời trái khoáy với người khác, người ta nghe rồi chán ghét quý vị, chẳng muốn tiếp xúc quý vị, rất ít nói chuyện với quý vị. Phải chú ý điều này, phải khiến cho người khác hoan hỷ, nhưng quý vị cũng chớ nên trái nghịch ý Tam Bảo. Nói lời ái ngữ, nhất định phải chứa đựng tâm xuất ly. Chẳng hạn như nói về mối quan hệ giữa hai giới tánh, quý vị nói lời dễ nghe, khiến cho họ hoan hỷ: “Tôi có thể giúp anh kiếm được bạn gái, tôi giúp chị kiếm bạn trai”. Nói như vậy là không được, ngay khi ấy, quý vị đã phạm giới. Do đó, trong dân giới có rất nhiều vấn đề [quý vị phải hết sức chú ý]. Nếu giảng giải theo từng giới điều, quý vị sẽ [nhận thấy chính mình] đã vô ý phạm rất nhiều. Chẳng qua [những điều đã phạm] chẳng phải là căn bản! Vì sao sau khi xuất gia phải học giới năm năm? Vì nếu chẳng học, quý vị chẳng biết, sẽ tùy ý nhất cử, nhất động đều phạm giới.

Còn có chuyện làm lợi ích người khác bằng Đồng Sự và Lợi Hành, làm chuyện hữu ích cho người khác, nhiếp thọ người khác như vậy. Quý vị giúp người ta làm việc, đương nhiên là người ta hoan hỷ. Quý vị lại chẳng đòi trả công, giúp đỡ người khác mà chẳng mong cầu gì, ai nấy đều cao hứng. Nhưng quý vị tùy ý làm, cũng là do cái tâm đại bi của quý vị lưu lộ, hoặc là trong khi người khác hành động chẳng thuận tiện, quý vị nâng đỡ họ, hoặc khi họ vác nặng, vác chẳng nổi, quý vị giúp đỡ họ đôi chút. Những chuyện ấy đều gọi là Lợi Hành, phải làm chuyện có lợi cho người khác.

“Tùy kỳ sở ứng, như thượng quảng thuyết, nãi chí bất kiến vô sở đắc hạnh. Thị Bồ Tát Ma Ha Tát, thường dĩ tối thắng, năng điều phục tâm, năng tịch tĩnh tâm, vô số lượng tâm, bất hành nhất thiết Uẩn, Xứ, Giới tâm, sở sanh vô động vô trụ Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân” (Tùy theo lẽ đáng nên, như đã nói rộng trong phần trên, cho đến chẳng thấy có hạnh để đạt được gì. Vị Bồ Tát Ma Ha ấy Tát thường dùng cái tâm tối thắng, có thể điều phục, tâm có thể tịch tĩnh, tâm chẳng có số lượng, tâm chẳng hành hết thấy Uẩn, Xứ, Giới, sanh khởi vô động vô trụ Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân): Đây là Ngài quán tưởng. Bồ Tát Ma Ha Tát có thể điều phục cái tâm của chính mình, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, chẳng ở trong hết thấy tướng cảnh giới mà sanh tâm. Sanh tâm gì vậy? “Vô trước tâm” (Tâm không chấp trước), “vô động tâm”, “năng tịch tĩnh tâm” (tâm có thể tịch tĩnh). “Chẳng có số lượng” có nghĩa là chẳng tính toán, so đo. Chẳng hành hết thấy Ngũ Uẩn, mười hai Xứ, mười tám Giới, thứ gì cũng đều chẳng có! Hết thấy Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, bao gồm cả Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức. Đó gọi là mười tám giới. Mọi người hãy ngẫm xem, lìa khỏi những thứ ấy thì còn có gì? Thứ gì cũng đều không có. Cái được sanh ra là gì? Đó chính là Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân. Đây là “*ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm). Tâm đại bi sanh ra như thế đó. Kinh Kim Cang dạy: “*Bất trụ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp sanh tâm, ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà sanh tâm, hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm). Cái tâm ấy gọi là tâm gì? Vô tâm! “*Đạo nhân vô tâm*” chính là thành tựu rốt ráo.

“*Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Thâm thâm vi diệu pháp, sở thành chi đại bi*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: “Pháp vi diệu rất sâu, thành tựu tâm đại bi”). “*Pháp vi diệu rất sâu*” là gì? Chính là đại bi luân, đó là pháp vi diệu rất sâu. Thế nào là đạt tới cảnh giới rất sâu? Chẳng có người bố thí, mà cũng chẳng có vật được thí, cũng chẳng người nhận thí, cũng chẳng có pháp để thực hiện bố thí, hết thấy đều là Không. Cái Không ấy là Chân Không. Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Thật Tướng là Chân Như, là cái Không như thế đó, nhưng chẳng phải là rỗng tuếch, ta có thể chẳng làm ư? Bồ Tát thường hành đại bi bố thí như thế đó, nhưng thường luôn là Không như thế đó. “*Nan trắc loại hư không*” (Khó dò lường giống như hư không): Đạo lý này nếu chỉ dùng

suy đoán, sẽ chẳng thể dò lường được! Ai có thể dò lường bờ mé của hư không? Đo lường hư không, [sẽ nhận biết] chẳng có cách nào trắc lượng. “*Vô sắc, vô an trụ*”: Không có hình sắc để có thể đạt được, cũng chẳng an trụ tại nơi đó. Vô xứ sở, vô sắc tướng, quý vị làm sao dò lường được? Đó là đại tinh tấn của Bồ Tát.

“*Cụ đồ-đa công đức*” (Trọn đủ công đức đầu-đà): Hết thảy trần cấu đều đã trừ sạch rồi, công đức ấy “*thắng trí thành đại bi*” (trí huệ thù thắng trở thành đại bi): Dùng trí huệ thù thắng để thành tựu đại bi luân. “*Dùng kiện siêu chư thế*” (Mạnh mẽ vượt ngoài các thế gian): Luân ấy rất dũng mãnh. Vì sao? Là Không! Dũng mãnh cũng là Không. Những điều vừa nói trên đây đều là Không, Không mà chẳng trở ngại Hữu. Cho nên, Bồ Tát có Diệu Hữu sanh ra đại bi, lòng đại bi ấy chẳng thể nghĩ bàn. “*Vô y hỗ hữu tình*” tức là hữu tình không có nơi nương tựa, chẳng có ai chiếu cố, Bồ Tát sẽ chiếu cố họ. Ở trong “*sanh tử khổ uế phược*” (sanh tử khổ sở, như uế, trói buộc này), chịu nỗi khổ sanh tử, ô uế, bất tịnh, bị hết thảy các nghiệp trói buộc. Bồ Tát có thể dùng nước đại bi để tắm gội, tẩy rửa sạch sẽ, giải thoát hết thảy các khổ nạn.

“*Bồ Tát hành đại bi, năng kiệt sanh tử hải, phi chư Thanh Văn chúng, cập Độc Giác sở hành*” (Bồ Tát hành đại bi, không cạn biển sanh tử, Thanh Văn và Độc Giác, chẳng thể hành pháp này): Tâm đại từ bi của Bồ Tát có thể khiến cho hết thảy chúng sanh không cạn biển sanh tử, hàng Thanh Văn và Độc Giác chẳng thể làm được điều này. “*Chúng sanh tham, khuê, si*” tức là tham, sân, si [của chúng sanh]. “*Mê mậu đọa ác thú*” (Do mê lầm mà đọa vào nẻo ác): Đọa vào ba ác đạo. “*Trạc dĩ đại bi thủy, thoát khổ đắc tiêu nhiên*” nghĩa là dùng nước đại bi gột rửa như thế, sẽ được thanh tịnh. Đây là đại bi luân.

(Kính) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu năng dẫn biển mãn hư không vô lượng, vô biên quảng đại chúng cụ Tỳ Vô Ngại Giải nhất thiết Phật pháp chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên các thứ Từ Vô Ngại Giải đối với hết thảy Phật pháp, các thứ tam-ma-địa, các đà-la-ni rộng lớn trọn khắp hư không. Nếu Bồ Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thảy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hẳn hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thảy Thanh Văn và Độc Giác làm đại phước điền, hết thảy Thanh Văn và Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Đây là hình dung Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân, nhưng trước đó lại có thêm hàm nghĩa nhiều ngàn ấy, các ý nghĩa ấy rất sâu, ở đây chỉ nêu danh từ mà thôi. Đó đều là chuyện tu hành của bậc Bồ Tát từ Thập Địa trở lên. Các Ngài có thể từ loại Đại Nhân này mà dẫn khởi [các pháp đó] trọn khắp hư không. Hư không vô cùng, vô tận, vô lượng, vô biên, rộng lớn, trọn đủ các thứ. Tận hư không, khắp pháp giới đều là công cụ để thành Phật của quý vị. “*Quảng đại chúng cụ*” (Trọn đủ các thứ rộng lớn), trọn đủ gì vậy? Cái nhân thành Phật. Quý vị nhất định phải thừa nhận đạo lý này. Thừa nhận là Nhân, chẳng phải là nói tới Nhân Nhục! Nhân ở đây là “*tán thành, công nhận*”. Tất cả hết thảy ngôn từ, ngôn ngữ, văn tự chỉ là lời lẽ nói ra. Trong từ ngữ, bao hàm Từ Vô Ngại Giải, có nghĩa là “có thể tuyên dương hết thảy Phật pháp”. Đối với hết thảy Phật pháp, chẳng bị chướng ngại, sanh ra vô thượng diệu huệ. Như vậy thì mới có thể thừa nhận. Trụ trong tam-ma-địa là hết thảy Tĩnh Lự, hết thảy tam-muội, “*chư đà-la-ni*” là Tổng Trì, “*tổng hết thảy các pháp, trì vô lượng nghĩa*”. Loại thành tựu Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân này so với Đại Giáp Trụ Luân của hết thảy Thanh Văn, Độc Giác thì vượt hơn bọn họ, bọn họ không biết, mà cũng chẳng cầu.

Cho nên Thanh Văn, Độc Giác vừa nghe nói Phật đạo lâu dài như vậy, trong đầu họ sẽ sanh ra [ý niệm] khiếp sợ, thoái chuyển. Họ thấy độ chúng sanh khổ quá! Họ thấy chúng sanh là có thật, thấy hết thấy các pháp đều là thật sự có, quán chiếu chính mình vô ngã, tự trở thành trống không, nhưng họ chẳng thể biết chúng sanh và họ như nhau, hết thấy đều là không. Do vậy, chẳng có đại bi, mà cũng chẳng có đại nhẫn. Vì thế, Bồ Tát vừa phát tâm, đã có thể vượt xa Thanh Văn. Duyên Giác, có thể làm ruộng phước lớn cho hết thấy Thanh Văn và Độc Giác.

(Kinh) Vân hà Bồ Tát Ma Ha Tát năng dẫn dẫn biển mẫn hư không, vô lượng, vô biên quảng đại chúng cụ, Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni kiên cố Đại Nhãn Đại Giáp Trụ Luân? Vị chư Bồ Tát ư nhất thiết pháp, thẩm đế chiếu sát, như minh nguyệt quang biến mẫn hư không. Kỳ tâm bình đẳng, vô y, vô tướng, vô trụ, vô nhiễm, phổ ư nhất thiết tam-ma-địa môn, đà-la-ni môn, tâm vô hành động. Ư chư nhãn sắc, nhãn thức, nhãn xúc, ly ý nhiễm trước, tâm vô hành động. Ư nhãn xúc duyên, sanh nội tam thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc phi khổ lạc, tâm thường tịch định, vô sở thủ trước. Ư chư nhĩ thanh, nhĩ thức, nhĩ xúc, ư chư ty hương, ty thức, ty xúc, ư chư thiệt vị, thiệt thức, thiệt xúc, ư chư thân xúc, thân thức, thân xúc, ư chư ý pháp, ý thức, ý xúc, quảng thuyết diệu nhĩ. Phổ ư nhất thiết tâm ý thức trung, tâm thường tịch định, vô sở thủ trước. Ư tâm ý thức sở sanh tam thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc phi khổ lạc, tâm thường tịch định, vô sở thủ trước. Phổ ư tam thế chư Uẩn, Giới, Xứ, nhất thiết phẩm loại, giai vô thủ trước, tâm vô hành động. Phổ ư nhất thiết tam giới, tam hạnh, tam xúc, tam thọ, tam căn, tam thừa, Tam Luật Nghi, Tam Giải Thoát, nhất thiết phẩm loại, kỳ tâm tịch tĩnh, vô trụ, vô tướng, vô sở thủ trước, bình đẳng nhi trụ. Phổ ư nhất thiết bố thí, tịnh giới, an nhĩ, tinh tấn, Tĩnh Lự, Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Như thị phổ ư Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Phổ ư nhất thiết Cửu Thứ Đệ Định, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Hựu ư tam hạnh vô chướng pháp trí đạo chi, đạo thể sở dẫn tác dụng, giai vô thủ trước, tâm vô hành động. Ư A Lại Da, phi A Lại Da, hữu thủ, vô thủ, hữu lậu, vô lậu, thủ ngạn, bỉ ngạn, tiểu đại vô lượng, tác dữ bất tác, thiện, ác, vô ký, chư phẩm loại trung, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Phổ ư nhất thiết đại từ, đại bi, thiện xảo phương tiện thành

thục hữu tình, nãi chí Thập Địa, tam bất hộ, tứ vô sở úy, nãi chí thập bát bất cộng Phật pháp, nhất thiết phẩm loại, giai vô thủ trước, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ.

(經)云何菩薩摩訶薩能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪？謂諸菩薩，於一切法審諦照察，如明月光徧滿虛空。其心平等，無依無相，無住無染，普於一切三摩地門、陀羅尼門，心無行動。於諸眼色、眼識、眼觸，離意染著，心無行動。於眼觸緣，生內三受，或樂、或苦、或非苦樂，心常寂定，無所取著。於諸耳聲、耳識、耳觸，於諸鼻香、鼻識、鼻觸，於諸舌味、舌識、舌觸，於諸身觸、身識、身觸，於諸意法、意識、意觸，廣說亦爾。普於一切心意識中，心常寂定，無所取著。於心意識，所生三受，或樂、或苦、或非苦樂，心常寂定，無所取著。普於三世諸蘊、界、處，一切品類皆無取著，心無行動。普於一切三界、三行、三觸、三受、三根、三乘、三律儀、三解脫，一切品類，其心寂靜，無住無相，無所取著，平等而住。普於一切佈施、淨戒、安忍、精進、靜慮、般若波羅密多，心無行動，寂靜而住。如是普於四念住、四正斷、四神足、五根、五力、七等覺支、八聖道支，心無行動，寂靜而住。普於一切九次第定，心無行動，寂靜而住。又於三行無障法智道支，道體所引作用，皆無取著，心無行動。於阿賴耶、非阿賴耶，有取、無取，有漏、

無漏，此岸、彼岸，小大無量，作與不作，善、惡、無記，諸品類中，心無行動，寂靜而住。普於一切大慈大悲，善巧方便，成熟有情，乃至十地、三不護、四無所畏，乃至十八不共佛法，一切品類皆無取著，心無所動，寂靜而住。

(Kinh: Thế nào là Đại Nhân Đại Giác Trụ Luân kiên cố có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải đối với hết thấy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni rộng lớn trọn khắp hư không? Tức là các Bồ Tát đối với hết thấy các pháp, suy xét, chiếu soi kỹ càng, như quang minh của vàng trắng sáng trọn khắp hư không. Tâm Ngài bình đẳng, chẳng nương tựa, vô tướng, vô trụ, vô nhiễm, trọn khắp hết thấy các tam-ma-địa môn và đà-la-ni môn, tâm chẳng hành động. Đối với các sắc thấy bởi mắt, nhãn thức, nhãn xúc, lià ý đắm nhiễm, tâm chẳng hành động. Đối với nhãn xúc duyên sanh ba thứ cảm thọ bên trong, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc chẳng khổ lạc, tâm thường tịch định, chẳng chấp giữ gì. Đối với các tiếng nghe bởi tai, nhĩ thức, nhĩ xúc, đối với các thứ mùi ngửi bởi mũi, tỵ thức, tỵ xúc, đối với các vị nếm bởi lưỡi, thiệt thức, thiệt xúc, đối với các sự đụng chạm nơi thân, thân thức, thân xúc, đối với các pháp tiếp nhận bởi ý, ý thức, ý xúc, nói rộng thì cũng đều như thế. Trong khắp hết thấy tâm, ý, thức, tâm thường tịch định, chẳng chấp giữ gì. Đối với ba thứ cảm thọ sanh bởi tâm, ý, thức, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc chẳng khổ lạc, tâm thường tịch định, chẳng chấp giữ gì. Đối với khắp hết thấy các phẩm loại thuộc các Uẩn, Giới, Xứ trong ba đời, đều chẳng chấp giữ, tâm chẳng hành động. Đối với trọn khắp hết thấy tam giới, tam hạnh, tam xúc, tam thọ, tam căn, tam thừa, Tam Luật Nghi, Tam Giải Thoát, hết thấy phẩm loại, tâm Bồ Tát tịch tĩnh, vô trụ, vô tướng, chẳng chấp giữ gì, bình đẳng mà trụ. Đối với trọn khắp hết thấy bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, Tĩnh Lực, Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Đối với trọn khắp Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đẳng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi như thế, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Đối với trọn khắp hết thấy Cửu Thứ Đệ Định, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Lại đối với tác dụng dẫn khởi bởi tam hạnh, trí chẳng chướng ngại pháp, Đạo Chi, và đạo thể, đều chẳng chấp giữ, tâm chẳng hành

động. Đối với A Lại Da, chẳng phải A Lại Da, có lầy, chẳng lầy, hữu lậu, vô lậu, bờ này, bờ kia, nhỏ, lớn, vô lượng, làm và chẳng làm, thiện, ác, chẳng thiện chẳng ác, trong các phẩm loại, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Đối với trọn khắp hết thấy phương tiện đại từ, đại bi, thiện xảo thành thực hữu tình, cho đến Thập Địa, ba thứ chẳng hộ trì, bốn điều chẳng sợ hãi, cho đến mười tám pháp bất cộng trong Phật pháp, hết thấy phẩm loại đều chẳng chấp giữ, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ).

“*Vị chư Bồ Tát u nhất thiết pháp, thâm đế chiếu sát*” (Tức là các vị Bồ Tát đối với hết thấy các pháp bèn suy xét, chiếu soi): Suy xét, thẩm định dựa trên đế lý chân thật, quán chiếu một phen. “*Sát*” (察) là xem xét. “*Chiếu*” (照) là trí huệ chiếu soi. Trí huệ đã chiếu xong, phải tư duy, thẩm sát (thẩm định, suy xét) chân thật. Chiêm Sát là sau khi quý vị “*bói toán*” xong, phải thẩm định, tư duy chân thật, suy xét xem [kết quả chiêm sát] có ăn khớp hay không. Chiêm Sát Luân nói như thế đó. “*Ăn khớp*” tức là có tương ứng hay không? Thẩm định kỹ càng, suy xét như thế thì sẽ thành tựu Đại Giáp Trụ Luân.

Quan sát, suy xét chắc thật sẽ có hình dạng như thế nào? Giống như ánh sáng của vầng trăng rạng ngời, giống như trăng Rằm tháng Tám, lúc trời không có mây, trọn khắp hư không. Ánh sáng của vầng trăng bình đẳng, chẳng nói “ta chiếu nơi này, chẳng chiếu nơi kia”. Chẳng phân biệt kiểu đó! Giống như ánh sáng của ngọn đèn, nó có phân biệt hay không? Nó chỉ chiếu tôi, chiếu quý vị, chẳng chiếu người khác ư? Nó chẳng nghĩ kiểu đó. Người đã mở mang trí huệ, giống như ngọn đèn. Đây là dùng tỷ dụ để hiển thị đạo lý nơi pháp, tâm Bồ Tát là bình đẳng. “*Vô y*” (無依, không nương tựa), nương vào gì để sanh ra? Chẳng có! Sau khi đã sanh ra, sẽ có hình dạng như thế nào? Chẳng có!

“*Vô y, vô tướng*” thì trụ ở nơi đâu? Có xứ sở hay không? Chẳng có! “*Vô trụ*” có nghĩa là “*chẳng chấp trước*”. Hết thấy đều chẳng chấp trước. Hết thấy đều chẳng chấp trước thì mới là vô nhiễm. Chúng ta thấy quang minh, chẳng hạn như ánh sáng mặt trời, mọi người đeo kính râm. Quý vị đeo kính râm màu gì, sẽ thấy bên ngoài có màu sắc đó. Ánh sáng chẳng có màu sắc, mà là do cái tâm phân biệt của chính mình. Vì sao quý vị phân biệt? Mắt đối cảnh, mắt là Căn; sau đó, đối trước sắc bên ngoài, trong đó sẽ nảy sanh một cái thức phân biệt. Đó gọi là mười tám Giới, đó chẳng gọi là đà-la-ni; hãy hiểu ý nghĩa này. Tâm tánh bình

đăng, chẳng nương cậy, chẳng có tướng, chẳng trụ, chẳng nhiễm, trọn khắp hết thảy tam-ma-địa, đà-la-ni môn, tâm chẳng hành động. Trụ trong địa vị tịch tĩnh, đó là Như Như. Như Như có nghĩa là “*bất động*”. Do vậy, chúng ta xưng niệm mười danh hiệu của đức Phật, có một danh hiệu là Như Lai. Như là bất động, Lai là lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh mà hoàn toàn chẳng động đến bản thể của Ngài, cũng chẳng có tướng lợi ích chúng sanh. Đó là Như Như, đến là Như, mà đi cũng là Như. Đi lẫn đến đều là Như, chẳng có tướng đến, đi. Hàm nghĩa như thế đó.

Tiếp đó, lại nói cặn kẽ, “*ư chư nhãn sắc, nhãn thức, nhãn xúc*” [nghĩa là] đối với Sắc, tròng mắt của chúng ta nhất định phải đối trước Sắc. Sắc chính là tướng cảnh giới bên ngoài. Nhãn Thức là phân biệt, Xúc là tiếp xúc. Mỗi căn đều là như thế. Khi tiếp xúc, Thức hoàn toàn chẳng phân biệt. Nêu một thí dụ, như có lúc mắt đối trước trần, khi thức chẳng chú ý, cũng là lúc tâm chúng ta chuyên chú một cảnh. Niệm Phật là để khiến cho quý vị chuyên chú một cảnh. Khi các cảnh giới khác hiện tướng, quý vị đều chẳng có cảm nhận, chẳng sanh khởi ý niệm, tức là chuyên chú nơi cảnh ấy.

Nếu cái tâm của chúng ta, nói theo ngôn ngữ thế gian, sẽ là “*tập trung cao độ*”; trong khi tư tưởng của quý vị tập trung cao độ, chuyên chú tập trung, người ta sẽ thấy quý vị ngồi tại đó mắt mở trừng trừng, người ta vào nhà quý vị, quý vị vẫn chẳng thấy. Vào nhà rồi đi một vòng, đến chỗ quý vị lấy đồ rồi bỏ đi, quý vị vẫn chẳng trông thấy, vì quý vị đã chuyên chú, nhìn mà chẳng thấy, ngó mà chẳng thấy, có ý nghĩa như thế đó. Khi chuyên chú một cảnh, khiến cho chúng ta niệm đến mức nhất tâm bất loạn, tức là đến mức hết thảy trần cảnh đều chẳng thể nhiễu loạn. Quý vị chuyên chú nơi một cảnh, sẽ chú tâm vào đó, dính liền với cảnh ấy. Mắt là như thế, mà tai, mũi, lưỡi, thân cũng đều là như thế.

Phản kinh vẫn tiếp đó nhắc lại: Tâm chẳng bị động, nhưng mắt hề tiếp xúc với duyên bên ngoài, sẽ sanh ra Thọ (cảm nhận), bao gồm Nội Thọ, Ngoại Thọ, và Câu Thọ (具受, trong và ngoài đều cảm nhận), ba loại cảm nhận. Khi cảm nhận, hoặc là khổ, hoặc là lạc, hoặc chẳng khổ chẳng lạc, đây là ba loại [cảm nhận]. Cảm nhận khi tiếp xúc là ba loại ấy. Vì sao? Tâm Ngài thường tịch định, Ngài ở trong Định. Chẳng dấy lên ý niệm ấy, chẳng có sự phân biệt ấy, tốt cũng chẳng chấp lấy, mà xấu cũng chẳng chấp lấy. Ngài chẳng có tốt hay xấu. Tốt hay xấu là do cái tâm

phân biệt của chúng ta. “*U chur nhĩ thanh, nhĩ thức, nhĩ xúc, u chur ty hương, ty thức, ty xúc*” (Đối với các tiếng nghe bởi tai, nhĩ thức, nhĩ xúc, đối với mùi ngửi bởi mũi, ty thức, ty xúc), mũi ngửi thấy thơm, thối, cho đến lưỡi, “*thiệt vị, thiệt thức, thiệt xúc*” (vị nếm bởi lưỡi, thiệt thức, thiệt xúc), cho đến “*u chur thân xúc, thân thức, thân xúc, u chur ý pháp, ý thức, ý xúc, quảng thuyết diệc nhĩ*” (đối với sự đụng chạm nơi thân, thân thức, thân xúc. Đối các pháp cảm nhận bởi ý, ý thức, ý xúc, nói rộng ra thì cũng giống như thế). Nói như thế, gộp chung thành mười tám loại. Trong Đại Trí Độ Luận, mỗi loại đều được nói, đều là trùng lặp. Vì sao phải trùng lặp như thế? Hy vọng quý vị chú ý! Lần thứ nhất, quý vị không nghe rõ ràng, lần thứ hai chẳng nghe rõ ràng, lần thứ ba, sáu căn, sáu thức, sáu trần, mười tám giới, nói mười tám lần, quý vị sẽ nhớ rõ, có ý nghĩa như thế đó! Phối ứng với lục căn, nói xong, lại lấy sáu trần đem phối ứng [với từng căn]. Đã nói xong, lại đem sáu thức phối ứng [với căn và trần]. Mười tám giới được nói mười tám lần. Sau đó, lại nói cho quý vị mười hai Xứ, mắt nhập vào Sắc, tai nhập vào Thanh... Nhắc lại một lượt nữa!

Quý vị hiểu rõ ý nghĩa là được rồi! Như thế là vì đạt đến vô phân biệt, khiến cho quý vị nhập tam-muội, khiến cho quý vị suy xét cẩn thận nhập tam-ma-địa. Sau khi quý vị đã suy xét, đạt được đà-la-ni, đầu tiên là phân biệt. Sau khi đã phân biệt xong, bèn đạt tới vô phân biệt, chẳng chấp lấy, chẳng chấp giữ các cảnh giới ấy. “*Vô sở thủ trước. U tâm ý thức sở sanh tam thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc phi khổ lạc*” (Chẳng chấp trước gì. Đối với ba thứ cảm nhận do tâm, ý, thức sanh ra, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc chẳng khổ lạc): Tâm thường tịch định, không bị cảnh xoay chuyển, mà tâm có thể chuyển cảnh. Ngài nói về Định, điều ấy vẫn chẳng thể chuyển. Kinh Lăng Nghiêm vẫn chuyển được, tức là hết thấy tướng cảnh giới bên ngoài đều chuyển thành tự tâm. Chẳng có một pháp nào không phải do tâm sanh. Cho đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, xúc, pháp, cho đến Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức... [đều là] một niệm tâm như thế mà thôi. Tức là một niệm tâm hiện tiền của chúng ta, bất kể trần cảnh ngoại tướng lăng xăng quấy nhiễu cỡ nào, bên trong nội tâm khởi lên đủ thứ ý niệm, đều chỉ là một thứ, tức tâm niệm.

“*Tâm thường tịch định, vô sở thủ trước, phổ u tam thế chur Uẩn, Giới, Xứ, nhất thiết phẩm loại, giai vô thủ trước*” (Tâm thường tịch định, chẳng chấp giữ gì, đối với trọn khắp hết thảy các phẩm loại của các Uẩn, Giới, Xứ trong ba đời, đều chẳng chấp trước): Không chỉ là đời

hiện tại, mà quá khứ lẫn tương lai đều chẳng giữ lấy. Chẳng giữ lấy nhiệm pháp, mà tịnh pháp cũng chẳng giữ lấy, cho đến hết thấy chuyện hoằng pháp của Phật, Bồ Tát tại Ấn Độ căn bản là chẳng có, chẳng giữ lấy, đều chẳng chấp giữ. Vì hễ có tịnh, sẽ có nhiễm, có tốt thì nhất định sẽ có cái đối ứng với nó là xấu. Hễ có lớn, nhất định sẽ có nhỏ. Có dài bèn có ngắn. Lớn, nhỏ, dài, ngắn, vuông, tròn, đều là như thế. Hết thấy các pháp đều là như thế. “*Phổ u nhất thiết tam giới, tam hạnh, tam xúc, tam thọ, tam căn, tam thừa, Tam Luật Nghi, Tam Giải Thoát, nhất thiết phẩm loại, kỳ tâm tịch tĩnh*” (Đối với trọn khắp hết thấy các phẩm loại trong tam giới, tam hạnh, tam xúc, tam thọ, tam căn, tam thừa, Tam Luật Nghi, Tam Giải Thoát, cái tâm tịch tĩnh): Hiểu rành rẽ phân minh, chẳng dấy lên phân biệt, chẳng khởi chấp trước, chẳng phải hồ đồ. Nếu là đã ngủ mê, thứ gì cũng đều chẳng biết, đó là chuyện khác. Hiểu rành rẽ rõ ràng, chẳng chấp trước, cũng chẳng có gì là tốt, chẳng có gì là xấu, gì là thánh đạo, gì là phàm phu đạo, gì là lục đạo, tâm chẳng chấp trước, chẳng trụ nơi vô tướng.

“*Vô sở thủ trước, bình đẳng nhi trụ*” (Chẳng chấp giữ gì, bình đẳng mà trụ): Bình đẳng. Bình đẳng là gì? Do cái tâm bình đẳng, vậy thì bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tu Định, Bát Nhã, tu Tĩnh Lự; đó là Thiên Ba La Mật. Đây là Lục Độ vạn hạnh. Đối với các thứ đó, toàn bộ đều chẳng động, tịch tĩnh mà trụ. Cho đến đối với Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Đó là thiện lẫn ác đều mất, tâm và hạnh đều đoạn, cho đến Cửu Thứ Đệ Định. “*Tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Hựu u tam hạnh, vô chướng pháp trí, đạo chi, đạo thể sở dẫn tác dụng, giai vô thủ trước*” (Tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Lại đối với tác dụng dẫn khởi do pháp trí vô chướng đối với tam hạnh, đạo chi, đạo thể, đều chẳng chấp giữ): Không chỉ là đối với nhiệm pháp, mà đối với tịnh pháp, trong tâm cũng chẳng chấp giữ.

“*U A Lại Da, phi A Lại Da, hữu thủ, vô thủ*” (Đối với Tạng Thức, chẳng phải Tạng Thức, có giữ lấy, chẳng giữ lấy), đều chẳng có. “*Hữu lậu, vô lậu, thủ ngạn, bỉ ngạn, tiểu, đại, vô lượng, tác dữ bất tác, thiện, ác, vô ký*” (Hữu lậu, vô lậu, bờ này, bờ kia, nhỏ, lớn, vô lượng, làm và chẳng làm, thiện, ác, chẳng thiện chẳng ác): Đó là ba tánh. “*Chư phẩm loại trung, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ, phổ u nhất thiết đại từ, đại bi thiện xảo phương tiện thành thực hữu tình*” (Trong các phẩm loại, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Dùng trọn khắp hết thấy các

phương tiện thiện xảo đại từ đại bi để thành thực hữu tình): Tịch tĩnh mà trụ, chẳng giống như hàng Nhị Thừa, hễ đã nhập Niết Bàn, sẽ bất động. Ngài sẽ sanh khởi phương tiện thiện xảo đại từ, đại bi để thành thực hữu tình. Trong phần trước, đã nói tới niêm pháp và tịnh pháp; [đối với các pháp ấy], Ngài đều chẳng chấp trước. Đã chẳng chấp trước thì có phải là hành đại từ, đại bi hay không? Chẳng giống Nhị Thừa, tâm Ngài thường ở trong Định. Khi Phật, Bồ Tát lợi ích chúng sanh, chúng ta biết Quán Thế Âm Bồ Tát hiện rất nhiều thân trong thế giới này, không chỗ nào Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng hiện đến. [Thế nhưng] trước nay, Quán Thế Âm Bồ Tát chưa từng tới, chưa hề tới thế gian này. Bản thể của Ngài vẫn ở trong thế giới Cực Lạc, bất động bản tịch mà trọn khắp hết thảy mọi nơi, lợi ích chúng sanh. Tuy lợi ích hết thảy chúng sanh, nhưng bất động bản tịch. Thích Ca Mâu Ni Phật căn bản là chưa từng đến [thế giới Sa Bà], vị trời [làm thí giả dâng cúng thức ăn mỗi ngày] đã trả lời [ngài Đạo Tuyên] như vậy!

Nhưng chúng ta trông thấy, cho đó là sự thật! Giả sử tâm tình của chúng ta như thế này: Khi chúng ta tụ tập, hễ người chúng ta ưa thích, người chúng ta yêu mến thường ở cùng nhau, trong tâm luôn cao hứng. Hễ bị tách rời, hoặc chia ly trong một thời gian ngắn, hoặc chia ly lâu dài, hoặc chết đi, quý vị khóc thảm thiết. Trong tâm suốt ngày tưởng nhớ, thứ gì cũng đều chấp trước, quý vị sẽ chẳng thể giải thoát, chẳng biết hết thảy các pháp đều là như thế. Do vậy, phải tu Quán cho nhiều. Hết thảy các hành, không có gì nhập tâm, thành thực hữu tình như thế, trở thành Thập Địa Bồ Tát. “*Tam bất hộ*” là đức Phật đối với thân, miệng, ý, chẳng cần phải thủ hộ, đều chẳng cần, vì Ngài không có mảy may điều ác nào! “*Nhất thiết phẩm loại, giai vô thủ trước, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ*” (Hết thảy phẩm loại đều chẳng chấp lấy, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ). Đây là Nhẫn Luân của Bồ Tát.

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát do thử luân cố, năng vĩnh tức trừ tam thọ quá thất, năng vĩnh tịch diệt nhất thiết phân biệt, năng vĩnh viễn ly nhất thiết Pháp Tướng. Phục năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhãn dẫn, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Bồ Tát an trụ như thị luân cố, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng diệt trừ, linh tận vô dư, bất thọ quá báo.

(經)菩薩摩訶薩由此輪故，能永息除三受過失，能永寂滅一切分別，能永遠離一切法相。復能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪。菩薩安住如是輪故，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do vì luân này có thể vĩnh viễn trừ dứt các lỗi lầm nơi ba thứ cảm nhận, có thể vĩnh viễn tịch diệt hết thảy phân biệt, có thể vĩnh viễn xa lìa hết thảy pháp tướng. Lại có thể an trụ trong Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thảy hư không nhãn đảnh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni. Bồ Tát an trụ trong cái luân như thế, đối với hết thảy nghiệp ác bất thiện chưa hết, các đường ác chẳng nhàn hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh do từ quá khứ dẫn khởi, đều có thể diệt trừ hết sạch, chẳng còn thừa sót, chẳng nhận lãnh quả báo).

Nhẫn Luân này “*năng vĩnh tức trừ tam thọ quá thất*” (có thể vĩnh viễn trừ diệt các thứ lầm lỗi nơi ba thứ cảm thọ): Khổ Thọ, Lạc Thọ, Bất Khổ Bất Lạc Thọ đều chẳng có; lỗi lầm kiêu ấy sẽ vĩnh viễn chẳng có. Trong phần trước, chúng tôi đã nói về “*mười ba lỗi*” còn nhiều hơn loại lỗi lầm này. [Do tu Nhẫn Luân này], chúng đều bị tịch tĩnh, có thể vĩnh viễn tịch diệt, hết thảy vọng niệm phân biệt đều chẳng dấy lên. “*Năng vĩnh viễn ly nhất thiết pháp tướng*” (Có thể vĩnh viễn xa lìa hết thảy các pháp tướng): Những gì chúng ta sanh khởi đều là pháp tướng, đều là danh từ. Danh từ thì căn bản là không có, danh từ là giả danh được đặt ra. Chúng ta nói Ngũ Uẩn, Không Giải Thoát Môn, “*Không*” là như thế nào? “*Không Tướng*”: “*Không*” chẳng có tướng. Vô Tác căn bản là chẳng làm, còn có tướng chi nữa? Do vậy, gọi là Tam Giải Thoát Môn. Vô Nguyện là nguyện gì cũng đều chẳng có, thứ gì cũng chẳng cầu. “*Nguyện*” là cầu. Nay chúng ta đối với “*thứ gì cũng đều chẳng cầu*” quý vị chẳng làm được. Chúng ta vẫn mong cầu, cầu thuận theo thánh cảnh này, tiêu diệt ác cảnh kia, nhưng chúng ta biết: Để đạt tới chỗ rốt ráo, thì phải vô nguyện, vô cầu.

“Phục năng an trụ, năng dẫn nhất thiết hư không nhãn đảnh, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân”

(Lại có thể an trụ trong Phương Tiện Thiện Xảo Đại Giáp Trụ Luân có thể dẫn khởi hết thảy hư không nhãn đảnh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni): Đại Giáp Trụ Luân này là chính an trụ trong phương tiện thiện xảo, lợi ích chúng sanh. Đối với danh từ “*hư không nhãn đảnh*”, hư không còn có đảnh gì vậy? Hư không còn có mắt ư? Còn có con mắt nữa sao? Đây là cách nói hình dung, dùng phương pháp hình dung để diễn tả. Ý nói hết thảy các tam-ma-địa, các đà-la-ni, cho đến phương tiện thiện xảo, sẽ khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể thành tựu. Nếu “*Bồ Tát an trụ như thị luân cố*” (Bồ Tát an trụ trong cái luân như thế), đối với hết thảy các ác nghiệp bất thiện dẫn khởi từ quá khứ chưa đoạn hết, chúng ta có cần phải sám hối hay không? Phải sám hối như thế. Hết thảy nghiệp ác bất thiện trong quá khứ còn chưa tịnh trừ, nay đã hoàn toàn tịnh trừ. “*Vô hạ*” (無暇) là khi quý vị tu hành, thân chẳng được thành thoi. “*Vô hạ*” là chịu khổ không ngớt. Khi tu hành, chẳng có thời gian để tu! Nay mọi người sau khi đã tin Phật, cảm thấy thời gian chẳng đủ dùng. Vì sao chẳng đủ dùng? Vì pháp thế gian chiếm nhiều thời gian của quý vị, vì tâm quý vị luôn bươn bả bởi các thứ đó. Chẳng buông xuống được, đương nhiên là [thời gian] chẳng đủ dùng. Nổi lên hứng thú vui chơi, suốt ngày đêm đều đi chơi. Có thể chơi mệt chợp suốt mấy ngày, mấy đêm, chẳng cảm thấy vất vả. Khi du lịch, họ có thể đến thăm khắp nơi. Đó là chúng ta điên đảo, đáng gọi là “*chúng sanh điên đảo*”, nhưng đến khi đường ác đưa tới, thảy đều hết sạch chẳng còn! Kế đó, [kinh văn] nói tới ác pháp, nói theo tướng thế gian, các thứ ấy đều hết sạch chẳng còn. Quý vị còn phải hứng chịu những quả báo nào? Quả báo đã không có, trống rỗng, không nhân, không quả. Tới khi ấy, bèn tu môn Quán này, nhưng môn Quán này lại từ “*có nhân quả*” mà ra. Do vậy, khi học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, nửa quyển đầu nói về chiêm sát luân tương, nửa quyển sau nói những điều hoàn toàn bất đồng. Hai thứ quan niệm, hai thứ cảm nhận, tuyệt đối bất đồng. Kinh này cũng thế, phần đầu nói về mười ác luân, mười thiện luân; hiện thời nói về thập luân của Bồ Tát. Đó là Bồ Tát rốt ráo thành Phật.

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Thí như thế giới hỏa tai tương khởi, ngũ nhật xuất thời, nhất thiết thế gian tiểu trì, đại trì, tiểu hà, đại hà, tiểu hải, đại hải, thủy giai khô kiệt, diệt tận vô dư. Như thị Bồ Tát thành tựu năng dẫn biên mãn hư không, vô lượng vô biên, quảng đại chúng cù Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư

đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Phục năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhân dân, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt, linh tận vô dư, bất thọ quả báo. Hựu thiện nam tử! Thí như thế giới thủy tai khởi thời, u thử tam thiên đại thiên thế giới, chư tiểu thế giới, các tứ đại châu, bát vạn tiểu chủ, Diệu Cao sơn vương, cập chư sơn đảnh, giai vi hôi thủy tẩm lạn tiêu tận, linh vô hữu dư. Như thị Bồ Tát thành tựu năng dẫn biển mẫn hư không, vô lượng vô biên quảng đại chúng cụ, Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Phục năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhân dân, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt, linh tận vô dư, bất thọ quả báo.

(經)又善男子！譬如世界火災將起，五日出時，一切世間小池大池、小河大河、小海大海，水皆枯竭，滅盡無餘。如是菩薩成就能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解，一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。復能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。又善男子！譬如世界水災起時，於此三千大千世界，諸小世界，各四大洲，八萬小渚妙高山王，及諸山等，皆為灰水，浸爛銷盡，令無有餘。如是菩薩成就能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。復能安住能引一

**切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪，
一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生
諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。**

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Ví như thế giới khi hỏa tai sắp nổi lên, năm mặt trời cùng xuất hiện, hết thấy ao nhỏ, ao lớn, sông nhỏ, sông lớn, biển nhỏ, biển lớn trong thế gian, nước đều khô cạn, diệt trừ hết sạch, chẳng còn sót. Cũng giống như thế, Bồ Tát thành tựu Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với hết thấy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không. Lại có thể an trụ trong phương tiện thiện xảo Đại Giáp Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thấy hư không nhãn đánh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni, đối với hết thấy các nghiệp ác bất thiện chưa hết, các đường ác chẳng nhân hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh dẫn khởi từ quá khứ đều có thể trừ diệt hết sạch, chẳng còn sót, chẳng thọ quả báo. Lại này, thiện nam tử! Ví như trong thế giới, lúc thủy tai dậy lên, trong tam thiên đại thiên thế giới này, các tiểu thế giới, mỗi tứ đại châu, tám vạn tiểu châu, núi chúa Diệu Cao, và các núi đều bị nước tro ngấm mùn nát, tiêu sạch, chẳng còn sót thừa. Cũng giống như thế, Bồ Tát thành tựu Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các món Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không. Lại có thể an trụ trong Phương Tiện Thiện Xảo Đại Giáp Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thấy hư không nhãn đánh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni, đối với hết thấy các nghiệp ác bất thiện chưa hết, các đường ác chẳng nhân hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh dẫn khởi từ quá khứ, đều có thể trừ diệt hết sạch, chẳng còn sót, chẳng thọ quả báo).

Ví như trong thế giới này, khi còn chưa đến lúc thế giới tận diệt, nếu hỏa tai nổi lên, thế giới này bắt đầu bị hủy hoại. Khi năm mặt trời cùng mọc, trên không trung xuất hiện năm vàng thái dương, tới khi đó, “tiểu hà, đại hà, tiểu hải, đại hải” (sông nhỏ, sông lớn, biển nhỏ, biển lớn). Đại hải là đại dương. “Thủy giai khô kiệt” (Nước đều cạn khô), khô cạn, diệt sạch chẳng còn sót, một giọt nước bé tí cũng chẳng có. Đức Phật chỉ ra: Khi thế giới này hoại, xuất hiện năm vàng thái dương, cho nên hết thấy ao nhỏ, ao lớn, hết thấy chỗ có nước trong thế giới đều bị

khô cạn. Khi Bồ Tát thành tựu Đại Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân có các thứ Từ Vô Ngại rộng lớn như hư không. Ngài cũng có thể khiến cho hết thảy các nghiệp ác bất thiện trong quá khứ còn chưa hoàn toàn tiêu mất của chúng sanh, hoặc là các nghiệp chướng “*chết đây, sanh kia, chết kia, sanh đây*” đều có thể trừ diệt, lại còn chẳng thọ quả báo, giống như lúc năm vàng thái dương xuất hiện, thế giới đều bị hủy hoại, một chút giọt nước cũng chẳng có! Chúng ta nói núi Tu Di, bảy rặng Kim Sơn [bao quanh Tu Di] kiên cố khôn ngoan, nhưng gặp thủy tai thì ngay cả vàng cũng bị mủn nát. Quý vị có tin hay không? Đó là nghiệp, ngâm nước lâu ngày, tự nhiên rửa nát. Hỏa tai cũng như thế, lửa vừa đốt, sẽ chẳng còn. Khi đại tam tai, gió vừa thổi, [mọi thứ] sẽ trở về với hư không. Hết thảy các thứ an lập đều ở trong hư không. Trên hư không mới là thủy luân, trên thủy luân mới duy trì cái gọi là địa cầu. Mọi người xem phẩm Thế Giới Thành Tựu trong kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] thế giới thành tựu như thế nào? Ở trong hư không.

Hiện thời, khoa học đã chứng minh; tinh vân trong không trung hình thành một quả cầu. Sau đó, quả cầu ấy dần dần lại có người sống như thế đó, rồi lại hư hoại. Hoại rồi lại thành, thành rồi lại hoại, hoại rồi lại thành, vô cùng, vô tận, tuần hoàn liên tục chẳng ngừng như thế. Đại tam tai thì trước hết là lửa đốt, lửa ấy thiêu mọi vật thành bơ (dung nham), nước vừa ngập liền nhào ra. Đã nhào ra bèn rất giống như bơ mềm, phong tai vừa thổi lên liền bị bắn văng lên không trung, thứ gì cũng đều chẳng còn!

Ví như khi thế giới dấy lên thủy tai, tam thiên đại thiên thế giới, các tiểu thế giới, tứ đại châu [trong mỗi thế giới ấy], tám vạn tiểu châu, núi chúa Diệu Cao, tức núi Tu Di, và các quả núi đều bị nước ngâm vào tiêu nát, bị nước ngâm, rửa nát. Chúng ta thấy đá cứng, nhưng đá bị nước ngâm ướt mãi, sẽ dần dần mòn đi, chúng ta chẳng thấy. Giọt nước nhỏ [xuống thêm] từ mái thêm, nước rất mềm, khi trời đổ mưa, [mái thêm] rỉ rả mấy giọt. Nước nhỏ giọt lâu ngày, dưới sân thêm của mái hiên, sẽ có mấy chỗ khuyết nhỏ nhỏ. Giọt nước rơi từ mái thêm mềm mại mà có thể làm mòn gạch cứng. Đó gọi là “*mềm mài cứng*”. Quý vị đừng nổi nóng, mềm mỏng càng lợi hại hơn cứng rắn nhiều. Hãy suy nghĩ đạo lý này, có thể lý giải là được rồi!

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Thí như hắc ám biển mãn hư không, lãnh nhật xuất thời, giai năng trừ diệt. Như thị Bồ Tát thành tựu năng dẫn biển mãn hư không vô lượng vô biên quảng đại chúng cộ Từ Vô

Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Phục năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhãn đánh, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, phát khởi vô biên hư không trí nhật, năng vĩnh trừ diệt tự thân Tứ Đảo vô minh hắc ám, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt, linh tận vô dư, bất thọ quả báo. Hựu do thử cố, u chư Phật pháp, tăng tấn tự tại, thường vô thoái chuyển, bất phục tùy thuận ác hữu lực hành, thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư công đức, tâm thường vô yếm, nãi chí Bồ Đề, hằng vô gián đoạn. Hựu thường bất ly niệm Phật tư duy, nãi chí mộng trung, diệc vô tạm phế.

(經)又善男子！譬如黑暗徧滿虛空，朗日出時皆能除滅。如是菩薩成就能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。復能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪，發起無邊虛空智日，能永除滅自身四倒無明黑暗，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。又由此故，於諸佛法，增進自在常無退轉，不復隨順惡友力行，常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸功德心常無厭，乃至菩提恆無間斷。又常不離念佛思惟，乃至夢中亦無暫廢。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Ví như tối tăm trọn khắp hư không, khi mặt trời mọc sáng ngời, [tối tăm] đều bị trừ diệt. Cũng giống như thế, Bồ Tát thành tựu Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với hết thảy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không. Lại có thể an trụ trong Phương Tiện Thiện Xảo Đại Giáp Trụ Luân, có

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

thể dẫn khởi hết thảy hư không nhãn đảnh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni, phát khởi vô biên mặt trời trí huệ trong không trung, có thể vĩnh viễn trừ diệt bốn món điên đảo vô minh hắc ám nơi bản thân, đối với hết thảy các nghiệp ác bất thiện dẫn khởi từ quá khứ chưa trừ hết, các đường ác không nhân hạ, các cội, các đường, các nghiệp tử sanh, đều có thể trừ diệt hết sạch, chẳng còn sót, chẳng thọ quả báo. Lại do luân này, đối với Phật pháp, bèn tăng tấn tự tại, thường chẳng thoái chuyển, chẳng còn thuận theo sức của bạn ác để hành, thường được lìa chẳng thấy hết thảy Phật, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các công đức, tâm thường chẳng chán, cho đến Bồ Đề, luôn chẳng gián đoạn, lại thường chẳng lìa niệm Phật tư duy, thậm chí trong mộng cũng chẳng tạm bỏ).

Mấy câu này đều giống nhau. Hai môn Đại Giáp Trụ Luân này, một là Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, hai là Đại Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân, có thể phát khởi vô biên mặt trời trí huệ, trừ diệt Tứ Điên Đảo nơi bản thân của quý vị, cho đến vô minh hắc ám đều trừ hết sạch. Các vị đại Bồ Tát ấy hóa độ chúng sanh, khiến cho các chúng sanh quan sát, suy xét cẩn kẽ, và tiến nhập như thế. Nhập hai Đại Giáp Trụ Luân ấy, tu hành thành tựu như thế. Đối với các Phật pháp, tự tại thường chẳng thoái chuyển, tăng tấn sự tự tại của quý vị đối với Phật pháp, vĩnh viễn chẳng còn bị thoái đọa. Dẫu cho có bạn ác chèo kéo, quý vị cũng chẳng tùy thuận theo bạn ác mà tận lực thực hiện [các ác hạnh]! Như thế thì sẽ “*thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử*” (thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử): Vì tác dụng mở rộng của loại Đại Giáp Trụ Luân này, Bồ Tát liền thành tựu loại Đại Giáp Trụ Luân này hồng lợi ích chúng sanh, khiến cho chúng sanh đối với Phật pháp tăng tấn tín tâm, tăng tấn tu hành. Do vậy, qua sự tu hành, Ngài có thể phá trừ Hoặc nghiệp, cho đến có thể đạt được tự tại, và cũng đạt tới địa vị bất thoái chuyển, sẽ chẳng còn thuận theo thế lực của bạn ác lôi kéo đến nổi thoái đọa thánh đạo. Như thế thì sẽ thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, có thể thấy Phật, Pháp, Tăng. Như vậy thì sẽ thường luôn có thể nghe Phật pháp, thường có thể thân cận, cúng dường chúng Tăng.

“*Ư chư công đức, tâm thường vô yếm*” (Đối với các công đức, tâm thường chẳng chán): Có lúc chúng ta đang làm công đức, bỗng sanh khởi phiền chán. Chẳng hạn như khấu đầu lễ bái, nghe pháp, có khi sanh

khởi phiền chán. Vì sao? Vì người ấy tu hành rất lâu, vẫn chưa tiến nhập. Như thế thì cũng rất dễ thoái đạo; vì sao sẽ thoái đạo? Vì kẻ ấy mong có sở đắc; tới lúc đó, do chẳng đạt được [cho nên thất vọng, chán nản]. Nếu kẻ ấy vốn chẳng có sở đắc, cũng vĩnh viễn chẳng có tâm thoái đạo, chẳng mong đạt được điều gì, ta làm như thế là đúng. Tư tưởng của kẻ ấy chẳng có tâm thoái đạo. Nếu sanh khởi phân biệt, suy tưởng có sở đắc mà chẳng đạt được, kẻ đó sẽ thoái đạo.

Tôi có lúc suy nghĩ, đã xuất gia hơn sáu mươi năm, trong khoảng thời gian ấy vướng phải một số chướng ngại, nhưng trong Phật pháp đã đạt được gì? Chẳng đạt được chi hết! Khi tôi xuất gia, nghĩ tới điều gì? Tôi cũng chẳng mong đạt được điều gì; nhưng có người nói: “Ta đừng phải chịu khổ nữa! Hãy liễu sanh tử, hiện thời cảm thấy chuyện gì cũng đều là khổ!” Cảm giác thứ gì cũng đều là khổ, tức là vẫn chưa tiến nhập Phật pháp. Nỗi khổ ấy là vô thường, chúng tôi vừa mới nói, Khổ có hình trạng như thế nào? Chẳng có! Giống như có kẻ đánh chúng ta, cảm nhận của chúng ta là Xúc. Xúc ấy là khổ, quý vị cảm thấy đau khổ. Nhưng quý vị lại khởi lên cái niệm thứ hai, lại quan sát. Có cảm giác đau và không đau, quý vị có sự tri giác ấy thì mới cảm nhận được sự thống khổ. Nếu tri giác cũng chẳng có, sẽ chẳng thể cảm nhận nỗi thống khổ ấy được!

Ngoài ra, quý vị tu Quán, hoặc là người niệm Phật, vì sao đem tinh thần hoàn toàn ký thác nơi Phật hiệu? Niệm Phật, niệm nào cũng đều chuyên chú một cảnh. Lúc đó, người khác đánh quý vị, hoặc làm chi đó, quý vị đều chẳng biết, trong tâm toàn là niệm Phật, cũng chẳng phải là Phật gia trì quý vị sức mạnh chi cả, không có! Vì tâm quý vị không đặt vào đó (ngoại cảnh), quý vị sẽ không biết. Quý vị có thể tự mình thí nghiệm điều này. Đây chẳng phải là một hai ngày, mà là kinh nghiệm tôi đã tích tập hơn ba mươi năm!

Khi ở trong tù, tôi suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ như thế này: Hôm nay mong ngóng ngày mai được thả, ngày mai trông ngóng hôm sau được thả; đúng là hằng ngày đều mong ngóng: “Ta ngày mai có thể được thả”. Sanh tôn là gởi gắm nơi hy vọng. Vì có hy vọng, quý vị mới có thể duy trì sống sót. Nếu ngay cả niềm hy vọng ấy cũng không có, sẽ chẳng thể sống nổi. Người tự sát là do chẳng có hy vọng, cho rằng chính mình chẳng đạt được, thứ gì cũng đều không có. Đặc biệt là trẻ nhỏ rất dễ sanh khởi Đoạn Diệt Kiến, nó cảm nhận bị áp bức quá đau khổ. Bài tập từ nhà trường, thầy cũng ép, cha mẹ cũng ép, nó cùng đường, nói: “Mình chết rồi còn ai ép được nữa?” Nó cho rằng chết đi là hết chuyện,

chẳng biết nổi đau khổ do chết chóc còn dữ dội hơn sự đau khổ trong khi sống. Nếu nó biết, sẽ chẳng làm!

Câu giải thoát bèn dùng quán chiếu. Quán chiếu lâu ngày thành thực. Chẳng thành thực, sẽ không thể giải thoát được. Quán chiếu thành thực, quý vị sẽ được giải thoát. Quán chiếu vật này rất đáng yêu. Quý vị sẽ cảm thấy rất đau khổ khi nó bị hư hoại, hay tổn thất. Nếu quý vị nghĩ nó chẳng đáng yêu, sẽ buông xuống. Đối với vật ấy, nó tốt đẹp hay hư hoại, chẳng liên quan đến ta! Khi nó bị tiêu mất, quý vị cũng chẳng có cảm giác đau khổ. Nó tăng trưởng, hoặc chẳng tăng trưởng, chẳng liên quan gì đến quý vị. Nếu quý vị đặc biệt chú ý, sẽ đau khổ. Nó biến hóa, cái tâm của quý vị cũng biến hóa theo. Đó là cách tu hành thiền cận. Đợi cho tới khi giảng xong kinh này, chúng tôi lại nói từ đầu cách quan sát hơi thở ra vào như thế nào; đây mới là có lợi ích thật sự cho chúng ta. Nếu quý vị quan sát lâu ngày, trong tâm chuyên chú, thật sự quan sát hơi thở ra vào, hơi thở đã định, quý vị mới biết tu hành cao hơn từng bước như thế nào!

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát Ma Ha Tát năng dẫn biến mãn hư không, vô lượng vô biên quảng đại chúng cụ, Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân? Vị chư Bồ Tát nhập sơ Tĩnh Lự, nãi chí đệ tứ Tĩnh Lự, nhập Vô Biên Hư Không Xứ, nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, nhập Diệt Thọ Tướng Định. Trụ thử định trung, nhất thiết tam thọ, tam hạnh đoạn diệt, tâm vô hành động. Chư Thọ, Tướng, Tư, Xúc, Tác Ý đặng, tất giai đoạn diệt. An trụ thử Định, hoặc nhất nhật dạ, hoặc phục nãi chí thất thất nhật dạ, thọ Định vị thực. Từng thử Định khởi, kỳ tâm tịch tĩnh, vô sở thủ trước, yển nhiên nhi trụ. Phục nhập thắng nghĩa cứu cánh Không Định, trụ thử Định trung, kỳ tâm bình đẳng, vô sở thủ trước, do nhược hư không. Thân chư mao khổng, giai xuất sương dịch, trạng như Mãn Tinh, diệt trừ nhất thiết úc chưng kết phục. Từng thử Định khởi, đắc chánh ức niệm, tối thắng hỷ lạc, sung biến kỳ thân. Như Đại Tự Tại Thiên Tử nhập Hiện Nhất Thiết Lạc Định, thân chư mao khổng, giai biến thọ lạc. Như thị Bồ Tát lạc xúc kỳ thân, tiện tư niệm Phật. Tư niệm Phật cố, tác duy kiến Phật, bất kiến dư tướng. Bồ Tát nhĩ thời, nhược niệm nhất Phật, tác kiến nhất Phật. Nhược niệm đa Phật, tác kiến đa Phật. Nhược niệm tiểu thân Phật, tác kiến tiểu thân Phật. Nhược niệm đại thân Phật, tác kiến đại thân Phật. Nhược niệm vô lượng thân Phật,

tắc kiến vô lượng thân Phật. Nhược niệm tự thân vi Phật thân tướng, tắc kiến tự thân đồng u Phật thân, chúng tướng viên mãn. Nhược niệm tha thân vi Phật thân tướng, tắc kiến tha thân đồng u Phật thân, chúng tướng viên mãn. Nhược niệm nhất thiết tình phi tình số, sở hữu sắc tượng, vi Phật thân tướng, tắc kiến nhất thiết tình phi tình số, sở hữu sắc tượng, giai đồng Phật thân, chúng tướng viên mãn, bất kiến kỳ dư nhất thiết sắc tượng.

(經)又善男子！云何菩薩摩訶薩能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪？謂諸菩薩入初靜慮乃至第四靜慮，入無邊虛空處乃至非想非非想處，入滅受想定。住此定中，一切三受、三行斷滅，心無行動。諸受想思觸作意等悉皆斷滅。安住此定，或一日夜，或復乃至七七日夜，受定味食。從此定起，其心寂靜，無所取著，宴然而住。復入勝義究竟空定，住此定中，其心平等，無所取著猶若虛空。身諸毛孔皆出霜液，狀如昴星，滅除一切郁烝結縛。從此定起，得正憶念，最勝喜樂充遍其身。如大自在天子入現一切樂定，身諸毛孔皆遍受樂。如是菩薩，樂觸其身便思念佛。思念佛故則唯見佛，不見餘相。菩薩爾時，若念一佛則見一佛。若念多佛則見多佛。若念小身佛則見小身佛。若念大身佛則見大身佛。若念無量身佛則見無量身佛。若念自身為佛身相，則見自身同於佛身，眾相圓滿。若念他身為佛身相，則見他身同於佛身，眾相圓滿。若念一切情非情數所有色像為佛身相，則見一切情非情數所有色像皆同佛身，眾相圓滿，不見其餘一切色像。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Thế nào là Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với hết thảy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không của Bồ Tát Ma Ha Tát? Tức là các Bồ Tát nhập môn Tĩnh Lự đầu tiên cho đến Tĩnh Lự thứ tư, nhập Vô Biên Hư Không Xứ, cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, nhập Diệt Thọ Tướng Định. Trụ trong định ấy, hết thảy tam thọ, tam hạnh đoạn diệt, tâm chẳng hành động. Các Thọ, Tướng, Tư, Xúc, Tác Ý v.v... thấy đều đoạn diệt. An trụ trong Định ấy, hoặc một ngày đêm, hoặc lại cho đến bốn mươi chín ngày đêm, dùng pháp vị của Định làm thức ăn. Từ môn Định ấy khởi, cái tâm tịch tĩnh, chẳng chấp giữ gì, an tường mà trụ. Lại nhập thắng nghĩa cứu cánh Không Định, trụ trong môn Định ấy, cái tâm bình đẳng, chẳng chấp giữ gì, ví như hư không. Các lỗ chân lông trên thân đều tiết ra chất swong, hình dạng như sao Mão, diệt trừ hết thảy các kết phược nung nấu. Từ môn Định ấy khởi, đạt được chánh ức niệm, vui sướng tối thắng trọn khắp toàn thân. Như Đại Tự Tại Thiên Tử nhập Hiện Nhất Thiết Lạc Định, các lỗ chân lông trên thân đều thọ lạc trọn khắp. Bồ Tát như thế lạc xúc khắp thân, liền nghĩ niệm Phật. Do suy niệm Phật, liền chỉ thấy Phật, chẳng thấy tướng khác. Bồ Tát khi đó nếu niệm một vị Phật, sẽ thấy một vị Phật. Nếu niệm nhiều vị Phật, sẽ thấy nhiều vị Phật. Nếu niệm thân Phật nhỏ, sẽ thấy thân Phật nhỏ. Nếu niệm thân Phật lớn, sẽ thấy thân Phật lớn. Nếu niệm vô lượng thân Phật, sẽ thấy vô lượng thân Phật. Nếu niệm thân mình là thân tướng của Phật, sẽ thấy thân mình giống như thân Phật, các tướng viên mãn. Nếu niệm thân người khác là thân tướng của Phật, sẽ thấy thân người khác giống như thân Phật, các tướng viên mãn. Nếu niệm tất cả hình sắc của hết thảy hữu tình và phi tình là thân tướng của Phật, sẽ thấy tất cả hình sắc của hết thảy tình và phi tình đều giống như thân Phật, các tướng viên mãn, chẳng thấy hết thảy các hình sắc khác).

Chư Bồ Tát “nhập sơ Tĩnh Lự” tức là vừa mới nhập Sơ Thiên Định. Tĩnh Lự là Định, cho đến Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên Thiên Tĩnh Lự, hoặc là từ Đệ Tứ Thiên Thiên, lại tiến nhập Vô Biên Hư Không Xứ. Các Ngài nhập môn Định này, từ Vô Biên Hư Không Định cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. “Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ”: Chữ Phi Tướng phía sau do đức Phật thêm vào, vì Ngài biết họ hoàn toàn chẳng phải là Phi Tướng, mà là Phi Phi Tướng. Thêm vào chữ Phi, tức là còn có Tướng. Sau đó là Diệt Thọ Tướng Định. Diệt những điều

ấy, chẳng có Thọ, chẳng có Năng Thọ (người tiếp nhận), mà cũng chẳng có Tướng. Hễ chẳng tướng, bèn nhập môn Định này.

Trong môn Định này, Khổ Thọ, Lạc Thọ, thân, khẩu, ý, [tức] “*tam thọ, tam hạnh*”, đều đoạn diệt, tâm chẳng có hành động, ý thức chẳng có hành động. Như thế thì Thọ, Tướng, Tư, Xúc, Tác Ý là các tâm sở pháp, Thọ, Tướng, Tư, Xúc, Tác Ý sẽ đều đoạn diệt. Thọ là thô tướng, là nội hạnh trong tâm. Xúc ở đây là sự tiếp xúc trong tâm, tức là khi Pháp Trần và Ý Thức tiếp xúc. Tác Ý là dấy lên ý niệm. Chúng ta nói dối là do ý niệm. Khi nhập loại Định này, tất cả đều đoạn diệt. An trụ trong Định này, hoặc là nhập Định một ngày, hoặc nhập Định bốn mươi chín ngày. Trong Định, vị ấy đạt được Thiên vị của Định, dùng đó làm thức ăn. Người nhập Định chẳng hề ăn uống, cảm giác gì cũng đều không có, ngay cả tướng cũng chẳng có, chẳng có cảm nhận. Như thế thì sẽ có cảm giác gì? Trụ trong môn Định này, tâm chẳng chấp giữ, đạt tới mức tâm bình đẳng, tâm và hư không giống nhau!

Khi đó, nơi mỗi lỗ chân lông trên thân vị ấy đều tiết ra chất sương lỏng, mờ hôi giống như sương. “*Trạng như Mãn Tinh*”, tức là hình dạng giống như sao Mãn⁵¹. “*Diệt trừ nhất thiết úc chung kết phược*” (Diệt trừ hết thảy kết phược nung nấu): Hơi nung nấu đều chẳng có. Nếu từ môn Định này xuất, vị ấy sẽ đạt được chánh úc niệm, hỷ lạc tối thắng, tràn ngập cái thân này. Đó gọi là Tứ Thiên Bát Định. Định ấy chẳng phải là thánh cảnh, chẳng phải là thánh cảnh của Phật, Bồ Tát. Do vậy, hỷ lạc tối thắng tràn ngập cái thân chính là như Đại Tự Tại Thiên Tử nhập Hiện Nhất Thiết Lạc Định, cũng là môn Định do Đại Lạc Thiên Tử đã nhập, chẳng phải là xuất thế Định. Biết môn Định này, chúng ta chẳng dễ gì đạt được; nhưng đã đạt được thì vẫn là sanh diệt. Khi Định tán thì vẫn là chẳng có gì. Do mỗi lỗ chân lông đều [cảm nhận] vui sướng, cho nên gọi là Đại Tự Tại Thiên Tử nhập Nhất Thiết Lạc Định.

“*Như thị Bồ Tát lạc xúc kỳ thân*” (Bồ Tát như thế lạc chạm vào thân): Sự vui sướng này chạm vào thân, Ngài bèn sanh khởi ý tưởng niệm Phật. Đạo hữu tu Tịnh Độ phải chú ý đoạn kinh văn này. Bồ Tát niệm Phật như thế đó. Vì nghĩ đến niệm Phật, mong niệm Phật, nghĩ

⁵¹ Sao Mãn là một tinh tòa trong Nhị Thập Bát Tú, tên gọi đầy đủ là Mãn Nhật Kê, bao gồm bảy tinh tú, tương ứng với tinh tòa Kim Ngưu (Taurus) trong thiên văn học phương Tây. Trong thiên văn học Trung Hoa, đây là tinh tòa thứ tư thuộc Tây phương Bạch Hổ Cung. Nói chi tiết, tinh tòa này lại gồm bảy chòm sao hợp thành, tức Mãn Tú, Thiên Hà, Nguyệt, Thiên Âm, Sô Cảo, Thiên Uyên, Quyền Thiệt, Thiên Sàm, và Lệ Thạch.

tướng Phật. Niệm Phật chỉ thấy thân tướng Phật. Vị ấy ở trong Định, chỉ thấy thân tướng Phật, tướng gì khác cũng đều chẳng niệm, đều chẳng có, chẳng sanh khởi ý niệm đó. Lúc bấy giờ, quý vị niệm một vị Phật, sẽ thấy một vị Phật. Người ấy niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, sẽ chỉ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu niệm nhiều vị Phật thì sao? Nếu người ấy quán Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Bất Động Như Lai, Đa Bảo Như Lai, trong một niệm, chư Phật đều hiện. Có thể niệm nhiều Phật, nhiều vị Phật sẽ hiện. Có thể niệm một vị Phật, một vị Phật liền hiện. Tùy niệm mà hiện, sanh sang thế giới Cực Lạc. Niệm A Di Đà Phật sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị có thể tu hành như thế đó.

“*Nhược niệm tiểu thân Phật*” (Nếu niệm thân Phật nhỏ), quý vị có thể thấy thân Phật nhỏ. Đây là Hóa Phật. Nếu niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, thấy kim thân một trượng sáu. Niệm Lô Xá Na Phật, thấy thân cao ngàn trượng. Đó là Báo Thân Phật. Niệm thân Phật nhỏ, bèn thấy thân Phật nhỏ. Niệm thân Phật lớn, sẽ thấy thân Phật lớn. Nếu niệm vô lượng thân Phật, sẽ thấy vô lượng thân Phật. Niệm vô lượng thân, trong một vị trần có các cõi nước nhiều như vi trần, trong một cõi có chẳng thể nghĩ Phật, vô lượng chư Phật.

“*Nhược niệm tự thân vi Phật thân tướng*” (Nếu nghĩ thân mình là thân tướng của Phật): Quán tưởng ta là Phật, Phật là ta, quý vị liền hiện thân của chính mình là Phật tướng. Hình tướng viên mãn, giống như thân tướng của Phật. Phát Tâm Trụ Bồ Tát Bồ Tát có thể làm được. Khi Ngài niệm một đức Phật, quán tưởng hợp nhất với Phật thân. Chúng sanh khác thấy vị ấy là Phật, các tướng viên mãn trọn đủ, hoặc là ba mươi hai tướng, hoặc là tám mươi loại hảo, nhưng chưa niệm Báo Thân được! Nếu niệm thân người khác là thân tướng của Phật, sẽ thấy thân người khác có các tướng viên mãn giống như thân tướng của Phật. Chẳng phải là niệm chính mình, hoặc niệm một vị đạo hữu nào đó. Quán tưởng người khác là Phật, người ấy đã thành tựu. Quý vị thấy người ấy là thân Phật, cũng là các tướng viên mãn.

(Kinh) Bồ Tát nhĩ thời tiện tác thị niệm: “Nhất thiết chư pháp, nhất thiết sắc tượng, giai như huyễn đăng, đế thật bất hư. Ngã kim phục ưng giai tất đoạn diệt nhất thiết tam thọ, tam hạnh đặng pháp, linh vô hữu dư”. Tác thị niệm dĩ, nhập Diệt Tận Định. Trụ thử Định trung, như tâm sở kỳ, giai tận đoạn diệt, thọ Định vị thực. Hoặc nhất thất nhật dạ, hoặc nhị thất nhật dạ, hoặc tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát,

cửu, thập thất nhật dạ, hoặc kinh vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa kiếp, tùy lực sở năng, an trụ thử Định, thọ Định vị thực. Tùy thử Định khởi, kỳ tâm tịch tĩnh, vô sở thủ trước, yển nhiên nhi trụ. Phục nhập thắng nghĩa cứu cánh Không định, quảng thuyết như tiền, nãi chí tưởng niệm Phật thân tướng dĩ, tri nhất thiết pháp, nhất thiết sắc tượng, giai như huyễn đẳng, để thật bất hư.

(經)菩薩爾時便作是念：「一切諸法、一切色像，皆如幻等，諦實不虛。我今復應皆悉斷滅一切三受、三行等法，令無有餘」。作是念已，入滅盡定。住此定中，如心所期，皆盡斷滅，受定味食。或一七日夜，或二七日夜，或三、四、五、六、七、八、九、十七日夜，或經無量百千俱胝那庾多劫，隨力所能，安住此定，受定味食。從此定起，其心寂靜，無所取著，宴然而住。復入勝義究竟空定，廣說如前，乃至思念佛身相已，知一切法、一切色像，皆如幻等，諦實不虛。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Bồ Tát liền nghĩ như thế này: “Hết thấy các pháp, hết thấy hình sắc, đều như huyễn v.v... chân thật chẳng dối. Nay ta lại nên thấy đều đoạn diệt hết thấy các pháp tam thọ, tam hạnh v.v... khiến cho chúng chẳng còn sót”. Nghĩ như thế rồi, nhập Diệt Tận Định. Trụ trong môn Định ấy, như lòng mong mỏi, đều đoạn diệt hết, dùng pháp vị Thiên Định làm thức ăn, hoặc trong bảy ngày đêm, hoặc mười bốn ngày đêm, hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười lần bảy ngày đêm, hoặc trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp, tùy theo sức mình an trụ trong Định ấy, dùng pháp vị của Thiên Định làm thức ăn. Từ môn Định ấy khởi, tâm Ngài tịch tĩnh, chẳng chấp trước gì, an tường mà trụ. Lại nhập thắng nghĩa cứu cánh Không định, rộng nói như trước, cho đến niệm thân tướng của Phật rồi, biết hết thấy các pháp, hết thấy hình sắc đều như huyễn v.v... chân thật chẳng dối).

Khi ấy, quý vị mới cảm nhận cái gọi là “nhất thiết pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh” (hết thấy các pháp như mộng, huyễn, bọt,

bóng), mới biết Phật pháp như lý, như thật, chẳng giả. Nếu là lúc hành Phổ Hiền Hạnh Nguyện, tùy tiện lấy một pháp, không gì chẳng phải là pháp giới. Bởi lẽ, trong một trần có các cõi nước nhiều như số vi trần. Trong một vi trần, có vô cùng vô tận cõi Phật. Trong mỗi cõi, lại có vô cùng vô tận Phật nhiều ngàn ấy. Trước mỗi đức Phật, lại có vô cùng vô tận chư Phật, Bồ Tát vây quanh thuyết pháp, điều này cũng là chân thật. Vì sao? Đều là Pháp Thân, đều do pháp tánh thành tựu. Như vậy “*ngã kim phục ưng giai tất đoạn diệt hết thảy các pháp như tam thọ, tam hạnh đẳng pháp linh vô hữu dư*” (ta nay lại nên đoạn diệt hết thảy các pháp như tam thọ, tam hạnh v.v... khiến cho chúng chẳng còn thừa sót), Khổ Thọ, Lạc Thọ, thân, miệng, ý, hết thảy các pháp đều đoạn diệt, khiến chẳng còn sót thừa, chẳng lưu lại chút vô minh nào! “*Tác thị niệm dĩ, nhập Diệt Tận Định. Trụ thử Định trung, như tâm sở kỳ, giai tận đoạn diệt, thọ Định vị thực, nãi chí nhất thất nhật dạ, hoặc nhị thất nhật dạ, hoặc tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập thất nhật dạ*” (Nghĩ như thế rồi, nhập Diệt Tận Định. Trụ trong môn Định ấy, như lòng mong mỏi, đều đoạn diệt hết, dùng pháp vị Thiên Định làm thức ăn, cho đến bảy ngày đêm, hoặc mười bốn ngày đêm, hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười lần bảy ngày đêm): “*Mười thất*” là bảy mươi ngày ở trong Định.

“*Hoặc kinh vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa kiếp*” (Hoặc trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp): Thời gian ấy quá dài, chẳng có cách nào tính toán. Nếu vẫn chưa có Định lực như thế thì “*tùy kỳ sở năng*” (tùy theo khả năng), quý vị có sức quán tưởng, sức tịch tĩnh của Định tâm to cỡ nào, bền an trụ trong môn Định ấy, “*thọ Định vị thực*” (dùng pháp vị của Thiên Định làm thức ăn). Nếu sau khi từ môn Định ấy xuất, trong tâm tịch tĩnh, không chấp trước, chuyện gì cũng chẳng chấp lấy, chuyện gì cũng chẳng chấp trước, căn bản là chẳng chấp giữ, còn có gì để xả? Chẳng lấy, chẳng xả! “*Yến nhiên nhi trụ*” (An tường mà trụ): Khi ấy, người đó trụ trong an tường, lại nhập một môn Định khác. “*Phục nhập thắng nghĩa cứu cánh không Định*” (Lại nhập Không Định thắng nghĩa rốt ráo): Thắng Nghĩa Không Định là các môn Định như đã nói trong phần trước và môn Định được nói ở đây giống nhau, đều là Thắng Nghĩa Không Định. “*Quảng thuyết như tiên, nãi chí tư niệm Phật thân tướng dĩ, tri nhất thiết pháp, nhất thiết sắc tượng giai như huyễn đẳng, đế thật bất hư*” (Rộng nói như trong phần trước, cho đến nghĩ tưởng thân Phật rồi, biết hết thảy các pháp, hết thảy các hình sắc đều như huyễn v.v... chân thật chẳng dối): Đây là chân thật, trọn chẳng giả, lý chắc thật như thế.

*(Kinh) Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát năng dẫn
biển mãn hư không, vô lượng vô biên, quảng đại chúng cụ, Từ Vô
Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố
Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân,
tác năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhãn danh, chư tam-
ma-địa, chư đà-la-ni, Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân.
Trụ thử luân cố, phát khởi vô biên hư không trí nhật, năng vĩnh trừ
diệt tự thân Tứ Đảo vô minh hắc ám, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận
ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư
nghiệp, giai năng trừ diệt, linh tận vô dư, bất thọ quả báo. Thiện nam
tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm,
nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh
Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước
điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng
dường, thừa sự, thủ hộ. Do thử luân cố, ư chư Phật pháp, tăng tấn tự
tại, thường vô thoái chuyển, bất phục tùy thuận ác hữu lực hành,
thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ
tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ứ chư
công đức, tâm thường vô yếm, nãi chí Bồ Đề, hằng vô gián đoạn. Hựu
thường bất ly niệm Phật tư duy, nãi chí mộng trung, diệt vô tạm phế.
Như thị Bồ Tát, phước đức, trí huệ, tốc tạt viên mãn, bất cửu an trụ
thanh tịnh Phật quốc, chứng ư Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Ứ bỉ
Phật quốc, nhất thiết hữu tình giai thọ hóa sanh, sắc tướng như Phật,
phiền não vi bạc, giai trụ Đại Thừa. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử
nghĩa, nhi thuyết tụng viết: “Dục thành chư pháp khí, đoạn nhất thiết
phiền não, thường thú nhập Chân Không, chúng sự vô nan tác. Vị
đoạn chư hữu phược, đương cần tu Đẳng Trì, công đức định tương
ứng, tất hoạch nan tư huệ. Tu Tĩnh Lự Vô Sắc, diệt định Chân Không
Quán, khởi niệm Phật thắng trí, năng tận nhất thiết ác. Hữu vô nhất
thiết pháp, phá dĩ Chân Không Quán, vĩnh ly chư ác thú, thường đắc
kiến chư Phật. Thiện tu chân Không Quán, cần học chư thiện pháp,
cúng dường nhất thiết Phật, tốc đương thành Phật quả. Vị hữu tình
thân hữu, diệt trừ phiền não bệnh, tốc trụ tịnh Phật quốc, chứng đắc
đại Bồ Đề. Chúng sanh như Phật tướng, biến mãn ư Phật độ, giai thú
cầu Phật thừa, ly Thanh Văn, Độc Giác”.*

(經)善男子！是名菩薩摩訶薩能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。菩薩摩訶薩成就此輪，則能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪。住此輪故，發起無邊虛空智日，能永除滅自身四倒無明黑暗，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。善男子！若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。由此輪故，於諸佛法，增進自在常無退轉，不復隨順惡友力行，常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸功德，心常無厭，乃至菩提恆無間斷。又常不離念佛思惟，乃至夢中，亦無暫廢。如是菩薩，福德智慧速疾圓滿，不久安住清淨佛國，證得無上正等菩提。於彼佛國，一切有情皆受化生，色相如佛，煩惱微薄，皆住大乘」。爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「欲成諸法器，斷一切煩惱，常趣入真空，眾事無難作。為斷諸有縛，當勤修等持，功德定相應，必獲難思慧。修靜慮無色，滅定真空觀，起念佛勝智，能盡一切惡。有無一切法，破以真空觀，永離諸惡趣，常得見諸佛。善修真空觀，勤學諸善法，供養一切佛，速當成佛果。為有情親友，滅除

煩惱病，速住淨佛國，證得大菩提。眾生如佛相，徧滿於佛土，皆趣求佛乘，離聲聞獨覺」。

(*Kinh*: “Này thiện nam tử! Đó gọi là Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với hết thảy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không của Bồ Tát Ma Ha Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, có thể an trụ trong Phương Tiện Thiện Xảo Đại Giáp Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thảy hư không nhãn danh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni. Do trụ trong luân ấy, phát khởi vô biên mặt trời trí huệ trong không trung, có thể vĩnh viễn trừ diệt bốn món điên đảo vô minh hắc ám ngay nơi thân mình, đối với hết thảy các nghiệp ác bất thiện dẫn khởi từ quá khứ chưa đoạn hết, các đường ác không nhân hạ, các cội, các đường, các nghiệp sanh tử đều có thể trừ diệt hết sạch, chẳng còn thừa sót, chẳng thọ quả báo. Này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thảy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thảy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thảy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Do vì luân này, đối với các Phật pháp, tăng tấn tự tại, thường chẳng thoái chuyển, chẳng còn thuận theo sức bạn ác để làm, thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các công đức, tâm thường chẳng chán, cho đến Bồ Đề, thường chẳng gián đoạn. Lại thường chẳng lìa niệm Phật tư duy, cho đến trong mộng, cũng chẳng tạm bỏ. Phước đức và trí huệ của vị Bồ Tát như thế sẽ mau chóng viên mãn. Chẳng lâu sau, sẽ an trụ trong cội Phật thanh tịnh, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Trong cội Phật ấy, hết thảy hữu tình đều được hóa sanh, sắc tướng như Phật, phiền não mỏng nhẹ, đều trụ trong Đại Thừa”. Lúc bấy giờ, Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: “Muốn thành các pháp khí, đoạn hết thảy phiền não, thường tiến nhập Chân Không, các sự chẳng khó làm. Vì đoạn các hữu phược, hãy siêng tu Đẳng Trì, công đức tương ứng Định, ắt đạt huệ khó nghĩ. Tu Tĩnh Lự Vô Sắc, diệt định Chân Không Quán. Khởi thắng trí niệm Phật, diệt sạch hết thảy ác. Các pháp hữu, vô thấy, phá bởi Chân Không Quán, mãi lìa các đường ác, thường được thấy chư Phật. Khéo tu Chân Không Quán, siêng học các pháp lành, cúng dường hết thảy Phật, sẽ mau thành Phật

quả. Vì hữu tình thân hữu, diệt trừ bệnh phiền não, mau trụ cõi Phật tịnh, chứng đắc đại Bồ Đề. Chúng sanh như Phật tướng, trọn khắp trong cõi Phật, đều hướng cầu Phật thừa, lia Thanh Văn, Độc Giác”.

Từ các môn Định được dẫn khởi, nhiếp thọ trong Định luân, mới có thể phát khởi vô biên vàng mặt trời trí huệ trong hư không. Vàng mặt trời ấy giống như trí huệ. Phát khởi bao nhiêu vàng mặt trời? Vô biên. Trí huệ vô tận, từ lúc ấy mà phát khởi, bèn rớt ráo trừ diệt bốn thứ điên đảo nơi bản thân, cho đến vô minh rớt ráo, cho đến Hoặc nghiệp vô minh đều rớt ráo trừ diệt. Các nghiệp ác bất thiện dẫn khởi từ quá khứ, cho đến “*vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt*” (các đường ác chẳng nhân hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh, đều có thể trừ diệt): Sau đấy mới có thể hoàn toàn đoạn trừ, khiến cho chẳng thừa sót, chẳng thọ quả báo.

“*Thiện nam tử*”, nếu các Bồ Tát thành tựu luân này, từ lúc sơ phát tâm, có thể đoạn trừ hết thảy ngũ dục, chẳng còn bị thoái đọa, há còn có thể nào thuận theo sức mạnh dẫn dắt của bạn ác nữa chẳng? Chẳng thuận theo bạn ác, sẽ rời lia cái ác, thì cũng có thể chuyển hóa. Tới khi đó, vị ấy còn có thể chuyển bạn ác thành thiện hữu. Do vậy thường “*bất ly nhất thiết chư Phật, chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư công đức, tâm thường vô yếm, nãi chí Bồ Đề hằng vô gián*” (chẳng lìa hết thảy chư Phật, chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các công đức, tâm thường chẳng chán, cho đến Bồ Đề luôn chẳng gián đoạn): Trên đường Bồ Đề, chẳng còn có lúc gián đoạn nữa. Chúng ta đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện cũng thế, mà niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng cũng thế, chưa hề gián đoạn, luôn chẳng gián đoạn, cũng là “*thường bất ly niệm Phật tư duy*” (thường chẳng lìa niệm Phật, tư duy). Miệng niệm Phật, tâm nghĩ đến Phật, thân thể lạy Phật. “*Nãi chí mộng trung, diệc vô tạm phế*” (Cho đến trong mộng, cũng chẳng tạm bỏ): Ngày đêm hai mươi bốn giờ đều niệm Phật, chẳng có một niệm nào rời khỏi Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Đã đạt tới mức độ ấy, “*như thị Bồ Tát phước đức, trí huệ tốc tạt viên mãn*” (phước đức và trí huệ của vị Bồ Tát như thế sẽ mau chóng viên mãn), sẽ thành Phật rất nhanh chóng. Chẳng bao lâu, liền an trụ trong cõi Phật thanh tịnh. Chính vị ấy an trụ trong quốc độ của Phật.

“*Ư bỉ Phật quốc, nhất thiết hữu tình giai thọ hóa sanh, sắc tướng như Phật*” (Trong cõi Phật ấy, hết thảy hữu tình đều được hóa sanh, sắc

tướng như Phật): Hữu tình ấy [do thành tựu luân này], trong hết thảy các cõi Phật, đều là hóa sanh, đương nhiên chẳng phải là sanh nở bằng bào thai. Không có một cõi Phật nào mà sanh nở bằng bào thai! Thế giới Sa Bà của chúng ta khác hẳn. Đây là ngũ trược ác thế, chứ trong cõi Phật thanh tịnh thì đều là hóa sanh, chẳng có nữ tướng, chẳng có tướng sanh nở, nuôi lớn, hoàn toàn chẳng cần đoạn phiền não. Tới khi ấy, phiền não mỏng ít, rất ít, đều trụ trong pháp Đại Thừa.

“Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Dục thành chư pháp khí, đoạn nhất thiết phiền não, thường thú nhập Chân Không, chúng sự vô nan tác” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa ấy, bèn nói kệ tụng rằng: - Muốn thành các pháp khí, đoạn hết thảy phiền não, thường tiến nhập Chân Không, mọi việc chẳng khó làm): Hiển thị hết thảy các tướng. Tuy hiển thị hết thảy các tướng, mà diệt hết thảy các tướng, đều hiển thị Chân Không. Đây là gì? Chính là Chân Không Tuyệt Tướng Quán trong kinh Hoa Nghiêm, là Chân Quán của Thiên Thai Tứ Giáo; Không, Giả, Trung là tu Chân Không Quán. *“Vị đoạn chư hữu phược”* (Vị đoạn các trói buộc trong các hữu), tam giới đều có trói buộc. Như vậy thì thường *“cần tu Đăng Trì”* (siêng tu Đăng Trì), thường siêng tu môn tam-muội ấy, hết thảy các pháp đều bình đẳng. Trì hết thảy nghĩa, trì một niệm tâm của chính quý vị, tâm luôn bình đẳng. *“Công đức, Định tương ứng”* (Công đức và Định tương ứng): Nếu quý vị đặc loại Định này, loại công đức này so với môn Định quý vị đạt được, hai đẳng tương ứng, chẳng thể sai! Công đức là Định, Định là công đức, mà cũng chẳng có công đức, cũng chẳng có gì là Định. *“Tất hoạch nan tư huệ”* (Ắt được trí huệ khó nghĩ tưởng), đây là nói đạt được công đức. Đã đắc định, còn có thể đắc huệ, đạt được huệ chẳng thể nghĩ bàn. *“Nan tư”* (Khó nghĩ) là bất khả tư nghị. Nếu muốn tu Tĩnh Lự, tu Định, ngàn vạn lần hãy lìa Sắc. Tĩnh Lự Vô Sắc, không có hết thảy các sắc tướng, tu Tĩnh Lự lìa hết thảy sắc tướng.

Đây gọi là *“diệt định Chân Không Quán”*, tu Diệt Tận Định, chân không tuyệt tướng, hết thảy tướng đã chẳng có. Khi ấy, ở trong Định, sanh khởi trí huệ niệm Phật thù thắng, diệt sạch hết thảy các ác, dùng Chân Không Quán để phá hết thảy các pháp hữu vi. Hữu cũng thế, mà Vô cũng thế. Hữu là nói đối ứng với vô, hoàn toàn chẳng phải là Chân Không. Dùng Chân Không Quán để phá cái Hữu Vô ấy. Cái Hữu Vô ấy một đẳng là thường pháp, một đẳng là đoạn diệt pháp. Hữu là thường pháp, Vô là đoạn diệt. Chân Không chẳng phải như vậy, Chân Không có thể sanh ra Diệu Hữu. Diệu Hữu chẳng phải là Phi Hữu, Phi Hữu chính

là Chân Không. Chân Không bất không, tức là Diệu Hữu, cũng là đạt được hết thấy các tướng công đức. Các công đức của Phật có hình dạng như thế nào? Diệu Hữu phi hữu!

“*Thiện tu Chân Không Quán, cần tu chư thiện pháp, cúng dường nhất thiết Phật, tốc đương thành Phật quả*” (Khéo tu Chân Không Quán, siêng tu các thiện pháp, cúng dường hết thấy Phật, sẽ mau thành Phật quả): Khéo tu Chân Không Tuyệt Tướng Quán, có thể siêng tu các thiện pháp, hoàn toàn chẳng trụ trong Không. Cái Không ấy chẳng phải là không có. [Nếu hiểu Không là chẳng có gì], đó là chẳng đúng. Có thể khéo tu Chân Không Quán, thì mới có thể siêng tu các thiện pháp; đó gọi là tu Tứ Quán Chân Thật Tuyệt Tướng, nương vào lý Chân Không mà sanh khởi hết thấy các sự, Đó là Lý Sự vô ngại. Các pháp được hành gọi là “thiện pháp”. Dùng điều này để cúng dường Phật, dùng pháp để cúng dường hết thấy chư Phật, thành tựu Phật quả rất nhanh chóng. Vì hữu tình thân hữu, diệt trừ bệnh phiền não. Khi đó, quý vị mới có sức mạnh to lớn, có thể quán chiếu những thân hữu hữu tình liên quan với quý vị, khiến cho bệnh phiền não cũng đoạn trừ, đều độ họ.

“*Tốc trụ tịnh Phật quốc*” (Mau chóng trụ trong cõi Phật thanh tịnh): Sinh về cõi Phật thanh tịnh, ở đó có thể “*chứng đắc đại Bồ Đề*”, hết thấy chúng sanh đều như Phật tướng, thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. “*Biến mãn u Phật độ*” (Trọn khắp trong cõi Phật): Chúng sanh trong quốc độ Phật thanh tịnh ấy đều là thành Phật. Như vậy “*giai thú cầu Phật thừa, ly Thanh Văn, Độc Giác*” (đều tiến hưởng cầu Phật Thừa, lìa Thanh Văn, Độc Giác), lìa khỏi địa vị Nhị Thừa, cầu thành Phật. Đợi đến khi nói xong phẩm Chúc Lụy, tôi sẽ quay lại nói một chút về tu Sở Túc Quán, kể như chúng ta viên mãn.

VIII. Hoạch Ích Chúc Lụy - Phẩm Đệ Bát

獲益囑累品第八

(*Phẩm thứ tám: Đạt Được Lợi ích và Chúc Lụy*)

(*Kinh*) **Phật thuyết như thị đại pháp môn thời, u chúng hội trung, hữu Căng-già sa đảnh Bồ Tát Ma Ha Tát, quá khứ cửu tập Niệm Phật tư duy, kim văn Thế Tôn sở thuyết Niệm Phật Tu Quán phương tiện, giai đắc Niệm Phật tam-ma-địa môn. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn thị pháp dĩ, giai đắc Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man đà-la-ni môn. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn**

Phật sở thuyết, giai đắc nhất thiết Thủ Lăng Già Ma Điện Quang Y Chỉ đà-la-ni môn. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc Nhất Thiết Pháp Tự Tại Chuyển Quang Minh Y Chỉ Thuận Nhân. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, viển trần ly cấu, u chư pháp trung, sanh tịnh pháp nhãn, đắc Dự Lưu quả. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, đắc Nhất Lai quả. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, đắc Bất Hoàn quả. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, giai đắc tối thượng A La Hán quả. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, tâm cầu xuất ly tam giới lao ngục, y Phật xuất gia, thú nhập chánh pháp. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo, y Thanh Văn Thừa, phát tâm bất thoái. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo, y Độc Giác Thừa, phát tâm bất thoái. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo, y Đại Thừa trung, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, bất phục thoái chuyển. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, đắc thế chánh kiến. Do thử chánh kiến, trừ diệt nhất thiết vãng ác thú nhân, phiền não ác nghiệp, tăng trưởng nhất thiết hướng thiện thú nhân, chánh nguyện thiện nghiệp. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, giai thọ Tam Quy, an trụ Cận Sự, Cận Trụ tịnh giới, nhạo cúng dường Phật, nhạo thính văn pháp, nhạo phụng sự Tăng, trú dạ tinh cần, tăng vô giải phế. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, viển ly nhất thiết tà thú, tà quy, ác ý, ác nghiệp, u Phật pháp trung, đắc quyết định tín, khí xả gia pháp, thanh tịnh xuất gia.

(經)佛說如是大法門時，於眾會中，有菟伽沙等菩薩摩訶薩，過去久習念佛思惟，今聞世尊所說念佛修觀方便，皆得念佛三摩地門。復有無量無邊眾生，聞是法已，皆得一切定命華鬘陀羅尼門。復有無量無邊眾生，聞佛所說，皆得一切首楞伽摩電光依止陀羅尼門。復有無量無邊眾生，聞佛所說，皆得一切法自在轉光明依止順忍。復有無

量無邊眾生，聞佛所說，遠塵離垢，於諸法中生淨法眼，得預流果。復有無量無邊眾生，聞佛所說，得一來果。復有無量無邊眾生，聞佛所說，得不還果。復有無量無邊眾生，聞佛所說，皆得最上阿羅漢果。復有無量無邊眾生，聞佛所說，心求出離三界牢獄，依佛出家，趣入正法。復有無量無邊眾生，聞佛所說，盡壽安住十善業道，依聲聞乘發心不退。復有無量無邊眾生，聞佛所說，盡壽安住十善業道，依獨覺乘發心不退。復有無量無邊眾生，聞佛所說，盡壽安住十善業道，依大乘中，發阿耨多羅三藐三菩提心，不復退轉。復有無量無邊眾生，聞佛所說，得世正見。由此正見，除滅一切往惡趣因、煩惱惡業，增長一切向善趣因、正願善業。復有無量無邊眾生，聞佛所說，皆受三歸，安住近事、近住、淨戒，樂供養佛，樂聽聞法，樂奉事僧，晝夜精勤，曾無懈廢。復有無量無邊眾生，聞佛所說，遠離一切邪趣、邪歸、惡意、惡業，於佛法中得決定信，棄舍家法，清淨出家。

(Kinh: Khi đức Phật nói đại pháp môn như thế, trong chúng hội có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều như cát sông Hằng, trong quá khứ đã tu tập Niệm Phật tư duy từ lâu, nay nghe đức Thế Tôn nói về phương tiện Niệm Phật Tu Quán, đều đắc Niệm Phật tam-ma-địa môn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe pháp ấy rồi, đều đắc Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man Đà-la-ni môn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đều đắc hết thảy Thủ Lăng Già Ma Điện Quang Y Chỉ Đà-la-ni môn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đều đắc Nhất Thiết Pháp Tự Tại Chuyển Quang Minh Y Chỉ Thuận Nhẫn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh, nghe đức Phật nói, xa lìa trần cấu,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

sanh pháp nhĩn thanh tịnh trong các pháp, đắc quả Dự Lưu. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đắc quả Nhất Lai. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh, nghe đức Phật nói, đắc quả Bất Hoàn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đều đắc tối thượng A La Hán quả. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, tâm cầu thoát lìa lao ngục tam giới, nương theo đức Phật xuất gia, tiến nhập chánh pháp. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, cho đến hết thọ mạng, an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, nương theo Thanh Văn Thừa, phát tâm bất thoái. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, cho đến hết thọ mạng, an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, nương theo Độc Giác Thừa, phát tâm bất thoái. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, cho đến hết thọ mạng, an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, nương theo Đại Thừa, phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chẳng còn thoái chuyển. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đắc chánh kiến thế gian. Do chánh kiến ấy, diệt trừ hết thấy các cái nhân, phiền não, và ác nghiệp tiến đến đường ác, tăng trưởng hết thấy cái nhân, chánh nguyện, và thiện nghiệp hướng vào đường lành. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật dạy, đều thọ Tam Quy, an trụ tịnh giới Cận Sự và Cận Trụ, thích cúng dường Phật, thích nghe pháp, thích phụng sự Tăng, ngày đêm siêng ròng, chưa từng lười nhác, bỏ phé. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, xa lìa hết thấy đường tà, quy y tà, ác ý, ác nghiệp. Trong Phật pháp, đạt được niềm tin quyết định, vứt bỏ pháp thế tục, thanh tịnh xuất gia).

Đây là phẩm cuối cùng của kinh Đại Tập Thập Luân, pháp hội tới đây đã viên mãn. Sau khi nghe pháp, những ai đạt được lợi ích? Cũng như thân được hiệu quả gì? Điều thứ nhất, có bao nhiêu vị Bồ Tát trong đại chúng? Có các vị đại Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng. Trong quá khứ, các Ngài đã học pháp môn Niệm Phật tư duy, Niệm Phật ở đây không nhất định là niệm A Di Đà Phật. Chữ Phật trong Niệm Phật ở đây là nói phổ quát. Phạm là [nói tới] Niệm Phật tức là nói theo ý nghĩa “*hết thấy chư Phật*”. Tu Niệm Phật Quán, dùng phương tiện tu Quán để xưng danh hiệu Phật, quán tưởng tượng Phật. Đây là điều họ đã học trong quá khứ, ở trong pháp hội Đại Tập này, nghe giảng cách tư duy và quán tưởng Niệm Phật, họ đạt được lợi ích, nhập tam-ma-địa, đắc Niệm Phật tam-muội. Trong ấy, có khi là niệm Hóa Thân Phật, có khi là niệm Báo Thân Phật, có khi là niệm Pháp Thân Phật, tùy thuộc sức quán tưởng của

chính mình mạnh hay yếu mà đạt được pháp môn cũng khác nhau. Đây là nói về Bồ Tát Ma Ha Tát, họ đắc Niệm Phật tam-muội, nhập Niệm Phật tam-muội.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn thị pháp dĩ, giai đắc Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man Đà-la-ni môn*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh, nghe pháp này rồi, đều đắc Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man Đà-la-ni môn): Đây là tên của môn Định. Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man Đà-la-ni Môn là tên của một môn tam-muội khác.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc nhất thiết Thủ Lăng Già Ma Điện Quang Y Chỉ Đà-la-ni Môn*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật dạy, đắc hết thầy Thủ Lăng Già Ma Điện Quang Y Chỉ Đà-la-ni Môn): Môn Định này có tên là [Thủ] Lăng Già Ma Điện Quang Y Chỉ Đà-la-ni.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc Nhất Thiết Pháp Tự Tại Chuyển Quang Minh Y Chỉ Thuận Nhân*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật dạy đều đắc Nhất Thiết Pháp Tự Tại Chuyển Quang Minh Y Chỉ Thuận Nhân): Y Chỉ Thuận Nhân vẫn là Định. “*Y chỉ thuận nhân*” là y chỉ môn Định ấy, Chỉ là Định.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, viễn trần ly cấu, u chư pháp trung, sanh tịnh pháp nhân*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, xa lìa trần cấu, sanh pháp nhân thanh tịnh đối với các pháp): “*Sanh tịnh pháp nhân*” là mắt đạt được pháp thanh tịnh, tức là có chánh tri, chánh kiến, chẳng có tà tri, tà kiến, cũng là đoạn dứt Kiến Hoặc. Do nghe đức Phật nói mà đắc quả Dự Lưu. Quả Dự Lưu là quả Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói): Sau đó, họ thành tựu quả Nhất Lai. Quả Nhất Lai là Tư Đà Hàm, tức là còn một lần sanh trong tam giới nhân gian; đó gọi là Nhất Lai Quả.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, đắc Bất Hoàn quả*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đắc quả Bất Hoàn): Quả Bất Hoàn là quả A Na Hàm, là quả thứ ba.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc tối thượng A La Hán quả*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói đều đắc quả A La Hán tối thượng), liền chứng Tứ Quả A La Hán. Trong pháp hội này, đức Phật thuyết pháp bình đẳng. Điều này cho thấy: Căn cơ bất đồng [tuy cùng nghe một pháp], vẫn đạt được

hiệu quả bất đồng. Có người đắc Sơ Quả, có người đắc Tứ Quả. Có chúng sanh nghe đức Phật nói, bèn có thể an trụ trong tâm xuất ly. Xuất ly gì vậy? Xuất ly tam giới. Người ấy nghe đức Phật thuyết pháp, tâm cảm nhận thế giới này hết sức ô trược, nảy sanh tâm chán lìa, thoát lìa nhà tù tam giới, cũng có nghĩa là xuất gia. “*Xuất gia thú nhập chánh pháp*” [nghĩa là] nương theo đức Phật xuất gia, tiến nhập chánh pháp.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, cho đến hết thọ mạng, bèn an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo): Kể từ sau khi nghe pháp trong hiện thời cho đến hết thọ mạng, tức là đã chết, trong thời gian ấy, người đó một mực chẳng trái nghịch Thập Thiện Nghiệp Đạo. Có người nương theo Thanh Văn Thừa, phát Bồ Đề tâm, biết Khổ, đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo. Có người nghe Độc Giác Thừa, tu mười hai nhân duyên, học pháp nhân duyên. Có vô lượng vô biên chúng sanh “*văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (nghe đức Phật nói, trọn hết thọ mạng, an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo): “*An trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo*” tức là tu pháp Thập Thiện. Tu pháp Thập Thiện có thể sanh trong nhân thiên thừa. Còn có người sau khi nghe pháp, nương theo Đại Thừa, phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chẳng còn thoái chuyển. Tín tâm kiên định, sau khi nghe pháp, trụ trong Đại Thừa, phát tâm thành Phật.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, đắc thế chánh kiến*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đạt được chánh kiến thế gian): Chánh kiến ấy chẳng phải là xuất thế, mà là chánh kiến thế gian. Chánh kiến là phân biệt tà chánh, phân biệt điều gì là thiện, điều gì là ác, điều gì là chánh xác, điều gì là chánh tri chánh kiến, điều gì là tà tri tà kiến. Nếu người ấy chúng đắc chánh kiến, sẽ có thể trừ diệt hết thảy nhân quả, ác nghiệp tiến hướng đường ác. Trừ diệt cái nhân của phiền não và ác nghiệp, sẽ chẳng cảm lấy khổ quả, sẽ chẳng cảm nhận quả chướng của phiền não và ác nghiệp, tăng trưởng hết thảy các nhân tiên hướng đường lành. “*Chánh nguyện thiện nghiệp*”: Nguyện của người ấy là phát nguyện tu hành thiện nghiệp, chẳng tạo ác nghiệp.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai thọ Tam Quy*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đều thọ Tam Quy), tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. “*An trụ u Cận Sự, Cận Trụ tịnh giới*” (An trụ trong tịnh giới của Cận Sự và Cận Trụ): [Luật nghi của] Cận Sự, Cận Trụ là Tam Quy, Ngũ Giới. Cận Trụ

tịnh giới là Bát Quan Trai Giới. “*Nhạo cúng dường Phật, nhạo thính văn pháp*” (Thích cúng dường Phật, thích nghe pháp): Nghe thuyết pháp. “*Nhạo phụng sự Tăng*” [phải hiểu theo nghĩa rộng] là ưa thích cúng dường Tam Bảo, theo Phật nghe pháp, theo Tăng nghe pháp, ngày đêm siêng ròng, chẳng giải đãi, “*tăng vô giải phế*” (chưa từng giải đãi, phế bỏ): Sau khi nghe pháp, đạt được hiệu quả tinh tấn.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, viễn ly nhất thiết tà thú, tà quy, ác ý, ác nghiệp*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, xa lìa hết thảy đường tà, quy y tà, ác ý, ác nghiệp): Chẳng khởi ác tâm, chẳng làm ác nghiệp nữa. “*Ư Phật pháp trung, đắc quyết định tín*” (Đạt được tín tâm thanh tịnh đối với Phật pháp): Tín tâm bất thoái. “*Khí xả gia pháp, thanh tịnh xuất gia*” (Buông bỏ pháp tại gia, xuất gia thanh tịnh): “*Xuất gia*” ở đây chẳng phải là thành đạo, đã xuất gia vẫn phải tu hành. Trong pháp hội này, tức là pháp hội Đại Tập Thập Luân, đức Phật nói ra mấy loại Thập Luân, một là Thập Luân của quốc vương, nương theo pháp thế gian nhằm biểu thị Thập Luân của Phật. Và cũng nói tới Hữu Y và Vô Y. Vô Y là không có Tam Bảo để có thể nương dựa; do vậy, tạo ác nghiệp, sẽ thọ báo, chẳng biết sẽ theo đường nào! Hữu Y là nương cậy Tam Bảo, Vô Y là nói tới Thập Ác Luân. Hữu Y là nói tới Thập Thiện Luân. Cuối cùng là nói về Thập Luân của Bồ Tát. Bộ kinh này có tên gọi là Đại Tập Thập Luân Kinh. Sau khi mọi người nghe pháp, sẽ đạt được lợi ích bất đồng. Bất luận nghe pháp cùng một nơi, nhưng người nghe tiếp nhận khác nhau, mỗi người có nhân duyên khác nhau. Giống như hiện thời, chúng tôi giảng hơn hai tháng, do chẳng phải là giảng hằng ngày, mà là đứt quãng, có thể nghe toàn bộ bản kinh này, tính ra chẳng được mấy người, đều là bị gián đoạn.

Đây là nguyên nhân gì? Nhân duyên bất đồng. Hoàn toàn chẳng phải là quý vị muốn gián đoạn. [Khi nhân duyên đã chín muồi], quý vị chẳng gián đoạn cũng bị gián đoạn, quý vị mong gián đoạn cũng chẳng thể gián đoạn được! Tới lúc [hội đủ nhân duyên nghe kinh] thì quý vị lại đến [nghe giảng kinh], ai có nhân duyên này! Nhưng chúng ta hãy nên hiểu mỗi người có nhân duyên riêng, đừng hăm mộ kẻ khác rồi chính mình sanh tâm thoái đạo, cũng chớ nên thấy người khác có nhân duyên tốt đẹp bèn hăm mộ kẻ đó, chẳng cần thiết! Mỗi người tạo cái nhân riêng, kết thành cái quả riêng biệt. Có ý nghĩa như thế đó. Có người nghe bộ kinh này, có thể đắc vô thượng tam-muội. Có người nghe kinh xong, thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Thọ Tam Quy, Ngũ Giới chỉ là gieo thiện căn.

Khá nhiều đạo hữu gần đây mới thọ Tam Quy, chẳng nghe kinh cũng thọ Tam Quy. Đây là nhân duyên bất đồng. Phàm là các pháp sanh bởi nhân duyên thì chẳng chân thật!

Nói xong bộ kinh này, đức Phật căn dặn, phó thác cho ai? Căn dặn, phó thác cho Hư Không Tạng. “Tạng” (藏) có nghĩa là “chứa đựng”. Chứa đựng gì vậy? Hư không! “Không” thì còn có gì nữa? “Không” là chẳng có. “Không” có nghĩa là mong chúng ta đều xóa sạch phiền não, tập khí, nghiệp chướng. Nhờ vào danh nghĩa ấy, chúng ta có thể lý giải. Nếu xóa sạch các ô nhiễm, ô uế, bản thủ, sẽ chỉ còn lại thanh tịnh. Thanh tịnh chính là công đức của Pháp Thân. Nay chúng ta đã nghe, mọi người cùng nhau học tập, đạt được lợi ích gì? Trong tâm mỗi người đều có điều thâm hoạch. Bộ kinh này kể từ lúc pháp sư Huyền Trang phiên dịch sang tiếng Hán, mãi cho đến hiện thời, không có ai giảng giải. Chúng tôi giảng là lần đầu tiên, có lẽ sẽ có sai lầm. Nếu có sai lầm, xin sám hối. Chúng ta cùng nhau học tập bộ kinh này, vẫn là rất khó khăn, mọi người đều phải phát tâm thì mới có thể viên mãn. Hôm nay kể như là đã hoàn thành rồi.

Bộ kinh này khơi gợi chúng ta, bảo cho chúng ta biết, tu hành nhất định phải đoạn Thập Ác, hành Thập Thiện; tối thiểu, chúng ta phải nên có tín tâm ấy. Sau đó, trong cuộc sống thường nhật, đừng nên bày ra bộ mặt dữ tợn với người khác, luôn có vẻ mặt tươi cười, hoan hỷ đối với người khác. Nếu người khác rất phiền não, họ thấy thái độ của ta rất tốt đẹp, ngọn lửa phiền não của họ sẽ hạ xuống. Giả sử đối với người ấy nổi nóng, kể cả đối đãi với con cái và bạn bè của chính mình. Người hiện thời, đối với cha mẹ của chính mình, thường có vẻ mặt đối với cha mẹ giống như vẻ mặt của tiểu hòa thượng đối với lão hòa thượng, luôn luôn chẳng vừa ý như vậy. Vẻ mặt ấy giống như ai đó có nhiều tiền mà chẳng cho kẻ đó, đôi bên chẳng thể trò chuyện được! Trong Phật giáo, [nếu hành xử như vậy], quý vị đã phạm giới. Phạm giới gì vậy? Mọi người biết không? Sân khê! Trong tâm luôn tạo một ấn tượng chẳng thanh tịnh cho người khác. Miệng thốt lời ác, nói thù dết, những điều này đều thuộc về Thập Ác nghiệp. Vì trong ý có sân tâm, khí sắc bên ngoài tự nhiên sẽ chẳng dễ coi. Đây là điều tất nhiên! Khi đó, bàn chuyện với người khác, ít khi bàn bạc thành công!

Đã học kinh Đại Tập Thập Luân, nhận biết ác luân là gì, thiện luân là gì, trong cuộc sống hằng ngày, [các nghiệp] nơi thân và miệng chiếm hết bảy điều, ý thức chỉ chiếm có ba. Đây là thiện hay ác ở ngay

trong cái tâm của quý vị. Chúng ta nghe xong, hãy nên đạt được những điều tốt đẹp như đã nói trong phần trước. Thập Luân của Phật và Thập Luân của đại Bồ Tát, chúng ta không đạt được, tối thiểu là chúng ta thọ Tam Quy. Chúng ta phải có sự nương tựa, dựa vào sức gia trì của Tam Bảo, khiến cho chúng ta chẳng tạo nghiệp Thập Ác, tận lực hành nghiệp Thập Thiện, giữ gìn chẳng mất thân người, gặp Phật, nghe pháp, thường gặp gỡ thiện tri thức, nghe pháp tu đạo.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thiện nam tử! Ngô kim trì thử Địa Tạng Thập Luân Đại Ký pháp môn, phó chúc nhữ thử. Nhữ đương thọ trì, quảng linh lưu bố. Nhược chư chúng sanh ư thử pháp môn, hữu năng độc tụng, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả, nhữ đương vị bĩ thử hộ thập pháp, linh ư trường dạ, lợi ích an lạc. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, vị bĩ thử hộ nhất thiết tài vị, linh vô tổn pháp. Nhị giả, vị bĩ thử hộ nhất thiết oán địch, linh bất xâm hại. Tam giả, vị bĩ thử hộ, linh xả nhất thiết tà kiến, tà quy, thập ác nghiệp đạo. Tứ giả, vị bĩ thử hộ, linh miễn nhất thiết thân ngữ trích phạt. Ngũ giả, vị bĩ thử hộ, giá đoạn nhất thiết báng hủy, khinh lộng. Lục giả, vị bĩ thử hộ, linh ư nhất thiết quĩ phạm, Thi La, giai đắc vô phạm. Thất giả, vị bĩ thử hộ, linh tất trừ diệt nhất thiết phi nhân, Tứ Đại quai phản, phi thời lão bệnh. Bát giả, vị bĩ thử hộ, bất tạo nhất thiết phi thời, phi lý, tai hoạnh, yếu một. Cửu giả, vị bĩ thử hộ, mạng dục chung thời, đắc kiến nhất thiết chư Phật sắc tượng. Thập giả, vị bĩ thử hộ, linh kỳ chung hậu, vãng sanh thiện thú, lợi ích an lạc. Thiện nam tử! Nhược chư hữu tình ư thử pháp môn, hữu năng độc tụng, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả, nhữ đương vị bĩ thử hộ thập pháp, linh ư trường dạ, lợi ích an lạc”. Thời, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Duy nhiên, Thế Tôn! Ngã đương thọ trì như thị pháp môn, quảng linh lưu bố. Nhược chư hữu tình ư thử pháp môn, hữu năng độc tụng, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả, ngã đương vị bĩ thử hộ thập pháp, linh ư trường dạ, lợi ích an lạc”. Thời, Bạc Già Phạm thuyết thị kinh dĩ, ư chúng hội trung, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Hảo Nghi Vân Bồ Tát Ma Ha Tát, Thiên Tạng Đại Phạm đẳng, cập chư thiên long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục, A Tố Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc

Già, nhân phi nhân đấng, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

(經)爾時，世尊告虛空藏菩薩摩訶薩言：「善男子！吾今持此地藏十輪大記法門，付囑汝手。汝當受持廣令流佈。若諸眾生，於此法門，有能讀誦，思惟其義，為他解說，住正行者，汝當為彼守護十法，令於長夜利益安樂。何等為十？一者、為彼守護一切財位，令無損乏。二者、為彼守護一切怨敵，令不侵害。三者、為彼守護，令舍一切邪見、邪歸、十惡業道。四者、為彼守護，令免一切身語謫罰。五者、為彼守護，遮斷一切謗毀輕弄。六者、為彼守護，令於一切軌範、尸羅皆得無犯。七者、為彼守護，令悉除滅一切非人、四大乖反、非時老病。八者、為彼守護，不遭一切非時非理災橫夭歿。九者、為彼守護，命欲終時，得見一切諸佛色像。十者、為彼守護，令其終後，往生善趣，利益安樂。善男子！若諸有情，於此法門，有能讀誦，思惟其義，為他解說，住正行者，汝當為彼勤加守護如是十法，令於長夜，利益安樂」。時，虛空藏菩薩摩訶薩白佛言：「唯然，世尊！我當受持如是法門，廣令流佈。若諸有情，於此法門，有能讀誦，思惟其義，為他解說，住正行者，我當為彼守護十法，令於長夜，利益安樂」。時，薄伽梵說是經已，於眾會中，虛空藏菩薩摩訶薩、地藏菩薩摩訶薩、金剛藏菩薩摩訶薩、好疑問菩薩摩訶薩，天藏大梵等，及諸天、龍、藥叉、健達縛、阿素

洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽、人非人等，一切大眾，聞佛所說，皆大歡喜，信受奉行。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Này thiện nam tử! Ta nay đem pháp môn Địa Tạng Thập Luân Đại Ký này phó chúc vào tay ông. Ông hãy nên thọ trì, lưu truyền rộng rãi. Nếu các chúng sanh đối với pháp môn này mà có thể đọc tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh, ông hãy nên vì người đó thủ hộ mười pháp, khiến cho người đó lợi ích, an lạc trong đêm dài. Những gì là mười? Một là vì người ấy thủ hộ hết thầy của cải, địa vị, chẳng để cho hao tổn, thiếu thốn. Hai là vì người ấy thủ hộ chẳng để cho hết thầy oán địch xâm hại. Ba là vì người ấy thủ hộ, khiến cho bỏ hết thầy tà kiến, tà quy, thập ác nghiệp đạo. Bốn là vì người ấy thủ hộ, khiến cho tránh khỏi hết thầy sự trừng phạt nơi thân và lời nói. Năm là vì người ấy thủ hộ, ngăn che, đoạn trừ hết thầy báng hủy, khinh mạn, trào lộng. Sáu là vì người ấy thủ hộ, khiến cho hết thầy khuôn phép và Thi La đều chẳng trái phạm. Bảy là vì người ấy thủ hộ, khiến cho các thứ già bệnh trái thời do phi nhân hay Tứ Đại chẳng điều hòa gây ra đều bị trừ diệt. Tám là vì người ấy thủ hộ, chẳng gặp hết thầy các tai nạn bất ngờ trái thời, phi lý, và chết yểu. Chín là vì người ấy thủ hộ, khiến cho khi mạng sắp hết, được thấy hình tướng của hết thầy chư Phật. Mười là vì người ấy thủ hộ, khiến cho sau khi mạng chung, được sanh về đường lành, lợi ích an lạc. Này thiện nam tử! Nếu các hữu tình đối với pháp môn này, có thể đọc tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh, ông hãy nên vì người ấy càng thêm siêng năng thủ hộ mười pháp như thế, khiến cho được lợi ích an lạc trong đêm dài”. Khi đó, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch với đức Phật rằng: “Kính vâng đức Thế Tôn! Con sẽ thọ trì pháp môn như thế này, lưu truyền rộng rãi. Nếu các hữu tình đối với pháp môn này, có thể đọc, tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh, con sẽ vì người ấy thủ hộ mười pháp, khiến cho được lợi ích và an lạc trong đêm dài”. Khi đó, đức Bạc Già Phạm nói kinh này xong, trong chúng hội, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát Ma Ha Tát, Thiên Tạng Đại Phạm v.v... và các trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước, A Tố Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hồ Lạc Già, nhân phi

nhân v.v... hết thầy đại chúng nghe lời đức Phật dạy, đều hoan hỷ to lớn, tin nhận, vâng làm).

“Thiện nam tử! Ngô kim trì thủ Địa Tạng Thập Luân Đại Ký pháp môn, phó chúc nhữ thủ” (Này thiện nam tử! Ta nay đem pháp môn Địa Tạng Thập Luân Đại Ký phó chúc vào tay ông): Ta nay dặn dò, giao phó ông một chuyện: “Chúc” (囑) là căn dặn, phó thác; “luy” (累) làm phiền ông, giao cho ông gánh vác. Gánh vác điều gì? Ông hãy “quảng linh lưu bố” (lưu truyền rộng rãi) bộ kinh này, khiến cho hết thầy chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích nơi pháp môn này. Phải làm như thế nào thì mới được lợi lạc? Đức Phật chẳng yêu cầu rất cao. Nếu yêu cầu cao, đức Phật biết chúng sanh thời Mạt Pháp chẳng làm được! Đọc tụng là được rồi. Có thể đọc, xem, nghe, đồng thời phải tư duy các đạo lý được nói trong bộ kinh này. Không chỉ tự mình hiểu rõ, mà sau đây còn phải giải nói cho người khác, khiến cho hành vi của họ đốn chánh. Quý vị đồng thời phải tu Huệ, tu Định, hoàn toàn chẳng phải tu Thập Thiện Nghiệp là đủ rồi. Đó là pháp dành cho nhân thiên, còn phải tu Định. Muốn thành thánh nhân thì phải tu Giới, Định, Huệ.

Giả sử chẳng có ai có thể đọc tụng, tư duy đạo lý này, như thế thì Hư Không Tạng Bồ Tát phải chịu trách nhiệm thủ hộ họ. Thủ hộ gì vậy? Đức Phật nói mười pháp khiến cho Hư Không Tạng Bồ Tát thủ hộ người có thể đọc, tụng, tư duy đạo lý trong bộ kinh này, khiến cho họ có thể được an lạc, vui sướng trong đêm dài, có thể đạt được chỗ tốt đẹp. Lợi ích chính là chỗ tốt đẹp. Chỗ tốt đẹp gì vậy? Khiến cho người ấy vui sướng trong đêm dài. Đêm dài tương đương với hắc ám. Suốt một đời này, quý vị luôn ở trong hắc ám. Đó là nói thế giới Sa Bà giống như hắc ám, chẳng có quang minh, dường như vĩnh viễn ở trong hắc ám. Khiến cho họ đạt được chỗ tốt đẹp, được an lạc, được quang minh, đạt được lợi ích, cũng tức là chẳng có chuyện phiền não, nói chung là vui vẻ, sung sướng.

Những gì là mười? “Nhất giả, vị bỉ thủ hộ nhất thiết tài vị, linh vô tổn pháp” (Một là thủ hộ hết thầy tài vật, địa vị, khiến cho chẳng bị tổn hại, thiếu thốn): Nếu có người đọc tụng bộ kinh này, tư duy đạo lý trong bộ kinh này, ông phải nên thủ hộ người ấy, khiến cho người ấy chẳng bị tổn thất tài sản. Đức Phật biết chúng sanh tham tài, coi tiền là bạc nhất. [Do vậy] điều thứ nhất là bảo vệ tiền tài của họ, sao cho chẳng bị tổn thất. Mặt khác là khiến cho người đó khi đã có thâm nhập, đã đạt được,

sẽ chẳng bị tổn thất. Tiền tài chưa đạt được thì làm thế nào để đạt được? [Câu kinh trên đây] chứa đựng ý nghĩa này. Tiền tài bị tổn thất vì nó là của chung năm nhà, tức quốc gia tịch thân, kẻ trộm ăn cắp mất, bị lửa đốt. Như thế thì bị giặc cướp đoạt, lửa đốt, bị người khác cướp đoạt, hoặc là quốc vương tịch thân, nước nhấn chìm, các thứ ấy còn có thể ngăn ngừa. Vì trong nhiều đời bao kiếp quá khứ, quý vị đã mắc nợ kẻ khác, họ đến đòi nợ quý vị, [sinh làm] con cháu bất hiếu phá sạch gia sản của quý vị. Rất nhiều đế vương, quan lại cao cấp chẳng quá ba đời đã tiêu sạch tài sản. Có phước đức thì thực hiện tốt đẹp, sẽ có thể gìn giữ rất lâu!

Mọi người đọc những câu chuyện trong Địa Tạng Bồ Tát Cảm Ứng Lục, trong ấy có chép khi con cháu bất hiếu cướp đoạt tài sản của [cha mẹ, ông bà], chuyển thành [tài sản] của con cháu. Sau đó, chẳng hiếu kính đối với họ, vẫn là ngỗ nghịch. Đó là đến đòi nợ, đến báo oán. Một cặp vợ chồng già, có tám đứa con, chẳng có đứa nào hiếu thuận. Sau đó, họ thỉnh tượng Địa Tạng, thờ phụng Địa Tạng Bồ Tát, suốt ngày từ sáng đến tối thắp hương, lễ bái. Chẳng lễ bái thì còn đỡ, vừa lễ bái, cả tám đứa con lần lượt chết sạch. Đến Tết, cặp vợ chồng già ấy than oán với Địa Tạng Bồ Tát, cầu nhàu: “Địa Tạng Vương Bồ Tát ơi! Khi chúng con chưa thờ phụng Ngài, tuy chúng nó ngỗ nghịch như thế nào đi nữa, vẫn còn có đứa chường tai gai mắt. Nay chúng nó chết ráo cả rồi, Tết đến chỉ còn hai đứa già chúng con!” Cầu nguyện xong, chập tối hôm Mười Ba, chư thần hạ giới. Địa Tạng Vương Bồ Tát đương nhiên là có thần thông, liền báo mộng cho cả hai người bọn họ: “Sáng mai các vị đến bên sông, có thể thấy được tám đứa con ấy”. Cụ già nằm mộng, buổi sáng thức dậy. Cụ ông còn chưa nói, cụ bà đã bảo: “Hôm qua tôi nằm mộng, mơ thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát báo mộng, bảo: Sáng nay chúng ta có thể đến bên sông để trông thấy tám đứa con”. Cụ ông nói: “Tôi cũng mơ thấy như vậy. Được rồi, hai đứa mình phải đi xem thử”. Hai người đến bên sông nhìn, trông thấy trong nước, tám đứa con lần lượt hóa hiện, đều là oan gia trong quá khứ. Hai người bọn họ sờ dĩ phát tài là do hại kẻ khác, hoặc cướp đoạt, hoặc dùng thủ đoạn bóc lột tài sản của kẻ khác. Họ vừa nhìn thấy bèn choáng váng. Sau khi trở về, chẳng dám oán hận, lại đối trước Địa Tạng Bồ Tát cầu sám hối. Buổi tối, lại được Địa Tạng Bồ Tát thác mộng dạy bảo: “Tặng quý vị đứa con. Thọ mạng của hai người sẽ rất dài, vì hai vị là hộ pháp của ta, là thí chủ của ta, ta sẽ gia trì quý vị”. Hai người tỉnh giấc, suy tưởng: “Có thể có chuyện này hay không? Bà cụ này già quá rồi, còn sanh con sao nổi? Đó là chuyện

chẳng thể xảy ra trong nhân gian!” Nhưng kể từ sau khi nằm mộng, bà cụ liền mang thai, tuổi đã già mà sanh một đứa con. Hai người họ sống đến chín mươi mấy tuổi, gần một trăm tuổi, còn được đứa con lo liệu cho hai cụ đến chết. Trong Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục có câu chuyện ấy.

“Nhị giả, vị bỉ thủ hộ nhất thiết oán địch, linh bất xâm hại” (Hai là vì người ấy thủ hộ, khiến cho hết thảy oán địch chẳng xâm hại): Chuyện này rất khó! Kẻ oán địch chuyển sanh làm con cháu, chuyển làm con cái của chính quý vị. Quý vị càng yêu thương nó, nó càng hại quý vị, là như thế đó. Do quý vị chẳng thể giải quyết được khúc mắc này, giải quyết như thế nào? Quý vị khuyên nó tin Phật, chính mình hằng ngày bái sám. Nó càng không nghe lời, quý vị đối với nó càng tốt. Hơn nữa, quý vị còn phải sám hối, ta rất có lỗi với nó, nó đến đòi nợ, ta không thể chấp nhất với nó được. Quý vị hóa giải như thế đó. Nếu đứa con cũng rất tốt, chẳng phải là quý vị nợ nó, mà là nó nợ quý vị, vậy là rất tốt. Nhưng đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát: Nếu có kẻ đọc tụng kinh Thập Luân, xem kinh Thập Luân, học tập nghĩa lý của kinh Thập Luân, điều thứ nhất là thủ hộ tài vật của người đó. Điều thứ hai là thủ hộ, chẳng cho oán địch xâm hại kẻ đó. Điều thứ ba là giữ gìn, khiến cho người ấy chẳng có tà kiến, tà quy y, quy y mười ác đạo. Ông phải thủ hộ, đừng để người ấy đọa vào mười ác đạo. Nếu người ấy tà kiến, tà quy, sẽ đọa vào mười ác đạo, đọa vào địa ngục Ngũ Vô Gian. Do vậy, trước khi người ấy phát tác, phải chú trọng thủ hộ trước, khiến cho người ấy chẳng đọa lạc vào đó.

“Tứ giả, vị bỉ thủ hộ, linh miễn nhất thiết thân ngữ trích phạt” (Bốn là thủ hộ khiến cho người ấy tránh khỏi hết thảy trích phạt nơi thân và ngữ): Hoặc là thân thể bị trừng phạt, hoặc kẻ khác dùng lời lẽ trách phạt người ấy, hoặc dùng đủ loại hình cụ để trừng phạt thân thể người ấy. Ông phải thủ hộ kỹ càng, đừng để người ấy hứng chịu các sự trừng phạt ấy.

“Ngũ giả, vị bỉ thủ hộ, giá đoạn nhất thiết báng hủy, khinh lộng” (Năm là vì người ấy thủ hộ ngăn che, dứt trừ hết thảy báng hủy, khinh miệt, trào lộng): Đây là hai phương diện. Một mặt là kẻ khác chẳng hủy báng, chẳng khinh miệt, trào lộng người đó, đem người đó ra đùa bỡn. Hai là chính người đó chẳng phạm sai lầm ấy, chẳng hủy báng kẻ khác, chẳng hủy báng Tam Bảo, chẳng hủy báng danh dự của kẻ khác. Đó là hai phương diện. Đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát, ông phải

thủ hộ, khiến cho chính người ấy cũng chẳng phạm lỗi, mà cũng chẳng bị hững chịu quả báo loại này.

“*Lục giả, vị bỉ thủ hộ, linh u nhất thiết quỹ phạm, Thi La, giai đắc vô phạm*” (Sáu là thủ hộ người ấy khiến cho hết thảy khuôn phép và Thi La đều chẳng phạm): Nếu người ấy là hàng xuất gia, hoặc là tứ chúng đệ tử, Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, Sa Di, Sa Di Ni giới, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, hết thảy luật nghi, Thi La là giới, “*quỹ phạm*” (軌範) là quy củ. Bất luận là quy củ hay giới luật đều chẳng trái phạm.

“*Thất giả, vị bỉ thủ hộ, linh tất trừ diệt nhất thiết phi nhân, Tứ Đại quai phản, phi thời lão bệnh*” (Bảy là vì người ấy thủ hộ, khiến cho hết thảy các thứ già bệnh trái thời do phi nhân và Tứ Đại chẳng điều hòa gây ra): Thủ hộ khiến cho người ấy chẳng bị phi nhân nào hại, cũng tức là quý thân [não hại]. Quý thân nào hại khiến cho Tứ Đại của người ấy chẳng điều hòa. “*Phản*” (反) là chẳng bình thường, không đáng già mà già khọm. Không nên bệnh mà bị bệnh. “*Phi thời*” (非時) là còn chưa tới lúc thọ mạng chấm dứt, đó gọi là “*hoạnh tử*” (橫死, chết đột ngột). Vốn có thể sanh trưởng bình thường, nhưng do mắc bệnh, tức là bị phi nhân nhiều hại. Đặc biệt là trẻ nhỏ, rất dễ bị bệnh kinh phong. Đó là quý thân nào hại, tổn giảm thọ mạng của nó. Già bệnh “*phi thời*” là chưa đến lúc già đã già khọm, chưa đến lúc bệnh mà đã bệnh tật. Người đó mới bốn mươi tuổi, mà lưng đã còng, chân cũng lết đi chẳng nổi, đều liên quan đến phi thời nào hại. Đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát phải thủ hộ họ, khiến cho họ bình an, khỏe mạnh, cát tường.

“*Bát giả, vị bỉ thủ hộ bất tao nhất thiết phi thời, phi lý tai hoạnh, yếu một*” (Tám là thủ hộ để người ấy chẳng gặp hết thảy tai ương ngang trái và chết yếu chẳng đúng lúc, vô lý): Chuyện này nói rất rõ ràng. Chuyện chẳng hợp đạo lý, tức là tai họa tự nhiên, đơn giản nhất là tai nạn xe cộ. Khi chúng tôi ngừng chân ở Hương Cảng, chỉ trong vòng hai ngày, đã trông thấy một tai nạn. Họ thi công ở phía trên, phía dưới có đường đi, còn bắc ván [cho thợ nề đứng]. Phía trên rơi xuống vật gì đó, khiến cho tấm ván sút ra, đập trúng sọ người [đi bộ] dưới đó. Nếu người ấy đi chậm một chút, sẽ chẳng bị rơi trúng, đi nhanh một chút cũng vượt qua. Người ấy chẳng nhanh, chẳng chậm, vừa khéo! Mỗi tai nạn xe cộ đều là như vậy. Đấy đều là các tai nạn ngang xương, chết yếu phi lý. Kinh Dược Sư nói chín loại hoạnh tử (chết ngang trái) là do ý nghĩa này. Đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát: Phạm là ai đọc kinh Thập

Luân, ông đều phải thủ hộ người ấy, khiến cho người ấy chẳng gặp phải tai nạn kiêu này!

“*Cửu giả, vị bỉ thủ hộ, mạng dục chung thời, đắc kiến nhất thiết chư Phật sắc tượng*” (Chín là vì người ấy thủ hộ, khiến cho khi mạng chung, được thấy hình tướng của hết thầy chư Phật): Điều này rất khó, hoàn toàn chẳng phải là ai khi chết cũng đều có thể thấy hình tượng Phật. [Khi lâm chung], nghe có người khuyên quý vị niệm Phật, chuyện này rất khó xảy ra. Đặc biệt là trong hiện tại càng không thể. Hễ có bệnh, sẽ đưa vào bệnh viện. Đặc biệt là kiêu dân sống tại Mỹ. Đưa vào bệnh viện, bệnh viện không cho phép tiến hành các nghi thức tôn giáo, quý vị có thể khuyên người ấy niệm Phật hay không? Đưa cho người ấy một máy niệm Phật, bệnh viện sẽ nói quý vị quấy rầy người khác, lấy đi, căn bản là chẳng cho phép quý vị [sử dụng]. Quý vị đem bệnh nhân về, không được. Đưa vô đó, chẳng thể đưa ra. Làm thế nào đây? Quý vị phải dặn rõ mọi chuyện trước: Chỉ cần khi quý vị có bệnh, đừng đưa vô bệnh viện! Gặp phải tình huống ấy, quý vị mong thấy tượng Phật, cũng chẳng trông thấy. Chúng ta có thể đọc kinh Đại Tập Thập Luân, Hư Không Tạng Bồ Tát sẽ thủ hộ. Không chỉ trông thấy tượng Phật, mà còn có người đến trợ niệm, đến trước mặt quý vị niệm Phật, thấy hình tượng đức Địa Tạng, thấy hình tượng Phật, thấy hình tượng Quán Âm Bồ Tát. Hễ trông thấy, quý vị bèn sanh khởi cái tâm hướng về, nghiệp chướng sẽ tiêu mất. Do vậy, đức Phật dặn dò Hư Không Tạng Bồ Tát thủ hộ người đọc tụng kinh Thập Luân, khiến cho người ấy vào lúc lâm chung có thể trông thấy hình tượng của chư Phật.

“*Thập giả, vị bỉ thủ hộ, linh kỳ chung hậu, vãng sanh thiện thú, lợi ích an lạc*” (Mười là vì người ấy thủ hộ, khiến cho sau khi mạng chung, sẽ sanh vào đường lành, lợi ích, an lạc): Điều này rất khó! Do vậy, đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát. Phàm là người đọc kinh Thập Luân, giống như mọi người [đang hiện diện trong hội giảng kinh, hay đọc bài giảng này, hoặc chỉ đọc kinh này] đều có tư cách này. Phàm là đã nghe kinh Thập Luân, dầu chẳng nghe toàn bộ, chỉ nghe một câu, vẫn tính. Một câu, một kệ được nói trong kinh này, “*nhất cú*” là một câu, câu khấn yếu nhất là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Nếu được nghe bốn câu, nghe nhiều hơn càng tốt, quý vị nhất định được sanh vào đường lành, chẳng đọa vào trong tam ác đạo, khiến cho quý vị được lợi ích, an lạc.

“*Thiện nam tử! Nhược chư hữu tình ư thủ pháp môn, hữu năng đọc tụng, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả*” (Này

thiện nam tử! Nếu có các hữu tình đối với pháp môn này mà có thể đọc, tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh): “*Chánh hạnh*” chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo đã được nói trong phần trước. Có thể trụ trong Thập Thiện nghiệp. “*Nhữ đương vị bỉ căn gia thủ hộ như thị thập pháp*” (Ông hãy nên vì người ấy càng siêng năng thủ hộ mười pháp như thế): Đức Phật dặn dò mười pháp ấy lần nữa; ông phải chú ý, nhất định phải thủ hộ, chớ nên thiếu sót. “*Linh u trường dạ, lợi ích an lạc*” (Khiến cho họ được lợi ích, yên vui trong đêm dài): Vĩnh viễn đạt được lợi ích. “*Thời, Hư Không Tạng Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Dụ nhiên, Thế Tôn!*” [nghĩa là] đúng như thế, bạch đức Thế Tôn, con nghe lời Ngài căn dặn. “*Ngã đương thọ trì như thị pháp môn, quảng linh lưu bố*” (Con sẽ thọ trì pháp môn như thế, lưu truyền rộng rãi): Chúng sanh phải được nghe pháp môn này thì mới có thể hữu duyên với Ngài. Nếu ai chẳng nghe pháp môn này, mà cũng chẳng đọc, chẳng tụng, Ngài sẽ chẳng thể bảo vệ người ấy được. Làm thế nào đây? Chính mình phải nên thọ trì pháp môn này, truyền bá rộng rãi pháp môn này, khiến cho hết thảy hữu tình đều có thể biết pháp môn này.

Giả sử các hữu tình đối với pháp môn này có thể “*độc tụng, tư duy kỳ nghĩa*” (đọc, tụng, tư duy ý nghĩa), “*vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả*” (vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh), con sẽ nhất định vì người ấy thủ hộ mười pháp ấy, “*linh u trường dạ lợi ích, an lạc*” (khiến cho được lợi ích, an lạc trong đêm dài).

“*Thời, Bạc Già Phạm thuyết thị kinh dĩ, u chúng hội trung, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát Ma Ha Tát, Thiên Tạng Đại Phạm đẳng*” (Lúc đức Bạc Già Phạm nói kinh này xong, trong chúng hội, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát Ma Ha Tát, Thiên Tạng Đại Phạm v.v...) Đây là các vị đương cơ thỉnh pháp trong kinh Thập Luân, cho đến “*thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phược, A Tố Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân đẳng, nhất thiết đại chúng văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ, phụng hành*” (trời, rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... hết thảy đại chúng nghe đức Phật nói đều hoan hỷ to lớn, tin nhận, làm theo): Kinh Đại Tập Thập Luân đến đây là viên mãn.

Nay chúng tôi lại nói lần nữa về một phương tiện gọi là Xuất Nhập Tức Quán. Đức Phật khai thị cho chúng ta một phương tiện gọi là

Xuất Nhập Tức Quán. Xuất Nhập Tức Quán (出入息觀) là quán hơi thở ra vào, chú ý sự hô hấp của quý vị, thở ra và hít vào. Quán (觀) là chú ý, [Số Tức Quán là] chú ý hơi thở ra vào. “*Xuất nhập tức*” có nghĩa là gì? Chính là tu tập “*trì lai khứ niệm*” (持來去念, nắm giữ ý niệm đến đi). “Ý niệm đến” là nhập (hít vào), “ý niệm đi” là thở ra. Hít vào là Nhập, thở ra là Xuất. Tu trì lai khứ niệm có thể đạt tới Tùy Thuận Không Nhẫn, Tùy Thuận Vô Tướng Nhẫn, Tùy Thuận Vô Nguyên Nhẫn, có thể chứng đắc ba môn giải thoát. Nói cách khác, có thể giải thoát! Niệm như thế nào? Quan sát hơi thở ra vào như thế nào? Có sáu loại trình tự, thở ra một hơi, hít vào một hơi thì gọi là “*hô hấp*”. Giữa hai hơi hít vào thở ra ấy, đếm là một. Nếu quý vị đếm như thế, từ một đến mười; cứ một lần thở ra hít vào, lại đếm [một số]. Sau đó lại thở ra hít vào, lại đếm là một lần thở ra hít vào, đếm cho đến mười. Sau đó, lại đếm từ đầu, lại là một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười. Đếm xong, lại đếm từ đầu, đếm xong [mười lần thứ hai], lại đếm [từ đầu từ một đến mười lần thứ ba, cứ như thế].

Đây là tu Định, quý vị cứ thử xem. Quý vị hãy đếm liền lộn số. Vốn là đếm hơi hít vào, hoặc vốn đếm hơi thở ra, quý vị lại đếm đảo ngược, [tức là] vốn đếm hơi hít vào, quý vị lại đếm hơi thở ra. Quý vị chọn lựa như thế nào cũng được, đếm hơi thở ra cũng được [nhưng phải thống nhất]. Miễn sao cứ một hơi thở ra hít vào thì đếm là một, mười lượt thở ra hít vào đếm tới mười. Đếm đủ mười lượt như vậy, quý vị phải lắng lòng để đếm, phải chuyên chú. Hãy thử xem, ắt cần phải đắc Định, dốc hết sức chuyên chú. Chúng ta đều nói “*niệm Phật chuyên chú một cảnh*”, thế mà niệm nào vọng tưởng cũng dấy lên. Quý vị đếm hơi thở ra vào, tức là quý vị hít vào nơi tâm. Hễ sơ ý thì lại đếm sai. Đối với con số mười ấy, hiện thời, quý vị luôn đếm số chẳng thành, hãy thuận theo sự hít thở, thuận theo sự thở ra hít vào để đếm. Khi thâm nhập tới mức nhất định, sẽ có thể chẳng cần đếm số, sẽ cảm thấy đếm số quá thô. Thoạt đầu dụng công, đếm số cảm thấy tự nhiên, không cần phải tác ý, tự nhiên nương theo hơi thở ra vào, ý niệm chẳng chạy loạn, chuyên chú nơi một cảnh. Ý niệm chẳng chạy loạn, ngay ý niệm “*tùy thuận theo ý niệm*” cũng chẳng có. Đã chẳng có niệm thì là Chỉ, Chỉ là Định. Khi đã định, hơi thở ra vào cực vi tế, quý vị chẳng thể cảm thấy. Phép Quán này bất đồng, phép Quán này là tư duy, giác chiếu. Khi đã chiếu, sẽ chuyển ý niệm theo hơi thở, chuyển thành thanh tịnh, chẳng còn nữa. Trong khi đang tu Định, có các loại hiện tượng. Định có thể sanh ra Huệ, sẽ phát

quang minh. Hễ Định phát ra quang minh, quý vị đối với thân thể của chính mình, ngũ tạng, lục phủ, hết thấy mạch chuyển, kinh lạc xoay quanh, tóc mọc, quý vị đều có thể biết. Ngay cả tóc mọc dài ra, quý vị cũng đều nhận biết, thấy rất rõ ràng. Quán là quán như thế. Quý vị chẳng cần tác ý quán mà tự nhiên bèn quán.

Quán năm thứ nghiệp bất tịnh, quý vị sẽ sanh khởi tâm chán lìa, quán thấy thân thể của chính mình bất tịnh, quán cảnh giới bên ngoài cũng sanh bất tịnh. “Chuyển” là trở về với tịnh. “Tịnh” là gì? “Không” nghĩa. Đã thanh tịnh, quán thanh tịnh. Trước hết, chúng tôi nói đại khái về điều này; sau đó, lại nói theo Lục Diệu Môn của Trí Giả đại sư. Trí Giả đại sư không nói là Chuyển, Ngài nói là Hoàn, cũng là quán hơi thở ra vào. Lục Diệu Môn là căn cứ theo các kinh luận mà soạn, các kinh đều có phương pháp này. Bất quá trong các kinh khác, không rõ ràng như vậy. Kinh Đại Tập Thập Luân đã nói hết sức rõ ràng!

Trước tiên là nói về Số (數). Đối với Số, mọi người xem kinh văn, có hai loại Tác Ý. Khi đếm số trong phép Số, có thể dấy lên hai loại ý ấy. “*Năng y phục chư tâm tứ*” (Có thể nương cậy [vào tướng hơi thở ra vào] để chế phục các tâm, tứ): Các ý niệm chúng ta suy nghĩ thường là tâm tứ. [Tâm (尋) là tìm cầu sự vật nơi tướng thô], “Tứ” (伺) là dò xét [nơi tướng tế], tức là dấy vọng niệm. Chúng ta dùng điều gì để có thể ngưng dứt vọng niệm? Dựa theo tướng hơi thở ra vào. Thở ra là Hô (呼), Hô là thoát ra. Hấp (吸) là hít vào. Khi hít vào, xem tướng trạng của nó, chú ý nó. Khi quý vị chú ý, [sẽ nhận thấy] hơi thở rất thô. Khi quý vị mới ngồi xuống, hơi thở ra vào rất thô, quý vị có thể cảm nhận được, cũng có thể thấy hơi thở ra như thế. Cứ tiếp tục quán tướng hơi thở ra vào ấy, nó sẽ vi tế dần, có thể xả tướng hơi thở ra vào ấy. Thuận theo tướng hơi thở ấy, sẽ dần dần có thể xả. Xả gì vậy? Xả các tâm tứ ấy, chẳng còn tâm tứ (tìm cầu, suy xét thô tướng lẫn tế tướng của các sự vật). “Phục” (伏) là “lìa”, có thể rời lìa vọng niệm.

“*Thiện thủ nhập xuất tức tướng*” (Khéo giữ lấy tướng hơi thở ra vào): Được gọi là “*thiện thủ*” (善取, khéo giữ lấy) nghĩa là “*không giữ lấy*”. “*Thiện thủ*” là chẳng lấy hay bỏ. Khi đó, hơi thở ra vào rất tự nhiên, hơi thở ra vào rất vi tế. Nếu đã đạt tới mức vi tế, thứ nhất là có thể xả, thứ hai là khéo giữ lấy tướng hơi thở ra vào. “*Nhập tướng hơi thở ra vào*” tức là thuận theo hơi thở ra vào, tự mình vận động, tức là thuận theo ý niệm của quý vị, cũng là chuyên chú một cảnh, tâm tuyệt đối

chẳng tán loạn. Đối với Sở Túc Quán, tứ giáo hay ngũ giáo đều dạy về Sở Túc Quán.

Đối với Sở Túc Quán thì tứ giáo hay ngũ giáo đều nói đến Sở Túc Quán. Đếm hơi thở ra vào thì gọi là Sở Túc, Túc (息) là “*xuất nhập tức*” (hơi thở ra vào). Nói chung, sáu môn ấy đều gọi là Sở Túc Quán. Chỉ (止) là diệt tướng “*xuất nhập tức*”, chẳng còn nữa. Người ấy có thể diệt trừ tướng thị hiện xuất nhập tức. Đã diệt xong thì là Định, có thể trụ trong thắng tam-ma-địa, [tức tam-ma-địa] rất thù thắng. Người ấy hể trụ trong Định, sẽ hết sức vui sướng, lìa khỏi tướng sanh diệt. Định có tên gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, [hàm ý] “lìa khỏi sanh diệt, trong tâm cảm thấy hết sức hoan hỷ”. Khi quý vị quan sát sẽ biết, có thể cảm nhận hơi thở ra vào đã diệt, chẳng có hơi thở ra vào. Loại công phu này chẳng phải một hai ngày mà có thể đạt được. Trong khi quý vị tu tập, căn cơ bình thường, người có thiện căn tốt, hầu như là khoảng một trăm ngày có thể dần dần nhập Định. Nhập Định thì Sở Túc Diệt. Khi đó, chính mình có thể quán cảnh. Cái tâm quán chiếu và cảnh được quán, tâm và cảnh chỉ là một. Đã quán chiếu điều này, quán chiếu điều kia, xem kinh văn, khi ấy mới có thể an trụ cái tâm, tâm và cảnh chẳng có sai khác. Chuyện là tiến cao hơn bước nữa. Chuyện có nghĩa là Hoàn.

“*Năng phương tiện xả chư Thủ Uẩn*” (Có thể phương tiện xả các Thủ Uẩn): Ngũ Thủ Uẩn: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp là sáu trần. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu căn. [Căn và Trần] giữ lấy Ngũ Thủ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thức ấy phân biệt hết thấy các sắc tướng bên ngoài, đó gọi là Ngũ Thủ Uẩn. Trong khi ấy, người đó có thể phương tiện thiện xảo xả Ngũ Uẩn. “*Xả*” chẳng phải là rốt ráo xả! Rốt ráo xả là như Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến Ngũ Uẩn đều Không, người ấy đã dần dần đạt tới nghĩa Không. Lúc ấy có thể thành thánh, tiến nhập thánh địa, đạt được thành tựu. Sự thành tựu ấy còn chưa đoạn phiền não, chỉ là hàng phục. Đợi cho tới khi đã tịnh rồi thì mới có thể đoạn phiền não, đoạn hết Kết Sử. Cho tới khi đoạn Kiến Hoặc, người ấy sẽ chứng Sơ Quả, dần dần mới đoạn Tư Hoặc. Đoạn mấy phẩm liền chứng Sơ Quả, dần dần mới đoạn Tư Hoặc. Đoạn mấy phẩm, bèn chứng mấy phẩm. Tư Hoặc đều đoạn hết, sẽ là quả A La Hán. Lại đoạn tập khí phiền não, tùy theo sự dụng công tu tập của quý vị. Đó gọi là tu tập Nhập Xuất Túc Quán, sẽ có thể tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Kể đó, nói về cách quán Ngũ Thủ Uẩn. Hơi thở ra vào nương vào đâu? Nương vào Sắc Thủ Uẩn. Sắc thân là sắc tướng, đó là Sắc Thủ Uẩn. Đối với hơi thở ra vào như thế, người ấy “*tạo tác*” hơi thở ra vào, hơi thở ra vào chính là tạo tác. Tạo tác gì vậy? Quý vị có thở ra hít vào thì mới có thể hô hấp, có hô hấp thì mới duy trì cái thân của quý vị được! Hơi thở ra vào ấy, hít vào thở ra, rồi lại hít vào thở ra, quý vị sẽ cảm nhận, lãnh thọ. Nếu chỉ thở ra, chẳng hít vào, quý vị sẽ chẳng thoải mái. Quý vị sẽ cảm nhận được sự lãnh nạp ấy, “*thọ*” (受) có nghĩa là “*lãnh nạp*”, tức thuộc về Thọ Uẩn. Đối với hơi thở ra vào, qua lại, quý vị giữ lấy tướng của nó, tướng thở ra, tướng hít vào, quán chiếu tướng thở ra hít vào, điều này thuộc về Tướng. Tướng Thủ Uẩn có thể liễu đạt nhận biết các hình tướng tạo tác bởi hơi thở ra hít vào. Liễu đạt, nhận biết chính là Thức Thủ Uẩn. Do năm Thủ Uẩn tức Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức, bèn tu hành Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tịnh, khiến cho quý vị nhập Định, có thể ngưng dứt ba nghiệp thân, miệng, ý, nương theo quán lực mà có thể đạt tới mục đích. Đạt tới mục đích gì vậy? Nhập Định, từng bước thâm nhập Vô Minh, Ái, Thủ, tu hành từng bước một, dần dần có thể viên mãn.

Trong kinh này, Sở Tức Quán được nói rất đơn giản. Trong Lục Diệu Môn thuộc bộ Tiểu Chi Quán của Trí Giả đại sư, đã chia ra rất nhiều khoa. Lục Diệu Môn gồm sáu loại; ở đây, chúng tôi chỉ nói một loại trong ấy, vì Lục Diệu Môn là căn bản để tu Định. Bất luận Thanh Văn, Độc Giác, hay Bồ Tát, Lục Diệu Môn đều là con đường ắt phải trải qua. Khi tu đạo, nhất định phải trải qua, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng như thế. Thoạt đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật thực hành Bát Nhã Quán, nương theo sáu loại Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh này, hết thấy các hạnh môn đều do đây mà khai phát. Hàng ma, thành đạo, đức Phật thị hiện cho chúng ta một quy củ để tu tập tốt đẹp, đó là gì? Sắc Tịch tam-muội, Tâm Tịch tam-muội, [nghĩa là] hết thấy các sắc đều tịch tĩnh, đã đắc định, tâm cũng ngưng dứt. Khi ấy, sẽ đạt tới Nhất Tâm tam-muội, cũng là Niệm Phật tam-muội. Trong phần trước, tôi đã thuận theo kinh văn để giảng. Cách niệm của tôi là dùng phương pháp niệm Phật để tu Sở Tức Quán, hoàn toàn chẳng cần Sở (đếm số). Hàm nghĩa của Sở là “một hơi thở ra hít vào”. Tôi chia hơi thở ra thành hai phần, thở ra là chữ A, hít vào là Di, lại thở ra là Đà, hít vào là Phật. Chuyển như vậy, lần lượt chuyển vần, “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, thuận theo hơi thở ra vào mà chuyển như vậy.

Tôi dùng cách này để tu Định. Sau đó, tôi lại đổi thành niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, cũng là như vậy. Tôi không dùng đến con số, cũng chẳng phải đếm số từ một đến mười. Phương pháp tu hành của mọi người khác, tùy thuộc sự lựa chọn của quý vị. Số, Tùy, Chỉ đều có hàm nghĩa như vậy, cũng là sáu loại ấy. Sáu loại Số Pháp, tức là phương pháp đếm số. Lục Diệu Môn có tổng cộng mười pháp. Số Tức Quán là pháp thứ hai trong Lục Diệu Môn, được gọi là Thứ Đệ Tương Sanh Lục Diệu Môn (次第相生六妙門, sáu môn màu nhiệm lần lượt sanh ra nhau). Tôi đọc các danh từ ấy cho quý vị nghe đôi chút.

Thứ nhất là Lịch Biệt Đối Trụ Chư Thiên Lục Diệu Môn (歷別對住諸禪六妙門, sáu môn màu nhiệm lần lượt trụ vào các loại Thiên Định), hết thấy Thiên Định đều chẳng rời khỏi Lục Diệu Môn.

Loại thứ hai là Thứ Đệ Tương Sanh Lục Diệu Môn, [nghĩa là] theo thứ tự, sanh ra Số, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh. Hoàn trong Lục Diệu Môn có ý nghĩa giống như Chuyển, theo thứ tự mà sanh. Như vậy sau khi đã Số, sẽ sanh ra Tùy. Đã có Tùy, lại có thể sanh ra Chỉ. Đã Chỉ rồi bèn có thể sanh ra Quán. Từ Chỉ mà sanh Quán, từ Quán mà sanh ra Hoàn. Từ Hoàn mà có Tịnh. Điều thứ sáu là Tịnh, đây là Lục Diệu Môn sanh khởi theo thứ tự. Quý vị tu môn Thiên Định nào cũng đều có Lục Diệu Môn.

Thứ ba, Tùy Tiện Nghi Lục Diệu Môn (隨便宜六妙門); thứ tư, Tùy Đối Trị Lục Diệu Môn (隨對治六妙門); thứ năm, Tương Nhiếp Lục Diệu Môn (相攝六妙門); thứ sáu, Thông Biệt Lục Diệu Môn (通別六妙門); thứ bảy, Toàn Chuyển Lục Diệu Môn (旋轉六妙門); thứ tám, Quán Tâm Lục Diệu Môn (觀心六妙門); thứ chín, Viên Quán Lục Diệu Môn (圓觀六妙門), các môn này sâu lắm. Thứ mười là chứng đắc Phật quả, tức Chứng Tướng Lục Diệu Môn (證相六妙門). Khi chứng cũng có Lục Diệu Môn. Hiện thời, tôi dựa theo kinh Đại Thừa Đại Tập Thập Luân để dẫn chứng Thứ Đệ Tương Sanh Lục Diệu Môn. Thứ Đệ Tương Sanh là chiếc cầu thang để quý vị mong nhập Phật đạo sẽ từng bước tiến lên. Nếu quý vị đang ở trong Dục Giới mà muốn tu Định thì sẽ rất khó khăn, làm như thế nào? Hãy dựa theo sáu loại ấy để có thể thành tựu Định lực cho quý vị.

Môn thứ nhất là tu Số, tức là đếm số, đếm mười số. Một lượt thở ra hít vào tính đếm một, thở ra hít vào đếm hai, thở ra hít vào đếm ba, [cho đến mười] rồi quay trở lại [đếm từ một] như thế.

Điều thứ hai là Chúng Số, tức là quý vị chúng con số vừa đếm ấy. Số có hai loại: Một là tu, hai là chúng. Sau khi đã chúng bèn chuyển nhập, chuyển nhập vào Tùy. Sau khi đã chúng, cách đếm số ấy bèn ngưng dứt, chẳng còn đếm nữa, đó là Tùy. Tu Số nhằm điều hòa hơi thở của quý vị, điều hòa rất thô thành rất vi tế. Chúng ta dần dần điều hòa như thế, nhưng quý vị chớ nên gấp gáp. Khi đếm số, phải thông thả, thuận theo hơi thở ra vào tự nhiên, không cần Tác Ý. Hễ Tác Ý, Định sẽ rất khó sanh khởi, đó chẳng phải là tự nhiên. Điều hòa hơi thở phải như thế nào? Chẳng nhanh, chẳng chậm, chẳng rít, chẳng trơn, nhất định phải tu đến mức độ an tường, chậm rãi như vậy, từ một đến mười, đếm như thế đó.

Sở dĩ chúng ta có thể nhiếp tâm là dựa vào đếm số. Nếu quý vị có thể nhiếp tâm, tức là dùng niệm A Di Đà Phật để nhiếp tâm, quý vị niệm Phật, niệm đến mức thuận theo hơi thở ra vào mà chuyển, cứ chuyển mãi, hơi thở chẳng còn, quý vị vẫn cảm nhận Phật hiệu thuận theo quý vị mà chuyển (đó là Tùy). Như thế là quý vị đã Định. Nhưng pháp Tùy lại tùy thuộc cách tu của mỗi người. Trước hết, quý vị phải biết con số, từ một đến mười, nhiếp cái tâm, chẳng để cho nó rong ruổi nhanh hay chậm, khiến cho cái tâm được nhiếp trụ, chẳng chạy tán loạn, chẳng có lúc nào nghĩ ngợi chi khác. Nếu cái tâm nghĩ đến chuyện gì đó, [đừng quan tâm tới nó], cứ để cho nó qua đi. Nếu muốn suy tưởng chuyện gì, sẽ chẳng có thời gian, nó vĩnh viễn chẳng có kẽ hở để xen vào được, khiến cho ý tưởng, tạp niệm rồi bởi sẽ chẳng thể dậy lên được!

Đối với Chúng Số thì như thế nào mới coi là “chúng đắc”? Quý vị nhận biết cái tâm tự nhiên thuận theo cách đếm mười lượt ấy, chẳng còn làm loạn nữa, tự nhiên theo đúng thứ tự thì là chúng đắc. Từ một tới mười, quý vị không cần phải suy nghĩ, chẳng cần phải vận tâm để đếm, chẳng dùng bất cứ công sức nào để đôn đốc. Thoạt đầu, nếu quý vị chẳng chú ý đôi chút, sẽ loạn ngay, đếm sai ngay. Cho tới khi đếm thành thực, từ một đến mười không làm loạn, tùy ý có thể đếm như vậy, chẳng cần mất công tốn sức, dần dần ngoại duyên đều rơi rụng. Tâm trụ, dứt bật duyên niệm, nghĩa là “duyên theo hơi thở [để đếm số]” [đã dứt], tức là chuyện nương theo hơi thở để niệm chẳng còn nữa. Sau khi cái “*duyên niệm*” (nương tựa vào hơi thở để niệm) ấy chẳng còn, quý vị sẽ cảm thấy hơi thở như có như không. Nói là “*chẳng có hơi thở*”, thì dường như vẫn có hơi thở vi tế. Nói “*có*”, đã chẳng còn hơi thở nữa. Không có hơi thở, tức là xét theo phương diện dụng công, đã chẳng còn hơi thở nữa. Tới khi đó, tư tưởng đã chẳng còn suy nghĩ đếm số nữa, đã

vứt bỏ con số. Đó gọi là Tùy.

Loại thứ hai là Tu Tùy thì phải Chứng Tùy. Tu Tùy là phải vứt bỏ phương pháp đếm số ấy. Tâm quý vị tự nhiên chuyển theo hơi thở ra vào, tâm chẳng chạy lung tung, chẳng cần phải đếm số nữa. Đếm số nhằm ngăn giữ cái tâm [khỏi tán loạn]. Cái tâm tán loạn đã chẳng còn rong ruổi tán loạn nữa, chẳng cần phải phòng bị, thuận theo tâm niệm để thuận theo hơi thở ra vào. Nhưng hơi thở ra vào ấy rất bé nhỏ, hơi thở như sợi tơ, giống như hơi thở của người sắp đoạn khí vậy. Nhưng cái tâm của quý vị đã hoàn toàn chẳng có ngoại vật, thuận theo hơi thở. Hơi thở vi tế thuận theo cái duyên của nó mà vận dụng, đó gọi là Tùy (隨). “Tùy” là thuận theo hơi thở làm duyên. Hơi thở cực vi tế, khiến cho hành giả trụ trong niệm, cho đến cuối cùng là Chứng Tùy, tâm đã tịnh, chẳng loạn nữa. Đó là Tùy Trụ, cái tâm đã định, chẳng còn rối loạn nữa. Khi đó, quý vị cảm nhận hơi thở hoặc dài hay ngắn, rõ ràng, phân minh, cho đến nhận biết hơi thở ấy không chỉ từ mũi thoát ra, không chỉ ở chót mũi, mà mỗi lỗ chân lông trên cơ thể đều dường như toát ra hơi thở vi tế, chúng cũng hít vào, cũng đang thở ra, đó gọi là Biến. Biến (遍) là trọn khắp toàn thân đều đang thở ra, hít vào. Do vậy, cái tâm vi tế của quý vị tùy ý nương nhau, liên đới lẫn nhau. Người ấy thở ra, không nhất định phải là hơi thở từ mũi thở ra, hơi thở nơi mũi đã chẳng nhận biết nữa, khắp nơi đều có thể thở ra. Trong khi đó, người tu hành bèn bỏ Tùy, chẳng còn chú ý đến hơi thở nữa, đã nhập Định, hơi thở chẳng còn nữa, đó là Chi.

Cách tu Chi là như thế nào? Một là Tu Chi, hai là Chứng Chi. Khi Tu Chi, tư tưởng duyên lự đều trở thành Định. Định là Tức Định (息定, Định do ngưng dứt). Quý vị đã ngưng dứt [vọng niệm], cảm nhận được hơi thở [rất vi tế]. Ở trong Định, hơi thở ra vào đều hiện hữu. Nơi mỗi lỗ chân lông, thuận theo mỗi hơi thở ra vào, tất cả [lỗ chân lông] đều có thở ra hít vào. Lỗ chân lông thông thoáng; nếu không, làm sao có thể toát mồ hôi cho được? Lỗ chân lông toát mồ hôi tức là thông. Có lúc quý vị chẳng thở ra, mà các lỗ chân lông thở. [Khi đã Định] thì sẽ ngưng dứt, tức là hết thấy duyên lự đều dứt, đã định, [thô tướng của] hít thở [nơi mũi] đã ngừng. Đã ngừng rồi, chẳng nghĩ tới Số (đếm số), chẳng nghĩ tới Tùy, tịnh cái tâm để tu hành.

Chứng Chi thì sao? Khi ấy, cũng chẳng biết đến thân, mà cũng chẳng biết đến tâm. Tâm và thân như một, chẳng có gì nữa, đã nhập Định. Nhưng loại Định này vẫn chưa nhập Không, vẫn thuộc vào hữu

tướng. Phải chuyển cái Định này thành vô tướng. Khi chứng, chẳng thấy tướng trong ngoài, phương pháp Định là giữ cho cái tâm tùy ý bất động. Người tu hành như thế đã nhập tam-muội, tâm nầy sanh cảm giác vui sướng tịch tĩnh, nhưng chẳng có Huệ, chỉ là Định. Chúng ta nói “*Chỉ Quán song vận, Định Huệ song tu*”. Nếu chỉ có Định thì chẳng được. Người ấy (người tu pháp môn Sở Tức Quán này) khởi lên huệ chiếu để quán. Quán chính là huệ chiếu. Chẳng có phương tiện là Huệ, sẽ chẳng thể phá sanh tử. Tuy đã đắc Định, Định vẫn chẳng thể phá nổi sanh tử, vẫn phải lưu chuyển, tức là chẳng tu thành công, làm như thế nào đây? Vẫn phải nhờ vào Giả, vẫn phải phá hoại sanh tử.

“*Phục tác thị niệm, kim tập Định giả giai thuộc nhân duyên*” (Lại nghĩ như thế này: Môn Định nay đang tu tập đều thuộc về nhân duyên). Môn Định ấy do tu Sở và Tùy như thế mà ra. Tu đến mức ấy chính là pháp nhân duyên, thuộc về pháp Ngũ Uẩn, thuộc về pháp mười tám giới, do hòa hợp mà có. Quán chiếu là khởi niệm. Đã khởi niệm, tức là khởi lên quán chiếu để niệm. Chuyện này hư dối chẳng thật, nay ta định để làm gì? Nay ta chẳng thấy, chẳng nhận biết, mà cũng chẳng niệm, cũng chẳng khởi giác chiếu. Ta phải nên quán chiếu, phải chiếu. Hễ khởi niệm thì dây niệm như thế xong, chẳng chấp trước cái tâm ấy, chẳng chấp trước môn Định ấy, chẳng hưởng thụ sự vui sướng ấy để rồi khởi quán phân biệt. Đó là Quán.

Chỉ Quán là dấy lên Quán Chiếu. Tu Quán thì sao? Từ trong môn Định ấy, bèn dùng Huệ tâm sở phân biệt, quan sát hơi thở ra vào vi tế, quan sát nó giống như gió trong không trung. Như đức Phật đã nói, trên thân thể chúng ta có ba mươi sáu món vật, đều là chẳng thật sự tồn tại, hư huyền chẳng thật. Đây là tu tập Tích Không Quán, chẳng phải là Thể Không Quán. Thể Không Quán thì [liễu giải] ngay bản thể chính là Không, còn ở đây [là Tích Không Quán], tức là phải phân tích cái Không, chia chẻ cái Không. Tâm là vô thường, chẳng trụ trong mỗi sát-na, cũng chẳng có Ngã, cho đến thân, thọ, tâm pháp, đều chẳng có tự tánh. Như vậy thì môn Định của ta nương tựa vào đâu? Ta định như thế nào? Định nương vào đâu? Tu Quán tức là tùy thời mà quan sát. Quan sát trong Định như thế đó thì gọi là Tư Duy Tu. Quán và Huệ cân bằng, chúng ta thường nói là “*Chỉ Quán song vận*”, có hàm nghĩa này. Dùng điều này để quán hơi thở, nhận biết hơi thở ra vào, mỗi lỗ chân lông nơi toàn thể thân tâm, hết thấy các lỗ chân lông đều đang thở ra hít vào. Chuyện này đòi hỏi quý vị phải khai trí huệ, tâm nhãn khai minh, tự mình quán chiếu ba mươi sáu món vật rành rẽ. Khi đó, quý vị sanh khởi

tâm chán lìa đối với thân thể này. Quán mỗi lỗ chân lông đang hít thở đó là lỗ huyết của loài trùng, là lỗ thở của chúng. Quán đó là chỗ chúng ẩn nấp, trong lẫn ngoài đều bất tịnh, từ bên trong ra ngoài, chẳng có chút gì sạch sẽ. Khi đó, trong tâm sanh khởi bi lẫn hỷ. Bi (Buồn) vì cái xác thân của chính mình [bất tịnh dường ấy], vui vì chính mình cũng có thể tiến bộ, phá Tứ Điên Đảo. Đối với thân thể bất tịnh, triệt để nhận biết thật sự là bất tịnh, cái tâm yêu mến luyến tiếc thân thể mới đoạn dứt. Đó gọi là Chứng.

Rốt ráo chứng đắc quán chiếu, trong tâm duyên theo cảnh giới được quán, buông bỏ cảnh giới Định. Sự duyên quán ấy vẫn thuộc trong Định. Đây vẫn chưa phải là sự quán chiếu trong khi đi lại, mà là trong khi đang tĩnh tọa, định cảnh chuyển thành quán chiếu. Đó là Định Huệ song vận. Khi ấy, quán chiếu dùng cách phân biệt, dùng phương pháp phân tích, nhận biết cái niệm ấy đang lưu động. Niệm còn đang lưu động thì chẳng chân thật, hãy nên xả Quán tu Hoàn.

Nói đến Hoàn tức là xả Quán tu Chuyển. Một là Tu Chuyển, hai là Chứng Chuyển. Tu Chuyển là quan sát: Trong tâm ta đây khởi một niệm, bèn quán chiếu niệm ấy từ tâm sanh khởi. Tâm sanh thì pháp mới sanh. Đây là điều ta phân tích, vẫn chẳng phải là bản duyên căn bản, chẳng phải là bản thể của Pháp Thân, phải dùng Phản Quán để quán cái tâm. Quán cái tâm hiện tại, cái tâm ấy sanh khởi từ chỗ nào? Dần dần nhận biết cái tâm ấy sanh từ Quán, hay chẳng phải sanh từ Quán? Nếu chẳng phải cái tâm sanh từ Quán thì ai đang quán? Cái tâm ấy rốt cuộc sanh khởi từ nơi đâu? Tâm sanh một niệm, tâm ấy lại diệt. Niệm này khởi, niệm kia diệt, đó là quán sự sanh diệt của cái tâm. Quán cái tâm này sanh khởi do cái tâm kia diệt mất. Quán như thế, nếu là từ tâm cũng sanh ra tâm, từ diệt cũng sanh tâm, cũng tức là sanh khởi hai cái tâm, đó là tâm sanh diệt. Chỉ quán một điều đã rất tốn công sức, thế mà tổng cộng lại có bốn câu, tức là “*sanh, diệt, chẳng sanh, chẳng diệt*”. Sau khi quán xong, khi đó, biết cái tâm của ta vốn bất sanh. Đã là bất sanh thì chẳng có. Bất sanh là chẳng có, chẳng có thì là Không. Đã là Không thì ta còn có gì để quán tâm nữa? Đã là không thì ngay cả cái tâm năng quán (cái tâm quán chiếu) cũng không có. Cái tâm năng quán chẳng có, sao ta lại có thể quán cái cảnh cho được? Tâm ta đối cảnh, tâm đã là chẳng có, vậy thì cảnh còn có hay không? Cảnh lẫn trí đều cùng mất.

Tôi thường xuyên nói với các đạo hữu, sám hối thì phải niệm như vậy, tưởng như vậy. Sám hối như thế là thanh tịnh nhất. “*Tâm vong, cảnh tịch, lưỡng câu không, thị tắc danh vi chân sám hối*” (Tâm mất, cảnh tịch, lưỡng câu không, thị tắc danh vi chân sám hối)

cảnh lặng, hai đàng đều không. Đó gọi là chân sám hối). Tâm cũng chẳng có, cảnh cũng chẳng có, quý vị có tội gì để có thể sám hối nữa hay chẳng? Tội chẳng có, quán tưởng như thế đó. Tu Không Quán thành công thì mới không có. Do vậy, chúng tôi nói là chịu khổ, chịu nạn, hoặc là thân tâm hứng chịu đau khổ, ưu sầu phiền não, đều là do vọng niệm của quý vị. Nếu quý vị có thể tĩnh tọa, khi tĩnh quán, cảm thấy rất khổ. Hãy lôi cái khổ ấy ra [quan sát], ta vì chuyện chi đó mới khổ, chuyện đó có thật hay chẳng? Thật sự có hay chẳng? Quý vị vừa quán, nó chẳng còn nữa, đều chẳng còn! Chẳng hạn như hai vợ chồng cãi nhau, muốn ly hôn; lúc đó, cảm thấy rất khổ. Hễ quán, [sẽ nhận biết] người phối ngẫu (vợ hay chồng) chẳng phải là ta, ta chẳng phải là người đó, ngay cả chính mình còn chẳng tìm được, còn nói gì kẻ khác! Người đó với ta có quan hệ gì vậy? Đã là không, thì khổ nào gì cũng đều chẳng còn. Đó là nhân duyên. Các pháp sanh bởi nhân duyên là giả hợp. Giả hợp thì chẳng chân thật. Nếu chẳng chân thật, ta sanh khởi phiền não gì? Khổ là phiền não, như thế thì phiền não của quý vị đoạn dứt. Đây là phương pháp đoạn phiền não.

Tâm mất, cảnh lẫn trí hai đàng đều không. Đó là Chuyển. Cái bị chuyển sẽ chuyển như thế đó. Nếu lìa khỏi cảnh, lìa khỏi trí, cũng là lìa khỏi cái tâm tác quán và cảnh được quán. Chẳng có trí và cảnh. Nếu quý vị quán lâu ngày, cảnh cũng chẳng có, trí cũng chẳng có. Chẳng nhờ vào công phu mà tâm huệ mở mang, phát khởi, chính quý vị sanh ra đại trí huệ. Trí huệ ấy là chiếu, điều này cần phải tu Tịnh. Đã tu tịnh, lại phải chứng tịnh. Chứng tịnh là đã thanh tịnh. Khi tu Tịnh, quý vị biết hết thấy các sắc vốn thanh tịnh, thân tâm vốn thanh tịnh. Hết thấy các pháp vốn chẳng ô nhiễm, do tánh vốn thanh tịnh. Đối với hết thấy vọng tưởng, phân biệt, quý vị đừng phân biệt, tịnh chẳng phải là tịnh, nhiễm chẳng phải là nhiễm. Nhiễm và tịnh chẳng tồn tại, đều là cảnh. Ngoại cảnh đều là không, vọng tưởng là cấu. Vọng tưởng đã không có, cấu nhiễm cũng không có. Tức là kể từ lúc dứt phân biệt thì khi ấy là cấu, cho đến hiện thời, thứ gì cũng đều chẳng có, đều là Không. Không là thật sự thanh tịnh, tu như thế đó.

Đây chỉ là thứ tự trong Lục Diệu Môn. Đã là theo thứ tự sanh ra thì có nhân, có duyên, sanh ra lẫn nhau. Nhưng đây chỉ là nội dung của một phần thuộc Lục Diệu Môn của Tiểu Chỉ Quán. Nếu muốn thật sự tu Quán, nghiên cứu Chỉ Quán, vẫn phải tu Ma Ha Chỉ Quán. Kinh Hoa Nghiêm dạy về Chỉ Quán rất huyền diệu, rất khó tiến nhập. Vừa khởi đầu là tu Chân Không Tuyệt Tướng Quán, tức là hết thấy các tướng đều

chẳng tồn tại. Tướng trong tâm, tướng ngoài tâm, sắc tướng của hết thầy chư Phật, hết thầy các pháp, hết thầy pháp bảo, hễ có hình tướng thì đều là hư vọng, chân không tuyệt tướng! Tu thành tựu Chân Không Tuyệt Tướng, lại sanh ra Lý Sự Vô Ngại Quán. Lý trọn khắp nơi Sự, Sự là Lý. Do Lý trọn khắp Sự, Sự chính là Lý, cho nên Lý Sự vô ngại. Lý vô ngại, mà Sự cũng vô ngại. Cho nên có thể “*chuyển đại pháp luân trong một vi trần*”, có hàm nghĩa ấy. Một vi trần là Lý, hết thầy các sự đều dung nhiếp trong Lý. Lý là Sự, Sự là Lý, Lý Sự vô ngại!

Tiến hơn bước nữa là Sự Sự Vô Ngại Quán. Chẳng dùng đến Lý trọn khắp nơi Sự, bản thân Sự đã là mọi chuyện đều vô ngại, bèn đạt tới cảnh giới Hoa Tạng. Loại Quán ấy chúng ta tu chẳng thành, vì tâm lực của chúng ta chẳng đủ. Chúng ta ngay cả khẩu đầu quán tướng cũng quán chẳng thành. Nếu chúng ta khẩu đầu, quý vị tưởng “*năng lễ, sở lễ tánh không tịch*” (tánh của người lễ và đáng được lễ đều không tịch): Ta là người có thể lễ, và Phật là đáng được ta lễ. Tánh và Thê của ta và Phật đều là Không, là tịch tĩnh. Giống như chúng tôi nói “*tâm tịch*”, ngay cả Tâm Tịch tam-muội mà chúng ta còn chẳng chứng đắc, thì Sắc Tịch tam-muội càng chẳng thể đắc. Sắc Tịch đã đắc thì sẽ đạt tới Tâm Tịch, sau đó, sẽ đạt tới Nhất Tâm tam-muội. Nói niệm Phật đạt đến nhất tâm bất loạn, vẫn chẳng phải là một câu. Niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn, trong bảy ngày có thể nhất tâm bất loạn, bảy mươi ngày, một trăm ngày, quý vị cũng có thể đạt tới nhất tâm bất loạn. Nương theo điều này để tu, tức là từ việc quán hơi thở ra vào. Nếu quý vị chẳng quán hơi thở ra vào, hãy quán bốn chữ A Di Đà Phật để chuyển cái tâm của quý vị, cũng tức là quý vị chẳng cầu trở về tịnh chi cả, cầu có thể ngưng lặng là được rồi!

Trong một ngày, nếu ngay cả trong mộng, quý vị đều là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật không phải là tác ý niệm, mà là tự nhiên vận chuyển niệm, quý vị chết rồi còn chẳng sanh về thế giới Cực Lạc ư? Khẳng định sẽ sanh. Vì cái tâm quý vị đã hợp cùng thế giới Cực Lạc, đã cùng A Di Đà Phật “*thân và cõi nước chẳng hai*”. Thế giới Cực Lạc là A Di Đà Phật, đây là thân và cõi nước chẳng hai. A Di Đà Phật là thế giới Cực Lạc, quý vị quán tướng lâu ngày như thế, quý vị ứng hợp với Phật. Mỗi niệm của ta đều là A Di Đà Phật, ta biến thành A Di Đà Phật. Quý vị đã ở trong thế gian Cực Lạc; đây là thâm nhập hơn chút nữa. Bất quá, mọi người nghe những lời lẽ kiêu này, nghe đã lâu sẽ có thể nhập. Mở miệng chửi người khác, nghe lời dơ bẩn, đã rất quen nết. Đó là vì căn khí rất sâu từ vô lượng kiếp. Hễ nó hiện tướng là vì nó đã chín muồi. Nhưng

quý vị nghe điều này, chẳng biết bao nhiêu kiếp chẳng được nghe. Quý vị nghe những lời này, vẫn chẳng thể tiến nhập. Quý vị phải nói từ chỗ nông cạn, đừng nói nhiều, phải tiến nhập từng bước một. Vì sao khi tu hành, phải có thiện hữu, hoặc thiện tri thức? Khi quý vị đi sai đường, họ sẽ ngay lập tức lôi quý vị lại. Nếu quý vị chẳng mong quá nhiều, đếm số sẽ rất tốt, đếm mười lượt. Quý vị nghĩ pháp này rất đơn giản, cứ đếm số thử xem, rất chẳng đơn giản! Mười lượt thì còn được, chứ hai mươi, ba mươi lượt, quý vị đã sớm loạn rồi, đã sớm loạn rồi tung rời mù rồi! Đếm mười lượt chẳng thành, đợi đến khi quý vị đã tu quán đếm số tốt đẹp rồi, mới tiến thêm bước nữa là Tùy. Đây chẳng phải là chuyện một ngày, hai ngày, chẳng phải là một năm, hai năm.

Nếu chẳng đếm số thuần thực, hằng ngày hãy tu như thế. Nếu quý vị chẳng thể chuyên tu, hằng ngày hãy dành ra một tiếng đồng hồ, hoặc nửa giờ. Lúc thoát đầu tu tập, chớ nên ngồi quá lâu, chớ nên tham nhiều. Đó cũng là tham. Quý vị tham nhiều, sẽ chẳng làm được. Vì sao? Quý vị nói: “Ta nhất định phải ngồi ba tiếng!” Quý vị có thời gian hay không? Lúc quý vị khởi đầu tĩnh tọa, trước hết, hãy ngồi mười phút, hay mười lăm phút. Cảm thấy không thoải mái, ý niệm tán loạn thì phải đứng lên, đừng ngồi nữa! Có thời gian thì quý vị lại ngồi mười phút nữa. Tăng thêm dần dần, quý vị ngồi lâu hơn. Tăng thêm một khắc, tăng thành hai mươi phút, tăng thành nửa tiếng, dần dần tăng nhiều hơn. Đừng nên ngay lập tức, nhất định phải ngồi một tiếng đồng hồ, lại còn phải ngồi kết già, hồng biểu thị tinh tấn. Chân đau, cũng chẳng thể định nổi. Người khác gọi quý vị, quý vị đứng lên vội vàng mong làm việc ngay, khiến chân bị tổn hại. Có người chân đã tê, có kẻ vào gọi người đó vì có chuyện khẩn cấp, người đó liền đứng lên. Trong lúc đó không đau, nhưng xong chuyện, chân cũng chẳng linh hoạt, đi không vững. Tôi đã thấy tình hình này rất nhiều.

Có một đạo hữu, sắp đến Tết, tính bé quan, tôi nói: “Ông đừng bé quan, ông bận rộn rất nhiều việc, đợi cho có cơ hội rồi mới lại bàn tới”. Ông ta không tin, liền bé quan, chẳng mấy chốc bị ngã gãy chân. Đó là vì vào ban đêm, nhà không bật đèn, ông ta lại tiếc nuôi, không dám mở đèn vì sợ lãng phí tiền nhà nước, không nở bật đèn điện. Sàn nhà hết sức trơn trượt, tuổi lại cao, ông ta muốn đi vệ sinh, vừa bước liền vấp ngã, không đứng dậy nổi, chân cũng chẳng thể đi nổi nữa. Lại chẳng có ai đến, nằm còng queo dưới đất. Khoảng trước và sau Tết, Bắc Kinh lạnh mấy chục độ âm, rét cóng như thế. Tới sáng, đệ tử ông ta tới, mới phát hiện lão sư phụ té lăn quay dưới đất, hỏi chuyện gì đã xảy ra? Do bị vấp

ngã! Họ bèn đưa vô bệnh viện chữa trị. Có những chuyện chẳng thể miễn cưỡng được. Tinh tấn là tốt, hạ quyết tâm là tốt, nhưng quý vị phải cân nhắc hoàn cảnh, lượng sức của chính mình để tiến dần. Đón nhập thì chúng ta chẳng thể. Khi tu hành, chớ nên tham nhiều. Có rất nhiều đạo hữu cũng luyện tập ngồi kết già, đó là tự nhiên. Có thể ngồi xếp bằng thì khá lắm, nhưng đó chẳng phải là công phu một hai ngày. Quý vị ngồi xếp bằng, ngồi chẳng lâu được, chân lại rất đau! Chỉ cần có thể ngồi là được rồi! Phải chú trọng nơi tâm, đừng chú trọng hình thức. Có rất nhiều đạo hữu chú trọng hình thức, nhìn người khác cũng nhìn vào hình thức, coi xem oai nghi của họ có tốt đẹp hay không, có ngồi đọan chánh hay không! Hễ nói đến tĩnh tọa, bèn hỏi trước là người ấy có thể ngồi kết già hay không? [Đúng ra], quý vị phải hỏi người ấy có thể tu tâm tốt đẹp hay không? Chứ ngồi kết già thì có công dụng gì đâu? Ngồi kết già thì chỉ cần quý vị ngồi vững vàng là được rồi! Chẳng cầu hình tướng ngồi, phải cầu thực dụng!

Học một bộ kinh phải thực dụng, đừng nói theo hình tướng. Ta nghe xong kinh gì, nghe kinh gì đó xong, sẽ có tác dụng gì? Bộ kinh ấy nói gì? Nói đoạn Thập Ác, hành Thập Thiện, quý vị có đoạn được hay không? Trong suốt một ngày, hãy kiểm điểm, phải cầu thực tế, trước hết, phải suy lường, xét nghĩ. Chúng ta mong cầu đạt được điều gì, trước hết, phải suy xét các chương ngại trung gian, xem sự thật ta có thể làm được hay không? Chẳng thể đạt tới, bèn định tiêu chuẩn thấp hơn một chút, đừng định quá cao. Chẳng phải là quý vị mong tu hành hay sao? [Chẳng phải là] mong sẽ tiến nhập sâu hơn, mong liễu sanh tử hay sao? Quý vị vừa mập mé [tu tập], còn sanh tử đã bắt đầu [từ lâu rồi], chẳng cần gấp gáp, cũng đừng tham nhiều. Tĩnh tọa cũng thế, mà nghe kinh cũng thế, làm gì cũng thế, trì thánh hiệu là tốt nhất. Trước hết, chúng ta phải miễn trừ tai nạn trong cuộc sống hiện thực; sau đây mới nói đến chuyện tu hành được!

Địa Tạng Bồ Tát chỉ dẫn quý vị sanh về thế giới Cực Lạc. Kinh Thập Luân cũng nói quý vị có thể sanh về cõi Phật thanh tịnh. Còn có kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói về cõi Phật thanh tịnh. Quý vị sanh về cõi Phật nào cũng đều được; nhưng quý vị mong sanh về cõi nước nào, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói quý vị nhất định phải nghĩ tới cõi Phật ấy, xưng danh vị Phật ấy đến mức nhất tâm bất loạn. Nếu xưng danh hiệu của vị Phật ấy mà chẳng có duyên sâu với Ngài, bèn đổi thành niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, hoặc là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, các Ngài cũng đưa quý vị đi. Phổ Hiền Bồ Tát hoàn toàn chẳng nói quý vị

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2

phải niệm danh hiệu Ngài, quý vị chỉ cần đọc mười đại nguyện vương, do pháp lực gia trì, quý vị có thể vãng sanh, lại còn là thượng phẩm thượng sanh.

Hết thấy các kinh luận đều hướng đến thế giới Cực Lạc, hóa sanh trong cõi Phật thanh tịnh. Kinh Đại Thừa Bồ Sanh Tâm Địa Quán cũng nói như thế. Liên quan đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, chỉ có kinh Đại Thừa Bồ Sanh Tâm Địa Quán nói là Địa Tạng Vương Bồ Tát, các kinh khác đều nói là Địa Tạng Bồ Tát. Các pháp đều thông với nhau. Địa Tạng Vương Bồ Tát hay Địa Tạng Bồ Tát đều được! Tùy thuộc quý vị ngồi phi cơ, hay ngồi xe lửa? Hay là tự mình lái xe? Phương pháp tuy khác nhau, quý vị ngồi xe khác nhau, tốc độ nhanh hay chậm khác nhau, nhưng mục đích ắt cần phải chuyên nhất, chớ nên quá nhiều. Quá nhiều, quý vị sẽ chẳng thể nhập được!

Quý vị nghe xong bộ kinh này, nghĩ rằng hay quá, ta phải tu bộ kinh này. Cho đến khi nghe bộ kinh kia, cũng hay quá, lại tu bộ kinh ấy. Thọ mạng của quý vị có hạn, cho đến khi già chết, quý vị chẳng tu thành một pháp gì thì vẫn là như không! Tốt nhất là trước hết đừng đọa vào tam đồ, hãy giữ gìn Thập Thiện Nghiệp. Chính mình thọ Tam Quy, Ngũ Giới thanh tịnh, đừng hủy phạm. Có thể như vậy, sẽ là rất tốt. Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây là viên mãn.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký chung

Phụ Lục

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký Tuyển

地藏菩薩靈感記選

Phật Giáo Điện Nã Tư Tân Khố Công Đức Hội tuyển chọn

Do vì các tác phẩm về những chuyện linh ứng của Địa Tạng Bồ Tát quá nhiều chuyện trùng lặp, chúng tôi chọn lựa những bài ghi về sự linh cảm của đức Địa Tạng soạn thành một bản, toàn bộ gồm sáu mươi một bài ký, chia thành hai phần lớn.

I. Những chuyện cảm ứng thuộc thế kỷ hai mươi

1. Ân trạch Địa Tạng Bồ Tát ban cho tôi

Pháp sư Tâm Nhiên ghi

Mùa Hè năm Dân Quốc 35 (1946), tôi học tại Lãng Nghiêm Phật Học Viện ở Thượng Hải. Một đêm, do ngủ trễ bị cảm nặng. Khi ấy, tuy được bệnh viện chẩn trị, nhưng chẳng lâu sau, biến thành chứng ho gà rất nặng. Gần như mỗi giờ, ho sặc sụa mấy chục lần. Mỗi lần chẳng ho tới mức ngực nhột nhạt, nghẹn khí, sẽ chẳng thôi! Mỗi lần uống thuốc là mỗi lần nôn mửa. Mỗi lần tiêm thuốc quay về, đều chẳng có hiệu quả. Ba bữa chỉ uống nước cơm lỏng, các thức ăn cứng hay khô khác chẳng thể nuốt nổi! Lại còn mỗi đêm trằn trọc khó ngủ, rất là đau khổ! Trong kỳ nghỉ hè, có các học tăng bàn chuyện triều bái thánh tích của Địa Tạng Bồ Tát tại Cửu Hoa Sơn, tôi thầm nghĩ: “Nếu để sắc thân vô dụng này chết vì bệnh tại Thượng Hải, sao bằng hy sinh trong khi triều bái Bồ Tát sẽ có ý nghĩa phong phú hơn!” Vì thế, tôi quyết định tham gia đội ngũ của họ lên đường, gắng gượng tinh thần, lê tấm thân suy yếu theo họ ra đi. Đương nhiên là trong lúc đi đường, phần nhiều là ngồi xe hay ngồi thuyền; nếu không, tôi cũng chẳng thể đi được!

Một đoàn học Tăng chúng tôi ngồi xe lửa, xe hơi, đi qua Nam Kinh, Vu Hồ, lại ngồi tàu, hay ngồi thuyền của dân chúng, tiến thẳng đến Đại Đồng, Thanh Thành. Tuy đường dài khắp khênh và mặt trời chói chang giữa không trung, chúng tôi cũng không vì vất vả mà nghỉ ngơi. Suốt đường đi, tôi tự mình niệm thầm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, nhất tâm kiên trì chẳng dứt. Hành trình tiếp nối, đường càng ngày càng gần với đạo tràng của Bồ Tát, nội tâm tôi càng tăng thêm dũng khí và hỷ duyệt từng chút một. Tuy mỗi ngày tôi chỉ uống mấy chén sữa lỏng, nhưng thân tâm vui sướng, có thể chống chọi mà chẳng ngã xuống. Trên Trường Giang, trong lúc tàu đang bị sóng nhồi, lũ khách phần nhiều mệt mỏi muốn ngủ gục. Tôi trong lúc mộng lung, bỗng thấy một vị tăng khổ hạnh tiến đến, bảo: “Ho hen chẳng cần phải sàu lo! Ăn nhiều các thứ lạnh như dưa hấu, nước đá v.v... ắt sẽ tự lành”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Chẳng lâu sau, trước mặt bỗng dựng có một miếng dưa hấu thơm ngon, tươi hồng. Tôi bất giác cầm lấy ném thử, liền cảm thấy toàn thân thoải mái, khoan khoái khác thường! Nhưng lúc ấy, tôi nghe tiếng ngáy của chính mình, bèn tỉnh giấc, đưa mắt nhìn, trùng hợp là các học tăng cũng đang ăn dưa hấu. Tự nhiên tôi cũng như cảnh trong mơ, tiện tay cầm ăn. Không ngờ, do vậy mà đêm ấy nghiêm nhiên ngủ ngon dị thường. Ngày hôm sau, giảm bớt ho hắng rất nhiều, khiến cho tôi sau đấy bạo gan tiếp tục ăn đồ lạnh. Đúng là một kỳ tích.

Từ Đại Đồng tới Thanh Thành, ắt phải theo đường thủy là một nhánh nội hà ngoằn ngoèo, nhỏ hẹp, không quá ngắn. Đường thủy thì có

thuyền dân, có các bạn đồng học tự làm chèo tre, giúp nhau hợp lực chèo thuyền, cho nên tiến lên như bay. Chỉ có đoạn đường bộ là đường ruộng ẩm ướt, trơn trượt, cho nên đi lại khá gian nan! Nhất là đối với người thân thể mang bệnh như tôi, càng cảm thấy trầm trọng hơn trước, trở thành phiền toái lớn cho các bạn đồng hành! Vì thế, đêm đến, khi tới xin ngủ nhờ tại một chùa nọ ở cửa Nam của Thanh Thành, tôi lại bị ho kịch liệt! Máy vị đồng học quan tâm đã vì tôi đến trước tượng Bồ Tát ở tiền điện xin xăm, được quẻ xăm như sau: “*Biển rộng ngộ cuồng phong, sóng lớn đánh vào thuyền, thuyền lật bị ngã xuống, không chìm cũng kinh hồn*”. Cầu xong, họ đưa quẻ ấy cho tôi coi. Tôi xem rồi, rất lãnh ngộ, do vậy, nói với họ: “Trên đường đi, tôi không ngừng cung kính niệm thánh hiệu Bồ Tát, nảy sanh ý chí cực kiên cường. Hiện thời, tuy có cảnh tượng rất nguy hiểm, tôi tự tin ắt sẽ giống như tàu bọc sắt của quân đội bình yên vượt sông, xin chớ lo rầu!” Quả nhiên, tới nửa đêm, ho hắng lập tức ngưng dứt. Sáng hôm sau, đặc biệt cảm thấy bụng đói như cào, ăn một mạch hai chén cháo mới cảm thấy no, khí lực toàn thân cũng do đó mà gia tăng rất nhiều! Từ Thanh Thành tới Cửu Hoa Sơn, hơn sáu mươi dặm đường núi, tôi đã có thể theo hàng ngũ mà đi, không đến nỗi quá tụt hậu. Đây là kỳ tích thứ hai.

Men theo đường núi tiến lên, chúng tôi đã đi qua chùa Long An quy mô to lớn, hai thánh am theo phương thức lều tranh, một túc am, Tiểu Kiêu Am và Đại Kiêu Am có cảnh trí u tuyệt. Trong ấy, có nhục thân Bồ Tát thuộc niên đại gần nhất. Chùa Cam Lộ phủ kín trúc biếc, trong ấy có toàn bộ Kinh Tạng thuộc hai đời Đường và Tống, có đình Bán Tiêu để đón gió, vị trà thâm đậm lòng người. Ở các nơi ấy, chúng tôi đều từng lưu lại và thăm viếng. Tuy cũng có tâm lý thưởng thức phong cảnh, nhưng do thời gian gấp rút, hoàn toàn chẳng có tâm tình ngâm vịnh, tán thưởng gió trăng. Cuối cùng, chiêm bái tới chùa Kỳ Viên, nhằm đúng lúc chùa ấy có pháp hội giảng kinh. Chúng tôi đi thăm một vòng, cả đám liền ngủ lại Bách Tuế Cung. Khi đó, vào ban ngày, mỗi giờ tôi chỉ ho mấy lượt mà thôi!

Lần đầu tiên, ngủ lại thánh địa, mọi người mang tâm tình vui sướng dào dạt chẳng thể nói lên lời. Giám Viện trong chùa tiếp đãi thân thiết và chu đáo, khiến cho nhóm chúng tôi ngủ say đến nỗi chẳng biết trời đã sáng bạch. Cho tới khi tôi rời giường, các bạn học đã chia thành từng nhóm đi triều bái các di tích nơi thánh địa. Tôi đã có thể chịu đựng nỗi mệt nhọc vượt ngàn dặm đến thánh địa, đương nhiên sẽ chẳng lẽ nào cầu dưỡng bệnh một mình nữa! Do vậy, cũng mang theo y cụ (y ca-sa và

tắm gội cụ), từ chùa Hóa Thành đến tháp thờ nhục thân của Bồ Tát tại rừng Thần Quang để triều lễ, mỗi bước một lay. Trong khi triều bái, tôi thâm nghĩ đến tinh thần kiên thành mỗi bước mỗi lay triều bái tứ đại danh sơn của những vị tu tâm đã lâu, bất giác hổ thẹn vạn phần! Hành động nhỏ nhoi như tôi làm sao có thể biểu thị lòng kính ngưỡng và hồi báo một phần trong vạn phần ân đức của Bồ Tát?

Mỗi bước, mỗi lay, vượt qua Nam Thiên Môn, đi qua Thập Vương Điện cây phủ rợp bóng, mới đến được bậc thềm đá dẫn lên tháp Bồ Tát vừa dốc lại vừa cao. Lúc ấy, tôi thở hắt hắt như trâu, mồ hôi tuôn như mưa, nhưng tâm lặng như gương, thân nhẹ như gió, có một loại tâm cảnh “*trăm mạch đều thông, trăm niệm quét sạch*”, quả thật là chẳng có cách nào hình dung. Cho nên rất nhanh chóng tới trước tháp của Bồ Tát. Sau khi tiếp tục đánh lễ bốn mươi tám lần, toàn thân tinh thần phấn khởi. Không chỉ là chẳng có mệt nhọc gì, từ đó, căn bệnh ho hắng khổ sở bị tiêu trừ chẳng sót. Đây là kỳ tích thứ ba!

Ở Cửu Hoa Sơn mấy ngày, tôi lễ khắp tất cả các thánh tích đạo tràng, bái kiến chẳng ít tượng nhục thân tổ sư, ngay cả chỗ cao nhất là Địa Tạng Lâm trên ngọn Thiên Đài, một đường thẳng tắp lên trời, cái chuông U Minh nặng tám vạn bốn ngàn cân trên đỉnh núi, các thắng cảnh mỹ lệ hiểm trở, cũng đều lên tới nơi chẳng sót. Khi trở về Thượng Hải, đôi thành một thân thể linh hoạt, mạnh khỏe, khiến người khác chẳng dám tin tưởng tôi là kẻ yếu ớt chẳng chịu nổi gió máy. Ai đã ban thưởng? Do sức của ai khiến thành ra như vậy? Là do lòng Từ gia hộ của Địa Tạng Bồ Tát, là ân điển của Địa Tạng Bồ Tát. Nếu không, tôi đã sớm chết vì bệnh tại Thượng Hải rồi! Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

2. Lễ niệm thánh hiệu, chữa khỏi bệnh nặng

Lâm Chấn Hưng ghi

Con gái út của tôi mấy năm trước (kể từ lớp 6 cho đến nay là lớp 12) mắc bệnh thận. Vì trị liệu chẳng lành, tiền bạc trong nhà lại thiếu thốn, phải ngưng chữa trị một dạo. Lần khân cho tới giữa tháng Chín năm Dân Quốc 67 (1978), nhận thấy mặt cháu phù thũng, cảm thấy hết sức không đúng, bèn đem cháu đi khám bệnh. Kết quả khám nghiệm cho thấy bệnh tình tệ hơn trước. Tuy chẳng nghiêm trọng cho lắm, nhưng tình huống chẳng nhẹ. Lúc ấy, tâm tôi rất phiền muộn. Nếu cứ mỗi ngày (hoặc hai ngày một lần) phải đi bác sĩ, cuộc sống trong gia đình sẽ càng

thêm khó khăn. Làm cách nào đây? Chỉ đành xin bác sĩ giúp đỡ; cũng may là vị bác sĩ ấy rất cảm thông tình cảnh của tôi, lập tức giới thiệu một loại thuốc bảo tôi mua về trị liệu trong vòng nửa năm xem sao. Sau đó, tôi nghĩ: “Chỉ uống thuốc thì chẳng có cách nào, vì trước kia lúc vừa mới phát bệnh nhẹ đã trị chẳng lành, hiện thời chữa trị chẳng phải là càng khó hơn hay sao?” Do vậy, ngay khi ấy tôi bèn suy nghĩ: “Vẫn là cầu Phật, Bồ Tát thì tốt hơn”. Như thế thì một mặt tự mua thuốc về uống, một mặt dạy cháu nó sáng tối cầu Phật lực gia bị. Không ngờ bệnh thặng suốt mấy năm khó thể trị liệu, chỉ trong hơn hai tháng ngắn ngủi đến nay đã khỏi hẳn. Ai có thể tin tưởng loại kỳ tích này? Nói thật ra, ngay cả bác sĩ cũng cảm thấy rất kỳ quái! Tôi nghĩ nếu chẳng do cầu Phật, Bồ Tát cứu trị, chỉ sợ hiện thời vẫn chẳng khá hơn được. Do vậy, tôi hết sức cảm tạ ơn Phật.

Đứa con gái bé ấy cầu Phật cứu trị như thế nào? Thoạt đầu, tôi sợ trẻ nhỏ chẳng kiên nhẫn, không chịu lễ bái hằng ngày. Cho nên tôi nói trước với nó về Phật lực vô biên. Vì sanh mạng, chỉ có cách cầu Phật, Bồ Tát. Đồng thời cổ vũ, dạy cho nó một phương pháp đơn giản, thuận tiện nhất. Buổi sáng sau khi đánh răng, rửa mặt, tới trước bàn Phật, chí tâm lễ niệm “*Nam-mô A Di Đà Phật*” sáu lạy, lễ niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” sáu lạy, tất cả là mười hai lạy. Sau đấy, lại quỳ niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” một trăm lần. Buổi tối, trước khi ngủ, lễ niệm “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*” ba lạy, lại quỳ niệm “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*” một trăm lần. Hằng ngày cứ lễ niệm và cầu như vậy, mới hơn hai tháng, bệnh đã khỏi hẳn. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

3. Sự cảm ứng cứu khổ của Địa Tạng Bồ Tát

Hoàng Trí Đức ghi

Khi bé, người khác gọi tôi là Khoái Lạc Tiên Tử, trong trường thì có biệt hiệu là Tiêu Khí Hoàn (消氣丸, hoàn thuốc tiêu giận). Dù trời sụp xuống, hay núi lở đều chẳng quản. Sống vui sướng, vô ưu, vô lự như một con chim nhỏ tiêu dao, bay lượn trên không, làm gì có ưu sầu, khổ não? Nhưng nay đã già, đã có kinh nghiệm sống, nói chung là khổ nhiều vui ít! Nếu chẳng có khổ, vì sao lại cất tiếng khóc chào đời chẳng ngừng như thế? Đó là khởi đầu của nỗi khổ. Đức Phật dạy: “*Hoặc nghiệp là nhân, kết thành khổ quả trong đời người*”. Tôi từng nghe lão pháp sư Thụy Kim khai thị, Sư nói: “*Đời người giống như một tấm vải trắng, bị vấy*

mục mà ô nhiễm. Cần phải dùng nước sạch gột rửa dần dần thì mới thanh tịnh được. Do vậy, ắt cần phải thường niệm Phật. Phật thương xót chúng sanh, khiến cho tâm tánh tội ác trong đời người sẽ dần dần thanh tịnh thì mới có thể lìa khổ não”.

Tháng Tám năm ngoái, Trí Nhi về nhà, bạn nó là bác sĩ Lý đến thăm. Tôi thừa dịp hỏi anh ta: “Cổ tôi có cảm giác hít thở không thông. Có lúc ngay cả một ngụm nước cũng chẳng thể nuốt xuống được, đó là vì lẽ nào?” Bác sĩ Lý quan sát kỹ càng rồi bảo: “Tốt nhất là nên tới bệnh viện kiểm tra”. Tôi theo lời khuyên của bác sĩ Lý tới bệnh viện Sùng Hoa, được bác sĩ Dương Mẫn khám bệnh. Ông ta nói các bộ phận thân thể đều bình thường, tốt nhất là nên chiếu X-quang cổ họng thì mới biết. Khi tôi chụp X-quang, ôi! Đáng ngại quá. Kết luận là giữa thực quản và khí quản đã nảy sanh một khối gì đó không biết. Trải qua ba vị bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán, tới cuối cùng, quyết định chẳng thể nào không mổ. Tôi vừa nghe nói phải mổ xẻ, không khỏi kinh hãi! Chính mình suy nghĩ: “Tuổi đã ngoài sáu mươi, mà còn phải mổ xẻ, đúng là nguy hiểm quá, vẫn là thuận theo tự nhiên đi!” Về nhà, kể lại tình hình cho con cái biết. Vĩ Nữ nói: “Bất luận như thế nào, phải nên báo tin cho Học Nhi và chị Ung” (họ đều là con gái của tôi). Nhưng con cái nhất trí chủ trương nghe theo ý kiến mổ xẻ của bác sĩ. Tôi không lay chuyển được họ. Học Nhi quay về ngay hôm đó, quyết định đưa tôi vào bệnh viện. Vào bệnh viện là một phen súc ruột, đo nhiệt độ, đủ loại thủ tục. Chín giờ sáng hôm sau, đưa vào phòng giải phẫu, trải qua Từ Môn Quan. Năm vị bác sĩ, hai vị y tá, bảo tôi nằm trên chiếc giường lạnh ngắt, tay chân bị cột chặt, muốn động đậy cũng chẳng được. Hai mắt nhắm chặt, niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Tới chín giờ mười lăm, bác sĩ Hermosisima bước vào, chích một mũi thuốc mê, tôi bèn ngủ mê mết. Sau đấy, bác sĩ Hermosisima mổ xẻ, tỉ mỉ kiểm tra, rốt cuộc cắt bỏ vật chướng ngại. Hơn bốn tiếng đồng hồ mới hoàn tất ca mổ, vật ấy dài hơn bảy tấc. Sau đó, tôi dần dần tỉnh lại, mở mắt ra đã thấy mình nằm trong phòng bệnh. Vây quanh bốn phía là mấy cô con gái và thân hữu. Tôi tự thở dài một hơi! Thật sự cảm khái là ngàn vạn phần lại sống tiếp một đời. Toan mở miệng nói chuyện, nhưng không thể phát ra âm thanh, lệ già lập tức tràn mi! Học Nhi vội tiến tới an ủi, muốn tôi hãy bình tâm tĩnh dưỡng. Khi đó, tôi biết trên cổ, chỗ yết hầu đã khoét một cái lỗ, đặt một dụng cụ hình tròn bằng kim loại tại đó, có thể giúp tôi hô hấp, nhưng cảm thấy hết sức không thoải mái. Theo lời bác sĩ nói: Sau khi mổ, sẽ cảm thấy hết sức bực bội. Cháu Tích Hy rất cẩn thận ở cạnh tôi suốt đêm. Rất may

mẩn là ngủ yên tới sáng. Trong lúc nằm bệnh viện, ngày đêm đều có y tá và các cô con gái thay phiên chăm sóc.

Sáng ngày Mười Tám, bác sĩ đi kiểm tra bệnh nhân một vòng, vào phòng bệnh của tôi, bảo: “Quá trình mổ của bà khá thuận lợi, rất tốt. Bà cũng rất dũng cảm, tĩnh dưỡng vài bữa sẽ khỏi”. Tôi có gì để nói nữa? Chỉ đăm đăm cười khổ mà thôi! Trong thời gian nằm tại bệnh viện, được pháp sư Duy Từ, linh mục Thẩm từ trung học Thánh Tâm, các bạn thân, và các thiện hữu Phật giáo tới thăm, chân thành quan tâm, khiến tôi ghi khắc sâu đậm trong lòng. Còn có các bạn bè thuộc nhóm Tự Do Tổ Quốc gửi thư an ủi, hy vọng khi thân thể tôi khỏe trở lại, sẽ sang Đài Loan một chuyến. Tôi rất vui, chấp thuận lời mời của bà ta, vì tôi đã dự tánh ghé thăm Di Lạc Nội Viện ở Tịch Chi để chiêm ngưỡng nghi dung toàn thân của Từ Hàng đại sư⁵². Đây cũng là một trong các nguyện vọng của tôi.

⁵² Thích Từ Hàng (1893-1954), tên thật là Ngải Kế Vinh, tự là Ngạn Tài, người huyện Kiến Ninh, tỉnh Phước Kiến. Sư là vị Tăng sau khi mất đã lưu lại nhục thân bất hoại đầu tiên tại Đài Loan. Sư mồ côi mẹ năm bảy tuổi, do nhà nghèo, chỉ được học trường tư bảy năm rồi thôi. Từ lúc mười ba tuổi, Sư đã học nghề may để giúp gia đình. Do từng đến các chùa may Tăng phục, Sư đã manh nha ý niệm xuất trần. Năm 17 tuổi, sau khi cha mất, Sư đến đình Nga Mi ở Thái Ninh, xin xuất gia theo Tự Trung thượng nhân. Năm 1911, Sư sang Cửu Hoa Sơn thọ Cụ Túc Giới, rồi xin thầy cho đi tham học các nơi. Sư từng theo pháp sư Đệ Nhàn nghe giảng kinh một thời gian, và học Tịnh Độ với trưởng lão Độ Ách. Năm 1927, Sư vào học tại Mân Nam Phật Học Viện ở Hạ Môn, do trình độ văn hóa quá kém, từng bị pháp sư Đại Tỉnh quở trách nặng nề. Tuy vậy, Sư vẫn mong thân cận Thái Hư đại sư. Năm 1929, lại theo học khóa Huấn Luyện Tăng Già do Thái Hư đại sư tổ chức ở Tỳ Lô Viện Nam Kinh. Khi đó, Thái Hư đại sư sang Tây Âu, chương trình học do cư sĩ Đường Đại Viên là một học giả Duy Thức đảm nhiệm. Vì thế, Sư đã có nhân duyên học Duy Thức. Cùng năm, Sư được mời làm phương trượng chùa Nghênh Giang ở An Khánh, và tiếp tục học Duy Thức với hai vị Pháp Phảng và Đường Đại Viên. Năm 1931, sau khi tham bái Ấn Độ, Sư sang Miến Điện hoàng pháp tại Ngưỡng Quang (Rangoon). Năm 1933, Sư sáng lập Trung Quốc Phật Học Hội tại Ngưỡng Quang. Từ năm 1924, Sư trở về Hương Cảng theo chân Thái Hư đại sư hoàng pháp khắp nơi. Do tinh cần, Sư tiến bộ nhanh chóng và được Thái Hư đại sư tán thưởng. Năm 1948, Sư sang Đài Loan theo lời mời của lão hòa thượng Diệu Quả chùa Viên Quang, sáng lập Viên Quang Phật Học Viện. Do số học Tăng từ Đại Lục lánh nạn sang quá đông, và bất đồng ý kiến với ngài Diệu Quả, Sư giao học viện cho pháp sư Viên Minh tiếp quản, dẫn một số học Tăng đến chùa Linh Tuyên ở Cơ Long, tham gia Linh Tuyên Phật Học Viện. Nhưng do khó khăn kinh tế, không lâu sau, Linh Tuyên Phật Học Viện ngưng hoạt động. Năm 1949, Sư dẫn các học Tăng đến chùa Linh Ân, lại bị vu cáo là gián điệp của Hoa Lục, cho nên bị bỏ tù. Giới Phật giáo Đài Loan thời ấy lãnh đạm không giúp đỡ, may nhờ các cư sĩ Đồng Chánh Chi, Tôn Trương Thanh Dương, Lý

Ngày thứ tám, được bác sĩ cho phép xuất viện, tĩnh dưỡng tại nhà, nhưng vẫn cần phải trị liệu bằng phương pháp điện liệu. Bác sĩ điện liệu Canoy quan sát cẩn thận, bảo: “Tốt nhất là phải kiểm tra lần nữa. Chụp X-quang, thử máu, dựa trên tỷ lệ độ tuổi, và kết quả kiểm tra, ắt cần phải điện liệu hai mươi ngày. Mỗi ngày là mười phút, chớ nên gián đoạn”. Tám giờ sáng mỗi ngày, Ung Nữ đưa tôi đi điện liệu. Tôi nhớ là sau khi dùng phương pháp điện liệu mười ngày, thân thể suy nhược, tinh thần bải hoải, tứ chi vô lực, cổ họng bị tổn thương, một hớp nước cũng uống không nổi! Sức cùng lực kiệt, chóng đỡ không nổi, mơ màng như người chết rồi, thân thể sút mất ba mươi mấy pounds. Mọi người đều lo cho tôi, tôi cũng chẳng muốn tiếp tục điện liệu, nhưng hai vị bác sĩ chủ trị không chịu. Nếu ngưng, chẳng phải là phí sạch công sức trước kia hay sao? Sau đó, họ lại châm chước nghiên cứu, mới kê toa chích thuốc bổ để giúp tăng thể lực, tiếp tục điện liệu cho đến ngày thứ hai mươi. Nỗi khổ này đúng là chẳng thể nói nổi!

Một kiếp này qua một kiếp khác, hãy còn có kiếp khác chờ sẵn, ngày nào cái dụng cụ giúp hô hấp bằng kim loại gắn ở cổ mới tháo bỏ? Thời gian đã hơn năm tháng rồi, bác sĩ vẫn nói chẳng thể bỏ ra, tôi cả thấy lo sâu rất sâu! Rốt cuộc tới lúc nào mới có thể bỏ? Rất bận lòng! Trong những ngày lo rầu, chỉ có cách dùng tâm kiên thành cầu khẩn, cầu Phật từ bi thương xót đặc xá tội chướng của tôi. Tôi nhớ sáng sớm ngày Hai Mươi tháng Giêng, tôi ngồi bên ghế, nhắm mắt tụng niệm thần chú Chuẩn Đề, bỗng dừng nghe thấy có người bảo tôi: “Bội Hành ơi! Túc nghiệp của con chưa tiêu trừ!” Tôi kinh hoảng mở mắt ra nhìn. Ôi! Đó là Địa Tạng Vương Bồ Tát, nhưng rất nhanh, hình tượng Bồ Tát không thấy nữa. Vì thế, tôi vội đến quỳ gối trước tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát, thành tâm cầu sám hối, nguyện Bồ Tát từ bi đặc xá nghiệp chướng của tôi! Lúc ấy, tôi liền lập tức phát nguyện niệm kinh Địa Tạng Bồ Nguyện mười bộ, cầu nguyện Bồ Tát giải trừ nghiệp chướng của tôi.

Từ ngày Hai Mươi Sáu tháng Giêng, bắt đầu niệm thầm, thật linh nghiệm, niệm đến bộ thứ năm thì dụng cụ giúp hô hấp nơi cổ của tôi

Tử Khoan và pháp sư Bân Tông tận lực giúp đỡ, Sư mới được thả. Sau khi ra khỏi tù, cuộc sống Ngài rất khôn khó, ăn nhờ ở đậu, các tín đồ đã thỉnh Ngài về Indonesia, nhưng Ngài không bỏ được các học Tăng. Năm 1950, do lời mời của tỳ-kheo-ni Huyền Quang thuộc Tỉnh Tu Thiền Viện, Ngài đến đó dạy học và sáng lập Di Lạc Nội Viện. Đó là Phật Học Viện quy mô nhất tại Đài Loan thời ấy. Sư cho rằng giáo dục, văn hóa, và từ thiện là ba cột trụ của Phật giáo, nồng nhiệt kế thừa di chí của Thái Hư đại sư.

được gỡ bỏ. Khi bác sĩ ra tay tháo dụng cụ giúp hô hấp, tôi hết sức khản trương, tâm tình vừa kinh sợ vừa hưng phấn, khó thể diễn tả! Tới ngày mừng Một tháng Hai, tôi đến chùa Định Huệ, được pháp sư Duy Từ từ bi cầu nguyện hồi hướng cho tôi trước Phật điện. Khi đó, miệng vết thương khỏi hẳn. Từ đây về sau, sáng tối mỗi ngày tôi đều đánh lễ Địa Tạng Bồ Tát, cảm tạ ân điển cứu khổ cứu nạn của Bồ Tát. Trong tâm vô lượng hoan hỷ, an ủi!

4. *Mộng thấy bà nội đã qua đời*

Nãi Viên ghi

Nhớ lại bà nội tôi đã qua đời từ nhiều năm trước, cụ chẳng giống như trong tiểu thuyết mô tả lão thái phu nhân, “*hưởng phước trời, ngâm kẹo chơi đùa với cháu*”. Tuổi già, do không cẩn thận, cụ vấp ngã, nhiều năm nằm bệnh trên giường. Ăn, uống, cử động, đều phải do con cháu chúng tôi luân phiên chiếu cố để sống hết kiếp thừa. Khi tôi học lớp Sáu Tiểu Học⁵³, chị cả đang học tại đại học Trung Nguyên, đem kinh Phật trân quý từ Phật Học Xã về, cũng nói cho chúng tôi biết Phật pháp chưa từng nghe qua. Lúc ấy, tôi hứng thú tột bậc nồng hậu. Mỗi tối, đều ấn định chính mình tụng phẩm Phổ Môn, chú Đại Bi, hay xưng niệm mấy trăm câu Phật hiệu. Lễ Phật xong mới làm bài tập. Trong tâm cảm thấy rất vui sướng, cũng thường hướng đến mấy vị bạn học thân thiết giảng nói sự vĩ đại, sâu mầu của Phật pháp. Lâu ngày, vào lúc tan học hoặc ngày nghỉ, mấy cô đó đôi khi tới nhà của tôi cùng nhau niệm Phật, lễ Phật, tụng kinh.

Vào một đêm nào đó, khi tôi đang học lớp Bảy, tôi mộng thấy bà nội qua đời đến tìm tôi. Cụ vác một cái bụng to dường như sắp sanh. Tôi lập tức nghĩ tới trong phẩm Phổ Môn có nói: “*Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức, trí huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ, túc thực đức bốn, chúng nhân ái kính*” (Nếu có nữ nhân, muốn cầu sanh con trai, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ sanh con trai phước đức và trí huệ. Nếu muốn sanh con gái, sẽ sanh con gái đoan chánh có đức tướng, đã gieo cội đức từ trước, mọi người yêu kính). Tôi tột bậc vui thích, vội nói với bà nội đã ly biệt một năm: “Bà phải mau niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Như thế thì đứa bé sanh ra mới

⁵³ Theo quy chế của Đài Loan, lớp Sáu vẫn tính là cấp Tiểu Học.

có bộ dạng trắng mập, đáng yêu”. Bà nội hỏi tôi: “Phải niệm như thế nào, ta không biết!” Tôi chấp hai tay lại, nói: “Phải rất thành khẩn niệm Nam-mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn quảng đại linh cảm Quán Thế Âm Bồ Tát...” Chẳng ngờ cụ thật sự niệm theo tôi, nhưng niệm chưa được vài câu, cụ không niệm nữa. Đột nhiên, mặt cụ xanh lét, hốc mắt cụ biến thành đen thui, lộ ra vẻ mặt hung tợn, đáng sợ, vươn hai tay bầu chặt cổ tôi chẳng buông. Tôi sợ tới mức ngã quy xuống đất, một mực giãy dụa cố thoát khỏi bà. Nay nghĩ lại, cụ là ngạ quỷ hống bé như kim, bụng to như cái chum! Khi tỉnh lại, tâm vẫn hoảng sợ muôn phần. Đợi tới tảng sáng, khẩn cấp đem chuyện gặp bà nội trong mộng đêm qua hỏi chị cả. Chị nói: “Có thể là sau khi bà nội qua đời, còn ở trong quỷ đạo hoặc địa ngục chịu khổ, biết em mỗi ngày tụng kinh, cho nên đến báo mộng với em, hy vọng cứu cụ. Em có thể tụng kinh Địa Tạng hồi hướng cho bà nội”.

Trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên có nói: *“Nhược vị lai thế, chư chúng sanh đặng, hoặc mộng, hoặc寐, kiến chư quỷ thần, nãi cập chư hình, hoặc bi, hoặc đê, hoặc sầu, hoặc thán, hoặc khủng, hoặc bố, thử giai thị nhất sanh, thập sanh, bách sanh, thiên sanh quá khứ phụ mẫu, nam nữ, đệ muội, phu thê, quyến thuộc, tại ư ác thú vị đắc xuất ly, vô xứ hy vọng phước lực cứu bạt, đương cáo túc thế cốt nhục, sử tác phương tiện, nguyện ly ác đạo”* (Nếu trong đời vị lai, các chúng sanh hoặc mộng寐, thấy các quỷ thần và các hình tướng, hoặc buồn, hoặc khóc, hoặc sầu, hoặc than, hoặc sợ, hoặc hãi, đầy đều là cha mẹ, con cái, em trai, em gái, chồng, vợ, quyến thuộc trong một đời, mười đời, ngàn đời trong quá khứ, không có chỗ mong cầu phước lực cứu vớt, đến báo với người ruột thịt trong đời trước để họ tạo phương tiện, nguyện lìa ác đạo). Xem hết đoạn này, [nhớ lại] khi bà nội qua đời, nghiêng răng, nghiêng lợi, bộ dạng đáng thương lại hiện ra trước mắt tôi. Buổi tối, trước hôm bà nội qua đời, cụ mộng thấy ông nội đã qua đời ở bờ sông bên kia gọi bà, hướng về bà ngoắc tay, muốn bà qua đó. Bà nội thật sự xắn ống quần lội qua.

Kinh Địa Tạng dạy: *“Thị Diêm Phù Đề hành thiện chi nhân, lâm mạng chung thời, diệc hữu bách thiên ác đạo quỷ thần, hoặc biến tác phụ mẫu, nãi chí chư quyến thuộc, dẫn tiếp vong nhân, linh lạc ác đạo”* (Người làm lành trong cõi Diêm Phù Đề này, khi mạng sắp hết, còn có trăm ngàn quỷ thần trong ác đạo, hoặc biến thành cha mẹ, cho đến các quyến thuộc, tiếp dẫn người mất, khiến cho người ấy rơi vào trong ác đạo). Sáng hôm sau, cụ có kể cho chúng tôi tình hình mộng thấy ông nội

đã mất. Lúc đó, chúng tôi chưa học Phật, hoàn toàn chẳng biết đây là điềm báo bà nội sắp mất.

Sáng sớm ngày kế đó, trước khi tôi đem bữa sáng đến, phải vén mùng lên trước. Khi tôi vén mùng lên để dọn dẹp, nhận thấy bà nội sắc mặt không đúng: Hai mắt trợn trừng, lộ vẻ phần nộ, răng nghiến chặt cắn hận, thở dôn dập. Khi đó, tôi mới học lớp Năm hay lớp Sáu Tiểu Học, một luồng cảm giác hoảng sợ bọc lấy trái tim, vội chạy vọt ra cửa, phóng lên lầu nói với cha. Cha xuống nhà, thấy bà nội có thái độ khác hẳn bình thường như thế, khẩn trương lo lắng, nhẹ giọng nói chuyện với bà. Dường như bà muốn nói, hiềm rằng hàm răng như bị sức mạnh khớp chặt, không hé ra được. Bà càng lúc càng thống khổ, hô hấp càng khó khăn, vẻ mặt cũng càng khó coi, khiến cho người khác sợ hãi... Do bà nội trước đó đã có ông nội mất nhiều năm vầy gọi, sau đó lại dùng tướng mạo khi chết để phán đoán, chắc chắn là cụ ở trong ác đạo chịu khổ, chẳng thể ngờ chi!

Khi bà nội lâm chung, tôi chưa học Phật, chẳng biết phải nhanh chóng trợ niệm vãng sanh. Chết rồi, trong vòng bốn mươi chín ngày, cũng chẳng thỉnh bậc cao tăng hữu đạo siêu độ bạt tiến. Nay đã biết chỗ bà nội sanh về, trong tâm tôi thật khổ sở, đau đớn. Vì thế, phát tâm nhất định phải cứu bà nội khỏi cảnh nước sâu, lửa bỏng, khiến cho thần thức của cụ thoát khỏi đường khổ. Tôi hành theo lời dạy trong kinh Địa Tạng: *“Chí tâm tụng đọc kinh, hoặc thỉnh nhân đọc, kỳ số tam biến, hoặc thất biến. Như thị ác đạo quyến thuộc, kinh thanh tất thị biến số, đương đắc giải thoát”* (Chí tâm tụng đọc kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc, đủ số ba lần hoặc bảy lần. Quyến thuộc trong ác đạo như thế, khi tiếng tụng kinh đủ số lần, sẽ đều được giải thoát). Từ hôm đó trở đi, mỗi đêm sau khi ăn xong, tắm rửa xong xuôi, tôi nhất định đánh răng, rửa tay, thắp hương, chí thành cầu nguyện, hằng ngày kiên thành tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện. Sau khi tụng xong mỗi quyển, nhất định hồi hướng cho bà nội, cầu nguyện Phật quang gia bị, sớm ngày giải thoát, vãng sanh đường lành. Tụng như thế khoảng chừng mấy chục lần, trong đêm chẳng còn mộng thấy dáng vẻ cắn hận của bà nội nữa!

Cảm ơn sức từ bi cứu bạt của Địa Tạng Vương Bồ Tát, cũng cảm kích giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên nói tám vạn bốn ngàn pháp môn để thích ứng với các loại nhu cầu và căn khí khác nhau của chúng sanh, bọn chúng ta trong đời sau mới biết các vị đại Bồ Tát, đáng có tâm đại từ bi là Quán Thế Âm Bồ Tát, đáng có sức chí nguyện to lớn là Địa Tạng Vương Bồ Tát, đại trí huệ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, đại hạnh

nguyện Phổ Hiền Bồ Tát v.v... ở trong thế gian khổ sở cùng cực này mà giáo hóa, cứu độ hết thảy chúng sanh. Rất may mắn đời này chính mình có thể học Phật, nhận biết Phật pháp, mới có thể tụng kinh hồi hướng cho bà nội. Nhưng toàn bộ nhân loại trên địa cầu, cùng với chúng sanh luân hồi trong lục đạo quá nhiều, người có thể nghe nói Phật pháp quá ít! Đức Phật từng nói: *“Đắc nhân thân như đảo thượng trần, thất nhân thân như đại địa thổ”* (Được thân người như đất trên móng tay, mất thân người như đất trên đại địa). Hãy nên biết: Hễ đánh mất thân người, vạn kiếp chẳng có lại được! Ở trong tam ác đạo, muốn học Phật, tinh tấn hành trì, khó khăn như thể từ dưới đất mà toan lên trời. Đáng buồn thương cỡ nào! Viết đến đây, tôi nhớ sự phụ Thánh Khai thượng nhân đã phát đại nguyện: *“Mong đời đời kiếp kiếp ở trong thế giới Sa Bà hóa độ chúng sanh, làm phu quét đường, quét dọn ô uế của nhân gian, mãi cho đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, hình thành Tịnh Độ trong nhân gian, hoan nghênh Di Lặc Bồ Tát giáng hạ nhân gian thành Phật”*. Mỗi khi nghĩ đến điều này, nội tâm tôi khôn ngăn cảm động. Nghĩ đến Bồ Tát đạo khó hành, chúng sanh khó độ (“nội chúng sanh” của chính mình và “ngoại chúng sanh” tức chúng sanh bên ngoài), lúc nội tâm phóng dật, chỉ cần nghĩ tới tinh thần đại Bồ Tát chẳng sợ gian khổ của sự phụ, *“có thể nhẫn điều khó nhẫn, có thể hành điều khó hành”*, trong tâm thật sự có nỗi hổ thẹn chẳng thốt lên lời và lòng ngưỡng mộ, bèn nhanh chóng càng thêm dụng công, luôn nhắc nhở chính mình. Sanh mạng rỉ mắt từng giọt theo mỗi bước chân, ngày lại qua ngày, lại trải qua bao nhiêu năm tháng, bà nội tôi mất đến nay đã chuyện thuộc sáu bảy năm trước rồi. Chỉ nguyện lão nhân gia sớm được siêu sanh, sanh về chốn lành, đời sau được tinh tấn học Phật. Cũng cầu nguyện trong đời này và đời sau, cho đến trong đời tương lai, có càng nhiều ngàn vạn người phu quét đường, cùng nhau quét dọn dơ bẩn trong nhân gian, xiên dương chân đế Phật pháp, mong cho Phật pháp như mưa ngọt trong lúc hạn hán rưới khắp tam thiên đại thiên thế giới.

5. Địa Tạng Bồ Tát báo mộng

Thanh Hà ghi

Mùa Hè năm trước, tôi theo mẹ đến miền Trung thăm dì họ đã nhiều năm chẳng gặp. Vừa vào cửa, thấy chính giữa phía trên bàn thờ trước sảnh, thờ hai bức thánh tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát. Trước tượng, khói hương vờn tỏa, có không khí rất trang nghiêm. Tôi liền chấp

tay cung kính, hướng về Bồ Tát xá, trong tâm cảm thấy vui sướng vì dì họ đã biết thờ Bồ Tát. Lễ xong, liền ngồi trên ghế hỏi dì họ: “Dì họ ơi! Dì quy y Tam Bảo đã lâu chưa?” Bà lộ vẻ vui sướng, cười nói: “Đúng là cảm tạ mười phương Phật, Bồ Tát gia bị. Nếu chẳng có duyên với Phật, cái mạng già của dì đã sớm vào địa ngục rồi!” Tôi không hiểu ý bà, dùng ánh mắt nghi ngờ nhìn dì họ, hỏi: “Do nhân duyên gì khiến cho dì quy y Tam Bảo? Chẳng ngờ trong vài năm, dì họ thay đổi nhiều như vậy!” Bà lặng ngẫm thánh tượng Bồ Tát, nhớ lại, kể lể: “Đó là chuyện mấy năm trước. Dì đến nhà bạn thăm viếng, nhận thấy nhà bà ta có thờ một pho thánh tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát, trong tâm hết sức hoan hỷ, bất tri bất giác chấp tay lễ bái. Sau đó cũng quên mất chuyện đó!”

Bà nói: “Hàng năm, bất luận nhằm dịp khánh đản vị thần nào, chúng tôi luôn giết rất nhiều súc vật để cúng tế. Ngày Hai Mươi Ba tháng Ba Âm Lịch hai năm trước chính là sanh nhật của Ma Tổ Thánh Mẫu (Thiên Hậu Nguyên Quân), mỗi nhà đều sát sanh cúng bái. Chúng tôi là nhà giàu có, lại là tín đồ kiên thành của Ma Tổ, đương nhiên là giết gà vịt càng nhiều hơn nhà khác, nấu bàn tiệc tới hai mươi món ăn mặn tuyệt ngon để đãi đằng thân bằng hảo hữu. Tâm dì tự nhiên là mười phần cao hứng, cứ nghĩ: “Lần này mở tiệc lớn đãi thân hữu, kể như đã trọn hết lòng thành của kẻ làm tín đồ, Ma Tổ sẽ ngấm ngấm phù hộ, ban phước cho cả nhà dì”. Mọi người tận tình hưởng thụ, ăn uống vui quên trời đất. Đại khái tám giờ hơn, khách khứa về nhà cả rồi. Dì vì tiếp đãi khách khứa, gọi nọ, gọi kia, bận bịu suốt cả ngày, đúng là quá mệt mỏi. Tắm rửa bằng nước ấm xong, liền lên giường nằm, nhưng chẳng biết sao, lăn qua lộn lại, vẫn chẳng ngủ được! Vốn là đêm sâu tĩnh lặng, bỗng dưng mưa to, sấm rền, trong tâm dì đột ngột hoảng sợ. Trong mơ hồ, cảm thấy trong nhà tràn ngập mùi máu tanh, lại tự hồ nghe tiếng gà, vịt, ngỗng kêu oan quang quác từng đợt đập vào tai. Dì cảm thấy muốn nôn, hít thở khó khăn, muốn kêu nhưng lại chẳng thể thốt ra tiếng được! Toàn thân cảm thấy tê liệt, trần trọc khó yên, bất tri bất giác mê lịm đi!

Sáng sớm hôm sau tỉnh lại, chỉ cảm thấy toàn thân đau đớn, tứ chi vô lực, chẳng thể động đậy, hai mắt đen thui, sắc mặt xanh lè, cứ như vậy ngã bệnh nặng một trận. Mê man, bất tỉnh trên giường bệnh, thở thoi thóp. Trong lúc mê man, dì tự hồ rơi vào một cái hố sâu tối đen không đáy. Dì kinh hoàng, sợ hãi, khóc âm lên, ai oán. Bỗng dưng từ trên đỉnh hố sâu, một đạo quang minh vạn trượng bắn thẳng vào thân dì, khiến cho dì bớt sợ hãi, được an ổn. Một vị xuất gia, mặt như trăng tròn, thân đắp y ca-sa từ trong luồng sáng giáng hạ, nắm tay dì, cứu khỏi hố sâu. Dì theo

vị sa-môn tới một chỗ trống trải sáng sủa. Ngài nhẹ giọng bảo dì: “Ta là Địa Tạng Vương Bồ Tát mà mấy năm trước bà đã cung kính lễ bái tại nhà người bạn. Bà do tội sát sanh nặng nề, các con vật tìm bà đòi mạng, chẳng dung tha cho bà! Sau khi chết, đáng đọa địa ngục, chịu vô lượng khổ. Do bà một niệm chân thành, chiêm lễ thánh tượng Bồ Tát cảm vơi, khỏi đọa địa ngục, chịu các khổ báo. Nay bà còn có tội thừa nơi thân, từ nay trở đi, hãy nên sát son sát máu tội nghiệp, chớ tạo sát nghiệp. Hãy nên từ bi đối với sanh linh, rộng làm bố thí, khéo tích tập phước đức!” Nói xong, chẳng thấy đâu nữa.

Tỉnh lại, dì liền kể tình hình trong mộng cho người nhà nghe, mọi người bán tín bán nghi, chẳng biết là thật hay giả. Nhưng thấy hôm sau, tình hình trọng bệnh của dì có thể khởi tử hồi sanh, có thể nói là kỳ tích. Từ đấy về sau, dì vào chùa quy y Tam Bảo, thỉnh thánh tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát về thờ phụng. Hằng ngày, sáng tối lễ bái, xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, tới đến cung kính tụng một quyển kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, hồi hướng cho các súc vật bị giết oan sớm ngày siêu sanh đường lành. Từ đấy, chẳng còn nuôi súc vật, giết mổ sanh linh, và cũng thường xuyên cúng dường Tam Bảo, nghe Phật pháp, in tặng kinh sách chánh tín của Phật giáo để rộng kết Phật duyên, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, thường khuyên người khác làm lành. Cả nhà lớn nhỏ sống vui sướng, cũng được tiếng khen là gia đình kiểu mẫu, trở thành đối tượng được hâm mộ của hàng xóm chung quanh. Dì quả thật rất cao hứng, mà cũng hết sức hổ thẹn!”

Nói tới đây, dì họ cao hứng cười toe toét. Tôi nghe bà kể chuyện đã từng trải, Địa Tạng Vương Bồ Tát báo mộng khuyên người kiêng giết, khiến tôi tự nhiên sanh khởi tâm kính sợ làm theo. Ở đây, tôi kính khuyên các bà chủ gia đình, vẫn là chớ nên sát sanh cúng bái thì hơn! Nếu không, các sanh linh bị sát hại, nói chung, sẽ có ngày hướng về quý vị đòi nợ mạng. Khi đó, quý vị vào trong địa ngục. Nếu chẳng có duyên với Phật, làm sao biết cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát đến cứu vớt quý vị?

6. Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát nghe tiếng cứu khổ

Hành Ngọc ghi

Ngày Hai Mươi Một tháng Giêng năm Dân Quốc 49 (1960), tuy là mùa Đông, nhưng không có cảm giác rét buốt chút nào. Tôi trên thân chỉ mặc một cái áo khoác lông dê, cảm thấy rất nóng bức, nhưng lại chẳng thể cởi ra, vì tôi đã có dấu hiệu muốn cảm mạo. Đi làm không lâu, bỗng

nhận được tin của vị đại đức nọ ở Đài Bắc nhắn tôi đến tòa soạn tạp chí Bồ Đề Thu, thỉnh một quyển Phật Học Vấn Đáp của cụ Lý Bình Nam. Tôi là người tánh tình nôn nóng, đối với chuyện cần làm, không thể nào chẳng làm ngay. Vì thế, xin nghỉ một tiếng rưỡi, lê thân hình mệt mỏi đến chỗ tòa soạn tạp chí Bồ Đề Thu. Ánh nắng gay gắt nung nấu, khiến cho lưng tôi đầm mồ hôi. Tôi nghĩ thầm: “Toàn thân đầm mồ hôi, kể ra đối với chúng cảm mạo đâm ra giúp ích cho mình”. Vì thế, tôi vẫn không dám cởi cái áo lông ấy ra, đến chỗ tòa soạn tạp chí Bồ Đề Thu, tìm đại đức Châu Phi hỏi xin thỉnh quyển Phật Học Vấn Đáp của cụ Lý Bình Nam, khiến cho tôi rất thất vọng là ở đó đã chẳng còn quyển sách ấy.

Đi ngang Liên Xã, muốn bước vào, thì thấy lão cư sĩ Lại Lương Đổng dắt xe đạp ra. Cụ thấy tôi đi vào, liền quay xe trở lại, nói: “Tôi đang muốn tìm bà làm công đức”. Đồng thời còn lấy ra tờ Dân Thanh Nhật Báo (nhật báo Tiếng Dân) cùng ngày, còn chỉ vào trang thứ hai bảo tôi xem. Tôi đáp: “Cụ đúng là khó dò thật! Muốn tôi đến thì tôi đã đến rồi, có chuyện gì cụ cứ căn dặn đi!” Nhưng cụ nhất định muốn tôi ngồi xuống xem báo. Do tôi phải gấp rút quay về làm việc, chẳng có lòng dạ nào xem báo. Rốt cuộc, tôi tưởng người ta muốn tôi đi quyên góp; vì thế, thiếu kiên nhẫn nói: “Cụ Lại ơi! Nếu cụ muốn tôi viết lách đôi chút thì chẳng có vấn đề gì, chứ muốn tôi ra ngoài hóa duyên thì tôi không có cách nào đâu!” Cụ Lại bảo: “Xin bà hãy ngồi xuống, bà xem thử (cụ chỉ vào báo nói) rốt cuộc cần làm công đức gì?” Tôi nói: “Nếu chẳng phải muốn tôi viết đôi chút, thì còn có công đức gì có thể làm được?” Cụ Lại chẳng chờ tôi nói hết, bèn chặn ngang: “Tôi thấy trên Trung Phật Nguyệt San có đăng bài ca tụng sự tích linh cảm về kinh Địa Tạng của bà. Nay có một vị liên hữu cư sĩ tên là Kỷ Tam Toàn, gia cảnh hết sức nghèo túng. Ông ta đạp xe ba bánh và làm công nhân điện khí. Sau trận lụt ngày Bảy tháng Tám (năm 1959), ngay sau đó cha ông ta qua đời. Lúc đó, ông ta thử đủ mọi cách, tận lực giải quyết tang sự ổn thỏa, do vậy mắc nợ chồng chất. Nhất thời, chẳng có cách nào trả sạch nợ được! Chẳng phải là khổ càng thêm khổ ư? Nào ngờ họa vô đơn chí! Gần đây, khi ông ta làm việc trên cái cột điện cao hơn hai trượng, chẳng cẩn thận té xuống. Ôi chao! Người này vương nghiệp chướng quá nặng, xin bà phát tâm thay ông ta tụng mấy bộ kinh Địa Tạng, để tiêu tai miễn nạn thay cho ông ta, đúng là công đức vô lượng! Ngày hôm qua, tôi đã nói với Kỷ Tam Toàn rồi”. Tôi nghe cụ Lại từ bi nói cặn kẽ như thế, trong tâm không nhịn nổi nỗi niềm khổ sở. Vì thế, nhận lời từ ngày mai sẽ thọ

Bát Quan Trai, tụng kinh Địa Tạng cho vị liên hữu cư sĩ Kỷ Tam Toàn xa lạ kia, khiến cho ông ta sớm lành bệnh.

Khoảng chín giờ sáng ngày Hai Mươi Hai, tôi đến bệnh viện ngoại khoa Trưng Thanh ở phố Bình Đăng để thăm Kỷ cư sĩ. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi vào bệnh viện ngoại khoa thăm bệnh nhân, căng thẳng như đích thân vào địa ngục. Trong đó, những tình trạng lạ lùng xuất hiện đủ mọi vẻ; nhất là cái mùi khó ngửi xông sục khắp nơi. Tôi đành bắt lịch sự dùng khăn tay che mũi. Dưới tình huống ấy, đúng là chẳng muốn ở lại lâu, nhưng tôi lại chẳng thể không cố sức chịu đựng. Tôi tìm đến phòng bệnh số ba mươi, thấy một vài bệnh nhân đang nằm đó, tôi cũng chẳng nhận biết Kỷ cư sĩ. Thấy một bà cụ đi tới, hỏi thăm, mới biết cụ chính là mẹ của Kỷ cư sĩ, cụ bảo cho tôi biết giường bệnh của Kỷ cư sĩ. Thấy ông ta nằm bất động trên giường, tôi thảm niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, đến bên giường Kỷ cư sĩ hỏi: “Ông có ăn chay hay không?” Ông ta đáp: “Tôi chỉ ăn trai ngày mùng Một và Rằm”. Ông ta gầy trơ xương, âm thanh nói chuyện hết sức nhỏ yếu. Nhìn thấy bộ dạng của ông ta, nếu là lúc trước khi tin Phật, tôi sẽ nhất định hoảng hồn, bỏ chạy! Tôi nói: “Nếu ông có thể phát tâm ăn Thập Trai (ăn chay mười ngày), thời khắc niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc lớn tiếng, hoặc niệm thâm đều được; nhưng điều thiết yếu là phải chí thành khẩn thiết. Chỉ có như thế thì mới có thể cảm ứng đạo giao. Nay tôi sẽ thay ông tụng kinh Địa Tạng, tiếp tục tụng cho đến khi ông khởi hân mới thôi!”

Vì lòng thành khẩn của tôi, lúc đó, ông ta hết sức cảm động, lập tức rất kiên thành tiếp nhận ý kiến của tôi, muốn tôi viết ra mười ngày trai cho ông ta. Tôi nói; “Ngày mai là ngày Hai Mươi Bốn tháng Chạp, ông bắt đầu ăn Thập Trai đi!” Tôi lại hướng về bà cụ Kỷ nói: “Nhà cụ có thờ tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát, sau này hãy lễ bái nhiều hơn, niệm nhiều hơn, cầu Bồ Tát đại từ đại bi, phù hộ Kỷ cư sĩ chẳng bị tàn phế”. Tôi nói xen lẫn bập bẹ tiếng Đài Loan, cụ nghiêm nhiên có thể nghe hiểu. “Một nhà tám mạng hoàn toàn dựa vào nó nuôi sống”. Bà cụ Kỷ vừa nói, vừa vạch cánh tay trái bị thương do té của Kỷ cư sĩ cho tôi coi. Tôi giống như bị điện giật, sợ tới mức gần như đứng không nổi! Thấy cánh tay ấy, máu thịt đã trộn lẫn be bét, nghiêm trọng như tương thịt, chất máu đỏ pha sắc xanh không ngừng rỉ ra. Vợ ông ta đứng bên cạnh dùng giấy vệ sinh thấm máu rỉ ra. Tôi nghĩ: “Có thể trị lành nổi không?” Tôi ôm tâm trạng nặng nề, vội vàng trở về đi làm.

Trong lúc ban đêm khi tôi tụng kinh, bỗng dưng đau bụng như bị cắn. Đây là hiện tượng trước nay tôi chưa từng gặp kể từ khi tụng kinh đến nay; nhưng tôi vẫn nhìn đau tụng kinh đến hết. Tụng kinh xong, tôi cũng hết đau bụng. Có lúc do công việc bận rộn, cũng như chuyện nhà bận bịu, tôi thường mệt mỏi kiệt sức rồi, đúng là không xúc tinh thần lên nổi, nhưng khi nghĩ tới cảnh tượng Kỳ cư sĩ đang nằm trên giường bệnh, rên rĩ cầu cứu, rớt cuộc vẫn vực dậy tinh thần, kiên thành cung kính vì ông ta tụng kinh Địa Tạng.

Trưa ngày Hai Mươi Lăm Âm Lịch, tôi thỉnh một bức tranh cuộn thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát tới bệnh viện ngoại khoa Trùng Thanh. Một bệnh nhân khác thấy thánh tượng Bồ Tát trang nghiêm, thật tâm hoan hỷ tán thán. Ông ta đã sanh tâm hoan hỷ, tôi bèn trao thánh tượng cho ông ta, và giảng nói mười thứ lợi ích do thờ phụng thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát: *“Một là đất đai màu mỡ; hai là nhà cửa an bình, hưng thịnh; ba là người mất sanh lên trời; bốn là người còn sống tăng thọ; năm là ở cầu toại nguyện; sáu là không bị tai họa về lửa và nước; bảy là dứt bớt hư hao; tám là dứt sạch ác mộng; chín là ra vào có thân hộ vệ; mười là thường gặp gỡ cái nhân thuộc về bậc thánh”*. Đối với lời tôi nói, người ấy không chỉ tin tưởng, mà còn không ngừng hướng về tôi cảm tạ: “Thật cảm ơn nhiều lắm”.

Tôi đến chỗ bà cụ Kỳ, hỏi cụ: “Thương tích của Kỳ cư sĩ có khá hơn chút nào không?” Bà cụ Kỳ mặt đầy vẻ vui mừng, đáp: “Vết thương của Tam Toàn khá nhiều lắm”. Vừa nói vừa vạch chỗ vết thương cho tôi xem, tôi nhìn thấy bèn vui sướng, gần như nhảy cẫng lên. Tôi ôm lòng hoan hỷ, tán thán, buột mồm nói: “Địa Tạng Vương Bồ Tát quá linh nghiệm, thật sự quá linh nghiệm, chẳng phải vậy hay sao! Rõ ràng là té đến nỗi cánh tay thương tổn máu thịt lẫn lộn. Chẳng đầy vài ngày, cánh tay nghiêm nhiên phân định từng phần rõ ràng, đồng thời máu mủ chẳng tuôn ra nữa. Chuyện này thật sự quá chẳng thể nghĩ bàn!” Nói thật, nếu chỉ dựa vào sức thuốc men, sẽ chẳng thể bình phục nhanh như thế! Vài vị bệnh nhân cùng phòng bệnh cũng đồng thanh hoan hỷ tán thán. Kỳ cư sĩ mang về mặt kính ngạc, cảm kích nói với tôi: “Tôi mỗi ngày niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hơn ba trăm câu”. Tôi nói: “Tốt nhất là thời thời khắc khắc đều niệm”. Cuối cùng, tôi mang tâm tình khoan khoái rời khỏi bệnh viện ngoại khoa Trùng Thanh.

Mỗi dịp Chủ Nhật là cụ Lại cùng đại đức Hác Ân Hồng định kỳ vào nhà tù Đài Trung hoằng pháp. Tôi trông thấy cụ Lại, liền hỏi Kỳ cư sĩ đã khỏe hẳn chưa? Cụ nói: “Đỡ thì đỡ nhiều rồi. Bất quá, theo bác sĩ

nói, vẫn phải chụp X-quang, phải mổ hai lần để nối xương. Có chữa lành hay không thì vẫn chẳng nắm chắc, nhưng Kỹ sư sĩ lại chẳng có tiền...” Nghe ngụ ý của cụ, tôi khá cảm khái. Bệnh của Kỹ sư sĩ chẳng lành, trong tâm tôi có vô hạn áy náy và nỗi khổ sở riêng. Vì xét theo phương diện kinh tế, tôi tâm thì có dư, nhưng sức chẳng đủ, do tình nghĩa nhân đạo thôi thúc, sao không khiến cho tôi “buồn rầu, khổ não”. Sau khi về tới nhà, chuyện gì cũng chẳng muốn làm, cứ trầm ngâm suy nghĩ, có cách gì để Kỹ sư sĩ khỏi phải mổ hay không? Tôi tự nói: “Bạch Địa Tạng Vương Bồ Tát! Con cảm ơn lão nhân gia đã gia hộ cư sĩ Kỹ Tam Toàn lành ngoại thương, nhưng hiện thời tay trái vẫn chưa thể hoạt động. Theo bác sĩ thì còn phải mổ hai lần, mà vẫn chẳng dám chắc là sẽ hoàn toàn bình phục. Kỹ sư sĩ thật đáng thương, đệ tử cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát lại rủ lòng từ bi, dùng sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn phù hộ cho Kỹ sư sĩ chẳng cần phải mổ”. Tôi mỗi ngày cầu nguyện nhắc đi nhắc lại như thế.

Một tối thứ Tư, tôi nghe kinh tại Từ Quang Đồ Thư Quán, nghe bạn bè nói cụ Lại kiếm tôi. Tôi nghĩ ngợi, không biết Kỹ sư sĩ đã lành bệnh hay chưa. Tôi tìm cụ Lại, chẳng đợi cụ mở miệng, đã vội vã hỏi: “Kỹ sư sĩ đã xuất viện rồi ạ?” (Tôi thấy cụ cười mới yên tâm). Cụ đáp: “Kỹ sư sĩ đã xuất viện”. Tôi lại hỏi: “Mổ hay chưa?” Cụ đáp: “Nói ra cũng thật lạ lùng! Chẳng có mổ! Đột nhiên gặp một vị lão tiên sinh nối xương xoa nắn mấy lần bèn lành hẳn, có phải là bà hướng về Địa Tạng Vương Bồ Tát thưa bày hay không? Kỹ Tam Toàn muốn đến cảm tạ bà”. Tôi kể chuyện đối trước Địa Tạng Vương Bồ Tát cầu nguyện cho cụ nghe! Cụ vốn đã đang cười, càng cười vui hơn, tháo hẳn mắt kính xuống, nói thẳng: “Thảo nào! Đúng là chẳng trách được!”

“Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dùng sức thần thông hiện hình tượng Thanh Văn, là kho tàng các công đức vi diệu, là chỗ xuất sanh các trân bảo giải thoát, là mắt sáng sạch của các Bồ Tát, là mắt hướng dẫn đến Niết Bàn của bậc cao nhân, như châu Như Ý, mà các thứ tài bảo tùy lòng mong cầu đều được thỏa mãn, chiếu người làm lành giống như mặt trời rạng rỡ, soi người lạc đường giống như đuốc sáng, trừ nóng bức phiền não giống như vàng trắng thanh lương, làm cầu bên để vượt bốn dòng, làm thuyền bè để tiến đến bờ đối diện, hàng phục các ngoại đạo như sư tử chúa, hàng phục các thiên ma như [thanh gươm] đại long tuyền; bảo vệ những kẻ sợ hãi như người thân, như bè bạn, ngăn ngừa các oán địch như hào, như thành, cứu các nguy nạn ví như cha mẹ”. Đúng như trong phẩm mười ba Chúc Lụy Nhân Thiên của kinh Địa

Tạng Bồ Tát Bồ Nguyễn đã chép: “*Nhĩ thời, Thế Tôn cử kim sắc tỳ, hựu ma Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đánh, nhi tác thị ngôn: - Địa Tạng! Địa Tạng! Nhữ chi thần lực bất khả tư nghị, nhữ chi từ bi bất khả tư nghị, nhữ chi trí huệ bất khả tư nghị, nhữ chi biện tài bất khả tư nghị. Chánh sử thập phương chư Phật, tán thán tuyên thuyết nhữ chi bất tư nghị sự, thiên vạn kiếp trung, bất năng đắc tận*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng, lại xoa đầu Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, nói như thế này: - *Này Địa Tạng! Địa Tạng! Thần lực của ông chẳng thể nghĩ bàn, lòng từ bi của ông chẳng thể nghĩ bàn, trí huệ của ông chẳng thể nghĩ bàn. Biện tài của ông chẳng thể nghĩ bàn. Giả sử mười phương chư Phật tán thán, tuyên nói chuyện chẳng thể nghĩ bàn của ông, ngàn vạn kiếp chẳng thể nói hết được*).

Cười chia tay với cụ Lại, dù đêm đã khuya, tôi cung kính đối trước Phật, hướng về Địa Tạng Bồ Tát đánh lễ bốn mươi tám lạy. Sau đó tuôn lệ, ân cha mẹ khó báo, nhưng ân rộng lớn của chư Phật, Bồ Tát chẳng thể hạn lượng, chẳng có cách nào báo đền, chỉ có nhất tâm niệm Phật, thề gìn giữ hai chữ Trai Giới, cung kính hướng về Tây Phương Phật quốc, thành đạo Niết Bàn. Vì thế, tôi nhất định quy mạng đánh lễ. Nguyễn độc giả cùng niệm: “*Nam-mô đại nguyện đại từ đại bi thập luân bát khổ bốn tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát! Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát!*”

7. Nam-mô Minh Dương Cứu Chủ Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát

Hành Ngọc ghi

Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát đều là từ phụ, từ mẫu của chúng sanh khổ nạn, là chỗ nương tựa cho nhân gian lẫn địa ngục trong lúc này, trong đời này. Mỗi lần nghe tiếng xe cứu hỏa kéo còi, trong tâm tôi tức khắc cảm thấy bứt rứt dường như chính mình đang trải qua cảnh ấy. Nhớ lại hồi bảy tuổi, gia đình tôi gặp phải một trận hỏa hoạn rất dữ dội, lại còn cháy hai lượt, khiến cho tài sản trong nhà đều mất sạch. Cha tôi do lo âu mà ngã bệnh rồi mất, một gia đình mỹ mãn bị hỏa hoạn vô tình phá tan. Nguyên nhân gây cháy là vì hàng xóm ban đêm tụ tập bài bạc, kẻ hút thuốc lá thiếu cái tâm chú ý đạo đức công cộng, quăng tàn thuốc bừa bãi, gây nên hỏa hoạn. Bọn người cờ bạc ấy đúng là hại người chẳng cần! Vào năm Dân Quốc 42 (1953), cuộc sống của chúng tôi khôn cùng, con cái còn bé, thân thể suy yếu,

ting thần bị vùi dập, tôi như con sơn dương lạc đường, đi vào nhà thờ Công Giáo để nghe giảng đạo, dự lễ Misa trong nhà thờ Công Giáo, lại gần như gia nhập Nhất Quán Đạo. Lúc đó, họ bảo tôi ắt cần phải “*điểm khiếu*”, buộc tôi nộp ba chục đồng. Tôi chẳng có ba chục đồng, dẫn phát tức duyên của tôi, khiến tôi may mắn tiến vào Phật môn, chẳng tin Nhất Quán Đạo.

Thứ nhất là nghe kinh Địa Tạng Vương Bồ Tát Bồ Đốn Nguyệt, thứ hai là nghe phẩm Quán Âm Bồ Tát Phổ Môn, bất luận gió táp mưa sa, đều có thể buông xuống hết thấy phiền não, đến cung kính nghe mãi cho đến khi viên mãn. Nội tâm thanh lương, trong mộng thường nhìn thấy đại bi đại nguyện đại thánh đại từ bồ tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát và đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát ban cấp hỷ lạc khôn sánh. Đại khái là pháp hỷ sung mãn vậy!

1. Ngày mùng Một tháng Giêng năm Dân Quốc 45 (1956), tôi vâng lệnh tiếp nhận cửa hàng bán lẻ của trại giam Đài Trung (cửa hàng ở số 86 đường Tự Do, Đài Trung, đối diện với tòa án). Phàm là những sản phẩm do tù nhân làm ra như đồ mây, đồ mộc, đồ đan bằng cỏ, đồ dệt v.v... đều đem bán tại đó. Kiến trúc của cửa hàng mười phần đơn giản. Tôi ăn ở tại cửa hàng, gần như là chính mình buôn bán. Phòng ngủ tuy nhỏ, tôi đặt một cái giường đơn, chỗ còn lại để thờ Phật, dùng một chiếc màn vải ngăn lại. Phòng bếp nhỏ hẹp, trước cửa bếp là một cái bàn lớn để làm việc, bên cạnh có gắn phiếu đề giá là 250 đồng. Khi đó, tôi dùng bếp dầu hơi kiểu cũ. Có một chiều nọ, tôi không cẩn thận đổ đầy dầu vào bếp lò. Bếp lò đã lâu năm, sắp thành phế thải, nhưng tôi vẫn không vỡ đi. Tôi châm lửa nấu cơm, ra đằng sau rửa rau. Rửa sạch rau xong, thấy lửa bốc hừng hực, tôi gấp đến độ đem bếp đặt cạnh bàn công tác. Đang lúc chỉ mảnh treo chuông, bỗng đứa con lớn xông tới, tóm cái mền quân đội từ trên giường bọc lấy bếp lò, ném ra ngoài cửa. Lửa vẫn cháy hừng hực, người qua đường đều khoanh tay đứng nhìn. Đột nhiên, một thanh niên khoảng hai mươi tuổi chạy tới, lạng lẽ kiệt lực cứu giúp, còn dũng mãnh hơn đứa con cả của tôi, dập tắt lửa. Người xem đều tấm tắc khen ngợi. Khi tôi muốn cảm ơn người thanh niên ấy, đã chẳng thấy đâu nữa!

Khi tôi hốt hoảng đem bếp lò đang cháy bùng bực đặt cạnh bàn công tác, dầu từ trong bếp lò chứa đầy ắp, tràn ra khắp đất, bốn phía đều là các vật phẩm cần bán. Lửa đã đốt xém một góc tờ phiếu ghi giá tại bàn công tác. Cái bàn chẳng bị hư hại chút nào, bất cứ món của công nào cũng đều chẳng bị tổn hại tí nào. Chàng thanh niên ấy chẳng phải là hóa

thân của Địa Tạng Bồ Tát thì lại là gì đây? Tôi mỗi tháng lễ bái Địa Tạng Bồ Tát. Phẩm mười hai trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên có chép: *“Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục cầu hiện tại, vị lai bách thiên vạn ức đấng nguyện, bách thiên vạn ức đấng sự, dẫn đường quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, như thị sở nguyện sở cầu tất giai thành tựu. Phục nguyện Địa Tạng Bồ Tát cụ đại từ bi, vĩnh ủng hộ ngã. Thị nhân ư thụy mộng trung, tức đắc Bồ Tát ma đảnh thọ ký...”* (Nếu trong tương lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân đối với trăm ngàn vạn ức chuyện, chỉ nên quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, sở nguyện như thế thấy đều thành tựu. Lại nguyện Địa Tạng Bồ Tát sẵn lòng đại từ bi, vĩnh viễn ủng hộ tôi. Người ấy trong khi nằm mộng, liền được Bồ Tát xoa đầu thọ ký). Chuyện đã cách đây hai mươi năm rồi, chép lại chuyện linh cảm này, trong tâm vẫn nhớ rõ ràng từng điều như cũ. Nếu lửa to đốt sạch hàng hóa bày bán đến nỗi cháy lan sang phòng ốc lân cận, tôi nhất định sẽ bị kết tội, trải qua cuộc sống sau song sắt, bỏ lại đứa con thơ đáng thương, quả thật là chẳng thể tưởng nổi! Do sự kiện này, chưa từng bị cấp trên quở trách tiếng nào, viết đến đây, dòng lệ cảm ơn tuôn đẫm!

2. Ngày mùng Một tháng Năm năm Dân Quốc 57 (1968), tôi xin điều động làm giám thị tại trại giam thuộc tòa án Đài Bắc. Làm được một tuần, tôi đã phải xin nghỉ phép vì bệnh tình ác liệt, thường xuyên phải đến phòng khám bệnh thuộc nhà thương công, tức phụ khoa của Đài Đại Y Viện xin trị liệu, cũng như đủ loại thuốc chích, thuốc uống. Không chỉ chẳng có hiệu quả, mà bệnh chuyển biến càng tệ hơn. Tại phòng khám bệnh cho công chúng, cứ mỗi sáng thứ Tư, sẽ do vị bác sĩ nổi tiếng đầy uy tín về ngành phụ khoa là Từ Thiên Điền tới chẩn trị. Trời còn chưa sáng, đã có người trèo cửa sổ vào rút số đợi khám bệnh. Có khá nhiều phụ nữ từ miền Nam đến xin chữa bệnh. Trong lòng mỗi người, y thuật của ông Từ được coi trọng nhất. Đương nhiên, tôi cũng chẳng phải là ngoại lệ! Ông ta cho tôi kết quả sinh thiết là có bướu ở thành tử cung, nhất định phải mổ, vào nằm tại bệnh viện Đài Bắc do ông ta thành lập. Nằm viện hai mươi ngày, tôi một mực băn khoăn có nên mổ hay không? Các bạn đồng nghiệp tán thành tôi nên mổ để giảm bớt đau khổ: *“Nhất lao vĩnh dật”* (Một nhọc một lúc, an nhàn vĩnh viễn). Con cái thấy tôi bệnh tình trầm trọng cũng cực lực tán thành nên mổ. Tôi thà rằng chết, vẫn sợ mổ. Bác sĩ thấy tôi không chịu mổ, bảo tôi về nhà. Tôi

chỉ đành về nhà nằm trên giường, toàn thân đau đớn. Tôi lại hỏi hận vì sao chẳng mổ, lại muốn đi mổ. Tóm lại là bị mâu thuẫn dây dưa bất an!

Từ Đài Trung dọn qua Đài Bắc, đồ đạc lộn xộn, phòng ốc nhỏ hẹp, tượng Bồ Tát tôi sùng bái vẫn chưa được thờ phụng, nỗi đau khổ này lại chẳng biết khi nào mới chấm dứt. Trong lúc thần trí mê muội, tôi thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát ban cho một quyển kinh Địa Tạng Bản Nguyên. Tôi mới hoảng nhiên đại ngộ: Vì mong điều động về làm giám thị ở nhà tù thuộc tòa án Đài Bắc, tôi đã hướng về Bồ Tát hứa nguyện sẽ tụng một trăm lẻ tám bộ kinh Địa Tạng Bản Nguyên. Tôi cầu Bồ Tát: “Xin đừng khảo nghiệm con nữa, dầu núi đao, vạc dầu, con vẫn kiên thành tin Phật. Lại còn tận tâm tận lực khuyên người khác tin Phật, cầu Bồ Tát đại từ đại bi gia hộ cho con chóng lành bệnh”. Tôi suốt ngày nằm trên giường rên xiết, tự nói, bệnh mỗi ngày chuyển biến tốt hơn, thân thể hồi phục. Tụng đủ 108 bộ kinh Địa Tạng Bản Nguyên. Cho đến hôm nay, mỗi ngày tôi tối thiểu tụng một bộ, linh cảm chẳng thể nghĩ bàn. Trong tâm, thời khắc nào cũng là thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, không niệm mà niệm, thân thể mạnh khỏe, còn hơn hết thấy các chất dinh dưỡng trong thế gian. Do nhiều đời nhiều kiếp trước, tôi đã nợ mạng, hoặc nợ nần về tinh thần, đời này được Bồ Tát che chở, trả sạch tất cả hết thấy nợ nần. Tôi nhất tâm kiên định cầu liễu thoát sanh tử, được giải thoát tự tại. “*Nam-mô Minh Dương Cứu Chủ Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát!*”

8. Kỷ niệm ân đức của Địa Tạng Bồ Tát

Hành Ngọc ghi

Quang âm thật mau, chớp mắt lại sắp đến ngày Ba Mươi tháng Bảy Âm Lịch là ngày thánh đản của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ai nấy đều biết Địa Tạng Bồ Tát ở trong địa ngục cứu độ, giáo hóa các chúng sanh tội ác sâu nặng. Phạm kẻ nào kính ngưỡng, sùng bái Ngài, đều nên học theo tinh thần độ sanh vĩ đại của Ngài. Tôi phát nguyện trì trai suốt tháng Bảy Âm Lịch, nhằm biểu lộ lòng sùng kính của tôi đối với Địa Tạng Bồ Tát. Hơn nữa, tôi cũng muốn học tập tinh thần của Ngài hòng khéo giáo hóa các nữ đồng bào phạm tội, khiến cho họ tiếp nhận Phật pháp, khử ác, hướng thiện. Thông thường, họ thường được các Phật hữu rủ lòng yêu mến, thường đến trại giam nữ để giảng giải Phật lý. Có một lần, các nữ tù nhân hoan hô: “A Di Đà Phật đến rồi”. Quả nhiên, Lâm cư sĩ (bà Lâm Khán Trị) dẫn hai vị đồng tu cùng đến. Họ thấy lòng nhiệt

thành tín ngưỡng Phật pháp của các tù nhân, bèn tán thán gọi tôi là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tôi hoảng sợ, hổ thẹn, đem những điều đã từng trải trong công việc là do nhân duyên linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát kể cho họ nghe, khiến họ hết sức ngạc nhiên, tán thán! Tình hình tiếp nhận thánh ân của tôi giống như người lạc đường bỗng có được chỗ quang minh để trở về an trú, như người bệnh lâu ngày bỗng được lành. Nay chỉ kính cẩn thuật lại những điều ghi tâm khắc cốt đã từng trải qua như sau:

Tôi có thể làm việc tại trại giam, đáng phải nên chân thành cảm kích sự linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát. Tôi nhớ mùa Thu năm trước, tôi rên rỉ trên giường bệnh, đã chẳng thể ngồi nổi, mà người cũng chẳng thể đứng. Hoàn cảnh ngang trái, cuộc sống bấp bênh, chẳng thể khiến cho tôi tự tại, an nhàn. Chính vì tôi là một Phật tử, mỗi khi gặp phải phiền não chẳng có cách nào giải thoát, sẽ đối trước Phật buồn khóc, đối trước thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát sám hối, tự nhận biết trước kia đã trót tạo đủ mọi cái nhân ác, cho nên đời này mới phải hứng chịu khổ báo như thế! Thời gian trôi qua rất mau, nỗi đau khổ của tôi càng sâu, biện pháp duy nhất của tôi là khẩn cầu đức Phật và Địa Tạng Vương Bồ Tát giải thoát cho tôi. Công việc cậy người khác giới thiệu đôi ba lượt, mỗi lần cảm thấy có hy vọng, đang trong lúc cao hứng, rốt cuộc đều trở thành mộng huyễn, khiến cho tôi chẳng còn có dũng khí hướng về Phật, Bồ Tát khẩn cầu, nhưng còn có thể nương cậy vào ai đây? Trên thế giới, có ai là người tương trợ trung thực nhất? Nghĩ tới, nghĩ lui, tự mình an ủi chính mình, nghiêm nhiên phát tín niệm thường hằng và kiên định chẳng lười nhác, kiên thành cầu nguyện không ngừng trước thánh tượng đức Phật và Địa Tạng Bồ Tát.

Vào buổi tối cuối tuần nọ, ngoài cửa có tiếng gõ đùng đùng, sau đó, có người gọi tôi. Mở cửa thì ra là Vương cư sĩ từ Liên Xã nghe kinh trở về, thái độ rất gấp gáp, đưa cho tôi một mảnh giấy nhỏ xong, chẳng đợi tôi cảm ơn đã bỏ đi mất. Trên mảnh giấy có in chữ Triệu Tập Dự Thi Làm Giám Thị Nhà Tù Đài Trung, kỳ hạn ghi danh là đến trưa ngày hôm sau thì ngưng. Tám giờ sáng ngày kế, sẽ bắt đầu khảo thí các môn Quốc Văn, di giáo của Quốc Phụ (Tôn Dật Tiên), sử địa, công dân và toán. Tôi là người đã rời trường học mười mấy năm, trong đầu học được gì đã quên sạch bách rồi! Do vậy, lo nghĩ suốt đêm, chẳng ngủ được. Hôm sau, vào lúc mười giờ đi chợ, đi qua nhà Cam cư sĩ, được bà ta cổ vũ đôi ba lượt, muốn tôi hãy ghi danh. Thịnh tình chẳng thể từ chối, đành phải lê tấm thân bệnh tật lâu ngày chưa khỏe hẳn đến đó. Trời ạ! Chỗ báo

danh nam nữ xúm đên nghịt, nghe nói phái nữ chỉ tuyển lấy một người. Tôi có bản lãnh gì để dự thi? Sau đấy, nghĩ lại, vẫn là thử xem! Vì thế, mượn một số sách từ học sinh Trung Học đọc cấp tốc, suốt nửa ngày một đêm khẩn trương dụng công, chẳng ăn chẳng ngủ, tự cho là đã thuộc kỹ các loại đề mục, có vài phần nắm chắc dự thi, mới miễn cưỡng đi thi. Kết quả chẳng phụ người khổ tâm, tôi bị bệnh chẳng uống thuốc mà lành, lại còn được phái đến phục vụ trong nhà tù là nơi chúng sanh tội khổ trong nhân gian đang ở, khiến cho tôi giải quyết vấn đề trong cuộc sống. Vì thế, tôi càng kính cẩn phụng theo nguyện lực của Địa Tạng Bồ Tát, cũng học theo tinh thần rộng độ chúng sanh tội khổ của Ngài.

Tôi nhớ hôm trước ngày đến làm việc tại nhà tù, có một sáng vào khoảng bảy giờ, trong lúc mơ màng, dường như ngủ mà chẳng phải ngủ, từng mộng thấy được Địa Tạng Bồ Tát chỉ dẫn chẳng khác sự thật trong hiện tại một mảy. Nghĩ lại thần lực chẳng thể nghĩ bàn như thế, khiến tôi là kẻ tham ăn, không có đồ mặn sẽ chẳng nuốt được, khi đó, hùng hực phát tâm mỗi tháng ăn chay hai ngày mùng Một và Rằm. Dần dần tăng lên Quán Âm Trai rồi đến Thập Trai. Tôi tự tin chẳng lâu sau, trong tương lai sẽ bắt đầu ăn chay trường. Rất nhiều bạn bè không tin Phật nói: “Không sợ tin Phật, chỉ sợ ăn chay!” Tôi giải thích với họ: Tin Phật hoàn toàn chẳng ngăn cấm chúng ta ăn mặn. Chúng ta ăn chay là do tự mình khi tin đến mức độ kiên thành (tin vào lục đạo luân hồi, chẳng nỡ ăn thịt chúng sanh), sẽ tự nhiên muốn ăn chay. Nói theo pháp thế gian, khi chính mình gặp khó khăn, bằng hữu giúp đỡ giải quyết, tới khi hoàn cảnh của chính mình tốt đẹp hơn, đương nhiên là nhất định sẽ mua quà tặng trong khả năng của mình để biếu người ta, hoặc tặng họ vật ưa thích. Chúng ta phải nên học theo lòng từ bi của đức Phật, yêu tiếc sanh mạng của chúng sanh giống như sanh mạng của chính mình.

Cư sĩ Đường Tương Thanh từng phụng theo tinh thần vĩ đại của Địa Tạng Bồ Tát, phục vụ trong trại giam Tân Trúc ở Đài Trung nhiều năm, giáo hóa, khuyên nhủ, hướng dẫn chúng sanh do phạm tội mà chịu khổ trong nhà tù, không ít người đều được ông ta cảm hóa mà đau đáu sửa đổi sai trái khi trước, quy y Tam Bảo. Năm trước, Đường cư sĩ được vinh thăng làm quan tòa bên quân đội; không chỉ là Phật giáo hữu chúng ta cảm thấy tốt bậc vui mừng, mà có thể nói là ngành quân pháp may mắn biết dùng người. Tôi rất tin Đường cư sĩ ắt sẽ có thể dựa theo tinh thần công chánh, liêm minh, khiến cho tội phạm trót làm lạc phạm luật sẽ được phán xử công bằng, ôn hòa, chẳng đến nỗi bị oan khuất. Vợ ông ta cũng là Phật giáo đồ kiên thành, giữ giới, khắc kỷ, đối xử hiền thực

với người khác, mang tinh thần đại từ đại bi, xả mình cứu người, thật sự khiến cho người khác cảm phục khôn ngần! Đây chẳng phải là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát hay sao? Nay tôi do thánh đản của Địa Tạng Bồ Tát sắp đến, vì kỷ niệm ân đức của Bồ Tát, đặc biệt kính thuật những điều từng trải để nêu tỏ thánh đức, nhằm biểu lộ niềm cảm kích rất sâu trong nội tâm.

9. Chuyện linh cảm gần đây của Địa Tạng Bồ Tát

Hành Ngọc ghi

Ngày mùng Tám tháng Chín là ngày tôi trực ban. Bảy giờ chiều, trời nổi gió, kèm theo mưa nhẹ. Các đồng nghiệp đưa một nữ phạm nhân đến, được đánh số tù là 15, tên là Trương Bích Vân, hai mươi sáu tuổi, còn đi theo một bé gái vàng ửng, gầy teo, luôn bị rút gân kêu khóc ai oán. Tôi lại chẳng biết nó bệnh gì? Tôi cho rằng nó bị bệnh kinh phong rút gân rất nguy hiểm, lập tức nhấn chuông điện gọi khóa trưởng y tế đến. Khóa trưởng nói: “Đây là chứng bại liệt trẻ con, không có cách nào khác để chữa trị. Hễ không phát sốt thì chẳng có vấn đề gì!” Tôi hỏi: “Khóa trưởng! Đứa nhỏ này không ngừng rên rỉ, rất đáng thương, có thuốc gì để uống, hoặc chích một mũi khiến cho đứa bé chẳng bị rút gân hay không?” Khóa trưởng trả lời: “Chẳng có cách nào trị lành!”

Tôi hỏi tù nhân số 15: “Cô là người ở đâu? Phạm tội gì? Bị xử ở tù bao lâu? Trong nhà có ai hay không?” Cô ta đáp: “Tôi là người làng Vụ Phong huyện Đài Trung. Tôi ở nhà nấu chút rượu gạo cho cha tôi uống, người khác tố cáo tôi, bị tù ba tháng, đứa bé đã ba tuổi rồi. Mới sanh ra mấy ngày đã bị bệnh này, tốn rất nhiều tiền chữa trị mà không khỏi. Chồng tôi đang đi lính”. Tôi cười nói: “Có duyên với Phật, tâm an sẽ lành”. Tôi lập tức viết tên tuổi đứa nhỏ (Cao Tú Nguyệt, ba tuổi) đặt trước tượng Phật. Nửa đêm nghe tiếng khóc, lúc tôi tới nhìn xem, thấy số 15 ôm đứa nhỏ đang khóc, tù nhân cùng phòng đều ngồi dậy, thấp giọng niệm Phật. Tôi nghĩ đứa nhỏ này bị rút gân, không có cách nào khác chữa khỏi, dặn bảo các cô hãy vì nó niệm Phật hồi hướng cầu Phật, Bồ Tát!

Vài ngày đều trôi qua như vậy. Số 7 và số 11 cùng phòng với số 15, nói với tôi: “Giám thị à! Đứa bé này quả thật đáng thương, một đêm bị rút gân ba bốn lần. Mỗi lần có khi lâu đến ba mươi phút. Chúng tôi cũng chẳng ngủ nổi, ngồi dậy niệm Phật”. Tôi bảo mọi người: “Các vị nói xem một đứa nhỏ ba tuổi phạm tội gì? Sanh ra liền phải mắc chứng

bệnh nan y này, đã không thể đi và ngồi tự do, lại còn đau khổ vì bị gân co rút, như bị hành hình trong địa ngục, đó chẳng phải là nghiệt chướng đã tạo từ đời trước hay sao? Nhân quả bày ra trước mắt, đừng nên tham hư vinh nhất thời mà tạo nghiệp chướng, rơi vào địa ngục Vô Gián, chẳng cầu có thuở thoát ra được! Tấm gương này đáng cho mọi người cảnh giác. Hãy khéo tin Phật, hãy niệm Phật cầu thoát sanh tử!”

Có một hôm vào lúc chín giờ tối, đứa bé ấy bị rút gân, khóc không ra tiếng, mắt trợn trắng tới mấy chục phút, coi như sắp mạng chung. Từ nhân số 15 gào khóc, tôi mời y tá trưởng và các y tá đang trực ban gồm ba vị đến xem thử, họ nói: “Chẳng có thuốc nào trị được!” Dẫn tôi niệm Phật! Họ đi rồi, tôi dẫn số 15 đối trước Phật, niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hơn mười phút. Đêm ấy, đứa nhỏ rất bình yên, ngủ say. Mỗi lần nghe tiếng khóc của đứa bé như thế, trong tâm tôi cảm thấy khổ sở, tính niệm Phật cầu gia hộ thay cho cô ta, nhưng tôi chẳng khỏi hoài nghi, sợ tôi niệm Phật sẽ không khiến cho đứa bé giảm bớt đau ốm, lại tạo phản ứng không tốt cho các cô. Cứ suy nghĩ mãi, khổ sở khiến cho tôi chẳng thể chịu đựng, rốt cuộc phát ra dũng khí, đối trước Phật, cung kính chấp tay, lớn tiếng niệm thánh hiệu “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*”. Ba phút sau, đứa bé thôi khóc. Vì thế, hướng về đức Phật, nguyện tụng ba bộ kinh Địa Tạng Bản Nguyên, hồi hướng cho đứa bé ấy tiêu tai. Mỗi lần tụng kinh, tôi đều ứa nước mắt.

Có một lần, khi rửa tay tại bồn nước, trông thấy số 15 đang giặt áo, tôi hỏi cô ta: “Số 15! Con cô đỡ hơn chút nào hay không?” Cô cười đáp: “Đỡ nhiều lắm!” Tôi vẫn không tin, hỏi lại: “Đỡ nhiều hơn là như thế nào” Cô ta đáp: “Chẳng bị rút gân nhiều lần như trước, có khi một ngày bị một hai lần, ban đêm không bị. Thời gian bị co rút cũng chẳng quá dài như thế! Trước kia, một đêm bị co rút ba bốn lần, ban ngày năm sáu lần. Khi bị co rút thì nắm chặt tay, chân co về phía đầu, bắp thịt trên toàn thân đều bị gân co rút, lại còn dẫu trời lạnh mà đầu tóc vẫn mướt mồ hôi. Suốt ba năm qua đều là như thế”. Tôi nghe xong, cảm thấy lạ lùng, tụng chưa xong ba bộ kinh mà đã linh cảm nhanh như vậy. Com trưa chưa ăn, tôi thắp hương đối trước Phật, dùng một tấm lòng son sắt chân thành, cảm tạ sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, cứu bạt chúng sanh đang chìm đắm trong biển khổ. Tôi chẳng có gì để đền đáp, bèn phát nguyện mỗi dịp Thập Trai tụng kinh Địa Tạng Bản Nguyên đều cung kính đứng thẳng (tụng một bộ cần phải mất chín mươi phút). Khi tụng kinh lại nghe tiếng đứa bé khóc, tôi gọi số 15 ôm đứa nhỏ tới trước bàn Phật. Tôi cung kính chấp tay, lớn tiếng xưng niệm

thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, đơn giản là muốn kêu gọi Địa Tạng Bồ Tát hãy cảm ứng; chẳng cảm được nổi thương tâm mà khóc òa. Số 15 cũng khóc theo. Nhưng tôi vừa khóc, vừa xót xa cầu khẩn: “Xin Địa Tạng Bồ Tát hãy gia hộ cho đứa bé này lìa khổ”. Chưa đầy hai phút, đứa bé ngưng khóc. Ngẫu nhiên nghe thấy tiếng nó khóc, tôi liền khởi tâm sám hối, hận chính mình tu trì chẳng ra hồn, hồ thẹn ứa lệ, hy vọng vĩnh viễn chẳng còn nghe tiếng đứa bé khóc như thế nữa! Có lẽ là tác dụng tâm lý, có khi đứa bé khác khóc, tôi cũng tưởng là nó khóc. Tôi ôm tâm trạng hoảng sợ nhìn nó, mẹ nó đang ôm nó cười. Đứa bé được nuôi mập ra, số 15 khuôn mặt tràn ngập tươi vui.

Tôi chỉ tụng sáu bộ kinh, suốt cả ngày đêm, chẳng nghe tiếng khóc của đứa bé nữa. Nhưng tôi vẫn lo lắng, mỗi lần vào cửa, liền hỏi mọi người: “Đứa bé con của số 15 có ỏn hay không?” Mọi người đồng thanh đáp: “Công đức của giám thị thật lớn! Một đứa bé đau khổ như vậy, được cô tụng kinh Địa Tạng mà khỏe ra. Đứa bé xinh xắn hơn trước nhiều và cũng có thể đi lại. Số 15 vào chỗ này còn vui hơn trúng số xổ giải đặc biệt!” Hằng ngày cô ta đều cười toe toét, hỏi: “Địa Tạng Vương Bồ Tát quản địa ngục, sao còn quản chúng ta?” Tôi giải thích: - Nguyên lực của Địa Tạng Bồ Tát là địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật. Ngài không chỉ thường ở trong địa ngục, mà còn trang nghiêm địa ngục, cứu độ chúng sanh tội khổ trong địa ngục. Đồng thời, cũng cứu vớt hết thảy chúng sanh trong lục đạo, như phẩm Xưng Phật Danh Hiệu trong kinh Địa Tạng đã dạy: *“Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: Nhữ kim dục hưng từ bi, cứu bạt nhất thiết tội khổ lục đạo chúng sanh, diễn bất tư nghị sự”* (Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: - Nay ông muốn dấy lòng từ bi, cứu vớt hết thảy chúng sanh tội khổ trong sáu đường, diễn nói chuyện chẳng thể nghĩ bàn). Từ đó, có thể biết Địa Tạng Bồ Tát được đức Phật phó chúc cứu bạt hết thảy chúng sanh trong lục đạo, hoàn toàn chẳng giới hạn chúng sanh trong địa ngục. Chỉ cần các vị thành tâm niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, không chỗ nào Ngài chẳng hiện thân, chẳng cứu độ. Phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên chép: *“Nam Diêm Phù Đề chúng sanh, chí tánh vô định, ác tập giả đa, tung phát thiện tâm, tu du tức thoái. Nhược ngộ ác duyên, niệm niệm tăng trưởng. Dĩ thị chi cố, ngô phân thị hình bách thiên vạn ức giáo hóa, tùy kỳ căn tánh, nhi độ thoát chi”* (Chúng sanh trong Nam Diêm Phù Đề chí tánh vô định, tập khí ác thì nhiều, dẫu phát thiện tâm trong khoảnh khắc liền thoái chuyển. Nếu gặp ác duyên, niệm niệm tăng trưởng. Do vì lẽ ấy, ta phân thân hình này trăm ngàn vạn ức giáo hóa, tùy theo căn tánh

mà độ thoát họ). Điều ấy chứng minh chí nguyện từ bi cứu độ chúng sanh to lớn của Địa Tạng Vương Bồ Tát, có bất khả thuyết bất khả thuyết vô tận thần thông!

Chư vị nghe xong, có lẽ sẽ nghĩ giống như chuyện thần thoại; nhưng đây là chuyện có thật trong nhà tù của chúng tôi, có thể tìm hỏi. Hoặc lại có người hoài nghi tin Phật thì có cần mời bác sĩ hay không, tôi cũng có thể phụng cáo với quý vị: Người có công phu tin Phật rất sâu, sẽ chẳng cần mời bác sĩ. Do người ấy tin sâu, cảm ứng đạo giao, có cảm ất có ứng, khổ hay vui hoàn toàn do nghiệp báo cảm vờ. Cho nên có thể nhất tâm nơi đạo, hóa độ chúng sanh. Ví như mặc quần áo, rách một miếng liền vá một miếng, lại rách, lại vá, cho đến khi chẳng thể vá nổi nữa, vứt đi cũng chẳng sao! Tóm lại, chúng ta học Phật, phải thành tâm khẩn thiết, sám hối niệm Phật, thì mới có thể được Phật, Bồ Tát linh cảm. Nếu chẳng thể đạt được linh cảm, là vì chẳng khẩn thiết sám hối, hoặc lòng tham cầu, hoặc do nghiệp chướng đời chướng quá sâu mà ra. Nếu có thể dùng tâm kiên thành lễ kính Bồ Tát, nhất định là có thể chuyện lớn hóa thành chuyện nhỏ, chuyện nhỏ hóa thành vô sự. Chư vị đã là đệ tử quy y Tam Bảo, phải hiểu rõ nhân quả ba đời, nắm vững thời kỳ chẳng tự do này, đúng là cơ hội tốt để tu trì niệm Phật, đúng như pháp sư Phật giáo bé quan, thời khắc chẳng quên niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới là chỗ quy túc vĩnh viễn vui sướng!

10. Chết rồi sống lại

Thích Vong Ngôn ghi

Hồ Trạch Phạm ở Dư Diêu, còn có tên tự là Thăng Nguyệt, từng biên soạn bộ Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Bạch Thoại Giải Thích do Phật Học Thư Cục lưu thông đến một vạn mấy ngàn bộ, công đức rất lớn. Chiều ngày Ba Mươi tháng Bảy năm Nhâm Thân, tức năm Dân Quốc 21 (1932), con gái bé của ông tên là Nguyệt Chiêu, chỉ mới bốn tuổi, bỗng nhiên mắt trợn tròn, mũi nghẹt, mặt xanh tái, môi đen bầm, thở khò khè, ứa rớt dãi rồi chết ngất. Cây răng đồ thuốc, nó chẳng thể nuốt xuống, cả nhà hoảng loạn. Lúc ấy, Hồ Trạch Phạm bỗng ngộ ra hôm ấy là thánh đàn của Địa Tạng Bồ Tát, bèn vội đối trước thánh tượng, xót xa cầu gia bị. Cầu nguyện vừa xong, bỗng nghe cả nhà hoan hô, bé gái đã thở được, mừng nó sống lại. Lại cho uống thuốc, nó cũng nuốt xuống được, chẳng bao lâu liền bình phục. Thích Vong Ngôn ghi.

(Người biên soạn nhận định: Theo Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Giảng Thoại của pháp sư Trúc Ma, “xét ra, trong tập Địa Tạng Linh Cảm Cận Văn Lục, chép bốn câu chuyện do Thích Vong Ngôn ghi lại, đây là một chuyện. Vong Ngôn tức là biệt danh của Hoàng Nhất luật sư. Luật sư chẳng nói dối, chuyện này đáng nên tin tưởng”).

11. Bệnh trầm kha được lành

Thích Vong Ngôn ghi

Tỳ-kheo-ni Quán Nguyên người xứ Hải Trưng, tỉnh Phước Kiến. Cha bà là bậc tiên liệt thời Dân Quốc, từng hy sinh vì quốc nạn tại Quảng Châu. Quán Nguyên xuất gia tại núi Cửu Hoa, về sau, sống tại Áo Môn (Macau). Năm Nhâm Thân (1932), ni sư đến Hạ Môn (Amoy) học tập giới luật. Năm sau, liền bị đau bao tử, ăn không nổi một bát cháo. Bệnh tật rề rề cả nửa năm, trải trọn đủ mọi nỗi thống khổ! Thuốc Bắc lẫn thuốc Tây đều vô hiệu. Một hôm do đọc bài Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan của sa-môn Hoàng Nhất, thấy đầu cuốn sách ấy vẽ thánh tượng trang nghiêm, sanh tâm hết sức hoan hỷ. Do vậy, tùy sức sắm hương, hoa, trái cây, cúng dường thánh tượng, cung kính chiêm ngưỡng, lễ bái. Suốt bảy ngày không nói, sám hối, lấy một bình nước sạch đặt trước thánh tượng, ngày đêm thâm niệm thánh hiệu. Sáng sớm hôm sau bèn uống một chén tịnh thủy ấy. Không lâu sau, đã có thể ăn một bát cơm. Nửa tháng sau, bệnh khỏi hẳn. Thích Vong Ngôn ghi.

12. Mắt có tật lại được phục hồi

Huệ Châu ghi

Cư sĩ Đào Hy Tuyên từng làm huyện trưởng huyện Hàng, nay ở đường Cự Lại Đạt (Rue Ratard) tại Thượng Hải, đã tin Phật từ xưa, thờ phụng Địa Tạng Đại Sĩ càng kiên thành. Trong nhà có điện thờ Phật. Mẹ ông họ Đoan Mộc, cũng hằng ngày trì thánh hiệu Di Đà. Người đầy tớ là Thạch Văn Khanh bị bệnh mắt đã lâu, một hôm bỗng lành. Ông Đào thấy người ấy khỏi bệnh quá nhanh, lấy làm lạ, gạn hỏi. Họ Thạch đáp: “Con mộng thấy mẹ niệm Phật trong Phật đường. Do con bị bệnh mắt đã lâu chẳng lành, dạy con lấy nước cúng trước tượng Địa Tạng Đại Sĩ rửa mắt, cảm thấy hết sức thanh lương. Tỉnh mộng, con dụi mắt thì căn bệnh đã hết rồi”. Cư sĩ than rằng: “Bồ Tát thế nguyện hoằng thâm, bi tâm cứu khổ, làm đấng đại y vương, tin chắc chẳng hư dối!” Đây là chuyện trong

tháng Mười Một năm Dân Quốc 22 (1933), cư sĩ đích thân kể lại với Huệ Châu; do vậy bèn ghi ngay lại.

18. Tạo tượng linh cảm

La Viên Diệu ghi

Tiền mẫu là Lý Thái Phu Nhân, từ sau sáu mươi tuổi, mỗi tiết Đông, hai chân đều tê cứng, đau nhức, chẳng tiện đi lại, qua Xuân tự lành. Năm Dân Quốc 12 (1923), mẹ tôi sáu mươi chín tuổi, bắp chân đau càng nặng, rên rĩ nằm bẹp trên giường hơn một tháng, chữa trị chẳng thấy bớt. Viên Diệu chỉ biết hằng ngày lễ tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện để xin Ngài rủ lòng Từ gia hộ. Một hôm, tụng đến phẩm Như Lai Tán Thán: “*Hoặc thủ bệnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục, bảo bối, trang viên, xá trạch, đối bệnh nhân tiền, cao thanh xướng ngôn, ngã mỗ giáp đẳng, vị thị bệnh nhân đối kinh tượng tiền, xả chư đẳng vật, hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật, Bồ Tát hình tượng*” (Hoặc lấy vật mà bệnh nhân yêu thích, hoặc là quần áo, vật báu, trang trại, vườn tược, nhà cửa, đối trước bệnh nhân, lớn tiếng xướng rằng: “Con tên là... vì bệnh nhân này, đối trước kinh tượng, bỏ các thứ vật để cúng dường kinh, tượng, hoặc tạo hình tượng Phật, Bồ Tát”), bèn dường như vỡ lẽ! Tụng xong, đối trước Phật phát nguyện, vì mẹ tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát, lại còn chạy đến thưa với mẹ. Mẹ vui mừng nói: “Bệnh không gì chẳng phải là nghiệp, cần phải cậy vào Phật từ gia bị. Nay con phát nguyện tạo tượng, thật hợp ý mẹ. Mẹ được bà ngoại con cho một viên châu tinh ròng, tròn trịa, tươi sáng. Mẹ vì nhớ bà ngoại, hết sức quý trọng. Nay đem châu ấy cúng dường Bồ Tát có được hay không?”

Tôi bèn cậy vị thầy tạc tượng nổi tiếng ở Bắc Bình (Bắc Kinh) là ông Cảnh Sơn theo đúng pháp tạc tượng bằng cốt đồng, thép vàng. Viên châu đem khảm vào giữa hai mày để tượng trưng cho bạch hào. Hai mươi ngày sau, tượng tạc thành. Ông Cảnh đưa tới, tướng hảo trang nghiêm, từ bi hoan hỷ. Ông Cảnh nói kể từ khi tạc tượng tới nay, đã có chuyện chưa từng có. Viên Diệu vội vàng thưa với mẹ. Mẹ nghe xong, lập tức hết đau, tự bước xuống giường, vào Phật đường, đánh lễ, quỳ lạy như kẻ chẳng bị bệnh. Đây chính là bệnh lâu ngày mà nhanh chóng dứt hẳn. Người thấy, kẻ nghe, đều than Bồ Tát từ bi cảm ứng nhanh chóng chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, tôi trước sau cậy ông Cảnh tạo tượng Bồ Tát hơn mấy chục bức. Mẹ tôi vốn ăn chay trường niệm Phật; từ đấy, càng thêm tinh tấn, đi lại còn nhanh nhẹn hơn trước. Cho tới ngày Hai

Mười Một tháng Chạp năm Dân Quốc 18 (1929), lúc cụ bảy mươi lăm tuổi, bèn niệm Phật về Tây. La Viễn Diệu ở huyện Bảo Tĩnh, tỉnh Hồ Nam kính ghi.

19. Bụng trướng mau hết

Châu Văn Hoán ghi

Vào mùa Hạ, Văn Hoán quảy trapsang Tô Châu, mắc chứng bệnh sốt rét khá nguy kịch. Sau khi lành bệnh, bụng bị căng trướng, thuốc thang vô hiệu. Do một mực tin tưởng Phật pháp, nghĩ Địa Tạng Bồ Tát có đại nguyện lực, có thể cứu bạt tội khổ, bèn chí tâm sám hối, đánh lễ, và phát nguyện kiên thành tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện ba mươi bộ, in tặng một trăm quyển Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục để báo đáp từ ân trong một phần ức. Phát nguyện ấy rồi, do ngày hôm ấy tiết trời nóng bức, bèn mặc quần ngắn nằm ngủ, bỗng thấy khắp thân sáng khoái, bèn ngủ say. Sáng sớm hôm sau, tỉnh giấc, bụng xẹp dần, lại biết đói. Chẳng đầy ba ngày, bệnh trướng hoàn toàn tiêu mất như chưa hề bị bệnh, hoan hỷ tán thán đúng là chưa từng có.

Do vậy nghĩ tới lòng từ bi của Đại Sĩ, cảm ân khôn cùng! Vì thế, gởi thư kể khắp, để chứng nghiệm sự linh dị. Chỉ mong chúng sanh trong cõi đại thiên đều được hưởng cam lộ, cùng ngưỡng nhờ sự giáo hóa của Phật, quạt gió Từ để dứt tội nghiệp, hóa lửa bùng thành mát mẻ. Đây là điều tôi mong mỏi. Những điều được kể trong bài này toàn là những gì tôi đích thân từng trải, tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tháng Sáu năm Dân Quốc 22 (1933), Châu Văn Hoán ở nhà số 8, ngõ Đông Ngôn Tử tại Thường Thục kính thuật.

15. Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký (ghi chép chuyện linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát)

Pháp sư Chử Vân soạn

Lần ấy, tôi giảng kinh Địa Tạng tại Đại Nguyện Đài thuộc Địa Tạng Điện ở Gia Nghĩa vào năm Dân Quốc 51 (1962), nghe nói ngôi chùa ấy đã có lịch sử ba trăm lẻ hai năm. Thuở trước, đã có người về Hoa Lục triều bái núi Cửu Hoa ở tỉnh An Huy, cung thỉnh một bức thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát trở về, dựng chùa thờ phụng. Mấy trăm năm qua, hương khói không ngừng, những chuyện cảm ứng linh dị cũng rất nhiều. Trong số đó, có một chuyện rất cảm động, người viết xin ghi lại như sau:

Chuyện xảy ra cách đây một trăm năm trước. Có một người tên là Lâm Đăng Chương, ở một nơi cách làng Gia Nghĩa mười mấy dặm đường, là người công chánh, nhưng bất hạnh bị kẻ gian vu cáo, hãm hại bị bắt lên quan, tống vào tù. Vợ ông Lâm vì thấy chồng hàm oan ngồi tù, trong nhà lại thanh bần, nghèo nàn, bôn ba khắp nơi, cậy người cứu giúp, tiêu sạch tất cả tiền bạc trong nhà, vẫn chẳng thể cứu chồng thoát ngục. Về sau, bà biết nhất định phải tốn bốn mươi lượng bạc dứt lốt cho quan trên thì mới có thể chuộc tội cho chồng. Trong lúc vạ phần bất đắc dĩ, bà Lâm chỉ đành cắn răng, dứt ruột đem đứa con duy nhất bán lấy bốn mươi lượng bạc để chuộc chồng. Gã cò mồi lại lấy hai ba lượng làm lệ phí môi giới, chỉ còn lại ba mươi bảy lượng, có thể chuộc chồng ra hay không, vẫn chẳng biết được! Đồng thời, mỗi lần vào trại giam thăm chồng, đều bị bọn coi ngục chửi bới, làm khó dễ, mục đích là muốn chẹt tiền. Bọn chúng nói: “Dựa vào núi thì ăn sản vật trong núi, dựa vào nước thì ăn sản vật trong nước”. Đúng vậy! Tới chỗ quan quyền, vào nha môn, có lý mà không có tiền sẽ chẳng thể tiến vào, xưa nay đều như vậy! Bà Lâm mỗi lần đều phải tươi cười, nói ngọt, lại còn phải biếu xén đôi chút; nếu không, đừng mơ vào được. “*Diêm vương dễ gặp, tiểu quý khó chơi*”. Lần này, đến nộp bạc chuộc chồng, đương nhiên chẳng phải là ngoại lệ. Khi đó, nhà tù ở ngay đường lớn, cũng là ở ngay nơi đường Ngô Phụng hiện thời. Bà mua một ít cau gàn đó, để làm chút quà mọn biếu xén lũ canh tù. Nào ngờ, lúc móc tiền mua cau, khi gói cau lại, đánh rơi ba mươi bảy lượng bạc chuộc chồng mà chính mình chẳng biết. Tới khi nộp bạc cho quan, phát hiện túi bạc đã mất, thò tay lục lọi cả buổi chẳng lấy ra được, sợ tới mức mặt không còn chút máu, bối rối đến nỗi khóc không ra tiếng! Bán đi đứa con yêu quý độc nhất, những tưởng có thể chuộc chồng về, nay đánh mất bạc, chồng chẳng thể ra khỏi tù được, chính mình cũng chỉ có con đường chết! Bà ta còn chưa chết, vẫn chưa nản lòng, lại men theo đường tìm kiếm, vạ nhất chẳng tìm được bạc, chỉ còn con đường tự sát!

Phổ vãi trong thành Gia Nghĩa nay là đường Quang Minh, có một cái miếu thờ Thổ Địa Công. Có một người ăn mày tên là Từ Lương Tứ sống nơi đó. Ông ta không chỉ bần hàn, chẳng có nhà cửa, mà còn bị tàn phế từ thuở lọt lòng. Đôi chân tê liệt, chẳng thể đi lại, phải dùng môn gét trên mặt đất để di chuyển. Ban ngày xin ăn sống qua ngày trên đường phố, buổi tối bèn lấy miếu Thổ Địa làm nhà. Hôm đó, khi ông ta đang xin ăn trên đường phố, từ xa thấy một nữ nhân đang mua cau ở sạp trâu cau, vội vã bỏ đi, đánh rơi túi bạc xuống đất. Ông ta lết tới trước, nhặt

lấy túi bạc, vốn muốn đuổi theo đưa trả cho người ta. Hiềm rằng chính mình chẳng thể đi được, gọi âm lên, bà ta cũng chẳng nghe! Ông ta mở túi bạc ra đếm, có ba mươi bảy lượng bạc. Người ăn mày trông thấy bạc trắng xóa như thế, hoảng hồn, mà cũng chẳng nẩy sanh cái tâm thấy tiền bèn nổi máu tham; ngược lại, cảm thấy người nữ ấy đáng vẻ vôi vàng, chắc chắn là có chuyện gì lớn lao, chẳng thể tùy tiện lấy bạc đi. Vạn nhất bà ta trở về tìm chẳng thấy bạc, có thể sẽ tự sát, ta phải ở đây chờ bà ta trở lại. Cứ một mực đợi, đợi rất lâu, mới thấy một phụ nữ mặt đầy vẻ lo lắng, chạy tới dòm đông ngó tây trên đường, dường như đang kiếm vật chi đó. Ông ta biết là người mất của đang tìm kiếm, bèn sà đến, dùng tay kéo chéo áo bà ta. Bà ta tưởng người ăn mày xin tiền, bực bội, lớn tiếng quát: “Ta đang vôi muốn chết, còn chỗ nào có tiền cho người! Hãy mau tránh ra để ta còn tìm đồ bị mất”.

Lòng tốt của Từ Lương Tứ bị coi thường, ông ta vẫn nhẹ giọng hỏi: “Bà ơi! Làm rơi gì thế? Hốt hoảng như vậy, hãy nói xem, không chừng tôi biết”. Câu ấy gọi tỉnh bà ta từ tay tử thần quay về. Bà ta kinh hỷ nói: “Thật à?” Ông ta đáp: “Đương nhiên là thật! Tôi nhặt được món đồ. Nếu bà nói đúng, tôi sẽ giao cho bà”. Bà ta vôi vàng nói: “Tôi đánh mất một cái bao vải, trong đó có ba mươi bảy lượng bạc. Đó là tiền tôi bán con. Chồng tôi bị người ta vu cáo hãm hại, phải ngồi tù. Cần phải có bốn mươi lượng bạc thì mới có thể chuộc tội. Bất đắc dĩ bán con chuộc chồng, gã cò mồi lấy ba lượng, tôi còn lo lắng chẳng đủ bạc, nào ngờ đánh mất ở đây. Như vậy thì chồng tôi chẳng thể ra khỏi tù, con tôi cũng bán rồi! Người lẫn của đều chẳng còn, tôi chỉ còn đường tự sát!” Dứt lời, khóc rống không ngừng.

Lúc ấy, có mấy người hảo tâm tìm đến hỏi nọ, hỏi kia, Từ Lương Tứ chẳng nghi ngờ mây may, nói: “Bà đừng nên khổ sở, tôi nhặt được bạc do bà đánh rơi khi mua cau. Do tôi không đi được, đuổi theo không kịp, gọi thì bà cũng chẳng nghe thấy, cho nên ở đây chờ bà trở lại. Hiện thời, bạc ở trong này, bà đếm thử xem”. Người ăn mày giao bạc ra, lặng lẽ bỏ đi. Ba Lâm tìm lại số bạc đã mất, vui mừng quá đỗi, đâm ra quên khuấy người ăn mày, ngay cả tên họ người ta cũng quên hỏi, vôi vàng đến nha môn nộp tiền. Viên quan mới biết là tiền bán con, người ăn mày nghèo khổ lại thấy của mà chẳng mê muội, chúng ta làm sao có thể mê muội lương tâm đòi tiền bán con của người ta? Vì thế, thiên lương phát hiện, cảm khái thả chồng bà ta ra, chẳng cần tiền chuộc nữa! Do nghĩa cử của người ăn mày, nên mới khiến cho kẻ làm quan bị cảm động! Sau khi Lâm Đăng Chương ra khỏi tù, biết đứa con đã bị bán đi. Trừ ba

lượng bạc cho gã cò mời, còn phải mời khách, biếu quà, tiêu tốn không ít, lại còn tìm người ăn mày, nhưng cũng chẳng biết ở đâu. Về sau, ông ta bèn mở một tiệm bán ngũ kim⁵⁴ ở phố bán vải để kiếm sống.

Lại nói, Từ Lương Tứ trở về miếu Thổ Địa ngủ một đêm, hôm sau là tiết Thanh Minh, bèn mò ra Đông Quách Phiền Gian, tức là chỗ nghĩa địa công cộng ở ngoài thành để xin bánh hồng quy⁵⁵ từ những người đến tế mộ tổ tiên. Do đường xa mắc mưa, về trễ, lết theo đường chậm chạp, khi tới cửa thành, cửa thành đã đóng từ lâu (khi đó Gia Nghĩa có bốn cửa thành). Bất đắc dĩ, phải đến miếu Địa Tạng Bồ Tát gần đó ở ngoài thành để tá túc (hiện thời là địa chỉ số 81 đường Dân Quyền), khẩn cầu ông từ giữ miếu từ bi cho nghỉ nhờ một đêm trước đại điện thờ Phật. Ông từ coi miếu nhận biết người ăn mày họ Từ, cũng cho nghỉ nhờ. Nhưng ông từ coi miếu ngủ đến nửa đêm, bỗng nghe trong đại điện có tiếng kêu gào thảm thiết như quỷ tru, rất giống như có người đang giết ông Từ, kêu khổ không ngớt. Ông từ coi miếu nghĩ họ Từ nổi bệnh thần kinh, quở mắng hai lần, vẫn không im, bị ông ta ồn ào cả đêm không yên giấc, tức giận khôn cùng! Sáng sớm hôm sau thức dậy, ông từ tính đuổi người ăn mày họ Từ đi, thấy hắn đang ngủ say, bèn lôi hắn từ trong mộng tỉnh dậy, chửi: “Ngươi vì sao đêm không chịu ngủ, mà kêu gào như quỷ tru?” Người ăn mày họ Từ sau khi giật mình tỉnh giấc bèn nhảy dựng lên, đứng phắt dậy, chính mình cũng chẳng biết, bước tới trước mặt ông từ coi miếu. Tới lúc đó, đâm ra ông từ coi miếu hoảng sợ tới mức lùi lại mấy bước, sững sờ: “Sao gã bại liệt này ngủ qua một đêm lại có thể đi đứng tự nhiên?” Hỏi ra, nguyên lai, Từ Lương Tứ ban đêm ngủ trước

⁵⁴ Tiệm ngũ kim (五金店) là tiệm chuyên bán các thứ vật liệu cần thiết cho sửa chữa nhà cửa như sơn, keo, ốc vít, đinh, kê cả gỗ, gạch, ngói, vôi, vữa, sắt thép, đồ đồng... Thời cổ những tiệm ngũ kim lớn có thể bán cả sản phẩm để bắt cá, vật liệu tu bổ ghe thuyền, bẫy rập, nồi niêu, soong, chảo, dao, búa, lưỡi cày, lưỡi bừa, nông cụ v.v... Nhưng không được phép bán vũ khí.

⁵⁵ Hồng quy cao (紅龜糕), người Đài Loan còn gọi nó là Hồng Quy Quả (紅龜粿) là một thứ bánh ngọt nhỏ, bằng gạo nếp bọc nhân ngọt, thường là đậu xanh, hay đậu đỏ, hay đậu phộng ngào đường. Do bánh có hình dáng khum khum như mai rùa (mang ý nghĩa chúc thọ) và có màu đỏ, nên gọi là Hồng Quy Cao (bánh rùa đỏ). Bánh làm xong, đem hấp, lót bằng lá chuối. Do ý nghĩa chúc thọ và màu đỏ là màu may mắn, nên bánh thường được làm trong dịp Tết, các dịp lễ lạc đặc biệt như đầy tháng, chúc thọ, và dâng cúng tổ tiên, thần thánh. Đặc biệt trong dịp Thanh Minh, họ còn làm loại bánh này với màu xanh và trắng để cúng kèm với bánh đỏ, biếu thị con cháu thương tiếc tổ tiên.

thánh tượng của Địa Tạng Bồ Tát, trong mộng thấy Bồ Tát sai hai tiểu quỷ, một cao, một lùn. Một quỷ thì ôm chặt lấy phần thân trên của ông ta, quỷ kia thì nắm hai cái chân liệt mà kéo mạnh, đau đến nỗi ông ta kêu thảm thiết không ngừng. Nhưng hai tiểu quỷ ấy mặc kệ ông ta gào thảm thiết cỡ nào, vẫn không ngừng tăng thêm sức mạnh kéo thẳng hai chân tàn phế của ông ta, đau đến nỗi ông ta ngất lịm đi. Sau đấy, chẳng biết sao lại ngủ mất. “Hiện thời, tôi cũng chẳng biết đôi chân tàn tật này nghiêm nhiên giống như chân mọi người bình thường”. Do đó, còn sung sướng hơn lúc nhặt được bạc hôm qua. Ông từ trông miếu thấy kỳ tích xuất hiện như vậy, đương nhiên chẳng thể mắng hấn nữa, lại còn vui sướng theo hấn. Bản thân, hấn cũng biết là Địa Tạng Bồ Tát hiển linh, chữa trị tàn tật cho mình, đành lễ trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, cảm kích tuôn lệ, mọp thân lễ bái, lạy côm cốp mấy lần!

Người ăn mày họ Từ sau khi hết tàn tật, rất nhiều người chúc mừng ông ta. Nhưng ông ta do vậy, dấy lên phiền não: Lúc tàn tật thì còn có thể ăn xin sống qua ngày. Nay đã hết tàn tật rồi, không thể đi ăn xin trên phố để sống qua ngày, nhất định phải tự lực cánh sinh; nhưng ông ta là một gã ăn mày nghèo túng, ngoài ăn xin ra, làm thế nào để giải quyết vấn đề cơm áo, chỗ ở đây? Buôn bán thì chẳng có tiền vốn. Rốt cuộc vẫn là từ không có cách nào, nghĩ ra một cách: Dùng mấy đồng bên mình mua hai cái thùng nước, gánh nước thuê để kiếm sống. Thời ấy, chưa có nước máy, các gia đình giàu có đều kêu người đổi nước, [tức là trả công cho người ấy] hằng ngày gánh nước đến. Từ Lương Tứ từ ăn mày biến thành người đổi nước.

Lâm Đăng Chương sau khi ra khỏi tù, biết chuyện vợ làm rơi bạc, người ăn mày nhặt được chẳng giữ rịt làm của riêng, cũng từng tìm kiếm vị ân nhân cứu mạng ấy, nhưng ngay cả tên họ cũng chẳng biết, chẳng thể tìm kiếm. Lúc đó, họ sống ở vùng quê rất xa, đương nhiên chẳng biết chỗ ở của người ăn mày. Vì thế, đối với chuyện chẳng biết tên họ của ân nhân, chẳng có cách nào báo đáp, cứ canh cánh trong lòng. Hai ba năm sau, việc buôn bán nơi tiệm ngũ kim của nhà họ Lâm càng làm càng phát đạt, cái tâm tưởng niệm ân nhân cũng càng ngày càng tăng. Có một hôm, nhà họ Lâm kêu Từ Lương Tứ đưa nước đến. Lâm Đăng Chương chưa hề gặp mặt họ Từ Lương Tứ, ân nhân ở ngay trước mắt vẫn không nhận biết. Khi đó, nữ quyến không ra khỏi cửa cho mấy. Hễ có nam nhân đến, nữ nhân lẩn tránh, không ra khỏi cửa phòng. Vì thế, mấy năm trôi qua, vẫn tìm không thấy vị ân nhân ăn mày đó. Vừa lúc Từ Lương Tứ đưa nước đến nhà bếp, trong lúc vô tình, bà Lâm trông thấy, rất đổi kinh

ngạc: “Diện mạo người này giống ân nhân như đúc, có phải là ông ta hay không? Chẳng phải! Tuyệt đối chẳng phải! Ông ta là người bị liệt, chẳng thể đi lại. Nhưng vì sao người này giống ông ta đến thế?” Bà Lâm tự hỏi, tự đáp, hoài nghi chẳng dám quyết đoán liên tiếp mấy ngày. Bà đem chuyện này kể với chồng: “Cái người gánh nước ấy có diện mạo giống hệt vị ân nhân, cùng một khuôn mặt, chẳng biết vì sao chẳng phải là người bị liệt, mà đi gánh nước! Sáng mai, ông mời ông ta vào hỏi han cặn kẽ, xem thử là chuyện như thế nào!”

Ngày hôm sau, Từ Lương Tứ vẫn đưa nước đến. Lâm Đăng Chương đặc biệt mời ông ta ngồi xuống dùng trà. Sau đó, hỏi han tên họ, hỏi trước khi gánh nước thì làm chuyện gì, trong nhà còn có ai. Từ Lương Tứ cũng chẳng giấu giếm gì, nói thật: “Nói ra rất xấu hổ! Ba năm trước tôi không thể gánh nước, thậm chí còn chẳng thể đi lại. Nhiều năm bị tê liệt, lê lét trên mặt đất. Khi đó, chỉ lần theo từng nhà xin ăn. Sau đấy, vào tiết Thanh Minh năm đó, đêm ngủ tại miếu Địa Tạng Bồ Tát, mộng thấy Bồ Tát sai hai tiểu quỷ chữa trị thương tật cho tôi. Từ đấy về sau hết tàn tật, bèn lấy chuyện gánh nước để tự lập kiếm sống”. Lúc đó, bà Lâm từ trong phòng đi ra, nắm tay chồng, song song quỳ trước mặt họ Từ, thưa: “Ân nhân! Hãy nhận của vợ chồng chúng tôi một lạy”. Trước hết, họ không nói rõ mọi chuyện, cứ song song lạy xuống, khiến Từ Lương Tứ sợ hết hồn, hai tay vẫy liên tục, không ngừng lùi lại. Sau khi vợ chồng ông Lâm nói rõ mọi chuyện, mới biết chuyện xảy ra vào tiết Thanh Minh ba năm trước. Lúc ấy, cũng biết do làm chuyện tốt nên cảm động Địa Tạng Bồ Tát hiển linh trị lành tàn tật. Đúng là vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ. Họ ngồi lại chuyện trò một hồi, ông Từ tính cáo lui, nhưng vợ chồng họ Lâm bất luận như thế nào cũng không chịu để cho ông ta đi.

Vợ chồng họ Lâm rất thành khẩn thưa với Từ Lương Tứ: “Lúc đó, ân công đã cứu vợ chồng chúng tôi. Đương nhiên là Ngài chẳng nghĩ thi ân cầu báo, nhưng chúng tôi là người cảm nhận ân huệ, chẳng thể nghĩ như vậy. Ngài là người chẳng có nhà cửa, chẳng có vợ con, trong tiệm chúng tôi cần người giúp. Ngài hãy ở lại đây, coi như người nhà của chính mình vậy!” Từ đó về sau, Từ Lương Tứ cũng chẳng đòi nước nữa, sống trong tiệm ngũ kim của nhà họ Lâm, giúp họ buôn bán. Chẳng đầy mấy năm, họ Lâm không chỉ buôn bán thịnh vượng, mà còn tậu chẳng ít đất đai, ruộng nương, cũng từng mấy lần muốn cưới vợ cho Từ Lương Tứ, nhưng ông ta đều cự tuyệt, chẳng đồng ý. Lâm tiên sinh biết ông ta là người bộc trực, nói một, chẳng nói hai, chỉ đành thuận theo tự nhiên.

Mấy năm sau, Lâm Đăng Chương nhận được thư của chú, hỏi ông ta trở về quê nhà ở Quảng Đông để kế thừa tổ nghiệp. Hai vợ chồng quyết định trở về Quảng Đông kế thừa tổ nghiệp, tài sản nơi này do Từ Lương Tứ toàn quyền quản lý, cũng không dám nói rõ là tặng cho ông ta. Chỉ nói là xin ông ta quản lý thay, muốn làm cho ông ta tin tưởng là không lâu sau họ sẽ trở về. Nếu không, ông Từ lại chẳng chịu tiếp quản. Từ Lương Tứ vẫn mong đợi vợ chồng họ Lâm quay lại, nhưng họ vẫn một mực chẳng trở về. mấy năm sau, họ gửi thư, tỏ rõ tâm ý: Họ phải kế thừa tổ nghiệp, sẽ chẳng trở lại, dâng tặng cho ông Từ toàn bộ hết thảy tài sản, khuyên ông nên sớm có ngày cưới vợ, lập gia đình. Nhưng Từ Lương Tứ vẫn không lấy vợ, lại còn suốt đời chẳng cưới hỏi, vẫn tự cho mình là người quản lý tài sản cho Lâm Đăng Chương. Về sau, Từ Lương Tứ di chúc đem toàn bộ phòng ốc tại phường vải thí cho miếu Thổ Địa để cảm tạ ân huệ nhiều năm nương nhờ khi cùng khổ. Lúc còn sống, mỗi dịp mừng Một, ngày Rằm, ông ta đều ra miếu Địa Tạng ngoài thành để lễ kính Địa Tạng Bồ Tát, cảm tạ ân Bồ Tát trị tàn tật. Nghe nói, sau khi ông ta chết đi, còn có sáu mươi cuộc đất thuộc hạng nhất do chánh quyền sở tại tiếp nhận.

Hai họ Từ và Lâm, một đằng là thi ân chẳng cầu báo, một đằng nhất định có ơn phải báo đáp, đều đáng cho người đời noi gương và sùng kính. Khó trách những người thuộc thế hệ trước ở Gia Nghĩa hề nhắc tới chuyện này đều là “bia miệng” bàn luận sôi nổi. Nghe nói các nghị viên cấp tỉnh ở Gia Nghĩa như Hà Mậu Thủ v.v... Xuân Thu hai quý đều đến bái tế trước linh vị của họ Từ và họ Lâm, kính ngưỡng thái độ làm người của họ. Người viết từng vì chuyện này mà cùng cư sĩ Trần Tư Khánh đích thân đến y viện tư nhân tại đường Quang Minh xem bài vị của hai họ Từ và Lâm, còn có tượng của Thổ Địa Công thời đó, lại còn viếng địa điểm miếu Thổ Địa nơi người ăn mày họ Từ nương nhờ thuở đó. Hàng xóm hai bên đều biết người viết đặc biệt tới hỏi han chuyện này, đều vui vẻ tự động kể về quá khứ của hai ông Từ và Lâm. Chuyện này cho thấy ngoài sự linh dị của Địa Tạng Bồ Tát, lại còn xiển dương sự thiện lương nơi nhân tánh, đều có hữu ích cho lòng người trong xã hội. Vì thế, tôi vui vẻ ghi lại.

16. Phật quang soi đường

Pháp sư Hồng Lương ghi

Vạn Thọ Đường pháp vụ thịnh vượng, thường là sau khi pháp hội kết thúc, phải sắp xếp hết thầy lại như cũ. Khi quay về am Đại Từ, sắc trời đã tối đen từ lâu. Vùng núi có khá nhiều rắn, sợ thấy không rõ, sẽ đạp làm phải rắn. Do vậy, mỗi lần trên đường về am Đại Từ, hai thầy tỳ-kheo Hòa và Đoan luôn niệm ra tiếng: “Địa Tạng Vương Bồ Tát! Địa Tạng Vương Bồ Tát!” mong cho các “anh rắn” nghe thánh hiệu của Bồ Tát, sẽ biết nhanh chóng lẫn tránh, để khỏi bị đạp trúng, khiến chúng nó bị thương, ta lẫn người đều chẳng thương tổn lẫn nhau. Ngày mùng Sáu tháng Mười, bắt đầu từ hai giờ chiều, làm đàn tràng Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự. Sau khi pháp hội kết thúc viên mãn, sau khi đã sắp xếp hết thầy các thứ, đã gần đến bảy giờ tối, bên ngoài đen kịt, giơ bàn tay ra chẳng thấy rõ năm ngón. Đèn đường lại chẳng sáng, bốn phía đều tối hù chẳng có ánh sáng. Hôm nay lại phải mò mẫm trở về trong bóng tối. Hai người hiểu rõ nhưng không nói ra, rất cẩn thận đi về, như giẫm trên băng mỏng, chẳng dám tùy ý đặt chân. Hai người dẫn mình vào bóng đêm mênh mêng, bốn phía lặng như tờ. Gió đêm thổi nhẹ, cành trúc lay động. Tiếng trúc, tiếng bước chân, tiếng niệm Phật, từng tiếng lọt vào tai.

Vừa đi, thầy Đoan lơ đãng nói: “Địa Tạng Vương Bồ Tát, xin Ngài từ bi cho chúng con một chút quang minh”. Nói xong, lập tức nghe “bộp” một tiếng, đèn soi cả đường sáng bừng lên! Ôi! Hai người chẳng hẹn mà giống nhau, vừa kinh ngạc, vừa vui mừng reo lên: “Cảm ơn Địa Tạng Vương Bồ Tát! Cảm ơn Địa Tạng Vương Bồ Tát!” Chúng tôi nhanh chân bước trên con đường hẹp quanh co, lúc vừa thấp thoáng trông thấy đèn của Triều Sơn Hội Quán thì ngay lúc đó, toàn thể đèn đường lại “bộp” một tiếng tắt phụt. Tôi kinh ngạc quay đầu ngó lại, thấy con đường mòn lại chìm vào bóng tối, mới giật mình, ngộ ra ánh sáng soi đường đúng lúc khi này nào có phải là đèn đường, mà là Phật quang! Đúng như trong phẩm thứ mười hai, tức phẩm Kiến Văn Lợi Ích trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên đã chép: *“Thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc nhân trị sanh, hoặc nhân công tu, hoặc nhân sanh tử, hoặc nhân cấp sự, nhập sơn lâm trung, quá độ hà hải, nãi cấp đại thủy, hoặc kinh hiểm đạo, thị nhân tiên đương niệm Địa Tạng Bồ Tát danh vạn biến, sở quá thổ địa, quý thần hộ vệ, hành, trụ, tọa, ngọa, vĩnh bảo an lạc”* (Thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc do mưu sinh, hoặc vì việc công chuyện tu, hoặc do sanh tử, hoặc do chuyện gấp, vào trong rừng núi, vượt qua sông biển, cho đến nước lớn, hoặc đi qua đường hiểm. Người ấy trước hết hãy nên niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát một vạn biến, nơi cuộc đất đi qua, quý thần hộ vệ, đi, đứng, nằm, ngồi, vĩnh viễn giữ được

an lạc). Quả nhiên chẳng giả, Địa Tạng Bồ Tát từ bi rộng lớn, cứu giúp, che chở hết thảy chúng sanh, Ngài độ sanh mà cũng độ tử, “*địa ngục chẳng trống, thế chẳng thành Phật*”, tùy thời hiển hiện bên cạnh chúng sanh. Do vậy, khi các vị nhân giả đọc bài viết về chuyện linh dị của Ngài xong, mong hãy trì niệm thánh hiệu “*Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát*” nhiều hơn. Khi quý vị gặp nạn, từ quang của Bồ Tát nhất định sẽ chiếu rọi quý vị, ban cho quý vị quang minh, bình an!

17. Địa Tạng Bồ Tát linh dị ký

Khâu Hoa Sanh ghi

Trong thời đại bánh xe đã chuyển động đến mức thám hiểm không gian, ai nấy đều dùng khoa học để tự huyễn hoặc; nếu còn có ai bàn đến tín ngưỡng, hoặc nhắc đến linh cảm chi đó, chắc chắn sẽ có kẻ quở “*ngươi lạc hậu, mê tín*”, thậm chí bị gán cái mác “*thủ cựu tiên sinh*”. Nhưng khoa học thật sự có thể giải quyết vấn đề nhân sanh ư? Nhân loại chỉ cậy vào khoa học mà có thể sống ư? Con người chẳng phải là máy móc, không thể nào chỉ ứng dụng nguyên lý khoa học, buộc họ chiếu theo pháp tắc và quy luật chuyển động nhất định! Trải qua cuộc sống này và những tao ngộ trong đời người thật sự quá vi diệu, rất chẳng thể suy lường, cứ dựa cứng ngắc vào định lý khoa học, sẽ khó thể tìm được câu trả lời. Do vậy, bất luận thời đại diễn biến như thế nào, tín ngưỡng tôn giáo vẫn chiếm phần quan trọng trong cuộc sống của nhân loại, mà chúng ta cũng chẳng thể phủ nhận sự tích linh cảm của Bồ Tát được! Nay tôi muốn trần thuật một câu chuyện xảy ra trong mấy năm gần đây, là sự thật do chính tôi trải qua. Chúng ta có thể từ câu chuyện chẳng thể nghĩ bàn này mà đại lược thấy phần nào thần lực vĩ đại của Bồ Tát, cũng như sức tín ngưỡng chẳng thể suy lường để tiến tới phát khởi đại tín nguyện, cung kính lễ bái, tăng phước, khai huệ, sớm chứng Bồ Đề.

Thôn Tự Do thuộc làng Hòa Bình, huyện Đài Trung là một vùng quê ở miền núi. Cư dân đại đa số là đồng bào Cao Sơn⁵⁶. Trong vùng núi thẳm rừng rậm ấy, sừng sững một ngôi miếu thờ Địa Tạng Bồ Tát, tăng

⁵⁶ Đồng bào Cao Sơn hay “Cao Sơn quần tộc” là từ ngữ phiếm chỉ các sắc dân thiểu số sống tại Đài Loan, tức là các cư dân bản địa tại Đài Loan trước khi người Hán tràn vào Đài Loan. Họ sống trên núi cao, có phong tục, tập quán riêng biệt, đồng nhất là các nhóm người A Mỹ (Amis, Pangcah), Bài Loan (Paiwan), Thái Nhã (Tayal), Bó Nông (Bunun), Ty Nam (Pinuyumayan), Lỗ Khải (Drekay), Trại Hạ (Saisiyat), Trại Đức Khắc (Seediq)...

thêm đôi chút cảnh sắc cho vùng núi cao đơn điệu, cũng rất hiếm thấy. Nói đến nguồn gốc của tòa miếu vũ ấy, đúng là chuyện khiến cho mọi người phải thương tâm ứa lệ. Mùa Xuân năm Dân Quốc 16 (1927), đúng lúc trăm hoa đua nở, muôn tia nghìn hồng, chẳng ngờ trận dịch Cốt Thống Nhiệt (tên y học là Dengue fever, sốt xuất huyết) nổ ra, hoành hành tại vùng núi làng Hòa Bình. Ở chỗ hiện thời được gọi là khu bộ lạc Trúc Lâm thuộc thôn Tự Do, gần như diệt vong toàn bộ, nam giới chỉ có một người may mắn thoát nạn là tiên sinh Ngô Thiên Sanh (người vùng núi) nay đã bốn mươi bảy tuổi, đang sống tại thôn Tự Do. Để siêu độ các vong linh chết vì ôn dịch, lúc ấy, đặc biệt khởi xướng kiến lập một tòa miếu thờ Địa Tạng, tạc một tôn tượng Địa Tạng Bồ Tát cao ba thước. Vào ngày Mười Hai tháng Chạp năm Dân Quốc 16, thỉnh một vị Tăng gốc Nhật là Đại Dã Phụng Châu, trụ trì chùa Đài Trung thuộc tông Tào Động, long trọng cử hành pháp hội khai quang. Từ đấy, dưới sự che chở của Bồ Tát, vùng hương thôn núi non ấy dần dần khôi phục nguyên khí, dần dần phồn vinh.

Thời gian trôi qua rất mau, đảo bấu trở về vòng tay của Tổ Quốc, đồng bào vùng núi được chánh phủ đặc biệt ưu đãi, lại còn tự cố gắng, cuộc sống càng thêm an định. Nhưng mấy năm trước, tôn giáo của phương Tây bỏ ra vốn liếng vật chất to lớn, dùng bột mì, quần áo cũ hướng đến đồng bào miền núi dụ dỗ cải đạo. Đồng bào miền núi chẳng chống nổi chiến thuật dụ dỗ này, kết quả là hoàn toàn phát cờ đầu hàng làm con chiên của Thượng Đế. Tòa Địa Tạng Miếu theo thời gian cũng kèo mục, cột nghiêng, lung lay sắp đổ. Lúc đó, có những người sống ở bình nguyên thuộc vùng đất ấy (dân đồng bằng dòi vào vùng núi canh tác) là anh em Ngô Thịnh Kim, Ngô Sĩ Quân, Ngô Sĩ Thành, Ngô Sĩ Quân⁵⁷, kiên quyết khởi xướng trùng tu tòa miếu cũ, gom tiền được gần một vạn đồng, chưa đầy một năm, đã khôi phục lại ngôi miếu như cũ. Điền lễ lạc thành trùng tu ấn định vào ngày mùng Năm tháng Tám năm Dân Quốc 51 (1962), họ đặc biệt đến chùa Thụ Tuyên ở thôn Trúc Sâm, làng Đồng La, thuộc huyện Miêu Lật, thỉnh các cư sĩ có thể làm pháp hội đến đó cử hành pháp hội lạc thành. Các nhân viên Phật sự do lão tiên sinh Hoàng Đình Hoa đã tám mươi mấy tuổi hướng dẫn, cùng với Trần A Hán, Lại Nhân Phú, Khâu A Khô, Lại Tú Phước, Khâu Thủy Khôn, Lại Thôn Thượng, Lại Điền Phước (những vị trên đây đều đang sống tại

⁵⁷ Hai người này tên đồng âm, nhưng tiếng Hán viết khác nhau, anh là Sĩ Quân (仕君), em là Sĩ Quân (仕均).

làng Đồng La), Lê Mộc Thịnh, Khâu Sanh Sơ, Hồ Diễm Quang (ba vị trên đây hiện sống tại làng Tam Nghĩa). Một đoàn mười mấy người hăm hở tiến đến làng Tự Do, tôi cũng lạm dự vào số đó, gia nhập hàng ngũ của họ.

Sau khi pháp hội viên mãn vào ngày hôm đó, nghỉ trọ một đêm, dự định sáng mai (tức ngày Sáu tháng Tám) sẽ trở về làng. Nào có biết ban đêm cuồng phong gào thét (nổi bão lốc Đài Phong), mưa như trút. Ngày hôm sau thức dậy, thấy khắp nơi nước mênh mông, núi lở, đất sụp, giao thông bị đoạn tuyệt, các nơi trong cả tỉnh [Đài Loan] bị thiệt hại nặng nề. Lúc ấy, mấy bạn tính trèo non lội suối lần dò quay về, nhưng khắp nơi cầu bè bị cuốn trôi, nửa bước khó dời, đành phải gởi thân trong miếu Địa Tạng, mong ngóng tình huống ngày hôm sau có thể chuyển biến tốt đẹp hơn. Sáng hôm mồng Bảy thức dậy, nước lụt vẫn chưa rút, sắc mặt mọi người đều lo rầu, ngó nhau chẳng nói, chẳng biết làm như thế nào cho tốt? Chẳng lâu sau, mọi người đến trước tượng Địa Tạng Bồ Tát (ngày đó tục gọi là “đăng vị ngày thứ ba”) khẩn cầu Bồ Tát từ bi gia hộ, khiến cho chúng tôi có thể bình an lên đường về nhà. Sau khi cầu nguyện, đoàn chúng tôi liền bắt đầu cuộc lữ trình gian khổ. Cách miếu Địa Tạng chẳng xa có chiếc cầu Ô Thạch Khanh, một đầu đê chắn đã bị nước lụt xói mòn hơn mười mấy mét. Trừ phi dùng cách nổi tre lồ ô để tạo thành chiếc cầu tạm thời, đừng hòng mơ tưởng đi qua được. Trong đám, có người bơi lội giỏi, xuống bơi thử, mới biết nước sâu gần một mét, nước lại chảy xiết. [Muốn qua sông], phải vượt một đoạn sông mười mấy mét, chẳng phải là chuyện dễ. Kết quả là vẫn lui trở lại, nhìn nước than thở. Lúc này, người tiếp đãi chúng tôi là tiên sinh Ngô Thịnh Kim đã chặt tre lồ ô, chuẩn bị bắc cầu tạm thời cho chúng tôi đi qua. Đúng lúc ấy, chúng tôi chẳng hẹn nhau, cùng ngồi xuống thàm niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát bao nhiêu câu đó. Kể ra cũng rất lạ, chẳng đầy hai mươi phút, nước nhanh chóng rút xuống: Từ một mét nước, rút xuống chỉ còn chừng ba mươi cm. Mọi người nhìn tình hình, thấy chẳng còn nguy hiểm nữa, đều lũ lượt xuống nước vượt sông. Tôi đi Hoàng lão bá hơn tám mươi tuổi qua sông cuối cùng. Kỳ quái là khi tôi qua được nửa sông, bỗng cảm thấy mực nước bắt đầu dâng lên. Phía sau tôi, từ Thiên Cầu (địa danh) còn có bảy tám người, lại còn có vợ chồng họ Vinh cũng theo chúng tôi vượt sông. Sau khi mọi người bình an qua sông, cũng chẳng quay lại coi nước có tiếp tục dâng lên hay không. Mặt khác, khi nhóm Ngô tiên sinh chặt tre lồ ô, chuyển đến bờ sông, đã không thấy chúng tôi nữa. Nước vẫn lớn bình thường, vì sao chúng tôi

có thể vượt qua? Sau đấy mới biết khi chúng tôi qua sông chẳng lâu, lúc nhóm Ngô tiên sinh đến bờ sông, nước sông đã dâng lên sâu y hệt như nửa giờ trước. Đây là chuyện kỳ lạ cỡ nào khiến cho kẻ khác khó thể tin tưởng!

Kinh Phật nói Bồ Tát dùng đủ loại thần lực cứu chúng sanh khổ nạn. Thủy tai là một trong các thứ đại tai nạn của nhân gian, nếu có thể chí tâm xưng niệm thánh hiệu Bồ Tát, ắt được giải thoát. Lần này do sự đích thân trải nghiệm của chính mình, chứng minh Phật ngữ chẳng hư vọng. Ngoại trừ tăng cường tín tâm, kiên thành lễ bái để báo đáp hồng ân, kính mong những ai đọc bài văn vụng về này, cũng sanh khởi cái tâm tín nguyện, mọi người đều cùng nghĩ tới thánh hiệu “*nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát*” có nguyện lực rộng lớn, có cầu ắt ứng.

18. Kỳ tích trên đường tới suối vàng *Truyện Nguyệt ghi*

Ngày nay, hễ thuận tay mở báo ra, luôn là chẳng tránh khỏi thấy các tin tức tai nạn xe cộ lớn nhỏ. Thậm chí cũng có người thấy thảm trạng máu thịt văng tứ tung, thân và đầu khác chỗ! Hai ngày trước, cũng tức là ngày Hai Mươi Hai tháng Chín, Trung Quốc Thời Báo đăng tải tin một phụ nữ do từng chính mắt thấy thảm trạng tai nạn xe cộ, khiến cho tinh thần phân liệt, bỏ nhà trốn đi. Có thể thấy tai hại to lớn do tai nạn giao thông vậy! Dưới đây, tôi viết lại một sự kiện có thật kỳ lạ: Xe bị hủy hoàn toàn, nhưng người chẳng bị thương vong. Đâm ra lọt lưới tin tức (tôi thiểu là tôi không thấy phóng viên tin tức đăng báo chuyện này), quý vị có tin tưởng hay không? Trên thế giới, thật sự có chuyện chẳng nghĩ bàn!

Trời nắng gắt mấy ngày liền, khiến cho thành phố Đài Bắc bắt buộc phải cúp nước từng khu vực cách ngày. Ban ngày, dưới ánh nắng gay gắt, mọi người mồ hôi đầm lưng, gần như thở không nổi. Đường nhựa hầu như cũng bị hun nóng đến nổi nhựa đường nhũn ra. Chiều ngày Mười Tám tháng Tám, đột nhiên trời đổ một trận mưa ngọt, mưa lớn dần, từ thưa thớt đến dày đặc. Tiếp đó, sấm chớp loang loáng, dường như cả vạn con ngựa chạy lồng. Mọi người đối với trận mưa to này đều tỏ vẻ vui mừng, lũ trẻ nhỏ thậm chí hoa chân múa tay trong cơn mưa lớn ấy! Ước chừng hai giờ mười lăm phút vào buổi chiều, bà Châu Vương Thu Cúc cưỡi chiếc xe gắn máy Linh Mộc (Suzuki) 80 phân khối, chở

một túi to các sản phẩm tăng lực cho người tập thể hình (gymmer), chuẩn bị giao tận nhà những người đặt hàng. Trên đường, gặp ngay trận mưa to như trút này. Xe chạy đến chỗ giao nhau giữa đường Trung Hoa và Thành Đô, nhằm lúc đèn xanh, đương nhiên là bà ta có thể chạy thẳng một lèo qua đường Trung Hoa, nhưng một chiếc xe bus thuộc công ty xe bus Chỉ Nam từ sau lưng bà ta phóng vù tới, muốn queo phải sang đường Thành Đô, khi xe bus queo cua, “rầm” một tiếng, đụng cả người lẫn xe [của bà Châu] đổ lăn quay. Kế đó, bà ta bị cuốn vào gầm xe bus, các sản phẩm tăng lực rơi tung tóe ra đất. Bà ta tự nghĩ mình chẳng còn thể nào sống qua đận này!

Cũng chẳng biết chuyện gì xảy ra, trong sát-na bị cuốn vào gầm xe bus, bà chỉ cảm thấy một luồng hơi nóng bao phủ toàn thân. Sau khi bị xe bus lôi đi vài thước, bà nghe người trên đường gào to, kêu tài xế dừng xe lại, cũng nhận thấy chính mình nằm dưới gầm xe, bánh xe trước ở ngay phía sau mình. Bà nằm trên mặt đất, hơi nghiêng đầu, thấy bánh xe sau còn đang lăn trên mặt đường ướt sũng, sẽ hướng đến nghiền nát chính mình, trong lòng bà ta hết sức sợ hãi! Nói thì chậm, chứ khi đó rất nhanh, đại khái là tài xế nghe tiếng người đi đường quát tháo, phát hiện tình huống không đúng, lập tức khẩn cấp dừng xe. Lúc đó, bà ta nghe tiếng người đi đường kêu lên sợ hãi. Đồng thời, bánh xe sau xe bus vừa cán lên chiếc xe gắn máy của bà, chỉ kém một giây nữa thôi là đầu và thân bà đã khác chỗ rồi! A Di Đà Phật! Tài xế vội vàng xuống xe, thò tay vào dưới gầm xe, toan kéo bà ta ra, hiềm rằng thân xe bus cách mặt đường chẳng quá một mét, mà trên người bà Châu còn có chiếc xe gắn máy tám mươi phân khối, tốn công sức rất lớn, vẫn không kéo bà ta ra được. Lạ thật, cuốn vào thì được, cứ sao lôi ra chẳng được! Tài xế gấp gáp đến độ đầu đầy mồ hôi, mạng người to bằng trời! Bà Châu cảm thấy chân đau đớn, nghĩ chân đã bị xe cán đứt rồi, rên hừ hừ, nhưng đầu óc bà vẫn còn rất tỉnh táo. Có người hướng vào gầm xe hỏi han, bà cho số điện thoại doanh nghiệp sản phẩm tăng lực ở khu Cổ Đình, nhờ họ báo tin cho người phụ trách đến. Trong chốc lát, hành khách trên xe đều xuống xe, có khoảng chừng mười nam nhân chia nhau vây quanh bốn phía hợp sức nâng thân xe lên, ngoài ra còn có bốn nam nhân khác rất cẩn thận khởi động máy xe, rồi lại nâng bà ta lên, đem tài xế cùng đi, ngồi tắc-xi, đưa đến phòng cấp cứu của Đài Đại Y Viện.

Sau đó, theo đồng nghiệp của bà ta kể lại: Sau khi bà ta được đưa đến bệnh viện, nhân viên thuộc đội cảnh sát giao thông đến hiện trường, phân cục cảnh sát cũng đến. Khi họ thấy chiếc xe máy bị đâm tan hoang,

móp méo, sắt thép rơi rụng la tả, đã buồn bã lắc đầu nói: “Có thể là mất mạng, mà có khi chỉ còn nửa cái mạng”. Nói xong, họ cũng chạy tới bệnh viện. Kế đó, lại có hai vị cảnh sát giao thông đo đạc, vẽ lại hiện trường. Cảnh sát hỏi người soát vé khi xe bus quẹo phải có huýt còi hay không. Người soát vé vẻ mặt như đang khóc tang, đáp: “Có thôi”. Cảnh sát lớn tiếng quở trách: “Đã huýt còi, sao người và xe máy lại lọt dưới gầm xe cho được?” Tài xế nói tiếng mưa quá lớn, chẳng nghe có thổi còi hay không? Tóm lại, ai cũng chẳng dám nhận trách nhiệm về nhân mạng. Cuối cùng người soát vé bị cảnh sát chất vấn nghiêm khắc, trong lòng lại sợ hãi, bèn òa khóc trước mặt mọi người.

Tại phòng Cấp Cứu của Đài Đại Y Viện, bà Châu trên người chẳng có một tí vết thương nào. Cảnh sát ghi biên bản hỏi bà: “Bà có biết xe gì đụng bà hay không?” Bà ta đáp: “Biết. Xe của hãng Chỉ Nam”. Cảnh sát an tâm cười: “Hoàn hảo, não không bị chấn động”. Bà Châu hỏi cảnh sát: “Xe của tôi ra sao?” Cảnh sát nói: “Bà còn hỏi xe nữa à? Bà đúng là may mắn, mạng lớn lắm!” Sau khi bác sĩ thực hiện các trắc nghiệm, kiểm tra toàn thân, chứng thực không tổn hại gì, đưa bà ta về nhà. Trải qua ba ngày quan sát, quả thật không bị phản ứng chấn động não, bà ta an tâm. Chỉ nghĩ đến chuyện chiếc xe gắn máy bị nghiền biến dạng, nhưng chính mình rốt cuộc lại bình an vô sự, ngay cả trầy da cũng chẳng có, thật sự cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn! Ngoại trừ cảm tạ toàn bộ các vị hành khách đã dốc hết sức cứu giúp trong cơn mưa to và người qua đường, càng cảm tạ sâu đậm Địa Tạng Bồ Tát đã ngấm ngấm che chở.

Vì cảm tạ Bồ Tát che chở, bà Châu đến nhà chúng tôi. Sau cơm chiều ngày Hai Mười Một tháng Tám, bố chồng tôi nghe bà Châu gọi điện thoại hỏi Phật đường trong nhà tôi có thờ thánh tượng của Địa Tạng Bồ Tát hay không, nói chốc nữa, bà ta sẽ đến lạy Bồ Tát. Bố chồng tôi hỏi nguyên do, bà chỉ kể sơ lược chuyện gặp tai nạn xe, chẳng bị thương. Trước hết, cảm ơn bố chồng tôi đã tặng cho bà ta thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát. Đại khái là tám giờ rưỡi, Châu tiên sinh dùng một cái xe gắn máy khác chở bà ta đến, còn cầm theo nho, xoài, giấy vàng bạc. Bố chồng tôi bảo lễ kính Phật, Bồ Tát chẳng cần phải đốt vàng bạc, chỉ cần kiên thành cung kính là được rồi. Sau khi mọi người ngồi xuống, bà Châu kể cho chúng tôi nghe chuyện gặp phải. Nghe kể xong, chúng tôi đều mở to mắt nhìn thân thể của bà ta, quả thật một vết trầy nhỏ cũng chẳng có! Nếu chẳng có bà ta “*hiện thân thuyết pháp*”, thật đúng là khó khiến cho kẻ khác tin tưởng!

Bà ta kể bố chồng tôi đã tặng một bức tượng Địa Tạng Bồ Tát nhỏ để đeo trên người, bà cảm thấy Bồ Tát ở bên thân, chuyện xấu gì cũng đều chẳng dám làm. Mỗi lần cưỡi xe ra khỏi cửa, lúc nào cũng đều cảm thấy Địa Tạng Bồ Tát ở trong tâm, nội tâm sanh khởi cảm giác an toàn không chi lớn bằng! Tai nạn xe cộ lần này, bà ta thật sự được Bồ Tát che chở. Bố chồng tôi bảo bà ta: Đó là do nguyện lực từ bi của Bồ Tát, khuyên bà ta về sau hãy làm việc thiện nhiều hơn, niệm thánh hiệu Địa Tạng cho nhiều. Nguyện lực của Địa Tạng Bồ Tát thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do bà ta là một người chưa hề tiếp xúc kinh Phật, mà cũng chẳng hiểu biết Phật lý cho lắm (vợ chồng họ là bạn uống trà của bố chồng tôi. Ngẫu nhiên bố chồng tôi cũng kể cho họ nghe các câu chuyện trong kinh Phật, khuyên đừng sát sanh v.v...), cũng được Bồ Tát che chở, cho thấy tinh thần “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*” của Bồ Tát.

Trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện, Hư Không Tạng Bồ Tát hỏi đức Phật: “*Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nãi cập nhất thiết thiên, long văn thử kinh điển, cập Địa Tạng danh tự, hoặc chiêm lễ hình tượng, đắc kỳ chủng phước lợi?*” (Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cùng với hết thấy trời rồng nghe kinh điển này và danh hiệu Địa Tạng, hoặc chiêm lễ hình tượng, sẽ được mấy thứ phước lợi?) Đức Phật bảo Hư Không Tạng Bồ Tát: “*Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân kiến Địa Tạng hình tượng, cập văn thử kinh, nãi chí độc tụng, hương hoa, ẩm thực, y phục, trân bảo, bố thí, cúng dường, tán thán, chiêm lễ, đắc nhị thập bát chủng lợi ích: Nhất giả, thiên long hộ niệm. Nhị giả, thiện quả nhật tăng... Thập giả, thần quý trợ trì... Thập cửu giả, chư hoạnh tiêu diệt. Nhị thập giả, nghiệp đạo vĩnh trừ*” (Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thấy hình tượng Địa Tạng và nghe kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, thức ăn, y phục, trân bảo để bố thí, cúng dường, tán thán chiêm lễ, sẽ đạt được hai mươi tám thứ lợi ích: Một là trời rồng hộ niệm. Hai là thiện quả ngày một tăng... Mười là thần quý giúp đỡ... Mười chín là các tai nạn bất ngờ bị tiêu diệt. Hai mươi là nghiệp đạo vĩnh viễn trừ diệt). Bố chồng tôi luôn thích tặng tượng Phật để kết duyên với người khác; chẳng ngờ một bức thánh tượng Địa Tạng bé xíu như thế, lại nghiêm nhiên phát sanh oai lực to dường ấy. Ngoài tán thán thần lực oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát ra, xảo hợp như thế nào đi nữa, cũng không thể gặp tai nạn xe cộ mà chẳng bị tổn thương may như thế được?

19. Phật, Bồ Tát và tôi

Lương Mỹ Hoa ghi

Kết hôn đã gần tám năm, tôi cùng chồng sanh một trai, một gái, con gái hoạt bát, con trai trầm tĩnh. Mỗi khi tôi nhìn đứa con trắng nõn, sẽ bất giác nhớ lại tai nạn xe cộ phát sanh vào năm trước. Ngày Hai Mươi Chín tháng Bảy Âm Lịch, cũng chính là trước ngày khánh đản Địa Tạng Vương Bồ Tát. Một hôm, tôi cùng chồng và đứa con gái bốn tuổi, cùng với một người bạn ở Gia Nghĩa, cùng ngồi ở phía trước một chiếc xe vận tải nhỏ do chồng tôi lái từ Đẩu Nam đến trạm xe lửa Đẩu Lục. Nhà tôi lái xe luôn cẩn thận, kỹ lưỡng, nhưng ngày đó do sợ bị kẹt đường vì chuyến xe lửa bốn giờ chiều; do đó, anh ta đặc biệt nhấn ga vọt nhanh hơn. Chẳng ngờ xe chạy đến cầu Ba Tiêu ở Đẩu Lục, xe đang trước đột nhiên chạy chậm lại. Chồng tôi nhất thời sợ ý, thắng gấp xe, mũi xe hơi chéch về bên trái, tông vào đuôi chiếc xe truck đối diện, khiến cho đầu xe chúng tôi biến dạng, còn bị xe truck lôi đi một đoạn. Trước tiên là đụng ngã các hộp cơm trong xe, đó là cơm hộp do tôi chuẩn bị cho mọi người. Ngay sau đó là chấn động mạnh mẽ sau khi bị tông. Trong khoảnh khắc mất nhìn rợn người ấy, quả thật rất khó dự đoán người trong xe sẽ như thế nào! Dân cư bên đường đã cho rằng chúng tôi ắt “*dữ nhiều, lành ít*”, vì nơi ấy thường xuyên xảy ra chuyện không may, không chết thì cũng bị thương!

Xe truck ngừng lại, xe chúng tôi tự nhiên cũng dừng lại theo. Ngừng xe giữa đường, trong xe chúng tôi ngó nhau, chỉ có đầu tôi và chân bị va chạm nhẹ, chứ con gái, chồng tôi, và người bạn toàn thân hoàn hảo. Tôi khi đó đang mang thai đến tháng thứ tám. Trong khi nhà tôi mở cửa xe méo mó, cong queo ra, chúng tôi nối đuôi nhau bước xuống. Các cư dân thật sự đổ mồ hôi lạnh thay cho chúng tôi, thấy chúng tôi chẳng bị tổn hại gì, rất ngạc nhiên, hỏi: “Đầu xe bị đụng bẹp lép như thế, sao quý vị có thể may mắn thoát nạn?” Lại thấy tôi bụng to phề phề, họ càng thập phần lo lắng cho tôi. Chúng tôi trầm miệng một lời, trả lời họ: “Vì chúng tôi thường niệm Phật” (bạn tôi trì chú Đại Bi, tôi và chồng thì trì Tâm Kinh và thánh hiệu A Di Đà Phật, ngay cả con gái tôi cũng niệm theo tôi). Trong khoảnh khắc cấp bách, tâm tôi lập tức hét lớn: “A Di Đà Phật!” Khẩn cầu chư Phật, Bồ Tát bảo vệ, gia hộ, cho nên tôi tin tưởng chắc chắn: Chúng tôi bình an, nhất định là do Phật, Bồ Tát gia trì. Vì để bảo đảm thai nhi trong bụng bình an hay không, tôi đến khoa phụ sản thuộc bệnh viện tỉnh lập Đẩu Lục gần đó để kiểm tra. Bác sĩ phụ

khoa sau khi cẩn thận dùng sóng siêu âm kiểm tra, đã bảo tôi: “Chúc mừng chị! Thai nhi rất khỏe (bình thường), lại còn là một thằng nhóc”. Lúc ấy, tôi mới hết lo. Sau đó, bố chồng tôi biết chúng tôi xảy ra chuyện, vội tìm đến chỗ xảy ra tai nạn, trông thấy cái xe tanh bành, lại chẳng thấy chúng tôi, sợ tới mức mặt lão nhân gia tái mét, tự nghĩ chẳng phải là tai nạn bi thảm ư? Mãi cho đến khi chồng tôi êm đẹp xuất hiện trước mặt cụ, lão nhân gia mới nhẹ nhõm thở phào!

Mấy hôm trước khi gặp chuyện không may, mắt trái tôi giật đùng đùng, đã là điềm báo chẳng lành rồi. Nào ngờ, mấy hôm sau đúng là xảy ra chuyện, mà tôi cũng lại gặp chuyện nghiêm trọng nhất trong các chuyện chẳng nghiêm trọng. Ngày hôm đó, cố tránh xe lửa vì mục đích đến chùa Nông Thiên ở Đài Bắc tham dự lễ khánh đản Địa Tạng Vương Bồ Tát, mà cũng là lễ xuất gia của hai vị sư phụ Quả Huy và Quả Thuần, cũng chắc là do chúng tôi chẳng có phước khí! Nếu không, chắc là tôi làm sai chuyện gì ở đó, mới khiến cho tôi không thể tham dự. Khi xảy ra tai nạn xe cộ, cứ sao mấy hộp đựng thức ăn bị đụng nát đầu tiên, văng tung tóe ra đất, mà chúng tôi đều bình an vô sự? Nghĩ lại trước sau, vốn có bốn hộp đựng thức ăn, hai hộp chay, hai hộp mặn. Nhà tôi và con gái ăn mặn, cho nên tôi chuẩn bị như thế. Có lẽ đúng là chư thiên và thần hộ pháp cảnh cáo tôi, tôi đã thọ tại gia Bồ Tát Giới, mà chẳng chú trọng các quy củ trong Phật giáo cho lắm, lại càng chẳng cầu nệ hình thức. Trước khi đến lễ bái chùa, miếu, thân tâm phải thanh tịnh, tốt nhất là có thể ăn chay trước đó ba ngày, khiết tịnh thân thể thì mới là lễ tắc cung kính đối với Phật, Bồ Tát. Đã được giáo hóa như vậy, khiến tôi chẳng dám hành xử qua loa nữa! Mọi sự đều chiếu theo quy củ.

Sau hơn một tháng gặp chuyện không may, tôi quả thật sanh được một bé trai, bộ dạng khá trắng trẻo, thanh tú. Sau khi bé được sanh, cỗ rất có sức, tự động xoay chuyển. Ở đây, tôi ắt cần phải đặc biệt cảm tạ thầy Quả Thuần và chị tôi. Nếu không phải do họ từ bi trợ niệm kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện cho tôi, chỉ sợ con tôi đã sớm chẳng còn nơi nhân thế. Sau khi kết hôn, tôi sanh được một gái. Sau đó, mỗi năm đều mang thai, nhưng hai lần đều chẳng bình an. Do vậy, cũng tạo thành thói quen sanh non, khiến cho tôi gần như chẳng có dũng khí tính sanh con nữa. Mãi cho đến năm trước, tôi cùng chị tới tham dự Phật Thất tại chùa Nông Thiên ở Đài Bắc. Ngày Phật Thất viên mãn, tôi quỳ trước Phật, khẩn cầu Phật, Bồ Tát ban cho tôi một quý tử, lại còn có thể sanh nở thuận lợi, bình an. Quả nhiên, Phật, Bồ Tát thật sự thỏa nguyện cho tôi. Trở về không lâu sau, tôi đích xác lại mang thai. Có lẽ nghiệp chướng

của tôi quá nặng, khiến cho tôi chẳng được bình an. Mang thai đến tháng thứ hai, tôi lại bắt đầu có hiện tượng sản đạo xuất huyết. Càng thêm tai hại là đồ ăn gì cũng chẳng thể nuốt nổi, thân thể càng thêm mất sức. Hễ đi lại bèn chóng mặt, hoa mắt, đúng là bầy bót không chịu nổi một kích! Vì thế, bác sĩ đề nghị lấy đứa nhỏ ra. Nếu không, tôi sẽ suốt đời nằm bẹp trên giường dưỡng sức, bất cứ việc nặng nào cũng đều chẳng thể làm. Con gái cũng chẳng thể ôm nổi. Trời ơi! Ngoài đứa con đầu ra, những lần mang thai khác đều là như vậy. Thật sự khiến cho tôi cảm nhận nghiệp chướng sâu nặng, thường là khi chúng ta yếu ớt nhất, chẳng có sức chống đỡ, nghiệp chướng thường hiển hiện.

Chị tôi ở Cơ Long biết tôi lại sắp sanh non, rất lo lắng, lại nghĩ không ra nên làm thế nào để giúp tôi. Thành linh một ý nghĩ xẹt ra trong đầu, chị bèn gọi điện thoại cho tôi kể về tình huống gần đây của Xí Thành (Xí Thành là tục danh của thầy Quả Thuần. Khi bé là hàng xóm, đều cùng họ Lương, cho nên tình cảm như anh em). Vì tình hình của tôi, thầy Quả Thuần đặc biệt đối trước Phật, hết sức kiên thành niệm một quyển kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên. Sau này, chị tôi kể lại chuyện đó qua điện thoại. Nhớ rõ hôm đó là buổi chiều, tôi vẫn đang suy yếu nằm trên giường, vì sợ lạnh cho nên hai cánh cửa sổ đều đóng chặt. Điều kỳ diệu là đỉnh đầu của tôi có một luồng gió nhẹ thổi tới, nhất thời làm cho tôi cảm thấy thanh lương. Đây chẳng phải là sự thanh lương bình thường. Tôi nhìn hai cửa sổ đóng chặt, sao lại có luồng gió mát ấy? Vài ngày sau, chị tôi từ Cơ Long gọi điện thoại về, hỏi tôi thân thể có đỡ hơn không? Chị cũng cho tôi biết đã gọi điện thoại cho thầy Quả Thuần, thầy đã niệm cho tôi một bộ kinh Địa Tạng. Nguyên lai luồng gió mát chiều hôm ấy là do họ từ bi cảm ứng Phật, Bồ Tát gia trì cho tôi. Tôi rất cảm kích hai vị đã giúp đỡ tôi, tôi càng cảm tạ chư Phật, Bồ Tát bảo vệ và [cảm tạ] Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi gia trì. Do vậy, tôi liền bắt đầu mỗi ngày tụng một quyển kinh Địa Tạng. Tới tháng thứ sáu, bèn phát tâm dùng đất sét tạc một bức pháp tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát, đem phun sơn vàng mạ để thờ phụng, nhìn thấy rất trang nghiêm.

Vẻ trang trọng và tướng mạo của con tôi mười phần giống như tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát tôi đã đắp nặn. Sau khi nó sanh ra, lập tức được người trong nhà và họ hàng yêu thương hết mực. Người không quen biết vừa gặp nó cũng chẳng chóng nổi sự hấp dẫn từ khí chất của nó, phải ngắm nghía nó. Trước mắt, chúng tôi đã chuyển nhà từ Đầu Nam đến gần Đầu Lục. Chồng tôi đã nghỉ việc trước đây, cùng tôi mở một quán nhỏ bán đồ chay. Tôi phát tâm hồi sư phụ xuất gia nào đến

quán, sẽ đều nhất loạt cúng dường. Đây là một chút tình báo đền của chúng tôi đối với Phật pháp. Trong tương lai, nếu có sức lớn hơn, chỉ nguyện cả nhà đều có thể nỗ lực tuyên truyền Phật pháp. Rốt cuộc, trong thời đại hiện tại, còn có gì đáng quý hơn Phật pháp?

20. Sanh nở nguy ngập lại được giữ vẹn tánh mạng

Người đất Tương ghi

Mùa Xuân năm Canh Ngọ (1930), vợ tôi có thai. Ba tháng trước khi sanh, thai bỗng bất động. Cầu thần, xem bói đều vô hiệu, lại chẳng dám uống thuốc; nhưng do bụng to, đi lại khó khăn, tâm thường lo sợ. Lại vì tôi ăn chay học Phật, nên có chuyện bất trắc, càng khiến cho người làng biếm nhẽ! Nhớ lại mười năm trước, có một vị Tăng, tiên đoán “vào lúc ba mươi sáu tuổi, phải cẩn thận đề phòng sản nạn”, vừa khéo đúng hệt như lời thầy chiêm tinh bảo “coi chừng mắc nạn”. Do vậy, nóng ruột muôn phần, kinh hoàng, sợ hãi chẳng biết cách nào! Một đêm nọ, vợ tôi hướng về tôi khóc lóc, kể lể. Nghe lời ấy, tôi càng kinh hãi, chua xót cùng cực! Bỗng nhớ đến kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện có thể bảo vệ người gặp tai ách về sanh nở. Nếu có ai hứa nguyện, chí tâm tụng kinh, trì tụng thánh hiệu, ắt được sanh nở bình an. Vừa mới dậy lên ý niệm ấy, tôi liền cảm thấy tâm thần an vui, khỏe khoắn, như băng tan rã. Sáng sớm hôm sau, đối trước Phật tâu trình cặn kẽ. Chẳng ngờ, ngay đêm ấy, vợ tôi lâm bồn. Thai nhi vẫn thuận chiều sanh ra, nhau thai cũng theo ra. Nhìn xem, thân thai nhi đã hư nát, sao lại có thể xoay đầu xuống để thuận chiều sanh ra? Nếu chẳng phải do sức từ bi cứu khổ của Bồ Tát, làm sao được như vậy? Vì thế, tôi thệ nguyện hành Địa Tạng hạnh để nguyện báo ân Bồ Tát. Những người đồng bệnh tương lân trong nước, hãy chí thành trì tụng tôn kinh, phóng sanh, kiêng giết, ắt được sanh nở an Khang, lời Phật chẳng hư huyễn. Chính tôi là một minh chứng vậy!

21. Tụng kinh cảm ứng

Vương Căn ghi

Đối với mọi người mà nói, có thể là chuyện bé tí chẳng đáng nhắc tới, nhưng tâm tôi vẫn không nén được kinh hỷ, hớn hờ. Vì hiện thời, gần đây tôi dọn nhà sang Đào Viên, đối trước hoàn cảnh mới mẻ, ôm áp vô hạn hy vọng và khát khao, mưu tính một cuộc sống mới tươi sáng,

đẹp đẽ. Nào ngờ, sự việc thường chẳng phải thuận ý như trong tưởng tượng. Do đổi việc, đúng là hết sức nhọc lòng, xin gắn điện thoại cũng phải chờ đợi khá lâu. Mọi việc chẳng trôi chảy như thế, khiến cho tôi ngồi mồm meo xó nhà, tâm tình buồn bã tới cực điểm. Do vậy, theo thường lệ, tôi đến bàn Phật trong nhà để dâng hương, lễ Phật ba lay, hướng về đức Phật nêu rõ tâm sự, mong mỗi tâm trạng thoải mái hơn. Bỗng dưng một niệm khởi lên, [nhớ tới] kinh Địa Tạng đã dạy: “*Hữu sự tương cầu, cung kính lễ bái, tán thán, cập tụng Địa Tạng Kinh, định hội hữu cảm ứng*” (Hễ có chuyện mong cầu, hãy cung kính, lễ bái, tán thán, và tụng kinh Địa Tạng, chắc chắn có cảm ứng). Do vậy, bèn tùy ý thỉnh một bản kinh Địa Tạng, tĩnh tâm đọc tụng. Tụng xong một quyển, bèn đứng dậy chấp tay hồi hướng, nguyện oán thân trái chủ trong bao đời sẽ nhờ vào công đức ấy mà mau được giải thoát, giúp tôi ngày sau mọi chuyện hanh thông! Trong khi tôi xá bái, ngưỡng vọng từ nhan của Bồ Tát, bỗng thấy nén hương trong lư hương sắp cháy hết, cuộn thành hình trái xoan, có phải là Địa Tạng Bồ Tát cho tôi cảm ứng đó chẳng? Tro hương cuộn thành hình trái xoan có phải là biểu thị điều tôi cầu nguyện sẽ được viên mãn? Chẳng phải! Chớ nên quá chấp trước, đó là vọng tưởng của chính mình đấy thôi! Bồ Tát ơi! Con chỉ mong cục Điện Tín sớm sai người đến gắn điện thoại cho con là được rồi!

Sáng hôm kế tiếp, dẫn con gái đến sở y tế chích ngừa, sau khi về nhà, tôi thấy trước cổng dán phiếu thông báo, trên đó viết: “Người từ sở Điện Tín vừa ghé, chủ nhân không có mặt, hôm sau sẽ đến gắn điện thoại”. Vừa nhận thấy như vậy, tôi rất vui sướng. Nhớ ngày hôm qua khấn nguyện, nay chẳng phải là linh nghiệm ư? Buổi chiều, hàng xóm cho biết, chồng tôi từ văn phòng gọi điện thoại cho tôi biết: “Có nhà trẻ đã chấp nhận thuê tôi, muốn tôi lập tức đến đó thảo luận một số vấn đề”. Đối với tin vui đột ngột này, đúng là chẳng dám tưởng tượng. Tôi nộp đơn xin làm việc tại nhà trẻ ấy đã hơn một tháng, chẳng có tin tức gì! Chẳng ngờ đến hiện thời, họ lại nghiêm nhiên mượn tôi. Đây chẳng phải là công đức kỳ diệu do tụng kinh ư? Lòng chan chứa niềm vui và cảm tạ, tôi đến trước Phật đài, cảm tạ Địa Tạng Vương Bồ Tát và chư Phật gia hộ. Đệ tử nay được hưởng Phật ân, phát nguyện từ nay mỗi tháng quyên tiền cứu tế người nghèo khổ, phóng sanh, giúp in kinh sách nhà Phật, ăn chay ngày Mông Một và ngày Rằm mỗi tháng.

22. Ghi chép về sự linh cảm do đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện
Lý Văn Khải ghi

Đảnh lễ thập phương tam thế Phật, hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát; đệ tử Huệ Đăng (pháp danh) kể từ khi phát tâm đọc tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện và niệm thánh hiệu cho tới nay, đã có sáu chuyện cảm ứng, chưa dám bộc lộ. Gần đây, do lão cư sĩ Tạ Chú Trần ở Đài Nam phát tâm in lại Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục, lại do cư sĩ Triệu A Nam gửi thư, dặn bảo ghi lại sáu câu chuyện linh cảm hòng tạo lợi ích cho người đời. Văn Khải tự biết chướng sâu, huệ cạn, học vấn sơ sài, kiến thức thô thiển, chẳng khéo viết lách, không dám nhận lời. Triệu cư sĩ gửi thư thúc giục lần nữa, chẳng thể không nể tình, cho nên tôi nay đành dùng lời lẽ quê mùa trần thuật như sau:

Ngày Ba Mươi tháng Bảy Âm Lịch năm Dân Quốc 44 (1955), vào lúc sáng sớm, tôi mộng thấy mẹ tôi dặn tôi siêu độ cho cụ. Sáng hôm đó, tôi liền đến chùa Thiện Đạo ở Đài Bắc để tham dự pháp hội Địa Tạng, theo đại chúng đọc kinh, tụng niệm thánh hiệu. Sau khi viên mãn, kể lại giấc mộng với bạn bè, được đạo hữu căn dặn: “Chúng ta muốn cầu siêu cho cha mẹ, phải phát nguyện tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện”. Tôi liền đối trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, đảnh lễ, phát nguyện: “Từ hôm nay trở đi, con phát tâm đọc tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện và thánh hiệu, muốn trong vòng một tháng, tụng hai mươi bốn bộ kinh, niệm mười vạn câu thánh hiệu, đem công đức ấy hồi hướng cho mẹ”. Chớp mắt đã tới kỳ hạn, đọc kinh và niệm thánh hiệu đã đều viên mãn, mẹ tôi có đắc độ hay không, chẳng hề cảm ứng! Tôi biết đời trước ác nghiệp sâu nặng, chẳng phát đại nguyện thì sẽ không được. Vì thế, phát đại nguyện lần thứ hai như sau: “Kể từ mùng Một tháng Chín Âm Lịch năm Dân Quốc 44 (1955) cho tới Ba Mươi tháng Bảy Âm Lịch năm Dân Quốc 45 (1956), lại phát tâm tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện năm trăm bộ, mỗi ngày niệm thánh hiệu một ngàn câu, và tận lực hành thiện hạnh hộ sanh (bảo vệ sanh mạng), phóng sanh”. Từ đây về sau, bèn ghi chép từng chuyện hằng ngày để đôn đốc chính mình đừng giải đãi.

Như trong phẩm Như Lai Tán Thán của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện đã chép: “*Phổ Quảng! Nhữ dĩ thần lực, khiến thị quyền thuộc, linh đối chư Phật, Bồ Tát tượng tiền, chí tâm tự đọc thử kinh, hoặc thỉnh nhân đọc, kỳ số tam biến, hoặc chí thất biến. Như thị ác đạo quyền thuộc, kinh thanh tất thị biến số, đương đắc giải thoát*” (Này Phổ Quảng! Ông dùng thần lực khiến cho các quyền thuộc ấy đối trước tượng chư Phật, Bồ Tát, chí tâm tự đọc kinh này, hoặc thỉnh người khác

đọc ba lượt hoặc đến bảy lượt. Quyển thuộc đang ở trong ác đạo như thế khi tiếng tụng kinh đủ số, sẽ được giải thoát). Phẩm thứ mười hai, tức phẩm Kiến Văn Lợi Ích chép: “*Phục thứ, Quán Thế Âm! Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục cầu vị lai, hiện tại bách thiên vạn ức đẳng nguyện, bách thiên vạn ức đẳng sự, đản đương quy y, chiêm lễ cúng dường, tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, như thị sở nguyện, sở cầu, tất đắc thành tựu*” (Lại này, Quán Thế Âm! Nếu đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn cầu trăm ngàn vạn ức các nguyện, trăm ngàn vạn ức các sự trong vị lai hay hiện tại, chỉ nên quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, sở nguyện, sở cầu như thế đều được thành tựu). Tôi đọc hai phẩm ấy, nước mắt đầm đìa. Học Phật quá trễ, đọc kinh quá muộn, khiến cho cha mẹ, lục thân quyển thuộc nhiều đời của tôi luân chuyển trong lục đạo, hứng chịu vô lượng vô biên nỗi khổ. Vì thế, lại phát đại nguyện lần thứ ba: “Một, đệ tử Huệ Đăng kiên thành đọc kinh và niệm thánh hiệu, ngưỡng cầu nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát đại từ, đại bi, đại trí, đại huệ, đại nguyện, đại lực cứu độ cha mẹ của con trong nhiều đời sớm thoát vòng khổ. Cha mẹ hiện tại sớm sanh về Cực Lạc. Hai, cầu Đại Sĩ gia bị phước báo, đệ tử sẽ học theo ngôn hạnh của Bồ Tát, ôm lòng từ bi, nguyện tiêu hết thấy ác nghiệp trong đời trước và đời này, tăng trưởng trí huệ, gặp chuyện cát tường; cũng cầu cho hai đứa con tiền đồ thuận lợi”. Sau khi tự phát nguyện, trong vòng ba bốn tháng, Đại Sĩ Tự đã lần lượt ban cho các thứ linh cảm:

1) Thân thể hèn mọn này từng bị bệnh ngoài da đã nhiều năm chẳng hết, ngứa ngáy khó chịu, thuốc men vô hiệu. Sau khi đọc kinh, dần dần lành bệnh.

2) Sau khi xí nghiệp kinh doanh của cháu Tường ở Hương Cảng đóng cửa, con dâu lại bị bệnh, cháu nó quyết ý đến Đài Loan để tìm việc khác. Hộ chiếu nhập cảnh đã nhận được rồi, sắp lên đường, bỗng nghe thấy một hãng ngoại thương lớn ở Hương Cảng cần tuyển thêm một nhân viên mới, cháu may mắn được tuyển dụng, con dâu cũng lành bệnh.

3) Cháu Trạch làm việc tại một hãng ngoại quốc tại Hương Cảng, đồng thời học hàm thụ tại một đại học Mỹ, đã tốt nghiệp với chứng chỉ về ngành điện lạnh. Đúng dịp một xí nghiệp ngoại quốc tại Hương Cảng tuyển mộ một quản lý viên điện lạnh, cháu Trạch bèn gửi đơn xin việc, được giám đốc của hãng gọi đi phỏng vấn, rốt cuộc được tuyển dụng. Viên giám đốc còn nói: “Có khoảng hơn hai trăm người có học vấn ưu tú

hơn anh, tôi chỉ tuyển mình anh...” Đấy chẳng phải là do Đại Sĩ gia bị thì là gì vậy? Cháu Trạch không biết kế toán, lại do ban quản trị mời kế toán viên cao cấp dạy suốt ba tuần, điều sang làm việc tại chi nhánh ở Lưu Cầu (Ryukyu Islands). Đấy cũng chẳng phải là do sức của Đại Sĩ ư? Cháu Trạch thậm nghĩ đến hồng ân của Đại Sĩ, không có gì để báo đáp, cho nên thề hằng ngày đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện suốt đời không thiếu sót. Ngày Mười Bảy tháng Mười năm Dân Quốc 45 (1956), đọc năm trăm bộ viên mãn, tôi thậm nghĩ cách nhau mười một ngày, hai cháu đều có việc làm ổn định, đấy chẳng phải là do đọc kinh bèn được Đại Sĩ linh cảm hay sao?

4) Con dâu tôi là Tĩnh, là sinh viên tốt nghiệp từ đại học Phục Đán, chưa có việc làm, muốn tìm việc nhưng chưa được. Kể từ sau khi tôi phát nguyện đọc kinh, có một hãng buôn nợ tại Hương Cảng tuyển mộ một nhân viên văn thư. Lúc đó, [chồng nó là] cháu Tường đã đi làm, cháu Tĩnh cũng chẳng có ý sốt sắng tìm việc, do bệnh mới khỏi, liền đến đó coi người khác tham gia tuyển lựa ra sao cho thỏa lòng tò mò. Nào ngờ người trong hãng cũng trao cho cháu nó bài thi. Cháu Tĩnh bèn tùy ý viết lách, trong hơn mười bảy người, cháu được tuyển dụng. Đại Sĩ gia bị, há có thể nghĩ bàn ư?

5) Chiều ngày Ba Mười tháng Giêng năm Dân Quốc 45 (1956), khi đọc kinh, tôi bỗng nghĩ mẹ đã được giải thoát hay chưa? Bèn đối trước tượng Đại Sĩ, quỳ gối cầu nguyện rằng: “Đệ tử Huệ Đăng, ngưỡng cầu Bồ Tát chỉ dạy mẹ con có được sanh về Tịnh Độ hay không? Như trong kinh đã dạy: *‘Chí tâm tự đọc kinh, hoặc thỉnh nhân đọc, kỳ số tam biến, hoặc chí thất biến, như thị ác đạo quyển thuộc, kinh văn tất thị biến số, đương đắc giải thoát’* (Chí tâm tự đọc kinh này, hoặc cậy người khác đọc, số đến ba lượt, hoặc bảy lượt, quyển thuộc trong ác đạo như thế, sẽ được giải thoát). Đệ tử đã đọc kinh này một trăm ba mươi một bộ, nhưng chưa được Đại Sĩ chỉ bảo, trong tâm hoảng sợ”. Cầu nguyện đến ngày thứ ba (ngày mùng Hai tháng Hai), vào lúc năm giờ sáng, đang ngồi nhắm mắt dưỡng thần trên giường, bỗng nghe tiếng mẹ như thuở còn sống gọi nữ danh của tôi: “Mau đến đây! mau đến đây”. Tôi nghe tiếng mẹ, lòng vui sướng như điên, nói: “Mẹ đã trở lại! Mẹ đã trở lại”. Thân tâm cảm nhận vui sướng vô biên, vội xoay người ra ngoài, tìm đến nơi có tiếng của mẹ. Bỗng phát hiện một chỗ rộng lớn, u nhã, tương tự

như cảnh tượng của Di Hòa Viên⁵⁸. Đường xá bằng phẳng như lưu ly, sáng ngời như gương, soi bóng một người nữ ăn vận theo kiểu cung đình, cười với Văn Khải. Tôi chăm chú nhìn xem là ai, tâm nghĩ người này chắc là mẹ mình, vội bước nhanh tới, toan đánh lễ thỉnh an. Sắp tới gần, cảnh giới đẹp đẽ hoàn toàn tiêu mất. Nghĩ là mẹ đã sanh lên trời, hoan hỷ, hớn hờ, bừng tỉnh, vẫn là một giấc mộng. Tuy là cảnh trong mơ, chẳng phải là Đại Sĩ bi tâm chỉ dạy ư? Cảm ân vô tận! Hôm sau, gặp lão pháp sư X... kể lễ giấc mộng, được sư khai thị rằng: “Mẹ ông sanh thiên chẳng ngờ chi nữa! Nếu sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ hiện hình tượng Bồ Tát”.

6) Vợ tôi năm nay gần sáu mươi, vẫn chưa có cháu, trong tâm lo buồn. Tôi lại nghĩ Đại Sĩ thường linh cảm ban ân, cho nên lại phát nguyện thứ tư như sau: “Đệ tử Huệ Đăng, ngưỡng cầu Bồ Tát ban thưởng cháu ngoan”. Phát ra cái nguyện ấy vào tháng Ba năm Dân Quốc 45 (1956). Trong tháng Bảy năm ấy, quả nhiên cháu Tường gửi thư báo tin cho em trai là cháu Trạch, bảo: “Chị dâu em đã mang thai, nay đã sanh một cháu trai đặt tên là Bảo Anh”. Tôi nhận được tin vui, khóc lóc hai lượt. Nếu ai hỏi: “Được tin có cháu phải mừng, sao lại khóc lóc?” Thưa rằng: “Tôi nhiều lượt được Đại Sĩ gia bị, ân ấy vô tận, tự hỏi dùng công đức gì để báo đền ân ấy? Do vậy, mừng thẹn chen lẫn, khôn ngăn rơi nước mắt”.

Văn Khải mong báo hồng ân của Đại Sĩ sâu đậm, chỉ có cách đòi đòi cho đến hết mạng hiện dâng thân mạng, tin nhận, phụng hành, hoằng dương Phật pháp, kiêng giết, phóng sanh, khuyên khắp các vị đồng chí đồng đạo cùng đọc kinh điển, cùng niệm thánh hiệu, cùng cầu cho cha mẹ nhiều đời sớm thoát vòng khổ, cùng cầu cha mẹ hiện đời cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh Độ, cùng chứng Phật quả. Văn Khải tường thuật đại lược sáu chuyện linh cảm do đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện và niệm thánh hiệu, văn chương quê kệch, thô thiên, nhưng toàn

⁵⁸ Di Hòa Viên (颐和园) là một hoa viên của hoàng gia Mãn Thanh, nay thuộc khu Hải Định thành phố Bắc Kinh, có diện tích lên tới 297 acres, được xây dựng từ thời vua Càn Long với tên gọi ban đầu là Thanh Y Viên. Khu lâm viên này để cho vua đến chơi, ngắm cảnh rồi trở về trong ngày. Đến thời vua Đạo Quang, do tiết kiệm công khổ, đã bỏ hoang khu vườn này. Đến đời Hàm Phong, Từ Hy nắm quyền nhiếp chánh đã cho tái tạo và xây nhiều đình đài, kiến trúc nơi đây, lấy hết số bạc dùng cho hải quân để kiến tạo và đổi tên thành Di Hòa Viên, lại coi đây là Ly Cung (tức là nơi nghỉ hè tránh nắng cho hoàng đế). Sau khi nhà Mãn Thanh sụp đổ, hoàng thất Mãn Thanh bắt đầu bán vé cho công chúng vào tham quan khu vườn này từ năm 1914.

là lời lẽ chân thật, chẳng dám nói dối. Lại thưa: Phát tâm từ ngày Ba Mươi tháng Bảy năm Dân Quốc 44 (1955) cho đến ngày Hai Mươi Tám tháng Mười năm Dân Quốc 45 (1956), tính ra đã đọc một ngàn năm trăm mười bảy bộ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, tụng niệm thánh hiệu chưa hề gián đoạn. Sau này, vẫn tiếp tục đọc thánh kinh, tụng thánh hiệu, chẳng có lúc cùng tận. Phàm những ai đồng chí đồng đạo với tôi, thật sự có thể tin nhận lời tôi, hãy sớm phát tâm, đọc thánh kinh, tụng thánh hiệu, ắt sẽ đạt được vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, có thể báo ân cha mẹ trong hiện đời, mà ân cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp cũng có thể đáp đền!

23. Địa Tạng Vương Bồ Tát với Đạo An thượng nhân

Hành Ngọc ghi

Đại khái là từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, tôi đã kết duyên chặt chẽ với Địa Tạng Bồ Tát, cho nên đời này mới có nhân duyên thù thắng như thế. Con trai thứ của tôi luôn mong đi du học tại Mỹ, giống như kiếm một giọt nước trong sa mạc, gian khổ như thế đó! Vào dịp thi tuyển du học hằng năm, tôi chẳng mong con tham dự. Điều thứ nhất là kinh tế của tôi chẳng dư dả để cho con xuất ngoại du học. Thứ hai là khi con tôi đi thi, nó sẽ mang tâm tình chẳng ăn, chẳng ngủ, khiến cho tôi bất an. Hơn nữa, nó đang làm việc tại công ty hàng không Trung Hoa, nghe nói mọi người đều khen nó làm việc giỏi giang. Nói thật ra, cũng là do Bồ Tát gia bị: Đứa nhỏ ấy chưa hết hạn nhập ngũ, đã ứng tuyển cho công việc này. Ngày thứ hai sau khi giải ngũ, bèn đi làm ngay. Bồ Tát biết tôi không có tiền dành dụm, đứa con tánh tình nóng vội, chẳng có việc làm là không được. Có thể thấu hiểu cảnh khổ của tôi, khiến cho mọi chuyện đều được như nguyện, thì chỉ có đáng cao thượng Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát!

Năm nay, đứa con tham dự cuộc thi tuyển chọn du học sinh, tôi trọn chẳng quan tâm chút nào, tôi nghĩ cứ để cho Bồ Tát an bài đi! Đứa con vừa bận bịu với công việc, vừa chuẩn bị dự thi tuyển lựa du học sinh, lại cấp tốc xin chứng thư học bổng từ nước Mỹ. Chuyện xin chứng thư học bổng lại càng mâu thuẫn hơn nữa! Trong lúc đi lính, con tôi quen một người bạn họ Tạ. Do công việc của người ấy chẳng tốt lắm, con tôi giới thiệu anh ta vào công ty hàng không Trung Hoa, cho nên hai người tình nghĩa như tay chân, không có chuyện gì giấu nhau. Anh chàng họ Tạ đã quen bạn gái nhiều năm, đã bàn tới chuyện kết hôn,

không ngờ cô ta lại bay sang Mỹ kết hôn với kẻ khác. Anh chàng họ Tạ buồn bã không vui. Con tôi nhiệt thành đối với người khác, dùng đủ mọi phương pháp an ủi anh chàng họ Tạ. Học một chút Phật pháp từ tôi để khuyên giải, rồi cuộc thuyết phục được anh chàng họ Tạ. Không ngờ chuyện xảy ra chưa đầy hai năm, cô gái ấy trong lòng áy náy, bỗng xin học bổng ở Mỹ cho anh chàng họ Tạ. Con tôi bèn hỏi anh ta trường nào ở Mỹ, giáo sư nào? Anh chàng họ Tạ nhất nhất nói ra. Con tôi bèn rất mạo muội viết một bức thư bằng tiếng Anh, gửi sang đại học nước Mỹ. Vị giáo sư ấy (người Mỹ) chưa hề gặp mặt, đồng ý một trăm phần trăm. Lại còn khích lệ con tôi viết thư bằng tiếng Anh khá lắm, rất nhanh đã gửi chứng thư học bổng đến. Đấy chẳng phải là kỳ tích ư?

Đêm trước hôm dự thi, tôi dẫn đưa con, mang theo một chén nước, đến gặp Đạo An thượng nhân, thỉnh cầu thầy gia bị. Ngài chấp thuận, lại còn hết sức hoan hỷ. Tôi nghĩ nhất định có phần nắm chắc, vì Ngài rất ít nói chuyện. Có khi hỏi không đúng vấn đề, Ngài sẽ thường chẳng lên tiếng. Tôi thật sự sợ phong cách nghiêm túc ấy, nhưng những ai thân cận với Ngài, chẳng có ai không nói Ngài có lòng từ bi tràn trề, hào sảng, thẳng thắn, khiến cho người khác có cảm giác thân thiết thích tiếp cận. Sáng sớm bữa đi thi, đưa con đối trước Phật lay ba lay, cũng chẳng biết nó niệm gì nữa? Nó rất thành tâm uống hết nước do Đạo An thượng nhân gia trì. Tôi tươi cười, đặt tượng Địa Tạng Bồ Tát và Quán Âm Bồ Tát vào túi áo của nó, còn bảo: “Hôm nay, Bồ Tát đều ra tay theo con đi thi, nhất định sẽ mãn nguyện”. Năm giờ chiều, con tôi lê tấm thân mệt mỏi, nhưng vẻ mặt tươi cười, xách hành lý vội vã quay về Cao Hùng đi làm. Hàng xóm đều giơ ngón cái khen ngợi tôi có đưa con ngoan ngoãn. Tôi thật sự chẳng dám nhận danh hiệu này. Tôi rất sợ con tôi thất vọng, một tấm lòng Từ của tôi hoàn toàn gửi gắm vào thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Ngày Mười Bốn tháng Bảy, con tôi bỗng quay về: “Mẹ ơi! Con đậu rồi”. Nó đưa cho tôi xem chỗ khoanh đỏ trên báo. Đưa con lớn nói giỡn: “Không chừng trùng tên họ”. Tôi nói: “Chẳng khéo trùng hợp như thế đâu!” Con tôi đến Bộ Giáo Dục đối chiếu, quả thật thi đậu. Ngày hôm sau, nó trở về đi làm, hết thầy thủ tục xuất cảnh giao cho anh nó lo giùm: “Con nhất định phải đi, nhân duyên ở bên ngoài của con rất tốt”. Tới bộ Ngoại Giao, phải điền tất cả mã số của các giấy tờ lên một tờ đơn xin [xuất cảnh]. Chỗ chật chội, chữ lại nhiều, đưa con lớn viết sai chữ, một vị tiên sinh đứng cạnh tôi tự động dùng gôm tẩy đi, viết lại. Viết xong, chẳng đợi tôi cảm ơn, đã chẳng thấy hình bóng đâu nữa. Đưa con

lớn và Văn Nhân (bạn gái của đứa con thứ) rất ngạc nhiên. Hết thầy thủ tục chuẩn bị xong xuôi, chờ tới cái ải cuối cùng là thị thực, khiến cho tôi căng thẳng. Cần gửi vào Ngân Hàng hai chục vạn đồng. Một người bạn chẳng thân lắm của con tôi ở Cao Hùng cho mượn khoản tiền hai chục vạn đồng để gửi vào ngân hàng, cầm sổ trưng mục về. Thị thực chưa làm xong, con tôi đã xin nghỉ việc, coi như đã nắm chắc mười phần bay sang Mỹ. Nghe nói đại sứ quán Hoa Kỳ đối với chuyện cấp hộ chiếu đặc biệt khó khăn: Tiền ký quỹ nhiều thì nói là do tham lam mà đến [Mỹ], không đủ thì càng chẳng thể xin thị thực được. Họ viện cớ là quá nhiều điểm số khảo thí là do gian lận, chẳng đáng bàn tới! Đúng là “*tìm xương trong đậu hủ*”, tôi chỉ nhất tâm cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát gia bị.

Đến tòa đại sự Mỹ xin thị thực, có những người phải xếp hàng từ lúc ba giờ sáng. Con tôi tám giờ mới đi, ngày hôm đó, tôi tụng hai bộ kinh Địa Tạng Bồ Nguyên giống như cầu cứu. Đây là cái ải cuối cùng, mãi cho đến khi con tôi trở về, tôi mới an tâm. Con tôi nói: “Lúc con tới, đã quá muộn, người đông như nôm cối. Phía trước có một bạn học gọi con, cho con đứng số chín ở chỗ nó. Nếu không, phải chờ tới mai mới xong! Mẹ à! Có người chưa được chấp thuận, khóc rờn tại đó!” Tôi nói: “Đương nhiên là sẽ khóc! Mất rất nhiều tâm huyết mới được các bộ môn thông qua, mà không qua được cái ải cuối cùng, chẳng khiến người ta đau lòng ư?” Con tôi trước khi đi, đến từ biệt Đạo An thượng nhân, Ngài tặng cho nó một tượng Phật và tràng hạt thỉnh từ Nhật Bản về, lại còn dặn đi dặn lại: “Học hành xong, nhất định phải trở về tổ quốc, đừng quên mất chúng tôi...” Con tôi cá tánh rất mạnh, lần này tiến bước lớn trong việc tin Phật hoàn toàn là do sức thân giáo của Đạo An thượng nhân, khiến cho con tôi cảm động, sùng bái, bội phục sát đất. Đúng là chẳng đơn giản!

Trường đại học tại Mỹ khai giảng vào ngày Hai Mươi Sáu tháng Tám, vé máy bay của hãng Trung Hoa cho tháng Tám đã được đặt mua hết rồi, con tôi dùng vé máy bay miễn phí, căn bản là không có cách nào được ưu tiên. Con tôi nhờ cha bạn nó đặt vé, đúng ngày mùng Mười tháng Tám đáp phi cơ sang Mỹ. Tôi chưa báo với bất cứ bạn bè nào, chỉ có vị thầy giáo rất thương nó, con trai lớn, con dâu, và Văn Nhân v.v... đưa nó ra sân bay. Tôi có cảm giác không thật, chỉ cảm nhận ân đức của Phật, Bồ Tát đối với tôi, chẳng có cách nào hình dung được! Sau này, sẽ chẳng có người cứ ở bên cạnh tôi rừ rừ “*muốn sang Mỹ du học*”, khiến cho tôi có khi khôn ngoan bực bội. Tuy tạm thời thiếu mất một đứa con mua thứ này thứ nọ hiểu kính tôi, thật ra, lòng tôi như buông xuống một

tảng đá lớn. Sau này sẽ càng tinh tấn nơi đạo hơn, chẳng lười nhác, chẳng biếng trễ!

Con tôi gửi thư cho biết, nó tới Mỹ, do một thân nơi đất khách quê người, nhất thời tìm không ra chỗ ở. Một người Hoa không quen biết cho nó ở nhờ mười ngày, tìm giùm phòng cho nó gần trường học. Lại gặp bạn học cùng thuê, mỗi tháng chỉ tốn 120 Mỹ kim. Phòng lại trải thảm, có sẵn các trang bị, hoa lệ tốt cùng. Chưa đầy nửa tháng sau, nó lại tìm được việc gần trường. Mỗi tháng, trừ tiền thuê nhà và chi tiêu ra, còn có thể dư được mấy chục đồng. Tại Đài Loan chẳng dễ tìm việc, công việc tại Mỹ càng khó hơn, huống hồ lại là hoàn cảnh lạ lẫm ư? Đấy chẳng phải là ân đức của Địa Tạng Vương Bồ Tát ư? Dòng lệ cảm ơn chẳng thể nào ngăn được!

24. Chân ngôn chín chữ

Trình Quán Tâm ghi

Một buổi chiều mưa lạnh tâm tã, tâm huyết dâng trào, tôi đặc biệt mò đến thăm bạn Huệ Tinh đang sống ở ngoại ô. Cùng sống tại một thành phố, mấy năm nay, nghiêm nhiên chỉ gặp mặt một lần. Điều đáng an ủi là tình bạn của chúng tôi kiên cố, bậc quân tử giao du với nhau đạm bạc như nước, quyết chẳng vì không thường gặp mặt mà xa mặt cách lòng! Cô ta hay nói, tôi lặng lẽ nghe, một khi nói chuyện hăng say, đã sớm quên bẵng thời gian. Ba con chó nằm bên chân Huệ Tinh có cùng một tư thế, hai vuốt hướng ra trước, đầu đặt sát đất, trong mắt người sắc cầu vòng nâu lẫn vàng, nghiêm nhiên cũng là thính giả trung thực của cô ta! Trong tai vang lên chín chữ chân ngôn, trong tâm niệm chân ngôn chín chữ. Cô sột sắng kể lại kinh nghiệm chân thật của chính mình. Sức hấp dẫn và cảm động của cô ta, khiến cho cõi lòng tôi một phen chấn động mãnh liệt.

Cô ta kể: - Một hôm, đang đi một mình trên đường, chợt có tiếng vang lên rành mạch bên tai cô ta: “*Ngươi vẫn phải nên niệm chân ngôn chín chữ*”. Ngõ vắng chỉ vang lên tiếng bước chân của chính mình, đích xác là gần đó chẳng có một bóng người. Cô ta buồn bực suy nghĩ: “Từ đâu phát ra mệnh lệnh vô căn cứ này? Chân ngôn chín chữ là gì vậy? Vừa rồi âm thanh đã nói rõ ràng: “*Ngươi vẫn phải nên niệm chân ngôn chín chữ*”, chứng tỏ chính mình trước đó đã có niệm qua rồi. Vì thế, một bầu nghi tình cuộn cuộn trong lòng. Hỏi rất nhiều người, cũng chẳng ai biết chân ngôn chín chữ rốt cuộc là nói về điều gì? Không lâu sau, vào

một buổi sáng thanh tĩnh, cô đối trước Phật dâng hương, lễ bái, ngẩng đầu thấy trên tường treo một bức vẽ Địa Tạng Vương Bồ Tát ngự trên sen hồng trong lửa đỏ. Trong lúc vô ý, cô ta niệm chín chữ lớn trên đó: “*Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát*”. Khi ấy, cô hoát nhiên đại ngộ, vui mừng khôn xiết! Đúng là đi nát giày cỏ chẳng tìm thấy, tìm được rồi hoàn toàn chẳng tốn công! Nguyên lai cô một mực niệm “*Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát*”.

Nói chung là hễ có thân quyến, bằng hữu qua đời, cô đều niệm thánh hiệu [Đại Sĩ] để hồi hướng siêu độ. Điều chẳng thể nghĩ bàn nhất là mỗi người được hồi hướng, nhất định sẽ xuất hiện một lần trong mộng, cho thấy rõ mặt, sau đó chẳng gặp lại nữa! Lần tạo cho cô ta ấn tượng sâu đậm nhất là một người đầy tớ nam trong nhà khi cô còn bé. Người ấy trung thực, lanh lợi, lúc cô ta hai ba tuổi, thường dẫn cô ta đi chơi, hoặc dẫn cô đi dạo phố. Sau đó, ông ta rời nhà cô, vào lính. Thuở đó, nội chiến liên tục, chẳng lâu sau, bèn chết trận ở vùng biên cương. Năm trước, cô ta bỗng nhớ tới người đầy tớ trung thành thuở nhỏ, nghĩ ông ta chết trận nơi đất khách, lưu lạc tha hương, mờ mịt cát vàng, xương trắng, ai sẽ siêu độ, cúng bái cho ông ta? Do vậy, phát nguyện niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát suốt một tháng để hồi hướng cho cô hồn của vị ấy. Một đêm, bỗng mộng thấy một thanh niên quen thuộc, mặc bộ y phục màu lam, đứng trước mặt cô ta, hết sức cung kính, cười tươi hơn hớn, nhẹ nhàng nói với cô ta: “Tôi là X...” Nói xong, gạt đầu, đi mất.

Ngoài ra, có lần cô bị bệnh suyễn tái phát, phát sốt nằm mê man. Thấy một bà cụ nhà quê, tay cầm chiếc giỏ trúc, bồi hồi đi lại trên không trung. Cô ta thấy cụ là người xa lạ, chưa từng gặp gỡ trong cuộc đời, tuy trong lòng lầy lăm lăm, nhưng lười chẳng để ý tới. Sau đấy, chẳng biết như thế nào, bà cụ ngồi cạnh giường cô ta, sờ tay cô. Cô ta cũng tự nhiên nói: “Tôi khó chịu quá, xin bà xem bệnh cho tôi, cho tôi uống chút thuốc!” Bà cụ lật tấm vải che giỏ trúc ra, trong ấy có một khối giống như nhụy hoa màu vàng, lại bảo cô ta: “Cô không cần uống thuốc! Vừa rồi, tôi đã cho cô uống!” Cô uống thuốc lúc nào đâu, cũng chẳng biết nói sao. Sau đó, có người giới thiệu một bác sĩ chữa bệnh cho cô, cho loại thuốc giống hệt như khối nhụy hoa màu vàng ấy. Sau đó, bệnh của cô ta dứt hẳn, chưa hề tái phát.

Cô ta đĩnh đạc kể, tôi nghe say sưa đến mức quên hết chung quanh. Kế đó, hồ thẹn không chôn dung thân, càng tỉnh ngộ đạo tâm nông cạn, tu trì bất lực, chẳng chuyên, chẳng chân thành. Cô ta là một

người bảm tánh dị biệt, thành tín, kiên nghị. Hễ quyết định làm một chuyện gì, ắt sẽ làm trọn vẹn từ đầu đến cuối, dầu khó khăn đến mấy. Đó gọi là “*thành ắt linh, chuyên ắt rông, dùi mài chẳng bỏ, vàng đá phải nứt*”. Do vậy, cô ta gặp những chuyện thần bí như thế, thường xuất hiện những chuyện linh nghiệm chẳng thể nghĩ bàn, trọn chẳng phải là thần thoại vô căn cứ, mà là kết quả tu hành đáp đền tâm lực của cô ta. Tự so với cô ta, tôi đúng là gỗ đá tối tăm trơ trơ, chẳng có linh tánh, tâm địa khô héo cần phải được pháp thủy tưới tắm, tình thức yếu ớt, rồi ren, cần phải có trí huệ cường hóa, chải gỡ. Cô ta dốc lòng kể lễ, chẳng khuyến thiện, chẳng thuyết giáo câu nào; nhưng sức lay động tâm linh chẳng thể hạn lượng. Kẻ mê nói ngoài miệng, người có trí hành trong tâm. Cô chuyên rông thành kính niệm Phật, niệm kinh Kim Cang, niệm Tâm Kinh, niệm thánh hiệu Phật, Bồ Tát hồi hướng cho người khác. Do tâm lực phản xạ, tự nhiên đạt được sự linh cảm. Nghĩ kỹ, sẽ nhận biết là chẳng phải thần bí không thể nghĩ bàn!

25. Tai điếc mà nghe tiếng niệm Phật

Nhiếp Vân Đài ghi

Ông Uẩn Thiết Tiêu là bậc tiên bối về Trung Y theo trường phái cách tân. Sau khi tốt nghiệp từ Nam Dương Công Học, từng làm giáo sư dạy tiếng Anh ưu tú tại trường Sư Phạm tỉnh Hồ Nam. Sau đấy, ông làm biên tập cho Thương Vụ Ấn Thư Quán, nghiên cứu Y Học, tinh thông bộ Thương Hàn Luận của Đào Trọng Cảnh nhất, chữa trị rất mát tay. Do đọc các bài viết của tôi, bèn gửi thư xin gặp, trở thành bạn bè hợp ý. Nhưng đối với chuyện tôi khuyên ông học Phật, ông trọn chẳng cho là đúng, nhiều lần gửi thư biện luận. Mùa Thu năm Dân Quốc 23 (1934), tôi tặng ông một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Sau đó, ông lại gửi thư nói: Mới đọc một lượt, vẫn y như cũ chẳng tin! Kê đó, tự suy nghĩ: Nguyên do chẳng tin là do Ngã Kiến chấp trước! Nào ngại tin là thật, bèn đọc hai lượt nữa, tâm khá vui thích. Sau đó, lại đọc kinh Địa Tạng Bốn Nguyên do tôi gửi tặng hơn mười ngày, chẳng ôm lòng nghi ngờ. Bỗng một hôm, vào lúc bốn giờ sáng, nhằm ngày thánh đản Quán Âm vào tháng Chín Âm Lịch, ông nghe có một tiếng khánh, kê đó là tiếng niệm Phật, từng chữ rõ ràng, nhưng ông Uẩn điếc đặc mười mấy năm rồi. Dầu hét to bên tai, ông không thể nghe tiếng. Nay nghe tiếng niệm Phật, liên tiếp mấy chục câu. Âm thanh hay đẹp lạ lùng, trước giờ chưa hề nghe. Thoạt đầu, ông ngờ là vợ đang tụng niệm công khóa, nhưng bà

ta vẫn còn đang ngủ chưa dậy ở giường bên cạnh. Ngoài chuyện kinh ngạc ra, bất giác toàn thân ông ta run rẩy. Bốn giờ sáng hôm sau, nghe tiếng như cũ, bèn niệm Phật theo. Chiều hôm ấy, ông ngồi ở dưới lầu, nghe tiếng như trước, đều là trước hết một tiếng khánh, sau đó niệm Phật hiệu.

Một hôm, ông ăn cua, sáng hôm sau, chẳng thấy tiếng khánh và tiếng niệm Phật, bèn thâm cầu nguyện: “Nguyện từ nay về sau, suốt đời chẳng ăn cua”, thuận miệng niệm Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát bảy lần, tiếng khánh ngay lập tức vang lên, tiếng niệm Phật cũng nổi theo sau. Liên tiếp tới nay đã gần nửa năm, ông vẫn hằng ngày đều nghe chẳng sót. Thoạt đầu, ông tưởng là do bệnh trạng nơi đại tiểu não, nhưng không nghe thứ tiếng nào khác, bèn biết là do Địa Tạng Bồ Tát linh cảm, hướng dẫn khiến cho ông niệm Phật. Tháng Ba năm Dân Quốc 24 (1935), ông sai người đem tới hai trăm đồng, cậy tôi thay ông in kinh Địa Tạng, dặn tôi viết lại chuyện ấy để báo ân Phật. Trong lúc ấy, ông đã nhiều lần gọi thư tự thuật chuyện lạ ấy. Tháng Sáu trong mùa Hè năm ấy, tiên sinh qua đời, Uẩn phu nhân và con trai kể lại tình hình lúc lâm chung, xin ghi chép theo sự thật như sau: Ba bốn hôm trước khi qua đời, tiên sinh tự nói sẽ ra đi, căn dặn hậu sự rất rành mạch. Lại dặn người nhà đừng khóc lóc, dặn ai nấy đều cùng giúp ông niệm Phật. Buổi sáng hôm ông mất, ông bỗng ngẩng đầu ngó, bảo người nhà rằng: “Các người có thấy quyền sở to chừng ấy hay chẳng?” Người nhà hỏi sở ghi gì vậy? Người nhà hỏi sở sách viết vật gì? Ông lại nghễnh cổ nhìn chăm chú, thật lâu sau mới nói: “Viết rất nhiều, chẳng thấy rõ chữ”. Sau đó lại nói: “Ta sẽ đến chốn lành, các người đừng buồn”. Lại nói: “Ta đã có thể biết chuyện quá khứ, vị lai”. Người nhà xin ông nói đại lược, ông đáp: “Chẳng thể nói! Các người chỉ nên niệm Phật siêng gắng hơn!” Ông cũng tự niệm Phật không ngừng. Khi sắp tắt hơi, chẳng thể niệm ra tiếng, môi ông vẫn mấp má. Do luôn niệm Phật, chắc chắn vãng sanh Tịnh Độ vậy!

Kính suy xét, trước kia, tiên sinh từng làm biên tập cho Tiểu Thuyết nguyệt báo của Thương Vụ Ấn Thư Quán, trong văn tự thường có lời lẽ châm biếm Phật pháp, cho đến khi tán gẫu, cũng tùy ý chê bai, cười cợt, phỉ báng Phật càng là chuyện thường! Vợ ông niệm Phật đã mười mấy năm, tiên sinh liền chỉ vào bà ta nói với bè bạn: “Bà muốn sanh về phương Tây, tôi sẽ sanh về phương Đông”. Ông ta thường mang thái độ tự cho là mình sáng suốt, cười cợt khinh thường Phật giáo đồ là kẻ mê tín. Nhưng do nhân duyên thiện căn túc thế, do văn tự mà tâm

giao với tôi, rốt cuộc được nghe Phật pháp, đạt được lợi ích thật sự, được Bồ Tát rửa lòng Từ tiếp dẫn. Tại cực điểm mà hằng ngày được nghe Phật hiệu, khiến cho ông là người phản đối pháp môn Niệm Phật vãng sanh nhất, chẳng thể không dấy tâm tín ngưỡng. Hơn nữa, suốt mấy tháng tiếng niệm Phật chẳng ngừng, khiến cho ông chẳng thể không cảm nhận quý thần, Phật, Bồ Tát thường ở cạnh ta mà sanh lòng e sợ. Do vậy, chí thành sám hối, tức nghiệp ngầm tiêu. Ông thấy quyển sổ lớn, chính là các nghiệp thiện và ác trong suốt một đời. Quyển sổ ấy không đợi kẻ khác viết, chúng ta vừa dấy động tâm niệm, tức là đã tự viết vào đó. Trên quyển sổ là hình bóng của cái tâm ta, cho đến thiên đường, địa ngục, cũng đều chỉ là cái tâm biến hiện. Tội khổ, hình phạt, Tịnh Độ, Cực Lạc, mỗi chuyện đều do nghiệp của chính mình cảm vờ. Nơi cái ái sanh tử, chính là nghiệp thiện ác trong một đời phát hiện. Trong lúc ấy, kẻ bình phàm nói chung là thân chí mê muội, chẳng thể tự chủ, hưởng hồ đàm phong gây thờ khờ khề, tuy muốn cậy mạnh làm ra vẻ, gắng gương trần định, nhưng chẳng thể được! Chỉ có người tu Tịnh nghiệp chuyên ròng, lúc qua đời, thân tâm thanh thản, dầu bị bệnh nặng, lúc ấy chẳng cảm thấy đau khổ, cho nên có thể thông dong niệm Phật, chẳng bị nghiệp duyên tục lụy gây chướng ngại. Độc giả chớ nghĩ lầm chung có thể tỉnh táo niệm Phật là chuyện dễ dàng, bình phàm rồi coi thường. Kinh Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Tiên sinh Thiết Tiêu làm người trung trực, dũng mãnh đối với việc nghĩa, thông thạo y học, luôn nghĩ giúp đỡ người khác. Đây cũng là chánh nhân thành tựu Tịnh nghiệp vậy. Ngày Hai Mươi Chín tháng Sáu năm Dân Quốc 24 (1935), Nhiếp Vân Đài ghi.

Bài viết trên đây vốn in vào sau kinh Địa Tạng. Khi ấy, tôi đã phúng điệu một câu đối, nhưng bỏ sót chưa ghi vào đó. Nay chép bổ sung như sau: “*Thiên tải Thương Hàn phân tỵ tụng, Trọng Cảnh đãi sở thống tâm, đại trước kim truyền, quần nghi ưng thích. Thập niên bặc trúc bất văn thanh, Di Đà hốt nhiên nhập nhĩ, nhất mộng đắc ngộ, chúng lung giai thông*” (Thương Hàn ngàn năm, bao người tranh cãi, Trọng Cảnh đành chịu đau lòng, trước tác nay truyền, bao mối nghi tự giải. Suốt cả mười năm không nghe tiếng pháo, Di Đà bỗng lọt vào tai, vừa được giải ngộ, bao người điếc đều thông). Vế trên nói về tác phẩm Thương Hàn Học do tiên sinh sáng tác [để chú giải bộ Thương Hàn Luận của Đào Trọng Cảnh], vế dưới trần thuật thỏa đáng chuyện này (chuyện

ông Uẩn tai điếc mà nghe tiếng niệm Phật). Mùa Hạ năm Dữu Dần (Canh Dần), Nhiếp Vân Đài ghi thêm.

26. Bệnh nặng trừ sạch

Viên Truyền Kiệt ghi

Tại trấn Kiều Lâm thuộc huyện Giang Phổ, có ông Ngô Tông Giám làm nghề y, tin Phật. Trong trấn có Cổ Cối Thiền Lâm, ông phát nguyện trùng tu. Do quỳên mộ không đủ số, ông lo buồn, lao lực thành bệnh nặng. Con dâu trưởng của ông là Lưu Thị cũng niệm Phật. Do vậy, bèn ước hẹn các bạn đạo cùng đến Thiền Lâm ấy, đối trước Địa Tạng Bồ Tát khấu đầu, cầu đảo, cầu tăng tuổi thọ cho ông, và cầu cho việc trùng tu chùa được hoàn thành. Hai ngày sau, ông đang thêm thiếp, bỗng tỉnh lại nói: “Trong mộng, cha thấy một hòa thượng an ủi, hỏi han. Do vậy, bệnh được lành”. Tháng Sáu năm Dân Quốc 22 (1933), Viên Truyền Kiệt ghi.

27. Lạy kinh khỏi bệnh

Viên Kính Am ghi

Lòng Từ của Phật rộng lớn, cảm ứng chẳng sai chạy; những kẻ hơi có chút tri kiến đều công nhận điều này. Gia mẫu là Trương Thi, pháp danh là Năng Tu, bầm tánh hiền thực, thông thạo văn tự, về làm vợ cha tôi, tận lực trọn đạo làm vợ, xóm giềng đều khâm phục. Đảm đang việc nhà, từng có những điều bị uất ức, bặt lòng, vẫn giấu kín trong tâm, chẳng để lộ ra ngoài, suốt hơn ba mươi năm đều như một ngày. Đối với chú Vãng Sanh và kinh Quán Âm, cụ hết sức thuần thực, nhưng thuở ấy chưa thể lập khóa tụng, tu trì. Vào độ tuổi năm mươi, cụ bỗng bỏ hẳn ăn thịt. Có kẻ đem các tà thuyết để khuyên lơn chớ nên ăn chay, cụ vẫn chẳng màng. Vài năm sau, bỗng cụ cảm thấy đi lại chẳng thoải mái. Kế đó, hai tay chẳng thể giở lên được, dần dần eo vô lực, lưng còng, hơi giống như bị gập lại, hễ động tới là đau. Do vậy, càng chẳng thể đi lại. Từ sảnh đường cho đến trong phòng, ắt phải cựa vào xe lăn để ra vào. Nhưng căn bệnh thuộc về xương khớp, sức thuốc chẳng thể thấu tới được. May là cụ được Phật từ gia bị, khiến cho Kính Am tôi gặp nhân duyên quy y Tam Bảo. Năm sau, mẹ cũng quy y; kế đó, lại thờ tượng Phật trong nhà, cũng như tạc thánh tượng hai vị Đại Sĩ Quán Âm và Địa Tạng, sáng tối kính lễ, niệm tụng.

Gia mẫu tuy bị bệnh khổ quán thân, cũng niệm tụng suốt ngày. Mỗi ngày, cụ còn thấp hương, lễ bái, bảo Kính Am tôi ở bên cạnh nâng đỡ, dầu kiệt sức cũng chẳng thiếu sót. Hơn một năm như thế, Kính Am tôi chưa từng thấy mẹ đau buồn vì bệnh tật. Tôi luôn đem công đức do thọ trì kinh chú thường ngày và những thiện niệm dầu bằng mấy lông, sợi tóc hồi hướng cho mẹ tiêu tai, thoát nạn. Kể đó, tôi nghĩ Địa Tạng Đại Sĩ thần lực chẳng thể nghĩ bàn, đời trước, Ngài đã độ mẹ thoát nạn. Chuyện này được nói tường tận trong kinh. Tôi bèn phát tâm cung tụng Địa Tạng Bồ Nguyện Kinh để cầu nguyện. Xét thấy kinh văn quá dài, sanh kế bận bịu, khó thể tụng trọn, bèn thăm tường các sự tích trong mười ba phẩm kinh, ghi nhớ năm lòng tựa đề của mỗi phẩm, dùng để bái kinh thay thế [cho việc tụng niệm]. Như phẩm thứ nhất là Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông, bèn trước hết quán tưởng tựa đề của phẩm ấy, sau đấy quán tưởng kinh nghĩa rồi lạy xuống. Từ phẩm thứ hai là Phân Thân Tập Hội cho đến phẩm thứ mười ba là Chúc Lụy Nhân Thiên cũng lại như thế. Lạy xong, lại niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát mấy trăm câu rồi hồi hướng. Quyên nghi như thế, rất sợ chẳng thể khế hợp Phật tâm.

Hành như vậy mấy tháng, bỗng có một hôm, gia mẫu đang ngồi ngay ngắn chợt hôn mê, bất tỉnh nhân sự. Kính Am kinh hoảng, sợ hãi muôn phần! Chạy đến bên mẹ, chấp tay xưng niệm thánh hiệu Đại Sĩ gần mấy chục câu, liền thấy mẹ tỉnh lại, ói ra mấy bát nước có cặn màu đen, giống như huyết khí uất ức tích tụ nhiều năm. Tôi vội mời danh y chẩn trị, họ cho là khí huyết thiếu hụt, tổn hại, khó thể có hiệu quả, cứ kê toa uống thử xem. Kính Am lại quỳ trước Đại Sĩ, kiên thành cầu Ngài rủ lòng Từ gia hộ. Ngày đêm xưng danh, chẳng lìa trong tâm. Chỉ mới uống vào một thang thuốc, bệnh trạng dần dần thấy khởi sắc. Kính Am dốc lòng thành khẩn cầu càng thêm khẩn thiết.

Sau đấy, mẹ dần dần có thể đi lại, ra vào chỉ cần được nâng đỡ. Mấy tháng sau, hoàn toàn có thể chống gậy đi một mình. Nay thì không cần gậy, vẫn đi lại tự nhiên. Hiện thời, cụ đã sáu mươi bốn tuổi, hằng ngày lễ Phật mấy chục lạy, tự đứng lên không cần ai nâng đỡ, cũng chẳng cảm thấy khổ sở. Phàm là người bị bệnh nặng, tuổi tác đã cao, không nhờ vào công năng của thuốc men mà tự nhiên lành bệnh, là chuyện ít gặp trong cõi đời! Ấy là nhờ Địa Tạng Đại Sĩ thế nguyện hoằng thâm, lợi ích cứu giúp hữu tình, không gì chẳng trọn. Chỉ cần có thể phát nguyện kiên thành, ai cũng có cảm ứng. Xét trong những sự tích trước đó đã ghi chép rành rành. Nhìn từ chuyện linh cảm tôi đích thân đạt được, càng thêm tin đúng như thế đó! Kính cẩn ghi lại chuyện này,

hòng khuyên người đời. Tháng Sáu năm Ất Hợi (1935), nhằm mùa Hạ, Tam Bảo đệ tử Viên Kính Am ghi chép.

28. Tâm thanh cứu khổ

Pháp sư Tâm Nhiên ghi

Cư sĩ Hoàng Trang Huệ Châu là người ở thành phố Phước Châu. Mười chín tuổi xuất giá, hai mươi bốn tuổi liền ăn chay, tin Phật. Năm Dân Quốc 24 (1935), nhà chồng bà thờ cúng tà thần, thường bị chúng tác quái quấy nhiễu. Cư sĩ phần uất, đem tượng đất đang thờ vứt vào trong chum sành thường dùng để nuôi cá. Không lâu sau, cư sĩ có mang. Khi sanh nở, mắc chứng bệnh kinh phong, toàn thân nằm tê liệt trên giường, thuốc men đều vô hiệu. Tự nghĩ chắc là tà quái báo thù, thế gian vô thượng chỉ có Phật, Bồ Tát, cùng với Duyên Giác, Thanh Văn là có thể nương tựa. Đại Bi Quán Âm Bồ Tát, Đại Nguyện Địa Tạng Bồ Tát thường cứu độ chúng sanh trong nhân gian và địa ngục. Không gì bằng nhất tâm quy mạng, xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát để cầu trừ khổ, lại còn nghĩ sẵn lòng lâm chung. Từ đấy, mỗi ngày tụng trì mấy chục vạn câu.

Chưa được một tuần, mộng thấy đến bên bờ biển, trông thấy sóng cả cuộn cuộn vỗ tung bọt, sắc nước đen xì như sơn. Có vô số tiếng gào đau khổ, thê thảm, thê lương lan xa chẳng dứt. Đang trong lúc bà kinh ngạc, bỗng thấy một vị tỷ-kheo sa-môn bay lướt trên mặt biển. Ngài đến nơi đâu, tiếng khổ liền im bật. Cư sĩ mới biết đây là đức Địa Tạng độ sanh, lập tức hoan hỷ lễ bái. Sau khi tỉnh giấc, thân đau đớn bỗng dung khỏi hẳn. Ngày hôm sau, có thể dựa vào người khác nâng đỡ mà đi lại. Chẳng đầy nửa tháng liền bước đi như thường. Đây chính là linh tích từ bi của Bồ Tát trong thời cận đại. Tâm Nhiên kính ghi.

29. Tụng kinh Địa Tạng độ quỷ hồn

Khâu Thiện Siêu ghi

Người vợ câm của một tín đồ Phật giáo sống tại thôn Song Đàm thuộc làng Tam Nghĩa bất hạnh tử vong khi sanh con. Gia đình nghèo khổ, chỉ đơn giản thỉnh ba gã đạo sĩ tới niệm kinh, làm công đức. Nhưng đạo sĩ vì đã nhận lời đến một nhà giàu có để làm pháp sự trọng thể; do vậy, chuyên lời mời một vị sư huynh và chúng tôi là ba người cùng đến niệm kinh. Do hoàn cảnh đơn sơ, chúng tôi đành phải chấp nhận quyền

biến, đơn giản bày tượng Phật. Nghĩ người mất lúc sống gia cảnh nghèo khổ, lại còn sức khỏe không khá, đời trước ít tu; do vậy, vì vong linh niệm Tam Muội Thủy Sám. Mười giờ tối, khi kinh sám tụng xong, sắp hồi hương, vị đạo sĩ lãnh đàn từ nhà đám của người giàu có quay lại, nói: “Mọi người vất vả rồi, niệm kinh sám đã xong, có thể về trước. lát nữa, tôi sẽ thay mọi người hồi hương, tuyên sớ”. Ba người chúng tôi nghe hiểu ý đạo sĩ, rõ ràng là hẳn chẳng muốn chúng tôi hồi hương, đọc sớ, có chờ đợi cũng chẳng làm gì, bèn cáo từ, ai về nhà nấy. Sau đó, đạo sĩ làm gì cũng chẳng biết.

Sau khi về nhà, tôi một mực lẩn cán, pháp sự lần này dường như chẳng viên mãn cho lắm! Bỏ ra tâm huyết suốt một ngày để độ vong hồn, kết quả lại chẳng hồi hương kinh sám cho người đã mất được. Tuy trong sám vẫn có phần hồi hương cho vong linh, nhưng tôi luôn cho rằng chưa tụng đến phần hồi hương, tức là chưa làm viên mãn. Suốt hai ngày tôi nghĩ ngợi, buồn bã, có đôi chút hổ thẹn. Từ ngày niệm kinh quay về, hôm sau tôi bắt đầu bị choáng váng, trong tâm nghĩ chẳng bị cảm mạo, sao lại bị váng đầu? Trải qua hai ngày, vẫn là như thế; càng nghĩ càng cảm thấy không đúng, có thể là chỗ nào đó nảy sinh vấn đề. Do vậy, nghĩ lại, chắc là do đi niệm kinh cho người câm ấy, công đức bị thiếu sót, người chết chẳng thể thoát khổ! Do vậy, tôi đối trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, chí tâm tụng kinh Địa Tạng một bộ (hoặc ba bộ, nay đã không nhớ rõ), hồi hương cho người phụ nữ câm ấy sớm sanh về Tịnh Độ. Làm xong, vẫn chưa an lòng, liền xin [Bồ Tát] dạy cho biết trong giấc mộng. Tối hôm ấy, tôi liền nằm mộng hết sức rõ ràng. Mộng thấy đến một ngôi tự viện rất to, rất trang nghiêm, có một ni sư đứng ở trên bậc thang. Khi tôi đi lên thang, bà ta liền hướng về tôi đánh lễ, khiến tôi hoảng sợ, chạy vội tới đỡ bà ta lên, hết sức chẳng nên! Nhưng bà ta bảo tôi: “Nhờ sức niệm kinh Địa Tạng của Ngài, tôi được chuyển thế làm người, còn có duyên với Phật, xuất gia thọ giới, ắt chứng Bồ Đề”. Tôi nghe xong rất kinh hỷ, một phụ nữ câm nghèo hèn, nhờ vào sức của một bộ kinh liền chuyển thế làm người, lại còn vào Phật môn thọ Cụ Túc Giới, tương lai có thể mong viên thành chánh quả, đúng là Phật pháp vô biên!

Các vị thiện hữu! Phật pháp trụ thế gian, chẳng lìa thế gian giác, lìa thế gian tìm Bồ Đề, như tìm kiếm sừng thỏ. Phật pháp xuất hiện trong thế gian, mục đích là vì chúng sanh mà kiến lập. Đương nhiên là nếu rời khỏi chúng sanh, sẽ chẳng có Phật pháp để nói nữa! Do vậy, trong cuộc sống, chúng ta đi, đứng, ngồi, nằm, chỗ nào cũng đều chẳng rời Phật

pháp, nhưng nếu hành vi bất chánh, ắt sẽ trái nghịch Phật pháp! Muốn độ chúng sanh, ắt phải phát Bồ Đề tâm. Phát Bồ Đề tâm, có đại nguyện lực thì mới có thể độ người khác. Trong xã hội, mọi người tui bụi vì ngũ dục, nào có biết quang âm trăm năm ngay chớp mắt đã qua đi, thân này rốt cuộc hóa thành tro bụi, huyền thân rốt cuộc chẳng thơm sạch! Hãy đập vỡ cái bình tô vẽ hoa mỹ để quay về! Kẻ có phước báo, có tài lực, hãy bố thí cho nhiều, hồng tích lũy ruộng phước, người biết niệm kinh hãy phát tâm vì người khác tiêu tai, sám nghiệp, độ vong linh nhiều hơn. Người biết niệm Phật, hãy niệm Phật nhiều hơn, cầu nhất tâm bất loạn. Người biết giảng kinh, hãy hoằng pháp lợi sanh nhiều hơn. Người giỏi văn chương, hãy thâm nhập kinh tạng trí huệ như biển nhiều hơn! Phổ nguyện xã hội như thế cùng tiến nhập đại đồng, Phật pháp hưng thịnh, nhân dân an lạc, nước giàu, dân yên. Bọn Phật tử chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực!

30. Hóa thân của Đại Nguyện Địa Tạng Bồ Tát

Châu Dương Huệ Khanh ghi

Nhà tôi ở Nam Kinh tại số mười sáu đường Lan Viên thuộc Lam Gia Trang, chung quanh có rào trúc, có cổng trước và cổng sau. Trong tháng Bảy năm 1935, một sáng nọ, cửa trước lẫn cửa sau đều chưa mở. Bỗng một vị lão tăng, phiêu dật đi đến, đội mũ Tỳ Lô, thân mặc hải thanh, đắp y, đeo mười chuỗi tràng hạt trước ngực, rủ xuống tận đất, râu chuỗi nơi hai tay áo cũng rủ sát đất. Khí tượng trang nghiêm, từng hạt trong râu chuỗi tỏa sáng lóng lánh. Tôi hỏi: “Lão sư phụ từ đâu tới?” “A Di Đà Phật! Tôi đến từ núi Cửu Hoa tỉnh An Huy”. “Cửa vẫn chưa mở, sao thầy có thể vào đây?” “Ta có thần thông, chỗ nào cũng đều có thể tiến vào”. Sư bày ra một quyển sách dày màu xanh, ghi tám chữ to thếp vàng “*Cửu Hoa Sơn Địa Tạng Vương Bồ Tát*”. Ba chữ Cửu Hoa Sơn viết theo hàng ngang, năm chữ còn lại viết theo hàng dọc. Bốn phía cũng là kim sắc, hết sức sáng ngời. Lão nhân gia chấp tay nói: “Ta đến hóa duyên”. Tôi nói: “Tôi tùy tiện ghi một chút được không?” “Ta không cần tiền! Hôm nay, ta đặc biệt đến nói chuyện với bà”. “Vì sao lão sư phụ biết tôi?” “Ta có thần thông, đã sớm quen biết bà”. Tôi chú ý chiếc mũ màu xanh của Ngài rất đặc biệt, lão nhân gia bèn nói: “Đây là cái mũ thời cổ, ta đã hơn một trăm tuổi rồi”. Bắc ghế mời Ngài ngồi, Ngài chẳng chịu ngồi; dâng trà cũng chẳng chịu uống, chỉ nói: “A Di Đà Phật”.

“Bà là một người có thiên căn, có duyên với Phật. Sau khi đã bốn mươi tuổi, chính bà sẽ mong học Phật. Tới khi đó, bà sẽ hiểu lời ta nói”. “Lão sư phụ vì sao biết tôi?” “Hết thấy mọi chuyện trong lòng người, ta đều biết. Chuyện đời trước của mỗi người ta cũng đều biết. Chuyện một đời, hai đời, ba đời của bà như thế này, như thế nọ, ta sẽ nói cho bà nghe. Nhưng mong rằng trong tương lai, bà hãy khéo tu tập, tu tốt đẹp hơn đời trước! Ta thấy bà trong tâm hoài nghi, khuyên bà chớ hoài nghi, ta có thần thông”. Lúc ấy, tôi thấy lão nhân gia dáng vẻ nghiêm nhiên đạo mạo dường ấy, đột nhiên tới nói nhiều lời như vậy, lại nhiều lượt nói có thần thông, tôi lại chẳng hiểu rõ thần thông là gì, trong lòng quả thật đang hoài nghi. Ngay trong lúc hoảng hốt, lại bị lão nhân gia vừa nhìn đã thấy ngay, nói toạc ra!

“Tôi không biết Phật là gì, mẹ tôi và mẹ chồng đều cùng tin Quán Thế Âm Bồ Tát, tôi chỉ biết tin Quán Thế Âm Bồ Tát”. “Phật là gì? Bồ Tát là gì? Thánh hiệu của Phật, Bồ Tát rất nhiều. Từ bốn mươi tuổi trở về sau, bà sẽ tự nhiên hiểu. Ta thấy bà dường như vẫn hoài nghi, chẳng tin tưởng cho lắm. Ta nói một ít chuyện trong thực tế vậy. Chẳng hạn như chồng bà là Châu Bang Đạo, đang làm Đốc Học tại bộ Giáo Dục. Diện mạo, tánh tình của ông ta như thế đó, ta nói cho bà nghe, bà sẽ tin tưởng”. “Lão nhân gia vì sao biết ông ta?” “Ta đã sớm biết ông ta, lại còn có thể tùy thời thấy ông ta. Đây là thần thông”. Hai người tở gái họ Tôn và họ Hứa ở bên cạnh nói xen vào: “Tiên sinh có nhiều bạn bè, mỗi người nói qua nói lại, thầy tự nhiên là biết!” “Được! Trẻ nhỏ nói chung là không được người khác nhắc đến nhiều. Ta sẽ nói về mấy đứa bé vậy. Đứa con thứ tư của bà là Xuân Đề đang ở bên cạnh bà, ta chẳng cần phải nói. Con cả là Xuân Cảnh, con thứ là Xuân Phù, con thứ ba là Xuân Yên, đều đang học tại trường Tiểu Học Liên Hoa Kiều, diện mạo, tánh tình của chúng nó như thế này, như thế nọ, chẳng đúng ư? Nay bà phải nên tin tưởng. Bà là một phụ nữ hiền hiếu, có thể hiếu kính bố mẹ ruột lẫn bố mẹ chồng. Đời trước bà có mối nhân duyên đặc biệt với mẹ chồng, cho nên có thể đặc biệt hiếu thuận với bà ta. Chữ Hiếu là điều khẩn yếu nhất trong đời người. Bà có thể trọn hết hiếu đạo, đáng quý lắm!”

Năm ấy, đứa con thứ năm là Xuân Đường còn chưa sanh ra, viện bảo sanh thấy bụng tôi to phề phề, sợ có vấn đề, chẳng chịu phụ trách đỡ đẻ, lòng tôi có chút sầu lo. Lão nhân gia còn nói thêm: “Bà hiện thời đang mang thai một bé trai. Xương nó to, cho nên bụng lớn, đừng lo lắng! Chẳng có nguy hiểm gì, tới giờ... ngày... trong tháng Tám sẽ sanh. Sinh nở rất an ổn, thằng bé chẳng khóc tí nào! Tánh tình nó sẽ như thế

này, như thế nọ. Bà sanh năm con trai; sau đó, sẽ sanh một gái. Vốn bà có năm trai hai gái, nhưng do đời này chẳng khéo tu, cho nên chỉ có một gái. Khi đứa con gái ấy sanh ra, bà sẽ có một nạn, nhưng ta sẽ thường đến thăm bà, che chở cho bà, bà ngàn vạn phần đừng sợ hãi, chẳng bị nguy hại đến tánh mạng. Bà phải tự phát tâm nguyện, cúng dường dầu thắp đèn trước tượng Phật, Bồ Tát ở Cửu Hoa Sơn, nhiều ít tùy bà nói ra là được rồi... Bà không nói, tôi bảo bà, bà có thể cúng dường một trăm cân dầu thắp đèn, có thể bảo đảm cả nhà bình an, khi sanh con gái, chẳng bị nguy hiểm mấy may”. “Hai mươi cân được không?” “Được chứ!” Lão nhân gia không viết vào quyển sổ dây Ngài đã lấy ra, mà tiện tay viết một tờ giấy “*Châu Dương Huệ Khanh cúng dường hai mươi cân dầu thắp đèn*”. Bảo tôi thắp ba nén hương, theo Ngài ra sân hướng về phía Tây Nam hành lễ. Lão nhân gia đốt tờ giấy, nói: “Cửu Hoa Sơn đã biết rồi”. Tôi thấy lão nhân gia đi lại, cước bộ nhẹ nhàng như bay, chẳng có tiếng động. Trong tâm rất ngạc nhiên, nhưng chẳng hiểu vì lẽ nào, chỉ hỏi: “Vì sao lão sư phụ biết tên họ của tôi?” “Ta đã nói là ta có thần thông”. “Con cúng cho lão sư phụ một ít tiền”. “Ta chẳng lấy một đồng nào, tay chưa hề cầm đồng nào. Bà gởi dầu tinh sạch đến là được rồi. Nếu bà tự mình đưa đến, ta sẽ đích thân tiếp đãi bà. Nếu sai người đưa đến, bản thân ta sẽ chẳng ra tiếp. Bà có thể bảo cô ta (chỉ vào cô họ Tôn), cô ta là người huyện Sào tỉnh An Huy, sẽ biết! Bảo cô ta đặt ở điện X... là được rồi” (lúc ấy, có ghi lại tên tòa điện đó, nhưng trong thời gian kháng chiến, phải tản cư, tiếc là đã đánh mất chi tiết ấy).

Cô Hứa lại nói chen vào: “Thầy nói chẳng cần tiền, xin dầu thì có khác gì muốn tiền đâu?” “Người biết chuyện gì à? Tiền thân của người là gì? Đáng thương cho người, ta chẳng muốn nói. Bà chủ của người là một người tốt, ta đặc biệt đến tìm bà ta nói chuyện, người chẳng cần phải rườm rà! Thời gian chẳng còn sớm nữa. Chồng bà sắp tan sở, trở về, tánh tình ông ta rất nóng nảy, bộp chộp, ắt sẽ cho ta là một hòa thượng tầm thường hóa duyên đòi tiền, nhất định sẽ chửi mắng ta. Bà chớ nên tức giận, ta cũng chẳng giận. Tâm địa ông ta tốt lành, nổi nóng rồi thôi, chẳng có chuyện chi nữa! Năm trước có một gã người Thượng Hải, mạo nhận là bạn của chồng bà, lừa bà một món tiền, ông ta đã mắng bà một trận um sùm, đúng chưa? Món tiền đó là do đời trước bà thiếu gã đó, đưa trả hẳn là tốt nhất. Chớ nên khổ sở khóc lóc nữa!” (Tôi vì chuyện ấy, quả thật là thương rơi lệ, khổ sở!)

Chồng tôi ở Nam Kinh, tuy thường tới Chi Na Nội Học Viện, thân cận thầy ông ta là lão cư sĩ Châu Thiếu Do, cũng từng bỏ tiền in kinh, đã

từng xin bài minh để khắc ở mộ mẹ từ Nghi Hoàng đại sư Âu Dương Cánh Vô tiên sinh. Trong bài minh có câu: “*Xoay vẫn trong cõi tam thiên, chỉ có sức kinh, Bang Đạo chẳng mê, công đức dững mãi, ta vì mẹ làm bài minh, đã sanh cõi Cực Lạc*”. Nhưng ông ta chưa từng nghe kinh, chưa nghe Phật pháp, chưa hiểu ý nghĩa của Tăng. Lại do quan niệm “bài trừ mê tín” thuở ấy mê hoặc, tư tưởng mâu thuẫn. Lại do năm trước tôi bị người ta gạt tiền, ông ta luôn nghĩ tôi dễ bị kẻ khác lừa bịp! Sau khi ông ta trở lại, chưa hỏi căn do, quả nhiên đã nổi cáu, bảo tôi chớ nên tùy tiện ghi quyên tặng, các hòa thượng phân nhiều hóa duyên là vì danh, mà cũng là để tự no ấm, tự lợi! Lão nhân gia cười nói: “Ta đã sớm biết ông sẽ tức giận, chẳng cần mắng ta, cũng đừng mắng vợ ông. Trong tương lai, ông còn cần bà ta hóa độ, giúp đỡ ông. A Di Đà Phật! A Di Đà Phật!”

Cô Hứa đưa lão nhân gia ra cửa, vừa ra khỏi cửa, liền chẳng thấy bóng dáng đâu nữa. Cô ta trở về thưa với tôi: “Lão sư phụ vừa ra ngoài, liền chẳng thấy đâu nữa, chẳng biết là vì lẽ nào!” Do chuyện này, tôi bị nã vạn phần, lại thật sự chẳng hiểu là vì lẽ nào? Những lời lão sư phụ đã nói, cũng chẳng dám kể cận kề với chồng. Bất quá, lão nhân gia áo mảo châu ngọc, tiếng nói, vẻ tươi cười, từng lời từng chữ đều ghi khắc sâu đậm trong đầu tôi. Quả nhiên vào giờ ấy, ngày ấy trong tháng Tám, cháu thứ năm là Xuân Đường lọt lòng, sanh ra liền lẳng lẳng ngủ, chưa từng nghe tiếng khóc. Mẹ lẫn con đều bình an. Tháng Giêng năm Dân Quốc 26 (1937), sanh con gái út Xuân Viên, tôi bị viêm màng bụng, tình thế khá nguy kịch. Trị liệu hơn một tháng mới chuyển nguy thành an. Những chuyện này hoàn toàn phù hợp với những điều lão sư phụ đã nói ngày hôm đó.

Quân kháng chiến [chống Nhật Bản xâm lăng Trung Hoa] nổi dậy, [gia đình tôi] vội vàng rời Nam Kinh trở về đất Cám (Giang Tây)⁵⁹. Tháng Giêng năm Dân Quốc 27 (1938), nhà tôi theo lệnh của bộ Giáo Dục kiêm nhiệm chức hiệu trưởng trường Trung Học Quốc Lập thứ ba, cả nhà từ Thụy Kim dời về huyện Đồng Nhân thuộc Quý Châu. Mùa Xuân năm Dân Quốc 30 (1941), nhà tôi được chuyển làm Tham Sự ở viện Khảo Thí, phải theo Bộ Giáo Dục [của chính quyền Quốc Dân

⁵⁹ Cám Thủy là con sông lớn nhất ở tỉnh Giang Tây, nên Giang Tây thường được gọi là đất Cám.

Đảng] sang thủ đô thứ hai là Trùng Khánh⁶⁰, mẹ con tôi vẫn sống tại Đồng Nhân. Tôi nghĩ đã không phụng dưỡng mẹ chồng gần mười năm, trong lòng hết sức khó chịu, hề nghĩ tới liền khóc. Tháng Chín năm đó, khi tôi bắt đầu bước vào tuổi bốn mươi, càng thêm tưởng nhớ, thường mong muốn báo ân mẹ chồng. Có người nói, muốn báo ân cụ thì phải lễ Phật, niệm kinh Huyết Bồn. Bà Vạn Phi Vân theo Đạo giáo nói bà sẽ đến dạy tôi niệm, nhưng tôi phải bái bà ta làm thầy. Chẳng biết vì sao, tôi không muốn cho lắm, hẹn lần hẹn lữa, rốt cuộc chẳng đến nhà bà ta! Trong tháng Ba năm Dân Quốc 31 (1942), một đêm mộng thấy hai vị Tăng to lớn, vị thứ nhất khoác ca-sa, để hở vai trái, hai tai to rủ xuống. Vị thứ hai mặc áo hải thanh, cả hai đều đi chân trần. Vị thứ hai vào cửa, gọi tên họ tôi, hỏi tôi có còn cất giữ xâu chuỗi La Hán bằng gỗ bách hay không? (Đây là xâu chuỗi thỉnh từ vị lão tăng ở miếu Trung Nhạc tại Tung Sơn khi nhà tôi làm Đốc Học tỉnh Hà Nam). Vị thứ nhất nói: “Bà đừng nóng ruột, trong tương lai có dịp, tôi sẽ giới thiệu cho bà”. Tôi chẳng biết giới thiệu chuyện gì, chỉ thuận miệng thưa: “Xin sư phụ lưu tâm”. Tới ngày Mười Chín tháng Sáu, khi miếu Đông Nhạc ở Đồng Nhân làm pháp hội Quán Âm, bỗng có người lớn tiếng nói: “*Quy y Tam Bảo, quy y Tam Bảo*”, nói ba bốn lượt! Người này hỏi người kia là ai nói, ai nấy đều nghe tiếng, lại chẳng biết quy y Tam Bảo là gì? Sau khi thưa hỏi thầy Khoan Ngạn, mới biết Tam Quy Y có nghĩa là gì. Chúng tôi muốn xin quy y, thầy lại chẳng muốn, bảo: “Trong lúc Kháng Chiến, ty nạn còn chẳng xuê, quy y nổi gì? Trong tương lai, đến núi Phô Đà quy y tốt hơn”. Thỉnh cầu mãi, Sư mới miễn cưỡng đáp ứng, nói: “Tôi chẳng muốn cho các vị quy y, chỉ sợ Phật, Bồ Tát muốn cho quý vị quy y”. Vì thế, tạm thời cử hành nghi thức quy y qua loa. Đây là lúc tôi bắt đầu quy y Tam Bảo, bốn mươi tuổi về sau sẽ tin Phật, học Phật, điều ấy đã được chứng nghiệm. Nhưng đối với lời lão sư phụ đã nói trong mấy năm trước, khi đó quên bẵng, chẳng nhớ tới!

Sau khi quy y, thầy Khoan Ngạn dạy tôi niệm chú Đại Bi. Tôi lại xin thầy dạy niệm kinh Kim Cang, thầy không chịu, bảo: “Bà không hiểu, niệm làm chi?” Một đêm, tôi mộng thấy một vị lão hòa thượng dạy tôi niệm kinh Di Đà. Niệm xong, có chiếc thuyền từ trên hư không bay qua, tôi ngạc nhiên hỏi: “Vì sao thuyền bay được?” Lão hòa thượng nói:

⁶⁰ Khi đó, thủ đô của Trung Hoa Dân Quốc là Nam Kinh đã bị quân Nhật chiếm đóng, chính quyền Tưởng Giới Thạch phải thiên đô về Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên. Các cơ quan đầu não đều dời về Trùng Khánh.

“Đây là vật chẳng dễ thấy”. Nhìn lại, chẳng thấy chiếc thuyền bay nữa, cũng chẳng thấy lão hòa thượng đâu! Trong tay, chỉ có một quyển kinh Di Đà. Tỉnh giấc, kinh Di Đà cũng chẳng có; nghĩ lại, dung mạo và thần thái của lão hòa thượng đã gặp tại nhà ở Nam Kinh thập phần tương tự. Từ đó về sau, thường nhớ tới vị lão hòa thượng năm đó. Sáng hôm sau, thầy Khoan Ngạn tới, tôi thưa lại chuyện tối hôm qua mộng thấy đọc kinh Di Đà, cũng hỏi han kinh Di Đà nói về điều gì, được thầy giảng giải đại lược đôi chút. Chiều hôm đó, đem sách ra phơi, cháu Xuân Yên phát hiện một quyển kinh Phật do tiên sinh Trương Mặc Quân in tặng (các sách vở ở Nam Kinh đều chẳng mang theo, chẳng biết sao lại xen lẫn quyển kinh này, cũng là nhân duyên thù thắng). Kinh Kim Cang, kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, Tâm Kinh, Đại Bi Chú v.v... đều có đủ trong ấy. Tôi hoan hỷ, hớn hở, bèn phát tâm niệm kinh, niệm chú, sáng tối đều có thường khóa, vui thích chẳng chán.

Nhà tôi trong lúc kháng chiến, phát tâm niệm tụng kinh Ma Lợi Chi Thiên⁶¹; lão cư sĩ Châu Thiệu Do gửi thư dặn niệm tụng kinh Di Đà và thánh hiệu Quán Âm. Sau khi tới Trùng Khánh, chồng tôi thân cận tiên sinh Đới Quý Đào, chịu ảnh hưởng của ông ta, ý niệm tin Phật dần dần kiên cố, chọn lựa chừng ấy kinh Phật để khuyên điếm trước, sau đó gửi cho tôi ở Đồng Nhân. Tại nhà ở Nam Xương, lập bàn thờ Phật, thường cùng tôi chiêm lễ. Sau khi đến Đài Loan, do được cụ Long Kiện giới thiệu, cùng quy y với lão pháp sư Hư Vân thuộc chùa Nam Hoa,

⁶¹ Ma Lợi Chi Thiên (Marīci), dịch nghĩa là Dương Viêm, Oai Quang, Dương Quang, Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát, Nhật Tiên Bồ Tát, Tích Quang Thiên Bồ Tát, Cụ Quang Phật Mẫu, Tích Quang Phật Mẫu v.v... thuộc về Như Lai Bộ trong Mật Giáo. Ngài được coi là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, có bốn nguyện tiêu tai chướng, tăng phước, mãn nguyện cho chúng sanh. Tượng Ngài thường được tạc dưới hình dạng thiên nữ, ba mặt, mỗi mặt có ba mắt, tám tay, đứng trên một con lợn, hoặc ngồi trên ba con lợn kim sắc. Có khi là ngồi trên xe báu do bảy con lợn kim sắc kéo. Trong Mật Giáo, Ngài là một trong Đa La Tam Tôn, tức Đa La Bồ Tát (Tara, Độ Mẫu), Ma Lợi Chi Thiên, và Nhất Kế La Sát Vương (Ekajātā-raksha). Ấn Quang đại sư đã dạy: “*Ma Lợi Chi Thiên tuy hiện thân trời, thật sự là Bồ Tát. Do tâm độ sanh tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, cho nên nói chú ấy để làm cái gốc cứu độ. Nếu ai mỗi ngày trì tụng chú ấy càng nhiều càng hay. Dầu gặp các tai nạn nước, lửa, đao binh v.v... cũng đều gặp hung hóa cát*”. Chú ngữ của Ma Lợi Chi Thiên rất nhiều, nhưng được trì tụng nhiều nhất là bài chú: “*Namah samanta buddhānām. Om, Marīcī svāhā*” (Nam-mô tam mãn đa bột đà năm, án, ma lợi chi sa ha). Tổ Ấn Quang dạy thêm: “*Nếu không biết chữ, không có trí nhớ, chỉ chí thành niệm nam-mô Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát, thì lợi ích cũng giống như trì chú*”.

cũng trở thành đệ tử thường theo hầu của lão cư sĩ Lý Tuyết Lư (Lý Bình Nam), nghe kinh, học Phật, khá có tinh tấn. Đây là nói đại khái về nhân duyên học Phật của ông ta.

Vào dịp thánh đàn Địa Tạng Vương Bồ Tát trong tháng Bảy năm Dân Quốc 42 (1953), Tuyết sư (cụ Lý Bình Nam) tặng chồng tôi mấy chục bức tranh Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tôi thấy áo, mũ, chuỗi ngọc trong tranh chẳng khác vị lão tăng trăm tuổi núi Cửu Hoa tôi đã gặp tại nhà ở Nam Kinh năm Dân Quốc 24 (1935) cho mấy, bắt quá diện mạo trẻ hơn, trong tay có thêm tích trượng mà thôi! Vì thế, nhớ lại các sự thật do Ngài đã nói, những điều chúng nghiệm từ đầu đến cuối kể lại cho chồng. Nhà tôi kinh hãi, nhảy dựng lên hỏi: “Linh tích hiếm có như thế, chắc phải là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát, sao bà không nói sớm cho tôi biết, khiến tôi chịu tội đến nay? Vì bà phát Bồ Đề tâm và đại nguyện, tôi cũng chỉ biết có chừng hạn, một đức, một tâm, theo nhau cùng tu trì, đây chẳng phải là do chính bà đã độ tôi, giúp tôi ư?” Vì thế, cung kính lễ bái, sám hối sâu đậm, thiết tha.

Trong tháng Mười Hai, chùa Bảo Thiện tại Đài Trung thỉnh pháp sư Bạch Thánh giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện. Pháp sư vốn xuống tóc tại núi Cửu Hoa, khi giảng kinh, thường nhắc đến các chuyện linh ứng thị hiện của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Trong kinh, cũng nhiều lượt nói tới đạo lý cúng dường chiêm lễ, hoặc tạo tháp tự, hoặc đắp vẽ hình tượng, hoặc thắp đèn dầu. Do vậy, nghĩ đến chuyện trước kia, cũng thưa cặn kẽ đầu mối với pháp sư. Cũng hỏi: “Cửu Hoa có vị lão hòa thượng hơn trăm tuổi có thần thái như thế hay không?” Pháp sư nói: “Tôi ở Cửu Hoa nhiều năm, chưa hề nghe, chưa hề thấy vị lão hòa thượng nào ngoài trăm tuổi. Vị ấy chắc là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ngài lấy ra một quyển sách dày, ngoài bìa có mấy chữ to thiếp vàng cho bà xem, chẳng chịu mở ra để viết tiền quyên góp, bước đi lại nhẹ lướt như thế. Đó là một loại thị hiện chẳng thể nghĩ bàn! Địa Tạng Vương Bồ Tát thường có linh tích hóa thân đạo khắp, người ở các nơi phụ cận phần nhiều bàn luận say sưa!”

Qua lần thưa hỏi này, có thể nói là đã đạt được chứng cứ khá tin cậy, có thể chứng minh cho chuyện vào mười tám năm trước khác hẳn tầm thường, chứng minh hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Thuở đó, “nhục nhãn chẳng thấy thánh nhân, nhục nhãn chẳng thấy Phật, Bồ Tát”, đến nỗi bỏ lỡ cơ duyên khó gặp gỡ trong cuộc đời, chưa thể hỏi nhiều về nhân quả, xin được khai thị cho nhiều, lại còn mạo phạm, khinh nhờn tôn nghiêm, đến nỗi chuốc lấy tội ác. Đúng là hỏi

hận thì đã muộn rồi, trăm thân khó chuộc được! Vì thế, nhà tôi và tôi kính cẩn hiến cúng hai mươi cân dầu sạch trước tòa của Địa Tạng Bồ Tát tại chùa Bảo Thiện, ngõ hầu đền tạ nguyện cũ. Chí thành khẩn thiết, xót xa, dốc một niềm thống thiết, năm vóc gieo sát đất, xót xa lễ sám, mong cho biển lặn sóng trong, sẽ đến được núi Cửu Hoa, “*bi luyến chiêm lễ*”, những mong ngăn dứt nghiệp chướng, hồi hướng pháp giới. Tháng năm thấm thoát, từ thuở lễ sám năm ấy đến nay đã sắp hết một năm rồi. Kính cẩn ghi đại lược đầu đuôi, thưa bày trung thực để nói với các đồng tu, và cung kính trích dẫn lời kệ của đức Thế Tôn trong phẩm Kiến Văn Lợi Ích của kinh Bản Nguyện:

*Ngô quán Địa Tạng oai thân lực,
Hằng hà sa kiếp thuyết nan tận.
Kiến văn chiêm lễ nhất niệm gian,
Lợi ích nhân thiên vô lượng sự.
Dục tu Vô Thượng Bồ Đề giả,
Nãi chí xuất ly tam giới khổ.
Thị nhân ký phát đại bi tâm,
Tiên đương chiêm lễ Đại Sĩ tượng.
Nhất thiết chư nguyện tức thành tựu,
Vĩnh vô nghiệp chướng năng giá chỉ.
(Ta xem Địa Tạng sức oai thân,
Hằng hà sa kiếp nói khó trọn.
Thấy nghe, chiêm lễ trong một niệm,
Lợi ích trời, người vô lượng sự.
Kẻ muốn tu Vô Thượng Bồ Đề,
Cho đến thoát lìa tam giới khổ.
Kẻ đó đã phát tâm đại bi,
Trước nên chiêm lễ tượng Đại Sĩ.
Hết thảy các nguyện mau thành tựu,
Nghiệp chướng vĩnh viễn chẳng ngăn trở).*

31. Bàn về cách cứu tế khẩn cấp đối với người sắp lâm chung bằng kinh Địa Tạng

Giới Bảo ghi

Thường nghe nói Phật, Bồ Tát vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, dẫu kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác vẫn chẳng ghét bỏ. Người viết đã được chứng thực tờ hào chẳng sai! Người viết học Phật đã hai năm, trước khi

học Phật, đầu óc toàn là tư tưởng cốt sao có lợi cho mình, làm bất cứ chuyện gì cũng suy nghĩ vì tư lợi, vì đạt được mục đích mà chẳng từ thủ đoạn. Trong xã hội với tình trạng đạo đức ngày càng suy đồi, luôn sợ mình chẳng đủ quyền xảo để giành phần thắng. Do vậy, riêng ra chuông học vắn theo kiểu binh pháp tung hoành, thường đắc ý chính mình lắm mưu nhiều kế, nhưng nhân duyên lại càng lúc càng kém cõi, khổ não ngày càng nhiều. Ngẫu nhiên, hai năm trước thấy nghe Phật pháp, giống như uống một vị thuốc thanh lương, thân tâm đột nhiên thanh thản, sáng khoái. Từ đó về sau, tin tưởng, hành theo Phật pháp, đọc kinh, lạy Phật, giữ yên bốn phận, cuộc sống an thuận hơn trước kia rất nhiều. Mỗi lần gặp nạn cấp bách, cầu Phật, Bồ Tát gia bị, vô hình trung dường như có sự giúp đỡ thần diệu, khó khăn thường là bất tri bất giác tan mất. Lần này gia mẫu lâm chung, tự cảm thấy sự cảm ứng khá rõ ràng, nguyện đem chuyện từng trải thừa trình để các đồng tu tham khảo.

Tiền mẫu họ Ngô, đã sớm quy hướng, tin tưởng Nhất Quán Đạo, ăn chay trường, thần Phật đều lạy. Người viết hai mươi năm trước, chẳng hiểu Phật lý, thường khuyên mẹ ăn thịt để tăng thêm chất dinh dưỡng, do vì một mảnh hiếu tâm. Lâu ngày, quả nhiên nói khiến cho mẹ động lòng thôi ăn chay. Chẳng lâu sau, do không quen ăn mặn, cụ lại tiếp tục ăn chay. Trong thời gian ấy, Nhất Quán Đạo đường và chùa Chánh Tín là nơi mẹ thường đến lễ bái. Không chỉ cúng dường, bố thí, mà còn thường tham gia các pháp hội tiêu tai ở chùa. Ngoài ra, hiểu biết mù mịt, Phật pháp càng khó nghe, mẹ có thể đường xa lễ Phật, đã đáng quý lắm rồi! Gia mẫu sáu năm trước mắc chứng lãng trí của người già (tế bào não lão hóa hoại tử, hiện thời vẫn chưa có thuốc men nào chữa trị được), trí nhớ dần dần mất đi. Khoảng ba năm sau, trí năng hoàn toàn mất đi. Sau đó, ăn uống, đại tiểu tiện đều chẳng thể tự lo liệu! Người viết kiếm sống ở bên ngoài, toàn nhờ vào vợ chăm sóc. Tục ngữ có câu: “*Bệnh lâu chẳng có con hiếu*”. Tình cảnh chịu khổ có thể tưởng được! Một năm rưỡi trước đây, người viết được thuyên chuyển về miền Bắc, bèn được hầu hạ mẹ. Lúc ấy, mẹ đã không thể nhận biết con ruột, nhưng thân thể khỏe mạnh như cũ. Do mẹ hành động lệch lạc, để ngăn ngừa mẹ mở gas, điện, nước, tiêu tiểu bữa bãi, lạc đường v.v... người viết đã toan tính sắp xếp rất nhiều biện pháp cho cụ, nhưng đều vô hiệu. Cuối cùng, đành phải để cụ ở một gian phòng duy nhất hơn hai năm.

Tôi nhớ mẹ đã chịu khổ nhiều năm, suốt sáu mươi năm, ngày đêm vất vả làm lụng không nghỉ nơi ruộng vườn trên núi. Cụ tiết kiệm đến nỗi đậu hủ chẳng nở mua nhiều! Nay con cái khôn lớn, là lúc có thể an

nhàn đôi chút, liền mắc phải bệnh tật chẳng biết cách nào như thế. Đòi người khổ sở, những điều từng trải của mẹ khiến tôi khắc cốt铭心 tâm trần thuật. Trước khi mẹ tôi lâm chung ba ngày, thần chí mơ hồ cực điểm (khi đó, cụ đã bảy mươi hai tuổi). Trời lạnh buốt, vừa mới giúp mẹ mặc áo dày, cụ lại cởi ra ngay, thường xuyên vì thế mà lạnh run lẩy bẩy. Đại tiểu tiện lại càng là nan đề khó thể đề cập. Mắt thấy mẹ tôi bị hành hạ như vậy, khiến tôi nghĩ tới địa ngục, nhớ tam giới như nhà lửa, biển khổ chẳng có ngần mé, than thở mẹ làm sao kham nổi! Ngày Hai Mươi Tám tháng Chín năm Dân Quốc 72 (1983), bỗng tôi có nổi xúc động muốn tháo tung các trói buộc bởi truyền thống đạo đức: “Mẹ tôi bị bệnh khổ hành hạ như thế, sao bằng vì mẹ cầu sanh Tịnh Độ? Làm như thế có phạm tội bất hiếu hay không?” Trải qua sự giãy giụa không ngừng giữa mâu thuẫn tình cảm và lý trí, vẫn khó thể quyết định. Cuối cùng, tôi đến Kim Sơn Thiên Tự, thỉnh giáo vị thầy quy y là lão pháp sư Tri Giác, mong thầy từ bi chỉ dạy: “Vì mẹ cầu sanh Tịnh Độ thì có trái nghịch hiếu đạo hay không?” Vì thế, đối trước Phật, hằng ngày ngoài niệm Phật một ngàn câu, tụng chú Đại Bi hai mươi lượt trở lên, và tùy phần tùy sức tu các công đức, chủ yếu là hồi hướng cho mẹ cầu sanh về Tịnh Độ, mãi cho đến khi mẹ hết báo thân. Và cũng hằng ngày đối trước Phật cầu nguyện:

1) Khiến cho mẹ giảm bớt khổ sở, sớm sanh về Tịnh Độ. Hết thấy tội nghiệp, khổ báo của mẹ đều do tôi chịu thay.

2) Khi mẫu thân lâm chung, giảm bớt đau khổ, an tường xá báo.

3) Khiến cho tôi được hầu bên cạnh, trợ niệm Phật hiệu, giúp mẹ sanh Tây. Mẹ tôi tuy bệnh não nhiều năm, thân thể hết sức cường tráng. Đột nhiên, vào chiều ngày Hai Mươi Ba tháng Chạp năm Dân Quốc 72 (1983), mẹ tôi nằm trên giường không dậy nổi, thức ăn không nuốt được. Tôi vốn tính đưa vào bệnh viện, chỉ sợ mẹ tuổi đã cao, nếu có chuyện bất trắc, sẽ đâm ra hại cho chánh niệm, liền để sẵn sóc tại nhà, ngày đêm niệm Phật, vì mẹ cầu sanh Tịnh Độ. Trải qua hai ba ngày, mẹ nằm trên giường như cũ, phần lớn là đang ngủ mê mết. Hoàn toàn chẳng có biểu tình thông khổ, nhưng thân thể nhanh chóng gầy yếu. Người biết mẹ chẳng lâu nữa sẽ rời cõi đời, nhớ tới mẹ suốt đời chịu khổ, trai giới hơn mười năm, đời này đã mãn, há có thể chẳng vì mẹ tính toán cho đời sau ư? Ngoài việc càng cố gắng niệm Phật ra, bỗng nhớ phẩm thứ mười hai, tức Kiến Văn Lợi Ích trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên có dạy: “*Lâm mạng chung thời, phụ mẫu, quyến thuộc, tương thị mạng chung nhân xá trách, tài vật, bảo bối, y phục, tổ họa Địa Tạng hình tượng,*

hoặc sử bệnh nhân vị chung chi thời, nhãn nhĩ kiến văn, tri đạo quyền thuộc, tương xá trách, bảo bối đẳng, vị kỳ tự thân, tổ họa Địa Tạng Bồ Tát hình tượng. Thị nhân nhược thị nghiệp báo, hợp thọ trọng bệnh giả, thừa tư công đức, tâm tức trừ dữ, thọ mạng tăng ích. Thị nhân nhược thị nghiệp báo mạng tận, ưng hữu nhất thiết tội chướng, nghiệp chướng, hợp đọa ác thú giả, mạng chung chi hậu, tức sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc, nhất thiết tội chướng, tất giai tiêu diệt” (Khi sắp hết mạng, cha mẹ, quyền thuộc, đem nhà cửa, tài vật, của báu, quần áo của người mạng chung ấy dùng tạc hoặc vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, hoặc khiến cho bệnh nhân khi chưa chết, mắt thấy, tai nghe, biết quyền thuộc đem nhà cửa, vật báu v.v... vì chính thân mình mà đắp vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát. Người ấy nếu do nghiệp báo, đáng bị bệnh nặng, thì nhờ vào công đức ấy liền được hết bệnh, bình phục, thọ mạng tăng thêm! Nếu người ấy do nghiệp báo đã hết mạng, có hết thấy các tội chướng và nghiệp chướng đáng đọa vào đường ác, [nhưng do công đức đắp vẽ hình tượng Bồ Tát], sau khi mạng chung, liền sanh trong làm trời hay người, hưởng sự vui thù thắng, nhiệm mầu, hết thấy tội chướng thấy đều tiêu diệt). Vì thế, mau chóng tính dùng hai vạn đồng ấn tống kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên (tôi vốn cũng mong tạo thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát, nhưng lâm thời chẳng xếp đặt thích đáng, cho nên chẳng tạo), và kinh Kim Cang, sách Sự Kiện Lớn Nhất Lúc Lâm Chung, ba loại kinh sách để kết duyên cùng đại chúng, cũng quyên tặng một bức kim thân Phật trong số một ngàn vị Phật tại Di Lạc Nội Viện ở Tịch Chỉ. Sau đó, kể sát tai mẹ, thưa rõ từng điều: “Mẹ ơi! Mẹ trước kia ăn chay lễ Phật, tin Phật. Cho nên con nay đem số tiền do mẹ vất vả vất vả chắt chiu, lấy ra hai vạn đồng để in tạo kinh, tượng. Trước kia, mẹ thường quyên cúng tiền nhang đèn, lợp chùa. Mùa Hạ thì nước trà, mùa Đông, cúng gạo trắng, quần y phục... làm rất nhiều thiện sự, Phật, Bồ Tát sẽ gia hộ mẹ, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn mẹ. Người khác đến dẫn mẹ đi, mẹ đừng theo nhé! Chỉ có A Di Đà Phật đến thì mới có thể theo Ngài ra đi nhé!” Cũng thỉnh tượng Tây Phương Tam Thánh cho mẹ xem. Hằng ngày luôn nhắc nhở mẹ mấy lượt như thế.

Tới khi mẹ nằm trên giường đã bảy ngày, khi chúng tôi di chuyển thân thể hoặc chân tay của mẹ, mẹ rất đau đớn, phát ra tiếng kêu đau ngăn trở, tôi lại nghĩ đến chuyện có nên đưa mẹ vào bệnh viện hay không. Lúc đó, mẹ đã gầy như que củi, hiển nhiên là không có cách nào chịu đựng được sự đau đớn do di chuyển, hơi động đến đã kêu đau. Nhưng nếu mẹ vẫn có thể sống được một khoảng thời gian khá dài, làm

sao tôi có thể không đưa bà đến bệnh viện để tìm cách giảm bớt nỗi đau khổ cho bà? Trong lúc ấy, mời thầy thuốc đến chích, nỗi đau khổ vẫn chưa giảm bớt.

Trong khi tiến thoái lưỡng nan, do dự như thế, tôi lại nghĩ tới phẩm thứ sáu của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, tức phẩm Như Lai Tán Thán có dạy: “*Nhược vị lai thế, hữu nam tử, nữ nhân, cứu xử sàng chẩm, cầu sanh, cầu tử, liễu bất khả đắc. Hoặc dạ mộng ác quý, nãi cập gia thân, hoặc du hiểm đạo, hoặc đa yếm mị, cộng quý thân du, nhật nguyệt tuế thâm, chuyển phục uông sái, miên trung khiêu khổ, thâm thê bất lạc giả. Thử giai thị nghiệp đạo luận đối, vị định khinh trọng, hoặc nan xả thọ, hoặc bất đắc dĩ. Nam nữ tục nhân, bất biện thị sự, đản đương đối chư Phật, Bồ Tát tượng tiền, cao thanh chuyển độc thử kinh nhất biến. Hoặc thủ bệnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục, bảo bối, trang viên, xá trạch, đối bệnh nhân tiền, cao thanh xướng ngôn, ngã mỗ giáp đẳng, vị thị bệnh nhân, đối kinh tượng tiền, xả chư đẳng vật. Hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật, Bồ Tát hình tượng, hoặc tạo tháp tự, hoặc nhiên du đẳng, hoặc thí thường trụ. Như thị tam bạch bệnh nhân, khiến linh văn tri. Giả linh chư thức phân tán, chí khí tận giả, nãi chí nhất nhật, nhị nhật, tam nhật, tứ nhật, chí thất nhật dĩ lai, đản cao thanh bạch, cao thanh độc kinh, thị nhân mạng chung chi hậu, tức ương trọng tội, chí ư ngũ vô gián tội, vĩnh đắc giải thoát. Sở thọ sanh xứ, thường tri túc mạng”* (Nếu trong đời vị lai, có nam tử, nữ nhân, nằm trên giường bệnh lâu ngày, cầu sống hay cầu chết đều trọn chẳng thể được. Hoặc đêm mộng thấy ác quý, cùng với người nhà, hoặc đi trong đường hiểm, hoặc hay bị bóng đè, cùng đi với quý thân. Lâu ngày chầy tháng, chuyển thành gầy mòn, ho lao, kêu rên đau khổ trong giấc ngủ. Đó đều là do còn phải đối biện về nghiệp đạo [trong cõi âm], chưa định tội nặng hay nhẹ, nên khó xả thọ, hoặc chẳng được lành. Mắt trần tục của nam nữ chẳng biện định được chuyện này, chỉ nên đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát, lớn tiếng chuyển đọc kinh này một lần. Hoặc lấy vật bệnh nhân yêu mến, hoặc y phục, vật báu, trang trại, vườn, nhà cửa, đối trước bệnh nhân, lớn giọng xướng rằng: “Tôi tên là... vì bệnh nhân này, đối trước kinh, tượng tiền mà xả các vật. Hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, hoặc tạo chùa tháp, hoặc thắp đèn dầu, hoặc bố thí cho thường trụ”. Bạch với bệnh nhân ba lượt như thế khiến cho họ nghe biết. Giả sử các thức phân tán, cho đến khi tắt hơi, cho đến một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày trở lại, chỉ nên lớn tiếng bạch, lớn tiếng đọc kinh. Sau khi người ấy mạng chung, tức

ương trọng tội, cho đến tội ngũ vô gián vĩnh viễn được giải thoát. Sinh về bất cứ chỗ nào, thường biết túc mạng).

Trong mười hôm trước, chúng tôi không ngừng xưng niệm Phật hiệu, chưa xét đến chuyện then chốt là lúc mẹ mạnh khỏe vẫn chưa tu pháp môn Niệm Phật, sợ khó tương ứng. Nay bỗng nhớ tới câu trên, liền lập tức vì mẹ niệm kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện một lần. Sau đó, lại niệm một ly nước đại bi cho mẹ uống. Tới chiều ngày hôm sau, khi xoay thân mẹ để xoa bóp, bất ngờ nhận thấy mẹ chẳng lộ vẻ thống khổ, tinh thần thoải mái, an tường. Chúng tôi liên tục niệm Phật chẳng bỏ sót, cũng thường hai tay nâng tượng Tây Phương Tam Thánh cho mẹ xem, cũng kể cho cụ nghe rất nhiều việc thiện đã làm trước kia, Phật, Tổ sẽ dẫn cụ sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói ra cũng rất lạ, vốn là từ vài năm trước, mẹ tôi thần chí chẳng rõ, nay dường như nghe hiểu. Mỗi lần đối trước cụ nói như vậy, hốc mắt cụ sẽ đong đầy nước mắt. Mấy chục hôm trước, anh em chúng tôi gom góp bảy vạn đồng cúng dường Tam Bảo, cũng đều thưa rõ với mẹ từng chuyện. Và cũng hằng ngày niệm Phật, lạy Phật, khẩn cầu Phật quang gia bị, khiến cho mẹ thuận lợi sanh Tây. Tới mười một giờ đêm ngày thứ mười ba, dùng bột tảo mà mẹ thích ăn bón cho cụ một thìa lớn. Tiếp tục niệm Phật không ngừng, tôi cảm thấy tinh thần tươi tỉnh, chẳng tính đi ngủ, lại thỉnh tượng Tây Phương Tam Thánh cho mẹ xem. Mẹ mở to mắt nhìn, nhìn đến lúc mười hai giờ năm mươi lăm phút, mẹ thở nhanh hơn. Năm phút đồng hồ sau liền tắt hơi, chẳng giãy giụa mà qua đời. Người viết cùng vợ và em trai một mực niệm Phật đến tám giờ sáng, mời pháp sư trợ niệm đến giữa trưa. Những lúc gián cách thì dùng máy ghi âm phát ra tiếng niệm Phật. Từ đó trở đi, quyền thuộc lục tục kéo tới, quở trách: “Vì sao không sớm giúp tắm rửa, thay quần áo cho cụ? Lúc thân thể cứng ngắc như thế làm sao mặc được?” Người viết chẳng rảnh đâu để giải thích, cứ cười trừ mặc họ chửi mắng. Tới ba giờ rưỡi chiều, tắm rửa, thay quần áo cho mẹ, nào ngờ toàn thân cụ mềm mại như thường, mọi người cũng chẳng còn nói gì được nữa! Ngày hôm sau, khi nhập quan (đã ba mươi ba tiếng đồng hồ trôi qua), nhận thấy di thể của mẹ vẫn mềm mại như cũ.

Lo liệu hậu sự cho mẹ, chúng tôi cũng bị một số thân hữu chê trách. Thế tục luôn cầu náo nhiệt, đẹp mắt, chúng tôi coi trọng họa phước của mẹ, tận lực tiết kiệm, chuẩn bị đem số tiền tiết kiệm được để dùng vào việc hữu ích. Tuy tận lực sắp xếp, bàn bạc, vẫn chẳng tránh khỏi làm một số việc vô nghĩa như lãng hoa, đội âm nhạc, đồ cúng, xây mộ, đồ tang, các vật linh tinh v.v... lãng phí bốn năm vạn đồng. Kế đó,

liên quan đến chuyện siêu độ. Trong xã hội hiện thời, phổ biến chuyện làm công đức cho người đã mất: Tang gia thỉnh người xuất gia làm Phật sự, chẳng có chút ý nghĩa bố thí, cúng dường nào, càng chưa nói tới chuyện cung kính, kiên thành. Họ bàn bạc ổn thỏa mỗi ngày [tang chủ] phải trả bao nhiêu tiền thì mới đến, giống như giao dịch buôn bán, người chết làm sao hưởng lợi ích thực tế cho được? Noi theo huấn thị trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện thì biết, nói “*tu phước siêu tiến người mất*” chính là dùng tài vật cung kính cúng dường Tam Bảo (hoặc hiến cho các sự nghiệp từ thiện cũng được). Dùng chuyện ấy để hồi hướng cho người đã mất, khiến cho vong linh gia tăng phước nghiệp, sanh về chốn lành. Nếu dùng tiền thỉnh kẻ khác niệm kinh, sẽ mất đi ý nghĩa bố thí, hưởng hồ đương thời có các đoàn niệm kinh chuyên nghiệp (phần nhiều đều chẳng phải là đệ tử Phật môn, chẳng hiểu Phật pháp, không tu Phật hạnh, chẳng giữ trai giới, lấy đâu ra sức công đức để siêu độ người khác? Chưa kể là thân cư sĩ, chẳng có tư cách nhận bố thí cúng dường). Thậm chí ni cô chạy xe bằng điện xuất hiện. Đó là tiêu tiền để làm chuyện ô nhục, miệt thị thánh pháp, tội lỗi vô lượng! Hiềm rằng tập tục xã hội là như thế, người viết cũng chẳng thể tránh khỏi thói tục để khỏi trái ý mọi người. Chỉ đành trong ngày đưa ma, thỉnh pháp sư đến làm một buổi pháp sự, cũng trong bốn mươi chín ngày, tận lực trừ tính các khoản cúng dường thường trụ Tam Bảo các nơi, hồi hướng cho mẹ phước lực tăng trưởng, vãng sanh Cực Lạc.

Lại còn đến chùa Thừa Thiên ở Thổ Thành lập bài vị vãng sanh cho mẹ. Từ đây về sau, cứ bảy ngày tới chùa tham dự khóa tụng kinh buổi tối hồi hướng. Trong nhà chẳng hề thỉnh người làm Phật sự, nhưng người viết mỗi ngày đều tụng kinh Di Đà, kinh Địa Tạng, niệm Phật v.v... để hồi hướng cho mẹ. Lại trong thời gian cư tang, cả nhà trì trai, cũng như cúng dường cơm chay cho đại chúng. Sau đó, lại nghĩ tới Pháp Xứng thượng sư ở Liên Hoa Tinh xá tại Tân Điểm (thuộc thành phố Tân Bắc) mỗi tháng làm pháp sự từ thiện siêu độ vong linh. Vì thế, đặc biệt đến đó xin ghi danh. Tôi nhớ pháp hội cầu siêu trang nghiêm, nghiêm túc, thượng sư tác pháp chừng một tiếng rưỡi bèn viên mãn. Vong linh trình diện thọ giáo, thượng sư tợ hồ thấy rõ ràng, nhưng thượng sư tuổi tác đã cao, sợ thân thể lão nhân gia mệt mỏi, chẳng dám hỏi nhiều, đành phải vội vàng cáo từ.

Từ vong là đại sự mà bất cứ ai cũng đều chẳng có cách nào tránh khỏi, họa phước là do một khắc lâm chung, cùng với trong vòng bốn mươi chín ngày, quyền thuộc có thành kính làm phước siêu tiến hay

không. Người đã chết rồi, đã chẳng thể tu công đức để tự cứu, chỉ cậy vào quyền thuộc làm phước hồi hướng. Kinh Địa Tạng dạy: “*Tại thất thất nhật nội, niệm niệm chi gian, vọng chư cốt nhục quyền thuộc dữ tạo phước lực cứu bạt. Quá thị nhật hậu, tùy nghiệp thọ báo. Nhược thị tội nhân, động kinh bách thiên tuế trung, vô giải thoát nhật... Nhược hữu vi thực, cập bất tinh cần, thị mạng chung nhân liễu bất đắc lực. Như tinh cần hộ tịnh, phụng hiến Phật, Tăng, thị mạng chung nhân, thất phần hoạch nhất*” (Trong bốn mươi chín ngày, trong mỗi niệm, [người đã chết] đều mong ngóng quyền thuộc ruột thịt tạo phước lực cứu bạt. Sau thời gian ấy, sẽ theo nghiệp thọ báo. Nếu là như thế, tội nhân trải qua trăm ngàn năm, chẳng có ngày giải thoát... Nếu ăn sái phép, và chẳng siêng năng chuyên ròng, người mạng chung ấy trọn chẳng đắc lực. Nếu siêng ròng, giữ gìn sạch sẽ, cúng dâng Phật, Pháp, Tăng, người mạng chung ấy được một phần trong bảy phần công đức). Cô đức có nói: “*Muốn được lợi ích thực tế từ Phật pháp thì phải cầu từ thành kính*”. Hiện thời, kẻ vì người chết tụng kinh, niệm Phật thì nhiều, nhưng thái độ thành kính chưa chắc mỗi người đều có thể làm được! Hình thức hóa diễn xuất, mua bán theo kiểu thương nghiệp, hết sức trái nghịch bản ý của đức Phật.

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện là hiệu kinh của Phật giáo, là kinh điển trọng yếu phải đọc dành cho kẻ mong báo hiếu cha mẹ, tôn trưởng. Kinh đặc biệt chú trọng cứu bạt chúng sanh tội khổ sắp đọa vào đường ác. Phẩm thứ mười ba là phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên đã dạy: “*Vị lai thế trung, nhược thiên, nhược nhân, tùy nghiệp báo ứng, lạc tại ác thú. Lâm đọa thú trung, hoặc chí môn thủ, thị chư chúng sanh, nhược năng niệm đắc nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh, nhất cú, nhất kệ Đại Thừa kinh điển. Thị chư chúng sanh, nhữ dĩ thần lực, phương tiện cứu bạt. Ư thị nhân sở, hiện vô biên thân, vị toái địa ngục, khiến linh sanh thiên, thọ thắng diệu lạc*” (Trong đời vị lai, dù trời hay người, theo nghiệp mà báo ứng, rơi vào đường ác. Lúc sắp đọa vào đường ác, hoặc đến trước cửa đường ác ấy, các chúng sanh đó nếu có thể niệm danh hiệu một vị Phật, hay danh hiệu một vị Bồ Tát, một câu, một kệ kinh điển Đại Thừa. Đối với các chúng sanh ấy, ông hãy dùng thần lực phương tiện cứu bạt. Ở chỗ người ấy, hiện vô biên thân, nhằm phá tan địa ngục, khiến cho kẻ đó sanh lên trời, hưởng sự vui thù thắng màu nhiệm). Kinh còn dạy: “*Nhược hiện tại, vị lai chư thế giới trung, lục đạo chúng sanh lâm mạng chung thời, đắc văn Địa Tạng Bồ Tát danh, nhất thanh lịch Nhữ Căn giả, thị chư chúng sanh, vĩnh bất lịch tam ác đạo*” (Nếu trong

các thế giới nơi đời hiện tại hay vị lại, chúng sanh trong sáu đường khi lâm chung, được nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, một tiếng thoảng qua tai thì các chúng sanh ấy, vĩnh viễn chẳng trải qua các ác đạo). Từ các câu trên đây, có thể thấy kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên là pháp môn cứu cấp (cứu tai ương cấp bách).

Nay tôi trích lục phương pháp cứu tế khẩn cấp liên quan đến lúc lâm chung như sau: “*Như thị Diêm Phù Đề nam tử, nữ nhân, lâm mạng chung thời, thần thức hôn muội, bất biện thiện ác, nãi chí nhân, nhĩ, cánh vô kiến văn. Thị chư quyền thuộc, đương tu thiết đại cúng dường, chuyển đọc tôn kinh, niệm Phật, Bồ Tát danh hiệu. Như thị thiện duyên, năng linh vong giả, ly chư ác đạo, chư ma quỷ thần, tất giai thoái tán. Thế Tôn! Nhất thiết chúng sinh, lâm mạng chung thời. Nhược đắc văn nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh, hoặc Đại Thừa kinh điển nhất cú, nhất kệ. Ngã quán như thị bối nhân, trừ ngũ vô gián sát hại chi tội, tiểu tiểu ác nghiệp, tâm tức giải thoát*” (Nam tử, nữ nhân trong cõi Diêm Phù Đề như thế, khi lâm chung, thần thức hôn ám, mê muội, chẳng biện định thiện ác, cho đến mắt, tai, trọn chẳng thấy nghe. Các quyền thuộc của họ hãy nên sắp đặt đại cúng dường, chuyển đọc tôn kinh, niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát. Thiện duyên như thế có thể khiến cho người mất lìa các đường ác, các ma, quỷ thần thảy đều lui tan. Bạch Thế Tôn! Hết thảy chúng sanh khi lâm chung, nếu được nghe danh hiệu của một vị Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, hoặc một câu, một kệ kinh điển Đại Thừa, con thấy hạng người như thế, trừ phi phạm tội ngũ vô gián và sát hại, nếu chỉ phạm các ác nghiệp nhỏ nhặt, sẽ liền được giải thoát) (Phẩm thứ tám, Diêm La Vương Chúng Tán Thán).

“*Nhược hữu nam tử, nữ nhân, tại sanh bất tu thiện nhân, đa tạo chúng tội, mạng chung chi hậu, quyền thuộc tiểu đại, vị tạo phước lợi, nhất thiết thánh sự, thất phần chi trung, nhi nãi hoạch nhất, lục phần công đức, sinh giả tự lợi*” (Nếu có các nam tử, nữ nhân, lúc còn sống chẳng tu nhân lành, tạo nhiều các tội, sau khi mạng chung, quyền thuộc lớn nhỏ vì người ấy tạo phước lợi, hết thảy các thánh sự thì trong bảy phần, [người chết] sẽ được một phần, còn sáu phần công đức thì người sống được lợi lạc). “*Diêm Phù Đề chúng sanh, lâm chung chi nhật, thân vật sát hại, cập tạo ác duyên, bái tế quỷ thần, cầu chư vọng lượng. Hà dĩ cố? Nhĩ sở sát hại, nãi chí bái tế, vô tiêm hào chi lực, lợi ích vong nhân, đản kết tội duyên, chuyển tăng thâm trọng*” (Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề trong ngày lâm chung, hãy cẩn thận đừng sát hại, và tạo ác duyên, cúng bái quỷ thần, cầu các quỷ my. Vì có sao vậy? Việc giết hại

cho đến cúng tế như thế chẳng có mảy may sức lực nào lợi ích vong nhân, chỉ kết thành tội duyên, khiến trở thành sâu nặng hơn). “*Lâm mạng chung thời, phụ mẫu, quyến thuộc, nghi vị thiết phước, dĩ tư tiền lộ, hoặc huyền phan cái, cập nhiên du đấng, hoặc chuyển đọc tôn kinh, hoặc cúng dường Phật tượng, cập chư thánh tượng. Nãi chí niệm Phật, Bồ Tát, cập Bích Chi Phật danh. Nhất danh, nhất hiệu, lịch lâm chung nhân nhĩ căn, hoặc văn tại bốn thức. Thị chư chúng sinh, sở tạo ác nghiệp, kế kỳ cảm quả, tất đọa ác thú, duyên thị quyến thuộc, vị lâm chung nhân, tu thử thánh nhân. Như thị chúng tội, tất giai tiêu diệt. Nhược năng cánh vị thân tử chi hậu, thất thất nhật nội, quảng tạo chúng thiện, năng sử thị chư chúng sanh, vĩnh ly ác thú, đắc sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc. Hiện tại quyến thuộc, lợi ích vô lượng*” (Khi lâm chung, cha mẹ, quyến thuộc hãy nên vì người ấy làm phước để giúp cho tương lai của người ấy. Hoặc treo phan, lọng, và thắp đèn dầu, hoặc chuyển đọc tôn kinh, hoặc cúng dường tượng Phật, và các thánh tượng. Cho đến niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, và Bích Chi Phật. Mỗi danh hiệu lọt qua tai của người lâm chung, hoặc nghe lọt vào thần thức của người ấy. Các chúng sanh đó trót tạo ác nghiệp, xét theo quả báo cảm vời, ắt đọa vào đường ác. Do vì quyến thuộc vì người lâm chung tu thánh nhân ấy, các tội như thế đều tiêu diệt. Nếu lại có thể sau khi người đó đã chết, trong bốn mươi chín ngày, rộng tạo các điều lành, khiến cho các chúng sanh ấy vĩnh viễn lìa đường ác, được sanh trong cõi trời, người, hưởng sự vui thù thắng, nhiệm mầu. Quyến thuộc trong hiện tại lợi ích vô lượng) (Phẩm thứ bảy, Lợi Ích Tồn Vong).

Nói chung, người viết mang tâm tình chuộc tội, chỉ hổ thẹn đối với từ thân, chẳng dám sơ sót từng điểm, từng giọt trong thánh huấn của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, hết thấy đều cung kính, cẩn thận tuân theo. Hồi tưởng mẹ bệnh tật suốt sáu năm, gần như bị nhốt trong tù ngục, càng cảm thấy vô lượng khổ sở không thể giải bày! Từ cái quả mà tham chiếu cái nhân, tự biết trên dưới trong hàn gia tội nghiệp sâu nặng, cảm vời khổ báo. Nếu người viết chẳng hoàn toàn hồi hận, giác ngộ, quy y, tin tưởng Tam Bảo, nương nhờ từ ân của Phật, sợ rằng khổ quả chưa chắc đã chỉ là như thế. Đặc biệt là thân thể mẹ cường tráng, nằm trên giường mười bốn ngày, hoàn toàn chẳng có dấu hiệu bệnh tật nào khác (chẳng phát sốt, cũng chẳng đau khổ. Sau này, do nằm lâu, khi bị di chuyển thân thể mới đau đớn). Lúc lâm chung, chẳng có mảy may đau khổ, mắt nhìn tượng Tây Phương Tam Thánh, tai nghe tiếng Phật hiệu, an tường ngưng dứt hô hấp, như đi vào cõi mộng. Nếu chẳng được Phật,

Bồ Tát từ bi gia hộ, sao có thể được như vậy? Di thể qua ba mươi ba tiếng đồng hồ vẫn mềm mại như lúc còn sống, đủ chứng tỏ Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, cảm ứng hết sức rõ rệt! Chúng tôi rất tin tưởng vận mạng trong tương lai của mẹ chắc sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Giả sử chưa thể sanh Tây, cũng nguyện đời sau mẹ đầu thai vào nhà thiện tri thức, sớm nghe Phật pháp, tinh tấn trên đường Bồ Đề.

32. Gương vỡ lại lành

Huệ Từ ghi

Khoảng chừng hai tháng trước, tôi nhận thấy chồng có hành vi lạ lùng, trải qua âm thầm điều tra, nghe ngóng, mới biết anh ta lẹo tẹo bên ngoài. Tôi nghĩ nếu chẳng vạch trần quá mức việc này, sẽ tránh khỏi hình thành cục diện bế tắc. Nào ngờ, chuyện chẳng đơn thuần, họ đã có kế hoạch muốn ép tôi ly hôn. Gia đình vốn hạnh phúc hài hòa, do có kẻ thứ ba chen vào, khiến cho chúng tôi thường xuyên âm ỉ, chẳng thể trò chuyện được. Chồng tôi đầu óc mê muội, choáng váng, nhằm đạt mục đích đã không có cách nào không chế cái tâm rong ruổi bên ngoài! Một ngày, tôi đang ở trong Phật đường lau dọn, anh ta đoạt lấy cây lau nhà, đánh tôi, ép tôi phải chấp thuận ly hôn! Vì đưa con, tôi không đồng ý, anh ta lập tức bóp cổ tôi với ý đồ dùng cái chết để uy hiếp. Trong lúc nỏ mạnh hết đà, tôi buông xuống vạn duyên, xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng, nhất tâm quy hướng Địa Tạng Bồ Tát. Có lẽ do chí tâm chuyên niệm, tôi cũng chẳng cảm thấy đau đớn chút nào, anh ta lại vô có ngã ngựa ra đất, càng thêm tức giận. Tôi nhớ sư phụ từng khai thị, cái cọ sẽ dưỡng sâu tâm, cho nên tôi không làm ồn lên, mà cũng chẳng mong kể lể với bất cứ ai, càng chẳng muốn dùng nước mắt để tranh thủ sự đồng tình của anh ta. Mỗi khi buồn lòng, muốn khóc, bèn đối trước Phật xốt xa cầu xin sám hối.

Cuối tháng, tôi cùng vài vị cư sĩ đến Địa Tạng Viện, tham dự pháp hội Địa Tạng. Bước vào đại điện, nhớ tới lòng từ bi của Bồ Tát, bất giác lệ rơi đầy mặt, kiên thành sám hối nghiệp chướng sâu nặng của chính mình. Bỗng nhiên, thấy Địa Tạng Bồ Tát đối diện tôi mỉm cười. Ngỡ mình hoa mắt, tôi cẩn thận tập trung nhìn, thật đấy! Nội tâm chẳng khỏi cảm thấy một dòng nước trong cuộn cuộn. Hai giờ chiều, tiếng phạm âm bắt đầu vang rền, mọi người như cùng được tắm gội trong biển pháp thanh tịnh, một bầu tường hòa. Tụng kinh văn của kinh Địa Tạng tới đoạn: “*Nghiệp lực thậm đa, năng địch Tu Di, năng thâm cự hải, năng*

chương thánh đạo. Thị cố chúng sanh mạc khinh tiểu ác, dĩ vi vô tội, tử hậu hữu báo, tiêm hào thọ chi, phụ tử chí thân, kỳ lộ toàn biệt, tưng nhiên tương phùng, vô khăng đại thọ” (Nghệp lực rất nhiều, có thể to hơn núi Tu Di, có thể sâu biển cả, có thể chương thánh đạo. Vì thế chúng sanh đừng coi thường điều ác nhỏ, cho là không có tội gì. Sau khi chết sẽ có quả báo, may mắn đều phải hứng chịu. Cha con chí thân, mỗi người theo một đường khác. Dầu có gặp gỡ, chẳng chịu hứng tội thay cho nhau), cảm nhận sâu sắc nhân quả chẳng sai, hãy nên dừng cảm đối diện gánh vác, càng tự khích lệ mình đừng tạo nghiệp mới, kết ác duyên. Nếu quả thật duyên cùng chồng đã hết, chỉ mong Bồ Tát từ bi chỉ điểm phương hướng sanh tồn cho mẹ và con. Cũng vì thế, nội tâm liền dần dần bình tĩnh.

Cùng hôm pháp hội, anh ta và người đàn bà kia cùng đến phòng khiêu vũ. Nửa đêm khi trở về, liền bảo tôi là có người thúc giục anh ta về nhà. Thoạt đầu, tôi không quan tâm. Liên tiếp bốn ngày đều là như thế, anh ta thậm chí hướng về tôi giải thích, thỉnh cầu tha thứ. Tôi cảm thấy kinh ngạc, liền mời anh ta đối trước Phật sám hối. Sau này, anh ta kể lại, tại phòng khiêu vũ, có một người bộ dạng rất cao lớn, đi qua trước mặt anh ta liền biến mất, nhưng bên tai dường như có người thấp giọng khuyên nhủ: “Mau về nhà đi! Đừng nên qua lại với người đàn bà đó nữa! Hãy trở về khéo xin lỗi với mẹ con họ”. Mà đối phương cũng nằm mộng thấy có người bảo: “Phá hại gia đình, khiến cho kẻ khác chia lìa vợ con, sẽ chịu nhân quả rất nặng. Chớ nên chấp mê chẳng ngộ nữa!” Hai người họ hồi tưởng lại, trong tâm rất sợ hãi. Vì thế, tự động chia tay!

Trận phong ba này trong gia đình chúng tôi được bình ổn, thật sự có thể nói là do Địa Tạng Bồ Tát hiện oai thần và sức từ bi chẳng thể nghĩ bàn cảm vơi. Chồng tôi do nhận biết lỗi lầm trước đó, nay yêu thương, quan tâm gia đình gấp đôi, và cũng thường đọc sách Phật, càng cảm nhận Phật lý chính là kim chỉ nam chẳng thể thiếu để xử sự, làm người. Do đức Địa Tạng Bồ Tát, chúng tôi mới kiến lập gia đình Phật hóa như trong hiện thời.

II. Những chuyện linh cảm trước thế kỷ mười chín

1. Ghi chép về sự linh cảm phóng quang của bức tranh Địa Tạng từ đời Lương ở chùa Thiện Tịch

Đời Lương, tại chùa Thiện Tịch ở huyện Đức Dương, Hán Châu (nay là huyện Quảng Hán, tỉnh Tứ Xuyên), nơi vách của đông lang, có

tượng Địa Tạng Bồ Tát và Quán Âm do Trương Tăng Diêu⁶² vẽ, hình dạng giống như một vị Tăng ngồi nghiêm nghị. Người thời ấy chiêm ngưỡng, lễ bái, tỏa ánh sáng lạ rạng ngời. Tới năm Lân Đức nguyên niên (663), tăng nhân trong chùa chiêm lễ, kính ngưỡng, khen là lạ lùng khác thường. Do vậy, dùng lụa áp lên vách để vẽ phồng lại, đem đi thờ các nơi, cũng đều phóng quang chẳng khác [tượng gốc]. Người đương thời lần lượt vẽ phồng lại rất đông. Niên hiệu Lân Đức thứ ba (665), khi Vương Ký đến làm Tư Châu Thứ Sử, thường vẽ phồng lại, tinh thành cúng dường. Có mười chiếc thuyền cùng đi, giữa đường bỗng gặp gió bão, chín chiếc đều chìm lìm. Gặp cơn sóng dữ ấy, chỉ có thuyền của Vương Ký chẳng bị sợ hãi may mắn, liền biết là do lòng từ bi rộng lớn của Bồ Tát có oai lực như thế đó! Tới năm Thùy Cung thứ ba (687), thiên hậu (Vũ Tắc Thiên) nghe chuyện ấy, liền sắc truyền họa sĩ vẽ phồng theo, tranh lại tỏa sáng như trước, giống như bức vẽ đang được thờ tại đạo tràng [chùa Thiên Tịch]. Tới năm Đại Lịch nguyên niên (766), có vị đại đức tại chùa Bảo Thọ ở trong đạo tràng, lại thấy tướng lạ phóng quang, liền viết biểu tâu lên. Vua bèn kiên thành đánh lễ, tán thán quang minh ấy! Khi Bồ Tát hiện quang, đất nước thường an Khang, càng thêm cát tường.

Lại có vợ của một thương nhân, có thai đã hai mươi tám tháng chẳng sanh. Một hôm, bỗng thấy quang minh của Bồ Tát, bà ta liền vẽ mô phỏng hình tượng, nhất tâm phát nguyện nơi Bồ Tát. Ngay trong đêm ấy, sanh một trai, tướng hảo đoan nghiêm, ai trông thấy cũng đều hoan hỷ. Do vậy, cả cõi đời gọi [tượng ấy] là Phóng Quang Bồ Tát.

2. Ghi chép về bức họa Địa Tạng phóng quang tại chùa Pháp Tự đời Đường

⁶² Trương Tăng Diêu (479-?) là họa sĩ nổi tiếng đời Lương, từng được phong làm Vũ Lăng Vương Quốc Thị Lang, chuyên quản trị các họa phẩm trong cung đình. Ông sở trường vẽ tranh Phật giáo, nhất là tranh vẽ trên tường. Cách vẽ chân dung Phật, Bồ Tát, thánh chúng của ông đã hình thành một trường phái riêng được gọi là Trương Gia Dạng, được coi là khuôn mẫu tiêu chuẩn cho tranh họa Phật giáo. Ông vẽ rồng, chim, hoa cỏ, sơn thủy cũng rất nổi tiếng. Ông vẽ rồng sống động đến nỗi có truyền thuyết: Tăng Diêu vẽ bốn con rồng trên vách chùa An Lạc ở Kim Lăng, khi điểm nhãn (vẽ mắt rồng), hai con bay vụt lên trời. Hai người con ông là Thiện Quả và Nhu Đồng theo học vẽ với ông, cũng là những họa sư lỗi lạc thời ấy.

Vào đời Đường, chùa Pháp Tự tại Quách Hạ thuộc Ích Châu có tượng vẽ Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên giường dây⁶³, thông chân xuống, cao tám tấc sáu phân. Tượng ấy vốn do Trương Tăng Diêu vẽ. Tới tháng Bảy năm Tân Sửu thứ hai, Tăng sĩ trong chùa vẽ phông theo một bản, tượng liền tỏa sáng giống như vòng vàng, chợt tỏa ra, chợt ẩn mất. Lần lượt vẽ nhiều bản sao như thế, cũng đều phóng quang y hệt. Tháng Tám năm ấy, được lệnh dâng lên một bản đưa vào cung để cúng dường. Phàm tăng tục trong ngoài kinh thành, vẽ lại để cúng dường, cũng đều thấy phóng quang, tin biết là Phật lực chẳng thể suy lường. Mỗi nhà vẽ phông theo một bản riêng, đạt được sự cảm ứng chẳng thể ghi trọn hết!

3. Ghi chép về đức Địa Tạng cứu khổ cho nhà họ Lý ở huyện Hộ đời Đường

Đời Đường, tại huyện Hộ ở Ung Châu, có người con gái họ Lý, rất có tín tâm, vâng giữ trai giới. Trong nhà, thờ phụng tượng Địa Tạng Bồ Tát tạc bằng gỗ, cao một thước sáu tấc, tươi sáng, sống động, khá nhiều linh dị. Cô Lý có mặt đầy tứ tuổi ngoài năm mươi, tà kiến, chẳng tin chánh pháp. Một hôm, Lý Thị đi nơi khác, mặt dờn tượng vứt ra ngoài đồng hoang sau nhà. Lý Thị trở về nhà, khóc lóc đi tìm. Tượng phóng quang ngoài đồng hoang, Lý Thị hoan hỷ đón về, chẳng biết do mặt đầy tứ đã làm. Hôm sau, mặt đầy tứ bỗng chết ngất đi, bất tỉnh nhân sự. Kế đó, bỗng tỉnh dậy, khóc lóc sấm hối, tự kể chuyện trong chôn u đồ như sau:

- Khi tôi chết, bỗng thấy hai viên quan cưỡi ngựa, tự lấy quan điệp, bảo viên thư lại đọc lên. Sứ giả nói: “Mặt đầy tứ hủy nhục thánh tượng, vứt ra đồng hoang, đã phạm tội lớn, phải bắt đến điện vua”. Đọc quan điệp xong, trối lại, giải đến điện Diêm Vương. Tới trước điện, thấy có vô lượng vô biên kẻ bị gông, cùm, xiềng, xích trói buộc thân hình. Vua giận dữ nói: “Người là đứa đầy tứ ngu si, hủy nhục thánh dung, vứt

⁶³ “*Thằng sàng*” (繩床) là chõng hay ghé dài, không dùng vải căng trên khung, mà dùng dây thừng, dùng để dựa vào mà ngủ hay ngồi. Loại giường này bắt nguồn từ Ấn Độ, phổ biến trong các tự viện vào đời Đường. Loại giường này có khung gỗ đóng chéo chân, có thể xếp lại được, giống như ghé bó, dễ tiện mang theo khi cần ngồi hay ngủ nghỉ khi đi du cước. Loại thằng sàng này khác với loại dùng trong dân chúng, tuy cũng gọi là “*thằng sàng*” nhưng là một thứ ghé có lưng dựa, mặt ghé và lưng ghé dùng dây vải hay dây mây đan thành ô vuông xen kẽ để ngồi cho mát. Có lẽ “*thằng sàng*” được nói ở đây chính là loại ghé này.

ra đồng hoang sau nhà, phải chịu báo ứng. Ở trong nhà lại chuốc vôi, thờ phụng thần, bỏ qua thánh tượng, lại còn tà kiến, chẳng tin chánh pháp, đáng giam vào đại địa ngục”. Khi ấy, có một vị sa-môn bỗng đến trước sảnh đường. Vua liền bước xuống bệ, hết sức cung kính. Vua hỏi rằng: “Vì sao thầy đến vậy?” Sa-môn nói: “Đứa đầy tớ này là tớ gái trong nhà thí chủ của ta. Tuy ghét tượng của ta, ta chẳng bỏ nó. Mong nhà vua rủ lòng thương, ban cho nó thọ mạng”. Vua thưa: “Xin nghe theo lệnh thầy”. Khi ấy, tôi nghe xong, tâm sám hối, bất giác xướng rằng: “*Nam-mô Địa Tạng Đại Bồ Tát*”. Ngay lập tức, nương theo tiếng niệm, các tội nhân đang hiện diện trong sảnh đường, tiếng niệm truyền tới đâu, gông, cùm, xiềng, xích đều tự giải thoát, chẳng thấy thân họ đâu nữa. Khi ấy, Diêm Vương ngồi nhìn sững sờ. Vị sa-môn liền nắm tay tôi, dẫn ra khỏi sảnh đường. Ngay lập tức, tôi sống lại.

Lý Thị nghe nói, càng thêm kính trọng tượng ấy. Do vậy, trong cả một huyện, không ai chẳng đều sanh lòng tin tưởng, ngưỡng mộ.

4. Ghi chép về tượng kim sắc Địa Tạng cứu cha mẹ nhà họ Tô ở Phủ Châu đời Đường

Đời Đường, Thứ Sử⁶⁴ Phủ Châu họ Tô tín tâm chân thật, kiên cố, nhưng cha mẹ ông ta chẳng tin cho lắm. Họ Tô bèn vì cha mẹ xuất tiền và lụa, tạo một bức tượng đứng của Địa Tạng Bồ Tát kim sắc, cao ba thước, quanh thân tỏa hào quang, dóc hết lòng thành, cung kính thờ phụng, suy niệm. Khi ấy, cha ông ta là người Dương Đô, có chuyện phải tạm ra đi, mẹ ở nhà một mình. Ban đêm, có kẻ ác tặc lén dòm qua khe cửa, toan ăn trộm quần áo, chỉ thấy Địa Tạng Bồ Tát đang ngồi, [nên chẳng dám tiến vào]. Hôm sau, gã giặc thay đổi quần áo, đến nhà ấy, thấy bà cụ quần áo chỉnh tề ngồi đó, trợn chẳng thấy thánh tượng. Tâm gã trộm lấy làm lạ, bèn tự thổ lộ tội lỗi, hồng biểu lộ lòng hổ thẹn, hối lỗi, kể lại điều đã thấy trong đêm. Cha trở về nhà, mẹ kể lại chuyện trên đây, cùng nhau suy xét nguyên do.

⁶⁴ Thoạt đầu, chức Thứ Sử vốn là cấp quan thuộc Ngự Sử Đài. Về sau, đặt ra Thứ Sử tại các châu, tức là chức quan Giám Sát tại các châu, quận. Dần dần, Thứ Sử trở thành quan đứng đầu một châu. Dưới đời Đường, khi các Tiết Độ Sứ trở thành thống lĩnh quân sự địa phương thì Thứ Sử trở thành thuộc hạ của Tiết Độ Sứ. Từ đời Minh trở đi, Thứ Sử trở thành danh xưng để gọi các vị Tri Châu (quan đứng đầu một châu).

Về sau, cha sang Phủ Châu, giữa đường gặp oán gia rút đao bén xông đến chém. Bỗng có một sa-môn thân kim sắc, dùng tay ngăn mũi đao, dùng đầu nhận lấy mũi đao, bị hại ngã lăn ra đất. Khi đó, kẻ oán tưởng là mình đã giết hại, bèn bỏ chạy. Cha ông ta tránh khỏi bị giết hại, cảm thấy rất kỳ lạ! Đến nhà ông Tổ, kể cặn kẽ chuyện trên đây, sanh lòng hy hữu. Cùng nhau đến chỗ thờ tượng để lễ bái, thấy trên đầu tượng có ba vết đao, màu vàng biến đổi chút ít, dường như bị chảy máu. Ông Tổ liền biết là Địa Tạng Bồ Tát đã chịu đao thay, cứu cha mình thoát nạn. Cha ông ta liền sanh chánh tín, họ Tổ lại đón mẹ sang nhà. Ba người ở Phủ Châu, ngày đêm lễ cúng. Cha ông ta đến bảy mươi chín tuổi mới mất.

Suốt ba mươi lăm ngày, ông Tổ mộng thấy cha mình thân có quang minh, bay trên không trung tự tại, phi hành tới lui. Ông sanh tâm hy hữu, vọng bái hỏi cha sanh về đâu? Đáp: *“Ta sanh lên tầng trời thứ tư, do Địa Tạng Bồ Tát chỉ dẫn, cùng phụng sự đáng Bồ Xứ. Người sanh về cõi trời ấy, đa số được Đại Sĩ dẫn dắt. Đức Bồ Xứ (Di Lạc Bồ Tát) khen ngợi: ‘Đại Sĩ chẳng bỏ sót những người đáng được chư Phật sắc truyền cứu độ’.* Lại nói: *“Mười ba năm sau, mẹ con hết tuổi thọ, sẽ sanh về đó. Còn chính con thì hai mươi lăm năm sau mới sanh. Vợ con thì hai mươi tám năm sau mới sanh”.* Nói xong lời ấy bèn ẩn mất chẳng hiện. Về sau, mẹ và vợ chồng họ Tổ đều đúng như lời cha nói. Hãy nên biết, một người tạo tượng, người thân đều được lợi ích trong đời hiện tại. Từ đây về sau, trong cả một châu, người tạo tượng, vẽ tượng, lễ bái, cúng dường rất đông, rất nhiều người được cảm ứng.

5. Ghi chép về chuyện cảm ứng của vị sư ở kinh đô là Tăng Tuấn

Đời Tống, Thích Tăng Tuấn, họ ngoài đời là Vương, là người ở kinh đô. Sau khi xuất gia, lo liệu việc Tăng, tiêu xài phung phí rất nhiều, ba nghiệp buông lung, chưa từng tu nhân lành. Đã chẳng có giới hạnh, mà cũng chưa từng tu điều lành, mắc bệnh nhẹ, chết đi. Hai bên hông còn ấm, ba ngày sau mới sống lại, khốc lóc, gieo mình xuống đất, kể cặn kẽ chuyện trong u đồ như sau:

- Khi sắp chết, có hai viên quan từ cõi âm xua đuổi tới trước cửa một tòa thành lớn. Bỗng có một vị Tăng nói: *“Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Lúc người ở kinh thành đã từng vẽ phông theo một bức họa của ta. Dầu chưa từng lễ bái, cúng dường, bỏ ở sau một ngôi chùa lớn, ta vẫn báo*

đáp công đức người vẽ lại tượng. Do người là sư thuộc tông Hoa Nghiêm, lại dạy người một bài kệ như sau: - Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng đương như thị quán, tâm tạo chư Như Lai (nếu ai muốn biết rõ, ba đời hết thấy Phật, hãy nên quán thế này: Tâm tạo các Như Lai)”. Địa Tạng Bồ Tát dạy bài kệ ấy rồi bảo: “Tụng bài kệ ấy, có thể đóng cửa địa ngục, có thể mở đường Tịnh Độ, có thể thông với sanh mạng đạt được do quả báo”.

Sau đó, đến trước Diêm Vương, Tăng Tuấn đã tụng thuộc bài kệ ấy, bèn vào trong thành, gặp vua Diêm Ma. Vua hỏi: “Người gặp gỡ pháp trong đời này, có công đức gì không?” Đáp: “Chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu”. Vua nói: “Nay người tụng được không?” Thưa: “Tôi ngu si, phóng dật, chẳng thể tu thiện, chuyên lo việc chùa, chẳng thể giữ giới, chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu”. Vua hỏi: “Nay người có thể tụng hay không?” Đáp: “Tôi thuộc nằm lòng”, bèn tụng trọn bài kệ trên đây. Khi ấy, những chỗ tiếng tụng vang đến, người chịu khổ đều được giải thoát. Vua nói: “Thôi! Thôi! Chẳng cần nói nữa, thả hẵn về nhân gian”. Do nhân duyên ấy mới sống lại. Ông ta lại kể với pháp sư trong tông Hoa Nghiêm là sa-môn Nghĩa Học. Sư tra duyệt lời kệ, mới biết trích từ quyển thứ mười hai của kinh Hoa Nghiêm, tức là phẩm kinh ghi lại các bài kệ được nói khi vô lượng chư Bồ Tát vân tập trên cung trời Dạ Ma. Đó chính là bài kệ tán Phật của Giác Lâm Bồ Tát. Tăng Tuấn thường kể với các vị Tăng trong chùa. Người nghe đều phát tâm, tin nhận kinh Hoa Nghiêm.

6. Ghi chép về sự linh ứng do vẽ phỗng theo tượng Địa Tạng của vị sư Định Pháp chùa Không Quán

Đời Tống, sư Thích Định Pháp chùa Không Quán có cảm ứng do vẽ phỗng tượng Địa Tạng Bồ Tát giống như Tăng Tuấn. Đối với vị Bồ Tát ấy, Sư chuyên dốc lòng thành nương cậy. Vào ngày trai mỗi tháng, Sư vẽ mô phỗng tượng Địa Tạng, lễ bái, cúng dường, cầu thỉnh được thấy Bồ Tát ứng hiện trong đời này. Tròn ba năm, [một hôm] có một tiểu sa-môn xin ngủ trọ nơi hành lang của chùa. Định Pháp nghe chuyện, cung kính ra khỏi phòng chào hỏi, nói chuyện một đôi câu, bỗng chẳng thấy [tiểu sa-môn] đâu nữa. Mọi người lấy làm lạ, hỏi Định Pháp: “Sa-môn nói gì thế?” Đáp: “Sa-môn bảo: Diệu nguyện đã mãn, sao ý khí ngăn ngủi như thế?” Người nghe đều nói: “Ông cầu thấy đức Địa Tạng, nhưng chẳng niệm lễ xuất yếu, cho nên Bồ Tát hiện thân nói sao mà ý

khí ngăn ngủi như thế?” Định Pháp nói: ‘Đã được ứng hiện, tôi sẽ phát Bồ Đề tâm, vui sướng cầu đạo quả vô thượng’.

Quả nhiên, Sư nằm mộng, thấy Bồ Tát nói: “*Vị sa-môn đó chính là Địa Tạng Bồ Tát. Người cầu thấy ta hiện thân, nhưng chẳng phát Bồ Đề tâm. Vì thế ta đến giác ngộ người. Người vẽ mô phỏng tượng ta khá nhiều, vĩnh viễn chẳng đọa trong ba ác đạo. Xả thọ, sẽ sanh lên Đâu Suất Thiên, lúc đức Từ Tôn (Di Lạc) hạ sanh, người sẽ được thọ ký thành Phật. Ta tùy thuận người như bóng theo hình, như nước thuận theo hình dạng của đồ đựng mà có hình dáng khác nhau*”. Sư tỉnh giấc, cảm kích, tuôn lệ như mưa, liền bỏ y, bát, tiền riêng, tạo tượng Bồ Tát cao bằng thân người, điêu khắc thân tượng đẹp đẽ, lại còn thâu thập những tượng mình đã vẽ mô phỏng nhiều năm để lễ bái, cúng dường. Tượng phóng quang minh, linh nghiệm cũng rõ rệt lắm thay!

7. Ghi chép về chuyện cư sĩ Lý Tín Tư do thờ đức Địa Tạng mà thoát khỏi quỷ nạn

Đời Đường, cư sĩ Lý Tín Tư người xứ Lô Thủy. Nam nữ trong nhà ông ta đều bị ác quỷ quấy nhiễu, não hại. Ba mươi mấy người bất giác nằm rũ rượi đau đớn, hoặc hộc ra máu tươi, hoặc phần nhiều chết ngất. Khi ấy, Tín Tư lo lắng, sầu não, hỏi Tăng cách giải cứu. Sa-môn tu duy hồi lâu rồi bảo: “*Xưa kia, thuở đức Như Lai tại thế, dưới chân núi Tỳ Phú La (Vipula) nước Ma Yết Đề (Magadha), trong nhà trưởng giả Kiều Đề cũng bị ác quỷ gây phiền não, thất thoát tinh khí. Cả năm trăm người trong nhà ấy đều chết ngất, mười ngày chẳng tỉnh. Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát du hóa các nước, tới nhà trưởng giả, sanh tâm đại bi, nói chú để cứu. Trong chốc lát, hết thấy đều được trì sạch. Ông nên làm theo cách ấy, quy y Địa Tạng Đại Sĩ, nhất tâm xưng danh*”. Khi đó, Tín Tư hoan hỷ làm theo, vẽ tượng Bồ Tát. Từ đấy, huyện Lô Thủy suốt năm mươi năm thoát khỏi nỗi sợ bệnh tật. Tượng linh thiêng ấy hãy còn.

8. Ghi chép về sự cảm ứng cứu chúng sanh trong địa ngục của Địa Tạng Bồ Tát tại chùa Khai Thiện

Đời Đường, chùa Khai Thiện ở Chung Sơn có tượng Địa Tạng Bồ Tát cao ba thước, quang minh quanh thân to bốn thước năm tấc. Do đã nhiều năm, chẳng biết tượng do ai tạo. Về sau, Đô Đốc xứ Dương Châu là Đặng Tông, lúc sáu mươi một tuổi, mắc bệnh nhẹ, chết đi. Do nơi tìm

vẫn còn ám, nên [người nhà] chưa nhập liệm. Sau một ngày đêm, ông sống lại, buồn khóc không nói gì, sai con cháu dìu đến chùa Khai Thiện, thưa cùng tăng chúng: “Trong chùa này có tượng Địa Tạng Bồ Tát cao khoảng ba thước, thông quang⁶⁵ to bốn thước năm tác hay không? Tôi muốn lễ bái, cúng dường”. Chư Tăng chẳng biết ở chỗ nào, cứ theo lời Đặng Tông nói, tìm trong các thánh tượng, tìm thấy tượng đúng như lời kể. Đặng Tông lễ kính, lại bạch Tăng muốn thỉnh tượng ấy. Tăng hỏi ông điều ông ấp ủ, ông đáp:

- Lúc tôi chết, thấy một vị quan tứ phẩm lôi đến trước cửa một tòa thành lớn. Nhất thời bàng hoàng, viên quan vào thành, chốc lát bước ra bảo: “Người có thể đến trước sảnh đường”. Tôi liền đến trước vua. Vua nói: “Người không thể chết. Lại vì người lấy việc phụng sự Phật pháp làm gia nghiệp, hãy nên sớm trở về nhân gian, nhưng cõi âm đáng sợ, người ta chẳng hay biết. Người có muốn thấy địa ngục hay không?” Đáp: “Tôi muốn thấy”. Vua liền sai một viên quan mặc áo xanh dẫn đi xem: “Người dẫn Đặng Tông vào địa ngục, chỉ bày cho ông ta thấy hình tướng các dụng cụ hành hình”. Tôi theo viên quan ra khỏi thành. Đi chừng năm sáu dặm về phía Đông Bắc, có một tòa thành lớn bằng sắt. [Viên quan] mở tấm cửa sắt đang đóng kín. Dần dần đến gần, tôi thấy trong thành lửa dữ sáng lò, ngọn lửa như thiêu đốt. Trăm ngàn tội nhân chịu khổ trong ấy. Khi đó, có một vị sa-môn vào trong ngục, chế ngự lửa dữ, giáo hóa, phủ dụ tội nhân, ngọn lửa bèn tạm tắt.

Lại tiến lên trước đến một tòa thành bằng sắt, mười tám địa ngục ở trong đó. Tướng trạng chịu khổ chẳng thể nói trọn. [Lại thấy] vị sa-môn răn dạy tội nhân trong đó giống như trước. Tôi đến xem mỗi nơi xong hết rồi mới trở về. Sa-môn từ địa ngục trở ra, hỏi: “Ông có biết tôi là ai hay không?” Thưa: “Không biết”. Sa-môn nói: “Tôi là Địa Tạng Bồ Tát ở chùa Khai Thiện. Xưa kia có sa-môn Trí Tạng pháp sư. Đệ tử của Sư là pháp sư Trí Mãn, vì muốn cứu chúng sanh thọ khổ trong tam đồ, cho nên chạm khắc tượng của tôi. Tôi thuận theo lời thỉnh của Sư, mỗi ngày một thời, vào mười tám địa ngục và vô lượng tiểu địa ngục, răn dạy, chỉ bảo. Những kẻ do xưa kia đã gieo thiện căn, thiện lực khá mạnh, hẳn phát tâm liền được thoát khổ, tiến cao hơn. Kế đó, những kẻ thiện lực yếu hơn, chỉ gieo cái nhân thoát ác. Thấp nhất là kẻ [thiện căn] yếu ớt, cho đến kẻ đoạn thiện căn, tà kiến, chẳng có điều lành, sẽ chẳng hay, chẳng biết, trọn chẳng có tâm thoát khổ. Nếu ở trong nhân gian, kẻ thiện

⁶⁵ Thông quang: Vàng quang minh bao quanh thân.

căn mỏng manh còn dễ hóa độ. Nếu kẻ nào vào ác đạo, thánh lực chẳng thể cứu bạt, vì họ trở ra như gỗ, đá. Những kẻ chẳng giác ngộ ấy, chờ cho đến khi thoát ra [mới có thể cứu bạt]. Nếu là kẻ [có thiện căn] hơi mạnh, lúc vừa mới vào [ác đạo], sẽ có thể phát tâm sám hối. Ông do sức vâng phụng pháp, thoát khỏi nỗi khổ địa ngục, hãy sớm trở về nhân gian, tuyên cáo chuyện này”. Do vậy, tôi ngược mắt chiêm ngưỡng sa-môn, [thấy Ngài] thân cao ba thước, quang minh quanh thân chói lọi. Sa-môn liền trao cho hai bài kệ như sau:

*Nhược tại nhân gian khả tu đạo,
Xiển Đề hữu tâm thượng khả phát,
Nhược nhập ác đạo, nghiệp dĩ thực,
Tâm vô phân biệt, bất khả cứu.
Như suy lão nhân dục tiến lộ,
Nhược động kỳ túc, phù dị tấn,
Nhược ngọa bất động, lực bất cập,
Chúng sanh định nghiệp diệc phục nhiên.
(Nếu trong nhân gian dễ tu đạo,
Xiển Đề vẫn có thể phát tâm,
Nếu vào đường ác, nghiệp chín muồi,
Tâm vô phân biệt chẳng thể cứu.
Như người già yếu muốn đi đường,
Nếu chân cử động, dìu đi được,
Nếu nằm bất động, chẳng giúp nổi,
Chúng sanh định nghiệp cũng thế đó).*

Nói kệ xong, bỗng chẳng thấy nữa! Tôi trong khi mơ màng, nhớ kỹ chuyện ấy. Sợ chẳng rõ hư hay thật, nên không nói với ai khác. Nay thấy tượng này, hoàn toàn giống như tôi đã thấy. Do nhân duyên ấy, cho nên muốn thỉnh”. Tăng nghe xong, hoan hỷ nói: “Lành thay! Tín tâm cảm bậc thánh thọ ký. Chỉ có thể vẽ phỏng theo, không thể thỉnh được!” Ông bèn cậy thợ khéo tạc phỏng theo, để tượng cũ tại đó.

9. Ghi chép về sự cảm ứng của tượng Địa Tạng nơi đầu tượng tại nhà quan thị lang họ Đặng ở Giản Châu đời Đường

Đời Đường, tại huyện Kim Thủy thuộc Giản Châu, có quan thị lang⁶⁶ họ Đặng. Ông thấy bên vệ đường có một cây gậy bị gãy, khắc hình vị Tăng, chẳng biết là tượng gì. Thị lang vốn tin Phật, bèn cầm về, cắm vào vách, lễ kính rồi bỏ đi, không nhớ tới nữa. Ba năm sau, bỗng bị bệnh chết, ngực vẫn còn hơi ấm, người nhà nghi ngờ, không tẩn liệm. Sau một ngày đêm, ông mới sống lại, ứa nước mắt nói:

- Lúc mới chết, hai kẻ cưỡi ngựa từ cõi âm, xua tôi chạy đến cửa một tòa thành lớn. Họ xuống ngựa, lôi tôi vào thành. Tới trước sảnh đường của nhà vua, thấy trong sân có trăm ngàn vạn người bị gông cùm. Vua đang giận dữ, toan quở trách tôi. Khi ấy, có một vị sa-môn, hình dạng xấu xí, tựa như quỷ quái, tới trước sảnh đường. Vua từ xa ngó thấy, cung kính, từ tòa đứng dậy, chấp tay, hòe quỳ, bạch rằng: “Sa-môn đại thánh! Vì sao Ngài bỗng tới đây?” Sa-môn nói: “Thị lang là thí chủ của tôi. Do muốn báo ân, Ngài hãy nên đặc xá”. Vua thưa: “Nghiệp đã quyết định, mạng lẫn lộc đều hết, chuyện này khó được”. Sa-môn nói: “Xưa kia, ở trong Thiện Pháp Đường của Tam Thập Tam Thiên, ta được đức Phật phó chúc, có thể cứu các hữu tình ác có định nghiệp, chẳng phải là nay mới làm như vậy. Huống chi thị lang chẳng phạm trọng tội, há chẳng cứu giúp ư?” Vua thưa: “Đại Sĩ đại nguyện, kiên cố bất động, như núi kim cang, phải thả ông ta về nhân gian. Do lộc đã tận, con ban cho ông ta hạt đậu đỏ”.

Sa-môn hoan hỷ, nắm tay thị lang, dẫn vào đường sống. Lúc sắp từ biệt, thị lang hỏi sa-môn: “Xin hãy chờ giây lát. Ngài là ai mà cứu con?” Sa-môn đáp rằng: “Ông chẳng biết ư? Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Xưa kia, ông ở nhân gian, bên đường thấy tượng của ta mà chưa từng hay biết, cầm về đặt trong vách. Đây là do trẻ nhỏ giỡn chơi khắc đầu gậy làm tượng, chỉ khắc đầu mặt, không có những tướng khác, cho nên hình tượng xấu xí. Ông có thể nhớ lại hay không?” Nói lời ấy xong, bỗng dung chẳng thấy đâu nữa!

⁶⁶ Thị Lang (侍郎) là chức quan đặt ra từ đời Hán, tương đương với Thứ Trưởng hiện thời. Thoạt đầu, chức quan này là các quan hầu cận giúp vua xử lý mọi việc. Dần dần, do sự vụ quá nhiều, phải lập ra các Tỉnh (省, cơ quan hành chánh) như Thượng Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh, Trung Thư Tỉnh để đặc trách từng sự vụ. Sau đó, phát triển thành sáu bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Thượng Thư là quan đứng đầu mỗi bộ, viên phó quan gọi là Thị Lang. Đến đời Thanh, với mỗi bộ lại lập ra Tả Hữu Thị Lang. Tả Thị Lang địa vị cao hơn, phải là người Mãn Châu.

Sau khi tỉnh lại, thị lang thấy tượng nơi cây gậy ở góc tường trong nhà. Gậy đã gãy ở giữa, ông bèn chạm khắc sửa đổi, dùng gỗ đàn hương ghép vào, tạo thành tượng cao năm tấc. Khi ấy, tượng phóng quang minh, chiếu sáng ngời cả nhà. Thị lang lại tạo tượng lớn bằng thân người, đặt tượng nhỏ vào trong ấy, biến nhà thành chùa, đặt tên là Địa Tạng Đài. Mọi người xa gần đến chiêm ngưỡng đông như hội! Đức Địa Tạng dạy bảo, tạo lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

10. Ghi chép về chuyện sư Thích Pháp Thượng ở chùa Huệ Nhật thuộc Hoa Châu đời Đường được đức Địa Tạng cảm thông

Vị tăng Thích Pháp Thượng chùa Huệ Nhật, xuất gia lúc ba mươi bảy tuổi. Xưa kia, lúc còn tại gia, Sư từng đi săn bắn. Vào rừng chơi, thấy trong lùm cây ngoài rừng hoang có mấy tia sáng tỏa ra, lấy làm lạ, bèn buộc ngựa, đích thân vào lục xem, chỉ thấy có một khối gỗ mục dài hơn một thước, bèn cầm về để trong nhà. Hôm sau, lại thấy từ lùm cây ấy vẫn tỏa sáng giống như cũ, bèn dùng giáo gạt sạch mọi lùm bụi, hoàn toàn chẳng có gì, lấy làm lạ, quay về. Đi săn lần sau, cho là cái lùm cây lần trước phóng quang chẳng khác trước đó, tâm lấy làm lạ, đem cái lõi gỗ mục đặt trên gốc cây rồi quay về. Trên đường gặp bầy hổ, ông ta thúc ngựa đuổi theo bắn. Dây cung đứt đoạn, sờ túi đựng dây cung thì không có dây để thay thế. Mãnh hổ quay lại đuổi. Ông ta sợ hãi bỏ chạy, ngựa lòng lên, khiến ông té khỏi ngựa, tự nghĩ chắc sẽ bị hổ nhai, thất thân như đang nằm mộng, thấy một người giống như sa-môn tới đuổi hổ dữ. Ông hỏi: “Ngài là ai?” Đáp: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Ông ở trong lùm cây thấy khối gỗ mục chính là thân ta. Cụ cố của ông đã lập chùa, tạc tượng ta tại đó. Chùa đã hư nát, tượng ta bị hư mục, chỉ còn cái lõi gỗ. Ông là cháu chắt của cụ, thấy quang minh của ta, nên nay ta cứu ông”.

Hồi lâu sau, ông ta choàng tỉnh, thấy ngựa đứng hý [gần đó]. Mãnh hổ chẳng thấy tung tích đâu nữa. Ông tự hỏi trách sâu xa, bèn tạo dựng tinh xá tại chỗ tỏa ánh sáng trước đó. Từ khối gỗ mục dính bùn, ông tạc tượng Địa Tạng, tiếp nối đèn pháp, [xây dựng chùa] tức Huệ Nhật tinh xá. Lúc Pháp Thượng bảy mươi tám tuổi, vào ngày Hai Mươi Bốn tháng Hai năm ấy, Sư bảo các đồng bạn:

- Địa Tạng Bồ Tát đến nhà tôi, bảo rằng: “Ông chính là người sẽ đắc đạo trong hội thứ hai thuộc ba hội thuyết pháp của Từ Thị Như Lai. Hôm nay xả thọ, liền sanh lên Đạo Lợi”. Tôi bạch cùng Đại Sĩ: “Cảnh giới ngũ dục trên cõi trời vui sướng khôn sánh, mê mất Bồ Đề tâm.

Muốn sau này lại gặp Phật, thời gian vẫn lâu lắm, con chỉ nguyện sanh về Tây Phương An Lạc thế giới”. Bồ Tát đáp: “*Thuận theo ý nguyện của ông. Nếu muốn vãng sanh Tịnh Độ, hãy nên niệm A Di Đà Phật một ngày một đêm, chuyên tâm niệm Phật, liền được vãng sanh*”. Tôi nghe theo lời dạy ấy, bắt đầu từ ngày hôm qua, chuyên niệm đức Phật ở Tây Phương, nay vãng sanh Tịnh Độ.

Nói xong, Sư chấp tay hướng về Tây, qua đời. Người trông thấy đều nói là điềm lành hy hữu, Địa Tạng Bồ Tát phóng quang [tiếp dẫn ông ta] về Tịnh Độ.

11. Chuyện cảm thông tạo tượng Địa Tạng để cứu mẹ của con gái Trần Đô Đốc

Đời Đường, con gái út (đã mất tên) của viên đô đốc họ Trần mất mẹ từ bé, ngày đêm luyến mộ mà chẳng thể thấy. Đô đốc khuyên nhủ: “Cha cũng là người thân của con. Mẹ con tuy mất, cha hãy còn, vì sao không màng ăn uống, muốn tự tìm cái chết? Nếu con tưởng nhớ người mẹ đã khuất, hãy nên tạo thánh tượng Địa Tạng, hồng cầu nguyện cứu khổ cho mẹ”. Cô ta liền bỏ ra năm trăm đồng, thuê thợ kính cẩn khắc tượng cao ba thước, đón tượng về nhà cha. Cô gái thưa với cha: “Con chỉ muốn đặt tượng ở chỗ mẹ đã nằm trước kia. Nếu muốn thấy mẹ, sẽ liền thấy tượng này”. Cha sanh tâm xót thương, sai dọn bỏ phòng ngủ để đặt tôn tượng ấy. Cô gái ngày đêm lễ bái, cúng dường, cầu nguyện cứu khổ cho mẹ. Một hôm thấy một vị sa-môn bảo cô Trần rằng: “Mẹ con đang ở trong địa ngục Tiêu Nhiệt. Khi ta mang thân nữ, cha tên là Thi La Thiện Hiện, mẹ tên là Duyệt Đé Lợi. Tìm chỗ mẹ sanh về, thấy mẹ đang chịu khổ, bèn phát Bồ Đề tâm giúp chúng sanh. Ta cảm động trước tấm lòng hiếu thảo của con, đích thân vào địa ngục, phóng quang thuyết pháp, mẹ con đã được thoát khổ, sanh lên trời Đao Lợi”. Cô gái họ Trần thấy sa-môn xiêm y chói lam nham, bèn hỏi nguyên cớ. Sa-môn đáp: “Khi xuống địa ngục, lửa dữ tấp cháy mà ra”. Cô gái họ Trần tỉnh giấc, khôn ngăn buồn vui lẫn lộn! Người trong nhà tụ tập, thấy xiêm y của tượng đôi màu như bị cháy, đều than hy hữu! Người nghe kể lại, phần nhiều sao vẽ tượng ấy để cứu khổ cho cha mẹ.

12. Ghi chép về chuyện cô gái họ Trương ở Dương Châu vãng lời mẹ dặn, tạc tượng Địa Tạng Bồ Tát cứu khổ cho mẹ

Cô họ Trương là đích nữ của Thứ Sử Dương Châu Trương Kiện Tín. Sau khi mẹ mất, cô đã được mẹ báo mộng: “Vì nuôi con mà mẹ đã mặc tình tham dục, kiêu mạn quá đáng. Do vậy, cảm báo làm nạ quý, khổ sở chẳng thể chịu nổi!” Con gái hỏi tướng trạng khổ sở. Mẹ đáp: “Ta làm con của quý, ngày đêm sông chết [nhiều lần]. Vì có sao vậy? Quả báo của nạ quý phần nhiều là ăn thịt con mình, hễ sanh ra liền ăn. Trông thấy mẹ đẻ như thấy đại ác quý; nhưng trong mỗi tháng của nhân gian, có một ngày chẳng thể ăn ta. Đó là ngày Hai Mươi Bốn trong tháng, sáng sớm có Tăng nhân vào thành, thí thực cho no đủ. Những ngày khác chẳng thể tránh khỏi nỗi khổ này. Ngày hôm ấy, vị sa-môn xưng rằng: ‘*Ta là Địa Tạng Bồ Tát, nay vào thành nạ quý, có thể thí đại an lạc. Các người hãy nên phát Bồ Đề tâm*’. Tuy nghe lời ấy, do nghiệp báo trói buộc, chẳng thể phát tâm. Chỉ có một ngày được ăn no. Con muốn cứu khổ cho mẹ, hãy nên tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát”. Mẹ nói xong lời ấy, cô gái tỉnh giấc mộng, dùng hết tài sản của mẹ để tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát cao bằng thân người. Cô lại mộng thấy mẹ, thân tỏa quang minh, đứng trên hư không, bảo: “Ta do sức công đức tu thiện của con, mau chóng được sanh lên trời. Con hãy dụng tâm cung kính lễ bái, cúng dường, mai sau sẽ cùng [hội ngộ] tại chỗ Từ Thị Bồ Tát, cùng thấy Phật, nghe pháp”. Cô tỉnh giấc, bị cảm tội cùng! Người nghe kể chuyện đều đến cúng, ai nấy đều được lợi ích!

13. Chuyện cảm ứng do vẽ tranh Địa Tạng của Thứ Sử Lộ Châu Khang Cư Thông

Thứ Sử Lộ Châu là Khang Cư Thông, tín tâm chân thành, phụng sự Địa Tạng Bồ Tát đã nhiều năm. Lại còn phát tâm vẽ tôn tượng Bồ Tát, chưa tô màu mà quang minh đã rạng rỡ. Do vậy, tín tâm của Cư Thông càng thêm mạnh mẽ, chuyên dốc. Ông ngẫu nhiên mộng thấy hai quan binh cưỡi ngựa truy đuổi. Khi ấy, Cư Thông chẳng thể trốn được, bèn đứng run sợ. Quan binh xuống ngựa, nói: “Chúng tôi lầm rồi! Ông là đàn-việt của Địa Tạng Bồ Tát. Vua của tôi đối với đàn-việt của Địa Tạng Bồ Tát, đâu có phạm lỗi nặng cũng không vây hãm!” Nói xong biến mất. Ông tỉnh mộng, thờ phụng càng thêm tin sâu, lễ bái, cúng dường.

Năm Quảng Minh nguyên niên (880) đời hoàng đế Đường Hy Tông (Lý Huyền), ác quý dấy lên làm loạn, trong nước bị bệnh dịch, người chết thây chất như núi. Cư Thông mộng thấy lũ quỷ màu xanh cả trăm ngàn con kết bầy đi qua cửa nhà ông, nói: “Nhà này là thất của Địa

Tạng Bồ Tát. Chúng ta là thuộc hạ hãy cẩn thận, đừng bước vào cửa”. Ông tỉnh giấc hết sức hoan hỷ, trai gái cả nhà thoát quỷ nạn.

Trong niên hiệu Trung Hòa⁶⁷, ông có việc phải đi xa, trên đường gặp tuyết lớn, bị lạc đường. [Do vậy bèn] niệm Địa Tạng Bồ Tát, đột nhiên thấy một con kết nhảy nhót trên tuyết. Ông lấy làm lạ, đi theo nó, chẳng lâu sau tìm được đúng đường. Đó là Bồ Tát cảm ứng. Tới niên hiệu Quang Khải, ông đã tám mươi bảy tuổi, bị bệnh nhẹ, chỉ thành cầu lành bệnh. Trong mộng, cảm một vị tiểu Tăng bảo: “Ông giết một con thanh tước⁶⁸, đáng đọa địa ngục, nay để cho ông đền trả nghiệp ấy, chỉ chịu đôi chút đau khổ một hai ngày. Sau ngày mai mới được sanh vào Tịnh Độ”. Ông nghe xong liền tỉnh giấc, hoan hỷ lễ bái, bệnh đã khỏi hẳn. Đến ngày ấy, bệnh đã khỏi hẳn, ông chánh niệm qua đời.

14. Ghi chép về sự linh dị do tạo tượng Địa Tạng cao ba tấc bằng gỗ chiên đàn của quan Biệt Giá Kiện Khát tại Ung Châu

Đời Đường, quan biệt giá⁶⁹ Kiện Khát tín tâm thanh tịnh, dốc lòng tin phụng Phật pháp. Một hôm, ông hỏi Tăng: “Tại gia cư sĩ nên thờ phụng vị Phật, Bồ Tát nào?” Chư Tăng mỗi vị nói mỗi khác, [có vị nói]: “Nên thờ đức Quán Âm vì Ngài là đấng Thí Vô Úy trong thế giới Sa Bà”. Hoặc nói: “Thờ Dược Sư Phật vì Ngài phát nguyện lợi lạc [chúng sanh] trong đời Tượng Pháp”. Hoặc nói: “Thờ Di Lạc chính là thờ phụng

⁶⁷ Trung Hòa là niên hiệu của Đường Hy Tông từ năm 881 đến 885. Đời vua Đường Hy Tông, Đại Đường loạn lạc rồi beng với hai cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân do Hoàng Sào và Vương Tiễn Chi lãnh đạo, các Tiết Độ Sứ cát cứ, đánh phá lẫn nhau. Nhà vua hoàn toàn bị hoạn quan Điền Lệnh Tư thao túng. Nhà vua đã dùng năm niên hiệu là Càn Phù, Quảng Minh, Trung Hòa, Quang Khải, và Văn Đức.

⁶⁸ Thanh Tước (青雀) là một loài chim thuộc họ Sẻ, thường gọi là Japanese Grosbeak, hoặc Masked Hawfinch, vì mình nó hơi xám, có ánh xanh, đầu đen, mỏ vàng, trông như người đội mặt nạ trùm đầu. Loài này sống chủ yếu ở vùng sông Amur và Mãn Châu, mùa Đông thường bay thiên di xuống Bắc Kinh và Hà Bắc.

⁶⁹ Chức quan này có tên gọi đầy đủ là Biệt Giá Tùng Ngự Sử, hoặc còn gọi là Biệt Giá Tùng Sự, chính là quan phụ tá cấp cao nhất của Thứ Sử. Do chức quan cao, khi đi ra ngoài, không phải ngồi hầu theo xe của quan Thứ Sử, nên gọi là Biệt Giá. Có thể hiểu chức quan này giữ vai trò xử lý thường vụ trong các châu, quận. Đến đời Tùy, do bãi bỏ các quận, chỉ giữ lại châu, nên chức vị này đổi thành Trưởng Sử. Đến đời Đường, lại đổi thành Quận Thừa Biệt Giá. Sau đó, chức vụ này bị phế bỏ. Đến đời Tống, lại lập chức Thông Phán có vai trò gần giống Biệt Giá. Do vậy, dân gian vẫn quen gọi Thông Phán là Biệt Giá.

đấng Đạo Sư”. Hoặc nói: “Thờ Địa Tạng, vì Ngài đã vâng nhận sắc lệnh của Phật”. Kiện Khát tự nghĩ: “Nên thờ đức Địa Tạng, vì Ngài đã nhận sắc lệnh của đức Phật, há bỏ chúng ta ư?” Liền tìm gỗ chiên đàn, tạo tượng cao ba tấc, nhét trong búi tóc, đi, đứng, nằm, ngồi, xưng niệm danh hiệu. Trong niên hiệu Thiên Thành đời Đường Trang Tông (Lý Tồn Húc), thiên hạ chiến tranh, loạn lạc. Kiện Khát bị quân giặc vây hãm, chẳng biết trốn vào đâu, trong khoảnh khắc sẽ nhận lấy cái chết. Ông vừa nghĩ đến tượng Địa Tạng đang mang theo [trên búi tóc], gã đại tướng đang suất lĩnh kỵ binh bỗng kinh hoảng, tra gươm vào vỏ, bảo đồng bọn: “Chúng ta đang vây hãm Địa Tạng Bồ Tát, há có nên làm lạc phá hoại hiền thánh”, liền tháo chạy. Kiện Khát cho là chuyện hy hữu. Sau khi dẹp yên loạn lạc, ông hỏi han chư Tăng, kể lại nhân duyên này, người nghe đều than lạ. Trong niên hiệu Trường Hưng⁷⁰, khi ông đến nhiệm sở, kẻ oán nghe tin, toan hãm hại, nấp chờ sẵn bên chỗ đường hiểm. Hắn chỉ thấy một vị sa-môn đi qua, trợn chẳng thấy Kiện Khát. Về sau, nghe ông đã đi qua, bèn hối lỗi, tạ từ, cởi bỏ oán thù. Lại có lần trên đường đi, đêm ông ngủ trọ, trời đổ mưa thật to, đèn lửa đều tắt ngúm. Thánh tượng trong búi tóc tỏa sáng chiếu màn đêm rõ như ban ngày. Bỗng có âm thanh khe khẽ như tiếng trẻ nhỏ bảo: “Hãy sớm rời đi, sớm rời đi!” Ông kinh dị, noi theo ánh sáng dẫn đường, đến nghỉ đêm ở chỗ khác. Hôm sau, trận lũ dâng trào, chỗ ông nghỉ trọ trước đó đã ngập nước, chẳng biết chìm sâu cỡ nào. Ông tự nói: “Địa Tạng Bồ Tát cứu vớt, che chở”. Năm Thanh Thái thứ hai (935), ông tròn bảy mươi tám tuổi mới mất. Khi lâm chung, tượng trong búi tóc phóng quang. Ông chấp tay niệm Phật qua đời. Quang minh ấy chiếu thẳng lên trời trong chốc lát. Ai nấy đều nói quang minh đưa tiền Kiện Khát, ông chắc chắn sanh lên trời!

15. Ghi chép về chuyện Địa Tạng cảm ứng của Đô Đốc Trường An Thôi Lý Hệ đời Tống

Thôi Lý Hệ là Đô Đốc Trường An, là em trai của thượng thư Thôi Long. Năm Khai Bảo thứ hai (969), ông ta chết hai ngày rồi sống lại, kể chuyện trong cõi âm như sau:

- Lúc tôi mới chết, có hai người xách nách đưa đi. Lại thấy có quỷ tốt hình ngựa trắng đuổi chạy chẳng biết mấy dặm, đến một tòa thành

⁷⁰ Trường Hưng (930-933) là niên hiệu của Lý Tự Nguyên thời Hậu Đường.

lớn ở phía Đông Bắc. Từ cửa đen ở phương Nam vào, sẽ thấy phương Đông, từ cửa đen ở phương Tây vào, sẽ thấy cửa Nam, theo cửa đen ở phương Bắc vào thành, thấy có mười mấy căn nhà ngói. Mỗi căn đều có mười mấy gian. Trong đó, có mấy ngàn kèo cột tô vẽ, các thứ mào đội của các quan đều là màu đen. Hai bên nhà ngói có hơn ba mươi nha lại, đều nói: “Ta là [thuộc hạ của] phủ quân”. Lại về phía Tây Nam, hơn năm mươi bước, có hơn năm mươi nha lại. Lý Hệ đến trước phủ quân, phủ quân hỏi: “Người phụng sự gì?” Lý Hệ đáp: “Tôi phụng sự Địa Tạng Bồ Tát, cúng dường các sa-môn”. Phủ quân lại nói: “Ông đã thờ phụng đức đại thánh, đây là phước trời”, bèn hỏi các nha lại chức nhỏ: “Người này mạng đã hết hay chưa?” Phủ quân liền lấy một quyển sách tự đọc rồi bảo Lý Hệ: “Khanh mạng chưa tận, nhờ Địa Tạng Bồ Tát cứu vớt, che chở”. Lại gọi các viên nha lại cấp thấp, quát: “Bọn bay có gì đoạt mạng người của Phật gia?” Liền quở trách ngục tốt có hình dạng ngựa trắng, xử phạt hấn bị trói vào cột một ngày. Lại hỏi: “Khanh có muốn về hay chưa?” Đáp: “Dạ muốn”. Lại hỏi: “Khanh có muốn thấy địa phủ hay chăng?” Thưa: “Muốn thấy”. Phủ quân truyền cho ông một thớt ngựa, và sai hai nha lại dẫn đi. Từ phía Đông Bắc đi ra, khoảng năm sáu dặm, thấy một tòa thành lớn bằng sắt, vuông vức mấy chục dặm. Có một cái nhà sắt, chứa đầy nước sắt lỏng sôi, bốc lửa hùng hực. Kế đó, đến một căn nhà lợp ngói, dùng sắt làm cánh cửa. Quan cỡi âm mở cửa bảo ông nhìn, thấy ông nội, cụ cố v.v... đều ở trong thành ấy, đều bị gông, cùm, xiềng xích trói buộc thân thể. Lửa dữ vờn quanh thân, thiêu đốt, thân thể cháy nứt nẻ. Họ trông thấy Lý Hệ, bèn ứa nước mắt bảo: “Con hãy nên cứu giúp”. Lý Hệ thưa: “Hãy nên niệm Địa Tạng Bồ Tát”.

Đi tiếp, thấy trong một cái thành, có giường, tòa, chõ nằm bằng sắt nóng. Các vị sa-môn ông được gặp gỡ khi trước đang ngồi đó, thân thể như than, lửa dữ chiếu sáng rực. Ông hỏi: “Thầy tu phạm hạnh, nay sao lại như thế này?” Sa-môn đáp: “Bọn ta vì tiếng tăm, lợi dưỡng mà tu phạm hạnh, do nội tâm và ngoại hạnh chẳng tương ứng, các thứ ngoại cụ, giường, tòa v.v... đã nhận xưa kia, nay biến thành các thứ khí cụ hành hình to lớn. Y phục, thức ăn v.v... biến thành áo sắt, nước đồng sôi. Đàn-việt hãy nên cứu chúng tôi”. Ông đáp: “Thầy hãy nên niệm Địa Tạng Bồ Tát”. Ông thấy mấy chục địa ngục, mỗi ngục đều có tội nhân bị hành hạ đầy ắp trong đó, đều là những người ông đã từng gặp gỡ trong cõi đời. Lại tới ngục cát đỏ, có cây đầy grom, cột đồng, trăm ngàn tội nhân ở trên đó. Họ trông thấy Lý Hệ, đều chảy nước mắt, bảo: “Ông hãy

cứu chúng tôi”. Đáp: “Hãy nên thường niệm Địa Tạng Bồ Tát”. Bảy ngục cát vàng, cát trắng, cát cháy v.v... như thế đều giống như đã thấy. Ông bèn trở về.

Lại thấy một căn nhà ngói màu lục long lanh, hai bên đường có cây báu, các thứ trái xen kẽ. Liên hỏi hai viên nha lại, họ đáp: “Trong số các đàn-việt đệ tử của Địa Tạng Bồ Tát, lại còn vẽ tượng, phần nhiều sanh vào Tịnh Độ, hoặc sanh lên trời Đâu Suất, ai nấy đều thỏa sở nguyện. Kẻ chẳng tin tưởng vẽ tượng, nhưng phụng sự thì phần nhiều trụ nơi đây”. Do vậy, ông tiến vào, thấy trong tòa thành lớn, có điện báu lớn. Trăm ngàn vạn ức nam nữ vui đùa trong đó. Lại thấy cha mẹ, lục thân v.v... hoan hỷ chào hỏi. Những người nam, kẻ nữ nói: “Trước kia, chúng tôi ở trong địa ngục, nhờ ông dạy niệm Địa Tạng Bồ Tát, được thoát khổ, sanh vào trong đại điện này!” Cha mẹ, anh em, lục thân hoan hỷ bảo tôi rằng: “Nhờ ân trạch của ông, cảm Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, lìa khổ sanh vào nơi đây”. Ông lại hỏi: “Chỗ này là nơi nào?” Đáp: “Nơi đây gọi là phước xá, thọ mạng lâu dài, xa lìa các thứ khổ. Tuy sanh nơi đây, ắt gặp ba hội của Phật Di Lặc, dứt các nỗi khổ”. Lý Hệ hỏi cõi nào? Họ nói: “Xưa kia, lúc Địa Tạng Bồ Tát tại thế, vâng nhận lời phó chúc của đức Như Lai, bạch với đức Phật: ‘Nhất định chẳng để cho bốn chúng đệ tử đọa vào ác đạo’. Trước khi Phật Di Lặc xuất thế, trong khoảng giữa hai vị Phật là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, nếu có chúng sanh nguyện sanh về Tịnh Độ và Đệ Tứ Thiên, kẻ ít phước đều đến phước xá này, chẳng trở lại đường ác, cho đến khi thành Phật mới thôi”. Ông trở về chỗ phủ quân, vua liền sai hai người [nha lại] trên kia đưa ông hồi dương.

16. Ghi chép về chuyện cảm ứng do phát tâm tạo tượng Địa Tạng của Thứ Sử Ích Châu là Quách Từ An

Nhà Đại Hán, Thứ Sử Ích Châu là Quách Từ An chẳng tin Tam Bảo, đặc biệt coi trọng Lão Tử. Giữa tháng Năm nhuận của năm Càn Hựu thứ ba (950)⁷¹, ông nhiễm bệnh, chữa trị đủ cách chẳng lành. Vợ ông thờ Phật, tìm hôm ông vui vẻ, nói: “Có thể phát nguyện tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát trong một ngày để khỏi bệnh, chớ nên trì hoãn!” Từ An

⁷¹ Càn Hựu (乾祐) là niên hiệu của Hán Cao Tổ Lưu Tri Viễn, như vậy, nhà Hán nói ở đây là nhà Hậu Hán thuộc thời Ngũ Đại, không phải là nhà Tiền Hán do Lưu Bang sáng lập sau khi diệt nhà Tần của Doanh Chính (Tần Thủy Hoàng).

nằm trên giường bệnh, tâm vẫn không tin, nói: “Cần phải phát nguyện ư? Nếu có cảm thông, tôi sẽ tin ngay”. Một hôm, ông bỗng chết ngất. Bà vợ ngửa mặt lên trời, gào khóc, lệ muôn hàng, tâm can tan nát, cầu chư thiên giúp ông sống lại. Sau ba thời (sáu tiếng đồng hồ), Từ An tỉnh lại, gieo mình xuống đất, đòi dao bén, toan cắt lưỡi. Người trông thấy đều cho là ông cuồng loạn. Bà vợ an ủi, ông mới yên tĩnh, bảo: “Bà là đại thiện tri thức, có thể kéo dài mạng sống của tôi, có thể trừ khổ địa ngục, có thể trao cho niềm vui cõi trời, có thể dạy đạo giải thoát”. Vợ nói: “Xin ông hãy nói đầu đuôi”. Từ An bật khóc, bảo:

- Tôi được Diêm Vương sai chừng bảy, tám người, mỗi người đều xưng là thần tư lộc (司祿, cai quản tài lộc), đều cưỡi ngựa xanh, ruổi vó như gió. Hai người cầm cung tên, hai người cầm gươm, hai người cầm gậy, một người cầm thùng, đuổi tôi về hướng Đông Bắc, tới cửa một tòa thành lớn. Trong thành, có trăm ngàn vạn người, đứng hầu hai bên. Quan tư lộc xuống ngựa, thưa hỏi vị vua. Vua nói: “Sao lại bắt người chưa hoàn tất thiện nguyện?” Vua bèn nổi giận, sai dùng gậy sắt xử phạt. Quan tư lộc gào to, thân thể quần áo đầm máu. Vua ra cửa, bảo Từ An: “Ông nhờ ơn vợ, phát nguyện tạo tượng Đại Sĩ, ta ở ngôi vua, thật sự vì khiến cho chúng sanh đền trả tội nghiệp mà hiện thân Diêm Vương, thật ra là pháp vương. Nếu có chúng sanh quy y đức Địa Tạng, sẽ thỏa mãn điều mong cầu. Ông hãy sớm trở lại nhân gian để hoàn tất nguyện ấy”. Vua liền sai người đưa về. Nay được tỉnh ngộ. Tâm ta chẳng tin, hủy báng đại thánh, muốn cắt lưỡi để sám hối.

Vợ bảo: “Cắt lưỡi chẳng phải là sám hối. Nếu ngã xuống đất, vẫn phải do đất đứng lên. Ông hãy nên quy y Địa Tạng Bồ Tát, sám hối”. Ông liền làm theo lời vợ. Tạo tượng trong một ngày, hết sức hối hận lỗi trước. Mỗi ngày trai, đều lễ bái cúng dường, coi đó là nề nếp của gia đình, siêng năng khuyên người sang, kẻ hèn hãy nên phụng sự Địa Tạng Bồ Tát.

17. Ghi chép về chuyện cảm thông do vì vợ tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát của quan Thượng Thư Bá Duyệt nhà Đại Châu

Nhà Đại Châu⁷², Thượng Thư Bá Duyệt là đại thần được vua ban thưởng cho đeo bao thêu cá vàng, rất tin Tam Bảo. Vợ ông do sanh nở

⁷² Đại Châu ở đây là nhà Hậu Châu, là một triều đại ngắn ngủi nhất trong thời Ngũ Đại, trước sau chỉ tồn tại chín năm! Quách Oai vốn là quyền thần của nhà Hậu Hán,

mà chết, ông đau xót khóc lóc, tu phước hồi hướng, tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát cao bằng thân người vợ, lập hội trai tăng, dốc cạn lòng thành lễ bái, cúng dường. Ông mộng thấy vợ mặc xiêm y mới sạch, bảo Bá Duyệt: “Tôi trước kia là vợ người ta, chẳng sanh con. Chồng thường than thở không con. Tôi liền bảo chồng cưới thiếp. Không lâu sau, cô ta có thai. Chồng yêu kính vợ mới, tôi sanh dạ khác, làm ra vẻ thân thiết, dùng thức ăn ngon trộn lẫn thuốc độc giết mẹ con họ. Do vì lẽ ấy, đọa vào ngục Vô Gián sáu kiếp. Lại sanh trong nhân gian, vì sanh nở mà chết đã năm mươi bảy lần rồi! Đời đời thường làm vợ ông, chịu nỗi khổ to lớn ấy. Nay ông vì tôi tạo thánh tượng để giúp phước, nghiệp ấy đã diệt, sanh lên trời Đạo Lợi, oai quang hơn hẳn trước kia. Sau khi sanh làm kẻ phối ngẫu của một vị trời, sẽ vĩnh viễn chẳng mang thân nữ. Nơi Thiện Pháp Đường của cõi trời ấy, cứ vào ngày Hai Mươi Bốn mỗi tháng, vô lượng vô biên hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát trong một tam thiên đại thiên thế giới nhóm họp nơi đó, đầy khắp dưới cội Vô Ưu, thuyết pháp lợi sanh. [Các hóa thân ấy] đều có hình dáng một vị Tăng kim sắc. Có một lúc, Ngài vì tôi thuyết pháp bảo: ‘*Vợ chồng các người tạo tượng, đừng pháp tu hành, được thoát đường khổ*’. Do ở trên trời, cho nên sanh thiện tâm, chẳng khởi tà tâm”. Bá Duyệt tỉnh giấc, vui buồn lẫn lộn!

18. Ghi chép về chuyện vị sư Huệ Tấn ở kinh đô tụng kinh Pháp Hoa cảm đức Địa Tạng

lập nhiều chiến công, quyền cao, chức cả. Khi Hán chúa là Lưu Tri Viễn chết, con là Lưu Thừa Hựu nối ngôi, thấy các đại thần nắm binh quyền quá mạnh, bèn lập mưu giết các đại thần. Quách Oai bèn khởi binh chống lại, tôn Lưu Vân làm vua mới. Sau đó, đem quân lên miền Bắc đánh Khiết Đan, ngâm sai người giết chết Lưu Vân, rồi sai tay chân ủng hộ mình lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Châu, nhưng ông ta chỉ làm vua được ba năm thì chết. Ngôi vua phải truyền cho con nuôi của Quách Oai là Sài Vinh, tức Châu Thế Tông. Do phải chinh chiến liên miên, tiền bạc thiếu hụt, Châu Thế Tông nghe lời sàm tấu của đạo sĩ, đã phé trừ đạo Phật, phá hủy chùa chiền, hạ lệnh nung chảy tượng Phật, chuông đồng để đúc tiền, tạo thành pháp nạn cho Phật giáo Trung Hoa. Chính ông ta đã hạ lệnh phá hủy 30.336 ngôi chùa và đuổi sáu vạn tăng ni về đời. Tháng Sáu năm 959, Châu Thế Tông chết vì bệnh tật, thọ 38 tuổi. Con ông ta là Sài Tông Huân mới bảy tuổi lên nối ngôi, tức Hậu Châu Cung Đế. Chưa đầy một năm, vào tháng Giêng năm 960, Điện Tiền Đô Kiểm Điểm Triệu Khuông Dẫn soạn ngôi, lập ra nhà Tống, nhà Hậu Châu diệt vong! Hiền Đức là niên hiệu của Sài Vinh.

Thích Huệ Tấn người xứ Lạc Dương, xuất gia từ bé, cầu pháp ở nước khác, truyền đạo Hiền, Mật. Trong ấy có một bộ Pháp Hoa, văn nghĩa màu nhiệm tột cùng, Sư ngày đêm thâm tụng, chưa từng giải đãi, phế bỏ. Sư được mọi người tôn kính là thầy, cõi đời gọi là pháp sư. Trong niên hiệu Hiền Đức nhà Đại Châu, có một sa-di, tự xưng là người Tây Vực, tôn Huệ Tấn làm thầy, suốt ba năm phụng sự như một người hầu miễn phí. Huệ Tấn lấy làm lạ, hứa sẽ cho Cụ Túc Giới. Sa-di bạch rằng: “Con kính trọng người tụng Pháp Hoa, chẳng thể làm đại tăng”. Sau đấy, Huệ Tấn thôi tụng Pháp Hoa, truyền dạy kinh Thai Tạng Đại Giáo Vương⁷³. Sa-di thưa với thầy: “Con trở về nước mình, thầy đã thay đổi đường lối, chẳng phải là điều con ưa thích”. Sau đó liền mất dạng, chẳng biết đi về đâu. Huệ Tấn tự nhủ: “Do bỏ tụng niệm nên thành ra như vậy. Sa Di không biết suy nghĩ sâu xa, tôn sùng việc tụng niệm. Nay ta thay đổi cách hành trì, hăm hở tu pháp bí mật thì có khác gì đâu?”

Sư suy nghĩ chuyện ấy, đêm mộng thấy Sa-di chính là Địa Tạng Bồ Tát phóng quang chiếu Huệ Tấn. Tâm sư kinh hoàng, chấp tay, sám hối tạ lỗi. Bồ Tát bảo Huệ Tấn: “Ta có nguyện đại bi giúp kẻ Xiển Đề. Vâng lời phó chúc của đức Phật duy trì di giáo, hướng dẫn, lợi ích quần sanh. Đấng Đại Sư Thích Tôn xưa kia ở non Thứu, tám năm thuyết kinh Pháp Hoa. Ta thủ hộ, hai vạn vị Bồ Tát như Dược Vương v.v... đều

⁷³ Bộ kinh này gồm mười tám hội. Đời Đường, ngài Bất Không Tam Tạng dịch sang tiếng Hán với tên gọi đầy đủ là Kim Cang Đảnh Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiền Chứng Đại Giáo Vương Kinh (Sarvatathāgata Tattvasaṃgraha Tantra). Bản dịch này thật ra chỉ là phẩm thứ nhất trong hội thứ nhất, còn hội thứ sáu được Ngài dịch với danh xưng Đại Lạc Kim Cang Bất Không Chân Thật Tam Muội Da Kinh. Về sau, ngài Thi Hộ dịch lại hội thứ nhất với tên gọi Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiền Chứng Tam Muội Đại Giáo Vương Kinh (30 quyển), ngài Pháp Hiền dịch hội thứ sáu với tên gọi Tối Thượng Căn Bản Đại Lạc Kim Cang Bất Không Tam Muội Đại Giáo Vương Kinh (7 quyển), hội thứ chín được ngài Thi Hộ dịch với danh xưng Đại Bi Không Trí Kim Cang Đại Giáo Vương Nghi Quỹ Kinh... Kinh Kim Cang Đảnh trong Hán Tạng hiện thời chỉ là hội thứ nhất. Theo các nhà nghiên cứu, mười tám hội của kinh Kim Cang Đảnh là Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiền Chứng Đại Giáo Vương, Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Vương Du Già, Nhất Thiết Giáo Tập Du Già, Hàng Tam Thế Kim Cang Du Già, Thế Gian Xuất Thế Gian Kim Cang Du Già, Đại An Lạc Bất Không Tam Muội Da Chân Thật Du Già, Phổ Hiền Du Già, Thắng Sơ Du Già, Nhất Thiết Phật Tập Hội Noa Cát Ni Giới Vông Du Già, Đại Tam Muội Da Du Già, Đại Thừa Hiền Chứng Du Già, Tam Muội Da Tối Thắng Du Già, Đại Tam Muội Da Chân Thật Du Già, Như Lai Tam Muội Da Chân Thật Du Già, Bí Mật Tập Hội Du Già, Vô Nhị Bình Đẳng Du Già, Như Hư Không Du Già, và Kim Cang Bảo Quan Du Già.

vâng theo lời dạy, đích thân được đức Phật khuyên hộ trì. Ngài căn dặn chân thành, chắc thật, sắc truyền: Trong đời ô trược, kẻ tàm tri kinh Pháp Hoa là khó khăn nhất. Do hạnh nghiệp tụng niệm Pháp Hoa thanh cao của Sư, ta theo làm kẻ đầy tớ miễn phí cho Sư. Sư bỏ đọc tụng, ta liền lìa bỏ”. Huệ Tấn rơi nước mắt sấm hồi. Lại hỏi rằng: “Con có lìa sanh tử được không?” Đáp: “Ở nơi quá khứ Phật, hiện tại Phật, hoặc sau khi Phật diệt độ, nếu nghe kinh Pháp Hoa, đều đã thành Phật đạo. Chỉ có tâm trong sạch hay ô trược thì [sẽ lìa sanh tử] nhanh hay chậm khác nhau!” Nói xong, bỗng chẳng thấy đâu nữa. Sư tỉnh giấc, sấm hồi, tụng tri kinh Pháp Hoa như cũ.

19. Ghi chép về chuyện cô gái ở Vi Châu ở nhờ nhà bác cảm đức Địa Tạng giáo hóa

Vào thời Đại Châu, tại nhà ông họ Đặng ở Vi Châu, có cô cháu gái (không biết tên) mất mẹ từ bé, được bác nuôi nấng. Cô ngày đêm nhớ mẹ, cầu hỏi sa-môn: “Làm thế nào để lại thấy mặt mẹ?” Sa-môn bảo: “Địa Tạng Bồ Tát có bốn nguyện đại bi. Cô chí tâm xưng niệm, sẽ lại được thấy”. Cô ta bèn ngày đêm xưng danh. Về sau, thưa với sa-môn: “Con nhờ ơn thầy, lại được thấy từ nhan. Kính cẩn dâng cúng một bộ xiêm y”. Sa-môn gạn hỏi cận kề đầu đuôi, cô kể: “Con mộng thấy theo sau một vị sa-môn, bay lên trời. Thấy tòa điện báu ma-ni bốn mươi chín tầng, chư thiên đầy đầy trong ấy. Mẹ đang ở trong số những người bên ngoài. Con đến nơi, lễ bái, thưa hỏi. Mẹ nói: ‘Con niệm Địa Tạng Bồ Tát, đưa mẹ đến tầng trời này, lại được gặp con, là do đức Thánh đích thân xếp đặt’. Con liền tỉnh giấc, tâm sanh ý niệm chẳng thể nghĩ bàn. Cảm ứng đạo giao như thế, đều do ơn thầy!” Sa-môn sanh tâm tùy hỷ bảo: “Nếu không do chính con có lòng tin sâu xa, sẽ chẳng thể có sự cảm hóa ấy được”. Tôi đích thân nghe thấy, bèn ghi chép lại.

20. Ghi chép về chuyện gã Nhạn Hùng ở Kinh Châu do công đức quy y đức Địa Tạng mà thoát khổ địa ngục

Vào thời Ngũ Đại, ở Kinh Châu có một người sống bằng nghề săn chim nhạn, nổi tiếng khắp cõi đời, được gọi là Nhạn Hùng. Lúc năm mười một tuổi, mắc chương khí chết đi, vợ ông ta đem bỏ xác nơi gò mả để nuôi cọp, sói. Ba ngày sau, ông ta sống lại, trở về nhà cũ. Vợ con kinh sợ, cho là đã biến thành cuồng quỷ. Nhạn Hùng kể cận kề:

- Khi ta chết, xe bốc lửa đến đón, bị lửa dữ thiêu đốt. Có một vị sa-môn dùng nước xối lên xe. Lửa tắt, thân được mát mẻ, sanh ý niệm hy hữu! Kế đó, tới chỗ vua (Diêm Vương). Lợn, dê, gà, trĩ, ngàn vạn cầm thú tiến đến tâu với vua: “Hắn đoạt mạng con, xin trị tội Nhạn Hùng”. Đại vương trả lời: “Các người đã tố cáo, Nhạn Hùng ắt là kẻ ác. Chỉ có điều tổ tiên của hắn quy y đức Địa Tạng, con cháu của họ được thoát khỏi nỗi khổ nung đốt”. Nhạn Hùng thấy tình hình đó, bèn nhất tâm xưng danh Địa Tạng Bồ Tát. Chim, thú trong điện đều biến thành hình người. Vua liền thả ta. Do vậy, được sống lại.

Ông ta bèn bỏ nhà, phát tâm, xưng là Phật Nô (đầy tớ của Phật), du hành trong nhân gian, khuyên mọi người quy y Địa Tạng Bồ Tát.

21. Ghi chép về chuyện đứa bé dùng móng tay vẽ hình đức Địa Tạng được tăng thọ

Đời Tống, sư Thích Huệ Ôn chùa Khai Bảo có nuôi một bé trai, chẳng rõ tên họ, mới vừa mười bốn tuổi. Thầy tướng Kiện Chân nhìn nó bảo: “Đứa trẻ này thọ mạng rất ngắn, chỉ còn sống được một tháng nữa mà thôi!” Sư nghe lời Kiện Chân nói, cho nó về nhà. Khi ấy, trời mưa to, đi lại chẳng thông thuận. Nó ngủ nhờ nhà một thợ vẽ, thấy ông ta vẽ tượng Địa Tạng Bồ Tát, bèn dùng móng tay, bắt chước ông ta vẽ vờ, vẽ ở trên vách. Khi trời tạnh, bèn về nhà.

Hơn một tháng sau, đứa bé trở lại chùa Khai Bảo. Huệ Ôn hoan hỷ, bảo Kiện Chân nói nhảm. Liền gọi Kiện Chân đến gặp đứa bé. Ông ta kinh ngạc bảo: “Tuổi thọ tăng lên năm mươi năm. Chuyện này hiếm có, chẳng biết do đâu”. Đứa bé tự nói: “Con dùng móng tay vẽ hình tượng Địa Tạng. Đêm hôm ấy, có vị tăng bảo con trong giấc ngủ: ‘Người năm mươi, năm mươi’. Xương đôi ba lượt như thế. Ngoài chuyện ấy ra, chẳng tu thiện sự nào khác”. Huệ Ôn và thầy tướng số đều than: “Thánh lực chẳng thể nghĩ bàn!” Về sau, đứa bé xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, hiệu là pháp sư Huệ Tạng.

22. Ghi chép về sự ứng hiện tốt lành của đức Địa Tạng tại Liêu Thành đời Tống

Đời Tống, ở vùng quê của Liêu Thành, xưa có khoảng hơn một ngàn nhà, gần đây đã có hơn hai ngàn nhà, đều tín phụng Phật pháp, và tin tưởng Quán Âm, Địa Tạng. Họ coi trọng kinh Quán Âm, kinh Địa

Tạng, và kinh Thập Luân. Có một ngôi chùa cổ, ba gian bốn chái, lợp ngói xanh, vách lá. Hai bên là tượng Quán Âm và Địa Tạng, cao bảy thước năm tấc. Chính giữa thờ tượng A Di Đà Phật, cao một trượng sáu thước, thường có điềm lành linh cảm, tượng do Đặng Độ đã tạo vào thuở trước. Trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc đời Tống Thái Tông, bệnh dịch tràn lan, các thôn người chết yếu rất nhiều. Vị thành chủ cầu đảo nơi tượng Địa Tạng Bồ Tát. Tượng phóng quang chiếu vào làng, mọi người đều được bình phục, người đã chết yếu được sống lại. Có một bà đồng chẳng tin Phật pháp, đã mắc bệnh chết qua một ngày mới sống lại, đến tinh xá, lễ đức Địa Tạng, khóc lóc, cầu xin xuất gia. Mọi người ngạc nhiên, hỏi nguyên do. Bà đồng thưa:

- Tôi bị ác quỷ trói, tuy gọi vị thần tôi thờ phụng cứu vớt, thần thấy ác quỷ được sa-môn cảm hóa, bèn bỏ tôi mà đi. Khi ấy, vị sa-môn bảo: “Người là nữ nhân ngu si, uổng công nương cậy thần đạo, chẳng tin Phật pháp. Ta là Địa Tạng Bồ Tát trong ngôi đại tự, do thành chủ thỉnh cầu, bèn cứu nữ nhân ngu si người. Ta trao cho người sanh mạng để kiến tạo chùa trong làng quê hồng trực tiếp bảo vệ họ”. Tôi dứt tâm ác, trọn chẳng điều khiển quỷ nữa. Quỷ là nghiệp của chính mình, chẳng phải do ai khác làm ra. Đã thấy nghe chuyện này, lại được sống sót, cải tà quy chánh, cho nên xin xuất gia”. Người nghe nói đều tùy hỷ, chấp thuận cho bà ta làm ni.

23. Ghi chép về sự cảm thông của tượng Địa Tạng chùa Thiên Phước

Đời Tống, nơi góc Đông Bắc chùa Thiên Phước có thánh tượng Địa Tạng cao một thước sáu tấc, chẳng biết do ai tạo, xuất hiện vào thời đại nào. Tuy nhiên, tương truyền hết sức linh dị. Hễ ai tìm đến xin ngũ lại để lễ sám, ắt sẽ được cảm thông. Khi ấy, có một vị cư sĩ, lúc ba mươi bảy tuổi, không còn một cái răng nào. Ông ta tìm đến trước tượng, nhịn ăn, trai giới thanh khiết, cầu thỉnh. Nửa đêm cảm mộng, thấy tượng đến xoa đầu, khắp thân nhẹ nhàng, an vui. Tỉnh giấc, đã mọc ba mươi tám cái răng. Người thấy nghe linh dị, vẽ phông theo tượng để lễ bái, đều được cảm thông.

24. Ghi chép về sự cảm ứng từ bức họa Địa Tạng của ni sư Trí Tạng ở Thái Nguyên thuộc Tỉnh Châu

Đời Tống, ni sư Trí Tạng ở Thái Nguyên đặc biệt phụng sự Địa Tạng Bồ Tát, thích cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Bà bỏ ra hai trăm đồng, vẽ tượng A Di Đà Phật, hai bên vẽ hai vị Địa Tạng và Quán Âm làm thị giả, đặt ở trong phòng xá, tín tâm lễ bái, cúng dường, Năm Canh Thìn (980) trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ năm, gió lốc thổi hư nhà, ni xá đều bị hư hoại. Hôm sau, tìm tượng chẳng biết thất lạc chỗ nào, lòng sanh ưu não! Bà cầu khẩn, niệm Địa Tạng Bồ Tát, chiêm ngưỡng hư không, thấy xa xa có một vật bay lơ lửng trên không, tỏa mấy luồng quang minh như ánh chớp. Lúc sau rơi xuống, chính là tượng bà mong cầu. Bà vui mừng, vẫn đặt trong phòng như cũ. Ngày Hai Mươi Ba tháng Hai năm [Thái Bình Hưng Quốc] thứ bảy (982), bà bảo bạn bè: “Ngài Địa Tạng Bồ Tát hướng dẫn tôi về Tịnh Độ, ngày mai chắc chắn vãng sanh”. Bà thắp hương, rải hoa, xướng danh hiệu tam tôn, mỗi danh hiệu một trăm lễ tám lượt, ngồi ngay ngắn hướng về Tây, chấp tay, qua đời.

25. Ghi chép về sự hóa hiện linh dị của bức họa Địa Tạng trên vách Tây chùa Ngõa Quan ở Kim Thành

Nơi vách Tây chùa Ngõa Quan có vẽ thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát, diện mạo như một vị lão tỳ-kheo trung niên, áo ca-sa màu sắc tươi tắn. Đầu canh năm mỗi ngày đều phóng quang minh, trong mười người, chỉ một hai người được thấy. Gần đây, vị sa-môn người Thiên Trúc là Hoa Thiên khá thần dị, cầu thỉnh cảm ứng nơi thánh tượng, được thấy quang minh trọn vẹn, nói: “Tượng này chính là do xưa kia, Trí Khải thiên sư nước Tùy vì cứu chúng sanh đang khổ sở trong tam đồ mà vẽ tượng này. Tượng phóng quang minh, chiếu sáng lục đạo, [người có duyên trông thấy] sẽ thấy thánh tượng và ngài Trí Khải đạo trong ba đường ác, nói kinh Pháp Hoa, cứu khổ ban vui”. Nghe chuyện này xong, người lễ bái, cúng dường càng đông!

26. Ghi chép về sự cảm ứng đức Địa Tạng của sa-môn Trí Hựu chùa Thanh Thái

Đời Tống, sa-môn Trí Hựu là người ở Tây Ấn Độ, sang Trung Hoa trong niên hiệu Thiên Phước, trụ tại chùa Thanh Thái. Trong kinh tượng Sư mang theo, có tượng Địa Tạng Bồ Tát, và bản tiếng Phạn kinh Bản Nguyên Công Đức. Trong bức tượng ấy, nơi vòng tròn chính giữa, vẽ tượng Bồ Tát, hai bên có mười thánh tượng đội mũ, cầm vật báu.

Bên trái là năm vị: Một là Tần Quảng Vương, hai là Sở Giang Vương, ba là Tống Đế Vương, bốn là Ngũ Quan Vương, năm là Diêm La Vương. Bên phải có năm vị: Một là Biện Thành Vương, hai là Thái Sơn Vương, ba là Bình Đẳng Vương, bốn là Đô Thị Vương, năm là Ngũ Đạo Chuyển Luân Vương. Mỗi vị đều có các [thuộc hạ] như tư mạng, tư lộc, phủ quân, điền quan v.v... Su tự nói duyên khởi như sau:

- Xưa kia, ở Tây Ấn Độ, có một Bồ Tát từ bi cứu thế, phát đại thệ nguyện, vì cứu chúng sanh đang chịu khổ trong tam đồ, cho nên vẽ tượng Địa Tạng, hướng về mười vương thành, truyền dạy: “Nay ta phát nguyện cứu khổ tam đồ, xin hãy tạo lợi ích”. Mười vị vua đều chấp tay, kính cẩn đáp ứng, bạch với tượng vẽ rằng: “Hết thảy chúng sanh đều mong được đại thánh dạy bảo. Chúng con kính cẩn làm bạn lữ phụ trợ”. Khi ấy, tôn tượng mỉm cười bảo: “Lành thay! Tội nghiệp của chúng sanh không lâu sẽ được nhẹ bớt”. Liền phóng đại quang minh, chiếu thấu tam đồ khổ não. Các chúng sanh được chiếu đều ngưng dứt các khổ. Đây chính là vị Bồ Tát tại Ấn Độ nhập Lợi Ích Chúng Sanh tam-muội, cầu thỉnh các đại vương ban cho đại lợi. Vị Bồ Tát ấy tự vẽ lại những gì đã thấy, nên vẽ thêm mười vị vua bên cạnh tôn tượng Địa Tạng.

Ngài Trí Hựu lại nói:

- Ta ở Lưu Sa, gặp phải quỷ yêu mị, bèn cầu khẩn, niệm Bồ Tát, do vậy, được Bồ Tát cầm tích trượng xua đuổi chúng. Lại trong đêm khi mưa to trút xuống, khổ vì không có đèn lửa, chẳng biết thứ gì, mãnh thú gầm rống, người lẫn ngựa đều lạc đường. Tượng này phóng quang soi sáng như ban ngày, mãnh thú bèn tan chạy, đường lối lại thông suốt. Lại gặp sông lớn, sóng cả cuộn trào, chẳng biết sâu cỡ nào. Nước ấy rất yếu, chẳng đỡ nổi chiếc lá, huống chi thuyền bè? Ta cầu nguyện thánh tượng, liền thấy một vị sa-môn và hai đồng tử, một đồng tử cầm phan, một đồng tử chèo thuyền. Sa-môn tay cầm quyền kinh tiếng Phạn, liền đưa bọn ta vượt sông. Đã đến bờ Đông, lúc sắp từ biệt, Ngài tặng ta cuốn kinh tiếng Phạn, bảo Tăng, tục trong cõi này có thể sao chép lại. Do vậy, mọi người tranh nhau sao chép, cảm được nhiều điều linh dị.

Ba năm sau, chẳng biết ngài Trí Hựu và tượng ở đâu, mọi người đều ngờ Ngài quay về Ấn Độ. Chắc sa-môn Trí Hựu chính là hóa thân của đức Địa Tạng.

27. Ghi chép về chuyện người đánh cá ở Minh Châu cảm vờ đức Địa Tạng

Người đánh cá ở Minh Châu, chẳng biết tên họ là gì, xuống biển bắt cá. Trong lưới, bắt được một tượng giống như một vị tỳ-kheo, chẳng biết nguyên do, bèn bỏ bên bờ. Đêm đến, mộng thấy một vị Tăng, thân có quang minh, bảo người đánh cá: “Sao người bỏ ta?” Người đánh cá nói: “Thầy là ai vậy?” Đáp: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát ở trong biển cả đã lâu, cứu té thủy tộc, nửa số ấy được sanh lên trời. Nay vì các người mà xả thân trong lưới”. Người ấy tỉnh giấc, hồi lỗi, kiến tạo một tinh xá, an trí tượng ấy. Ngư dân chỗ ấy đến nay vẫn sùng phụng, được cứu té chẳng có cùng cực!

28. Ghi chép về chuyện cảm thông do Trần Kiện ở Đài Châu vì cha mẹ tạo tượng Địa Tạng

Trần Kiện ở Đài Châu một mực đoan chánh, chí hiếu vượt hẳn kẻ khác. Ông dựng nhà nuôi dưỡng song thân, phát tâm vì cha mẹ tạo hai bức tượng Địa Tạng và Quán Âm, mỗi tượng cao ba thước. Năm Càn Đức thứ tư (966), ông mắc bệnh nhẹ, bỗng chết ngất đi. Cha mẹ khóc lóc. Bốn tiếng sau, ông tỉnh lại, lễ bái cha mẹ, bạch rằng:

- Con chết bỏ lại cha mẹ, chưa trọn lòng hiếu thảo. Bỗng đến trước điện Diêm Vương, thấy hai bức tượng do con đã lập, đứng sẵn trong điện. Vua hướng về đó xá bái. Thấy con đến, vua bèn dặt tay, tượng hai vị Bồ Tát đến đỡ bên hông con dẫn lên sảnh đường. Tượng phát tiếng hòa nhã: “Đàn-việt chưa thỏa lòng hiếu, xin đại vương thả về nhân gian”. Vua bạch cùng tượng: “Mạng nghiệp của ông này đã tận, cha mẹ ông ta mạng dài”. Tượng nói: “Thọ mạng vô định, tùy duyên mà sửa đổi, chuyên biên. Đàn-việt tu phước nghiệp, lẽ đâu chẳng trở về?” Vua kiểm trong một quyển sách rồi thưa: “Nếu ai chí hiếu, tạo tượng hay vẽ tượng, thọ mạng dài lâu. Có thể tăng thêm tuổi thọ cho ông bốn mươi năm nữa, hai mươi năm tận hiếu, hai mươi năm sau sẽ được con hiếu thảo báo đáp”. Có vị quan mặc áo màu lục mở sớ, tâu với vua: “Con của ông Kiện chỉ thọ mười năm, ai sẽ hiếu thảo?” Vua phán: “Pháp vương không hai lời. Hãy nên tăng tuổi thọ cho đứa con”. Con nghe nói lời ấy xong bèn tỉnh lại.

Người nghe kể đều than là “chưa từng có”!

29. Địa Tạng Bồ Tát đội nón rom (truyện thuyết Nhật Bản) Cao Ngọc Mỹ ghi

Rất lâu trước kia, có một cặp vợ chồng già sống tại một nơi nọ. Do hết sức nghèo túng, mỗi ngày đều phải sống rất vất vả. Có một năm, đến ngày Trừ Tịch (ba mươi Tết), ông cụ than thở với bà cụ: “Ồ! Tuy ngày mai là mùng Một Tết, nhưng chúng ta chẳng có cách nào chuẩn bị bánh dày (mochi)⁷⁴ được!” “Đúng thế!” “Nếu có thứ gì có thể đổi lấy bánh dày thì cũng được”. Ông cụ vừa nói, vừa lục lạo khắp nhà, nhưng cũng chẳng tìm được chi cả! “Thật sự chẳng có gì à?” Bà cụ hỏi, bỗng dừng đến phòng chứa đồ nhìn thử. Trong một góc phòng chứa đồ, vẫn chất đống cỏ tranh cắt từ mùa Hè. “Ông già ơi! Đem cỏ tranh bện thành nón rơm, cầm vào trong thành có thể đổi thành tiền được chứ!” “Ồ! Ồ! Như vậy thì cũng được”. Do vậy, hai cụ bèn vào phòng chứa đồ xếp gọn đống cỏ tranh đang lộn xộn, bắt đầu nghiêm túc bện cỏ tranh thành nón rơm. Sau khi làm xong, ông cụ cầm lấy, nói: “Tôi đổi thành tiền, sẽ mua rất nhiều bánh dày, cũng mua kèm thêm củ cải, ngưi bàng⁷⁵ về”. Nói xong liền ra đi.

Nơi chợ Tết nhộn nhịp trong thành, khắp nơi đều rộn rịp người mua sắm Tết. Có tiệm bán cối và chày giã [bánh dày], cũng có người chặt gỗ tùng⁷⁶ từ trên núi xuống bán, rao âm lên: “Nè! Có muốn mua gỗ

⁷⁴ Mochi là cách người Nhật đọc chữ Bính (餅, bánh), từ ngữ này dùng để chỉ loại bánh làm bằng gạo nếp hoặc bằng bột ngô. Gạo nếp nấu thành xôi được giã thành bột dẻo giống như cách làm bánh dày của người Việt, rồi nặn thành hình tròn, hay dùng khuôn tạo hình dáng tùy thích. Tuy có thể làm và ăn quanh năm, trong ngày Tết, Mochi là thứ món ăn bắt buộc phải có. Thông thường, Mochi có nhân bằng đậu đỏ hoặc đậu xanh, có nhiều hình dạng khác nhau. Một loại bánh khác có hình dạng và chất liệu tương tự là Dangoo (đoàn tử), nhưng Dangoo làm bằng bột gạo, trong khi Mochi chế biến từ xôi nếp giã nát. Loại Mochi thường dùng vào dịp Tết gọi là Kinako Mochi (hoàng phấn bính), sau khi bánh làm xong, được nướng trên lửa, lăn qua một lớp bột vỏ bằng đậu nành. Vào ngày Tết, phẩm vật cúng tổ tiên nhất định phải có hai tảng bánh dày lớn, xếp chồng lên nhau, phía trên để một lát cam hay quýt. Đôi khi họ còn có món canh bằng súp miso nấu với những lát bánh dày.

⁷⁵ Ngưi Bàng (牛蒡, burdock) còn gọi là Đông Dương Sâm, Bạch Cơ Nhân Sâm, Ngô Mạo, Dạ Xoa Đầu, Ngưi Thái, Thủ Niêm, Bàng Ông Thái, Tiễn Khiên Ngưi, Tiễn Nam Ngưi... thuộc họ Cúc. Phần ăn được chính là rễ của nó. Rễ nó dài đến hơn một mét, có bề ngang chừng 2cm. Nó thường được người Nhật, Đại Hàn và Đài Loan dùng để nấu súp nhằm tạo vị. Các loại rễ ngưi bàng tươi có thể tước nhỏ để làm thành gói với nước tương, đường, và rượu sake.

⁷⁶ Gỗ tùng là một vật liệu cần thiết chủ yếu để trang trí theo truyền thống cho người Nhật, được gọi là Kadomatsu (門松, môn tùng). Vật trang trí này thường được làm thành cặp đặt trước nhà, biểu thị sự nghênh tiếp tổ tiên và các vị thần linh. Môn tùng

tùng hay không? Có muốn dùng gỗ tùng trang hoàng hay không?” Ông cụ chẳng chịu thua, cũng lớn tiếng rao: “Nè, nè, nè! Nón rơm đây, có mua nón rơm hay không?” Nhưng chẳng có ai dừng lại mua, hết cách, ông cụ đành phải gom góp quay về, [lắm bảm]: “Giao thừa chẳng ai mua nón rơm! Ôi! Không mang bánh dày về, chẳng biết bà cụ buồn bực cỡ nào đây?” Bất tri bất giác, sắc trời đã tối, ông cụ cúi đầu ủ rũ đi ra khỏi thành, đi mãi tới chỗ đồng hoang ngoài thôn. Gió thổi hình thành một trận bão tuyết dữ dội. Đột nhiên, ông cụ thấy sáu bức tượng Địa Tạng Bồ Tát dựng bên đường, chẳng có gì che ngực, mà cũng chẳng cây cối ngăn che. Trong chốn đồng hoang bão tuyết toi bời, tượng Địa Tạng Bồ Tát đã bị tuyết lớn vùi lấp một nửa.

“Ôi! Đáng thương quá, chắc là lạnh lắm đấy!” Ông cụ phui tuyết bảm trên đầu tượng Địa Tạng: “Hai má Địa Tạng Bồ Tát đều bị đóng băng, sao mũi Địa Tạng Bồ Tát lại rủ xuống một thỏi băng thế này?” Ông cụ xoa vuốt tấm lưng vừa lạnh vừa ướt của Địa Tạng Bồ Tát. “Vậy thì mình lấy nón rơm đội cho các Ngài đi!” Ông cụ lấy nón rơm đội trên đầu mỗi tượng Địa Tạng Bồ Tát, lại còn buộc chặt [quai nón] dưới cằm cho gió khỏi thổi bay mất. Nhưng có sáu tượng Địa Tạng Bồ Tát mà chỉ có năm cái nón rơm, cho nên chẳng thể đội cho một tượng được. “Khăn tay của tôi tuy không ra hồn, nhưng vẫn có thể chịu được gió tuyết!” Ông cụ lấy khăn tay đã vá vúi của chính mình trùm lên đầu bức tượng Địa Tạng Bồ Tát cuối cùng. “Như vậy thì cũng được, như thế thì cũng tạm ổn”. Sau đấy, cụ mới an tâm quay về nhà. “Bà già ơi! Bà già ơi! Tôi đã về rồi đây!” “A! Ông già đó hả! Chắc là lạnh lắm hả? Bán hết nón rơm chưa?” “Có thể nói là bán xong hết rồi!” Cụ kể chuyện trên đường thấy Địa Tạng Bồ Tát bị tuyết vùi lấp. “Cho nên tôi đội nón rơm cho các vị hết rồi!” Bà lão nghe xong, không chỉ chẳng lộ ra vẻ mặt phiền bực, mà cũng nói: “Đúng đó! Ông làm được chút chuyện tốt. Tôi nghĩ chắc là Địa Tạng Bồ Tát cũng rất lạnh! Nè! Ông già mau đến bên giường lò sưởi ấm đi!” Ông già liền ngồi trên giường lò sưởi ấm thân thể lạnh như băng!

thường làm bằng cành tùng, tre và nhánh hoa đào hay mạn. Phần bắt buộc phải có là ba ống tre vạt xéo có độ cao khác nhau, biểu thị Thiên, Địa, Nhân, hai bên cắm các cành tùng hoặc thông tươi. Ba ống tre buộc bằng thừng có nhiều tua. Buộc bên ngoài là rơm rạ bện thành giỏ, đôi khi cắm thêm hoa lá, kê cả các chiếc quạt sơn vẽ. Sau ngày Rằm tháng Giêng, môn tùng sẽ được đem đốt.

“Hừm! Rốt cuộc phải trải qua một đêm Trừ Tịch không có bánh dày. Đã như vậy thì mình bắt chước người đang giã bánh dày vậy”. Ông cụ nói xong, làm bộ như đang giã gạo và nẹp để làm bánh dày, [làm tư thế như] giộng chày vào cối bằng cách gõ vào bên cạnh giường lò. Do vậy, cụ bà cũng cười ha hả. Sau đấy, hai người uống chút canh đã nấu rồi mới đi nghỉ. Khoảng nửa đêm, trong đêm tuyết mịn màng, truyền đến tiếng xe trượt tuyết. Cụ ông hỏi: “Bà già ơi! Là ai vào giờ này vậy? Chắc là người trẻ tuổi ở gần đây đi chờ đồ Tết đến giờ này mới kéo về”. “Chắc thế!” Nhưng tiếng xe trượt tuyết trọn chẳng hướng đến nơi khác, mà dần dần càng đến gần. Dỏng tai nghe kỹ, có người hùa nhau ca xướng: “Đem nón rơm đội cho sáu vị Địa Tạng Bồ Tát, nhà ông cụ ở nơi đâu? Nhà bà cụ ở chôn nào?” Ông cụ nhìn không được kêu lên: “Ở chỗ này, ở đây nè!”

Thế là tiếng ca im bặt. Sau đó, truyền đến tiếng buông vật gì nặng nề xuống. Ông bà cụ chống cửa sổ lên thì thấy năm vị Địa Tạng Bồ Tát đội nón rơm và một vị buộc khăn mặt kéo xe trượt tuyết quay về. Dưới mái hiên đặt bánh dày bằng nẹp, bánh dày bằng bấp, bọc bằng rá. Ngoài các thứ đó ra, còn có tương đậu, Ngưu Bàng, củ cải, gỏi từng để trang hoàng v.v... Rốt cuộc cụ ông và cụ bà có thể đón mừng một năm mới tốt đẹp.

Hồi Hương

Chân thành đề đầu đánh lễ cảm niệm công đức của hòa thượng Mộng Tham đã từ bi giảng giải bộ kinh này, và các vị đồng tu người Hoa đã đăng tải bài giảng này trên trang mạng Vô Lượng Quang Minh (www.guang5.com). Chân thành cảm tạ các đạo hữu Đức Phong và Huệ Trang đã giúp giáo chánh và sách tẩn. Nếu bản chuyển ngữ này có phần nào lợi ích cho các đồng tu, nguyện đem công đức này hồi hướng cho lịch đại tổ tiên, tông thân quyến thuộc, sư trưởng, phụ mẫu, cừu gia oán đối, lũy thế oán thân trái chủ, và mười phương pháp giới chúng sanh đều được vãng sanh Cực Lạc. Người còn tại thế thân tâm an lạc, vạn duyên thuận lợi, tinh tấn tu trì, đạo nghiệp tăng tấn, nhất tâm nhất ý phát nguyện vãng sanh. Đã qua đời, sớm thoát khỏi u đồ, sanh về Cực Lạc.



“Hoan nghênh ấn tồg, công đức vô lượg”